Đại Việt Sử Ký Toàn Thư


內閣官板

彙歷朝之事跡

大越史記全書

公萬世之鑑衡

Bản in Nội Các Quan Bản

Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)

Tựa sách:	Đại Việt Sử Ký Toàn Thư	**Năm**
Soạn giả:	Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, v.v...	1697
Dịch giả:	Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam	1985-1992
Nhà xuất bản:	Khoa Học Xã Hội - Hà Nội	1993
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thủy, Tuyết Mai, Hồng Ty, Nguyễn Quang Trung	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỷ Toàn Thư

Quyển I

[1a] Triều Liệt Đại Phu, Quốc Tử Giám Tư Nghiệp,
Kiêm Sử Quan Tu Soạn, Thần Ngô Sĩ Liên Biên

Xét: Thời Hoàng Đế dựng muôn nước, lấy địa giới Giao Chỉ về phía Tây Nam, xa ngoài đất Bách Việt. Vua Nghiêu sai Hy thị[1] đến ở Nam Giao[2] để định đất Giao Chỉ ở phương Nam. Vua Vũ chia chín châu[3] thì Bách Việt[4] thuộc phần đất châu Dương, Giao Chỉ thuộc về đấy. Từ đời Thành Vương nhà Chu [1063-1026 TCN] mới gọi là Việt Thường thị[5], tên Việt bắt đầu có từ đấy.

Kỷ Hồng Bàng Thị

Kinh Dương Vương

[1b] Tên húy là Lộc Tục, con cháu họ Thần Nông[6].

Nhâm Tuất, năm thứ 1[7]. Xưa cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh[8] lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua [Kinh Dương Vương]. Vua là bậc thánh trí thông minh, Đế Minh rất yêu quý, muốn cho nối ngôi. Vua cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi là con nối ngôi, cai quản phương Bắc, phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ.

Vua lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long[9] sinh ra Lạc Long Quân (Xét: Đường kỷ chép: thời Kinh Dương có người đàn bà chăn dê, tự xưng là con gái út của Động Đình Quân, lấy con thứ của

---

[1] Hy thị: Tương truyền vua Nghiêu sai anh em họ Hy (Hy thị) và họ Hòa (Hòa thị) đi bốn phương để trông coi công việc thiên văn lịch pháp. Hy Thúc là em Hy Trọng đến ở miền đất phương Nam (Kinh Thư, Nghiêu điển)

[2] Kinh Thư chép vua Nghiêu sai Hy Thúc đến ở Nam Giao (Hy Thúc trạch Nam Giao). Khổng An Quốc thời Tây Hán chú giải Kinh Thư, chỉ cho Nam Giao là phương Nam. Mãi đến thời Đường, Tư Mã Trinh mới giải thích Nam Giao là Giao Chỉ ở phương Nam.

[3] Theo thiên Vũ Cống trong Kinh Thư, chín châu là Ký, Duyện, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dự, Lương Ung.

[4] Bách Việt: là từ mà người Hán dùng để gọi chung các tộc người khác Hán sống ở miền nam Trung Quốc thời xưa. Từ này lần đầu tiên thấy chép trong Sử Ký (Ngô Khởi Truyện của Tư Mã Thiên.

[5] Việt Thường Thị: tên nước thời cổ ở phía Nam Trung Quốc có quan hệ với nhà Chu (hiến chim trĩ cho Thành Vương), lần đầu tiên được ghi trong sách Thượng Thư Đại Truyện. Có nhiều giải thích khác nhau, có thuyết nói rằng Việt Thường Thị ở miền quận Cửu Đức, tức miền Hà Tĩnh (Thủy Kinh Chú, Cựu Đường Thư); có thuyết nói Việt Thường thị ở vị trí nước Lâm Ấp đời sau (Văn Hiến thông khảo, Minh Sử, Minh nhất thống chí).

[6] Thần Nông: theo truyền thuyết Trung Quốc, là một trong 5 vị đế thời thượng cổ, dạy dân biết cày bừa trồng trọt, cũng gọi là Viêm Đế.

[7] Theo Mục lục kỷ niên của Đại Việt Sử Ký và câu kết của Kỷ Hồng Bàng thị (NK1, 5b) thì từ năm Nhâm Tuất đến năm Quý Mão (258 TCN) cộng 2622 năm. Vậy năm Nhâm Tuất là năm 2879 TCN. Đó chỉ là một niên đại suy đoán trên cơ sở - như trong Phàm lệ đã nói rõ - muốn đặt Kinh Dương Vương ngang với Đế Nghi.

[8] Ngũ Lĩnh: có nhiều thuyết khác nhau, đại khái chỉ 5 ngọn ở biên giới phía nam của Trung Quốc. Theo Quảng Châu ký, đó là các núi: Đại Dũ, Thủy An, Lâm Hạ, Quế Dương, Yết Dương.

[9] Nguyên văn: "Thú Động Đình Quân nữ, viết Thần Long". Theo câu này thì phải hiểu Thần Long là tên người con gái của Động Đình Quân. Nhưng ở đoạn dưới (tờ 2b), soạn giả lại viết: "Kinh Dương Vương lấy con gái của Thần Long, sinh ra Lạc Long Quân". Như vậy tên của Động Đình Quân là Thần Long.

Kinh Xuyên, bị bỏ, viết thư nhờ Liễu Nghị tâu với Động Đình Quân. Thế thì Kinh Xuyên và Động Đình đời đời làm thông gia với nhau đã từ lâu rồi).

Lạc Long Quân

[2a] Tên húy là Sùng Lãm, con của Kinh Dương Vương.

Vua lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh trăm trứng), là tổ của Bách Việt. Một hôm, vua bảo Âu Cơ rằng: "Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó". Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về ở miền Nam (có bản chép là về Nam Hải), phong cho con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khi trời đất mới mở mang, có thứ do khí hóa ra, đó là Bàn Cổ thị. Có khí hóa ra rồi sau có hình hóa, không thứ gì ngoài hai khí âm dương cả. Kinh Dịch nói: "Trời đất nung ủ, vạn vật thuần hóa, đực cái hợp tinh, vạn vật hóa sinh"[1]. Cho nên có vợ chồng rồi sau mới có cha con, có cha con rồi sau mới có vua tôi. **[2b]** Nhưng thánh hiền sinh ra, tất có khác thường, đó là do mệnh trời. Nuốt trứng chim huyền điểu mà sinh ra nhà Thương[2], giẫm vết chân người khổng lồ mà dấy nhà Chu[3], đều là ghi sự thực như thế. Con cháu Thần Nông thị là Đế Minh lấy con gái Vụ Tiên mà sinh Kinh Dương Vương, tức là thủy tổ của Bách Việt. Vương lấy con gái Thần Long sinh ra Lạc Long Quân, Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai mà có phúc lành sinh trăm con trai. Đó chẳng phải là cái đã gây nên cơ nghiệp của nước Việt ta hay sao? Xét sách Thông Giám Ngoại kỷ (4)[4] nói: Đế Lai là con Đế Nghi; cứ theo sự ghi chép ấy thì Kinh Dương Vương là em ruột Đế Nghi, thế mà kết hôn với nhau, có lẽ vì đời ấy còn hoang sơ, lễ nhạc chưa đặt mà như thế chăng?

Hùng Vương

[3a] Con Lạc Long Quân (không rõ tên húy)[5], đóng đô ở Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc)[6].

Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn Lang (nước này đông giáp biển Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến hồ Động Đình, nam giáp nước Hồ Tôn, tức nước Chiêm Thành, nay là Quảng Nam), chia nước làm 15 bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức; đều là đất thần thuộc của Hùng

---

[1] Kinh Dịch: Hệ từ.

[2] Truyền thuyết Trung Quốc nói là bà Giản Địch (vợ thứ Đế Cốc) nuốt trứng chim huyền điểu, có mang, sinh ra ông Tiết, tổ của nhà Ân - Thương.

[3] Bà Khương Nguyên giẫm vết chân người khổng lồ, sinh ra ông Khi, tức Hậu Tắc, tổ nhà Chu.

[4] Thông giám ngoại kỷ: tức phần Ngoại Kỷ của sách Tư Trị Thông Giám (294 quyển) do Tư Mã Quang đời Tống soạn.

[5] Nguyên bản in nhỏ hai chữ "khuyết húy", dễ nhận lầm là khuyết húy của Lạc Long Quân. Nhưng ở trên đã nói Lạc Long Quân húy Sùng Lãm. Ở đây nói khuyết húy của Hùng Vương.

[6] Huyện Bạch Hạc thời Lê là một phần đất huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

Vương; còn bộ gọi là Văn Lang là nơi vua đóng đô[1]. Đặt tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng (chữ Lạc Tướng, sau chép sai là Hùng Tướng[2]). Con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mị Nương. Quan coi việc gọi là Bồ Chính, đời đời cha truyền con nối, gọi là phụ đạo. Vua các đời đều gọi là Hùng Vương. Bấy giờ dân ở rừng núi thấy ở sông ngòi khe suối đều có tôm cá, nên rủ nhau đi bắt cá để ăn, thường bị thuồng luồng làm hại, **[3b]** đến thưa với vua. Vua nói: "Người man ở núi khác với các loài thủy tộc; các thủy tộc ấy ưa cùng loài mà ghét khác loài, cho nên mới bị chúng làm hại. Rồi vua bảo mọi người lấy mực vẽ hình thủy quái ở mình. Từ đấy thuồng luồng trông thấy không cắn hại nữa. Tục vẽ mình của người Bách Việt có lẽ bắt đầu từ đấy.

Đời Hùng Vương thứ 6, ở hương Phù Đổng, bộ Vũ Ninh có người nhà giàu, sinh một con trai, đến năm hơn ba tuổi ăn uống béo lớn nhưng không biết nói cười. Gặp lúc trong nước có tin nguy cấp, vua sai người đi tìm người có thể đánh lui được giặc. Ngày hôm ấy, đứa trẻ bỗng nói được, bảo mẹ ra mời thiên sứ vào, nói: "Xin cho một thanh gươm, một con ngựa, vua không phải lo gì". Vua ban cho gươm và ngựa, đứa trẻ liền phi ngựa vung gươm tiến lên trước, quan quân theo sau, đánh tan quân giặc ở chân núi Vũ Ninh[3]. Quân giặc tự quay giáo đánh lẫn nhau, chết rất nhiều, bọn sống sót đều rạp lạy, tôn gọi đứa trẻ ấy là thiên tướng, liền đến xin hàng cả. Đứa trẻ phi ngựa **[4a]** lên trời mà đi. Vua sai sửa sang chỗ vườn nhà của đứa trẻ để lập đền thờ, tuế thời cúng tế. Về sau, Lý Thái Tổ phong là Xung Thiên Thần Vương. (Đền thờ ở cạnh chùa Kiến Sơ, hương Phù Đổng).

Thời Thành Vương nhà Chu [1063-1026 TCN], nước Việt ta lần đầu sang thăm nhà Chu (không rõ vào đời Hùng Vương thứ mấy), xưng là Việt Thường thị, hiến chim trĩ trắng. Chu Công nói: "Chính lệnh không ban đến thì người quân tử không coi người ta là bề tôi của mình", rồi sai làm xe chỉ nam đưa sứ giả về nước.

Cuối thời Hùng Vương, vua có con gái gọi là Mị Nương, nhan sắc xinh đẹp. Thục Vương nghe tiếng, đến cầu hôn. Vua muốn gả, nhưng Hùng hầu can rằng: "Họ muốn chiếm nước ta, chỉ lấy việc hôn nhân làm cớ mà thôi". Thục Vương vì chuyện ấy để bụng oán giận. Vua muốn tìm người xứng đáng để gả, bảo các bề tôi rằng: "Đứa con gái này là giống tiên, người nào có đủ tài đức mới cho làm rể". Bấy giờ có hai người từ ngoài đến, lạy dưới sân để cầu hôn. Vua lấy làm lạ, hỏi thì họ thưa rằng một người là **[4b]** Sơn Tinh, một người là Thủy Tinh, đều ở trong cõi cả, nghe nhà vua có thánh nữ, đánh bạo đến xin lĩnh mệnh. Vua nói: "Ta có một người con gái, lẽ nào lại được cả hai rể hiền?". Bèn hẹn đến ngày hôm sau, ai đem đủ sính lễ đến trước thì gả cho người ấy. Hai người vâng lời, lạy tạ ra về. Hôm sau, Sơn Tinh đem các đồ châu báu vàng bạc, chim núi thú rừng đến dâng. Vua y hẹn gả con cho. Sơn Tinh đón vợ về ở ngọn núi cao trên núi Tản Viên. Thủy Tinh cũng đem sính lễ đến sau, giận tiếc là không kịp, bèn kéo mây làm mưa, dâng nước tràn ngập, đem các loài thủy tộc đuổi theo. Vua cùng Sơn Tinh lấy lưới sắt chăng ngang thượng lưu sông Từ Liêm[4] để chặn lại. Thủy Tinh theo sông khác, từ Ly Nhân vào chân núi Quảng Oai[5] rồi theo dọc bờ lên cửa sông Hát, ra sông lớn[6] mà rẽ vào sông Đà để đánh Tản Viên, nơi nơi đào sâu thành vực thành chằm, chứa nước để mưu đánh úp. Sơn Tinh có phép thần biến hóa, gọi **[5a]**[7] người man đan tre làm rào chắn nước, lấy nỏ bắn xuống, các loài có vẩy và có vỏ trúng

---

[1] Việt Sử Lược chép nước Văn Lang gồm 15 bộ lạc, trong đó có 10 bộ lạc giống tên như Toàn thư ghi trên đây (Giao Chỉ, Vũ Ninh, Việt Thường, Ninh Hải, Lục Hải, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Cửu Đức, Văn Lang), và 5 bộ lạc với tên khác (Quân Ninh, Gia Ninh, Thang Tuyền, Tân Xương, Nhật Nam). Lĩnh Nam Chích Quái cũng chép đủ tên 15 bộ, nhưng trong các bản hiện còn, tên các bộ ấy có nhiều sai khác chênh lệch. Dư Địa Chí của Nguyễn Trãi chép đúng tên các bộ như Toàn Thư đã ghi trên đây, nhưng không có tên bộ Văn Lang.

[2] Chữ "Hùng" và chữ "Lạc" chỉ khác nhau về phía bên trái, dễ đọc và chép lầm.

[3] Lĩnh Nam Chích Quái chép Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc Ân dưới núi Trâu Sơn, Sách Việt Sử Tổng Vịnh chú rằng núi Vũ Ninh thuộc huyện Quế Dương (nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Hà Bắc).

[4] Sông Từ Liêm: chỉ khúc sông Hồng chảy qua Chèm, Hà Nội.

[5] Tức là sông Đáy.

[6] Tức là sông Hồng.

[7] Nguyên bả n mất tờ in 5a - b, được thay thế bằng tờ chép tay.

tên đều chạy trốn cả. Rốt cuộc Thủy Tinh không thể xâm phạm được núi Tản Viên. (Tục truyền Sơn Tinh và Thủy Tinh từ đấy về sau đời đời thù oán, mỗi năm mùa nước to thường vẫn đánh nhau).

Núi Tản Viên là dãy núi cao của nước Việt ta, sự linh thiêng rất ứng nghiệm. Mị Nương đã lấy Sơn Tinh, Thục Vương tức giận, dặn lại con cháu phải diệt Văn Lang mà chiếm lấy nước. Đến đời cháu là Thục Phán có dũng lược, bèn đánh lấy nước.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thời Hùng Vương đặt chư hầu để làm phên giậu, chia nước làm 15 bộ. Ở 15 bộ ấy đều có trưởng và tá. Vua theo thứ bậc cắt đặt các con thứ để cai trị. Nói 50 con theo mẹ về núi, làm sao biết không phải là như thế? Vì mẹ làm quân trưởng, các con đều làm chúa một phương. Cứ xem như tù trưởng người man ngày nay xưng là nam phụ đạo, **[5b]** nữ phụ đạo (nay bản triều đổi chữ phụ đạo ___ ___ thành chữ phụ đạo ___ ___ thì có lẽ đúng như thế). Còn như việc Sơn Tinh, Thủy Tinh thì rất là quái đản, tin sách chẳng bằng không có sách, hãy tạm thuật lại chuyện cũ để truyền lại sự nghi ngờ thôi).

Trở lên là [kỷ] Hồng Bàng thị, từ Kinh Dương Vương được phong năm Nhâm Tuất, cùng thời với Đế Nghi, truyền đến cuối thời vua Hùng Vương, ngang với đời Noãn Vương nhà Chu năm thứ 57 [258 TCN] là năm Quý Mão thì hết, tất cả 2.622 năm [2879 - 258 TCN].

Kỷ Nhà Thục

An Dương Vương

Họ Thục, tên húy là Phán, người Ba Thục[1], ở ngôi 50 năm, đóng đô ở Phong Khê (nay là thành Cổ Loa).

[6a] Giáp Thìn, năm thứ 1 [257 TCN], (Chu Noãn Vương năm thứ 58). Vua đã thôn tính được nước Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc. Trước kia vua nhiều lần đem quân đánh Hùng Vương, nhưng Hùng Vương binh hùng tướng mạnh, vua bị thua mãi. Hùng Vương bảo vua rằng: "Ta có sức thần, nước Thục không sợ ư ?" Rồi Hùng Vương bỏ không sửa sang võ bị, chỉ ham ăn uống vui chơi. Quân Thục kéo sát đến nơi, hãy còn say mềm chưa tỉnh, rồi thổ huyết nhảy xuống giếng chết, quân lính quay giáo đầu hàng Thục Vương.

Bấy giờ Thục Vương đắp thành ở Việt Thường, rộng nghìn trượng, cuốn tròn như hình con ốc, cho nên gọi là Loa Thành[2], lại có tên là thành Tư Long (người nhà Đường gọi là thành Côn Lôn, vì thành rất cao[3]). Thành này cứ đắp xong lại sụt, vua lấy làm lo, mới trai giới khấn trời đất và thần kỳ núi sông, rồi khởi công đắp lại.

Bính Ngọ, năm thứ 3 [255 TCN], (Động Chu Quân năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, chợt có thần nhân đến cửa thành, trỏ **[6b]** vào thành, cười mà nói rằng: "Đắp đến bao giờ cho xong!". Vua mời vào điện hỏi, thần nhân trả lời: "Cứ đợi giang sứ đến". Rồi cáo từ đi ngay. Sáng hôm sau, vua ra cửa thành, quả thấy có con rùa vàng bơi trên sông từ phía đông đến, xưng là giang sứ, nói được tiếng người, bàn được việc tương lai. Vua mừng lắm, để vào mâm vàng, đặt mâm lên trên điện. Vua hỏi về nguyên

---

[1] Về điều ghi Thục Phán người Ba Thục (Tứ Xuyên, Trung Quốc), Cương mục có nhận xét: "Nước Thục từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (316 TCN) đã bị nước Tần diệt rồi, làm gì có vua nữa ? Huống chi từ Thục đến Văn Lang còn có đất Kiện Vi (nay thuộc Vân Nam), đất Dạ Lang, Cùng, Túc, Nhiễm Mang v.v... cách nhau hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy Văn Lang? .... Hoặc giả ngoài cõi Tây Bắc giáp với nước Văn Lang còn có họ Thục khác, mà sử cũ (tức Toàn Thư) nhận là Thục Vương chăng ?" (CMTB1,9). Hiện nay, có nhiều giả thuyết về nguồn gốc của Thục Phán, trong đó có thuyết coi họ Thục là thủ lĩnh của người Âu Việt (hay Tây Âu) ở phía bắc nước Văn Lang mà trung tâm là vùng Cao Bằng.

[2] Nay còn di tích ở huyện Đông Anh, Hà Nội.

[3] Côn Lôn: tên dãy núi Trung Quốc (ở miền Tân Cương - Tây Tạng).

do thành sụp, rùa vàng đáp: "Đó là do tinh khí núi sông vùng này bị con vua trước phụ vào để báp thù nước, nấp ở núi Thất Diệu. Trong núi có con quỷ, đó là người con hát thời trước chôn ở đấy hóa làm quỷ. Cạnh núi có cái quán, chủ quán tên là Ngộ Không, có một đứa con gái và một con gà trắng, đó là dư khí của tinh, phàm người qua lại ngủ đêm ở đấy đều phải chết vì bị quỷ làm hại. Chúng có thể gọi nhau họp đàn lũ, làm cho sụp thành. Nếu giết con gà trắng để trừ tinh khí ấy, thì thành tự nhiên được **[7a]** bền vững. Vua đem rùa vàng đến quán ấy, giả làm người ngủ trọ. Chủ quán nói: "Ngài là quý nhân, xin đi ngay, chớ lưu lại đây mà bị họa". Vua cười nói: "Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì nổi ?". Rồi ngủ lại quán. Đến đêm nghe tiếng tinh quỷ từ ngoài đến gọi mở cửa, rùa vàng liền quát mắng, quỷ không vào được, đến khi gà gáy thì lũ quỷ tan chạy hết. Rùa vàng xin vua đuổi theo. Tới núi Thất Diệu thì tinh khí biến mất, vua trở về quán. Sáng sớm, chủ quán tưởng vua đã chết rồi, gọi người đến để khâm liệm đem chôn. Thấy vua vẫn vui vẻ cười nói, chủ quán liền sụp lạy nói: "Ngài làm sao được như thế, tất phải là thánh nhân!". Vua xin con gà trắng giết để tế. Gà chết, con gái chủ quán cũng chết theo. Vua liền sai người đào núi, thấy có nhạc khí cổ và xương người, đem đốt thành tro, rải xuống sông, yêu khí mới mất hẳn. Từ đấy, đắp thành không **[7b]** quá nửa tháng thì xong. Rùa vàng cáo từ ra về. Vua cảm tạ, hỏi rằng: "Đội ơn ngài thành đắp đã vững, nếu có giặc ngoài đến, thì lấy gì mà chống giữ ?" Rùa vàng bèn trút chiếc móng trao cho vua và nói: "Nước nhà yên hay nguy đều do số trời, nhưng người cũng nên phòng bị; nếu có giặc đến thì dùng móng thiêng này làm lẫy nỏ, nhằm vào giặc mà bắn thì không phải lo gì". Vua sai bề tôi là Cao Lỗ (có sách chép là Cao Thông[1]) làm nỏ thần, lấy móng rùa làm lẫy, đặt tên là Linh Quang Kim Trảo Thần Nỏ.

Cao Vương nhà Đường [tức Cao Biền] dẹp nước Nam Chiếu, khi đưa quân về qua châu Vũ Ninh, đêm nằm chiêm bao thấy có người lạ tự xưng là Cao Lỗ, nói: "Ngày xưa giúp An Dương Vương, có công đánh lui giặc, bị Lạc hầu gièm pha, phải bỏ đi, sau khi chết, trời thương không có tội gì, ban cho một dải núi sông này, cho làm chức quản lĩnh đô thống tướng quân, làm chủ mọi việc đánh dẹp giặc giã và mùa màng cày cấy. Nay theo minh công đi dẹp yên quân giặc, lại trở về bản bộ, không có lời từ biệt thì không phải lễ. Cao Vương thức dậy, nói chuyện lại với liêu thuộc, có làm bài thơ:

Mỹ hĩ Giao Châu địa,
Du Du vạn tải lai.
Cổ hiền năng đắc kiến,
Chung bất phụ linh đài.
(Đẹp thay đất Giao Châu,
Dằng dặc trải muôn thâu.
Người xưa nay được thấy,
Hả tấm lòng bấy lâu).

Nhâm Tý, năm thứ 9 [249 TCN], (Đông Chu Quân năm thứ 7; [bấy giờ có] 7 nước là Tần, Sở, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn, Tề). Năm ấy nhà Chu mất.

[8a] Canh Thìn, năm thứ 37 [221 TCN], (Tần Thủy Hoàng Lữ Chính năm thứ 26). Nước Tần thôn tính cả 6 nước, xưng hoàng đế. Bấy giờ người Từ Liêm, Giao Chỉ ta, là Lý Ông Trọng[2] người cao 2 trượng 3 thước, lúc ít tuổi đến hương ấp làm lực dịch, bị trưởng quan đánh, bèn bỏ sang nước Tần làm quan đến chức Tư lệ hiệu úy. Thủy Hoàng lấy được thiên hạ, sai ông đem quân đóng giữ đất Lâm Thao[3], uy danh chấn động nước Hung Nô. Khi tuổi già, về làng rồi chết. Thủy Hoàng cho ông là người kỳ lạ, đúc đồng làm tượng, để ở cửa Tư Mã ở Hàm Dương, bụng tượng chứa được mấy chục người, ngầm lay thì chuyển động được, Hung Nô tưởng đó là hiệu úy còn sống, không dám đến xâm phạm (Triệu Xương nhà Đường làm đô hộ Giao Châu, đêm thường nằm chiêm bao thấy cùng Ông Trọng giảng bàn sách Xuân Thu, Tả Truyện, nhân hỏi chỗ ở cũ, rồi dựng đền thờ. Khi Cao Vương đi đánh Nam

---

[1] Cao Lỗ, chép là Cao Thông trong các tài liệu của Trung Quốc như Giao Châu Ngoại Vực Ký (do Thủy Kinh Chú, q.14 dẫn), Thái Bình hoàn vũ ký (phần Nam Việt Chí, q. 170), v.v....

[2] Một số tài liệu Trung Quốc (như Quảng Dư Ký, Đại Thanh Nhất Thống Chí, v.v....) chép là Nguyễn Ông Trọng, có lẽ vì dựa theo sử liệu Việt Nam đời Trần do kiêng húy đã đổi Lý thành Nguyễn.

[3] Lâm Thao: tên huyện Trung Quốc thời Tần, nay thuộc tỉnh Cam Túc.

Chiếu, thần thường hiển linh giúp sức. Cao Vương cho sửa lại đền thờ, tạc gỗ làm tượng, gọi là [tượng] Lý hiệu úy. Đề ở xã Thụy Hương huyện Từ Liêm)[1].

Đinh Hợi, năm thứ 44 [214 TCN], (Tần Thủy Hoàng năm thứ 33). Nhà Tần phát những người trốn tránh, người ở rể **[8b]** người đi buôn, ở các đạo ra làm binh, sai hiệu úy Đồ Thư đem quân lâu thuyền, sai Sử Lộc đào ngòi vận lương, đi sâu vào đất Lĩnh Nam, đánh lấy miền đất Lục Dương, đặt các quận Quế Lâm (nay là huyện Quý của đất Minh, Quảng Tây)[2], Nam Hải (nay là tỉnh Quảng Đông) và Tượng Quận (tức là An Nam)[3]; cho Nhâm Ngao[4] làm Nam Hải úy, Triệu Đà làm Long Xuyên lệnh (Long Xuyên là thuộc huyện của Nam Hải), đem những binh phải tội đồ 50 vạn người đến đóng đồn ở Ngũ Lĩnh, Ngao và Đà nhân đó mưu xâm chiếm nước ta. (Chuế tế: con trai không có tiền nộp sính lễ, lấy thân ở gửi nhà vợ nên gọi là chuế tế [ở gửi rể] như cái bướu ở mình người ta, là vật thừa. Lục Lương là người Lĩnh Nam phần nhiều ở chỗ núi rừng, trên cạn (lục), tính người mạnh tợn (cường lương) nên gọi là Lục Lương).

Tân Mão, năm thứ 48 [210 TCN], (Tần Thủy Hoàng năm thứ 37). Mùa đông, tháng 10, Thần Thủy Hoàng mất ở Sa Khâu. Nhâm Ngao và Triệu Đà đem quân sang xâm lấn. Đà đóng quân ở núi Tiên Du, Bắc Giang[5] đánh nhau với vua. Vua đem nỏ thần ra bắn, Đà thua chạy. Bấy giờ Ngao đem thủy quân đóng ở Tiểu Giang (tức là [con sông] ở phủ **[9a]** Đô hộ, sau lầm là Đông Hồ, tức là bến Đông Hồ ngày nay)[6], vì phạm thổ thần nên bị bệnh, phải rút về. Nhâm Ngao bảo Đà rằng: "Nhà Tần sắp mất, dùng mưu kế đánh Phán thì có thể dựng nước được". Đà biết vua có nỏ thần, không thể địch nổi, bèn lui giữ núi Vũ Ninh, sai sứ đến giảng hòa. Vua mừng, bèn chia từ Bình Giang (nay là sông Thiên Đức ở huyện Đông Ngàn) trở lên phía Bắc thuộc quyền cai trị của Đà, trở về phía Nam thuộc quyền cai trị của vua. Đà sai con là Trọng Thủy vào hầu làm túc vệ, cầu hôn con gái vua là Mỵ Châu. Vua bằng lòng. Trọng Thủy dỗ Mỵ Châu để xem trộm nỏ thần, rồi ngầm bẻ gãy lẫy nỏ, thay cái khác vào, giả vờ về Bắc thăm cha mẹ, bảo Mỵ Châu rằng: "Ân tình vợ chồng không thể quên nhau, nếu lỡ hai nước không hòa, Nam Bắc cách biệt, ta lại tới đây thì làm thế nào mà tìm thấy nhau?". Mỵ Châu nói: "Thiếp có cái nệm gấm lông ngỗng, thường mang theo mình, đi đến đâu thì rút lông ngỗng rắc ở chỗ đường rẽ để làm dấu". Trọng Thủy về báo cho Đà biết.

[9b] Quý Tỵ, năm thứ 50 [208 TCN] (Tần Nhị Thế Hồ Hợi, năm thứ 2). Nhâm Ngao ốm sắp chết, bảo Đà rằng: "Tôi nghe nói bọn Trần Thắng làm loạn, lòng dân chưa biết theo về đâu. Đất này ở nơi xa lánh, sợ bọn giặc xâm phạm đến đây, muốn cùng ông chặt đường (đường vào đất Việt do nhà Tần mở), tự phòng bị, đợi xem chư hầu biến động thế nào". Đến khi ốm nặng, lại nói: "Đất Phiên Ngung (nhà Hán gọi là Nam Thành) dựa núi cách sông, đông tây dài mấy nghìn dặm, vả có người Tần cùng giúp, cũng đủ dựng nước, dấy vương, làm chủ một phương. Các trưởng lại trong quận này không người nào đáng cùng mưu bàn, cho nên tôi gọi riêng ông để bảo". Rồi Ngao lấy Đà thay mình. Ngao chết, Đà liền gửi hịch đến các cửa ải Hoành Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê, nói: "Quân giặc sắp đến, phải gấp chặt đường, họp binh tự giữ". Hịch đến nơi, các châu quận đều hưởng ứng. Bấy giờ Đà giết hết các trưởng lại do nhà Tần đặt, đem thân thích phe cánh thay làm thú lệnh. Đà đem quân đến đánh vua, vua không biết lẫy nỏ đã mất **[10a]**, ngồi đánh cờ cười mà bảo: "Đà không sợ nỏ thần của ta sao?". Quân của Đà tiến sát đến nơi, vua giương nỏ thì lẫy đã gãy rồi. Vua thua chạy, để Mỵ Châu ngồi trên ngựa, cùng chạy

---

[1] Tức đền Chèm ở huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[2] Quế Lâm: tên quận thời Tần, nay là vùng đất bắc và đông tỉnh Quảng Tây, chứ không chỉ riêng huyện Minh Quý, nơi đóng trị sở của tỉnh ấy.

[3] Tượng Quận: tên quận đời Tần mà trước đây nhiều sách sử của ta và của Trung Quốc đều chú giải là quận Nhật Nam, hay bao gồm cả ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam thời Hán, tức đất An Nam. Thuyết đó là dựa vào một câu cước chú của Hán Thư (q.28 hạ, tr. 11a) về quận Nhật Nam thời Hán: "Quận Nhật Nam - quận Tượng thời Tần ngày trước". Nhưng từ cuối thế kỷ XIX, thuyết đó đã bị phê phán. Chính Hán thư phần Bản Kỷ (q.7 tr.9a) chép rõ rằng: "Năm thứ 5 hiệu Nguyên Phượng (76 TCN), bãi bỏ quận Tượng, chia đất vào hai quận Uất Lâm và Tường Kha". Quận Uất Lâm là vùng Quảng Tây, quận Tường Kha ở phía tây quận Uất Lâm và gồm một phần Quý Châu. Vậy Tượng Quận là miền tây Quảng Tây và nam Quý Châu.

[4] Chữ có hai âm: "Hiêu" và "Ngao". Chúng tôi phiên theo âm đã quen gọi.

[5] Bắc Giang: tên đạo đời Đinh, tên lộ thời Lý, Trần và đầu Lê (nay là tỉnh Hà Bắc).

[6] Cương mục (TB1, 16b) chú: "Bây giờ không biết con sông này ở đâu".

về phía nam. Trọng Thủy nhận dấu lông ngỗng đuổi theo. Vua đến bờ biển, hết đường mà không có thuyền, liền gọi rùa vàng mấy tiếng: "Mau đến cứu ta!" Rùa vàng nổi lên mặt nước, mắng rằng: "Kẻ ngồi sau ngựa là giặc đấy, sao không giết đi?". Vua rút gươm muốn chém Mỵ Châu, Mỵ Châu khấn rằng: "Trung tín trọn tiết, bị người đánh lừa, xin hóa thành ngọc châu để rửa thù nhục này". Cuối cùng vua vẫn chép Mỵ Châu, máu chảy loang mặt nước, loài trai nuốt vào bụng, hóa làm hạt minh châu. Vua cầm sừng tê văn dài 7 tấc xuống biển mà đi (tức như ngày nay gọi là sừng tê rẽ nước. Tục truyền núi Dạ Sơn xã Cao Xá ở Diễn Châu là nơi ấy). Trọng Thủy đuổi theo đến nơi, thấy Mỵ Châu đã chết, thương khóc ôm xác đem về chôn ở Loa Thành, hóa làm đá ngọc. Trọng Thủy nhớ tiếc Mỵ Châu, trở lại chỗ Mỵ Châu **[10b]** tắm gội trang điểm khi trước, thương nhớ không nguôi, cuối cùng nhảy xuống giếng mà chết. Người sau được hạt minh châu ở biển Đông, lấy nước giếng ấy mà rửa, sắc ngọc càng sáng hơn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chuyện rùa vàng đáng tin chăng? Chuyện thần giáng đất Sần[1], chuyện đá biết nói[2] cũng có thể là có. Vì việc làm của thần là dựa theo người, thác vào vật mà nói năng. Nước sắp thịnh, thần minh giáng để xem đức hóa; nước sắp mất, thần cũng giáng để xét tội ác. Cho nên có khi thần giáng mà hưng, cũng có khi thần giáng mà vong. An Dương Vương hưng công đắp thành có phần không dè đặt sức dân, cho nên thần thác vào rùa vàng để răn bảo, chẳng phải là vì lời oán trách động dân mà thành ra như thế ư? Nhưng thế cũng còn là khá. Đến như lo họa hoạn về sau mà nài xin với thần, thì lòng riêng đã nảy. Lòng riêng một khi nảy mầm thì lẽ trời theo đó mà mất, **[11a]** sao thần lại chẳng gieo cho tai họa! Rùa vàng trút móng thiêng trao cho, bảo là có thể đánh lui được quân địch, đó là mầm họa chăng? Như chuyện thần ban cho nước Quắc ruộng đất mà sao đó nước Quắc cũng mất theo. Sau [An Dương Vương] quả nhiên như vậy. Thế chẳng phải là thần theo người mà hành động sao? Nếu không có lời nài xin [với rùa vàng], cứ theo đạo lý mà làm, biết đâu quốc thống lại chẳng được lâu dài? Đến như chuyện Mỵ Châu rắc lông ngỗng chỉ đường, thì chưa chắc đã có. Nếu có thì chỉ một lần là phải, thế mà sau này con gái Triệu Việt Vương lại bắt chước mà cũng nói như thế, là làm sao? Có lẽ người chép sử cho rằng nhà Thục và nhà Triệu mất nước đều do con rể, cho nên nhân một việc mà nói hai lần chăng? Thế thì việc ma quỷ làm đổ thành cũng đáng tin sao? Trả lời rằng: Đại loại cũng như chuyện Bá Hữu làm quỷ dữ, sau người nước Trịnh lập con cháu của Hữu, [hồn của Hữu] có chỗ nương tựa rồi thì hết[3]. Thế là trừ bỏ yêu khí, quỷ không **[11b]** có chỗ phụ vào nữa thì phải thôi. Đến như sử chép An Dương Vương bại vong là do nỏ thần bị đổi lẫy, Triệu Việt Vương bại vong vì mũ đâu mâu mất móng rồng, đều là mượn lời để cho vật trở thành thiêng mà thôi. Đại phàm việc giữ nước chống giặc tự có đạo lý của nó, đúng đạo lý thì được nhiều người giúp mà nước hưng, mất đạo lý thì ít người giúp mà nước mất, không phải vì những thứ ấy.

Trở lên là [kỷ] An Dương Vương, khởi từ năm Giáp Thìn đến năm Quý Tỵ là hết, tất cả 50 năm [257 - 208 TCN].

---

[1] Thần giáng đất Sần: Tả Truyện chép rằng thần hiện ở đất Sần thuộc nước Quắc, Quắc công sai quan đến làm lễ tế, được thần ban cho ruộng đất.

[2] Đá biết nói: Tả Truyện ghi việc năm thứ 8 đời Lỗ Ai Công ở đất Nguy Du nước Tấn có hòn đá biết nói.

[3] Bá Hữu: tức Lương Tiêu, đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu bị chết oan, thường hiện hồn về quấy nhiễu. Sau, Tử Sản cho con Bá Hữu là Lương Chỉ làm quan, hồn Bá Hữu mới thôi không báo oán nữa. (Tả Truyện, q.13).

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỷ Toàn Thư

Quyển II

[1a]

Kỷ Nhà Triệu[1]

Vũ Đế

Ở ngôi 71 năm [207 - 136 TCN], thọ 121 tuổi [256 - 136 TCN].

Họ Triệu, nhân lúc nhà Tần suy loạn, giết trưởng lại Tần, chiếm giữ đất Lĩnh Nam, xưng đế, đòi ngang với nhà Hán, hưởng nước truyền ngôi 100 năm mới mất, cũng là bậc vua anh hùng.

Họ Triệu, tên húy là Đà, người huyện Chân Định[2] nước Hán, đóng đô ở Phiên Ngung (nay ở tỉnh Quảng Đông)[3].

Giáp Ngọ, năm thứ 1 [207 TCN], (Tần Nhị Thế năm thứ 3). Vua chiếm lấy đất Lâm Ấp[4] và Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vương.

Ất Mùi, năm thứ 2 [206 TCN], (Tây Sở Bá Vương Hạng Tịch năm thứ 1; Hán Vương Lưu Bang năm thứ I). Năm ấy nhà Tần mất.

[1b] Đinh Dậu, năm thứ 4 [204 TCN], (Sở Hạng Tịch năm thứ 3; Hán Lưu Bang năm thứ 3). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực. Tháng 11, ngày 30, nhật thực.

Mậu Tuất, năm thứ 5 [203 TCN], (Sở Hạng Tịch năm thứ 4; Hán Lưu Bang năm thứ 4). Mùa thu, tháng 7, sao Chổi mọc ở khu vực sao Đại Giác.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 [202 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, Hán Vương lên ngôi hoàng đế. Năm ấy Tây Sở mất.

Quý Mão, năm thứ 10 [198 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 9). Vua sai hai sứ coi giữ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân.

Ất Tỵ, năm thứ 12 [196 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 11) Nhà Hán đã định được thiên hạ, nghe tin vua cũng đã xưng vương ở nước Việt, mới sai Lục Giả sang phong vua làm Nam Việt Vương, trao cho ấn thao[5] và con so bổ đôi[6], thông sứ với nhau, bảo vua giữ yên đất Bách Việt, chớ cướp phá. Khi sứ

---

[1] Toàn thư, cũng như nhiều bộ sử thời phong kiến, quan niệm nhà Triệu là một triều đại chính thống của nước ta, và viết thành Kỷ Nhà Triệu. Quan niệm đó, từ thế kỷ XVIII đã bị phê phán, mà người bác bỏ đầu tiên là Ngô Thì Sĩ, tác giả Việt Sử Tiêu Án.

[2] Nay là huyện Chinh Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

[3] Tức Quảng Châu ngày nay. Ở Quảng Đông vẫn còn huyện Phiên Ngung.

[4] Theo Sử Ký (q. 113: Nam Việt Liệt Truyện): "Khi nhà Tần đã bị diệt, Đà lập tức đánh lấy Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vương". Ở đây, văn bản của Toàn Thư, do sao chép hoặc khắc in, đã nhầm lẫn từ Quế Lâm thành Lâm Ấp.

[5] NGuyên văn: "Tỉ thụ" = quả ấn và dây thao để buộc (và trang sức) quả ấn.

[6] Nguyên văn: "Phẫu phù" = vật bằng vàng bạc, ngọc đá, v.v.... cấp cho người được phong quan tước, khi cần xác định thì khớp hai nửa với nhau; tác dụng cũng như phù tiết, nhưng phù tiết thường là hình ống làm bằng tre gỗ, để cấp cho các viên quan đi thi hành mệnh lệnh.

đến, vua ngồi xổm mà tiếp Lục Giả. Giả nói: "Vương vốn là **[2a]** người Hán, họ hàng mồ mả đều ở nước Hán, nay lại làm trái tục nước mình, muốn chiếm đất này làm kẻ địch chống chọi với nhà Hán, há chẳng lầm hay sao? Vả lại, nhà Tần mất con hươu[1], thiên hạ đều tranh nhau đuổi, chỉ có Hán Đế khoan nhân yêu người, dân đều vui theo, khởi quân từ đất Phong Bái mà vào Quan Trung trước tiên để chiếm giữ Hàm Dương, dẹp trừ hung bạo. Trong khoảng 5 năm, dẹp yên loạn lạc, bình định bốn biển, đó không phải là sức người làm nổi, tức là trời cho. Hán Đế nghe vương làm vua ở đất này, từng muốn quyết một phen được thua, nhưng vì dân chúng lao khổ vừa xong cho nên phải bỏ ý định, sai sứ mang ấn thao cho vương, đáng lẽ vương phải ra ngoài giao[2] nghênh đón bái yết để tỏ lòng tôn kính. Nay đã không làm thế, thì nên sắm lễ mà tiếp sứ giả mới phải, sao lại cậy dân Bách Việt đông mà khinh nhờn sứ giả của thiên tử? Thiên Tử nghe biết, phát binh sang hỏi tội, thì vương làm thế nào?". Vua ra dáng sợ hãi, đứng dậy nói: "Tôi ở đất này lâu ngày **[2b]** quên mất cả lễ nghĩa". Nhân hỏi Giả rằng: "Tôi với Tiêu Hà, Tào Tham ai hơn?"[3] Giả nói: "Vương hơn chứ". Lại hỏi: "Tôi với vua Hán ai hơn?". Giả nói: "Hán Đế nối nghiệp của Ngũ Đế Tam Vương, thống trị người Hán kể hàng ức vạn người, đất rộng hàng muôn dặm, vật thịnh dân giàu, quyền chính chỉ do một nhà, từ khi trời đất mở mang đến nay chưa từng có. Nay dân của vương, chẳng qua mười vạn ở, ở xen khoảng núi biển, chỉ ví như một quận của nhà Hán, ví với Hán Đế sao được?". Vua cười và nói: "Tôi lấy làm giận không được nổi dậy ở bên ấy, biết đâu chẳng bằng nhà Hán?" Giả ngồi im lặng, sắc mặt tiu nghỉu. Bèn giữ Giả ở lại vài tháng. Vua nói: "Ở đất Việt này không ai đủ để nói chuyện được. Nay ông đến đây hàng ngày tôi được nghe những chuyện chưa từng nghe." Cho Giả đồ châu báu giá nghìn vàng để làm vật bỏ bao. Đến khi Giả về, lại cho thêm nghìn vàng nữa.

[3a] Bính Ngọ, năm thứ 13 [195 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 12). Mùa hạ, tháng 4, vua Hán băng.

Canh Tuất, năm thứ 17 [191 TCN], (Hán Huệ Đế Doanh năm thứ 4). Mùa hạ, nhà Hán dựng Nguyên Miếu ở phía bắc sông Vị.

Quý Sửu, năm thứ 20 [188 TCN], (Hán Huệ Đế năm thứ 7) Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, nhật thực. Mùa hạ, tháng 5, nhật thực, mặt trời bị che khuất hết. Mùa thu, tháng 8, vua Hán băng.

Ất Mão, năm thứ 22 [186 TCN], (Hán Cao Hậu Lữ Trĩ năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 6, ngày 30, nhật thực.

Đinh Tỵ, năm thứ 24 [184 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 4). Nhà Hán cấm nước Nam Việt mua đồ sắt ở cửa quan. Vua nói: "Khi Cao Đế lên ngôi, ta cùng thông sứ chung đồ dùng. Nay Cao Hậu nghe lời gièm pha, phân biệt đồ dùng Hán, Việt. Việc này tất là mưu kế của Trường Sa Vương[4] muốn dựa uy đức của nhà Hán mưu lấy nước ta mà làm vua cả, tự làm công của mình".

[3b] Mậu Ngọ, năm thứ 25 [183 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 5). Mùa xuân, vua lên ngôi hoàng đế, đem quân đánh Trường Sa, đánh bại mấy quận rồi về.

Canh Thân, năm thứ 27 [181 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 7). Nhà Hán sai Lâm Lư hầu Chu Táo sang đánh Nam Việt để báo thù việc đánh Trường Sa. Gặp khi nắng to ẩm thấp, bệnh dịch phát, bèn bãi quân. Vua nhân thế dùng binh uy và của cải để chiêu vỗ Mân Việc và Âu Lạc ở phía tây (tức là Giao Chỉ và Cửu Chân), các nơi ấy đều theo về, từ đông sang tây rộng hơn vạn dặm. Vua ngồi xe mui vàng, dùng cờ tả đạo[5], cho là nghi vệ ngang với nhà Hán.

---

[1] Dùng ai từ đồng âm (lộc là con hươu, và lộc là phúc lộc) để nói bóng việc nhà Tần mất nước.

[2] Giao: vùng ngoại ô đô thành.

[3] Tiêu Hà, Taò Tham: hai người có công đầu trong việc phò tá Hán Cao Tổ, nối tiếp giữ chức thừa tướng nhà Hán.

[4] Tước của Ngô Nhuế đời Hán Cao Tổ được phong làm phiên vương ở Trường Sa (nay là phần đất phía đông tỉnh Hồ Nam).

[5] Tả đạo: loại cờ lớn trang sức bằng lông đuôi cừu, dựng trên xe nhà vua.

Tân Dậu, năm thứ 28 [180 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 8). Mùa thu, tháng 7, Cao Hậu băng, các đại thần đón Đại vương Hằng lên ngôi, tức là Văn Đế.

Nhâm Tuất, năm thứ 29 [179 TCN], (Hán Văn Đế Hằng năm thứ 1). Vua Hán vì thấy mồ mả tổ tiên của vua đều ở Chân Định **[4a]** mới đặt người thủ ấp để trông coi, tuế thời cúng tế, gọi các anh em của vua cho làm quan to, ban cho hậu. Vua Hán hỏi Tể tướng Trần Bình có thể cử ai sang sứ Nam Việt được, Bình nói: "Lục Giả thời Tiên đế đã từng sang sứ Nam Việt". Vua Hán gọi Giả cho làm Thái trung đại phu, lấy một người yết giả[1] làm phó sứ, đem thư sang cho vua. Thư nói: "Kính hỏi thăm Nam Việt Vương rất lao tâm khổ ý. Trẫm là con vợ lẽ của Cao Đế, phải đuổi ra ngoài làm phiên vương ở đất Đại, vì đường sá xa xôi, kiến thức hẹp hòi quê kệch, nên chưa từng gửi thư. Cao Hoàng Đế lìa bỏ bầy tôi, Hiếu Huệ Hoàng Đế qua đời, Cao Hậu tự lên trông coi việc nước, không may có bệnh, người họ Lữ chuyên quyền làm bậy, một mình khống chế ngự được, mới lấy con người họ khác nối nghiệp Hiếu Huệ Hoàng Đế. Nhờ anh linh tông miếu và sức lực của các công thần, đã giết hết bọn ấy. Trẫm vì các vương hầu và quan lại không cho từ chối, không thể không nhận, nay đã lên ngôi. Mới rồi nghe nói vương có gửi thư cho tướng **[4b]** quân Lâm Lư hầu, muốn tìm anh em thân và xin bãi chức hai tướng quân ở Trường Sa. Trẫm theo thư của vương, đã bãi chức tướng quân Bác Dương hầu rồi, còn anh em thân của vương hiện ở Chân Định, trẫm đã sai người đến thăm hỏi và sửa đắp phần mộ tiên nhân của vương rồi. Ngày trước nghe tin vương đem quân đánh biên giới, cướp phá mãi không thôi, dân Trường Sa khổ sở mà Nam Quận khổ nhất, nước của vương há được lợi riêng hay sao? Tất phải chết nhiều quân lính, hại các tướng lại tài giỏi, làm cho vợ góa chồng, con mồ côi, cha mẹ mất con, được một hại mười, trẫm không nỡ làm thế. Trẫm muốn phân định đất phong xen kẽ để chế ngự lẫn nhau[2], đem việc ra hỏi, bọn quan lại đều nói: "Cao Hoàng Đế sở dĩ lấy Trường Sa làm địa giới, vì [quá chỗ đó] là đất của vương, không nên tự tiện thay đổi". Nay dù lấy được đất đai của vương cũng không đủ lớn thêm, lấy được của cải của vương cũng không đủ giàu thêm, cõi đất từ Ngũ Lĩnh về nam, vương cứ việc trị lấy. Tuy vậy, vương xưng là **[5a]** đế, hai đế cùng lập mà không có xe sứ thông hiếu, thế là tranh nhau. Tranh mà không biết nhường thì người có nhân không làm. Trẫm nguyện cùng vương đều bỏ hiềm trước, từ nay trở đi thông hiếu như xưa. Vì vậy mới sai Lục Giả sang đưa tờ dụ, để tỏ với vương bản ý của trẫm. Vương cũng nên nghe theo, chớ làm những việc cướp phá nữa. Nhân gửi biếu vương 50 chiếc áo bông thượng hạng, 30 chiếc áo bông trung hạng, 20 chiếc áo bông hạ hạng. Mong rằng Vương hãy nghe nhạc tiêu sầu và thăm hỏi nước láng giềng".

Khi Giả đến, vua tạ lỗi nói: "Kính vâng chiếu chỉ, xin làm phiên vương, giữ mãi lệ cống". Rồi đó vua hạ chiếu rằng: "Trẫm nghe: hai người hùng không đứng cùng nhau, hai người hiền không ở cùng đời. Hoàng Đế nhà Hán là bậc thiên tử hiền tài, từ nay ta triệt bỏ xe mui vàng và cờ tả đạo là nghi chế của hoàng đế". Nhân viết thư rằng: "Man Di đại trưởng lão phu, thần Đà, mạo muội đáng chết, hai lạy dâng thư lên hoàng đế bệ hạ. Lão phu vốn là lại cũ ở đất Việt, Cao Đế ban cho ấn **[5b]** thao làm Nam Việt Vương. Hiếu Huệ Hoàng Đế lên ngôi, vì nghĩa không nỡ tuyệt nên ban cho lão phu rất hậu. Cao Hậu lên coi việc nước lại phân biệt Hoa - Di, ra lệnh không cho Nam Việt những khí cụ làm ruộng bằng sắt và đồng; ngựa, trâu, dê nếu cho thì cũng chỉ cho con đực, không cho con cái. Lão phu ở đất hẻo lánh, ngựa, trâu, dê đã già. Tự nghĩ nếu không sắm lễ vật cúng tế, thì tội thực đáng chết, mới sai nội sử Phan, trung úy Cao, ngự sử Bình, ba bọn dâng thư tạ lỗi, nhưng đều không thấy trở về. Lại nghe đồn rằng, phần mộ của cha mẹ lão phu bị đập phá, anh em họ hàng đều bị giết. Vì vậy, bọn lại bàn nhau rằng: "Nay bên trong không được phấn chấn với nhà Hán, bên ngoài không lấy gì để tự cao khác với nước Ngô". Vì vậy mới đổi xưng hiệu là đế, để tự làm đế nước mình, không dám làm điều gì hại đến thiên hạ. Cao Hoàng Hậu nghe tin cả giận, tước bỏ sổ sách của Nam Việt, khiến cho việc sai người đi sứ không thông. Lão phu trộm ngờ là vì Trường Sa Vương gièm **[6a]** pha, cho nên mới đem quân đến đánh biên giới. Lão phu ở đất Việt 49 năm, đến nay đã ẵm cháu rồi, nhưng vẫn phải dậy sớm, ngủ muộn, nằm không yên chiếu, ăn không biết ngon, mắt không trông sắc đẹp, tai không nghe tiếng chuông trống, chỉ vì không được làm tôi nhà Hán mà thôi. Nay may được bệ hạ có lòng thương đến,

---

[1] Yết giả: chức quan đời Tần, Hán, giữ việc giao thiệp với nước ngoài.

[2] Nguyên văn: "định địa khuyển nha chi tương chế" (phân định đất đai theo kiểu xen kẻ như răng chó để chế ngự lẫn nhau). Nhà Hán cắt đất phong kiểu cho xen lọt phần đất của phiên quốc nọ với phiên quốc kia để dễ bề chế ngự.

được khôi phục hiệu cũ, cho thông sứ như trước, lão phu dù chết xương cũng không nát. Vậy xin đổi tước hiệu, không dám xưng đế nữa. Kính cẩn sai sứ giả dâng một đôi ngọc bích trắng, 1.000 bộ lông chim trả, 10 sừng tên, 500 vỏ ốc màu tía, 1 giỏ cà cuống, 40 đôi chim trả sống, 2 đôi chim công. Mạo muội liều chết, hai lạy dâng lên hoàng đế bệ hạ".

Lục Giả đem thư ấy về báo, vua Hán rất mừng. Từ đấy Nam Bắc giao hảo, thôi việc binh đao, dân được yên nghỉ.

Quý Hợi, năm thứ 30 [178 TCN], (Hán Văn Đế năm thứ 2). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực.

[6b] Giáp Tý, năm thứ 31 [177 TCN], (Hán Văn Đế năm thứ 3). Mùa đông, tháng 10, ngày 30 nhật thực. Tháng 11, ngày 30, nhật thực.

Tân Tỵ, năm thứ 48 [160 TCN], (Hán Văn Đế Hậu Nguyên, năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, ngày 30, nhật thực.

Giáp Thân, năm thứ 51 [157 TCN], (Hán Văn Đế năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 6, vua Hán băng, có chiếu dặn để tang ngắn. Mùa thu, tháng 9, sao Chổi mọc ở phương tây.

Ất Dậu, năm thứ 52 [156 TCN], (Hán Cảnh Đế Khải, năm thứ 1). Nhà Hán chiếu sai các quận quốc dựng miếu Thái Tông.

Bính Tuất, năm thứ 53 [155 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 2). Mùa đông, tháng 11, có sao Chổi mọc ở phương tây.

Đinh Hợi, năm thứ 54 [154 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, có sao Chổi đuôi dài mọc ở phương tây. Tháng ấy, ngày 30, có nhật thực.

[7a] Mậu Tý, năm thứ 55 [153 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 4). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực.

Quý Tỵ, năm thứ 60 [148 TCN], (Hán Cảnh Đế Trung Nguyên năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, có sao Chổi mọc ở phía tây bắc. Mùa thu, tháng 9, ngày 30, có nhật thực.

Giáp Ngọ, năm thứ 61 [147 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 3). Mùa thu, tháng 9, có sao Chổi mọc ở phía tây bắc. Tháng ấy, ngày 30, nhật thực.

Ất Mùi, năm thứ 62 [146 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 4). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực.

Đinh Dậu, năm thứ 64 [144 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 6). Mùa thu, tháng 7, ngày 30, nhật thực. Bấy giờ vua sai sứ sang nhà Hán thì xưng là vương, giữ lễ triều yết cũng như các nước chư hầu, ở trong nước thì theo hiệu cũ [đế].

[7b] Mậu Tuất, năm thứ 65 [143 TCN], (Hán Cảnh Đế Hậu Nguyên, năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, ngày 30, nhật thực.

Canh Tý, năm thứ 67 [141 TCN], (Hán Cảnh Đế [Hậu Nguyên] năm thứ 3). Mùa đông[1], tháng 10, mặt trời, mặt trăng đều sắc đỏ. Tháng 12, sắc mặt trời đỏ tía, năm sao đi ngược chiều ôm lấy chòm sao Thái Vi; mặt trăng đi xuyên vào Thiên Đình (Thiên Đình tức là 10 ngôi sao cung viên Thái Vi ở góc hữu sao Long Tinh, ở khoảng sao Dực sao Chẩn; ấy là cung của thiên tử; tòa của ngũ đế).

Mùa xuân, tháng giêng, vua Hán băng.

Nhâm Dần, năm thứ 69 [139 TCN], (Hán Vũ Đế Triệt, Kiến Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 30, nhật thực. Mùa hạ, tháng 4, có sao to bằng mặt trời mọc ban đêm.

---

[1] Sự việc ghi trong năm Canh Tý này (141 TCN), trước đã nói mùa đông, sau lại ghi việc mùa xuân, hẳn là việc ở hai năm khác nhau. Hán Cảnh Đế ở ngôi 16 năm, chết năm Canh Tý (xem: Lịch đại đế cương miếu thụy niên húy phả) đúng như Toàn Thư ghi tại đây. Vì vậy, điều ghi "mùa đông, tháng 10 ..." ở trên là ghi lại sự việc trong mùa đông năm trước. Hoặc cũng có thể coi là văn bản Toàn thư bỏ sót tiêu mục về năm Kỷ Hợi (142 TCN) mà sự việc về mùa đông đã ghi nhầm vị trí như trên.

Quý Mão, năm thứ 70 [138 TCN], (Hán Kiến Nguyên năm thứ 3). Mùa thu, tháng 7, sao Chổi mọc ở phía tây bắc. Tháng 9, ngày 30, nhật thực.

Giáp Thìn, năm thứ 71 [137 TCN], (Hán Kiến Nguyên, năm thứ 4). Vua băng, thụy là Vũ Đế. Cháu là Hồ lên nối ngôi. (Về sau, nhà Trần [8a] phong là Khai Thiên Thể Đạo Thánh Vũ Thần Triết Hoàng Đế).

Lê Văn Hưu nói: Đất Liêu Đông không có Cơ Tử thì không thành phong tục mặc áo đội mũ [như Trung Hoa], đất Ngô Cối không có Thái Bá thì không thể lên cái mạnh của bá vương. Đại Thuấn là người Đông Di nhưng là bậc vua giỏi trong Ngũ Đế. Văn Vương là người Tây Di mà là bậc vua hiền trong Tam Đại. Thế mới biết người giỏi trị nước không cứ đất rộng hay hẹp, người Hoa hay Di, chỉ xem ở đức mà thôi. Triệu Vũ Đế khai thác đất Việt ta mà tự làm đế trong nước, đối ngang với nhà Hán, gửi thư xưng là "lão phu", mở đầu cơ nghiệp đế vương cho nước Việt ta, công ấy có thể nói là to lắm vậy. Người làm vua nước Việt sau này nếu biết bắt chước Vũ Đế mà giữ vững bờ cõi, thiết lập việc quân quốc, giao thiệp với láng giềng phải đạo, giữ ngôi bằng nhân, thì gìn giữ bờ cõi được lâu dài, người phương Bắc không thể **[8b]** lại ngấp nghé được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Truyện [Trung Dung] có câu: "Người có đức lớn thì ắt có ngôi, ắt có danh, ắt được sống lâu". [Vũ] Đế làm gì mà được như thế? Cũng chỉ vì có đức mà thôi. Xem câu trả lời Lục Giả thì oai anh vũ kém gì Hán Cao. Đến khi nghe tin Văn Đế đặt thủ ấp trông coi phần mộ tổ tiên, tuế thời cúng tế, lại ban thưởng ưu hậu cho anh em, thì bấy giờ vua lại khuất phục nhà Hán, do đó tông miếu được cúng tế, con cháu được bảo tồn, thế chẳng phải là nhờ đức ư? Kinh Dịch nói: "Biêt khiêm nhường thì ngôi tôn mà đức sáng, ngôi thấp mà không ai dám vượt qua". Vua chính hợp câu ấy.

Văn Vương

Ở ngôi 12 năm, thọ 52 tuổi.

Vua lấy nghĩa để cảm nước láng giềng, đánh lui địch, yên biên cảnh, cũng gọi là bậc vua có ý muốn thịnh trị vậy.

[9a] Tên húy là Hồ, con trai Trọng Thủy, cháu Vũ Đế.

Bính Ngọ, năm thứ 2 [135 TCN], (Hán Kiến Nguyên năm thứ 6). Mùa thu, tháng 8, có sao Chổi mọc ở phương đông, đuôi dài hết trời.

Mân Việt Vương Sính xâm lấn biên ấp nước ta. Vua giữ ước với nhà Hán, không tự tiện dấy quân, sai người đem thư nói việc đó với nhà Hán. Nhà Hán khen là nghĩa, vì vua mà phát đại binh, sai Vương Khôi xuất quân từ Dự Chương, Hàn An Quốc xuất quân từ Cối Kê, để đánh Mân Việt.

Hoài Nam Vương [Lưu] An dâng thư can rằng:

"Việt là đất ở ngoài cõi. Dân cắt tóc vẽ mình, không thể lấy pháp độ của nước đội mũ mang đai mà trị được. Từ thời Tam đại thịnh trị, người Hồ, người Việt đã không nhận chính sóc, không phải là vì mạnh mà không hàng phục được, uy không chế ngự được, mà vì đất ấy không thể ở được, dân ấy không thể chăn được, không bõ làm phiền đến Trung Quốc vậy. Nay họ đánh lẫn nhau mà bệ hạ phát quân đến cứu, thế là trái lại đem Trung Quốc mà **[9b]** phục dịch di dịch vậy.

Vả người Việt khinh bạc, tráo trở, không theo pháp độ, không phải mới có một ngày. Nay mới không vâng chiếu mà cất quân đi đánh giết, thần sợ sau này việc binh cách không biết đến lúc nào thôi. Vừa rồi mấy năm liền không được mùa, sinh kế của dân chưa lại như cũ, nay phát binh lấy lương, đi mấy nghìn dặm lại thêm rừng sâu tre rậm, nhiều rắn độc thú dữ, tháng hè mùa nắng, các bệnh thổ tả hoặc loạn phát ra luôn, tuy chưa từng ra quân đọ kiếm mà chết chóc tất đã nhiều rồi. Thần nghe rằng sau việc quân lữ, tất là mất mùa, là bởi cái khí sầu khổ phá sự điều hòa của khí âm dương, cảm đến tinh khí

của trời đất, tai biến do đấy mà sinh ra. Bệ hạ đức sánh trời đất, ơn đến cỏ cây, một người đói rét không được hưởng trọn tuổi trời mà chết, bệ hạ cũng lấy làm thương xót trong lòng. Hiện nay trong nước không có tiếng chó sủa báo động mà khiến quân lính phải dãi dầu **[10a]** ở đồng nội, ngấm ướt ở núi hang, khiến dân ở biên cương phải đóng cửa sớm mở cửa muộn, bữa mai không kịp bữa hôm, thần An trộm xin bệ hạ thận trọng việc đó.

Vả người Việt nhân tài vật lực yếu mỏng không biết đánh bộ, lại không biết dùng xe ngựa cung nỏ, thế mà không thể đem quân vào được, là vì họ giữ được đất hiểm, mà người Trung Quốc thì không quen thủy thổ.

Thần nghe ở đường sá người ta nói rằng: Mân Việt Vương bị em là Giáp giết chết, Giáp cũng đã bị giết rồi, dân nước ấy chưa thuộc về ai. Nếu bệ hạ sai trọng thần đến nơi thăm hỏi, ban đức cấp thưởng để chiêu dụ họ, thế tất họ sẽ dắt trẻ dìu già theo về thánh đức. Nếu [bệ hạ] không dùng đất ấy làm gì, thì nước đã mất làm cho còn, dòng đã tuyệt khiến nối lại, phong làm vương hầu, như thế tất họ phải đem mình làm tôi, đời đời nộp cống. Bệ hạ chỉ dùng cái ấn vuông một tấc, dây thao một trượng hai, mà trấn vỗ được đất ngoài, không phải nhọc mệt tên lính nào, không phải cùn một chiếc giáo nào, mà uy đức đều được cả. Nay đem quân **[10b]** vào đất họ, họ tất sợ hãi, trốn vào rừng núi; nếu ta bỏ về, thì họ lại họp đàn tụ lũ, nếu ta ở để giữ, thì hết năm này sang năm khác, quân lính mệt mỏi, lương thực thiếu hết, một phương có việc gấp, thì bốn mặt đều sợ. Thần sợ rằng biến cố sẽ sinh, gian tà sẽ nổi, đều là bắt đầu từ đấy cả.

Thần nghĩ rằng: quân của thiên tử chỉ đi đánh kẻ dưới phạm lỗi, chứ không đi đánh nhau để tranh giành, vì là không ai dám đọ sức. Nếu người Việt làm liều chống lại quan chấp sự mà trong quân kiếm củi đẩy xe có kẻ nào không về đủ thì dù có chém được đầu của Việt Vương, thần cũng lấy làm xấu hổ[1]. Bệ hạ lấy chín châu làm nhà, sinh dân đều là thần thiếp cả, đất của di địch nào có đủ làm nhàn hạ được một ngày mà phải phiền đến ngựa đổ mồ hôi mệt nhọc? Kinh Thi có câu: "Đạo vương tin thực, đất Từ theo về". Ý nói vương đạo rất lớn mà phương xa mến phục. Thần An trộm lo rằng tướng lại đem 10 vạn quân đi chỉ làm cái trách nhiệm của một người **[11a]** sứ giả mà thôi."

Khi ấy quân nhà Hán chưa qua đèo, Mân Việt Vương đã phát binh giữ chỗ hiểm để chống cự. Em Mân Việt Vương là Dư Thiện cùng với người trong họ bàn nhau rằng: "Vì vương tự tiện đem quân đánh Nam Việt không xin phép nhà Hán, cho nên nhà Hán đem quân đến đánh. Quân Hán nhiều và mạnh, dù may mà mình có đánh được chăng nữa sau họ lại kéo sang nhiều hơn, chung quy nước cũng bị diệt, chi bằng giết vương để tạ lỗi với nhà Hán mà xin bãi binh". Bèn giết Sính, sai sứ đem đầu nộp cho Vương Khôi. Khôi liền cho đóng quân lại, bảo cho Hàn An Quốc, rồi sai sứ mang đầu Sính chạy về báo. Vua Hán sai Trang Trợ sang tỏ ý cho vua biết. Vua rập đầu nói: "Thiên tử vì quả nhân đem quân giết vua Mân Việt, quả nhân dù chết cũng không báo đáp được ân đức ấy". Mới sai thái tử là Anh Tề sang nhà Hán làm con tin. Nhân bảo Trợ rằng: "Nước tôi mới bị cướp, sứ giả cứ về trước, quả nhân đang ngày đêm sắm sửa hành trang để vào triều kiến thiên tử". Trợ về rồi, bầy tôi đều can **[11b]** vua rằng: "Quân nhà Hán giết [Mân Việt Vương] Sính là có ý muốn cảnh cáo nước Việt ta. Vả lại tiên đế đã nói thờ nhà Hán cốt không thất lễ thì thôi. Tóm lại chớ nên tin lời nói khéo, vào chầu vua Hán thì không về được nữa, đó là thế mất nước đấy." Vua bèn nói thác là có bệnh rồi không sang yết kiến nữa.

Đinh Mùi, năm thứ 3 [134 TCN], (Hán Nguyên Quang, năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, ngày 30, nhật thực.

Giáp Dần, năm thứ 10 [127 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, ngày 30, nhật thực.

Ất Mão, năm thứ 11 [126 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 3). Vua ốm nặng, Thái tử Anh Tề ở Hán về.

Bính Thìn, năm thứ 12 [125 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 4). Vua mất, thụy là Văn Vương. Con là Anh Tề nối ngôi.

[1] Câu này có khác vài chữ so với nguyên văn bức thư của Lưu An: " .... thần do thiết vị Đại Hán tu chi": thần cũng trộm xấu hổ cho nhà Đại Hán (Hán thư, Hoài Nam Vương truyện).

[12a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Văn Vương giao thiệp với nước láng giềng phải đạo, nhà Hán khen là có nghĩa, đến mức dấy binh đánh giúp kẻ thù; lại biết nghe lời can, thác bệnh không sang chầu nhà Hán, giữ phép nhà để mưu cho con cháu, có thể gọi là không xấu hổ với ông nội.

Minh Vương

Ở ngôi 12 năm.

Vua không cẩn thận mối vợ chồng, gây thành loạn cho quốc gia, không có gì đáng khen.

Tên húy là Anh Tề, con trưởng của Văn Vương.

Đinh Tỵ, năm thứ 1 [124 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 5). Lấy Lữ Gia làm Thái phó.

Kỷ Mùi, năm thứ 3 [122 TCN], (Hán Nguyên Thú năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 5, ngày 30, nhật thực.

Nhâm Tuất, năm thứ 6 [119 TCN], (Hán Nguyên Thú năm thứ 4). Mùa xuân, sao Chổi mọc ở phía đông bắc. Mùa hạ, sao Chổi dài mọc [12b] ở phương tây.

Ất Sửu, năm thứ 9 [116 TCN], (Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 1).

Mậu Thìn, năm thứ 12 [113 TCN], (Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 4). Trước kia vua làm thế tử, sang làm con tin cho nhà Hán ở Trường An, lấy con gái người họ Cù ở Hàm Đan, sinh con tên là Hưng. Đến khi lên ngôi, giấu ấn của tiên đế đi, dâng thư sang nhà Hán xin lập Cù thị làm hoàng hậu, Hưng làm thế tử. Nhà Hán mấy lần sai sứ giả sang khuyên vua vào chầu. Vua sợ vào yết kiến phải theo pháp độ nhà Hán ngang với các chư hầu ở trong, cố ý cáo ốm không đi, bèn sai con là Thứ công vào làm con tin. Năm ấy vua mất, thụy là Minh Vương. Con là Hưng nối ngôi.

Ai Vương

Ở ngôi 1 năm [112 TCN].

[13a] Mẫu hậu ngang nhiên dâm loạn, quyền thần chuyên chính, vua hèn tuổi trẻ, giữ nổi thế nào được.

Tên húy là Hưng, con thứ của Minh Vương.

Năm ấy, vua đã lên ngôi, tôn mẹ là Cù thị là thái hậu.

Trước kia, thái hậu chưa lấy Minh Vương, đã từng thông dâm với An Quốc Thiếu Quý người Bá Lăng. An Quốc là họ, Thiếu Quý là tên. Năm ấy nhà Hán sai An Quốc Thiếu Quý sang dụ vua và thái hậu vào chầu, như đối với các chư hầu ở trong, lại sai biện sĩ là bọn Gián nghị đại phu Chung Quân tuyên dụ, dũng sĩ là bọn Ngụy Thần giúp việc, vệ úy Lộ Bác Đức đem quân đóng ở Quế Dương để đợi sứ giả. Khi ấy vua còn ít tuổi, Cù hậu là người Hán, Thiếu Quý đến, lại tư thông. Người nước biết, phần nhiều không theo thái hậu. Thái hậu sợ loạn nổi, muốn dựa uy nhà Hán, nhiều lần khuyên vua và các quan xin nội phụ nhà Hán. [13b] Bèn nhờ sứ nhà Hán dâng thư, xin theo như các chư hầu ở trong, cứ 3 năm một lần vào chầu, triệt bỏ cửa quan ở biên giới. Vua Hán bằng lòng, ban cho vua và Thừa tướng Lữ Gia ấn

bằng bạc và các ấn nội sử, trung úy, thái phó, còn các chức khác được tự đặt lấy. Bỏ hình phạt cũ thích chữ, cắt mũi, dùng pháp luật nhà Hán như các chư hầu ở trong. Các sứ giả đều ở lại để trấn giữ vỗ về[1].

Kỷ Tỵ, năm thứ 1 [112 TCN], (Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 5). Vua và thái hậu đã sửa soạn hành trang lễ vật quý giá để vào chầu. Bấy giờ Tể Tướng Lữ Gia tuổi đã nhiều, làm tướng trải ba triều, người trong họ làm trưởng lại đến hơn 7 chục người, con trai đều lấy con gái vua, con gái đều gả cho con em vua và người tôn thất, cùng thông gia với Tần Vương ở quận Thương Ngô, trong nước rất được lòng dân hơn cả vua. Gia nhiều lần dâng thư can vua, vua không nghe, nhân thế có lòng muốn làm phản, thường cáo ốm không tiếp **[14a]** sứ giả nhà Hán. Các sứ giả nhà Hán đều chú ý đến Gia, nhưng thế chưa thể giết được. Vua và thái hậu cũng sợ bọn Gia khởi sự trước, muốn nhờ sứ giả nhà Hán trù mưu giết bọn Gia. Bèn đặt tiệc rượu mời sứ giả đến dự, các đại thần đều ngồi hầu rượu. Em Gia làm tướng, đem quân đóng ở ngoài cung. Tiệc rượu mới bắt đầu, thái hậu bảo Gia rằng: "Nam Việt nội thuộc [Trung Quốc] là điều lợi cho nước, thế mà tướng quân lại cho là bất tiện là tại sao?", cốt để chọc tức sứ giả. Sứ giả còn đương hồ nghi, chần chừ chưa dám làm gì. Gia thấy tai mắt họ có vẻ khác thường, lập tức đứng dậy đi ra. Thái hậu giận, muốn lấy giáo đâm Gia, vua ngăn lại. Gia bèn ra chia lấy quân lính của em dẫn về nhà, cáo ốm không chịu gặp vua và sứ giả, ngầm cùng các đại thần mưu làm loạn. Vua vốn không có ý giết Gia, Gia cũng biết thế, vì vậy đến mấy tháng không hành động gì. Thái hậu muốn một mình giết Gia nhưng sức không làm nổi. **[14b]** Vua Hán nghe tin Gia không nghe mệnh, mà vua và thái hậu thì cô lập, yếu ớt không chế ngự nổi, sứ giả thì nhút nhát không quyết đoán, lại thấy vua và thái hậu đã nội phụ rồi, chỉ một mình Lữ Gia làm loạn, không đáng dấy quân, muốn sai Trang Sâm đem 2 nghìn người sang sứ. Trang Sâm nói: "Lấy sự hòa hiếu mà sang, thì vài người cũng đủ, lấy vũ lực mà sang, thì 2 nghìn người không làm gì được". Sâm từ chối không nhận. Vua Hán bèn bãi chức Sâm. Tướng Tế Bắc cũ là Hàn Thiên Thu hăng hái nói: "Một nước Việt cỏn con, lại có vương và thái hậu làm nội ứng, chỉ một mình thừa tướng Lữ Gia làm loạn, xin cấp cho 3 trăm dũng sĩ, thế nào cũng chém được Gia về báo". Bấy giờ nhà Hán sai Thiên Thu và em Cù thái hậu là Cù Lạc đem 2 nghìn người tiến vào đất Việt. Lữ Gia bèn hạ lệnh cho trong nước rằng: "Vua còn nhỏ tuổi, thái hậu vốn là người Hán, lại cùng với sứ giả nhà Hán dâm loạn, chuyên ý muốn nội phụ với nhà Hán, đem hết **[15a]** đồ châu báu của Tiên Vương dâng cho nhà Hán để nịnh bợ, đem theo nhiều người đến Trường An rồi bắt bán cho người ta làm đầy tớ, chỉ nghĩ mối lợi một thời, không đoái gì đến xã tắc họ Triệu và lo kế muôn đời". Bèn cùng với em đem quân đánh, giết vua và thái hậu, cùng tất cả bọn sứ giả nhà Hán, rồi sai người đi báo cho Tần Vương ở Thương Ngô và các quận ấp, lập con trưởng của Minh Vương là Thuật Dương hầu Kiến Đức làm vua. Vua bị giết, tên thụy là Ai Vương.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tai họa của Ai Vương, tuy bởi ở Lữ Gia mà sự thực thì gây mầm từ Cù Hậu. Kể ra sắc đẹp đàn bà có thể làm nghiêng đổ nước nhà người ta thì có nhiều manh mối, mà cái triệu của nó thì không thể biết trước được. Cho nên các tiên vương tất phải đặt ra lễ đại hôn[2], tất phải cẩn thận quan hệ vợ chồng, tất phải phân biệt hiềm nghi, hiểu những điều nhỏ nhặt, tất phải chính vị trong ngoài, tất phải ngăn ngừa việc ra vào, tất phải dạy đạo **[15b]** tam tòng, thì sau đó mối họa mới không do đâu mà đến được. Ai Vương ít tuổi không thể ngăn giữ được mẹ, Lữ Gia coi việc nước, việc trong việc ngoài lại không dự biết hay sao? Khách của nước lớn đến, thì việc đón tiếp có lễ nghi, chỗ ở có thứ tự, cung ứng có số, thừa tiếp có người, sao đến nỗI để thông dâm với mẫu hậu? Mẫu hậu ở thẳm trong cung, không dự việc ngoài: khi nào có việc ra ngoài, thì có xe da cá, có màn đuôi trĩ, cung tần theo hầu, sao để đến nỗi thông dâm với sứ khách được? Bọn Gia toan dập tắt lửa cháy đồng khi đang cháy rực, sao bằng ngăn ngay cái cơ họa loạn từ khi chưa có triệu chứng gì có hơn không? Cho nên nói: Làm vua mà không biết nghĩa Xuân Thu tất phải chịu cái tiếng cầm đầu tội ác; làm tôi không biết nghĩa Xuân Thu tất mắc phải tội cướp ngôi giết vua, tức như là Minh Vương, Ai Vương và Lữ Gia vậy.

---

[1] Nguyên bản in là: "dụng Hán pháp, tỷ nội chư hầu giả giai trấn phủ chi", cú pháp và ý nghĩa đều không ổn. Ở Sử Ký (q.113 Nam Việt liệt truyện) câu này viết rõ là: " .... dụng Hán pháp, tỷ nội chư hầu. Sứ giả giai lưu trấn phủ chi". Như vậy, văn bản của Toàn Thư ở câu trên đây bỏ sót hai chữ: sứ và lưu. Chúng tôi dịch theo câu đã chỉnh lý.

[2] Đại hôn: là hôn lễ của hoàng đế.

Thuật Dương Vương

[16a] Ở ngôi 1 năm [111 TCN].

Xã tắc họ Triệu, Cù hậu làm cho nghiêng, gốc đã nhổ trước rồi, ngọn cũng theo mà đổ.

Tên húy là Kiến Đức, con trưởng của Minh Vương và người vợ Việt.

Bấy giờ, mùa đông, tháng 11, Tể tướng Lữ Gia đã lập vua lên ngôi, mà quân của Hàn Thiên Thu đã vào cõi, đánh phá một vài ấp nhỏ. Gia bèn mở một đường thẳng để cấp lương cho quân, [khi quân nhà Hán] đến còn cách Phiên Ngung 40 dặm, thì Gia xuất quân đánh, giết được bọn Thiên Thu. Sai người đem sứ tiết của nhà Hán cho vào trong hòm để trên núi Tái Thượng (tức là đèo Đại Dũ) dùng lời khéo để tạ tội, [một mặt] phát binh giữ chỗ hiểm yếu. Vua Hán nghe tin, sai Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức xuất phát từ Quế Dương, Lâu thuyền tướng quân Dương Bộc xuất phát từ Dự Chương, Qua Thuyền tướng quân[1] Nghiêm (sử chép thiếu họ) xuất phát từ Linh Lăng, Hạ lại tướng quân Giáp **[16b]** (sử chép thiếu họ) đem quân xuống Thương Ngô, Trì Nghĩa hầu Quý[2] (sử chép thiếu họ) đem quân Dạ Lang xuống sông Tường Kha, đều hội cả ở Phiên Ngung.

Canh Ngọ, năm thứ 1 [111 TCN], (Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 6). Mùa đông, Dương Bộc nhà Hán đem 9 nghìn tinh binh hãm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn (Lữ Gia chất đá giữa sông gọi là Thạch Môn) lấy được thuyền thóc của ta kéo luôn cả các thuyền ấy đi, đem mấy vạn người đợi Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức. Bác Đức nói vì đường xa nên chậm, rồi cùng với Lâu thuyền tướng quân hội quân tiến đến Phiên Ngung. Bấy giờ [Lộ Bác Đức] có hơn 1 nghìn người cùng tiến [với quân Dương Bộc]. Dương Bộc đi trước đến Phiên Ngung. Vua và Lữ Gia cùng giữ thành. Dương Bộc tự chọn chỗ thuận tiện đóng ở mặt đông nam; Lộ Bác Đức đóng ở mặt tây bắc. Vừa chập tối, Dương Bộc đánh bại [quân Triệu], phóng lửa đốt thành. Bác Đức không biết quân trong thành nhiều hay ít bèn đóng doanh, sai sứ chiêu dụ. Kẻ nào ra hàng đều cho ấn thao và tha cho về để chiêu dụ nhau. Lâu thuyền[3] **[17a]** tướng quân Dương Bộc cố sức đánh, đuổi [quân Triệu] chạy ngược vào dinh quân của Lộ Bác Đức. Đến tờ mờ sáng thì trong thành đầu hàng. Vua và Gia cùng với vài trăm người, đang đêm chạy ra biển. Bác Đức lại hỏi những người đầu hàng biết chỗ ở của Gia, bèn sai người đuổi theo. Hiệu úy tư mã là Tô Hoằng bắt được vua, quan lang Việt là Đô Kê (có bản chép là Tôn Đô) bắt được Gia. Bấy giờ quân của Hạ lại và Qua thuyền tướng quân, cùng quân Dạ Lang của Trì Nghĩa hầu chưa đến mà nước Việt ta đã bị Lộ Bác Đức và Dương Bộc dẹp yên rồi. (Bấy giờ nước Việt ta sai ba quan sứ[4] đem 300 con trâu, 1.000 chung rượu và sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam đến xin hàng; Lộ Bác Đức nhân đó cho ba người ấy làm thái thú ở 3 quận để trị dân như cũ). Từ đó [nhà Hán] lấy đất chia làm 9 quận là: Nam Hải (quận của nhà Tần, nay là đất Quảng Đông nhà Minh), Thương Ngô (nhà Đường gọi là Ích Châu[5], xưa là Âu Lạc, đất của nước Việt ta), Uất Lâm (nhà Tần là quận Quế Lâm, Hán Vũ Đế đổi làm tên này), Hợp Phố (nhà Tần là Tượng Quận, nay thuộc Liêm Châu), Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (đều là Tượng Quận thời Tần)[6], Châu Nhai, Đạm Nhĩ (đều ở trong biển lớn). Từ đấy nhà Hán bắt đầu [17b] đặt Thứ sử, Thái thú. Chế độ nhà Hán đặt Thứ sử cai trị một châu, Thái thú cai trị một quận (quận là cấp dưới của châu) ....

---

[1] Phục ba tướng quân, Lâu thuyền tướng quân, Qua thuyền tướng quân, Hạ lại tướng quân đều là danh hiệu cấp tướng quân đời Hán Vũ Đế (phục ba: dẹp sóng, lâu thuyền: thuyền lầu, hạ lại: xuống thác). Riêng về tên hiệu Qua thuyền tướng quân, Trương An chú giải Sử Ký viết: "Người Việt thường lặn dưới nước để lật úp thuyền, lại thường có thuồng luồng làm hại cho nên phải cắm qua ở dưới thuyền, nhân đó mà đặt tên" (qua là một loại vũ khí).

[2] Từ Quảng chú giải Sử Ký ghi Trì Nghĩa hầu tên là Di.

[3] Nguyên bản thiếu tờ 17 a-b và đóng nhầm tờ 17 a-b của BK2, chúng tôi theo bản in khác để bổ sung tờ thiếu này.

[4] Ở năm Quý Mão (198 TCN), Toàn thư đã ghi Triệu Vũ Đế sai hai sứ coi giữ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân; ở đây lại nói sai ba quan sứ đem sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Lời cẩn án của Cương mục (TB2,2b) dẫn sách Thủy Kinh chú của Lịch Đào Nguyên cũng chép việc tương tự để đính chính điều ghi trên đây: chỉ có hai sứ ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, không nói đến quận Nhật Nam.

[5] Thương Ngô là tên quận đặt thời Hán, nhà Đường đổi gọi là Ngô Châu (nay là huyện Thương Ngô, tỉnh Quảng Tây), chứ không phải là Ích Châu (nay là Tứ Xuyên) như người chú thích nguyên bản đã nhầm.

[6] Xem chú thích 3 tr.138.

Lê Văn Hưu nói: Lữ Gia can ngăn Ai Vương và Cù thái hậu không nên xin làm chư hầu nhà Hán, đừng triệt bỏ cửa quan ở biên giới, có thể gọi là biết trọng nước Việt vậy. Song can mà không nghe, thì nghĩa đáng đem hết bầy tôi đến triều đình, trước mặt vua trình bày lợi hại về việc nước Hán, nước Việt đều xưng đế cả, có lẽ Ai Vương và thái hậu cũng nghe ra mà tỉnh ngộ Nếu lại vẫn không nghe theo, thì nên tự trách mình mà lánh ngôi [tể tướng], nếu không thể thì dùng việc cũ họ Y[1], họ Hoắc, chọn một người khác trong hàng con của Minh Vương để thay ngôi, cho Ai Vương được như Thái Giáp[2] và Xương Ấp mà giữ toàn tính mệnh, như thế thì không lỗi đường tiến thoái. Nay lại giết vua để hả lòng oán, lại không biết cố chết để giữ lấy nước, khiến cho nước Việt bị chia cắt, phải làm tôi nhà Hán, tội của Lữ Gia đáng chết không dung.

[18a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngũ Lĩnh đối với nước Việt ta là ải hiểm cửa ngõ của nước cũng như Hổ Lao của nước Trịnh, Hạ Dương của nước Quắc. Làm vua nước Việt tất phải đặt quân chỗ hiểm để giữ nước, không thể để cho mất được. Họ Triệu một khi đã không giữ được đất hiểm ấy thì nước mất dòng tuyệt, bờ cõi bị chia cắt. Nước Việt ta lại bị phân chia, thành ra cái thế Nam-Bắc vậy. Sau này các bậc Đế Vương nổi dậy, chỗ đất hiểm đã mất rồi, khôi phục lại tất nhiên là khó. Cho nên Trưng Nữ Vương tuy đánh lấy được đất Lĩnh Nam, nhưng không giữ được nơi hiểm yếu ở Ngũ Lĩnh, rốt cuộc đến bại vong. Sĩ Vương tuy khôi phục toàn thịnh, nhưng bấy giờ còn là chư hầu, chưa chính vị hiệu, sau khi chết lại mất hết; mà các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ có đất từ Giao Châu trở về Nam thôi, không khôi phục được đất cũ của Triệu Vũ Đế, cái thế khiến nên như vậy.

Trở lên là. họ Triệu, từ Vũ Đế năm Giáp Ngọ đến Thuật Dương Vương năm Canh Ngọ là hết, gồm 5 đời, cộng 97 năm [207 - 111 TCN].

---

[1] Họ Y: tức Y Doãn, quan phụ chính của nhà Thương; sau khi vua Thang chết, cháu nội là Thái Giáp đáng được nối ngôi, nhưng Giáp kém đạo đức. Y Doãn bèn đày Giáp đến đất Đồng, sau 3 năm, Thái Giáp hối cải, Y Doãn lại đón về cho làm vua. Họ Hoắc: là Hoắc Quang, quan phụ chính của nhà Hán. Sau khi Hán Chiêu Đế chết, theo di chiếu, Quang rước lập Xương Ấp Vương lên nối ngôi, nhưng Xương Ấp Vương dâm loạn, Quang phế đi mà lập Tuyên Đế.

[2] Xem chú thích NK1, 8b.

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỷ Toàn Thư

Quyển III

[1a]

Kỷ Thuộc Tây Hán

Tân Mùi, [110 TCN], (Hán Nguyên Phong năm thứ 1). Nước Việt ta đã thuộc về nhà Hán. Nhà Hán cho Thạch Đái làm Thái Thú 9 quận. (Chế độ nhà Hán lấy châu lãnh quận, trừ hai quận Châu Nhai, Đạm Nhĩ đều ở giữa biển, còn 7 quận thuộc về Giao Châu, Đái làm châu Thái thú[1]. Thời Tây Hán, trị sở của Thái Thú đặt tại Long Uyên, tức là Long Biên, thời Đông Hán đặt tại Mê Linh tức là Yên Lãng[2]. Đến khi Đái chết, Hán Chiêu Đế lấy Chu Chương thay. Đến cuối đời Vương Mãng, châu mục Giao Châu là Đặng Nhượng cùng các quận đóng chặn bờ cõi để tự giữ. Tướng nhà Hán là Sầm Bành vốn quen thân với Nhượng, gửi thư cho Nhượng bày tỏ uy đức của nhà Hán. Thế rồi [Nhượng] bảo Thái thú Giao Chỉ là Tích Quang và Thái thú các quận là bọn Đỗ Mục sai sứ sang cống hiến nhà Hán. Nhà Hán đều phong cho những người ấy tước hầu. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu thời Hán Quang Vũ năm Kiến Vũ thứ 5 [29]. Tích Quang người quận Hán Trung, khi ở [1b] Giao Chỉ, lấy lễ nghĩa dạy dân. Lại lấy Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân. Diên là người Uyển [huyện]. Tục người Cửu Chân chỉ làm nghề đánh cá, đi săn, không biết cày cấy. Diên mới dạy dân khai khẩn ruộng đất, hàng năm cày trồng, trăm họ no đủ. Dân nghèo không có sính lễ cưới vợ, Diên bảo các trưởng lại trở xuống bớt bổng lộc ra để giúp đỡ, cùng một lúc lấy vợ có đến 2.000 người. Diên coi việc được 4 năm thì bị gọi về. Người Cửu Chân làm đền thờ. Những người đẻ con đều đặt tên là Nhâm. Phong tục văn minh của đất Lĩnh Nam bắt đầu từ hai thái thú ấy.

Kỷ Hợi, [39], (Hán Quang Vũ Lưu Tú, Kiến Vũ năm thứ 15). Thái thú Giao Chỉ là Tô Định chính sự tham lam tàn bạo, Trưng Nữ Vương dấy binh đánh.

Trở lên là [kỷ] thuộc nhà Hán, từ năm Tân Mùi đến năm Kỷ Hợi, cộng 149 năm [110 TCN - 39].

---

[1] Thạch Đái: làm thái thú 9 quận, Cương mục (TB2, 6b) sửa là thứ sử bộ Giao Chỉ. Nhưng thứ sử là chức quan được đặt vào năm Nguyên Phong thứ 5 (106 TCN) đời Hán Vũ Đế.

[2] Yên Lãng: nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[2a]

Kỷ Trưng Nữ Vương

Trưng Vương

Ở ngôi 3 năm.

Vua rất hùng dũng, đuổi Tô Định, dựng nước xưng vương, nhưng vì là vua đàn bà, không thể làm nên công tái tạo.

Tên húy là Trắc, họ Trưng. Nguyên là họ Lạc, con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh[1], Phong Châu, vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên[2]. (Thi Sách cũng là con Lạc tướng, con hai nhà tướng kết hôn với nhau. Sách Cương mục tập lãm lấy Lạc làm họ là lầm). Đóng đô ở Mê Linh.

Canh Tý, năm thứ 1 [40], (Hán Kiến Vũ năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, vua khổ vì Thái thú Tô Định dùng pháp luật trói buộc, lại thù Định giết chồng mình, mới cùng với em gái là Nhị nổi binh đánh hãm trị sở ở châu. Định chạy về nước. Các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, lấy được **[2b]** 65 thành ở Lĩnh Nam, tự lập làm vua, mới xưng là họ Trưng.

Tân Sửu, năm thứ 2 [41], (Hán Kiến Vũ năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, ngày 30, nhật thực. Nhà Hán thấy họ Trưng xưng vương, dấy quân đánh lấy các thành ấp, các quận biên thùy bị khổ, mới hạ lệnh cho Trường Sa, Hợp Phố và Giao Châu ta sắp sẵn xe thuyền, sửa sang cầu đường, thông các núi khe, chứa thóc lương, cho Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó sang xâm lược.

Nhâm Dần, năm thứ 3 [42], (Hán Kiến Vũ năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, Mã Viện theo ven biển mà tiến, san núi làm đường hơn nghìn dặm, đến Lãng Bạc (ở phía tây Tây Nhai của La Thành, gọi là Lãng Bạc)[3] đánh nhau với vua. Vua thấy thế giặc mạnh lắm, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ không chống nổi, lui quân về giữ Cấm Khê (Cấm Khê, sử chép là Kim Khê). Quân cũng cho vua là đàn bà, sợ không đánh nổi địch, bèn tan chạy. Quốc thống lại mất.

> **[3a]** Lê Văn Hưu nói: Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu cho đến trước họ Ngô, trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà hay sao? Ôi ! Có thể gọi là tự vứt bỏ mình vậy.

Trở lên là Trưng Nữ Vương, bắt đầu từ năm Canh Tý đến năm Nhâm Dần thì hết, tất cả 3 năm [40-42].

Kỷ Thuộc Đông Hán

[1] Huyện Mê Linh: thời thuộc Hán bao gồm phần đất tỉnh Vĩnh Phú và một số huyện thuộc ngoại thành Hà Nội ngày nay.

[2] Huyện Chu Diên: thời thuộc Hán ở miền lưu vực sông Đáy (thuộc một phần đất Hà Tây và Hà Nam Ninh).

[3] Ở đây, Toàn thư cho Lãng Bạc là Hồ Tây (Hà Nội), nhưng như vậy là lầm. Nhiều nhà nghiên cứu đã đoán định Lãng Bạc ở vùng huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Quý Mão, [Trưng Vương, năm thứ 4], [43], (Hán Kiến Vũ năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, Trưng Nữ Vương cùng em gái là Nhị chống cự lại với quân nhà Hán, **[3b]** thế cô, đều thua chết. Mã Viện đuổi theo đánh quân còn sót là bọn Đô Dương. Đến huyện Cư Phong thì [bọn Đô Dương] đầu hàng, [Viện] bèn dựng cột đồng làm giới hạn cuối cùng của nhà Hán. (Cột đồng tương truyền ở trên động Cổ Lâu[1] châu Khâm. Viện có câu thề: "Cột đồng gãy thì Giao Châu diệt". Người Việt ta đi qua dưới cột ấy, thường lấy đá chất vào, thành như gò đống, vì sợ cột ấy gãy. Mã Tổng nhà Đường lại dựng hai cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán ghi công đức của Mã Viện để tỏ ra mình là dòng dõi của Phục Ba, nay chưa rõ ở chỗ nào. Hai sông Tả Giang, Hữu Giang mỗi nơi có một cột). Viện thấy huyện Tây Vu có 3 vạn 3 nghìn hộ, xin chia làm hai huyện Phong Kê và Vọng Hải, vua Hán nghe theo. Viện lại đắp thành Kiển Giang ở huyện Phong Khê. Thành đắp tròn như hình cái kén, cho nên lấy [chữ Kiển][2] làm tên. Nước Việt ta lại thuộc vào nhà Hán. Ba năm sau, Viện trở về. Người địa phương thương mến Trưng Nữ Vương, làm đền thờ phụng (đền ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc[3], ở đất cũ thành Phiên Ngung cũng có).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Họ Trưng giận thái thú nhà Hán bạo ngược, vung tay hô một tiếng mà **[4a]** quốc thống nước ta cơ hồ được khôi phục, khí khái anh hùng há chỉ lúc sống dựng nước xưng vương, mà sau khi chết còn có thể chống ngăn tai họa. Phàm gặp những việc tai ương hạn lụt, đến cầu đảo không việc gì là không linh ứng. Cả bà Trưng em cũng thế. Vì là đàn bà mà có đức hạnh kẻ sĩ, cái khí hùng dũng trong khoảng trời đất không vì thân chết mà kém đi. Bọn đại trượng phu há chẳng nên nuôi lấy cái khí phách cương trực chính đại ấy ư ?

Giáp Thìn, [44], (Hán Kiến Vũ năm thứ 20). Từ đây về sau, trải các đời Hán Minh Đế, Chương Đế, Hòa Đế, Thượng Đế, An Đế, gồm 5 đời, cộng 82 năm, duy thời Minh Đế có Lý Thiện người huyện Nam Dương làm Tháu thú Nhật Nam, làm việc chính sự có ân huệ yên dân, khiến cho người khác phong tục cũng mến chuộng tìm đến. Sau Thiện đổi làm Thái thú Cửu Chân.

Bính Tý, [136], (Hán Thuận Đế Bảo, Vĩnh Hòa năm thứ 1). Thái thú Chu Xưởng cho là Giao Châu ở ngoài chín châu **[4b]**, ở rìa Bách Việt, dâng biểu xin đặt phương bá[4]. Vua Hán để cho Xưởng làm Thứ sử[5], cai quản các quận huyện.

Đinh Sửu, [137], (Hán Vĩnh Hòa năm thứ 2). Người man ở huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam (ở địa giới nước Việt Thường xưa), là bọn Khu Liên đánh phá quận huyện, giết trưởng lại. Thứ sử Giao Châu là Phàn Diễn đem quân châu và quân Cửu Chân hơn vạn người đi cứu ứng, nhưng quân lính ngại đi xa. Mùa thu, tháng 7, quân hai quận làm phản đánh phủ trị, thế chuyển thành mạnh.

Mậu Dần, [138], (Hán Vĩnh Hòa năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, Thị ngự sử Giả Xương cùng với các châu quận hợp sức đánh bọn Khu Liên không được, bị Khu Liên vây đánh hơn một năm, binh lương không thể tiếp tế được. Vua Hán gọi các công khanh và thuộc lại bốn phủ để hỏi phương lược, các quan đều bàn nên sai tướng phát 4 vạn quân của bốn châu Kinh, Dương, **[5a]** Duyện, Dự đi đánh. Lý Cổ bác đi, nói rằng: "Các châu Kinh, Dương giặc cướp tụ họp chưa tan; Trường Sa, Quế Dương đã nhiều lần bị thu thuế bắt lính, nay lại làm rối động, ắt lại sinh họa nữa. Người các châu Duyện, Dự phải đi xa muôn dặm, chiếu thư thúc bách, tất phải bỏ trốn. Nam Châu[6] thì trời nắng nực, ẩm thấp lại thêm lam chướng dịch lệ, 10 phần phải chết đến 4, 5 phần. Đường xa muôn dặm, quân lính mỏi mệt, đến lúc tới Lĩnh Nam thì đã không kham nổi chiến đấu. Quân đi mỗI ngày 30 dặm mà Duyện, Dự cách quận Nhật Nam hơn 9

---

[1] Chuyện cột đồng Mã Viện được chép trong một số tài liệu của Trung Quốc, nhưng đều không ăn khớp với nhau. Cho cột đồng ở Cổ Lâu (Khâm Châu) chỉ là một thuyết, CMTB2, 13b chép là Cổ Sâm (theo Nhất Thống Chí của nhà Thanh).

[2] Kiển: ổ kén.

[3] Nay ở Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

[4] Phương bá: gọi chung quan đứng đầu địa phương, nhưng thường chỉ quan đứng đầu một châu như Thứ sử, Quan sát sứ thời Hán, Bố chính sứ thời Minh - Thanh, v.v...

[5] Về việc Chu Xưởng dâng biểu, Cương mục ghi rõ: "Khoảng thời Hán Thuận Đế, Thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập đất Giao Chỉ làm một châu, triều đình bàn định không cho, nhưng phong cho Chu Xưởng làm Thứ sử Giao Chỉ" (CMTB2, 17b, dẫn Tấn Chí). Như vậy nhà Hán chỉ cho Xưởng làm Thứ sử là chức quan chính thức của người cai quản một châu, còn việc lập riêng một châu (lĩnh các quận) thì mãi đến năm Kiến An thứ 8 (203) mới thực hiện.

[6] Nam Châu: châu ở phương Nam, chỉ Giao Châu.

nghìn dặm, phải 3 trăm ngày mới đến. Tính lương một người ăn mỗI ngày 5 thăng, thì phải dùng đến 60 vạn hộc gạo, đó là không kể lương thực của tướng lại và lừa ngựa. Đặt quân ở đấy, chết chóc tất nhiều, đã không đủ quân chống giặc, lại phải bắt thêm. Thế là xẻo cắt lòng bụng để chắp vá cho chân tay. Cửu Chân và Nhật Nam chỉ cách nhau 1 nghìn dặm, lại dân ở đó đi đánh còn không kham nổi, huống chi lại làm khổ quân lính ở bốn châu **[5b]** để cứu nạn xa muôn dặm? Trước đây Trung lang tướng Doãn Tựu đánh người Khương làm phản ở Ích Châu, người Ích Châu có ngạn ngữ rằng: "Lỗ lai thượng khả, Doãn lai sát ngã" (Giặc đến còn khá, Doãn đến chết ta). Sau Tựu bị đòi về, đem quân giao cho Phán châu là Trương Kiều, Kiều vẫn dùng tướng lại của Tựu, chỉ trong khoảng mười hôm, diệt hết giặc cướp. Thế là bằng chứng tỏ rằng sai tướng đi là vô ích, mà châu quận có thể dùng được. Nay nên chọn người nào có dũng lược nhân huệ, có thể làm tướng súy được, cho làm Thứ sử, Thái thú, dời lại dân ở Nhật Nam đến nương dựa vào quận Giao Chỉ ở Bắc, trở lại chiêu mộ người Man Di, khiến họ đánh lẫn nhau, chuyển vận hàng lụa đến để cấp cho, kẻ nào có thể phản gián dụ hàng thì cắt đất phong cho. Thứ sử Tính Châu trước là Chúc Lương dũng mãnh quyết đoán, Trương Kiều trước ở Ích Châu có công phá giặc, đều có thể dùng được. Bốn phủ đều theo lời bàn của Cố. Bèn cho Lương làm Thái thú Cửu Chân, Kiều làm Thứ sử Giao Châu. **[6a]** Kiều đến nơi, lấy lòng thành thật dỗ bảo, dân chúng đều hàng phục. Lương đi một xe đến Cửu Chân, tỏ rõ uy tín, người ra hàng đến vài vạn.

Giáp Thân, [144], (Hán Kiến Khang năm thứ 1). Mùa thu, tháng 8, vua Hán mất. Mùa đông, tháng 10, người Nhật Nam lại đánh đốt quận ấp. Thứ sử Cửu Chân là Hạ Phương gọi những kẻ ra hàng dỗ bảo họ. Sau Phương đổi làm Thái thú Quế Dương, lấy Lưu Tảo thay.

Canh Tý, [160] (Hán Hoàn Đế Chí, Nguyên Gia năm thứ 2). Mùa đông, tháng 11, người quận Cửu Chân lại đóng giữ quận Nhật Nam, quân chúng trở nên mạnh hơn. Khi ấy Hạ Phương đã đổi làm Thái thú Quế Dương, lại giao cho làm Thứ sử. Phương vốn có tiếng về uy đức, khi đến Nhật Nam, dân chúng tụ họp hơn vạn người đem nhau đến đầu hàng Phương.

Mậu Ngọ, [178], (Hán Linh Đế Hoành, Quang Hòa năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, người trong châu và bọn Man Ô Hử[1] làm loạn đã lâu, mục **[6b]** thú là Chu Ngung không ngăn được, người châu là bọn Lương Long nhân đấy dấy binh đánh phá quận huyện, quân đến vài vạn người.

Tân Dậu, [181], (Hán Quang Hòa năm thứ 4). Vua Hán sai Huyện lệnh Lan Lăng là Chu Tuấn, người Thượng Ngu quận Cối Kê, sang cứu Ngung. Đường đi qua quê nhà, Tuấn mộ thêm gia binh cùng với binh đem đi theo cộng 5 nghìn người, theo hai đường tiến vào. Trước hết sai xem xét hư thực, tuyên dương uy đức để lay động lòng người rồi quân bảy quận[2] tiến bức, giết được Lương Long, kẻ đầu hàng đến vài vạn người.

Giáp Tý, [183], (Hán Trung Bình năm thứ 1). Đồn binh người châu bắt Thứ sử Chu Ngung giết đi, sai người đến cửa khuyết kể tội trạng của Ngung. Vua Hán nghe tâu, xuống chiếu chọn kỹ quan lại có tài. Hữu ty tiến cử Giả Tông là người Liêu thành Đông Quận làm Thứ sử (Tông trước làm Ngự sử). Trước đây những người làm Thứ sử thấy **[7a]** đất châu có các thứ ngọc trai, lông trả, tê, voi, đồi mồi, hương lạ, gỗ tốt, nhiều người không liêm khiết, vơ vét của cải cho đầy, rồi lại xin đổi đi, cho nên lại dân đều làm phản cả. Kịp khi Tông đến bộ[3], xét hỏi tình trạng làm phản, người ta đều nói rằng chính lệnh trước thuế má nặng quá, trăm họ không ai không khốn khổ túng thiếu, Kinh sư thì xa, không biết tố cáo vào đâu, dân không sống nổi, nên tụ họp nhau để chống, chứ không thực sự làm phản. Tông mới sai người chia đi các nơi để khuyên dỗ, khiến đều yên nghiệp làm ăn, dụ dỗ những kẻ lưu vong, tha bớt thuế khóa. Rồi giết kẻ bạo ngược đầu sỏ, chọn quan lại tốt cho giữ quận huyện. Trăm họ được yên, trên đường ngõ người ta có câu rằng: "Giả phụ lai vãn, sử ngã tiên phản. Kim kiến thanh bình, bất cảm phục bạn". (Bố Giả đến muộn, khiến ta phản trước; Nay thấy thanh bình, không dám phản nữa). Tông coi việc 3 năm, được gọi về làm chức Nghị Lan. Lý Tiến thay. (Lý Tiến là người Giao Châu ta).

---

[1] Ô Hử: tên tộc thiểu số ở vùng núi Ô Hử thuộc huyện Hoành, tỉnh Quảng Tây (CMTB2, 24a dẫn Hậu Hán Thư và Nam Châu Dị Vật Chí cũng ghi Ô Hử ở phía nam Quảng Châu, phía bắc Giao Châu). Nguyên bản in nhầm là Điểu Hử, chữ Ô dễ nhầm với chữ Điểu.

[2] Nguyên bản in nhầm là: "thổ quận binh", đúng ra là "thất quận binh" (theo Hậu Hán Thư q.71, Chu Tuấn truyện), chữ thất dễ nhầm với chữ thổ.

[3] Tức là bộ Giao Chỉ.

[7b] Bính Dần, [186], (Hán Trung Bình năm thứ 3)[1]

> Lê Văn Hưu nói: Xem sử đến thời nước Việt ta không có vua, bị bọn thứ sử người Bắc tham tàn làm khổ. Bắc Kinh đường xa, không biết kêu vào đâu, bất giác xen lẫn cảm thương hổ thẹn, muốn tỏ lòng thành như Minh Tông nhà Hậu Đường, thường thắp hương khấn trời: xin trời vì nước Việt ta sớm sinh thánh nhân, tự làm đế nước nhà, để khỏi bị người phương Bắc cướp vét.

Trở lên là thời thuộc Hán, từ năm Quý Mão đến năm Bính Dần, tất cả 144 năm [43-186].

[1] Năm này chỉ ghi tên năm Can Chi và niên hiệu nhà Hán, không thấy ghi việc.

Kỷ Sĩ Vương

Sĩ Vương[1]

Ở ngôi 40 năm, thọ 90 tuổi.

Vương là người khoan hậu khiêm tốn, lòng người yêu quý, giữ vẹn đất Việt để đương đâu với sức mạnh của Tam quốc, đã sáng suốt lại mưu trí, đáng gọi là người hiền.

[8a] Họ Sĩ, tên húy là Nhiếp[2], tự là Ngạn Uy, người huyện Quảng Tín, quận Thương Ngô. Tổ tiên người Vấn Dương nước Lỗ, hồi loạn Vương Mãng ở Bắc triều, tránh sang ở đất Việt ta, đến vương là sáu đời. Cha là Tứ, thời Hán Hoàn Đế làm Thái thú Nhật Nam. Khi còn ít tuổi, vương du học ở kinh đô nhà Hán, theo học Lưu Tử Kỳ người Dĩnh Xuyên, chuyên trị sách Tả thị Xuân Thu, có làm chú giải: được cử hiếu liêm, bổ làm Thượng thư lang, vì việc công bị miễn chức; hết tang cha, lại được cử mậu tài, bổ làm Huyện lệnh Vu Dương, đổi làm Thái thú Giao Châu, được tước Long Độ Đình hầu, đóng đô ở Liên Lâu (tức là Long Biên)[3]. Sau nhà Trần truy phong làm Thiên Cảm Gia Ứng Vũ Đại Vương.

Đinh Mão, năm thứ 1 [187], (Hán Trung Bình năm thứ 4). Vương có ba em trai tên là Nhất, Vĩ[4] và Vũ. Bấy giờ Thứ sử Chu **[8b]** Phù bị giặc Di giết chết, châu quận rối loạn, vương bèn dâng biểu cử Nhất làm Thái thú Hợp Phố, Vĩ làm Thái thú Cửu Chân, Vũ làm Thái thú Nam Hải. Vương độ lượng khoan hậu, khiêm tốn, kính trọng kẻ sĩ, người trong nước yêu mến, đều gọi là vương. Danh sĩ nhà Hán tránh nạn sang nương tựa có hàng trăm người.

Canh Thìn, năm thứ 14 [200], (Hán Hiến Đế Hiệp, Kiến An năm thứ 5). Thứ sử Lý Tiến dâng lời tâu lên vua Hán rằng: "Khắp cả thiên hạ đều là bề tôi của vua, thế mà nay làm quan ở triều đình đều là sĩ phu ở Trung Châu[5] cả, chưa từng khuyến khích người xa". Lời lẽ thiết tha cảm động, lại viện dẫn nhiều bằng chứng. Vua Hán xuống chiếu cho người châu ta ai được cử hiếu liêm mậu tài thì cho phép được bổ trưởng lại trong châu, không được bổ ở Trung châu. Tiến lại dâng sớ nói: "Người được cử làm hiếu liêm xin cho được như bác sĩ ở mười hai châu, căn cứ theo nhân tài mà đối xử". **[9a]** Nhưng hữu ty sợ rằng người phương xa khoác lác mà chê bai bắt bẻ triều đình, nên không chuẩn cho. Bấy giờ người nước Việt ta là Lý Cầm làm túc vệ ở đài, bèn rủ người đồng hương là bọn Bốc Long 5, 6 người, giữa ngày đầu năm các nước triều hội, đến quỳ lạy ở sân điện tâu rằng: "Ơn vua ban không đều". Hữu ty hỏi vì cớ gì? Cầm nói: "Nam Việt ở xa không được trời che, đất chở, cho nên mưa ngọt không xuống, gió mát không đến". Lời ý khẩn thiết đau đớn. Vua Hán xuống chiếu an ủi, lấy một người mậu tài nước ta làm Huyện lệnh Hạ Dương, một người hiếu liêm làm Huyện lệnh Lục Hợp (Cầm là người Giao Châu). Sau Lý Cầm làm quan đến Tư lệ hiệu úy, Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành. Như thế nhân tài nước Việt ta được cùng tuyển dụng như người Hán là mở đầu từ Lý Cầm, Lý Tiến vậy. (Trọng người quận Nhật Nam,

---

[1] Tác giả Toàn Thư theo quan điểm chính thống đương thời đề cao nho học, coi Sĩ Nhiếp là người có công đầu trong việc truyền dạy chữ Hán ở nước ta. Cương mục (phàm lệ) có nhận xét: "Sĩ Nhiếp theo lệnh triều đình Trung Quốc phái sang làm Thái thú, không từng xưng vương bao giờ, thế mà sử cũ cũng chép riêng thành một kỷ, nay tước bỏ đi, chỉ chép thẳng công việc thời ấy để ghi lấy sự thực ...". Để tôn trọng tác giả, chúng tôi vẫn giữ đúng nguyên bản, nhưng chỉ phiên âm chữ "vương" chứ không dịch là vua như đối với các đế vương khác: hết kỷ Sĩ Vương thì dịch thẳng là Sĩ Nhiếp.

[2] Nguyên bản in chữ ____ theo Khang Hy tự điển, đó là lối viết không chính thức (tục tự) của chữ _____. Các tự điển cổ dẫn trong tự điển nói trên đều chua âm đọc hai chữ ấy là Tiếp (hoặc phiên: tô hiệp thiết; hoặc phiên: tất hiệp thiết) CMTB2, 29a cũng chua âm là Tiếp (tô thiếp thiết). Nhưng ở đây chúng tôi vẫn phiên là Nhiếp theo thói quen lâu nay.

[3] Liên Lâu: cũng thường đọc là Luy Lâu, ở Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc, nay còn di tích thành, theo nhiều nhà khoa học, thành Liên Lâu không phải là Long Biên.

[4] Sĩ VĨ, Toàn thư chép với chữ ______; theo Tam quốc chí [Sĩ Nhiếp truyện] tên đúng là chữ _______ (đều âm Vĩ).

[5] Tức nội địa Trung Quốc.

khi trước đến Lạc Dương, gặp hội lớn tết Nguyên Đán, Tấn Minh Đế[1] hỏi: "Ở quận Nhật Nam hướng về phía bắc để trông mặt trời phải không?" Trọng đáp rằng: "Nay trong các quận, có quận gọi là Vân Trung (trong mây), là Kim Thành (thành vàng), không hẳn phải có thật. Còn như phong khí ấm áp, mặt trời đứng bóng trên đầu sinh dân **[9b]** thì vẫn có thế". Xét: Khoảng niên hiệu Nguyên Gia [424-454] đời Tống Văn Đế, [quân Tống] đi đánh Lâm Ấp ở phương nam, tháng năm, dựng nêu để đo bóng, thấy mặt trời ở về phía bắc cây nêu 9 tấc 1 phân[2] Giao Châu thì bóng ở về phía nam cây nêu 3 tấc 3 phân. Giao Châu cách Lạc Thủy hơn 6,7 nghìn dặm. Chỗ dựng nêu tính đường dây thẳng thì nên bớt đi nghìn dặm. Năm Khai Nguyên thứ 12 [724] thời Đường, đo ở Giao Châu vào ngày hạ chí, bóng ở phía nam cây nêu 3 tấc 3 phân, cũng giống số đo năm Nguyên Gia. Sách Luận Hành của Vương Sung nói: "Quận Nhật Nam ở cách Lạc [Dương] gần vạn dặm về phía nam mặt trời." Lý Thuyên nói: "Từ phủ An Nam đến Trường An cách 7.250 dặm". Mạnh Quán nói: "Lấy bốn phương mà đo thì An Nam đứng vào đất cuối cùng của Trung Quốc").

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Người quân tử đối với lời nói không thể cho qua được. Ngày xưa Tông Miệt[3] nếu không có lời nói thì cùng với cỏ cây mục nát mà thôi. Lý Cầm không có lời nói thì sao được dùng ở đời, mà người tài giỏi của nước Việt ta, người phương bắc làm sao biết được? Lời nói không thể cho qua là vì vậy. Tuy nhiên, đây chỉ nói riêng về nhân tài thôi, còn như Nhan [Hồi], Mẫn [Tử Khiên] thì không nói thế được.

[10a] Đinh Hợi, năm thứ 21 [207], (Hán Kiến An năm thứ 12). Viên Huy nhà Hán gửi thư cho Thượng thư lệnh là Tuân Úc rằng: "Giao Châu Sĩ phủ quân[4] đã học vấn sâu rộng lại thông hiểu chính trị, trong thời buổi đại loạn, giữ vẹn được một quận hơn 20 năm, bờ cõi không xảy ra việc gì, dân không mất nghiệp, những bọn khách xa đến trú chân[5] đều được nhờ ơn, dẫu Đậu Dung giữ đất Hà Tây cũng không hơn được. Khi việc quan có chút nhàn rỗi thì chăm xem các sách thư, truyện. Phàm những chỗ biên chép không rõ ràng trong sách Xuân Thu Tả thị truyện, [tôi] đem hỏi, đều được ông giảng giải cho những chỗ nghi ngờ, đều có kiến giải của bậc thầy, ý tứ rõ ràng, chặt chẽ. Lại như sách Thượng thư, cả cổ văn và kim văn, những ý nghĩa to lớn, ông đều hiểu biết tường tận, đầy đủ. Anh em ông làm quan coi quận, hùng trưởng một châu, ở lánh ngoài muôn dặm, uy tín không ai hơn. Khi ra vào thì đánh chuông khánh, uy nghi đủ hết; kèn sáo thổi vang, xe ngựa đầy đường, người Hồ[6] đi sát bánh xe để đốt hương thường có đến mấy mươi người; vợ cả, vợ lẽ đi xe che kín, bọn con em cưỡi ngựa dẫn quân theo **[10b]** hầu, người đương thời ai cũng quý trọng, các man di đều sợ phục, dẫu Úy Đà cũng không hơn được". (Huy bấy giờ ngụ ở Giao Châu). Sau vua Hán sai Trương Tân làm Thứ sử. (Tân nhận chức năm Kiến An thứ 6 [221] thời Hán). Tân thích việc quỷ thần, thường đội khăn đỏ, gảy đàn, đốt hương, đọc sách Đạo giáo, nói rằng có thể giúp việc giáo hóa, [sau] bị tướng là Khu Cảnh giết, châu mục Kinh Châu là Lưu Biểu sai Huyện lệnh Linh Lăng là Lại Cung thay Tân. Vua Hán nghe tin Tân chết, gửi cho vương [Sĩ Nhiếp] bức thư có đóng dấu ấn nói rằng: "Giao Châu ở cõi xa, một dải sông biển ở phía nam, ơn trên không truyền đến, nghĩa dưới bị nghẽn tắc, thế mà nghịch tặc Lưu Biểu lại sai Lại Cung dòm ngó đất

---

[1] Về việc Trương Trọng giải thích tên gọi quận Nhật Nam, lời chú thích của Toàn Thư ở đây ghi là trả lời câu hỏi của Tấn Minh Đế (323-326). Cương mục căn cứ theo Lĩnh Nam di thư ghi là Trọng trả lời câu hỏi của Hán Minh Đến (58-76) chứ không phải Tấn Minh Đế. Do đó, nếu kể nhân tài nước ta được tuyển dụng như người Hán thì phải kể Trương Trọng là người mở đầu (CMTB2, 27).

[2] Nguyên văn trong Toàn thư: "Nhật tại biểu bắc cửu thốn nhất phân". Câu này vô nghĩa vì mặt trời không thể ở phía Bắc nêu 9 tấc 1 phân. Tân Đường thư, q.31, Thiên văn chỉ chép rõ là: "Mặt trời ở phía bắc, bóng ở Giao Châu ở về phía nam là 3 tấc, ở Lâm Ấp là 9 tấc 1 phân". Như vậy các số đo ở đây là của bóng cây nêu. Ở Lâm Ấp cũng như ở Giao Châu, trong tháng năm, mặt trời đều ở phía bắc và bóng cây nêu đều đổ về phía nam. Nếu cây nêu dùng để đo cùng một kích thước thì càng ở xa về phía nam, như Lâm Ấp, bóng càng dài hơn.

[3] Tông Miệt: tự Nhiên Minh, người nước Trịnh, thời Xuân Thu, có tiếng là người hiền nhưng tướng mạo xấu xí. Khi Thúc Hướng nước Tấn sang Trịnh, Miệt đứng hầu dưới sân, chỉ nghe một lời bàn việc. Thúc Hướng liền biết đó là Tông Miệt, bèn xuống thềm dắt tay mời lên.

[4] Phủ quân: tức Thái thú. Thời Hán, dinh Thái thú gọi là phủ, do đó gọi Thái thú là phủ quân.

[5] Nguyên văn: "ky lữ", chỉ người Hán tránh loạn ở Trung Quốc chạy sang nước ta.

[6] Hồ nhân: chỉ các nhà sư Ấn Độ, Trung Á đến truyền đạo ở Liên Lâu, trị sở của bộ Giao Chỉ thời bấy giờ.

Nam[1], nay cho khanh làm Tuy Nam trung lang tướng trông coi bảy quận, lĩnh Thái thú Giao Châu như cũ". Vương sai thuộc lại là Trương Mận mang đồ cống sang kinh đô nhà Hán. Bây giờ thiên hạ loạn lạc, đường sá đứt nghẽn, nhưng vương vẫn không bỏ việc nộp cống. Vua Hán lại xuống chiếu cho làm An Viễn **[11a]** tướng quân, phong tước Long Độ Đình hầu. Sau Thái thú Thương Ngô là Ngô Cự bất hòa với Cung, đem binh đánh đuổi, Cung chạy về Linh Lăng.

Canh Dần, năm thứ 24 [210], (Hán Kiến An năm thứ 15). Ngô Vương là Tôn Quyền sai Bộ Chất làm Thứ sử Giao Châu. Khi Chất đến, vương đem anh em đến vâng theo mệnh lệnh. Ngô Vương cho vương làm Tả tướng quân. Sau vương sai con là Ngẩm[2] làm con tin ở nước Ngô, Ngô Vương cho làm Thái thú Vũ Xương. Các con của vương ở Nam đều cho làm Trung lang tướng. Vương lại dỗ bảo thổ hào ở Ích Châu là bọn Ung Khải đem dân chúng trong quận phụ thuộc xa với nước Ngô ở miền đông. Ngô Vương càng khen, thăng làm Vệ tướng quân, tước Long Biên hầu. Vương thường sai sứ sang nước Ngô dâng các thứ hương liệu, vải mịn, kể số hàng nghìn. Các thứ quý lạ như ngọc trai, ốc lớn, lưu ly, lông trả, đồi mồi, sừng tê, ngà voi **[11b]** cùng các thứ quả lạ như chuối, dừa, long nhãn, không năm nào không tiến, lại cống ngựa hàng mấy trăm con. Ngô Vương viết thư ban cho rất hậu để yên ủi và đáp lại.

> Lê Văn Hưu nói: Sĩ Vương biết lấy khoan hậu khiêm tốn để kính trọng kẻ sĩ, được người thân yêu mà đạt đến quý thịnh một thời. Lại hiểu nghĩa, thức thời, tuy tài và dũng không bằng Triệu Vũ Đế, nhưng chịu nhún mình thờ nước lớn, để giữ vẹn bờ cõi, có thể gọi là người trí. Tiếc rằng con nối không gánh vác nổi cơ nghiệp của cha, để cho bờ cõi nước Việt đã toàn thịnh mà lại bị chia cắt, đáng buồn thay !

Bính Ngọ, năm thứ 40 [226], (Hán Hậu Chúa Thiện, Kiến Hưng năm thứ 4; Ngô Tôn Quyền, Hoàng Vũ năm thứ 5). Vương mất. Trước vương ốm, đã chết đi 3 ngày, người tiên là Đổng Phụng cho một viên thuốc hòa vào nước ngậm, rồi đỡ lấy đầu mà lay **[12a]** động, mộc chốc lát mở mắt động tay, sắc mặt bình phục dần dần, ngày hôm sau ngồi dậy được, 4 ngày lại nói được, rồi trở lại bình thường. (Phụng tên tự là Xương Dị, người huyện Hầu Quan, sự tích có chép trong Liệt tiên truyện. Hầu Quan là tên huyện, thuộc Phúc Châu).

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nước ta thông thi thư, học lễ nhạc, làm một nước văn hiến, là bắt đầu từ Sĩ Vương, công đức ấy không những chỉ ở đương thời mà còn truyền mãi đời sau, há chẳng lớn sao? Con không hiền là tội của con thôi. Tục truyền rằng sau khi vương chết đã chôn, đến cuối thời nhà Tấn đã hơn 160 năm, người Lâm Ấp vào cướp, đào mộ của vương, thấy mình mặt vẫn như sống, cả sợ lại đắp lại, người địa phương cho là thần, làm miếu để thờ gọi là "Tiên Sĩ Vương". Có lẽ là khí tinh anh không nát, cho nên thành thần vậy. (Đền thờ tại thành cũ Long Biên[3])

[12b] Trở lên là [kỷ] Sĩ Vương, từ năm Đinh Mão đến năm Bính Ngọ, tất cả 40 năm [187-226].

---

[1] Cuối đời Hán Hiến Đế, Lưu Biểu làm Thứ sử Kinh Châu, không thần phục nhà Hán.

[2] Lời chú của Cương mục nói: Con Sĩ Nhiếp là Hàm, sử cũ (tức Toàn Thư) chép sai là Ngẩm.

[3] Đền Sĩ Nhiếp ở thành Liên Lâu và Tam Á gần đó. Toàn thư cho Liên Lâu là Long Biên nên chú như vậy.

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỷ Toàn Thư

Quyển IV

[1a]

Kỷ Thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương

Đinh Mùi, [227], (Hán Kiến Hưng năm thứ 5; Ngô Hoàng Vũ năm thứ 6), Vua Ngô nghe tin Sĩ Nhiếp mất, thấy Giao Châu ở xa cách, mới chia từ quận Hợp Phố trở về bắc thuộc vào Quảng Châu, cho Lữ Đại làm Thứ sử; từ quận Hợp Phố trở về nam thuộc vào Giao Châu, cho Đái Lương làm Thứ sử. Lại sai Trần Thì làm Thái thú thay Sĩ Nhiếp. Đại ở lại Nam Hải. Lương và Thì cùng lên đường. Đến Hợp Phố nghe tin ở Giao Châu con Sĩ Nhiếp là Huy đã tự làm Thái thú, đem tông binh ra chống cự. (Cuối thời nhà Hán, tôn thất nổi loạn, người Nam cũng tụ họp họ hàng làm binh để tự vệ, cho nên gọi là tông binh). Lương ở lại Hợp Phố. Thuộc lại của Sĩ Nhiếp là Hoàn Lân cúi đầu can Huy, xin đón Lương, Huy giận đánh chết Lân.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ xưa hễ giết bề tôi can ngăn thì chưa từng không mất nước. Nước Trần giết **[1b]** Tiết Dã, nước Tề giết Cô Huyên, việc nước Trần, nước Tề đáng làm gương soi, lấy đó làm răn. Thế mà còn có người giết bề tôi căn ngăn như Sĩ Huy, nối nghiệp chưa kịp quay gót mà đã phải chết là đáng lắm.

Anh của Lân là Trị và con là Phát lại họp tông binh đánh Huy. Huy đóng cửa thành để giữ. Bọn Trị đánh mấy tháng không hạ được thành, bèn giảng hòa và đều bãi binh. Kế đó Lữ Đại vâng chiếu nước Ngô đánh Huy, đem quân từ Quảng Châu, ngày đêm đi gấp đến Hợp Phố, cùng với Lương đều tiến, dụ con của Sĩ Nhiếp là Trung Lang Tướng Khuông[1] bảo Huy ra chịu tội, tuy mất chức quận thú, nhưng bảo đảm không có lo ngại gì khác. Đại theo Khuông đến sau. Anh Huy là Chi, em Huy là bọn Cán, Tụng sáu người cởi trần[2] đón Đại. Đại mặc áo thường[3] đi thẳng đến quận trị. Sáng hôm sau, Đại bày màn trướng, mời anh em Huy theo thứ tự đi vào. Tân khách đầy nhà, Đại đứng dậy cầm phù tiết đọc tờ chiếu kể tội Huy, tả hữu trói quặt **[2a]** [anh em Huy] đưa ra ngoài, đem chém cả, lấy đầu đưa về Vũ Xương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sĩ Huy cha mất không xin mệnh mà đã tự lập, lại đem quân chống mệnh, theo nghĩa thì phải đánh. Nhưng Lữ Đại đã dụ [Huy] ra hàng mà lại giết đi là trái lẽ. Giữ điều tin là báu của nước. Huy đã hàng cứ trói giải về Vũ Xương, khiến cho việc sinh sát được quyết ở trên, mà uy tín lan xuống kẻ dưới, há chẳng hay hơn ư? Tôn Thịnh nói: "Hòa với người phương xa, được lòng người ở gần, không gì hay hơn chữ Tín". Lữ Đại giết kẻ đầu hàng để cầu công, người quân tử lấy làm chê cười, xem thế mới biết họ Lữ không được lâu là phải lắm.

Nhất, Vĩ và Khuông sau mới ra hàng, được Ngô Vương tha tội, cùng với con tin của Sĩ Nhiếp là Ngẩm, đều giáng làm thứ nhân. Được vài năm, Nhất và Vĩ có tội bị giết, duy có Khuông ốm chết trước. Đến khi Ngẩm chết, đại **[2b]** tướng của Huy là Cam Lễ và Hoàn Trị đem lại dân đánh Đại, Đại đánh tan

---

[1] Cương mục chép Sĩ Khuông là con Sĩ Nhất, tức là cháu chứ không phải con Sĩ Nhiếp (CMTB3,4a).

[2] Nguyên văn: "nhục đản" nghĩa là để mình trần không mặc áo, tỏ ý xin chịu tội chết.

[3] Nguyên văn: "Đại vi phục ...". Theo Tam Quốc Chí, q.5 "Đại từ chối, bảo mặc áo lại" (Ngô thư, Sĩ nhiếp truyện), ý nghĩa rõ ràng hơn: Lữ Đại vờ tỏ cho anh em Sĩ Huy hiểu ý không bị tội nặng. Cương mục (TB3, 4a) ngờ câu văn của Toàn Thư chép sai, đã sửa lại theo tài liệu đã dẫn.

được. Bấy giờ mới bỏ Quảng Châu, đặt lại Giao Châu như cũ. Đại tiến đánh quận Cửu Chân, chém và bắt được kể hàng vạn người.

Tân Hợi, [231], (Hán Kiến Hưng năm thứ 9; Ngô Hoàng Vũ năm thứ 3). Người man Ngũ Khê ở Vũ Lăng nước Ngô làm phản. Ngô Vương cho là đất miền Nam đã dẹp yên, gọi Thứ sử Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Tống[1] dâng sớ nói: "Ngày xưa vua Thuấn đi tuần phương nam, mất ở Thương Ngô, nhà Tần đặt các quận Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, thế thì bốn quận[2] ấy nội thuộc đã lâu rồi. Triệu Đà nổi dậy ở Phiên Ngung, vỗ về thần phục được vua Bách Việt, đó là miền đất về phía nam quận Châu Nhai, Hiếu Vũ (nhà Hán) giết Lữ Gia, mở 9 quận, đặt chức Thứ sử ở Giao Chỉ, dời những người phạm tội ở Trung Quốc sang ở lẫn vào các nơi ấy, cho học sách ít nhiều, hơi thông hiểu lễ hóa. Đến khi Tích Quang làm Thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân, dựng nhà học, dẫn dắt bằng lễ nghĩa. Từ đấy trở đi, hơn 400 **[3a]** năm, dân tựa hồ đã có quy củ. Nhưng đất rộng người đông, núi rừng hiểm trở, dễ làm loạn. Thần từng thấy Hoàng Cái ở Nam Hải làm Thái thú Nhật Nam, khi đến nơi thấy đồ cung đốn, trần thiết không đủ, đánh chết người chủ bạ, nhưng rồi cũng bị đánh đuổi. Thái thú Cửu Chân là Đam Manh vì bố vợ là Chu Kinh mà bày tiệc mời các quan to. Khi rượu say cho cử nhạc, công tào Phan Hâm đứng dậy múa, rồi mời Kinh. Kinh không chịu đứng lên, Hâm cứ thúc ép mãi. Manh nổi giận giết Hâm. Em của Hâm đem quân đến đánh Manh. Thái thú Giao Chỉ trước là Sĩ Nhiếp sai quân đến đánh dẹp không được. Bấy giờ Thứ sử Chu Phù phần nhiều cho người làng như bọn Ngu Bao, Lưu Ngạn chia nhau làm trưởng lại, vơ vét của dân, một con cá vàng thu thóc mộc hộc. Trăm họ oán ghét làm phản, kéo đi đánh phá châu quận, Phù phải chạy ra biển. Bộ Chất đã lần lượt làm cỏ, kỷ cương mới được chấn chỉnh lại. Sau Lữ Đại bình được loạn Sĩ Huy, đổi đặt các trưởng lại, làm sáng tỏ kỷ cương của nhà vua, uy **[3b]** danh khắp muôn dặm, lớn nhỏ đều theo. Do đó mà xem thì giữ yên biên giới, vỗ về dân xa quả thật là ở tại người. Bổ nhiệm các chức bá mục nên chọn người thanh liêm. Ngoài cõi hoang phục thì họa phúc lại càng hệ trọng lắm. Nay Giao Châu tuy rằng tạm yên, nhưng còn bọn giặc lâu nay ở Cao Lương[3] bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Châu Nhai cũng chưa yên, trộm cướp thường tụ họp. Nếu Đại không trở lại phương Nam nữa thì Thứ sử mới nên chọn người nào cẩn thận chu đáo, có phương lược mưu kế để vỗ về, mới có thể trị yên được. Còn như hạng người thường, chỉ biết giữ phép thường, không có mưu kỳ chước lạ thì lũ ác nghịch[4] ngày thêm nảy nở[5]". Ngô Vương lại cho Đại làm Trấn Nam tướng quân, phong tước Phiên Ngung hầu (có sách chép là phong Ngụy quận Lăng Lệ Công).

Mậu Thìn, [284], (Hán Diên Hy năm thứ 11; Ngô Vĩnh An năm thứ 1)[6]. Người Cửu Chân lại đánh hãm thành ấp, châu quận rối động. Ngô Vương cho Hành Dương đốc quân đô úy Lục Dận (có sách chép là Lục Thương) làm Thứ sử kiêm hiệu úy. **[4a]** Dận đến nơi, lấy ân đức tín nghĩa hiểu dụ, dân ra hàng phục đến hơn 3 vạn nhà, trong châu lại yên. Sau, người con gái ở quận Cửu Chân là Triệu Ẩu tập họp dân chúng đánh chiếm các quận huyện (Ẩu vú dài 3 thước, vắt ra sau lưng, thường ngồi trên đầu voi đánh nhau với giặc). Dận dẹp yên được. (Sách Giao Chỉ chí chép: Trong núi ở quận Cửu Chân có người con gái họ Triệu, vú dài 3 thước, không lấy chồng, họp đảng cướp bóc các quận, huyện, thường mặc áo ngắn màu vàng, chân đi giày mũi cong[7], ngồi đầu voi mà chiến đấu, sau chết làm thần)[8].

---

[1] Tức là Tiết Kính Văn, như đã chép trong Cương Mục (TB3, 5b).

[2] Nguyên văn chép là "tứ quốc", hiểu là bốn quận (quận quốc)

[3] Cao Lương: tên huyện, thuộc quận Hợp Phố

[4] "Quần ác nhật tư" nguyên bản in nhầm chữ ________ quần thành chữ _______ quận.

[5] Lời sớ của Tiết Tổng chép trong Toàn Thư có khác một số chỗ với văn bản trong Tam Quốc Chí, Ngô Thư q.8 Tiết Tổng Truyện.

[6] Năm Mậu Thìn (248) đúng là niên hiệu Diên Hy thứ 11 đời Hán Hậu Thư chúa Lưu Thiện, nhưng các văn bản Toàn Thư đều in chữ Hy (trong tên niên hiệu) là _______ đúng ra là chữ ________. Lại về niên hiệu tương ứng của nhà Ngô, các bản đều ghi nhầm là Vĩnh An năm thứ 1, đúng ra là niên hiệu XÍch Ô năm thứ 11 đời Ngô Tôn Quyền.

[7] Nguyên văn chữ Hán: "xỉ lý".

[8] Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử (thời Tống) cũng có chép sự tích bà Triệu Ẩu với nội dung tương tự.

Quý Mùi, [263], (Hán Viêm Hưng năm thứ 1, Ngô Vĩnh An năm thứ 16)[1]. Mùa xuân, tháng 3, lúc trước nhà Ngô lấy Tôn Tư làm Thái thú Giao Châu, Tư là người tham bạo, làm hại dân chúng. Đến đây vua Ngô sai Đặng Tuân đến quận. Tuân lại tự tiện bắt dân nộp 30 con công đưa về Kiến Nghiệp. Dân sợ phải đi phục dịch đường xa, mới mưu làm loạn. Mùa hạ, tháng 4, quận lại là Lữ Hưng giết Tư và Tuân, xin nhà Tấn đặt Thái thú và cho binh. (Xét sách Cương mục chép là xin nhà Ngụy đặt quan, nhưng đến năm sau. Ngụy nhường ngôi cho Tấn, thì Ngụy cũng tức là Tấn). Các quận Cửu Chân, Nhật Nam đều hưởng ứng. Năm ấy **[4b]** nhà Hán mất.

Giáp Thân, [264], (Ngụy Tào Hoán Hàm Hy năm thứ 1, Ngô Tôn Hạo Nguyên Hưng năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, nhà Ngô tách Giao Châu, đặt Quảng Châu. Bấy giờ Ngô đã phụ vào Tấn. Nhà Tấn cho Lữ Hưng làm An Nam tướng quân đô đốc Giao Châu chư quân sự, cho Nam Trung giáp quân là Hoắc Dặc xa lĩnh[2] Thứ sử Giao Châu, cho được tùy nghi tuyển dụng trưởng lại. Dặc dâng biểu tiến cử Thoán Cốc (có sách chép là Phần Cốc) làm Thái thú, đem thuộc lại là bọn Đổng Nguyên, Vương Tố đem quân sang giúp Hưng, nhưng chưa đến nơi thì Hưng đã bị công tào là Lý Thống giết. Cốc cũng chết (có sách chép Cốc ốm chết).

Ất Dậu, [265], (Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, Thái Thủy năm thứ 1, Ngô Cam Lộ năm thứ 1), Vua Tấn sai Mã Dung người Ba Tây thay Hưng. Dung ốm chết. Dặc lại sai Dương Tắc người Kiện Vi thay Dung làm Thái thú.

[5a] Mậu Tý, [268], (Tấn Thái Thủy năm thứ 4, Ngô Bảo Đỉnh năm thứ 3). Nhà Ngô lấy Lưu Tuấn làm Thứ sử. Tuấn cùng với Đại đô đốc Tu Tắc[3] và Tướng quân Cố Dung trước sau 3 lần đánh Giao Châu. [Dương] Tắc đều chống cự và đánh tan được cả. Các quận Uất Lâm, Cửu Chân đều theo về Tắc. Tắc sai tướng quân là Mao Linh[4] và Đổng Nguyên đánh quận Hợp Phố, giao chiến ở Cổ Thành (tức là thành quận Hợp Phố), đánh tan quân Ngô, giết Lưu Tuấn và Tu Tắc, dư binh tan chạy về Hợp Phố, Dương Tắc nhân đó dâng biểu cử Mao Linh làm thái thú Uất Lâm, Đổng Nguyên làm Thái thú Cửu Chân.

Kỷ Sửu, [269], (Tấn Thái Thủy năm thứ 5, Ngô Kiến Hành năm thứ 1). Mùa đông, tháng 10, nhà Ngô sai Giám quân Nhu Phiếm, Uy Nam tướng quân Tiết Hủ và Thái thú quận Thương Ngô người Đan Dương là Đào Hoàng theo đường Kinh Châu sang; Giám quân Lý Đỉnh, Đốc quân Từ Tồn theo đường biển Kiến An sang, đều hội ở Hợp Phố để đánh [Dương] Tắc (Lý Đỉnh có sách chép là Lý Húc).

Tân Mão, [271], (Tấn Thái Thủy năm thứ 7, Ngô Kiến Hành năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 4, Ngu Phiếm, Tiết Hủ, Đào Hoàng chống nhau với Tắc, đánh nhau **[5b]** ở sông Phần[5] Đào Hoàng thua, lui về giữ Hợp Phố, chết hai tướng. Hủ giận bảo Hoàng: "Ngươi tự dâng biểu xin đi đánh giặc mà để chết mất hai tướng thì trách nhiệm ở đâu?" Hoàng nói: "Hạ quan không được làm theo ý mình, quân sĩ không hòa thuận, cho nên đến nỗi thua như thế". Hũ chưa nguôi giận, muốn đem quân trở về. Đêm ấy, Hoàng đem mấy trăm quân đánh úp Đổng Nguyên, lấy được của báu, chở thuyền đem về. Hủ bèn tạ lỗi, cho Hoàng lĩnh chức Tiền bộ đô đốc Giao Châu. Hoàng lại theo đường biển, nhân khi bất ngờ, tiến thẳng đến châu. Nguyên chống cự. Các tướng muốn đánh, Hoàng ngờ bên trong chỗ cầu gãy có phục binh, bèn dàn riêng một đội quân giáo dài ở đằng sau. Quân hai bên vừa mới giao chiến, Nguyên giả cách lui, Hoàng đuổi theo, phục binh quả nhiên kéo ra. Quân giáo dài quay lại đánh, phá tan bọn Nguyên, giết Nguyên [tại trận], lấy những thuyền chở hàng hóa báu vật và mấy nghìn tấm thổ cẩm cướp được trước đây đem cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Tề[6]. Tề đem **[6a]** hơn vạn người đến giúp Hoàng. Bấy

---

[1] Năm Quý Mùi (263), là niên hiệu Vĩnh An năm thứ 6 đời Ngô Tôn Hưu (Cảnh Đế), chứ không phải Vĩnh An năm thứ 16 như nguyên bản đã lầm.

[2] Nguyên văn: "Dao lĩnh", nghĩa là lĩnh chức cai trị ở một nơi xa mà không cần phải đích thân đến đóng trị sở nơi ấy.

[3] Nguyên bản in là Thái đô đốc, nên sửa là Đại đô đốc, theo Thông giám và Tấn thư, Đào Hoàng truyện, CMTB3, 11b chép chức quan của Tu Tắc là Bộ đốc.

[4] Mao Linh: các tài liệu của Trung Quốc như Thông Giám cương mục, Tam quốc chí - Tôn Hạo truyện, Tấn Thư - Đào Hoàng truyện đều chép là Mao Cảnh ____; CMTB3, 11b cũng sửa là Mao Cảnh.

[5] Sông Phần: ở huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

[6] CMTB3, 13a chép là Lương Kỳ.

giờ Dương Tắc lấy tướng của mình là Vương Tố thay Nguyên. Dũng tướng của Nguyên là Giải Hệ cùng ở trong thành. Hoàng sai em [của Hệ] là Tượng viết thư gửi cho Hệ, lại sai Tượng ngồi xe ngựa, đánh trống thổi sáp, dẫn đường cho mình đi theo. Bọn Tố bảo nhau rằng: "Tượng như thế, Hệ tất có ý bỏ bọn ta để đi theo". Bèn giết Hệ. Bọn Hủ và Hoàng bèn đánh lấy châu. Nhà Ngô nhân đó dùng Đào Hoàng làm Thứ sử. Hoàng là người có mưu lược, chu cấp kẻ nghèo khốn, ưa bố thí, được lòng người, ai ai cũng vui lòng giúp việc, đến đâu cũng có công trạng. Trước đây vua Tấn cho Dương Tắc làm Thứ sử Giao Châu, Mao Miện[1] làm Thái thú, ấn thao chưa gửi đến mà Tắc và Miện đã thua chết rồi. Nhân đó vua Tấn truy tặng Tắc, Miện, Tùng, Năng (Tùng, Năng không kê cứu được[2]) tước Quan nội hầu. Công tào quận Cửu Chân là Lý Tộ giữ quận mà phụ theo nhà Tấn, Hoàng sai tướng đi đánh, không được. Cậu của Tộ là Lê Hoàn (có sách chép là Lê Minh) theo quân [của Hoàng], khuyên Tộ hàng, Tộ gay gắt trả lời: "Cậu **[6b]** là tướng nước Ngô, Tộ là bề tôi nước Tấn, chỉ có thể dùng sức mà đối xử với nhau thôi". Quân của Hoàng phải đánh, giờ lâu mới hạ được thành.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bề tôi giữ đất, nếu ai cũng có lòng như lòng Lý Tộ thì có thể gọi là trung với chúa mình thờ.

Vua Ngô cho Đào Hoàng làm Thứ sử trì tiết đô đốc Giao Châu chư quân sự. Dưới thời các tướng quân châu mục trước kia, các quận Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương, địa thế hiểm trở, người Di Lão hung tợn, đã mấy đời không chịu thần phục, Hoàng đi đánh, dẹp yên được, mở thêm đất, đặt 3 quận, và hơn 30 huyện ở các nước phụ thuộc với quận Cửu Chân[3]. Sau vua Ngô lấy Hoàng làm Đô đốc Vũ Xương, cho Thái thú Hợp Phố là Tu Nguyên[4] thay. Dân địa phương đến hàng nghìn người xin lưu Hoàng lại, bởi thế cho Hoàng trở về nhiệm sở cũ. Sau vua Ngô hàng nhà Tấn, tự tay viết thư sai Mã Tức Dung[5] khuyên Hoàng quy thuận [nhà Tấn]. Hoàng khóc mấy ngày, rồi sai sứ mang ấn **[7a]** thao về Lạc Dương. Vua Tấn xuống chiếu cho phục chức, phong cho Hoàng tước Uyển Lăng hầu, lại đổi làm Quán quân tướng quân. Hoàng ở châu 30 năm, tỏ ra người có ân có uy, được người địa phương yêu mến. Đến khi chết, cả châu khóc thương như mất cha mẹ hiền. Vua Tấn lấy Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Ngạn làm Đô đốc thứ sử. Khi Hoàng mới mất, các thú binh ở Cửu Chân làm loạn, đuổi Thái thú, người cầm đầu là Triệu Chỉ vây quận trị, Ngạn dẹp yên cả. Ngạn giữ chức 25 năm, ân uy rõ rệt, dân trong châu yên ổn, sau dâng biểu xin cho người thay. Vua Tấn cho Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Cố Bí thay. Bí là người ôn hòa, nhã nhặn, cả châu yêu mến, không được bao lâu thì mất. Người trong châu cố ép con của Bí là Tham trông coi việc châu. Sau Tham chết, em là Thọ trông coi việc châu, người châu không nghe. Thọ cố nài, bèn được coi việc châu. Rồi giết trưởng lại là bọn Hồ Triệu, lại toan giết đốc quân dưới trướng **[7b]** là Lương Thạc. Thạc chạy thoát được, dấy binh đánh, bắt được Thọ. Mẹ Thọ sai lấy thuốc độc giết chết. Thạc bèn chuyên quyền (có sách chép là cả mẹ của Thọ cũng bị giết bằng thuốc độc), nhưng sợ dân tình không theo, bèn cho con trai của Hoàng là Uy [đang làm] Thái thú Thương Ngô về lĩnh chức Thứ sử [Giao Châu]. Uy ở chức rất được lòng dân, được 30 năm[6] thì chết. Em trai Uy là Thục, con trai [của Uy] là Tuy[7] nối nhau làm thứ sử. Từ Cơ đến Tuy bốn đời đều làm Thứ sử. Cơ là ông nội của Hoàng[8].

---

[1] Mao Miện nói ở đây (và ở 2 dòng tiếp theo) đúng ra vẫn là Mao Cảnh mà ở tờ 5a Toàn thư đã chép nhầm là Mao Linh.

[2] CMTB3, 13b theo Tấn Thư q.57 chép đủ họ tên là Lý Tùng và Thoán Năng.

[3] Nguyên văn: ".... cập cửu quân thuộc quốc tam thập dư huyện" (và 30 huyện ở các nước phụ thuộc với 9 quận). CMTB3, 14b đã sửa lại cho đúng là "Cửu Chân thuộc quốc ..."

[4] CMTB3, 14b Tấn Thư (Đào Hoàng truyện) đều chép là Tu Doãn (hai chữ: Doãn và Nguyên dễ nhầm với nhau)

[5] Mã Tức Dung: đoạn này Toàn Thư dùng sử liệu của Tấn thư, Đào Hoàng truyện, mà ở truyện ấy chép là: "khiển Hoàng Tức Dung ..."; Thông giám q.81 đã sửa lại là; "khiển Đào Hoàng chi tử Dung" (sai con của Đào Hoàng là Dung). Như vậy Mã Tức Dung nói đây đúng ra là Đào Dung, con của Đào Hoàng).

[6] Tấn thư, Đào Hoàng truyện chỉ ghi "tam niên" (?).

[7] Việt sử lược, q.1, 6a lại chép Tuy là con Thục.

[8] Tấn thư, Đào Hoàng truyện chép Cơ là cha của Hoàng.

Mậu Dần, [318], (Đông Tấn Nguyên Đế Tư Mã Duệ, Đại Hưng[1] năm thứ 1). Mùa đông, tháng 10, vua Tấn xuống chiếu cho Thứ sử Quảng Châu là Đào Khản làm Đô đốc Giao Châu chư quân sự.

Nhâm Ngọ, [322], (Tấn Vĩnh Xương năm thứ 1). Vương Đôn nhà Tấn lấy Vương Lượng làm Thứ sử, sai đánh Lương Thạc. Thạc đem quân vây Lượng ở Long Biên.

[8a] Quý Mùi, [323], (Tấn Minh Đế Thiệu, Thái Ninh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, Đào Khản sai quân đi cứu Vương Lượng, chưa đến nơi thì Lương Thạc đã lấy được Long Biên rồi. Thạc đoạt lấy cờ tiết của Lượng, Lượng không cho, Thạc bèn chặt tay trái của Lượng, Lượng nói: "Chết còn không tránh, chặt cánh tay thì làm gì?". Được hơn 10 ngày thì Lượng chết. Thạc chiếm châu, hung bạo mất lòng dân. Đào Khản sai tham quân là Cao Bảo sang đánh, chém chết Thạc. Vua Tấn cho Khản lĩnh chức Thứ sử Giao Châu, thăng hiệu là Chinh Nam đại tướng quân, được mở phủ riêng nghi thức như tam ti. Không bao lâu, Thị lang Lại bộ là Nguyễn Phóng xin làm Thứ sử, vua Tấn bằng lòng. Phóng đến Ninh Phố gặp Cao Bảo, mời Bảo đến dự cơm, đặt phục binh muốn giết Bảo. Bảo biết chuyện, liền đem quân đánh Phóng (Phong là cháu họ của Hàm). Phóng chạy thoát, đến châu được chốc lát thì khát nước quá mà chết.

Quý Sửu, [353], (Tấn Mục Đế San, Vĩnh Hòa năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Phu nhà Tấn làm Thứ sử Giao Châu. Phu đánh **[8b]** nước Lâm Ấp[2], phá được hơn 50 lũy. (Trước đây nhà Tấn khi đã bình được nhà Ngô, trưng binh ở Giao Châu[3], Thứ sử Giao Châu là Đào Hoàng dâng thư nói: "Giao Châu ngoài cách Lâm Ấp chỉ vài nghìn dặm[4]. Tướng Di [Lâm Ấp] là Phạm Hùng đời đời trốn tránh làm giặc, tự xưng vương, nhiều lần đánh phá trăm họ. Vả lại [nước ấy] liền với nước Phù Nam, rất nhiều chủng người, bè đảng dựa nhau, cậy thế đất hiểm không chịu thần phục. Khi trước còn thuộc nước Ngô thì nhiều lần cướp bóc dân lành, phá quận huyện, giết hại trưởng lại. Thần trước kia được nước cũ [Ngô] dùng, cho đóng giữ phương Nam hơn 10 năm, tuy đã trừ được những tên đầu sỏ, nhưng ở chốn núi sâu hang cùng vẫn còn có kẻ trốn tránh. Lúc đầu số quân của thần trông coi là 8 nghìn. Vì đất Nam ẩm thấp, có nhiều khí độc, liền năm đánh dẹp, ốm chết hao hụt, hiện nay chỉ còn 2.400 người. Nay bốn biển thống nhất, không còn lo kẻ nào không thần phục, đáng lẽ nên cuốn giáp hủy gươm [...][5]. Phàm việc phong trần, biến đổi thường xảy ra thình lình. Thần là người sót thừa của nước đã mất, lời bàn không có gì khả thủ". Tấn Vũ Đế nghe theo, đến nay còn thấy hiệu nghiệm).

Canh Thìn, [380], (Tấn Vũ Đế[6], Xương Minh, Thái Nguyên năm thứ 5). Mùa đông, tháng 10, Thái thú Cửu Chân là Lý Tốn chiếm châu làm phản.

Tân Tỵ, [381], (Tấn Thái Nguyên năm thứ 6). Thái thú Giao Châu là Đỗ Viện chém được Lý Tốn, trong cõi lại được yên, thăng cho Viện làm thứ sử Giao Châu[1]. (Viện người Chu Diên nước ta. Sách Giao Chỉ chí chép vào mục nhân vật nước ta, xếp sau Sĩ Nhiếp).

---

[1] Đại Hưng: đúng tên niên hiệu này là Thái Hưng (318-321)

[2] Tên nước Lâm Ấp được nhắc đến từ thời Hậu Hán (Tấn thư, Lâm Ấp truyện) ở phần đất mà thời Hán gọi là huyện Tượng Lâm, phía nam quận Nhật Nam. Khoảng thời Đường, nước này được thư tịch Trung Quốc nhắc đến với cái tên Hoàn Vương, sau đó là Chiêm Thành.

[3] Nguyên văn: "Sơ, Tấn bình Ngô, trưng Giao Châu binh" ... Theo Tấn Thư, Đào Hoàng truyện thì năm này vì đã bình được nhà Ngô, cho nên nhà Tấn giảm bớt số quân ở Giao Châu (giản Giao Châu binh), chứ không phải trưng binh ở Giao Châu. Đào Hoàng vì muốn xin xét lại việc giảm quân đó, cho nên mới viết thư này.

[4] CMTB3, 16a theo Tấn Thư, Đào Hoàng truyện sửa là "chỉ bảy trăm dặm", hợp lý hơn.

[5] Đoạn này Toàn Thư chép tóm tắt phần sau bức thư của Đào Hoàng, nhưng ngắt không trọn câu (cũng có thể chỉ là do sao chép hoặc khắc in bỏ sót cách quảng) tạo ra một câu tối và trái nghĩa: "đương quyển giáp tiêu binh, lính kỳ tổn ước, dĩ thị đơn nhược" (nên cuốn giáp, hủy binh khí, khiến cho nó giảm bớt, để tỏ ra đơn độc yếu đuối). Đúng ra, theo Tấn Thư, Đào Hoàng truyện thì trong đoạn thư này Đào Hoàng nói một ý trái lại với câu đã dịch: "Đáng lẽ nên cuốn giáp hủy gươm, chăm lo về đường lễ nghĩa. Nhưng mà người châu này lại không thích yên vui, ưa làm những sự khởi loạn [....] Vậy thì số quân ở châu chưa nên giảm bớt để tỏ ra đơn độc yếu đuối". Khi dùng lại sử liệu này, Cương mục đã khôi phục đầy đủ đoạn sau bức thư của Đào Hoàng, lấy thêm hơn 1 trăm chữ (Xem CMTB3, 16b).

[6] Sử đúng là Tấn Hiếu Vũ Đế.

[9a] Kỷ Hợi, [399], (Tấn An Đế Đức Tông, Long An năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, vua nước Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt đánh lấy Nhật Nam và Cửu Chân, rồi vào cướp Giao Châu. Đỗ Viện đánh tan được.

Tân Hợi, [411], (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 4, Thái thú quận Vĩnh Gia là Lư Tuần chạy sang [Giao Châu]. Trước đó, khi Thứ sử Đỗ Viện chết (có sách nói Viện vốn người Kinh Triệu, ông là Nguyên, làm Thái thú Hợp Phố, nhân đó Viện mới đến ở Giao Chỉ), vua Tấn cho con là Tuệ Độ thay làm Thứ sử. Chiếu thư chưa đến nơi, Tuần đã đánh phá Hợp Phố, tiến thẳng đến Giao Châu. Tuệ Độ đem các quan văn võ ở châu phủ chống nhau với Tuần ở Thạch Kỳ[2], đánh tan được. Quân của Tuần sống sót khoảng 2 nghìn người. Dư đảng của Lý Tốn là bọn Lý Thoát kết tụ với dân Lý, Lạo hơn 5 nghìn người để ứng theo Lư Tuần, ngày Canh Tý kéo đến bờ nam Long Biên. Tuệ Độ bỏ hết gia tài để thưởng quân sĩ, cùng Tuần giao chiến, ném đuốc đuôi trĩ đốt thuyền bè của Tuần, cho bộ binh áp bờ sông bắn xuống. Thuyền của Tuần cháy hết, **[9b]** bèn tan vỡ. Tuần biết thế nào cũng chết, bỏ thuốc độc cho vợ con chết trước rồi gọi các nàng hầu con hát hỏi rằng: "Ai có thể theo ta?" Phần nhiều đều trả lời: "Con sẻ, con chuột còn tham sống, chết theo thì khó lắm". Cũng có người nói: "Quan còn phải chết, chúng tôi há lại muốn sống". Tuần bèn giết hết những kẻ không chịu chết theo, rồi gieo mình xuống sông mà chết. Tuệ Độ sai nhặt xác đem chém đầu, cùng với vợ con của Tuần và bọn Thoát, đều lấy đầu đóng hòm đưa về Kiến Khang[3].

Quý Sửu, [413], (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, vua nước Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt cướp quận Cửu Chân. Tuệ Độ đánh chém được.

Ất Mão, [415], (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 11). Mùa đông, tháng 12, quân Lâm Ấp cướp Giao Châu. Tướng châu đánh bại được.

Canh Thân, [420], (Tấn Cung Đế Đức Văn, Nguyên Hy năm thứ 2; Tống Vũ Đế Lưu Dụ, Vĩnh Sơ năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, phá được, chém giết đến quá nửa. Lâm Ấp xin hàng, Tuệ Độ cho. Những người trước sau bị [Lâm Ấp] cướp bắt **[10a]** đều được trả về cả. Tuệ Độ ở Giao Châu, mặc áo vải, ăn cơm rau, cấm thờ nhảm, sửa nhà học, năm đói kém thì lấy lộc riêng để chẩn cấp, làm việc cẩn thận chu đáo cũng như việc nhà, lại dân sợ mà yêu. Cửa thành đêm vẫn mở, ngoài đường không ai nhặt của rơi. Khi Tuệ Độ chết, tặng chức Tả tướng quân, cho con là Hoằng Văn làm Thứ sử. Năm ấy nhà Tấn mất.

Đinh Mão, [427], (Tống Văn Đế Nghĩa Long, Nguyên Gia năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, ngày Canh Tuất, vua Tống gọi Hoằng Văn về làm Đình Úy, cho Vương Huy Chi làm Thứ sử. Bấy giờ Hoằng Văn đang ốm, cố ngồi xe lên đường, có người khuyên chờ khỏi ốm hãy đi. Hoằng Văn nói: "Nhà ta ba đời cầm phù tiết, thường muốn đem mình sang chầu sân vua, huống chi nay lại được gọi về". Bèn cứ đi, chết ở Quảng Châu.

Tân Mùi, [431], (Tống Nguyên Gia năm thứ 8). Vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại cướp phá quận Cửu Chân, bị quân châu đánh lui.

[10b] Nhâm Thân, [432], (Tống Nguyên Gia năm thứ 9). Mùa hạ, tháng 5, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nước Tống, xin lĩnh Giao Châu. Vua Tống xuống chiếu trả lời vì đường xa không cho.

Lê Văn Hưu nói: [Dù khỏe như] Bôn và Dục[4] mà lúc còn thơ ấu cũng không thể chống nổi người què, người thọt đã tráng niên. Nước Lâm Ấp thừa lúc nước Việt ta

---

[1] CMTB3, 22b dẫn Tống Thư và Lương Thư xác định Đỗ Viện làm Thứ sử Giao Châu năm Long An thứ 3 (399) và năm đó cũng có việc quân Lâm Ấp đánh phá Giao Châu. Toàn Thư ở đây chép vào năm Tân Tỵ (381), sát liền trên mục năm Kỷ Hợi (399), có thể do sao chép văn bản sai vị trí.

[2] Thạch Kỳ: tên trấn, ở phía Nam phủ trị Giao Châu (CMTB3, 24a).

[3] Kiến Khang: kinh đô nhà Đông Tấn, vốn là Kiến Nghiệp, vì kiêng húy Tấn Mẫn Đế, đổi thành Kiên Khang, tức Nam Kinh, Trung Quốc ngày nay.

[4] Theo truyền thuyết Trung Quốc, Mạnh Bôn là dũng sĩ thời Chiến Quốc, có thể nhổ được sừng bò; Hạ Dục, người nước Vệ thời Xuân Thu, có thể nhổ được đuôi bò.

không có vua, đến cướp Nhật Nam và Cửu Chân rồi xin quản lĩnh cả [Giao Châu], có phải bấy giờ nước Việt ta không thể chống nổi nước Lâm Ấp ấy đâu! Chỉ vì không có người thống suất mà thôi ! Thời không bĩ mãi, tất có lúc thái. Thế không khuất mãi, tất có lúc duỗi. Lý Thái Tông chém đầu vua nước ấy là Sạ Đẩu, Lý Thánh Tông bắt vua nước ấy là Chế Củ, bắt làm tù dân nước ấy 5 vạn người, đến nay vẫn còn phải chịu làm tôi tớ, cũng đủ để rửa được mối hận thù hổ thẹn của mấy năm ô nhục này.

[11a] Bính Tý, [436], (Tống Nguyên Gia thứ 13)[1]. Mùa xuân, tháng 2, vua Tống sai Thứ sử Giao Châu là Đàn Hòa Chi đánh Lâm Ấp. Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại tuy sai sứ sang cống, nhưng vẫn không thôi việc cướp bóc, cho nên vua Tống sai Hòa Chi đi đánh. Bấy giờ người quận Nam Dương là Tông Xác, nếp nhà đời đời Nho học, riêng Xác thích việc võ, thường nói: "Muốn cưỡi gió lớn mà phá sóng muôn dặm". Đến khi Hòa Chi đi đánh Lâm Ấp, Xác hăng hái xin đi theo quân. Vua Tống cho Xác làm Chấn vũ tướng quân. Hòa Chi sai Xác làm tiên phong. Dương Mại nghe tin quân Tống sang, sai sứ dâng biểu xin trả lại những người dân Nhật Nam bị bắt và nộp một vạn cân vàng, mười vạn cân bạc. Vua Tống xuống chiếu bảo Hòa Chi: "Nếu Dương Mại thực có lòng thành, cũng cho quy thuận". Hòa Chi đến đóng ở đồn Chu Ngô (huyện Chu Ngô từ thời Hán đến giờ thuộc quận Nhật Nam, bấy giờ đặt đồn thú ở đấy), sai Hộ tào tham quân của phủ là bọn Khương Trọng Cơ (phủ là phủ thứ sử Giao Châu) đi trước **[11b]** đến gặp Dương Mại, bị Dương Mại bắt giữ. Hòa Chi giận, tiến vây tướng của Lâm Ấp là Phạm Phù Long ở thành Khu Túc[2]. Dương Mại sai tướng là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu. Xác lén đem quân đón đánh [Phạm] Con Sa Đạt, phá tan được. Tháng 5, bọn Hòa Chi hạ thành Khu Túc, chém Phù Long, thừa thắng tiến vào Tượng Phố[3]. Dương Mại dốc sức cả nước ra đánh, lấy các vật che bọc mình voi, trước sau không hở. Xác nói: "Ta nghe nước ngoài có giống sư tử, oai phục được trăm loài thú". Bèn làm hình sư tử để chống lại voi, voi quả nhiên sợ chạy. Quân Lâm Ấp thua to. Hòa Chi thắng được Lâm Ấp, Dương Mại cùng với con đều chỉ chạy thoát thân, thu được đồ châu báu lạ không biết bao nhiêu mà kể. Riêng Tông Xác không lấy một thứ gì, ngày về nhà cũng chỉ có khăn áo xác xơ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Có tài hữu dụng thì không thể không đem ra thi thố, há câu nệ vì thói đời **[12a]**[4] hay sao? Người ta lập chí mỗi người một khác. Người có chí về đạo đức thì công danh không thể động được lòng, người có chí về công danh thì phú quý không thể động được lòng. Chí của Tông Xác có lẽ ở công danh chăng ? Ngày trở về nhà, tài vật không lấy một thứ gì, đó thực sự là phú quý không thể động được lòng. So với người có chí về đạo đức, cố nhiên không thể kịp, nhưng so với người có chí về phú quý thì hạng ấy còn kém xa.

Đinh Sửu, [437], (Tống Nguyên Gia năm thứ 14). Mùa đông, tháng 10, ngày Nhâm Ngọ, Đàn Hòa Chi bỏ quan về.

Mậu Thân, [468], (Tống Minh Đế Úc[5], Thái Thủy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, Thứ sử Lưu Mục ốm chết. Người châu là Lý Trường Nhân giết những bộ thuộc của châu mục đem từ Trung Quốc sang rồi chiếm giữ châu làm phản, tự xưng là Thứ sử.

Mùa thu, tháng 8, vua Tống lấy Nam Khang tướng là Lưu Bột làm Thứ sử Giao Châu. Bột đến, bị Trường Nhân **[12b]** chống cự, không bao lâu thì chết. Tháng 11, Lý Trường Nhân sai sứ xin hàng và tự hạ xuống chức Hành Châu sự[1]. Vua Tống y cho.

---

[1] CMTB3, 27a sửa là năm Bính Tuất, niên hiệu Nguyên Gia thứ 23 (Theo Tống thư q.5 Đế kỷ, q.97 Nam Di Truyện). Nam Tề thư Lâm Ấp truyện, chép việc này vào năm Nguyên Gia thứ 22 (445).

[2] CMTB3, 26 chép tên thành là Khu Lật và dẫn Thủy kinh chú để chú thích về thành này. Vị trí thành Khu Túc trước nay có nhiều ý kiến khác nhau. Đào Duy Anh xác định đó là thành Lồi ở làng Cao Lao Hạ trên hữu ngạn sông Gianh (Đất nước Việt Nam qua các đời, Nxb Khoa học xã hội, 1964, tr.54).

[3] Tượng Phố: CMTB3, 28b chua là tên huyện, Đào Duy Anh (Bdc) đoán dịch là Cửa Đại, là cửa sông để vào kinh đô Lâm Ấp thời bấy giờ, ở khoảng Trà Kiệu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

[4] Nguyên bản thiếu tờ 12 a-b, chúng tôi dịch theo bản in Quốc tử giám tàng bản.

[5] Tống Minh Đế: tức là Lưu Úc, nguyên bản in sót nét, thành chữ Hoặc.

Kỷ Mùi, [479], (Tống Thuận Đế Chuẩn, Thăng Minh năm thứ 3; Tề Cao Đế Tiêu Đạo Thành, Kiến Nguyên năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, vua Tề lấy Lý Thúc Hiến làm Thứ sử Giao Châu. Thúc Hiến là em con chú con bác của Trường Nhân. Trước đó khi Thứ sử Trường Nhân chết, Thúc Hiến thay lĩnh việc châu, vì thấy hiệu lệnh chưa được thi hành cho nên sai sứ sang xin nhà Tống cho giữ chức Thứ sử. Nhà Tống lấy Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán làm Thứ sử Giao Châu, cho Thúc Hiến làm Ninh Viễn quân tư mã, giữ chức Thái thú hai quận Vũ Bình và Tân Xương[2]. Thúc Hiến đã được mệnh lệnh của triều đình [nhà Tống], lòng người phục theo, bèn đem quân giữ nơi hiểm, không chịu thu nạp Thẩm Hoán. Hoán lưu lại ở Uất Lâm, rồi chết. Vua Tề bèn cho Thúc Hiến làm Thứ sử, vỗ yên đất phương Nam. Năm ấy nhà Tống mất.

[13a] Giáp Tý, [484], (Tề Vũ Đế Di, Vĩnh Minh năm thứ 2). Lý Thúc Hiến nhận mệnh xong liền cắt đứt việc cống hiến. Vua Tề muốn đánh.

Ất Sửu, [485], (Tề Vĩnh Minh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Bính Thìn, vua Tề lấy Đại tư nông Lưu Khải làm Thứ sử, phát binh các quận Nam Khang, Lư Lăng, Thủy Hưng đi đánh Lý Thúc Hiến. Thúc Hiến sai sứ xin bãi binh, dâng 20 cỗ mũ đâu mâu toàn bằng bạc cùng dải tua bằng lông công. Vua Tề không cho. Thúc Hiến sợ bị Khải đánh úp, mới đi đường tắt từ Tương Châu sang chầu vua Tề, Khải bèn vào trấn.

Canh Ngọ, [490], (Tề Vĩnh Minh năm thứ 8). Mùa đông, tháng 10, Thứ sử là Phòng Pháp Thặng (thay Lưu Khải) chỉ thích đọc sách, thường cáo ốm không làm việc, vì thế trưởng lại[3] là Phục Đăng Chi được chuyên quyền **[13b]** thay đổi các tướng lại mà không cho Pháp Thặng biết. Lục sự là Phòng Tú Văn mách với Pháp Thặng. Pháp Thặng cả giận, giam Đăng Chi vào ngục hơn 10 ngày. Đăng Chi hối lộ nhiều cho Thôi Cảnh Thúc, là chồng của em gái Pháp Thặng, nên được thả ra, rồi đem bộ khúc đánh úp châu trị, bắt Pháp Thặng, bảo Thặng rằng: "Sứ quân đã có bệnh, thì không nên khó nhọc", rồi giam ở một nhà riêng. Pháp Thặng không có việc gì, lại gặp Đăng Chi xin đọc sách. Đăng Chi nói: "Sứ quân ở yên còn sợ phát bệnh, há lại còn xem sách?", bèn không cho, rồi tâu [với vua Tề] là Pháp Thặng bị bệnh động tim, không thể coi việc được. Tháng 11, ngày Ất Mão, vua Tề cho Đăng Chi làm Thứ sử. Pháp Thặng về đến Ngũ Lĩnh thì chết.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phòng Pháp Thặng ham đọc sách mà bỏ việc quan đến nỗi kẻ trưởng lại nhân đó chuyên quyên, thay đổi tướng lại, đó là cái lỗi nghiện sách quá. Còn như giam [Đặng Chi] vào ngục mà **[14a]** trừng trị, thế là biết sửa lỗi rồi. Đến như nghe lời thỉnh thác [của em rể] mà bỏ qua không hỏi đến nữa, thì lỗi ấy to lắm, bị [Đặng Chi] đánh úp lại là đáng, không chết là may. Cho nên phàm việc gì quá mức trung thì chưa từng không tai hại vậy.

Nhâm Ngọ, [502], (Lương Vũ Đế Tiêu Diễn, Thiên Giám năm thứ 1). Năm ấy nhà Tề mất.

Ất Dậu, [505], (Lương Thiên Giám năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Thứ sử Giao Châu là Lý Nguyên Khải chiếm châu làm phản, Trưởng sử là Lý Tắc dẹp được (trước Nguyên Khải thay Đăng Chi làm Thứ sử, cho là nhà Lương được nhà Tề nhường ngôi, chưa có ân uy gì, nhân đó giữ châu làm phản. Đến đây Tắc đem tông binh đánh Nguyên Khải, giết được).

---

[1] Hành Châu sự: người chấp hành công việc của châu. Thực tế Lý Trường Nhân được chuẩn cho đứng đầu cai quản Giao Châu, tương đương như Thứ sử, nhưng Nhân xin tự hạ chức danh chỉ gọi là "Hành châu sự"

[2] Vũ Bình, Tân Xương: tên quận đặt từ thời Ngô: "Nhà Ngô cắt đất huyện Mê Linh [thời Hán] mà đặt quận Tân Hưng, nhà Tấn đổi thành Tân Xương; cắt đất các huyện Phong Khê và Chu Diên mà đặt quận Vũ Bình (theo Đặng Xuân Bảng, Sử học bị khảo).

[3] Nguyên bản in là trưởng lại; CMTB3, 31b sửa là trưởng sử (chữ _______ lại và chữ _______ sử dễ viết nhầm). Trưởng lại chỉ là viên huyện quan có cấp bậc cao hơn các huyện quan khác. Ở đây Phục Đăng Chi giúp việc thay cho Thứ sử, phải là chức Trưởng sử như Cương Mục đã ghi. Nam Tề Thư (Đông Nam Di truyện), Việt Sử Lược (q.1) cũng chép là Trưởng sử. Trưởng sử là chức quan có từ thời Hán, giúp việc cho Thừa tướng. Nhưng từ thời Ngụy Tấn trở về sau, các viên thứ sử cai trị các châu thường là cấp tướng quân, cũng đặt chức Trưởng sử để giúp việc (Từ hải, tr. 1399)

Bính Thân, [516], (Lương Thiên Giám năm thứ 15). Mùa đông, tháng 11, [vua Lương] xuống chiếu cho Lý Tắc làm Thứ sử, Tắc lại chém Lý Tông Lão là dư đảng của Nguyên Khải, lấy đầu chuyển về Kiến Khang, châu lại yên.

[14b], Trở lên thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, từ năm Đinh Mùi đến năm Canh Thân, cộng 314 năm [227 - 540].

Kỷ Nhà Tiền Lý

Tiền Lý Nam Đế

Ở ngôi 7 năm [541-547].

Vua có chí diệt giặc cứu dân, không may bị Trần Bá Tiên sang đánh chiếm, nuốt hận mà chết. Tiếc thay !

Vua họ Lý, tên húy là Bí[1], người Thái Bình [phủ] Long Hưng[2]. Tổ tiên là người Bắc, cuối thời Tây Hán khổ về việc đánh dẹp, mới tránh sang ở đất phương Nam, được 7 đời thì thành người Nam. Vua có tài văn võ, trước làm quan với nhà Lương, gặp loạn, trở về Thái Bình. Bấy giờ bọn thú lệnh tàn bạo hà khắc, Lâm Ấp cướp phá ngoài biên, vua dấy binh đánh đuổi được, xưng là Nam Đế, đặt quốc **[15a]** hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên[3].

Tân Dậu, năm thứ 1 [541], (Lương Đại Đồng năm thứ 7). Thứ sử Giao Châu là Vũ Lâm hầu Tiêu Tư, vì hà khắc tàn bạo, mất lòng người. Vua vốn con nhà hào trưởng, thiên tư lỗi lạc, làm quan không được vừa ý. Lại có người là Tinh Thiều giỏi từ chương từng đến [kinh đô nhà Lương] xin được chọn làm quan. Thượng thư bộ Lại nhà Lương là Sái Tôn cho rằng họ Tinh trước không có ai hiển đạt, nên chỉ bổ cho chức Quảng Dương môn lang. Thiều lấy làm nhục, trở về làng, theo vua mưu việc dấy binh. Vua bấy giờ làm chức Giám quân ở châu Cửu Đức[4], nhân liên kết với hào kiệt mấy châu, đều hưởng ứng. Có Triệu Túc tù trưởng ở Chu Diên[5] phục tài đức của vua, bèn dẫn đầu đem quân theo về. Tiêu Tư biết việc, đem của đến hối lộ cho vua, rồi chạy về Quảng Châu. Vua ra chiếm giữ châu thành (tức là Long Biên).

Nhâm Tuất, năm thứ 2 [542], (Lương Đại Đồng năm thứ 8). Mùa đông, tháng 12, vua Lương sai Tôn Quýnh, Lư Tử Hùng **[15b]** sang xâm chiếm. Quýnh lấy cớ là chướng khí mùa xuân đương bốc, xin đợi đến mùa thu. Bấy giờ Thứ sử Quảng Châu là Tân Dụ hầu Hoán[6] không cho, Vũ Lâm hầu cũng thúc giục. Bọn Tử Hùng đi đến Hợp Phố, 10 phần chết đến 6, 7 phần, quân tan rã mà về. Tiêu Tư tâu vu [với vua Lương] rằng Quýnh và Tử Hùng dùng dằng không chịu đi, đều bị buộc phải tự tử.

Quý Hợi, năm thứ 3 [543], (Lương Đại Đồng năm thứ 9). Mùa hạ, tháng 4, vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua sai tướng là Phạm Tu đánh tan ở Cửu Đức.

Giáp Tý, [Thiên Đức] năm thứ 1 [544], (Lương Đại Đồng năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, vua nhân thắng giặc, tự xưng là Nam Việt Đế, lên ngôi, đặt niên hiệu, lập trăm quan, dựng quốc hiệu là

---

[1] Chữ Bí có nhiều âm đọc nhưng các từ thư, tự điển đều xếp âm Bí đầu tiên. Hiện nay nhiều địa phương ở miền Bắc còn kiêng húy ông, thường tránh gọi quả bí là quả bầu, chúng tôi dựa theo đó mà phiên âm là bí.

[2] Cương mục chú: "Tên Thái Bình đặt từ năm Vũ Đức thứ 4 (621) thời Đường; tên Long Hưng đặt từ thời nhà Trần. Thời thuộc Lương chưa có hai tên đất này, có lẽ Sử cũ chỉ theo đó mà truy gọi thôi" (CMTB4, 1b).

[3] Vị trí của thành Long Biên đến nay vẫn chưa xác định được, có thể ở vùng gần thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc.

[4] Châu Cửu Đức thời thuộc Lương là Đức Châu, ở vị trí huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay. CMTB4, 1b sửa là Cửu Đức quận.

[5] Huyện Chu Diên thời Lương, thời Tùy, nay là phần đất tỉnh Hải Dương, huyện trị có thể ở vào khoảng huyện Phả Lại.

[6] Tân Dụ hầu Hoán _____: theo Trần thư (Cao Tổ ký) nên sửa là Ánh _____ (Tiêu Ánh).

Vạn Xuân, ý mong cho xã tắc truyền đến muôn đời vậy. Dựng điện Vạn Thọ làm nơi triều hội. Lấy Triệu Túc làm Thái Phó, bọn Tinh Thiều, Phạm Tu đều làm tướng văn, tướng võ.

[16a] Ất Sửu, [Thiên Đức] năm thứ 2 [545], (Lương Đại Đồng năm thứ 11). Mùa hạ, tháng 6, nhà Lương cho Dương Thiêu[1] làm Thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, đem quân sang xâm, sai Thứ sử Định Châu là Tiêu Bột hội với bọn Thiêu ở Giang Tây[2]. Bột biết các quân lính sợ đi đánh xa, nhân đó nói dối để giữ Thiêu ở lại. Thiêu họp các tướng để hỏi kế. Bá Tiên nói: "Giao Châu làm phản, tội do người tông thất[3] để mấy châu hỗn loạn, trốn tội đã nhiều năm nay. [Thứ sử] Định Châu chỉ muốn trộm yên trước mắt, không nghĩ đến kế lớn. Tiết hạ[4] vâng chiếu đi đánh kẻ có tội, phải nên liều sống chết, há nên dùng dằng không tiến để nuôi cho thế giặc thêm mạnh mà làm ngăn trở quân mình hay sao?" Rồi Bá Tiên đem quân đi trước, Thiêu cho Bá Tiên làm tiên phong. Khi [quân của Bá Tiên] đến Giao Châu, vua đem 3 vạn quân ra chống cự, bị thua ở Chu Diên, lại thua ở cửa sông Tô Lịch, vua chạy về thành Gia Ninh[5]. Quân Lương đuổi theo vây đánh.

[16b] Bính Dần, [Thiên Đức] năm thứ 3 [546], (Lương Đại Đồng năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, bọn Bá Tiên đánh lấy được thành Gia Ninh. Vua chạy vào đất người Lạo ở Tân Xương. Quân Lương đóng ở cửa sông Gia Ninh. Mùa thu, tháng 8, vua lại đem 2 vạn quân từ trong đất Lạo ra đóng ở hồ Điển Triệt[6], đóng nhiều thuyền đậu chật cả mặt hồ. Quân Lương sợ, cứ đóng lại ở cửa hồ không dám tiến vào. Trần Bá Tiên bảo các tướng rằng: "Quân ta ở đây đã lâu, tướng sĩ mỏi mệt, vả lại thế cô không có tiếp viện. Tiến sâu vào trong lòng [nước] người, nếu một đánh mà không thắng, thì đừng mong sống sót. Nay nhân lúc bọ họ vừa thua luôn mấy trận, lòng người chưa vững, mà người Di Lạo ô hợp, dễ đánh giết, chính nên cùng ra tay liều chết, cố sức đánh lấy, không có cớ gì mà dừng lại thì lỡ mất thời cơ". Các tướng đều im lặng, không ai hưởng ứng. Đêm hôm ấy nước sông lên mạnh, dâng cao 7 thước, tràn đổ vào hồ. Bá Tiên đem quân bản bộ theo dòng nước tiến trước vào. Quân Lương đánh trống reo hò mà tiến. Vua vốn không **[17a]** phòng bị, vì thế quân vỡ, phải lui giữ ở trong động Khuất Lạo[7] để sửa binh đánh lại, ủy cho đại tướng là Triệu Quang Phục giữ việc nước, điều quân đi đánh Bá Tiên.

Đinh Mão, [Thiên Đức] năm thứ 4 [547], (Lương Thái Thanh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, nhật thực. Triệu Quang Phục cầm cự với Trần Bá Tiên, chưa phân thắng bại. Nhưng quân của Bá Tiên rất đông, Quang Phục liệu thế không chống nổi bèn lui về giữ đầm Dạ Trạch[8]. Đầm này ở huyện Chu Diên, chu vi không biết bao nhiêu dặm, cỏ cây um tùm, bụi rậm che kín, ở giữa có nền đất cao có thể ở được, bốn mặt bùn lầy, người ngựa khó đi, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc nhỏ chống sào đi lướt trên cỏ nước mới có thể đến được. Nhưng nếu không quen biết đường lối thì lạc không biết là đâu, lỡ rơi xuống nước liền bị rắn độc cắn chết. Quang Phục thuộc rõ đường đi lối lại, đem hơn 2 vạn người vào đóng ở nền đất trong đầm, ban ngày **[17b]** tuyệt không để khói lửa và dấu người, ban đêm dùng thuyền độc mộc đem quân ra đánh doanh trại của quân Bá Tiên, giết và bắt sống rất nhiều, lấy được lương thực để làm kế cầm cự lâu dài. Bá Tiên theo hút mà đánh, nhưng không đánh được. Người trong nước gọi là Dạ Trạch Vương. (Tục truyền thời Hùng Vương, con gái Hùng Vương là Tiên Dung Mỵ Nương[9] ra chơi cửa biển. Thuyền về đến bãi ở hương Chử Gia, Tiên Dung lên trên bãi, gặp Chử Đồng Tử trần truồng núp trong bụi lau, tự cho là Nguyệt lão xe duyên, bèn cùng nhau làm vợ

---

[1] Thiêu, thường vẫn đọc là Phiêu. Nhưng nguyên bản chua rõ hai âm đọc là Thiêu hoặc Thiệu (thuần chiêu phiên, thất diệu phiên)

[2] Đúng ra là Tây Giang (thuộc huyện Vĩnh Phúc, phủ Quế Lâm), theo Trần thư và Thông giám.

[3] Chỉ Tiêu Tư, cùng dòng tôn thất với Lương Vũ Đế Tiêu Diễn.

[4] Tiết hạ: người đứng dưới cờ tiết, ở đây là từ tôn gọi Dương Thiêu.

[5] Thành Gia Ninh: ở xã Gia Ninh, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

[6] Hồ Điển Triệt: ở xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Hồ dài 1km, chỗ rộng nhất 400m, hẹp nhất 50m, sâu 5-6m, xưa nay chưa bao giờ cạn.

[7] Động Khuất Lạo, cũng đọc là Khuất Liệu, ở vùng núi thuộc hai xã Cổ Tiết và Văn Lang, huyện Tam Thanh tỉnh Vĩnh Phú, nay còn di tích mộ và đền thờ Lý Bí trên gò Cổ Bồng.

[8] Đầm Dạ Trạch: cũng gọi là Nhất Dạ Trạch, nay là "Bãi Màn Trò", huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

[9] Mỵ Nương: con gái của Hùng Vương (NK.1.3a).

chồng, sợ tội phải ở lánh trên bờ sông, chỗ ấy trở thành nơi đô hội. Hùng Vương đem quân đến đánh. Đồng Tử và Tiên Dung sợ hãi đợi tội. Bỗng nửa đêm mưa gió dữ dội làm rung chuyển nơi ở, rường cột tự bốc lên, người và gà chó trong một lúc cùng bay lên trời, chỉ còn lại cái nền không ở giữa đầm. Người bấy giờ gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, đầm ấy là đầm Nhất Dạ, nay vẫn còn tên gọi cũ).

Trở lên là Tiền Lý Nam Đế, từ năm Tân Dậu đến năm Đinh Mão, tất cả 7 năm (541-547).

Kỷ Triệu Việt Vương

(Xét sử cũ không chép Triệu Việt Vương và Đào Lang Vương, nay nhặt trong dã sử và các sách khác, bắt đầu chép vị hiệu của vương và phụ chép Đào Lang Vương để bổ sung).

[18a] Triệu Việt Vương

Phụ: Đào Lang Vương

Ở ngôi 23 năm [548-570].

Vua giữ đất hiểm, dùng kỳ binh để đánh giặc lớn, tiếc vì quá yêu con gái đến nỗi mắc họa vì con rể.

Vua họ Triệu, tên húy là Quang Phục, là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, uy tráng dũng liệt, theo Nam Đế đi đánh dẹp có công, được trao chức Tả tướng quân. Nam Đế mất, bèn xưng vương, đóng đô ở Long Biên, sau dời sang Vũ Ninh[1].

Mậu Thìn, năm thứ 1 [548], (Lương Thái Thanh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, ngày Tân Hợi, [Lý] Nam Đế ở động Khuất Lạo lâu ngày nhiễm lam chướng, ốm chết.

> Lê Văn Hưu nói: Binh pháp có câu: "Ba vạn quân đều sức, thiên hạ không ai địch nổi". Nay Lý Bí có 5 vạn quân mà không giữ được nước, thế thì Bí kém tài làm tướng **[18b]** chăng ? Hay là quân lính mới họp không thể đánh được chăng ? Lý Bí cũng là bậc tướng trung tài, ra trận chế ngự quân địch giành phần thắng không phải là không làm được, nhưng bị hai lần thua rồi chết, bởi không may gặp phải Trần Bá Tiên là kẻ giỏi dùng binh vậy.
>
> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tiền Lý Nam Đế dấy binh trừ bạo, đáng là thuận đạo trời, thế mà cuối cùng đến nỗi bại vong, là vì trời chưa muốn cho nước ta được bình trị chăng ? Than ôi ! Không chỉ vì gặ phải Bá Tiên là kẻ giỏi dùng binh, mà còn gặp lúc nước sông đột ngột dâng lên trợ thế [cho giặc], há chẳng phải cũng do trời hay sao ?

Kỷ Tỵ, năm thứ 2 [549], (Lương Thái Thanh năm thứ 3). Vua ở trong đầm thấy quân Lương không lui, mới đốt hương cầu đảo, khẩn thiết kinh cáo với trời đất thần kỳ, thế rồi có điềm lành được mũ đâu mâu móng rồng **[19a]** dùng để đánh giặc. Từ đó quân thanh lừng lẫy, đến đâu không ai địch nổi (tục truyền rằng thần nhân trong đầm là Chử Đồng Tử bấy giờ cưỡi rồng vàng từ trên trời rơi xuống, rút móng rồng trao cho vua, bảo gài lên mũ đâu mâu mà đánh giặc).

Canh Ngọ, năm thứ 3 [550], (Lương Giản Văn Đế Cương, Thái Bảo[2] năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Lương cho Trần Bá Tiên làm Uy minh tướng quân Giao Châu thứ sử. Bá Tiên lại mưu tính cầm cự lâu ngày khiến cho [ta] lương hết quân mỏi thì có thể phá được. Gặp lúc nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, gọi [Bá Tiên] về, ủy cho tì tướng là Dương Sàn đánh nhau với vua. Vua tung quân ra đánh.

---

[1] Huyện Vũ Ninh: nay là vùng huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc.

[2] Thái Bảo: sửa đúng là niên hiệu Đại Bảo.

Sàn chống cự, thua chết. Quân Lương tan vỡ chạy về Bắc. Nước ta được yên. Vua vào thành Long Biên ở.

Anh của Nam Đế là [Lý] Thiên Bảo, ở đất người Di Lạo, xưng là Đào Lang Vương, lập nước gọi là nước Dã Năng. Trước đó, khi Nam Đế tránh ở động Khuất Lạo, Thiên Bảo cùng với tướng người họ là Lý Phật Tử đem 3 vạn người vào Cửu Chân. Trần Bá Tiên đuổi theo đánh, **[19b]** Thiên Bảo bị thua, bèn thu nhặt quân còn sót được vạn người chạy sang đất người Di Lạo ở Ai Lao, thấy động Dã Năng ở đầu nguồn Đào Giang, đất phẳng rộng màu mỡ có thể ở được, mới đắp thành để ở, nhân tên đất ấy mà đặt quốc hiệu. Đến bây giờ quân chúng tôn làm chúa, xưng là Đào Lang Vương.

Ất Hợi, năm thứ 8 [555], (Lương Kính Đế Phương Trí, Thiệu Thái năm thứ 1). Đào Lang Vương mất ở nước Dã Năng, không có con nối, quân chúng suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi, thống lĩnh quân chúng.

Đinh Sửu, năm thứ 10 [557], (Lương Thái Bình năm thứ 2; Trần Vũ Đế Tiên, Vĩnh Định năm thứ 1). Lý Phật Tử đem quân xuống miền Đông đánh nhau với vua [Triệu Việt Vương] ở huyện Thái Bình, năm lần giáp trận, chưa phân thắng bại, mà quân của Phật Tử hơi lùi, ngờ là vua có thuật lạ, bèn giảng hòa xin ăn thề. Vua nghĩ rằng Phật Tử là người họ của Tiền Nam Đế, không nỡ cự tuyệt, bèn chia địa giới ở bãi Quân Thần (nay là hai xã Thượng Cát, Hạ Cát ở huyện Từ Liêm) cho ở phía **[20a]** tây của nước, [Phật Tử] dời đến thành Ô Diên (nay là xã Hạ Mỗ, huyện Từ Liêm, xã ấy nay có đền thờ thần Bát Lang, tức là đền thờ Nhã Lang vậy). Sau Phật Tử có con trai là Nhã Lang, xin lấy con gái của vua là Cảo Nương. Vua bằng lòng, bèn thành thông gia. Vua yêu quý Cảo Nương, cho Nhã Lang ở gửi rể.

Canh Dần, năm thứ 23 [570], (Trần Tuyên Đế Húc, Đại Kiến[1] năm thứ 2). Nhã Lang bảo vợ rằng: "Trước hai vua cha chúng ta cừu thù với nhau, nay là thông gia, chẳng cũng hay lắm ư ? Nhưng cha nàng có thuật gì mà có thể làm lui được quân của cha tôi ?". Cảo Nương không biết ý của chồng, bí mật lấy mũ đâu mâu móng rồng cho xem. Nhã Lang mưu ngầm tráo đổi cái móng ấy, rồi bảo riêng với Cảo Nương rằng: "Tôi nghĩ ơn sâu của cha mẹ nặng bằng trời đất, vợ chồng ta hòa nhã yêu quý nhau không nỡ xa cách, nhưng tôi phải tạm dứt tình, về thăm cha mẹ". Nhã Lang về, cùng với cha bàn mưu đánh úp vua, chiếm lấy nước.

> **[20b]** Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đàn bà gọi việc lấy chồng là "quy" thì nhà chồng tức là nhà mình. Con gái vua đã gả cho Nhã Lang thì sao không cho về nhà chồng mà lại theo tục ở gửi rể của nhà Doanh Tần để đến nỗi bại vong ?

Trở lên là kỷ Triệu Vương, từ năm Mậu Thìn đến năm Canh Dần tất cả 23 năm [548-570].

Kỷ Hậu Lý

Hậu Lý Nam Đế

Ở ngôi 32 năm [571-602].

Vua dùng thuật gian trá để gồm lấy nước, mới thấy bóng giặc đã hàng trước, việc làm trước sau đều phi nghĩa.

Vua họ Lý, tên húy là Phật Tử, là tướng người họ của Tiền [Lý] Nam Đế, đuổi Triệu Việt Vương, nối vị hiệu của Nam Đế, đóng đô ở thành Ô Diên, sau dời đến Phong Châu.

---

[1] Các bản in Toàn thư đều in là Đại Kiế; sửa đúng là Thái Kiến.

[21a] Tân Mão, năm thứ 1 [571], (Trần Đại Kiến[1] năm thứ 3). Vua phụ lời thề, đem quân đánh Triệu Việt Vương. Lúc đầu Việt Vương chưa hiểu ý vua, thảng thốt đốc quân, đội mũ đâu mâu đứng chờ. Quân của vua cùng tiến đến, Triệu Việt Vương tự biết thế yếu không thể chống được, bèn đem con gái chạy về phía nam, muốn tìm nơi đất hiểm để ẩn náu tung tích, nhưng đến đâu cũng bị quân của vua đuổi theo sau gót. Việt Vương cưỡi ngựa chạy đến cửa biển Đại Nha, bị nước chắn, than rằng: "Ta hết đường rồi !", bèn nhảy xuống biển. Vua đuổi theo đến nơi, thấy mênh mông không biết [Việt Vương] đi đằng nào, bèn trở lại. Họ Triệu mất nước. Người sau cho là linh dị, lập đền thờ ở cửa biển Đại Nha (Đại Nha nay là huyện Đại An)[2].

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: "Lấy bá thuật mà xét thì Hậu [Lý] Nam Đế đánh Triệu Việt Vương là đắc kế, lấy vương đạo mà xét thì việc ấy đã từng không bằng chó lợn. Sao **[21b]** thế ? Là vì khi Tiền Lý Nam Đế ở động Khuất Lạo đem việc quân ủy cho Triệu Việt Vương. Việt Vương thu nhặt tàn quân giữ hiểm ở Dạ Trạch bùn lầy, đương đầu với Trần Bá Tiên là người hùng một đời, cuối cùng bắt được tướng của y là Dương Sàn. Tiên, người phương Bắc, phải lui quân. Bấy giờ vua [Hậu Nam Đế] trốn trong đất Di [Lạo], chỉ mong thoát khỏi miệng hùm mà thôi. May mà Bá Tiên về Bắc, [Lý] Thiên Bảo chết, mới đem quân đánh [Triệu] Việt Vương, dùng mưu gian trá xin hòa, kết làm thông gia. Việt Vương lấy lòng thành đối đãi, cắt đất cho ở, những việc làm của Việt Vương đều là chính nghĩa, giao hảo phải đạo, thăm viếng phải thời , há chẳng phải là đạo trị yên lâu dài hay sao ? Thế mà [Hậu Nam Đế] lại dùng mưu gian của Nhã Lang, vứt bỏ chính đạo nhân luân, kíp tham công lợi mà diệt nhân nghĩa, đánh cướp lấy nước, tuy rằng lấy được, mà Nhã Lang thì chết trước, bản thân cũng không khỏi làm tù, có lợi gì đâu ?

[22a] Nhâm Tuất, năm thứ 32 [602], (Tùy Văn Đế Dương Kiên, Nhân Thọ năm thứ 1)[3]. Vua sai con của anh là [Lý] Đại Quyền giữ thành Long Biên, Biệt súy là Lý Phổ Đỉnh giữ thành Ô Diên (bấy giờ vua đóng đô ở Phong Châu).

Dương Tố nhà Tùy tiến cử Thứ sử Qua Châu là Lưu Phương người Trường An, có tài lược làm tướng. Vua Tùy xuống chiếu lấy Tố làm Giao Châu đạo hành quân tổng quản, thống lĩnh 27 doanh quân sang xâm chiếm. Quân lệnh của Phương rất nghiêm, ai phạm tất chém. Nhưng Phương tính nhân ái, binh sĩ người nào ốm đau đều thân đến thăm viếng nuôi dưỡng, quân lính ai nấy đều mến đức và sợ uy. Đến núi Đô Long gặp giặc cỏ[4], Phương đánh tan hết, rồi tiến quân sang đến cạnh dinh của vua, trước lấy họa phúc mà dụ. Vua sợ xin hàng, bị đưa về Bắc rồi chết. Dân làm đền thờ ở cửa biển Tiểu Nha[5] để đối với đền thờ Triệu Việt Vương.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nam - Bắc mạnh yếu đều có từng lúc. Đương khi phương Bắc **[22b]** yếu thì ta mạnh, phương Bắc mạnh thì ta cũng thành yếu. Thế lớn trong thiên hạ là như vậy. Phàm kẻ có nước phải sửa sang giáp binh, chỉnh đốn xe cộ quân lính, phòng bị việc bất ngờ, đặt hiểm để giữ nước, lấy lễ mà thờ nước lớn, lấy nhân mà vỗ nước nhỏ. Ngày nhàn rỗi thì dạy điều hiếu, để, trung, tín để cho người trong nước biết rõ cái nghĩa kính thân người trên, chịu chết cho người trưởng. Khi có họa xâm lăng thì phải dùng lời văn để sửa đổi ý định của họ, dùng lời nói mà bảo họ, lấy lễ vật ngọc lụa mà biếu cho họ. Như thế mà vẫn không tránh được, thì dù đến khốn cùng cũng phải quay lưng vào thành mà đánh một trận, thề tử thủ cùng với xã tắc mất còn, rồi sau mới không hổ thẹn. Lẽ nào mới thấy quân giặc đến cõi, chưa xáp binh đao, đã

---

[1] Sửa đúng là Thái Kiến.

[2] Cửa biển Đại Nha: cũng có tên là Đại Ác, thời Lý đổi là Đại An, nay là Cửa Liêu (cửa sông Đáy). Huyện Đại An thời Lê nay là đất huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Hà.

[3] Năm này, các bản Toàn thư đều ghi là Nhân Thọ nguyên niên, đúng ra là năm Nhân Thọ thứ 2.

[4] Nguyên văn: ngộ thảo tặc: hai chữ "thảo tặc" đáng phải sửa lại vì soạn giả dùng sử liệu của Trung Quốc không chỉnh lý. Thông giám và Tùy thư, Lưu Phương truyện nói rõ đó là quân của Lý Phật Tử, hơn 2 nghìn người.

[5] Tức Cửa Càn, ở phía nam cửa Đại An (xưa là Đại Nha, xem chú thích ở trang trước)

sợ hãi xin hàng ! Vua đã hèn nhát mà tướng văn, tướng võ đương thời không ai từng có một lời nào nói đến, có thể bảo là trong nước không có người vậy !

[23a] Trở lên là kỷ Hậu Lý Nam Đế, từ năm Tân Mão đế năm Nhâm Tuất, tất cả 32 năm [571-602], tính chung cả Tiền Nam Đế, Triệu Việt Vương là 62 năm.

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỷ Toàn Thư

Quyển V

[1a]

Kỷ Thuộc Tùy Đường

Quý Hợi, [603], (Tùy Nhân Thọ năm thứ 2). [1] Lưu Phương bắt được tướng cũ của Hậu Nam Đế, cho là gian ác, đều chém cả.

Ất Sửu, [605], (Tùy Dạng Đế Quảng, Đại Nghiệp năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lưu Phương mới dẹp yên nước ta, bầy tôi nhà Tùy có người nói nước Lâm Ấp có nhiều báu lạ. Vua Tùy bèn cho Phương làm Hoan Châu đạo hành quân tổng quản, đi kinh lược nước Lâm Ấp. Phương sai bọn thứ sử Khâm Châu là Ninh Trường Chân đem quân bộ và quân kỵ hơn một vạn xuất phát từ Việt Thường[2]. Phương thân dẫn bọn đại tướng quân Trương Tốn đem thủy quân xuất phát từ quận Tỷ Cảnh (huyện của nhà Hán, thuộc quận Nhật Nam; nhà Tùy đặt quận Tỷ Cảnh)[3]. Tháng ấy quân đến cửa biển. Tháng 3, vua Lâm Ấp là Phạn **[1b]** Chí sai quân ra giữ nơi hiểm yếu, bị Lưu Phương đánh tan chạy. Quân của Phương qua sông Chà Lê. Quân Lâm Ấp cưỡi voi lớn từ bốn mặt kéo đến, quân của Phương đánh không lợi bèn đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, cho quân khiêu chiến, đang đánh giả thua chạy. Quân Lâm Ấp đuổi theo, voi phần nhiều sụp hố ngã nhào, nhốn nháo kinh hãi, quân trở nên rối loạn. Phương cho dùng nỏ bắn voi, voi lùi chạy, xéo giẫm vào hàng trận. Phương nhân đó cho quân tinh nhuệ đuổi theo. Quân Lâm Ấp thua to, bị bắt, bị chém kể hàng vạn. Phương tiến quân đuổi theo, mấy trận đều được cả, qua phía nam cột đồng Mã Viện, đi tám ngày nữa đến quốc đô Lâm Ấp. Mùa hạ, tháng 4, Phạn Chí bỏ thành chạy ra biển. Phương vào thành lấy được 18 bộ thần chủ trong miếu đều đúc bằng vàng (tức là 18 đời vua), khắc đá ghi công rồi về. Binh sĩ thũng chân, mười phần chết đến bốn năm phần. Phương cũng bị ốm, chết dọc đường.

> **[2a]** Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lâm Ấp tự chuốc bại vong là có nguyên do. Từ khi Phạm Hồ Đạt đánh chiếm Nhật Nam, Cửu Chân, cướp phá Giao Châu, bị Đỗ Viện nhà Tấn đánh tan, mà không từng lấy đó làm răn. Năm nay cướp Cửu Chân, sang năm lại cướp Giao Châu. Đỗ Tuệ Độ lại đánh tan, giết hết quá nửa. Dương Mại lại cướp Cửu Đức, bị Đàn Hòa Chi nhà Tống đánh cho phải phục tội. Tuy có sai sứ vào cống nhưng vẫn cướp phá như cũ. Tông Xác và Hoà Chi đuổi dài, thắng được Lâm Ấp. Dương Mại may thoát khỏi miệng hùm, văng mình bỏ chạy. Từ đấy, biển Nam sóng lặng, tưởng chừng mãi mãi lấy đó làm răn. Nhưng Phạn Chí nối ngôi, lại ra cướp Nhật Nam, bị Pham Tu đánh tan ở Cửu Đức, suốt cả đời Hậu Nam Đế không dám dòm ngó đất trung châu phía bắc [tức nước ta] nữa, mà nước họ cũng được giàu thịnh. Đến đây người Tùy tham của báu, cất quân đi đánh, giày xéo quốc **[2b]** đô, làm dơ bẩn cung điện, tuy gọi là quân tham bạo, nhưng bọn man di quấy nhiễu trung châu cũng có thể lấy làm răn.

---

[1] Sửa đúng là niên hiệu Nhân Thọ năm thứ 3.

[2] Việt Thường: tên huyện thời Tùy, thuộc quận Nhật Nam, vị trí vào khoảng huyện Đức Thọ và phía nam huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

[3] Tỷ Cảnh: tên quận do nhà Tùy đặt năm 607, vị trí ở vào khoảng phía nam tỉnh Hà Tĩnh đến Quảng Trị. Ở đây, Toàn thư chép với chữ Cảnh ____, nhưng đúng ra là Cảnh _____ (xem Tùy thư, Lưu Phương truyện). Cảnh còn có thể đọc theo âm cổ là Ánh (Tỷ Ánh nguyên là tên huyện thời Hán, có nghĩa là so bóng mặt trời).

Mậu Dần, [618], (Đường Cao Tổ Lý Uyên, Vũ Đức năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, Thứ sử Khâm Châu là Ninh Trường Chân đem đất Uất Lâm và Thủy An phụ theo Tiêu Tiển. Thái thú Hán Dương là Phùng Áng đem đất Thương Ngô, Cao Yếu, Châu Nhai, Phiên Ngung phụ theo Lâm Sĩ Hoằng. Tiển và Sĩ Hoằng đều sai người sang chiêu dụ Thái thú Giao Châu là Khâu Hòa, Hòa không theo. Tiển sai Trường Chân đem quân Lĩnh Nam đi đường biển đến đánh Hòa. Hòa muốn đón hàng, Tư pháp thư tá là Cao Sĩ Liêm bảo Hòa rằng: "Quân của Trường Chân tuy nhiều, nhưng quân cô từ xa đến, lương thực ít, tất không thể cầm giữ lâu, quân giỏi trong thành cũng đủ đương được, việc gì mới nghe hơi đã vội chịu theo người". Hòa nghe theo, lấy Sĩ Liêm làm **[3a]** Hành quân tư mã, đem các doanh thủy bộ đón đánh, phá tan quân [của Trường Chân]. Trường Chân chỉ chạy thoát một mình, quân lính bị bắt hết. Hòa lại đắp tử thành (tức thành nhỏ bên trong thành), chu vi 9 trăm bước để chống giữ. Đến khi nhà Tùy mất, Hòa hàng phục nhà Đường. Vua Đường sai Lý Đạo Hựu mang cờ tiết sang cho Hòa làm Giao Châu đại tổng quản[1], tước Đàm quốc công. Hòa sai Sĩ Liêm dâng biểu xin vào chầu. Vua Đường xuống chiếu sai quân đi đón[2]. Năm này nhà Tùy mất.

Nhâm Ngọ, [622], (Đường Vũ Đức năm thứ 5). Trước đây, cuối thời nhà Tùy, Khâu Hòa làm Thái thú Giao Châu, cậy uy thế của nhà Tùy, thường đi tuần các khe động ở biên giới, ở châu hơn 60 năm, Lâm Ấp và các nước[3] tặng cho Hòa những ngọc minh châu, sừng tê văn và vàng bạc của báu, cho nên Hòa giàu như vương giả. Năm này nhà Đường đổi Giao Châu làm An Nam đô hộ phủ[4].

[3b] Mậu Tý, [628], (Đường Thái Tông Thế Dân, Trinh Quán năm thứ 2). Tông thất nhà Đường là Lý Thọ làm Đô đốc Giao Châu tham ô phải tội. Vua Đường thấy Thứ sử Doanh Châu là Lư Tổ Thượng có tài gồm văn võ, gọi vào triều, dụ rằng: "Giao Châu đã lâu không được người giỏi, các đô đốc trước sau đều không xứng chức. Khanh có tài lược dẹp yên biên giới, hãy vì ta sang trấn đất ấy, chớ lấy đường xa mà từ chối". Tổ Thượng lạy tạ, rồi lại hối, lấy cớ đau ốm mà từ chối. Vua Đường sai Đỗ Như Hối bảo cho Tổ Thượng biết ý vua. Tổ Thượng vẫn cố từ. Lại sai Chu Phạm là anh vợ của Tổ Thượng đến dụ rằng: "Người thường đã hứa với nhau còn biết giữ chữ tín, khanh đã hứa trước mặt trẫm, há trái lời hay sao? Nên sớm lên đường, sau ba năm tất gọi về, trẫm không nuốt lời". Tổ Thượng trả lời rằng: "Đất Lĩnh Nam lam chướng, dịch lệ, đó là cái lẽ đã ra đi thì không trở về". Vua Đường tức giận nói: "Ta sai người không đi, còn làm chính lệnh thế nào được nữa". Sai chém ngay ở triều đường. Sau hối lại, cho khôi phục quan tước và ấm phong.

> **[4a]** Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua sai bề tôi lấy lễ, bề tôi thờ vua lấy trung. Đường Thái Tông sai bề tôi không chịu đi, dỗ đến hai lần, có thể gọi là có lễ. Tổ Thượng được vua sai lại tránh khó nhọc, thế là thất tiết; đã nhận rồi lại hối, thế là thất tín; lời nói giận dỗi, thế là thất lễ. Thái Tông giết đi, tuy là quá, song Tổ Thượng đủ ba lỗi ấy, thì tội ra sao?

Ất Mùi, [635], (Đường Trinh Quán năm thứ 9). Tông thất nhà Đường là Lý Đạo Hưng làm Đô đốc Giao Châu vì bệnh chướng khí chết ở nơi làm quan.

Đinh Hợi, [687], (Đường Trung Tông Triết, Tự Thánh năm thứ 4). Mùa thu, tháng 7, các hộ người Lý ở Lĩnh Nam theo như lệ cũ nộp nửa thuế, Đô hộ Lưu Diên Hựu bắt phải nộp cả. Các hộ người Lý mới oán giận, mưu làm loạn. Lý Tự Tiên làm **[4b]** chủ mưu, Diên Hựu giết đi. Dư đảng là bọn Đinh Kiến họp quân vây phủ thành. Trong thành binh ít không chống nổi, đóng cửa thành cố giữ để đợi quân cứu viện. Đại tộc ở Quảng Châu là Phùng Tử Do muốn lập công, đóng quân không đến cứu, Kiến giết Diên Hựu. Sau Tư mã Quế Châu là Tào Trực Tĩnh[5] đánh giết được Kiến.

---

[1] Nguyên bản in là Thái Tổng Quản, sửa lại theo Tân Đường thư, Khâu Hòa truyện.

[2] Nguyên văn: "chiếu phát sư nghênh chi"; có thể sai sót. Tân Đường thư, Khâu Hòa truyện chép là: "chiêu kỳ tử Sư Lợi nghênh chi", nghĩa là: xuống chiếu sai con [của Hòa] là Sư Lợi đi đón. Truyện Khâu Hòa trong Cựu Đường thư và Thông Giám cùng chép tương tự ("khiển kỳ tử Sư Lợi nghênh chi")

[3] Cựu Đường thư, Khâu Hòa truyện chép "Lâm Ấp chi tây chư quốc" (các nước phía tây Lâm Ấp).

[4] Cựu Đường thư, Địa lý chí chép: "Quận Giao Chỉ thời Tùy, năm Vũ Đức thứ 5 [nhà Đường] đổi làm Giao Châu tổng quản phủ"

[5] Tân Đường thư, Cựu Đường thư, Thông giám đều chép là Tào Huyền Tĩnh.

Nhâm Tuất, [722], (Đường Huyền Tông, Long Cơ, Khai Nguyên năm thứ 10). Tướng giặc là Mai Thúc Loan[1] chiếm giữ châu, xưng là Hắc Đế, bên ngoài liên kết với người Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân nói là 30 vạn[2]. Vua Đường sai nội thị tả giám môn vệ tướng quân là Dương Tư Húc và Đô hộ là Nguyên Sở Khách[3] đánh dẹp yên được.

Mậu Tuất, [758], (Đường Túc Tông Hanh, Chí Đức năm thứ 3). Nhà Đường đổi An Nam Đô Hộ Phủ làm Trấn Nam Đô Hộ Phủ.

Đinh Mùi [767], (Đường Đại Tông Dự, Đại Lích thứ 2). [Người] Côn Lôn[4], Chà Bà[5] đến cướp, đánh lấy châu thành. Kinh lược sứ Trương Bá Nghi cầu cứu với Đô úy châu Vũ Định là Cao Chính Bình. Quân cứu viện đến, đánh tan quân Côn Lôn, **[5a]** Chà Bà ở Chu Diên. Bá Nghi đắp lại La Thành[6]. Khi ấy có người tiết phụ họ Toàn[7] là mẹ của Đào Tề Lượng ở Giao Châu, thường lấy trung nghĩa dạy Lượng, nhưng Lượng ngoan cố không chịu nghe, mới dứt tình với con, tự cày lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, người trong làng xóm đều noi theo. Vua Đường xuống chiếu cho 2 người đinh đến hầu nuôi, sai quan bản đạo bốn mùa đến thăm hỏi.

Mậu Thân, [768], (Đường Đại Lịch năm thứ 3). Nhà Đường đổi Giao Châu làm An Nam Đô Hộ Phủ.

Giáp Tý, [784], (Đường Đức Tông Quát, Hưng Nguyên năm thứ 1). Người quận Cửu Chân là Khương Công Phụ làm quan thời Đường, đậu tiến sĩ, bổ làm Hiệu Thư Lang. Vì có bài chế sách hơn người, cho làm Hữu thập di Hàn Lâm học sĩ, kiêm chức Kinh triệu hộ tào tham quân, từng xin giết Chu Thử, vua Đường không nghe. Không bao lâu Kinh sư có loạn, vua Đường từ cửa Thượng Uyển đi ra, Công Phụ giữ ngựa lại can rằng: "Chu Thử từng làm tướng ở đất Kinh đất Nguyên, được lòng quân lính, **[5b]** vì Chu Thao làm phản nên bị vua cất mất binh quyền, ngày thường vẫn uất ức, xin cho bắt đem đi theo, chớ để cho bọn hung ác đón được". Vua Đường đương lúc vội vàng không kịp nghe, trên đường đi lại muốn dừng lại ở Phượng Tường để nương nhờ Trương Dật. Công Phụ can rằng: "Dật tuy là bề tôi đáng tin cậy, nhưng là quan văn, quân đột kỵ ở Ngư Dương do ông ta quản lĩnh đều là bộ khúc của Chu Thử. Nếu Thử thẳng đến Kinh Nguyên làm loạn, thì ở nơi ấy không phải kế vạn toàn". Vua Đường bèn đi sang Phụng Thiên. Có người báo tin Thử làm phản, xin vua phòng bị. Vua Đường nghe lời Lư Kỷ xuống chiếu cho quân các đạo đóng cách xa thành một xá[8], muốn đợi Thử đến đón. Công Phụ nói: "Bậc vương giả không nghiêm việc vũ bị thì lấy gì để oai linh được trọng. Nay cấm binh đã ít người mà quân lính người ngựa đều ở bên ngoài, thần lấy làm nguy cho bệ hạ lắm". Vua Đường khen là phải, cho gọi hết vào trong thành. Quân của Thử quả nhiên kéo đến, đúng như lời của Công Phụ. Vua Đường bèn thăng cho Phụ làm Gián Nghị Đại Phu, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự[9]. Sau **[6a]** vì việc can

---

[1] Tân Đường thư - Bản kỷ chép là Mai Thúc Loan; Cựu Đường thư, Dương Tư Húc truyện chép là Mai Lập Thành ---- Thông giám chép là Mai Thúc Yên.

[2] CMTB4, 21b theo Tân Đường Thư, Dương Tư Húc truyện ghi số quân của Mai Thúc Loan là 40 vạn.

[3] CMTB4, 21b theo Đường Thư; Dương Tư Húc truyện chép là Quang Sở Khách. Hai chữ Quang _____ và Nguyên _____ dễ viết nhầm.

[4] Côn Lôn: thư tịch Trung Quốc từ thế kỷ IV, nhất là từ thời Đường, thường dùng tên Côn Lôn để chỉ một số cư dân trong vùng Nam Hải, tức vùng Đông Nam Á ngày nay. Tuệ Lâm trong Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa (q.61), soạn năm 817, nói rằng "Côn Lôn .... cũng gọi là Cốt Luân, là người Di ở các đảo châu Nam Hải, rất đen .... chủng loại có nhiều". Cựu Đường Thư, Nam Man truyện cùng chép: "Từ Lâm Ấp trở về phía nam, đều tóc quăn, da đen, gọi chung là Côn Lôn". Như vậy Côn Lôn là một sự phiếm chỉ, khó có thể xác định đó là cư dân một nơi nào ở Đông Nam Á hiện nay.

[5] Chà Bà: phiên âm tên đảo Java.

[6] Theo Nguyên Hòa quận huyện chí (q.38), năm này (767) Trương Bá Nghi cho đắp La Thành ở vị trí mới, cách sông Tô Lịch khoảng 200 thước.

[7] Cương mục TB4 chép người tiết phụ này họ Kim, hẳn là đã dựa vào Tân Đường thư q.205 Liệt nữ truyện (Kim tiết phụ). Toàn thư đã chép nhầm chữ Kim ra chữ Toàn.

[8] Xá: 30 dặm.

[9] Việc Khương Công Phụ căn ngăn Đường Đức Tông, Đường thư và Thông giám đều ghi vào năm Kiên Trung thứ 4 (783), quan hàm được phong là Gián nghị đại phu kiêm Đổng bình chương sự.

vua chôn cất công chúa Đường An quá hậu, trái ý vua, Lục Chí tâu gỡ cho, nhưng không được, cuối cùng vẫn phải xuống chức làm Thái tử tả thứ tử, lại bị biếm là Tuyền Châu biệt giá. Đường Thuận Tông lên ngôi, cho làm Thứ sử Cát Châu, chưa đến nơi nhận chức thì chết. Em là Khương Công Phục cũng đậu tiến sĩ, làm quan đến chức Bắc bộ thị lang[1].

Tân Mùi, [791], (Đường Trinh Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, An Nam đô hộ phủ là Cao Chính Bình làm việc quan bắt dân đóng góp nặng. Mùa hạ, tháng 4, người ở Đường Lâm thuộc Giao Châu (Đường Lâm thuộc huyện Phúc Lộc)[2] là Phùng Hưng dấy binh vây phủ. Chính Bình lo sợ mà chết. Trước đây Phùng Hưng vốn là nhà hào phú, có sức khỏe, có thể vật trâu, đánh hổ. Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-780] đời Đường Đại Tông, nhân Giao Châu có loạn, cùng với em là Hãi hàng phục được các ấp bên cạnh, Hưng xưng là Đô Quân, Hãi xưng là Đô Bảo, đánh nhau với Chính Bình, lâu ngày không thắng được. Đến đây dùng **[6b]** kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân vây phủ. Chính Bình lo sợ phẫn uất thành bệnh ở lưng mà chết. Hưng nhân đó vào đóng ở phủ trị, chưa được bao lâu thì chết. Con là An tôn xưng làm Bố Cái Đại Vương (tục gọi cha là Bố, mẹ là Cái, cho nên lấy [Bố Cái] làm hiệu). Vương thường hiển linh, dân cho là thần, mới làm đền thờ ở phía tây phủ đô hộ, tuế thời cúng tế (tức là Phu hựu chương tín sùng nghĩa Bố Cái Đại Vương. Đền thờ nay ở phường Thịnh Quang[3], ở phía đông nam[4] ruộng tịch điền).

Tháng 5, ngày Tân Tỵ, nhà Đường đặt quân Nhu Viễn ở phủ trị. Mùa thu, tháng 7, ngày Canh Thìn, nhà Đường lấy Triệu Xương làm đô hộ. Xương vào cõi, lòng dân bèn yên. Xương sai sứ dụ An, An đem quân hàng. Xương đắp thêm La Thành kiên cố hơn trước, ở chức 17 năm, vì đau chân xin về. Vua Đường chuẩn cho, lấy Lang trung bộ Binh là Bùi Thái thay Xương.

Quý Mùi, [803], (Đường Trinh Nguyên năm thứ 19). Đô đốc Bùi Thái sai lấp bỏ những hào rãnh ở trong thành, hợp làm một **[7a]** thành[5]. Tướng ở châu là Vương Quý Nguyên đuổi Bùi Thái đi. Vua Đường vời Xương hỏi tình trạng. Xương đã ngoài 70 tuổi, mà tâu việc rõ ràng. Vua Đường cho là giỏi, lại sai làm Đô hộ Giao Châu. Xương đến, người trong châu đều mừng, loạn bèn yên.

Mậu Tý, [808], (Đường Hiến Tông Thuần, Nguyên Hòa năm thứ 3). Trương Chu làm Đô hộ Giao Châu (trước Chu làm Kinh lược phán quan, đến nay thăng làm Đô hộ), đắp thêm thành Đại La, đóng 300 chiếc thuyền mông đồng (loại thuyền ngắn), mỗi thuyền có 25 chiến thủ, 23 tay chèo, thuyền chèo ngược xuôi, nhanh như gió. Lại đắp hai thành ở châu Hoan, châu Ái, vì các thành ấy trước bị Hoàn Vương (vua Chiêm Thành) phá hủy.

Kỷ Hợi, [819], (Đường Nguyên Hòa năm thứ 14). Mùa đông, tháng 10, Đô hộ là Lý Tượng Cổ vì tham bạo hà khắc mất lòng dân chúng. Tướng của Cổ là Dương Thanh đời đời làm tù trưởng Man, khoảng niên hiệu Khai Nguyên [713-742] nhà Đường làm Thứ sử Hoan Châu[6], **[7b]** Tượng Cổ vẫn kiêng dè, gọi cho làm nha tướng, đến đai sai đi đánh người Man ở Hoàng Động. Thanh nhân thấy lòng người oán giận Tượng Cổ, đang đêm trở về đánh úp châu, chiếm được, giết Tượng Cổ (Thanh là người Giao Châu, Tượng Cổ là người tôn thất nhà Đường). Vua Đường sai Quế Trọng[7] đánh Dương Thanh mà

---

[1] Bắc bộ thị lang: Đại Việt sử ký tiền biên (bản in thời Tây Sơn) sửa là Tỉ bộ thị lang (____ tỉ và ____ bắc dễ viết nhầm). CMTB26 dẫn An Nam kỷ yếu ghi Bình trước là Đô úy ở Vũ Định, nhờ đem quân cứu viện Trương Bá Nghi, được phong làm An Nam Đô Hộ.

[2] Nay là xã Cam Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

[3]Nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

[4] Nguyên bản in: "tịch điền đông-tây", có lẽ là đông-nam hay đông-bắc, khắc in nhầm.

[5] Nguyên văn: "Sản thành trung câu địa thành, hợp vi nhất thành" và cước chú: "cậu địa có bản chép là câu trì (ao ngòi)". Như vậy "câu địa thành" có lẽ phải đọc là "câu đìa thành", hiểu là thành có hào rãnh trong ngoài, mà câu đìa là lối ghép 1 từ Hán và 1 từ Nôm đồng nghĩa. Trong câu trên có 3 chữ thành, thừa chữ thành thứ hai.

[6] Người làm thứ sử Giao Châu nói đây là ước tính theo thời gian, cần hiểu là người đời trước trong gia tộc của Dương Thanh chứ không phải chính Dương Thang.

[7] CMTB4, 29b theo Cựu Đường thư, Bản kỷ và Thông giám sửa lại là Quế Trọng Vũ, bấy giờ làm An Nam đô hộ.

không thắng. Thanh vào trong người Man Lạo làm loạn, cướp phá phủ thành, Đô hộ Lý Nguyên Gia đánh không được, dụ không đến. Do đấy người Man Hoàng Động dẫn Hoàn Vương[1] vào cướp.

Giáp Thìn, [824], (Đường Mục Tông Hằng, Trường Khánh năm thứ 4). Mùa đông, tháng 11, Lý Nguyên Gia[2] thấy trước cửa thành có dòng nước chảy ngược, sợ trong châu nhiều người sinh lòng làm phản, vì thế dời đến đóng ở thành hiện nay. (Bấy giờ Nguyên Gia dời phủ trị[3] đến sông Tô Lịch, mới đắp thành nhỏ thôi, có người thầy tướng bảo rằng: Sức ông không đắp nổi thành lớn, sau 50 năm nữa ắt có người họ Cao đến đây đóng đô dựng phủ. Đến đời Hàm Thông [860-874], Cao Biền đắp thêm La Thành, đúng như lời người ấy. Lại xét: Phủ thành đô hộ trước đó ở ngoài thành Đông Quan ngày nay, gọi là La Thành, sau Cao Biền đắp thành hiện nay, thành bên ngoài cũng gọi là La Thành).

[8a] Mậu Thân, [828], (Đường Văn Tông Hàm, Thái Hòa năm thứ 2). Đô hộ Hàn Ước đánh Vương Thăng Triều ở Phong Châu, thắng được, sau bị Dương Thanh đuổi, chạy về Quảng Châu.

Tân Dậu, [841], (Đường Vũ Tông Viêm, Hội Xương năm thứ 1). Vua Đường xuống chiếu lấy Vũ Hồn làm Kinh lược sứ thay Hàn Ước.

Quý Hợi, [843], (Đường Hội Xương năm thứ 3). Kinh lược sứ Vũ Hồn bắt tướng sĩ đắp sửa thành phủ, tướng sĩ làm loạn, đốt lầu thành, cướp kho phủ. Hồn chạy về Quảng Châu. Giám quân là Đoàn Sĩ Tắc vỗ yên được quân làm loạn.

Bính Dần, [846], (Đường Hội Xương năm thứ 6). Người Nam Man[4] vào cướp. Vua Đường sai Kinh Lược Sứ là Bùi Nguyên Hựu[5] đem quân các đạo lân cận đánh dẹp được.

Đinh Sửu, [857], (Đường Tuyên Tông Thầm, Đại Trung năm thứ 11). Mùa hạ, tháng 4, nhà Đường lấy Hữu thiên ngưu vệ đại tướng quân **[8b]** là Châu Nhai[6] là Kinh lược sứ Giao Châu.

Mậu Dần, [858], (Đường Đại Trung năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, vua Đường lấy Khang Vương phó[7] là Vương Thức làm Giao Châu kinh lược đô hộ sứ. Thức là người có tài lược, đến phủ sai trồng cây táo gai[8] làm rào, bên ngoài đào hào sâu để thoát nước trong thành, bên ngoài hào trồng tre gai, giặc không thể xâm phạm được, kén chọn dạy bảo quân lính rất tinh nhuệ. Không bao lâu, người Nam Man (tức Nam Chiếu) kéo đến đông, đóng ở bến đò Cẩm Điền, cách châu độ nửa ngày đường. Ý tứ của Thức vẫn an nhàn như thường, sai người phiên dịch đến dụ, bày tỏ lợi hại, chỉ một đêm người Man lại kéo đi, sai người đến từ tạ nói: "Chúng tôi chỉ đến bắt bọn người Lạo làm phản, chứ không phải đến cướp".

Lại có Đô hiệu La Hành Cung (Đô hiệu cũng như Đô tướng) chuyên quyền ở phủ đã lâu, quân tinh nhuệ dưới cờ đến 2 nghìn người mà ở phủ đô hộ chỉ có vài trăm quân gầy yếu. Thức đến phủ, đánh trượng vào lưng [Hành Cung] rồi đuổi ra nơi biên viễn.

---

[1] Hoàn Vương: vua nước Chiêm Thành (khoảng những năm 756-808, nước Lâm Ấp được thư tịch Trung Quốc gọi là Hoàn Vương Quốc, từ sau năm 808 mới gọi là Chiêm Thành).

[2] Lý Nguyên Gia: Việt Sử Lược q1.10b dựa vào Cựu Đường thư (Bản kỷ 17) chép là Nguyễn (tức Lý) Nguyên Hỷ. Chữ Gia và chữ Hỷ có thể lầm với nhau.

[3] Nguyên bản in nhầm chữ ____ phủ thành chữ _____ phủ.

[4] Ở đây, Toàn thư chép lè Nam Man. Tân Đường thư q.8 Bản Kỷ, khi nói đến sự kiện này, lại chép là Vân Nam Man. Nhưng cũng căn cứ vào Tân Đường thư, q.222 Nam Chiếu truyện, thì Vân Nam Man nói ở đây là Nam Chiếu, tên quốc gia của các tộc người vùng Vân Nam, Trung Quốc (chủ yếu là người Thoán), cường thịnh từ khoảng thế kỷ VIII, thường tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược ra xung quanh.

[5] Cương mục (TB4, 35a) theo sử liệu của Thông Giám và Tân Đường thư (Bản kỷ) đã sửa lại là Bùi Nguyễn Dụ (hai chữ _____ dụ và ____ hựu dễ viết nhầm)

[6] Châu Nhai (cũng đọc là Chu Nhai), Toàn thư và cả Cương mục (TB4, 36b) dựa và Thông giám và Cựu Đường thư (Bản Kỷ), nhưng cả hai tài liệu ấy đều chép tên người này là Tống Nhai. Hai chữ ____ Tống và ______ Chu dễ viết nhầm. Toàn thư chuyển tiếp lầm trong Cương mục: nên sửa lại là Tống Nhai.

[7] Thầy học của Khang Vương.

[8] Vốn là ___ ___ "lặc mộc" (cây táo gai), nguyên bản in nhầm thành ___ ___ "điều mộc" (Xem CMTB4, 37).

Trước đó, Đô hộ là Lý Trác làm chính sự tham **[9a]** lam tàn bạo, mua hiếp bò ngựa của người Man, mỗi con chỉ trả cho một đấu muối, lại giết tù trưởng Man là Đỗ Tồn Thành, dân Man oán giận, dẫn đường cho người Nam Chiếu đến lấn cướp biên giới. Đất Tây Nguyên, Đào Lâm, thuộc Phong Châu, từ xưa vẫn có quân phòng đông[1] 6.000 người, tù trưởng Man Động Thất Quán bên cạnh là Lý Do Độc, thường giúp đỡ việc đóng giữ và thu tô thuế. Viên Tri Châu Phong Châu (không rõ họ tên) nói với Tác xin bỏ quân đóng thú, chuyên ủy cho Do Độc ngăn phòng. Từ đó Do Độc thế cô, không thể đứng vững được. Thác đông tiết độ của Nam Chiếu (Thác đông: ý nói khai thác cõi đông; Giao Chỉ ở phía đông nước Nam Chiếu, cho nên đặt chức ấy) gửi thư sang dụ Do Độc, đem con gái gả cho con trai của Do Độc, bổ làm Thác đông thác nha[2]. Do Độc bèn đem dân chúng làm tôi nước Nam Chiếu. Từ đấy Giao Châu mới có mối lo về người Man [Nam Chiếu].

Tháng 5 năm ấy, người Man [Nam Chiếu] đến cướp, Thức đánh lui được.

Mùa thu, tháng 7, có bọn dân xấu nhiều lần nổi loạn, nói phao rằng: "Nghe đồn Kinh lược sứ Châu Nhai (Châu Nhai ở Quảng **[9b]** Châu)[3] sai quân Hoàng đầu (quân bịt đầu bằng khăn vàng) vượt biển sang đánh úp châu ta". Rồi bọn họ đang đêm kéo nhau đến vây thành, đánh trống reo hò: "Xin đuổi Thức về để chúng tôi đóng ở thành này chống giữ quân Hoàng đầu phía Bắc". Lúc ấy Thức đang ăn, có người khuyên nên tránh đi. Thức nói: "Tôi động chân một chút thì thành này vỡ ngay". Rồi cứ thong thả mà ăn, ăn xong, mặc áo giáp dẫn tả hữu lên mặt thành, dựng cờ đại tướng ngồi mà trách mắng. Bọn làm loạn quay đầu bỏ chạy. Ngày hôm sau, Thức sai bắt giết hết.

Bấy giờ đói kém loạn lạc liên tiếp, 6 năm không nộp thượng cung (thượng cung là tiền, lụa nộp sang Kinh sư để cho vua [Trung Quốc] chi dùng), trong quân không có khao thưởng. Thức bắt đầu sửa sang việc thuế khóa, khao thưởng quân lính. Chiêm Thành, Chân Lạp đều thông sứ trở lại.

Canh Thìn, [860], (Đường Ý Tông Thôi, Hàm Thông năm thứ 1). Mùa xuân, giặc ở Chiết Đông là Cừu Phủ làm loạn. Nhà Đường bàn chọn tướng đi đánh dẹp. Hạ Hầu Tư nói: "Vương Thức tuy là con nhà nho, nhưng trước ở An Nam đã từng uy phục được cả người Hoa và người Di, **[10a]** cõi xa đều nghe danh tiếng, có thể đảm nhiệm được". Vua Đường bèn gọi Thức về trao cho chức Chiết Đông quan sát sứ.

Mùa đông, tháng 12, ngày Mậu Thân, người thổ man dẫn quân Nam Chiếu hợp lại hơn 3 vạn người, nhân khi sơ hở đến đánh chiếm phủ [trị] của châu ta. Đô hộ Lý Hộ cùng với viên giám quân chạy về Vũ Châu.

Tân Tỵ, [861], (Đường Hàm Thông năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng vua Đường xuống chiếu phát quân Ung Quản[4] và các đạo lân cận sang cứu Lý Hộ, đánh lại Nam di [Nam Chiếu]. Mùa hạ, tháng 6, ngày Quý Sửu, vua Đường sai Phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan làm Kinh lược sứ An Nam. Bấy giờ Lý Hộ từ Vũ Châu thu nhặt quân người địa phương [Giao Châu] đánh bọn Man [Nam Chiếu], lấy lại được phủ thành. Vua Đường trách tội thất thủ, biếm làm Tư hộ Đạm Châu, sau đày đi Phong Châu, lấy Vương Khoan làm Đô hộ kinh lược sứ. Hộ khi mới đến giết tù trưởng người Man là Đỗ Trừng[5], cho nên họ hàng nhà Trừng xui giục và dẫn đường cho người Man [Nam Chiếu] đánh lấy châu.

[10b] Nhâm Ngọ, [862], (Đường Hàm Thông năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Nam Chiếu lại vào cướp phá. Vương Khoan mấy lần sai sứ cáo cấp. Vua Đường sai Hồ Nam quan sát sứ trước là Sái Tập thay thế, đem binh các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, hợp lại được 3 vạn, giao cho Tập để chống cự. Thế quân đã mạnh, quân Man bèn rút lui.

---

[1] Đời Đường, quân phòng thủ ở biên giới thường được gọi là phòng thu và phòng đông.

[2] Thác đông thác nha: Thông giám (Mậu Dần, Đại Trung 2) khảo dị với Man thư, đã hiệu chỉnh là Thác đông áp nha; nên sửa theo cách gọi đó.

[3] Ở đây nói đến viên Kinh Lược Sứ Tống Nhai mà Toàn Thư đã lầm là họ Châu tên Nhai (xem NK5 8b - năm 857), đến đây thấy trùng với tên quận Châu Nhai (ở đảo Hải Nam) nên người chú thích nguyên bản Toàn thư đã chú nhầm.

[4] Tức Ung Châu. Quản là đơn vị hành chính do nhà Đường đặt, tương đương như phủ.

[5] CMTB4, 40a theo Thông giám, chép là Đỗ Thủ Trừng.

Mùa hạ, tháng 5, Lĩnh Nam tiết độ là Sái Kinh thấy Tập đem quân các đạo đến chống cự với quân Man, sợ Tập lập được công, có ý ghen ghét, nhân đó tâu rằng: "Bọn Nam Man đã trốn xa, biên giới không đáng lo nữa. Kẻ vũ phu cầu công, xin càn quân đóng thú, tổn phí quân lương và chuyên chở, vì góc lánh đường xa khó bề kiểm soát, nên tha hồ làm việc gian trá. Xin bãi quân đóng giữ, cho đạo nào lại về đạo ấy". Vua Đường nghe theo. Tập nhiều lần tâu rằng: "Bọn người Man rình lúc sơ hở đã lâu, không thể không phòng bị, xin lưu lại 5 nghìn thú binh". Vua Đường không nghe, Tập cho là giặc Man [Nam Chiếu] ắt lại đến, mà quân lính và lương thực đều thiếu, trí lực **[11a]** hai mặt đều quẫn, mới làm tờ sớ "Thập tất tử trạng" [10 tình trạng ắt phải chết] trình lên tòa Trung thư. Nhưng tể tướng thời bấy giờ tin lời Sái Kinh, cuối cùng vẫn không xét đến.

Mùa thu, tháng 7, Sái Kinh ở trị sở, chính lệnh hà khắc thảm độc, cả cõi đều oán, bị quân sĩ đuổi, phải biếm làm Tư hộ Nhai Châu, không chịu đi nhận chức, vua Đường xuống sắc bắt phải tự tử.

Mùa đông, tháng 10, bọn Man Nam Chiếu 5 vạn người đến cướp, Tập cáo cấp. Vua Đường sai lấy quân hai đạo Kinh Nam, Hồ Nam 2 nghìn người và con em nghĩa chinh ở Quế Quản (vì họ ứng mộ tòng quân nên gọi là nghĩa binh) 3 nghìn người đến Ung Châu chịu lệnh tiết chế của Trịnh Ngu để sang cứu [Sái Tập]. Tháng 12, Tập lại xin thêm quân, vua Đường sắc cho Sơn Nam đông đạo đem 1 nghìn quân tay nỏ sang cứu. Khi ấy quân Nam Chiếu đã vây phủ, quân cứu viện không thể đến được. Tập chỉ cố thủ xung quanh thành mà thôi.

Quý Mùi, [863], (Đường Hàm Thông năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Ngọ, quân Nam Chiếu đánh chiếm phủ thành, tả hữu của Tập **[11b]** đều chết hết. Tập chạy bộ, cố sức đánh, người trúng mười mũi tên, muốn xuống thuyền của giám quân nhưng thuyền đã đi xa bờ, bèn nhảy xuống biển chết, cả nhà 70 người. Liêu thuộc là Phàn Xước đem ấn tín binh phù của Tập sang sông trước, được thoát. Tướng sĩ các châu Kinh Nam, Giang Tây, Ngạc, Nhạc, Tương, hơn 4 trăm người chạy đến phía đông thành giáp sông. Ngu hầu Kinh Nam là bọn Nguyên Duy Đức bảo quân sĩ rằng: "Bọn ta không có thuyền, xuống nước tất chết, chi bằng lại quay về thành đánh nhau với người Man, một người của ta đổi lấy hai người Man, cũng có lợi". Bèn trở lại thành, vào cửa Đông La (tức là cửa đông La Thành An Nam). Người Man không phòng bị, bọn Duy Đức tung quân đánh, giết quân Man hơn 2 nghìn người. Đến đêm, tướng Man là Dương Tư Tấn từ trong tử thành (tức thành nhỏ ở trong thành) đem quân ra cứu, bọn Duy Đức đều chết cả. Nam Chiếu hai lần chiếm Giao Châu, vừa giết vừa bắt gần 15 vạn người. [Khi rút lui] lưu lại 2 vạn quân, sai Tư Tấn giữ **[12a]** thành Giao Châu ta. Người Di Lão ở các khe động không cứ xa gần đều hàng phục cả. [Vua] Nam Chiếu cho thuộc hạ là Đoàn Tù Thiên làm Tiết độ sứ phủ [Giao Châu] ta. Vua Đường xuống chiếu gọi viện binh các đạo về chia giữ Tây Đạo ở Lĩnh Nam[1].

Tháng 6, bỏ An Nam đô hộ phủ, đặt chức Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn[2], cho Hữu giám môn vệ tướng quân là Tống Nhung giữ chức Hành Giao Châu thứ sử, cho Vũ Nghĩa tiết độ sứ[3] là Khang Thừa Huấn kiêm lĩnh chức Lĩnh Nam cập chủ quân hành doanh[4].

Mùa thu, tháng 7, lại đặt An Nam đô hộ phủ ở Hành Giao Châu, cho Tống Nhung làm Kinh lược sứ, đem quân Sơn Đông một vạn người đến trấn giữ. Khi ấy quân các đạo của nhà Đường đến cứu viện, đều đóng lại ở Lĩnh Nam không tiến, hao phí lương thực, vận chuyển, người Nhuận Châu là Trần Bàn Thạch dâng sớ xin đóng loại thuyền nghìn hộc để chở gạo từ Phúc Kiến đi đường biển, không đầy một tháng thì đến Quảng Châu. Vua Đường nghe theo, lương ăn của quân lính nhờ đó được đầy đủ. Nhưng **[12b]** bọn quan lại mượn tiếng thuê thuyền để cướp đoạt thuyền của người buôn, vứt hàng hóa của họ

---

[1] Tây Đạo: tức Ung Châu (trị sở ở Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay).

[2] Trấn Hải Môn: lỵ sở ở huyện Bác Bạch, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay.

[3] Vũ Nghĩa tiết độ sứ: nên sửa theo Tân Đường thư, Khang Thừa Huấn truyện là Nghĩa Vũ tiết độ sứ.

[4] Lĩnh Nam: trong chức vụ kiểm lĩnh của Khang Thừa Huấn nên sửa đúng là An Nam, theo Thông Giám và Tân Đường thư (đã dẫn). CMTB5, 4a cũng dẫn nhầm là Lĩnh Nam.

lên bờ: khi thuyền ra biển có chiếc nào bị sóng gió làm chìm đắm thì bắt giam cương lại[1] và chủ thuyền để bắt đền số gạo bị mất, [vì thế] người ta rất khổ sở.

Giáp Thân, [864], (Đường Hàm Thông năm thứ 5). Vua Đường cho Tổng quản[2] kinh lược sứ là Trương Nhân kiêm coi giữ việc Giao Châu, tăng thêm quân ở trấn Hải Môn cho đủ số 2 vạn 5 nghìn người, sai Nhân tiến quân lấy lại phủ thành.

Mùa thu, tháng 7, Nhân dùng dằng không dám tiến. Hạ Hầu Tư tiến cử Kiêu vệ tướng quân là Cao Biền thay, bèn cho Biền làm Đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ, bao nhiêu quân sĩ của Nhân đều trao cho Biền cả. Biền tiểu tự là Thiên Lý, cháu của Nam Bình Quận Vương [Cao] Sùng Văn, đời đời coi giữ cấm binh. Biền đổi chí vào việc học, thích bàn luận việc xưa nay, người trong quân đều **[13a]** khen ngợi. Lúc còn ít tuổi, theo giúp Chu Thục Minh. [Một hôm] có hai con diều sóng đôi bay qua, Biền giương cung nhắm bắn, khấn rằng: "Nếu ta sau này được quý hiển thì phải bắn trúng" rồi bắn một phát tên trúng cả hai con. Mọi người cả kinh, nhân đó gọi là "Lạc điêu thị ngự sử" [quan thị ngự sử bắn rơi chim điêu]. Sau Biền được thăng dần đến chức Hữu thần sách đô ngu hầu. Người Đảng Hạng làm phản, Biền đem hơn 1 vạn cấm binh đến đóng ở Trường Vũ, nhiều lần lập công, thăng chức Tần Châu phòng ngự sử, lại có công nữa. Bấy giờ Nam Chiếu chiếm đất ta, cho nên sai Biền sang thay [Trương Nhân].

Ất Dậu, [865], (Đường Hàm Thông năm thứ 6). Mùa thu, tháng 7, Cao Biền sửa quân ở trấn Hải Môn chưa tiến. Giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền muốn tống đi, nhiều lần giục Biền tiến quân. Biền đem hơn 5 nghìn quân vượt biển đi trước, hẹn Duy Chu đem quân ứng viện. Biền đi rồi, Duy Chu cầm quân còn lại không tiến phát. Tháng 9, Biền đến Nam Định[3], Phong Châu, quân Man gần 5 vạn đương gặt lúa, Biền ập đến **[13b]** đánh tan, chém được bọn Trương Thuyên, thu lấy số lúa đã gặt dùng để nuôi quân.

Bính Tuất, [866], (Đường Hàm Thông năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 4, Nam Chiếu thăng chức cho Đoàn Tù Thiên làm Tiết độ sứ Thiện Xiển (Thiện Xiển là đô khác của Nam Chiếu, ở tây bắc Giao Châu)[4], sai Trương Tập[5] giúp Tù Thiên đánh Giao Châu, cho Phạm Nật Ta làm Đô thống phủ ta, Triệu Nặc Mi làm Đô thống Phù Da[6]. Giám trận nhà Đường sai Vi Trọng Tể đem hơn 7 nghìn quân đến Phong Châu. Biền được thêm quân, tiến đánh Nam Chiếu, nhiều lần đánh tan được. Tờ tâu thắng trận gửi đến trấn Hải Môn, Duy Chu đều giấu đi. Mấy tháng không có tin tức, vua Đường lấy làm lạ mới hỏi Duy Chu. Duy Chu tâu rằng: Biền đóng quân ở Phong Châu, ngồi nhìn giặc không chịu tiến. Vua Đường tức giận, sai Hữu vũ vệ tướng quân là Vương Án Quyền thay Biền, đòi Biền về kinh đô, ý muốn biếm phạt nặng. Tháng ấy, Biền đánh tan quân Nam Chiếu, giết và bắt sống rất **[14a]** nhiều. Nam Chiếu thu quân còn sót chạy vào châu thành cố giữ. Mùa đông, tháng 10, Cao Biền vây châu thành hơn 10 ngày, người Man rất khốn quẫn. Thành sắp hạ thì vừa lúc Biền nhận được văn thư của Vương Án Quyền cho biết đã cùng với Duy Chu đem đại quân xuất phát từ trấn Hải Môn. Biền liền trao việc quân cho Trọng Tể, rồi cùng với bộ hạ hơn 100 người về Bắc.

Trước đó, Trọng Tể sai tiểu sứ là Vương Tuệ Tán, Cao Biền sai tiểu hiệu là Tăng Cổn cùng mang thư báo thắng trận về nhà Đường, đến giữa biển, trông thấy cờ quạt kéo sang phía đông, hỏi những thuyền đi trên biển thì họ nói đó là quan Kinh lược sứ và Giám quân mới đến. Hai người bàn nhau rằng:

---

[1] Cương lại: người giữ việc ghi chép sổ sách vận chuyển lương thực.

[2] Tân Đường thư q.224 hạ, Cao Biền truyện và Việt Sử Lược q.1 đều chép là Dung Quản kinh lược sứ, Dung Quản hay Dung Châu thời Đường, đặt trị sở ở huyện Bắc Lưu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay.

[3] Nam Định: tên huyện do nhà Đường đặt năm Vũ Đức thứ 4 [621] (Đường thư, Địa lý chí). Lại theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử thời Tống thì ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu ở châu Gia Lâm. Như vậy huyện Nam Định thời thuộc Đường ở về phía nam sông Đuống, vào khoảng huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[4] Thiện Xiển: tức Côn Minh, ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc ngày nay.

[5] Theo Thông Giám và Tân Đường thư, Nam Chiếu truyện, họ tên người này là Dương Tập Tư, không phải là Trương Tập như Toàn thư đã viết nhầm.

[6] Phù Da: tên huyện thuộc châu Vũ Định. Theo Thanh nhất thống chí, châu Vũ Định thời Đường thuộc quyền An Nam đô hộ phủ; nay ở địa phận tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Chữ Phù trong nguyên bản đúng ra phải chép là ____ _____.

"Duy Chu thế nào cũng cướp lấy tờ biểu và giữ chúng ta lại". Bèn nấp ở hải đảo chờ Duy Chu đi qua rồi mới đi gấp về kinh sư. Vua Đường được tờ tâu cả mừng, liền thăng cho Biền làm Kiểm hiệu Công bộ thượng thư, sai Biền đi đánh người Man. Biền về đến trấn Hải Môn thì quay lại.

Án Quyền là người ngu hèn, việc gì cũng xin lệnh của Duy Chu. Duy **[14b]** Chu là người hung bạo tham lam, các tướng không chịu giúp việc, bọn họ bèn mở vòng vây cho người Man trốn đi quá nửa. Biền đến nơi lại đốc thúc khích lệ tướng sĩ, đánh lấy được thành, giết Tù Thiên và Chu Cổ Đạo là người thổ man dẫn đường cho quân Nam Chiếu, chém hơn 3 vạn đầu. Quân Nam Chiếu trốn đi, Biền lại phá được hai động thổ man dã theo Nam Chiếu, giết tù trưởng. Người thổ man rủ nhau quy phục đến 1 vạn 7 nghìn.

Tháng 11, ngày Nhâm Tý, vua Đường xuống chiếu cho các lộ quân Giao Châu, Ung Châu, Tây Châu[1] phải giữ bờ cõi, không tiến đánh nữa; đặt Tĩnh Hải quân ở Giao Châu, lấy Biền làm Tiết độ sứ. (Từ đây cho đến đời nhà Tống, An Nam gọi là Tĩnh Hải quân tiết trấn). Từ khi Lý Trác xâm phạm quấy nhiễu, khiến cho người Man [Nam Chiếu] gây họa đến gần 10 năm, đến đấy mới yên. Cao Biền giữ phủ xưng vương[2], đắp La Thành vòng quanh 1.982 trượng lẻ 5 thước, thân thành cao **[15a]** 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước, bốn mặt thành đắp các nữ tường nhỏ[3] trên bốn mặt thành cao 5 thước 5 tấc[4], lầu nhìn giặc 55 sở, cửa ống 6 sở, cừ nước 3 sở, đường bộ 34 sở. Lại đắp con đê vòng quanh dài 2.125 trượng 8 thước; cao 1 trượng 5 thước; chân rộng 2 trượng, cùng làm nhà cửa hơn 40 vạn gian[5].

Lê Văn Hưu nói: Một Lý Trác tham bạo mà dẫn đến mười mấy năm bị tai họa người Man, huống chi lại có kẻ bạo ngược hơn cả Lý Trác nữa. Một Cao Biền đốc suất bộ thuộc mà chém được vài vạn quân giặc mạnh, huống chi lại có người giỏi hơn Cao Biền nữa! Cho nên Trác không thể bảo toàn được mình, mà Cao Biền thì giữ thành xưng vương, người khéo trị nước phải nên cẩn thận việc chọn người.

Đinh Hợi, [867], (Đường Hàm Thông năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, Cao Biền đi tuần thị đến hai châu Ung, Quảng thấy đường biển có **[15b]** nhiều đá ngầm làm đắm thuyền, vận chở không thông, bèn sai bọn Nhiếp trưởng sử Lâm Phúng, Hồ Nam tướng quân Dư Tồn Cổ đem quân bản bộ và thủy thủ hơn nghìn người đến đục đá khai đường, bảo rằng: "Đạo trời giúp người thuận, thần linh phù kẻ ngay. Nay khai đường biển để giúp sinh dân, nếu mình không theo lòng riêng thì có gì khó. Các đô hộ thời trước không khao thưởng quân sĩ, giữ phép không vững, làm sai lời hứa, trái ước hẹn, mưu lợi riêng, cho nên mọi người đều trễ biếng. Nay ta không như thế, chỉ cốt làm cho xong việc của nhà vua mà thôi". Biền nói xong, bọn Phúng vâng lệnh đi ra. Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 5, khởi công khơi đào, trong khoảng hơn 1 tháng, gần được thông suốt, duy ở quãng giữa có hai chỗ đá lớn quanh co chắn ngang đến mấy trượng, đục xuống thì quằn đục, dùng búa thì gãy cán, người làm việc cả ngày nhìn nhau, công việc cơ hồ bỏ dở. Ngày 26 tháng 5, đương ban ngày bỗng nhiên mây dồn, gió nổi dữ dội, trông vào rừng tối như đêm, **[16a]** ngửa bàn tay không nhìn thấy, chốc lát hàng trăm tiếng sét nổ vang trời ở chỗ đá lớn, chỉ trong khoảnh khắc trở lại bừng sáng. Người làm việc chạy tới xem thì thấy các khối đá đã bị tan nát cả. Về phía tây lại gặp hai chỗ đá lớn dựng đứng, người làm cũng phải chịu bó tay.

---

[1] Tây Châu, nên sửa là Tây Xuyên, theo Thông Giám.

[2] Nguyên văn: "Biền cứ ngã phủ xưng vương". Sử liệu Trung Quốc, kể cả Tân Đường thư q.224 hạ; Cao Biền truyện đều không thấy ghi việc Cao Biền xưng vương. Cương Mục cho rằng đó chỉ là do một số "người Giao Châu kinh sợ Biền mà gọi Biền là Cao Vương") (CMTB5, 10b).

[3] Nguyên văn: "nữ tường", tức tường nhỏ đắp trên mặt thành có các lỗ để nhắm bắn.

[4] Nguyên văn: "Ngũ trượng ngũ thốn", chắc là khắc in lầm, thân thành cao 2 trượng 6 thước thì nữ tường chỉ có thể là 5 thước 5 tấc; Việt Sử Lược (q.1) cũng ghi số đó.

[5] Việt sử lược (q.1) chỉ ghi con số 5.000 gian.

Ngày 21 tháng 6 lại có sét đánh như trước, chỉ trong một lúc đá lớn đều bị tan vụn cả. Kênh bèn đào xong, vì thế gọi là kênh Thiên Uy[1].

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Việc Cao Biền đào kênh sao mà kỳ dị thế? Đó là việc làm hợp lẽ[2], cho nên được trời giúp. Trời là lẽ phải. Đất có chỗ hiểm, chỗ bằng, đó là lẽ thường. Sức người có thể vượt hiểm được, đó cũng là lẽ thường. Nếu hiểm mà không vượt được thì trời phải nhờ đến tay người làm gì? Vua Vũ trị thủy, nếu không hợp lẽ thì trời do đâu mà tác thành được? Đất do đâu mà bằng phẳng được? Công hiệu đến mức rùa sông Lạc hiện điềm lành, thế không phải là trời **[16b]** giúp ư ? Xem như lời của Biền nói: "Nay khai đường biển để giúp sinh dân, nếu không theo lòng riêng thì có gì khó". Lòng thành phát ra từ lời nói, thì lời nói ấy há chẳng là thuận ư ? Lòng tinh thành thực cảm thông đến cả vàng đá, huống nữa là trời? Việc gì trời đã giúp sức là thuận. Kinh Dịch nói: "Giữ điều tín mà nghĩ điều thuận, thì trời sẽ giúp cho, đều tốt cả, không có điều gì bất lợi". Thế thì việc sét đánh đá lớn để giúp chẳng có gì là lạ cả.

Mậu Tý, [868] (Đường Hàm Thông năm thứ 9). Mùa thu, tháng 7, vua Đường lấy Cao Biền làm Hữu kim ngô vệ đại tướng quân (có sách chép là Kiểm hiệu thượng thư bộc xạ), đến đời Đường Hy Tông năm Ất Mùi niên hiệu Càn Phù năm thứ 2 [875] đổi làm Tây Xuyên tiết độ sứ. Biền thấy cháu gọi bằng ông họ là Cao Tầm trước làm tiên phong, xông pha tên đạn, được quân lính phục theo, bèn dâng biểu tiến cử Tầm thay mình trấn giữ đất ta. Vua Đường nghe theo. [Cả Biền và Tầm] ở trấn cộng 13 năm; Biền **[17a]** từ năm Bính Tuất đến năm Giáp Ngọ niên hiệu Hàm Thông [866-874], Tầm từ năm Ất Mùi đến năm Mậu Tuất niên hiệu Càn Phù (875-878).

Canh Tý, [880], (Đường Hy Tông Nghiễm, Quảng Minh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, quân ở phủ Đô hộ làm loạn, Tiết độ sứ Tăng Cổn bỏ chạy khỏi thành (Cổn thay Biền, có tiếng là người biết vỗ dân[3], người [trong châu] gọi là Tăng thượng thư; Cổn từng soạn sách Giao Châu ký, 1 thiên). Các đạo quân nhà Đường đóng giữ Ung Quản thường tự ý bỏ về luôn.

Ất Sửu, [905], (Đường Ai Đế Chúc, Thiên Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày Mậu Tuất, Chu Toàn Trung nhà Đường thấy Giao Châu tiết độ sứ đồng bình chương sự Chu Toàn Dục là người ngu đần chất phác, không có tài năng gì, tự xin bãi đi. Toàn Dục là anh Toàn Trung.

Trở lên là [kỷ] thuộc Tùy, Đường, từ năm Quý Hợi đến năm Bính Dần, cộng 304 năm [603-906].

[17b]

Kỷ Nam Bắc Phân Tranh

Đinh Mão, [907], (Đường Thiên Hựu năm thứ 4; Lương Thái Tổ Chu Toàn Trung, đổi tên là Hoảng, Khai Bình năm thứ 1). Nhà Lương cho Quảng Châu tiết độ sứ là Lưu Ẩn kiêm chức Tĩnh Hải quân

---

[1] Cương mục đã nhận xét rằng kênh ấy không thuộc địa phận nước ta (CMTB5, 12a). Có thể là ghềnh Bắc Thú, ở huyện Bác Bạch, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay.

[2] Nguyên bản in: "Cái sở hợp lý ....", có lẽ câu văn là "Cái sở hành hợp lý ....", mà khắc in sót chữ hành.

[3] Nguyên bản in: "Cổn đại Biền, phủ tự hữu thanh", có thể hiểu là: ..... có tiếng về chữ "phủ" (vỗ về dân chúng). Nhưng có khả năng in nhầm: "... phủ dân hữu thanh" (có tiếng biết vỗ về dân chúng).

tiết độ sứ, tước Nam Bình Vương. Khi ấy, Ẩn chiếm giữ Phiên Ngung, người Giao Châu là Khúc Hạo[1] chiếm giữ châu trị, xưng là Tiết độ sứ, có ý mưu đồ lẫn nhau. Năm ấy nhà Đường mất.

Tân Mùi, [911], (Lương Càn Hóa năm thứ 1). Nam Bình Vương nhà Lương là Lưu Ẩn chết, em là Nham lên thay.

Đinh Sửu, [917], (Lương Mạt Đế Hữu Trinh, đổi tên là Chẩn, Trinh Minh năm thứ 3). Quảng Châu tri lưu hậu nhà Lương là Lưu Nham đặt quốc hiệu là Hán (tức Nam Hán[2]), niên hiệu Càn Hanh năm thứ 1. Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ làm Hoan hảo sứ sang Quảng Châu để thăm dò tình hình [Nam Hán] hư thực thế nào. Hạo chết, Khúc Thừa Mỹ lên thay[3].

Kỷ Mão, [919], (Lương Trinh Minh năm thứ 5). Khúc Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin được lĩnh tiết việt, nhà Lương trao cho. Vua [Nam Hán] cả giận (vua Hán trước tên là Nham, đổi là Thiệp, lại đổi là Cung, vì có điềm rồng trắng hiện, nên đặt tên ấy. Năm Tấn Thiên Phúc thứ 6 [941], tự cho chữ Cung là không lợi, lại đổi **[18a]** là Nghiễm[4]).

Quý Mùi, [923], (Lương Long Đức năm thứ 3; Đường Trang Tông Lý Tồn Húc, Đồng Quang năm thứ 1). Năm ấy nhà Lương mất.

Mùa thu, tháng 7, vua Hán sai kiêu tướng là Lý Khắc Chính[5] đem quân sang đánh Giao Châu[6], bắt được Tiết độ sứ là [Khúc] Thừa Mỹ đem về, [Khắc Chính] lấy bộ tướng của mình là Lý Tiến thay thế. Lý Khắc Chính ở lại giữ Giao Châu, bị tướng của Khúc Hạo là Dương Đình Nghệ[7] người Ái Châu đánh đuổi. Vua Hán trao cho Đình Nghệ tước vị, lấy Lý Tiến làm thứ sử Giao Châu, cùng với Lý Khắc Chính giữ thành, bảo tả hữu rằng: "Dân Giao Chỉ hay làm loạn, chỉ có thể ràng buộc (ki mi) mà thôi".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lưu Nghiễm đương lúc triều đình phương Bắc rối loạn, nhờ nghiệp cũ của anh[8] mà dựng nước, đặt niên hiệu, cùng với Khúc Hạo tranh bá, rồi bắt Thừa Mỹ, lấy Giao Châu, hùng **[18b]** cứ một phương, cùng xuýt xoát với các nước tiếm ngôi ở Bắc triều. Cho nên, Tiền Ngô Vương nổi lên, tuy giết được con, phá được quân [của Nghiễm], nhưng không giữ được đất, quốc thống họ Lưu kéo dài không dứt, mãi đến khi Tống [Thái] Tổ dấy lên thì đất ấy mới nhập vào nhà Tống.

Tân Mão, [931], (Đường Minh Tông Tự Nguyên, Trường Hưng năm thứ 2). Mùa đông, tháng 12, Dương Đình Nghệ nuôi 3 nghìn con nuôi, mưu đồ việc khôi phục. Lý Tiến biết, sai chạy ngựa báo

---

[1] Khúc Hạo: người làng Cúc Bồ, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng ngày nay, ở đó hiện còn đình thờ họ Khúc. Cương mục dẫn sách An Nam kỷ yếu, ghi thêm: "Cuối thời Đường, Khúc Hạo làm Tiết độ sứ thay cho Độc Cô Tôn; đổi các hương ở các huyện làm giáp, đặt ở mỗi giáp một viên quản giáp và một phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Hạo giữ chức Tiết độ sứ được hơn 4 năm thì mất" (CMTB5, 15a).

[2] Nam Hán: 1 trong 10 nước thời Ngũ Đại ở Trung Quốc bao gồm cả tỉnh Quảng Đông, phần phía nam Quảng Tây, nam Phúc Kiến ngày nay, trước sau 67 năm (905-971), gồm 5 đời làm vua.

[3] Cương mục theo Tư trị thông giám ghi Khúc Thừa Dụ được trao chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, năm Thiên Hựu thứ 3 (906) được thăng Đồng bình chương sự (CMTB5, 14a).

[4] Nghiễm _____ (trên chữ long là rồng, dưới chữ thiên), nguyên bản khắc thiếu 1 nét thành trên chữ long dưới chữ đại, không có trong tự điển. Còn chữ đã ghi (long + thiên), bản dịch cũ phiên là Yểm, bản dịch Cương mục phiên là Yêm. Thực ra, chữ này có hai âm Hán Việt là Yểm và Nghiễm, nhưng trong trường hợp tên vua Nam Hán ở đây thì đọc là Nghiễm. Ngũ đại sử q.65 Nam Hán thế gia chép rằng vua Nam Hán ban đầu tên là Nham, rồi đổi tên là Trắc ____ (chứ không phải Thiệp) _____ như Toàn thư chép ở đây), "sau thấy rồng trắng hiện lên, lại đổi tên là Cung, sau có nhà sư người Hồ nói rằng theo sấm thư thì diệt họ Lưu là Cung, bèn lấy nghĩa "rồng bay lên trời" (phi long tại thiên) trong Chu Dịch, đặt làm chữ ____ âm là Nghiễm, lấy làm tên".

[5] Thông giám (Trường Hưng 1), Tân Ngũ đại sử, Nam Hán thế gia chép tên viên tướng nhà Nam Hán này là Lương Khắc Trinh.

[6] Việc quân Nam Hán sang đánh Giao Châu (tức nước ta), bắt Khúc Thừa Mỹ, sử liệu Trung Quốc như Thông giám ghi vào tháng 9 năm Trường Hưng thứ 1 (930). Tân Ngũ Đại sử, Nam Hán thế gia ghi vào niên hiệu Đại Hữu thứ 3, cũng tức là năm 930. Chưa rõ vì sao cả Toàn thư và Cương mục (TB5, 17a) đều ghi vào năm Quý Mùi (923)?

[7] Cương mục ghi Dương Diên Nghệ, người Ái Châu, tức Thanh Hóa (CMTB5, 17a). Tài liệu Trung Quốc như Tống Sử (q.488), Tư tri thông giám v.v.... cũng chép là Dương Diên Nghệ. Ngũ đại sử (q.65) chép như Toàn thư (là Đình Nghệ). Có thể nhầm nét chữ vì chữ ____ diên và chữ ____ đình gần giống nhau.

[8] Chỉ Lưu Ẩn.

cho vua Hán. Năm ấy, Đình Nghệ đem quân vây Tiến. Vua Hán sai Thừa chỉ Trần Bảo đem quân sang cứu, chưa đến nơi, thành đã mất. Tiến trốn về nước. Bảo đến vây thành, Đình Nghệ đưa quân ra đánh, Bảo thua chết. Từ đó Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, trông coi việc châu.

Bính Thân, [936], (Đường Phế Đế Tông Kha, Thanh Thái năm thứ 3, Tấn Cao Tổ Thạch Kim Đường, Thiên Phúc năm thứ 1). Năm ấy nhà [Hậu] Đường mất.

[19a] Đinh Dậu, [937], (Tấn Thiên Phúc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, nha tướng của Đình Nghệ là Kiều Công Tiễn (Cương mục [Trung Quốc] chép _____)[1] giết Đình Nghệ để thay chức.

Mậu Tuất, [938], (Tấn Thiên Phúc năm thứ 3). Mùa đông, tháng 12, nha tướng của Đình Nghệ là Ngô Quyền từ Ái Châu cất quân đánh Công Tiễn. Công Tiễn sai sứ sang đút lót để cầu cứu với nhà Hán. Vua Hán là Cung muốn nhân khi nước ta có loạn chiếm lấy nước, bèn cho con là Vạn Vương Hoằng Tháo[2] làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, đổi tước phong là Giao Vương, đem quân sang cứu Công Tiễn. Vua Hán tự làm tướng, đóng ở Hải Môn để làm thanh viện. Vua Hán hỏi kế ở Sùng văn sứ là Tiêu Ích, Ích nói: "Nay mưa dầm đã mấy tuần, đường biển thì xa xôi nguy hiểm, Ngô Quyền lại là người kiệt hiệt, không thể khinh suất được. Đại quân phải nên thận trọng chắc chắn, dùng nhiều người hướng đạo rồi sau mới nên tiến". Vua Hán không nghe, sai Hoằng Tháo đem chiến thuyền theo sông Bạch Đằng mà vào, muốn đánh **[19b]** Quyền, nhưng Quyền đã giết Kiều Công Tiễn rồi.

Quyền nghe tin Hoằng Tháo sắp đến, bảo các tướng tá rằng: "Hoằng Tháo là đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mỏi mệt, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức còn khỏe địch với quân mỏi mệt, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế được thua chưa biết ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu bịt sắt[3] đóng ngầm ở trước cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không cho chiếc nào ra thoát". Định kế rồi, bèn cho đóng cọc ở hai bên cửa biển. Khi nước triều lên, Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoằng Tháo quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cắm cọc, nước triều rút, cọc nhô lên, Quyền bèn tiếng quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu. [Quân Hoằng Tháo] không kịp sửa thuyền mà nước triều rút xuống rất gấp, thuyền đều mắc **[20a]** vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ, quân lính chết đuối quá nửa. Quyền thừa thắng đuổi đánh, bắt được Hoằng Tháo giết đi. Vua Hán thương khóc, thu nhặt quân lính còn sót rút về. Vua Hán cho tên Cung đáng ghét là vì vậy (Lưu Cung tức là Lưu Nghiễm).

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lưu Cung tham đất đai của người, muốn mở rộng bờ cõi, đất đai chưa lấy được mà đã hại mất đứa con của mình và hại cả nhân dân, tức như Mạnh Tử nói: "Đem cái mình không yêu mà hại cái mình yêu" vậy chăng?

Trở lên là [kỷ] Nam Bắc phân tranh, từ năm Đinh Mão đến năm Mậu Tuất [907-938], tất cả 32 năm.

Kỷ Nhà Ngô

Tiền Ngô Vương

Ở ngôi 6 năm, thọ 47 tuổi [898-944].

[20b] Vua mưu tài đánh giỏi, làm nên công tái tạo, đứng đầu các vua.

---

[1] Chữ _____ âm Cảo, Kiểu, đồng âm với Kiều.

[2] Vạn Vương [Lưu] Hoằng Tháo, nên sửa là Hồng Tháo, theo Tân Ngũ đại sử (q.65). Các con của Lưu Cung đều có chữ Hồng.

[3] Tân Ngũ đại sử (Nam Hán thế gia) chép: thực thiết quyết = đóng cọc sắt (hiểu là cọc gỗ bịt sắt). Việt sử lược (q.1, 14b): thực thiết đầu đại dực = đóng cọc lớn đầu sắt.

Họ Ngô, tên húy là Quyền, người Đường Lâm[1], đời đời là nhà quý tộc. Cha là Mân làm chức châu mục ở bản châu. Khi vua mới sinh có ánh sáng lạ đầy nhà, trạng mạo khác thường, có 3 nốt ruồi ở lưng, thầy tướng cho là lạ, bảo có thể làm chủ một phương, nên mới đặt tên là Quyền. Đến khi lớn lên, khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi thong thả như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc; làm nha tướng của Dương Đình Nghệ, được Đình Nghệ gả con gái và cho quyền quản Ái Châu. Đến đây giết Kiều Công Tiễn, tự lập làm vương, đóng đô ở Loa Thành.

Kỷ Hợi, năm thứ 1 [939], (Tấn Thiên Phúc năm thứ 4). Mùa xuân, vua bắt đầu xưng vương, lập Dương thị làm hoàng hậu, đặt trăm **[21a]** quan, chế định triều nghi phẩm phục.

Giáp Thìn, năm thứ 6 [944], (Tấn Tề Vương Trọng Quý, Khai Vận năm thứ 1). Vua mất.

Lê Văn Hưu nói: Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đến, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngõ hầu đã nối lại được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tiền Ngô [Vương] nổi lên không chỉ có công chiến thắng mà thôi, việc đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục, có thể thấy được quy mô của bậc đế vương. Nhưng hưởng **[21b]** nước không được lâu, chưa thấy hiệu quả trị bình, đáng tiếc thay !

Dương Tam Kha

Cướp ngôi 6 năm.

Tam Kha là anh (có sách chép là em) của Dương hậu, là gia thần của Tiền Ngô Vương, tiếm xưng là Bình Vương[2].

Ất Tỵ, [945], (Dương Tam Kha năm thứ 1, Tấn Khai Vận năm thứ 2). Lúc trước, Tiền Ngô Vương bệnh nặng, có di chúc giao cho Tam Kha giúp rập cho con. Khi Vương mất, Tam Kha cướp ngôi. Con trưởng của Ngô Vương là Xương Ngập sợ, chạy về Nam Sách Giang[3], trú ngụ ở nhà Phạm Lệnh Công ở Trà Hương[4]. Tam Kha lấy con thứ hai của Ngô Vương là Xương Văn làm con mình. Các con thứ của Ngô Vương là Nam Hưng, Càn Hưng còn bé, đều theo Dương quốc mẫu. Được ít lâu, Tam Kha sai chỉ huy sứ là Dương Cát Lợi, Đỗ Cảnh Thạc đem quân đến nhà Lệnh Công đòi bắt Xương Ngập, **[22a]** tất cả ba lần đều không thực hiện được mệnh lệnh. Lệnh Công sợ, bèn giấu Xương Ngập trong động núi. Tam Kha biết, lại đòi bắt như trước, rốt cuộc vẫn không bắt được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Dụng tâm của Phạm Lệnh Công thật là trung. Tam Kha là kẻ gian thần mà đuổi con đích của vua để cướp ngôi, lấy Xương Văn làm con mình, chẳng qua là lời lẽ che đậy giả dối, ai mà biết được ? Vả lại, lúc ấy người trong nước ai cũng xem Tam Kha là vua, mà Lệnh Công dám che giấu cho Xương Ngập, muốn cho

[1] Nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây; ở đây có đền thờ và lăng Ngô Quyền.

[2] Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thì Sĩ ghi Dương Tam Kha người làng Dương xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, con của Dương Đình Nghệ.

[3] Nam Sách Giang: theo An Nam Chí Lược là tên lộ thời Lý. Nay là vùng đất thuộc các huyện Chí Linh và Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

[4] Trà Hương: theo CMTB5, 22a, huyện Kim Thành, nay thuộc đất huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng, xưa có tên gọi là Trà Hương.

dòng dõi họ Ngô không tuyệt tự, việc của Trình Anh, Chữ Cửu[1] lại thấy ở đây. Ai bảo một nước rộng lớn mà không có trung thần nghĩa sĩ.

Đinh Mùi, [947], (Dương Tam Kha năm thứ 3; Hậu Hán, Cao Tổ Lưu Tri Viễn lên ngôi vẫn dùng niên hiệu nhà Tấn, Thiên Phúc năm thứ 12). Năm ấy nhà Tấn mất.

[22b] Canh Tuất, [950], (Dương Tam Kha năm thứ 6; Hán Ẩn Đế Thừa Hựu, vẫn dùng niên hiệu Càn Hựu năm thứ 3). Tam Kha sai Xương Văn và hai [chỉ huy] sứ họ Dương, họ Đỗ[2] đem quân đi đánh hai thôn Đường, Nguyễn ở Thái Bình[3]. Đến Từ Liêm, Xương Văn ung dung bảo hai sứ rằng: "Đức của Tiên vương ta thấm khắp lòng dân, phàm chính lệnh ban ra không ai không vui lòng nghe theo, không may lìa bỏ quần thần, Bình Vương tự làm việc bất nghĩa, cướp ngôi của anh em ta, tội không gì to bằng. Nay lại sai bọn chúng ta đi đánh ấp không có tội, may mà đánh được thì thôi, nếu họ không phục thì làm thế nào ?" Hai sứ đều nói: "Xin theo lệnh của ông". Xương Văn nói: "Ta muốn đem quân quay lại đánh úp Bình Vương để khôi phục cơ nghiệp của Tiên Vương ta, có nên chăng ?" Hai sứ đều trả lời là nên lắm. Bèn quay về đánh úp Tam Kha. Mọi người muốn giết đi, Xương Văn nói: "Bình Vương đối với ta có ơn, sao nỡ giết". Bèn giáng làm Chương Dương Công, nhân đó ban cho thực ấp (nay là Chương Dương độ)[4]. **[23a]** Năm ấy nhà Hán mất.

Lê Văn Hưu nói: Đuổi con vua mà tự lên làm vua, là tội công; nuôi con vua làm con mình mà cho thực ấp, là ơn riêng. Đuổi Xương Ngập mà tự lên làm vua, là bề tôi phản nghịch, đối với nghĩa thì hẳn là không dung được tội phải chết. Hậu Ngô Vương không trị tội, lại vì ơn riêng nuôi dưỡng mà không nỡ gia hình, lại ban cho thực ấp, há chẳng lầm to hay sao?

Hậu Ngô Vương
(Phụ: Thiên Sách Vương)

Ở ngôi 15 năm [951-965].

Vua nối được kỷ cương hoàng gia, khôi phục cơ nghiệp cũ. Tiếc rằng gây việc can qua ở trong nước đến nỗi bị chết.

Vua tên húy là Xương Văn, con thứ của Tiền Ngô Vương.

Tân Hợi, năm thứ 1 [951], (Chu Thái Tổ Quách Uy, Quảng Thuận năm thứ 1). Vua đã truất bỏ Tam Kha, lên ngôi vua, xưng là Nam **[23b]** Tấn [Vương], sai sứ đi đón anh là Xương Ngập về Kinh sư, cùng trông coi việc nước. Xương Ngập xưng là Thiên Sách Vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nam Tấn đón Xương Ngập về để cùng trông coi chính sự, có thể gọi là người biết kính anh, muốn cho cùng hưởng phú quý. Xương Ngập nên lấy sự mình không có công lao mà nhường ngôi cho em, để cùng hưởng lập, thì đức ấy há chẳng rạng rỡ lớn lao ư? Lại câu nệ về phận đích trưởng, cũng xưng vương, trông coi chính sự, lại chuyên quyền làm oai làm phúc, đến nỗi Nam Tấn Vương không được dự chính sự nữa, thật là mất đạo nghĩa anh em, chí thú rất là ti tiện.

---

[1] Trình Anh, Chữ Cửu: người nước Tấn thời Chiến Quốc, bạn của Triệu Sóc (con Triệu Thuẫn, đời Tấn Cảnh Công). Tư khấu nước Tấn là Đồ Ngạn Giả giết Triệu Sóc và xuống lệnh tru di cả họ Triệu, Trình Anh và Chữ Cửu liều chết giấu con của Sóc là Vũ để cho họ Triệu không tuyệt tự.

[2] Tức Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc, đã nói ở trên.

[3] Thái Bình: chưa rõ ở đâu. Cương mục dẫn Đường thư, Địa lý chí nói nhà Đường cắt huyện Thái Bình đặt làm huyện Phong Khê, lại nói Phong Khê thuộc Phong Châu, "hai thôn Thái Bình, Đường Nguyễn có lẽ ở đấy" (CMTB4, 11b). CÓ thể là Đường Lâm và Nam Nguyễn huyện Ba Vì, Hà Tây, thuộc vùng cát cứ Ngô Nhật Khánh, hoặc Đường Lâm thuộc vùng cát cứ của Ngô Nhật Khánh và Nguyễn Gia Loan, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú thuộc vùng cát cứ của Nguyễn Khoan.

[4] Chương Dương: nay là tên xã thuộc Thường Tín, tỉnh Hà Tây, ở đây có bến đò Chương Dương ở hữu ngạn sông Hồng.

Bấy giờ người động Hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh cậy núi khe hiểm cố, không chịu giữ chức phận làm tôi. Hai vương muốn cất quân đi đánh; Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào triều làm con tin để ngăn chặn việc xuất quân **[24a]**. Liễn đến, hai vương trách tội [Bộ Lĩnh] không đến chầu, rồi bắt giữ Liễn đem theo đi đánh. Hơn một tháng, không đánh nổi, bèn treo Liễn lên ngọn sào, sai người bảo Bộ Lĩnh, nếu không chịu hàng thì giết Liễn. Bộ Lĩnh tức giận nói: "Đại trượng phu chỉ mong lập được công danh, há lại bắt chước thói đàn bà xót con hay sao?". Liền sai hơn mười tay nỏ nhằm Liễn mà bắn. Hai vương kinh sợ: "Ta treo con nó lên là muốn để nó đoái tiếc con mà ra hàng cho chóng. Nó tàn nhẫn như thế, còn treo con nó làm gì". Bèn không giết Liễn mà đem quân về.

Bấy giờ Thiên Sách Vương chuyên quyền làm uy, [Nam Tấn] Vương không được dự chính sự nữa. Hai vương do đó hiềm khích với nhau.

Giáp Dần, năm thứ 4 [954], (Chu Thế Tông Sài Vinh, Hiển Đức năm thứ 1) Thiên Sách Vương mất. Vua [Nam Tấn Vương] lại giữ ngôi. Sai sứ sang thỉnh mệnh vua Nam Hán là Lưu Xưởng[1]. Xưởng cho vua làm Tỉnh Hải quân tiết độ sứ kiêm Đô **[24b]** hộ.

Canh Thân, năm thứ 10 [960], (Chu Cung Đế Tông Huấn[2], năm thứ nhất; Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận, Kiến Long năm thứ 1). Năm ấy nhà Chu mất.

Ất Sửu, năm thứ 15 [965], (Tống Càn Đức năm thứ 3). Vua đem quân đi đánh hai thôn Đường và Nguyễn ở Thái Bình, mới vào đến cõi, đỗ thuyền lên bộ đánh, bị phục binh tay nỏ bắn trúng chết. Đinh Liễn trở về Hoa Lư.

> Lê Văn Hưu nói: Nam Tấn Vương nhà Ngô trước bị gia thần là Tam Kha giam giữ, sau bị anh là Xương Ngập áp chế, một sớm đắc chí, không biết cẩn thận giữ mình, cho nên hưởng nước ngắn ngủi, không có chính tích gì, đáng tiếc thay ! Nhưng, cứ xem việc tha tội cho Bình Vương, há không phải là nhân ư ? Chịu nhịn cho Xương Ngập kiêu xấc, há không phải là cung ư ? Đã nhân lại cung, cũng có thể thấy vương là người ra sao rồi .
>
> **[25a]** Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nam Tấn Vương nhà Ngô lấy nghĩa trừ kẻ bạo tàn, khôi phục cơ nghiệp cũ, đủ thỏa được vong linh của tổ tông, hả lòng căm giận của thần và người. Về chính trị, đang có đổi mới. Thế mà vì lòng nhân, thương người kiểu đàn bà trẻ con mà không trị tội Tam Kha cướp ngôi; tham việc can qua, vì hành động đánh dẹp càn rỡ ở hai thôn Đường, Nguyễn, rốt cuộc lại tự giết mình. Đáng tiếc thay !

Ngô Sứ Quân
(Phụ: Các Sứ Quân)

Tất cả 2 năm [966-967].

Họ Ngô, tên húy là Xương Xí, khi Thiên Sách Vương lánh nạn, lấy vợ ở Nam Sách Giang[3] sinh ra, là cháu gọi Nam Tấn Vương bằng chú.

Bính Dần, năm thứ 16 [966], (Tống Càn Đức năm thứ 4). Nam Tấn [Vương] mất, các hùng trưởng đua nhau nổi dậy chiếm cứ quận ấp để tự giữ: Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều[4]; Kiểu Công Hãn

---

[1] Cương mục sửa là Lưu Thạnh, vì sứ giả của Nam Tấn Vương sang Nam Hán năm Hiển Đức thứ 1 (954), khi ấy Lưu Thạnh còn làm vua. Còn Lưu Xưởng thì 4 năm sau (958) mới lên ngôi (CMTB5, 26a). Ngũ đại sử (Nam Hán thế gia) cũng chép sau khi Xương Ngập chết thì em là Xương Tuấn sang xin tiết việt của Lưu Thạnh.

[2] Tông Huấn: tức Cung Đế (Quách Tông Huấn) đời Hậu Chu nối ngôi năm 959, qua năm sau nhường ngôi cho nhà Tống, trước sau chưa đầy 1 năm, không đặt niên hiệu.

[3] Nam Sách Giang: xem chú ở trang trước.

[4] Bình Kiều: nay ở huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(xưng là Kiểu Tam Chế) chiếm Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc)[1]; Nguyễn **[25b]** Khoan (xưng là Nguyễn Thái Bình) chiếm Tam Đái[2]; Ngô Nhật Khánh (xưng là Ngô Lãm Công) chiếm Đường Lâm[3] (có sách chép là chiếm Giao Thủy[4]; Đỗ Cảnh Thạc (xưng là Đỗ Cảnh Công) chiếm Đỗ Động Giang[5]; Lý Khuê (xưng là Lý Lãng Công) chiếm Siêu Loại[6]; Nguyễn Thủ Tiệp (xưng là Nguyễn Lệnh Công) chiếm Tiên Du, Lữ Đường (xưng là Lữ Tá Công) chiếm Tế Giang[7]; Nguyễn Siêu (xưng là Nguyễn Hữu Công) chiếm Tây Phù Liệt[8]; Kiểu Thuận (xưng là Kiểu Lệnh Công) chiếm Hồi Hồ (nay ở xã Trần Xá huyện Hoa Khê vẫn còn nền thành cũ)[9]; Phạm Bạch Hổ (xưng là Phạm Phòng Át) chiếm Đằng Châu[10]; Trần Lãm (xưng là Trần Minh Công) chiếm Bố Hải Khẩu[11]; gọi là 12 sứ quân.

Đinh Mão, năm thứ 17 [967], (Tống Càn Đức năm thứ 5). Bấy giờ trong nước không có chủ, 12 sứ quân tranh nhau làm trưởng, không ai chịu thống thuộc vào ai. Đinh Bộ Lĩnh nghe tiếng Trần Minh Công là người có đức mà không có con nối, bèn cùng với con là Liễn đến nương tựa. Minh Công thấy Bộ Lĩnh dáng mạo khôi ngô lạ thường, lại có khí lượng, mới nuôi làm con, ơn yêu đãi ngày càng hậu, nhân đó giao cho coi quân, sai đi đánh các hùng trưởng khác, **[26a]** đều thắng được cả. Phạm Phòng Át đem quân về hàng (dưới triều nhà Đinh, Phòng Át làm Thân vệ tướng quân). Khi Minh Công mất, gặp lúc bọn con em của Ngô Tiên chúa ở Đỗ Động Giang hơn 500 người đem quân đến đánh, mới vào đến đất Ô Man thì bị người làng ấy là Ngô Phó sứ đánh bại phải trở về. Bộ Lĩnh nghe tin, liền cất quân đi đánh vùng sông và động ấy, không bộ lạc nào không hàng phục. Từ đó lại dân ở kinh phủ đều khâm phục theo về. Nhà Ngô mất.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vận trời đất, bĩ rồi ắt thái, Bắc Nam đều cùng một lẽ ấy. Thời Ngũ đại bên Bắc triều [Trung Quốc] suy loạn rồi Tống Thái Tổ nổi lên. Ở Nam triều [nước ta], 12 sứ quân phân chia quấy nhiễu, rồi Đinh Tiên Hoàng nổi lên. Không phải là ngẫu nhiên mà do vận trời vậy.

Trở lên là kỷ nhà Ngô gồm 3 vua và Dương Tam Kha cướp ngôi, từ năm Kỷ Hợi đến năm Đinh Mão [939-967] cộng 29 năm.

---

[1] Bạch Hạc: nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú.

[2] Tam Đái: nay ở vùng huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú. Nay ở xã Minh Tâm, huyện Vĩnh Lạc có di tích thành cũ, và ở xã Vĩnh Mỹ (cùng huyện) có đền thờ của sứ quân Nguyễn Khoan.

[3] Đường Lâm: nay ở huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

[4] Giao Thủy: nay ở huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà.

[5] Đỗ Động Giang: Cương Mục chú: "Sông Đỗ Động phát nguyên từ các đầm lớn ở xã Đào Viên thuộc huyện Thanh Oai, chảy qua các xã Sinh Quả, Úc Lý, đi khuất khúc đến xã Thượng Cung, huyện Thượng Phúc thì hợp với sông Nhuệ" (CMTB5, 29b). Ngô Thì Sĩ ghi thêm: "Nay ở làng Bảo Đà, huyện Thanh Oai còn vết cũ của thành sứ quân" (Việt Sử Tiêu Án). Đỗ Động Giang có thể là phần đất vào khoảng huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[6] SIêu Loại: nay là đất huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

[7] Tế Giang: nay thuộc đất huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng.

[8] Tây Phù Liệt: nay ở huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[9] Hồ Hồi, Hoa Khê: Cương mục chú: Cẩm Khê xưa là Hoa Khê, ở xã Trương Xá, huyện Cẩm Khê còn có vết đất cũ của thành sứ quân. Cẩm Khê nay thuộc đất huyện Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú.

[10] Đằng Châu: nay là đất huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng, ở xã Xích Đằng có đền thờ Phạm sứ quân.

[11] Bố Hải Khẩu: nay là vùng thị xã Thái Bình. Năm Thiên Thành thứ 3 (1030), Lý Thái Tông đi cày ruộng tịch điền ở Bố Hải Khẩu là nơi này (bấy giờ ở đây còn là cửa biển nên gọi tên như vậy).

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển I

[1a]

Kỷ nhà Đinh

Tiên Hoàng Đế

Họ Đinh, tên húy là Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng[1] con của Thứ sử châu Hoan Đinh Công Trứ, dẹp yên các sứ quân, tự lập làm đế, ở ngôi 12 năm [968-979], bị nội nhân là Đỗ Thích giết, thọ 56 tuổi [924-979], táng ở sơn lăng Trường Yên.

Vua tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, quét sạch các hùng trưởng, tiếp nối quốc thống của Triệu Vũ [Đế], song không biết dự phòng, không giữ được trọn đời, tiếc thay!

Xưa, cha của vua là Đinh Công Trứ làm nha tướng của Dương Đình Nghệ, được Đình Nghệ giao giữ chức quyền Thứ sử châu Hoan, sau theo về với Ngô Vương, vẫn được giữ chức cũ, rồi mất. Vua mồ côi cha từ bé, mẹ họ Đàm đưa gia thuộc vào ở cạnh đền sơn thần trong động. Vào tuổi nhi đồng, vua thường cùng bọn trẻ con chăn trâu ngoài đồng. Bọn trẻ tự biết kiến thức không bằng vua, [**1b**] cùng nhau suy tôn làm trưởng. Phàm khi chơi đùa, thường bắt bọn chúng chéo tay làm kiệu khiêng và cầm hoa lau đi hai bên để rước như nghi trượng thiên tử. Ngày rỗi, thường kéo nhau đi đánh trẻ con thôn khác, đến đâu bọn trẻ đều sợ phục, hàng ngày rủ nhau đến phục dịch kiếm củi thổi cơm. Bà mẹ thấy vậy mừng lắm, mổ lợn nhà cho chúng ăn. Phụ lão các sách bảo nhau: "Đứa bé này khí lượng như thế ắt làm nên sự nghiệp, bọn ta nếu không theo về, ngày sau hối thì đã muộn". Bèn dẫn con em đến theo, rồi lập làm trưởng ở sách Đào Áo. Người chú của vua giữ sách Bông chống đánh với vua. Bấy giờ, vua còn ít tuổi, thế quân chưa mạnh, phải thua chạy. Khi qua cầu ở Đàm Gia Nương Loan[2], cầu gãy, vua rơi xuống bùn, [2a] người chú toan đâm, bỗng thấy hai con rồng vàng hộ vệ vua, nên sợ mà lui. Vua thu nhặt quân còn sót, quay lại đánh, người chú phải hàng. Từ đấy ai cũng sợ phục, phàm đi đánh đến đâu đều dễ như chẻ tre, gọi là Vạn Thắng Vương.

Bấy giờ Mười hai sứ quân đều tự xưng hùng trưởng, cát cứ đất đai. Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều, Ngô Nhật Khánh chiếm Đường Lâm, Kiểu Tam Chế chiếm Phong Châu, Nguyễn Thái Bình chiếm Nguyễn Gia Loan, Đỗ Cảnh Thạc chiếm miền sông Đỗ Động, Nguyễn Lệnh Công[3] chiếm Tây Phù Liệt, Tế Giang thì có Lữ Tá Đường, Tiên Du có Nguyễn Thủ Tiệp, Siêu Loại có Lý Lãng Công, Hồi Hồ có Kiểu Lệnh Công, Đằng Châu có Phạm Phòng Át, Bố Hải có Trần Minh Công[4]. Vua một phen cất quân là dẹp yên,

---

[1] Đại Hoàng: tên châu, nay là đất huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

[2] Nguyên văn: "Đàm Gia Nương Loan". Loan là chỗ sông uốn vòng. Các bản in khác đều bỏ chữ "Nương", chỉ chép Đàm Gia Loan. Nay ở Điền Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

[3] Ở đoạn trước, NK5 chép là Nguyễn Hữu Công.

[4] Tên địa phương cát cứ của các sứ quân, xem chú thích (7), tr. 209.

bèn tự lập làm đế. Chọn được chỗ đất đẹp ở Đàm thôn, vua muốn dựng [**2b**] đô ở đó, nhưng vì thế đất chật hẹp lại không có lợi về việc đặt hiểm, nên vẫn đóng đô ở Hoa Lư[1] (nay là phủ Trường Yên).

Mậu Thìn, năm thứ 1 [968], (Tống Khai Bảo năm thứ 1). Vua lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời Kinh ấp về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng Đế.

Vua muốn dùng uy chế ngự thiên hạ, bèn đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong cũi, hạ lệnh rằng: "Kẻ nào trái phép phải chịu tội bỏ vạc dầu, cho hổ ăn". Mọi người đều sợ phục, không ai dám phạm.

> Lê Văn Hưu nói: Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết. Vua mở nước dựng đô, đổi xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu [**3a**] quân, chế độ gần đầy đủ, có lẽ ý trời vì nước Việt ta mà lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối quốc thống của Triệu Vương chăng?

Kỷ Tỵ, năm thứ 2 [969], (Tống Khai Bảo năm thứ 2). Tháng 5 nhuận, phong con trưởng là Liễn làm Nam Việt Vương.

Canh Ngọ, Thái Bình năm thứ 1 [970], (Tống Khai Bảo năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đặt niên hiệu. (Sử cũ nói rằng nước Việt ta có niên hiệu bắt đầu từ đây. Nhưng Lý Nam Đế [trước đó] đã đặt niên hiệu là Thiên Đức [544-548]. Sai sứ sang nhà Tống giao hảo. Bấy giờ nhà Tống sai Đại tướng Phan Mỹ dẹp yên Lĩnh Nam (chỉ Lưu Xưởng[2]), cho nên mới có mệnh ấy.

Lập 5 hoàng hậu (một là Đan Gia, hai là Trinh Minh, ba là Kiểu Quốc, bốn là Cồ Quốc, năm là Ca Ông).

> Lê Văn Hưu nói: Trời đất cùng che chở, mặt trời mặt trăng cùng chiếu soi, mới sinh thành muôn vật, nảy nở mọi loài, cũng như hoàng hậu sánh với ngôi vua, cho nên mới có thể [3b] đứng đầu tiêu biểu cho nội cung, tác thành cho thiên hạ. Từ xưa chỉ lập [hoàng hậu] một người để chủ việc nội trị mà thôi, chưa từng nghe nói lập đến 5 người. Tiên Hoàng không kê cứu cổ học, mà bầy tôi đương thời lại không có ai biết giúp sửa cho đúng, để đến nổi chìm đắm trong tình riêng, cùng lập 5 hoàng hậu Sau đến 2 triều Lê, Lý cũng phần nhiều bắt chước làm theo, ấy là do Tiên Hoàng khởi xướng sự rối loạn thứ bậc vậy.

Tân Mùi, [Thái Bình] năm thứ 2 [971], (Tống Khai Bảo năm thứ 4). Bắt đầu quy định cấp bật văn võ, tăng đạo. Lấy Nguyễn Bặc làm Định quốc công, Lưu cơ làm Đô hộ phủ sĩ sư[3], Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân[4], Tăng thống[5], Ngô Chân Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni làm Tăng lục[6], Đạo sĩ Đặng Huyền Quang được trao chức Sùng chân uy nghi[7].

[**4a**] **Nhâm Thân**, [Thái Bình] năm thứ 3 [972], (Tống Khai Bảo năm thứ 5). Sai Nam Liệt Vương Liễn sang sứ thăm nhà Tống.

---

[1] Động Hoa Lư: Cương mục: ở về sơn phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế tỉnh Ninh Bình cũ; nơi đây bốn mặt đều có núi đá dựng đứng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người địa phương gọi là động Hoa Lư (CMTB5, 24b). Nay thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Hà Nam Ninh.

[2] Lưu Xưởng: vua cuối cùng của Nam Hán (958-970), đầu hàng tướng nhà Tống là Phan Mỹ.

[3] Đô hộ phủ sĩ sư: chức quan coi việc hình án ở phủ đô hộ, tức là trong cả nước (nhà Đinh dùng tên phủ đô hộ thời thuộc Đường).

[4] Tướng chỉ huy 10 đạo quân, tức quân đội cả nước.

[5] Tăng thống: chức quan phong cho vị sư được triều đình coi là người đứng đầu Phật giáo.

[6] Tăng lục: chức quan trông coi Phật giáo dưới chức Tăng thống.

[7] Sùng chân uy nghi: chức quan trông coi về đạo giáo.

Quý Dậu, [Thái Bình] năm thứ 4 [973], (Tống Khai Bảo năm thứ 6). Nam Việt Vương Liễn đi sứ về. Nhà Tống sai sứ sang phong cho vua làm Giao Chỉ Quận Vương, Liễn làm Kiểm hiệu thái sư Tỉnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ. (Lời chế đại lược nói: "[Họ Đinh] đời làm vọng tộc, gìn giữ được phương xa, chí hâm mộ phong hoá Trung Hoa, thường nghĩ đến việc nội phụ. Nay chín châu hợp một, miền Ngũ Lĩnh sạch quang[1], bèn trèo non vượt biển đến dâng đồ cống. Khen người làm con biết giữ lễ phiên thần, vậy ban cho cha ngươi theo lối cắt đất phong tước, xếp phẩm trật cho vào hạng được cầm quân, được hưởng mức "tỉnh phú"[2]. Như thế là để khen thưởng đức tốt của người già, há chỉ hạn chế trong điển chương thường lệ đâu?".

Giáp Tuất, [Thái Bình] năm thứ 5 [974], (Tống Khai Bảo năm thứ 7). Muà xuân, tháng hai, quy định về quân mười đạo: mỗi đạo có 10 quân, 1 quân 10 lữ, 1 lữ 10 tốt, 1 tốt 10 ngũ, 1 ngũ 10 người, đầu đội mũ bình đính[3] vuông bốn góc (loại mũ này làm bằng da, chóp phẳng, bố bên khâu liền, trên hẹp dưới rộng, quy chế này đến đời bản triều khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau vẫn theo thế).

Hoàn thứ tử là Toàn sinh.

[**4b**] **Ất Hợi**, [Thái Bình] năm thứ 6 [975], (Tống Khai Bảo năm thứ 8). Mùa xuân, quy định áo mũ cho các quan văn võ. Sai Trịnh Tú [4] đem vàng lụa, sừng tê, ngà voi sang nhà Tống.

Mùa thu, nhà Tống sai Hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự dẫn đầu bọn Vương Ngạn Phù đem chế sách sang gia phong cho Nam Việt Vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu thái sư, Giao Chỉ Quận Vương. Từ đó về sau, sai sứ sang nhà Tống đều lấy Liễn làm chủ.

Bính Tý, [Thái Bình] năm thứ 7 [976], (Tống Khai Bảo năm thứ 9. Từ tháng 10 trở về sau thuộc về Tống Thái Tông [Triệu] Khuông Nghĩa, niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ nhất). Muà xuân, thuyền buôn của các nước ngoài đến dâng sản vật của nước họ. Sai Trần Nguyên Thái sang đáp lễ nhà Tống.

Mùa đông, tháng 10, Tống Thái Tổ băng.

Đinh Sửu, [Thái Bình] năm thứ 8 [977], (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 2). Sai sứ sang nhà Tống mừng Thái Tông lên ngôi.

Mậu Dần, [Thái Bình] năm thứ 9 [978], (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, động đất. Lập con nhỏ là Hạng Lang [**5a**] làm hoàng thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ Vương. Tháng hai, mưa đá.

Mùa hạ, tháng sáu, nắng hạn.

Kỷ Mão, [Thái Bình] năm thứ 10 [979], (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 4). Mùa xuân, Nam Việt Vương Liệt giết hoàng thái tử Hạng Lang. Liễn là con trưởng của vua, thuở hàn vi cùng chịu gian khổ, đến khi định yên thiên hạ, ý vua muốn truyền ngôi cho, mới phong làm Nam Việt Vương, lại từng xin mệnh và nhận tước phong của nhà Tống. Sau vua sinh con nhỏ là Hạng Lang, rất mực yêu quý, lập làm thái tử. Liễn vì vậy bất bình, sai người ngầm giết đi.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nối ngôi dùng con đích là đạo thường muôn đời, bỏ đạo ấy, chưa từng không gây loạn. Cũng có khi nhân thời loạn mà lập Thái tử, thì trước hết chọn người có công, [5b] hoặc con đích trưởng quá ác phải bỏ thì sau mới lập con thứ. Thế là xử việc lúc biến mà vẫn được đúng đắn, người xưa vẫn từng làm. Nam Việt Vương Liễn là con trưởng, lại có công, chưa thấy lầm lỗi gì. Tiên hoàng yêu con thứ mà quên con trưởng, cho như thế mới đủ tỏ tình yêu quý, không biết như thế là làm hại con.

---

[1] Chỉ việc nhà Tống đã diệt Hán, lấy được miền Nam Trung Quốc.

[2] Nguyên văn: "Trù chi tỉnh phú". Theo Tống sử, Thực Hoá chí thì "tỉnh phú" (chữ tỉnh trong từ tỉnh điên) là chế độ quy định các địa phương đóng góp 1/5 binh mã cho chính quyền trung ương.

[3] Bình đính: phẳng đầu.

[4] Theo Cương mục: Trịnh Tú người châu Đại Hoàng (CMTB1,6b).

Liễn lại nhẫn tâm, đến nỗi giết em, thiên đạo nhân luân mất hết, chuốc họa chết thiệt thân, còn liên lụy cả cha nữa, há chẳng rùng rợn lắm thay! Không thế thì tội đại ác của Đỗ Thích do đâu nảy ra để hợp với lời sấm Được?

Mùa đông, tháng mười, Chi hậu nội nhân Đỗ Thích[1] giết vua ở sân cung. Bọn Đinh quốc công Nguyễn Bặc bắt được đem giết. Trước đó Đỗ Thích làm chức lại ở Đồng Quan, đêm nằm trên cầu, bỗng thấy sao sa rơi vào miệng, Thích cho là điềm tốt, bèn nảy ra ý định giết vua. Đến đây, nhân lúc vua ăn yến ban đêm, say rượu nằm trong sân, [**6a**] Thích bèn giết chết, lại giết luôn cả Nam Việt Vương Liễn. Khi ấy lệnh lùng bắt hung thủ rất gấp, Thích phải lén núp ở máng nước trong cung qua 3 ngày, khác lắm, gặp lúc trời mưa thò tay hứng nước uống, cung nữ trông thấy liền đi báo. Đinh quốc công Nguyễn Bặc sai người bắt đem chém, đập nát xương, băm thịt ra từng mảnh, chia cho người trong nước ăn, chẳng ai không tranh lấy mà nhai nuốt. Ngày trước, khi vua còn hàn vi, thường đánh cá ở sông Giao Thủy, kéo lưới được viên ngọc khuê to nhưng va vào mũi thuyền, sứt mất một góc. Đêm ấy vào ngũ nhờ ở chùa Giao Thủy, giấu ngọc ở dưới đáy giỏ cá, đợi sáng ra chợ bán cá. Bấy giờ vua đang ngũ say, trong giỏ có ánh sáng lạ, nhà sư chùa ấy gọi dậy hỏi duyên cớ, vua nói thực và lấy ngọc khuê cho xem. Sư than rằng: "Anh ngày sau phú quý không thể nói hết, chỉ tiếc phúc không được dài".

Lại vào năm Thái Bình thứ 5 [974], có lời sấm ngữ: "Đỗ Thích thí Đinh Đinh, Lê gia xuất thánh minh, cạnh đầu đa hoành nhi[2] , đạo lộ tuyệt nhân hành. Thập nhị xưng đại vương, thập ác vô nhất thiện [6b], thập bát tử đăng tiên, kế đô[3] nhị thập thiên" (Đỗ Thích giết hai Đinh, nhà Lê nỗi thánh minh, tranh nhau nhiều hoành nhi, đường sá người vắng tanh. Mười hai xưng đại vương, toàn ác không một thiện, mười tám con lên tiên, sao kế đô hai chục ngày)[4] . Người ta cho là số trời đã định như thế. Khi ấy Định quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp Đinh Điền, cùng thập đạo tướng quân Lê Hoàn rước Vệ Vương Toàn lên ngôi Hoàng đế, tôn gọi vua là Tiên Hoàng Đế, tôn mẹ đẻ [vua mới] là Dương Thị làm Hoàng thái hậu. Rước linh cữu Tiên Hoàng Đế về táng ở sơn lăng Trường Yên[5].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đế vương dấy nghiệp không ai không nhờ ở trời. Nhưng thánh nhân không cậy có mệnh trời mà làm hết phận sự của mình. Việc đã thành, lại càng lo nghĩ đề phòng. Sửa sang lễ nhạc hình án chính sự là để phòng giữ lòng người. Đặt nhiều lần cửa, đánh hiệu canh là đề phòng kẻ hung bạo. Bởi vì [7a] lòng dục không cùng, việc đời không bến, không thể không đề phòng trước. Đó là nghĩ xa cho đời sau, mưu tính cho con cháu cũng chính là ở đó. Cho nên Tiên Hoàng không được trọn đời là do chưa làm hết việc người, không phải mệnh trời không giúp. Cũng vì vua không giữ được trọn đời khiến cho cái thuyết sấm đồ[5] đắc thắng, đời sau không thể không bị mê hoặc vì điều đó.

---

[1] Cương mục chú: Đỗ Thích người xã Đại Đê, huyện Thiên Bản, nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh (CMTB1,8b).

[2] Ở đây Toàn thư chép là hoành nhi mm mm, tức một loại nô tỳ, còn Đại Việt sử lược (q.1, 17b) lại chép là hoành tử mm mm nghĩa là chết phi lý, chết oan uổng.

[3] Kế đô: là tên Trung Quốc phiên âm tên ngôi sao Kethu trong lịch cổ Ấn Độ. Thiên văn cổ Ấn Độ cho rằng hệ mặt trời có 9 sao (Trung Quốc dịch là Cửu diệu), ngoài mặt trời, mặt trăng và 5 sao Thủy (Bhuda), Kim (Sukra), Hỏa (Angaraka), Mộc (Brhaspati), Thổ (Sanaiscara hay Sani), còn có 2 sao nửa là Kethu và Rahu (Trung Quốc phiên âm là La hầu), hai sao này thường che mặt trời, mặt trăng, làm thành nhật thực và nguyệt thực. Ngày nay ta biết không phải như vậy và không có hai ngôi sao đó. Lịch pháp cổ Ấn Độ (người Trung Quốc gọi là Phạn lịch đã truyền vào Trung Quốc cùng với Phật Giáo). Trong kinh Phật (chẳng hạn Đại Nhật kinh), thường gặp tên sao Kế đô này. Một số học giả thời Tống cũng đã bàn về sao này (xem Mộng khe bút đàm của Thâm Quát, chương tượng số). Người làm bài sấm trên - nhiều khả năng là nhà sư - đưa thêm tên ngôi sao này vào cho thêm phần bí hiểm, đồng thời chữ đô, có thể ám chỉ việc đóng đô, hay làm vua, của nhà Lý.

[4] Bài thơ sấm này hẳn là do người đời sau làm ra, vì trong đó không những đã biết việc Đỗ Thích giết hai cha con vua Đinh, Lê Hoàn lên ngôi, mà còn nói trước việc nhà Lý làm vua (gộp 3 chữ thập, bát, tự thành chữ Lý).

[5] Trường Yên: Ở đây là tên xã, chứ không phải tên phủ. Xã Trường Yên, gồm Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ, là vùng thành Hoa Lư. Lăng vua Đinh ở trên núi Mã Yên (núi Yên Ngựa) thuộc xã Trường Yên tỉnh Ninh Bình.

PHẾ ĐẾ

Tên húy là Toàn, con thứ của Tiên Hoàng, ở ngôi 8 tháng. Họ Lê cướp ngôi, giáng phong là Vệ Vương, thọ 18 tuổi [974-991]. Vua còn thơ ấu phải nối nghiệp lớn gian nan, cường thần nhiếp chính, người trong nước lìa lòng, nhà Đinh bèn mất.

Vua nối ngôi khi mới 6 tuổi. Lê Hoàn nhiếp chính, làm công việc như Chu Công[1] , tự xưng là Phó Vương. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc, ngoại giáp Đinh Điền, Phạm Hạp ngờ Hoàn sẽ làm điều bất lợi cho vua nhỏ, bèn cùng nhau dấy binh, chia hai đường thủy bộ, muốn tiến về kinh đô giết [**7b**] Hoàn, nhưng không đánh nổi, bị giết. Trước đó khi Điền và Bặc cất quân, Thái hậu nghe tin, lo sợ bảo Hoàn rằng: "Bọn Bặc dấy quân khởi loạn làm kinh động nước nhà ta. Vua còn nhỏ yếu chưa kham nỗi nhiều nạn, các ông nên liệu tính đi chớ để tai họa về sau". Hoàn nói: "Thần ở chức Phó Vương nhiếp chính, dù sống chết biến họa thế nào, đều phải đảm đương trách nhiệm". Rồi đó chỉnh đốn quân lữ, đánh nhau với Điền, Bặc ở Tây Đô (Hoàn người Ái Châu, [sau lên ngôi] đóng đô ở Hoa Lư, cho nên sử gọi Ái Châu là Tây Đô). Điền, Bặc thua chạy, lại đem quân thủy ra đánh. Hoàn nhân chiều gió phóng lửa đốt thuyền chiến, chém Điền tại trận, bắt được Bặc đóng củi đưa về kinh sư, kể tội rằng: "Tiên đế mắc nạn, thần người đều căm thẹn. Ngươi là tôi con lại nhân lúc tan tóc bối Krối mà dấy quân bội nghĩa. Chức phận tôi con có đâu như thế?". Bèn chém đầu đem bêu.

Điền, Bặc đã chết, quân Phạm Hạp mất hết khí thế, tan chạy về hương Cát Lợi ở Bắc Giang. Hoàn dẫn quân đuổi theo, bắt sống được Phạm Hạp đem về [8a] Kinh sư.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chu Công là người vương thất rất thân, giúp vua nhỏ tuổi còn không tránh khỏi những lời gièm pha phao truyền. Lê Hoàn là đại thần khác họ, nắm giữ binh quyền, làm công việc như Chu Công, thường tình còn ngờ vực, huống là Nguyễn Bặc ở chức thủ tướng và Đinh Điền là đại thần cùng họ hay sao? Bọn họ khởi binh không phải làm loạn, mà là một lòng phù tá nhà Đinh, vì giết Hoàn không được mà phải chết, ấy là chết đúng chỗ. Nay xem lời Đại Hành kể tội Nguyễn Bặc tựa như vạch tội mình. Khi Bặc chết, ắt phải có nói một lời để bày tỏ chính nghĩa, nhưng không thấy sử chép, thế là bỏ sót.

Phò mã Ngô Nhật Khánh dẫn thuyền quân Chiêm Thành hơn nghìn chiếc vào cướp, muốn đánh thành Hoa [**8b**] Lư, theo hai cửa biển Đại Ác và Tiểu Khang, qua một đêm, gặp gió bão nổi lên, thuyền đều lật đắm, Nhật Khánh cùng bọn người Chiêm đều chết đuối, chỉ có thuyền của vua Chiêm thoát trở về nước. Nhật Khánh là con cháu của Ngô Tiên chúa Quyền, trước xưng là An Vương, cùng 12 sứ quân mỗi người chiếm giữ một vùng. Tiên Hoàng dẹp yên, lấy mẹ Khánh làm hoàng hậu, lấy em gái Khánh làm vợ Nam Việt Vương Liễn, còn lo sinh biến, lại đem công chúa gã cho Khánh, ý muốn dập hết lòng oán vọng của hắn. Nhật Khánh bề ngoài cười nói như không, nhưng trong lòng vẫn bất bình, bèn đem cả vợ chạy sang Chiêm Thành, đến cửa biển Nam Giới[2] rút đao ngắn xẻo má vợ kể tội rằng: "Cha mày lừa dối ức hiếp mẹ con ta, lẽ nào ta vì mày mà quên tội ác của cha mày hay sao? Cho mày trở về, ta đi đằng khác tìm kẻ có thể cứu ta". Nói xong bèn đi. Đến đây nghe tin Tiên Hoàng băng, Khánh dẫn người Chiêm vào cướp.

[**9a**] **Canh Thìn**, [Thái Bình] năm thứ 11 [980], (Phế Đế vẫn dùng niên hiệu Thái Bình, từ tháng 7 về sau là niên hiệu Thiên Phúc năm đầu của Lê Đại Hành; Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 5).

---

[1] Chu Công: tức Cơ Đán, em Vũ Vương, nhà Chu (Trung Quốc), có tiếng là người hiền. Thành Vương nối ngôi còn nhỏ tuổi, Chu Công làm nhiếp chính, từng bị lời dèm pha nói rằng Chu Công sẽ làm điều bất lợi cho vua nhỏ...

[2] Nam Giới: tên cửa biển ở phía Nam, gần Chiêm Thành, còn có tên là Cửa Sót, nay thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Mùa hạ, tháng 6,Tri Ung Châu[1] của nhà Tống là Thái thường bác sĩ Hầu Nhân Bảo dâng thư tâu với vuaTống rằng:

" An Nam Quận Vương cùng với con là Liễn đều bị giết, nước ấy sắp mất, có thể nhân lúc này đem một cánh quân sang đánh lấy.nếu bỏ lúc này không mưu tính, sợ lở mất cơ hội. Xin cho đến cửa khuyết để tâu Bày trực tiếp tình trạng có thể đánh lấy được ". Vua Tống sai chạy trạm đến gọi Nhân Bảo. Lư Đa Tốn nói: " An Nam bên trong rối loạn, đó là lúc trời làm mất, triều đình nên bất ngờ đem quân sang đáng úp, như người ta nói: " sét đánh không kịp bịt tai". Nếu trước gọi Nhân Bảo về, mưu ấy ắt bị lộ, kẻ kia nhờ đó biết được, sẽ dựa núi ngăn mà phòng bị, cái thế thắng thua chưa biết thế nào.

Chi bằng giao cho Nhân Bảo trách nhiệm ngầm đem quân sang, theo lệnh mà lo liệu việc ấy, chọn tướng đem 3 vạn quân Kinh Hồ[2] ruổi dài mà [**9b**] tràn sang, tạo ra cái thế vạn toàn như xô bẻ cành khô gỗ mục, không phải lo tốn một mũi tên".Vua Tống cho là phải.

Mùa thu,tháng 7, ngày Đinh Mùi, nhà Tống lấy Hầu Nhân Bảo làm Giao châulục lộ thủy lộ chuyển vận sứ, Lan Lãng đoàn luyện sứ Tôn Toàn Hưng,Bất tác sứ Hác Thủ Tuấn, Yên bi khổ sứ Tràn Khâm Tộ, Tả giám môn tướng quân Thôi Lượng làm Ung Châu Lộ binh mã bộ thư, Ninh Châu thứ sử Lưu Trừng, Quân khi khố phó sứ Giả Thực, Cung phụng quan cáp môn chi hậu Vương Soạn làm Quảng Châu Lộ binh mã đô bộ thư., họp quân cả bốn hướng, hẹn ngày cùng sang xâm lược.

Bấy giờ,Lạng Châu nghe tin quân Tống sắp kéo sang, liền làm tờ tâu báo về. Thái hậu sai Lê Hoàn chọn dũng sĩ đi đánh giặc, lấy người ở Nam Sách Giang là Phạm Cư Lạng[3] làm đại tướng quân. Khi [triều đình] đang bàn kế hoạch xuất quân, Cự Lạng cùng các tướng quân khác đều mặc áo trận đi thẳng vào Nội phủ, **[10a]** nói với mọi người rằng: " Thưởng người có công, giết kẻ trái lệnh là phép sáng để thi hành việc quân. Nay chúa thượng còn trẻ thơ, chúng ta dẫu hết sức liều chết để chặn giặc ngoài, may có chút công lao, thì có ai biết cho ? Chi bằng trước hãy tôn lâp ông Thập đạo làm Thiên tử, sau đó sẻ xuất quân thì hơn".Quân sĩ nghe vậy đều hô "vạn tuế ".

Thái hậu thấy mọi người vui lòng quy phục bèn sai lấy áo long cổn[4] khoác lên người Lê Hoàn, mời lên ngôi Hoàng đế. Từ đó Hoàn lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Phúc năm đầu [980], giáng phòng vua làm Vệ Vương.

Truy phong cha của vua [Hoàn] làm Trường Hưng Vương, mẹ họ Đặng làm Hoàng thái hậu.

Tháng 8, vua Tống xuống chiếu đem quân sang xâm lược, sai Lư Đa Tốn đem thư sang nói rằng: " Trung Hoa đối với Man Di, cũng như thân người có tứ chi, vận động duỗi co tùy ở tim mình, cho nên nói tim là chủ. Nếu ở một [10b] tay một chân mà mạch máu ngừng đọng, gân cốt không yên thì phải dùng thuốc thang để chữa. Chữa mà không công hiệu thì lại phải châm cứu cho kỳ khỏi, không phải là không biết thuốc thang thì đắng miệng, mà châm chích thì rách da. Phải làm như thế là vì tổn hại ít mà lợi ích nhiều. Kẻ làm vua thiên hạ cũng phải làm như vậy chăng? cho nên Thái Tổ Hoàng Đế ta nhận ngôi do nhà Chu nhường, đổi tên nước là Tống, văn vật trong sáng, một phen biến đổi theo xưa, ở ngôi đế vương mà nhìn Man Di mắc bệnh. Cho nên năm thứ 1 thứ 2 thì thuốc thang cho các đất Kinh, Thục, Tương, Đàm, năm thứ 3 thứ 4 thì châm cứu cho các miền Quảng, Việt, Ngô, Sở[5], gân cốt huyết mạch ra dáng trẻ non, có phần khoẻ mạnh. Không do cơ trí thần diệu sáng suốt của bậc vương giả mà trù liệu được đến thế ư ? Đến khi ta nối giữ cơ nghiệp lớn, đích thân coi chính sự, cho rằng đất Phần, đất Tinh[6]

---

[1] Ung Châu: nay là huyện Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Kinh Hồ: tên lộ thời Tống, gồm đất tỉnh Hồ Nam và tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc ngày nay.

[3] Phạm Cự Lạng: người huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng, ông nội là Chiêm giữ chức Đông giáp tướng quân đời Ngô Quyền, cha là Man, Tham chính đô đốc, anh là Phạm Hạp, vệ uý đời Đinh Tiên Hoàng, người đã cùng Đinh Điền, Nguyễn Bặc chống lại Lê Hoàn (theo Ngô Thì Sĩ, Đại Việt sử ký tiền biên).

[4] Áo long cổn: áo của vua thêu hình rồng cuộn.

[5] Chỉ các cuộc hành quân tiêu diệt các thế lực cát cứ đầu thời Tống ở tỉnh Hồ Nam, Tứ Xuyên, Lưỡng Quảng,v.v...Trung Quốc.

[6] Chỉ miền Phần Dương và Thái Nguyên thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Ở đây Tống Thái Tông muốn nhắc đến cuộc tiến quân tiêu diệt nước Bắc Hán ở tỉnh Sơn Tây năm 979.

là bệnh ở lòng bụng, nếu lòng bụng chưa chữa khỏi thì làm sao chữa nổi tứ chi ? Vì thế mới luyện thuốc thang bằng nhân nghĩa, [**11a**] sửa đồ châm cứu bằng đạo đức, hết sức chữa cho các đất Phần, Tinh chỉ một lần là khỏi bệnh, chín châu bốn biển đã mạnh lại yên. Chỉ có Giao Châu của ngươi ở xa cuối trời, thực là ngoài năm cõi[1] .

Nhưng phần thừa của tứ chi, ví như ngón chân ngón tay của thân người, tuy chỉ một ngón bị đau, bậc thánh nhân lại không nghĩ đến hay sao ? Cho nên phải mở lòng ngu tối của ngươi, để thanh giáo của ta trùm tỏa, ngươi có theo chăng ? Huống chi từ thời Thành Chu, [nước ngươi] đã đem chi trĩ trắng sang dâng, đến thời Viêm Hán[2], dựng cột đồng làm mốc, cho đến thời Lý Đường, vẫn thuộc về nội địa. Cuối thời Đường nhiều họa nạn, chưa kịp xử trí. Nay thánh triều lòng nhân trùm khắp muôn nước, cơ nghiệp thái bình kể cũng đã thịnh. Lễ phân phòng đã sắp đặt sẵn, còn đợi ngươi đến chúc sức khoẻ của ta. Ngươi đừng ru rú trong bốn góc nhà, khiến cho ta buồn phiền, phải chém cờ bổ so[3] làm cỏ nước ngươi, hối sao cho kịp. Dù cho sông nước ngươi có ngọc, [**11b**] ta vứt xuống suối; núi nước ngươi sản vàng, ta ném vào bụi, [để thấy] chẳng phải ta tham của báu nước ngươi. Dân của ngươi bay nhảy (ý nói người hoàng dã) còn ta thì có ngựa xe; dân ngươi uống mũi (nay người man ở miền rừng núi Giao Quảng[4] vẫn còn tục ấy) còn ta thì có cơm rượu để thay đổi phong tục của nước ngươi; dân ngươi bắt tóc còn ta thì có áo mũ, dân ngươi nói tiếng chim, còn ta thì có Thi, Thư, để dạy lễ cho dân ngươi. Cõi nóng chói chang, khói hơi mù mịt, ta tỏa mây Nghiêu, tưới cho mưa ngọt. Khí biển hầm hập, cháy mày chảy đá, ta gảy đàn Thuấn, quạt làn gió thơm. Sao trên trời nước ngươi, chẳng ai biết tên gì, ta quay chòm tử vi để ngươi biết chầu về. Đất ngươi nhiều ma quỷ, ai cũng sợ chúng quấy, ta đã đúc vạc lớn [để yểm trừ], khiến chúng không làm hại. Ra khỏi chốn đảo di của ngươi mà xem nhà Minh đường, Bích ung[5] chăng? Trút áo quần cỏ lá của ngươi mà mặc áo cổn hoa thêu hình rồng núi chăng? Ngươi có theo về hay không, chớ mau chuốc lấy tội. Nay ta đang chỉnh đốn xe cộ quân lính, truyền hiệu lệnh chiêng trống. Nếu chịu theo giáo hóa, ta [**12a**] sẽ tha tội cho, nếu trái mệnh ta sẽ sai quân đánh. Theo hay chống, lành hay dữ, tự ngươi xét lấy". (Sử cũ chép thư này ở Đinh Kỷ, dưới năm Thái Bình thứ 2 [971], nay xét nên để ở đây. Thư này do Vương Vũ Xứng nhà Tống soạn. Lại xét ở trên đoạn đó, Lê Văn Hưu có nêu bốn chữ "cải nguyên xưng đế", thì rõ ràng là từ mùa thu năm này, thuộc niên hiệu Thiên Phúc năm đầu. Lại trong bức thư này nói: "Thái Tổ ta nhận ngôi nhà Chu nhường lại..., ta nối giữ cơ nghiệp lớn...", thì rõ là thư của Tống Thái Tông, Văn Hưu không thể quá lầm mà ghi vào đời Đinh Tiên Hoàng, có lẽ do người sau sao chép ở những chỗ còn lại trong sách rách giấy nát, tự ý chép bậy vào chỗ ấy, đến nỗi Văn Hưu phải chịu oan là đã lầm. Năm sau, là năm Tân Tỵ [981] mới đổi gọi là Thiên Phúc năm đầu, biết đâu chẳng phải do mất tờ sách ấy mà đổi lầm chăng? Còn như Lý Thái Tổ lên ngôi vào cuối năm, cho nên năm sau đổi niên hiệu, không giống như đây).

Mùa đông, tháng 10, vua sắp phát binh, trước sai nha hiệu là Giang Cự Vọng, Vương Thiệu Tộ đưa thư sang nước Tống giả làm thư của [Vệ Vương] Toàn thỉnh cầu nối ngôi cha, xin ban cho mệnh lệnh chính thức, ý muốn hoãn binh nhà Tống (thư nói: cha thần là mỗ, anh thần là mỗ, điều được đội ơn nước, cho giữ phận trông coi biên khổn, kính giữ bờ cõi, không dám trái lệnh. Chưa khó nhọc ngựa đổ mồ hôi, đả đau buồn sương tan buổi sớm[6] . Nhà thần sắp sụp đổ, chưa bỏ áo tan thì quân dân tướng lại trong hạt, người giá lão ở núi rừng cùng đến chỗ nằm rơm gối đất[7] của thần, bảo thần tạm giữ việc quân lữ. Thần cố từ ba bốn lần, nhưng bọn họ thỉnh cầu nài ép càng khẩn thiết. Thần muốn [**12b**] đợi tâu bày, nhưng lại lo chậm trễ; người núi rừng hung ác, dân khe động tráo trở, nếu không chiều ý họ, sợ có khi tai biến xảy ra. Cho nên thần đã kính giữ quyền Tiết độ hành quân tư mã, tạm giữ việc quân trong

---

[1] Nguyên văn: "Ngũ phục", chữ dùng trong Kinh Thư, chỉ 5 vùng theo thứ tự xa cách kinh kỳ (hầu, diện, tuy, yêu, hoang).

[2] Viêm Hán: tức nhà Hán, tự coi là dòng dõi vua Nghiêu, ứng vào ngôi hỏa (trong ngũ hành), cho nên gọi là Viêm Hán (Viêm đồng nghĩa với hỏa).

[3] Nguyên văn: "tiệt phan đoạn tiết". Tiết là con so để làm tin, khi tướng ra trận thì bổ đôi giao cho một nửa.

[4] Chỉ vùng biên giới giữa nước ta (Giao Châu) với đất Lưỡng Quảng, Trung Quốc.

[5] Minh Đường: chổ vua các nước chư hầu triều kiế vua nhà Chu. Bích Ung: nhà học của vua nhà Chu.

[6] Ý nói cha và anh ở ngôi chưa được bao lâu đã bị nạn.

[7] Nguyên văn: "Chiêm khối", chỉ nơi ở trong thời gian chịu tang cha mẹ (nằm chiếu rơm (chiêm), gối đầu trên hòn đất (khối).

châu. Cúi mong được chính thức lĩnh mệnh, đủ được dự hàng phiên bang, để yên ủi tấm lòng tận trung của kẻ toi mọn, nêu cao thịnh điển ban khen của thánh triều).

Khi ấy nhà Tống đang muốn trách hỏi vua về việc xưng đế đổi niên hiệu, lại có ý chiếm lấy nước Việt ta, mới sai Trương Tông Quyền đưa thư trả lời rằng: " họ Đinh truyền nối ba đời, trẫm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh[1] làm phó. Nếu Toàn tướng tài chẳng có, vẫn còn trẻ con, thì nên bảo cả mẹ con cùng thân thuộc sang quy phụ. Đợi khi bọn họ vào chầu ắt sẻ có điển lễ ưu đải và sẻ trao cờ tiết cho khanh. Nay có hai đường, khanh nên chọn một".Vua đều không nghe.

Trở nên là triều Đinh, hai vua, bắt đâu từ năm Mậu Thìn, chấm dứt vào năm Canh Thìn [968- 980] tất cả 13 năm.

[**13a**]

Kỷ NHÀ LÊ

ĐạI HÀNH HOÀNG ĐẾ

Họ Lê, tên huý là Hoàn, người Ái Châu[2], làm quan nhà Đinh đến chức Thập đạo tướng quân; quân Tống xâm lược đem quân ra chống cự, rồi thay nhà Đinh làm vua; ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi [941 - 1006], băng ở điện Trường Xuân.

Vua trừ nội gian mà lấy được nước, đuổi giặc ngoài để yên dân, trong nước thanh bình, Bắc Nam vô sự. Tiếc rằng không sớm chọn con nối, khiến cho con cái tranh nhau bên trong, dẫn đến mất ngôi; về đạo vợ chồng có nhiều điều đáng thẹn

Trước kia cha vua là Mịch, mẹ là Đặng thị, khi mới có thai chiêm bao thấy trong bụng nở hoa sen, chỉ chốc lát đã kết hạt, bèn lấy chia cho mọi người, còn mình thì không ăn, tỉnh dậy không hiểu nguyên do thế nào. Đến khi năm Thiên Phúc thứ 6 thời Tấn [941] là năm Tân Sửu, mùa thu, tháng bảy, ngày 15, sinh ra vua. Đặng thị thấy tướng mạo khác thường, bảo với mọi người rằng: "Thằng bé này lớn lên, ta sợ không kịp hưởng lộc của nó". Được vài năm thì mẹ chết, sau đó cha [13b] cũng qua đời, trơ trọi một thân, muôn vàn cô đơn đói rét. Trong thôn có viên quan sát họ Lê trông thấy lấy làm lạ, nói: " Tư cách đứa trẻ này, người thường không sánh được". Lại thấy là cùng họ nên nhận làm con nuôi, sớm chiều chăm sóc dạy dỗ, không khác gì con đẻ. Có đêm mùa đông trời rét, vua úp cối mà ngũ. Đêm ấy ánh sáng đẹp đầy nhà, viên quan sát lén đến xem, thì thấy con rồng vàng che ấp bên trên, vì thế lại càng thêm quý trọng. Lớn lên theo giúp Nam Việt Vương Liễn, [tỏ ra] phóng khoáng, có chí lớn. Tiên Hoàng khen là người trí dũng, chắc thế nào cũng làm được việc, bèn giao cho cai quản 1 nghìn quân sĩ, thăng dần đến chức Thập đạo tướng quân điện tiền đô chỉ huy sứ. Đến đây thay họ Đinh làm vua, đóng đô ở Hoa Lư.

[**14a**] **Tân Tỵ**, Thiên Phúc] năm thứ 2 [981], (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 6, xét các bản chép niên kỷ các triều đều ghi năm này là năm Thiên Phúc thứ 1, nay sửa lại). Mùa xuân, tháng 2, Hầu Nhân Bảo, Tôn Hoàng Hưng đến Lạng Sơn, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trừng đến sông Bạch

---

[1] Chỉ Lê Hoàn.

[2] Ái Châu: tức Thanh Hóa ngày nay. Đại Việt sử lược (q.1,18b) chép Lê Hoàn người Trường Châu, nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh. Đại Việt sử ký tiền biên (q1) phần chính văn bản chép Lê Hoàn người Ái Châu, nhưng phần cước chú lại ghi Lê Hoàn người Bảo Thái, huyện Thanh Liêm nay thuộc tỉnh Nam Hà.

Đằng[1]. Vua tự làm tướng đi chặn giặc, sai quân sĩ đóng cọc ngăn sông Chi Lăng[2]. Vua sai quân sĩ trá hàng để dụ Nhân Bảo, đem chém. Bọn Khâm Tô. nghe tin quân thủy thua trận, dẫn quân về. Vua đem các tướng danh, quân của Khâm Tộ thua to, chết đến quá nửa, thây chết đầy đồng, bắt được tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư. Từ đó trong nước rất yên. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thăng Bình Chí nhân quảng Hiếu Hoàng Đế.

Lê Văn Hưu nói: Lê Dại Hành Giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc, tóm Quân Biện [**14b**], Phụng Huân dễ như lùa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà bờ cõi định yên, công đánh dẹp chiến thắng dẫu là nhà Hán, nhà Đường cũng không hơn được.Có người hỏi: Đại Hành với Lý Thái Tổ ai hơn? Thưa rằng: Kể về mặt trừ dẹp gian trong, đánh tan giặc ngoài, làm mạnh nước Việt ta, ra oai với người tống thì Lý Thái Tổ không bằng Lê Đại Hành có công lao gian khổ hơn. Nhưng về mặt tỏ rõ ân uy, lòng người suy tôn, hưởng nước lâu dài, để phúc cho con cháu thì Lê Đại Hành không bằng Lý Thái Tổ lo tính lâu dài hơn. Thế thì Lý Thái Tổ hơn ư ? Đáp: Hơn thì không biết, chỉ thấy đức của họ Lý dày hơn họ Lê, vì thế nên nói theo họLý.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Tam cương là đạo thường của muôn đời, không thể một ngày [**15a**] rối loạn. Khi Đại Hành giữ chức nhiếp chính, Vệ Vương tuy còn nhỏ nhưng vẫn là vua, thế mà Đại Hành tự xưng là Phó Vương, rắp tâm làm điều bất lợi. Đạo làm tôi không được rắp tâm, rắp tâm thì ắt phải giết. Đó là phép của sách Xuân Thu, người người điều được nêu lên mà thi hành. Nguyễn Bặc, Đinh Điền sao có thể nhẫn tâm điềm nhiên mà nhìn ? Rồi lui về dấy quân hỏi tội, mưu giữ xã tắc, thế là bầy tôi trung nghĩa đấy. Việc không xong mà chết, thế là bề tôi tử tiết đấy. Lời bàn của Văn Hưu lái đánh đồng với hàng loạn tặc, khiến cho đạo nhân luân không được sáng tỏ với đời sau, gây mầm mống tiếm đoạt, để cho những kẻ có quyền lực tranh nhau bắt chước, quét sạch cương thường, vì thế không thể không biện bác.

Giang Nam chuyển vận sứ của nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên đem việc Nhân Bảo thua chết tâu lên. Vua Tống xuống chiếu rút quân về, sai sứ quở trách bọn Lưu Trừng, Giả Thực, Vương Soạn. Trùng ốm chết, Soạn bị giết ở [**15b**] Ung Châu, Tôn Hoàng Hưng cũng bị giết bêu ở chợ.

Nhâm Ngọ, Thiên Phúc năm thứ 3 [982], (Tống Thái Bình Hưng Quấc năm thứ 7). Lập Hoàng thái hậu nhà Đinh là Dương thị làm Đại Thắng Minh Hoàng Hậu. Hậu là vợ của Tiên Hoàng, mẹ đẻ cuả Vệ Vương Toàn. Khi vua lấy được nước, đem vào cung, đến đây lập làm Hoàng hậu, cùng với Phụng Càn Chí Lý Hoàng Hậu, Thuận Thánh Minh Đạo Hoàng Hậu, Trịnh Quấc Hoàng Hậu, Phạm Hoàng Hậu là 5 hoàng hậu (về sau, tục dân lập đền thờ, tô tượng hai vua Tiên Hoàng và Đại Hành và tượng Dương hậu cùng ngồi, hồi quốc sơ [đầu thời Lê] vẫn còn như thế. Sau An Phủ Sứ Lê Thúc Hiển mới bỏ).

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo vợ chồng là đầu của nhân luân, dây mối của vương hóa. Hạ kinh của Kinh Dịch nêu quẻ Hàm và quẻ Hằng lên đầu, là để tỏ cái ý lấy đàn bà tất phải chính đáng. Đại Hành thông dâm với vợ vua, đến chổ nghiễm nhiên lập làm hoàng hậu, mất cả lòng biết hổ thẹn. Đem cái thói ấy truyền cho đời sau, [**16a**] con mình bắt chước mà dâm dật đến nỗi mất nước, há chẳng phải là mở đàu mối họa đó sau ?

Vua thân đi đánh Chiêm Thành, thắng được. Trước đó vua sai Từ Mục, Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm bắt giữ. Vua giận, sai đóng chiến thuyền sửa binh khí, tự làm tướng đi đánh, chém bê Mi Thuế[3] tại trận. Chiêm Thành thua to. Bắt sống được quân sĩ của chúng nhiều vô kể,

---

[1] Sông Bạch Đằng: còn gọi là sông Rừng, chảy qua giữa hai huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Ninh và Thủy Nguyên, Hải Phòng.

[2] Sông Chi Lăng: Cương mục (CB1, 18) chú là con sông ở xã Chi Lăng, tức khúc sông Thương chảy qua Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Bê Mi Thuế: Đại Việt sử lược (q.1, 19b) nói là vua Chiêm, Cương mục (CB1, 19a) nói là tướng Chiêm. G.Maspéro khôi phục tên Phạn ngữ của người này là Parames'varavarman I (Le Royaume de Champa); nhưng vẫn coi là giả thuyết vì chưa có cứ liệu xác nhận.

cùng là kỹ nữ trong cung trăm người và một nhà sư người Thiên Trúc, lấy các đồ quý đem về, thu được vàng bạc của báu kể hàng vạn, san phẳng thành trì, phá hủy tông miếu, vừa một năm thì trở về kinh sư.

Năm ấy đói to.

Quý Mùi, /Thiên Phúc/ năm thứ 4[983], (Tống Thái Bình Hưng Quấc năm thứ 8). Mùa xuân, sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống.

Trước kia vua đi đánh Chiêm Thành, Quảng Giáp Lưu Kế Tông trốn ở lại nước ấy. Đến đây, vua sai người con nuôi(không rỏ tên) [**16b**] đi bắt được kế Tông, đem chém.

Kênh mới trên đường biển làm xong(chưa rỏ ở chổ nào). Khi vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cổ[1] đến sông Bà Hòa[2], đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa mỏi mệt, đường biển thì sóng to khó đi lại, bèn sai người đào kênh. Đến đây đào xong, thuyền bè đi lại đều được thuận tiện.

Giáp Thân, /Thiên Phúc năm thứ 5 [984], (Tống Ưng Hy năm thứ 1). Muà xuân, tháng 2, đúc tiền Thiên Phúc.

Làm nhiều cung điện nhà cửa: dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân[3], cổt giác vàng bạc, làm nơi coi chầu; phía đông là điện Phong Lưu, phía tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, bên hữu là điện Cực Lạc. Tiếp đó là lầu Đại Vân, dựng tiếp điện Trường Xuân làm nơi vua nghỉ. Bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng điện Long Bộc, mái lợp ngói bạc.

[17a] Ất Dậu, /Thiên Phúc/ năm thứ 6 [985], (Tống Ung Hy năm thứ 2). Mùa thu, tháng 7 ngày rằm là ngày sinh của vua, sai người làm thuyền ở giữa sông, lấy tre làm núi giả đặt trên thuyền, gọi là Nam Sơn, rồi bày lễ vui đua thuyền, về sau thành thường lệ.

Nhà Tống sai sứ sang thăm. Vua sai sứ sang nhà Tống xin giữ chức Tiết Trấn[4].

Bính Tuất, /Thiên Phúc/ năm thứ 7 [986], (Tống Ung Hy năm thứ 3). Mùa thu, tháng 8, điểm dân để lấy lính.

Mùa đông, tháng 10, nhà Tống sai Tả bổ khuyết Lý Nhược Chuyết, Quốc Tử Giám bác sĩ Lý Giác mang chế sách sang phong cho vua làm An Nam đô hộ Tĩnh Hải quân Tiết độ sử kinh triệu quận hầu (Lời chế nói: Đấng vương giả cả dựng ngôi cao, vỗ yên chư hầu. Dựng phủ đệ tại kinh sư, cho lễ hội đồng được long trọng; chia đất phong ở các nơi, để quyền tiết chế được nêu cao. Huống nay từ cõi đất diều rơi[5] đến dâng đồ cống lông chim trả. Lúc đang đổi tướng, lợi dịp phong hầu, lòng cũng không quên thỉnh mệnh, bèn ban ân điển thưởng công. Nay quyền tri tam ty lưu hậu là Lê mỗ, tư cách gồm nghĩa dũng, bẩm tính vốn trung thuần, **[17b]** được lòng người trong nước, kính giữ tiết phiên thần. Vừa rồi Đinh Toàn đương tuổi trẻ thơ, không biết yên vỗ. Người là tâm phúc chỗ thân, giữ quyền coi quân lữ, hiệu lệnh ban phát, uy ái đều gồm. Họ Đinh bỏ quyền ba đời tiết sứ, chiều theo ý muốn mọi người. Người xa tỏ lòng thành, xin ban tiết việt. [Phải như] Sĩ Nhiếp cứng mạnh, sáng suốt, đổi tục Việt đều hay, Úy Đà cung kính, thuận tòng, vâng chiếu Hán chẳng trái. Nên xứng chức đứng đầu cõi xa, cùng dự hàng chư hầu tôn quý. Vỗ yên Man di bộ lạc, tuyên dương đức tốt vương triều).

Vua nhận chế rất kính, lễ thết đãi rất hậu, hàng ngày đem những thứ quý lạ bày chật cả sân, để tỏ sự giàu có. Đem bọn Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân trả cho về. Lại Bảo Nhược Chuyết và Giác

---

[1] Núi Đồng Cổ: ở xã Đan Nê, huyện Thuyệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Sông Bà Hòa: sông chảy qua xã Bà Hòa, sau đổi là xã Đồng Hòa, nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Núi Đại Vân: ở thành Hoa Lư, tỉnh Hà Nam Ninh.

[4] Tiết Trấn: tức Tiết độ sứ ở phiên trấn.

[5] Chỗ này toàn thư chép là "Diên Chỉ chi ngung", bản dịch cũ dịch là "Diên Chỉ cõi xa" và chú thích Diên Chỉ là Chu Diên và Giao Chỉ (bản dịch cũ, tập 1, tr.332). Nhưng xem lại Tống sử (Giao Chỉ truyện) ta thấy đoạn văn này được chép là "Diên Diếp chi ngung". Diên Diếp hay Điếp Diên là từ lấy trong Hậu Hán thư, Mã Viện truyện. Theo Mã Viện truyện, khi Mã Viện vào Giao Chỉ, đến Tây Lý, đất nhiều khí độc bốc lên, "ngửng mặt nhìn thấy diều bay, lả tả rơi xuống trong nước" (ngưỡng thị phi diên điếp điếp đọa thủy trung). Như vậy, "diên điếp chi ngung" có thể dịch là "cõi đất diều rơi", chỉ miền đất Giao Chỉ mà người Trung Quốc coi là nhiều khí độc. Chữ Diên Điếp gần với chữ Diên Chỉ nên có sự lầm lẫn như trên.

rằng: "Nước tôi bé nhỏ, sông núi xa xôi, nghìn dặm cách trời, ở lánh góc đất, sứ thần đi lại, lặn lội núi sông, há chẳng khó nhọc lắm ư?". Giác đáp: "Bản triều cõi bờ muôn dặm, các quận có đến bốn trăm, đất có chỗ bằng phẳng, cũng có chỗ hiểm trở, một phương này lấy gì làm xa". Lấy Từ Mục làm Tổng quản trị quân dân sự, ban cho tước hầu, Phạm Cư Lạng làm Thái uý.

Sai Ngô Quốc **[18a]** Ân sang đáp lễ nhà Tống và nói về việc người Chiêm Thành là Bồ La Át đem hơn trăm người họ xin nội phụ

Đinh Hợi, /Thiên Phúc/ năm thứ 8 [987], Tống Ung Hy năm thứ 4). Múa xuân, vua lần đầu cày ruộng tịch điền ở núi Đọi[1] được một hũ nhỏ vàng. Lại cày ở núi Bàn Hải, được một hũ nhỏ bạc, nhân đó đặt tên là ruộng Kim Ngân.

Nhà Tống lại sai Lý Giác sang. Khi Giác đến chùa Sách Giang[2], vua sai pháp sư tên là Thuận[3] giả làm người coi sông[4] ra đón. Giác rất thích nói chuyện văn thơ. Lúc ấy nhân có hai con ngỗng lội trên mặt nước, Giác vui ngâm rằng:

Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha.

(Ngỗng ngỗng hai con ngỗng,
Ngữa mặt nhìn chân trời).

Pháp sư dương cầm chèo[5], theo vần làm nối đưa cho Giác xem:

Bạch mao phô lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba.

(Nước lục phô lông trắng,
Chèo hồng sóng xanh bơi).

Giác càng lấy làm lạ, khi về đến sứ quán, làm thơ gửi tặng:

Hạnh ngộ minh thì tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ **[18b]** Giao Châu.
Đông Đô lưỡng biệt tâm vưu luyến,
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu.
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu.
Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu.

(May gặp thời bình được giúp mưu,
Một mình hai lược sứ Giao Châu.
Đông Đô mấy độ còn lưu luyến,
Nam Việt nghìn trùng vẫn ước cầu.
Ngựa vượt khói mây xuyên đá chởm,
Xe qua rừng biếc vượt dòng sâu.
Ngoài trời lại có trời soi nữa.
Sóng lặng khe đầm bóng nguyệt thâu)[1]

---

[1] Núi Đọi: tên chữ Hán là Đội Sơn hoặc Long Đội Sơn, ở xã Đại Sơn, huyện Duy Tiên, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[2] Sách Giang tự: tên chùa, gọi theo tên sông. Sông Sách Giang, theo Phan Huy Chú, là con sông chảy qua Nam Sách. (Lịch triều hiến chương loại chí, bang Giao Chỉ). Có lẽ bây giờ, cũng như về thời Trần sau này, sông Sách là một đoạn sông Thương.

[3] Pháp sư Thuận: tức thiền sư Pháp Thuận (1-990) họ Đỗ, trụ trì chùa Cổ Sơn, hương Thư ở ái Quận; thuộc thế hệ thứ 11 thiền phái Tì-ni-đa-lưu-chí (dòng thiền Nam Phương).

[4] Nguyên văn là "giang lệnh".

[5] Nguyên bản in là: "Bả điệu"; nhầm chữ trạo thành chữ điệu; dùng ở đây không có nghĩa; ba trạo có nghĩa là cái mái chèo.

Thuận đem thơ này dâng lên. Vua cho gọi sư Ngô Khuông Việt[2] đến xem. Khuông Việt nói: "Thơ này tôn bệ hạ không khác gì vua Tống". Vua khen ý thơ, tặng cho rất hậu[3]. Khi Giác từ biệt ra về, vua sai Khuông Việt làm bài hát[4] để tiễn, lời rằng:

Tường quang phong hảo cẩm phàm trương,
Dao vọng thần tiên phục đế hương.
Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lang,
Cửu thiên quy lộ trường.
Tình thảm thiết,
Đối ly trường,
Phan luyến sử tinh lang.
Nguyện tương thâm ý vị biên cương,
Phân minh tấu ngã hoàng[5].

(Nắng tươi gió thuận cánh buồm giương,
Thần tiên lại đế hương.
Vượt sóng xanh muôn dặm trùng dương,
Về trời xa đường trường.
Tình thắm thiết,
Chén lên đường,
Vin xe sứ vấn vương.
Xin đem thâm ý vì Nam cương,
Tâu vua tôi tỏ tường)[6]

Giác lạy ra về.Năm ấy được mùa to.

Mậu Tý /Thên Phúc / năm thứ 9/ 988/, (Tống Đoan củng năm thứ 1 b).

Vua nước Chiêm Thành là Băng Vương La Duệ ở Phật thành[7] tự đặt hiệu [19a] là Câu Thi Lị Ha Thân Bài Ma La[8].

Thái sư Hồng Hiến chết. Hiến là người Bắc [tức Trung Quốc], thông hiểu kinh sử, thường theo các cuộc chinh phạt làm quân sư, cùng là khuyên vua lên ngôi, mưu bàn việc nước, có công lớn, vua tin dùng như tâm phúc, đến đây chết.

Năm ấy, vua Tống đổi niên hiệu, sai Hộ bộ viên ngoại lang là Ngụy Tường và Trực Sử Quán là Lý Độ mang chế sách sang gia phong vua làm Kiểm hiệu thái úy.

Ký Sửu, / Hưng Thống / năm thứ 1/ 989/, (Tống Đoan Củng năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu đại xá.

---

[1] Theo bản dịch cũ.

[2] Ngô Khuông Việt (933-1011): tức Ngô Chân Lưu, người hương Cát Ly; huyện Trường Lạc; trụ trì chùa Phật Đà, thuộc thế hệ thứ tư dòng thiền Vô Ngôn Thông.

[3] Nguyên bản in "hậu khiển chi", chữ khiển (sai khiến) do chữ di (tặng, biếu) khắc lầm.

[4] Nguyên văn: chế khúc. Khúc là bài hát có lời, là bài từ đặt theo một ca điệu có sẵn.

[5] Bài từ này có một truyền bản khác ở Thiền uyển tập anh, bản in năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715), di biệt một số chữ so với văn bản Toàn thư phiên âm trên đây. Trong bài Về bài từ ở thế kỷ X, Hoàng Văn Lâu đã khỏa dị nhận xét, hai bản để phục nguyên bài từ (xem: Một số vấn đề văn hóa học Hán Nôm, NXB Khoa Học Xã Hội, H. 1983, tr. 191-211).

[6] Bản dịch của Hà Văn Tấn, Lịch sử Phật giáo Việt Nam NXB. Khoa Học Xã Hội, H. 1988, tr. 127.

[7] Phật thành tức là thành Phật Thệ (Vijaya), Cũng gọi là thành Chà Bàn, kinh đô của Chiêm Thành; ở về phía Bắc thành phố Quy Nhơn, ngày nay khoảng 27 Km.

[8] Tức vua Chiêm Sri Harivarman II (ở ngôi 988-999).

Phong thái tử Thau làm Kình Thiên Đại Vương, hoàng tử thứ hai là Ngân Tích[1] làm Dông Thành Vương, hoàng tử thứ ba là Việt làm Nam Phong Vương.

Dương Tiến Lộc lấy hai châu Hoan, Ái[2] làm phản. Vua thân đi đánh, Tiến Lộc bị giết. Bấy giờ vua sai viên Quảng giáp là Tiến Lộc đi thu thuế hai châu Hoan và Ái, Tiến Lộc đem người hai châu ấy xin theo về với Chiêm Thành. Chiêm Thành không nhận. Vua nghe tin, đem các quân **[19b]** đến đánh Châu Hoan, Châu Ái, đuổi bắt được Tiến Lộc và giết người hải châu ấy không biết bao nhiêu mà kể.

Canh Dần, /Hưng Thống/ năm thứ 2 [990] (Tống Thuần Hoá năm thứ 1). Nhà Tống sai Tả chính ngôn là Tống Cảo, Hữu chính ngôn là Vương Thế Tắc mang chế sách sang phong thêm cho vua hai chữ là "Đặc tiến". Vua sai Nha nội chỉ huy sứ là Đinh Thừa, Chính đem 9 chiếc thuyền dẫn 300 người đến quân Thái Bình[3] đón, theo cửa biển mà vào, nửa tháng đến sông Bạch Đằng, theo nước triều mà đi. Mùa thu, tháng 9, đến trạm Nại Chinh ở Trường Châu. Vua ra ngoài giao[4] để đón, bày thủy quân và chiến cụ để khoe. Vua cầm cương ngựa cùng đi với sứ thần. Đến cửa Minh Đức, vua bưng chế thư để lên trên điện, không lạy, nói dối là năm vừa rồi đi đánh giặc Man, bị ngã ngựa đau chân. Cảo và Tắc tin là thực. Sau đó bày yến tiệc thết đãi. Vua bảo Cảo rằng: "Sau này có quốc thư thì cho giao nhận ở đầu địa giới, khỏi phiền sứ thần đến tận đây nữa". Cảo về tâu, **[20a]** vua Tống bằng lòng.

Tân Mão, /Hưng Thống/ năm thứ 3 /991/, (Tốn Thuần Hóa năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, sai Đào Cẩn sang nhà Tống thăm đáp lễ.

Phong hoàng tử thứ tư là Đinh làm Ngự Man Vương, đóng ở Phong Châu, hoàng tử thứ sáu là Cân làm Ngự Bắc Vương, đóng ở trại Phù Lan[5].

Nhâm Thìn, /Hưng Thống/ năm thứ 4 /992/, (Tống Thuần Hóa năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự điện Càn Nguyên xem đèn.

Phong hoàng tử thứ năm là Đĩnh làm Khai Minh Vương, đóng ở Đằng Châu[6].

Trần tiên sinh ở núi Tuyên Hoa đến cửa khuyết. (Xét nước ta không có núi Tuyên Hoa, có lẽ là việc nhà Tống triệu Chủng Phóng ở núi Chung Nam, hoặc có triệu cả Trần Đoàn ở Hoa Sơn mà sử chép lầm là việc nước ta? Nếu không phải thế, thì sao tiếng tăm của Trần tiên sinh không truyền lại đời sau? Dưới chữ "tuyên" ngờ có sót chữ "triệu"[7]. Vân Đài quán ở Hoa Sơn là nơi ở của Trần Đoàn).

Mùa hạ, tháng 6, cho người Chiêm Thành nhận lĩnh hơn 360 người ở thành cũ châu Địa Lý[8] đem về châu Ô Lý (Địa Lý [20b] nay là Tân Bình[9], Ô Lý nay là Thuận Hóa)[10].

Muà thu, tháng 8, sai Phụ quốc Ngô Tử An đem 3 vạn người đi mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến Châu Địa Lý.

---

[1] Ở đọan sau (BK1,24a) ghi hoàng tử này là Long Tích.

[2] Các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa ngày nay.

[3] Thái Bình quân: sau đổi là Liêm Châu tức tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, quân là đơn vị hành chính đầu thời Tống.

[4] Giao: ngoại vi đô thành gọi là giao.

[5] Phù Lan: Cương mục chú là tên trại, sau là xã Phù Vệ, huyện Đường Hào (CMCB1, 27a) nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[6] Đằng Châu: tên xã thuộc huyện Kim Động, nay thuộc huện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng; tên đất tương đương với Khoái Châu thời Lý, Khoái Lộ thời Trần, Khoái Châu thời Lê, gồm gần cả tỉnh Hưng Yên cũ.

[7] Tuyên Triệu: cho gọi đến.

[8] Địa Lý: tên châu của Chiêm Thành, sau khi sáp nhập vào lãnh thổ nhà Lý đổi gọi là châu Lâm Bình (1075). Nay là phần đất huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[9] Tân Bình: tên phủ thời Lê, nay gồm toàn bộ đất Quảng Bình cùng với đất huyện Bến Hải, tỉnh Quảng Trị.

[10] Ô Lý: tên hai châu của nước Chiên Thành, thời Trần (năm 1306) đổi gọi châu Ô là Thuận Châu, Châu Lý gọi là Hoá Châu - nay là phần phía nam tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên.

Quý Tỵ, /Hưng Thống/ năm thứ 5 /995/ (Tống Thuần Hoá năm thứ 4). Muá xuân, tháng 2, ngày Kỷ Mùi, mồng 1, nhật thực.

Phong hoàng tử thứ bảy là Tung làm Định Phiên Vương, đóng ở thành Tư Doanh, Ngũ Huyện Giang[1]; hoàng tử thứ tám là Tương làm Phó Vương, đóng ở Đỗ Động Giang, hoàng tử thứ chín là Kính làm Trung Quốc Vương, đóng ở Càn Đà huyện Mạt Liên[2].

Nhà Tống sai Vương Thế Tắc và Lý Cư Giản đem sách thư sang phong cho vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Giáp Ngọ, /Ứng Thiên/ năm thứ 1 /994/, (Tống Thuần Hoá năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu.

Phong hoàng tử thừ mười là Mang làm Nam Quốc Vương, đóng ở châu Vũ Lung[3].

Sai nha hiệu là Phí Sùng Đức sang nhà Tống **[21a]** sang thăm đáp lễ.

Cháu vua nước Chiêm Thành là Chế Cai vào chầu. Trước đây, nước Chiêm Thành sai Chế Đông dâng sản vật địa phương, vua trách là trái lễ, không nhận. Vua nước đó sợ, mới sai Chế Cai vào chầu.

Ất Mùi, /Ứng Thiên/ năm thứ 2 /995/, (Tống Chí Đạo năm thứ 1). Phong hoàng tử thứ mười một là Đề (tức Minh Đề) làm Hành Quân Vương, đóng ở Bắc Ngạn châu Cổ Lãm[4]; con nuôi làm Phù Đái Vương, đóng ở hương Phù Đái[5].

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua một nước, thờ tông miếu, giữ xã tắc, chẳng may không có con nối thì chọn con của người tông thất nuôi làm con mình, để mong truyền mãi không cùng, thế thì cũng có, chứ chưa thấy vua nào có con nuôi. Vả lại, nhánh họ của vua đã đông người rồi, cái gọi là con nuôi, chẳng qua là muốn thỏa lòng dấu yêu riêng với người ấy mà thôi, sao không nghĩ như thế là gây mầm cướp ngôi hay sao?

[21b] Sai Đỗ Hanh sang nhà Tống thăm đáp lễ. Bấy giờ nhà Tống ngại việc chinh chiến, vua cậy có núi biển hiểm trở, hơi buông thả cho dân biên giới lấn cướp vào cõi của nhà Tống. Mùa xuân năm ấy, Chuyển vận sứ Lộ Quảng Tây nước Tống là Trương Quan, Binh mã giám áp trấn Như Hồng thuộc Khâm Châu là Vệ Chiêu Mỹ đều tâu rằng chiến thuyền của Giao Chỉ hơn trăm chiếc, xâm phạm trấn Châu Hồng, cướp bóc cư dân và lương thực rồi đi. Mùa hạ năm ấy, châu Tô Mậu[6] nước ta lại đem 5 nghìn hương binh xâm lược Ung Châu nước Tống, bị Đô tuần kiểm Dương Văn Kiệt đánh phải trở về. Vua Tống muốn vỗ yên, không muốn dụng binh, bỏ không hỏi đến. [Trương] Quan lại nói dối là vua bị họ Đinh đánh đuổi, đem dư chúng ra ở miền hải đảo, cướp bóc để tự cấp, nay đã chết; bọn Quan dân biểu mừng. Vua Tống sai Thái thường thừa Trần Sĩ Long làm Thái phỏng sứ để dò xem hư thực, biết là vua không có chuyện gì.

[22a] Bính Thân, /Ứng Thiên/ năm thứ 3 [996], (Tống Chí Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, vua thân đi đánh lấy được bốn động Đại, Phát, Đan, Ba ở Ma Hoàng.

Nhà Tống xử tội bọn Trương Quan, Quan đã ốm chết, chém Vệ Chiêu Mỹ ở trấn Như Hồng, lấy Trần Nghiêu Tẩu làm Quảng Tây chuyển vận sứ, rồi sai Khải Khang úy là Lý Kiến Trung mang chiếu sách

---

[1] Ngũ Huyện Giang: Cương mục (CMCB1, 27a) chú là con sông chảy qua 5 huyện Kim Anh, Đông Ngàn, vòng quanh đến huyện Yên Phong và Tiên Du, rồi đổ vào sông Nguyệt Đức (sông Cầu).

[2] Mạt Liên: Cương mục chú là huyện Tiên Lữ (CMCB1, 27b). Nay thuộc đất huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

[3] Vũ Lung: tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hoá, chưa biết rõ vị trí (CMCB1, 27a).

[4] Cổ Lãm: tức là châu Cổ Pháp thời Lý, nay là đất huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[5] Phù Đái: Cương mục chú là xã Phù Đái, huyện Vĩnh Lại (CMCB1, 27a), nay thuộc đất huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

[6] Tô Mậu: là vùng Nà Dương, Đình Lập, An Châu, tỉnh Lạng Sơn.

sang ban. Trước đây, bọn Văn Dũng là dân ở trấn Triều Dương[1] nước ta làm loạn, giết người rồi trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâm Châu của Tống (trấn Như Tích liền với trấn Như Hồng), được trấn tướng là Trần Lệnh Đức chứa chấp. Vua sai trấn tướng Triều Dương và Hoàng Thành Nhã đuổi bắt. Lệnh Đức không chịu trả về. Nghiêu Tẩu đến Như Tích, tra ra được nguyên do việc chứa chấp ấy, đem hết trai gái, già trẻ đã chứa dấu tất cả 113 người gọi Thành Nhã sang giao cho nhận về.

Vua cảm ơn nhà Tống, sai sứ sang tạ ơn, lại nói về việc đã bắt được giặc biển 27 người, giao trả cho chuyển vận sứ, và đã răn cấm các khe động không được quấy rối nữa. Vua Tống **[22b]** lại sai Lý Nhược Chuyết mang chiếu thư và đai ngọc sang ban cho vua. Khi Nhược Chuyết đến, vua ra đón ngoài giao, có ý ngạo mạn không làm lễ để tỏ ra cao quý khác thường, bảo Nhược Chuyết rằng: "Việc cướp trấn Như Hồng là do bọn giặc biển ở ngoài, Hoàng đế có biết đó không phải là quân của Giao Châu không? Nếu Giao Châu có làm phản thì đầu tiên dánh vào Phiên Ngung, thứ đến đánh Mân Việt[2], há chỉ dừng ở trấn Như Hồng mà thôi?". Nói xong mới cuối đầu tạ lỗi.

Đinh Dậu, /Ứng Thiên/ năm thứ 4 [997], (Tống Chí Đạo năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, vua Tống băng.

Mùa hạ, tháng 4, nhà Tống phong vua làm Nam Bình Vương. Vua sai sứ sang nước Tống đáp lễ. Vua Tống ban chiếu thư khen ngợi. Trước kia sứ Tống sang thường mượn cớ đòi cống nước mắm, nhân thể bắt đóng góp. Đến đây Tống Chân Tông lên ngôi, nghe biết chuyện ấy, chỉ sai quan giữ biên giới đến nhận mệnh, không sai người sang sứ nữa.

Mùa thu, tháng 7, vua thân đi đánh giặc ở Đỗ Động Giang, bắt được đồ đảng đem về kinh sư.

Chiêm **[23a]** Thành đem quân dòm ngó nước ta.

Mậu Tuất, /Ứng Thiên/ năm thứ 5 [998], (Tống Chân Tông Hằng, Hàm Bình năm thứ 1).

Mùa xuân, tháng 3, động đất 3 ngày.

Mùa hạ, tháng 5, ngày Mậu Ngọ mồng 1, nhật thực. Tháng ấy không mưa. Tháng 6, cũng không mưa. Dân bị bệnh ho, trâu, ngựa chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10, ngày bính tuất, mồng 1, nhật thực.

Kỷ Hợi, /Ứng Thiên/ năm thứ 6 /999/, (Tống Hàm Bình năm thứ 2). Vua thân đi đánh Hà Động[3] v. v..., tất cả 49 động và phá được /động/ Nhật Tắc, châu Định Biên[4]. Từ đó các châu động điều quy phục.

Canh Tý, /Ứng Thiên/ năm thứ 7 /1000/, (Tống Hàm Bình năm thứ 3). Xuống chiếu đi đánh giặc ở châu Phong là bọn Trịnh Hàng, Trường Lệ, Đan Trường Ôn, bọn Hàng chạy vào vùng núi Tản Viên.

Đại Thắng Minh hoàng hậu mất. Kình Thiên Vương (Thau) mất.

Sai Thống tướng Từ Mục đi tuần ở miền Hải Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi Bắc để dò xét tình hình biên giới.

[23b] Tân Sửu, /Ứng Thiên/ năm thứ 8 /1001/, (Tống Hàm Bình năm thứ 4). Vua thân đi đánh giặc Cử Long[5]. Quân giặc thấy vua, giương cung nhắm bắn thì tên rơi, lại giương cung thì dây đứt, tự lấy

---

[1] Triều Dương: tên châu, nay thuộc phần đất các huyện Tiên Yên, Hải Ninh tỉnh Quảng Ninh.

[2] Mân Việt: chỉ vùng tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc.

[3] Hà Động: tức động Hà Man, thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (CMCB1, 34).

[4] Châu Định Biên: Nguyễn Thiên Tùng chú thích Dư địa chí của Nguyễn Trãi, có ghi mỏ vàng ở Định Biên, tỉnh Cao Bằng, có lẻ châu Định Biên ở vùng này. Bản Dịch cũ cho là vùng thượng du Thanh Hóa.

[5] Cử Long: tên đất thuộc vùng dân tộc Mường huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá. Cương mục ghi là tên dân tộc, thời Đinh, Lê gọi là Man Cử Long. Khoản năm Thuận Thiên (1428-1433), nhà Lê đặt là huyện Lạc Thủy, khỏang năm Quang Thuận (1460-1469) đổi là Cẩm Thủy (CMCB1, 35a).

làm sợ mà rút lui. Vua bèn đi thuyền vào Cùng Giang[1]để đuổi. Giặc bày trận hai bên bờ chống lại, quan quân bị hãm ở [giữa] sông, vua cũ [nhà Đinh] là Vệ Vương Toàn trúng tên chết tại trận. Vua kêu trời ba tiếng rồi thúc quân đánh, giặc tan vỡ.

Nhâm Dần, /Ứng Thiên/ năm thứ 9 /1002/, (Tống Hàm Bình năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, định luật lệnh, chọn quân lính, chia tướng hiệu làm hai ban: đổi mười đạo làm lộ, phủ, châu.

Xuống chiếu làm mấy nghìn mũ đâu mâu, ban cho sáu quân.

Quý Mão, /Ứng Thiên/ năm thứ 10 /1003/, (Tống Hàm Bình năm thứ 6). Vua đi Hoan Châu, vét kinh Đa Cái (nay là Hoa Cái)[2] (cho Thông) thẳng đến **[24a]** Tư Củng trường ở ám Châu[3]. Người Đa Cái làm phản, chém đầu để rao.

Dân ở thành Nhật Hiệu[4] và đầu mục là bọn Hoàng Khánh Tập đem gia thuộc hơn 450 người trốn sang Khâm Châu nước Tống. Tống sai sứ đến dỗ bảo phải về. Bọn Khánh Tập sợ tội không về, bèn ra ở bờ biển.

Mùa thu, tháng 8, vua ốm, tháng 9 thì khỏi.

Giáp Thìn, /Ứng Thiên/ năm thứ 11 /1004/, (Tống Cảnh Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, lập Nam Phong Vương Long Việt làm hoàng thái tử, gia phong Long Đĩnh làm Khai Minh Đại Vương, Long Tích làm Đông Thành Đại Vương. Trước đó Long Đĩnh xin làm thái tử, vua có ý muốn cho. Đình thần nghị bàn cho rằng không lập con trưởng mà lập con thứ là không phải lễ. Vua bèn thôi. Đến đây lập Long Việt làm hoàng thái tử mà gia phong Long Đĩnh và Long Tích làm Đại Vương.

Sai Hành Quân Vương Minh Đề[5], xưng là nhiếp Hoan Châu thứ sử, **[24b]** sang thăm nước Tống. Minh Đề đến Biện Kinh[6] khẩn cầu ân mệnh cho tuyên phủ đất xa.

Vua Tống bằng lòng cho; gọi vào điện riêng thăm hỏi và ban thưởng rất hậu, cho Minh Đề chức Kim tử vinh lộc đại phu kiểm hiệu thái úy Hoan Châu thứ sử.

Vua xem kéo lưới ở sông Đại Hoàng[7], có con rắn to nằn cuộn giữa lưới, người đánh cá tâu lên. Vua dừng thuyền ở giữa sông muốn xem. Con rắn vụt chốc lội ngược dòng mà đi. Sai người bơi thuyền nhỏ cản đuổi, rắn không trở lại, sau lại về chỗ cũ.

Ất Tỵ, /Ứng Thiên/ năm thứ 12 [1005], (Tống Cảnh Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, vua băng ở điện Truường Xuân, gọi là Đại Hành Hoàng Đế, sau nhân đó dùng làm miếu hiệu mà không đổi, chôn ở sơn lăng châu Trường Yên (sách Địa Chí bản cũ chép vua băng vào năm Bính Ngọ [1006], đó là lấy khi Lê Ngọa Triều xin mệnh (nhà Tống) mà mói, không phải là thực. Nay theo Lê Văn Hưu là đúng).

Lê Văn Hưu nói: Thiên tử và hoàng hậu khi mới băng, chưa chôn vào sơn lăng, thì gọi là [25a] Đại Hành Hoàng Đế[8]. Đại Hành Hoàng Hậu. Đến khi lăng tẩm đã yên thì

[1] Cùng Giang: con sông ở vùng Mường Cử Long huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Cương mục chép là "Duyên Giang", nghĩa là đi theo dọc sông (bản dịch cũ theo ý đó). Xét đoạn văn trên đây thì Cùng Giang phải là tên riêng, vì tiếp theo có nói rõ: "giặc bày trận hai bên bờ..., quan quân bị hãm ở giữa sông".

[2] Đa Cái: tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Kênh Đa Cái tức là khúc kênh nối kênh Sắt với sông Lam

[3] Cương mục có chép việc Lê Đại Hành đi vào kênh Hoa Cái, nhưng bỏ qua không nói đến ám Châu và Tư Củng trường. Những tên đất này chưa khảo được.

[4] Thành Nhật Hiệu: Cương mục dẫn tên ghi trong An Nam chí của Cao Hùng Trưng là Hiệu Thành trường, nay không khảo được (CMCB1, 36a).

[5] Minh Đề: ở BK1, 21a viết (chữ Hán) ở đây viết (chữ Hán) cùng âm Đề.

[6] Biện Kinh: kinh đô nhà Bắc Tống (960-1126), nay là Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

[7] Sông Đại Hoàng: theo Cương mục, là con sôngf chảy qua xã Đại Hữu, huyện Gia Viễn (CMCB1, 37a). Bản dịch cũ chú là khúc sông Hồng ở ngã ba Tuần Vương xã Đại Hoàng.

[8] Đại Hành: khi vua mới mất chưa đặt thụy hiệu thì gọi là Đại Hành Hoàng Đế. Có sách giải thích "đại hành" là đi xa hẳn không trở lại. Có sách giải thích "đại hành" là đức hạnh lớn (hành và hạnh viết cùng một chữ, âm cổ đọc như nhau).

hợp bầy tôi bàn xem đức hạnh hay hay dỡ để đặt thụy là mỗ hoàng đế, mỗ hoàng hậu, không gọi là Đại Hành nữa. Lê Đại Hành thì lấy Đại Hành làm thụy hiệu mà truyền đến ngày nay là làm sao? Vì Ngọa Triều là con bất tiếu[1], lại không có bề tôi Nho học để giúp đỡ bàn về phép đặt thụy cho nên thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua đánh đâu được đấy, chém vua Chiêm Thành để rửa cái nhục phiên di bắt giữ sứ thần, đánh lui quân Triệu Tống để bẻ cái mưu tất thắng của vua tôi bọn họ, có thể gọi là bật anh hùng nhất đời vậy. Song trong khi làm nhiếp chính mà tự xưng là Phó Vương, dẫn đến việc bọn Điền, Bặc phải khởi binh, lên ngôi vua thì phải nhờ bọn Cự Lạng đem binh đến uy hiếp, **[25b]** làm cung điện thì lấy vàng, bạc mà trang sức. Phàm những việc như thế thì không bằng Lý [Thái] Tổ biết nghĩ xa hơn. Văn Hưu nói lấy đức của nhà Lý mà soi đức của nhà Lê thì [đức của Lý] dày hơn, há chẳng đúng sao!

TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Long Việt, con thứ ba của Lê Đại Hành, mẹ là Chi hậu Diệu Nữ[2]. Lên ngôi được 3 ngày thì bị em cùng mẹ là Long Đĩnh giết, thọ 23 tuổi (983-1005). Vua không biết phòng giữ từ khi mới chớm, đến nỗi bị họa nạn, tính nhân hậu nhưng không biết làm vua, tiếc thay!

Sau khi Đại Hành Hoàng Đế băng, vua cùng hai vương Đông Thành, Trung Quốc và em cùng mẹ là Khai Minh Vương tranh nhau lên ngôi, giằng co 8 tháng, trong nước không có chủ. Mùa đông, tháng 10, Đông Thành Vương thua chạy vào đất Cử Long. Vua đuổi bắt, lại chạy sang Chiêm Thành, chưa đến nơi thì bị người châu Thạch Hà[3] giết ở cửa biển Cơ La (nay là Kỳ La)[4]. Khi ấy, người nước cũng quy phụ Ngự Bắc Vương ở trại Phù [26a] Lan. Vua lên ngôi được 3 ngày thì bị Long Đĩnh giết. Bầy tôi điều chạy trốn, duy có Điện tiền quân là Lý Công Uẩn ôm xác mà khóc. Long Đĩnh lên ngôi, truy đặt thụy cho vua là Trung Tông Hoàng Đế, cho Công Uẩn làm Tứ sương quân phó chỉ huy sứ.

Lê Văn Hưu nói: Ngọa Triều giết anh, tự lập làm vua; bạo ngược với dân chúng để thỏa lòng hung ác, đến nỗi mất nước mất ngôi, không phải là sự bất hạnh của nhà Lê, lỗi ở Đại Hành không sớm đặt Thái tử và do Trung Tông không biết phòng giữ từ khi mời chớm nên đến nỗi thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sách Dã sử chép rằng: Đại Hành băng, Trung Tông vâng di chiếu nối ngôi. Long Đĩnh làm loạn, Trung tông vì anh em cùng mẹ không nỡ giết, tha cho. Sau Long Đĩnh sai bọn trộm cướp đêm trèo tường vào cung giết Trung Tông. Thế thì Trung Tông về tình anh em [26b] tuy là hậu, nhưng việc đứng chủ cúng tế, nối dõi tổ tiên thì xã tắc là trọng, anh em là khinh, huốngchi là em bất dễ! Lúc ấy Trung Tông phải nêu việc Quản Thúc, Thúc Nha[5] mà trị tội thì mới phải, nếu không làm thế thì đem giam cầm ở một nơi riêng cho đến khi chết cũng được. Nhưng Trung Tông lại thả lỏng thì sao cho khỏi bị phản, rốt cuộc tan họ, diệt dòng là tự Trung Tông làm ra

[1] Bất tiếu: là không giống cha, tức là không phải là người hiền.

[2] Mẹ của Lê Trung Tông Long Việt, Cương mục chú là: con gái quan chi hậu, tên là Diệu, không rõ họ gì (CMCB1, 39a). Đại Việt sử lược (q.1,21a) chép là mẹ của Long Việt là " hầu Di nữ " (con gái người hầu gái người Chiêm Thành?).

[3] Thạch Hà: tên châu đời Tiền Lê, nay là vùng huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Cửa biển Kỳ La là cửa Nhượng Bạn ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Quản Thúc: em Chu Vũ Vương và Chu Công, gây loạn để cướp ngôi của cháu là Thành Vương, bị Chu Công bắt giết. Thúc Nha: em của Lổ Trang Công, khi Trang Công chết, Thúc Nha muốn làm lọan, bị quan nhiếp chính là Quý Hửu (cũng là em Trang Công) bắt uống thuốc độc chết.

cả. Ngọa Triều thì có bõ trách làm chi? Cho nên người làm vua tất phải cư xử cho thật đúng đắn và phải xét hết lẽ vậy.

NGỌA TRIỀU HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Long Đĩnh, lại có tên là Chí Trung, con thứ năm của Đại Hành ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi (986-1009) băng ở tẩm điện. Vua làm việc càn dỡ giết vua cướp ngôi, thích dâm đãng tàn bạo, muốn không mất nước sao được?

Mùa đông, vua cướp ngôi, tôn hiệu là Khai Thiên Ứng Vận Thánh Vân Thấn Vũ Tắc Thiên Sùng Đạo [27a] Đại Thắng Minh Quang Hiếu Hoàng Đế. Truy tôn mẹ là Hưng Quốc Quảng Thánh Hoàng Thái Hậu.

Lập bốn hoàng hậu.

Ngự Bắc Vương cùng với Trung Quốc Vương chiếm trại Phù Lan[1] làm phản. Vua thân đi đánh. Đến Đằng Châu, Quản giáp là Đỗ Thị đem việc người anh em họ ngoại là Lê Hấp Ni làm phản tâu lên. Vua sai bắt tra hỏi, Hấp Ni và những kẻ dự mưu 12 người điều bị giết. Đến trại Phù Lan, người trại đóng cửa trại cố thủ. Đánh không hạ được, bèn vây chặt vài tháng, người trong trại hết lương ăn. Ngự Bắc Vương tự biết kế cùng thế khuất, bèn bắt Trung Bắc Vương đem nộp. Chém Trung Quốc Vương, tha tội cho Ngự Bắc Vương, rồi đem quân đánh Ngự Man Vương ở Phong Châu. Ngự Man Vương phải chịu hàng. Quân về đến Đằng Châu, đổi tên châu ấy làm phủ Thái Bình. Từ đấy về sau các vương và giặc cướp đều hàng phục cả. Chuyến đi này khi quan quân đánh nhau với người trại Phù Lan, chợt thấy trạm báo tin là giặc Cử Long vào cướp đã đến cửa biển Thần **[27b]** Đầu (nay là cửa biển Thần Phù)[2]. Vua về đến sông Tham đi sang Ái Châu để đánh giặc Cử Long.

Bính Ngọ, /Ứng Thiên/ năm thứ 13 [1006], (Vua vẫn theo niên hiệu Ứng Thiên; Tống Cảnh Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng hai, phong con trưởng là Sạ làm Khai Phong Vương, con nuôi là Thiệu Lý làm Sở Vương, cho ở bên tả; Thiệu Huân làm Hán Vương, cho ở bên hữu. Sửa đổi quan chế và triều phục của các quan văn võ và tăng đạo, theo đúng như nhà Tống.

Hành Quân Vương Minh Đề thấy trong nước loạn không thể về được, trú lại ở Quảng Châu, Tri Châu là Cao Nhật thôi không cấp giấy quán khoán[3] cho nữa. Vua Tống phải xuống chiếu cho riêng 50 vạn (quan) tiền, 150 hộc gạo và tiếp tục cấp quán khoán.

Mùa hạ, tháng 6, trí Quảng Châu là Lãng Sách dâng thư nói: "Này nhân Giao Chỉ có loạn, xin cho thần và Duyên biên an phủ sứ Thiệu Việp cùng nhau bàn tính công việc tâu lên. Bọn thần dựa theo lời của bọn Hoàng Khánh Tập hơn nghìn người ở Giao Chỉ, do Liêm Châu[4] đưa đến, nói [28a] rằng các con của Nam Bình Vương đều đặt trại sách phân tán các nơi, quan thuộc lìa tan[5], nhân dân lo sợ, xin đem quân sang đánh dẹp, bọn Khánh Tập nguyện làm tiên phong, có thể hẹn ngày lấy được. Nếu triều đình chuẩn lời thỉnh cầu, thì xin lấy binh đóng đồn ở các châu tuộc Quảng Nam[6] và cho thêm 5 nghìn quân mạnh ở Kinh Hồ, thủy bộ cùng tiến, có thể bình định được ngay".

---

[1] Tại Pù Lan: xem chú thích (1) tr. 227.

[2] Thần Đầu: tên cửa biển xưa (ngày nay đã bị lấp) ở xã Thần Đầu, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá; đầu đời Lê đổi gọi là Thần Phù, thời Nguyễn (1838) xã Thần Đầu nhập vào huyện Yên Mỗ, tỉnh Ninh Bình.

[3] Quán khoán: tờ giấy cho phép sử dụng quán trọ.

[4] Liêm Châu: tên châu thời Đường - Tống, nay là đất tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

[5] Các bản in Toàn Thư đều in là "Lí Chiết" (lìa gãy), nghĩa tạm hiểu được. Nhưng đúng ra ở đây chữ chiết là do chữ tích viết nhầm Lí tích nghĩa là chia lìa.

[6] Quảng Nam: lộ Quảng Nam thời Tống tức là đạo Lĩnh Nam thời Đường, nay là đất các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Trung Quốc.

Vua Tống nói: "Họ Lê thường sai con vào chầu, góc biển yên tĩnh, không mất trung thuận, nay nghe tin mới chết, chưa có lễ tham viếng, đã vội đánh kẻ có tang, há phải là việc làm của bậc vương giả?". Xuống chiếu cho bọn Sách vỗ yên như trước, cốt được êm lặng. Lại sai Việp đưa thư sang bày tỏ uy đức của triều đình, bảo không nên giết hại lẫn nhau, nếu anh em để lâu không định ngôi thứ khi đó quân thiên triều sang hỏi tội, thì họ Lê không một móng nào sống sót. Vua sợ, xin sai em sang cống.

Vua Tống xuống chiếu cho Việp đem việc nước bảo cho Minh Đề biết, cho tự chọn ở lại hay về nước. Nếu muốn về thì cấp người, thuyền **[28b]** cùng quán khoán và cho tiền để tự lo liệu.

Minh Đề về, Việp muốn nhân đó lấy nước Việt ta, mới dâng bản đồ đường thủy, đường bộ từ Ung Châu đến Giao Châu. Vua Tống đem cho Cận thần xem và nói rằng: "Giao Châu nhiều lam chướng dịch lệ, nếu đem quân sang đánh thì chết tất nhiều, nên cẩn thận giữ gìn cõi đất của tổ tông mà thôi". Việp bèn thôi.

Mùa đông, tháng 10, ngày Bính Ngọ là sinh nhật của vua, lấy tre làm một ngọn núi nhỏ, ban yến cho các quan.

Châu Vi Long (nay châu Đại Man)[1] dâng ngựa trắng bốn chân có cựa.

Đinh Mùi, /Ứng Thiên/ năm thứ 14 [1007], (Vua vẫn dùng niên hiệu Ứng Thiên; Tống Cảnh Đức năm thứ 4). Mùa xuân, sai em là Minh Xưởng và Chưởng thư ký là Hoàn Thành Nhã dâng tê ngưu trắng cho nhà Tống, xin kinh Đại Tạng.

Mùa thu, tháng 8, nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ và cho tên là Chí Trung, ban tước cho Minh Xưởng và Thành Nhã.

Tháng 9, [nhà Tống] đúc ấn "Giao Chỉ Quận Vương", sai Quảng Nam chuyển vận sứ **[29a]** đem sang ban.

Mậu Thân, niên hiệu Cảnh Thụy năm thứ 1 /1008/, (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 1). Phong con nuôi của Cảm Thánh Hoàng Hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên Vương). Vua thân đi đánh hai châu Đô Lương[2], Vị Long, bắt được người Man và vài trăm con người,sai lấy gậy đánh, người Man đau qúa kêu gào, nhiều lần phạm tên húy của Đại Hành, vua thích lắm. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu và châu Thiên Liễu, bắt được người thì làm chuồng nhốt vào rồi đốt.

Kỷ Dậu, /Cảnh Thụy/ năm thứ 2 /1009/, (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 2). Mùa xuân, Minh Xưởng ở Tống về, xin được kinh Đại Tạng và dụ được người con gái nước Tống là Tiêu thị đem dâng. Vua thu nạp làm cung nhân.

Sai sứ đem biếu nhà Tống con tê ngưu thuần. Vua Tống cho rằng tê ngưu từ xa đến, không hợp thủy thổ muốn trả lại, nhưng sợ trái ý vua, sai đợi cho sứ nước ta **[29b]** về rồi thả ra biển. Vua lại xin áo giáo mũ trụ giát vàng, vua Tống bằng lòng cho. Vua lại xin được đặt người coi việc tại chợ trao đổi hàng hóa[3] ở Ung Châu, nhưng vua Tống chỉ cho mua bán ở chợ trao đổi hàng hóa tại Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi.

Bọn Ngô đô đốc, Kiểu hành hiến[4] dâng biểu xin đào kênh, đắp đường và dựng cột bia[5] ở Ái Châu. Vua xuống chiếu cho lấy quân và dân ở châu ấy đào đắp từ cửa quan Chi Long[1] qua Đinh Sơn đến sông Vũ Lung.

---

[1] Vi Long: nay là huyện Chiêm Hóa, tỉnh Hà Tuyên.

[2] Đô Lương, Thiên Liễu: tên châu, chưa rõ ở vùng nào.

[3] Nguyên văn: cầu Thi Ung Châu Khưu thị, chữ khưu do chữ hỗ khắc lầm. Hỗ thị là chợ trao đổi hàng hóa (với người nước ngoài) không dùng tiền.

[4] Nguyên văn: "Ngô đô đốc Kiểu hành hiến đẳng..." "Cương mục khi sử dụng sử liệu này, coi Kiểu Hành Hiến là tên riêng, do đó bỏ hai chữ Ngô và đẳng (coi như Toàn Thư in thừa chữ). Vì có chữ "đẳng" nên chúng tôi cho rằng ở đây Toàn Thư nói việc dâng biểu cho hai người: Ngô đô đốc và Kiểu hành hiến (đều không ghi tên). Như thế thì "hành hiến" phải lá một chức quan. Xin ghi lại đây để chờ tra cứu.

[5] Nguyên văn: "bi hậu", cột mốc chỉ dặm đường, mỗi dặm trồng một cột (như cột cây số ngày nay).

Vua đi Ái Châu, đến sông Vũ Lung. Tục truyền người lội qua sông này phần nhiều bị hại, nhân thế vua sai người bơi lội qua lại đến ba lần, không hề gì. Xuống chiếu đóng thuyền để ở các bến sông Vũ Lung, Bạt Cừ, Động Lung bốn chỗ để chở người qua lại.

Mùa thu, tháng 7, vua thân đi đánh các châu Hoan Đường[2], Thạch Hà. Đến Hoàn Giang[3], sai Phòng át sứ là Hồ Thủ Ích đem hơn 5 nghìn quân của châu Hoan Đường[4], sửa chữa đường từ sông Châu Giáp[5] đến cửa biển Nam Giới để quân đi cho tiện [30a]. Thuyền rồng rời cửa Hoàn[6] ra ngoài biển, chợt gió to sóng lớn, mây mưa tối sầm, bèn sai quay thuyền trở lại. Sau đó sợ đường biển khó khăn nguy hiểm đi đường bộ về kinh sư.

Vua tính hiếu sát, phàm người bị hành hình, hoặc sai lấy cỏ gianh quấn vào người mà đốt, để cho lửa cháy gần chết, hoặc sai kép hát người Tống là Liêu Thủ Tâm lấy dao ngắn dao cùn xẻo từng mảnh, để cho không được chết chóng. Người ấy đau đớn kêu gào thì Thủ Tâm nói đùa rằng: "Nó không quen chịu chết". Vua cả cười. Đi đánh dẹp bắt được tù thì giải đến bờ sông, khi nước triều rút, sai người làm lao dưới nước, dồn cả vào trong ấy, đến khi nước triều lên, ngập nước mà chết; hoặc bắt trèo lên ngọn cây cao rồi chặt gốc cho cây đổ, người rơi xuống chết. Vua thân đến xem lấy làm vui. Có lần vua đi đến sông Ninh[7], sông ấy nhiều rắn, vua sai trói người vào mạn thuyền[8], đi lại giữa dòng muốn cho rắn cắn chết. Phàm bò lợn **[30b]** muốn làm thịt thì tự tay vua cầm dao chọc tiết trước, rồi mới đưa vào nhà bếp sau. Có lần vua róc mía trên đầu sư Quách Ngang, giả vờ lỡ tay làm đầu sư bị thương chảy máu rồi cả cười. Hoặc nhân yến tiệc, giết mèo cho các vương ăn, ăn xong lấy đầu mèo giơ lên cho xem, các vương đều sợ, vua lấy làm thích. Mỗi khi ra chầu, tất sai bọn khôi hài hầu hai bên; vua có nói câu gì thì bọn ấy nhao nhao pha trò cười để cho loạn lời tâu việc của quan chấp chính. Lại lấy thạch sùng làm gỏi, bắt bọn khôi hài tranh nhau ăn.

Mùa Đông, tháng 10, ngày Tân Hợi, vua băng ở tẩm điện[9] gọi là Ngọa Triều, vì vua mắc bệnh trĩ phải nằm mà coi chầu (Dã sử chép: vua say đắm tửu sắc phát ra bệnh trĩ).

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua Kiệt nhà Hạ thích giết người, đến nỗi có hình phạt leo cột đồng nung nóng[10], vua Trụ nhà Thương thích giết người đến nỗi có việc chặt đùi người lội nước buổi sáng[11], tuy có Long Bàng[12], Tỷ Can[13] là người hiền hết lòng trung **[31a]**có sức can ngăn mà đều bị giết, vì thế mất nước một cách đột nhiên. Đời sau

---

[1] Chi Long: theo Cương mục, là tên cửa quan thuộc huyện Chi Nga, tức huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (CMCB2, 1b).

[2] Hoan Đường: Cương Mục ghi làtên châu đời tiền Lê (CMCB2, 2b). Nay thuộc đất các huyện Nam Đàn, Anh Sơn, Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

[3] Hoàn Giang: Cương Mục (CB1, 38) chú là "không khảo được" . Bản dịch cũ cho cửa Hòan là cửa Sót (Nam Giới) và do đó sông Hoàn là sông chảy ra cửa Sót.

[4] Nguyên bản in là "Hoàn" Đường (với chữ "Hoàn" là ngọc hoàn), ngờ vẫn là châu Hoan Đường đã nói ở trên, mà do ảnh hưởng các chữ "Hoàn" trên và dưới nên đọc và khắc in nhầm.

[5] Nguyên văn "Châu Giáp Giang", chưa rõ ở đâu.

[6] Hoàn Hải Khẩu: hẳn là cửa sông Hoàn nói ở trên.

[7] Sông Ninh: có lẽ là sông Ninh ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây. Đại Việt sử lược, q.1, 21b chép là sông Chỉ Ninh.

[8] Nguyên bản: "Hệ nhân chu đáo", đúng chữ là: "hệ nhân chu trắc" (buộc người vào bên cạnh thuyền), chữ trắc khắc in nhầm thành đáo.

[9] Tẩm điện: nhà ngũ của vua.

[10] Nguyên văn: "Bào lạc chi hình" bôi mỡ lên cột đồng bắt tội nhân trèo lên, trơn rơi xuống đống than lửa, xuất sứ ở Sử ký của Tư Mã Thiên, nói tội ác của vua Trụ (q.1, ân bản kỷ).

[11] Vua Trụ thấy người sáng sớm đi chân trần trên tuyết, khen giỏi, bắt chặt ống chân xem bên trong có gì.

[12] Long Bàng: người hiền thời Hạ, bị Kiệt giết.

[13] Tỷ Can: người hiền thời Ân, nhiều lần can ngăn Trụ, Trụ nói: "Ta nghe nói quả tim của thánh nhân có 7 lỗ", rồi mổ bụng Tỷ Can moi tim để xem.

những vua thích giết người như Tôn Hạo[1] nước Ngô cũng nhiều, cuối cùng đều diệt vong cả. Ngọa Triều không những chỉ thích giết người, lại còn oán vua cha không lập mình làm thái tử, đánh đau người Man, cho họ kêu gào, nhiều lần phạm húy cha mà lấy làm thích, thật quá tệ. Mất nước mau chóng, há phải không do đâu mà ra?

Lại xét Trung Tông và Ngọa Triều, đều không chép việc tang lễ, đó là do sử cũ bị thiếu, há dám coi vua như là Di Địch mà không chép việc tang đâu.

Tháng ấy, ngày Qúy Sửu, Lý Công Uẩn tự lập làm vua. Trước đây ở hương Diên Uẩn, châu Cổ Pháp[2] có cây gạo bị sét đánh, người hương ấy xem kỹ dấu sét đánh thấy có chữ: " Thụ căn điểu điểu, mộc biểu thanh thanh, hòa đao mộc lạc, thập bát tử thành, đông a nhập địa, mộc dị tái sinh, chấn cung kiến nhật, đoài cung ẩn tinh, lục thất niên gian, thiên hạ thái bình" (Gốc cây thăm thẳm, ngọn cây xanh xanh, cây hòa đao rụng, mười tám hạt thành, cành đông xuống đất, cây khác lại sinh, đông mặt trời mọc, tây sao náu hình, khoảng sáu bảy năm, thiên hạ thái bình). Sư Vạn Hạnh tự đoán riêng rằng: "Thụ căn điểu điểu", chữ căn nghĩa là gốc, gốc tức là vua, chữ điểu đồng âm với yểu, nên hiểu là yếu. "Mộc biểu thanh thanh", chữ biểu nghĩa là ngọn, ngọn tức là bề tôi, chữ thanh âm gần giống với chữ thanh nghĩa là thịnh; Hòa , đao, mộc [ghép lại] là chữ Lê; Thập, bát, tử là chữ Lý; Đông A là chữ Trần; nhập địa là phương Bắc vào cướp: "Mộc dị tái sinh" là họ Lê khác lại sinh ra. "Chấn cung kiến nhật", chấn là phương Đông, kiến là mọc ra; nhật là thiên tử. "Đoài cung ẩn tinh", "đoài" là phương tây, "ẩn" cũng như lặn, "tinh" là thứ nhân. Mấy câu này ý nói là vua thì non yểu, bề tôi thì cường thịnh, họ Lê mất, họ Lý nổi lên, thiên tở phương đông mọc ra thì thứ nhân ở phương tây lặn mất, trải qua 6, 7 năm thì thiên hạ thái bình[3].

Vạn Hạnh mới bảo Lý Công [32a] Uẩn rằng: "Mới rồi tôi thấy chữ bùa sấm kỳ lạ, biết họ Lý cường thịnh, tất dấy lên cơ nghiệp. Nay xem trong thiên hạ người họ Lý rất nhiều, nhưng không ai bằng Thân vệ là người khoan thứ nhân từ được lòng dân, lại đang nắm binh giữ quyền trong tay, đứng đầu muôn dân chẳng phải Thân vệ thì còn ai đương nổi nữa. Tôi đã hơn 70 tuổi rồi, mong được thư thả hãy chết, để xem đức hóa của ông như thế nào, thực là cái may nghìn năm có một". Công Uẩn sợ câu nói ấy tiết lộ, bảo người anh đem Vạn Hạnh giấu ở Tiêu Sơn[4]. Song từ ấy cũng lấy thế tự phụ mới nảy ra lòng nhòm ngó ngôi vua, mà người ta cũng quy phụ.

Có lần Ngọa Triều ăn qủa khế lại thấy hột mận[5], mới tin lời sấm ngữ, ngầm tìm người họ Lý giết đi, thế mà Công Uẩn ở ngay bên cạnh, rốt cuộc vẫn không biết. Đến khi Ngỏa Triều băng, vua nối còn bé, Công Uẩn cùng với Hữu điện tiền chỉ huy sứ là Nguyễn Đê mỗi người được đem [32b] 500 quân tùy long[6] vào làm túc vệ. Khi ấy Chi hậu là Đào Cam Mộc dò biết Công Uẩn có muốn nhận việc truyền ngôi, mới nhân lúc vắng nói khích rằng: "Gần đây chúa thượng ngu tối bạo ngược, làm nhiều việc bất nghĩa, trời chán ghét nên không cho hết thọ, con nối thơ ấu, không kham nỗi nhiều khó khăn. Mọi việc phiền nhiễu thần linh không ưa, dân chúng nhao nhác, mong tìn chân chúa. Sao Thân vệ không nhân lúc này nghĩ ra mưu cao, quyết đoán sáng suốt, xa xem dấu cũ của Thang Vũ, gần xem việc làm của Đinh, Lê, trên thuận lòng trời, dưới theo ý dân, mà cứ muốn khư khư giữ tiểu tiết làm gì!". Công Uẩn trong lòng thích lời nói đó nhưng còn ngờ Cam Mộc có mưu khác, mới giả cách mắng rằng: "Sao ông lại nói như thế, tôi phải bắt ông nộp quan!". Cam Mộc thong thả bảo Công Uẩn rằng: "Tôi thấy thiên thời nhân sự như thế, cho nên mới dám phát ngôn. Nay ông lại muốn cáo giác tôi thì tôi không phải là người sợ chết". **[33a]** Công Uẩn nói: "Tôi đâu nở cáo giác ông, chỉ sợ lời nói tiết lộ thì chết ráo, nên răng ông đó thôi".

---

[1] Tôn Hạo: tức Ngô Hậu chủ thời Tam Quốc.

[2] Cổ Pháp: tên châu, thời Đinh gọi là Cổ Lãm, thời Tiền Lê đổi là Cổ Pháp, nay thuộc đất huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[3] Bài thơ này cũng được chép trong Đại Việt sử lược(q.1, 1a) của soạn giả thời Trần, nhưng không có hai câu "Đông A nhập địa, Mộc dị tái sinh". Điều đó một mặt chứng tỏ rằng bài sấm này được làm ra để tạo dư luận cho Lý Công Uẩn lên ngôi; một mặt cho thấy người đời sau (Trần, Lê) còn xen thêm vào hai câu đã dẫn. Còn câu "Lục thập niên..." thì Đại Việt sử lược chép là "Lục thập nhật...", hợp lý hơn.

[4] Tiêu Sơn: nay thuộc xã Tương Giang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[5] Chữ Lý nghĩa là cây mận.

[6] Tùy Long Binh: đội quân hầu của vua.

Hôm sau Cam Mộc lại bảo Công Uẩn: "Người trong nước ai cũng nói họ Lý khởi nghiệp lớn, lời sấm đã hiện ra rồi, đó là cái họa không thể che dấu được nữa. Chuyển họa làm phúc, chỉ trong sớm chiều. Đây là lúc trời trao người theo, Thân vệ còn nghi ngại gì nữa?". Công Uẩn nói:" Tôi đã hiểu rỏ ý ông, không khác gì ý của Vạn Hạnh, nếu thực như lời ấy thì nên tính kế thế nào ?". Cam Mộc nói:" Thần Vệ là người khoan thứ, nhân từ, lòng người chịu theo. Hiện nay trăm họ mỏi mệt kiệt quệ, dân không chịu nổi, Thân vệ nên nhân đó lấy ân đức mà vỗ về, thì người ta tất xô nhau kéo về như nước chảy chỗ thấp, có ai ngăn được!". Cam Mộc biết việc cần kíp, sợ sinh biến, mới nói chuyện với khanh sĩ và các quan, ai cũng vui theo. Ngay ngày hôm ấy, điều họp cả ở trong triều, bàn rằng:" Hiện nay, dân chúng ức triệu khác lòng, trên dưới lìa **[33b]** bỏ, mọi người chán ghét tiên đế hà khắc bạo ngược, không muốn theo về vua nối mà đều có lòng suy tôn quan Thân vệ, bọn ta không nhân lúc này cùng nhau sách lập Thân vệ làm thiên tử, lỡ bối rối có xảy ra tai biến gì, liệu chúng ta có giữ được cái đầu hay không?".

Thế rồi cùng nhau dìu Công Uẩn lên chính điện, lập làm thiên tử, lên ngôi Hoàng đế. Trăm quan đều lạy rạp dưới sân, trong ngoài đều hô "vạn tuế", vang dậy cả trong triều. Đại xá cho thiên hạ, lấy năm sau làm niên hiệu Thuận Thiên năm đầu. Đốt giềng lưới, bãi ngục tụng, xuống chiếu từ nay ai có việc tranh kiện cho đến triều tâu bày, vua thân xét quyết. Các quan dâng tôn hiệu là "Phụng Thiên Chí Lý ứng Vận Tự Tại Thánh Minh Long Hiện Duệ Văn Anh Vũ Sùng Nhân Quảng Hiếu Thiên Hạ Thái Bình Khâm Minh Quang Trạch Chương Minh Vạn Bang Hiển Ứng Phù Cảm Uy Chấn Phiên Man Duệ Mưu Thần Trợ Thánh Tri Tắc Thiên Đạo Chính Hoàng Đế.

> **[34a]** Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kinh thư tôn xưng vua Nghêu là Phóng Huân, vua Thuấn là Trùng Hoa. Bề tôi đời sau lấy đức hạnh thực mà tôn xưng vua, đến hơn mười chữ đã là nhiều lắm rồi. Bấy giờ bầy tôi dâng tôn hiệu đến 50 chử, thế là không biết kê cứu cổ học mà chỉ biết nịnh vua.[Lý] Thái Tổ nhận mà không từ, đó là muốn khoe khoang để cho đời sau không ai hơn được. Thế là sai. Sau, Tôn Thái Tông cũng đến gần 50 chử là vì bắt chước ở đây.

Truy phong cha là Hiển Khánh Vương, mẹ là Minh Đức Thái Hậu.

> Lê Văn Hưu nói: Nhà Chu dấy nghiệp vương, truy phong là Thái Vương, Vương Quý, nhà Tống xưng đế truy phong là Hy Tổ, Dực Tổ, là theo nghĩa cha vì con mà được tôn quý. Lý Thái Tổ ta đã xưng đế mà truy phong cha là Hiển Khánh Vương, bấy giờ **[34b]** lễ quan không biết cải chính, thế là tự ti vậy.

Lập sáu hoàng hậu, duy có đích phu nhân gọi là Lập Giáo Hoàng Hậu, quy chế xe kiệu và y phục khác hẳn với các cung khác. Sách lập con trưởng là Phật Mã làm Hoàng thái tử, các con khác đều phong tước hầu. Con gái 13 người đều phong công chúa. Gả con gái trưởng là công chúa An Quốc cho Đào Cam Mộc, phong Cam Mộc làm Nghĩa Tín Hầu, phong cho anh làm Vũ Uy Vương, chú làm Vũ Đạo Vương, con Vũ Uy Vương là Trưng Hiển làm Thái úy, con Dực Thánh Vương[1] là phó làm Tổng quản, Trần Cảo làm Tướng công, Ngô Đinh làm Khu mật sứ, Đào Thạc Phụ làm Thái bảo, Đặng Văn Hiếu làm Thái phó, Phí Xa Lỗi[2] làm Tả kim ngô, Vệ Trúc làm Hửu kim ngô, Đàm Thản làm Tả vũ vệ, Đỗ Giản làm Hửu vũ vệ, các người khác đều như cũ.

Ban y phục cho các tăng đạo.

[35a] Trở lên là triều Lê 3 vua, khởi từ năm Tân Tỵ mất năm Kỷ Dậu [981-1009], tất cả 29 năm.

---

[1] Soát lại việc Lý Công Uẩn phong tước ghi tại đây, ngờ toàn thư chép sót về người được phong là Dực Thánh Vương. Đại Việt sử lược (q.2, tờ 2b) ghi vua phong "cho anh làm Vũ Uy Vương, phong cho em làm Dực Thánh Vương". Cương mục (CB2, 8a) không thấy dẫn Đại Việt sử lược, nhưng dẫn Nam Thiên trung nghĩa lục (của Phạm Phi Kiến) nói Dực Thánh Vương là con thứ của Lý Thái Tổ. Phối hợp cả Toàn thư ghi tại đây là Đại Việt sử lược, ngờ Cương mục chú nhầm.

[2] Phí Xa Lỗi: Đại Việt sử lược (q.2, 2b) chép là Bùi Xa Lỗi.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển II

[1a]

Kỷ Nhà Lý

Thái Tổ Hoàng Đế

Họ Lý, tên húy là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp[1] Bắc Giang, mẹ họ Phạm, đi chơi[2] chùa Tiêu Sơn[3] cùng với người thần giao hợp rồi có chửa, sinh vua ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất, niên hiệu Thái Bình năm thứ 5 [974] thời Đinh. Lớn lên làm quan nhà Lê, thăng đến chức Điện Tiền Chỉ Huy Sứ. Khi Ngọa Triều băng, tự lập làm vua, đóng đô ở thành Thăng Long. Ở ngôi 18 năm [1010-1028], thọ 55 tuổi [974-1028], băng ở điện Long An, táng ở Thọ Lăng. Vua ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận, là người khoan thứ nhân từ, tinh tế hòa nhã, có lượng đế vương. Song chưa làm sáng chính học, lại ưa thích dị đoan, bị lụy về chuyện đó.

Vua sinh ra mới 3 tuổi, mẹ ẵm đến nhà Lý Khánh Văn. Khánh Văn bèn nhận làm con nuôi. Bé đã thông minh, vẻ người tuấn tú khác thường. Lúc còn nhỏ đi học, nhà sư ở chùa Lục Tổ[4] là Vạn Hạnh thấy, khen rằng: "Đứa bé này **[1b]** không phải người thường, sau này lớn lên ắt có thể giải nguy gỡ rối, làm bậc minh chủ trong thiên hạ". Lớn lên, không chăm việc sản nghiệp, chỉ học kinh sử qua loa, khảng khái có chí lớn. Trong đời Ứng Thiên, xuất thân thờ Lê Trung Tông [1005]. Đại Hành băng, Trung Tông bị giết, vua ôm xác mà khóc, Ngọa Triều khen là người trung, cho làm Tứ sương quân[5] phó chỉ huy sứ, thăng đến chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Đến khi Ngọa Triều băng, bèn lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, đại xá thiên hạ.

Trước ở viện Cảm Tuyển chùa Ứng Thiên Tâm[6], châu Cổ Pháp có con chó đẻ con sắc trắng có đốm lông đen thành hình hai chữ "Thiên tử". Kẻ thức giả nói đó là điềm năm Tuất sinh người làm thiên tử. Đến nay, vua sinh năm Giáp Tuất lên làm thiên tử, quả là **[2a]** ứng nghiệm.

Canh Tuất, Thuận Thiên năm thứ 1 [1010], (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2 xa giá, về châu Cổ Pháp, ban tiền lụa cho các bô lão trong làng theo thứ bậc khác nhau.

Sai Viên ngoại lang Lương Nhậm Văn và Lê Tái Nghiêm sang nước Tống để kết hảo.

Vua thấy thành Hoa Lư ẩm thấp chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương, muốn dời đi nơi khác, tự tay viết chiếu truyền rằng: "Ngày xưa, nhà Thương đến đời Bàn canh năm lần dời đô, nhà Chu

---

[1] Cổ Pháp: tên châu, từ thời Đinh về trước gọi là châu Cổ Lãm; triều Lê Đại Hành cho đến năm 995 vẫn còn gọi tên ấy (BK1, tờ 21a), sau đổi gọi là Cổ Pháp, Lý Thái Tổ lên ngôi đổi làm phủ Thiên Đức. Nay là đất huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[2] Nguyên bản in: "mẫu Phạm thị, tiêu dao du Tiêu Sơn tự" hai chữ "tiêu dao" là diễn văn (chữ khắc thừa), do ảnh hưởng của tên bài văn Tiêu Dao Du của Trang Tử.

[3] Chùa Tiêu Sơn: tức chùa Trường Liêu trên núi Tên ở xã Tương Giang, huyện Tiên Sơn, Hà Bắc.

[4] Chùa Lục Tổ: cũng gọi là chùa Cổ Pháp, ở xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[5] Tứ sương quân: quân bảo vệ bốn mặt kinh thành.

[6] Thiền uyển tập anh (tờ 52a) chép viện Hàm Toại chùa Ứng Thái Tâm (dùng chữ Thái thay cho chữ Thiên trong tên các danh vật đời Lý). Còn tên viện Cảm Tuyển hoặc Hàm Toại thì hẳn là do khuôn chữ gần giống nhau nên sao khắc bị lầm.

đến Thành Vương ba lần dời đô, há phải các vua thời Tam đại ấy theo ý riêng tự dời đô xằng bậy đâu. Làm như thế cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ Thương Chu, cứ chịu yên đóng đô nơi đây, đến nỗi thế đại **[2b]** không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ tổn hao, muôn vật không hợp. Trẫm rất đau đớn, không thể không dời. Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương[1], ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?"

Bề tôi đều nói: "Bệ hạ vì thiên hạ lập kế dài lâu, trên cho nghiệp đế được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế, ai dám không theo". Vua cả mừng.

Mùa thu, tháng 7, vua **[3a]** từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đỗ thuyền dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long. Đổi châu Cổ Pháp gọi là phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư gọi là phủ Trường Yên, sông Bắc Giang gọi là sông Thiên Đức[2]. Xuống chiếu phát tiền kho 2 vạn quan, thuê thợ làm chùa ở phủ Thiên Đức, tất cả 8 sở, đều dựng bia ghi công. Lõi xây dựng các cung điện trong kinh thành Thăng Long, phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi chầu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ. Lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, hướng chính nam dựng điện Cao Minh, đều có[3] thềm rồng, trong thềm rồng có hành lang dẫn ra xung quanh bốn phía. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An, Long Thụy làm nơi vua nghỉ. Bên tả xây điện Nhật Quang, bên hữu xây điện Nguyệt Minh, phía sau **[3b]** dựng hai cung Thúy Hoa, Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ. Dựng kho tàng, đắp thành, đào hào. Bốn mặt thành mở bốn cửa: phía đông gọi là cửa Tường Phù, phía tây gọi là cửa Quảng Phúc, phía nam gọi là cửa Đại Hưng, phía bắc gọi là cửa Diệu Đức. Lại ở trong thành làm chùa ngự Hưng Thiên và tinh lâu[4] Ngũ Phượng. Ngoài thành về phía nam dựng chùa Thắng Nghiêm.

> Lê Văn Hưu nói: Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, đàn xã tắc chưa lập mà trước đã dựng tám chùa ở phủ Thiên Đức, lại trùng tu chùa quán ở các lộ và độ cho làm tăng hơn nghìn người ở Kinh sư, thế thì tiêu phí của cải sức lực vào việc thổ mộc không biết chừng nào mà kể. Của không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm thay, há chẳng phải là vét màu mỡ của dân ư? Vét máu mỡ của dân có thể gọi là làm việc phúc chăng? Bậc vua sáng nghiệp, tự mình **[4a]** cần kiệm, còn lo cho con cháu xa xỉ lười biếng, thế mà Thái Tổ để phép lại như thế, chả trách đời sau xây tháp cao ngất trời, dựng cột chùa đá, điện thờ Phật, lộng lẫy hơn cung vua. Rồi người dưới bắt chước, có kẻ hủy thân thể, đổi lối mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích, dân chúng quá nửa làm sư sãi, trong nước chỗ nào cũng chùa chiền, nguồn gốc há chẳng phải từ đấy?

Xuống chiếu truyền cho những kẻ trốn tránh phải về quê cũ. Lại hạ lệnh cho các hương ấp, nơi nào có chùa quán đã đổ nát đều phải sửa chữa lại.

Mùa đông, tháng 12, cung Thúy Hoa làm xong, làm lễ khánh thành, đại xá các thuế khóa cho thiên hạ trong 3 năm, những người mồ côi, góa chồng, già yếu, thiếu thuế lâu năm đều tha cho cả.

---

[1] Cao Vương: chỉ Cao Biền.

[2] Sông Bắc Giang: hay sông Thiên Đức, tức sông Đuống.

[3] Nguyên bản in là "...giai viết long trì..." (đều gọi là thềm rồng); ở vị trí chữ "viết" phải là chữ "hữu" (giai hữu long trì = đều có thềm rồng) tih` mới đúng nghĩa. Cương mục cũng đã sửa là "giai hữu long trì" (CMCB2, 10a).

[4] Tinh lâu: lầu xem sao (chỉ lầu cao).

Cắp áo quần, lương thực, thuốc men cho 28 người lính man bị Ngọa Triều bắt, **[4b]** sai người đưa về quê cũ. Tha cho người ở vùng Nam Giới, huyện Thạch Hà thuộc châu Hoan được trở về bản huyện.

Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ.

Đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại. Năm ấy độ[1] dân làm sư. Phát bạc ở kho 1.680 lạng để đúc chuông lớn, treo ở chùa Đại Giáo.

Tân Hợi, [Thuận Thiên] năm thứ 2 [1011], (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, đặt quân tả hữu túc xa[2], [mỗi đội] đều 500 người. Tháng hai, vua thấy giặc Cử Long ở Ái Châu hung hăng dữ tợn, trải hai triều Đinh, Lê không đánh nổi, đến nay càng dữ, mới đem sáu quân đi đánh, đốt bộ lạc, bắt kẻ đầu sỏ đem về, giặc ấy bèn tan.

Mùa hạ, tháng 4, sai viên ngoại lang là Lý Nhân Nghĩa và Đào Khánh Văn sang thăm nước Tống để đáp lễ. Khánh Văn trốn ở lại nước Tống, người Tống bắt trả lại cho ta, **[5a]** đánh trượng chết.

Nước Chiêm Thành dâng sư tử.

Năm ấy, ở trong thành bên tả dựng cung Đại Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, làm kho Trấn Phúc. Ngoài thành dựng chùa Tứ Đại Thiên Vương và các chùa Cẩm Y[3], Long Hưng, Thánh Thọ. Dựng điện Hàm Quang ở bến sông Lô[4].

Nhâm Tý, [Thuận Thiên] năm thứ 3 [1012], (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 5). Mùa hạ, tháng 4, sửa chữa hai điện Long An, Long Thụy.

Sách phong Hoàng thái tử Phật Mã làm Khai Thiên Vương, làm cung Long Đức ở ngoài thành cho ở, ý muốn thái tử hiểu biết mọi việc của dân.

Mùa thu, tháng 7, vua ngự ở điện Hàm Quang xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái bảo Đào Thạc Phụ và Viên ngoại lang Ngô Nhưỡng sang nước Tống để kết hảo.

Tháng 12, trên tảng đá lớn ở ngọn núi phía đông nam có vết chân thần dài rộng đều 3 thước, sâu 1 tấc (không biết rõ núi nào).

Nước Chân Lạp đến cống.

Vua thân đi đánh **[5b]** Diễn Châu. Khi về đến Vũng Biện[5] gặp lúc trời đất tối sầm, gió sấm dữ dội, vua đốt hương khấn trời rằng: "Tôi là người ít đức, lạm ở trên dân, nơm nớp lo sợ như sắp sa xuống vực sâu, không dám cậy binh uy mà đi đánh dẹp càn bậy. Chỉ vì người Diễn Châu không theo giáo hóa, ngu bạo làm càn, tàn ngược chúng dân, tội ác chồng chất, đến nay không thể dung tha không đánh. Còn như trong khi đánh nhau, hoặc giết oan kẻ trung hiếu, hoặc hại lầm kẻ hiền lương, đến nỗi hoàng thiên nổi giận phải tỏ cho biết lỗi lầm, dẫu gặp tổn hại cũng không dám oán trách. Đến như sáu quân thì tội lỗi có thể dung thứ, xin lòng trời soi xét". Khấn xong, gió sấm đều yên lặng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua Thang gặp tai nạn hạn hán, lấy sáu việc tự trách mình mà mưa xuống ngay. Nay vua gặp nạn gió sấm, lấy việc đánh dẹp tự trách mình

---

[1] Độ: vốn là một khái niệm Phật giáo, dịch từ Phạn paramita, nghĩa là "vượt qua giới hạn (giữa mê tối và giác ngộ), dần dần mang thêm nghĩa thông thường là cho phép xuất gia tu hành. Khi một người lần đầu tiên đến chùa, được phép gọt tóc đi tu, gọi là thế độ, hoặc độ. Nguyên văn: "độ bách tính vi tăng", có nghĩa là nhà nước thừa nhận cho dân làm sư, cấp giấy gọi là độ điệp.

[2] Túc xa quân: quân theo hầu xe vua, gồm 2 đội tả và hữu.

[3] Đại Việt sử lược (q.2, 3a) chép là Y Cẩm tự.

[4] Lô Giang là tên gọi sông Nhị (sông Hồng) từ thời thuộc Minh về trước, khác với tên sông Lô từ thời Lê đến nay là sông chảy qua tỉnh Hà Tuyên, tỉnh Vĩnh Phú rồi đổ vào sông Hồng ở ngã ba Bạch Hạc.

[5] Vũng Biện: (nguyên văn là Biện Loan), vùng biển ở Biện Sơn, thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

mà gió bão ngừng ngay. **[6a].** Trời và người cảm ứng nhau rất nhỏ nhạy, ảnh hưởng rất chóng, ai bảo là trong chỗ tối tăm mặt trời không soi đến ta mà dám dối trời chăng?

Trong tàu ngựa nhà vua, có con ngựa trắng, phàm khi vua sắp đi thì nó tất hí lên trước. Vua đặt cho tên là Bạch Long thần mã.

Năm ấy người Man[1] sang quá cột đồng, đến bến Kim Hoa[2] và châu Vị Long[3] để buôn bán. Vua sai người bắt được người Man và hơn 1 vạn con ngựa.

Quý Sửu, [Thuận Thiên] năm thứ 4 [1013], (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, định các lệ thuế trong nước: 1 - Ao hồ ruộng đất, 2 - Tiền và thóc về bãi dâu, 3 - Sản vật ở núi nguồn các phiên trấn, 4 - Các quan ải xét hỏi về mắm muối, 5 -Sừng tê, ngà voi, hương liệu của người Man Lão, 6 - Các thứ gỗ và hoa quả ở đầu nguồn.

Mùa hạ, tháng 6, phong Hoàng tử Bồ làm Khai Quốc Vương, ở phủ Trường Yên.

Mùa thu, tháng 7, **[6b]** vua ngự điện Hàm Quang xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, châu Vị Long làm phản, hùa theo người Man [Nam Chiếu]. Vua thân đi đánh. Thủ lĩnh là Hà Án Tuấn[4] sợ, đem đồ đảng trốn vào rừng núi.

Cho các vương hầu công chúa được quản các thuế theo thứ bậc khác nhau.

Giáp Dần, [Thuận Thiên] năm thứ 5 [1014], (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, tướng của người Man là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn người Man vào cướp, đóng đồn ở bến Kim Hoa, dàn quân đóng trại gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục châu Bình Lâm[5] là Hoàng Ân Vinh đem việc tâu lên. Vua sai Dực Thánh Vương[6] đem quân đi đánh, chém đầu kể hàng vạn, bắt sống được quân lính và ngựa không kể xiết. Xuống chiếu cho viên ngoại lang là Phùng Chân và Lý Thạc đem một trăm con ngựa bắt được của người Man sang biếu nhà Tống. Vua Tống xuống chiếu cho quan sở tại sai sứ thần đón tiếp, cùng đi đến cửa khuyết, mọi khoản cung đốn dọc đường đều được chu cấp đầy đủ. Khi đến, vua Tống gọi **[7a]** bọn Chân vào ra mắt ở điện Sùng Đức, ban cho mũ, đai, đồ dùng, tiền bạc theo thứ bậc khác nhau.

Mùa hạ, tháng 4, châu Hoan dâng kỳ lân.

Tháng 5, Hữu nhai tăng thống là Thẩm Văn Uyển tâu xin lập đàn chay ở chùa Vạn Tuế để cho tăng đồ thụ giới. Vua chuẩn tâu.

Mùa thu, tháng 9, xuống chiếu phát 310 lạng vàng trong kho để đúc chuông treo ở chùa Hưng Thiên.

Nước Chân Lạp sang cống.

---

[1] Chỉ người Nam Chiếu. Cương mục dẫn An Nam chí của Cao Hùng Trưng chép là người Man Hạc Thác, lại theo chú dẫn của Minh sử thì Man Hạc Thác tức người Nam Chiếu.

[2] Nguyên văn là "Kim Hoa bộ".

[3] Vị Long: tên châu, nay là huyện Chiêm Hóa, tỉnh Hà Tuyên.

[4] Cương Mục (CB2, 16b) chép là Hà Trắc Tuấn.

[5] Bình Lâm: tên châu. Cương mục dẫn Độc sử phương dự kỷ yếu của Cố Tổ Vũ ghi Bình Lâm là tên châu đặt từ thời thuộc Đường, ở vào miền huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Nhưng có nhiều khả năng châu Bình Lâm là châu Bình Nguyên nói đến ở sau, tức miền đất huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên ngày nay. Mới đây, ở huyện Vị Xuyên, tìm được vết tích chùa Bình Lâm thời Trần. Không thể giặc vào vùng Chiêm Hóa, Hà Tuyên mà châu mục ở vùng Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa), Cao Bằng lại tâu lên vua. Đặt châu này ở Vị Xuyên thì hợp lý.

[6] Dực Thánh Vương: xem chú thích ???, tr. ???

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu phát trăm lạng bạc trong kho để đúc hai quả chuông treo ở chùa Thắng Nghiêm và tinh lâu Ngũ Phượng. Đắp thành đất ở bốn mặt kinh Thăng Long. Đổi phủ Ứng Thiên[1] làm Nam Kinh.

Ất Mão, [Thuận Thiên] năm thứ 6 [1015], (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, cho Trịnh Văn Tú làm Thiếu sư.

Đào Cam Mộc chết, tặng Thái sư á vương.

Tháng 2, sư chùa Tề Thánh huyện Thái Bình dâng hòm quý đựng xá lị.

Xuống chiếu cho Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương đi đánh các châu Đô Kim[2], Vị Long[3], Thường **[7b]** Tân[4], Bình Nguyên[5], bắt được thủ lĩnh là Hà Án Tuấn đem về kinh sư chém đầu bêu ở chợ Đông.

Bính Thìn, [Thuận Thiên] năm thứ 7 [1016], (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, lại lập 3 hoàng hậu: Tá Quốc hoàng hậu, Lập Nguyên hoàng hậu, Lập Giáo hoàng hậu[6], Độ cho hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng đạo. Dựng hai chùa Thiên Quang, Thiên Đức và tô bốn pho tượng Thiên Đế.

Động đất. Làm lễ tế vong các danh sơn. (Vua nhân đi xem núi sông, đến bến đò Cổ Sở[7], thấy khí tốt của núi sông, tâm thần cảm động, bèn làm lễ rưới rượu xuống đất, khấn rằng: "Trẫm xem địa phương này, núi lạ sông đẹp, nếu có nhân kiệt địa linh thì hưởng lễ". Đêm ấy, vua chiêm bao thấy có dị nhân đến cúi đầu lạy hai lạy, nói: "Thần là người làng này, họ Lý tên Phục man, làm tướng giúp Nam Đế, có tiếng là người trung liệt, được giao trông coi hai dải sông núi Đỗ Động và Đường Lâm, bọn Di Lão không dám xâm phạm biên giới, một phương yên bình. Đến khi chết, thượng đế khen là trung trực, sắc cho giữ chức như cũ. Cho nên phàm giặc Man Di đến cướp đều chống giữ được cả. Nay may được bệ hạ thương đến, biết cho thần giữ chức này đã lâu rồi". Rồi đó thung dung nói: " Thiên hạ khi mờ tối, trung thần giấu tính danh, giữa trời nhật nguyệt sáng, ai chẳng thấy dáng hình"[8]. Vua thức dậy nói việc ấy với Ngự sử đại phu Lương Nhậm Văn rằng: " Đó là ý thần muốn tạc tượng". Vua sai bói xin âm dương, quả nhiên đúng như thế. Bèn sai người trong châu **[8a]** lập đền đắp tượng đúng như hình dạng người trong chiêm bao, tuế thời cúng tế. Khoảng niên hiệu Nguyên Phong [1251-1258] đời Trần, người Thát Đát[9] vào cướp, đi đến địa phương này, ngựa khuỵu chân không đi được, người trong thôn dẫn dân chúng ra chống đánh, chém được đầu giặc, giặc chạy tan. Khoảng năm Trùng Hưng [1285-1293], [Thát Đát] lại vào cướp, đến đâu cũng đốt phá, mà ấp ấy vẫn như được che chở, không bị xâm phạm mảy may, quả đúng như lời thần nói).

Nhà Tống phong vua làm Nam Bình Vương.

Năm ấy được mùa to, 30 bó lúa giá 70 tiền. Cho thiên hạ 3 năm không phải nộp tô thuế.

---

[1] Tức phủ Ứng Hòa đời sau, nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

[2] Đô Kim: theo Cương Mục, là huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (CMCB2, 18b), nay thuộc tỉnh Hà Tuyên.

[3] Vị Long: xem chú thích ??? tr. ???

[4] Thường Tân: tên châu, chưa rõ ở khoảng huyện nào trong tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

[5] Bình Nguyên: tên châu thời Lý, từ thời Lê về sau gọi là châu Vị Xuyên, gồm các huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

[6] Ở phần trên đã chép Lý Thái Tổ lập 6 hoàng hậu mà Lập Giáo hoàng hậu đứng đầu, có quy chế xe kiệu riêng (BK1, 34b). Ở đây nói lập thêm 3 hoàng hậu nữa, mà tên Lập Giáo hoàng hậu lại kể ở sau cùng. Cương mục ghi: "Điều này chắc Sử có lầm, tạm chép lại đó chờ tra cứu thêm" (CMCB2, 19a).

[7] Cổ Sở: bến Cổ Sở có tên nôm là bến Giá, nay ở xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[8] Nguyên văn: "Thiên hạ tao mông muội, trung thần nặc tính danh, trung thiên minh nhật nguyệt, thục bất kiến kỳ hình". Bài thơ này có các dị bản trong Việt điện u linh, Sơn Tây tỉnh chí" v.v... với nhiều chữ chép khác biệt với đây.

[9] Thát Đát: phiên âm tên Tartar hay Tatar, bộ tộc Mông Cổ, ở đây chỉ quân Nguyên - Mông.

Đinh Tỵ, [Thuận Thiên] năm thứ 8 [1017], (Tống Thiên Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, cho Trần Văn Tú làm Thái phó[1].

Xuống chiếu xá tô ruộng cho thiên hạ.

Điện Càn Nguyên bị sét đánh, vua coi chầu ở điện phía đông[2].

Mậu Ngọ, [Thuận Thiên] năm thứ 9 [1018], (Tống Thiên Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, truy phong bà nội làm hậu và đặt tên thụy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua đến đây mới truy phong cho bà nội, đó là lỗi chậm trễ.

[8b] Mùa hạ, tháng 6, sai Viên ngoại lang là Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc[3] sang nước Tống xin kinh Tam Tạng.

Mùa đông, tháng 10, phong Hoàng tử Lực làm Đông Chinh Vương.

Xá một nửa tô ruộng cho thiên hạ.

Kỷ Mùi, [Thuận Thiên] năm thứ 10 [1019], (Tống Thiên Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, dựng Thái Miếu ở lăng Thiên Đức[4]. Xuống chiếu độ dân trong nước làm tăng.

Canh Thân, [Thuận Thiên năm thứ 11 [1020], (Tống Thiên Hy năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nước Chân Lạp đến cống.

Mùa thu, tháng 9, Nguyễn Đạo Thanh đi sứ về, xin được kinh Tam Tạng; xuống chiếu cho Tăng thống là Phí Trí sang Quảng Châu đón.

Mùa đông, tháng 12, sai Khai Thiên Vương [Phật Mã] và Đào Thạc Phụ đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bố Chính[5], thẳng đến núi Long Tỵ[6], chém được tướng của chúng là Bố Linh tại trận, người Chiêm **[9a]** chết đến quá nửa.

Năm ấy điện phía đông bị sét đánh, vua coi chầu ở điện phía tây[7]. Dựng ba điện: điện phía trước để coi chầu, hai điện phía sau để nghe chính sự.

Tân Dậu, [Thuận Thiên] năm thứ 12 [1021], (Tống Thiên Hy năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Thiên Thành, lấy tre kết làm một ngọn núi gọi là Vạn Thọ Nam Sơn ở ngoài cửa Quảng Phúc, trên núi làm nhiều hình chim bay thú chạy, muôn vẻ lạ kỳ. Lại sai người bắt chước tiếng của cầm thú làm vui để ban yến cho bề tôi.

Sai bọn Viên ngoại lang Nguyễn Khoan Thái và Nguyễn Thủ Cương sang nhà Tống.

Làm nhà Bát giác chứa kinh.

Nhâm Tuất, [Thuận Thiên] năm thứ 13 [1022], (Tống Cao Hưng năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, vua thấy tiết Thiên Thành làm núi giả khó nhọc cho dân, bãi đi, chỉ đặt yến lễ mà thôi.

Xuống chiếu cho Dực Thánh Vương đi đánh Đại Nguyên Lịch. Quân ta **[9b]** đi sâu vào trại Như Hồng[1] trong đất Tống, đốt kho đụn ở đó rồi về (Xét: Trại Như Hồng nước Tống giáp với trấn Triều

---

[1] Không rõ có phải là Trịnh Văn Tú nói ở trước hay không?

[2] Cương mục chú: điện phía đông tức ở điện Tập Hiền (CMCB2, 19b).

[3] Cương mục chép Phạm Hạc thành Phạm Hạc Như (khiển viên ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh, Phạm Hạc Như).

[4] Nguyên văn: "Thiên Đức lăng thái miếu", đến đây chưa thấy nói đến lăng Thiên Đức, ngờ nhầm ở chữ "lăng"; hoặc có thể hiểu là Lăng Thái Miếu ở phủ Thiên Đức?

[5] Bố Chính: nay là đất các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

[6] Núi Long Tỵ: theo Cương mục, ở địa phận xã Thuần Chất, huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình, hình thể núi này nhô lên như vòi rồng, nên gọi là "Long tỵ" (CMCB2, 22a). Huyện Bình Chính nay là huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[7] Cương mục chú: điện phía tây tức là điện Giảng Vũ.

Dương[2] nước ta. Đại Nguyên Lịch là một giống người Di ở vào khoảng giữa hai vùng đất ấy. Về sau, Nùng Trí Cao làm phản, chiếm châu Thảng Do[3], gọi nước là Đại Lịch, ngờ là chỗ này).

Quý Hợi, [Thuận Thiên] năm thứ 14 [1023], (Tống Nhân Tông, húy Trinh, Thiên Thánh năm thứ 1). Mùa thu, tháng 9, xuống chiếu chép kinh Tam tạng để ở kho Đại Hưng, đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An.

Giáp Tý, [Thuận Thiên] năm thứ 15 [1024], (Tống Thiên Thánh năm thứ 2). Mùa xuân, xuống chiếu cho Khai Thiên Vương [Phật Mã] đi đánh Phong Châu, Khai Quốc Vương [Bồ] đi đánh châu Đô Kim.

Sửa chữa kinh thành Thăng Long.

Mùa thu, tháng 9, làm chùa Chân Giáo ở trong thành để vua tiện ngự xem tụng kinh.

Ất Sửu, [Thuận Thiên] năm thứ 16 [1026], (Tống Thiên Thánh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, nước Chân Lạp sang cống.

Xuống chiếu lập trại Định Phiên[4] ở địa giới phía nam châu Hoan, cho quân giáp Lý Thai Giai làm chủ.

Mùa thu, **[10a]** tháng 8, định binh làm giáp, mỗi giáp 15 người, dùng một người quản giáp. Lại định các cấp bậc quản giáp (khi ấy có con hát là Đào thị, giỏi nghề hát, thường được ban thưởng. Người thời bấy giờ hâm mộ tiếng hát của Đào thị, phàm các con hát đều gọi là Đào nương).

Sư Vạn Hạnh chết (Vạn Hạnh không bệnh mà mất, người bấy giờ nói là hóa thân).

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sư Vạn Hạnh mới trông thấy Lý Thái Tổ, biết là người khác thường, đến khi thấy sét đánh thành vết chữ thì đoán biết thời thế thay đổi, như thế là có tri thức vượt người thường vậy. Nhưng dứt tính mệnh, bỏ nhân luân, chán trần tục ồn ào, nương cửa thiền tịch mịch, để trong sạch lấy một mình, người quân tử không cho là phải.

Bính Dần, [Thuận Thiên] năm thứ 17 [1026], (Tống Thiên Thánh năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu làm Ngọc điệp.

Mùa thu, tháng 8, **[10b]** sai Lý Trưng Hiển và Lê Tái Nghiêm sang nước Tống kết hảo.

Mùa đông, tháng 11, nước Chân Lạp sang cống.

Xuống chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh giặc ở Diễn Châu.

Đinh Mão, [Thuận Thiên] năm thứ 18 [1027], (Tống Thiên Thánh năm thứ 5). Mùa hạ, tháng 6, đại hạn.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu chép kinh Tam tạng. Xuống chiếu cho Khai Thiên Vương [Phật Mã] đi đánh châu Thất Nguyên[5], Đông Chinh Vương [Lực] đi đánh Văn Châu[6].

Mậu Thìn, [Thuận Thiên] năm thứ 19 [1028], (Từ tháng 3 về sau là niên hiệu Lý Thái Tông, Thiên Thành năm thứ 1; Tống Thiên Thánh năm thứ 6).

---

[1] Cương mục dẫn Khâm Châu chí nói trại Như Hồng ở phía tây Khâm Châu, giáp với trấn Như Tích, cách châu Vĩnh An của nước ta 20 dặm (CMCB2, 23b). Châu Vĩnh An tên cũ là trấn Triều Dương (đổi năm 1023), nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Triều Dương: tên trấn thời Lý, xem chú thích về trại Như Hồng ở trên.

[3] Thảng Do: tên châu thời Lý, nơi Nùng Trí Cao làm phản lập ra nước Đại Lịch, ở về phần đất tỉnh Cao Bằng ngày nay (theo Độc sử phương dư kỷ yếu; CMCB, 43a). Như vậy, điều ngờ ghi trong câu tiếp theo của nguyên chú không đúng.

[4] Trại Định Phiên: trại định cư của người Phiên chỉ các tù binh Chiêm Thành.

[5] Thất Nguyên: tên châu thời Lý, nay là huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Văn Châu: tên châu thời Lý, nay là đất huyện Văn Quan và một đất huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Mùa xuân, tháng 2, vua không khỏe. Tháng 3, ngày mồng 1 Bính Thân, nhật thực. Ngày Mậu Tuất, vua băng ở điện Long An. Bề tôi đều đến cung Long Đức xin thái tử vâng di chiếu lên ngôi. Ba vương là Đông Chinh [Lực], Dực Thánh và Vũ Đức[1] nghe tin đều đem quân ở phủ mình vào phục sẵn trong cấm thành. Đông Chinh Vương phục ở trong Long Thành, hai vương Dực Thánh và Vũ Đức phục trong cửa Quảng Phúc, đợi thái tử đến thì đánh úp. **[11a].** Một lát sau, thái tử từ cửa Tường Phù vào, đến điện Càn Nguyên, biết có biến, sai người hầu đóng hết các cửa điện và sai các vệ sĩ trong cung phòng giữ, nhân bảo tả hữu rằng: "Ta đối với anh em không phụ bạc chút nào. Nay ba vương làm việc bất nghĩa, quên di mệnh của Tiên đế, mưu chiếm ngôi báu, các khanh nghĩ thế nào?" Nội thị là Lý Nhân Nghĩa nói: "Anh em với nhau, bên trong có thể hiệp sứ bàn mưu, bên ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay ba vương làm phản, thì là anh em hay là kẻ thù? Xin cho bọn thần đánh một trận để quyết được thua". Thái tử nói: "Ta lấy làm xấu hổ là Tiên đế mới mất chưa quàn mà cốt nhục đã giết nhau, há chẳng để cho muôn đời chê cười sao?" Nhân Nghĩa nói: "Thần nghe rằng muốn mưu xa thì phải quên công gần, giữ đạo công thì phải dứt tình riêng, đó là việc Đường Thái Tông và Chu Công Đán bất đắc dĩ phải làm[2]. Nay điện hạ có cho Đường Thái và Chu Công là chăm **[11b]** mưu xa, giữ đạo công chăng? Hay là tham công gần, đắm tình riêng chăng? Điện hạ biết theo dấu cũ của Đường Thái, Chu Công thì đời sau ca tụng công đức còn chưa rỗi, còn rỗi đâu mà chê cười!". Nhân Nghĩa lại nói: "Tiên đế cho điện hạ là người hiền, đủ để nối được chí, tài đủ để làm nổi việc, nên đem thiên hạ phó thác cho điện hạ. Nay giặc đến vây bức cửa cung mà ẩn nhẫn như thế, thì đối với sự phó thác của Tiên đế ra sao?" Thái tử im lặng hồi lâu rồi bảo Nhân Nghĩa và bề tôi trong cung là bọn Dương Bình, Quách Thịch, Lý Huyền Sư, Lê Phụng Hiểu rằng: "Ta há lại không biết việc làm của Đường Thái, Chu Công hay sao? Chỉ vì ta muốn che giấu tội ác của ba vương, khiến họ tự ý rút quân chịu tội để được vẹn toàn tình cốt nhục là hơn".

Khi ấy phủ binh của ba vương vây bức càng gấp, Thái tử liệu không thể ngăn được, nói: "Thế đã như vậy, ta còn mặt mũi nào trông thấy ba vương nữa. Ta chỉ biết làm lễ thành **[12a]** phục đứng hầu Tiên đế, ngoài ra đều ủy cho các khanh cả". Bọn Nhân Nghĩa đều lạy hai lạy nói: "Chết vì vua gặp nạn là chức phận của bọn thần. Nay đã được chỗ đáng chết, còn từ chối gì nữa!" Bèn ra lệnh cho vệ sĩ trong cung mở cửa ra đánh, ai cũng vui lòng xông pha, đều là một người địch với trăm người. Quân đánh nhau chưa phân được thua, Phụng Hiểu tức giận rút gươm chạy thẳng đến cửa Quảng Phúc hô to rằng: "Bọn Vũ Đức Vương ngấp nghé ngôi báu, không coi vua nối vào đâu, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vì thế thần là Phụng Hiểu xin đem thanh gươm này để dâng". Rồi xông thẳng đến chỗ ngựa của Vũ Đức Vương. Vương quay ngựa tránh, ngựa quỵ xuống, bị Phụng Hiểu bắt giết. Phủ binh của ba vương thua chạy. Quan quân đuổi theo chém giết không sót một mống, chỉ có hai vương Đông Chinh và Dực Thánh chạy thoát được.

Bọn Phụng Hiểu trở về, mặc áo trận đi vào báo tin thắng trận ở trước linh cữu Thái Tổ, rồi **[12b]** đến điện Càn Nguyên báo cho thái tử biết. Thái tử úy lạo rằng: "Ta sở dĩ được gánh vác cơ nghiệp to lớn của tiên đế, toàn vẹn được thân thể của cha mẹ để lại đều là nhờ sức của các khanh cả. Ta thường xem sử nhà Đường thấy Uất Trì Kính Đức giúp nạn vua, tự nghĩ là bề tôi đời sau không ai sánh được. Ngày nay gặp biến, mới biết Phụng Hiểu còn trung dũng hơn Kính Đức nhiều". Phụng Hiểu lạy tạ hai lạy nói: "Đức của điện hạ cảm động cả trời đất, kẻ nào manh tâm mưu đồ gì khác thì trời đất thần linh đều làm hết chức phận mà giết đi, bọn thần có công sức gì!" (Phụng Hiểu người hương Băng Sơn[3] ở Ái Châu, từ khi còn nhỏ đã có sức vóc hùng dũng. Hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá tranh nhau địa giới, toan đánh nhau, Phụng Hiểu bảo người thôn Cổ Bi rằng: "Một mình tôi có thể đánh được bọn họ". Các phụ lão mừng lắm, làm cơm rượu để thết. Phụng Hiểu ăn một bữa mấy đấu gạo, uống cũng quá mức, rồi đến khiêu chiến với thôn Đàm Xá. Phụng Hiểu cứ đứng thẳng lưng nhổ cây mà đánh tới tấp, nhiều người bị thương. Thôn Đàm Xá sợ, phải trả lại ruộng cho thôn Cổ Bi. Thái Tổ nghe danh, dùng làm tướng, thăng đến chức Vũ vệ tướng quân. Đên đây có công dẹp nạn, thăng Đô thống thượng tướng quân, tước hầu. Trong khoảng

---

[1] Dực Thánh Vương: xem chú thích tr.???; Vũ Đức Vương: chưa rõ, từ trên đến đây chưa thấy nói đến Vũ Đức Vương.

[2] Trưởng Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức giết hai anh của Lý Thế Dân là Kiến Thành và Nguyên Cát để giữ ngôi vua cho Thế Dân (Đường Thái Tông). Chu Công Đán giết em là Quản Thúc và đày một em khác là Thái Thúc để giữ ngôi vua cho cháu là Thành Vương.

[3] Băng Sơn: theo (CMCB2, 28b) là xã Dương Sơn, nay thuộc huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ [1044 -1048] theo Thái Tông đi đánh ở miền nam, làm tiên phong, phá tan quân giặc, danh tiếng rung động nước Phiên. **[13a]**. Khi thắng trận trở về định công, Phụng Hiểu nói: "Thần không muốn thưởng tước, xin cho đứng trên núi Băng Sơn ném đao lớn đi xa, đao rơi xuống chỗ nào trong đất công[1] thì xin ban cho làm sản nghiệp. Vua nghe theo. Phụng Hiểu lên núi, ném đao xa hơn đến nghìn dặm, đao rơi xuống hương Đa Mi. Vua bèn lấy số ruộng ấy ban cho, tha thóc thuế cho ruộng ném đao ấy. Vì vậy người Châu Ái gọi [ruộng] thưởng công là [ruộng] ném đao).

Lê Văn Hưu nói: Nhà Lý phong cho các con mẹ đích đều làm vương, các con mẹ thứ đều làm hoàng tử mà không đặt ngôi hoàng thái tử. Đến khi nào vua ốm nặng mới chọn một người trong các con cho vào để nối nghiệp lớn. Truyền dần thành tục, không biết là ý thế nào. Có người nói: "Nhà Lý không đặt thái tử trước là vì muốn cho các con chăm làm điều thiện. Nếu lập ngôi thái tử thì phận vua tôi đã định dù có con hiền như Vi Tử[2] cũng không biết xử trí thế nào. Đáp rằng: Gốc thiên hạ đã định rồi mà còn có cái họa như Dương Quảng làm ra vẻ có đức hạnh[3] để cướp ngôi đích, huống chi ngôi thái tử không lập trước, đến khi vội vàng mới chọn lập, không may có việc như ba phu **[13b]** nhân nài xin lập con khác, Từ Văn Thông mua bút sửa di chiếu[4] thì dù muốn không bằng lòng cũng chẳng được nữa. Người có nước nhà nên lấy đó làm răn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cùng lòng, cùng đức, tất sự nghiệp có thể thành. Có vua, có tôi, gian hiểm nào cũng vượt được. Thái Tông đương lúc đau xót, biến loạn sinh ngay kẽ nách mà vua tôi xử trí gãy gọn phải lẽ, vượt được hiểm nạn, làm nên sự nghiệp, tông miếu nhờ đó được vững yên. Không phải là vuà tôi gặp gỡ cùng đức cùng lòng mà được như thế ư? Xem sử chép thì tình cảm chân thành của Thái Tông phát ra ở câu nói "cốt nhục giết nhau", lòng trung phẫn khích của Nhân Nghĩa tỏ ở chỗ dẫn việc Đường Thái, Chu Công, lòng nghĩa dũng hăng hái của Phụng Hiểu lộ ra ở lúc nhảy ngựa dâng gươm. Đến khi xong việc, vua **[14a]** tôi không một chút khoe khoang, cố nhiên là không có gì đáng chê. Còn như việc chưa qua năm đã đổi niên hiệu thì không thể không bàn đến được. Theo phép kinh Xuân thu thì khi vua cũ mất, vua nối lên ngôi ngay khi bắt đầu phát tang, qua năm ấy rồi mới đổi niên hiệu. Chép việc lên ngôi, theo nghĩa trước sau thì một năm không thể có hai vua được, theo lòng thần dân thì không thể bỏ trống một năm không có vua. Đó là lẽ vậy. Thái Tông lại mạo nhận năm [ở ngôi] của tiên đế mà đặt niên hiệu là thế nào? Phàm năm này sang năm khác theo can chi là sự chuyển vận của trời. Người làm vua theo phép trời, nhân sự vận hành của can chi mà chép năm ở ngôi lâu hay chóng, từ xưa đã như thế. Vua [Thái Tông] tinh thông lễ nhạc thư số, lại không xét việc ấy mà làm rối, để cho đời sau noi theo việc cũ, nối gót mà làm, ấy là lỗi lớn vậy.

Ngày Kỷ Hợi, Thái tử Phật Mã lên ngôi trước linh cữu. Tôn mẹ là Lê thị làm Linh Hiển **[14b]** thái hậu. Đại xá thiên hạ. Đổi niên hiệu là Thiên Thành năm thứ 1.

Ngày ấy, hai vương Đông Chinh và Dực Thánh đến cửa khuyết xin chịu tội. Xuống chiếu tha cho, lại cho tước như cũ.

---

[1] Nguyên văn là "Quan địa".

[2] Vi Tử: tên là Khải, anh của vua Trụ nhà Thương, Trụ dâm loạn, Vi Tử nhiều lần khuyên can, bị Trụ đuổi đi.

[3] Dương Quảng là con thứ của Tùy Văn Đế, đáng không được lập làm thái tử, nhưng vì hoàng thái tử là Dương Dũng tính nết kiêu xa. Văn Đế ghét. Quảng biết ý, vờ tỏ ra có đức hạnh để chiếm lòng yêu của Văn Đế, quả nhiên Văn Đế bỏ Dũng, lập Quảng làm thái tử. Sau đó Văn Đế hối, muốn sửa lại, Quảng bèn giết cả Văn Đế và Dũng để làm vua.

[4] Ba phu nhân nói đây là Cảm Thánh, Nhật Phong, Phụng Thánh, đều là vợ của Lý Thần Tông. Trước Thần Tông đã cho Thiên Lộc làm hoàng thái tử, đến khi Thần Tông ốm nặng, ba phu nhân đến xin đổi lập Thiên Tộ làm thái tử (Xem BK3, 42a). Tham tri chính sự Từ Văn Thông nhận lời giúp ba phu nhân, nhưng cầm bút chờ Thần Tông đổi ý chứ không tự ý sửa di chiếu (Cũng xem BK2, 42a).

Bầy tôi dâng tôn hiệu là Khai Thiên Thống Vận Tôn Đõo Quý Đức Thánh Văn Quảng Vũ Sùng Nhân Thượng Thiện Chính Lý Dân An Thần Phù Long Hiện Thể Nguyên Ngự Cực Ức Tuế Công Cao Ứng Chân Bảo Lịch Thông Huyền Chí Áo Hưng Long Đại Định Thông Minh Từ Hiếu Hoàng Đế.

Vua nhận việc mời lên ngôi, xuống chiếu cho lấy tiền lụa ở kho lớn ban cho thiên hạ (ngày 15 Canh Thân).

Khai Quốc Vương làm phản. Trước vương đóng ở phủ Trường Yên, cậy có núi sông hiểm trở, tụ tập những kẻ trốn tránh, cướp bóc dân mọn, Thái Tổ không hề hay biết, nuôi thành tội ác. Đến khi nghe Thái Tổ băng, Vũ Đức Vương bị giết, lòng càng bất bình, bèn đem phủ binh làm phản.

Phong tước vương cho thần núi Đồng Cổ, dựng miếu để tuế thời cúng tế và **[15a]** làm lễ thề. Trước đây, một hôm trước khi ba vương làm phản, vua chiêm bao thấy một người tự xưng là thần núi Đồng Cổ nói với vua về việc ba vương Vũ Đức, Đông Chinh, Dực Thánh làm loạn, phải mau đem quân dẹp ngay. Tỉnh dậy liền sai phòng bị, quả nhiên ứng nghiệm. Đến đây xuống chiếu giao cho Hữu ty dựng miếu ở bên hữu thành Đại La sau chùa Thánh Thọ, lấy ngày 25 tháng ấy, đắp đàn ở trong miếu, cắm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo gươm giáo ở trước thần vị, đọc lời thề rằng: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết". Các quan từ cửa đông đi vào, đến trước thần vị cùng uống máu ăn thề, hàng năm lấy làm lệ thường. Sau vì tháng 3 có ngày quốc kỵ, chuyển sang mồng 4 tháng 4.

Mùa hạ, tháng 4, vua thân đi đánh phủ Trường Yên, cho nội thị Lý Nhân Nghĩa ở lại giữ Kinh sư. Ngày Nhâm Thân đến Trường Yên. Ngày ấy, Khai Quốc Vương đầu hàng. Vua hạ lệnh rằng: "Ai cướp bóc của cải của **[15b]** dân thì chém". Quân sĩ nghiêm theo, không mảy may xâm phạm. Đại quân vào thành Trường Yên, dân trong thành đem dâng biếu trâu rượu đứng đầy đường. Vua sai sứ tuyên chỉ ủy lạo, cả thành vui to. Xuống chiếu dời Khai Quốc Vương và các liêu thuộc của vương về kinh Thăng Long. Vua từ phủ Trường Yên về, xuống chiếu tha tội cho Khai Quốc Vương, vẫn cho tước như cũ.

Tháng 5, ngày 6, có dấu vết của thần nhân hiện ra ở chùa Vạn Tuế. Bầy tôi dâng lời nói: "Thái tử là gốc của thiên hạ, gốc đứng thì thiên hạ yên, xin bệ hạ sớm chọn con nối hiền lập ngôi Đông cung, để thỏa lòng mong của thiên hạ". Vua nghe theo, sách phong hoàng tử Nhật Tôn làm Đông cung thái tử.

Lập bảy hoàng hậu.

Tháng 11, cho cha của Mai hoàng hậu là Hựu làm An quốc thượng tướng, cha của Vương hoàng hậu là Đỗ làm Phụ quốc thượng tướng, cha của Đinh hoàng hậu là Ngô Thượng làm Khuông quốc thượng tướng.

> **[16a]** Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thân thích của hoàng hậu được quý hiển, đời trước cũng đã có. Tuy vậy, lấy thích thuộc cũng phải lấy người có tài. Bọn Hựu quả là có tài chăng? Thì không cứ là cha của hoàng hậu là phải, trao tước phong là không phải. Hoặc có người nói: Đây là ân sủng đặc biệt chỉ cho tước, chứ không cho quyền. Trả lời rằng: Tước cũng đã cao rồi, sao lại có danh hiệu an quốc, phụ quốc, khuông quốc thượng tướng quân mà lạm cho kẻ không có công lao!

Lấy Lương Nhậm Văn làm Thái sư. Ngộ Thượng Đinh[1] làm Thái phó, Đào Xử Trung làm Thái bảo, Lý Đạo Kỷ làm Tả khu mật, Lý Triệt làm Thiếu sư, Xung Tân làm Hữu khu mật, Lý Mật làm Tả tham tri chính sự, Kiểu Bồng làm Hữu tham tri chính sự, Liêu Gia Trinh[2] **[16b]** làm Trung thư thị lang, Hà Viễn làm Tả gián nghị đại phu, Đỗ Sấm làm Hữu gián nghị đại phu, Nguyễn Quang Lợi làm Thái úy, Đàm Toại Trang làm Đô thống, Vũ Ba Tu làm Uy vệ thượng tướng, Nguyễn Khánh làm Định thắng đại tướng, Đào Văn Lôi làm Tả phúc tâm, Lý Nhân Nghĩa làm Hữu phúc tâm, Phan Đường Liệt làm Nội thị.

Đặt các cấp bậc của tăng đạo.

---

[1] Có sự lầm lẫn về cách ghi họ tên người cha của Đinh hoàng hậu. Ở trên ghi: cha của Mai hoàng hậu là Hựu thì có thể hiểu người đó là Mai Hựu..., cha của Đinh hoàng hậu là Ngô Thượng thì có thể hiểu người đó là Đinh Ngô Thượng. Ở đây Toàn thư lại ghi Ngô Thượng Đinh? Đại Việt sử lược (q2, tờ 5a) cũng ghi là Ngô Thượng Đinh. Chưa rõ nhầm lẫn do đâu.

[2] Đại Việt sử lược chép là Liêu Gia Chân (Chân và Trinh có thể lầm với nhau).

Đặt 10 vệ điện tiền cấm quân: 1. Quảng Thánh, 2. Quảng Vũ, 3. Ngự Long, 4. Bổng Nhật, 5. Trừng Hải. Mỗi vệ đều chia ra tả hữu trực, đi quanh để bảo vệ bên trong cấm thành, cộng là 10 vệ.

Tháng 6, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên Thánh. Lấy tre làm núi Vạn Tuế Nam Sơn ở Long trì: kiểu núi làm thành năm ngọn, trên đỉnh ngọn ở giữa dựng núi Trường Thọ, bên đỉnh bốn ngọn xung quanh đều đặt núi Bạch Hạc, trên núi làm hình dạng các giống chim bay **[17a]** thú chạy, lưng chừng núi có rồng thần cuốn quanh, cắm xen các thứ cờ, treo lẫn vàng ngọc, sai con hát[1] thổi sáo thổi kèn trong hang núi, dâng ca tấu múa làm vui, cho các quan ăn yến. Quy chế núi năm ngọn bắt đầu từ đấy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Mừng ngày sinh là lễ lớn. Bề tôi chúc mừng vua, vua ban yến cho bề tôi, vua tôi hòa hợp để thông tình trên dưới, lễ vốn nên như thế. Song vua đương để tang mà vui chơi hết mức, không nghĩ đến việc tiên đế chưa chôn sao? Cái lòng đau đớn thương xót, có lẽ không còn gì.

Mùa đông, tháng 10, táng [tiên đế] ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức, đặt thụy là Thần Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thái Tổ.

[17b] Lê Văn Hưu nói: Thời cổ, khi thiên tử đã băng, xây Lăng an táng linh cữu, hoặc gọi là Mậu Lăng hoặc gọi là Xương Lăng; để văn chương ở các, hoặc gọi là Hiển Mô, hoặc gọi là Bảo Văn. Nay nhà Lý, lăng các đời chỉ gọi chung là Thọ Lăng, các gọi là Long Đồ, có lẽ bấy giờ vua không có học mà các nho thần cũng không biết sửa chữa hoặc không có sức kê cứu việc cổ vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lý [Thái Tổ] dấy lên, trời mở điềm lành hiện ra ở vết cây sét đánh. Có đức tất có ngôi, bởi lòng người theo về, lại vừa sau lúc Ngọa Triều hoang dâm bạo ngược mà vua thì vốn có tiếng khoan nhân, trời thường tìm chủ cho dân, dân theo về người có đức, nếu bỏ vua thì còn biết theo ai! Xem việc vua nhận mệnh sâu sắc lặng lẽ, dời đô yên nước, lòng nhân thương dân, lòng thành cảm trời, cùng là đánh dẹp phản loạn, Nam Bắc **[18a]** thông hiếu, thiên hạ bình yên, truyền ngôi lâu đời, có thể thấy là có mưu lược của bậc đế vương. Duy có việc ham thích đạo Phật, đạo Lão là chỗ kém.

THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Phật Mã, một tên khác là Đức Chính, con trưởng của Thái Tổ. Mẹ là hoàng hậu họ Lê, sinh vua vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý, niên hiệu Ứng Thiên năm thứ 7 [1000] thời Lê, ở phủ Trường Yên. Thái Tổ được nhường ngôi, lập Đông cung thái tử. Khi Thái Tổ băng, nhờ có Phụng Hiểu trung dũng, đồng lòng cứu nạn, lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 27 năm [1028 - 1054], thọ 55 tuổi [1000 - 1054], băng ở điện Trường Xuân. Vua là người trầm mặc, cơ trí, biết trước mọi việc, giống như Hán Quang Vũ đánh đâu được đấy, công tích sánh với Đường Thái Tông. Nhưng người quân tử còn lấy việc khoe khoang thái quá để chê trách vua chưa hiền.

Khi vua mới sinh, ở phủ Trường Yên có con trâu của nhà dân tự nhiên thay sừng khác, người ấy cho là điềm không lành, lấy làm lo. Có người giỏi chiêm nghiệm đi qua nhà ấy cười mà nói: "Đó là điềm đổi mới, can dự gì đến nhà anh". Người ấy **[18b]** mới hết lo.

Vua có bảy cái nốt ruồi sau gáy, như sao thất tinh[2]. Khi còn nhỏ cùng trẻ con chơi đùa, có thể sai bảo được chúng, bắt chúng đi dàn hầu trước sau và hai bên như nghi vệ các quan theo hầu vua. Thái Tổ thấy thế vui lòng, nhân nói đùa rằng: "Con nhà tướng nên bắt chước việc quân, cần gì phải kẻ rước người hầu?" Vua trả lời ngay rằng: "Kẻ rước người hầu thì có xa lạ gì với con nhà tướng? Nếu xa lạ thì

[1] Nguyên văn là "linh nhân".

[2] Thất tinh: tức là chòm sao Bắc đẩu (có 7 sao).

sao ngôi vua không ở mãi họ Đinh mà lại về họ Lê, đều do mệnh trời thôi". Thái Tổ kinh lạ, từ đấy càng yêu quý hơn. Khi Thái Tổ nhận nhường ngôi, lập làm Đông cung thái tử. Năm Thuận Thiên thứ 3 [1012], phong làm Khai Thiên Vương, cho ra ở bên ngoài. Năm thứ 11 [1020] cho làm Nguyên soái đi đánh Chiêm Thành có trại Bó Chính. Đại quân vượt biển, đến núi Long Tỵ **[19a]** có rồng vàng hiện ở thuyền ngự, chỉ một mình vua đỡ lấy con rồng. Đến nơi, đánh tan quân Chiêm, bắt được tướng đem về. Năm thứ 19 [1027], mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1 Bính Thân, vua lấy áo ngự ban cho Trần Tuệ Long là đạo sĩ ở quán Nam Đế. Đêm ấy có ánh sáng khắp trong quán. Tuệ Long kinh ngạc dậy xem thì thấy rồng vàng hiện ở mắc áo. Các việc ấy đều là mệnh trời, đến đây đều thấy phù hợp cả. Vua bẩm tính nhân từ, sáng suốt dĩnh ngộ, thông hiểu đại lược văn võ, còn như lục nghệ lễ nhạc, ngự xạ, thư số không môn gì là không tinh thông am tường.

Kỷ Tỵ, niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2 [1029], (Tống Thiên Thánh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, ngày Nhâm Ngọ, khánh thành miếu Thái Tổ.

Tháng 3, ngày mồng 7, gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng[1] là Thân Thiệu Thái.

[19b] Giáp Đản Nãi[2] ở châu Ái làm phản. Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, vua thân đi đánh giáp Đản Nãi, cho Đông cung thái tử ở lại Kinh sư làm Giám quốc. Khi đánh được giáp Đản Nãi rồi, sai Trung sứ đốc suất người Đản Nãi đào kênh Đản Nãi. Vua từ Đản Nãi trở về Kinh sư.

Có dấu người thần hiện ở chùa Thắng Nghiêm. Tháng 6, rồng hiện lên ở nền điện Càn Nguyên. Vua nói với tả hữu rằng: "Trẫm phá điện ấy, sang phẳng nền rồi mà rồng thần còn hiện. Có lẽ đó là đất tốt, đức lớn hưng thịnh, ở chỗ chính giữa trời đất chăng?" Bèn sai Hữu ty mở rộng quy mô, nhắm lại phương hướng mà làm lại, đổi tên là điện Thiên An. Bên tả dựng điện Tuyên Đức, bên hữu dựng điện Diên Phúc, thềm trước điện gọi là Long Trì (thềm rồng). Phía đông thềm rồng đặt điện Văn Minh, phía tây đặt điện Quang Vũ, hai bên tả hữu thềm rồng đặt lầu chuông đối nhau để dân chúng ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Bốn xung quanh thềm rồng đều có hành lang để **[20a]** tụ họp các quan và sáu quân túc vệ. Phía trước làm điện Phụng Thiên[3], trên điện dựng lầu Chính Dương làm nơi trông coi tính toán giờ khắc, phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện dựng gác Long Đồ làm nơi nghỉ ngơi du ngoạn. Bên ngoài đắp một lần thành bao quanh gọi là Long Thành.

Mùa thu, tháng 8, châu Hoan dâng kỳ lân.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, trời mưa gạo trắng thành đống trước bậc thềm chùa Vạn Tuế.

Năm ấy, sứ nhà Tống là Chương Dĩnh sang làm lễ điếu tang. Lại sai sứ sang phong vua làm Quận Vương.

Canh Ngọ, [Thiên Thành] năm thứ 3, [1030], (Tống Thiên Thánh năm thứ 8). Mùa xuân, tháng 2, làm điện Thiên Khánh ở trước điện Trường Xuân để làm chỗ nghe chính sự. Điện làm kiểu bát giác, trước sau đều bắc cầu Phượng Hoàng.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đại liêu ban[4] Lê Ốc Thuyên và Viên ngoại lang Nguyễn Viết Thân sang nhà Tống **[20b]** để đáp lễ.

Định kiểu mũ áo của các công hầu văn võ.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Ngày 14, vua thân ra ruộng ở Điểu Lộ[5] xem gặt, nhân đổi tên cánh ruộng ấy gọi là ruộng Vĩnh Hưng. Ngày ấy, trở về cung.

---

[1] Lạng Châu: tên châu thời Lý, nay là đất Lạng Sơn.

[2] Đản Nãi: tên giáp, có lẽ là vùng Đan Nê, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa, nơi có núi Đồng Cổ (xem BK1, 16b).

[3] Phụng Thiên: Cương mục chép là Phụng Tiên (CMCB2, 34a).

[4] Đại liêu ban: tên tước của triều Lý.

[5] Nguyên văn: "Điểu Lộ điền". Tên đất này được nhắc đến hai lần trong Toàn thư, ở đây và cách 3 tờ sau (BK2, 25a), đều khắc in rõ chữ "Điểu". Các bản in sau bản Chính Hòa như bản VHv. 2330 (BK2, 20b và 25a), và các bản in của Quốc tử giám triều Nguyễn

Tân Mùi, [Thiên Thành] năm thứ 4 [1031], (Tống Thiên Thánh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, châu Hoan làm phản.

Tháng 2, ngày mồng 1, vua thân đi đánh châu Hoan, cho Đông cung thái tử làm Giám quốc. Quân đi từ Kinh sư đến châu Hoan, người châu ấy đầu hàng. Xuống chiếu tha tội cho các quan châu huyện, sai Trung sứ phủ dụ dân chúng.

Tháng 3, vua từ châu Hoan về đến Kinh.

Xuống chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa quán ở các hương ấp, tất cả 150 chỗ[1].

Mùa thu, tháng 8, mở hội chay để khánh thành. Đại xá thiên hạ.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, đạo sĩ là Trịnh Trí Không tâu xin cho các đạo sĩ được nhận ký lục[2] ở cung Thái Thanh. Vua y cho.

Nhâm Thân, [Thiên Thành] năm thứ 5 [1032], (Tống Minh Đạo năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, chùa Thích Ca ở trước quán Lôi Công có cây ưu đàm[3] **[21a]** nở hoa.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, vua ngự đến Tín Hương ở Đỗ Động giang cày ruộng tịch điền, có nhà nông dâng một cây lúa chiêm có 9 bông thóc. Xuống chiếu đổi gọi ruộng ấy là ruộng Ứng Thiên. Ngày ấy trở về cung.

Mùa thu, tháng 9, vua đi châu Lạng bắt voi, rồi từ châu Lạng trở về.

Mùa đông, tháng 11, ban yến cho các quan ở điện Thiên An.

Quý Dậu, [Thiên Thành] năm thứ 6 [1033], (Tống Minh Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, nước Chân Lạp sang cống.

Châu Định Nguyên[4] làm phản. Tháng 2, vua thân đi đánh, cho Đông cung thái tử giám quốc. Mồng 8[5], quân đi từ Kinh sư, đóng lại ở châu Chân Đăng[6], có người đàn bà họ Đào[1] dâng con gái, vua nhận cho làm phi. Ngày 17, dẹp được châu Định Nguyên, đem quân về.

(như bản ký hiệu A.3 v.v...) đều in là Điểu Lộ, như bản Chính Hòa. Nhưng Đại Việt sử ký tiền biên (bản in đời Tây Sơn, BK2, 26b) và Cương mục (CMCB2, 35a) đều in là "Ô Lộ điền". Hai chữ "Điêu" và "Ô" chỉ khác nhau 1 nét ngang ngắn trong lòng chữ phía trên, rất dễ đọc và chép nhầm với nhau. Vì Cương mục dùng sử liệu của Toàn thư, mỗi trường hợp sửa chữa các chữ thường có chú giải. Nhưng ở đây không thấy nói đến việc sửa chữ, do đó chưa rõ Cương mục hay Toàn thư chép đúng? Tạm phiên đúng theo nguyên văn Toàn thư bản Chính Hòa. Cương mục chú: "Ô Lộ, Vĩnh Hưng: chưa rõ đích xác ở đâu. Nhưng xét huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên có tông Vĩnh Hưng, có lẽ ở đây chăng?" (CMCB2, 35a).

[1] Nguyên văn: "... Chiếu phát tiền nhẫm công tạo tự quán vu hương ấp, phàm bách ngũ thập sở". Các bản in của Quốc tử giám thời Nguyễn (A. 3v.v...) và các bản VHv. 2330 (sau bản Chính Hòa) đều in là "... vu hương ấp, cửu bách ngũ thập sở" (... ở các hương ấp, tất cả 950 chỗ). Chữ "phàm" và chữ "cửu" dáng chữ gần giống nhau, dễ đọc và chép nhầm. Có thể trước do bản VHv. 2330 in phỏng theo bản Chính Hòa, sau các bản in đời Nguyễn theo đó nhầm tiếp. Cương mục có thể đã dùng một bản Toàn thư thuộc loại nói trên cho nên cũng chép như thế (cửu bách thập sở. CMCB2, 35b). Nhưng Đại Việt sử ký tân biên bản in thời Tây Sơn, vẫn chép là "... phàm bách ngũ thập sở" (ĐVSKTB BK2, 26b). Đại Việt sử lược (q.2, 5b) cũng chép rõ hơn: "tạo tự quán phàm nhất bách ngũ thập xứ". Xét về kết cấu ngữ pháp, câu "... phàm bách ngũ thập sở" chưa được chuẩn xác, nhưng kết hợp với Đại Việt sử lược, chúng tôi dịch là "150 sở".

[2] Nguyên văn: "thụ ký lục"; có nghĩa là nhận sự đăng ký, được chính thức thừa nhận việc tu hành.

[3] Nguyên văn: ưu đàm thụ, tên loài cây phiên âm từ tiếng Phạn: Udumbara (cũng phiên là ưu đàm loát). Cây này có quả mà không có hoa, truyền thuyết Phật giáo nói đó là điềm lành, 3.000 năm mới một lần nở hoa. Có thể coi cây sung tương ứng với cây ưu đàm, nhưng cây sung ở ta không có truyền thuyết như cây Udumbara của Ấn Độ.

[4] Định Nguyên: tên châu thời Lý, có lẽ là miền tỉnh Yên Bái.

[5] Nguyên văn: "Bát nguyệt" (tháng 8). Nhưng ở dưới ghi tiếp lại là: "mùa thu, tháng 7". Như vậy chữ "nguyệt" ở đây là khắc in nhầm, đúng ra phải là chữ "nhật" (ngày).

[6] Chân Đăng: tên châu thời Lý. Cương mục chua là "thuộc tỉnh Sơn Tây, tức phủ Lâm Thao bây giờ" (CMCB2, 37a). Phủ Lâm Thao thời Nguyễn là đất huyện Phong Châu và một phần đất các huyện Thanh Hòa và Sông Thao tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Nhưng có thể châu Chân Đăng thời Lý gồm cả một phần đất huyện Tam Thanh (Tam Nông cũ)

Mùa thu, tháng 7, ngày 12, châu mục châu Vĩnh An là Sư Dụng Hòa tâu rằng châu ấy[2] có vực chân châu. Vua sai sứ đến tìm, quả nhiên tìm được.

Tháng 8, sách phong Đông cung thái tử [Nhật Tôn] **[21b]** làm Khai Hoàng Vương, ở cung Long Đức.

Ngày 13, vua ra ngoài cửa Trường Quảng xem phủ đệ của hoàng tử vừa xây xong.

Xuống chiếu đúc quả chuông một vạn cân để ở lầu chuông Long Trì.

Tháng 9, châu Trệ Nguyên[3] làm phản.

Mùa đông, tháng 10, vua thân đi đánh châu Trệ Nguyên, cho Khai Hoàng Vương giám quốc. Dẹp yên châuTrệ Nguyên. Tháng 12, ngày mồng 1, vua đem quân về.

Giáp Tuất, [Thiên Thành] năm thứ 7 [1034], (Từ tháng 4 về sau là niên hiệu Thông Thụy năm thứ 1, Tống Cảnh Hựu năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho các quan tâu việc ở trước mặt vua thì gọi vua là "triều đình".

Lê Văn Hưu nói: Thiên tử tự xưng là "trẫm", là "dư nhất nhân". Bề tôi xung vua là "bệ hạ", chỉ chỗ thiên tử ở là triều đình, chỉ chỗ chính lệnh ban ra là "triều sảnh", từ xưa không thay đổi xưng hô. Nay [Lý] Thái Tông bảo các quan gọi mình là "triều đình", **[22a]** sau [Lý] Thánh Tông tự xưng là "Vạn thặng", Cao Tông bảo người gọi mình là "Phật" đều không theo phép ở đâu, mà là thích khoe khoang. Khổng Tử nói: "Danh không chính thì nói không thuận" là thế.

Tháng ấy, đổi niên hiệu là Thông Thụy năm thứ 1. Bấy giờ hai nhà sư là Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm thiêu mình cháy kết thành thất bảo[4]. Vua xuống chiếu đem thất bảo ấy giữ ở chùa Trường Thánh để hương đèn thờ cúng. Vua cho là việc lạ, đổi niên hiệu là Thông Thụy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thuyết nhà Phật gọi xá lỵ là tinh túy do tinh khí tụ lại khi đốt xác, lửa không đốt cháy được cho nên gọi là bảo. Tương truyền người nào học Phật thành thì thân hóa như thế. Có lẽ vì sự đoạn tuyệt tình dục thì **[22b]** tinh khí kết lại thành ra như thế ấy. Người đời không thường thấy, cho là lạ, có biết đâu là tinh khí dương tụ lại mà thành thôi. Vua cũng mê hoặc việc ấy, nhân đó đổi niên hiệu. Từ đấy về sau, những người hiếu danh cạo đầu làm sư, nhẫn nại chịu chết như loại Trí Thông[5] nhiều lắm.

Tháng 6, châu Hoan đem dâng con thú một sừng, sai Viên ngoại lang là Trần Ứng Cơ, Vương Văn Khánh đem sang biếu nhà Tống.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến chùa Trùng Quang núi Tiên Du[6], sai dựng kho Trùng Hưng [để chứa kinh].

Sai Viên ngoại lang là Hà Thụ, Đỗ Khoan đem biếu nhà Tống hai con voi thuần. Nhà Tống lấy kinh Đại tạng để tạ.

Mùa đông, tháng 11, đóng thuyền lớn Vạn An.

---

[1] Nguyên văn: "Đào đại di". Đại di là Bà dì. Cương mục chỉ chép "Hữu Đào thị giả" (có người họ Đào..., CMCB2, 37a).

[2] Nguyên bản in: "lục châu", có lẽ là khắc in nhầm chữ "bản châu".

[3] Trệ Nguyên: tên châu thời Lý, Cương mục chua "không thảo được" (CMCB2, 38a), có thể ở gần châu Định Nguyên.

[4] Thất bảo: bảy thứ quý. Theo Pháp hoa kinh, bảy thứ ấy là: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, ngọc, mã não, trân châu (ngọc trai) mai khôi (ngọc đỏ). Các kinh khác như Vô lượng thọ, A Di Đà, Bát Nhã đều nói đến thất bảo với một vài thứ khác.

[5] Nhắc việc sư Trí Thông, thị gia hầu bảo tháp xá lị của Trần Nhân Tông ở núi Yên Tử, tự thiêu thời Trần Minh Tông (1314-1329).

[6] Núi Tiên Du: ở huyện Tiên Du, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc, còn có tên là núi Phật Tích, lại có tên là núi Lạn Kha (do truyền thuyết nó Vương Chất vào núi đốn củi, chống cán rìu xem hai ông già đánh cờ, tan cuộc nhìn lại thấy cán rìu đã mục nát).

Năm ấy, sư Hưu ở chùa Pháp Vân, châu Cổ Pháp tâu rằng, trong chùa ấy phát ra mấy luồng ánh sáng, theo chỗ ánh sáng đào xuống được **[23a]** một cái hòm bằng đá, bên trong có cái hòm bằng bạc, trong hòm bạc lại có hòm bằng vàng, trong hòm vàng có bình lưu ly, trong bình đựng xá lỵ. Vua sai rước vào cấm điện, xem xong lại trả lại.

Ất Hợi, [Thông Thụy] năm thứ 2 [1035], (Tống Cảnh Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, cỏ chi mọc ở trước điện Thiên Khánh.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu làm chiếc ghế chéo hình bát giác thép vàng[1].

Mùa thu, tháng 7, lập người thiếp yêu (không rõ tên) làm Thiên Cảm hoàng hậu; phong hoàng tử Nhật Trung làm Phụng Càn Vương, các hoàng tử khác đều phong tước hầu.

Mở chợ Tây Nhai và dãy phố dài[2] ở chợ ấy.

Xuống chiếu bắc cầu Thái Hòa ở sông Tô Lịch. Tháng 9, cầu bắc xong, vua ngự đến xem, sai các quan hầu làm thơ.

Người châu Ái làm phản. Mùa đông, tháng 10, vua thân đi đánh, cho Phụng Càn Vương lưu thủ Kinh sư. Quân đi từ Kinh sư, đến châu Ái. Vua ngự ở hành dinh, ban yến cho các quan hầu và tướng súy, ngầm chỉ Định thắng đại tướng là Nguyễn **[23b]** Khánh mà bảo các phi tần rằng: "Khánh thế nào cũng làm phản". Các phi tần đều kinh ngạc hỏi: "Bệ hạ làm sao mà biết? Xin nói cho nghe nguyên do". Vua nói: "Khánh trong lòng không bình thường, nhìn trẫm có vẻ hổ thẹn, đi đứng thất tiết, nói làm trái thường. Lấy đó mà xem đủ biết là nó có ý khác, hình trạng làm phản rõ rồi". Đánh được châu Ái, trị tội châu mục châu Ái, sai sứ đi phủ dụ dân chúng trong châu. Kinh sư lưu thủ là Phùng Càn Vương Nhật Trung cho chạy trạm báo tin bọn nhà sư họ Hồ, em nuôi của Định thắng đại tướng Nguyễn Khánh, Đô thống Đàm Toái Trạng, Hoàng đệ Thắng Càn, Thái Phúc mưu phản, quả đúng như lời vua nói. Các phi tần đều lạy hai lạy nói: "Bọn thiếp nghe nói thánh nhân thấy được chỗ chưa hiện hình, biết trước việc chưa xảy ra, nay được chính mắt trông thấy".

Vua xuống chiếu bắt bọn Khánh đóng cũi đem về Kinh sư. Tháng 11, ngày mồng 1, vua từ châu Ái về đến Kinh, làm tiệc rượu mừng việc trở về. Ủy lạo các tướng sĩ có công dẹp châu Ái.

Vua ngự điện Thiên Khánh xét **[24a]** án bọn sư Hồ, Nguyễn Khánh; đều phải xẻo thịt băm xương ở chợ Tây, còn những kẻ khác thì xét theo tội nặng nhẹ.

Xuống chiếu phát 6 nghìn cân đồng để đúc chuông đặt ở chùa Trùng Quang[3]. Chuông đúc xong, sai người kéo đưa đến chùa. Chuông ấy không đợi sức người, tự di chuyển được, chỉ khoảnh khắc đã đến chùa.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phàm vật hình vuông thì đứng, hình tròn thì đi, chuông có thể đi được là vì hình tròn. Có lẽ là kéo nó đi, không nhọc đến sức người, như có thần giúp vậy. Nay ta hãy xem như cây gỗ lớn mười mấy người khiêng không nổi, một người đẩy ngang thì nó lăn tròn mà đi. Chuông cũng thế, sư chùa muốn làm cho đạo mình có vẻ thần diệu, mới nói phao lên như thế để đánh lừa mà thôi. Những chuyện như dấu vết người thần, ánh sáng xá lỵ, cây ưu đàm **[24b]** nở hoa, tượng Phật cổ nổi lên v.v... đều

---

[1] Nguyên văn: "chế kim bát giác tiêu dao". Như vậy trong câu này tiêu dao phải là một danh từ chỉ đồ vật nhưng hai chữ tiêu dao không hề có nghĩa đó. Đại Việt sử ký tiền biên (bản in thời Tây Sơn) có chú thích: "Tiêu dao là tên mũ... cách làm thế nào không khảo được" (BK2, 29a). Tham khảo Vân đài loại ngữ thì biết câu trên in thiếu một chữ "tọa" ở cuối câu: "chế kim bát giác tiêu dao tọa". Lê Quý Đôn viết: "Ghế ngồi của người Hồ (Hung Nô) khoan chốt, để chéo chân, xỏ dây làm mặt ghế, mở ra gấp lại chóng lắm, nặng không đến và cân, gọi là "tiêu dao tọa", tương truyền người hầu của vua Đường Minh Hoàng đã làm chiếc ghế theo kiểu ấy để đem theo cho tiện ngồi khi theo hầu vua đi chơi ở ngoài" (Bản dịch, tr.133). Như vậy có lẽ "tiêu dao" không phải là tên chiếc mũ như ĐVSKTB đã chú, cũng không phải là chiếc kiệu tiêu dao như ở bản dịch cũ, mà là tiêu dao tọa, có nghĩa là chiếc ghế kéo như Lê Quý Đôn đã mô tả.

[2] Nguyên văn: trường lang, dãy nhà dài.

[3] Chùa Trùng Quang: ở núi Tiên Du (Tiên Sơn, Hà Bắc).

do bọn các nhà sư ra cả. Người cầm bút chép sử đương thời không xét lý lẽ, cứ theo thế mà chép vào sử sách.

Bính Tý, [Thông Thụy] năm thứ 3 [1036], (Tống Cảnh Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, mở hội ở Long Trì khánh thành pho tượng phật Đại Nguyện. Đại xá thiên hạ.

Tháng 2, xuống chiếu chép kinh Đại tạng cất ở kho Trùng Hưng.

Tháng 3, gả công chúa Kim Thành cho châu mục châu Phong là Lê Tông Thuận.

Mùa hạ, tháng 4, đặt hành dinh ở châu Hoan, nhân đó đổi tên châu ấy là Nghệ An.

Mùa thu, tháng 8, gả công chúa Trường Ninh cho châu mục châu Thượng Oai là Hà Thiện Lãm.

Mùa đông, tháng 10, đạo Lâm Tây[1] và các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên[2] làm phản, xâm lấn các châu Tư Lăng của nước Tống, cướp trâu ngựa, đốt nhà cửa rồi về.

Đinh Sửu, [Thông Thụy] năm thứ 4 [1037], (Tống Cảnh Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, vua thân đi đánh đạo Lâm Tây, sai Khai **[25a]** Hoàng Vương [Nhật Tôn] làm Đại nguyên soái đánh các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên, cho Phụng Càn Vương [Nhật Trung] làm Kinh sư lưu thủ. Quân đi từ Kinh sư đến đóng ở Lâm Tây, dẹp yên được. Tháng 3, vua từ đạo Lâm Tây về đến kinh.

Xuống chiếu cho châu Nghệ An dựng các kho ở trong châu như Tư Thành, Lợi Nhân, Vĩnh Phong, tất cả 50 sở.

Mùa thu, tháng 7, vua ngự điện Hàm Quang xem đua thuyền. Nước lên to.

Trong vườn dâu ở Điểu Lộ[3] có pho tượng Phật cổ trồi lên. Tháng 8, đóng thuyền Vĩnh Xuân.

Mùa đông, tháng 12, đóng thuyền Nhật Quang.

Dựng đền thờ Hoẳng Thánh Đại Vương. Trước đây vua thấy phủ Đô hộ để nhiều án ngờ, quan sĩ sư không xét đoán được, muốn tỏ rõ sự linh thiêng sáng suốt để tiệt hết kẻ gian trá, bèn tắm gội đốt hương khấn Thiên Đế. Đêm ấy vua chiêm bao thấy sứ giả mặc áo đỏ bưng sắc chỉ của thượng đế ban cho Phạm Cự Lạng làm chức Đô hộ phủ ngọc tụng minh chủ. Vua hỏi sứ trời rằng: "Người ấy **[25b]** là ai? Hiện đang giữ chức gì của ta?" Sứ giả nói: "Người ấy làm Thái úy triều Lê Đại Hành". Nói xong thì biến mất. Vua tỉnh dậy, gọi các quan vào hỏi việc áy, phong cho [Cự Lạng] tước vương, sai Hữu ty dựng đền ở phía tây cửa Nam thành, tuế thời cúng tê (Hoẳng Thánh sau đổi là Hồng Thánh)[4].

Mậu Dần, [Thông Thụy] năm thứ 5 [1038], (Tống Bảo Nguyên năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, vua ngự ra cửa Bố Hải cày ruộng tịch điền. Sau Hữu ty dọn cỏ đắp đàn. Vua thân tế Thần Nông, tế xong tự cầm cày để làm lễ tự cày. Các quan tả hữu có người can rằng: "Đó là công việc của nông phu, bệ hạ cần gì làm thế?" Vua nói: "Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lại lấy gì cho thiên hạ noi theo?" Nói xong đẩy cày ba lần rồi thôi. Tháng 3, vua về Kinh sư.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông không phục lễ cổ, tự mình cày ruộng tịch điền để nêu gương cho thiên hạ **[26a]** trên để cúng tông miếu, dưới để nuôi muôn dân, công hiệu trị nước dẫn đến dân đông, của giàu, nên thay!

Mùa thu, tháng 8, vua ngự ở điện Hàm Quang xem đua thuyền.

Tháng 9, có dấu vết người thần hiện ở chùa Đại Thắng. Mùa đông, tháng 10, dựng bia chùa Trùng Quang.

---

[1] Lâm Tây: tên đạo thời Lý, Cương mục chú, nhà Trần gọi là đạo Đà Giang, thời thuộc Minh gọi là châu Gia Hưng, nhà Lê đổi là phủ Gia Hưng. Nay là đất hai tỉnh Sơn La, Lai Châu.

[2] Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên: xem chú thích ?????????

[3] Nguyên văn: "Điểu Lộ tang viên", xem chú thích ??? tr.????

[4] Hoẳng Thánh đổi là Hồng Thánh là do kiêng húy miếu hiệu của chúa Trịnh Tạc (Hoẳng Tổ Dương Vương, ở ngôi chúa 1657-1682).

Tháng 11, dựng kho ngự.

Tháng 12, Nùng Tồn Phúc ở châu Quảng Nguyên[1] làm phản. Nhà Tống phong vua làm Nam Bình Vương.

Năm ấy, Đông Chinh Vương Lực chết.

Kỷ Mão, [Thông Thụy] năm thứ 6 [1039], (Từ tháng 6 về sau là niên hiệu Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 1; Tống Bảo Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, thủ lĩnh Tây Nông[2] là Hà Văn Trinh đem việc Tồn Phúc làm phản tâu lên. Trước đây Tồn Phúc là thủ lĩnh châu Thảng Do[3], em là Tồn Lộc làm thủ lĩnh châu Vạn Nhai[4]. Em trai của A Nùng, vợ Tồn Phúc, là Đương Đạo làm thủ lĩnh châu Vũ Lặc[5] **[26b]** đều thuộc châu Quảng Nguyên, hàng năm nộp cống đồ thổ sản. Sau Tồn Phúc giết Tồn Lộc và Đương Đạo, chiếm luôn cả đất, tiếm xưng là Chiêu Thánh Hoàng Đế, lập A Nùng làm Minh Đức Hoàng Hậu, phong cho con là Trí Thông làm Nam Nha Vương, đổi châu ấy gọi là nước Trường Sinh, sửa soạn binh giáp, đắp thành kiên cố để tự giữ, không nộp cống xưng thần nữa.

Tháng 2, vua tự làm tướng đi đánh Tồn Phúc, cho Khai Hoàng Vương [Nhật Tôn] làm Giám quốc. Quân đi từ Kinh sư, qua bến Lãnh Kinh[6], có cá trắng nhảy vào thuyền. Đến châu Quảng Nguyên, Tồn Phúc nghe tin đem cả bộ lạc vợ con trốn vào chằm núi. Vua cho quân đuổi theo bắt được Tồn Phúc và bọn Trí Thông 5 người. Chỉ có vợ là A Nùng, con là Trí Cao chạy thoát. Đóng cũi bọn Tồn Phúc đem về Kinh sư, sai quân san phẳng thành hào, chiêu dụ tộc loại còn sống sót, vỗ về yên ủi rồi đem quân về.

Tháng 3, vua từ Quảng Nguyên **[27a]** về Kinh sư, xuống chiếu rằng: "Trẫm từ khi có thiên hạ đến giờ, đối với tướng văn tướng võ cùng các bề tôi không thiếu đại tiết, phương xa cõi lánh, không đâu không đến xưng thần, mà họ Nùng nối đời giữ bờ cõi vẫn thường cúng nộp đồ cống. Nay Tồn Phúc càn rỡ tự tôn, cả tiếm vị hiệu, ra mệnh lệnh, tụ họp quân ong bọ, làm hại dân chúng biên thùy. Trẫm vâng mệnh trời đi đánh, bắt được bọn Tồn Phúc 5 tên, đều chém ở chợ kinh đô".

Mùa hạ, tháng 4, con vua Chiêm Thành là Địa Bà Lạt [cùng bọn] Lạc Thuẫn, Sạ Đâu, La Kế, A Thát Lạt 5 người sang quy phục [nước ta].

Tháng 5, động Vũ Kiến[7] thuộc châu Quảng Nguyên dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng. Huyện Liên[8], châu Lộng Thạch[9], châu Định Biên[10] tâu rằng trong bản xứ có hố bạc[11].

Tháng 6, bầy tôi xin đổi niên hiệu là Càn Phù Hữu Đạo và xin tăng tôn hiệu thêm 8 chữ là: "Kim **[27b]** Dũng Ngân Sinh, Nùng Bình Phiên Phục"[12]. Vua nói: "Thời Đường Ngu chỉ vạch hình mà người không dám phạm, không đánh mà khuất phục được binh của người, giữ áo khoanh tay mà thiên hạ đại trị, cho nên các sao không đi trái, sấm mưa không thất thường, chi muông đến múa, phượng hoàng lại

---

[1] Quảng Nguyên: tên châu thời Lý, thời thuộc Minh thuộc về đất Uyên huyện, thời Lê đổi là châu Lộng Nguyên. Nay là đất các huyện Quảng Uyên, Phúc Hòa, Thạnh An, tỉnh Cao Bằng.

[2] Tây Nông: tên châu, nay là huyện Tư Nông, tỉnh Bắc Thái.

[3] Thảng Do: tên châu, xem chú BK2, 9b.

[4] Vạn Nhai: tên châu thời Lý, nay là phần đất huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và một phần huyện Võ Nhai, tỉnh Bắc Thái.

[5] Vũ Lặc: tên châu, chưa rõ ở đâu. Cương mục dẫn Đường thư, Địa lý chí: "Nhà Đường đặt Lung Châu quản lĩnh huyện Vũ Lặc" và cho rằng hai châu Thảng Do, Vũ Lặc có lẽ ở vào địa hạt tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn ngày nay (CMCB2, 43a).

[6] Lãnh Kinh: có lẽ là khúc sông Cầu chảy qua Thị Cầu, tỉnh Hà Bắc.

[7] Động Vũ Kiến: Đại Việt sử lược chép là động Vũ Kiện, thuộc đất huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng hiện nay, nhưng chưa biết rõ ở đâu?

[8] Huyện Liên: Đại Việt sử lược chép là huyện Hạ Liên, có lẽ thuộc đất huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Thái ngày nay.

[9] Lộng Thạch: tên châu, có lẽ thuộc đất huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng ngày nay.

[10] Định Biên: tên châu, nay là đất huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái.

[11] Nguyên văn: ngân huyệt.

[12] Nghĩa là: Vàng nổi bạc sinh, họ Nùng dẹp, nước Phiên (chỉ Chiêm Thành) quy phục.

chầu, bốn đi theo về, trăm man hướng hóa, không hiểu làm sao mà được đến như thế! Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, dậy sớm thức khuya, lúc nào cũng lo sợ như lội vực sâu, chưa biết lấy đạo gì để thấu trời đất, lấy đức gì để kịp Nghiêu Thuấn. Vừa rồi, giặc Nùng dẹp yên, Chiêm Thành quy phụ, động sinh vàng ròng, đất trồi bạc trắng, ý chừng có điều gì mà được thế chăng? Hay sắp xảy ra việc gì để cảnh cáo chăng? Trẫm rất lo sợ, sao đáng để tôn sùng tên đẹp hiệu vinh. Lời bàn của các khanh nên đình bãi". Bầy tôi cố nài vua mới chịu nhận.

> **[28a]** Lê Văn Hưu nói: Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương đều lấy một chữ làm hiệu, chưa từng thấy có tăng thêm tôn hiệu bao giờ. Đế vương thời sau thích khoe khoang mới có tôn hiệu đến vài chục chữ. Nhưng chỉ lấy công đức mà xưng tụng, chưa bao giờ lấy đồ vật và tên man di xen chắp vào. Thái Tông chịu nhận cho bầy tôi dâng tám chữ "Kim Dũng Ngân Sinh, Nùng Bình Phiên Phục" làm hiệu thì việc khoe khoang lại thô bỉ nữa. Thái Tông không có học nên không biết, nhưng bọn Nho thần dâng lên những chữ ấy để nịnh hót vua thì không thể bảo là không có tội.

Mùa thu, tháng 8, sai Đại liêu ban Sư Dụng Hòa và Thân vương ban[1] Đỗ Hưng sang nước Tống tiếp tục việc thông hiếu cũ.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu sửa lại miếu Thái Tổ Thần Vũ Hoàng Đế.

Tháng 12, **[28b]** nước Chân Lạp sang cống.

Canh Thìn, [Càn Phù Hữu Đạo] năm thứ 2 [1040], (Tống Khang Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Đinh Hợi, nhật thực.

Tháng 2, vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc. Tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho ra để may áo ban cho các quan, từ ngũ phẩm trở lên thì áo bào bằng gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo bào bằng vóc, để tỏ là vua không dùng gấm vóc của nước Tống nữa.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Việc làm này của vua trong cái tốt lại còn cái tốt nữa, không quý vật lạ, tỏ ra giữ đức kiệm ước, ban cho bầy tôi, tỏ ra hậu đãi kẻ dưới.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, xuống chiếu từ nay trở đi phàm nhân dân trong nước ai có việc kiện tụng gì, đều giao cho Khai Hoàng **[29a]** Vương xử đoán rồi tâu lên, lại cho lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chức việc của thái tử, ngoài việc thăm hỏi hầu cơm vua ra, khi ở lại giữ nước thì gọi là Giám quốc, khi đem quân đi thì gọi là Phủ quân, có thế mà thôi, chưa nghe thấy sai xử kiện bao giờ. Phàm xử kiện là việc của Hữu ty. Thái Tông sai Khai Hoàng Vương làm việc đó không phải là chức phận của thái tử, lại lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện là không đúng chỗ.

Mùa thu, tháng 8, người giữ trại Bố Chính của nước Chiêm Thành là Bố Linh, Bố Kha, Lan Đà Tinh đem bộ thuộc hơn trăm người sang quy phụ.

Mùa đông, tháng 10, mở hội La Hán ở Long Trì, đại xá thiên hạ, tha tội lưu, tội đồ và một nửa tiền thuế cho thiên hạ. Trước đây, vua sai thợ tạc hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm bảo phướn hơn [29b] một vạn lá. Đến đây xong việc, làm lễ khánh thành.

Tân Tỵ, [Càn Phu Hữu Đạo] năm thứ 3 [1041], (Tống Khánh Lịch năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, có chim sẻ trắng đậu ở cấm đình.

Mùa hạ, tháng 5, đặt phẩm cấp các cung nữ, hoàng hậu và phi tần 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ hơn 100 người.

Tháng 6, Điện tiền chỉ huy sứ Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản. Xuống chiếu bắt Lộc, Luật và bè đảng giao cho quan trị tội. Khai Hoàng Vương xét xử, bọn Lộc, Luật đều phải giết.

---

[1] Đại liêu ban và Thân vương ban: đều là tên tước của nhà Lý.

Mùa thu, tháng 9, vua ngự đến Kha Lai để bắt voi, lại ngự đến Kha Lãm, rồi về Kinh sư.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến núi Tiên Du xem làm viện Từ Thị Thiên Phúc. Khi về, xuống chiếu phát 7.560 cân đồng trong kho để đúc tượng Phật Di Lặc và hai vị Bồ tát Hải Thanh và Công Đức cùng chuông để ở viện ấy.

Tháng 11, xuống chiếu cho Uy Minh hầu Nhật Quang[1] làm tri châu Nghệ An.

[30a] Năm ấy, Nùng Trí Cao cùng với mẹ là A Nùng từ động Lôi Hỏa[2] lại về chiếm cứ châu Thảng Do, đổi châu ấy làm nước Đại Lịch. Vua sai tướng đi đánh, bắt sống được Trí Cao đem về Kinh sư. Vua thương tình vì cha là Tồn Phúc và anh là Trí Thông đều đã bị giết nên tha tội, cho giữ châu Quảng Nguyên như cũ, lại phụ thêm cho bốn động Lôi Hỏa, Bình, An, Bà và châu Tư Lang[3] nữa.

Nhâm Ngọ, [Càn Phù Hữu Đạo] năm thứ 4 [1042], (Từ tháng 10 về sau là niên hiệu Minh Đạo năm thứ 1; Tống Khánh Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3 vua ngự ra cửa biển Kha Lãm[4] cày ruộng tịch điền rồi về Kinh sư.

Mùa hạ, tháng 5, xuống chiếu rằng các quan chức đô[5], ai bỏ trốn thì phạt 100 trượng, thích vào mặt 50 chữ và xử tội đồ. Các quân sĩ trước bị tội đồ[6] nếu trốn vào núi rừng đồng nội cướp của người thì xử 100 trượng, thích vào mặt 30 chữ. Người con trấn trại mà bỏ trốn cũng phải tội như thế.

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu kẻ nào ăn trộm trâu của công thì xử 100 trượng, 1 con phạt thành 2 con.

[30b] Tháng 9, phạt đánh 50 trượng những người vắng mặt trong buổi hội thề.

Sai Viên ngoại lang Đỗ Khánh và Lương Mậu Tài đem voi thuần sang biếu nhà Tống để tiếp tục sự thông hiếu cũ.

Động đất.

Châu Văn[7] làm phản.

Tháng 9, nhuận, xuống chiếu kẻ nào ban đêm vào nhà gian dâm vợ cả, vợ lẽ người ta, người chủ đánh chết, ngay lúc bấy giờ thì không bị tội.

Xuống chiếu về việc phú thuế của trăm họ, cho phép người thu, ngoài 10 phần phải nộp quan được lấy thêm 1 phần nữa, gọi là "hoành đầu". Lấy quá thì xử theo tội ăn trộm, trăm họ có người tố cáo được tha phú dịch cho cả nhà trong 3 năm, người ở kinh thành mà cáo giác thì thưởng cho bằng hiện vật thu được. Nếu quản giáp, chủ đô và người thu thuế thông đồng nhau thu quá lệ, tuy xảy ra đã lâu, nhưng có người tố cáo thì quản giáp, chủ đô và người thu thuế cũng phải tội như nhau.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, cho Khai Hoàng Vương làm Đô thống đại nguyên soái đi đánh châu Văn.

Xuống chiếu đổi niên hiệu là Minh Đạo năm thứ 1.

Ban Hình thư[8]. Trước kia, việc kiện tụng trong nước **[31a]** phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp câu nệ luật văn, cốt làm cho khắc nghiệt, thậm chí có người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương

---

[1] Lý Nhật Quang: tước Uy Minh hầu, con thứ 8 của Lý Thái Tổ. Đại Việt sử lược (q2, 7a) chép là Minh Uy hầu.

[2] Lôi Hỏa: tên động, ở phía tây bắc tỉnh Cao Bằng ngày nay. Các động Bình, An, Bà đều thuộc về đất tỉnh Cao Bằng.

[3] Tư Lang: nay là đất huyện Trùng Khánh và phần đất đông bắc huyện Quảng Hòa (vùng quanh Hạ Lang), tỉnh Cao Bằng.

[4] Có lẽ cũng là địa danh Kha Lãm nhắc ở BK2, 29b.

[5] Quan chức đô: Bản dịch cũ chú là các chức quan chỉ huy quân cận vệ.

[6] Nguyên văn: "Đồ tội chư quân sĩ", chỉ những người trước đã phạm tội đồ (đi đày) sang làm lính.

[7] Châu Văn: xem chú Bk1, 10b.

[8] Theo Lê Quý Đôn, bộ Hình thư này gồm 3 quyển, nay không còn (Đại Việt thông sử, Nghệ văn chí).

xót, sai trung thư san định luật lệnh, châm chước cho thích dụng với thời thế, chia ra môn loại, biên thành điều khoản, làm thành sách Hình thư của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong, xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện. Đến đây phép xử án được bằng thẳng rõ ràng, cho nên mới đổi niên hiệu là Minh Đạo và đúc tiền Minh Đạo.

Tháng 11, xuống chiếu cho những người từ 70 tuổi trở lên, 80 tuổi trở xuống, từ 10 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người ốm yếu cho đến các thân thuộc nhà vua từ hạng Đại công trở lên[1] phạm tội thì cho chuộc [bằng tiền] nếu phạm tội thập ác thì không được theo lệ này.

Năm ấy, thiên hạ đói to. Xuống chiếu cho Khu mật viện là Nguyễn Châu hạ lệnh cho những người trốn tránh ở các lộ đều phải nhận lấy các cầu đường ở địa phương, đắp đất thành ụ mốc, trên cắm biển gỗ **[31b]** để tiện chỉ hướng đi về các nơi.

Quý Mùi, Minh Đạo năm thứ 2 [1043], (Tống Khánh Lịch năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, châu Ái làm phản.

Tháng 2, vua ngự ở điện Thiên Khánh, xuống chiếu cho các quan chức cứ 3 người cùng đảm bảo cho một người, nếu có ai chứa giấu đại nam[2] thì 3 người bị tội cả.

Châu Văn làm phản.

Tháng 3, ngày mồng 1, cho Khai Hoàng Vương [Nhật Tôn] làm Đô thống đại nguyên soái đi đánh châu Ái. Phụng Càn Vương [Nhật Trung] làm Đô thống nguyên soái đi đánh châu Văn. Dẹp yên châu Văn, Phụng Càn Vương dâng 4 con ngựa tốt bắt được. Vua đặt tên cho ngựa là Tái Thiên, Quảng Thắng, Truy Phong, Nhật Ngự.

Mùa hạ, tháng 4, "giặc gió sóng" (nghĩa là nhân gió sóng mà đi cướp) Chiêm Thành cướp bóc dân ven biển. Vua sai Đào Xử Trung đi đánh, dẹp yên được.

Vua ngự đến chùa cổ Tùng Sơn ở châu Vũ Ninh[3], thấy dấu người vắng ẻ, nền móng nứt hở, trong chùa có cái cột đá lệch nghiêng sắp đổ. Vua **[32a]** thở than, ý muốn sai sửa chữa, nhưng kịp nói thì cột đá bỗng tự đứng thẳng lại. Vua lấy làm lạ, sai Nho thần làm phú để nêu rõ việc linh dị.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu rằng kẻ nào đem bán hoàng nam trong dân gian làm gia nô cho người ta, đã bán rồi thì đánh 100 trượng, thích vào mặt 20 chữ, chưa bán mà đã làm việc cho người thì cũng đáng trượng như thế, thích vào mặt 10 chữ; người nào biết chuyện mà cũng mua thì xử giảm một bậc.

Vua hỏi tả hữu rằng: "Tiên đế mất đi, đến nay đã 16 năm rồi, mà Chiêm Thành chưa từng sai một sứ giả nào sang là cớ gì? Uy đức của trẫm không đến họ chăng? Hay là họ cậy có núi sông hiểm trở chăng?" Các quan đáp: "Bọn thần cho rằng đó là vì đức của bệ hạ tuy có đến nhưng uy thì chưa rộng. Sao thế? Vì từ khi bệ hạ lên ngôi đến giờ, họ trái mệnh không đến chầu, bệ hạ chỉ ban ơn để vỗ về, **[32b]** chưa từng ra oai dùng võ để đánh phạt, đó không phải là cách làm cho người ta sợ oai. Bọn thần e rằng các chư hầu khác họ trong nước đều như Chiêm Thành cả, há chỉ riêng người Chiêm mà thôi đâu". Vua từ đấy quyết ý đánh Chiêm Thành.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bọn "giặc sóng gió" Chiêm Thành cướp phá dân ven biển nước ta, đem quân hỏi tội là phải, vì như thế là đúng tội danh. Còn nếu nói là người xa không phục, thì cứ lấy đức hóa mà cảm cho họ theo về, há phải đem quân đi xa!

---

[1] Đại công là hạng tang phục thứ ba trong năm hạng tang phục, chỉ quan hệ anh em con chú con bác (để tang 9 tháng). Hai hạng trên là Tê thôi (cháu nội), Trám thôi (các con).

[2] Đại nam: tức đại hoàng nam. Theo Ngô Thì Sĩ, thời Lý dân đinh đến 18 tuổi thì ghi tên vào "hoàng sách" (sổ bìa vàng), gọi là "hoàng nam"; 20 tuổi trở lên gọi là "đại hoàng nam". Ai nuôi nô bộc riêng chỉ được nuôi người chưa đến tuổi "hoàng nam".

[3] Vũ Ninh: tên châu từ thời Lý, đến đầu đời Lê Trung hưng kiêng úy của Trang Tông (Lê Duy Ninh) đổi là Vũ Giang, lại kiêng úy của Uy Nam Vương Trịnh Giang đọc chệch âm là Vũ Giàng. Nay là đất huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc.

Tháng 9, ngày mồng 1, sai Ngụy Trưng đến châu Quảng Nguyên, ban cho Nùng Trí Cao đô ấn, phong làm Thái bảo.

Lê Văn Hưu nói: Năm trước, Nùng Tồn Phúc phản nghịch, tiếm hiệu, lập nước, đặt quan thuộc, Thái Tông đã trị tội Tồn Phúc mà tha cho con là Trí Cao. Nay Trí Cao lại noi theo **[33a]** việc trái phép của cha thì tội lớn lắm, giết đi là phải, nếu lấy lại tước và áp phong, giáng là thứ dân, thì cũng phải. Thái Tông đã tha tội, lại cho thêm mấy châu quận nữa, ban cho ấn tín, phong làm Thái bảo, như thế là thưởng phạt không có phép tắc gì. Đến khi Trí Cao gây tai họa ở Quảng Nguyên, lại đem quân đi đánh, mượn cớ là viện trợ láng giềng, có khác gì thả cọp beo cho cắn người, rồi từ từ đến cứu không? Đó là vì Thái Tông say đắm cái lòng nhân nhỏ của nhà Phật mà quên đi mất cái nghĩa lớn của người làm vua.

Vua định sang năm sẽ đi đánh Chiêm Thành, xuống chiếu sai đóng các chiến thuyền hiệu Long, Phượng, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh Vũ hơn vài trăm chiếc.

Mùa đông, tháng 10, cái thuẫn của vua ở điện Trường Xuân tự nhiên rung động. Vua xuống chiếu cho các quan nghị bàn, đều nói rằng: Thuẫn là đồ binh khí, thần nghe nói có gió thì chim loan liệng trước, **[33b]** sắp có mưa thì đá tảng ướt trước, nay bệ hạ muốn đem quân đánh dẹp kẻ không đến chầu mà binh khí tự rung động, đó là cái điềm thần và người lặng hợp, các vật ứng nhau. Kinh Thư nói: "Mình động thì mọi vật ứng theo mà đón trước ý mình. Nay vật ấy đã ứng trước ý mình, còn ngờ gì mà không động". Vua ban cho là phải.

Xuống chiếu rằng quân sĩ bỏ trốn quá 1 năm xử 100 trượng, thích vào mặt 50 chữ, chưa đến 1 năm thì xử theo mức tội nhẹ, kẻ nào quay lại thì cho về chỗ cũ. Quân sĩ không theo xa giá cũng xử trượng như thế và thích vào mặt 10 chữ.

Tháng 12, xuống chiếu cho quân sĩ sửa soạn giáp binh, hẹn đến mùa xuân, tháng 2 sang năm đi đánh Chiêm Thành.

Vua đến hành dinh Cổ Lãm[1] xuống chiếu rằng kẻ nào ăn cướp lúa mạ và tài vật của dân, nếu đã lấy rồi thì xử 100 trượng, nếu chưa lấy được nhưng làm cho người bị thương thì xử tội lưu.

Năm ấy lại đúc tiền Minh Đạo ban cho các quan văn võ.

[34a] Giáp Thân, [Minh Đạo] năm thứ 3 [1044], (Từ tháng 11 trở về sau là niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 1; Tống Khánh Lịch năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, phát khí giới trong kho ban cho các quân. Ngày Quý Mão, vua thân đi đánh Chiêm Thành, cho Khai Hoàng Vương [Nhật Tông] làm Lưu thủ Kinh sư. Ngày ấy Hữu ty đem dâng túi mật to bằng quả bưởi lấy được khi làm cỗ thiếu lao[2] cúng thần núi. Vua nói đùa rằng: "Chữ "đảm" (mật) âm gần với chữ "đam" (vui), con thiếu lao mà có mật to, có lẽ là điềm báo cho ta biết chỉ khó nhọc một chút mà được vui lớn". Ngày Giáp Thìn, quân đi từ Kinh sư, ngày Ất Tỵ, đến cửa biển Đại Ác, gặp lúc sóng gió yên lặng, đại quân qua biển dễ dàng, cho nên đổi tên Đại Ác làm Đại An[3]. Đến núi Ma Cô[4], có đám mây tía bọc lấy mặt trời. Qua vụng Hà Não[5], có đám mây che thuyền ngự, thoe thuyền mà đi hoặc ngừng. Ngày hôm ấy đến đóng doanh ở cửa biển Trụ Nha (có bản chép Trụ Thân). Ngày hôm sau đi, nhờ thuận gió, trong một ngày qua hai bãi Đại Tiểu Trường

[1] Cổ Lãm: tên gọi thời Đinh Lê của châu Cổ Pháp, xem thêm chú thích 2 tr.??????????????????

[2] Vua cúng đàn xã tắc thì dâng cỗ thái lao (trâu, dê, lợn mỗi thứ 1 con), cúng thần sông núi thì dâng cỗ thiếu lao (dê, lợn mỗi thứ 1 con).

[3] Đại An: tên cửa biển, tức Cửa Liêu ở huyện Hải Hậu, tỉnh Hà Nam Ninh, Xem thêm phần chú thích tr.?????????????????

[4] Núi Ma Cô: theo Cương mục, còn có tên núi là Lễ Để, ở ngoài biển huyện Kỳ Anh (CMCB3, 9a), tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

[5] Vụng Hà Não (Hà Não loan): Cương mục chua sông, Ngũ Bồ, vụng Hà Não đều không khỏa được (CMCB3, 10a). Theo Đào Duy Anh, vụng Hà Não có thể là Vụng Chùa, tên chữ Hán là Tự Loan, Đại Việt sử lược chep là Vũng Truy (Đất nước Việt Nam qua các đời, tr.175).

Sa[1]. Đến cửa biển Tư Khách[2], có con cá trắng nhảy vào thuyền. Vua nghe tin Chiêm Thành đem quân và voi bày trận ở bờ nam sông Ngũ Bồ[3] muốn chống cự quan quân. Vua truyền cho quân bỏ thuyền lên bộ, đem quân sĩ lên bờ bắc, thấy quân Chiêm đã dàn ở bên sông. Vua mới cắt đặt quân sĩ dựng cờ nổi trống, sang tắt ngang sông đánh. Binh lính chưa chạm mà quân Chiêm đã tan vỡ, quan quân đuổi chém được 3 vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém được đầu vua Chiêm là Sạ Đẩu[4] tại trận đem dâng. Đoạt được hơn 30 voi thuần, bắt sống hơn 5 nghìn người, còn thì bị quan quân giết chết, máu nhuộm gươm giá, xác chất đầy đồng. Vua tỏ ý cảm khái, xuống lệnh rằng: "Kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết không tha".

> Sử thần Ngô Sĩ Liêm nói: Tấm lòng ấy của vua cũng như tấm lòng của Tống Thái Tổ chăng? Truyền ngôi được lâu dài là phải lắm.

[35a] Mùa thu, tháng 7, vua đem quân vào thành Phật Thệ[5] bắt vợ cả, vợ lẽ của Sạ Đẩu và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên[6]. Sai sứ đi khắp các hương ấp phủ dụ dân chúng. Các quan chúc mừng thắng lợi.

Tháng 8, đem quân về. Đến hành dinh Nghệ An, gọi Uy Minh hầu Nhật Quang đến úy lạo rồi trao cho tiết việt trấn thủ châu ấy, gia phong tước vương. Trước đây, vua ủy cho Uy Minh thu tô hàng năm ở Nghệ An và sai lập trại Bà Hòa[7] khiến cho [trấn ấy] được vững chắc, lại đặt điếm canh các nơi cất chứa lương thực đầy đủ, cái gì cũng vừa ý vua, cho nên được tước phong như thế.

Tháng 9, ngày mồng 1, đến phủ Trường Yên, có rồng vàng hiện ở thuyền ngự. Khi đến hành điện Ly Nhân[8], sai nội nhân thị nữ gọi Mỵ Ê là phi của Sạ Đẩu sang hầu thuyền vua. Mỵ Ê phẫn uất khôn xiết, ngầm lấy chăn quấn vào mình nhảy xuống sông chết. Vua khen là trinh tiết, phong là Hiệp Chính Hựu Thiện phu nhân.

> [35b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phu nhân giữ nghĩa không chịu nhục, chỉ theo một chồng cho đến chết, để toàn vẹn trinh tiết của người đàn bà. Người làm tôi mà thờ hai vua tức là tội nhân đối với phu nhân. Vua khen là trinh tiết, phong làm phu nhân để khuyến khích người đời sau là đáng lắm.

Vua từ Chiêm Thành về, làm lễ cáo thắng trận ở miếu Thái Tổ, xong về ngự ở điện Thiên An, mở tiệc rượu làm lễ mừng về đến nơi. Ngày hôm ấy, bầy tôi dâng tù binh hơn 5 nghìn tên và các thứ vàng bạc châu báu. Xuống chiếu cho các tù binh đều được nhận người cùng bộ tộc, cho ở từ trấn Vĩnh Khang[9] đến Đăng Châu[10] (nay là Quy Hóa), đặt hương ấp phỏng tên gọi cũ của Chiêm Thành.

Vua sai đặt cũi lớn ở Dâm Đàm (tức là Hồ Tây ngày nay), lấy con voi thuần của Chiêm Thành làm mồi nhử voi rừng vào trong cũi, vua thân đến bắt.

---

[1] Đại Tiểu Trường Sa: bãi cát từ cửa Nhật Lệ đến Cửa Tùng là Đại Trường Sa; bãi cát từ Cửa Việt đến cửa Tư Hiền, là Tiểu Trường Sa.

[2] Tư Khách: tên cửa biển đúng tên thời Lý gọi là cửa Ô Long, thời Trần đổi gọi là cửa Tư Dung (do tên huyện Tư Dung, châu Hóa); đời Mạc, vì kiêng húy Mạc Đăng Dung nên đổi gọi là Tư Khách. Thời Nguyễn đổi là Tư Hiền như tên gọi hiện nay, ở phía đông nam tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[3] Sông Ngũ Bồ: Cương mục chú không rõ ở đâu. Theo Đào Duy Anh (Bản dịch cũ 1, 342), sông Ngũ Bồ có thể là sông Chợ Củi (hạ lưu sông Thu Bồn) chảy ra cửa Đại Chiêm, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

[4] Sạ Đẩu: tức vua Chiêm Jaya Sinhavarman II (ở ngôi 1042-1044).

[5] Thành Phật Thệ, xem chú BK1, 18b.

[6] Tây Thiên khúc điệu: ở đây có thể là những khúc hát và múa Chiêm Thành có nguồn gốc Ấn Độ (Tây Thiên, chỉ Ấn Độ).

[7] Trại Bà Hòa: theo Cương mục (CB3, 10) ở sông Bà Hòa, nay là xã Đông Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

[8] Ly Nhân: nay là đất huyện Ly Nhân, tỉnh Nam Hà.

[9] Vĩnh Khang: nay là đất huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

[10] Đăng Châu: tên châu thời Lý, nay thuộc đất tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

Mùa đông, tháng 11, ban thưởng cho những người có công đi đánh Chiêm Thành: có công từ lục phẩm trở lên, thưởng áo bào gấm, từ thất phẩm trở xuống **[36a]** thưởng áo là. Bề tôi xin đổi niên hiệu là Thiên Cảm Thánh Vũ, tăng tôn hiệu thêm tám chữ là Thánh Đức Thiên Cảm Tuyên Uy Thánh Vũ. Vua y theo. Xuống chiếu rằng: "Đánh dẹp phương xa, tổn hại việc nông, ngờ đâu mùa đông năm nay lại được mùa lớn! Nếu trăm họ đã đủ thì trẫm lo gì không đủ? Vậy xá cho thiên hạ một nửa tiền thuế năm nay, để úy lại sự khó nhọc lặn lội".

Xuống chiếu cho Quyến khố ty[1], ai nhận riêng một thước lụa của người thì xử 100 trượng, từ 1 tấm đến 10 tấm trở lên thì [phạt trượng] theo số tấm, gia thêm khổ sai 10 năm.

Tháng 12, ngày mồng 1, đặt trạm Hoài Viễn ở bờ sông Gia Lâm làm quán nghỉ trọ cho người nước ngoài khi đến chầu.

Thái bảo Nùng Trí Cao về chầu.

Năm ấy, xuống chiếu rằng các quân bỏ trốn xử tội theo ba bậc lưu. Cấm quan coi ngục không được sai tù làm việc riêng, ai phạm thì xử 80 trượng, thích chữ vào mặt và giam vào lao.

[36b] Ất Dậu, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 2 [1045], (Tống Khánh Lịch năm thứ 5). Chế xe Thái Bình, lấy vàng trang sức "bồng la nga" (tức là cái bành voi của Chiêm Thành) đóng voi để kéo.

Dựng bia ở Đại Nội.

Bính Tuất, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 3 [1046], (Tống Khánh Lịch năm thứ 6). Dựng cung riêng cho các cung nữ Chiêm Thành[2].

Đinh Hợi, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 4 [1047], (Tống Khánh Lịch năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, đặt trấn Vọng Quốc và 7 trạm Quy Đức, Bảo Ninh, Tuyên Hóa, Thanh Bình, Vĩnh Thông, Cảm Hóa, An Dân, các trạm đều dựng ụ bia, để làm chỗ trọ cho người man di.

Mậu Tý, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 5 [1048], (Tống Khánh Lịch năm thứ 8). Mùa thu, tháng 9, sai tướng quân là Phùng Trí Năng đi đánh Ai Lao, bắt được người và gia súc rất nhiều đem về.

Nùng Trí Cao làm phản, chiếm giữ động Vật Ác[3]. Sai Thái úy Quách Thịnh Dật đi đánh. Vừa mới giao chiến, trời đất bỗng tối mù, một lát nghe tiếng sét đánh trong động, **[37a]** thân thể các tù trưởng động ấy bị xé tan, cả động kinh hãi. Trí Cao phải hàng.

Lập đàn xã tắc ở ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho mùa màng.

Mùa đông, tháng 12, ngày Lập xuân, xuống chiếu cho hữu ty làm lễ nghênh xuân.

Kỷ Sửu, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 6 [1049]. (Từ tháng 3 về sau, thuộc niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1; Tống Hoàng Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1.

Mùa đông, tháng 10, dựng chùa Diên Hựu[4]. Trước đây vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy, vua đem việc ấy nói với bầy tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất[5], làm tòa sen của Phật Quan

---

[1] Quyến khố ty: ty coi việc kho lụa.

[2] Đại Việt sử lược (q2, 8a) chép cung này tên là cung Ngân Hán.

[3] Động Vật Ác: ở phía tây tỉnh Cao Bằng.

[4] Chùa Diên Hựu: tức chùa Một Cột ở Hà Nội ngày nay.

[5] Nguyên văn: "lập thạch trụ vu địa trung". Bản Chính Hòa và bản VHv.2330 đều in rõ chữ "địa". Nhưng các bản in của Quốc tử giám (triều Nguyễn) như bản A.3 v.v... sử chữ địa thành chữ trì (ao, hồ). Xét ra nguyên bản Chính Hòa để chữ địa hợp lý hơn: Khi mới làm chùa chỉ dựng cột đá ở giữa đất, đến lần trùng tu năm 1105 mới đào hồ "Liên Hoa Đài" ở xung quanh cột đá (xem: BK3, 15a). Cũng có người giải thích chữ "địa" ở đây là chữ Nôm, đọc là đìa tức là ao, hồ. Chúng tôi theo văn bản, dịch là đất trong khi chờ đợi sự xác minh.

Âm đặt trên cột đá như đã thấy trong mộng. Cho các nhà sư đi vòng lượn chung quanh tụng kinh cầu vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu[1].

[37b] Canh Dần, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 2 [1050], (Tống Hoàng Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 6, nước to.

Mùa thu, tháng 9, người động Vật Dương[2] làm phản, dẹp yên.

Tân Mão, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 3 [1051], (Tống Hoàng Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đặt quân tùy xa long, nội ngoại, sai Tả kiều vệ tướng quân Trần Nẫm trông coi.

Định cho các quan văn võ làm việc lâu năm mà không có lỗi được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Mùa thu, tháng 8, khao thưởng lớn, ban cho dân vải lụa, tiền bạc theo thứ bậc khác nhau.

Mùa đông, tháng 11, đào kênh Lẫm[3].

Nhâm Thìn, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 4 [1052], (Tống Hoàng Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, phong các hoàng tử làm vương hầu, các hoàng nữ làm công chúa.

Tháng 3, đúc chuông lớn để ở Long Trì, cho dân ai có oan ức gì không bày tỏ được thì đánh chuông ấy để tâu lên.

Mùa hạ, tháng 4, Nùng Trí Cao làm phản, tiếm xưng là Nhân Huệ Hoàng Đế, **[38a]** đặt quốc hiệu là Đại Nam, sang cướp đất nhà Tống, phá trại Hoàng Sơn[4], vây hãm các châu Ung, Hoành, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Củng, Tầm[5] rồi kéo đến vây thành Quảng Châu[6] đến 5 tuần không lấy được, bèn về. Lại vào Ung Châu, giết tướng tá của nhà Tống hơn 3 nghìn người, bắt sống dân chúng hàng vạn. Đi đến đâu đốt trụi đến đấy. Vua tôi nhà Tống lấy làm lo. Khu mật sứ Địch Thanh dâng biểu xin đi đánh. Vua Tống sai Thanh làm Tuyên huy sứ đô đại đề cử, tổng quyền tiết việt đi đánh.

Quý Tỵ, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 5 [1053], (Tống Hoàng Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 5, động đất 3 lần. Mồng 10, có mây không có mưa, rồng vàng hiện ở gác Đoan Minh. Bầy tôi chúc mừng, duy có nhà sư Pháp Ngữ nói: "Rồng bay trên trời, nay lại hiện ở dưới là điềm không lành".

Địch Thanh chỉ huy 3 tướng đem quân đến phố Quy Nhân thuộc Ung Châu. Trí Cao đem quân chống đánh bị Địch Thanh đánh bại, chạy hơn 10 dặm **[38b]**. Tướng tâm phúc của Cao là Hoàng Sư Mật cùng với thủ hạ 57 người chết tại trận. Quân Tống đuổi theo giết hơn 2200 người. Trí Cao đốt thành ban đêm trốn đi.

Mùa thu, từ tháng 7 đến tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, Trí Cao sai Lương Châu đến xin quân [cứu viện]. Vua xuống chiếu cho chỉ huy sứ là Vũ Nhị đem quân cứu viện. Địch Thanh lại đánh phá được Trí Cao. Trí Cao chạy sang nước Đại

---

[1] Diên Hựu: nghĩa là kéo dài cõi phúc (chỉ tuổi thọ).

[2] Vật Dương: tên động, ở phía bắc huyện Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng.

[3] Kênh Lẫm (Lẫm Cảng): theo Đại Nam nhất thống chí (q. 14, tỉnh Ninh Bình), ở địa phận các xã Thần Phù, Phù Sa và Ngọc Lâm, huyện Yên Mô, nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh. Kênh đã bị bồi lấp thành đất bằng, chỉ còn lại cái đầm gọi là đầm Lẫm.

[4] Trại Hoành Sơn: nay là huyện Hoành, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[5] Các châu: Ung, Quý, Đằng, Ngô, Củng, Tầm nay đều thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Hai châu: Khang, Đoan, nay thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

[6] Nguyên văn: "chí Quảng Châu thành truyền thành công chi ". Hai chữ "truyền thành" ở đây chưa rõ nghĩa gì, ngờ chữ vi (vây), lầm ra chữ truyền; tạm dịch như trên.

Lý[1]. Người nước Đại Lý chém đầu Cao bỏ vào hòm dâng vua Tống. Từ đây họ Nùng bị diệt. Trước đây, Trí Cao cướp biên giới nước nước Tống, Tống sai Khu mật trực học sĩ Tôn Miện, Nhập nội áp ban Thạch Toàn Bân cùng Kinh lược sứ bản lộ là Dư Tĩnh tính việc đánh giặc cướp, vua xin đem quân đánh giúp, vua Tống cho được tiện nghi. Đến khi Địch Thanh làm Đại tướng bèn tâu rằng: "Mượn binh ngoài để trừ giặc trong không lợi cho ta. Có một Trí Cao mà sức hai tỉnh Quảng không thể chống nổi, lại phải nhờ đến quân cõi ngoài, **[39a]** nếu họ nhân đó mà dấy loạn, thì lấy gì chống lại?" Năm ấy, nhà Tống có chiếu dừng việc viện binh của ta. Đến khi Trí Cao xin quân, vua lại nghe theo lời xin. Đô giám nhà Tống là Tiêu Chú đi theo đường đạo Đặc Ma[2] đánh úp, bắt được mẹ là Trí Cao là A Nùng, đem giết.

Giáp Ngọ, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 6 [1054], (Từ tháng 9 về sau thuộc niên hiệu của Thánh Tông Long Thụy Thái Bình năm thứ 1; Tống Chí Hòa năm thứ 1).

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu cho Hoàng thái tử Nhật Tôn coi chầu nghe chính sự.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem đoạn văn ở dưới chép tháng 9 vua không khỏe, thì tháng này xuống chiếu cho thái tử ra coi chầu nghe chính sự là việc bất đắc dĩ.

Tháng 9, ngày Mậu Dần, vua không khỏe.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng một, vua băng ở điện Trường Xuân. Thái tử lên ngôi ở trước linh cữu; đổi niên hiệu là Long Thụy Thái Bình năm thứ 1. Truy tôn **[39b]** tên thụy cho Đại Hành Hoàng Đế, miếu hiệu là Thái Tông, mẹ họ Mai làm Kim Thiên Hoàng Thái Hậu. Đặt quốc hiệu là Đại Việt. Ban quan tước cho các bề tôi cũ ở Đông cung theo thứ bậc khác nhau. Cho Bùi Hựu làm Văn minh điện đại học sĩ.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sử khen vua là người nhân triết, thông tuệ, có đại lược văn võ, lục nghệ không nghề gì không tường. Vì có tài đức ấy, nên có thể làm mọi việc, song câu nệ về lễ yến hưởng vua tôi, đương lúc đau thương mà cũng vui chơi, khiến cho đạo chí hiếu có thiếu sót. Mê hoặc bởi cái thuyết từ ái của Phật mà tha tội cho bề tôi phản nghịch[3] thì lòng nhân ấy thành ra nhu nhược, đó là chỗ kém.

---

[1] Nước Đại Lý: một nước ở vùng Vân Nam, Trung Quốc, trên địa bàn của nước Nam Chiếu đời Đường, cư dân chủ yếu là người Di, mà thư tịch cổ Trung Quốc thường chép là người Thoán, Bặc. Việc quân của Vũ Nhị cứu viện cho Nùng Trí Cao đánh quân Tống không thấy tài liệu nào nói đến; có thể chỉ mới có dự định, chưa kịp thực hiện thì Trí Cao đã chết.

[2] Đạo Đặc Ma: tức phủ Quảng Nam, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

[3] Chỉ việc Lý Thái Tông tha tội cho Nùng Trí Cao.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển III

[1a]

Thánh Tông Hoàng Đế

Tên húy là Nhật Tôn, con trưởng của Thái Tông. Mẹ là Kim Thiên Thái Hậu họ Mai, khi trước chiêm bao thấy mặt trăng vào bụng rồi có mang, ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi, Thuận Thiên thứ 14 [1023], sinh vua ở cung Long Đức. Năm Thiên Thành thứ 1 [1028], được sách phong làm Đông Cung Thái Tử. Thái Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 17 năm [1054-1072], thọ 50 tuổi [1023-1072], băng ở điện Hội Tiên.

Vua khéo kế thừa, thực lòng thương dân, trọng việc làm ruộng, thương kẻ bị hình, vỗ về thu phục người xa, đặt khoa bác sĩ, hậu lễ dưỡng liêm, sửa sang việc văn, phòng bị việc võ, trong nước yên tĩnh, đáng gọi là bậc vua tốt. Song nhọc sức dân xây tháp Báo Thiên, phí của dân làm cung Dâm Đàm đó là chỗ kém.

Ất Mùi, Long Thụy Thái Bình năm thứ 2 [1055], (Tống Chí Hòa năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, sửa sang các cung điện trong đại nội.

Tháng 2, lấy ngày sinh nhật làm thánh tiết Thừa Thiên.

Nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa đông, tháng 10, **[1b]** đại hàn, vua bảo các quan tả hữu rằng: "Trẫm ở trong cung, sưởi than xương thú, mặc áo lông chồn còn rét thế này, nghĩ đến người tù bị giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa rõ ngay gian, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khốn khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót. Vậy lệnh cho Hữu ty phát chăn chiếu, và cấp cơm ăn ngày hai bữa.

Nhà Tống phong cho vua làm Giao chỉ Quận Vương.

Bính Thân, [Long Thụy Thái Bình] năm thứ 3 [1056], (Tống Gia Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng nước Chân Lạp sang cống.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu khuyến nông.

Làm chùa Sùng Khánh Báo Thiên, phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn. Vua thân làm bài minh[1].

Đinh Dậu, [Long Thụy Thái Bình] năm thứ 4 [1057], (Tống Gia Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, xây bảo tháp Đại Thắng Tự Thiên cao vài **[2a]** chục trượng, theo kiểu 12 tầng (tức là tháp Báo Thiên).

Sai sứ đem con thú lạ sang biếu nhà Tống nói là con lân. Tư Mã Quang nói: "Nếu là con lân thực mà đến không phải thời cũng chẳng lấy gì làm điềm tốt, nếu không phải lân, thì làm cho người phương xa chê cười. Xin hậu thưởng rồi bảo đem về".

Mùa đông, tháng 12, làm hai chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ. Đúc hai pho tượng Phạn Vương và Đế Thích bằng vàng để phụng thờ. (Triều nhà Trần làm lễ yết chùa, tức là ở hai chùa này).

---

[1] **Minh văn**: bài văn khắc trên các đồ kim khí như chuông, đỉnh hoặc trên bia đá.

Mậu Tuất, [Long Thụy Thái Bình] năm thứ 5 [1058], (Tống Gia Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, sửa chữa cửa Tường Phù.

Kỷ Hợi, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 1 [1059], (Tống Gia Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, đánh Khâm Châu nước Tống, khoe binh uy rồi về, vì ghét nhà Tống phản phúc.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự điện Thủy Tinh cho các quan vào chầu, truyền các quan đội mũ phốc đầu[1], đi hia, mới cho vào. Đội mũ phốc đầu, đi hia bắt đầu từ đấy.

[2b] Định hiệu quân, gọi là Ngự Long, Vũ Thắng, Long Dực, Thần Điện, Bổng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lược, Vạn Tiệp đều chia làm tả hữu, thích vào trán ba chữ "Thiên tử quân".

Canh Tý, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 2 [1060], (Tống Gia Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, châu mục Lạng Châu là Thân Thiệu Thái đi bắt những binh lính bỏ trốn vào đất Tống, bắt được chỉ huy sứ là Dương Bảo Tài và quân lính, trâu ngựa đem về.

Mùa thu, tháng 7, quân Tống sang xâm lấn, không được, bèn sai Thị Lang bộ lại là Dư Tĩnh đến Ung Châu để hội nghị. Vua sai Phí Gia Hựu đi. Tĩnh hậu tặng cho Gia Hựu và đưa thư xin trả Bảo Tài cho họ, vua không nghe.

Tháng 8, phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công ca hát.

Làm hành cung cạnh hồ Dâm Đàm[2] để xem đánh cá.

Tân Sửu, [Chương Khánh Gia Thánh] năm thứ 3 [1061], (Tống Gia Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, chọn con gái dân gian 12 người vào hậu **[3a]** cung.

Châu La Thuận dâng voi trắng.

Nhâm Dần, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 4 [1062], (Tống Gia Hựu năm thứ 7).

Mùa xuân, quận Gia Lâm dâng con rùa 3 chân, mắt có 6 con ngươi.

Quý Mão, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 5 [1063], (Tống Gia Hựu năm thứ 8).

Bấy giờ vua xuân thu đã nhiều, tuổi 40 mươi mà chưa có con trai nối dõi, sai Chi hậu nội nhân Nguyễn Bông làm lễ cầu tự ở chùa Thánh Chúa, sau đó _ Lan phu nhân có mang, sinh hoàng tử Càn Đức tức Nhân Tông, (Tục truyền rằng vua cúng khấn cầu tự chưa thấy hiệu nghiệm, nhân đi chơi khắp các chùa quán, xa giá đi đến đâu, con trai con gái đổ xô đến xem không ngớt, duy có một người con gái hái dâu cứ nép trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy, gọi đưa vào cung, được vua yêu, phong làm _ Lan phu nhân. Vua muốn có con trai, sai Bông đem hương cầu đảo ở chùa Thánh Chúa. Nhà sư dậy cho Bông thuật đầu thai thác hoá. Bông nghe theo. Việc phát giác, đem chém Bông ở trước cửa chùa. Người sau gọi chỗ ấy[3] là Đồng Bông. Chùa ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm[4], Đồng Bông ở phía Tây trước cửa chùa, nay hãy còn.

Giáp Thìn, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 6 [1064], (Tống Anh Tông Thự, Trị Bình năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng sai sứ sang Tống.

Mùa hạ, tháng 4, **[3b]** vua ngự ở điện Thiên Khánh xử kiện. Khi ấy công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa, bảo ngục lại rằng: "Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trẫm rất thương xót, từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm".

---

[1] **Phốc đầu**: tên mũ, tức là mũ cánh chuồn, có hai dải cánh giương ra hai bên.

[2] **Dâm Đàm**: tức Hồ Tây ở Hà Nội, xem BK2, 35b.

[3] Nguyên văn: "Hậu nhân mục kỳ xứ viết". Chữ ____ "mục" trong câu này không hợp nghĩa (người sau nhìn xứ ấy (?), gọi là ......), có lẽ là chữ ____ vị (... vị kỳ xứ viết ...)

[4] Huyện Từ Liêm: nay thuộc Hà Nội.

Bính Ngọ, [Long Chương Thiên Tự] năm thứ 1 [1066], (Tống Trị Bình năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 25, giờ Hợi, hoàng tử Càn Đức sinh. Ngày hôm sau, lập làm hoàng thái tử, đổi niên hiệu, đại xá phong mẹ thái tử là _ Lan phu nhân làm Thần phi.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: thái tử là căn bản của nước, không lập sớm không được. Kinh Xuân thu chép: "Con là Đồng sinh" ý cũng bởi đó. Vua tuổi đã cao, may mà sinh hoàng tử, **[4a]** mừng vui bội phần, vội lập làm hoàng thái tử, đại xá thiên hạ, để yên lòng mong mỏi của muôn dân là phải lắm.

Mùa thu, tháng 9, sai lang tướng là Quách Mãn xây tháp ở núi Tiên Du[1].

Lái buôn người nước Trảo Oa[2] dâng ngọc châu dạ quang, trả tiền giá 1 vạn quan.

Đinh Mùi, [Long Chương Thiên Tự] năm thứ 2 [1067], (Tống Trị Bình năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, các nước Ngưu Hống[3], Ai Lao dâng vàng bạc, trầm hương, sừng tê, ngà voi và các thứ sản vật địa phương.

Nhà Tống gia phong vua làm Khai phủ nghi đồng tam ti, rồi lại gia phong làm Nam Bình Vương. Cho Viên ngoại lang là Ngụy Trọng Hoà và Đặng Thế Tư làm Đô hộ phủ sĩ sư[4], đổi mười người thư gia[5] làm án ngục lại[6]. Cho Trọng Hoà và Thế Tư mỗi người bổng hàng năm là 50 quan tiền, 100 bó lúa và các thứ cá muối v..v.. **[4b]** ngục lại mỗi người 20 quan tiền, 100 bó lúa để nuôi đức liêm khiết của họ.

Mậu Thân[7], [Long Chương Thiên Tự] năm thứ 3 [1068], (từ tháng 2 về sau là niên hiệu Thiên Huống Bảo Tượng thứ 1; Tống Thần Tông Hy Ninh năm thứ 1). (Xét bài ký tháp Thăng Bình, Thanh Hoá lấy năm này làm Thần vũ năm thứ 1 là sai).

Mùa xuân, tháng 2, hoàng tử là Minh Nhân vương (không rõ tên) sinh, đó là người em cùng mẹ của Nhân Tông.

Châu Chân Đăng[8] dâng 2 con voi trắng, nhân đó đổi niên hiệu là Thiên Huống Bảo Tượng[9] năm thứ 1.

Đổi hương Thổ Lỗi làm Hương Siêu Loại[10], vì là nơi sinh của Nguyên Phi.

Chiêm thành dâng voi trắng, sau lại quấy nhiễu biên giới.

Kỷ Dậu[11], [Thiên Huống Bảo Tượng] năm thứ 2 [1069], (Từ tháng 7 về sau là niên hiệu Thần Vũ năm thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, vua thân đi đánh Chiêm Thành, bắt được

---

[1] Núi Tiên Du: xem chú thích BK2, 22B

[2] Trảo Oa: phiên âm tên đảo Java (Indonesia)

[3] Ngưu Hống: tộc người Thái ở vùng Sơn La, có thể là người Thái Đen. Ngưu Hống có thể là phiên âm tên Ngù Háu trong tiếng Thái, có nghĩa là "Rắn hổ mang". Theo Quắm tố mướu (truyện kể bản Mường) của người Thái Đen thì chúa Lò Rẹt ở Mường Muổi (khoảng thế kỷ XIV) lấy hiệu là Ngù Háu. Nhưng Ngù Háu có thể là hình tượng của tộc Thái Đen từ trước

[4] Sĩ sư: tên chức quan coi việc hình pháp ở Đô hộ phủ (Đô hộ phủ vốn là tên gọi cơ quan cai trị cấp châu đời Đường, các triều đình Đinh, Lê, Lý vẫn giữ tên Đô Hộ Phủ, nhưng chỉ chuyên việc hình pháp)

[5] Thư gia: Theo Lê Quý Đôn, thư gia tức là ty lại (Kiến Văn Tiểu Lục, bản dịch, Nxb Sử học, 1962, tr. 129 - 130), có thể cũng như tên gọi "thư lại" đời sau. Phan Huy Chú ghi tên các thư gia như: Nội hỏa thư gia, Ngự khố thư gia, Chi hậu thư gia, Nội thư gia, Lệnh thư gia v.v ... (Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch, T.2, Nxb Sử học, 1962, tr. 6)

[6] Án ngục lại: người giúp việc xét hỏi về công việc hình án.

[7] Nguyên bản in lầm là "Giáp Thân", theo thứ tự niên hiệu và can chi thì ở đây phải là năm "Mậu Thân" (1068). Việt sử lược q.2, 13a cũng chép "Mậu thân"

[8] Châu Chân Đăng: xem chú thích trang BK2, 21a.

[9] Thiên Huống Bảo Tượng nghĩa là "Trời cho con voi trắng".

[10] Hương Siêu Loại: nay thuộc địa phận huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

[11] Nguyên bản in nhầm là "Ất Dậu". Theo thứ tự niên hiệu và can chi ở đây phải là năm "Kỷ Dậu" (1069). Việt Sử Lược Q.2, 13b cũng chép "Kỷ Dậu"

vua nước ấy là Chế Củ[1] và dân chúng 5 vạn người. trận này vua đánh chiêm thành mãi không được, đem quân về đến châu Cư Liên, nghe tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân **[5a]** cảm hoá hoà hợp. Trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi là bà Quan Âm, vua nói: "Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng được việc gì hay sao?". Bèn quay lại đánh nữa, thắng được.

Mùa hạ, tháng 6 đem quân về. Mùa thu, tháng 7, vua từ Chiêm thành về đến nơi, dâng tù ở Thái Miếu, đổi niên hiệu là Thần Vũ năm thứ 1. Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý[2], Ma Linh[3], Bố Chính[4] để chuộc tội. Vua bằng lòng, tha cho Chế Củ về nước (Địa Lý nay là tỉnh Quảng nam)[5].

Mùa đông, tháng 10, ngày Đinh Sửu, có đám mây sắc đỏ sát mặt trời.

Canh Tuất, Thần Vũ năm thứ 2 [1070], (Tống Hy Ninh, năm thứ 3). Mùa xuân, làm điện Tử Thần.

Mùa hạ, tháng 4 đại hạn, phát thóc, và tiền lụa trong kho để chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 8, làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối[6], vẽ tượng Thất thập nhị hiền[7], bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây.

[5b] Tân Hợi, [Thần Vũ] năm thứ 3 [1071], (Tống Hy Ninh, năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, vua viết bia chữ "Phật" dài 1 trượng 6 thước đặt ở chùa Tiên Du[8]. Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Chiêm Thành sang cống.

Định tiền chuộc tội theo thứ bậc khác nhau.

Mùa đông, tháng 12, vua không khỏe. Xuống chiếu cho Hữu ty ai vào lầm hành lang tả hữu quan chức đô[9] thì đánh 80 trượng.

Nhâm Tý, [Thần Vũ] năm thứ 4 [1072], (Từ tháng giêng về sau là Nhân Tông, Thái Ninh năm thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Dần, vua băng ở điện Hội Tiên. [Bầy tôi] dâng hiệu là Ứng Thiên Sùng Nhân Chí Đạo Uy Khánh Long Tường Minh Văn Duệ Vũ Hiếu Đức Thánh Thần Hoàng Đế, miếu hiệu là Thánh Tông.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xót thương vì hình ngục, nhân từ với nhân dân, là việc đầu tiên của vương chính. Thánh Tông lo tù nhân trong ngục hoặc có kẻ vô tội mà chết vì đói rét, [6a] cấp cho chiếu chăn ăn uống để nuôi sống, lo quan lại giữ việc hình ngục hoặc có kẻ vì nhà nghèo mà nhận tiền đút lót, cấp thêm cho tiền bổng và thức ăn để nhà được giàu đủ. Lo dân thiếu ăn thì xuống chiếu khuyến nông, gặp năm đại hạn thì ban lệnh chẩn cấp người nghèo, trước sau một lòng, đều là thành thực. Huống chi lại tôn sùng đạo học, định rõ chế độ, văn sự thi hành mau chóng bên trong; phía nam bình Chiêm; phía bắc đánh Tống, uy vũ biểu dương hiển hách bên ngoài. Tuy có việc lầm lỗi nhỏ khác cũng vẫn là bậc vua hiền. Hoặc có người bảo là vua nhân nhu có thừa mà cương đoán không đủ, ngu ý chưa cho là phải.

---

[1] Chế Củ: tức vua Chiêm Thành Rudravarman IV.

[2] Châu Địa Lý: năm Thái Ninh thứ 4 (1075) đời vua Lý Nhân Tông đổi gọi là châu Lâm Bình, nay là đất huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình

[3] Châu Ma Linh: năm 1075 đời Lý Nhân Tông đổi gọi là châu Minh Linh, nay là đất huyện Bến Hải, tỉnh Quảng Trị

[4] Châu Bố Chính: nay là đất các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

[5] Lời chú thích trong nguyên bản nói: "Địa Lý nay là Quảng Nam" là không đúng. Xem chú thích về châu Địa Lý ở trên.

[6] Tứ phối: chỉ Nhan Uyên, Tăng Sâm, Tử Tư, Mạnh Tử là bốn học trò của Khổng Tử được thờ với thầy ở Văn Miếu.

[7] Thất thập nhị hiền: 72 học trò giỏi của Khổng Tử.

[8] Chùa Tiên Du: ở núi Tiên Du, xem chú thích (4) trang 256)

[9] Tức dãy hành lang đã quy định chỉ có các quan chức đô (chỉ huy các đô quân cấm vệ) mới được phép lui tới

Hoàng thái tử Càn Đức lên ngôi trước linh cữu, đổi niên hiệu là Thái Ninh năm thứ 1. Bấy giờ vua mới 7 tuổi, tôn mẹ đẻ là _ Lan nguyên phi làm Hoàng thái phi, tôn mẹ đích là Thượng Dương thái hậu **[6b]** họ Dương làm Hoàng thái hậu, buông rem cùng nghe chính sự, Thái sư Lý Đạo Thành giúp đỡ công việc.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, vua xem lễ tắm Phật.

Vua bắt đầu ngự điện Thiên An coi chầu. Tha các tù ở phủ Đô hộ.

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Húy Càn Đức, con trưởng của Thánh Tông, mẹ đẻ là thái hậu Linh Nhân, sinh vua ngày 25 tháng giêng năm Bính Ngọ, Long Chương Thiên Tự thứ 1 [1066], ngày hôm sau lập hoàng thái tử. Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 56 năm [1072 - 1127], thọ 63 tuổi [1066 - 1127], băng ở điện Vĩnh Quang. Vua trán dô mặt rồng, tay dài quá gối, sáng suốt thần võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, thần giúp người theo, thông âm luật, chế ca nhạc, dân được giàu đông, mình được thái bình, là vua giỏi của triều Lý. Tiếc rằng mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều lụy cho đức tốt.

Qúy Sửu, Thái Ninh năm thứ 2 [1073], (Tống Hy Ninh năm thứ 6). Bấy giờ mưa dầm, rước phật Pháp Vân[1] về kinh để cầu tạnh. Cúng thần núi Tản Viên.

Giam Hoàng thái hậu họ Dương, tôn Hoàng thái phi làm Linh **[7a]** Nhân hoàng thái hậu. Linh nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự, mới kêu với vua rằng: "Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ phú quý người khác được hưởng thế thì sẽ để mẹ già vào đâu?". Vua bèn sai đem giam Dương thái hậu và 76 người thị nữ vào cung Thượng Dương, rồi bức phải chết chôn theo lăng Thánh Tông.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông là người nhân hiếu, Linh Nhân là người sùng Phật, sao lại đến nỗi giết đích thái hậu, hãm hại người vô tội, tàn nhẫn đến thế ư? Vì ghen là thường tình của đàn bà, huống chi lại mẹ đẻ mà không được dự chính sự. Linh Nhân dẫu là người hiền cũng không thể nhẫn nại được, cho nên phải kêu với vua. Bấy giờ vua còn trẻ thơ, chỉ biết chiều lòng mẹ là thích, mà không biết là lỗi to. Thái sư Lý Đạo Thành phải ra trấn bên ngoài, biết đâu chẳng vì can gián **[7b]** việc ấy?

Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Thái sư Lý Đạo Thành lấy chức Tả gián nghị đại phu ra coi châu Nghệ An. Đạo Thành lập viện Địa Tạng ở trong miếu Vương Thánh châu ấy, ở giữa viện đặt tượng Phật và vị hiệu của Thánh Tông, sớm hôm thờ phụng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo Thành là đại thần cùng họ, đương khi để tang Thánh Tông vì có việc ra trấn ở ngoài, lòng cảm nhớ tiên đế là chân tình, nhân mượn cớ thờ Phật để thờ vua, đó chỉ là việc nhất thời mà thôi. Về sau những người trấn thủ châu Nghệ An vẫn lấy nơi ấy làm chỗ phụng thờ Thánh Tông, suốt cả triều Lý không ai chê việc ấy là trái. Phàm vua không được tế ở nhà bề tôi, cha không được tế ở nhà con thứ, huống chi lại thờ chung với người Di. **[8a]** Đó là lỗi của nhà Lý sùng Phật.

Giáp Dần, [Thái Ninh] năm thứ 3 [1074], (Tống Hy Ninh năm thứ 7). Mùa xuân có chim sẻ trắng đậu ở cấm đình. Chiêm Thành lại quấy rối biên giới.

Cho Lý Đạo Thành làm Thái phó bình chương quân quốc trọng sự.

Xuống chiếu cho các công thần 80 tuổi đều được chống gậy ngồi ghế khi vào chầu.

[1] Phật Pháp Vân: là Phật ở chùa Pháp Vân, tức chùa Dâu, ở huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc ngày nay

Ất Mão, [Thái Ninh] năm thứ 4 [1075], (Tống Hy Ninh năm thứ 8). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu tuyển Minh kinh bác học và thi Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh trúng tuyển, cho vào hầu vua học.

Vương An Thạch nhà Tống cầm quyền, tâu [với vua Tống] rằng nước ta bị Chiêm Thành đánh phá. Quân còn sót lại không đầy vạn người, có thể dùng kế chiếm lấy được. Vua Tống sai Thẩm Khởi, và Lưu di làm tri Quế Châu[1] ngầm dấy binh người Man động[2], đóng thuyền bè, tập thủy chiến, cấm các châu huyện không được mua bán với nước ta. Vua biết tin, sai Lý Thường Kiệt, **[8b]** Tông Đản đem hơn 10 vạn binh đi đánh. Quân thủy, quân bộ đều tiến[3]. Thường Kiệt đánh các châu Khâm, Liêm; Đản vây châu Ưng, Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Lôn (nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây của nhà Minh) phá tan được, chém Thủ Tiết tại trận. Tri Ưng châu là Tô Giám cố thủ không hàng. Quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chồng bao đất trèo lên thành. Thành bèn bị hạ. Giám cho gia thuộc 36 người chết trước, chôn xác vào hố, rồi châm lửa tự đốt chết. người trong thành cảm ân nghĩa của Giám, không một người nào chịu hàng, giết hết hơn 5 vạn 8 nghìn người, cộng với số người chết ở các châu Khâm, Liêm thì đến hơn 10 vạn. Bọn Thường Kiệt bắt sống người ba châu ấy đem về. Vua Tống truy tặng Giám là Phụng quốc quân tiết độ sứ, thụy là Trung Dũng, cho một khu nhà lớn ở kinh thành, 10 khoảnh ruộng tốt cho thân tộc **[9a]** 7 người làm quan, cho con là Nguyên chức Cáp môn chi hậu.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhà Tống cho Tô Giám thụy là Trung Dũng cũng đủ nêu rõ sự trung dũng của Lý Thường Kiệt, há có thể xem như hạng Túc Sa[4] đâu?

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 1 Canh Dần, nhật thực.

Sai Lý Thường Kiệt tổng lĩnh các quân đi đánh Chiêm Thành, không thắng được. Thường Kiệt bèn họa địa đồ hình thế núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh rồi về. Đổi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh là châu Minh Linh, chiêu mộ dân chúng đến đấy ở. Cho Thường Kiệt làm Thái úy.

Bính Thìn, [Thái Ninh] năm thứ 5 [1076], (từ tháng 4 về sau là niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, nhà Tống sai tuyên phủ sứ Quảng Nam[5] là Quách Quỳ làm Chiêu Thảo sứ, Triệu Tiết làm phó, đem quân 9 tướng, hợp với Chiêm Thành và **[9b]** Chân Lạp sang xâm lấn nước ta. Vua sai Lý Thường Kiệt đem quân đón đánh, đến sông Như Nguyệt[6] đánh tan được. Quân Tống chết hơn 1 nghìn người. Quách Quỳ lui quân, lại lấy châu Quảng Nguyên của ta (người đời truyền rằng Thường Kiệt làm hàng rào theo dọc sông để cố thủ. Một đêm quân sĩ chợt nghe ở trong đền Trương tướng quân có tiếng đọc to rằng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phân định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!

(Sông núi nước Nam, Nam đế ở,

---

[1] Quế Châu: nay là đất huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Người man động: ở đây chỉ chung người các dân tộc thiểu số ở miền núi biên giới Việt - Tống.

[3] Cương mục dẫn Cương mục tục biên của Trung Quốc, ghi cuộc hành quân của Lý Thường Kiệt bắt đầu vào mùa đông năm Ất Mão (1075), đánh châu Khâm và châu Liêm vào tháng 11 năm ấy, đánh châu Ung vào tháng giêng năm Bính Thình (1076) để đính chính việc Toàn Thư ở đây ghi dưới đoạn chép việc tháng 2, trước đoạn chép việc mùa thu tháng 8 (CMCB3, 36a)

[4] Túc Sa: chỉ Túc Sa Vệ, tướng nước Tề thời Xuân Thu, theo lệnh của Tề Tương Công đem quân đi đánh đất Lai, thế thắng, nhưng Vệ nhận hối lộ rồi đem quân trở về

[5] Quảng Nam: tên lộ của nhà Tống, sau chia làm Quảng Nam Đông lộ, tức tỉnh Quảng Đông và Quảng Nam Tây lộ, tức tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[6] Sông Như Nguyệt: tức sông Cầu

Rõ ràng phân định tại sách trời
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?
Cứ thử làm xem, chuốc bại nhơ![1])

Sau đó quả nhiên như thế. (Hai anh em Trương tướng quân, anh tên là Khiếu[2], em tên là Hát, đều là tướng giỏi của Triệt Việt Vương. [Triệu] Việt Vương bị [Hậu] Lý Nam Đế đánh bại mà mất nước. Nam Đế gọi cho làm quan, hai người đều nói: "Tôi trung không thờ kẻ làm vua đã giết hại chủ mình". Rồi ẩn mình trốn ở núi Phù Long, Nam Đế gọi mấy lần không chịu ra, mới hạ lệnh ai chém được thủ cấp hai người thì thưởng nghìn vàng. Hai người đều uống thuốc độc chết. Nam Tấn Vương nhà Ngô đi đánh giặc Lý Huy ở châu Tây Long đóng quân ở cửa Phù La[3], chiêm bao thấy có hai người xin theo giúp quân, nói rằng trời thương họ là trung thần không thờ hai vua, bổ làm "Than hà Long quân phó tuần Vũ Lạng nhị giang" và Chi mạn nguyên tuần giang đô phó sứ". Đến khi dẹp xong giặc, Nam Tấn Vương nhà Ngô phong cho anh làm "Đại đương giang đô hộ quốc thần vương", lập đền thờ ở cửa sông Như Nguyệt, em là "Tiểu đương giang đô hộ quốc thần vương", lập đền thở ở cửa sông Nam quận tức là đền thờ này).

Mùa hạ, tháng 4, đại xa, đổi niên hiệu làm Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 1.

Xuống chiếu cầu lời nói thẳng.

[10a] Cất nhắc những người hiền lương có tài văn võ cho quản quân dân.

Chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc tử giám.

Đinh Tỵ, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 2 [1077], (Tống Hy Ninh năm thứ 10). Mùa xuân, mở hội Nhân Vương[4] ở điện Thiên An.

Tháng 2, thi lại viện bằng phép viết chữ, phép tính và hình luật.

Tháng 3, lại đem đại binh sang đánh hai châu Khâm và Liêm nước Tống, nói lấy tiếng rằng nhà Tống thi hành phép thanh miêu[5], tàn hại dân Trung quốc, cho nên đem quân sang hỏi tội để cứu giúp nhau[6].

Mùa đông, tháng 12, Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lấn, không được lại đem quân về[7].

Mậu Ngọ, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 3 [1078], (Tống Nguyên Phong năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sửa lại thành Đại La, sai Đào Tống Nguyên đem biếu nhà Tống 5 con voi thuần, xin trả lại các châu Quảng Nguyên, Tô Mậu, và những người các châu ấy bị bắt đi.

---

[1] Bài thơ này có nhiều dị bản chép trong Việt Điện U Linh, Trương tôn thần sự tích, Thiên Nam vân lục liệt truyện, Hoàng Việt thi tuyển v.v... ở đây chúng tôi dịch nghĩa theo văn bản của Toàn Thư

[2] Về tên nhân vật truyền thuyết, người anh của Trương Hải, Việt điện u linh, Hoàng Việt thi tuyển v.v... chép là Trương Hống, nhưng ở đây nguyên bản Toàn Thư in rõ là Khiếu (Hống và Khiếu đều có nghĩa là kêu to, nhưng Hống riêng dùng với loài vật lớn). Ngoài Toàn Thư còn có Toàn Việt thi lục cũng chép là Trương Khiếu. Chúng tôi dịch theo văn bản Toàn Thư và nêu vấn đề để xác minh sau.

[3] Châu Tây Long và cửa Phù Lan: chưa rõ ở đâu, Lê Đại Hành phong cho con là Cân làm Ngự Bắc Vương, đóng ở Phù Lan, Cương Mục ghi Phù Lan là tên trại ở xã Phú Vệ, huyện Đường Hào, Hải Dương (CMCB1,27a). Đường Hào nay là huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Dương.

[4] Nhân Vương Hội: tức hội tụng kinh Phật thuyết Nhân Vương Bát Nhã Bà La Mật Kinh, trong đó có đoạn nói rằng vua các nước cầu nguyện kinh này thì muôn dân được tai qua nạn khỏi.

[5] Chỉ biện pháp kinh tế của nhà Tống do Vương An Thạch đề xướng: mỗi năm hai vụ xuân hè, nhà nước cho dân vay tiền lúc lúa còn non, khi gặt trả lãi 2 phân.

[6] Như Toàn Thư ghi đây thì quân nhà Lý trước sau hai lần sang đánh châu Khâm, châu Liêm (lần trước vào năm Ất Mão, 1075, và lần này vào tháng 3 năm Đinh Tỵ, 1077). Cương Mục theo các tài liệu của Trung Quốc như Cương Mục tục biên, Giao Chỉ di biên đã sửa lại, ghi cuộc hành quân năm Ất Mão diễn ra vào tháng 11 và kết thúc sau khi hạ thành Ung Châu tháng giêng năm Bính Thìn (1076), trước sau chỉ một lần chứ không phải hai lần như Toàn Thư đã chép lầm (CMCB3, 36a)

[7] Theo Cương Mục, Triệu Tiết chỉ là phó tướng của Quách Quỳ đem quân sang xâm lược nước ta năm Bính Thìn, 1076 (Toàn Thư đã ghi ở BK3, 9a) chứ không phải lại sang lần nữa vào năm này (Đinh Tỵ, 1077) như Toàn Thư đã chép nhầm ở đây.

[10b] Kỷ Mùi, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 4 [1079], (Tống Nguyên Phong năm thứ 2). Châu Lạng dâng voi trắng.

Mưa đá.

Được mùa to.

Nhà Tống đem Thuận Châu trả cho ta (tức là châu Quảng Nguyên, nhà Tống đổi làm Thuận Châu).

Canh Thân, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 5 [1080], (Tống Nguyên Phong năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 2, đúc chuông lớn cho chùa Diên Hựu. Chuông đúc xong, đánh không kêu, nhưng cho rằng nó đã thành khí, không nên tiêu hủy, bèn đem bỏ ở Quy Điền [ruộng rùa] của chùa. Ruộng ấy, thấp ướt, có nhiều rùa, người bấy giờ gọi là chuông Quy Điền.

Mùa thu, tháng 8, móc ngọt xuống. Vua đem đua thuyền.

Tân Dậu, /Anh Vũ Chiêu Thắng/ năm thứ 6 [1081], (Tống Nguyên Phong năm thứ 4). Mà xuân, mặt trời có hai quầng sáng. Trả lại cho nhà Tống dân và lính bị bắt ở ba châu Ung, Khâm, Liêm, vì nhà Tống đã trả lại ta các châu Quảng

Nguyên.

Mùa đông, tháng 10, Thái **[11a]** sư Lý Đạo Thành chết.

Nhâm Tuất, /Anh Vũ Chiêu Thắng/ năm thứ 4 [1082], (Tống Nguyên Phong năm thứ 5). Mùa xuân, gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh.

Quý Hợi, /Anh Vũ Chiêu Thắng/ năm thứ 8 [1083], (Tống Nguyên Phong năm thứ 6). Mùa xuân, vua thân duyệt các hoàng nam[1], định làm 3 bậc.

Rồng vàng bay từ điện Tử Thần đến điện Hội Long.

Giáp Tý, /Anh Vũ Chiêu Thắng/ năm thứ 9 [1084], (Tống Nguyên Phong năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 6, sai thi lang bộ Binh Lê Văn Thịnh đến trại Vĩnh Bình cùng với người Tống bàn việc cương giới.

Xuống chiếu cho thiên hạ nung ngói lợp nhà.

Định biên giới.

Nhà Tống trả lại cho ta 6 huyện 3 động. Người Tống có thơ rằng:"Nhân tham Giao Chỉ tượng, khướt thất Quảng Nguyên kim" (vì tham voi Giao Chỉ, bỏ mất vàng Quảng Nguyên).

[11b] Ất sửu, /Quảng Hựu/ năm thứ 1 [1085], (Tống Nguyên Phong năm thứ 8). Cho Lê Văn Thịnh làm Thái sư. Bấy giờ thiên hạ vô sự, Hoàng hậu đi chơi khắp các nơi núi sông, ý muốn xây dựng chùa tháp.

Bính Dần, /Quảng Hựu/ năm thứ 2 [1086], (Tống Triết Hú, Nguyên Hựu năm thứ 1). mùa xuân, Nguyễn Viễn dâng con rùa 6 chân, trên lưng có vạch chữ.

Mùa thu, tháng 8, thi người có văn học trong nước, sung làm quan ở Hàn lâm viện, Mạc Hiển Tích trúng tuyển, bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Làm chùa ở núi Đại Lãm[2].

Đinh Mão, /Quảng Hựu/ năm thứ 3 [1087], (Tống Nguyên Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, dựng bí thư các.

---

[1] Tức là dân đinh từ 18 tuổi trở lên, xem chú thích (1), tr. 264.

[2] Chùa Đại Lãm Sơn hay chùa Lãm Sơn: tức là chùa Giạm trên núi Giạm (Lãm Sơn) ở xả Nam Sơn, huyện Quế Võ, tĩnh Hà Bắc, nay vẫn còn các lớp nền và cột đá chạm rồng thời Lý.

Nhà Tống phong làm Nam Bình Vương.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến chùa Lãm Sơn. Đêm ban yến cho các quan, vua thân làm hai bài thơ Lãm Sơn dạ yến.

Mậu Thìn, /Quảng Hựu/ năm thứ 4 [1088], (Tống Nguyên Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, phonh nhà sư Khô Đầu làm Quốc sư (có thuyết nói là cho **[12a]** tiết việt, cùng với Tể tướng đứng trên điện, xét đoán công việc và đơn từ kiện tụng của thiên hạ, chưa chắc là có thể, có lẽ bấy giờ Nhân Tông sùng đạo Phật, phong làm Quốc sư để hỏi việc nước, cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt mà thôi). Dặt chức thư gia mười hỏa[1].

Định các chùa trong nước làm ba hạng đại, trung và tiểu danh lam, cho quan văn chức cao kiêm làm đề cử[2]. Bấy giờ nhà chùa có điền nô và kho chứa đồ vật, cho nên đặt chức ấy.

Mùa đông, tháng 10, xây tháp chùa Lãm Sơn.

Kỷ Tỵ, /Quảng Hựu/ năm thứ 5 [1089], (Tống Nguyên Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, định các chức văn võ, quan hầu vua và các chức tạp lưu.

Quân nhà Tống /xâm phạm/ vào châu Thạch Tê[3].

Đào ngòi lãnh kinh[4].

Canh Ngọ, /Quảng Hựu/ năm thứ 6 [1090], (Tống Nguyên Hựu năm thứ 5). Làm cung hợp hoan.

Tân Mùi, /Quảng Hựu/ năm thứ 7 [1091], (Tống Nguyên Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, vua ngự đến Lạng Sơn xem bắt voi. Mùa Đông, tháng 11, cho Hà Ư làm Thiếu úy tri điện tiền chư quân sự.

Lê Toàn Nghĩa dâng **[12b]** con rùa năm sắc.

Nhâm Thân, /Quảng Hựu/ năm thứ 7 [1092], (Tống Quang Hựu năm thứ 8), (Ừ tháng 8 về sau là niên hiệu Hội phong năm thứ 1; Tống Nguyên Hựu năm thứ 7). Mùa Thu, tháng 8 đổi niên hiệu làm Hội Phong năm thứ 1.

Được mùa to. Định sổ ruộng, thu tô mỗi mẫu 3 thăng[5] để cấp lương cho quân.

Qúy Dậu, /Hội Phong/ năm thứ 2 [1093], (Tống Nguên hựu năm thứ 8). Cây ưu bát đàm /cây sung/[6] nở hoa.

Giáp Tuất, /Hội Phong/ năm thứ 3 [1094], (Tống Thiệu Thánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sai Hàn Lâm học sĩ Mạc Hiển Tích sang sứ Chiêm Thành đòi lễ tuế cống.

Mùa Hạ, tháng 4, tháp chùa Lãm Sơn xây xong.

Ất Hợi, /Hội Phong/ năm thứ 4 [1095], (Tống Thiệu Thánh năm thứ 2). Mùa xuân, các vương vào chầu.

Mùa Hạ, tháng 6, đại hạn. Thả tù, giảm hoặc miễn các khoản tang thuế[1].

---

[1] Nguyên văn: "thư gia thập hỏa". Thư gia theo Lê Quý Đôn là ty lại (người giúp việc văn thư giấy tờ ở các nha môn. Kiến văn tiểu tục Bản dịch, NXB Sử học, 1962, tr. 189). Phan Huy Chú kể tên một số "thư gia" như nội hỏa thư gia, ngự khố thu gia, chi hậu thư gia, nội thư gia, lệnh thư gia (Lịch triều hiến chương loại chí, t.2: Quan chức chí, NXB Sử học ,1961, tr.6). Các "thư gia" khác đều chưa rõ.

[2] Đề cử: tên chức quan thời Lý, quản lý ruộng đất và tài sản của nhà chùa.

[3] Châu Thạch Tê: có lẽ miền huyện Thạch Lâm cũ của tỉnh Cao Bằng (theo Hoàng Xuân Hãn, Lý Thường Kiệt, Sđd). Thạch Lâm là đất các huyện Hòa An và Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[4] Lãnh Kinh Xuyên: khúc sông qua bến Lãnh Kinh, xem chú thích ở BK1, 26b.

[5] Thăng : đơn vị đo lường, chưa rõ tương đương đơn vị ngày nay như thế nào.

[6] Ưu bát đàm: đúng tên là ưu đàm bát, còn gọi là ô - đàm - bạt - ha, ưu - đàm - ba - la, đều là chữ phiên âm tiếng Phạn: Udumbara; xem chú thích (3), tr. 255.

Trời mưa.

Bính Tý, /Hội Phong/ năm thứ 5 [1096], (Tống Thiệu Thánh năm thứ 3). Mùa Xuân, tháng 3, Lê Văn Thịnh mưu làm phản, tha tội chết, **[13a]** an trí ở Thao Giang[2]. Bấy giờ vua ra hồ Dâm Đàm, ngự trên thuyền nhỏ xem đánh cá. Chợt có mây mù nổi lên, trong đám mù nghe có tiếng thuyền bơi đến, tiếng mái chèo rào rào, vua lấy giáo ném. Chốc lát mây mù tan, thấy trong thuyền có con hổ, mọi người sợ tái mặt, nói: "Việc nguy rồi!". Người đánh cá là Mạc Thận quăng lưới trùm lên con hổ, thì ra là Thái sư Lê Văn Thịnh. Vua nghĩ Thịnh là đại thần có công giúp đỡ, không nỡ giết, đày lên trại đầu Thao Giang. Thưởng cho Mục Thận quan chức và tiền của, lại cho đất ở Tây Hồ làm thực ấp. Trước đấy Văn Thịnh có gia nô người nước Đại Lý[3] có phép thuật kỳ lạ, cho nên mượn thuật ấy toan làm chuyện thí nghịch.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kẻ làm tôi /phạm tội/ giết vua cướp ngôi mà được miễn tội chết, thế là sai trong việc hình, lỗi ở vua tin sùng đạo Phật.

[13b] Đinh Sửu, /Hội Phong/ năm thứ 6 [1097], (Tống Thiệu Thánh năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu kiểm định các lệ, đều phỏng theo các điển cũ.

Mùa Thu, tháng 8, sao mọc ban ngày. Bấy giờ trong nước giàu đủ, Thái hậu làm nhiều chùa Phật.

Mậu Dần, /Hội Phong/ năm thứ 7 [1098], (Tống Nguyên Phù năm thứ 1). Mùa Thu, tháng 8, động đất.

Sao Chổi hiện ra.

Kỷ Mão, /Hội Phong/ năm thứ 8 [1098], (Tống Nguyên Phù năm thứ 2). Rồng thần hiện xuống ở cây mai.

Canh Thìn, /Hội Phong/ năm thứ 9 [1100], (Tống Nguyên Phù năm thứ 3). Mùa Đông, tháng 12, bệnh dịch lớn.

Tân Tỵ, Long Phù năm thứ 1 [1101], (Tống Huy Tông Cát, Kiến Trung Tĩnh Quốc năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu. Cho Thái úy Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán thủ đô áp nha hành điện nội ngoại đô tri sự.

Sửa chùa Diên Hựu.

Nhâm Ngọ, /Long Phù/ năm thứ 2 [1102], (Tống Sùng Ninh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Lập xuân; tuyết lành xuống.

Tháng 2, **[14a]** nước to. Sai Hoàng hậu và các phi tần trai giới lập đàn chay để cầu tự.

Quí Mùi, /Long Phù/ năm thứ 3 [1103], (Tống Sùng Ninh năm thứ 2). Mùa xuân, Thái hậu phát tiền ở kho Nội phủ để chuộc những con gái nhà nghèo đã phải bàn đi ở đem gã cho những người góa vợ.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Con gái nhà nghèo đến phải cầm thân làm mướn, con trai nhà nghèo đến nỗi không có vợ , đó là cùng dân trong thiên hạ. Thái hậu đổi đời cho họ, cũng là việc làm nhân chính vậy.

Mùa Đông, tháng 10, người Diễn Châu là Lý Giác mưu làm phản. Giác trước học được thuật lạ, có thể biến cây cỏ làm người, bèn chiêu tập những kẻ vô lại chiếm cứ châu ấy, đắp thành làm loạn. Việc tâu lên, vua sai bọn Lý Thường Kiệt đi đánh. Giác thua trốn sang Chiêm Thành, dư đảng đều bị dẹp yên.

---

[1] Tang thuế: chưa rõ nội dung từ này, theo nghĩa chữ có thể hiểu là thuế và tang. Tang có nghĩa là bẩn thỉu, bỉ ổi, có thể là từ dùng để chỉ các khoản phụ thu thuế bất chính.

[2] Thao Giang: tên trại thời Lý, thời Trần đổi là lộ (Phạm Sư Mạnh có bài thơ Án Thao Giang lộ), nay là vùng huyện Tam Thanh, Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú.

[3] Nước Đại Lý: xem chú thích (1) tr. 270.

Chiêm Thành cướp **[14b]** biên giới.

Giáp Thân, /Long Phù/ năm thứ 4 [1104], (Tống Sùng Ninh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành, nói tình hình hư thực của nước ta. Vua Chiêm Thành là Chế Ma Na[1] nhân thế đem quân vào cướp, lấy lại 3 châu Địa Lý v.v... mà Chế Củ đã dâng. Đến đây, sai Lý Thường Kiệt đi đánh, phá được, Chế Ma Na lại dâng nộp đất ấy.

Tháng 3, định lại binh hiệu của quân cấm vệ.

Ất Dậu, /Long Phù/ năm thứ 5 [1105], (Tống Sùng Ninh năm thứ 4). Mùa xuân, cúng thần Cao Môi[2] . Mùa hạ, tháng 6, Thái úy Lý Thường Kiệt chết, tặng chức Nhập nội điện đô tri kiểm hiệu thái úy bình chương quân quốc trọng sự, tước Việt quốc công, thực ấp 1 vạn hộ, cho người em là Lý Thường Hiến được kế phong tước hầu (Thường Kiệt người phường Thái Hòa, thành Thăng Long, nối đời làm quan, nhiều mưu lược, có tài làm tướng. Khi còn ít tuổi, vì vẻ mặt tươi đẹp được sung làm Hoàng môn chi hậu theo hầu Thái Tông, thăng dần đến chức Nội thị sảnh đô tri. Thánh Tông phong chức Thái bảo, trao cho tiết **[15a]** việt để đi thăm hỏi lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An. Đến khi vua thân đi đánh Chiêm Thành, ấy làm tướng tiên phong, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Vì có công, được phong làm Phụ quốc thái phó, dao thụ chư trấn tiết độ, đồng trung thư môn hạ, thượng trụ quốc, thiên tử nghĩa đệ, phụ quốc thượng tướng quân, tước Khai quốc công, sau lại có công nữa, được phong làm Thái úy, rồi chết).

Mùa thu, tháng 9, làm hai ngọn tháp chỏm trắng ở chùa Diên Hựu, ba ngọn tháp chỏm đá ở chùa Lãm Sơn. Bấy giờ vua sửa lại chùa Diên Hựu đẹp hơn cũ, đào hồ Liên Hoa Đài[3], gọi là hồ Linh Chiểu. Ngoài hồ có hành lang chạm vẽ chạy chung quanh, ngoài hành lang lại đào hồ gọi là hồ Bích Trì, đều bắc cầu vồng để đi qua. Trước sân chùa xây bảo tháp. Hàng tháng cứ ngày rằm, mồng một và mùa hạ, ngày mồng 8 tháng 4, xa giá ngự đến, đặt lễ cầu phúc, bày nghi thức tắm Phật, hàng năm lấy làm lệ thường.

Bính Tuất, /Long Phù/ năm thứ 6 [1106], (Tống Sùng Ninh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở Phương Tây, đuôi dài khắp trời. Sao Thái Bạch mọc ban ngày. Đại xá cho thiên hạ, trừ những kẻ phe đảng làm loạn.

[15b] Đinh Hợi, **/Long Phù/ năm thứ 7 [1107]**, (Tống Đại Quan năm thứ 1).Mùa hạ, động đất.

Mậu tý, /Long Phù/ năm thứ 8 [1108], (Tống Đại Quan năm thứ 2).Mùa xuân, tháng 2, đắp đê ở phường Cơ Xá[4].

Các tháng mùa hạ không mưa.

Kỷ Sửu, /Long Phù/ năm thứ 9 [1109], (Tống Đại Quan năm thứ 3). Mùa xuân, đắp đài Động Linh.

Mùa thu, kẻ nghịch là Tô Hậu và Đỗ Sùng mưu làm phản, bị giết.

Canh Dần, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 1 [1110], (Tống Đại Quan năm thứ 4).Mùa xuân có người đàn bà dâng con chim phượng non, có đủ 9 chòm ngũ sắc.

Từ Văn Thông[5] dâng hổ trắng, ngựa trắng có cựa và cây cau một gốc 12 thân.

Mùa thu, tháng 8, Chiêm Thành dâng voi trắng

---

[1] Vua Chiêm Thành thời gian này là jaya Indravarman II (1086-1113) (theo G. Maspéro, sđd).

[2] Cao Môi, cũng gọi là Giao Môi: tên vị thần chủ việc sinh con trai.

[3] Liên Hoa Đài trì: hồ ở dưới đài hoa sen.

[4] Tức là đoạn đê sông Hồng ở phường Cơ Xá, nay là ở khoảng gần cầu Long Biên (ở đó còn bãi Cơ Xá) thuộc Hà Nội.

[5] Việt sử lược (q2, 20b) chép là Tham chính Từ Văn Thông.

Tân Mão, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 2 [1111], (Tống Chính Hòa năm thứ 1). Mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân.

[16a] Mùa thu được mùa to.

Mặt trời có hai quầng.

Nhâm Thìn, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 3 [1112], (Tống Chính Hòa nam thứ 2). Mùa xuân, móc ngọt xuống.

Chiêm Thành dâng voi trắng.

Bấy giờ vua tuổi đã nhiều mà chưa có con trai nối dõi, xuống chiếu chọn con của tông thất để lập làm con nối. Em vua là Sùng Hiếu hầu (không rõ tên) cũng chưa có con trai. Gặp lúc nhà sư núi Thạch Thất[1] là Từ Đạo Hạnh đến chơi nhà, hầu nói với Đạo Hạnh về việc cầu tự. Đạo Hạnh dặn rằng:" Bao giờ phu nhân sắp đến ngày sinh thì báo cho tôi biết trước để cầu khấn với sơn thần". Ba năm sau, phu nhân có mang sinh con trai là [Lý] Dương Hoán.

Quý Tỵ, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 4 [1113], (Tống Chính Hòa năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, phu nhân của châu mục châu Chân Đăng là công chúa họ Lý mất. (Phu nhân tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phụng Càn Vương được Thánh Tông nuôi ở trong cung, lớn lên phong làm chúa, gả cho châu mục châu Chân Đăng là người họ Lê, chồng chết, phu nhân tự thề ở góa, đi tu làm sư nữ, đến đây mất, thọ 72 tuổi. Thần Tông tôn làm Ni sư).

[16b] Giáp Ngọ, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 5 [1114], (Tống Chính Hòa năm thứ 4). Mùa xuân, tuyết điềm lành xuống.

Ất Mùi, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 6 [1115], (Tống Chính Hòa năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, phong ba hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên, Chấn Bảo và 36 cung nhân, Bấy giờ vua không có con trai, cho nên lập nhiều hoàng hậu và cung nhân, làm đàn chạy để cầu tự. Thái hậu dựng chùa thờ Phật, trước sau hơn trăm chùa. (Tục truyền rằng thái hậu hối về việc Thượng Dương thái hậu và các thị nữ vô tội mà bị chết, làm nhiều chùa Phật để sám hối rửa oan).

Bính Thân, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 7 [1116], (Tống Chính Hòa năm thứ 6). Mùa hạ, nhà sư Từ Đạo Hạnh trút xác ở chùa núi Thạch Thất (Thạch Thất là tên huyện, tức là huyện Ninh Sơn ngày nay, tên núi là Phật Tích. Từ Đạo Hạnh đến chơi núi ấy, thấy tảng đá trong hang núi có vết chân người, lấy chân ướm vào vừa đúng: tục truyền đó là chỗ Đạo Hạnh trút xác). Trước là phu nhân của Sùng Hiến Hầu là Đỗ thị đã có mang, đến đây trở dạ mãi không đẻ. Hầu nhớ lại lời Đạo Hạnh dặn khi trước, sai người chạy ngựa đi báo. Đạo Hạnh lập tức **[17b]** thay áo tắm rửa, vào hang núi trút xác mà qua đời. Sau đó phu nhân sinh con trai, tức là Dương Hoán. Người làng cho là việc lạ, để xác Đạo Hạnh vào trong khám để thờ. Nay núi Phật Tích tức là chỗ ấy. Hàng năm, mùa xuân, cứ đền ngày mồng 7 tháng 3, con trai, con gái hội họp ở chùa, là hội vui có tiếng một vùng. Người đời sau ngoa truyền là ngày giỗ của sư (xác Đạo Hạnh đến khoảng năm Vĩnh Lạc nhà Minh, bị người Minh đốt cháy, người làng ấy lại đắp tượng lại thờ như cũ, hiện nay hãy còn).

Đinh Dậu, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 8 [1117], (Tống Chính Hòa năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, Diên Thành hầu (không rõ tên) chết. Xuống chiếu bãi trò chơi "tàng câu"[2] và cỗ bàn khao mừng; vẫn phát vàng bạc tiền lụa ở kho để phúng điếu, việc tang rất hậu.

Tháng ấy, người giữ Thái Đường[3] dâng hươu trắng.

Người giáp Cam Giá[4] dâng hươu đen.

---

[1] Núi Thạch Thất: thức núi Thầy (Sài Sơn), huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

[2] Tàng câu: tên gọi một trò chơi tìm vật giấu trong nắm tay, tương tự như trò chơi "tay nào có tay nào không".

[3] Nguyên văn: "Thủ Thái Đường nhân". Thái Đường có lẽ là tên giáp, vị trí vào khoảng huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[4] Cam Giá: tức vùng mía ở huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Tháng 2, định rõ lệnh cấm giết trộm trâu. Hoàng thái hậu nói: "Gần đây ở kinh thành, hương ấp, có nhiều người trốn tránh, **[17b]** lấy việc ăn trộm trâu làm nghề nghiệp, trăm họ cùng quẫn, mấy nhà cày chung một con trâu. Trước đây, ta đã từng nói đến việc ấy nhà nước đã có lệnh cấm. Nay giết trâu lại càng nhiều hơn trước". Bấy giờ vua xuống chiếu kẻ naò mổ trộm trâu thì phạt 80 trượng, đồ làm khao giáp[1], vợ xử 80 trượng, đồ làm tang thất phụ[2] và bồi thường trâu; Láng giềng biết mà không tố cáo, phạt 80 trượng.

Tháng 3, ngày Bính Thìn, vua ngự đến núi Chương Sơn[3] để khánh thành bảo tháp Vạn Phong Thành Thiện. Có rồng vàng hiện.

Vua lại ngự đến hành cung Ứng Phong[4] (nay là phủ Nghĩa Hưng) xem cày ruộng công.

Mùa hạ, tháng 5, Viên ngoại lang là Ngô Thiệu dâng cây lúa chiêm một gốc 9 bông.

Phò mã lang là Dương Cảnh Thông dâng hươu trắng.

Thủ lĩnh châu Tư Nông[5] là Hà Vĩnh Lộc dâng con ngựa hồng có cựa.

Sầm Tác Hỏa đầu là Lê Binh và Tào Nhi cùng dâng hươu trắng. Người giáp Trực Tà dâng con hoẵng trắng.

Tháng 6, vua ngự đến hành cung **[18a]** Ứng Phong xem cày ruộng. Khi ấy không mưa, cầu đảo ở hành cung.

Rồng vàng hiện ở bảo đài, cầu đảo ở Động Linh.

Trung Nghĩa hầu (không rõ tên) chết.

Mùa thu, tháng 7, ngày 25, _ Lan hoàng thái hậu băng, Hỏa táng, bắt 3 người hầu gái chôn theo. Tôn dâng tên thuy là Phù Thánh Linh Nhân Hoàng Thái Hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Hỏa táng là lễ đạo Phật, chôn theo là tục nhà Tần, Nhân Tông đều làm theo, hoặc giả vâng lời dặn lại của thái hậu chăng?

Mùa thu, tháng 8, táng Linh Nhân hoàng thái hậu ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức[6].

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Khải Thuy xem gặt. Đêm hôm ấy, mặt trăng có hai quầng.

Tìm con trai họ tông thất để nuôi ở trong cung. Xuống chiếu rằng:"Trẫm cai trị muôn dân mà lâu không có con nối, ngôi báu của thiên hạ biết truyền cho ai? **[18b]** ậy nên tẫm nuôi con trai của các hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng, chọn người nào giỏi thì lập làm thái tử. Bấy giờ con Sùng Hiền hầu là Dương Hoan mới lên 2 tuổi mà thông minh lanh lợi, vua rất yêu và bèn lập làm hoàng thái tử.

Chiêm Thành dâng 3 đóa hoa bằng vàng.

Mậu Tuất,/Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 9 [1118], (Tống Trùng Hòa năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu chọn hoàng nam trong dân chúng và binh lính.

Tháng 2, sứ nước Chân lạp sang chầu. Đặt lễ yến tiệc mùa xuân và mở hội khánh thành bảy bảo tháp. Bấy giờ xuống chiếu cho Hữu ty bày nghi trượng ở điện Linh Quang, dẫn sứ giả đến xem.

---

[1] Đồ khao giáp: đây làm kẻ phục dịch trong quân.

[2] Tang thất phụ: đàn bà làm việc ở nhà chăn tằm.

[3] Núi Chương Sơn: là núi Ngô Xá ở xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam ngày nay. Dấu vết của ngôi tháp thời Lý nay vẫn còn.

[4] Ứng Phong: tên phủ thời Lý, tương đương với phủ Nghĩa Hưng thời Lê, tức là đất ba huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, tỉnh Nam Định ngày nay.

[5] Tư Nông: tên châu thời Lý, nay là huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[6] Phủ Thiên Đức:Tức là châu Cổ Pháp trước năm 1010, xem chú thích (1) tr. 240.

Tháng 3, lấy các đại hoàng nam khỏe mạnh sung vào làm binh các đội Ngọc Giai, Hưng Thánh, [Vũ] Đô[1] và Ngự Long, tất cả 350 người.

Tả thị lang bộ Hộ là Lý Tú Quyền chết.

Mùa hạ, tháng 5, biếm Hữu thị lang bộ Lễ là Lê Bá ngọc làm Nội nhân thư gia.

Đại hạn, cầu đảo được mưa.

Mùa thu, tháng 7, **[19a]** ãi ỗ àn tết Trung Nguyên[2] vì gặp ngay Lễ Vu lan bồn[3] [cầu siêu cho] Linh Nhân hoàng thái hậu.

Chiêm Thành sang cống.

Tháng 9, ngày Tân Tỵ, mở hội Thiên phật [Nghìn Phật] để khánh thành chùa Thắng Nghiêm Thánh Thọ, cho sứ Chiêm Thành đến xem.

Ngày Bính Tuất, vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền, đặt lễ yến tiệc mùa thu.

Muà đông, tháng 11, sai Viên ngoại lang là Nguyễn Bá Độ[4] và Lý Bảo Thần đem biếu nhà Tống hai con tê giác trắng, đen và 3 con voi nhà.

Năm ấy, có mọc ngọt xuống, vua tự tay viết tám chữ, "Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế" vào bia, sai thợ khắc.

Cấm nô bọc của các nhà dân trong ngoài kinh thành không được thích mực vào ngực, vào chân như cấm quân cùng là xăm hình rồng ở mình, ai phạm thì sung làm quan nô.

Kỷ Hợi, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 10 [1119], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự đến Khoái Trường bắt voi trắng.

Mùa hạ, **[19b]** tháng 4, Đô tào là Phan Điền dâng hươu trắng.

Tháng 5, mở hội khánh thành chùa Tịnh Lự. Rồng hiện ở hàng bán nước chè ở Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, đóng hai chiếc thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan. Xuống chiếu cho các quân đóng thuyền chiến, sửa đồ binh giáp, vua muốn thân đi đánh động Ma Sa[5].

Tháng 8, ngày Giáp Thân, vua ngự điệnLinh Quang xem đua thuyền. Đặt lễ yến tiệc mùa thu. Từ đó về sau, hàng năm tháng 8 đua thuyền thì đặt yến làm lệ thường.

Mùa đông, tháng 10, duyệt sáu binh tào Vũ Tiệp, Vũ Lâm v.v..., người nào mạnh khỏe cho làm hỏa đầu ở các đội quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bổng Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô, còn bậc dưới thì cho làm binh ở các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bổng Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô, Ngự Long.

Họp các quân nhân cả nước thề ở Long Trì. Xuống chiếu rằng:"Trẫm nhận lấy cơ nghiệp của một tổ hai tông, đứng trên dân đen, coi triệu họ trong bốn biển đều như con đỏ, cả đến cõi xa cũng mến **[20a]** lòng nhân mà quy phụ, phương khác cũng mộ nghĩa mà lại chầu. Vả xét dân động Ma Sa sống ở trong cõi của ta, động trưởng Ma Sa thì đời đời làm phiên thần của ta, thế mà nay kẻ tù trưởng ngu hèn ấy bỗng phụ ước của ông cha, quên việc tuế cống khiếm khuyết lệ thường phép cũ. Trẫm vẫn nghĩ mãi, việc không đừng được, nay trẫm tự làm tướng đi đánh dẹp. Nay các tướng súy sáu quân, các ngươi đều phải hết lòng, tuân theo mệnh lệnh của trẫm". Bèn ban khí giới cho tướng sĩ, vua ngự thuyền Cảnh Hưng, xuất phát từ bến Thiên Thu, cờ xí rợp trời, gươm giáo rẽ sương, quân sĩ đánh trống reo hò, khí

[1] Nguyên bản in sót chữ Vũ, ỡ đoạn sau (BK3, 19b) có ghi rõ Vũ Đô.

[2] Tiết Trung Nguyên: tức lễ rằm tháng bảy.

[3] Lễ Vu Lan bồn: lễ cúng Phật ngày rằm tháng bảy, cầu siêu cho cha mẹ khỏi bị khổ hình ở địa ngục.

[4] Đại Việt sử lược (q.2, 22b) chép tên người này là Nguyễn Bá Khánh (hai chữ) Khánh và Độ dễ sao chép lầm).

[5] Động Ma Sa: thuộc địa phận huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

thế trăm phần hăng hái. Ngày hôm ấy, rồng vàng hiện bay theo thuyền. Đến bờ thác Long Thủy[1], Thành Khánh hầu dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, trên ức có chữ "Vương". Sóng lại nổi lên. Vua tự làm tướng đánh động Ma Sa, phá tan được, bắt được bọn động trưởng Ngụy Bàng vài trăm người, lấy được vàng lụa trâu dê không **[20b]** kể xiết. Sai tỷ tướng vào các động dọc biên giới chiêu dụ những người trốn tránh bảo về yên nghiệp.

Tháng 12, ngày mồng 1, vua từ động Ma Sa về, dâng tù Ngụy Bàng ở Thái Miếu. Khao thưởng tướng sĩ, ban tiền lụa theo thứ bậc khác nhau.

Canh Tý, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 1 [1120], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, bề tôi đang biểu khuyên gia thêm tôn hiệu và xin đổi niên hiệu. Vua y theo.

Tháng 2, mở hội đèn Quảng Chiếu.

Tháng 3, nước Chân Lạp sang cống.

Mùa hạ, tháng 6,chủ đô giáp Tất tác[2] là Đặng An dâng chim sẻ trắng.

Mùa thu, tháng 9, có rồng vàng hiện.

Nước Chiêm Thành sang cống.

Được mùa to.

Mùa đông, tháng 10, đắp đài Chúng Tiên.

Tháng 12, cho Nội nhân thư gia là Phan Cảnh và Mâu Du Đô làm Nội thường thị.

[21a] Tân Sửu, /Thiên Duệ Vũ/ năm thứ 2 [1121], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, nhà sư Vương Ái dâng cây cau một gốc 7 thân. Thái sư Trần Độ nói: "Vật này không lấy gì làm điềm lành". Vua không nhận.

Mở hội khánh thành chùa Bảo Thiên và điện Trùng Minh.

Mùa hạ, tháng 5, nước to, tràn vào đến bên ngoài cửa Đại Hưng.

Mùa thu, tháng 7, người phiên Tử Thảo là Hà Ngọ dâng con hoẵng trắng.

Làm chùa Quảng Giáo.

Có nhiều sâu cắn lúa.

Mùa đông, tháng 10, lại lấy Lê Bá Ngọc làm Nội thường thị.

Nhâm Dần, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 3 [1122], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, nhà sư Dương Tu dâng một đôi ngọc bích trắng.

Tháng 3, ngày Mậu Dần, mở hội khánh thành bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở Đội Sơn[3].

Cấm mọi người không được dùng gậy tre gỗ và đồ sắc nhọn đánh nhau.

Mùa hạ, tháng 4 cho bọn Lý Phụng 20 người làm ngục lại, xét việc kiện tụng của dân gian.

Tháng 5, người quảng Giao **[21b]** giáp là Phạm Ba Tư dâng hươu trắng.

Mùa thu, tháng 8, ngày Kỷ Hợi, vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền.

Lấn đầu chế dải mũ bằng bạc sung vào đồ nghi vệ.

---

[1] Long Thủy hiệp: tức là Thác Bờ ở gần thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

[2] Tất tác giáp: giáp thợ sơn.

[3] Đội Sơn: Tức là núi Đọi, ở xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà.

Ngày Đinh Mùi, Viên ngoại lang là Lý Nguyên dâng một viên ngọc châu tân lang[1]. Xuống chiếu không nhận.

Muà đông, tháng 12, sai Viên ngoại lang là Đinh Khánh An và Viên Sĩ Minh đem voi nhà biếu nhà Tống. Bấy giờ Viên Sĩ Minh vào có tang không được thăng quan, cho con trai là Sủng làm Phụng tin lang.

Năm ấy, xuống chiếu rằng: Những tên trộm cướp trốn tránh đã bắt được mà lại bị nhà thế gia chiếm đoạt thì nhà thế gia ấy cùng tội với người trốn.

Kẻ lại đi bắt trộm cướp, bắt được rồi mà giữ lại ở nhà mình, không dẩn đến quan, thì phạt đánh 80 trượng.

Quý Mão, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 4 [1123], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 25, là tiết Đản thánh[2], lần đầu làm nhà múa có bánh xe đẩy, sai cung nữ múa ở trên để dâng rượu.

Tháng 2, mở lễ **[22a]** yến tiệc mùa xuân ở điện Sùng Uyên.

Lần đầu làm chiếc lọng che mưa cán cong.

Ngày Nhâm Dần, vua ngự đến Long Thủy[3] để bắt voi.

Ngày Đinh Mùi, mở hội khánh thành chùa Phụng Từ. Ngày Bính Thìn, vua về đến Kinh sư.

Tháng 3, ngày Tân Tỵ, mở hội khánh thành chùa Quảng Hiếu ở Tiên Du. Truy dâng lễ cúng Thánh Tông và Thượng Dương hoàng thái hậu.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Giáp Thân, 5 người nước Chân Lạp quy phụ.

Cấm giết trâu. xuống chiếu rằng: "Trâu là vật quan trọng cho việc cày cấy, làm lợi cho người không ít. Từ nay về sau ba nhà làm một bảo, không được giết trâu ăn thịt, ai làm trái thì trị tội theo hình luật".

Mùa thu, tháng 7, nước Chân Lạp sang cống.

Tháng 8, ngày mồng 1, vua ngự điện Thiên An, ban áo mùa thu cho các quan.

Vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền. Đêm ấy vua ngự điện Sùng Uyên, đặt lễ yến mừng chiếc lọng vàng.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt lúa. Chuyến đi này bắc **[22b]** cầu vồng qua sông Ba Lạt[4].

Tháng 11, vua đến kinh sư. Các nhà nho, đạo, thích đều dâng thơ mừng.

Xây đài Tử Tiêu[5].

Năm ấy được mùa to.

Giáp Thìn, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 5 [1124], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, Diêu Sách dâng chim sẻ trắng.

Tháng giêng nhuận, đóng thuyền Tường Quang, kiểu thuyền hai lòng.

---

[1] Nguyên văn: "tân lang châu", chưa rõ là thứ ngọc gì, có lẽ chỉ là cách để nói viên ngọc châu to bằng quả cau (tân lang)?

[2] Đản thánh tiết: lễ sinh nhật của vua.

[3] Nguyên bản in là "Long Thủy hải", có thể ở đây vẫn chỉ địa điểm Long Thủy hiệp (Thác Bờ) là nơi Lý Nhân Tông đã dừng thuyền khi đi đánh động Ma Sa ba năm trước để bắt voi.

[4] Sông Ba Lạt: là khúc sông Hồng chảy ra biển ở cửa Ba Lạt ngày nay.

[5] Việt sử lược chép là đài Thông Tiêu (q2,23a).

Vua ngự đến hành cung ở Ứng Phong xem cày ruộng. Khi vua ngự ở hành cung, người nước Chiêm Thành là Cụ Ông và ba người em họ đến chầu.

Tháng 2, vua về Kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, người nước Chân Lạp là Kim Đinh A Truyền cùng 4 người gia đồng sang quy phụ.

Thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Dương Tự Hưng dâng hươu trắng.

Dựng chùa Hộ Thánh.

Tháng 5, người nước Chiêm Thành là bọn Ba Tư Bồ Đà La 30 người sang quy phụ.

Mùa thu, tháng 7, hạn, làm lễ cầu mưa.

Chủ đô giáp Nội tác giám là Tô Ông dâng con rùa mắt có 6 con ngươi, trên ức **[23a]** có hai chữ "Thiện đế".

Tháng 9, Thành Khánh hầu (không rõ tên) chết.

Mùa đông, tháng 10, đắp đài Uất la.

Tháng 11, đô Ngọc Giai là Lý Hiệu dâng cá chiên vàng.

Tháng 12, phu nhân của Thành Khánh hầu là Hà Thị uống thuốc độc chết theo chồng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đàn bà chỉ theo một chồng mà chết thì không gọi là "tuẫn" [chết theo]. Hà thị theo tình mà đi thẳng, đến nỗi uống thuốc độc chết theo, tuy là quá, nhưng khó với người khác mà Hà thị lấy làm dễ, việc ấy cũng là khó làm. Hoặc giả Thành Khánh hầu đến lúc ấy mới chôn mà Hà thị chết để chôn theo chăng?

Lại cho Nội thường thị là Lê Bá Ngọc làm thị lang bộ Lễ. Tiểu thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Mạc Hiền và phe đảng bộ thuộc trốn sang động Cống ở địa giời Ung Châu nước Tống.

[23b] Ất Tỵ, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 6 [1125], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, cho Nội thường thị là Mâu Du Đô[1] làm Trung thư thừa[2].

Ung Châu bắt bọn Mạc Hiền, xin sai người đến Giang Nam để giao trả. Vua sai người giữ phủ Phú Lương[3] là trung thư Lý Hiến đến Giang Nam nhận đem về kinh sư. Đày Mạc Hiền vào châu Nghệ An, vợ con đều sung làm quan nô.

Phiên làm giấy[4] dâng ngọc châu tân lang, vua truyền không nhận.

Khánh thành điện Sùng Dương, mở yến tiệc ba ngày đêm. Mùa hạ, tháng 4, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng.

Tháng 6, vua từ hành cung Ứng Phong đến hành cung Lý Nhân, Nhập nội thường thị trung thừa là Mâu Du Đô vâng chỉ tuyên bảo các quan trong ngoài rằng có rồng vàng hiện ở điện kín của hành cung, chỉ có các cung nữ và hoạn quan trông thấy.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng 11, sai Nhập nội Lễ bộ thị lang **[24a]** Lê Bá Ngọc đi đánh bọn Nùng Quỳnh và Mạc Thất Nhân ở châu Quảng Nguyên. Khi sắp đi, Bá Ngọc họp quân thề ở ngoài cửa Đại Hưng, tuyên bố quân lệnh.

---

[1] Mâu Du Đô: Việt sử lược chép là Mâu Đô Du (q2, 23a).

[2] Việt sử lược chép là trung tướng (q2, 23a).

[3] Phú Lương: tên phủ đời Lý, gồm miền đất tỉnh Thái Nguyên cũ và cả huyện Đa Phúc cũ.

[4] Nguyên văn: "Chỉ tác phiên", đơn vị thợ chuyên làm giấy viết.

Rồng vàng lượn ở bảo đài kỳ thọ ở Động Vân.

Xuống chiếu rằng phàm đánh chết người thì xử 100 trượng, thích mặt 50 chữ, đồ làm khao giáp.

Bính Ngọ, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 7 [1126], (Tống Khâm Tông Hằng, Tĩnh Khang năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu bảy ngày đêm. Tha người có tội [giam] ở phủ Đô Hộ.

Cấm dân chúng mùa xuân không được chặt cây.

Tháng 2, ngày mồng 1, vua ngự điện Thiên An, xem các vương hầu đá cầu.

Tháng 3, làm lễ khánh hạ năm bộ kinh ở chùa Thọ Thánh.

Mùa hạ, tháng 5, ngày Nhâm tuất, mở hội Nhân Vương ở Long Trì. Ngày hôm ấy rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang.

Mùa thu, tháng 7, hạn, từ tháng 6, đến đây càng dữ.

Con rùa mắt có sáu con ngươixuất hiện.

Mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

Tháng 9, nước Chiêm Thành sang cống.

Mở **[24b]** hội đèn Quảng Chiếu ở Long Trì, xuống chiếu cho sứ thần Chiêm Thành vào xem.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng [11] nhuận, sai lệnh thư gia là Nghiêm Thường, Ngự khố thư gia là Từ Diên đem 10 con voi thuần và vàng bạc, sừng tê sừng bin sang biếu nhà Tống để tạ ơn việc bắt Mạc Hiền. Thường và Diên đến Quế phủ[1] vào ra mắt quan kinh lược ty. [Họ] bảo với Thường và Diên rằng: "Năm nay ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đĩnh Châu, Lễ Châu đều đã đem binh mã đi đánh người Kim, chưa biết lúc nào về. Trong lúc này thì ngựa trạm, phu trạm dọc đường chổ nào cũng ít, xin sứ giả đem lễ vật về". Thường và Diên phải trở lại. Năm ấy người nước Kim là Niêm Hãn, Cán Lý Bất[2] đem quân vây Biện Kinh nước Tống, bắt vua Tống là Huy Tông và Khâm Tông đem về phương Bắc. Nước Tống loạn to. (Lúc ấy vua Kim là Oa Khoát Đài dựng nước ở Mạc Bắc[3], đặt niên hiệu là Thiên Hội)[4]

[25a] **Đinh Mùi**, /Thiên Phù Khánh Thọ/ năm thứ 1 [1127], (Tống Tĩnh Khang năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Cao Tông Cấu, Kiến Viên năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín làm Phán sự phủ Thanh Hóa.

Tháng 2, các quan dâng tôn hiệu gia thêm bốn chữ: Khoan Từ Thánh Thọ.

Từ tháng giêng đến tháng 2 mưa dầm, sai quan làm lễ cầu tạnh.

Viên ngoại lang là Nguyễn Nghĩa Trường dâng con rùa ba chân, mắt sáu con ngươi.

Tháng 3, thủ lĩnh châu Nông[5] là Dương Tuệ dâng hai khối vàng sống (gọi là vàng) Trường thọ.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

---

[1] Quế phủ: tức phủ Quế Châu, nay là Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Cán Lý Bất, (đúng tên là Oát Ly Bất 2 chữ Oát và Can dễ sao chép lầm, con thú hai của Kim Thái Tô (A Cốt Đả), cùng với Niêm Hãn đem quân đánh kinh đô nhà Tống.

[3] Mạc Bắc: tức phía bắc sa mạc Gôbi (từ chân núi Hưng An Lĩnh đến phía đông núi Thiên Sơn).

[4] Ở đây có nhiều nhầm lẫn trong lời chú thích nguyên bản. Việc tướng nước Kim chiếm Biện Kinh, bắt sống Huy Tông và Khâm Tông nhà Tống mà toàn thư nhắc đến đây là sự kiện vào năm Thiên Hội thứ 3 (1125) đời Kinh Thái Tông, còn lập nước Kim là việc của Kim Thái Tổ (không có niên hiệu Thiên Hội). Kim Thái Tổ họ Hoàn Nhan, tên là A Cốt Đả, sau đổi là Mân, còn Oa Khoát Đài (Ogodai) là tên của hãn Mông Cổ (1228- 1241).

[5] Nông Châu: tức châu Tư Nông (hoặc còn gọi là Tây Nông như ở BK3, 34a), nay là huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Thái.

Mưa thóc.

Tháng 5, nhà sư Cao Đình dâng chim sẻ trắng.

Mùa thu, tháng 7, ngày Đinh Tỵ, khánh thành chùa Trung Hưng Diên Thọ.

Mùa đông, tháng 11, Khâm Châu nước Tống đưa trả nghịch đảng ở châu Quảng Nguyên là bọn Mạc Thất Nhân.

Tháng 12, sao Thiên Cẩu sa xuống, có tiếng kêu như sấm.

Gả công chúa Diên Bình cho thủ Lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh.

[25b]Vua không khỏe, gọi Thái úy Lưu Khánh Đàm vào nhận di chiếu rằng: "Trẫm nghe phàm các loài sinh vật không loài nào không chết. Chết là số lớn của trời đất, lẽ đương nhiên của mọi vật. Thế mà người đời không ai là không thích sống mà ghét chết. Chôn cất hậu làm mất cơ nghiệp, để tang lâu làm tổn tính mệnh, trẫm không cho là phải. Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên, đến khi chết đi lại khiến cho thứ dân mặc áo xô gai, sớm tối khóc lóc, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, làm cho lỗi ta thêm nặng, thiên hạ sẽ bảo ta là người thế nào! Trẫm xót phận tuổi thơ phải nối ngôi báu, ở trên các vương hầu, lúc nào cũng nghiêm kính sợ hãi. Đã 56 năm nay, nhờ anh linh của tổ tông, được hoàng thiên phù hộ, bốn biển yên lành, biên thùy ít biến, chết mà được xếp sau các bậc tiên quân là may rồi, còn phải thương khóc làm gì? Trẫm từ khi đi xem gặt lúa đến giờ, bỗng bị ốm, bệnh kéo dài, **[26a]** sợ không kịp nói đến việc nối ngôi. Mà thái tử Dương Hoán tuổi đã tròn một kỷ[1], có nhiều đại độ, thông minh thành thật, trung nghiêm kính cẩn, có thể theo phép cũ của trẫm mà lên ngôi hoàng đế. Nay kẻ ấu thơ chịu mệnh trời, nối thân ta truyền nhgiệp của ta, làm cho rộng lớn thêm công nghiệp đời trước. Nhưng cũng phải nhờ quan dân các ngươi một lòng giúp rập mới được. Này Bá Ngọc, ngươi thật có khí lượng của người già cả, nên sửa sang giáo mác, để phòng việc không ngờ, chớ làm sai mệnh, trẫm dù nhắm mắt cũng không di hận. Việc tang thì chỉ 3 ngày bỏ áo trở, nên thôi thương khóc; việc chôn thì nên theo Hán Văn Đế, cốt phải kiệm ước, không xây lăng mộ riêng, nên để ta hầu bên cạnh tiên đế. Than ôi! Mặt trời đã xế, tấc bóng khó dừng; từ giã cõi đời, nghìn thu vĩnh quyết. Các ngươi nên thật lòng kính nghe lời trẫm, báo rõ cho các vương công, bày tỏ trong ngoài".

Ngày Đinh Mão, vua băng ở điện Vĩnh Quang.

> **[26b]**Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Về thời đại thuận ngày xưa, người làm vua biết giữ tín đạt thuận, tới được mức trung hòa, cho nên bấy giờ trời không tiếc đạo, đất không tiếc của báu, móc ngọt tuân sa, rượu thơm suối chảy, cỏ chỉ nảy mọc, mà các vật điềm lành như rồng, phượng, rùa, lân, không giống gì không đến. Thời Nhân Tông, sao các vật điềm lành nhiều đến thế? Là vì nhà vua thích, cho nên bề tôi dâng xằng mà thôi.

Hoàng thái tử lên ngôi trước linh cữu. Hạ lệnh cho Vũ vệ Lệ Bá Ngọc truyền bảo quân hầu và các quan văn võ lui ra ngoài cửa Đại Hưng, sai các người giữ thành đóng cửa canh phòng cẩn mật, không cho ai ra vào. Lại sai cấm quân cầm binh khí đứng ở dưới điện Thiên An, rồi cho lệnh mở cửa nách bên hữu, gọi các quan vào long trì sai Bá Ngọc truyền bảo các vương hầu và các quan văn võ rằng: "Không may tiên đế lìa bỏ bầy tôi, ngôi trời không thể bỏ không lâu ngày. Ta còn ít tuổi, cố gượng nối ngôi, các khanh nên bền mãi một lòng[2], giúp đỡ nhà vua, không những để không phụ lòng tiên đế chú ý trông mong mà còn để con cháu các khanh đời đời hưởng lộc vị". Các quan đều lạy mừng và thương khóc. Sai nội nhân là Đỗ Thiện, xá nhân là Bồ Sùng đem việc ấy báo với Sùng Hiền hầu. xuống chiếu cho các hương ấp trong nước đều yên nghiệp như cũ, không được chứa giấu giặc cướp trốn tránh và những kẻ đánh nhau giết người.

Ngày Nhâm Ngọ, các quan dâng biểu xin quàn linh cữu ở điện Hồ Thiên. Ngày Quý Mùi, các quan mặc áo trở ở ngoài gác Vĩnh Bình. Ngày Giáp Thân, các quan dâng biểu xin vua ngự chính diện.

---

[1] tức 12 tuổi.

[2] Nguyên văn: "Vĩnh kiên nãi tâm"; chữ kiên là vững bền cho đồng âm mà khắc lầm ra chữ kiên là vai.

Ngày Ất Dậu, vua bắt đầu ngự điên Thiên An coi chầu. xuống chiếu cho các quan bỏ áo trở. Ngày hôm ấy vua ngự giá đi Na Ngạn[1] xem các cung nữ lên **[27b]** dàn thêu để chết theo Đại Hành Hoàng Đế.

Lê Văn Hưu nói: Trẻ nhỏ lên 3 tuổi thôi bế ẵm mới rời khỏi cha mẹ, cho nên từ thiên tử cho đến dân thường, tuy sang hèn khác nhau, mà tình thương nhớ 3 năm thì là một. Thế là để báo đền công khó nhọc của cha mẹ vậy. Huống chi Thần Tông được Nhân Tông nuôi nấng trong cung, không ơn gì hậu bằng, đáng lẽ phải tang hết mức buồn, tế hết mức kính, để báo đáp mới phải. Nay chưa được một tháng mà đã bảo các quan bỏ áo trở, chưa đến lễ tốt khốc mà đã đón hai phi hậu vào cung, không hiểu bấy giờ lấy gì để làm khuôn mẫu cho thiên hạ và biểu đạt với các quan? Thần Tông còn nhỏ tuổi, bầy tôi trong triều cũng lấy việc để tang ngắn làm may, không ai có một lời nói đến. Có thể bảo là trong triều không có người vậy

[28a].Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông thánh học cao minh, hiểu sâu cớ sống chết, như lẽ tất nhiên có ngày thì có đêm. Lời di chiếu nói rất thấu lẽ, đủ biết cái ý "không gõ chậu hát ca, đến lúc tuổi già than tiếc"[2]. Dạy người như thế thật sâu xa vậy, tuy nhiên, ở Nhân Tông thì đó là lời nói sáng đạo, mà ở Thần Tông thì lại là việc làm thất hiếu. Văn Hưu bàn thế là phải.

---

[1] Na Ngạn: nay là đất huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

[2] Dẫn lời quẻ Ly trong Kinh Dịch

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Húy Dương Hoán, cháu gọi Thánh Tông bằng ông, cháu gọi Nhân Tông bằng bác, con của Sùng Hiền hầu, do phu nhân họ Đỗ sinh ra. Khi mới lên 2 tuổi, được nuôi trong cung, lập làm hoàng thái tử. Nhân Tông băng, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 11 năm [1128 - 1138], thọ 23 tuổi [1116 - 1138] băng ở điện Vĩnh Quang. Vua khi mới lên ngôi hãy còn trẻ dại, đến khi lớn lên, tư chất thông minh, độ lượng nên việc sửa sang chính sự, dùng người hiền tài, thủy chung đều chính, nhiệm nặt khúc nôi, không gì sai lệch. Tuy thân mang ác tật nhưng rồi chữa lành, cũng là nhờ có ý trời cả. Song quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng [28b] quý gì.

Mậu thân, Thiên Thuận[1] năm thứ 1 [1128], (Tống Kiến Viêm năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Bính Tuất, đổi niên hiệu, đại xá. Tôn mẹ nuôi là Trần Anh phu nhân làm Hoàng Thái hậu.

Xuống chiếu rằng: Phàm dân có ruộng đất bị sung công cùng là bị tội phải làm điền nhi thì đều được tha cả. Các tăng đạo và dân phải làm lộ ông[2] cũng được miễn.

Cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng, theo chế độ xưa.

Ngày Mậu Tý, tôn thụy hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Hiếu Từ Thánh Thần Văn vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Nhân Tông.

Ngày Kỷ Sửu, biếm Đại liêu ban Lý sùng Phúc vì khi đi qua cửa thành Tây Dương, người tuần lại hỏi mà không trả lời.

Ngày Tân Mão, xuống chiếu rằng nước đang có tang, dân chúng không được cưỡi ngựa và đi võng màu lam, xe che màn.

Ngày Canh Tý, vua bắt đầu ngự kinh diên [nghe giảng học].

Ngày Tân Sửu, lấy Nội **[29a]** vũ vệ Lê Bá Ngọc làm Thái úy, thăng tước hầu; Nội nhân hỏa đầu Lưu Ba, Dương Anh Nhĩ làm Thái Phó, tước Đại liêu ban; Trung thừa Mâu Du Đô làm Gián nghị đại phu, thăng trật chư vệ; Nội nhân hỏa đầu Lý Khánh, Nguyễn Phúc, Cao y làm Thái Bảo, tước Nội thượng chế; Nội chi hậu quản giáp Lý Sơn làm Điện tiền chỉ huy sứ, tước Đại liêu ban; Linh nhân[3] Ngô Toái làm Thượng chế; Ngự khố thư gia Từ Diên làm Viên ngoại lang. Lại ban tiền lụa cho Bá Ngọc, [Lưu] Ba và [Mâu] Du Đô đến tận nhà đem lễ vật của Nhân Tông ban cho Sùng Hiền hầu.

Ngày Quý Mão, sai người ở Hoà Trại cáo phó với nhà Tống và báo việc lên ngôi. (Khi ấy Tống Cao Tông lánh người Kim qua sông [Trường Giang] đóng đô ở phủ Lâm An[4]. Ngày Giáp Thìn, xuống chiếu cho Đô phi kỵ mang di **[29b]** chiếu của Nhân Tông và việc vua lên ngôi sang báo cho Chiêm Thành. Phát vàng và lụa trong kho ban cho các quan theo thứ bậc khác nhau.

Ngày Mậu Thân, trường Quang lang dâng 9 chiếc thuyền của người buôn nước Tống trôi giạt.

Đỗ Vũ Thắng là Quách Ti dâng cây đào cao 4 tấc có hoa.

Ngày Kỷ Dậu, cho Đào Thuấn làm Trung thư sảnh viên ngoại lang hành tây thượng cáp môn sứ, Thượng thư sảnh viện ngoại lang Lý Bảo thần hành đông thượng cáp môn sứ, Phạm Thưởng, Đỗ Lục,

---

[1] Đại Việt Sử Lược chép niên hiệu này là Đại Thuận (Q.3, 1a)

[2] Điền nhi và lộ ông: Cương Mục dẫn lời Ngô Thì Sĩ chua rằng: Điền Nhi và Lộ Ông đều là những người bị tội đồ dịch. Còn phép phối dịch ra sao bây giờ không thể khảo được (CMCB4, 19a).

[3] Linh Nhân: tương truyền thời Hoàng Đế có người tên là Linh Luân chế tạo ra âm nhạc, vì vậy đời sau gọi là nhạc quan và các diễn viên ca kịch là "linh nhân"

[4] Nay là Hàm Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Khổng Nguyên, Phạm Bảo, Kim Cát, Lý Khái, Đào Lão, Nguyễn Hoàn làm Viên ngoại lang thượng thư sảnh; Lương Cửu, Đào Sâm, Quách Thục, Nguyễn Nhân, Nguyễn Khánh, Đào Tương, Quách Cự Tầm, Nguyễn Thối làm Trung thư hoả; Lý Ngũ, Kiều Nghĩa, Lý Cá, Nguyễn Biếm, Nguyễn Bộc, Nguyễn Khoan, Đào Lục, Đỗ Ký, Kiểu Thiệu làm Chi hậu thư gia.

Ngày Quý Sửu, xuống chiếu cho Gián nghị đại phu Mâu Du Đô chọn quân Long Dực cũ làm các quân tả hữu Ngọc Giai, Hưng Thánh, Quảng Thành, vũ **[30a]** Đô.

Ngày Giáp Dần, hơn 2 vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba Đầu ở châu Nghệ An. Xuống chiếu cho Nhập nội thái phó Lý Công Bình đem các quan chức đô cùng người châu Nghệ An đi đánh.

Tháng 2, ngày Ất Mão, xuống chiếu tha cho cá tội nhân ở phủ Đô hộ. Ngày Nhâm Tuất, xuống chiếu tha cho 130 người bị biếm truất.

Ngày Quý Hợi, Lý Công Bình đánh bại người Chân Lạp ở bến Ba Đầu, bắt được chủ tướng và quân lính.

Ngày Ất Sửu, các quan dâng tôn hiệu là Thuận Thiên Quảng Vận Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế. Vua bảo các quan rằng: "Trẫm còn trẻ thơ, nối nghiệp lớn của tiên thánh, mà thiên hạ yên tĩnh, trong cõi sợ uy, đều là nhờ sức của các khanh. Các khanh nên cẩn thận giữ chức, chớ có lười biếng qua quít để giúp cho trẫm những chỗ còn thiếu sót".

Lập Lý thị làm Hoàng hậu. Trước đó vua sai Viên ngoại lang Lý Khánh Thần và **[30b]** vợ đi đón con gái của Điện tiền chỉ huy sứ Lý Sơn, Viên ngoại lang Trần Ngọc Độ và vợ đi đón con gái của Lê Xương là cháu chú bác của Thái úy Lê Bá Ngọc, sách lập con gái của Sơn làm Lệ Thiên Hoàng hậu, con gái của Xương làm Minh Bảo phu nhân. Thăng trật ký hầu cho Lý Sơn coi việc quân sự ở lạng Châu, ban cho [Lê] Xương tước Đại liêu ban.

Mưa dầm.

Ngày Đinh Mão, các quan dân biểu mừng vua lên ngôi.

Lá phướn của hai chùa Thiên Long và Thiên Sùng không gió mà tự lay động như múa. Vua ngự xa giá đến hai chùa ấy để lễ tạ.

Thư báo thắng trận của Lý Công Bình đến kinh sư.

Ngày Mậu Thìn, vua ngự đến hai cung Thái thanh, Cảnh Linh và các chùa quán trong thành để lễ tạ ơn Phật và Đạo đã giúp ngầm cho Công bình đánh được người Chân Lạp.

> Lê Văn Hưu nói: Phàm việc trù tính ở trong màn trướng, quyết định được chiến thắng ở ngoài nghìn dặm, đều là **[31a]** công của người tướng giỏi cầm quan làm nên thắng lợi. Thái phó Lý Công Bình phá được quân Chân Lạp cướp châu Nghệ An, sai người báo tin thắng trận. Thần Tông đáng lẽ phải cáo thắng trận ở Thái Miếu, xét công ở triều đường để thưởng cho bọn Công Bình về công đánh giặc. Nay lại quy công cho Phật và Đạo, đi các chùa quán để lạy tạ, như thế không phải là cách để ủy lạo kẻ có công, cổ lệ chí khí của quân sĩ.

Ngày Canh Ngọ, vua ngự điện thiên an xem quốc nhân hội thề ở Long Trì[1]. Nhân đó xuống chiếu phát quần áo, tiền lụa trong Nội phủ để ban cho.

Ngày Giáp Tuất, xuống chiếu cấmgia nô và tạo lệ của các quan không được lấy con gái lương dân.

Hoàng hậu Lệ Thiên và phu nhân Minh Bảo về thăm nhà.

Sai Gián nghị đại phu Mâu Du Đô đến phủ Thiên Đức chọn đất tốt để xây sơn lăng của Nhân Tông.

---

[1] Nguyên văn: "quan quốc nhân minh vu Long Trì" (xem người trong nước thề ở Long Trì). Hai chữ "quốc nhân" trong câu này không được xác định rõ, thường hiểu là số đông người thuộc nhiều tầng lớp xã hội.

Tháng 3 **[31b]** Lý Công Bình đem quân về kinh sư, dâng tù 169 người.

Cho nội lệnh thư gia Phí Công Tín làm Phụng nghị lang, Nội thư gia Ngụy Quốc Bảo làm Tả ty. Vua xem đại hội Linh quang, cho Công Tín và Quốc Bảo làm Nội thường thị.

Mùa hạ, tháng 4, hạn. Vua trai giới ăn chay cầu đảo, được mưa.

Tháng 5, độ cho lão binh đô tào là bọn Vũ Đại bốn người làm tăng.

Xuống chiếu miễn thuế dịch cho 100 người họ của Thần Anh thái hậu có biên tên ở sổ.

Xuống chiếu rằng những việc kiện tụng đã phán xử dưới các triều Tổ, Tông[1] rồi thì không được đem bàn tâu lên nữa, làm trái thì bị tội.

Tháng 6, xuống chiếu cho đại thần và các quan chức đô hội thề ở ngoài cửa Đại Hưng. Dự định làm lễ đưa táng Nhân Tông.

An táng Nhân Tông ở lăng Thiên Đức.

Lấy ngày sinh nhật của vua là tiết Thiên thụy.

Mùa thu, tháng 7, tiết Trung nguyên, vua ngự điện Thiên An, các quan dâng biểu mừng. Vì [hôm ấy] là ngày lễ Vu Lan **[32a]** bồn cầu siêu cho Nhân Tông nên không đặt lễ yến.

Tháng 8, xuống chiếu cho Lưu Khánh Đàm và Mâu Du Đô chọn các quan chức đô.

Ngày Giáp Tuất, đưa di chiếu của Nhân Tông cho các quan xem (chiếu này đã chép ở trên).

Người Chân Lạp vào cướp hương Đỗ Gia[2] ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền. Xuống chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hoá và Dương Ổ ở châu ấy đem quân đánh, phá được.

Mùa đông, tháng 11, lấy Thái uý Lê Bá Ngọc làm Thái sư, đổi làm họ Trương.

Đày người [phạm tội] ở châu Quảng Nguyên đến phủ Thanh Hoá.

Châu Nghệ An đệ tâu một phong quốc thư của nước Chân Lạp, xin sai người sang sứ nước ấy. Vua không trả lời.

Kỷ Dậu, [Thiên Thuận] năm thứ 2 [1129], (Tống Kến Viêm năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, nhập nội điện trung là Lý An Dậu dâng hươu trắng. Cho An Dậu tước Đại liêu ban.

Thái úy Dương Anh Nhĩ dâng hươu trắng.

Mở **[32b]** hội khánh thành 8 vạn 4 nghìn bảo tháp ở gác Thiên Phù[3].

Ngày Giáp Ngọ, tôn thân phụ là Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng và thân mẫu Đỗ thị làm Hoàng thái hậu, ở tại cung Động Nhân.

> Lê Văn Hưu nói: Thần Tông là con người tông thất, Nhân Tông nuôi làm con, cho nối đại thống, đáng lẽ phải coi Nhân Tông làm cha mà gọi cha sinh là Sùng Hiền hầu làm hoàng thúc, phong mẹ để là Đô thị làm Vương phu nhân, như Tống Hiếu Tông đối với Tú An Hy Vương và phu nhân Trương thị, để tỏ ra một gốc mới phải. nay lại phong Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ thị làm hoàng thái hậu,chả hoá ra hai gốc ư? Bởi Thần Tông bấy giờ còn trẻ thơ mà các công khanh trong triều như Lê Bá Ngọc, Mâu Du **[33a]** Đô lại không biết lễ nên mới như thế.

Tháng 2, vua trai giới để cầu mưa.

---

[1] Chỉ các đời vua Thái Tổ, Thánh Tông và Nhân Tông đời Lý

[2] Đỗ Gia: tên hương thời Lý, nay là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tỉnh

[3] Đây là những cái tháp nhỏ bằng đất nung cao 20 - 50 cm, thường tìm được trong các di tích thời Lý

Thân vương ban Lý Lộc tâu ở núi Tản Viên có hươu trắng. Vua sai Thái úy Dương Anh Nhĩ đi bắt được. Cho Lộc tước Đại liêu ban.

Xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông thường nhân việc mở hội [Phật] mà tha cho người có tội, là không phải lẽ, nhưng mà còn mượn tiếng hội Phật. Còn như vua [Thần Tông] thì không có việc gì mà cũng tha bổng. Phàm người có tội phạm pháp, có kẻ nặng người nhẹ, năm bậc hình phạt, có trên có dưới, sao lại có thể tha bổng được, nếu nhất loạt tha cả thì kẻ tiểu nhân may mà được khỏi tội, đó không phải là phúc cho người quân tử. Cho nên thời xưa nói về đạo trị nước, tuy nói rằng không thể không xá tội, nhưng cũng cho rằng xá tội là có hại. Tha lỗi **[33b]** thì được, tha tội thì không được. Kinh dịch nói: "tha lỗi,giảm tội" Kinh thư nói: "Lầm lỗi thì tha cho, cố phạm thì trị tội". Thế là phải.

Tháng 3, Lý Tử Khắc dâng tâu rằng, rừng ở Giang Để[1] có hươu trắng. Vua sai Thái úy Lưu Khánh Đàm đi bắt được. Thăng Tử Khắc làm Khu mật sứ, xếp vào hàng tước minh tự, được đội mũ bảy cầu.

> Lê Văn Hưu nói: Phàm người xưa gọi là điềm lành, là nói việc được người hiền và được mùa, ngoài ra không có gì đáng gọi là điềm lành cả. Huống chi chim quý thú lạ không nuôi ở quốc độ cũng là lời khuyên răng của tiên vương để lại. Thần Tông nhân Nguyễn Lộc và Nguyễn Tử Khắc (Lộc và Tử Khắc nguyên là họ Lý, Văn Hưu kiêng huý nhà Trần nên gọi là họ Nguyễn) dâng hươu trắng, cho là vật điềm lành, cho Lộc tước đại liêu ban, cho Tử Khắc tước **[34a]** minh tự, thì cả người thưởng và người nhận thưởng đều sai cả. Tải sao vậy? Thần Tông vì dâng thú mà cho quan tước, thế là lạm thưởng. Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng, thế là dối vua.

Đại thủ lĩnh châu Tây Nông là Hà Văn Quảng dâng hai khối vàng sống cộng nặng 33 lạng 5 đồng cân.

Mùa Hạ, tháng 6, Nhập nội Long đồ là Mâu Du Đô dâng ngựa trắng bờm đen, bốn chân có cựa.

Cho Nội thường thị Phí Công Tín làm Tả ty lang trung, Ngụy Quốc Bảo làm Viên ngoại lang.

Mùa Thu, tháng 8, làm thần chủ của Nhân Tông Hoàng Đế ở Linh Điện. Rắn thanh trúc quấn ở ngai báu.

Tháng [8] nhuận, ngày Nhâm Ngọ, rước thần vị của Nhân Tông Hoàng Đế vào thờ ở Thái Thất.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tiên vương đặt lễ thờ người chết cũng như hầu hạ khi còn sống, cho nên làm [mộc] chủ để tượng trưng cho thần, thế thì [mộc] chủ là chổ dựa của thần. Tế ngu rồi mới làm thần chủ, tế luyện rồi mới đổi thần chủ, **[34b]** đổi thần chủ xong rồi mới thờ chung vào Thái Miếu, lễ tiết là như thế. Nhân Tông đã chôn từ tháng 6 năm trước, đến đấy đã mười bốn tháng, kỳ tế luyện cũng quá lâu rồi mà bây giờ mới làm thần chủ để thờ chung vào Thái Miếu, thế là để chậm và bất kính quá lắm.

Ngày Giáp Thân, người nung ngói ở cung Động Nhân là Nguyễn Nhân dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, trên ức có hai chữ " Phổ nhạc".

Xuống chiếu rằng nô tỳ của vương hầu và các quan không được cậy thế đánh đập quan quân và bách tính, kẻ nào phạm thì gia chủ phải tội đồ, nô sung làm quan nô.

Mùa Đông, tháng 10, thăng cho Tả ty Phí Công Tín làm Chư vệ, ban cho họ Lý.

Tháng 12, người giữ voi là Chu Hội dâng rùa trắng.

Lấy Nội thường Đỗ Nguyên Thiện làm Tham tri chính sự, giữ phủ Thanh Hoá; Ngự khố thư gia Phạm Tín làm Viên ngoại lang.

---

[1] Nguyên bản in là Giang Để, có thể là Để Giang, tức sông Đáy, Để Giang cũng là tên đất. Theo cương mục, từ thời Trần trở về trước gọi là Để Giang, nhà Lê đổi gọi là huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên.

[35a] Canh Tuất, [Thiên Thuận] năm thứ 3 [1130], (Tống Kiến Viêm năm thứ 4).

Mùa Xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho con gái các quan không được lấy chồng trước, đợi sau khi chọn sung vào hậu cung, người nào không trúng tuyển mới được lấy chồng.

> Lê Văn Hưu nói: Trời sinh ra dân mà đặt vua để chăn dắt, không phải để cung phụng riêng cho vua. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có gia thất, thánh nhân thể lòng ấy còn sợ kẻ sất phu sất phụ không được có nơi có chốn.

Cho nên Kinh Thi tả sự ấy trong thơ "Đào yêu" và thơ "Siếu hữu mai" để khen việc lấy chồng kịp thì và chê việc để lỡ thì vậy. Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan phải đợi xong việc tuyển người vào cung rồi mới được lấy chồng, thế là để cung phụng cho riêng mình, đâu phải lòng làm cha mẹ của dân?

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua bấy giờ chưa đến tuổi hai mươi, ra lệnh ấy là muốn tuyển con gái các quan sung vào hậu cung thôi. Việc ấy chưa lấy gì làm quá. Còn như đánh được giặc mà **[35b]** quy công cho Phật, dâng hươu mà làm đem tước trật cho người đều là do tính trẻ thơ mà không ai giúp can ngăn. Nếu có người lấy chí thành mà cảm, dùng lời nói khéo mà khuyên, thì vua vốn tư chất thông minh, tất thế nào cũng nghe theo.

Quản giáp nội tác là Chu Thủy dâng cá diếc vàng. Lấy ngự khố thư gia Lương Cải giữ phủ Thanh Hoá.

Tháng 3, người nước Chiêm Thành là Ung Ma, Ung Câu sang quy phụ.

Tháng 5, quản giáp Phù Thu Liễu là Phí Nguyên dâng chim sẻ trắng.

Thái thượng hoàng băng, thụy là Cung Hoàng.

Tháng 6, hạn, làm lễ cầu mưa.

Mùa Thu, tháng 9, mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

Vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền.

Xuống chiếu tha tù giam ở phủ Đô hộ.

Mùa Đông, tháng 10, vua ngự điện Thiên Linh duyệt sáu quân, định các cấp bậc.

Nhà Tống sai sứ mang ấn báu và sắc vàng sang phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương[1].

Tháng 11, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, vua đánh cầu ở Long Trì, cho sứ nước Chiêm Thành vào hầu xem. Mở hội khánh thành chùa Quảng Nghiêm Tư Thánh. Tha cho những người có tội. Sai Viên ngoại lang là Lý Phụng Ân và Lệnh thư gia là Doãn Anh Khái sang nước Tống đáp lễ.

Tân Hợi, [Thiên Thuận] năm thứ 4 [1131], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, dựng hai gác ở trong điện Diên Hòa.

Tháng 2, Hoàng đệ là Tinh chết (con của Sùng Hiền hầu).

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cấm gia nô cuả các vương hầu, công chúa và các quan không được lấy con gái của các quan chức đô và bách tính.

Cấm con gái dân gian không được bắt chước kiểu búi đầu tóc như cung nhân.

Tháng 5, hạn, cầu đảo được mưa to.

---

[1] Việc Nhà Tống phong Lý Thần Tông làm Giao Chỉ Quận Vương, Toàn thư chép hai lần: ở đây (năm 1130) và ở BK3, 37b (năm 1132). Có lẽ Toàn thư ghi thừa ở năm 1130, vì Tống sử (q.488) cũng ghi việc này vào năm 1132. Việt sử lược ghi việc nhà Tống phong tước Quận Vương cho Lý Thần Tông vào năm Tân Hợi, 1131 (q.3, 1b) có lẽ cũng không chính xác.

Chủ đô Nhiễm hoành là Hà Nhi dâng chim sẻ trắng.

Dựng nhà cho đại sư Minh Không.

Mùa thu, tháng 7, các quan dâng biểu mừng **[36b]** được mùa.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói:Các triều thần bấy giờ xiểm nịnh quá lắm! Tháng 5, đại hạn, cầu đảo may mà được mưa, đến tháng 7, thì lúa hè đã quá vụ, mà lúa thu chưa chín, đã vội cho là được mùa, dâng biểu chúc mừng. Nếu đến tháng 9, tháng 10, mà gặp lụt hạn hay bị sâu cắn thì đối với tờ biểu mừng ấy thế nào?

Tháng 9, mở vườn bảo hoa.

Xuống chiếu cho Mâu Du Đô coi châu Nghệ An.

Tháng ấy mưa lâu ngày, làm lễ cầu tạnh.

Muà đông tháng 10, Ngự tiền chỉ huy sứ là Vương Cát tâu là có dấu vết thần giáng ở Long Trì trước lầu chuông bên tả, dấu dài 9 tấc 5 phân, rộng 5 tấc.

Hoàng đệ là Chu Cá chết.

Tháng 12, người ở hương Thái Bình là Nguyễn Mãi dâng hươu trắng. Người lính ở Tả Vũ Tiệp là **[37a]** Đỗ Khánh dâng cá xương công (tức là cá hầu)[1] sắc vàng. Vua cho là điềm lành, xuống chiếu cho các quan chúc mừng. Cáp môn sứ Lý Phụng Ân tâu rằng:"con cá ấy là vật nhỏ mọn mà bệ hạ lấy làm điềm lành. Nếu có lân phượng đến thì bệ hạ cho là vật gì?". Vua khen lời nói phải.

Nhâm Tý, [Thiên Thuận] năm thứ 5 [1132], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, đêm có rồng vàng từ điện Vĩnh Quang hiện ra ở cung Lệ Quang[2].

Tháng 5, ngày mồng 1, hoàng thứ trưởng tửlà Thiên Lộc sinh, sau phong làm Minh Đạo Vương.

Tháng [5], nhuận, hoàng trưởng nữ sinh, rồi chết.

Tháng ấy, gió bão làm đắm thuyền Diên Chương.

Mùa thu, tháng 7, người nước Chiêm Thành là bọn Cụ Bàn trốn về nước, đến trại Nhật Lệ[3] bị người trại ấy bắt được, giải về Kinh sư.

Tháng 8, Chân Lạp và Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An.

Hỏa đầu quân Tã Vũ Lâm và Đỗ Quảng dâng cá xương công.

Xuống chiếu cho Thái uý Dương Anh Nhĩ đem người ở phủ Thanh Hóa **[37b]** và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan.

Châu mục châu Chân Đăng là Lê Pháp Quốc dâng hươu đen.

Tháng 9, Lệnh hỏa đầu ở đô Phụng vệ là Đinh Ngưu dâng hươu trắng.

Lệnh thư gia châu Nghệ An là Trần Lưu dâng ba người Chiêm Thành. Trước đây bọn người này thường ẩn nấp ở chổ hiểm yếu, bắt người châu Nghệ an đem bán cho người nước Chân Lạp, Lưu đặt phục binh ở chổ ấy, bắt được đem dâng.

Mùa đông, tháng 10, sai Viên ngọai lang Lý Phụng Ân và Phụng nghị lang Doãn Anh Khái sang nước Tống đáp lễ.

---

[1] Xương công ngư: lời chú nguyên bản nói cá "xương công" tức là cá "hầu". Cương mục cũng chép việc này, nhưng chua rằng "xương" và "công" là hai loài cá khác nhau. Cá Xương tức cá hầu, phần trên đầu gồ lên liền với sống lưng, mình tròn, chỉ có 1 xương sống, thịt mềm, ăn được; cá Công là loài cá giống như con cua, ăn được (CMCB4, 28b).

[2] Nguyên bản khắc sai nét chữ "cung" thành ra hình như chữ "quản".

[3] Nhật Lệ: là tên sông ở tỉnh Quảng Bình, trại Nhật Lệ chỉ miền ấy.

Dựng điện Cảm Linh và gác Phụng Thiên.

Tháng 12, vua đón xuân ở đình Quảng Văn. Khánh thành điện Cảm Linh, ban yến cho các quan.

Thượng thư Lý Nguyên bị tội, chết ở trong ngục, vì con gái của Nguyên là thứ phi Chương Anh có lỗi.

Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

[38a] Giáp Dần, Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 2 [1134], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, cho Viên ngoại lang Ngụy Quốc Bảo tước Đại liêu ban.

Dựng hai chùa Thiên Ninh, Thiên Thành và tô tượng Đế Thích. Vua ngự đến xem.

Lệnh thư gia Nguyễn Mỹ dâng con ngựa màu hoa đào, đầu xanh, bốn chân mọc sáu cựa (hai chân trước đều một cựa, hai chân sau đều hai cựa).

Tháng ấy mưa lâu, làm lễ cầu tạnh.

Tháng 3, vua ngự đến quán Ngũ Nhạc.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cấm các viên chi hậu và nội nhân hỏa đầu không được tự tiện ra ngoài, ai trái thì khép tội nặng, nếu có việc công phải tâu trước rồi mới được ra.

Tháng 5, khánh thành điện Vĩnh Quang mới sửa chữa.

Phạm Tín ở châu Nghệ An và Lệnh tư gia là Trần Lưu dâng hươu trắng.

Hỏa đầu quân Hữu Ngự Long là Quách Tư dâng ngọc thiềm thừ[1] hình dạng như **[38b]** mắt cá. Vua nói: "Đó là vật nhỏ mọn, không đáng quý". Không nhận.

Người lính ở quân Hữu Hưng Vũ[2] là Vương Cửu dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, trên ức có nét chữ Trựu[3], xuống chiếu cho các học sĩ và các tăng đạo biện nhận, đọc thành tám chữ: "Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Rùa là vật linh thiêng vì nó có thể báo điềm trước, nhưng đời nào cũng thường có, không như rồng phượng và kỳ lân ít thấy. Thế mà đương thời cho rùa là điềm lành mà đem dâng cho nhiều thế là làm sao? Còn như trên ức có nét chữ chỉ là những vết trắng, nét đen xen nhau mà thôi, bầy tôi nhận là văn tự, đó là chiều ý vua mà nói nịnh thôi, có phải thực có chữ đâu. Cho nên người làm vua phải cẩn thận sự ưa chuộng.

Táng 6, Hoàng bà là Vương Bà Lịch chết.

Mùa thu, tháng 7, rồng vàng ban đêm hiện ở điện Vĩnh **[39a]** Quang.

Mùa đông, tháng 11, sửa lại điện Diên Sinh và quán Ngũ Nhạc.

Tháng 12, Thành Đạo hầu (không rõ tên) chết.

Bầy tôi dâng thêm tôn hiệu là Thuận Thiên Duệ Vũ Tường Linh Cảm Ứng Khoan Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế. Đại xá cho thiên hạ.

Ất Mão, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 3 [1135], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Ngự khố thư gia là Dương Chưởng giữ phủ Thanh Hóa.

Tháng 2, hai nước Chân Lạp và Chiêm Thành sang cống.

---

[1] Thiềm thừ châu: cũng như ở trên đã nói đến tân lang châu (ngọc cau), ở đây nói thiềm thừ châu (ngọc cóc), chưa rõ là thứ ngọc gì (chú thích 2, tr. 291).

[2] Nguyên bản in là Thạch Hưng Vũ. Tên cai đội quân thường có chữ Tả, Hữu; ở đây chữ Thạch do chữ Hữu khắc lầm.

[3] Trựu văn: tức là chữ đại triện (tương truyền là do quan thái sử Sử Trựu đời Chu Tiên Vương, Trung Quốc, đặt ra.

Tháng 3, Khánh Thiện hầu (không rõ tên)[1] chết.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Tả ty lang trung Lý Công Tín ra vào cung cấm để tâu việc, không được ngăn cấm.

Vua ngự đến quán Ngũ Nhạc để khánh thành tượng Tam tôn[2] bằng vàng bạc.

Cho Viên ngoại lang Ngụy Quốc Bảo làm Tả y lang trung.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa.

Tháng 5, ngày mồng 1, có mưa.

Tháng 6, Chi hậu thư gia là Lý Xương và nhà sư ở chùa Quán Đính[3] là Nguyễn Minh đều **[39b]** dâng chim sẻ trắng.

Xuống chiếu rằng những người đã bán ruộng ao không được trả tăng tiền lên mà chuộc lại, làm trái thì phải tội.

Mùa thu, tháng 7, Thái sư Trương Bá Ngọc[4] chết.

Mùa đông, tháng 12, mở hội độ tăng[5] ở Nghênh Tiên đường.

Mở đàn chay khánh thành ở điện Diên Sinh.

Đóng 3 chiếc thuyền Nhật Đỉnh, Thanh Lan, Diên Minh.

Bính Thìn, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 4 [1136], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, mở vườn Diên Quang tại hương Lãnh Kinh[6].

Thấy chuông lớn thời xưa.

Tháng 2, Thành Hưng hầu (không rõ tên) chết.

Tháng 3, Thái uý Lưu Khánh Đàm chết.

Vua bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi. Nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm quốc sư. Tha thuế dịch cho vài trăm hộ. (Tục truyền khi nhà sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, trong khi ốm đem thuốc niệm thần chú rồi giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Minh Không, dặn rằng 20 năm sau nếu thấy quốc vương bị bệnh lạ thì đến chữa ngay, có lẽ là việc này).

Mùa hạ, tháng 4, Hoàng bà là Lã A Mãi ốm chết.

> **[40a]**Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sách chép các đế vương chưa có chỗ nào chép việc hoàng bà chết, mà trong đời Thần Tông thấy chép hai lần, có lẽ là vua đặt cách gia phong ân tứ trọng hậu cho các bảo mẫu, cho nên sử thần theo đó mà chép chăng ?

Hoàng trưởng tử Thiên Tộ sinh. Các quan dâng vàng bạc tiền lụa và biểu mừng.

Tháng 6, cho Tả ty lang trung Lý Công Tín[7] làm Thiếu sư, tước Minh tự.

---

[1] Khánh Thiện hầu mà Toàn thư ghi tại đây là Tăng thống Khánh Hỷ có tiểu truyện trong Thiền uyển tập anh (tờ 61a); chữ Thiện và chữ Hỷ, nét chữ gần giống nhau, có thể chép lầm.

[2] Tam tôn: thường là tượng phật A Di Đà và tượng hai bồ tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chi.

[3] Theo Thiền uyển tập anh, chùa Quán Đính ở núi Không Lộ, lại theo Đại Nam nhất thống chí (tỉnh Sơn Tây, núi Không Lộ ở địa phận huyện Thạch Thất, trên núi có chùa Lạc Lâm, là chỗ Thiền sư Không Lộ trút xác mà hóa. Như thế thì chùa Quán Đính còn có tên là chùa Lạc Lâm và núi không Lộ, tức là Sài Sơn (núi Thầy), nay ở huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

[4] Trương Bá Ngọc: tức là Lê Bá Ngọc, do Lý Thần Tông đổi làm họ Trương (xem BK3, 32a).

[5] Nguyên văn: "độ nhân hội", tức lễ độ cho những người đủ tư cách tăng nhân.

[6] Hương Lãnh Kinh: có lẽ là miền Thị Cầu, thị xả Bắc Ninh ngày nay, xem thêm chú thích (4) tr.260.

[7] Lý Công Tín: tức Phí Công Tín, được ban họ Lý (BK3, 34b).

Mùa thu, tháng 9, Gián nghị đại phu Mâu Du Đô bị bãi chức.

Mùa đông, tháng 10, Thái uý Dương Anh Nhĩ chết.

Tháng 12, ngày lập xuân, vua ngự điện Sùng Uyên, các quan dâng biểu mừng. Ngày ấy gặp ngày quốc kỵ, cho nên lại đặt biểu này.

Hỏa đầu đo Tả Hưng Thánh là Tô Vũ dâng rùa thần, ở ức có nét chữ Trựu. các quan nhận ra bốn chữ "Nhất Thiên Vĩnh Thánh".

Vua ngự đến **[40b]** phủ Thanh Hóa xem bắt voi.

Đinh Tỵ, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 5 [1137], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, châu Nghệ An chạy trạm tâu việc tướng nước Chân Lạp là Phá Tô Lăng[1] cướp châu ấy. Xuống chiếu cho thái uý Lý Công Bình đem quân đi đánh.

Tháng 2, châu Nghệ An động đất, nước sông đỏ như máu. Công Bình sai Nội nhân hỏa đầu Đặng Khánh Hương về Kinh sư đem việc ấy tâu lên.

Công Bình đánh bại người Chân Lạp.

Tháng 3, Đại liêu ban Nguyễn Công Đào dâng rùa trắng.

Vua ngự đến chùa Báo Thiên, làm lễ Phật Pháp Vân để cầu mưa. Đêm ấy mưa to.

Mùa hạ, tháng 4, hoàng tử thứ ba (không rõ tên) sinh.

Tháng 5, Thiếu sư Lý Công Tín dâng một khối vàng sống, nặng 47 lạng.

Tháng 6, hạn xuống chiếu cho Nguyễn Công Đào đến Vu đàn[2] ở phía nam làm lễ cầu mưa.

Mùa thu, tháng 9 , mở hội khánh thành chùa Linh Cảm, tha **[41a]** người có tội trong nước.

Xuống chiếu rằng: Trong ngoài kinh thành cứ ba nhà làm một bảo, để giám sát các quan chức đô coi triều ban không được đem con mình cho người khác nuôi làm con để nhờ cậy nhà quyền thế. Kẻ nào không có quan ấm[3] mà can phạm thì bắt giữ tâu lên. Người một bảo mà không giám sát nhau thì cùng một tội với can phạm.

Mùa đông, tháng 10, ngày Nhâm Ngọ, vua ngự đến hành cung Ly Nhân xem gặt.

Ngày Ất Sửu, hoàng nữ thứ hai sinh, sau phong làm Thuỵ Thiên công chúa.

Tháng 12, vua về đến Kinh sư.

Cho Ngự khố thư gia coi phủ Thanh Hóa là Dương Chưởng làm Viên ngoại lang.

Mậu Ngọ, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 6 [1138], (từ tháng 10 về sau là niên hiệu của Anh Tông, Thiệu Minh năm thứ 1; Tống Thiệu Hưng năm thứ 8). Muà hạ, tháng 5, Nội nhân hỏa đầu là Hứa Viêm dâng một khối vàng sống nặng 66 lạng.

Tháng 6, hạn, sai Nhập nôi tả ty lang trung là Nguỵ Quốc Bảo triệu các quan hội bàn. Chư vệ là Phạm Tín **[41b]** xin đến Vu đàn làm lễ cầu mưa. Vua y theo.

Mùa thu, tháng 7, không mưa. Vua sai Hửu ty làm lễ cầu ở Vu đàn và chùa Báo Thiên.

Ban cho các quan aó mùa đông.

Tháng 9, vua không khỏe.

---

[1] Việt sử lược chép là Tô Phá Lăng và chép việc vào năm 1136 (q.3, 2a).

[2] Vu đàn: đàn tế trời để cầu mưa. Theo Công Dương truyện, vua thân đến đàn Nam Giao cầu đảo, cho đồng nam đồng nữ vừa múa vừa hô "Vu! Vu!...", vì thế gọi là "Vu đàn".

[3] Quan ấm: theo chế độ cũ, con cháu các nhà quan có công với triều đình hoặc chết vì việc nước, được bổ làm quan, gọi là quan ấm.

Lập Hoàng trưởng tử Tiên Tộ làm Hoàng thái tử. Trước vua đã lập Thiên Lộc làm con nối. Đến đây ốm, ba phu nhân là Cảm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh muốn đổi lập thái tử khác, mới sai người đam của đút cho Tham tri chính sự Từ Văn Thông, nói rằng nếu có vâng mệnh thảo di chiếu thì chớ bỏ lời của ba phu nhân. Văn Thông nhận lời. Đến khi vua ốm nặng, sai soạn thảo di chiếu, Văn Thông tuy vâng mệnh vua, nhưng nhớ lời dặn của ba phu nhân, cứ cầm bút mà không viết. một lát ba phu nhân đến, khóc lóc nghẹn ngào nói rằng: "Bọn thiếp nghe rằng đời xưa lập con nối ngôi thì lập con đích chứ không lập con thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp được vua yêu, nếu cho nối ngôi thì người mẹ tất sẽ tiếm lấn, sinh lòng nghen ghét làm hại, **[42a]** như thế thì mẹ con bọn thiếp tránh sao khỏi nạn? ". Vua vì thế xuống chiếu rằng:"Hoàng tử Thiên Tộ tuy tuổi còn thơ ấu, nhưng là con đích, thiên hạ đều biết, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn thái tử Thiên Lộc thì phong làm Minh Đạo Vương".

Ngày 26, vua đăng ở điện Vĩnh Quang, quàn ở thềm phía tây điện ấy. Các quan dâng tôn hiệu là Quảng Nhân Sùng Hiếu Văn Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thần Tông.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, Hoàng thái tử Thiên Tộ lên ngôi ở trước linh cữu, bấy giờ mới lên ba tuổi. đổi niên hiệu là Thiệu Minh năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ. Tôn mẹ là Cảm Thánh phu nhân họ Lê làm Hoàng thái hậu.

Hội thề quốc nhân ở Long Trì.

Sai sứ sang cáo phó với nhà Tống.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thần Tông nối nghiệp lớn của tiên vương, làm thiên tử đời thái bình **[42b]**, bỏ con đích trưởng còn bú mớm, muốn lập con thứ đã trưởng thành, là lấy việc lầm lỗi khi trước mình còn non dạ làm răn, nhưng rốt cuộc chí ấy không thành. Việc Từ Văn Thông ăn hối lộ thì đã rõ ràng. Lời nói của ba phu nhân thế là thẳng thắn, nhưng tiếc rằng khi ấy không gọi ngay kẻ đại thần biết khuông phò xã tắc mà uỷ thác con côi. Than ôi! Bề tôi gian tà giao kết với người ở trong cung đình để đến nỗi làm hỏng việc của người, từ xưa vẫn có. Song việc Từ Văn Thông và ba phu nhân này chẳng còn hơn việc dạy Vệ Vương[1] phải vâng mệnh ư? Tuy thế truyền ngôi cho con đích là lẽ thường xưa nay, nếu được người giúp là bậc hiền như Y Doản, Chu Công giúp Thái Giáp và Thành ương thì để tiếng khen đời sau mãi mãi.

[1] Chỉ Vệ Vương Đinh Toàn, con Đinh Tiên Hoàng.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển IV

[1a]

Anh Tông Hoàng Đế

Tên húy là Thiên Tộ, con đích trưởng của Thần Tông, mẹ là Hoàng hậu họ Lê, sinh tháng 4 năm Bính Thìn, Thiên Chương Bảo Tự thứ 4 [1136], tháng 9 năm Mậu Ngọ [1138] lập làm Hoàng Thái Tử. Thần Tông băng, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 37 năm [1138-1175], thọ 40 tuổi [1136-1175], băng ở điện Thụy Quang. Trong việc phế lập, vua không mê hoặc lời nói của đàn bà, ký thác được người phụ chính hiền tài, có thể gọi là không thẹn với việc gánh vách. Song không phân biệt được kẻ gian tà, hình phạt không sáng suốt, cho nên trời xuống tai biến để răn, giặc cướp nổi lên, giềng mối rối loạn, không thể nói xiết.

Kỷ Mùi, Thiệu Minh năm thứ 2 [1139], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 9)[1]. Nhà tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Canh Thân, [Thiệu Minh] năm thứ 3 [1140], (Từ tháng 2 về sau là niên hiệu Đại Định năm thứ 1; Tống Thiệu Hưng năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, châu mục châu Chân Đăng là Lê Pháp Viên dâng hươu trắng.

Tháng 2, đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1.

Tháng 3, Ngọc bệ **[1b]** viên ngoại lang là Nguyễn Nghĩa Minh dâng hươu đen.

Lấy Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh tri nội ngoại sư. Anh Vũ là em của Đỗ thái hậu, nên Lê thái hậu trao cho chức này.

Mùa hạ, tháng 4, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thọ Ninh.

Từ mùa xuân sang mùa hạ, không mưa.

Tháng 5, có mưa.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to.

Người thầy bói Thân Lợi tự xưng là con của Nhân Tông[2] đem đồ đảng theo đường thủy đến châu Thái Nguyên[3], từ châu Tây Nông[4] kéo ra, qua châu Lục Lệnh, vào chiếm châu Thượng Nguyên và châu Hạ Nông[1], thu nạp những kẻ trốn tránh, chiêu mộ thổ binh, có đến hơn 800 người, cùng mưu làm loạn.

---

[1] Việt Sử Lược chép năm Kỷ Mùi (1139) là niên hiệu Thiệu Minh thứ 3. Sở dĩ có sự chênh lệch đó, có lẽ là do việc ghi năm mất của Lý Thần Tông. Việt Sử Lược chép Thần Tông chết tháng 9 năm Đinh Tỵ (1137). Toàn Thư chép Thần Tông chết ngày 26 tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138). Đến điều chép về năm Tân Dậu (1141) thì không có sự khác biệt ấy: cả hai tài liệu đều chép Tân Dậu (1141) là niên hiệu Đại Định thứ 2.

[2] Theo Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 9 (1139) đời Tống, Quảng Tây suý ty nói: "Vua Nhân Tông nhà Lý có người con của cung thiếp sinh ra, vua không nhận. Khi Lý Thần Tông lên ngôi, người con ấy chạy sang nước Đại Lý, đổi họ là Triệu, tên là Trí Chi, tự xưng là Nam Bình Vương. Khi Thần Tông mất, [Trí Chi] bèn trở về tranh ngôi với Anh Tông, xin mượn quân của nhà Tống. Quan tỉnh Quảng Tây đem việc ấy tâu lên, vua Tống từ chối". Vậy có lẽ Trí Chi và Thân Lợi chỉ là một người, khi trần tình để xin viện binh của nhà Tống thì nói dối [là con Nhân Tông] để lừa nhà Tống.

[3] Thái Nguyên: tên châu thời Lý, tức đất tỉnh Bắc Thái ngày nay.

[4] Châu Tây Nông: nay là đất huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Thái.

Tân Dậu, [Đại Định] năm thứ 2 [1141], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, Thân Lợi tiếm xưng là Bình Vương, lập vợ cả, vợ lẽ làm hoàng hậu và phu nhân, con làm vương hầu, cho đồ đảng quan tước theo thứ bậc**[2a]** khác nhau. khi ấy đồ đảng của Thân Lợi chỉ hơn nghìn người, đi đến đâu nói phao là Lợi giỏi binh thuật để hiếp chế người miền biên giới. Người các khe động dọc biên giới đều khiếp sợ, không dám chống lại.

Tháng 2, quan coi biên giới dâng thư cáo cấp. Xuống chiếu cho Gián nghị đại phu Lưu Vũ Nhĩ[2] đem quân do đường bộ tiến đi, Thái phó là Hứa Viêm đem quân ngược đường thủy để tiến đánh. Khi ấy Vũ Nhĩ sai tướng tiên phong là Thị vệ đô Tô Tiệm và Chủ đô trại Tuyên Minh là Trần Thiềm đem quân đi trước, đóng ở sông Bác Đà[3], gặp thủy quân của Lợi cùng giao chiến. Tiệm thua, bị Lợi giết, Lợi trở về giữ châu Thượng Nguyên, đắp đồn ải ở huyện Bác Nhự để chống quan quân. Vũ Nhĩ đánh nhổ được ải Bác Nhự, tiến đến Bồ Đinh[4], gặp thủy quân của Lợi, đánh lớn, Vũ Nhĩ thua trận, tướng sĩ chết đến quá nửa, phải rút về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Mậu Thìn, Vũ Nhĩ về đến Kinh sư. Ngày Tân Mùi, Lợi ra chiếm châu Tây Nông, sai người ở các châu Thượng Nguyên **[2b]** Tuyên Hóa[5], Cảm Hóa[6], Vĩnh Thông[7] đánh lấy phủ Phú Lương[8]. Lợi chiếm giữ phủ trị, ngày đêm hợp bè đảng mưu cướp kinh sư. Ngày Kỷ Mảo, vau sai thái úy Đỗ Anh Vũ đem quân đi đánh Lợi.

Tháng 5, ngày Tân Mão, quân của Lợi kéo về cướp kinh sư, đóng ở Quảng Dịch[9], gặp quân của Anh Vũ, đánh lớn. Quân của Lợi thua, chết không kể xiết. Anh Vũ sai chém lấy đầu bêu lên ở cạnh đường suốt từ quan Bình Lỗ[10] đến sông Nam Hán.

Bắt được thủ lĩnh châu Vạn Nhai[11] là Dương Mục, thủ lĩnh động Kim Kê là Chu Ái, đóng cũi giải về Kinh sư. Lợi chỉ chạy thoát một mình về châu Lục Lệnh. Ngày Nhâm Ngọ, giải bọn Mục và Ái về trói giam ở huyện phủ của chúng. Xuống chiếu cho Anh Vũ chiêu tập bọn tàn tốt của Lợi ở cửa quan Bình Lỗ. Phát muối kho công cho bọn Mục và Ái.

Mùa thu, tháng 8, quốc sư Minh Không chết (sư người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, rất linh ứng, phàm khi có tai ương hạn lụt, cầu đảo đều nghiệm cả. Nay hai chùa Giao Thủy và Phả Lại đều có tượng thờ)[12].

[3a]Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, lại sai Anh Vũ đi đánh châu Lục Lệnh, bắt được bọn bè đảng của Lợi hơn 2.000 người. Lợi trốn sang châu Lạng, Thái phó Tô Hiến Thành bắt được Lợi, giao cho Anh Vũ đóng cũi giải về kinh sư. Sai Lý Nghĩa lâm chiêu tập vỗ yên dư đảng của Lợi. Xuống chiếu cho quan Đình úy xét tội Lợi. Án xét xong, vua ngự điện Thiên khánh xử tội Lợi và bọn đồng mưu 20 người

---

[1] Châu Hạ Nông: miền Thượng Nông và Hạ Nông huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái. Như vậy châu Lục Lệnh và châu Thượng Nguyên ở vào khoảng giữa huyện Phú Bình và huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

[2] Lưu Vũ Nhĩ, Cương mục chép là Lưu Vũ Xứng (CMCB4,25a).

[3] Sông Bác Đà: chưa rõ ở đâu, nhưng chắc chỉ là một đoạn sông Cầu, trong vùng đất các huyện Phú Lương, Bạch Thông ngày nay. Phải chăng là đoạn sông ở vùng Bắc Thẩm, chợ mới?

[4] Bác Nhự, Bồ Đinh: chưa rõ ở đâu, nhưng hẳn ở cạnh khúc sông Cầu từ Chợ Mới đến thị xã Bắc Cạn.

[5] Tuyên Hóa: nay là đất huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái.

[6] Cảm Hóa: nay là đất huyện Ngân Sơn, Na Rì và một phần phía Bắc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

[7] Vĩnh Thông: nay là huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

[8] Phú Lương: nay là huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

[9] Quảng Dịch: (trạm Quảng): Việt sử lược chép là Khoảng Dịch (q.3,3a), chưa rõ ở đâu.

[10] Bình Lỗ quan: cữa quan ở sông Bình Lỗ. Sông Bình Lỗ có lẽ là sông Cà Lồ.

[11] Vạn Nhai: nay là đất huyện Võ Nhai, tỉnh Bắc Thái.

[12] Hai chùa này đều gọi là chùa Keo, ở huyện Giao Thủy, tỉmh Nam Định cũ. Chùa Keo Giao Thủy, hay chùa Keo Dưới, nay ở xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Chùa Keo Phả Lại hay chùa Keo Trên, nay ở xã Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉmh Nam Hà.

đều xử trảm, những kẻ còn lại đều theo tội nặng nhẹ mà xử, tha cho những kẻ vì ép buộc mà phải theo. Các quan dâng biểu mừng.

Lưu Vũ Nhĩ dâng hươu trắng, lại dâng ngọc tân lang [ngọc cau].

> Sử thần Ngô Sĩ liên nói: Bấy giờ Lưu Vũ Nhĩ có tội về sai quân luật mà bại trận, lại dâng những vật điềm lành để che lỗi, thế mà không một người nào dám bàn đến, có thể biết hình pháp chính sự bấy giờ nhiều việt sai trái. Đỗ Anh Vũ lăng loàn dữ tợn đâu phải không có nguyên do.

[3b] Nhâm Tuất, [Đại Định] năm thứ 3 [1142], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Lưu Vũ Nhĩ dâng ngọc thiềm thừ [ngọc cóc].

Mùa đông, tháng 10, sai thủ Lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh đến châu Quảng Nguyên để chiêu tập người châu ấy.

Tháng 12, xuống chiếu rằng những người cầm đợ ruộng thục[1] trong vòng 20 năm thì cho phép chuộc lại; việc tranh chấp ruộng đất thì trong vòng 5 năm hay 10 năm còn được tâu kiện; ai có ruộng đất bỏ hoang bị người khác cấy cày trồng trọt trong vòng một năm thì được kiện mà nhận, quá hạn ấy thì cấm. Làm trái thì xử 80 trượng. Nếu tranh nhau ruộng ao mà lấy đồ binh khí nhọn sắc đánh chết hay làm bị thương người thì đánh 80 trượng, xử tội đồ, đem ruộng ao ấy trả lại người chết hay bị thương.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Giết người thì phải xử tội chết, đó là phép của đời xưa, nay tôi giết người cũng xử như tội khác thực là không phân biệt mức độ, mất sự cân nhắc nặng nhẹ.

[4a] Xuống chiếu rằng những người bán đoạn ruộng hoang hay ruộng thục đã có văn khế rồi thì không được chuộc lại nữa, ai làm trái bị phạt đánh 80 trượng.

Xuống chiếu tha tội lưu cho các bè đảng của Thân Lợi.

Quý Hợi, [Đại Định] năm thứ 4 [1143], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu thiên hạ từ nay về sau cứ ba nhà làm một bảo, không được mổ riêng bò trâu, nếu có việc cúng tế phải tâu xin được chỉ rồi mới cho mổ, kẻ làm trái thì trị tội nặng, láng giềng không cáo giác cũng xử cùng tội.

Từ mùa xuân đến mùa hạ, đại hạn, vua thân làm lễ cầu đảo. Tháng 6, ngày Đinh Sửu, có mưa.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu cho Dương Tự Minh cai quản việc công các khi động dọc theo biên giới về đường bộ.

Tháng 9, xuống chiếu rằng, các nhà quyền thế ngoài đầm ao của mình không được ngăn cấm xằng bậy, làm trái thì có tội.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái phó Hoàng Nghĩa Hiền và Viên ngoại lang Khổng Trường đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ đi đãi vàng ở các xứ Như Cá v. v...

Giáp Tý [Đại Định] năm thứ 5 [1144], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 14). Gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh làm Phò mã lang.

Tháng 5, Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng. Cho Mâu Du Đô làm Thái sư, xa lĩnh việc các khe động dọc biên giới về đường bộ.

Ất Sửu, [Đại Định] năm thứ 6 [1145], (Tống thiệu Hưng năm thứ 15). Mùa hạ, tháng 4, mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

---

[1] Nguyên văn: điển thục điển, điển tức là điển mại, nghĩa là bán nhưng còn có quyền được chuộc lại (khác với tuyệt mại nghĩa là bán đoạn tức là bán hẳn, không được chuộc lại). Thục điền là ruộng đã cày cấy thành thục, khác với ruộng đất mới khai khẩn.

Phụng chức là Nguyễn Phụng dâng rùa mắt có sáu con ngươi, ức có hai hàng chữ triện các quan nhận ra bốn chữ "Vương dĩ công pháp"[1].

Xống chếu rằng những người tranh nhau ruộng ao của cải không được nhờ cậy nhà quyền thế, làm trái đánh 80 trượng, xử tội đồ.

Muà thu, tháng 7, dựng đền thần núi Tản Viên và các đền Bố Cái, Ông Nghiêm, Ông Mẫu.

Tháng 8, kẻ có yêu thuật người nước Tống là Đàm Hửu Lượng trốn sang châu Tư **[5a]** Lang[2], tự xưng là Triệu tiên sinh[3], nói dối là vâng lệnh đi sứ để dụ nước An Nam[4]. Các khe động ở dọc biên giới nhiều người theo. Hữu Lượng bèn đem đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên. Bấy giờ Kinh lược suý ty lộ Quảng Tây nước Tống đưa thư nhờ đuổi bắt Hữu Lượng. Vua xuống chiếu cho Phò mã lang Dương Tự Minh và văn thần là Nguyễn Nhữ Mai, Lý Nghĩa Vinh đi đánh. Không bao lâu lại sai Thái sư Mâu Du Đô đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ tiếp đánh. Khi ấy Tự Minh đã lấy được ải Lũng Đổ, châu Thông Nông[5] bắt được bè đảng của Hữu Lượng và bọn Bá Đại 21 người, duy có Hữu Lượng chạy thoát, trốn vào núi chằm. Xuống chiếu cho Quản quân sứ là [Lý] Nghĩa Vinh trông coi áp giải bọn Bá Đại giao trả về nước Tống. Trước đó Ung Châu làm cáo sắc giả sai người đi gọi Hữu Lượng, Hữu Lương cho là thực, cùng với bọn thủ lĩnh châu Tự Minh hơn 20 người mang ấn đồng, địa đồ và vật thổ sản quy phụ nhà Tống. Khi đến **[5b]** trại Dương Sơn, viên thủ Ung Châu là Triệu Nguyệt bắt Hữu Lượng và bè đảng giải đến suý ty. Người Tống thấy trong bọn ấy có Dương ở ngực có thích hình rồng đen, và bọn thủ lĩnh ở châu Bồ năm người, biết là người nước Việt ta, đều trả về.

Dựng cung Quảng Từ để hoàng thái hậu ở.

Dựng các chùa Vĩnh Long, Phúc Thánh.

Cấm các thợ bách tác[6] không được làm đồ dùng theo kiểu của nhà nước tự tiện bán cho dân gian.

Bính Dần [Đại Định] năm thứ 7 [1146], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, An Trung hầu (không rõ tên) ở châu Lạng dâng hươu trắng.

Tháng 3, Viên ngoại lang Lý Ngọ dâng hươu trắng.

Thái sư Mâu Du Đô chết.

Muà hạ, tháng 4, trâu và gia súc chết dịch.

Hạn, cầu đảo được mưa.

Sao Chổi mọc.

Tháng 6 nhuận, xuống chiếu cho các ty xử án, kẻ nào tranh bậy không hợp điều luật pháp chế thì xử 60 trượng.

---

[1] "Vương dĩ công pháp" vua theo việc công.

[2] Châu Tư Lang: nay là đất huyện Trùng Khánh và một phần đất huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[3] Việt sử lược chép là Lữ tiên sinh (q.3, 3b). Hai chữ "Lữ" và "Triệu" có thể lầm với nhau.

[4] Đối chiếu thì thấy một số sự việc từ năm 1140 đến năm 1157, toàn thư phần nhiều chép lùi 2 năm so với Đại Việt sử lược như việc Đàm Hửu Lượng nói ở trên, Đại Việt sử lược (ĐVSL) chép vào năm Quý Hợi (1143); làm kho Thiên Tư, ĐVSL chép năm Giáp Tý (1144), Toàn thư chép vào năm Bính Dần (1146); hoàng hậu họ Đỗ (Chiêu Hiến) mất. ĐVSL chép năm Ất Sửu (1145), Toàn thư chép năm Đinh Mão (1147) v. v... Sở dĩ có sự chênh lệnh như vậy có lẽ vì Toàn thư chép năm Lý Thần Tông mất nuộn một năm với ĐVSL (xem chú BK4, 1a) và về khoảng thời gian này, ĐVSL lại chép sớm lên một năm nữa (Trong bản dịch Việt sử lược Trần Quốc Vượng đã so điều ghi về việc sao Chổi xuốt hiện, ĐVSL chép vào tháng 4 năm Giáp Tý (1144), Mà Tống sử thì ghi tháng 4 năm Ất Sửu (1145), cho thấy ĐVSL chép sớm một năm). Sự chênh lệnh ấy đến năm Mậu Dần (1158), kể từ việc Nguyễn Quốc (ĐVSL chép là Nguyễn Quốc Dĩ) đi sứ về tâu xin làm hộp thơ bằng đồng, lại tiếp tục ăn khớp.

[5] Châu Thông Nông: nay là huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng.

[6] Tức thợ thủ công làm các đồ dùng cho vua và nhà nước.

Mùa thu, **[6a]** tháng 7, dựng 6 sở kho Thiên Tư.

Tháng 8, xuống chiếu rằng các quan quản giáp và chủ đô, phàm sung bổ cấm quân, phải chọn những hộ nhiều người, không được lấy người cô độc, làm trái thì trị tội.

Đinh Mão, [Đại Định] năm thứ 8 [1147], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 17). Mùa thu, tháng 8, đóng hai thuyền Vĩnh Long, Thanh Lan và hai thuyền lớn Trường Quyết, Phụng Tiên.

Tháng 9, thư gia là Lý Chiêu dâng con quạ trắng. Mùa đông, tháng 10,ngày Canh Thìn, tiểu thị vệ là Lý Sùng dâng con rùa mắt có sáu con ngươi, ức có tám chữ triện.

Dựng hành dinh ở trại Yên Hưng[1].

Xuống chiếu cho Đỗ Anh Vũ đi phủ Phú Lương khảo xét quan liêu và định số mục hộ tịch.

Tháng 11, làm nhà cho Công chúa Thuỵ Thiên ở châu Lạng.

Hoàng thái hậu họ Đỗ băng, thuỵ là Chiêu Hiếu hoàng hậu.

Mậu Thìn, [Đại Định] năm thứ 9 [1148], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 18). Mùa xuân, tháng 2, vua ngự đến hành cung ly Nhân cày ruộng tịch điền **[6b]** rồi đến hành cung Ứng Phong.

Mùa hạ, tháng 6, xuống chiếu cấm các thủ lĩnh và quan lang người Man Lý và người Sơn Lão ở hai trấn Đại Thông và Quy Nhân[2] không có việc gì không được về Kinh.

Công chúa Thuỵ Thiên về châu Lạng.

Mùa đông, tháng 10, khánh thành cung quảng Từ.

Kỷ Tỵ, [Đại Định] năm thứ 10 [1149], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa[3], Lộ Lạc[4], Xiêm La[5] vào hải Đông[6], xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là vân Đồn, để mua bán hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương.

Mùa hạ, tháng 4, mở hội Nhân Vương ở Long Trì, đại xá người có tội.

Vua ngự ở Long Trì xem bắt voi.

Mùa đông, tháng 11, Công chúa Thiên Thành mất.

---

[1] Yên Hưng: nay là đất huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Địa danh thời Lý- Trần không thấy tài liệu nào ghi tên Quy Nhân, ngờ là Quy Hóa mà bản in khắc lầm. Quy Hoá là tên phủ thời Lý, cuối thời Trần đổi làm trấn, đầu thời Lê đổi làm lộ, từ đời Hồng Đức (1470- 1497) về sau lại đổi làm phủ: nay thuộc tỉnh Yên Bái, Lao Cai, Đại Thông là tên phủ thời Lý (có ghi trong Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi) chỉ miền Hưng Hoá, phía tây sông Hồng. Như vậy, hai trấn Đại Thông và Quy Nhân (sửa là Hoá) đại thể là đất tỉnh yên Bái, Lao Cai, Lai Châu và một phần Vĩnh phú ngày nay.

[3] Trảo Oa: tức đảo Java, (Inđônêxia). Cương mục chép là Qua Oa (CMCB4,33a), cũng tức là Java, theo cách phiên âm thường dùng trong Nguyên sử và Minh sử.

[4] Lộ lạc: chưa rõ chỉ nước nào. Thời trần, có thuyền buôn Lộ hạc đến Vân Đồn. Có lẽ Lộ Lạc chính là Lộ Hạc. Dựa vào âm đọc, có thể cho rằng Lộ Hạc là nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Trung Quốc thời Nguyên-Minh (xem thêm chú thích về Xiêm la ở dưới). La Hộc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Hạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Marco Polo.

[5] Xiêm La: quốc gia của người Thái vùng thượng lưu sông Mê Nam thời trung đại. Điểm đáng chú ý là Toàn thư đả chép tên Xiêm La vào năm 1149. Trong khi đó, thư tịch Trung Quốc chỉ nhắc đến nước này vào cuối thế kỷ XIII (xem Nguyên sử, Xiêm quốc truyện) nhưng trong suốt thời Nguyên, chỉ gọi là Xiêm chứ không phải là Xiêm La. Sang thời Minh, từ năm Hồng Vũ thứ 4 (1371), mới thấy nhắc đến tên Xiêm la. Minh sử, Minh nhất thống chí, Quảng Đông thống chí giải thích rằng vào khoảng niên hiệu Chí Chinh (1341-1368), nước Xiêm đầu hàng nước La Hộc (tức Lavo) bên cạnh, hai nước mới hợp nhất thành nước Xiêm La. Nguyễn Thiên Túng chú Dư địa chí của Nguyễn Trãi cũng theo thuyết đó mà nói rằng Xiêm La xưa là hai nước Xiêm La và La Hộc. Nếu đúng như thế thì phải chăng tên Xiêm La chép ở Toàn thư năm 1149 là do Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê chữa từ tên xiêm? Nhưng chưa có căn cứ để nói rằng thuyết đó đúng. Nước Xiêm nói trong Nguyên sử rõ ràng là vương quốc Sukhothai hình thành vào thế kỷ XIII ở Thái Lan. Mãi đến thế kỷ XV, Sukhothai mới trở thành thuộc quốc của vương quốc Ayuthya.

[6] Hải Đông: vùng đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Cho trung thư hoả giữ phủ Phú Lương làm Nguyễn Quyền là Trung thư xá nhân, đến Na Dâm Điền ở đầu phía nam châu Văn, hội với Triều phụng lang châu Thất Nguyên là Nông Ngạn Cương **[7a]** để bàn việc, vì người châu Quảng Nguyên bắt Liêu Ngũ ở châu Thất Nguyên.

Dựng hành cung ở Ly Nhân.

Canh Ngọ,[Đại Định] năm thứ 11 [1150], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 3, hạn.

Mùa thu, tháng 7, hạn.

Tháng 9, người Chân Lạp cướp châu Nghệ An, đến núi Vụ Thấp[1] gặp nắng nóng ẩm thấp, phần nhiều chết vì lam chướng bèn tự tan vỡ.

Khi trước vua còn trẻ thơ, chính sự không cứ việc lớn, việc nhỏ đều uỷ cho Đỗ Anh Vũ cả. Anh Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ thái hậu, do đó mà Anh Vũ tư thông với Lê thái hậu, nhân thế lại càng kiêu rông, ở triều đình thì khoát tay lớn tiếng, sai bảo quan lại thì hất hàm ra hiệu, mọi người đều liếc nhau nhưng không ai dám nói. Điện tiền đô chỉ huy sứ là vũ Đái, Hoả đầu đô Quảng Vũ là Lương Thượng Cá, Hoả đầu đo Ngọc Giai là Đồng Lợi, Nội thị là Đỗ Ất, cùng với bọn Trí Minh Vương, Bảo Ninh hầu, Phò mã lang Dương Tự Minh cùng mưu bắt giam Anh Vũ. Bàn tính xong, bọn Đái**[7b]** đem quân lính đến ngoài cửa Việt Thành hô to rằng: "Anh Vũ ra vào cấm đình, làm nhiều đều ô uế, tiếng xấu đồn ra ngoài, không tội gì to bằng. Bọn thần xin sớm trừ đi, khỏi để mối lo về sau". Bèn có chiếu sai cấm quân đến bắt Anh Vũ trói giam ở hành lang Tả Hưng Thánh, giao cho Đình uý tra xét. Thái hậu sai người mang cơm rượu cho Anh Vũ, ngầm để vàng vào trong đồ đựng món ăn để đút cho Vũ Đái và các người canh giữ. Hoả đầu ở đô Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương nói: "Các ông tham của đút, tôi với các ông tất không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu, chi bằng cứ giết trước đi cho khỏi tay hoạ về sau". bèn cầm giáo định đâm. Đô Tả Hưng [Thánh][2] là Đàm Dĩ Mông ôm Dương, cướp lấy giáo, ngăn rằng: "Điện tiền bảo Anh Vũ tội đáng chết, nhưng còn phải đợi mệnh lệnh của vua, không nên tự tiện". Dương giận, chửi: "Điện tiền Vũ cứt chứ chẳng phải Đái! (chữ Cát Đái phương ngôn[3] nói là cứt đái). **[8a]** Sao tham của đút mà không tiếc đến mạng mình!". Nói xong, tự biết không khỏi chết, bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Bấy giờ vua xét án của Anh Vũ, đày Anh Vũ làm Cảo điền nhi[4]. Thái hậu lo buồn, cố nghĩ làm thế nào để phục hồi chức nhiệm cho Anh Vũ, mới nhiều lần mở hội lớn để xá cho tội nhân, mong Anh Vũ được dự vào đấy. Anh Vũ được mấy lần xá tội, lại làm Thái uý phụ chính như cũ, càng được yêu dùng hơn, do đấy chuyên làm oai, làm phúc, sinh sát mà lòng báo thù lúc nào cũng tỏ rõ, còn sợ rằng bọn quân lại đi bắt bớ phần nhiều không được như ý, mới dâng hơn một trăm người thủ hạ để làm đô Phụng quốc vệ, người nào phạm tội đều giao cho đô Phụng quốc vệ đi bắt. Anh Vũ mật tâu với vua rằng: "Trước kia bọn Vũ Đái tự tiện đem cấm quân xông vào cung đình, tội ấy không gì to bằng, nếu không sớm trừng trị, sợ một ngày kia sinh biến, không thể lường được". Vua chẳng biết gì cả, **[8b]** bèn chuẩn tâu. Anh Vũ sai đô Phụng quốc về đi bắt bọn Vũ Đái giam vào ngục để trị tội. Hạ chiếu giáng Trí Minh Vương xuống tước hầu, Bảo Ninh hầu xuống tước minh tự, Bảo Thắng hầu xuống tước phụng chức, Nội thị là bọn Đỗ Ất 5 người bị "cưỡi ngựa gỗ"[5], bọn Hoả đầu đô Ngọc Giai là Đồng lợi 8 người bị chém ở chợ Tây Giai, bọn Điện tiền đô chỉ huy Vũ Đái 20 người chém bêu đầu ở các bến sông, bọn Phò mã lang

---

[1] Núi Vụ Thấp: còn gọi là Vụ Ôn, tức là núi Vụ Quang ở huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Nguyên văn: "tả Hưng đô" tức là Tả Hưng thánh đô, "đô" vừa là tên đơn vị đội quân cấm vệ (đô Ngọc Giai đô Quảng Vũ v. v...) vừa là tên quan chức của viên chỉ huy đội quân cấm vệ ấy.

[3] Chỉ cách đọc hai chữ "cát đái" thêm âm Nôm.

[4] Việc này, Cương mục chỉ chép là Đỗ Anh Vũ bị đày làm "điền nhi" (CMCB5, 3a) tức là những người có tội bị bắt buộc phải làm ruộng cho nhà nước. Chữ "cảo", Cương mục chữa làm Tảo và chú thích là "Tảo xả" nay là xã Nhật Tảo huyện Từ Liêm (CMCB6,9). Vậy "Cảo điền nhi" là những người bị tội đày phải cày ruộng cho nhà nước ở địa phương ngày nay là xã Nhật tảo huyện Từ Liêm, Hà Nội. Vùng này BK10, 28a gọi là Cảo Động.

[5] Cưỡi ngựa gỗ (thượng mộc mã): thứ hình phạt thời cổ, đem tội nhân đóng đinh lên tấm ván, đem đi bêu chợ rồi đem ra pháp trường tùng xẻo.

dương Tự Minh 30 người bị tội lưu ở nơi xa độc, những người dự mưu đều bị tội đồ làm điền hoành, khao giáp, quả như lời nói của Nguyễn Dương.

> Lê Văn Hưu nói: Đỗ Anh Vũ ra vào cấm đình, tư thông với mẫu hậu, không tội gì to bằng. Bọn Vũ Đái nên tâu bày gian trạng rồi bắt giam vào ngục mà giết đi là phải. Nay lại đem quân đột nhập cửa Việt Thành, hiếp vua nhỏ tuổi, ép lấy chiếu chỉ. **[9a]** Đến khi bắt được Anh Vũ rồi, lại nhận vàng của thái hậu mà không nghe lời nói của Nguyễn Dương, đến sau rốt cuộc bị Anh Vũ giết, liên lụy đến mấy mươi người, thế là nuôi hổ để hoạ về sau vậy.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Anh Vũ là kẻ đại ác. Bọn [Vũ] Đái đã cùng với người tông thất hiệp mưu mà không biết tuyên bố tội trạng ở triều đình để trị tội cho đàng hoàng, lại đem binh lính bắt hiếp vua còn nhỏ tuổi. Ngay lúc bấy giờ. Anh Vũ đã mừng có cớ để nói rồi, biết đâu không lập kế thông với thái hậu để đút lót nhiều cho bọn Đái, mong khỏi chết để thỏa lòng báo thù chăng? May mà Nguyễn Dương bảo rõ tai hoạ. Khi bọn Đái không chịu nghe lời, [Dương] lại nhảy xuống giếng mà chết để cảnh cáo, thế mà vẫn còn không tính, để sau bị tai vạ thì còn trách ai nữa? Thế thì thái hậu không có tội ư? Trả lời rằng: tội nặng lắm. Người không có tài đức quyền **[9b]** vị như Y Doãn, Chu Công mà muốn ngăn sửa thì khó tránh cái lỗi làm việc sửa lớn thì hỏng.

Xuống chiếu cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào trong cung, ai phạm thì bị tội chết. Nếu [canh giữ] không cẩn thận để người khác vào cung cũng bị tội như thế.

Cấm các quan trong triều không được đi lại nhà các vương hầu, ở trong cung cấm không được hội họp nhau năm, ba người bàn luận chê bai, ai phạm thì trị tội. Kẻ nào phạm việc qua lại bên ngoài phía đầu hành lang chứa khí giới của đô Phụng quốc vệ thì xử 80 trượng, tội đồ; nếu vào trong hành lang ấy thì xử tử. Lính Phụng [quốc] vệ ở trong hành lang ấy có chiếu chỉ mới được cầm khí giới, không có chiếu chỉ mà tự tiện mang khí giới đi quá ra ngoài phía đầu [hành lang] thì xử tử.

Tân Mùi, [Đại Định] năm thứ 12 [1151], (Tống thiệu Hưng năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, Nội nhân hoả đầu là Đỗ Thì dâng rùa vàng có lông xanh.

Tháng 2, vua ngự đến Long Thủy[1] bắt voi trắng, bắt được, các quan dâng **[10a]** biểu mừng.

Mùa hạ, tháng 4, Đỗ Anh Vũ dâng cây cau một gốc 28 nhánh. Tháng 5, Đỗ Anh Vũ dâng hươu trắng.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến cung Quảng Từ xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, công chúa Thuỵ Minh mất.

Tháng 11, hoàng trưởng tử Long Xưởng sinh ở hành cung Ứng Phong, sau được sách phong là Hiển Trung Vương.

Dựng gác Vĩnh Thanh ở điện phía tây và hai chiếc thuyền VĨnh Diệu, Thanh Lan.

Nhâm Thân, [Đại Định] năm thứ 13 [1152], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 22). Muà xuân, tháng 2, Nội sư ông là Lý Nguyên dâng rùa ba chân, mắt có sáu con ngươi, trên ức có chữ triện. Các quan nhận thành bốn chữ: "Vương dĩ bát phương"[2].

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Tháng 5, trời mưa cát vàng.

Bá Đại Vương (chưa rõ là ai) mất.

---

[1] Long Thủy: vùng Thác Bờ, tỉnh Hòa Bình.

[2] Nghĩa: vua theo tám phương.

Mùa thu, tháng 7, trời mưa cát vàng.

Mùa đông, tháng 10, thi Điện.

Người nước Chiêm Thành **[10b]** là Ung Minh Ta Điệp[1] đến cửa khuyết xin mệnh cho làm vua nước ấy. Xuống chiếu cho Thượng chế Lý Mông đem hơn 5.000 người ở phủ Thanh Hoá và châu Nghệ An sang Chiêm Thành lập Ung Minh Ta Điệp làm vua. Mông đến Chiêm Thành bị vua nước ấy là Chế Bì La Bút[2] chống cự, bọn Ung Minh Ta Điệp và [Lý] Mông đều chết.

Quý Dậu, [Đại Định] năm thứ 14 [1153], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 23). Dựng cửa Tân Quan.

Giáp Tuất, [Đại Định] năm thứ 15 [1154], (Tống thiệu Hưng năm thứ 24). Muà xuân, tháng giêng, An Trung hầu (không rõ tên) dâng con hoẵng trắng.

Người Sơn Lão ở Chàng Long làm phản.

Từ Dần dâng quạ trắng.

Tháng 2, xuống chiếu cho Anh Vũ đi đánh người Sơn Lão ở Chàng Long, hàng phục được.

Mùa thu, tháng8, thủ lĩnh bọn Sơn lão ở Đại Hoàng giang (nay là phủ Trường yên) là Nông Khả Lai làm phản.

Tháng 9, vua ngự ra cửa Nam Thành Đại la xem đắp đàn Viên Khâu[3].

[11a] Mùa đông, tháng 10, vua nước Chiêm Thành là Chế Bì La Bút dâng con gái, vua nhận[4].

Lê Văn Hưu nói: Các bậc đế vương đối với người Di Địch, nếu họ chịu phục thì lấy đức mà vỗ yên, nếu làm phản thì lấy uy mà tỏ cho biết. Anh Tông sai Lý Mông đem hơn 5 nghìn người để giúp lập Ung Minh Ta Điệp làm Vua nước Chiêm Thành mà bị Chế Bì la Bút giết, đáng lẻ phải đem quân hỏi tội, chọn lập một người khác để thay làm vua nước ấy, thì mới có thể gia uy với cõi xa, mà vua sau phải nhớ đức. Nay lại nhận con gái của họ mà không hỏi tội, có thể gọi là lầm lỗi. Về sau Chiêm Thành và Chân Lạp liền năm vào cướp một lộ Nghệ An, mối hại không kể xiết, thực là do Anh Tông khơi mối vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nước nhỏ nhờ vào nước lớn để cho mình được yên tĩnh mà thôi.**[11b]** Không may gặp loạn, công tử[5] chạy ra ngoài thì cũng có thể đưa về nước, nhưng không chính đáng thì chưa bao giờ nên việc. Nước Lỗ đưa công tử Củ về là thế[6]. Đưa về mà biết không chính đáng thì như việc nước Tấn đưa Tiệp Tri về[7], [Lý] Anh Tông đưa Ung Minh Ta Điệp về, nếu quả là chính đáng mà kẻ kia chống mệnh giết càn ư? Thì không thể không cất quân hỏi tội. Nếu quả là không chính đáng thì sao không tự xét ngay ở mình? Song việc đã đến thì nên sai một sứ giả sang hỏi tội, đợi cho họ phục tình hối lỗi mà tạ tội thì mới phải. Sao lại say đắm tình riêng nữ sắc, quên mất việc lớn của nước nhà, mà những người ăn thịt[8] bấy giờ không ai nói gì là làm sao?

---

[1] Đại Việt sử lược chép là Ung Minh Điệp (ĐVSL3,5a), tức ông Vangsaraja.

[2] Chế Bì La Bút: tức Jaya Harivarman I (ở ngôi: 1145-1170).

[3] Viên Khâu: đàn tế trời vào tiết Đông Chí hàng năm.

[4] Đại Việt sử lược chép: Chế Bì La Bút nước Chiêm Thành đến cống (ĐVSL3,5b).

[5] Thời Xuân Thu, con các vua chư hầu gọi là công tử vì cha nhận tước công của nhà Chu.

[6] Công tử Củ: em Tề Tương công lánh nạn, nương nhờ nước Lỗ. Sau khi Tương công bị giết. Lỗ Trang công cho quân đưa công tử Củ về lập làm vua, nhưng bấy giờ Tiêu Bạch (là anh của củ) đã lên ngôi (tức Tề Hoàn Công), nước Lỗ phải rút quân về.

[7] Tiệp Tri: con Văn công nước Trâu (mẹ là con vua nước Tấn), sau khi Văn công chết, Tấn cho quân đem Tiệp Tri về nước, nhưng con trưởng của Văn công là Quắc Thư đã nối ngôi, người nước Tấn biết là trái đạo, phải rút về.

[8] Chỉ quan lại.

Tháng 11, ngày Đinh Mùi, vua thân đi đánh Nông Khải lai. Ngày Canh Tuất, xuất phát từ Kinh sư. Ngày Giáp Dần **[12a]** thắng trận. Ngày Bính Thìn, đem quân về. Ngày Kỷ Mùi, về đến Kinh.

Dựng hành cung Ứng Phong, hành cung Ly Nhân và đóng thuyền Vĩnh chương.

Ất Hợi, [Đại Định] năm thứ 16 [1155], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 25). Mùa hạ, tháng 5, công chúa Thiệu Dung mất.

Mùa thu, tháng 8, đua thuyền.

Nước to.

Động đất.

Tháng 9, thu tô ruộng chiêm.

Mùa đông, tháng 10, sao Mộc phạm và sao Kim.

Sai thợ làm phủ đệ ở Phú Lương.

Tháng 11, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, động đất.

Làm cung Lệ Thiên và hành lang triều cận ở điện Long Khánh.

Bính Tý, [Đại Định] năm thứ 17 [1156], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 26). Mùa xuân, tháng 2, ngày tân Mùi, trời mưa cát vàng.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu làm phủ đệ ở châu Quảng Nguyên.

Mùa đông, tháng 12, ngày đinh Mùi, ban đêm kho ngự cháy.

Làm hành cung Ngự Thiên[1], điện Thuỵ Quang, gác Ánh vân, cửa Thanh Hòa, thềm Nghi Phượng, **[12b]** gác Diện Phú, đình Thưởng Hoa, thềm Ngọc Hoa, hồ Kim Liên, cầu Minh Nguyệt và đóng thuyền to bản của ngự trù[2], thuyền to bản của cung nội.

Thái phó Lý Du Đô dâng sớ xin hưu trí, thăng làm Thái sư, ban cho vàng bạc về quê.

Dựng miếu khổng Tử.

Năm ấy đói to, một thăng gạo giá 70 đồng tiền.

Đinh Sửu, [Đại Định] năm thứ 18 [1157], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 27). Xuống chiếu định luật lệnh.

Mậu Dần, [Đại Định] năm thứ 19 [1158], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 28). Mùa xuân, tháng 2, Nguyễn Quốc sang sứ nước Tống về, dâng tâu rằng: "Thần sang nước Tống thấy ở giữa sân vua có cái hòm bằng đồng để nhận các chương tấu của bốn phương, thần xin bắt chước mà làm như thế để bề trên rõ được tình người dưới". Vua y theo, cho đặt cái hòm ở giữa sân để ai có trình bày việc gì thì bỏ thư vào hòm ấy. Bấy giờ có người ngầm bỏ thư nặc danh nói là Anh Vũ làm loạn, tìm xét **[13a]** không biết là ai. Anh Vũ vu cho Quốc làm, đày Quốc đến trại đầu ở Thanh Hóa. Không bao lâu, vua gọi Quốc về. Anh Vũ lại đưa cho Quốc rượu có thuốc độc, Quốc tự nghĩ không khỏi bị hại, bèn uống thuốc độc chết[3].

---

[1] Ngự Thiên: nay là một phần đất huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (vùng huyện Hưng Nhân cũ).

[2] Ngự trù: bếp của nhà vua.

[3] Về việc này, Toàn thư và Cương mục đều chép người đi sứ về là Nguyễn Quốc, nhưng Đại Việt sử lược chép là Nguyễn Quốc Dĩ, giữ chức Tả ty và kể sự việc kỷ hơn: Người giữ việc đọc thư nói lại với Đỗ Anh Vũ về bức thư nặc danh, Anh Vũ nói: "Ông vì ta tâu vua xin xét việc đó". Tìm không ra người viết thư, Anh Vũ tâu rằng: "Thư ấy tất do người xướng xuất ra việc làm hòm viết ". Vua lấy làm phải, sai bắt Quốc Dĩ và em là Nghi Giao cho quan xét xử, sau đó, đày Quốc Dĩ lên trại Quy Hóa (Toàn thư, ghi là Thanh Hóa?). Khi biết vua có ý định cho gọi Quốc Dĩ về, Anh Vũ sai người đem thuốc độc cho Quốc Dĩ (ĐVSL3,6b).

Sai Thiếu bảo Phí Công Tín tuyển dân đinh, định các hạng và lấy người sung việc thờ cúng ở thái miếu và sơn lăng.

Mùa thu, tháng 8, Đỗ Anh Vũ chết.

Kỷ Mão, [Đại Định] năm thứ 20 [1159], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 29). Mùa xuân, cột chùa Thiên Phù chảy máu.

Nước Ngưu Hồng dâng voi hoa.

Mùa hạ, tháng 5, Ngưu Hồng và Ai Lao làm phản. Sai Tô Hiến Thành đi đánh, bắt được người và trâu ngựa voi, vàng bạc châu báu rất nhiều. Phong Hiến Thành làm Thái uý.

Canh Thìn, [Đại Định] năm thứ 21 [1160], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 30). Mùa xuân, tháng giêng làm đền Hai Bà và đền Xuy Vưu[1] ở phường Bố Cái.

Tháng 2, sai Tô Hiến Thành và Phi Công Tín tuyển dân đinh, người mạnh khỏe thì sung **[13b]** vào quân ngũ. Chọn các tướng hiệu, người nào thông thạo binh pháp, am tường võ nghệ thì chia cho cai quản.

Tân tỵ, [Đại Định] năm thứ 22 [1161], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 31). Mùa xuân, sai đem voi thuần sang biếu nhà Tống. Vua Tống bảo các đại thần rằng:

"Trẫm không chuộng thú vật lạ, làm khó nhọc người xa, nên sai suý thần bảo họ từ nay về sau bất tất phải mang vật ấy tiến cống".

Dựng chùa Pháp Vân[2] ở châu Cổ Pháp.

Mùa đông, tháng 10, Thái phó Hoàng nghĩa Hiền chết, nghỉ thiết triều 5 ngày, vì Nghĩa Hiền có công giúp vua lên ngôi, nên đặt ân làm hơn lễ thường.

Tháng 11, vua sai Tô Hiến thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó, đem 2 vạn quân đi tuần các nơi ven biển tây nam, để giữ yên miền biên giới. Vua thân đi tiễn đến cửa biển Thần Đầu ở Đại An (nay là cửa biển Thần Phù) mới trở về.

Thái uý Lưu Khanh Đàm chết.

Nhâm Ngọ, [Đại Định] năm thứ 23 [1162], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 32). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng kẻ nào tự hoạn thì xử **[14a]** 80 trượng, thích 23 chữ vào cánh tay bên trái.

Động đất.

Tháng 2, khảo khóa các quan văn võ, người nào đủ niên hạn khảo mà không có lỗi thì thăng trật, định làm phép thường, cứ 9 năm là một kỳ khảo.

Quý Mùi, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 1 [1163], (Tống Hiếu Tông Vĩ, Long Hưng năm thứ 1). Cấm người trong nước không được dùng trân châu giả.

Mùa thu, tháng 8, lính chốn rủ nhau tụ họp thành bọn cướp bóc cư dân trên đường bộ. Vua sai Phu Công Tín đem 10 vạn quân đi đánh dẹp yên được.

Giáp Thân, [Chính Long Bảo Ứng năm thứ 2] [1164], (Tống Hưng Long năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 7, nước to quá mức thường, lúa bị ngập hết.

Nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam Quốc Vương đổi Giao Chỉ làm An Nam Quốc Vương.

---

[1] Xuy Vưu: theo truyền thuyết Trung Quốc, là hậu duệ của Viêm Đế, làm vua nước Cửu Lê thời thượng cổ, thua trận ở Trác Lộc, bị Hoàng Đế bắt giết.

[2] Chùa Pháp Vân: tức là chùa Dâu ở xã Thanh Khương,Hà Bắc.

Ất Dậu, 3 [1165], (Chính Long Bảo Ứng năm thứ 3 [1165]), (Tống Càn Đạo năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 6, đại hạn, dân bị nạn dịch lớn, trâu bò gia súc chết nhiều, **[14b]** giá gạo cao vọt.

Mùa thu, tháng8, thi học sinh.

Bính Tuất, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 4 [1166], (Tống Càn Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, sứ Chiêm Thành đi đến miền Ô Lý, dùng quân phong thủy (ma thuật của thầy tăng) mà vượt biển, cướp bóc nhân dân ven biển nước ta rồi về.

Dân có người dâng con rùa ở ức có bốn chữ "Thiên tử vạn niên", cũng có người dâng quạ trắng.

Đinh Hợi, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 5 [1167], (Tống Càn Đạo năm thứ 3). Mùa thu, tháng 7 , sai Thái uý Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang dâng trân châu và sản vật địa phương để xin hoà.

Xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đem quân về. Từ đấy nước Chiêm Thành giữ lễ phiên thần, dâng cống không thiếu.

Đóng thuyền Nhật Long.

Mậu Tý, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 6 [1168], (Tống Càn Đạo năm thứ 4). Mùa thu, tháng 8, sứ nhà Tống sang sứ Thát Đạt (tức là sứ của nhà Nguyên), cũng sang[1]. Đều thưởng hậu để dụ, ngầm lấy lễ tiếp đãi cả hai sứ, không cho họ gặp nhau.

[15a] Kỷ Sửu, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 7 [1169], (Tống Càn Đạo năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, ngày rằm nguyệt thực. Cá ở cửa biển chết. Sai tăng ni, đạo sĩ các chùa quán ở Kinh và các nơi tụng kinh cầu đảo.

Thái sư trí sĩ là Lý Du Đô chết.

Mùa hạ, tháng 4, làm điện Thanh Hoà để đặt thần vị của tiên đế và tiên hậu, theo thời cúng tế.

Sửa lại chùa Chân Giáo.

Canh Dần, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 8 [1170], (Tống càn Đạo năm thứ 6). Vua tập bắn và cưỡi ngựa ở phía nam thành Đại La, đặt tên là Xạ Đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép công chiến phá trận.

Tân Mão, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 9 [1171], (Tống Càn Đạo năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, điện Vĩnh Nguyên vô cớ tự rung động.

Làm miếu điện thờ Văn Tuyên Vương[2] và đền thờ Hậu Thổ.

Vua đi tuần các hải đảo, xem các hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào.

[15b] Nhâm Thìn, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 10 [1172], (Tống Càn Đạo năm thứ 8). mùa xuân, tháng 2, vua lại đi tuần các hải đảo ở địa giới các phiên bang Nam Bắc, vẽ bản đồ và ghi chép phong vật rồi về.

Quý Tỵ, [Chính Lonh Bảo Ứng] năm thứ 11 [1173], (Tống càn Đạo năm thứ 9). Mùa xuân, làm lại cầu Thái Hoà.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 25, Hoàng thái tử Long Trát sinh.

Mùa thu, đóng thuyền Ngoạn thủy.

---

[1] Có nhầm lẫn ở điều ghi này của Toàn thư. Phải đến năm 1206 quốc gia Mông Cổ mới thành lập. Sứ đến nước ta bấy giờ có lẽ là sứ nước Kim. Cương mục cũng chữa là sứ thần nước Kim. (CMCB5, 14a).

[2] Văn Tuyên Vương: tức Khổng Tử.

Giáp Ngọ, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 12 [1174], (Từ tháng 2 về sau là niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1; Tống Thuần Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng động đất.

Tháng 2, đổi niên hiệu là Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1[1].

Muà thu, tháng 9, Thái tử Long Xưởng có tội, phế làm thứ dân và bắt giam. Trước đó, Long Xưởng thông dâm với cung phi, vua không nỡ bắt tội chết, cho nên có mệnh này. Một hôm, vua gọi tể tướng đến bảo rằng: "Thái tử là gốc lớn của nước, Long Xưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn Long Trát nối giữ nghiệp lớn, nhưng nó còn nhỏ tuổi, **[16a]** sợ không đương nổi, nếu đợi lớn thì trẫm đã tuổi già suy yếu, biết làm thế nào?". Bấy giờ có nội nhân ẵm Long Trát ra, thấy vua đội mũ, khóc đòi đội, vua chưa kịp tháo mũ đưa cho thì càng khóc to hơn. Vua bèn tháo mũ đội cho, Long Trát cả cười. Vua càng lấy làm lạ, ý lập Long Trát làm thái tử bèn quyết định.

Mùa đông, tháng 11, động đất.

Tháng 12, sao Chổi mọc phương nam.

Ất Mùi, [Thiên Cảm Chí Bảo] năm thứ 2 [1175], (Tống Thuần Hy năm thứ 2). ùa xân, tháng giêng, sách lập long Trát làm Hoàng thái tử, ở đông cung. Phong Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự, tước vương, giúp đỡ đông cung.

Mùa hạ, tháng tư, vua không khỏe, cố gượng sai Tô Hiến Thành ẵm thái tử mà quyền nhiếp chính sự.

Mùa thu, tháng 7, ngày Ất Tỵ, vua băng ở điện Thuỵ Quang. Trước đó, khi vua ốm nặng, hoàng hậu lại xin lập Long Xưởng, vua nói: "Làm con **[16b]** bất hiếu còn trị dân sao được". Di chiếu cho Tô Hiến Thành giúp rập thái tử, công việc quốc gia nhất nhất tuân theo phép cũ. Bấy giờ thái hậu muốn làm việc phế lập, sợ Hiến Thành không nghe, mới đem vàng bạc đút cho vợ là Nữ thị. Hiến Thành nói: "Ta là đại thần nhận mệnh tiên đế dặn lại giúp rập vua bé, nay lấy của đút mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế ở suối vàng?". Thái hậu lại gọi Hiến Thành đến dỗ dành trăm cách. Hiến Thành trả lời: "Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ đâu có vui làm, huống chi lời của Tiên đế còn ở bên tai, điện hạ lại không nghe việc của Y Doãn, Hoắc Quang hay sao? Thần không dám vâng chiếu". Việc bèn thôi.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Anh Tông nối ngôi tuổi còn thơ ấu, việc của Đỗ Anh Vũ làm gì mà biết được, đến khi tuổi ngoại hai mươi, sai bọn Hiến Thành đem quân đi tuần nơi biên giới, **[17a]** lại thân đi xem khắp tình thế núi sông, muốn biết sự đau khổ của dân gian và đường đi xa[2] gần, về mặt giữ dân giữ nước, quy mô đã thấy rõ. Lại đặt Xạ Đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép đánh trận, về mặt sửa binh giãng võ, mưu lược đã thấy rõ. Thái tử Long Xưởng có tội thì phế đi mà lập Long Trát làm thái tử, cho ở đông cung, để lòng người có chỗ gắn bó. đến khi ốm nặng, hoàng hậu xin lập lại Long Xưởng, thì lấy lễ nghĩa mà bác bẻ, không mê hoặc lời nói của đàn bà, lại cố gượng gọi Hiến Thành nhận di chiếu giúp thái tử quyền nhiếp chính sự, phó thác được người giỏi để phòng lo sau, rốt cuộc mưu phế lập của thái hậu không thể làm được, trên yên dưới thuận, không phải là sức của Anh Tông sao? Còn như Cao Tông không phải là người hiền thì ngay lúc bấy giờ đã biết trước thế nào được? Vua chỉ thuận theo lẽ phải mà làm **[17b]** thôi.

Thái tử Long Trát lên ngôi trước linh cữu, bấy giờ mới lên 3 tuổi, tôn mẹ là Đỗ thị làm Chiêu Thiên Chí lý hoàng thái hậu.

Cho Đỗ An Di[3] (em trai hoàng thái hậu) làm thái sư đồng bình chương sự, Tô Hiến Thành làm thái uý[1].

---

[1] Đại Việt sử lược chép đổi niên hiệu vào tháng giêng (ĐVSL3,8a).

[2] Nguyên bản khắc nhầm chữ đạo lý với chử lý (lẽ) đúng ra là chữ lý (dặm đường).

[3] Đại Việt sử lược chép là Đỗ An Thuận (ĐVSL3, 9b).!Chữ Di và chữ Thuận gần giống nhau, dễ lầm lẫn.

Họp quốc nhân thề ở Long Trì.

Cao Tông Hoàng Đế

Tên huý là Long Trát con thứ sáu của Anh Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đỗ[2], sinh ngày 25 tháng 5 năm Quý Tỵ, Chính Long Bảo Ứng thứ 11 [1173]. Năm Thiên Cảm Chí Bảo thứ 2 [1175] sách lập làm hoàng thái tử. Anh Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 35 năm [1176-1210], băng ở cung Thánh Ngọ.

Vua chơi bời vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liền năm, cơ nghiệp nhà Lý từ đấy suy.

Bính Thân, [Trinh Phù] năm thứ 1 [1176], (Tống Thuần Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ.

> **[18a]**Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm ngoái, đến đây mới đổi niên hiệu, là vì có Tô Hiến Thành phụ chính, biết trở lại lễ cổ.

Đinh Dậu, [Trinh Phù] năm thứ 2 [1177], (Tống Thuần Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An.

Mậu Tuất, [Trinh Phù] năm thứ 3 [1178], (Tống Thuần Hy năm thứ 5). Hết quốc tang. Chiêu Linh hoàng thái hậu ban yến cho các quan ở biệt điện, bảo rằng: "Hiện nay Tiên đế đã chầu trời, vua nối còn thơ ấu, nước Chiêm Thành thất lễ, người phương Bắc cướp biên. Các khanh chịu ơn nặng của triều đình, nên lo việc của nước nhà. Kế sách ngày nay không gì bằng lập lại thái tử, để vận nước được lâu, lòng dân được yên". Các quan đều chắp tay cuối đầu nói: "Thái phó nhận mệnh lệnh rõ ràng của thiên tử. Bệ hạ cũng đã nhiều lần dỗ bảo rồi, bọn thần không dám trái lệnh". Đều lạy tạ rồi lui ra. Hiến Thành quản Lĩnh cấm binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, **[18b]** người trong nước đều quy phục.

Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh của vua làm tiết Càn hưng.

Kỷ Hợi, [Trinh Phù] năm thứ 4 [1179], (Tống Thuần Hy năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển các đinh nam, người nào mạnh khỏe sung vào quân ngũ.

Tháng 2, động đất.

Tháng 3, khảo xét công trạng các quan, người giữ chức siêng năng tài cán nhưng không thông chữ nghĩa làm một loại, người có chữ nghĩa tài cán làm một loại, người tuổi cao hạnh thuần, biết rõ việc xưa nay làm một loại, cứ theo thứ tự mà trao cho chức vụ trị dân coi quân, khiến cho quan chức không lạm nhũng.

Mùa hạ, tháng 6 (không rõ ngày nào), hai mặt trời cùng mọc.

Thái uý Tô Hiến Thành chết. Vua bớt ăn ba ngày, nghĩ thiết triều 6 ngày. Trước đây khi Tô Hiến Thành nằm bệnh, Tham trì chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm hầu bên cạnh, Gián nghị đại phu Trần Trung Tá vì bận việc không lúc nào rỗi để tới thăm hỏi. Đến khi bệnh nặng, thái hậu thân đến thăm, hỏi rằng: "Nếu có mệnh hệ nào thì ai là người có thể thay ông?". Hiến Thành trả lời: "Trung Tá **[19a]** có thể thay được". Thái hậu nói: "Tán Đường hàng ngày hầu thuốc thang, sao không thấy ông nhắc đến?". Hiến Thành trả lời: "Vì bệ hạ hỏi người nào có thể thay thần nên thần nói đến Trung Tá, còn như hỏi người hầu dưỡng thì phi Tán Đường còn ai nữa?". Thái hậu khen là trung, nhưng cũng không dùng lời ấy.

---

[1] Năm Đại Định thứ 20 (1159), Tô Hiến Thành đã phong làm thái uý, lúc này lại là đại thần nhận di chiếu của Anh Tông làm phụ chính cho Cao Tông, ở đây lại ghi phong lại chức vụ cũ, Cương mục ngờ rằng Toàn thư có thể chép nhầm (CMCB5, 18a).

[2] Đại Việt sử lược chép hoàng hậu họ Đỗ tên là Thuỵ Châu (ĐVSL3, 8b).

Lấy Đỗ An Di làm phụ chính.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tô Hiến Thành nhân việc ký thác con côi, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố, tuy bị gió lay sóng đập mà vẫn đứng vững như cột đá giữa dòng, khiến trên yêu dưới thuận, không thẹn với phong độ của đại thần đời xưa. Huống chi đến lúc sắp chết còn vì nước tiến cử người hiền, không vì ơn riêng, thái hậu không dùng lời nói của Hiến Thành là việc không may cho nhà Lý vậy.

Xuống chiếu cấm không được đem mắm muối và đồ sắt lên bán đổi ở đầu nguồn.

Canh Tý, [Trinh Phù] năm thứ 5 [1180], (Tống Thuần Hy năm thứ 7). Mùa xuân, định lệ các vương hầu vào chầu.

Mùa thu, tháng 8, nước to.

[19b] Động đất ở hai điện Vĩnh Nguyên, Hội Tiên.

Tân Sửu, [Trinh Phù] năm thứ 6 [1181], (Tống Thuần Hy năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, thái tử củ là Long Xưởng cầm đầu bọn gia thuộc nô lệ trộm cướp bừa bãi, muốn mưu làm loạn.

Mùa hạ, tháng 4, sao Huỳnh Hoặc[1] đi vào chòm Nam Đẩu. Đói to, dân chết gần một nửa.

Nhâm Dần, [Trinh Phù] năm thứ 7 [1182], (Tống Thuần Hy năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cầu người hiền lương.

Đắp đàn phong tướng, lấy Ngô Lý Tín làm Thượng tướng quân, đem quân thủy bộ đi tuần bắt trộm cướp.

Lấy Lý Kinh Tu làm Đế sư[2], trong thì hầu việc giảng sách, ngoài thì dạy dân trung hiếu, từ đấy Chiêu Linh thái hậu không dám manh tâm mưu khác nữa.

Cấm người trong nước không được mặc áo sắc vàng.

Nước Xiêm La sang cống.

[20a] Quý Mão, [Trinh Phù] năm thứ 8 [1183], (Tống Thuần Hy năm thứ 10).Mùa xuân, tháng giêng, cho Ngô Lý Tín làm Đốc tướng đi đánh Ai Lao.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1 Nhâm Ngọ, nhật thực.

Giáp Thìn, [Trinh Phù] năm thứ 9 [1184], (Tống Thuần Hy năm thứ 11). Mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Người buôn các nước Xiêm La và Tam Phật Tề[3] vào trấn Vân Đồn dâng vật báu để xin buôn bán.

Mùa đông, tháng 10, các sách Tư Mông v. v... làm phản, đánh lẫn nhau[4].

Ất Tỵ, [Trinh Phù] năm thứ 10 [1185], (Tống Thuần Hy năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, thi sĩ nhân trong nước, người nào từ 15 tuổi mà thông thi thư thì được vào hầu học ở ngự điện. Lấy đỗ bọn Bùi Quốc Khái, Đặng Nghiêm 30 người, còn thì đều ở lại học.

---

[1] Huỳnh Hoặc: tức sao Hỏa.

[2] Đế sư: thầy của vua.

[3] Tam Phật tề: tức vương quốc Srivijaya ở đảo Smatra, được nhắc đến với tên Thất Lợi Phật Thệ từ thế kỷ VII trong thư tịch Trung Quốc và với tên Tâm Phật Tề từ thế kỷ V trong thư tịch Trung Quốc.

[4] Các sách Tư Mông...: Đại Việt sử lược chép sách Tư Mông, sách Trịnh, sách Ô Mễ, vua sai thái phó Vương Nhân Từ đi đánh. Nhân Từ lấy người trong châu là Phạm Phẩm đóng ở ải Ông trọng, Trương Nhạn, Phạm Đỗ đóng ở hương Bái, Đoàn Tùng đóng ở ải Khả Lão. Khi đến trại La Biều, quan quân bị người Lão đánh úp, thua to, Nhân Từ chết trận. Cuộc hành quân năm sau (1185) do Kiến Khang Vương (Đại Việt sử lược chép là Kiến Ninh Vương) chỉ huy là để báo thù việc thất trận ở La Biều (ĐVSL3,10b,11a). các sách, trại ghi ở đây đều chưa rõ ở đâu, nhưng có khả năng là ở vùng núi Hà Sơn Bình. Đại Việt sử lược chép đến các quan lang họ Đinh ở vùng này.

Mùa thu, tháng 7, sai Kiến Khang Vương Long Ích đem quân đánh người Man ở sách Viêm, dẹp được.

[20b] Bính Ngọ,[Trinh Phù] năm thứ 11 [1186], (Từ tháng 7 về sau là niên hiệu Thiên Tư Gia Thuỵ năm thứ 1, Tống Thuần Hy năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương, chế thư đại khái nói: "Ngay bắt đầu đã phong cho tước ấp ở một nước yên vui, được theo lệ cha truyền con nối ban sắc mệnh cho được thực thụ tước vượng, cần gì phải đợi thăng dần theo thứ tự"[1]. Đó là lễ đặc biệt.

Tháng 3, sách phong Đàm thị làm An Toàn nguyên phi (Phi là con gái của tướng quân [Đàm] Thì Phụng).

Mùa thu, tháng 7, bắt được voi trắng, đặt cho tên là Thiên Tư. Xuống chiếu đổi niên hiệu là Thiên Tư Gia Thuỵ năm thứ 1.

Sai Lê Hòe Khanh sang nhà Tống đáp lễ.

Đinh Mùi, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 2 [1187], (Tống Thuần Hy năm thứ 14). Mùa hạ, tháng 4, sét đánh nhà Thái Miếu.

Có nhà sư Tây Vực[2] đến. Vua xuống chiếu hỏi sư ấy có tài năng gì, trả lời là có tài phục được hổ. Bảo làm thử, không hiệu nghiệm.

Mậu Thân, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 3 [1188], (Tống Thuần Hy năm thứ 15). Mùa hạ, tháng 5, đại hạn.Vua thân ngự đến chùa Pháp Vân ở Duềnh Bà[3] **[21a]** để đảo vũ,nhân rước tượng phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên. (Buổi đầu bản triều [Lê] vẫn còn theo tục cũ này).

Tháng 6, động đất, gió bão.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1 Giáp Tý, nhật thực.

Thái sư Đỗ An Di chết, lấy Thái phó Ngô Lý Tín làm Phụ chính.

Kỷ Dậu, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 4 [1189], (Tống Thuần Hy năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1 Tân Dậu, nhật thực, mặt trời mặt trăng sắc đỏ như máu.

Động đất,

Tháng 3, vua ngự đi khắp núi sông, phàm xe vua đến đâu mà có thần linh đều cho phong hiệu và lập miếu để thờ.

Canh Tuất, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 5 [1190], (Tống Thiệu Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, hoàng thái hậu họ Đỗ băng.

Mùa thu, tháng 7, Thái phó ngô Lý Tín chết, lấy Đàm Dĩ Mông làm Thái phó.

Mùa đông, tháng 10, vua lễ yết Sơn Lăng, rước tượng mới tô của Hoàng thái hậu thờ phụ vào Thái Miếu.

Đóng thuyền Ngoạn Dao.

[21b] Tân Hợi, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 6 [1191], (Tống Thiệu Hy năm thứ 2). Mùa xuân, nước Chân Lạp sang cống.

---

[1] Nhà Tống đối với các vua nước ta lúc mới lên ngôi thường chỉ phong tước Giao Chỉ Quận Vương, rồi Nam Bình Vương, sau mới phong An Nam Quốc Vương. Riêng với Lý Cao Tông, ngay lần đầu nhà Tống đã phong tước ấy, vì vậy chế thư có câu: "Tức lạc quốc dĩ triện phong..." (ngay bắt đầu đã phong...). Theo Tống sử (q.488) thì tước ấy đã phong ngay năm đầu khi Cao Tông mới lên ngôi (1177).

[2] tây Vực: chỉ các nước ở miền Trung và Nam Á.

[3] Chùa Pháp Vân: tức chùa Dâu, ở xã Thanh Khương, tỉnh Hà Bắc. Đào Duy Anh chú bản dịch cũ đoán Duềnh Bà là chép nhầm từ chữ Luy Lâu. Nhưng Duềnh bà cũng có thể là tên Nôm thời bấy giờ của vùng này. (Duềnh chỉ sông Dâu, Bà chỉ Bà Dâu, nữ thần thờ ở chùa Dâu).

Mùa đông, tháng 12, sao Huỳnh Hoặc phạm vào sao Thái Bạch[1].

Nhâm Tý, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 7 [1192], (Tống Thiệu Hy năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, động đất.

Mùa thu, tháng 7, sét đánh vào điện Vĩnh Ninh hai chỗ.

Người giáp Cổ Hoằng[2] ở Thanh Hóa làm phản, sai tướng đi đánh, dẹp được. Trước đó có người giáp ấy thấy vệt chân trâu [trèo lên] cây muỗm, nhìn lên thấy con trâu bạc, hồi lâu, nó lại theo ngả khác đi xuống. Có người lính ở giáp ấy là Lê Văn đoán rằng: 'Trâu trắng là vật ở dưới, nay lại ở trên cây, thế là điềm kẻ dưới lên ở trên". Nhân đó bèn rủ nhau làm phản. Đến đây đánh dẹp yên được.

Đào sông Tô Lịch.

Quý Sửu, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 8 [1193], (Tống Thiệu Hy năm thứ 4). Khảo khóa các quan văn võ trong ngoài, để rõ nên giáng hay thăng. **[22a]**thi các sĩ nhân trong nước để [chọn người] vào hầu vua học.

Giáp Dần, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 9 [1194], (Tống Thiệu Hy năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, hoàng thái tử Sảm sinh. Phong Đàm nguyên phi làm An Toàn hoàng hậu. Đại xá thiên hạ. ban cho người già từ 70 tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa. Mở tiệc rượu hai ngày ở miếu.

Mùa đông, tháng 10, mưa đá, có tảng to bằng đầu ngựa.

Đóng thuyền Thiên Long.

Ất Mão, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 10 [1195], (Tống Ninh Tông Khuếch, Khánh Nguyên năm thứ 1). Nùa xuân, tháng 2, động đất.

sét đánh gác Ly Minh.

Thi Tam giáo, cho đỗ xuất thân.

Đinh Tỵ, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 12 [1197], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, hạn.

Dựng cung Nghênh Thiềm.

Mậu Ngọ, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 13 [1198], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải các tăng đồ, theo lời tâu của Đàm Dĩ **[22b]** Mông.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Sứ Chiêm Thành sang cống và cầu phong.

Người hương cao Xá[3]ở câu Diễn là Ngô Công Lý chiêu tập những kẻ vô lại, cùng với người châu Đại Hoàng là bọn Đinh Khả tự xưng là con cháu của Đinh Tiên Hoàng và Bùi đô đồng thời làm loạn. Đều dẹp yên được.

Kỷ Mùi, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 14 [1199], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, nước to, lúa mạ ngập hết.

Đói to.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thanh Hóa bắt voi. Sai sứ sang phong vua nước Chiêm Thành.

---

[1] Sao Huỳnh Hoặc tức sao Hỏa. Sao Thái Bạch tức sao Kim.

[2] Cổ Hoằng: nay là đất huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nay là Diễn Thịnh huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Canh Thân, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 15 [1200], (Tống Khánh Nguyên năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, đem thóc chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 7, Chiêm Linh Thái hậu băng.

Nhâm Tuất, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 17 [1202], (Từ tháng 8 về sau là niên hiệu Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1; Tống Gia Thái năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng 3, động đất.

Mùa thu, tháng 8, hoàng thái tử Thầm sinh. Đổi niên hiệu là Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1.

Sai nhạc **[23a]** công chế khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng trong trẻo, ai oán buồn rầu, người nghe phải chảy nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường nói: "Ta nhge bài tựa Kinh Thi nói rằng: Âm thanh của nước loạn nghe như ai oán giận hờn. Nay dân loạn nước nguy, chúa thượng thì rong chơi vô độ, triều đình rối loạn, lòng dân trái lìa, đó là triệu bại vong".

Quý Hợi, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 2 [1203], (Tống Gia Thái năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, làm nhiều việc thổ mộc, dựng các cung điện.

Mùa hạ, tháng 4, gác Kinh Thiên làm sắp xong, có chim khách vào làm tổ đẻ chim con ở đấy. Các quan can rằng: "Ngày xưa Nguỵ Minh Đế làm gác Lăng Tiêu, có con chim khách đến làm tổ, Cao Đường Long can rằng "Thần từng nghe câu: Chim khách có tổ, chim cưu đến ở[1]. Nay chim khách đến làm tổ nơi cung khuyết, theo ngu kiến của thần thì gác ấy có làm xong nữa tất có người họ khác đến ở". Xin bệ hạ xét lời của Cao Đường Long, **[23b]** trước cốt sửa đức, sau hãy khởi công mới phải". [Nhưng] vua nghe lời của hoạn quan là Phạm Bỉnh Di, giục làm càng gấp, trăm họ khốn khổ.

Mùa thu, tháng 7, Điện tiền chỉ huy sứ tri châu Nghệ An là Đỗ Thanh và châu mục là Phạm Diên tâu rằng: "Vua nước Chiêm Thành là Bố Trì[2] bị chú là Văn Bố Điền[3] đuổi, nay đem cả vợ con đến ngụ ở cửa biển Cơ La[4], ý muốn cầu cứu". Tháng 8 vua sai Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đi liệu tính việc ấy. Sắp đến cửa biển Cơ La, đỗ An nói: "Kẻ kia đem quân đến đây, lòng nó khó tin được. Tục ngữ có câu: "Lỗ kiến có thể vỡ đê, tấc khói có thể cháy nhà". Nay Bố Trì há phải là lỗ kiến, tấc khói mà thôi đâu". Dĩ Mông nói lại ý ấy với Thanh và Diên, bảo phải phòng bị. Bọn Thanh nói: "Kẻ kia vì hoạn nạn đến xin cầu cứu, còn phải nghi ngờ gì?". Dĩ Mông giận, đem quân về. Thanh và Diên cùng mưu đánh úp Bố Trì để làm kế tự bảo toàn. Mưu tiết lộ, thành ra bị Bố Trì giết. Quân Nghệ **[24a]** An tan vỡ, chết không xiết kể. Bố Trì thả sức cướp bóc rồi về.

Tháng 9, người ở Đại Hoàng giang[5] lại làm phản. Trước đây người Đại Hoàng giang là Phí Lang và Bảo Lương[6] tâu các tội mọt nước hại dân của Đàm Dĩ Mông, Dĩ Mông giận lấy roi đánh. Bọn Lang vì thế chứa chất oán giận, nhân khi thiên hạ sầu khổ muốn làm loạn, mới cùng nhau phản, Vua sai chi hậu Trần Lệnh Hinh làm Nguyên soái đem quân đi đánh. Lại sai Thượng thư Từ Anh Nhữ đem quân phủ Thanh Hóa đồng thời tiến đánh Phí Lang, giao chiến ở cửa sông Lộ Bố[7], bị thua, [Lệnh Hinh và Anh Nhữ] đều chết cả.

---

[1] câu này dẫn thơ "Thước sào": Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi" (Kinh Thi Thiệu nam).

[2] Bố Trì: tức Suryavarmadeva.

[3] văn Bố Điền: tức ôngDhanapatigrama: Đại Việt sử lược (Q3,14b), ghi là Bố Do.

[4] Cơ La: tên cửa biển, thời Trần đổi là Kỳ La, tức là cửa Nhượng ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Đại Hoàng: là tên châu, vừa là tên sông ở châu ấy, nay là sông Hoàng Long ở huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

[6] Đại Việt sử lược (q.3, 14b) ghi Bảo Lương họ Nguyễn, tức họ Lý (văn bản đại việt sử lược theo lệ kiêng huý đời Trần đổi Lý thành Nguyễn), giữ chức Thượng tướng quân.

[7] Sông Lộ Bố: Cương mục dẫn Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư nói Lộ Bố là sông ở địa phận Y Yên, (CMCB3, 30a). Xác định như vậy khá hợp lý. Dựa vào các chi tiết được chép rõ hơn ở Đại Việt sử lược, có thể cho rằng sông Lộ Bố là đoạn sông Đáy chảy qua huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà và cửa sông Lộ Bố là ở chổ sông Hoàng Long gặp sông Đáy.

Giáp Tý, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 3 [1204], (Tống Gia thái năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Đỗ Kính Tu đi đánh bọn làm phản ở Đại Hoàng giang, không thắng.

Ất Sửu, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 4 [1204], (Từ tháng 3 về sau là niên hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 1; Tống Khai Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, đổi niên hiệu làm Trị Bình **[24b]** Long Ứng năm thứ 1.

Người Tống sang cướp ở biên giới. Dân ta mệt nhọc chạy nạn, gặp cướp dần nổi. Vua thì ham thích tiền của, các quan phần nhiều bán quan buôn ngục.

Bính Dần, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 2 [1206], (Tống Khai Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, phong Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo, được đội mũ củng thần.

Bấy giờ vua xây dựng không ngớt, rong chơi vô độ, hàng ngày cùng cung nữ dạo chơi làm vui, nghe ngoài thành có trộm cướp thì lờ đi như không biết, tính lại sợ sấm, nghe sấm là kinh hoảng. Người bề tôi được vua yêu là Nguyễn Dư nói mình có phép cấm được sấm. Gặp khi sấm động, vua sai Dư thử phép, Dư ngửa mặt lên trời đọc thần chú, mà sấm càng to thêm. Vua vặn hỏi, Dư trả lời: "Thần răn cấm mãi rồi, nhưng vì trời cao nên nó còn dữ tợn như thế!".

Đinh Mão,[Trị Bình Long Ứng] năm thứ 3 [1207], (Tống Khai Hy năm thứ 3). Mùa Xuân, tháng giêng, giặc cướp nổi như ong. Xuống chiếu chọn các đinh nam, người nào khỏe mạnh, **[25a]** sung vào quân ngũ, sai quan các lộ thống quản để bắt [giặc cướp]. Mùa đông, tháng 10, người Man ở núi Tản Viên châu Quốc Oai[1] làm giặc, cướp bóc hương Thanh Oai[2], bè lũ rất đông, không thể ngăn được.

Mậu Thìn, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 4 [1208], (Tống Gia Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sách lập hoàng tử Sảm làm Hoàng thái tử, ở đông cung.

Đói to, người chết đói nằm gối lên nhau.

Cho Phạm Du coi việc quân ở Nghệ An. Du bèn làm phản, thu nạp những kẻ vong mệnh và trộm cướp, gọi là "hậu nhân"[3], chia đi cướp bóc các nơi. Người châu Quốc Oai cũng đem bè lũ đến đóng ở Tây Kết, đường sá vì thế không thông. Vua sai Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bỉnh Di đem quân châu Đằng[4] đến đánh.

Kỷ Tỵ, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 5 [1209], (Tống Gia Định năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, Phạm Bỉnh Di đem người châu Đằng và châu Khoái[5] đi đánh bọn Du. Du thua trận, chạy sang châu Hồng. Bỉnh Di tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết. Du oán giận càng sâu. **[25b]** vua sai phụng ngự gọi Du về kinh. Mùa thu, tháng 7, Bỉnh Dư về đến Kinh sư, sắp vào tâu, có người ngăn lại nói rằng: "Lời của Du đã đến tai vua trước rồi, vua còn chưa nguôi giận"[6]. Bỉnh Di nói; "Ta thờ vua hết trung mà bị kẻ gian tặc gièm pha ư? Huống chi là có mệnh vua đòi, ta cón tránh vào đâu?", rồi Bỉnh Di vào. Vua sai bắt, đem giam cùng với con là Phụ[7] ở Thuỷ viện. sắp đem hành hình thì tướng của Bỉnh Di là bọn Quách Bốc nghe tin đem quân đánh trống hò reo tiến vào, đến ngoài cửa Đại Thành bị người coi cửa chống cự. Bọn

---

[1] Quốc Oai: nếu châu Quốc Oai thời Lý tương đương với phủ Quốc Oai thời Lê thì là đất các huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất và huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay. Nhưng theo đây thì núi Tản Viên cũng thuộc châu Quốc Oai, vậy Quốc Oai thời Lý có một phần đất huyện ba Vì ngày nay.

[2] Thanh Oai: tên hương thời Lý, nay là huyện Thanh Oai, tỉnh Hà tây.

[3] Hậu nhân: người do thám.

[4] Đằng châu: ten châu thời Đinh Lê; năm 1005 Lê Long Đình đổi gọi là phủ, nhà Lý đổi lại là châu, nay là phần đất Hưng Yên (cũ), tỉnh Hải Hưng.

[5] Khoái Châu: nhà Lý tách một phần Đằng Châu đặt ra Khoái Châu, nay là đất các huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

[6] Cương mục chép: Du ngầm sai người đến kinh đô đem vàng bạc đút lót cho bọn nội nhân để tâu vua rằng Bỉnh Di tàn ác giết người vô tội và bày tỏ oan trạng của mình (CMCB5, 32b).

[7] Cương mục có ý ngờ về điều ghi Phụ là con Bỉnh Di, vì Bỉnh Di là hoạn quan (CMCB5, 33b). Nhưng hoạn quan có thể vẩn có con từ trước khi chưa bị hoạn.

Bốc phá cửa tiến vào. Vua thấy việc kíp quá, sai đem Bỉnh Di và Phụ vào chỗ bệ đá mát[1] lấy xe ngự chở xác Bỉnh Di, lấy chiếu ngự bọc xác của Phụ, theo cửa Việt Thành ra bến Đông Bộ Đầu[2] rồi lại trở vào cung Vạn Diên, lập Hoàng tử Thầm làm vua. Bọn Đàm Dĩ Mông, Nguyễn Chính Lại đều chịu nguỵ chức của Thầm. **[26a]** Vua [lánh] đến miền Quy Hóa giang[3].

Người ở động Trư là Nguyễn Phá Lân đem bộ khúc đêm đến lấy trộm của kho công ở Đội Sơn[4].

Hoàng thái tử [Sảm] đến thôn Lưu Gia[5] ở Hai Ấp nghe tiếng con gái của Trần Lý có nhan sắc, bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý nhờ nghề đánh cá nên giàu, người quanh vùng theo về, nhân có quân chúng, cùng nổi lên làm giặc. Thái tử đã lấy con gái của Lý, trao cho Lý tước minh tự, phong cho cậu người con gái ấy là Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái tử [Sảm] đi lần này là vì nước loạn mà tránh nạn, sao lại buông lòng dâm dục ở ngoài mà tự tiện phong tước cho người? Bởi cao Tông rong chơi vô độ, giường mối bỏ hỏng, cho nên mới thế. Nhưng họ Lý nhân thế mà vong, họ Trần nhân thế mà hưng, ấy là do trời cả.

Anh em họ Trần họp hương binh để dẹp loạn, rước vua về kinh, khôi phục chính thống. **[26b]** Trừng trị bọn Quách Bốc làm loạn, xử tội theo mức độ khác nhau.

Canh Ngọ, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 6 [1210], (Tống Gia Định năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, vua sai Thượng phẩm phụng ngự là Đỗ Quảng đem quân đến nhà Tô Trung Từ đón Hoàng thái tử về Kinh sư, còn người con gái [Trần thị] thì về nhà cha mẹ. [Bấy giờ] trần Lý đã bị bọn giặc khác giết, con thứ là Trần Tự Khánh thay đem quân chúng về Kinh, được phong là Thuận Lưu Bá.

Mùa thu, tháng 7, Đỗ Anh Triệt[6] kể tội Dĩ Mông rằng: "Người làm đại thần mà ôm lòng vô quân, nhận tước phong của giặc, nay lại đứng ngang hàng với ta, ta dù bất tài nhưng mặt mĩi nào mà nhìn người!". Dĩ Mông thẹn sợ mà lui ra.

Sao chổi mọc.

Mùa đông, tháng 10, vua không khỏe, gọi Đỗ Kính Tu và nhận mệnh ký thác. Ngày 28 Nhâm Ngọ, vua băng ở cung Thánh Thọ.

> **[27a]**Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cao Tông tuổi bé nối ngôi, Chiêu Linh Thái hậu rắp lòng phế lập, thân vua suýt nữa bị nguy. Nhờ có Tô Hiến Thành vốn có quyền vị, nhận ký thác con côi, hết lòng phù hộ, ngôi báu không lay, thiên hạ quy phục, tất phải có mưu hay chước giỏi tâu riêng với vua rồi. Đến khi Hiến Thành chết, Đỗ Kính Tu hầu hạ nơi màn trướng, giúp vua sửa đức, đâu phải là không có người? Thế mà vua mê mãi rong chơi, say đắm thanh sắc, ham tiền của, thích xây dựng, dạy tính lười tham cho các quan, gây lòng oán giận ở trăm họ, làm cho cơ đồ nhà Lý phải hao mòn, đến nỗi mất nước. Kinh thư có câu: "Ở trong mê sắc đẹp, ra ngoài mê săn bắn, ham rượu, thích nhạc, xây nhà cao, trổ tường đẹp, phạm một trong các điều ấy tất phải bại vong". Vua phạm đủ các điều ấy, còn nói gì được nữa?

Lại xét sử cũ [chép việc an táng] các vua triều Lý, chỉ đối với Thái **[27b]** Tổ có chép táng ở Thọ Lăng; với Nhân Tông tuy có chép việc táng nhưng lấy tên đất làm tên lăng. Phàm việc an táng thiên tử là

---

[1] Nguyên văn: "Lương thạch xứ". Đại Việt sử lược có chổ chép là "Lương thạch toạ" (ĐVSL3,30b). Theo mặt chữ có thể hiểu đó là cái bệ đá để ngồi mát, ở bên hoặc gần sát bậc thềm có tên là thềm Kim Tinh (Kim Tinh giai).

[2] Đông Bộ Đầu: tức bến Đông ở Thăng Long, bên sông Hồng, ở vào khoảng gần cầu Long Biên và dốc Hàng Than hiện nay.

[3] Quy Hóa Giang: một tên khác của sông Thao (tức sông Hồng từ Việt Trì trở lên), ở đây chỉ miền núi Vĩnh Phú, Yên Bái. An Nam chí lược (q.12) chép thêm là Cao Tông nương nhờ ở nhà Hà Vạn.

[4] Đội Sơn: còn gọi là núi Long Đội tức núi Đội ở huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà ngày nay.

[5] Nay là Lưu Xá, huyện Hưng Hòa, tỉnh Thái Bình.

[6] Đại Việt sử lược chép là Đỗ Anh Doãn (ĐVSL3, 20a).

việc lớn của nước, quốc sử không thể không chép được. Có lẽ Lê Văn Hưu thấy đều gọi là Thọ lăng, cho là không đúng lễ nên bỏ đi, nhưng thế không phải là phép làm sử.

Hoàng thái tử Sảm lên ngôi ở trước linh cữu bấy giờ mới 16 tuổi. Tôn mẹ là Đàm thị là Hoàng thái hậu, cùng nghe chính sự. Lại đem thuyền rồng đi đón Trần thị. Anh Trần thị là Trần Tự Khánh cho rằng bấy giờ đương lúc loạn lạc, chưa đưa đi ngay được.

Sai sứ cáo phó với nhà Tống, nhà Tống sai người sang làm lễ tế điếu.

Huệ Tông Hoàng Đế

Tên huý là Sảm[1], con trưởng của Cao Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đàm, sinh tháng 7 năm Giáp Dần [1194], năm Mậu Thìn, Trị Bình Long Ứng thứ 4 [1208], tháng giêng, sách lập hoàng thái tử. Cao Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 14 năm [1211-1224], truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, sau bị Trần Thủ Độ [28a] giết, thọ 33 tuổi [1194-1226]. Vua gặp buổi loạn lạc, giặc cướp tứ tung, mình bị bệnh nặng, không biết sớm cầu con nối, họ Lý bèn mất.

Tân Mùi, [Kiến Gia] năm thứ 1 [1211], (Tống Gia Định năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu.

Tháng 2,, vua lại sai Phụng ngự là Phạm Bố đi đón Trần thị. Tự Khánh bèn sai bọn Phùng Tá Chu đưa Trần thị đi. Gặp khi Tô Trung Từ và Đỗ Quảng đang đánh nhau ở [bến] Triều Đông[2], Tá Chu bèn đỗ thuyền ở bến Đại Thông. Đến khi Đỗ Quang bị thua, vua sai Bố và Trung Từ đón Trần thị vào cung, lập làm nguyên phi;cho Trung Từ làm Thái uý phụ chính; phong Thuận Lưu bá Trần Tự Khánh làm Chương Thành hầu[3].

Bấy giờ thừa hưởng thái bình đã lâu ngày, giường mối dần bỏ, dân không biết việc binh, giặc cướp nổi lên không ngăn cấm được. Vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Thái uý Đàm Dĩ Mông. Dĩ Mông là người không có học thức, không có mưu thuật, lại nhu nhược không quyết đoán, chính sự ngày một đổ nát.

[28b] Nhâm Thân, [Kiến Gia] năm thứ 2 [1212], (Tống Gia Định năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng 2, sai người cùng một vú nuôi là Đoàn Thượng chiêu mộ dân châu Hồng đi bắt giặc cướp. Bấy giờ thế nước suy yếu, triều đình không có chính sách hay, đói kém luôn luôn, nhân dân cùng khốn, [Đoàn] Thượng thừa thế tự tiện làm oai làm phúc, không ai dám nói gì. Sau tội trạng tỏ rõ, bị các quan hặc, phải giam vào ngục để hỏi tội. Thượng mới rút gươm, cởi trần chạy về châu Hồng, nhóm họp bè đảng, đắp thành xưng vương, cướp bóc lương dân, triều đình không thể ngăn được.

Quý Dậu, [Kiến Gia] nămthứ 3 [1213], (Tống Gia Định năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh đem quân xâm phạm cửa khuyết xin đón xa giá. Vua lấy làm ngờ, xuống chiếu lấy quân các đạo đi bắt Tự Khánh, giáng nguyên phi làm ngự nữ.

Giáp Tuất, [Kiến Gia] năm thứ 4 [1214], (Tống Gia Định năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, Trần Tự Khánh đem quân đến [bến] Triều Đông, tự vào quân **[29a]** môn tạ tội, lại xin đón xa giá. Vua

---

[1] Đại Việt sử lược chép đủ tên huý của Lý Huệ Tông là Hạo Sảm (ĐVSL3, 20b).

[2] Bến Triều Đông: bến sông Hồng ở phía đông Thăng Long. cương mục chép là Đông Bộ Đầu và chú là bến Đông Tân sông Nhị Hà.

[3] Nguyên văn: "dĩ Trung Từ vi Thái uý phụ chính, phong Thuận Lưu bá Trần Tự Khánh vi Chương Thành Hầu". Về việc này, Cương mục chép: "Vua bèn phong cho Tự Khánh tước hầu, cho Tô Trung Từ làm Thái uý, phong tước Thuận Lưu bá" (CMCB5, 35b). Đúng ra Lưu Thuận bá là tước của Trần Tự Khánh (như Toàn thư đã chép ở BK4, 26b) và theo Đại Việt sử lược đến năm này (Nhâm Thân 1212), ngày Canh Tuất tháng giêng "vua cho Tự Khánh lên tước hầu, tước hiệu là Chương Thành hầu" (ĐVSL3, 24a). Như vậy có thể nhận thấy rằng ở câu của Toàn thư (đã dẫn), soạn giả Cương mục đã đặt nhầm một dấu ngắt đoạn ở sau chữ "bá", cho nên mới chép Thuận Lưu bá là tước của Tô Trung Từ.

càng ngờ, bèn cùng với thái hậu và ngự nữ chạy đến núi Trĩ Sơn ở châu Lạng. Tự Khánh nghe tin xa giá long đong mà ngự nữ thì lâu nay bị thái hậu làm khổ, lại đem quân đến xin đón xa giá như trước. Vua cũng chưa tin, lại cùng với thái hậu và ngự nữ chạy sang huyện Binh Hợp[1].

Mùa hạ, tháng 5, Tự Khánh đánh Đinh Khả và Bùi Đô ở châu Đại Hoàng, phá tan được.

Bính Tý, [Kiến Gia] năm thứ 6 [1216], (Tống gia Định năm thứ 9). Mùa xuân, sách phong ngự nữ làm Thuận Trinh phu nhân. Thái hậu cho Trần Tự Khánh là kẻ phản trắc, thường chỉ phu nhân mà nói là bè đảng của giặc, bảo vua đuổi bỏ đi; lại sai người nói với phu nhân bảo phải tự sát. Vua biết mới ngăn lại. Thái hậu bỏ thuốc độc vào món ăn uống của phu nhân. Mỗi bữa ăn vua chia cho phu nhân một nữa và không lúc nào cho rời bên cạnh. Thái hậu lại **[29]** sai người cầm chén thuốc độc bắt phu nhân phải chết. Vua lại ngăn không cho, rồi đêm ấy cùng với phu nhân lẻn đi đến chổ quân của Tự Khánh; gặp khi trời đã sáng, phải nghỉ lại ở nhà tướng quân Lê Mịch ở huyện Yên Duyên, gặp tướng của Tự Khánh là Vương Lê đem binh thuyền đến đón. Vua mới đỗ lại ở bãi Cửu Liên[2]. Truyền cho Tự Khánh đến chầu.

Mùa hạ, tháng 6, hoàng trưởng nữ sinh ở bãi Cửu Liên, sau phong làm công chúa Thuận Thiên.

Mùa đông, tháng 12, sách phong [Thuận Trinh] phu nhân làm hoàng hậu, phong Tự Khánh làm Thái uý phụ chính, cho anh trai Tự Khánh là Trần Thừa (tức thượng hoàng nhà Trần) làm Nội thị phán thủ. Tự Khánh cùng với Thượng tướng quân Phan Lân xếp đặt quân ngũ, chế tạo binh khí, luyện tập võ nghệ, quân thế dần dần phấn chấn.

Vua có bệnh trúng phong, chữa thuốc không khỏi mà chưa có thái tử, trong cung chỉ sinh công chúa mà thôi.

Chiêm Thành và Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An, châu bá là Lý Bất Nhiễm đánh phá được.

[30a] Đinh Sửu, [Kiến Gia] năm thứ 7 [1217], (Tống Gia Định năm thứ 10). Mùa xuân, tháng 3, vua dần dần phát điên, có khi tự xưng là Thiên tướng giáng, tay cầm giáo và mộc, cắm cờ nhỏ vào búi tóc, đùa múa từ sớm đến chiều không nghỉ, khi thôi đùa nghịch thì đổ mồ hôi, nóng bức khát nước, uống rượu ngủ li bì đến hôm sau mới tỉnh. Chính sự không quyết đoán, giao phó cả cho Trần Tự Khánh. Quyền lớn trong nước dần dần về tay kẻ khác.

Mậu Dần, [Kiến Gia] năm thứ 8 [1218], (Tống Gia Định năm thứ 11). Mùa xuân, tháng 3, động đất.

Sao chổi mọc ở phương tây nam.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu bắt cư sĩ chùa Phù Đổng là Nguyễn Nộn, vì bắt được vàng ngọc mà không đem dâng.

Tháng 9, hoàng thứ nữ sinh, sau phong làm công chúa Chiêu Thánh.

Mùa đông, tháng 10, Trần Tự Khánh đi đánh người Man ở Quảng Oai[3] không được.

Chiêm Thành và Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An, Lý Bất Nhiễm đánh tan được, thăng tước hầu, ban thực ấp 7.500 hộ, thực phong 1.500 **[30b]** hộ.

Kỷ Mão, [Kiến Gia] năm thứ 9 [1219], (Tống Gia Định năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh tâu xin tha cho Nguyễn Nộn, cho đi theo quân đánh giặc để chuộc tội. Vua y cho. Mùa đông, tháng 10, sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh người Man ở Quảng Oai.

Canh Thìn, [Kiến Gia] năm thứ 10 [1220], (Tống Gia Định năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Nộn giữ hương Phù đổng, tự xưng là Hoài Đạo Vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp loạn để

---

[1] Huyện Binh Hợp: chưa rõ ở đâu.

[2] Cửu Liên châu: có lẽ là bãi tả ngạn sông Hồng, gần Cửu Cao, trong đất huyện Văn Giang cũ, nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng.

[3] Quảng Oai: vùng đất ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

chuộc tội. Vua sai người đem sắc thư đến tuyên dụ. Song vì vua có bệnh phong, không thể chế ngự được.

Tân Tỵ, [Kiến Gia] năm thứ 11 [1221], (Tống Gia Định năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, tìm khắp thầy thuốc trong nước để chữa bệnh cho vua, nhưng không hiệu nghiệm gì. Vua thì ở tít trong cung, giặc cướp bừa bãi, nhân dân ở ngoài thành lưu ly cực khổ lắm.

[31a] Nhâm Ngọ, [Kiến Gia] năm thứ 12 [1222], (Tống Gia Định năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, chia trong nước làm 24 lộ, lộ chia cho công chúa ở, lấy các hoành nô thuộc lệ và quân nhân bản lộ, chia nhau làm giáp.

Làm đồ binh khí và ghe thuyền để tuần bắt giặc cướp.

Quý Mùi, [Kiến Gia] năm thứ 13 [1223], (Tống Gia Định năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 10, hạn, lúa bị sâu cắn.

Tháng 12, thế quân của Nguyễn Nộn ngày càng mạnh.

Trần Tự Khánh chết, truy phong làm Kiến Quốc Đại Vương; lấy Trần Thừa làm Phụ quốc Thái uý, khi vào chầu không xưng tên.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Năm đầu niên hiệu Kiến Gia, giặc cướp đua nhau nổi dậy, Huệ Tông nhu nhược không đánh dẹp được. Trần Tự Khánh vì cớ Huệ hậu bị thái hậu làm khổ mà đem quân phạm cửa khuyết xin đón xa giá. Đương lúc bấy giờ, lòng người không thể không ngờ vực, cho nên Huệ **[31b]** Tông có lệnh bắt Tự Khánh mà không bắt được. Tự Khánh muốn làm cho kỳ được mới nhiều lần làm kinh động đến vua, xa giá phải dời chổ mấy lần, tội rõ ràng rồi. Nhưng mà Huệ Tông và Huệ hậu rốt cuộc phải nhờ Tự Khánh mới được yên, thì tội ấy không kể đến. Thế là việc tuy là trái nhưng tình thì thuận, sử chép không nêu lên nhưng thực cũng có nêu đấy. Nếu không thế thì chỉ là kẻ đầu sỏ giặc cướp mà thôi.

Giáp Thân, [Kiến Gia] năm thứ 14 [1224], (Từ tháng 10 về sau là niên hiệu cuả Chiêu Hoàng Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1; Tống Gia Định năm thứ 17). Bệnh của vua ngày càng tăng mà không có con trai để nối nghiệp lớn, các công chúa đều được chia các lộ làm ấp thang mộc, uỷ nhiệm cho một mình chỉ huy sứ Trần Thủ Độ quản lĩnh các quân điện tiền hộ vệ cấm đình.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu lập công chúa Chiêu Thánh làm Hoàng thái tử để truyền ngôi cho. Vua xuất gia ở chùa Chân Giáo trong đại nội. Chiêu Thánh lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1, tôn hiệu là Chiêu **[32a]** Hoàng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo trời có khi thường có khi biến. Thánh nhân phối với trời đất, giúp việc hoá dục thì có đạo xử trí lúc biến mà vẫn không mất phép thường. Như Đan Chu con vua Nghêu là kẻ bất tiếu[1], thì vua Nghêu tiến vua Thuấn với trời, mà thiên hạ thịnh trị. Thương Quân con vua Thuấn là kẻ bất tiếu không thể truyền ngôi, thì vua Thuấn tiến vua Vũ với trời, mà xã tắc được yên, đều là xử trí lúc biến mà không mất phép thường cả. Đời sau chỉ truyền ngôi cho con mà không truyền ngôi cho người hiền, vì là không có người nào được như Thuấn và Vũ. Nếu không may mà không có con thì chọn con của người tông thất nuôi làm con mình để nối giữ nghiệp lớn, đó cũng là một cách xử trí trong lúc biến vậy. Lý Nhân Tông đã làm như thế rồi, Huệ Tông sao không xét việc cũ mà làm theo, lại để **[32b]** đến sau lúc tật bệnh mới lập con gái mà truyền ngôi cho, thế có phải lẽ không? Các quan bấy giờ không ai nghĩ gì đến xã tắc, để cho Phùng Tá Chu viện dẫn việc Lữ hậu và Vũ hậu làm cớ mà thành ra việc Chiêu Hoàng nhường ngôi cho họ Trần, ấy là người có tội với họ Lý.

---

[1] Bất tiếu: không giống, không bằng (như con không giống cha), chuyển nghĩa là không phải người hiền không thể truyền ngôi.

Chiêu Hoàng

Trước tên huý là Phật kim, sau đổi là Thiên Hinh, con gái thứ của Huệ Tông. Huệ Tông không có con trai nối, lập làm hoàng thái tử để truyền ngôi[1], ở ngôi được 2 năm [1224-1225] rồi nhường ngôi cho họ Trần.

Ất Dậu, Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 2 [1125], (Từ tháng 12 về sau là niên hiệu Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 1; Tống Lý Tông Hú, Bảo Khánh thứ 1). mùa ông, tháng 10, xuống chiếu tuyển con em của quan viên trong ngoài sung vào các sắc dịch trong nội, như lục hỏa thị cung ngoại, Chi hậu, Nội nhân thị nội[2], ngày đêm thay phiên nhau chầu hầu. Điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ coi giữ mọi việc quân sự trong ngoài thành thị. Cháu gái Thủ Độ bằng chú là Trần Bất Cập làm Cận thị thự lục **[33b]** cục chi hậu[3], Trần Thiêm làm Chi ứng cục, Trần Cảnh làm Chính thủ (Cảnh sau là Trần Thái Tông). Cảnh lúc ấy mới lên 8 tuổi, chực hầu ở bên ngoài. Một hôm phải giữ việc bưng nước rửa, nhân thế vào hầu bên trong. Chiêu Hoàng trông thấy làm ưa, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tối thì thân đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng lên bóng. Có một hôm, Cảnh bưng chậu nước hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vốc nước té ướt cả mặt Cảnh rồi cười trêu, đến khi Cảnh bưng khăn trầu thì lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, về nói ngầm với Thủ Độ. Thủ Độ nói: "Nếu thực như thế thì họ ta thành hoàng tộc hay bị diệt tộc đây?". Lại một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy khăn trầu ném cho Cảnh, Cảnh lạy rồi nói: "Bệ hạ có tha tội cho thần không? Thần xin vâng mệnh". Chiêu Hoàng cười và nói: "Tha tội cho ngươi. Nay ngươi đã biết nói khôn đó". Cảnh lại về nói với Thủ Độ. Thủ độ sợ việc **[33b]** tiết lộ thì bị giết cả, bấy giờ mới tự đem gia thuộc thân thích vào trong cung cấm. Thủ Độ đóng cửa thành và các cửa cung, sai người coi giữ, các quan vào chầu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng: "Bệ hạ đã có chồng rồi". Các quan đều vâng lời, xin chọn ngày vào chầu. Tháng ấy, ngày 21, các quan vào chầu lạy mừng. Xuống chiếu rằng: "Từ xưa nước Nam Việt ta đã có đế vương trị thiên hạ. Duy triều Lý ta vâng chịu mệnh trời, có cả bốn biển, các tiên thánh truyền nối hơn hai trăm năm, chỉ vì thượng hoàng có bệnh, không người nối dõi, thế nước nghiêng nguy, sai trẫm nhận minh chiếu, cố gượng lên ngôi, từ xưa đến giờ chưa từng có việc ấy. Khốn nổi trẫm là nữ chúa, tài đức đều thiếu, không người giúp đỡ, giặc cướp nổi lên như ong, làm sao mà giữ nổi ngôi báu nặng nề? Trẫm dậy sớm thức khuya, chỉ sợ không cáng đáng nổi, vẫn nghĩ tìm **[34a]** người hiền lương quân tử để cùng giúp chính trị, đêm ngày khẩn khoản đến thế là cùng cực rồi, Kinh thi có nói "Quân tử tìm bạn, tìm mãi không được, thức ngủ không nguôi, lâu thay lâu thay". Nay trẫm suy đi tính lại một mình, duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, thực thể cách quân tử hiền nhân, uy nghi đường hoàng, có tư chất thánh thần văn võ, dù đến Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng không hơn được. Sớm hôm nghĩ chín từ lâu nghiệm xem nên nhường ngôi báu, để thỏa lòng trời, cho xứng lòng trẫm, mong đồng lòng hết sức, cùng giúp vận nước, hưởng phúc thái bình. Vậy bố cáo thiên hạ để mọi người điều biết". Tháng 12, ngày mồng một Mậu Dần, Chiêu Hoàng mở hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên sập báu, các quan mặc triều phục vào chầu, lạy ở dưới sân.

Chiêu Hoàng bèn trút bỏ áo ngự mời Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu là Kiến **[34b]** trung năm thứ 1, đại xá thiên hạ, xưng là Thiện Hoàng[4], sau đổi là Văn Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Khải Thiên Lập Cực Chí Nhân Chương Hiếu Hoàng Đế. Phong Trần Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, nắm giữ mọi việc cai trị trong nước. Thủ Độ nói: "Hiện nay giặc cướp đều nổi, họa loạn ngày tăng. Đoàn Thượng giữ mạn đông, Nguyễn Nộn giữ mạn bắc, các châu Quảng Oai, Đại Viễn[5] cũng chưa dẹp yên. Nhà Lý suy yếu, thế nước nghiêng nguy, nữ chúa Chiêu Hoàng không gánh vác nổi, mới uỷ thác cho nhị lang [Chàng Hai]. Nhưng Nhị lang chưa am hiểu việc nước, chính sự nhiều chổ thiếu sót, vận nước mới mở,

---

[1] Theo Cương mục, Chiêu Hoàng khi nối ngôi mới lên 7 tuổi (CMCB5, 41b).

[2] Lục hỏa thị cung ngoại: sáu hỏa (có lẽ là sáu đội lính) hầu ngoài cung; Chi hậu, Nội nhân thị nội: các chức chi hậu và nội nhân hầu bên trong.

[3] Cận thị thự lực cục chi hậu: chức chi hậu ở sáu cục của cận thị thự là thự giữ việc hầu cận vua.

[4] Thiện hoàng: hoàng đế được nhường ngôi Thiện có nghĩa là nhường ngôi.

[5] Châu Đại Viễn: có lẽ muốn nói châu Đại Hoàng.

lòng dân chưa phục, mối họa không phải là nhỏ. Ta tuy là chú nhưng không biết chữ nghĩa gì, còn phải rong ruổi đông tây để chống giặc cướp, không gì bằng mời thánh phụ làm thượng hoàng tạm coi việc nước, một hai năm sau thiên hạ nhất thống, lại giao quyền chính cho Nhị lang". Các quan đều cho là phải, mời thánh phụ Trần Thừa nhiếp chính.

[35a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: "Đến thời Huệ Tông, cái độc hại cho thiên hạ đã ăn sâu lắm, mà vua không phải người giỏi giang cứng cáp, bề tôi giúp nước thì nhu nhược hèn kém, muốn chữa cái độc đã sâu thì làm thế nào được. Huống chi vua lại bị chứng hiểm, chữa không khỏi, lại không có con trai để nối nghiệp lớn, thế là điểm nguy vong đã hiện ra rồi. Tục truyền rằng Lý [Thái] Tổ khi mới được thiên hạ, xa giá về Cổ Pháp ngự chơi chùa ở hương Phù Đổng, có thần nhân đề thơ ở cột chùa rằng: "Nhất bất công đức thủy, Tuỳ duyên hoa thế gian. Quang quang trùng chiếu chúc. Một ảnh nhật đăng san". [Một bát nước công đức [của Phật], theo duyên sinh hoá ở thế gian. Sáng rực hai lần đuốc rọi, mặt trời gác núi là hết bóng]. Sư chùa là vạn hạnh đem bài thơ ấy dâng lên. Lý Thái Tổ xem xong rồi nói: "Việc của thần nhân thì không thể hiểu được". Người đời truyền tụng, không ai biết thơ ấy nói thế nào. Đến khi nhà Lý mất, mới cho bài thi8 ấy là nghiệm. Vì từ đời Huệ Tông trở lên đến Thái Tổ là tam đời mà Huệ Tông **[35b]** tên là Sảm, tức là mặt trời gác núi, hết bóng[1]. Thế thì nhà Lý được nước là tự trời, mất nước cũng là tự trời vậy.

Trở lên triều Lý, 9 vua, từ Thái Tổ năm canh Tuất [1010] đến Chiêu Hoàng năm Ất Dậu [1225], cộng 216 năm.

[1] Loại thơ sấm thường được dùng chữ theo lối đồng âm khác nghĩa và chiết tự: chữ "bát" ở câu đầu có nghĩa là cái bát (bát nước0 đồng âm với chữ "bát" là tam (tam đời). Chũ Sảm gồm phần trên là chữ "nhật" (mặt trời), phần dưới là chữ "sơn" núi= mặt trời gác núi.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển V

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Thái Tông Hoàng Đế

Họ Trần, tên húy là Cảnh, trước tên húy là Bồ, làm Chi hậu chính triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm [1226-1258], nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi [1218-1277] băng ở cung Vạn Thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại độ, có lượng đế vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy. Song quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm và chốn buồng the cũng có nhiều điều hổ thẹn.

Trước kia, tổ tiên vua là người đất Mân (có người nói là người Quế Lâm), có người tên là Kinh đến ở hương Tức Mặc[1], phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, đời đời làm nghề đánh cá. Vua là con thứ của Thừa, mẹ họ Lê, sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần, Kiến Gia thứ 8 triều Lý[2]. Vua mũi cao, mặt rộng, giống như [1b] Hán Cao Tổ. Khi mới 8 tuổi, làm Chi hậu chính chi ứng cục triều Lý. Vì có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện Tiền Chỉ Huy Sứ, nên vua được vào hầu trong cung. Chiêu Hoàng thấy vua thì ưa.

Năm Ất Dậu [1225], mùa đông, tháng 12, ngày 12 Mậu Dần, nhận thiền vị của Chiêu Hoàng, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung.

Bính Tuất, Kiến Trung năm thứ 2 [1266], (Tống Bảo Khánh năm thứ 2) mùa xuân, tháng Giêng, sách phong Chiêu Hoàng làm hoàng hậu, đổi gọi là Chiêu Thánh.

Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sư.Phế thượng hoàng nhà Lý ra ở chùa Chân Giáo, gọi là Huệ Quang đại sư.

Tháng 2, định luật lệnh, điều lệ.

Sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng và các man.

Lúc ấy, nhân thế suy yếu của triều Lý, giặc cướp tụ tập nhiều. Người Man ở vùng núi Tản Viên, vùng núi Quảng Oai xâm phạm đánh lẫn nhau. [**2a**] Nguyễn Nộn chiếm cứ Bắc Giang[3] , Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng Châu [4]. Thủ Độ điều động các quân đi đánh dẹp.

Bấy giờ Nộn và Thượng binh thế còn mạnh, chưa dễ hàng phục được, mới phong cho Nộn làm Hoài Đạo Vương, chia cho các huyện Bắc Giang Thượng, Bắc Giang Hạ, Đông Ngạn[5] cũng hẹn phong làm vương cho Thượng định ngày đến thề, nhưng Thượng không đến.

---

[1] Sau là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[2] Tức năm 1218

[3] Vùng đất của tỉnh Bắc Ninh.

[4] Vùng đất phía tây bắc và phía nam tỉnh Hải Dương

[5] Vùng đất huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Mùa hạ, tháng 5, phong em là Nhật Hiệu làm khâm Thiên Đại Vương (khi ấy mới 2 tuổi).

Trao phẩm cấp cho các quan văn võ theo hẫu theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Càn Ninh.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 10, Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

Trước đó, Thượng hoàng nhà Lý có lần ra chơi chợ Đông, dân chúng tranh nhau chạy đến xem, có người thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ, sinh biến loạn, cho dời đến ở chùa Chân Giáo; bề ngoài giả vờ là để phụng sự, mhưng bên trong thực ra là để dễ bề giữ chặt.

Có lẫn Thủ Độ qua trước cửa chùa, thấ Huệ Tông ngồi xổm nhổ cỏ, Thủ Độ nói: "Nhổ cỏ thì phải nhổ cả **[2b]** rễ sâu".

Huệ Tông đứng dậy, phủi tay nói: "Điều ngươi nói, ta hiểu rồi".

Đến nay, sai người bày biện hương hoa đến bảo [Huệ Tông]: "Thượng phụ sai thẫn đến mời"..

Thượng hoàng nhà Lý nói: "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử".

Nói rồi vào buồng ngủ khấn rằng: "Thiên hạ nhà ta đã vào tay ngươi, ngươi lại còn giết ta, ngày nay ta chết, đến khi thác con cháu ngươi cũng sẽ bị như thế".

Bèn thắt cổ tự tử ở vườn sau chùa.

Thủ Độ ra lệnh cho các quan đến khóc, khoét tường thành phía nam cửa (người bấy giờ gọi là "cửa khoét"), đưa linh cữu ra phường Yên Hoa để thiêu, chứa xương vào tháp chùa Bảo Quang, tôn miếu hiệu là Huệ Tông. Giáng hoàng hậu của Huệ Tông làm Thiên Cực công chúa, gả cho Trần Thủ Độ, cho châu lạng làm ấp thang mộc.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tam Đại xưa lấy được thiên hạ là vì lòng nhân. Cho nên [**3a]** những vua có đức lớn mà không làm nhiễu việc ác quá lắm thì trời chưa bao giờ vội dứt bỏ họ. Nhà Hạ nếu không có Kiệt, nhà Thương có Trụ, thì việc truyền ngôi hẵn cũng chưa hết. Xem như cuối đời nhà Chu, các nước chư hầu cưỡng bức, tiếm lấn mà ngôi chính thống vẫn truyền nối mãi mãi không dứt. Đó là do nhân sâu ơn dày của tổ tông để lại mãi đến đời sau vậy.

Họ Lý được nước không kém gì Tam Đại, truyền nối nhiều đời, đến Huệ Tông không có con trai, lại mắc bệnh tật, chắc là ơn trạch của tiên vương đến đây là hết rồi, cho nên họ Trần mới có thể lấy được nước. Đã lấy nước của người ta, lại giết vua của người ta thì thực bất nhân quá lắm.

Sau này, Phế Đế phải thắt cổ chết, Nguyên Quân bị giết[1], mình làm thế nào thì phải chịu thế ấy, đạo trời là như vậy đó. Dù không có lời nguyền của Huệ Tông, cũng tin là phải thế. Thủ Độ coi việc đó là hết lòng trung, lo việc nước, nhưng có biết đâu thiên hạ đời sau chỉ mặt [**3b**] gọi là giặc giết vua, huống chi lại còn làm thói cho lợn[2].

Đưa các cung nhân và con gái họ hàng nhà Lý Huệ Tông gả cho các tù trưởng người Man.

Mùa đông, tháng 10, tôn cha là Thừa làm Thượng hoàng, ở cung Phụ Thiên, phường Hạc Kiều phía bên tả. Hễ khi nước có việc lớn, thì ở trong đó xem xét, quyết định. Tôn mẹ là Lê thị làm Quốc Thánh hoàng thái hậu (có sách chép là Bảo Thánh Quốc mẫu).

Xuống chiếu cho dân gian dùng tiễn "tỉnh bách"[3] mỗi tiễn là 69 đồng. Tiền nộp cho nhà nước (tiễn " thượng cung") thì mỗi tiễn là 70 đồng.

---

[1] Bản chữ Hán chép Nguyên hậu, là đã nhầm chữ Quân thành chữ Hậu. Nguyên Quân tức là vua Trần Thuận Tông, sau khi nhường ngôi cho thái tử An (Thiếu Đế), xưng vương là Thái Thượng Quân Hoàng Đế, thường được gọi là Nguyên Quân. Xem BK7.

[2] Chỉ việc Trần Thủ Độ đã giết Huệ Tông lại lấy hoàng hậu của nhà vua

[3] Tỉnh bách: có người đọc là "tỉnh mạch". Ở Trung Quốc, từ đời Ngũ Đại về sau, lấy 77 làm 100, gọi là "tỉnh bách" (nghĩa là 100 thiếu, hay 100 bớt).

Tuyển thục nữ trong nước sung làm cung nhân.

Sai Phụ quốc thái phó Phùng Tá Chu quyền Tri phủ Nghệ An, cho phép ban tước từ tá chức, xá nhân trở xuống cho người khác, rồi sau về triều tâu lê.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ban tước cho người là quyền của thiên tử, không phải là quyền của kẻ làm tôi **[4a].** Phùng Tá Chu là bề tôi cũ triều Lý, không có việc cần phải chuyên quyền như ra ngoài cương giới, làm lợi cho quốc gia, vỗ yên trăm họ, mà lại cho phép chuyên quyền thì cả người cho phép đều sai cả.

Bề tôi nhà Trần mà biết đạo ấy, phải chăng chỉ có Quốc công Hưng Đạo Đại Vương. Thánh Tông vì thấy ông có công lao to lớn, cho phép được tự tiện phong tước cho người, nhưng chưa bao giờ ông phong cho một ai cả. Giữa lúc giặc Hồ vào cướp, cầm quân chuyên chế, lấy thóc của người giàu để cấp lương quân, nhưng cũng chỉ cho người đó làm giả Lang tướng mà không dám cho làm Lang tướng thực.

Đinh Hợi [Kiến Trung] năm thứ 3 [1227], (Tống Bảo Khánh năm thứ 3). Thi tam giáo tử (nghĩa là những nối nghiệp Nho giáo, Đạo giáo, Thích giáo).

Xuống chiếu rằng tất cả các đơn từ văn khế đều dùng phép in ngón tay vào nửa tờ giấy.

Tuyên bố các điều khoản lễ minh thệ, theo như lệ cũ của triều Lý và bắt đầu định việc thực hiện. Nghi thức lễ đó như sau:

Hàng năm vào ngày mồng 4 tháng 4, tể tướng và trăm quan đến trực ngoài cửa thành từ lúc gà gáy, **[4b]** tờ mờ sáng thì tiến vào triều. Vua ngự ở cửa Hữu Lang điện Đại Minh trăm quan mặc nhung phục lạy hai lạy rồi lui ra. Ai nấy đều thành đội ngũ, nghi trượng theo hầu ra cửa Tây thành, đến đền thờ thần núi Đồng Cổ[1], họp nhau lại uống máu ăn thề. Quan Trung thư kiểm chính tuyên đọc lời thề rằng:

"Làm tôi tận trung, làm quan trong sạch, ai trái thề này, thần minh giết chết".

Đọc xong, tể tướng sai đóng cửa điểm danh, người vắng mặt phải phạt 5 quan tiền. Ngày hôm ấy, trai gái bốn phương đứng chật ních bên đườngđể xem như ngày hội lớn.

Mậu Tý, [Kiến Trung] năm thứ 4 [1228]. (Tống Thiệu Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phong Khâm Thiên Vương Nhật Hiệu làm Quận vương.

Tháng 2, thi lại viên bằng thể thức công văn (bạ đầu cách).

Mùa thu, tháng 8, phong anh là Liễu làm thái úy.

Xác định số đinh tỉnh Thanh Hóa.

Lệ cũ, hằng năm vào đầu mùa xuân, xã quan (nay là xã trưởng) [**5a**] khai báo nhân khẩu gọi là đơn sổ, rồi căn cứ vào sổ, kê rõ các loại tông thất, văn quan văn giai, võ quan võ giai, quan theo hầu, quân nhân, tạp lưu, hoàng nam, già yếu, tàn tật, phụ tịch, xiêu tán v.v... Người có quan tước, con cháu được tập ấm mới được ra làm quan, người giàu có khoẻ mạnh mà không có quan tước thì sung quân đội, đời đời làm lính.

Tháng 9, thi lại viên bằng thể thức công văn gọi là bạ đầu. Người trúng tuyển được sung làm thuộc lại ở các sảnh viện. (Việc này đã chép vào tháng 2 rồi).

Mùa đông, tháng 10, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, Nguyễn Nộn đánh giết Đoàn Thượng.

Nộn đã phá được Thượng, nhân gộp cả quân của Thượng, cướp bắt con trai, con gái, tài sản, trâu ngựa đất Hồng Châu. Con của Thượng là Văn đem gia thuộc đến hàng.

---

[1] Núi Đồng Cổ: vốn ở THanh Hóa, tục gọi là núi Khả Phong. Đời Lý, các vua cho rằng thần núi Đồng Cỏ đã có công giúp Thái Tông đánh thắng Chiêm Thành, sau lại thác mộng báo cho biết âm mưu làm phản của ba vương Vũ Đức, Đông Chinh, Dực Thánh, nên đã dựng đền thờ trong đại nội, bên hữu chùa ThánhThọ. Hằng năm các quan phải đến thề ở đền để tỏ lòng trung thành với nhà vua. Nhà Trần cũng theo lệ ấy. (Xem Việt điện u linh, xem thêm BK2)

Thanh thế của Thượng rất lừng lẫy. Thủ Độ lo lắm, chia quân chống giữ và sai sứ đem thư đến chúc mừng, gia phong Nộn làm Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương, đưa công chúa Ngoạn Thiềm gả cho hắn để ngầm [5b] dò la tin tức. Nộn cũng chia nha tướng riêng cho công chúa ở. Vì thế công chúa không thể báo được tin gì.

Kỷ Sửu,[Kiến Trung] năm thứ 5[1229], (Tống Thiệu Định năm thứ 2, Nguyên Thái Tông Oa Khoát Đài năm thứ1. Mùa xuân, tháng 3, nhật thực.

Nguyễn Nộn ốm chết.

Sau khi kiêm tính quân của Thương, Nộn tự xưng là Đại Thắng Vương, chè chén chơi bời bừa bãi. Nhưng Nộn cũng biết là thế không thể cùng đối lập với nhàTrần, định đến tháng 10 sẽ vào chầu, song còn do dự chưa quyết.

Đến khi ốm nặng, vua sai nội nhân tớihỏi thăm, Nộn cố gượng ăn cơm, phi ngựa để tỏ ra còn khoẻ mạnh, không bao lâu thì chết. Người dưới quyền là Phan Ma Lôi Ngầm phóng ngựa chạy trốn, không biết là đi đâu.

Ma Lôi là người Chiêm Thành, buôn bán ở Ai Lao, được Nộn nhận làm nô, có tài chủ động đánh thắng, dùng binh như thần. Sau khi Nộn chết, thiên hạ lại quy về một mối.

Sai sứ sang thăm nước Tống. Nha Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương.

[6a] Canh Dần, [Kiến Trung] năm thứ 5 [1230], (Tống Thiệu Đinh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, khảo xét các luật lệ của triều trước, soạn thành Quốc triều thống chế và sửa đổi hình luật lễ nghi, gồm 20 quyển.

Định bị đồ có mức độ khác nhau:

Loại bị đồ làm Cảo điền hoành thì thích vào mặt 6 chữ, cho ở Cảo xã (nay là xã Nhật Cảo), cày ruộng côn, mỗi người 3 mẫu, mỗi năm phải nộp 300 thăng thóc.

Loại bị đồ làm Lao thành binh thì thích vào cổ 4 chữ, bắt dọn cỏ ở Phượng Thành, thành Thăng Long, lệ vào quân Tứ sương[2].

Định các phường về hai bên tả hữu của kinh thành, bắt chước đời trước chia làm 61 phường.

Đặt ty Bình bạc[3].

Lại mở rộng phía ngoài thành Đại La, bốn cửa thành giao cho quân Tứ sương thay phiên nhau canh giữ.

Sửa đổi quan chức các phủ lộ. Đặt 2 viên An phủ sứ và An phủ phó sứ.

Trong thành dựng cung, điện, lầu, các và nhà lang vũ ở hai bên phía đông và tây. Bên tả là cung Thánh Từ (nơi thượng hoàng ở), bên hữu là cung Quan Triều (nơi vua ở).

Chép công việc của quốc triều làm bộ Quốc triều thường lễ, 10 quyển.

[**6b]** Mùa xuân, tháng 7, xuống chiếu rằng phàm người coi tục đi đòi người kiện tụng, thì cho lấy tiềncước lục tùy theo quãng đường gần hay xa.

Tháng 9, Quốc Thánh hoàng thái hậu băng, truy tôn làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

Tân Mão, [Kiến Trung] năm thứ 7 [1231], (Tống Thiệu Định năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai NộI minh tự Nguyễn Bang Cốc (hoạn quan) chỉ huy binh lính phủ mình đào vét kênh Trầm và

---

[1] Oa Khoát Đài : hay Oát Ca Đài (đời Thanh đổi gọi là Ngạc Cách đức Y) là phiên âm tên vua Mông Cổ Ô-gô-đây là con trai thứ ba của Thành Cát Tư Hãn, Thiết Mộc Chân (Têmugin), lên ngôi năm 1228.

[2] Trấn binh của kinh đô, chuyên việc phòng vệ, canh gác.

[3] CMCB6 chú là chức kinh doãn, chuyên xét đoán việc kiện tụng ở kinh thành. Thực ra, Bình bạc ty (năm 1265 đổi thành đại an phủ sứ, sau lại đổi thành Kinh sư đại doãn) là cơ quan hành chính và tư pháp ở kinh đô Thăng Long lúc đó.

kênh Hào[1] từ phủ Thanh Hóa đến địa giớI phía nam Diễn Châu. Việc xong, thăng Bang Cốc làm Phụ Quốc thượng hầu.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến hành cung Tức Mặc, dâng lễ hưởng ở tiên miếu, thết yến và ban lụa cho bô lão trong hương theo thứ bậc khác nhau.

Thượng hoàng xuống chiếu rằng trong nước hễ chổ nào có đình trạm đều phải đắp tượng phật để thờ.

Trước đây, tục nước ta vì nóng bức, nên làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, thường quét vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi từng nghỉ ở đó, có một nhà sư bảo rằng : "Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý". Nói xong **[7a]** thì không thấy nhà sư đâu nữa. Đến nay vua lấy được thiên hạ mới có lệnh này.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh với Lý Thái Tổ. Đó là mầm đầu tiên của sự sùng Phật ở đời Lý, đời Trần. Kể ra, người thức giả mọi việc đều biết trước, có gì lạ đâu.

Nhâm Thìn, [Kiến Trung] năm thứ 8 [1232], (Từ tháng 7 về sau là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1, Tống Thiệu Định năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, bắt đầu định triều nghi.

Phong con của thượng hoàng là Bà Liệt làm Hoài Đức Vương.

Xưa Thượng hoàng còn hàn vi, lấy người con gái thôn Bà Liệt (thuộc huyện Tây Chân)[2]. Người đó có mang thì bị (Thượng hoàng) ruồng bỏ. Đến khi Bà Liệt ra đời, Thượng hoàng không nhận con. Lớn lên Bà Liệt khôi ngô, giỏi võ nghệ, xin sung vào đội đánh vật. Một hôm, bà Liệt đánh cầu với người trong đội, người kia vật ngã Bà Liệt, bóp cổ Liệt đến suýt tắt thở. Thượng hoàng thét lên : " Con ta đấy". Người ấy **[7b]** sợ hãi lạy tạ.

Ngay hôm đó, Thượng hoàng nhận Bà Liệt làm con, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đỗ đệ nhất giáp là Trương Hanh, Lưu Diễm; đệ nhị giáp là Đặng Diễn, Trịnh Phẫu; đệ tam giáp là Trần Chu Phổ.

Mùa hạ, tháng 6, ban bố các chữ quốc húy và miếu húy.

Vì Nguyên tổ tên húy là Lý, mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn, vả lại cũng để dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý.

Tháng 8, gió lớn, dân gian phát dịch lệ, nhiều người chết.

Trần Thủ Độ giết hết tôn thất nhà Lý.

Khi ấy, Thủ Độ chuyên chính lâu ngày, đã giết Huệ Tông, tôn thất nhà Lý đều bùi ngùi thất vọng.

Mùa đông năm ấy, nhân người họ Lý làm lễ tế các vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm[3], Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết.

(Xét thời Trần Anh Tông còn có người họ Lý làm tướng, hơn nữa [Phan] Phu Tiên không ghi lại, việc này chưa chắc đã có thực, hãy tạm [**8a]** chép vào đây).

Quý Tỵ, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 2 [1233], (Tống Thiệu Định năm thứ 6), sai Phùng Tá Chu duyệt định các ấp lớn phủ Nghệ An.

---

[1] CMCB6 chú là tên hai con kênh, thuộc huyện Ngọc Sơn (nay là tỉnh Gia), tỉnh Thanh Hóa.

[2] Sau là huyện Nam Chân, Nam Trực, tương với huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam ngày nay.

[3] CMCB6 chú là thuộc huyện Đông Ngàn, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Hoàng Thái tử Trịnh mất.

(Xét phép chép sử: Hoàng thái tử sinh, tất phải chép rõ ngày, tháng, năm sinh; khi mất cũng thế. Đây chỉ chép khi mất, có lẽ là vừa mới sinh đã chết ngay, nên không chép ngày tháng sinh).

Nước to.

Giáp Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 3 [1234], (Tống Đoan Bình năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 18, thượng hoàng băng ở cung Phụ Thiên, thọ 51 tuổi.

Mùa thu, tháng 8, ngày 28, táng [Thượng hoàng] ở Thọ Lăng phủ Long Hưng. (Lăng ở hương Tinh Cương[1]. Ba lăng Chiêu, Dụ Đức[2] đều ở hương ấy). Miếu hiệu là Huy Tông, tên thụy là Khai Vận Lập Cực Hoằng Nhân Ứng Đạo Thuần Chân Chí Đức Thần Vũ Thánh Văn Thùy Dụ Chí Hiếu Hoàng Đế.

Lấy thái úy [Trần] Liễu làm phụ chính, sách phong làm Hiển Hoàng.

[8b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông đối với anh là Liễu, có ý muốn tôn kính khác thường, cho nên làm việc việc quá đáng này. Sách phong là Hiển Hoàng, thế là danh không chính rồi. Đã danh không chính thì nói không thuận, nói không thuận thì việc không thành. Liễu manh tâm làm loạn, vị tất đã không phải do đấy.

Phong Trần Thủ Độ làm Thống quốc thái sư, tri Thanh Hóa phủ sự.

Gia phong thái phó triều Lý là Phùng Tá Chu làm Hưng Nhân Vương; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái phó, tước Bảo Trung quan nội hầu.

Ất Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 4 [1236], (Tống Đoan Bình năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, sét đánh 30 chỗ trong thành Đại Xá.

[9a] Bính Thân, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 5 [1236], (Tống Đoan Bình năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, định lệ cấp lương bổng cho các quan văn võ trong ngoài và các quan ở cung điện, năng miếu, chia tiền thuế, ban cấp theo thứ bậc.

Tháng 2, định quan hàm cho các đại thần.

Phàm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái uý, hoặc là Tư đồ, Tả Hữu tướng quốc, đều kiêm hàm Kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ty bình chương sự[3].

Mùa hạ, tháng 6, nước to, vỡ tràn vào cung Lệ Thiên.

Bấy giờ Hiển Hoàng [Trần] Liễu làm tri Thánh Từ cung, nhân nước to, đi thuyền vào chầu, thấy người phi cũ của triều Lý liền cưỡng dâm ở cung Lệ Thiên. Đình thân hặc tâu, vì thế mới đổi tên cung Thưởng Xuân, giáng Hiển làm Hoài Vương.

Mùa thu, tháng 8, chọn các nho sinh đã thi đỗ vào chầu, sau làm định lệ.

Mùa đông, tháng 10, cho Phạm Ứng Thần làm Thượng thư tri Quốc tử viện, đưa con em văn thần và tụng thần vào học.

[**9b**] Gia phong Hưng Nhân Vương Phùng Tá Chu làm Đại Vương; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái úy, ban cho mũ áo đại vương.

Đinh Dậu, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 6 [1237], (Tống Gia Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, xuống rằng: khi làm giấy tờ về chúc thư, văn khế ruộng đất và vay mượn tiền bạc thì người làm chứng in tay ở 3 dòng trước, người bán in tay ở 4 dòng sau.

---

[1] Vùng huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[2] Chiêu lang: lăng của Trần Thái Tông, Dụ lăng: lăng của Trần Thánh Tông, Đức lăng: lăng của Trần Nhân Tông.

[3] Nghi đồng tam ty: nghĩa là nghi thức ngang với nghi thức của tam ty hay tam công. Bình chương sự: nghĩa là xếp đặt cho tốt đẹp, chỉ chức tể tướng. Đồng bình chương sự: nghĩa là ngang với tể tướng.

Lập công chúa Thuận Thiên họ Lý, là vợ của Hoài Vương Liễu, anh vua, làm hoàng hậu Thuận Thiên. Giáng Chiêu Thánh làm công chúa.

Bấy giờ Chiêu Thánh không có con mà Thuận Thiên đã có mang Quốc Khang 3 tháng. Trần Thủ Độ và công chúa Thiên Cực bàn kính với vua là nên mạo nhận lấy để làm chổ dựa về sau, cho nên có lệnh ấy. Vì thế, Liễu họp quân ra sông Cái làm loạn.

Vua trong lòng áy náy, ban đêm, ra khỏi kinh thành đến chỗ quốc sư Phù Vân (quốc sư là bạn cũ của Thái Tông) trên núi Yên Tử rồi ở lại đó [10a][1].

Hôm sau, Thủ Độ dẫn các quan đến mời vua trở về kinh sư. Vua nói: "Vì trẫm non trẻ, chưa cáng đáng nổi sứ mạng năng nề, phụ hoàng lại vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, nên không dám giữ ngôi vua mà làm nhục xã tắc".

Thủ Độ cố nài xin nhiều lần vẫn chưa được vua nghe, mới bảo mọi người rằng:

"Xa giá ở đâu tức là triều đình ở đó".

Thế rồi [Thủ Độ] cắm nêu trong núi, chỗ này là điện Thiên An, chỗ kia là các Đoan Minh, sai ngườ xây dựng. Quốc sư nghe thấy thế bèn, tâu rằng:

"Bệ hạ nên gấp quay xa giá trở về, chớ để làm hại núi rừng của đệ tư".

Vua bèn trở về kinh đô. Được hai tuần, Liễu tự lượng thế cô, khó lòng đối lâp được, ngầm đi thuyền độc mộc giả làm người đánh cá, đến chỗ vua xin hàng.

Lúc ấy vua đang ở trong thuyền, vội vàng bảo Thủ Đô:

"Phụng Càn Vương (Phụng Càn là tên hiệu [**10b**] cũ của Liễu hồi còn nhà Lý) đến hàng đầy!" rồi lấy thân mình che đỡ cho Liễu. Thủ Độ tức lắm, ném gương xuống sông nói:

"Ta chỉ là con chó săn thôi, biết đâu anh em các người thuận nghịch thế nào?".

Vua nói giải hòa, rồi bảo Thủ Độ rút quân về.

Lấy đất Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang[2] cho Liễu làm ấp thang mộc. Nhân đất được phong, mà Liễu có tên Hiệu là Yên Sinh Vương. Binh lính [theo Liễu] làm loạn ở sông Cái đều bị giết.

Phan Phu Tiên nói: Tam cương ngũ thường là luân lý lớn của loài người. Thái Tông là ông vua khai sáng cơ nghiệp, đáng lẽ phải dựng phép tắc để truyền lại cho đời sau, lại nghe mưu gian của Thủ Độ, cướp vợ của anh làm hoàng hậu, chẳng phải là bỏ cả luân thường, mở mối dâm loạn đó ư? Liễu từ đó sinh ra hiềm khích, cả gan làm loạn, là do Thái Tông nuôi nên tội ác cho Liễu vậy. Có người bảo Thái Tông không giết anh, thế là nhân, nhưng tôi thì cho rằng cướp vợ của anh, tội ác đã rõ ràng, không giết anh [**11a**] là vì lẽ trời chưa mất mà thôi, sao được gọi là nhân? Xét ra sau này Trần Dụ Tông dâm loạn làm càn chưa hẳn không do Thái Tông đầu têu vậy.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông mạo nhận con của anh làm con của mình. Sau này Dụ Tông và Hiến Từ đều cho Nhật Lễ làm con của Cung Túc Vương, đến nỗi cơ nghiệp nhà Trần suýt nữa bị sụp đổ, há chẳng phải là không có ngọn nguồn của nó sau?

Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Hậu Đức Hiền Công Hựu Thuận Thánh Văn Thần Vũ Hiếu Nguyên Hoàng Đế.

Ban yến cho các quan ở điện Thiên An.

---

[1] Theo Thiền Tông chỉ nam tự trong Khóa hư lục thì Trần Thát Tông trốn khỏi kinh thành vào đêm mồng 3 tháng 4 năm Bính Thân (1236) và lên đến đỉnh Yên Tử vào ngày mồng 6 tháng 4 năm ấy. Như vậy là Toàn Thư chép sự việc này muộn hơn một năm

[2] Thuộc hai huyện Đông Triều và Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Tháng 2, dời dựng điện Linh Quang ở Đông Bộ Đầu, gọi là điện Phong Thủy. Khi xa giá dừng ở đây, các quan đưa đón, đều dâng trầu cao và trà, nên tục gọi là điện Trà.

[**11b**] Mùa hạ, tháng 5, tết Đoan ngọ làm lễ điếu Khuất Nguyên và người hiền đời xưa như Giới Tử Thôiv.v..Hằng năm cứ đến tháng này đều cử hành [lễ điếu].

Mậu Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 7 [1238], (Tống Gia Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, sai Thống quốc thái sư Trần Thủ Độ duyệt định sổ đinh phủ Thanh Hoá.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ tràn vào cung Thưởng Xuân.

Tháng 8, định quy chế thuyền xe cho vương hầu, công chúa, các quan văn võ và người tông thất.

Ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên ở điện Bát Giác.

Kỷ Hợi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 8 [1239], (Tống Gia Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lại cho Phùng Tá Chu chức Nhập nội thái phó. Sai [Chu] về hương Tức Mặc xây dựng nhà cửa, cung điện.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đỗ đệ nhất giáp là Lưu Miễn, Vương Giát; đệ nhị giáp là Ngô Khắc; đệ tam giáp là Vương Thế Lộc.

[12a] Kiểu Hiền làm loạn.

Canh Tý, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 9 [1240], (Tống Gia Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Phùng Tá Chu dựng 5 sở hành cung ở phủ Thanh Hoá.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn, mưa to, động đất.

Tháng 9, ngày 25, hoàng đích trưởng tử là Hoảng sinh, lập làm Đông cung thái tử. Đại xá.

Mùa đông, tháng 10, quan đóng giữ Lạng Giang sai chạy trạm tâu về việc người phương Bắc đến bắt người cướp của dân cư trong hạt ấy. Vua sai thị thần là Bùi Khâm đến biên giới phía bắc để bày tỏ.

Tân Sửu, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 10 [1241], (Tống Thuần Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, chọn người có sức khoẻ, am hiểu võ nghệ sung làm quân Túc vệ thượng đô.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán, núi nhiều nơi bị lở, ở chợ Dừa[1], đất toác ra.

Tháng 9, xuống chiếu cho các ty xét án được lấy tiền bình bạc[2] (bình tức là xét, trước có ty bình bạc cũng là thế).

Mùa đông, tháng 10, người Man phương bắc đến cướp biên giới. Sai đốc tướng Phạm Kính Ân đi đánh lấy được các động Man rồi về.

Hoàng tử thứ ba Quang Khải sinh, là em cùng mẹ với thái tử Hoảng. Quốc Khang là anh trưởng, sau đều phong đại vương. Thứ đến Nhật Vĩnh, Ích Tắc, Chiêu Văn, đều phong vương. Thứ nữa thì phong thượng vị hầu. Con trưởng của các vương thì phong vương, các con thứ thì phong thượng vị hầu, coi đó là chế độ lâu dài.

Vua thân hành cầm quân đi đánh các trại Vĩnh An, Vĩnh Bình[3] của nước Tống phía đường bộ, vượt qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, bỏ thuyền lớn ở trong cõi, chỉ đi bằng các thuyền nhỏ Kim Phụng, Nhật Quang, Nguyệt Quang. Người châu ấy không biết là vua, đều sợ hãi chạy trốn. Đến sau biết là vua mới chăng xích sắt giữa sông để chặn đường thủy. [**13a**] .Khi trở về, vua sai nhổ lấy vài chục cái neo đem về.

---

[1] CMCB6 chép là phường Thịnh Quang có ô Chợ Dừa ở phía nam Hà Nội nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

[2] Tức tiền xét án.

[3] Trại Vĩnh An của Tống thuộc đất châu Khâm, giáp với vùng Móng Cái, Quảng Ninh của ta. Trại Vĩnh Bình của Tống thuộc đất châu Ung, giáp với vùng Lộc Bình, Lạng Sơn của ta.

Phùng Tá Chu mất.

Nhâm Dần, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 11 [1242], (Tống Thuần Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chia nước làm 12 lộ[1]. Đặt chức an phủ, trấn phủ, có 2 viên chánh, phó để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức đại, tiểu tư xã. Từ ngũ phẩm trở lên là đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là tiểu tư xã. Có người làm kiêm cả 2, 3, 4, xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám gọi là xã quan.

Làm đơn số[2] hộ khẩu. Con trai lớn gọi là đại hoàng nam, con trai nhỏ gọi là tiểu hoàng nam, 60 tuổi gọi là lão, già lắm thì gọi là long lão. Nhân đinh có ruộng đất thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn cả. Có 1, 2 mẫu ruộng thì nộp 1 quan tiền, có 3, 3 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc.

Mùa hạ, tháng 4, sai [**13b**] Thân vệ tướng quân Trần Khuê Kình đem quân trấn giữ biên giới phía bắc, đánh lấy các đất thuộc lộ Bằng Trường.

Trước kia, từ sau khi Nguyên Thái Tông mất, thì cửa ải thường không thông. Nếu có sứ mệnh thì chỉ có hai viên chánh phó sứ và hai bọn người đi theo, còn sản vật tiến cống có bao nhiêu thì gói bọc đưa đến địa đầu biên giới, quan địa phương nhận giữ và chuyển nộp. Sứ thần đến kinh, chỉ dâng biểu tâu thôi, các vật tiến cống không đến nơi cả được. Đến nay, sai tướng chống giữ, đánh chiếm mới thông hiếu được với nước Tống.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán, soát tù, đại xá.

Mùa thu, tháng 7, mưa. Miễn một nửa tô ruộng.

Tháng 9, ngày canh thìn, mồng 1, nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, rồng vàng hiện.

Quý Mão, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 2 [1243], (Tống Thuần Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho quan các lộ làm sổ dân đinh, [**14a**] hạn trong hai tháng phải xong.

Tháng 2, đắp thành nội, gọi là thành Long Phượng và trùng tu Quốc tử giám.

Mùa hạ, tháng 6, sai viên ngoại lang Trương Thất xét xử các án ở Đô vệ phủ.

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ thành Đại La.

Mùa đông, tháng 10, chọn người bổ sung vào các quân bộ đ? sai khiến.

Giáp Thìn, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 13 [1244], (Tống Thuần Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai các văn thần chia nhau đi trị nhậm các phủ, lộ trong nước gồm 12 nơi. Phủ có tri phủ, lộ có thông phán, châu có tào vận sứ và phó sứ, giữ việc vận chở.

Định các cách thức về luật hình.

Tháng 3, cho Phùng Tá Khang, cha Phùng Tá Chu, làm tả nhai đạo lục, tước Tả Lang.

Bấy giờ các vương hầu bổ quan tăng đạo thì gọi la Tả nhai, vì không thể cho đứng vào hàng ngũ các quan trong triều. Tả nhai là phẩm cao nhất của tăng đạo. Không phải là người thông thạo [**14b**] tôn giáo của mình thì không được dự càn. Nay đem phong cho Tá Khang là lễ ưu hậu lắm.

Mùa đông, tháng 10, qui định lương bổng cho các quan làm việc trong ngoài và các quan túc vệ.

---

[1] CMCB6 chép danh sách 12 lộ là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng Khoái, Thanh Hoá, Hoàng Giang, Diễn Châu. Danh sách này chưa hẳn đúng và đủ tên các lộ thời Trần. An Nam chí lược của Lê Trắc đưa ra một danh sách 15 lộ, nhưng chỉ có 6 lộ là có tên trong danh sách của Cương mục.

[2] Xem sự việc chép về năm Mậu Tý (1228) ở trên.

Ất Tỵ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 14 [1245], (Tống Thuần Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự hành cung Ứng Phong (nay là phủ Kiến Hưng)[1].

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ đê Thanh Đàm[2].

Mùa đông, tháng 12, gió to, mưa lớn 3 ngày, nước sông tràn ngập, rắn, cá chết nhiều.

Bính Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 15 [1246], (Tống Thuần Hựu năm thứ 6, Nguyên Định Tông, Quý Do[3] năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, định quy chế các quận.

Chọn người khoẻ mạnh sung làm quân Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần[4] . Đinh tráng lộ Thiên Trường[5] và Long Hưng[6], sung vào các quân Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh và Củng thần; lộ Hồng[7] và lộ Khoái[8] sung quân tả hữu Thánh dực; lộ Trường Yên [9]và lộ Kiến Xương[10] sung vào Thánh dực, Thần sách. Còn các lộ khác thì sung vào cấm quân trong Cấm vệ. Hạng thứ ba thì sung vào đoàn đội trạo nhi[11] [**15a**] (có sách chép là phong đội).

Tháng 3, xét duyệt các quan văn, võ, trong ngoài. .

Cứ 15 năm 1 lần xét duyệt, 10 năm thăng tước 1 cấp, 15 năm thăng chức 1 bậc. Chức quan nào khuyết thì chức chánh kiêm chức phó. Chánh phó đều khuyết thì lấy quan khác tạm giữ, đợi đủ hạn xét duyệt thì bổ chức ấy.

Bấy giờ quốc gia vô sự, nhân dân yên vui, người làm quan giữ mãi một chức, người ở quán, các 10 năm mới được xuất thân, người ở sảnh, cục 15 năm mới được xuất thân, chức tể tướng thì chọn người hiền năng trong tôn thất, có đạo đức, tài nghệ, thông hiểu thi thư thì cho làm.

Mùa hạ, thạng, tháp trên núi Long Đội đổ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ thi tiến sĩ, cứ 7 năm 1 khoa.

Mùa đông, tháng 12, cho Trương Mông làm Ngự sử đại phu (Mông người Thanh Hóa, có hùng tài).

Đinh Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 16 [1247], (Tống Thuần Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên [**15b**] Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn; Đặng Ma La đỗ thám hoa lang. Cho 48 người đỗ thái học sinh, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

---

[1] Phủ Kiến Hưng: hay phủ Nghĩa Hưng đời Lê là gồm đất 3 huyện: Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, tỉnh Nam Hà ngày nay. Từ đời Lý đã có hành cung ở Ứng Phong, có lẽ ở trong đất huyện Ý Yên.

[2] Đê Thanh Đàm: nay là đê Thanh Trì.

[3] Quý Do tức hãn Mông Cổ Guyuk. Vì các bản khắc Toàn thư bị sứt chữ hay in không rõ, nên chữ Do ở đây dễ bị đọc nhầm thành chữ Diền (Bản dịch cũ, tậ II, 1971, tr.20).

[4] Bản dịch cũ (tập II, 1971, tr.285) chú thích Tứ thiên là 4 vệ Thanh dực, Tứ thần là 4 vệ Thần sách. Nhưng theo các quân hiệu được chép ở đây thì lại có thể nghĩ rằng: Tứ thiên là 2 vệ (tả và hữu) của quân Thiên thuộc và 2 vệ của quân Thiên Chương; Tứ thánh là 2 vệ của quân Thánh dực và 2 vệ của quân Chương thánh; Tứ thần là 2 vệ của quân Thần sách và 2 vệ củ quân Củng thần. Chú ý là đời Trần chỉ thấy nói đến các quân tả và hữu, chứ không gặp các quân tiền và hậu.

[5] Vùng tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[6] Gồm phần lớn tỉnh Thái Bình ngày nay.

[7] Vùng tây Hải Dương.

[8] Vùng nam Hưng Yên.

[9] Vùng tỉnh Ninh Bình.

[10] Vùng nam Thái Bình ngày nay.

[11] Tức là đội chèo thuyền, thuỷ thủ của thuyền trên.

Trước đây, hai khóa Nhâm Thìn (1232) và Kỷ Hợi (1239) chia làm giáp, ất, chưa có chọn tam khôi[1]. Đến khoa này mới đặt [tam khôi].

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Mùa thu, tháng 8, thi các khoa thông tam giáo. Ngô Tần (người Trà Lô0 đỗ giáp khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoan (người Thanh Hóa) và Vũ Vị Phủ (người Hồng Châu) đỗ ất khoa.

Mậu Thân, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 17 [1248], (Tống Thuần Hựu năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, đổi miế hiệu của Huy Tông gọi là Thái Tổ, Thọ Lăng gọi là Huy Lăng.

Tháng 3, lệnh các lộ đắp đê phòng lụt, gọi là để quai vạc, từ đầu nguồn đến bờ biển, để ngăn nước lũ tràn ngập.

Đặt hà đê chánh phó sứ để quản đốc. Chỗ đắp thì đo xem mất bao nhiêu ruộng đất của dân, theo giá trả lại tiền [**16a**]. Đắp đê quai vạc là bắt đầu từ đó.

Mùa hạ, tháng 4, làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoạn Thiềm, đến quán Thái Thanh cung Cảnh Linh, cực kỳ tráng lệ.

Tháng 6, hoàng hậu Thuận Thiên băng, truy tôn là Hiển Tử Thuận Thiên hoàng thái hậu.

Sai các nhà phong thủy đi xem khắp núi sông cả nước, chỗ nào có vượng khí đế vương thì dùng phép thuật để trấn yểm, như các việc đào sông Bà Lễ[2] đục núi Chiêu Bạc[3] ở Thanh Hóa; còn lấp các khe ở kênh mở đường ngang dọc thì nhiều không kể xiết. Đó là làm theo lời Trần Thủ Độ.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ khi có trời đất này, thì đã có núi sông này, mà khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời, đều có số cả. Khí trời từ bắc chuyển xuống nam, hết nam rồi lại quay về bắc. Thánh nhân trăm năm mới sinh, đủ số lại trở lại từ đầu. Thời vận **[16b]** có lúc chậm lúc chóng, có khi thưa khi mau mà không đều, đại lược là thế, có can gì đến núi sông? Nếu bảo núi sông có thể lấy pháp thuật mà trấn áp, thì khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời có pháp thuật gì trấn áp được không? Ví như Tần Thủy Hoàng biết là phương đông nam có vượng khí thiên tử, đã mấy lần xuống phương ấy để trấn áp, mà rút cuộc Hán Cao vẫn nổi dậy, có trấn áp được đâu.

Kỷ Dậu, [Thiên Ứng Chính bình] năm thứ 18 [1249], (Tống Thuần Hựu năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, trùng tu chùa Diên Hựu, xuống chiếu vẫn làm ở nền cũ.

Đại xá.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Nhâm Dần mồng 1, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, mưa đá lớn.

Canh Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 19 [1250], (Tống Thuần Hựu năm thứ 10). Mùa xuân, tháng 3 động đất.

Xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là quan gia[4].

Đổi Đô vệ phủ làm Tam ty viện, gồm các viện Phụng tuyên, Thanh túc, Hiến chính.

Mùa hạ, tháng 5, xuống chiếu các việc kiện tụng đã thành án, phải cùng quan thẩm hình viện xem xét định tội.

---

[1] Tam khôi: là ba bậc đỗ đầu gồm trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa.

[2] CMCB6 chép là sông Bà Mã. Nguyên văn: "Bà Lễ giang", có lẽ là sông Bà Mã và sông lễ gọi tắt. Bà Mã tu'c sông Mã ở Thanh Hóa, còn sông Lễ thì Cương mục chú là sông Mã, nhưng có lẽ là sông Chu.

[3] Núi Chiêu Bạc: Bản dịch cũ chú có lẽ là núi Chiếu Bạch (hiện có sông Chiếu Bạch) ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Nguyên văn là "quốc gia", ngờ là bản in nhầm. Vì 'quan gia " là tiếng để gọi vua đời Trần, thường hay gặp. Chưa có sách nào gọi vua là "quốc gia". Chúng tôi sửa lại.

[17a] cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử trung tướng, tri Tam ty viện sự.

Mùa thu, tháng 7, cho Minh tự Lưu Miễn làm an phủ sứ phủ lộ Thanh Hóa.

Tân Hợi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 20 [1251] (Từ tháng 2 về sau là Nguyên Phong năm thứ 1, Tống Thuần Hựu năm thứ 11, Nguyên Hiến Tông Mông Kha năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 1, đổi nguyên hiệu là Nguyên Phong (năm thứ 1).

Vua tự viết bài minh ban cho các hoàng tử, dạy về trung, hiếu, hoà, tốn, ôn, lượng, cung, kiệm.

Gả trưởng công chúa Thiên Thành cho Trung Thành Vương (không rõ tên). Con trai Yên Sinh Vương là Quốc Tuấn cướp lấy. Công chúa về với Quốc Tuấn.

Ngày 15 tháng ấy, vua mở hội lớn 7 ngày đêm, bày các tranh về lễ kết tóc[1] và nhiều trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem, ý muốn cho công chúa Thiên Thành là lễ kết tóc với Trung Thành Vương.

Trước đó, vua cho công chúa Thiên Thành đến ở trong dinh Nhân Đạo Vương (Nhân Đạo Vương là cha Trung Thành Vương). Quốc Tuấn muốn lấy công chúa Thiên Thành, nhưng không làm thế nào được, mới nhân ban đêm lẻn vào **[17b]** chỗ ở của công chúa thông dâm với nàng.

Công chúa Thụy Bà (chị ruột của Thái Tông, cô của Quốc Tuấn, nuôi Quốc Tuấn làm con) liền đến gõ cửa điện cáo cấp. Người coi cửa vội vào tâu. Vua hỏi có việc gì, Thụy Bà trả lời:

"Không ngờ Quốc Tuấn ngông cuồng càn rỡ, đang đêm lẻn vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo đã bắt giữ hắn rồi, e sẽ bị hại, xin bệ hạ rủ lòng thương, sai người đến cứu"

Vua vội sai nội nhân đến dinh Nhân Đạo Vương. Đến nơi, thấy yên lặng, bèn vào chỗ Thiên Thành, thì thấy Quốc Tuấn đã ở đấy. Nhân Đạo bấy giờ mới biết chuyện.

Hôm sau, Thụy Bà dâng 10 mâm vàng sống, tâu rằng: " Vì vội vàng nên không sắm được đủ lễ vật".

Vua bắt đắc dĩ phải gả công chúa Thiên Thành cho Quốc Tuấn, lấy 2000 khoảnh ruộng ở phủ Ứng Thiên[2] để hoàn lại sính vật cho Trung Thành Vương.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Con gái vua lấy kẻ bề dưới tất phải sai chư hầu cùng họ đứng ra làm chủ hôn [**18a**] theo lễ phải thế. Thái Tông đem Thiên Thành công chúa gả xuống cho Trung Thành Vương, nhưng công chúa lại về với Hưng Đạo Vương, việc hôn nhân rất là bất chính. Thế thì lễ cưới này không ai đứng chủ ư? Vì vua đã bất chính trong đạo vợ chồng, cho người làm tôi con cũng bắt chước. Vả lại, hôn nhân không lấy người khác họ mà lấy người cùng họ, thì chỉ có nhà Trần làm thế. Trong việc trái lễ, lại trái lễ nửa.

Vua ban yến ở nội điện, các quan đều dự. Đến khi say, mọi người đứng cả dậy, dang tay mà hát. Ngự sử trung tướng (sau đổi là Trung úy) Trần Chu Phổ Cũng dang tay theo mọi người, nhưng không hát câu gì khác, chỉ nói: "Sử quan ca rằng, sử quan ca rằng".

Sau này, trong yến tiệc, có người đội mo nang, cầm dùi làm tửu lệnh thì lại càng thô bỉ lắm.

> **[18b]** Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem thế đủ thấy, tuy bấy giờ vua tôi cùng vui, không gò bó vào lễ pháp, cũng là điều giản dị, chất phát của phong tục, nhưng không còn chừng mực gì nữa. Hữu Tử nói: "Biết được hòa đồng rồi hòa đồng, nhưng không lấy lễ mà tiết chế, thì cũng không thể làm được" Ngự sử là bề tôi giữ việc can ngăn, chức

---

[1] Nguyên văn là "trần hợp kế đồ", có người hiểu "đồ" theo nghĩa Nôm là "đồ đạc". CMCb6 chép là "bày đồ quý báo".

[2] Tức phủ Ứng Hoa đời sau, tương ứng với các huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

phận là phải uốn nắn, đã không nói thì thôi, lại còn vào hùa với họ thì kỷ cương của triều đình để đâu?

Mùa hạ, tháng 4, Yên Sinh Vương Liễu mất, thọ 41 tuổi, gia phong đại vương.

Phạm Kính Ân mất (Kính Ân là thái úy quan nội hầu của triều Lý cũ).

Nhâm Tý, Nguyên Phong năm thứ 2 [1252], (Tống Thuần Hựu năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân đi đánh Chiêm Thành, sai Khâm Thiên Đại vương Nhật Hiệu làm lưu thủ.

Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường đem thuyền nhẹ **[19a]** đến cướp bóc dân cư ven biển. Vua lên ngôi, lấy đức vỗ về, sai sứ sang dụ, tuy họ có thường sang cống, nhưng lại đòi xin lại đất cũ, và có ý dòm ngó [nước ta]. Vua giận, nên có viễc thân chinh này.

Mùa đông, tháng 12, bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bố Da La và nhiều thần thiếp, nhân dân của y rồi về.

(Có thuyết nói bắt được chúa Chiêm Thành Bố Da La là sai. Nếu quả như thế thì Lê Văn Hưu làm Sử ký sao không dẫn để ca ngợi cùng với việc bắt được Sạ Đẩu. Nay theo [Phan] Phu Tiên là phải).

Quý Sửu, Nguyên Phong năm thứ 3 [1253], (Tống Bảo Hựu năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, cho Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Thái úy.

Tháng 6, lập Quốc học viện. Đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Á Thánh (Mạnh Tử), vẽ tranh 72 người hiền[1] để thờ.

Muà thu, tháng 8, lập Giảng võ đường.

Tháng 9, xuống chiếu vời nho sĩ trong nước đến Quốc tử viện giảng tứ thư lục kinh.

Giáp Dần, [Nguyên Phong] năm thứ 4 [1254], (Tống Bảo Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 5, định quy chế xe kiệu, mũ áo và người hầu cho tôn thất và các quan văn võ **[19b]** theo thứ bậc khác nhau.

Từ tông thất cho đến quan ngũ phẩm đều được đi kiệu, ngựa và võng. Tôn thất thì kiệu đầu đòn chạm phượng sơn son, tướng quốc thì kiệu đầu đòn chạm vẹt sơn đen, lọng tía; từ tam phẩm trở lên thì kiệu đầu đòn chạm mây, lọng xanh; từ tứ phẩm đến lục phẩm thì kiệu đầu đòn bằng dầu; ngũ phẩm trở lên thì lọng xanh; lục thất phẩm thì lọng giấy đen. Người theo hầu nhiều thì 1.000 người, ít thì 100 người.

Bấy giờ các vương hầu phần nhiều coi việc đánh nhau bằng tay không và một mình đi cướp là dũng cảm. Vũ Uy vương Duy (con Thái Tông) cũng làm thế. Một hôm, Vũ Uy [Vương] đánh nhau tay không ở Đông Bộ Đầu, vua vi hành qua đấy trông thấy hỏi rằng:

"Người béo và trắng kia là ai, bắt lại đây để sai bảo".

Vũ Uy [Vương] nge thế trốn mất.

Tháng 6, bán ruộng công[2], mỗi diện là 5 quan tiền (bấy giờ gọi mẫu là diện), cho phép nhân dân mua làm ruộng tư.

[20a] Mùa đông, tháng 10, ban tiền cho Phạm Ứng Mộng, bảo tự hoạn để vào hầu.

Trước đó, vua nằm mơ đi chơi thấy thần nhân chỉ một người bảo vua: "Người này có thể làm hànnh khiển". Tỉnh dậy, không biết là người nào.

Một hôm tan buổi chầu, vua ngự ra ngoài thành, thấy một người con trai theo học ở cửa nam thành, hiành dáng giống hệt người trong mộng, Vua gọi đến hỏi, người đó ứng đối giống như những lời trong mộng.Vua muốn trao cho chức hành khiển, nhưng thấy khó, mới cho 400 quan tiền bảo tự hoạn,

---

[1] Chỉ 72 học trò xuất sắc của Khổng Tử (Thất thập nhị hiền).

[2] Nguyên văn chữ Hán là "quan điiền".

ban tên là Ứng Mộng. Sau này thăng dần đến chức hành khiển. Đó là bắt chước lệ cũ của triều Lý, dùng Lý Thường Kiệt và Lý Thường Hiến vậy.

Ất Mão, [Nguyên Phong] năm thứ 5 [1255], (Tống Bảo Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sai Lưu Miễn bồi đắp đê sông các xứ ở Thanh Hóa.

Mùa hạ, tháng 4, chọn tản quan làm hà đê chánh phó sứ các lộ. Khi việc làm ruộng nhàn rỗi **[20b]** thì đốc thúc quân lính đắp đê đập, đào mương ngòi để phòng lụt, hạn.

Hoàng tử thứ 6 Nhật Duật sinh.

Trước đó, đạo sĩ cung Thái Thanh tên là Thậm cầu tự cho vua. Đọc sớ xong [đạo sĩ] tâu vua: "Thượng đế đã y lời sớ tấu, sắp sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh, ở trần thế bốn kỷ". Thế rồi hậu cung có mang. Sau quả nhiên sinh con trai, hai cánh tay có chữ "Chiêu Văn đồng tử", nét tử rất rõ, vì thế đặt hiệu là Chiêu Văn (Tức là Nhật Duật). Lớn lên, nét chữ mới mất đi.

Đến năm [Nhật Duật] 48 tuổi, bị ốm hơn 1 tháng, các con ông làm chay, xin giảm tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thọ cho cha. Đạo sĩ đọc sớ xong, đứng dậy nói:

Thượng đế xem sớ xong, cười bảo: "Sao hắn quyến luyến trần trục muốn ở lại lâu thế, nhưng các con hắn thực lòng hiếu thảo, cũng đáng cho. Thôi cho thêm hai kỷ nữa".

Bệnh liền khỏi. Sau Nhật Duật mất, thọ 77 tuổi, thế là được đủ 6 kỷ lẻ 5 năm.

> [21a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Việc đạo sĩ cầu tự, cho là đúng như thế chăng? Thì đạo trời xa, không thể biết được. Cho là không như thế chăng? Thì lòng thành cảm hóa, xa mấy mà chẳng tới được. Song, khi đạo sĩ rạp lạy đợi mệnh trời, có lẽ trời hiện vhiêm bao để bảo cho. Kể ra số và lý nương tựa lẫn nhau, lý sinh ra từ số, số cũng chưa bao giờ không sinh ra từ lý, mệnh dài ngắn là số, lòng hiếu thành là lý. Có người bảo rằng đạo sĩ có thể nắm tính mạng bay lên được, nhưng tôi không tin.

Tháng 5, trồng 500 trượng toàn cây muỗm (suốt từ bến Hồng đến đê quai vạc Cẩu Thần).

Mùa thu, tháng 8, nước to, vua ngự chơi Hồ Tây.

Mùa đông, tháng 10, Vua ngự đến hành cung phủ Thiên Trường.

Bính Thìn, [Nguyên Phong] năm thứ 6 [1256], (Tống BẢo Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Trần **[21b]** Quốc Lặc đỗ kinh trạng nguyên; Trương Xán đỗ trại trạng nguyên; Chu Hinh đỗ bảng nhãn; Trần Uyên đỗ thám hoa lang[1]. Lấy đỗ thái học sinh 43 người (kinh 42 người, trại 1 người), xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Hồi quốc sơ, cử người chưa phân kinh trại, người đỗ đầu ban cho [danh hiệu] trạng nguyên. Đến nay, chia Thanh Hóa, Nghệ An làm trại, cho nên có phân biệt kinh trại.

Tháng 3, nhuận, đúc 330 quả chuông.

Mùa hạ, tháng 5, sét đánh điện Thiên An, lại đánh cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn gãy mất một ngán tay.

Vét sông Tô Lịch.

Mùa thu, tháng 7, Vũ Thành Vương Doãn đem cả nhà trốn sang nước Tống. Thổ quan Tư Minh là Hoàng Bính bắt lại đưa trả cho ta.

---

[1] CMCB6 chú Quốc Lặc người huyện Thanh Lâm (châu Hồng); Trương Xán người huyện Tế Giang (lộ Bắc Giang); Trần Uyên người huyện Đường Hào (châu Hồng).

(Doãn là con Yên Sinh Vương do Hiển Từ sinh. Yên Sinh có hiềm khích với vua, đến khi Hiển Từ mất, bị thất thế, nên trốn sang nước Tống). Vua thưởng vàng lụa cho Bính. Do đấy việc giữ phòng quan ải càng thêm nghiêm ngặt.

Đinh Tỵ, [Nguyên Phong] năm thứ 7 [1257], (Tống Bảo Hựu năm thứ 5).Mùa xuân, tháng 2, Hoàng Bính đem cả nhà đến cửa khuyết, dâng con gái **[22a]** vào cung. Vua nhận, sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Mùa thu, tháng 8, chủ trại Quy Hóa[1] là Hà Khuất sai chạy trạm tâu [vua] là có sứ Nguyên sang.

Tháng 9, xuống chiếu, lệnh tả hữu tướng quân đem quân thủy bộ ra ngăn giữ biên giới, theo sự tiết chế của Quốc Tuấn.

Mùa đông, tháng 11, lệnh truyền cả nước sắm sửa vũ khí.

Tháng 12, ngày 12, tướng Nguyên Ngột Lương Hợp Đải[2] xâm phạm Bình Lệ Nguyên[3].

Vua thân hành đốc chiến, xông pha tên đạn. Quan quân hơi núng, vua ngoảnh trông tả hữu, chỉ có Lê Phụ Trần (tức Lê Trần) một mình một ngựa, ra vào trận giặc, sắc mặt bình thản như không.

Lúc ấy, có người khuyên vua dừng lại[4] để chỉ huy chiến đấu. Phụ Trần cố sức can vua:

"Nay thì bệ hạ chỉ đánh một ván dốc túi thôi! Hãy nên tạm lánh chúng, sao lại có thể dễ dàng tin lời người ta thế!".

Bấy giờ, vua mới lui quân đóng ở sông Lô[5]. Phụ Trần giữ phía sau. Quân giặc bắn loạn xạ, Phụ Trrần lấy ván thuyền che cho vua khỏi trúng tên giặc.

Thế giặc rất mạnh, [vua] lại phải lui giữ sông Thiên Mạc[6]. Phụ Trần theo vua bàn những việc cơ mật, rất ít người biết được đều đó.

[22b] Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Thái úy Nhật Hiệu hỏi kế sách (chống giặc). Nhật Hiệu đương dựa mạn thuyền, cứ ngồi chứ không đứng dậy nổi, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chỉ "nhập Tống"[7] lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu? (Tinh Cương là quân do Nhật Hiệu chỉ huy). Nhật Hiệu trả lời:

"Không gọi được chúng đến"

Vua lập tức dời thuyền đến hỏi Thái sư Trần Thủ Độ, Thủ Độ trả lời:

"Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhật Hiệu là đại thần cùng họ với vua. Giặc đến, khiếp sợ, hèn nhát, không có kế sách chống giữ, lại còn kiếm cách xui vua mình chạy đi ở nhờ nước khác, thì còn dùng hắn làm tướng làm gì?

---

[1] Trại Quy Hóa: thời Trần gồm đất tỉnh Yên Bái, phần hữu ngạn sông Hồng và đất các huyện sông Thao, Thanh Hòa và Yên Lập, tỉnh Vĩnh Phú hiện nay.

[2] Tên Mông Cổ là Uy-ry-ang-kha-đai (Uriyangqadai), có sách phiên âm là Ngột Lương Hợp Thai hay Ngột Lương Cáp Thai.

[3] Có lẽ là chổ sông Cà Lồ gặp quốc lộ số 2, tức là vùng gần Hương Canh, huyện BÌnh Xuyên (nay là huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú).

[4] Nguyên văn: "Khuyến đế trú dịch thị chiến". "Trú dịch" nghĩa là "ở lại dịch trạm", dùng ở đây không phù hợp. Chúng tôi ngờ rằng đó là hai chữ "trú tất" có nghĩa là "dừng lại", "dừng xe ngự", một kiểu nói đối với vua. Chữ tất đã bị chép lầm thành chữ dịch do dạng chữ gần giống nhau.

[5] Thời Trần, gọi đoạn sông Hồng từ Bạch Hạc trở xuống là sông Lô.

[6] Sông Thiên Mạc: theo Cương mục là khúc sông Hồng chảy qua vùng bãi Mạn Trù, nay thuộc xã Tân Châu, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

[7] 'Nhập Tống" nghĩa là chạy vào đất Tống. Bấy giờ nhà Tống còn giữ miền nam nước Tống.

Ngày 24, vua và Thái Tử ngự lâu thuyền, tiến quân đến Đông Bộ Đầu, đón đánh, cả phá được quân giặc. Quân Nguyên chạy trốn về, đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Man **[23a]** ra tập kích, lại cả phá bọn chúng.

Khi ấy, người Nguyên mới lấy được Vân Nam, bọn du binh[1] cướp đến, không có ý đánh chiếm, nên bây giờ người ta gọi chúng là "giặc Phật". Giặc rút, ban cho Bổng tước hầu.

Tha tội cho tiểu hiệu Hoàng Cự Đà.

Trước kia có lần vua ban xoài cho những người hầu cận, Cự Đà không được ăn. Đến khi quân Nguyên tới Đông Bộ Đầu, Cự Đà ngồi thuyền nhẹ chạy trốn. Đến Hoàng giang[2] gặp hoàng thái tử đi thuyền ngược lên, Đà lánh sang bờ sông bên kia, thuyền chạy rất gấp. Quan quân gọi lớn: "Quân Nguyên ở đâu".

Cự Đà trả lời:

"Không biết, đi mà hỏi những người ăn xoài ấy".

Đến đây, thái tử xin phép Cự Đà vào cực hình để răn những kẻ làm tôi bất trung. Vua nói:

"Cự Đà tội đáng giết cả họ, song đời xưa đã có chuyện Dương Châm không được ăn thịt dê, đến nỗi làm quân nước Trịnh bị thua[3]. Việc Cực Đà là lỗi ở ta, tha cho hắn tội chết, cho phép hắn đánh giặc chuộc tội".

Khi vua thân hành thống lĩnh sáu quân **[23b]** đi chống giặc, quan giữ ấn vội vàng giấu ấn báu lên rường điện Đại Minh, chỉ đem ấn nội mật đi theo. Giữa đường, ấn ấy lại mất. Giấy tờ trong quân không có ấn. Vua sai thợ khắc gỗ làm ấn. Đến khi xa giá về kinh, lại có người đem dâng con ấn bị mất, ấn báu giấu đi vẫn còn nguyên ở chổ cũ.

Mậu Ngọ, [Nguyên Phong] na8m thứ 8 [1258], (Từ tháng 3 về sau là Thánh Tông Thiệu Long năm thứ 1, Tống Bảo Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, vua ngự chínnh điện, cho trăm quan vào chầu. Trăm họ yên nghiệp như cũ.

Định công phong tước: cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử đại phu; lại đem công chúa Chiêu Thánh gả cho. Vua nói: "Trẫm không có khanh, thì đâu có ngày nay. Khanh hãy cố gắng để cùngđược trọn vẹn về sau".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua tôi nhà Trần coi thường đạo vợ chồng lại thấy ở đây **[24a]** lần nữa.

Sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống.

Sai Lê Phụ Trần, Chu Bác Lãm sang Nguyên.

lúc này, sứ Nguyên sang đòi lễ vật hằng năm, đòi tăng thêm tiến cống, lung tung không định. Vua sai Lê Phụ Trần đi sứ, lấy Bác Lãm làm phó. Cuối cùng qui định 3 năm một lần tiến cống, coi là thường lệ.

Tháng 2, ngày 24, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Hoảng, lui ở Bắc Cung.

Thái tử lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Long năm thứ 1. Đại xá. Vua tự xưng là Nhân Hoàng, tôn thượng hoàng là Hiển Nghiêu Thánh Thọ Thái Thượng Hoàng Đế.

---

[1] Du binh: Cánh quân nhỏ có nhiệm vụ tuần tra hay đột kích cũng gọi là du ky.

[2] Khúc sông Hồng ở phía trên Nam Định, khoảng ngã ba Tuần Vường.

[3] Theo Tả truyện, Dương Châm là người đánh xe cho hoa Nguyên nước Tống. Tống và trịnh sắp đánh nhau, Hoa Nguyên làm thịt dê cho binh sĩ ăn, nhưng không cho Dương Châm dự. Khi đánh nhau, Dương Châm nói: Thịt dê hôm trước là quyền ở ngoài, đánh nhau hôm nay là việc của tôi, rồi đánh xe chạy theo quân Trịnh, nước Tống do vậy bị thua. Chữ "Trịnh" ở Toàn thư phải sửa là chữ "Tống".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ khi Hạ Vũ truyền ngôi cho con thì cha chết con nối, anh chết em thay, đã thành phép thường mãi mãi.

Gia pháp họ Trần lại khác thế: con đã lớn [**24b**] thì cho nối ngôi chính, còn cha lui ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. thực ra truyền ngôi chỉ để yên việc sau, phòng lúc vội vàng, chứ mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định. Vua kế vị không khác gì hoàng thái tử cả. Như vậy thì có hợp đạo không?

Có lẽ là lấy nghĩa quẻ Càn lui ở phương tây bắc và quẻ Chấn tiến ra phương đông[1]. Nhưng chưa đến lúc già nua thì không được lười mỏi. Sao bằng cứ truyền nối như Tam Vương để đúng lẽ thủy chung là hơn cả. Mạnh Tử nói: "Theo phép của Tiên Vương mà lỗi lầm thì chưa bao giờ có thế".

Các quan dâng tôn hiệu là Hiến Thiên Thể Đạo Đại Minh Quang Hiếu Hoàng đế.

Mùa thu, tháng 8, gió to, đỉnh tháp Báo Thiên rơi xuống.

Lấy con gái thứ năm của Yên Sinh Vương là Thiều làm Thiên Cảm phu nhân. Ít lâu sau, phong làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, hoàng trưởng tử Khâm sinh.

Phong em là Quang Khải làm Chiêu Minh Đại Vương.

[25a] THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tê**n húy là Hoảng, con trưởng dòng đích của Thái Tông. Mẹ là Hiển Từ Thuận Thiên hoàng thái hậu Lý thị, nhân Thái Tông chiêm bao thấy thượng đế trao cho gươm báo, hậu có mang. Năm Canh Tý, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 9 (1240) tháng 9, ngày 25, giờ Ngọ sinh, sau đó lập làm hoàng thái tử. Thái Tông băng[2], liền lên ngôi báu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi, băng ở cung Nhân Thọ, táng ở Dụ Lăng. Vua trung hiếu nhân thứ, tôn hiền trọng đạo, cha khai sáng trước, con kế thừa sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững vậy! Nhưng ưu du tam muội[3], tìm dấu đạo nhất thừa[4] thì không phải phép trị nước hay của đế vương.**

Kỷ Mùi, Thiệu Long năm thứ 2 [1259], (Tống Khai Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phu nhân Trần Thủ Độ là Linh Từ quốc mẫu Trần thị mất.

Trần thị được gọi là quốc mẫu vì đó vốn là hiệu của Ngô phu nhân trước kia, tức là hoàng hậu [**25b**] Thái Tông thấy Linh Từ đã từng làm hoàng hậu của Lý Huệ Tông, không nỡ gọi là công chúa, cho nên phong làm quốc mẫu, cũng là biệt danh của hoàng hậu. Xe kiệu, mũ áo, quân hầu của bà đều ngang với hoàng hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Linh Từ trước lấy Lý Huệ Tông là bất chính, sau lấy Trần Thủ Độ là thất tiết. Thế nhưng con gái bà là Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần. Thuận Thiên lại là hoàng hậu của Thái Tông, sinh ra thánh Tông. Yên Sinh Vương

---

[1] Trong Bát quái, quẻ Càn chỉ cha, quẻ Chấn chỉ con trưởng.

[2] Đúng ra là Thái Tông nhường ngôi.

[3] Tam muội: (hay Tam ma địa, Tam ma đế...) là phiên âm tiếng Phạn Samàdhi, có nghĩa là tập trung tư tưởng cao độ, được coi là thiền định (dhyàna) ở bậc cao. Theo Phật giáo, đạt được phép Tam muội thì lìa dứt được mọi tạp niệm, tà đoan, tâm linh không còn bị xao động nữa.

[4] Nhất thừa: tiếng Phạn là ekayàna, có nghĩa là "cỗ xe duy nhất". Phật giáo quan niệm giáo pháp của mình là cỗ xe duy nhất có thể chở người ta đến Nát Bàn. Ở đây có nghĩa là giáo lý của nhà Phật.

có hiềm khích với Thái Tông, Linh Từ đã điều đình hòa giải, lại tình nghĩa anh em như xưa.

Đến khi người Nguyên tắt đường vào cướp, kinh thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang, giữ gìn hoàng thái tử, cung phi, công chúa và vợ con các tướng soái thoát khỏi giặc cướp, lại khám xét thuyền các nhà chứa giấu quân khí đều đưa dùng vào việc quân. Công của bà giúp nhà Trần trong việc nội trị thì nhiều mà phần báo đáp nhà Lý thì [**26a**] không được bằng. Thế mới biết trời sinh Linh Từ là để mở nghiệp nhà Trần. Việc thì giống như Đồ Sơn dấy nhà Hạ[1], mà đức thì không giống. Đạo biến của trời nhhư thế đấy, huyền vi thay!

Mùa hạ, tháng 6, cho Nguyên Giới Huân làm Đại hành khiển, Thượng thư tả phụ, Lê Phụ Trần làm Thủy quân đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, bái yết sơn lăng. Đặt quan sơn lăng và phong cung tần của tiên đế để thờ phụng.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Hưng Thiên.

Mùa đông, thánng 10, ngày mồng 4, Thượng hoàng ngự Bắc cung (tức cung Thánh Từ), các quan đến chầu mừng.

Canh Thân,[Thiệu Long] năm thứ 3 [1260], (Tống Cảnh Định năm thứ 1. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt [2] Trung Thống năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1 Mậu Thìn, nhật thực.

Ngày 25, mặt trời có hai quầng, quầng bên trong có sắc vàng.

Tân Dậu, [Thiệu Long] năm thứ 4 [1261], (Tống Cảnh Định năm thứ 2, Nguyên Trung Tống năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chọn đinh tráng các lộ làm lính. [**26b**] còn thì sung làm sắc dịch các sảnh, viện, cục và đội tuyển phong các phủ, lộ, huyện.

Thi lại viên bằng viết chử và làm tính. Người đỗ sung làm duyên lại nội lệnh sử. Các ty thái y, thái chúc, khảo thi những người tinh thông nghề mình để bổ các chức.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Nguyễn sai Lễ bộ lang trung Mạnh Giáp, Viên ngoại lang Lý Văn Tuấn, đưa thư sang dụ.

(Thư đại lược nói: Quan liêu sĩ thứ An Nam, phàm các việc mũ áo, lễ nhạc, phong tục đều căn cứ theo lệ cũ của nước mình, không phải thay đổi. Huống chi, nước Cao Ly mới rồi sai sứ sang xem, đã xuống chiếu cho hết thảy đều theo lệ ấy. Ngoài ra đã răn bảo biên tướng ở Vân Nam không được tự tiện đem quân lấn cướp nơi cương giới, quấy nhiễu nhân dân. Quan liêu sĩ thứ nước ngươi hãy yên ổn làm ăn như cũ)[3].

Đãi yến bọn Mạng Giáp ở cung Thán Từ.

Sai Thông thị đại phu Trần Phụng Công, Chư vệ ký ban Nguyễn Thám, Viên ngoại lang Nguyễn Diễn mang thư sang Nguyên thông hiếu.

Nhà Nguyên phong vua làm An Nam Quốc Vương, ban cho 3 tấm gấm tây, 6 tấm gấm kim thục.

Cho Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Thái úy. Bấy giờ, anh vua [**27a**] là Quốc Khang lớn tuổi hơn, nhưng tài năng tầm thường, nên phong Quang Khải làm tướng.

---

[1] Theo truyền thyết Trung Quốc, Đại Vũ thay Cổn trị thủy, đến Đồ Sơn, gặp người con gái biến thànnh con cáo trắng 9 đuôi, Vũ lấy người đó. Người con gái Đồ Sơn đã giúp Vũ hoàn thành công việc trị thủy. Sau Vũ được vua Thuấn truyền ngôi, trở thành ôn g vua đầu tiên của nhà Hạ.

[2] Tên Mông Cổ là Khu-bi-lai (Qubilai), thư tịch Trung Quốc phiên âm là Hốt Tất Liệt hay Hốt Tất Lai. Hốt Tất Liệt lên ngôi năm 1260, miếu hiệu là Nguyên Thế Tổ, niên hiệu là Trung Thống.

[3] Đây là nội dung tóm tắt tờ chiếu thư của Hốt Tất Liệt. Nguyên văm xem An Nam chí lược, quyển 2, phần Đại Nguyên chiếu thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Theo quy chế nhà Trần, các vương hầu đều ở phủ đệ nơi hương ấp của mình, khi chầu hầu thì đến kinh đô, xong việc lại về phủ đệ. Như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quắc Hương, Quốc Chẩn ở Chí Linh đều thế cả. Đến khi vào triều làm tể tướng, mới thống lĩnh việc nước. Nhưng cũng chỉ nắm đại cương thôi, còn quyền thì thuộc về hành khiển. Người khinh lại thành trọng, người trọng lại thành khinh, mà không phải lo thêm một tầng công việc, cũng là có ý bảo toàn vậy. Vả lại, như năm Đinh Tỵ đời Nguyên Phong, giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu cũng đem gia đồng và hướng binh thổ hào làm quân cần vương. Trong sự biến đời Đại Định[1] lại đem người thôn trang sắm sửa nghi trượng đi đón vua, đó cũng làm vững cái thế"duy thành"[2] vậy.

[**27b**] **Nhâm Tuất,** [Thiệu Long] năm thứ 5 [1262], (Tống Cảnh Định năm thứ 3, Nguyên Trung Thống năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên, mỗi người được ban tước hai tư[3], đàn bà được hai tấm lụa.

Đổi hương Tức Mặc làm phủ Thiên Trường, cung gọi là Trùng Quang. Lại xây riêng một khu cung khác cho vua nối ngôi ngự khi về chầu, gọi là cung Trùng Hoa. Lại làm chùa ở phía tây cung Trùng Quang gọi là chùa Phổ Minh. Từ đó về sau, các vua nhường ngôi đều ngự ở cung này. Do đó, đặt sắc dịch hai cung để hầu hạ, lại đặt quan lưu thủ để trông coi.

Tháng 3, xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí, chiến thuyền. Quân thủy, lục tập trận ở chín bãi phù sa sông Bạch Hạc [4].

Mùa thu, tháng 9, soát tù, kẻ nào khi giặc Bắc sang mà đầu hàng quân Nguyên thì không tha.

Chiêm thành sang cống.

Mùa đông, tháng 11, nước Nguyên sai bọn Mã Hợp Bộ[5] 10 người sang hỏi về lễ khánh hạ.

Tháng 12, [**28a**] mưa gió to.

Quý Hợi, [Thiệu Long] năm thứ 6 [1263], (Tống Cảnh Định năm thứ 4, Nguyên Trung Thống năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Điện tiền chỉ huy sứ Phạm Cự Địa và Trần Kiều sang Nguyên. Vua Nguyên xuống chiếu ưu đãi, cho 3 năm một lần cống.

Tháng 2, mưa đá.

Tháng 3, sét đánh điện Thiên An

Mùa hạ, tháng 4, cho Lê Cư làm trại chủ Thanh Hoá

Mùa thu, tháng 7, Thủ Độ đi tuần các nguồn sông ở Lạng Sơn.

Tháng 9, có bệnh dịch

Mùa đông, tháng 12, gió lớn, mưa to.

Thổ quan phủ Tư Minh[6] nước Tống là Hoành Bính dâng sản vật địa phương vàđem 1200 bộ thuộc sang quy phụ.

---

[1] Bản khắc Toàn thư đã khắc nhầm chử Đại? thành chử Thiên?. Đại Định là niên hiệu của Dương Nhật Lễ. Dương Nhật Lễ là con người phường chèo, cướp ngôi nhà Trần (1369), các vương hầu tôn thất nhà Trần đem quân dàn các nơi đón Trần Phủ (Trần Nghệ Tông) từ trấn Đà Giang về kinh đô giành lại ngôi vau cho nhà Trần.

[2] Thi Kinh, Tiểu nhã có câu: "Tông Tử duy thành" thường được hiểu với ý nghĩa là người tôn thất như bức thành bảo vệ triều đình, ý nói vương hầu tôn thất nhà Trần là bức tường thành bảo vệ ngai vàng vua Trần.

[3] Quan chức đời xưa, mỗi cấp bậc chia làm nhiều tư, đủ số tư nhất định thì thăng một cấp.

[4] Nguyên văn: "Bạch Hạc giang cửu phù sa", chưa rõ nghĩa, tạm dịch như trên.

[5] Mã Hợp Bộ: là phiên âm của Mahmud (Ma-hơ-mút), một tín đồ HồI giáo làm quan cho Hốt Tất Liệt.

[6] Thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Giáp tý,[Thiệu Long] năm thứ 7 [1264], (Tống Cảnh Định năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ nhất). Mùa xuân, tháng giêng, Thái sư Trần Thủ Độ chết (thọ 71 tuổi), truy tặng Thượng phụ Thái sư Trung Vũ Đại Vương.

Thủ Độ tuy không có học vấn, nhưng tài lược [**28b**] hơn người, làm quan triều lý được mọi người suy tôn. Thái Tông lấy được lấy được thiên hạ đều nhờ mưu sức của ông cả. Vì thế ông được nhà nước dựa cậy, quyền át cả vua.

Bấy giờ có kẻ đàn hặc ông, vào gặp Thái Tông khóc mà nói rằng :

"Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ qyuền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao"?.

Thái Tông lập tức lệnh xe ngự đến dinh Thủ Độ, bắt cả người đàn hặc ấy đem theo và nói hết những lời người ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời: "Đúng như nhữnglời hắn nói ".

Rồi lấy ngay tiền lụa thưởng cho người ấy.

Linh từ quốc mẫu có làn ngồi kiệu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại,về dinh khóc bảo Thủ Độ:

" Mụ này làm vợ ông, mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế ".

Thủ Độ tức giận, sai đi bắt. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc phải chết. Khi đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt, người quân hiệu ấy cứ theo sự thực trả lời. Thủ Độ nói:" Ngươi ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa ". Lấy vàng lụa thưởng cho rồi cho về.

[**29a**] Thủ Độ có lần duyệt định số hộ khẩu, quốc mẫu xin riêng cho một người làm câu đương [1]. Thủ Độ gật đầu, rồi ghi họ tên quê quán của người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, hỏi tên mỗ ở đâu, người đó mừng rỡ bảo hắn:

"Ngươi vì có công chúa xin cho được làm câu đương, không thể ví những câu đương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác".

Người đó kêu van xin thôi mãi mới tha cho. Từ đó không ai dám đến thăm vì việc riêng nữa.

Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm tể tướng. Thủ Độ tâu :

" An Quốc là anh thần, nếu cho giỏi hơn thần thì thần xin trí sĩ, nếu cho thần giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm tể tướng cả thì việc triều đình sẽ ra làm sao?".

Vua bèn thôi.

Thủ Độ tuy làm tể tướng, nhưng mọi việc không việc gì không để ý. Vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc mất. Thái Tông [**29b**]có làm bài văn bia ở sinh từ để tỏ lòng đặc biệt quý mến ông. Thế nhưng cái tội giết vua và thông dâm với hoàng hậu thì khó lẩn tránh với đời sau vậy.

Tháng 2, sao Chổi hiện ở phương đông bắc.

Tháng 3, lấy Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Tướng quốc thái úy, nắm chung việc nước.

Bấy giờ, vua cho Nhật Hiệu làm Thái sư , nhưng Nhật Hiệu cố ý từ chối không nhận vì xấu hổ về việc viết chữ lên mạn thuyền. Vua tuy cho ông không nhận chức Thái sư, nhưng lại ban thêm hai chữ "Tướng quốc", thành "Tướng quốc thái uý".

---

[1] Câu đương: chức dịch trong xã, giữ việc bắt bớ, giải tống.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 6, Thượng hoàng ban yến cho các quan ở điện Diên Hiền. Yến chưa xong, bỗng có sao Chổi xuất hiện ở phương đông bắc, đuôi dài suốt trời. Thượng hoàng ra xem và bảo :

" Ta xem sao Chổi này rất sáng, mà đuôi rất dài, không phải là tai họa của nước ta".

Lệnh cứ dự xong yến.

Tháng 10, mùa đông năm ấy, vua Tống băng.

Ất Sửu, [Thiệu Long] năm thứ 8 [1265], (Tống Độ Tông Cơ, Hàm Thuần năm thứ nhất, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, nước Chiêm Thành sai sứ [**30a**] sang cống.

Tháng 3, đổi Bình bạc ty ở Kinh sư làm Đại an phủ sứ.

Theo chế độ trước, An phủ sứ qua trị nhậm các lộ , đủ lệ khảo duyệt thì vào làm An phủ sứ phủ Thiên Trường, lại đủ lệ khảo duyệt nữa thì bổ làm việc ở Thẩm hình viện, rồi mới được làm An phủ sứ Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ ở phường Cơ Xá. Người và súc vật bị chết đuối nhiều.

Đại xá.

Hoàng tử Đức Việp sinh .

Bính Dần,[Thiệu Long]năm thứ 9 [1266],(Tống Hàm Thuần năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa xuân,tháng giêng, sứ thần Chiêm Thành là Bố Tin, Bố Hoằng, Bố Đột đến cống.

Tháng 2,nhà Nguyên sai Nậu Lạt Đinh[1] sang bảo:

"Trước kia, ta đã sai sứ sang thông hiếu, kẻ thừa hành u mê không cho sứ trở về[2] do đó ta mới có việc dụng binh năm trước[3]"

Vua sai Dương An Dưỡng và Vũ Hoàn sang Nguyên đáp lễ.

Tháng 3, mở khoa thi chọn học trò, Ban đỗ kinh trạng nguyên Trần Cố, trại trạng nguyên Bạch Liêu; bảng nhãn (khuyết tên họ); thám hoa lang Hạ Nghi; thái học sinh [**30b**] 47 người, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Liêu người Nghệ An, tính thông minh nhớ lâu, đọc sách ngàn dòng một mạch. Bấy giờ, thượng tướng Quang Khải coi Nghệ An, Liêu làm môn khách mà không làm quan.

Tháng 2, thủy quân lộ Đông Hải đi tuần biên giới đến núi Ô Lôi do đó biết được kỳ hạn quân Nguyên sang xâm lược.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành điền trang.Vương hầu có trang thực bắt đầu từ đấy.

Đinh Mão,[Thiệu Long]năm thứ 10 [1267], (Tống Hàm Thuần năm thứ 3, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 3, định ngọc diệp[4] phái chính dòng họ vua của vương hầu, công chúa để phong ấm, gọi là "kim chi ngọc diệp"[1]. Cháu 3 đời được phong tước hầu hay quận vương, cháu 4 đời được ban tước minh tự , cháu đời ban tước thượng phẩm [**31a**]. Tước phong theo ngũ phục đồ[2].

---

[1] Nậu Lạt Đinh là phiên âm từ Nu-rát-Din (Nurad-Din), một tín đồ Hồi Giáo làm quan cho nhà Nguyên, Nguyên sử phiên âm là Nột Lạt Đinh.

[2] Trước lần xâm lược Đại Việt năm 1258, nhà Nguyên sai sứ sang doạ nạt, yêu sách. Nhà Trần đã bắt giam bọn chúng.

[3] Chỉ lần tiến quân xâm lược Đại Việt năm 1258 của quân Nguyên do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy.

[4] Phả hệ của Hoàng gia gọi là "ngọc diệp".

Mùa hạ, tháng tư, chọn dùng nho sinh hay chữ sung vào quán, các, sảnh, viện.

Bấy giờ Đặng Kế làm Hàn lâm viện học sĩ, Đỗ Quốc Tá làm trung thư sảnh trung thư lệnh, đều là nho sĩ văn học.

Theo chế độ cũ, không phải là nội nhân (hoạn quan) thì không được làm hành khiển, chưa bao giờ dùng nho sĩ văn học. Bắt đầu từ đây, nho sĩ văn học mới giữ được quyền bính.

Tháng 5, phong em là Ích Tắc làm Chiêu Quốc Vương.

Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh hiếu học, thông hiểu lịch sử, lục nghệ, văn chương nhất đời. Dù nghề vặt như đá cầu, đánh cờ, không nghề ghì không thông thạo; từng mở học đường ở bên hữu phủ đệ, tập hợp văn sĩ bốn phươngcho học tập, cấp cho ăn mặc, đào tạo thành tài như bọn Mạc Đĩnh Chi ở Bàng Hà, Bùi Phóng ở Hồng Châu v.v . . . gồm 20 người, đều được dùng cho đời.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người, [**31b**] chọn người tôn thất giỏi võ nghệ, tinh binh pháp để chỉ huy.

Phong em là Nhật Duật làm Chiêu Văn Vương.

Bọn Dương An Dưỡng từ nước Nguyên trở về, mang theo luôn lễ vật của vua Nguyên đáp lại[3].

Mậu Thìn, [Thiệu Long] năm thứ 11 [1269], (Tống Hàm Thuần năm thứ 4, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa Xuân, tháng giêng, vua từng nói với tôn thất rằng:

"Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn, được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên, thì đó là phúc muôn năm của tông miếu xã tắc ".

Đến đây, xuống chiếu cho các vương hầu tôn thất, khi bãi triều thì vào trong điện và lan đình. Vua cùng ăn uống với họ. Hôm nào trời tối không về được thì xếp gối dài, trải chăn rộng, kê giường liền cùng ngủ với nhau để tỏ hết lòng yêu quý nhau.

[**32a**] Còn như trong các lễ lớn như triều hạ, tiếp tân, yến tiệc thì phân biệt rõ ngôi thứ, cấp bậc cao thấp. Vì thế, các vương hầu thời ấy không ai là không hòa thuận, kính sợ và cũng không phạm lỗi khinh nhờn, kiêu căng.

Muà hạ, tháng 6, đại hạn.

Ngoại thích là Lý Cát phạm tội ngồi vào ngai vua ở điện Thiên An. Khi xét hỏi trị tội thấy hắn có chứng điên, bèn đánh trượng rồi tha.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Tướng quốc thái úy Nhật Hiệu chết, thọ 44 tuổi, truy tặng Tướng quốc thái sư.

Mùa đông, tháng 10, vua cùng anh là Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang cùng vui đùa trước mặt Thượng hoàng. Thượng hoàng lúc bấy giờ mặc áo vải bông trắng. Tĩnh Quốc múa điệu múa của người Hồ, Thượng hoàng cởi áo ban cho Quốc Khang. Vua cũng múa điệu múa của người Hồ để xin chiếc áo ấy. Quốc Khang nói:

"Cái quý nhất là ngôi hoàng đế, hạ thần còn không tranh với chú hai. Nay đức chí tôn ban cho thần một vật nhỏ mọn mà chú hai cũng muốn cướp lấy chăng ?".

---

[1] Cành vàng lá ngọc, chỉ dòng dõi quyền quí. Ở đây là dòng dõi nhà vua.

[2] Tức là đồ dẫn về tang phục theo 5 bậc, ứng với quan hệ gần xa đối với người chết.

[3] Nguyên sử, q.209 chép việc này vào tháng 9 năm Chí Nguyên năm thứ 4 (1267).

Thượng cả cười nói:" Thế ra mày coi ngôi vua[**32b**] với cái áo xoàng này chẳng hơn kém gì nhau".

Khen ngợi hồi lâu rồi [thượng hoàng] cho Tĩnh Quốc chiếc áo ấy.Trong chỗ cha con, anh em hòa thuận vui vẻ như vậy đấy.

Đói to.

Kỷ Tỵ, [Thiệu Long] năm thứ 12 [1269], (Tống Hàm Thuần năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 5, đất nứt, sao băng.

Tháng 6, hạn hán. Soát tù. Có mưa. Đến tháng 7, mùa thu, dân mới cày cấy được.

Tháng 8, nước to.

Tháng 9, phong Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang làm Vọng Giang phiêu kỵ đô thượng tướng quân.

Mùa đông, tháng 10, được mùa nhỏ.

Tháng 12, sứ Nguyên Lung Hải Nha[1] sang dụ về việc biên giới. Vua sai Lê Đà, Đinh Củng Viên sang Nguyên.

Canh Ngọ,[Thiệu Long] năm thứ 13 [1270], (Tống Hàm Thuần năm thứ 6, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dựng phủ đệ ở Diễn Châu, hành lang, điện vũ bão quanh, tráng lệ khác thường.Vua nghe tin ,sai người đến [**33a**] xem .Tĩnh Quốc sợ, mới tạc tượng phật để đó (nay là chùa Thông).

Mùa hạ, tháng 4, Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 7, nước to. Các đường phố ở kinh đô phần nhiều phải đi lại bằng thuyền bè.

Tháng 9 ,Vua ngự đến hành cung Thiên Trường.

Tân Mùi, [Thiệu Long] năm thứ 14 [1271], (Tống Hàm Thuần năm thứ 7, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, soát tù.

Tháng 2, ngày mồng 1, động đất.

Tháng 3, phong Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Tướng quốc thái úy, nắm giữ việc nước.

Năm ấy, Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ sang dụ vua vào chầu. Vua lấy cớ có bệnh từ chối không đi.

Nhâm Thân, [Thiệu Long] năm thứ 15 [1272], (Tống Hàm Thuần năm thứ 8, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 9) .Mùa Xuân, tháng giêng, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc Sử viện giám tu Lê Văn Hưu vâng sắc chỉ soạn xong bộ Đại việt sử ký từ Triệu Vũ [**33b**] đế đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển, dâng lên. Vua xuống chiếu khen ngợi.

Mùa hạ, tháng 4, sứ Nguyên Ngột Lương[2] sang dụ, hỏi giới hạn cột đồng cũ. Vua sai Viên ngoại lang Lê Kính Phu đi hội khám. [Phu] trở về nói rằng, cột đồng Mã Viện dựng lâu năm đã bị mai một, không còn tung tích gì nữa.

Tháng 6, ngày 23, giờ Mùi, mặt trời rung động.

Sai Đồng Tử Dã, Đỗ Mộc sang Nguyên[3].

[1] Tức Hốt Lung Hải Nha trong Nguyên sử, phiên âm từ tiếng M

[2] Phiên âm từ tiếng Mông Cổ U-ry-ang (Uriyang).

[3] Nguyên văn chép: "Khiển Đồng Từ Đỗ Dã Mộc như Nguyên". Có người hiểu là sai đồng tử (tức trẻ con) tên là Đỗ Dã Mộc sang Nguyên (Bản dịch cũ q.II, 1971, tr.42 và tr.290). Nhưng An Nam chí lược q.14, chép rõ: "Sai đại phu Đồng Tử Dã, Đỗ Mộc Cống".

Mùa động, tháng 10, xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm Tư nghiệp Quốc tử giám, tìm người có thể giảng bàn ý nghĩa của tứ thư , ngũ kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách.

Quý dậu, Bảo Phù năm thứ 1 [1273], (Tống Hàm Thuần năm thứ 9, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Tháng 3, ngày 19, sét đánh 7 chỗ ngoài cửa Đại Hưng.

Mùa đông, tháng 11, cho Nhân Túc Vương Toản làm Nhập nội phán đại tông chính phủ đại tông chính.

[**34a**] **Giáp Tuất,** Bảo Phù năm thứ 2 [1274], (Tống Hàm Thuần năm thứ 10, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 11). Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, người Tống sang quy phụ.

(Trước đó, nước Tống ở mé Giang Nam, người Nguyên thường hay lấn đánh. Đến đây, họ đem 30 chiếc thuyền biển chở đầy của cải và vợ con, vượt biển đến La Cát Nguyên. Đến tháng 12, dẫn về kinh, an trí ở phường Nhai Tuân, họ tự xưng là người Hồi Kê[1]. Người nươớc ta gọi người tống là kê quốc, vì người tống có các hàng vải lụa, dược phẩm, bày hàng mở chợ buôn bán riêng).

Tháng 12, sách phong hoàng trưởng tử Khâm làm hoàng thái tử, lấy con gái trưởng của Hưng Đạo Vương làm phi cho thái tử.

Chọn người nho học có đức hạnh trong thiên hạ vào hầu Đông Cung[2].

Lấy Lê Phụ Trần làm Thiếu sư, kiêm Trừ cung giáo thụ[3]. lấy bọn Nguyễn Thánh Huấn, Nguyễn Sĩ Cố sung Nội thị nội thị học sĩ (Phụ Trần người Ái Châu). Vua tự làm thơ để dạy hoàng tử và viết Di hậu lục 2 quyển.

Ất Hợi, [Bảo Phù] năm thứ 3 [1275], (Tống Cung Đế Hiền Đức Hựu năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò. [**34b**] Ban đỗ trạng nguyên Đào Tiêu ; bảng nhãn (khuyết họ tên); thám hoa lang Quách Nhẫn ; thái học sinh 27 người, xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Hai Khoa Bính Thìn, Bính Dần trước kia có chia kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên, đến nay lại hợp nhất.

Muà hạ, tháng 6, ngày Canh Tý mồng 1, nhật thực, mặt trời bị che hết [4].

Mùa đông, tháng 11, tướng thần ở biên giới phía bắc chạy trạm tâu báo người Nguyên đi tuần biên giới, xem xét địa thế.

Sai Lê Khắc Phục và Lê Túy Kim sang Nguyên.[5]

Nguyên sử q.209 cũng chép việc Đồng Tử Dã và Lê Văn Ân vào cống năm Chí Nguyên thứ 11 (1274). Như vậy Đồng Tử Dã là tên người và được chép đúng. Ở đây, Toàn thư đã chép lẫn lộn tên hai người. Phải sửa cho đúng là: "Sai Đồng Tử Dã và Đỗ Mộc sang Nguyên".

[1] Lời chú Bản dịch cũ (q.II, 1971, tr.209) ngờ rằng tên Hồi Kê ? là Hồi Cốt ?). Hồi Cốt hay Hồi Hột, Hồi Hoạn là dân tộc Uigur ở Tân Cương. Chắn người Tống nhận mình là người Hồi Hột để tránh quân Nguyên.

[2] Tức thái tử.

[3] Trừ cung: cũng là thái tử. Trừ cung giáo thụ là chức thày học của thái tử.

[4] Tức nhật thực toàn phần.

[5] An Nam chí lược chép: "...sai đại phu Lê Khắc Phục, Lê Văn Túy đi cống". Nguyên sử chép: "...sai Lê Khắc Phục, Văn Túy vào cống". Lê Túy Kim chắc là Lê Văn Túy.

Bính Tý, [Bảo Phù] năm thứ 4 [1276], (Tống Đức Hựu năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Tống Đoan Tông Cảnh ViêM năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, sai Đào Thế Quang sang Long châu mượn cớ đi mua thuốc để thăm dò tình hình người nguyên.

Tháng 3, mặt trời có chấm đen to bằng quả trứng gà, lay động hồi lâu. Có 2 ngôi sao đấu nhau ở giữa trời, một ngôi sa xuống.

Mùa hạ, tháng 4, Nguyên Thế Tổ đánh Giang Nam, sai Hợp Tán Nhi Hải Nha [1] sang dụ 6 việc như điều dân, giúp quân v.v . . . Vua đều không nghe.

Mùa thu, tháng 9, ngày 17, hoàng trưởng tôn Thuyên sinh, lập làm hoàng thái tôn, ít lâu sau lập làm Đông cung hoàng thái tử.

Đinh Sửu, [Bảo Phù] năm thứ 5 [1277], (Tống Cảnh Viêm năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 14). Muà xuân, tháng 2, vua thân chinh đánh người Man, Lạo ở động Nẫm Bà La[2] , bắt sống bộ đảng hơn 1.000 người giải về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1 , Thượng hoàng băng ở cung Vạn Thọ

Trước đó, Thượng hoàng đến ngự đường, bỗng thấy con rết bò trên áo ngự. Thượng hoàng sợ, lấy tay phủi nó rơi đánh "keng" xuống đất, nhìn xem thì hóa ra cái đinh sắt, đoán là điềm năm Đinh.

Lại có lần đùa sai Minh tự Nguyễn Mặc Lão dùng phép nghiệm quan nghiệm xem điềm lành hay điềm dữ. Hôm sau Mặc lão tâu : "Thấy một chiếc hòm vuông bốn mặt đều có [**35b**] chữ "nguyệt" , trên hòm có một cái kim, một chiếc lược".

Thượng hoàng lại đoán: "Hòm tức là quan tài, chữ " nguyệt" (tháng) ở bốn bên tức là tháng 4, cái kim có thể cắm vào vật gì, tức là nhập vào quan tài, chữ "sơ" là chiếc lược, đồng âm với "sơ" là xa tức là sẽ xa rời các ngươi".

Lại lúc ấy đương có trò múa rối, thường có câu : "Mau đến ngày mồng 1 thay phiên". Thượng hoàng lại đoán : "Thế là ngày mồng 1 ta chết".

Năm trước, có một hôm thượng hoàng chợt bảo tả hữu : "Tháng 4 sang năm ta tất chết". Đến nay quả như vậy.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Điềm lành hay tai họa, chỉ có người thành tâm mới biết trước được. Vì thế, Đại truyện trong kinh dịch có nói : "Hình dung sự vật thì biết được vật thực, chiêm đoán sự vật thì mới biết được tương lai". Nhưng tất là phải sau khi đã suy xét trong lòng, nghiền ngẫm trong óc. Thái Tông biết được việc tương lai là chiêm đoán sự vật đấy. Nhưng nếu không phải là người lý sáng, lòng thành, mà cứ thấy việc là phỏng đoán mò để rồi khẳng định, thì chưa bao giờ không chuốc lấy tai họa về sau .[**36a**]. Đó là chỗ khác nhau giữa cái học sấm ký thuật số với cái học thánh hiền chăng?

Tháng 5, nước to. Đất nứt sâu 7 trượng (chưa rõ chỗ nào), súc vật, tôm cá chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10 ngày mồng 4, táng [thượng hoàng] ở Chiêu Lăng, miếu hiệu là Thái Tông, tên thụy là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Mậu Đức Hiền Hòa Hựu Thuận Thần Văn Thánh Võ Nguyên Hiếu Hoàng đế.

> Sử thần ngô sĩ liên nói: Dụ Tông có thơ ca ngợi Thái Tông:
>
> Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông
>
> Bỉ xưng Trinh Quán ngã Nguyên Phong.

---

[1] Tức Kha-xa Kha-y-a (Qasar Qaya), tên này được Hốt Tất Liệt cử làm Đạt lỗ hoa xích ở Đại Việt từ tháng 3 năm 1275. Toàn thư chép lầm 1 năm.Yêu sách 6 điểm của Hốt Tất Liệt là: quân trưởng phải vào chầu, con em phải làm con tin, kê sổ hộ khẩu, thu nộp thuế má, điều động quân giúp việc binh, đặt chức Đạt lỗ hoa xích để thống trị (Theo an Nam chí lược q.2, Đại Nguyên chiếu chế).

[2] CMCB7 chú là động Man ở phủ lộ Bố Chính, tức vùng Quảng Bình ngày nay.

Kiến Thành tru tử Yên Sinh tại,

Miếu hiệu tuy đồng đước bất đồng.

(Sáng nghiệp Việt Đường hai Thái Tông

Kia xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong

Kiến Thành[1] bị giết, Yên Sinh[2] sống,

Miếu hiệu như nhau, đức chẳng đồng).

Đức của Thái Tông sở dĩ được thế, tuy tấm lòng hiếu để bắt nguồn từ tính trời, nhưng cũng do Linh Từ quốc mẫu điều đình [B] hòa giải. Việc cướp vợ của anh cũng do Linh Từ và Thủ Độ. Thế là Thái Tông mắc vào tội lỗi là do người dẫn lối, mà ẩn nhẫn để trọn nghĩa anh em cũng lại là do người dẫn lối. Đó là vì tuy có tư chất tốt đẹp trời phú cho, nhưng chưa có học thức. Đến khi tuổi cao, lý lẽ sáng tỏ, đạo đức tăng tiến, thì phải chăng điều đó có được là từ thánh học[3]?

Hôm thượng hoàng băng, công chúa Thiều Dương (con gái thứ của Thượng hoàng tên là Thúy) đương ở cữ, bỗng nghe tiếng chuông liên hồi, mới hỏi: "Có thể nào không phải là tin dữ chăng"?.

Những người hầu bên cạnh nói dối, nhưng công chúc chúa không nghe, cứ thương khóc, kêu gào, mắt nhắm nghiền rồi mất.

Trước đó, Thương hoàng không khỏe. Lúc ấy công chú đã lấy thượng vị Văn Hưng hầu (khuyết danh), công chúa nhiều lần sai người đến thăm hỏi, nhưng người hầu cạnh đều trả lời là Thượng hoàng đã bình phục, không việc gì. Đến khi nghe tiếng chuông, thương khóc kêu gào mãi rồi mất. Người trong nước ai cũng thương.

Bấy giờ Uy Văn Vương [**37a**] Toại lấy con gái của Thượng Hhàng là công chúa Thụy Bảo. Toại ham học, hay thơ, có câu:

Pha lạp ngũ hồ vinh bội ấn ,
Tang ma tế dã thắng phong hầu.
(Tơi nón năm bồ hơn giữ ấn,
Dâu giai nội vượt phong hầu),

[Toại] tự hiệu là Sầm Lâu, có Sầm Lâu tập lưu hành ở đời.

Vua từng hỏi ông nghĩa chữ "Quan gia". Ông đáp:

"Năm đời đế lấy thiên hạ làm của công (quan), ba đời vương lấy thiên hạ làm của nhà (gia) nên gọi là quan gia".

Vua khen ông kiến thức rộng. Không may chết sớm (24 tuổi), người trong nước ai cũng thương tiếc.

Mậu Dần, [Bảo Phù] năm thứ 6 [1278], (Tống Cảnh Viêm năm thứ 3, từ tháng 5 về sau là Đế Bính Tường Hưng năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, dân chết nhiều vì bệnh đậu mùa.

Hồi đó, nhà dân ở kinh thành thường bị cháy về ban đêm. Vua ra ngoại thành xem chữa cháy, Nội thư gia Đoàn Khung đi theo. Vua sai điểm xem người nào đến chữa cháy và kiểm xem ai đến trước . Khung ấn đầu từng người một bảo ngồi xuống để đếm , đếm xong tâu rõ người nào đến trước , người nào đến sau .

---

[1] Thái Tông nhà Đường tên là Lý Thế Dân, sau khi cha là Lý Cao Tổ chết, Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ, giết hai người anh là Kiến Thành và Nguyên Cát để đoạt ngôi vua.

[2] Yên Sinh: là thực thấp của Trần Liễu, sau khi Liễu nổi loạn chống lại Trần Thái Tông. Khi Trần Liễu chết, được truy phong tước vương, nhân đất phong mà gọi là Yên Sinh Vương.

[3] Chỉ Khổng giáo hay Nho giáo.

Vau hỏi : " Tại sao mà biết ?".

Khung trả lời :" Thần ấn đầu người nào mà thấy mồ hôi thấm tóc và có tro bụi bám [**37b**] vào thì đó là những người đến trước và cố sức chữa, người nào đầu tóc không có mồ hôi mà tro bụi bay rơi là người đến sau không kịp chữa, vì thế mà biết ". Vua cho là giỏi , có ý cất nhắc để dùng .

(Thời Anh Tông, Khung làm kiểm pháp quan, khi xét án , hễ Anh Tông hỏi về điển lệ cũ , Khung đều dẫn được án cũ làm chứng , có khi dẫn nhiều đến 5 , 6 án . Anh Tông khen Khung thông minh nhớ lâu).

Phong con thứ là Đức Việp làm Tá Thiên Đại Vương .

Tháng 3, phu nhân Lê Phụ Trần là công chúa Chiêu Thánh Lý thị mất

Công chúa lấy Phụ Trần hơn 20 năm, sinh con trai là thượng vị hầu Tông, con gái là Ứng Thụy công chúa Khuê. Đến nay 61 tuổi thì mất .

Mùa hạ , lúa mất mùa.

Tháng 6, có ngôi sao lớn sa về phương nam rơi xuống biển, hơn ngàn ngôi sao nhỏ rơi theo, tiếng khêu như sấm đến vài khắc mới hết .

Mùa thu, tháng 8, động đất 3 lần, nhiều súc vật chết .

Mùa đông, tháng 10, ngày 22, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Khâm.

[**38a**] Khâm lên ngôi Hoàng đế, xưng là Hiếu Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Từ Hiếu Thái Thượng Hoàng Đế , tôn Thiên Cảm hoàng hậu làm Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái Hậu . Bầy tôi dâng tôn hiệu là Pháp Thiên Ngực Cực Anh Liệt Vũ Thánh Minh Nhân Hoàng Đế .

Vua Nguyên nghe tin Thái Tông băng, có ý mưa tính nước ta, sai Lễ bộ thượng thư Sài Xuân[1] (tức Sài Trang Hương) sang ta.

Bấy giờ sứ nước ta là Lê Khắc Phục đang trở về, gặp quân Nguyên đánh nước Tống, liền theo đường Hồ Quảng mà về nước , Xuân cùng đi với Khắc Phục sang ta [Nhà Nguyên] lấy cớ vua không xin mệnh mà tự lập, dụ bảo phải sang chầu. Vua không nghe, sai Trịnh Đình Toản, Đỗ Quốc Kế sang Nguyên. Nguyên giữa Đình Toản không cho về[2] .

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ, Nguyên Phong năm thứ 8, tháng 11, ngày 11, được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung[3] đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên [38b] đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngoạ Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố

---

[1] Nguyên sử chép là Sài Thung, hai chữ Thung và Xuân gần giống như nhau nên dễ lẫn. Trước đây, các sứ bộ của Đại Việt và Mông Cổ đều đi qua đường Côn Minh (Vân Nam). Lần này, bọn Sài Thung đi thẳng từ Giang Lăng (Hồ Bắc), qua Ung Châu (Quảng Tây) để vào nước ta, nên Toàn thư mới nói là đi theo đường Hồ Quảng về nước.

[2] Nguyên sử chép là Trịnh Quốc Toản.

[3] Thượng hoàng Thái Tông và vua Thánh Tông.

kết lòng dân, sự nghiệp trùng hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần. Song để tâm nơi kinh phật, tuy nói là để siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của thánh nhân.

Kỷ Mão, [Thiệu Bảo] năm thứ 1 [1279], (Tống Tường Hưng năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu, đại xá.

Chiêm Thành sai Chế Năng, Tra Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, vua không nhận.

Lập bà phi Trần thị làm hoàng hậu.

Người Nguyên đánh úp quân Tống Nhai Sơn[1]. Quân Tống thua, Tả thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu cõng vua Tống nhảy xuống biển chết. Hậu cung và các quan chết theo rất nhiều. Qua 7 ngày có đến hơn 10 vạn xác chết nổi lên mặt biển. Xác vua Tống cũng ở trong số đó. Thế là ứngv điềm sao sa xuống biển. Năm ấy nhà Tống mất.

[**39a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Trong khoảng trời đất, chỉ có hai khí âm dương mà thôi. Người làm vua đạt đến mức trung hòa thì trời đất định vị, vạn vật sinh sôi, và hai khí cũng được điều hòa. Nếu khí âm thịnh mà phạm bừa vào khí dương, thì trời đất tất xuất hiện tai biến để tỏ cho người làm vua biết. Cho nên tai biến xuất hiện trước rồi sau đó sẽ có chứng nghiệm ngay. Lúc bấy giờ nào nhật thực, nào mặt trời lay động, nào đất nứt, nào mưa đá, sao sa, đều là khí âm thịnh hơn khí dương cả. Nếu không phải là triệu chứng tôi con mưu hại vua cha thì cũng là điềm di địch xâm lấn Trung Quốc. Phàm người làm vua thận trọng trước sự răn bảo của trời, lo lắng làm hết phận sự của người thì đó là đạo vãn hồi tai biến của trời vậy. Nhà Tống đã không vãn hồi được tai biến của trời, mà nước Việt ta rồi cũng bị giặc Hồ[2] xâm lấn. May mà vua tôi cùng lo, quân dân chung sức, cuối cùng diệt trừ được giặc Bắc và hoàn thành võ công đại định. Vì thế mới nói: Thận trọng trước sự răn bảo của trời, làm hết phận sự của người là cái đạo vãn hồi tai biến của trời vậy.

[**39b**] Mùa đông, tháng 10, lấy ngày sinh làm tiết Thọ Thiên.

Canh Thìn, [Thiệu Bảo] năm thứ 2 [1280], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, ban thước gỗ, thước lụa cùng một kiểu.

Tháng 2, xét duyệt sổ đinh và các sắc dịch trong nước.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Lúa ruộng ở Trà Kiều thuộc Khoái Lộ một giò 2 bông.

Em Đỗ Khắc Chung là Đỗ Thiên Thư kiện nhau với người, tình lý đều trái. Người kia đón xa giá để kêu bày. Vua hỏi quan xử kiện. [Viên quan đó] trả lời:

" Án xử đã xong, nhưng hình như quan thoái thác không chịu chuẩn định đó thôi". Vua nói:

" Đó là do sợ mà né tránh Khắc Chung đấy".

Lập tức, đang trên đường đi, sai Chánh cưởng nội thư hỏa là Trần Hùng Thao kiêm chức kiểm pháp quan để chuẩn định, thì Thiên Thư quả thực là trái, Quan áo xanh (tức là hoạn quan) được làm việc kiểm pháp bắt đầu từ Hùng Thao.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Người kiện có điều oan uổng mà được dễ dàng kêu bày, hình quan để chậm [**40a**] án, không thấy có lời trách hỏi, hoạn quan nội thần lạm cử làm pháp quan, vua làm việc này có có ba lầm lỗi kèm theo, nhưng như vậy thì dân tình được thấu lên trên. Việch cai trị kẻ dưới thà sai để khoan thứ để cho án kiện đọng lại được xử ngay, cũng thấy được lòng trung hậu của vua.

Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản.

[1] Nhai Sơn: ở phía nam huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

[2] Chỉ quân xâm lược Nguyên Mông 3 lần sang đánh nước Đại Việt vào các năm 1258,1285, 1288 và đều bị thất bại.

Vua sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi dụ hàng. Bấy giờ, Nhật Duật coi đạo Đà Giang, ngầm đem quân thuộc hạ đến.

Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh, bày tỏ lòng thành:"Mật không giám trái mệnh. Nếu ân chúa một mình một ngựa đến thì Mật xin hàng".

Nhật Duật nhận lời, chỉ đem 5, 6 tiểu đồng cùng đi. Quân sĩ ngăn lại, Nhật Duật nói:

"Nếu nó giáo giở với ta thì triều đình còn có vương khác đến".

Khi tới trại, người Man dàn vây mấy chục lớp và đều cầm đao thương chĩa vào phía trong. Nhật Duật đi thẳng vào, trèo lên trại. Mật mời ông ngồi. Nhật Duật thạo biết [**40b**] tiếng nói và am hiểu phong tục của nhiều nước, cùng ăn bốc, uống bằng mũi với Mật. Người Man thích lắm. Khi Nhật Duật trở về, Mật đem gia thuộc đến doanh trại đầu hàng. Mọi người đều vui lòng kính phục vì không mất một mũi tên mà bình được Đà Giang. Đến khi về kinh sư, [Nhật Duật] đem Mật và vợ con hắn vào chầu, vua rất khen ngợi ông. Sau đó, vua cho Mật về nhà, giữ con hắn ở lại kinh đô. Nhật Duật mến nuôi hết lòng, xin triều đình ban tước thượng phẩm và cho vào trông ao cá, sau cũng cũng cho về nhà.

Tân Tỵ, [Thiệu Bảo] năm thứ 3 [1281], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 29 hoàng tử Quốc Chẩn sinh.

Sai chú họ là Trần Di Ái (tức Trần Ải) và Lê Mục, Lê Tuân sang Nguyên.

Nhà Nguyên lập Di Ái làm Lão hầu, cho Mục làm Hàn lâm học sĩ , Tuân làm Thượng thư[1], lại sai Sài Xuân đem 1000 quân[2] hộ tống về nước. Xuân ngạo mạn vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh [**41a**]. Quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Xuân dùng roi ngựa quất họ bị thương ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chăng bày màn trướng, hắn mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp. Xuân nằm khểnh không ra, Quang Khải vào hắn trong phòng, hắn cũng không dậy tiếp. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn nghe thấy thế, tâu xin đến sứ quán xem Xuân làm gì. Lúc ấy Quốc Tuấn đã gọt tóc, mặc áo vải. Đến sứ quán, ông đi thẳng vào trong phòng. Xuân đứng dậy vái chào mời ngồi. Mọi người đều kinh ngạc, có biết đâu gọt tóc, mặc áo vải là hình dạng nhà sư phương Bắc. Ông ngồi xuống pha trà, cùng uống với hắn. Người hầu của Xuân cầm cái tên đứng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu đến chảy máu, nhưng sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không hề thay đổi. Khi trở về, Xuân ra cửa tiễn ông.

Lập nhà học ở phủ Thiên Trường, cấm người hương Thiên Thuộc không được vào học. (Lệ cũ nhà Trần, quân sĩ Thiên Thuộc không được học tập văn chương nghệ thuật vì sợ khí lực kém đi).

[**41b**] **Nhâm Ngọ,** [Thiệu Bảo] năm thứ 4 [1282], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sai bọn bọn Bố Bà Ma Các một trăm người sang dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trần Di Ái đi sứ về nước.

Tháng 6, trị tội bọn phán thủ Trần Ải[3]. Ải phải đồ làm khao giáp binh Thiên Trường, Lê Tuân phải đồ làm Tống binh[4].

Mùa thu, tháng 8, thú thần Lạng Châu[5], là Lương Uất chạy trạm tâu báo rằng, Hữu thừa tướng Nguyên là Toa Đô đem 50 vạn quân, nói phao là mượn đường đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực ra là sang xâm lược nước ta[6].

---

[1] An Nam chí lược và Nguyên sử chép là: ... phong Di Ái làm An Nam Quốc Vương, Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm Thượng thư...

[2] Bản dịch cũ (tập II, 1967. tr.47) in nhầm là 5.000 quân.

[3] Tức Trần Di Ái

[4] Có lẽ là đạo quân Tống lưu vong do nhà Trần thu nạp.

[5] Tức Lạng Sơn.

[6] Toa Đô: tên Mông Cổ là Xôghetu (Sôgatu). Thực ra Toa Đô mang 5.000 quân đi đường thủy từ Quảng Châu đánh Chiêm Thành từ tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282), còn kẻ chỉ huy 50 vạn quân Nguyên xâm lược Đại Việt là Thoát Hoan và Lý Hải Nha.

Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô[1]. Vua sai Hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Vua cho việc này giống như việc của Hàn Dũ[2], bèn ban gọi là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi làm thơ phú quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng nhiều quốc ngữ, thực bắt đầu từ đấy.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Bình Than[3] đóng ở vũng Trần Xá[4] họp vương hầu và trăm quan, bàn kế sách công thủ và chia nhau đóng giữ [42a] những nơi hiểm yếu.

Lấy Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm Phó đô tướng quân.

Lần trước, quân Nguyên vào cướp, Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư nhân sơ hở đánh úp quân giặc. Thượng hoàng khen ông có trí lược, lập làm Thiên tử nghĩa nam[5]. Sau đó, đánh người Man ở vùng núi, thắng lớn, được phong làm Phiêu Kỵ đại tướng quân. Chức Phiêu Kỵ tướng quân nếu không phải là hoàng tử thì không được phong. Vì Khánh Dư là Thiên tử nghĩa nam cho nên mới có lệnh đó. Rồi từ trật hầu thăng mãi đến tử phục thượng vị hầu, quyền chức phán thủ. Sau Khánh Dư thông dâm với công chúa Thiên Thuỵ.

Bấy giờ Hưng Vũ Vương Nghiễn vì là con trai Quốc Tuấn, được lấy công chúa Thiên Thuỵ, lại công đánh giặc. Vua sợ phật ý Quốc Tuấn, mới sai người đánh chết Khánh Dư ở Hồ Tây, nhưng lai dặn chớ đánh đau quá, để không đến nỗi chết. Ít lâu sau xuống chiếu đoạt hết quan tước, quân tịch thu tài sản không để lại cho một chút gì. Châu Chí Linh vốn là của riêng của Thượng tướng Trần Phó Duyệt, nên Khánh Dư mới giữ lại được. Khánh Dư lui về ở [**42b**] Chí Linh, cùng bọn hèn hạ làm nghề bán than.

Lúc đó, thuyền vua đỗ ở bến Bình Than, nước triều rút, gió thổi mạnh, có chiếc thuyền lớn chở than củi, người lái thuyền đội nón lá, mặc áo ngắn. Vua chỉ và bảo quan thị thần:

" Người kia chẳng phải là Nhân Huệ Vương đó sao?".

Lập tức sai người chèo thuyền nhỏ đuổi theo. Đến cửa Đại Than thì kịp. Quân hiệu gọi:

"Ông lái ơi, có lệnh vua triệu".

Khánh Dư trả lời:"Lão là người buôn bán, có việc gì mà phải triệu".

Quân hiệu trở về tâu thực như thế. Vua bảo:

"Đúng là Nhân Huệ đấy, ta biết người thường tất không dám nói thế". Vua lại sai nội thị đi gọi. Khánh Dư mặc áo ngắn, đội nón lá [đến gặp vua]. Vua nói:

" Nam nhi mà đến nỗi này thì thực là cùngcực rồi", bèn xuống chiếu tha tội cho ông. Khánh Dư lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, cho ngồi các hàng dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc nước, nhiều điều hợp ý vua.

Đến đây, tháng 10, lại cho Khánh Dư làm Phó tướng quân. Nhưng rốt cuộc Khánh Dư cũng không sửa đổi được những lỗi lầm cũ.

[**43a**] Lại khi ấy, vua thấy Hoài Văn Hầu Quốc Toản, Hoài Nhân Vương Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phẫn kích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau đó [Quốc Toản] lui về, huy động hơn nghìn gia nô và thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ 6 chữ :"Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Sau này, khi đối trận với giặc, tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh, không giám đối địch. Đến khi mất, vua rất thương tiếc, thân làm văn tế, lại gia phong tước vương.

---

[1] Tức sông Hồng.

[2] Hán Dũ: tên tự là Thối Chi, người Nam Dương, Trịnh Châu đời Đường, có tài văn thơ. Tương truyền rằng: Khi làm quan ở Triệu Châu, thấy nơi đó có nhiều cá sấu, Hàn Dũ làm bài văn tế cá sấu ném xuống nước, cá sấu liền bỏ đi hết.

[3] Đoạn sông Lục Đầu chảy qua huyện Chí Linh tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[4] Vũng Trần Xá: (Trần Xá loan), có lẽ là chổ hợp lưu hai con sông Thái Bình và Kinh Thầy. Chỗ này về sau vẫn còn xã Trần Xá.

[5] Thiên tử nghĩa nam: con nuôi của vua.

Lấy Thái úy Quang khải làm Thượng tướng thái sư, Đinh Củng Viên làm Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ.

Quý Mùi, [Thiệu Bảo] năm thứ 5 [1283], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 20). Mùa xuân, tháng giêng, Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dâng rùa vàng, hình dáng như con trai lớn, trên lưng có 7 ngôi sao, ngực có chữ "nhũng" bụng có chữ "Vương".

Tháng 2, [**42b**] trị tội thượng vị hầu Trần Lão, cho Lão chuộc tội 1.000 quan tiền, đồ làm lính, lăng trì tên Khoáng là gia nô của Lão ở chợ Đông, vì tội làm thư nặc danh phỉ báng nhà nước.

Mưa đá lớn.

Mùa hạ, tháng 6, cá hồ Thủy Tinh chết.

Mùa thu, tháng 7, sai trung phẩm Hoàng Ư Lệnh, nội thư gia Nguyễn Chương sang Nguyên, gặp thái tử A Thai[1], Bình Chương A Lạt[2], ở Hồ Quảng[3], hội 50 vạn quân ở các xứ định sang năm vào cướp nước ta.

Mùa đông, tháng 10, vua thân hành dẫn các vương hầu điều quân thủy bộ tập trận.

Tiến phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế, thống lĩnh quân đội toàn quốc, sai chọn các quân hiệu có tài chỉ huy, chia đi nắm giữ các đơn vị.

Giáp Thân, [Thiệu Bảo] năm thứ 6 [1284], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, vét sông Tô Lịch.

Tháng 2, đất ở Xã [**44a**] đàn[4] nứt ra, dài 7 thước, rộng 4 tấc, sâu không thể lường.

Mùa thu, tháng 8, Hưng Đạo Vương điều các quân của vương hầu, duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu[5], chia các quân đóng giữ Bình Than và những nơi xung yếu khác.

Tháng 9, ngày mồng 4, mặt trăng và sao Kim mọc ban ngày ở phương Tây Nam chỉ cách nhau độ 1 thước .

Mùa đông, tháng 11, sai Trần Phủ sang hành tỉnh Kinh Hồ[6], nước Nguyên xin hoãn binh[7].

Tháng 12, Trần Phủ từ Nguyên trở về, tâu rằng vua Nguyên sai bọn thái tử Trấn Nam Vương Thoát Hoan[8], Bình Chương A Lạt và A Lý Hải Nha[9] đem quân lấy cớ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường vào cướp nước ta.

Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão điều nói "đánh", muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng.

---

[1] KHông có tên thái tử Nguyên nào là A Thai. Cương mục q.7 cho là do sử của ta lầm. Trong cuộc chiến tranh này, tướng chỉ huy của quân Nguyên là Thoát Hoan và A Lý Hải Nha.

[2] A Lạt: hay A Lý Hải Nha, là phiên âm tên quan Bình chương nhà Nguyên A-ríc Kha-y-a (Ariq-Qaya). Toàn thư có chỗ lầm thành hai người.

[3] Hồ Quảng: gồm Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Quốc ngày nay. Nhà Nguyên đặt Hồ Quảng hành trung thư tỉnh, gọi tắt là hành tỉnh Hồ Quảng để thống trị khu vực đất đai nói trên và phụ trách việc thôn tính các nước Đông Nam Á, cũng gọi là hành tỉnh Kinh Hồ hoặc là hành tỉnh Kinh Hồ-Chiêm Thành

[4] Xã Đàn: tức Xã tắc đàn là nơi vua chúa phong kiến tế lễ thần đất và thần mùa màng ngày xưa, đắp bằng đất, có 2 bậc, nên gọi là "đàn".

[5] Đông Bộ Đầu: tức bến sông Hồng phía trên cầu cầu Long Biên gần dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay.

[6] Hành tỉnh Kinh Hồ cũng là hành tỉnh Hồ Quảng: xem chú thích về Hồ Quảng ở BK5, 43b.

[7] Theo An Nam chí lược và Nguyên sử, Trần Phủ tức Trần Khiêm Phủ, tước trung đại phu.

[8] Tên Mông Cổ là Tô-gan (Toghan), thư tịch Trung Quốc phiêm âm là Thoát Hoan, là con của Hốt Tất Liệt.

[9] Ở đây Toàn thư nhầm, A Lạt và A Lý Hải Nha chỉ là một người, tức Ariq-Qaya.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Giặc Hồ vào cướp nước là nạn lớn nhất của đất nước. Hai vua hiệp mưu, [**44b**] bầy tôi họp bàn há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi đến ban yến hỏi kế ở các phụ lão hay sao? Là vì Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, để dân chúng nghe theo lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Đó là giữ được cái nghĩa người xưa nuôi người già để xin lời hay vậy.

Ngày 26, giặc đánh vào các ải Vĩn Châu, Nội Bàng[1], Thiết Lược, Chi Lăng[2], Quan quân đánh bất lợi lui về đóng ở bến Vạn Kiếp[3].

Lúc đó, vua ngự thuyền nhẹ ra Hải Đông[4], chiều rồi mà vẫn chưa ăn cơm sáng. Có người lính là Trần Lai dâng cơm gạo xấu, vua khen là trung, ban cho chức thượng phẩm , kiêm chức tiểu tư xã xã Hữu Triều Môn ở Bạch Đằng.

Hưng Đạo Vương vâng mệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm[5], chọn những người dũng cảm làm tiền phong, vượt biển vào Nam, thế quân lên dần. Các quân thấy vậy, không đạo quân nào mà không tới tập hợp. Vua làm thơ đề ở [**45a**] đuôi thuyền rằng:

Cối kK cựu sự quân tu ký,
Hoan Diễn do tồn thập vạn binh.
(Cối Kê[6] chuyện cũ người lên nhớ,
Hoan Diễn[7] còn kia chục vạn quân)

Hưng Vũ Vương Nghiễn, Minh Hiến Vương Uất, Hưng Nhượng Vương Tảng, Hưng Trí Vương Hiện đốc suất 20 vạn quân các xứ Bàng Hà[8], Na Sầm[9], Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhãn[10] đến hội ở Vạn Kiếp, theo quyền điều khiển của Hung Đạo Vương để chống quân Nguyên.

Trước đây, Hưng Đạo Vương có người nô là Dã Tượngvà Yết Kiêu[11], đối xử rất hậu. Khi quân Nguyên tới, Yết Kiêu giữ thuyền ở Bãi Tân[12], Dã Tượng thì đi theo. Đến lúc quan quân thu trận, thuỷ quân tan cả. [Hưng Đạo] Vương định rút theo lối chân núi. Dã Tượng nói:

"Yết Kiêu chưa thấy Đại Vương thì nhất định không dời thuyền".

Vương đến Bãi Tân, chỉ có thuyền Yết Kiêu vẫn còn ở đó. Vương mừng lắm, nói :

"Chim hồng hộc muốn bay cao phải nhờ ở sáu trụ cánh. Nếu không có sáu chiếc trụ cánh ấy thì cũng chim thường thôi".

Nói xong cho chèo thuyền đi, Kỵ binh giặc đuổi theo không kịp. Vương đến Vạn Kiếp, chia quân đón giữ ở Bắc [**45b**] Giang[1].

---

[1] Ải Nội Bàng: vùng Chũ, tỉnh Hà Bắc ngày nay, nơi đóng bản doanh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

[2] Ải Chi Lăng: thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[3] Vạn Kiếp: nay là vùng Vạn Yên, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

[4] Hải Đông: Chỉ chung vùng Hải Dương cũ (nay thộc tỉnh Hải Hưng) và Hải Phòng hiện nay.

[5] Vân Trà, Ba Điểm: là hai hương thuộc lộ Hải Đông bấy giờ. Hương Vân Trà hay Trà Hương là vùng Kim Thành, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[6] "Chuyện cũ Cối Kê": là chuyện Câu Tiễn, vua nước Việt thời Chiến Quốc, đánh nhau với nước Ngô, chỉ còn một ngàn quân lui giữ Cối Kê, mà sau đánh bại Ngô Phù Sai, khôi phục được đất nước.

[7] Hoan, Diễn: chỉ vùng Nghệ Tỉnh ngày nay.

[8] Bàng Hà: đất huyện Thanh Hà cũ nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và huyện Tiên Lăng, Hải Phòng.

[9] Na Sầm: tức Na Ngạn, thuộc đất huyện Lục Ngàn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[10] Long Nhãn: nay thuộn Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc.

[11] Dã Tượng: nghĩa là voi rừng, Yết Kiêu: là tên loài chó săn ngắn mõm. Dùng tên thú đặt cho người, nói lên địa vị làm "nô" thấp kém của họ. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên đời Trần, các nô tỳ có một vai trò rất lớn.

[12] Bãi Tân: là một địa điểm trên sông Lục Nam.

Sai Hàn lâm [viện] phụng chỉ Đinh Củng Viên quyền coi việc Bắc cung Nội sát viện.

Ất Dậu, [Thiệu Bảo] năm thứ 7 [1285], (từ tháng 9 về sau là Trùng Hưng năm thứ nhất, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 6, tướng Ô Mã Nhi[2] đánh vào các xứ Vạn Kiếp và núi Phả Lại[3],

quan quân vỡ chạy[4].

Ngày 12, giặc đánh vào Gia Lâm, Vũ Ninh[5], Đông Ngàn[6], bắt được quân của ta, thấy người nào cũng thích hai chữ "Sát Thát"[7] bằng mực vào cánh tay, chúng tức lắm, giết hại rất nhiều. Rồi chúng đến Đông Bộ Đầu, dựng một lá cờ lớn:

Vua muốn sai người dò xét tình hình giặc mà chưa tìm được ai. Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung tiến lên tâu rằng:

"Thần hèn mọn bất tài, nhưng xin được đi".

Vua mừng, nói rằng:

"Ngờ đâu trong đám ngựa xe kéo xe muối lại có ngựa kỳ, ngựa ký như thế!"[8]

Rồi sai đem thư xin giảng hoà.

Ô Mã Nhi hỏi [Chung]:

"Quốc Vương ngươi vô lễ, sai người thích chữ "Sát Thát", khinh nhờn thiên binh, lỗi ấy to lắm".

Khắc Chung đáp:

"Chó nhà cắn người lạ không phải [**46a**] tại chủ nó. Vì lòng trung phẫn mà họ tự thích chữ thôi, Quốc Vương tôi không biết việc đó. Tôi là cận thần, tại sao lại không có?".

Nói rồi giơ cánh tay cho xem. Ô Mã Nhi nói:

"Đại quân từ xa tới, nước ngươi sao không quay giáo đến hội kiến, lại còn chống lệnh. Càng bọ ngựa cản bánh xe liệu sẽ ra sao?".

Khắc Chung nói :

" Hiền tướng không theo cái phương sách Hàn Tín bình nước Yên [9], đóng quân ở đầu biên giới, đưa thư tin trước, nếu không thông hiếu thì mới là có lỗi. Nay lại bức nhau, người ta nói thú cùng thì chống lại, chim cùng thì mổ lại, huống chi là người".

Ô Mã Nhi nói:

---

[1] Bắc Giang: tức là vùng đất tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

[2] Ô Mã Nhi: phiên âm từ tên Hồi giáo Omar.

[3] Núi Phả Lại: tức là núi ở xã Phả Lại, cạnh sông Lục Đầu, đối diện với thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

[4] Thực ra, ngày mồng 6 tháng giêng mới chỉ là ngày Ô Mã Nhi đánh vào phòng tuyến sông Bình Than. Mãi đến ngàu mồng 9 (14-2-1258), sau trận thủy chiến lớn, quân ta mới rút.

[5] Vũ Ninh: sau là Võ Giàng, nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[6] Đông Ngàn: tức là huyện Từ Sơn, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnhBắc Ninh.

[7] Thát: tức là Thát Đát, phiên âm từ Ta-ta (Tatar hay Tarta) chỉ người Mông Cổ. Sát Thát nghĩa là giết giặc Thát Đát.

[8] Ngựa kỳ, ngựa ký: chỉ những loại ngựa quý, ngựa tốt.

[9] Hàn Tín: là tướng của Hán Cao Tổ, muốn đánh nước Yên, theo kế của Lý Tả Xa viết thư dụ trước, quả nhiên nước Yên đầu hàng.

"Đại quân mượn đường để đi đánh Chiêm Thành, Quốc Vương ngươi nếu đến hội kiến thì trong cõi yên ổn, không bị xâm phạm mảy may. Nếu cứ chấp nê thì trong khoảnh khắc núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ nát".

Khắc Chung về rồi, Ô Mã Nhi bảo các tướng rằng:

"Người này ở vào lúc bị uy hiếp [**46b**] mà lời lẽ tự nhiên, không hạ chủ nó xướng là Chích[1], không nịnh ta lên là Nghiêu[2], mà chỉ nói "Chó nhà cắn người"; giỏi ứng đối. Có thể nói là không nhục mệnh vua. Nước nó còn có người giỏi, chưa dễ mưu tính được".

Sai người đuổi theo Khắc Chung nhưng không kịp.

Ngày 13, giờ mão, Khắc Chung từ chỗ quân Nguyên trở về. Giặc đuổi đến, đánh nhau với quan quân.

Ngày 28, Hưng Đạo Vương bàn xin Thượng tướng thái sư Quang Khải chặn đánh cánh quân của Nguyên soái Toa Đô ở Nghệ An[3].

Tháng 2, ngày Giáp Thìn mồng 1, con thứ của Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang là thượng vị Chương Hiến hầu [Trần] Kiện và liêu thuộc là bọn Lê Trắc đem cả quân đầu hàng quân Nguyên[4].

Toa Đô sai đưa bọn Kiện về Yên Kinh[5]. Thổ hào Lạng Giang[6] là bọn Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh, tập kích ở trại Ma Lục[7] . Gia nô của Hưng Đạo Vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Kiện. Trắc đưa xác Kiện lên ngựa, trốn đi đêm, chạy được vài chục dặm, tới Khâu Ôn [**47a**] chôn Kiện tại đó.

Sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan, là muốn làm thư giãn loạn nước vậy.

Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng (Vương là dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thuỵ Bảo, ông cha làm quan đời Thái Tông, được ban quốc tính) đánh nhau với giặc ở bãi Đà Mạc, nay là bãi Mạn Trù) bị chết.

Khi bị bắt, Vương không chịu ăn, giặc hỏi việc nước, Vương không trả lời, giặc hỏi Vương:" Có muốn làm vương đất Bắc không?".

Vương thét to:"Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất bắc", rồi bị giết.

Thế giặc bức bách, hai vua ngầm đi chiếc thuyền nhỏ đến Tam Trĩ nguyên[8], sai người đưa thuyền ngự ra Ngọc Sơn[9] để đánh lừa giặc.

Lúc ấy, xa giá nhà vua phiêu giạt, mà Quốc Tuấn vốn có kỳ tài, lại còn mối hiềm cũ của Yên Sinh Vương[1], nên có nhiều người nghi ngại. Quốc Tuấn theo vua, tay cầm chiếc gậy có bịt sắt nhọn. Mọi

---

[1] Chích: Là một tên cướp sừng sỏ trong truyền thuyết Trung Quốc.

[2] Nghiêu: Là vị hoàng đế lý tưởng trong truyền thuyết Trung Quốc.

[3] Cánh quân do Toa Đô chỉ huy, được lệnh từ Chiêm Thành, đánh chiếm các châu lộ phía nam của ta, rồi tiến ra bắc, phối hợp với các đạo quân của Thoát Hoan bao vây tiêu diệt vua tôi và quân đội nhà Trần.

[4] Trần Kiện vốn có hiềm khích vơi hoàng tử Đức Việp. Khi giặc Nguyên sang, Kiện được lệnh đóng giữ Thanh Hóa, Toa Đô tiến ra Thanh Hóa, Kiện đem bọn liêu thuộc đầu hàng giặc.

[5] Yên KInh: tức kinh đô nhà Nguyên.

[6] Lạng Giang: tức Lạng Sơn ngày nay.

[7] Trại Ma Lục: Ở Chi L:ăng thuộc châu Lạng Giang thời đó, nay là tỉng Lạng Sơn.

[8] Tam Trĩ nguyên: là sông Ba Chẽ, ở huyện Ba Chẽ, thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[9] Ngọc Sơn: tên mũi biển thuộc châu Vạn Ninh tỉnh Quảng Yên đời sau, gần Móng Cái, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

người điếu gườm mắt nhìn. Quốc Tuấn liền rút đầu sắt nhọn vứt đi chỉ chống gậy không mà đi, còn nhiều việc đại loại như thế.

[**47b**] Sử Thần Ngô sĩ Liên nói: Bậc đại thần ở vào hoàn cảnh bị hiềm nghi nguy hiểm, tất phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử, như hào cửu tứ của quẻ Tuỳ[2] thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp. Nếu không thể thì nhất định sẽ mang tai họa. QuáchTử Nghi nhà Đường, Trần QuốcTuấn nhà Trần đã làm được như vậy.

Tháng3, ngày Giáp Tuất, mồng 1 hai vua bỏ thuyền đi bộ đến Thuỷ Chú[3]. Lấy thuyền ra sông Nam Triệu[4] (tức huyện Thuỷ Đường) vượt biển Đại Bàng[5] vào Thanh Hóa.

Thượng vị Văn Chiêu hầu [Trần] Lộng đầu hàng Thoát Hoan. Kế đó, Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyên.

Trước kia, khi Ích Tắc chưa sinh. Thái Tông mộng thấy thần nhân ba mắt từ trên trời xuống nói với Thái Tông:

" Thần bị thượng đế quở trách, xin thác sinh là con vua, sau lại trở về phương Bắc".

Đến khi Ích Tắc sinh, giữa trán có vài vết lờ mờ như hình con bắt, [**48a**] hình dáng giống hệt người trong mộng. Đến 15 tuổi, thông minh hơn người, làu thông kinh sử và các thuật, vẫn còn có ý tranh đoạt ngôi trưởng đích. Ích Tắc đã từng gửi thư riêng cho khách buôn ở Vân Đồn xin quân Nguyên xuống nam. Đến nay, người Nguyên vào cướp, Ích Tắc xin hàng chúng để mong được làm vua. Người Nguyên phong làm An Nam Quốc Vương. Sau khi quân Nguyên thất bại, Ích Tắc trong lòng hổ thẹn, chết ở đất Bắc.

Nguyên soái Toa Đô đem 50 vạn quân từ Vân Nam qua nước Lão Qua[6], thẳng đến Chiêm Thành[7], hội với quân Nguyên ở Châu Ô Lý[8] rôi cướp châu Hoan, châu Ái[9], tiến đóng ở Tây Kết[10], hẹn trong ba năm sẽ san phẳng nước ta.

Vua bàn với bầy tôi rằng: "Bọn giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm, thế tất mỏi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hết hãy làm chúng nhụt chí, thì ắt là đánh bại được chúng".

Mùa hạ, tháng 4, vua sai bọn Chiêu Thành Vương (khuyết danh), Hoài Văn hầu Quốc Toản, tướng quân Nguyễn Khoái đem tiệp binh đón đánh giặc [**48b**] ở bến Tây Kết.

Quan quân giao chiến với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan[11]. Các quân đều có mặt. Riêng quân của Chiêu Văn Vương Nhật Duật có cả người Tống, mặc quần áo Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng

---

[1] Chỉ việc Thái Tông cướp vợ của Yên Sinh Vương Trần Liễu, thân phụ Hưng Đạo Vương.

[2] Lời hào cửu tứ, quẻ Tùy của Kinh dịch: "hữu phu, tại đạo, dĩ minh, bà cửu", nghĩa là: "Thành thực, phải đạo, sáng suốt sử trí thì sao có lỗi".

[3] Thủy Chú: có lẽ ở vào khoảng huyện lỵ Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

[4] Sông Nam Triệu: thời bấy giờ là con sông từ ngã ba Nam Triệu nay là xã Vũ Yên, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng chảy ra biển.

[5] Cửa biển Đại Bàng nay là cửa Văn Úc thuộc huyện Kiến An, Hải Phòng. Biển Đại Bàng là vùng biển ngoài cửa Văn Úc.

[6] Lão Qua: tức nước Lào ngày nay.

[7] Các sử tịch Trung Quốc đều chép là Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu theo đường biển tiến đánh Chiêm Thành vào tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282).

[8] Ô Lý: tức vùng nam tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên-Huế ngày nay.

[9] Châu Hoan: là vùng Nghệ Tỉnh ngày nay, Châu Ái: là tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

[10] Tây Kết: ở ven sông Hồng, khoảng thôn Đông Kết, xã Đông Bình, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng. Ngày nay, thôn này cách sông Hồng 3km, đất bãi (tức bãi Mạn Trù, nay thhuộc xã Tân Châu), nhưng xưa kia sông kề thôn.

[11] Hàm Tử Quan: ở xã Hàm Tử, huyện Châu Giang, Hải Hưng bên sông Hồng.

hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng:"Đó là quân Thát[1] của Chiêu Văn đấy, phải nhận kỹ chúng".

Vì người Tống và người Thát, tiếng nói và y phục giống nhau. Quân Nguyên trông thấy [quân Tống] đều rất kinh hãi, bảo nhau là người Tống sang giúp, vì thế thua chạy. Trước kia, nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, có Triệu Trung làm gia tướng. Cho nên chiến công đánh bại giặc Nguyên, Nhật Duật lập được nhiều hơn cả.

Tháng 5, ngày mồng 3, hai vua đánh bại giặc ở phủ Trường Yên[2], chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết.

Ngày mồng 7, thám tử báo tin: Toa Đô từ Thanh Hoá tới.

Ngày mồng 10, có người từ chỗ giặc trốn về đến ngự doanh tâu báo:

Thượng tướng Quang Khải, Hoài Văn Hầu Quốc Toản và Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp cùng [**49a**] em là Nguyễn Truyền đem dân binh các lộ đánh bại quân giặc ở các xứ Kinh Thành, Chương Dương[3]. Quân giặc tan vỡ lớn. Bọn thái tử Thoát Hoan, Bình chương A Lạt rút chạy qua sông Lô[4].

Ngày 15, hai vua bái yết các lăng ở Long Hưng.

Ngày 17, Toa Đô và Ô Mã Nhi lại từ biển đánh vào sông Thiên Mạc, muốn hội quân ở Kinh sư, để chi viện cho nhau.

Du binh giặc đến huyện Phù Ninh[5], viên phụ đạo huyện ấy là Hà Đặc lên núi Trĩ Sơn cố thủ. Giặc đóng ở động Cự Đà[6]. Hà Đặc lấy tre đan thành những hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đến chiều tối thì dẫn ra dẫn vào. Lại dùi thủng cây to, cắm tên người lớn vào giữa lỗ để giặc ngờ là sức bắn khoẻ xuyên suốt được. Giặc sợ không dám đánh nhau với Đặc. Quân ta hăng hái xông ra đánh bại được giặc. Đặc đuổi đánh đến A Lạp, bắc cầu phao qua sông, hăng đánh quá bị tử trận. Em là Chương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí , y phục của giặc trốn về, đem [**49b**] dâng lên, xin dùng cờ ấy giả làm quân giặc, đến doanh trại giặc. Giặc không ngờ là quân ta, do vậy ta cản phá được chúng.

Ngày 20, hai vua tiến đóng ở Đại Mang Bộ[7]. Tổng quản giặc Nguyên là Trương Hiển đầu hàng. Hôm đó, ta đánh bại giặc ở Tây Kết, giết và làm bị thương rất nhiều, chém đầu Nguyên Soái Toa Đô[8]. Nửa đêm Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hoá, hai vua đuổi theo nhưng không kịp bắt được hơn 5 vạn dư đảng giặc đem về, Ô Mã Nhi chỉ còn một chiếc thuyền vượt biển trốn thoát.

Hưng Đạo Vương lại giao chiến với Thoát Hoan và Lý Hằng ở Vạn Kiếp, đánh bại được, giặc chết đuối rất nhiều. Lý Hằng đem quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư Minh. Quân ta lấy tên tẩm thuốc độc bắn trúng đầu gối bên trái của Hằng, Hằng chết. Tỳ tướng Lý Quán thu nhặt 5 vạn quân còn lại, giấu Thoát Hoan vào một đồ đồng, chạy chốn về Bắc. Đến Tư Minh, Hưng Vũ Vương đuổi kịp, dùng tên tẩm thuốc độc bắn trúng Lý Quán, Quán chết. Quân Nguyên [**50a**] tan vỡ lớn.

Vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, thương hại nói: "Người làm tôi phải nên như thế này".

---

[1] Thát: tức Thát Đát, xem chú thích 6, tr.50. Ở đây chỉ quân Tống tham gia hàng ngũ chiến đấu của Nhật Duật.

[2] Trường Yên: vùng đất tỉnh Ninh BÌnh.

[3] Chương Dương: theo CMCB7 thì Chương Dương là tên bến. Nay ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình còn có tên xã Chương Dương ở ven sông Hồng.

[4] Sông Lô: tức sông Hồng.

[5] Phù Ninh: thuộc tỉnh Phú Thọ. Cánh quân giặc đến Phù Ninh hẳn là cánh quân rút chạy về Vân Nam.

[6] Động Cự Đà: có lẽ thuộc xã Tử Đà, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Theo thần tích địa phương thì Hà Đặc là người xã Tử Đà.

[7] Đại Mang Bộ: là tên bến trên sông Hồng, chưa rõ ở đâu.

[8] Có tài liệu ghi là Toa Đô phóng ngựa rơi xuống nước chết (An Nam chí lược), lại có tài liệu ghi là Toa Đô chết ở sông Cầu (Nguyên sử)

Rồi cởi áo ngự, sai quân đem liệm chôn, nhưng ngầm sai lấy đầu Toa Đô đem tẩm dầu để răn, vì cớ Toa Đô mượn đường vào cướp nước ta đã ba năm vậy[1].

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Than ôi! Câu nói ấy của vua thực là câu nói của bậc đế vương ! Nói rõ đại nghĩa để người bề tôi muôn đời biết rằng trung với vua, chết vì phận sự là vinh, tuy chết mà bất hủ, mối quan hệ lớn lắm vậy. Huống chi lại cởi áo ngự, sai người liệm chôn nữa. Làm vậy có thể khích lệ sĩ khí để trừ giặc mạnh là phải lắm.

Tháng 6, ngày mồng 6, hai vua trở về kinh sư, Thượng tướng Quang Khải làm thơ rằng:

Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.
(Bến Chương Dương cướp giáo.
Cửa Hàm tử bắt thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước cũ muôn thu).

[**59b**] Ngày hôm ấy nước to.

Sai Trung phẩm phụng ngự Đặng Du Chi đưa bọn tề thần của Chiêm Thành là Bà Lậu, Kê Na Liên 30 người về nước, vì đi theo Toa Đô nên bị bắt.

Mùa thu, tháng 8, sai Tả bộc xạ Lưu Cương Giới tuyên phong công thần theo thứ bậc khác nhau và trị tội những kẻ hàng giặc.

Tháng 9, đổi niên hiệu là Trùng Hưng năm thứ 1. Đại xá

Bia chùa Bảo Thiên gãy làm đôi. Núi Cảo Sơn lở.

Ngày 12, gia tôn huy hiệu cho các tiên đế và tiên hậu

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu định hộ khẩu trong nước. Triều thần can là dân vừa lao khổ, định hộ khẩu thực không phải là việc cần kíp. Vua nói.

"Chỉ có thể định hộ khẩu vào lúc này, chẳng nên qua đó mà xem xét [tình trạng] hao hụt, điêu tàn của dân ta hay sao?". Quần thần đều khâm phục.

[**51a**] **Bính Tuất,** Trùng Hưng năm thứ 2 [1286], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ Nguyên là Hợp Tán Nhi Hải Nha[2] đến.

Tháng 3, vua Nguyên sắc phong cho Thượng thư tỉnh Áo Lỗ Xích[3], Bình Chương sự Ô Mã Nhi, Đại tướng Trương Văn Hổ điều 50 vạn quân, hạ lệnh Hồ Quảng đóng 300 chiếc thuyền biển, hẹn tháng 8 hội cả ở Khâm Châu, Liêm Châu. Lại ra lệnh quân ba hành tỉnh Giang Chiết, Hồ Quảng, Giang Tây xâm lược phương Nam, mượn cớ đưa người đầu hàng là Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương.

Mùa hạ, tháng 6, lệnh cho vương hầu, tôn thất mộ binh, thống lĩnh thuộc hạ của mình.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn:

"Thế giặc năm nay thế nào?".

QuốcTuấn trả lời:

---

[1] Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu để đánh Chiêm Thành từ năm 1282, đến khi đánh bại, bị chém đầu ở trận Tây Kết năm 1285, tức là đã 3 năm.

[2] Phiên âm từ tiếng Mông Cổ Kha-xa Kha-ya (Qasar - Qaya).

[3] Tên MÔng Cổ là A-gu-rúc-tri (Auruyvci).

"Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh. Cho nên, năm trước quân Nguyên vào cướp, thì có kẻ đầu hàng chốn chạy. Nhờ uy tín của tổ tông và thần võ của bệ hạ, nên quét sạch được bụi Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen việc chiến trận, mà quân nó thì sợ phải đi xa. Vả lại, chúng còn nơm lớp cái thất bại của Hằng, Quán[1] [**51b**] không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn".

Vua lệnh cho Hưng Đạo Vương đốc thúc vương hầu tôn thất điều động quân lính, chế tạo vũ khí, thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10, kiểm duyệt, diễn tập quân lính điều động được.

Đinh Củng Viên xin thôi quyền trông coi việc Nội mật viện. Vua y cho, ban [cho Viên] tước Nội minh tự.

Đinh Hợi, Trùng Hưng năm thứ 3 [1287], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 24). Muà xuân, tháng 2, Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu băng.

Tháng 2, cá nhà táng chết cạn ở sông Bạch Đằng, dài 2 trượng 6 thước, dày 6 thước.

Nhà Nguyên Phát Quân Mông Cổ, quân Hán Nam[2], 3 hành Tỉnh GiangHoài, Giang Tây, Hồ Quảng, lính Vân Nam, lính người Lê ở 4 châu ngoài biển[3], chia đường vào cướp. Sai bọn vạn hộ Trương Văn Hổ đi đường biển, chở 70 vạn thạch lương[4] theo sau. Lại đặt Chinh Giao Chỉ hành thượng thư tỉnh [**52a**] do Bình chương sự Áo Lỗ Xích, các Tham tri chính sự Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thống lĩnh và chịu tiết chế của Trấn Nam Vương.

Quan chấp chính xin bọn tráng đinh sung quân để tăng quân số lên nhiều. Trần Hưng Đạo nói :"Quân quý ở tinh nhuệ, không quý ở số đông. Dẫu đến 100 vạn quân mà như Bồ Kiên[5] thì cũng làm gì được?".

Tháng 3, ân xá .

Mùa hạ, tháng 4, lấy Tá Thiên Đại Vương Đức Việp quyền tướng quốc sự.

Duyệt binh. Xử án. Định các danh sách.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, nhật thực.

Tháng 11, ngày 11, giờ Mùi, mặt trời rung thành 4 góc.

Ngày 14, Trịnh Xiển tâu rằng thái tử Nguyên A Thai[6] xâm phạm ải Phú Lương.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương:"Giặc tới, liệu tình hình thế nào".

Vương trả lời: "Năm nay đánh giặc nhàn".

Ngày 24, lệnh cho cấm quân giữ ải Lãnh kinh[7].

---

[1] Chỉ Lý Hằng và Lý Quán bị chết trong cuộc chiến tranh 1285.

[2] Quân Hán Nam: là quân người Hán ở nam Trung Quốc, trong khu vực đất nhà Nam Tống cũ, thư tịch Trung Quốc đời Nguyên thường gọi là quân tân phụ.

[3] Tức bốn châu Nhai, Quỳnh, Đạm, Vạn trên đảo Hải Nam.

[4] Thạch: là đơn vị đo lường thời xưa, mỗi thạch có 10 đấu.

[5] Bồ Kiên: là vua tiền Tần (một nước do tộc Đê lập nên ở bắc Trung Quốc) đem 100 vạn quân đánh Đông Tấn (Hán tộc), bị các tướng Tấn như Tạ Thạch, Tạ Huyền đánh tan tác trong trận Phì Thủy nổi tiếng. Bồ Kiên sau trận này chỉ còn mười vạn tàn quân chạy trốn về Lạc Dương.

[6] Theo Nguyên sử q.149, trong lần xâm lược này có một chư vương A Thai đi theo cánh quân Vân Nam do Ái Lỗ chỉ huy, có lẽ Toàn thư lầm ra là thái tử.

[7] Ải Lãnh Kinh: có lẽ vào khoảng Đáp Cầu, trên sông Cầu (Hà Bắc), cấm quân đóng ở đây để chặn đánh cánh quân Nguyên từ Vĩnh Bình, Chi Lăng đánh xuống.

Hưng Đức hầu Quán đem quân đón đánh, dùng tên tẩm thuốc độc bắn giặc chết và bị thương rất nhiều. Giặc lui về đóng ở ải Vũ Cao.

[**52b**] Ngày 28, Phán thủ thượng vị Nhân Đức hầu Toàn đem thuỷ quân đánh ở vụng Đa Mỗ[1] giặc chết đuối rất nhiều, ta bắt sống 40 tên và thu được thuyền ngựa, khí giới đem dâng.

Tháng 12, ngày 16, chiếu sai minh tự Nguyễn Thức đem quân Thánh dực dũng nghĩa đến chỗ Hưng Đạo Vương để giữ cửa Đại Than[2].

Ngày 26, [quân ta] gặp giặc, đánh bại chúng.

Ngày 30, thái tử Nguyên A Thai[3] cùng Ô Mã Nhi họp 30 vạn quân đánh vào Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về phía đông. Người các hương Ba Điểm, Bàng Hà đều đầu hàng chúng.

Khi ấy, thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thùy cho Phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Khánh Dư. Khánh Dư đánh thất lợi[4] thượng hoàng được tin, sai trung sứ xiềng Khánh Dư giải về kinh. Khánh Dư nói với trung sứ:

"Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khất hai, ba ngày, để [**53a**] mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn".

Trung sứ theo lời xin đó.

Kháng Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau, nên thu thập tàn binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến, [Khánh Dư] đánh bại chúng, bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều. Lập tức sai chạy ngựa mang thư về báo. Thượng hoàng tha cho tội trước không hỏi đến và nói:

"Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thảo khí giới, nay đã bị ta bắt được, sợ nó chưa biết, có thể còn hung hăng chăng?".

Bèn tha những tên bị bắt về doanh trại quân Nguyên để báo tin. Quân Nguyên quả nhiên rút lui. Cho nên, năm này, vết thương không thảm như năm trước, Khánh Dư có phần công lao trong đó.

Trước đây, Khánh Dư trấn giữ Vân Đồn, tục ở đó lấy buôn bán làm nghề nghiệp sinh nhai, ăn uống, may mặc đều dựa vào khách buôn phương Bắc, cho nên quần áo, đồ dùng theo tục người Bắc. Kháng Dư duyệt quân các trang, ra lệnh: "Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc [**53b**] Hồ, không thể đội nón của phương Bắc, sợ khi vội vàng khó lòng phân biệt, nên đội nón Ma Lôi (Ma Lôi là tên một hương ở Hồng Lộ, hương này khéo nghề đan cật tre làm nón, cho nên lấy tên hương làm tên nón), ai trái tất phải phạt".

Nhưng Khánh Dư đã sai người nhà mua nón Ma Lôi từ trước, chở thuyền đến đậu trong cảng rồi. Lệnh vừa ra, sai người ngầ2m báo dân trong trang: "Hôm qua thấy trước vụng biển có thuyền chở nón Ma Lôi đậu".

Do đấy, người trong trang nối gót trrrranh nhau mua nón, ban đầu muaa không tới 1 tiền, sau giá đắt, bán 1 chiếc nón giá 1 tấm vải. Số vải thu được tới hàng ngàn tấm. Thơ mừng của một người khách phương Bắc câu: "Vân Đồn kê khuyển diệc giai kinh" (Vân Đồn gà chó thảy đều kinh) là nói thác sợ phục uy danh của Kháng Dư mà thực là châm biếm ngầm ông ta. Kháng Dư tính tham lam, thô bỉ, những nơi ông ta trấn nhậm, mọi người đều rất ghét. Nhân Tông chỉ tiếc ông có tài làm tướng, nên không nỡ bỏ mà thôi.

---

[1] Đây là trận chặn đánh cánh quân thủy do Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp chỉ huy ở vùng mũi Ngọc gần Móng Cái bây giờ.

[2] Đại Than: là tên xã, ở huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, gần chỗ sông Đuống chảy ra sông Lục Đầu. Cửa Đại Than tức là cửa sông Đuống.

[3] Ở đây, Toàn thư đã chép nhầm Thoát Hoan thành A Thai. Khi Thoát Hoan tiến quân đến Vạn Kiếp, thì cánh quân phía tây của Trình Bằng Phi và cánh thủy quân của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp cũng đến hội quân ở đấy.

[4] Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chịu trách nhiệm giữ vùng bờ biển, không chặn nổi thủy quân giặc, để chúng qua được cửa An Bang tiến về Vạn Kiếp. Vân Đồn nay tức là Vân Hải, tỉnh Quảng Ninh.

[**54a**] **Mậu Tý,** [Trùng Hưng] năm thứ 4 [1288], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, Ô Mã Nhi đánh vào phủ Long Hưng[1].

Ngày mồng 8, quan quân hội chiến ngoài biển Đại Bàng, bắt được 300 chiếc thuyền giặc, 10 thủ cấp giặc, quân Nguyên bị chết đuối rất nhiều[2].

Tháng 2, ngày 29, Ô Mã Nhi đánh vào trại Yên Hưng[3].

Tháng 3, ngày mồng 8, quân Nguyên hội ở sông Bạch Đằng để đón thuyền lương của bọn Trương Văn Hổ nhưng không gặp. Hưng Đạo Vương đánh bại chúng.

Trước đó, Vương đã đóng cọc ở sông Bạch Đằng, phủ cỏ lên trên. Hôm ấy, nhân lúc nước triều lên, Vương cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy, bọn giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại. Nước triều xuống, thuyền giặc vướng cọc hết. Nguyễn Khoái chỉ huy quân Thánh dực dũng nghĩa đánh nhau với giặc, bắt sống Bình chương Áo Lỗ Xích[4]. Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông do vậy đỏ ngầu cả. Đến khi Văn Hổ tới quân mai phục hai bên bờ hăng hái xông ra đánh, [**54b**], lại đánh bại chúng. Nước triều rút nhanh, thuyền lương của Văn Hổ mắc trên cọc, nghiêng đắm gần hết. Quân Nguyên chết đuối rất nhiều. Bắt được 400 chiếc thuyền. Nội Minh tự Đỗ Hành bắt được Ô Mã Nhi và Tích Lê Cơ Ngọc[5] dâng lên thượng hoàng[6]. Thượng hoàng sai dẫn lên thuyền ngự, cùng ngồi nói chuyện với chúng và uống rượu vui vẻ. Thoát Hoan và A Thai dẫn quân trốn về Tư Minh, thổ quan là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng[7].

Hai vua trở về phủ Long Hưng.

Ngày 17, đem các tướng giặc bị bắt là Tích Lệ Cơ Ngọc, Nguyên soái Ô Mã Nhi, Tham chính Sầm Đoàn, Phàn Tiếp, Nguyên soái Điền, các Vạn hộ, Thiên hộ làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu Lăng.

Trước đó quân Nguyên đã khai quật Chiêu Lăng muốn phá đi, nhưng không phạm được tới quan tài. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá [ở lăng] đều bị lấm bùn. Đó là thần linh giúp ngầm vậy. Khi vua cử lễ bái yết, có làm thơ rằng:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện [**55a**] kim âu.
(Xã tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông ngàn thuở vững âu vàng[8].

Ngày 27, xa giá hai vua trở về kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, Thượng hoàng ngự ở hành lang Thị Vệ (vì cung điện bấy giờ đã bị giặc đốt hết), đại xá thiên hạ. Những nơi bị binh lửa, cướp phá thì miễn giảm theo mức độ khác nhau.

Vua dụ ty Hành khiển giao hảo với viện Hàn lâm.

---

[1] Phủ Long Hưng: là đất huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nơi có lăng mộ của họ Trần. Bọn Ô Mã Nhi đã khai quật lăng Trần Thái Tông để trả thù lần thất bại trước.

[2] Trận Đại Bàng là trận thủy chiến giữa thủy quân nhà Trần với bọn Ô Mã Nhi khi bọn này đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Cửa Đại Bàng nay là cửa Văn Úc ở huyện Kiến An, Hải Phòng.

[3] Trại Yên Hưng: ở vùng huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Sau khi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ không kết quả. Ô Mã Nhi trở về Vạn Kiếp. Trên đường về, hắn cho quân đi cướp phá một số nơi thuộc An Bang (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) như trại Yên Hưng.

[4] Thực ra, Áo Lỗ Xích theo Thoát Hoan trốn thoát chứ không bị bắt.

[5] Nhiều tài liệu khác đều ghi là Tích Lê Cơ, hay Tích Lê Cơ Đại Vương. Viên tướng Mông Cổ này tên là Tích Lê Cơ, còn Vương là tước hiệu. Chữ Ngọc? chép lầm từ chữ Vương?.

[6] Đoạn này có nhiều sai lầm, đã chép lẫn lộn việc Ô Mã Nhi đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ với trận phục kích đánh bọn Ô Mã Nhi khi chúng rút chạy về nước.

[7] Thoát Hoan theo đường bộ chạy trốn, đã thoát được, chứ không bị bắt.

[8] Âu vàng (kim âu): Là biểu tượng sự toàn vẹn và vững chắc của lãnh thổ một nước.

Lệ cũ, mỗi khi tuyên đọc lời vua, thì viện Hàn lâm lĩnh đưa bản thảo tờ chiếu cho Hành khiển để giảng tập trước. Đến khi tuyên đọc, thì giảng cả âm nghĩa cho dân thường dễ hiểu, vì chức Hành khiển để dùng hoạn quan thôi. Bấy giờ, Lê Tòng Giáo làm tả phụ, vốn bất hòa với Hàn kâm phụng chỉ Đinh Củng Viên. Ngày tuyên đọc lời vua đã đến rồi mà Củng Viên vẫn cố ý không đưa bản thảo. Tòng Giáo đòi nhiều lần vẫn không được.

Hôm ấy, xa giá sắp ra ngoài cung, Củng Viên mới đưa bản thảo. Tòng Giáo tuyên đọc tờ chiếu đại xá, không hiểu âm nghĩa, phải im lặng. Vua [**55b**] gọi Củng Viên đứng đằng sau, nhắc bảo âm nghĩa. Tòng Giáo rất thẹn. Tiếng nhắc của Củng Viên to dần, mà tiếng đọc của Tòng Giáo lại nhỏ đi, trong triều chỉ còn nghe thấy tiếng của Củng Viên thôi. Vua về trong cung, gọi Tòng Giáo dụ bảo:

"Củng Viên là sĩ nhân, ngươi là trung quan[1] sao lại bất hòa đến thế? Ngươi là lưu thủ Thiên Trường, dùng con rươi quả quýt đi lại, đưa tặng lẫn nhau thì có việc gì?".

Từ đó, Tòng Giáo và Củng Viên giao hảo với nhau càng gắn bó.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua bảo kẻ thần hạ tặng biếu giao hảo với nhau, thì chẳng phải là gây cái tệ tư giao giữa người làm tôi với nhau sao?

Xin thưa, giao hảo với tư giao, việc thì giống nhau, nhưng tình thì có khác. Đem tư tâm mà kết ngầm với nhau, đó là tư giao, như Kinh Xuân thu chê Thái Bá đến nước Lỗ là thế[2] . Lấy tình nghĩa giao hoan với nhau thì không phải là tư giao, như thi nhân ngâm vịnh việc tặng dưa tặng mận[3] cho nhau [**56a**] là vậy. Vua bảo bề tôi giao hảo với nhau là để cùng nhau làm tốt việc của nhà vua. Nhà Trần trung hậu như thế [qua việc này] có thể thấy được. Nhưng lấy hoạn quan không biết chữ làm Hành khiển thì cũng không phải.

Mù thu, tháng 9, phu nhân Hưng Đạo Vương Nguyên từ quốc mẫu Trần thị (tức công chúa Thiên Thành) mất.

Mùa đông, tháng 10, sai Đỗ Thiên Hư (Thiên Hư là em Khắc Chung) sang Nguyên. Đỗ Khắc Chung [trước đây] đi sứ sang Nguyên có công, đến nay, tiến cử em là Thiên Hư. Vua nghe theo.

Kỷ Sửu, Trùng Hưng năm thứ 5 [1289], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26). Mùa xuân, tháng 2, sai Nội thư Hoàng Tá Thốn đưa bọn Ô Mã Nhi về nước, dùng kế của Hưng Đạo Vương, lấy người giỏi bơi lặn, sung làm phu thuyền, ban đêm dùi thuyền cho đắm, bọn Ô Mã Nhi đều chết đuối cả.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chữ tín là vật báu của nước, mà làm cho người khác phục mình sâu sắc thì đó là gốc của vương chính. [**56b**] Hưng Đạo Vương dùng bá thuật[4], muốn được thành công trong một thời mà không biết làm như thế là đã thất tín với muôn đời. Đã nói là đưa về nước lại dùng mưu kế để giết đi, thì thực quỷ quyệt quá lắm. Thái Tổ Cao Hoàng Đế nước Đại Việt ta[5] đang khi dẹp loạn, định tha người Minh về nước. Bọn nguỵ quan có kẻ viện dẫn cho người Minh nghe câu chuyện dùi thuyền của Hưng Đạo Vương khi trước nhằm ngăn cản ý muốn về nước của họ. Nhưng lòng tín thực của Thái Tổ thấu đến cả muông thú, nên rốt cuộc ngườu Minh tin theo không ngờ vực. Thế mới là làm cho người khác phục mình sâu sắc và là cội gốc của vương chính. Đâu có thể nói [chữ tín] chỉ là chuyện nhỏ nhặt.

Tháng 3, ngày mồng 1, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 4, định công dẹp giặc Nguyên.

---

[1] Trung quan: tức là hoạn quan.

[2] Thái Bá làm khanh sĩ của nhà Chu, không có lệnh của vua nhà Chu, tự tiện sang nước Lỗ, như vậy là tư giao (Xem Tả truyện, Lỗ An Công năm thứ nhất).

[3] Thi Kinh có bài Mọc qua, ngâm vịnh việc tặng dưa tặng mận cho nhau, ca ngợi quan hệ hữu hảo tốt đẹp.

[4] Bá thuật: là những thủ đoạn xảo trá để đạt mục đích nhất thời, bất chấp nhân nghĩa. Đối lập với bá thuật là vương đạo, vương chính, nghĩa là đường lối chân chính, trọng nhân nghĩa, trọng tín lễ, làm cho người khác thực lòng tin phục.

[5] Chỉ Lê Lợi: Trong khi vây đánh thành Đông Quan, Lê Lợi nhiều lần viết thư dụ hàng bọn Vương Thông, hứa sẽ cho chúng an toàn về nước. Có lần Vương Thông định nghe theo, nhưng bọn nguỵ quan Lương Nhữ Hốt dẫn việc Hưng Đạo Vương dùi thuyền giết tù binh, Vương Thông lại ngoan cố chống lại. Sau khi hai cánh viện binh thất bại, Vương Thông mới chịu đầu hàng.

Tiến phong Hưng Đạo Vương làm Đại Vương, Hưng Vũ Vương làm Khai Quốc công, Hưng Nhượng Vương làm Tiết độ sứ. Người nào có công lớn thì được ban quốc tính. Khắc Chung được dự trong số đó, lại được nhận chức Đại hành khiển. Đỗ Hành chỉ được phong [**57a**] Quan nội hầu, vì khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng lên quan gia[1], lại dâng lên Thượng hoàng. Hưng Trí Vương không được thăng trật, vì đã có chiếu cho người Nguyên về nước, các tướng không được cản trở, mà lại còn đón đánh chúng. Cho Man trưởng Lạng Giang Lương Uất làm trại chủ Quy Hóa. Hà Tất Năng làm Quan phục hầu vì đã chỉ huy người Man đánh giặc.

Việc thưởng tước đã xong, vẫn còn có người chưa bằng lòng. Thượng hoàng dụ rằng:

"Nếu các khanh biết chắc là giặc Hồ không vào cướp nữa thì nói rõ cho trẫm biết, dù có thăng đến cực phẩm trẫm cũng không tiếc. Nếu không thế mà đã vội thưởng hậu, vạn nhất giặc Hồ trở lại, và các khanh lại lập công nữa thì trẫm lấy gì mà thưởng để khuyến khích thiên hạ".

Mọi người đều vui vẻ phục tùng.

Tháng 5, trị tội những kẻ đã hàng giặc. Chỉ quân lính và dân thường được miễn tội chết, nhưng bắt chở gỗ đá, xây cung điện để chuộc tội, quan viên phạm tội [**57b**] [hàng giặc] thì tùy tội nặng nhẹ mà xét xử.

Lấy Phùng Sĩ Chu làm Hành hiển.

Sĩ Chu người [xã] Cổ Liễu, Trà Hương. Khi người Nguyên sang, vua sai Sĩ Chu bói. Sĩ Chu đoán rằng: "Thế nào cũng đại thắng".

Vua mừng bảo; "Nếu đúng như lời đoán, sẽ có trọng thưởng".

Giặc yên, vua nói: "Thiên tử không có nói đùa". Do đấy, có lệnh này. Sĩ Chu là người trung hiếu, có tài văn nghệ, làm quan đến Thiếu phó, hiệu là Tốn Trai tiên sinh.

Gia phong Nguyễn Khoái làm liệt hầu, ban cho một quận thang mộc, gọi là Khoái Lộ?, sau đổi thành Khoai Lộ? (nay là phủ Khoái Châu).

Định các công thần [đánh Nguyên] lần trước và lần sau. Người nào xông lên trước phá trận giặc, lập kỳ công thì chép vào tập Trung hưng thực lục lại sai vẽ hình.

Xử tội đồ quân dân hai hương Ba Điểm và Bàng Hà, làm thang mộc binh[2], không được làm quan, ban cho tể thần làm sai sử hoành[3].

Trưóc kia, người Nguyên vào cướp, vương hầu, quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng. Đến khi giặc thua [**58a**] bắt được cả một hòm biểu xin hàng. Thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng những kẻ phản trắc. Chỉ có kẻ nào đầu hàng trước đây, thì dẫu bản thân ở triều đình giặc, cũng kết án vắng mặt, xử tội đi đày hoặc tử hình, tịch thu điền sản, sung công, tước bỏ quốc tính. Như Trần Kiện là con của Tĩnh Quốc thì đổi làm họ Mai. Người khác cứ theo lệ ấy mà đổi, như bọn Mai Lộng, Ích Tắc là chỗ tình thân cốt nhục, tuy trị tội cũng thế, nhưng không nỡ đổi họ xóa tên, chỉ gọi là Ả Trần, có ý chê hắn hèn nhát như đàn bà vậy. Vì thế, những ghi chép đương thời đều gọi là Ả Trần, Mai Kiện...

Có tên Đặng Long là cận thần của vua, rất giỏi văn học, tước đến hạ phẩm, đã được ghi chú để cất nhắc. Vua định cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng lâm học sĩ, nhưng Thượng hoàng ngăn lại. Hắn mang dạ bất bình, đến giờ cũng hàng giặc. Giặc thua, hắn bị bắt, đem chém để răn bảo kẻ khác.

Thượng hoàng ngự đến hành cung Thiên Trường, có làm bài thơ rằng:

Cảnh thanh u vật diệc thanh u,
Thập nhất [**58b**] tiên châu, thử nhất châu.

---

[1] Thời Trần gọi vua là Quan gia.

[2] Thang mộc binh: Lính hầu trong các ấp thang mộc, tức đất phong của vương hầu.

[3] Sai sử hoành: nô tỳ dùng để sai khiến.

Bách bộ sênh ca, cầm bách thiệt,
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tính,
Kim niên du thắng tích niên du

(Cảnh thanh u, vật cũng thanh u,
Mười một tiên châu, đây một châu.
Trăm giọng chim ca, trăm bộ sáo
Ngàn hàng cây quýt ngàn tên nô
Trăng vô sự soi người vô sự,
Nước vẻ thu ngậm trời vẻ thu.
Bốn biển đã quang, trần đã lặng.
Chuyến đi nay thắng chuyến đi xưa).

Vì là xúc cảm về hai lần đánh giặc đã qua mà phát thành thơ vậy.

Hạn từ tháng 6 mùa hạ đến tháng 10 mùa đông.

Canh Dần, [Trùng Hưng] năm thứ 6 [1290], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 27). Mùa xuân, tháng 2, chọn quan văn chia đi cai trị các lộ.

Vua thân đi đánh Ai Lao. Triều thần can rằng: "Giặc Hồ vùa rút, vết thương chưa lành, đâu đã có thể dấy binh đao!".

Vua nói:

"Chỉ có thể lúc này ra quân thôi. Vì sau khi giặc rút, ba cõi tất cho là lính tráng, ngựa chiến của ta đã chết cả, thế không thể lên nổi, sẽ có sự khinh nhờn từ bên trong, cho nên phải cất quân lớn để thị uy".

Bầy tôi đều nói:

"Nhà vua há chẳng biết làm nhọc dân là việc đáng lo, nhưng còn có việc đáng lo lớn hơn [**59a**] thế nữa. Thánh nhân lo xa, bọn thần không thể nghĩ đến được".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bây giờ, triều thần can việc thân chinh chưa phải là sai lắm, đến khi nghe lời Nhân Tông mà vội tán tụng là "thánh nhân lo xa" thì gần như là nịnh hót rồi.

Tháng 3, gia phong Tá Thiên Đại Vương Đức Việp làm Nhập nội Kiểm hiệu thái úy.

Mùa hạ, tháng 4, sông Tô Lịch chảy ngược (sôngnày hễ có mưa to thì nước rút, tràn và chảy ngược).

Tháng 5, ngày 25, Thượng hoàng băng ở cung Nhân Thọ.

Lấy Hạ phẩm phụng ngự Phạm Ngũ Lão chỉ huy Hữu vệ Thánh dực quân.

Mùa thu, tháng 8, sai Ngô Đình Giới sang cáo phó với nước Nguyên.

Tháng 9, để tang Thánh Tông mới hơn 3 tháng, Ngự sử đại phu Đỗ Quốc Kế tâu rằng:

"Phàm để tang không nên [**59b**] làm thương tổn người sống. Nay thiên tử đều dùng kiệu khiêng, thế là người sống bị tổn thương, xin hãy cưỡi ngựa". Vua nghe theo, chỉ dùng yên trắng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem lời tâu của Quốc Kế, chẳng những học vấn nông cạn mà kiến thức cũng thấp hèn. Cưỡi ngựa không phải là điều nên làm trtong tang chế mà cứ xin cưỡi ngựa; làm thương tổn người [sống] có người là hủy thân thể, diệt sinh mạng, mà lại bảo [đi kiệu] là thương tổn người [sống]! Học vấn của hắn như thế, kiến

thức của hắn như thế thì việc sửa lầm, nắn lỗi sẽ ra sao? Nhân Tông đang có tang, không nhận ra điều sai trái đó mà lại lầm lẫn làm theo thì cũng không phải.

Đói to, 3 thăng gạo giá 1 quan tiền, dân nhiều người bán ruộng đất, và bán con trai con gái làm nô tỳ cho người, mỗi người giá 1 quan tiền.

Xuống chiếu phát thóc công chẩn cấp dân nghèo và [**60a**] miễn thuế nhân đinh.

Mùa đông, tháng 12, ngày 15, táng [Thượng hoàng] ở Dụ Lăng, miếu hiệu là Thánh Tông, truy tôn là Huyền Công Thịnh Đức Nhân Minh, Văn Vũ Tuyên Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thánh Tông nối nghiệp Thái Tông, giữa chừng gặp tai họa giặc vào cướp, đã ủy nhiệm tướng thần, cùng với Nhân Tông chung sức, cùng nhau vượt qua, khiến cho thiên hạ đã tan mà lại họp, xã tắc đã nguy mà lại yên, suốt đời Trần, không còn nạn xâm lược của giặc Hồ[1] nữa. Công lao ấy to lớn lắm.

Tân Mão,[Trùng Hưng] năm thứ 7 [1291], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 28). Năm này lại đói to, ngoài đường nhiều người chết đói.

Nhà Nguyên sai Lễ bộ thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ vua vào chầu[2]. Năm sau, (vua) sai Nguyễn Đại Phạp sang Nguyên từ chối, lấy cớ có tang.

[**60b**] **Nhâm Thìn,** [Trùng Hưng] năm thứ 8 [1292], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, nhật thực.

Lấy Phí Mạnh làm An phủ Diễn Châu, giữ chức chưa bao lâu, có tiếng đồn là tham ô, vua triệu về, đánh trượng, lại sai đi trấn trị. Sau được tiếng là công bằng thang liêm. Người Diễn Châu vì thế có câu rằng: "Diễn Châu an phủ thanh như thủy" (An Phủ Diễn Châu trong tựa nước).

Lấy Trần Thì KIến làm An phủ lộ Yên Khang[3], nhưng tên huyện đã bỏ và đất chia nhập vào huyện Tam Điệp và huyện Kim Sơn.

Trước đây, quân Nguyên vào cướp, vua sai Thì Kiến bói, được quẻ Dự biến sang quẻ Chấn, đoán là tốt. Mùa hạ năm sau, quân Nguyên đại bại, quả đúng như lời đoán. Mùa thu năm Trùng Hưng thứ 2, quân Ngyên lại vào cướp, vua lại sai bói, được quả Quan biến sang quẻ Hoán, [Kiến] đoán: "Hoán nghĩa là tan, là điềm giặc tan". Sau quân Nguyên đến sông Bạch Đằng, quả nhiên tan chạy. Vua khen tài của Kiến, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, ngày mồng 3, lập Đông cung thái tử Thuyên làm Hoàng thái tử. Lấy con gái trưởng [**61a**] của Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng làm phi cho thái tử.

Lấy Đinh Củng Viên làm Thái tử thiếu bảo, thăng tước Quan nội hầu.

Tháng 3, xuống chiếu rằng phàm văn tự bán đứt hoặc cầm đợ thì phải làm hai bản giống nhau, mỗi bên cầm một bản.

Xuống chiếu cho những mua dân lương thiện làm nô tỳ thì phải cho chuộc lại; ruộng đất, nhà cửa không theo luật này. Vì là nạn đói hai năm Canh Dần và Tân Mão, nhiều người chết, [nên có chiếu này].

Vua từng ngự chơi bên ngoài, giữa đường, hể gặp gia đồng của vương hầu thì tất gọi chúng mà hỏi: "Chủ mày đâu?", rồi răn các vệ sĩ không được thét đuổi. Đến khi về cung, bảo tả hữu rằng:

"Ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lắm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt". Vì là vua cảm mến bọn chúng đi theo bảo vệ mình hồi phải chạy ra khỏi kinh thành mà nói thế.

---

[1] Giặc Hồ ở đây chỉ quân xâm lược Nguyên Mông.

[2] Theo An Nam chí lược, mãi đến ngày 18 tháng 3 năm Nhâm Thìn (1292), Trương Lập Đạo mới tới Khâu Ôn (Ôn Châu, Lạng Sơn).

[33]Yên Khang: là huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Nguyễn Đại Phạp đến nước Nguyên, người Nguyên gọi là Lão lệnh công. Đại Phạp tới Ngọc Châu, vào yết kiến các quan bình chương ở hành tỉnh. Lúc ấy Chiêu QuốcVương Ích Tắc cũng ngồi ở đó. Đại Phạp [**61b**] chỉ không chào một mình hắn. Ích Tắc hỏi:

"Ngươi không phải là tên biên chép ở nhà Chiêu Đạo Vương đó ư?" (Chiêu Đạo Vương trước tên là Quang Xưởng, là con thứ của Thái Tông, anh cùng mẹ của Ích Tắc). Đại Phạp trả lời"

"Việc đời đổi thay, Đại Phạp trước vốn là tên biên chép cho Chiêu Đạo Vương, nay là sứ giả, cũng như Bình chương xưa kia là con vua, nay lại là người đầu hàng giặc".

Ích Tắc có vẻ hổ thẹn. Từ đấy về sau, sứ ta đến, hắn không còn ngồi ở tỉnh đường nữa.

Quý Tỵ, [Trùng Hưng] năm thứ 9 [1293], (từ tháng 3 trở đi là Anh Tông Hưng Long năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 30). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Thuyên. [Hoàng thái tử Thuyên] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Anh Hoàng, tôn Thượng hoàng làm Hiến Nghiêu Quang Thánh Thái Thượng Hoàng Đế, tôn Bảo Thánh hoàng hậu làm Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Ứng Thiên Quảng Vận Nhân Minh Thánh Hiếu Hoàng Đế. Phong bà phi làm Văn Đức phu nhân, rồi lại phế đi, lấy em gái Văn Đức làm Thánh [**62a**] Tư phu nhân.

Mùa thu, tháng 9, ngày 13, Khâm từ bảo thánh hoàng thái hậu băng ở Lỗ Giang, phủ Long Hưng, tạm quàn ở cung Long Hưng.

Thái hậu nhu mì đức tốt, thông minh sáng suốt, nhân hậu với kẻ dưới.

Thượng hoàng có lần làm chuồng hổ ở thềm Vọng Lâu, sai quân sĩ đánh nhau với hổ, [thượng hoàng] ngự trên lầu để xem, thái hậu và phi tần đều theo hầu. Lầu thấp, song chuồng hổ và thềm cũng thấp, hổ bỗng nhiên thoát khỏi chuồng trèo lên lầu. Người trên lầu đều tan chạy cả. Chỉ có Thượng hoàng và Thái hậu cùng 4, 5 thị nữ còn ở đó. Thái hậu nghĩ không khỏi bị hại, mới lấy chiếc chiếu che cho Thượng hoàng và tự che mình. Hổ lên lầu gầm rống rồi nhảy xuống không vồ hại ai cả.

Lại một lần Thượng hoàng ngự điện Thiên An xem đấu voi ở Long Trì. Con voi bỗng nhiên xổng thoát,xông tới, định lên điện, tả hữu đều sợ hãi tan chạy cả, chỉ có Thái hậu vẫn ở đó.

> [**62b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Hổ hay vồ, voi hay quật, há chẳng đáng khiếp sợ sao. Thế mà Thái hậu đương lúc chúng lồng lộn xông xáo, tâm thần không dao động, bình tĩnh đối phó vì bà suy nghĩ chín chắn, lý lẽ đã sáng tỏ vậy.

Kể người đàn bà dáng điệu mềm yếu mà có thể như thế, so với nàng Tiệp Dư ngày xưa đứng chắn gấu [cho vua][1], có lẽ cũng không thẹn gì. Kẻ sĩ đại phu, há chẳng nghĩ làm thế nào đạt đến mức suy nghĩ chín chắn, lý lẽ sáng tỏ, để đối phó với mọi chuyển biến của sự cơ hay sao?

Có người nói Nhân Tông xem đánh hổ, đấu voi, nếu Thái hậu quả là nguười hiền, thì nên can ngăn đi, can mà [vua] không nghe, thì cởi trâm hoa để tạ tội là phải[2]. Nay lại đi theo để xem, đến lúc nguy cấp, thoát khỏi tai họa là may, sao lại được gọi là hiền?

Xin thưa: Đó là những lời trách quá đáng, không phải là lời bàn thường tình.

[**63a**] Chiêm Thành sang cống.

Sao Chổi xuất hiện ở vùng sao Tử Vi, sát tới sao Đẩu, sao Khôi, tia sáng hơn 1 thước, đến trăm ngày mới tắt.

Nhà Nguyên sai Binh bộ thượng thư Lương Tằng dụ vua vào chầu. Vua lấy cớ có bệnh từ chối, sai Đào Tử Kỳ sang tặng phương vật. Nhà Nguyên giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng, lập An Nam hành tỉnh, lấy

---

[1] Phùng Tiệp Dư, là một cung nhân của Hán Nguyên Đế; đứng hầu Nguyên Đế xem chuồng gấu, gấu bỗng xổng thoát, định trèo lên điện, Tiệp Dư đứng chắn trước vua, ngăn không cho gấu đụng đến vua.

[2] Theo tích Khương Hậu, vợ Chu Tuyên Vương, Khương Hậu thấy vua hay dậy trưa, khuyên mãi không được, bèn cởi bỏ trâm hoa mà tạ tội. Tuyên Vương từ đấy chăm chính sự, ra chầu sớm, bãi chầu muộn.

bọn Bình chương Lưu Nhị Bạt Đô[1] cầm quân đóng ở Tĩnh Giang[2], đợi lệnh tiến đánh. Tháng giêng năm năm sau, nguyên Thế Tổ băng. [Nguyên] Thành Tông[3] lên ngôi, xuống chiếu bãi binh, thả Tử Kỳ về nước.

Phong em là Quốc Chẩn làm Huệ Vũ Đại Vương.

---

[1] Tức Lưu Quốc Kiệt, Bạt Đô là phiên âm tiếng Mông Cổ (baatur), có nghĩa là "dũng sĩ". "người dũng cảm", là danh hiệu của Lưu Quốc Kiệt.

[2] Tĩnh Giang: tức là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[3] Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt chết ngày Quý Dậu, tháng giêng, năm Giáp Ngọ (18 tháng 2 năm 1294). Nguyên Thành Tông tức là Thiết Mộc Nhĩ (Tamur) lên ngôi, ra lệnh bãi binh đánh Đại Việt.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VI

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Anh Tông Hoàng Đế

Tên là Thuyên, con trưởng Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, băng ở cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường, táng ở Thái Lăng. Vua khéo biết kế thừa, cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng, cũng là bậc vua tốt của triều Trần. Song tụ họp nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhọc sức dân dựng gác Ánh Vân, thì chẳng phải là tỳ vết nhỏ trong đức lớn đó sao?

Giáp Ngọ, Hưng Long năm thứ 2 [1294], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 31). Mùa xuân tháng 2, ngày mồng 7 ban bố các chữ quốc húy: chữ húy của vua là Thuyên, của Nhân Tông là Khâm, của Thánh Tông là Hoảng; của Thái Tông là Cảnh, của Thái Tổ là Thừa, của Nguyên Tổ là Lý; các chữ nội húy: Thánh Từ hoàng hậu là Phong, Thuận Từ hoàng hậu là Diệu, Hiển Từ hoàng hậu là Oanh, Nguyên Thánh hoàng hậu là **[1b]** Hâm.

Tháng 3, lấy Nhập nội phán thủ thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiện làm Đô áp nha, coi giữ các sắc mục trong ngoài cung Thánh Từ, lấy con Văn Túc Vương[1] là Văn Bích làm Thượng vị Uy Túc hầu.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, Thượng tướng thái sư Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải mất, thọ 54 tuổi.

Quang Khải lúc mới sinh, phát chứng kinh suýt chết, Thái Tông lấy áo của Thượng hoàng và thanh gươm báu truyền quốc để bên cạnh rồi bảo ông: "Nếu sống lại, sẽ ban cho những thứ này".

Đến khi sống lại, Thái Tông nói:

"Gươm báu truyền quốc, không thể trao bừa, chỉ ban cho áo của Thượng hoàng thôi".

Quang Khải có học thức, hiểu tiếng nói của các phiên[2]. Trước kia, Thánh Tông thân đi đánh giặc, Quang Khải theo hầu, ghế tể tướng bỏ không, vừa lúc có sứ phương Bắc đến. Thái Tông gọi Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn tới bảo:

"Thượng tướng đi theo hầu vắng, trẫm định lấy khanh làm Tư đồ để tiếp sứ phương Bắc".

Quốc Tuấn trả lời:

"Việc tiếp **[2a]** sứ giả, thần không dám từ chối, còn như phong thần làm Tư đồ thì thần không dám vâng chiếu. Huống chi Quan gia đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu mà bệ hạ lại tự ý phong chức, thì tình nghĩa trên dưới, e có chỗ chưa ổn, sẽ không làm vui lòng Quan gia và Quang Khải. Đợi khi xa giá trở về, sẽ xin vâng mệnh cũng chưa muộn".

---

[1] Văn Túc Vương: tên là Đạo Tái, con của Trần Quang Khải.

[2] Chỉ các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ Đại Việt thời đó. Nhật Duật còn biết tiếng của nước xung quanh Đại Việt, như Hán, Chăm-pa.

Đến khi Thánh Tông trở về, việc ấy lại bỏ đấy, vì hai người vốn không ưa nhau.

Một hôm, Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp tới, Quang Khải xuống thuyền chơi suốt ngày mới trở về. Lại Quang Khải vốn sợ tắm gội, Quốc Tuấn thì thích tắm thơm, từng đùa bảo Quang Khải:

"Mình mẩy cáo bẩn, xin tắm giùm", rồi cởi áo Quang Khải ra, dùng nước thơm tắm cho ông và nói:

"Hôm nay được tắm cho Thượng tướng".

Quang Khải cũng nói: "Hôm nay được Quốc công tắm rửa cho".

Từ đó, tình nghĩa qua lại giữa hai người càng thêm mặn mà. Bản thân làm tướng văn, tướng võ, giúp rập nhà vua, hai ông đứng hàng đầu.

Quang Khải ham học hay thơ, có Lạc đạo **[2b]** tập lưu hành ở đời. Con ông là Văn Túc Vương Đạo Tái cũng nổi tiếng về văn học thời đó, được Thượng hoàng ưu ái hơn các em thúc bá khác.

Bấy giờ, Thượng hoàng đến Vũ Lâm[1] vào chơi hang đá, cửa núi đá hẹp, thượng hoàng ngự chiếc thuyền nhỏ, Tuyên Từ thái hậu ngồi đằng đuôi thuyền, gọi Văn Túc Vương lên mũi thuyền, chỉ để một người chèo thuyền thôi. Đến khi thượng hoàng xuất gia, sắp ra đi, mời Đạo Tái vào điện Dưỡng Đức cung Thánh Từ cho ngồi ăn các món hải vị, làm thơ rằng:

Hồng thấp bác quy cước,
Hoàng hương chích mã an,
Sơn tăng trì tịnh giới,
Đồng tọa bất đồng xan.
(Quy cước[2] bóc đỏ ướt,
Mã yên nướng vàng thơm,
Sơn tăng giữ trai giới,
Cùng ngồi chẳng cùng ăn).

Tin yêu, quý mến Đạo Tái đến như vậy, định dùng ông vào chức to, nhưng trời không cho sống lâu. Cháu [Quang Khải] là Uy Túc công Văn Bích làm Thái bảo thời Minh Tông, chắt là Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán là Từ đồ đời Nghệ Tông cũng có danh tiếng. Đức trạch [của Quang Khải] thực sâu dày, cùng hưởng phúc với nhà vua từ trước đến sau.

[3a] Tháng 8, Thượng hoàng đích thân đi đánh Ai Lao, bắt được người và súc vật nhiều không kể xiết. Trong chiến dịch này, Trung Thành Vương (không rõ tên) làm tiên phong, bị quân Ai Lao bao vây, Phạm Ngũ Lão dẫn quân ập tới, giải vây, rồi tung quân nghênh chiến, đánh bại quân Ai Lao. Ban kim phù cho Ngũ Lão.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Sùng Thiên.

Thiếu bảo Đinh Củng Viên mất, vua tôn trọng không gọi tên ông.

Ất Mùi, [Hưng Long] năm thứ 3 [1295], (Nguyên Thành Tông Mộc Nhĩ Nguyên Trinh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, sứ Nguyên Tiêu Thái Đăng sang.

Vua sai Nội viên ngoại lang Trần Khắc Dụng, Phạm Thảo cùng đi theo, nhận được bộ kinh Đại Tạng đem về để ở phủ Thiên Trường, in bản phó để lưu hành.

Mùa hạ, tháng 6, Thượng hoàng trở về kinh sư. Vì [trước] đã xuất gia ở hành cung Vũ Lâm rồi lại trở về.

Bấy giờ, Tuyên Từ thái hậu từ khi Khâm Từ băng, phải quản việc trong cung, tính người khó khăn nóng nảy, dạy bảo rất nghiêm, mà vua vâng theo rất kính cẩn. Thượng hoàng **[3b]** nói [với vua]:

---

[1] Tức là xã Vũ Lâm huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

[2] Quy cước, mã yên: là hai món ăn. Quy cước là món sò huyết, mã yên: chưa rõ món gì.

"Cha tự thẹn xưng là Hiếu Hoàng, nên dùng danh hiệu ấy để gọi Quan gia thì phải".

Ngày 13, người đàn bà ở phường Tây Nhai phía hữu kinh thành là Lê Thị Ta nghe tin chồng là Phạm Mưu đi sứ nước Nguyên ốm mất, thương nhớ không ăn 3 ngày rồi cũng mất. Việc ấy tâu lên, [vua] cho bạc lụa để viếng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Công chúa Thiều Dương nghe tin Thái Tông băng, kêu gào mãi rồi chết; Lê thị nghe tin chồng chết, không ăn mà chết; Mỵ Ê phu nhân tiết nghĩa không thờ hai chồng, nhảy xuống sông mà chết; vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị không phụ nghĩa chồng, cũng nhảy xuống sông chết theo chồng. Mấy người này đức hạnh thuần hiếu, trinh tiết, trên đời thực không có nhiều. Các vua đương thời nêu khen họ để khuyến khích đời sau thực là phải lắm! Nhưng Thiều Dương và Nguyễn thị chưa được nêu khen, cho nên bàn chung cả ở đây.

Truy tặng Đinh Củng Viên làm Thiếu phó.

Mùa thu, tháng 8, thi con trai các quan văn từ miện sam[1] trở xuống **[4a]**ở nha An Hoa, sung bổ làm thuộc viên nha ấy.

Bính Thân, [Hưng Long] năm thứ 4 [1269], (Nguyên Trinh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, Thượng phẩm Nguyễn Hưng đánh bạc, [vua sai] đánh chết.

> Phan Phu Tiên nói: Luật pháp nhà Trần nghiêm cấm đánh bạc đến như vậy, thế mà đến đời Dụ Tông lại công nhiên làm bậy, gọi là những người giàu vào cung đánh bạc, rồi sau người trong nước bắt chước cái dở ấy, không thể ngăn cấm được nữa. Cuối cùng vì tệ đánh bạc mà rồi mất nước.

Nhân Huệ Vương Khánh Dư từ Bài Áng vào chầu.

Người trong trấn kiện Khánh Dư tham lam thô bỉ. Hành khiển đem sự trạng tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu vua:

"Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ?".

Vua không hài lòng, Khánh Dư bèn trở về. Khánh Dư vào chầu không quá 4 ngày đã trở về, vì sợ ở lâu bị vua khiển trách.

Mùa thu, tháng 7, vua **[4b]** ngự đến Đông Bộ Đầu xem đua thuyền. Được mùa to.

Đinh Dậu, [Hưng Long] năm thứ 5[1279], (Nguyên Đại Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, duyệt định dân binh các xã trong cả nước, bắt đời đời làm lính, không được làm quan theo quy chế cũ.

Đổi giáp thành hương.

Sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi đánh sách A Lộc. Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng đi đánh sách Sầm Tử.

Ai Lao xâm phạm sông Chàng Long. Phạm Ngũ Lão đánh bại chúng, lấy lại được đất cũ. Ban vân phù cho Phạm Ngũ Lão.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Trần Thì Kiến làm Kiểm pháp quan, nhậm chức Đại an phủ Kinh sư.

Thì Kiến tính người cương trực, trước kia làm môn khách của Hưng Đạo Vương, Vương tiến cử ông, được cất nhắc làm An phủ sứ Thiên Trường. Có người trong hương, nhân ngày giỗ đem biếu mâm cỗ, Thì Kiến hỏi vì cớ gì mà biếu. Người ấy trả lời là vì ở gần trị sở [nên đem biếu] chứ không kêu xin gì. Mấy ngày sau, quả nhiên có việc kêu xin. Thì Kiến **[5a]** móc họng mửa ra. Đến đây lại được thăng làm Kiểm pháp quan. Mỗi khi có kiện tụng, thì dùng lý lẽ mà bắt bẻ, việc đến thì tìm phương pháp để ứng phó. Người đời đều cho là giỏi xét đoán kiện tụng (Thì Kiến người Cự Sa, huyện Đông Triều).

---

[1] Theo Cương mục thì miện sam là chức hiệu thư quyền miện, người đỗ thám hoa được bổ chức ấy. Sam là chức bạ thư mạo sam, người đỗ bảng nhãn được bổ chức ấy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thì Kiến hành động lạ lùng quá mức để uốn nắn cái tệ xin xỏ của người bấy giờ, cũng như Án Anh tằn tiện quá mức để uốn nắn cái thói xa xỉ tiếm lễ của Quan Trọng vậy.

Mùa đông, tháng 10, sai phủ tông chính khảo chính phả hệ của họ nhà vua.

Mậu Tuất, [Hưng Long] năm thứ 6 [1298], (Nguyên Đại Đức năm thứ 2). Mùa xuân, ban hai chữ húy là Ngụy và Châu.

Mùa thu, tháng 8, cấm mọi người không được xưng là "thần" với các nhà đại thần tôn thất.

Thi đánh gậy.

Tháng 9, gió lớn mưa to.

Mùa đông, tháng 10, đánh Ai Lao. Tướng Nguyên đầu hàng là Trương Hiển chết tại trận, được tặng tước minh tự, cho thờ ở Thái Thường.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Hữu kim ngô vệ đại **[5b]** tướng quân. Đặt [các quân hiệu] Thượng đô[1], Thủy dạ xoa đô, Chân kinh đô, thích các chữ như "Chân kim"... lên trán.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương đông. Vua lánh không ở chính điện, giảm món ăn.

Lấy Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm Đại an phủ Kinh sư.

Lấy Trần Thì Kiến làm Nhập nội hành khiển hữu gián nghị đại phu. Vua ban cho ông cái hốt có khắc bài minh ngự chế.

Thái sơn trinh cao,
Tượng hốt trinh liệt,
Linh trãi tiến giác,
Vi hốt nam chiết.
(Thái sơn rất cao,
Hốt ngà rất cứng,
Linh trãi[2] dâng sừng,
Làm hốt khó gãy).

Kỷ Hợi, [Hưng Long] năm thứ 7 [1299], (Nguyên Đại Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 4, ngày 12, xuống chiếu cấm chữ húy của Khâm Minh Đại Vương và Thiện Đạo quốc mẫu (Khâm Minh tên húy là Liễu, Thiện Đạo tên húy là Nguyệt; Thiện Đạo là phu nhân của Liễu) khi làm văn không được dùng. Các các chữ Ngụy, Thấp, Nam, Càn, Tô, Tuấn, Anh, Tảng khi làm văn phải viết bớt nét. Nhà Trần kiêng tên huý họ ngoại bắt đầu từ đây.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ tướng quân kiêm quản quân Thiên thuộc phủ Long Hưng.

[6a] Tháng 5, lấy Đoàn Nhữ Hải làm Ngự sử trung tán.

Bấy giờ Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường trở về kinh sư. Các quan trong triều không ai biết cả, vua thì uống rượu xương bồ say khướt. Thượng hoàng thong thả đi thăm khắp các cung điện, từ giờ Thìn đến giờ Tỵ. Cung nhân dâng bữa, Thượng hoàng ngoảnh nhìn không thấy vua, lấy làm lạ, hỏi là Quan gia ở đâu? Cung nhân vào trong nội đánh thức, nhưng ngài không tỉnh. Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, xuống chiếu cho các quan ngay ngày mai đều phải tới phủ Thiên Trường để điểm danh, ai trái lệnh sẽ bị xử tội.

Đến giờ Mùi vua mới tỉnh, cung nhân đem việc ấy tâu lên. Vua sợ quá, đi rảo ra khỏi cửa cung không thấy ai coi giữ; qua chùa Tư Phúc, thấy học sinh Đoàn Nhữ Hài ở cửa chùa. Vua hỏi: "Sao ngươi

---

[1] Cương mục chép là Thượng chân đô.

[2] Theo truyền thuyết Trung Quốc, trãi là loài thú không chân, có 1 sừng, hễ gặp người không chính trực thì húc nên dùng trãi làm biểu tượng cho quan ngự sữ giữ việc đàn hặc, hay gián quan giữ việc khuyên can vua.

lại ở đây?". Nhữ Hài vội vàng lạy rạp xuống đất tâu: "Thần vì mãi học, đi lỡ ra đây". Vua bèn dẫn Nhữ Hài vào buồng ngủ và bảo:

"Vừa rồi trẫm vì say rượu, có tội với Thượng hoàng, giờ trẫm định đến **[6b]** trước mặt ngài tạ tội, ngươi hãy thảo cho trẫm bài biểu".

Nhữ Hài đứng trước mặt vua, soạn xong tờ biểu. Vua bèn lấy thuyền nhẹ đi ngay, cho Nhữ Hài theo mình.

Sáng sớm hôm sau, vua tới phủ Thiên Trường, dâng biểu tạ tội. Thượng hoàng thấy Nhữ Hài, liền hỏi là người nào. Nội nhân trả lời là người dâng biểu của Quan gia. Thượng hoàng không nói gì.

Buổi chiều, mưa gió ập đến. Nhữ Hài vẫn cứ quỳ không nhúc nhích. Thượng hoàng hỏi: "Người ở trong sân có còn đấy không?". Nội nhân đáp rằng còn. Thượng hoàng bèn sai nhận biểu để xem, thấy lời lẽ khẩn thiết cho gọi vua vào bảo:

"Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà ngươi còn như thế, huống chi sau này?".

Vua rập đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi: "Ai soạn biểu cho ngươi".

Vua thưa: "Đó là thư sinh Đoàn Nhữ Hài".

(Sử cũ chép việc này vào năm Mùi đời Minh Tông nay xét nên để ở đây).

Thượng hoàng bèn gọi Nhữ Hài vào và bảo: "Bài biểu ngươi soạn, rất hợp lòng trẫm".

Rồi xuống chiếu cho Quan **[7a]** gia lại vẫn làm vua; các quan về triều như cũ.

Vua từ Thiên Trường trở về [Kinh], phong Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán. Bấy giờ có người ghen Nhữ Hài tuổi trẻ làm quan to, làm thơ chế giễu rằng:

Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ,
Khẩu tồn nhữ xú Đoàn trung tán.
(Ôn câu chữ cổ: Đài ngự sử,
Miệng sữa còn hôi: Trung tán Đoàn).

Nhữ Hài là cận thần của vua. Vua nói năng hành động gì đều được biết cả. Đến khi nhận chức này, xem thực lục của sử thần chép, có chổ lầm lẫn, bèn sửa lại cho đúng, rồi đốt bỏ bản thảo cũ đi.

Vua bái yết sơn lăng.

Tháng 6, tế khắp các thần kỳ núi sông.

Mùa thu, tháng 7, xây am Ngự Dược trên núi Yên Tử.

Tháng 8, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh.

Thượng hoàng có lần ngự cung Trùng Quang, vua đến chầu, quốc công Quốc Tuấn đi theo. Thượng hoàng nói:

"Nhà ta vốn là người hạ lưu (thủy tổ người Hiền Khánh), đời đời chuộng dũng cảm, thường xăm hình rồng vào đùi. Nếp nhà theo nghề võ, nên **[7b]** xăm rồng vào đùi để tỏ là không quên gốc".

Bấy giờ thợ xăm đã đợi mệnh ở ngoài cửa cung. Vua rình lúc Thượng hoàng quay nhìn chỗ khác, về ngay cung Trùng Hoa. Một lúc lâu, Thượng hoàng hỏi Quan gia đâu rồi, các quan tả hữu thưa là đã về cung Trùng Hoa. Thượng hoàng bảo: "Quan gia đã trốn rồi chăng? thì xăm cho Huệ Vũ Quốc Chẩn vậy".

Quốc phụ có xăm hình rồng ở đùi, mà về sau nối ngôi không xăm ở đùi nữa là bắt đầu từ Anh Tông.

Lại hồi quốc sơ, quân sĩ đều xăm hình rồng ở bụng, ở lưng và hai bắp đùi, gọi là "thái long" (rồng hoa).Vì khách buôn người Tống thấy dân Việt ta xăm hình rồng, lỡ gặp gió bão thuyền đắm, thuồng luồng không dám phạm tới, cho nên gọi là "thái long".

Vua thích vi hành, cứ đêm đến, lại lên kiệu, cùng với hơn chục thị vệ đi khắp trong kinh kỳ, gà gáy mới trở về cung. Có đêm, ra đến quân phường, bị bọn vô lại ném gạch **[8a]** trúng vào đầu vua. Người theo hầu thét lên: "Kiệu vua đấy". Bọn chúng biết nhà vua, mới tan chạy cả. Một hôm, thượng hoàng thấy đầu vua có vết thương, vặn hỏi, vua cứ thực mà thưa. Thượng hoàng giận giữ hồi lâu.

In các sách Phật giáo pháp sư, Đạo trường tân văn và Công văn cách thức ban hành trong cả nước.

Tháng 9, xuống chiếu rằng từ năm Canh Dần (1290), Tân Mão (1291) đến nay, phàm bán ruộng đất và mua gia nhân làm nô thì cho được chuộc, nếu để quá năm nay thì không cho chuộc nữa.

Xuống chiếu cho sĩ nhân trong nước ôn luyện để đợi thi.

Lấy nội quan Trần Hùng Thao làm Tham tri chính sự, đồng tri Thánh Từ cung tả ty sự. Sau Hùng Thao can tội phê án tha người nên bãi chức.

Canh Tý, [Hưng Long] năm thứ 8 [1300], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 27, động đất 3 lần, suốt từ giờ thân đến giờ tý mới thôi.

Tháng 3 nhuận, Trần Quốc Khang chết.

Quốc Khang từng cai trị Diễn Châu, chọn **[8b]** con gái đẹp trong châu làm vợ lẽ nàng hầu, nên các con thứ như Huệ Nghĩa, Quốc Trinh đều do các bà Diễn Châu sinh ra. Về sau chức Tri châu Diễn Châu đều do con cháu Quốc Khang làm cả. Đến khi dòng giống thiếu người nối dõi, mới dùng người trong châu làm chức ấy.

Mùa hạ, tháng 4 (không chép ngày), mặt trời rung động.

Tháng 5, ngày 16, xuống chiếu rằng các quan văn võ trong triều ai mới có chữ phê mà không có ấn trướng hạ[1] thì phải giảm 1 tư, người có công đánh dẹp thì không phải giảm (đó là xét những thiếp ban cho trong thời gian mất ấn).

Người đàn bà lộ Hồng đẻ một con trai có hai đầu.

Tháng 6, ngày 24, sao sa.

Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:

"Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào".

Vương trả lời:

"Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế "thanh dã"[2], đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là **[9a]** một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ[3] mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh[4] là vì có thế.

Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản [binh] chế trường [trận] là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, cóđược đội quân một lòng như cha

[1] Ấn trướng hạ: con dấu đóng trong khi hành quân, đánh dẹp.

[2] Thanh dã: làm vườn không nhà trống, khiến quân xâm lược tới không có một nguồn hậu cần tại chổ nào.

[3] Thành Bình Lỗ: chưa biết là ở đâu, nhưng có lẽ là nằm ở trong vùng hương Bình Lỗ hay quận Bình Lỗ đời Lê Đại Hành, tức khu vực nằm giữa sông Cầu và sông Cà Lô, gần Phù Lỗ, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

[4] Đèo Mai Lĩnh: tức đèo Đại Du, phía nam huyện Đại Dũ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân **[9b]** để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

Quốc Tuấn là con Yên Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: "[Người này] ngày sau có thể giúp nước cứu đời".

Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. Yên Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng[1], mang lòng hậm hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, Yên Sinh cầm tay Quốc Tuấn giối giăng rằng:

"Con không vì cha lấy được thiên hạ, thì cha chết dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được?.

Quốc Tuấn ghi điều đó trong lòng, nhưng không cho là phải.

Đến khi vận nước lung lay, quyền quân quyền nước đều do ở mình, ông đem lời cha dặn nói với gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người gia nô can ông:

"Làm kế ấy tuy được phú quý một thời nhưng để lại tiếng xấu ngàn năm. Nay Đại Vương há chẳng đủ phú và quý hay sao? Chúng tôi thề xin chết già làm gia nô, chứ không **[10a]** muốn làm quan mà không có trung hiếu, chỉ xin lấy người làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi[2].

Quốc Tuấn cảm phục đến khóc, khen ngợi hai người.

Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương:

"Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?".

Hưng Vũ Vương trả lời:

"Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là cùng một họ!".

Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.

Lại một hôm Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa:

"Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ"[3].

Quốc Tuấn rút gươm kể tội:

"Tên loạn thần là từ đức con bất hiếu mà ra", định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương:

"Sau khi ta chết, đậy nắp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng".

Mùa thu, tháng 8, ngày 20, Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn mất ở phủ đệ Vạn Kiếp, được tặng Thái sư **[10b]** thượng phụ thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Thánh Tông có soạn bài văn bia ở sinh từ [của Quốc Tuấn], ví ông với Thượng phụ [ngày xưa][4]. Lại vì ông có công lao lớn, gia phong là Thượng quốc công, cho phép ông được quyền phong tước cho người khác, từ minh tự trở xuống, chỉ có tước hầu thì phong tước rồi tâu sau. Nhưng Quốc Tuấn chưa bao giờ phong tước cho một người nào. Khi giặc Hồ vào cướp, Quốc Tuấn lệnh cho nhà giàu bỏ thóc ra cấp lương quân, mà cũng chỉ cho họ làm lang tướng giả chứ không cho họ tước lang thực, ông kính cẩn giữ tiết làm tôi như vậy đấy.

---

[1] Tức Trần Thái Tông.

[2] Sở Chiêu Vương chạy loạn ra nước ngoài, có người làm thịt dê tên là Duyệt đi theo. Sau Chiêu Vương trở về nước, ban thưởng cho Duyệt. Duyệt từ chối và nói: "Nhà vua mất nước, tôi không được giết dê, nay vua về nước, tôi lại được làm nghề giết dê, tước lộc thế là đủ còn thưởng gì nữa".

[3] Cao Tổ nhà Hậu Tống Tên là Lưu Dụ vốn là người làm ruộng, sau nhân dịp loạn lạc, nổi lên giành được thiên hạ.

[4] Thượng phụ: tức Lã Vọng, giúp Chu Vũ Vương giành được thiên hạ, Vũ Vương tôn làm thầy, gọi là Thượng phụ.

Quốc Tuấn lại từng soạn sách để khích lệ tướng sĩ dưới quyền, dẫn chuyện Kỷ Tín chết thay để cứu thoát Hán Cao[1], Do Vu giơ lưng chịu giáo để cứu Sở Tử[2] Thế là dạy đạo trung đó.

Khi sắp mất, ông dặn con rằng: Ta chết thì phải hỏa táng, lấy vật tròn đựng xương, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi san đất và trồng cây như cũ, để người đời không biết chỗ nào, lại phải [làm sao cho] mau phục **[11a]**.

Quốc Tuấn giữ Lạng Giang, người Nguyên hai lần vào cướp, ông liên tiếp đánh bại chúng, sợ sau này có thể xảy ra tai họa đào mả chăng. Ông lo nghĩ tới việc sau khi mất lại như thế đấy.

Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: "Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi". Quốc Tuấn trả lời: "[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng". Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi **[11b]** đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn.

Quốc Tuấn từng soạn sách Binh gia diệu lý yếu lược để dạy các tỳ tướng, dụ họ rằng bài hịch như sau:

"Ta từng nghe, Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu giơ lưng chịu giáo che chở cho Chiêu vương; Dự Nhượng nuốt than báo thù cho chủ[3]; Thân Khoái chặt lấy tay cứu nạn cho nước[4]; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung[5]; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc[6]. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nhi nữ thường tình thì cũng chết uổng nơi xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, để cùng bất hủ với đất trời?.

Các ngươi vốn nòi võ tướng không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy, nửa tin nửa ngờ **[12a]**. Thôi việc đời trước, hãy tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Thát[7] mà nói: Vương Công Kiên là người thế nào; tỳ tướng của ông là Nguyễn Văn Lập (có thuyết cho là Sơn Lập) lại là người thế nào, mà lấy thành Điếu Ngư nhỏ như cái đấu chống lại quân Mông Kha đông hàng trăm vạn; khiến cho sinh linh bên Tống đến nay còn đội ơn sâu[8]. Cốt Đãi Ngột Lang[9] là người thế naò, tỳ tướng của ông là Cân Ty

---

[1] Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ Vương bao vây, bề tôi là Kỷ Tín giả là Hán Cao Tổ ra hàng. Cao Tổ do đó trốn thoát, còn Kỷ Tín đã bị thiêu chết.

[2] Do Vu: là bề tôi của Sở Chiêu Vương thời Xuân Thu, Sở Chiêu Vương lúc lánh nạn bị kẻ cướp đâm. Do Vu đã giơ lưng ra chịu đâm để cứu Chiêu Vương Sở Tử tức Sở Chiêu Vương.

[3] Dự Nhượng: là gia thần của Trí Bá nước Tấn thời Chiến Quốc. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng đã nuốt than cho khác giọng, giả làm hành khất, mưu giết Trưng Tử để báo thù cho chủ.

[4] Thân Khoái: là viên quan giữ ao cá cho Tề Trang Công đời Xuân Thu. Khi Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái cũng chết theo.

[5] Kính Đức tức Uất Trì Cung là tướng của Đường Thái Tông (lúc ấy còn gọi là Đức xông lên chém tướng giặc, hộ vệ Thái Tông bị Vương Thế Sung vây đánh, Kính Đức xông lên chém tướng giặc, hộ vệ Thái Tông thoát khỏi vòng vây.

[6] Nhan Cảo Khanh làm thái thú Thường Sơn, khi An Lộc Sơn nổi loạn đánh bị bắt, Cảo Khanh luôn miệng chửi An Lộc Sơn, bị Lộc Sơn cắt lưỡi.

[7] Thát: tức Thát Đát, chỉ Mông Cổ.

[8] Vương Công Kiên tức Vương Kiên, trị châu Hợp Châu (Tứ Xuyên) đã huy động nhân dân anh dũng chiến đấu ở núi Điếu Ngư, cầm cự với đạo quân Mông Cổ do vua Nguyên Mông Ke chỉ huy trong 4 tháng trời, cho đến khi Mông Ke ốm chết dưới thành Điếu Ngư, quân Mông Cổ phải rút.

[9] Tức Uryangkhađai (Uriyangqadai), tên tướng Mông Cổ đã đánh chiếm vùng Vân Nam và tiến quân vào nước ta năm 1258. Tên của Uryangkhađai ở các thư tịch có nhiều phiên âm: Ngột Lương Hợp Đãi, Ngột Lương Hợp Thai, Ngột Lương Cáp Đãi, Ô Đặc Lý Cáp Đạt, Ô Lan Cáp Đạt...

Tư[1] lại là người thế nào, mà xông pha lam chướng trên đường muôn dặm, phá quân Nam Chiếu trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay vẫn còn lưu tiếng tốt[2].

Huống chi ta cùng các ngươi, sinh ra phải thời rối ren, lớn lên gặp buổi khó nhọc, ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tấc lưỡi cú diều mà lăng nhục triều đình, ỷ cái thân dê chó mà bắt nạt tể phụ. Thác lênh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham khôn cùng **[12b]**, giả hiệu Vân Nam Vương[3] mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào ném thịt cho hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau!.

Ta từng tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, nước mắt đầm đìa, ruột đau như cắt, chỉ giận không được ăn thịt, nằm da, nuốt gan, uống máu quân thù, dẫu trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

Các ngươi ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, người không có áo, ta cho áo mặc, kẻ không có ăn, ta cấp cơm ăn. Quan thấp thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc thì cùng nhau sống chết, khi ở nhà thì cùng nhau vui cười, nếu so với Công Kiên đãi kẻ tỳ tướng, Ngột Lang đãi người phụ tá, cũng chẳng kém gì.

[13a] Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường thết yến sứ ngụy mà không biết căm, hoặc lấy chọi gà làm vui, hoặc lấy đánh bạc làm thú, hoặc chăm chút vườn ruộng để nuôi gia đình, hoặc quyến luyến vợ con chỉ vì ích kỷ, hoặc lo làm giàu mà quên việc quân việc nước, hoặc ham săn bắn mà bỏ việc đánh việc phòng, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, vườn ruộng giàu không thể chuộc được tấm thân ngàn vàng, vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dẫu nhiều, khôn mua được đầu giặc; chó săn tuy khỏe, khôn đuổi được **[13b]** quân thù. Chén rượu ngon không đầu độc được quân thù, tiếng hát hay không chọc thủng được tai giặc. Lúc bấy giờ, chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết dường nào! Chẳng những thái ấp của ta bị tước, mà bổng lộc các ngươi cũng về tay kẻ khác, chẳng những gia quyến ta bị đuổi, mà vợ con các ngươi cũng bị người khác bắt đi, chẳng những xã tắc tổ tông của ta bị người khác bới đào, chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, dẫu trăm đời sau, tiếng nhơ khôn rửa, tên xấu mãi còn, mà đến gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là viên bại tướng. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi có muốn thỏa lòng vui thú, phỏng có được không?.

Nay ta bảo rõ các ngươi: Nên nhớ chuyện "đặt mồi lửa vào dưới đống củi"[4], làm nguy cơ, nên lấy điều "kiềng **[14a]** canh nóng mà thổi rau nguội"[5] làm răn sợ. Hãy huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông[6], nhà nhà đều là Hậu Nghệ, để có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, phơi xác Vân Nam Vương ở Cảo Nhai[7]. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi lưu truyền, mà bổng lộc các ngươi cũng đời đời được hưởng, chẳng những gia quyến của ta được yên ấm gối chăn, mà vợ con các ngươi cũng được bách niên giai lão, chẳng những tông miếu của ta được muôn đời tế lễ, mà ông cha các ngươi cũng được thờ cúng quanh năm, chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà các ngươi trăm năm về sau tiếng thơm vẫn còn. Chẳng những danh hiệu ta lưu truyền

---

[1] Bản Hoàng Việt văn tuyển chép là Xích Tu Tư.

[2] Năm 1253, Hốt Tất Liệt và tướng Uryangkhađai vượt sông Kim Sa đánh chiếm thủ đô nước Đại Lý. Chỉ trong vài tuần, nước Đại Lý bị chinh phục, vua Đại Lý là Đoàn Hưng bị bắt và đầu hàng. Nam Chiếu nói đến trong bài hịch là chỉ nước Đại Lý bấy giờ, ở vùng Vân Nam, Trung Quốc.

[3] Vân Nam Vương: tên là Hốt Kha Xích (Hugodi), con trai của Hốt Tất Liệt. Cuối năm 1267, Hốt Tất Liệt phong Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương, đem quân đóng giữ đất nước Đại Lý cũ ở Vân Nam.

[4] Câu trong sách Hán thư: "Ôm mồi lửa đặt dưới đống củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên".

[5] Câu từ Sở từ: "Kẻ sợ canh nóng thường thổi cả rau nguội".

[6] Bàng Mông, Hậu Nghệ: là hai nhân vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

[7] Vốn là nơi trú ngụ của các vua "man di" khi vào chầu vua Hán ở Trường An. Ở đây chỉ nơi dành cho các sứ bộ nhà Nguyên lưu trú trong kinh thành bấy giờ.

mãi mãi, mà họ tên các ngươi cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui thú phỏng có được không?.

Nay ta chọn binh pháp các nhà, soạn thành một quyển, gọi là **[14a]** Binh thư yếu lược. Các ngươi nếu biết chuyên tập tập sách, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là tôi chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, thì trọn đời là cừu thù.

Vì sao vậy? Vì giặc Mông Thát là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ điềm nhiên không nghĩ rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, thế là quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc, khiến cho sau khi dẹp giặc, muôn đời để nhơ, thì còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở nữa? Cho nên, ta viết bài hịch này để các ngươi biết rõ lòng ta!:.

Quốc Tuấnlại sưu tập binh pháp các nhà, làm thành Bát quái cửu cung đồ, đặt tên là Vạn Kiếp tông bí truyền thư. Nhân Huệ Vương Khánh Dư viết bài tựa cho sách ấy như sau:

"Người giỏi cầm quân thì không cần bày trận, người giỏi bày trận thì không cần phải đánh, người giỏi đánh thì không thua, người khéo thua thì không chết.

Ngày xưa Cao Dao làm sĩ **[15a]** sư[1] mà không ai dám trái mệnh, đến Vũ Vương, Thành Vương nhà Chu làm tướng cho Văn Vương, Vũ Vương[2], ngầm lo sửa đức, để lật đổ nhà Thương mà dấy nên vương nghiệp, thế là người giỏi cầm quân thì không cần phải bày trận vậy. Vua Thuấn múa mộc và múa lông trĩ mà họ Hữu Miêu đến chầu[3], Tôn Vũ nước Ngô đem người đẹp trong cung thử tập trận mà phía tây phá nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp nước Tấn, nước Tần, nổi tiếng chư hầu[4], thế là người khéo bày trận không cần phải đánh vậy. Đến Mã Ngập[5] nước Tấn theo bát trận đồ, đánh vận động hàng ngàn dặm, phá được Thụ Cơ Năng để thu phục Lương Châu. Thế gọi là người đánh giỏi không bao giờ thua vậy.

Cho nên trận nghĩa là "trần", là bày ra, là khéo léo. Ngày xưa, Hoàng Đế lập phép tỉnh điền [6] để đặt binh chế. Gia Cát [7] xếp đá sông làm bát trận đồ, Vệ Công [8] sửa lại làm thành Lục hoa trận. Hoàn Ôn [9] lập ra Xà thế trận có vẽ các thế trận hay, trình bày thứ tự, rõ ràng, trở thành khuôn phép. Nhưng người đương thời ít ai hiểu được, thấy muôn đầu ngàn mối, cho là rối rắm, chưa từng biến đổi. **[15b]** Như Lý Thuyên [10] có soạn những điều suy diễn của mình, những người đời sau cũng không hiểu ý nghĩa. Cho nên Quốc công ta mới hiệu đính, biên tập đồ pháp của các nhà, soạn thành một sách, tuy ghi cả những việc nhỏ nhặt, nhưng người dùng thì nên bỏ bớt chỗ rườm rà, tóm lược lấy chất thực.

[Sách] gồm đủ ngũ hành tương ứng [11], cửu cung suy nhau [1], phối hợp cương nhu, tuần hoàn chẵn lẻ. Không lẫn lộn âm với dương, thần với sát, phương với lợi, sao lành, hung thần, ác tướng, tam

---

[1] Theo truyền thuyết Trung Quốc, Cao Dao làm sĩ sư thời Ngu Thuấn. Sĩ sư là chức đứng đầu về việc hành ngục thời đó.

[2] Vũ Vương làm tướng cho Văn Vương, Thành Vương làm tướng cho Vũ Vương, đều là những người có công lớn khai sáng ra nhà Chu.

[3] Theo truyền thuyết Trung Quốc, Hữu Miêu là một tộc ở phía Nam, nổi lên chống lại Thuấn, Thuấn dùng thủ đoạn vỗ về để thu phục.

[4] Tôn Vũ là người nước Tề, làm tướng cho Ngô Vương Hạp Lư (đời Xuân Thu) lấy cung nhân của Hạp Lư, tập trận bày đánh trận, về sau giúp nước Ngô thu phục chư hầu, mở rộng đất đai.

[5] Sách Tấn thư (q.27) chép là Mã Long.

[6] Đây là truyền thuyết. Thực ra phép tỉnh điền có từ đời Chu.

[7] Gia Các Lượng: Tên tự là Khổng Minh, người đời Tam Quốc, giúp Lưu Bị dựng nên nước Thục, cùng hai nước Ngô và Nguỵ tạo thành thế chân vạc.

[8] Vệ Công: Tức Lý Tĩnh đời Đường Thái Tông, đã mô phỏng bát trận đồ của Gia Cát Lượng làm ra Lục hoa trận, trận lớn bọc trận nhỏ, gọi là Lý Vệ Công binh pháp.

[9] Hoàn Ôn: Tên tự là Nguyên Tử, một danh tướng đờ Tấn, làm đến chức Đại tư mã, đã đánh Nguỵ, Tiền Tần... nổi tiếng thời đó.

[10] Lý Thuyên: Người đời Đường, soạn sách Thái bạch âm kinh nói về mưu chước dùng binh.

[11] Ngũ hành: Là thuỷ, thổ, kim, mộc, hoả. Ở đây là vận dụng thuyết ngũ hành tương ứng trong binh pháp.

cát, ngũ hung [2], đều rất rõ ràng, ngang với Tam Đại, trăm đánh trăm thắng. Cho nên, đương thời có thể phía bắc trấn ngự Hung Nô [3], phía nam uy hiếp Lâm Ấp [4]". Rồi dùng sách này dạy bảo [con cháu] làm gia truyền, không tiết lộ ra ngoài. Lại có lời dặn rằng: "Sau này, con cháu và bồi thần của ta, ai học được bí thuật này phải sáng suốt mà thi hành, bày xếp [thế trận]; không được ngu dốt mà trao chữ truyền lời. Nếu không thế thì mình chịu tai ương mà vạ lây đến con cháu. Thế gọi là tiết lộ thiên cơ đó".

[16a] Ngày 21, hoàng tử Mạnh sinh.

Bấy giờ, các hoàng tử đều không nuôi được, đến khi Mạnh sinh, vua nhờ công chúa Thụy Bảo [tức là cô của Nhân Tông] nuôi hộ. Nhưng công chúa cho là bấy giờ bà đương có vận hạn, lại nhờ Nhật Duật nuôi. (Nhật Duật là anh công chúa Thụy Bảo). Nhật Duật coi là trách nhiệm của mình, chăm sóc, nuôi nấng, không khác gì con mình. Nhật Duật nghĩ rằng con trưởng của mình tên là Thánh An, con gái tên là Thánh Nô, mới đặt tên cho hoàng tử là Thánh Sinh, vì muốn [tên hoàng tử[cũng giống với tên con mình. Hoàng tử từ bé nhờ nuôi nấng, đến khi lên ngôi vua, công chăm nom của Nhật Duật rất nhiều.

Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ áo mới của quan văn võ. Quan văn thì đội mũ chữ đinh màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh vẫn như quy chế cũ. Ống tay áo của các quan văn võ rộng 9 tấc đến 1 thước 2 tấc, không cho dùng từ 8 tấc trở xuống. Các quan văn võ không được mặc xiêm, tụng quan không được mặc thường (mũ toàn hoa xanh có hai vòng vàng đính vào hai bên).

[16b] Tân Sửu, [Hưng Long] năm thứ 9 [1301], (Nguyên Đại Đức năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng các quan văn võ đều đội mũ chữ đinh, thêm miếng lụa bọc tóc màu tía xen màu biếc.

Gả công chúa Thiên Trân cho Uy Túc công Văn Bích[5], phong Văn Bích làm Phò ký lang.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tham tri chính sự. Trước đó, khi Thì Kiến làm gián ngị, can tội chứa giấu dân đinh bị bãi chức, vua nghĩ không phải là cố ý, nên có lệnh này.

Tháng 2, Chiêm Thành sang cống .

Tháng 3, Thượng hoàng vân du các nơi, sang Chiêm Thành.

Ai Lao sang cướp Đà Giang, sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, gặp quân giặc ở Mường Mai[6], giao chiến, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão làm Thân vệ đại tướng quân, ban cho quy phù.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Soát tù. Có mưa.

Phong con trưởng của Hưng Nhượng Đại Vương là Quang Triều làm Văn Huệ Vương.

Mùa đông, tháng 11, Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về.

Trần Hùng Thao lại được làm Tham tri chính sự, rồi được cử làm Tả bộc xạ.

[17a] Đói to.

---

[1] Cửu cung: 9 cung. Khái niệm cửu cung ban đầu được đưa ra một cách mơ hồ trong Cần tạo độ của Kinh Dịch: "Thái Nhất lấy số của nó để đi qua cửu cung, 4 chính và 4 duy đều hợp thành 15". Trịnh Huyền chú thích là thần Thái Nhất (hay Thái Ất) ở cung giữa, lần lượt tuần hành 8 cung bát quái ở chung quanh. Cũng từ đó, người Hán lập thành cửu cung số, gồm 9 cung, tức 9 ô vuông trong một hình vuông, 3 ô hàng trên mang các số 4, 9, 2; 3 ô hàng giữa mang các số 3, 5, 7; 3 ô hàng dưới mang các số 8, 1, 6. Như vậy đó là một ma trận (ảo phương) mà tổng các cột ngang, dọc và chéo đều bằng 15. Người ta thần bí hoá cửu cung và về sau đến đời Tống, người ta lại coi cửu cung số là "Lạc thư".

[2] Cương nhu, chẵn lẻ, âm dương, thần sát, phương hướng, tinh tú, hung thần, ác tướng, tam cát, ngũ hung... đều là các khái niệm được dùng trong việc lập trận đồ thời xưa.

[3] Chỉ nước Nguyên.

[4] Chỉ vương quốc Chiêm Thành (Chăm-pa).

[5] Văn Bích: là con Đạo Tái, cháu Quang Khải.

[6] Mường Mai: nay là đất huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Nhâm Dần, [Hưng Long] năm thứ 10 [1302], (Nguyên Đại Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, lấy thái úy Đức Việp làm thống chính thái sư; Huệ Võ Đại Vương Quốc Chẩn làm Nhập nội bình chương; Chiêu Văn Vương Nhật Duật làm Thái úy quốc công.

Theo quy chế cũ: Tân vương[1] vào làm tể tướng thì gọi là Quốc công thượng hầu, nếu vào nội đình thì gia phong Quan nội hầu.

Có đứa nghịch thần tên là Biếm làm loạn. Sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, Biếm bị giết. Phong Phạm Ngũ Lão làm Điện súy, ban cho hổ phù.

Bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bến sông Yên Hoa[2]. Phép phù thủy, đàn chay bắt đầu thịnh hành từ đó.

Quý Mão, [Hưng Long] năm thứ 1 [1303], (Nguyên Đại Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 15, thượng hoàng ở phủ Thiên Trường **[17b]**, mở hội Vô lượng pháp ở chùa Phổ Minh, bố thí vàng bạc tiền lụa để chẩn cấp dân nghèo trong nước và giảng kinh Giới thí.

Tháng 2, lấy Đô áp nha thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiện làm Nhập nội phụ quốc thái bảo.

Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ của vương hầu: người tóc dài đội mũ triều thiên, người tóc ngắn đội mũ bao.

Lấy Trần Khắc Chung làm Nhập nội đại hành khiển.

(Chức hành khiển mà có thêm 2 chữ "nhập nội" là theo triều Lý, chuyên dùng hoạn quan làm chức ấy. Thời Thánh Tông, thượng tướng Quang Khải khi mới được phong làm nhập nội thái úy, kiêm làm hành khiển còn có 2 chữ "nhập nội", liền tâu rằng: "Thần từ bên ngoài vào, cho nên thêm hai chữ "nhập nội", còn các hành khiển khác đều là hoạn quan, sao lại thêm chữ "nhập nội", xin bỏ chữ "nhập nội", Thánh Tông nghe theo. Từ đó, hàm hành khiển chỉ gọi là nội hành khiển. Đến đây, thượng hoàng mới lấy Khắc Chung làm hành khiển, lại thêm 2 chữ "nhập nội" như xưa và dùng cả sĩ phu làm hành khiển).

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự.

Trước đây, vua sai Nhữ Hài đi sứ Chiêm Thành, Nhữ Hài xin yết kiến Thượng hoàng ở chùa Sùng Nghiêm núi Chí Linh, suốt ngày không được gặp. Một lát sau, pháp giá ra chơi, Nhữ Hài đến bái yết **[18a]**. Thượng hoàng nói chuyện với Nhữ Hài có đến một giờ. Khi trở về, Thượng hoàng bảo tả hữu:

"Nhữ Hài đúng là người giỏi, hắn được Quan gia sai khiến là phải".

Trước đây, sứ nước ta tới Chiêm Thành, đều lạy chúa Chiêm trước, rồi sau mới mở chiếu thư. Đến khi Nhữ Hài tới, liền bưng ngay chiếu thư để lên trên án và nói với chúa Chiêm:

"Từ khi sứ thiên triều mang chiếu thư của thiên tử sang, xa cách ánh sáng lâu ngày, nay mở chiếu thư, thực như trông thấy mặt thiên tử, tôi phải lạy chiếu thư đã, rồi mới tuyên đọc sau". Rồi lập tức hướng vào tờ chiếu mà lạy. Lúc ấy, chúa Chiêm đứng bên cạnh, lạy thế không khỏi có chút chưa ổn, nhưng lấy cớ mà lạy chiếu thư thì về lý là thuận, mà sứ tiết cũng không phải khuất.

Hôm sau, Nhữ Hài treo bảng cấm buôn bán ở Tỳ Ni[3] (bến cảng của Chiêm Thành, nơi tụ tập các thuyền buôn), tuyên đọc xong, treo bảng lên, lại gọi viên coi cảng đến bảo:

"Chỗ này người buôn bán tụ họp phức tạp, lại là bến tàu xung yếu, khó giữ gìn, **[18b]** sứ thần về rồi, cất ngay bảng đi, đừng để mất".

---

[1] Bản dịch cũ chữa là "Thân vương", có lẽ đúng hơn.

[2] Yên Hoa: nay là Yên Phụ ở Hà Nội. Thực ra không phải năm này (1302), đạo sĩ Hứa Tông Đạo mới đến Đại Việt. Theo bài minh trên chuông Thông Thánh Quán ở Bạch Hạc (Việt Trì), do chính Hứa Tông Đạo soạn năm Đại Khánh thứ 8 (1321), thì ông đã đến Đại Việt vào năm Bính Tý (1276). Ông là người hương Thái Bình, huyện Phúc Thanh, Phúc Châu, lộ Phúc Kiến.

[3] Tỳ Ni còn gọi là Thi Lị bBì Nại hay Thi Nại (Sri Vinaya), tức là cửa Quy Nhơn ngày nay.

Ý ông cho rằng Chiêm Thành tuy đã thần phục, nhưng thực ra chưa chịu nội phụ, bảng cấm rốt cục cũng bị bỏ đi, cho nên nói trước như vậy, không để tự họ làm như thế. Sau này, đi sứ Chiêm Thành, không lạy chúa Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hài. Khi về nước, vua rất khen ngợi ông và quyết ý dùng vào chức to, cho nên có lệnh này.

Giáp Thìn, [Hưng Long] năm thứ 12 [1304], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, người đàn bà là Lê thị, phường Các Đài, ở cầu bên hữu kinh thành đẻ con gái có hai đầu, bốn chân, bốn tay.

Tháng 2, lấy Bùi Mộc Đạc làm Chi hậu bạ thư chánh chưởng trông coi cung Thánh Từ.

Mộc Đạt tên tự là Minh Đạo (người Hoàng Giang), họ Phí, tên là Mộc Lạc, có tài năng. Thượng hoàng cho rằng họ Phí từ xưa không thấy có, mới đổi làm họ Bùi, cái tên Mộc Lạc là điềm chẳng lành[1] , mới đổi thành Mộc Đạc, sai theo hầu ngày đêm. Đến nay, trao cho chức ấy. Sau này, người **[19a]** họ Phí hâm mộ danh tiếng của Mộc Đạc, nhiều người đổi làm họ Bùi.

Tháng 3, thi kẻ sĩ trong nước. Ban cho trạng nguyên. Mạc Đĩnh Chi chức Thái học sinh hỏa dũng thủ, sung làm nội thư gia; bảng nhãn Bùi Mộ chức chi hậu bạ thư mạo sam, sung làm nội lệnh thư gia; thám hoa lang Trương Phóng chức Hiệu thư quyền miện, sung làm nhị tư; Nguyễn Trung Ngạn đỗ hoàng giáp; tất cả 44 người đỗ thái học sinh.

Dẫn 3 người đỗ đầu ra cửa Long Môn của Phượng Thành đi du ngoạn đường phố 3 ngày. Còn 330[2] người khác thì ở lại học tập.

Trung Ngạn mới 16 tuổi, đương thời gọi là thần đồng.

Về phép thi: Trước hết thi ám tả thiên Y quốc và truyện Mục Thiên tử[3] để loại bớt. Thứ đến kinh nghi[4], kinh nghĩa[5], đề thơ (tức thể cổ thi ngũ ngôn trường thiên) hỏi về "vương độ khoan mãnh"[6], theo luật "tài nan xạ trĩ[7], về phú thì dùng thể 8 vần "đế đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm"[8]. Kỳ thứ ba thi chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ tư thi đối sách.

(Đĩnh Chi người Chí Linh **[19b]**, Mộ người Thanh Oai, Phóng người Thanh Hóa).

Sư Du Già nước Chiêm sang ta, chỉ ăn sữa bò.

Thi các thủ phân (thủ phân tức là quan lại nắm việc hình pháp) hỏi phép đối án.

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu rằng các chữ huý về miếu hiệu, tên vua, thì viết bớt nét.

Tháng 8, cấm chữ huý miếu hiệu nhà Lý 8 chữ: Uẩn, Mã, Tôn, Đức, Hoán, Tộ, Cán, Sảm, viết bớt nét.

Tháng 9, xuống chiếu rằng, khi áp tay vào giấy tờ hình án hay văn tự thì dùng hai đốt của ngón tay vô danh[9] bên trái.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu thi kẻ sĩ trong nước, hỏi về 7 khoa.

---

[1] Mộc Lạc: có nghĩa là "cây đổ, cây rụng".

[2] Nguyên bản in là tam bách tam thiên, hẳn là chữ thiên? in nhầm từ chữ thập?. Các bản in đời Nguyễn đã chữa lại là tam bách tam thập.

[3] Y thiên quốc, lấy ở Quốc ngữ, nội dung nói về đạo trị nước. Mục thiên tử truyện bộ tiểu thuyết cổ của Trung Quốc, do Quách Phác đời Tấn chú giải, chép truyện Mục Vương đời Chu. Bản nhầm chữ thiên tử thành thái tử.

[4] Kinh nghi: những điều nghi vấn trong kinh điển nho gia.

[5] Kinh nghĩa: bàn về nghĩa lý trong kinh điển nho gia.

[6] Chế độ rộng, ngặt.

[7] Tài khó bắn trĩ.

[8] Đức độ đế vương vốn ưa sự sống, phù hợp với lòng dân.

[9] Cũng gọi là ngón đeo nhẫn, ngón áp út.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương nam.

Trần Hùng Thao xin từ chức Tả bộc xạ, y cho.

Lấy Đoàn Nhữ Hài tri Khu mật viện sự.

Vua đối với người tôn thất như Bảo Hưng (không rõ tên) thân yêu hết mực, nhưng không trao cho việc chính sự, vì không có tài. Còn như Nhữ Hài chỉ là một nho sinh thôi, nhưng vì có tài, nên không ngại trong việc ủy dụng nhanh vọt.

[20a] Xuống chiếu cho phủ Tông chính soạn ngọc phả của họ vua.

Ất Tỵ, [Hưng Long] năm thứ 13 [1305], (Nguyên Đại Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, sách phong hoàng tử thứ tư là Mạnh làm Đông cung thái tử, (vua) làm bài Dược thạch châm[1] ban cho.

Tháng 2, Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Các quan trong triều đều cho là không nên, duy có Văn Túc Vương Đạo Tái chủ trương bàn việc đó, Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết.

Tháng 3, nước La Hồi[2] sai người dâng vải liễn la và các thứ khác.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tả bộc xạ.

Bấy giờ có viên độc bạ là Trần Cụ tính khoan hậu, cẩn thận, thật thà, giỏi nghề đánh cá, bắn nỏ và chơi cầu. Vua sai dạy thái tử các nghề ấy.

Cụ mỗi khi sắp đánh đàn, thì trước hết cắt đầu dây, buộc lại cho chặt dây rồi sau mới gảy. Có người hỏi **[20b]** cớ làm sao, Cụ trả lời: "Nếu khúc đàn chưa hết mà dây đứt thì làm thế nào?".

Cụ làm cầu thì cân nhắc các múi da, cho mười hai múi cân nhau, duy ba múi ở miệng cầu lỗ là chỗ bỏ cái bong lợn vào thì hơi mỏng và nhẹ, để cân với sức nặng ở đầu bong bóng, cho nên khi đá cầu, múi nào ở trên đến lúc rơi xuống đất lại nguyên như cũ, không bao giờ chuyển khác.

Người đời bắn nỏ, chân đứng cũng như bắn cung, tức là kiểu chữ "đinh" không thành, chữ "bát" không ngay. Cụ thì đứng ngay ngắn mà bắn và bảo mọi người:"Phàm bắn cung thì tay trái giơ ra phía trước nắm lấy thân cung, tay phải kéo dây cung về phía sau, mình đã nghiêng thì chân cũng phải lệch, còn bắn nỏ thì đưa cân bằng ra phía trước, cho nên khi cầm nỏ mà bắn, thân mình ngay ngắn, thì cớ gì chân lại phải đứng lệch?".

Nhà ông ta ở và thuyền ông ta đi, đều có hai cửa đối nhau, xếp đặt, bày biện các thứ cũng cân đối và phải ngay ngắn, vì là bản **[21a]** tâm như vậy, cho nên biểu hiện ở mọi việc làm cũng như vậy.

Cụ người Cứu Liên, vốn có mối hận với Cứu Liên, thề rằng chân không giẫm lên đất ấy nữa. Sau này trở về Cứu Liên thì đi thuyền, đến khi lên bộ thì đi kiệu vào cửa, tới giường mới xuống kiệu, thức ngủ, ăn uống đều ở trên giường. Khi nào chơi xem vườn ao thì sai khiêng giường đến chỗ đó, hết hứng thì trở về, lại ngồi kiệu, lên thuyền... Cứ như thế cho đến hết đời, chưa hề giẫm một bước xuống đất [Cứu Liên]. Ông ta giữ lòng bền rắn một mực như vậy đó, đời xưa gọi thế là người gàn.

Bính Ngọ, [Hưng Long] năm thứ 14 [1306], (Nguyên Đại Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Thống chính thái sư Tá Thiên Đại Vương Đức Việp mất (thọ 42 tuổi).

Mùa hạ, tháng 6, gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành Chế Mân.

Trước đây, Thượng hoàng vân du sang Chiêm Thành, đã hứa gã rồi. Các văn sĩ trong triều ngoài nội **[21b]** nhiều người mượn chuyện vua Hán đem Chiêu Quân gả cho Hung Nô làm thơ, từ bằng quốc ngữ để châm biếm việc đó.

---

[1] Dược thạch châm: nghĩa là bài châm khuyên răn, có tác dụng như thuốc thang.

[2] La Hồi: có lẽ là nước La Hộc (Lava) ở Laphuri, Thái Lan.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngày xưa, Hán Cao hoàng vì nước Hung Nô nhiều lần làm khổ biên cương, mới lấy con gái nhà dân làm công chúa gả cho Thiên Vu [1].

Kết hôn với người không cùng giống nòi, các tiên nho đã từng chê trách, song dụng ý là muốn binh yên, dân nghỉ, thì còn có thể nói được. Nguyên Đế thì vì Hô Hàn [2] sang chầu, xin làm rể nhà Hán, nên lấy Vương Tường mà ban cho, cũng là có cớ.

Nhân Tông đem con gái gả cho chúa Chiêm Thành là nghĩa làm sao? Nói rằng nhân khi đi chơi đã trót hứa gả, sợ thất tín thì sao không đổi lại lệnh đó có được không? Vua giữ ngôi trời mà Thượng hoàng đã xuất gia rồi, vua đổi lại lệnh đó thì có khó gì, mà lại đem gả cho người xa không phải giống nòi để thực hiện lời hứa trước, rồi sau lại dùng mưu gian trá cướp về, thế thì tín ở đâu?

[22a] Mùa thu, tháng 9, ngày 15, giờ Tuất, nguyệt thực.

Sai thiên chương học sĩ Nguyễn Sĩ Cố giảng Ngũ Kinh. Sĩ Cố thuộc dòng Đông Phương Sóc [3], giỏi khôi hài, hay làm thơ phú quốc ngữ. Nước ta làm nhiều thơ phú bằng quốc ngữ bắt đầu từ đó.

Hành khiển trí sĩ Nguyễn Kim Ngô về chầu, tự xưng là Liễu Nhiễu. Kiên Ngô tính thẳng thắn, vua ưu đãi, quý trọng, không gọi tên để khuyến khích những người tuổi già vẫn giữ quyền vị.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu bảo.

Sai Hàn lâm học sĩ Lê Tông Nguyên, Trung thị đại phu Bùi Mộc Đạc sang Nguyên đáp lễ.

Đinh Mùi, [Hưng Long] năm thứ 15 [1307], (Nguyên Đại Đức năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, đổi hai châu Ô, lý thành châu Thuận và châu Hoá. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vỗ yên dân hai châu đó.

Trước đấy chúa Chiêm Thành Chế Mân đem đất hai châu đó làm lễ vật dẫn cưới, nhưng người các thôn La Thuỷ, Tác Hồng, Đà Bồng không chịu theo. Vua **[22b]** sai Nhữ Hài đến tuyên dụ đức ý [của nhà vua] chọn người trong bọn họ trao cho quan tước, lại cấp ruộng đất, miễn tô thuế 3 năm để vỗ về.

Tháng 3, ngày 17, giờ Tỵ, mặt trời có hai quầng, như hình hai cầu vòng giao nhau.

Mùa hạ, tháng 5, chúa Chiêm Thành Chế Mân chết.

Mùa thu, tháng 9, nước to, vỡ đê Đam Đam.

Thế tử Chiêm Thành Chế Đa Da sai sứ thần Bảo Lộc Kê sang dâng voi trắng.

Mùa đông, tháng 10, sai Nhập nội hành khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung, An phủ Đặng Văn sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử Đa Da về.

Theo tục lệ Chiêm Thành, chúa chết thì bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu để chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung, mượn cớ là sang viếng tang và nói với [người Chiêm]: "Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở ven trời, đón linh **[23a]** hồn cùng về, rồi sẽ vào giàn thiêu".

Người Chiêm nghe theo.

Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, rồi tư thông với công chúa, đi đường biển loanh quanh chậm chạp, lâu ngày mới về đến kinh đô.

Hưng Nhượng Đại Vương ghét lắm, mỗi khi thấy Khắc Chung thì mắng phủ đầu:

---

[1] Thiền Vu: tên gọi chúa Hung Nô.

[2] Ho Hàn: tức Hô Hàn Da, một thiền vu Hung Nô. Đời Hán Nguyên Đế, Hô Hàn Da sang chầu và xin làm rể nhà Hán, Nguyên Đế đem Vương Tường (tức Chiêu Quân) gả cho.

[3] Đông Phương Sóc: tên tự là Mạn Thiến, người đời Hán, giỏi khôi hài, hoạt kê, từng làm Kim mã môn thị trung cho Hán Vũ Đế.

"Thằng này là điểm chẳng lành đối với nhà nước. Họ tên nó là Trần Khắc Chung[1] thì nhà Trần rồi mất về nó chăng?". Khắc Chung thường sợ hãi né tránh.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thói gian tà của Trần Khắc Chung thực quá quắt lắm! Không những hắn giở trò chó lợn ở đây mà sau này còn vào hùa với Văn Hiến vu hãm quốc phụ thượng tể[2] vào tội phản nghịch, làm chết oan đến hơn trăm người. Thế mà hắn được trọn đời phú quý. Khổng tử nói: Kẻ gian tà được sống sót là may mà thoát tội chăng?".

Song, sau khi hắn chết, gia nô của Thiệu Vũ [Vương][3] đào xác hắn lên mà vằm nhỏ ra thì lời thánh nhân càng đáng tin.

[23b] Đói.

Mậu Thân, [Hưng Long] năm thứ 16 [1308], (Nguyên Vũ Tông Hải Sơn, Chí Đại năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Trương Hán Siêu làm Hàn lâm học sĩ.

Mùa thu, tháng 11, ngày mồng 1, mặt trời có hai quầng.

Ngày mồng 3, Thượng hoàng băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử.

Bấy giờ Thượng hoàng xuất gia, tu ở ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ[4]. Bà chị là Thiên Thụy ốm nặng, Thượng hoàng xuống núi, tới thăm và bảo:

"Nếu chị đã đến ngày đến giờ thì cứ đi, thấy âm phủ có hỏi thì trả lời rằng: Xin đợi một chút, em tôi là Trúc Lâm đại sĩ sẽ tới ngay".

Nói xong, Thượng hoàng trở về núi, dặn dò người hầu là Pháp Loa[5] các việc về sau, rồi bỗng nhiên ngồi mà hóa. Thiên **[24a]** Thụy cũng mất vào hôm đó.

Pháp Loa thiêu [xác Thượng hoàng] được hơn ba ngàn hạt xá lỵ[6] mang về chùa Tư Phúc ở kinh sư. Vua có ý ngờ. Các quan nhiều người xin bắt tội Pháp Loa. Hoàng thái tử Mạnh mới 9 tuổi, đứng hầu bên cạnh, chợt thấy có mấy hạt xá lỵ ở trước ngự[7], đưa ra cho mọi người xem, kiểm lại trong hộp, thì đã mất một số ít hạt. Vua xúc động đến phát khóc, trong lòng mới khỏi nghi ngờ.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông trên thờ Từ Cung làm sáng đạo hiếu, dưới dùng người giỏi, lập nên võ công. Nếu không có tư chất nhân, minh, anh, võ, thì sao được như thế? Chỉ có một việc xuất gia là không hợp đạo trung dung, là cái lỗi của bậc hiền giả[8].

Sứ Nguyên là Thượng thư An Lỗ Khôi[9] sang báo tin Vũ Tông lên ngôi. Vua sai Mạc Đĩnh Chi sang Nguyên.

---

[1] "Trần Khắc Chung" theo tiếng Hán có nghĩa là nhà Trần sắp chấm dứt.

[2] Tức Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chẩn.

[3] Thiệu Vũ Vương là con của Quốc Chẩn.

[4] Thượng hoàng Nhân Tông là tổ thứ nhất của phái Thiền Trúc Lâm đời Trần.

[5] Sư Pháp Loa trước là đệ tử của Trúc Lâm đại sĩ, sau trở thành vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm.

[6] Xá lỵ: phiên âm tiếng Phạn sarira, nghĩa là thân thể, thuật ngữ Phật giáo, chỉ những phần còn lại sau khi thiêu xác, thường là những hạt nhỏ, được gọi là xá lỵ. Bản in khắc nhầm chữ Xá lỵ thành Xá sát.

[7] Câu chuyện trên cũng được chép trong Nam ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng. Theo sách này (chuyện Tô linh định mệnh), xá lỵ bay vào ống tay áo hoàng tử Mạnh.

[8] Nguyên văn: "Hiền giả quá chi dã". Theo chúng tôi, có lẽ Toàn thư đã khắc nhầm từ câu: "Hiền giả chi quá dã", nên dịch như trên.

[9] Nguyên bản Toàn thư chép là An Lỗ Uy, nhầm chữ Khôi ra chữ Uy. Nguyên sử, Bản kỷ (Vũ Tông) chép rằng năm Chí Đại thứ 1 (1308), Lễ bộ thượng thư A Lý sang nước ta. A Lý Khôi hay A Lặc Khôi là những tên phiên âm khác nhau của người Mông Cổ Alqui.

Đĩnh Chi người thấp bé, người Nguyên khinh ông. Một hôm viên tể tướng mời ông vào phủ cho **[24b]** cùng ngồi. Lúc ấy, đương hồi tháng 5, tháng 6. Trong phủ có bức trướng mỏng thêu hình con chim sẽ vàng đậu cành trúc. Đĩnh Chi vờ ngỡ con chim sẽ thực, vội chạy đến bắt. Người Nguyên cười ồ, cho là người phương xa bỉ lậu. Đĩnh Chi kéo bức trướng xuống xé đi. Mọi người đều lấy làm lạ hỏi tại sao. Đĩnh Chi trả lời:

"Tôi nghe người xưa vẽ cành mai và chim sẽ, chứ chưa thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Nay trong bức trướng của tể tướng lại thêu cành trúc với chim sẽ. Trúc là bậc quân tử, chim sẽ là kẻ tiểu nhân. Tể tướng thêu như vậy là để tiểu nhân trên quân tử, sợ rằng đạo của tiểu nhân sẽ mạnh, đạo của quân tử sẽ suy. Tôi vì thánh triều mà trừ giúp bọn tiểu nhân".

Mọi người đều phục tài của ông.

Đến khi vào chầu, gặp lúc nước ngoài dâng quạt, vua Nguyên sai làm bài minh. Đĩnh Chi cầm bút viết xong ngay, lời bài minh như sau:

"Lưu kim thước thạch, thiên vị địa lô, nhĩ ư tư thì hề, Y Chu cự nho.

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tái đồ, nhĩ ư tư thì hề, Di **[25a]** Tề ngã phu.

Y! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ, hữu như thị phù".

(Chảy vàng tan đá, trời đất như lò, ngươi bấy giờ là Y Chu[1] đại nho.

Gió bấc căm căm, mưa tuyết mịt mù, ngươi bấy giờ là Di Tề đói xo[2].

Ôi, được dùng thì làm, bỏ thì nằm co, chỉ ta cùng ngươi là thế ru!).

Người Nguyên lại càng thán phục.

Kỷ Dậu, [Hưng Long] năm thứ 17 [1309], (Nguyên Chí Đại năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, đại xá.

Sách phong Đông cung thái tử Mạnh làm Hoàng thái tử. Truy tôn Khâm Từ Bảo Thánh thái hậu làm Thái hoàng thái hậu. Sách phong Thánh Bà phu nhân làm Thuận Thánh hoàng hậu.

Thứ phi của vua là Phạm thị, là con gái Phạm Ngũ Lão, không có con, xin xuất gia, vua cho.

Mùa đông, tháng 11, trị tội những kẻ đại nghịch là bọn tên Hân.

Tên Hân bị chém ở cầu Giang Khẩu[3], tên Trù ở cửa thành chợ Dừa[4], tên Tổng ở cửa thànhh Tây Dương[5], tên Dung ở cửa thành Vạn Xuân[6]. Tên Hân vì ngày trước có công lớn, được miễn tịch thu gia sản. Còn bọn tên Lệ 6 người bị đày ra châu Ác Thuy (Ác Thủy thuộc huyện Yên Bang[7]. Người bị đày ra đó, **[25b]** không một ai sống nổi). Tên Lệ là dòng cuối trong họ nhà vua, được miễn thích chữ vào mặt. Bọn tên Đảo 4 người bị đày ra châu xa, tên Ma vì sai vợ là Thị Vĩnh ra thú trước, được tha tội. Theo lệ cũ, những kẻ có tội đều bị tước bỏ họ, chỉ gọi tên thôi. Tội đồ thì tuy còn để họ, nhưng cũng chỉ gọi tên không.

---

[1] Y: Y Doãn, công thần khai quốc của nhà Thương; Chu: là Chu công, công thần của nhà Chu.

[2] Di Tề: tức Bá Di, Thúc Tề hai bề tôi trung của nhà Thương, không chịu thần phục nhà Chu, bỏ lên núi Thú Dương ở ẩn, bị chết đói ở đó.

[3] Cầu Giang Khẩu: cầu ở vùng của sông Tô Lịch, thuộc phường Giang Khẩu, tức vùng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.

[4] Cửa thành chợ Dừa: ở Ô Chợ Dừa, Hà Nội ngày nay.

[5] Cửa thành Tây Dương: ở cửa Ô Cầu Giấy, Hà Nội ngày nay.

[6] Cửa thành Vạn Xuân: ở phía ngoài phường Ông Mạc, tức Ô Đống Mác ở Hà Nội ngày nay.

[7] Nguyên bản chép là huyện Yên Bang, nhưng thực ra Yên Bang là tên lộ thời Trần và tên đạo thời Lê, tức đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn có nói: "Yên Bang là nơi hiểm ác, gọi là viễn châu (châu xa), các triều đại đều đày người đến ở đó".

Phu nhân Uy Túc công[1] là công chúa Thiên Trân mất. Vua thương xót, đến đưa đám.

(Lệ cũ: Những người lấy công chúa, nếu mất mất hay bỏ nhau, thì đều không được lấy vợ khác, nếu có lén lấy vợ khác, thì phải giấu giếm vụng trộm. Thiên Trân mất, Uy Túc lăn ra đất khóc lóc không đứng dậy được. Vua đến đưa đám, phải người đỡ hai bên mới ra tiếp được, ai cũng bảo là [Uy Túc] nhất định sẽ không lấy vợ khác nữa, thế mà Uy Túc sau lại lấy Huy Thánh. Văn Huệ công Quang Triều[2] lấy công chúa Thượng Trân. Công chúa mất, Minh Tông đến điếu tang, Văn Huệ ra đón tiếp tâu bày, như không có vẻ gì đau buồn, mọi người đều cho là (Văn Huệ) thế nào cũng lại lấy vợ khác. Nhưng sau Văn Huệ đi tu đến trọn đời).

Lấy Bùi Mộc Đạc làm Trung thư thị lang.

Canh Tuất, [Hưng Long] năm thứ 18 [1310], (Nguyên Chí Đại năm thứ 3). Mùa thu, tháng 9, ngày 16, rước linh cữu thượng hoàng **[26a]** về chôn ở lăng Quy Đức, phủ Long Hưng, xá lỵ thì cất ở bảo tháp am Ngọa Vân; miếu hiệu là Nhân Tông, tên thụy là Pháp Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hóa Dân Long Từ Hiển Hiệu Thánh Văn Thần Võ Nguyên Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế. Đem Khâm Từ Bảo Thánh thái hoàng thái hậu hợp táng ở đấy.

Trước đó, linh cữu Nhân Tông tạm quàn ở điện Diên Hiền. Khi sắp đưa rước, đã đến giờ rồi mà quan lại và dân chúng còn đứng chật cả cung điện. Tể tướng cầm roi xua đuổi mà vẫn không giãn ra được. Vua cho gọi Chi hậu thánh chưởng Trịnh Trọng Tử tới bảo:

"Linh cữu sắp đưa rồi mà dân chúng đầy nghẽn như vậy thì làm thế nào? Ngươi hãy làm cho họ tránh ra".

Trọng Tử lập tức đến thềm Thiên Trì, gọi quân Hải khẩu và quân Hổ dực (quân do Trọng Tử trông coi) đến ngồi thành hàng trước thềm, sai hát mấy câu điệu Long Ngâm. Mọi người đều kinh ngạc, kéo nhau đến xem, cung điện mới giãn người, bèn rước [linh cữu thượng hoàng] về lăng Quy Đức.

Trọng Tử lo dọc đường thế nào cũng có chỗ cao thấp quanh co, nếu nghiêm túc im lặng, thì sợ có sự nghiêng lệch, nếu truyền gọi bảo ban thì lại e ồn ào, bèn đem những lời dặn về cách đi đứng dàn hàng, phổ vào khúc hát Long Ngâm, sai người hát lên để bảo nhau. Người thời ấy rất ca ngợi ông. Ý tứ khéo léo của ông đại loại như vậy. Vua gọi ông là con nhà trời, vì ông hiểu khắp mọi nghề, lớn nhỏ đều thạo, không việc gì là không biết **[26b]**.

(Trọng Tử nhiều tài nghệ, như cưỡi ngựa lạ không cần người giỏi cưỡi ngựa chỉ bảo, chỉ nghĩ cách phòng giữ cho ngựa khỏi lồng chạy đá cắn thôi, thế mà thuật cưỡi ngựa không có gì là không biết.

Học thuốc thì không cần hỏi thầy thuốc, cứ theo bài thuốc trong sách, xét chứng xem mạch rồi bốc thuốc, mà cũng không sai lầm. Lại đựng vị xuyên khung trong túi vải, cho gia đồng mang theo để lấy hơi người, không sinh mối mọt.

Học đánh cờ thì vẽ bàn cờ và quân cờ lên trần nhà, rồi ngồi nhìn và suy tính kỹ càng, người đương thời khen là giỏi cờ.

[Trọng Tử] thường mời đạo sĩ làm phép trấn yểm, đạo sĩ vào chổ ngồi, nhưng mọi việc đều do Trọng Tử làm cả, mà đạo sĩ thì không phải nói một lời nào. Khi công chúa Thiên Trân mất, các vương hầu đều tới điếu viếng, thầy cúng làm phép "hú vía", nhưng thiếu người trả lời. Trọng Tử cố hỏi là người trả lời phải đứng ở chỗ nào, rồi đến ngay chỗ khuất người để trả lời, mọi người đều che miệng cười. Đại khái, tài khéo léo của ông đều như thế cả).

[27a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Triều đình cốt phải nghiêm. Rước đưa linh cữu thì cần gì phải đến tể tướng dẹp người, hữu ty dùng kế mới đi được? là bởi nhà trần khoan hậu thì có thừa mà nghiêm khắc thì không đủ vậy!.

---

[1] Uy Túc công: tức Trần Văn Bích, con Trần Đạo Tái, cháu Trần Quang Khải.

[2] Văn Huệ công: tức Trần Quang Triều, con Trần Quốc Tảng, cháu Trần Quốc Tuấn. Ở trên, đã chép.

Xá lỵ của Nhân Tông đưa cất vào bảo tháp, có sư Trí Thông phụng hầu. Trước đây, khi Nhân Tông xuất gia, sư chùa Siêu Loại là Trí Thông tự đốt cánh tay mình, từ bàn tay đến tận khuỷu tay, vẫn ung dung không biến sắc. Nhân Tông vào xem, Trí Thông đặt chỗ cho vua ngồi, lạy và nói: "Thần tăng đốt đèn đó! Đốt đèn xong, về viện ngũ kỹ, ngũ dậy, chỗ bỏng lửa phồng lên sẽ khỏi hết".

Đến đây, Nhân Tông băng, Trí Thông liền sai vào núi Yên Tử ở hầu bảo tháp chứa xá lỵ. Đến đời Minh Tông, ông tự thiêu mà chết.

Năm này nước to, đói.

[27b] Tân Hợi, [Hưng Long] năm thứ 19 [1311], (Nguyên Chí Đại năm thứ 4). Đặt đô Toàn kim cương, thích ba chữ ở trán, theo lệ Chân thượng đô, Quân Thiên thuộc có đô Phù đồ thượng và đô Phù đồ hạ.

Nhận con gái của nhà sư người Hồ là Du Chi Bà Lam vào cung.

Sư đã sang ta vào thời Nhân Tông, vẻ người già nua, tự nói là 300 tuổi, có thể ngồi xếp bằng nổi trên mặt nước, lại có thể thu cả ngũ tạng lên ngực, làm cho trong bụng lép kẹp, chỉ còn da bụng và xương sống thôi. Sư chỉ ăn lưu hoàng, mật, rau dưa, ở mấy năm thì về nước, đến nay lại sang ta. Vua lấy con gái sư là Đa La Thanh vào cung. Nhà sư sau mất ở Kinh sư.

(Đời Minh Tông có sư người Hồ là Bồ Đề Thất Lý sang ta, cũng có thể giống nổi trên mặt nước, nhưng nằm ngửa mà nổi, không giống nhà sư Du Chi).

Mùa đông, tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, vì chúa nước ấy là Chế Chí? (có sách ghi là phan trắc).

Nhâm Tý, [Hưng Long] năm thứ 20 [1312], (Nguyên Nhân Tông Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt Hoàng Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 17, mặt trời **[28a]** rung động.

Mùa hạ, tháng 5, dụ bắt được chúa Chiêm Thành Chế Chí đem về; phong em hắn là Chế Đà A Bà Niêm làm Á hầu trấn giữ đất ấy.

Trước đó, Chế Chí sai người sang cống. Người ấy là trại chủ Câu Chiêm. Vua sai Đoàn Nhữ Hài bí mật ước hẹn với hắn. Đến khi vua đích thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm ba đường: Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn theo đường núi, Nhân Huệ Vương Khánh Dư theo đường biển, vua tự dẫn sáu quân theo đường bộ; thủy bộ, cùng tiến. Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Thiên tử chiêu dụ sứ đi trước.

Vua đến Câu Chiêm dừng lại. Nhữ Hài sai người tới chỗ trại chủ, nói rõ ý yêu cầu quốc chủ ra hàng. Trại chủ báo cáo với Chế Chí. Chế Chí nghe theo, đem gia thuộc đi đường biển tới hàng. Nhân Huệ Vương đem quân đuổi theo. Nhữ Hài lập tức chạy thư tâu rằng:

"Khánh Dư định cướp công vua".

Vua giận lắm, sai bắt giám quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngỗi đem chặt **[28b]** chân. Nhân Huệ sợ, đến ngự doanh tạ tội và nói rằng:

"Thần sợ nó đến giữa biển lại đổi bụng khác, nên mới chặn đằng sau thôi".

Vua nguôi giận, sai chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm tụ tập định đánh vào ngự doanh. Tiếng voi đã gần, quân sĩ có vẻ lo sợ. Được vài hôm, quân của Huệ Vũ Vương ư tìm đường mà tới, người Chiêm chạy tan. Trận này không mất một mũi tên mà Chiêm Thành bị dẹp, đó là công sức của Nhữ Hài.

Ngày vua đóng ở Câu Chiêm, Minh Hiến Vương Uất (con út của Thái Tông) ở trong doanh trại, bàn tán biện bác, mê hoặc lòng quaân. Vua giận, đuổi ra khỏi dinh, lệnh cho các quân không được thu nhận. Minh Hiến bèn cùng vài mươi gia đồng ngủ ở ngoài nội. Phạm Ngũ Lão nghe tin ấy vội mời vào trong quân và bảo mọi người:

"Thánh thượng vừa quở trách ân chúa và đuổi ra ngoài, lỡ ra bị giặc bắt được, thì chúng nói là bắt được hoàng tử, chứ biết đâu là bị vua **[29a]** quở trách! Ngũ Lão thà chịu tội trái lệnh, chứ không nỡ làm lợi cho giặc".

Vua nghe biết, cũng không quở trách ông, Minh Hiến với Ngũ Lão tình nghĩa thì rất thân nhưng lễ ý thì rất sơ sài. Minh Hiến đến nhà Ngũ Lão, thường cùng ngồi với nhau một chiếu, khi về [Ngũ Lão] lại đem biếu tặng vàng bạc, hễ [Minh Hiến] cần gì, cũng không có ý sẻn tiếc. Cho nên Minh Hiến thích chơi với ông.

Vua có lần đã trách Ngũ Lão:

"Minh Hiến là hoàng tử, sao ngươi lại khinh xuất thế!". Sau Minh Hiến lại đến nhà, Ngũ Lão vẫn cùng ngồi như xưa, chỉ nói: "Ân chúa nhớ đến nhà tôi nữa mà Thánh thượng quở trách tôi".

Nhưng Minh Hiến vẫn lui tới thường xuyên, mà Ngũ Lão cũng không đổi nết cũ. Ấy là vì một người thì cậy của mà giữ lễ tiết sơ sài, một người thì ham của mà quên mất cả phận trên dưới vậy.

Nhà Nguyên sai Lễ bộ thượng thư Nãi Mã Đài[1] sang báo việc Nhân Tông lên ngôi.

Xa giá trở về, dâng lễ thắng trận **[29b]** ở các lăng phủ Long Hưng.

Đến sông Thâm Thị[2], bỗng gặp mưa gió sấm chớp, ban ngày mà tối đen như đổ mực, trong khoảng gang tấc cũng không nhìn thấy nhau. Dây buộc thuyền đều bị đứt cả. Thuyền ngự chìm ở giữa dòng. Vua bám lấy mũi thuyền leo lên mui, đưa chân cho các cung nữ, nữ quan bám lấy để cùng leo lên mui. Các thuyền khác đều giạt sang bãi cát. Vua truyền chỉnh đốn lại nghi trượng để về kinh đô.

Tháng 6, vua từ Chiêm Thành về (đến kinh đô). Các quan bái yết đều mặc áo ngắn cả, vì đồ quân phục đều bị ướt hết.

Bấy giờ Hoàng thái tử giám quốc, Chiêu Văn Đại Vương Nhật Duật và Nghi Võ hầu Quốc Tú chỉ huy quân tả hữu Thánh dực ở lại giữ nước.

Vua có chiếu tuyên dụ rằng: "Công lao của các quan ở lại giữ nước và các tướng theo ta đi đánh trận là ngang nhau. Vì thái tử còn trẻ dại, nên việc ở lại giữ nước lúc này không giống với các lúc khác, còn các tướng đi theo thì cũng có công". [Nhưng rồi] cũng không tiến hành ban thưởng nữa.

Sai sứ sang Nguyên.

Phong Chế Chí làm Hiệu Trung Vương, **[30a]** lại đổi làm Hiệu Thuận Vương.

Tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế, tiên hậu và gia phong danh thần các xứ.

Lập đền thờ thần ở cửa biển Cần Hải[3].

Trước đây, vua đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Cần Hải (trước là Càn, tránh tên huý đổi là Cần), đóng quân lại, đêm nằm mơ thấy một thần nữ khóc lóc nói với vua: "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp phải sóng gió, trôi giạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu. Nay bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công". Tỉnh dậy, vua cho gọi các bô lão tới hỏi sự thực, cho tế, rồi lên đường. Biển vì thế không nổi sóng. [Quân nhà vua] tiến thẳng đến thành Đồ Bàn[4], bắt được [chúa Chiêm] đem về. Đến nay, sai hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế.

Truy tôn Chiêu Vương làm Nguyên Tổ Hoàng Đế, Cung Vương làm Ninh Tổ Hoàng Đế, Ý Vương làm Mục Tổ Hoàng Đế[5].

[30b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vũ Vương nhà Chu lên ngôi, truy tôn hai tổ làm vương; Thái Tổ nhà Tống được nước, truy tôn bốn đời làm đế. Bởi vì tổ tông tích lũy

---

[1] Nãi Mã Đại: các bản Toàn thư khắc nhầm thành Nãi Mã Phản, do chữ Đãi gần giống chữ Phản. Nãi Mã Đãi là phiên âm tên Mông Cổ Naimatai (có nghĩa là "người của bộ lạc Naiman").

[2] Theo chú thích của CMCB9 thì ở huyện Thanh Trì, Hà Nội, có xã Thâm Thị. Sông Thâm Thị có lẽ là đoạn sông Hồng chảy qua xã này.

[3] Cửa biển Cần Hải: tức Cửa Cờn, nay thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[4] Đồ Bàn: là kinh đô của Chiêm Thành, nay thuộc tỉnh Bình Định.

[5] Chiêu Vương tức là Trần Lý, Cung Vương là Trần Hấp, Ý Vương là Trần Kinh.

công đức, nhân nghĩa nên mới có được thiên hạ, thì việc truy tôn huy hiệu cho các miếu thờ là việc cần phải làm gấp. Nhà Trần có thiên hạ, đã lên ngôi đế mà tước vương truy phong cho ba đời đã là việc không thỏa lòng người, đến nay mới truy tôn đế hiệu thì lại có lỗi là để chậm chạp.

Quý Sửu, [Hưng Long] năm thứ 2 [1313], (Nguyên Hoàng Khánh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, [truy] tôn Ninh Tổ phu nhânlàm Ninh Từ hoàng hậu, Mục Tổ phu nhân làm Mục Từ hoàng hậu.

Tháng 2, Hiệu Thuận Vương Chế Chí đến hành cung Gia Lâm, chết, đem hỏa táng.

Tháng 3, sao Chổi mọc ở phương tây.

Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng mất.

Mùa hạ, tháng 6, ngày 20, sét đánh Tam ty viện, thủ phân Lương Lang chết. Truyền cho bản ty bỏ tiền ra làm chay lễ tạ.

Theo lệ[1] cũ, sét đánh cung điện, đường vũ, **[31a]** phải làm chay cầu phúc trừ tà thì hữu ty lo đồ bày biện, còn lễ vật cần ùng thì do kho công ban cấp. Các xứ khác thì do bản ty bỏ tiền làm chay lễ tạ.

Mùa đông, tháng 10, duyệt định Vũ quân, đổi quân Vũ tiệp thành quân Thiết ngạch, lấy Đại liêu ban Trần Thanh Ly làm Vũ vệ đại tướng quân thống lĩnh quân này.

Lấy An phủ sứ Đỗ Thiên Hư làm Kinh lược sư. Bấy giờ Chiêm Thành bị người Xiêm xâm lược, vua sai Thiên Hư đi kinh lược Nghệ An, Lâm Bình để sang cứu. Sau này mọi kế hoạch, lo liệu về biên giới phía tây, Minh Tông đều ủy cho Thiên Hư.

Tháng 12, Phụ quốc thái bảo Chiêu Hoài hầu Hiện mất.

Lấy Trần Khắc Chung làm Tả phụ, tước Quan Phục hầu.

Giáp Dần, [Hưng Long] năm thứ 22 [124], (từ tháng 3 trở đi là Đại Khánh năm thứ 1, Nguyên Diên Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, sắc cho Trung thư ban tên húy của bản triều, thêm các tên húy của Ninh Hoàng và của hai thái hậu Tuyên Từ, Bảo Từ[2].

[31b] Ngày 18, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Mạnh. [Thái tử] Mạnh lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh năm thứ 1. Đại xá. [Vua tự] xưng là Ninh Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Duệ Vũ Thái Thượng Hoàng Đế; tôn Thuận Thánh hoàng hậu là Thuận Thánh Bảo Từ Thái Thượng hoàng hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Thể Thiên Sùng Hóa Khâm Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế.

Truy tặng Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng làm Thái úy.

Mùa đông, tháng 10, thi thái học sinh. Ban tước bạ thư lệnh, sai cục chính Nguyễn Bính giảng dạy để sau này bổ dụng.

Xuống chiếu cho tam phẩm phụng ngự lập Dung đô để chờ sung bổ.

Đặt đô Phù liễn làm Long vệ tướng. Chọn con trai cấm quân và những người đã thích chữ Kim cương trong quân Thiết ngạch để sung bổ vào.

Sau khi vua nhận nhường ngôi, sứ Nguyên sang, làm lễ đọc quốc thư xong, hôm sau ban yến. Vua mặc áo tràng vạt bằng là màu vàng, đội mũ có thao, sứ giả khen **[32a]** vua là "thanh thoát như thần tiên". Đến khi về nước, [sứ giả] thường nói đến vẻ người thanh tú của vua.

Sau này, sứ ta sang [Nguyên], có người hỏi rằng: "Tôi nghe nói thế tử vẻ người thanh tú nhẹ nhõm như thần tiên có đúng không?".

Sứ ta trả lời: "Đúng như thế, song cũng là tiêu biểu cho phong thái cả nước".

---

[1] Nguyên văn là chữ "lễ", chúng tôi cho rằng Toàn thư in lầm.

[2] Tuyên Từ: là bà hậu của Nhân Tông, Bảo Từ: là mẹ đích của Minh Tông.

Sau Nguyễn Trung Ngạn và Phạm Mại sang Nguyên đáp lễ.

MINH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Mạnh, con thứ tư của Anh Tông, mẹ đích là Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Hưng Nhượng Đại Vương Quốc Tảng, mẹ sinh là Chiêu Hiến hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Bảo Nghĩa Vương Bình Trọng. Ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi, băng ở cung Bảo Nguyên, táng ở Mục Lăng. Vua đem văn minh sửa sang đạo trị nước, làm rạng rỡ công nghiệp của người xưa, giữ lòng trung hậu, lo nghĩ sâu xa, trong yên ngoài phục, kỷ cương đủ bày. Tiếc rằng không nhận biết mưu gian của Khắc Chung, để đến nỗi Quốc Chẩn phải chết, đo là chỗ kém thông minh vậy.

Ất Mão, [Đại Khánh] năm thứ 2 [1315], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, đua thuyền.

Tháng 5, **[32b]** xuống chiếu cấm cha con, vợ chồng và gia nô không được tố cáo lẫn nhau.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua vốn nhân hậu với họ hàng, nhất là đối với bậc bề trên mà hiển quý lại càng tôn kính. Kẻ thần hạ hễ ai cùng tên (với họ hàng nhà vua) đều phải đổi cả, như Độ đổi thành Sư Mạnh vì là cùng tên với thượng phụ[1], Tung đổi thành Thúc Cao vì là cùng tên với Hưng Ninh Vương[2] (con trưởng của An Ninh vương)[3]. Lại các tên của chú bác, cô cậu, khi nói đến vẫn kiêng cả. [Vua] có quyển sổ nhỏ biên những chữ húy không được nói đến, trao cho các hoàng tử và cung phi. Chỉ vì ngài có tấm lòng ấy, nên đã có chính tích ấy.

Tháng 6, hạn hán.

Bấy giờ Trần Khắc Chung làm Hành khiển. Quan ngự sử dâng sớ nói:

"Chức vụ tể tướng, trước hết phải điều hoà âm dương. Nay Khắc Chung ở ngôi tể tướng, không biết phối hợp đất trời [33a] cho khí tiết điều hòa, để đến nỗi mưa nắng trái thời, thế là làm quan không được công trạng gì".

Khắc Chung nói:

"Tôi lạm giữ chức tể tướng, chỉ biết có sức làm những việc mà chức vụ phải làm, còn như hạn hán thì hỏi ở Long Vương. Khắc Chung đâu phải là Long Vương mà đổ tội được?".

Sau nước sông lên to, vua đích thân đi xem đắp đê. Quan ngự sử tâu:

"Bệ hạ nên chăm sửa đức chính, xem làm gì việc đắp đê nhỏ nhặt".

Khắc Chung nói:

"Khi dân bị nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp tai họa khẩn cấp đó, sửa đức chính không gì lớn hơn việc đó, cần gì phải ngồi thinh, tư lự rồi bảo là "sửa đức chính?".

Có người bàn rằng: "Khắc Chung đổ lỗi cho Long Vương, đài quan chê [đắp đê] là việc nhỏ nhặt, [hai bên] đều sai cả".

Mùa thu, tháng 8, lấy ngày sinh làm tiết Ninh Thiên.

Tháng 9, có sâu ăn lúa.

Mùa đông, tháng 10, có sâu ăn lúa.

---

[1] Tức Trần Thủ Độ.

[2] Hưng Ninh Vương, tức Trần Tung, có tên hiệu Phật giáo là Tuệ Trung thượng sĩ.

[3] Đúng ra là An Sinh Vương, tức Trần Liễu. Ở đây Toàn thư nhầm chữ Sinh thành chữ Ninh.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Á quan nội hầu.

[33b] Bính Thìn, [Đại Khánh] năm thứ3 [1316], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, xét duyệt quan văn và[1] hộ khẩu có mức độ khác nhau.

Các quan xét duyệt cho rằng những tấm thiếp đóng ấn gỗ vào năm Nguyên Phong [1251 - 1258] là giả tạo. Thượng hoàng nghe tin ấy, bảo họ:

"Đó đúng là những tấm thiếp của nhà nước đấy". Nhân ôn chuyện xưa[2] mà dụ rằng:

"Những người ở trong triều mà không am hiểu điển cũ thì lỡ việc nhiều lắm".

Mùa đông, tháng 11, sai tể thần, tôn thất và các quan gặt ruộng tịch điền.

Sai Nhân Huệ Vương Khánh Dư đi Diễn Châu xét duyệt sổ lính, sổ dân, lấy Nội thư hỏa chánh chưởng phụng ngự Nguyễn Bính làm phó.

Xong việc về triều, Bính đem tiền bổng dâng nộp. Vua sai hữu ty nhận lấy. Có người hỏi: "Bính nộp tiền bổng mà bệ hạ nhận, thần chưa hiểu là cớ làm sao?".

Vua đáp: "Bính nộp tiền bổng là thành thực, nếu trẫm không nhận, thì hãm Bính vào tội dối trá, cho nên nhận lấy để tỏ rõ Bính không gian dối".

Bính là cận **[34a]** thần của Thượng hoàng, tính người trong sạch thẳng thắn, năm trước đứng đầu hành nhân sang sứ nước Nguyên, trở về không mua thứ gì, Thượng hoàng khen ngợi, đặc cách ban thưởng 2 tư. Theo lệ cũ, những người đi sứ Nguyên về, mỗi người được ban tước 2 tư, người đứng đầu hành nhân trở xuống, mỗi người 1 tư. Bính là người trong sạch thẳng thắn nên được 2 tư.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu phó.

Đinh Tỵ, [Đại Khánh] năm thứ 4 [1317], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, làm lễ thành hôn cho năm công chúa là Thiên Chân, Ý Trinh, Huy Chân, Huệ Chân, Thánh Chân.

Huy Chân lấy Uy Giản hầu (không rõ tên). Trước đây, mẹ thân sinh Huy Chân là Trần Thị Thái Bình làm cung tần của Thượng hoàng, tính tham lam, thường chiếm đoạt ruộng đất của dân. Có người kiện, vua không giao cho hữu ty, gọi Uy giản tới đưa đơn kiện cho xem và dụ rằng:

"Trẫm không giao cho quan lại xét, sợ làm nhục phi tần của tiên hoàng, ngươi nên theo đơn mà trả [ruộng cho] dân".

Uy Giản lập tức **[34b]** vâng chiếu trả lại ruộng. Sau Thái Bình chết, Uy Giản đem tất cả ruộng [bà] chiếm đoạt khi trước trả lại cho chủ cũ. Vua vì thế khen ông.

Thượng hoàng ngự cung Trùng Quang. Hình bộ lang trung Phí Trực theo hầu. Chức an phủ Thiên Trường khuyết, sai Trực kiêm làm.

Bấy giờ trộm cướp bắt đầu nổi lên, tên Văn Khánh là đầu sỏ bọn cướp. Có người khai là bắt được một tên cướp, giải lên nộp quan và bảo nó là Văn Khánh. Đến lúc tra hỏi, tên ấy nhận ngay, ai cũng cho là thực, duy có mỗi Trực vẫn ngờ. Án ấy để lâu không giải quyết. Thượng hoàng hỏi chuyện đó, Trực trả lời:

"Mạng người rất trọng, lòng tôi còn có chỗ ngờ, không dám liều lĩnh xử quyết".

Không bao lâu, Thượng hoàng hỏi lại, Trực trả lời như lần trước. Thượng hoàng giận bảo:

"Nó đã nhận như thế, còn ngờ gì nữa". Trực tâu:

"Nó không bị tra tấn khổ sở mà điềm nhiên thú nhận, thần trộm lấy làm ngờ".

---

[1] Dịch chữ "cập"? trong nguyên văn. Cương mục sửa lại là "cấp"?. Bản dịch cũ: "... xét định lại quan văn, cấp cho hộ khẩu theo thứ bậc khác nhau".

[2] Năm Nguyên Phong thứ 7 (1257), trong lúc hành quân chống quân Mông Cổ, ấn vua bị mất, phải khắc ấn gỗ để dùng trong giấy tờ việc quân (xem Toàn thư, BK5, 23b).

Một tháng sau, Văn Khánh quả nhiên bị bắt. Thượng hoàng do đó khen Trực **[35a]** có tài.

Thượng hoàng có lần ban bữa ăn cho vua. Vua nhai rất kỹ, Thượng hoàng nói: "Đàn ông phải ăn như rồng nuốt, cọp cắn, cần gì phải nhai kỹ?". Khi ban bữa ăn cho vương hầu, thượng hoàng cũng dụ như thế.

Mậu Ngọ, [Đại Khánh] năm thứ 5 [1318], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 18, đem trưởng công chúa Thiên Chân gả cho Huệ Chính vương (không rõ tên). Phong Huệ làm Phò ký lang.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, Tuyên Từ thái hậu băng.

Sai Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chẩn đi đánh Chiêm Thành. Tộc tướng nhà Lý là Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến chết tại trận. Quản Thiên võ quân Phạm Ngũ Lão tung quân đánh phía sau giặc. Quân giặc thua chạy, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão tước Quan nội hầu, ban cho phi ngư phù và cho con ông làm quan.

Bấy giờ, Thượng hoàng có ý xuất gia, nên sai cung nhân ăn chay. Các cung nhân đều ngần ngại, duy có nữ quan Nguyễn Thị Diên chặt ngón tay **[35b]** đem dâng. Thượng hoàng ngợi khen, ban cho 40 mẫu ruộng làm lương ăn tu hành ngày sau. Rồi Thị Diên quả nhiên đi tu cho đến lúc mất, Phật hiệu là Tịnh Quang ni.

Mùa đông, phụ táng Tuyên Từ thái hậu ở cạnh lăng Nhân Tông.

Trước đây, Nhân Tông từng dặn lại Anh Tông ngày sau phải đem dì (tức là thái hậu) táng ở cạnh lăng và vẽ bản đồ chôn cất thành huyệt hình thước thợ trao lại. Đến đây, Thượng hoàng theo di mệnh, đào cạnh lăng để chôn. Đất lăng nhiều bùn lầy, tiếng đào đắp vang động cả khu lăng. Thượng hoàng có vẻ lo. Trước đây, khi sắp chôn thái hậu [vào đấy], các quan tâu rằng không nên làm kinh động lăng tẩm. Thượng hoàng nói:

"Tiên đế có lệnh, ta không dám trái. Nếu có tổn hại gì, ta sẽ chịu cả".

Sau khi chôn không được bao lâu, Thượng hoàng bị bệnh, đầy năm thì băng.

Kỷ Mùi, [Đại Khánh] năm thứ 6 [1319], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 6). Mùa hạ, tháng 4, bến Đông Thiên Vương ở Đống Lâm lở 10 trượng.

[36a] Tháng 5, ngày 17, hoàng thái tử Vượng sinh tên hiệu là Thiên Kiến.

Nước to.

Mùa đông, tháng 11, hoàng thái tử Nguyên Trác sinh.

Canh Thân, [Đại Khánh] năm thứ 7 [1320], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, ngày 16, thượng hoàng băng ở cung Trùng Quang phủ Thiên Trường, rước linh cữu vào cửa Tường Phù, quàn tại cung Thánh Từ.

Thượng hoàng tính tình khiêm tốn hoà nhã, hoà mục với người trong họ, mọi việc của triều đình đều tự mình quyết đoán. Khi thư rỗi trong muôn việc bận, Thượng hoàng để tâm tới việc trước thuật. Nhưng viết được gì, vẽ được gì, ngài đều đốt cả. Tập thơ ngự chế tên là Thủy vân tùy bút, trước khi mất, cũng đốt đi.

Hồi còn trẻ, thích uống rượu, Nhân Tông răn bảo chuyện đó, từ đấy không bao giờ uống nữa. Ngài từng ban tước hơi nhiều cho các quan trong triều. Nhân Tông biết được, sai lấy sổ xem rồi ghi vào trong đó rằng:

"Sao lại có một nước bé bằng bàn tay mà phong quan tước nhiều như thế", từ đó lại càng **[36b]** thận trọng khi ban chức tước. Ngài không ngại sửa lỗi như vậy đó!.

Quan nô là Hoàng Hộc và Thiên Kiện dùng mưu kế xảo trá, đánh lừa hình quan, người trong hương rốt cuộc phải chịu tội vu cáo. Thượng hoàng biết chuyện, bảo hình quan rằng:

"Tên Hộc gian ngoan xảo quyệt đến thế mà ngục quan không biết suy xét tình lý. Tình ngay lý gian thì không được lấy lý bỏ tình. Phải suy xét cả tình và lý, tình lý không xung đột thì mới là giỏi xử án. Nếu biết tình không gian, thì theo lý mà làm là phải, nếu tình quả là gian rồi, thì lại phải suy xét xem lý ngay hay cong, như vậy, điều gian dối sẽ tự khắc hiện ra, càng không nên tách rời tình lý làm hai mà xét".

Ngài sáng suốt, thận trọng về hình phạt lại như thế đấy.

Huy Tư được phong hoàng phi, thi theo hầu [thượng hoàng] chưa được ngồi kiệu. Bảo Từ lấy kiệu mình vẫn đi ban cho bà thì ngài trách rằng:

"Bảo Từ có thương yêu Huy Tư thì cho thứ khác là phải, chứ cái kiệu ngồi còn điển chế cũ, không thể **[37a]** cho được!".

Nguyễn Sĩ Cố, Chu Bộ là cận thần của thái tử. Đến khi thái tử lên ngôi. Cố và Bộ đều vì không có đức hạnh nên đều không được cất nhắc. Cố làm đến Thiên chương các học sĩ, chức này thực đặt làm vì, chứ không có quyền hành gì. Bộ thì chỉ coi mấy bộ cấm binh Khôi. Khi thượng hoàng thân đi đánh Chiêm Thành, Bộ chết trận, Cố thì chết trên đường đi. Hai người này phục vụ Thượng hoàng khó nhọc lâu ngày, nhưng vì tài không thể dùng được, nên đặc họ vào chức nhàn tản và đều cho bổng lộc tước trật ưu hậu cả mà không trao cho thực quyền.

Nguyễn Quốc Phụ làm Nội thư chánh chưởng, là cận thần của Nhân Tông. Khoảng năm Hưng Long [1293 - 1314] khuyết chức Hành khiển. [Có lần] Thượng hoàng chầu Nhân Tông ở chùa Sùng Nghiêm, Nhân Tông bảo: "Quốc Phụ được đấy!" [Thượng hoàng thưa:

"Nếu lấy ngôi thứ mà bàn, thì [Quốc Phụ] được rồi, chỉ hiềm hắn nghiện rượu thôi!".

Nhân Tông im lặng rồi không dùng. Quốc Phụ cuối cùng vẫn giữ chức cũ cho đến khi chết. Ngài thận trọng đối với những chức vị quan trọng lại như thế đấy.

Bấy giờ rước linh cữu [thượng hoàng] **[37b]** đưa về Thiên Trường. Thuyền của Bảo Từ thái hậu có 8 dây kéo, thuyền của Huy Tư hoàng phi có 2 dây kéo. Người coi cấm quan có ý nịnh vua, lấy dây buộc thêm vào thuyền của hoàng phi. Tướng quân Trần Hựu nói:

"Thuyền của thái hậu có 8 dây kéo là quy chế của nhà Trần để tỏ rõ danh phận trên dưới", lập tước rút gươm cắt dây bỏ bớt đi. Việc đến tai vua, vua khen ông trung thành. Hựu là viên quan cận thần của Thượng hoàng.

Mùa hạ, tháng 6, nước to.

Mùa thu, tháng 8, gió to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu rằng những người tranh nhau ruộng đất, nếu khám xét thấy không phải của mình mà cố tranh bậy thì bị truy tố, tính giá tiền ruộng đất, bắt đền gấp đôi. Nếu làm văn khế giả, thì bị chặt một đốt ngón tay bên trái.

Tháng 11, Điện súy thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão mất tại phũ đệ vua ban ở vườn cau trong thành, thọ 66 tuổi. Vua nghỉ chầu 5 ngày, đó là ân điển đặc biệt.

Ngũ Lão [người làng] Phù Ủng, [huyện] Đường Hảo [châu] Thượng Hồng, lúc hơn hai mươi tuổi, **[38a]**, Hưng Đạo Vương thấy và cho là có kỳ tài, đem con gái nuôi gả cho. [Ngũ Lão] nhân đó, làm gia thần cho vương, được vương dạy bảo thêm, tài nghệ tuyệt vời. Vương tiến cử ông.

Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ, nhưng rất thích đọc sách, là người phóng khoáng, có chí lớn, thích ngâm thơ, tựa như không để ý đến việc võ bị. Nhưng quân ông chỉ huy, thực là đội quân phụ tử, hễ đánh là thắng. Ông có làm bài thơ:

Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

(Vung giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân tựa cọp nuốt trôi trâu.
Trai chưa trả nợ công danh được,
Còn thẹn khi nghe chuyện Vũ hầu)[1].

Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, đối đãi tướng hiệu tực như người nhà, cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, cho nên quân đi tới đâu, không ai dám chống; tất cả chiến lợi phẩm thu được đều sung vào kho quân, coi của cải như không, là bậc danh tướng của một thời vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tôi từng thấy các danh tướng nhà Trần như Hưng Đạo Vương thì học vấn **[38b]** tỏ ra ở bài hịch, Phạm điện súy thì học vấn biểu hiện ở câu thơ, không chỉ có chuyện về nghề võ. Thế mà dùng binh tinh diệu, hễ đánh là thắng, đã tấn công là chiếm được, người xưa cũng không một ai vượt nổi các ông. Lê Phụ Trần thì dũng lược đứng đầu ba quân, một mình một ngựa xông pha trong lúc gian nguy, mà tài văn học của ông đủ để dạy bảo thái tử. Đủ biết, nhà Trần dùng người, vốn căn cứ vào tài năng của họ để trao trách nhiệm. Còn như quân Thiên thuộc (tức là quân Thiên vũ) mà cấm không được vào học. Giả sử có người văn võ toàn tài sinh ra ở trong đó, thì chẳng bị kìm hãm lắm sao!

Tháng 12, ngày 12, táng Thượng hoàng vào Thái lăng ở Yên Sinh (Thái Lăng ở núi Yên Sinh, hai lăng Mục Lăng và Phụ Lăng cũng ở đó), miếu hiệu là Anh Tông, thụy hiệu là Hiển Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Gốc của thiên hạ là ở nước, gốc của nước là ở nhà, **[39a]** gốc của nhà là ở mình. Có dạy được người trong nước. Đời Đường Ngu thịnh trị chẳng qua cũng là như vậy. Kinh Thư ca ngợi Đế Nghiêu dẫn dắt muôn dân bỏ ác làm thiện, đi tới thịnh trị, thì hẳn là vì trước hết ông biết thân yêu họ hàng[2], cũng tức là đã thực hiện giáo hóa bắt đầu từ trong nhà vậy. Tôi đọc sử chép về Anh Tông, thấy không ngần ngại sửa bỏ lỗi lầm, kính cẩn thờ phụng cha mẹ, hòa mục với họ hàng, truy tôn tổ tiên làm đế làm hậu, chu đáo trong cúng tế, thận trọng trong tang lễ, đều là phải đạo; trong nhà đủ làm khuôn phép, người ngoài bắt chước theo. Cho nên trên thì Nhân Tông khen là hiếu, dưới thì Minh Tông tuân theo khuôn phép. Nước trở nên văn minh,dân tới chỗ giàu thịnh. Như thế chẳng phải là hiệu quả trị nước vốn ở gốc tu thân tề gia là gì? Dù lời khen trong Thi, Thư[3] cũng không hơn thế.

Lại nói: Thiên tử mất 7 tháng thì chôn, nay để hơn 9 tháng mới chôn. Có lẽ thế là theo thuyết âm dương chăng[4].

[39b] Trước đây, Anh Tông không khoẻ, vua ngày đêm ơ luôn ngoài cửa phòng ngủ của Thượng hoàng, mỗi khi vào thăm thì cùng đi với Quốc Chẩn. Vì Anh Tông tin cậy Quốc Chẩn hơn cả, định đem vua gửi gắm Quốc Chẩn, cho nên không cho vào thăm một mình, mà phải cùng đi với Quốc Chẩn, cốt để cho tình nghĩa vua tôi được khăng khít và không còn nghi ngại gì nữa.

Bấy giờ, Bảo Từ thái hậu cho gọi sư Phổ Huệ đến chùa Phổ Minh mở hội Quán đính[5]. Anh Tông bệnh vừa chuyển nặng. Phổ Huệ xin được gặp để trình bày việc sống chết. [Anh Tông] sai trả lời rằng:

---

[1] Vũ hầu: tức Gia Cát Lượng, tướng nước Thục thời Tam Quốc.

[2] Nguyên văn là "Cửu tộc" tức họ 9 đời gồm cao, tằng, tổ, khảo bản thân và con, cháu, chắt, chút, ở đây chỉ họ hàng nói chung.

[3] Thư Kinh (Nghiêu điển) ca ngợi vua Nghiêu: "Làm sáng đức lớn để thân yêu hòa hợp được họ hàng, họ hàng hòa mục rồi, lại làm cho trăm họ tốt đẹp, trăm họ sáng tỏ rồi lại hòa hợp với muôn nước chư hầu. Dân chúng trong thiên hạ đều bỏ ác làm thiện, trở nên yên vui hưng thịnh".

[4] Thuyết âm dương: ở đây là chỉ quan niệm của các nhà chiêm tinh thuật số cho rằng người chết phải chọn ngày, chọn giờ để chôn, nếu không được ngày giờ lành, sẽ có thể gây ra tai họa cho người sống.

[5] Quán đính:(Abhiseka) là một nghi lễ Phật giáo, dùng nước hoặc sữa gội lên đỉnh đầu.

"Sư hãy đến đây, ta chết rồi, Quan gia có sai bảo gì, thì cứ việc làm. Còn như chuyện sau khi chết, thì sư cũng chưa chết, biết đâu mà trình bày việc chết với ta?".

Thái học sinh Đặng Tảo thường xuyên đứng hầu bên giường ngự để viết di chiếu. Anh Tông băng, vua đích thân khâm liệm. Chỉ có Quốc phụ cùng Tảo và gia nhi chủ nô là Lê Chung tham gia việc này. Đến khi rước linh cữu về sơn lăng, Tảo, Chung đều tới hầu **[40a]** lăng tẩm. Hàng năm, khi vua bái yết lăng, Tảo thườn lánh đi chổ khác, chỉ có ý nguyện ở lại phụng thờ lăng tẩm mà thôi, chứ không đòi xin gì khác.

Vua thương Tảo nghèo, ban cho 20 mẫu ruộng, sai Trần Thế Hưng mang giấy cho. Ruộng này khi trước đã ban cho thứ phi của vua là Thiên Xuân. Thiên Xuân cứ giữ giấy cũ mà cày cấy, thế mà Tảo vẫn không tranh chấp với bà. Thế Hưng biết chuyện, tâu thực với vua. Vua lập tức thu lại giấy của Thiên Xuân, đem ruộng trả cho Tảo, Tảo cũng chẳng lấy làm mừng.

Chung thì dời mồ mả tổ tiên, bán ruộng đất, nhà cửa, đem gia quyến vợ con đến Yên Sinh, chôn cất và làm nhà ở đấy. Cả hai người đều ở Yên Sinh cho đến khi mất. Sau này Nghệ Hoàng đến Yên Sinh, tưởng nhớ hai người bề tôi đó, liền sai Trần An trùng tu chùa cũ của Tảo và Chung, lại cấp ruộng để thờ cúng, ban tên chùa là chùa Trung Tiết.

Đổi đô Phù Liễn làm Khấu mã quân.

Đói.

Lấy Bùi Mộc Đạc tri Thẩm hình viện sự, kiêm [40b] Chuyển vận sứ lộ Hoàng Giang Hạ.

Tân Dậu, [Đại Khánh] năm thứ 8 [1321], (Nguyên Anh Tông Thạc Đức Bạt Lạt Chí Trị năm thứ 10). Mùa xuân, tôn Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu, tôn mẹ thân sinh là Huy Tư hoàng phi làm Huy Tư hoàng thái phi (tức là Chiêu Từ hoàng thái hậu).

Tháng 2, gạo 1 thăng nhỏ trị giá 1 quan tiền.

Mùa hạ, lúa chiêm được mùa to.

Mùa đông, tháng 12, hoàng tử thứ ba là Phủ sinh.

Thi các tăng nhân, hỏi kinh Kim Cương.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Quan nội hầu.

Sai sứ sang Nguyên mừng Anh Tông lên ngôi.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Ngự sử đài thị ngự sử.

Nhâm Tuất, [Đại Khánh] năm thứ 9 [1322], (Nguyên Chí Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Huệ Túc Đại Vương Niên làm Phó ký lang.

Tháng 3, sét đánh tháp Báo Thiên, sụt mất 2 tầng góc bên đông.

Mùa hạ, người Nguyên **[41a]** tranh chấp biên giới. Sai Hình bộ thượng thư, ty Hành khiển là Doãn Bang Hiến sang Nguyên tranh biện. Hiến mất trên đường đi, vua rất thương tiếc.

Quý Hợi, [Đại Khánh] năm thứ 10 [1323], (Nguyên Chí Trị năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 8, ngày 22, vua ngự đến nhà Thái học. Có tên Mặc trong quân Thiên thuộc ở Hoàng Giang đỗ khoa thi Thái học sinh, vua xuống chiếu bắt trở lại quân ngũ, làm quân lại quân Thiên đinh, đến khi thi đánh gậy, [Mặc] lại đỗ cao.

Bấy giờ tuyển chọn các quân, lấy người béo trắng làm hạng trên, cho nên quân sĩ không xăm mình nữa là bắt đầu từ đấy.

Xuống chiếu rằng khi tranh ruộng mà ruộng có lúa, thì hãy chia làm 2 phần, bồi thường cho người cày 1 phần, còn 1 phần lưu lại. Đó là theo lời tâu của Đại an phủ Kinh sư kiêm Kiểm pháp quan Nguyễn Dũ. Dũ nổi tiếng ngang với Thiên Hư. Khi Thiên Hư thôi chức Kinh lược sứ Nghệ An, Lâm Bình, vua sai Dũ kế chức ấy. Người Chiêm **[41b]** cũng sợ phục.

Bấy giờ, quan trong triều như bọn Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đỗ Thiên Hư, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dũ, Phạm Mai, Phạm Ngộ, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy (Duy người xã Cổ Định, huyện Nông Cống), Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhân nối nhau vào triều, nhân tài rộ nở.

Anh em Ngộ, Mại vốn trước là họ Chúc, khi Nhân Tông xuất gia, làm nội học sinh theo hầu. Vua cho rằng họ Chúc không phải là họ lớn, mới đổi cho thành họ Phạm. Ngộ trước tên là Kiên, Mại trước tên là Cố, đều theo học Nguyễn Sĩ Cố. Kiên tránh tên của phán thủ Huệ Nghĩa đổi là Ngộ, Cố tránh tên của thầy, đổi là Mại. Mại ở ngự sử đài[1], cương trực dám nói, có phong cách người bề tôi can ngăn ngày xưa". Sau vào chính phủ, không được mấy năm bị bãi chức.

Trung Ngạn tên cũ là Cốt. Khi Anh Tông ngự cung Trùng Quang, có ý muốn xuất gia, có làm bài thơ "Chiêu ẩn"[2] ban cho Trung Ngạn, Trung Ngạn từ chối không vâng mệnh.

Đĩnh Chi là người liêm khiết, **[42a]** sống rất đạm bạc. Vua rất hiểu ông, sai người ban đêm đem 10 quan tiền bỏ vào nhà ông. Hôm sau, Đĩnh Chi vào chầu, tâu vua hay chuyện đó. Vua bảo: "Không ai đến nhận, cho khanh lấy mà tiêu". Thời Hiến Tông, ông làm Nhập nội hành khiển Hữu ty lang trung rồi thăng Tả ty lang trung.

Mùa đông, tháng 11, đúc tiền kẽm.

Tháng 12, sách phong con gái trưởng của Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chẩn là Huy Thánh công chúa làm Lê Thánh hoàng hậu (tức là Hiến Từ thái hậu).

Lấy Uy Giản hầu (không rõ tên) làm Tham thị triều chính trị quân quốc sự. Thân thuộc có kẻ chê chức ấy thấp. Uy Giản bảo chúng:

"Bọn bay ngu quá, phàm bề tôi được chúa thượng trông tới, đều do ở lòng thánh lựa chọn, chứ không phải là sức người làm nổi, sao lại được càn rỡ nghĩ xằng? Ta may được đội ơn yêu quý, thực đã quá lòng mong muốn rồi, bàn chi đến chức cao hay thấp".

Vua nghe biết, cho là những lời nói phải.

[42b], Giáp Tý, [Khai Thái] năm thứ 1 [1324], (Nguyên Thái Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Xét duyệt các sắc mụ nội thị tạp lưu.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chẩn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể, Kiểm hiệu thái úy Nhật Duật làm Tá thánh thái sư; Uy Túc công Văn Bích làm Nhập nội phụ quốc thái bảo, Văn Huệ công Quang Triều làm Nhập nội hiệu tư đồ.

Vua Nguyên sai Mã Hợp Mưu[3], Dương Tông Thụy sang báo tin lên ngôi[4] và trao cho 1 quyển lịch.

Bọn Mưu đi ngựa đến tận đường ở cầu Tây Thấu Trì không xuống. Những người biết tiếng Hán, vâng lệnh tiếp chuyện, từ giờ Thìn đến giờ Ngọ, khí giận càng tăng.

Vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón. Trung Ngạn lấy lẽ bẻ lại, Hợp Mưu đuối lý, phải xuống ngựa bưng chiếu đi bộ. Vua rất hài lòng.

Rồi sau bàn việc trái ý vua, [Ngạn] bị giáng làm Thông phán châu Viêm Lãng, **[43a]** được tiếng là chính sự giỏi. Ít lâu sau, được thăng làm Thiêm tri Thánh Từ cung sự.

---

[1] Theo Nam ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng thì Phạm mại làm ngự sử trung thừa, bị cách chức trong vụ án Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn. Sau khi Quốc Chẩn được minh oan, Mại được thăng làm tham tri chính sự.

[2] Chiêu ẩn: có nghĩa là mời bậc ẩn sĩ ra làm quan. Hoài Nam vương An đời Hán có thiên "Chiêu ẩn sĩ", Tống Văn Đề có xây Chiêu Ân quán cho Lôi Thứ Tông ở Chung Sơn.

[3] Phiên âm tên Hồi giáo Mahmud.

[4] Vua Nguyên lên ngôi nói ở đây là NguyênThái Định Đế.

Ban cho Trần Bang Cẩn bức tranh và bài thơ. Bấy giờ, Bang Cẩn làm Đại hành khiển thượng thư tả bộc xạ, là người tín thực giữ gìn, giản dị điềm tĩnh, không xa hoa. Vua ban cho bức tranh và bài thơ rằng:

Hình dung cốt cách nại đông hàn,

Tướng mạo đình đình diệc khả khan.

Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tận,

Tâm lý nan miêu cảnh cảnh đan.

(Cốt cách dáng hình chịu rét đông,

Hiên ngang tướng mạo thực nên trông.

Phong lưu mọi vẻ đều nên cả,

Vẽ sao canh cánh tấm lòng trung).

Mùa đông, tháng 12, cấm tiền kẽm.

Năm này hạn hán, sâu bọ; trâu bò, gia súa chết nhiều.

Ất Sửu, [Khai Thái] năm thứ 2 [1325], (Nguyên Thái Định năm thứ 2). Mùa xuân, đặt ty Liêm phỏng ở các lộ. Lấy Đặng Lộ làm Liêm phỏng sứ hai lộ Đại Hoàng và An Tiêm.

Mùa thu, tháng 8, ban xuống các điều lệ mới quy định.

Theo quy chế cũ, Hành khiển ty ở cung Quan Triều và Thánh Từ, cùng Nội thư hỏa cục thì gọi chung là Nội mật viện. Đến nay, đổi Hành khiển ty thành Môn hạ sảnh, còn Nội thư hỏa cục vẫn là Nội mật **[43b]** viện.

Tư đồ Văn Huệ công Quang Triều mất (thọ 39 tuổi).

Bính Dần, [Khai Thái] năm thứ 3 [1326], (Nguyên Thái Định năm thứ 3). Từ tháng 2, mùa xuân, đến tháng 6 không mưa.

Tháng 3, Trung thư thị lang tri Thẩm hình viện sự Bùi Mộc Đạc mất.

Trước đây, khi Anh Tông sắp băng có bảo vua:

"Mộc Đạc trải thờ ba triều, là người cung kính, thận trọng, giữ gìn, học thức khả quan, nên đãi ngộ cho khéo, chớ để bị người ta ngăn trở".

Vua sai vẽ chân dung Mộc Đạc cất ở nhà sách, có ý định dùng vào chức to, nhưng chưa kịp thăng thì mất (thọ 62 tuổi).

Mùa thu, tháng 7, xét duyệt các quan văn võ.

Lấy Nội thư hỏa chánh chưởng phụng ngự Tạ Bất Căng làm Nhập nội hành khiển, hành Tả ty lang trung. Lấy Trần Khắc Chung làm thiếu bảo, hành Thánh Từ cung Tả ty sự, ban tên tự là Văn Tiết, hàm Đồng trung thư môn hạ bình chương sự.

Buổi quốc sơ, theo quy chế cũ của nhà Lý, hàm Hành khiển có thêm các chữ Trung thư môn hạ bình **[44a]** chương sự. Từ khi thượng tướng Quang Khải ở ngôi tể tướng, chê chức hành khiển và chức tể tướng ngang hàng nhau, mới tâu xin đổi thành Trung thư môn hạ công sự để cho có phân biệt.

Đến đây, vua cho Khắc Chung thăng chức Thiếu bảo, nhưng vẫn làm việc hành khiển; để ưu đãi, nên đặc cách thêm các chữ Trung thư môn hạ bình chương sự, là theo quy chế cũ.

Giáng Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Thanh Hóa.

Trung Ngạn có tính hay sơ xuất. Bấy giờ, Bảo Vũ Vương được ban tước Tạo y thượng vị hầu[1], Trung Ngạn ghi sổ, lại xếp vào hàng Tử y[2]. Vua thương ông có tài, vả lại cũng là do lầm lỡ, không bắt tội, nên đuổi ra làm quan bên ngoài. Trung Ngạn từng làm bài thơ tự phụ rằng:

Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí,

Diệu kinh dĩ hữu thốn ngưu chí.

Niên phương thập nhị thái học sinh,

Tài đăng thập lục sung đình thí.

Nhị thập hựu tứ nhập gián quan,

Nhị thập hựu lục Yên kinh sứ.

(Giới Hiên tiên sinh tài lang miếu[3],

Có chí nuốt trâu từ niên thiếu.

Tuổi mới mười hai thái học sinh,

Vừa đến mười sáu dự thi đình.

Hai mươi bốn tuổi làm quan gián,

Hai mươi sáu tuổi sứ Yên Kinh)[4].

Ông kiêu căng như vậy đấy. Về sau, hai lần sung chức **[44b]** Hựu sảnh[5]. Đến thời Dụ Tông, vào chính phủ, giữ trọn tiếng tốt, không phụ là bậc nho giả, thọ hơn 80 tuổi. Có Giới Hiên tập lưu hành ở đời.

Bấy giờ Trương Hán Siêu làm Hành khiển. Một hôm, Siêu nói trong triều rằng hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ. Vua lập tức sai điều tra. Hán Siêu nói kín với người khác:

"Tôi làm việc ở chính phủ, được chúa thượng tin dùng, cho nên mới nói thế, biết đâu lại có chuyện tra xét này!".

Vua nghe vậy nói: "Hành khiển là quan ở sảnh, Thẩm hình là quan ở viện, ta đều tín nhiệm cả. Sao lại làm ta tin quan sảnh mà ngờ quan viện?".

Đến khi tra hỏi, Hán Siêu đuối lý phải phạt 300 quan tiền.

Ít lâu sau, lấy Phạm Ngộ làm Tham tri chính sự đồng tri thượng thư Tả ty sự, chức ngang với Hán Siêu. Ngộ tuy học vấn không bằng Hán Siêu, nhưng làm quan thanh liêm cẩn thận, được tiếng khen ở thời đó.

Huệ Túc Vương đánh Chiêm Thành không thắng lợi **[45a]** trở về. Vua nói:

"Tiên đế tắm mưa gội gió mới bắt được chúa nước nó. Quốc phụ là một trọng thần, phụng mệnh đi đánh[6], khiến chúa nước giặc là Chế Năng phải chạy sang nước khác (Chế Năng chạy sang Trảo Oa cầu cứu), lập tù trưởng A Nan làm Hiệu Thánh á vương. Nay Huệ Túc chỉ là một vương thôi, uy vọng không

---

[1] Tạo y thượng vị hầu: tước vị hầu mặc áo đen.

[2] Tử y thượng vị hầu: tước thượng vị hầu mặc áo tía.

[3] Lang miếu: là triều đình, câu thơ có ý "Tiên sinh Giới Hiên là nhân tài của triều đình".

[4] Năm 26 tuổi, Nguyễn Trung Ngạn được lệnh đi sứ sang kinh đô nhà Nguyên, bấy giờ là Yên Kinh (nay là Bắc Kinh).

[5] Hựu sảnh: tức là Nội mật viện.

[6] Toàn thư chép năm Mậu Ngọ (1318). Sai Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn đi đánh Chiêm Thành (q.6, tờ 35a). Toàn thư cũng chép năm Giáp Tý (1424) lấy Huệ Vũ Vương Quốc Chẩn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể. Như vậy Quốc phụ ở đây là Quốc Chẩn và lần đi đánh Chiêm Thành này xảy ra vào năm 1318.

thể sánh với Quốc phụ, thế mà ta cứ ở yên trong cung, trao cho chuyên việc đánh dẹp, muốn bắt sống chúa nó thì làm nổi chăng?".

Đinh Mão, [Khai Thái] năm thứ 4 [1327], (Nguyên Thái Định năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 5, sét đánh lăng tẩm. Quần thần bàn việc ấy. Xuống chiếu phạt bọn Thiếu bảo Trần Khắc Chung, Hành khiển Đoàn Nhữ Hài theo mức độ khác nhau.

Sau hôm sét đánh, các quan họp bàn ở Nội nhân văn cục. Các vương hầu cùng giải lao với Trần Khắc Chung và Đoàn Nhữ Hài. Khắc Chung nói chuyện có giọng hài hước. Nhữ Hài vội đứng dậy bỏ đi. Khắc Chung nói xong mọi người đều cười, **[45b]** bị quan Ngự sử hặc tội. Xuống chiếu phạt Khắc Chung và Nhữ Hài. Nhữ Hài cãi:

"Lúc cười đùa thì thần đã đi rồi".

Vua nói:

"Nhữ Hài nghe biết là đùa cợt, không ngăn, lại bỏ mà đi, thế là cố ý hãm mọi người vào tội lỗi mà tính kế tránh lỗi cho mình".

Rốt cuộc vẫn phạt Nhữ Hài.

Có viên quan tên là Hiệu Khả ca ngợi vua giỏi hơn Anh Tông. Vua biến sắc mặt, ngăn không cho nói và bảo:

"Ai mà khen người khác là giỏi hơn cha, thì người ấy hẳn là bất hiếu với cha mẹ, cho nên mới nói ra câu ấy".

Hiệu Khả không biết chiều cha mẹ, nên vua nói thế để răn đe y.

(Hiệu Khả là người trong lòng trí trá. Có lần, vua lấy ra hai chiếc hòm đựng áo mặc, sai Hiệu Khả xếp loại tốt xấu và bảo Khả: "Một cái do chính tay Thái thượng tự làm, một cái do nội nhân Lê Kế làm, cả hai đều tinh xảo cả, ngươi chỉ xem cái nào khéo hơn".

Hiệu Khả xem đi xem lại hai ba lần rồi nói úp mở theo kiểu nước đôi: "Chúa thượng có cái khép của chúa thượng, bề tôi cũng có cái khéo của bề tôi".

Vua cũng phải phì cười.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Câu nói ấy của vua, tuy là nhất thời nói ra với Hiệu Khả, [46a] nhưng tấm lòng trung hậu qua đó cũng đủ rõ.

Mậu Thìn, [Khai Thái] năm thứ 5 [1328], (Nguyên Trí Hoà năm thứ 1, từ tháng 9 trở đi là Văn Tông Đồ Thiếp Mục Nhĩ năm Đại Lịch thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, giết Quốc phụ thượng tể Quốc Chẩn.

Bấy giờ, vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà vẫn chưa lập thái tử. Cha hoàng hậu là Quốc Chẩn giữ ý định đợi hoàng hậu có con rồi sẽ lập. Cương Đông Văn Hiến hầu (không rõ tên) là con (có sách chép là em) của Tá Thánh thái sư Nhật Duật, muốn đánh đổ hoàng hậu để lập hoàng tử Vượng, mới đem 100 lạng vàng đút lót cho gia thần của Quốc Chẩn là Trần Phẫu, bảo nó vu cáo Quốc Chẩn âm mưu phản loạn. Vua tin là thực, giam Quốc Chẩn ở chùa Tư Phúc rồi đem việc ấy hỏi Thiếu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng cánh với Văn Hiến, lại cùng mẹ với Vượng, đều là người Giáp Sơn và đã từng làm thầy dạy Vượng, liền trả lời: "Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó". **[46b]** Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chẩn ăn uống, bắt phải tự tử. Hoàng hậy lấy áo tẩm nước cho Quốc Chẩn uống, uống xong thì chết. Bắt bớ đến hơn trăm người liên can. Mỗi khi xử án, bị can phần nhiều đều kêu oan.

Vài năm sau, gặp khi vợ cả vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem chuyện Văn Hiến đút vàng tâu lên vua. Phẫu bị hạ ngục. Ngục quan Lê Duy là người cương trực, xét xử ngay ngày hôm ấy. Tên Phẫu bị lăng trì, nhưng chưa kịp hành hình thì gia nô của Thiệu Võ (không rõ tên) là con của Quốc Chẩn đã ăn sống hết cả thịt của nó. Văn Hiến được miễn tội chết, bị giáng làm dân thường, xóa tên trong sổ [hoàng tộc].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngôi thái tử là gốc của nước, không thể không lập sớm. Phận chính đích không thể để chi thứ phạm bừa. Vua ở ngôi đã lâu, con thứ đã lớn rồi

mà con chính đích chưa sinh, thì làm thế nào? Tòng quyền là phải. Đợi con đích là chấp chính[1], lập [47a] con thứ là tòng quyền. Đến khi con đích sinh ra, lớn lên, thì gia phong cho con thứ tước vương, còn ngôi thái tử trả về con đích, ai bảo là chẳng nên?.

Có người hỏi rằng: "Lỡ có chuyện không lành, vua cha mất trước thì nguy lắm".

Xin thưa: Hãy chămchú vào lời dạy thường ngày, nhận rõ lấy những lời trong di chiếu, chọn người bề tôi xã tắc, ủy cho việc gửi gắm con côi, thì không có lo gì. Huống chi Minh Tông chính mình ở vào cảnh ấy rồi, tất nhiên có thể xử trí được ổn thỏa. Quốc Chẩn là người cố chấp không linh hoạtt, để cho kẻ gian thần thừa dịp gieo vạ, đáng thương thay!.

Kinh dịch có câu: "Xét xem có chỗ sáng tỏ thông suốt mà thi hành điển lễ". Quốc Chẩn có lẽ chưa nghe bao giờ! Nhưng mối oan của ôn không thể không làm cho rõ.

Còn như Trần Khắc Chung cũng là nhân vật của một thời, vua trao cho hắn chức vị sư bảo[2], và đem việc nước hỏi hắn, đáng lẽ phải hết lòng trung khuyên can, để cho vua mình trở thành Nghiêu Thuấn mới phải. Thế mà lại vào hùa với kẻ **[47b]** quyền quý, làm hại người ngay thẳng, đi theo bọn gian tà, đẩy người lành tới nỗi oan khiên, hãm đức vua vào việc làm tội lỗi. Việc ấy mà nhẫn tâm làm được, thì còn việc gì mà không nhẫn tâm làm nữa? Sau lại xui vua cầu công đi đánh Chiêm Thành, thì cái thói nịnh hót lại lộ ra nữa. Cho nên, bậc làm vua khi dùng người hiền, phải xét kỹ họ, là bởi sợ rằng có đứa tiểu nhân như bọn Khắc Chung có thể lọt vào trong đó vậy.

Lập hoàng tử Vượng làm Đông cung thái tử; phong con thứ là Nguyên Trác làm Cung Tĩnh Đại Vương.

Kỷ Tỵ, [Khai Thái] năm thứ 6 [1329], (từ tháng 2 trở đi là Khai Hựu năm thứ 1, Nguyên Đại Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 7, sách phong Đông cung thái tử Vượng làm Hoàng thái tử.

Ngày 15, vua nhường ngôi, Vượng lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Khai Hựu năm thứ 1. Đại xá. (Vua tự) xưng là Triết Hoàng, Tôn Thượng hoàng là Chương Nghiêu Văn Triết Thái Thượng **[48a]** Hoàng Đế. Tôn Lệ Thánh hoàng hậu làm Hiến Từ thái thượng hoàng hậu (Hiến có sách chép là Huệ). Quần thần dâng tôn hiệu là Thể Nguyên Ngự Cực Duệ Thánh Chí Hiếu Hoàng Đế.

Rước thượng hoàng về ở hành cung Thiên Trường. Các hoàng tử chầu hầu.

Thượng hoàng thường hay bàn đến các nhân vật của bản triều. Thái bảo Uy Túc Văn Bích nói:

"Xét bàn nhân vật để dạy hoàng tử, chỉ nên nhắc tới người thiện, còn kẻ ác hãy bỏ chớ bàn đến, sợ các hoàng tử nghe được, có thể sẽ có người bắt chước".

Thượng hoàng nói:

"Thiện ác đều phải nêu để đối chiếu, không thể bỏ một bên nào. Nếu con ta quả là hiền, thì nghe điều thiện tất phải theo mà học tập, nghe điều ác tất phải ghét mà tránh xa; thiện, ác đều có thể làm gương được cả. Nếu (con ta) không hiền, thì đợi gì thấy kẻ ác rồi mới làm điều ác? Như Thái Khang[3] thất đức, là bởi các vua trước chơi bời mà bắt chước hay sao? Tùy Dưỡng Đế[4] luôn mồm nói đến Nghiêu Thuấn, nhưng mọi việc làm của ông ta thì lại như Kiệt, Trụ, có phải là ông ta thấy điều thiện mà bắt chước hay sao".

---

[1] Kinh, quyền là hai khái niệm thường gặp trong kinh điển nho gia. Kinh là những nguyên tắc, nguyên là lý về đạo nghĩa, pháp chế không thể thay đổi được, bất di bất dịch, đòi hỏi mọi người phải luôn luôn tuân thủ (chấp kính). Quyền là quyền biến, là những biện pháp linh hoạt có lúc cần phải theo (tòng quyền), để đạt được mục đích (đạo), dù những biện pháp ấy có thể trái với các nguyên lý, nguyên tắc kinh điển.

[2] Khắc Chung được phong Thiếu bảo năm Khai Thái thứ 3 (1326), lại là thầy dạy (sư) của hoàng tử (sau là thái tử) Vượng nên gọi là "sư bảo".

[3] Theo truyền thuyết Trung Quốc: Thái Khang là vua nhà Hạ, con của Khải, chơi bời vô độ, sau bị chư hầu họ Hữu Cùng là Hậu Nghệ đuổi đi.

[4] Tùy Dưỡng Đế Dương Quảng là một tên vua vô đạo, giết cha là Văn Đế để cướp ngôi vua, cực kỳ xa hoa, tàn bạo, sau bị giết.

Uy Túc cúi đầu nhận là phải.

Lại một hôm, [thượng hoàng] mời Huệ Túc Vương vào tẩm điện, bảo ông ngồi. Thượng hoàng đang ăn chay. Huệ Túc Vương vốn bài xích Phật Lão, nhân nói:

"Thần không biết ăn chay thì có ích lợi gì?".

Thượng hoàng đoán biết ý ông, liền dụ rằng:

"Ông cha ta ngày xưa thường ăn cơm chay, cho nên ta bắt chước đó thôi, còn ích lợi gì thì ta không biết".

Huệ Túc im lặng rồi lui ra.

Phong Tá thánh thái sư Nhật Duật làm Đại Vương.

Mùa đông, Thượng hoàng đi tuần thú đạo Đà Giang, đích thân đi đánh man Ngưu Hống, sai Thiêm tri Nguyễn Trung Ngạn đi theo để biên soạn thực lục.

Trước đó, thời Nhân Tông, Ngưu Hống cùng Đạo Mật vào chầu, cho trở về. Đến nay, chúng làm phản, thả sức cướp bóc; đất cõi Đà Giang về tay chúng cả[1] lại mưu cướp nhà Hoài Trung. Thượng hoàng quyết định thân chinh. Trần Khắc Chung can rằng:

"Đà Giang vốn có tiếng là đất lam chướng, lại nhiều ghềnh thác chảy xiết, không **[49a]** lợi cho việc hành quân. Chiêm Thành không có lam chướng, khí độc, vả lại đế vương đời trước thân chinh, nhiều lần bắt được chúa nó. Chi bằng bỏ Ngưu Hống đấy mà đánh ChiêmThành là hơn. Thượng hoàng nói:

"Trẫm là cha mẹ dân, nếu sinh dân mắc vào cảnh lầm than thì phải cứu gấp, chả lẽ đi so đo khó dễ lợi hại hay sao?". Khắc Chung lạy tạ tâu rằng:

"Lòng thánh che chở, nuôi dưỡng rộng khắp, không phải là điều mà trí ngu tối của thần có thể nghĩ tới được".

Trước đây, khi Thượng hoàng sắp đi đánh Ngưu Hống, người Chiêm Chiêu đế cửa khuyết dâng thư, đinh ninh rằng sẽ xin đem cả trại ra hàng, nên đã khắc phù[2] làm tin. Thượng hoàng đang muốn lên trên thành trại của họ, bắt chước chuyện vua Hán Vũ Đế lên đài của chúa Hung Nô ngày xưa. Đến khi thân chinh, sai Chiêm Nghĩa tiến sang để tiếp ứng quân nhà vua và dặn rằng:

"Trại Chiêm Chiêu đã ước hẹn xin hàng, phải đợi quân ta tới, không được hành động liều".

Thượng hoàng đến Mường Việt[3], đóng quân lại, ban tên [cho đất ấy] là phủ Thái Bình; [ở đây] có suối Bác Tử, ban tên là suối Thanh Thủy **[48b]**. Chiêu Nghĩa hầuj tới Chiêm Chiêu, muốn tâng công, tấn công trại, bị thua. Tuyên uy tướng quân Vũ Tư Hoẳng liều sức chiến đấu, chết tại trận. Thượng hoàng nghe tin nói: "Đã lỡ rồi!".

Song chiến dịch này, Thượng hoàng đích thân chỉ huy, hiệu lệnh nghiêm minh, uy thanh vang dội, Ai Lao nghe tiếng chạy tan.

Khi về đến sông Bạch Hạc, giữa sông có đá ngầm dọc theo dòng chảy. Thuyền đi thường bị chạm phải hay mắc cạn. Nghe nói thần sông ấy là Phụ Vũ Đại Vương. Thượng hoàng khấn thầm: "Nếu thuyền ngự đi được an toàn thì sẽ khen thưởng".

Sau này Hưng Hiếu Vương đi đánh man Đà Giang, đỗ thuyền trên sông Bạch Hạc, đêm thấy thần báo mộng rằng: "Năm trước vua có lệnh khen thưởng mà đến nay vẫn chưa thấy gì".

---

[1] Nguyên văn là "Bản giang chi địa...", chúng tôi cho rằng bản chữ "bản" vốn là chữ "Đà" Toàn thư chép lẫn.

[2] Phù là vật để làm tin, thường làm bằng tre, gỗ, đồng, ngọc có khắc chữ, chia làm hai, mỗi bên cầm một nữa, lúc cần chứng thực thì đem hai nửa ghép lại.

[3] Mường Việt: nay là đất huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Hưng Hiếu Vương về tâu lại, Thượng hoàng bèn phong thêm cho hai chữ: Quỷ thần thiêng liêng, ứng nghiệm, quả không sai là ngoa vậy.

Lấy Vũ Nghiêu Tá làm Nhập nội hành khiển Môn hạ hữu ty lang trung.

Nghiêu Tá (người Hồng Châu) với em là Nông, **[50a]**, đều đỗ cùng một khoa hồi Thượng hoàng còn ở ngôi vua. Anh em đều nổi tiếng văn học, Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri Nội mật viện sự. Đến nay, trao cho chức này.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VII

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Hiến Tông Hoàng Đế

Tên húy là Vượng, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ tuyên thánh hoàng thái hậu, mẹ sinh là Minh Từ hoàng thái phi Lê thị. Ở ngôi 13 năm, thọ 23 tuổi, băng táng ở lăng Xương An. Vua tư trời tinh anh, sáng suốt, vận nước thái bình, nhưng hưởng thọ không dài, chưa thấy làm được gì, đáng tiếc thay!

Canh Ngọ, Khai Hựu năm thứ 2 [1330], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh làm tiết Hội Thiên.

Mùa thu, tháng 7, Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu[1] băng tại am Mộc Cảo, Yên Sinh.

Thái hậu tính nhân từ. Các con của Anh Tông, dù là con vợ thứ sinh ra, bà đều yêu dấu, chăn nuôi như con mình.

Công chúa Huệ Chân được Anh Tông yêu quí, thái hậu cũng rất yêu nàng. Thiên Chân là con đẻ của [**1b**] Thái hậu, nhưng khi có ban thức gì, thì cho Huệ Chân trước, rồi sau mới đến Thiên Chân. Sau khi Anh Tông băng, Thái hậu càng chăm sóc Huệ Chân hơn trước.

Đến như đối xử với các cung tần ưu hậu, như nữ quan trong cung là Vương thị, mẹ đẻ của Huệ Chân, được yêu quí mà có thai, Thái hậu đã lấy song hương đường (phòng ngủ của thái hậu) cho làm nơi sinh đẻ. Vương thị sau khi đẻ xong thì mất. Cung nhân ngầm tâu với Thượng hoàng là Thái hậu giết Vương thị. Thượng hoàng vẫn biết Thái hậu là người nhân từ, liền nổi giận lấy roi đánh người cung nhân ấy. Thái hậu cũng chẳng để bụng chuyện đó.

Bảo Huệ quốc mẫu (tức là mẹ của Bảo Từ thái hậu) có lần xin cho Nguyên Huy (túc là con gái của Uy Huệ, cháu gái của Bảo Từ) vào làm cung phi. Thượng hoàng đem chuyện đó hỏi thái hậu. Thái hậu trả lời: " Không được, nếu Nguyên Huy được làm phi thì sẽ khiến Thục Tư phải xưng là nô chăng?".

Bà không đem ơn riêng mà cho bừa là như vậy đó. Người đương thời ca ngợi bà là bậc đứng đầu mẫu đức. Từ khi rước linh cữu Anh Tông về Yên Sinh, mọi điều khổ hạnh, bữa cháo, bữa chay, [**2a**] không việc gì bà không làm, nhưng bà không chịu thụ giới với nhà sư. Bà nói:

" Từ khi Tiên đế ra đi, ta không thể trông thấy mặt nhà sư, ngồi nói chuyện với nhà sư được, chỉ ăn chay, húp cháu khổ hạnh để báo đáp đức lớn như trời của tiên đế thôi, y bát[2] mà làm gì?".

Bà ở núi mười năm rồi mất.

Tá Thánh thái sư Chiêu Văn Đại Dương Nhật Duật mất (thọ 77 tuổi).

---

[1] Thuận Thánh Bảo Từ: là vợ của Anh Tông, mẹ đích của Minh Tông.

[2] Y bát: là áo cà sa và bát xin thức ăn, hai vật tượng rưng cho nhà sư. Ở đây không đi tu.

Nhật Duật thích chơi với người nước ngoài, thường cưỡi voi đến chơi thôn Bà Già (thôn này hồi Lý Thánh Tông đánh chiếm Chiêm Thành, bắt được người Chiêm cho ở đấy, lấy tiếng Chiêm đặt tên là Đa Gia Ly, sau gọi sai thành "Bà Già") có khi ba, bốn ngày mới về. Lại hay đến chơi chùa Tường Phù, nói chuyện với nhà sư người Tống, ở lại đến hôm sau mới về. Người nước ngoài đến kinh sư, thường kéo đến nhà ông. Nếu là khách Tống thì ông kéo ghế ngồi gần, chuyện trò suốt buổi, nếu là người Chiêm hay người các man khác, thì đều theo phong tục nước họ mà tiếp đãi.

Đời Nhân Tông, sứ nước Sách Mã Tích[1] sang cống, không tìm được người phiên dịch. Chỉ có [**2b**] Nhật Duật là dịch được. Có người hỏi vì sao ông biết tiếng nước họ, ông trả lời rằng:

"Thời Thái Tông, sứ nước ấy sang[2] nhân có giao du với họ nên hiểu được đôi chút tiếng nước họ".

Nhân Tông từng bảo:

"Chiêu Văn Vương[3] có lẽ là kiếp sau của người phiên lạc, nên giỏi tiếng các nước đó".

Khi đã làm tể tướng, ông thường qua nhà Trần Đạo Chiêu là người Tống, ngồi bên nhau nói chuyện phiếm hàng giờ mà không mỏi. Anh Tông nghe biết chuyện bảo ông:

"Tổ phụ[4] là tể tướng. Đạo Chiệu tuy là người Tống, nhưng đã có Hàn lâm phụng chỉ, há nên ngồi nói chuyện với hắn?".

Theo lệ cũ, sứ Nguyên sang, phải sai người biết tiếng để phiên dịch, tể tướng không được nói chuyện [trực tiếp] với họ, sợ lỡ có sai sót gì thì đổ lỗi cho người phiên dịch. Nhật Duật thì không thế, khi tiếp sứ Nguyên, ông thường nói chuyện thẳng với họ mà không mượn người phiên dịch. Đến khi sứ về nơi nghỉ thì dắt tay cùng vào, ngồi uống rượu vui vẽ như bạn vẫn quen biết. Sứ Nguyên hỏi ông:

"Ông là người Chân Định[5] tới làm quan ở đây chớ gì ? ".

Nhật Duật ra sức bác lại, nhưng họ vẫn không tin [**3a**] vì hình dáng và tiếng nói của ông đều giống người Chân Định.

Anh Tông muốn tuyên Tôn Từ hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu, nhưng chưa biết gia tôn thế nào. Khâm Từ hoàng thái hậu đem việc ấy hỏi ông, ông trả lời là tôn làm thái hoàng thái hậu.

Anh Tông có hai chiếc mũ võ, là mũ đội khi duyệt và giảng võ mà chưa có tên gọi. Khi đi đánh Chiêm Thành, định đội đi, sai Nhật Duật đặt tên, Nhật Duật liền đặt tên một chiếc là Vũ Uy, một chiếc là Vũ Đức. Đến các tênb"Toát Trai", "Tư thiện đường" của Đông cung (nhà học của hoàng thái tử gọi là Tư thiện đường, nhà học của Đông thái tử gọi là Toát trai) cũng đều là do ông đặt tên cả.

Những tiết tấu âm nhạc, khúc điệu múa hát cũng do Nhật Duật sáng tác.

Cuối niên hiệu Thiệu Bảo[6], ông giữ trại Thu Vật ở Tuyên Quang. Giặc hồ vừa xâm phạm bờ cõi, Chiêu Quốc[7] tâu với vua rằng:

---

[1] Sách Mã Tích: có lẽ là nước Tumasik, tên cổ của Singapur ngày nay. Thư tịch Trung Quốc có chổ phiên âm là Đơn Mã Tích.

[2] Nguyên văn là "Bắc quốc sứ", bản dịchcũ dịch là "sức Bắc quốc". Ta thường hiểu Bắc quốc là Trung Quốc. Nhưng ở đây đang nói về nước Sách Mã Tích, mấy chữ "Bắc quốc sứ" làm câu mất nghĩa. Chúng tôi cho rằng chữ Bắc? là nhầm từ chữ Thử?. "Thử quốc sứ" là "sứ nước ấy", câu trở nên rõ ràng. Ngôn ngữ Tumasik thuộc hệ Mã Lai - Đa Đảo. Trần Nhật Duật biết tiếng Chàm, cùng thuộc hệ này, nên có thể nahnh chónh học được tiếng Tumasik.

[3] Trần Nhật Duật là con của Trần Thái Tông, em của Trần Thánh Tông, nên Nhân Tông gọi là "chú" (nguyên văn: "Chiêu Văn thúc").

[4] Anh Tông gọi Nhật Duật bằng tổ phụ, tức là ông.

[5] Nay là vùng đất huyện Chính Định, thuộc tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc).

[6] Niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông kéo dài từ 1270 đến 1280. Từ tháng 10-1285, mới đổi sang niên hiệu Trùng Hưng. Việc Trần Nhật Duật chống quân Nguyên nói ở đây là xảy

[7] Tức Chiêu Văn Vương Trần Ích Tắc.

"Chiêu Văn ở Tuyên Quang, chắc ở trên đó gọi giặc sang rồi!" (Nhật Duật thích chơi với người Tống nên Chiêu Quốc nói thế).

Khi Tuyên Quang thất thủ, Nhật Duật thuận dòng [**3b**] rút về xuôi, quân giặc theo hai bên bờ sông đuổi ông. Nhật Duật ngoảnh lại thấy giặc đi thong thả, bảo quân lính: "Truy kích thì phải nhanh, nay chúng lại đi thong thả, sợ có quân phía trước đón chặn".

Vội sai người dò xem, quả nhiên thấy giặc đã chặn ngang ở hạ lưu. Ông liền lên bộ chạy thoát.

Ông là người hòa nhã, độ lượng, mừng giận không lộ ra sắc mặt, trong nhà không bao giờ chứa roi vọt để đánh nô lệ. Nếu có đánh thì cũng kể tội lỗi sau rồi mới đánh.

Có lần ông sai gia đồng giữ thuyền, tên này bị gia đồng của Quốc phụ[1] đánh, có người đến mách. Nhật Duật hỏi: "Có chết không?". Người đó trả lời:"Chỉ bị thương thôi". Ông nói: "Không chết thì thôi, mách làm gì!".

Lại có người kiện gia tùy của ông với Quốc phụ. Quốc phụ sai gia đồng tới bắt. Người gia tùy chạy vào trong phủ, người gia phủ chạy đến nhà giữa, bắt trói ầm ỹ. Phu nhân khóc lóc nói với ông :

"Ân chúa là tể tướng, Bình chương[2] cũng là tể tướng, vì ân [**4a**] chúa nhân từ, nhu nhược nên người ta mới coi khinh đến nước này".

Nhật Duật vẫn ung dung không nói, chậm rãi sai người bảo kẻ gia tỳ rằng:

"Mày cứ ra đi, ở đâu cũng đều có phép nước".

Ông lại thiệp liệp sử sách, rất hâm mộ huyền giáo[3],thông hiểu xung điển[4], nổi tiếng đương thời là người uyên bác.

Hồi Thượng hoàng còn nhỏ, bị ốm, từng sai ông làm phù phép trấn áp cho yên. Ông mặc áo lông đội mũ, trông như đạo sĩ.

Vợ ông là Trinh Túc phu nhân từng có việc xin riêng với ông, ông gật đầu. Đến khi ra phủ, người thư ký đem việc ấy trình lên ông, ông lại không cho.

Ông là bậc thân vương tôn quý, làm quan trải bốn triều, ba lần coi giữ trấn lớn, trong nhà không ngày nào không mở cuộc hát xướng, làm trò, mà không ai cho là say đắm. So với Quách Tử Nghi[5] tột cùng xa xỉ mà không ai chê, ông cũng gần được như thế.

Trinh Túc phu nhân là người Thanh Hóa, cho nên các nàng hầu vợ lẽ của Nhật Duật [**4b**] đều là người Thanh Hóa và các con ông cũng đều do các bà ở Thanh Hóa đẻ ra. Sau này, có bổ tri phủ Thanh Hóa, đều lấy con cháu Nhật Duật cho làm, cũng như Quốc Khang ở Châu Diễn vậy.

Trần Khắc Chung chết, tặng chức Thiếu sư.

Khắc Chung là người cố làm ra vẻ khác đời để cầu tiếng khen, không chăm lo đến nghiệp nhà. Mỗi buổi sáng vào chầu thì tạm nghỉ ở cục Thượng Liễn cửa Vĩnh Xương, xem kỹ các bản tâu để chuẩn bị tâu bày. Khi tan chầu thì tới Đông cung (khi ấy Minh Tông đang còn ở Đông cung) dạy học, đều giả vờ, cố sức mà làm.Thường hay đánh bạc với học sĩ Nguyễn Sĩ Cố, có khi đến 2,3 ngày, đánh thâu đêm suốt sáng, ngồi ngay trên giường đánh bạc mà húp cháo, không nghỉ lấy một chút. Được thua chỉ một hai quan tiền mà dụng tâm khổ sở như vậy. Lại như gặp những ngày trẻ đầy năm,mừng nhà mới của bạn

---

[1] Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chẩn.

[2] Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chẩn.

[3] Tức Đạo Giáo.

[4] Xung: nghĩa là sâu, là hư không; xung điển: là chỉ chung các kinh điển của Đạo giáo.

[5] Quách Tử Nghi: quan đời Đường (Trung Quốc) trải bốn triều huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông. Sau khi dẹp loạn An, Sử, được Túc Tông phong là Phần Dương Vương, nên thường được gọi là Quách Phần Dương. Đời Đức Tông, làm Thái úy trung thư lệnh, nên cũng được gọi là Quách Lệnh Công.

bè, được mời là đến cả. Thậm chí nhà quan thầy thuốc có món ăn ngon cũng tới.Quân nhân biếu món ăn thì khen ngợi[**5a**] vợ họ. Một hôm,[Khắc Chung] bảo con là Công Xước: " Mày Lấy con gái nhà ấy sao không bảo cho ta biết ?".

Trước đây Khắc Chung lấy nàng Bảo Hoàn. Khoảng đời Trung Hưng, người Nguyên vào cướp, cha mẹ Bảo Hoàn hàng giặc, tài sản, ruộng đất đều bị tịch thu sung công. Đến khi vua lên ngôi, xuống chiếu cho trả lại, nhưng ông cũng không đem điền sản đó dùng vào việc thờ cúng. Ông ta xu thời giả tạo như thế đó. Chỉ có việc đi cầu hòa [với quân Nguyên] là khả quan thôi. Cho nên, người đời đều khen là giỏi.[Khi mất], đưa về chôn ở Giáp Sơn, bị gia nô của Thiệu Võ băm nát xác ra.

Tân Mùi, [Khai Hựu] năm thứ 3[1331], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 2). Nhà Nguyên sai Lại bộ thượng thư Tản Chỉ Ngõa[1] sang báo việc Văn Tông lên ngôi.

Sai sứ sang Nguyên chúc mừng[2].

Thượng hoàn ngự cung Trùng Quang. Hoàng tử phủ đứng hầu. Gặp mưa gió to, [hoàng tử Phủ] ứng chế làm bài thơ có câu :

An đắc tráng sĩ lực cái thế,
Khả ngự đại ốc chi đồi phong.
(Sao được tráng sĩ sức hơn đời,
Chống đỡ nhà to khi gió mạnh).

Thượng hoàng thưởng cho Phủ 10 lạng vàng (Phủ lúc ấy 11 tuổi).

[5b] Nhâm Thân, [Khai Hựu] năm thứ 4 [1332], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, ngày 15, phụ táng Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng thái hậu vàoThái Lăng.

Trước đó, Thượng hoàng sai các quan chọn ngày chôn cất. Có người bác đi rằng: "Chôn năm nay tất hại người tế chủ". Thượng hoàng sai hỏi người đó rằng: "Người biết là sang năm ta nhất định chết à?".

Người ấy trả lời là không biết. Thượng hoàng lại hỏi rằng:

"Nếu sang năm trở đi, ta chắc chắn không chết, thì hoãn việc chôn mẫu hậu cũng được; nếu sang năm ta chết, thì lo xong việc chôn cất mẫu hậu chẳng hơn là chết mà chưa lo được việc đó ư? Lễ cát lễ hung phải chọn ngày là vì coi trọng việc đó thôi, chứ đâu có phải câu nệ họa phúc như các nhà âm dương."

Rốt cuộc vẫn cử hành lễ tang.

Tháng 3, lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nội mật viện phó sứ, giữ sổ sách ở nội sảnh cung Quan Triều.

Mùa thu, tháng 7 lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Tri thẩm hình viện sự, kiêm An phủ sứ Thanh Hóa. Trung Ngạn[**6a**] lập Bình doãn đường xét xử ngục tụng. Không ai bị xử oan hoặc xử quá đáng.

Quý Dậu, [Khai Hựu] năm thứ 5[1333], (Nguyên Thuận Đế Thỏa Hoan Thiếp Mục Nhi, Nguyên Thống năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đói to.

Giáp Tuất, [Khai Hựu] năm thứ 6[1334], (Nguyên Nguyên Thống năm thứ 2). Mùa xuân, đặt thêm chức tả hữu chính ngôn tham nghị ở Trung thư.

Thượng hoàng tuần thú đạo Nghệ An, thân đi đánh Ai Lao. Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Phát vận sứ Thanh Hóa, vận tải lương thực đi trước. Xa giá tới Châu Kiềm[3].

---

[1] Nguyên sử, bản ký (Văn Tông) chép là tản Lý Ngoã.

[2] CMCB9 dựa vào Nguyên sử chép tên người câm đầu sứ bộ lần này là Đoàn Tử Trinh.

[3] Châu Kiềm tức Mật châu, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (theo CMCB9).

Ai Lao nghe tin chạy trốn. Sai Trung Ngạn mài vách núi khắc chử ghi công rồi về[1].

Ất Hợi, [Khai Hựu] năm thứ 7[1335], (Nguyên Chí nguyên năm thứ 1). Nhà nguyên sai lại bộ thượng thư là Thiết Trụ sang báo việc Thuận Đế lên ngôi.

Mùa thu, tháng 9, Thượng hoàng thân đi đánh Ai Lao bị thua. Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối.

Trước đó, Thượng hoàng đã bàn việc đánh Ai Lao mà không đi được. Đến đây, lại bàn việc thân chinh, nhưng bị đau [**6b**] mắt. Có người xin hõan việc xuất quân. Thượng hoàng nói :

"Năm ngoái định thân chinh rồi không được, năm nay lại vì đau mắt mà hoãn việc xuất quân, thiên hạ sẽ bảo ta là nhát, nếu giặc phương Bắc xâm lấn thì ta còn nhờ cậy vào đâu?".

Bèn quyết chí thân chinh, ít lâu sau mắt cũng khỏi. Đến Nghệ An, bệnh lại tái phát. Thượng hoàng ngồi thuyền cố gượng mà đi, khi lên bộ thì khỏi.

Bấy giờ Nhữ Hài chỉ huy quân thần Vũ và Thần Sách, kiêm chức kinh lược đại sứ Nghệ An, mà Ai Lao xâm lấn đất Nam Nhung[2] là thuộc ấp của Nghệ An, cho nên lấy Nhữ Hài làm đốc tướng, các quân đều chịu sự chỉ huy của ông.

Nhữ Hài chỉ đem quân thần Vũ và quân Nghệ An tiến đánh, đoán chừng Ai Lao giữ đất Nam Nhung, quân ít và thiếu, đánh nhất định thắng. Vả lại, trại nó sát ngay sông lớn Tiết La[3] , sau khi thắng trận bắt được tù binh theo dòng xuôi xuống, đi qua Chân Lạp và các nước phiên khác, đều có diễu võ giương oai, nhân đó dụ bảo con em các nước ấy vào chầu, y muốn lập [**7a**]kỳ công để lấn lướt người cùng hàng.

Đến ngày giao chiến, mây mù che tối, giặc đã phục sẵn voi ngựa, hai mặt giáp công, quan quân thua to, sa xuống nước chết đuối đến quá nửa. Nhữ Hài cũng ở trong số người chết đuối đó.

Thượng hoàng được tin đó bảo rằng: "Nhữ Hài dùng mưu tất thắng thừa kế tất thắng, công đã gần thành, cuối cùng bị giặc nhử mồi[mà chết]. Nhữ Hài không phải không biết tình thế của giặc, chỉ vì muốn làm to quá mới đến nỗi vậy.Thế mới biết sự mong muốn của con người không thể vượt quá giới hạn được".

> Sử thần ngô Sĩ liên nói :"Trận đánh Thành Bộc[4]. Tử Ngọc có mưu tất thắng mà rốt cuộc bị thua là vì bị Văn Công nhử mồi.Trận đánh Nam nhung, Nhữ Hài có mưu tất thắng rồi cũng bị thua là vì bị Ai Lao nhử mồi. Hai viên tướng này đâu phải không có tài lược mà đến nỗi như thế. Chỉ vì kiêu căng nên chuốc lấy thất bại đó thôi.

Khổng Tử nói: "Gặp[**7b**] việc thì lo sơ, mưu giỏi thì thành công". Điều cốt yếu của việc chiến trận không gì lớn hơn thế. làm tướng mà kiêu ngạo, có thành công được bao giờ!.

Khi Thượng hoàng thân chinh thì Đỗ Thiên Hư chỉ huy quân Khoái Hộ (tức là quân Thần Sách) đang bị ốm nặng. [Thượng hoàng] bảo ở lại Thiên Hư liền sai người nhà khiêng mình đến ngoài cửa Vĩnh An, cố xin theo xa giá và nói :

"Thần thà chết ngoài cửa quân dinh chớ không muốn chết trong giường đệm".

Thượng hoàng khen ngợi chí khí của ông, cho đi theo, khi vào đất giặc thì chết. Thượng hoàng than thở thương tiếc sắc cho dùng nhạc Thái thường để cúng tế. Sau này Nguyễn Dũ chết cũng như vậy.

---

[1] Bài văn khắc ở núi Thành Nam, thôn Trầm Hương, huyện Tương Dượng, trỉnh Nghệ An. Theo CMCB9, thì nét chữ to bằng bàn tay, tạt vào đá sâu đến hơn một tất. Cương mục chép việc này vào năm Ất Hợi, Khai Hựu năm thứ 7 (1335).

[2] Nam Nhung: là tên ấp, ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

[3] Cương mục chú sông Tiết La ở ấp Nam nhung. Có lẽ sông Tiết La là miột khúc của sông Lam ở gần vùng Cửa Rào.

[4] Trận đánh Thành Bộc ở nước Vệ thời Xuân Thu xảy ra giữa nước tấn và nước Sở. Quân Sở do Tử Ngọc chỉ huy vốn có ưu thế hơn quân Tấn. Tướng Tấn Loan Chi dùng mưu giả cách thua chạy, Tử Ngọc dẫn quân đuổi theo, bị quân tấn hai bên đánh ập lại, quân Sở đại bại.

(Bấy giờ cúng tế thông thường mà dùng nhạc Thái thường thì chỉ có hành khiển mới được, chức thẩm hình chỉ được dùng trai nội tế.Thiên Hư được tế bằng Thái thường là ân sủng đặc biệt, không kém gì hành khiển).

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kẻ tiểu nhân suy tính thấy lợi thì tiến,thấy hại thì [**8a**] lui, chỉ mong vừa lòng mình, có lợi cho mình.Cho nên có kẻ thấy việc ngại thì khó, có kẻ làm quan thì kiếm cớ, hiếm được người sốt sắng với vua họ. Thiên Hư đang lúc ốm nặng, Minh Tông cho ở lại, như thói thường của người đời thì chẳng qua vâng lời là xong, lại cố xin đi theo, không muốn chết ở nơi giường đệm, thì suy nghĩ của ông chỉ sốt sắng với nhà vua thôi, há chẳng làm cho những kẻ ngại khó kiếm cớ xấu hổ sao ?

Bấy giờ có thượng tướng Phạm Thương Cối tính người hòa nhã, chưa từng tranh cạnh với ai.Trần Ngô Lang thường hay khinh rẻ ông, nhưng ông cũng không động lòng. Đến việc đánh dẹp thì nhiều lần có công, cũng không cậy công mà lên mặt với người khác. Thượng hoàng có lần bảo :

"Cách sửa mình của Thương Cối cũng gần được như Quách Tử Nghi".

Mùa đông, tháng 12, động đất.

[8b] Bính Tý, [Khai Hựu] năm thứ 8[1336], (Nguyên Chí nguyên năm thứ 2). Thượng hoàng từ Ai Lao về đến kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ngày 19, con của Thượng hoàng là Hạo sinh (tức là Dụ Tông).

Đinh Sửu, [Khai Hựu] năm thứ 9[1337], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 2, con của Thượng hoàng là Kính sinh (tức là Duệ Tông).

Ngày mồng 5, sét đánh đình Át Vân điện Thụy Chương.

Sao chổi mọc ở phương đông Bắc.

Xét duyệt các quan văn võ, vẫn đặt thuộc viên các sảnh, viện.

Mùa thu, tháng 7, lấy công chúa Hiển Trinh, con gái trưởng của Bình chương Huệ Túc vương làm Thần phi.

Tháng 9, xuống chiếu cho các quan trong ngoài triều khảo sát các thuộc viên do mình cai quản, người nào có tờ khai cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi về.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Nghệ An, kiêm Quốc sử viện giám tu quốc sử, hành Khoái Châu lộ tào vận sứ Trung Ngạn kiến nghị lập tào thương chứa thóc tô để chẩn cấp dân bị đói. Xuống chiếu cho các [**9a**] lộ bắt chước thế mà làm.

Sai Hưng Hiếu Vương dẹp người man Ngưu Hống. [Hưng Hiếu Vương] tiến quân vào trại Trịnh Kỳ, đánh tan quân man, chém tù trưởng của họ là Xa Phần.

Quân trở về, quân sĩ đều được ban thưởng. Hưng Hiếu Vương viện dẫn việc Nhân Huệ Vương đi dẹp ấp Nam Nhung khi trước, xin thưởng cả những người giữ thuyền. Thượng hoàng nói :

"Khánh Dư đi đánh Nam Nhung, từ Nghệ An đi bộ mấy ngày, đến sông Nam Nhung mới đục gỗ làm thuyền.Đó là giữ thuyền trong đất của giặc, chứ không phải là giữ thuyền ở Nghệ An.Người giữ thuyền lần này thì khác thế.Vả lại, có thưởng tất phải có phạt, thưởng phạt thường phải có cả. Nếu người giữ thuyền muốn nhờ ở chiến thắng để lấy thưởng, giả sử người đi đánh bị chết thì người giữ thuyền cũng chịu chết chăng?".

Hưng Hiếu trả lời :"Nếu không có người giữ thuyền, trong quân mà nghe tin giặc lấy mất thuyền thì quân sĩ liệu có giữ vững được không?". Thượng hoàng nói: "Nếu vậy thì trước hết phả thưởng cho những người trong triều mới phải, vì nếu Kinh sư không yên thì quân sĩ có thể đi đánh giặc được không?". Hưng Hiếu [**9b**] không trả lời được.

Trong chiến dịch này, gia đồng của Hưng Hiếu là Phạm Ngải có lập chiến công, Thượng hoàng nói: "Gia nô tuy có chút công lao nhưng không được dự vào quan tước triều đình".

Xuống chiếu cấp cho Ngải 5 phần suất ruộng. Lại có Bảo Vũ là người Thượng hoàng rất yêu mến, nhưng cũng không được đặt vào chức quan trọng vì không có tài, cũng như Anh Tông đối với Hưng Bảo[1] vậy.

Mậu Dần, [Khai Hựu] năm thứ 10 [1338], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa thu, tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, gió to, nhà cửa, cây cối bị đỗ gãy nhiều.

Lấy Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác làm tham dự triều chính, Cung Định Vương Phủ làm Phiêu kỵ thượng tướng quân, lĩnh trấn Tuyên Quang.

Kỷ Mão, [Khai Hựu] năm thứ 11[1339], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa xuân, đổi tên lịch Thụ thành lịch Hiệp kỷ.

Khi ấy, Hậu nghi lang thái sử cục lệnh là Đặng Lộ cho rằng lịch các đời trước đều gọi là lịch Thụ thì, xin đổi tên thành lịch Thụ thì, xin đổi thành lịch Hiệp [**10a**] kỷ. Vua y theo.

(Lộ là người huyện Sơn Minh)[2] .Lộ từng làm linh lung nghi thảo nghiệm thiên tượng, không việc gì là không đúng.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, ban đêm, con của Thượng hoàng là Hạo đi thuyền chơi Hồ Tây bị chết đuối, vớt được ở lỗ cống đơm cá. Thượng hoàng sai thầy thuốc Trâu Canh cứu chữa. Canh nói: "Dùng kim châm sẽ sống lại, nhưng chỉ sợ sẽ bị liệt dương". Dùng kim châm thì quả như lời ông ta nói, từ đấy mọi người gọi Trâu Canh là thần y. Canh sau mãi được thăng lên Quan phục hầu Tuyên Huy viện đại sứ kiêm Thái y sứ.

Lấy Trương Hán Siêu làm Môn tạ hữu ty lang trung.

Nhân Huệ Dương Khánh Dư chết.

Năm nay, sao Huỳnh Hoặc mọc vào giới phận sao Nam Đẩu ở đến hơn một tháng mới ra (chưa rỏ tháng nào).

Tân Ty, [Khai Hựu] năm thứ 13[1341], (từ tháng 8 trở đi là Dụ Tông, Thiệu Phong năm thứ 1, Nguyên Chí Chính năm thứ 1) .Mùa xuân, lấy nguyễn Trung Ngạn làm Đại Doãn kinh sư.

Mùa hạ, tháng 6, ngày 11, vua băng ở chính tẩm, tạm quàn[**10b**] ở cung Kiến Xương, miếu hiệu là Hiến Tông.

> Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: "Vua tuy có thiên tư tốt đẹp, nhưng vì tuổi trẻ nối ngôi, công việc trong nước đều do Thượng hoàng giữ cả, thì cũng như là người chưa nắm việc của đất nước, tức như câu "cha còn sống, con không được chuyên quyền"" [3] vậy, còn bàn vào đâu được nữa.

Mùa thu, tháng 8, ngày 21, Thượng hoàng đón hoàng tử Hạo lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Phong năm thứ 1.

Đại xá.

[Vua] tự xưng là Dụ Hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Thể Đạo Nhân Minh Quang Hiếu Hoàng Đế. Vua lúc ấy mới lên 6 tuổi. [Thượng hoàng] không lập con trưởng là Cung Túc Vương Dục, Vì [Dục] là người ngông cuồng.

---

[1] Nên sửa là Bảo Hưng. Toàn thư, BK6 chép: Hưng Long năm thứ 12 (1304), tháng 12... Vua (Anh Tông) đối với người tôn thất như Bảo Hưng Vương (không rõ tên) rất là thân yêu mà không trao cho chính sự vì không có tài.

[2] Huyện Sơn Minh: nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

[3] Lời chú trong thiên Học nhi, sách Luận ngữ.

Sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn làm biên soạn bộ Hòang triều đại điển và khảo soạn bộ Hình thư để ban hành.

[11a] Dụ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ:HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là Hạo, con thứ mười của Minh Tông, do Hiến Từ Hoàng hậu sinh ra. Ở ngôi 28 năm,thọ 34 tuổi, băng táng ở Phụ Lăng. Vua tính rất thông tuệ, học vấn cao minh, chăm lo việc võ, sữa sang việc văn, các di thần đều phục. Đời Thiệu Phong, chính sự tốt đẹp; từ năm Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Nhâm Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 2[1342], (Nguyên Chí Chính năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, xét duyệt các quan văn võ và tạp lưu.

Mùa hạ, tháng 4, phong con gái của Thượng hòang là Ngọc Tha (còn chép là Bạch Tha) làm Thiên Ninh công chúa, gã cho Chính Túc Vương Kham, (có sách chép là Hưng Túc).

Tháng 5, chúa Chiêm thành Chế A Nan chết. Con rể là Trà Hòa Bố Đề tự lập làm vua, sai đến cửa khuyết báo tin buồn.

Mùa thu, tháng 7, tôn Hiến Từ hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu.

Lấy Trương Hán Siêu làm [**11b**] tả ty lang trung kiêm Kinh lược sứ Lạng Giang; Nguyễn Trung Ngạn chọn đinh tráng các lộ bổ sung các ngạch thiếu của cấm quân, định thành sổ sách. Khu mật viện quản lãnh cấm quân bắt đầu từ Trung Ngạn.

Thượng hoàng ngự đến Ngự sử đài. Giám sát ngự sử Doãn Định và Nguyễn Như Vi bị bãi chức.

Bấy giờ đã trùng tu xong Ngự sử đài.Sáng sớm, Thượng hoàng ngự tới, Ngự sử Trung tán là Lê Duy theo hầu Thượng hoàng trở về cung rồi, Doãn Định và Nguyễn Như Vi mới đến [Hai người] bèn làm sớ kháng nghị, nói là Thượng hoàng không được vào Ngự sử đài và hặc tội Lê Duy không biết can ngăn, lời lẽ rất gay gắt.

Thượng hoàng gọi đến dụ họ rằng: "Ngự sử đài cũng là một trong các cung điện, chưa từng có cung điện nào mà thiên tử không được vào.Vả lại, trong Ngự sử đài xưa kia còn có chổ để thiên tử giảng học.các bạ thư[12a] chi hậu dâng hầu bút nghiêng đều ở đó cả. Đó việc cũ thiên tử vào Ngự sử đài. Ngày xưa Đường Thái Tông còn xem Thực lục, huống chi là vào đài!".

Bọn Định còn cố cãi, mấy ngày vẫn không thôi. Vua dụ họ hai, ba lần cũng không được, bèn bị bãi chức cả.

Quý Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 3 [1343], (Nguyên Chí Chính năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng ngự đến phủ Thiên Trường.

Mùa hạ, tháng tư, ngày mồng một, nhật thực.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán. Xuống chiếu ban giảm một nửa thuế nhân đinh năm này.

Mùa đông, tháng 11,ngày mồng một, Khâm từ hoàng Thái hậu băng.

Năm này mất mùa,đói kém,dân nhiều kè làm trộm cướp, nhất là gia nô các vương hầu.

Giáp Thân, [Thiệu Phong] năm thứ 4[1344], (Nguyên Chí Chính năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, người Trà Hương[1] là Ngô Bệ họp bọn ở núi Yên Phụ[2] làm giặc cướp.

Đổi Hành khiển ty ở cung Thánh Từ làm Thương thư sảnh, còn Hành khiển ty ở cung Quan Triều[**12b**] vẫn để là môn hạ sảnh như cũ.

Đặt đại sứ và phó sứ của viện Tuyên Huy.

Đổi kiểm pháp quan của viện Đăng Văn thành Đình úy, Tự khanh và Thiếu khanh.

Đặt đồn điền sứ và phó sứ ở ty Khuyến nông.

Lộ lớn thì đặt An phủ sứ và phó sứ, thuộc châu thì đặt Thông phán. Lại đặt chức Đề hình và chức Tào ty chuyển vận ở lộ nhỏ. Phủ Thiên Trường thì đặt là Thái phủ và Thiếu phủ.

Phục hồi quan tước cho Quốc phụ thượng tể Quốc chẩn.

Mùa thu, tháng 8, đặt 20 đô phong đoàn ở các lộ để đuổi bắt giặc cướp.

Ngày 15 an táng Hiến Tông vào An Lăng ở Kiến Xương[3].

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên tử mất 7 thánh thì chôn.Ngày xưa Chu Hòan Vương mất đến 7 năm mới chôn là vì nhà Chu khi ấy có lọan Tử Nghi và Hắc Kiên[4]. Hiến Tông đến nay đã mất 4 năm rồi mới táng, vẫn chưa biết lý do vì sao. Có lẽ còn thượng hoàng nên phải theo lệnh chăng?. [**13a**] nhưng lúc ấy cũng không thấy ai đem lễ ra bàn cãi cả.

Năm này mất mùa, đói kém, dân nhiều kẻ phải làm sư và làm nô cho các thế gia.

Ất Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 5[1345], (Nguyên Chí Chính năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, thi thái học sinh. Phép thi dùng ám tả, cổ văn, kinh nghĩa, thi phú.

Mùa hạ, tháng 4 và 5 hạn hán. Xuống chiếu soát tù, giảm tội bọn tội phạm.

Mùa thu, tháng 8, sứ Nguyên là Vương Sĩ Hành sang hỏi việc cột đồng. Sai Phạm Sư Mạnh đi biện bạch việc này.

(Xét năm này ở nước Nguyên giặc cướp nổi lên ở khắp nơi, hơn nữa, tháng 9 năm sau Sư Mạnh được lệnh thăng chức, đi về sao lại nhanh thế?. Việc này chưa chắc đã có, hãy tạm chép vào đây).

Mùa đông, tháng 11, lấy Trương Hán Siêu là Tả gián nghị đại phu.

Sai quân nhân đi bắt Ngô Bệ ở núi Yên Phụ. Quân của Bệ chạy trốn tan rã cả.

Bính Tuất, [Thiệu Phong] năm thứ 6 [1346], (Nguyên Chí Chính năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng một, nhật thực.

Sai Phạm Nguyên Hằng sang sứ [**13b**] Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hàng năm.

Mùa hạ, tháng 5, Ai Lao vào cướp biên giới. Sai Bảo Uy Vương Hiến đánh tan bọn chúng. Bắt được rất nhiều người và súc vật. Mùa thu,tháng 9, lấy Phạm Sư Mạnh là Trưởng bạ kiêm Khu mật tham chính.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang cống, lễ vật rất đơn bạc.

---

[1] Trà Hương: là đất huyện Kim Thành trước đây, nay là một phần đất huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.

[2] Núi Yên Phụ: ở huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.

[3] Nay là huyện Vũ Thư và huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

[4] Đời Chu ở Trung Quốc, Chu Hoàn Vương Cơ Lâm chết, con là Trang Vương Cơ Đà lên ngôi, nhưng Chu Công Hắc Kiên âm mưu giết Trang Vương lập Tử Nghi (em Trang Vương), cung đình loạn to, xác Hoàn Vương để tới 7 năm mới chôn.

Đinh Hợi, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1347], (Nguyên Chí Chính năm thứ 7) .Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 6 , Bảo Uy Vương Hiến có tội bị đuổi ra làm Phiêu kỵ tướng quân trấn Vọng Giang[1], rồi bị giết ở sông Vạn Nữ[2], lộ Trường Yên.

Buổi đầu dựng nước, thuyền buôn nước Tống sang dâng người nước Tiểu Nhân, thân dài 7 tấc, tiếng như ruồi nhặng, không thông ngôn ngữ, lại dâng một tấm vải hỏa hoãn[3] giá mỗi thước 300 quan tiền, lưu truyền làm của quý. Sau đem may áo vua, cắt hơi ngắn, sai cất trong nội phủ. [**14a**] Bảo Uy tư thông với cung nhân lấy trộm áo ấy. Một hôm Bảo uy mặc áo ấy vào trong rồi vào chầu, tâu việc trước mặt Thượng hoàng, để lộ ống tay áo ra. Thượng hoàng trông thấy có ý ngờ, sai người kiểm xét lại, quả nhiên chiếc áo cất giữ đã mất. Người cung nhân sai người thị tỳ già đến nhà Bảo uy lấy áo đem về, rồi ngầm đem vào cung dâng trình. Thượng hoàng không nỡ giết, đuổi Bảo Uy ra làm quan ở trấn ngoài. Đến sông Vạn Nữ, sai vũ sĩ đi thuyền nhẹ đuổi giết, vứt xác vào bãi cát rồi về, giáng làm Bảo Uy hầu.

Mùa thu, tháng 8, Đôn Từ hoàng thái hậu Lê thị băng.

Cung Mẫn Vương Nguyên Hú chết.

Mậu Tý, [Thiệu Phong] năm thứ 8[1348], Nguyên Chí Chính năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy ngự tiền học sinh Đỗ Tử Bình làm thị giảng.

Mùa hạ, tháng 5, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn nước Đồ Bồ[4] đến hải trang Vân D(ồn ngầm mua ngọc trai. Người Vân Đồn [**14b**] nhiều kẻ mò trộm ngọc trai bán cho họ. Chuyện này bị phát giác, đều bị tội cả.

Phương Cốc Trân[5] nước Nguyên dấy binh làm loạn.

Kỷ Sửu, [Thiệu Phong] năm thứ 9 [1349], (Nguyên Chí Chính năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, thuyền buôn phương Bắc sang cống bát Diêu Biến.

(Cuối đời Tống, người Hàng Châu nung lò bát sắp được, thấy con chim diêu bay qua trên lò bát, ỉa phân vào trong lò, hoá thành bát ngọc, nên đặt tên là Diêu Biến[6]) .

Mùa hạ, tháng 5, nước Đại Oa[7] sang cống sản vật địa phương và chim vẹt đỏ biết nói.

Mùa đông, tháng 10, sách phong công chúa Ý Từ, con gái thứ tư của Bình chương Huệ Túc Vương làm Nghi Thánh hoàng hậu.

Tháng 11, ngày mồng một, nhật thực.

Đặt quan trấn, quan lộ vá sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để trấn giữ. Trước đây, thời nhà Lý, thuyền buôn tới thì váo từ các cửa biển Tha, Viên[8] ở Châu Diễn. Đến nay, đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, thuyền buôn phần nhiều tụ tập ở Vân Đồn, cho nên có [**15a**] lệnh này.

---

[1] Tức đất huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An ngày nay.

[2] Sông Vạn Nữ: hay sông Trinh Nữ ở địa giới huyện Yên Mô (CMCB9), nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[3] Thứ vải chịu lửa, có nhiều thuyết, nhưng có lẽ là giặc bằng lửa (hoãn cũng đọc là cán, có nghĩa là giặt).

[4] Cũng đọc là Chà Bồ, có lẽ là phiên âm tên Java (In-đô-nê-xi-a).

[5] Sử Trung Quốc chép là Phương Quốc Trân. Năm 1348, Phương Quốc Trân khởi nghĩa ở Chiết Đông, lấy Khánh Nguyên (Ninh Ba, Chiết Giang) làm căn cứ.

[6] Thứ bát sứ tráng men, khi nung, lửa lò không đều, men biến đi mà thành sắc lạ.

[7] Có lẽ cũng là Qua Oa, tức Java.

[8] Bản dịch cũ chú rằng có lẽ là cửa Thơi và cửa Quèn.

Canh Dần, [Thiệu Phong] năm thứ 10[1350], (Nguyên Chí Chính năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, có người Nguyên là Đinh Bàng Đức, nhân nước có loạn, đem cả nhà đi thuyền vượt biển chạy sang ta. Bàng Đức giỏi leo dây, làm trò ca múa. Người nước ta bắt chước làm trò múa leo dây. Trò leo dây bắt đầu có từ đó.

Cung Giản Vương Nguyên Thạch chết.

Từ Thọ Huy nước Nguyên dấy binh, tự xưng là Hoàng đế[1], nước [Nguyên] loạn to.

Tân Mão, [Thiệu Phong] năm thứ 11[1351], (Nguyên Chí Chính năm thứ 11). Mùa xuân,tháng giêng, người Thái Nguyên và Lạng Sơn tụ họp làm giặc cướp, đánh lẫn nhau. Đánh dẹp được bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Lấy Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Người con gái ở Thiên Cương, Nghệ An biến thành con trai.

Trâu Canh có tội đáng chết, được tha.

Bấy giờ Trâu Canh thấy vua bị liệt dương, dâng phương thuốc nói rằng [**15b**] giết đứa bé con trai, lấy mật hòa với dương khởi thạch mà uống và thông dâm với chị hay em ruột của mình thì sẽ hiệu nghiệm. Vua làm theo, thông dâm với chị ruột là công chúa Thiên Ninh, quả nhiên công hiệu.

Canh từ đấy được yêu quý hơn, được ngày đêm luôn ở trong hậu cung hầu hạ thuốc thang. Canh liền thông dâm với cung nữ. Việc phát giác, Thượng hoàng định bắt Canh chết, nhưng vì có công chữa khỏi bệnh cho vua nên được tha.

(Canh là con Trâu Tôn người phương Bắc. Khoảng năm Thiệu Phong[2], người Nguyên vào cướp, tôn làm thầy thuốc đi theo quân Nguyên, đến khi quân Nguyên thua, thì bị bắt. Tôn ở nước ta, chữa thuốc cho các vương hầu thời đó, phần nhiều thấy công hiệu. Người trong nước nhiều lần cho Tôn ruộng, nô, thành ra giàu có. Canh nối nghiệp cha, trở thành danh y, nhưng không có hạnh kiểm nên đến nỗi thế. Đến sau lại được phục hồi chúc vị. Dòng dõi của Canh đến triều nay còn có người là Trâu Bảo, được của do Trâu Canh cất giữ trở nên giàu có, nhưng cũng vì thế mà trở nên lụng bại).

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập nội hành khiển, vẫn coi việc ở khu mật viện.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự điện Thiên An, duyệt cấm quân ở Long Trì, ban cho Nguyễn Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, đeo thẻ bài gỗ, nghiên vàng[3] để duyệt cấm quân, định loại hơn kém.

[16a] Nhâm Thìn, [Thiệu Phong] năm thứ 12, [1352], (Nguyên Chí Chính năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 3, Chế Mỗ người Chiêm Thành chạy sang ta, dâng voi trắng, ngựa trắng, mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các cống vật xin đánh Trà Hòa Bố Để mà lập y làm vương quốc.

Trước đây, khi chúa Chiêm là Chế A Nan còn sống, con rể là Chế Mỗ làm bố điền (tức đại vương), con rể là Trà Hòa Bố Để làm bố đề (Tức tể tướng), nói câu gì bàn kế gì cũng được chúa Chiêm nghe theo, nhân thế hắn lập bè đảng với Chế Mỗ. Chế Mỗ khi nào bị quở trách, Bố Để thường cứu gỡ cho. Người trong nước do vậy mà có lòng khác, không chuyên tâm theo về Chế Mỗ nữa. Đến khi A Nan chết, Bố Để liền đuổi Chế Mỗ mà tự lập làm vua. Thế mới biết kẻ làm tôi mà lập bè đảng là có mưu đồ khác mà Chế Mỗ vẫn không biết là mình bị sa vào thuật của nó.

---

[1] Từ Thọ Huy nổi dậy ở vùng Hồ Bắc, xưng đế, quốc hiệu là Thiên Hoàn, đóng đô ở Nghi Thủy, sau dời đô về Hán Dương (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc).

[2] Niên hiệu Thiệu Phong (1341-1358) không có quân Nguyên xâm lược. Cương mục chữa là Nguyên Phong (1251 -1258). Như vậy là muốn chỉ cuộc xâm lược của quân Mông Cổ vào năm 1258, không chắc là có thầy thuốc Trung Quốc đi theo quân Mông Cổ. Chúng tôi cho rằng nên chữa là là Thiệu Bảo (1279-1285). Trong niên hiệu này, có cuộc xâm lược lần thứ hai 1285. Lần này ta bắy được nhiều tù binh.

[3] Thẻ bài gỗ có bốn cạnh như hình cái thước vuông và nghiên vàng đựng mực, là hai thứ đeo vào đai lưng để tiện ghi chép.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn tràn ngập, vỡ đê Bát Khối[1] lúa má chìm ngập. Khóai Châu[2], Hồng Châu[3] và Thuận An[4] hại nhất.

[16b] Quý Tỵ, [Thiệu Phong] năm thứ 13 [1353], (Nguyên Chí Chính năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến, chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ.

Lấy cung Định Vương Phũ làm Hữa tướng quốc.

Mùa hạ, tháng 6, cử đại binh đi đánh Chiêm thành. Quân bộ đến Cổ Lũy[5] , quân thủy chở lương gặp trở ngại lại quay về.

Trước kia Hưng Hiếu Vương coi Hóa Châu[6] , Chế Mỗ nói với Tước Tề (là gia nhi của Minh Tông đi lại với Chế Mỗ) rằng:

"Chuyện cổ của Chiêm Thành kể rằng ngày xưa có ông vua nuôi một con khỉ lớn, rất yêu quí nó, muốn cho nó biết nói. Ông ta tìm khắp trong nước, bảo người nào biết nuôi dạy được khỉ nói thì thưởng một lạng vàng. Có một người nói là sẽ dạy được. Vua mừng lắm, sai hắn nuôi khỉ. Người ấy nói: "Hàng tháng dùng thuốc phí tổn đến trăm lạng vàng, sau ba năm mới có kết quả". Vua nghe theo. Ý hắn nghĩ rằng quốc vương với mình cùng con khỉ, trong khỏang ba năm nhất định có một kẻ chết hãy cứ lấy vàng của vua đã, mà chẳng cần phải có kết quả. Chế Mỗ theo về chúa thượng, nhưng thực là Hưng Hiếu chủ trương[**17a**] việc ấy. Trải bao năm tháng mà vẫn chưa nghe được ngày về nước. Sự thể của tôi cũng giống chuyện đó".

Triều đình nghe lới Chế Mỗ, cử binh đưa Chế Mỗ về nước, nhưng không thành công. Chế Mỗ ở lại nước ta, không bao lâu rồi chết.

Thăng Thái úy Nguyên Trác làm Tả tướng quốc.

Mùa thu, tháng 9, Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu, quan quân đánh đuổi chúng rất bất lợi. Vua gọi Trương Hán Siêu mưu tính việc đó. HánSiêu trả lời: "Không nghe lời thần nên đến nỗi thế". Vua bèn sai Trương Hán Siêu đem các quân Thần sách đi trấn giữ Hóa Châu.

Giáp Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 14 [1354], (Nguyên Chí Chính năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, quan trấn giữ biên giới phía bắc cho chạy trạm tâu việc Trần Hữu Lượng nước Nguyên dấy binh, sai sứ sang xin hòa thân (Hữu Lượng là con Trần ích Tắc).

Tháng 3, ngày mồng một, nhật thực.

Bấy giờ đói kém, dân khổ vì giặc cướp. Có kẻ tự xưng là cháu ngoại của Hưng Đạo Đại Vương tên là Tề, tụ họp các gia nô bỏ trốn của các vương hầu làm giặc, cướp bóc các xứ Lạng Giang[7], Nam Sách[8] .

[17b] Mùa thu,tháng 9, có nạn sâu lúa. Xuống chiếu giảm một nửa tô ruộng.

Mùa đông, tháng 11, có con hổ đen xuất hiện trong thành.

Tả tham tri chính sự Trương Hán Siêu trấn giữ Hóa Châu, biên thùy trở lại yên ổn. Ông xin trở về triều, vua y cho, nhưng về chưa tới kinh sư thì chết, được truy tặng Thái bảo.

---

[1] Bát Khối: tức Bát Tràng và Thổ Khối, tên hai xã của huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[2] Khoái Châu: gồm đất các huyện Châu Giang (trừ đất Văn Giang cũ), Kim Thi và Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[3] Hồng Châu: gồm đất các huyện Mỹ Văn, Cẩm Bình, Ninh Thanh và Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[4] Thuận An: gồm đất huyện Thuận Thành và huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, huyện Văn Giang cũ của tỉnh Hải Hưng và huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[5] Cổ Lũy: là đất tỉnh Quãng Ngãi.

[6] Hóa Châu: gồm đất các huyện Hương Điền, Hương Phú, Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[7] Lạng Giang: gồm đất các huyện Yên Dũng, Lục Ngạn, Yên Thế, tỉnh Bắc Giang và huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[8] Nam Sách: gồm đất các huyệnn Chí Linh, Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và dất huyện Tiên Lăng, Hải phòng ngày nay.

Hán Siêu người Phúc Thành,[huyện] Yên Ninh[1], [phủ] Trường Yên,là người chính trực, bài xích dị đoan, có tài văn chương và chính sự. Nhà vua chỉ gọi ông là thầy chứ không gọi tên. Ông từng sọan bài văn bia chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang, nội dung tóm lược như sau:

"Chùa bỏ rồi lại dựng, đó chẳng phải là ý muốn của ta. Dựng bia rồi khắc chử, ta biết nói chuyện gì. Ngày nay thánh triều muốn truyền bá phong hóa nhà vua, để chấn hưng phong tục đang bị suy đồi. Dị đoan đáng phải truất bỏ, thánh đạo nên được phục hưng. Làm đại sĩ phu, không phải đạo Nghiêu Thuấn thì không trình bày, không phải đạo Khổng Mạnh thì không trước thuật. Thế mà cứ bo bo lải nhải chuyện phật, ta lừa dối ai đây?".

[**18a**] Ông nổi tiếng thời bấy giờ, nhưng Tông chính đại khanh Lê Cư Nhân từng coi ông là chân đá cầu nhà quê, vì người làng quê đá cầu phần nhiều không trúng, để ví với Trương Hán Siêu lo liệu công việc phần nhiều không thỏa đáng. Ông ta khinh bỉ người cùng hàng, không giao du với họ chỉ chơi thân với bọn họan quan Phạm Nghiêu Tư, gặp quan thầy thuốc thì thế nào cũng đùa bợt nói cười, đều là những kẻ không đồng điệu với ông. Đến khi coi đất Lạng Giang thì gả con gái cho tù trưởng đất ấy là Nùng Ích Vấn, khi coi chùa Hùynh Lâm thì gả con gái cho tam bảo nô Nguyễn Chế, đều vì mộ sự giàu có của họ cả.

Lê Cư Nhân chết. Cư Nhân hồi Minh Tông còn trị vì, làm quan nội mật kiêm việc khẩm hình, tra xét án ngục ở nhà, bị trung úy Quách Hạo hặc lỗi. Minh Tông hỏi ông sao không tránh đi? Ông trả lời:

"Thần thà chịu phạt trách chứ không dám lừa dối, làm quan mà lừa dối thì làm sao suất lĩnh được liêu thuộc ?".

Xem những lời ông ta chê người khác [**18b**] và những câu ông ta tự nhận lỗi, thì đủ biết ông là người như thế nào. Đến khi chết được truy tặng Nhập nội hành khiển hữu ty lang trung đồng tri tả ty sự.

Ất Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 15 [1355], (Nguyên Chí Chính năm thứ 15). Mùa xuân,tháng 2, núi Thánh Chúa[2] ở Trà Hương lở.

Động đất.

Từ tháng 3 đến tháng 6, mùa hạ, hạn hán.

Mùa thu,tháng 7, mưa to, nước lớn.

Tháng 9, sát đánh cửa Triều Nguyên và hai cửa nách hai bên tả hữu.

Chu Đức Dụ nước Nguyên xưng hoàng đế (tức Minh Thái Tổ) sau đổi tên thành Nguyên Chương.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm kinh lược sứ trấn Lạng Giang, Nhập nội đại hành khiển, thượng thư hữu bật, kiêm tri khu mật viện sự, thị kinh diên đại học sĩ, trụ quốc Khai Huyện bá.

Bà thứ phi của Anh Tông tên hiệu là Tĩnh Huệ, là con gái Điện súy Phạm Ngũ Lão, trước đã xuất gia. Sau khi Anh Tông băng, bà trở về quê hương. Một hôm lên chùa Bảo Sơn xã Phù Ủng, [**19a**] bà than rằng: "Chùa này do tiên quân[3] ta dựng lên. Ta tuổi đã cao, làm nhà ở đây vừa có thể thờ vua lại vừa có thể cúng tổ tiên, trung hiếu vẹn cả đôi đường. Đó là sở nguyện của ta".

Thế rồi sữa lại chùa đó , lại làm điện ở phía bên đông chùa và làm nhà ở phía đằng sau để cúng lễ tổ tiên thần thánh. Khi làm xong, Thượng hoàng đến thăm, ban cho biển ngạch để biểu dương lòng hiếu kính của bà.

Bính Thân, [Thiệu Phong] năm thứ 16[1356], (Nguyên Chí Chính năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 3, thiếu can chi ngày, hai mặt trời rập rờn nhau.

---

[1] Yên Ninh: là tên huyện thời Lê sơ, sau vì kiêng húy tên Trang Tông (1533-1548), đổi thành Yên Khang. Thời Nguyên là huyện Yên Khánh. Nay chia vào đất huyện Tam Điệp và huyên Hoa Lưu, tỉnh Ninh Bình

[2] Núi Thánh Chúa: ở Kính Chủ, tỉnh Hải Dương.

[3] Chỉ cha của bà là Phạm Ngũ Lão.

Hai vua đi tuần biên giới, đến Nghệ An.

Mùa hạ, tháng 5, xa giá trở về kinh sư.

Mùa thu, tháng 8, [Thượng hoàng] ngự đến đền thờ Quốc phụ thượng tể Huệ Vũ Đại Vương [Quốc Chẩn], trên núi Kiệt Đặc[1]. Khi trở về, trong thuyền ngự có con ông vàng đốt vàng má phía bên trái của Thượng hoàng, rồi Thượng hoàng bị bệnh. Vua sai người giữ thuyền ngự trông coi việc đánh quan tài.

Mùa đông, tháng 10, Hiến Từ thái hậu gặp ngày mẹ mất, may áo tang, Thượng hoàng nhân bảo thái hậu: "Ta sẽ [**19b**] không mặc áo tang này đâu". Vì khi ấy Chiêu Từ thái hậu hãy còn[2] cho nên Thượng hoàng mới nói thế.

Hiến Từ thái hậu lập đàn chay ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng hoàng.

Đinh Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1357], (Nguyên Chí Chính năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, ngày 19, Thượng hoàng băng ở cung Bảo Nguyên, miếu hiệu là Minh Tông, tên thụy là Chương Nghiêu Văn Triết Hoàng Đế.

Trước đây, Minh Tông nối ngôi đã lâu, rồi mẹ đích mới sinh con trai. Hôm người con ấy đầy tuổi thì Anh Tông đi tuần biên giới vắng, việc ở nhà do Minh Tông quyết định. Có người xi làm lễ theo tư cách tử tế. Các quan còn nghi ngại thì Minh Tông bảo họ:

"Còn ngại gì nữa. Trước đây vì con đích trưởng chưa sinh, nên ta tạm ở ngôi này. Nay đã sinh rồi thì đợi khi lớn lên, ta sẽ trả lại ngôi vua chứ có khó gì?".

Người đó trả lời:

"Việc này từ xưa hay sinh nguy biến, xin nghĩ kỹ lại". Minh Tông nói:

"Cứ thuận nghĩa mà làm, yên hay nguy đâu đáng lo?".

Cuối cùng [**20a**] làm lễ thao tư cách tử tế. Một năm sau thì người con đích tự ấy mất. Minh Tông rất thương xót.

Ngài thường dạy các hoàng tử rằng:

"Con nào mà dốc sức mưu tính sản nghiệp, keo sẻn làm giàu thì không phải con ta. Nếu quả làm chuyện đó thì thà phân tán hết của cải cho người nghèo đi còn hơn. Vì như vậy, dẫu không tránh khỏi túng thiếu, vẫn còn là hành vi của bậc quí nhân".

Khi se mình, triều đình muốn lập đàn chay cầu đảo, Minh Tông biết chuyện, gọi Hữu tướng quốc Phủ vào chổ nằm để hỏi. Vua sợ, lập tức bảo phủ là Phạm Ứng Mộng xướng nghị xin lấy mình chết thay. Phủ đem câu ấy tâu lên. Minh Tông nói :

"Ứng Mộng tự nhận làm địa vị Chu Công thì cứ lấy thân mình mà chết thay cho cha hắn, còn đàn chay thì không được làm!".

Bấy giờ Hiến Từ thái hậu phóng sinh các giống súc vật để cầu cho Minh Tông khỏe lại. Minh Tông bảo bà: "Thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được".

Khi bệnh trầm trọng, cho gọi quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Thường vào xem [**20b**] mạch. Canh nói: "Mạch phiền muộn". Minh Tông ứng khẩu một bài thơ nhỏ, đọc cho bọn Canh nghe:

Chuẩn mạch hưu luận phiền muộn đa,
Trâu công lương tễ yếu điều hòa.

---

[1] Núi Kiệt Đặc: ở địa phận huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

[2] Chiêu Từ Thái Hậu: tức là Huy Từ hoàng thái phi, mẹ sinh của Minh Tông.

Nhược ngôn phiền muộn vô hưu yết,
Chỉ khủng trùng phiêu phiền muộn gia.
(Xem mạch chớ bàn nhiều muộn phiền,
Ông Trâu thuốc tốt cắt cho yên.
Nếu còn nói mãi phiền cùng muộn,
Chỉ sợ càng tăng phiền muộn lên) .

Vì Trâu Canh ra vào cung cấm, hay dùng những câu kỳ lạ, những kế quỷ quyệt để huyễn hoặc Dụ Hoàng. Minh Tông ghét hắn, nên mượn bài thơ để châm biếm. Đến khi dâng thuốc lên thì ngài nói:

"Người ta ở đời,bao nhiêu khổ não. Ngày nay thóat được khổ não này, thì ngày khác lại phải chịu khổ não khác". Rồi không chịu uống thuốc.

Khi bệnh nguy kịch, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem bản thảo tập thơ ngự chế đốt đi. Dân Vọng còn do dự, thì Minh Tông nói:

"Vật đáng tiếc còn không thể tiếc được, tiếc làm gì thứ ấy".

Các hoàng tử đứng hầu bên cạnh, ngài nhân thể nói với họ:

"Các con cứ xem việc làm của người xưa, việc nào hay thì theo, việc nào dở thì lánh, cần gì phải cha dạy?".

Ngài từng nói:

"Người làm vua dùng người, không phải là có tình riêng với người đó, mà chỉ nghĩ là người đó [**21a**] hiền thôi. bởi vì người đó theo tấm lòng của ta, giữ chức vụ cho ta, làm việc cho ta, chịu nhọc cho ta, cho nên ta coi là hiền mà dùng họ. Nếu ta quả là hiền, thì những người được ta dùng cũng hiền, như Nghiêu Thuấn đối với Tắc Khiết, Quỳ Long vậy. Nếu ta không hiền, thì những kẻ ta dùng cũng không hiền, như Kiệt, Trụ đối với Phi Liêm, Ác lai vậy. Đó chính là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cùng loại thì hợp nhau. Kiệt, Trụ đâu phải có tình riêng gì với bầy tôi của hắn?. Bảo hắn là ngu tối thì được, chứ bảo hắn là có tình riêng thì không phải".

Lại dặn Hiến Từ thái hậu:

"Sau khi ta mất, người ở lại cung Thánh Từ, đừng vào núi [đi tu]".

Sau khi Minh Tông băng, thái hậu theo lời dặn, không thụ giới nhà Phật.

Phan Thu Tiên nói: Minh Tông có bẩm tính nhân hậu, nối nghiệp thái bình, phép cũ của tổ tông, không thay đổi gì cả. Bấy giờ có kẻ sĩ dâng sớ nói là trong dân gian có nhiều người du thủ du [**21b**] thực, đến già vẫn không có hộ tịch, thuế má không nộp, sai dịch không theo. Vua nói:

"Không như thế, thì sao thành đời thái bình? Ngươi muốn ta trách phạt họ thì được việc gì không?".

Triều thần như bọn Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ. Vua nói:

"Nhà nước đã có phép tắc riêng, Nam, Bắc khác nhau, nếu nghe kế của bọn học trò mặt trắng tìm đường thoát thân thì sinh loạn ngay".

Điều đáng tiếc là nghe lời gian nịnh của Trần Khắc Chung mà giết Quốc phụ thượng tể, đó là điểm kém thông minh vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cái đức của Minh Tông mà nên được, tuy là do thiên tư tốt đẹp, cũng còn do sức dạy bảo của vua cha. Khi vua ở Đông cung, đang tuổi ấu thơ, có lần nghịch làm chiếc giá đèn bằng tre, Anh Tông đòi xem, sợ không dám dâng. Hôm khác, vào hầu [**22a**] tẩm điện Anh Tông đang rửa mặt, nhânhỏi đến trò nghịch cũ, Anh Tông giận lắm, cầm ngay cái chậu rửa mặt ném vua.Vua nấp vào cánh cửa tránh được, chậu rơi trúng cánh cửa vỡ tan. Được sự răng dạy nghiêm ngặt như vậy, cho nên tài đức của vua do đấy mà nên và cả các con cũng đều có tài nghệ cả.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu chỉ cho các lộ ở Thanh Hóa và Nghệ An khơi các kênh ngòi cũ.

Phong anh là Thiên Trạch làm Cung Tín Vương.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng 8 tôn Hiến Từ thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, táng [Minh Tông] ở Mục Lăng[1], vì câu nệ ngày giờ nên để chậm.

Từ năm Ất Mùi [1355] đến năm nay [Đinh Dậu, 1357], trong 2 năm, một thăng gạo trị giá 1 tiền.

Mậu Tuất, [Đại Trị] năm thứ 1[1358], (Nguyên Chí Chính năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu. Đại xá.

Truy [**22b**] tặng Quốc phụ thượng tể Quốc Chẩn làm Đại Vương.

Từ tháng 3 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán, sạu cắn lúa, cá chết nhiều.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu khuyến khích nhà giàu ở các lộ bỏ thóc ra chẩn cấp dân nghèo. Các quan ở địa phương tính xem số thóc bỏ ra là bao nhiêu trả lại bằng tiền.

Lấy Phạm Sư mạnh là Nhập nội hành khiển tri Khu mật viện sự.

Ngô bệ lại đem quân tụ họp ở núi Yên Phụ, dựng cờ lớn ở trên núi, tiếm sưng vị hiệu, yết bảng nói cứu giúp dân nghèo.Từ Thiên Liêu[2] đến Chí Linh. Bệ chiếm giữ cả.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đem quân các đội phong đoàn đi bắt giặc cướp.

Kỷ Hợi, [Đại Trị], năm thứ 2 [1359], (Nguyên Chí Chính năm thứ 19). Mùa xuân tháng giêng, nhà Minh sai sứ sang thông hiếu.

Bấy giờ, vua Minh cầm cự với Trần Hữu Lượng chưa phân được thua..Vua sai Lê Kính Phu sang sứ phương Bắc để xem hư [**22a**] thực.

Mùa hạ, tháng 4, ChiềuTừ Hoàng thái phi mất, được truy tôn là Chiêu Từ hoàng thái hậu (mẹ của Minh Tông).

Mùa thu,tháng 7, lấy Đỗ Tử Bình làm [tri] Khu mật viện sự.

Từ ngày 27 tháng 8 đến ngyà mồng 3 tháng 9, mưa to, nước lớn, trôi cả nhà cửa của dân, thóc lúa bị ngập.

Mùa đông, tháng 10, lấy Phạm Sư Mạnh làm Hành khiển tả ty lang trung, Lê Quát kiêm chức Hàn lâm viện phụng chỉ.

Canh Tý, [Đại Trị] năm thứ 3 [1360], (Nguyên Chí Chính năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, đúc tiền Đại trị thông bảo.

Thăng Huệ Túc công Đại Niên làm Bình chương chính sự, phục lại tước vương. Năm này [Đại Niên] mất (mới 55 tuổi).

Theo qui chế cũ, những người tước vương vào làm tể tướng đều gọi là "công", chỉ có thân vương thì được phong lại tước vương. Huệ Túc công, Uy Túc công trong đời Đại Khánh được phong tước vương, khi vào làm tể tướng đều gọi là "công" mà lại truy phục tước vương là không đúng [**23b**] lệ.

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết.

Bấy giờ, quân của lộ bắt được Bệ ở Yên Phụ. Bệ chạy trốn, định về kinh sư thú tội. Các quan bản lộ bắt được Bệ cùng 30 tên bè đảng của hắn, đóng cũi giải về kinh, đều bị chém cả.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực.

---

[1] Mục Lăntg: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Thiên Liêu: là tên xã.

Tháng 6, nước Nguyên loạn. Trần Hữu Lượng tiếm xưng đế, đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Đại Nghĩa, đánh nhau với Minh Thái Tổ. Quan trấn thủ biên giới phía Bắc là Hoàng Thạc cho chạy trạm tâu rằng Minh và Hán đánh nhau ở Long Châu, Bằng Tường[1] .Bọn Thạc nhân việc họ tranh nước với nhau thu được hơn 300 người.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn của các nước Lộ Hạc[2], Trà Nha[3], Xiêm La[4] đấn Vân Đồn buôn bán, dâng các vật lạ.

Tháng 12, xuống chiếu bắt gia nô của các vương hầu, công chúa đều phải thích chữ vào trán và phải gọi theo loại hàm. Kẻ nào không thích chữ, không khai sổ bị coi là [**24a**] giặc cướp, lớn thì trị tội, bé thì sung công.

Tân Sửu, [Đại Trị], năm thứ 4[1361], Nguyên Chí Chính năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở phương đông bắc. Vua tránh không ngự ở chính điện.

Tháng 2, Minh Thái Tổ đánh Giang Châu. Trần Hữu Lượng lưu giữ Vũ Xương, sai người sang ta xin quân [cứu viện]. [Vua] không cho.

Tháng 3, giặc cỏ Chiêm Thành vượt biển đến cướp dân ở cửa biển Dĩ Lý[5]. Quân của phủ ấy đánh tan bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, lấy Phạm A Song làm tri phủ phủ Lâm Bình (Tức là Dĩ Lý)[6].

Mùa thu, tháng 7, Tạ Lai có tội bị giết.

Bấy giờ vua ngủ ngày ở Long Phương đường. Ngự thư hỏa Tạ Lai đứng hầu, chung quanh không có ai. Lai rút gươm ra xem. Vua thức dậy, sai đem chém.

Nhâm Dần, [Đại Trị], năm thứ 5 [1362]. (Nguyễn Chí Chính năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho các nhà vương hầu, công chúa dâng [**24b**] các trò tạp hý vua xét duyệt trò nào hay thì thưởng cho.

Trước đấy, khi đánh Toa Đô, bắt được người phường hát là Lý Phương Cát rất giỏi hát, những con ở trẻ của các nhà thế gia theo y tập hát điệu phương Bắc. Nguyên Cát sáng tác các vở tuồng truyện cổ, có các tích như Tây vương Mẫu hiến bàn đào. Trong tuồng cổ có các vai quan nhân, chu tử, đán nương, câu nô gồm 12 người, mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, gõ ồn phím đàn (Chú : Chu Hậu chết, Hậu Chủ ghi vào mặt sau đàn tỳ bà: Hương trời còn đuôi phượng, hơi ấm tỏa phím đàn), thay đổi nhau ra vào làm trò, khiến người xem xúc động, muốn cho buồn được buồn, muốn cho vui được vui. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đấy.

Lại cho gọi các nhà giàu trong nước, như ở làng Đình Bảng ở huyện Bắc Giang, làng Nga Đình thuộc Quốc Oai vào cung đánh bạc làm vui. Có tiếng bạc đặt tới 300 quan tiền, ba tiếng thì đã gần ngàn quan rồi.

---

[1] Long Châu: tên châu đời Đường, đời Tống, Nguyên cùng gọi là Long Châu. Nay là đất huyện Long Châu, Trung Quốc. Bằng Tường: tên động đời Tống, Nguyên. Đời Minh đặt làm thổ châu. Nay là đất huyện Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Lộ Hạc chắc là nước lộ Hạc mà Toàn thư dã chép vào đời Lý (BK6, 6B). Dựa vào âm đọc, có thể cho rằng Lộ Hạc al2 nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Qrung Quốc đời Nguyên. La Hôc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Hạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Mác-cô Pô-lô (Marco Polo).

[3] Trà Nha: nguyên bản chép là . Toàn thư chú rằng: đọc al2 (Nha), nhưng chữ này cũng có âm đọc là Oa. Trà Oa thì chắc chắn là chỉ đảo Ja-va (In-đô-nê-xi-a) mà ở những chổ khác Toàn thư chép là Trảo Oa, qua Oa hay Chà Bồ.

[4] Xiêm La: Ở đây chỉ vương quốc Sukhuthai hình thành vào thế kỷ XIII ở Thái Lan.

[5] Cửa biển Dĩ Lý ở xã Lý Hoà, huyện Bố Trạch, nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

[6] Ở đây, Toàn thư chú thích phủ Lâm Bình là Dĩ Lý, nhưng chắc là nhầm. Phủ Lâm Bình nói ở đây hẳn gồm cả đất châu Lâm Bình đời Lý. Năm 1075, Lý Nhân Tông đã đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình (Toàn thư BK3, 9a). Có lẽ chữ Dĩ Lý ở đây nhầm từ chữ Địa lý.

Lại sai tư nô cày 1 miếng đất ở bên bờ bắc sông Tô Lịch [**25a**] để trồng hành, tỏi rau dưa đem bán, gọi tên phường ấy là Vườn Tỏi[1] (đến nay vẫn còn) và làm quạt đem bán cũng như thế.

Tháng 2, sao chổi thấy ở phương Bắc.

Tháng 3, Chiêm Thành cướp Hóa Châu.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đỗ Tử Bình duyệt bổ quân ở Lâm Bình, Thuận Hóa và đắp thành Hóa Châu.

Tháng 5, sét đánh điện Thiên An.

Từ tháng 5 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán. Soát tù. Mưa to. Xuống chiếu miễn cho cả nước một nửa tô thuế năm ấy.

Tháng 8, lấy Hành khiển Phạm Sư Mạnh làm tri Khu mật viện sự.

Đói to. Xuống chiếu cho các nhà giàu dâng thóc để phát chẩn cho dân nghèo, ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, vua ngự đến phủ Thiên Trường. Dân có ai ốm thì được ban thuốc uống công và tiền gạo, ít nhiều khác nhau. (Thuốc có tên là viên Hồng ngọc sương, trừ bách bệnh. Dân nghèo ai nghe tin đến được thì được ban 2 viên thuốc, 2 tiền và 2 thăng gạo).

Mùa đông tháng 10, núi Thiên Kiện[2] lở.

Tháng 12,[**25b**] lấy Đỗ Tử Bình làm Đồng môn tri hạ.

Quý Mão, [Đại Trị], năm thứ 6 [1363], (Nguyên Chí Chính năm thứ 23). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu chọn dân đinh bổ sung quân các lộ.

Tháng 3, thi học trò, hỏi văn nghệ để lấy người bổ sung vào quán các. thi lại viên bằng viết chữ, lấy làm thuộc viên các sảnh, viện.

Truy tặng Thiếu bảo Trương Hán Siêu chức thái phó.

Mùa hạ, tháng 5, trả lại cho Trâu Canh chức tước cũ.

Tháng 6, tịch thu gia sản của Ngô Dẫn, trại chủ xã Đại Lai.

Trước đây, về đời Minh Tông, cha Dẫn bắt được viên ngọc rết rất đẹp, đem đến Vân Đồn, các thuyền buôn tranh nhau mua. Một người chủ thuyền muốn được vật lạ đó, dốc hết của cải để mua. Dẫn do vậy trở nên giàu có. Minh Tông đem công chúa Nguyệt Sơn gả cho Dẫn. Dẫn cậy giàu có thông dâm với người con gái khác, lại có những lời lăng nhục công chúa. Công chúa đem việc ấy tâu vua. Dẫn được tha tội chết, nhưng bị tịch thu gia sản.

Mùa đông, tháng 10, đào [**26a**] hồ ở vườn ngự trong hậu cung.Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mạch đều khai ngòi cho chảy thông nhau. Trên bờ hồ trồng thông, tre và các thứ hoa thơm cỏ lạ. Lại nuôi chim quý, thú lạ trong đó. Phía tây hồ trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế. Lại gọi tên điện là điện Lạc Thanh, tên hồ là hồ Lac Thanh. lại đào một hồ nhỏ khác. Sai người hải Đông chở nước mặn chứa vào đó, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cua, cá nuôi ở trong hồ. Lại sai người Hóa Châu chở cá sấu đến thả vào đó. Lại có hồ Thanh Ngư để thả cá thanh phụ [cá diếc]. Đặt chức khách đô để trông coi.

Giáp Thìn, [Đại Trị] năm thứ 7 [1364], (Nguyên Chí Chính năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, xây dãy khách lang ở Tây điện, thẳng đến cửa Hoàng Phúc.

---

[1] Nguyên văn là Toán Viên. Đến đời Lê, ở Thăng Long vẫn còn phường Toán Viên. Hai bài thơ trong Lã Đường di tập của Thái Thuận nói về phường Toán Viên đều nhắc đến Cửa Bắc và Hồ Tây. Có lẽ phường này ở ven Hồ Tây, gần cửa Bắc, chứ không phải là ở Láng như nhiều người thường nghĩ.

[2] Núi Thiên Kiện: còn có tên là núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện thanh Liêm, tỉnh nam Hà.

Mùa hạ, tháng 4, gọi Cánh chưởng phụng cung Vĩnh An là Bùi Khoan cùng [**26b**] uống rượu. Khoan lập mẹo uống vờ hết 100 thăng rượu, được thưởng tước 2 tư.

Tháng 5, vua đi hóng gió chơi trăng. Vì uống rượu quá sai, lại lội xuống sông tắm, nên bị ốm. Sai quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh thay nhau hầu thuốc thang.

Mùa thu, tháng 7, vua khỏi bệnh.

Thángg 8, chọn hoàng nam trong nước, định 3 bậc quân ngũ, sữa soạn thuyền chiến và vũ khí để phòng việc biên cương.

Mùa đông, tháng 10, Cung Túc Vương Nguyên Dục mất.

Ất Ty, [Đại Trị] năm thứ 8[1365], Nguyên Chí Chính năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, người Chiêm Thành cướp dân đi chơi xuân của Hóa Châu.

Trước đây, theo tục Hóa Châu, tháng giêng hàng năm, trai gái họp nhau ở Bà Dương chơi trò đánh đu. Người Chiêm đã nấp sẵn ở đầu nguồn Hóa Châu từ tháng 12 năm trước, đến khi ấy ập tới cướp bắt đem về.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho các quân Sơn Lão[1] ở lạng Giang trấn giữ [**27a**] biên phòng, vì đất Bắc có lọan, Minh, Hán tranh nhau[2] , đóng binh ở Nam Ninh, Long Châu.

Bấy giờ có Thiều Thốn người Thanh Hóa, làm phòng ngự sứ Lạng Giang, thống lĩnh quân Lạng Giang, đóng ở sông Đông Bình, khéo vỗ về quân sĩ, trong quân ai cũng thích ông ta. Sau vì em trai kiêu ngạo làm bậy, ông bị tội lây, mất chức. Trong quân làm câu ca về ông: "Trời chẳng thấu oan, ông Thiều mất quan". Đến khi ông sửa soạn hành trang ra về, chúng lại làm câu ca: "Ông Thiều trở về, lòng ta tái tê". Triều đình nghe biết chuyện ấy, khôi phục quan chức cho ông, trong quân lại có câu ca: "Trời đã thấu oan, ông Thiều lại làm quan". Ít lâu sau, ông chết.

Minh Từ Hoàng Thái phi mất (phi là mẹ đẻ của Nghệ Tông).

Bính Ngọ, [Đại Trị] năm thứ 9 [1366], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, sai Tả bộc xạ Tăng Khoan, Hữu bộc xạ Lê Quát xét duyệt sổ đinh Thanh Hóa. (Quát là người Thanh Hóa hồi trẻ ra chơi kinh sư, gặp khi bạn ông được cử đi sứ Kinh Yên, Quát tặng bạn bài thơ rằng :

Dịch lộ [**27b**] tam thiên quân cư an
Hải môn thập nhị ngã hoàn san
Trung triều sứ giả yên ba khách,
Quân đắc công danh, ngã đắc nhàn.
(Đường trạm ba ngàn, anh ruổi ngựa,
Mười hai cửa biển, tớ về ngàn.
Kẻ sang sứ Bắc, người mây nước,
Anh được công danh, tớ được nhàn.)

Người thức giả biết Quát sau này sẽ quý hiển. Quả nhiên, Quát thi đỗ, thăng chức nhanh chóng, vượt người bạn kia).

Tháng 3, người Chiêm cướp phủ Lâm Bình. Quan phủ Phạm A Song đánh bại chúng. Thăng A Song làm đại tri phủ Lâm Bình, Hành quân thủ ngự sứ.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đi bắt giặc cướp.

Tháng 6, vua ngự thuyền nhỏ đến chơi nhà Thiếu úy Trần Ngô Lang ở hương Mễ Sở[3], đến canh ba mới về. khi tới sông Chử Gia[1] bị cướp mất ấn báu, gươm báu. vua tự biết mình không sống lâu, càng thả sức chơi bời.

---

[1] Sơn Lão quân: quân các dân tộc miền núi.

[2] Minh: tức chu Nguyên chương, Hán: tức Trần Hữu Lượng.

[3] Hương Mễ Sở: nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

Năm ấy, Hán mất nước[2].

Đinh Mùi, [Đại Trị] năm thứ 10 [1367], (Nguyên Chí Chính năm thứ 27). Mùa đông, tháng 12, lấy Minh tự Trần Thế hung làm Thống quân hành khiển đồng tri thượng thư tả ty sự, Đỗ Tử Bình làm phó, đi đánh Chiêm Thành.

Phong Cung Định Vương phủ làm Tả tướng quốc, gia phong Đại Vương.

Năm này nhà Nguyên mất.

[28a] Mậu Thân, [Đại Trị] năm thứ 11[1368], (Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, Hồng Vũ năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi hiện ở khoảng sao Mão.

Tháng 2, Chiêm Thành sa Mục Bà Ma sang đòi lại đất biên giới Hóa Châu.

Tháng 3, làm hành lang dài suốt từ gác Nguyên Huyền đến tận cửa Đại triều phía Tây để tiện cho việc các quan vào chầu tránh nắng mưa.

Mùa hạ, tháng 4, Trần Thế Hưng đến Chiêm Động[3]. Người Chiêm phục quân đánh trộm, quân ta tan vỡ. Thế Hưng bị giặc bắt, Tử Bình đem quân trở về.

Minh Thái Tổ lên ngôi ở Kim Lăng, đặt niên hiệu là Hồng Vũ, sai Dịch Tế Dân sang thăm ta.

Mùa thu, tháng 8, sai Lễ bộ thị lang Đào Văn Đích sang Minh đáp lễ.

Mùa đông, tháng 10, cho mời đạo sĩ Huyền Vân ở núi Chí Linh đến kinh để hỏi về phép tu luyện. Ban cho động của đạo sĩ tên là "Huyền Thanh động".

[28b] Kỷ Dậu, [Đại Trị] năm thứ 12 [1369], (Từ tháng 6 trở đi là Dương Nhật Lể, Đại Định năm thứ 1; Minh Hồng Vũ năm thứ 2). Mùa hạ, tháng năm, ngày mồng một, nhật thực.

Ngày 25, vua băng ở chính tẩm, miếu hiệu Dụ Tông.

Ngày vua sắp băng, vì không có con, xuống chiếu đón Nhật Lễ vào nối đại thống.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Dụ Tông bị ngã xuống nước mà bệnh[4], chẳng lẽ lại không biết là mình không có con hay sao ? Nhật Lễ là đứa làm trò, chẳng lẽ lại không biết nó không phải là con của Dục hay sao? Huống chi các con của Minh Tông đều có tài nghệ cả, nếu nghĩ tới xã tắc làm trọng thì chọn người nào có tài đức lập làm thiên tử để làm yên lòng thiên hạ, như vậy gốc nước sẽ được vững bền. Đã không biết làm như thế, đến khi ốm nặng lại không bàn với thái hoàng tính kế vì xã tắc, lại xuống chiếu gọi Nhật Lễ vào nối đại thống để cho mình bị tuyệt tự, mà sau khi chết, còn vạ lây đến thái hoàng và thái tể[5] [**29a**]. Nếu không có Nghệ Hoàng và các vị tông thất khác thì quốc gia đã không còn là của họ Trần nữa rồi. Vua biết tôn trọng thầy dạy, nhưng lại không bàn việc nước với thầy. Vì thế bậc hiền năng không nên để chỉ làm vì. Chu An đi rồi, không còn ai bảo ban vua đạo hay lẽ phải nữa. Đó thực là "không tin bậc nhân hiền thì nước trống rỗng như không có người" vậy.

Tháng 6, ngày 10, mưa to, gió lớn.

Ngày 15, Hiến Từ Hoàng thái hậu sai người đón con thứ của cố Cung Túc Đại Vương Dục là Nhật Lễ lên ngôi. Đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1.

---

[1] Tức bãi Chử Gia, sau gọi là Chử Xa, huyện Văn Giang cũ, nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

[2] Hán: là quốc hiệu của Trần Hữu Lượng. Lượng đánh nhau với Chu Nguyên Chương ở hồ Phiên Dương, bị chết trận. Chu Nguyên Chương đến vây Vũ Xương, con của Lượng là Trần Lý đầu hàng,.

[3] Đất Chiêm Động của nước Chiêm Thành bấy giờ là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Duy Xuyên, Quế Sơn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

[4] Dụ Tông chơi thuyền ở Hồ Tây, suýt chết đuối, được Trâu Canh chữa khỏi, nhưng bị chứng liệt dương (xem BK7, 10a).

[5] Thái hoàng chỉ thái hậu Hiến Từ, thái tể chỉ Nguyên Trác, làm thái tể dưới triều Nhật Lễ.

Nhật Lễ là con người làm trò tên là Dương Khương. Mẹ Nhật Lễ khi đóng trò có tên hiệu là Vương Mẫu (Trò có tích "Vương Mẫu hiến bàn đào ", Mẹ Nhật lễ đóng vai Vương Mẫu, nên lấy tên làm hiệu), đương có thai, Dục thấy nàng xinh đẹp, nên lấy làm vợ. Đến khi đẻ, Dục nhận làm con mình. Lúc này thái hậu bảo các quan rằng :

"Dục là con đích trưởng mà không được ngôi vua, lại [**29b**] sớm lìa đời. Nhật Lễ chẳng phải là con của Dục ư?".

Rồi đón Nhật Lễ lập làm vua. Truy phong cho Dục là Hoàng thái bá.

Mùa thu,tháng 8, ngày mồng 4, Nhật lễ tôn Hiến Từ hoàng thái hậu làm Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu; Nghi Thánh hoàng hậu làm Huy Từ Tá Thánh hoàng thái hậu.

Lập con gái Cung Định Vương Phủ làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, táng [Dụ Tông] ở Phụ Lăng[1].

Nhà Minh sai Ngưu Lượng, Trương Dĩ Ninh sang tặng ấn vàng và sắc rồng, gặp lúc Dụ Tông từ trần, Lượng làm bài thơ viếng rằng :

Nam phục thương sinh điện chẩn an,
Long Biên khai quốc chống chư man.
Bao mao sạ hỷ song vương cống ;
Giới lộ ninh kỳ biệt thứ quan,
Đan chiếu viễn ban kim ấn trọng ;
Hàng trường tân bí ngọc y hàn.
Thương tâm tối thị thiên triều sứ,
Dục kiến vô do lệ mãn an.

(Dân cõi Nam xa được trị an,
Long Biên mở nước giữ trăm man.
Vừa mừng lễ vật sang dâng cống,
Đâu ngỡ bi ca bỏ các quan.
Chiếu đỏ xa ban kim ấn nặng,
Chén vàng mới đậy ngọc y hàn.
Sứ trời là kẻ đau lòng nhất,
Muốn gặp, còn đâu lệ ứa tràn).

Rồi Dĩ Ninh ốm chết, chỉ có Lượng trở về nước. Hữu tướng quốc Cung Định Vương Phủ làm [**30a**] bài thơ tiễn ông ta rằng :

An Nam tể tướng bất năng thi
Không bá trà âu tống khách quỳ,
Viên tản sơn thanh, Lô thủy bích,
Tùy phong trực nhập ngũ vân phi.
(An Nam tể tướng chẳng thơ hay,
Chỉ có bình trà tiễn khách đây.
Viên tản non xanh, Lô nước biếc,
Xin bau theo gió tới năm mây).

Lượng bảo Phủ ắt sẽ làm vua. Sau quả như lời ông ta nói.

Nhật Lễ phong Hữu tướng quốc Nguyên trác làm Thượng tướng quốc thái tể.

Tháng 12, ngày 14, Nhật lễ giết Hiến Từ Tuyên Thánh Thái hoàng thái hậu ở trong cung.

---

[1] Phụ lăng: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Thái hậu vốn người nhân hậu, có nhiều công lao giúp rập [họ Trần]. Trước kia, khi Minh Tông còn ngự ở Bắc Cung, có tên gác cổng bắt được con cá bống trong giếng Nghiêm Quang, trong mồm có ngậm vật gì, moi ra thì thấy có chữ, đó là bùa yểm, có ghi các tên Dục Tông, Cung Túc, Thiên Ninh (đều là các con đẻ của Hiến Từ). Tên gác cổng cầm lá bùa tâu lên vua. Minh Tông sợ lắm, truyền bắt hết các cung nhân, bà mụ, thị tỳ trong cung để tra hỏi.

Thái hậu thưa: "Khoan đã, sợ trong đó có kẻ bị oan, thiếp xin tự mình bí mật xét hỏi đã".

[**30b**] [Minh Tông] nghe theo. Thái hậu sai người hỏi tên gác cổng rằng:

"Gần đây, phòng nào trong cung mua cá bống?". Tên gác cổng trả lời là thứ phi Triều Môn. Thái hậu nói cho Minh Tông biết. Minh Tông lập tức ra lệnh tra xét cho ra. Thái hậu tâu:

"Đây là việc trong cung, không nên để hở ra ngoài. Thứ phi Triều Môn là con gái của Cung Tĩnh Vương, nếu để hở ra thì Quan gia sẽ sinh hiềm khích với Thái úy. Thiếp xin ỉm việc này đi không xét hỏi nữa!". Minh Tông khen bà là người hiền.

Đến khi Minh Tông băng, tướng quân Trần Tông Hoắc muốn tỏ ra trung thành với Dụ Tông, thêu dệt việc đó ra, làm Thiếu úy suýt nữa bị hại, nhờ Thái hoàng cố sức cứu đỡ mới thoát. Người bấy giờ ca ngợi bà là đã trọn đạo làm mẹ, tuy là phận con đích, con thứ không giống nhau, mà lòng nhân từ thì đối với con nào cũng thế, làm cho ân nghĩa vua tôi, anh em, cha con không một chút thiếu sót, từ xưa đến nay chưa có ai được như vậy. Người xưa có nói "Nghiêu Thuấn trong nữ giới"[1], Thái hậu được liệt vào hàng [**31a**] ấy. Bà từng hối tiếc về việc lập Nhật Lễ. Nhật Lễ ngấm ngầm đánh thuốc độc giết bà.

NGHệ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ : HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là Phủ, con thứ ba của Minh Tông. Mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu, mẹ đẻ là thứ phi họ Lê của Minh Tông, em gái cùng mẹ với Hiến Từ, do con gái của Nguyễn Thánh Huấn lấy một người họ lê sinh ra. Ở ngôi năm, nhường ngôi 27 năm, thọ 74 tuổi. Vua dẹp yên được tai nạn bên trong, khôi phục được cơ đồ to lớn. Công nghiệp lớn lao, sáng lòa vũ trụ. Song cung kính kiệm ước thì có thừa mà cương nghị, quyết đoán lại không đủ, bên ngoài thì quân giặc xâm phạm kinh kỳ, bên trong thì gian thần ngấp nghé ngôi báu. Xã tắc suy mòn, rồi đến diệt vong.

Canh Tuất, [Thiệu Khánh] năm thứ 1 [1370], (từ tháng 10 trở về trước là Dương Nhật lễ, Đại Định năm thứ 2, Minh Hồng Vũ năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, vua Minh tự làm bài chúc văn, sai Diêm Nguyên Phục, đạo sĩ cung Triều Thiên, đem lễ trâu và lụa, đến tế thần núi Tản Viên và các thủy thần sông Lô.

Mùa hạ, tháng 4, Diêm Nguyên phục vào kinh đô nước ta, [**31b**] làm lễ tế xong, khắc bài văn vào đá ghi việc đó vào rồi từ biệt về nước.

Nhật Lễ tiếm vị, rượu chè dâm dật, hằng ngày chỉ rong chơi, thích các trò hát xướng, muốn đổi lại họ là Dương. Người tôn thất và các quan đều thất vọng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, thái tể Nguyên Trác cùng con là Nguyên Tiết giết Nhật Lễ không được, bị giết.

---

[1] Lời Tống Anh Tông ca ngợi Cao hoàng hậu nhà Tống, Nguyên văn: "Nữ trung nghiêu Thuấn".

Đêm hôm ấy, cha con Nguyên Trác và hai người con của công chúa Thiên Ninh[1] đem người tôn thất vào thành định giết Nhật lễ. Nhật Lễ trèo qua tường, nấp dưới cầu mới. Mọi người lùng không thấy, giải tán ra về. Khi trời sắp sáng, Nhật lễ vào cung, chia người đi bắt 18 người chủ mưu. Bọn Nguyên Trác đều bị hại.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhật Lễ tiếm ngôi trời, là người tôn thất nhà Trần lẽ nào lại có thể điềm nhiên ngồi nhìn để cho xã tắc dời sang họ khác? Lúc [**32a**] Nhật Lễ đang có tội giết thái hậu, tiếc rằng các đại thần tôn thất không biết kể tội và giết đi, mà mưu chước vụng về, lại bị nó giết hại. Đáng thương thay.

Mùa đông, tháng 10, vua vì có con gái làm hoàng hậu (của Nhật Lễ), sợ vạ lây đến mình, tránh ra trấn Đà Giang (tức Gia Hưng), ngầm hẹn với các em là Cung Tuyên Vương Kính, Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán, Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hội ở sông Đại Lại[2], phủ Thanh Hóa để dấy quân. Khi ấy, Nhật Lễ chuyên dùng thiếu úy Trần Ngô Lang mà không biết Ngô Lang đồng mưu với vua. Mỗi khi sai quân tướng đi đánh bắt, (Ngô Lang) đều bí mật bảo họ theo vua đừng về nữa. Rất nhiều lần sai các quân Nam, Bắc đi đánh, đều không một ai trở về, Ngô Lang cũng xin đi, Nhật Lễ không cho.

Trước đây, vua vốn không có ý định làm vua. Công chúa Thiên Ninh bảo :

"Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình, sao lại vứt bỏ nước cho kẻ khác ? Anh phải đi đi, em sẽ đem bọn gia nô [**32b**] dẹp nó cho!". Lúc ra đi, vua làm bài thơ gởi cho em là Kính rằng:

Vị cực sàm thân tiện thứ quan,
Trắc thân, độ lĩnh, nhập sơn man.
Thất lăng hồi thủ thiên hàng lệ,
Vạn lý môn tâm lưỡng mấn ban,
Khử Vũ đồ tồn Đường xã tắc,
An Lưu phục để Hán y quan.
Minh Tông sự nghiệm quân tu ký,
Khôi phục thần kinh chỉ nhật hoàn.
(Ngôi cả gièm nhiều mới bỏ quan,
Né thân, vượt núi, tới sơn man,
Bảy lăng[3] ngoảnh lại châu tuôn chảy,
Muôn dặm đau lòng, tóc bạc lan.
Diệt Vũ (2), giữ gìn đường xã tắc,
Phò Lưu(3) lại thấy hán y quan.
Minh Tông sự Nghiệp em nên nhớ,
Thu phục thần kinh sắp khải hoàn.)

Người bấy giờ cho bài thơ ấy là sấm.

Khi vua chưa ra đi, chi hậu nội nhân phó chưởng là Nguyễn Nhân khuyên ngài: "Người ta muốn hại ông, sao ông không xem thời cơ mà hành động trước?". Đến khi vua lên ngôi lấy Nhiên làm hành khiển, thăng làm tả tham ty chính sự. Nhiên chữ nghĩa ít, khai phê giấy tờ, vua thường bảo vẽ các nét chữ đưa cho Nguyễn Nhiên xem.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Báo cho vua tai nạn là ơn riêng, ban tước cho người tai nạn giữa triều là việc công .Vua nhớ ơn của Nguyễn Nhiên, đền đáp bằng vàng,lụa thì được, cho làm hành khiển [**33a**] là chức quan trọng thì không được. Chức hành khiển đời bấy giờ cũng như "lục khanh" đời Chu, là các quan chức điều hành chính sự của đất nước, mà lại để cho người không biết chữ làm, thì không phải là lựa chọn vì việc công vậy.

---

[1] Công chúa Thiên Ninh: là con gái Minh Tông do bà Hiến Tử sinh ra. Hai người con bà sử không nói rõ tên.

[2] Tức sông Lèn, một chi lưu của sông mã, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Bảy lăng: Là Chiêu Lăng chôn Thái Tông, Dụ Lăng chôn Thánh Tông, Đức Lăng chôn Nhân Tông, Thái Lăng chôn Anh Tông, Mục Lăng chôn Minh Tông, An Lăng chôn Hiến Tông, Phụ Lăng chôn Dụ Tông.

Tháng 11, vua cùng Cung Tuyên (vương), Thiên Ninh (công chúa) đều dẫn quân về Kinh.

Ngày 13, [Vua] đến phủ Kiến Hưng[1] (tên cũ là Hiển Khánh, hạ Nhật Lễ làm Hôn Đức công).

Ngày 15, [vua] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá. [Vua] tự xưng là Nghĩa hoàng. Mọi công việc đều theo lệ cũ đời Khai Thái[2]. Vua từng nói:

"Triều trước dựng nước, có luật pháp, chế độ riêng, không theo qui chế của nhà Tống, là vì nam Bắc, nước nào làm chủ đó, không phải bắt chước nhau. Khoảng năm Đại Trị[3], bọn học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý nghĩa sâu xa của việc lập pháp, đem phép cũ của tổ tông đổi theo tục phương Bắc cả, như về y phục, âm nhạc... thật không kể xiết".

Bởi thế, chính sự buổi đầu đều theo đúng lệ cũ đời Khai Thái.

[**33b**] Hôm ấy, chính phi của vua là Huệ Ý phu Nhân mất ở sông Hổ[4] châu Trường Yên, phủ Kiến Hưng, được truy phong là Thục Đức hoàng hậu.

Các quan dâng tôn hiệu là Thể khiên kiến cực thuần hiếu hoàng đế.

Khi (quân vua) tiến đến bến Chử Gia, tôn thất và các quan đón mừng đều hô "muôn năm", nhân đó gọi Chử Gia là xã Sơn Hô.

Ngày 21, xa giá tiến đến Đông Bộ Đầu, Ngô Lang xin Nhật Lễ mặc áo thường, nhường ngôi, xuống thuyền đón tiếp vua.

Vua bảo Nhật Lễ: "Không ngờ hôm nay sự thể đến nỗi này".

Sai giam Nhật Lễ ở phường Giang Khẩu[5].

Nhật Lễ gọi Ngô Lang vào trong màn, nói dối rằng:

"Ta có lọ vàng chôn ở trong cung, ngươi đi lấy về đây".

Ngô Lang qùy xuống vâng lệnh. Nhật Lễ bóp cổ Ngô Lang đến chết. Cháu của Ngô Lang là Trần Thế Đỗ đem việc ấy tâu vua. Vua sai đánh chết Nhật Lễ và con hắn là Liễu, đem chôn ở núi Đại Mông.

Truy tặng Ngô Lang làm nhập tư nội mã, ban tên thụy là Trung Mẫn á vương.

[**34a**] Ngày 26 trị Trần Nhật Hạch về tội lật đổ xã tắc, Nhật Hạch đồng mưu với Nhật Lễ, khuyên hắn giết hại người tôn thất, nên bị giết.

Quốc tử giám tư nghiệp Chu An mất, được truy tặng tước Văn Trinh công, ban cho tòng tự ở Văn Miếu.

An (người Thanh Đàm)[6], tính cương nghị, thẳng thắn, sửa mình trong sạch, bền giữ tiết tháo, không cầu lợi lộc. Ông ở nhà đọc sách, học vấn tinh thông, nổi tiếng gần xa, học trò đầy cửa, thường có kẻ đỗ đại khoa, vào chính phủ. Như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm hành khiển mà vẫn giữ lể học trò, khi đến thăm thầy thì lạy hỏi ở dưới giường, được nói chuyện với thầy vài câu rồi đi xa thì lấy làm mừng lắm. Kẻ nào xấu thì ông nghiêm khắc trách mắng, thậm chí la hét không cho vào. Ông là người trong sạch, thẳng thắn, nghiêm nghị, lẫm liệt đáng sợ đến như vậy đấy. Minh Tông mời ông là Quốc Tử giám tư nghiệp, dạy thái tử học. Dụ Tông ham chơi bời lười chính sự, quyền [**34b**] thần nhiều kẻ làm trái phép nước, An khuyên can, [Dụ Tông] không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là

---

[1] Phủ Kiến Hưng: đời Trần, là phủ Nghĩa Hưng thời Lê, nay là đất các huyện Vụ Bản, Nghĩa Hưng và Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[2] Khai Thái: (1342 - 1329) là niên hiệu của Trần Minh Tông.

[3] Đại Trị: (1358 - 1369) là niên hiệu của Dụ Tông.

[4] Sông Hổ: Con sông ở huyện Yên Mỗ, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[5] Tức phường Hà Khẩu sau này, ở vào khoảng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.

[6] Chu An hay Chu Văn An (1292 - 1370), quê ở thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Huyện Thanh Đàm đời Lê là huyện Thanh Trì ngày nay. Đời Lê trung hưng, vì kiêng húy Thế Tông là Đàm, mới đổi Thanhb Đàm thành Thanh Trì.

những kẻ quyền thế được vua yêu. Người bấy giờ gọi là "Thất trảm sớ". Sớ dâng lên nhưng không được trả lời, ông liền treo mũ về quê. Ông thích núi Chí Linh, bèn đến ở đấy. Khi nào có triều hội lớn thì đến kinh sư. Dụ Tông đem chính sự trao cho ông, ông từ chối không nhận. Hiến Từ thái hoàng thái hậu bảo:

"Ông ta là người không thể nào bắt làm tôi được, ta sai bảo thế nào được ông ta?".

Vua sai nội thần đem quần áo ban cho ông. Ông lạy tạ xong, liền đem cho người khác hết. Thiên hạ đều cho là bậc cao thượng. Đến khi Dụ Tông băng, quốc thống suýt mất, nghe tin các quan đến lập vua, ông mừng lắm. Chống gậy đến xin bái yết, xong lại xin trở về quê, từ chối không nhận chức gì.

Vua sai quân đến tế, ban tặng tên thụy, ít lâu sau có lệnh cho tòng tự ở Văn miếu.

> [**35a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Người hiền được dùng ở đời, thường lo người làm vua không thi hành những điều sở học của mình. Người làm vua sử dụng người hiền thường lo người hiền không theo ý muốn của mình. Cho nên, vua [sáng] tôi [hiền] gặp nhau, từ xưa vẫn là rất khó.

Những nhà nho nước Việt ta được dùng ở đời không phải không nhiều, nhưng kẻ thì chỉ nghĩ đến công danh, kẻ thì chuyên lo về phú quý, kẻ lại a dua với đời[1], kẻ chỉ cốt ăn lộc giữ thân, chưa có ai chịu để tâm đến đạo đức, suy nghĩ tới việc giúp vua nêu đức tốt, cho dân được nhờ ơn. Như Tô Hiến Thành đời Lý, chu Văn Tring đời Trần, có lẽ gần được như thế. Nhưng Hiến Thành gặp được vua (sáng suốt) cho nên công danh, sự nghiệp được thấy ngay đương thời. Văn Tring không gặp vua (anh minh) nên chính học của ông, đời sau mới thấy được. Hãy lấy Văn Trinh mà nói, thờ vua tất thẳng thắn can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý, đào tạo [**35b**] nhân tài thì công khanh đều ở cửa ông mà ra, tiết tháo cao thượng thì thiên tử cũng không thể bắt làm tôi được. Huống chi tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Ngàn năm về sau, nghe phong độ của ông, há không làm chp kẻ điêu ngoa thành liêm chính, người yếu hèn biết tự lập được hay sao? Nếu không tìm hiểu nguyên cớ, thì ai biết thụy hiệu của ông xứng đáng với con người của ông. Ông thực đáng được coi là ông tổ của các nhà nho nước Việt ta mà thờ vào Văn Miếu.

Những người khác như Trần Nguyên Đán là bậc hiền tài trong các khanh sĩ cùng họ nhà vua, tuy mang khí phách trung phẫn, nhưng bó tay bỏ mặc vận nước không biết làm sao, lánh quyền tướng quốc để mong bảo toàn gia thuộc sau khi nước đổ. Trương Hán Siêu là ông quan văn học, vượt hẳn mọi người, tuy cứng cỏi, chính trực nhưng lại chơi với kẻ không đáng chơi, gả con gái cho người không đáng gả. Họ so với Văn Trinh, [**36a**] có gì đánh kể, huống hồ những kẻ còn kém hai ông này!.

Bấy giờ nho thần Lê Quát cũng muốn làm sáng đạo thánh hiền, gạt bỏ dị đoan, nhưng rút cuộc vẫn không thực hiện được. Ông từng làm bài văn bia chùa Thiệu Phúc, thôn Bái ở Bắc Giang như sau:

"Thuyết họa phúc của nhà Phật tác động tới con người, sao mà được người ta tin theo sâu sắc và bền vững như thế? Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, thì dẫu dến hết tiền của cũng không sẻn tiếc. Nếu ngày nay gởi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như nắm được khoán ước để lấy quả báo ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thề thốt mà người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu đài chiếm dến nửa phần so với với dân cư, Đạo Phật hưng thịnh rất dễ mà được rất mực tôn sùng.

Ta thuở trẻ đọc sách, để tâm khảo xét [**36b**] xưa nay, cũng hiểu sơ sơ đạo của thánh nhân để giáo hóa dân chúng mà rốt cuộc vẫn chưa được một hương tin theo. Ta thường dạo xem sông núi, vết chân trên khắp nửa thiên hạ, đi tìm những "Học cung", "Văn miếu" mà chưa hề thấy một ngôi nào! Đó là điều khiến ta vô cùng hổ thẹn với bọn tín đồ nhà Phật. Bèn viết ra đây để tỏ lòng ta".

Tháng 12, lấy ngày sinh làm tiết Kiến Thiên.

---

[1] Dịch thoát ý từ câu "hòa quang đồng trần", nguyên là câu "hòa kỳ quang, đồng kỳ trần" (hòa chung ánh sáng, cùng chung bụi bặm) trong sách Đạo đức kinh của Lão Tử.

Tân Hợi, [Thiệu Khánh] năm thứ 2 [1371], (Minh HồngVũ năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, truy tôn mẹ sinh là nguyên phi Anh Tư làm Minh Từ hoàng thái phi.

Tháng 2 , đãi yến các qusan ở điện Thiên An, ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Phong công chúa thiên Ninh là Lạng Quốc thái trưởng công chúa, đổi tên là Quốc Hinh.

Phong người tôn thất là Sư Hiền làm Cung Chính vương, Nguyên Đán làm tư đồ, Nguyên Uyên làm phủ quân tướng quân.

Bỏ phép cắt chân bãi bồi. Xóa lệnh kiểm kê tài sản.

Trước đây, các nhà vương [**37a**] hầu, công chúa lập điền trang ở ven sông thì đất phù sa mới bồi đều thuộc về người chủ [điền trang]. Thái hậu Chiêu Từ [nhân đó] mới lập thành phép cắt chân bãi bồi (bnghĩa là cắt lấy những đất mới bồi).

Những người quyền quý chết thì tài sản đều thuộc về con cháu họ. Dụ Tông mới có lệnh kiểm kê (nghĩa là những thứ gì quý báu phải đem nộp vào nhà nước), đều là do bọn bề tôi tham lam vơ vét xui vua làm chuyện đó. Đến đây đều bãi bỏ cả.

Tháng 3 nhuận, Chiêm Thành vào cướp, từ cửa biển Đại An[1] tiến thẳng đến kinh sư. Du binh [của giặc] đến bến Thái Tổ (nay là Phục Cổ)[2]. Vua đi thuyền sang Đông Ngàn lánh chúng.

Ngày 27, giặc ùa vào thành, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái , ngọc lụa đem về.

Chiêm Thành sở dĩ sang cướp là vì mạ Nhật Lễ chạy trốn sang nước ấy, xúi giục chúng vào cướp để báo thù cho Nhật Lễ. Bấy giờ thái bình đã lâu ngày, thành quách biênm cương không có phòng bị, giặc đến không có quân nào ngăn được. Chúng đốt trụi cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vậy sạch không. Nhà nước [**37b**] từ đó sinh ra nhiều chuyện.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Không có nước địch làm mối lo bên ngoài thì nước hay bị mất, đó là điều răn từ xưa đến nay. Chiêm Thành với ta, đời đời là cừu thù, triều Trần chả lẽ lại không biết mà phòng bị trước hay sao? Chỉ vì lòng người sinh biếng trễ, phép nước bị buông lơi, đã qua nhiều năm tháng, việc phòng thủ biên cương bị triệt bỏ, nên đến nỗi ấy. Giặc vào bờ cõi mà biên thành thất thủ, giặc tới kinh đô mà cấm binh chống lại thì còn nước thế nào được! Dụ Tông vốn quen chơi bời, cố nhiên là chẳng đáng kể. Nghệ Tông thì bản thân đã trải nhiều biến cố mà không nghĩ tới việc đó, há chẳng phải là chỉ chăm lo văn nghệ mà không trông nom gì đến võ lược ư?.

Mùa hạ, tháng 4, lập em (vua) là Cung Tuyên đại vương Kính làm hoàng thái tử, soạn [**38a**] chương Hoẳng huấn ban cho. Phong vợ cả hoàng thái tử là Lê thị làm hoàng thái tử phi.

Tháng 5, lấy người họ ngoại là Lê Quý Ly làm khu mật viện đại sứ.

Hai chị em bà cô của Quý Ly, Minh Tông đều lấy làm cung nhân. Một bà sinh ra vua, đó là bà Minh Từ. Một bà sinh ra Duệ Tông, đó là bà Đôn Từ. Cho nên vua khi mới lên ngôi rất tín nhiệm Quý Ly. Lại đem em gái mới góa chồng là công chúa Huy Ninh gả cho ông ta (Huy Ninh trước là vợ của tôn thất Nhân Vinh, Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết hại).

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Vinh chết vì thù nước, Huy Ninh để tang chồng mới được 6 tháng mà vua đã đem gả cho Quý Ly. Thế là làm hỏng nhân luân bắt đầu từ vua, mà kẻ làm chồng, người làm vợ cũngkhông có nhân tâm. Phá bỏ lễ chồng vợ, đảo loạn đạo tam cương, thì làm sao mà chẳng sinh loạn?.

---

[1] Cửa Đại An: sau đổi là cửa Liêu, huyện Đại An, nay là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Hà Nam Ninh.

[2] Phường Phục Cổ: Ở khoảng phó Nguyễn Du, Hà Nội hiện nay. Nếu đời Trần ở đó có bến thì chắc là có một nah1nh sông Hồng chảy qua đó, nối với hồ Thuyền Quang.

[**38b**] Xuống chiếu rằng xây dựng cung thất cốt sao cho giản dị, mộc mạc, chỉ lấy các tản quan tôn thất phục dịch, không phiền nhiễu đến dân.

Mùa thu, tháng 8, sai Lê Quý Ly đi Nghệ An để chiêu tập dân chúng, vỗ yên nơi biên giới.

Tháng 9, gia phong Lê Quý Ly làm Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Mùa đông, tháng 10, lấy tu sử Phan Nghĩa làm Lễ bộ lang trung, soạn định Quốc triều thông chế và các lễ nghi.

Ra lệnh cho những người có chức tước phải khai báo để làm thành sổ sách. Nhưng dân gian giả dối quá lắm, lấy không làm có rất nhiều.

Tháng 12, truy phong mẹ sinh hoàng thái tử là Sung Viên[1] Lê thị làm Quang Hiến thần phi.

Nhâm Tý, [Thiệu Khánh] năm thứ 3 [1372], (Minh HồngVũ năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xét công lao của các quan văn võ.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Đỗ Tử Bình làm hành khiển, tham mưu quân sự.

Tháng 5, lấy Nguyễn Nhiên kiêm [**39a**] chức tri Khu mật viện chánh chưởng; Hồ Tông Thốc làm Hàn lâm viện học sĩ, lấy người Hoá Châu là Hồ Long làm tri châu Hóa Châu.

Mùa thu, tháng 7, ban cho quan phủ Lâm Bình là Phạm A Song tước minh tự.

Tháng 8, xuống chiếu cho các lộ làm đơn số (là sổ hộ tịch).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thiên Trường, sửa lại miếu thờ ở các lăng.

Tháng 11, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Kính. Kính lên ngôi hoàng đế. Đại xá. [Vua tự] xưng là Khâm hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Kế thiên ứng vận nhân minh khâm hhoàng đế.

Truy tôn mẹ sinh là Quang Hiến thần phi làm Đôn Từ hoàng thái phi.

Phong bà phi họ Lê làm Hiển Trinh thần phi.

Lúc vua mới lên ngôi, thượng hoàng làm bài Đế Châm 150 chữ ban cho vua.

Ban tặng chi thiếu phó Trương Hán Siêu được tòng tự ở miếu Khổng Tử.

> [**39b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ hoàng ban cho Hán Siêu được tòng tự ở Văn Miếu vì ông ta hay bài xích dị đoan chăng? Hình như vậy. Nhưng xét ra ông ta là người cậy tài, kiêu ngạo. Thhời Minh Tông, Hán Siêu làm hành khiển, khinh bỉ người cùng hàng, đến nỗi vu cho Phạm Ngộ, Lê Duy nhận hối lộ. Khi đuối lý bị phạt, còn nói với người khác: "Đã được chúa thượng tin dùng, đâu ngờ có chuyện xét hỏi lại", thì thực là bằng chứng của thói kiêu ngạo, keo bẩn đấy. Khổng Tử nói: "Dẫu tài giỏi đến như Chu Công mà kiêu ngạo và keo bẩn thì những gì còn lại cũng chẳng ra sao!". Tôi nghĩ Hán Siêu hiền tài nếu có thiêng, hẳn không dám dự thờ ở miếu Khổng Tử.

Duệ TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Kính, con thứ 11 của Minh Tông, em Nghệ Tông. Mẹ là Đôn Từ hoàng thái phi. Sinh năm Đinh Sửu, Khai Hựu năm thứ 9 (1337), tháng 6, ngày mồng 2. Khi Nghệ Tông lánh nạn, quân lính, khí giới đều là công sức của vua cả, vì thế (Nghệ Tông) đem nhường ngôi cho. Vua ở ngôi 4 năm, thọ 41 tuổi. [40a] Vua ương gàn cố chấp, không nghe lời can, khing thường quân giặc, nên mang họa vào thân chứ không phải là do bất hạnh.

[1] Sung Viên: một bậc cung tần.

Quý Sửu, [Long Khánh] năm thứ 1 [1337], (Minh Hồng Vũ năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng1, đổi niên hiệu.

Tôn thượng hoàng làm Quang hoa anh triết thái thượng hoàng đế. Truy tôn Thục Từ hoàng hậu làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bà hậu của Trần Thái Tổ[1] có tên hiệu là Thuận Từ. Những người bàn đặt tên thụy hồi đó không cho là sai chăng? Hay cho là thế đại đã lâu rồi mà cứ đặt nhhư thế? [Nếu vậy thì] ý nghĩa tìm về nguồn cội sẽ ra làm sao? Tiên vương theo lòng người mà đặt lễ nghi. Bàn đặt tên thụy của thái hậu lại trùng với tên thụy của bà cụ tổ thì lòng người có yên được không? Trái lẽ quá lắm!.

[**40b**] Tháng 2, lập sổ danh sách các quan văn võ.

Sách phong nguyên phi Lê thị làm Gia Từ hoàng hậu.

Tháng 3, phong con trưởng là Vĩ làm Chương Vũ đại vương (14 tuổi), định lập làm hoàng thái tử, nhưng lên nhọt độc rồi chết.

Mùa hạ, tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Tề Thiên.

Mùa thu, tháng 8, định việc bổ sung quân ngũ, đóng sửa thuyền chiến để chuẩn bị đánh Chiêm Thành.

Ra lệnh cho quân và dân nộp thuế cho nhà nước, (người nộp được) ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Thi lại viên bổ làm nội lệnh sử duyệt lại.

Mùa đông, tháng 12, xuống chiếu nói việc vua thân đi đánh Chiêm Thành.

Năm ấy, giặc cướp đua nhau nổi dậy.

Giáp Dần, [Long Khánh] năm thứ 2 [1347], (Minh Hồng Vũ năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng về ở cung Trùng Hoa, phủ Thiên Trường.

[Tổ chức] thi đình cho các tiến sĩ. Ban cho Đào Sư Tích đỗ trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đỗ bảng nhãn, Trần Đình Thám đỗ thám hoa, bọn La Tu đỗ hoàng giáp cập đệ và đồng cập đệ.

Tất cả đều được ban yến và áo xếp, cho quan chức theo thứ bậc [**41a**] khác nhau.

Dẫn ba vị đỗ đầu đi chơi phố 3 ngày.

Theo lệ cũ: thái học sinh 7 năm thi 1 lần, chỉ lấy 30 ngườ thôi. Thi trạng nguyên thì không có lệ định sẳn. Nhưng thuộc quan ở tam quán, thái học sinh, thị phần học sinh, tướng phủ học sinh và những người có tước phẩm đều được vào thi cả.

Tháng 3, xuống chiếu cho Thanh Hóa, Nghệ An đào kênh đến cửa biển Hà Hoa[2].

Mùa hạ, tháng 5, tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 8, chọn dân đinh bổ sung quân ngũ. Hạng nhất sung vào Lan Đô rồi đến hạng nhì, hạng ba. Người thấp bé nhưng nhanh nhẹn, can đảm cũng được sung vào hạng trên.

Trước đây, quân túc vệ có các quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần, sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Ý Yên, Thiên Trường, Bắc Giang, Điện Hậu, Long Tiệp. Những quân này xâm ba chữ đen lên trán. Quân thị vệ thì xâm trán. Các quân Hoa Ngạch, Tả Ban, Hữu Ban và quân Thanh Hóa, Nghệ An, Hóa Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều [**41b**] đặt quân hiệu, có đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu.

---

[1] Tức Trần Thừa, cha của Trần Thái Tông (Trần Cảnh).

[2] Tức cửa khẩu, ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Mùa đông, tháng 10, định ngạch tụng quan. Đặt 6 cục Cận thị chi hậu, lấy vương hầu và tôn thất làm chánh chưởng. 800 người làm thị vệ trong các chi hậu do phán thủ trông coi đều đội mũ bồn hoa.

Xuống chiếu cho quân và dân không được mặc áo, chải đầu theo người phương Bắc và bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào.

Ất Mão, [Long Khánh] năm thứ 3 [1375], (Minh Hồng Vũ năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Khu mât viện đại sứ Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Xuống chiếu chọn các quan viên biết luyện tập võ nghệ, thông hiểu thao lược, thì không cứ là người tôn thất, đều cho làm tướng coi quân.

Đổi châu Diễn thành lộ Diễn Châu, châu Hoan thành các lộ Nhật Nam, Nghệ An nam, bắc, trung. Đổi Lâm Bình thành phủ Tân Bình[1]. Sai Đào Lực Đinh và Hà Tử Công đốc suất người Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình đắp sửa đường sá từ Cửu Chân[2] đến Hà Hoa[3], [**42a**] 3 tháng thì xong.

Mùa hạ, tháng 6, sao Kim hiện ban ngày.

Mùa thu, tháng 8, làm sổ quân, thải bớt người già yếu, lấy người mạnh khoẻ bổ sung vào. Những người làm thuê của các hộ, xá[4] Thanh Hóa, Nghệ An đều phải sung vào quân ngũ.

Xuống chiếu cho những người giàu ở các lộ đem dâng thóc. (Người dâng thóc) được ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, đem công chúa Trang Huy gả cho Nguyên Dận là con trai Cung Chính Vương.

Sách phong con gái của thái bảo Trần Liêu làm phi.

Mùa đông, tháng 10, lấy Thúc Ngạn, con trai của thượng hoàng làm tư đồ coi trấn Thái Nguyên; tư đồ Nguyên Đán coi việc quân trấn Quảng Oai.

Bính Thìn, [Long Khánh] năm thứ 4 [1376], (Minh Hồng Vũ năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, gả công chúa Tuyên Huy cho quan phục đại vương Húc (con của thượng hoàng). Thượng hoàng thân đi đón dâu.

(Xét: Quan phục không phải là tước hiệu được phong. Có lẽ khi ấy Húc được phong tước, được ban mũ áo đại vương (đại vương quan phục) như Cung Giản vương được truy tặng mũ áo đại vương.

> [**42b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua tôi, cha con, chồng vợ là ba giềng mối, đạo nhân luân không gì lớn hơn thế. Đã gọi là giềng mối thì sao được làm rối loạn? Lễ của tiên vương thường thận trọng cả đến việc nhỏ, huống chi lại là việc lớn.
>
> Lễ rước dâu là nghi tiết lớn trong lễ cưới. Duệ Tông đem công chúa Tuyên Huy gả cho quan phục thì người đón dâu phải là người chồng. Nghệ Tông lại tự mình đi đón thay cho con thì đạo tam cương đã rối loạn rồi! Quan phục sau không được trọn vẹn[5], điềm gở đã hiện ra ở đó rồi. Người làm vua, làm cha há chẳng nên thận trọng sao? Vả lại lễ cốt để tránh hiềm nghi. Làm vua, làm cha mà đi đón vợ của con là mối hiềm nghi lớn lắm. Việc ấy mà không thận trọng thì các việc khác cũng có thể biết được.

---

[1] Phủ Tân Bình: thời Trần, mà trước đó gọi là phủ Lâm Bình, có lẽ tương đương với phủ Tân Bình thời Lê sau này (nghĩa là gồm cả đất hai châu Minh Linh và Bố Chính thời Lý). Nếu đúng vậy, phủ Lâm Bình hay Tân Bình thời Trần bao gồm vùng đất các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Lệ Ninh, Tuyên Hóa, Bến Hải tỉnh Quảng Bình ngày nay, trong khi châu Lâm Bình thời Lý chỉ gồm đất huyện Lệ Ninh ngày nay.

[2] Cửu Chân: chỉ vùng Thanh Hóa.

[3] Hà Hoa: đất các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

[4] Hộ, xá: những người không có tên trong sổ hộ tịch, đi làm thuê lấy tiền công, họp thành các ộ, các xá.

[5] Húc sau bị Phế đế giết vào năm Xương Phù thứ 5 (1381).

Mùa hạ, tháng 4, định lại quy chế về thuyền, xe, kiệu, lọng, nghi trượng quần áo, vì lẽ sắp làm lễ hội thề.

Tháng 5, Chiêm Thành đến cướp Hóa Châu.

Tháng 6, xuống chiếu cho các quân sắm sửa [**43a**] khí giới, thuyền chiến để chuẩn bị việc thân chinh Chiêm Thành.

Mùa thu, tháng 7, ngự sử trung tán Lê Tích dâng sớ can rằng:

"Binh đao là đồ huhng khí, không nên tự mình gây ra. Huống chi ngày nay vừa mới dẹp được giặc trong nước, thế như cái nhọt lâu năm chưa khỏi, chúa không nên vì mối tức giận riêng mà dấy quân, tướng không thể cầu công mà đánh liều. Dù Chiêm Thành không có lòng thần phục[1] cũng chỉ nên sai tướng đi đánh để chờ trời diệt chúng, còn xa giá thân chinh thì thần trộm nghĩ là không nên".

Vua không nghe.

Tháng 8, xuống chiếu cho quân dân Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu chở 5 vạn hôc lương tới Hóa Châu.

Mùa đông, tháng 10, đại duyệt quân thủy, bộ ở bãi cát sông Bạch Hạc. Hai vua đích thân làm tướng.

Tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh sư. Đến bến sông xã Bát[2], có người làng làm lễ đám ma, vua truyền phạt 30 quan [**43b**] tiền. Sai Lê Quý Ly đốc thúc Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa chở lương cấp cho quân.

Trước đây, chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga quấy rối biên giới, vua sai han2h khiển Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ Hóa Châu. Bồng Nga đem 10 mâm vàng dâng lên [vua]. Tử Bình ỉm đi, cướp làm của mình, nối dối là Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, nên đem quân đánh. Vua giận lắm, quyết ý thân chinh. Bấy giờ quan quân đến cửa biển Di Luân[3], các quân vượt biển mà tiến. Vua cưỡi ngựa dẫn quân bộ, men theo bờ biển, đến cửa biển Nhật Lệ[4] đóng quân lại, luyện tập trong một tháng. Người Tân Bình, Thuận Hóa bắt được người Chiêm trốn sang, đem đến dâng nộp.

Đinh Tỵ, [Long Khánh] năm thứ 5 [1377], (từ tháng 5 trở đi là Phế Đế năm Xương Phù thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đại quân tiến đến cửa Thi Nại[5] của Chiêm Thành, lên đến Thạch Kiều, đóng ở động _ Mang.

Bồng Nga dựng [**44a**] trại bên ngoại thành Đồ Bàn[6], sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma đến trá hàng, nối dối là Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ còn lại thành không, nên tiến quân gấp, đừng để lỡ cơ hội.

Ngày 24, vua mặc áo đen, cưỡi ngựa nê thông[7], sai Ngự Câu vương Húc mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng, kíp truyền lệnh tiến quân.

Đại tướng Đỗ Lễ can rằng:

"Nó đã chịu hàng, là muốn bảo toàn dất nước làm đầu. Quan quân vào sâu đánh phá thành giặc là việc bất đắc dĩ. Xin hãy sai một biện sĩ cầm mảnh thư đến hỏi tội, để xem tình hình hư thực của giặc, như kế sách của hàn Tín phá nước Yên ngày trước, không phải khó nhọc mà thành công. Cổ nhân có nói: "Lòng giặc khó lường". Thần xin bệ hạ hãy xét kỷ lại".

[1] Nguyên văn "vô thần thiếp chi tâm", chúng tôi cho là có lẽ bản khắc in đã lầm chữ "phục" thành chữ "thiếp".

[2] Có lẽ là xã Bát Tràng, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay.

[3] Di Luân: tức cửa Ròn, ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[4] Tức cửa sông Nhật Lệ ở Đồng Hới, thuộc tỉnh Quảng Bình.

[5] Nguyên văn: "Thi Nại Hồn cảng khẩu", chữ "Hồn" có lẽ là thừa. Cửa Thi Nại nay là cảng Quy Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định.

[6] Đồ Bàn: hay Chà Bàn, là kinh đô của nước Chiêm Thành hồi đó. Dấu vết của thành ngày nay vẫn còn ở Bình Định.

[7] Ngựa nê thông: ngựa lông sắc trắng, sắc đen chen nhau như màu bùn.

Vua nói:

"Ta mình mặc giáp cứng, tay mang gươm sắc, dãi gió dầm mưa, lội sông trèo núi, vào sâu trong đất giặc, không ai dám đươngđầu với ta. Thế là cái aơ trời giúp cho ta đó. Huống chi nay chúa giặc nghe tin đã chạy trốn, không còn lòng dạ đánh nhau. Cổ nhân [**44b**] nói: "Dùng binh quý thần tốc". Nay nếu dừng lại không tiến, thì thực là trời cho mà không lấy, để nó lại cơ mưu khác thì hối sao kịp. Ngươi chính là hạng đàn bà".

Rồi sai lấy áo đàn bà mặc cho Lễ. Quân lính bèn nối gót nhau như xâu cá mà đi. Cánh quân đi trước và cánh quân ở sau hoàn toàn cách biệt. Giặc thừa thế xông ra đánh chặn.

Giờ Tỵ, quan quân tan vỡ. Vua bị hãm trong trận mà chết. Bọn đại tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển Phạm Huyền Linh đều chết cả. Giặc bắt sống được Ngự Câu vương, đem con gái gả cho[1]. Đỗ Tử Bình chỉ huy hậu quân, không đến cứu nên thoát chết. Lê Quý Ly đốc quân chở lương, nghe tin vua băng, bỏ trốn về nước.

Ngày hôm ấy ở kinh sư, ban ngày mà trời tối om, chợ búa phải đốt đuốc để mua bán. Xe cũi chở Tử Bình về qua Thiên Trường, người ta lấy gạch ngói ném vào thuyền mà chửi hắn[2]. Quân trở về, trị tội Tử Bình, tha cho hắn tội chết, phạt tội đồ làm lính. Trước đây, ngự sử đại phu Trương Đỗ (có sách chép là Xã) can vua rằng:

"Chiêm Thành chống lệnh, [**45a**] tội cũng chưa đáng phải giết. Song nó ở tận cõi tây xa xôi, núi sông hiểm trở. Nay bệ hạ vừa mới lên ngôi, đức chính, giáo hóa chưa thấm nhuần được tới phương xa, nên sửa sang văn đức khiến nó tự đến thuần phục. Nếu nó không theo, sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn".

Đỗ ba lần dâng sớ can vua không được, bèn treo mũ mà bỏ đi.

Đỗ là người thanh liêm, thẳng thắn, không bè đảng, phóng khoáng, có chí lớn. khi còn nhỏ, có lần ông đi chơi Hồ Tây xem tướng quân tập bắn, nói đùa rằng: "Nghề này thì có khó gì?". Tướng quân ngạc nhiên hỏi: "Mày có bắn trúng được không?". Ông trả lời: "Xin thử xem". Rồi ông bắn ba phát trúng cả ba. Tướng quân rất kinh ngạc, muốn nuôi làm con, nhưng Đỗ coi khinh không theo. Sau ông bỏ nhà đi du học, thi đỗ tiến sĩ, rất nổi danh. Ông làm quan trong sạch, nghèo túng, không gầy dựng điền sản, con cháu nối đời làm quan cũng có tiếng nghèo mà trong sạch.

Đỗ người Phù Đái, huyện Đồng Lại[3], ngụ tại phường Nghi Tàm, Cơ Xá ở kinh thành, làm quan đến chức Ngự sử đài tư gián đình úy tự khanh trung đô phủ tổng quản rồi chết.

> [45b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trương Đỗ khi làm quan thì không giấu lời nói thẳng, thế là đã xứng đáng với chức vụ của mình, khi can thì nói tới ba lần, thế là đã dám chạm đến vua. Vậy mà ông không được vua nghe, thế là tâm trí nhà vua đã lẫn rồi! Người có ttrách nhiệm phải nói, không được nghe theo thì bỏ đi, thế là sự tiến lui của Đỗ đều đã hợp lẽ phải vậy. Tuy lời nói thẳng thường trái tai vua, nhưng lại hay lợi cho thân vua. Việc này có thể làm gương được.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 13, thượng hoàng vì thấy vua chết vì nạn nước, mới lập con trưởng của vua là Kiến Đức đại vương Hiện nối nghiệp lên ngôi hoàng đế. [Vua] tự xưng là Giản Hoàng, đổi niên hiệu là Xương Phù năm thứ 1. Đại xá. Các quan dâng tôn hiệu là Hiến thiên thể đạo khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Tháng 6, ngày 11, Chiêm Thành vào cướp.

---

[1] Theo CMCB 10, 41, thì Ngự Câu vương Húc đầu hàng giặc.

[2] Theo CMCB 10, 41, thượng hoàng sai đem xe tù đi bắt Tử Bình. Khi về qua phủ Thiên Trường, người ta tranh nhau chửi hắn, lấy gạch ngói ném vào xe hắn.

[3] Huyện Đồng Lại: sau là huyện Vĩnh Lại, tức là đất huyện NInh Giang cũ, nay thuộc huyện ninh Giang tỉnh Hải Hưng và phần đất phía nam huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Đầu tiên thượng hoàng nghe tin giặc đến, sai trấn quốc tướng quân Cung Chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết [ở đó] có phòngbị, mới từ cửa biển Thiên Phù[1] [**46a**] mà vào, rồi tiến thẳng đến kinh sư. Ngày 12, giặc lại dẫn quân về, ra cửa biển Đại An[2] bọ bão, chết đuối rất nhiều.

Mùa thu, tháng 9, sách phong con gái thượng hoàng là Thiên Huy công chúa Thục Mỹ làm hoàng hậu, hiệu là Quang Loan.

Chiêu hồn (của Duệ Tông) chôn ở Hy Lăng, miếu hiệu là Duệ Tông.

Sai Trần Đình Thám sang cáo phó với nước Minh, nói là Duệ Tông đi tuần biên giới bị chết đuối và báo tin lập vua nối ngôi. Người Minh từ chối, lấy cớ là có ba thứ chết không có lễ viếng là chết vì sợ, chết vì bị đè, chết đuối. Đình Thám cãi lại, cho là người Chiêm gây loạn quấy nhiễu biên cương, còn Duệ Tông có công chống nạn cứu dân sao lại không viếng. Bấy giờ vua Minh đang có âm mưu thôn tính nước ta, định lợi dụng sơ hở đó. Thái sư Lý Thiện Trường can rằng:

"Em chết vì nạn nước mà anh lập con của em lên, xem việc người như vậy, thì có thể biết được mệnh trời". Việc ấy bèn bỏ đi.

Đình Thám từ tiến sĩ thám hoa lang, trải làm trung thư thị lang, kiêm [**46b**] tri thẩm hình viện sự. Họ Hồ cướp nước, ông giả điếc, bị trung thừa là Đồng Thức hặc, phải giáng làm đồng giám tu quốc sử bí thư giám.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kẻ sĩ lúc bé di học, là muốn biết những điều mình sẽ làm, lớn lên đi làm, là làm những điều mình đã học. "Học ba trăm bài thơ trong Kinh Thi, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua[3]. Đình Thám được như vậy đó. Huống chi gặp thời buổi tiếm vị, cướp ngôi, lại biết tự giấu mình để tránh quyền vị, thì thực đáng gọi là kẻ sĩ, đáng coi là không phụ với học vấn của mình vậy!.

[1] CMCB 10 chép là cửa Trần Phù, tức cửa Thần Đầu trước kia.

[2] Nguyên văn: "... hoàn xuất Đại hải khẩu", thiếu chữ "An"

[3] Lời của Khổng Tử trong "Luận ngữ".

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VIII

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Phế Đế

Tên húy là Hiện, con trưởng của Duệ Tông, mẹ là bà Gia Từ hoàng hậu Lê thị, sinh ngày mồng 6 tháng 3, năm Đại Trị thứ 4, Tân Sửu (1361), đến khi Duệ Tông đi đánh phương Nam rồi mất, được Nghệ Tông lập nên làm vua. Sau bị giáng làm Linh Đức Vương, rồi bị thắt cổ chết. Ở ngôi 12 năm, thọ 28 tuổi, chôn ở núi An Bài.

Vua u mê, nhu nhược, không làm nổi việc gì, uy quyền ngày càng về tay kẻ dưới[1], xã tắc lung lay, đến thân mình cũng không giữ được. Thương thay!

Mậu Ngọ, Xương Phù năm thứ 2 [1378], (Minh Hồng Vũ năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển chọn vệ sĩ. [Lấy] Trần Tông Ngoạn quản quân Thiên Đinh; Trần Trung Hiếu coi quân Bảo Tiệp; Trần Thế Đăng coi quân Thần Dực; Bùi Bá Ngang coi quân Thần Sách; Bùi Hấp coi quân Thiên Uy; Hoàng Phụng Thế coi quân Thánh Dực; Lê Mật Ôn coi quân Hoa Ngạch; Đỗ Dã Ca coi quân Thị Vệ; Nguyễn Tiểu Luật **[1b]** coi quân Thiên Trường; Trần Na coi quân Long Tiệp; Nguyễn Kim Ngao coi quân Thần Vũ.

Tháng 3, lấy ngày sinh làm tiết Quang Thiên.

Xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí và thuyền chiến.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 5, người Chiêm đưa Ngự Câu Vương Húc đã đầu hàng đến cướp phủ Nghệ An, tiếm xưng vị hiệu để chiêu dụ dân chúng, nhiều người theo lệnh của bọn ngụy.

Tháng 6, giặc đánh vào sông Đại Hoàng[2] Vua sai Hành khiển Đỗ Tử Bình đi chống giữ. Quan quân tan vỡ. Giặc liền đánh vào kinh sư, bắt người cướp của rồi rút về. An phủ sứ Lê Giốc bị giặc bắt. Giặc buộc Giốc phải lạy, Giốc trả lời chúng:

"Ta là quan của nước lớn, sao phải lạy chúng mày!".

Giặc nổi giận, giết ông. Giốc luôn miệng chửi chúng. Việc này tâu lên, Giốc được truy phong là Mạ Tặc Trung Vũ hầu[3], cho con ông là Nhuế làm Chánh chưởng bốn cục Cận thị chi hậu, Giốc là con của cố Nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật Lê Quát.

> [2a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bỏ sống để giữ nghĩa còn hơn là sống; cầu sống mà nhục, người quân tử không làm. Kinh dịch nói: Người quân tử thà hy sinh tính mạng để thực hiện chí hướng của mình[4]. Giốc là người như vậy.

---

[1] Chỉ Hồ Quý Ly.

[2] Xem chú thích Tập I, BK1, 24b.

[3] Nghĩa là "Trung Vũ Hầu chửi giặc".

[4] LờI Tượng của quẻ Khôn trong Kinh Dịch. Nguyên văn "trí mệnh toại chí".

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đỗ Tử Bình kiến nghị thu mỗi hộ đinh nam 3 quan tiền. Vua nghe theo. Bấy giờ đương có việc dùng binh mà kho tàng trống rỗng, nên Tử Bình có kiến nghị này.

Theo lệ cũ, các trấn hễ có việc binh thì lệnh cho mỗi huyện có bao nhiêu ruộng thì phải nộp bao nhiêu vàng, bạc, tiền, lụa, không tính thêm theo số nhân đinh[1] sinh ra, cũng không trừ bớt theo số người đã chết. Nếu phục dịch việc binh, thì đều thu bổ theo số ruộng cả. Các lộ có đơn binh[2], là phải phục dịch việc binh, [những người này] đời đời làm **[2b]** lính, không được ra làm quan. Người nào có ruộng, bãi dâu, đầm cá thì phải đóng thuế, không có thì thôi. Đến đây, Tử Bình bắt chước phép đánh thuế dung[3] của nhà Đường, thuế má lại nặng thêm.

Mùa đông, tháng 10, lựa chọn những người khoẻ mạnh, dũng cảm, thông hiểu võ nghệ trong các vệ quân sung làm vệ sĩ.

Lấy Nguyễn Bát Sách, người cùng một vú nuôi với nhà vua quản lĩnh quân Thiếu Sang; Nguyễn Văn Nhi quản lĩnh quân Thiết Sang; Nguyễn Văn Nhi quản lĩnh quân Thiết Giáp; Nguyễn Hổ, Lê Lặc quản lĩnh quân Thiết Liêm; Nguyễn Thánh Du quản lĩnh quân Thiết Hổ; Trần Quốc Hưng quản lĩnh quân Ô Đồ.

Năm nay, con của Thượng hoàng là Ngung sinh (tức là Thuận Tông).

Kỷ Mùi, [Xương Phù] năm thứ 3 [1379], (Minh Hồng Vũ năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Lê Quý Ly làm Tiểu tư không kiêm Hành khu mật đại sứ như cũ.

Quý Ly tiến cử Nguyễn Đa Phương làm tướng quân. Đa Phương là con của Sư Tề. Quý Ly hồi nhỏ theo học Sư Tề, Sư Tề dạy cho võ [**3a**] nghệ, nhân đó nhận Đa Phương làm em. Đa Phương từng bị Chiêm Thành bắt, sau đó trốn về. Đến đây, Quý Ly tiến cử ông ta. Lại có chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận giỏi bày mưu tính kế, Quý Ly tiến cử làm quyền đô sự. Người bấy giờ bảo Quý Ly có "phương viên tá lự[4].

Mùa hạ, hạn hán, đói to.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Bồ, ngưi lộ Bắc Giang tự xưng là Đường lang tử y, dùng pháp thuật, tiếm hiệu xưng vương làm loạn, bị giết.

Tháng 9, sai quân dân chở tiền đồng giấu vào núi Thiên Kiện[5] (núi Thiên Kiện trước gọi là núi Địa Cận, tục truyền có cây tùng cổ, rồng quấn ở trên, Trần Thái Tông dựng hành cung ở đó).

Mùa đông, tháng 10, giấu [tiền] ở khám[6] Khả Lãng, Lạng Sơn, là vì sợ nạn người Chiêm đốt cung điện.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên tử có cả bốn biển, kho tàng phủ khố đâu chẳng phải là [**3b**] của mình? Đương khi nước nhà nhàn hạ thì làm tỏ chính hình, sửa sang lễ nghĩa, ví như con chim đi lấy rễ dâu ràng buộc cửa tổ[7], thì ai làm nhục mình được? Thế mà sợ tai nạn Chiêm Thành đốt cướp, đem chở tiền của giấu tận hang cùng núi thẳm, làm kế tránh giặc, thực là nhử giặc đến, chuốc lấy tiếng chê cười của đời sau. Có thể coi là cả nước không còn người nữa vậy!.

---

[1] Nguyên văn là "nhân binh", ngờ là khắc lầm.

[2] Binh lính ghi trong sổ binh.

[3] Thuế dung: hay thuế đinh, tức là thuế thân. Hồi đầu đời Trần dẫu có thuế đinh nhưng chỉ ngườI có ruộng mớI phải đóng. Đến đây, không cứ có ruộng hay không, đều phải đóng cả, chỉ binh lính mới được miễn.

[4] Giúp mưu kế cho được vuông tròn. "Phương" (chỉ Đa Phương) có nghĩa là "vuông", "viên" là "tròn" chỉ Cự Luận. Luận âm đọc gần với luân, có nghĩa là "tròn". "Phương viên tá lự" còn có nghĩa Đa Phương và Cự Luận bày giúp mưu kế.

[5] Xem Trần Dụ Tông, Đại Trị năm thứ 5, BK7.

[6] Khám: là tần dướI của tháp chùa.

[7] Nguyên văn: "Triệt bỉ tang đồ, trù mâu hộ dũ", là câu trong một bài thơ của Kinh Thi, ý nói phải đề phòng sự biến lúc chưa xảy ra.

Hữu tướng quốc Cung Tín Vương Thiên Trạch mất.

Canh Thân, [Xương Phù] năm thứ 4 [1380], (Minh Hồng Vũ năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, người Chiêm xúi giục người Tân Bình, Thuận Hóa ra cướp Nghệ An, Diễn Châu, cướp của bắt người.

Tháng 3, [Chiêm Thành lại] cướp các nơi ở Thanh Hóa. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly chỉ huy quân thủy, Đỗ Tử Bình chỉ huy quân bộ đi chống giữ. Đến Ngu **[4a]** Giang[1], đóng cọc ở giữa sông cầm cự với người Chiêm.

Mùa hạ, tháng 5, Quý Ly dẫn viên tướng chỉ huy quân Thần Vũ và Nguyễn Kim Ngao và tướng chỉ huy quân Thị vệ là Đỗ Dã Kha ra đánh. Kim Ngao quay thuyền trở lại để tránh mũi nhọn của giặc. Quý Ly chém Ngao để rao trong quân. Các quân nổi trống hò reo mà tiến. Chúa Chiêm Chế Bồng Nga thua trận rút chạy Tử Bình từ đó cáo ốm, không giữ binh quyền nữa. Chỉ còn Quý Ly chuyên lãnh chức Nguyên nhung hành Hải Tây đô thống chế[2].

Mùa đông, tháng 11, lấy Đỗ Tử Bình làm Nhập nội hành khiển tả tham tri chính sự, lĩnh chức Kinh lược sứ Lạng Giang, được vài năm thì chết, được truy tặng Thiếu bảo, và được tòng tự ở Văn Miếu.

> Phan Phu Tiên nói: Bậc danh nho các đời có bài trừ được dị đoan, truyền giữ được đạo thống thì mới được tòng tự ở Văn Miếu, thế là để tỏ rõ đạo học có ngọn nguồn. Nghệ Tông cho Chu An [**4b**], Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình được dự vào đó, thì Hán Siêu là người cứng cỏi, bài xích đạo Phật, An sửa mình trong sạch, bền giữ khí tiết, không cầu hiển đạt, thì cũng tạm được. Đến như Tử Bình là hạng học nhảm chiều người, tham lam bòn vét, là kẻ gian thần hại nước, sao lại được len vào chổ đó?
>
> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tử Bình lén đánh cắp vàng cống của Bồng Nga, tâu bậy lừa vua, để đến nỗi Duệ Tông đi tuần phương nam không trở về nữa, nước nhà từ đó liên tiếp có tai họa Chiêm Thành vào cướp, tội ấy giết cũng chưa đáng, còn học nhảm chiều người thì chê trách làm gì?

Tân Dậu, [Xương Phù] năm thứ 5 [1381], (Minh Hồng Vũ năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, thi thái học sinh.

Tháng 2, sai quốc sư Đại Than[3] đốc suất tăng nhân trong nước và các tăng nhân không có độ điệp ở rừng núi, người nào khỏe mạnh thì tạm **[5a]** làm quân đi đánh Chiêm Thành.

Mùa hạ, tháng 4, chém Hồ Thuật người Diễn Châu, vì nhân giặc Chiêm Thành, Thuật rủ người đi cướp của.

Tháng 5, lấy Đào Sư Tích làm Nhập nội hành khiển hữu ly lang trung, Toàn Bân, cha Sư Tích, làm tri Thẩm hình viện sự.

Tháng 6, rước thần tượng các lăng ở Quắc Hương[4], Thái Đường[5], Long Hưng, Kiến Xương đưa về lăng lớn ở Yên Sinh để tránh [nạn] người Chiêm Thành vào cướp.

Mùa thu, tháng 9, lấy Nguyễn Nhiên làm Nhập nội hành khiển hữu ty. Nhiên người Tiên Du. Trong năm Thiên Khánh[6] làm Chi hậu nội nhân, biết Nhật Lễ định giết hại họ Trần, mật báo cho Thượng hoàng. Đến đây, Thượng hoàng nhớ công ấy, nên trao cho ông chức đó.

---

[1] Sông Ngu: là một nhánh sông Mã, nay là sông Lạch Trường ở huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa.

[2] Hải Tây: là vùng đất suốt, từ Thanh Hóa trở vào đến Thuận Hóa. Đến đờI Lê (1428) có đặt đạo Hải Tây (Hải Tây đạo).

[3] Đại Than: là tên xã thuộc huyện Gia Bình cũ, nay thuộc huyện Gia Lương tỉnh Hà Bắc.

[4] Quắc Hương: thuộc huyện Mỹ Lộc, Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[5] Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[6] Nên sửa lại là Thiệu Khánh (1370-1372) Toàn thư: Tháng 10 (năm 1370), vua... tránh ra trấn Đà Giang... ; còn Thiên Khánh là niên hiệu của Trần Cảo 1426.

Mùa đông, tháng 10, hoàng hậu Gia Từ băng ở am Tây chùa Chiêu Khánh (nay là chùa Triệu Khánh) hương Long Đàm[1].

Vua dụ giết Quan phục hầu đại vương Húc.

[5b] Nhâm Tuất, [Xương Phù] năm thứ 6 [1382], (Minh Hồng Vũ năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành vào cướp Thanh Hóa. [Vua] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. [Quý Ly] đóng quân ở núi Long Đại[2]. Cho tướng coi quân Thần Khôi là Nguyễn Đa Phương giữ hàng cọc đóng ở [cửa] biển Thần Đầu[3].

Người Chiêm tiến đến bằng cả hai đường thủy bộ. [Quân giặc] ở trên núi lấy đá ném xuống, thuyền quân ta bị hỏng nhiều. Đa Phương không đợi lệnh của Quý Ly, tự ý cho mở hàng cọc xông ra đánh, một chốc thì thắng. Các quan thừa thắng tấn công. Chiêm Thành thua to, chạy tán loạn vào rừng núi. Quân ta vây núi ba ngày, giặc nhiều tên bị chết đói. Ta đốt hết thuyền bè của giặc, tàn quân giặc chạy trốn cả. Tháng 3, đuổi giặc đến thành Nghệ An rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, tin thắng trận báo về, phong Nguyễn Đa Phương làm Kim ngô vệ đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho quân dân Nghệ An, Diễn Châu đào các kênh ở Hải Tây.

[6a] Quý Hợi, [Xương Phù] năm thứ 7 [1383], (Minh Hồng Vũ năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lê Quý Ly thống lĩnh thủy quân đi đánh Chiêm Thành.

Bấy giờ mới đóng xong các thuyền lớn có tên là Diễm Trị, Ngọc Đột, Nha Tiệp. Thuyền tới vùng biển Lại Bộ Nương[4] và Ô Tôn[5] bị sóng gió đánh hư hỏng. Dẫn quân về.

Mùa hạ, tháng 6, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga cùng với thủ tướng La Ngai dẫn quân đi bộ theo chân núi, từ trấn Quảng Oai[6] dò đưng đến đóng ở sách Khổng Mục. Kinh sư kinh động. Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Hoa Ngạch là Lê Mật Ôn đem quân đi chống giữ.

Mật Ôn đến chân Tam Kỳ (nay là phủ Quảng Oai) định bày trận chống giữ. Nhưng giặc đã mai phục từ trước, quân voi đều xông ra, quan quân thua chạy, Mật Ôn bị giặc bắt sống.

Chiêm Thành từ đi Lê, Lý tới đây, quân lính hèn nhát, hễ quân ta đến là đem cả nhà chạy trốn hoặc họp nhau khóc lóc xin hàng. Đến Bồng Nga, La Ngai mới tập họp dân họ lại **[6b]**, bảo ban dạy dỗ, thay đổi dần dần thói cũ, trở nên can đảm, hăng hái, chịu được gian khổ, nên thường hay sang cướp, trở thành tai họa của nước ta.

Nguyễn Đa Phương đôn đốc quân lính dựng rào trại ở kinh thành, ngày đêm phòng giữ. Thượng hoàng ngự sang sông Đông Ngàn để lánh giặc. Khi ấy có người học trò là Nguyễn Mộng Hoa để cả áo mũ lội xuống nước kéo thuyền ngự lại, xin [thượng hoàng] ở lại đánh giặc, nhưng (thượng hoàng) không nghe.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ Tông thiếu can đảm. Giặc chưa tới đã lánh trước, thì người trong nước như thế nào? Mộng Hoa là một người học trò, còn biết giữ Nghệ Tông lại, những kẻ ăn thịt thực đáng khinh thay![1].

---

[1] Hương Long Đàm: nay là đất thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Tức núi Hàm Rồng ở Thanh Hóa.

[3] Cửa biển cũ, sau đã bị lấp, ở huyện Yên Mô cũ, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[4] Sau là cửa biển Nương Loan ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Sau là vùng biển Vĩnh Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[6] Trấn Quảng Oai: thời cuốI Trần là phủ Quảng Oai; đời Lê, gồm đất huyện Lương Sơn, tỉnh Sơn Bình và huyện Tùng Thiện cũ, nay là một phần của huyện Ba Vì, Hà Nội.

Độc bạ Trần Công Niếu cưỡi ngựa tuần tra, giặc đuổi theo, đến địa hạt Cát Giang, bị ngăn cách con ngòi rộng đến một trượng. Ngựa nhảy qua ngòi thoát được, bèn đặt tên cho con ngựa là Tử Bất Tề.

[7a] Mùa đông, tháng 12, Chiêm Thành dẫn quân về. Thượng hoàng ở cung Bảo Hòa[2], sai Thiêm tri nội mật viện sự Nguyễn Mậu Tiên, Lễ bộ lang trung Phan Nghĩa và gia thần Vũ Hiếu hầu (không rõ tên) ở Tiên Du thay phiên nhau chầu chực. [Thượng hoàng] ban cho ăn và hỏi các việc cũ, ghi chép từng ngày, biên soạn thành 8 quyển, đầu đề là Bảo Hòa dư bút[3], sai Đào Sư Tích đề tựa ở đầu sách để dạy bảo Quan gia.

Giáp Tý, [Xương Phù] năm thứ 8 [1384], (Minh Hồng Vũ năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng cho thi thái học sinh ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du[4] , [lấy đỗ] bọn Đoàn Xuân Lôi, Hoàng Hối Khanh... 30 người.

Mùa hạ, tháng 5, chọn số thái học sinh còn lại cho làm thư sử ở cung Bảo Hòa.

Mùa thu, tháng 9, nhà Minh bắt đầu đánh Vân Nam, sai bọn Dương Bàn, Hứa Nguyên mang tờ tư của bộ Hộ sang đòi lương để cấp cho **[7b]** binh lính đóng ở Lâm An[5].

Mùa đông, tháng 11, sai Triều phụng đại phu Lê Á Phu, Thiếu trung đại phu Đỗ Tử Trừng trả lời rằng: Đã sai Hành khiển ty Trần Nghiêu Du đôn đốc Chuyển vận sứ ty các lộ vận chuyển lương thực tới địa đầu huyện Thủy Vĩ[6] giao nộp rồi. Bấy giờ các quan sai đi, nhiều người nhiễm lam chướng mà chết.

Ất Sửu, [Xương Phù] năm thứ 9 [1358], (Minh Hồng Vũ năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, xét duyệt sổ sách quan văn võ.

Tháng 3, nhà Minh sai sứ sang đòi 20 tăng nhân.

Trước đây, nước ta đưa bọn nội nhân Nguyễn Tông Đạo, Nguyễn Toán đến Kim Lăng, vua Minh dùng làm cận thần, đãi ngộ rất hậu. Bọn Tông Đạo tâu: "Tăng nhân nước Nam biết dựng đạo tràng giỏi hơn tăng nhân phương Bắc". Đến đây [nhà Minh cho sứ] sang đòi.

Mùa thu, tháng 7, tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu Nguyên Đán trí sĩ [**8a]** lui về Côn Sơn[7], gửi cho các bạn làm quan bài thơ, có câu rằng:

Kim cổ hưng vong chân khả giám,
Chư công hà nhẫn gián thư hy?
(Còn mất xưa nay gương đã rõ,
Các ông sao nỡ vắng thư can?).

Thái Úy Trang Định Vương Ngạc có bài thơ tặng rằng:

Ngã thị đương niên khí vật,
Công phi đại hạ kỳ tài.
Hội thủ nhất ban lão bệnh,
Điền viên tảo biện quy lai.
(Ngày nay tôi là đồ bỏ,
Ông không tài lạ cứu đời.
Cùng một lớp già đau ốm,

---

[1] Kẻ ăn thịt: chỉ người làm quan.

[2] Cung Bảo Hòa: ở núi Lan Kha, tức núi Phật Tích ở xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[3] Thiên Nghệ văn chì trong Đại Việt Thông sử của Lê Quý Đôn ghi rằng Bảo Hòa điện dư bút có 8 quyển.

[4] Chùa Vạn Phúc ở núi Tiên Du: tức chùa Phật Tích ở núi Phật Tích, thuộc xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[5] Lâm An: tên lộ đờI Nguyên ở Vân Nam. Minh đổi thành phủ Lâm An, trị sở đóng tại huyện Kiến Thủy.

[6] Huyện Thủy Vĩ: đời Trần tức châu Thủy Vĩ đời Lê, tương đương vớI toàn bộ tỉnh Lào Cai, tức gồm đất các huyện Bát Xá, Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Bảo Thắng và thị xã Lao Cai.

[7] Côn Sơn: thuộc huyện Chí Linh,tỉnh Hải Hưng.

Ruộng vườn sớm liệu về thôi!).

Bởi vì khi ấy Quý Ly đang giữ quyền binh, các bậc hiền nhân quân tử buồn lo thời thế, không thể không biểu hiện ra câu thơ.

Ngạc lại làm bài thơ yết hậu bằng quốc ngữ để châm biếm Nguyên Đán. Nguyên Đán tính chuyện thông gia để mong tránh mối họa sau này, đem con là Mộng Dữ gửi gắm Quý Ly, Quý Ly đem công chúa Hoàng Trung là con gái của cố tôn thất Nhân Vinh gả cho Dữ[1]. Sau Quý Ly trị nước, lấy Mộng Dữ làm Đông cung phán thủ, em Mộng Dữ là Thúc Dao và Thúc Quỳnh làm tướng quân, con cháu Nguyên Đán đều tránh được nạn.

Nguyên Đán có hai người con gái, con trưởng tên là Thái **[8b]**, con thứ tên là Thai, sai nho sinh đem văn học dạy cho hai người.

Nguyễn Ứng Long dạy Thái, Nguyễn Hán Anh dạy Thai. Ứng Long nhân gần gũi lả lơi, làm thơ ca quốc ngữ khêu gợi Thái, thông dâm với Thái, Hán Anh cũng làm thơ quốc ngữ bắt chước Ứng Long. Thái có thai, Ứng Long bỏ trốn.

Đến ngày Thái đẻ, Nguyên Đán hỏi Ứng Long ở đâu. Người nhà trả lời là Ứng Long sợ tội trốn đi rồi. Nguyên Đán nói:

"Vận nước sắp hết, biết đâu chẳng phải là trời xui nên thế, vị tất không phải là phúc".

Bèn cho gọi hai chàng về bảo rằng:

"Người xưa cũng đã có chuyện này. [Các ngươi] không thấy chuyện Văn Quân với Tương Như hay sao[2]. Nếu [các ngươi] làm được như Tương Như, truyền lại danh tiếng cho đời sau thì đó là điều mong muốn của ta".

Hai chàng cảm ơn sâu nặng, chăm chỉ học hành. Đến khi thi, cả hai đều đỗ. Thượng hoàng nói:

"Bọn chúng có vợ giàu sang, như thế là kẻ dưới mà dám phạm thượng, bỏ không dùng".

Sau Hán Anh làm quan đến chức Chuyển vận. Ứng Long đến nhà Hồ được cất nhắc **[9a]** sử dụng, đổi tên là Phi Khanh (Phi Khanh sinh ra [Nguyễn] Trãi, cũng đỗ thái học sinh).

Nguyên Đán có tập thơ tên là Băng Hồ[3], vài quyển, truyền ở đời. Bấy giờ Hàn lâm học sĩ Hồ Tông Thốc cũng có tập thơ Thảo nhàn hiệu tần thi tập đều là cảm thờI thế mà làm cả.

Bính Dần, [Xương Phù] năm thứ 10 [1386], (Minh Hồng Vũ năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai Lâm Bốt sang đòi giống các loại cây cau, vải, mít, nhãn, vì nộI nhân Nguyễn Tông Đạo nói hoa quả phương Nam có nhiều thứ ngon. Vua sai bọn Viên ngoại lang Phạm Đình đem sang, nhưng những cây ấy không chịu được rét, đi nửa đường đều chết khô cả.

Nhà Minh lại sai bọn Cẩm y vệ xá nhân Lý Anh sang mượn đường đánh Chiêm Thành, đòi 50 con voi, đặt các dịch trạm từ phủ Nghệ An cung cấp cỏ, thức ăn, đưa voi đến Vân Nam.

Lấy Hồ Tông Thốc làm Hàn **[9b]** lâm học sĩ phụng chỉ.

Tông Thốc (người Sĩ Thành[4], Diễn Châu) tuổi trẻ đỗ cao, rất có tài danh. Trước đó, Thốc chưa được nổi tiếng lắm, gặp tết Nguyên tiêu, có đạo nhân là Lê Pháp Quan treo đèn đặt tiệc, mời khách văn chương đến dự làm vui. Thốc nhận thiếp xin đề thơ, làm xong trăm bài thơ ngay trên bữa tiệc. Mọi người

---

[1] Nhân Vinh có vợ là công chúa Huy Ninh. Nhân Vinh chết, Nghệ Tông đem Huy Ninh gả cho Quý Ly, như vậy Hoàng Trung gọi Quý Ly là bố dượng.

[2] Tương Như: tức Tư Mã Tương Như, tên tự là Trường Khanh, người Thành Đô. ĐờI Hán Cảnh Đế làm vũ kỵ, thường thị, dùng tiếng đàn khêu gợi người phụ nữ trẻ mới góa chồng là Trác Văn Quân, con gái yêu của Trác Vương Tôn, rồi hai người mới lấy nhau. Sau được bố vợ giúp đỡ, Tương Như trở nên giàu có, rồi làm quan, được phong tới chức Hiếu Văn viên lệnh, rất giỏi về từ chương.

[3] Theo Nghệ văn chi của Lê Quý Đôn, Trần Nguyên Đán soạn Băng Hồ ngọc hác tập, 10 quyển. Cũng theo sách trên, Hồ Tông Thốc soạn Thảo nhãn hiệu tần tập).

[4] Sĩ Thành: nên sưa là Thổ Thành, tên xã thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

xúm lại xem, rất thán phục. Từ đấy tiếng dậy kinh sư, vì giỏi văn học nên được người đương thời kính trọng, mà thơ rượu thì không ngày nào không có.

Trước kia Tông Thốc làm An phủ, có lấy của dân, việc bị phát giác, Nghệ Tông thấy làm lạ hỏi ông chuyện đó. Tông Thốc lạy tạ thưa rằng: "Một con chịu ơn vua, cả nhà ăn lộc trời"[1], vua tha tội cho. Sau ông được thăng nhiều lần, đến Hàn lâm học sĩ phụng chỉ kiêm Thẩm hình viện sứ, thọ hơn 80 tuổi, mất tại nhà.

Đinh Mão, [Xương Phù] năm thứ 11 [1387], (Minh Hồng Vũ năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng từ cung Bảo Hòa trở về kinh đô.

[10a] Tháng 3, Lấy Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự, ban cho một thanh gươm, một lá cờ đề 8 chữ "Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức"[2] Quý Ly làm bài thơ quốc ngữ tạ ơn .

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bọn loạn thần tặc tử mà thực hiện mưu kế của chúng, nguyên nhân không phải là một sớm một chiều. Việc đó có ngọn nguồn hình thành dần từ lâu rồi. Cho nên, thánh nhân phải nhận biết âm mưu đó từ sớm và thận trọng phòng giữ như giẫm lên sương.[3]. Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần chẳng những vì Nghệ Hoàng không thận trọng trước âm mưu của nó, mà còn vì đã gây ra đầu mối nữa.

Mậu Thìn, [Xương Phù] năm thứ 12 [1388], (từ tháng 11 về sau là Thuận Tông Quang Thái năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 5, lấy Trần Đỗ làm cung lệnh. Đỗ là con Thượng vị hầu Tông, mẹ Đỗ cải giá lấy Quý Ly, cho nên có lệnh này. Sau Đỗ đổi làm họ Hồ.

Tháng 6, lấy Lê Quý Tỳ[4] là **[10b]** phán thủ Tri tả hữu ban sự; nội nhân Nguyễn Vị làm Tri điện nội: Trần Ninh làm tri khu mật viện sự.

Nhập nội hành khiển tả ty Vương Nhữ Chu trí sĩ, lấy Lê Dũ Nghị lên thay.

Mùa thu, tháng 8, sao Chổi hiện ở phương tây. Vua bàn mưu với Thái úy Ngạc rằng:

"Thượng hoàng tin yêu ngoại thích là Quý Ly, cho hắn mặc sức làm gì thì làm, nếu không lo trước đi thì sau sẽ rất khó chế ngự".

Con Vương Nhữ Chu là hữ Mai hầu vua học, nhân tiết lộ mưu đó. Quý Ly biết được. Đa Phương khuyên Quý Ly lánh ra núi Đại Lại[5] để đợi biến động. Phạm Cự Luận nói:

"Không được, một khi đã ra ngoài thì khó lo chuyện sống còn".

Quý Ly nói:

"Nếu không còn phương sách gì thì ta đành tự tử, không để tay kẻ khác giết mình".

Cự Luận nói:

"Thượng hoàng trong lòng vẫn căm vua về việc giết Quan Phục Đại Vương, vua rất không hài lòng. Nay quyền bính trong thiên hạ đều ở đại nhân cả **[11a]** mà vua lại mưu hại ngài thì Thượng hoàng lại càng ngờ lắm. Đại nhân hãy liều vào lạy Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại, thì nhất định Thượng hoàng sẽ nghe theo ngài, chuyển họa thành phúc, dễ như trở bàn tay. Thượng hoàng có nhiều con chính đích, ngài cứ tâu rằng thần nghe ngạn ngữ nói "Chưa có ai bán con để nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu để nuôi

---

[1] Ý nói một người làm quan, cả họ được nhờ.

[2] Văn võ toàn tài, vua tôi một dạ.

[3] Kinh dịch có câu: "Lý sương nhi kiên băng chí" (Giẫm lên sương thì biết sẽ có băng cứng), ý nói phải thận trọng đề phòng sự biến xảy ra, khi mới thấy triệu chứng, như thấy có sương là biết sẽ có đóng băng.

[4] Tỳ là em của Quý Ly.

[5] Núi Đại Lại: Cũng gọi là núi Kim Âu. Thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

con"[1] may ra thượng hoàng tỉnh ngộ mà đổi lập Chiêu Định Vương[2] là Thuận Tông. Nếu thượng hoàng không nghe thì chết cũng chưa muộn".

Quý Ly nghe theo, bí mật tâu với Thượng hoàng như lời Cự Luận. Thượng hoàng cho là phải.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm, nguyệt thực toàn phần.

Tháng 12, ngày mồng 6, sáng sớm, Thượng hoàng vờ ngự về Yên Sinh, sai điện hậu hộ vệ, rồi sai chi hậu nội nhân gọi vua tới bàn việc nước. Vua chưa kịp ăn, vội đi ngay, chỉ có hai người theo hầu thôi. Đến nơi, Thượng hoàng bảo vua: "Đại Vương lại đây!"[3], rồi lập tức sai người đem vua ra giam ở chùa Tư Phúc **[11b]** tuyên đọc nội chiếu rằng:

"Trước đây, Duệ Tông đi tuần phương Nam không trở về, lấy con đích để nối ngôi, đó là đạo từ xưa. Nhưng từ khi Quan gia lên ngôi đến nay, lòng dạ trẻ con, giữ đức không thường, gần gũi bọn tiểu nhân, nghe lời Lê Á Phu, Lê Dữ Nghị gièm pha vu hãm công thần, làm lung lay xã tắc, phải giáng làm Linh Đức Đại Vương. Song quốc gia không thể không có chủ, ngôi báu không thể bỏ trống lâu, nên hãy đón Chiêu Định vào nối đại thống. Bá cáo trong ngoài để mọi người đều biết".

Bèn giáng con của vua làm Thuận Đức Vương. Các tướng chỉ huy các phủ quân cũ như tướng chỉ huy quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi, tướng chỉ huy quân Thiết Giáp[4] là Nguyễn Kha, Lê Lặc, tướng chỉ huy quân Thiết Sang là Nguyễn Bát Sách định đem quân vào cướp lấy vua đem ra. Vua viết hai chữ "Giải giáp"[5] đưa cho các tướng và răn bảo họ không được trái ý vua cha, các tướng mới thôi. Lát sau, [thượng hoàng sai] dìu vua xuống phủ Thái Dương thắt cổ cho chết.

Trước **[12a]** đó, theo lệ cũ của sảnh, đài, từ chức Đồng bình chương trở lên được ngồi ghế tựa sơn đen. Bấy giờ Trang Định Đại Vương Ngạc làm Thái úy, Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự. Tri thẩm hình viện Lê Á Phu đã bảo Ngạc bỏ ghế của Lê Quý Ly đi, không cho ngồi cùng, lại bí mật tâu vua giết Quý Ly. Mưu cơ tiết lộ, đến nỗi thất bại, bọn Á Phu, Khoái, Vân Nhi, Kha, Bát Sách, Lặc và người học sinh được tin yêu là Lưu Thường đều bị giết cả. Lưu Thường khi bị hành hình có làm thơ rằng:

Tàn niên tứ thập hựu dư tam,
Trung ái phùng chu tử chính cam.
Báo nghĩa sinh tiền ưng bất ngỗ,
Bộc thi nguyên thượng cách hà tàm.
(Tuổi tàn bốn chục lại thừa ba,
Bị giết vì trung, chết đáng mà!
Khi sống không sai điều giữ nghĩa,
Phơi thây đồng nội thẹn gì ta).

Duy có Dữ Nghị là bị đày ra Trại Đầu, sau xét không có tội, lại được bổ làm Tuyên phủ sứ lộ Bắc Giang. Đến năm Kiến Tân thứ 2[6], lại vì việc bè cánh bị giết. Dữ Nghị là anh họ của Á Phu. Bát Sách chạy trốn, sau bắt giam người mẹ, Sách mới chịu ra chết .

[12b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khi ấy khí thế của họ Hồ đang mạnh, mọi người đều biết là nó sẽ cướp ngôi, Trang Định Vương Ngạc là Thái úy, lại là con của Nghệ hoàng, thấy xã tắc sắp nghiêng đổ, nếu biết hướng vua làm điều phải, gây niềm tin ở vua cha, hiệu lệnh nghiêm ngặt, để nhiều người theo về mình, khiến cho Nghệ Tông già

---

[1] Đế Hiện là con Duệ Tông, cháu Nghệ Tông. Ý nói nên phế bỏ Đế Hiện mà lập con mình.

[2] Tên húy là Ngung, con út Nghệ Tông, sau được lập làm vua.

[3] Theo quy chế của nhà Trần, đáng lẽ Nghệ Tông phải gọi Đế Hiện là "quan gia". Ở đây gọi là "đại vương" là có ý gay gắt, không coi Hiện là "đế" nữa.

[4] Nguyên văn thiếu hai chữ Thiết Giáp, chúng tôi theo các bản khác bổ sung vào.

[5]Giải tán quân lính.

[6] Năm 1399, Kiến Tân là niên hiệu Trần Thiếu Đế.

lẫn phải tỉnh lại. Giản hoàng nhút nhát phải tự lập, quyền bính về tay hết, mệnh lệnh ban từ trên, thì lòng gian của họ Hồ cũng phải tự ngừng lại. Trang Định không mưu tính đến việc đó, Á Phu không lường được vu mình chẳng có tài cương đoán, lại khuyên vua giết Quý Ly, mà cơ mưu không cẩn mật, để cho nó biết trước. Trang Định lại không sớm quyết đoán, bỏ lỡ cơ hội, đến nỗi công việc thất bại, thân mình bị giết, lại giết lây cả đến những quân tướng tài giỏi, thực đáng than thở biết bao! Có người hỏi: Họ Hồ trên được vua tin, [13a] dưới nắm binh quyền, dẫu đến Nguyên Đán là người có kiến thức, lại lão luyện sự đời còn không làm gì được, huống chi là Trang Định! Xin thưa: Cứ xem nói trong lòng lo sợ mà định tự tử, thì việc chế ngự Quý Ly cũng dễ thôi! Trước hết hãy trừ bọn Đa Phương, Cự Luận để chặt vây cánh của nó đi, thì thế nó phải cô ngay.

Trước đây, bà Lê thị, hoàng hậu của Duệ Tông là mẹ Linh Đức Vương, em họ của Quý Ly, Duệ Tông đi đánh phương Nam không trở về, bà cắt tóc làm ni cô. Khi Duệ Tông lập Linh Đức lên ngôi, hậu từ chối không được, bèn khóc lóc nói với những người thân thích rằng:

"Con ta phúc bạc, khó lòng gánh vác nổi trách nhiệm lớn, nói phải tai họa vì việc đó thôi. Tiên hoàng xa lìa cõi thế, kẻ chưa chết này chỉ muốn chết theo, không muốn trông thấy việc đời nữa, huống chi lại phải nhìn thấy con mình sắp bị nguy hiểm nữa".

Bà mất được hai năm thì Linh Đức **[13b]** bị hại .

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Linh Đức được lập lên là do Nghệ Hoàng, bị phế bỏ cũng do Nghệ Hoàng. Trước không nghe lời bà hoàng hậu Lê thị là vì nghĩa, sau nghe lời gièm của Quý Ly là vì tư tình. Thế thì khi trước lập lên sao sáng suốt thế! Mà sau phế bỏ sao mà ngu tối thế! Lại còn thắt cổ chết Linh Đức thì thực quá lắm!

Phong Thái úy Ngạc làm Đại Vương.

Trước đó, Linh Đức bị giáng, Quý Ly nói phao là lập Ngạc lên nối ngôi. Đến khi xong công việc, Ngạc từ chối không nhận, Quý Ly nhân dịp ấy tâu rằng:

"Thái úy biết từ chối ngôi báu, đó là đức lớn".

Thượng hoàng cho lời ấy là phải nên có lệnh này.

Ngày 27, Thượng hoàng lập con út là Chiêm Định Vương Ngung làm Hoàng đế. Ngung lên ngôi, đổi niên hiệu là **[14a]** Quang Thái năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Nguyên Hoàng.

Nhà Minh sai Đỗ Tử Hiền, Ổ Lân[1], Hình Văn Bác[2] mang sắc rồng sang phong, nhưng Linh Đức đã bị hại rồi . Trước đây sứ phương Bắc tới thì dẫn qua cửa Tường Phù, chỉ có bọn Lân thì qua cửa Cảnh Dương.

THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên huý là Ngung, là con út của Nghệ Tông, ở ngôi hơn 9 năm xuất gia hơn 1 năm, bị Quý Ly giết, thọ 22 tuổi. Vua chỉ ngồi giữ ngôi không, việc nước trong tay quyền thần, tai họa đến thân mà không biết, thương thay!

Kỷ Tỵ, [Quang Thái] năm thứ 2 [1389], (Minh Hồng Vũ năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lập Thánh Ngâu, con gái lớn của Quý Ly làm hoàng hậu, gọi chỗ ở là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 2, chôn Linh Đức Đại Vương ở núi An Bài, sai Quý Tỳ trông coi việc ấy.

Tháng 3, lấy Đỗ Tử Trừng làm Ngự sử đại phu.

---

[1] Lịch triều hiến chương loại chí ghi là Sư Lân.

[2] Có sách chép là Đặng Văn Bác (Lịch triều hiến chương loại chí) hay Du Vân Vĩ (Minh sử, 1.321).

Mùa hạ, tháng 4, lấy Phạm Cự Luận làm Thiêm thư Khu mật **[14b]** viện sự.

Quý Ly hỏi thuộc viên Khu mật viện người nào có thể dùng được, Cự Luận tiến cử người em là Phạm Phiếm cùng Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Thân, đều có danh tiếng, đức vọng, có thể dùng được, duy Đỗ Tử Mãn là hơn cả.

Tháng 5, lấy Vương Khả Tuân coi quân Thần Dực ở Ý Yên, Dương Chương coi quân Thần Dũng.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Thanh, người Thanh Hóa tự xưng là Linh Đức trốn tránh tai nạn. Dân chúng vùng sông Lương Giang[1] đều hưởng ứng.

Tháng 9, Nguyễn Kỵ, người Nông Cống, tụ họp bè lũ đi cướp bóc, tự xưng là Lỗ Vương Điền Kỵ[2].

Mùa đông, tháng 10, ngời Chiêm đến cướp Thanh Hóa, đánh vào Cổ Vô[3], [thượng hoàng] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. Giặc đắp ngăn thượng lưu sông, quan quân đóng cọc dày đặc để chống cự.

Ngày 20, giặc phục sẵn quân và voi, rồi giả vờ bỏ doanh trại rút về. Quý Ly lựa lấy quân tinh nhuệ, dũng cảm, làm quân cảm tử, truy kích giặc. Thủy [15a] quân mở hàng cọc xông ra đánh. Giặc liền phá đập chắn nước, tung voi trận xông ra. Lúc ấy, quân tinh nhuệ dũng cảm đã đi xa rồi, quân thủy khó tiến ngược dòng, tiến lên rất khó khăn, vì thế bị thua. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực là Nguyễn Chí (có sách chép là Trần Đình Quý) bị giặc bắt sống, 70 tướng còn lại đều bị chết trận. Quý Ly để tỳ tướng Phạm Khả Vĩnh ở lại cầm cự với giặc, còn mình thì trốn về. Nguyễn Đa Phương tạm chỉ huy quân Thánh Dực. Đêm đó, Đa Phương bàn với Khả Vĩnh:

"Thế giặc như vậy, bọn ta cô quân, khó lòng cầm cự được lâu. Nếu rút quân về, giặc nhất định thừa cơ đuổi theo".

Bèn hạ lệnh các quân giăng nhiều cờ xí, buộc thuyền lớn vào cọc, sai người canh giữ, rồi lấy thuyền nhẹ đang đêm trốn chạy. Quý Ly về đến triều đình, xinh phái thêm thuyền chiến Châu Kiều nhưng Thượng hoàng không cho, Quý Ly do vậy xin thôi nắm quyền cầm quân, không đi đánh nữa.

> [15b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quý Ly thân làm đại tướng, có quan hệ tới mối an nguy của cả nước, thế mà để đến nỗi thất trận tan quân, tội ấy rất lớn. Đã không lo dốc sức trận sau để chuộc tội lần trước, lại bỏ quân chuồn về trước để tránh mưu kế của giặc, rồi lại không tự trói mình chịu tội như người xưa vẫn làm. Cái lòng vô quân ấy lớn lắm. Cứ theo quân pháp thì hắn đáng phải tội chết, như trận đánh Thành Bộc, Tử Ngọc để vỡ quân, bị vua Sở mỗi ngày một mạnh và uy lệnh được thi hành. Nghệ Hoàng không bắt tội Quý Ly, thế là chính hình đã lầm lỡ rồi. Còn như Đa Phương, Khả Vĩnh vì đem cô quân chống giặc mạnh mà phải ngầm rút chạy thì chưa hẳn phải trách cứ nặng nề. Là vì trong việc dùng binh, hễ đánh lui được giặc là có công, đánh không lợi mà rút là không có tội. Dùng kế lừa giặc để lui quân là thuật của nhà binh, có hại gì đâu? Nghệ Tông không biết [16a] dùng Đa Phương đó thôi.

Tháng 11, Thượng hoàng sai Trần Khát Chân [4] chỉ huy quân Long Tiệp ra quân đánh giặc.

Khát Chân vâng mệnh, khảng khái nhỏ nước mắt lạy tạ ra đi. Thượng hoàng cũng khóc, lấy mắt tiễn đưa. Quân xuất phát từ sông Lô[5], đến Hoàng Giang đã gặp giặc rồi, Khát Chân quan sát chỗ ấy

---

[1] Lương Giang: tức sông Lương, hay sông Chu ở Thanh Hóa. Nhưng Lương Giang còn là tên một khu vực có sông Lương chảy qua. Theo An Nam chí lược của Lê Trác thì Lương Giang là một huyện Lương Giang. Đầu thời Lê cũng còn gọi là huyện Lương Giang, mãi đến đầu thế kỷ XVI mới đổi tên là huyện Thụy Nguyên. Về sau là đất huyện Thiệu Hóa, nay là một phần đất huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Điền Kỵ: nha tướng nước Tề đời Chiến Quốc. Điền Kỵ sau chiếm nước Tề.

[3] Cổ Vô: CMCB 11 chú là tên hương.

[4] Trần Khát Chân: là dòng dõi Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng.

[5] Sông Lô thời trần tức sông Hồng.

không thể đánh được, mới lui giữ sông Hải Triều[1]. Em trai Linh Đức là Nguyên Diệu muốn báo thù cho Linh Đức, đem quân đầu hàng giặc.

Lấy Nhân Tĩnh Vương Nguyên Đĩnh, con trai Thái tể Nguyên Trác, làm Tư đồ; cựu Hàn lâm học sĩ Trần Tôn làm Thiếu bảo cùng gia thần là Nguyễn Khang làm phụ tá.

Nguyễn Đa Phương từ sông Ngu về, cho rằng mình có công cao, có ý lên mặt, thường hay chê Quý Ly là bất tài. Quý Ly liền gièm lại rằng vì nghe Đa Phương mà đến nỗi thất bại. Bèn thu lại số quân do Đa Phương chỉ huy, [16b] Đa Phương vẫn còn vẻ kiêu. Thượng hoàng nói:

"Nên trị tội nhẹ để cảnh cáo hắn".

Quý Ly tâu:

"Đa Phương rất gan góc, tráng kiện, thần sợ hắn sẽ trốn sang nước Minh phương Bắc hay Chiêm Thành phương Nam, thả cọp để lại mối họa về sau, chi bằng giết đi là hơn".

Rồi bắt Đa Phương phải tự tử.

Đa Phương than rằng: "Ta vì có tài nên được giàu sang, cũng vì có tài mà đến nỗi chết, chỉ hận là không được chết ở chiến trận mà thôi".

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đa Phương vào bè với họ Hồ, có lẽ trời mượn cớ đó để giết hắn chăng? Khả Vĩnh sau vì họ Hồ mà giết Thuận Tông, rồi cũng vì việc bè đảng mà chết. Những kẻ a dua phụ họa với loạn thần hãy lấy đó làm gương!

Tháng 12, nhà sư Thiên Nhiên là Phạm Sư Ôn làm phản, hô hào dân chúng tụ họp ở lộ Quốc Oai Thượng, tiếm xưng hiệu lớn, lấy Nguyễn Tông Mại người cổ Sở, Lư Mộ; Nguyễn Khả Hành người La Xã[2] **[17a]** làm hành khiển; chiêu tập những bọn không quê quán, lập các quân hiệu Thần Kỳ, Dũng Đấu, Vô Hạn, đánh vào kinh sư.

Hai vua sang châu Bắc Giang. Sư Ôn ở kinh sư ba ngày rồi ra đóng quân ở Nộn Châu[3]. Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đi đánh, dẹp được.

Trước đó, Phụ Thế (người Hoằng Hóa) cùng thủ tướng Chiêm Thành La Ngai cầm cự nhau ở sông Hoàng Giang, đến đây được lệnh này. [Phụng Thế đưa quân] theo đường ra sông Miệt Giang[4]. Bấy giờ mùa đông, nước cạn, phải đào khơi dòng chảy cho thuyền chiến đi qua. Đánh một trận, bắt sống được Sư Ôn, Tông Mại, Khả Hành, đều đem giết cả. Còn những kẻ bị cưỡng bức đi theo thì không hỏi đến người nào.

Canh Ngọ, [Quang Thái] năm thứ 3 [1390], (Minh Hồng Vũ năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đô tướng Trần Khát Chân đại thắng quân Chiêm Thành ở Hải Triều, giết được chúa nó là Chế Bồng Nga. Khi ấy, Bồng Nga cùng với **[17b]** Nguyên Diệu dẫn hơn một trăm thuyền chiến đến quan sát tình thế của quan quân. Các thuyền giặc chưa tập họp lại, thì có tên tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê nhân bị Bồng Nga trách phạt, sợ bị giết, chạy sang doanh trại quân ta, trỏ vào chiến thuyền sơn xanh bảo rằng đó là thuyền của quốc vương hắn. Khát Chân liền ra lệnh các cây súng[5] nhất tề nhả đạn, bắn trúng thuyền Bồng Nga, xuyên suốt ván thuyền, Bồng Nga chết, người trong thuyền ồn ào kêu khóc. Nguyên Diệu cắt lấy đầu Bồng Nga chạy về với quan quân. Đại đội phó Thượng đô quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và đầu ngũ là Dương Ngang liền giết luôn Nguyên Diệu, lấy cả đầu Bồng Nga. Quân giặc tan vỡ.

---

[1] Sông Hải Triều: tức sông Luộc hiện nay, khúc sông chảy qua huyện Phù Tiên, Hải Hưng và huyện Hưng Hà, Thái Bình.

[2] La Xã: nay là Xuân La, huyện Từ Liêm, phía tây Hồ Tây.

[3] Nộc Châu: thuộc lộ Quốc Oai.

[4] Miệt Giang: tức sông Châu Cầu ngày nay, là phân lưu của sông Hát, nối với sông Hoàng Giang.

[5] Nguyên văn: "hỏa súng", chỉ loại súng có nòng kim loại và có nhồi thuốc cháy.

Khát Chân sai quân giám Lê Khát Khiêm bỏ đầu giặc vào hòm, đi thuyền về báo tin thắng trận ở hành tại Bình Than. Bấy giờ đồng hồ đã điểm canh ba, Thượng hoàng đang ngủ say, giật mình tỉnh dậy, tưởng là giặc đánh vào ngự doanh. Đến khi nghe tin thắng trận, nói là đã lấy được đầu Bồng Nga thì mừng lắm, cho gọi các quan **[18b]** tới xem cho kỹ. Các quan mặc triều phục, hô "muôn năm". Thượng hoàng nói:

"Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được gặp nhau, có khác gì Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Vũ, thiên hạ yên rồi!".

La Ngai dẫn số quân còn lại đến phía trên bờ sông Lô hỏa táng xác Bồng Nga rồi ngày đêm đi bộ men theo chân núi, gác đường san đạo[1], nấu cơm trên đó, rồi vừa đi vừa ăn, đem cả quân trở về. Gặp quan quân đuổi đánh thì dừng voi lại, tung tiền bạc của cải ra để quân ta ngừng lại.

Bấy giờ, người Nghệ An vốn ở hai lòng, còn Tân Bình, Thuận Hóc thì phần nhiều làm phản theo Chiêm Thành, cho nên người địa phương phân tán đánh lén khắp nơi, không ai ngăn được. Triều đình tuy đã lấy Lê Khả Chú làm An phủ sứ lộ hai lộ ấy, nhưng chỉ ở kinh sư mà trấn trị từ xa, chứ chưa bao giờ tới quận. Chỉ có thổ hào Phan Mãnh và Phạm Căng đem dân chúng quy thuận. Mãnh là người can đảm mưu lược, dò biết được nhiều tình hình của giặc, lại có công đón **[18b]** đánh quân giặc bại trận chạy qua. Thượng hoàng thưởng cho rất hậu, cho làm tới Dực vệ quân, lại thăng làm Uy Minh tướng quân, chỉ huy quân Thánh Dực ở Tân Bình và Thuận Hóa, đeo vân phù vàng.

Tháng 2, vua ngự về Long Hưng, Kiến Xương, Yên Sinh, bái yết các lăng.

Xuống chiếu bắt bọn đảng giặc là Nguyên Đĩnh, Nguyễn Động, Nguyễn Doãn, Hoàng Khoa, Nguyễn Khang[2]. Những người bị cưỡng bức theo chúng thì không bị tội, Nguyên Đĩnh và Trần Tôn nhảy xuống sông tự tử, Khang thì chạy trốn sang nước Minh, nói dối là con cháu họ Trần, đổi tên là Thiêm Bình.

Lấy Trần Khát Chân làm Long Tiệp phụng thần nội vệ thượng tướng quân, phong tước Vũ Tiết Quan nội hầu. Phạm Khả Vĩnh (người Tây Châu)[3] làm Xa kỵ vệ thượng tướng quân, phong tước Quan phục hầu. Phạm Cự Lặc, Dương Ngang được thưởng tước 5 tư, thăng Lặc làm Giám cấm vệ đô, ban cho Ngang 30 mẫu ruộng. Còn những người khác thì đều được thăng chức tước theo mức độ khác nhau.

Mùa hạ, tháng 4, tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế **[19a]**, tiên hậu và thụy hiệu cho thần kỳ các nơi.

Tháng 6, ngày 25, mưa bão lớn.

Lấy Chương Tĩnh vương Nguyên Hy, em trai Nguyên Diệu, làm Nhập nội kiểm hiệu tướng quốc bình chương sự. Bấy giờ Chương Tĩnh Vương Nguyên Hy trong lòng không yên[4], cho nên có lệnh này.

La Ngai về đến Chiêm Thành, chiếm nước, tự lập làm vua. Con của Bồng Nga là Chế Ma Nô Đà Nan và em là Chế Sơn Nô sợ bị giết, liền chạy sang ta. Phong Ma Nô Đà Nan làm Hiệu chính hầu, Sơn Nô làm Á hầu.

Mùa đông, tháng 10, khơi sông Thiên Đức.

Sai thợ đá ở An Hoạch[5] đào mở cửa hang núi Thiên Kiện và hang núi Khuẩn Mai để lấy tiền của chôn ở đó khi trước. Nhưng bấy giờ cả hai núi đều bị lở, cửa hang bị lấp kín, đào mãi không được, phải bỏ.

Tháng 11, ngày 14, Tư đồ Chương Tức Quốc thượng hầu **[19b]** Nguyên Đán mất.

---

[1] Đường men theo núi, phải lấy gỗ bắc sàn mà đi.

[2] CMCB 11 chép là Trần Khang.

[3] Tây Châu: tên huyện đời Trần và đầu thời Lê. Đến thế kỷ XVII, đổi là Nam Chân. Nay là đất huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

[4] Nguyên Hy: có hai người anh là Linh Đức (Đế Hiện) và Nguyên Diệu đều bị giết, nên lo ngại không yên.

[5] An Hoạch: Tức làng Nhồi, hay Nhuệ thôn, thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên Đán là người hiền từ, nho nhã, có phong cách của bậc quân tử thời xưa. Thượng hoàng thường ngự đến nhà riêng của ông để thăm bệnh và hỏi việc sau này. Nhưng Nguyên Đán đều không nói gì, chỉ thưa:

"Xin bệ hạ kính nước Minh như cha, yêu ChiêmThành như con, thì nước nhà vô sự. Tôi dầu chết cũng được bất hủ".

Thượng hoàng có làm bài thơ đề trên mộ ông. Nguyên Đán từng làm bài thơ Thập cầm[1] có câu rằng:

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,
Bất thức lão nha liên ái phủ.
(Đem con mà gửi cho loài quạ,
Chẳng biết quạ già có xót thương?).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Làm rõ điều nghĩa mà không mưu lợi, làm sáng đạo lớn mà không kể công, đó là tấm lòng người quân tử. Nguyên Đán là bậc đại thần cùng họ với vua, biết họ Hồ sắp cướp ngôi, cơ nghiệp nhà trần sắp hết, thế mà không nghĩ đến việc vững vàng vượt qua gian nan, cùng vui lo với nước, lại đem con mình gửi gắm cho họ Hồ để làm kế về sau[2]. [20a] [Thế là] mưu lợi mà không nghĩ đến nghĩa, bỏ đạo mà chỉ tính đến công, sao gọi là người hiền được? Hơn nữa, lúc ấy tai họa người Chiêm là việc cần kíp, mà lại bảo yêu Chiêm Thành như con, thờ nước Minh như cha, thì chỉ là câu nói tầm thường chung chung về đạo thờ nước lớn,yêu nước nhỏ, có bổ ích gì cho việc nước lúc đó? Tiếc rằng học vấn kiến thức của ông biết trước được mọi điều mà lòng nhân thì không giữ được.

Tháng 12, lấy Phạm Thán làm Tri phủ Nghệ An.

Tân Mùi, [Quang Thái] năm thứ 4 [1391], (Minh Hồng Vũ năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, Lê Quý Ly đem quân đi tuần châu Hóa, xét duyệt quân ngũ, xây sửa thành trì.

Tháng 3, Quý Ly sai viên tướng coi quân Tả Thánh Dực Hoàng Phụng Thế đem quân đi tuần đất Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt mai phục. Quân Phụng Thế **[20b]** tan vỡ, [Phụng Thế] bị giặc bắt. Quý Ly sai chém 30 viên đại đội phó dưới quyền của Phụng Thế. Phụng Thế dùng mưu kế thoát về, được phục chức như cũ.

Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly đem quân về.

Tháng 6, Thái úy Trang Định Vương Ngạc trốn ra trang Nam Định. Người trong trang lấy thuyền đưa Ngạc ra trại Vạn Ninh[3]. Người trại ấy là Dương Độ không nhận. Thượng hoàng sai viên tướng coi quân Ninh Vệ Nguyễn Nhân Liệt đuổi bắt về. Quý Ly ngầm sai Liệt giết đi. Nhân Liệt đánh chết Ngạc bị giáng làm Mẫn Vương. Sau Thượng hoàng tỉnh ngộ lại, hỏi người đuổi bắt Mẫn Vương là ai, Nhân Liệt sợ, thắt cổ tự tử.

Trước đó, Thượng hoàng đã phế Linh Đức, định lập Ngạc. Quý Ly dùng mưu đánh lừa, mới lập làm vua mà gia phong Ngạc làm đại vương, vẫn giữ chức phụ thần. Ngạc có hiềm khích với Quý Ly, nhiều lần bị Quý **[21a]**[4] Ly gièm, thành ra sợ hãi nghi hoặc, nên đến nỗi thế. Sau Quý Ly cướp nước, giáng Ngạc làm Liệt hiệu phán hầu.

Mùa thu, tháng 8, các tướng Hóa Châu bàn về thế lợi hại. Phan Mãnh nói:

"Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể có hai vua!".

---

[1] Thập cầm: Có nghĩa là "mười loài chim", thơ vịnh.

[2] Bản Chính Hòa mất tờ 20a và b. Chúng tôi dịch theo bản VHv 179/1-9 kho sách Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, BK8, 20a-b.

[3] Nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

[4] Từ BK8, 21a, dịch theo bản Chính Hòa.

Chu Bỉnh Khuê nói: "Dương liễu nhiều lời, mọi người ngậm miệng" (chưa rõ câu này nói ý thế nào)[1].

Bấy giờ bọn Đặng Tất và Hoàng Hối Khanh ngầm gửi thư cho Quy Ly, Quý Ly cho là họ âm mưu làm loạn. Bỉnh Khuê và Mãnh đều bị giết cả. Lấy Đặng Tất làm Hữu châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chính hình viện đại phu. Ngự sử đại phu Đỗ Tử Trừng không nói gì đến việc ấy, Quý Ly làm thơ gửi cho Trừng, có câu:

Tá vấn Tử Trừng nọa trung úy,
Thư sinh hà nhẫn phụ bình sinh.
(Thử hỏi Tử Trừng trung úy nhát,
Học hành sao nỡ phụ bình sinh?).

Mùa đông, tháng 12, lấy La Tu làm Tri phủ phủ Thanh Hóa.

Dựng điện Thụy Chương.

[21b] Nhâm Tuất, [Quang Thái] năm thứ 5 [1392], (Minh Hồng Vũ năm thứ 25). Mùa xuân, tháng 2, giết tôn thất Trần Nhật Chương. Nhật Chương mưu giết Quý Ly, Thượng hoàng cho là có lòng khác, giết đi.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán, xuống chiếu cầu lời nói thẳng.

Bùi Mộng Hoa dâng thư, đại ý nói: "Thần nghe trẻ con có câu hát rằng: "Thâm hiểm thay Thái sư họ Lê[2]. Xem thế, Quý Ly nhất định có ý dòm ngó ngôi báu".

Thượng hoàng xem tờ tâu rồi đưa cho Quý Ly. Sau Quý Ly chuyên chính, Mộng Hoa ẩn lánh không ra nữa.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kinh Dịch nói: Vua không kín thì mất bề tôi[3]. Sao cầu được lời nói thẳng rồi lại đưa cho kẻ bị lên án xem? Nghệ Hoàng đến đây đã già lẫn quá rồi. Mộng Hoa không gặp vua sáng là tự trời, mà cũng là điều bất hạnh cho nhà Trần đó.

Tháng 6, lấy Phạm Cự Luận tri Khu mật viện sự.

Mùa thu, tháng 7, đổi tên cho Lê Nhân **[22a]** Thống thành [Lê] Cảnh Kỳ, lấy vào chính phủ làm Hành khiển.

Tháng 9, lấy Hà Đức Lân làm Hành khiển tả ty.

Mùa đông, tháng 10, đặt các quan cửa sông và tuần thú ở các xứ để xét bắt trộm cướp, mỗi xứ tùy vị trí xung yếu có thể đặt 3, 4 hay 5 đô[4].

Phan Phu Tiên nói: Nhà Trần từ sau khi Dụ Tông hoang dâm phóng túng, lại thêm Chiêm Thành xâm lược, quấy rối, thì giặc cướp rất nhiều. Chúng cướp của bắt người giữa ban ngày, pháp luật không thể ngăn cấm được. Quý Ly nắm quyền cai trị, tìm cách lùng bắt, mới hạn chế được một phần nào!

Tháng 12, xuống chiếu rằng quân lính và dân thường hễ ai trốn việc lao dịch [cho nhà nước] thì phải phạt 4 quan tiền, thích vào gáy 4 chữ, kẻ đầu mục thì xử tội chém, ruộng đất sung công.

Quý Ly soạn sách Minh đạo gồm 14 thiên dâng lên.

Đại lược cho Chu công[1] là tiên thánh, Khổng Tử[2] là tiên sư. Văn Miếu đặt tượng Chu Công **[22b]** ở chính giữa, nhìn về phương nam[3], Khổng Tử ở phía bên, nhìn về phương tây. Cho sách Luận ngữ[4] có

---

[1] CMCB 11 chú rằng Quý Ly nói nhiều để khóa miệng mọi người.

[2] Nguyên văn: "Thâm tai! Lê sư", có nhiều cách hiểu. Ở đây dịch theo các hiểu của Bùi Mộng Hoa.

[3] Nguyên văn: "Quân bất mật tắc thất thần", lời của Hệ từ trong Kinh Dịch, giải nghĩa hào "sơ cửu" quẻ Tiết.

[4] CMCB tr.10 chú rằng: Mỗi đô là 30 người .

bốn chỗ đáng ngờ, như Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử[5], Khổng Tử bị hết lương ở nước Trần[6], Công Sơn, Phật Hất[7] cho gọi, mà Khổng Tử đều muốn tới giúp... cho Hàn Dũ là "đạo nho"[8]; cho bọn Chu Mậu Thúc[9], Trình Di[10], Dương Thi[11], La Trọng Tố[12], Lý Diên Bình[13], Chu Tử[14], tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thạo cóp nhặt [văn chương người xưa]. Thượng hoàng ban chiếu dụ khen.

Quốc tử trợ giáo Đoàn Xuân Lôi dâng thư nói bàn thế là không phải, bị đày đi châu gần.

(Xuân Lôi người xã Ba Lỗ, huyện Tân Phúc[15] là người thông minh, nhanh trí, hiểu biết, có kinh nghiệm, sau làm quan đến Trung thư hoàng môn thị lang kiêm tri Ái Châu thông phán, chết tại chức). [Xuân Lôi] khai là Đào Sư Tích có xem thư ấy, nên Sư Tích bị giáng làm Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo của tiên thánh nếu không có Khổng Tử thì không ai phát huy được; hậu **[23a]** thánh sinh ra, nếu không có Khổng Tử thì không còn ai làm khuôn phép nữa. Từ khi có sinh dân đến nay, chưa có ai nổi tiếng hơn Khổng Tử, thế mà Quý Ly lại dám khinh suất bàn về ngài thì thực là không biết lượng sức mình.

Quý Dậu, [Quang Thái] năm thứ 6 [1693], (Minh Hồng Vũ năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Hồ Cương coi quân Tả Thánh Dực (Cương người Diễn Châu). Quý Ly ngầm tìm được dòng dõi họ Hồ, muốn đổi theo họ cũ, đưa Cương ra làm người tâm phúc.

Tháng 2, thi thái học sinh, cho đỗ 30 người, là bọn Hoàng Quán Chi, Lê Vị Tẩu, Mai Tú Phu, Đồng Thức...

Mùa hạ, tháng 4, thi lại viên.

Tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, gió dữ, mưa lớn.

---

[1] Chu Công: tức Chu Công Đán, con Văn Vương, người định ra quan chế, lễ nhạc. Đời sau nói đến lễ, nhạc, phần nhiều nhắc đến Chu Công.

[2] Khổng Tử: tên là Khâu, tên tự là Trọng Ni, người nước Lỗ thời Xuân Thu, đã san định Lục kinh, là sách kinh điển của Nho giáo, trở thành ông tổ của nho gia.

[3] Tượng trưng cho ngôi vị của thiên tử.

[4] Luận ngữ: là sách ghi những lời của Khổng Tử, do học trò của ông biên tập, được coi là sách kinh điển của nho gia.

[5] Xem Luận ngữ thiên Ung dã, Nam Tử là vợ Vệ Linh Công, đẹp nhưng rất dâm dật.

[6] Xem Luận ngữ thiên Vệ Linh Công, Khổng Tử từ nước Vệ sang nước Trần, dọc đường bị hết lương ăn, người đi theo đói đến nỗi không đứng dậy được.

[7] Xem Luận ngữ thiên Dương hoá, Công Sơn tức Công Sơn Phất Nhiễu, làm quan tể của họ Quý, giữ ấp Phi làm phản. Phật Hất là quan tể ấp Trung Mâu, gia thần của quan đại phu Triệu Giản Tử nước Tấn.

[8] Hàn Dũ: tên tự là Thoái Chi, cũng gọi là Hàn Xương Lê, người Nam Dương, là một danh nho đời Đường.

[9] Chu Mậu Thúc là tên tự của Chu Đôn Di đời Tống, hiệu là Liêm Khê tiên sinh, soạn Thái cực đồ và sách Thông thư, là ông tổ của phái Lý học.

[10] Trình Hiệu, Trình Di: là hai anh em, học trò Chu Đôn Di. Trình Hiệu, hiệu là Minh Đạo tiên sinh, có san định lại sách Tính lý và thuyết Thái cực đồ. Trình Di, hiệu là Chính Thúc, hiệu là y Xuyên tiên sinh, là em Trình Hiệu, có làm truyện cho kinh Dịch và kinh Xuân thu.

[11] Dương Thi: tên tự là Trung Lập, hiệu là Quy Sơn tiên sinh, học trò của Trình Di.

[12] Trọng Tố: là tên của La Tùng Ngạn, hiệu là Dự Chương tiên sinh, học trò Dương Thi. Ông ở ẩn, đọc sách, không ra làm quan.

[13] Lý Diên Bình: tức Lý Đồng, tên hiệu là Diên Bình tiên sinh, là học trò La Tùng Ngạn và là thầy học Chu Hy, nổi tiếng về lý học.

[14] Chu Tử: tức Chu Hy, tên tự là Nguyên Hối (sau đổi là Trọng Hối), khi mất được tòng tự ở Văn Miếu nên gọi là Chu Tử, là người tập đại thành của phái Lý học đời Tống.

[15] Huyện Tân Phúc: sau là huyện Đa Phúc, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tháng 8, động đất, nước to.

Tháng 9, có sâu lúa.

Mùa đông, tháng 10, đem công chúa Thái Dương[1] gả cho Thái bảo Hãng. Thái Dương là hoàng hậu của Linh Đức. Từ khi Linh Đức bị hại, Thượng hoàng định chọn người chồng hiền gả cho. Thái Dương nhân đi chơi **[23b]** Hồ Tây, thông dâm với Phủ quân ty là Nguyên Uyên (con của Cung Tín Vương Thiên Trạch). Thượng hoàng giận, đem gả cho Hãng là em Nguyên Uyên để làm nhục.

Giáp Tuất, [Quang Thái] năm thứ 7 [1394], (Minh Hồng Vũ năm thứ 27). Mùa xuân, tháng giêng, thuyền buôn nước Chà Bà[2] tới dâng ngựa lạ.

Tháng 2, Thượng hoàng sai thợ vẽ tranh Chu Công giúp Thành Vương[3], Hoắc Quang giúp Chiêu Đế[4], Gia Cát giúp Thục Hậu chúa[5], Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông[6], gọi là tranh "Tứ phụ"[7], ban cho Quý Ly, để giúp quan gia[8] cũng nên như thế.

Tháng 3, Thượng hoàng chiêm bao thấy Duệ Tông đem quân đến và đọc bài thơ như sau:

Trung gian duy hữu xích chủy hầu,
Ân cần tiếm thượng bạch kê lâu.
Khẩu vương dĩ định hưng vong sự,
Bất tại tiền đầu tại hậu đầu.
(Ở giữa chỉ có loài mỏ đỏ,
Lăm le lấn lên lầu gà trắng.
Khẩu vương đã định việc hưng vong,
Không ở trước mà ở về sau).

Thượng hoàng tự mình chiết tự đoán là : "xích chủy"[9] là Quý Ly "bạch kê" là Thượng **[24a]** hoàng, vì thượng hoàng tuổi tân dậu[10]; "khẩu vương" là chữ "quốc"[11]; việc nước còn hay mất sau sẽ thấy. Thượng hoàng suy nghĩ về giấc chiêm bao này lung lắm, nhưng thế không thể làm gì được nữa.

Mùa hạ, tháng 4, sau hội thề[12], thượng hoàng gọi Quý Ly vào cung, ung dung bảo rằng:

"Bình chương[13] là họ thân thích nhà vua, mọi việc nước nhà đều trao cho khanh cả . Nay thế nước suy yếu, trẫm thì già nua. Sau khi trẫm chết, quan gia nếu giúp được thì giúp, nếu hèn kém ngu muội thì khanh cứ tự nhận lấy ngôi vua".

---

[1] CMCM 11 chép là Thiên Huy công chúa, con gái thượng hoàng.

[2] Tức Ja-va (In-đô-nê-xi-a).

[3] Chu Công Đán là quan chủng tể của nhà Chu. Chu Vũ Vương Phát chết, con là Thành Vương Tung lên ngôi lúc 13 tuổi. Chu Công phải trông coi mọi việc, giúp Thành Vương đến lúc trưởng thành.

[4] Hoắc Quang giữ chức Đại tư mã tướng quân, phò Hán Chiêu Đế lúc lên ngôi mới 9 tuổi.

[5] Gia Cát Lượng tức Khổng Minh, là thừa tướng của Chiêu Đế Lưu Bị nước Thục đời Tam Quốc. Lưu Bị chết, con là Lưu Thiện nối ngôi, tức Thục Hậu chúa, mọi việc nước, việc quân đều phải trông cậy vào Gia Cát Lượng.

[6] Tô Hiến Thành là Thái úy triều Lý Cao Tông, nhận di mệnh Cao Tông phò vua nhỏ là Long Cán lên nối ngôi mới 3 tuổi.

[7] Tứ phụ: nghĩa là bốn viên đại thần giúp vua khi mới lên ngôi.

[8] Chỉ Thuận Tông.

[9] Xích chủy: nghĩa là mõm đỏ, miệng đỏ, hay đỏ mỏ. Xích chủy hầu là loài đỏ mỏ ám chỉ Lê Quý Ly.

[10] Bạch kê: nghĩa là gà trắng. Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, tức năm gà. Tân thuộc hành kim, loài kim sắc trắng. Vì thế "bạch kê" ám chỉ Nghệ Tông.

[11] Chữ vương? ở trong lòng chữ khẩu? là chữ "quốc"?.

[12] Theo tục nhà Trần, hằng năm vào ngày mồng 4 tháng 4, vua hội họp bề tôi làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ. (Xem bản kỷ, quyển 5, Kiến Trung năm thứ 3, 1277).

[13] Chỉ Quý Ly.

Quý Ly bỏ mũ, rập đầu khóc lóc từ tạ, chỉ trời vạch đất thề rằng:

"Nếu thần không biết dốc lòng trung, hết sức giúp Quan gia để truyền đến con cháu về sau thì trời sẽ ghét bỏ thần".

Quý Ly lại nói: "Lúc Linh Đức Vương làm điều thất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì thần đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được tới ngày nay! Thần dù nát thịt tan xương cũng chưa hề báo đáp lấy một trong muôn phần ơn đức đó, dám đâu lại có lòng khác!".

Mùa thu, tháng 7, lấy Phùng **[24b]** Cụ làm Kinh sư doãn, đổi thành Trung đô doãn.

Tháng 8, lấy Hoàng Hối Khanh làm An phủ sứ lộ Tam Đái.

Mùa đông, tháng 11, bãi bỏ Đăng văn kiểm pháp viện, đặt Thượng lậm tự. Lấy Lê Nguyên Trừng con cả của Lê Quý Ly làm Phán tư sự. Tháng 12, ngày 15, Thượng hoàng băng, táng vào Nguyên Lăng ở Yên Sinh, miếu hiệu là Nghệ Tông, tên thụy là Quang Nhiên Anh Triết Hoàng Đế.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ Tông tính trời hòa nhã, giữ lòng kính cẩn, lo sợ. Nhưng uy vũ không đủ để đánh lui giặc ngoài[1], sáng suốt không đủ để phân biệt lời gièm, có một Nguyên Đán mà không biết dùng, lại giao việc nước cho người họ ngoại[2], khiến xã tắc nhà Trần đi đến sụp đổ, thực là "đằng trước có kẻ siểm nịnh mà không thấy, đàng sau có giặc cướp mà không [25a] hay"[3].

Ất Hợi, [Quang Thái] năm thứ 8 [1395], (Minh Hồng Vũ năm thứ 28). Mùa xuân, tháng 2, ngày 20, bỏ húy chữ "nguyệt" và chữ "nam" cho dùng chữ cũ.

Quý Ly giết người tôn thất là Phủ quân ty Nguyên Uyên và con thứ của Cung Chính Vương Sư Hiền là Nguyên Dận, vì hai người này trong khi để tang Nghệ Tông hay nói đến chuyện Nhật Chương[4]. Lại giết cả sĩ nhân Nguyễn Phù. Sư Hiền giả điếc thoát chết. Tước bỏ họ Trần của Nguyên Uyên, đổi thành họ Mai. Theo lệ cũ: người tôn thất có tội nặng phải tước bỏ họ cũ, đổi gọi là họ Mai.

Lấy Quý Ly làm Nhập nội phụ chính thái sư bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên Trung vệ quốc đại vương, đeo lân phù vàng.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Quý Ly được ở nhà bên hữu sảnh, đài gọi là "Hoa lư"[5]. Quý Ly nhân biên chép thiên Vô dật[6], dịch **[25b]** ra quốc ngữ để dạy Quan gia, mệnh lệnh ban ra thì xưng là Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế[7].

Tháng 6, cấm các quan không được dùng áo thụng tay, chỉ cho phép dùng áo hẹp tay. Dân gian chỉ được dùng trong dịp ngày chay, ngày giỗ. Đồ dùng không được mạ vàng, sơn son.

Nhà Minh sai bọn Nhâm Hanh Thái sang đòi 5 vạn quân, 50 cỗ voi, 50 vạn thạch lương đưa đến biên giới để dùng vào việc quân .

Khi ấy, người Minh đánh các man làm phản ở Long Châu và châu Phụng Nghĩa[8], ngầm bày kế ấy, hòng lấy cớ số lương thực nộp không đủ, để bắt người nước ta. Hanh Thái mật báo cho ta biết. Ta thác

---

[1] Chỉ Chiêm Thành.

[2] Chỉ Lê Quý Ly.

[3] Lời Đồng Trọng Thư trong sách Hán thư. Nguyên văn: "Tiền hữu sàm nhi bất kiến, hậu hữu tặc nhi bất tri".

[4] Nhật Chương mưu giết Quý Ly, bị Nghệ Tông giết (việc chép vào năm Quang Thái thứ 5, 1392).

[5] Sảnh, đài: là Trung thư sảnh và Ngự sử đài. Hoa lư: là nhà ở của đại thần thân cận vua.

[6] Một thiên trong sách Thượng thư được coi do Chu Công Đán soạn ra để răn dạy Thành Vương nhà Chu. "Vô dật" có nghĩa là chớ có lười biếng, an nhàn. Nội dung của thiên này là làm vua nên chăm lo chính sự, hiểu nỗi khó nhọc của dân, không nên đánh thuế nặng...

[7] Nghĩa là giúp vua trị nước kiêm việc dạy bảo vua.

[8] Long Châu và Phụng Nghĩa: đều thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

cớ không cung cấp quân lính và voi chiến, chỉ cấp một ít lương thực sai quan đưa đến Đồng Đăng rồi trở về.

Nhà Minh lại sai sứ sang đòi nhà sư, phụ nữ xoa bóp, người bị thiến, ta đưa sang mỗi loại một ít.

Mùa đông, tháng 12, lấy Lương Nguyên Bưu làm Hành khiển tri **[26a]** Đại tông chính; Hà Đức Lân làm nhập nội hành khiển môn hạ tả ty; Hoàng Hối Khanh làm Phát vận ty; Phạm Cự Luận làm Tham mưu quân sự kiêm Khu mật viện sự.

Bính Tý, [Quang Thái] năm thứ 9 [1396], (Minh Hồng Vũ năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở xuống, bắt phải hoàn tục. Lại thi những người thông hiểu kinh giáo, ai đỗ thì cho làm Đường đầu thủ[1], tri cung, tri quán, tri tự, còn thì cho làm kẻ hầu của người tu hành.

Tháng 3, xét duyệt quân ngũ.

Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu phát [tiền giấy]. Thông bảo hội sao. In xong, ra lệnh cho người đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy.

Thể thức [tiền giấy]: tờ 10 đồng vẽ rồng, tờ 30 đồng vẽ sóng, tờ 1 tiền vẽ mây, tờ 2 tiền vẽ rùa, tờ 3 tiền vẽ lân, tờ 5 tiền vẽ phượng, tờ 1 quan vẽ rồng. Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất, tài sản tịch thu.

Cấm **[26b]** tuyệt tiền đồng, không được chứa lén, tiêu vụng, tất cả thu hết về kho Ngao Trì ở kinh thành và trị sở các xứ. Kẻ nào vi phạm cũng bị trị tội như làm tiền giả.

Xuống chiếu qui định cách thức thi chọn nhân tài, dùng thể văn bốn kỳ, bãi bỏ phép viết ám tả cổ văn.

Kỳ thứ nhất thi một bài kinh nghĩa có các phần phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận, từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ hai thi một bài thơ Đường luật, một bài thơ phú cổ thể, hay thể Ly tao, thể Văn tuyển, cũng từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ ba thi một bài chiếu theo thể Hán, một bài chế, một bài biểu theo thể tứ lục đời Đường. Kỳ thứ tư một bài văn sách, ra đề thì theo kinh, sử hay thời sự, mỗi bài phải 1000 chữ trở lên. Cứ năm trước thi hương thì năm sau thi hội, người đỗ thì vua thi 1 bài văn sách để xếp bậc.

Tháng 6, quy định **[26a]** kiểu mũ áo các quan văn võ: Quan nhất phẩm (áo) màu tía; nhị phẩm màu đỏ thẫm; tam phẩm màu hồng nhạt; tứ phẩm màu xanh lục; ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu xanh biếc; bát phẩm, cửu phẩm màu xanh. Duy nội thị thì dùng quần hai ống, không dùng xiêm. Người không có phần hàm và hạng hoàng nô thì dùng màu trắng. Các tụng quan chức tước từ lục phẩm trở lên dùng mũ cao sơn[2], chánh lục phẩm được thắt đai, đi hia. Về sắc mũ, chánh thì sắc đen, tòng thì sắc xanh. Người tôn thất thì đội mũ phương thẳng màu đen. Võ quan tước lục phẩm đội mũ chiết xung, tước cao mà không có chức thì thắt đai, đội mũ giác đính, tứ thất phẩm trở xuống đội mũ thái cổ[3]; tòng thất phẩm đội mũ toàn hoa . Vương hầu đội mũ viễn du[4]; ngự sử đài đội mũ khước phi[5]. Những quy chế về tiền giấy, về mũ áo trên đây đều làm theo lời của thiếu bảo Vương Nhữ Chu cả.

Mùa thu, tháng 8, sai tướng chỉ huy quân Long Tiệp là Trần Tùng đi đánh Chiêm Thành, bắt được tướng nước ấy là Bố Đông đem về, ban cho họ tên là Kim **[27b]** Trung Liệt, chỉ huy quân Hổ Bôn.

---

[1] CMCB 11 chép là Tăng đường đầu mục, có lẽ là một chức đứng đầu một bộ phận nhà sư.

[2] Mũ cao sơn: cũng chế như kiểu mũ viễn du, nhưng không lõm xuống, đứng thẳng, không có ống suốt tháo ra lắp vào.

[3] Mũ thái cổ: theo Lễ ký, là mũ của người mới gia quan, mũ vải thảm.

[4] Mũ viễn du: theo Dư phục chí trong Hậu Hán thư thì kiểu mũ này cũng như mũ thông thiên, cao 9 tấc, thân mũ thẳng, đính mũ hơi lõm, thẳng chỗ lõm xuống ấy làm một vòng sắt (cầu mũ), nằm ngang trước vòng sắt có cái ống suốt ngang để tháo hoặc lắp vòng sắt ấy.

[5] Mũ khước phi: chế như kiểu mũ trường quan, cao 7 tấc, rộng 5 tấc, làm bằng cật tre, nhưng bên dưới co lại.

Sau này, vào năm Bính Tuất, khi phòng ngự thành Đa Bang, [Trung Liệt] dâng kế sách đưa quân lên biên giới đón đánh, không cho quân giặc tiến vào đất ta, không để chúng ỷ vào trường binh và thông được đường tiến quân. Nhưng các tướng không theo kế ấy. Bố Đông bị bệnh rồi chết.

Mùa đông, tháng 10, lấy Hồ Cương làm Đại trị châu lộ Diễn Châu, Đặng Tư Thành làm Phán châu sự.

Tháng 11, Quý Ly làm sách Quốc ngữ Thi nghĩa[1] và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ sau khi Mạnh Tử mất, người làm thầy đều chỉ chuyên dạy môn của mình, người đi học cũng chỉ học riêng theo một học thuyết . Nguồn chia, dòng tách, sai một ly đi một dặm! Có khi thì chảy tách thành một dòng khác, có khi lại quay giáo mà đánh lẫn nhau, không sao quay về một mối được! Những học giả đáng [28a] ca ngợi, tuy gọi bậc đại nho cũng không tránh khỏi còn có vết tỳ vết nhỏ, chưa có ai là được hoàn hảo cả .

Chu Tử sinh vào cuối đời Tống, kế tiếp công việc chú giải lục kinh[2] của các nhà nho Hán, Đường, ngược dòng tìm nguồn, hiểu được ý của thánh nhân ở các bộ kinh để lại, rõ được đạo thánh nhân ở những lời huấn giải, vắt óc nghiền ngẫm, lý và tâm dung hợp . Ông giải thích thì tường tận, chỉ dẫn thì xa rộng, thực là tập đại thành của các tiên nho và cũng là khuôn mẫu cho những kẻ hậu học. Huống chi lại có Trình Tử xướng ơ trước, và Chu Tử bổ sung chỗ chưa hoàn hảo ở sau, thì nghĩa đã tinh lắm rồi. Người sau mà có trước tác, thì cũng chỉ là mở mang cho rộng thêm, tô chuốc cho bóng thêm, có thế mà thôi, sao lại được chê bai bàn cải?

[28b] Đinh Sửu, [Quang Thái] nămthứ 10 [1397], (Minh Hồng Vũ năm thứ 30). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lại bộ thượng thư kiêm Thái sư lệnh Đỗ Tỉnh (có sách chép là Mẫn) đi xem đất và đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hóa, đắp thành đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố, có ý muốn dời kinh đô đến đó, tháng 3 thì công việc hoàn tất.

Trước đó, triều đình bàn bạc chưa xong, hành khiển Phạm Cự Luận khuyên nên thôi.

Quý Ly nói: "Ý ta đã định từ trước rồi, ngươi còn nói gì nữa!".

Đến đây thì thực hiện.

Lúc ấy, Khu mật chủ sự Nguyễn Nhữ Thuyết dâng thư can, đại ý nói: "Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy dời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ[3] có núi Tản Viên, có sông Lô nhị[4], núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa, các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất làm nơi sâu gốc bền rễ. Hãy nên noi theo việc trước: khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải nộp đầu... Xin nghĩ lại điều đó, để làm thế vững vàng cho nước nhà. An **[29a]** Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh, ở nơi đầu non cuối nước, hợp với loạn mà không hợp với trị. Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu: "Cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm"[5].

Quý Ly không nghe. Sau đến kỳ xét công Quý Ly thấy có tên Nhữ Thuyết liền nói:

"Người ngày từng nói cốt ở đức không cốt ở hiểm".

Rồi phế bỏ không dùng.

---

[1] Quốc ngữ Thi nghĩa: giải thích Kinh Thi bằng quốc ngữ hay dịch Kinh Thi ra quốc ngữ (chữ Nôm).

[2] Chỉ 5 bộ sách kinh điển của nhà Nho là Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lê, Kinh Xuân thu và Kinh Nhạc.

[3] Long Đỗ: chỉ Thăng Long. Truyền thuyết kể rằng lúc Cao Biền nhà Đường mới đắp thành Đại La, thấy thần nhân hiện lên xưng là thần Long Đỗ. Đại La từ đời Lý đổi là Thăng Long. Do đó người ta thường gọi là Thăng Long (Hà Nội ngày nay) là đất Long Đỗ.

[4] Sông Lô: hay sông Nhị, là sông Hồng ngày nay.

[5] Nguyên văn "Tại đức bất tại hiểm" là câu của Ngô Khởi, một danh tướng đời Chiến Quốc nói với Ngụy Vũ hầu.

Phan Phu Tiên nói: Tào Tháo dời kinh đô đến đất Hứa, nắm lấy thiên tử để sai khiến chư hầu, cơ nghiệp, nhà Hán chìm đắm thực là bắt đầu từ đó. Quý Ly dời kinh đô đến An Tôn, giết vua và diệt họ vua, cơ nghiệp nhà Trần bị sụp đổ, chả lẽ không phải bởi đó hay sao? Tuy nhiên, bọn loạn thần tặc tử đời nào mà chẳng có chúng? Cốt ở người làm vua phải cương quyết mà xử đoán, sáng suốt mà tra xét để không có mối lo về sau thôi.

Mùa hạ, tháng 4, đổi trấn Thanh Hóa thành trấn Thanh Đô; trấn Quốc Oai thành trấn Quảng Oai; trấn **[29b]** Đà Giang thành trấn Thiên Hưng; trấn Nghệ An thành trấn Lâm An; trấn Trười Yên thành trấn Thiên Quan; trấn Lạng Giang thành trấn Lạng Sơn; trấn Diễn Châu thành trấn Vọng Giang; trấn Tân Bình thành trấn Tây Bình. Bãi các chức đại, tiểu tư xã, đại toát, còn chức quản giáp vẫn theo quy chế cũ.

Định quy chế quan lại trấn nhậm bên ngoài.

Lộ đặt chức An phủ sứ và An phủ phó sứ. Phủ đặt chức Trấn phủ sứ và Trấn phủ phó sứ. Châu đặt chức Thông phán và Thiêm phán. Huyện đặt chức Lệnh úy và Chủ bạ để cai trị. Lộ thống nhiếp phủ, phủ thống nhiếp châu, châu thống nhiếp huyện. Các việc hộ tịch, tiền thóc, ngục tụng đều làm chung thành sổ sách của một lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để làm bằng cứ mà khảo xét. Lại đặt các phủ đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản và ty thái thú để trông coi.

Lấy Phó tướng Lê Hán Thương coi phủ đô hộ lộ Đông Đô; Thái bảo Trần Hàng coi phủ đô thống lộ Bắc Giang; Trần Nguyên Trữ[1] **[30a]** coi phủ đô thống lộ Tam Giang; thiếu bảo Vương Nhữ Chu làm tri Thiên Trường phủ lộ quân dân sự; Hành khiển Hà Đức Lân làm hành Tân Yên phủ lộ thái thú. Lại đặt chức giáo thụ và giám thư khố ở các châu trấn.

Tháng 5, xuống chiếu rằng:

"Đời xưa, nước có nhà học, đảng có nhà tư, toại có nhà tường[2] là để tỏ rõ giáo hóa, giữ gìn phong tục, ý trẫm rất chuộng như vậy. Nay quy chế ở kinh đô đã đủ, mà ở châu, huyện thì có thiếu, làm thế nào rộng đường giáo hóa cho dân? Nên lệnh cho các phủ lộ Sơn Nam, Kinh Bắc[3], Hải Đông, đều đặt một học quan, ban cho quan điền[4] theo thứ bậc khác nhau: phủ châu lớn thì 15 mẫu, phủ châu vừa thì 12 mẫu[5], phủ châu nhỏ 10 mẫu để chi dùng cho việc học trong phủ châu mình (một phần để cúng ngày mồng một, một phần cho nhà học, một phần cho đèn sách). Lộ quan và quan đốc học hãy dạy bảo học trò cho thành tài nghệ, cứ đến cuối năm thì chọn **[30b]** người ưu tú tiến cử lên triều đình, trẫm sẽ thân hành thi chọn và cất nhắc".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bấy giờ có chiếu lệnh này, còn gì tốt đẹp bằng thế nữa? Nhưng lệnh này không thấy thi hành, vì không phải là bản ý của vua, mà vì Quý Ly muốn làm việc cướp ngôi, mượn việc ấy để thu phục lòng người mà thôi.

Tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền[6].

Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.

---

[1] Bản dịch cũ (t.II, tr.201) chép là Trần Nguyên Hãn và chú là CMCB 11 chép là Trần Nguyên Hãn. Nhưng thực ra Cương mục ở chổ này vẫn ghi là Trần Nguyên Trữ coi phủ đô thống Tam Giang.

[2] Đảng: là một đơn vị hành chính đời xưa gồm 50 nhà: toại tương tự như làng, xã; tự và tường đều là tên trường học.

[3] Đây là tên đất thời Lê chứ không phải tên đất đời Trần. Có thể lời chiếu được chép lại không đúng nguyên văn.

[4] Quan điền: tức ruộng công .

[5] Bản dịch cũ chép là 11 mẫn và chú là CMCB 11 ghi 12 mẫu.

[6] Danh điền: là ruộng có người đứng tên, tức ruộng tư.

Trước kia, các nhà tôn thất thường sai nô tỳ của mình đắp đê bồi ở bờ biển để ngăn nước mặn, sau hai ba năm, khai khẩn thành ruộng, cho họ lấy lẫn nhau và ở ngay đấy, lập ra nhiều ruộng đất tư trang, cho nên có lệnh này.

Hữu thiêm tri chính sự **[31a]** hành Khu mật viện sự Phạm Cự Luận chỉ huy quân Thần Sách đánh bọn giặc cỏ áo đỏ ở trấn Tuyên Quang, thua trận bị chết, được tặng Tả bộc xạ (Cự Luận người huyện Đườn An[1]. Lấy Hành khiển Đỗ Thế Mãn thay làm Kinh lược sứ Tuyên Quang.

Mùa đông, tháng 11, Quý Ly bức vua dời kinh đô đến phủ Thanh Hóa .

Vua đi Yên Sinh bái yết các lăng trước, rồi tới hành tại ở hương Đại Lại gọi là cung Bảo Thanh. Cung nhân Trần Ngọc Cơ và Trần Ngọc Kiểm nói mật với vua là dời kinh đô thế nào cũng có việc cướp ngôi. Quý Ly nghe được, cho rằng viên miếu lệnh Lê Hợp, viên phụ đạo Hữu Lũng[2] là Lương Ông cũng đồng mưu, đem giết cả.

Hành khiển đồng tri Đại tông chính tự Lương Nguyên Bưu đỡ gạch ngói, gỗ lớn ở các cung điện Thụy Chương, Đại An, giao hết cho các châu Từ Liêm và Nam Sách chở tới kinh đô mới, gặp bão chìm **[31b]** đắm mất quá nửa .

Nhà Minh sai đưa hai người tộc họ nhà Nguyên là Đại Hồ và Tiểu Hồ sang an trí ở nước ta. Cho Đại Hồ tên là Địa Phục Cơ, Tiểu Hồ tên là Địa Bảo Lang.

Tướng Chiêm Thành là Chế Đa Biệt cùng với em là Mộ Hoa Từ Ca Diệp đem cả nhà sang hàng. Ban tên cho Đa Biệt là Đại Trung, phong là Kim Ngô vệ tướng quân, Ca Diệp làm Cấm vệ đô, đều ban họ Đinh, lại cho trấn thủ Hóa Châu để chống giữ Chiêm Thành.

Mậu Dần, [Quang Thái] năm thứ 11 [1398], (từ tháng 3 trở đi là Thiếu Đế Kiến Tân năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 3, ngày 15, Lê Quý Ly bức vua phải nhường ngôi cho hoàng tử An[3].

Quý Ly có ý cướp ngôi, nhưng đã trót thề với Nghệ Hoàng rồi, sợ trái lời thề, bèn ngầm sai đạo sĩ Nguyễn Khánh ra vào trong cung, thuyết phục vua rằng:

"Cõi tiên thanh nhã thơm tho, khác hẳn phàm trần, **[32a]** Liệt thánh triều ta chỉ thờ đạo Phật, chưa có ai đi theo chân tiên. Bệ hạ được tôn ở ngôi cửu ngũ[4], nhưng muôn việc khó nhọc, chi bằng truyền ngôi cho Đông cung[5] để giữ khí hư hòa".

Vua nghe lời, rồi Khánh làm lễ tâu ghi vào sổ phụng đạo vào cõi tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, mời vua tới ở đó. Vua bèn nhường ngôi cho hoàng thái tử. Tờ chiếu nhường ngôi đại lược nói:

"Trẫm sớm mộ huyền phong[6], không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc[7]. Đức kém lạm giữ ngôi cao, thực khó lòng kham nổi. Huống chi tâm bệnh thường hay phát ra, việc tông miếu và chính sự do đấy đều bị trở ngại. Lời thề nguyền trước, trời đất quỷ thần đều đã nghe. Nay phải nhường ngôi để giữ mãi cơ đồ to lớn, Hoàng thái tử An hãy lên nối ngôi Hoàng đế. Phụ chính thái sư Lê Quý Ly lấy danh

---

[1] Đường An: tức huyện Bình Giang về sau, nay là một phần đất huyện Cẩm Bình, Hải Hưng.

[2] Nguyên văn là chữ "hữu", nhưng chắc là chữ "cổ", Cương Mục cũng chép là Cổ Lũng. Cổ Lũng là tên đời Trần, đến đời Lê mới đổi là Hữu Lũng, nay là huyện Hữu Lũng, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

[3] Nguyên văn là chữ? không có loại từ nào có chữ này. Tên vua nhà Trần thường có bộ nhật, hoặc hỏa. Ở đây, tên vua là An và thêm bộ hỏa .

[4] Hào Cửu ngũ của quẻ Kiền trong Kinh Dịch nói: "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân" được coi là điềm xuất hiện vua giỏi, nên "ngôi cửu ngũ" là chỉ ngôi vua.

[5] Tức thái tử.

[6] Huyền phong: là phong cách thanh tao, ở đây chỉ đạo giáo.

[7] Hoàng ốc: loại xe vua ngự, ngoài bọc lụa sắc vàng. Nên hoàng ốc cũng dùng để chỉ ngôi vua.

nghĩa Quốc tổ[1] giữ quyền nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế, tu dưỡng ở cung Bảo Thanh để thỏa ý nguyền từ trước".

[32b] Hoàng thái tử An lên ngôi ở cung Bảo Thanh, đổi niên hiệu là Kiến Tân năm thứ 1. Đại xá. Tôn Khâm Thánh hoàng hậu là Hoàng thái hậu.

Khi ấy thái tử mới lên 3 tuổi, nhận truyền ngôi không biết lạy. Quý Ly sai thái hậu lạy trước cho thái tử lạy theo.

Quý Ly tự xưng là Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương. Bản văn thì đề là Trung thư thượng thư sảnh phụng nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ v.v ..

Ngày hôm ấy, lên ngự điện ở kinh đô mới. Lễ mừng xong, ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai, con gái dạo xem ở cửa nam thành cả ngày lẫn đêm.

Ra lệnh cho những người có ruộng phải khai báo số mẫu ruộng.

Hành khiển Hà Đức Lân nói kín với người nhà rằng: "Đặt ra phép này chỉ để cướp ruộng của dân thôi". Quý Ly nghe được, giáng Lân làm Hộ bộ thượng thư.

Lại ra lệnh cho dân phải nêu rõ họ tên cắm ở trên ruộng. Quan lộ, phủ châu, huyện **[33a]** cùng khám xét, đo đạc, lập thành sổ sách, 5 năm mới xong. Ruộng nào không có giấy khai sinh báo hay cam kết thì lấy làm quan điền[2].

THIẾU ĐẾ

Tên là An, là con trưởng của Thuận Tông, ở ngôi 2 năm, Quý Ly cướp ngôi, phế làm Bảo Ninh Đại Vương.

Phụ: HỒ QUÝ LY và HÁN THƯƠNG

Quý Ly tên tự là Lý Nguyên, tự suy tổ tiên là Hồ Hưng Dật vốn người Chiết Giang, đời Hậu Hán thời Ngũ Quý[3] sang làm Thái thú Diễn Châu. Sau đó, làm nhà ở hương Bào Đột châu này, rồi là trại chủ. Đến đời Lý, [có người] lấy công chúa Nguyệt Đích, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến đời cháu thứ 12 là Hồ Liêm dời đến ở hương Đại Lại, Thanh Hóa, làm con nuôi tuyên úy Lê Huấn, từ đấy lấy Lê làm họ mình. Quý Ly là cháu bốn đời của Huấn. Đời Trần Nghệ Tông, từ chức Chi hậu tứ cục chánh chưởng thăng lên Khu mật đại sứ, lên Tiểu tư không, tiến phong Đồng bình chương sự, liên tiếp gia phong tới Phụ chính thái sư nhiếp chính, Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương, Quốc Tổ Chương Hoàng, rồi thay ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại Ngu, trở lại họ Hồ, chưa đầy một năm thì truyền ngôi cho con là Hán Thương. Hán Thương tên cũ là Hỏa, tiếm ngôi được hơn 6 năm. Sau hai cha con đều bị người Minh bắt. Sử sũ đem hai người họ Hồ[4] chép từng năm thành kỷ[5], nay truất bỏ và sửa cho đúng.

---

[1] Quốc tổ: tức là tổ phụ (ông) của vua. Vợ Thuận Tông là con gái trưởng Quý Ly. Quý Ly là ông ngoại của Thiếu đế An.

[2] Quan điền: ruộng công.

[3] Ngũ Quý: còn gọi là Ngũ Đại, giai đoạn lịch sử Trung Quốc gồm 5 triều đại: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu, Hậu Hán (947 - 950) là tên một triều đại do Lưu Tri Viễn lập ra kế tiếp triều đại Hậu Tấn, đặt quốc hiệu là Hán, nên đời sau gọi là Hậu Hán.

[4] Tức Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương.

[5] Theo phép chép sử truyền thống của sử gia phong kiến, chỉ những triều đại chính thống mới được chép riêng thành kỷ, như kỷ nhà Lý, kỷ nhà Trần, kỷ nhà Lê... những triều đại không chính thống (gọi là nhuận triều) thì không được chép thành kỷ.

[33b] Kỷ Mão, [Kiến Tân] năm thứ 2 [1399], (Minh Thái Tổ Kiến Văn năm thứ 1[1]). Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly cương bức vua phải xuất gia thờ Đạo giáo, ra ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thủy[2], mật sai nội tẩm học sinh Nguyễn Cẩn đi theo để trông coi. Vua hỏi rằng:

"Người theo hầu ta muốn làm gì chăng?".

Cẩn không nỡ trả lời. Quý Ly làm bài thơ bảo Cẩn rằng:

"Nguyên Quân[3] không chết, thì ngươi phải chết!".

Lại làm bài thơ đưa cho Nguyên Quân rằng:

Tiền hữu dung ám quân,
Hôn Đức cập Linh Đức.
Hà bất tảo an bài,
Đồ sử lao nhân lực.
(Trước đó vua hèn ngu,
Hôn Đức và Linh Đức.
Sao không sớm liệu đi,
Để cho người nhọc sức?).

Cẩm bèn dâng thuốc độc. Vua không chết, lại dâng nước dừa và không cho ăn mà vẫn không chết. Đến đây, sai Xa kỵ vệ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh thắt cổ chết. Chôn ở lăng Yên Sinh, miếu hiệu là Thuận Tông.

Bọn Thái bảo Trần Hãng, Thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không thành, bị giết.

Hôm ấy, Quý Ly họp thề ở Đốn Sơn[4]. Bọn Khát Chân đã có ý giết Quý Ly. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân **[34a]** để xem, y như lệ thiên tử ngự đến miếu đến chùa[5]. Cháu Khả Vĩnh là Phạm Tổ Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm gươm định lên, Khát Chân trừng mắt ngăn lại, nên việc không xong.

Quý Ly chột dạ đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ xuống lầu.

Ngưu Tất vứt gươm xuống đất nói: "Chết uổng cả lũ thôi".

Sự việc bị phát giác, bọn tôn thất Hãng, Trụ quốc Nhật Đôn, tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, hành khiển Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bửu, Phạm Ông Thiện, Phạm Ngưu Tất và các liêu thuộc, thân thích gồm hơn 370 người đều bị giết cả, tịch thu gia sản, con gái bắt làm nô tỳ, con trai từ 1 tuổi trở lên bị chôn sống, hoặc bị dìm nước. Lùng bắt dư đảng liền mấy năm không ngớt. Người quen biết nhau chỉ đưa mắt ra hiệu, không dám nói chuyện với nhau. Nhà dân không được chứa người đi đường ngủ trọ, hễ có người **[34b]** ngủ trọ, thì phải báo nhà láng giềng, cùng nhau xét hỏi giấy tờ, hành lý, lý do đi qua để làm chứng cứ bảo lĩnh. Các xã đều đặt điểm tuần, ngày đêm tuần tra canh giữ. Lễ minh thệ từ đó không cử hành nữa.

Khát Chân người Hà Lãng, huyện Vĩnh Linh[6], ba đời làm thượng tướng quân. Người đời truyền Khát Chân khi sắp bị hành hình, lên núi Đốn Sơn gào thét 3 tiếng, chết qua 3 ngày sắc mặt vẫn như khi sống, ruồi nhặng không dám bâu. Sau có hạn hán, cầu mưa thì ứng nghiệm ngay.

---

[1] Kiến Văn: là niên hiệu của Minh Huệ Đế, không phải là của Minh Thái Tổ, Toàn thư in lầm.

[2] Thôn Đạm Thủy: thuộc huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[3] Tức Thuận Tông. Sau khi truyền ngôi cho con, Thuận Tông tự xưng là Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế.

[4] Đốn Sơn: là ngọn núi ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[5] Chữ "lệ"? ở nguyên bản là chữ "trắc"?, sửa lại là "lệ", chúng tôi cho là hợp lý.

[6] Vĩnh Linh: tên huyện đời Trần, đời Lê đổi là Vĩnh Phúc. Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên Bưu người Tuyên Quang, tiên tổ là Thế Sung làm Toát Thông Vương kiêm phụ đạo ở triều Lý. Các con là Văn, Hiến, Quế đều được phong hầu. Con của Quế là Hiếu Bão vì có công đánh Toa Đô được phong Quan phục hầu; Hiếu Bão sinh ra Thế Tắc được phong Lặc Thuận hầu; Thế Tắc sinh ra Cúc Tôn làm Quan sát sứ; Cúc Tôn sinh ra Nguyên Bưu.

[35a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quý Ly đến đây tội ác đã chất đầy rồi. Trần Hãng đã đi lại, hẹn ước với các tướng văn tướng võ từ trước, nếu biết thừa cơ quyết đoán, vạch tội giết vua của Quý Ly, hiệp sức với Khả Vĩnh mà giết nó đi, thì danh chính ngôn thuận, mà việc cũng xong rồi. Đánh tiếc lại do dự, sợ sệt, đến nỗi chuốc lấy bại vong.

Tháng 6, Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng, mặc áo màu bồ hoàng[1], ở cung Nhân Thọ, ra vào theo lệ thái tử[2], dùng 12 chiếc lọng vàng. Con là Hán Thương xưng là Nhiếp thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên. Nguyên Trừng làm tư đồ. Bảng văn thì đề là Phụng Nhiếp Chính Quốc Tổ Chương Hoàng, chỉ xưng là "dư" mà chưa dám xưng "trẫm"[3].

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Công tử Ngữ nước Sở trước khi cướp ngôi, đặt phục chế, bày [35b] quân hầu, kết cỏ bồ như cung vua, ngang nhiên ngạo mạn, lộ vẻ hung hăng để làm nhụt chí mọi người. Thấy không ai dám chống lại, bấy giờ mới không còn kiêng sợ gì nữa mà trổ hết ngón ác[4]. Việc làm của họ Hồ cũng cùng một duộc!.

Mùa thu, tháng 7, Nguyễn Dụng Phủ, người Cổ Đẳng[5] phủ Thanh Hóa dâng thư đại ý nói rằng:

Chương Hoàng là hiệu gì? Bồ hoàng là sắc gì? Đối với việc phó thách cuả tiên đế thì thế nào?

Quý Ly bắt giam mấy ngày rồi tha.

Tháng 8, tên cướp Nguyễn Nhữ Cái trốn vào núi Thiết Sơn làm giả tiền giấy tiêu dùng. Gặp lúc Thuận Tông bị giết, Khát Chân bị chém, mới chiêu dụ dân lành được hơn vạn người, hoạt động ở các xứ Lập Thạch, sông Đáy, Lịch Sơn[6], sông Đà, Tản Viên, cướp bóc bừa bãi, các châu huyện không sao chống được.

Tháng 9, dời các tội nhân giam ở Cảo Điền vào xã Tương Một,Thanh Hóa.

[36a] Sai Trần Ninh dốc suất người phủ Thanh Hóa trồng tre gai ở phía tây thành, phía nam từ Đốn Sơn, phía bắc từ An Tôn đến tận cửa Bào Đàm, phía tây từ chợ Khả Lãng ở Vực Sơn đến sông Lỗi Giang, vây quanh làm toà thành lớn bọc phía ngoài. Dân chúng ai lấy trộm măng thì bị xử tử.

Dọc rừng rậm và đồng hoang dựng các quán xá, từ cầu Đại Tân đến bến Đàm Xá để tiện cho quân dân qua lại nghỉ ngơi.

Đặt sở tuần kiểm ở sông Đại Lại. Sai chăng dây chão to ở giữa sông phàm các thuyền trên sông phải kéo dây theo thứ tự mà đi, không được tranh nhau đi trước.

Mùa đông, tháng 10, đổi người có tội đi đày làm lính khơi mương, sai đi khơi các con kênh Vi, kênh Trầm, kênh Hào, đến tận cửa biển Hà Hoa để tiện thuyền bè qua lại.

Tháng 12, sai Nguyễn Bằng Cử, An phủ sứ Đông Lộ[7] đi đánh Nguyễn Nhữ Cái, dẹp yên được.

---

[1] Màu bồ hoàng: màu vàng như nhị hoa xương bồ.

[2] CMCB 11 chép là "thiên tử", có lẽ hợp lý hơn.

[3] "Dư" là đại từ ngôi thứ nhất, nghĩa làm "ta", dùng cho mọi người, còn "trẫm" là tiếng tự xưng, chỉ riêng vua được dùng.

[4] Công tử Ngữ nước Sở khi hội thề với các nước ở đất Quắc, mặc áo đẹp như áo vua, có quân hầu cầm giáo mác hộ vệ, kết cỏ bồ làm chỗ ở tại nơi thề như cung vua. Sau này, giết Giáp Ngao, là vua Sở, lên làm vua tức Sở Linh Vương (xem Tả truyện, Lỗ Chiêu Công năm thứ 1).

[5] Cổ Đẳng: là tên giáp, thuộc huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[6] Lịch Sơn: thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang ngày nay.

[7] Ở đây Toàn thư chép là Đông Lộ, nhưng ở đoạn sau (tờ 40b), chép rõ ràng Bằng Cử là An phủ sứ lộ Đông Đô.

(Bằng Cử người huyện Đông Ngàn, Bắc Giang).

[36b] Canh Thìn, [Kiến Tân] năm thứ 3 [1400], (Năm này nhà Trần mất, từ tháng 3 trở đi, Quý Ly cướp ngôi, xưng là Thánh Nguyên năm thứ 1; Minh Kiến Văn năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, Lê Quý Ly lập con là Hán Thương làm thái tử.

Trước đây, Quý Ly định lập Hán Thương nhưng chưa quyết, mới mượn cái nghiên đá mà nói rằng:

"Thử nhất quyển kỳ thạch, hữu thì vi vân vũ dĩ nhuận sinh dân" (Hòn đá lạ bằng nắm tay này, có lúc làm mây làm mưa để nhuần thấm sinh dân), bảo con trưởng là Trừng đối lại để xem chí hướng ra sao.

Trừng đối lại rằng: "Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đống tác lương dĩ phù xã tắc" (Cây thông nhỏ mới ba tấc kia, ngày sau làm rường cột để chống nâng xã tắc). Bấy giờ ý mới quyết định.

Tháng 2, ngày 28, Quý Ly bức vua nhường ngôi và buộc người tôn thất và các quan ba lần dâng biểu khuyên lên ngôi. Quý Ly giả vờ cố tình từ chối nói: "Ta sắp xuống lỗ đến nơi rồi, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới đất nữa?".

Rồi tự lập làm vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu[1], đổi thành họ Hồ.

> [37a] Phan Phu Tiên nói: Khổng Tử nói: "Không phải ma nhà mình mà cúng là siểm nịnh". Vì thế Địch Thanh từ chối không nhận là dòng dõi Lương Huệ Công[2]; Lưu Việp tạ từ không nhận là họ hàng Lưu thái hậu. Nhà Đường tế Đế Nghiêu làm tiên tổ mà tiên nho chê cười: Chiêu Liệt là con cháu Trung Sơn Tĩnh Vương mà Ôn Công không thừa nhận[3]. Đâu phải có riêng tư gì trong việc khen chê!.

Là vì họ hàng xa xôi, các đời biến đổi, khó mà tin chắc được. Quý Ly lại nhận là dòng dõi xa của Hồ Công Mãn, tế Ngu Thuấn làm thủy tổ, thì cái tội dối đời để tiếm ngôi thực không gì to bằng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phu Tiên theo thuyết của Ôn Công cho rằng nếu Chiêu Liệt là dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh Vương thì họ hàng xa xôi cũng khó mà tin được. Như vậy là không tin lời của Gia Cát Vũ **[37b]** hầu[4]. Nhưng Gia Cát là bậc hiền tài, hơn nữa thế đại cũng chưa xa lắm, bảo Chiêu Liệt là dòng dõi nhà vua chả lẽ lại không có căn cứ mà nói bịa đặt hay sao? Chu Tử[5] đã theo thuyết ấy thì còn nghi ngờ gì nữa.

Hồ Quý Ly phế vua làm Bảo Ninh Đại Vương, vì vua là cháu ngoại nên không giết.

Lộ Tam Giang dâng con chim đen đỏ mỏ, tên là chim yểng, có thể nói được tiếng người. (Người đàn bà hương ấy một hôm bắt được cái trứng chim, để lẫn vào trứng gà cho ấp, khi lớn lên, chim vẫn theo người đàn bà ấy đi cho lợn ăn, bắt chước tiếng gọi lợn, dần dần nói được tiếng người).

Người trong thành dâng chim trắng.

---

[1] Theo truyền thuyết, họ Hồ là con cháu Ngu Thuấn; con Ngu Yên là Vĩ Mãn được Chu Vũ Vương phong co ở đất Trần gọi là Hồ Công, sau dùng chữ Hồ làm tên họ. Quý Ly nhận mình là dòng dõi họ Hồ, con cháu Ngu Thuấn, nên đặt quốc hiệu là Đại Ngu.

[2] Địch Thanh khi làm tể tướng nhà Tống, có người con cháu xa của Địch Nhân Kiệt tức Địch Lương Công (được phong là Lương Huệ Công) đem bức chân dung và bằng sắc của Lương Công đến dâng và bảo ông là con cháu xa của Lương Công. Ông từ chối nói: May gặp được phú quý nhất thời, đâu dám nhận là con cháu Lương Công.

[3] Chiêu Liệt là Lưu Bị, Trung Sơn Tĩnh Vương là con Hán Cảnh Đế, Ôn Công tức Tư Mã Quang, sử gia đời Tống, tác giả bộ sử Tư trị thông giám. Tư Mã Quang không thừa nhận Lưu Bị là dòng dõi vua Hán.

[4] Tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, bề tôi của Lưu Bị.

[5] Chỉ Chu Hy.

Quý Ly sai thuộc quan ở tam quán, chi hậu nội nhân, nội tẩm học sinh chia nhau đi các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở trong quan lại, việc lợi việc hại ở dân gian để tiến hành việc giáng truất hay thăng bổ, quy định thành thể thức lâu dài. Từ đó, các chức thú lệnh[1] mới thay đổi luôn.

Mùa thu, tháng 8, Quý Ly mở khoa thi **[38a]** thái học sinh. Lấy đỗ bọn Lưu Thúc Kiệm 20 người. Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành đều đỗ kỳ này.

(Tử Tấn, Mộng Nguyên và Thành đều làm quan ở triều nay[2] đến chức Quốc tử giám tế tửu, Hiến làm đến Quốc tử giám giáo thụ).

Đầu đề bài phú là "Linh kim tàng"[3]. Các học trò xin giảng nghĩa đề thi. Quan trường hỏi: "Có lệ cũ như vậy không?" Duy có Bùi Ứng Đẩu trả lời rằng triều Tống có Tôn Hà Khoa đã hỏi nghĩa đề thi "Chi ngôn nhật xuất"[4]. Cho nên quan trường đã giảng nghĩa đề này.

(Ứng Đẩu người Sơn Vi[5], làm giám thư khố đời Trần, đến đây bị giải chức, vào thi đã 50 tuổi, được bổ chức giám quan. Sau nói việc trái ý, bị giáng làm thái tử thuyết thư, không bao lâu bị giáng làm thái tử tân khách).

Mùa đông, tháng 12, Quý Ly tìm phả hệ họ nội, họ ngoại, bà là họ Chu, mẹ là họ Phạm, gọi là họ Hoạ thị.

Quý Ly lấy Hành khiển Đỗ Mân làm Thủy quân đô tướng; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Trần Vấn (được ban họ Hồ) làm Đồng đô tướng; tướng chỉ huy quân Long Tiệp Trần Tùng (được ban họ Hồ) làm Bộ quân đô tướng; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Đỗ Nguyên Thác làm Đồng đô tướng; **[38b]** đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành.

Quý Ly nhường ngôi cho con là Hán Thương, tự xưng là thượng hoàng, cùng coi chính sự.

Hán Thương phong bà phi của mình là Trần Thị làm Hiến Gia hoàng hậu, ở cung Phù Tang. Vì chữ "tang" (cây dâu) đồng âm với chữ "tang" (việc tang) nên đổi là cung Phù Cực.

Quý Ly sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, mẹ Hán Thương là Huy Ninh công chúa (truy tôn là Thái tử hoàng hậu), con gái của Trần Minh Tông, trước đã lấy Phò ký lang Trần Nhân Vinh, Nghệ Tông không cho giữ tiết [để tang chồng], đem gả cho Quý Ly, sinh ra Khâm Thánh hoàng hậu và Hán Thương.

Đến đây, sai sứ sang báo nhà Minh, nói rằng họ Trần đã tuyệt tự, Hán Thương là cháu ngoại Minh Tông, tạm trông coi việc nước.

Hán Thương đánh thuế các thuyền buôn, định 3 mức thượng, trung, hạ. Mức thượng đánh thuế mỗi thuyền 5 quan, mức trung 4 quan, mức hạ 3 quan.

Năm ấy, chúa Chiêm Thành [39a] La Ngai chết, con là Ba Đích Lại lên ngôi.

Tân Tỵ, [1410], (Hồ Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 1, Minh Kiến Văn năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sét đánh điếm canh trên thành.

Hán Thương đổi lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 3, sét đánh vào Đông cung, chết mất 3 người.

---

[1] Thú: thái thú, lệnh: lệnh doãn. Thú lệnh là tên gọi chung những chức quan đứng đầu ở phủ, châu hoặc ở huyện.

[2] Chỉ triều Lê.

[3] Linh kim tàng: kho chứa gươm thiêng, lấy điển Lưu Bang dùng gươm chém rắn khi mới nổi lên chống nhà Trần.

[4] Chi ngôn nhật xuất (Chén rượu như câu nói mỗi lúc một khác) là câu trong sách Trang Tử. Chi là chén ở trong mà biến đổi tư thế, cũng ví như lời nói tùy theo sự vật mà đổi thay.

[5] Sơn Vi: tên huyện, nay là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Bùi Ứng Đẩu, người xã Xuân Dũng (làng Dóng). (BT).

Mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, ********Hán Thương đổi lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 3, sét đánh vào Đông cung, chết mất 3 người.

Mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, cho ghi họ Hồ có hai phái ở Diễn Châu và Thanh Hóa. Biên hết vào sổ những nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên và lấy số hiện tại làm thực số, không cho phép người lưu vong mà vẫn biên tên trong sổ. Yết thị cho các phiên trấn hễ có người kinh nào trú ngụ thì đuổi về nguyên quán. Trước đây Quý Ly có lần nói với các quan: "Làm thế nào có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc?". Đồng tri khu mật sứ Hoàng Hối Khanh dâng kế sách này.

Đến đây, sổ làm xong, tính số người từ 15 tuổi trở lên, 60 tuổi [39b] trở xuống được gấp bội so với trước. Cho nên năm Thiệu Thành thứ 2 [1402] điểm binh càng nhiều.

Hán Thương lập phép hạn chế gia nô, chiếu theo phẩm cấp được có số lượng khác nhau, còn thừa phải dâng lên, mỗi tên được trả 5 quan tiền. Người nào đáng được có gia nô phải xuất trình chúc thư 3 đời. Nô người nước ngoài thì không theo lệ này.

Các nô đều thích vào trán để đánh dấu: Quan nô thì thích hình viên ngọc hỏa châu, có khi lấy bổ sung vào quân điện tiền; của công chúa thì thích hình cây dương, cây đường; của đại vương thì thích 2 khuyên đỏ, của quan nhất phẩm thì thích 1 khuyên đen; của quan nhị phẩm trở xuống thích 2 khuyên đen.

Bấy giờ bọn sĩ đại phu tham phú quý, mong được lòng của họ Hồ, dâng thư khuyên giết hại con cháu nhà Trần, giảm bớt số ruộng và nô để nén bớt thế lực của họ, như bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hy Chu, Đồng Thức, còn lại thì nhiều vô kể.

Hồ Tùng đi đánh Chiêm Thành, nghe lời Đình Đại Trung, cho quân bộ đi đường núi, **[40a]** tách xa hẳn quân thủy, gặp khi nước lũ, tướng sĩ ở giữa đường hết lượng đến 3 ngày, phải nướng cả áo giáp bằng da để ăn. Quân trở về, Tùng do đi đường hiểm, lỡ mất quân cơ, đáng phải xử chém. Nhưng vì có công lao hồi còn tiềm để[1] được tha tội chết, đề làm xã binh.

Hán Thương đặt kho thường bình[2], phát tiền giấy cho các lộ, theo giá cả mua thóc chứa vào kho. Bấy giờ số quan lại ở các lộ, phủ, châu, huyện có thay đổi, nên không làm được.

Hán Thương đặt hương đình quan, có chánh, có phó, sau chỉ dùng một viên.

Hán Thương hạ lệnh cho các lộ nung gạch để dùng vào việc xây thành. Trước đây xây thành Tây Đô, tải nhiều đá tới xây, ít lâu sau lại bị sụp đổ, đến đây mới xây trên bằng gạch, dưới bằng đá.

Hán Thương định quan chế và hình luật nước Đại Ngu.

Mùa đông, tháng 12, Hán Thương lấy Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm học sĩ.

[40b] Nhâm Ngọ, [1402], (Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 2, Minh Kiến Văn năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương xét duyệt quân ngũ.

Tháng 3, Hán Thương đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu. Dọc đường đặt phố xà và trạm truyền thư, gọi là đường thiên lý.

Mùa hạ, tháng 6, Hán Thương lấy Đồng Thức làm Trung tán, ban cho họ Ngụy (ví với Ngụy Trưng[3] nhà Đường).

---

[1] Tức là khi Hán Thương ở ngôi thái tử.

[2] Thường bình: nghĩa là "luôn luôn cân bằng". Khi thóc hơn thì đong vào, khi thóc kém thì bán ra theo giá rẻ để giá thóc ổn định

[3] Ngụy Trưng: là tể tướng của nhà Đường, nổi tiếng thẳng thắn can ngăn vua, dâng hơn hai trăm tờ biểu sớ can ngăn Đường Thái Tông, Thái Tông cũng phải kính nể .

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành. Lấy Đỗ Mãn làm Đô tướng; Điện nội phán thủ Nguyễn Vị làm Chiêu dụ sứ; An phủ sứ lộ Đông Đô Nguyễn Bằng Cử làm Đồng chiêu dụ sứ.

Đại quân sắp tới đất Chiêm, Đinh Đại Trung cưỡi ngựa đi trước các quân, gặp tướng giặc Chế Tra Nan, hai bên giao chiến, đều bị chết.

Chúa Chiêm Ba Đích Lại sợ, sai cậu là Bố Điền dâng một voi trắng, một voi đen và các sản vật địa phương, lại dâng đất Chiêm Động[1] để xin rút quân.

Bố Điền tới, Quý Ly bắt ép **[41a]** phải sửa tờ biểu là dâng nộp cả động Cổ Lũy[2]. Rồi chia đấy ấy thành bốn châu Thăng,Hoa, Tư, Nghĩa. Đặt An phủ sứ và An phủ phó sứ lộ Thăng Hoa để cai trị; miền đầu nguồn đất ấy thì đặt trấn Tân Ninh[3]. Chiêm Thành thu lấy những dân phụ cận đưa về nước. Người ở lại thì bổ làm quân.

Hán Thương điều An phủ sứ lộ Thuận Hóa Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa. Cảnh Chân dâng thư nói xin theo việc cũ của nhà Hán, nhà Đường, mộ người nộp thóc để việc phòng bị biên cương được đầy đủ, những người nộp thóc thì hoặc ban tước cho, hoặc được miễn tội tuỳ theo mức độ.

Quý Ly phê: "Biết được mấy chữ mà dám nói việc Hán Đường, thực là thẳng ngọng hay nói, chỉ chuốc lấy tiếng cười thôi!".

Hán Thương lấy Hiệu Chính hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Cổ Lũy huyện thượng hầu, trấn giữ châu Tư, Nghĩa, chiêu dụ, vỗ về dân chúng người Chiêm để mưu tiến đánh.

Đặt nhã nhạc, lấy con các quan văn **[40b]** làm kinh vĩ lang, con các quan võ làm chỉnh đốn lang, tậpvúa các điệu võ, văn,võ.

Tháng 8, Hán Thương đắp đàn Giao ở Đốn Sơn để làm lễ tế Giao[4]. Đại xá.

Hôm tế, Hán Thương ngồi kiệu Vân Long, từ cửa Nam đi ra, các cung tần, mệnh phụ[5], quan văn, quan võ trong triều theo thứ tự đi sau. Mũ áo của đàn bà kém chồng một bậc, nếu bản thân là tôn quý thì không phải kém.

Lệ cũ của đời trước có nghi lễ bái yết hai bậc, quan lại và người theo hầu rất đông. Cứ 3 năm cử hành đại lễ một lần, thiên tử ngồi xe Thái Bình[6], khắc gỗ làm 40 hình người tiên, mặc áo vóc, cầm cờ đi trước, nếu đi thuyền nhỏ ở hồ Chu Tước thì dùng dây thừng gấm để kéo thuyền; 2 năm cử hành trung lễ một lần, thiên tử ngồi ngai chạm bách cầm; 1 năm cử hành tiểu lễ một lần, thiên tử ngồi ngai nhỏ. Chưa từng làm lễ tế Giao. Nay Hán Thương mới bắt đầu làm lễ này. Nhưng vì khi dâng chén rượu, [Hán Thương] run tay, rượu bị đổ **[42a]** xuống đất, nên phải ngừng lại.

Hán Thương định lại các lệ thuế và tô ruộng.

Triều trước, mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng. Bãi dây, triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng mỗi mẫu 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hằng năm của đinh nam trước thu 3 quan, nay chiếu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy; từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1 quan;

---

[1] Chiêm Động: được chia làm hai châu Thăng và Hoa, là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn, Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

[2] Cổ Lũy: được chia thành hai châu Tư và Nghĩa, là đất các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi ngày nay.

[3] Tân Ninh: là vùng các con sông Thu Bồn, Vu Da ở miền tây tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng ngày nay.

[4] Tế Giao: là tế trời vào tiết Đông chí và tế đất vào tiết Hạ chí.

[5] Mệnh phụ: các bà được vua phong hiệu cho.

[6] Xe Thái Bình: được chế tạo từ đời Lý.

1 mẫu 1 sào đến 2 mẫu thu 2 quan; từ 2 mẫu 1 sào đến 2 mẫu 5 sào thu 2 quan 6 tiền; từ 2 mẫu 6 sào trở lên thu 3 quan. Đinh nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì dẫu có ruộng cũng thôi không thu.

Sĩ nhân Nguyễn Bẩm dâng thư cho rằng Tiền Hồ[1] nên nhường ngôi, lui về ở Kim Âu[2], Hậu Hồ[3], thì nên tôn là thượng hoàng **[42b]**, thái tử Nhuế lên ngôi Quan gia[4]. Quý Ly giận lắm, cho là Bẩm chỉ trích nhà vua, sự tình nghiêm trọng, sai đem chém.

Quý Mùi, [1403], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 1, Minh Thái Tông Vĩnh Lạc năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương đem những người không có ruộng mà có của dời đến Thăng Hoa[5], biên chế thành quân ngũ. Quan lại ở các lộ, phủ,châu, huyện chia đất cho họ ở. Người ở châu nào thì thích hai chữ tên châu ấy vào hai cánh tay để làm dấu hiệu. Đến năm sau đưa vợ con đi theo, giữa đường, bị bão chết đuối, dân phần nhiều ta oán.

Hán Thương mộ dân nộp trâu để cấp cho dân mới dời đến ở Thăng Hoa, người nộp được ban tước.

Hán Thương lấy phủ lộ Thanh Hóa làm đất Tam phụ[6] của kinh kỳ; đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương, gồm với Cửu Chân và Ái Châu gọi là Tam phụ. Lại đổi Diễn Châu thành phủ Linh Nguyên, cộng là Tứ **[43a]** phụ. Đổi phủ Kiến Xương thành phủ Kiến Ninh, đổi núi Đại Lại thành núi Kim Âu. Đặt chức thị giám[7]; ban hành cân, thước, thưng, đấu, định giá tiền giấy, cho mua bán với nhau. Bấy giờ, người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy. Lại lập điều luật để xử tội không tiêu tiền giấy, bán giá cao, đóng cửa hàng, bao che giúp nhau.

Hán Thương cấm người tôn thất và cung nhân không được xưng quý hiệu, người vi phạm bị trị tội.

Hán Thương sai giết người phương thuật là Trần Đức Huy.

Đức Huy hồi trẻ mồm rộng đút vừa nắm tay, tay dài quá gối, có người bảo rằng ngày sau tất quý hiển. Đến khi lớn lên, học nghề phường thuật, thường ban đêm đánh mõ làm phép kỳ binh, như có nghìn muôn người reo hò đánh nhau; lại đi khắp các xã, lấy trộm tên những người đi tuần biên vào sổ quân. Việc bị phát giác, thu được một quyển sách phương thuật, một con dấu nguỵ, một thanh gươm nhỏ, mộc chiếc mõ đồng. Xử tội lăng trì, **[43b]** sổ quân thì ném xuống nước hoặc đốt đi không hỏi đến.

Hán Thương dựng miếu ở các lăng tẩm tại Thiên Xương, để thờ cúng tổ khảo, sớm chiều cúng tế. Lại dựng miếu ở các lăng tẩm Bào Đột, Linh Nguyên để thờ cúng tiên tổ. Ở kinh thành thì dựng Đông thái miếu để thờ cúng tông phái họ mình, Tây thái miếu để thờ họ ngoại là Trần Minh Tông và Trần Nghệ Tông.

Nhà Minh sai Ổ Tu[8] sang báo việc Thái Tông lên ngôi và đổi niên hiệu.

Bấy giờ vua Minh đóng đô ở Kim Lăng, Yên Vương Lệ làm phản, giết các quan Tam ty, đem quân tiến đánh kinh sư, đi đến đâu thắng được đấy, vào trong thành chém giết bừa bãi. Kiến Văn[9] tự thiêu mà chết. Lệ tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc. Bấy giờ có bài thơ rằng:

---

[1] Chỉ Hồ Quý Ly.

[2] Tức núi Đại Lại, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Chỉ Hồ Hán Thương.

[4] Tức ngôi vua. Đời Trần, Hồ, vua gọi là quan gia.

[5] Tên lộ, gồm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa.

[6] Đời xưa, đât gần kinh kỳ gọi là "phụ". "Tam phụ" là ba vùng đất gần kinh kỳ.

[7] Thị giám: người coi chợ.

[8] Minh sử, An Nam truyện chép năm này nhà Minh sai hành nhân là Dương Bột sang ta. CMCB 12 cũng chép theo như vậy.

[9] Kiến Văn: là niên hiệu của vua Huệ Đế nhà Minh.

Giang thượng hoàng kỳ động,
Thiên biên tử chiếu hồi.
Kiến Văn niên dĩ một,
Hồng Vũ vận trùng khai.
Triều sĩ tao hình lục,
Cung nga đổ kiếp khôi.
Thùy tri thiên tải hậu,
Thanh sử hữu **[44a]** dư ai.
(Trên bến cờ vàng động,
Chân trời chiếu tía về[1].
Năm Kiến Văn đã mất,
Vận Hồng Vũ lại ra.
Triều quan bị chém giết,
Cung nga thấy bụi tro.
Ai hay ngàn năm nữa,
Sử sách có thương ru!).

Có người bảo là Giải Tấn làm bài thơ đó cho nên bị tại họa[2].

Hán Thương đóng thuyền đinh nhỏ để đánh Chiêm Thành, dự định phân chia các đất Bản Đạt lang, Hắc Bạch và Sa Li Nha[3] từ Tư Nghĩa trở về nam đến biên giới Xiêm La làm châu huyện.

Gia phong Phạm Nguyên Khôi làm đại tướng quân hai vệ Thiên Ngưu và Phụng Thần, chỉ huy quân Long Tiệp, hành thủy quân đô tướng; Hồ Vấn làm phó. Đỗ Mã chỉ huy các quân Thiên Cương; Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thủy bộ cộng 20 vạn người đều theo tiết chế của Nguyên Khôi. Ai ra trận àm sợ giặc thì bị chém, vợ con, điền sản bị tịch thu sung công. Các quân vào đất Chiêm, làm nhiều chiến cụ; vây thành Chà Bản sắp lấy được, nhưng vì quân đi đã 9 tháng, hết lương ăn, không thắng phải rút về. Đỗ Nguyên Thác vì trái lệnh của đô tướng, tha tội chết, bị đồ làm binh.

Chiêm Thành cầu cứu **[44b]** nhà Minh. Người Minh đi 9 chiếc thuyền vượt biển sang cứu. Các quân ta trở về gặp quân Minh ở ngoài biển. Người Minh bảo Nguyên Khôi rằng phải mau rút quân về, không được ở lại lâu. Nguyên Khôi từ Chiêm Thành trở về bị Quý Ly quở trách vì không giết hết được quân Minh.

> Phan Phu Tiên nói: Nguyên Khôi vốn không có tài làm tướng, chỉ giỏi về những việc khéo léo, vì có ơn riêng là họ ngoại, được đặc cách gia phong tước hầu, thế mà trận này thành công được, so với việc Hán Vũ Đế sai nhị sư Lý Quảng đi đánh Đại Uyển thì có khác gì.

Phương sĩ Nguyễn Đại Năng người Giáp Sơn dùng lửa cứu, kim châm để chữa bệnh cho người, Hán Thương bổ làm chức Quảng tế tự thừa. Đặt quan thuộc Quảng tế[4] bắt đầu từ đó.

Đại Năng xảo trá, có sức khoẻ, có thể bắn được nỏ cứng. Sau làm Quảng tế lệnh kiêm chỉ huy dinh Binh qua, rồi được điều đi chỉ huy quân Sùng Uy.

[45a] Bấy giờ sứ nhà Minh qua lại nước ta liên tiếp như mắc cửi, kẻ thì yêu sách, người thì sách hỏi, Hán Thương sai người tùy phương cứu gỡ, vất vả về việc ứng tiếp.

Mùa đông, tháng 10, Hán Thương giết thân thuộc của bọn Nguyễn Toán làm nội quan ở Bắc.

---

[1] Khi Yên Vương Lệ mang quân đi đánh về kinh đô, Kiến Văn sai đem chiếu thư xá tội cho Lệ, bảo rút quân trở về phiên trấn. Lệ không nhận tờ chiếu.

[2] Giải Tấn bị nhà Minh bắt giam rồi giết chết. Việc này chép vào năm Trùng Quang Đế thứ 3 (1441) (Xem BK 9).

[3] Bản Đại lang: là đất Panduranga của Cham-pa, nay là vùng Phan Rang ở Thuận Hải. Hắc Bạch và Sa Li Nha, chưa rõ chỉ vùng nào.

[4] Quảng tế: cơ quan coi việc y tế bấy giờ.

Trước đây Minh Thái Tổ từng đòi người bị thiến, tăng nhân, đàn bà xoa bóp, ta đều chiều ý đưa cho. Được vài năm, tha các tăng nhân và tú nữ về nước, chỉ giữ bọn bị thiến sung làm nội quan. Đến khi Thái Tông lên ngôi, có ý muốn xâm lược phương Nam, sai bọn Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín sang sứ và thăm hỏi thân thuộc, dặn mật rằng, nếu có quân phương Bắc sang thì dựng cờ vàng, ghi là thân thuộc của viên nội quan họ tên là mỗÂ tất sẽ không bị giết hại. Việc ấy bị phát giác, bắt hết thân thuộc của những tên ấy đem giết đi.

[45b] Giáp Thân, [1404], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 2, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương cho rằng An phủ sứ phủ lộ Tân Hưng kiêm Đông Đô phán là Trần Quốc Kiệt biết đắp đê ngăn nước mặn, tiện việc cày cấy của dân, thưởng tước 1 tư.

Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem biểu nhà Minh hai con voi đen và trắng và dâng đất để xin hoãn quân, rồi lại nói dối với nhà Minh là họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến đây, nhà Minh sai sứ sang trách hỏi, nên đưa biểu voi.

Hán Thương định thể thức thi chọn nhân tài: Cứ tháng 8 năm nay thi hương, ai đỗ thì được miễn tuyển bổ[1]; lại tháng 8 năm sau thi hội, ai đỗ thì thi bổ thái học sinh. Rồi năm sau nữa thi lại bắt đàu thi hương như năm trước. Bấy giờ học trò chuyên nghiệp học hành, mong được bổ dụng, nhưng mới được thi ở bộ Lễ rồi gặp loạn phải thôi. Phép thi phỏng theo lối văn tự ba trường của nhà Nguyên[2] **[46a]** nhưng chia làm 4 kỳ, lại có kỳ thi viết chữ và thi toán, thành ra 5 kỳ. Quan nhân, người làm trò, kẻ phạm tội đều không được dự bổ.

Trước đây, năm Nhâm Ngọ [1402], chọn tráng đinh, người nghèo sung làm quân trợ dịch, sau lại đổi thành quân bồi vệ, chia làm hàng tả, hàng hữu, dùng tên cầm thú để đặt quân hiệu (như kiểu phượng hoàng, kỳ lân...), lấy quan văn, võ người tôn thất cai quản.

Hán Thương khai Liên Cảng[3] từ Tân Bình đến địa giới Thuận Hóa, vì bùn cát đùn lên, không khai được.

Cửa Eo[4] ở Hóa Châu bị vỡ. Hán Thương sai lấy quân lính ở kinh thành đi đắp lại.

Hán Thương đóng thuyền đinh sắt để phòng giặc phương Bắc, có hiệu là "Trung tàu tải lương", "Cổ lâu thuyền tải lương", chỉ mượn tiếng là chở lương thôi, nhưng bên trên có đường sàn đi lại để tiện việc chiến đấu, bên dưới thì hai người chèo một mái chèo.

Quý Ly giết viên tướng quân cũ Hồ Tùng.

Trước đó, Tùng đã bị giải chức, xin bán **[46b]** các đồ khí giới của nhà mình, [Quý Ly] không cho, có ý muốn dùng lại. Sau Tùng lại lén thông dâm với vợ của cố hành khiển Lương Nguyên Bưu là con gái của Trần Quý. Quý Ly tức giận nói:

"Bọn tài giỏi đều từ cửa nhà Tùng mà ra!".

Tùng cùng với người Chiêm đầu hàng là Chế Sơn Nô âm mưu làm phản, ngầm liên kết với người Chiêm Thành để trao đổi tin tức cho nhau. Việc bị tiết lộ, Tùng và con gái Quý đều bị xử tử.

Nhà Minh sai hành nhân Lý Kỳ[5] sang.

Kỳ tự quyền làm oai làm phúc, đánh đập các quan bạn tống và đốc biện, bắt phải đi nhanh, không kể độ đường. Trước đây sứ giả từ Đông Đô đến Tây Kinh phải 12 ngày, Kỳ chỉ đi có 8 ngày, đến nhà công quán thì quan sát khắp mọi hình thể. Khi Kỳ trở về, Quý Ly sợ tiết lộ sự tình, sai Phạm Lục Tài

---

[1] CMCB 12 chữa là "sung tuyển bổ", nghĩa là "được lựa chọn bổ dụng".

[2] Theo Thông giám tập lãm thì năm Hoàng Khánh thứ 3 (1314) mới định phép thi 3 kỳ là: kỳ thứ nhất thi hai bài minh kinh và kinh nghi; kỳ thứ hai thi các bài phú, chế, cáo, chương, biểu theo cổ thể; kỳ thứ ba thi 1 bài văn sách, hỏi về kinh sử và thời sự.

[3] Liên Cảng: sau thuộc xã Thủy Liên, huyện Lệ Thủy, nay thuộc Quảng Bình.

[4] Cửa Eo: tức cửa Thuận An ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[5] Toàn thư chép là ?, Minh sử (An Nam truyện) chép là?, vậy phải đọc là Kỳ.

đuổi giết đi. Nhưng đến Lạng Sơn, thì đã ra khỏi cửa ải rồi. Kỳ hặc tâu [với vua Minh] là họ Hồ xưng đế và làm thơ có những lời lăng mạ.

Hán Thương ra lệnh cho các quan viên không được **[47a]** đi hia, chỉ cho đi giày tơ gai sống. Lệ cũ đời trước: quan từ lục phẩm trở lên mới được đi hia.

Hán Thương lệnh cho các lộ đồ gạo chín cấp cho các châu ở Thăng Hoa theo lời của Hoàng Hối Khanh.

Hánh Thương lệnh cho các biên chế những người không có ruộng làm đội cùng nhân[1].

Hán Thương cấm mọi người trong nước không được dùng lụa phiếu kỹ may áo, chỉ cho nện qua thôi.

Ất Dậu, [1405], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 3, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2 Quý Ly giết kẻ sĩ là Nguyễn Oâng Kiều và Lê Địch.

Trước kia Quý Ly có làm bài thơ răn dạy Hán Thương và Nguyên Trừng đại khái nói:

Thiên dã phú, địa dã tái.
Huynh đệ nhị nhân, nhự hà bất tương ái?
Ô hô ai tai hề ca khảng khái!
(Trời thì che, đất thì chở,
Anh em hai người, sao nỡ chẳng thương nhau?
Hỡi ôi Tiếng ca khảng khái làm sao).

Vợ Ông Kiều thường ra vào trong cung, đem thơ ấy nói với Oâng Kiều. Oâng Kiều **[47b]** đem thơ ấy truyền tụng ở cầu Hoa Cái. Học sinh trong phủ của Trừng là Nguyễn Cẩm và Nguyễn Nhữ Minh đem chuyện ấy báo hết với Trừng. Trừng tâu với Quý Ly, Quý Ly mật sai Trung đô doãn là Đỗ Tử Triệt bắt Kiều. Tử Triệt làm cỗ mời, dụ Oâng Kiều bắt đem bỏ ngục. Oâng Kiều thất thế cung xưng lây cả đến bọ Lê Địch, Đỗ Loát. Loát trốn thoát được. Oâng Kiều và Lê Địch đều bị giết, còn bọn Hà Nhật Tuyên bị đày ra châu xa. Bọn Nguyễn Nhữ Minh có tội nghe đọc bài thơ ấy, phải đồ ra châu Cửu Chân. Vài tháng sau, Tử Triệt bỗng mắc bạo bệnh, đòi lấy bút viết rằng: "Ta kiện nhau với mày", lát sau chết. Sau Nhật Tuyên cũng bị chết vì tội bè đảng.

Nhà Minh sai sứ sang đòi cắt đất Lộc Châu ở Lạng Sơn.

(Bấy giờ thổ quan phủ Tư Minh, Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành báo lên rằng Lộc Châu là đất cũ của phủ ấy).

Quý Ly sai hành khiển Hoàng Hối Khanh làm cát địa sứ. Hối Khanh đem các thôn như Cổ Lâu, gồm cả thảy 59 thôn trả cho nhà Minh. **[48a]** Quý Ly trách mắng, lăng nhục Hối Khanh vì trả lại đất nhiều quá. Những thổ quan do bên kia đặt, [Quý Ly] đều bí mật sai thổ nhân ở đó đánh thuốc độc giết đi.

Hán Thương lệnh cho những nơi đầu nguồn ở các trấn nộp gỗ làm cọc. Châu Vũ Ninh thì cho phép lấy gỗ ô mễ ở lăng Cổ Pháp đưa đến cho các quân đóng cọc ở các cửa biển và những nơi xung yếy trên sông Cái để phòng giặc phương Bắc.

Năm ấy đói.

Hán Thương lệnh cho các quan phủ, lộ, châu, huyện kiểm tra xem các nhà giàu có bao nhiêu thóc, bảo họ bán cho dân, số lượng nhiều ít khác nhau.

Mùa hạ, tháng 6, sét đánh và Đông cung (tên nô cùng vú nuôi của Đông cung bị chết). Hán Thương có lệnh cầu lời nói thẳng.

Đại xá.

---

[1] Nghĩa là đội những người cùng khổ.

Hán Thương nghị bàn việc dời các cung điện ở Đông Đô tới làm ở động Cổ Liệt[1].

Bấy giờ giặc phương Bắc sắp sang mà dân thì đã lâu ngại đi phục dịch nơi xa, cho nên đặt ra kế ấy để thu phục lòng người. Nhưng rốt cuộc không làm được.

Hán Thương đặt 4 kho quân khí. Không kể là quân hay dân, hễ ai khéo nghề **[48b]** đều sung vào làm việc.

Mùa thu, tháng 7, Quý Ly và Hán Thương đi tuần tra xem xét núi sông và các cửa biển, ở kinh lộ, vì muốn biết thế hiểm hay dễ của các nơi. Tháng 8 thì trở về.

Hán Thương sai bộ Lễ thi chọn nhân tài, đỗ được 170 người. Lấy Hồ Ngạn, Lê Củng Thần sung làm thái học sinh lý hành[2]; bọn Cù Xương Triều 6 người sung làm Tư Thiện đường học sinh. (Tư Thiện đường vốn là tên nhà học của thái tử triều Trần).

Nhà Minh sai bọn nội quan Nguyễn Tông Đạo sang.

Tháng 9, Hán Thương sai thi lại viên.

Hán Thương định quân Nam ban và Bắc ban chia thành 12 vệ; quân Điện hậu đông và tây chia thành 8 vệ; mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người; đại quân thì 30 đội, trung quân thì 20 đội, mỗi doanh là 15 đội, mỗi đoàn là 10 đội; cấm vệ đô thì 5 đội. Đại tướng quân thống lĩnh cả.

Hán Thương sai tả Hình bộ lang trung **[49a]** Phạm Canh sang nhà Minh xin giảng hòa, Thông phán là Lưu Quang Đình làm phó sứ. Nhà Minh chỉ giữ một mình Canh ở lại mà cho Quang Đình trở về.

Quý Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa; lấy Phong quốc giám quản cán Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên phủ sứ kiểm chức chế trí sứ trấn Tân Ninh. Quý Ly làm thơ ban cho Quang rằng:

Biên quận thừa tuyên tư tráng chí,
Hùng phiên tiết chế hữu huy du.
Thanh tùng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dư tây cố ưu.
Huấn sức binh nông giai tựu tự,
Giản đình trấn thú thị hà thu.
Cần lao vật vị vô tri giả,
Tứ mục nguyên phi tế miện lưu.
(Trấn trị biên cương nuôi chí mạnh,
Hùng phiên tiết chế sẵn mưu hay.
Thông xanh ngươi hãy bền tiết lạnh,
Tóc bạc ta nguôi lo phía tây.
Rèn luyện binh nông đều giữ nghiệp,
Triệt hồi trấn thú hỏi bao ngày?
Cần lao chớ bảo không người biết,
Tua mũ đâu cho nổi mắt này).

Quý Ly thấy mình tuổi đã 70, ban cho phụ lão các lộ từ 70 tuổi trở lên mỗi người hưởng tước 1 tư, đàn bà thì ban tiền. Ở kinh thành thì ban tước và ban tiệc rượu.

Hán Thương sai Thái thú Đông lộ Hoàng Hối Khanh đốc suất dân phu [49b] đắp thành Đa Bang[3] để chống giặc.

Khi ấy có ngôi đền bị dân phu phá hủy, Hối Khanh ban đêm chiêm bao thấy thần nhân đến báo, cho làm lại đền đó.

---

[1] Động Cổ Liệt: theo chú thích của bản dịch cũ thì Cổ Liệt có thể là Kẻ Sét, tức xã Thịnh Liệt sau này, ở gần Hoàng Mai, Hà Nội.

[2] thái học sinh lý hành: thái học sinh chưa chính thức.

[3] Theo CMCB 12 thì thành Đa Bang ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong tỉnh Sơn Tây. Nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây.

(Hối Khanh làm thơ có câu rằng:

Mao thiềm mệnh dã cung tiêu thoán,
Lão mộc thì hồ ách phủ cân.
(Mái tranh đành phận nơi đun nấu,
Cây cối thường khi chịu búa rìu).

Người thức giả biết là sau ông sẽ không được trọn vẹn.

Hán Thương sai quân vệ Đông Đô đóng cọc chặn cửa sông Bạch Hạc để chống giặc từ Tuyên Quang đến.

Hán Thương chiếu truyền An phủ sứ lộ về triều, cùng với các quan ở kinh họp bàn nên đánh hay nên hòa.

Có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang Nguyễn Quân cho là nên tạm hòa, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn.

Tả tướng quốc Trừng nói:

"Thần không sơ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo thôi!".

Quy Ly ban cho cái hộp trầu bằng vàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Mệnh trời là ở lòng dân. Câu nói của Trừng hiểu được [50a] điều cốt yếu đó. Không thể vì cớ là họ Hồ mà bỏ câu nói của Trừng.

Hán Thương cấm nấu rượu, vì lãng phí thóc gạo.

Hán Thương bãi bỏ quan hương đình.

Bính Tuất, [1406], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 4, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nhà Minh sai Chinh Nam tướng quân Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hoàng Trung đem 10 vạn quân ở Quảng Tây sang xâm lược, mượn cớ đưa tên Trần Vương ngụy là Thiêm Bình về nước. Quân dừng lại ở địa đầu biên giới không đi.

Ngày mồng, Hoàng Trung đánh vào cửa ải Lãnh Kinh[1]. Quân họ Hồ thất bại.

Sáng hôm đó, các quân thủy bộ giao chiến, nhị vệ đại tướng Phạm Nguyên Khôi, tướng chỉ huy quân Chấn Cương là Chu Bỉnh Trung, tướng chỉ huy quân Tam Phụ là Trần Huyên Huyên, Tả Thần Dực quân Trần Thái Bộc đều thua chết. Tả tướng quốc Trừng bỏ thuyền lên bờ, suýt bị vây, có người vội dìu xuống thuyền thoát được. Đó là vì thấy bên kia quân **[50b]** ít, coi thường chúng. Duy có Tả Thánh Dực quân Hồ Vấn từ Vũ Cao dẫn quân tới đánh úp, giặc bị thua.

Trung liệu thế không địch nổi, đến trống canh hai nửa đêm trốn về. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực Hồ Xạ, tướng chỉ huy quân Thánh Dực Bắc Giang Trần Đĩnh đã được lệnh chặn đánh ở cửa ải Chi Lăng từ trước. Quân Minh bèn đưa giải Thiêm Bình cho ta và sai quân y Cao Cảnh Chiếu gửi thư hàng nói rằng:

"Quan tổng binh Hoàng sai tiểu nhân tới đây trình bày ngài biết việc này: Trước vì Thiêm Bình chạy sang triều đình tâu rằng hắn chính là con của quốc vương An Nam, vì thế mới sai đại binh sang chiêu dụ. Không ngờ trăm họ xứ này đều không phục, rõ ràng là hắn nói bậy. Nay lui quan quân về tâu với triều đình thì bị quan ải dọc đường ngăn giữ, nghẽn lối Không qua được. Nay đem Thiêm Bình tới nộp, xin thả cho đi thì may lắm".

Hồ Xạ cho phép. Vì thế, tuy bắt bắt được nhiều tù binh mà **[51a]** người Minh vẫn có kẻ trốn được.

---

[1] Ở khoảng Đáp Cầu, tỉnh Hà Bắc.

Lễ dâng thắng trận xong, tra hỏi Thiêm Bình là tông phái nào, Thiêm Bình không chịu nói. Lệnh người nào nhận biết được Thiêm Bình thì thưởng tước 1 tư, nhưng không ai dám nhận. Xử tội lăng trì.

Thiêm Bình là gia nô của Trần Nguyên Huy, tức là Nguyễn Khang. Các tù binh bắt được đưa đi Nghệ An để làm ruộng, bọn quan lại thì giữ ở kinh giao cho các nhà quyền quý nhận nuôi.

Nội cẩm y vệ nhà Minh Phạm Chất nói với Hán Thương rằng Lưu Quang Đĩnh vâng mệnh đi sứ đến Bắc Kinh có lậy Thiêm Bình. Ngay hôm ấy bắt Quang Đĩnh đem chém.

Hán Thương thưởng chiến công, mỗi người tước 3 tư. Hồ Xạ vì nghe kế người Minh bắt giải Thiêm Bình để đến nỗi bọn Hoàng Trung chạy thoát, không được vạn toàn, nên Xạ và những thuộc hạ của ông chỉ được thưởng 2 tư. Các quan văn võ trong ngoài dâng biểu mừng, [Hán Thương] từ chối không nhận.

Khi quân Minh mới vào [51b] cõi, ra lệnh cho nhân dân đều phá bỏ hết lúa má; các xứ Lạng Châu, Vũ Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Tam Đái, đều nghiêm chỉnh làm vườn không nhà trống. Quân Minh rút đi, nhân dân lại phục nghiệp như cũ.

Hán Thương sai An phủ sứ Tam Giang là Trần Cung Túc sang nhà Minh cầu hòa và giải thích sự việc Thiêm Bình, Thông phán Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán Tưởng Tư làm tòng sự. Nhà Minh giữ họ lại, sau bắt được hai [cha con] họ Hồ mới thả về.

Hán Thương gọi Tuyên phủ sứ Thăng Hoa Nguyễn Ngạn Quang về làm Đại lý chính; lấy Trấn phủ sứ Nghĩa Châu là Lê Quang Tổ làm Tuyên phủ sứ Thăng Hoa. Hối Khanh giữ chức Hành khiển tả ty thị lang kiêm lĩnh thái thú Thăng Hoa, tiết chế Tân Ninh, chuyên quyền cai trị một phương. Đỗ Mãn thôi chức Thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự, lấy Hành khiển Binh bộ thượng thư kiêm Thiên Ngưu vệ đại tướng quân Đỗ Nhân Giám thay. **[52a]** Nội nhân coi quân Thiên Chương là Ngô Miễn làm Hành khiển thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự kiêm coi các lăng phủ Thiên Xương.

Tháng 6, đỉnh tháp Báo Thiên đổ, An phủ sứ Đông Đô Lê Khải không báo tin, bị biếm 1 tư.

Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung Trần Ngạn Chiêu bị bãi làm Hộ bộ thượng thư, lấy Thiêm tri nội mật kiêm tri Thẩm hình viện sự Nguyễn Cẩn làm Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung.

Hán Thương bổ thêm hương quân, lấy người có phẩm tước tạm trông coi. Chiêu mộ những người vong mệnh làm quân dũng hãn, đặt các chức thiên hộ, bách hộ để cai quản.

Quý Ly chiêm bao thấy thần nhân ngâm bài thơ rằng:

Nhị nguyệt tại gia,
Tứ nguyện loạn hoa,
Ngũ nguyệt phong ba,
Bát nguyệt sơn hà,
Thập nguyệt long xa.
(Tháng hai ở nhà,
Tháng tư loạn hoa,
Tháng năm sóng gió,
Tháng tám núi sông,
Tháng mười xe rồng).

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương ra lệnh cho các lộ đóng cọc gỗ ở bờ phía nam sông Cái, từ thành Đa Bang đến Lỗ **[52b]** Giang và từ Lạng Châu đến Trú Giang Giang[1] để làm kế phòng thủ.

Hán Thương hạ lệnh cho dân Tam Đái và Bắc Giang tích trữ lương thực, vượt sông sang làm nhà cửa ở chỗ đất hoang, chuẩn bị di cư đến đó.

Hán Thương gọi các quan cũ chờ lệnh bổ dụng.

---

[1] Có lẽ là khoảng hạ lưu sông Thương.

Tháng 9, nhà Minh sai ChinhDi hữu phó tướng quân đeo ấn Chinh di phó tướng quân Tân Thành hầu Trương Phụ, Tham tướng Huỳnh Dương Bá[1] Trần Húc, đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Pha Lũy[2] cứ một toán mai phục, một toán hành quân, thay nhau phiên nhau cứu ứng lẫn nhau.

Chinh Di tả phó tướng quân Tây Bình hầu Mộc Thạnh, Tham tướng hữu quân đô đốc đồng tri Phong Thành hầu Lý Bân cũng đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Phú Lệnh[3], xẻ núi, chặt cây, mở đường tiến quân. Hai đạo quân tổng cộng là 80 vạn.

Tháng 11 [quân Minh] hội ở sông Bạch Hạc, bày doanh trại bờ bắc sông Cái, đến tận Trú Giang.

Hán **[53a]** Thương hạ lệnh cho quân ở sông Cái theo sự tiết chế của Tả tướng quốc Trừng, quân ở Trú Giang theo sự tiết chế của Thiêm văn triều chính Hồ Đỗ. Phía ngoài liên kết chiến hạm của thủy quân, trên bờ thì binh tướng của ta đóng đối diện với doanh trại giặc, nhưng chưa từng giao chiến trận nào.

Trước đó, nhà Minh sai Thái tử thái phó Thành quốc công Chu Năng làm tổng binh đeo ấn Chinh Di tướng quân đem quân xâm lược phương Nam. Năng đến phủ Thái Bình ở Quảng Tây thì chết. Trước đó Năng đã làm bảng văn kể tội họ Hồ, rêu rao là tìm người họ Trần cho khôi phục lại vương tước. Đến đây, bọn Phụ, Thạnh viết lời bảng văn ấy vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bảng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ, không còn bụng dạ chiến đấu nữa.

Bọn Mạc Địch, Mạc Thúy, Mạc Viễn và Nguyễn Huân mạo nhận là họ Mạc đều là những kẻ bất đắc chí, đón hàng quân Minh, người Minh đều trao cho quan chức. Sau Thúy làm đến tham chính; Địch làm đến chỉ huy **[53b]** sứ; Viễn làm đến diêm vận sứ; Huân làm đến bố chính; (Thúy, Địch, Viễn là cháu Mạc Đĩnh Chi).

Mùa đông, tháng 10, người Minh lại đến. Từ sông Lô trở lên bắc lại thực hiện đồng không nhà trống như lần trước.

Tháng 12, ngày mồng 2, người Minh chiếm được Việt Trì, bờ sông Mộc Hoan và chổ đóng cọc ở sông Bạch Hạc. Tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực Hồ Xạ không giữ nổi, phải dời hàng trận sang phía nam sông Cái.

Đêm mồng 7, người Minh cho khiêng thuyền ra bờ phía bắc bãi sông Thiên Mạc. Tướng quân Trần Đĩnh đánh bại quân Minh. Tướng Minh đem những tên thoát lui thi hành quân lệnh, binh lính chúng liều chết cố đánh, tự nguyện lập công.

Đêm ngày mồng 9, quân Minh đánh úp quân họ Hồ ở bãi Mộc Hoàn. Tướng chỉ huy quân Tả Thần Dực Nguyễn Công Khôi đang vui chơi nữ sắc, không phòng bị, thuyền bị cháy gần hết, toàn quân bị tiêu diệt, lặng im không có tiếng động của chiến trận. Thủy quân ở phía trên và phía dưới không ai đến cứu, chỉ từ xa xin tả tướng quốc Trừng xem ai **[54a]** có thể thay giữ chỗ đó. Quân Minh liền vượt sông làm cầu phao để sang.

Sáng ngày 12, người Minh là Trương Phụ dẫn đô đốc Hoàng Trung, đô chỉ huy Thái Phúc tiến công phía tây bắc thành Đa Bang. Mộc Thạnh dẫn bọn đề đốc Trần Tuấn, tiến công phí đông nam thành. Xác chết chất cao ngang với thành mà giặc vẫn tiến đánh, không tên nào dám dừng lại. Bọn Nguyễn Tông Đỗ, tướng chỉ huy quân Thiên Trường đào thành cho voi ra. Người Minh dùng hỏa tiễn bắn voi. Voi lui lại, người Minh theo voi đánh vào. Thành liền bị hạ. Các quân ở dọc sông đều tan vỡ, lui giữ Hoàng Giang. Người Minh vào Đông Đô bắt cướp con gái, ngọc lụa, thống kê lương chứa, chia quan làm việc, chiêu tập dân xiêu tán, làm kế ở lâu dài. Chúng thiến hoạn nhiều con trai nhỏ tuổi và thu lấy tiền đồng ở các xứ, cho chạy trạm đưa về Kim Lăng.

---

[1] CMCB 12 chép là Vân Dương Bá.

[2] Tức cửa ải Nam Quan ngày nay.

[3] Một cửa ải gần thị xã Hà Giang ngày nay.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển IX

[1a]

Kỷ Hậu Trần

Giản Định Đế

Tên húy là Ngỗi, con thứ của Nghệ Tông, tên hiệu cũ là Giản Định, họ Hồ đổi phong là Nhật Nam Quận Vương. Cuối đời Hồ, khởi binh khôi phục nhà Trần. Ở ngôi hơn 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong, chẳng phải vì không may.

Đinh Hợi, Hưng Khánh năm thứ 1 [1407], (từ tháng 10 trở về trước là Hán Thượng Khai Đại năm thứ 5, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 5). Mùa xuâ, tháng 2, ngày 20, Tả tướng quốc Hồ Trừng tiến quân đến sông Lô, quân Minh giữ hai bên bờ sông đánh kẹp lại, quân Trừng thất bại, lui giữ cửa Muộn[1]. Quý Ly và Hán Thương đều trở về Thanh Hóa. Kinh lộ phần nhiều theo giặc làm phản. Hồ Đỗ, Hồ Xạ bỏ Bình Than qua Thái Bình, Đại Toàn đến cửa muộn[2], hợp sức đắp lũy, đúc hỏa khí, đóng thuyền chiến để chống giặc. Quyên mộ tiền của, ai đóng góp thì được lấy con gái tôn thất và được cấp 10 mẫu ruộng.

Thị trung của họ Hồ là Trần Nguyên Chỉ cùng công chúa Thiên Huy dẫn nhân dân tránh loạn ra Đồ Sơn, trung thư lệnh Trần Sư Hiền cùng công chúa Thiên Gia ngược dòng sông Cái đều đầu hàng quân Minh.

Tướng chỉ huy quân Thần Đinh của họ Hồ là Ngô Thành nhân gió theo nước triều lên tiến đánh, đột kích đến Giao Thủy. Phụ, Thạnh chia quân ra hai bên bờ sông chặn đánh. Thành thế cô bị hãm trận chết, được truy tặng Kiêu vệ tướng quân.

Người Kiến Hưng là Nguyễn Nhật Kiêm tụ tập bạn bè đảng giết viên Trấn phủ sứ Phan Hòa Phủ rồi đầu hàng Trương Phụ (sau Nhật Kiên kiêu căng không giữ phép, bị Phụ giết).

Quân Minh đối luỹ với quân Hồ, ngày đêm đánh nhau, vì nắng mưa, dịch bệnh, lại bùn lầy ẩm ướt khó ở, chúng bèn dời đến đóng ở Hàm Tử, lập doanh trại phòng bị nghiêm ngặt. Tả tướng quốc Trừng và Hồ Đỗ cũng dời quân đến Hoàng Giang, lại đón Quý Ly, Hán Thương từ [2a] Thanh Hóa tới. Bấy giờ người ở Kinh lộ bị quân Minh sai khiến và mất cả gia thuộc, mang lòng oán hận, các quân nhân và tráng đinh đều đến cửa quân tự nguyện gắng sức lập công.

Tháng 3, ngày 13, Tả tướng quốc Hồ Trừng cùng Hồ Đỗ, Đỗ Mãn tiến quân đến cửa Hàm Tử.

Hồ Xạ và Trần Đĩnh chỉ huy quân bộ ở bờ nam; Đỗ Nhân Giám, Trần Khắc Trang chỉ huy quân bộ ở bờ bắc; Nguyễn Công Chửng chỉ huy 100 chiến thuyền làm tiên phong. Trừng và Đỗ ở trong doanh bọn Đỗ Mãn, Hồ Vấn chỉ huy quân thủy. Quân thủy, quân bộ tổng cộng 7 vạn người, nói phao là 21 vạn, đều tiến đánh. Người Minh chia hai mặt thủy bộ xông ra. Quân hai bên bờ sông của họ Hồ quay ngược

[1] Cửa Muộn: (nguyên văn là Muộn Khẩu) là cửa sông Hồng ở huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà, thuộc đất Giao Thủy cũ, nhưng nay đà bị lấp.

[2] Thái Bình, Đại Toàn: là hai cửa sông. thái Bình là cửa sông Thái Bình ở huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Đại Toàn có lẽ là cửa sông Diêm Hộ tỉnh Thái Bình.

giáo nhảy xuống chết, chỉ có thủy quân thoát được. Nhưng các thuyền chiến và thuyền chở lương đều bị chìm, không một người nào sống sót về được.

Khi ấy Hồ Xạ biết người Minh có mai phục, không chịu tiến quân. Hồ Đỗ [2b] sai người đến trách rằng: "Tướng quân sao không đánh giặc?". Xạ bèn tiến đánh, bị thua. An phủ sứ Bắc Giang Nguyễn Hy Chu bị Trương Phụ bắt sống, Hy Chu chửi Phụ là giặc tàn bạo, bị Phụ giết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, nhà Minh xuống chiếu cho tìm khắp nơi con cháu họ Trần lập làm quốc vương. Bọn quan lại và bô lão nhiều lần nói là đã bị họ Lê giết hết cả, không còn ai có thể nối dõi nhà Trần được nữa. Nước An Nam vốn là đất Giao Châu, xin được trở lại làm quận huyện như xưa để cùng các nha môn vệ, sở, phủ, châu, huyện. Lấy Đô chỉ huy Lữ Nghị giữ đô ty. Bắc Kinh hành bộ Thượng thư Hoàng Phúc giữ hai ty Bố chính và Án sát. Lại cấm sai phái và ngừng thu các loại thuế 3 năm.

Quý Ly và Hán Thương dẫn các tướng và quan lại [3a] vượt biển trở về Thanh Hóa.

Ngày 23, quân Minh đánh vào Lỗi Giang[1], quân Hồ không đánh mà tan.

Ngày 29, quân Minh đánh vào cửa biển Điển Canh[2], quân Hồ bỏ thuyền tự tan vỡ. Hai [cha con] họ Hồ định lánh đến Thâm Giang[3] nhưng không thành. Nguỵ Thức xin hai cha con họ Hồ tự thiêu. Ông nói:

"Nước đã sắp mất, bậc vương giả không chết bởi tay kẻ khác".

Quý Ly giận, chém chết.

Tháng 5, ngày mồng 5, quân Minh đánh vào cửa biển Kỳ La[4], châu Nhật Nam. Nguyễn Đại (Nguyễn Đại trước thờ họ Hồ, sau phản lại họ Hồ, đầu hàng quân Minh, đến đây dẫn người Minh sang xâm lược) bắt được Hữu tướng quốc Quý Tỳ và con ông là Phán trung đô Nguyễn Cửu[5].

Ngày 11, quân Minh đánh vào Vĩnh Ninh[6]. Bọn vệ quân Vương Sài Hồ 7 người bắt được Quý Ly ở bãi Chỉ Chỉ; Giao Châu hữu vệ quân là bọn Quý Bảo 10 người bắt được Tả tướng quốc Trừng ở cửa biển Kỳ La.

Ngày 12, đầu mục bộ hạ của Mạc Thúy [3b] là bọn Nguyễn Như Khanh bắt được Hán Thương và thái tử Nhuế ở núi Cao Vọng[7].

Bọn Hồ Đỗ, Phạm Lục Tài, Nguyễn Ngạn Quang, Đoàn Bồng đều bị bắt. Còn bọn Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn, Đỗ Mãn đều đã đầu hàng từ trước.

Duy có Hành khiển tham tri chính sự Ngô Miễn, trực trưởng Kiều Biểu nhảy xuống nước chết. Khi Miễn chết, vợ là Nguyễn thị ngửa mặt lên trời than rằng:

"Chồng ta thờ chúa, một đời ăn lộc, ngày nay giữ tiết nghĩa mà chết, thế là chết xứng đáng, còn oán hận gì nữ? Nếu thiếp muốn sống cho qua ngày, chẳng lẽ lại không còn chỗ đến nữa hay sao? Nhưng đạo chồng, ơn vua, một chốc mà phụ bạc thì thiếp không nỡ nào! Chi bằng, xin theo nhau!".

Nói xong, cũng nhảy xuống nước chết.

---

[1] Lỗi Giang: một nhánh của sông Mã ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hạ lưu thông với sông Đại Lại.

[2] Điển Canh: sau là cửa Ghép hay cửa Mom thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Tức cửa sông Ngàn Sâu ở tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Cửa Kỳ La: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tỉnh.

[5] MCB 11 chép là Vô Cửu.

[6] Núi Cao Vọng: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[7] Núi Cao Vọng: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Nói Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vợ Ngô Miễn là Nguyễn thị, không những chỉ chết vì ngghĩa mà [4a] thôi, câu nói cũng đủ làm lời khuyên cho đời, nên chép ra đây để nêu gương.

Trước hai [cha con] họ Hồ đến Kỳ La là định chạy vào Tân Bình. Dân ở đó, có một phụ lão ra bái yết thưa rằng:

"Xứ này tên là Ky Lê[1], trên có núi Thiên Cầm là điều không lành. Xin chớ lưu lại".

[Quý Ly] liền chém người ấy. Đến đây, quả nhiên bị bắt trói ở chổ ấy.

Người Minh thống kê những thứ đã thu được: 48 phủ, châu, 168 huyện, 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa, 35.750 con trâu bò, 8.865 chiếc thuyền.

Trước đây, Hoàng Hối Khanh nhân lệnh cai trị Thăng Hoa. Khi đến quận, dùng thổ quan là Đặng Tất và Phạm Thế Căng làm tâm phúc. Tất cả cùng Tả châu phán Nguyễn Rổ vốn ghen ghét nhau vì công trạng. Gặp khi hai họ Hồ chạy về phía tây, [**4b**] bị quân Minh đánh gấp, viết thư báo Hối Khanh lấy một phần ba số dân di cư khi trước, gộp với quân lính địa phương giao cho Rỗ chỉ huy để làm quân cần vương, lại sắc phong cho Cổ Lũy huyện thượng hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Thăng Hoa quận vương để vỗ yên dân Chiêm Thành. Hối Khanh đều giấu đi không cho mọi người biết.

Đến khi Chiêm Thành cất quân định thu lại đất cũ, dân di cư sợ chạy tan cã, bọn Hối Khanh trở về Hóa Châu, chỉ một mình Ma Nô Đà Nan chống nhau với Chiêm Thành, thế cô sức núng, bị người Chiêm giết chết. Hối Khanh trước đã thề bồi với dân Nghĩa Châu. Rỗ biết Tất và Hối Khanh có ý đồ khác nên không đi dự thề. Hối Khanh trở về Hóa Châu, thì Rỗ đưa dân di cư đi đường bộ đến chậm, Tất đi đường thủy đến trước, Trấn phủ sứ lộ Thuận Hóa là Nguyễn Phong ngăn không cho vào. Tất cố sức đánh, giết Phong, vào được thành, lại đánh nhau với Rỗ [**5a**] hơn một tháng. Rỗ không có viện binh, liềm đem gia quyến sang Chiêm Thành. Hối Khanh đem giết mẹ và gia thuộc của Rỗ. Chiêm Thành cho Rỗ làm quan to. Sau nhà Minh đòi Rỗ đến Kim Lăng, giả cách cho làm Hồ Quảng chỉ huy sứ, rồi giết đi.

Hai cha con họ Hồ đã thất bại, Thế Căng trở về Tân Bình, đón hàng người Minh ở Nghệ An nhận chức Tri phủ của Trương Phụ, cướp bóc của dân rồi trở về. Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa, rồi sang cướp Hóa Châu. Tất xin với Phụ cho làm quan để cai quản Hóa Châu, Chiêm Thành dẫn quân rút về. Đến đây, Tất sai người đưa Hồi Khanh về, đến cửa biển Đan Thai[2] thì Hối Khanh tự vẫn. Phụ đem phụ cấp của Khanh ra bêu ở chợ Đông Đô.

Trương Phụ, Mộc Thạnh sai Đô đốc thiêm sự Liễu Thăng; Hoành hải tướng quân Lỗ Lân; Thần cơ tướng quân Trương Thăng, Đô chỉ huy sứ Du Nhượng; Chỉ huy đồng tri Lương Định; Chỉ huy thiêm sự Thân [**5b**] Chí bằ1t giải Quý Ly và các con là Hán Thương, Trừng, Triết, Uông, các cháu là Nhuế, Lô, Phạm, cháu nhỏ là Ngũ Lang, em là Quý Tỳ, cháu gọi bằng bác là Nguyên Cữu, Tử Tuynh, Thúc Hoa, Bá Tuấn, Đình Việp, Đình Hoảng; các tướng thần là Đông Sơn hương hầu Hồ Đỗ, Hành khiển Nguyễn Ngạn Quang, Lê Cảnh Kỳ; các tướng quân là huyện bá Đoàn Bổng, đình bá Trần Thang Mông, trung lang tướng Phạm Lục Tài cùng các ấn tín đến Kim Lăng để dâng.

Vua Minh hỏi rằng : "Trung Quốc như vậy, sao không sợ phục mà dám láo xược chống cự?".

Đều trả lời là không biết.

Vua Minh nói: "Từng sai sứ giả sang bảo, không phải là không biết".

Nhà Minh vờ cho Vương Nhữ Tương, Đồng Ngạn Hú, Nguyễn Quân, Lê Sứ Khải làm Kinh Bắc[3] thị lang và tham chính ở Sơn Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông, sai người đưa đi, đến nửa đường thì giết.

---

[1] Ky Lê ? là do chử Kỳ La đọc chệch ra, có nghĩa là "trói họ Lê", Thiên Cầm? có nghĩa là "trời bắt". Thực ra nơi ấy tên là "Thiên Cầm" nghĩa là "đàn trời". Người phụ lão không muốn họ Hồ lưu lại, nên nhân thanh gần nhau mà nói chệch đi đánh lừa.

[2] Cửa biển Đan Thai: tức Cửa Hội (cửa sông Lam) ở tỉnh Nghệ An.

[3] Có lẽ là Bắc Kinh bị chép nhầm ra Kinh Bắc.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn [**6a**] nước to.

Người Minh lùng tìm những người ẩn dật ở rừng núi, người có tài có đức, thông minh chính trực, giỏi giang xuất chúng, thông kinh giỏi văn, học rộng có tài, quen thuộc việc quan, chữ đẹp tính giỏi, nói năng hoạt bát, hiếu để lực điền, tướng mạo khôi ngô, khỏe mạnh dũng cảm, quen nghề đi biển, khéo các nghề nung gạch, làm hương... lục tục đưa dần bản thân họ về Kim Lăng, trao cho quan chức, rồi cho về nước làm quan phủ, châu, huyện. Những người có tiếng tăm một chút đều hưởng ứng.

Duy có Bùi Ứng Đẩu từ chối, lấy cớ đau mắt, bọn hạ trai học sinh Lý Tử Cấu mấy người lui ẩn không chịu ra mà thôi. Bấy giờ có câu ngạn ngữ: "Muốn sống vào ẩn núi rừng, muốn chết làm quan triều Ngô[1]. Đến khi Thái Cao Tổ Hoàng đế[2] ta diệt trừ bọn hung tàn, bọn nguỵ quan, đứa nào có tiếng xấu đều bị giết hết, quả đúng như [**6b**] lời ấy.

Trương Phụ cho là Nguyễn Đại có công trong việc bắt hai cha con họ Hồ, trao cho chức Giao Chỉ đô chỉ huy sứ. Đại kiêu căng ra mặt, lại ngầm có chí làm phản. Phụ bèn giết đi.

Tháng 8, Trương Phụ và Mộc Thạnh đem quân về, lưu lại đô ty Lữ Nghị, thượng thư Hoàng Phúc để trấn giữ. (Phúc người Xương Ấp, tỉnh Sơn Đông). Trước đây, Hoàng Phúc đốc suất thổ binh tỉnh Quảng Tây điều vận lương thực, theo quân tiến đánh. Đến đây, được giữ lại. Phúc là người thông minh, giỏi ứng biến, có tài trị dân, người ta phục là giỏi.

> Phan Phu Tiên nói: Họ Hồ mất nước, Nguyễn Hy Chu chửi giặc, Hồ Xạ, Đỗ Nhân Giám (Nhân Giám là con Đỗ Mãn) chết trận, Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng không chịu ăn. Loại người như vậy, tựa hồ có thể khen là chết vì tiết nghĩa được. Nhưng Hy Chu từng xui họ Hồ giết họ Trần; [7a] cha con Nhân Giám là bề tôi cũ của nhà Trần, thế là phường ác giúp nhau. Anh ruột của Xạ là Ông Thiện can tội đảng [mưu giết Quý Ly] bị chết, Xạ không chút đoái hoài, lại hăng hái đánh giặc cho Quý Ly. Thế là chỉ biết ăn lộc của ai chế vì người ấy là nghĩa mà không biết người ấy là kẻ bất nghĩa. Cảnh Kỳ là người chỉ lo thỏa mãn thân mình, kiếm chác lộc vị, không chết khi Quý Ly cướp ngôi mà chết lúc hắn bị bại vong thì không đáng khen. Còn như Ngô Miễn, Nguyễn Lệnh, Kiều Biểu vốn là kẻ hoạn nạn, cái chết của bọn họ là điều nên lắm. Than ôi! Dương Hùng nhảy từ trên gác xuống3 không phải là người trung nghĩa, nhưng khó tránh khỏi cái tội làm tôi cho Vương Mãng. Thiệu Hốt chết theo4 không thể coi là phải đạo, thế nhưng những kẻ phản trắc há chẳng thấy thế mà phấp phỏng chột dạ hay sao?.
>
> [**7b**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngày xưa, Hạ Trưng Thư giết Trần Linh Công, người trong nước không đánh giết được. Sở Tử vào nước Trần, giết Trưng Thư rồi dùng xe xé xác ở cử thành, kinh Xuân thu ca ngợi việc đánh giết đó.

Họ Hồ giết Trần Thuận Tông mà cướp lấy nước, những người như Trần Hãng, Trần Khát Chân mưu giết mà không được. Sau khi họ chết, trong khoảng 7, 8 năm, không còn ai có thể làm được việc ấy nữa. [Họ Hồ] tự cho là người trong nước không còn ai dám làm gì nữa. Nhưng bọn loạn thần tặc tử thì ai ai cũng có thể giết chết chúng được và trời cũng không một ngày nào tha trừng phạt chúng dưới gầm trời này! Người trong nước giết chúng không được thì ngươời nước láng giềng có thể giết, người nước láng giềng giết không được thì người Di người Địch có thể giết. Vì thế người Minh mới có thể giết được chúng. Còn như [người Minh] giả nhân giả nghĩa, sát hại sinh linh thì chính là một bọn giặc tàn bạo. [**8a**] Cho nên Thái Cao Tổ Hoàng Đế ta lại có thể tiêu diệt được bọn chúng.

---

[1] Nguyên văn: "Dục hoạt nhập ẩn sơn lâm, dục tử Ngô triều tố quan".

[2] Tức Lê Lợi.

[3] Dương Hùng: làm đại phu nhà Hán, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Hùng theo Mãng. Sau vì liên quan đến việc Lưu Phần, sứ giả đến bắt, Dương Hùng nhảy từ gác Thiên Lộc xuống đất gần chết, được Mãng tha tội.

[4] Thiệu Hốt: là bề tôi của công tử Tử Củ nước Tề, định đưa Tử Củ từ nước Lỗ về tranh ngôi với anh là Tiểu Bạch (Tề Hoàn Công). Sau Tử Củ bị giết, Thiệu Hốt chết theo.

Than ôi, bọn phạm tội đại ác làm sao trốn được sự trừng phạt của trời? Đạo trời rõ ràng như vậy, đáng sợ thay!

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 2, Gản Định Đế lên ngôi ở Mô Độ[1], châu Trường Yên, dựng niên hiệu là Hưng Khánh. Trước đó, Trương Phụ yết bảng bắt các tôn thất họ Trần và đầu mục quan lại cũ để đưa về. Vua trốn chạy đến Mô Độ. Người Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem quân đến lập lên ngôi, xưng theo tên hiệu cũ[2].

Tháng 4, quân Minh đánh vào hành dinh, vì quân mới chiêu tập, không đánh mà tan vỡ. Vua liền đi về phía tây, đến Nghệ An tạm đóng tại đó. Đại trị châu Hóa Châu là Đặng Tất nghe tin, giết viên quan nhà Minh, đem quân tới hội, tiến con gái mình sung vào hậu cung. Vua phong Tất [**8b**] làm Quốc công, cùng mưu việc khôi phục.

Người Minh ngờ viên thổ quan là Hữu tham nghị Bùi Bá Kỳ có bụng khác, bắt đưa về Kim Lăng.

Bá Kỳ (người Phù Nội, Hạ Hồng) vốn là phe Trần Khát Chân, tự xưng là bề tôi trung nghĩa của Nam triều, trốn sang nước Minh, vừa gặp tên Trần vương nguỵ là Thiêm Bình đến trước, người Minh hỏi có biết không, Bá Kỳ trả lời là không biết.

Đến khi nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước, hỏi Thiêm Bình cần bao nhiêu quân, Thiêm Bình nói: "Chẳng qua vài nghìn thôi, đến đó người ta tự nguyện hàng phục". Bá Kỳ nói rằng không thể được. Vua Minh giận, phế bỏ Bá Kỳ, đem an trí tại Thiểm Tây, Cam Túc. Đến khi Thiêm Bình thất bại, vua Minh gọi Bá Kỳ về ban sắc cho, ân cần hứa hẹn lập con cháu nhà Trần và để Bá Kỳ làm phụ thần, rồi sai Kỳ đi theo quân, nên trao cho chức ấy. Bá Kỳ không dự với đồng liêu ở nha môn, chỉ ở nhà riêng thu nạp các viên quan cũ bị sa cơ lỡ bước. Bấy giờ [9a] viên thổ hào ở Đông Triều là Phạm Chấn lập Trần Nguyệt Hồ làm vua ở Bình Than, đề cờ chiêu an gọi là Trung nghĩa quân, cho nên người Minh ngờ Bá Kỳ. Sau Trần Nguyệt Hồ bị người Minh bắt, Phạm Chấn bỏ trốn.

Tháng 12, vua sai Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, cựu hành Trần Ngạn Chiêu lại cùng Phạm Chấn thu quân về Bình Than. Không bao lâu bị tan vỡ, chạy về hành tại Nghệ An.

Giết bọn nguỵ quan Trần Thúc Giao, Trần Nhật Chiêu và thuộc hạ hơn 500 người.

Trước đây, người Minh lấy tôn thất họ Trần là Trần Thúc Giao (là con Trần Nguyên Đán) giữ đất Diễn Châu, cựu tướng quân Trần Nhật Chiêu giữ đất Nghệ An. Đến đây, vua lên ngôi, vì họ không đón rước trước nên bị giết.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên hạ đại loạn, nhân dân Nghệ An, Diễn Châu biết [9b] ai là chân chúa. Thúc Dao là con người tôn thất, Nhật Chiêu là tướng quân cũ, nhận quan tước của nhà Minh, giữ đất, trị dân, dân không theo có được không? Giết Thúc Dao và Nhật Chiêu là phải, còn bọn thuộc hạ nên vỗ về mà dùng, thì chúng không cảm kích ơn đức đó hay sao? Thế là lại giết nhiều như vậy, sao gọi là quan nhân nghĩa được? Xem như Lê Tiệt và Lê Nguyên Đỉnh nhầm họp quân ở Hát Giang, mưu đánh úp Trùng Quang Đế, mà Trùng Quang Đế chỉ có Tiệt Đế và Nguyễn Đỉnh thôi, còn đều tha cả, so với Giản Định Đế thì đằng nào hơn?

Năm ấy đói và dịch bệnh, nhân dân không cày cấy được, người chết gối lên nhau.

Mậu Tý, [Hưng Khánh] năm thứ 2 [1408], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 30, tướng nhà Minh là Trương Phụ cùng bọn thổ quan Mạc Thúy đánh vào Diễn Châu. Vua và Đặng Tất vì quân ít không địch nổi, rút về nam đến Hoá [**10a**] Châu, Quân Minh đuổi theo, đánh vào cửa biển

---

[1] Mô Độ: bến Yên Mô, ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[2] Giản Định Đế tên húy Ngỗi, trước được phong là Giản Định Vương, nhà Hồ đổi phong là Nhật Nam Quận Vương. Đến đây xưng theo tên hiệu cũ là Giản Định.

Bố Chính[1], Phạm Thế Căng đón hàng, Phụ trao cho chức tri phủ Tân Bình, rồi đặt lưu quan để cai trị. Phụ trở về Đông Đô.

Mùa hạ, tháng 4, Đặng Tất rước vua trở về Nghệ An.

Nhà Minh xuống chiếu, đại lược nói:

"Còn nghĩ bọn dư chúng[2] vốn là ngu muội, hoặc vì đói nghèo bức bách, hoặc bị kẻ mạnh bắt ép, hặc bị bọn gian dụ dỗ, việc không thể đừng, tình cũng đáng thương, nếu nhất loạt bắt tội cả, trẫm thực không nỡ. Khi chiếu thư này tới, đều tha cho cả. Quan lại ở các nha môn, quân dân thuộc đất Giao Chỉ hãy thể lòng chí nhân của trẫm phải khoan hồng thương xót, chớ làm ráo riết, chớ vơ vét của dân, hết thảy những việc không cần kíp phải ngừng bỏ cả".

Tháng 6, ngày 16, Đặng Tất cả phá tên bạn thần Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, bắt được Thế Căng và cháu nó là Phạm Đống Cao giải về hành tại giết [**10b**] đi.

Trước đó, Thế Căng nhận quan chức của nhà Minh, làm oai làm phúc tiếm xưng là Duệ Vũ Đại Vương. Đến đây, họp quân chiếm cứ núi An Đại[3]. Tất đánh dẹp được.

Tháng 9, động đất, nhà cửa, cây cối như nghiêng đổ cả.

Mùa đông, tháng 10, quốc công Đặng Tất điều quân các lộ Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa tiến đánh Đông Đô. Khi quân đi qua các xứ Trường Yên, Phúc Thành[4], các quan thuộc cũ và các hào kiệt không ai không hưởng ứng đi theo. Tất chọn những người có tài đều trao cho quan chức.

Tháng 12, ngày 14, quốc công Đặng Tất cả phá quân Minh ở Bô Cô hãn[5].

Bấy giờ nhà Minh sai tổng binh Mộc Thạnh mang tước Kiềm quốc công, đeo ấn Chinh di tướng quân, đem 5 vạn quân từ Vân Nam đến Bô Cô, vừa khi vua cũng từ Nghệ An tới, quân dung nghiêm chỉnh, gặp lúc nước triều lên gấp, gió thổi mạnh, sai các quân đóng cọc giữ, [**11a**] và lên hai bên bờ đắp lũy. Thạnh cũng chia quân thủy, quân bộ cùng cầm cự. Vua cầm dùi đánh trống, hạ lệnh, các quân thừa cơ xông ra đánh, từ giờ Tỵ đến giờ Thân[6], quân Minh thua chạy, chém được Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghị, cùng quân mới, quân cũ đến hơn 10 vạn tên. Chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát trốn về thành Cổ Lộng[7].

Vua bảo các quân:

"Hãy thừa thế chẻ tre, đánh cuốn chiếu thẳng một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh thành Đông Quan[8] thì chắc chắn phá được chúng".

Tất tâu: "Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mối lo về sau".

Do dự mãi không quyết định được. Quân giữ thành Đông Quan đến cứu viện, đón Mộc Thạnh về. Tất chia quân vây các thành, gửi hịch cho các lộ hành quân đánh giặc.

> Phan Phu Tiên nói: Đặng Tất chỉ biết hành quân là gấp mà không biết cứu [**11b**] Đông Đô còn gấp hơn. Đông Đô có tầm hình thế của cả nước. Chiếm được Đông Đô thì

---

[1] Tức là cửa sông Giang ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[2] Dư chúng: chỉ những người không chịu phục tùng nhà Minh.

[3] An Đại: một ngọn núi ở huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[4] Trường Yên: là đất Ninh Bình; Phúc Thành: sau là xã Phúc An, huyện Yên Khánh, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

[5] Bô Cô là tên một bến đò ở xã Bô Cô, sau đổi là xã Hiếu Cổ, huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc đất huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[6] Khoảng từ 11 giờ đến 16 giờ.

[7] Thành do người Minh đắp, thuộc xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, tục gọi là thành Cách.

[8] Thành Đông Quan: tức là thành Đông Đô là kinh đô Thăng Long cũ nay là Thủ đô Hà Nội.

các lộ không đâu không hưởng ứng, hơn nữa hào kiệt trung châu đều ở cả đó. Bỏ nơi ấy mà không lo đánh chiếm, lại chia quân phân tán đi các xứ, vì thế hiệu lệnh không thống nhất, rốt cuộc đi đến sụp đổ là đáng lắm!

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đường Thái Tông dùng binh, phần nhiều nhân thế chẻ tre mà giành thắng lợi, là vì có tư thế anh hùng mà tướng và quân vốn đã rèn sẵn. Vua tính kế quyết thắng nhưng Tất không theo, cố nhiên là đáng tiếc. Song có lẽ Tất liệu vua mình không phải là bậc anh hùng như [Đường] Thái Tông, mà quân thì từ xa đến, lương thực có thể không tiếp tế được, còn quân ở kinh lộ thì chưa tập hợp được, chẳng thà theo phép hơn địch gấp 10 lần thì bao vây, hơn địch gấp 5 lần thì đánh[1] là hơn. Nếu không thế thì thành Cổ Lộng chỉ cách Bô Cô không quá nửa ngày đường sao vẫn không thể thừa thế chẻ tre mà đánh. [12a] huống chi thành Đông Quan. Kẻũ ấy cũng chưa lấy gì làm hỏng lắm, chỉ vì vua tin lời gièm mà vội giết Tất thôi. Than ôi, Đặng Tất sau khi phá được giặc mạnh, trổ tài mới trong khoảng một tuần một tháng, công việc chưa làm được một nửa mà bị chết oan, đó là cái họa sụp đổ [của nhà Trần], chứ đâu phải là tội của Tất.

Quan quân đến phủ Kiến Xương, viên thổ quan đồng tri Trần Quốc Kiệt trốn vào rừng bị chết đói. Trần Phúc[2] nghe tin cho lập đền thờ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quốc Kiệt chết đói, không phải là giữ tiết nghĩa với nhà Minh, mà là xấu hổ vì nhận quan chức của nhà Minh đó! Thế mới biết lòng hổ thẹn là đầu mối của điều nghĩa. Tiếc thay Quốc Kiệt không biết xấu hổ ngay từ đầu.

Kỷ Sửu, [Hưng Khánh] năm thứ 3 [1409], (từ tháng 3 trở đi là Trùng Quang đến năm thứ 1, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, giết quốc công Đặng Tất [**12b**] và Đồng tri khu mật viện sự tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân.

Khi ấy vua đóng ở Hoàng Giang, nội nhân là Nguyễn Quỹ (có sách viết là?) học sinh Nguyễn Mộng Trang mật tâu rằng Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất chuyên quyền bổ quan và cách chức, nếu không tính sớm đi, sau này khó lòng kiềm chế. Vua cho gọi hai người đến, bóp cổ giết Tất, Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua may thoát khỏi vòng vây hãm nguy hiểm, cầu người cứu giúp nạn nước, được cha con Đặng Tất có tài làm tướng, cha con Cảnh Chân giỏi tài mưu lược, đủ để lập được công khôi phục, dựng được nghiệp trung hưng. Với trận thắng Bô Cô, thế nước lại nổi. Thế mà nghe lời gièm pha ly gián của bọn hoạn quan, một lúc giết hại hai người bề tôi phò tá mình, thì làm sao nên việc được!

Cho nên đức của người làm vua quý ở chỗ cương quyết, sáng suốt. Cương quyết thì có thể [**13a**] xử đoán được, sáng suốt thì có thể xét rõ được. Ôi, nếu lúc đó vua gọi hai đại thần đến, dẫn hai đứa ấy kể rõ tội gièm pha vu hãm hại đại thần rồi chém ngay chúng đi thì uy lệnh được thi hành và bọn Tất dũng cảm càng tăng, cảm kích càng sâu, giả sử có manh tâm chuyên quyền chả lẽ không sợ uy mà phải tự bỏ, sợ gì khó kiềm chế nữa. Đã không làm được như thế thì chỉ có long đong rồi đến chết chìm mà thôi!

Con Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị, con Đặng Tất là Dung đều căm giận vì cha bị chết oan, mới đem quân Thuận Hóa về Thanh Hóa, đón rước Nhập nội thị trung Trần Quý Khoáng đến Nghệ An lên làm vua.

Tháng 3, ngày 17, vua lên ngôi ở Chi La[1], đổin niên hiệu là Trùng Quang, lấy Nguyễn Súy là Thái phó, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Đặng Dung làm đồng bình chương [**13b**] sự, Nguyễn Chương

---

[1] Nguyên văn "Thập vị ngũ công" là cách nói tắt của câu: "Thập tắc vị chi, ngũ tắc công chi" trong binh pháp cổ Trung Quốc ("Thaông điển" và "Tôn Tử thập gia chú") nghĩa là: Hơn địch 10 lần thì bao vây, hơn địch 5 lần thì đánh. Ý nói là cách đánh cẩn thận chắc chắn.

[2] Nên sửa là Hoàng Phúc.

làm Tư mã. Giản Định Đế giữ thành Ngự Thiên[2] chống nhau với quân Minh. Bọn Súy hội đánh úp bắt được.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, Hưng Khánh thái hậu[3] cùng với hành khiển là Lê Tiệt, Lê Nguyên Đỉnh ngầm khởi binh ở Hát Giang mưu đánh úp Trùng Quang Đế. Người Nghệ An là Nguyễn Trạo tiết lộ việc ấy. Trùng Quang Đế giết bọn Tiệt và Nguyên Đỉnh, còn những người khác đều tha cả.

Ngày 20, bọn Nguyễn Súy dẫn Hưng Khánh Đế đến sông Tam Chế [4] ở Nghệ An, trùng Quang đổi mặc áo thường xuống thuyền đón rước. Khi ấy trời đất đương tối sầm bỗng nhiên mây vàng rực rỡ hiện ra, mọi người đều kinh ngạc. Bèn tôn Hưng Kháng Đế làm Thượng hoàng, cùng chung sức đánh giặc.

Tháng 5, bà phi của Trùng Quang Đế mất.

Tháng 6, Hưng Khánh thái hậu mất.

Tháng 7, mưa dầm suốt mấy tuần không tạnh.

Tổng binh nhà Minh là Mộc Thạnh sai Hoàng La tới. Vua sai [**14a**] người tiếp hắn ở Nỗ Giang[5], Thanh Hóa.

Hai vua ra quân đánh giặc. Thượng hoàng tiến quân tới Hạ Hồng, vua đem quân đến Bình Than, đóng đinh ở đấy. Quân Minh đóng ở cửa thành cố thủ. Vua hạ lệnh cứ 4, 5 ngày một lần đi tuần tra. Hào kiệt các lộ đều hưởng ứng, chỉ có tri phủ Tam Giang[6] là Đỗ Duy Trung (Duy Trung là thổ hào ở Thao Giang) bảo dưỡng quan lại nhà Minh nên không chịu theo thôi.

Vừa khi tổng binh Trương Phụ, với tước Anh quốc công đeo ấn Chinh Di tướng quân sang cứu viện, thế quân Minh lại lên. Thượng hoàng liền bỏ thuyền lên bờ, đến trấn Thiên Quan[7]. Vua ngờ Thượng hoàng có ý khác, sai Nguyễn Súy đuổi theo nhưng không kịp. Trương Phụ chia quân đuổi theo, bắt được Thượng hoàng và Thái bảo Trần Hy Cát cùng ấn báu, giải về Kim Lăng, rồi bị hại.

Tháng 8, Trùng Quang Đế cầm cự nhau với Trương Phụ ở Bình Than.

Vua lệnh cho Bình chương Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử. Bấy giờ [**14b**] lương thực rất thiếu thốn, Dung chia quân đi gặt lúa sớm để cấp cho quân. Quân Minh dò biết, dùng thủy quân đánh cửa Hàm Tử, quân của Dung tan vỡ. Vua nghe tin thất thủ, tự lượng không chống nổi, mới dẫn quân về Nghệ An mưu việc tiến thủ.

Phụ đi đến đâu, giết chóc rất nhiều, có nơi thây chất thành núi, có chỗ moi ruột quấn vào cây, hoặc rán thịt lấy mỡ, hoặc nướng đốt làm trò, thậm chí có đứa mổ bụng lấy thai, cắt lấy hai cái tai để nộp theo lệnh. Kinh lộ các nơi lần lượt đầu hàng. Những dân còn sót lại bắt hết làm nô tỳ và bị đem bán, tan tác khắp bốn phương cả.

Thượng thư Hoàng Phúc lại đặt quan chức, chia ra trị các phủ, huyện từ Thanh Hóa trở ra Bắc. Người địa phương có ai chiêu an được, hay có công cướp giết, Trương Phụ đều trao cho quan chức. Hoàng Phúc xin nâng hai châu Thái Nguyên và Tuyên Quang lên thành phủ.

---

[1] Chi La: Tên huyện La Sơn, nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Ngự Thiên: tên huyện, trước là hương Đa Cương, có mộ tổ nhà Trần ở đấy nên gọi là Ngự Thiên, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Mẹ của Đế Ngỗi.

[4] Khúc sông Lam ở gần chân núi Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Nỗ Giang: khúc sông Mã chảy qua làng Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, còn gọi là sông Nguyệt Thường.

[6] Phủ Tam Giang: là đất tỉnh Phú Thọ ngày nay.

[7] Trấn Thiên Quan: là vùng đất gồm huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình và huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

Năm này đói và dịch bệnh nặng hơn [**15a**] năm trước.

TRÙNG QUANG ĐẾ

Tên húy là Quý Khoáng, con thứ của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội Nghệ Tông, cháu gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm. Vua gặp thời loạn lạc, gắng chí mưu việc khôi phục, nhưng vì trời không giúp nhà Trần nữa, nuốt hận mà chết, thương thay!

Canh Dần, [Trùng Quang] năm thứ 2 [1410], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ sai người Minh mở thêm đồn điền ở nơi gần thành và thu thóc lúa ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tam Giang để dự trữ lương quân.

Mùa hạ, tháng 5, vua đem bọn Nguyễn Cảnh Dị tiến quân đến bến La, Hạ Hồng, đánh phá quân của đô đốc Giang Hạo, thừa thắng đuổi theo, tiến quân đến Bình Than, đốt phá gần hết thuyền trại của quân Minh.

Bấy giờ, các hào kiệt nghe tin đều hưởng ứng. Người Thanh Hóa là Đồng Mặc, tên hiệu là Lỗ Lược tướng quân, đánh giết bọn giặc nhiều không kể xiết. Chỉ huy của quân Minh là Tả [**15b**] Địch bị bắt, Vương Tuyên (có sách ghi là Vương Đản) thế cùng phải tự vẫn. Hưng Khánh Đế cho Mặc làm Phủ quản quận Thanh Hóa.

Lại có người Nguyễn Ngân Hà tuy không bằng Mặc, nhưng cũng là ngườitrội trong đám hào kiệt. Lê Nhị ở Thanh Oai giết cha con tên đô ty Lư Vượng ở cầu Ngọc Tản, lại chiếm giữ huyện Từ Liêm, quân Minh rất sợ hãi. Lê Khang ở Thanh Đàm[1], Đỗ Cối, Nguyễn Hiệu ở Trường Yên cũng họp quân chống giặc. Nhưng vì hiệu lệnh không thống nhất, quân đội không có chỉ huy chung, nên sau đều tan vỡ cả. Gặp khi Trương Phụ đến Diễn Châu, vua lại đem quân về Nghệ An.

Hoàng Phúc xin cấp ruộng cho các thổ quan, tùy theo phẩm trật, để họ cho người cày cấy thu tô thay cho bổng lộc, còn các lưu quan thì cấp lính để cấy ruộng thu thóc, chi cấp lương ăn.

Tân Mão, [Trùng Quang] năm thứ 3 [1411], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ cấp bằng cho thổ quan các phủ vì có công [**16a**] đánh dẹp, gồm cả những thổ quan ở phủ, châu cai quản quân lính, những người thuộc thiên trưởng, bách trưởng lấy làm chỉ huy thiên bộ.

Tháng 2, nhà Minh xuống chiếu ân xá, đại lược nói: "Giao Chỉ đã thuộc về Chức phương[2] mà liền mấy năm chưa được yên nhgỉ. Nghĩ thương dân ấy sau cơn khốn khổ, đặc cách ban ân khoan thứ, xót thương, ngõ hầu khiến cho triệu dân đều được thấm nhuần đức trạch".

Lại dụ bọn quan lại, quân dân rằng: "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, đã vỗ về chúng, thì chúng đều là con đỏ của trẫm. Chúng nhất thời đi theo bọn giặc, nghe nói bị giết, trẫm thực thương xót trong lòng, sao lại nỡ để chúng như vậy? Vả lại, bọn gây tội ác chỉ có mấy đứa thôi, còn trăm họ nơi bãi biển, hang núi,bị chúng cưỡng bức, uy hiếp, hoặc giúp chúng lương thực, hoặc bị chúng đem theo làm giặc ở các nơi, đều là bắt đắc dĩ, bị chúng làm cho lầm lỡ chứ không phải là do bản tâm. Nếu biết [**16b**] hối hận sửa bỏ lỗi lầm, đều cho được đổi mới. Làm ác chỉ có mấy đứa, trăm họ không có tội gì. Trong đó, người nào hiên ngang dũng cảm, có kiến thức, có thể bắt được mấy đứa kia đem dâng thì nhất định sẽ ban cho quan to, tước cao. Còn bọn làm ác, nếu biết tẩy rửa tâm trí, đổi lỗi sửa mình, thì chẳng những được khoan tha tội lỗi, lại còn chắc chắn được làm quan vinh hiển nữa".

Tháng 3, nhà Minh sai quan mang sắc chỉ cho các thổ quan như sau: "Các ngươi tài năng khôi kiệt, tư chất đôn hậu, sáng suốt nhìn xa, trước đã thành tâm gắng sức, tận trung với triều đình, nghĩ tới công lao của các ngươi, đặc ân thăng cho chức vụ vinh hiển. Nay nghe các ngươi biết làm tròn nghĩa vụ,

---

[1] Huyện Thanh Đàm: là huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

[2] Chức phương: chức quan nắm giữ bản đồ của thiên hạ, trông coi việc tiến cống của bốn phương. Ở đây ý nói Giao Chỉ đã nằm trong bản đồ của nhà Minh.

dốc sức lập công, bắt giết bọn phản nghịch, giữ vững đất đai, nghĩ đến lòng trung thành ấy, xiết nỗi vui mừng khen ngợi. hiện nay, bọn giặc còn sót chưa dẹp yên hết, các ngươi hãy lập thêm nhiều công, ra sức quét sạch bọn chúng để tiếp nối công tích trước đây. Ta đặc cách sai người [**17a**] sang úy lạo ban thưởng. Các ngươi hãy kính cẩn phục tùng mệnh lệnh ân sủng này".

Mùa thu, tháng 7, sông Đáy nước lên to, vỡ đê quai, trôi cả nhà cửa của dân.

Tháng 9, vua và bọn Nguyễn Súy chia đường tiến đến cửa biển, bắt được tên chỉ huy Nguyễn Chính người địa phương ở Bài Lâm, chém bêu đầu rồi về.

Sai Hành khiển Hồ Ngạn Thần làm sứ giả cầu phong, Thẩm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu văn, phương vật và hai tượng người bằng vàng và bằng bạc thay thân mình.

Trước đó, vua đã sai hành khiển Nguyễn Nhật Tư và thẩm hình Lê Ngân sang cầu phong. Vua Minh nổi giận, bắt giam rồi giết cả. Đến đây lại sai bọn Ngạn Thần đi.

Đến Yên Kinh, vua MInh sai Hồ Trừng giả vờ lấy ân tình cũ hỏi thăm quốc chủ khoẻ hay yếu, tình hình trong nước thế nào, Ngạn Thần nóu hết cả với Trừng. Nột Ngôn thì không chịu khuất phục. Nhà Minh giả cách cho vua làm Giao Chỉ Bố chính sứ, Ngạn Thần làm Tri phủ Nghệ An.

Sứ về nước, Nột Ngôn tâu hết [**17b**] viẹv Ngạn Thần tiết lộ việc nước và nhận lệnh của giặc. [Vua sai] bắt Ngạn Thần giam ngục rồi giết.

Gả Quốc tỷ trưởng công chúa[1] cho Hồ Bối người Hóa Châu, phong Bối làm Tư đồ rồi sai ra Thanh Hóa chống giặc.

Nhà Minh bắt giam viên Tham nghị Giải Tấn rồi giết đi (Tấn là người Cát An, tỉnh Giang Tây). Tấn đỗ tiến sĩ cập đệ, bổ Hàn lâm học sĩ, vì nói việc trái ý vua, bị đuổi ra làm Tham nghị ở Giao Chỉ. Khi đến ty, lại nói rằng:

"Giao Chỉ chia đặt quân huyện không bằng để nguyên như cũ, phong tước chia đất cho các thổ hào để họ cai quản lẫn nhau. [Chia đặt quận huyện] dẫu có cái được cũng không bù được những cái mất, cái lợi không chữa được cái hại".

Vua Minh xem tờ tâu nổi giận, cho là Giải Tấn có ý tư vị họ Trần, bất lợi cho nước, xuống chiếu bắt giam ở Cẩm y vệ, rồi ốm chế. Đến năm Minh Nhân Tông lên ngôi, mới được đưa về chôn, gia thuộc mới được về quê hương.

> [**18a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lời nói của bề tôi ngay thẳng không phải lợi cho mình mà lợi cho nước. Nhưng các vua chúa tầm thường thì không hay coi đó là lợi mà cứ muốn hại người ta. Đó là do họ bị che lấp nặng rồi. Minh Thái Tông một khi đã manh tâm hiếu đại hý công, tham cướp được nước ta, Giải Tấn há lại không biết nói thế là chạm tới cơn giận giữ hay sao? Đó chính là vì nước không nghĩ đến mình. Thái Tông không nghe, cùng binh độc vũ, cho rằng ắt chiếm được. Lời của Giải Tấn lúc ấy hình như chưa ứng nghiệm.

Đến khi Thái Tổ ta[2] dẹp loạn trừ bạo, bắt được phong thư bọc sáp của Vương Thông nói rằng: "Quân để dùng phải được như số quân đi đánh lúc đầu, và phải được 6, 7 viên đại tướng như Trương Phụ mới có thể đánh được, mà dẫu có lấy được cũng không thể giữ được", thì bấy giờ lời Giải Tấn mới ứng nghiệm. Lời nói của bề tôi ngay thẳng chả lẽ không [**18b**] lợi cho nước hay sao? Cốt ở người làm vua biết soi xét mới được.

Người Minh bắt giải giáo thụ Lê Cảnh Tuân về Kinh Lăng.

---

[1] Tức trưởng công chúa chị gái vua.

[2] Chỉ Lê Lợi.

Trước đây, Cảnh Tuân là hạ trai học sinh[1] của họ Hồ. Năm Hưng Khánh thứ 1, viết bức thư một vạn chữ[2] dâng cho Tham Nghị Bùi Bá Kỳ, nêu ba phương sách thượng, trung, hạ, đại lược nói rằng:

"Nhà Minh đã có sắc ban cho ngài theo quân tiến đánh, đợi khi bắt được họ Hồ thì chọn con cháu họ Trần lập làm vua, gia tước cho ngài để ở nước làm phụ tá. Nay thấy thiết lập ty bố chính, phong tước cao cho ngài, mà chỉ cấp người quét dọn đền miếu nhà Trần. Nếu ngài có thể tâu lại, phân tích những lời khai của các quan lại, kỳ lão, nói rõ con cháu họ Trần, đó là thượng sách. Nếu không được như thế, thì xin thôi chức vị hiện nay, nguyên làm [**19a**] quan coi nhà thờ họ Trần, đó là trung sách. Nếu ngày còn tiếc quan tước to, tham bổng lộc nhiều, thì đó là hạ sách.

Nếu ngài làm theo thượng sách thì tôi là nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì bổ sung vào ô thuốc của ngài, tùy ngài sử dụng. Nếu ngài làm theo trung sách, thì tôi xin bưng khay chén hầu hạ ở đó, cũng xin tùy ngài sai khiến. Nếu ngài làm theo hạ sách thì tôi sẽ là kẻ câu vắng cầy nhàn[3] cho hết tuổi thừa mà thôi".

Đến khi tịch biên nhà Bá Kỳ, bắt được bức thư ấy, tâu lên, sai bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, thì gần đây vì loạn lạc, không biết đi đâu.

Đến đây, đặt học hiệu ở Giao Châu, bắt được Cảnh Tuân đưa về Kim Lăng giam xuống ngục của y vệ Cẩm. Cảnh Tuân ở trong ngục 5 năm, cùng con là Thái Điên đều ốm chết.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ba phương sách của Cảnh Tuân có khí thái của bậc trượng phu. Ông nhận [**19b**] chức giáo thụ của nhà Minh phải chăng là vì muốn ẩn dật mà khônng được?

Nhâm Thìn, [Trùng Quang] năm thứ 4 [1412], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, viên phụ đạo ở Đại Từ, Thái Nguyên là Nguyễn Nhuế khởi binh, hoại động ở vùng núi tam Đảo, bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Bấy giờ kinh lộ đều phụ thuộc vào nhà Minh, trăm họ phải làm sai dịch và nộp lương theo sự sai bắt của bọn quan thú nhiệm. Thổ quan thì đóng thuyền và lập đồn điền để giúp việc cho tổng binh. Từ Ciễn Châu trở vào nam, không được cày cấy.

Mùa hạ, tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh đem quân đánh vào hành tại ở Nghệ An, gặp bọn Nguyễn Súy, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung ở Mô Độ. Dung, Phụ đều liều chết đánh nhau chưa phân thắng bại, thì Súy và Cảnh Dị vượt biển chạy, Hồ Bối bỏ thuyền lên bờ. Dung thế cô, không có cứu viện, bèn đi thuyền nhẹ vượt biển trốn đi.

> [**20a**] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo cầm quân chế thắng cốt ở đồng tâm hiệp lực. Giả sử bọn Súy và Dị một lòng quyết đánh thì Dung và Phụ cũng chưa biết ai được ai thua. Đó là vì trời không giúp họ Trần vậy!.

Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai Tổng binh Hàn Quan với chức Hữu quân đô đốc đồng trị, đeo ấn Chinh Nam tướng quân sang trấn giữ.

trương Phụ nhà Minh lệnh cho Tam Giang và Tuyên Hóa đóng thuyền để cấp cho quân.

Bọn Trương Phụ nhà Minh lại vào cướp hành tại ở Nghệ An; Thanh Hóa, Diễn Châu đều bị hãm.

Mùa đông, tháng 12, nhà Minh mang sắc dụ các quan lại, kỳ lão các châu, phủ, huyện thuộc Bố chính ty rằng:

"Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ mong cho dân thiên hạ được yên ổn, Giao Chỉ ở xa tận ven biển, xưa là đất của Trung Quốc, nay [**20b**] đã lại như cũ, binh lính và dân chúng theo về giáo hóa đến nay đã mấy năm rồi, đã đặt mục, bá, thú, lệnh và quân, vệ, ty, chọn dùng những người

---

[1] Đời Trần hhọc sinh chia làm ba bậc là thượng trai, trung trai và hạ trai.

[2] Nguyên văn: "Vạn ngôn thư".

[3] Chỉ người đi ở ẩn.

trung lương, hiền năng để vỗ trị. Trẫm sớm khuya nghĩ đến, còn lo rằng đất xa dân đông, giáo hóa có chổ không thấu tới, không được thấm ơn trạch yêu thương, nuôi nấng của nhà nước.

Nay bọn các ngươi đều là bề tôi trung lươmg, phải thể lòng kính trời thương dân của trẫm, hưng lợi trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân mà trừ bỏ mối gian tệ cho dân. Dạy dân cày ruộng, trồng dâu, khiến cho không trái thời vụ thì áo mặc, cơm ăn có chổ trông cậy; dạy dân bằng hiếu, để, trung, tín; khuyên dân điều lễ nghĩa, liêm sĩ, thì phong tục sẽ tốt lành. Khi tang ma, hoạn nạn thì thương xót giúp đỡ lẫn nhau; lúc khốn cùng long đong thì chu cấp phù trì cho nhau. Người già phải dạy con trẻ, kẻ dưới phải kính bề trên,, ai nấy phải thuận theo bản tính, không được làm trái với lễ. [**21a**] Chớ có làm trộm cướp, chớ có đi lừa dối, chớ múa may văn chương mà đùa với luật pháp, chớ theo ý riêng ,mà bỏ lẽ công, muốn cho dân chúng an cư lạc nhgiệp, mãi mãi là dân trời vô sự, để cùng vui thời thịnh trị thái bình, thì bọn các người phải thận trọng với chức vị của mình, làm tròn công việc của mình, theo được đức y thay trời nuôi dân của trẫm, để có thể sánh vai với những bậc tuần lương đời xưa, tên tuổi chiếu sáng sử xanh, thế chẳng tốt đẹp lắm sao!".

Nông Văn Lịch ở Lạng Sơn tụ tập quân lính chiếm giữ đất ấy, chẹn lấp đường đi lại của người Minh, giết bắt vô số. Tham chính Mạc Thúy từng đem quân tiến sâu vào đất ấy, bị trúng tên thuốc độc mà chết. Sau vì Văn Lịch thông dâm với vợ của cấp dưới, binh sĩ tức giận giết chết.

Nguyễn Liễu ở Lý Nhân[1] chiêu tập người các huyện Lục Na[2], Vũ Lễ đánh cướp người Minh trong mấy năm. Vua ở Nghệ An, đường bị ngăn trở không thông, quân của Liễu bị tan vỡ dần, Tham nghị Nguyễn huân vờ kết thông [**21b**] gia rồi dụ [Liễu] đến giết chết.

Quý Ty, [Trùng Quang] năm thứ 5 [1413], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, vua dẫn bọn Nguyễn Súy, Nguyễn cảnh Dị lại đem quân vượt biển đến Vân Đồn, Hải Đông và các bãi biển để thăm dò và lấy lương thực, đánh quân Minh đóng giữ ở những nơi ấy.

Hoàng Phúc nhà Minh chọn lựa thợ giỏi và vợ con họ đưa về Yê Kinh để đóng thuyền.

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh lệnh cho quân nhâ đem đổi lấy thóc lúa ở Tam Giang, Tuyên Hóa, Quy Hóa để trữ lương quân, lại mộ khách buôn nộp thóc, chở thuyền đem về các xứ Quảng Đông, Phúc Kiến, Chiết Giang, Tứ Xuyên, Vân Nam để bán.

Tháng 3, ngày mồng 4, vua lại trở về Nghệ An, quân lính mười phần chỉ còn 3, 4 phần.

Tổng binh Hàn Quan ốm chết ở thành Đông Quan.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trương Phụ nhà Minh vào cướp Nghệ [**22a**] An.

Vua ngự đến Hóa Châu, sai đái quan Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang phương vật tới Nghệ An. Trương Phụ giữ Biểu lại, Biểu tức giận mắng Biểu rằng:

"Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt thành quận huyện, không chỉ cướp bóc của cải châu báu, lại còn tàn hại sinh dân, thực là loài giặc dữ".

Phụ nổi giận giết chết.

Tháng 6,Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh họp các tướng bàn kế đánh chiếm. Thạnh nói:

"Hóa Châu núi cao biển rộng, chưa dễ lấy được". Phụ nói:

"Tôi sống được cũng là vì Hóa Châu, có làm ma cũng là vì Hóa Châu. Hóa Châu mà chưa dẹp được, tôi còn mặt mũi nào trông thấy chúa thượng nữa!".

Bèn đem quân thủy đi, mất 21 ngày, đánh vào thành châu Thuận Hóa.

---

[1] Lý Nhân: là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà.

[2] Lục Na: là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

Mùa thu, tháng 9, bọn Trương Phụ nhà Minh đánh nhau với Nguyễn Súy ở kênh Sái Già[1]. Quân Nam quân Bắc [**22b**] đương cầm cự nhau, Đặng Dung mai phục binh tượng, nửa đêm đánh úp doanh trại Phụ. Dung nhảy lên thuyền của Phụ, định bắt sống Phụ nhưng không nhận ra hắn. Phụ vội đi thuyền nhỏ trốn chạy. Quân Minh tan vỡ đến một nửa, thuyền bè, khí giới bị đốt phá gần hết. Bọn Súy không chịu hợp sức đánh. Phụ thấy quân của Dung ít, quay lại đánh. Quân của Dung tan chạy, từ đấy chỉ ẩn nấp trong núi hang.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trận đánh ở Sái Già, Đặng Dung, Nguyễn Súy, đem tàn quân trơ trọi chống lại bọn giặc mạnh, quân tướng đều tinh nhuệ. Dung nửa đêm đánh úp doanh trại giặc làm cho tướng giặc sợ hãi chạy trốn, đốt hết thuyền bè, khí giới của chúng, không phải người thực sự có tài làm tướng, thì có làm được như thế hay không?. Thế nhưng cuối cùng vẫn bại vong, đó là do trời. Tuy thất bại, cũng vẫn vinh quang, vì sao vậy?.

Bọn Dung vì nghĩa không thể cùng sống với giặc, phải tiêu diệt bọn chúng mới nghe, cho nên mới hết lòng, hết sức giúp đỡ [23a] Trùng Quang để mưu khôi phục. Trong khoảng 5 năm, kiên trì chiến đấu với giặc, dẫu có bất lợi, nhưng ý chí không núng, khí thế càng hăng, đến kiệt sức mơí chịu thôi. Lòng trung vì nước của người bề tôi, dẫu trăm đời sau vẫn còn tưởng thấy được!

Ngày xưa nước Lỗ đánh nhau với nước Tề ở đất Can Thì bị thất bại, thánh nhân không vì thua mà kiêng né, lại chép rõ để nêu niềm vinh quang chiến đấu với kẻ thù, chứ không bàn đến việc thành bại. Thế thì trận đánh ở Sái Già, quân Minh bị tan vỡ một nửa, quân ta đến khi sức kiệt mới chịu thua cũng vinh quang lắm thay!

Mùa đông, tháng 10, Trương Phụ nhà Minh lấy Đô đốc Hoàng Trung đi dò trước, chặn ở thượng lưu. Nguyễn Súy sai ba thích khách, đội cỏ xuôi dòng đến thuyền của Phụ. Một người trèo lên mũi thuyền, hai người trèo lên đuôi thuyền. Phụ biết, bắt được hai người, giết một người, thả một người, lại còn [**23b**] cho tiền bạc. Hôm sau Phụ hội họp các tướng nghị bàn, Hoàng Trung nói không hợp ý Phụ, Phụ nổi giận kể tội Trung phòng giữ không nghiêm, để đến nỗi có chuyện khích thách, rồi chém Trung. Các tướng đều tái mặt đi.

Tháng 11, bọn Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung bị Trương Phụ nhà Minh bắt sống. Cảnh Dị mắng ngay vào mặt Phụ:

"Tao định giết mày, lại bị mày bắt", chửi Phụ luôn miệng. Phụ giận lắm, giết Dị rồi lấy gan ăn.

Vua chạy sang Lão Qua. Phụ sai người lùng bắt được, đưa đến cửa quân. Người Thuận Hóa đều hàng. Thế là nhà Trần mất.

Trước đây, nhà Hậu Trần dấy binh mưu việc hưng phục, viên Trấn phủ cũ Phan Quý Hựu có công bày mưu giúp việc, được thăng dần đến Thiếu bảo. Đến khi Trương Phụ vào cướp Nghệ An, vua ngự tới Hóa Châu, Quý Hựu hàng giặc. Phụ mừng lắm. Được mươi hôm thì Quý Hựu ốm chết. Phụ cho con là Liêu làm Tri châu Nghệ An và hậu thưởng gia thuộc Quý Hựu. [**24a**] Liêu đem tình hình tướng văn tướng võ giỏi kém thế nào, số quân có được bao nhiêu, núi sông hiểm dị ra sao kể rõ cho Phụ biết. Bấy giờ Phụ mới quyết chí đánh Hóa Châu.

Trở lên làđời vua nhà Trần, bắt đầu từ năm Bính Tuất (1226) chấm dứt ở năm Kỷ mão (1399), tổng cộng 174 năm và 2 đời vua nhà Hậu Trần 7 năm.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trùng Quang Đế lấy quân một lữ để mưu khôi phục đất nước trong lúc loạn lạc lưu ly, ví như dùng một cây gỗ để chống giữ ngôi nhà lớn đã đổ, chả lẽ không biết rằng thế không thể cứu vãn được nữa hay sao? Nhưng hãy làm hết bổn phận nên làm, ngõ hầu có thể vãn hồi được thiên mệnh!.

[1] Sái Già: theo Minh sử và Minh sử kỷ sự của Cốc Ưng Thái chép về việc này, đều nói đánh ở sông Ái Tử, thì có lẽ Sái Già tức là chổ này (lời chữa của CMCB 12).

Còn như khi bị giặc bắt đem về, giữ nghĩa không chịu nhục, cam lòng nhảy xuống biển mà chết, để cùng mất với nước, thực đúng là "quốc quân chết vì xã tắc", mà các [**24b**] bề tôi của ngài như Cảnh Dị chửi giặc mong cho chúng giết ngay mình, Nguyễn Biểu kể tội ác của giặc rồi chết, đều là những người đáng ca ngợi cả. Chỉ có Hồ Ngạn Thần đi sứ làm nhục mệnh vua, đã bị giết rồi, Phan Liêu đem tình hìụnh mạnh yếu trong nước đi báo cho giặc, tuy được thoát chết trong một thời, nhưng sau lại bị Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta giết chết. Than ôi, người làm tôi trung với nước tuy chết vì nghĩa không có tội gì, mà để lại tiếng thơm mãi mãi, còn bọn bất trung phản quốc, không khỏi tránh khỏi chết, lại còn để tiếng xấu ngàn năm, thực đúng như thế.

K_ THUỘC MINH

Giáp Ngọ, [1414], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh chiêu dụ, vỗ về Tân Bình, Thuận Hóa, chia đặt quan cai trị để cùng làm việc với thổ quan, khám xét nhân khẩu, gộp làm sổ hộ.

[**25a**] Phủ Thăng Hoa tuy có đặt quan, nhưng Chiêm Thành vẫn có trưởng lộ chiếm giữ cai trị, nên nhà Minh chỉ ghi tên không mà thôi.

Quan lại ở kinh lộ, những ai lánh giặc đi theo Trùng Quang Đế đến Hóa Châu, đến đây người thì mang cả nhà chạy sang nước Lão Qua, người thì chạy sang Chiêm Thành, còn người trong nước từ đấy đều làm thần thiếp cho người Minh cả.

Mùa hạ, tháng 4, tổng binh Trương Phụ, Mộc Thạnh, Binh bộ thị lang Trần Hiệp của nhà Minh đem trùng Quang Đế, Nguyễn Súy và Đặng Dung về Đông Quan. Quan lại các phủ, châu, huyện sắm lễ vật cùng trướng vẽ cờ thêu đến mừng. Sai người giải về Yên Kinh.

Trùng Quang Đế đi đến nửa đường nhảy xuống nước chết. Súy thấy Trùng Quang Đế đã nhảy xuống nước chết, ngày ngày chơi cờ với viên chỉ huy coi giữ mình, thành quen, mới lấy bàn cờ đánh hắn ngã xuống nước chết, Súy cũng nhảy xuống nước chết. Quốc thống từ đấy thuộc về nhà Minh.

Mùa thu, tháng 7, [**25b**] Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho các phủ, châu, huyện, phàn quân nhân bắt được tôi tớ, cùng đàn bà con gái trốn đi xứ khác thì giải về cửa quân. Bọn quan lại chìu ý cấp trên bắt nhiều dân nghèo xiêu tán giải nộp.

Tháng 8, Trương Phụ, Mộc Thạnh và Trần Hiệp trở về bắc, chia quân trấn giữ.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh truyền bảng cho các phủ, châu, huyện dựng Văn Miếu và các đàn thờ thần xã tắc, thần gió, thần mây, thần núi, thần sông và những thần không ai thờ cúng để tế lễ thường xuyên.

Nhà Minh cấm con trai, con gái không được cắt tóc; phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài, đồng hóa theo phong tục phương bắc.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh mở học hiệu và sức tìm tòi những người nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ, hạ lệnh cho các phủ, châu, huyện lấy lễ mà thành tân thỉnh mời. Đó là làm theo lời của Hữu tham tri Bành Đạo Trường.

Nhà Minh bắt khai số ruộng và đất trồng dâu, trưng thu lương thực, tơ tằm. Mỗi hộ 1 mẫu thì bắt khai thành 3 mẫu. [**26**] Đến sau xét hộ khẩu tăng hàng năm, định số ruộng mỗi hộ là 10 mẫu (nghĩa là mỗi mẫu chỉ có 3 sào, 10 mẫu thực ra chỉ có 3 mẫu). Mỗi mẫu thu 5 thăng thóc, đất bãi mỗi hộ một mẫu thu 1 lạng tơ, mỗi cân tơ dệt được 1 tấm lụa.

Ất Mùi, [1415], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 13). Mùa thu, tháng 8, nhà Minh khám thu các mỏ vàng, bạc, mộ phụ đãi nhặt vàng bạc và bắt voi trắng, mò trân châu. Thuế khóa nặng, vơ vét nhiều, dân chúng điêu đứng. Bãi muối ven biển cấm dân mua bán riêng, sai nội quan coi giữ cả. Lại đặt chức cục sứ và phó của từng bãi muối để chia nhau trông coi. Các phủ, châu, huyện đêu đặt phó sứ ty Thuế khóa và sở Hà bạc.

Phép lấy muối của nhà Minh: Trước hết sai viên cục sứ và viên phó đốc thúc dân nấu muối, mỗi tháng được bao nhiêu đưa tới ty Đề cử thu giữ. Các viên nội quan mộ người buôn bỏ tiền ra lĩnh giấy khám hợp[1] của ty Bố chính. Giấy khám hợp lớn [**26b**] thì lấy 10 cân muối, giấy khám hợp nhỏ thì lấy 1 cân rồi mới được đem bán. Nếu không có giấy [giấy khám hợp] thì [xử tội] như luật nấu lậu. Lạ cấm người đi đường, lệ chỉ được đem 3 bát muối và 1 lọ nước mắm thôi.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh sai quan áp giải đích thân những bọn nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ đưa về Yên Kinh trao cho quan chức rồi đưa về các nha môn làm việc. Lại ra lệnh cho các quan ty sở tại cấp cho tiền đi đường và ngươời bạn tống, nếu không sẽ bị trừng trị; dọc đường phải cấp cơm ăn và tiền đi đường.

Mùa đông, tháng 10, Tổng binh nhà Minh là Trương Phụ giữ chức Chinh lỗ phó tướng quân, lại sang trấn thủ.

Nhà Minh mở đường thủy Vĩnh An, Vạn Ninh, đặt trạm đón chuyển đường thủy đến thẳng Khân Châu. Lại đặt trạm chạy ngựa đến thẳng Hoành Châu[2].

Bính Thân, [1416], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh bắt đầu đưa những thượng quan văn võ và kỳ lão sang Yên [**27a**] Kinh, đổi trát văn của Tổng binh mà dùng giấy vàng của bộ để thực thụ quan chức. Thăng Tham nhgị Nguyễn Huân làm Tả bố chính sứ; Tri phủ Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung làm Tham chính. Còn lại thì thăng chức Tri phủ, Đồng tri phủ, Tri châu, Đồng tri châu, Tri huyện. Nhân đó, ban sắc rằng:

"Trước kia bình định Giao Chỉ, các ngươi đã tỏ lòng thành, làm việc nghĩa, lòng hướng về triều đình, trẫm khen ngợi lòng thành của các ngươi mà trao cho quan chức. Từ khi nhận mệnh đến nay, đã biết tận tâm hết sức, hăng hái trung thành, quét diệt phản nghịch, vỗ yên bờ cõi, cố gắng làm tròn chức phận, đã nhiều lần thăng thưởng để biểu dương công trạng của các ngươi. Nay các ngươi đến cửa khuyết triều cống, trẫm xét lòng thành, đánh nên khuyến khích. Nay đặc ân thăng cho các ngươi làm chức mỗ... Các ngươi hãy cố gắng trung thành, cần mẫn hơn nữa, kính cẩn giữ khí tiết của người bề tôi, úy lạo, vỗ về, khiến cho dân chúng đều được yên nghiệp sinh sống, cùng hưởng phúc thái bình [**27b**] thì sẽ được trời che chở, các ngơi sẽ được phúc lộc dồi dào nối đến đời con đời cháu, mà tiếng tốt của các ngươi sẽ lưu truyền trong sử sách, mãi mãi không cùng".

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh ra lệnh xét duyệt danh số thổ quân, lấy một phần ba số hộ khẩu chia về c1c vệ, sở. Mỗi hộ định mức là 3 đinh. Từ Thanh Hóa trở vào Nam, nhân đinh thưa thớt, định mức là 2 đinh. Chỗ nào không phải là vệ, sở mà là nơi quan yếu, cũng lập đồn lũy, lấy dân binh canh giữ.

Mùa thu, tháng 9, quân lính huyện Tân An nổi lên, Trương Phụ dẹp được.

Nhà Minh chiêu dụ các quan cũ của triều trước, giả cách bổ đi các nha môn quân, dân làm việc rồi chuyển đưa về Yên Kinh giữ lại. Bọn người bon chen, vốn không phải là quan lại cũ, chưa được thực thụ quan chức, cũng hăng hái ra nhận, trong nước vì thế trở nên trống rỗng. Ở được vài năm, thấy vất vả khổ sở, thỉnh thoảnh họ lại trốn về.

Nhà Minh bắt đầu đưa các thổ lại đi, [**28a**] người nào đủ 9 năm thì giữ lại nha môn ở Kinh để làm việc, người nào chưa đủ năm thì cho về.

Đinh Dậu, [1417], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 15). Nội quan nhà Minh là Mã Kỳ tâu rằng Tổng binh Trương Phụ ở Giao Chỉ chọn lấy những thổ nhân mạnh khỏe can đảm làm vi tử thủ[3], vua Minh nghi

---

[1] Giấy khám hợo: giấy chứnh nhận có đónh dấu, được cắt làm hai nửa, người được phéo cầm một nửa, quan nhà giữ một nửa, để khi khám xét, có thể ráp lại xem đúng con dấu hay không.

[2] Hoành Châu: thuộc phủ Nam Ninh, sau là Hoành Huyện, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[3] Vi tử thủ: là những người sung vào làm công việc ở nơi quan phủ. Ở đây, có lẽ Phụ chọn những người khỏe mạnh, can đảm đem vào dinh thự của mình để sai khiến và đề phòng bất trắc.

ngờ, gọi Phụ về, sai Phong Thành hầu Lý Bân với chức Tổng binh Chinh Di tướng quân sang thay Phụ trấn giữ.

Nhà Minh sai Giám sát ngự sử chia giữ việc tuần xét bắt đầu từ đấy.

Binh bộ thượng thư nhà Minh là Trần Hiệp, lại giúp việc quân chính cho Tổng binh.

Nhà Minh định lệ mỗi năm cống các nho học, sinh viên saung vào Quốc tử giám; Nhà phủ học mỗi năm 2 tên, nhà châu học 2 năm 5 tên, nhà huyên học mỗi năm 1 tên. Sau lại quy định nhà phủ học mỗi năm 1 tên, nhà châu học 3 năm 2 tên, nhà huyện học 2 năm 1 tên.

Bộ Lại khám hợp, lệnh cho 2 ty Bố chính và Án sát cùng [**28b**] các quan phủ, châu, huyện, ở Giao Chỉ, hẹn đến ngày mồng 1 tháng giêng sang năm đến kinh triều cận, không kể là chức chánh hay chức tá, chỉ cần người giữ chức lâu năm, cho dẫn đầu, đưa các quan lại cùng đi. Lại khám các hạng mục hộ khẩu, ruộng đất lương thực trong 3 năm, từ tháng 7 năm Giáp Ngọ, đến cuối tháng 6 năm này, làm thành sổ "tu tri"[1] dâng lên để kê xét.

Hoàng Phúc sức cho các hào phú, thổ quan là bọn Nguyễn Huân, Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung, Đỗ Hy Vọng, Lương Sĩ Vĩnh, Dương Cự Giác đều phải đem người nhà sang Yên Kinh phục dịch, xây dựng cung điện. Vua Minh nói là làm khó nhọc người phương xa, ban cho ưu hậu rồi cho về.

---

[1] Tu tri: có nghĩa "cần biết'. Sổ "tu tri" có nghĩa là sổ ghi số hộ khẩu, ruộng đất, lương thực cần phải biết để nắm tình hình.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển X

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Thái Tổ Cao Hoàng Đế

Vua họ Lê, tên húy là Lợi, người hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, trấn Thanh Hóa[1]. Ở ngôi 6 năm, thọ 51 tuổi[2], táng ở Vĩnh Lăng.

Vua hăng hái dấy nghĩa binh đánh dẹp giặc Minh. Sau 10 năm thì thiên hạ đại định. Đến khi lên ngôi, đã ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu nhập sách vở, mở mang trường học, có thể gọi là có mưu kế xa rộng mở mang cơ nghiệp. Song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.

Trước kia, tổ ba đời của vua tên húy là Hối, một hôm, đi chơi Lam Sơn, thấy đàn chim bay lượn quanh chân núi, như hình ảnh nhiều người tụ họp, bèn nói: "Đây chắc hẳn là chổ đất tốt", rồi dời nhà đến ở đấy. Sau 3 năm thì thành sản nghiệp. Từ đó, đời đời làm quân trưởng một phương. Hối sinh ra Đinh, nối được nghiệp nhà, có tới hơn 1 nghì tôi tớ, lấy vợ là Nguyễn Thị [**1b**] (tên húy là Quách), sinh được hai người con trai, con cả là Tòng, con thứ là Khoáng. Khoáng lấy vợ người Chủ Sơn (Chủ Sơn nay là Thủy Chú)[3] là Trịnh Thị (tên húy là Thương), đến năm Ất Sửu, tháng 8, ngày mồng 6[4] sainh ra vua tại hương Chủ Sơn, huyện Lôi Dương[5]. Vua sinh ra, thiên tư tuấn tú khác thường, thần sắc tinh anh kỳ vĩ, mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, trên vai có một nốt ruồi, tiếng nói như chuông, dáng đi tựa rồng, nhịp bước như hổ, kẻ thức giả đều biết vua là bậc phi thường.

Bấy giờ, họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, rồi quân Minh xâm lược nước Nam, chia cắt nước ta thành quận huyện, bắt nhân dân ta làm tôi tớ, luật pháp phiền hà khắc nghiệt, thuế má lao dịch nặng nề,. Đối với những người hào kiệt trong nước, chúng phần nhiều vờ trao cho quan tước rồi đem về an trí ở phương Bắc. Vua hiểu biết hơn hẳn mọi người, sáng suốt và cương quyết, không bị quan tước dụ dỗ, không bị uy thế khuất phục. Người Minh đã dùng trăm phương ngàn kế xảo trá, vẫn không dụ được vua.

Trước đó, bọn Đặng Tất, Nguyễn Súy ở Châu Hóa [**2a**] cùng lập con cháu nhà Trần là Trần Ngỗi, Trần Khoáng làm vua. Nhưng vua thấy họ yếu hèn, lại say đắm tửu sắc, biết là chẳng làm nên chuyện, mới ẩn náu chốn núi rừng, dụng tâm nghiền ngẫm thao lược, tìm mời những người mưu trí, chiêu tập dân chúng lưu ly, hăng hái dấy nghĩa binh, mong trừ loạn lớn.

Vua từng bảo mọi người:

---

[1] Lam Sơn nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Theo Đại Việt Thông Sử của Lê Quý Đôn thì Lê Lợi thọ 49 tuổi. Lê Lợi sinh năm Ất Sửu (1385), mất năm Quý Sửu (1483) thì thọ 49 tuổi, như Đại Việt Thông Sử ghi là đúng.

[3] Chủ Sơn: tên hương, sau đổi là thôn Thủy Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

[4] Tức là ngày 19 tháng 9 năm 1385.

[5] Xem chú thích 3.

"Ta cất quân đánh giặc, không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để ngàn na8m về sau, người đời biết ta không chịu làm tôi tớ cho bọn giặc tàn ngược".

Phép dùng binh của vua là biết lấy mềm đánh cứng, lấy yếu thắng mạnh, cho nên phần nhiều đều dẫn tới thắng lợi. Các thành Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô đều sai văn thần Nguyễn Trãi viết thư, dụ bảo bọn giặc điều họa phúc, nên không cần đánh mà chúng phải đầu hàng, chưa từng giết lạm một người nào. Bắt được hơn 10 vạn viện binh của quân Minh, cũng đều tha cả. Vua kinh dinh thiên [**2b**] hạ tronh khoảnh 10 năm, dẹp yên loạn lớn và dựng nên nghiệp đế.

Mậu Tuất, [1418], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Thân, vua khởi binh ở Lam Sơn.

Trước đó, người Minh đã có lần trao quan chức để dụ dỗ, nhưng vua không chịu khuất phục, khảng khái, có chí lớn dẹp loạn. Vua từng nói:

"Bậc trượng phu sinh ở đời phải cứu nạn lớn, lập công to, lưu lại tiếng thơm ngàn naăm sau, sao lại chịu hèn nhát để cho người sai khiến?".

Thế rồi, dẫn đầu hào kiệt, dựng cờ nghĩa, thề diệt giặc Minh.

Ngày mồng 9 tháng ấy, bọn nội quan nhaà Minh là Mã Kỳ đem đại binh tới uy hiếp vua ở Lam Sơn. Vua bèn lui quân đến đóng ở Lạc Thủy[1], đặt quân mai phục để chờ giặc.

Ngày 13, bọn Kỳ quả nhiên đến. Vua tung hết quân mai phục xông ra đánh giặc. Cháu vua (có sách chép là con vua, Minh sử chép là em vua) là Lê Thạch cùng các tướng Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý... dẫn đầu xông vào trận giặc, chém được hơn [**3a**] 3.000 thủ cấp, thu được hàng ngàn quân tư, khí giới, rồi dời quân đến núi Chí Linh[2].

Ngày 16, tên phản bội Ái (không rõ họ) dẫn đường cho giặc đi lối tắt, đánh úp đằng sau vua, bắt mất gia thuộc của vua và rất nhiều vợ con của quân dân. Quân sĩ dần dần chán nản bỏ đi. Vua cùng bọn Lê Lễ, Lê Náo, Lê Bí, Lê Xí, Lê Đạp bí mật nương náu ở trên núi[3].

Tháng 2, vua hết lương, không còn gì nổi lửa. Gặp khi giặc lui quân, bèn về đắp thành đất ở Lam Sơn.

Tháng 3, đánh ra Mường Yên[4], thu được hơn trăm người.

Mùa hạ, tháng 4, trước nhà Minh ra lệnh cho các phủ, huyện, châu nước ta trồng hồ tiêu, nay đã lên tốt, sai nội quan Lý Lượng sang thu về dùng. Từ đấy, quan lại đốc thúc bắt trồng, mỗi cây giống giá tới 5 quan tiền. Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai hành nhân Hạ Thanh, tiến sĩ Hạ [**3b**] thì sang thu lấy lại các loại sách ghi chép về sự tích xưa nay của nước ta.

Nhà Minh mở công trường mò ngọc trai, kiếm hương liệu, săn bắt chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, tìm lùng rùa chín đuôi, chim đậu ngược, vượn bạc má, trăn, rắn... để dâng nộp.

Tháng 9, viên Tổng binh nhà Minh là Lý Bân đem quân tới sùng lục. Và đặt quân mai phục ở Mường Một[5], dùng tên thuốc độc bắn giặc chết và bị thương quá nửa. Bân thua rút quân về.

---

[1] Lạc Thủy: theo CMCB 13 thì Lạc Thủy thuộc huyện Cẩm Thủy sau này. Huyện Cẩm Thủy bấy giờ là huyện Lỗi Giang, ở phía hữu ngạn sông Mã, thuộc lưu vực sông Âm của huyện Lang Chánh ngày nay. Nhưng căn cứ vào địa bàn hoạt động của nghĩa quân năm này (1418), thì có lẽ Lạc Thủy ở đây là một địa điểm vùng thượng lưu sông Chu, phía trên Lam Sơn.

[2] Núi Chí Linh: tức là núi Pù Rinh, thuộc xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

[3] Tức núi Chí Linh.

[4] Mường Yên: tức là xã Yên Nhân, phía tây núi Pù Rinh (Chí Linh).

[5] Mường Một: hay Mường Mọt, sau là xã Bất Một, thuộc huyện Thường Xuân ngày nay.

Nội quan nhà Minh là Thái giám Sơn Thọ đốc suất quân dân, vây núi Tam Trĩ, châu Tĩnh Yên[1], săn được một con voi trắng, trên lưnmg có vằn đốm, dùng yên bạc thắng lên rồi sai Đô đốc Giang Hạo đưa về Yên Kinh, cho là điềm lành. Các ty trong ngoài dâng biểu chúc mừng.

Kỷ Hợi, [1419], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai giám sinh Đường Nghĩa sang ban các sách Ngũ kinh, Tứ thư, Tính lý đại toàn, Vi thiện âm chất, Hiếu thuận sự thực, cho [**4a**] nho học các phủ, châu, huyện. Sai tăng học truyền giảng kinh Phật tại Tăng đạo ty.

Lý Bân nhà Minh tâu xin Hộ bộ ban cấp hộ thiếp[2] cho Giao Chỉ, bắt châu huyện làm sổ thuế khóa phu dịch[3] và lên danh sách lý trưởng và giáp thủ[4] từng năm[5]. Đại để, cứ 110 hộ là một lý, mỗi năm cử 1 lý trưởng, 10 giáp thủ, để nhận các việc lao dịch, hết lược lại cử từ đầu. Người làm lý trưởng, giáp thủ bị roi vọt đánh đập khổ sở khôn xiết.

Mùa hạ, tháng 4, vua đánh đồn Nga Lạc[6], bắt được viên thổ quan chỉ huy Nguyễn Sao, chém được 300 thủ cấp.

Tháng 5, vua đóng ở sách Đà Sơn[7], quân Minh tiến đánh. Vua phục kích ở Mường Chánh[8], cả phá quân giặc, rồi dời đến đóng quân ở sách Lư Sơn[9], ít lâu sau, dời sang Mường Thôi[10], rồi lại về đóng bản doanh ở Vu Sơn[11].

Mùa thu, tháng 7, viên thổ quan Tri phủ Nghệ An là Phan Liêu vì bị bọn nội quan nhà Minh [**4b**] bức bách lấy vàng bạc, bèn dẫn quân bắt giết các quan do nhà Minh phái đến, rồi đem quân vây thành Nghệ An, sắp hạ được thành thì Lý Bân chợt đem quân đến. Liêu trốn sang Ai Lao. Bân đuổi tới châu Ngọc Ma[12] không kịp, lại quay về Nghệ An[13], sửa sang thành trì, vỗ yên dân chúng.

Khi Bân đi đánh Liêu, có sai viên chỉ huy Lộ Văn Luật làm tiên phong[14]. Văn Luật đã đi, lại bị giữ lại bàn tính mưu kế, trong lòng hoài nghi, lo sợ, nên bỏ trốn đi. Bân bắt mẹ già, gia thuộc và anh em của Luật như Đồng tri châu châu Tam Đái là Văn Phỉ. Đồng tri châu phủ Trấn Man Phan Kiệt là anh họ của Liêu, nghe tin Liêu trốn đi, cũng đem cả nhà đi theo, nhưng chưa ra khõi cõi đã bị thắt cổ chết cùng với vợ.

---

[1] Châu Tĩnh Yên: thời thuộc Minh là đất tỉnh Quảnh Ninh ngày nay. Núi Tam Tri: tức núi Ba Chẽ.

[2] Hộ thiếp: như sổ hộ tịch, mỗi tấm hộ thiếp có ghi rõ họ tên, quê quán và số đinh trong mỗi hộ, có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiềm đề phòng khi khám nghiệm. Sổ hộ khẩu thì để ở Hộ bộ, còn hộ thiếp thì phát cho các hộ (theo Đại Minh hội điển).

[3] Nguyên văn: Phú dịch hoành sách, tức là quyển sách bìa vàng kê khai thuế khóa phu dịch. Theo Thông giám tập lãm, thì năm Hồng Vũ thứ 14 (1381) nhà Minh hạ chiếu bắt cả nước làm sổ "hoàng sách".

[4] Giáp thủ: là người đứng đầu một giáp (gồm 10 hộ), lý trưởng: người đứng đầu 1 lý (gồm 110 hộ).

[5] Nguyên văn: Lý trưởng, giáp thủ chu niên đồ dạng.

[6] Đồn Nga Lạc: ở gầnLam Sơn, thuộc vùng Bái Thượng ngày nay.

[7] Đà Sơn: tên sách, có lẽ cũng gần Lam Sơn.

[8] Mường Chánh (nguyên văn không có chữ "Mường"): huyện Lang Chánh sau này.

[9] Lư Sơn hay Lô Sơn: theo Thanh Hóa tỉnh chí thì Lư Sơn ở vùng giáp giới hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc châu Quan Hóa. Theo Đồng Khánh dư địa chí thì hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc tổng Hựu Thủy và động Lư Sơn là một danh thắng của châu Quan Hóa.

[10] Mường Thôi (nguyên văn không có chữ "Mường "): có lẽ là Man Xôi, ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa, giáp Lào.

[11] Vu Sơn: có lẽ là Lư Sơn.

[12] Châu Ngọc Ma: thời thuộc Minh là phủ Ngọc Ma, thời Lê thuộc Nghệ An, thời Nguyễn đổi làm phủ Trấn Định, gồm các huyện Cam Môn, Cam Cát, Cam Linh.

[13] Thành Nghệ An: tại núi Thành, xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ngày nay.

[14] Lộ văn Luật: người huyện Thạch Thất, Hà Tây. Luật đầu hàng giặc, được giặc cho làm chỉ huy quân ở Nghệ An.

Mùa đông, tháng 11, Trịnh Công Chứng và Lê Hanh ở Hạ Hồng[1] Phạm Thiện ở Tân Minh[2], Nguyễn Đặc ở Khoái Châu, Nguyễn Đa Cấu và Trần Nhuế ở Hoàng Giang thấy thành Đông Quan chỉ còn những quân lính ốm yếu, liền dấy [**5a**] quân tiến đánh. Quân đến Lô Giang, đánh phá được cầu phao, nhưng ít lâu sau, bị Lý Bân đánh bại, tan tác chạy dài.

Bấy giờ, chỗ nào cũng rối loạn, chỉ còn các xứ Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa là yên tĩnh như cũ[3].

Canh Tý, [1420], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 18). Mùa xuân, tháng 2, Lý Bân từ Nghệ An trở về Đông Quan.

Mùa, hạ, tháng 4, Lộ Văn Luật dấy binh ở Thạch Thất, Lý Bân đánh phá được.

Lộ Văn Luật chạy sang Ai Lao, dân chúng thì trốn vào hang núi Phật Tích và An Sầm[4]. Quân Minh dỡ nhà hun động, người trong động bị khói lửa hun đều chết, người nào ra hàng cũng bị giết cả, vợ con bị bắt làm nô tỳ.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Minh sai Vinh Xương bá Trần Trí sang trấn giữ phủ Phụng Hóa.

Trần Thái Xung ở Đạo Hồi, Phạm Ngọc ở Đồ Sơn đều tụ quân nổi dậy, Bân đánh bại cả.

Nhà Minh lấy Hùng Tông Lỗ làm Giao Chỉ hữu tham nghị.

Tông Lỗ (người Tứ Xuyên) [**5b**] trước làm Tri phủ Tam Giang, bị Hoàng Phúc nhận xét là: "Hỏi đến vốn học thì chẳng biết gì, xét đến việc làm thì không có gì đáng kể, cả phủ chỉ một mình là nhất, nhưng suốt ba năm công việc chỉ nhờ người", sai đưa về Yên Kinh. Lại bộ dẫn lời nhận xét ấy, tâu xin giáng làm thương quan[5]. Vua Minh hỏi lý do, Lại bộ trả lời là trước đã từng Giang Tây tham nghị, Vua Minh nói: "Trưởng quan khó làm thì hãy cho trở về chức phó nhị". Vì thế mới đổi làm tham nghị. Khi tới nơi nhận chức, Tông Lỗ nói: "Trước đây đạn nhân xét tôi vào bậc dưới, nay tôi cũng được cùng ngồi một công đường với ngài". Đến năm Ất Tỵ, đời Hồng Hy (niên hiệu của Minh Nhân Tông), Tông Lỗ lại bị xét là hèn kém, mất chức, làm dân.

Người làng Tràng Kênh, huyện Thủy Đường[6] là Lê Ngã đổi họ tên thành Dương Cung, tự xưng là Thiên Thượng Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên.

Ngã vốn là gia nô của Trần Thiên Lại, tướng mạo rất đẹp, đã từng đi khắp bốn phương, đến đâu cũng được mọi người cung dưỡng. Ngã lại trá [**6a**] xưng là lính hầu của Mã Kỳ, đi doạ nạt các châu huyện làm kế nuôi thân. Thấy Công Chứng, Phạm Ngọc, Phạm Thiện đua nhau nổi dậy, Ngã bảo những người quan biết:

"Các anh có muốn giàu sang không? Ai muốn thì hãy theo ta!".

Đến huyện Đan Ba[7], Lạng Sơn, Ngã trá xưng là cháu bốn đời của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua trở về. Phụ đạo Đan Bá là Bế Thuấn đem con gái gả cho và lập làm vua. Trong khoảng mấy tuần một tháng, đã có vài vạn quân, hắn ra An Bang[8] chiếm trại Hồng Doanh. Sau khi Công Chứng, Phạm Ngọc bị thất bại, thì dư đảng của họ theo về với Ngã, số quân được đến mấy vạn người. Ngã tiếm xưng

[1] Vùng phía nam tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[2] Huyện Tân Minh sau đổi là Tiên Minh, nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

[3] Thực ra các xứ đó vẫn còn những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, đặc biệt cuộc đấu tranh của "

[4] Phật Tích và An Sầm: là hai hang núi thuộc huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Núi Phật Tích: còn gọi là núi Sài Sơn hay núi Thầy.

[5] Thương quan: là chức quan trông coi kho tàng.

[6] Huyện Thủy Đường: nay là huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

[7] Huyện Đan Ba: nay là huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

[8] An Bang: là đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

tôn hiệu, dựng niên hiệu, đặt quan chức, đúc tiền, đốt thành Xương Giang[1], cướp trại Bình Than. Có người biết hắn là Ngã cũng không dám nói. Thiên Lại đi gặp hắn, trở ra nói rằng:

"Nó là gia nô của ta, việc gì phải lạy nó".

Rồi dời thuyền trốn đi. Ngã đuổi theo nhưng không kịp. Thiên Lại gởi hịch cho các huyện gần đó, tự xưng là Hưng Vận quốc [**6b**] thượng hầu, đem quân đánh nhau với Ngã, bị Ngã giết chết, Lý Bân đem đại quân thủy bộ dến đánh. Ngã và Thuấn đang đêm bỏ trốn cả, không biết là đi đâu.

Tả tham chính Hầu Bảo giữ đồn Hoàng Giang[2], bị Nguyễn Thuật, người Kiến Xương[3] đánh giết.

Mùa đông, tháng 10, vua nghe tin quân Minh sắp đến, đặt mai phục ở bến Bổng[4] chờ giặc, chém giết quân giặc nhiều vô kể, bắt được hơn trăm con ngựa. Vua cho nghỉ quân ở Mường Nanh[5], rồi lại dời đến đóng quân ở Mường Thôi.

Tên Đồng tri châu Quỳ Châu là Cầm Lạn dẫn bọn Lý Bân, Phương Chính đem hơn 10 vạn quân, theo đường Quỳ Châu đến thẳng Mường Thôi. Vua phục kích chúng ở Thi Lang[6]. Bân và Chính chỉ chạy thoát được thân mình.

Tháng 12, vua tiến quân đóng ở sách Ba Lẫm[7] thuộc huyện Lỗi Giang, khiêu khích cho giặc ra đánh. Tướng giặc là bọn Đô ty Tạ Phương, Hoành Thành bỏ đồn Nga Lạc, về giữ trại Quan Du[8] để phòng [**7a**] bị cho thành Tây Đô, cố giữ không ra đánh. Vua ngày đêm dùng nhiều cách tiến công uy hiếp để giặc mỏi mệt, rối loạn. Lại sai Lê Sát, Lê Hào chia nhau tiến đánh, cả phá bọn giặc, chém được hơn nghìn thủ cấp, thu được rất nhiều chiến cụ, từ đó thế giặc ngày một suy. Vua bèn chiêu tập nhân dân các xứ. Các huyện bên cạnh đều sôi nổi hưởng ứng, cùnh nhau tiến đánh và uy hiếp các đồn giặc.

Tam ty nhà Minhkhiến nghị rằng: Bọn quan lại, quân dân Giao Chỉ mắc tội từ tử hình trở xuống, xin đều cho chúng nộp thóc tùy theo mức độ để chuộc tội, lấy số thóc đó làm lương thực dự trữ nơi biên giới. Vua Minh nghe theo.

Năm ấy, Hoàng Phúc xin miễn việc bắt quan lại về chầu hầu, vì địa phương này chưa yên.

Tân Sửu, [1421], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh xây dựng xong điện Phụng Thiên ở Yên Kinh. Vua Minh ngự chính điện để các quan vào chầu, xuống chiếu cho các quan phủ, huyện, châu vào mừng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, [**7b**] điện bị cháy, mới thôi.

Bắt đầu lấy những người thiến hoạn sung vào nội phủ.

Tháng 6, lộ Tam Giang lụt to. Có người bảo là (thủy thần) lấy gỗ chò đề dùng nên có tai họa đó.

Mùa thu, tháng 9, nước sông Đáy[9], dâng tràn.

---

[1] Thành Xương Giang: ở đất xã Thọ Vương, nay thuộc thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc.

[2] Đồn này ở ngã ba Tuần Vường tỉnh Nam Hà ngày nay.

[3] Kiến Xương: là vùng đất các huyện Vũ Thư, Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày nay.

[4] Bến Bổng: có lẽ nằm trên thượng lưu sông Chu.

[5] Mường Nanh: nay còn địa danh Mường Nang, tức là xã Thịnh Nang, huyện Lang Chánh. Mường Nanh có lẽ là đất ấy.

[6] Thi Lang: hay Bồ Thi Lang, là một địa điểm gần căn cứ của nghĩa quân lúc ấy.

[7] Ba Lẫm: tên sách, có lẽ là vùng Chiềng Lâm ở xã Điền Lư, thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

[8] Quan Du: sau đổi là châu Quan Hóa, nay là huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[9] Sông Đáy: tức sông Tiểu Đáy ở tỉnh Tuyên Quang, nay thuộc tỉnh Hà Tuyên.

Tổng binh Lý Bân và nội quan Lý Lượng của nhà Minh bắt Phạm Luận là sinh viên huyện Giáp Sơn, buộc Luận mạo nhận là Dương Cung để cho qua chiếu lệnh lùng bắt[1], bắt đến cả gia thuộc Luận là bọn Phạm Xã giải về Yên Kinh.

Tri huyện Dặc Khiêm nhận thực không phải là tên Cung. Bân không nghe. Khiêm lấy bao vàng dâng đại cáo, tâu thẳng về Yên Kinh. Bân sai người chặn đường bắt về. Hoàng Phúc khuyên Khiêm rằng:

"Mọi người đều cho là đúng, chỉ riêng ngươi bảo không phải là làm sao?". Khiêm nói:

"Ai ra ngoài mà chẳng phải ra cửa ngõ?"[2].

Bân cho giải cả Khiêm và Luận về Yên Kinh, giao xuống cho pháp ty xét hỏi. Khiêm suýt nữa bị tội, vì có người anh đánh trống đăng văn[3] khiếu oan nên được miễn tội. Sau thăng dần đến chức Hữu bố chính sứ nước ta. Gia thuộc của Luận cuối cùng bị chết [**8a**] trong ngục.

Mùa đông, tháng 11, ngày 20, tham tướng nhà Minh là Trần Trí đem quân các vệ Giao Châu cùng ngụy binh, gồm hơn 10 vạn tên đánh sát đến ải Kính (có sách chép là Kình) Lộng[4], sách Ba Lẫm. Vua họp các tướng bàn rằng:

"Quân giặc nhiều, quân ta ít, nhưng quân giặc mệt, quân ta nhàn. Binh pháp có nói được hay thua là ở tướng chứ không phải ở quân nhiều hay ít, nay quân giặc tuy nhiều, nhưng ta đem quân nhàn đợi đánh quân mệt mỏi, chắc chắn sẽ đánh bại chúng".

Đến đêm, vua chia quân đánh úp doanh trại giặc. Quân ta đánh trống reo hò xông tới, phá được bốn doanh trại giặc, chém được hơn ngàn thủ cấp. Sau Trí khinh vua ít quân, lại phá núi mở đường để tiến đánh. Vua ngầm phục kích ở đèo Ống[5] để đợi giặc. Đến trưa, Trí quả nhiên đem quân đi theo đường núi đến. Quân phục hai bên xông ra, đánh bại giặc. Quân Trí phải rút.

Nhưng đúng lúc ấy. Ai Lao đem 3 vạn quân và 100 thớt voi[6] thình lình tới doanh trại của vua phao tin là cùng hợp sức với vua để đánh [**8b**] giặc. Vua tin lời họ, không phòng bị. Đến nửa đêm, bị họ đánh úp. Vua phải đích thân đốc chiến, suốt từ giờ Tý đến giờ Mão, đánh tan bọn Ai Lao, chém hơn 1 vạn thủ cấp, bắt được 14 con voi, thừ thắng truy kích liền 4 ngày đêm, đuổi đến tận sào huyệt của bọn chúng rồi về.

Tháng 12, vua tiến ra đóng quân ở Sách Thủy[7].

Tù trưởng Ai Lao Là Mãn Sát đã cùng quẫn, muốn vua hoãn đánh để đợi viện binh, mới giả vờ xin hòa. Vua biết đó là mưu kế xảo quyệt, không cho. Các tường cố xin cho hoà, nói là quân lính khó nhọc đã lâu, nên cho nghỉ ngơi môt chút. Chỉ có Bình chươngLê Thạch cho là không thể cho giặc giải hòa, liền tự cho mình hăng hái xông lên trước, chẳng may trúng phải chông ngầm mà chết.

Thạch là con người anh của vua. Vua thuở ấu thơ, được vua nuôi nấng nên ngài yêu Thạch hơn cả con mình. Thạch tính người nhân ái, ham đọc sách, khoẻ mạnh, dũng cảm, yêu mến quân sĩ, vua từng sai chỉ huy quân tiên phong, đánh đâu thắng đấy. Đáng tiếc Thạch dũng cảm nhưng kém [**9a]** mưu. Đến đây chết, vua rất thương xót.

---

[1] Dương Cung: tức là Lê Ngã, Lê Ngã nổi lên đánh phá giặc Minh, tin truyền về triều đình nhà Minh, vua Minh ra lệnh lùng bắt rất nghiêm ngặt, bọn Lý Bân phải bày ra mưu này cho qua chuyện.

[2] Ý nói mọi người đều cùng một duộc với Hoàng Phúc.

[3] Trống đăng văn: trống để ở điện đình, ai có việc oan khuất thì đánh lên, trình bày nỗi oan để được xét lại.

[4] Ải Kình Lộng: tức là Ải Cổ Lũng sau này, thuộc huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa.

[5] Nguyên là núi Ứng ải, tức đèo Ống ở xã Thiết Ông, trên tả ngạn sông Mã.

[6] Đại Việt thông sử chép là 5 vạn quân và 100 thớt voi.

[7] Sách Thủy: bản dịch cũ cho là đất Hữu Thủy ở gần Lư Sơn.

Trước đây, vua vốn hòa hiếu với Ai Lao, chưa từng có hấn khích gì. Khi vua cầm cự với giặc tại sách Lư Sơn, Ai Lao từng cho quân sang cứu viện. Đến khi tên ngụy quan Lộ Văn Luật trốn giặc sang Ai Lao, sợ uy danh vua, thêu dệt gây nên hiềm khích, nên mới đến nỗi thế.

Phương Chính và Hoàng Phúc nhà Minh cùng với bọn Tổng binh, Tam ty và Trấn thủ Trần Hiệp bàn định rằng: những viên văn võ thổ quan nào có kêu xin việc gì thì mượn cớ đã đủ hạn khảo khóa, sai về Yên Kinh làm việc công để an trí tại đó.

Nhâm Dần, [1422], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 20). Mùa xuân, ngày mồng 1, nhật thực.

Tháng 2, viên Tổng binhnhà Minh là Phong Thành hầu Lý Bân bị bệnh nhọt chết.

Mùa đông, tháng 12, vua tiến quân đóng ở Quan Da. Ai Lao lại với quân Minh đánh vào trước mặt và sau lưng quân ta, nhiều người chết và bị thương. Vua bèn bí mật lui về [**9b**] sách Khôi[1]. Mới được 7 ngày, giặc Minh lại đem đại binh đến vây. Vua bảo các tướng sĩ:

"Giặc vây ta bốn mặt, có muốn chạy cũng không có lối nào. Đây chính là "tử địa"[2] mà binh pháp đã nói, đánh nhanh thì sống, không đánh nhanh thì chết".

Vua nói xong chảy nước mắt. Các tướng sĩ đều xúc động, tranh nhau liều chết quyết chiến.

Bọn Lê Lĩnh, Lê Vấn, Lê Hào, Lê Triện xông lên trước phá trận, chém được tham tướng Minh là Phùng Quý và hơn nghìn thủ cấp giặc, bắt được trăm con ngựa. Mã Kỳ và Trần Trí chỉ thoát được thân mình chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng bỏ trốn.

Vua đem quân về đóng ở núi Chi Linh. Quân lính hết lương, hơn hai tháng, chỉ ăn rau củ và măng tre mà thôi. Vua giết 4 con voi và cả ngựa của mình cưỡi để nuôi quân sĩ. Song thỉnh thoảng vẫn có kẻ bỏ trốn. Vua bèn cấm giữ nghiêm ngặt, bắt được kẻ nào bỏ trốn thì chém, để rao cho mọi người biết. Quân lính lại nghiêm [**10a**] túc như trước.

Bấy giờ, do trải nhiều phen hoạn nạn, quân lính đã mỏi mệt, muốn được nghỉ ngơi, đều khuyên vua giảng hòa với giặc. Vua bắt đắc dĩ phải vờ hòa hiếu với bọn tướng giặc Sơn Thọ, Mã Kỳ, Trần Trí, để yên lòng quân. Sai bề tôi thân thích là bọn Lê Vận, Lê Trăn đi giảng hòa.

Nhà Minh sai nội quan cùng Hộ bộ chủ sự Mã Minh kiểm kê tiền bạc và lương thực chứa trong kho các phủ, châu, huyện. Đồng thời, sai An Bình bá Lý An và Trần Trí, đều giữ chức tham quan để trấn trị đất này.

Quý Mão, [1423], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 4, ngày 14, vua lại đem quân về Lam Sơn.

Bọn tham tướng Trần Trí, nội quan Sơn Thọ nhà Minh đưa biếu vua nhiều trâu ngựa, cá muối cùng thóc giống và nông cụ để dụ dỗ. Vua cũng sai bọn Trăn đưa tặng vàng bạc để đáp lễ, nhưng vẫn bí mật [**10b**] phòng bị. Bọn Trí biết ý định của vua bề ngoài giả cách thân thiện, nhưng bên trong thì ngầm mưu đánh úp, liền bắt giữ bọn Trăn không cho về. Vua nổi giận, cắt đứt giảng hòa. Các tướng sĩ cũng sôi sục căm thù, đều thề xin liều chết quyết chiến.

Bọn quan lại ở nước ta lại phải [sang Yên Kinh] làm lễ chầu hầu và dâng sổ tu tri[3]. Nơi nào chỉ có một viên lưu quan[4] và có thổ quan thì sai viên lưu quan đi, lấy viên quan khác đến thay. Những viên lưu quan đều bị xét hỏi, xong việc thì được trở về chức cũ, chỉ có bọn thổ quan, thổ lại thì thả về ngay.

Mùa đông, tháng 11, ngày 21, hoàng tử Nguyên Long sinh.

---

[1] Sách Khôi: tức là Khôi huyện, thuộc trấn Thiên Quan, ở giữa hai huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

[2] "Tử Địa": tức là "đất chết", chỉ hoàn cảnh hiểm nghèo.

[3] Sổ tu tri: tức là sổ hộ tịch, ruộng đất, lương bổng của các nơi ở Giao Chỉ.

[4] Lưu quan: chỉ quan lại Trung Quốc do nhà Minh cử sang.

Giáp Thìn, [1424], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh ra lệnh khai thác mỏ bạc. Trước đó, chỉ khai thác mỏ vàng. Đến đây, ra lệnh khai thác mỏ bạc, nhưng chưa làm lại thôi.

Mùa thu, tháng 7, vua Minh thân hành đi đánh giặc Hồ[1], đem quân về đến sông Du Mộc[2] thì ốm nặng, để di mệnh truyền ngôi cho hoàng thái tử. Ngày Tân Mão 18, vua Minh băng, nhưng giữ kín, đưa về đến Yên Kinh mới phát tang, thọ 65 tuổi, táng ở Trường Lăng, miếu hiệu [11a] Thành Tổ, tên thuỵ là Văn Hoàng Đế.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, thái tử nhà Minh Cao Xí lên ngôi, đổi niên hiệu là Hồng Hy, đại xá. Tờ chiếu viết:

"Trẫm nghĩ, trời sinh ra dân, liền lập ra vua chúa để yêu nuôi muôn triệu người cho đến cõi thái hòa, để thống trị Hoa Di, để cùng đạt tới phồn vinh thịnh vượng. Tiên hoàng ta vâng mệnh trời vỗ yên đất nước, trị hóa cao hơn cả trăm vua, văn đức vũ công, thanh giáo ban ra khắp bốn biển. Mới đây, vì biên cương báo động, cần phải xa giá thân chinh; đến khi quân về, đỗng đâu Đỉnh Hồ[3] xa khuất.

Ngài để lại di mệnh đem ngôi báu trao cho kẻ ít đức này. Đương lúc đau thương khôn xiết, đâu dám vội nguôi mà tuân theo lệnh. Nhưng các tôn thân, công hầu bá, phò mã, các quan văn võ, nhân dân, kỳ lão và các sứ thần triều cống của tứ di[4] đều cúi đầu dưới cửa khuyết, dâng biểu khuyên lên ngôi, cho là ngôi trời không thể bỏ trống lâu ngày, sinh dân không thể [**11b**] không có người đứng chủ, mà con trưởng đích nối giữ đại thống là đạo vĩnh hằng của nhà nước. Lời tâu bày đến hai ba lần, lòng thành khẩn xiết bao giải tỏa.

Cho nên, ta trên tuân lệnh theo di mệnh, dưới thể lòng mọi người, ngày 15 tháng 8 đã kính cáo trời đất, tông miếu, xã tắc, lên ngôi hoàng đế, để đón phúc lớn của tông miếu, để nhờ mưu xa của thánh thần. Nay nhân buổi mới lên ngôi, ban mệnh đổi mới, lấy sang năm làm năm Hồng Hy thứ nhất, còn các việc nên làm, nêu rõ như sau:

"Những việc như lấy vàng bạc, tìm hương liệu ở Giao Chỉ đều đình chỉ hết. Các quan viên trong ngoài sai đi trông coi, hạn trong 10 ngày phải lên đường về kinh, không được kiếm cớ ở chậm lại mà ngược hại nhân dân. Ôi! vua tôi cùng một dạ, thương dân cốt ở khoan hồng, thưởng phạt có phép thường, trị nước trước phải minh tín. Những mong các hiền tài [**12a**] giúp việc văn võ, các quan chức giỏi giang trong ngoài hết lòng trung trinh, giúp chỗ thiếu sót để nối nghiệp lớn. Cho nền quốc gia hưng thịnh mãi mãi, để ban ân huệ tới khắp dân đen, để mở rộng phúc trị bình cho mọi nơi trong cõi".

Các nha môn lớn nhỏ ở nước ta sai quan đem lễ vật sang tế lễ vá chúc mừng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, vua chỉ huy quân và voi đánh úp đồn Đa Căng[5], phá được đồn này. Tham chính nhà Minh là Lương Nhữ Hốt chỉ chạy thoát được thân mình, ta thu hết khí giới, đốt phá đồn giặc.

Đô chỉ huy sứ nhà Minh Nguyễn Suất Anh[6] đem quân đến cứu viện, nhưng đồn đã mất. Anh chưng hửng, không chổ bấu víu, vua lại đánh bại chúng. Anh chạy vào thành Tây Đô. Vợ con của Anh bị ta bắt được, vua đều tha cho về cả.

---

[1] Giặc Hồ: chỉ người Thát Đát A Lỗ Thái.

[2] Sông Du Mộc: ở huyện Đa Luận, tỉnh Sát Cáp Nhĩ.

[3] Đỉnh Hồ: theo truyền thuyết Trung Quốc: Hoàng đế đúc vạc ở chân núi Kinh Sơn, vạc đúc xong, liền cưỡi rồng bay đi. Chỗ ấy gọi là Đỉnh Hồ. Sau dùng chữ Đỉnh Hồ để chỉ vua chết.

[4] Tứ di: chỉ các nước xung quanh Trung Quốc hồi ấy.

[5] Đồn Đa Căng: có lẽ là Bất Căng, thuộc xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Đồn này nằm trên hữu ngạn sông Chu.

[6] Lam Sơn thực lục và Đại Việt thông sử chép là Nguyễn Hoa Anh.

Nhà Minh cho gọi Công bộ thượng thư nắm việc hai ty Bố chính và Án sát ở Giao Chỉ là Hoàng Phúc về nước. Tờ sắc viết:

"Khanh là bậc lão thành của nước, khó nhọc lâu ở ngoài, trẫm mong nhớ khôn khuây, muốn được trông thấy [**12b**] mặt ngay. Thấy sắc tới thì khanh đi trạm mau về kinh để thỏa lòng trẫm mong đợi. Còn vợ con thì sai phu trạm đưa về sau".

Nhà Minh lấy Binh bộ thượng thư Trần Hiệp sang trấn giữ, kiêm coi việc hai ty Bố chính, Án sát và giúp đỡ việc quân chính cho tổng nhung.

Hiệp người phủ Thường Châu, tỉnh Trực Lệ, trước kia làm Đại lý thiếu khanh. Năm Bính Tuất, Khai Đại năm thứ 4 đời Hồ(1406), vận chuyển lương thực đi theo quân Minh, đến năm Kỷ Sửu, Hưng Khánh năm thứ 3 (1409), Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn bại trận bị chết ở bến Bô Cô, điều Hiệp làm Thị lang quản sự, khi bình được châu Hóa, được thăng làm Binh bộ thượng thư.

Hoàng Phúc được gọi về, có tâu xin bảo cử các thổ hào làm quan như phụ đạo Bình Nguyên là Hoàng Ngân Phong, con Tri phủ Đỗ Hy Vọng là Đỗ Cử, con Diêm vận đồng tri Thân Bí Quyết là Bá Tuân. Lại tâu rằng:

"Các thổ lại vẫn quyến luyến quê hương, nếu khoan dung cho chúng thì trái với [**13a**] phép tắc đã quy định, nếu gò bó chúng thì phần nhiều đều bỏ trốn, đến khi lùng bắt thì chúng quay lại giúp đỡ giặc cướp. Xin xuống chiếu cho Vân Nam để những tên suốt đời làm lại thì chuyển cho làm việc ở các nha môn".

Vua Minh nghe theo.

Vua chọn đinh tráng, sửa khí giới, rèn bộ ngũ, chứa sẳn lương khô, tiến thẳng vào Nghệ An.

Khi qua núi Bồ Lạp (có sách chép là xứ Bồ Cứ) thuộc châu Quỳ[1], thì gặp tên Chỉ huy đồng tri nhà Minh là Sư Hựu cùng viên thổ quan là Tri phủ châu Trà Lân Cầm Bành đem 5.000 quân đón ở phía trước, lại có các tướng Minh Trần Trí, Lý An, Phương Chính, Thái Phúc đem quân tiếp đến uy hiếp mặt sau.

Trời sắp tối, vua bèn phục sẵn binh tướng trong rừng. Bọn Phương Chính đến, vua tung quân ra đánh. Quân Minh tan vỡ lớn. Ta chém được Đô ty Trần Trung và hơn hai nghìn thủ cấp quân giặc, bắt được hơn một trăm cổ ngựa. Quân Minh tháo chạy.

Hôm sau, quân ta tiến đến trang Trịnh Sơn[2], châuTrà Lân[3], [**13b**] gặp Sư Hựu ở đó, lại cả phá chúng, chém được thiên hộ Trương Bản và hơn nghìn quân giặc. Hựu chỉ chạy thoát thân mình. Vua dẫn quân đến sách Mộc. Bọn Trần Trí đuổi theo đến núi Trạm Hoàng, nhưng vì đã nhiều phen bị thua đau, không dám tiến sâu, lui về giữ thành Nghệ An.

Mùa đông, tháng 11, vua sai người chiêu dụ Cầm Bành. Bành cự tuyệt không theo, mình hắn cùng với hơn ngàn quân lên dựng rào lũy trên đỉnh núi để đón quân cứu viện. Vua đem quân tới bao vây.

Tháng 12, Sơn Thọ nhà Minh sai Nguyễn Sĩ đưa trả Lê Trăn để cầu hòa.

Bọn Phương Chính, Sơn Thọ đến Nghệ An, muốn cứu Cầm Bành nhưng không dám tiến quân, bèn sai người đem thư xin vua giải vây cho Bành.

Bấy giờ, Cầm Bành cố thủ, vây đã hơn một tháng chưa lấy được, lại nghe tin quân cứu viện tới. Vua gọi các tướng lên bảo rằng:

---

[1] Bồ Lạp: là tên núi, cũng gọi là Bồ Cứ, Bồ Đằng, là một ngọn núi ở xã Châu Nga, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An. Nhân dân địa phương thường gọi là Bù Đờn và phía đông bắc có một bản nhỏ gọi là Bản Liệp. Vùng này nay thuộc xã Châu Nga, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

[2] Trang Trịnh Sơn: là Kẻ Trịnh, nay thuộc xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, cách thành Trà Lân (hay Trà Long) hơn 10 km.

[3] Châu Trà Lân: hay Trà Long, là đất huyện Con Cuông, Tương Dương, tỉnh Nghệ An ngày nay, đời Trần là đất Mật Châu, đời Nguyễn gọi là phủ Tương Dương.

"Cầm Bành đang nguy khốn, bọn Chính đáng lẽ phải cấp tốc cứu viện, nay lại dùng dằng, hẳn là có ý lo sợ. Chi bằng ta [**14a**] giả cách cho hòa để xem tình thế ra sao, tin đi tin lại mất hàng tuần hàng tháng, thì Cầm Bành lúc ấy chắc đã bị bắt rồi".

Vua bèn viết thư để trên bè cho thuận dòng trôi xuống. Trong thư vua nói thác là vẫn muốn theo lời thỉnh cầu của họ, trở về Thanh Hóa. Nhưng lại bị Cầm Bành chặn đường, nếu có lòng thương thì xin cho một người tạm đến hòa giải để thông đường về.

Bọn Chính nhận được thư, sai Trần Đức Nhị chạy đến bảo Cầm Bành hòa giải, Cầm Bành biết là viện binh không đến, mở cửa thành ra hàng, Châu Trà Lân đã dẹp yên. Vua ra lệnh cho quân rằng:

"Cầm Bành đã đầu hàng, chớ có mảy may xâm phạm, tha tội cho tất cả, không được giết một người nào". (Sau Cầm Bành mưu phản, vua giết chết).

Vua vỗ về an ủi các bộ lạc, khao thưởng các tù trưởng. Tuyển chọn đinh tráng bổ sung quân ngũ được 5 nghìn người, thế quân càng mạnh. Quân tin nghe tin Cầm Bành đã hàng, liền quay lại đánh trại Trà Lân. Vua lại đánh phá được.

Vua muốm đánh thành Nghệ An, [**14b**] nhưng chưa biết tình thế ra sao. Gặp khi vua Minh mới lên ngôi, sai nội quan Sơn Thọ dùng lời lẽ quỷ quyệt để dụ dỗ vua. Vua biết dụng ý của chúng liền nói:

"Giặc sai ngươi đến lừa ta, ta nhân chỗ sơ hở của chúng mà lừa lại, chính là dịp này đây".

Rồi lại trao đổi đi lại với giặc, trinh sát tình hình của chúng để mưu đánh úp thành Nghệ An. Bọn Thọ biết là mưu kế của chúng không đánh lừa nổi, mới lại đoạn tuyệt không cho sứ đi lại nữa.

Bấy giờ vua chấn chỉnh binh tượng, tiến quân bao vây thành Nghệ An. Quân sắp đi, vừa lúc có tin báo quân Minh đã sắp đặt voi ngựa, thuyền bè, tiến quân cả hai đường thủy và bộ, định ngày mai sẽ tới. Vua chia hơn 1.000 quân, cho bọn Lê Liệt đi đường tắt đóng giữ huyện Đỗ Gia[1]. Vua đích thân chỉ huy đại quân giữ chổ hiểm yếu để chúng.

Được ba bốn hôm, quân Minh quả nhiên đến quán Lậu và cửa Khả Lưu[2], bày doanh trại ở hạ lưu. Vua ở thượng lưu, ban ngày dựng cờ đánh trống, ban đêm thì đốt lửa sáng trưng. Nhưng ngầm sai binh tượng [**15a**] vượt sông, phục sẵn ở chổ hiểm yếu. Trời gần sáng, giặc liền đem quân đến đánh dinh vua. Vua giả vờ rút lui, dẫn giặc tới chổ có quân mai phục. Giặc không để ý, đem quân tiến vào sâu, quân mai phục bốn mặt nổi dậy, xông ra đánh phá. Quân giặc bị chém đầu và chết đuối tới hàng vạn tên.

Hôm sau, giặc liền dựa vào thế núi, đắp hào lũy để ở, không ra đánh nữa.

Bấy giờ lương thực của giặc có rất nhiều mà quân của vua thì không đủ lương ăn cho 10 ngày. Vua nói với tướng sĩ:

"Giặc cậy có nhiều lương, cố thủ để làm kế lâu dài, ta lương ít không thể cầm cự dài ngày với giặc".

Rồi đốt cháy doanh trại, ngược dòng sông giả cách trốn đi, nhưng lại ngầm đi đường tắt trở về, đợi giặc đến thì đánh. QUân Minh cho là vua đã chạy, mừng lắm, bèn tiến quân vào đóng ở doanh trại cũ của vua, lên núi đắp lũy.

Ngày hôm sau, vua cho quân tinh nhuệ ra khiêu chiến. Giặc đem quân ra ngoài lũy để đánh. Vua phục sẵn ở Bồ Ải[3], giữa nơi hiểm yếu. Giặc lại không ngờ tới, đem hết [**15b**] quân ra đánh. Vua bèn tung phục binh xông vào trận giặc. Bọn Lê Sát, Lê Lễ, Lê Vấn, Lê Nhân Chú, Lê Ngân, Lê Chiến, Lê Tông

---

[1] Đỗ Gia: nay là đất huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Gần xã Linh Cảm của huyện này có làng Đỗ Xá, có lẽ là nơi đóng quân của Lê Liệt.

[2] Khả Lưu: là tên một cửa ải xưa, ở phía bắc sông Lam, thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

[3] Bồ Ải: Là một địa điểm ở về phía trên ải Khả Lưu, cách Khả Lưu không xa. Hiện nay, ở xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn,tỉnh Nghệ An có khe Ải đổ ra sông Lam và ngọn núi thấp ở đây cũng có người gọi là Bù Ải...Có lẽ đó là Bồ Ải xưa kia.

Kiều, Lê Khôi, Lê Bôi, Lê Văn An tranh nhau nên trước phá quân giặc, chém đầu giặc không sao kể xiết. Thuyền giặc trôi ngổn ngang, xác chết đuối nghẹn tắc khúc sông, khí giới vứt đầy cả rừng núi. Ta bắt sống Đô ty Chu Kiệt, chém tướng tiền phong là Đô ty Hoành Thành, bắt sống hàng nghìn tên giặc. Trần Trí, Sơn Thọ thu nhặt tàn quân chạy về thành Nghệ An. Vua thừa thắng đuổi dài suốt 3 ngày, đến tận dưới chân thành. Bọn Trí vào thành cố thủ.

Nhà Minh sai Cẩm y vệ xá nhân sang bắt bọn Phương Chính và Sư Hựu về kinh, vì bị thua trận ở châu Trà Lân. Hựu đi đến giữa đường uống thuốc độc chết, Phương Chính vẫn được làm Đô đốc đồng tri, gia chức tham tướng.

Nhà Minh ra lệnh cho bọn Mã Kỳ lại [**16a**] sang lấy vàng bạc, châu báu và hương liệu.

Ất Ty, [1425], (Minh Nhân Tông Cao Xí Hồng Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua đem quân đến hương Đa Lôi[1], huyện Thổ Du, trấn Nghệ An. Già trẻ tranh nhau đem trầu rượu đến đón và khao quân. Mọi người đều nói: "Không ngờ ngày nay lại được trông thấy uy nghi của nước cũ".

Tri phủ châu Ngọc Ma là Cầm Quý đem hơn 8.000 quân và hơn 10 con voi đến theo giúp. Vua ra lệnh cho các tướng rằng:

"Dân chúng khổ về chính sách bạo ngược của giặc đã lâu rồi. Những châu huyện nào chúng ta đi tới, không được mảy may xâm phạm của dân. Nếu không phải là trâu bò, thóc lúa của bọn nguỵ quan, thì dẫu đói khát khốn khó đến đâu cũng không được lấy bậy".

Mọi người đều tuân lệnh.

Bấy giờ, quân lính đã ba ngày chưa được ăn mà vẫn không có ai vi phạm lệnh đó. Dân thấy pháp lệnh đã được ban ra và thi hành nghiêm ngặt như vậy, liền đem hết trâu bò, thóc lúa của giặc Minh cấp cho quân lính. Bấy giờ, vua chia quân đi lấy lại đất đai các nơi. Dến châu huyện nào, người ta đều nghe tiếng mà quy phục, cùng [**16b**] nhau hợp sức vây đánh thành Nghệ An. Giặc cố thủ không dám ra nữa. Thế là đất Nghệ An đều về ta cả.

Vua huấn luyện tướng sĩ, sửa chữa chữa vũ khí, chưa đầy 10 ngày, chiến cụ đã đầy đủ cả. Bèn duyệt võ nghệ, dạy cho binh sĩ phép ngồi, đứng, đánh, đâm, chỉ bảo các thế kỳ, chính, phân, hợp, cho họ biết hiệu chiêng, hiệu trống, hiệu cờ. Kỷ luật quân đội đã nghiêm chỉnh, tinh thần binh sĩ càng tăng thêm. Thưởng phạt thi hành, nên quân lính gan dạ quyết chiến. Nhân dân trong vùng đều dắt díu nhau tới, đông vui như đi chợ. Vua vỗ về phủ dụ, mọi người đều hân hoan vui vẻ.

Mùa hạ, tháng 4, Tham tướng nhà Minh là An Bình bá Lý An đem thủy quân từ thành Đông Quan đến cứu. Vua đoán là Trần Trí bị cùng quẫn lâu ngày, thấy quân cứu viện đến, tất mở cửa thành ra đánh, bèn dời quân tới đóng ở huyện Đỗ Gia, đào cửa sông, phục quân trên bờ sông đợi quân giặc đến [**17a**] để đánh.

Ngày 17, bọn Trí đem hết quân ra đánh trại Lê Thiệt. Đợi quân của Trí sang một nửa, quân mai phục liền nổi dậy đánh tan, chém hơn ngàn thủ cấp giặc, bọn chết đuối cũng rất nhiều. Từ đó, giặc càng sợ hãi, đắp thên hào lũy gắng sức cố thủ.

Tháng 5, vua sai Tư không Lê Lễ (Lễ là cháu gọi vua bằng cậu, vốn họ Đinh, được ban họ Lê) đi tuần ở Diễn Châu[2]. Lễ đặt phục binh trước. Quân Minh không biết. Gặp khi Đô ty Trương Hùng của nhà Minh đem hơn 300 chiếc thuyền chở lương từ Đông Quan đến. Trong thành mừng lắm, tranh nhau mở cửa thành ra đón. Quân phục thình lình nổi dậy, chém viên Thiên hộ họ Tưởng và hơn 300 quân giặc. Hùng tháo chạy, Lễ cướp lấy thuyền lương rồi đuổi theo, vừa đi vừa đánh, đến tận thành Tây Đô.

Bấy giờ, giặc đều đến cứu thành Nghệ An, vua đoán lá các thành Tây Đô đều đã suy yếu, liền chọn 200 quân tinh nhuệ, [**17b**] 2 thớt voi, sai bọn Lê Lễ, Lê Sát, Lê Nhân Chú và Lê Triện, Lê Bị đi gấp

---

[1] Hương Đa Lôi: nay là Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[2] Thành Diễn Châu: còn có tên là thành Trài, nay còn dấu vết ở xã Diễn Hồng, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, cách quốc lộ số 1 gần 400 mét về phía đông và cách Cửa Vạn 2 km.

theo đường đất đánh úp thành Tây Đô[1], chém được hơn 500 thủ cấp giặc, bắt sống được rất nhiều. Quân Minh đóng cửa thành cố thủ. Dân cư ngoài thành, bọn Lê Triện đều phủ dụ được cả. Bấy giờ người Thanh Hóa tranh nhau đến cửa quân xin liều chết đánh giặc. Bèn bao vây thành đó.

Vua Minh băng, thọ 48 tuổi, miếu hiệu là Nhân Tông. Thái tử Minh là Chiêm Cơ lên ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức, tức là Tuyên Tông. Các quan phương diện và phủ, huyện, châu về chầu mừng.

Mùa thu, tháng 7, vua dự đoán thành giặc ở các xứ Thuận Hóa, Tân Bình đã từ lâu không thông tin tức với Nghệ An và Đông Đô, bảo các tướng:

"Người làm tướng giỏi ngày xưa bỏ chỗ rắn đánh chỗ mền, tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, như thế chỉ dùng một nữa sức mà nên công gấp đôi".

Bèn sai Tư đồ Trần Hãn và Thượng tướng Lê Nỗ **[18a]** báo cho bọn Lê Đa Bồ đem hơn 1000 quân và 1 thớt voi ra đánh các thành Tân Bình, Thuận Hoá và chiêu dụ nhân dân.

Đến sông Bố Chính[2] thì gặp giặc Minh, bọn Hãn đưa quân vào chỗ hiểm yếu, bí mật mai phục ở Hà Khương để nhử giặc. Tướng Minh là Nhậm Năng đem hết quân tiến vào. Bọn Hãn hợp binh tượng còn lại để đánh rồi giả cách thua chạy. Năng đuổi theo, quân mai phục đánh kẹp hai bên, giặc Minh tan vỡ, bị chém đầu và chết đuối rất nhiều.

Bấy giờ, quân của Hãn và Nỗ có ít mà quân giặc còn rất đông, đã sai người báo gấp và xin thêm quân từ trước. Vua sai tiếp bọn Lê Ngân, Lê Bôi, Lê Văn An đem 70 chiếc thuyền chiến vượt biển đến thẳng chổ đó. Đến khi được tin thắng trân của Nỗ, liền thừa thắng đánh vào các xứ ở Tân Bình[3], Thuận Hóa[4]. Quân và dân các nơi bị giặc chiếm đều quy thuận. Quân Minh vào thành cố thủ. Thế là Thuận Hóa, Tân Bình đều thuộc về ta cả. Các tướng say tôn [**18b**] vua là "Đại thiên hành hóa"[5]. Từ đó, các mệnh lệnh, dụ văn, phần nhiều lấy bốn chữ ấy để xưng.

Bính Ngọ, [1426], (Minh Tuyên Tông Chiên Cơ, Tuyên Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lễ bộ nhà Minh hạ lệnh mở khoa thi hương để chọn học trò. Tổng binh và hai ty Bố chính và Án sát xin tạm ngừng. Lại xin miễn lễ chầu hầu sang năm vì địa phương chưa yên.

Mùa hạ, tháng 5, vua Minh xuống chiếu rằng:

"Đạo lý thống trị cốt ở yên dân, lòng nhân xót thương, cũng nên tha tội. Giao Chỉ từ khi sáp nhập vào bản đồ đến nay đã hai mươi năm, nhiều lần gây chuyện phản nghịch, phải huy động tới quân của nhà vua. Nhưng ghét chết, thích sống, lòng người không ai khác ai, lội nước vào lửa, bản tâm có ai muốn thế. Xét kỹ duyên do, đều bởi người có chức trách đã không biết cách vỗ về, lại còn cướp bóc không hề biết chán. Tình cảnh kẻ dưới không thấu lên trên, ơn trạch người trên không thấm xuống dưới. Đến nỗi dân chúng khốn khổ, nảy lòng nghi ngờ, trốn vào núi rừng, họp nhau làm loạn. Xét thực tình đều là do bất đắc [**19a**] dĩ, nên xử tội cũng đáng được xót thương. Vậy ban ơn mưa móc, cho đều được thấm nhuần. Những quan lại và quân dân Giao Chỉ mắc tội phản nghịch và các tội khác, đã bị phát giác hay chưa bị phát giác, đã được xét xử hay chưa được xét xử, kể từ ngày chiếu thư này ban ra, không kể là tội lớn hay tội nhỏ, đều tha cho cả. Quân và dân đất Giao Chỉ, nhoài việc nộp tiền thuế và lương thực ra, các khoản trưng thu khác, cùng những việc đổi lấy vàng bạc, tiền đồng, muối, sắt, hương liệu, thuế cá... đều lập tức đình chỉ cả, cho phép được trao đổi ở trong hạt với nhau, quan phủ kkông được cấm, làm như vậy để tỏ lòng thương dân của trẫm".

---

[1] Thành Tây Đô: nay ở vào khoảng giữa hai xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Sông Bố Chánh: tức là sông Gianh, tỉnh Quảng Bình.

[3] Tân Bình: tên phủ thời thuộc Minh, gồm dất các huyện Quảnh Trạch, Bố Trạch, Lệ Ninh, Tuyên Hóa, Bến Hải, tỉnh Quảng Bình ngày nay.

[4] Thuận Hóa: tên phủ thời thuộc Minh gồm đất các huyện Triệu Hải, Hương Điền, Hương Phú, Hương Hóa, Phú Lộc, tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên-Huế ngày nay.

[5] Đại thiên hành hóa: nghĩa là thay trời tiến hành việc giao hóa.

Mùa hạ, tháng 6, có người đàn bà nghèo hèn ở trang Phao, huyện Đáy Giang mắc bệnh hủi, bị chồng ruồng bỏ. Bỗng một hôm mụ gặp một cụ già trên đường trao cho một hòn đá nhỏ như quả trứng gà, bão mài nước bôi vào chổ loét thì khỏi ngay. Mụ làm theo như vậy, quả nhiên hỏi bệnh. Xa gần nghe tin, nhiều người đem tiền lụa đến xin chữa cho [**19b**]. Mụ ứng tiếp không xuể, chỉ lấy hòn đá mài nước mà cho, gọi là nước bồ tát. Người ta nối nhau trên đường, hỏi xin đã xin được nước đó chưa. Việc bị phát giác, cả người và đá đều bị bắt đưa về giữ lại ở Tam ty. Không bao lâu, quan quân tới, người đàn bà ấy mới được đưa về. Kẻ thức giả cho rằng đó là điềm Lê Thái Tổ lấy được nước.

Mùa thu, tháng 8, vua cho là quân tinh nhuệ của giặc đều ở Nghệ An cả, các xứ Đông Đô của chúng nhất định suy yếu,bèn tăng thêm binh tượng, sai bọn Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo, Thái úy Lê Triện, Thái gám Lê Khả, Á hầu Lê Như Huân, Lê Bí đem hơn 3.000 quân 1 thớt voi đi tuần các xứ Thiên Quan[1], Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng[2], Quy Hóa[3], Đà Giang, Tam Đới[4], Tuyên Quang để cắt đứt đường viện binh của giặc từ Vân Nam sang; bọn thái úy Lê Bị, Thái giám Lê Khuyển [**20a**] đem 2.000 quân và1 thớt voi đánh ra các xứ Khoái Châu[5], Bắc Giang, LẠng Giang để chặn viện binh từ Lưỡng Quảng tới; bọn Tư không Lê Lễ và Lê Xí thì đem tinh binh tiến sau đaể phô trương thanh thế. Quân ta đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, chợ búa không thay đổi hàng quán. Vì thế, các lộ ở Đông Đô và các xứ phiên trấn, chỗ nào cũng vui mừng, tranh nhau mang trâu dê cơm rượu đến khao quân lính và đều hưởng ứng vây đánh các thành giặc. Quân Minh chỉ còn ngồi giữ để đợi viện binh mà thôi.

Ngày 12, bọn Triện đem 3.000 quân tiến sát đến thành Đông Quan.

Quân MInh thấy Triện mang quân trơ trọi từ xa tới, dốc hết quân ra đánh. Đến các xứ Ninh Kiều[6] thuộc Ứng Thiên (nay là Chương Đức) thì bọn Lê Triện, Lê Khà, Lê Bí dốc sức quyết chiến, phá tan quân giặc, chém được hơn 2.000 thủ cấp, rồi tiến quân đóng ở phía tây sông Ninh Giang[7].

Tham tướng nhà Minh là Trần Trí cho là thành Đông Quan trơ trọi nguy hiểm [**20b**] mới đắp thêm lũy, đào thêm hào, làm kế cố thủ, lại gởi thư cho bọn Lý An, Phương Chính bảo bỏ thành Nghệ An về cứu đất căn bản[8].

Tháng 9, ngày 17, bọn Lý An, Phương Chính bỏ thành Nghệ An, vượt biể chạy về ĐôngQuan, chỉ để Thái Phúc ở lại giữ thành Nghệ An. Vua tiến đánh phía ngoài thành, phá được.

Vua liệu tính thế giặc ngày một suy, quân ta ngày một mạnh, thời cơ đã đến mà không hành động ngay sợ lỡ mất cơ hội, liền để bọn Lê Ngân, Lê Văn An, Lê Bôi, Lê Điền, Lê Lĩnh, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng ở lại đóng dinh vây thành Nghệ An. Vua đích thân chỉ huy đại quân, ngày đêm đi theo đường thủy, đường bộ tiến gấp đuổi theo bọn An, Chính.

Khi đến thanh Tây Đô, vua đóng dinh ở Lỗi Giang, úy lạo tướng sĩ, ban thưởng bô lão trong làng và họ hàng cùng những người quen biết cũ theo thứ bậc khác nhau. Bấy giờ nhân dân các huyện nghe tin vua [**21a**] đến Thanh Hóa, đều hăng hái đến trước cửa quân, tình nguyện rong ruổi theo hầu để lập chút công lao.

---

[1] Thiên Quan: vùng đất huyện Nho Quan cũ, nay thuộc huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

[2] Gia Hưng: gồm các huyện Thuận Châu, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Phù Yên tỉnh Sơn La, các huyện Thanh Sơn, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ và huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình ngày nay.

[3] Quy Hóa: thuộc Yên Bái, Lào Cai ngày nay.

[4] Tam Đới: thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

[5] Nguyên văn là Khoái Giang, sửa lại theo Đại Việt thông sử và Cương mục.

[6] Ninh Kiều: là vùng Ninh Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay. Đây là một vị trí trọng yếu và hiểm trở nằm trên đường thượng đạo từ Đông Quan vào Thiên Quan và Thanh Hóa.

[7] Ninh Giang: là đoạn sông Đáy chảy qua vùng Hà Tây, Nam Hà rồi theo sông Mỹ Đô chảy vào sông Hồng (đoạn Hoàng Giang).

[8] Chỉ Đông Đô.

Ngày 20, viên Đô ty Vương An Lão ở Vân NAm của nhà Minh đem hơn1vạn việnbinh đến cầu Xa Lộc[1], lộ Tam Giang. Bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả đón đánh phá tan giặc, chém hơn 1.000 thủ cấp, giặc chết đuối rất nhiều. Quân giặc còn sót lại chạy vào thành Tam Giang.

Hôm ấy, Lê Triện đánh nhau với quân Minh ở cầu Nhân Mục[2], chém hơn một nghìn thủ cấp giặc, bắt được tên Đô ty nhà Minh là Vi Lượng[3].

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai bọn Tổng binh Thành Sơn hầu Vương Thông và Tham tướng Mã Anh đem 5 vạn quân, 5 nghìn ngựa chia đường sang cứu viện các thành Đồng Đô. Một vạn quân Vân Nam tiến trước, thẳng đến Tam Giang[4], thuận dòng mà xuống. Bọn Lê Khả nghe tin giặc [**21b**] đến, từ Ninh Kiều hành quân cấp tốc, gặp giặc ở cầu Xa Lộc, đón đánh bại quân giặc.

Ngày mồng 6, bọn Vương Thông nhà Minh đem các quân mới cũ gồm hơn 10 vạn tên, chia làm ba đường đánh vào quân ta.

Vương Thông từ Khâu Ôn tới, qua cầu Tây Dương[5], đóng quân ở bến Cổ Sở[6], làm cầu phao cho quân qua sông. Phương Chính tiến từ cầu Yên Quyết[7], đóng quân ở cầu Sa Đôi[8]. Sơn Thọ và Mã Kỳ tiến từ cầu Nhân Mục, đóng quân ở cầu Thanh Oai[9]. Quân giặc dàn doanh trại liền nhau đến vài mươi dặm, cờ xí rợp đồng, giáo mác rực trời, tự cho là đánh một trận là bắt hết được quân ta.

Bọn Lê Triện, Lê Bí mai phục binh tượng ở đồng Cổ Lãm[10], cho du binh nhử đánh vào doanh quân Thọ, Kỳ rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, khi qua bờ cầu Tam La[11], chổ ấy ruộng nước, bùn lầy, quân mai phục của ta nổi dậy đánh tạt ngang vào bọn giặc. Quân giặc bị sa lầy. Ta chém hơn một nghìn thủ cấp, đuổi tận đến cầu Nhân Mục. Xác giặc phơi ngổn ngang đến vài [**22a**] mươi dặm, ta bắt sống hơn 500 tên. Bọn Triện định đánh chặn hậu doanh của Phương Chính, nhưng Chính đã rút đi rồi. Trời tối, bèn thu quân về.

Ngày mồng 7, bọn Lê Triện đánh Vương Thông ở các trại ngoài Cổ Sở.

Bấy giờ, giặc đã phục binh sẵn, đan tra làm lá chắn, bên trong gài chông sắt, giả cách vứt lá chắn bỏ chạy. Voi của ta giẫm lên, trúng phải chông sắt, quân ta thất lợi, phải tạm lui. Bọn Triện tự liệu không thể chặn được mới phá hủy doanh trại cũ, thu quân giữ nơi hiểm yếu, cáo cấp trước với bọn Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Xí.

Lúc ấy, bọn Lễ đã bí mật mai phục tinh binh ở Thanh Đàm[12] để đợi giặc, được tin báo của Triện, bèn đang đêm đem hơn 3 nghìn quân tinh nhuệ và 2 thớt voi đến dứu, hội quân ở Cao Bộ[13], chia quân phục sẵn ở các chổ hiểm yếu. Nhân bắt được gián điệp của giặc, tra hỏi biết được giặc định đặt súng phía sau quân ta.

---

[1] Cầu Xa Lộc: tục gọi là cầu Ròng Rọc ở gần làng Tứ Xã, huyện Lâm Thao, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[2] Cầu Nhân Mục: tức là Cống Mọc ở xã Nhân Chính, huyện Từ Liêm Hà Nội, cầu bắc qua sông Tô Lịch, trên đường từ Đông Quan đến Ninh Kiều.

[3] Minh sử chép là Viên Lượng.

[4] Thành Tam Giang: là trị sở của phủ Tam Giang, nằm ở phía bắc ngã ba Hạc, có thể là thành cổ Dục Mỹ, ở gần cầu Xa Lộc.

[5] Cầu Tây Dương: tức cầu Giấy, bắc qua sông Tô Lịch, huyện Từ Liêm, Hà Nội ngày nay.

[6] Bến Cổ Sở: tức bến Giá ở xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Tây ngày nay.

[7] Cầu Yên Quyết: tức là cống Cót ở Hạ Yên Quyết, gần Láng, Hà Nội ngày nay.

[8] Cầu Sa Đôi: cầu bắc ngang sông Nhuệ còn gọi là cầu Đôi ở phía tây xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm , Hà Nội.

[9] Cầu Thanh Oai: bắc qua sông Đỗ Động ở xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[10] Cổ Lãm: tức tổng Thắng Lãm, tên nôm là Sốm, nay gồm các xã Phú Lâm, Phú Cường, Văn Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[11] Cầu Tam La:tức Ba La, còn gọi là Ba La Bông Đỏ, sát thị xã Hà Đông, trên đường đi Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[12] Thanh Đàm: tức là Thanh Trì, trị sở huyện này xưa ở phía đông nam Văn Điển, Hà Nội ngày nay.

[13] Cao Bộ: tên nôm là làng Bụa, thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[**22bb**] Lễ và triện dùng luôn kế của giặc để đánh giặc, hạ lệnh cho các quân nghe tiếng súng nổ vẫn nằm im không được nhúc nhích. Giặc cho là không có quân, đi theo đường tắt tới, nổ súng rồi đem toàn bộ quân tiến sâu vào.

Đến cách sông Yên Duyệt[1] vài dặm thì phục binh ta ba mặt đều xông lên, hăng hái đánh vào các xứ Tốt Động[2], Chúc Động[3], phá tan quân giặc[4], chém được thượng thư Trần Hiệp, Nội quan Lý Lượng và 5 vạn quân giặc. Giặc chết đuối rất nhiều, nước sông ở Ninh Kiều do vậy mà tắc nghẽn. Bắt sống hơn 1 vạn tên giặc, thu được ngựa, quân tư, khí giới, xe cộ nhiều không kể xiết. Phương Chính theo đường bến Cổ Sở trốn về. BọnVương Thông, Mã Kỳ chỉ thoát được thân, chạy về thành Đông Quan.

Tin thắng trận báo về hành dinh ở Lỗi Giang. Bấy giờ, vua đương đóng quân ở Thanh Hóa, hội các quân ở Hải Tây, nhận được thư báo thắng trận của bọn Lê Lễ, bèn đích thân dẫn đại quan [**23a**] và 20 thớt voi chia hai đường thủy, lục ngày đêm đi gấp.

Ngày 11, tới sông Lũng Giang[5] đóng dinh, các tướng tới đón mừng.

Tri châu phủ Chính Bình là Hà Trung bị vua bắt, giết chết.

Bọn Vương Thông nhà Minh vì bị thua ở Tốt Động, quân khí cơ hồ mất sạch, bèn phá chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh[6] để làm súng đạn, hỏa khí. Sau khi Trần Hiệp chết, Hữu bố chính sứ Dặc Khiêm giữ ấn của Bố chính ty, án sát sứ Dương Thì Tập giữ ấn của Án sát ty, Đô đốc thiêm sự Trần Duệ giữ ấn của Đô ty. Từ đó, lịch chính sóc[7] của nhà Minh không được thi hành ở các quận huyện nước ta nữa.

Ngày 22, vua tiền quân đến Tây Phù Liệt[8].

Ngày 23, vua sai bọn Trần Hãn, Lê Bị đem hơn trăm chiếc thuyền thủy quân, ngược dòng sông Đại Lũng ra cửa sông Hát, rồi thuận [**23b**] dòng xuôi đến bến Đông Bộ Đầu sông Lô[9], bọn Lê Lễ đem hơn 1 vạn quân bộ bí mật tiến đến cầu Tây Dương. Vua đích thân dẫn binh tượng đến cửa Nam ngoài thành Đại La để đánh thành Đông Quan.

Đến đêm, hồi canh ba, quân bốn mặt đánh ập vào, phóng lửa đốt các nhà ở ngoài thành, khói lửa mù mịt đầy trời. Các doanh quân đóng ngoài thành của Phương Chính tranh nhau chạy vào cửa thành xác chết gối lên nhau. Ta bắt hết những người trong nước buộc phải theo giặc và hơn trăm chiến thuyền cùng rất nhiều khí giới, nghi trượng. Giặc biết là quân dân các vùng gần đó đều theo về ta cả, thế là mỗi ngày một cùng quẫn, lại đắp thêm tường lũy, liều chết cố thủ, để đợi viện binh.

---

[1] Sông Yên Duyệt: ở làng Yên Duyệt, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[2] Tốt Động: tên nôm gọi là làng Rér. Đây là vùng đất thấp, lầy lội. Cánh đồng Tốt Động là đồng chiêm trũng, rất lầy lội.

[3] Chúc Động: cách Tốt Động 6km về phía đông bắc và ở ngay phía tây Ninh Kiều. Cả hai con đường từ Ninh Kiều đến Cao Bộ đều phải đi qua vùng Cbúc Động. Chúc Động nay là Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

[4] Đoạn này Toàn thư viết rất khó hiểu. Xin ghi lại đoạn nói về trận đánh này của Cương mục để tiện tham khảo: "Bắt được gián điệp của địch, ta biết Thông đã tiến đóng ở Ninh Kiều, ngầm cho kỳ binh tiền nhanh đến phía sau quân Triện, còn chính binh của Thông sẽ vượt sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau hễ nghe tiếng súng pháo nổ, thì các mũi quân địch cùng lúc đánh khép lại. Hồi canh năm đêm ấy, bọn Lễ sai quân bắn súng pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa giặc. Giặc nghe súng nổ, đều đổ xô đi chiếm lấy chỗ thuận lợi. Chúng lùa quân đi tắt vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội, chúng kéo đến Tốt Động, bị phục binh ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức lại, hăng hái chiến đấu, cả phá dược quân giặc ". (CMCB 13, 28-29).

[5] Lũng Giang: tức là sông Đáy, còn gọi là sông Đại Lũng.

[6] Chuông Quy Điền: tương truyền được đúc từ đời nhà Lý, chuông để ở chùa Một Cột. Vạc Phổ Minh: là chiếc vạc lớn ở chùa Phổ Minh gần thành phố Nam Định, tỉnh Nam Hà. Chùa này làm vào năm Thiệu Long năm thứ 5 (1262).

[7] Lịch chính sóc: chính sóc là ngày mồng một tháng giêng Âm lịch. Ở đây chỉ lịch tính theo tuần trăng của nhà Minh.

[8] Tây Phù Liệt: thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

[9] Sông Lô: bây giờ là sông Hồng. Đông Bộ Đầu: nay ở khoảng dốc Hàng Than, phía trên cầu Long Biên, Hà Nội.

Vua dời ra đóng dinh ở Đông Phù Liệt[1].

Khi vua mới tới thành Đông Đô, những hào kiệt ở kinh lộ và nhân dân các phủ huyện cùng các tù trưởng ở biên trấn đều tấp nập kéo đến cửa quân, xin hết sức liều chết đánh thành giặc ở các xứ. Vua biểu dương [**24a**] lòng thành của họ, phủ dụ, úy lạo, báo cho họ biết lẽ bỏ nghịch theo thuận. Từ kẻ sĩ tới dân chúng, hễ ai đến quân doanh, vua đều dùng lời lẽ khiêm tốn, dùng nghi lễ trang trọng để tiếp đãi, rồi tùy theo tài năng hơn hay kém của từng người để bố trí các chức vụ khác nhau. Lấy ban thưởng để khích lệ khiến người người đều hăng hái, dùng hình phạt mà răn đe, nên ai ai cũng giữ gìn. Vì vậy, mọi người đều cảm kích mong được dốc trọn sức mình, quân đi đến đâu là thành công đến đấy.

Vua chia các lộ trấn ở Đông Đô thành bốn đạo[2]. Đặt quan lại văn võ trong ngoài và tuần kiểm ở các cứ cửa biển để khám xét những người qua lại và bắt bọn nguỵ quan, bọn phản bội, bọn ngang ngạnh không chịu cải hóa, bọn ăn ở hai lòng, bọn mang thư chạy về phương Bắc.

Lại dụ những người có tài văn chương mà chưa được nhận chức, nếu ai viết thư dụ được người thành Đông Quan, khiến họ mở cửa thành ra hàng và giảng hòa về nước, [**24b**] thì sẽ được thăng chức vượt cấp.

Lại ra lệnh tịch thu vợ con, nô tỳ sản nghiệp của bọn ngụy quan nộp lên, còn thóc lúa của chúng thì vẫn để ở bản xứ để đợi cung cấp cho quân đội.

Mùa đông, tháng 11, vua tìm được Trần Cảo lập làm vua.

Trước đó, có người tên là Hồ Ông, là con một người ăn xin, trốn theo Cầm Quý, giả xưng con cháu họ Trần.

Bấy giờ người trong nước khổ về chính lệnh hà khắc của giặc, mong có người làm chủ, mà vua thì gấp việc diệt giặc cứu dân, nên sai người đón lập Cảo cho xong việd việc quyền nghi nhất thời, mà cũng muốn mượn cớ để trả lời nhà Minh để họ tin.

Đặt niên hiệu là Thiên Khánh, sai Tả bộc xạ Lê Quốc Hưng dạy cho, nhưng thực ra là để coi giữ. Cảo trước đóng dinh ở núi Không Lộ[3], sau dời về Vũ Ninh[4].

Tháng 12, cấm chặt phá hoa quả, cây cối và cướp bóc của dân.

[**25a**] Vua thân đốc suất tướng sĩ ngày đêm đánh Đông Đô.

Bọn Vương Thông, Sơn Thọ nhà Minh hễ đánh là thua, chán nản lo sợ, mưu kế đã cùng, viện binh không có, tình thế ngày một khốn quẫn, bèn sai người đưa thư xin hòa, mong được toàn quân trở về nước. Vua nói:

"Câu đó đúng hợp ý ta. Vả lại, binh pháp không đánh mà khuất phục được quân của người là kế hay hơn cả."

Bèn bằng lòng cho giảng hòa, hẹn ngày kíp gọi quân sĩ ở các thành cùng một lúc về tập hợp ở thành Đông Quan để cho về nước cả. Sai cận thần trao đổi với quân Minh, cho phép họ được đi lại, mua bán không khác gì dân thường.

Bấy giờ, bọn nguỵ Đô ty Trần Phong[5], Tham chính Lương Nhữ Hốt[1] Đô chỉ huy Trần An Vinh, đã bán nước làm quan to cho giặc, sợ sau khi giặc rút về, chúng sẽ hết đường sống sót, bèn ngấm ngầm làm kế phản gián, bảo [người Minh] rằng:

---

[1] Đông Phù Liệt: tên xã, cũng thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

[2] Bốn đạo: 1-Tây Đạo gồm các trấn Tam Giang, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Gia Hưng; 2-Đông Đạo gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang; 3-Bắc Đạo gồm các lộ trấn Bắc Giang, Thái Nguyên; 4-Nam Đạo gồm các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường.

[3] Núi Không Lộ: ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Trên núi có chùa Lạc Lâm, xưa là nơi hóa thân của nhà sư Không Lộ.

[4] Vũ Ninh: sau là huyện Võ Giảng, nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[5] Trần Phong: người huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, theo giặc MInh làm đến Đô ty.

"Trước kia Ô Mã Nhi bị thua ở sông Bạch Đằng, đem quân về hàng. Hưng Đạo [**25b**] Đại Vương cho hàng, nhưng dùng mưu lấy thuyền lớn cho đưa họ về nước, rồi cho người giỏi bơi lặn sung làm phu thuyền. Ra đến ngoài biển, lừa lúc ban đêm mọi người ngủ say, bọn phu thuyền lặn xuống nước, dùi đủng đáy thuyền, những người đầu hàng đều bị chết đuối hết, không một ai sống sót trở về được".

Bọn Thông tin lời, đem lòng ngờ vực, lại nảy ý khác, đắp thêm tầng lũy kép hào, thả chông để làm kế tạm bợ, ngoài mặt nói hoà hiếu, nhưng ngấm ngầm bày mưu tính kế. Chúng bí mật sai mấy chục boọn mang thư bọc sáp đi lối tắt về xin viện binh. Vua bắt được người mang thư, ghét bọn chúng tráo trở, bèn bí mật phục quân ở bốn phía quanh thành Đông Quan, đón giặc ra vào , bắt được hơn 3 nghìn tên dò thám, hơn 5 trăm con ngựa. Từ đấy, quân Minh đóng chặt cửa thành không ra, sứ qua lại cũng dứt.

Vua sai các tướng chia quân đi đánh các thành: Quốc Hưng đánh hai thành Điêu Diêu[2], và Thị Cầu[3]; [**26a**] Lê Khả và Lê Khuyển đánh thành Tam Giang[4]; Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lý, Lê Lãnh và Lê Triện đánh thành Xương Giang[5]; Lê Lựu và Lê Bôi đánh thành Khâu Ôn[6].

Ngày 20, đặt chức an phủ sứ các lộ. Lấy bọn Đào Công Soạn, Nguyễn Dực 24 người làm chức đó. Đặt chức viên ngoại lang của Lục bộ, lấy bọn Nguyễn Công Vĩ 6 người làm chức ấy.

Đinh Mùi, [1247], (Minh Tuyên Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, vua tiến quân sang bờ bắc sông Lô, đối lũy với thành Đông Quan. Bọn Thiếu úy Lê Khả giữ cửa Đông, Tư đồ Lê Lễ giữ cửa Nam, Thái giám Lê Chửng đem hai vệ Thiết đột là bọn Nghi Phúc giữ cửa Tây, Thiếu úy Lê Triện đem quân hai vệ giữ cửa Bắc, vây đánh thành Đông Quan.

Sơn Thọ nhà Minh sai bọn thông sự Nguyễn Nhậm gồm 3 người sang thông tin tức.

Ban chức hỏa thủ[7] cho quân các lộ theo thứ bậc khác nhau.

[**26b**] SAi Dương Thái Nhất sửa lại đền thờ Hưng Đạo Đại Vương, cấm không được chặt cây cối ở các đền miếu.

Hạ lệnh cho lộ An Bang nộp gỗ cọc và tên tre.

Bổ thuộc lại Hàn lâm viện và bốn đạo gồm 515 người.

Hạ lệnh cho các lộ, trấn chứa lương ở các thành Xương Giang và Tam Giang để cấp cho quân.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu, các quan lộ tìm hỏi những người có tài lược, trí dũng, làm nổi các chức quan trọng như Tư mã, Thượng tướng, mỗi viên tiến cử lấy một người.

Hạ lệnh cho nhân dân dâng thóc cung cấp cho quân sĩ. Ai tiến thóc được thưởng tước tùy theo mức độ khác nhau.

Quân Minh ở Nghệ An và Diễn Châu[8] ra hàng.

Vũ Cự Luyện người huyện Đường An và Đoàn Lộ người huyện Cổ Phí dâng kế sách đánh thành và các kiểu chiến bằng, xe phần ôn, xe phi mã[1]. Sai các tướng theo các kiểu ấy mà làm.

---

[1] Lương Nhữ Hốt: theo giặc MInh làm đến Tham chính. Bọn Trần Phong, Nhữ Hốt sau được Lê Lợi tha chết , nhưng rồi lại mưu phản, cuối cùng đều bị giết.

[2] Thành Điêu Diêu: ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Thành Thị Cầu: nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc.

[4] Thành Tam Giang: ở huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[5] Thành Xương Giang: nay là thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[6] Thành Khâu Ôn: là tỉnh lỵ Lạng Sơn ngày nay.

[7] Hoả thủ: như chức đội trưởng sau này.

[8] Tướng Minh giữ thành Nghệ An là Thái Phúc, giữ thành Diễn Châu là Tiết Tụ.

Hạ lệnh cho các xứ thờ cúng đền miếu các công thần.

Sai viên bách bộ nhà Minh là Hà Vương đem thư vào thành Đông Quan.

Sai bọn Tuyên Quang Tư mã Lương Thế Vĩnh và [**27a**] Đề đốc phụ đạo Ma Tông Kế đóng thuyền chiến.

Hạ lệnh cho viên Tổng tri coi việc quân dân Lạng Sơn và An Bang là Nhập nội thiếu bảo Lê Lựu đem quân đi đánh giặc, cho quyền tiền trảm hậu tấu.

Lấy Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ Nguyễn Trãi làm Triều liệt đại phu, Nhập nội hành khiển, Lại bộ thượng thư kiêm hành Khu mật viện sự.

Bấy giờ, vua dựng lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề trên bờ sông Lô[2]. (Khi ấy, có hai cây bồ đề ở trong dinh, nên gọi là dinh Bồ Đề), cao bằng tháp Báo Thiên, hằng ngày vua ngự trên lầu nhìn vào thành để quan sát mọi hành vi của giặc, cho Trãi ngồi hầu ở tầng hai, nhận lệnh soạn thảo thư từ qua lại.

Ngày 13, bọn Lê Lựu, Lê Bôi ngày đêm đánh gấp thành Khâu Ôn. Quân Minh tự lượng chống đỡ không nổi, đang đêm bỏ thành chạy trốn.

Giết Tư mã [**27b**] Lê Lai, tịch thu gia sản, vì Lai cậy có chiến công, nói năng khinh mạn.

Chém Thiên hộ Lý Vân và tòng nhân Bùi Vĩnh vì chở trộm mắm muối vào thành Chí Linh[3].

Hạ lệnh kiểm kê quân khí, người nào để thiếu thì xử tội theo quân pháp.

Hạ lệnh cho Thái Nguyên và Lạng Sơn nộp vỏ gai.

Hạ lệnh cho Tư mã Cao Ngự tổng chỉ huy trấn Thiên Quan vây thành Cổ Lộng. Cho phép xử tội phải tâu trước rồi sau mới được trị tội.

Hạ lệnh cho huyện tân Phúc mở lò rèn đồ sắt.

Hạ lệnh cho thiếu úy Lê Vân đóng ở cửa Đông thành Đông Quan; Tư không Lê Lễ, Thiếu úy Lê Sát, Lê Lý, Lê Lỗi, Lê Chích đóng ở cửa Nam; Thiếu úy Lê Bị, Thái giám Lê Nguyễn, Chấp lệnh Lê Chửng đem ba vệ Thiết đột đóng ở cửa Tây; thiếu úy Lê Triện, Lê Văn An đem 14 vệ quân đóng ở cửa Bắc. Hạ lệnh cho các lộ Tam Giang, Tam Đái, Tuyên Quyên, Quy Hóa [**28a**] nộp luồng vầu làm thành dưới nước, dựa vào bờ bắc sông Nhị, cao ngang với thành Đông Quan.

Bọn Chỉ huy Trương Lân và Tri phủ Trần Vân ở thành Điêu Diêu ra hàng.

Chế súng Cổn dương, ra lệnh cho các tướng theo kiểu đó mà làm.

Hạ lệnh cho người trong nước, ai có cha mẹ, vợ con, anh em, nô tì, thân thích theo giặc ở trong thành cho tự nguyện lên thành[4], khi phá được thành sẽ cho nhận đem về. Nếu không tự nguyện lên thành mà tranh nhau nhận về đoàn tụ thì phải xử theo quân luật.

Ra lệnh cho phụ đạo các xứ nhận các chức Thủ ngự, Đoàn luyện, tước trung phẩm.

Tháng 2, ngày mồng 7, Phương Chính ngầm đem quân đánh úp Cảo Động[5], huyện Từ Liêm, Triện có sức đánh lại, bị tử trận, Bí bị giặc bắt sống. (Sau giặc về nước, lấy lễ trả Bí về).

---

[1] Chiến bằng: là đài cao bằng gỗ dùng để đánh thành. Xe phần ôn: là loại xe để đánh thành, có 4 bánh, căng dây làm khung, che bằng da trâu, dươái có thể nấp được mười người, sắt, lửa, gỗ, đá không thể phá được. Xe phi mã: cũng là loại xe để đánh thành.

[2] Theo Bắc Ninh tỉnh chí, thì dinh Bồ Đề ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc ninh, nay thuộc xã Phú Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Thành Chí Linh: lúc ấy quân Minh còn đóng giữ.

[4] Nguyên văn là "tự nguyện đăng thành" (tự nguyện lên thành), chúng tôi ngờ có lầm lẫn từ chữ "đăng tải" (khai báo) ra chữ "đăng thành" (lên thành).

[5] Cảo Động: tên xã, tức là Nhật Tảo, hay Xuân Bảo ở phía tây Hồ Tây, Hà Nội.

Ngày 19, quân Minh đánh vào Bài Sa Đôi, huyện Từ Liêm. Quân ta cố thủ quyết chiến, binh khí hết sạch, dùng mảnh nồi [**28b**] chõ, chum vại ném vào giặc. Giặc không tiến vào được, liền phá nhà cửa của dân để đánh hỏa công. Hôm ấy, gió rét lửa nóng, quân ta tránh lửa vượt sang sông, có nhiều người bị chết đuối. Chỉ có những quân lính ở Thiên Quan không biết bơi, ở lại tử chiến với giặc, giặc lại thua chạy.

Người Minh giữ thành Thị Cầu là Đường Bảo Trinh ra hàng.

Sai viên chỉ huy họ Tăng đã đầu hàng, theo Nguyễn Trãi đi chiêu dụ thành Tam Giang.

Sứ Chiêm Thành sang cống. Ban yến, cho ngựa và lụa bảo về. Sai Thiêm tri khu mật Hà Luật cùng đi với họ.

Hạ lệnh thưởng công cho các tướng hiệu bắt đầu từ việc lập công mới: đại thần đến thiếu úy có công lao lớn, được thưởng phù vàng thì được ăn lộc một quận; chức chấp lệnh mà có công thì được ăn lộc một cấp; các đốc tướng, quân nhân có công cũng được ăn lộc một quân hay một ấp theo thứ bậc khác nhau. Người nào không có công, không được thưởng gì đều phải giáng làm dân thường.

Xuống chiếu rằng: [**29a**] Các lăng miếu của triều trước, nơi nào bị giặc phá hoại thì làm lại, cấp cho số người giữ việc thờ cúng theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 3, vua duyệt binh ở Vĩnh Động[1]. Chánh đốc Nguyễn Liên để hàng ngũ trống thiếu, vũ khí không đủ, bị chém để rao trong quân.

Lấy Bùi Ư Đài là Lễ bộ thượng thư kiêm tri Đông đạo quân dân tịch hạ.

Hạ lệnh cho ba quân, người nào có thể liều mình vì nước, tinh thông võ nghệ, khỏe mạnh dũng cảm, không kể sống chết, đều được cấp văn bằng và tuyển vào làm thị vệ ở nội phủ.

Tháng 6, bọn Chỉ huy sứ Lưu Thanh ở thành Tam Giang ra hàng.

Trước đây, quân lính ở thanh Tam Giang theo sự điều động của quan Tổng binh nhà Minh đi đánh vua ở Thanh Hóa, bị thua trở về, có tên ngụy binh buông lời khinh mạn vua. Thanh mắng nó: "Thằng man vô lễ, ông ấy[2] sẽ là [**29b**] hoàng đế của chúng mày đấy:. Đến đây thì ra hàng.

> Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua nổi dậy, nghĩa binh đi đến đâu, quân Mnh đều thua chạy, coa phải vì ta nhiều địch ít, ta mạnh địch yếu mà chúng không chống nổi đâu? Là vì đức của vua là hợp với lẽ trời, nên trời giúp cho, làm đẹp lòng người nên người theo về, không những là người nước ta vui vẻ thuận phục, mà cả đến bọn phản nghịch cũng tôn kính như vậy, nên chúng không còn chí chiến đấu và đều ra hàng là phải lắm! Thế thì việc dấy quân nhân nghĩa của vua có những chổ rực rỡ hơn so với Thang Vũ, mà qua việc này lại càng nổi bậc. Còn như cái điềm được nước[3] thì đâu có thể dùng thuyết sấm vĩ mà xét được?.

Hơn 1 vạn quân Minh đầu hàng trong các thành âm mưu làm phản bị giết . Thành Tam Giang không nằm trong số đó.

Trước đó, [**30a**] ngày mồng 9, Tư không Lê Lễ, thượng tướng quân Lê Xí đánh nhau với quân Minh ở My Động (nay là Hoàng Mai)[4]. Lễ tử trận.

Hôm ấy, Vương Thông đem quân tinh nhuệ trong thành ra đánh Thái giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Nguyễn giữ vững thành lũy chống lại. Vua vội sai Lê Lễ, Lê Xí đem hơn 500 quân Thiết đột đến đánh , đuổi giặc tới My Động. Vương Thông thấy Lễ ít quân, mới đánh kẹp vào. Lễ và Xí cưỡi voi cố sức đánh, voi sa lầy, bị quân Minh bắt sống đem vào thành Đông Quan. Lễ không chịu khuất phục, bị giết

[1] Sau là huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cũ nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên.

[2] Chỉ Lê Lợi.

[3] Xem việc tháng 6, năm BÍnh Ngọ BK 10, 19b.

[4] Hoàng Mai: nay thuộc Hà Nội.

chết. Xí về sau nhân đêm mưa gió, dùng mẹo đánh lừa tên canh giữ, chạy thoát về, ra mắt vua ở dinh Bồ Đề. Vua kêu lên: "Sống lại":

Trước kia, mỗi lần Lễ ra trận, vua thường răn chớ nên khinh địch. Đến khi thắng trận ở Tốt Động, mọi người đều khen Lễ là giỏi. Vua nói: " Trăm trận đánh được cả trăm không phải là điều hay cả đâu. Hắn cậy quân tinh [**30b**] quen mui được luôn, thất bại có thể đứng mà chờ đó!".

Đến đây quả nhiên như vậy:

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khuất Hà quen mùi thắng trận ở Bồ Tao đến nỗi bị bại vong[1], đó là quân tàn bạo, bị cô lập, đi xâm chiếm nước nhỏ. Lê Lễ quen thói đánh được ở Tốt Động, cũng vì thế mà bại vong, nhưng là quân khảng kkhái phục thù. Tuy hai người đều thất bại như nhau, nhưng ý nghĩ lại rất khác. Cho nên tướng giỏi thời ấy, thì Lễ và Triện xứng đáng đứng đầu.

Lấy thông hầu Lê Nhân Chú làm Hành quân đốc quản nhập nội đại tư mã, lĩnh Tiền, Hậu, Tả, Hữu tứ vệ, kiêm tri Tân vệ quân sự.

Hạ lệnh cho tướng hiệu và quân nhân các lộ Quốc Oai và Tam Đái rằng:

Kẻ nào thấy thư của giặc dụ dỗ, phỉnh phờ, đe doạ mà lén trình riêng với tướng của mình thì bị chém, các viên đốc tướng không biết giám sát cũng xử tội như vậy. Kẻ nào lừa gạt, mê hoặc các châu huyện thì bắt giải tới quan [**31a**] môn để chém.

Chia bọn quan lại nhà Minh đã đầu hàng cho ở các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Lam Ấp[2], Tân Bình.

Hạ lệnh cho các lộ tiến cử những người hiền tài, chính trực, trí dũng anh kiệt, cho gọi tới trả lời các câu hỏi, rồi cất nhắc sử dụng. Ai che dấu thì bị xử tội truất giáng.

Hạ lệnh cho bọn Thiếu úy, Chấp lệnh, TỔng giám rằng:

Ngày thường quân nhân phạm pháp thì không được tự ý giết chết. Khi ra trận mà kẻ nào traái lệnh thì cho phép chém trước tâu sau.

Ngày 19, thành Thị Cầu ra hàng.

Vua hạ lệnh rằng: Người nào có vợ con, anh em trước bị giặc ở các thành cướp bắt làm thê thiếp hoặc nô tỳ cho chúng, nay ta đã chiêu hàng, các ngươi hãy kéo nhau đến thành Đông Quan. Nếu chém được thủ cấp giặc, thì ta trả lại vợ con anh em cho, lại còn thưởng tước, thăng cấp theo thứ bậc khác nhau.

Cấm những kẻ xưng là đồng cốt, tà đạo, mượn tiếng ma quỷ, thần thánh, gieo rắc hoang mang, bịa đặt mê hoặc lòng người.

Hạ lệnh [**31b**] cho dân phiêu bạt trở về quê quán cày cấy. Người nào không có điền sản thì cho phép buôn bán. Kẻ nào bỏ nghề nghiệp thì bị xử tội nặng.

Sai Chu Sài là người Minh đầu hàng đem 340 con ngựa đến châu Hóa để chăn nuôi.

Diễn tập thủy trận.

Sai các viên Thiếu úy tuyển chọn con em những nhà giàu có trong dân, vóc người cường tráng to lớn, võ nghệ tinh thông, khỏe mạnh dũng cảm, mỗi viên chọn lấy 200 người, bổ làm quân thị vệ, kẻ nào hèn nhát thì không lấy.

Cấm chở mắm, muối qua cửa ải Bạch Lâm, vì tên Đào Quý Khách thông đồng với giặc.

---

[1] Thao Tả truyện, Lỗ Hoàn Công năm thứ 11 và 13, Khuất Hà đánh được quân nước Vân ở Bồ Tao, cho mình là giỏi. Sau đánh nước La, khinh nước La nhỏ bé, không phòng bị, bị nước La đánh cho thua, phải tự tử.

[2] Lam Ấp: theo cương mục là Lam Sơn (CMCB12, 6b).

Tháng ấy, nhà Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng đem quân sang xâm lược, lấy Binh bộ thượng thư Lý Khánh làm Tham tán quân vụ.

Bấy giờ Trần Hiệp đã bị thua chết, Thành Sơn hầu Vương Thông tâu xin thêm quân. Nhà Minh sai bọn Thăng đem 7b vạn quân sang và ra lệnh cho Khánh cử các thuộc viên có tài lược của lục khanh [**32a**] cho đi theo để giúp mình, Khánh tâu cả bọn Trần Dung trở xuống, gồm hơn 10 người cùng đi.

Mùa hạ, tháng 4, sai phòng ngự sứ Trần Ban đôn đốc tu sửa ải Lê Hoa[1].

Vua nói: "Ta không có tài dũng, trí tuệ, một mình gánh vác công việc nặng nề, sợ không làm nổi, cho nên phải nhún mình cầu hiền, dốc lòng trọng sĩ, cùng mưu việc lớn, để cứu vớt sinh dân. Ai tiến cử được người mưu trí dũng lược hơn người, hoặc người nào tự tiến cử mình thì đều làm quan cao, tước trọng".

Phong Đinh Liệt là em Lê Lễ làm Nhập nội thiếu úy Á hầu. Các vợ lẽ của Lễ là bọn Hà Ngọc Dung 5 người đều phong làm Tông cơ, để đền công Lễ chết vì nước.

Cho Lê Ba Lao làm Quan sát sứ, tước Thượng phẩm, cấp cho 100 mẫu ruộng vì con là Triện nhiều lần đánh bại giặc mạnh, lập chiến công lớn, chết vì việc nước. Cho con Triện là Lăng làm Phòng ngự sứ, tước Thượng trí tự [**32b**]. Trước Phục hầu và cho 2 con ngựa.

Hạ lệnh rằng người nào bắt được bọn to lớn khỏe mạnh mà chưa vào sổ quân dân, bọn du thủ thực, không chịu sai dịch, đưa đến cửa quân, thì được thưởng trước 1 tư.

Hạ lệnh dụ bảo các tướng hiệu và quân nhân thuộc 14 vệ Thiết đột rằng: "Có thể đồng lòng liều chết đánh tan quân giặc là sức của các ngươi, còn xếp đặt lo toan, áo cơm khen thưởng là do ở ta. Bọn các ngươi chớ ngại khó nhọc, chớ lo nghèo túng. Bao giờ thấy vợ con ta nghèo túng thì vợ con các ngươi mới nghèo túng. Mongcác ngươi một lòng đánh giặc, chớ nảy lo phiền".

Hạ lệnh cho các tướng hiệu và quân nhân các xứ Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa rằng:

"Ta khởi binh ở đất các ngươi, đã gần thành công. Mong các ngươi trước sau một lòng, vàng đá một tiết, để trọn nghĩa vua tôi, cha con. Ta biết các ngươi đều là hiền sĩ của đất nước [**33a**]. Trước kia, Hưng Khánh, Trùng Quang[2] chỉ có tiếng hão, không nên công gì là bởi chính lệnh không thống nhất, đại thần không được biết gì. Bọn các ngươi chỉ uổng phí sức lực cho họ thôi. Nay thiên hạ về một mối, ta cùng các ngươi như nghĩa cha con, mong các ngươi dốc lòng khôi phục lãnh thổ nước nhà. Từ xưa các tướng văn tướng võ được phong hầu cũng chỉ như các ngươi thôi, có khác gì đâu. Các ngươi hãy chỉnh đốn đội ngũ của mình, luyện tập quân sĩ của mình, sau khi dẹp yên bọn giặc tàn bạo, sẽ chia một nửa số người về làm ruộng. Nay trời mượn tay ta diệt giặc, việc không đừng được. Kẻ nào theo lệnh ta thì phá được giặc, vẫn sống mà lại có công, kẻ nào không theo lệnh ta thì chết mà chẳng được việc gì! Mỗi đội đều phải chép lại một bản lệnh này, mỗi ngày đọc đi đọc lại nhiều lần cho quân lính được biết".

Hạ lệnh cho các tướng và quân nhân rằng:

Giặc Minh tàn hại dân ta đã hơn hai chục năm. Buổi đầu số quân của ta có mấy trăm[3] người. Hiện nay có [**33b**] 35 vạn. Đợi khi phá được thành Đông Quan, sẽ cho 25 vạn người về nhà làm ruộng, chỉ để lại 10 vạn làm quân để đề phòng việc nước. Một nhà 3 người thì 1 người làm quân, mọi loại phú dịch đều tha cho 3 năm. Lại nêu 10 điều quân luật cho các tướng hiệu và quân nhân:

1-Làm huyên náo trong quân.

2-Gây kinh động hão, bịa điều họa phúc làm dao động lòng quân.

3-Khi ra trận, nghe tiếng trống, thấy cờ hiệu mà giả cách không nghe, không thấy, dùng dằng không tiến.

---

[1] Ải Lê Hoa: là một địa điểm ở ven sông Lô chảy qua vùng biên giới tỉnh Hà Tuyên và tỉnh Vân Nam Trung Quốc bây giờ.

[2] Tên hiệu của Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

[3] Nguyên văn: "sổ bách vạn" chổ này hẳn có nhầm lẫn. Có lẽ là "mấy trăm người".

4-Khi ra trận, trông thấy cờ dừng quân, nghe thanh la dừng quân mà không đứng lại.

5-Nghe tiếng chiêng lui quân mà cưỡng lại không lui.

6-Canh phòng túc trực không siêng, hoặc ngủ say bỏ canh, bỏ hàng ngũ ngầm trốn về.

7-Đắm đuối nữ sắc,lén lút thả riêng cho người họ nhà vợ không làm quân dịch.

8-Thả quân lính để lấy tiền và che dấu không biên vào sổ quân.

9-Theo thói ưa ghét của riêng mình [**34a**] mà đảo lộn công tội của người.

10-Bất hoà với mọi người, gian ác, trộm cắp.

Mười điều trên đây, kẻ nào phạm phải đều bị chém.

Lấy Thiếu bảo Lê Văn An làm Tổng tri, coi các việc quân của Quốc Oai Thượng, Quốc Oai Trung, Tam Đái, Quảng Oai, và lệnh cho rằng: Nếu có viên chấp lệnh hay giám quan nào không theo quyền tiết chế của ngươi thì chém trước tâu sau.

Lấy 3 điều răn bảo các quan văn võ:

1- Chớ thờ ơ.

2- Chớ lừa dối.

3-Chớ tham lam.

Dụ các hào kiệt trong nước rằng:

"Các thành đã phá được rồi, chỉ còn thành Đông Quan chưa hạ được. Ta vì thế mà nằm không yên chiếu, ăn không ngon miệng, sớm khuya suy nghĩ, khô héo ruột gan. Thế mà bên cạnh ta, vẫn chưa có được người giúp đỡ. Ta tuy là chủ tướng, nhưng xét lại bản thân mình một là già ốm, [**34b**] bất tài, hai là học thức nông cạn, ba là trách nhiệm nặng nề khó bề kham nổi, mà các đại thần như tả, hữu tướng quốc, thái phó, thái bảo vẫn chưa đặt, thái úy, đô nguyên soái vẫn còn khuyết, hành khiển và các quan, mười phần mới được một, hai phần. Cho nên, ta nhún mình thành thực khuyên bảo các hào kiệt cùng nhau dốc sức, cứu giúp muôn dân, chớ có mai danh ẩn tích, để thiên hạ phải lầm than mãi mãi. Nếu có ai khí tiết thanh cao như Tứ Hạo[1], lánh đời ẩn tích như Tử Phòng[2] cũng hãy ra cứu nạn cho dân đã, đợi khi thành công, muốn thoả chí xưa thì lại trở về rừng núi, không hề cấm giữ".

Hạ lệnh rằng: Khi sai phái thuộc hạ dưới quyền, đều phải cấp giấy tờ có đóng dấu phải ký họ tên quan phụ trách và ghi rõ số người đi là bao nhiêu, đến chỗ nào, làm việc gì, hạn định ngày nào phải về dinh, không được đi lại tự do. Quan phụ trách và người dưới quyền nếu không tuân lệnh này [**35a**] thì tùy tội nặng nhẹ, mà xử giáng cấp, phạt trượng, chặt chân, hay chém đầu. Nếu xét được tình trạng bọn giặc móc nối với nhau thì có trọng thưởng.

Cấm không được trao đổi mắm muối với Cầm Lạn.

Hạ lệnh cho những nơi trọng yếu phải canh giữ cho nghiêm, xét hỏi kỹ những người lạ mặt và thư từ về việc quân qua biên giới xem có thực hay là giả.

Tháng 5, hạ lệnh cho các tướng hiệu lớn nhỏ phải làm tờ khai, cam kết không gian tham nhận của đút lót, không lấy vợ người bản lộ, không chiếm giữ người họ hàng của quân lính để sai khiến riêng.

Hạ lệnh tiếp tục nộp những văn bằng, giấy khám hợp và ấn tín đã nhận trong thời giặc Ngô.

Nguyễn Tử Hoan ở huyện Bố Chính dâng kế sách hợp ý vua, được trao chức Quân sư.

---

[1] Tứ Hạo: bốn ông già ở ẩn trên núi Thượng Sơn đầu đời Hán là Đồng Viên công, Ý Quý Ly, Hạ Hoàng công và Dụng Lý tiên sinh.

[2] Tử Phòng: tức là Trương Lương, vốn là thần tử của nước Hàn, để trả thù cho vua Hàn bị Hạng Vũ giết, đã theo giúp Lưu Bang. Khi Lưu Bang đã thống nhất được Trung Quốc, Trương Lương bỏ đi ở ẩn.

Hạ lệnh rằng, các tăng đạo phụ lão người nào đón tiếp quan quân nhiều lần thì quan ở lộ điều tra xem, nếu quả có đức hạnh, tuổi già thì cấp cho quan tước.

Hạ lệnh cho các thiếu úy, chấp lệnh, lộ quan bắt ngay những quân dân, vợ con, [**35b**] nô tỳ, tài vật, trâu bò của các thổ quan ngụy ở trong thành đem giải nộp cho hết, điều tra những kẻ có lòng khác, thu nhập văn bằng ấn tin của ngụy quan, theo đúng hạn nộp lên.

Tuyển chọn đinh tráng tiếp tục bổ sung quân ngũ, không được thay đổi người khác.

Bọn Vi Báo 12 người ở các châu Lăng, Thông thuộc phủ Tư Minh của nhà Minh sang đầu hàng.

Thưởng công đánh trận ở Cơ Xá huyện Từ Liêm.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu rằng:

Khi nào nghe thấy 1 tiếng súng lớn mà không có chiêng thì các tướng phải đến ngay để nghe lệnh. Nếu thấy 2 hoặc 3 phát súng lớn và 2 hoặc hoặc 3 tiếng chiêng, như vậy là có báo động khẩn cấp, các chấp lệnh và đốc tướng phải chỉnh đốn ngay đội ngũ, còn thiếu úy thì tới ngay quân doanh nghe lệnh.

Hạ lệnh cho các xứ Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân, Tân Hưng nhận nuôi hơn 6 nghìn đàn ông, đàn bà ở các thành giặc đã đầu hàng, không để họ đói rét lang thang.

Bọn phụ đạo Mường Mộc[1], trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham quy [**36a**] thuận.

Trao cho Khả Tham chức Nhập nộ tư không đồng bình chương sự tri Đà Giang trấn thượng ban; ban cho túi kim ngư[2], tước Trụ quốc Quan Phục hầu.

Cho Xa Lộc làm Kim ngô vệ thượng tướng quân, tước Đại Trí tự; Xa Khát, Xa Bàn, Xa Điểm[3] đều được làm Ngọc kiểm vệ đại tướng quân, tước Ninh tự, đều được ban quốc tinh[4].

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, trấn thủ Quảng Tây Chinh man tướng quân Trấn Viễn hầu Cố Hưng Tổ của Nhà Minh đem 5 vạn quân, 5 nghìn cổ ngựa, từ Quảng Tây sang cứu viện các thành. Đế cửa ải Pha Lũy[5] bị tướng giữ ải Lê Lựu, Lê Bôi đón đánh ngay tại cửa ải, phá tan quân giặc, chém hơn 3.000 thủ cấp, bắt được 500 ngựa. Hưng Tổ thua to chạy về.

Phụ đạo Quỳ Châu Cầm Lạn quy thuận.

Gia phong thị trung Tư Tề làm Tư đồ; Đại tư mã Lê Nhân Chú làm Tư không; Thiếu úy Lê [**36b**] Vấn, Lê Sát làm Tư mã; Thượng tướng Lê Bôi làm Thiếu úy và răn họ rằng:

"Chức tước đã cao, sớm khuya chớ có lơ là, không được thỏa mãn mà xao nhãn lập công".

Ban cho mỗi người một chiếc lọng.

Định lệ tiền chuộc các vợ cả, vợ lẽ và nô tỳ của ngụy quan. Vợ Bố chính ty thì 70 quan, dưới đến các hạng sinh viên, thổ quan, thừa sai, bạn đương, thì vợ là 10 quan, con trai, con gái và nô tỳ từ 10 tuổi trở xuống thì 5 quan.

Hạ lệnh cho các lộ tích trữ thóc công, không được khinh suất phát ra.

Đắp thành nhỏ ở bãi Cơ Xà, quân Minh đến đánh phá, vua ra lệnh không cho cứu, để giặc tưởng là quân ta nhát.

---

[1] Nay là Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Túi kim ngư: túi cờ hình con cá bằng vàng.

[3] Xa Lộc, Xa Khát, Xa Bàn và Xa Điểm; đều là con Xa Tham (Theo CMCB 14, 15b).

[4] Quốc tinh: là họ vua, ở đây là họ Lê.

[5] Ải Pha Lũy: tức là cửa Nam Quan sau này, ngày nay là Hữu Nghị Quan.

Mùa thu, tháng 7, hạ lệnh cho các lộ cùng quan văn các hỏa và tướng hiệu các quân làm sổ hộ tịch.

(Bấy giờ vẫn theo danh hiệu cũ của nhà Trần gọi Hành khiển của Thượng thư sảnh và Môn hạ sảnh là Tả hữu hỏa).

Người Chiêm Thành dâng lễ vật địa phương.

Hạ lệnh cho các vệ thủy quân, mỗi chiếc thuyền chiến dùng 50 người, giữa [**37a**] trại 5 người, vận lương 5 người, sai phái 5 người.

Hạ lệnh cho ba lộ Bắc Giang, mỗi lộ chuyển 3.000 gánh lương chúa tại thành Xương Giang.

Hạ lệnh rằng hễ thấy người áo đỏ Mường Mộc chở mắm muối về thì không được ngăn cấm.

Hạ lệnh rằng: các quân khi ra trận, nếu 50 người hoặc 100 người kéo nhau rút chạy mà bỏ lại 1, 2 người không cứu thì bị chém cả toán. Nếu không may có người chết tại trận mà cùng nhau góp sức khiêng xác ra ngoài thì được tha tội.

Ra lệnh cho các tướng rằng:

"Người cầm quân phải chăm đánh dẹp, người coi chuyên chở phải chăm tải lương. Vào núi xẻ ván, nấu cát làm muối, ngăn giữ trên bộ, dưới sông, chặn bắt những kẻ gian phi, ai nấy đều phải quên mình hết sức, cùng nhau lo việc diệt giặc. Ta là cha mẹ dân, có đâu lại không nghĩ tới nỗi gian lao mà dám gây ra việc đau khổ? Đó chỉ là do bắc đắc [**37b**] dĩ mà thôi".

Xét thưởng chiến công trong trận Thổ Khối[1] thàng ĐôngQuan. Ban thưởng ngân bài và tiền bạc, tơ lụa.

Tư không Lê Khả Tham dâng 3 con voi, cùng vòng vàng, vòng bạc chiêng đồng.

Ai Lao dâng sản vật địa phương.

Tháng 8, ban dụ cho cả nước rằng:

"Giặc còn ở trong nước ta, dân chúng vẫn chưa được yên, liệu các ngươi có yên được không? Trước kia, họ Hồ vô đạo, giặc thừa dịp ấy mà cướp nước ta. Tội ác tàn bạo của chúng, các ngươi cũng đã thấy cả rồi. Vả lại, ra sức khó nhọc trong một năm mà có cơ nghiệp thái bình muôn thuở, các ngươi hãy nghĩ cho kỹ điều đó, chớ để phải hối hận về sau".

Hạ lệnh cho các lộ rằng:

Hễ thấy dân quân chở lương đi bán thì cấp giấy và chỉ bảo cho nơi đến bán, không được đi lung tung.

Lấy VIên ngoại lang Lê Khắc Hài và Bùi Tất Ứng làm chánh, phó sứ mang ngựa và [**38a**] đồ uống rượu bằng pha lê màu xanh trắng ban cho chúa Chiêm Thành.

Ra lệnh chế tạo xe đánh thành và tu sửa chiến khí.

Thưởng cho Lê Khả Tham 20 tấm lụa, 10 con ngựa.

Hạ lệnh cho nhân dân các lộ tới dinh Bồ Đề tuyển chọn người khỏe mạng bổ sung quân ngũ.

Ban dụ cho các tướng hiệu và quân nhân ở Tân Bình, Thuận Hóa rằng:

"Trước kia, nước Chiêm Thành trái mệnh, xâm lấn bờ cõi của ta, cha ông các ngươi đã dốc chí ttrung thành lo báo đền nhà nước, đánh giết bọn giặc lấy lại cõi bờ, tiếng thơm, công lớn còn sáng ngời trong sử sách. Ngày nay, giặc Minh vô đạo, trái mệnh trời, hung hăng hiếu chiến[2], hòng mở rộng mãi đất đai, khiến cho sinh dân lầm than đã hơn hai chục năm rồi. Ngày ở kinh lộ của ta cũng chưa thấy có ai

---

[1] Thổ Khối: tên xã, ở tả ngạn sông Hồng, gần xã Bát Tràng, nay thuộc huyện Gia Lâm Hà Nội.

[2] Nguyên văn: "Cùng binh độc vũ".

dốc lòng hết sức, lập công nêu danh mà bọn các ngươi là bề tôi ở chốn phên dậu biên cương lại biết nghĩ tới công sức của ông cha ngày trước, hết lòng với vua mà đánh giặc, lập công trước. [**38b**] Lòng trung thành đó, thực đáng ngợi khen. Vậy đặc biệt thăng cho các ngươi tước Á đại liêu ban, các ngươi hãy cố gắng".

Tháng 9, ngày mồng 8, bọn Thái úy Trần Hãn, Tư mã Lê Sát, thiếu úy Lê Triện[1], Lê Lý đánh lấy được thành Xương Giang.

Khi ấy, viên chỉ huy nhà Minh là Kim Dận cho là thành này nằm ngay trên đường về của quân Minh, nên cùng với tên quan mới bổ đến là Lý Nhậm liều chết cố thủ. Trãi qua hơn 6 tháng trời cầm cự với các quân Khoái Châu, Lạng Giang, chúng vừa đánh vừa giữ, khiến quan quân không thể lên được thành. Vua sai bọn Hãn đắp đất, mở đường đánh nhau với giặc, dùng câu liêm, giáo dài, nỏ cứng, tên lửa, súng lửa, bốn mặt đánh vào, thành cuối cùng bị hạ. Bọn Dân, Nhậm đều tự sát. Đem ngọc lụa và con gái bắt được của giặc ban hết cho quân sĩ. Tổng binh Vương Thông được tin, làm hai bài văn tế. Được hơn 10 ngày thì viện binh giặc tới nơi, nhưng thành đã bị hạ.

Vua sai các tướng đắp đê Vạn Xuân[2] để làm [**39a**] chiến lũy. Trước đây, quân Minh đào mương nhỏ cạnh sông Cái[3] ngoài thành để chứa thuyền chiến và khí giới, lại đắp thêm thành phụ để cố thủ, mà đê Vạn Xuân là lối đi lại cho quân do thám và người chăn ngựa, cắt cỏ của giặc, ở trên đê cao này mà nhòm xuống thì rất tiện. Giặc cho thế là đắt sách. Khi quan quân tiến đánh, quân Minh thường đặt mai phục để tranh hơn. Vua hạ lệnh cho các tướng vượt sông, lừa lúc giặc không ngờ, cướp lấy đê đắp thành chiến lũy, chỉ một đêm là xong, toàn bộ quãng đê về ta. Đến khi nghe viện binh của giặc tới, các tướng sĩ nhiều người dâng thư khuyên vua đánh các thành ở Đông Đôđể cắt đứt nội ứng của giặc. Vua nói:

"Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững hàng năm hàng tháng không hạ được, khi ấy quân ta sức mỏi chí nhụt, nếu viện binh của giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị tấn công, đó là con đường nguy hiểm. Chi bằng nuôi sức quân, mài giũa tinh thần sắc bén, để đợi viện binh của giặc. VIện binh giặc bị phá thì thành giặc nhất định phải hàng. Như thế là nhất cử lưỡng tiện, là mưu chước vẹn toàn".

Bèn hạ lệnh [**39b**] canh giữ nghiêm ngặt, ngày đêm tuần tra khám xét.

Hạ lệnh cho các xứ Lạng Giang - Bắc Giang - Tam Đái, Tuyên Quang, Quy Hóa dời vợ con của quân dân đi xa để tránh viện binh của giặc tới.

Ngày 18, nhà Minh sai Tổng binh Chinh lỗ tướng quân Thái tử thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng, Tham tướng Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tụ, Binh bộ thượng thư Lý Khánh, Công bộ thượng thư Hoàng Phúc, thổ quan Hữu bố chính sứ Nguyễn Đức Huân đem hơn 10 vạn quân và 2 vạn ngựa đánh vào cửa Pha Lũy.

Chinh Nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công Mộc Thạnh, Tham tướng Hưng An bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung đem 5 vạn quân và 1 vạn ngựa đánh vào cửa Lê Hoa. Cả hai đều đã tới đầu địa giới nước ta.

Vua họp các tướng bàn rằng:

"Giặc vốn khinh ta, cho là người nước ta nhút nhát, sợ oai giặc đã lâu, nay nghe tin đại quân sang, hẳn là ta rất hoảng [**40a**] sợ. Huống chi lấy mạnh nạt yếu, lấy nhiều lần ít đó là lẽ thường. Giặc không thể tính được hình thế được thua của người của mình, không thể hiểu được cơ vi qua lại của thời của vận. Vả lại, quân đi cứu nguy cấp phải lấy mau chóng làm quý, giặc nhất định phải hành quân gấp vội. Binh pháp có nói: Hành quân 500 dặm mà chỉ vội hám lợi thì sẽ què thượng tướng. Nay Liễu Thăng đến, đường sá xa xôi, quân lính tất mỏi mệt. Ta đem quân nhàn khỏe, đợi đánh quân mỏi mệt, nhất định sẽ thắng".

---

[1] Lê Triện đã hy sinh trong trận Cảo Động, huyện Từ Liêm, ngày 7 tháng 2 năm ấy, ở đây hẳn có sự lầm lỗi.

[2] Đê Vạn Xuân: tức đê Thanh Trì ngày nay.

[3] Nguyên văn: "Đại giang", tức sông Nhị.

Bèn sai bọn Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lãnh, Lê Liệt, Lê Thụ đem 1 vạn quân tinh nhuệ, 5 thớt voi, bí mật mai phục trước ở ải Chi Lăng[1] để đợi giặc.

Trước đó, Lê Lựu giữ cửa Pha Lũy, thấy giặc đến, lui giữ cửa ải [Lưu][2]. Giặc tiến đánh, Lưu lại bỏ cửa [Ải] Lưu lui về đóng ở Chi Lăng. Giặc lại tiến quân đánh phá uy hiếp Chi Lăng. Bọn Sát và Nhân Chú mật sai Lựu ra [**40b**] đánh rồi giả cách thua chạy. Giặc quả nhiên rất mừng.

Ngày 20, Liễu Thăng đốc suất đại quân đuổi theo. Đến chỗ có mai phục, bọn Sát và Nhân Chú tung hết quân mai phục, bốn mặt đều nổi dậy xung vào đánh giặc. Quân giặc thua to. Chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên[3] và hơn 1 vạn thủ cấp quân giặc.

Ngày 25, vua lại sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân tiếp đến ải núi Mã Yên. Bọn Sát và Nhân Chú chỉ huy các quân tung hết binh sĩ ra đánh giặc, chém Bảo Định bá Lương Minh tại trận[4].

Ngày 28, Lý Khánh cũng chết. Thôi tụ và Hoàng Phúc dẫn quân miễn cưỡng tiến lên. Nhân Chú lại đánh bại bọn chúng, chém được hơn 2 vạn thủ cấp, bắt được lừa ngựa, trâu bò, quân tư khí giới nhiều không kể xiết[5].

Mùa đông, tháng 10, vua sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân bao vây bốn mặt, lại dựng rào lũy ở [**41a**] tả ngạn sông Xương Giang[6] để ngăn chặn. Bọn Tụ không còn mưu kế gì khác, đành phải đắp lũy giữa cánh đồng để tự vệ[7].

Tụ ngỡ là thành Xương Giang chưa bị phá, dẫn quân định đến đó. Khi tới nơi thì thành Xương Giang đã bị mất, chúng hết cả hy vọng, lại càng kinh hoàng sợ hãi. Gặp lúc trời báo tai biến, mưa to gió lớn, núi rừng gầm thét, người ngựa nhìn nhau không nhích lên được bước nào. Giặc chỉ còn cách đợi đến đêm vắng, bắn súng làm tín hiệu báo cho hai thành Đông Quan và Chí Linh để họ nghe thấy tiếng súng thì ra cứu viện. Nhưng Đông Quan và các thành khác tự cứu còn chưa xong, biết đâu đến chỗ khác!.

Vua bèn sai các quân thủy, bộ cùng tiến quân bao vaây chúng. Lại chia quân chặn hết các ải Mã Yên, Chi Lăng, Pha Lũy, Bàng Quan[8]. Thôi Tụ và Hoàng Phúc muốn tiến cũng không được, muốn lui cũng không xong, bèn giả hòa, nhưng âm mưu định chạy vào thành Chí Linh. Vua biết được quỷ kế của chúng, kiên quyết khước từ không cho hòa. Kế đó, Trần Hãn chặn đứng [**41b**] đường vận chuyển lương thực của giặc, sai bọn Lê Vấn, Lê Khôi, đem 3 nghìn quân Thiết đột, 4 thớt voi, cùng với bọn Sát, Lý, Nhân Chú, Văn An tấn công bọn giặc.

Ngày 15, quân Minh đại bại, ta chém hơn 5 vạn thủ cấp giặc, bắt sống bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc và hơn 3 vạn tên, thu được vũ khí, ngựa chiến, vàng bạc, vải lụa nhiều không kể xiết[9]. Còn những kẻ chạy trốn thì trong khoảng không đến 5 ngày đều bị bọn chăn trâu kiếm củi bắt gấn hết, không sót tên nào.

---

[1] Chi Lăng: là ải hiểm trở nhất trên con đường từ Pha Lũy đến Đông Quan, cách Pha Lũy khoảng 60 km, thuộc xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[2] Ải Lưu: (nguyên văn thiếu chữ Lưu) cũng là cửa ải trên đường từ Khâu Ôn đến Chi Lăng, nằm ở khoảng Lạng Nắc, hoặc trên đó không xa lắm, vùng giáp giới hai xã Nhân Lý và Sao Mai, huyện Chi Lăng ngày nay.

[3] Mã Yên: tên nôm là núi Yên ngựa, một hòn núi đá cao khoảng 40m so với mặt đất, chu vi 300m, nằm ở phía nam cánh đồng lầy lội, muốn qua phải bắc cầu mới đi được.

[4] Đây là trận phục kích lớn xảy ra ở Cần Trạm, nay là vùng Kép và một số xóm phía tây nam xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[5] Trận ngày 28 tháng 9 (tức ngày 18 thánh 10) xảyra ở Phố cát là vùng đồi đất giữa Cần Trạm và Xương Giang, khoảng xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, Hà Bắc ngày nay. Trận này, Lý Khánh phải thắt cổ tự tử.

[6] Đoạn sông Thượng chảy qua vùng Xương Giang. Khi ấy, quân thủy bộ ta lợi dụng đoạn sông Thương này để bố trí bao vây địch ở mặt tây.

[7] Khu vực đóng quân của địch ở phía bắc thành Xương Giang, đó là một vùng đồng ruộng và xóm làng rộng lớn gồm xã Tân Dinh (thuộc huyện Lạng Giang, tỉnhHà Bắc ngày nay) và xung quanh, cách Xương Giang 3 km.

[8] Ải Bàng Quan: hay Nội Bàng, ở vùng Chũ, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

[9] Trận này chỉ có một tên chủ sự Phan Hậu trốn thoát về nước (Theo Hoàng Minh thực lục).

Bấy giờ Tổng binh Vân Nam là Kiềm quốc công Mộc Thạnh cùng với bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả, Lê Trung, Lê Khuyển cầm cự nhau ở Lê Hoa.

Vua lệiu tính rằng Mộc Thạnh tuổi đã già, từng trải việc đời đã nhiều, lại biết tiếng vua từ trước, nhất định còn đợi xem Liễu Thăng thành bại ra sao chứ không nhẹ dạ tiến quân, bèn gởi thư mật, bảo bọn Khả, Khuyển cứ đặt mai phục chờ đợi, chớ giao chiến vội. Đến khi quân Liễu Thăng đã bị thua, vua sai lấy [**42a**] 1 tên chỉ huy và 3 tên thiên hộ của giặc mà ta bắt được, cùng những sắc thư, phù ấn của Liễu Thăng đưa đến chỗ quân Mộc Thạnh.

Bọn Thạnh trông thấy rất hoảng sợ, trong phút chốc quân hẳn tan vỡ tháo chạy. Bọn Văn Xảo và Khả thừa thắng tung quân ra đánh, phá tan quân giặc ở Lãnh Câu[1] và Đan Xá[2], chém hơn 1 vạn thủ cấp, bắt sống hơn 1 nghìn tên và hơn 1 nghìn con ngựa, còn bị chết đuối ở khu vực thì nhiều không kể xiết. Mộc Thạnh thì chỉ còn một mình một ngựa tháo chạy. Ta thu được chiến khí, của cải, xe cộ nhiều hơn hẳn thành Xương Giang.

Sai thông sự Đặng Hiếu Lộc giải Thôi Tụ, Hoàng Phúc và tù binh bắt được cùng là song hổ phù và ấn bạc hai tầng của Chinh lỗ tướng quân[3], chiến khí, cờ trống, sổ quân... bảo cho thành Đông Đô biết.

Bấy giờ quân Minh trông thấy khí giới thu được ở thành Xương Giang đưa tới, lại nghe tin hai đạo quân cứu viện và hai thành Đông Quan[4] và Chí Linh đều đã mất, nhưng trong lòng còn nghi [**42b**] hoặc chưa tin hẳn, vẫn đóng cửa thành cố thủ. Đến đây thấy ta bắt được bọn Phúc, Tụ, thì sợ hết vía, không dám hành động gì nữa.

Hạ lệnh cho các tướng sĩ sửa soạn rào gỗ, chiến khí để vây thành Đông Quan.

Mùa đông, tháng 11, hạ lệnh các tướng hiệu dâng kế sách bàn về những việc đương thời, nếu có ích thì được ban thưởng hậu.

Kiểm tra xe đánh thành và mang chiến khí của các quân.

Tổng binh Vương Thông và nội quan Sơn Thọ nhà Minh sai viên thiên hộ họ Hạ mang thư đến giảng hoà, xin mở cho đường về. Vua chấp nhận, lại gởi tặng thổ sản và hải sản.

Sai bọn Đại tướng Nguyễn Lôi mang thư dụ hàng hai thành Cổ Lộng và Tây Đô.

Sai bọn Chủ thư thị sử Trần Hồ đi chiêu dụ châu Ninh Viễn (sau đổi là châu Phục Lễ, nay là phủ An Tây). Phụ đạo châu ấy là Đèo Cát Hãn đem binh tướng theo về.

Ban hành tiền mới đúc (tức là đúc vào năm Thiên Khánh)[5].

Thưởng chiến công ở cửa thành Đông Quan.

Bấy giờ có viên Phán đại lý [**43a**] chính họ Trần (không rõ tên) tâu với vua là vì tính ngông cuồng nhiều bệnh, xin được thôi việc để xuất gia. Vua y cho, nhưng còn an ủi, muốn đền công lao. Trần vội cắt tóc, vào từ tạ mà đi, từng đến ở chùa Cổ Lãm, huyện Thanh Oai, sau không biết là đi đâu.

Quan quân vây thành gấp, quân Minh nhiều lần đánh đều thua. Bọn đi kiếm củi chăn ngựa đều bị ta bắt. VƯơng Thông tuy xin giảng hòa, nhưng vẫn do dự chưa quyết. Các quân ta đắp lũy, Vương Thông lo sợ, đem hết quân ra đánh. Quan quân đặt mai phục rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, quân phục xông ra đánh, phá tan quân giặc. Thông ngã ngựa suýt nữa bị bắt. Quân ta đuổi đến cửa

---

[1] Nghĩa là "ngòi Nước Lạnh".

[2] Lãnh Câu và Đan Xá là hai địa điểm gần của ải Lê Hoa.

[3] Tức là Liễu Thăng.

[4] Sửa lại thành Xương Giang mới đúng.

[5] Niên Hiệu của Trần Cảo, tức năm Bính Ngọ. 1426.

Nam thành, đắp lũy phía ngoài để chẹn giặc. Vua lại thân đốc suất các tướng dắp lũy từ phường Yên Hoa[1] đến tận cửa Bắc thành, chỉ trong một đêm là xong.

Vua đã cho quân Minh giảng hòa, hạ lệnh cho Bắc Giang, Lạng Giang sửa cầu đắp đường, lại hạ lệnh cho các [**43b**] lộ chuẩn bị thuyền ghe, buồm chèo đưa tới quân doanh giao cho chúng về nước.

Vua dụ các tướng hiệu, quan nhân 6 điều là:

1- Kẻ làm tôi con phải trung thành thờ vua, không được làm điều dối trá.

2- Ở với mọi người phải cho ngay thẳng, không được làm điều gian phi.

3- Khi ra trận đánh giặc có bắt được tù binh, chém được giặc không được cướp công của nhau.

4- Có kẻ nào gian ác, phi pháp ở trong quân, trong dân thì phải bắt giữ để trị tội, mà các ngươi cũng phải lấy đó làm gương răn, chớ để tội đến thân mình.

5-Các quan thị vệ chớ cậy mình được yêu quý mà ngược đãi, bắt nạt mọi người.

6- Khi làm việc, lúc lập công, phải tự mình làm gương trước, để mọi người dưới trông vào bắt chước.

Ngày 22, vua cùng với Tổng binh quan nhà Minh Thái tử thái bảo Thành Sơn hầu Vương Thông, Tham tướng hữu đô đốc Mã Anh, Thái giám Sơn Thọ, Mã Kỳ Vinh Xương bá Trần [**44a**] Tứ, Anh Bình bá Lý An, Đô đốc Phương Chính, chưởng Đô ty sự đô đốc thiêm sự Trần Tuấn, Đô chỉ huy thiêm sự Trần Hựu, giaám sát ngự sử Chu Kỳ Hậu, Cấp sự trung Quách Vĩnh Thanh, Hữu bố chính sứ Dặc Khiêm, Hữu tham chính Lục Quảng Bình, TẢ tham chính Hồng Binh Lương, Lục Trinh, Án sát sứ Dương Thì Tập, Thiêm sự Quách Đoan, hội thề ở phía nam thành. Họ hẹn đến ngày 12 tháng 12 thì đem quân về nước và sai người đem tờ trình xin trả lại đất đai cho ta.

Bấy giờ bọn Thông ở trong thành đã quẫn bách lắm rồi, chỉ còn trông cây vào viện binh, thì viện binh lại bị ta đánh bại, cho nên phải giảng hòa, xin rút quân về nước.

Khi ấy, các tướng sĩ và người nước ta, khổ vì bọn giặc tàn ngược đã lâu, rủ nhau cố xin với vua rằng giặc nhiều mánh khoé biến trá, phải dùng quân mà đánh thắng chúng, khuyên vua hãy giết chúng đi. Chỉ có Hành khiển Nguyễn Trãi tham mưu ở nơi màn trướng, đã xem thư bọc sáp của Thông]gởi về nước] nói rằng:

[**44b**] "Chớ vì một góc đất đai nhỏ nhoi mà bao phen làm nhọc quân đi muôn dặm. Giả sử dùng tới số quân như lần đánh ban đầu[2], có được 6, 7, 8 viên đại tướng... như bọn Trương Phụ thì mới có thể đánh được. Nhưng dẫu có đánh được cũng không thể nào giữ được".

Nên Trãi biết rất rõ chổ mạnh yếu của giặc, mới chủ trương hoà nghị. Vua nghe theo. Bèn lệnh cho các quân giải vây và rút ra. Bấy giờ quân Minh cho Sơn Thọ, MÃ Kỳ ra dinh Bồ Đề làm con tin với vua.Vua cũng sai Tư đồ Tư Tề và Lê Nhân Chú vào than2h Đông Quan làm con tin với quân Minh. Cuối cùng hòa ước đã thành. Trước đây, vua cho Lê Quốc Trịnh và Lê Như Tỳ đi làm con tin. Đến đây, vì muốn cho Sơn Thọ và Mã Kỳ tới hội, cho nên sai Tư Tề và Nhân Chú cùng đi.

Trước đó vua sai Nguyễn Trãi soạn thư cầu phong, sai người dâng biểu của Cảo xin lập làm [**45a**] dòng dõi họ Trần, chuyển tới Quảng Tây và Vân Nam nhà Minh mỗi nơi một bản. Kiềm quốc công Mộc Thạnh nhận được thư, lập tức chạy tâu về kinh, vua Minh nhận được biểu, ra dụ cho các quan văn võ rằng:

"Những người bàn không hiểu ý nghĩa của việc ngừng can qua, hẳn cho rằng làm thế là không có uy vũ[3]. Nhưng nếu dân được yên thì trẫm có kể gì lời bàn của người khác".

---

[1] Tức là Yên Phụ, Hà Nội ngày nay.

[2] Chỉ lần xâm lược nước ta vào năm 1407.

[3] Chữ (vũ) là do hai chữ chỉ và qua hợp thành. "Chỉ qua": có nghĩa là "ngừng việc can qua". Những bọn quan lại hiếu chiến cho rằng như thế là "bất vũ" nghĩa là không anh hùng, không có uy vũ.

Rồi sai bọn Công bộ thượng thư La Nhữ Kính, Từ Vĩnh Đạt mang chiếu sắc phong Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương, bãi quân nam chinh. Sắc thư viết:

"Gần đây các quan biên ải đem thư tử tâu lên, thấy trình bày rất khẩn thiết, có điều hợp ý với trẫm, đáng được đại xá, không kể là tội lớn hay tội nhỏ, đều cho được sửa đổi duy tân". Và bảo vua kể rõ tên các con cháu nhà Trần hiện còn sống, tâu lên để sai sứ sang sách phong. Triều cống thì vẫn theo lệ cũ năm Hồng Vũ.

Thành Sơn hầu Vương Thông không đợi lệnh mà đem quân về trước, vì bị vua đánh gấp, [**45b**] còn thư từ qua lại lời lẽ rất thành khẩn, đều là do Trãi vâng lệnh soạn thảo cả.

Sai Đồng tri Nguyễn Mẫn, Đội trưởng Nguyễn Lôi mang thư đến hai thành Tây Đô và Cổ Lộng ra lệnh giải vây, vì hai thành này chưa hạ được.

Bọn hương hộ[1] người địa phương là Vương Manh đem vợ con 39 người tới dâng đoạn tấm và hương quý. Bấy giờ đối với nguỵ quan, thổ quân và các hộ đãi vàng, tìm hương liệu trong thành, Vương Thông cho họ được tự nguyện về phương Bắc hay ở lại nước Nam theo ý của mình. Nhưng người muốn ở lại thì nhiều, muốn xin đi thì ít.

Ngày 29, sai sứ sang trình bày với nhà Minh.

Trước đó, vua đã lập Trần Cảo. Hồi tháng 8, đã sai sứ sang cầu phong.

Đế đây, lấy Hàn lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh (người làng Khả Mộ, nay là Mộ Trạch, huyện Đường An), Chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thẩm hình viện sứ. Quốc tử bác [**46a**] sĩ Lê Đức Huy, Kim ngô vị tướng quân Đặng Hiếu Lộc làm Thẩm hình viện phó sứ (bốn người này đều là đầu mục), nội lệnh sử Đặng Lục và Lê Trạc, Vũ vệ tướng quân Đỗ Lãnh và Trần Nghiễm đều làm An phủ sứ (bốn người này đều là tòng nhân) đem tờ biểu và phương vật (hai pho tượng người bằng vàng thay cho mình, một chiếc lư hương bạc, một đôi bình hoa bạc, 300 tấm lụa thổ, 14 đôi ngà voi, 20 lọ xông hương áo, 2 vạn nén hương, 24 khối trầm hương và tốc hương) cùng với bọn chỉ huy do Vương Thông sai về, đều lên đường đưa về [Yên] Kinh. Đồng thời, đưa cả chiếc song hổ phù và quả ấn bạc hai tầng của Quan tổng binh An Viễn hầu, nguyên lĩnh Chinh lỗ phó tướng quân, 13.578 quân nhân, 280 viên sĩ quan, 2.137 viên quan lại, 13.180 tên quân cờ, 1.200 con ngựa tốt, [**46b**] lập bản danh sách đầy đủ, đưa sang Yên Kinh để trần tình và xin phong Trần Cảo là Quốc vương. Sau khi sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang cầu phong, tất cả bọn ngụy quan và lương dân bị cưỡng bức đi theo ở trong thành Đông Quan, vua đều sai đưa về cả.

Tháng 12, ngày 12, Vương Thông nhà Minh sai quân bộ qua sông Lô đi trước, quân thủy theo sau.

Bấy giờ các tướng sĩ và người nước ta rất căm thù quân Minh đã giết hại cha con, thân thích họ, liền rủ nhau tới khuyên vua giết bọn chúng đi. Vua dụ rằng:

"Trả thù báo oán là thường tình của mọi người, nhưng không thích giết người là bản tâm của bậc nhân đức. Vả lại, người ta đã hàng, mà mình lại giết thì là điềm xấu không gì lớn bằng. Nếu cốt để hả nỗi căm giận trong chốc lát mà mang tiếng với muôn đời là giết kẻ đã hàng, thì chi bằng tha mạng sống cho ức vạn người, để dập tắt mối chiến tranh cho đời sau, sử xanh ghi chép [**47a**] tiếng thơm muôn đời, há chẳng lớn lao sao?".

Bèn hạ lệnh: Cánh đường thủy, cấp 500 chiếc thuyền, cho Phương Chính, Mã Kỳ lãnh nhận. Cánh đường bộ, cấp lương thảo, cho Sơn Thọ, Hoàng Phúc lãnh nhận. Còn hơn 2 vạn người bị bắt hoặc đầu hàng và 2 vạn con ngựa thì do Mã Anh lãnh nhận. Chinh man tướng quân Trần Tuấn đem quân trấn thủ đi theo. Tất cả đều tới dinh Bồ Đề lạy tạ mà về. Bọn Phương Chính vừa xúc động vừa hổ thẹn đến rơi nước mắt.

Ngày 17, Vương Thông nhà Minh dẫn quân bộ đi sau. Thông cùng vua nói chuyện từ biệt suốt đêm rồi đi. Vua sai đưa trâu rượu, cờ thêu, trướng vẽ cùng các lễ vật tiễn chân rất hậu. Quân thủy, bộ

[1] Hương hộ: là những hộ tìm kiếm hương liệu.

của ba thành Tây Đô, Cổ Lộng, Chí Linh cùng lục tục rút tiếp. Từ đây, việc binh đao dập tắt, khắp thiên hạ thái bình.

Xét Minh sử, đoạn trước chép: Hoàng Phúc từ Giao Châu trở về, trước đó, Mã Kỳ [**47b**] đã nhiều lần tâu xin cho Phúc trở lại chức cũ, vì người Giao Chỉ rất nhớ Phúc. Vua Minh theo lời tâu, sau Phúc cùng đi với với Liễu Thăng. Đến khi qu6an Minh bị thua. Phúc bị quân ta bắt được, xuống ngựa van lạy, quân ta không nỡ giết.

Đoạn tiếp chép: Thành Sơn hầu Vương Thông bỏ Giao Chỉ dẫn quân về, thủy quân theo sau. Bọn thăng đã thua chết, Vương Thông hoảng sợ, bèn tập hợp các tướng sĩ bàn rằng: Thành thì không thể giữ nổi, đánh cũng không thể thắng được, chi bằng giữ toàn quân rồi rút về Bắc. Mọi người đều theo. Thông bèn giảng hòa với vua. Lại vì vua tâu với triều đình xin lập con cháu họ Trần, rồi sai người mang tờ biểu của Cảolà cháu 3 đời của quốc vương An Nam xin lập làm dòng dõi nhà Trần.

Sau khi dẹp yên giặc Ngô, vua ban bố Đại cáo khắp thiên hạ. Toàn văn bài Đại cáo như sau[1]

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

[**48a**] Quân điếu phạt[2] trước lo trừ bạo.

Xét như nước Đại Việt ta,

Thực là 1 một nước văn hiến.

Cõi bờ sông núi đã riêng,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương,

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau.

Song hào kiệt không bao giờ thiếu.

Cho nên:

Lưu cung[3] tham công mà đại bại.

Triệu Tiết[4] thích lớn phải tan tành.

Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô,

Sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã[5]

Việc xưa xem xét,

Chứng cứ rành rành.

Vừa rồi:

Vì họ Hồ chính sự phiền hà,

Để đến nổi lòng người oán hận.

[1] Tức bài Bình Ngô Đại cáo do Nguyễn Trãi soạn. Khi dịch bài này, chúng tôi đã tham khảo các bài dịch của Bùi Kỷ, Đào Duy Anh, Bùi Văn Nguyên, Vũ Khiêu.

[2] Do câu "điếu dân phạt tội" ở Kinh Thư, nghĩa là thương xót nhân dân, đánh kẻ có tội.

[3] Lưu cung: vua Nam Hán, sai con là Hoẳng Thao đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại

[4] Triệu Tiết: viên tướng nhà Tống, sang xâm lược nước ta, bị Lý Thường Kiệt, đánh bại.

[5] Nguyên văn: Toa Đô bị bắt ở cửa Hàm Tử. Ô Mã bị giết ở sông Bạch Đằng, chúng tôi sửa một chút cho đúng sự thật lịch sử

Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa,
Bọn gian tà lại bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen[1] [**48b**] trên lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ.
Dối trời lừa người, kế quỹ quyệt đủ muôn ngàn khoé.
Gây binh kết oán, tội chồng chất ngót hai mươi năm.
Tan nghĩa nát nhân, trời đất tưởng chừng muốn sập.
Sưu cao thuế nặng, núi chầm hết thảy sạch không.
Kẻ tìm vàng phá núi đãi bùn, lặn lội nơi lam chướng,
Người mò ngọc giòng gây quăng biển, làm mồi lũ giao long.
Nhiễu dân, đặt cạm bẫy hưu đen,
Hại vật, chăng lưới bắt chim trả.
Đến cỏ cây sâu bọ cũng chẳng được trọn đời,
Người goá bụa khốn cùng không một ai yên ổn.
Hút máu mủ sinh dân, quân gian ác miệng răng nhờn béo,
Dựng công trình thổ mộc, nhà công tư dinh thự nguy nga.
Chốn châu huyện, bao tầm sưu dịch.
Nơi xóm làng, lặng lẽ cửi canh.
Tát cạn nước Đông Hải không đủ rửa tanh nhơ,
Chặt hết trúc Nam Sơn [**49a**] không đủ ghi tội ác.
Thần người đều căm giận,
Trời đất chẳng dung tha.
Ta:
Phát tích chốn Lam Sơn,
Nương mình nơi hoang dã.
Ngẫn thế thù há đội trời chung.
Thề nghịch tặc khó cùng tồn tại.
Đau lòng nhức óc đã trãi mười năm,
Nếm mật nằm gai phải đâu một buổi.
Quên ăn vì giận sách lược thao suy xét đã tinh,
Lấy xưa nghiệm nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.
Chí phục thù đã quyết.
Dẫu thức ngũ không quên.
Vừa khi cờ khởi nghĩa mới dấy lên,

[1] Dân đen, con đỏ: là chỉ nhân dân nói chung.

Chính lúc thế giặc đương rất mạnh.

Thế mà:

Nhân tài như lá mùa thu,

Tuấn kiệt tựa sao buổi sớm.

Bôn tẩu trước sau đã ít kẻ đỡ đần,

Vạch mưu dưới trướng lại ít người bàn bạc.

Chỉ vì: Chí muốn cứu dân, những đăm đăm muốn tiến về đông[1],

Nên: cỗ xe đãi hiền, vẫn canh cánh để dành phía tả[2].

Nhưng: Được người đâu dễ, mù mịt [**49b**] xa vời,

Mong tự đáy lòng, giáp hơn cứu đuối.

Phần giận quân thù chưa bị diệt.

Phần lo vận nước còn lao đao.

Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,

Lúc Khôi huyện quân không một lữ.

Bởi trời muốn thử thách ta, để trao mệnh lớn,

Nên ta càng mài ý chí, quyết vượt gian nguy.

Dựng gậy làm cờ[3], tụ hội bốn phương manh lệ[4],

Hòa rượu mời lính[5], dưới trên một dạ cha con.

Lấy yếu chống mạnh, thường đánh bất ngờ,

Rốt cuộc: Lấy đại nghĩa thắng hung tàn,

Lấy chí nhân thay cường bạo.

Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật.

Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.

Sĩ khí do đó càng tăng,

Quân thanh từ đây càng dậy.

Bọn Trần Trí, Sơn Thọ, nghe hơi mà mất vía,

Lũ Lý An, Phương Chính, nín thở mong thoát thân.

Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta [**50a**] chiếm lại,

---

[1] Muốn tiến về đông: Nguyên văn là "dục đông", câu trong Hán thư. Khi Lưu Bang bị Hạn Vũ bắt vào Tây Thục, bực dọc nói: "ta cũng muốn tiến về đông, sao chịu ở mãi chốn này". Câu này ý nói nghĩa quân chỉ lăm lăm muốn tiến về Đông Đô (Hà Nội)

[2] Sử ký, Tín Lăng Quân truyện: Tín Lăng Quân người nước Nguỵ nhge tiếng Hầu Doanh là một hiền sĩ, đem xe đến đón, mình ngồi phía hữu, để trống chỗ bên tả cho Hầu Doanh. "Để dành phía tả" là có ý khao khát, tôn trọng người hiền.

[3] Nguyên văn: "Yết can vi kỳ", chữ trong Hán thư, ý nói cuộc khởi nghĩa có tính chất quần chúng rộng rãi.

[4] Manh lệ: manh chỉ dân thường, nông dân; lệ là những người bị lệ thuộc, như nô tỳ, Mạnh lệ là những người có thân phận hèn kém trong xã hội cũ.

[5] Nguyên văn: "Đầu lao tướng sĩ". Xưa có viên tướng giỏi, được biếu một bình rượu ngon liền đem rượu đổ xuống dòng sông bảo quân sĩ cùng uống để tỏ lòng đồng cam cộng khổ từ trên xuống dưới.

Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, trôi tanh muôn dặm,
Tốt Động thây phơi đầy nội, để thối ngàn năm.
Tâm phúc giặc, Trần Hiệp đã phải bêu đầu,
Mọt gian giặc, Lý Lượng cũng đành bỏ bỏ mạng.
Vương Thông gỡ rối, đám cháy lại càng bùng,
Mã Anh cứu nguy, lửa thù càng thêm bốc.
Nó trí cùng lực kiệt, chờ chết bó tay,
Ta mưu phạt tâm công[1], không chiến cũng thắng.
Tưởng chúng phải đổi nết thay lòng,
Ngờ đâu cũng làm càn chuốc tội.
Khăng khăng cố chấp, gieo vạ cho bao người.
Thiển cạn tham công, mưu cười khắp thiên hạ.
Thế rồi thằng nhãi ranh Tuyên Đức[2] hiếu chiến hung hăng[3].
Lại sai lũ hèn nhát Thạnh, Thăng[4] đem dầu chữa chạy.
Tháng 9 năm Đinh Mùi, Liễu Thăng bèn đem quân từ Khâu Ôn [**50b**] tiến sang,
Tháng 10 cùng năm ấy, Môc Thạnh cũng chia đường từ Vân Nam kéo đến.
Ta trước đã chọn quân chẹn hiểm, bẻ mũi tiên phong,
Rồi sau lại điều binh chặn đường cắt nguồn lương giặc.
Ngày 18 tháng ấy, Liễu Thăng bị quân ta tiến công, rừng Chi Lăng mưu đồ đổ sụp.
Ngày 20, Liễu Thăng bị quân ta đánh bại, núi Mã Yên tử trận phơi thây,
Ngày 25, Bảo Định bá Lương Minh trận hãm phải bỏ mình,
Ngày 28, Thượng thư Lý Khánh kế cùng phải thắt cổ.
Ta thuận đà, đưa dao tung phá,
Giặc bí nước, quay giáo đánh nhau.
Kế đó, lại tăng quân vây bức bốn bên,
Hẹn đến giữa tháng 10 nhất tề diệt giặc.
Kén quân tỳ hổ, chọn tướng vuốt nanh,
Voi uống cạn sông, gươm mài vẹt núi.
Đánh một trận, sạch sanh kình ngạc,
Đánh hai trận [**51a**] tan tác chim muông

[1] Mưu phạt tâm công: đánh bằng mưu trí, đánh vào lòng người.

[2] Tuyên Đức: là niên hiệu của vua Tuyên Tông nhà Minh.

[3] Nguyên văn là "cùng binh độc vũ".

[4] Thạnh, Thăng: là Mộc Thạnh và Liễu Thăng.

Nó như kiến tan đàn dưới bờ đê vỡ.

Ta tựa cơn gió mạnh quét sạch lá khô.

Đô đốc Thôi Tụ lê gối xin đầu hàng,

Thượng thư Hoàng Phúc trói mình đành chịu bắt.

Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường,

Xương GIang, Bình Than máu trôi đỏ nước.

Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi,

Ảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ.

Binh Vân Nam bị quân ta chẹn ở Lê Hoa, nơm nớp hoảnh kinh trước đà vỡ mật,

Bọn Mộc Thạnh nghe qu6an Thăng bại ở Cần Trạm, xéo nhau tháo chạy, chỉ cốt thoát thân!

Suối Lãnh Câu, máu chảy trôi chày, nước sông rền rĩ,

Thành Đan Xá, thây chất thành núi, cỏ nội đỏ lòm.

Hai cánh viện binh đã gót chẳng kịp quay, thảy đều đại bại,

Mấy thành giặc khôn cũng nối nhau cởi giáp, lũ lượt ra hàng

Tướng giặc bị [**51b**] tù, nó đã vẫy đuôi xin tha mạng sống,

Oai thần không giết, ta cũng thể lòng trời mở đức hiếu sinh.

Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ, được cấp trước năm trăm chiếc thuyền, đã vượt biển, vẫn hồn bay phách lạc,

Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh, lại được cho mấy ngàn cỗ ngựa, về nước rồi, còn tim thót chân run.

Nó đã tham sống sợ chết, thực bụng cầu hòa,

Ta coi toàn quân là hơn, để dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế cực kỳ sâu xa,

Mà cũng xưa nay chưa từng nghe thấy.

Xã tắc do đó vững bền,

Non sông từ đây đổi mới.

Trời đất bĩ rồi lại thái[1].

Nhật nguyệt mờ rồi lại trong.

Để mở nền thái bình muôn thuở,

Để rửa mối sỉ nhục ngàn thu!

Âu cũng nhờ trời đất, tổ [**52a**] tông linh thiên ngầm giúp mới được như vậy.

Ôi!

Một gươm đại định, nên công oanh liệt vô song,

Bốn biển thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn,

Bố cáo gần xa,

---

[1] Bĩ rồi lại thái: qua thời kỳ gian khổ, đến thời kỳ vui sướng, tươi sáng.

Mọi người đều biết.

(Bản Đại cáo này do văn thần Nguyễn Trãi soạn)

Tướng Minh là bọn Vương Thông về đến Long Châu. vua Minh đã liệu trước bọn Vương Thông cùng quẫn, việc đã đến thế, không làm thế nào được nữa, đành sai bọn La Nhữ Kính mang thư sang phong Trần Cảo là An Nam Quốc Vương, bãi bỏ quân nam chinh, ra lệnh cho Thông trở về Bắc, trả lại đất cho An Nam, việc triều cống theo lệ cũ năm Hồng Vũ, cho sứ thần đi lại.

Phan Phu Tiên nói: Nhà Trần dựng nước vào năm Kiến Trung[1], mất nước vào năm Kiến Tân[2]. Quân Minh vượt sông vào ngày 12 tháng 12 năm Bính Tuất [1406], cũng phải rút về nước ngày 12 tháng 12 năm Đinh Mùi [1427]. **[52b].** dẫu rằng mưu người chẳng nên, âu cũng là vận trời có số cả. Kể ra, Thái Tông tên húy là Cảnh, Thiếu Đế tên huý là An, nét chữ gần giống nhau[3]. Quân Minh khi vượt sông, lúc về nước, đều gặp ngày 12 tháng 12, có phải chỉ là tình cờ mà không do số trời đâu!.

Ngô Sĩ Liên nói: lạc tột cùng thì trị bình sẽ tới, đó là vận hành của trời. Thánh nhân sinh ra thì muôn vật sống lại (quẻ Càn, Kinh Dịch), đó là hanh thông của thời. Xét suốt các cuộc loạn lạc trong cõi nước Việt ta, chưa bao giờ đến tột cùng như lúc này, các lần dấy nghiệp đế vương chưa bao giờ khó khăn như lúc này.

Triệu Vũ Đế nhân nhà Doanh tần rối loạn, trung nguyên không có kẻ đứng đầu, quần hùng đánh lộn lẫn nhau, mà kiêm tính đất đai, chưa lấy gì làm khó. Đinh Tiên Hoàng nhân nhà Ngô đã mất, mười hai sứ quân cát cứ, mất hết kỷ cương, mà dựng nên nước, cũng chưa lấy gì làm khó. Nhà Lê[4] thay nhà Đinh, nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý [**53a**] đều là nối đời thái bình, nhân lúc suy loạn, lại càng dễ lắm. Nói cho cùng, cũng đều chưa khỏi tiếng cướp ngôi, chẳng phải là hành vi nhân nghĩa để phô cùng thiên hạ, cho mọi người sướng mắt trông vào, như cuộc đổi đời của vua Thang vua Vũ!.

Họ Hồ thoán nghịch, tự chuốc bại vong, giặc Minh tàn bạo, hòng thay bờ cõi. Chúng giả nhân, diệt nước, giết hại, làm càn. Dân nước Việt ta, gan óc lầy đất. Còn thơ cháu bé bị giáo gươm đâm chém, quăng xác thảm thê. Người lớn thì phía nam chạy xuống Chiêm Thành, phía tây trốn sang Đại Lý[5]. Làng mạc hoang phế, xã tắc thành gò cho thỏ chui, cho hưu chạy, thành bãi hoang cho chim đỗ, thành rừng rậm cho hổ báo náu mình. Rồi giặc chia châu, đặt huyện, đắp lũy, đào hào, đóng quân trấn giữ đến hơn hai mươi năm, thay đổi phong tục nước ta theo tóc dài, răng trắng[6], biến người nước ta trở thành người Ngô, Than ôi! hoạ loạn tột cùng[**53b**] đến mức như vậy!.

Vua sinh vào thời buổi ấy, bẩm chất văn võ thánh thần, gặp lúc trời đất đoái thương, không nỡ ngồi nhìn sinh dân lầm than, quân giặc ngang ngược. Nghĩ rằng trách nhiệm thay trời đánh giặc chẳng ở ta thì còn ai nữa! Nhưng còn lo vận trời đang bĩ chưa thông, việc lớn gian nan khó nổi. Thế rồi hội tụ bề tôi cùng chí hướng, tôi gươm thiêng cho sắc, giấu tiếng chốn Lam Sơn, xem thế, đợi thời. Gặp việc thì lo sợ, không dám vội vàng. Giữ chổ hiểm, đặt phục binh, thường lấy ít để địch nhiều; tính thời cơ, nắm chắc thắng, hay lấy yếu để chống mạnh. Khí giới, lương thực phần nhiều lấy ở chổ giặc. Kinh dinh hơn mười năm, khốn lo bao nhiêu độ. Chỉ vì mưu đã sâu, kế lại kỹ, cho nên hễ đánh là thắng, đã phá là tan.

---

[1] Kiến Trung: là niên hiệu của Thái Tông Trần Cảnh, Trần Cảnh lên ngôi năm Ất Dậu, 1225.

[2] Kiến Tân: Là niên hiệu Thiếu Đế Trần An. Trần An bị phế năm Canh Thân. 1400.

[3] Chữ Cảnh và chử An cùng có chử Hỏa ở dưới.

[4] Chỉ nhà Tiền Lê do Lê Hoàn sáng lập.

[5] Đại Lý: là tên một vương quốc trước đây ở Vân Nam, ở đây là chỉ vùng Vân Nam, Trung Quốc.

[6] Tóc dài, răng trắng: chỉ phong tục người Trung Quốc bấy giờ. Phong tục của ta thì tóc ngắn, nhuộm răng đen.

Đánh một trận mà dẹp yên châu Hoan, châu Hóa; đánh hai trận mà bình định châu Diễn, châu Ái. Thế rồi phất cao cờ chính nghĩa, [**54a**] tạo thế vững đàng hoàng. Đưa quân vượt biển mà giặc ở Cổ Lộng, Chí Linh vỡ mật, hành binh qua núi mà giặc ở Tam Giang, Đông Quan bay hồn.

Bọn Vương Thông, Phương Chính đã kế cùng, đành giữ thành bền lũy chờ cứu viện. Lửa không nhóm tự cháy, quả nhiên Liễu Thăng từ bắc tiến sang giúp Hạ Kiệt làm càn. Lại thêm Mộc Thạnh từ phía tây cũng tới. Nực cười hai đạo viện binh, giơ càng bọ ngựsa chống xe, há chẳng ngu sao! Huống chi lấy chí nhân đánh bọn bất nhân, giặc tất phải khiêng thây mà chịu trói. Thú cùng trong cũi, vẫy đuôi xin tha. Thì rủ lòng nhân mà mở lưới Thang[1], cho múa mộc để phô đức Thuấn[2]. Cuối cùng tha cho mười vạn quân hàng, được toàn mạng mà về bắc. Bốn biển hân hoan chiêm ngưỡng, thỏa lòng đã được hồi sinh. Phương xa mến đức sợ uy, chúc cống chăm lo hết phận. Ôi ! thịnh thay!.

Thế mới biết, họa loạn [**54b**] đến tột cùng thì trị bình càng vững chắc. Nhân nghĩa càng sâu thì ảnh hưởng càng xa. Trời xoay vần, thời thông suốt, nay đúng là lúc vận hội bắt đầu.

Xét sách Toàn thư, tính bắt đầu từ năm Giáp Ngọ [1414], chấm dứt ở năm Đinh Mùi [1427], cả thảy là 14 năm phụ thuộc nhà Minh. Nếu tính suốt từ năm Giáp Ngọ [207 TCN] đời Triệu Vũ Đế trở về, đến năm Đinh Mùi quân Minh rút về nước,là 1.634 năm, tính gồm cả Ngoại kỷ là 2.672 năm. Nay chép theo sách Việt giám[3], nhưng không dám không chép sách Toàn thư để tham khảo.

Mậu Thân, Thuận Thiên năm thứ 1, [1428], (Minh Tuyên Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, quân Minh đã về nước, vua bèn thâu tóm cả nước, lấy năm này làm năm đại định:

> Lời bàn: Từ khi đất trời định vị, thì Nam, Bắc chai rạch ròi. Phương Bắc dẫu lớn mạnh nhưng không thể [**55a**] đè nén được phương Nam, cứ xem các thời Lê, Lý, Trần cũng đủ biết. Vì thế, cuối đời Tam Quốc, phương Nam tuy có suy yếu, nhưng cũng chỉ có nội loạn thôi. Đến như nhà Nhuận Hồ thì bạo ngược đã quá, mà đến nỗi mất nước, thân nhục, giặc Bắc hung tàn, dân Nam khốn khổ. May mà lòng trời còn đó, thánh chúa ra đời, chinh phục bằng nghĩa, đánh dẹp bằng nhân, non sông mới được đổi mới, nhật nguyệt mới lại sáng tươi. Nhân dân từ đây bình yên, nước nhà từ đây thuận trị. Đó là do vua tôi một dạ, trên dưới cùng lòng vậy. Ôi ! loạn tột tất phải tri, nay đã thấy điều này.

Ngày mồng 10, Trần Cảo uống thuốc độc chết.

Bấy giờ các quan đều dâng sớ nói Trần Cảo không có công gì với dân, sao lại ở trên mọi người, nên sớm trừ đi. Vua cũng biết là như vậy, nhưng trong lòng không nỡ, đối xử càng hậu. Cảo biết người trong nước không phục mình, bèn ngầm đi thuyền vượt biển [**55b**] trốn vào châu Ngọc Ma. Đến Ma Cảng (đất Nghệ An) quan quân đuổi bắt được, đem về Đông Quan, bắt uống thuốc độc chết.

(Có thuyết nói rằng: Trước đây, sau khi lập Cảo, vua cho Cảo đóng dinh ở núi Không Lộ, sau dời sang Ninh Giang. Đến năm này,chuyển về thanh Cổ Lộng. Cảo tự nghĩ là trời không thể có hai mặt trời, nước không thể có hai vua, mình không có công gì với thiên hạ mà ở ngôi tôn, nếu không sớm liệu, sợ nỗi hối hận sau này. Rồi ngầm đi thuyền ra biển mà chết.

Có thuyết nói rằng: Cảo tự biết người trong nước không phục, bèn cùng với bọn Văn Nhuệ ngầm đi thuyền biển trốn đến ải Cổ Lộng, vua sai người đuổi bắt giết đi, vứt xác vào bụi gai. Lúc Cảo chết, có câu khẩn trời, ai nghe cũng phải thương xót, thiên hạ cho là oan. Sau này, thời Lê mạt , Trần Cảo làm loạn, tương truyền đó là khiếp sau của Trần Cảo này.

Có thuyết nói rằng: Trần Cảo tên là Địch, trong nạn giặc Minh, Địch ẩn náu trong dân, đến khi Thái Tổ dấy quân, thấy lòng người vẫn nhớ nhà Trần, cho nên lập lên, Thái Tổ nói kín rằng: "Ta trải trăm

---

[1] Lưới Thang: vua Thang nhà Thương thấy người đánh lưới chim bủa vây cả bốn mặt, bèn cắt bỏ đi ba mặt, tỏ lòng nhân đức.

[2] Họ Hữu Miên trái mệnh, vua Thuấn cho múa mộc dưới thềm trong triều, được 7 tuần thì Hữu Miên quy phục.

[3] Tức sách Việt giám thông khảo 26 quyển của Vũ Quỳnh, sách này chép từ đời Hồng Bàng đến Mười hai sứ quân, làm phần Ngoại kỷ: từ Đinh Tiên Hoàng đến khi Lê Lợi đuổi được giặc Minh làm phần Bản kỷ.

trận mới lấy được thiên hạ, mà hắn lại giữ ngôi Cao". Cảo sợ hãi, chạy đến ải Cổ Lộng, Thái Tổ sai người đuổi theo giết đi, ném xác vào bụi gai).

Hạ lệnh cho các quan Tư không, Tư đồ, Tư mã, Thiếu úy, Hành khiển bàn định pháp lệnh cai trị quân dân, để người làm tướng biết phép trị quân, quan các lộ biết phép trị dân, cũng để răn dạy quân [**56a**] dân biết là có pháp luật. Mọi công việc đều có các cơ quan phụ trách riêng, dâng lên vua xem.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu và các quan rằng: Từ xưa tới nay, trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Cho nên học tập đời xưa đặt ra pháp luật là để dạy các tướng hiệu, quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ biết thế nào là thiện, là ác, điều thiện thì làm, điều chẳng lành thì tránh, chớ để đến nỗi phạm pháp.

Hạ lệnh cho các đại thần, thiếu úy, chấp lệnh, truyền lệnh cho các lộ, nếu thấy ngụy quan, thổ quân và dân chúng từ các thành trốn ra mà che dấu, không giải trình thì chém. Lại hạ lệnh cho các lộ tra xét những người lạ mặt qua lại, ai dám dung túng cho giặc Minh và ngụy quan trốn lọt mà không biết, thì lộ quan cùng người thủ đội đều bị chém.

Hạ lệnh cho con em các nhà đầu mục và các tướng hiệu đều nên trở về nhận ruộng đất ở quê cha đất tổ, để chấm dứt nạn tranh chiếm ruộng đất.

Nhà Minh có chiếu nói rằng: Tất cả bọn quan lại, quân nhân của triều đình [**56b**] sai sang còn bị giam giữ đều phải trả về hết, các vũ khí còn giữ lại cũng phải đưa nộp. Vua bèn cho yết bảng nghiêm cấm, nếu người nào chứa giấu quan quân của nhà Minh từ 1 người trở lên thì giết không tha. Người ra thú lục tục cho đưa về Yên Kinh.

Tháng 2, định các mức khen thưởng cho những hỏa thủ[1] và quân nhân của quân Thiết đột có công lao siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai[2] gồm 121 người.

Công hạng nhất, được ban quốc tính là bọn Lê Vấn, Lê Quy, Lê Dịch, Lê Ê 52 người làm Vinh lộc đại phu, tả Kim ngô vệ đại tướng quân, tước Thượng trí tự.

Công hạng hai, được ban quốc tính là bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khảo 72 người, làm Trung lượng đại phu, tả Phụng thần vệ tướng quân, tước Đại trí tự.

Công hạng ba, được ban quốc tính là bọn Lê Lễ, Lê...[3] 94 người, làm Trung vũ đại phu Câu kiềm vệ tướng quân, tước Trí tự.

Hành khiển Lê Cảnh [**57a**] phụng mệnh làm biểu ngạch.

Nhà Minh sách phong hoàng trưởng tử Kỳ Trấn làm Hoàng thái tử.

Tháng 3, ngày mồng 8, chánh sứ nhà Minh là Lễ bộ tả thị lang Lý Kỳ và Công bộ hữu thị lang La Nhữ kính, phó sứ là Thông chính sứ ty hữu thông chính Hoàng Ký và Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt đến kinh sư.

Trước đây, tháng 8, năm Đinh Mùi [1427], vua sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang nhà Minh dâng biểu cầu phong, xin lập con cháu nhà Trần. Tháng 11, nhà Minhb sai bọn Lý Kỳ, Nhữ Kính mang chiếu dụ và lệnh ân xá sang, đến nay tới kinh sư.

Ngày 18, sai sứ sang nhà Minh.

---

[1] Hỏa thủ: chỉ huy, đội trưởng.

[2] Lũng Nhai: tức Lũng Mi, tên nôm là làng Mé, thuộc xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân. Tại đây, vào ngày đầu tháng 2 năm Bính Thân 1416 có một cuộc Hội thề lịch sử giữa Lê Lợi và 18 người đồng chí của ông. Những người có công lao khó nhọc ở Lũng Nhai chỉ những người đã tham gia khởi nghĩa buổi ban đầu.

[3] Bản Chính Hòa có ghi tên một người, nhưng ở bản chụp mà chúng tôi dịch, chữ này bị mờ không đọc được. Các bản in khác chỉ có tên Lê Lễ mà không có tên tên này. Theo CMCB 15, 3a thì người đó là Lê nghiễn.

Bấy giờ bọn Lý Kỳ, La Nhữ Kính về nước, vua sai bọn Hộ bộ lang trung Lê Quốc Khí (cháu ruột Thái Tổ), Phạm Thành sang tạ ơn, bọn Khu mật thiêm sự Hà Phủ, Hà Liễn sang báo tang của Trần Cảo, cùng đi với bọn Kỳ.

Phong con thứ là Nguyên Long làm Lương quận công.

[**57b**] Đại hội các tướng và các quan văn võ để định công, ban thưởng, xét công cao thấp mà định thứ bậc.

Lấy thừa chỉ Nguyễn Trãi làm Quan phục hầu; tư đồ Trần Hãn làm Tả tướng quốc; Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo làm Thái Bảo; đều được ban quốc tính.

Chia cả nước làm ba đạo. Đạo đặt vệ quân, vệ đặt Tổng quản, lớn nhỏ giữ gìn nhau, trên dưới ràng buộc nhau. Lại đặt chức Hành khiển các đạo để chia giữ sổ sách quân, dân.

Sai các quan chia nhau đi tế thần kỳ núi, sông, đền, miếu các xứ và lăng tẩm của triều trước.

Truy tôn thuỵ hiệu từ khảo tỷ[1] trở lên.

Tổ khảo Đinh làm Chiêu Đức Hoàng Đế, bà là Nguyễn Thị Quách làm Gia Thục hoàng hậu, cha là Khoáng làm Tuyên Tổ Hoàng Đế, mẹ là Trịnh Thị Thương làm Ý Văn hoàng hậu.

Mùa hạ, tháng 4, vua từ điện tranh ở Bồ Đào về đóng ở thành Đông Kinh.

Ngày 15, vua lên ngôi ở Đông Kinh, đại xá, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, dựng quốc hiệu là Đại Việt, [**58a**] đóng đô ở Đông Kinh (tức là thành Thăng Long. Vì Thanh Hóa có Tây Đô, cho nên gọi thành Thăng Long là Đông Kinh).

Xuống chiếu rằng, các thứ thuế như tô ruộng, vàng bạc, đầm phá, bãi dâu trong cả nước, đều tha cho 2 năm không thu, những người già ở các lộ từ 70 tuổi trở lên được miễn sai dịch, những người con hiếu thảo, đàn bà góa giữ tiết thì cho các quan ở lộ tâu lên để biểu dương khen thưởng. Các gia đình quân, dân, nếu trong 1 hộ có 3 người sung quân thì cho miễn 1 người. Những lăng miếu của đế vương và công thần các đời thì cho huyện sở tại làm bản tâu lên để xét cấp cho người quét dọn.

Ngày 17, ra lệnh chỉ rằng, từ sau ngày chiếu thư ban ra, nếu quân hay dân có dâng thư nói việc gì thì phải theo đúng niên hiệu, quốc hiệu, đô hiệu như trong chiếu thư, ai trái thế thì phải xử phạt trượng hay biếm chức; những giấy tờ, văn khế, khoán ước về mua bán, đổi chác, vay mượn mà không theo đúng như trong chiếu thư thì sẽ không có giá trị.

Ngày 20, ban các chữ húy tông miếu và chữ húy tên vua. Tất cả các chữ húy chính khi viết đều không được [**58b**] dùng, nếu đồng âm mà khác chữ thì không phải húy.

Húy Tông miếu có 5 chữ: Hiển Tổ Chiêu Đức Hoàng Đế húy là Đinh, Hiển Tổ Tỷ Gia Thục Hoàng Thái Hậu húy là Quách, Tuyên Tổ Hiến Văn Hoàng Đế húy là Khoáng, Trinh Từ Ý Văn Hoàng Thái Hậu húy là Thương, huý của vua là Lợi, của hoàng hậu là Trần, của anh vua là Học.

Khi có chiếu lệnh đại xá đều xưng là Thuận Thiên Thừa Vận Duệ Văn Anh Vũ Đại Vương, hiệu là Lam Sơn động cbủ.

Sông Nhị nảy vàng ròng, các quan dâng biểu chúc mừng.

Truy tặng Lê Thạch làm Trung Vũ Đại Vương, đưa vào thờ ở tẩm miếu.

Lấy Lê Tri Vận làm tri Tả hữu ban, phong liệt hầu; Nguyễn Lỗ là Xa kỵ vệ tổng tri (Tả hữu ban nắm kho tàng của nhà nước, tổng tri thì coi quân). Hai người đều là họ ngoại. Tri Vận vì có công làam con tin trong thành, sau được tặng phong Nguyên cữu Quan nội hầu.

Ra lệnh chỉ cho các lộ là nơi nào bị quân giặc cướp phá [**59a**] thì được miễn giảm thuế.

Trị tội các nguỵ quan.

---

[1] Cha đã chết gọi là "khảo', mẹ đã chết gọi là "tỷ".

Bọn Lê Thiếu Dĩnh từ nước Minh trở về.

Trước đó, tháng 11 năm Đinh Mùi [1472], vua sai bọn Thiếu Dĩnh sang trần tình với nhà Minh.

Tháng 3 năm nay, Lê Thiếu Dĩnh dến Yên Kinh dâng biểu. Đến đây trở về, vua Minh ban cho Thiếu Dĩnh áo vóc hoa, tiền giấy và có sắc dụ cho nước ta, đại ý nói:

Lập con cháu nhà Trần là việc rất quan trọng, phải hợp với lòng người trong nước, không được tự tiện chuyên quyền, phải cùng với các bô lão, trình bày sự thực về người cháu đích tôn củ họ Trần, tâu lên để làm bằng cứ mà ban chiếu sắc phong. Số người và chiến khí còn bị giữ lại, cũng đưa trả về hết.

Tháng 4 nhuận, ra lệnh chỉ rằng:

Những quân dân bị bắt vào bốn thành Tây Đô, Đông Kinh, Cổ Lộng, Chí Linh đã được bổ vào các quân phụ vào quân Thiết đột mà có ruộng đất, nhà cửa bị tịch thu thỉ được trả lại.

Bọn Thành Sơn hầu Vương Thông nhà Minh [**59b**] về đến Yên Kinh, bị các quan hặc tội, đều phải giam vào ngục Cẩm y vệ, có chiếu tha tội chết, biếm quan tước.

Ra lệnh chỉ cho bọn đại thần định lại các quan lộ, huyện, quan trấn thủ, cùng các quan giữ đầu nguồn, cửa biển và những nơi xung yếu, đều phải dùng những người tài giỏi, liêm khiết, chính trực, cho các đại thần đều được tiến cử.

Đúc tiền Thuận Thiên.

Mây xanh xuất hiện, có cánh, có1 chân, bên dưới có mâm ngọc, hai bên tả hữu tựa như hình hai con cá chép vờn nhau.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 12, vua và các đại thần cùng nghị bàn việc nước; quyết định các quan viên, các quan trấn thủ tại các lộ, trấn và những nơi xung yếu, định luật lệnh kiện tụng, quy chế về chức tước.

Tháng 6, ra lệnh cho các đại thần khảo xét các quan trong ngoài; hạng nhất là những người có tài văn võ, tháo vát, tinh nhanh; hạng nhì là những người biết chữ tháo vát tinh nhanh; hạng ba là những người viết tinh, viết thảo, làm tính; ngoài ra [**60a**] những người không được xếp hạng nào thì kê riêng thành một hạng.

Ra lệnh cho các đại thần và các quan văn võ đều tiến cử người hiền lương phương chính, nếu tiến cử được người giỏi thì được thăng thưởng theo lệ tiến cử hiền thần, nếu vì tiền tài, vì thân quen, tiến cử người không tốt thì bị trị tội theo lệ tiến cử kẻ gian.

Ngày 26, ra lệnh chỉ cho các đại thần và các quan văn võ rằng:

" Trẫm là người thế nào mà được trao mệnh trời? Nhờ đâu mà thành nghiệp lớn? Hiện nay công việc của triều đình rất bề bộn, việc gì nên làm trước, việc gì nên làm sau? Các tướng trong triều ai có thể cáng đáng được việclớn, có thể trao cho sứ mệnh ở ngoài ngàn dặm? Ai là người có thể dạy dỗ thái tử?".

Mùa thu, tháng 8, lấy ngày sinh làm Vạn Thọ thánh tiết (tức ngày mồng 6).

Ngày mồng 10, quy định cờ xí, nghi trượng, chiến khí, thuyền bè của các quân: trung đội cờ vàng, thượng đội [**60b**] cờ đỏ, hạ đội cờ trắng.

Mỗi vệ có 1 lá cờ lớn của chủ tướng. Mỗi quân có 1 lá cờ hạng trung, 10 lá cờ đội, 40 lá cờ nhỏ, 10 chiếc thuyền hỏa chiến, 2 chiếc thuyền nhỏ trinh sát, 1 chiếc ống phun lửa "Đại tướng quân", 10 ống phun lửa cỡ lớn, 10 chiếc cỡ trung, 80 chiếc cỡ nhỏ, nỏ cứng 50 chiếc, câu liêm 50 cái, giáo dài 50 cái, phi liêm 40 cái, mộc mỗi người 1 chiếc, phiêu thì mỗi người dùng 4 thủ tiễn[1] hạng nhất, hạng nhì thì mỗi

[1] Thủ tiễn: tên ném bằng tay, cũng gọi là phiêu.

người dùng 3 chiếc, đại đao thì mỗi người dùng 1 thanh. Mỗi quân dùng 1 người làm sao quân, mỗi đội dùng một người làm sao đội[1].

Ra lệnh chỉ đổi chức hỏa đầu thành chánh phó ngũ trưởng.

Ngày 20, nhà Minh có sắc thư [yêu cầu] trả bọn lại nah6n mà GAio Chỉ đã cấp ruộng đất cho ở để họ trở về nước.

Tháng 9, ngày 21, nhà Minh sai bọn La Nhữ Kính, Từ Vĩnh Đạt lại mang sắc thư sang dụ vua rằng họ Trần nhiều đời vẫn được lòng người, bảo vua phải dò tìm cho được con cháu họ Trần mà tâu lên để ban cho mệnh lệnh nối dòng đã tuyệt. Lại bảo rằng đó [2] hẳn là do các đầu mục bô lão chưa hỏi khắp, có thể vẫn còn người, nhưng họ chưa dám nói ra.

Lại dụ rằng [**61b**] những quan lại và quân nhân còn giữ lại hãy đưa trả cho hết, các đồ quân khí còn lưu lại cũng nộp trả cho hết.

Ban tiền giấy và chi phí dọc đường cho bọn Nhữ Kính, đồng thời ban tiền giấy và áo lót vóc hoa cho sứ nước ta là bọn Lê Quốc Khí, sai họ cùng đi với bọn Nhữ Kính.

Quy định phẩm tước của quan chức văn võ. Ban quốc tính cho các công thần. Thải quân già yếu, quy định biên chế quân ngũ[3].

Mùa đông, thán 10,, ngày 11, có lệnh thôi kiêng húy chữ "Nguyễn".

Ngày 12, ra lệnh cho các vệ quân đều đặt hỏa thủ làm chánh phó ngũ trưởng..

Ngày 19, sứ nhà Minh là bọn Nhữ Kính về nước. Vua sai bọn Hà Lật sang tạ ơn nhà Minh và nộp lễ cống, tượng người vàng thế thân, và tâu rằng đã tìm hỏi con cháu họ Trần nhưng không còn người nào, các quan quân ra thú cũng đã lục tục đưa về rồi.

[**62a**] Tháng 11, ngày mồng 1, vua sai bọn Đỗ Như Hùng sanh nhà Minh tâu bày rằng con cháu họ Trần quả thực không còn ai, các quan lại, quân nhân cùngkhí giới bắt được của nhà Minh đã đưa trả hết rồi, không còn giam giữ, chúa giấu gì cả. Lại xin trả lại người con gái của vua bị lạc.

Trước kia, trong buổi loạn ly, vua bị lạc mất người con gái nhỏ mới lên 9 tuổi. Viên nội quan nhà Minh là Mã Kỳ đem về nuôi, rồi đưa về Yên Kinh tiến làm cung tỳ[4]. Đến đây, vua sai sứ sang xin về[5].

Ngày 24, giết bọn giặc phản nghịch tên là Phong, tên Nhữ Hốt, tên An Vinh, tên Trung, tên Tồn, tên Sĩ Văn, tên Sùng Lễ, tên Xác.

Trước kia, bọn Phương đón hàng giặc Minh, giúp giặc làm điều bạo ngược, chống lại quan quân. Đến khi giặc Minh bị dẹp mới ra đầu hàng, được vua tha tội cho. Nhưng bọn Phong vẫn gây nhiều tội ác không chịu chừa, lại âm mưu làm loạn, ngấm ngầm [**62b**] kết bè đảng, viết thư mật, ngầm sai người điđường tắt tới xui quân Minh gây sự, bọn chúng sẽ làm nội ứng. Người mang thư bị Thượng tướng Thái Nguyên là Hoàng Nguyên Ý bắt được. Vua giết tên đưa thư rồi giấu chuyện ấy đi. Tháng 8, lại có một tên trong bọn đến cáo giác, việc cũng giống thế. Đến đây, vua mới hạ chiếu giết cả bọn.

Ngày 25, làm sổ ruộng đất, sổ hộ tịch.

Ra chỉ thị cho các phủ, huyện trấn, lộ khaám xét các chằm bãi, ruộng đất, mỏ vàng bạc, những sản vật núi rừng trong hạt, các loại thuế ngạch cũ, cùng ruộng đất đã sung công của các nhà thế gia và những người tuyệt tự, và ruộng đất của những bọn đào ngũ, hạn đến trung tuần tháng 2 năm Kỷ Dậu

---

[1] Sao quân, sao đội: là người giữ việc biên chép trong 1 quân, 1 đội.

[2] Chỉ việc không tìm được người họ Trần. Trong biểu cầu phong, Lê Lợi nói là đã tìm khắp mọi nơi, nhưng không còn một người họ Trần nào để lập.

[3] Nguyên văn là "định ngũ ngũ", hẳn là do khắc in sai.

[4] nguyên văn là "quan tỳ", sửa lại theo Minh sử.

[5] Vua Minh trả lời là người con gái đã bị chết vì bệnh đậu mùa.

trình lên. Sổ hộ tịch năm Mậu Thân và sổ ruộng đất năm Kỷ Dậu thì đến tháng 4 năm Quý Sửu sẽ nộp. Khi làm sổ ruộng đất và hộ tịch thì khai cả từng hạng nguỵ quan.

[**63a**] Ngày 27, ra lệnh chỉ đặt xã quan. Xã lớn từ 100 người trở lên thì đặt 3 viên, xã vừa từ 50 người trở lên đặt 2 viên, xã nhỏ 10 người trở lên đặt 1 viên.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho các quan viên và quân dân cả nước, hạn đến tháng 5 sang năm tới Đông Kinh để các quan văn hỏi thi kinh sử, ai tinh thông được bổ làm quan văn; các quan võ hỏi thi về võ kinh, pháp lệnh, kỳ thư...

Tháng 12, ngày mồng 7, ra lệnh chỉ cho các quan văn quan võ: Người nào đã đưa vợ con lên lẫn tránh ở núi rừng cùng trẫm mưu lo việc nước, từ ở Mường Thôi đến Bồ Đằng, Chí Linh, Khả Lam thì cho con hoặc cháu được miễn các việc quân dịch và dân dịch. Nếu đã làm quan thì không thuộc lệ này. Con cháu, anh em của tên nào đã bỏ đạo nghĩa, cầu an hàng giặc thì không được nhận. [**63b**] Ai làm trái thì xử tội biếm hay bãi chức.

Ngày 22, ra lệnh chỉ cho các quan phủ, huyện, lộ, trấn, xã, sách đối chiếu, khám xét ruộng đất, đầm bãi công tư trong các huyện, xã của lộ mình, cùng cá mú, hoa quả, mắm muối và các rạch cá tư ngoài cửa biển, các loại vàng, bạc, chì, thiết, tiền.

Vua làm điện Vạn Thọ, lại làm Tả, Hữu điện, điện Kính Thiên, điện Cần Chính.

Chế tạo chiến khí, thuyền bè.

Đúc tiền Thuận Thiên thông bảo, cứ 50 đồng là 1 tiền.

Trước kia, thời Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 2 [1226] có chiếu quy định trong dân gian tiêu tiền thì mỗi tiền là 69 đồng, dùng chính thức là 70 đồng.

Kỷ Dậu, [Thuận Thiên] năm thứ 2 [1429], (Minh Tuyên Đức năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 4, ra lệnh chỉ cho các quan, cho kinh đô [**64a**] và các lộ, huyện, xã rằng:

Kẻ nào du thủ thực, đánh cờ đánh bạc thì quan ty và quân dân bắt nộp để trị tội. Đánh bạc thì chặt 5 ngón tay, đánh cờ thì chặt 1 ngón tay, những kẻ không phải là việc quan mà vô cớ tụ họp uống rượu thì xử phạt 100 trượng, người chúa chấp bị tội kém một bậc.

Ra lệnh chỉ cho các quan lộ, huyện, xã rằng:

Hễ là ấn công thì do viên chánh giữ. Ở các lộ thì Tri phủ giữ ấn, không có Tri phủ thì Trấn phủ giữ ấn. Ở các huyện thì Tuần sát giữ ấn. Nếu không có Trấn phủ, Tri phủ thì dùng Chiêu thảo hoặc Phòng ngự giữ ấn. Có việc thì cùng bàn với nhau đáng đóng dấu thì mới dùng.

Ngày mồng 7, sai Nhập nội kiểm hiệu bình chương sự Lê Vấn, Nhập nội đại tư mã Lê Ngân , Nhập nội thiếu phó Lê Văn Linh mang kim sách lập Hữu tướng quốc Khai quân công Tư Tề làm Quốc [**64b**] vương, giúp coi việc nước.

Sai Nhập nội tư khấu Lê Sát, Tư không Lê Nhân Chú, Nhập nội tư mã Lê Lý, Nhập nội thiếu úy Lê Quốc Hưng mang kim sách lập Lương quận công Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Ngày mồng 8, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan văn võ cùng các lộ, phủ, huyện, châu, trấn rằng:

Nếu ai có việc đến Quốc vương và Hoàng thái tử thì dùng chữ "khải", chứ không được dùng chữ "tấu" và xưng là "Quốc vương điện hạ", "Thái tử điện hạ". Nếu Quốc vương có tuyên cáo hiệu lệnh gì thì dùng chữ "Quốc vương chỉ huy", không được dùng chữ "sắc".

Ngày mồng 9, ra lệnh chỉ rằng:

Quan võ từ chức Quản lĩnh, quan văn từ chức Hành khiển trở lên, ai có con trai từ 5 tuổi trở xuống, 9 tuổi trở lên, cho được vào hầu Hoàng thái tử. Ngày 15 tháng này, tới học đường để kiểm mục, quan Nội mật viện [**65a**] lấy danh sách. Quan võ từ Đồng tri trở xuống đến Đại đội trưởng, Đội trưởng

trở lên, quan văn từ Thượng thư trở xuống đến thất phẩm, ai có con trai 17 tuổi trở xuống, 9 tuổi trở lên tới nhà Quốc học điểm mục để học quan lấy danh sách dạy học.

Ngày 22, ra lệnh chỉ cho quan văn võ đại thần nghị bàn việc lớn của nhà nước.

Như người đi đánh giặc thì nghèo, kẻ rong chơi thì giàu. Người đi chiến đấu thì không có một thước, một tất đất mà còn ở những kẻ du thủ du thực, không có ích gì cho nước lại có quá thừa ruộng đất, hoặc đi làm nghề trộm cướp. Thành ra không có ai chịu hết lòng với nước, chỉ ham nghĩa phú quý mà thôi. Nay ra lệnh chỉ cho các đại thần bàn định số ruộng cấp cho quan lại, quân nhân và dân chúng, trong từ đại thần trở xuống, dưới đến người già yếu, mồ côi, góa chồng, đàn ông, đàn bà trở lên, loại nào được cấp bao nhiêu thì tâu lên.

[**65b**] Tháng 2, ngày 21, ra lệnh chỉ cho tướng hiệu và quân nhân các vệ quân năm đạo rằng:

Đến ngày 27 sẽ diễn tập chiến trận thủy, bộ, ai vắng mặt sẽ bị trị tội. Diễn tập xong, sẽ chia mỗi vệ thành 5 phiên, 1 phiên ở lại, còn 4 phiên cho về làm ruộng.

Ngày 26, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan Hành khiển:

Nếu thấy các điều lệnh của trẫm có điều gì bất tiện cho việc quân, việc nước, hoặc các việc sai dịch không hợp lý, hoặc thuế khóa nặng nề, hoặc có việc tà dâm bạo ngược, thì tâu xin sửa lại.

Lại ra lệnh chỉ cho các ngôn quan[1] rằng:

Nếu thấy trẫm có chính lệnh hà khắc, thuế má nặng nề, ngược hại lương dân, thưởng công phạt tội không đúng, không theo đúng phép xưa, hay các đại thần, quan lại, tướng hiệu, quan chức trong ngoài không giữ phép, nhận hối lộ, nhiễu hại lương dân, thiên hư phi pháp, thì phải lập tức dâng sớ đàn hặc ngay. Kẻ nào cứ ngồi nhìn mà dung túng, chỉ giỏi trò vặt, cùng là nói hão không đâu, [**66a**] thì phải chiếu luật trị tội. Lại như các quan vào sân điện, nếu để áo, mũ, cân đai không đúng phép, đi lại ngang dọc không theo đúng lễ phép, thì ngôn quan không được coi là phận sự của mình mà đàn hặc, vì việc ở điện đình đã có Tổng quan và Chỉ huy sứ năm quân Thiết đột, Ngự tiền Thiết đột, Nội mật viện xét hoặc[2].

Tháng 3, ngày 20, ra lệnh chỉ cho Đô tổng quản và Quản lĩnh các đạo cùng quan viên các phường trong kinh thành rằng: Hiện nay, phần đất của các qau6n và phủ đệ của công hầu trăm quan đều có phần nhất định, nên trồng cây trồng hoa và các loại rau đậu, không được để đất hoang, ai không theo thế thì mất phần đất của mình. Các công hầu đã được ban cho đất ở, nếu trong phần đất của quân Thiết đột thì không cho quá nhiều, chỉ từ 5 sào trở xuống; nếu không phải trong phần đất của quân Thiết đột [**66b**] thì cho 2 mẫu trở xuống đến 1 mẫu. Nếu đã được chia ruộng đất vườn nhà nhất định rồi, lại còn chiếm đất trong thành Đại La làm nhà cửa khác nữa thì không được.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, ra lệnh chỉ cho đại thần và trăm quan phải nộp số vàng lấy được ở bến Đông[3] cho nhà nước tùy theo thứ bậc: chánh nhất phẩm nộp 2 lạng, tòng nhất phẩm 1 lạng rưỡi, ch1nh nhị phẩm 1 lạng, tòng nhị phẩm 5 đồng cân, chánh tam phẩm đồng cân, tòng tam phẩm 2 đồng cân, chánh tứ phẩm đến chánh ngũ đều 1 đồng cân, còn từ tòngngũ trở xuống không phải nộp.

Ngày 30, ra lệnh chỉ rằngnhững nguỵ quan trước đã có lệnh cho tha tôi chuộc mệnh, thì cho miễn cả ruộng đất (không phải sung công).

Tháng 5, ngày mồng 3, ban biển ngạch công thần cho 93 viên: Huyện thượng hầu 3 người là Lê [**67a**] Vấn, Lê Sát, Lê Văn Xảo. Á thượng hầu 1 người là Lê Ngân. Hương thượng hầu 3 người là Lê Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng, Đình thượng hầu 14 người là Lê Chích, Lê Văn An, Lê Liệt, Lê Thố, Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Khôi, Lê Đính, Lê Chuyết, Lê Lỗi, Lê Nhữ Lãm, Lê Sao, Lê Kiệm, Lê Lật. Huyện hầu 14 người là: Lê Bị, Lê Bì, Lê Bĩ, Lê Náo, Lê Thụ, Lê Lôi, Lê Khả, Lê Bồi, Lê Khả Lang, Lê Xí, Lê Khuyển, Lê Bí, Lê

---

[1] Ngôn quan: Chỉ các quan giữ trách nhiệm khuyên can vua và đàn hặc các quan.

[2] Tháng 2 này còn có việc bắt giết Trần Nguyên Hãn (xem CMCB 15, 20a).

[3] Năm Thuận Thiên thứ 1, mùa hạ, tháng 4, có ghi sự kiện: "Sông Nhị nảy vàng ròng". Có lẽ ở đây nói tới số vàng đó.

Quốc Trinh, Lê Bật. Á hầu 26 người là bọn Lê Lạn, Lê Trãi. Quan nội hầu 16 người là bọn Lê Thiệt, Lê Chương. Quan phục hầu 16 người là bọn Lê Cuống, Lê Dao. Thượng trí tự Trước phục hầu 4 người là bọn Lê Khắc Phục, Lê Hài.

Ra lệnh chỉ rằng những văn võ hào kiệt nào còn bị bỏ sót, hoặc bị chìm đắm chưa có chức tước gì, không được ai tiến cử; [**67b**] hoặc vì thù hằn mà bị đè nén, vùi dập, thì đến ngay chổ Thiếu phó Lê Văn Linh mà tự tiến, nếu xét thực có tài đức thì tâu trình để cất nhắc sử dụng, không cứ là ngụy quan hay sĩ thứ, cốt lấy tài đức là hơn.

Ra lệnh chỉ rằng: Các quan chức văn võ, quan võ từ Thượng tướng tước Trí tự Trước phục hầu trở lên đều cho mặc áo đỏ tía; quan văn từ Nhập nội đại hành khiển Quan phục hầu trở lên cũng cho mặc áo đỏ tía.

Ngày 26, ra lệnh chỉ rằng: Quân nhân các lộ phủ và những người ẩn dật ở núi rừng, nếu ai quả thực thông kinh sử, giỏi văn nghệ thì đến ngày 28 tháng này tới sảnh đường trình diện, chờ đến ngày cho vào trường thi hội[1], người nào đỗ sẽ được tuyển dụng.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho các quan văn võ trong ngoài, người nào tinh thông kinh sử, từ tứ phẩm trở xuống, hạn đến ngày 20 tháng này đều tới sảnh đường [**68a**] để vào trường thi hội.

Ngày 30, định các hạng ruộng đất của ngụy quan.

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, ralaệnh chỉ cho các tăng đạo, người nào thông kinh điển, trong sạch, giữ tiết hạnh, hẹn đến ngày 20 tháng này tới sảnh đường trình diện, để xét duyệt cho thi, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục.

Làm sổ đinh.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 5, ra lệnh cho các đại thần và các quan văn võ trong ngoài họp bàn về quy chế đồng tiền[2]. Tờ chiếu viết:

"Tiền là mạch máu của sinh dân, không thể không có. Nước ta vốn có mỏ đồng, nhưng tiền đồng cũ đã bị nhà Hồ hủy bỏ, trăm phần chỉ còn được một. Đến nay, việc quân, việc nước thường hay bị thiếu. Muốn cho tiền được lưu thông sử dụng, để thuận lòng dân, há chẳng khó sao? Mới rồi có người dâng thư trình bày, xin lấy tiền giấy[3] **[68b]** thay cho tiền thực[4]. Trẫm sớm khuya nghĩ ngợi, chưa nghĩ ra các gì. Vì rằng tiền giấy là thứ vô dụng, lại được lưu hành như vật hữu dụng trong dân, thực không phải là ý nghĩa yên dân, dùng của. Nhưng đời xưa đã có người cho rằng vàng, bạc, da, lụa, tiền thực, tiền giấy đều không thể cân ngang nhau được, thế thì thứ gì là hơn? Truyền cho các đại thần trăm quan và những người hiểu việc đời ở trong, ở ngoài, đều nghị bàn quy chế đồng tiền cho thuận lòng dân, để không vì ưa thích riêng của một người mà bắt ép muôn nghìn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời. Nên phải bàn định sớm rồi tâu lên, trẫm sẽ tự chọn lấy mà cho thi hành".

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, ra lệnh chỉ cho quân dân cả nước rằng: Những ngụy quan, văn từ Tri châu, võ từ Thiên hộ trở xuống, đã chết từ trước và thổ quan cùng dân thường vào **[69a]** thành giặc, khi than2h bị hạ thì ra hàng, cho đến quan lại cũ nhà Hồ bị giặc bắt đưa về phương Bắc, nay có vợ con ở các xã lộ, huyện, nếu họ chua8 được vào sổ hộ tịch, thì có thể miễn tiền chuộc mệnh. Người nào đã sung làm nô tỳ công hoặc đã ban cho các quan rồi, cùng những kẻ có tiếng xấu thì không thuộc lệ này.

Tháng 9, ngày 16, ra lệnh chỉ cho các đại thần trăm quan rằng:

"Từ nay về sau, nếu viên quan nào bàn một việc gì, đều phải lấy việc quân, việc dân làm điều cần kíp, không được đem tình lý riêng tư làm đầu. Bởi vì, trẫm từng nghiệm thấy, trong các việc tiến cử, hoặc xử án, hay như việc công tư khác, rất nhiều khi người ta dung túng, che chở cho nhau, để biến hóa

---

[1] CMCB 15, 23 ghi rõ là mở khoa Minh kinh.

[2] Quy chế đồng tiền, nguyên văn là "tiền pháp".

[3] Nguyên văn là "sao".

[4] Nguyên văn là "tiền".

đổi thay, qua đó biết được người làm quan trong sạch thì ít mà nhơ bẩn thì nhiều. Nay trẫm xét ra việc của bọn phạm nhân Mộng Vân, Lương Châm, mới biết rõ tình trạng thực, giả của các quan, cho nên ra mệnh lệnh này. Những kẻ làm tôi con phải hết lòng **[69b]** thờ vua, không được lấy tư hại công, khi chuyện xảy ra, hối sao kịp nữa? Nay ban chiếu cho mọi người đều biết".

Ngày 27, ra lệnh chỉ rằng:

"Đại thần văn võ trăm quan các ngươi hãy chăm việc nông tang, chỉnh đốn quân ngũ, sửa sang chiến khí, thuyền bè".

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, hạ lệnh cho các đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên phải tiến cử hiền tài. Tờ chiếu viết:

"Trẫm nghĩ, muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được người hiền tài phải do tiến cử. Cho nên người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên.

Thời đại thịnh trị xưa kia, người hiền ở triều rất đông đúc, người nọ nhường người kia. Cho nên ở dưới không sót tài, ở trên không bỏ việc, làm nên thịnh trị yên vui. Đến như bề tôi đời Hán, Đường, không ai là không tiến người hiền, nhường người giỏi, lôi kéo dẫn dắt lẫn nhau, như Tiêu Hà tiến cử Tào Tham, Ngụy Vô Tri **[70a]** tiến cử Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến cử Trương Cửu Linh, Tiêu Tung tiến cử Hàn Hưu. Dẫu tài năng phẩm hạnh của họ có hơn kém khác nhau, nhưng không ai không cử được người giỏi, xứng đáng vớichức trách được trao.

Nay trẫm gánh vác trách nhiệm nặng nề, sớm khuya kính cẩn lo sợ, như đứng bờ vực thẳm, chỉ vì chưa tìm kiếm được người hiền tài giúp đỡ trị nước. Vậy ra lệnh cho đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên, mỗi viên tiến cử lấy một người, ở trong triều hay ngoài thôn dã, đã làm quan hoặc chưa làm quan. Nếu người nào có tài năng, tri thức văn võ, có thể cai trị dân chúng, thì trẫm sẽ tùy tài bổ dụng. Vả lại, tiến cử được người hiền sẽ được thưởng mức cao nhất, lẽ xưa vẫn thế. Nếu tiến cử được người có tài bậc trung, thì được tăng tước hai bậc. Nếu tiến cử được người tài đức đều ưu tú, vượt hẳn mọi người, thì nhất định được trọng thưởng.

Tuy vậy, nhân tài ở đời cố nhiên là không ít, nên **[70b]** đường lối tìm người cũng không phải chỉ có một phương. Nếu có ai ôm ấp tài lược kinh bang tế thế nhưng vẫn phải chịu khuất ở hàng quan thấp, không có người tiến cử cho, cùng là những người hào kiệt còn bị vùi dập ở bụi bờ, hay lẫn lộn trong quân ngũ, nếu không tự đề bạc thì trẫm làm sao biết được? Từ nay về sau, các bậc quân tử, có ai muốn theo ta, đều cho tự tiến cử. Ngày xưa, Mao Toại tự tỏ tài mà theo Bình Nguyên[1], Nịnh Thích gõ sừng trâu mà cảm ngộ Hoàn Công[2], có bao giờ câu nệ tiểu tiết đâu? Khi chiếu này ban ra, các quan hãy đem hết lòng thành, lo việc tiến cử. Còn như kẻ sĩ hàn vi ở chốn hương thôn, cũng nhơá cho thế là phải đem ngọc bán rao mà hổ thẹn, để trẫm phải thở than vì thiếu nhân tài".

Ngày 13, nhà Minh sai bọn Lễ bộ thị lang Lý Kỳ, Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt, Hành nhân ty hành nhân Trương Thông sang dụ bảo tìm kiếm **[71a]** con cháu họ Trần và trả lại số người và chiến khí của nhà Minh còn bị giữ lại. Lại cho bọn Hà Lật y phục, tiền nong, cho cùng đi với bọn Kỳ.

Ngày 18, ra lệnh chỉ cho các đại thần, Tổng quản, Hành khiển trở xuống rằng:

"Người xưa có câu: Vua không chọn tướng thì khác gì dâng nước mình cho giặc. Trẫm luôn suy nghĩ điều đó, ngày đêm không quên, nên đaem việc quân, việc nước quan trọng trao cho các ông. Thế mà các ông cứ điềm nhiên ngồi nhìn, không để ý tới, nên phụ lòng tin dùng của triều đình, dưới chẳng đoái thương tới quân dân, sao lại trễ biếng chức sự quá thế? Nay ra chiếu này để răn bảo, nếu không biết sửa lỗi đổi mới, vẫn lại như thế nữa, thì nhà nước còn luật pháp đó, chớ bảo là trẫm phụ bề tôi cũ có công đấy!".

---

[1] Mao Toại: người đời Chiến Quốc, gia khách của Bình Nguyên Quân, ngày thường cũng như mọi người, không lộ chút tài năng gì. Khi nước Ttriệu bị nước Tần đánh, Mao Toại tự tiến cử mình, xin cùng đi với Bình Nguyên Quân sang cầu cứu nước Sở. Kết quả là nhờ có Mao Toại thuyết phục được vau Sở, nênlời giao ước "hợp tụng" để chống quân Tần được thực hiện.

[2] Nịnh Thích: Người nước Vệ, nhà nghèo phải đi đẩy xe thuê. Một hôm, thấy Tề Hoàn Công đi qua, Nịnh Thích gõ vào sừng trâu mà hát, Hoàn Công cho là lạ, đưa về cho làm thượng khách, sau có nhiều công lao, được phong tới Tướng quốc.

Ngày 29, sứ nhà Minh là bọn Lý Kỳ về nước. Vua sai bọn đầu mục là Đào Công Soạn, Lê Đức Huy, Phạm Khắc **[71b]** Phục mang vàng bạc và sản vật địa phương sang nhà Minh cầu phong, đồng thời giải đáp về việc đòi trả người và khí giới, cùng việc tìm con cháu họ Trần.

Lời cầu phong đại ý là: Người nướ chúng tôi đã tìm khắp nơi, nhưng con cháu họ Trần đều không thấy còn ai. Bọn thần nghĩ rằng người đại đầu mục nước chúng tôi là Lê Lợi, là người khiêm tốn, cung kính, cẩn thận, trung hậu, biết cách trị dân, rất được lòng người, có thể trông coi được đất nước. Vua Minh xem xong bảo các thị thần:

"Những lời này chưa thể vội tin được, phải cho đòi nữa đã".

Rồi xuống chiếu cho Lễ bộ ban áo vóc hoa cho bọn Công Soạn, rồi sai họ mang sắc về dụ vua và các đầu mục, bô lão tìm hỏi con cháu họ Trần lần nữa, nếu quả thực không còn ai thì al2m biểu liên danh tâu sang để xử trí. Lại ban tiền giấy cho bọn Công Soạn theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 11, vua ngự về Tây Đô bái yết sơn lăng, thưởng cho các tướng hiệu và quân nhân theo hầu, **[72a]** mỗi người được thăng 1 tước bậc. Nếu là Thượng trí tự và Đại trí tự thì được thăng tước 1 tư. Người nào có con cháu được phong hầu thay mình và những người không có công lao thì không thuộc lệ này.

Tháng 12, ngày 19, ra lệnh chỉ cho các quan phủ, lộ, châu, huyện, xã rằng:

Xã nào có nhiều ruộng đất nhưng ít người, để bỏ hoang thì cho phép các quan nơi đó cho những người không có ruộng ở các xã khác đến cày cấy, người chủ ruộng xã đó không được chiếm giữ rồi bỏ hoang. Ai vi phạm sẽ bị xử theo tội cưỡng bức chiếm đoạt.

Ngày 27, ra lệnh chỉ cho hình quan rằng:

Những người phạm tội phải xử tội đồ lưu, thì hạng phải thích từ 30 đến 20 chữ đầy vào châu Bố Chính, hạng phải thích từ 10 đến 6 chữ đày vào Diễn Châu, hạng phải thích 4 chữ đến đồ làm khao đinh phải vào phường voi, tất cả đều giải đến cho quan Hành khiển ở đạo đó nhận lấy để giao tới chỗ bị lưu hoặc đồ.

Mở khoa thi tăng đạo **[72b]** để cấp giấy[1].

Canh Tuất, [Thuận Thiên] năm thứ 3 [1430], (Minh Tuyên Đức năm thứ 5). Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, quy định các ngạch thuế.

Lại ban luật lệ. Đổi Đông Đô thành Đông Kinh, Tây Đô thành Tây Kinh.

Mùa đông, tháng 11, vua đi đánh bọn nghịch tặc ở châu Thạch Lâm, trấn Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái. Bấy giờ, Khắc Thiệu và Đắc Thái trnh nhau tự lập, nên phải đi đánh. Vua đến châu Thạch Lâm, có đề thơ trước cửa động rằng:

Bất từ vạn lý chỉnh sư đồ,
Duy lục biên manh xích tử tô.
Thiên địa bất dung gian đảng tại,
Cổ kim thùy xá bạn thần chu.
(Chẳng từ muôn dặm cất quân đi,
Mong cứu dân đen cõi biên thuỳ.
Trời đất không dung phường gian ác,
Xưa nay tội phản phải tru di).

Tuyển chọn quân bộ ở Bồ Đề. Người nào tình nguyện trước được thưởng 1 tư.

Tân Hợi, [Thuận Thiên] năm thứ 4 [1431], (Minh Tuyên Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua sai bọn chánh sứ Lê Nhữ **[73a]** Lãm, phó sứ Lại bộ thượng thư Hà Lật và Lê

---

[1] Nguyên văn là "thiếp" cũng như giấy chứng thực ngày nay.

Bính sang nhà Minh cầu phong, đồng thời trần tình và giải đáp về việc có dụ đòi trả chiến khí và tìm con cháu họ Trần.

Lời biểu đại ý là: "Đã huy động rất nhiều người trong nước, tìm kiếm con cháu họ Trần ở khắp nơi, đích thực không còn một ai. Trộm nghĩ đất nước chúng tôi không thể không có người trông coi, nhưng vẫn chưa được lệnh của triều đình, vì thế cứ phải tỏ bày mãi mãi".

Vua Minh bằng lòng.

Ngày mồng 5, sai bọn chánh sứ là Hữu thị lang Chương Xưởng và Thông chính ty hữu thông chính Từ Kỳ mang ấn sắc sang phong vua làm Quyền thự An Nam Quốc Sự[1]. Ban tiền giấy cho bọn Hà Lật và cho đi theo bọn Xưởng về nước.

(Xét sách Hoàng Minh thông kỷ, chép rằng vua Minh sai sứ sang phong vua làm An Nam Quốc Vương, từ đây triều cống không dứt).

Tháng 2, vua bắt được Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái đem về[2]. Tháng 3 về đến Kinh sư.

Quy định **[73b]** việc đặt các gaím và ty xá nhân ở trong kinh ngoài trấn theo lời xin của Ngô Văn Thông.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, sứ Minh là Chương Xưởng và Tử Kỳ tới kinh, mang ấn phong vua làm Quyền thự An Nam Quốc Sự.

Ngày 20, bọn Xưởng, Kỳ về nước. Vua sai Thẩm hình viện phó sứ Nguyễn Văn Huyến và Ngự sử trung thừa Nguyễn Tông Chí đi theo bọn Xưởng sang nhà Minh tạ ơn và nộp 5 lạng vàng tuế cống, xin theo lệ cống 3 năm 1 lần đời Hồng Vũ[3]. Từ đó về sau tiến cống thường xuyên không dứt. Vua Minh ban tiền giấy cho bọn Văn Huyến và cho trở về.

Tháng 12, ngày mồng 6, vua sai al2m sách Lam Sơn thực lục, vua tự làm bài tựa, ký là Lam Sơn động chủ[4].

Nhâm Tý, [Thuận Thiên] năm thứ 5 [1432], (Minh Tuyên Đức năm thứ 7), Mùa xuân, tháng giêng, sai thân vương Tư Tề đem quân đi đánh **[74a]** châu Mường Lễ[5].

Tù trưởng châu là Đèo Cát Hãn và con là Đèo Mạnh Vượng ra hàng. Cho ở Đông Kinh, lập Hãn làm Tư mã, rồi năm sau giết chết.

Mùa đông, tháng 11, vua thân đi đánh châu Phục Lễ[6].

Vua lại đi đánh Ai Lao.

Quý Sửu, [Thuận Thiên] năm thứ 6 [1433], (Minh Tuyên Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển chọn con trai các quan và (học trò) ba lộ Quốc Oai, hai lộ Bắc Giang sung vào Quốc tử giám.

Vua thân đi đánh châu Phục Lễ, đem quân về[7].

---

[1] Nghĩa là tạm coi công việc của nước An Nam.

[2] Theo CMCB 15, 28a, thì chỉ bắt được Nông Đắc Thái, còn Bế Khắc Thiệu bỏ chạy rồi chết.

[3] CMCB 15, 29a dẫn Hội diễn của nhà Minh nói rằng: lệ cống gồm có các

[4] Cuối năm này có việc giết Thái úy Phạm Văn Xảo, một khai quốc công thần rất có uy vọng.

[5] Châu Mường Lễ: trước là châu Ninh Viễn, sau đổi là châu Phục Lễ, là vùng đất tỉnh Lai Châu ngày nay.

[6] Châu Phục Lễ: xem chú thích trên.

[7] Về việc đánh châu Phục Lễ, Cương mục chép vào tháng 12 năm Tân Hợi (1413) và tháng giêng năm Nhâm Tý (1432), tháng 3 rút quân về, tháng 11, Đèo Cát Hãn xin hàng (CMCB 15, 30). Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn cũng chép như vậy. Điều đó phù hợp với bài thơ của Lê Lợi khắc ở Pú Huổi vào mùa đông năm Tân Hợi (1431) và bài thơ lúc trở về khắc ở Thác Bờ vào tháng 3 năm Nhâm Tý (1432).

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, sai bồi thần là Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Chi, Bùi Cầm Hổ sang nhà Minh tiến cống: Vua Minh 3 phần, hoàng thái hậu và hoàng thái tử đều 1 phần, đồng thời giải thích việc cống vàng hàng năm.

Làm sổ hộ tịch.

Mùa thu, tháng 8, giáng con trưởng Tư Tề làm Quận vương, lấy con thứ Nguyên Long kế thừa **[74b]** tông thống.

Vua về Lam Kinh.

Tháng 8 nhuận, sao Chổi mọc ở phương tây.

Ngày 22, vua băng ở chính tẩm.

Buổi đầu vua kinh dinh bốn phương, phía Bắc đánh giặc Minh, phía tây đuổi Ai Lao, tránh chỗ thực, đánh chỗ hư, đến đâu được đấy, chỉ có võ thần là bọn Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Vấn, Lê Ngân, Lê Lý 30 người, văn thần là bọn Lê Linh, Lê Quốc Hưng; quân cha con thì có 200 quân Thiết đột, 200 nghĩa sĩ, 300 dũng sĩ, 4 thớt voi; còn quân khinh dũng và quân già yếu hộ vệ chỉ có 1 nghìn người mà thôi[1].

Vua có lần sau muôn việc được thư thả, cùng bầy tôi bàn về lẽ còn mất, được thua xưa nay, nhâ bàn đến việc giặc Minh sở dĩ thua, ta sở dĩ được, là vì sao, các bề tôi đều nói: "Vì giặc Minh hình phạt bừa bãi, chính lệnh bạo ngược, mất lòng dân đã lâu, còn vua thì trái lại, **[75a]** lấy nhân nghĩa thay bạo tàn, đổi họa loạn thành yên trị, nên mới thành công chóng thế". Vua nói:

"Lời các khanh nói cố nhiên là như vậy, nhưng cũng chưa hết. Trẫm xưa kia gặp buổi loạn lạc, nương mình ở Lam Sơn, vốn chỉ mong giữ được mạng mình thôi, chứ không có ý muốn lấy thiên hạ. Đến khi giặc tàn ngược quá quắt, dân không sống nổi, những ai có tri tức đều bị chúng giết hại, trẫm tuy đem hết của cải để thờ phụng chúng, mong khỏi tai họa, nhưng tim đen chúng muốn hại trẫm vẫn không bớt chút nào. Việc dấy nghĩa binh thực là bắt đắt dĩ thôi".

> Lời bàn: Thái Tổ từ khi lên ngôi đến nay[2], thi hành chính sự, thực rất khả quan, như ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xạy dựng quan chức, thành lập **[75b]** phủ huyện, thu thập sách vở, mở mang trường học... cũng có thể gọi là có mưu kế xa rộng, mở mang cơ nghiệp. Song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.
>
> Lại bàn: Vua nối cơ nghiệp của ông cha, gặp buổi đại loạn mà chí càng bền, náu mình chốn núi rừng, làm nghề cày cấy. Do lòng căm thù quân giặc bạo tàn, càng lưu tâm vào các sách thao lược, đem hết của nhà hậu đãi tân khách. Đến năm Mậu Tuất [1418], nhóm nổi nghĩa binh, kinh dinh thiên hạ, trước sau trải mấy chục trận, đều là đặt quân phục, dùng binh kỳ, tránh chỗ chắc, đánh chỗ mềm, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh. Đến khi quân Minh đầu hàng thì răn cấm qu6an lính không được mảy may xâm phạm. Từ đấy, hai nước hòa hiếu, bắc nam vô sự. Mường Lễ, Ai Lao đều sáp nhập bản đồ, Chiêm Thành, Chà Bàn vượt biển sửa lễ cống. Vua mặc áo sớm, ăn cơm trưa, **[76a]** trải 10 năm mà thiên hạ đại trị.
>
> Sử thần bàn: Vua dấy nghĩa binh, chưa từng giết bừa một người nào. Chỉ biết lấy mềm chống cứng, lấy yếu địch mạnh, lấy ít thắng nhiều, không đánh mà khuất phục được người, cho nên có thể đổi vận bĩ sang vận thái, chuyển thế nguy thành thế yên, đổi cuộc loạn thành cuộc trị. Câu "Người có nhân, thiên hạ không ai địch nổi" chính hợp với vua. Cho nên, vua lấy được thiên hạ, truyền cơ nghiệp đến muôn đời là phải lắm.

---

[1] Theo Lam Sơn thực lục, lực lượng ban đầu có 35 quan võ, một số quan văn, 200 thiết kỵ, 200 nghĩa sĩ, 14 thớt voi và số người tham gia, tất cả độ 2.000 người.

[2] Tức là đến khi Lê Lợi mất.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng 8, thái tử Nguyên Long lên ngôi Hoàng đế. Đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm sau làm năm Thiệu Bình thứ 1. Bấy giờ vua mới 11 tuổi.

Mùa đông, tháng 11, Nguyễn Trãi vâng lệnh soạn văn bia[1], Hàn lâm viện đãi chế Vũ Văn Phỉ vâng lệnh viết chữ.

[76b] Ngày 22, rước [vua] về táng ở Vĩnh Lăng tại Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ, dâng tôn hiệu là Thống Thiên Khải Vận Thánh Đức Thần Công Duệ Văn Anh Vũ Khoan Minh Dũng Trí Hoàng Nghĩa Chí Minh Đại Hiếu Cao Hoàng Đế.

Tháng 12, ngày mồng 2, sai bọn bồi thần Lê Vỹ, trình Chân sang nhà Minh báo tang.

Ngày 19, nhà Minh sai chánh sứ là Binh bộ thị lang Từ Kỳ, phó sứ là Hành nhân ty hành nhân Quách Tế sang đòi số vàng cống hàng năm.

Trước đó, nhà minh mấy lần sai sứ sang đòi nhiều số vàng cống hàng năm. Cao Hoàng Đế xin theo như lệ cống ba năm một lần đời Hồng Vũ. Vua Minh khăng khăng không chịu. Đến đây lại sai bọn Kỳ, Tế sang.

Các quan theo hầu về Tây Kinh, dựng điện Lam Sơn[2].

---

[1] Tức bài Văn bia Vĩnh Lăng, nói về sự nghiệp khởi binh đuổi giặc Minh, giành lại độc lập của Lê Lợi. Bài văn này, Nguyễn Trãi soạn vào tháng 10 năm Quý Sửu (1438) đặt ở Vĩnh Lăng, nơi chôn Lê Lợi.

[2] Cương mục, dẫn Hoàng Việt dư địa chí, nói rằng điện này ở xã Lam Sơn,huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hóa, nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (CMCB 15, 33a).

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Thực Lục

Quyển XI

[1a]

Triều Liệt Đại Phu Quốc Tử Giám Tư Nghiệp Kiêm Sử Quan
Tu Soạn Thần Ngô Sĩ Liên Biên Soạn

Kỷ Nhà Lê

Thái Tông Văn Hoàng Đế

Tên húy là Nguyên Long, con thứ của vua Thái Tổ, ở ngôi 9 năm, băng khi đi tuần về miền Đông, thọ 20 tuổi, táng ở Hựu Lăng. Vua thiên tư sáng suốt, nối vận thái bình; bên trong ức chế quyền thần, bên ngoài đánh dẹp Di Địch. Trọng đạo sùng nho, mở khoa thi chọn hiền sĩ; xử tù, xét án phần nhiều tha thứ khoan hồng. Cũng là bậc vua tài giỏi biết nối giữ cơ đồ. Song đam mê tửu sắc, đến nỗI thình lình băng ở bên ngoài cũng là tự mình chuốc lấy tai họa.

Mẹ vua là Cung Từ hoàng thái hậu Phạm thị, tên húy là Trần, người hương Quần Lai, huyện Lôi Dương, xứ Thanh Hóa. Vào năm Thái Tổ khởi nghĩa thứ 6, Quý Mão [1423], mùa đông, tháng 11, ngày 20, sinh ra vua. Năm Thuận Thiên thứ 1 [1423], tháng 3, phong làm Lương quận công. Năm Thuận Thiên thứ 2, [**1b**] tháng giêng, ngày mồng 6, được lập làm Hoàng thái tử. Năm thứ 6 [1433], tháng 9, ngày mồng, lên ngôi lấy năm sau làm năm Thiệu Bình thứ 1. Đại xá thiên hạ. Lấy ngày sinh làm Kế Thiên thánh tiết, sau đổi làm Vạn thọ thánh tiết, lấy tên hiệu là Quế Lâm độngchủ. Bấy giờ, vua mới 11 tuổi, nhưng không phải nhờ mẫu hậu buông rèm coi việc nước, mà mọi việc thiên hạ đều tự mình quyết định cả.

Giáp Dần, Thiệu Bình năm thứ 1 [1434], (Minh Tuyên Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua dẫn các quan đến bái yết Thái miếu, lại dẫn các quan cùng với sứ thần phương Bắc tới khách bái vọng cửa khuyết.

Ngày mồng 4, sai Môn hạ ty hữu thị lang Nguyễn Phú (sau đổi là Nguyễn Truyền), Hữu hình viện lang trung Phạm Thì Trung cùng đi với sứ Bắc là bọn Từ Kỳ, Quách tế sang nhà Minh. Trước đó, nhà Minh sai bọn Từ Kỳ đem thư sang hỏi về những người còn bị ta giam giữ và số vàng phải đem cống, cho nên vua sa bọn Phú sang để [**2a**] trả lời.

Ngày mồng 6, sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Tông Trụ, Trung thư hoàng môn thị lang Thái Quân Thực, kỳ lão Đái Lương Bật mang tờ biểu và lễ vật địa phương sang nhà Minh cầu phong.

Ra lệnh chỉ cho văn võ đại thần và các quan lớn nhỏ trong ngoài, đại ý là:

"Đạo làm tôi cốt yếu có hai điều. Trên thì yêu vua, dưới thì yêu dân. Yêu vua phải hết lòng trung thành, thế thôi. Tất cả các quan được trẫm tin dùng, nếu có ai không hết lònng trrung thành, mà bỏ bê phận sự, thì nhà nước có pháp luật. Mới rồi, tìm người hiền để giúp việc nước, đã có lệnh cho mọi người tiến cử người mình biết. Nay đã lâu rồi mà chưa có ai theo lệnh tiến cử một người nào để đáp ứng lòng trẫm là cớ làm sao".

Ngày mồng 7, người Lạo ở Bình Nguyên[1], trấn Tuyên Quang đến cống. Sai Đô đốc Lê Vấn truyền lệnh dụ bảo, cho trở về **[2b]** nghiệp cũ.

Ngày mồng 9, ra lệnh chỉ cho các quân ngự tiền và các vệ quân năm đạo chuẩn bị lương ăn trong 2 tháng, hạn đến ngày 20 tháng này phải tới địa phận Đông Kinh để điểm danh và luyện tập võ nghệ. Còn quân trấn giữ ở các trấn Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa thì tới địa phận phủ, trấn mình để kiểm duyệt. Ai vi phạm sẽ bị trị tội.

Ngày 12, ra lệnh chỉ cho các quan văn võ rằng: Các quan từ lục phẩm trở lên có coi việc quân dân và các quan phụ đạo, thủ lĩnh ở các phiên trấn mà có con đích, cháu đích thuộc cùng một hộ tịch hay các hộ tịch khác đều được miễn thuế và sai dịch. Nếu là đắp đê quai vạc, làm đườngvà các việc điều động khẩn cấp, thì không được miễn. Các con đích, cháu đích đều cho ghi tên vào học ở Quốc tử giám để đợi tuyển dụng.

Ra lệnh chỉ cho kinh thành và các phủ, lộ, huyện, châu, xã, sách, thôn, trang rằng: Từ nay về sau, tiền đồng sứt mẻ nhưng còn xâu dây được [**3a**] thì phải lưu thông tiêu dùng, không được chê bỏ, nếu đã mẻ gãy không xâu dây được nữa thì thôi không tiêu. Người nào trái lệnh, từ chối không nhận, hay kén chọn tiền lành, thì phải tội như nhau.

Từ buổi đầu dựng nước đến nay, đã nhiều lần ra chiếu chỉ cấm dân chê bỏ tiển, nhưng bọn coi kho khi nhận tiền lại hay kén chọn tiền tốt, ở trong dân cấm cũng không được, cho nên lại có lệnh này.

Ngày 13, bổ các quan viên lớn nhỏ trong ngoài là bọn Lê Trãi 156 người. Những người tội nhẹ xử đi đày nhưng được ân xá là bọn Phan Quý Khanh cũng được dự trong số đó.

Ngày 15, vua bái yết Thái miếu, sau đó sai quan văn làm lễ.

Vua ra trường đấu xem bọn đại thần Lê Sát và các quan văn võ trong ngoài tế cáo trời, đất, thần kỳ danh sơn[2], đại xuyên[3], giết ngựa trắng lấy máu cùng thề. Đồng thời sai các quan đi tế thần kỳ ở các xứ trong nước.

Ra lệnh chỉ cho các quan lộ, huyện trong nước [**3b**] phải lập ngay danh sách người dự thu của lộ mình, hẹn tới ngày 25 tháng này phải tới bản đạo tập hợp điểm danh, đến ngày mồng 1 tháng 2 thì thi. Người nào đỗ thì được miễn lao dịch, bổ vào Quốc tử giám. Những học trò ở nhà học của các lộ, đến 25 tuổi trở lên mà không đỗ thì đuổivề làm dân.

Lấy bọn Thính hâu văn đội Đỗ Thuận 5 người làm Giáo thụ Quốc tử giám.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan rằng:

Từ nay về sau không được lui tới chỗ của Quận Vương[4]. Quân vương nếu không có người đến gọi thì không được vào chầu. Kẻ nào lén lút dẫn đầu, hoặc người coi cửa cho vào, cùng các quan nào lén lút dến nhà Quân Vương đều bị trị tội nặng. Bấy giờ có ba đứa hầu chạy tới tâu với Quân Vương, nói nhiềub điều càn bậy, sai trái, cho nên có lệnh này.

Lấy bọn Ngự tiền học sinh Trình Thanh và Nguyễn Thiên Tích **[4a]** làm Ngự tiền học sinh cục trưởng, Chu Tam Tỉnh và Trần Phong làm cục phó, Bùi Thì Hanh làm Thái sư thừa.

Tháng 2, ngày mồng 3, quản lĩnh trấn Lạng Sơn là Hoàng Nguyên Ý mưu phản. Sai Bắc đạo tư mã Lê Văn An đi đánh dẹp.

---

[1] Bình Nguyên: tên châu đời Lý -Trần về sau, thời Lê, đổi thành châu Vị Xuyên, là đất các huyện Vị Xuyên, Hoàng Su Phì, Bắc Quang, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

[2] Danh sơn: núi non danh tiếng.

[3] Đại xuyên: sông lớn.

[4] Tức Tư Tề, con trưởng của Lê Lợi, đã bị truất làm Quận Vương.

Ngày mồng 4, thi học sinh trong cả nước. Lấy đỗ hơn 1.000 người, chia làm ba bậc. Bậc nhất và bậc nhì thì đưa về Quốc tử giám, bậc ba thì cho về học tại nhà học các lộ, đều cho miễn lao dịch.

Ngày mồng 8, lấy Ngự tiền võ đội là bọn Mạc Thôn 47 người làm Trấn phủ các lộ. Thời tiên đế[1], tướng hiệu các độ phạm tội giáng làm võ đội, đến đây lại được bổ dùng.

Lấy Lê Khuyển làm Nhập nội thiếu úy, Tham tri Hải tây đạo chư vệ quân sự thái giám như cũ; Lệ Khiêm làm đô **[4b]** áp nha tri tả ban sự.

Bãi chức Nam đạo Hành khiển của Lê Khắc Phục, cho làm Phán đại tông chính.

Bấy giờ, Lê Sát đã giết Lê Nhân Chú, ngờ Khắc Phục oán mình, tâu xin đoạt lại quyền hành của Phục, cho coi việc hành ngục. Khắc Phục là em cùng mẹ với Nhân Chú.

Lấy Lê Quốc Trinh làm Nam đạo Hành khiển tri quân dân ba tịch chính sự, từ tụng như cũ. Lấy Lê Thừa là Thiết đột trung quân hành quân tổng lĩnh; Lê Ê làm Điện tiền đô kiểm điểm đồng thái nội giám nội ngoại chư dịch; Lê Thê làm Chỉ huy sứ.

Sai Đại tư đồ Lê Sát, Tư khấu Lê Ngân, Tư mã Lê Liệt, Lê Bôi tuyển đinh tráng các đạo làm lính. Ra lệnh rằng:

Những con trai của các hạng quân, dân đều chọn cả. Còn con trai của các quan văn võ từ lục phẩm trở lên có coi việc quân, dân và học trò Quốc tử giám, các sắc dịch, các hạng [**5a**] nô công và tư, do nhà nước cho phép, đã thích chữ đều được miễn. Nếu là quân ngự tiền, võ đội, thiết đột mà có 1, 2,3 con trai thì được miễn 1 người; quân, dân có từ 3 con trai trở lên, cũng chỉ miễn 1 người, còn lại đều tuyển chọn cả. Đại tư đồ Lê Sát cho là Trình Hoành Bá trước đây bị tội, nhưng có tài đáng tiếc, sai Thiếu bảo Lê Quốc Hưng biên vào sổ các quan cũ được hưởng ân xá, khi có chiếu chỉ, sắc lệnh cho được hầu cùng với Hành khiển của bản đạo, có ý định dùng lại.

Ngôn quan[2] Nguyễn Thiên Tích và Bùi Cầm Hổ tâu rằng:

"Tiên đế đã có lệnh là bọn Lê Quốc Khí, Trình Hoành Bá, Lê Đức Dư có tài, nhưng không được dùng lại nữa. Bề tôi có kẻ nào mưu việc phản nghịch cần phải tố cáo cũng không cho chúng được cáo giác. Nếu dùng lại thì trái với lệnh của Tiên đế. Vả lại, những kẻ như bọn Hoành Bá thì còn ai dùng nữa?".

Rút cuộc, xóa bỏ tên hắn, sai bổ vào quân ngũ. Sau lại sợ Hoành Bá ở [**5b**] trong quân, nhất định sẽ gây chuyện có hại, bấy giờ mới thích chữ vào trán đuổi về làm dân.

Trước kia, Thái Tổ khi về già có nhiều bệnh, lại thêm Quân Vương [Tư Tề] ngông cuồnng, bậy bạ, vua thì còn trẻ thơ, mà Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo đều có công lao giúp nước, rất được người đương thời trọng vọng. Nguyên Hãn lại là con cháu nhà Trần và Văn Xảo cũng là người kinh lộ, lo rằng sau này họ có chí khác, nên bên ngoài thì đối xử theo lễ tiết hậu, nhưng trong lòng lại rất ngờ vực hai người.

Bọn Đinh Bang Bản, Lê Quốc Khí, Trình Hoành Bá, Nguyễn Tông Chí, Lê Đức Dư đón biết ý vua, dâng sớ mật, khuyên Thái Tổ quyết ý giết đi. Nếu có ai không vui, bọn Quốc Khí liền chỉ vào họ mà bảo họ là bè đảng của hai nhà ấy, nên rất nhiều người bị xử tử và đi đày. Các quan đều sợ miệng bọn chúng không dám nói gì. Nhưng Thái Tổ biết rất rõ bọn Quốc Khí đều là loại tiểu nhân xảo quyệt, trong bụng vẫn ghét chúng. Sau này bọn chúng đều có tội, lần lượt bị đuổi đi, song lại lo chúng [**6a**] được dùng lại cho nên nói thế để ngăn ngừa.

Cho viên phụ đạo đóng ở Mường Việt[3] là Cầm Công được đội mũ thắt đai vào chầu.

---

[1] Tiên đế: chỉ Lê Lợi.

[2] Ngôn quan: hay gián quan, là các quan giữ chức trách can gián khuyên ngăn vua.

[3] Mường Việt: tức là Việt Châu, nay là huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Ngày 14, người mẹ của Đèo Mạnh Vượng (là vợ của Đèo Cát Hãn) châu Mường Lễ về hàng.

Sau khi Đèo Cát Hãn chết, con là Mạnh Vượng đem mẹ về ở đất cũ. Người mẹ một mình về hàng trước. Vua hỏi Mạnh Vượng sao không tự đến. Trả lời: Vượng vì em là Đạo Thu dẫn bọn Mường Lự[1] đến đánh nên không thể bỏ đi xa, thiếp già nay xi về vâng mệnh triều đình trước. Vua sai người dụ bảo bà ta bảo cho Mạnh Vương vào chầu.

Ngày 15, ra lệnh chỉ cho các quan viên văn võ rằng:

"Những người mà các ngươi tiến cử, những lời mà các ngươi tâu lên, chả lẽ ta không biết hay sao? Song những lời của các ngươi chẳng có mưu kế lạ gì có thể dùng được, những kẻ được tiến cử đều là bọn tầm thường dung tục. Các ngươi nếu có lòng vì nước, lại càng phải để ý xét hỏi rộng khắp, xem [**6b**] có ai còn ẩn dật chốn núi rừng, hay nương náu nơi thôn dã, chưa được triều đình xét dùng tới, hãy tiến cử lấy một vài người giúp trẫm lo việc trị nước, như thế thì mới có thể là tận trung với nước, sẽ được thưởng vượt bậc".

Ngày 22, Tư mã Lê Văn An đánh giặc trở về.

Trước kia, bọn Hoàng Nguyên Ý, Hoàng Văn Ngạc, Nguyễn Thế Ninh, Nguyễn Công Đình ở trấn Lạng Sơn đều là các phụ đạo của trấn đó, vì có công theo về triều đình, đều được làm quản lĩnh, vẫn được ở đất cũ như mình. Bọn Tuyên úy Lê Đồ, Lê Lộng không biết vỗ về, chế ngự nên bọn nguyên Ý đều mang lòng oán hận. Quân Vương có người vợ lẽ, vì có lỗi phải đuổi đi. Nguyên Ý về chầu trông thấy rất thích, ngầm đem theo về, đến nỗi lộ việc. Lại có tên gia nô của Ý là Phi Báo, vì bị Ý đánh, chạy đến chỗ bọn Đồ và Lộng, vu cáo là Nguyên Ý đã dấy binh. Vua liền sai Văn An đem quân Ngự tiền, Thiết đột và quân ở Bắc [**7a**] đạo đi đánh. Khi đến nơi thì Văn Ngạc đã bị trấn binh giết chết, bọn Ý đều bỏ cả vợ con chạy trốn sang đất Minh. Văn An liền chia quân lùng bắt thân thích, nô tì, tài sản, gia súc của bốn tên đó cùng vợ con của trấn quân được tới hơn nghìn người đem về dâng nộp. Vua thả hết dân thường, đem gia thuộc của bốn tên đó ban cấp cho các quan.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, vua sai các quan rước Phật chùa Pháp Vân[2] ở Cát Châu về Đông Kinh để cầu mưa.

Bấy giờ, trời đã lâu không mưa, mà chỉ rước Phật đọc chú để cầu đảo. Nguyễn Thiên Hựu dâng sớ tâu rằng:

"Bệ hạ sửa đức, tha tù oan, thả bớt cung nữ mà trời không mưa thì xin chém đầu thần để tạ trời đất".

Đại tư đồ Lê Sát ghét Hựu nói thẳng, sớ chưa được trả lời, thì gặp trận mưa nhỏ, bèn gọi Thên Hựu mà hỏi rằng:

"Đêm hôm qua chẳng mưa nhỏ rồi là gì?".

[7b] Lại đúng lúc có tờ tâu của các lộ Thanh Hóa, Tuyên Quang báo tin mưa gởi đến, Sát đem cả cho Thiên Hựu xem, Thiên Hựu không nói lại được câu nào.

Đày giám sinh Nguyễn Đức Minh ra châu xa.

Đức Minh dời nhà đến ở Quốc tử giám, có thư nặc danh dán trên vách miếu thần bên cạnh đường, trong đó có câu: "Đại tư đồ Sát và Đô đốc Vấn cùng mưu giết ông Sĩ (tức là Nhân Chú) phán đại lý". Đức Minh gọi người đến xem, rồi bóc lấy xé nát ném xuống nước. Sát ngờ thư ấy do Đức Minh làm, sai bắt về tra khảo, nhưng Đức Minh không nhận, định đem chém, nhưng hình quan cho là tội còn ngờ, nên được giảm tội chết, bắt đi đày và tịch thu gia tài.

Phủ Nghệ An dâng thuyền ngự, đến trường Đại Thông, đang đêm bị sét đánh cháy.

---

[1] Mường Lự: tức là động Bình Lư nay thuộc tỉnh Lào Cai.

[2] Chùa Pháp Vân: theo CMCB3 chùa này ở thôn Văn Giáp, huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Lại lấy Lê Khả làm Vinh lộc đại phu Lạng Sơn trấn tuyên úy đại úy tri quân sự; lấy Lê Nhữ Tổ làm Chính sự viện đồng tham **[8a]** nghi tước Minh tự.

Thả vài chục tên tù tội nhẹ vì hạn hán đã lâu.

Ngày 19, dân Mường Ba Long, phủ Thanh Hóa làm phản theo về nước Ai Lao. Tuần sát Lê Thống đi đánh, chém giết bọn đinh tráng, bắt sống hơn 30 người đàn ông, đàn bà.

Xử chém ngay tội tù.

Trước đây, người của quân Uy viễn là Nguyễn Bẩm và của trung quân Thiết đột là Trịnh Thọ Lộc chuyên nghề dụ trộm những nô tỳ nhà nước ban cho các quan. Tư mã Lê Liệt bắt được tâu lên. Vì bấy giờ các nô tỳ công và tư bỏ trốn nhiều, Đại tư đồ Lê Sát giận lắm, sai hình quan tra ngay ở sân điện, xét xong, lôi ra chém ngay.

Chiêm Thành cướp bắt người châu Hóa.

Chúa Chiêm Thành là Bố Đề nghe tin Thái Tổ băng, thấy vua mới lên ngôi, ngờ là nước ta có biến loạn, bèn tự mình cầm quân ra đóng sát biên giới, chực mưu vào cướp. Nhưng vì chưa rõ thực hư, không dò hỏi vào đâu được, mới sai thuyền **[8b]** đi ngầm vào Cửa Việt[1] cướp bắt mấy người rồi đi. Dân địa phương đánh lại, bắt được 2 người đem nộp.

Ngày 22, đặt đàn chay ở điện Cần Chính, vì hạn hán hại lúa, sét đánh cháy thuyền.

Ngày 25, thăng chức cho các tướng hiệu các vệ quân năm đạo, từ vệ đồng trì, quản lĩnh, dưới đến đội trưởng là 851 viên, những người ở trong được thăng và ở các quận ngự tiền được chọn bổ là 596 viên; 155 người có tội nhẹ được ân xá và sử dụng. Quan nội mật gọi tên cấp sắc suốt từ sáng đến trưa vẫn chưa hết. Những người ở trong mà chưa được thăng thì được thưởng mỗi người một tư.

Tháng 5, ngày Đinh Sửu, mồng 1, nghỉ chầu.

Trước đó, Thái sử Bùi Thì Hanh bí mật tâu rằng, ngày mồng 1, tháng 5 **[9a],** có tinh vược đen ăn mặt trời, hôm ấy sẽ có nhật thực. Có nhật thực thì trong nước có tai biến. Nếu bắt được vượn sống đem giết để trấn yểm thì có thể chấm dứt được tai biến. Đại tư đồ Lê Sát tin là thực, tâu xin ra lệnh cho quan lại các trấn Tuyên Quang, Thái Nguyên đốc thúc dân chúng bủa lưới săn lùng khắp rừng núi khe hang, bắt vượn khỉ đóng cũi gửi về nườm nợp không ngớt. Đến ngày ấy nghỉ chầu, làm phép trấn yểm trong cung cấm, các quan không một ai được biết. Thì Hanh chỉ tâu cho Lễ bộ thị lang Trình Toàn Dương, trước là đạo sĩ, cùng làm phép với mình. Hai người đều đđược thưởng rất hậu.

Ngày mồng 5, ra lệnh chỉ cho các phủ, lộ, trấn, huyện, xã, sách, trang rằng: Các loại thuế dân đinh, đầm hồ năm nay thì theo lệ năm Quý Sửu [1433], còn thuế bãi dâu thì theo lệ mới quy định.

Ngày 11, kinh thành bị cháy, lửa lan ra thiêu mất vài trăm nhà, nhiều người chết cháy.

Ngày 12, sai quân năm đạo diễn võ ở trường đấu, dẫn [**9b**] bọn tù Chiêm Thành tới xem rồi cho về.

Sai Nhập nội tư mã Lê Liệt, tổng đốc các quân Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa, đi tuần tra các nơi thuộc Tân Bình, Thuận Hóa, nếu gặp giặc cỏ Chiêm Thành vào cướp biên giới, mà có viên chỉ huy hay tên lính nào vi phạm quân lệnh hay sợ hãi rút lui thì cho phép chém trước tâu sau. Lại sai Nhập nội thiếy úy Lê Khôi và Hành khiển tổng quản Lê Truất cùng đốc suất các quân ở Tân Bình và Thuận Hóa đi theo.

Ngày 16, sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Tông Trụ: Trung thư hoàng môn thị lang Thái Quân Thực: kỳ lão Đái Lương Bật mang tờ biểu và phương vật sang cầu phong nhà Minh.

Hành khiển Nguyễn Trãi soạn xong tờ tâu, bọn Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ Lê Cảnh Xước muốn đổi lại mấy chữ: Nguyễn Trãi giận nói:

[1] Cửa Việt:: nay là Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

"Bọn các ngươi là hạng bề tôi vơ vét, nạn hạn hán này **[10a]** là do các ngươi gây nên cả".

Thúc Huệ tố các với Đại tư đồ Sát và Đô đốc Vấn. Sát và Vấn tức lắm, trách Trãi rằng:

"Làm nên nỗi có thiên tai không phải là do lỗi của bọn ấy, lỗi ở vua và tể tướng thôi, sao ông trách nhau quá như thế?".

Trãi từ tạ nói:

"Thúc Huệ chỉ vì chút tài vét thuế mà chiếm chỗ then chốt của thiên hạ, mỗi khi có sổ sách tâu vào đều muốn vơ của dân về cho quan, để mong hợp ý vua, cho nên tôi nhân việc này mà nói ra thôi, không dám chê bàn gì đến vua và tể tướng cả".

Sát vẫn chưa nguôi giận. Nhưng bản tâu vẫn theo như của Trãi, không thay đổi.

Ngày 18, ra lệnh chỉ cho các đội tuần kiểm coi giữ cửa ải ở các lộ, trấn, huyện phải tuần tra, canh giữ nghiêm ngặt lùng bắt trộm cướp.

Ngày 24, giờ Thìn, có khí xanh đỏ như hình cầu vồng nhưng ngắn hơn, xuất hiện ở phương đông bắc.

Chém người thợ của cục Tả ban Tất tác **[10b]** là Cao Sư Đãng.

Bấy giờ, điều động thợ ở các cục tất tác làm chùa Báo Thiên. Công việc thổ mộc rất nặng nề, Sư Đãng phải làm lụng vất vả, nói vụng rằng:

"Thiên tử không có đức, để đến nỗi hạn hán. Đại thần ăn của đút, cử dùng kẻ vô công, có gì là thiện đâu mà phải làm chùa to thế". Bị người cáo giác.

Đại tư đồ Lê Sát giận lắm. Quan thẩm hình Nguyễn Đình Lịch nói:

"Nó dám nói càn đến việc nước, nên chém".

Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ đều xin tha tội chết, vua sắp nghe theo, thì Sát nói:

"Trước đã nghe lời bọn Thiên Hựu không giết Nguyễn Đức Minh, để rồi nó bỏ thư nặc danh vu cho nhau, nay lại định tha thằng này thì làm thế nào cho đứa khác răn sợ?".

Bọn Thiên Hựu không dám nói nữa. Bèn chém Sư Đăng. Ngay hôm ấy vừa gặp có mưa nhỏ. Hôm sau, Sát nói trong triều rằng:

"Nếu nghe lời ngôn quan, làm gì có trận mưa ấy?".

Lê Ngân nói: "Giết nhiều kẻ ác thì được mưa nhiều, chỉ có điều **[11a]** xương người chất đầy đường khó đi thôi".

Ngày 28, Nguyễn Khải ở châu Mông Ân, trấn Tuyên Quang sai con về hàng. Sai đại thần dụ bảo rồi cho về[1].

Tháng 6, hai người đầu mục quản tượng[2] của Chiêm Thành là Lâu và Cai đến hàng.

Ngày mồng 8, Mường Bồn[3] nước Ai Lao sai người sang cống lễ vật, ban cho hai chiếc áo dệt kim tuyến và năm tấm lụa.

Ngày mồng 10, có mù đầy trời.

Ngày 12, Đào Lộc về hàng.

---

[1] Nguyên văn "khiển chi", chúng tôi ngờ chữ "khiển" vốn là chữ "hoàn" khắc lầm.

[2] Tức là người đầu mục trông giữ voi.

[3] Tức là Bồn Man.

Lộc là con của Đào Quý Dung. Trước kia, khi Thái Tổ dẹp giặc Ngô, viên phụ đạo trấn Quy Hóa là Đồng tri phủ nguỵ Quý Dung không phục, đem gia thuộc trốn sang Vân Nam. Đến đây, Quý Dung chết, con hắn về hàng.

Nước biển dâng lên mạnh.

Ngày 14, mưa, các quan bái tạ.

Ngày 17, lấy Thẩm hình Nguyễn Đình Lịch làm An phủ sứ hạ bạn Thái Nguyên, vẫn giữ chức Thẩm hình phó sứ **[11b]** như cũ.

Ngày 20, Đồng tri bạ tịch Bắc đạo Bùi Ư Đài thấy trời sinh nhiều tai dị, dâng sớ nói 4 điều.

Điều thứ nhất đại ý nói: Xin bệ hạ bên trong thì kén chọn các bậc hoành huynh, quốc cữu[1], các bậc bô lão am hiểu điển chế xưa, giữ làm thập nhị để khuyên răn nhắc bảo mình; bên ngoài thì đặt chức sư phó để làm trụ cột, chỉ huy trăm quan.

Điều thứ hai đại ý nói: Những quan viên văn võ, quân lính và dân chúng trước kia bị tội đày đi các nơi, đó là cách trừng trị của Tiên đế đối với chúng. Nay lại thấy chúng trở về làm quan, nắm quyền coi quân trị dân, thế là trái với ý của Tiên đế, không hợp với đạo của trời đất.

Đại tư đồ Sát thấy sớ giận lắm, sai người chép hai điều đó tâu lên và nói:

"Tiên đế cho bọn thần là bề tôi cũ lâu đời, vả lại đã cùng với Tiên đế vất vả trong mười năm trời ra vào chốn muôn chết một sống, để lập nên triều đình này. Tiên đế vốn biết bọn thần là hạng chất phác, **[22a]** ngu độn, cho nên, lúc sắp mất, đem bệ hạ ký thác cho bọn thần. Nay Ư Đài nói thế, có ý ngờ bọn thần chuyên quyền làm bậy, mà xui bệ hạ lập người thân thích khác để phòng giữ, xin giao nó xuống cho ngục quan xét hỏi việc này hư thực thế nào. Nếu Ư Đài quả đúng là ly gián vua tôi thì phải trị hắn theo phép nước không tha".

Vua ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

"Những điều Ư Đài nói ra, tuy có trúng chỗ thiết yếu, nhưng đâu đến nỗi thế".

Sát tâu đi tâu lại vài bốn lần, vua đều không nghe. Bọn Thiên Hựu, Cầm Hổ lại tâu rằng:

"Ư Đài khuyên bệ hạ không nên tin dùng đại thần, thế là trái lời di chiếu của Tiên đế, mà gây hiềm khích lung tung , không thể không xét tội".

Hữu bật Lê Văn Linh cầm tờ sớ đến tâu, vua mới cho xét. Kết quả đày Ư Đàu đi châu xa.

Ngày 24, truy tôn mẹ đẻ là Cung Từ quốc thái mẫu.

Trước kia, Thái Tổ không lập chính **[12b]** thất, chỉ có vài người như Trịnh Thần phi là mẹ Quận vương và Phạm Huệ phi thôi. Quốc mẫu cũng là vợ lẽ của Tiên đế, đã mất ngay từ buổi đầu gian lao dựng nước.

Đến đây, vua tưởng nhớ, truy tôn là Quốc thái mẫu. Thần chủ cũ của Quốc thái mẫu ở Lam Kinh, vua sai cậu là Hữu ban Lê Liên và Trung thư thị lang Trần Thuấn Du rước thần chủ mới và Kim sách đến miếu làm lễ truy tôn.

Đại tư đồ Lê Sát dựng xong các chùa Thanh Đàm và Chiêu Độ, có đến hơn 90 gian.

Mùa thu, tháng 7, ngày 11, ra lệnh chỉ cho tướng hiệu vệ quân các đạo và các quan lộ, huyện, trấn, sách, xã rằng:

"Phép trị nước lấy hình pháp gọn nhẹ làm gốc. Trẫm thấy các quân nhân đều tâu báo vượt cấp, câu kết nhau để đi kiện người, bỏ phế việc của dân, quấy rối triều đình, không gì **[13a]** tệ hơn. Từ nay, quân hay dân nếu có vụ kiện nhỏ thì tới chổ xã quan của xã mình mà trình bày, xã quan không giải quyết được mới lên huyện, huyện không giải quyết được mới lần lượt lên lộ, lên phủ, phủ không không

[1] Hoành huynh: anh vua. Quốc cữu: cậu vua.

giải quyết được thì bấy giờ được tâu lên. Các vụ kiện ruộng đất cũng thế. Các quan xét xử phải giữ phép công bằng, không được nhận đút lót mà làm sai, để có người bị oan uổng. Các vụ kiện lớn thì mới cho tâu thẳng lên".

Ngày 15, mở hội Vu Lan[1], tha cho 50 tên tù tội nhẹ, ban cho các sư tụng kinh 220 quan tiền.

Tháng 8, cho các giám sinh Quốc tử giám và sinh đồ các lộ, huyện được mang mũ áo và cho Giáo thụ Quốc tử giám cùng giáo chức các lộ, huyện được được đội mũ cao sơn.

Trước kia, Giáo thụ và Giám thư khố đầu đội mũ thái cổ, đến đây, cho đội mũ cao sơn.

Ngày mồng 8, sai Hữu bộc **[13b]** xạ Lê Nhữ Lãm đến Lam Kinh dựng miếu thờ thái mẫu.

Ngày mồng 9, chém tên ăm trộm Trình Đường. Bọn Chính sự viện đồng tham nghị Nguyễn Hân tâu rằng:

"Tên Đường trộm cắp giữa ban ngày, nhưng theo luật không đáng xử tử, không nên giết hắn".

Vua không nghe.

Tên đầu bếp ở thái miếu Nguyễn Chú vì tội ức hiếp mua rẻ hàng hóa, bị đánh 80 trượng, thích chữ vào gáy, đồ làm lính nuôi voi.

Bấy giờ, người đầu bếp của các nhà quyền quý hay thác cớ là người trong cung, ức hiếp người bán, mua rẻ hàng hóa ở chợ, dân chúng rất sợ bọn đó. Nguyễn Thiên Hựu bắt được tâu lên, bèn trị tội tên Chú và rao 3 ngày cho mọi người biết.

Định khoa thi chọn học trò.

Xuống chiếu rằng: Muốn có được nhân tài, trước hết phải chọn lựa kẻ sĩ, mà phép chọn lựa kẻ sĩ phải lấy thi cử làm đầu. Nhà nước ta từ thuở xưa loạn lạc, người anh tài như lá mùa thu, bậc tuấn kiện như sao buổi sớm. Thái Tổ ta buổi đầu dựng nước, mở mang nhà học, dùng cỗ Thái lao[2] để tế Khổng Tử, rất mực sùng Nho, trọng đạo. Nhưng **[14a]** vì nước mới dựng nên chưa kịp đặt khoa thi. Trẫm nối theo chí hướng người xưa, lo được nhân tài để thỏa lòng mong đợi.

Nay định rõ thể lệ khoa thi, kỳ thi: Bắt đầu từ năm Thiệu Bình thứ 5 [1438], thi hương ở các đạo, năm thứ 6, thi hội ở sảnh đường tại kinh đô. Từ đấy về sau, cứ 3 năm một lần thi lớn, coi đó làm quy định lâu dài, người nào thi đổ, đều được ban danh hiệu tiến sĩ xuất thân.

Tất cả khoa mục của các kỳ thi quy định như sau: Kỳ thứ nhất: 1 bài kinh nghĩa, Tứ thư mỗi sách một bài, mỗi bài đều 300 chữ trở lên. Kỳ thứ hai: Chế, biếu, biểu. Kỳ thứ 3: thi, phú. Kỳ thứ 4: 1 bài văn sách từ 1000 chữ trở lên.

Thư lại viên, hỏi về ám tả. Những người đỗ hạng nhất được bổ vào Quốc tử giám, hạng nhì bổ làm sinh đồ và thuộc lại bên văn.

Ngày 18, Tư mã Nam đạo Lê Liệt đem quân về.

Bố Đề thấy nước ta không có sự biến gì **[14b]** đã rút quân từ trước. Liệt đến châu Hóa, định trở về, gặp lúc người Man ở châu Hóa là Đạo Thành bị Đạo Luận đánh, đến xin cứu viện. Liệt bèn đem quân đánh giúp, bắt được hơn nghìn người và vài chục con voi mang về.

Ngày 19, sai quản hạt Lê Bạn sang sứ nước Ai Lao.

---

[1] Tức hội Vu Lan Bồn của nhà Phật tổ chức vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hằng năm. Theo Phật thoại, mẹ của Mục Liên vào địa ngục, hễ ăn gì đều hóa thành lửa. Phật liền dùng chiếc bồn lớn, đựng hàng trăm thức ăn để cúng dường các Phật, giải thoát cho mẹ Mục Liên, Sau này, lễ Vu Lan Bồn là để cúng thí bọn quỷ đói, giải thoát mọi khổ ải cho chúng sinh.

[2] Cỗ Thái lao: lễ lớn, dùng đủ tam sinh (ba con vật tế) là: trâu, dê, lợn.

Bàn nhà[1] Côn Cô nước Ai Lao bị kẻ bề tôi phản nghịch là Nữu Tại tấn công, sức chống không nổi, sai sứ sang xin cứu viện. Vua sai Bạn sang trước dụ bảo, giải hòa.

Ra lệnh chỉ cho Hành khiển năm đạo và Tổng quản, Tuyên úy các trấn rằng:

Công trạng của các quan ở lộ, trấn, huyện thì giao cho hành khiển đạo đó xét duyệt; của các quan ở sảnh, viện, cục thì thiếu bảo, Hữu bật xét duyệt; của các quan ở tả hữu ban và ở nội điện thì Áp nha[2] , Nội mật viện xét duyệt. Mỗi loại đều chia làm ba bậc, cần phải công bằng, thẳng thắn **[15a]** không được thiên tư đảo điên.

Ngày 28, lấy Hải Tây đạo Tham trí quân dân bạ tịch Nguyễn Nhữ Soạn làm Bắc đạo Đồng tri quân dân bạ tịch.

Ra lệnh chỉ cho các tướng hiệu, quân nhân, nữ nhân, nội nhân giữ các cửa hoành thành và cung cấm rằng:

Từ nay về sau, nếu có cung nhân ở các điện và đại thần, tổng quản, hành khiển cùng bọn nữ quan vào chầu, khi đến cửa cấm thì người coi cửa phải chuyển tâu trước, đợi có sắc chỉ mới được vào. Đàn bà không có phẩm tước đều không được cho vào. Nội nhân, nữ quan, nô tỳ ở các điện nếu không có việc gì, không được lui tới các điện khác. Nếu người canh cửa không cẩn thận, lấy tình riêng dung túng cho vào bậy, cùng là người nào mang các thứ đồ sắt từ một cái kim trở lên vào trong cung cấm mà không chuyển tâu trước thì phải chiếu luật trị tội.

[15b] Tháng 9, ngày mồng 4. Ban hơn 600 quan tiền Thiệu Bình mới đúc cho các quan văn võ.

Lấy Ngự sử Bùi Cầm Hổ làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn, lấy chuyển vận huyện Cổ Đằng[3] Phan Thiên Tước làm Thị ngự sử.

Ra lệnh chỉ cho các trấn, huyện, xã, thôn, sách, trang rằng:

Khi có người tới kinh làm việc, nếu là quân thì phải có tướng hiệu, là dân thì phải có quan lộ, huyện chuyển đưa lên. Nếu là các quan đi việc công hay tư thì lấy giấy tờ ở huyện mình. Còn quân nhân ở kinh và người nhà của đại thần, thế gia nếu có lĩnh giấy sai đi làm việc gì thì Tổng quản, Tổng tri, nha ấy hay nhà ấy cấp giấy tờ. Quân hay dân đi buôn bán, cũng phải xin giấy thông hành của quan lộ, huyện. Tuần kiểm các trấn và người kiểm soát các nơi dọc đường thủy, đường bộ cần phải xét hỏi rõ ràng, người nào không có giấy thông hành thì phải ngăn lại không cho đi. Bấy giờ người các trấn hay giả đi việc quan để dụ dỗ nô **[16a]** tỳ của người ta, cho nên có lệnh này.

Phạm Mấn là người cùng làng với Tư không Lê Ngân, nhân có việc tranh ruộng với gia nô của Ngân, nói vụng mấy câu bất kính. Khi Thái Tổ khởi nghĩa, Mấn theo quan quân đánh úp giặc ở sách Cối. Quân đến dưới sách, Mấn trốn vào trong sách đầu hàng giặc. Giặc biết được, phòng bị kỹ, quan quân không đánh được phải về. Đến đây, Ngân phát giác tội trước cửa Mấn, sai hình quan truy xét lại việc đó, vua y lời tâu xử chém. Đại tư đồ Sát nói:

"Nay bọn ta có quyền thế mà thù hằn người làng thì làm thế nào chẳng được?. Sau này lỡ ta hết quyền thế rồi chả lẽ để cho con cháu chúng ta gánh chịu tai họa thù oán hay sau?".

Ngân quát rằng: "Con cháu nó còn biết gây oán, con cháu ta lại không biết trả thù hay sao?".

Mãi lâu, Mấn mới được giảm tội chết, bị đày ra châu xa.

Lấy Chuyển vận sứ huyện Giáp Sơn là Lương Thiên Phúc làm Điện trung thị ngự sử, Giáo thụ Bắc Giang Hạ lộ là **[16b]** Nguyễn Chiêu Phủ làm Giám sát ngự sử, vì Chiêu Phủ dâng sớ có điều được chấp nhận.

---

[1]B àn nhà: tức là " vua" phiêm âm tiếng Lào "pha nhân".

[2] Áp nha: người đứng đầu một nha.

[3] Nguyên văn là Hữu Đằng, nhầm chữ Cổ thành chữ Hữu. Cổ Đằng là tên huyện, sau đổi là Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngự sử phó trung thừa Nguyễn Thiên Hựu, vì nói trái ý vua, trút mũ tâu xin từ chức mà về.

Ngày 16, tấu cáo trời đất và thái miếu về việc đút sáu quả ấn: Thuận thiên thừa vận chi bảo, Đại thiên hành hóa chi bảo, Sắc mệnh chi bảo, Chế cáo chi bảo, Ngự triều chi bảo, Ngự triều tiểu bảo[1].

Thuyền buôn nước Trảo Oa vào cống lễ vật địa phương.

Côn Cô nước Ai Lao sai bề tôi là Quan Long dâng voi và vàng bạc xin viện binh.

Ra lệnh chỉ cho Thiếu úy Mường Mộc[2] là Xa Miên dẫn các man ở châu Nam Mã[3] đi cứu Côn Cô.

Sứ Chiêm Thành mang thư và lễ vật sang cống để cầu hòa thân.

Đại tư đồ Lê Sát hỏi: "Nước ngươi vào trộm đất ta, bắt bớ dân chúng ở châu Hóa **[17a]** là cớ làm sao?".

Trả lời: "Vua nước tôi nghe tin Tiên đế băng hà, nay Hoàng đế lên ngôi, hai nước chưa trao đổi sứ thần, cũng chưa tin hẳn, nên sai tướng quân đến đầu địa giới hỏi thăm tin tức. Tướng quân tự tiện làm trái lời dạy bảo, bắt trộm 6 người của châu Hóa đem về. Vua nước tôi giận lắm, xử tội tất cả (những người vào cướp châu Hóa) từ đại tướng trở xuống đều bị chặt chân, rồi đưa người bị bắt giao trả cho Tổng quản Hóa Châu, không dám xâm phạm đến".

Triều đình biết là dối trá, nhưng vì họ biết sai người sang, cho nên khoan dung không xét hỏi nữa.

Tổng quản lộ An Bang là Nguyễn Tông Từ và Đồng tổng quản Lê Dao bị biếm 3 tư, bãi chức.

Triều đình có lệnh cấm quan lại và dân chúng không được mua bán vụng trộm hàng hóa nước ngoài. Bấy giờ, có thuyền buôn Trảo Oa đến trấn Vân Đồn, bọn Tông Từ giữ việc xét ghi số hàng hóa trong thuyền, trước đã báo nguyên số rồi, sau lại gian lận đổi làm bản khác, mà bán trộm đi **[17b]** hơn 900 quan tiền, cùng với Lê Dao, mỗi người chiếm hơn 100 quan. Việc bị phát giác, nên cả hai đều bị trị tội.

Sai Chuyển vận Lê Thọ Lão, Khởi cư Thái Huệ Trù sang sứ Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, có sâu hại lúa. Sai quan chia nhau đi các nơi khám xét lúa đồng.

Lấy bọn Đồng tri Nam Sách hạ vệ Lê Thọ làm An Bang trấn vệ đồng tổng tri chư quân sự; Thẩm hình viện phó sứ Trình Tử Dục làm Tuyên phủ sứ thượng bạn trấn Thái Nguyên.

Ngày 12, Đạo Lại là con đứa phản nghịch Đinh Quế ở Mường Phù về thú tội, có chỉ tha tội cho về.

Lấy Thái tử thị giảng cũ là Nguyễn Tấn Tài làm Quốc tử giám bác sĩ.

Tháng 11, nhà Minh sai bọn hành nhân Quách Tế, Chu Bật đi theo sứ báo tin buồn[4] của ta là Lê Vĩ **[18a]** sang điếu tế.

Đến kinh sư, ngày mồng 4 làm lễ tế, cỗ tế đều mang từ đất Bắc sang, rất là thịnh soạn. [Vua] ra đón ở cửa Thừa Thiên, đưa vào bày lễ tế ở điện Càn Đức.

Lễ vật có: 1 con lợn, 1 con dê, giấy tiền, cờ tiết, hương hoa cộng 80 bàn. Tế quan đứng bên tả, chủ tế đứng ở bên hữu, không dâng rượu, đàn bà đứng sau màn cất tiếng khóc.

Ngày mồng 5, thiết yến bọn Tế ở Cần Chính đường.

---

[1] Xem sự việc năm Thiệu Bình thứ 2, tháng 3, ngày mồng 6.

[2] Mường Mộc: nay là thuộc huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[3] Vùng đất thượng lưu sông Mã, giáp đất Ai Lao.

[4] Sú bộ của ta do Lê Vi dẫn đầu sang nhà Minh báo tin Lê Lợi mất.

Ngày mồng 7, bọn Đại tư đồ Sát lại thiết yến bọn Tế ở khách quán, bày các trò chơi để xem, theo lời yêu cầu của họ.

Bọn sứ Minh Từ Vĩnh Đạt, Chương Xướng, Quách Tế, trước sau mấy toán, ngoài lễ vật cống tiễn, triều đình còn có quà tặng riêng cho từng người, họ đều từ chối không nhận. Nhưng họ lại cho người đi theo mang nhiều hàng hóa phương Bắc, tính giá rất cao, bắt ức triều đình phải mua.

Tây đạo Hành khiển tả bộc xạ**[18b]** Lê Lỗi chết, được truy tặng Bảo chính công thần phụ quốc thượng tướng quân nhập nội trung thư lệnh hương hầu, tên thụy là Trung Giản.

Sai Quản lĩnh Lê Bính, Nội mật viện đồng tri Phan Ninh, Ngự tiền học sĩ cục Nguyễn Thiên Tích và Lê Cát Phủ theo Quách Tế sang nhà Minh tạ ơn việc sang điếu tế.

Người khách Trảo Oa là bọn Bát Đế (có sách chép là Tiên Tôn) sang dâng các thứ thổ sản, có mấy cây gỗ đàn hương có thể làm cột nhà được.

Điện Sơn Lam bị cháy.

Nước đóng băng, cây cối núi rừng bị chết.

Ngày 22 là ngày sinh của vua, lấy làm Kế Thiên thánh thọ tiết sau đổi là Vạn Thọ thánh tiết.

Giảm tô ruộng và thuế nhân đinh.

Truy phong 2 đời cho Đại tư đồ Lê Sát.

Nội mật viện Hà Đức Chính bị đồ làm thuộc đinh ở bản đạo, Phạm Tư Minh bị biếm 1 tư. Đức Chính làm hành nhân sang nhà Minh báo tang, đánh cờ vây với người Minh **[19a]** và cãi nhau với chánh sứ.

Tư Minh bồi đai bán cho người phương Bắc, dùng lầm phải giấy cũ ghi việc điểm binh, cho nên đều phải giáng, bãi.

Bấy giờ chánh sứ Lê Vĩ, Nguyễn Truyền, hai người mua rất nhiều hàng phương Bắc, đến 30 gánh. Triều đình ghét họ làm thói buôn bán, định làm cho họ phải hổ thẹn trong lòng; mới sai người thu lấy hết đem phơi bày ở sân điện, rồi sau mới trả lại. Việc này rồi thành lệ thường.

Tháng 22, ngày mồng 8, người Ai Lao sang hàng, dâng 3 con voi.

Khi quân của bọn Xa Miên và Hà An Lược sang tới nơi thì bọn Nữu Sách, Nữu Tại nước Ai Lao đã giết chúa nó là Côn Cô mà lập người họ của Cô Côn là Dụ Quần làm Bàn nhà rồi sai sứ mang voi và vàng bạc sang ta xin hàng. Thế là bọn An Lược cùng đi với bọn ấy trở về. Triều đình xá tội cho chúng.

Ngôn quan Phan Thiên Tước dâng sớ hặc tội Tiền quân tổng quản Lê Thự về các việc: Đang có quốc tang mà lấy vợ, **[19b]** làm nhà cao cửa rộng, sai người nhà xuất cảnh mua bán vụng trộm với người nước ngoài.

Bấy giờ các đại thần đều sai riêng quân lính làm nhà cửa lớn cho mình. Vua thấy thế, sai Thiên Tước đi khắp các nhà đại thần xem cho rõ ràng. Vua hỏi:

"Các đại thần đều không có chuyện đó hay sao?. Sao khanh chỉ tâu có một mình Thụ?". Thiên Tước nói:

"Đô đốc Tư khấu, Tư mã đều là bậc đại thần cố mệnh cả, phải giữ mình ngay thẳng để còn dẫn dắt trăm quan, có làm việc gì phải theo lễ, phép, nếu không, thì phải tâu cáo trước rồi sau hãy làm, cho nên bọn thần không thể không nói được. Vả lại, thần thấy Thụ có mấy việc, nên nói gồm một thể. Nay vâng mệnh đi khám xét nhà cửa của các đại thần, dám đâu không làm hết chức phận".

Thế rồi lại dâng sớ kể những người làm nhà mới, từ bọn Tham tri Đông đạo Lê Định trở xuống, đến Quản lĩnh gồm hơn 20 người tâu lên.

Vua không hỏi ai, chỉ sai khám xét một mình **[20a]** Thụ. Bọn Đô đốc Lê Vấn, Tư mã Lê Ngân cho Thụ là bậc thân huân, cố giải cứu hộ. Vua cũng tha các tội khác cho Thụ, chỉ tịch thu số 15 lạng

vàng, 100 lạng bạc mua bán vụng trộm thôi, lại lệnh cho người thiếp của Thụ là Trình thị phải rút khỏi hộ tịch của Thụ, cho chuộc lại làm người ngoài.

Con trai của Đèo Cát Hãn ở châu Phục Lễ là Mạnh Vượng về hàng. Sắc cho làm Nhập nội tư mã tri bản châu quân dân sự, tước Quan phục hầu.

Sai bọn Nhập nội thiếu bảo Lê Quốc Hưng; Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh làm lễ tấu cáo ở Thái miếu, rước thần chủ mới của Thái Tổ và Quốc thái mẫu vào thờ ở Thái miếu.

Sai các quan văn võ tới đô sảnh đài bàn việc bỏ áo tang. Bọn Hành khiển Nguyễn Trãi đều bàn nên mặc áo trắng 27 ngày nữa rồi sau hãy bỏ.

Ngày 26, vua thân ngồi ngai son.

Trước đó, sau khi thành phục, thần chủ mới của Thái Tổ để ở điện Càn Đức **[20b]**. Mỗi khi ra coi chầu, vua đứng tựa cột bên đông điện Hội Anh để nghe việc, đến đây mới ngồi ngai. Triều đình có bày đồ nhạc nhưng không tấu nhạc, các quan dâng biểu an ủi.

Cho Đạo Miện châu Nam Mã làm Đại tri châu tri quân dân sự bản châu, tước Minh tự.

Trước đây, châu Nam Mã thuộc nước Ai Lao, sau vì mộ đức nghĩa nhà vua mà quy thuận. Đến đây, sai con vào chầu, xin nội phụ. Vua khen ngợi và trao cho chức đó, lại ban cho mũ, đai và một bộ thời phục.

Ất Mão, [Thiệu Bình] năm thứ 2 [1435], (Minh Tuyên Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua dẫn các quan tới bái yết Thái miếu. Khi về cung, mặc áo trắng coi chầu, nhạc nổi lên, quan hầu thét cảnh giới, các quan đều mặc cát phục trắng an ủi.

Ngày mồng 3, Tuyên Tông nhà Minh băng. Hoàng thái tử Kỳ Trấn lên ngôi, tức là Anh Tông, đổi niên hiệu là Chính Thống.

Ra lệnh chỉ cho đại thahn và các quan văn võ, đại ý là: Các ngươi không **[21a]** chịu giữ phép nước như trước đây. Từ nay về sau, coi quân, trị dân, hay làm việc gì đều nên hết lòng công bằng, yêu thương quân dân, không được riêng tư, nếu không sửa đổi lỗi lầm nhất định bị trị tội nặng.

Ngày mồng 4, vua Ai Lao là Dụ Quần sai bề tôi là bọn San Mạc, Sát Mẫu đem đồ uống rượu bằng vàng bạc và hai con voi đi theo bọn Vĩ sang cống.

Vĩ tâu rõ tình trạng rối loạn, trên dưới chia lìa của nước Ai Lao.

Ban yến trong 5 ngày cho các quan văn võ trong ngoài, phát tiền cho các quan văn võ nhậm chức bên ngoài theo thứ bậc khác nhau.

Năm ngoái, sai Hành khiển các đạo xét duyệt công trạng các quan làm việc ở ngoài, chia thành 3 bậc, đến đây, theo thứ bậc mà ban thưởng. Người nào mới được bổ, chưa có công tội gì thì để làm hai bậc.

Lấy quân nhân Nguyễn Công Gia làm Chưởng lịch: Hộ bộ chủ sự Dương Huyền Trung làm Linh đài lang.

Lấy Lang trung Phạm Thì Trung làm đồng tri **[21b]** Thẩm hình viện, phó trung thừa cũ là Nguyễn Thiên Hựu làm An phủ sứ lộ Thanh Hóa.

Ra lệnh cho quân các đạo đến những nơi gần gũi, thuận tiện trong đạo mình, chia quân tập trận; các quân ngự tiền thi tập võ nghệ ở điện đình.

Ngày 21, Ngôn quan là bọn Phan Thiên Tước, Lương Thiên Phúc, Nguyễn Chiêu Phủ dâng sớ nói:

"Tiên đế dầm mưa dãi gió, mình mang giáp trụ, lao thân khổ trí, hơn mười năm trời mới dẹp yên thiên hạ. Bệ hạ kế thừa cơ nghiệp đã có sẵn rồi, nên lưu ý tới học thuật, năng tìm nhân tài để lo trị nước thành công.

Nay đại thần tiến cử Thiếu bảo hữu bật vào hầu giảng sách, bệ hạ đứng dậy bỏ đi không nghe, thế là một điều không nên. Tiên đế chọn người làm bảo mẫu, làm thầy để vâng mệnh dạy bảo trong cung, bệ hạ khinh rẽ, mắng chửi mà không nghe, thế là hai điều không nên. Đến như thần phi, huệ phi là bậc dì, vào cung răn dạy, thì bệ hạ sai đóng **[22a]** cửa trước mà không cho vào, thế là ba điều không nên. Người quản lĩnh thị[1] vệ thấy bệ hạ không đọc sách mà cầm cung bắn chim, có khi can ngăn, thì bệ hạ không nghe, lại lấy cung bắn người ấy, thế là bốn điều không nên. Tiên đế lựa chọn con em công thần sai vào hầu bệ hạ đọc sách thì bệ hạ đều xa lánh họ mà nô đùa với bọn hầu hạ gần gũi ở trong cung, thế là năm điều không nên. Người làm vua phải tìm người tài giỏi biết nói thẳng, hết lời can ngăn và những người có công lao mà thưởng họ, nay bệ hạ lại vui đùa với bọn hoạn quan nói rồi thưởng cho chúng, thế là sáu điều không nên.

Thần chờ tội ở chức trách ăn nói, dám đâu không trình bày, xin bệ hạ trong khi coi chầu, hoặc tiếp xúc với các vị đại thần, hoặc nghe các quan tâu việc, phải ngay ngắn, trang nghiêm, lấy dung nghi cung kính của Thiên tử mà kính trọng bậc đại thần, úy lạo người có công, nghe lời nói thẳng, mở đường cho người nói thẳng để thấu hiểu **[22b]** tình hình bên dưới, thì lời khen "bậc đại hiếu biết nối chí kế nghiệp" không chỉ chuyên để khen Thành Vương, Thái Giáp[2] mà thôi".

Vua xem sớ giận lắm, vặn hỏi. Bọn tả hữu học Lê Cảnh Xước và hoạn quan Đinh Hối đi khắp nhà bọn Thiên Tước chất vấn, bắt nói tên người tố ra các việc nói trong sớ và trách mắng bọn họ.

Thiên Tước trả lời: "Những điều đó do Đồng tổng quản Bắc Giang hạ vệ Lê Lãnh nói với thần đấy. Bọn thần cốt sao yêu vua, làm hết chức trách mà thôi, dù chết cũng không sợ". Bọn Cảnh Xước mới thôi.

Hôm sau, Thiên Tước vào chầu, tâu rằng:

"Ngu Thuấn là bậc thánh nhân mà Bá Ích còn lấy sự chơi bời lười biếng để khuyên răn, Đường Thái Tông là bậc vua hiền, mà Ngụy Trưng vẫn đem mười điều thấm dần[3] mà phòng giữ. Bọn thần tủi nhục giữ chức ăn nói, chỉ sợ nhà vua có lỗi lầm, nên hết lòng ngu dại khuyên can. Bệ hạ nhận cho thì dẫu kẻ kiếm củi, làm nghề, cũng đều trổ hết khả năng mà thánh đức của bệ hạ càng thêm ngời sáng vậy". Vua nguôi giận bọn Thiên Tước lại giữ chức cũ.

[23a] Chém Quốc tử giám sinh Lê Tử Dục, vợ con, điền sản sung công. Tử Dục ở Giám không chịu học tập, chỉ chuyên nghề bói toán, bùa chú, dụ dỗ vụng trộm vợ cả vợ lẽ người khác, lại lấy trộm đồ đạc của cả mười tám phòng. Tế tửu Nguyễn Thành sắp tâu lên thì Tử Dục suốt đêm làm đơn vu cáo Thành và Vũ Ứng Tiên, từ tế tửu trở xuống đến các viên đường trưởng là cùng nhau ngầm mưu phản nghịch. Đại tư đồ Sát biết nó gian dối, sai bắt và cho ngục quan Nguyễn Doãn Cung tra hỏi. Tử Dục hết lẽ, phải thú tội. Đến khi sắp bị chém, Tử Dục luôn mồm tụng niệm Thiên Bồng, Thiên Du[4] và nói: "Kiếp này đã sai, kiếp sau không được thế nữa".

Vua ngự đến Cảo Động xem các vệ quân năm đạo diễn tập đánh bộ, lại duyệt thủy chiến ở sông Nhị.

Lấy Chuyển vận Nguyễn Tất Kính làm An phủ sứ lộ Tam Đái **[23b]**, Chuyển vận sứ huyện Phù Lưu là Phan Nhân làm an phủ phó sứ lộ Thiên Trường.

Tháng 2, nhà Minh sai Lễ bộ hữu thị lang Chương Xưởng, Hành nhân ty hành nhân Hầu Tấn đi theo Nguyễn Tông Trụ sang trao sắc mệnh cho vua quyền coi việc nước.

Ngày Đinh Mùi mồng 5, sai Thiếu bảo Lê Quốc Hưng làm lễ tế tiên sư Khổng Tử, từ đấy về sau coi là thường lệ.

---

[1] Nguyên văn là chữ 'bệ", "bệ vệ" thì không có nghĩa, chắc là bản khắc lầm.

[2] Thành Vương: là vua nhà Chu, Thái Giáp: là vua nhà Thương, được coi là những vua giỏi thời cổ của Trung Quốc.

[3] Nguyên văn "thập tiệm". Nguy Trưng là hiền thần của Đường Thái Tông, dâng sớ xin vua đề phòng 10 điều lầm lỗi có thể thấm dần mà mắc phải.

[4] Tên hai vị thánh mà các thầy phù thủy hay niệm chú.

Ngày Mậu Thân, tế xã tắc.

Sai quản lĩnh Phan Tử Viết và đại phu Trình Nguyên Hy mang tờ biểu và phương vật đi theo bọn Xưởng sang tạ ơn nhà Minh.

Ngày mồng 8, làm lễ cáo Thái miếu vì có lệnh để vua quyền coi việc nước.

Sai các quan đi tế khắp các thần kỳ trong nước có ghi trong tự điển[1].

Định các ngạch thuế ruộng đất, đầm ao, bãi dâu.

Ban tên húy của quốc triều. Khi gặp chữ chính về miếu húy, ngự danh thì không được viết. Ai có họ [**24a**] tên trùng với các chữ húy thì phải đổi, như tên húy của Cung Từ quốc thái mẫu là Trần, cho nên đổi [họ Trần] thành Trình.

Lấy Hữu bộc xạ Lê Nhữ Lãm kiêm chức Hành khiển Tây đạo.

Đày Thái Quân Thực ra châu xa, Nguyễn Tông Trụ ra châu gần.

Hai người này khi vâng lệnh sang sứ nhà Minh, hữu ty làm giấy tờ, theo thứ tự trước sau, ghi Tông Trụ là bồi thần[2], Quân Thực là kỳ lão. Quân Thực có ý bất bình.

Khi đến nước Minh, chiếu theo thứ bậc để ban áo, thì áo của Quân Thực không có hoa văn kim tuyến, trong lòng hậm hực bảo người phương Bắc rằng: "Ta là quan tứ phẩm lại ở dưới Tông Trụ là làm sai". Đến khi dự yến, Thực không mặc áo được ban, mà mặc áo dệt kim tuyến của mình vào dự. Thực còn đem bản tâu do thừa chỉ Tham tri Nguyễn Trãi soạn ra mà chửi bới, lại chửi luôn cả Tham tri Đông đạo Đào Công Soạn, vì ông này đã cử Tông Trụ cùng đi với mình. Tông Trụ cũng giận dữ tranh cãi không ngớt, đến nỗi hai người đánh lộn lẫn nhau, Tông [**24b**] Trụ bị vỡ mặt, người đi theo can ngăn cũng không được. Hai người lại kiện nhau ở Hồng lô tự[3] nói xấu lẫn nhau. Tông Trụ còn lén tới nhà viên nội quan của Bắc triều ở Long Châu[4] nhận lễ vật tặng, lại nói với viên quan đi tiễn của Long Châu là Lã Hồi về chuyện khi đi sứ Ai Lao nói vụng Tiên đế nghe gièm giết bậy.

Hai người này đều vì tội đi sứ mà giao thiệp với người nước ngoài, tức giận mà đánh lẫn nhau, làm nhục cả quốc thể, đáng phải xử tử. Nhưng vì đã từng có công, nên tùy theo tội nặng hay nhẹ, đều xử tội đi đày. Tông Trụ lại đem nhiều tiền lụa sang mua hàng phương Bắc, vua ghét Trụ vi phạm lệnh cấm mà làm tiền, liền lấy hết hành trang chia cho các quan.

Tháng 3, ngày mồng 6, đúc xong ấn báu.

Sai bọn Hữu bật Lê Văn Linh đến Thái miếu làm lễ tế cáo. Cả 6 ấn đều đúc bằng vàng bạc. Ấn "Thuận thiên thừa vận chi bảo" thì cất đi không dùng, chờ khi nào truyền ngôi mới dùng. Ấn "Đại thiên hành hóa chi bảo" thì dùng khi ban chiếu chế. Ấn "Sắc mệnh chi bảo" thì dùng khi có sắc dụ và hiệu lệnh thưởng phạt cùng các việc lớn. Ấn "Ngự tiền tiểu bảo" thì dùng khi có việc cơ mật[5]. Nhưng chính sự thì vẫn dùng ấn bằng ngà, chưa dùng đến các ấn mới đúc.

Ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan văn võ rằng: Từ nay về sau, các bậc công hầu và các quan văn võ khi nào chầu, mỗi người chỉ mang theo số người hầu nhất định: nhất phẩm thì 5 người, nhị phẩm 2 người, tam phẩm 1 người.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ và quân dân rằng: Từ nay về sau, quân hay dân đến các nhà đại gia hay quan gia, không được tôn tên là "quân gia" hay "công nha", và không được tự xưng là

---

[1] Tự điển: danh sách các vị thần được triều đình chính thức phong tặng, được hưởng cúng tế.

[2] Bồi thần: vốn là chức quan đại phu của chư hầu xưng với thiên tử. Ở đây Tông Trụ là quan đại phu triều Lê, đi cống nhà Minh, xưng với thiên tử nhà Minh.

[3] Hồng lô tự của nhà Minh.

[4] Long Châu là tên huyện thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[5] "Thuận thiên thừa vận" là "Theo trời nối vận". "Đại thiên hành hóa" : là "Thay trời tiến hành giao hóa".

"thần". Nếu trái lệnh, thì người xưng hô, người nhận xưng hô đều bị trị tội theo luật. Đối với các quan từ tham dự triều chính trở lên, khi quân hay dân có đơn kêu việc gì mới được xưng là "Bộc thân công nha"[1] không được xưng là "thần".

[25b] Dân các lộ Lạng Sơn, Nam Sách đều bị bệnh dịch.

Lấy Ngự tiền trung quân thiết đột Lê Đẳng làm Phòng ngự sứ coi việc quân dân các xứ Phọc La, Trình Song, Mường Dương thượng và hạ của Ai Lao; Lê Thiên làm phòng ngự sứ coi việc quân dân các châu Nam Mã, Tàm Thượng, Tàm Hạ[2] huyện Lan Hòa.

Bấy giờ các mường của Ai Lao, tuy ngoài mặt nói là quy thuận nước ta, nhưng vẫn giáo giở bất thường, nên triều đình phải đặt quan ở những nơi đó để trông coi.

Có bảy tên ăn trộm can tội tái phạm, đều còn ít tuổi, hình quan chiếu luật đáng xử chém. Bọn đại tư đồ Lê Sát thấy giết người nhiều quá, trong lòng ngần ngại. Vua đem việc ấy hỏi Thừa chỉ Nguyễn Trãi. Trãi trả lời:

"Pháp lệnh không bằng nhân nghĩa cũng rõ lắm rồi. Nay một lúc giết bảy người, e không phải là hành vi của bậc đại đức. Kinh Thư có câu: "An nhữ chỉ"[3](hãy yên với chổ đứng của mình), sách truyện có câu "Tri chỉ nhi hậu hữu định" (biết dừng rồi thì mới vững). Thần xin thuật lại nghĩa của chữ "chỉ" **[26a]** để bệ hạ nghe:

"Chỉ" có nghĩa là yên với chổ đứng của mình, như trong cung là chổ đứng của bệ hạ, thỉnh thoảng bệ hạ có ngự ra nơi khác, thì mới yên chổ đứng của mình được.

Người làm vua đối với nhân nghĩa cũng vậy, phải để lòng nơi nhân nghĩa, coi nhân nghĩa là chổ đứng của mình. Tuy có lúc ra oai giận dữ, nhưng không thể như thế mãi được, xin bệ hạ lưu ý những lời của thần".

Bấy giờ bọn Sát và Ngân nói:

"Ông có nhân nghĩa, có thể cảm hóa kẻ ác thành người thiện, xin giao chúng cho ông, phiền ông cảm hóa cho".

Bèn bảo bọn Trãi và Thiên Tước nhận lấy những tên tù ấy. Trãi nói:

"Chúng là hạng trẻ con ương ngạnh, ranh mãnh, pháp chế của triều đình còn không trừng trị được, huống hồ bọn chúng tôi đức mỏng, cảm hóa thế nào được".

Rồi sau xử chém 2 tên, còn lại thì xử đi đày.

Người nước La La Tư Điện sang cống[4].

Nước La La Tư ở phía bắc Ai Lễ, giáp với Vân Nam, ăn mặc theo tục **[26b]** Vân Nam, khi lạy tạ, đều tự nói tiếng nước họ.

Người Quang Châu thuộc phủ Quảng Nam đến dâng ngựa.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Mường Qua[5] nước Ai Lao sang cống.

Mường Tàm[6] dâng 1 con voi.

---

[1] Bộc thân công nha: kẻ tôi tớ này kính bẩm công nha.

[2] Vùng đất thượng lưu sông Mã, thuộc tỉnh Thanh Hóa và huyện Lan Hòa.

[3] Thư Kinh: Thiên Ích Tắc.

[4] La La Tư Điện: là một vương quốc của người Lô Lô hồi đó. Địa bàn nước này là vùng đất tỉnh Quý Châu, Trung Quốc.

[5] Mường Qua: theo lời chú Bản dịch cũ là nước Lão Qua.

[6] Mường Tàm: tức Tàm Châu, vùng thượng lưu sông Mã nước Ai Qua.

Ra lệnh cho các quan lộ, huyện, xã rằng: Nếu thấy chỗ nào có sâu ăn hại mầm dâu thì phải cúng lễ để trừ hại cho dân.

Tháng 5, ra lệnh cho các đại thần, hành khiển và các quan tham tri ba tịch, tham nghị, đài quan, quan hình ngục rằng:

Từ nay về sau, những ngày xử án và những ngày các đại thần chuẩn quyết[1] thì không được lơ là vắng mặt, nếu ai có vắng mặt thì phải trình báo với mọi người, không được thiếu sót.

Ra lệnh chỉ cho tướng hiệu các đạo và các lộ, huyện, trấn rằng: Hiện đang mùa làm ruộng, các quan lộ, huyện, trấn không được khinh suất điều động sức dân.

[27a] Tháng 6, ngày mồng 4, ra lệnh cho bọn tướng hiệu các vệ quân năm đạo đều phải sai người sửa chữa những chiến khí bị mối mọt hỏng nát.

Vua hằng ngày vui đùa với bọn hầu cận ở trong cung, các đại thần muốn khuyên vua học, cùng nhau tâu lên xin cử sáu văn thần là bọn Hành khiển thừa chỉ Nguyễn Trãi, Trung thư thị lang Trình Thuấn Du... đi theo hai, ba đại thần chia phiên nhau vào hầu kinh diên. Vua sai Đinh Phúc trả lại tờ tâu không nhận.

Vua yêu dùng hoạn quan Nguyễn Cung. Bọn Lê Sát xin giết đi, vua không nghe. Thế là bọn Sát cáo ốm không vào chầu. Bọn Thiên Tước tâu rằng:

"Bậc sinh trị[2] không ai bằng Nghiêu Thuấn mà còn dùng Quân Trù, Thành Chiêu làm thầy. Các đế vương đời xưa, sở dĩ thánh đức ngày một tăng lên, chưa có bậc nào là không do học vấn. Huống chi bệ hạ đương lúc tuổi còn trẻ, chưa biết được mọi đạo trị nước xưa nay. Đại tư đồ Lê Sát **[27b]** chọn dùng nho thần vào hầu bên trên, là có ý muốn bệ hạ được như vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi, sao bệ hạ coi nhẹ tông miếu xã tắc, không thấy lòng trung thành của họ, để cho họ lo buồn mà không vào chầu? Xin bệ hạ nghĩ đến ý ký thác của Tiên đế, thì thiên hạ được đội phúc mà bệ hạ được hưởng lộc thọ của bậc đại hiếu".

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 5, nước Ai Lao lại làm phản, đánh vào Mường Viễn. Người Man họ Nữu nước ấy đánh bắt được 13 người, chém được 9 thủ cấp, cắt lấy tai đem dâng.

Phụ đạo trấn Thái Nguyên là Nông Văn Thông dâng chiếc cung Ẩm tuyền. Cung ấy rỗng giữa, có thể đứng mà uống được nước suối.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ trong ngoài rằng:

"Nay các khanh không kính giữ phép công, người giữ tiền bạc sổ sách cả nước thì để chậm trễ hoặc gây khó dễ, thuế đáng thu hay đáng miễn thì không chịu phê tâu dứt khoát **[28a]** để làm khổ dân. Người coi quân thì không thương dân đau khổ, mượn đồ của dân, vứt bỏ bừa bãi đến nỗi hỏng, mất, đến khi có việc lại đến hạch sách. Còn kẻ coi dân thì chỉ vụ lợi riêng, không lo nuôi dưỡng dân, hoặc tha cho người giàu, bắt tội người nghèo, mua gỗ làm nhà cửa, xử kiện không công bằng, chỉ gây bè phái, lo hối lộ, làm việc không siêng năng, chỉ thích ăn uống nhậu nhẹt. Lại như các quan nơi phiên trấn, quan ải, khi có người lạ qua lại, thì sơ hở để nó trốn thoát, không chịu chú ý xét bắt, chỉ lo buôn bán để kiếm chác cho mình. Các khanh cùng hưởng lộc trời, trị dân mà làm việc như thế, không trái với lòng trời ư? Chớ coi lời trẫm là những lời nói suông. Nếu các khanh biết dốc hết tâm sức đổi lỗi xưa, theo con đường phải, hết lòng trung thành, yêu mến nhân dân, hòa mục với đồng liêu, công bằng xử án, khuyến khích nông tang, dẹp yên trộm cướp, cố giữ liêm khiết thì thân mình vẻ vang, nhà mình vinh hiển, phúc đến con cháu sau này. Nếu ai không theo sẽ tự chuốc lấy trừng phạt".

Ngày mồng 7, thưởng cho các quan làm việc lâu năm, siêng năng tài cán. Hạng nhất được thưởng 1 tư và 5 quan tiền, hạng nhì được thưởng 1 tư.

---

[1] Nghĩa như "phê duyệt ngày nay.

[2] Sinh trị: nghĩa là sinh đã biết mọi việc, không cần phải dạy bảo, từ này chỉ dùng cho các bậc thánh nhân.

Trước đây, vua đã sai người đi hỏi ngầm khắp nước, đến đây căn cứ vào lời tâu, bắt và xét hỏi những viên tham quan ô lại không giữ phép nước, gồm Tuyên úy các phiên trấn, tướng hiệu 5 đạo, các viên Tuyên phủ, Chuyển vận; Tuần sát các lộ, trấn, huyện, cộng là 53 người.

[28b] Cho sư trụ trì chùa Báo Thiên là Huệ Hồng làm sa môn, ban cho áo tía.

Người dân huyện Bồ Lãng thuộc châu Hóa là Nguyễn Như Khuê bị vợ là Nguyễn Thị Đồn và con nuôi là Nguyễn Lang giết chết. Việc bị phát giác, Nguyễn Thị Đồn và Nguyễn Lang đều bị chém.

Mùa thu, tháng 8, ngày 11, sét đánh vào thuyền của quân Tây đạo.

Có sâu hại lúa.

Ngày 22, đúc xong tượng vàng của Thái Tổ và Quốc Thái mẫu, **[29a]** sai nhà sư làm phép điểm nhỡn[1] rồi rước vào Thái miếu để thờ.

Ngày 28, Lê Bính và Nguyễn Thiên Tích vâng mệnh đi sứ phương Bắc trở về, tâu là phó sứ Phan Ninh, hành nhân Nguyễn Cát Phú và người đi theo, gồm 7 người bị bệnh dịch chết, nước Minh đều có điếu tế.

Tháng 9, thi giám quan ở Quốc tử giám và các lộ, cùng quân dân có học vấn ở Vân Tập đường.

Bấy giờ, các giáo quan nhiều người không xứng chức hoặc nói xấu lẫn nhau, chuyện đến tai triều đình, cho nên cho thi để thải bỏ, mặc khác, cho thi để chọn lấy quân dân bổ sung chân khuyết.

Ngày 18, nghị bàn riêng về ngạch thuế.

Người ở đất bãi trồng dâu, có ruộng cấy lúa, quân thì cấp cho 5 sào đất trồng dâu, dân thì cấp cho 4 sào để làm sản nghiệp, miễn thuế, nhưng không miễn cho kẻ không vợ và góa chồng. Phan Thiên Tước nói:

"Người không vợ và góa chồng là hạng chính sách nhà vua thương đến. Nay ban ơn cho quân dân mà hạng đó không được dự, thế thì họ không phải là dân của **[29b]** vua ư?".

Bọn Đại tư đồ Lê Sát nói:

"Quân dân bỏ sức làm việc, đóng góp thuế khóa, còn hạng không vợ góa chồng kia cho nước được gì? Vả lại, khi còn Tiên đế, chưa từng giảm nhẹ cho ai thì ông im lặng không nói gì, mà nay đã định thành lệ rồi lại cứ nói mãi không thôi là làm sao?".

Tước trả lời:

"Khi còn Tiên đế, Tước này chưa được giữ chức trách nói năng, nay chức trách phải nói, cũng muốn thành điều hay cho nhà nước mà thôi, có phải mưu lợi riêng cho mình đâu?".

Bấy giờ mới cho những người không vợ, góa chồng được miễn thuế tô 3 sào.

Lấy Lê Khả Lập làm Môn hạ ty hữu thị lang tri Tây đạo quân dân bạ tịch.

Người đàn bà ở xã Thương Xá, lộ Quốc Oai là Nguyễn Thị Ngọc đã có 8 con với chồng. Chồng bị bệnh hủi, Nguyễn Thị Ngọc không cứu chữa nuôi nấng, lấy trộm tài sản của chồng, tư thông với khố giám là Nguyễn Chiếm để mưu lấy chồng khác, bị xử giảo[2].

Vua tập cưỡi voi ở hậu điện, cho voi chạy đuổi nhau. Gặp **[30a]** lúc có người dâng sơn dương sống, vua cho voi đấu với sơn dương. Con sơn dương thế cùng, buộc phải dương sừng ra húc. Voi sợ hãi lùi lại, bị rơi xuống giết chết. Phan Thiên Tước cùng Lê Sát, Lê Ngân can ngăn. Vua im lặng.

Ngày 26, Thái sử thừa Bùi Thì Hanh mật tâu rằng, ngày 1 tháng 11 sẽ có nhật thực, xin dùng bí thuật như năm xưa, để trấn yểm giải trừ. Vua cho dùng thuật ấy, ban cho 50 quan tiền.

---

[1] Điểm nhỡn: vẽ mắt tượng.

[2] Xử giáo: xử thắt cổ cho chết.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 6, lấy Lê Cảnh Xước làm Nội mật viện sứ, vẫn hầu Kinh diên; Đào Công Soạn làm tri Thẩm hình viện sự; Nguyễn Văn Huyến làm tri Nội vật viện sự; Nguyễn Thúc Huệ làm Nội mật viện phó sứ; Hà Lật làm Hữu hình viện đại phu.

Ra lệnh chỉ cho các quan ở hai bên tả hữu kinh thành và vệ quân các đạo rằng: Ở địa phận của phường mình, quân mình, **[30b]** chỗ nào trước có tuần cảnh thì phải làm lại, cắt người luân lưu nhau canh phòng theo như quân pháp. Lại như người của phường nào, quân nào, thì phải làm nhà tại phường ấy, quân ấy, không được ở lẫn chổ khác.

Ngày mồng 10, ra lệnh chỉ cho đại thần, các quan văn võ, đàn ông, đàn bà rằng: Từ nay về sau, không được may mặc hai màu đen, vàng, còn màu vàng xanh thì không cấm.

Ra lệnh chỉ cho đại thần, các quan văn võ cùng quân dân rằng: Phần đất ở kinh thành thì cấm chỉ không được trồng dâu, nếu là ruộng đất nhà nước ban cho thì được trồng các thứ hoa quả. Bấy giờ Thái sử thừa Bùi Thì Hanh nói rằng trong cấm thành kiêng trồng dâu, cho nên có lệnh này.

Vua thấy quan tam phẩm mặc áo màu hồng không hợp quy chế cũ, muốn sai đổi áo màu xanh. Đại tư đồ Lê Sát nói:

"Tiên đế khai sáng cơ nghiệp, có ý định phân biệt **[31a]** kẻ hơn người kém để biểu dương các bậc công thần. Quy chế đã định rồi, không nên thay đổi nữa". Vua nghe theo.

Ngày 18, vua ngự ra bến Đông[1] xem năm quân thi vượt sông.

Có cây cao mới mọc vài đốt đã có quả. An phủ sứ lộ Lý Nhân là Bạch Khuê cho là điềm lành dâng lên. Vua không nhận.

Bãi các chức tước của Chính sự viện tham nghị Nguyễn Nhữ Lễ.

Bấy giờ giáng bổ Nhữ Lễ vào ngự tiền vũ đệ, Nhữ Lễ cho là bị giáng, không nhận chức. Các đại thần cho là Lễ không thi hành mệnh lệnh của vua, tâu xin bãi truất Lễ.

Ngày 29, ra lệnh chỉ cho các quan ngự tiền, các vệ quân và trấn quân năm đạo, cùng những người trong các sảnh, viện, cục, mỗi người đều phải mang lương ăn trong 1 tháng và các thứ chiến bào, đồ dùng, hạn đến ngày 15 tháng 11, phải tập hợp đầy đủ tại địa phận của mình để điểm danh và luyện tập võ nghệ.

[31b] Tháng 11, ngày Mậu Thìn, mồng 1, có nhật thực, vì Bùi Thì Hanh đã mật tâu từ trước, nên không hộ cứu mặt trời.

Ngày Quý Dậu, mồng 6, có sấm và cầu vồng.

Ngày Đinh Sửu, mồng 9, trời có tiếng như sấm. Kinh sư và các huyện bên cạnh động đất.

Chém Chuyển vận sứ huyện Thủy Đường là Nguyễn Liêm.

Liêm nhận của người 2 tấm lụa. Lê Sát căn cứ vào lệnh chỉ thời Thái Tổ ghi nhận một quan tiền hối lộ thì tâu lên xử trảm, [nên chém Liêm]. Con Liêm xin chịu chết thay cho cha, cũng không được.

Chiêm Thành sai sứ sang.

Phát hơn 5.000 quan tiền cấp cho tướng hiệu và quân nhân đi đánh dẹp theo thứ bậc khác nhau.

Mường Bồn[2] sang cống các thứ ngà voi, sừng tê, bạc, vải.

Mường Bồn giáp giới với đất của Cầm Quý, thấy Quý vô lễ, sợ vạ lây đến mình, cho nên quy thuận trước. Vua khen ngợi, sai đem áo kim tuyến về thưởng cho phụ đạo xứ ấy và ban lụa cho người đi sứ theo thứ bậc khác nhau.

---

[1] Bến sông Hồng, ở phía đông thành Thăng Long.

[2] Mường Bồn: tức là Bồn Man.

Ngày 21, lấy **[32a]** Tư mã Tây đạo Lê Bôi làm Tổng quản; hữu bật Lê Văn Linh làm Tham đốc, đốc suất các vệ quân năm đạo và hai vạn trấn quân Nghệ An đi đánh tên phản nghịch Cầm Quý ở châu Ngọc Ma. Vua răn bảo phải nghiêm cấm tướng sĩ, vỗ yên nhân dân, tổng quản, đồng tổng quản, tổng tri nào trái lệnh thì bắt giam mà tâu xin xử tội. Từ vệ đồng tri trở xuống, người nào ra trận mà trái lệnh hoặc lùi lại thì cho chém trước tâu sau.

Châu Ngọc Ma ở phía tây Nghệ An, phía đông Ai Lao. Cầm Quý chỉ có 1 vạn quân. Khi Thái Tổ khởi nghĩa, Quý đã từng đem quân sang giúp, được trao chức Thái úy. Ít lâu sau lại ngờ vực, hối hận tự đem quân về. Đến khi dẹp xong giặc Ngô, Quý rất hổ thẹn và lo sợ, nhưng lại cậy đất hiểm, đường xa, không chịu thuần phục. Quý là người tham lam, tàn bạo, cấm dân không được trồng trọt tranh với mình, xây dựng cung thất lớn, lấy đồng làm cột, vợ cả vợ lẽ phải kể hàng trăm, **[32b]** bắt dân đóng góp nặng, nói láo là để nộp cống, nhưng thực ra là vơ hết về mình. Thái Tổ định giết hắn, nhưng vì bấy giờ còn đương có việc, nên chưa rảnh tính đến. Tới đây, vua sai đi đánh, bắt Cầm Quý đóng củi đưa về kinh sư.

Ngày 22, là ngày Kế Thiên thánh tiết. Ban yến cho các quan. Cho trình diễn các trò vui và múa gươm ở thềm điện. Ban cấp tiền mới đúc theo thứ bậc khác nhau.

Ngày 24, sứ Chiêm từ biệt về nước. Ban cho vải lụa. Sau Lê Nhữ Lãm hỏi bọn họ rằng:

"Đồng ruộng các xứ Thổ Lũy[1] của nước Chiêm vốn là đất của ta, các ngươi nhân lúc nước ta nhiều biến cố, cướp lấy để tự vỗ béo mình, tới nay vẫn không nói đến trả lại. Lễ cống hàng năm lại không nộp là tại làm sao?".

Sứ Chiêm trả lời:

"Bọn thần muốn cho hai nước thân yêu nhau, còn để gõ cửa mà xin lửa. Song chúa nước thần già lẫn, không chịu tin ai. Thần xin triều đình cử sứ sang báo cho chúa nước tôi, nếu không thì dù bọn thần có nói cũng không có bằng chứng gì để làm tin cả". **[33a]**

Nhữ Lãm nói:

"Triều đình há lại không có lấy một sứ thần hay sao? Nhưng nước ngươi không giữ lễ nước nhỏ thờ nước lớn, thì sứ thần đâu có thể khinh xuất mà đi được?".

Bèn làm công văn đóng dấu của Thượng thư trao cho sứ Chiêm mang về.

Lấy tri Thẩm hình viện sự Đào Công Soạn làm Thẩm hình viện sứ kiêm Lễ bộ thượng thư. Công Soạn rất am hiểu điển cũ và phong tục người Ngô. Bấy giờ sứ nhà Minh sắp sang, vua muốn Công Soạn giữ việc ứng tiếp, cho nên có lệnh này.

Đặt chức Trấn quan tri quân dân sự.

Tuyển tráng đinh sung quân.

Tháng 12, sứ Minh là Chu Bật, Tạ Kinh sang báo việc vua Minh lên ngôi[2] và việc gia tôn thái hoàng thái hậu.

Bật vào đến địa giới, trước hết sai người tâu với vua mặc đồ cát phục[3] đón tiếp. Đến khi mở đọc chiếu thư, cũng không làm lễ cử ai, yến tiệc vui chơi như thường.

Bọn Bật tham lam thô bỉ, trong bụng rất hám tiền của nhưng ngoài **[33b]** mặt làm ra vẻ liêm khiết, mỗi khi có tặng lễ vật vàng bạc, đều từ chối không nhận, nhưng lại nhìn những người đi theo nét mặt ngần ngại. Triều đình biết ý, mới đưa những người đi theo sang dự yến ở phòng khác, rồi nhân lúc rót rượu, ngầm lấy mấy nén vàng ấn vào lòng bọn Bật. Bật mừng rỡ khôn xiết. Bọn Bật lại mang nhiều

---

[1] Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ chép là "Ruộng các xứ Chiêm Động và Cổ Luỹ".

[2] Tức là Minh Anh Tông.

[3] Cát phục: áo mặc lúc có việc vui, trái với tang phục.

hàng phương Bắc sang, đặt giá cao, ép triều đình phải mua. Đến khi về nước, phải bắt đến gần một nghìn dân phu khiêng gánh đồ cống vật và hành lý của bọn Bật.

Hạ lệnh cho vệ quân các đạo và năm quân Thiết đột vét sông Đông Ngàn[1].

Ngày 11, lấy tri nội mật viện là Nguyễn Văn Huyến, Điện trung thị ngự sử Lương Thiên Phúc, Quản lĩnh Lê Lung, Tả hình viện đại phu Đinh Lan, cùng đi với sứ phương Bắc là Chu Bật, đem biểu mừng vua Minh lên ngôi và hoàng thái hậu được gia tôn.

Ván khắc mới sách Tứ thư đại **[34a]** toàn hoàn thành.

Lấy Đỗ Văn Lộng làm Tri phủ lộ Quốc Oai Thượng; Hà Đa Mẫn làm Đồng tri phủ lộ Thiên Trường; Phạm Thì Trung làm Tham tri bạ tịch Đông Đạo; Hà Phủ và Bùi Nhữ Lĩnh đều làm Đồng tri Thẩm hình viện; Nguyễn Tông Nhân làm Thiên tri Thẩm hình viện sự; Phan Công Ích làm Hữu hình viện lang trung.

Sai bọn Tư không Mường Mộc và Lê Khả Tham, Thiếu úy Lê Xa Miên cùng đem quân Mường của trấn ấy đi đánh bọn Đạo Quỳnh ở Ai Lao.

Ngày 27, ban tiền cho các quan văn võ theo thứ bậc khác nhau.

Bính Thìn, [Thiệu Bình] năm thứ 3 [1436], (Minh Anh Tông Chính Thống năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, bàn sai Thẩm hình viện sứ kiêm Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang nhà Minh cầu phong.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, đại xá.

[34] Tháng 6, ngày mồng 6, sai bọn Thẩm hình viện sứ kiêm Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Công Cứ sang nhà Minh nộp cống hằng năm.

Mùa thu, tháng 7, bổ sinh đồ các lộ.

Lấy Lê Thúc Hiển làm An phủ sứ lộ Trường yên. Hiển người thôn Hồn, thuộc Hồng Châu, có tài về chính sự, được mọi người khâm phục.

Đinh Tỵ, [Thiệu Bình] năm thứ 4 [1437], (Minh Chính Thống năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, thổ tù châu Mỗi[2], trấn Gia Hưng là bọn Đạo Quỹ, Đạo Thang dẫn người châu đó đến bắt viên thổ quan là Đại tri châu Đạo Lễ đem thắt cổ chết, rồi giữ trại sách làm phản. Chiêu thảo sứ Hà An Lược đánh dẹp được, bắt sống bọn Quỹ và bè đảng hơn trăm tên giải về kinh giết đi. Lại lấy An Lược làm Chiêu thảo đại sứ; Đao Xa, con Đạo Quỹ làm Hoài viễn tướng quân, kiêm Đồng tri châu bản châu, ban cho mũ, đai, **[35a]** y phục.

Sai Hành khiển Nguyễn Trãi và Lỗ bộ ty giám Lương Đăng đốc suất làm loan giá, nhạc khí, dạy tập nhạc múa.

Ngày 13, nhà Minh sai chánh sứ là Binh bộ thượng thư Lý Úc, phó sứ là Thông chính ty hữu thông chính Lý Hanh mang chiếu sắc ấn vàng sang phong vua làm An Nam Quốc Vương (ấn nặng 100 lạng, núm hình con lạc đà, làm bằng vàng). Khi bọn Úc về nước, vua ban cho lễ vật rất hậu, nhưng bọn Úc từ chối không nhận.

Ngày 17, lấy Quản lĩnh quân Hùng tiệp là Thái Sĩ Minh làm chánh sứ; đồng tri Thẩm hình viện sự Hà Phủ và Hữu hình viện đại phu Nguyễn Nhật Thăng làm phó sứ sang tạ ơn nhà Minh.

Làm lễ tấu cáo Thái miếu, vì nhà Minh sang phong.

[35b] Hạ lệnh cho các Hành khi Ban cho quan võ đội mũ cao son. Trước đây, quan võ đội mũ chiết xung, đến nay cho đội mũ cao sơn cũng như quan văn.

---

[1] Sông Đông Ngàn: khúc sông Đuống chảy qua huyện Từ Sơn cũ nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

[2] Mỗi Châu: tức Mường Muổi, sau đổi là Thuận Châu. Thuận Châu đời Lê gồm các huyện Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn tỉnh Sơn La và huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu ngày nay.

ển năm đạo làm sổ hộ tịch.

Thi viết chữ làm tính, lấy đỗ 690 người, bổ làm thuộc lại các pha môn trong ngoài.

Phép thi: Kỳ thứ nhất, thi viết ám tả cổ văn. Kỳ thứ hai, thi viết chữ chân, chữ thảo. Kỳ thứ ba, thi phép làm tính. Người dân và sinh đồ đều được vào thi, giám sinh và những người đã ở sổ quân thì không được thi.

Bấy giờ quan tể tướng đều là đại thần khai quốc, không thích Nho thuật, chuyên lấy việc sổ sách, giấy tờ và kiện tụng để xét thành tích của các quan, bọn lại thuộc phần nhiều chiều hót quan trên, cho nên quan trong ngoài có chức nào khuyết thì tiến cử để bổ dùng. Bọn hãnh tiến chán ghét học thuật, theo nghề đao bút[1]. Giám sinh cũng muốn bỏ việc học hành mà xin vào làm lại, cho nên cấm không cho thi. Lần thi này, những kẻ luồn lọt, thỉnh thác có tới một nửa.

Hành khiển Nguyễn Trãi dâng bản vẽ khánh đá và tâu rằng:

"Kể ra, đời loạn dùng **[36a]** võ, thời bình chuộng văn. Nay đúng là lúc nên làm lễ nhạc. Song không có gốc thì không thể đứng vững, không có văn thì không không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc.

Thần vâng chiếu soạn nhạc, không dám không dốc hết tâm sức. Nhưng vì học thuật nông cạn, sợ rằng trong khoảng thanh luật, khó được hài hòa. Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân, để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận buồn than, như thế mới không mất cái gốc của nhạc".

Vua khen ngợi và tiếp nhận. Sai thợ đá huyện Giáp Sơn lấy đá ở núi Kính Chủ để làm.

Tháng 2, vua tới trường đua xem tập võ nghệ.

Lấy Tả hình viện đại phu Đinh Lan làm An phủ phó sứ lộ Bắc Giang thượng. Đổi Đoàn Quốc Sĩ làm An phủ phó sứ lộ An Bang, lấy bọn nội thị Nguyễn Đình Trạc ba người làm Chuyển vận phó sứ, Vũ đội **[36b]** khách đội trưởng Lưu Bá Cung làm Tứ sương chỉ huy sứ.

Trước kia, Bá Cung làm thông sự cho Thành Sơn hầu Vương Thông. Năm Đinh Mùi (1427), Thái Tổ đóng bản doanh ở Bồ Đề, Vương Thông thường sai Bá Cung đi lại thông tin tức. Thái Tổ bảo Bá Cung rằng:

"Nếu Vương Thông quả rút quân về nước, ta sẽ phong ngươi tước hầu".

Khi đất nước bình yên, được cất nhắc làm đội trưởng.

Đến đây, các đại thần đều nhắc tới việc đó, cho nên có lệnh này.

Ngày Ất Hợi, làm lễ tấu cáo Thái miếu. Truy dâng tôn hiệu cho các Tiên đế, Tiên hậu:

Hiển Tổ Chiêu Đức Hoàng Đế là Hiển Tổ Chiêu Đức Chí Nhân Hoàng Đế[2] Hiển Từ Gia Thục Hoàng Thái Hậu là Hiển Từ Gia Thục Khâm Thuận Hoàng Thái Hậu[3], Tuyên Tổ Hiến Văn Hoàng Đế là Tuyên Tổ Hiến Văn Duệ Triết Hoàng Đế[4], Trinh Từ Ý Văn Trang Du Hoàng Thái Hậu[5], Thái Tổ Thống **[37a]** Thiên Khải Vận Thánh Đức Thần Công Duệ Văn Anh Vũ Đại Hiếu Hoàng Đế[6], Cung Từ Quốc Thái Mẫu là Cung Từ Quang Mục Hoàng Thái Hậu[7], vì nhà Minh sai sứ sang phong.

Gia phong thần từ các xứ trong nước, sai quan đến tế.

---

[1] Đao bút: chỉ bọn thư lại chuyên nắm giấy tờ sồ sách.

[2] Tức Lê Đinh, ông tổ bốn đời của Thái Tông.

[3] Tức bà Nguyễn Thị Quách, vợ của Lê Đinh.

[4] Tức Lê Khoáng, cha Lê Lợi, ông nội của Thái Tông.

[5] Tức bà Trịnh Thị Thương, vợ của Lê Khoáng.

[6] Tức Lê Lợi.

[7] Tức bà Phạm Thị Trần, mẹ Thái Tông.

Bọn Đinh Cảnh An cho là triều nghi không nghiêm, hặc tội bọn Điện tiền đô chỉ huy sứ Hà Thê, Phạm Nội, Lê Lung, đều phạt từ 80 trượng trở xuống. Từ đấy, triều nghi mới hơi nghiêm.

Khảo xét võ nghệ của các tướng hiệu. Phép khảo xét: bắn cung là một môn, ném tên là một môn, đánh mộc là một môn. Cả ba môn đều được thì cấp lương toàn phần, ai không được môn nào thì bị giảm lương, sau coi đó làm lệ thường.

[37b] Tháng 3, nêu biển biểu dương liệt nữ Lê thị.

Lê thị tên là Liễn, người làng Phúc Lâm, lộ Quốc Oai trung, là vợ của Túc vệ Lương Thiên Tích đời Hồ, có nhan sắc, goá chồng sớm, không có con, thờ phụng nhà chồng, cúng lễ chồng đến khi chết. Thiếu bảo Lê Quốc Hưng đem việc ấy tâu lên, nên được biểu dương.

Hạn hán, hạ lệnh cho các lộ, huyện trong nước làm lễ cầu mưa.

Ngày Ất Tỵ, có nguyệt thực. Thái sử Bùi Thì Hanh mật tâu nên ẩn đi, không hộ cứu.

Đô tri tả hữu ban á hầu Lê Vận chết. Truy tặng Trung thư lệnh Tự hiệu hầu, tên thụy là Huệ Tri. Vận là anh của Cung Từ Hoàng Thái Hậu[1] (trước họ Phạm, được ban quốc tính là họ Lê).

Vua ngự ra hồ Tây xem cá.

Lấy Tuyên úy sứ Lạng Sơn là Lê Lộng làm Tuyên úy đại sứ, Tả hình việnn đại phu Đào Mạnh Cung làm Lang trung viện ấy; Nguyễn Doãn Cung **[38a]** làm Hữu hình viện lang trung; Tường hình viện đại phu Nguyễn Trường làm Hữu hình viện đại phu; chuyển vận huyện Thủy Đường[2] là Vũ Đình Ngạn làm Ty hình viện đại phu; Chuyển vận huyện Để Giang[3] là Nguyễn Nhật Ty làm Tường hình viện đại phu.

Mùa hạ, tháng 4, làm lễ cầu mưa ở cung Cảnh Linh.

Vua muốn xem thủ chiếu và thơ văn của họ Hồ[4], Nguyễn Trãi sưu tập được vài chục bài thơ, văn bằng quốc ngữ dâng lên.

Ban tiền sắm triều phục, mũ, đai cho các quan văn võ trong ngoài theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 5, Hành khiển Nguyễn Trãi tâu rằng:

"Mới rồi, bọn thần cùng với Lương Đăng hiệu định nhã nhạc, nhưng kiến giải của thần không giống với Lương Đăng, thần xin trả lại công việc được sai".

Trước kia Thái Tổ sai Nguyễn Trãi định ra quy chế mũ áo, chưa kịp thi hành. Đến đây, Lương Đăng dâng sớ thư **[38b]** đại ý nói:

"Về lễ thì có lễ đại triều và lễ thường triều. Tế trời, cáo miếu, ngày thánh tiết[5], ngày chính đám[6], thì làm lễ đại triều, hoàng đế mặc áo cổn, đội mũ miện, lên ngôi ngai báu, trăm quan đều mặc triều phục đội mũ chầu. Còn những ngày mồng một, ngày rằm hằng tháng thì Hoàng đế mặc áo bào vàng, đội mũ xung thiên, ngồi ngai báu, trăm quan đều mặc công phục, đội mũ.

Lễ thường triều thì hoàng đế mặc áo bào vàng, đội mũ xung thiên, ngồi sập vàng, trăm quan mặc thường phục cổ tròn, đội mũ sa đen. Về nhạc thì có nhạc tế Giao, nhạc tế Miếu, nhạc tế Ngũ tự[7], nhạc cứu khi có nhật thực, nguyệt thực, nhạc đại triều, nhạc thường triều, nhạc cửu tấu khi đại yến,

---

[1] Cung Từ Hoàng Thái Hậu là bà Phạm Thị Trần, sinh ra Lê Thái Tông.

[2] Huyện Thủy Đường: nay là huyện Thủy Nguyên; Hải Phòng.

[3] Huyện Để Giang: nay là huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên.

[4] Tứf Hồ Quý Ly, Hồ Quý Ly có nhiều thơ văn bằng chữ Nôm, nhưng hiện nay chưa tìm lại được.

[5] Thánh tiết: ngày sinh của vua.

[6] Chính đám: ngày mồng một tết Âm lịch.

[7] Ngũ tự: theo Lễ kinh, thiên Nguyệt lệnh, thì Ngũ tự là năm lễ tế các thần Hộ (cửa), Táo (bếp) Trung lựu (giữa nhà), Môn (cửa lớn), Hành (đường đi).

nhạc dùng trong cung, không thể dùng nhất loạt được. Về lỗ bộ đại giá, như xe kiệu thì có đại lộ, tượng lộ, mã lộ[1], có cửu long dư, thất long dư[2],

có bộ liễn, có phi liễn[3]; về nghi trượng thì có kim qua, phủ, việt, chàng, phướn, **[39a]** tinh kỳ, mao tiết, chương phiến[4], long ngũ phượng. Số ngựa đóng vào xe và số đội ngũ theo hầu cũng đều có quy định cả, thần không thể chép hết được".

Thư ấy dâng lên, vua sai Lương Đăng định ra các quy chế. Đăng nhân đó dâng lên quy chế về mũ áo và nhạc khí. Đại để, quy chế do Đăng và Trãi định ra phần nhiều không hợp nhau, những chổ bàn về số lượng, trọng lượng các nhạc khí có nhiều điều trái nhau, mà trình bày cũng khác nhau, cho nên Trãi xin thôi việc đó.

Vua theo lời bàn của Đăng, rồi làm theo. Vua yết Thái miếu bãi trò hát chèo, không tấu nhạc dâm nữa[5].

Cho Thị ngữ sử Nguyễn Vĩnh Tích được phục chức.

Bấy giờ có viên Đồng quản lĩnh[6] Lê Trung Xích sai lính làm việc riêng và làm nhiều điều sai trái. Nguyễn Vĩnh Tích hặc tội, cho là đáng phải biếm chức. Tri từ tụng Trịnh Khắc Phục cứu gỡ cho Trung Xích. Vĩnh Tích xin xét tội luôn cả Khắc Phục. Vua không nghe. Ngày hôm sau, Vĩnh Tích dâng sớ từ chức. Chưa được lệnh, Vĩnh Tích không chịu đến ban nữa. Đinh Cảnh **[39b]** An và Phùng Vinh tâu vua: "Vĩnh Tích làm gì mà không cho phục chức?". Vua bèn cho phục chức.

Thượng thư lệnh tham tri chính sự, tri Bắc đạo quân dân bạ tịch sự Đình hầu Nguyễn Lãm [7] chết, được truy tặng nhập nội thái bảo, tên thụy là Trung Tĩnh. Lãm người đen mà cao, có tài biện bác.

Tháng 6, hạn hán, có sâu hại lúa. Hạ lệnh cho các lộ, trấn làm lễ cầu mưa.

Lấy Nhập nội thiếu úy Tam tri Tây đạo chư vệ quân sự là Lê Thận làm Tham tri Bắc đạo chư vệ quân sự; Nhập nội thiếu úy thượng Nam Sách vệ[8] tổng quản là Lê Lãng làm Tham tri Tây đạo chư vệ quân sự; Thiên Quan vệ đồng tổng quản là Lê Luận làm Nam Sách Thượng vệ đồng tổng quản; Phán đại tông chính tự là Trịnh Khắc Phục làm tri Bắc đạo quân dân bạ tịch; Thanh Hóa lộ đô tổng quản là Lê Lý làm Bắc Giang Hạ lộ đồng tổng quản; **[40a]** tri Nội mật viện sự là Nguyễn Văn Huyến làm Thuận Hóa lộ tri phủ; Chính sự viện tham nghị là Nguyễn Tông Trừ làm Thanh Hóa đồng tri phủ; Nguyễn Nhữ Soạn làm Chính sự viện tham nghị.

Thị ngự sử Đinh Cảnh An tâu vua: "Nhữ Soạn là người tham ô, đã ba lần phạm pháp, nay lại được làm quan tứ phẩm thì lấy gì để khuyên răn kẻ khác".

Vua không nghe.

Ngày Canh Ngọ, kinh sư có mưa, các quan đều chúc mừng, vua sai người đi các lộ xem có mưa không.

Ngày Tân Mùi, xuống chiếu rằng: Mấy năm nay hạn hán sâu bọ xảy ra liên tiếp, tai dịch có luôn, phải bớt hình phạt, giảm thuế khóa, để yên lòng dân.

---

[1] Đại lộ: xe lớn, tượng lộ: xe trang sức bằng ngà voi; mã lộ: xe ngựa.

[2] Cửu long dư: kiệu chín rồng; thất long dư: kiệu bảy rồng.

[3] Bộ liễn: xe đi thong thả, phi liễn: xe đi nhanh.

[4] Tinh kỳ, mao tiết: là các loại cờ. Chương phiến: loại quạt lớn làm bằng lông chim.

[5] Nguyên văn là dâm nhạc, đối lập với nhã nhạc, ở đây chỉ các làn điệu dân gian.

[6] Nguyên văn: " Quan đồng quân quan lĩnh..." hẳn là in lầm, ở đây chúng tôi dựa vào bản dịch cũ.

[7] Sửa lại theo bản dịch củ.

[8] Nên sửa lại là Nam Sách thượng vệ như ở dưới.

Lấy Nam Sách Hạ vệ đồng tổng quản Trịnh Khả làm Hành quân tổng quản tri xa kỵ vệ chư quân sự quản lĩnh Thiết đột hậu dực thánh quân thái giám ngự tiền lục quân tri ngự tiền võ sĩ ngự tiền trung quân chư đội; Điện tiền **[40b]** đô hiệu điểm Lê Ê làm Thiết đột hữu quân đồng tổng quản, Hữu quân đồng tổng quản Lê Hiệu làm Khoái lộ tổng quản; Khoái lộ tổng tri Lê Hổ làm Nam Sách Hạ vệ tổng tri; Đô chỉ huy sứ Hà Thê làm Điện tiền đô kiểm điểm; Chỉ huy sứ Phạm Nội làm Đô chỉ huy; Chỉ huy phó sứ Lê Lung làm Chỉ huy sứ.

Bấy giờ, vua đã lớn tuổi, xét đoán mọi việc đã sáng suốt, mà Lê Sát vẫn tham quyền cố vị nên vua càng ghét Sát, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bao dung. Sát không nhận ra điếu đó.

Đến đây, vua cùng những người hầu cận bàn mưu cho rằng Lê Ê, Lê Hiệu là người thân thích của Sát, mà Trịnh Khả thì trước có hiềm khích với Sát, bèn cho bọn Ê ra ngoài rồi trao cấm binh cho Khả nắm giữ. Sát xin giữ Hiệu lại nói rằng:

"Nếu Khả được hầu trong cung thì sợ thần nguy mất".

Vua trở vào cung.

Ngày hôm sau, vua sai người báo cho Đinh Cảnh **[41a]** An:

"Đại tư đồ Sát cho thăng chức mà không nhận, ta muốn lấy Lê Văn An làm Hải Tây đạo đồng đô đốc tổng quản, mà Lê Sát ngăn trở".

Đinh Cảnh An, Nguyễn Vĩnh Tích liền hặc tội rằng:

"Lê Sát quen thói chuyên quyền, tội ấy khó lòng dung thứ".

Tờ tâu dâng lên, vua trao cho Hình quan xét hỏi. Sát bỏ mũ tâu rằng:

"Nay khép cho thần tội chuyên quyền, thế là tội của thần do Tiên đế mà có cả".

Bấy giờ bọn Lê Văn Linh, Lê Ngân đều cứu gỡ cho Sát, nhưng vua không nghe.

Nhập nội tư mã tham dự triều chính Bắc đạo đồng đô đốc tổng quản Đình hầu Lê Văn An chết, được truy tặng Tư không, tên thụy Trung Hiến. Trong đám quan võ, Văn An là người hoà nhã hơn một chút, mỗi khi tiếp các sĩ đại phu đều giữ lễ.

Lấy Hàn lâm viện hiệu khám Nguyễn Khắc Trung làm Tây đạo đại tư mã nha chủ bạ; **[41b]** Trung thư trước tác Hồ Đức Phùng làm Nội điện biểu tập cục phóc chưởng. Triều trước, chức phó chưởng các cục chỉ đến bát phẩm thôi, nay thăng lên lục phẩm. Người nào đến tước này thì mặc áo lục.

Ngày Bính Tuất, sét đánh lầu cửa Đông kinh thành, có người chết.

Bãi chức tước của Đại tư đồ Lê Sát. Xuống chiếu rằng:

"Lê Sát chuyên quyền nắm giữ việc nước, ghen ghét bậc hiền tài, giết Nhân Chú để hòng ra oai, truất Trịnh Khả bắt người ta phục, bãi chức tước của Ư Đài khiến đình thần không còn ai dám nói, đuổi Cầm Hổ ra biên giới cho gián quan đều bịt miệng im hơi. Xét mọi việc làm của hắn đều không phải là phép tắc của kẻ làm tôi. Nay muốn khép nó vào hình luật để tỏ rõ phép nước, nhưng vì là viên cố mệnh đại thần, có công với xã tắc, nên đặc cách khoan tha, nhưng phải bãi chức tước".

Cho Bùi Ư Đài được phục chức Đồng tri môn hạ tả ty sự, tước Trí tự, thành tri Tây **[42a]** đạo quân dân bạ tịch như cũ. Đưa Tây đạo tham tri quân dân bạ tịch Đặng Đắc ra làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn, ít lâu sau bắt hạ ngục

Lấy Phạm Bôi làm Đông đạo hành quân tổng quản: Lê Lý làm Nhập nội thiếu úy tham tri Tây đạo chư vệ quân sự. Tước bỏ chữ "Công thần" và chức tước của bọn Lê Văn Linh, giáng xuống làm Bộc xạ. Lấy Lê Thận làm Tư mã tri Bắc đạo chư vệ quân sự; Tham tri chính sự Lê Định làm Tư mã; Tham tri Nam đạo chư vệ quân sự Lê Lãng làm Tham tri Bắc đạo chư vệ quân sự; Lê Lan làm Bắc Giang Hạ vệ đồng tổng quản. Lấy Thiên ngưu vệ hành quân tổng quản quản lĩnh tả dực thánh quân kiêm Nghệ An lộ đại tổng quản Lê Chuyết làm Bảo chính công thần hành quân tổng quản tri Kim ngô vệ chư quân sự quản lĩnh **[42b]** hữu dực thánh quân. Đưa Lê Ê ra làm Đồng tổng quản lộ Quy Hóa. Lấy Nhập nộii tư khấu Bắc

đạo hành quân đô tổng quản Lê Ngân làm Nhập nội đại đô đốc Quy Hóa trấn phiêu kỵ thượng tướng quân đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ty thượng trụ quốc, Quốc huyện thượng hầu.

Mùa thu, tháng 7, thăng thiếu úy tham tri Hải Tây đạo chư vệ quân sự Lê Khuyển làm Tham tri chính sự, gia bổng thánh tráng sĩ vệ tổng quản thiếu úy tham tri chính sự.

Lấy Chiêu nghi Lê Nhật Lệ, con gái Đại đô đốc Lê Ngân, làm Huệ phi, phế Nguyên phi Ngọc Dao, con gái Lê Sát, làm thứ nhân. Xuống chiếu rằng:

"Lê Sát tội không thể dung thứ, đáng phải chém để rao, nhưng trẫm tha không cho giết. Duy Đặng Đắc là kẻ bày mưu cho Sát, định hại xã tắc thì phải chém bêu đầu. Nguyễn Gia Nô vì biết chuyện lại không tố cáo thì phải đày ra châu xa. Còn **[43a]** bọn Lê Văn Linh, Lê Lĩnh, Lê Thụ, Lê Ê, Lê Hiệu, đều phải xử phạt theo pháp luật, có ân xá cũng không được hưởng. Lê Bang vì là con rể của Sát, tự tiện ra vào nhà Sát, cho đày ra châu xa".

Lấy An phủ sứ lộ Lạng Sơn là Bùi Cầm Hổ làm Ngự sử trung thừa, vì Hổ trước đã hặc tội Lê Sát[1].

Cho Lê Sát được tự tử ở nhà.

Tờ chiếu viết: "Lê Sát nay lại ngầm nuôi bọn võ sĩ, liều chết, mưu hại bậc trung thần lương tướng, mưu kế giảo quyệt, dấu tích gian phi mỗi ngày một lộ rõ, đáng phải chém đem rao".

Lê Ngân và Bùi Cầm Hổ cùng tâu rằng:

"Tội Sát đáng chết, nhưng Sát từng là đại thần, nếu đem xác đi rao để làm nhục thì sợ rằng để tiếng chê cười cho đời sau".

Bèn cho được chết ở nhà. Vợ con và điền sản nhà Sát đều bị tịch thu. Đem đồ đạc của cải nhà Sát ban cho các quan.

Lấy Tuyên phủ đại sứ Thái Nguyên hạ bạn là Lê Lôi làm Xa kỵ đồng tổng quản kiêm đô tổng quản phủ lộ **[43b]** Thanh Hóa (Lôi người làng Cổ Ninh, huyện Nông Cống); Tuyên úy đại sứ trấn Tuyên Quang là Trần Lựu làm Kim ngô vệ đồng tổng quản kiêm đô tổng quản lộ Thuận Hóa; Nguyễn Cảnh Thọ làm Môn hạ hữu ty thị lang tham tri Hải Tây đạo bạ tịch như cũ; Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ làm Đồng tri thượng thư tả ty sự tham tri Hải Tây đạo bạ tịch. Lấy Nhập nội thị sảnh đô áp nha tham dự triều chính Lê Khiêm làm thượng thư lệnh tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch; Tổng tri Bắc Giang trung lộ Lê Chích làm Tuyên úy đại sứ Thái Nguyên hạ bạn.

Bãi chức Chuyển vận phó sứ Đa Cẩm của Phan Thiên Tước, bắt sung quân của bản lộ, vì Tước là bè đảng của Sát.

Lấy Đồng tri Thẩm hình viện sự Bùi Nhữ Lĩnh làm An phủ sứ lộ Quốc Oai Hạ; Chuyển vận sứ lộ Bắc Giang Hạ **[44a]** Nguyễn Tòng Kiệm làm An phủ lộ sứ trấn Lạng Sơn. Lấy Phụng tuyên sứ Phạm Sát làm nhập nội thị sảnh đô ty; Tri tả hữu ban sự Đào Công Soạn làm Môn hạ tả ty thị lang tham tri Bắc đạo bạ tịch.

Bấy giờ phương tây nam có tiếng kêu như sét đánh, mưa to gió lớn ập tới.

Tháng 8, lấy Thái giám tham tri chính sự Trịnh Khả làm Thiếu úy. Lấy nhập nội thiếu úy tổng quản tiền dực thánh quân Lê Thụ làm Tham tri chính sự.

Thuyền buôn nước Xiêm La sang cống.

Bấy giờ, Ai Lao đem quân sang tranh châu Mã Giang[2] và châu Mộc, Xa Tham đánh lại, chém được tù trưởng của chúng là bọn Man Nữu hơn 20 thủ cấp, bắt sống hơn 20 người giải về kinh sư. Ai Lao sai sứ sang xin lại. Vua tha cho về.

---

[1] Bùi Cầm Hổ trước làm quan ngự sử, mâu thuẫn với Lê Sát, bị đổi ra làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn. Xem sự việc năm Thiệu Bình thứ 1 (1434), tháng 9.

[2] Vùng huyện sông Mã, tỉnh Sơn La ngày nay.

Chủng đội Nguyễn Văn **[44b]** Lôi tâu xin cho đi lấy ngọc trai ở Đông Hải để dùng vào các việc của nhà nước, nhưng vua không nghe.

Lấy các Tham tri chính sự Lê Thận, Đỗ Đại, Nguyễn Xí, Lê Thụ làm tri từ tụng sự.

Thiếu bảo tri từ tụng Bùi Quốc Hưng và Phán đại tông chính tự tri từ tụng Trịnh Khắc Phục đều bị biếm 1 tư. Lang trung Phan Công Ích và Đại phu Nguyễn Trường đều bị bãi chức, đuổi về làm dân.

Bấy giờ, vua sai các đại thần duyệt xét các quan xử kiện xem ai làm tròn chức trách... Nguyễn Tường vì tuổi già lại rất nhiều bệnh tật. Đào Mạnh Cung, Nguyễn Doãn Cung vì đã nhận quan tước của người Minh, thời Thái Tổ lại làm quan xử kiện thời gian dài, nay bọn Khắc Phục, Quốc Hưng xin cho đổi sang chức khác. Vua giận vì bọn Quốc Hưng, Khắc Phục tiến cử người không đúng, lại che giấu tội tham ô cho chúng, xin cho chúng đổi sang chức khác, nên cho biếm chức bọn Khắc Phục và bãi chức của Công Ích và Nguyễn Tường.

Sai các quân ngự tiền theo mẫu sẵn mà vẽ mặt thuẫn **[45a]** và nón da.

Hàn lâm viện đãi chế Vũ Văn Phỉ thông dâm với mẹ vợ là Nguyễn thị, chuyện bị phát giác, phải xử tội chém. Phỉ xin được chuộc tội, cuối cùng bị đày ra châu xa.

Ra chỉ dụ cho các đãi thần, thái giám và hình quan rằng:

"Những người xử án, phải căn cứ vào các điều chính trong luật mà xét xử, còn căn cứ vào điều nào để xử một tội nào thì phải tham khảo luật hình rồi trình cho đại thần thái giám, đài quan và năm đạo cùng nhau xem xét, nếu các quan ấy đều cho là phải thì sau mới quyết định. Đó là vì việc kiện tụng có thể có oan khuất, cho nên phải xét lại cho rõ ràng, không được như bọn Lê Sát trước đây, chỉ xét xử theo lối thiên vị hối lộ.

Cho Tả bộc xạ Lê Văn Linh làm Tri từ tụng sự.

Lấy Ngự tiền cường nỗ hỏa đồng tri quân Lê Đổ làm Chính sự viện đồng tham nghị.Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu rằng:

"Chức Tham nghị quan hệ đến việc phụ chính, không phải là bậc **[45b]** lão thành thì không được. Nay Lê Đổ là người nhiều lầm lỗi mà thăng lên chức ấy thì làm sao cho được?".

Vua không nghe.

Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu rằng:

"Bệ hạ lên ngôi tới nay, hay thay đổi phép cũ của Thái Tổ, như Lỗ bộ ty đồng giám Lương Đăng, Tiên đế cho là người hơi hiểu biết, dùng làm Nội nhân phó chưởng, sau thấy hắn khúm núm, không thể gần gũi được, cho ra làm văn đội. Nay lại thấy hắn làm quan[1] xin bệ hạ nghĩ lại".

Tháng 9, người thợ Cao Liệt dâng hai chiếc mũ cỏ và lấy dân xin vào làm ở cục đó. Thị ngự sử Nguyễn Vĩnh Tích can rằng:

"Thời xưa, người làm vua không hề quý nghề đua lạ khoe khéo. Cho nên vua Thuấn đóng đồ sơn mà có đến 17 người can ngăn. Nay có người dâng mũ thì xin bệ hạ hãy nghĩ tới thời Tiên đế phải dãi gió dầm mưa, chưa bao giờ có thứ đó?".

Khi bãi chầu **[46a]** vua đưa mũ cho đại thần và đài quan xem và hỏi họ:

"Cái mũ này có gì là lạ mà quan phải can?".

Vĩnh Tích trả lời:

"Thần muốn vua hơn cả Nghiêu Thuấn, cho nên can trước cái điều chưa manh nha đó thôi!".

---

[1] CMCB17, 11a ghi Lương Đăng được thăng Đô giám trung thừa.

Vua lại muốn lấy 12 người vào cục quan tác[1]. Bùi Cầm Hổ dâng sớ can ngăn. Vua giận, cho là Cầm Hổ trước đã hặc tội bọn Quốc Hưng, nay lại giúp cho bọn ấy, trước sau nói không thống nhất, nêm biếm 2 tư.

Giáng chức bọn Quản lĩnh Lê Bồ, Lê Lao, Lê Lỗi, cho trở về các chức Trấn phủ, Tuần sát như trước, vì họ là những người được Lê Sát tiến cử.

Lễ bộ ty đồng giám kiêm tri điển nhạc sự Lương Đăng dâng nhạc mới phỏng theo quy chế của nhà Minh mà làm.

Trước Đăng và Nguyễn Trãi đã vâng mệnh soạn định nhã nhạc. Trong đó, nhạc ở trên[2] có 8 loại thanh âm như: trống keo lớn, khánh chùm, chuông chùm[3], đặt các loại đàn cầm, đàn sắt, sênh, quản, thược, chúc ngữ, huân trì[4]. Nhạc ở dưới điện **[46b]** thì có phương hưởng treo, khống hầu[5].

Mùa đông, tháng 10, đày bọn Lê Thảo ra châu xa.

Bấy giờ bọn Lê Thảo, Lê Khản, Lê Khắc Hài đều là võ sĩ, là bọn thân tín của Lê Sát. Đến khi Sát bị tội, có người nói bọn chúng là thích khách của Sát, tra khảo thế nào chúng cũng không nhận. Hình quan cho là bọn Thảo nghe Lê Sát định giết Đại đô đốc Lê Ngân, tội đáng chém. Có chỉ đặc ân tha cho tội chết, bắt đày ra châu xa, tịch thu vợ con, điền sản.

Đạo Mộ ở châu Ngọc Ma bắt em hắn là bọn Đạo Muộn và hơn 50 thủ hạ giải về kinh sư.

Muộn là em khác mẹ của Mộ, đều là con của Cầm Quý. Khi quan quân đánh Ngọc Ma, thì Mộ quy thuận triều đình, còn Muộn thì theo cha sang Ai Lao. Sau khi Quý bị giết, Mộ gọi Muộn về. Đến khi về, lại âm mưu giết Mộ, cho nên Mộ bắt đem nộp.

[47a] Ngày Canh Ngọ, năm kiểu xe lộ[6] làm xong. Cho Lễ bộ ty đồng giám Lương Đăng làm đô giám.

Nội mật viện sứ Lê Cảnh Xước nhận 20 lạng bạc hối lộ, chuyện bị phác giác, theo luật thì đáng tội chết. Vua thấy Cảnh Xước hầu kinh diên lâu ngày, xuống lệnh riêng cho bãi chức về làm dân.

Tháng 11, cho Lê Cảnh Xước làm Hàn lâm viện thị giảng, ngự tiền, học sinh cục phó; Chu Tam Tỉnh làm Tả hình viện đại phu: Trần Phong làm Hữu hình viện đại hu; Nguyễn Nhật Thăng làm An phủ sứ lộ An Bang.

Lấy Chuyển vận huyện Thạch Thất là Trần Hiển làm Thị ngự sử.

Bấy giờ, Hiển tâu là huyện ấy có một nhánh sông cũ, thuyền bè có thể qua lại được mà Tổng quản Lê Hiển tâu xin lấp đi làm đất của mình, do đấy thuyền bè qua lại bị cản trở nhiều. Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu rằng Hiển không né sợ quyền thế, có thể làm chức phong hiến, **[47b]** cho nên Hiển được phong chức đó.

---

[1] Quan tác: có nghĩa là "làm mũ", cục quan tác có lẽ là cục thợ thủ công chuyên làm các loại mũ dùng cho các quan thời đó.

[2] Nguyên văn: "Đường thượng". Bản cũ dịch là "trên đường"; ở đây là "triều đường", là điện của nhà vua khi ra coi chầu, đối lập với "đường thượng" là "đường hạ" tức là dưới điệ, ngoài điện.

[3] Nguyên văn: "biên khánh, biên chung", tức là bộ khánh, bộ chuông gồm 16 chiếc khánh từ nhỏ đến lớn và 16 chiếc chuông tử nhỏ đến lớn cùng treo một giá ở trên.

[4] Sênh, quản thược: đều là các loại sáo. Chúc: làm bằng gỗ, hình vuông, cao 1 thước 3 tấc, giữa lồi lên như cái trống đánh. Ngữ: làm bằng gỗ, hình con hổ nằm lưng có 27 răng cưa bằng đồng, lấy gỗ cọ vào thành tiếng. Huân: làm bằng đất nung hình như quả trứng, có lỗ để thổi. Trì: làm bằng trúc, có lỗ để thổi.

[5] Phương hưởng: gồm 16 thỏi gang dài, từ nhỏ đến lớn cùng mắc nghiêng vào một giá, có hai tầng, lấy dùi nhỏ bằng đồng để đánh. Không hầu: là thứ nhạc khí như các đàn sắt nhưng nhỏ hơn. Quản dịch: là các loại sáo.

[6] Nguyên văn: "Ngũ lộ", là 5 loại xe lớn là : Ngọc lộ (xe nạm ngọc), Kim lộ (xe trang sức bằng vàng), Tượng lộ (xe trang sức bằng ngà voi), Cách lộ (xe bọc da), Mộc lộ (xe đóng gỗ). Số lượng xe và quy cách xe của vua và hoàng hậu, cung phi đều có quy chế sẵn. Các xe ấy đều gọi chung là "lộ".

Ban bố các nghi thức mới định lại trong các dịp lễ thánh tiết, chính đáng, sóc vọng, thường triều, đại yến .

Trước kia, vua sai Lương Đăng định các nghi thức đại triều, đến đây hoàn thành dâng lên. Vua bái yết Thái miếu, các quan mặc triều phục làm lễ theo nghi thức mới bắt đầu từ đây.

Bọn Hành khiển Nguyễn Trãi, Tham tri bạ tịch Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyến, Tham nghị Nguyễn Liễu dâng sớ tâu rằng:

"Muốn chế tác lễ nhạc, phải đợi có người rồi hãy làm, được như Chu Công thì sau mới kkhông có lời chê trách. Nay sai kẽ hoạn quan Lương Đăng chuyên định ra lễ nhạc, chẳng nhục cho nước lắm sao! Vả lại, quy chế lễ nhạc của y là dối vua lừa dưới, không dựa vào đâu cả, như đánh trống là bao giờ ra chầu triều sớm, nay vua ra chầu triều sớm, nay vua ra chầu rồi mới đánh.Theo quy chế xưa, khi vua ra, thì bên tả đánh chuông hoàng chung, rồi**[48a]** năm chuông bên hữu ứng theo, lúc vua vào đánh chuông chưng tân rồi năm chuông cũng ứng theo. Nay vua ra chầu, đánh 108 tiếng chuông, đó là số lần đếm tràng hạt của nhà sư. Nếu theo quy chế của nhà Minh, thì khi vua ngồi ở cửa Phụng Thiên phải có ngai báu, nay chỉ có một điện Hội Anh, lại chỉ có sập vàng, nếu di chuyển thì sợ không yên, đặt cả hai thứ cũng không được, thế là lễ nghi gì?. Làm xe thì đằng trước có diềm, đằng sau mở cửa. Nay lại mở cửa đằng trước, quy chế xưa làm như thế hay sao?. Khi vua ra thì có hô thét, khi vào thì có thu dẹp, đó là quy định của nghi lễ. Nay quan coi cửa xướng tâu mọi việc xong, 0các quan lui ra, vua con ngồi mà người thu dẹp đã la thét dọn dẹp là làm sao?. Vả lại, Đăng là đứa hoạn quan, thần trộm lấy làm ngờ lắm".

Đăng tâu: "Thần không có học thức, không biết quy chế cổ, các nghi thức nay đã làm, **[48b]** chỉ trông cả vào hiểu biết của thần mà thôi, còn ban hành hay không là quyền của bệ hạ, thần đâu dám chuyên quyền".

Nguyễn Liễu tâu rằng: "Từ xưa đến nay chưa bao giờ có cảnh hoạn quan chuyên phá hoại thiên hạ như thế này".

Đinh Thắng từ trong bước ra, mắng rằng:

"Hoạn quan làm gì mà phá hoại thiên hạ? Nếu phá hoại thiên hạ thì chém đầu ngươi trước".

Cuối cùng phải giao Liễu cho hình quan xét hỏi. Án xử xong, tội đáng chém, nhưng được lệnh riêng, cho thích chử vào mặt, đày ra châu xa.

Ngày Bính Ngọ, vua ra coi chầu! Khi ra khi vào có vút roi dẹp đường. Vút roi dẹp đường bắt đầu từ đó.

Ngày Mậu Thân là lễ tế Kế Thiên thánh tiết.

Hôm ấy, buổi sáng vua bái yết Thái miếu, làm lễ 4 lạy. Khi về cung, Lỗ bộ ty[1] bày nghi trượng ở Đan Trì. Vua mang triều phục, áo cổn, mũ miện, ngự ở điện Hội Anh. Đại đô đốc Lê Ngân dẫn các quan mặc triều phục, làm lễ dâng biểu chúc mừng. Vua mặc áo cổn, mũ miện, các quan mặc triều phục **[49a]** bắt đầu từ đây.

Ban đại yến cho các quan, việc treo hoa dâng cỗ đều theo nghi lễ mới.

Nước Xiêm La sai sứ là bọn Trai Cương Lạt sang cống. Vua đưa cho sắc thư bảo mang về và trừ cho phần thuế buôn giãm xuống bằng nửa phần trăm năm trước, cứ 20 phần thu 1 phần, rồi thưởng cho rất hậu. Ngoài ra, về phần chúa nước ấy, cho 20 tấm lụa màu, 30 bộ bát sứ, phần của bà phi nước ấy là 5 tấm lụa màu, 3 bộ bát sứ, mỗi bộ 35 chiếc.

Có người cáo giác Đại đô đốc Lê Ngân thờ Phật Quan Âm trong nhà để cầu mong cho con gái mình là Huệ phi được vua yêu. Vua ngự ra ở cửa Đông thành, sai Thái giám Đỗ Khuyển dẫn 50 võ sĩ lục

---

[1] Lễ bộ: nghĩa là nghi trượng của thiên tử. Lỗ bộ ty là cơ quan của triều đình chuyên trông coi các nghi trượng của nhà vua.

soát nhà Ngân, bắt được tượng Phật và các thứ vàng bạc, tơ lụa. Ngày hôm sau, Ngân vào chầu, bỏ mũ ra để tạ tội. Vua sai bắt nô tì nhà Ngân để tra hỏi.

[49b] Tháng 12, ngày mồng 1, lấy Nhập nội tư mã hành quân tổng quản Lê Khôi làm Nhập nội tư mã tham tri chính sự tri Tây đạo chư vệ quân sự.

Lê Ngân trút mũ tâu rằng:

"Trước kia thần theo khởi nghĩa ở Lam Kinh, nay thần cũng nhiều bệnh, thầy bói bảo là trong chổ nhà thần ở, trước đây có miếu thờ Phật, vì để ô uế, nên xảy ra tai họa. Cho nên thần làm lại để thờ cúng. Nhưng vì người vợ lẽ đã bị bỏ của thần là Nguyễn thị và người vợ lẽ của Lê Sát là Trần thị đã ban cho thần, cả hai đứa đều thù oán thần, cùng với đứa gia nô điêu ngoa của thần thêu dệt bày đặt cho ra chuyện đó. Tiên đế biết rõ lòng thần, thường vẫn ưu ái bao dung. Nay gân sức của thần đã mỏi mệt lắm rồi, xin cho được về quê để sống hết tuổi tàn còn lại. Nếu nghe những người xung quanh mà tra tấn người nhà của thần, khi bị đánh đau quá, nhất định chúng sẽ khai khác đi, thì thân thần sợ không giữ được, xin bệ hạ nghĩ lại cho".

Phát **[50a]** lương ở quân doanh Gia Hưng để trấn quan Gia Hưng cho dân vay ăn.

Trước kia, khi Thái Tổ đi đánh châu Phục Lễ, sai vận chuyển lương thực đến cất giữ ở quân doanh Gia Hưng. Đến đây, Tuyên úy đại sứ trấn Gia Hưng Lê Dao tâu là cả kho chứa và lương thực đều bị mục hỏng, xin đưa chuyển về Đông Kinh. Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu:

"Chứa lương ở nơi biên giới thực là phép hay, chuyển về Đông Kinh sợ cũng không tiện".

Vua nghe theo, nên có lệnh này.

Ra lệnh cho người Minh phải mặc quần áo người Kinh[1] và cắt tóc ngắn.

Đốc suất dân chúng năm đạo đào các kênh.

Giáng Huệ phi Nhật Lệ, con gái Lê Ngân làm Tư dung. Mụ đồng Nguyễn thị bị đày ra châu xa. Thầy phù thủy Trần Văn Phương bị đồ làm lính ở phường nuôi voi.

Lấy Chính sự viện đồng tham nghị Nguyễn Khâm làm An phủ sứ Diễn Châu, Trấn phủ sứ châu Phục Lễ là Lê Ngạn làm Tri châu Quỳ Châu, **[50b]** Lê Khôi làm Trấn phủ sứ lộ Nghệ An.

Truy tôn Cung Từ Quang Mục hoàng hậu là Hoàng thái hậu[2].

Ra lệnh cho các quan Đô tổng quản năm đạo sửa sang thuyền chiến, thuyền tuần tiễu và cờ xí cho nghiêm chỉnh, đầy đủ để tháng giêng năm sau diễn tập thủy trận.

Mậu Ngọ, [Thiệu Bình] năm thứ 5 [1438], (Minh Chính Thống năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, sai dân chúng 4 đạo đào kênh ở Trường Yên, Thanh Hóa, Nghệ An.

Mùa hạ, tháng 5, sai văn thần đốc thúc quân dân đào các kênh ở lộ Thanh Hóa.

Giáng quận vương Tư Tề xuống làm thứ nhân.

Ngày 27, vì có nhiều tai dị, xuống chiếu rằng:

"Mấy năm nay, hạn hán, sâu bệnh liên tiếp xảy ra, tai dị luôn luôn xuất hiện. Khoảng tháng 4, tháng 5 năm nay, nhiều lần sét đánh vào vườn cây trước cửa Thái miếu ở Lam Kinh. Cứ nghiệm xét việc xảy ra tai họa, nhất định là có duyên do trong đó. **[51a]** Có phải do rẫm không lo sửa đức để mọi việc bê trể hay là do quan tể phụ bất tài xếp đặt khôngđiều hòa?. Hay là dùng người không đúng, để người tốt kẻ xấu lẫn lộn? Hay là hối lộ công khai mà việc hình ngục có nhiều oan trái? Hay là làm nhiều công trình thổ mộc để sức dân mỏi mệt? Hay là thuế khóa nặng nề mà dân túng thiếu? Trẫm tự trách tội mình, đại xá cho thiên hạ. Tất cả các đại thần, các quan văn võ các ngươi nên chỉ ra những lầm lỗi kể

[1] Người Kinh: ở đây chỉ người Việt, tức là bắt người Minh phải theo phong tục nước Đại Việt.

[2] Tức là bà Phạm Thị Trần, mẹ sinh ra vua Thái Tông.

trên, cứ thẳng thắn nói hết, đừng kiêng nể gì. Nếu có điều gì tiếp thu được, nhất định sẽ khen thưởnbg cất nhắc, dẫu có ngu dần vu khoát, cũng không bắt tội. Ngõ hầu có thể lay chuyển lòng trời, chấm dứt được tai biến, để nước nhà mãi mãi hưởng phúc lớn vô cùng vậy".

Tháng 6, bổ con trai các quan từ lục phẩm đến tam phẩm làm các cục thân tùy, từ nhị **[51b]** phẩm đến nhất phẩm làm chánh giám, phó giám.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13, sai Thẩm hình viện phó sứ Nguyễn Đình Lịch, Thiêm tri Nội mật viện sự Trình Hiển, Thị ngự sử Nguyên Thiên Tích sang nhà Minh nộp cống hàng năm.

Tháng 12, nhà Minh sai Cấp Sư trung Thang Đỉnh[1], hành nhân Cao Dần sang nói về việc địa phương.

Ngày 20, sai Trung quân đồng tri Lê Bá Kỳ và Trung thừa Bùi Cầm Hổ sang Minh tâu việc địa phương Thái Bình[2].

Kỷ Mùi, [Thiệu Bình] năm thứ 6 [1439], (Minh Chính Thống năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân đi đánh các châu Phục Lễ.

Bọn man họ Cầm nhiễu hại dân biên giới, vua sai tướng đi hỏi tội chúng. Ai Lao tin nghe bọn man họ Cầm là Cương Nương, sai tên Nữu Hoa của chúng dẫn hơn 3 vạn binh tương sang giúp, lấn cướp các châu Phục Lễ. **[52a]** Vua thân hành dẫn 6 quân đi đánh.

Tháng 3, ra lệnh quy định số đồng của 1 tiền, kích thích dài nhắn của vải lụa và quy cách của tờ giấy viết.

Hễ tiền đồng thì 60 đồng là 1 tiền, lụa lĩnh thì mỗi tấm dài 30 thước, rộng 1 thước 5 tấc trở lên, vải gai nhỏ mỗi tấm dài 24 thước, rộng 1 thước 3 tấc trở lên, vải tơ chuối thì mỗi tấm dài 24 thước, vải bông thô mỗi tấm dài 22 thước, giấy thì tính 100 tờ.

Mùa hạ, tháng 4, có sao Chổi hiện ở phương tây.

Mùa thu, tháng 7, ngày rằm có nguyệt thực.

Tháng 8, tuyển người bổ sung quân ngũ. Duyệt quân lớn.

[52b] Mùa đông, tháng 10, hoàng tử Nghi Dân sinh.

Tháng 11, đại xá, đổi niên hiệu. Lấy tháng giêng năm sau làm Đại Bảo năm thứ 1. Đại xá thiên hạ. Những người 70 tuổi trở lên được thưởng tước 1 tư và cho ăn tiệc.

Canh thân, [Đại Bảo] năm thứ 1 [1440], (Minh Chính Thống năm thứ 5). Mùa Xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Ngày mồng 3, xuống chiếu rằng:

"Trẫm nghĩ: Bậc tôi trung tướng giỏi ngày xưa, thờ vua trọn tiết, vì nước quên nhà. Nay đại thần trăm quan văn võ trong nhoài các ngươi, ăn lộc của vua, phải lo cái lo của vua. Hễ trong quân dân có những điều tệ hại và hành vi của trẫm có những gì sai lầm, các ngươi đều nên can gián cho rõ ràng, giúp ta sửa chữa thiếu sót, lo làm tròn mọi việc đáng làm trong chức phận của người bề tôi để sánh ngang hàng với họ Y, họ Lã, ông Chu, ông Thiệu[3], chả lẽ lại chụi ở dưới bọn [Trần Bình], [Chu] Bột, Vương

---

[1] Minh sử q.321, CMCB 17 ghi là Thang Nại.

[2] Đoàn sứ bộ Đại Việt tố cáo thổ quân châu Tư Lang, phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây lấn cướp đất biên giới cửa ta.

[3] Y: tức là Y Doãn, hiền tướng của Thành Thang nhà Thương, có công giúp Thành Thang đánh bại Hạ Kiệt, làm vua thiên hạ. Lã: tức là Lã Vọng, công thần nhà Chu, giúp Văn Vương, Vũ Vương bình định thiên hạ, còn gọi là Lã Thượng. Thái Công Vọng...Chu: tức Chu Công hay Chu Công Đán, con Chu Văn Vương, làm tướng giúp Vũ Vương đánh bại Trụ, Vũ Vương chết, phò tá vua nhỏ là Thành Vương. Thiệu: tức Thiệu Công Tích, con thứ của Văn Thương, con cháu đời đời đều là đại thần phụ chính.

Lăng, Hoắc Quang, Gia Cát, Kính **[53a]** Đức, Tử Nghi, Lý Thạnh[1] hay sao? Nếu được như vậy thì vua tôi sẽ giữ được trọn vẹn công lao sự nghiệp từ đầu tới cuối, cùng hưởng phúc lộc dài lâu mãi mãi, để khỏi phụ lời thề "Hoàng Hà như đái, Thái Sơn như lệ"[2], như thế há chẳng tốt đẹp hay sao? Tất cả quan lại các ngươi, hãy kính theo mệnh lệnh này của ta".

Vua đích thân đi đánh tên phản nghịch Hà Tông Lai dở huyện Thu Vật,thuộc huyện Tuyên Quang.

Ngày 19, bắt được TôngMậu, con Tông Lai.

Ngày 20, chém được Hà Tông Lai rồi đem quân về. Dâng tù cáo thắng lợi ở Thái miếu.

Ngày 21, lập con trưởng là Nghi Dân làm Hoàng thái tử.

Tháng 3, vua thân đi đánh viên thổ quan phản nghịch tên là Nghiễm ở châu Thuận Mỗi, trấn Gia Hưng.

Tuyển tráng đinh bổ sung quân ngũ.

Làm sổ hộ tịch.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 15, vua đem quân từ châu Thuận Mỗi trở về, vì tên Nghiễm dâng trâu và voi **[53b]** xin hàng, và vì đương mưa nắng dữ.

Tháng 6, sách phong Ngô thị[3] làm Tiệp dư, được ở cung Khánh Phương, tức là Quang Thục Hoàng thái hậu sau này.

Lộ Thanh Hóa lụt to.

Tân Dậu, [Đại Bảo] năm thứ 2 [1441], (Minh Chính Thống năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, vận chuyển quân lương.

Tháng 3, vua đi lại đánh tên phản nghịch Nghiễm ở châu Thuận Mỗi, bắt sống viên tướng Ai Lao là Đạo Mông cùng vợ con nó ở động La[4], lại bắt được con của tên Nghiễm là Sinh Tượng và Chàng Đồng. Nghiễm kế cùng ra hàng. Vua bèn đem quân về, dâng tù báo thắng trận ở Thái Miếu.

Giáng Dương Thị Bí xuống làm thứ nhân.

Trước đây, Dương Thị Bí sinh con là Nghi Dân. Vua lập làm Thái tử. Dương Thị Bí cậy thế, càng lăng loàn kiêu căng. Vua vẫn nín nhịn bao dong, giáng xuống làm Chiêu nghi, muốn cho thị sữa bỏ lỗi lầm. Nhưng Dương Thị Bí lại càng hằn học trong lòng, không **[54a]** kiêng nể gì nữa. Vua cho là Dương Thị Bí đã cố tình như vậy, thì con thị đẻ ra chưa chắc đã là người khá, mới giáng xuống làm người đàn bà thường, rồi xuống chiếu nói cho thiên hạ biết là ngôi Thái tử chưa định.

Mùa hạ, tháng 5, ngày Giáp Tuất mồng 9, hoàng tử Bang Cơ Sinh.

Ra lệnh chỉ tuyển con gái đẹp ở các huyện.

Đặt ngự tiền thị vệ, theo thứ bậc mà cho làm quan.

Mùa thu, tháng 8, tuyển chọn con gái đẹp ở sân điện.

Bắt giam hạng đàn bà ngỗ nghịch, đó là làm theo kế của Nguyễn Thị Lộ (Thị Lộ là vợ của Nguyễn Trãi).

---

[1] Trần Bình, Chu Bột, Vương Lăng: là công thần của Hán Cao Tổ Lưu Bang. Hoắc Quang: tên tự là Tử Mạnh, nhân di chiếu lập Hán Chiêu Đế mới có 8 tuổi lên ngôi, Chiêu Đế chết, lại lập Tuyên Đế.. Gia Cát: chỉ Gia Cát Lượng, tướng giỏi của Lưu Bị, lập nên nhà Thục. Kính Đức: tức Trì Kính Đức, tử Nghi: tức Quách Tử Nghi. Kính Đức, Tử Nghi và Lý Thạnh đều là công thần đời Đường.

[2] Lời thề của Hán Cao Tổ khi phong công thần. Đại ý nói: Ta cùng các ngươi mãi mãi cùng hưởng phúc lộc lâu dài truyền nối đến muôn đời con cháu, cho tới khi sông Hoàng Hà chỉ còn như cái đai, núi Thái Sơn chỉ còn như hòn đá mài.

[3] Ngô thị: tức bà Ngô thị Ngọc Dao, sinh ra hoàng tử Tư Thành, sau là vua Lê Thánh Tông.

[4] Tức Mường La, ở Sơn La.

Mùa đông, tháng10, sai sứ sang nhà Minh: Nội mật viện phó sứ Nguyễn Nhật Thiêm, Tri nội mật viện phó sứ Nguyễn Hữu Quang, Thiêm tri Thẩm hình viện Đào Mạnh Cung sang nộp cống hằng năm. Lê Thận sang xin mũ áo.

[54b] Tháng 11, 16, lập Hoàng tử Bang cơ làm Hoàng thái tử.

Xuống chiếu rằng: "Đặt Thái tử để vững gốc rễ, lập con đích để chính danh phận. Đó là mưu xa của xã tắc, kế lớn của quốn gia. Hoàng tử Bang Cơ thể chất vàng ngọc, tư thái anh minh, vừa có uy vọng của một bậc quân vương, lại đúng danh phận là con đích tôn quý. Vậy sai Nhập nội đại đô đốc Lê Liệt mang sắc mệnh lập làm Hoàng thái tử".

Hoàng thái tử Nghi Dân phong làm Lạng Sơn Vương, hoàng tử Khắc Xương phong làm Tân Bình Vương.

Cho Thái phi Phạm Thị Nghiêu tự tử.

Phạm Thị Nghiêu trước kia bị viên nội quan nhà Minh là Mã Kỳ bắt đi. Đến khi trở về, không chịu giữ tiết, lập mưu dụ dỗ bọn gian ác, định mưu phế lập. Vua thấy Thị Nghiêu tuổi đã già, cho vào Lam Kinh hầu Vĩnh Lăng. Phạm Thị Nghiêu vì vậy lại càng oán hận, tội ác đã rõ rệt, theo **[55a]** lời bàn của mọi người, bắt phải tự tử.

Nhâm Tuất, [Đại Bảo] năm thứ 3 [1442], (Minh Chính Thống năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, làm cung điện mới.

Tháng 3, tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Trực, Nguyễn Nhữ Đổ, Lương Như Hộc 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Trần Văn Huy 7 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Ngô Sĩ Liên 23 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Lại sai soạn văn bia, dựng bia ghi tên các tiến sĩ. Bia tiến sĩ bắt đầu có từ đây.

Mùa thu, tháng 7, ngày 20, Hoàng tử Tư Thành sinh.

Ngày 27, vua đi tuần về miền đông, duyệt quân ở thành Chí Linh. Nguyễn Trãi mời vua ngự chùa Côn Sơn[1] ở hương của Trãi. Vua đi thuyền từ bến Đông, vào sông Thiên Đức, qua mộ Bạch Sư ở cầu Bông, xã Đại Toán, huyện Quế Dương, thì thuyền ngự không đi lên được. Các quân hết sức kéo dây cũng không nhúc nhích, **[55b]** hình như có người giữ lại. Vua bèn sai trung sứ[2] đi hỏi khắp những người già cả xứ ấy xem chổ này có vị thần nào. Các cụ già bảo:

"Ngày xưa, có người tên Bạch Sư, khi còn sống rất tinh thông pháp thuật. Sau khi mất, chôn ở ven sông, thường có hiển linh, người xứ này vẫn tế thần long trọng lắm".

Trung sứ hỏi : "Tế bằng thứ gì?".

Người già nói: "Tế bằng nghé".

Trung sứ đem việc ấy về tâu. Vua sai đem nghé non đến tế thần. Bấy giờ thuyền ngự mới đi được.

Tháng 8, ngày mồng 4, vua về đến vườn Vải huyện Gia Định[3], bỗng bị bạo bệnh rồi băng.

Trước đây, vua thích vợ của Thừa chỉ Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ, người rất đẹp, văn chương rất hay, gọi vào cung phong làm Lễ nghi học sĩ, ngày đêm hầu bên cạnh. Đến khi đi tuần miền đông, xagiá về tới vườn Vải, xã Đại Lại, ven sông Thiên Đức, vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ rồi băng, các quan bí mật đưa về.

---

[1] Chùa này có tên là Tư Quốc , tương truyền do nhà sư Pháp Loa đời Trần xây dựng. Chùa làm ở núi Côn Sơn, thuộc Chí Linh, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

[2] Trung sứ: - người được vua sai đi ra ngoài dân thăm hỏi tình hình.

[3] Nguyễn Văn là Lệ Chi Viên.

Huyện Gia Định: sau là huyện Gia Bình, nay là một phần của huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc.

Ngày mồng 6 về tới kinh, nửa đêm đem vào cung **[56a]** rồi mới phát táng. Mọi người đều nói là Nguyễn Thị Lộ giết vua.

Ngày 12, đại thần là bọn Trịnh Khả, Nguyễn Xí, Lê Thụ nhận di mệnh cùng với bọn Lê Liệt, Lê Bôi tôn Hoàng thái tử Bang Cơ lên ngôi. Lúc ấy, vua mới 2 tuổi. Lấy năm sau làm Thái Hòa năm thứ 1.

Ngày 16, giết Hành khiển Nguyễn Trãi và vợ là Nguyên Thị Lộ, bắt tội đến ba họ.

Trước đây, Nguyễn Thị Lộ ra vào cung cấm, Thái Tông trông thấy rất ưa, liền cợt nhả với thị. Đến đây, vua đi tuần về miền đông, đến chơi nhà Trãi rồi bị bạo bệnh mà mất, cho nên Trãi bị tội ấy.

> Lời bàn: Nữ sắc làm hại người ta quá lắm. Thị Lộ chỉ là một nười đàn bà thôi, Thái Tông yêu nó mà thân phải chết, Nguyễn Trãi lấy nó mà cả họ bị diệt, không đề phòng mà được ư?.

Tháng 9, ngày 9, giết bọn hoạn quan Đinh Phúc, Đinh Thắng, vì khi Nguyễn Trãi sắp bị hành hình **[56b]** có nói là hối không nghe lời của Thắng và Phúc.

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang nhà Minh: Hải Tây đạo đồng tri Nguyễn Thúc Huệ và Thẩm hình viện thiêm tri Đỗ Thì Việp sang tạ ơn cho áo mũ. Thị ngự sử Triệu Thái tâu việc địa phương Khâm Châu. Bọn Tham tri Nguyễn Đình Lịch, Phạm Du sang báo tang. Tham tri Lê Truyền, Đô sự Nguyễn Văn Kiệt, Ngự tiền học sinh cục trưởng Nguyễn Hữu Phu sang cầu phong.

Sai hàn Lâm viện thị độc học sĩ kiêm tri ngự tiền học sinh cục cận thị chi hậu Nguyễn Thiên Tích soạn bài văn bia Hựu Lăng[1].

Ngày 16, táng Đại Hành Hoàng đế phía bên tả Vĩnh Lăng ở Lam Sơn gọi là Hựu Lăng. Dâng tôn hiệu là Kế Thiên Thể Đạo Hiển Đức Thánh Công Khâm Minh Văn Tư Anh Duệ Triết Chiêu Hiến Kiến Trung Văn Hoàng Đế, miếu hiệu **[57a]** là Thái Tông.

> Lời bàn: Vua là bậc hùng tài đại lược, quyết đoán chủ động. Khi mới lên ngôi, nghiền ngẫm tìm phương trị nước, đặt chế độ, ban sách vở, chế tác lễ nhạc, sáng suốt trong chính sự, thận trọng việc hình ngục, mới có mấy năm mà điển chương văn vật rực rỡ đầy đủ, đất nước đã đổi thay tốt đẹp. Các nước Trảo Oa, Xiêm La, Tam Phật Tề[2], Chiêm Thành, Mãn Lạt Gia[3] vượt biển sang cống. Sau có tên bề tôi trốn tránh là Tông Lai chiêu tập bọn đi trốn làm phản, đặt niên hiệu ngụy là đứa thổ tù Nghiễm ở châu Thuận Mổi dựa vào AI Lao dám gây biến loạn. Vua thân chỉ huy sáu quân đi giáng đòn trời phạt. Chỉ một tuần mà Tông Lai nộp đầu, hai lần mà tên Nghiễm bị bắt, thực xứng đáng là bậc vua anh hùng.
>
> **[57b]** Vũ Quỳnh khen: Khi vua lên ngôi mới có 11 tuổi, không phải nhờ buông rèm coi chính sự mà mọi việc trong nước đều tự mình quyết định, bên trong chế ngự quyền thần, bên ngoài đánh dẹp di địch. Ngài thông minh trí dũng, còn vượt lên trên cả những vua anh minh đời xưa. Huống chi, ngài lại thể theo lòng trời đất nuôi sống muôn loài, ban hành chính sách xót thương bất nhẫn của bậc đế vương, xử kiện xét tù phần nhiều khoan thứ. Đức hiếu sinh của ngài là cái đức của vua Thuấn xưa. Ôi! những người như vua có thể gọi là hết lòng với việc trị nước vậy.

---

[1] Bài văn khắc rên bia đá đặt ở Hựu Lăng, nơi an táng Lê Thái Tông.

[2] Tam Phật Tề: tên Trung Quốc chỉ một vương quốc trung đại Palem bang ở Sumatra, người ta cũng thường đồng nhất Tam phật Tề với vương quốc Srivijaya (Thất Lợi Phật Thệ) được biết đến từ cuối thế kỷ VII ở vùng này.

[3] Mãn Lạt Gia: tên phiên âm của Malacca, một tiểu quốc Hồi giáo (Sultanat) do Paramesvara lập nên vào đầu thế kỷ XV ở vùng cửa sông Malacca, bán đảo Mã Lai. Nước này phát triển thịnh vượng trong thế kỷ XV, nhưng đến năm 1526 thì bị người Bồ Đào Nha diệt.

[58a] NHÂN TÔNG TUYÊN HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Bang Cơ, con thứ ba của Thái Tông, mẹ là Tuyên Từ hoàng thái hâu Nguyễn thị, tên húy là Anh, người làng Bố Vệ, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. Vua sinh năm Tân Dậu, Đại Bảo năm thứ 2 [1441], tháng 6, ngày Giáp Tuất mồng 9. Năm thứ 3 [1442], tháng 6, ngày 6 được lập làm hoàng thái tử; đến tháng 8, ngày 12 lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Hòa, lấy ngày sinh làm Hiến Thiên thánh tiết. Ở ngôi 17 năm, thọ 19 tuổi, táng ở Mục Lăng. Vua tuổi còn thơ ấu đã có thiên tư sáng suốt, vẻ người tuấn tú đường hoàng, dáng điệu nghiêm trang, sùng đạo Nho nghe can gián, thương người làm ruộng, yêu nuôi muôn dân, thực là bậc vua giỏi, biết giữ cơ đồ, không may bị cướp ngôi giết hại, Thương thay!

Quý Hợi, Thái Hoà, năm thứ 1 [1443], (Minh Chính Thống năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 8, giờ Dậu, có sao sa ở phương nam. Bấy giờ vua mới ba tuổi, nên Thái hậu buông rèm coi chính sự nắm quyền đoán việc nước.

Tháng 2, ngày mồng 2, xuống chiếu rằng:

"Mới rồi trời hiện điềm tai biến như sau sa, động đất. Trẫm rất lo sợ, suy nghĩ nguyên nhân tai biến, không biết bởi đâu. Có phải vì trẫm mới cầm quyền, **[58b]** chưa biết giảm nhẹ lao dịch thuế khóa, có điều không lợi cho dân không? Hay là phụ quốc đại thần điều hòa trái lẽ nên khí âm dương không hài hòa mà đến thế chăng? Hay là việc ngục tụng không công bằng, hối lộ công khai, xử án còn nhiều oan uổng mà đến nỗi thế chăng? Hay là chức thú lệnh chưa được người giỏi, làm bừa trái phép, nhiễu hại dân chúng mà đến nỗi thế chăng? Hay là bọn cung nữ oán hờn chưa thả chúng ra nên hại tới hòa khí mà đến nỗi thế chăng? Có phải là bọn gièm pha âm mưu xảo quyệt, để công thần chịu oan khuất chưa được rửa oan mà đến nỗi thế chăng? Hay là vì bày việc thổ mộc, xây dựng cung điện chăng? Kẻ tiểu nhân được tiến dùng, còn người quân tử phải lui ẩn chăng? Đường nói năng bịt kín mà ơn trên bị che lấp chăng. Bọn phi tần lộng hành mà cửa sau bỏ ngỏ chăng. Lệnh cho khắp quan lại, quân dân, đều phải hết lòng bày tỏ những điều có thể xoay được lòng trời, dập hết tai biến, hãy thẳng thắn nói ra, chớ nên ẩn dấu, để giúp trẫm sửa những điều thiếu sót".

[59a] Có rồng đỏ vào cửa biển Đại Toàn[1].

Tháng 3, ngày 16, ban bố hai chữ húy. Tên vua là Cơ, tên húy của Hoàng thái hậu là Anh, cùng miếu húy gồm 7 chữ.

Mùa hạ, tháng 4, rồng hiện ở bến Hóa, huyện Đông Lại[2].

Tháng 5, động đất.

Ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm Hiến Thiên thánh tiết.

Mùa đông, tháng 10, vua bỏ áo tang, mặc hoàng bào, ngự chính điện để coi chầu. Các quan mặc thường phục theo thứ bậc của mình, vì các quan tâu xin bỏ tang phục, mặc cát phục, căn cứ theo lời chiêm đoán các việc âm dương tai dị của Thái sử viện.

[59b] Tháng 11, nhà Minh sai chánh sứ Hành nhân ty hành nhân Trình Cảnh sang tế [Thái Tông].

Ngày 16, sai bọn Ngự sử trung thừa là Hà Phủ, Hàn lâm viện tri chế cáo Nguyễn Như Đổ, Ngự tiền học sinh cục trưởng Lương Như Hộc sang tạ ơn nhà Minh sang tế.

---

[1] Cửa biển Đại Toàn: Ở vào đất Thái Bình ngày nay, có lẽ là cửa Diêm Hộ bây giờ.

[2] Huyện Đông Lại: Sau đổi là huyện Vĩnh Lại, là vùng đất gồm huyện Ninh Giang cũ, nay thuộc huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng và huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Ngày 25, sai Tham tri bạ tịch Trình Dục, Nội mật viện chánh chưởng Trình Thanh, Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Khắc Hiếu sang nhà Minh tạ ơn việc sách phong.

Giáp Tý, [Thái Hòa] năm thứ 2 [1444], (Minh Chính Thống năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển tráng đinh bổ vào quân ngũ.

Thi chọn sĩ nhân bổ làm thuộc lại các ty.

Làm sổ hộ tịch.

[60a] Mùa hạ, tháng 5, chúa Chiêm Thành là Bí Cai vào cướp thành châu Hóa, cướp bắt nhân dân. Sai Nhập nội kiểm hiệu thái bảo Lê Bôi và Tổng quản Lê Khả đem 10 vạn quân đi đánh.

Mùa thu, tháng 7, bắt giam Thái phó Lê Liệt.

Mùa đông, tháng 10, động đất, nhật thực.

Có nguyệt thực.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Tả thị lang Đào Công Soạn, Ngự tiền chấn lôi quân chỉ huy Lê Tạo nộp cống hằng năm. Đông đạo tham tri Nguyễn Lan tâu việc địa phương Khâm Châu.

Ất Sửu, [Thái Hòa] năm thứ 3 [1445], (Minh Chính Thống năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, sai các văn thần đốc suất quân lính các xứ trong nước đào kênh ở lộ Thanh Hóa.

Mùa hạ, tháng 4, Chiêm Thành vào cướp thành An Dung của châu Hóa. Tháng 5, gặp nước lũ nên thua to.

[60b] Tháng 6, phong hoàng để Tư Thành làm Bình Nguyên Vương.

Ngày 25, sai bọn nhập nội kiểm hiệu tư đồ bình chương sự Lê Thận, Nhập nội đô đốc Lê Xí đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, vì có tai dị, xuống chiếu rằng:

"Trẫm ở ngôi cao mà chưa biết việc đời, cho nên liền mấy năm nay, tai dị liên tiếp, sấm sét luôn luôn, mưa dầm quá độ, nước lớn ngập tràn, đê điều bị vỡ, làm hỏng nhà cửa muôn dân, đầm hồ sụt lấp, dâu rau ngập úa. Có phải vì chính sự có thiếu sót mà hại đến hòa khí vận âm dương biến đổi? Muốn chấm dứt sự trừng phạt của trời cao, phải rộng ban điều ân huệ cho kẻ dưới. Nay ban các điều về thuế, **[61a]** giảm tội rộng rãi theo thứ bậc khác nhau".

Tháng này, lấy Lê Bá Nhai, con trai của Nhập nội thiếu phó tham dự triều chính Lê Khắc Phục làm phò mã đô úy, gả cho hoàng nữ thứ hai là An Nam công chúa.

Nhập nội đô đốc Lê Xí có tội, vua định công khai xử theo luật pháp, nhưng vì Xí là bề tôi cũ có công lao, đáng được hưởng luật bát nghị, nên chỉ bãi chức.

Ngày mồng 7, nước lũ tràn ngập vào trong thành, sâu đến 3 thước. Lúa má bị ngập, mất tới một phần ba.

Tháng 12, sai Bình chương sự Lê Khả đem quân đi đánh Chiêm Thành.

Bính Dần, [Thái Hòa] năm thứ 4 [1446], (Minh Chính Thống năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, đúng kỳ hội quân lớn, chọn người khoẻ mạnh đi đánh Chiêm Thành. Sai dân phu vận chuyển lương thực tới chức ở huyện Hà Hoa[1].

Ngày 22, sai bọn nhập **[61b]** nội đô đốc bình chương Lê Thụ, Lê Khả, Nhập nội thiếu phó tham dự triều chính Lê Khắc Phục đem hơn 60 vạn quân đi đánh Chiêm Thành. Vua thấy chúa Chiêm Thành là Bí Cai nhiều lần dốc quân cả nước vào cướp, cho nên sai đi đánh.

---

[1] Huyện Hà Hoa: sau đổi ra huyện Kỳ Hoa, gồm đất hai huyện Kỳ Anh và Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay.

Tháng 2, ngày mồng 8, sai sứ nhà Minh: Hải Tây đạo tham tri bạ tịch Nguyễn Thúc Huệ sang tâu việc địa phương Long Châu. Đồng tri Thẩm hình viện sự Trình Chân và Chuyển vận sứ huyện Thanh Oai Nguyễn Đình Mỹ sang tâu việc Chiêm Thành.

Ngày 23, các quân của bọn Lê Thụ đến các xứ Ly Giang[1], Đa Lang[2], Cổ Lũy[3], mở thông đường thủy, dựng đắp thành lũy để đánh nhau với giặc, phá tan giặc, thừa thắng đánh thẳng đến cửa biển Thi Nại[4].

Mùa hạ, tháng 4, ngày 25, các quân của bọn Lê Thụ tiến công thành Chà Bàn[5] phá tan quân giặc, **[62a]** bắt được chúa nó là Bí Cai và các phi tần, bộ thuộc, ngựa voi vũ khí, cùng các hàng tướng rồi đem quân về.

Cháu thúc bá của vua Chiêm cũ Bố Đề là Ma Ha Quý Lai đã đầu hàng từ trước, nay sai bề tôi là bọn Chế Cữu, Ma Thúc, Bà Bị sang chầu, dâng biểu xưng thần, xin cho lập làm vua.

Tháng 6, đem chúa Chiêm Thành Bí Cai làm lễ dâng tù cáo thắng trận ở Thái miếu. Đại xá thiên hạ. Giữ chúa Chiêm Thành Bí Cai và ba người phi tần ở kinh sư. Sai sứ đi tìm những người Chiêm ở kinh thành từ trước trao cho tả hữu của vua Chiêm và các hàng trong nước Chiêm cho về nước.

Mùa thu, tháng 9, ngày 19, sai Hải Tây tham tri bạ tịch Nguyễn Hoằng Nghị Nhân và Chính sự viện

Đồng tham nghị Trịnh Hoằng Nghị sang nhà Minh báo tin Chiêm Thành vào cướp năm trước.

Đinh Mão, [Thái Hòa] năm thứ 5 [1447], (Minh Chính Thống năm thứ 12). Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu rằng:

"Nhận lỗi trách mình, duy bậc chí thành **[62b]** mới có thể làm được; trừ tai cứu nạn, thực điều nhân chính phải đặt lên hàng đầu. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, thiên tai xảy ra luôn, dân chúng rất đói kém. Mới rồi, đã hạ lệnh cho các nha môn trình bày những điều có thể làm lợi cho quân dân để chọn lựa thi hành, nay lại thi hành, lệnh cho thải bớt các cung nữ bị giam cấm. Các đạo làm bản tâu trình bày những việc đau khổ của dân trong hạt".

Tháng 9, ngày 29, sai sứ sang nhà Minh: Ngự sử trung thừ a Hà Phủ làm chánh sứ, Thẩm hình viện đồng tri Đinh Lan làm phó sứ sang nộp cống hàng năm và tâu việc địa phương Khâm Châu. Điện trung thị ngự sử Trình Ngự làm phó sứ sang tâu việc địa phương Long Châu.

Mậu Thìn [Thái Hòa] năm thứ 6 [1448], (Minh Chính Thống năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Đồng tri Đông đạo bạ tịch Lê Hy Cát làm Thượng thư hữu ty lang trung; Tham tri Nam đạo bạ tịch Nội mật viện phó [63a] sứ Hoàng Thanh làm Hán lâm viện thị giảng Trần Phong làm Thị kinh diên.

Quản lĩnh Nguyễn Tông Lỗi làm Trung Bắc Giang vệ đồng tri; Tam Đới lộ trấn phủ sứ Lê A Hành làm Thái Nguyên thượng bạn kinh lược sứ.

Tháng 2, lấy Lê Thọ Vực là con Thiếu bảo Lê Sao làm Cận thị tam cục chánh chưởng.

Tư không châu Phục Lễ Đèo Mạnh Vượng có tội, cho tự tử.

Sai nhập nội tư mã Lê Ê đem 5.000 quân hộ tống người em thứ hai của Mạnh Vượng, cho làm chiêu thảo sứ, tri châu Phục Lễ thay trông coi dân chúng của Mạnh Vượng và tịch thu gia sản của Mạnh Vượng.

---

[1] Ly Giang: cũng gọi là Lê Giang, tên huyện thời thuộc Minh và đời Lê, đến đầu đời Nguyễn đổi thành Lễ Dương, nay là đất huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam -Đà Nẵng.

[2] Đa Lang: chưa rõ ở đâu.

[3] Cổ Lũy: vùng đất tỉnh Quảng Nghĩa cũ, nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Thi Nại: tức cửa biển Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[5] Chà Bàn: tức thành Vijaya, kinh đô nước Chiêm Thành thời ấy, nay còn dấu vết ở tỉnh Bình Định.

Mạnh Vượng vốn tính hung bạo, lòng người không theo, lại ngầm sai người đánh thuốc độc giết hại bộ đảng của mình, bộ đảng **[63b]** ai cũng thù oán. Đến đây, nghe quan quân đến, họ tranh nhau giết hai đứa con của hắn, bắt giam cả vợ cả, vợ lẽ, nô tì, lấy hết vàng bạc của cải của hắn đem nộp tại cửa quân. Nhưng Lê Ê khéo biết an ủi vỗ về, không mảy may chạm đến, tình hình lại yên ổn như cũ, người trong châu rất vui lòng.

Biên giới miền đông ngoa truyền rằng nhà Minh sai sứ sang hội khám biên giới. Vua sai Đông đạo tham tri Trình Dục đi dò xét hư thực trở về tâu báo.

Dục đến biên giới không hề điều tra, chỉ tin nghe lời người đi đường đã về tâu ngay là có quan hai ty khâm sai của phương Bắc và quan Tổng binh trấn thủ Quảng Đông đem binh mã tới rất đông.

Vua sai Tư khâu Lê Khắc Phục, Tả hữu nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Văn Phú, hữu ty thị lang Đào Công Soạn, Trung thừa Hà Lật cùng bọn Tây đạo tham tri, Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ, Nguyễn Lan, Bùi Cầm Hổ, Trình Dục **[64a],** Thẩm hình viện phó sứ Trịnh Mân, Nội mật viện tham tri Lê Văn đi hội khám. Lại sai hạ Nam Sách phủ đồng tri Lê Thiệt đem hơn 1 vạn 2 nghìn quân hợp đồng với các quan của trấn An Bang đề phòng biên giới. Ban tiền cho từng người theo thứ bậc khác nhau. lại bắt các quan lộ, trấn, huyện và dân phu thuộc Đông đạo phải đóng góp đầy đủ tiền gạo, trâu dê, gà vịt ngan ngỗng, rượu thịt các thứ để đợi khao quân phương Bắc. Cả miền đông do vậy đều xao động. Đến lúc tới biên giới, ở lại cả tuần, cả tháng, dò xét tin tức thì im ắng như tờ. Bọn họ liền đem tiền của mua hàng phương Bắc chở nặng mang về, nói thác là quan khâm sai nhà Minh lại có khác không đến. Đài quan[1] là bọn Hà Lật thì vào cánh với nhau không nói một câu. Triều đình cũng không có ai hỏi đến tội đó.

Ngày Giáp Tuất, vua ngự về Lam Kinh, Thái hậu và các vương đều đi theo. Sai Đại tư đồ Lê Thận và Đô áp nha**[64b]** Lê Bí ở lại giữa Kinh sư.

Dân Thanh Hóa thấy xa giá đến,trai gái đem nhau đến hát rí ren[2] ở hành tại.Tục hát rí ren này, một bên con trai, một bên con gái dắt tay nhau ca hát, có lúc tréo chân tréo cổ nhau gọi là cắm hoa, kết hoa, trông rất là xấu. Đài quan Đồng Hanh Phát bẩm với Thái úy Khả rằng:

"Đấy là thói dâm tục xấu,không để nhảm nhí trước xa giá".

Khả lập tức sai cấm hẳn.

Ngày Nhâm Ngọ, vua tới Lam Kinh,bái yết lăng miếu.

Tháng 3, ngày mồng 1 ban yến cho các quan ở hành tại bên sông. Ban bạc cho các quan theo hầu từ nhị phẩm trở lên theo thứ bậc khác nhau. Còn các quan từ tam phẩm trở xuống và các quan ở Lam Kinh cùng các loại quân sĩ đi hộ giá thì ban tiền theo thứ bậc khác nhau. Bấy giờ, vua mới ngự đi lần đầu cho nên có việc ban tiền bạc đó.

Bồn Man cho người sang cống sừng tê, vàng bạc và con voi ba ngà**[65a].** Khi đi qua Ngệ An, được lệnh để con voi ấy ở lại quân phủ[3]. Ban cho sứ thần Bồn Man một bộ áo dài bằng đoạn màu hồng, 10 tấm lụa, 5 sọt đồ sứ rồi cho về.

Các Thừa Thiên làm xong, lộng lẫy hơn trước.

Đài quan là bọn Hà Lật, Đồng Hanh Phát hặc tâu rằng:

"Án kiện ứ đọng nhiều,việc này ở các quan có trách nhiệm, bọn thần không biết được". bọn Thẩm hình lang trung phu Trình Mân, Nguyễn Văn Kiệt, Lê Bá Viễn đều cúi đầu tạ tội. Riêng Giám sát ngũ hình Trình Duy Nhất kiếm lời bào chữa mãi không thôi.Vua không trả lời. Sai bọn Hà Lật đến Ngũ hành viện điều tra, thì từ năm Nhâm Tý[4] đến năm Đinh Mão (1449-14?) còn đọng tới 125 án. Các đại

---

[1] Đài quan: các quan ở ngự sử đài chuyên việc xét hoặc lỗi lầm của các quan lại.

[2] Rí ren: nguyên văn là chữ Nôm cũng có thể đọc là "lí len" là một hình thức múa hát dân gian ở vùng Thanh Hóa thời đó.

[3] Quân phủ: trị sở của quân đội một phủ. Phủ ở đây có nghĩa như "doanh".

[4] Nên sửa lại là Giáp Tý.

thần bà nhau đem chia những án kiện đọng lại ấy cho quan năm đạo, đài quan và ngũ hình cấp tốc xét xử, không được để ứ đọng lâu ngày có hại cho dân. Hơn nữa, việc hình ngục qúa nhiều, hình quan sức **[65b]** không làm xuể, xin xét giảm tội cho họ.

Biếm Lang trung Nguyễn văn Kiệt, Đại phu Lê Bá Viễn mỗi người đều 1 tư, mỗi người phải phạt 50 roi.

Mùa hạ, tháng 4, cấm viên quan và quân dân không được chiếm ruộng công để đào ao, làm vườn tược nhà cửa

Lấy cựu Đô đốc Lê Xí làm Thiếu bảo tri quân dân sự, Đồng tri Lê Lư làm Tuyên úy đại sứ chãu Phục lễ.

Thái pó Lê Văn Linh chết, thọ 72 tuổi, được truy tặng khai phủ, tên thụy là Trung Hiến.

Văn Linh là công thần khai quốc, là vị nguyên lão của ba triều[1] tính thâm trầm, có trí lược, rất am hiểu các mặt chính sự, lúc bàn bạc ở triều đình, có nhiều điều rất sáng suốt. Khi Lê Sát bị giết, ông nói thẳng không a dua, đành chịu khiển trách, được công **[66a]** luận cho là phải. Song ham mê tiền của, cho người làm quan để nhận hối lộ riêng. Rốt cục, không một lời nào bàn tới chính sự của đất nước. Ông ta chỉ tin thờ đạo Phật, đinh ninh dặn lại con mình kính mời các bậc cao tăng tụng kinh ba tuần chay, bảy tuần giới, đừng làm đám linh đình mà thôi.

Nam đạo Hành khiển quan nội hầu trí sĩ Lê Soạn chết. Sọa tuy là bậc huân cựa lão thàn, nhưng bỉ ổi, tham lam,không có tài cán gì, người bấy giờ đều khinh bỉ ông ta.

Bọn Nguyễn Hữa Quang từ Chiêm Thành trở về. Sứ thần Chiêm Thành là bọn Bân Đối Thêm, Chiêm Thấp mang quốc thư và lễ vật cống cùng đi theo bọn Hữu Quang sang ta.

Ban yến ở Sứ quan, sai Tư khấu Lê Khắc Phục chủ trì. Ban mũ đai, y phục cho chúa cũ của Chiêm Thành là Bí Cái và cho y dự yến. Đến khi sứ Chiêm về, ban cho chánh sứ, phó sứ mỗi người một chiếc áo, 3 tấm lụa, thông sự và hành nhân mỗi người 2 tấm lụa:19 người đi theo cho chung 19 tấm luạ, nhân tiện sai mang luôn thư vua ban **[66b]** về nước.

Lấy hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Khắc Hiếu làm Thị giảng phụng thị kinh diên; thẩm hình viện phó sứ là Đào Mạnh Cung làm tam Đới lộ tuyên phủ sứ hành Tam Đới lộ sự; Nguyễn Tử Yến làm Hữu hình viện lang trung; Giao Thủy Chuyển vận phó sứ Tưởng Thừa Hy làm Trung Đô phủ Chiếu doãn; cựu Thị độc Nguyễn Thiên Tích làm Hàn lâm tri chế cáo.

Ra lệnh chỉ cho Quản lĩnh ngự tiền vũ đội rằng:

"Bọn các ngươi từ thời Thái Tổ đến nay giữ phậc túc trực đã lâu, không được ngó tới cửa nhà. Nay thiên hạ vô sự, nên chia thành ba phiên thay nhau túc trực để được về viếng thăm cha mẹ".

Vì các đại thần xét thấy liền mấy năm hạn hán, sâu lúa, quan thì túng, dân thì nghèo, mà số vệ sĩ tăng nhiều, lương cấp không đủ, nên có lệnh này.

Lấy Tư khấu Lê Khắc Phục làm Đề điệu Quốc tử giám; Tri phủ Nghệ An là Nguyễn Hồi làm Hữu **[67a]** nạp ngôn, tri Nam đạo tham tri từ tụng sự; Trung thư sảnh thuộc là Cao Mô làm Giám sát ngự sử.

Tháng ấy, giảm bớt số tướng hiệu ở các vệ quân.

Các quân ngự tiền mỗi quân nguyên trước có 8 viên, nay chỉ giữ lại 2 viên. Năm quân Thiết đột, mỗi quân nguyên trước có 4 viên, nay chỉ giữ lại 2 viên.Trước đây, cấp lương hàng năm bằng tiền, sau bắt quân lính phải nộp để thế tiền lương năm trước. Các đại thần bàn là quan nhiều thì hại dân, cho nên có lệnh này.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ trong ngoài rằng:

---

[1] Ba triều: chỉ các triều Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông và Lê Nhân Tông.

"Nhà nước đã có quy định lương bổng để giữ liêm khiết, lại có ban bố phép tắc để theo đó mà làm. Nay bọn các ngươi không chịu giữ phép, khi làm việc công thì mượn tiếng việc công để lo chạy việc tư, khi xét kiện tụng thì lo nhận hối lộ mà bẻ cong phép nước, khiến những người đi đường ai cũng than oán. Xé mối hệ hại này hẳn **[67b]** không phải là việc nhỏ. Nay các ngươi phải gột rửa lòng mình, giữ thân liêm khiết, gắng gỏi việc công, yêu thương quân nhân, khiến chúng dần dần được yên nghiệp, thì các ngươi cũng được yên nghiệp. Nếu vẫn mê muội không chừa, bị người các giác, hoặc dò xét được thực trạng sẽ bị trị nặng hơn luật thường 2 bậc. Quan trên và đồng liêu không biết khuyên răn, thì khi việc bị phát giác, cũng bị trị tội theo luật và cắt phần lương bổng".

Thi và Cận thị chi hậu cục. Kỳ thứ nhất thi ám tả cổ văn. Kỳ thứ hai thi chế, cáo, biểu. Kỳ thứ ba thi thơ, phú. Cho đỗ bọn Nguyên Chương 23 người, bổ làm Nhập nội thị cục học sinh.

Giết Nam đạo chủ bạ Đàm Thảo Lư. Thảo Lư ẩn lậu 4 quan 9 tiền thuế, xét tội không đến nỗi chết. Nhưng bọn Thái úy Khả cho là Thảo Lư đã từng vu hãm Nguyễn Thiên Tích, rất ghét Lư. Vì thế Lư bị giết.

Bọn Hà Lật hặc tội Giám sát ngũ hình Trình Duy Nhất không soát xét **[68a]** án kiện, để đọng lại nhiều. Duy Nhất tuy có tạ tội nhưng trong lòng không phục, bèn tâu rằng:

"Nếu thần được trao giữ chức đàn hặc thì nhất định có thể chấn chỉnh kỷ cương của triều đình mà gạn đục khơi trong được. Nhưng bọn thần lại phải giữ chức pháp quan, sợ rằng việc hình án xét nhanh thì khinh xuất, có thể dẫn tới oan uổng. Vì thế, thường phải để chậm mà suy nghĩ cho chín, thẩm xét cho tường chứ không dám cố ý để đọng lại".

Rồi kể hết các lầm lỗi của đài quan, cho là họ chỉ biết bới móc vết xấu của người mà không biết sửa đổi lỗi lầm của mình. Chống chế biện bác đến 7 lần. Vua cho là Duy Nhất chỉ trích ngôn quan giữa triều đình, hạ lệnh đánh 80 trượng, biếm chức 2 tư.

Mùa hạ, tháng 6, thăng Phụng tuyên sứ Nguyễn Xa Lỗ, Nguyễn Xương làm Tham tri từ tụng sự.

Tha cho Lê Liệt khỏi lao hầm. Vì tám người cùng họ như Lê Khắc Phục và công chúa Ngọc Lan [68b] làm đơn khẩn thiết van xin vua nới phép ban ơn, nên có lệnh này.

Xuống chiếu cho các quan văn võ phải trai giới đến chùa Báo Ân ở cung Cảnh Linh làm lễ Cầu mưa. Vua đích thân tới vái xin.

Sai Thái úy Lê Khả đến xã Cổ Châu rước tượng Phật Pháp Vân[1] về chùa Báo Thiên ở kinh thành. Xuống chiếu cho các nhà sư tụng kinh cầu đảo. Vua và hoàng thái hậu cùng đến làm lễ. Ban cho các nhà sư 10 tấm lĩnh và vóc, 20 quan tiền mới.

Ngày hôm ấy, tha 24 tù nhân tội còn ngờ.

Xuống chiếu cho các quan kinh diên, tham nghị, đài quan, hàn lâm, trung thư tâu bày về duyên do dẫn tới hạn hán.

Đại thần là bọn Lê Thụ cùng dâng sớ hặc tội mình, xin vua miễn chức. Ra sắc dụ không cho và xuống chiếu rằng:

"Vài năm nay, tai dị liên tiếp xảy ra: lụt lội, hạn hán, sâu bệnh không năm nào không có. Có phải vì đạo giữ nước trị dân của trẫm trên không thuận lòng trời dưới chưa thỏa **[69a]** chí dân mà đến nỗi thế không? Hay là các đại thần phò tá không được người xứng đáng, điều hòa trái phép, xếp đặt sai lẽ mà đến nỗi thế chăng? Hỡi các quan trong ngoài cho tới các sĩ dân, các ngươi hãy vì trẫm mạnh dạn nói ra, hãy chỉ rõ những việc làm phương hại tới nhân dân và chính sự của trẫm và các tể thần. Nếu có người hiền lương phương chính, cũng cho được tự tiến cử. Khi trình bày sự việc, cần phải đúng sự thực, không nên viện dẫn suông lời văn cổ xưa để trả lời trẫm".

---

[1] Pháp Vân: tên chùa, tức chùa Dâu ở tỉnh Hà Bắc.

Mùa thu, tháng 7, ba trấn Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng, các lộ Đà Giang đói to. Tri Tây đạo Nguyễn Phú tâu rằng:

"Các trấn lộ Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng ở miền núi rừng hẻo lánh, ruộng đất sỏi đá xơ xác, lại thêm liền năm bị hạn hán, sâu bọ, dân chúng rất đói. Xin lấy thóc kho công cho dân vay, may ra dân được hồi sinh".

Bèn xuống chiếu phát thóc các kho trong xứ cho dân vay, **[69b]** đợi khi được mùa thì trả lại cho nhà nước.

Sao Huỳnh hoặc[1] xuất hiện vào khoảng sao Tâm, đến hơn 1 tuần[2].

Châu Quỳ Hợp dâng 2 con voi. Ban cho y phục, lụa tấm, đồ sứ... Trước kia, Quỳ Hợp vốn gọi là Tồn Bồn Man, phụ thuộc Ai Lao. Từ khi Thái Tổ dựng nước mới sang tiến cống. Đến đây, lại dâng voi, xuống chiếu đổi thành châu Quỳ Hợp.

Bãi chức bọn đại phu của hai viện thuộc ty Tường hình[3] là Lê Bá Viễn, Phạm Phúc.

Trước kia, Bá Viễn xét kiện, có hỏi tới Ngự sử trung thừa Hà Lật. Bá Viễn vặn hỏi nhiều lần, do vậy, Lật để lòng căm giận. Đến đây, Lật góp nhặt những lời bịa đặt của kẻ bị kiện, dâng sớ hặc tội bọn Bá Viễn, Phạm Phúc, Nguyễn Doãn Trung xét ngục tụng nhiều lần buộc tội cho người quá ư thảm khắc, xin thải ra nhận thức bên ngoài, không nên để ở pháp ty nữa. Vua sai quan năm đạo xét hỏi việc ấy. Bọn Bá Viễn, Phạm Phúc không giữ được bình tĩnh, **[70a]** dâng sớ kể tội của Lật, nói là Lật đã từng là tội phạm, xin được đối lý với Lật. Vua giữ sớ lại không giao xuống. Bọn Lật nghe thấy thế rất căm giận, tâu vua:

"Thần thấy từ Tam Đại đến nay, chưa bao giờ có chuyện kẻ bị ngôn quan đàn hặc lại đi kiện lại ngôn quan. Nay bọn Bá Viễn kiện thần, thế lá miệt thị tai mắt của bệ hạ. Bọn thần vì thế mà bị bãi miễn, cố nhiên không đáng tiếc, chỉ sợ rằng những người giữ chức này về sau sẽ phải im miệng không dám nói nữa thôi".

Bọn Thái úy Khả và Tư khấu Khắc Phục nhân tâu là bọn Bá Viễn dám kiện lại đài quan, nên bãi chức. Vua nghe theo.

Xuống chiếu cho Lễ bộ treo bảng cấm dân chúng mặc màu vàng, đi giày và dùng đồ chạm vẽ hình lân phượng.

Lấy Tham tri Bắc đạo là Nguyễn Tông Nhân làm tri Thẩm hình viện sự; Giáo thụ Nguyễn Quốc **[79b]** Kiệt và Phù Thế Hào làm Ty hình đại phu; Ngự tiền học sinh Lê Lâm làm Ngự sử đài chủ bạ.

Ra lệnh chỉ cấm con em nhà thế gia và dân chúng không được nuôi những con vật làm trò như gà chọi, khỉ làm trò, bồ câu thả, chim sơn hô[4] cá vàng[5] mà bỏ cả nghề nghiệp.

Ra lệnh chỉ cấm quan lại ở nội mật, tướng hiệu, quân nhân, sắc dịch ở quân ngự tiền không được chơi bời đi lại với các quan văn võ bên ngoài tiết lộ các việc trong cung.

Tháng 8, cấm các đại thần, các quan văn võ, các mệnh phụ, nữ quan vợ cả vợ lẽ các sắc dịch cùng đàn bá con gái trong nội điện không được ra vào các nhà quyền thế, biếu xén nhờ vả lẫn nhau, dẫn đến làm hại cho chính sự. Nếu họ hàng quen biết thăm viếng lẫn nhau, không có chuyện gì, thì không phải theo luật này.

Giám sát ngự sử Cao Mô bị miễn chức cho trở lại làm thuộc viên ở trung thư như cũ.

---

[1] Sao Tâm: chùm sao trong 28 sao (Nhị thập bát tú) của thiên văn Trung Quốc tức 3 ngôi sao S, A, T của chòm Scorpiton.

[2] Tuần: 10 ngày.

[3] Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ ghi là : Bãi chức hai viên đại phu của ty tường hình.

[4] Sơn hô có lẽ là chim sơn ca.

[5] Cá vàng: dịch ý, nguyên văn là "văn ban ngư".

Mô giữ chức được vài **[71a]** tháng, dâng sớ nói là bọn Quốc cữu Nguyễn Phụ Lộ không thể để làm Tham tri từ tụng, trái ý chỉ của Thái hậu rồi thác cớ có bệnh, xin được thôi chức, cho nên bị miễn.

Bãi chức Bùi Thì Hanh, cho làm thái sử lệnh như cũ.

Thì Hanh tâu bậy là đến giờ Mão ngày 16 tháng ấy sẽ có nguyệt thực. Vua ra lệnh cho các quan đến cả cửa Thừa Thiên để cứu trăng, nhưng không thấy nguyệt thực. Giám sát ngự sử Đồng Hanh Phát hặc tội ấy. Thì Hanh không tỏ vẻ lo sợ, nói riêng với người nhà rằng:

"Chỉ đến phạt tiền là cùng. Ngày xưa Mai trung thừa là tay già đời còn chẳng lay chuyển nổi ta, bọn nhóc Hanh Phát thì làm được gì?".

Hôm sau, Thì Hanh thản nhiên lên điện coi sổ sách như thường. Hanh Phát tâu vua:

"Thần làm chức ngôn quan,điều hay dở của chính sự, việc dùng người đúng sai, đều phải nói cho rõ xem có được hay không. Vì thế người xưa có câu: "Nói tới xe ngự thì Thiên tử phải đổi sắc mặc, nói tới miếu đường thì Tể tướng phải **[71b]** chờ xét tội". Nay Thì Hanh không chịu tạ tội, cứ điềm nhiên như không. Như vậy đâu chỉ là khinh thần, mà hắn còn coi thường phép nước. Ngày xưa Phó Dịch và Lý Thuần Phong[1] nhà Đường, tinh thông lịch số, rất giỏi thiên văn, người bấy giờ đều cho là không ai sánh kịp, nhưng họ cũng chỉ làm đến Thái sử lệnh mà thôi. Nay Thì Hanh tài nghệ còn thua kém bọn Thuần Phong tới trăm ngàn lần, mà được lạm dự Môn hạ sảnh kiêm tri Tây đạo là tại làm sao ? Huống chi, Thì Hanh là đứa là đứa tiểu nhân gian tà về đời Thái Tổ, dám nói càn chiết tự hai chữ "Thuận Thiên"[2] đã bị bãi truất. Đến triều Thái Tông lại cậy tà thuật, ngầm sai giết vượn lấy máu, để trấn yểm tai biến của trời. Đến khi bệ hạ đang lúc có tang, bỗng gặp thiên tai, Thì Hanh bịa cớ âm dương xung khắc, nói láo là do có quốc tang nên mới sinh ra, tâu xin rút ngắn ngày để tang để trừ bỏ tai biến của trời. Xét các việc làm của hắn, thực là **[72a]** lừa dối cả. Thần sợ thiên hạ đời sau đều bảo là dùng bọn âm dương[3] làm Tham tri, bọn bói toán làm An phủ, bắt đầu từ bệ hạ, chứ từ xưa chưa từng bao giờ có bao giờ".

Vua lập tức ra lệnh bãi chức Môn hạ hữu ty lang trung thiêm tri Tây đạo của Thì Hanh. Quốc Oai trung lộ An phủ sứ ty Bạch Khuê nghe thấy thế, cũng lo sợ, xin từ chức.

Trước kia, Thái sử Thì Hanh, Thái chúc Bạch Khuê đều cậy có pháp thuật, ra vào các nhà đại thần đều gần gũi, cho là bọn họ có tài. Vì thế, Thì Hanh xin làm Môn hạ hữu ty lang trung thiêm tri Tây đạo, Bạch Khuê xin làm Quốc Oai Trung lộ An Phủ sứ. Các đại thần ai cũng bảo đảm xin cho. Nhưng những người hiền tài thì đều cảm thấy xấu hổ đứng ngang hàng với bọn họ. Có người đề chữ ở Cầu Kênh ngoài cửa Đông rằng:

"Trời đất tới vận bĩ, nảy nòi lộ an phủ[4]. Mặt trời mặt trăng **[72b]** khuyết, có đứa đạo tham tri[5], châm biếm chế giễu chúng đến như vậy. Tới đây, Thì Hanh, Bạch Khêu phải giáng truất một lúc, mọi người đều rất khoái chí.

Quốc sử đồng tu Nguyễn Văn Tộ từ chức.

Có sâu cắn lúa.

Tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước, lấy đỗ 8 ngườii.

Đến khi thi đình, vua thân ra đề văn sách, hỏi về lễ nhạc, hình, chính. Cho Nguyễn Nghiêu Tư đỗ trạng nguyên, Trịnh Thiết Trường đỗ bảng nhãn, Chu Thiêm Uy đỗ thám hoa lang, bọn Nguyễn Mậu 12 người đỗ tiến sĩ, bọn Đoàn Nhân Công 13 người phụ bảng.

---

[1] Lý Thuần Phong: Thái sử lệnh đời Đường Cao Tông, giỏi thiên văn lịch số là một nhà toán học xuất sắc đã làm chú thích Thập bộ toán kinh. Phó Dịch: cũng là Thái sử lệnh đời Đường.

[2] Thuận Thiên: là niên hiệu của Lê Thái Tổ. Nghĩa chữ "thuận thiên" là thuận theo lòng trời.

[3] Nguyên văn "âm dương nhân" chỉ những người theo thuyết âm dương để chiêm đoán mọi việc.

[4] Chỉ Bạch Khuê, được làm An phủ sứ lộ Quốc Oai trung.

[5] Chỉ Bùi Thì Hanh được làm Thiêm tri Tây đạo.

(Nghiêu Tư người huyện Vũ Ninh; Thiết Trường người huyện Yên Định: Thiêm Uy người huyện Tứ Kỳ. Nghiêu Tư từng thông dâm với mẹ vợ, bấy giờ, có người ghi vào chuồng lợn là "Phường trạng nguyên", có người hát ở đường cái rằng: "Trạng nguyên trư[1] Nguyễn Nghiêu Trư" là chế giễu hành vi xấu xa đó).

Bấy giờ, Tư khấu Lê Khắc Phục muốn cấm các khảo quan tư túi, tâu xin bắt họ phải uống máu ăn thề. Các khảo quan phải thề bắt đầu từ đó. Nhưng thói tư túi vẫn không thể nào hết được.

Có thí sinh làm bài chế **[73a]** văn, đến hai câu đối nhau, đáng lẽ phải dùng chữ có vần trắc, lại dùng ngay chữ "hoành" là thanh bằng. Quan sơ khảo phê là thất luật không lấy. Quan phúc khảo lại chọn lấy, bảo là học trò hay chữ, phê cho đứng đầu cả trường thi, nói bậy là chữ "hoành" người xưa đọc theo thanh trắc, bị người đương thời diễu là "khảo quan ngu"[2]. Bấy giờ khảo quan chỉ nghe lời Tả nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân, ỉm chuyện ấy đi không nói ra. Giám khảo Đồng Hanh Phát vì là học trò Nguyễn Mộng Tuân nên biết mà không nói. Đồng khảo Nguyễn Thiên Tích nổi giận sỉ nhục giữa điện đình. Thiên Tìch cãi lại không chịu, rồi tăm tiếng thiên vị lại càng sôi động.

Sao Thổ phạm vào Thái âm.

Tháng 9, xuống chiếu sai Thái úy Lê Khả đốc suất các cục Bách tác xây dựng miếu điện ở Lam Kinh.

[73b] Lấy An phủ sứ Thượng Hồng là Phan Nhân làm Đồng tri Thẫm hình viện sự; Trung thư xá nhân Nguyễn Lãm làm Hoàng môn thị lang, Hàn lâm viện đãi chế Hoàng Sằn Phu làm Tri chế cáo: Thính bát quan Nguyễn Văn Điển và Vũ Kỳ làm Tả hữu hình viện đại phu; Thân tùy xá nhân Nguyễn Sĩ Hưng làm Trúc một ty đô giám; Bắc đạo thuộc Trình Đức Lương làm Thái Nguyên trung bạn giáo thụ.

Lấy Lê Nho Tông, con Lê Ngân, làm Đại đội trưởng Bảo ứng quân. Ngân vì có công to khai quốc, chết không đáng tội, con là Lê Tông Nho bị vùi dập trong quân ngũ đã lâu, các đại thần thương xót, cho nên có lệnh này.

Lấy Tri chế cáo Đào Thiên Phúc làm An phủ phó sứ lộ Kiến Hưng.

Mùa đông, tháng 10, lấy Chuyển vận phó sứ huyện Cổ Hằng Trình Cảnh và lộ giáo thụ Trình Bàn cùng **[74a]** làm Chính hình viện đại phu.

Người Chiêm Thành là Phan Mỗ dẫn hơn 340 đàn ông đàn bà sang hàng, xuống chiếu chia cho ở các đạo.

Tháng 11, đem chị cả của vua là Vệ Quốc trưởng công chúa gả cho Lê Quát, con trai Thái úy Lê Thụ. Lúc ấy công chúa mới có 10 tuổi, câm không nói được. Xuống chiếu cho Tư khấu Trịnh Khắc Phục làm chủ việc hôn lễ.

Bấy giờ Lê Thụ sắm lễ cưới, nhưng kẻ cầu cạnh ngoi lên, tranh nhau cúng của cải để mưu phú quý, đến nỗi gấm thêu, lĩnh là, vóc lụa bán ở ngoài phố đều vì vậy mà hết nhẵn cả. Lê Thụ lại bắt quan lại các trấn, lộ, huyện phải sắm đủ cả trâu, dê các thứ. Nhưng họ đều bắt quân lính và dân chúng đóng góp để mong lấy lòng Lê Thụ. Đài quan Hanh Phát tâu hặc. Lê Thụ trút mũ tạ tội. Nhưng lệnh đã gửi đi khắp nơi, các quan vẫn cứ đưa lễ vật tới mà Lê Thụ cũng không từ chối, Hanh **[74b]** Phát cũng không nói đến nữa. Sau Hanh Phát lại mang lễ vật đến nhà Lê Thụ lạy tạ. Người thức giã đều bàn chê.

Bọn Nông Thế Ôn ở châu Bảo Lạc[3], Dương Thắng Kim ở sách Thám Già, Nguyễn Châu Quốc ở mường An Phú thuộc trấn Tuyên Quang có tội bị giết.

Trước đó, bọn Ôn, Kim cậy đất hiểm, không chịu nộp phú dịch. Đến đây lại ngầm cùng với bọn Châu Quốc đem quân chống mệnh. Phụ đạo mường An Phú là Nguyễn Doãn Tô cáo giác chuyện đó. Sai

[1] Trạng nguyên trư là "trạng nguyên lợn".

[2] Nguyên văn "lỗ khảo quan" tức khảo quan thô lỗ, ngu dốt.

[3] Bảo Lạc: tên châu đời Lê, nay là đất huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Tổng quản Lê Luân đem quân bản trấn đánh bắt bọn chúng, bắt được bọn Ôn, Kim giải về chém bêu đầu ngoài chợ kinh đô.

Tháng 12, lấy Ngự sử trung thừa Hà Phủ làm Bắc đạo đồng tri phủ[1], Lê Bình làm Nghệ An đồng tri phủ.

Nhập nội đô đốc tham dự triều chính Đinh hầu Lê Chích chết.

Chích là công thần khôi quốc cũ, thời Thái Tổ đã được tham dự triều chính, vì có lỗi mất **[75a]** chức. Đến chiều Thái Tông, được khôi phục làm Đồng tổng quản châu Hóa, trấn giữ Thát Ải. Người Chiêm hai lần vây đánh thành, Chích lấy ít đánh nhiều, nhiều lần đánh tan bọn chúng. Sau lại đi đánh Chiêm Thành có công được thăng dần đến chức này. Đến đây chết, được truy tặng Nhập nội tư không bình chương sự, tên thụy là Trinh Vũ.

Lấy trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư và Tiến sĩ Trịnh Kiêm làm Hàn lâm trực học sĩ (vì Kiên nguyên đô là đô quan lục phẩm): bảng nhãn Trịnh Thiết Trường vá thám hoa lang Chu Thiêm Uy làm Trung thư xá nhân; tiến sỉ Nguyễn Bá Ký làm Hàn lâm tri chế cáo; Nguyễn Mậu và Dương Chấp Trung làm Khởi cư xá nhân; Phạm Đức Khản, Nguyễn Đình Tích, Nguyễn Di Quyết và Đặng Tuyên làm Hàn lâm đãi chế; Bùi Phúc, Nguyễn Văn Chất, Phan Hoan, Nguyễn Thúc Thông làm Quốc sử viện đồng tu sử; phụ bảng là bọn Đoàn Nhân Công 13 người được sung làm ngự **[75b]** tiền học sinh.

Lấy An phủ phó sứ Thiên Trường là Phan Phu Tiên làm Quốc tử giám bác sĩ; Chuyển vận phó sứ huyện Phú Lương là Phạm Năng làm Trợ giáo, lộ giáo thụ Vũ Vĩnh Trinh làm Quốc tử giám giáo thụ; Thính hậu quan Phan Tử Viết làm Quan sát sứ.

Lấy những người ngự thí thích hợp cách là bọn Đặng Duy Khiêm 33 người sung làm giám sinh Quốc tử giám. Theo lệ thi hàng năm thì học trò các lộ đến thi ở bản đạo, chỉ những thí sinh đồ hợp cách đỗ hương cống mới được sung làm giám sinh, còn quân dân đỗ hương cống thì không được sung làm giám sinh, vẫn chỉ là hương cống. Đến đây, Tư khấu Trịnh Khắc Phục mới xin lấy quân dân đỗ hương cống là bọn Duy Khiêm sung làm giám sinh, mà những sinh đồ đỗ hương cống lại không được vào Quốc tử giám. Dư luận bấy giờ rất ngờ có ăn hối lộ trong chuyện đó.

Năm ấy, xử án bắt tử hình 42 **[76a]** người.

Kỷ Tỵ, [Thái Hòa] năm thứ 7 [1449], (Minh Chính Thống năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ban yến cho các quan. Múa nhạc "Bình Ngô phá trận".

Trước kia, Thái Tổ dùng võ công bình định thiên hạ. Thái Tông tưởng nhớ công lao tiền bối, sáng tác điệu vũ "Bình Ngô". Đến đây, vua nghĩ tới công sáng nghiệp gian lao, không quên công đức tổ tiên, cho nên lại cho múa điệu ấy, công hầu có người xúc động phát khóc.

Điện trung thị ngự sử hặc tội Tham dự triều chính Lê Bí nghi thức trái lễ, Thiếu bảo Lê Sao lấn vượt sai thứ bậc, Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn không chịu nêu ra, mỗi người đều phải nộp tiền theo thứ bậc khác nhau.

Ra lệnh chỉ cho những người dân biết chữ đến ngày 20 tháng này phải tới bản đạo để dự thi. Người nào hợp cách thì đưa đến Lễ bộ tập trung cho thi. Ai đỗ được miễn tuyển bổ kỳ này.

Lệ cũ: Thi dân bằng ám tả, viết chữ và làm toán để lấy người vào các **[76b]** cục. Đến đây, các đại thần bàn cho thi ám tả và nghĩa của bản kinh[2] và Tứ thư mỗi thứ một bài, cho đề thi trái với những điều đã học để người được miễn tuyển bổ ít đi. Vì thế, chỉ có 85 người được hợp cách, vẫn cho về làm dân và được miễn tuyển bổ kỳ này. Thi miễn tuyển bằng ám tả và kinh nghĩa bắt đầu từ đấy. Sau đó, coi là lệ thường.

Tuyển tráng đinh bổ sung quân ngũ, thải những người già.

---

[1] Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ sửa là "Bắc đạo đồng tri".

[2] Bản kinh: nguyên văn là "bản kinh", có thể là lầm từ "ngũ kinh".

Làm sổ hộ tịch.

Tháng 2, miếu điện ở Lam Kinh làm xong. Sai Hàn lâm thị độc Hoàng Thanh thay Nguyễn Lãm làm lễ tấu cáo. Vì Lãm trước đó có tội với Thái Tổ.

Tuyển tráng đinh. Cháu nội của các quan từ lục phẩm trở lên, con trai các quan thất, bát phẩm đều được miễn.

Lệ cũ: Quan lục phẩm chỉ con được miễn tuyển, đến đây miễn cả cháu nội, còn quan thất bát phẩm chỉ được miễn cho con, hoạn quan cũng được miễn một người thân thích. **[77a]** Ban rộng ấm trạch bắt đầu từ đấy.

Lấy Chuyển vận phó sứ huyện Tế Giang[1] là Lưu Thúc Khiêm làm Thị ngự sử, Ngự tiền học sinh Nguyễn Cư đạo làm Giám sát ngự sử.

Ban cho Tổng quản cũ Lê Bôi 20 quan tiền. Bôi là công thần khai quốc cũ, bị chứng trúng phong đã lâu, ở rỗi đã 17năm. Đến đây, bệnh hơi bớt vào chầu, cho nên được ban ơn riêng.

Sai Tư khấu Lê Khắc Phục đem người các cục Bách tác, quân vệ Thiên Quan, Tứ sương và quân dân trấn Thái Nguyên đào lại sông Bình Lỗ[2] từ Lãnh Canh (tên châu)[3], đến cầu Phù Lỗ[4] dài 2.5000 trượng thông với Bình Than để tiện việc đi lại trong trấn Thái Nguyên.

Tháng 3, người Chiêm Thành là Quý Do bỏ tù chúa nó là Quý Lai, tự lập làm vua, sai bề tôi là bọn Giáo Nhĩ Mỗ, Bàn Thoa **[77b]** sang dâng cống vật. Vua xem tờ biểu, khước từ nói:

"Tôi giết vua, em giết anh là tội đại ác xưa nay, trẫm không nhận đồ dâng".

Sai trả hết cả. Rồi sai Đồng tri hữu tri sự Nguyễn Hữu Quang, Điện trung thị ngự sử Trình Ngự mang thư sang dụ rằng:

"Sự thực của các ngươi như thế nào thì phải sang trình bày cho rõ".

Mùa hạ, tháng 4, khôi phục tước Tự Hiệu hầu và chức. Nhập nội thị trung cho Thái tử thiếu bảo Lê Lễ. Hôm ấy, Lễ chết.

Lễ suốt đời làm gia thần cho Thái Tổ, rất được tin dùng, sớm tối hầu chầu, không lúc nào rời bên cạnh, dốc lòng trung trinh, có sức hơn người. Khi Thái Tổ khởi nghĩa, vợ cả vợ lẽ bị hoạn nạn mà vua phá vòng vây, thoát khỏi nguy hiểm, phần nhiều là công của Lễ. Thái Tổ thường khen ông và từng nói:

"Nếu dồn mọi công lao lại thì ngôi tể tướng chẳng ngươi còn ai? Trẫm có tiếc gì với **[78a]** ngươi, chỉ vì tài của ngươi không xứng mà thôi".

Đến khi sắp băng, khóc bảo Lễ rằng:

"Nếu trẫm không còn thì còn ai biết khanh nữa, sợ từ đây về sau bị giáng truất mà thôi!".

Sau bị Nguyễn Thị Lộ gièm, phải giáng làm Thái tử thiếu bảo, đúng như Thái Tổ đã nói.

Đến đây, ốm nặng, được khôi phục chức cũ. Ngày mồng 4 thì chết, thọ 82 tuổi. Được truy tặng Hương hầu, tên thụy là Trung Tiết.

Đồng tham nghị Chính sự viện Cao Doãn Cung, Trình Hoằng Nghị, Nguyễn Bá Thanh, Mai Tử Kiệt cùng từ chức.

Đài quan Lưu Thúc Khiêm và Nguyễn Cư Đạo hặc tội bọn Doãn Cung, Hoằng Nghị ở chức chính viện đại thần mà chỉ ngồi làm vì, ăn hại, không giúp được gì, tuổi đã quá 70, mắt lòa, tai điếc vẫn còn

---

[1] Tế Giang: sau đổi là huyện Văn Giang, nay là một phần đất huyện Châu Phong, tỉnh Hải Hưng.

[2] Sông Bình Lỗ: tức sông Cà Lồ, trong huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

[3] Lãnh Canh: hay Lãnh Kinh, ở khoảng gần Đáp Cầu, tỉnh Hà Bắc.

[4] Cầu Phù Lỗ: tức cầu qua sông Cà Lồ ở xã Phù Lỗ, huyện Kim Anh cũ, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

tham lộc vị, không còn biết liêm sĩ, làm hại phong hóa, đáng phải bắt về cả. Thế là bọn Doãn Cung đều xin từ chức. Vua y cho.

Bọn Tả hữu nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Truyền, Nguyễn Viết, **[78b]** và bọn Nhập thị kinh diên Đào Công Soạn, Nguyễn Tử Tấn đều cùng xin trí sĩ, nhưng còn tiếc lộc vị, chưa muốn về, thấy vua một lần không cho, chỉ lạy tạ mà thôi. Sau lại rủ nhau làm lễ tạ ơn thì chân tướng lộ rõ, người đương thời cười chê.

Tháng ấy bị hạn. Vua thân đến cung Cảnh Linh làm lễ cầu mưa.

Sai Than tri Bùi Cầm Hổ, Lễ bộ lang trung Nguyễn Cảnh đi cầu đảo ở núi Tản Viên và Tam Đảo đều không ứng nghiệm.

Ngày Quý Mùi, vua xuống chiếu tự trách mình. Tờ chiếu viết:

"Trẫm gặp phải gia biến, bên trong thì mẫu hậu coi chầu, bên ngoài thì đại thần giúp việc, mà liền năm đại hạn, lúa má mất mùa, dân chúng buồn than. Nghĩ kỹ tội ấy, hẳn có nguyên do. Có phải do trẫm không biết dốc niềm thành kính để được hưởng lòng trời, không biết lo tròn đạo hiếu để thờ phụng tông miếu, không ban ân huệ cho khắp muôn dân nên đến nỗi thế **[79a]** chăng? Có phải trẫm không biết sử dụng nhân tài, những kẻ được dùng đều là loại hèn kém mà đến nỗi thế chăng? Có phải do nạn hối lộ công khai, tệ phi tần lộng hành mà đến nỗi thế chăng? Hay là do trẫm không dè dặt tiêu dùng, thường lạm tiêu bừa, để hại của dân mà đến nỗi thế chăng? Hay là các đại thần giúp việc chưa trọn đạo điều hòa âm dương mà đến nỗi thế chăng? Hay là các tướng soái phiên thần không biết yêu thương quân dân, quen thói đục khoét mà đến nỗi thế chăng? Có phải vì các thú lệnh không biết vỗ nuôi nhân dân, chỉ lo bòn vét mà đến nỗi thế chăng? Hay là quan coi hình ngục không giữ công bằng, chỉ lo xử nặng, kẻ nào đút lót thì tha, để oán khí bốc lên mà đến nỗi thế chăng? Có phải các quan thừa hành chỉ chuộng hư văn, để ân trạch của vua bị tắc lại ở trên, tình của kẻ dưới không thấu lên trên được mà đến nỗi thế chăng? Hay là các nhà quyền quý cậy thế ra oai để dân mọn **[79b]** bị hại mà đến nỗi thế chăng? Có phải vì chọn lựa người hiền, cất nhắc người sót chưa được thi hành, để thói cầu cạnh chạy chọt ngày một tệ hại mà đến nỗi thế chăng? Hay là do chủ tướng đảo lộn quân công, lấy không làm có, làm hại đạo công mà đến nỗi thế chăng? Có phải vì chưa thi hành đầy đủ nhân chính, để dân chúng vẫn còn nhiều người thất nghiệp mà đến nỗi thế chăng? Hay là do đầm cá hoang khô, ngạch thuế chưa giảm, dân phải nộp nhiều mà đến nỗi thế chăng? Có phải vì con cháu các bậc công thần cố cựu chưa được bổ dùng hết để đền đáp công lao họ mà đến nỗi thế chăng? Tất cả tội lỗi trên chồng chất lại, đã làm tổn thương hòa khí, nếu không xét lời dạy sửa lỗi lầm, làm tròn đạo tu dưỡng mình thì làm sao trên có thể lay chuyển được lòng trời, dưới có thể cứu vớt được nạn dân?".

Tờ chiếu ban xuống, đêm hôm ấy có mưa.

Bắt đầu lập đàn thờ thần Đô đại thành hoàng, đàn thờ thần Gió, Mây, Sấm, Mưa và đàn thờ ma quỷ không ai tế tự để tứ thời cúng lễ.

Sai bọn Đồng tri Bắc đạo Hà Phủ đưa người Minh **[80a]** là Lý Văn Xương về Quảng Tây.

Trước kia, thời Thái Tổ, người Quảng Tây là Văn Xương đem gia thuộc và bộ đảng hơn trăm người trốn sang quy phục nước ta, cho ở huyện Phục Hòa, trấn Thái Nguyên, đến đây đưa trả về nước.

Bọn Hà Phủ dâng sớ:

"Thần nghe: biết lỗi không khó, sữa lỗi mới khó, nói điều thiện không khó, làm điều thiện mới khó. Nay trời giáng tai họa hạn hán, trong tờ chiếu của bệ hạ có điều nói là chằm cạn không có cá, dân phải nộp thuế nhiều, thần xin giảm ngạch thuế đó để ban ân huệ thực". Vua nghe theo.

Tháng 5, cấp phu quét dọn cho Văn miếu và nhà học của các lộ, trấn, mỗi nơi 20 người, mỗi Giáo thụ được 2 người phu để làm thường bổng. Đó là theo lời của Khoái lộ An phủ sứ Nguyễn Hữu Phu.

Sao Kim đi qua mặt trăng.

Lê Thụ và Lê Khả dâng sớ nói:

"Ngày xưa, vào đời thịnh trị, nếu gặp tai biến của trời thì vua tự xét mình lại, đại thần nhận tội cùng lòng kinh sợ để mong dẹp yên tai biến của trời. Kính nghĩ khoảng năm Thuận Thiên thường được mùa luôn, cho đến các năm Thiệu Bình, Đại Bảo, điểm tốt có nhiều. Bệ hạ chưa tự mình trông coi chính sự, cũng không có lầm lỗi gì, thế mà lụt lội, hạn hán liên tiếp xảy ra, tai dị luôn luôn xuất hiện. Hẳn là bọn thần không biết thể lòng thương yêu muôn dân, chăm sóc vạn vật của bệ hạ, điều hòa trái lẽ như lời chiếu đã nói. Cúi xin Thánh Từ[1] đòi bọn thần tới Chính sự đường hỏi bọn thần về việc quân, việc nước, việc gì nên làm, việc gì nên bỏ, cốt ở thực hành, không nên chỉ chuộng hư văn". Hoàng thái hậu có ý chỉ trả lời rằng:

"Sách xưa có **[81a]** câu: "Việc người tốt thì thiên thời hòa". Nay Quan gia[2] còn trẻ mà thiên tai xảy ra luôn, trẫm rất lo sợ. Mối hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiến cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiềm để[3] cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thêé để xin khỏi tội. Làm thế nào để trừ bỏ mối tệ hại đó cho vua tôi ta một lòng một dạ để trừ tai biến của trời, trên thì có thể phù trì Quan gia giữ vững cơ nghiệp của tông miếu, dưới thì có thể giữ yên thiên hạ, thỏa lòng mong đợi của quân dân".

Mưa to.

Chém bọn thân tùy chánh giám Lê Nhân Lập ở chợ Tây.

Nhân Lập là con của thiếu úy lê Lan, cùng với người tronh kinh là bọn Nguyễn thọ Vực họp nhau đánh bạc, trộm cướp, sợ bọn ấy tiết lộ ra, sai người đến tận nhà dụ đến mà giết. Việc phát giác, bắt giam ngục rồi đều chém cả. Biếm Lan **[81b]** 2 tư vì không biết dạy con.

Đại xá. Trong lệnh ân xá có điều khoản giảm tội cho tù nhân, tha thuế đầm hồ.

Thuyên chuyển các quan văn võ trong ngoài.

Lấy thẩm hình viện phó sứ Trình Chân làm Bắc giang thượng lộ An phủ sứ; Trình Dục làm Lễ bộ thượng thư; Bắc đạo đồng tri bạ tịch hà Phủ làm Đồng tri phủ Thanh Hóa; bọn Quãn lĩnh Lê Kỳ làm Đồng tri của các vệ; tuyên phủ sứ nguyễn Liêu làm Gia Hưng quan sát sứ tri quân dân sự; An Phủ sứ lộ Lý Nhân là Đỗ Thì Việp làm Thẩm hình viện phó sứ; Lễ bọ lang trung Nguyễ Cảnh làm Chính sự viện đồng tri tham nghị chính sự; tiền hành khiển Lê Thái làm Tả ty thị lang đồng tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch, ban tước Đại liêu ba. Thái là cháu gọi Thái phó Lê Liệt bằng cậu. Liệt bị tù, bãi chức của thái **[82a]** đến khi Liệt được tha, lại bổ dùng Thái.

Giáng Thẩm hình viện đồng tri Phan Nhân làm An phủ phó sứ lộ Lý Nhân.

Đưa Ngự sử Lưu Thúc Khiêm ra làm Chuyển vận phó sứ huyện Yên Lãng[4]; Nguyễn Cư Đạo làm Quốc tử giám trực giảng, vì hai ông này hặc tội Doãn Cung va Hoằng Nghị.

Lấy Đông đạo đồng tri bạ tịch Nguyễn Thúc Huệ làm Môn hạ hữu nạp ngôn, Thái sử lệnh Bùi Thì Hanh làm Tham nghị chính sự.

Gián quan Đồng Hanh Phát hặc Thúc Huệ rằng:

"Chức vụ quan trọng nhất của triều đình chỉ có Tể tướng và Hành khiển thôi. Nay Thúc Huệ xuất thân là tiểu lại, chuyên dùng chính lệnh hà khắc.Trước đã làm Tham tri Bắc đạo 2 người chung nhau một chiếc quần. Đến khi vâng mệnh đi sứ nước ngoài thì gọi là đồ quỷ, làm nhục cho nước đến thế, còn làm gì?"

[**82b**] Lại hặc Thì Hanh rằng:

---

[1] Thánh Từ: tức Thánh Từ hoàng thái hậu. Vua còn nhỏ, thái hậu phải buông rèm coi chính sự.

[2] Quan gia: Lê Nhân Tông. Đời Trần có qui định gọi vua là quan gia. Đây cũng theo lệ ấy.

[3] Công thần nơi tiềm để: Công thần giúp vua từ khi chưa lên ngôi.

[4] Yên Lăng: nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

"Thì Hanh dùng tà thuật lừa dối vua,xui vua để tang ngắn ngày để bệ hạ thất hiếu với Tiên đế. Vả lại, việc để tang ba năm, thì Tiên đế đã thực hiện rồi.Thần trước đã hặc Thì Hanh phải bãi chức Tham tri Tây đạo, thế mà nay lại thăng tới chức Chính sự tham nghị! Vả "chính" có nghĩa là chính đáng, nếu bản thân mình không chính đáng thì làm việc sao cho chính đáng được? Thần nghe hào Lục tam trong quẻ Giải nói: 'Kẽ mang tội mà ngồi xe, ắt sẽ dắt giặc tới" [1] là chỉ bọn Thúc Huệ,Thì Hanh đó chăng?"

Thái hậu hỏi Tể tướng:

"Gián quan hặc như thế, nên làm thế nào?"

Bọn Lê Khả tâu: "Dùng người không nhất thiết phải cầu toàn. Bọn thần đã tìm hết những người tại chức và thân thích cố cựu nhưng không được một ai. Bọn thần thấy Thúc Huệ làm việc đều được cả. Còn bọn mới lên thì thần thấy Thúc Huệ làm việc đều được cả. Còn bọn mới lên thì thần chưa biết được ai hay ai dở, không dựa vào dâu mà cất nhắc được".

Thái hậu bèn nghe theo.

[**83a]** Mùa thu, tháng 7, đổi hai quân Hỏa đồng thành quân Thần lôi, Thần điện; các quân Thiện trạo thành quân Hải hồng, Hải mã, Hải kinh, Hải thu, quân Bát náo thành quân Hải cốt.

Đặt phối sở của các châu xa ở hai trấn Tuyên Quang và Quy Hoá[2], của ngoại châu ở huyện Thái Đường, trấn An Bang[3] để dời những người phạm tội của hai phủ thuộc đạo Hải Tây ra đó. Còn tội nhân của các lộ thì vẫn để nơi cũ.

Sứ thần Chiêm Thành là bọn Bô Sa Phá Tham Tốt cùng đi với Nguyễn Hữu Quang sang ta.

Vua sai Tư khấu Lê Khắc Phục, Nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân vặn hỏi sứ Chiêm Thành về tội giết vua. Sứ Chiêm Thành không trả lời được, chỉ lại tạ mà thôi.

Sai Thượng thư Trình Dục, Hàn lâm trực học sĩ Trịnh Kiên đi sứ Chiêm Thành, mang thư sang dụ và đòi lại người nước ta trước ở Chiêm Thành.

Bức thư đại ý là: "Đã có nước là có vua[**83b**] tôi. Đó là đạo cương thường. Người Chiêm Thành các ngươi cớ sao lại vi phạm luân thường đến như thế? trước kia, Vương Đề chết, các ngươi đã không chịu lập con của Đề ma lập Bí Cai làm vua, rồi bọn ngươi lại không biết dẫn dắt vua mình đi theo chính đạo, kính thờ nước lớn, để đến nỗi bại vong. các ngươi đã xin lập Qúy Lai làm vua, chưa quay xong gót đã lại phế đi và lập Qúy Do. Các ngươi là bọn phản phúc bất trung, xem vua như con cờ, thế là đạo gì vậy?".

Tháng 8, Hoàng thái hậu viết chỉ dụ bọn đại thần rằng:

"Từ khi quả nhân coi chính sự đến nay, thấy rõ lòng trung quân ái quốc của các đại thần đã hết sức phò tá giúp rập. Bên trong sửa sang trị nước, bên ngoài đánh dẹp di địch, để giữ yên thiên hạ. Quả nhân sớm khuya suy nghĩ có cách nào báo đền công lao ấy. Nhưng vì tài hèn đức bạc, thẹn mình không được giỏi bằng các Thái hậu họ Mã, họ Đặng và bà Tuyên Nhân[4] ngày xưa, để làm trọn đạo ưu đãi đại thần. Nay sẽ **[84a]** sai triều sĩ hợp bàn những việc nên làm hiện nay, để thành khuôn phép hay của một đời, cho không còn những tệ xấu nữa.

---

[1] Hào lục tam, quẻ Giải của Kinh Dịch.Nguyên Văn: "Phụ thả thừa, tri khấu chí'.

[2] Phối sở: nơi đày các tội nhân, tùy mức độ phạm tội, có thể đày ra châu xa hoặc châu gần. Hồi ấy Tuyên Quang bao gồm cả phần đất tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang ngày nay; Quy Hóa bao gồm cả phần đất của tỉnh Yên Bái, Lào Cai ngày nay.

[3] An Bang: đất tỉnh Quảng Ninh hiện nay. An Bang không có huyện Thái Đường. Có lẽ nhầm từ huyệnThủy Đường, tức huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng hiện nay.

[4] Thái hậu họ Mã: là hoàng hậu của Hán Minh Đế, tính cần kiệm, hay đọc sách, bàn luận chính sự rất sáng suốt. Thượng Đế lên ngôi phong làm Hoàng thái hậu. Thái hậu họ Đặng là hoàng hậu của Hán Hòa Đế, Thượng Đế còn bé lên ngôi, buôn g rèm coi chính sự. Thượn g Đế chết, lập An Đế, vẫn trông coi chính sự, chọn dùng người giỏi. Bà Tuyên Nhân: bà hoàng hậu của Tống Anh Tông. Triết Tông còn bé lên ngôi, bà buông rèm coi chính sự 9 năm, được coi là Ngihiêu Thuấn trong giới phụ nữ.

Các khanh hãy cùng nhau thể theo ý ấy để trọn đạo làm tôi, bảo toàn tiết tháo sau trước, đừng để chỉ riêng các ông Cao, Quỳ, Tắc, Tiết, Y, Phó, Chu, Thiệu[1] đời xưa được ca ngợi mà thôi. Như thế, chẳng tốt đẹp biết bao!".

Biếm Tư mã Hóa Châu là Lê Định hai tư.

Bấy giờ Hà Lật hặc tội Lê Định thả người Chiêm Thành đầu hàng và cưỡng bức con gái nhà người làm vợ lẽ mình, cho nên bị biếm.

Một hôm, tan chầu, Thái úy Lê Khả thấy có cái lưới săn trước Vân Tập đường, bèn gỡ đi và nói:

"Chớ để vua trông thấy lưới này, sẽ gợi thói ham săn bắn sau này".

Lấy Trung thừa Hà Lật làm Tây đạo Tham tri bạ tịch; Đài quan [chủ] bạ Lê Lâm và Quốc tử giáo thụ Phạm Duy Ninh đều làm Giám sát ngự sử: Lấy Quốc tử giám trực giảng Doãn Tử Bình làm an phủ phó **[84b]**sứ; Nội mật viện đồng tri Lê Niệm làm phó sứ; Ngự tiền học sinh Đặng Doãn Mỹ và các giám sinh Nguyễn Cương Trung, Nguyễn Tự Đắc, Cao Văn Xỉ làm Chuyển vận phó sứ các lộ. Giám sinh được bổ làm huyện quan bắt đầu từ Cương Trung.

Lấy Trung Bắc vệ đồng tri Lê Trạo làm Quỳ Châu kinh lược đại sứ, Lê Kỳ làm Bắc Giang vệ đồng tri.

Lấy Quốc Oai làm Trung lộ an phủ sứ[2].

Vua Anh Tông nhà Minh căm giận giặc phương Bắc là Dã Tiên (Dã Tiên là tên hiệu của giặc)[3] vào cướp, theo lời bàn của Vương Chấn, một bề tôi của vua, thân hành đi đánh. Ngày 17 tháng 7, ngự giá đi đến Đại Đồng[4] rồi đem quân về. Ngày 16 tháng 8, ngự giá đi đến Thổ Mộc[5] (tên đất) bị giặc phương Bắc bắt được. Ngày 17, tin Anh Tông đi tuần phương Bắc (bị giặc bắt được) báo về kinh sư rất kinh hãi. Ngày 18, Hoàng thái hậu sai em Anh Tông là **[85a]** Thành Vương Kỳ Ngục quyền nắm việc nước. Ngày 20, Hoàng thái hậu bàn lập Hoàng trưởng tử Kiến Nhu làm hoàng thái tử, bấy giờ mới 2 tuổi, vẫn sai Thành Vương phụ chính.

Tháng 9, ngày mồng 6, Thành Vương nhà Minh lên ngôi, tôn Anh Tông làm Thái thượng hoàng ở xa, đổi niên hiệu năm sau thành Cảnh Thái năm thứ 1.

Mùa đông, tháng 10, hạ lệnh các sắc dịch của các lộ đem nộp gạo chín cấp cho quân dụng, sau lại bãi bỏ lệnh này, vì đã bàn định đánh Chiêm Thành nhưng rồi lại thôi.

Lấy Quốc Oai Hạ vệ thiếu úy Lê Lan làm Thiếu úy phủ Tân Bình, Thuận Hóa, được hơn 1 năm thì chết.

Người kinh thành đẻ con có hai đầu, cho là quái gỡ, bỏ cho chết.

[85b] Tháng 11, sai các lộ, huyện làm sổ sách.

Bổ bọn giám sinh Lô Thuần, Phạm Công Niêm 30 người làm thuộc lại các đạo. Giám sinh được bổ làm thuộc lại bắt đầu từ đó.

---

[1] Cao: là Cao Dao, danh thần của Ngu Thuấn Quỳ: là quan coi nhạc của Ngu Thuấn. Tắc: quan coi việc làm ruộng của Thuấn. Tiết:: hiền thần của vua Thuấn, thủy tổ nhà Thương. Y: tức Y Doãn. Phó: Tức Phó Duyệt. Chu: Tức Chu Công Đán. Thiệu: tức Thiệu Công Thích.

[2] Dịch theo nguyên văn. Chỗ này ngờ sai sót.. Bản dịch cũ chép: "Cho Quốc Oai làm Trung lộ an phủ sứ" và ngờ in thiếu tên người nào đó.

[3] Dã Tiên: quan Thái sư của bộ tộc Ngõa Lạt nước Mông Cổ.

[4] Đại Đồng: là trị sở của phủ Đại Đồng, nay thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc.

[5] Thổ Mộc: tên đất, ở phía tây huyện Hoài Lai của Trung Quốc.

Lê Quán Chi, con trai Đại đô đốc Lê Khuyển đang đêm tụ tập đánh giết người ở giữa chợ. Việc bị phát giác, Quán Chi phải hạ ngục, cung xưng dây dưa tới hơn 10 người là con cái nội quan và các quan chức khác.

Án sắp xong, Thái hậu thấy Khuyển là bậc đại thần, chỉ huy cấm binh, là chỗ dựa của vua. Nếu giết con Khuyển, sợ Khuyển đau lòng, liền làm trái luật pháp, tha cho hắn, chỉ lấy tiền bồi thường trả cho người chết thôi. Gián quan Lê Lâm ngậm miệng không dám nói, để đến nỗi trẻ con ở chợ nắm tay mà nói: "Tiếc ta không được làm quan đài thôi!".

Người Chiêm Thành trả lại 70 người của ta là bọn Trình Nguyên Đĩnh. Lấy Nguyên Đĩnh làm Chính sự viện đồng tham nghị.

[86a] Bổ sung chương điền sản gồm 14 điều vào bộ hình luật. Trước kia, Thái Tổ định thực hiện phép quân điền, cho nên lược bỏ chương điền sản. Đến đây lại bổ sung vào.

Lấy An phủ phó sứ lộ Nam Sách Thượng là Nguyễn Trực làm Hàn lâm viện thị giảng; An Phủ sứ lộ Quy Hóa là Nguyễn Như Đổ và An phủ phó sứ lộ Quốc Oai Hạ là Lương Như Hộc cùng làm Hàn lâm trực học sĩ; lộ giáo thụ Trình Bá Cung, Đào Phục Lễ cùng làm Giám sát ngự sử; Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Nghiêu Tư làm An phủ sứ lộ Tân Hưng; Thượng trung thư xá nhân Trịnh Thiết Trường làm An phủ sứ lộ Tân Hưng Hạ; Quốc tử giám giáo thụ Nguyễn Nhữ Bật làm An phủ phó sứ lộ Kiến Xương. Giáo thụ được bổ chức An phủ bắt đầu từ Nhữ Bật.

Lấy khởi cư xá nhân Nguyễn Mậu làm **[86b]** Chuyển vận sứ huyện Lập Thạch; Dương Chấp Trung làm Chuyển vận sứ huyện Thủy Đường; Ngự tiền học sinh Nguyễn Đạt làm Chuyển vận sứ huyện Đại Man.

Lấy Lê Thiếu Dĩnh làm Giáo thụ lộ Tam Đới. Trước đây, Thiếu Dĩnh làm thiêm tri Thẩm hình viện, vì can tội tham tang, bị bãi chức về làm dân, suốt đời không được bổ dụng. Đến đây lại được làm Giáo thụ.

Lấy Giáo thụ Quốc tử giám Nguyễn Thiên Túng làm Tư nghiệp; Giáo thụ Nguyễn Siêu là Trợ giáo; Lương Mộng Tinh và Vũ Vĩnh Trinh làm Trực giảng; Tư hình viện đại phu Phù Thế Hào làm Chuyển vận phó sứ huyện Cổ Phí.

Chuyển vận phó sứ huyện Văn Bàng là Lương Tông Ký ăn hối lộ, việc bị phát giác. Án xử xong sắp đem chém, thì Ký nhờ người xung quanh xin tha chết. Thái úy Lê Khả nói:

"Phép nước không thể tha được", lại nói: "Ăn trộm của một nhà còn không thể tha thứ, huống hồ Ký kại ăn trộm **[87a]** cả một huyện!".

Lại giao xuống cho xét, vẫn xử tội chết.

Canh Ngọ, [Thái Hòa] năm thứ 8 [1450], (Minh Cung Tông, Cảnh Thái năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, thả vợ con Lê Liệt ra khỏi ngục Thiên Lao.

Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai Lý Thực làm chánh sứ đi cùng sứ giả của giặc Bắc lên phương Bắc. Ngày 15, bọn Thực ra mắt Anh Tông, rỏ nước mắt khóc, làm lễ lạy xong, thấy chỗ của Anh Tông lều bằng da, màn bằng vải, trải chiếu xuống đất mà ngủ, bèn tâu rằng: "Nay bệ hạ ăn mặc kham khổ quá". Rồi hết lời kể tội Vương Chấn, nói là vì bệ hạ tin yêu hắn quá, đến nỗi phải chịu tai họa khi tuần thú ra ngoài. Anh Tông nói: "Trẫm nay có hối cũng không kịp nữa". Thực làm một bài thơ tức sự rằng:

Trùng chỉnh y quan bái thượng hoàng,
Ngẫu văn thiên ngữ trọng thê lương.
Tinh chiên sung phúc phi thiên lộc.
Thảo dã vị quân dị đế hương.
Thủy tín gian thần di quốc bính,
Chung giao Hồ lỗ **[87b]** bạn thiên thường.
Chỉ kim thiên sứ thông hòa hiếu,
Thúy kiễu nam tuyền tỉnh Kiến Chương.
(Lạy sửa cân đai lạy thượng hoàng,

Chợt nghe lời dạy nặng đau thương.
Tanh hôi đầy bụng đâu thiên lộc[1],
Thảo dã làm vua khác đế hương[2].
Mới biết gian thần xoay thế nước,
Cho loài Hồ lỗ chống cương thường.
Sứ trời nay tới thông hòa hảo,
Xe thúy về nam viếng Kiến Chương)[3].

Bấy giờ tù trưởng giặc Bắc là Dã Tiên sai đầu mục dẫn 500 quân kỵ đưa Anh Tông về Yên Kinh. Các quan đón ở cửa An Định. Anh Tông từ cửa Đông An đi vào. Vua Cảnh Thái ra lạy đón, nhún nhường một hồi lâu, rồi đưa Anh Tông đến Nam Cung. Các quan vào yết kiến rồi lui ra.

Mùa đông, tháng 10, sai Tây đạo tham tri Hà Lật làm chánh sứ; Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Như Đổ và Quốc tử giám trợ giáo Đồng Hanh Phát làm phó sứ, sang nhà Minh nộp cống hàng năm.

Tân Mùi, [Thái Hòa] năm thứ 9 [1541], (Minh Cảnh Thái năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, vì có tai dị, xuống chiếu rằng:

"Mấy năm nay, hạn hán, sâu trùng liên tiếp xảy ra; tai dị luôn luôn xuất hiện. Năm nay đương mùa xuân, lại có mưa đá. Có phải chính vì sự thiếu sót lầm lỗi chưa sửa được đến nỗi thế chăng? Hay là điều hòa trái lẽ, làm hại tới **[88a]** hòa khí chăng? Có thể vì hình ngục oan khuất mà chưa được rửa oan chăng? Hay là thuế dịch vụ nặng nề, để dân chúng ta oán chăng? Nghĩ rằng tai họa này, hẳn có nguyên do. Nếu không ban ân huệ thực để an ủi lòng người, thì lấy gì để báo đáp trời cao và chấm dứt tai biến? Trong những điều khoan tha có tha các loại thuế, những kẻ trốn tránh thì cho ra đ ầu thú, những án kiện bỏ đọng thì cho tâu trình đầy đủ nguyên do".

Mùa thu, tháng 7, ngày 26, giết Thái úy Lê Khả và con là Lê Quát, Tư khấu Trịnh Khắc Phục và con là Phò mã đô úy Trịnh Bá Nhai.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai chánh sứ là Hành nhân ty hành nhân Biên Vĩnh, phó sứ là tiến sĩ Trịnh Huệ sang báo tin [Cảnh Thái] lên ngôi.

Trước đây, Minh Anh Tông đi đánh phương Bắc đã bị Dã Tiên bắt được, **[88b]** em là Thành Vương Kỳ Ngục coi việc nước rồi tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Cảnh Thái, cho nên sai bọn Biên Vĩnh sang báo.

Ngày 18, sai Đồng tri Đông đạo Trình Chân, Trung thu hoàng môn thị lang Nguyễn Đình Mỹ, Thẩm hình viện đồng tri Phùng Văn Đạt sang nhà Minh mừng vua Minh lên ngôi.

Nhâm Thân, [Thái Hòa] năm thứ 10 [1452], (Minh Cảnh Thái năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 4, bắt giam con trai Thái úy Lê Thụ là Lê Thị, vì Thị làm bùa chú yểm đất cát.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, vì có tai dị, xuống chiếu rằng:

"Mấynăm nay tai dị liên tiếp xảy ra, mùa màng liền năm mất mát. Muôn dân vạn vật, không sao sống nổi. Trẫm rất lo sợ điều đó. Thực là tự trẫm trên không biết thuận lòng trời, dưới không biết kính giữ phép cũ của tổ tông. Dùng quan không được người hiền, cai trị có nhiều thiếu sót nên mới đến nỗi thế. Nay nghĩ cách chấm dứt tai biến, **[89a]** đem lại thuận hòa, không tuân theo phép cũ để bỏ hết tệ xấu có được không? Những việc nay đáng phải làm là dùng người tài giỏi liêm khiết, thải bỏ bọn tham nhũng, tiến hành thưởng phạt, miễn các loại thuế, xét việc oan uổng, chiếu cố những người không vợ, góa chồng, cô độc một mình".

Mùa đông, tháng 10, ngày 15, nhà Minh sai chánh sứ là Hình bộ lang trung Trần Kim, phó sứ là Hành nhân ty hành nhân Quách Trọng Nam sang báo tin lập Hoàng thái tử và ban vóc lụa.

---

[1] Thiên lộc: lộc trời, thiên tử hưởng lộc trời. Câu này ý nói Anh Tông phải ăn thứ tanh hôi không phải lộc trời.

[2] Đế hương: quê hương vua. Câu này ý nói Anh Tông bị giam ở miền thảo dã, không phải đất nước mình.

[3] Kiến Chương: vốn là tên cung điện của Hán Vũ Đế. Ở đây chỉ cung điện của vua Minh.

Ngày 23, sai sứ sang nhà Minh. Chánh sứ Thẩm hình viện Phạm Du, phó sứ Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Bá Ký và Lễ bộ viên ngoại lang Chu Xa sang mừng việc lập Hoàng thái tử. Chánh sứ Chấn lôi quân chỉ huy Lê Thương, phó sứ thị ngự sử Lê Chuyên sang tạ ơn ban vóc lụa.

[89b] Quý Dậu, [Thái Hòa] năm thứ 11 [1453], (Minh Cảnh Thái năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, ngày 21, đại xá.

Tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước. Cho bọn Vũ Bá Triệt đỗ tiến sĩ cập đệ.

Mùa đông, tháng 11, vua sai bọn bồi tbần Nguyễn Nguyên Kiều, Nguyễn Đán, Trần Hoãn Huy sang nhà Minh nộp cống hàng năm.

Ngày 21, vua bắt đầu đích thân coi chính sự, đổi miếu hiệu, đại xá. Từ tháng giêng năm sau đổi là Diên Ninh năm thứ 1.

Các điều lệnh ân xá có: tăng chức 1 bậc cho các công thần Lê Lễ, Lê Bị, Lê Triện. Cấp một trăm mẫu quan điền cho bọn Lê Sát, Lê Ngân, Lê Khả, Lê Khiêm, Trịnh Khắc Phục, đồng thời cứu giúp cứu giúp những kẻ không vợ, góa chồng, mồ côi, cô đơn và biểu dương những người chồng nghĩa khí, người vợ trinh tiết.

Giáp Tuất, Diên Ninh năm thứ 1 [1454], (Minh Cảnh Thái năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, đúc tiền Diên Ninh.

Tuyển tráng đinh bổ sung quân **[90a]** ngũ và thải người già.

Làm sổ hộ tịch.

Mùa hạ, tháng 5, rồng vàng hiện dưới máng nước của một gia đình ở cửa Tây.

Ở Nghệ An lá tre úa vàng.

Ất Hợi, [Diên Ninh] năm thứ 2 [1455], (Minh Cảnh Thái năm thứ 6). Sai Phan Phu Tiên soạn bộ Đại Việt sử ký, từ thời Trần Thái Tông đến khi người Minh về nước.

Mùa đông, tháng 10, châu Ngọc Ma có con chuột to bằng con lợn.

Bính Tý, [Diên Ninh] năm thứ 3 [1456], (Minh Cảnh Thái năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 3,ban đại yến cho các quan, Lạng Sơn Vương Nghi Dân dự yến.

Tháng 2, ngày mồng 4, Ngự sử trung thừa Phạm Du hặc tội Kim ngô vệ đồng tổng tri Lê Quát không chịu giữ phép nước, vào kỳ hội quân năm nay đã sai 70 người lính **[90b]** làm thuyền riêng cho mình, phí tổn 18 quan tiền của quân đội, xin hình quan xét hỏi trị tội để răn đe kẻ khác.

Lê Quát tâu rằng: "Thần vốn người Lam Ấp. Trước đây, từ Lam Kinh trở về, thần có dùng chiếc thuyền riêng đã mục nát. Năm nay, thần sắp có việc đi hộ giá, nên có sai quân lính sữa chữa lại chiếc thuyền ấy, cỏn việc phí tổn tiền nong trong quân thì thần không biết".

Du lại tâu rằng: "Bọn thần lạm dự chức ngôn quan, không thể né sợ người quyền thế, cũng không thể im lặng không nói, làm đúng như lời dụ của bệ hạ. Nay thần hặc tội Lê Quát sai quân làm thuyền riêng cho mình, thì bọn thần đã sai người trong đài đi xét thực sự, lại bắt tên hỏa đầu ở quân ấy đến lấy cung, chúng có đều nói là bọn thần đem việc tư ra đàn hặc, có phải bọn thần vì chuyện ân oán mà nói đâu?".

Ngày mồng 5, ban cho bọn đầu mục Mường Bồn áo và lụa theo thứ bậc khác nhau. Vì đầu mục Mường Bồn **[91a]** là Lang Tra hồi tháng giêng đem cống lễ vật.

Ra lệnh chỉ cho phụ đạo Lệnh Châu[1] Cầm Công làm Trấn viễn thượng tướng quân. Sai Viên ngoại lang Trình Dao đem chiếu chỉ đến dụ và ban thưởng cho chiếc áo đoạn màu hồng dệt hoa kim tuyến, mũ cao sơn, đai thếp bạc, yên ngựa, ghế dựa, án thư.

---

[1] Dịch theo nguyên văn. Cương mục sửa là châu Quy Hợp.

Ra lệnh chỉ cho bọn Nhập nội tư đồ bình chương sự Lê Hiêu, Nhập nội đô đốc bình chương sự Lê Lựu trông coi các việc giữ vững thành trì, ngày đêm nghiêm ngặt, tuần phòng trong ngoài theo đúng phép.

Ngày Đinh Mùi mồng 8, vua ngự về Lam Kinh, ngày Quý Sửu tới Lam Kinh. Đêm ấy mưa đá.

Ngày 15, vua đích thân dẫn trăm quan bái yết Sơ lăng và ra lệnh chỉ cho quan coi lăng ở Lam Sơn rằng:

"Mọi việc ở đền thờ cần phải thành kính, tinh khiết như ngả cây, chặt che, kiếm củi...

tế tẩm miếu dùng 4 trâu, đánh trống đồng, **[91b]** quân lính reo hò hưởng ứng. Về nhạc, võ thì múađiệu "Bình Ngô phá trận", văn thì múa điệu "Chư hầu lai triều"[1].

Đại tư đồ Lê Bí đến tế miếu Chiêu Hiếu Vương và Trung Dũng Vương[2], dùng 3 trâu.

thượng thư lệnh Lê Khang đến tế miếu Hoằng Hựu Đại Vương[3], dùng 3 trâu.

Nội mật viện phó sứ Đỗ Thì Việp chết.

Ngày 21, ban yến cho các quan hộ giá, các quan nhận chức ở ngoài và các quan trí sĩ ở hành điện Lam Kinh, thưởng tiền theo thứ bậc khác nhau.

Ngày hôm sau, ra lệnh chỉ cho các đại thần bàn định đặt tên hiệu cho các miếu điện ở sơn lăng Lam Sơn. Chánh điện gọi là điện Quang Đức, điện Sùng Hiếu, hậu điện gọi là Diễn Khánh. Lại sai quân phủ Thanh Hóa làm tẩm cung thờ Thái hoàng thái phi ở phía tây điện lăng Lam Sơn.

Ngày 30, vua từ Tây Kinh[4] về đến kinh sư. Ngày hôm ấy, có khí xanh, vàng, dỏ, trắng như là cầu vồng ôm lấy mặt trời.

[92a] Tháng 3, ngày mồng 2, sai bọn Nhập nội đô đốc bình chương sự Lê Ê đi công cán lên địa giớ trấn Thái Nguyên. Cùng đi có Nhập nội đại hành khiển tri tam quán sự nhập thị kinh diên Đào Công Soạn, Tây đạo hành khiển Nguyễn Hữu Quang, Bắc đạo hành khiển Lê Cảnh Huy, Thẩm hình viện sứ Trình Chân, Nội mật viện đồng tri Lê Hoài Chi. Khi lên đến địa giới Thái Nguyên, quan tam ty [nhà Minh] không tới, lại trở về.

Bấy giờ, Thái Nguyên giáp giới với châu[5] phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây, Đầu mục trấn đó là Nông Kính và Đàm Khoan bắt giết người, cướp trâu bò, gia súc lẫn của nhau rồi vượt sang chiếm đất ta, cho nên có lệnh này.

Mùa hạ, tháng 5, các quan trấn, lộ, phủ, huyện chầu mừng xong từ biệt trở về, vua cho gọi vào bảo họ:

"Các ngươi là quan tại nhiệm, khi trở về, phải bảo dân gắng sức làm ruộng, xử án phải **[92b]** cho công bằng, nếu có trộm cướp, phải hết lòng lùng bắt, không được thờ ơ lười biếng".

Ngày mồng 8, bọn Tuyên úy Mường Mộc và Xa La, Kinh lược sứ châu Thuận Mỗi là Đạo Xa, Tri châu Việt Châu là Đạo La, Quan sát sứ châu Ngọc Ma là Cầm Kha sang dâng sản vật địa phương, đều được ban tiền theo thứ bậc khác nhau.

Ngày 15, ra lệnh chỉ cho các đại thần và các quan văn võ trong ngoài:

---

[1] "Chư hầu lai triều" nghĩa là "chư hầu đến chầu".

[2] Chiêu Hiếu Vương là tước hiệu truy phong cho Lê Học, anh ruột Lê Lợi. Trung Dũng Vương là tước hiệu truy phong cho Lê Thạch, con Lê Lợi.

[3] Hoằng Hựu Đại Vương: tức Lê Trừ, anh thứ hai Lê Lợi.

[4] Tây Kinh: tức Lam Kinh hay Lam Sơn.

[5] CMCB 18 chú là châu An Bình giáp giới với châu Hạ Tư Lang, trấn Thái Nguyên.

"Là người bề tôi, phải làm hết chức trách của mình: Đại thần thì giúp đỡ vua điều hòa âm dương, tiến cử hiền tài, gạt bỏ kẻ xấu, để lo trị nước cho yên. Quan coi quân các vệ thì phải yêu thương quân lính, luyện tập võ nghệ, không được sai lính làm việc riêng cho mình, không được bòn vét nhiễu hại, bớt xén quân nhu để làm ơn riêng. Các quan hành khiển năm đạo thì phải hiểu rõ việc lợi việc hại, phân biệt kẻ dở người hay. Những việc trị dân, hành chính, sổ sách, kiện tụng phải xử trí cho thích đáng, không được theo **[93a]** ý riêng, bỏ lẽ công mà hại tới đạo trị nước. Quan phong hiến thì phải uốn nắn lỗi lầm, gạn đục khơi trong, không được lấy lòng riêng mà bàn việc, hay nhút nhát lặng thinh. Nội mật viện thì phải tuân theo điển chương pháp chế, tâu bày tường tận rõ ràng, không được ỷ phép làm bậy, đòi hỏi nọ kia. Quan xử án thì phải điều tra minh bạch, xét rõ oan khiên cần được thấu tình, không được nhận bậy lời gởi gắm và của hối lộ, để việc chậm trễ, oan lạm. Các quan phủ, lộ, châu, huyện phải tuyên bố đức ý của triều đình, chăm sóc dân chúng trong hạt, xét kiện tụng, thu thuế khóa, sai dịch vụ phải giữ liêm khiết, công bằng, không được đem tiền của biếu xén, nịnh hót quan trên để hòng được thăng quan tiến chức. Quan các cục, các kho điện tiền, điện hậu thì phải kiểm tra nghiêm ngặt rồi thu nhận, không được bỏ việc công lao chạy riêng, bớt xén đục khoét. Học quan thì phải kính giữ học quy, dạy dỗ học trò cho được thành tài, không được nhởn nhơ năm này tháng khác **[93b]** bỏ bê học hành, còn các quan ở các ty, cục, thự, cũng phải siêng năng với công việc của mình, không được lười biếng cầu may. Tất cả trăm quan các ngươi, đều phải tuân thủ và thi hành theo lệnh chỉ này".

Ngày 21, ra lệnh chỉ cho các quan điện tiền và tổng tri các phủ trấn nam đạo rằng:

Kỳ hội quân lần này, các tướng cắt cử quân lính vào sơn tràng đẵn gỗ, phải chú ý đốc thúc chúng đẵn lấy gỗ theo đúng quy cách. Còn thì ở lại địa phận của mình để điểm danh, chỉnh đốn vũ khí, luyện tập võ nghệ, không được để quân lính rong chơi ngoài đường, không được bắt chúng đóng góp, hay sai chúng làm việc riêng.

Ngày 22, Nhập nội thiếu úy tham tri chính sử Lê Lăng dâng lễ vật xin cưới Đà Quốc công chúa. Con trai của Lê Lăng là Lê Bộc làm Phò mã đô úy, lại ban cho y phục tước hầu và ngựa trong tàu nhà vua.

Nước đầm ở Lam Kinh sắc đỏ.

Ngày 23, cấp **[94a]** tiền lương bổng hằng năm cho các thân vương, công chúa, đại thần và các quan văn võ theo thứ bậc khác nhau. Tây đạo đô đốc Lê Lựu tâu rằng:

"Thần đã thấy dân chúng khốn khổ quẫn bách, dẫu một đồng nhỏ nhoi cũng coi bằng 10 đồng. Do vậy, thần xin không nhận tiền lương hàng năm. Bệ hạ không coi thần là có tội, ban riêng cho thần 50 hộ, lại thêm tiền lương bổng 1 năm, thì thu nhập tất lại tăng rất nhiều. Này đương lúc cấp tiền lương hàng năm cho các quan, thần xin được từ chối không nhận.

Ngày 28, có thánh chỉ cho xã chính xã Đào Xác, huyện Chí Linh, thuộc lộ Nam Sách Thượng rằng:

"Vợ góa của Nguyễn Văn Điều là tiết phụ, cho cấp bảng vàng treo ở cổng làng để biểu dương và miễn phu dịch cho 11 người con và cháu để phụng dưỡng".

Ngự sử trung thừa Phạm Du, Phó trung thừa Trình Văn Huy, Giám sát Trình Trạc, Bùi Hựu hặc tội viên quản lĩnh vệ Xa ky quân Nghĩa Vũ là Nguyễn Nguyên Thông **[94b]** trong kỳ hội quân năm nay đã sai lính làm việc riêng cho mình, còn thì cho về nhà rồi đòi tiền bỏ túi mình, xin trị tội theo pháp luật để răn đe kẻ khác.

Tháng 6, tha Lê Thụ ra khỏi ngục.

Mùa đông, tháng 10, ngày 25 sai các bồi thần Lê Văn Lão, Nguyễn Đình Mỹ, Nguyễn Cư Đạo, Đặng Huệ Đạt (có sách chép là Liên), sang nhà Minh nộp hằng năm và tạ ơn ban áo mũ.

Tháng 11, có con hổ vào chùa Diên Hựu trong thành, sai quân ngự tiền cầm dao bắt giết đi.

Đinh Sửu, [Diên Ninh] năm thứ 4 [1457], (Mimh Thiên Thuận năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua Cảnh Thái nhà Minh ốm, bọn bầy tôi Vũ Thanh hầu Thạch Hanh, cùng với Chưởng binh đô

đốc Trương Nghê (Nghê là con Trương Phụ), Tả đô ngự sử Dương **[95a]** Thiên, Phó đô ngự sử Từ Hữu Trinh đón Thượng hoàng (tức là Anh Tông) trở lại lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thuận.

Tháng 2, ngày mồng 1, nhà Minh phế vua Cảnh Thái là Thành Vương như cũ, cho về ở Tây cung. Tháng ấy, ngày 19, Thành Vương mất. Ban lụa hồng cho các phi tần như Đường Thị, bắt phải tự tử để chôn theo Thành Vương.

Mùa thu, từ tháng 8 đến tháng 9, gió to.

Tháng 9, ngày 26, nhà Minh sai chánh sứ là Thượng bảo tự khanh kiêm Hàn lâm viện thị độc Hoàng Gián, phó sứ là Thái bộc tự thừa Trâu Doãn Long sang báo tin Anh Tông trở lại ngôi, tin lập Hoàng thái tử và ban cho vóc lụa.

Mùa đông, tháng 10, ngày 14, vua sai chánh sứ là Nam đạo hành khiển tả nạp ngôn tri **[95b]** quân dân bạ tịch Lê Hy Cát, các phó sứ là bọn Hàn lâm viện thị giảng Trịnh Thiết Trường, Trung thư khởi cư xá nhân Nguyễn Thiên Tích, Giám sát ngự sử Trần Xác sang nhà Minh mừng việc lên ngôi và lập Hoàng thái tử, cùng tạ ơn ban vóc lụa.

(Lê Hy Cát người Lam Sơn, huyện Lương Giang).

Mậu Dần, [Diên Ninh] năm thứ 5 [1458], (Minh Thiên Thuận năm thứ 2).Thi hội cho các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Văn Nễ đỗ tiến sĩ xuất thân.

Kỷ Mão, [Diên Ninh] năm thứ 6 [1459], (Minh Thiên Thuận năm thứ 3). Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, Lạng Sơn Vương Nghi Dân đang đêm bắc thang, chia làm ba đường, trèo thành cửa Đông, lẻn vào cung cấm. Vua và Tuyên Từ hoàng thái hậu đều bị hại.

Trước kia, Dương Thị Bí là mẹ Nghi Dân có tội với Thái Tông, nên Nghi Dân không được lập, mới ngầm chức mưu gian, nhòm ngó ngôi báu, cùng bọnđồ đảng Phạm Đồn, **[96a]** Phan Ban, Trân Lăng xướng xuất bọn vô lại gồm hơn trăm đứa, lợi dụng đêm tối, bắc thang trèo thành, lẻn vào cung cấm. Thế là vua bị hại. Hôm sau, Hoàng thái hậu cũng bị hại. Nội nhân thị thái hậu phó chưởng Đào Biểu chết.

Bấy giờ, Lê Đắc Ninh là Đô chỉ huy giữ cấm binh đương phiên trực, đã không chịu dẫn quân ra trước ngăn giữ, lại đem giúp kẻ phản nghịch. Cho nên Nghi Dân mới tiếm đoạt được ngôi báu, mà các quan văn võ phải nuốt hận ngậm đau, trăm họ bốn phương như mất cha mất mẹ.

Đến năm Quang Thuận thứ 1, mùa đông, tháng 10, ngày 21, làm lễ chiêu hồn và táng vua vào Mục Lăng ở Lam Sơn, miếu hiệu là Nhân Tông, dâng tôn hiệu là Khâm Văn Nhân Hiếu Tuyên Minh Thông Duệ Tuyên Hoàng Đế.

> Phan Phu Tiên bàn: Nhân Tông lên nối ngôi vào tuổi ấu thơ, bên trong có mẫu hậu buông rèm **[96b]** trông coi chính sự, bên ngoài các đại thần đồng lòng phò tá trị nước, cho nên trong khoảng 17 năm, thiên hạ thái bình, an cư lạc nghiệp, xứng đáng là vua nhân từ. Đến lúc cuối đời bị lũ vô lại Đồn, Ban xướng xuất, khiến Lệ Đức hầu Nghi Dân đang đêm bắc thang trèo thành, lẻn vào cung cấm, vua và Tuyên Từ hoàng thái hậu đều bị hại. Thương thay!.
>
> Lại xét bài Trung hưng ký năm Quang Thuận viết: Nhân Tông mới lên hai tuổi đã sớm nối ngôi vua, Thái hậu Nguyễn Thị là gà mái gáy sớm, Đô đốc Lê Khuyển như thỏ khôn giữ mệnh. Vua đàn bà mắt quáng buông rèm ngồi chốn thâm khuê, bọn họ ngoại lòng tham, khoác lác hoành hành khắp cõi, kẻ thân yêu nắm quyền vị, nạn hối lộ được công khai. Việc văn giáo lặng lẽ như băng hàn người hiền từ phải bó cánh. Bậc túc nho như Lý Tử Tấn, Trình Thuấn Du thì đẩy vào chổ nhàn, phường dốt đặc ồn [97a] ào như ong đàn nổi dậy, như chó chuột nhe răng. Tể thần như Lê Sủng, Lê Sát thì ngu si không phân biệt sáu loại súc vật, Chưởng binh Lê Điên, Lê Luyện, thì mù tịt, chẳng sao hiểu được bốn mùa một năm. Bậc lương thần như Trịnh Khả, Khắc Phục thì kèn cựa mà giết đi, người tài sĩ như Nguyễn Mộng Tuân thì đẩy vào vòng tai họa. Oan uổng không chỉ kêu xin, mọi việc thảy đều đổ nát. Văn giai như Công Soạn tuổi gần tám mươi, tể thần như Lê Ê không biết một chữ. Bọn trẻ không biết nghĩ, làm bậy ngông cuồng, người già

chẳng chết đi, trở thành mối họa. Bán quan mua kiện, ưa giàu ghét nghèo. Hiền tài là rường cột của triều đình mà sạch không như quét đất. Văn chương là khí vận của nhà nước mà im ắng tựa cỏ khô. Bọn xiểm nịnh được tin dùng, kẻ đao bút được tiến cử. Hành khiển Nguyễn Hữu Quang, Nội mật Lê Hoàn Chi, hoạn quan chừng năm sáu bọn mà không một người đóng cửa cho nghiêm; cấm vệ Lê Đắc Ninh, chỉ huy Lê Hoằng **[98b]** Dục, vệ sĩ đến tám chín lũ mà không một ai mang mộc che đỡ. Lòng người sôi động, đường sás xôn xao. Họ ngoại như Văn Lão, Xương Lê, lòng như quỷ quái, vị không như Trần Lựu, Đỗ Tư ai chẳng cười chê? Cửa ngõ thì sơ sài, tay không cũng phá nổi. Thế là nó dẫn quân cú vọ cáo cầy, ngầm nuôi mưu kế cướp ngôi phản nghịch. Bọn tặc thần Phạm Đồn, Phan Ban, Trần Lăng, Ngô Trang và phường chó lợn hơn 300 đứa, nửa đêm dám cả gan bắc thang trèo tường lẻn vào như là vào chỗ không người. Vua và Hoàng thái hậu đều bị hại, thương thay!.

Ngày mồng 7, Lạng Sơn Vương Nghi Dân tự lập, lên ngôi Hoàng đế, đại xá, đổi niên hiệu là Thiên Hương. (Từ mồng 3 [tháng 10] trở về trước là Diên Ninh năm thứ 6, từ mồng 7 trở về sau là Thiên Hưng năm thứ 1 của Nghi Dân). Ban ân rộng rãi cho các quan văn võ trong ngoài mỗi người 1 tư.

Bài văn đại xá ngụy viết rằng: "Trẫm là con trưởng của Thái Tông Văn Hoàng Đế, **[98a]** trước đây đã được giữ ngôi chính ở Đông cung[1]. Chẳng may Tiên đế đi tuần miền đông, bỗng băng ở bên ngoài. Nguyễn Thái hậu muốn giữ vững quyền vị, ngầm sai nội quan Tạ Thanh dựng Bang Cơ làm vua, bắt trẩm làm phiên vương. Sau Tạ Thanh tiết lộ việc ấy, lây đến cả Thái úy Trịnh Khả và Tư không Trịnh Khắc Phục, Thái hậu bắt giết cả đi để diệt hết người nói ra. Cho nên từ đó đến giờ, hạn hán sâu bệnh liên tiếp xảy ra, tai dị luôn luôn xuất hiện, đói kém tràn lan, trăm họ cùng khốn. Diên Ninh[2] tự biết mình không phải là con của tiên đế, hơn nữa lòng người ly tán, nên ngày mồng 3, tháng 10 năm nay, đã ra lệnh cho trẫm lên thay ngôi báu. Trẫm nhờ người trông xuống, tổ tông phù hộ, cùng các vương, đại thần, các quan văn võ trong ngoài đồng lòng suy tôn, xin trẫm nên nối đại thống, hai ba lần khuyên mời, trẫm bất đắc dĩ đã lên ngôi vào ngày mồng 7, tháng 10 năm nay, **[98b]** đổi niên hiệu là thiên Hưng".

Tháng ấy, Nghi Dân sai bọn Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đỗ, Hoàng Thanh, Nguyễn Nghiêu Tư sang nhà Minh nộp cống hằng năm và xin bỏ việc mò ngọc trai.

Ngày 20, lại sai bọn Trần Phong, Lương Như Hộc, Trần Bá Linh sang nhà Minh cầu phong.

Xét bài văn bia Mục lăng của Nguyễn Bá Kỳ viết:

"Vua [3] thần sắc anh tuấn, dáng điệu đường hoàng. Mỗi khi tan chầu, tự đến Kinh diên nghe giảng, mặt trời lặn mới thôi.

Khi đã tự mình trông coi chính sự thì lễ tế thần linh, truy thờ tông miếu. Đối với Thái hậu dốc lòng hiếu thảo, đối với anh em trọn nghĩa yêu thương. Hoà thuận với họ hàng, kính lễ với đại thần, tôn sùng đạo Nho, xét những lời thiển cận, nhận những lời can trung, chăm nom chính sự, thận trọng thưởng phạt, coi trọng nghề nông, chú ý nền gốc, **[99a]** hết lòng thương dân, không thíchxây dựng, không mê săn bắn, không gần thanh sắc, không ham tiền của, hậu với người bạc với mình, trong ấm ngoài êm.

Vua răn cấm tướng ngoài biên không được gây hấn khích. Đến khi Chiêm Thành hai lần vào cướp châu Hóa thì sai tướng đem quân đi đánh, bắt được chúa nó là Bí Cai.

[1] Tức là ngôi thái tử.

[2] Tức Lê Nhân Tông Bang Cơ.

[3] Tức Lê Nhân Tông.

Nước lớn sợ uy, nước nhỏ mến đức.Mọi điều chính sự đều theo điển chương phép tắc cũ đã có sẳn, sai đình thần nghị bàn cho thích đáng rồi sau mới thi hành. Cho nên chính trị hay, giáo hóa tốt ban khắp ra bốn biển, sinh linh mến đức, đời được thái bình. Ngày băng thình lình, trăm họ như mất cha mất mẹ.

Ôi tư chất của vua như vậy mà gặp phải tai biến như vậy, thì chẳng phải là trời đất rộng lớn dường ấy mà loài người vẫn còn có chổ đáng tiếc đó sau?".

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Thực Lục

Quyển XII

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Thánh Tông Thuần Hoàng Đế

Tên húy là Tư Thành, lại húy là Hạo, là con thứ tư của Thái Tông. Ở ngôi 38 năm, thọ 56 tuổi, băng táng ở Chiêu Lăng.

Vua sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược, dẫu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được. Nhưng công trình thổ mộc vượt quá quy mô xưa, tình nghĩa anh em thiếu hẳn lòng nhân ái. Đó là chỗ kém vậy.

Mẹ vua là Quang Thục Hoàng thái hậu Ngô thị, người làng Động Bàng, huyện Yên Định, phủ Thanh Hóa. Trước kia, khi còn là Tiệp dư, Thái hậu đi cầu tự, mơ thấy thượng đế ban cho một tiên đồng, thế rồi có thai. (Tục truyền rằng Thái hậu khi sắp ở cữ, nhân thử thả chợp mắt, mơ thấy mình đến chỗ Thượng đế, Thượng đế sai một tiên đồng xuống làm con Thái hậu, tiên đồng chần chừ mãi không chịu đi, thượng đế giận, lấy cái hốt ngọc đánh vào trán chảy máu ra, sau tỉnh dậy, rồi sinh ra vua, trên trán vẫn còn dấu vết lờ mờ **[1b]** như thấy trong giấc mơ, mãi đến khi chết, vết ấy vẫn không mất).

Năm Nhâm Tuất, Đại Bảo thứ 3 (1442), tháng 7, ngày 20, sinh ra vua.

Vua sinh ra thiên tư tuyệt đẹp, thần sắc khác thường, vẻ người tuấn tú, nhân hậu, rạng rỡ, nghiêm trang, thực là bậc thông minh xứng đáng làm vua, bậc trí dũng đủ để giữ nước. Năm Thái Hòa thứ 3, được phong làm Bình Nguyên Vương, vâng mệnh làm phiên vương vào ở kinh sư, hằng ngày cùng học ở Kinh diên với các vương khác. Bấy giờ, quan ở Kinh diên là bọn Trần Phong thấy vua dáng điệu đường hoàng, thông minh hơn hẳn người khác, trong bụng cho là bậc khác thường. Vua lại càng sống kín đáo, không lộ vẻ anh minh ra ngoài, chỉ vui với sách vở cổ kim, nghĩa lý thánh hiền. Bẩm sinh ra đã biết, mà sớm khuya không lúc nào rời sách vở, tài năng lỗi lạc trời cho, mà chế tác lại càng đặc biệt lưu tâm, **[2a]** ưa điều thiện, thích người hiền, chăm chắm không hề biết mỏi, Tuyên từ thái hậu yêu vua như con mình đẻ ra, Nhân Tông coi vua là người em hiếm có. Đến khoảng năm Diên Ninh, Nghi Dân tiếm ngôi, đổi phong vua là Gia Vương và xây phủ đệ ở bên hữu nội điện cho vua ở. Không bao lâu, các đại thần là bọn Nguyễn Xí, Đinh Liệt cùng nhau đem cấm binh đánh bọn Đồn, Ban, rồi phế Nghi Dân, đón vua lên ngôi. Bấy giờ vua 18 tuổi, vào nối đại thống, tự xưng là thiên Nam động chủ, miếu hiệu là Thánh Tông.

Canh Thìn, [Quang Thuần] năm thứ 1 [1460], (tháng 6 trở về trước, Nghi Dan tiếm xưng là Thiên Hưng năm thứ 2, Minh Thiên Thuận nam thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Nghi Dân bàn đặt phủ huyện.

Có sao Chổi hiện ra ở vùng sao Dực.

Mùa hạ, tháng năm, sao Xuy Vưu[1] như lá cờ trắng tỏa sáng ngang trời, từ đông sang tây.

---

[1] Sao Xuy Vưu: tục gọi là sao Cờ, giống như Sao Chổi, có đuôi cong như lá cờ (chú của CMCB 19, 2A).

[2b] Tháng 6, ngày mồng 6, các đại thần là bọn Nguyễn Xí, Đinh Liệt xướng nghĩa diệt bọn phản nghịch Đồn, Ban. Giáng Nghi Dân xuống trước hầu. Đón Gia Vương lên ngôi Hoàng đế.

Khi ấy, Nghi Dân cướp ngôi mới được 8 tháng, tin dùng bọn gian nịnh, giết hại bề tôi cũ, pháp chế của tổ tông đổi thay hết thảy, người oán trời giận.

Bấy giờ các huân hựu đại thần là Khai phủ nghi đồng tam ty nhập nội kiểm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự Á quận hầu Nguyễn Xí, Đinh Liệt, Nhập nội kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự Á thượng hầu Lê Lăng, tư mã tham dự triều chính Đình thượng hầu Lê Niệm, Tổng tri ngự tiền hậu quân Á hầu Lê Nhân Thuận, Tổng tri ngự tiền trung quân Quan nội hầu Lê Nhân Khoái, tổng tri ngự tiền thiện trạo doanh quân Quan phục hầu Trịnh Văn Sái, Thiêm tri Bắc đạo quân dân bạ tịch Trịnh Đạc, Điện tiền ty đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung, thiết đột tả quân đại đội trưởng Nguyễn Yên. Nhập nội đại hành khiển Lê Vĩnh Trường, Điện tiền **[3a]** ty chỉ huy Lê Yên, Lê Giải, cùng bàn với nhau:

"Nay Lạng Sơn Vương Nghi Dân rất là vô đạo, đem bọn vô lại Phạm Đồn, Phan Ban, lợi dụng ban đêm, bắc thang trèo thành vào trong cung cấm giết vua và Quốc mẫu hoàng thái hậu, tội ác không gì lớn bằng. Bọn chúng ta là bề tôi huân cựu, mắt thấy việc đó, đáng lẽ phải chết cho xã tắc, mà lại ở dưới kẻ bội nghịch, đứng trong triều của kẻ cướp ngôi giết vua, là tội nhân của muôn đời, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế dưới suối vàng nữa?".

Sau buổi chầu, mọi người đều vào ngồi ở Nghị sự đường ngoài cửa Sùng Vũ. Bọn Nguyễn Xí xướng nghĩa giết chết hai tên phản nghịch đầu sỏ là Đồn, Ban trước Nghị sự đường, rôi sai đóng các cửa thành, mỗi người đem cấm binh đi dẹp nội loạn, giết hết bè đảng phản nghịch là bọn Trần Lăng hơn trăm tên. Giết xong bọn phản nghịch, các đại thần cùng bàn với nhau rằng:

"Ngôi trời khó khăn, thần khí rất trọng, nếu không phải **[3b]** là bậc đại đức, thì sao có thể kham nổi. Nay Gia Vương thiên tư sáng suốt, hùng tài đại lược, hơn hẳn mọi người, các vương không ai so được, lòng người đều theo, đã biết ý trời đã quyết".

Ngay ngày hôm ấy đem xe kiệu đến đón vua ở Gia Để[1] (có sách chép là Tây Để). Quyết định giáng Nghi Dân làm Lệ Đức hầu.

> (Xét: Có sách nói là sau khi giết bọn phản nghịch Trần Lăng, Lê Lăng lấy lụa đưa cho Nghi Dân, bắt phải tự tử. Giết Nghi Dân xong, liền đi đón Cung Vương Khắc Xương. Cung Vương cố tình từ chối, mới đón vua ở Tây Để về lên ngôi. Sau vua nghe lời gièm, Cung Vương phải chết).

Ngày mồng 8, vua lên ngôi ở điện Tường Quang, đổi niên hiệu là Quang Thuận năm thứ 1, đạixá thiên hạ.

Truy tặng Nội quan Đào Biểu tước 1 tư và ban cho 5 mẫu ruộng công để thờ cúng. Trả lại vợ con, điền sản để nêu gương tử tiết.

Định tội của Lê Đắc Ninh, vì Đắc Ninh giữ cấm binh không biết bảo vệ xã tắc, lại đem giúp kẻ phản nghịch, làm vậy là để răn đe kẻ bất trung.

Vua lên ngôi xong, liền làm lễ phát tang cho Nhân Tông và Thái hậu.

Ngày Tân Mùi, làm lễ cáo miếu, rước bài vị Nhân Tông vào Thái miếu.

Ngày Quý Dậu **[4a]** rước kim sách dâng tôn hiệu cho Nhân Tông là Khâm Văn Nhân Hiếu Tuyên Minh Hoàng Đế, miếu hiệu là Nhân Tông, dâng tên thụy cho Nguyễn thái hậu là Tuyên Từ Nhân Ý Chiêu Túc Hoàng thái hậu.

Đêm hôm ấy, trời mưa to. Từ mùa xuân đến đây không mưa. Sau khi rước bài vị Nhân Tông lên thờ ở Thái miếu, trời mới mưa.

Mùa thu, tháng 7, lấy ngày sinh làm Sùng Thiên thánh tiết.

---

[1] Tức phủ đệ của Gia Vương, tước hiệu của Thánh Tông lúc ấy.

Ra sắc chỉ cho các quan ở nội mật, đàn bà ở nội mật và các cung tỳ, nội nhân rằng: Từ nay về sau, nếu thấy chiếu chỉ và các việc cung thì không được lén lút tiết lộ ra trước cho người ngoài và con thân thích.

Ra sắc chỉ cho các vệ quân năm đạo, các phủ trấn, các tổng quản và tổng tri rằng:

Có quốc gia là phải có võ bị. Nay phải tuân theo trận đồ nhà nước đã ban, trong địa phận của vệ mình, phải chỉnh đốn đội ngũ, dạy cho quân lính phép đi, đứng, đâm, đánh, hiểu được hiểu lệnh, tiếng chuông, tiếng trống khiến cho binh lính tập quen cung tên, **[4b]** không quên võ bị.

Tháng 8, ra lệnh yết bảng cho những người nguyên là họ Trần phải kiêng húy đổi thành họ Trình.

Ra lệnh cho các sắc quân, dân ở các phủ, lộ, trấn, châu, huyện, động, sách, trang rằng:

"Người nào có nhiều thóc tình nguyện dâng lên, thì tới trình báo với các quan sở tại làm danh sách tâu trình lên, tùy theo số thóc dâng nhiều hay ít mà trao cho quan tước: từ 200 hộc thì cho chức quan nhàn tản chánh thất phẩm, 150 hộc thì cho chức quan nhàn tản tòng thất phẩm, 100 hộc thì cho cho chức quan nhàn tản tòng bát phẩm, con cái họ đều được miễn tuyển, nếu là 60 hộc thì thưởng 1 tư, chỉ được miễn bản thân thôi.

Tháng 9, ngày 21, sai bồi thần là bọn Đinh Lan, Nguyễn Phục, Nguyễn Phục, Nguyễn Đức Du sang nhà Minh tâu việc.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, sai bồi thần là bọn Nguyễn Nhật Thăng, Phan Duy Trình, Nguyễn Tự sang nhà Minh cầu phong.

Tâu trình những người có công hồi tháng 6[1].

Tổng đốc Nguyễn Xí, Đông đốc **[5a]** Đinh Liệt tâu trình tên họ các quan trong các phiên, các quan ngự doanh và những người trước sau xướng nghĩa chém bọn nghịch thần Đồn, Ban:

- Xướng nghĩa trước và hạ thủ đầu tiên là Lê Nhân Thuận, đã chém giặc Lăng.

- Xướng nghĩa là bọn Trịnh Đạc, Nguyễn Đức Trung, Lê Nhân Quý đế Lê Lật gồm 49 người.

- Lại tâu trình thêm bọn Nguyễn Trợ, Nguyễn Ngô, Lê Sư Lộ... gồm 6 người.

Phong công thần Nguyễn Xí làm Quỳ quận công, Đinh Liệt làm Lân quận công; Thái bảo Lỗ Sơn hầu Lê Niệm làm Thái phó; Kỳ quận công Lê Thọ Vực làm Tả đô đốc tham nghị triều chính chưởng Điện tiền ty; Nguyễn Lỗi làm Đại đô đốc chưởng hình bộ (Lỗi là con của Nhữ Lãm); Lê Khang làm Văn Chấn hầu.

Ra sắc chỉ cho các quan trong ngoài rằng: Viên nào con đáng được tập ấm mà không có con trai **[5b]** thì cho nuôi con người thân thích cùng họ, chỉ được 1 người tập ấm.

Ngày 11, ban biển ngạch cho người hiếu đễ là Nguyễn Liêm ở xã Mụ Xá, huyện Ứng Thiên, tha phú dịch cho bản thân. Sai quan huyện sở tại làm cổng lầu để treo bằng vàng.

Ra sắc chỉ cho quan các phủ, lộ, trấn, châu, huyện rằng: Ai ở cõi biên giới thì phải giữ quan ải cẩn thận, không được thông đồng với người nước ngoài.

Cấp ruộng thế nghiệp cho 30 viên công thần, số mẫu có thứ bậc khác nhau: Lê Lăng 300 mẫu, Lê Niệm 200 mẫu, Lê Nhân Thuận 130 mẫu, Lê Thọ Vực, Lê Sư Hồi, Lê Nhân Khoái 150 mẫu, từ Trịnh Văn Sái trở xuống, đều được cấp ruộng theo thứ bậc khác nhau.

Sắc cho bọn tể thần Lê Xí tâu thăng các quan công thần tại chức hay đã chết, được ban quốc tính hay không được ban, cùng số con trai của họ chưa được thăng bổ. Loại được ban quốc tính thì từ bọn Lê Quán Chi con trai của Thái phó **[6a]** Lê Liệt, Lê Văn Lão con trai của Lê Bí trở xuống đến Lê Ký

[1] Chỉ việc phế Nghi Dân, rước Thánh Tông lên ngôi.

con trai của Lê Luyện. Loại chưa được ban quốc tính thì từ Nguyễn Sư Hồi con trai của Nguyễn Xí, đến Lê Lộng con trai của Lê Đa Mỹ. Loại đã chết, được ban quốc tính thì từ Lê Muộn con trai Lê Vấn, Lê Dư con trai Lê Bôi, cho đến Lê Văn Lương con trai Lê Nhữ Soạn, chưa được ban quốc tính thì từ Lê Văn Thiết con trai Lê Chuẩn, đến Lê Văn Lâm con trai Lê Thiết.

Đến khi bọn Xí dâng tờ tâu lên, vua dụ rằng:

"Đã xem hết tờ tâu, trong ấy có xin cho bọn Lê Ê, Lê Thụ, Đỗ Bí, Lê Ngang theo như lệ công thần đã mất, nhưng câu ấy còn có thể bẻ lại được, là vì khoảng năm Diên Ninh, Đỗ Bí, Lê Ê ở chức cao nhất vào hàng tể thần; Lê Ngang, Lê Thụ tay cầm cấm quân, giữ việc an nguy, đáng lẽ phải dẹp yên giặc loạn, chuyển nguy thành an mới phải, thế mà chỉ biết sắp gà vào trong nồi mà để **[6b]** cá kình lọt ra ngoài lưới. Đến sau mưu việc không kín, đến nỗi phải phơi thây ở bên đường[1]. Đó lại thêm một tội khác trong các tội của bọn Bí, Ngang, có khác gì tội giết vua của Triệu Thuẫn ngày xưa[2], sau được để cùng với những công thần đã mất?".

Ngày 24, làm lễ chiêu hồn, chôn Nhân Tông ở bên hữu Vĩnh Lăng gọi là Mục Lăng[3].

Lại sai Trung thư sảnh thủ Trung thư lệnh tri tam quán sự nhưng tri học sinh ngự tiền nhị cục khinh xa úy Nguyễn Trực và Trung thư sảnh Trung thư lệnh thị lang nhập thị kinh diên kiêm quản cận thị chi hậu các cục thượng kỵ đô úy Nguyễn Bá Ký cùng soạn bài văn bia ở Mục Lăng[4].

Ngày 27, ra sắc chỉ cho hình quan rằng: Từ nay về sau, xét việc kiện tụng, phải mỗi tháng ba lần trình lên để quyết định, coi đó là địn chế lâu dài.

Tháng 12, sai Thái phó Lê Liệt, Thái phó Lê Lựu, thái bảo Lê Lăng dẫn các quân chia đường đi đánh họ Cầm[5].

Tuyển đinh tráng có tên trong sổ bổ vào **[7a]** quân ngũ.

Làm sổ hộ tịch.

Lấy Nguyễn Như Đỗ làm Lại bộ thượng thư.

Sắc cho Trung thư sảnh Trung thư lệnh thị lang nhập thị kinh điên kiêm quản cận thị chi hậu các cục thượng kỵ đô úy Nguyễn Bá Kỳ, Hoàng môn thị lang kiêm Quốc sử viện đồng tu quốc sử Hoàng Sằn Phu hiệu định miếu húy và ngự danh.

Tân Tỵ, [Quang Thuận] năm thứ 2 [1461], (Minh Thiên Thuận năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ban miếu húy và ngự danh. Miếu có 9 chữ: Hiển Tổ là Đinh, Hiển Từ là Quách, Tuyên Tổ là Khoáng, Trinh Từ là Thương, Thái Tổ là Lợi, Cung Từ là Trần, Nhân Tông là Long, Tuyên Từ là Anh, Nhân Tông là Cơ, ngự danh của kim thượng húy là Thành, Quang Thục hoàng thái hậu, húy là Giao.

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh bái yết sơn lăng.

Tháng 3, ngày 11, ban đêm, sét đánh ở cửa điện Thừa Thiên.

Ngày 19, vua **[7b]** và các quan bỏ áo triều làm lễ tạ ở điện Thừa Thiên.

Ra sắc chỉ cho các quan phủ, huyện, lộ, trấn, xã rằng:

---

[1] Bọn Lê Bí, Lê Ê, Lê Thụ bàn mưu giết hại Nghi Dân bị bại lộ, tất cả đều bị chém.

[2] Triệu Thuẫn là khách khanh nước Tần đời Xuân Thu ở Trung Quốc. Vua nước Tần là Linh Công định hại Thuẫn, Thuẫn bỏ trốn. Sau Triệu Xuyên giết Linh Công, đón Thuẫn về phục chức. Tuy Thuẫn không giết vua, nhưng sử quan nước Tần viên chép là Thuẫn giết vua, vì cho Thuẫn cùng một chí với Xuyên.

[3] Nguyên bản in là Dương nhưng hẳn là có lầm từ chữ Mục. Toàn thư BK 12, 59a và 96b đều chép là Mục Lăng.

[4] Nguyên văn là Dương Lăng, sửa là Mục Lăng. Toàn thư BK12, 98b cũng chép là Nguyễn Bá Kỳ soạn bài văn bia ở Mục Lăng.

[5] Tức họ Lư Cầm, tù trưởng Bồn Man.

Từ nay về sau, trong việc làm ruộng, phải khuyến khích quân dân đều chăm nghề nghiệp sinh nhai, để đủ ăn mặc, không được bỏ gốc theo ngọn, hoặc kiếm chuyện buôn bán, làm trò du thủ du thục. Người nào có ruộng đất mà không chăm cày cấy, thì quan cai trị bắt trình trị tội.

Mùa thu, tháng 7, ngày 11, động đất.

Ra sắc chỉ cho các xứ, phủ, lộ rằng: Chùa quán nào không có ngạch cũ thì không được tự tiện làm mới.

Cấm không được xưng hô lộn bậy trên dưới.

Sắc dụ quan Lại bộ là Nguyễn Như Đỗ và Nguyễn Thiện rằng:

"Năm ngoái các ngươi nhận lời thỉnh thác của Đỗ Bất Một, tâu xin cho hắn làm Tổng tri vệ Bắc Bình, rồi lời bàn tán trong triều ầm ỷ, các ngươi lại tâu xin cho Bất Một lấy làm hàm Tổng binh vệ về nghỉ, như vậy thực là gian ngoan quá lắm".

Tháng 8, ngày mồng 1, Hoàng trưởng tử Trang sinh (sau này là **[8a]** Hiến Tông). Bà mẹ là con gái thứ hai của Nguyễn Đức Trung, năm trước tuyển vào làm Sung nghi ở cung Vĩnh Ninh, sau này được tôn làm Trường Lạc hoàng thái hậu.

Mùa đông, tháng 10, ngày 21, có sắcdụ Thái bảo Lê Lăng.

Trước đó, vua đã sai Chánh chưởng Nguyễn Lỗi đem bạc lạng đến thưởng cho Lê Lăng và dụ rằng: "Ngươi nên thận trọng từ đầu đến cuối, phải thanh liêm công bằng".

Đến đây lại dụ rằng:

"Tính khí của ngươi cứng rắn quá, ngoài mặt thì nghiêm khắc mà trong lòng thì yếu mềm. Vì thế, người nào mình không bằng lòng thì đẩy xuống đất đen, người nào chiều ý mình thì nâng niu trên gối, mọi người không ưa chẳng vì thế ư?".

Vua dụ bảo Đô ngự sử đài là bọn Ngô Sĩ Liên và Nghiên Nhân Thọ rằng:

"Ta mới coi chính sự, sửa mới đức độ, tuân theo điển cũ của thánh tổ thần tông, nên mới tế giao vào đầu mùa xuân. Các ngươi lại bảo tổ tông tế giao cũng không đáng theo!. **[8b]** Các ngươi bảo nước ta đời xưa là hàng phiên bang, thế là các ngươi theo đạo chết, mang lòng không vua. Vả lại, khi Lệ Đức hầu cướp ngôi, Ngô Sĩ Liên chẳng vì hắn trổ tài phong hiến[1] đó sao? Ưu đãi trọng lắm! Nhân Thọ không vì hắn trù hoạch nơi màn trướng đó ư? Ngôi chức cao lắm! Nay Lệ Đức hầu mất nước về tay ta, các ngươi không biết vì ăn lộc mà chết theo hắn lại đi thờ ta. Nếu không nói ra, trong lòng các ngươi không tự hổ thẹn mà chết ư? Thực là bọn gian thần bán nước!".

Tháng 11, đại xá thiên hạ, vì tháng 8 mới rồi sinh Thái tử.

Mùa đông, tháng 12, ban các điều đại cáo, từ phủ đến các châu, huyện, trang, mỗi nơi 1 bản. Cấm các thuộc lại không được bóc trộm những điệp sớ dán kín, không được chia nhau cầm giữ mang về nhà,hoặc cho người ngoài truyền nhau sao chép.

Lấy Lê Lộng làm Đô đốc bình chương sự; Lê Chấp Trung làm Đô đốc, Trịnh Văn Sái làm Đô đốc tham dự triều chính chưởng **[9a]** điện tiền ty; Vũ Lãm làm Hàn lâm viện trực họa sĩ; Hàn lâm viện học sĩ Nguyễn Đình Mỹ làm quyền Lễ nghi viện thượng thư.

Nhâm Ngọ, [Quang Thuận] năm thứ 3 [1462], (Minh Thiên Thuận năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, hiệu định nghi chú lễ dâng biểu và lễ bái bài[2], theo lời tâu của quyền Lễ nghi viện thượng thư Nguyễn Đình Mỹ.

Đổi viện nhi[1] thành ứng sai.

---

[1] Phong hiến: là chức ngự sử giữ việc đàn hặc.

[2] Lễ bái bài: tức là lễ bái vọng vào các dịp sinh nhật vua hoặc ngày chính đán.

Tháng 2, tăng 2 lần số tiền đại bô[2].

Ngày 11, nhà Minh sai chánh sứ là Hành nhân ty hành nhân Lưu Trật sang tế Nhân Tông.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ biết: Các nhà quân, dân ở các lộ, huyện, phủ Trung Đô, nhà nào có nô tỳ là người Ngô[3], không được cho ra ngoài thông đồng với sứ nhà Minh.

Nghiêm cấm việc loại bỏ tiền đồng.

Tháng 3, tha tội chết cho Nguyễn Sư Hồi.

Vua dụ các quan trong triều rằng:

"Sư Hồi vì có công trung hưng cùng với cha là Xí có **[9b]** công lao lớn trong buổi khai quốc[4], nên tha tội chết. Còn bọn Trịnh Lý thì triều thần các ngươi cùng bàn xử".

Sắc dụ Tả đô đốc Lê Thọ Vực rằng:

"Bài thơ yêu ma đó chưa chắc là do Sư Hồi làm, trong chỗ còn ngờ cũng có thể vu oan được. Những câu về Lê Niệm, Nguyễn Lỗi, Trịnh Văn Sái thì có ngờ cho nó còn được, chứ Thọ Vực thì chỉ nói là hung bạo, thực ra chưa đến mức phản nghịch thì sao lại đổ cho Sư Hồi làm? Nếu nó đáng chết nữa, thì cũng là trời hại nó, sao nhà ngươi lại manh tâm báo thù nó?".

Bấy giờ Sư Hồi muốn hại bọn Lê Niệm, làm một bài thơ vứt ra đường, khiến người lưu truyền đến tai vua. Bài thơ viết:

Nhân hữu nhị tâm vưu khả nghi,
Tự lai chung cánh hiếu vi phi.
Thổ biên hữu hoặc chân dung bạo,
Thủy tại tây bàng xã tắc nguy.
(Người có hai lòng rất đáng nghi,
Giống chữ "lai" đó thích vi phi[5].
Bên "thổ" có "hoặc" thực hung bạo,
"Thủy" sát bên "tây" xã tắc nguy).

(Người có hai lòng là chữ Niệm tức là Lê Niệm. Giống chữ lai là chữ lỗi, tức là Nguyễn Lỗi. Bên chữ Thổ có chữ hoặc là chữ Vực tức Lê Thọ Vực. Bộ Thủy ở cạnh chữ tây là chữ Sái tức Trịnh Văn Sái).

Sư Hồi làm bài thơ này chưa kịp lưu truyền thì tình gian bị bại lộ. Cả bọn đều xin trị tội Sư Hồi, nên vua có dụ này để răn bọn Thọ Vực.

Mùa hạ, tháng 4, định lệ bảo kết[6] trong thi hương.

Ra lệnh chỉ cho các thí sinh trong nước, không cứ là dân hay lính, hạn tới thượng tuần năm nay đến nhà giám hay đạo sở tại khai tên và căn cước đợi thi hương. Ai đỗ thì gửi danh sách lên Lễ nghi viện để đến trung tuần tháng giêng năm sau thi hội. Cho quan sở tại và xã trưởng xã mình làm giấy bảo đảm rằng người ấy thực là có đức hạnh thì mới được vào danh sách dự thi. Kẻ nào vào loại bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, loạn luân, điêu toa... thì dẫu học giỏi, văn thơ hay, cũng không cho vào thi. Phép thi như sau:

- Thí sinh phải nộp căn cước, khai rõ phủ, huyện, xã, tuổi tác cùng là chuyên học kinh nào, lý lịch ông cho ra sao, không được gian dối, giả mạo.

---

[1] Viện nhi: người hầu hạ và sai phái trong các viện.

[2] Đại bô: tiệc cho thần dân vào các dịp lễ lớn

[3] Ngô: danh từ để chỉ người Trung Quốc hồi ấy.

[4] Chỉ cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi lập ra nhà Lê.

[5] Vi phi: làmnhững điều phi pháp.

[6] Nguyên văn là "bảo kết:", nghĩa là bảo đảm, cam kết.

- **[10b]** Nhà phường chèo, con hát và những kẻ phản nghịch, ngụy quan có tiếng xấu, thì bản thân và con cháu đều không được dự thi. Nếu mang sách hay mượn người làm hộ bài thì bị trị tội theo luật.

- Phép thi hương trước hết thi ám tả để loại bớt.

- Đề mục thi: Kỳ thứ nhất thì Tứ thư, kinh nghĩa gồm 5 bài. Kỳ thứ hai thi chiếu, chế, biểu dùng cổ thế hay tứ lục. Kỳ thứ ba thi thơ, dùng Đường luật, phú dùng cổ thế hay Ly Tao, văn tuyển, từ 300 chữ trở lên. Kỳ thứ tư thi một bài văn sách, đầu đề hỏi về kinh, sử hay việc đương thời, hạn 1.000 chữ.

- Chữ húy của quốc triều, nếu hai chữ liền nhau thì đều không được dùng, nếu rời ra chữ một thì cũng cho dùng thay chữ khác, khuyên ở bên ngoài...

Lấy Hoàng Thanh làm Môn hạ sảnh hữu ty lang trung tham tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch ky đô úy.

Bấy giờ nhân có tai biến về mưa đá và sấm gió, xuống chiếu cầu lời nói thẳng. Thanh bèn dâng sớ **[11a]** trình bày 7 việc:

1- Thuận âm dương để đón khí hòa.

2- Gần Kinh diên để tôn chánh học.

3- Chọn con nối để vững gốc nước.

4- Tiết kiệm của dùng để thi cho kinh phí.

5- Thận trọng chức thú lệnh để chăn dân.

6- Thường xuyên huấn luyện để nghiêm võ bị.

7- Đặt đồn điền để chứa lương cho biên giới.

Vua tiếp nhận cả.

Tháng 5, ra sắc chỉ cho các quan ở 5 đạo: Tan buổi chầu, đến giờ Mùi phải ở đạo mình để coi việc, nếu thiếu vắng ở nha môn thì xử giáng hoặc bãi chức.

Tháng 6, sắc dụ bọn Thái bảo Nguyễn Xí rằng:

"Các ngươi vốn là quan võ làm trấn phủ. Nghĩa chữ "trấn phủ", bọn vũ phu các ngươi có biết được không? Đến như Tăng Văn Trọng còn bị Khổng Tử chê là "trộm cắp ngôi vị"[1], huống chi các ngươi là bọn bịt đường của bậc hiền tài, khơi nguồn cho kẻ cầu may!".

Mùa thu, tháng 8, giết Thái úy Lê Lăng vì Lăng ngầm mưu làm phản.

Tháng 9, nhà Minh sai chánh **[11b]** sứ là Hàn lâm viện thị độc học sĩ Tiền Phổ, Phó sứ là Lễ khoa cấp sự trung Vương Dự mang sắc phong vua làm An Nam Quốc Vương. Sai Tư lễ giám thái giám Sài Thăng, Chỉ huy thiêm sự Trương Tuấn, Phụng ngự Trương Vinh sang thu mua hương liệu.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 6, sứ thần nhà Minh là bọn Tiền Phổ trú ở sứ quán. Khi về, vua sai đem lễ vật đến, bọn Phổ cố từ chối không nhận.

Ra sắc chỉ cho cả nước rằng:

Kể từ nay, các quan viên văn võ làm việc đến 65 tuổi muốn nghỉ việc, các lại điển, giám sinh, nho sinh, sinh đồ tuổi từ 60 trở lên muốn về làm dân, thì đều cho người đó nộp đơn ở Lại bộ rồi xếp loại tâu lên để thi hành.

Ra lệnh cho các nha môn trong ngoài cả nước rằng: ở các bản tâu đề thì chính viên quan nha môn đó phải ký tên không được nhờ lại dịch ký tên hộ.

---

[1] Khổng Tử nói: "Tăng Văn Trọng chẳng phải là kẻ trộm cướp ngôi vị đó ư? Biết Liễu Hạ Huệ là người hiền mà không cho cùng làm quan với mình" (Xem Luận ngữ, thiên Vệ Linh Công).

Tháng 12[1], sai sứ sang nhà Minh: Lê Công Lộ **[12a]** tạ ơn việc phúng tế, Trần Bàn sang tâu việc Bùi Hựu tạ ơn sách phong.

Tháng 12, sai bồi thần là bọn Lê Văn Hiển, Hoàng Văn Ngọ, Tạ Tử Điền sang tuế cống nhà Minh và xin ban mũ áo.

Ngày mồng 4, lập Hoàng trưởng tử Tranh làm Hoàng thái tử. Đại xá thiên hạ.

Năm ấy thăng Thái phó Nguyễn Xí làm Nhập nội hữu tướng quốc.

Quý Mùi, [Quang Thuận] năm thứ 4 [1463], (Minh Thiên Thuận năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, miễn kỳ hội duyệt các quân vì năm trước có đại xá.

Bắt đầu định lệ ba năm một lần thi hội.

Tháng2, tổ chức thi hội cho các sĩ nhân trong nước. Bấy giờ người dự thi có tới 4.400 người, lấy đỗ 44 người.

Ngày 16, thi điện cho các tiến sĩ.

Sai Nhập nội kiểm hiệu tư đồ bình chương sự Nguyễn Lỗi và Nhập nội đô đốc đồng bình chương sự tri Đông đạo chư vệ quân dân Quốc tử giám tế tửu Lê Niệm làm đề điệu. Chính sự viện **[12b]** tham nghị chính sự Nguyễn Phục làm giám thí, Môn hạ sảnh ty tả gián nghị đại phu tri Bắc đạo quân dân bạ tịch kiêm Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ Nguyễn Như Đổ; Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ tri Đông đạo quân dân Nguyễn Vĩnh Tích; Quốc tử giám tế tửu Nguyễn Bá Ký làm độc quyển.

Vua ra hiên, thân hành ra đề văn sách hỏi về đạ xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Xuống chỉ rằng làm lễ cầu mưa thì dùng tiền thuế.

Ban biển ngạch cho người phụ nữ trinh tiết là Nguyễn Thị Bồ ở xã Đại Hữu Lệ, huyện Thanh Trì để nêu khen với xóm làng, cho một người con hay cháu được miễn phu dịch để nuôi nấng.

Ngày 22, truyền loa xướng danh các tiến sĩ là bọn Lương Thế Vinh và ban ân mệnh cho từng người. Sai các quan Lễ bộ đem bảng vàng treo ngoài cửa Đông Hoa cho các sĩ nhân biết.

Tháng 3, ngày mồng 3, Hoàng Thanh chết, thọ 53 tuổi.

[13a] Thanh tên tự là Trực Khanh. Bấy giờ Lương Như Hộc người Hồng Châu có bài tán đề vào bức chân dung của Thanh rằng:

Thiếu kết tri ư Thái Tổ,
Trưởng tín nhiệm ư Thánh Tông.
Thể cụ nhi dụng chu,
Tử hiếu nhi trần trung,
Tứ triều lịch sự,
Nhất tiết thủy chung.
(Hồi trẻ được Thái Tổ biết,
Trưởng thành được Thánh Tông tin.
Thể toàn mà dụng đủ,
Con hiếu lại tôi trung.
Trải thờ bốn đời,
Trước sau một tiết).

Ra lệnh chỉ rằng: các việc kiện tụng tranh nhau đã xét xử đúng lẽ rồi thì không được cưỡng tranh nữa.

Mùa hạ, tháng 4, cấm nội quan và con gái trong cung không được kết bạn với người ngoài, không được trao đổi trò chuyện và đùa bỡn với nhau.

---

[1] Nên sửa lại là tháng 11 như bản dịch cũ có lẽ đúng hơn.

Tháng 5, cấm cưỡng tranh ruộng đất khi đuổi lý đem bán cho nhà thế gia.

Ra sắc chỉ rằng: Kẻ nào dùng gươm, nón trái quy định để vào trong Hoàng thành đều bị xử tử.

Mùa thu, tháng 7, hạn. Vua lánh chính điện, giảm món ăn, triệt bỏ đồ nhạc.

Động đất.

Mùa đông, tháng 10, sắc dụ các quan trong triều rằng:

"Mới rồi Nguyễn Phục thấy mùa xuân đại hạn 3 tháng, cho là nhất định sẽ có chuyện gì, khuyên trẫm bình tĩnh để chờ xem biến cố, sẵn sàng vũ khí để phòng thân. Trẫm khôn nghe **[13b]** quả nhiên vô sự. Thánh nhân xưa quan sát thiên văn để xét sự đổi thay của thời tiết, xem xét nhân văn để giáo hóa thiên hạ, không thể không cảnh giác đề phòng, nhưng sao lại nên chứa chất ngờ vực để cho hỏng việc?".

Tháng 12, dụ bọn Thái phó Nguyễn Xí rằng:

"Tông miếu xã tắc an hay nguy là ở mấy người các khanh thôi. Các khanh nên nghĩ cho kỹ, tính cho chín, tâu việc trị nước cho trẫm biết. Trẩm sẽ cố gắng quyết đoán ở bên trong, các khanh sẽ thừa hành ở bên ngoài".

Ra sắc chỉ rằng:

" Những người bói toán, đạo thích ở trong nước từ nay về sau không được trò chuyện trao đổi với người trong cung và hậu đình".

Sắc dụ cho bọn Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ, Hình bộ thượng thư Trần Phong, Binh bộ thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích, Hộ bộ thượng thư Nguyễn Cư Pháp, Binh bộ thượng thư Nguyễn Đình Mỹ rằng:

"Ta nghe Tư Mã Quang có nói: "Người quân tử là cội gốc để tiến lên trị bình, kẽ tiểu nhân là thềm bậc để đi đến họa loạn". Ta và các ngươi đã thề với trời đất dùng ngươi quân tử, bỏ kẽ tiểu **[14a]** nhân, ngày đêm chăm chắm không lơi, các ngươi chớ có quên đấy!".

Lại dụ các quan tể thần và kinh diên rằng:

"Nay bọn Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ, Phạm Du, khi bàn luận ở triều đình, hay lúc quyết định việc chính trị đều chỉ a dua lấy lòng hoặc ngậm miệng không nói, thì dù có lỗi nhỏ mà khép vào pháp luật cũng đáng; còn như bọn Nguyễn Mậu, Nguyễn Vĩnh Tích, Nguyễn Trạc, Nguễn Trạc biết lo vua yêu nước, gặp việc nói hết, thì dù có lầm lỗi mà được khoan thứ cũng là phải. Mới rồi, Nguyễn Mậu nói việc không mà không bị buộc tội, đó là trẫm báo đền cái đức hay nói của Nguyễn Mậu".

Sắc dụ Lễ bộ tả thị lang Lương Như Hộc rằng:

"Mới rồi, Nguyễn Vĩnh Trinh không học thể thơ quốc ngữ, làm thơ không đúng phép. Ta tưởng là ngươi biết, nên mới hỏi thử ngươi, nhưng ngươi cũng không biết nốt. Vả ta xem Hồng Châu quốc ngữ thi tập của ngươi còn nhiều chỗ thất luật, ta chắc là ngươi chưa biết nên mới nói ra. Vũ Lãm thường[14b] không muốn ta nói cho ngươi biết đâu".

Sắc dụ Đô đốc Nguyễn Sư Hồi rằng:

"Dương Quốc Minh bảo là Ngô Tây lấy 30 lạng bạc trao cho Nguyễn Hồ đến đút lọt bọn ngươi. Ngươi sai vợ lẽ ngươi nhận lấy. Vả khi trước nó đút lót cho cha ngươi là Xí 50 lạng, nay chuyển sang đút lót cho ngươi, tất cả là 80 lạng, hiện còn ở nhà ngươi, ngươi lại không biết hay sao? Nay đặc sai Tư lễ giám Nguyễn Áng đem sắc chỉ tới bảo ngươi và đòi lấy số 80 lạng đút lót ấy mang về. Ngươi có tội mà không ngại sửa bỏ tội lỗi thì sau này chắc chắn không bị tai họa".

Lại dụ Nguyễn Sư Hồi rằng:

"Ta thể theo lòng người lên nhận ngôi báu, vẫn nhờ các bậc huân hiền đòng lòng giúp đỡ, đến nay đã 4 năm rồi. Cha con ngươi, đầy nhà lớp lớp ngọc khuê giải ấn có thể gọi là thịnh lắm rồi. Ta vẫn tin ngươi. Dẫu có hư đó, cũng không hề suy giảm. Sau khi được thư ấy, hẳn ngươi có chổ không yên lòng. Ngươi há không nên nghĩ cho kỹ để làm kế giữ mình ư?".

Bấy giờ **[15a]** bắt được trên nóc nhà có thư nặc danh, nói Sư Hồi sắp làm phản, cho nên vua dụ Hồi.

Dụ Thái bảo Lê Niệm rằng:

"Ngày xưa, Thái Tổ ta khai sáng cơ nghiệp lớn, cha ngươi rong ruổi từ đông sang tây, nhiều lần vì nước quên mình[1]. Đến khi Thái Tông nối chí kế nghiệp, nhớ tới công của cha ngươi, nhưng ngươi đang còn nhỏ, chưa làm quan được. Nhân Tông trao cho ngươi nơi Hựu phủ[2], ra coi giữ phiên trấn lớn. Đến khi tai biến xảy ra sắt nách, ngươi hết lòng mưu việc khôi phục, gươm sắt vung lên là kẻ gian tà phải nộp đầu, ngôi tôn về chính vị mà tông miếu xã tắc vững yên. Tuy nhiên, khanh đã lập nên công lao không gì lớn hơn, cũng nên giữ mãi sự nghiệp không ai sánh kịp. Trên thì cơ đồ của tổ tông ta càng thêm huy hoàng, dưới thì công đức của cha con ngươi ngày một rạng rỡ, há chẳng vui sao!".

Giáp Thân [Quang Thuận] năm thứ 5 [1464], (Minh Thiên Thuận năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 17, vua Anh Tông nhà Minh băng. Ngày 22, **[15b]** Thái tử Kiến Nhu lên ngôi, đổi niên hiệu là Thành Hóa. Đó là Hiến Tông.

Định lễ tế âm hồn, gồm con vật cúng và rượu.

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh bái yết sơn lăng.

Sắc dụ chưởng Hình bộ Lê Cảnh Huy rằng:

"Ngươi nhiều lần giữ chức then máy của triều đình, công tích đáng ghi, đã hết lòng can ngăn nói thẳng, chỉ ra lỗi lầm của trẫm, dẫu nửa được nữa hỏng,nhưng phương cứu tệ, giúp đời xuất phát từ lòng trung quân ái quốc, đã liền dòng liền trang rồi. Từ nay về sau, ngươi hãy xét kỹ những việc oan uổng, dẹp bớt những kẻ giang ngoan, bàn luận ở triều đình cho trắng đen sáng tỏ, phải đối chiếu với nghĩa lý, chớ có làm điều khôi hài. Trao cho chức lớn, ký thác việc nặng, trẫm chỉ còn trông đợi ở một khanh thôi".

Mùa hạ, tháng 6, ban cho các quan văn võ trong ngoài môn một quả ấn.Ra lệnh chỉ cho các phủ, lộ, trấn, châu, huyện, xã:Từ nay về sau,không được tự thiên càn bậy.

Mùa thu, tháng 7, ban cho Anh Vũ, con Nguyễn Đình Mỹ. Vua dụ rằng:

"Đồ dùng thì chuộng thứ mới, dùng người thì nên dùng người cũ. Nho thần tuổi già như bọn các ngươi còn mấy người đâu, mà ngươi đâu, mà ngươi phạm tội cũng là sau vụ phạm tội của Ngô Sĩ Liên và Nguyễn Thiện thôi. Pháp ty giữ công bằng, theo luật, phải giáng bãi, nhưng ta thì tiếc tài ngươi, sai đổi thành lệnh biếm chức. Pháp luật là phép công của nhà nước, ta cùng các ngươi đều phải theo,ngươi nên nhớ lấy".

Tháng 8, có thánh chỉ rằng: kẽ nào phạm tội mò trộm ngọc trai và đúc trộm tiền đồng, thì chia ra loại thủ phạm và tòng phạm mà xử tội khác nhau.

Sắc dụ Hình bộ tả thị lang Nguyễn Mậu rằng:

"Ngươi chăm lo việc nước, điều gì hay thì quy về cho vua, không kém gì Như Hối, Huyền Linh[3]. Đến như Đái Trụ xử việc phức tạp khó khăn[4], Ngạn Bác tâu bày rõ ràng, tường tận [5], so với hai người đó cũng có khá hơn một chút. Lâm bầy tôi như vậy thực đáng khen ngợi lắm, nên ban cho bạc lạng. Khi nào

[1] Lê Niệm là con Lê Lâm, cháu Lê Lai, Lê Lâm đi đánh Ai Lao, bị chông sắt mà chết.

[2] Tức là vào hàng tế thần tham dự triều chính.

[3] Như Hối: tức Đỗ Như Hối, Huyền Linh: là Phòng Huyền Linh, đều là bề tôi giỏi của Đường Thái Tông.

[4] Đái Trụ: là người minh mẫn, cư8ng trực, rất giỏi xử việc rối rắm phức tạp làm đến Kiểm hiệu Lại bộ thượng thư cho Đường Thai Tông.

[5] Ngạn Bắc: tức là Ôn Ngạn Bác,giỏi việc tâu bày, làm Thượng thư hữu bộ xạ đời Đường Thái Tông.

bạc ban đến nơi, ngươi càng nên mãi giữa thêm lòng son vốn có mong cho ta **[16b]** tới cõi trị bình. Ta có lỗi lầm gì hãy thẳng thắn chỉ ra, hãy cứng như Đổng Tuyên [1], chớ như Tô Uy [2] quen thói giàu giếm".

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai chánh sứ là Thượng bảo tự khanh Tô Lăng Tín, phó sứ là bọn Hành nhân ty hành nhân Thiệu Chấn sang báo việ Hiến Tông lên ngôi và ban cho mũ áo, vóc lụa cùng sắc dụ.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh: Phạm Bá Khuê dâng hương; Lê Hữu Trực, Dương Tông Hải, Phạm Khánh Dung mừng lên ngôi.

Lê Tông Vinh, Phạm Cừ, Trần Văn Chân tạ ơn ban vóc lụa.

Tháng 12, cấm các quan nhậm chức bên ngoài vô cớ về kinh đệ trình bản tâu.

Có thánh chỉ rằng những tội nào còn ngờ thì xử giảm mức.

Sắc dụ đại thần và các quan rằng:

" Xưa Thái Tổ ta dãi gió dầm mưa để bình định thiên hạ, bấy giờ các bề tôi có công ra sức giúp dân, cùng chịu gian lao khổ ải, tình nhgĩa đều vẹn toàn. Vì thế, đặc ân ban quốc tính để tỏ lòng yêu quí khác thường. Nhưng con cháu các ngươi truyền nối lâu dài**[17a]** e rằng họ cũ của tổ tiên, trái với đạo dạy người ta hiếu thảo. Từ nay về sau, công thần được đặc ân ban quốc tính thì chỉ một đời người ấy thôi, còn con cháu thì đều theo họ cũ".

Thái úy Nguyễn Xí ốm. Vua dụ rằng:

" Ngày xưa trẫm làm phiên vương, nhởn nhơ chốn cửa son, không có ý lên ngôi báu. Vì bọn khanh đồng lòng suy tôn, diệt bọn phản nghịch, đưa trẫm lên ngôi báu, đến nay đã năm 5. Thú vui con hát, vũ nữ thì khanh không bằng lòng họ Thạch họ Cao nhà Tống[3], mà lo lắng đến héo ruột khô tim thì khanh hơn hẳn họ Phòng, họ Đỗ đời Đường[4]. Công lao đó trẫm chưa báo đền, bệnh khanh sao đã trẫm trọng thế? Nếu khanh nghĩ đến nước, thì cơm cháo phải cố mà ăn, nếu khanh lo cho trẫm thì thuốc thang phải cố mà uống. Đối với Sư Hồi, khanh chẳng phải là thân phụ đó sao? Hãy nên dốc lòng hết lòng thành kính của mình. Người xưa cúng trời tế quỷ để trừ tai ách, khanh thử nghĩ xem!".

Dụ Thiêm **[17b]** đô ngự sử Nguyễn Thiện rằng:

"Khoảng năm Thái Hòa, Diên Ninh, trên thì Tể tướng, dưới đến trăm quan, tranh nhau bòn lợi, hối lộ bừa bãi. Ngươi bảo Nguyễn Đình Mỹ là kẻ tiểu nhân, không thể tin dùng. Ta lên ngôi báu đến nay đã năm năm, Đinh Mỹ bôn tẩu phục vụ rất chăm, dốc lòng hết sức, trước thì xiểm nịnh là thế, sau lại lương thiện là thế, thực có gì là hại đâu? Hồi Lệ Đức hầu ưa thích của quý vật lạ, Nguyễn Như Đổ và Trần Phong đi sứ sang Bắc mua sắm kể hàng ngàn, xoay xở đủ trăm cách. Còn như lòng trung của hai người đó thì ai biết? Ngươi hãy nghĩ cách học tập họ".

Lại dụ Nguyễn Thiện rằng:

"Ngươi làm bề tôi của ta, hết lòng trung thành lo việc nước, kính cẩn chăm nom chức nhiệm, nhiều lần dâng lời hay. Trẫm có lúc dùng quyền oai, ngươi chưa thấy bao giờ chịu nhục bớt. Tuy công việc chưa có gì nổi bật, kẻ xấu chưa đàn hặc hết được, nhưng đại khái cũng đáng khen thưởng. Đặc sai tư lễ giám đem **[18a]** sắc đến dụ ban thưởng cho bạc lạng. Ngươi hãy cố gắng hơn nữa".

Sắc dụ Binh bộ thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích rằng:

---

[1] Đổng Tuyên: là quan lệnh ở Lạc Dương, tính cứng cỏi, thẳng thắn, khi xử vụ án giết người đầu bếp của Hồ Dương công chúa,Hán Vũ Đế bắt tuyên phải lạy tạ công chúa, tuyên chống hai tay xuống đất, nhất định kh6ng chịu lạy.

[2] Tô Uy: là trọng thần của nhà Tùy mất, Uy sống tùy thời, triều này lên cũng xin thờ phụng và đều được trọng dụng. Đến khi Đường Thái Tông đương nước, Uy xin yết kiến, không được Thái Tông chấp nhận

[3] Họ Thạch: là Thạch Thủ Tín, họ Cao: là Cao Hoài Đức, hai công thần nhà Tống đều cố nắm binh quyền không chịu bỏ. Trong một bữa tiệc, Tống Thái Tổ bảo hai người nên bỏ binh quyền mà vui thú với con hát, gái múa cho thỏa thích.

[4] Họ Phòng, họ Đỗ: tức Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối đời Đường Thái Tông.

"Nay Dương Quốc Minh nói năm xưa có đem 34 lạng bạc đến đút lót cho mẹ ngươi, dẫu không chứng cớ, nhưng chả lẽ lại nói vu? Tuy có dụ này, nhưng ta cũng che giấu cho để ngươi tự sửa lỗi"?.

Lại dụ rằng: "Xem sớ của ngươi tâu bày, rất là thiết thực, xác đáng, dù họ Vương, họ Ngụy đời Đường[1] cũng khônghơn được. Đáng ban cho 10 lạng bạc để đáp lại lòng trung thành của ngươi. Vả lại, lời bàn của ngươi rất hợp với ý của tiên nho, trẫm đã khen ngợi và tiếp thu cả".

Ất Dậu, [Quang Thuận] năm thứ 6 [1465], (Minh Hiến Tông Kiến Nhu Thành Hóa năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sắc dụ Đô đốc Nguyễn Sư Hồi rằng:

"Án lớn xảy ra luôn, bắt nhiều con em nhà quyền quý, sao ngươi không nghhĩ kỹ điều đó? Chúng nó nói dến cả Cung Vương và Lê Niệm, nhưng cẩn thận, chớ nói cho họ biết".

Ra lệnh chỉ cho các quan nắm việc kiện tụng rằng:

[18b] "Nên xét định ngay các đại phu ở Ngũ hình viện, người nào xử kiện không có oan uổng thì ghi thành một hạng, người nào bình thường ghi thành một hạng, người nào hèn kém thì ghi thành một hạng, tâu trình lên. Hạng không có oan uổng thì khen thưởng, hạng bình thường thi giữ lại làm việc, hạng hèn kém thì bổ chức Chuyển vận[2]".

Định lệ tế Văn miếu ở các trấn, lộ vào hai ngaỳ đinh của mùa xuân và múa thu. Chỉ tế mười vị hiền triết thôi[3] đó là theo lời tâu của Nguyễn Đình Mỹ.

Tháng 2, sắc cho Tả đô đốc Lê Thọ Vực tuyển chọn đinh tráng. Vua dụ rằng:

"Ngươi là bề tôi giỏi việc dẹp loạn nên mới đặc biệt sai người làm việc tuyển đinh tráng, chả lẽ người không hết lòng thành, bỏ tình riêng để không phụ uỷ thác của ta hay sao?"

Tháng 3, ngày 16, có nguyệt thực toàn phần.

Đặt sáu viện[4], lấy quân lính thân tín làm quân tả hữu Vũ lâm.

Xây điện Kính Thiên.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự ra Xương Giang, thưởng cho các quan theo hầu mỗi người 1 tư.

Định lệnh đòi các quan nhậm chức bên ngoài bị kiện.

Nhập nội đại hành khiển bả bộc xạ tham tri chính sự chưởng Nội mật viện sự **[19a]** Lê Cảnh Huy tâu rằng:

"Khi xét những việc kiện tụng liên can quan nhậm chức ở bên ngoài, nếu nhẹ thì cứ cho nha môn đó lấy cung rõ ràng gửi về nộp. Nếu can việc nặng thì tâu lên rồi mới cho đòi tới đối chất."

Định lệnh các quan được sai đi làm việc khi về phục mệnh: Kể từ nay, quan các nha môn được sai đi làm việc gì, là xong, về kinh phải đệ trình ngay bản tâu đến Thông chính sứ ty rồi đến chực ở ngoài cửa Đông Hoa để đợi gọi vào hỏi, khi nhận được chỉ mới được về nhà.

Tháng 5, ra lệnh cho Lễ bộ yết bản khuyên giữ phong hoá.

Mùa thu, tháng 7, làm sổ hộ tịch. Phép làm: Đều lấy 6 năm làm mức. Đến kỳ, quan các phủ, huyện, châu, gọi các xã quan lê, mỗi người đem sổ hộ khẩu của xã mình đến kinh đối chiếu mà viết.

---

[1] Họ Vương họ Ngụy: tức Vương Khêu và Ngụy Trưng đời Đường Thái Tông đều nổi tiếng về thẳng thắn can ngăn vua.

[2] Chức này sau đổi thành tri huyện.

[3] Chỉ 10 vị học trò nổi tiếng của Khổng Tử được thờ ở Văn miếu. Đầu tiên thì có: Nhan Uyên, Mẫu Tử khiên, Nhiệm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tể Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, Tử Dụ, Tử Hạ. Sau Nhan Uyên được thăng phối, lấy Tăng Từ thêm vào. Khi Tăng Tử được thăng phối, lại lấy Tử Trương thêm vào.

[4] Sáu viện là Nghi lễ viện , Tư hình viện, Khâm hình viện, còn 3 viện nữa chưa rõ (chú của CMCB 19, 31B).

Bắt đầu đặt ngạch nữ đinh khiêng kiệu.

Tháng 8, sai Hoàng thái tử vào học. Vua làm thơ đưa cho như sau:

Chí thân hạp bất tận thành ái,
Tiện bế cương trường nhiễu chỉ phu.
Sở quốc Phàn Cơ quang [19b] phụ đức,
Trưởng tôn hoàng hậu hữu gia mưu.
Đầu sàng trùng sử Tần vương hận,
Dương túy thời tri Vệ Quán ưu.
Chúng khẩu hưu hưu thông nhĩ quát,
Hà tằng nhất kiến Tiết Cư Châu.
(Thân yêu há chẳng hết lòng này,
Xiểm nịnh làm cho dạ đổi thay[1].
Nước Sở Phàn Cơ nêu đức tốt[2] .
Trưởng Tôn hoàng hậu có mưu hay[3].
Tần Vương hận chuyện lăn ra sập[4].
Vệ quán lo âu khéo giả say[5],
Trăm miệng ồn ào tai phải điếc,
Cư Châu[6] đâu thấy được người ngay[7]).

Bây giờ Hoàng thái hậu là người nhân huệ có thừa mà không đủ quả quyết, răn dạy con cháu chưa bao giờ đổi sắc mặt, có khi đánh bằng roi vọt, nhưng chỉ một lát lại thương xót. Vua sợ Tranh dần dà trở nên phóng túng kiêu ngạo, nên làm bài thơ này đưa cho.

Đổi Đô sảnh đường thành Khâm hình thượng thư, Tri từ tụng sự thành Tả hữu thị lang. Trung thư khoa đổi thành Lại khoa, Hải khoa đổi thành Hộ khoa, Đông khoa đổi thành Lễ khoa, Nam khoa đổi thành Binh khoa, Tây khoa đổi thành Hình khoa, Bắc khoa đổi thành Công Khoa, Biên Khoa đổi thành Thượng bảo tự, Hành Khiển các đạo đổi thành Tuyên chính sứ ty.

Dựng điện Cẩn Đức.

Tháng 9, ra sắc chỉ rằng: người nào cố ý giết voi nhà nước **[20a]** thì xử tội có mức độ khác nhau.

Đổi Trần Phong ra làm Tuyên chính sứ Tây đạo.

Vua dụ các quan trong triều rằng:

"Trần Cẩn là em Trần Phong. Cẩn có tội. Trẫm hỏi Phong về hành vi ngày thường của Cẩn thì Phong nhân thế bới móc hết cái xấu của Cẩn ra, định làm hại Cẩn. Cái tình anh em cơ hồ sụp đổ rồi;

---

[1] Nguyên văn "Cương trường nhiễu chỉ phu" lấy ý từ hai câu thơ: "Hà ý bách luyện kim, hóa tác nhiễu chỉ phu "(ngờ đâu loại kim cứng trăm lần tôi lại hoá thành chất mềm vòng vào ngón tay được) của Lưu Công. Câu này dịch ý.

[2] Phàn Cơ: là bà phi của Sở Trang Vương. Trang Vương hay đi săn, Phàn Cơ can không được, bèn nhất định không ăn thịt những con vật Trang Vương săn được.

[3] Trưởng tôn hoàng hậu: là bà hậu của Đường Thái Tông, tính khiêm nhường kiệm ước, làm gương cho phi tần trong cung, có tài văn học, thường bàn việc với Thái Tông.

[4] Đường Thái Tông muốn lập Tần Vương Trị làm thái tử. Một hôm, sau khi tan chầu, chỉ còn Trưởng Tôn Vô Kỵ và Phòng Huyền Linh ngồi lại. Thái Tông nói với hai người: "Ta có hai con và một em, không biết lập ai, lòng ta buồn lắm", rồi nằm lăn ra sập, lấy con dao tự dí vào cổ. Bọn Vô Kỵ sợ hãi chạy tới ôm lấy Thái Tông, giằng lấy con dao đưa cho Tần Vương và hỏi Thái Tông muốn lập ai. Thái Tông nói: Muốn lập Tần Vương. Bọn Vô Kỵ nói: "Chúng tôi xin vâng mệnh, ai bàn cách khác thì chém. Thái Tông quay sang bảo Tần Vương: "Cậu đã bằng lòng lập con rồi đấy, phải tạ cậu đi".

[5] Vệ Quán: là bề tôi của Tần Vũ Đế, biết Huệ Đế tư chất kém không làm vua được, nhưng chưa dám nói với Vũ Đế. Sau nhân khi dự yến, giả say, vỗ vào sập của Vũ Đế ngồi mà nói: "Chổ ngồi này thực đáng tiếc".

[6] Tiết Cư Châu: là thiện sĩ người nước Tống thời Chiến Quốc.

[7] Thơ dịch của bản cũ, có sửa một đôi chữ.

nhân luân bại hoại không gì tệ bằng thế. Nếu Phong biết sửa chữa lầm lỗi một lòng trung hiếu, thì ta cũng kiễng chân mà chờ đợi kết quả sửa đổi sau này của hắn".

Có thánh chỉ dụ các quan trấn, huyện lựa chọn duyên lại trong nha môn của mình xem người nào tài giỏi, liêm khiết, quen thạo công việc cho tâu lên đặt mỗi nha một người thường xuyên để tiện làm việc.

Bấy giờ, Hàn lâm viện đại học sĩ quyền Ngự sử đại phu Trần Bàn tâu rằng:

"Triều đình đặt quan, phân chức cốt là vì dân, dân chúng thưa kiện phiền toái, sổ sách giấy tờ gấp vội, quan không thể soi xét xử lý hết được, lại giao cho lại cho kiểm xét giấy tờ. **[20b]** Cho nên tâu rằng: "Quan không có lại thì không đi được, lại không có quan thì không đứng được" là bởi để cùng nhau làm việc vậy. Nay thần trộm lo rằng, các nha môn sổ sách giấy tờ gấp vội, khó lòng tránh khỏi tội lỗi. Cúi xin định lệ ban xuống cho các huyện, lộ, mỗi nơi đặt một người duyên lại thường xuyên, am hiểu sổ sách giấy tờ, giỏi viết chữ, làm tính để giữ công văn giấy tờ. Như thế thì sổ sách giấy tờ không còn lo chậm đọng nữa, mà dân cũng khổ vì nạn ở lại hầu kiện lâu ngày".

Vua y cho, nên định lệ này.

Mùa đông, tháng 10, cấm bọn con hát không được giễu cợt cha mẹ và quan trưởng.

Vua sai sứ sang nhà Minh: Đào Tuấn, Đào Chính Kỷ, Lê Đích nộp cống hằng năm; Nguyễn Sĩ Hưng tâu việc châu Bảo Lạc bị bắt người cướp của.

Tháng 11, đại xá, vì hai điện Kính Thiên và Cẩn Đức mới làm xong.

Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ Nguyễn Bá Kỳ chết.

Trước đó, Bá Kỳ cho rằng vua làm **[21a]** văn không chú ý tới kinh, sử, dâng sớ khuyên căn. Vua dụ rằng:

"Trẫm vừa xem hết tờ sớ, ngươi bảo là trẫm không chú ý kinh, sử, lại chuộng lối học phù hoa, vô dụng, chỉ ngụ ý ở ngoài mây khói. Nếu ta ưa chuộng văn hoa, không lấy gốc kinh, sử, thì còn sách nào nữa? Ta tự xét mình, xét lời ngươi nói, thì trong bốn chữ "phù hoa vô dụng" kia, thực đã gồm cả lòng trung rồi, thế mà ta lại làm văn mà biện lại, thì ta thực có lỗi. Lúc ấy, ngươi đã kịp thời can ngăn, chẳng vì thế mà giữ ý".

Đến đây chết, vua sai Tư lễ giám quan Phạm Hổ đem sắc đến dụ rằng:

"Ngươi thờ vua trung thành, giữ mình chính trực, sớm tối ở bên ta, nay đã được 6 năm, lúc thoi thóp rồi mà lòng trung vẫn mãi chưa thôi!".

Ban hành phép duyệt tập trận đồ thủy bộ.

Về thủy trận thì có những đồ pháp như: Trung hư[1], Thường sơn xà[2], Mãn thiên tinh[3], Nhạn hàng[4], Liên châu[5], Ngư đội[6], Tam tài hành[7], Thất môn[8], Yển **[21b]** nguyệt[9].

---

[1] "Trung hư": có nghĩa là trống giữa.

[2] Thường sơn xà: rắn Thường sơn.

[3] Mãn thiên tinh: sao đầy trời.

[4] Nhạn hàng: chim nhạn bay sóng hàng.

[5] Liên châu: chuỗi hạt châu.

[6] Ngư đội: đàn cá.

[7] Tam tài hành: trời, đất, người là tam tài.

[8] Thất môn: bảy cửa.

[9] Yển nguyệt: trăng khuyết.

Về bộ trận thì có những đồ pháp như: Trương cơ, Tương kích, Kỳ binh. Lại ban 31 điều quân lệnh về thủy trận, 22 điều về tượng trận, 27 điều về mã trận, 42 điều về kinh vệ bộ trận.

Vua lại dụ các Tổng quản, Tổng tri các vệ quân năm đạo và quân các phủ trấn rằng:

"Hễ có quốc gia là phải có võ bị. Những lúc rỗi việc làm ruộng, phải ngừng những việc không cần kíp, cứ ngày rằm hằng tháng, thì vào phiên để điểm mục, liệu cắt quân nhân vào những việc như giữ cửa nhà, điếm canh, kiếm cỏ lợp nhà, nuôi voi... Còn thì trước đó một, hai ngày, phải theo các trận đồ nhà nước ban xuống, ở ngay địa phận của vệ mình đóng, tiến hành chỉnh đốn đội ngũ, dạy quân lính những phép ngồi, đứng, tiến, lui, tập nghe những tiếng hiệu lệnh chiêng trống, cho quân lính quen với cung tên, không quên việc võ bị. Đến ngày thứ tư trở đi, mới sai làm **[2a]** tạp dịch. Nếu quan nào không biết để tâm răn dạy, rèn tập quân lính, dám sai chúng làm các việc tạp nhiễu thì cứ xử biếm chức hoặc bãi chức".

Bính Tuất, [Quang Thuận] năm thứ 7 [1466], (Minh Thành Hóa năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, truy đòi tiền thuế[1].

Tháng 2, ngày mồng 8, ra sắc chỉ đạo cho các nha môn rằng:

Quan viên nào có tội, thì cho quan quân quản lĩnh viên đó truy đòi sắc mệnh cấp cho khi trước, thu về bản khoa để lưu giữ.

Lê Nhân Khoái tâu rằng: "Tất cả các trường hợp bị giáng chức, nếu bãi chức đến các tội đi đày, tử hình thì phải thu lại hết sắc mệnh đã cấp trừ trước". Vua y theo.

Đặt các chức Tham chính, Tham nghị, Chủ sự, Thôi quan ở Tuyên chính sứ ty.

Lấy Phạm Văn Hiền làm Khâm hình viện thượng thư; Nguyễn Thì Đật làm Tuyên chính sứ của Tuyên chính sứ ty Thuận Hóa; Nguyễn Văn Chất là Tham chính của Tuyên chính sứ Nghệ An; Lê Nhân Khoái là Tư binh viện nhập nội thiếu bảo **[22b]** thượng thư.

Tuyên chính sứ Tây đạo Trần Phong tâu rằng:

"Những văn tự cầm bán ruộng đất từ đời Trần, Hồ đến đời Ngô[2] thì đều không được chuộc lại. Nếu từ năm Thuận Thiên thứ 1 đến nay thì cho chuộc".

Vua y theo.

Tổ chức thi hội cho các thí sinh trong cả nước. Lấy đỗ 27 người.

Tháng 3, ngày 12, vua ngự ra điện Kính Thiên, thân hành ra đề bài văn sách hỏi các đế vương trị thiên hạ.

Sai Sùng tiến nhập nội tả đô đốc kiêm thái tử thiếu bảo Lê Cảnh Huy và quyền Chính sự viện thượng thư kiêm Cẩn Đức điện đại học sĩ thái tử tân khách Nguyễn Như Đổ làm đề điệu, Hàn Lâm viện đại học sĩ quyền ngự sử đài đô ngự sử đại phu Trần Bàn làm giám thí. Hàn lâm viện thừa chỉ Nguyễn Trực, Hàn lâm viện thừa chỉ quyền Hộ bộ hữu thị lang kiêm Cẩn Đức điện đại học sĩ nhập thị kinh diên tả xuân phường thái tử tả dụ đức Nguyễn Cư **[23a]** Đạo, Hàn lâm viện học sĩ hành Hải Tây đạo Tuyên chính sứ ty tham tri kiêm bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh làm độc quyển.

Lấy bọn Dương Như Châu 8 người đỗ tiến sĩ; bọn Nguyễn Nhân Thiếp 19 người đỗ đồng tiến sĩ. Quy chế 3 năm một lần thi hội là bắt đầu từ khoa này.

Ngày 26, xướng danh bọn tiến sĩ Dương Như Châu. Vua ban ân mệnh. Lễ bộ đem bảng vàng yết ở ngoài cửa Đông Hoa.

Tập thủy trận ở Giao Thủy.

---

[1] Trước đã ân xá các thuế đinh, điền. Nay cần chi tiêu lại bắt dân phải nộp trả lại.

[2] Chỉ thời kỳ thuộc Minh.

Tháng 3 nhuận, ngày mùng 3, ban cho bọn tiến sĩ Dương Như Châu vinh quy.

Xét: Bài Tiến sĩ đề danh bi ký của Đàm Văn Lễ ghi:

"Nhân tài có quan hệ rất lớn đối với nước nhà. Từ đời Đường Ngu, Tam đại đến Hán, Đường, Tống, lập ra tường tự, học hiệu[1] mà nhân tài được đào tạo, ban hành phép thi cử mà nhân tài được sử dụng. Tuy hiệu quả trị nước có thuần, có tạp **[23b]** nhưng chưa bao giờ không coi việc chọn người tài giỏi đâu.

Lê Thái Tổ bình định thiên hạ nuôi dạy anh tài, hỏi tìm rộng rãi thì cầu người ẩn dật, thu chọn quy mô thì thi khảo học trò, tuy chưa đặt khoa thi tiến sĩ mà khí mạch văn học đã đủ. Thái Tông dựng nền móng, từ năm Nhâm Tuất mở khoa thi mà nhân tài quần tụ.Nhân Tông kế tiếp mở ba khoa thi mà nhân văn càng thêm rực rỡ. Đền Thánh Tông trung hưng năm Quý Mùi thì số người lấy đỗ nhiều hơn cả so với trước.

Song từ khoa Nhâm Tuất đến khoa Quý Mùi, khi thì 6 năm một khoa, lúc lại 5 năm một khoa, còn 3 năm một khoa thì năm Bính Tuất này mới bắt đầu. Những người thi đỗ, đều xứng đáng là nhân tài cả. Sau này, chế độ ngày càng tường tận, văn học ngày càng đầy đủ hơn. Thi hội có đăng khoa lục[2] đã đủ nêu sự thịnh trị của đời nay, có đề danh bị[3] lại đủ làm gương khuyến khích cho hậu thế".

[24a] Mùa hạ, tháng 4, cấm các quan chuyên đổi đi nơi khác không được dỡ lấy các thứ đồ dùng ở công sở.

Bắt đầu đặt năm phủ [4] sáu bộ [5]. Đổi đặt sáu viện thành sáu tự [6],đổi Khâm hình viện thành Hình bộ, đều đặt chức Thượng thư ở các Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công.

Tháng 5, Thái bộc tự thiếu khanh hành Thượng bảo tự thiếu khanh Lê Đình Tuấn tâu rằng:

"Vào tháng 5, tháng 6, đương mùa làm ruộng, những quân nhân ứng dịch ở thường ban thì cho ở lại túc trực và làm các việc giữ cửa, coi nhà, canh điếm, lợp nhà, cắt cỏ, nuôi voi, còn các sắc quân ở các sảnh, viện và những thợ ở cục Bách tác thì giữ lại một nữa làm việc, còn thì cho về làm ruộng".

Vua y theo.

Ban cho tả đô đốc Lê Thọ Vực 20 lạng bạc.

Vua dụ rằng:

"Ngươi làm bề tôi cho ta đã 7 năm rồi, chỉ biết nêu rõ những việc làm trong chức trách của mình mà chưa bao giờ nói đến những điều không đúng trong các việc của ta. Nhân nhận được tờ tâu này của ngươi, ta rất khen ngợi, đặc cách ban cho ngươi **[24b]** 20 lạng bạc để còn mong đợi về sau nữa, chứ có phải vì việc nhỏ này mà thưởng đâu"..

Bây giờ, Thọ Vực tâu:

1. Các quan viên văn võ nếu bất thần cho triệu vào thì đều truyền cho trung quan dẫn vào.Nếu bình thường ra vào cửa cấm, như các chức học sĩ của sáu khoa thì cứ cho vào.

2. Các nơi có dâng voi, ngựa hoặc những thứ khác thì đêu dẫn vào ngoài cửa Đoan Minh để vua xem bản tâu rồi đợi xin lệnh chỉ.

---

[1] Tường tự: đều là nhà hương học đời xưa của Trung Quốc. Nhà Thương gọi là tự, nhà Chu gọi là tường.

[2] Đăng khoa lục: sách ghi chép tên những người thi đỗ, cùng quê quán và thứ bậc của họ.

[3] Đề danh bị: bia đá khắc tên tuổi, quê quán các vị tiến sĩ.

[4] Năm phủ (Ngũ phủ): gồm Trung quân phủ, Đông quân phủ, Tây quân phủ, Nam quân phủ, Bắc quân phủ.

[5] Sáu bộ (Lục bộ): gồm Lại bộ, Hộ bộ, Lễ bộ, Hình bộ, Binh bộ, Công bộ.

[6] Sáu tự (Lục tự): gồm Đại Lý, Thái thường, Quang Lộc, Thái bộc, Hồng lô, Thượng bảo.

Vua hạ lệnh ban bố ngay hai điều đó và đặc cách ban thưởng cho.

Khảo thi chức huấn đạo ở các phủ.

Ra sắc chỉ rằng: Nếu khuyết viên huấn đạo nào thì sai quan sở tại chọn giám sinh các đường và lại viên các nha môn, người nào thi hội trúng các kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, lại có hạnh kiểm, học vấn, từ 35 tuổi trở lên, theo như lệ năm trước, khảo thi 4 kỳ đều đỗ thì mới cho làm.

Tháng 6, quy định màu sắc y phục của các quan văn võ: Từ nhất phẩm đến tam phẩm mặc áo màu hồng; tứ, ngũ phẩm mặc áo màu lục, còn thì đều mặc áo màu xanh.

[25a] Đặt 13 đạo thừa tuyên: Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang,Thái Nguyên, Lạng Sơn và phủ Trung Đô.

Đổ lộ thành phủ, đổi trấn thành châu, đổi an phủ sứ các lộ Tri phủ, Trấn phủ thành Đồng tri phủ, Chuyển vận thành Tri huyện, Tuần sát thành Huyện thừa, Xã quan thành Xã trưởng.

Ban cấp ấn Tri phủ, thôi cấp ấn An phủ cho các lộ.

Định lại rõ lệnh kiêng chữ húy.

Mùa thu, tháng 7, đổi chức Ngũ chánh, Ngũ trưởng thành Tổng kỳ, Phó ngũ trưởng thành Tiểu tổng kỳ. Đổi đội sử thành qun lại. Đổi các tượng nhân ở Công bộ thành phó ngũ trưởng.

Định thể thúc các bản tâu, bản đề: Các bản trình bày về phụng mệnh thánh chỉ, hoặc tình hình thi hành của các nha môn thì gọi là bản đề; còn tất cả những bản tâu bày các việc công tư nào đáng phải tâu bày của quan lại các nha môn và dân chúng thì gọi là bản tâu.

[25b] Lấy Thiêm đô ngự sử Nguyễn Thiện làm Thanh Hoa tuyên phủ phó sứ. Bài dụ viết:

" Ngươi trước làm gián quan bàn luận thẳng thắn, thiết thực. Nay vỗ yên trăm họ, nga8n giữ một phương, phải làm theo phép nước, lo cho dân, bớt nóng nảy, nén dục vọng. Ngươi hãy kiên trì gắng gỏi, đừng để thẹn với chức trách của mình".

Bọn Trung thư lệnh bí thư giám học sinh Lương Như Hộc vâng mệnh nghị thảo rằng:"Những bản viết của các nha môn, nếu gặp khi chánh quan khuyết hoặc đi việc quan vắng, thì quan tá thay giữ ấ tính của nha môn ấy ký tên ở dưới chổ đề năm tháng".

Tháng 8, Bùi Lựu tâu rằng:

"Quan các nha môn đổi đi nhậm chức nơi khác, các việc kiện tụng và giấy tờ đương xét chưa kịp bàn giao, đợi đến hôm khác lại trở về bàn giao, vừa phiền người đón tiếp, vừa chậm việc xét kiện. Cúi xin hễ khi quan viên đổi đi nới khác, cho họ khai những giấy tờ và các việc kiện tụng cùng các loại công việc khác trong chức trách của mình; trao cho viên duyện giữ việc này nhận**[26a]** giữ, đợi thấy quan mới đến sẽ giao lại để thi hành".

Vua y theo.

Tháng9, ra sắc chỉ rằng: Quân Vũ lâm phạm tội phải về làm dân, không được trở về hạng con quan.

Mùa đông, tháng 10, ban ấn chỉ cho các bộ.

Đổi Tả hình thành Thanh hình ty lang trung đại phu, Hữu hình thành Thận hình ty lang trung đại phu, Tư hình thành Minh tường hình. Thôi không đặt chức quan thẩm hình, đều đặt chức Lang trung. Đặt các thuộc viên ở Y ty và Huấn khoa.

Dụ Thiêm đô ngự Đào Tuấn rằng:

"Khoảng Thái Hoà, Diên Ninh, chức Ngự sử không ở ngoại thích thì ở quyền thần, vì thế công luận lộn bậy, không phân biệt đâu là ngựa đâu là hươu, tệ hại cho việc không lúc nào trầm trọng hơn thế".

Lại dụ rằng: "Đào Tuấn trái bỏ phép nước, tự ý làm càn, nay giữ chức Ngự sử lại nói năng khinh xuất, rõ là loài hoạt lại".

Đinh Hợi, [Quang Thuận] năm thứ 8 [1467], (Minh Thành Hóa năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự về Tây Kinh, khi trở về, tập trận ở sông Thiên Phái [1].

[26b] Đại xá. Từ mùa thuđến mùa đông, trời đã lâu không mưa.

Xét bài văn đại xá nói: Vua dụ cho các công hầu, quan viên văn võ và trăm họ rằng:

"Trẫm là kẻ không có đức, làm chủ muôn dân. Muốn cho mọi người đề giàu đủ, yên vui để tiến tới thịnh trị. Năm ngoái, từ mùa thu đến mùađông, trời mãi không mưa, người mất hy vọng được mùa, dân lo khó khăn đói kém. Trẫm là cha mẹ dân, chỉ biết đau xót trong lòng. Nếu không ban ơn rộng khoan tha thì sao thấy huệ thực tới dân được?".

Cấm dệt mũ mát [2] vì người ta hay cắt trộm lông đuôi ngựa công, tư để làm.

Ra sắc chỉ rằng: Quan triều tham đeo thẻ bài đi theo hầu thì nên ghi chữ "hỗ tòng" vào thẻ bài.

Cấm dùng diêm tiêu làm trò chơi đốt pháo bông, đó là theo lời tâu của Hộ bộ thượng thư Trần Phong.

Xuống sắc chỉ cho vệ Trấn sóc [3] rằng: Kể từ nay, kỳ đại duyệt binh sắp xong, thì ba bộ ty Đô, Thừa, Hiến sở tại, mỗi ty cử hai người lên bản vệ giữ lệnh, báo cáo và các tướng hiệu, kỳ quân ở các sở kinh lược sứ Bác Nẫm, Vĩnh Bồng [4] cũng đều đến cả bản vệ để tập trận.

Ngày mồng 10, sai Đô đốc 5 phủ là bọn Trịnh Văn Sá, Lê Hy Cát cùng Binh bộ **[27a]** thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích duyệt tuyển các Đại, Tiểu tổng kỳ của các vệ trong 5 phủ để sung làm quân của 5 vệ Điện tiền.

Lễ khoa cấp sự trung Nhữ Văn Lan tâu rằng: Tiểu tổng kỳ thì phải 9 năm trở lên mới được thực thụ. Vua y theo.

Ngày 12, bắt đầu định lễ bao phong các thần vào dịp tế xuân; không dùng cổ chay, dùng lụa để tế, theo phong tục nước mình thôi.

Ngày 16, làm lễ Khánh thọ ở điện Cần Chính.

Trước đây, cứ đến đầu mùa xuân thì làm lễ bao phong các thần ở Thái miếu, xong rồi thì làm lễ Khánh thọ. Đến đây, mới làm lễ Khánh thọ ở điện Cần Chính [5]. Sau đó làm lệ thường.

Ngày 18, lấy con cháu các quan viên trước đã sung làm quân ở vệ Kim ngô, người nào thi đỗ thì sung làm giám sinh Quốc tử giám, nếu thi hội trúng trường [6] thì sung làm tam xá sinh [7]. Người nào đỗ thi hương và có tư chất tốt thì cho làm giám quan kể ra, tâu xin cho ở lại học tập. Bắt Giám sát ngự sử Quản Công Thiêm vì Lương Thế **[27b]** Vinh hặc tội ông này dung túng kẻ đưa hối lộ là Hán Tông Nghiệp.

Ngày 27, vua bắt đầu đến Lam Kinh bái yết lăng Lam Kinh.

Ngày 29, ngự giá đóng tại hành điện An Bạc. Ban phép tập trận đồ.

---

[1] Khúc sông Đáy chảy qua huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà ngày nay.

[2] Nguyên văn là "lương cân", một loại mũ tết bằng lông đuôi ngựa.

[3] Trấn sóc: có nghĩa là trấn giữ phương Bắc. Đây là vệ quân đóng giử ở biên giới phía bắc.

[4] Bác N ẫm, Vĩnh Bồng: đều nằm trên biên giới phía Bắc.

[5] Nguyên văn là "Cần Chính đường", sửa lại cho phù hợp với đoạn trên.

[6] Trúng trường: là những người đỗ từ 1 đến 3 kỳ trong kỳ thi hội (nếu đủ 4 kỳ thì mới được thi đình).

[7] Tam xá sinh là sinh viên ba xá: thượng xá, trung xá, hạ xá.

Tháng 2, ngày Đinh Dậu mồng 1, có nhật thực.

Làm lễ tế Văn miếu.

Ngày Giáp Thìn mồng 8, vua thấy trời đã lâu không mưa, tâu cáo để cầu. Lại sai bọn thái bảo Nguyễn Lôi làm lễ cầu đảo ở các đền Chí Linh, Hoằng Hựu.

Sai Hộ bộ thượng thư Trần Phong cùng bọn quan Tuyên chính Phan Sư Tông đi khám đất công ở hương Lam Sơn và thôn Dâm để cấp cho các công thần từ nhất phẩm đến lục, thất phẩm theo thứ bậc khác nhau. Lại dụ các quan và bô lão rằng:

Lam Kinh là đất căn bản nơi quê vua, không ví như các nơi kinh sư khác được. Mới rồi bọn thế gia hay làm trái phép, coi thường pháp luật, chiếm đoạt đất đai làm của riêng, công chúa không có lấy **[28a]** tấc đất cắm dùi. Muốn dùng pháp luật mà buộc tội, sao bằng lấy lễ nghĩa báo trước, sao cho họ vua ngày một đông đúc cũng có chỗ mà nương thân. Nay định rõ giới hạn, kẻ nào còn dám vi phạm, thì phải trị tội theo pháp luật.

Ngày Ất Tỵ, mồng 9, sai Hành tổng binh Khuất Đả đem quân đi đánh Ai Lao.

Trước đây Ai Lao chiếm động Cư Lộng, lấn cướp ngoài biên. Tới đây, quan giữ biên giới đem việc ấy tâu lên. Vua sai Khuất Đả đem hơn 1.000 quân đi đánh. Lấy Đồng tổng binh vệ Định huân là Nguyễn Động làm phó và Nghiên Nhân Thọ làm Tán lý quân vụ, họp với quân đồn thú trấn Gia Hưng mà đánh. Vua bảo Nhân Thọ rằng: "Ngươi và Khuất Đả được phép tự tiện làm việc". Nhân Thọ tới chỗ lưu thủ Đông Kinh là Thái bảo Lê Niệm xin viện binh ở Vũ khố mà đi.

Dụ cho quan lưu thủ là Lê Niệm phát 50 quan tiền kho nhà nước, sai Tế sinh đường mua thuốc, sai người chữa chạy **[28b]** cho những người mắc bệnh dịch ở các phủ Quốc Oai, Tam Đới và dụ rằng:

"Từ nay về sau, phủ nào có bệnh dịch thì cho phép các quan địa phương đó dùng tiền thuế mua thuốc chữa cho dân".

Ngày 15, xa giá để hành điện Phi Lai. Bấy giờ sứ thần nước Chiêm là Thẩm Phác Lặc Sa sang tiến cống, vừa đến nơi, nên cho triều kiến tại hành điện.

Ngày 16, quan trấn phủ An Bang tâu việc thuyền chở lương của người Minh bị giạt đến xứ ấy. Vua bảo Thái sư Đinh Liệt và Thái bảo Nguyễn Lỗi rằng:

"Mới rồi, trẫm bảo bắt giữ người chở lương của nước Minh là vì có thể họ bày ra kế gì đó để lừa ta. Ta muốn ngăn ngừa mưu kế củ họ. Đó là việc quyền nghi nhất thời, chứ không phải đạo thường làm đâu".

Bọn Lỗi tâu:

"Nếu họ liều lĩnh gây chuyện bất ngờ khác mà đặt ra kế ấy, ta bắt họ thì họ sẽ có cớ để nói được, chi bằng thả cho về. Nếu không thế, e rằng sẽ xảy ra hấn khích nơi biên giới".

Vua nói:

"Các khanh nói tuy phải, **[29a]** nhưng lỡ kẻ gian phản phúc thì sao?".

Đô ngự sử Nguyễn Cư Đạo nói:

"Lời bàn của các quan tuy có dị đồng mà quyết định như thế nào là ở nhà vua thôi".

Rốt cuộc giữ người Minh không cho về.

Ngày 20, diễn tập trận đồ trung hư ở Lỗ Giang [1].

Vua ngự đến trị sở của thừa tuyên Thiên Trường, hỏi quan Thừa tuyên là bọn Phạm Du về những khó khăn của dân và ban tiền cho bọn Du và Tri phủ Nguyễn Tự theo thứ bậc khác nhau.

---

[1] Lỗ Giang: khúc sông Hồng chảy qua huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà.

Sai Quyền tổng tr vệ Ninh Sóc [1] là Đào Viện là Đốc tướng thay Khuất Đả đi đánh Ai Lao. Bọn Đả đến thì Ai Lao đã chạy trốn trước rồi. Bọn Đả phi báo rằng Ai Lao xin trả lại đất chiếm, vậy xin đem quân về. Vua bảo Khuất Đả để Đào Viện thay coi quân và ban cho 10 quan tiền.

Tháng ấy, ngày 23, tập đồ trận tam tài và thất môn ở sông Vi[2]. Bọn Tây quân Đô đốc Lê Thiệt trái lệnh, bị trói đưa đến cửa doanh, rồi sau lại được tha.

[29b] Bãi quan chức của bọn Trấn điện phó tướng quân Lê Hán Đình.

Trước kia, Hán Đình làm Chuyển vận, khi tại chức tham ô, sợ dân kiện, tâu xin nghỉ dưỡng bệnh. Chỉ huy sứ Đào Bảo tiến cử Hán Đình lên triều đình, nói chuyện vận Hán Đình và Thái chúc thừa Nguyễn Đức vốn giỏi binh pháp. Bọn Hán Đình dâng các trận đồ: 1) Trung hư; 2) Mãn thiên tinh, 3) Thường sơn xà... Vua khen ngợi, phong hai người làm Trấn điện phó tướng quân, sai quân 5 phủ tập theo trận đồ, hai ba lần đều không được. Vua sai hai người ra dạy cũng không được. Vua nổi giận sai bắt đánh trượng rồi bãi chức đuổi về bản quán.

Ngày 26, tập trận đồ ngư đội, nhận hàng ở sông An Cha, tập trận đồ Thường sơn [3] ở ngã ba sông Bạch Hạc.

Ngày 29, đại giá về kinh sư.

Tháng 3, Lại bộ tâu về việc khảo thi các cận thị học sinh để bổ làm giám sinh các huyện, khảo thi Quốc tử giám **[30a]** giám sinh và lại viên các nha môn bổ làm giáo chức các phủ. Vua y theol.

Dinh thiện viên ngoại lang Hoàng Văn Biền bị bỏ ngục và phạt 50 quan tiền. Công bộ hữu thị lang Trịnh Công Đán bị phạt 30 quan tiền vì bỏ phơi mưa nắng những gỗ, lạt của công.

Sai các ty tàm tang đào hồ ở đình Giảng Võ.

Ra lệnh tìm kiếm những di cảo thơ văn của cố Hàn lâm thừa chỉ học sĩ Nguyễn Trãi.

Sai Lễ bộ thượng thư Lê Hoằng Dục đãi yến sứ thần Chiêm Thành ở quán Bắc Sứ. Sai nội quan hỏi sứ thần nước Chiêm về lễ thờ nước lớn. Sứ Chiêm trả lời:

"Nước Chiêm tôi đối với thánh triều như là con cái cậy nhờ bố mẹ, dạy bảo thế nào thì xin theo thế. Nhưng thiên tử có lệnh truyền ngoài vật tiến cống theo lệ đã định, lại phải cống thiếc nữa. Đó là lệ mới, không dám tự tiện trả lời. Cúi xin sai sứ sang hỏi chúa nước tôi để vẻ vang cho nước dưới". Vua không nghe.

Thu lại quân quyền Tây quân đô đốc Lê **[30b]** Thiệt, vì con Thiệt là Bá Đạt đang giữa ban ngày phóng ngựa ra phố, dung túng gia nô đánh người.

Lấy Hộ bộ thượng thư kiêm cung sư phủ thái tử tân khách Trần Phong làm Hình bộ thượng thư kiêm thái tử tân khách; Lại bộ thượng thư Phạm Văn Hiển làm Trung quân phủ đô đốc đồng tri; Lễ bộ thượng thư kiêm thái thường tự khanh Lê Hoằng Dục làm tây quân phủ đô đốc đồng tri; Công bộ thượng thư Bùi Quát làm Đông quan phủ Đô đốc thiêm sự; Hình bộ thượng thư Phạm Công Nghị làm Lễ bộ thượng thư; Ngự sử đài phó đô đốc ngự sử kiêm Cần Chính điện phụng thị kinh diên Nguyễn Cư Đạo làm ngự sử đài đô ngự sử quyền Hộ bộ thượng thư tri kinh diên sự; Thiên Trường thừa tuyên sứ Phạm Du làm Tuyên uý đại sứ quyền Công bộ thượng thư; Ngự sử đài phó đô Ngự sử Trần Xác làm cung sư phủ **[31a]** thái tử tân khách kiêm ngự sử đài đô ngự sử; Hàn lâm viện đại học sĩ quyền Lại bộ tả thị lang kiêmBí thư giám học sĩ Nguyễn Đình mylàm Cung sư phủ đại học sỹ quyền Hộ bộ tảthị lan Hàn lâm viện đại học sĩ quyền Binh bộ tả thị lang; Kiêm Bí thư giám học sỹ Trần Bàn làm cung sư phủ tân khách quyền Lại bộ tả thị lang; Thái bộc tự khanh hành Thông chính ty thông chính sứ Lê Trung làm Thừa đức ty thừa đức đại sứ quyền Hộ bộ hữu thị lang; Quang lộc tự hanh kiêm bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh làm Han

---

[1] Ninh Sóc: tên một thừa tuyên thời Lê trong khoảng 1469 - 1490 sau đổi lại là Thái Nguyên.

[2] Sông Vi: tức sông Ông Vi, tại huyện Vũ Tiên, nay là huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[3] Thường sơn: tức là trận đồ Thường Sơn xà (rắn núi Thường Sơn).

lâm viện đại học sĩ quyền Lễ bộ hữu thị lang kiêm Quang lộc tự khanh bí thư giám học sĩ tri kinh diên sự; đại lý tự khanh Nguyễn Ninh làm Thiêm sự hành Đại lý tự khanh; Hữu dụ đức quyền Lại bộ hữu thị lang Phan Duy Trinh làm **[31b]** Tuyên uy sứ quyền Thiên Trường xứ thừa tuyên sứ; Hưng Hóa thừa tuyên sứ tham nghị Nguyễn Đức Du làm Ngự sử đài thiêm đô ngự sử; Tri phủ Quy Hóa Nguyễn Thúc Thông làm Hưng Hóa thừa tuyên sứ tham nghị.

Tổng quản Khuất Đả cùng Thông chính ty tả thừa Nghiên Nhân Thọ chiêu dụ được bọn giặc Ai Lao là Đạo Đồng[1] ra hàng rồi đem quân về.

Trước đó, quan quân đến Mộc Châu phủ Gia Hưng, lấy 300 thổ binh đến thẳng sách Câu Lộngở Mã Giang đóng quân nửa tháng. Khuất Đả chia sai Tổng tri vệ Gia Hưng Lê Miễn đem quân vệ mình đến Khâu Chúc, hợp với thổ quân của hai châu Việt và Mỗi [2], nói phao lên là đánh quân giặc quấy nhiễu, nhưng thực ra là ngăn chặn đường hiểm yếu. Bọn giặc nghe tin vỡ chạy. Khuất Đả sai người lấy lẽ họa phúc lợi hại dụ bảo. Bọn Đạo Đồng đến cửa doanh đầu hàng. Khuất Đả bèn sai kinh lược Mộc Châu là người Man họ Xa sửa lại cửa ải củ, **[32a]** cùng với thổ quan là phụ đạo Cầm La đốc suất thổ binh canh giữ. Bọn Đả đem quân trở về.

Trong chiến dịch này, cả đi lẫn về chỉ có 18 ngày, hành quân tới đâu, hàng ngũ nghiêm chỉnh, đến gà chó cũng không bị kinh động. Ngày dâng tù, vua muốn đưa bọn giặc trở về xứ sở của chúng giết đi để răn đe kẻ khác. Bọn Thái bảo Đinh Liệt thưa rằng:

"Đạo đồng nếu quả thực lòng hàng phục thì tha tội chết cho hắn để khuyên dụ kẻ sau. Nếu do bị săn đuổi bức bách quá mà ra hàng để mong khỏi chết thì giết đi là phải".

Vua không nghe. Đến đây, sai người lấy gạo ấy cấp cho số người trong thuyền đó, mỗi người một hộc, bắt sung vào ty Đồn điền. **[32b]** Số gạo còn lại, sai Tứ thành binh mã chở lên các xứ Tuyên Quang, Quy Hóa, Đà Giang, cấp cho những quân nhân về hội quân mà túng đói.

Lấy Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Dương Tông Hải làm Đô cấp sự trung quyền Thượng bảo tự khanh.

Hàn lâm viện trực học sĩ quyền Công khoa cấp sự trung Lương Thế Vinh hặc tội Trấn điện tướng quân Bùi Huấn. Tờ tâu đại khái nói:

Luân thường lớn của con người có 5 điều trong đó. Nay Huấn đương lúc còn tang vợ mà đi lấy con gái của người về hàng bạn hữu, hơn nữa trước đây đã lấy con gái của người ấy làm vợ cả rồi. Tệ bạc trong ân ái vợ chồng, khinh miệt đạo cương thường đến thế. Việc này quan hệ tới phong hóa, làm rối loạn nhân luân, xin giao cho pháp ty trị tội. Vua y theo.

Bắt đầu đặt Ngũ kinh bác sĩ [3]. Bấy giờ các giám sinh học Kinh Thi, Kinh Thư thì nhiều, học Lễ Ký, Chu Dịch, Xuân Thu thì ít, cho nên đặt chức Ngũ kinh bác sĩ, mỗi người chuyên nghiên cứu một kinh để dạy học trò.

[33a] Vũ lâm vệ chỉ huy sứ Lê Tông Vĩnh khai man tập ấm để được bổ làm quan. Tông Vĩnh vốn người Gia Viễn, con trai Nguyễn Cố, được Tổng quản Lê Nguyên nuôi làm con mình, nhờ tập ấm được bổ làm Quyền cấp sự trung, bị Lương Thế Vinh hặc tội, vua cắt chức.

Thuyền buôn nước Tô Vấn Đáp Lạt [4] dâng phẩm vật.

Xuống chiếu giam Đạo Đồng ở ngục ngự tiền.

---

[1] Đạo Đồng: tức là phu đạo Cầm Đồng ở Thuận Châu.

[2] Việt: tức là Mường Việt, sau đổi thành Yên Châu. Mỗi: tức Mường Muỗi, còn gọi là Thuận Châu.

[3] Ngũ kinh bác sĩ: chức học quan, chuyên nghiên cứu về năm bộ sách kinh điển của nho gia (Kinh thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu), để dạy học trò ở Quốc tử giám.

[4] Tô Vấn Đáp Lạt:: hay Tô Môn Đáp Lạt, tức Sumatra, nay thuộc nước In-đô-nê-xi-a.

Trước đây, người nước Minh là bọn Lý Mậu Thực 29 tên có hai chiếc thuyền chở 205 hộc gạo đưa đến Bá chính ty Quảng Đông bị trôi giạt tới An Bang. Tuần ty bắt được giải tới hành tại. Đô ngự sử Nguyễn Cư Đạo tâu nên thả chúng về nước.

Giảm bớt số quan châu, huyện thuộc hai phủ Bắc Bình, Thông Hóa[1] mỗi phủ, châu, huyện một viên.

Sai Bắc đạo Giám sát ngự sử Phan Tông Tiến đến phủ Bắc Bình xét hỏi bọn quan trấn thủ Lê Lục, Nguyễn Lượng và bắt giải về kinh.

Bấy giờ người Thổ phủ Trấn An nước Minh là Sầm Tổ Đức đem hơn 1.000 tên quân đến đóng ở Âm Động[2] nói phao là đi bắt tên giặc Sầm Vọng đương chạy trốn, rồi đến cướp bắt người và trâu bò, gia súc ở vùng biên giới Nà Man, châu Thông Nông, trấn Bắc Ninh đem đi, sau lại chiếm giữ ngườii lái thổ châu Bảo Lạc.

Tổ Đức có tờ tâu rằng: các thôn Man Ly, Man Nhung vốn trước **[33b]** giả dối quy phụ Trấn An, rồi cướp bắt người và sức vật, cúi xin thánh thượng gia ơn sai phái đại quân đi đánh các thôn Man Nhungvà Man Ly, và xin trừng trị hai châu Thông Nông, Bảo Lạc, đuổi bọn phạm nhân Sầm Vọng về yên nghiệp. Triều đình cho rằng những lời của Tổ Đức đều là gian trá. Vua đặc sai trung thư làm tờ tư thẳng cho Bá chính ty[3] đòi trả lại người và súc vật bị cướp và sai Tông Tiến đi khám xét, bắt bọn Nguyễn Lượng đem về kinh vì tội coi giữ không nghiêm cẩn, để cho người ngoài đến cướp biên giới.

Hiệu úy Hoàng Liễn đem thổ binh phủ An Tây[4] đánh nhau với người Ai Lao ở Khâu Lạo, làm tử thương đếnn hơn 3.000 người, thu được nhiều tai giặc.

Đòi lại những người Minh trên thuyền buôn của nước Tô Vấn Đáp Lạt đưa trả về bản quốc.

Mùa hạ, đầu tháng 4, hạ lệnh cho quan Lại bộ rằng: Các chức quan văn võ, người nào chân trắng mới bổ và những người bị giáng chức hay đã nghĩ việc, đều cho **[34a]** làm bằng ban cấp cho.

Châu Thuận Mỗi, phủ Gia Hưng đem nộp vợ con gia thuộc Cầm Đồng và tai của bọn Ai Lao bắt được đưa về kinh sư.

Ban cấp bản in sách Ngũ kinh của nhà nước cho Quốc tử giám, theo lời tâu của Bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh.

Sai quyền Thượng bảo tự khanh Dương Tông Hải và Thông chính ty tả thừa Nghiên Nhân Thọ dạy các quân Kiêu dũng, Binh mã đọc sách.

Bọn Đô cấp sự trung Trịnh Thiết Trường hặc tội bọn Hình bộ Đỗ Tông Nam làm quan ăn hối lộ, Lại bộ Nguyễn Như Đổ tiến cử người xấu, cả hai đều xin giao cho pháp ty theo luật trị tội. Vua y theo.

Lấy Nguyễn Phục làm Tham nghị thừa tuyên Thanh Hóa. Vua dụ Phục rằng:

"Năm trước sai người đi sứ phương Bắc, được khỏe mạnh mà về; năm nay cho gọi, ngươi lại dâng lời hay thực rất đáng khen. Nay sai Giám thừa Nguyễn Lỗi đem bạc lạng ban thưởng để biểu dương lòng trung thành củaa ngươi **[34b]** và tỏ hết sự chí tình của ta, hãy nhận lấy".

Tháng 5, ngày mồng 1, Tri châu Đào Phục Lễ ở phủ Bắc Bình tâu rằng:

Thổ quan phủ Trấn An nhà Minh sai Tông Thiệu xâm lấn ải Tỏa Thoát[1], cướp lấy ruộng của xứ ấy và cướp đoạt trâu bò súc vật. Vua giao xuống cho triều thần bàn kế phòng giữ. Bọn thái sư Đinh Liệt đều cho là nên giữ kỹ bờ cõi, không nên gây hấn khích nơi biên giới, nếu thấy nó đến, chỉ chống giữ thôi.

---

[1] Phủ Bắc Bình: sau đổi là phủ Cao Bình, là đất tỉnh Cao Bằng ngày nay (trừ huyện Bảo Lộc). Phủ Thông Hóa: phần đất tỉnh Bắc Cạn cũ.

[2] Âm Động: thuộc phủ Trấn An, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[3] Tức bố chính ty Quảng Tây thời Minh.

[4] Phủ An Tây: thời Lê gồm đất tỉnh Lai Châu ngày nay và một số đất đã mất vào Trung Quốc.

Lễ bộ thượng thư Phạm Công Nghị tâu rằng:

"Đời xưa khi dựng nước, nhân tên nước mà đặt tên họ (tính), nhân chia đất mà ban tên họ (thị). Như ông Tiết khi được phong ở đất Thương, được ban họ Tử (Tử thị), ông Tắc khi được phong ở đất Thai, được ban họ, để lập tông phái. Từ đó về sau, các đời đều có tên họ, như Ngu Thuấn là họ Diêu (Diêu tính), Hạ Vũ họ Tự (Tự tính), Chu Văn họ Cơ (Cơ tính); mà Cửu khanh, Tam công, Ngũ thần, Thập loạn[2] đều có công lao với nước, nhưng chưa từng **[35a]** thấy ai được ban họ (nhà vua) cả. Đến Hán Cao Tổ cho là Lâu Kính có công dâng kế sách dựng đô thành bèn ban cho họ Lưu[3], Đường Cao Tổ khen Thế Tích có khí tiết bề tôi trong sạch nên ban cho họ Lý[4]. Đó đều là phương sách chế ngự hào kiệt mà thôi. Nhưng nguồn vừa khơi ra mà dòng đã thành vẩn đục. Người làm tôi thì cũng cho thế là vinh hạnh, mà không hiểu rằng họ hàng phải có phả hệ, tuyệt đối không thể lẫn lộn được. Cái sai của việc ban tên họ có quan hệ rất lớn. Vì người làm tôi mà cùng họ với vua thì bất kính, người làm con mà quên mất gốc thì bất hiếu. Làm sao có kẻ bất kính bất hiếu mà làm nên việc được? Nên sửa bỏ lệ ấy đi. Tất cả bề tôi đã được ban cho họ nhà vua đều cho đổi lại theo họ cũ của ông cha để cho tông phái nhà vua được phân minh, cội gốc các họ được rõ ràng".

Vua y theo.

Phó tổng binh trấn thủ Tuyên Quang Lê Quỹ tâu rằng:

"Xã Mông Đương trong trấn bị người Xá đến đốt phá nhà cửa, giết và bắt người".

[35b] Xuống chiếu cho triều thần bàn. Tể thần là bọn Đinh Liệt nói:

"Bọn man di cõi biên cương xa xăm đánh lộn lẫn nhau, đó là tục của chúng tôi, chỉ việc giữ hồi kỹ bờ cõi của ta, không để xảy ra hấn khích ở biên giới là được".

Ngày 19, sét đánh vào điếm canh trên thành của vệ Giám môn.

Ngày Giáp Tuất mồng 10, sai quân ngũ phủ làm kiểu mẫu đồ chiến khí, rồi lại đổi làm kiểu khác, quân nhân có người than oán. Quân nhân vệ Uy lôi là Văn Lư dâng sớ đại ý nói:

"Thần trộm thấy hồi tháng giêng năm nay bệ hạ đã ban ra kiểu mới, sai các quân chế tạo chiến khí, nay lại đổi làm kiểu khác, như thế là chính lệnh bất thường".

Vua sai Lại bộ dụ Lư rằng:

"Chiến khí vẫn cùng một kiểu, ngươi nói thế là nói càn".

Thị lang Lương Nhữ Hộc nói riêng với Lư rằng:

"Ngươi không phải lấy là chức phận được nói, sao giám bàn bậy việc nước"?.

Lư Trả lời:

"Nước lấy dân làm gốc, mà binh là để bảo vệ dân. Nay hiệu **[36b]** lệnh bất tín, quân dân buồn rầu than oán, ông là cận thần lại im lặng không nói, tôi thấy mà nói thì cũng là yêu vua thôi".

Bọn Như Hộc nín lặng.

---

[1] Toả Thoát: Theo CMCB 2, 24a, sau là ải Quả Khoái, ở huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Huyện Quảng Uyên nay là huyện Quang Hòa.

[2] Cửu khanh: chín chức quan của nhà Chu: Chủng tể, Tư đồ, Tăng bá, Tư mã, Tư khấu, Tư không, Thiếu tư, Thiếu phó, Thiếu bảo.

Tam công: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

Ngũ thần: năm người bề tôi của vua Thuấn xưa: Vũ, Tắc, Tiết, Cao Dao, Bá Ích.

Thập loạn: mười bề tôi dẹp loạn trị nước của Chu Vũ Vương là Chu Công Đán, Thiệu Công Thích.

Thái Công Vọng, Tất Công, Ninh Công, Thái Điền, Hoàng Yên, Tản Nghi Sinh, Nam Cung Quát và Ấp Khương.

[3] Hán Cao Tổ họ Lưu (Lưu Bang).

[4] Đường Cao Tổ họ Lý (Lý Uyên).

Ngày Đinh Sửu 13, Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ tâu rằng:

Những người thi hội đỗ kỳ thi thứ hai và kỳ thi thứ ba, sung bổ lại viên các nha môn, nay thi đỗ giáo chức, nên bổ vào các chức kinh lịch.

Vua y tờ tâu.

Ngày Mậu Dần 14, lấy Hàn lâm viện thị độc học sĩ hành Lại khoa đô cấp sự trung Trịnh Thiết Trường làm Hàn lâm thị giảng học sĩ quyền Công bộ hữu thị lang, quyền Quốc Oai đẳng xứ tán trị thừa tuyên sứ ty tham chính Dương Chấp Trung làm Đại lý tư khanh quyền Hình bộ tả thị lang, Hàn lâm thị độc học sĩ thự viện sự kiêm Binh khoa đô cấp sự trung Phạm Cư làm Thái bộc khanh quyền Lạng Sơn đẳng xứ tán trị thừa tuyên tham chính.

[36b] Ngày 20, ban nội yến cho các đại thần và quan có chức sự ở điện Cần Chính.

Sắc dụ các quan trấn thủ, phó tổng binh và thổ quan các xứ Lạng Sơn, An Giang, Bắc Bình rằng:

"Quan coi giữ bờ cõi của triều đình, cố nhiên phải giữ đất yên dân, đánh ngăn giặc ngoài là chức phận của mình. Mới rồi, người ngoài xâm nhập bờ cõi, bắt người cướp của, nhiều lần thấy chạy tâu, mà kết quả đánh giữ ra sao thì im không thấy báo gì. Nay nếu cứ khép vào luật pháp mà trị tội tất cả e rằng sẽ không hết được. Bọn các ngươi phải dốc lòng hết sức, là chuộc lại lỗi trước".

Lại ban khoa lệnh [1] 11 điều.

Lấy Nghiên Nhân Thọ làm Thượng bảo tự khanh quyền lại khoa đô cấp sự trung.

Cho Quyền tham chính xứ Lạng Sơn là Nguyễn Kha nghỉ việc.

Ra sắc chỉ rằng: Từ nay về sau, người nhận chức ở tại nơi biên giới xa phải đủ 9 năm mới được đổi về các huyện dưới kinh.

Tháng 6, ngày mồng 1, lấy Đại lý tự khanh Lê Bá Đạt **[37a]** làm Chiêu thảo đại sứ hành Bắc Bình phủ tri phủ thiêm tri Bắc Bình vệ.

Ra lệnh cho 12 thừa tuyên điều tra hình thế sông, núi, sự tích xưa nay của các nơi trong hạt mình, vẽ thành bản đồ ghi chú rõ ràng rồi về Hộ bộ để làm bản đồ địa lý.

Khảo thi và sa thải bọn Đông cung thị giảng là Vũ Nguyên Tiềm và Tạ Bửu ở Phụng Nghi đường.

Bấy giờ Nguyên Tiềm cùng Bưu hầu Đông cung học. Vua ngự đến Đông cung, hỏi chữ nghĩa hôm trước thế nào, Thái tử đem những lời Nguyên Tiềm đã dạy để trả lời. Vua bèn sai ra ba đề chế, chiếu, biểu bắt bọn Tiềm và Bưu thi ở Phụng Nghi đường. Bọn Tiềm đều quên lối làm, cả ba bài đều không thành văn lý. Vua xem xong, phê rằng: "Đáng tởm" và quở trách Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ, Đông cung quan Trần Phong và Đô ngự sử đài Trần Xác về tội bảo cử bậy.

Sai Đô đốc thiêm sự Khuất Đả đem 500 quân ngũ phủ đến **[37b]** bảo Khả Lặc trấn An Bang đuổi đánh giặc cỏ nhưng không kịp lại trở về.

Sai Quyền lại khoa đô cấp sự trung Nghiên Nhân Thọ và Đông đạo giám sát Thiều Duy Tinh đến bảo Khả Lặc, trấn An Bang, xét hỏi việc tướng súy chần chừ và bị thua như thế nào.

Bãi quan chức của Tây quân đô đốc Lê Thiệt vì quân lính và chỉ huy của Thiệt sai đi tuần tiễu biên giới đã dọa nạt lấy bạc của người châu Thoát, việc bị phát giác, nên Thiệt phải bãi chức.

Cho Binh bộ thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích chơi không vì Vĩnh Tích năm trước đi nhận bạc đút lót của người, nay ủy cho trọng trách Binh tào, lại xin bậy bổng lộc cho một viên Tổng tri, cho nên thu lại thẻ bài vẫn đeo và cho ở không.

---

[1] Khoa lệnh: điều luật về hình pháp.

Sai lục bộ, lục tư, lục khoa lựa chọn lại viên của mình, người nào biết chữ, có hạnh kiểm, mỗi bộ, tự, khoa lấy 2 người để bổ sung việc đi thăm hỏi, điều tra nỗi đau khổ của dân và điều hay dở của chính sự.

Lấy Lê Bá Trù làm Binh bộ thượng thư.

Đày Phó tổng binh trấn **[38a]** thủ Bắc Bình là Lê Lục và Đồng tổng tri Nguyễn Lượng ra châu xa, vì tội giữ trấn mình mà để cho giặc cướp đốt quan ải. Việc bị phát giác, bị đày, nhưng được miễn làm khổ sai.

Hạ lệnh rằng thóc chứa ở các kho trong kinh ngoài trấn, quan địa phương phải bắt người coi kho thường xuyên xem xét, không được để mưa thấm ướt, hao tổn lương thực.

Hạ lệnh rằng các quan chức tá nhị châu, phủ, huyện khi coi việc ở công đường không được cùng ngồi ở chiếu chính với chánh quan.

Tháng 12, vua đưa ấn "Thiên Nam Hoàng Đế cho bảo"[1] cho các tế thần xem để cùng bàn.

Quyền Hộ bộ thượng thư Nguyễn Cư Đạo nói: Ấn của Hoàng Đế là ấn truyền quốc, nhưng hai chữ "Thiên Nam" hình như hơi mới lạ, không bằng dùng các chữ "Thuận thiên thừa vận chi bảo" rất hàm súc, rất có ý nghĩa.

Vua lại dụ các quan rằng:

"Mới rồi, ấn truyền quốc đã sai quan bí thư là bọn Lương Như Hộc xét trong sách Văn hiến thông khảo[2] để đúc, gọi **[38b]** là Hoàng Đế thụ mệnh chi bảo", các quan tể thần bàn thế nào, hãy làm bản tâu lên".

Vua muốn xem quốc sử, sai nội quan tới hàn lâm viện dụ riêng sử quan Lê Nghĩa rằng:

"Trước kia, Phòng Huyền Linh làm sử quan, Đường Thái Tông muốn xem Thực lục[3], Huyền Linh không cho xem. Nay ngươi với Huyền Linh thì ai hơn?".

Nghĩa trả lời: "Sự kiện ở cửa Huyền Vũ[4], Huyền Linh lại không thẳng thắn ghi lại, Đường Thái Tông phải bảo ghi rồi sau mới ghi, như thế e rằng cũng chưa phải là hiền thần".

Nội quan nói: "Vua muốn xem ghi chép hằng ngày từ năm Quang Thuận thứ 1 đến năm thứ 8".

Nghĩa trả lời: "Vua mà xem quốc sử, hẳn không phải là việc hay. Những việc làm của Đường Thái Tông và Phòng Huyền Linh đã bị đời sau chê bai đấy!".

Nội quan nói: "Vua bảo là xem những ghi chép hằng ngày để biết trước có lỗi gì còn có thể sửa được".

Nghĩa nói: "Chỉ cần bệ hạ gắng làm điều hay thôi, việc gì phải xem quốc sử".

Nội quan dụ bảo nhiều lần, Nghĩa nói:

"Thành chúa nếu biết sửa bỏ lỗi lầm thì đó là phúc lớn vô hạn của xã tắc, **[39a]** thế dẫu không khuyên can mà cũng không là khuyên can".

Rồi dâng những ghi chép hằng ngày lên. Vua xem xong trả lại cho Sử Viện.

---

[1] Cương mục chép là: "Đế dĩ Thiên Nam Hoàng Đế chi bảo Đẳng tự, thị tế thần": Nghĩa là vua đưa các chữ "Thiên Nam Hoàng Đế chi bảo" để tế thần bàn bạc (CMCB 21, 9B)...

[2] Văn hiến thông khảo, 348 quyển, Mã Đoan Lâm đời Nguyễn soạn là bộ sách chép điển chương, chế độ của nhiều triều đại ở Trung Quốc.

[3] Thực lục: một thể loại sử thời trước, chuyên ghi chép công việc của vua.

[4] Đường Thái Tông giết Kiến Thành và Nguyên Cát ở cửa Nguyên Cát ở cửa Huyền Vũ,Phòng Huyền Linh chỉ chép mập mờ là sự kiện ngày mồng 4 tháng 6 thôi Thái Tông xem thực lục, bắt phải chép lại cho rõ ràng.

Bàn (đặt) vệ quân ở trấn An Bang, vì đất ấy rất độc lại là cõi biên giời xa xôi, đường sá nhiều trở ngại, ứng viện không kịp.

Giặc cỏ đánh bảo Khả Lặc, trấn An Bang.

Sai Tây quân đô đốc phả thiêm sự Khuất Đả đem 1.000 quân Ngũ phủ, và sai quân nhân hai ty Thân quân, Điện tiền và hai ty Hiệu úy đi đánh.

Triệu Thái sư Đinh Liệt, Thái bảo Nguyễn Lỗi, Lê Niệm và Ngũ phủ Trịnh Văn Sái vào cửa Gia Hựu họp bàn phương sách đánh bọn giặc cỏ.

Lại sai Kiêu vệ điệp tổng tri Lê Công Nghị dẫn quân Ngũ phủ Trịnh Văn Sái vào cửa Gia Hựu họp bàn phương sách đánh bọn giặc cỏ.

Lại sai Kiêu vệ điệp tổng tri Lê Công Nghị dẫn quân Ngũ phủ đi ứng cứu. Sai bọn Nam quân phủ đô đốc đồng tri Nguyễn Đức Trung đi An Bang đốc thúc đánh bọn giặc cỏ, cho phép chém trước tâu sau. Phát 3 vạn thăng gạo kho sai người phủ Trung Đô làm lương chở tới trấn An Bang để **[39b]** cung cấp cho quân lính.

Tham nghị thừa tuyên sứ ty châu Hóa là Đặng Thiếp dâng sớ trình bày 5 điều gây lợi:

1. Dựng đồn lũy ở cửa biển Tư Dung[1].

2. Lấp cửa Eo[2].

3. Đào kênh sen[3].

4. Bãi bỏ chức thuế sứ ở đầu nguồn.

5. Chiêu mộ những kẻ lưu vong đến khai khẩn ruộng hoang ở châu Bố Chính.

Tháng 8, Khâm sai quyền Lại khoa cấp sự trung Nghiên Nhân Thọ hặc tội tổng binh trấn An Bang Lê Hối không biết trù liệu đánh giặc, Đốc tướng Khuất Đả đuổi đánh giặc thất lợi đến nỗi bị thua. Lệnh cho Nhân Thọ tiến hành điều tra và bắt hai người về kinh.

Xuống chiếu giảm tô ruộng và thuế nhân đinh có mức độ khác nhau, vì Hộ bộ tâu là lúa má sút kém và mất mùa.

Hạ lệnh cho quan thừa tuyên Nghệ An lấy tiền công đong thóc chở về kinh. Bấy giờ giá gạo ở kinh đô rất đắt, ở Nghệ An có rẻ hơn, nên sai mua vào.

Lấy Thân vệ tổng tri Nguyễn Động làm An Bang trấn thủ **[40a]** phó tổng binh kiêm thừa tuyên sứ ty thừa tuyên sứ. Lấy Hàn lâm viện thị độc học sĩ quyền Ngự sử đài phó đô ngự sử Đào Tuấn làm Thái học tự khanh quyền An Bang đẳng xứ tán trị thừa tuyên sứ ty tham chính trị bản vệ quân sự.

Đông quân phủ quyền đô đốc Trịnh Công Lộ từ trấn An Bang trở về, dâng sớ trình bày 4 điều nên làm:

1- Lập đồn lũy Vạn Ninh[4], Tân Yên[5] để chống giặc ngoài.

2- Chọn đặt hương trưởng làm giáp thủ để trông coi lẫn nhau.

3- Chọn người có tài năng văn, võ làm quan trấn thủ.

4- Lấy các đường quan ải, không cho đến chặt cây cối hay mở đường đi lại làm mất thế hiểm trở.

---

[1] Cửa Tư Dung: sau là cửa Tư Hiền ở huyện Phú Lộc, nay thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[2] Cửa Eo: Sau là cửa Thuận An, huyện Phú Vang, ngày nay thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.

[3] Kênh Sen: tức là Liên Cừ hay Liên Cảng ở huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình.

[4] Vạn Ninh: tên châu thời Lê, nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

[5] Tân Yên: tên châu thời Lê, nay là đất huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Sắc cho Hộ bộ khai mương, đắp đập, không được để đồng ruộng úng ngập hay khô cạn.

Sai Hộ bộ gửi công văn cho rthừa tuyên các xứ xét xem có ty Khuyến nông và hà đê xứ nào để lúa má úng ngập và còn ruộng **[40b]** bỏ hoang thì tâu lên.

Ngày 15, dựng lan can bằng đá ở điện Kính Thiên và xây điện nhỏ ở sân Giảng Võ.

Ngày 16, đem việc khắc ấn "Hoàng Đế thụ mệnh chi bảo"[1] tâu cáo ở Thái miếu. Ngày hôm ấy mưa gió to.

Dụ cho Đô đốc đồng tri Nguyễn Đức Trung tạm làm Trấn thủ An Bang. Sai bọn Tổng binh Nguyễn văn Đàm đi An Bang đánh giặc, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Đức Trung.

Định biên chế quân ngũ[2]. Mỗi vệ 5 sở, 20 đội; mỗi đội 20 người theo lệ mới.

Ra sắc chỉ rằng: Khi có lệhn ban ơn thì: Quan (văn)[3] nhất phẩm được dùng chế; quan võ nhất phẩm, quan văn tam phẩm được dùng cóa; quan võ tam; tứ phẩm, quan văn tứ, ngũ phẩm dùng sắc, còn thì đều cấp giấy khám hợp cả.

Lễ bộ thị lang Lương Như Hộc và Nguyễn Đình Mỹ cho là thời tiết thuận hòa, mùa màng bội thu, dân chúng yên vui, muôn vật dồi dào, dâng biểu xin vua tiến tôn phong hiệu.

Tháng 9, lúa chín sớm.

Có sâu cắn lúa.

Khâm sai quyền Lại khoa đô cấp **[41a]** sự trung Nghiên Thân Thọ bắt giải bọn Khuất Đả, Nguyễn Báo, Lê Hối về kinh sư vì đánh giặc bị thua.

Thuyền đi biển của nước Xiêm La đến trang Vân Đồn dâng biểu văn khắc trên là vàng và dâng sản vật địa phương, vua khước từ không nhận.

Sắc dụ quan trấn thủ và phó tổng binh các vệ ở các xứ An Bang, Lạng Sơn, Tuyên Quang rằng:

"Các ngươi chức vụ đứng đầu một phương[4] khống chế cả cõi biên thùy, phải phòng bị điều bất trắc, để ngăn ngừa giặc ngoại xâm. Cần phải khuyên bảo các tướng hiệu răn đe quân lính, không được quen thói cũ, bỏ trốn về nhà, để trống vị trí phòng thủ, kẻ nào trái lệnh thì trị tội nặng hơn luật thường".

Phạt đánh trượng Điện tiền kinh lịch Cao Bá Tường và đày ra châu ngoài, vì bọn quan kiểm điểm Lê Thọ Vực, Lê Bô, Phạm Văn Hiến coi giữ quân lính, bắt làm việc riêng và thả về để lấy tiền mà Bá tường không biết nêu ra để hặc tội.

Sai đạo sĩ cúng trừ sâu lúa.

Sai các Thượng thư Lại bộ và Lễ bộ **[41b]** là bọn Nguyễn Như Đổ đi tế các thần để trừ sâu lúa.

Ngày 20, bão. Các phủ ven biển là Nam Sách, Giáp Sơn, Thái Bình, Kiến Xương[5] nước biển lên to, đê ngăn bị vỡ, lúa má bị ngập, dân ven biển chết đói nhiều. Các huyện ở đầu nguồn và ven biển, thuộc Nghệ An cũng bị thủy tai.

Có sắc rằng: "Các trấn phủ, Phó tổng binh kiêm Thừa tuyên sứ chỉ xuất thân từ con đường võ nghệ, không hiểu văn học mà kiêm giữ hai chức, sợ ảnh hưởng tới việc quân. Nay Phó tổng binh nên thôi kiêm chức Thừa tuyên sứ. Còn chức Thừa tuyên thì chọn quan văn học. Các chức Tham chính, Tham

---

[1] Nghĩa là "ấn hoàng để nhận mệnh".

[2] Nguyên văn: "Tạo quân quán".

[3] Nguyên văn thiếu chữ "văn" (quan văn), chúng tôi theo mạ ch văn thêm vào.

[4] Nguyên văn là "chức vị tây phương", chưa rõ nghĩa, tạm dịch như trên.

[5] Nam Sách: tên phủ, thuộc trấn Hải Dương, nay là vùng đất gồm các huyện Nam Thanh, Chí Linh thuộc Hải Hưng và tiên Lăng thuộc Hải Phòng.

nghị nên bớt đi một viên. Khi biên cương có việc thì tổng binh và thừa tuyên đều được tham gia bàn bạc".

Đó là theo lời tâu của Trấn điện tướng quân Lê Văn.

Mùa đông, tháng 10, Hô Lung nước Ai Lao xin quy phục nước ta, vua khước từ.

Diễn tập võ nghệ, định lệ thưởng phạt theo thứ bậc khác nhau.

Dời quân doanh của trấn thủ An Bang **[42a]** đến Bài Lẫm.

Thừa tuyên sứ Thanh Hóa dâng một giỏ kén dại đã thành tơ. Vua khước từ.

Ra sắc chỉ cho các nha môn chọn các lại viên xuất thân nho học để bổ các chức, đều cho quan phụ trách công bằng xem xét mà tiến cử. Các huyện có khuyết chức chính quan nếu không có người khoa mục thì cho lấy người thi đỗ tam quan mà tuyên bổ.

Thổ quan châu An Bình nhà Minh là Lý Lân đem hơn 8 nghìn quân và 300 con ngựa xâm lấn châu Hạ Lang[1] . Lân đánh thua rút về bản châu, chia quân giữ địa giới. Quan trấn thủ[2] là bọn Đào Viện, Lê Bá Đạt xin gửi thư cho Lân hỏi lý do gây việc binh đao. Vua y cho.

Ngày 16, đại thần và các quan dâng biểu xin vua thêm tôn hiệu. Vua phê rằng:

"Trẫm chưa dám nói đến danh hiệu Hoàng đế. Đối với các khanh, trẫm xưng là Hoàng thượng, đối với Thái miếu, trẫm xưng là Tự hoàng, như thế cũng đủ khác với danh hiệu của các thân vương rồi. Những lời ấy, các khanh nên nghĩ lại. Sau này vài năm nữa, **[42b]** nếu thấy trên thì trời thuận, dưới thì dân yên, mưa gió điều hòa, nước lớn thân thiện, nước nhỏ sợ uy, mới có thể bàn đến tôn hiệu. Các khanh nghĩ kỹ lại xem".

Ngày 19, đại thần và các quan văn võ lại dâng, biểu xin thêm tôn hiệu. Tờ biểu viết: Bệ hạ đã lên ngôi chí tôn, nên xưng là Hoàng đế. Vua không nghe.

Sứ thần nước Trảo Oa là bọn Na Bôi sang ra mắt.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 5, lúc tan chầu, vua hỏi đại thần và trăm quan rằng:

"Đô đốc Khuất Đả trước đây tuy trái quân luật Hình bộ đương xét hỏi, trẫm muốn gọi cho làm Tổng binh để trấn thủ Bắc Bình có được không?".

Thái bảo Nguyễn Lỗi nói:

"Cho sống hay bắt chết, ban chức hay bãi miễn là quyền của đức vua, bọn bề tôi không dám bàn đến. Song Khuất Đả phụng mệnh đánh giặc không nên công, Lục khoa hặc tâu lên, Hình bộ đương xét hỏi. Hãy đợi xong án, nếu ông ta không có tội thì dùng được".

Chỉ riêng Hình bộ thượng thư Lê Bá Trù **[43a]** tâu rằng:

"Khuất Đả tuy có tội, nhưng nay quyền nghi mà dùng thì có hại gì?".

Vua theo lời của Lỗi, lệnh ấy bèn thôi

Ra sắc chỉ rằng: Ngày tể thần xử án, phải có quan Đại lý tự cho người tù kêu oan để tiện việc bẻ bác.

Lấy lại khoa cấp sự trung Ninh Thao kiêm chức rèn dạy cho em công thần và cận thị học sĩ.

Sai bọn giám quan Trần Xác hỏi Chưởng chiếu ngục đô chỉ huy sứ Nguyễn Phục về tội không xét xử nhanh chóng để án bị ứ đọng nhiều. Phục dâng lời trình bày rằng:

---

[1] Hạ Lang: sau là huyện Hạ Lang, thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay.

[2] Nguyên văn là "thổ thử trấn thủ". Bản dịch cũ theo CMCB 21, 3a sửa là "Thái Nguyên trấn thủ".

"Nếu có để ứ đọng thì chỉ có hai án kiện của Lê Văn Thao và Văn Phong mà thôim còn đều thì mới đưa tới, chưa quá hạn xét xử". Vua bỏ không hỏi.

Ngày 13, triệu quan các nha môn đã đỗ tiến sĩ là bọn Lê Bình Tuấn và đồng bí thư giám Lương Thế Vinh 30 người và Phục Nghi đường, vua ra đầu bài cho thi.

Triệu Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ cho phục chức.

Trước đó, **[43b]** Như Đổ vì việc biên chép người được thuyên bổ không rõ ràng, vệ Cẩm Y bắt hỏi,bị mất chức, đến đây lại cho phục chức.

Hình bộ thượng thư Trần Phong xét hỏi việc của Tổng binh Bắc Bình Lê Hối. Án xong, định xét xử theo quân lệnh, vì thấy Hối có công, xin cho theo luật bát nghị[1].

Đỗ ngự sử Trần Xác nói:

"Hối đã giao cho pháp ty xét hỏi, nên theo luật bát nghị. Chỉ có tội đại ác, phản nghịch mới không được nghị xét thôi, chưa bao giờ thấy phạm pháp mà không nghị xét cả".

Vua dụ Xác rằng: "Quân pháp chỉ có một chứ không có hai, lời Xác nói thế là đã tách làm hai đấy, hoàn toàn không phải là bàn về quân pháp, chỉ là lời du thuyết[2] mà thôi, nên trị hắn về tội du thuyết".

Không bao lâu, vua lại dụ Xác rằng:

"Ta vu oan nhà ngươi là kẻ du thuyết, đó là ta lỡ lời. Ngươi có mưu kế gì hay, cứ vào nói với ta, để như cơn mưa ngọt khi đại hạn, như con thuyền lúc cần qua sông[3]. Hãy kính nhớ lấy".

Dụ Trần Phong rằng:

"Trẫm nghe, nước mà không có thưởng **[44a]** phạt thì dẫu Đường Ngu[4] cũng không thể trị được thiên hạ. Nay ta ký thác trách nhiệm nặng nề cho nhà ngươi, ngươi cốt giữ lấy 4 chữ "cần, thành, đôn, ý"[5] mà thôi, chả lẽ ngươi lại không gắng gỏi đọc sách để sáng tỏ đạo giữ mình hay sao?".

Sai kiểm xét hộ khẩu của người Chiêm đã quy thuận và ước thúc ngăn cấm các hạng nô tỳ công và tư.

Sai bọn Đông quân quyền hữu đô đốc Trịnh Công Lộ đốc thúc quân Ngũ phủ xây Hoàng thành, vì Hoàng thành thất hẹp.

Giáng chức bọn Thừa tuyên sứ các xứ Bắc đạo Lê Công Khác, mỗi người một bậc vì trong sứ có nhiều sâu cắn lúa mà không biết tâu lên trước, chỉ ngồi nhìn tai họa của dân.

Nhắc lại lệnh cho con cháu các công thần trở lại họ của ông cha.

Đãi chế Dương Như Châu vì học nghiệp không tiến bộ phải ra làm Hồng lô tự thừa.

Tháng 12, ngày Giáp Ngọ, làm lễ tế mùa đông, vua xưng là "hiếu tôn đức hoàng". Danh hiệu"Quốc hoàng" có từ đây.

[44b] Lấy hành Bắc quân đô đốc thiêm sự Lê Giải làm Điện tiền ty đô kiểm điểm; Binh bộ thượng thư Lê Bá Trù làm Tả kiểm điểm.

---

[1] Bát Nghị: nghị xét tội trạng của 8 người đáng được miễn giảm, gồm: thân thích, cố cựu, hiền thần, người tài cán, bậc sang trọng, kẻ siêng năng, tân khách. Xét theo luật bát nghị tức là đưa vào diện "chiếu cố" mà xét..

[2] Du thuyết: dùng tài ăn nói để biện bác, mê hoặc người nghe.

[3] Nguyên văn: "Cam lâm tuế hạn, chu tiếp, tế xuyên", lấy điển trong Kinh thư, vua Thương bảo Phó Duyệt: "Ta sai ngươi làm mưa ngọt khi nắng hạn, làm mái chèo lúc qua sông".

[4] Tức là vua Nghiêu, nhân ban đầu được phong ở đất Đường nên gọi là Đường Ngu.

[5] "Cần": là siêng năng, "thành" là chắc chắn, "đôn" là thành thực, "ý" là tốt đẹp.

Trả lại chức cho Tây quan tả đô đốc Lê Thiệt.

Trước đây, Thiệt phạm tang trái luật phải bãi chức. Đến đây, vua cho là Thiệt có tài, có thể dùng được, sai trả lại chế mệnh đã bị tịch thu khi trước. Ban lại chiếu thư chế sắc bắt đầu từ Thiệt.

Lệnh cho Bí thư sảnh làm ngọc tịch[1].

Ban lệnh cấp chế cáo cho bọn Đô kiểm điểm Lê Giải, trong lệnh đều ghi là" Hoàng thượng chế cáo chi mệnh".

Vua xưng là" Hoàng thượng bắt đầu từ đây".

Sai triều thần tiến cử chức quan huyện cương trực biết trị kẻ gian tà, mỗi người một cử viên.

Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ đưa 8 người thế gia thân quen là bọn Nguyễn Thế Mỹ ra để vua chọn. Vua cho rằng họ là bọn mới lên, tài năng bình thường. Hôm sau lại sai cử 10 người đang giữ các chức trách trong kinh. Thái bảo Lê Niệm cử **[45a]** Lương Thế Vinh, Đô đốc Trịnh Văn Sái cử Hộ khoa cấp sự trung Đặng Thục Giáo, thượng thư Trần Phòng cử Thượng bảo tự khanh Dương Tông Hải, đều là những người mình biết. Vua xem tờ tâu, phần nhiều là những người có chức, bèn loại bỏ họ tên của bọn Lương Thế Vinh, chỉ để lại Giáo thụ Nguyễn Nhân Tuỳ, Huyện quan Đinh Bô Cương trong diện xét chọn và phê rằng:

" Lục bộ, Lục khoa và Ngự sử đài mà tiến cử bậy thì chịu tội giáng hay bãi chức. Néu tiến cử được người giỏi thì nhất định sẽ được trọng thưởng".

Sai nội quan đưa cho đình thần xem, không ai không kinh hãi vì vua xét người rất sáng suốt.

Dời Hình bộ và Đại Lý tự ra ngoài thành.

Tổng binh Lạng Sơn là Lê Luyện tâu rằng: Được tin Tổng binh Quảng Tây nhà Minh điều động 13 vạn binh mã, đóng tại châu Ngô, châu Tầm, nói phao là sửa sang cầu đường bắc qua khe suối dọc ven biển để tiến đánh giặc Man ở Liêm Châu và Tri huyện Bằng Tường tỉnh Quảng Tây [45b] Lý Quảng Ninh nói dối là còn bận phòng bị ở cửa Nam Giao, chưa rồi để điều binh đi đánh giặc Man.

Vua sai triều thần họp bàn. Bọn Thái bảo Nguyễn Lỗi đều nói:

" Nên giữ kỹ của cải, mặc họ muốn làm gì thì làm, có sao đâu!"

Thi khoa Hành từ. Điểm gọi các quan vào thi, tất cả là 30 người.

Bấy giờ, Khâm hình viện lang trung Vũ Hữu, Viên ngoại lang Nguyễn Đình Khoa 5 người đều cáo ốm không vào thi. Vua lấy làm lạ, hỏi ra mới biết họ chỉ thích hối lộ. Nhân thế, vua dụ các quan trong triều rằng:

" Việc hình án phức tạp khó khăn, có ba điều vất vả: Một là suốt ngày cặm cụi vất vả, khổ sở. Hai là xử án không đúng, chịu tội làm sai. Ba là án tụng chất đống, khó lòng xét xử tường tận. Có ba điều vất vả ấy dẫu người không bệnh cũng đến phát ốm, huống chi là có bệnh".

Đó là nói giễu Vũ Hữu.

Cho Lang trung Nguyễn Tường, Lê Đình Tuấn, Tri **[46a]** huyện Nguyễn Nhân Thiếp, Đào Thuấn Cử, Viên ngoại lang Phạm Như Lan, Tấu sứ Trần Qúy Huyên đều được vào đọc sách tại Bí thư giám, vì thi đỗ khoa Hoành từ.

Triệu các quan dự thi là bọn Phạm Nại 20 người vào Phụng Nghi đường. Vua tự ra đầu bài cho họ thi.

Ngày mồng 9, vua sai Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đỗ chọn lấy những người nhân hậu, khoan thứ, sáng suốt, công bằng ở các nha môn trong ngoài, để thay bọn Hình bộ lang trung, Viên ngoại Phạm

---

[1] Ngọc tịch: là sổ hộ khẩu của họ nhà vua

Nại, Đàm Văn Thông. Bấy giờ, hình án có nhiều vụ xử oan, thường có đơn kêu lên triều đình. Vua chán ghét bọn đó, cho nên có lệnh này.

Ra lệnh ngừng việc xây cung thành, vì có nhiều tờ tâu gửi lên, nói là mất mùa, giá gạo cao vọt, cho nên hoãn lại.

Miễn cho quân lính vùng ven biển không phải dự kỳ tập luyện lớn sang năm, vì hồi tháng 8, tháng 9 có bão lớn, nước dâng cao, nhà cửa của dân chúng ven biển bị nước cuốn đi nhiều.

Thưởng 10 quan tiền cho quan Bí thư giám **[46b]** và quở trách bọn Lương Thế Vinh, Đỗ Hân học hành không tiến bộ.

Lấy bọn Quốc tử giám thụ Nguyễn Nhân Tùy, Huyện thừa Đinh Bô Cương, Giám bạ Đào Nhân Tùy, Tri huyện Lê Bá Tu, Minh hình tri viên ngoại lang Đào Lang Chủng làm giám sát ngự sử các xứ Hải Tây, Hải Đông, Hải Bắc, Hải Nam.

Sai Giám sát Đinh Nhân Phủ và Thiều Duy Tinh chia nhau đi ba đạo Hải Đông, Hải Tây, Hải Nam khám xét bờ đê ven biển, bắt thừa ty các xứ ấy phải bồi đắp lại.

Ngày 20, lấy Đào Thuấn Cử làm Hàn lâm viện đãi chế cho vào đọc sách tại Bí thư giám.

Ấn báu đúc xong, sai Thái sư Đinh Liệt tấu cáo Thái miếu.

Nam đạo giám sát ngự sử Trình Bá Tu dâng sớ nói rất kỹ về sai lầm thiếu sót của chính sự đương thời, trái với ý vua, phải ra làm Tri châu châu Lộng Nguyên, phủ Bắc Bình.

Vua cho là Lương Như Hộc tiến cử Trần Quý Huyên không phải là người giỏi, **[47a]** xuống chiếu giam Như Hộc vào ngục và thu lại văn bằng của Quý Huyên.

Mở rộng kênh Sen ở Thuận Hóa và các kênh ở Thanh Hóa, Nghệ An.

Năm này xử tù tử tội trong nước gồm 323 người.

Mậu Tý, [Quang Thuận] năm thứ 9 [1468], (Minh Thành Hóa năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ra sắc chỉ rằng:

Những quan viên nhậm chức nơi nước độc chốn biên cương xa xôi, người nào biết cách nuôi vỗ dân, đốc thúc không phiền nhiễu dân mà vẫn thu đủ thuế, đủ hạn 6 năm thì cho chuyển về nơi đất lành. Nếu ai kiếm cớ đau ốm né tránh, nộp thuế thiếu nhiều thì phải bổ đi miền biên cương xa, đủ 6 năm nữa mới được quyết định lại.

Tháng 3, ra sắc chỉ cho các nha môn rằng: Nếu là bản tâu về việc công thì được dùng con dấu của nha môn mình, nếu bản tâu của quan viên quân sắc nào không có con dấu thì đều cho Thông chính sứ ty xét đóng dấu kiềm vào chổ hai tờ giấy đóng liền nhau.

Dụ Đô chỉ huy Nguyễn Phục rằng:

"Ngươi khi trước còn làm gia thần, giám nói phao là ta đáng làm Thiên tử. Ngươi là Thiên đế hay sao? Là quỷ thần hay sao? **[47b]** Sao ngươi biết trước được việc đó? Hơn nữa, ngươi làm quan phụ đạo, lại toàn làm những việc mạo hiểm cầu may. Thế là ngươi không giết ta mà ta cũng chẳng việc gì phải đáp ngươi. Nhưng ta có 6 điều không phụ ngươi, mà ngươi phụ ta có đến 11 điều. Ngươi là gian thần, ta là tặc thần đó!".

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán.

Có sắc dụ các công, hầu, bá, quan viên và trăm họ gồm 9 điều.

Lấy Bùi Bạch Lương và Phan Phổ làm Hoàng thái tử thị giảng.

Tháng 6, ra sắc chỉ cho Lễ bộ bàn định quy cách giấy tờ trong dân gian để ban hành trong cả nước.

Định nghi chú lễ cầu mưa, cầu nắng.

Mùa thu, tháng 7, dụ Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ rằng:

Khoảng năm Thái Hòa, cả một Hình bộ chỉ có hai viên đại phu, xét án kiện trong nước, nhiều vụ để ứ đọng. Năm trước, ta đặt một hình [ty][1] 3 hoặc 4 viên, tại sao nay lại chỉ đặt mỗi hình [ty] 2 viên thôi? Lại bộ các ngươi rỗi trong hay ngoài triều, ai là người vừa cứng cỏi, vừa mềm dẻo, có tài xử án xét kiện thì đặt mỗi hình ty lấy 3 viên ngoại.

Tháng 3, các quan theo hầu vua về Lam Kinh.

Vua cùng Hoàng thái tử và Kỳ quận công Lê Niệm, cùng các quan theo hầu là bọn Lê Hoằng Dục, Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, vua tôi cùng nhau xướng họa, sáng tác Ánh hoa hiếu trị thi tập, có nhiều câu sang sảng như vàng gieo.

Ngày 13, dụ bọn Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đỗ rằng:

"Bọn ngươi cố xin lấy giáo thụ làm quan huyện, thế là kế gian đã nảy sinh đó. Giáo thụ phải giữ chức lâu năm để đào tạo nhân tài cho có hiệu quả, thế mà dám xin đổi làm chức khác, tội ấy không nhỏ".

Tháng 9, ra sắc chỉ rằng: từ nay về sau, kẻ nào có đơn kêu ca oan uổng mà nha môn ấy xét ra không có oan uổng gì thì phải đánh 80 trượng, phạt 5 quan tiền.

Dụ bọn Nguyễn Như Đổ rằng:

"Ta xem Trần Phong ngoài mặt thì kêu căng, trong bụng thì xu nịnh, nói năng khinh suất. Đến như xiểm nịnh **[48b]** kẻ quyền quý thì lật đật như con lanh già giẫm yếm xéo đuôi; liếm trôn trĩ của Đức Trung, hút mủ nhọt cho Nguyễn Yên, đó là kế sở trường để nên quan to của Phong đấy".

Trước đó, Trần Phong ban sớm thì theo đuôi mọi người hặc tội Nguyễn Đức Trung, đến đêm lại tới nhà Đức Trung để tạ lỗi của mình. Đức Trung là cha của Trường Lạc Hoàng hậu, còn Yên là cậu của Hoàng hậu. Phong xin làm thông gia với Yên, lạy ở ngoài sân suốt ngày, Yên mới gả cho.

Dụ hộ Bộ thượng thư Nguyễn Cư Đạo rằng:

"Ta khi còn ít tuổi làm bạn với ngươi, khi lên ngôi báu thì ngươi làm quan Kinh diên. Về mặt thần hạ, ngươi với ta là người tri kỷ, là bạn học thức. Về mặt vua tôi, ngươi với ta là duyên cá nước, là hội gió mây.Ngươi hãy hết lòng hợp sức, gắng gỏi lo báo đền ơn nước, chí công **[49a]** vô tư, để cho dứt hẳn tệ hối lộ. Được như thế, thì ta được tiếng là bậc vua hiểu người, ngươi được tiếng là bề tôi tận trung, cha mẹ vinh hiển, danh tiếng vẻ vang, sáng ngời trong sử sách, như thế chẳng đáng vui sao? Nếu không được như vậy, thì ta là ông vua không biết người, mà ngươi là bề tôi để làm gì, trong hai điều ấy, ngươi chọn đằng nào thì chọn".

Mùa đông, tháng 10, ngày 28, vua dụ các quan trong triều rằng:

"Ta xem Trần Phong xin cho Lê Bô phạm pháp bị tội kình[2] được chuộc tội, như thế là người giàu có nhiều của hối lộ thì được miễn tội, còn người nghèo thì vô cớ mà bị trị tội, là cả gan vi phạm phép tắc của tổ tông lập ra để trừng trị kẻ ngoan cố không biết răn chừa. Vả lại, cho chuộc tội kình là ơn riêng của triều đình thương người có tài, thế mà [Phong] dám làm uy làm phúc để hại nước. Đại lý tự phải chiếu luật để trị tội".

Lấy Phạm Phổ làm Chỉ huy. Phổ đổ tiến sĩ khoa Quý Mùi, ba lần dâng sớ nguyện sung làm chức quan võ. Vua khen là Phổ có chí, có thể làm nên việc, cho nên bổ ngay không phải qua chức nhỏ.

[49b] Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Dương Văn Đán, Phạm Giám, Hoàng Nhân đi nộp cống hằng năm.

---

[1] Nguyên văn không có chữ "ty", căn cứ vào mạch văn và tham khảo cương mục thêm vào.

[2] Kình: là tội phải thích chữ vào trán.

Tạ Chủng tâu việc các châu Vĩnh An[1] Vạn Ninh bị cướp bóc.

Sắc dụ bọn Ngự sử Trần Xác, Nguyễn Văn Chất rằng:

"Tờ tâu của các ngươi nói rằng bọn nội thần Nguyễn Thư, Chu Đức Đại, Dương Minh Phong, Ngô Át, Phan Tông Trình đều là kẻ hầu cận, quen thói ăn hối lộ, pháp ty giữ công bằng, tội đáng phải xử tử. Sao lại tha tội cho Nguyễn Thư mà không tha cho Phan Tông Trinh? Làm thế là bất tín với thiên hạ. Ta biết Nguyễn Thư[2] ăn hối lộ, chết là đáng rồi, nhưng nay ta không giết là có ý còn nhờ hắn ngày sau sửa lỗi để còn sai khiến thôi. Còn như Phan Tông Trinh làm con nuôi của viên nội quan Hiền. Hiền chết, xác còn hôi hổi đã thông dâm với vợ Hiền, cướp lấy làm vợ lẽ của mình; năm trước nó lại thông dâm với cung nữ là Nguyễn Mai, cả hai tội đều nặng, giết là đáng rồi".

[50a] Kỷ Sửu, [Quang Thuận] năm thứ 10 [1469], (Minh thành Hóa năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2 nhuận, cấm thiên hạ chứa đồ binh khí trong nhà. Vua dụ các quan văn võ rằng:

"Trẫm giữ cơ nghiệp lớn tới nay đã được nhiều năm, trong nước yên lặng, binh khí không phải dùng đến, nên xuống chiếu cho trong nước không được chứa chất đồ binh khí trong nhà, dụ rõ để cấm".

Ra sắc chỉ rằng ai bắt được giặc biển thì được thăng thưởng.

Ra sắc chỉ rằng quan viên có tội, nếu đã già thì bắt về làm dân, theo lời tâu của Hình bộ thượng thư Trần Phong.

Tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước, lấy đỗ 20 người.

Ngày 26, vua ngự ở cửa Kính Thiên, thân hành ra đề văn sách, hỏi vềđạo trị nước để lấy hiền sĩ.

Sai Thái bảo bình chương quân quốc trọng sự kiêm Đề điệu Quốc tử giám Lê Niệm và nguyên Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ làm đề điệu; Đại lý tự khanh quyền Hình bộ hữu thị lang Dương Chấp Trung làm giám thí; Hàn lâm viện thừa chỉ Nguyễn Trực, Hàn lâm viện đại học sĩ thự viện sự kiêm Quang **[50b]** lộc tự khanh đồng tri kinh diên sự Vũ Vĩnh Ninh; Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Đức Trinh, Quách Đình Bảo làm độc quyền.

Cho bọn Phạm Bá đỗ tiến sĩ xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Ra sắc chỉ rằng các quan tước công, hầu, bá thì cấp chế mệnh; các quan văn, võ nhị phẩm cấp báo mệnh; tam phẩm đến ngũ phẩm cấp sắc mệnh bằng giấy long tiên; lục, thất phẩm cấp sắc mệnh bằng giấy hắc lạn; bát, cửu phẩm cấp khám hợp[3].

Tháng 3, vua ngự ra Bình Than, rồi đi đánh Bồn Man.

Người Chiêm Thành đi thuyền vượt biển tới cướp phá, quấy nhiễu châu Hóa.

Cấm ngục quan không được bắt quân lính góp tiền. Trước đó ngục quan thường bắt quân lính góp tiền mua thịt rượu, mượn cớ là để tế ngục chủ, nhân thế mà chè chén làm hao tốn tiền của quân lính. Đến đây ra lệnh cấm.

Mùa hạ, tháng 4, ra sắc chỉ rằng các vệ, ty Thần vũ, Du nô, Thần tý, Vũ lâm, Thiên uy mỗi khi đến phiên túc trực thì thay nhau mà chuyên tập võ nghệ, **[51a]** còn như các vệ Ngũ uy[4] và các sở súng nỏ ở vệ ngoài thì đều phải ngừng các việc tạp sai, giành ra số người canh giữ các nơi, còn thì đều chuyên tập luyện võ nghệ. Đến khi hết ban thì tiến hành khảo duyệt, theo lệ mà thưởng phạt.

Quy định bản đồ của phủ, châu, huyện, xã, trang, sách thuộc 12 thừa tuyên:

---

[1] Vĩnh An: tên châu, là vùng đất sát biên giới của tỉnh Quảng Ninh.

[2]Nguyên văn là "Nguyễn Vũ": nhưng căn cứ vào đoạn trên thì phải là Nguyễn Thư CMCB 21, 14a cũng chữa là Nguyễn Thư.

[3] Long tiên: giấy vàng vẩy ngân nhũ và vẽ rồng. Hắc lạn: giấy vàng quanh rìa vẽ mực đen. Khám hợp: giấy trắng viết chữ mực (chú của CMCB, 21, 15B)

[4] Các vệ Ngũ uy là 5 vệ: Phấn uy, Chấn uy, Hùng uy, Lôi uy, Tuyên uy.

Thanh Hóa 4 phủ, 16 huyện, 4 châu. Nghệ An 9 phủ, 27 huyện, 2 châu. Thuận Hóa 2 phủ, 7 huyện, 4 châu. Hải Dương[1] 4 phủ, 18 huyện. Sơn Nam[2] 11 phủ, 42 huyện. Sơn Tây[3] 6 phủ, 24 huyện. Kinh Bắc[4] 4 phủ, 16 huyện. An Bang 1 phủ, 3 huyện, 3 châu. Tuyên Quang 1 phủ, 2 huyện, 5 châu. Hưng Hóa 3 phủ, 4 huyện, 17 châu. Lạng Sơn 1 huyện, 7 châu. Ninh Sóc[5] 1 phủ, 7 huyện. Phủ Phụng Thiên[6] 2 huyện.

Ngày 9, trị tội viên Chỉ huy sứ Phan Sư Kinh, vì tờ tâu của Sư Kinh rối rắm, lằng nhằng, **[51b]** có ý ngạo mạn, lừa dối.

Cấm làm bán thứ nón sắc trắng như phấn.

Tháng 5, Phổ cùng vợ đến nhà Huy nhân[7] là Đồng Đào, vừa lúc Đồng Đào đã vào cung rồi. Phổ cùng vợ cúi rạp xuống đất lạy người chồng của Đồng Đào là Vũ Lân, nhờ Đồng Đào đưa con gái mình vào trong cung để lo củng cố quyền vị. Vua dụ các quan trong triều rằng:

"Phạm Phổ là đứa tặc thần của nhà nước thôi"

Vì thế Phổ bị bãi chức.

Ngày 12, xướng danh các tiến sĩ là bọn Phạm Bá. Vua ban ân mệnh, cho mũ, đai, y phục và ban yến ở Lễ bộ.

Mùa thu, tháng7, ngày 14, vua dụ Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ rằng:

"Ngươi nhiều lần xin bảo lĩnh cho Lê Bốc làm Tổng tri, nhưng Bốc lại có bệnh trúng phong, chậm chạp, yếu đuối, không kham nổi việc, ngươi thực là tên gian lại".

Tháng9, cấm dùng tiền giả để đổi làm tiền thế.

Mùa đông, tháng 11, ngày 16, đại xá. Đổi **[52a]** niên hiệu, lấy năm sau làm Hồng Đức năm thứ 1.

Ngày 18, sắc dụ quan viên văn võ và dân chúng cả nước rằng:

"Trẫm nghĩ, người ta sở dĩ khác giống cầm thú là vì có lễ làm khuôn phép giữ gìn. Nếu không có lễ thì tình dục bừa bãi, phóng đãng xằng bậy, không gì không làm. Từ nay về sau, các sắc quan lại, ai được thăng chức hay bổ dụng, thì Lại bộ phải sức giấy cho phủ, huyện, xã, bắt xã trưởng phải làm tờ đoan khai là tên ấy đã đủ tuổi quy định, giá thú làm theo hôn lễ thì mới tâu cho lên để thăng bổ như lệ, Nếu để cho kẻ xấu lạm dự vào hàng quan chức, thì viên đó bị thích chữ đi đày".

Tháng 12, ra sắc chỉ cho quan phủ huyện phải thân hành xem xét ruộng nương trong hạt mình.

Cấm cợ búa trong dân gian bán nón thuỷ ma và nón sơn đỏ. Vua dụ quan viên và trăm họ cả nước rằng:

"Những thứ áo giáp, mũ trụ là để cho khí thế quân đội trang ngghiêm, như **[52b]** thứ nón tuỷ ma và nón sơn đỏ là của thân quân vẫn đội để túc vệ. Nay chợ búa dân gian có nhiều người bán, nên cấm hẳn đi".

---

[1] Trước là Nam Sách.

[2] Trước là Thiên Trường.

[3] Trước là Quốc Oai..

[4] Trước là Bắc Giang.

[5] Trước là Thái Nguyên.

[6] Trước là phủ Trung Đô.

[7] Huy nhân: là tên quan hàm của mệnh phụ trong cung, trật tòng tam phẩm.

Lấy Lê Cảnh Diệu làm Hộ bộ thượng thư; Lê Quốc Trunh làm Phó tổng binh trấn thủ Nghệ An; Thân Nhân Trung làm Hàn lâm viện thị độc; Đàm Tông Lễ làm Hàn lâm viện hiệu lý; Đinh Thức Thông làm Hàn lâm viện trực học sĩ.

Canh Dần, Hồng Đức năm thứ 1 [1470](Minh Thành Hoá năm thú 6), Mùa xuân, tháng giêng cấm làm giả nón da.

Chọn các vủ sĩ vệ Kim ngô đi bắt giặc biển.

Ra sắc chỉ rằng: Con để tang cha mẹ, vợ để tang chồng phải theo quy chế chung là 3 năm, không được theo ý riêng tự tiện làm trái lễ, phạm pháp. Con để tang cha mẹ và vợ cả, vợ lẽ có chửa thì bắt tội đi đày. Vợ để tang chồng mà dâm loạn bừa bãi, hoặc chưa hết tang đã bỏ áo trở, mặc áo thường, hoặc nhận lễ hỏi của nguời khác, hay đi lấy chồng khác **[53a]** đều phải tội chết cả. Nếu đương có tang, ra ngoài thấy đám trò vui mà cứ mê mải xem không tránh, thì xử tội đi đày. Nếu kẻ nào tham của, hiếu sắc mà lấy vợ cả vợ lẽ của kẻ đại ác phản nghịch, cùng là người Man thông dâm với vợ cả vợ lẽ của anh em đã chết rồi, cùng những kẻ làm quan lại mà nhận hối lộ thì tùy tộ nặng nhẹ mà xử tội.

Tháng 2, tuyển đinh tráng bổ sung quân ngũ.

Ra sắc chỉ rằng: Người lậu sổ hộ tịch 10 tuổi trở lên mà khoẻ mạnh thì bắt xung quân. Trong một hộ có 3 đinh là cha con anh em với nhau thì không ở trong sổ xung quân.

Định lệnh tuyển chọn người khoẻ mạnh bổ sung thay thế(quân lính già yếu) đó là theo lời tâu của Phó tổng binh Trấn thủ Thanh Hoá kiêm thừa Tuyên xứ ty các xứ Thanh Hoa Nguyễn Đức Trung.

Có sắc dụ kể tội gian thần Nguyễn Phục gồm 12 điều. Lúc ấy Nguyễn Phục là Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ.

Vua ngự về Tây Kinh. Vua nói:

" Năm trước ta đến Phúc Quang đường[1] thì ruộng nương Động Bàng ít nước không thể cấy luá được. Năm nay nước nhiều, luá chiêm **[53b]** mênh mông bát ngát".

Rồi vịnh luôn bài thơ tứ tuyệt rằng:

Vạn khoảnh thanh thanh nhị hạ điền,
Tề dân đương vĩ thực vi tiên.
Thôn đầu tam lưỡng nông phu đáo,
Giai vị kim niên thắng tích niên.
(Đồng chiêm muôn khoảnh luá xanh tươi,
Dân chính coi ăn chính ấy trời.
Đầu xóm nông phu dặm kẻ đến,
Nói năm nay vượt mọi năm rồi).

Bấy giờ là lúc vua đến bái yết Phúc Quang đường ở xã Động Bàng.

Tháng 3, định lệnh về việc cấp thiếp cho người nhà bếp [trong cung] và các nhà thế gia cùng lệnh về việ công đồng mua vật phẩm, đó là theo lời tâu của Quyền Tri phủ Phụng Thiên Nguyễn Tông Tây.

Cấm người không phải là sư sãi không được cạo đầu.

Mùa hạ, tháng 4, vua thân hành soạn bài Đạo Am thiên tự, đại ý là:

Đạo trời mạnh chí cương, đạo đất thuận vô lường, làm vua đủ trí dũng, cho nước được phồn xương; chọn lấy người đôi lứa, tốt ngang họ Nhâm Khương[2].

---

[1] Phúc Quang đường: Tại xã Động Bàng huyện Yên Định, nay thuộc tỉnh Thanh Hoá, do Lê Thánh Tông dựng vào năm Quang Thuận, tức là điện để Hoàng thái hậu thay áo(CMCB 21, 27b)

[2] Nhâm: tức là Thái Nhâm là mẹ của Chu Văn Vương, Khương: tức Khương Hậu là vợ của Chu Tuyên Vương được các nhà nho coi là phụ nữ mẫu mực, hiền và có đức. Ở đây theo bản dịch cũ.

Tha tộ cho Thủy quân vệ chỉ huy sứ Đào Bảo. Vua bảo triều thần rằng: Đào Bảo nguyên trước là người Ngô, sau khi thành bị hạ, làm gia nô cho Lê Sát, đến khi nhà Lê Sát bị tịch thu, cho làm nô ở phủ Bình Nguyên[1]. Nay hắn làm trái sắc chỉ, cố ý vi phạm quân **[54a]** lệnh, tội đáng phải chết. Song Đào Bảo đã từng làm tôi tớ cho ta ở phiên để, nên đặc cách tha cho tội chết, đồ làm binh cày ruộng.

Tháng 5, vua dụ các quan trong triều rằng:

"Có hai việc của kẻ tiểu nhân thì Nguyễn Đình Mỹ đã làm cả rồi. Để củng cố quyền vị thì hắn tâu rằng các tướng sĩ thích làm việc thổ mộc. Để bán chác lời nói thẳng thì hắn tâu rằng đình thần mang lòng đố kỵ, và xin mỗi tháng ba lần tâu việc. Trước kia Đình Mỹ đã từng bị trẫm thử, thế mà nay vẫn làm quan to đến tam phẩm và triều đình vẫn còn sùng tín hắn. Nên để cho kẻ tiểu nhân Đình Mỹ xuống chức tứ phẩm, để tỏ ý của triều đình ngăn chặn lời nói gièm, ghét bỏ kẻ gian nịnh, ngõ hầu ngày sau có kẻ nào như Đình Mỹ còn nghĩ đến việc làm sửa lòng thay dạ mà tiến tới chỗ không còn lỗi lầm nữa chăng?".

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, hoàng tử nhà Minh là Hữu Đường sinh (tức là vua Hiếu Tông nhà Minh).

Tháng 8, quốc vương Chiêm Thành Bàn **[54b]** La Trà Toàn thân hành đem hơn 10 vạn quân thuỷ bộ cùng voi ngựa đánh úp châu Hoá. Tướng trấn giữ biên thuỳ ở châu Hoá là bọn Phạm Văn Hiển đánh không nổi, phải dồn cả dân vào thành, rồi cho chạy thư cáo cấp.

Tháng 9, ra lệnh rằng: Hạng hoàng đinh 12 tuổi đã phải chọn sung xuân, đổi thành 15 tuổi trở lên, khai là con trai hạng lớn, đó là theo lời tâu của Nguyễn Nhật Thăng.

Có sắc chỉ rằng: Con cháu các viên quan tuổi còn ít nhưng vóc người to lớn mà còn lẩn tránh không chịu ra trình thì bản thân phải sung quân ở bản phủ, người cha thì phải bãi chức.

Sắc dụ Thừa tuyên sứ phủ Thiên Trường rằng:

Dẹp loạn thì trước hết phải dùng võ, quân mạnh vốn là ở đủ lương ăn. Lệnh tới nơi, bọn ngươi phải trưng thu ở các hạng quân sắc, lại viên, sinh đồ mỗi người 15 ống gạo, hạng hoàng đinh và người già mỗi người 12 ống, bắt người bị trưng thu lại phải đồ lên thành gạo chín, không được để chậm ngoài giờ, đem nộp lên sứ ty. Quan hạt đó dựng làm nhà kho, kiểm nghiệm thu **[55a]** vào rồi làm bản tâu lên. Kẻ nào trốn chạy thì xử tội chém đầu.

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang nhà Minh: Nguyễn Đình Mỹ tâu việc Chiêm Thành quấy nhiễu biên giới, Quách Đình Bảo tâu việc bị mò trộm trân châu và việc địa phương bị lấn cướp.

Tháng 11, hiệu định 52 điều lệnh về việc hành binh.

Đinh lệnh xa giá đi đâu, cấm nói phao trả giá.

Ngày mồng 6, vua xuống chiếu thâ hành đi đánh Chiêm Thành.

Trước đó, người Chiêm Thành ở Thi Nại[2] Bàn La Trà Duyệt là con người vú nuôi, giết chúa hắn là Bí Điền mà cướp lấy nước, rồi truyền cho người em là Trà Toàn. Trà Toàn là đứa hung bạo làm càn, dối thần ngược dân, người Chiêm mưu phản, Toàn cũng không nghĩ chi đến, lại còn ngạo mạn kiêu căng, không sửa lễ tiến cống, lăng nhục sứ thần của triều đình, quấy nhiễu dân biên giới. Lừa gạt người Minh để xin viện trợ mà sang ăn cướp.

Vua bèn gọi 26 vạn tinh binh, xuống chiếu thân trinh. Tờ chiếu viết:

"Xưa đức Thái **[55b]** Tổ Cao Hoàng Đế ta dẹp yên loạn lạc gây dựng nước nhà. Thái Tông Văn Hoàng Đế kính trời chăm dân kế chí nối nghiệp, kính nước lớn, thương nước nhỏ. Bên trong thì sửa sang, bên ngoài thì đánh dẹp. Cho nên, đến những kẻ mặc xiêm cỏ, búi tóc dùi cũng trèo núi vượt biển mà sang chầu, muôn nơi đều mến đức, tám cõi cũng phục uy.

---

[1] Phủ Bình Nguyên: là phủ đệ của Bình Nguyên Vương. Bình Nguyên Vương tức là Lê Thánh Tông khi còn là phiên vương..

[2] Thi Nại: ở Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ngày nay.

Bọn Chiêm Thành ngu xuẩn kia, thập thò trong hang thỏ, như loài ong độc, được nuôi rồi đốt lại, như giống cầm thú, ăn no lại quên ơn; là kẻ vô đạo lừng khừng, là hạng tiểu trí lẩn quẩn. Thái nhơ nhuốc sờ sờ, quên thân mình không đất ở, lòng gian ác chất chứa, vạch liều kế bắn trời cao. Đức Tiên hoàng ta liền nổi cơn thịnh nộ, tính đến mưu xa, nhưng vì ba năm lặng tiến bát âm[1] mà công ơn lớn chưa hoàn thành được.

Khi Nhân Miếu[2] lên ngôi cả, thì giống nòi chúng đã rất đông. Nương chốn Cổ Lũy như hang cầy, cậy thành Chà Bàn như tổ kiến. Điên cuồng mất trí, nó xưng bừa là cha chú, gọi đức vua ta là cháu con; mất đức ra oai, ác chất chồng, giấu sao cho nổi? Những lời lăng nhục không thể nêu tường.

Chúng tụ tập bầy đoàn, **[56a]** dám giở thói như chó kia cắn trộm, chúng lừa khi sơ hở, ngầm xua quân như lũ quạ tụm bầy. Định cướp Hóa Châu, giết quân đồn thú. Kể tầy trời tội ác, chỉ hơn tháng sẽ dẹp yên. Kế đã chẳng thành, mưu kia càng vụng. Chết đã sắp tới, toi mạng hẳn rồi. Đã mù chẳng thấy gì, còn mở mồm nói láo. Kế đã cùng nên lòi quẫn, sắp làm phản phải thẹn thùng.

Rồi như loài cáo xiểm nịnh với Yên Kinh[3] ton hót để gièm pha người khác, định như giống tằm ăn lấn ra Tượng quận[4], tính toan đâm trước mặt sau lưng. Mong cột đồng dựng ở Hoành Sơn[5], để quân Hán xuống đến Bặc Đạo[6]. Rêu rao tố bậy, gièm nhảm chẳng chừa. Lại vu cáo ta điều động binh sĩ muôn người, sắp thôn tính cõi bờ triều Bắc[7] lại bảo ta như hai mặt trời cùng mọc, tự tôn là Hoàng đế nước Nam, bảo là ta cướp mất lễ cống ngọc vàng, bảo là ta tranh mất giống voi cái trắng[8].

Coi khinh dân ta hơn là cỏ rác, nảy sinh dã tâm sâu độc hại người; tưởng chiếm nước ta **[56b]** dễ tự chơi cờ, xương Bồng Nga còn hòng đến nhặt[9]. Cứ coi mọi hành vi, lời lẽ của nó, đều là muốn đạp đổ tông miếu dòng giống nhà ta. Mưu kế sâu như vậy, tội ác nào không làm. Khiến nhà Minh ngờ vực, gửi sắc thư hỏi mấy năm liền, vì lũ giặc hung hăng, xe đổ cứ lần theo vết củ. Gông đóng ngập tai cũng đáng, lo đến cháy dạ chẳng sai. Thế nguy như quạ đậu tổ cao, lại dám khinh thường triều sứ,nhìn hẹp tựa ếch ngồi đáy giếng, cả gan chế nhạo sắc thư.

Ngày một quá, tháng một hơn, kẻ no xướng lũ kia họa. Cùng một duộc gây họa loạn, coi bạo ngược chẳng hề gì. Ngập ngụa tanh loài chó lợn, cướp ngôi giết vua, đuổi con cháu Bồ Đề[10] ra ngoài cõi. Nhảm tin phật quỷ dựng pháp chùa, bịa điều họa phúc, cho dòng giống Trà Toàn được sinh sôi. Cấm mổ thịt làm khốn khó dân trời, cấm nấu rượu, việc tế thần phải bỏ. Con trai, con gái thảy đều lo vất vả chầu hầu, kẻ góa, con côi, chịu mãi cảnh thiêu người, cắt mũi.

Dân Chiêm Thành thì nặng thuế thảm hình, người Thi Nại thì quan cao tước trọng. **[57a]** Đàn ông, đàn bà của ta nó bắt làm nô lệ, tù tội trốn tránh của ta nó hết thảy bao dung. Dân lưu vong[11] phải chụm chân mà chịu oan, suốt cả nước muốn kêu trời nhưng không lối. Đứa ngủ trọ, nhà sắp bị đốt [12],

---

[1] Tức là thời gian 3 năm để tang Lê Thái Tông, bỏ hẳn mọi trò vui âm nhạc, múa hát.

[2] Tức Lê Nhân Tông, nối ngôi Lê Thái Tông, sau bị Nghi Dân giết.

[3] Yên Kinh: chỉ kinh đô nhà Minh thời đó. Trà Toàn sai sứ sang Yên Kinh xiểm nịnh vua Minh, gièm pha Đại Việt.

[4] Ở đây nói Chiêm Thành định lấn ra vùng đất Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế ngày nay.

[5] Ý nói Chiêm Thành muốn dựng mốc biên giới ở Hoành Sơn, tức phía Bắc tỉnh Quảng Bình ngày nay.

[6] Bặc Đạo: là tên huyện, ở phía tây namTrung Quốc. Hán Vũ Đế sai Đường Mông đào núi, đến Nam Trung đặt huyện Bặc Đạo. Câu này ý nói Trà Toàn lấn chiếm, buộc quân ta phải đánh lại.

[7] Sứ Chiêm Thành tâu với vua Minh là vua Lê tự xưng là Hoàng đế, ngang với Thiên tử nhà Minh, chuẩn bị binh mã để tiến công nhà Minh.

[8] Nhà Minh đòi Chiêm Thành cống voi cái trắng, ChiêmThành bảo là ta tranh mất..

[9] Chế Bồng Nga: là vua Chiêm, xâm lược Đại Việt, bị chết tại trận, không mang được xác về.

[10] Vua cũ Chiêm Thành: Thành cho là ta ở xa, ta đã yếu, không đánh tới được.

[11] Nguyên văn "lưu dân", ở đây chỉ người Việt ở vùng đất mới là châu Thuận, châu Hóa để khai phá, sinh sống.

[12] Câu này lấy điển ở hào: Cửa tam,quê Lữ trong Kinh dịch. Ý nói kẻ trú ngụ mà lấn quyền tất bị đốt nhà mà bản thân bị hại. Vì Trà Duyệt là người ở Thi Nại nên nói là "đứa ngủ trọ".

càng giở trò gian, mạo xưng phong hóa; kẻ làm ác, trời không cho yên, vẫn thói hung tàn mà làm chính sự.

Tiểu nhân lên ngôi báu, nước lớn thành kẻ thù. Trong lòng vẫn dòm ngó trẫm, ngoài mặt cống hiến giả vờ. Ví phỏng cáo kêu nơi đế lý [1] thì mới cam lòng, nào ngờ kiến họp đất Thần Châu[2] để hòng thỏa chí. Ta buông lỏng, nó kéo đàn đến cướp, ta giương cung, lại đuôi vẫy xin tha. Thực là kẻ thù của tông miếu xã tắc, là tai họa của sinh dân muôn đời. Nó nghĩ là roi dẫu dài không quất đến bụng ngựa[3], gió cuối cơn không cuốn nổi lông hồng. Mang dã tâm gây loạn làm càn, thực phải tội đáng phải giết, đáng phải trị.

Bậc hào kiệt nghe tin mà nghiến răng tức giận, người trung nghĩa thấy thế mà trong dạ đau thương. Nó đảo lộn hết lẽ thủy chung, trí còn con mà đòi mưu lớn. Ta điển chương phép tắc còn đó, gây phản nghịch luật pháp không tha. Không ra oai thì nó không chừa, trừ tàn bạo mưu di cũng trị.

[57b] Trẫm thể lòng thượng đế, nối chí vua cha. Giết kẻ thù chín đời theo nghĩa Xuân Thu[4], định mưu kế vạn toàn cho yêu đất nước. Cứu muôn dân thoát khỏi vòng điêu đứng, dẹp nước loạn đã trái đạo lâu năm. Đánh phản nghịch, cứu sinh dân, thánh triết phải tỏ bày uy vũ; trồng mầm nhân, nhổ cội ác, đất trời cũng lấy đó làm lòng.

Bởi vì Di, Địch xưa là mối lo cho nước, cho nên thánh vương khi trước, cung nỏ phải ra oai. Cửu Lê loạn đức, hoàng đế phải dùng binh[5], Tam Miêu bất kính, Đại Vũ gọi quân sĩ[6]. Tuy dụng binh là điều thánh nhân cựa chẳng đã, nhưng lập pháp cốt để bọn ngoan ngu phải hay. Sương mù sao che nổi ánh mặt trời, giường mình há để kẻ ngoài nằm ngáy.

Ta đã chọn hàng loạt tướng tài, đã mộ vô vàn quân giỏi. Tỳ hổ vạn người, thuyền ghe ngàn dặm. Binh sĩ trăm lần dũng cảm, người người chỉ một quyết tâm. Ai cũng nắm tay đua nhau lên trước, tuân lệnh đợi lúc ra tay. **[58a]** Nguyện xin đắp cồn chôn xác giặc, mong cho sử sách mãi ghi công. Ra quân có danh nghĩa, phạm tội quyết không tha.

Trẫm chỉ huy cờ võ, hiệu lệnh binh thần. Kính đem mệnh lệnh của trời, làm việc đánh giết kẻ ác. Bóng cờ rợp đồng nội, như mây cuốn như gió bay; lưỡi búa loáng trên không, tựa nắng chang, tựa sao chói. Dễ dàng như bóc mo nang, thuận lợi như bẻ cành mục. Giặc tận mắt nhìn, sấm sét gấp bung tai nào kịp, quân đi trên chiếu[7], lửa bừng bừng vèo cháy mảy lông. Công một buổi sẽ hoàn thành, hận trăm đời sẽ rửa sạch. Lại vì dân trừ loài sâu độc, chẳng để giặc cho con cháu đời sau. Khinh Vũ Đế[8] nhàm võ không thôi, khen Văn Vương mở mang bờ cõi[9].

Ôi! giặc cùng mổ dê không máu[10]; nên học xưa tháng 6 ra quân[11], Cõi Nam thấy lợn lấm bùn[1] chẳng đợi 7 tuần phục[2]. Bá cáo trong nước, cho mọi người nghe".

---

[1] Cáo kêu nơi đế lý: nghĩ a là đế đô thành nơi hoang tàn. Câu này ý nói phải đánh tan kinh đô nước Chiêm thì mới cam lòng.

[2] Thần Châu: chỉ đất nước nói chung. Câu này ý nói: Giặc họp quân vào cướp nước ta.

[3] Ý hai câu này là: Chiêm Thành cho là ta ở xa, ta đã yếu, không đánh tới được.

[4] Tề Tương công diệt nước Kỷ, trả thù cho ông tổ 9 đời của mình là Tề Ai công, được sách Xuân Thu khen ngợi.

[5] Cửu Lê: tên tộc người cổ ở phía đông Trung Quốc có tù trưởng là Xuy Vưu.

[6] Tam Miêu: tên tộc người cổ ở phía nam Trung Quốc. Đại Vũ: là ông vua đầu tiên của nhà Hạ. Nguyên văn: "Đại Vũ thệ chúng", tức là làm lễ tuyên thệ khi bắt đầu ra quân.

[7] Ý nói thuận lợi, không gặp trở ngại gì.

[8] Hán Vũ Đế nổi tiếng "cùng binh độc vũ", hiếu chiến tham công.

[9] Chu Văn Vương: ông vua khai sáng nhà Chu ở Trung Quốc, có nhiều vũ công.

[10] Lấy ý của hào Thượng lục, quẻ Quy muội Kinh Dịch, những kẻ cô độc không ai theo, như người mổ thịt dê không có máu.

[11] Rợ Hiểm Doãn xâm lược, Chu tuyên vương phải đem quân đi đánh vàolúc tháng 6, trời đang nắng gắt. ý nói phải mau chóng kịp thời hành quân.

Hôm ấy, sai Thái sư Lân quận công Chinh lỗ tướng **[58b]** quân Đinh Liệt, Thái bảo Kỳ quận công Chinh lỗ tướng quân Lê Niệm đem thủy quân 3 phủ vệ Đông, Nam, Bắc đi trước. Ban hành 24 điều lệnh đánh Chiêm Thành trao cho các quân doanh và các vệ ty Cẩm y, Kim ngô, Thần vũ, Điện tiền.

Ngày Tân Tỵ, mồng 7, vua tấu cáo ở Thái miếu rằng: "Thần là kẻ ít tuổi bất tài, vào nối nghiệp lớn, chỉ mong yên dân giữ nước đâu dám dùng nhảm việc binh. Chỉ vì giặc Chiêm Thành ngu xuẩn, nó điên cuồng nhòm ngó nước ta. Không sợ trời tạm bợ cho qua; với nước ta, nó gây thù địch. Trước thì đánh cướp châu Hóa để hòng chiếm đoạt đất đai, sau lại sang báo nhà Minh, âm mưu diệt hết tông miếu. Là phường cha chó, mẹ lợn nhuốc nhơ; làm việc cướp, giết vua bạo nghịch. Để vỗ cho Thi Nại béo no; nó dao thớt cắt xẻo Tượng Quận, Chức ác ngập trời, làm hại khắp cõi.

Thần đã bàn bạc nơi miếu đường, lại lắng hỏi ở lòng dân. Mọi người đều cho rằng nó là loài rắn độc hung tàn, là mối lo cho sinh linh trong cõi. **[59a]** Phải kíp đem quân hỏi tội, treo thủ cấp nó bên đường. Thần bất đắc dĩ, theo nguyện vọng của mọi người, đem đại quân đi hỏi tội. Giáp binh rầm rập kéo ra ngoài cõi, uy quyền mảy may không mượn tay ai.

Ngày Canh Thìn mồng 6 tháng này, lệnh sai Chinh lỗ tướng quân Lân quận công Đinh Liệt, Phó tướng Kỳ quận công Lê Niệm đem 10 vạn thủy quân đi trước.

Ngày 16 Canh Dần, thần đốc xuất 15 vạn thủy quân tiếp sau. Tiến sâu vào đất giặc, không bỏ lỡ thời cơ. Trên là nối chí căm thù của tổ tông ông cha, dưới lo cứu nguy cho muôn vàn lưu dân điêu đứng, tính mưu kế cho con cháu, diệt kẻ thù của tổ tông.

Cúi mong anh linh của các thánh ở trên trời phù hộ cho, để trong khi dàn quân bày trận được biển lặng gió im. Quân ta trổ oai phong hùm gấu, xác giặc chất thành đống kình nghê[3]. Khí yêu ma quét sạch, chốn thanh miếu[4] cáo thành. Thu công bình định được mau; nhờ **[59b]** ở thánh thần giúp đỡ. Thần kính dâng bản tâu lên".

Ngày 16, vua thân hành dẫn quân đại quân tiến tiếp sau. Sai bọn Tả đô đốc Lê Huy Cát, Hữu đô đốc Lê Cảnh Huy ở lại kinh giữ nước.

Ngày hôm ấy, ngự giá khởi hành, trời mưa nhỏ, gió bấc. Tư thiên giám Tạ Khắc Hải tâu rằng:

"Mưa là mưa nhuần quân, gió từ phương bắc là gió hòa". Cho nên khi thuyền đi vua đi, có câu thơ rằng:

Bách vạn sư đồ viễn khai hành,
Xao bồng vũ tác nhuận quân thanh.
(Trăm vạn quân đi đánh cõi xa,
Mui thuyền mưu đội thấm quân ta)[5].

Đó là ghi sự thực.

Sai Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ tế đền Đinh Tiên Hoàng. Dọc đường, hễ qua đền thờ thần nào đều sai quan tới dâng lễ tế, để cầu cho quân đi thắng trận.

Ngày 25 đêm ấy, Đỗ Nhuận hầu tước mặt vua. Nhân nói đến hai chữ "Đạo lý", vua bảo rằng:

"Đạo là việc đương nhiên, rõ ràng dễ hiểu, lý là cớ dĩ nhiên, mầu nhiệm khó thấy. Ta từng làm bài thơ về hai chữ ấy, lâu ngày mới xong".

---

[1] Lấy ý của hào Thượng cửu, quẻ Khuê trong Kinh Dịch. Nguyên văn: "Kiến thỉ phụ đồ" (thấy lợn đội bùn) chỉ bọn giặc Chiêm Thành hôi tanh, bẩn thỉu.

[2] Vua Thuấn chinh phục nước Tam Miêu, chưa tới 7 tuần, nước này tới quy phục.

[3] Ngày xưa, sau trận đánh, người ta thu xác chết của quân thù thành từng đống lớn, lấp đất lên, gọi là "Kinh nghê quán" hay "Kinh nghê kinh quán".

[4] Tức là Thái miếu. "Thanh" có nghĩa là trong sạch, tôn nghiêm.

[5] Theo bản dịch cũ.

Nhuận thưa **[60a]** rằng:

"Lý học của đức vua rất sáng tỏ uyên bác; trong chỗ hỗn nhiên mà phân biệt rất rõ ràng, rất tinh vi hàm súc, thể hiện ra ở lời thơ, không phải người học vấn tầm thường có thể mong mà theo kịp được".

Vua lại nói về thiên văn học, chỉ ra rằng sự vận hành của Nhị thập bát tú[1] và Ngũ tinh[2] đều có xâm phạm tới nhau. Nếu sao nọ phạm vào sao nào đó thì ứng với một việc nào đó".

Xem thế, có thể thấy được đôi nét về tầm học rộng hiểu sâu của vua.

Vua xem địa đồ nước chiêm, đổi lại tên sông tên núi.

Tháng 12, ngày mồng 3,đại giá xuất phát từ Thiết Sơn[3], thưởng tiền cho bọn Án sát sứ Đinh Thúc Thông, Nguyễn Tài theo thứ bậc khác nhau. Vua ban sắc dụ khen rằng:

"Việc được thua của sáu quân là trách nhiệm của tướng quân, mà cơ lợi hại trong một dinh trách nhiệm thuộc về án sát. Bọn Thái sư Đinh Liệt nắm quân không có kỷ luật, nhu nhơ như trò trẻ con, các ngươi biết làm sớ ngỏ tâu lên, ta khen bọn các ngươi, thưởng cho tiền công, hãy đến mà nhận **[60b]** lấy".

Ngày mồng 7, thổ quan phủ Ngọc Ma là Cầm Lệ đến chầu, tiến cống sản vật, đó là bắt chước lễ ngày xưa, vua đi tuần đến núi lớn ở địa phương thì chư hầu đến chầu.

Bọn Án sát sứ Đinh Thúc Thông, Phạm Vĩnh Dụ, Bùi Thúc Sử, Nguyễn Tài tâu bàn càn bậy. Vua cho gọi đến hành tại hỏi về tội hủ nho làm hỏng việc, bắt bỏ mũ xuống đái vào mũ để làm nhục.

Vua dụ bọn Chinh lỗ tướng quân Đinh Liệt và Lê Niệm rằng:

"Vua mới ra quân mà lắm chuyện như trò trẻ con, có một vụ cháy mà bị chết, bị thương tới gần 30 người. Cứ ý ta xét thì thực là kém quá. Cho đem sắc đến cáo dụ, ngươi hãy nghĩ xem".

Ngày 18, thủy quân vào đến đất Chiêm Thành.

Định lệ khảo khóa quan lại nơi cai quản.

Trưởng quan các nha môn trong ngoài khi khảo khóa các quan viên trong phạm vi cai quản thì phải xét kỹ thành tích trong công việc mà viên đó đã làm. Nếu quả là có lòng chăm nom yêu thương, được nhân dân yêu mến, và trong nơi cai quản ít kẻ trốn tránh, thì mới là xứng chức. Nếu vơ vét, quấy nhiễu, gây tệ riêng tư **[61a]** và trong nơi cai quản có nhiều người trốn tránh thì là không xứng chức.

Tân Mão, [Hồng Đức] năm thứ 2 [1471], (Minh thành Hóa năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 2, vua cho là khi đại quân sắp vào đất giặc, quân lính càng cần phải luyện tập. Do đó, xuống chiếu cho quân Thuận Hóa ra biển tập thủy chiến.

Vua nghĩ núi sông nước Chiêm có chỗ chưa biết rõ ràng, liền sai thổ tù ở Thuận Hóa là Nguyễn Vũ vẽ hình thế hiểm dị của nước Chiêm để dâng lên.

Ngày mồng 6, viên Chỉ huy Cang Viễn bắt sống Bồng Nga Sa là viên lại giữ cửa quan Cụ Đê nước Chiêm đem nộp.

Phiên tù ở Sa Bôi là Cầm tích, phiên tù ở Thuận Bình[4] là Đạo Nhị, đến chầu và dâng sản vật địa phương. Sứ thần ước Ai Lao, trấn thủ Quan Bình là bọn đầu mục Lang Lệ đều đem sản vật địa phương đến hiến.

---

[1] Nhị thập bát tú: 28 chòm sao. Thiên văn học cổ Trung Quốc chia sao trên trời thành 28 chòm gọi là "tú"; 4 phương, mỗi phương có 7 chòm: "Phương Đông có các chòm: "Dốc, Cương, Chi, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ; Phương Bắc: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy,Thất, Bích; Phương Tây: Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tát, Chủy, Sâm; Phương Nam: Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh,Trương, Dực, Chẩn.

[2] Ngũ tinh: là năm hành tinh: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

[3] Thiết Sơn: theo Cương mục, núi này ở huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (CMCB 21, 40).

[4] Sa Bôi và Thuận Bình là hai châu thuộc nguồn Cam Lộ, nay là tỉnh Quảng Trị.

Vua thân hành soạn ra Bình Chiêm sách, ban cho các doanh. Trong Bình Chiêm sách, nói có 10 lẽ tất thắng, có 3 việc đáng lo. Vua sợ rằng tướng sĩ chưa **[61b]** hiểu, sai Chỉ huy Nguyễn Thế Mỹ dịch ra quốc ngữ để nhắc lại.

Sai Giám sát ngự sử Lê Bá Di phát thóc kho Thuận Hóa làm gạo cả vỏ[1] chuyên chở tới hành tại.

Tháng 2, ngày mồng 5, Trà Toàn sai em là Thi Nại[2] và 6 viên đại thần đem 5.000 quân và voi, ngầm đến sát dinh vua.

Ngày mồng 6, vua bí mật sai bọn Tả du kích tướng quân Lê Hy Cát, Hoàng Nhân Thiêm và bọn Tiền phong tướng quân Lê Thế, Trịnh Văn Sái đem hơn 500 chiếc thuyền, 3 vạn tinh binh, ban đêm ra cửa Áp[3] và cửa Toạ[4] vượt biển gấp, bí mật tiến vào cửa biển Sa Kỳ[5] dựng lũy đắp thành để ngăn chặn lối về của giặc. Người Chiêm Thành không biết gì về việc này.

Ngày mồng 7, vua tự mình dẫn hơn 1.000 chiếc thuyền, hơn 70 vạn[6] tinh binh ra hai cửa biển Tân Áp và Cựu Tọa dựng cờ thiên tử, đánh trống hò reo mà tiến.

Trước đó, vua đã bí mật sai bộ binh tướng quân Nguyễn **[62a]** Đức Trung dẫn bộ binh ngầm đi đường chân núi. Tướng giặc trông thấy ngự doanh thì tan vỡ, giày xéo lẫn nhau chạy về Chà Bàn. Chạy đến núi Mộ Nô[7], bỗng thấy quân của bọn Hy Cát đã chặn đường về, giặc cuống cuồng sợ hãi, chạy rẽ ngang trèo qua chân núi cao, xác người, ngựa và đồ quân tư đầy núi đầy đường. Bọn Lê Niệm, Ngô Hồng tung quân ra đánh, chém được 1 viên đại tướng giặc, còn thì đều sợ hãi tan chạy cả.

Bấy giờ, vua đến Mễ Cần[8], tung binh tiến đánh, chém được hơn 300 thủ cấp, bắt sống hơn 60 tên. Trà Toàn nghe tin em mình thua chạy, rất sợ hãi, sai người thân tín mang biểu tới xin hàng. Vua cũng sai sứ đi lại không ngớt.

Ngày 27, vua tự mình đem đại quân đánh phá thành Thi Nại, chém được hơn 100 thủ cấp.

Ngày 28, vua tiến vây thành Chà Bàn.

Ngày 29, đến sát chân thành vây thành mấy vòng.

Ngày mồng 1 tháng 3 hạ được **[62b]** thành Chà Bàn, bắt sống hơn 3 vạn người, chém hơn 4 vạn thủ cấp, bắt sống Trà Toàn rồi đem quân về.

Trước đó, các doanh đã làm xong phi kiều[9], Trà Toàn hằng ngày đem lễ vật đến xin hàng. Vua cho gọi bọn Lê Quyết Trung đến bảo rằng:

Giặc đã tan rã chí chiến đấu; kỳ hạn đánh thành đã tới. Trà Toàn nay ở trong thành này, chỉ một trận là ta có thể nhổ được. Ta định phát pháo hiệu, nhưng sợ chúng biết, chi bằng mật ước các doanh cùng một lúc tiến đánh.

Lại dụ khắp cả tướng sĩ phải gấp rút bắc thang lên thànhl. Được một lát, vua trông thấy ở đằng xa, quân lính doanh Tiền khu đã trèo lên tường con trên thành liền bắn ba phát súng để hưởng ứng, lại sai nội thần đem quân Thần vũ phá cửa đông mà vào.

---

[1] Gạo cả vỏ: tức là thóc đem luộc chín, làm lương ăn cho quân.

[2] Thi Nại: vốn là tên đất. Có thể tên em Trà Toàn cũng trùng với tên này, hoặc được phong ở đó.

[3] Cửa Áp: tức là cửa Tân Áp, sau là cửa Đại Áp ở huyện Tam Kỳ, nay thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

[4] Cửa Toạ: tức là cửa Cựu Toạ, sau là cửa Tiểu Áp, cách cửa Tân Áp (tức Đại Áp) hơn 7 dặm (Chú của CMCB 22, 3).

[5] Sa Kỳ: là một cửa biển ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

[6] Dịch theo nguyên văn, con số này có lẽ chưa chính xác.

[7] Núi Mộ Nô: ở phía tây cửa biển Sa Kỳ (Chú của CMCB22, 3).

[8] Mễ Cần: chưa rõ ở đâu, bản dịch cũ có ghi là Thái Cần và chú là huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi.

[9] Phi kiều: một loại chiến cụ đánh thành ngày xưa, làm bằng gỗ hoặc tre, dùng để bắc lên thành cho quân sĩ vào.

Sai đồng thái giám Nguyễn Đảm dụ các tướng sĩ ở các doanh rằng:

Tất cả kho tàng, của cải trong thành đều phải niêm phong giữ kín, không được đốt cháy, Trà Toàn nước Chiêm phải bắt sống đưa về viên môn, không được giết chết.

Vua sai chỉ huy Ngô **[63a]** Nhạn dẫn tên giặc đầu hàng là Bô Sản Ha Ma đến. Lại sai trưng bày những thứ giặc dùng làm lễ vật đem đến xin hàng mà ở nước ta không có, sai viên quan đô úy Đỗ Hoàn chỉ tên từng thứ một. Có cái hộp bạc, hình như thanh kiếm, vua hỏi vật gì. Hoàn trả lời rằng đó là đồ của nước Chiêm từ xưa, người làm quốc vương phải có vật đó để truyền cho con cháu. Ha Ma là bác ruột Trà Toàn.

Quân Thuận Hóa bắt sống được Trà Toàn dẫn đến trước mặt vua. Trà Toàn cúi đầu quỳ xuống. Vua hỏi qua người phiên dịch rằng:

"Ngươi là chúa nước Chiêm phải không?".

Toàn trả lời: "Vâng".

Vua hỏi: "Có biết ta là vua không?".

Toàn trả lời: "Tôi nhìn thấy phong thái, đã biết là thánh thượng rồi".

Vua hỏi: "Ngươi có mấy con rồi".

Trả lời: "Tôi có hơn 10 đứa con".

Đỗ Hoàn nói: "Hắn đã kêu van xin làm thần tử, xin bệ hạ tha cho khỏi chết".

Vua nói với Toàn:

Trong đám gươm giáo, ta sợ ngươi bị hại, nay may mà còn sống đến đây, ta thực yên lòng".

Bèn sai đưa Trà Toàn ra ngoài ty Trấn điện **[63b]** làm nhà nhỏ cho ở đấy. Các quan dẫn Toàn ra hơi gấp. Vua bảo:

"Đưa đi thong thả thôi, người ta là vua của một nước, sao lại bức nhau đến như vậy?".

Ngày mồng 2, vua thấy đã phá được thành Chà Bàn, liền xuống chiếu đem quân về.

Vua thấy thuyền Trà Toàn đi chật hẹp, không chức được hết vợ cả, vợ lẽ hắn, sai cho chọn hai người cùng đi. Còn những người khác, khi về đến kinh sư, sẽ trả lại cả. Vợ của Trà Toàn là con gái Bí Cai, cùng với cháu gái đều là vợ của Bàn La Trà Duyệt là anh Toàn. Thế mà Trà Toàn thông dâm cả.

Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bô Trì Trì chạy đến Phiên Lung[1], chiếm cứ đất ấy, xưng là chúc Chiêm Thành, Trì Trì lấy được 1 phần 5 đất của nước Chiêm, sai sứ sang xưng thần, nộp cống, được phong làm vương. Vua lại phong vương cho cả Hoa Anh và Nam Bàn[2] gồm 3 nước để dễ ràng buộc.

Ngày mồng 7, lấy người Chiêm đầu hàng là Ba Thái làm Đồng tri châu Thái Chiêm, Ba Thủy làm Thiêm tri châu. Vua dụ **[64a]** họ rằng:

"Hai châu Thái Chiêm và Cổ Luỹ trước là đất của ta, đời gần đây bị mất về nước Chiêm, nay lấy lại được hết, đặc cách sai bọn các ngươi trấn giữ. Có kẻ nào không chịu theo, cho giết trước rồi tâu sau".

Ngày 11, lấy Đổ Tử Quý làm Đồng tri châu tri Thái Chiêm quân dân sự, Lễ _ Đà làm cố Lũy châu tri châu tri quân dân. Người Chiêm nào dám chống lại hay làm loạn thì cho giết rồi tâu sau.

Ai Lao sai sứ sang chầu. Trước đó, Ai Lao đã sai sứ sang chầu ở kinh sư, gặp khi đại giá khởi hành, bèn từ kinh sư đi tới hành điện ở cửa Tư Dung. Đến khi đại giá khải hoàn mới được vào chầu.

---

[1] Phiên Lung: là Phan Rang, nay thuộc tỉnh Thuận Hải.

[2] Nam Bàn: theo Cương mục sau là đất của Thủy xã, Hỏa Xá, nay là vùng đất thuộc tỉnh Gia Lai- Công Tum và Đắc Lắc. Còn Hoa Anh có lẽ là vùng đất thuộc tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hoà ngày nay.

Thổ quan phủ Trấn Ninh là Cầm Công sai đầu mục sang triều cống.

Thổ quan châu Thuận Bình là bọn Đạo Nhị tới chầu.

Bấy giờ đại giá về tới Thuận Hóa, tri châu là Đạo Nhị và em là Đạo Đồng cùng hơn 100 bộ đảng đem 5 con voi đến cống.

Tri châu động Du Phác là Đạo Lự **[64b]** cũng đem ngà voi và thổ sản đến cống.

Vì vua đã dẹp được Chiêm Thành, uy thanh chấn động khắp chốn, cho nên các nước phiên thuộc ở phía tây đều lật đật kẻ trước người sau tranh nhau đến cống.

Vua sai Đỗ Hoàn, chỉ vào Lê Thọ Vực mà bảo Trà Toàn rằng:

"Đây là Điện tiền đô đốc; khi phá thành Chà Bàn, trèo lên đánh thành trước tiên là người này đây!".Trà Toàn nhìn Thọ Vực một hồi lâu.

Trả lại lương kho cho quân doanh Thuận Hóa.

Bấy giờ số lương của Nguyễ Văn Chất chở đến đều là gạo đun chín. Vua hỏi Chất:

"Gạo nấu chín có thể để tới 10 năm không?".

Văn Chất trả lời:"Khoảng năm Thái Hòa, số gạo nấu chín khi đi đánh Chiêm Thành mãi đến khi đi đánh Bồn Man, trải qua 26 năm vẫn còn ăn được".

Vua nói: "Hạng tốt thì mới được thế, chả lẽ lại không có mốc, mục hay sao? Đại khái để lâu vừa thì 10 năm vẫn tốt nguyên".

Ngày 15, vua đã dẹp đươc Chiêm Thành, bắt sống Trà Toàn, bèn tự mình viết bài chiếu báo tin thắng trận, sai quan mang về kinh sư bố cáo thiên hạ biết.

[65a] Mùa hạ, tháng 4, vua dừng lại ở Nghệ An.

Ngày mồng 8, vua đến sông Phi Lai[1]. Vua thấy Hoàng thái hậu ngồi thuyền, có thái tử theo hầu, vội đi thuyền nhẹ đến, thay áo, lên thuyền rồi về hành điện ở Thiên Phái. Chúa Chiêm Trà Toàn vì lo lắng thành bệnh, đến đây thì chết. Sai chém lấy đầu Toàn, đốt xác ném xuống sông, chở đầu hắn đi, lại cắm lá cờ trắng ở đầu thuyền, đề mấy chữ rằng: "Đầu của tên đầu sỏ tội ác Trà Toàn nước Chiêm Thành" để cho thiên hạ đều biết.

Ngày 11, đại giá về hành điện ở Thổ Ngõa, vua ngự trênt thuyền Thiên thu[2], sau đó vua đi trước về bến Nhị Hà, Hoàng thái tử theo hầu, các thuyên hộ tống chỉ có mấy chiếc. Vua dừng thuyền hồi lâu, bắn 6 phát súng, đợi thuyền Thiên thu tới, vua mới về cung.

Ngày 22, dâng tù ở Thái miếu. Đem thủ cấp của chúa Chiêm Thành là Trà Toàn và tai giặc bắt được tấu cáo ở Lam Kinh.

[65b] Tháng 5, ngày mồng 1, làm lễ mừng thắng trận. Các quan là bọn Lê Niệm dâng biểu mừng thắng trận.

Tháng 6, lấy đất Chiêm thành đặt làm thừa tuyên Quảng nam và vệ Thăng Hoa.

Đặc chức Án sát sứ ở 12 thừa tuyên và đặt 3 ty ở Quảng Nam.

Mùa thu, tháng 7, định lệ ban xuống thể thức bản đồ, văn khế. Ngày thi hành bắt đầu từ mồng 10 tháng giêng năm nay. Sau ngày ấy mà ai chưa tuân theo thì cho là không hợp lệ, đó là theo lời tâu của hộ bộ thượng thư kiêm thái tử thái bảo Lê Cảnh Huy.

Ban bố thể thức văn khế đã được chuẩn y.

---

[1] Sông Phi Lai: sông ở xã Phi Lai, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Thuyền Thiên thu: là thuyền của Hoàng thái hậu.

Ngày mồng 10, sai Thái bảo hộ bộ thượng thư kiêm thái tử thái bảo Lê Cảnh Huy mang kim sách lập hoàng tử thứ 5 là Tân làm Kiến Vương.

Tháng 8, định chức trách của quan Đề hình[1].

Các Đề hình ngự sử khi đứng trong ban triều tham phải như Ngự sử của các đạo. Còn việc soát xét hình bộ và Đại lý tự, việc kiểm tra hình án của Ngũ hình **[66a]** là theo quy định của các năm Thuận Thiên và Đại Bảo, không phải là mới đặt. Từ Hình bộ thượng thư trở xuống, tới Đại lý tự và các ngục quan, người nào tha tội hay buộc tội cho người không đúng luật pháp thì phải tâu hặc. Người có tội oan uổng cũng phải xét lại và minh oan cho họ. Vệ Cẩm y xét kiện và ty Điện tiền xét án, nếu có trường hợp nào oan khuất, thê thảm thì phải tâu lên, hằng ngày phải thân hành tới xét hỏi.

Thánh 9, ra sắc chỉ rằng:

Những người nguyên nô tỳ của nhà nước, những quan lại nguỵ, thổ quan chống đối mà ra thành đầu hàng, những kẻ cha là ngýời Ngô mẹ là người Việt, bọn gian ác phản nghịch, và người Ai Lao, Cẩu Hiểm, Chiêm Thành hết thảy là nô tỳ của nhà nước, đã bổ đi làm các loại công việc mà phải tội, con cái còn bé thay đổi họ tên làm dân thường và lấy vợ lấy chồng ở các huyện xã khác, thì con trai, con gái, cháu ruột, cháu gọi bằng chú bác của bọn ấy, họ tên là gì, chính bản thân phải tới Châu Lâm viện để duyệt tuyển.

Ngày 26, hiệu định Hoàng triều quan chế [2]. Vua dụ các quan viên văn võ và **[66b]** trăm họ rằng:

"Đất đai bờ cõi ngày nay so với trước kia khác nhau nhiều lắm, không thể không thân hành nắm quyền chế tác, làm trọn đạo biến thông".

Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. cấm binh coi giữ ba ty[3] để làm vuốt nanh, tim óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc. Thông chính ty sứ ty để tuyên đức hóa của vua và đề bạt nguyện vọng của dân. Ngự sử án để hặc tâu các quan làm bậy, soi xét ẩn khuất cho dân.

Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương, đô ty thủ ngự thì chống giữ các nơi xung yếu, phủ, châu, huyện là để gần dân; bảo, sở, quan là để chống giặc; tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau.

Do đó, gọi lính, lấy quân, là việc của đốc phủ mà Binh bộ phải nắm chung; chi ra, thu vào là chức của Hộ bộ mà Hộ khoa phải giúp đỡ. Lại bộ thăng bổ lầm người thì Lại khoa được phép **[67a]** bác bỏ. Lễ bộ nghi chế không hợp lệ thì Lễ khoa có quyền hặc tâu. hình khoa xem xét công việc xử án của Hình bộ phải trái như thế nào; Công khoa kiểm điểm quá trình làm việc của Công bộ siêng năng hay lười biếng.

Đến như việc xét duyệt sổ sách quân nhu hàng đống, hay phân biệt chọn lựa tướng súy, thiên tỳ, trong các quân của thủ phủ thì các quan kinh lịch, thủ lĩnh đều được phép tra xét, đàn hặc cả. Quy chế trước kia, đặt quan phần nhiều lấy quan to, tước cao. Chế độ ngày nay, đặt quan đều là lương ít trật thấp. Số quan đặt ra so với trước tăng rất nhiều, nhưng tiền lương chi tiêu so với xưa cũng thế. Đã không có người nào ăn hại, mà trách nhiệm lại có nơi quy kết, khiến cho quan to, quan nhỏ đều ràng buộc với nhau; chức trọng chức khinh cùng kiểm chế lẫn nhau. Uy quyền không bị lợi dụngm thế nước vậy là khó lay. Hình thành thói quen giữ đạo lý, theo pháp luật mà dứt bỏ tội lỗi khinh nhân nghĩa, phạm ngục hình. Để hoàn thành chí hướng của đức thánh tổ thần tông ta, và giữ mãi bình yên thịnh trị tới vô cùng, chứ không phải là ta cố ra vẻ thông minh biến đổi phép cũ mà buộc miệng thiên hạ **[67b]** đâu! Kể từ nay, kẻ nào là con cháu ta, phải biết rằng ban hành quy chế này là điều bất đắc dĩ, một khi phép tắc đã định ra, phải kính cẩn duy trì và thực hiện, không được cậy mình là thông minh, rồi đem so với triều trước mà sửa đổi lại, làm đảo lộn mọi điển chương chế độ, để mắc tội bất hiếu. Kẻ nào là bề tôi cũng

---

[1] Đề hình: là chu91c quan soát xét việc xử án có đúng hay sai.

[2] Hoàng triều quan chế: nghĩa là quan chế của triều vua đang trị vì (đây là triều Lê).

[3] Ba ty: tức là Điện tiền, Hiệu lực, Thần võ, là tổ chức quân sự.

kính cẩn giữ phép thường, mãi mãi giúp đỡ vua các ngươi, để kế tục công liệt của người xưa, để vĩnh viễn không còn lầm lỗi. Kẻ nào dám dẫn bừa quy chế cũ mà bàn càn một quan nào, thay đổi một chức nào, chính là kẻ bề tôi gian nghịch, làm loạn phép nước, phải xử tử vứt xác ra chợ không thương xót; còn gia thuộc nó phải đày đi nơi xa để tỏ rõ tội kẻ làm tôi bất trung; ngõ hầu muôn đời sau này hiểu được ý nghĩa sâu xa của việc sáng lập điển chương chế độ".

Quan chế này bắt đầu bằng các tước của tông phái nhà vua. Thân vương thì hoàng tử được phong, lấy tên phủ làm hiệu (như phủ Kiến Hưng gọi là Kiến Hưng Vương). Tự thân vương[1] thì con cả của thân vương được phong, lấy tên huyện làm hiệu **[68a]** (như huyện Hải Lăng thì gọi là Hải Lăng Vương...). Tước công thì các con của hoàng thái tử và thân vương được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu như Triệu Khang công...). Tước hầu thì con trưởng của tự thân vương hay thân công được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Vĩnh Kiến hầu...). Tước bá thì hoàng thái tôn, các con của tự thân vương, tự thân công, con trưởng của thân công chúa, được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Tĩnh Cung bá...). Tước tử thì xem như chánh nhất phẩm, các con thứ của thân công chúa, con trưởng tước hầu, tước bá được phong lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Kiến Xương tử...). Tước nam thì xem như tông nhất phẩm, con trưởng của thân công chúa được truy tặng, các con thứ của tước hầu, tước bá được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Quảng trạch nam...). Song lệ của tông phái nhà vua có 8 bậc[2] từ Tá quốc sứ đế Tự ân sứ. Thứ đến các tước của công thần. Nếu không phải là người có uy đức lớn, công lao to với nước từ trước, thì không được lạm phong. Như quốc ông, quận công thì lấy phủ, huyện làm tên hiệu, **[68b]** chỉ dùng một chữ, tước hầu, bá, thì lấy xã làm tên hiệu, dùng cả hai chữ.

Về cấp bậc của người có công lao thì bên văn từ Thượng trụ quốc đến Tu thận thiếu doãn gồm 5 phẩm, đều có chánh, tòng. Bên võ từ Thượng trụ quốc đến Thiết kỵ úy gồm 5 phẩm cũng có chánh, tòng. Tản quan bên văn, từ chánh nhất phẩm, sơ thụ Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, cho đến chánh cửu phẩm sơ thụ Tướng sĩthứ lang, gồm 9 phẩm, đều có chánh, tòng. Tản quan bên võ từ chánh nhất phẩm sơ thụ Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân đến tònh luịc phẩm, sơ thụ Quả cảm tướng quân gồm 6 phẩm, đều có chánh tòng. Nội quan tản từ Thị trung lệnh chánh tam phẩm đến Phó lịch sứ tòng cửu phẩm gồm 7 bậc, cũng có chánh, phó. Về thông tư[3] thỉ thượng trật 24 tư đến hạ liệt 1 tư gồm 19 bậc. về công thần được vinh phong **[69a]** thì từ chữ "suy trung" đến chữ "tuyên lực", gồm 24 chữ. Đại để các quan văn võ có công thì ban đầu được phong từ 2 chữ đến 8 chữ. Người nào đáng được phong chữ nào thì tới lúc đó sẽ đặc xét gia phong.

Lại lấy các chức Thái sư, Thái úy, Thái phó, Thái bảo, Thiếu sư, Thiếu úy, Thiếu phó, thiếu bảo làm hạng đại thần trọng chức. Lấy Lại, hộ, lễ, Binh, Hình, Công làm sáu bộ. Ngoài sáu bộ lại có 6 khoa. Đại lý, Thái thường, Quang lộc, Thái bộc, Hồng lô, Thượng bảo là 6 tự.

Lại đặt Giám sát ngự sử 13 đạo, Đô đốc phủ năm phủ quân. Kim ngô, Cẩm y, gọi là hai vệ; tiền, hậu, tả, hữu vệ gọi là bốn vệ Hiệu lực; tiền, hậu, tả, hữu vệ gọi là bốn vệ Thần vũ. Vũ lâm, Tuyên trung, thiên uy, thủy quân, Thần sách, Ứng thiên gọi là 6 vệ Điện tiền. Các trấn bên ngoài cùng đặt phủ vệ, đô ty. Các xứ sông, biển cũng đặt **[69b]** tuần kiểm, giang quan. Các nha môn coi việc ở các thừa, ty, phủ, huyện, châu bên ngoài không chỗ nào không đặt quan để cai trị.

Ngày 21, sai sứ sang Minh: Bọn Bùi Viết Lương, Nguyễn Lãm, lê Nhân đi tuế cống. Bọn Nguyễn Đức Trinh, Phạm Mục tâu việc Chiêm Thành quấy nhiễu biên giới.

Định lệ thuế bãi dâu, tính theo mẫu thuộc các hạng nhất nhì ba mà nộp tiền.

Ra sắc chỉ rằng:

---

[1] Tự thân vương: con cả của thân vương được tập ấm tước của người cha.

[2] Theo Cương mục, thì 8 bậc đó là: Tá quốc sứ, Phụng quốc sứ, Dực quốc sứ, Lương quốc sứ, Sùng ân sứ, Dụ ân sứ, Mậu ân sứ, Tư ân sứ (CMCB 22, 14a).

[3] Tư: Cũng là đơn vị phẩm trật, mỗi phẩm thường gồm nhiều tư.

"Các chức quan văn, võ trong kinh (trung quan cũng thế), người nào mới được bổ thí chức[1] thì Lại bộ tâu lên để ban cấp cho giấy khám hợp, chu mũ, đai và cấp cho một phần ba tiền lương, con cháu vẫn như dân thường. Sau ba năm mà xứng chức và không phạm lỗi gì thì được thăng cấp cho thực thụ[2]. Người nào không xứng chức thì đuổi về làm các hạng quân sắc cũ. Nếu là người có tài năng lỗi lạc được bổ dụng theo đặc ân, thì không phải theo lệ này. Người vị nhập lưu[3] dẫu được thực thụ cũng chỉ cấp giấy khám hợp, **[70a]** không có cấp sắc mệnh. Từ nay về sau, khi có sắc chỉ hay các thể lệ lớn nhỏ, thì bộ, sứ ty và các nha môn phủ, huyện, châu đều phải viết ra bảng treo dán lên để dân chúng theo đó mà thi hành.

Tháng 9 nhuận, định chế độ y phục và bổ tử[4] của các vua quan. Vua dụ rằng:

"Triều đình là nơi lễ nhạc, y phục là vẻ điểm tô, danh phận đã rạch ròi, không nên lấn lướt. Cho nên vua Thuấn xem người xưa mà dùng năm sắc vào triều phục, vua Vũ hay dùng y phục xấu nhưng triều phục lại rấy hay. Vua Thuấn vua Vũ đều là thánh nhân, còn không coi y phục là tiểu tiết mà phải để tâm tới. Những người làm vua làm tôi đời sau lại không kính cẩn lo việc ấy hay sao?

Nhà nước ta vỗ yên khắp cõi, theo lể văn xưa. Triều phục người trên kẻ dưới, quan văn thêu chim, quan võ vẽ thú, từ xưa đã có chế độ rồi. Nghi thức kẻ quý người hèn, không được tiếm vượt, trước đây cũng đã ngăn cấm, cớ sao các quan không chịu phân biệt, coi **[7ab]** chế độ của nhà nước là mớ hư văn? Dân chúng thì phạm pháp, đem tơ gai dệt kim tuyến may áo thường. Quan viên và dân chúng các ngươi phải nghe lời trẫm, triều phục các quan văn võ thế nào, trước ngực sau lưng thêu gì, phải theo đúng quy chế đã ban hành. Trong hạn năm ngày, người nào không theo đúng quy chế sẽ phải giáng cấp, trị tội.

Đặt nữ đinh khiệng kiệu.

Mùa đông, tháng 10, ban ra bản vẽ các kiểu bổ tử, đều là các loài cầm thú. Công, hầu, bá và phò mã đều vẽ một loại con; các quan văn võ: phẩm chánh vẽ 1 loại con, phẩm tòng vẽ 2 loại con, ngự sử[5] và đường thượng quan [6] vẽ 1 loại con, phân ty vẽ 2 con. Còn như các hình mây, nước, sông, núi, cây, hoa thì nhiều hay ít, phức tạp hay đơn giản đều thêu vẽ tùy ý, không phải câu nệ; các kiểu màu xanh, vàng, đỏ, trắng, biếc, lục, cho được tự chọn mà thêu, cũng không cần phải cứ là kim tuyến, còn như thêu hình mây, núi, sông, nước cầm thú mà dùng kim tuyến cũng cho.

Đổi lại phủ, huyện, châu.

Cấm bản tâu không được nói mập mờ.

[71a] Tháng 11, sắc dụ các quan thừa tuyên, phủ, huyện ở Sơn Nam rằng:

"Bọn các ngươi giữ trọng trách ở một phương, thân yêu dân là trách nhiệm. [Thế mà] không biết thể theo lòng nhân của triều đình yêu nuôi dân chúng, chỉ chăm làm những việc nhỏ mọn như roi vọt, sổ sách. Nay sứ ty và phủ huyện các ngươi phải mau mau đi xem xét những nơi núi chằm bờ biển trong hạt, chỗ nào hình thế có thể khơi đắp ngòi cừ đê đập để làm ruộng, chỗ nào có hùm sói làm hại, cường hào thao túng, phong tục kiêu bạc, sinh dân đau khổ..., tóm lại, mọi việc lợi nên làm, mọi mối hại nên bỏ, trong hạn trăm ngày, phải lần lượt trình tâu cẩn thận. Nếu chây lười để quá hạn, ta sẽ sai vệ sĩ vệ Cẩm y đi điều tra, nếu thấy vẫn còn việc lợi nên làm, mối hại nên bỏ mà các ngươi chưa nói tới thì quan phủ, huyện phải bãi chức, sung quân ở Quảng Nam, quan thừa ty bị giáng chức".

Ra sắc chỉ rằng: Nếu ông cha phải tội mất chức, thì con cháu phải sung làm lính ở phủ đó.

---

[1] Thí chức: là chức vụ khong chính thức. Đối lập với "thực chức" là chức vụ chính thức.

[2] Thực thụ: là được nhận chức chính thức.

[3] Nguyên văn "vị nhập lưu" là những người chưa được liệt vào bậc nào chín bậc quan tước (cửu phẩm) của nhà nước.

[4] Bổ tử: những hình cầm thú thêu vẽ tên triều phục của các quan phía trước ngực và sau lưng theo phẩm cấp của từng người.

[5] Nguyên văn là "phong hiến". Chỉ những quan ở Ngự sử đài.

[6] Đườn g thượng quan: hay đường quan là quan chức cao cấp của triều đình.

Ra sắc chỉ rằng: Những ngày sóc, vọng[1] và đại lễ mà các quan văn võ không mặc triều phục **[71b]** chỉ mặc áo thường trốn tránh ngoài cửa, khi điểm danh không có, thì phải sung quân.

Cấm để chậm kỳ khảo khóa. Vua dụ rằng:

"Phép khảo khóa cốt để phân biệt người hay kẻ dở, nâng cao hiệu quả trị nước. Đời Đường Ngu, ba năm một kỳ xét công để thăng giáng. Nhà Thành Chu ba năm một lần xét công để định thưởng phạt. Nay nha môn trong ngoài các ngươi, người nào nhậm chức đã đủ 3 năm, phải báo ngay lên quan trên không được để chậm. Nếu quá một trăm ngày mà không kê danh sách gởi đi, thì tính số người chậm mỗi người phải phạt 1 quan tiền, kẻ nào theo tình riêng mà dung túng đều phải trị tội cả".

Tháng ấy, vua ra sắc lệnh về việc khớp lại binh phù[2] khi tuyên gọi Tổng binh và dụ các quan tổng binh các vệ rằng:

"Bọn các ngươi theo quy chế và giữ trọng trách cầm quân, được ký thác phên giậu biên thùy, nếu triều đình có những việc quan trọng như tuyên triệu, bắt hỏi ra quân, ắt phải ban cho sắc thư và nội phù. [Khi ấy các ngươi] phải cận thận khớp phù, nếu quả không sai mới được theo mệnh lệnh. Nếu chỉ có sắc thư mà không có nội phù, hoặc chỉ có nộp phù mà không có sắc thư, **[72a]** cả đến những văn thư đòi gửi, điều động của các nha môn từ công hầu trở xuống đều là gian trá cả, các ngươi phải giữ ngay lại, làm bản tâu cho chạy trạm trình lên. Người nào tự tiện rời bỏ nhiệm sở, tội nặng thì xử tử, tội nhẹ thì xử đi đày".

Ngày mồng 8, lại đi đánh Chiêm Thành. Bắt được chúa nó là Trà Toại và bè lũ đem về kinh.

Năm ấy, lấy Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo làm Đông các hiệu thư, Ngô Sĩ Liên làm Sử quan tu soạn.

Lấy Thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy trông coi sáu khoaj.

Nhâm Thìn, [Hồng Đức] năm thứ 3 [1472], (Minh Thành Hóa năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ra sắc chỉ rằng: Nếu có bản tâu dán kín thì cho người tâu ký rõ tên vào bản tâu.

Tháng 3, hạ lệnh rằng, lại viên các nha môn nếu thi đỗ khoa thi hương thì được bổ lên chính quan.

Gác cửa Tây bị cháy.

Thi hội chọn sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Tuấn Ngạn 26 người.

Phép thi: Kỳ thứ nhất ra 8 đề về Tứ thư, người thi tự **[72b]** chọn lấy 4 đề, làm 4 bài văn, Luận ngữ 4 đề, Mạnh Tử 4 đề [3] . Ngũ kinh: mỗi kinh 3 đề, người thi tự chọn 1 đề mà làm. Duy kinh Xuân thu thì 2 đế gộp làm 1 mà làm. Kỳ thứ hai thi chế, chiếu, biểu; mỗi loại 3 đề. Kỳ thứ ba, thơ, phú, mỗi loại 2 đề; phú dùng thể Lý Bạch. Kỳ thứ tư, 1 bài văn sách, hỏi về chỗ dị đồng trong nghĩa lý của kinh truyện, điều hay dở trong chính sự của các đời.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, vua ngự ra biên, tự mình ra đề văn sách hỏi về đế vương trị thiên hạ.

Vua sai Thái bảo Binh bộ thượng thư kiêm thái tử thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy và Thông chương đại phu tả xuân phường tả thứ tử kiêm Lại bộ thượng thư Trần Xác làm hai viên đề hiệu; 2 viên (không chép tên) làm giám thí; bọn Đinh Thúc Thông, Quách Đình Bảo 5 viên làm độc quyển.

---

[1] Sóc: là ngày mồng 1, vọng là ngày 15 hàng tháng (Âm lịch).

[2] Binh phù: hay nội phù là vật làm tin, có hai phần rời có thể khớp với nhau. Khi vua trao lệnh cho tướng sái, ngoài sắc lệnh, còn có binh phù.Vua giữ một nửa phù để trong cung, viên quan sai đi giữ một nửa. Mỗi khi sai gọi, hay làm việc gì đều phải khớp lại làm tin.

[3] Dịch theo nguyên văn. Đoạn này nên sắp xếp như sau: Kỳ thứ nhất ra 8 đề về Tứ thư: Luận ngữ 4 đề, Mạnh Tử 4 đề; người thi tự chọn lấy 4 đề, làm bài văn.

Cho bọn Vụ Kiệt, Nguyễn Toàn **[73a]** An, Vương Khắc Thuật đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Vũ Đức Khang 7 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Chử Phong 16 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Định lệ tư cánh của tiến sĩ: Đệ nhất giáp, người đỗ thứ nhất cho chánh lục phẩm, 8 tư; người đỗ thứ nhì cho tòng lục phẩm, 7 tư; người đỗ thứ ba cho chánh thất phẩm, 6 tư, đều được ban chữ "Tiến sĩ cập đệ". Đệ nhị giáp, cho tòng thất phẩm 5 tư; được ban chữ "Tiến sĩ xuất thân". Đệ tam giáp cho chánh bát phẩm, 5 tư; được ban chữ "Đồng tiến sĩ xuất thân". Nếu vào Hàn lâm viện thì được gia 1 cấp; nếu bổ làm Giám sát ngự sử hay Tri huyện thì giữ nguyên phẩm cũ mà bổ.

Tháng 5, ra sắc chỉ rằng những điển lại nào thanh liêm, cần mẫn thì được thăng bổ chức phó nhị.

Tháng 6, lấy Nguyễn Mậu làm Ngự sử đài đô ngự sử tru từ tụng.

Mùa thu, tháng 8, định lệ tế Đinh[1]. Hằng năm các phủ làm lễ tế vào các ngày đinh thượng tuần của hai tháng trọng[2] mùa xuân và mùa thu.

[73b] Ra sắc chỉ cho các quan thừa ty sứ ty và các quan phủ, huyện các xứ thừa tuyên đắp đê, làm đường.

Tháng 9, ra sắc chỉ răn bảo các quan Đô đốc năm phủ và Thượng thư sáu bộ rằng: Sau buổi chầu, đều phải đến nha môn của mình, coi xét hết thảy việc công; các liêu thuộc dưới quyền phải đến đủ để hầu bẩm trưởng quan, không được tự tiện bỏ về. Nếu cấp dưới đến chậm hay vắng thiếu thì trưởng quan phải nêu tên tâu lên.

Ra sắc chỉ cho Thái bộc tự khanh xét họ tên của bọn người Chiêm, người Man. Họ của người Chiêm thì mới cũ theo đúng quy chế, họ của người Man thì dồn lại làm một; nếu tên trùng lặp thì chỉ để ba chữ thôi như là Tô Môn - Tô Sa Môn, Sa Qua - Sa Oa Qua...

Mùa đông, tháng 10, định triều nghi hộ vệ. Các tướng sĩ hằng ngày vào chầu, phải đứng sắp hàng trước ở hai bên đông tây ngoài cửa Đoan Môn; những ngày sóc, vọng phải đến đợi ở ngoài cửa Văn Minh Sùng Vũ, sau ba hồi trống thì tiến vào Đan Trì dàn bày nghi trượng, **[74a]** ban thú chỉnh tề. Người nào dám cố ý vi phạm, làm mất hàng ngũ, sau ba hồi trống vẫn chưa chỉnh tề thì các vệ Cẩm y và Kim ngô bắt giữ xin trị tội.

Đặt mức sào, thước. Hạ lệnh rằng ruộng đất mỗi mẫu 10 sào, mỗi sào 16 thước 5 tấc.

Cấm quan viên và dân chúng không được lén lút chứa giấu người Chiêm Thành.

Tháng 11, ban hành 19 điều lệnh đi đánh người Man.

Lấy Đào Cử Làm Hàn lâm tri chế cáo.

Tháng 12, sắc dụ bọn Thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy rằng:

"Nhận được tờ tâu của trấn An Bang nói là người Minh sai quân lính đi theo quan hội khám của Quảng Tây sao đông thế. Người phải hỏa tốc sai người đi thăm dò tình hình. Nếu thấy sự thế khác nhiều thì phải lập tức gửi công văn cho các xứ tập hợp binh mã phòng giữ".

Ra sắc chỉ cho các quan văn võ rằng: Kể từ nay, khi vào chầu nếu gặp ngày mưa thì mang bổ tử đi, đi hia giày, mặc áo vải, áo gai cũng cho tùy **[74b]** nghi. Còn khi trời tạnh hắng, đường khô ráo thì phục sức phải theo lệ cũ.

Lấy Đào Tuấn làm Binh bộ thượng thư, Phạm Nhân Khiêm làm Công khoa cấp sự trung, Vương Sư Bá làm tử giám giáo thụ.

---

[1] Tế Đinh: tức là lễ tế Văn miếu. Vì quy định tế Văn miếu vào các ngày đinh, nên gọi là tế Đinh.

[2] Tháng trọng: là tháng thứ hai của mỗi mùa, hai tháng trọng của mùa xuân và mùa thu là tháng 2 và tháng 8.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Thực Lục

Quyển XIII

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Thánh Tông Thuần Hoàng Đế (hạ)

Quý Tỵ, Hồng Đức năm thứ 4 [1473], (Minh Thành Hóa năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân hành cày tịch điền và đốc suất các quan cày.

Cử hành lễ Giao.

Cấm tửu sắc. Ra sắc chỉ cho quan viên và trăm họ rằng:

"Kể từ nay, trong nhà không làm cỗ thết khách thì không được chè chén, người vợ không phạm tội thì không được ruồng bỏ. Kẻ nào dám rượu chè bừa bãi, gia đạo không nghiêm, kẻ nào không có mối lái mà dám vụng trộm tư thông thì phải trị tội".

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh bái yết lăng miếu.

Vua đi thuyền nhẹ, ngược dòng sông Lỗi[1] bái yết Nguyên miếu ở thành Tây Đô. Sau đó, đến từ đường Thuần Mậu ở bên bờ sông (Từ đường này **[1b]** ở hương ấp của cha sinh ra thánh mẫu hoàng thái hậu Ngô thị và mẹ là Đinh thị)[2].

Ngày 20, có việc ở tẩm lăng, sai Công bộ thượng thư Phạm Du đến tế ở miếu Hoằng Hựu. Đến tối, trời mưa gió to.

Tháng 3, hạn hán, cầu đảo ở Thái miếu và sai quan đi cầu đảo khắp các thần, hai ngày thì mưa.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 3, mưa to.

Ra sắc chỉ cho các nha môn: Các bản tâu thì dùng giấy trúc.

Định chế độ lương bổng cho các quan trị nhậm trong ngoài. Định lệ tiền lương cho các quan giản nhậm, thái giản[3], các chức nhàn tản, thái nhàn tản[4] có thứ bậc khác nhau. Định lệ cấp lương bổng riêng cho hai vệ Cẩm y và Kim ngô.

Vua dụ bọn thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy rằng:

"Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu ngươi dám đem một thước một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di"

[2a] Tháng 5, cấm tự tiện sai phái vệ binh, bỏ việc canh phòng túc trực.

---

[1] Đoạn sông Mã chảy qua hai huyện Vĩnh Lộc và Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Tức cha mẹ bà Ngô thị Ngọc dao, mẹ lê Thánh Tông.

[3] Quan giản nhậm: quan trị nhậm ở nơi ít việc, quan thái giản: quan trị nhậm những nơi rất ít việc.

[4] Chức nhàn tản: chức quan coi việc nhẹ, chức thái nhàn tản: chức quan coi việc rất nhẹ.

Sắc cho Lễ bộ yết bảng cho trăm quan và các quân nhân rằng: Kể từ nay, nếu không phải là bậc túc nho danh vọng, tuổi cao đức lớn thì không được gọi bừa là "tiên sinh".

Tháng 6, thần tỷ[1] làm xong, xuống chiếu ban ơn cho các quan và trăm họ, mỗi người một tư.

Thi giáo chức. Phép thi: Kỳ thứ nhất, Tứ thư mỗi sách một đề: ngũ Kinh mỗi kinh một đề. Kỳ thứ hai, một đề phú, thể Lý Bạch. Kỳ thứ ba, chế, chiếu, biểu, mỗi thể loại một đề.

Định phạm vi cai quản của cai đạo giám sát ngự sử thuộc ngự sử đài: Như Thanh Hóa, Nghệ An đạo giám sát ngự sử thì kiêm coi các ty của vể Cẩm y: Lực Sĩ, Canh Ban, Xá Nhân; ty Ngũ thành binh mã, ty nghi vệ, Cảm y vệ phó trung quân phủ, và quân dân ba ty các xứ **[2b]** Thanh hóa, Nghệ An, Hải Dương, Yên Bang đạo giám sát ngự sử kiêm coi ty Thần tỷ, vệ Tráng sĩ, vệ Kim ngô, phó quân Thần sách tứ vệ. Đông quân phủ, quân dân ba ty cá xứ Hải Dương, yên Bang, Sơn Nam, Thuận Hóa, Quảng Nam đạo giám ngự sử kiêm coi sáu vệ ty Điện triều, Nam quân phủ, quân dân ba ty cá xứ Sơn Nam, Thuận Hóa, Quảng Nam. Tam Giang Hưng Hóa đạo giám sát ngự sử kiêm coi bốn vệ Hiệu lực, bốn vệ Thần tượng, bốn vệ Mã nhà, Tây quân phủ, quân dân ba ty các xứ Tam Giang, Hưng Hóa. Kinh Bắc, Lạng Sơn đạo giám sát ngự sử kiêm coi giám Thượng Y và Ngự Dụng, các thợ của Công Bộ, cục Tuyên đạt, cục Ứng sự; các sở, ty Đồn điền, Tàm tang, Tinh mễ, Chủng thái[2], Điền mục, Bắc quân phủ, quân dân ba ty các xứ Kinh Bắc, Lạng Sơn.

[3a] Thái Nguyên, Tuyên Quang đạo Giám sát ngự sử kiêm coi Tuyên đạt trù, cục Thị vệ, quân Phụng trực, quân dân ba ty các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Hiệu định chức trách của hiến ty. hiến sát sứ Hiến sát phó chuyên giữ các chức vụ tâu bày, xét hỏi, tâu hặc khám xét, xét kiện, hội đồng, đối chiếu, soát lại, xét công tội, đi tuần hành... cả thảy là 32 điều.

Mùa thu, tháng 7, thi y, đề gồm 4 môn.

Tháng9, mưa to. Trước đó, cuối mùa xuân suốt ba tuần không có mưa, mùa hạ ít mưa. Đến đây mưa như trút, suốt đêm đến sáng chưa tạnh.

Ra sắc chỉ cho các nha môn trong ngoài rằng: Mọi bản tâu về việc công, quan phụ trách phải xét kỹ sự việc nguyên do, tự mình khởi thảo, rồi giao cho viên lại giữ việc đó chép lại, xong rồi kiểm soát lại để thi hành.

[3b] Ra sắc chỉ rằng, những sách trong sổ của Hình bộ thì màu vàng, độ dài y theo sổ.

Định những điều không hợp cách của bản tâu, như: dòng chữ lên xuống, có vết bẩn... Đó là theo lời tâu của Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung.

Mùa đông, tháng 11, hiệu định lệnh riêng về việc đánh Sơn Man[3] gồm 10 điều.

Ra sắc chỉ rằng, kể từ nay, các quan văn vào chầu không được nhổ cốt trầu, ném bã trầu ở cửa và sân Đan Trì.

Tháng 12, đi đánh Sơn Man.

Giáp Ngọ, [Hồng Đức] năm thứ 5 [1474], (Minh Thành Hóa năm thứ 10). Sắc dụ quan lại phủ, châu, huyện, các xứ thừa tuyên trong cả nước rằng:

"Đặt luật để trừ kẻ gian, sao dung được bọn coi thường pháp luật; đặt quan để dẹp mối kiện, lại gây ra cái tệ bán quan mua tước. Nếu không cấm triệt cho nghiêm thì sao chấm dứt được nạn tranh đoạt rắc rối. **[4a]** Từ nay về sau, việc thừa nhận ruộng đất nếu đã quá hạn rồi mà làm đơn gian trá, ghi năm tháng còn trong hạn và chưa được hầu xét vào đơn, cùng là trước đã xét là gian trá, tuy có lời cung,

[1] Thần tỷ: một loại con dấu của nhà vua.

[2] Sở đồn điền: trông coi việc mở đồn điền, ty tàm tang trông coi việc dâu tằm, ty Tinh mễ trông coi việc trồng lúa, ty Chủng thái trông nom việc trồng rau.

[3] CMCB 22, 35 chép là ở Sơn Man ở châu Bằng Tường của nhà Minh.

cũng đều cho là phế bỏ cả, không được xét hỏi nữa. Quan phụ trách dám nhận đơn và xét hỏi, Hiến ty hặc tâu, thì xử tội lưu".

Gia phong Trần Phong làm Thiếu bảo ngự sử đài đô ngự sử. Vua dụ rằng:

"Ngươi trước kia làm Kinh diên, quen thói mưu ngầm với Nguyễn Khốn, thực là điều hổ thẹn. Nay ngươi làm Ngự sử, gãy lưng chụm cẳng với Nhân Chính, cũng đáng là sỉ nhục. Ngươi sao không gột rửa cái thói xấu đi, để nhận lấy công lao khi về già?".

Mùa hạ, tháng 4, ngày 22, ra sắc chỉ rằng:

Tù nhân bị tội lưu, ở châu gần thì sung làm quân vệ Thăng Hoa, ở châu ngoài thì sung làm quân vệ Tư Nghĩa, ở châu xa thì sung làm quân vệ Hoài Nhân, những kẻ được tha tội chết cũng sung làm **[4b]** làm quân vệ Hoài Nhân.

Tháng 5, ngày 15, định lệnh mua giấy làm sổ. Ra sắc chỉ rằng:

Về việc làm sổ hộ tịch và ruộng đất, quan làm sổ có thể chia xã lớn, xã nhỏ, cho nhân phu chịu sai dịch, mỗi người đóng 3 tiền mua giấy bút, trình quan thừa ty đối chiếu soát lại.

Tháng 6, ngày 16, ra sắc chỉ rằng: Học sinh ba xá[1] ở tản mát, thì quan phụ trách trừng trị kẻ phạm lỗi, kẻ nào phạm nhiều lần thì tâu lên để bắt sung quân.

Định lệnh khuyến khích trung nghĩa:

Trung thần nghĩa sĩ như Lê Phụ Trần, (Trần) Khát Chân triều trước, Đào Biểu[2] triều này, quan phụ trách và quan phủ huyện tìm lấy một người cháu nội, hay cháu gọi bằng chú bác của các vị đó, xét thực tâu lên sẽ trao cho một chức nhàn tản. Nếu không có cháu thì mới cho một người thân thuộc **[5a]** được miễn quân dịch và thuế khóa để coi việc thờ cúng. Còn như Phó đô ngự sử Nguyễn Duy Trinh thì theo lệ chết trận để tỏ khuyến khích.

Tháng 6 nhuận, ngày 16, giết Hà Nghiễm. Vua dụ bọn Thái bảo Kỳ quận công Lê Niệm rằng:

"Hà Nghiễm chết, có ba điều bất hạnh: Phép chưa đáng đã bị giết oan, đó là nỗi bất hạnh của Hà Nghiễm. Vô tâm giết bừa, tự mang tiếng xấu, đó là điều bất hạnh của trẫm. Bấy giờ Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm, Thị lang Hà Nghiễm, Trần Tuân hay lấy người làm quan nơi xa chuyển bổ về chổ gần gũi, thuận tiện, lấy người ở nơi nước độc chuyển bổ về nơi đất tốt, nên mới sai Vũ Nhân Hòa đem bọn Hoàng Nhân Thiêm, Hà Nghiễm, Trần Tuân đến hỏi. Trẫm bị bệnh cảm rồi quên mất, bọn Nhân Thiêm chưa được hỏi đến mà Hà Nghiễm đã chết, thế là điều bất hạnh".

[5b] Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu rằng: Ai tình nguyện đi đánh Sơn Man thì tháng 10 tiến phát.

Tháng 9, ngày 11, ra sắc chỉ rằng: Lại viên các nha môn tự tiện bỏ về nhà thì đồ làm khao đinh sung quân. Quan bản nha tự tiện cho về thì phạt 10 quan tiền.

Lại đi đánh Sơn Man.

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Lê Hoằng Dục, Nguyễn Đôn Phục, Ngô Lôi nộp cống hằng năm; bọn Nghiên Nhân Thọ, Nguyễn Đình Mỹ tâu việc Chiêm Thành tan vỡ quấy nhiễu biên giới.

Sửa đắp bức tường phía tây kinh thành.

Ai Lap tiến cống phương vật.

Năm này lấy Trịnh Công Đán làm Binh bộ thượng thư, Vương Khắc Thuật làm Lại khoa cấp sự trung, Vũ Đức Khang làm Hộ khoa cấp sự trung, Trần Khải làm Hình khoa cấp sự trung.

---

[1] Học sinh ba xá (Tam xá học sinh): học sinh của ba xá gồm Thượng xá,Trung xá và Hạ xá.

[2] Đào Biểu: làm chức Nội nhân thị hậu phó chưởng, chết theo Nhân Tông trong loạn Nghi Dân.

Ất Mùi, [Hồng Đức] năm thứ 6 (1475), (Minh Thành Hóa năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh sai Kim ngô vệ chỉ huy sứ Quách **[6a]** Cảnh sang đuổi bắt những kẻ chạy trốn. Cảnh đi đường sông Thao đến.

Khi Cảnh về, vua sai Thái phó Kỳ quận công Lê Niệm, Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm, Binh bộ thượng thư Đào Tuấn, Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, Hàn lâm viện thị thư Vũ Kiệt và Sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên làm thơ. Vua viết bài tự để tiễn Cảnh. Bài tự đề là Thiên Nam đông chủ Đạo Am tự[1].

Tháng 3, tổ chức thi hội cho các cử nhân trong nước. Bấy giờ, có 3200 người dự thi. Lấy đỗ bọn Cao Quýnh 43 người.

Phép thi khoa ấy: Kỳ thứ nhất, về Tứ thư: Luận Ngữ 3 đề, Mạnh Tử 4 đề, Trung Dung 1 đề, cộng là 8 đề. Người thi tự chọn 4 đề mà làm, **[6b]** không được thiếu. Về Ngũ kinh, mỗi kinh 3 đề, riêng Xuân Thu 2 đề. Kỳ thứ hai, thơ và phú mỗi loại một bài. Thơ dùng thể Đường luật, phú dùng thể Lý Bạch. Kỳ thứ ba, chiếu, chế, biểu mỗi thể loại một bài. Kỳ thứ tư, sách vấn, đầu đề văn sách hỏi về ý nghĩa dị đồng của kinh, sử và nội dung về thao lược của tướng soái.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 11, vua ngự điện Kính Thiên, thân ra đề văn sách, hỏi về đạo vua tôi ngày xưa.

Sai Quang tiến trấn quốc thượng tướng quân phò mã đô úy Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc Đoan Vũ bá Trịnh Công Lộ và Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm làm đề điệu; Thái tử thiếu bảo Ngự sử đài đô ngự sử Trần Phong và Bình khoa đô cấp sự trung Phí Bá Khang làm giám thí; Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo làm độc quyển. Ban cho ba người: Vũ Tuấn Chiêu, Ông Nghĩa Đạt, Cao Quýnh đỗ tiến sĩ cập cập đệ, bọn Phạm Xán 13 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đỗ Vinh 27 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ngày 28, ra sắc chỉ rằng: Nếu các xứ có trộm cướp nhóm họp thì các quan phủ, châu, huyện, các xã trưởng, thôn trưởng của nơi đó đều phải trị tội theo như pháp luật.

Mùa thu, tháng 7, nước lũ, vỡ đê sông Tô Lịch ở phường Kim Cổ.

Tháng 8, ngày 28, tổ chức thi cho con cháu các quan viên. Phép thi: 1 bài biểu, 1 đề toán.

Mùa đông, tháng 10, ra sắc chỉ cho các xã làm sổ hộ tịch. Trong một xã, đàn ông, đàn bà cùng họ không được cùng **[7b]** tên. Nếu người trước đã ghi cùng tên thì phải đổi ngay tên khác. Người mới khai và người cũ không được trùng tên nhau.

Tháng 11, tuyển bổ quân ngũ.

Định lệnh cấm vơ vét xoay tiền. Trong các việc xây dựng sửa chữa, kẻ nào mượn cớ mà vơ vét xoay tiền thì trị tội theo luật xoay tiền.

Định tội các thí quan[2]: Nếu can việc công thì xử theo luật người có quan chức, nếu can việc tư thì xử theo luật người không có quan chức.

Ra sắc chỉ cho cả nước sửa đắp những chỗ đê đập và đường sá. Đặt các chức quan Khuyến nông và Hà đê.

Nhà Minh lập hoàng tử Hựu Đường làm Hoàng thái tử.

Ra sắc chỉ rằng: Quan Tổng binh về kinh phải có sắc thư và nội phù, khi xét quả thực không có sai sót gì, mới được theo lệnh. Nếu chỉ có phù không có sắc, hoặc chỉ có sắc không có phù mà dám tự tiện rời bỏ nhiệm sở, **[8a]** tội nặng thì phải xử tử, tội nhẹ thì phải đi đày.

---

[1] Thiên Nam động chủ và Đạo Am đều là tên hiệu của Lê Thánh Tông.

[2] Thí quan:những viên quan chưa được tuyển bổ chính thức.

Lấy Lê Cảnh Huy làm Thái bảo Kiến Dương hầu, Lê Huy Cát làm Diên Hà bá, Chử Phong làm Đề hình giám sát ngự sử.

Bính Thân, [Hồng Đức] năm thứ 7 [1476], (Minh Thành Hóa năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, vua thân hành ngự đến nhà Thái học, sai các văn thần chia nhau tế ở đông vu và tây vu.

Ngày 16, nguyệt thực toàn phần.

Vua ngự về Lam Kinh.

Ngày 22, vua xuất phát từ Tây Kinh, đi thuyền nhẹ ra cửa Linh Trường[1], làm thơ Linh Trường hải khẩu và bài tự.

Bài tự viết:" Nhìn non ngắm nước là để ngụ cái thú của người thân, bậc trí[2]. Bên bờ biển, toàn là dãy núi xanh cao vút, những ngọn núi dựng đứng ở cửa biển, hình dáng lại càng lạ hơn. Cái hang dưới chân núi, ăn sâu mãi vào trong, thăm thẳm **[8b]** khôn lường, tương truyền đó là miệng một con rồng. Bên ngoài miệng rồng lại có tảng đá, có hình thể rất lạ, tương truyền đó là mũi rồng. Ở dưới mũi rồng, lại có một tảng đá rất tròn, rất đẹp, tương truyền đó là hạt châu dưới hàm con rồng. Đá lớn nhô ra lõm vào nhiều vẻ, chổ dày chổ thưa, nhiều không kể xiết, tương truyền đó là bộ râu rồng".

Vua bỏ thuyền lên bờ, đi bộ đến đầu núi, bỗngnảy hứng thơ bèn viết 56 chữ [3] để ghi lại.

Ngày 29, sắc dụ các quan lưu thủ Đông Kinh là bọn Thái bảo Kiến Dương hầu Lê Cảnh Huy, Diên Hà bá Lê Hy Cát và Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm rằng:

"Ngày mồng 3, tháng 3, đại giá sẽ từ Lam Kinh về. Ngày hôm đó, phải chia quân ngăn cấm người đi lại. Ở kinh **[9a]** thì các tráng sĩ hộ vệ phải giữ đồn điếm cho nghiêm ngặt. Thượng Kinh[4] là đất căn bản, nên đặc biệt dụ bọn khanh được biết".

Tháng 3, ngày 16, ra lệnh đại xá gồm 49 điều.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Ngày 23, vua cầu đảo Hạo Thiên Thượng Đế là vì từ mùa đông tới mùa hạ ít mưa. Xét bài biểu cầu mưa đại lược viết:

Kẻ không có đức, thần Lê mỗ xin dốc hết lòng chí thành, dâng lời kêu với đức Thái thượng khai thiên chấp phù ngự lịch hàm chân thể đạo hạo thiên chí tôn ngọc hoàng thượng đế bệ hạ: Nay từ mùa đông đến mùa hạ ít mưa, nắng suốt, việc dân vất vả. Người làm thợ, đi buôn không chỗ nương nhờ, kẻ cày ruộng chăn tằm hết bề trông ngóng. Chỉ vì thần không có đức, để đến nỗi trăm họ chịu tai ương. Bọn dân ngu nhớn nhác kêu thương, cơ hồ đến hết phương sinh sống. Vì thế, thần dám đâu không gõ cửa Đế đình để giãi tỏ lòng xót thương, để tâu bày niềm kinh sợ. Cúi xin ngài tha thứ cho tội lỗi, **[9b]** đổi tai họa thành điềm lành, ban cho mưa móc lớn, thấu khắp đến mọi nơi. Thần kính cẩn xin tâu lời cầu khẩn.

Tháng 6, ngày mồng 7, ban sắc dụ 20 điều.

Ngày mồng 10, ra sắc chỉ rằng: Con trai, con gái của các nữ đinh khiêng kiệu sinh ra, cứ 6 năm một lần duyệt tuyển sung vào, coi đó làm lệ thường.

Lấy Hàn lâm viện thị thư Đào Cử làm Đông các hiệu thư.

Ngày 16, xuống chiếu bắt Cung Vương Khắc Xương, vì Khắc Xương ngầm mưu việc đại nghịch.

(Đến ngày mồng 6, tháng 8, Khắc Xương ốm chết).

---

[1] Cửa Linh Trường: nay là cửa Lạch Trường, huyện Hậu Lộc, tỉnh Tỉnh Thanh Hóa.

[2] Trích từ câu "Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy" (người nhân thì ưa núi, người trí thì ưa nước) của sách Luận ngữ.

[3] Tức bài thơ Đường luật 8 câu 7 chữ.

[4] Thượng Kinh: chỉ kinh đô Thăng Long.

Mùa thu, tháng 7, ngày 27, nhà Minh sai chánh sứ Lễ bộ lang trung Nhạc Chương, phó **[10a]** sứ Hành nhân Trương Đình Cương mang sắc thư sang báo việc lập Hoàng thái tử và ban vóc lụa.

Nghiên Nhân Thọ chết.

Tháng 8, ngày 16, khắc đầu canh năm có nguyệt thực toàn phần.

Mùa đông, tháng 10, ngày 15, sai sứ sang nhà Minh: Bùi Sơn, Vương Khắc Thuật, Chử Phong mừng lập Hoàng thái tử Lê Tiến, Ông Nghĩa Đạt tạ ơn ban vóc lụa. Nguyễn Tế tâu việc địa phương Chiêm Thành.

Đinh Dậu, [Hồng Đức] năm thứ 8 (1477), (Minh Thành Hóa năm thứ 13).

Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 3, ra sắc chỉ cho Lễ bộ yết bảng rằng:

"Kể từ nay, các quan hộ vệ, trừ những ngày hộ vệ túc trực theo thường lệ ra, còn những ngày chịu ân mệnh hay sắc chỉ sai phái và những ngày ra mắt, từ biệt, lạy tạ, đều mặc thường triều phục và **[10b]** công phục như lệ các quan viên triều tham, không được đội mũ sơn đen và mặc áo thường như trước. Các quan văn võ vào lạy tạ đều dùng công phục, không được dùng thường triều phục như trước".

Tháng nhuận, ra sắc chỉ cho các quan nha môn các vệ phải ký tên vào giấy tờ rồi theo đó mà thi hành.

Xây thành Đại La.

Định thường triều phục.

Ra sắc chỉ cho các quan văn võ trong ngoài cả nước: Kể từ nay, những ngày yết triều, từ biệt hay ra mắt thì mặc áo cổ tròn đúng như kiểu áo của các quan đã ban xuống.

Tháng 3, ngày 16, bọn Hàn lâm viện thừa chỉ kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung tâu rằng:

Phụng xét quan chế của Hoàng triều, Sùng Văn quán có chức Tư huấn và Điển nghĩa để dạy nho sinh. Cháu trưởng của các bậc công, hầu, bá, tử, nam; con trưởng của các quan văn võ nhị, tam phẩm; **[11a]** con trưởng của các tản quan tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát phẩm, nếu ai tuổi trẻ và thông minh ham học thì cho vào Sùng Văn quán[1] làm học sinh đọc sách. Lại bộ chọn bổ chức Tư huấn và Điển nghĩa cùng các văn thần tuổi cao, có học vấn kiêm việc dạy học. Cứ 3 năm, quan lại học làm danh sách tâu lên, đưa sang Lễ bộ để tổ chức thi. Đề thi là một kỳ ám tả, một bài kinh nghĩa, hai bài về Tứ thi. Ai đỗ thì bổ các chức quan văn. Nếu tuổi đã lớn mà đần độn, muốn học võ nghệ, thì cho vào học tập ở vệ Cẩm y, mỗi ngày tới trường đấu võ ở phía tây kinh thành tập luyện các nghề cung tên, thủ tiễn, đánh mộc... Đến cuối mùa đông, vệ ấy sai quan khảo xét, cứ ba năm một lần, quan phụ trách làm danh sách tâu lên, đưa sang Binh bộ, tổ chức thi theo lệ đã định. Người nào đỗ thì bổ các chức quan võ. Người nào đau yếu không chịu nổi muốn xin về quê quán, thì làm giấy trình lên các quan Lại bộ và Lại khoa **[11b]** xét duyệt, làm bản tâu lên, cho được mang chức cũ về nghỉ ở quê hương.

Ra sắc chỉ rằng: Con cháu các tụng quan [2], nếu thi đỗ các môn thơ, biểu và viết chữ, làm tính thì cho làm nho sinh ở Tú lâm cục và làm thuộc lại các nha môn như lệ con cháu văn võ quan thi đỗ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 18, sắc dụ các quan thừa ty, hiến ty các xứ, và các quan phủ, huyện rằng:

Các việc dân sự thường ngày như hạn hán mà không cầu mưa, lụt lội mà không tháo nước, việc lợi mà không làm ngay, việc hại mà không trừ ngay, tai dị mà không cầu đảo thì phải xử tội đi đày.

---

[1] CMCB23, 5b chép là Chiêu Văn quán.

[2] Tụng quan: quan văn theo hầu vua.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 6, quy định điều lệ thi các đội trưởng. Tất cả các cục, ty, sở Ứng sự, Tinh mễ, Điển mục, Chủng thái, Đồn điền, Tàm tang, bị thiếu các chức đội lại, thì Hộ bộ khảo thi những người am hiểu về viết chữ và tính toán trong các cục, ty, sở, ai đỗ thì bổ vào.

Định ngạch thuế bãi dâu ven sông nhỏ.

Định lệ chia mở chợ mới. Ra sắc chỉ rằng: Sinh dân các huyện, châu, xã ở các xứ trong nước mỗi ngày một đông, nếu muốn mở thêm chợ mới để tiện mua bán thì quan phủ, huyện, châu phải khám xét thực tế, nếu quả là tiện lợi cho dân thì làm bản tâu lên, cho theo tiện lợi mà họp chợ, không cứ là có ngạch cũ hay không.

Tháng 11, ngày 20, vua sai Binh bộ tả thị lang Trần Trung Lập, Hàn lâm **[12b]** viện hiệu thảo Lê Ngạn Tuấn và Phan Quý sang nhà Minh tiến cống và phi báo cho bọn huyện quan Bằng Tường là Lý Quảng Ninh, tri châu Long Châu là Triệu Nguyên kịp thời đón tiếp lễ cống và sứ thần để tránh làm lỡ việc tiến cống.

Định chế độ bổng lộc của các quan cai trị trong ngoài. Xét đại điển có ghi:

Cấp bổng lộc để khuyến khích lập công, tùy theo trách nhiệm là nặng hay nhẹ. Các bậc hoàng tôn, công thần, tuy không hạn chế về phẩm trật, nhưng cũng có thứ bậc khác nhau; các chức quan văn võ trị nhậm trong ngoài, công việc, trách nhiệm khác nhau, cũng nên xét rõ khó nhọc hay nhàn rỗi. Người nào phẩm trật ngang nhau nhưng kiêm nhiệm quan chức thì cấp bổng lộc theo chức nhiều việc. Người chức thấp mà kiêm chức, thì cấp theo chức kiêm nhiệm, mức tối thiểu là theo tam phẩm trật vốn có, tùy công việc nhiều hay ít mà xét cấp. Người chức cao mà làm việc chức thấp thì cấp theo chức vụ đảm nhiệm, mức tối thiểu là theo tam phẩm trật vốn có, tùy công việc nhiều hay ít mà xét cấp. Đại để quan trong kinh kiêm nhiệm nhiều việc thì tăng 1 bậc, nhiều nữa thì tăng 2 bậc, ít việc thì giảm 1 bậc, ít nữa thì giảm **[13a]** từ 2 đến 5 bậc. Các quan ngoài kinh kiêm nhiệm nhiều việc thì giảm 1 bậc, chỗ nhiều việc vừa thì giảm 2 bậc; chỗ ít việc thì giảm 2 bậc, chỗ ít việc nữa thì giảm từ 3 đến 5 bậc. Các thí quan tùy theo chỗ nhiều việc hay ít việc, sau khi đã tăng hoặc giảm rồi, lại giảm xuốn 3 bậc nữa mà cấp.

Tháng 12, ngày 15, nguyệt thực toàn phần.

Ngày 21, sắc dụ các quan văn võ:

Người nào không phải là thân thuộc của hai vệ Cẩm y, Kim ngô và các vệ, ty Thần vũ, Điện tiền, Hiệu lực, Tráng sĩ mà mượn cớ để tặng biếu, đi lại, chè chén, cầu kết bạn, cùng là người trong các vệ, ty mà kết bạn với họ, đều phải bắt giao đình úy xét tội. Quan ngoài mà kết giao với quan trong thì xử tội chém. Quan cai quản không biết xét tâu lên thì xử tội đi đày.

Ra sắc chỉ rằng: Kỳ quân của các ty Hộ vệ, người nào chưa đeo thẻ bài thì quan cai quản ấy cho đeo thẻ bài bằng gỗ theo như **[13b]** quân Hộ vệ.

Định lệ tư cách và xuất thân[1] của lại viên các nha môn.

Những lại viên các nha môn ở trong [kinh], người nào có chân xuất thân thì khi mới tuyển bổ được làm thư lại, làm việc 3 năm được bổ làm đạt lại; làm việc 3 năm nữa được thăng làm điển lại; làm việc 3 năm nữa mà không phạm lỗi gì thì được thăng làm đô lại. Nếu lại viên các nha môn ở trong kinh mà không có chân xuất thân thì khi mới tuyển bổ, cho làm thông lại, làm việc 6 năm, thăng làm đề lại. Nếu ở ngoài thì cũng như lại viên các nha môn ở trong mà không có chân xuất thân.

Định lệ tư cách cho lệnh sử các phủ nha[2]. Mới tuyển bổ thì sung làm á lệnh sử, làm việc 3 năm thì thăng bổ thừa lệnh sử ở nha môn phủ đó, lại làm việc 3 năm nữa thì thăng bổ đô lại ở nha môn vào hạng có chân xuất thân.

[14a] Định lệ phong tặng.

---

[1] Xuất thân: như giám sinh, sinh đồ và người thi đỗ thư, toán (CMCB 23, 10a).

[2] Phủ: là phủ của thân vương, công chúa. Nha: là nha môn của hoàng tử,quốc công, quận công,hầu, bá, tử, nam (CMCB 23, 11a).

Hoàng thái hậu phong 3 đời; Hoàng hậu, Tam phi[1] phong 2 đời; Cửu tần[2], Lục chức[3], Nữ quan[4], nhất phẩm chỉ được phong 1 đời. Người được truy phong thì chỉ được gia phong danh hiệu quan tước, chỉ được một mình mà thôi, không có lương chức vụ và lệ tập ấm. Quan viên ngày thường làm việc mà bị tai nạn cũng được phong tặng. Các quan văn võ được sắc chỉ ban phong cho mệnh phụ, Lại bộ làm bản tâu lên, khi được sắc chỉ thì kê rõ tước hiệu, chức phẩm tâu lên, giao cho Tư lễ giám chiếu lệ thi hành.

Định lệ cấp ruộng cho các quan viên.

Mậu Tuất, [Hồng Đức] năm thứ 9 (1478), (Minh Thành Hóa năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, ngày 23, ra sắc chỉ cho ba ty Đô, Thừa, Hiến các xứ người nào liêm khiết hay được xét các quan lại trong bộ thuộc của mình, người nào liêm khiết hay tham ô, chuyên cần hay lười biếng, cùng các quan nho học dạy dỗ nhân tài, hằng năm có người được sung cống sĩ hay không, nhiều hay ít, đều ghi tên tâu lên **[14b]** để định việc thăng hay giáng.

Ra sắc chỉ cho các quan thừa tuyên, phủ huyện các xứ trông nom việc đồng ruộng, khuyên dân lấy nước vào ruộng để kịp thời gieo cấy.

Tháng 3, tổ chức thi hội cho các củ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Ninh gồm 26 người.

(Lê Ninh người Thụ Ích, Yên Lạc[5], là ông của Hiến).

Mùa hạ, tháng 5, ngày 14, vua ra hiên, ra đề văn sách, hỏi về đế vương trị thiên, duyệt các bài trả lời. Cho Lê Quảng Chí đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh[6], Trần Bích Hoành, Lê Ninh đều đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh[7] (Quảng Chí người [xã] Thần Đầu, [huyện] Kỳ Hoa[8], làm đến chức Đông Các, được tặng Thượng thư, hiệu là Hoành Sơn tiên sinh, được phong Thượng đẳng thần, là anh của [Lê Quảng] Ý; Bích Hoành người [làng] Vân Cát, [huyện] Thiên Bản[9]. Bọn Nguyễn **[51a]** Địch Tâm 9 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân[10]. Bọn Nguyễn Nghiễm 50 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa thu, tháng 8, nước to.

Định lệ vào chầu mừng cho các tù trưởng ở phiên trấn. Mỗi năm hai lần vào chầu ở kinh. (Mỗi năm về chầu một lần vào tháng giêng, một lần vào tháng 7). Nếu tự ý bỏ thiếu lễ chầu, một lần thì phải bãi chức, mất quan, hai lần thì bắt về trị tội.

Tháng 9, ngày mồng năm, định lệ ký tên cho các quan thủ lĩnh. Kể từ nay, các bản tâu và mọi giấy tờ việc quan, quan thủ lĩnh các nha môn đều phải ký tên ở cuối tờ giấy, không được đứng tên hàng với các đường quan.

Ngày 22, vua hạ chiếu đi đánh nước Lão Qua.

Mùa đông, tháng 11, ngày 20, định lệnh tuyển bổ quan viên các ty ở Hình bộ.

---

[1] Tam phi: tức Quý phi,Minh phi, Kính phi.

[2] Cửu tần: tức Chiêu nghi, Chiêu duy, Chiêu viên (tam chiêu); Tu nghi, Tu duy, Tu viên (tam tu) và Sung nghi, Sung duy, Sung viên (tam sung).

[3] Lục chức: chức tiệp dư, dung hoa, tuyên vinh, tài nhân, lương nhân, nữ nhân.

[4] Nữ quan: có bậc tư nhất phẩm đến lục phẩm.

[5] Yên Lạc: tên huyện, nay thuộc một phần đất huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú.

[6] Tức là bảng nhãn.

[7] Tức là thám hoa.

[8] Nay là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[9] Naylà huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà.

[10] Tức là hoàng giáp.

[15b] Ra sắc chỉ cho đường quan Hình bộ công bằng xét kỹ quan các ty, có người nào do chân chính lại viên xuất thân, học thức nông cạn, tài năng thấp kém thì tâu lên rõ ràng, đưa sang Lại bộ xét thực, đổi bổ làm việc khác. Lại chọn lấy các tiến sĩ và các sĩ nhân đã thi đỗ, đã từng làm qua các chức ở phủ, huyện, châu và chức thủ lĩnh, mà có tài năng, kiến thức bổ thay vào.

Định lệnh lựa thải quan viên 3 điều :

1- Bậc trưởng quan các nha môn văn chức trong ngoài, đều phải công bằng xét kỹ các quan viên dưới quyền mình, nếu có kẻ hàn kém, như Tham nghị Lạng Sơn Trần Duy Hinh, Tri phủ Trần Khánh Ninh Tháp Nhung, Tri phủ Phú Bình Phạm Tháo... và những tên đần độn bỉ ổi, không làm nổi việc, đáng phải cho nghỉ, thì làm bản tâu lên, giao cho Lại bộ xét thực, đều bắt phải nghỉ việc; lại chọn người đã từng làm việc có tài năng, kiến thức, quen thạo **[16a]** việc mà bổ

vào thay.

2- Bậc trưởng quan các nha môn quản quân trong ngoài, phải công bằng xét kỹ các quan vệ sở dưới quyền mình, nếu có kẻ nào mỏi mệt hèn kém như bọn Nguyễn Trí Nghiêu, Đỗ Hữu Trực, Đỗ Công Thích... cùng những tên đê tiện bỉ ổi, không có tài cán, không làm nổi việc, đáng cho về nghỉ, thì làm bản tâu lên, giao cho Lại bộ xét thực, hoặc đổi đi chỗ ít việc hoặc bắt nghỉ việc; lại chọn những người đã từng qua chinh chiến, có tài năng, kiến thức làm được việc mà bổ vào thay.

3- Trưởng quan các nha môn cần lựa thải thì phải công bằng sáng suốt, không được theo sự ưa ghét riêng của mình để khi làm công việc ấy được mọi người thành tâm tin phục. Nếu xét người hay dở mà sai sự thực thì Lục khoa, Ngự sử đài, Hiến ty kiểm xét hoặc tâu để trị tội.

Tháng 12, ngày 16, ban đêm có nguyệt thực.

Hạ lệnh cho các quân tập tượng trận **[16b]** ở sân điện Giảng Võ.

Ngày 23, bắt đầu quy định nghi lễ hôn nhân giá thú. Các nghi lễ đó là:

Khi lấy vợ, trước hết phải nhờ mối lái đi lại bàn định, rồi sau mới định lễ cầu thân; lễ cầu thân xong, rồi mới bàn việc dẫn cưới; dẫn cưới xong, rồi mới chọn ngày lễ đón dâu. Ngày hôm sau, [con dâu] chào cha mẹ chồng, ngày thứ ba đến làm lễ ở nhà thờ, phải theo đúng trình tự các nghi thức tiết văn đã ban xuống mà thi hành, không được như trước, nhà trai đã dẫn lễ cưới rồi còn để qua 3,4 năm sau mới cho đón dâu.

Định lệ thưởng phạt trong kỳ đô thí[1]. Các bậc công hầu, bá và các võ quan trong ngoài, người nào có chức quản quân đều phải dự đô thí.

Phép thi như sau: Mỗi người thi bắn cung tên 5 phát, ném thủ tiễn **[17a]** 4 chiếc, đấu mộc 1 tao. Trúng được từ 8 đến 10 là thượng cấp; từ 7 sáu đến 7 là trung cấp, từ 4 đến 5 là hạ cấp; đều được thưởng theo thứ bậc khác nhau. Nếu trúng từ 2 đến 3 thì không được thưởng cũng không bị phạt; trúng từ 1 đến không trúng thì phải phạt tiền cũng theo thứ bậc khác nhau.

Lấy Trịnh Công Ngô làm Hộ bộ thượng thư.

Kỷ Hợi, [Hồng Đức] năm thứ 10 [1479], (Minh Thành Hóa). Tháng giêng, ngày mồng 9, dời các tướng Chân Vũ ra ngoài.

Ngày 26, vua ngự giá duyệt võ bị 16 ngày.

Sai Sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư 15 quyển.

Tháng 2, ngày 20, vua xem bắt cá ở Tây Hồ.

Tháng 3, ngày mồng 10, ra sắc rằng: Các quan viên lười biếng, bỉ ổi, đê tiện, yếu hèn, nếu là con cháu công thần **[17b]** thì bãi chức bắt về làm dân; nếu là con cháu thường dân thì bãi chức sung quân.

---

[1] Kỳ đô thí: kỳ thi lớn về võ nghệ

Mùa hạ, tháng 5, hạ lệnh thu lương khô[1] chức vào kho của các thừa ty các xứ. Lại viên các nha môn trong ngoài, mỗi người người nộp 20 thăng lương.

Tháng 6, ngày mồng 7, vua xuống chiếu đi đánh Bồn Man.

Tờ chiếu viết:

"Trời đất khoan thứ như dương sinh, thảm khắc tựa âm tàn, nguyên khí bao la mọi chốn. Đế vương nuôi dưỡng bằng lòng nhân, đánh dẹp dùng điều nghĩa, đức uy trùm khắp phương. Kinh dịch nói: "Cung tên để ra uy trong thiên hạ". Kinh Thư ghi: "Kẻ vô đạo thì thúc đẩy cho diệt vong, người có đạo thì giữ gìn cho còn mãi, như thế thì nước mới phồn". Kinh Thư viết: "Chăm việc võ bị, để yên nước vua". Chu Lễ nói: "Kẻ nào giết người hiền, hại sinh dân thì phải đánh, kẻ nào cậy hiểm trở, không phục tùng thì phải chiếm". Câu nói trị đời của thánh hiền xưa nay vẫn là một.

Nước nhà ta tóm thâu bờ cõi, thống trị muôn dân; dù chốn hang hùm ổ rắn **[18a]** cũng được nắng soi, rượu hưởng, đến kẻ mình vẽ sai xâu, đều phải dâng lễ, nộp châu.

Giặc Bồn Man Cầm Công ở lấn ngoài cõi xa xăm. Thánh tổ ta lượng như biển cả bao dung, như mùa xuân nuôi dưỡng, cho Tư Ngao[2] sống sót trong cỏ tranh: Văn Hoàng ta lòng như núi lớn chứa đầy, như sông sâu chở nặng, mặc Quỳ Mạnh[3] nghênh ngang ngoài gò đông.

Thế mà nó dạ muông thú không chịu đổi thay, tính dã man khó bề thuần hóa. Lừng khừng như loài lợn ốm gầy, điên đảo tựa một phường dối trá. Bỏ chức phiên thần mà lười dâng lễ cống; mang lòng lừa trời mà làm nhục sứ thần. Mưu việc chẳng lành, làm sao nên được! Tinh ma nhiều cách, dám dựa kẻ trái mệnh để làm càn, sấm sét ra oai, phải đem quân chính nghĩa mà hỏi tội. Trước còn ôm đầu chạy trốn, nín thở náu mình; sau lại vẫy đuôi kêu thương vội vàng nộp đất. Trẫm thương lương dân sống một phương, tha cho tội ác đáng muôn chết. Đặt quận huyện để trị biên cương; đổi áo xiêm mà trao quan tước.

Nhưng nó vẫn ngoan ngu như gỗ đá, **[18b]** uổng phụ lòng tốt của đất trời; buông lòng tham sâu như khe hang: đảo danh phận lộn ngược giày mũ. Lộng hành quyền binh, chém giết tứ tung; bán cả ruộng dân, vơ vét tiền của. Hủy hoại tóc da chỉ vì đắm mê cửa Phật[4], theo thói cầm thú đến nỗi dâm hiếp con dân. Liêu thuộc ra đón sắc mệnh ở ngoài thành thì gối cao nằm khểnh; quan ải phi báo công văn thắng trận[5] thì đóng cửa ngăn đường. Thậm chí nuôi phường khích thách võ loài, chứa chấp mưu gian càn rỡ. Bày kế gián điệp hòng nhòm ngó nước ta, đặt lời điêu toa để mê hoặc ngoài cõi. Bầy gian ác Lệ Khai thì dung túng chở che, người thổ tù Hàn Triệu lại giam giữ không thả. Thích tên bán nước Đức Lân mà kết làm phụ tử, ghét người tích trữ Lang Tủng thì giết cả vợ con. Nhóm họp lũ bè, thường chống lại quan triều cai trị; giả kính trái mệnh, dám để chậm con tin vào chầu. Trong **[19a]** tin lời yêu tăng gian tà, ngoài dựa tiếng Lão Qua tiếp viện. Chế sứ Nguyễn Tử Nghi hơn vài mươi bọn, trăm cách chống lại mà không nghe; đại thần Vương Văn Đán hơn hai chục người, bỗng chốc đánh giết mà chẳng nể.

Lại còn đào hào, sửa giáp, phục kích, đóng đồn. Tự cho là bụi tre rậm có thể náu mình, quen làm kế qua ngày sống tạm, tử nghĩ là loài chó dại có thể gây độc, dám lập mưu quay lại cắn càn.

Kìa như: Cát Bá giết một đứa mang cơm mà Thương Thang dấy binh đánh trước[6]. Lâu Lan cướp một người đi sứ mà Hán Đế ra quân không tha[1]. Huống chi tên đầu sỏ Cầm Công, thói đố kỵ ngày càng

---

[1] Lương khô: nguyên văn là "thực lương" chỉ thóc gạo đã đồ chín.

[2] Tư Ngao: Tù trưởng một bộ lạc thời vua Nghiêu trong truyền thuyết Trung Quốc.

[3] Quỳ Mạnh: là Quý Tôn thị và Mạnh Tôn thị, đại phu nắm giữ quyền binh ở nước Lỗ thời Xuân Thu.

[4] Nho giáo quan niệm cơ thể con người là do cha mẹ sinh ra, phải giữ gìn từng sợi tóc, làn da, như vậy mới là có hiếu. Trong khi đó những người đi tu lại gọt đầu cắt tóc, như vậy là "bất hiếu".

[5] Ngăn chặn người phi báo tin đánh thắng nước Lão Qua.

[6] Theo truyền thuyết Trung Quốc, Cát Bá là vua nước chư hầu thời Hạ, tàn ác vô đạo, giết cả đứa trẻ mang cơm ra ruộng rồi cướp lấy cơm. Thành Thang dấy binh, lấy nước đó làm mục tiêu đánh đầu tiên.

quá quắt. Nó xé xác quan ấp tể của ta, nó băm vằm quân đồn thú của ta. Nỗi căm giận đâu chỉ chứa đầy lồng ngực, tội ác kia còn nhiều hơn tóc trên đầu Tử Dương chống Hán, ếch ngồi đáy giếng tự tôn[2]. Nguyên tế phản Đường, ngỗng kêu trong ao khó thoát[3]. **[19b]**Rành rành dấu xe trước, lồ lộ lưới pháp xưa.

Đặc sai Thái uý Sùng quận công Lê Thọ Vực, Đoan Vũ hầu Trịnh Công Lộ, Diên Hà bá Lê Hy Cát đeo ấn tướng quân, trao cho 20 vạn quân tinh nhuệ, hẹn đến tháng 8 năm nay, chia đường tiến quân, kể tội đến đánh. Tập hợp binh sĩ như hổ như beo; gióng trống hành quân thẳng sào huyệt giặc. Để dân cõi xa được chăn chiếu ấm êm, khiến đảng hung ác phải kình nghê phanh xác. Lừng lẫy danh thiêng chói lọi, theo trời nêu uy thế chẻ tre, liên tiếp tin vui rạng rỡ, hẹn ngày tâu thắng trận trở về. Báo cáo trong ngoài thảy đều được biết.

Định lệnh về nha lại sao chép sắc chỉ. Kể từ nay, lại viên các nha môn được sai sao chép sắc chỉ, việc lớn thì dùng giấy khổ to, việc nhỏ thì dùng giấy khổ nhỏ, đều viết vào một tờ, không được đóng gộp nhiều tờ.

[20a] Mùa thu, tháng 7, ngày 22, vua xuống chiếu thân hành đi đánh nước Ai Lao. Tờ chiếu viết:

"Bậc đế vương đời xưa chế ngự di địch, phục tùng thì cưu mang bằng đức, phản lại thì sấm sét ra oai. Cốt để diệt bạo trừ hung, cho dứt mối lo cõi bờ bị xâm lấn; đổi lòng theo hoá, cho trọn lòng nhân của trời đất chở che.

Cho nên: Hiên Hoàng ra quân núi Trác Lộc[4], Chu Tuyên đi đánh rợ Hoài Di[5]. Đó là thể theo lẽ đóng cửa của trời đất, bắt chước cơ khoan nhặt của âm dương. Đâu phải là thích lớn ham công, nhàm binh đánh bậy?.

Tổ tông ta theo trời chịu mệnh, giữ cõi an dân, chăn nuôi bằng nhân, đánh dẹp bằng nghĩa, rạng rỡ đời trước, để phép đời sau.

Trẫm nay nối công tổ tông, giữ cơ nghiệp lớn. Vỗ yên trung châu cùng man mọi, văn trị Đại Thuấn khắp ban; phát huy mưu trí của đế vương, quy mô Chu Văn rộng mở.

Duy nước Lão **[20b]** Qua kia, giáp giới cõi tây. Đương khi Thánh Tổ dẹp giặc Ngô cuồng bạo, đã nhòm sơ hở đánh úp quân ta, đến lúc Thần Vũ giết tên Nghiễm hung tàn, lại giúp kẻ gian dấy binh đánh chiếm[6]. Chỉ vì kẻ thù của vua cha chưa diệt, mà di địch kia ngạo ngược càng già. Kiêu ngạo muôn bề, lăng loàn trăm phách. Gọi Cao Hoàng là em[7], coi Dụ miếu là cháu[8] lên mặt như ếch đáy giếng khác gì; sang cướp châu Lang Chánh, sang quấy phủ An Tây, nhả nọc còn độc hơn loài ông bọ. Vườn tược Sầm Thượng, Sầm Hạ, nó ăn lấn như tằm; nhân dân biên giới của ta, nó lấm lét cắn trộm. Thuận Bình, Sa Bôi do vậy rối ren; Lâm An, Quy Hợp bị chúng giày xéo. Thang Thượng, Thang Hạ là biên ấp của ta, nó cướp đoạt hoành hành; Đạo Luận, Đạo Xa, tên thổ tù phản ta, nó kêu gọi, chứa chấp. Sứ của nó sang thông, thì ta hậu đãi cho về, quan của ta giao thiệp, nó lại **[21a]** bắt giữ bỏ ngục.

---

[1] Nước Lâu Lan: ở vùng Tây Vực, đón đường giết sứ giả củ a Hán Vũ Đế đi sứ nước Vũ Uyển. Hán Chiêu Đế sai Phó Tử sang đánh và tiêu diệt nước đó.

[2] Tử Dương: tức Công Tôn Thuật, chiếm cứ đất Thục, xưng đế, chống lại nhà Hán. Mã Viện từng nói với Ngỗi Ngao: "Tử Dương như con ếch ngồi dưới đáy giếng". Ý nói kiến thức nông cạn.

[3] Ngô Nguyên Tế phản nhà Đường, Lý Tổ lợi dụng đêm có tuyết, ngỗng vịt ầm ĩ, đem quân đánh, bắt được Nguyên Tế.

[4] Hiên Hoàng: tức Hoàng đế, tên một ông vua trong truyền thuyết Trung Quốc.

[5] Chu Tuyên: tức là Chu Tuyên Vương, Hoài Di: là Rợ Di ở miền sông Hoài thời đó.

[6] Xem BK 10 việc năm Tân Sửu (1421) và BK 11 việc năm Đại Bảo thứ 2 (1441) và Đại Bảo thứ 3 (1442).

[7] Chỉ Lê Lợi.

[8] Từ Lê Thái Tổ đến Lê Nhân Tông, không có vị vua nào miếu hiệu là Dụ Tông. Có lẽ chữ Dụ do chữ Hựu chép lầm. Thái Tông chôn ở Hựu Lăng, nên Hựu miếu dùng để chỉ Thái Tông.

Đến nước tên Cầm Công trong khi ẩn náu, nó đã giúp đỡ bao che và lúc tên Cầm Công trở mặt cắn càn, nó lại cho quân tiếp sức. Xâu xé bờ cõi ta, chiếm lấn đất đai ta. Khinh nhờn tự phụ, lừa dối làm càn. Đây đâu chỉ là mối lo một thời nơi cương giới, mà thực là mối thù muôn kiếp của nước nhà.

Trẫm nối phúc cả của tiên tổ, rộng mưu xa của Hoàng vương. Rửa sĩ nhục cho Triệu Tống phải cầu hoà rợ Nhung[1], mở lòng hiếu sinh như trời đất; phục mối thù cho Tề Tượng đã chết vì nạn nước, đánh dẹp theo nghĩa sách Xuân Thu[2].

Huống chi đám dân chốn man rợ này, từ lâu nhiễm hôi tanh của loài chó Lão Qua; muốn khôi phục cương thường cho tục mọi, ắt phải vung cung kiếm, dậy oai thanh lừng lẫy.

[21b] Người có sức vác đỉnh, dựng cờ đều tập hợp trong quân ngũ; kẻ có tài nhảy xa, vượt ải, đều xô đến dưới bóng cờ. Người bàn luận quân cơ, giúp thêm mưu kế; kẻ núi rừng ẩn dật đóng góp tài năng. Người người đều hăm hở vung gươm, ai ai cũng múa tay nhảy nhót. Hãy xem ý chí của ba quân, đủ biết lòng người đều muốn đánh.

Đã định ngày 28 tháng 7 này, đặc mệnh tướng thần, chia đường tiến đánh. Chinh Tây tướng quân[3] Lê Thọ Vực là tiên phong, đi đường chính chỉ huy các quân các doanh du kích, trước hãy giết tên cháu hiếu của giặc Bồn Man để chặt vây cánh nó, rồi chiếm ngay đất hiểm yếu là xứ Trấn Ninh mà đánh vào lòng giặt. Chinh Di tướng quân Trịnh Công Lộ chỉ huy các doanh quân thổ binh từ đường An Tây tiến vào để chiếm giữ mạn thượng lưu. Trấn Lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn chỉ huy các doanh quân hoành dã từ đường Ngọc Ma đánh tới để cắt ngăn đường giặc chạy. Du kỵ phó tướng quân là bọn Lê Lộng đi đường châu Thuận Mỗi để bóp cổ chẹn lưng.Thảo tặc phó tướng quân là bọn **[22a]** Lê Nhân Hiếu theo lối phủ Thanh Đô để đánh chỗ sơ hở. Muốn một trận đập tan nước Tề, phải nhiều mưu mà lừa nước Sở. Nó như ong đàn kiến lũ, cố giữ thì được bên nọ, núng đàng kia; nó tựa hươu chạy, quạ kinh, đánh lại thì thế đã chia, lực lại yếu. Liệu mưu lược ta đã bày trước, biết quân giặc tất phải cầm tù.

Nay trẫm tự cầm cờ mao trắng điều khiển, tự cầm lưỡi búa vàng chỉ huy. Đánh dẹp đất man, trói bắt bọn giặc mà đời trước không trói bắt được; kế tục ông cha, làm xong công việc mà người xưa chưa thể làm xong. Để cơ đồ lâu dài đến muôn đời được mở mang; để sĩ nhục to lớn của trăm vua được rửa sạch. Trên trời cao, dưới đất rộng, sáng soi công liệt huy hoàng, tây giáp biển, nam gặp sông, rộng mở cơ đồ sáng lạn. Bá cáo trong nước, để mọi người hay".

Tháng 8, ngày 23, sai tướng thần đem 18 vạn quân, chia làm 5 đường **[22b]** đi đánh Ai Lao, Bồn Man và Lão Qua, đều phá tan cả.

Phò mã đô uý Đông quân đô đốc phủ chưởng phủ sự Đoan Vũ hầu Trịng Công Lộ làm Chinh Di tướng quân, đeo ấn tướng quân. Đô đốc đồng tri Lê Vĩnh làm Chinh Di phó tướng quân và Tổng bình đồng tri là bọn Nguyễn Lộng dẫn quân kiên dũng các vệ Minh Nghị, Quảng Vũ, Ngọc Kiềm, Anh Đức, Phấn Uy thuộc Đông quân, gồm 2.000 người, theo đường An Tây tiến đánh Ai Lao. Du kỵ phó tướng quân Lê Lộng và Thổ binh tham tướng Đinh Thế Nghiêu đều dưới quyền chỉ huy.

Lại lệnh cho bọn Công Lộ rằng:

Nay sai bọn các ngươi đem quân hùm gấu, quét bọn chó dê, phải dùng quyền uy sai khiến các tướng. Ngươi mang ấn tướng quân nếu như để lỡ cơ hội, thì cho chạy trạm tâu báo ở hành tại; hàng tham tướng, phó tướng mà trái lệnh thì đóng cũi giải về ngự doanh; từ hàng vệ, tổng trở xuống thì cứ chém đầu, không phải **[23a]** ngần ngại.

Lại lệnh cho quan ký lục là bọn Nguyễn Như Uyên, Nguyễn Căng: trên từ tướng súy, dưới đến binh lính, người nào chăm chỉ được việc, người nào lười biếng ngu đần, kẻ nào dám hèn nhát khiếp nhược... tất cả đều phải ghi chép cho rõ để tâu lên.

---

[1] Nhà Tống đến thời Cao Tông phải xưng thần, nộp cống cho nước Kim. Các vua Tống họ Triệu nên gọi là Triệu Tống.

[2] Chỉ việc Tề Tượng công diệt nước Kỳ để báo mối thù của tổ 9 đời Tề Ai công được sách Xuân Thu khen.

[3] Nguyên văn là " Chinh at6y tướng sĩ, chữ " sĩ " in lầm, các bản in sau chữa là 'quân'"

Lại ban cho Chinh Di tướng quân doanh ngân bài nhỏ thưởng công để sau ban thưởng tuỳ theo mức độ.

Sai Chinh Tây tướng quân Sùng quận công Lê Thọ Vực đem quân đi theo đường chính Trà Lân, chỉ huy các doanh du kích, đánh Ai Lao và Bồn Man. Sai Trấn Lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn chỉ huy các doanh hoành dã từ đường Ngọc Ma tiến sang để đón chặn đường giặc chạy. Du kỵ phó tướng quân là bọn Lê Lộng tiến theo đường châu Thuận Mỗi để chẹn yết hầu giặc. Thảo tặc phó tướng quân là bọn Lê Nhân Hiếu thì theo đường Phủ Thanh Đô mà đánh vào chổ sơ hở của giặc. Năm đạo quân cùng hợp đồng đánh Ai Lao, phá tan bọn chúng, vào thành Lão Qua[1] , tịch thu của cải châu báu. **[23b]** Quốc vương nước ấy chạy trốn. Ta bắt sống dân chúng, chiếm lấy đất đai, đến tận sông Trường Sa[2], giáp biên giới phía nam nước Miến Điện, nhận được thư của nước Miến Điện, thắng trận trở về.

Tháng 9, ngày mồng 1, ra sắc chỉ cho các đô đốc của năm phủ và thượng thư của sáu bộ rằng: Khi tan chầu lui ra, trưởng quan và liêu thuộc bên dưới nếu tự tiện về nhà thì xử tội giáng chức.

Ngày 13, ra sắc chỉ rằng: Khi làm chúc thư và văn khế, phải tìm người cùng thôn ấp, tuổi từ 30 trở lên, lập văn tự làm chứng, thì mới cho phép thi hành. Kẻ nào dám cố tình trái lệnh này, dỗ bảo người ít tuổi làm chứng, hòng cho trôi kế gian của mình, thì xử chúc thư, văn khế đó không hợp pháp.

Mùa đông, tháng 10, ngày 18, đại giá khởi hành đi đánh Ai Lao.

Ngày hôm ấy đóng đinh ở Phù Liệt. Giờ dậu có hỏa tai, lửa cháy lan đến kho thuốc súng của vệ Thiên Uy ở cửa Đoan Môn. Cháy **[24a]** sạch cả khu nhà túc trực của các vệ Thần tý, Tráng sĩ, Điện tiền ở phía tây.

Tháng 11, ngày mồng 6, ra săc chỉ sai Phó đoán sự vệ Cẩm y Trần Bảo và Đô chỉ huy thiêm sự Phạm Nhân Kính đến phủ Trấn Ninh để trù tính tại chỗ, lo liệu chứa lương.

Trần Bảo cùng Hữu tuần tiễu[3] phó tướng quân Nguyễn Cảnh Thanh lực chọn những người khỏe mạnh, tự nguyện trong kỳ quân và người làm thợ ở hai doanh tả hữu, mỗi doanh lấy 600 người cộng là 1.200 người, lấy khí giới, lương thực của các doanh để đi đến quân doanh của Chinh Tây tướng quân Lê Thọ Vực.

Xuống chiếu hỏi tin tức đánh nước Lão Qua và hỏi tin về các doanh của Chinh Di tướng quân Trịnh Công Lộ miền thượng lưu, của Trấn lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn miền hạ lưu xem đã tiến được gần hay xa, còn hành quân đã hay ngừng lại... phải tâu lên cho tường tận, hẹn **[24b]** ngày 21 tháng này, đến hành điện Chiềng Vang báo cáo. Lại dụ rằng:

Thư báo thắng trận của Chinh Tây quân doanh đánh phá nước Lão Qua bị giặc Bồn đón chặn mà mất thì bọn tướng quân Lê Thọ Vực làm bản tâu theo sự thực và kê khai họ tên những người cắt được tai giặc tại trận giao cho Trần Bảo mang theo về hành tại.

Ngày mồng 8, xa giá đi tới Châu Bồ, đóng doanh ở đây 4 ngày. Đến ngày 22 [4] đại giá trở về.

Ngày 29, quan Khâm sai phó đoán sự vệ Cẩm y Trần Bảo và Hữu tuần tiễu phó tướng quân Nguyễn Cảnh Thanh mang sắc chỉ tới Sa Quan, châu Niệm Tống Trung ở ngã ba sông miền thượng lưu thuộc đất Lão Qua.

Tháng 12, ngày 28, vua về tới kinh sư.

Lại đánh Bồn Man. Sai tướng quân Kỳ quận công Lê Niệm đeo ấn tướng quân, mang **[25a]** 30 vạn quân đánh Bồn Man, vì có thư báo thắng trận của Chinh Tây quân doanh đánh nước Lão Qua bị giặc Bồn đón chặn làm mất.

---

[1] Tức là thành Luông Pha Bang, tục gọi là Mường Luông.

[2] CMCB23 chép là sông Kim Sa, sông Kim Sa tức là sông Irauadi ở Miến Điện.

[3] Nguyên văn là "Tả hữu tuần tiễu phó tướng quân... "Sửa theo tờ 24b: "Hữu tuần tiễu phó tướng quân Nguyễn Cảnh Thanh...".

[4] Ngày mồng 8, xa giá tới Châu Bồ, đóng doanh 4 ngày, thì ngày trở về phải là ngày 12 chứ không phải là ngày 22.

Quân vào cửa ải, Cầm Công bỏ chạy rồi chết. Quân ta đốt thành, đánh phá các thành khác, đốt các kho tàng.

Trước đây dân chúng Bồn Man có đến 9 vạn hộ nhưng bị chết đói gần hết, chỉ còn hơn 2.000 người, mới sai người tới xưng thần xin hàng. Bèn phong cho người giống nòi đó là Cầm Đông làm Tuyên úy đại sứ, lại đặt quan lại trấn giữ các huyện để cai trị. Sau Cầm Đông lại làm phản.

Sửa định lại biệt lệnh 25 điều về việc đi đánh Chiêm Thành và quy định chính lệnh hành quân cùng các lệ thưởng công.

Canh Tý, [Hồng Đức] năm thứ 11 [1480], (Minh Thành Hóa năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, xa giá từ Bồn Man về đến [kinh sư].

Ngày mồng 10, Tri huyện Bằng Tường nhà Minh là Lý Quảng Ninh bắt giam người của ta sai đi là Hoàng Thế Cung.

[25b] Thải bớt người già yếu trong quân ngũ và miễn duyệt tuyển.

Tháng 3, ngày 15, ra lệnh rằng:

Các quan viên nhận chức ở vùng đất độc hại đã đủ hai lần khảo khóa trở lên mà xứng đáng với chức vụ, không có tội lỗi, thì Lại bộ xét thực, rồi điều về chổ đất lành.

Ra sắc chỉ rằng:

Phép khảo khóa đã có lệnh sẵn, cốt để phân biệt người hay dở, tỏ rõ việc khuyên răn. Nay Lại bộ và quan các nha môn trong ngoài, nên theo đúng lệ mà làm để khuyến khích mọi người. Nếu dám nhu nhơ bỏ phép như trước kia, thì khoa phụ trách kiểm xét nêu lên, theo luật mà trị tội.

Ngày 22, giờ dậu, mưa đá trong 2 khắc.

Thải bớt quân sắc.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 6, giờ dậu, có sao sa từ giữa trời rơi về phương đông.

Hộ bộ thượng thư Lê Đoan Chi dâng lời bàn:

Các quan phủ huyện tuy làm xong việc thuế khóa, nhưng nếu trông nom việc đắp đê làm đường không chăm, những lúc rỗi việc nông mà chưa hoàn thành, để trở ngại tới thu hoạch, thì đến **[26a]** kỳ khảo khóa sẽ không được thực chức và thăng cấp, để răn những kẻ coi thường việc dân.

Tháng 6, hạn.

Ngày 20, ra sắc chỉ rằng:

Hình quan và các quan thừa hiến phủ, huyện các xứ xét xử án kiện, lấy của đút thì nhiều, giữ lẽ công thì ít, có trường hợp để ứ đọng văn án đến 3, 4 năm; có trường hợp nha môn trên dưới đùn đẩy lẫn nhau, đổi trắng thay đen, cho trái làm phải, gian trá trăm cách, lý ngay không được tỏ bày, oan trái nhiều, sầu than lắm, đến nỗi hạn hán xảy ra luôn. Triều thần phải công bằng mà lựa chọn hoặc hoặc sa thải hình quan và quan thừa hiến phủ huyện các xứ để đều được người giỏi, xét xử đúng lẽ, phái tâu lên để thi hành.

Ngày 25, Tổng binh đồng tri Bắc Bình Trần Ao sai liệt hiệu Đào Phu Hóan đem 600 tên quân cờ đến địa phương Cảm Quả mở cửa ải Thông Quang[1] đến tận ruông xứ Ban **[26b]** Động dựng dóng rào chắn nganh. Đầu mục người nước ngoài[2] là bọn La Truyền đem thổ binh tới đánh bắn. Phu Hoán lui quân về cửa ải. La truyền lại đem quân nhổ rỡ dóng đem đốt đi. Trần Ao đem việc ấy tâu vua sai quan Tư lễ đưa tờ tâu cho triều thần xem. Lê Niệm tâu rằng:

---

[1] Cửa ải Thông Quan ở xã Quang Lang, châu Ôn, sau đổi là đồn Quang Lang (CMCB 13).

[2] La Truyền là một viên thổ tù tỉnh Quảng Tây, Nguyên vănlà "hóa ngoại đầu mục ", nghĩa là viên đầu mục ở ngoài vòng giáo hóa của triều đình (Đại Việt).

Nay nếu dựng lại dóng rào, tất họ lại phá đi, không có ích gì. Nên sai quan đến khám, nếu qủa là đất của ta xen vào trong đất của họ và bị họ xâm chiếm thì vẽ địa đồ cho rõ ràng, vều tâu đúng sự thực, rồi làm tờ tư sẵn đợi lệnh. Năm này sai sứ sẽ giao cho bồi thần mang đi trình với đô ty tỉnh Quảng Tây, biện bạch phải trái, rồi sau hãy dựng rào. Vua y theo.

Ra sắc chỉ rằng:Các quan vào chầu, khi đến ngoài cửa Đoan Môn, nếu gặp ngày mưa thì tạm tránh mưa ở hai bên hành lang phía đông và phiá tây.

[27a] Ra sắc chỉ rằng: Các lại viên thi đỗ thì được bổ làm chánh quan các châu, huyện và các chức kinh lịch, thủ lĩnh, phó sứ: Còn các lại viên không thi đỗ thì chỉ bổ làm quan thủ lĩnh hoặc các quan ở châu, huyện.

Muà thu, tháng 8, có sắc dụ rằng: Hình quan là chức quan trọng, phải chọn người có sở trường. Quan các ty ở Hình bộ, không kể là nho hay là lại, nếu tài năng kiến thức nông cạn, không am hiểu về hình danh, thì đường quan bộ ấy lựa thải ra, làm ban tâu lên, giao cho Lại bộ đổi bổ chức khác, rồi chọn các quan trong kinh ngoài trấn, người nào đã nhận chức đủ hai kỳ khảo khóa trở lên, đã thi đỗ và có tài năng, kiến thức, cùng những người do lại viên xuất thân mà đã từng trải việc hình danh để bổ vào thay.

Ngày 27, nhà Minh có sắc văn đưa sang nói rằng:

"Gần đây, được các quan trấn thủ và tổng binh Vân Nam, tâu rằng Quốc Vương An Nam vô cớ điều động binh mã đánh giết ở đất Lão Qua **[27b]** đến nay vẫn chưa lui quân, lại định đánh nước Bát Bách Tức Phụ[1]. Vậy tư cho Vương biết, nếu có phạm lỗi nói trên, nên gấp lui quân; nếu không, Vương phải sang báo ngay để triều đình truy xét kẻ báo cáo bậy trị tội theo pháp luật.

Ngay hôm ấy, vua sai Tư lễ giám đưa tờ sắc ấy cho triều thần xem. Bọn Lê Thọ Vực bàn nên trả lờilà:

Vì hiện nay có 13 người ở thành Đông Quan chạy trốn sang biên giới nước Lão Qua, nên sai bọn đầu mục Nguyễn Báo đến địa giới để đòi lại, chỉ bắt được xe buôn bán chở về, không liên quan gì đến việc đánh Lão Qua và việc muốn đánh Bát Bách Tức Phụ cả. Điều ấy là nói bịa. Bèn giao cho Nguyễn Văn Chất mang tờ tâu đi.

Bọn Binh bộ tả thị lang Trần Trung Lập, Hàn lâm kiểm thảo Lê Tuấn Ngạn, Phan Quý vâng mệnh đi sứ nhà Minh trở về, nhân tiện mang theo sắc văn của vua Minh về. Vua sai **[28a]** Ngô Văn Thông đưa sắc ấy cho triều thần xem. Tờ sắc nói:

"Mới rồi bọn bồi thần Trần Trung Lập tâu rằng lễ tiến cống tới Long Châu, huyện Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Thì Tri huyện Lý Quảng Ninh, Tri châu Thiệu Nguyên không ứng phó nghênh tiếp ngay và chia cho hai châu Thượng Thạch, Hạ Thạch chở đi, đến nỗi bị ngăn trở lâu hàng tháng, nên từ nay, hễ có sứ thần sang kinh đô, thì gửi tờ tư trước cho các quan Tổng trấn, hẹn ngày tới Bằng Tường đón chuyển tới Long Châu, Tuyên phủ Quảng Tây theo lệ cắt người đưa đi, khi sứ thần về thì giao cho quan lại có trách nhiệm đưa ra ngoài cửa ải Huống Thôn để cho khỏi bị chậm trễ".

Ba ty Đô, Thừa, Hiến Lạng Sơn là bọn Lưu Doãn Trực, Nguyễn Đễ (có sách chép là Lưu Doãn Thông và Nguyễn Hữu Đễ) tâu rằng:

Người châu Tư Lăng nước ngoài tràn vào châu Lộc Bình, cướp lấy của cải và trâu bò súc vật của bọn Hoàng Lô, Mã Bát ở Lộc Bình mang đi. **[28b]** Quan thủ bị Lê Đình Hoán không biết ngăn giữ: xin giao cho vệ Cẩm y bắt hỏi tội.

Bọn triều thần Lê Thọ Vực nói: Nó quen thói trước, hay tràn vào cướp bóc dân ta. Nay nên sai Đông các soạn tờ điệp văn cho vệ Lang Sơn gửi sang châu Tư Lăng trách họ về việc không biết cấm đoán nhân dân trong hạt, để chúng liều lĩnh gây hấn ở biên giới, vượt cõi cướp bóc trâu bò của cải,yêu cầu bắt phải trả lại.

---

[1] - Bát Bách Tức Phụ: có nghĩa là "Tám trăm vợ. "Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư thì đó là tên một bộ lạc người Man vùng biên giới Vân Nam - Miến Điện. Tương truyền tù trưởng bộ lạc này có 800 vợ, mỗi vợ quản lý một trại, vì thế mới gọi là nước Bát Bách Tức Phụ.

Lại soạn thảo sắc chỉ, sai một viên giám sát và một viên quan nhàn rỗi cùng với ba ty xứ đó điều tra xem bọn Hoàng Lô với bọn kia trước đây có chuyện gì với nhau không, duyên do phải trái thế nào, xét cho rõ ràng tâu lên. Năm nay sai sứ Đông các lại đem đầu đuôi việc cướp bóc trước sau, soạn tờ tư của triều đình, giao cho sứ thần nhân tiện mang sang cho các quan Tổng trấn và Tổng đốc Lưỡng Quảng yêu cầu điều tra xem châu Tư Lăng trong hạt vì cớ gì đem dân chúng vượt qua biên giới sang cướp bóc, gây hấn sinh sự **[29a]**. Bọn Lê Đình Hoán không biết ngăn giữ để người nước ngoài vào cướp bóc, nếu đúng như lời tâu của bọn Lưu Doãn Trực thì cho bắt hỏi. Lại bộ kíp chọn quan khác đến thay.

Mùa đông, tháng 11, ngày 18, sai bọn bồi thần Nguyễn Văn Chất, Doãn Hoành Tuấn, Vũ Duy Giáo sang tuế cống nhà Minh và tâu việc Chiêm Thành.

Tháng 12, ngày đinh dậu, vua đưa tờ biểu về việc tiến cống hằng năm so Hàn lâm viện thị thư Lương Thế Vinh soạn thảo để triều thần bàn.

Bọn Lê Thọ Vực nói:

"Ba bài biểu, văn đều thuận lẽ cả, như bọn Thân Nhân Trung đã cùng tâu lên".

Về giấy tờ bang giao, vua trước hết sai quan Hàn lâm viện soạn thảo, rồi trao xuống cho Đông các xem, sau lại đưa cho triều thần xem. Nếu có ý gì khác, thì cho sửa lại. Vì thế, người Minh thường khen rằng nước ta có nhiều người giỏi.

Ba tờ biểu văn thì một tờ **[29b]** trình việc đầu mục nước ngoài là La Truyền[1] phá dóng rào ở cửa ải Thông Quang,một tờ trình về việc Tri huyện Bằng Tường Lý Quãng ninh bắt giữ người của ta sai đi là Hoàng Thế Cung.

Phát tiền nộp chủ ban cho đại thần và các quan mua tơ lụa dâng nộp, vì mùa đông năm ấy là kỳ sai sứ cống phương Bắc.

Tân Sửu, [Hồng Đức] năm thứ 2 [1481], (Minh Thành Hóa năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 19, Đô cấp sự trung Vũ Mộng Khang dâng thư nói các việc, đại khái có 4 điều:

1- Kẻ nào xâm chiếm ruộng đất của người khác và chặt nêu, nhổ mốc, tự tiện lập giới hạn thì phải phạt trượng và biếm truất: nếu phá bỏ bờ ruộng thì chỉ phạt tiền thôi.

2- Kẻ nào chặt phá cây cối, tre pheo ở vườn mộ người khác thì phải phạt trượng và biếm truất, nếu cày phá mộ của người xưa thì đều xử tội lưu.

3- Lấy vợ phải lấy người ngoài, không được lấy **[30a]** kẻ giàu sang, thân thích phi loại, kẻ nào vi phạm, thì xử tội đồ.

4- Các quan ty sở tại khi khám xét án kiện trong ngoài và loại tạp phạm, phải theo đúng hạn định trong luật mà xử đoán phải trái, không được đùn đẩy cho nhau để kéo dài; kẻ nào làm trái thì phải phạt tiền như lệnh.

Mùa hạ, tháng 4, thi hội cho các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Phạm Đôn Lễ 40 người.

Ngày 27, vua ngự điện Kính Thiên, thân hành ra đầu bài văn sách hỏi về lý số.

Cho bọn Phạm Đôn Lễ, Lưu Hưng Hiếu, Nguyễn Doãn Định ba người đổ tiến sĩ cập đệ; bọn Ngô Văn Cảnh 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Minh Đạo 29 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

(Phạm Đôn Lễ, tên tự là Lư Khanh, người huyện Ngự Thiên, phủ Tân Hưng ngụ ở làng Thanh Nhàn, huyện Kim Hoa[2], khi đỗ 27 tuổi, thi hương, hội, đình đều đỗ đầu, người đời gọi là Tam nguyên Đôn Lễ).

---

[1] Nguyên văn là "Hóa châu đầu mục La Truyền..." chữ "Hóa Châu" là do chữ "hóa ngoại" khắc lầm.BK 13, 236b đã chép rõ La Truyền là "hóa ngoại đầu mục".

[2] Sau là huyện Kim Anh, nay thuộc Sóc Sơn, Hà Nội.

Tháng 5, ngày 21, triệu bọn tiến sĩ Phạm Đôn Lễ vào trong Đan Trì. Vua **[30b]** ngự điện Kính Thiên. Các quan Hồng lô truyền lệnh gọi tên. Lại bộ ban ấn mệnh. Lễ bộ bưng bảng vàng, nổi trống nhạc, rước ra ngoài cửa Đông Hoa treo lên. Xong rồi ty Mã cứu đem ngựa tốt đưa trạng nguyên về nhà.

Xuống lệnh rằng:

Quan các vệ, ty, sở Tráng sĩ, Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền, Ngũ phủ, Mã nhàn, Thuần tượng trong kinh, các quan vệ sở, phủ, châu, huyện bên ngoài, nếu có người đẽo khoét quân lính, mọt hại nhân dân, chỉ chăm làm lợi cho mình, không nghĩ đến phép nước, ở trong thì đường quan là các Chỉ huy, đề đốc Kiểm điểm, Đô đốc và các quan Đoán sự, Kinh lịch; bên ngoài thì hay ty Thừa, Hiến, đều phải công bằng xét xử, tham khảo dư luận của mọi người, người nào trước kia có những loạn, tuy không có chứng thực, nhưng mọi người đều biết; cùng là người nào liêm khiết, không mắc **[31a]** thói tham ô, kê ra từng loại tâu lên cả, trao cho Giám sát ngự sử ở đạo đó thẩm tra lại, làm bản tâu lên, sẽ khu xử để tỏ rõ khuyến khích và trừng phạt.

Lập sở Đồn điền. Xuống chiếu rằng:

Mở đồn điền là để dùng hết tiềm lực của nghề nông, mở rộng nguồn trích trữ cho nhà nước. Nay lệnh cho các xứ định đồn điền thành ba bậc thượng, trung, hạ.

Tháng 6, ngày 20, chọn thải bớt quan viên và bổng lộc.

Quan viên quá nhiều, tiêu phí lộc kho, lục khoa phải tra xét xem từ năm Quang Thuận thứ 2 đến nay, quan viên nào đã từng phạm các tội hối lộ, đã bị xử các tội biếm, giáng, cùng các tướng hiệu, quản áp, để thiếu ván thuyền, gỗ lạt, củi, gạch... vụng trộm bắt quân nộp tiền, đến nỗi thiếu nhiều thứ phải nộp, trị giá từ 10 quan trở lên mà người ấy hãy còn tại chức thì bắt phải thôi việc, để triệt những quan tham nhũng **[31b]** cho bớt lộc.

Ngày 21, xuống chiếu rằng:

Các quan trong ngoài đua nhau kiếm lợi là bởi quan có trách nhiệm ăn nói chưa được người giỏi. Kẻ thì nhu nhơ không có tài cán gì, người thì đả kích quá để rước gièm pha. Quan lại tham nhũng, dân chúng oán thán, đem khí dữ làm trái khí hòa, mối tệ này phải nên trừ bỏ. Từ nay trở đi, các chức khoa đài, hiến sát, triều thần phải công bằng mà bàn chọn, ai nên thả ra, ai nên bổ thay, làm bản tâu lên thi hành, để trừ bỏ tệ cũ.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 4, Phó đô ngự sử kiêm Tả xuân phường tá trung doãn Quách Đình Bảo tâu về việc tự tiện đuổi dân trú ngụ như sau:

"Thần trộm nghĩ rằng: Kinh sư là gốc của bốn phương; tiền của trao đổi mua bán tất phải cho lưu thông đủ dùng, không nên để thiếu thốn. Trước đây, dân cư phủ Phụng Thiên, trừ những người quê quán ở phủ đó, gián hoặc có người tuy không phải quê ở đó, nhưng có **[32a]** cửa hiệu, thuế ngạch và nộp thuế, chịu sai dịch với bản phường. Nay quan phủ Phụng Thiên lại không hỏi xem dân tạp cư ở đó có cửa hiệu, thuế ngạch hay không, đuổi hết cả về nguyên quán, e rằng như thế thì nơi kinh sư sẽ buôn bán thưa thớt, không còn sầm uất phồn thịnh nữa, không những người làm nghề buôn bán sẽ thất nghiệp nhiều, mà chợ búa e sẽ trống rỗng, ngạch thuế sẽ có thể thiếu hụt, có phần không tiện. Vì thế tâu xin: Ngoài những kẻ vô loài tạp cư thì nên đuổi đi, còn những người chuyê có hàng chợ, cửa hiệu, trước đây đã biên vào thuế ngạch thì hãy cho được cư trú để buôn bán sinh nhai, cho vào bản phường nộp thuế theo lệ cũ".

Tháng 9, ngày 27, ra sắc chỉ rằng: Từ nay, các phi tần và quan viên thì làm sổ riêng.

Mùa đông, tháng 10, ra sắc chỉ rằng: Quan các vệ, sở, người nào dám hạch **[32b]** sách tiền của như trước, tính từ 5 tiền trở lên thì pháp ty sẽ trị tội theo luật pháp, ngoài ra, từ 4 tiền trở xuống thì nhất luật bãi chức sung quân, như lệ quan viên tham nhũng.

Xuống chỉ dụ gồm 56 điều:

Tuyển người bổ sung quân ngũ.

Khảo thi con cháu các quan viên, hỏi về làm văn, viết chữ, làm toán.

Đào hồ Hải Trì. Hồ này quanh co đến 100 dặm. Giữa hồ có điện Thúy Ngọc, bên hồ xây điện Giảng Võ để tập luyện binh tượng.

Lấy Nguyễn Bá Ký làm Lại bộ thượng thư. (Nguyễn Bá Ký người Chí Linh).

Nhâm Dần,[Hồng Đức] năm thứ 13 [1482], (Minh Thành Hóa năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự về Tây Kinh.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 6, ra sắc chỉ rằng: Nho sinh tú lâm cục, số người thêm nhiều mà người giảng tập thì ít. Quan Lại bộ chọn lấy 3 viên quan Hàn lâm viện có thể kiêm chức Tư huấn Tú lâm cục **[33a]** rồi làm bản tâu lên, thuyên bổ để tiện giảng tập.

Định lệnh bảo cử quan Thừa ty. Ra sắc chỉ rằng: Quan Thừa ty các xứ, chức nhiệm rất nặng nề, trong khi chọn bổ, phải được mọi người đều bằng lòng. Kể từ nay, quan Thừa ty các xứ có khuyết thì Lại bổ tâu lên, đưa xuống cho triều thần theo như lệ của hai ty Đô, Hiến mà bảo cử quan viên trong ngoài, người nào làm nổi chức ấy, đưa cho Lại bộ thi hành.

Ngày 16, lấy Đào Cử làm Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư. Vì Cử hầu vua đi đánh miền tây, chăm chỉ được việc, không hề phạm lệnh cho nên được thăng chức.

Tháng 8, đại xá thiên hạ, có 63 điều.

Làm sổ hộ tịch. Nghiêm Lâm tâu rằng:

Khi làm sổ hộ tịch, Xã trưởng phải chua rõ các quan viên **[33b]** chức phẩm cao hay thấp, tư tước nhiều hay ít. Nếu không chua rõ ràng, Hộ khoa kiểm soát tâu lên, quan phủ huyện và Xã trưởng đều bị trị tội.

Tháng 9, ngày 15, giờ Tuất, nguyệt thực.

Mùa đông, tháng 10, khảo hạch quân và dân, hỏi về viết chữ, làm toán.

Ra sắc chỉ kiểm xét sổ hộ tịch và sổ ruộng đất. Từ Lục[1] khoa đến Lại bộ, nho sinh Tú lâm cục, cùng với lại viên Hộ bộ và lại viên Thừa ty đều tới chùa Báo Thiên, quán Hội đồng để cùng khảo xét với phủ, huyện.

Lấy Lê Ninh làm Hộ bộ tả thị lang: Phạm Hưng Hiếu làm Hộ khoa cấp sự trung.

Quý Mão, [Quang Đức] năm thứ 14 [1483], (Minh Thành Hóa năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 13, cấm yến tiệc công làm cỗ bàn tiếm lễ.

Ngày 15, cấm thả kỳ quân để thu tiền và thông đồng với con buôn.

[34a] Làm điện Đại Thành, đông vu, tây vu ở Văn miếu cùng điện Canh Phục, kho chức ván in, kho chứa đồ tế lễ, đông tây đường nhà Minh Luân.

Tháng 2, ngày 15, ra sắc chỉ rằng: Nhân dân và quân sắc, ai thi hương đỗ tam trường, thì sung sinh đồ, đỗ tứ trường thì sung sinh viên ở Tăng Quảng đường như lệ cũ. Nếu sinh đồ từng thi hương mà không trúng kỳ nào thì phải sung quân, trúng một kỳ thi về làm dân chịu phú dịch như lệ. Sinh viên Tăng Quảng đường mà thi hội không đỗ thì sung quân. Quan Thừa, Hiến và quan Quốc tử giám phân loại tâu lên để thi hành theo lệ đã định.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 14, ra sắc chỉ rằng: Các tư nhân tranh chấp đánh nhau thì pháp ty chia ra thủ phạm và tòng phạm mà trị tội.

Ngày 22, ra sắc chỉ rằng: Kể từ nay, sáu bộ có các bản tâu **[34b]** và hết thảy công văn các việc, đều phải ký tên ở cuối tờ giấy như các quan Kinh lịch năm phủ và thủ lĩnh Thừa ty các xứ.

Tháng 5, ngày 18, ra sắc chỉ cho chánh quan các sở Tuần tượng, Mã nhàn được đeo thẻ bài vào các buổi triều tham thường lệ, như quy định cho các chánh quan ở năm phủ.

---

[1] Nguyên văn là "tự Lục khoa". Bản dịch cũ, theo Lịch triều hiến chương loại chí chữa là "mệnh Lục khoa", nghĩa là "sai Lục khoa".

Quy định thời hạn vào trường thi hương và lệ tiến cống sĩ nhân. Bọn Lễ bộ thượng thư Lâm Giang bá Lê Hoằng Dục tâu rằng:

Có sắc chỉ sai chiếu số học trò của Thừa tuyên sứ ty các xứ nhiều hay ít mà liệu định ngày vào thi. Vâng tra năm Hồng Đức thứ 5, tháng 8, ngày mồng 5, Hàn lâm thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung bàn tâu về lệ cống sĩ của các Thừa ty các xứ. Các xứ Hải Dương Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc mỗi xứ 130 người. **[35a]** Các xứ Thanh Hóa, Yên Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, mỗi xứ 30 người.

Còn như nhật kỳ vào trường thi hương, chưa biết định vào ngày nào cho phải, bọn thần xin đợi lời Thánh thượng dạy cho: Thi hương thì Thừa ty các xứ trong nước và phủ Phụng Thiên lấy ngày mồng 8 tháng 8 năm nay đều vào kỳ đệ nhất. Thừa ty các xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc lấy ngày 18 tháng ấy vào kỳ đệ nhị, ngày 25 vào kỳ đệ tam, ngày mồng 1 tháng 9 vào kỳ đệ tứ, ngày mồng 7 treo bảng sĩ nhân đỗ. Các xứ Thanh Hóa, Nghệ An ngày 15 tháng 8 vào kỳ đệ nhị, ngày 22 kỳ đệ tam, ngày26 vào kỳ đệ tứ, ngày mồng 1 tháng 9 treo bảng sĩ nhân thi đỗ. Các xứ Thuận Hóa, An [35b] Bang[1], Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên và phủ Phụng Thiên đều lấy ngày 13 tháng 8 vào kỳ đệ nhị, ngày 18 vào kỳ đệ tam, ngày 26 vào kỳ đệ tứ, ngày mồng 1 tháng 9 treo bảng các sĩ nhân thi đỗ.

Tháng 6, ngày mồng 9, mưa gió to, nước lụt.

Ngày 24, định lệ giảm bớt Xã trưởng.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng 2, Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo tâu rằng:

Những kẻ phạm các tội như đại ác, đại nghịch, phản bội, trộm cướp, hối lộ, xui kiện, hống hách, gian dâm, tham ô, bày mưu hãm hại người, cố ý giết người là những tội gặp kỳ ân xá thường lệ không được dự vào. Còn những tạp phạm khác, tuy phát hiện ra sau khi có lệnh ân xá, nhưng đã phạm từ trước khi có lệnh ân xá, thì đều cho được hưởng lệnh ân xá để rộng ơn thánh. Vua nghe theo.

[36a] Mùa đông, tháng 11, ngày 11, sai Lê Đức Khánh, Nguyễn Trung, Đỗ Cận sang cống nhà Minh.

Ngày 12, ra sắc chỉ cho các vệ, ty, sở làm đồ khí giới thì phải tới Vũ khố của vệ, ty, sở mình mà làm, không được tự tiện làm ở nhà giải vũ và điếm quân ở ngoại thành, ai vi phạm bị xử tội lưu.

Sắc dụ cho Hàn lâm viện thừc chỉ Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo, Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận, Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư Đào Cử, Hàn lâm thị thư Đàm Văn Lễ, biên soạn các sách Thiên Nam dư hạ tập[2] và Thân chinh ký sự[3].

Vua đề vào bản thảo bài tựa Thiên nam dư hạ tập của Đại học sĩ Thân Nhân Trung rằng:

Hỏa thử thiên đoan bố,
Băng **[36b]** tàm ngũ sắc ty,
Cánh cầu vô địch thủ,
Tài tác cổn long y.
(Vải dệt lông chuột lửa,
Lụa năm sắc tằm bằng,
Lại tìm tay vô địch,
Cắt may áo cổn rồng).

---

[1] Nguyên văn là "An Quảng". Nhưng trước đó (tờ 35a) đã ghi là An Bang, An Bang đổi thành An Quảng là việc về sau, vào đời Lê Anh Tông (húy là Bang) (1556-1573).

[2] Thiên Nam dư hạ tập: gồm 100 quyển, ghi chép đủ các chế độ, luật lệ, điều lệ, cáo sắc của cả một thời. Sau đời Lê trung hưng, các bộ này bị tan tác, mươi phần chỉ còn được một.

[3] Thân chinh ký sự: nghĩa là ghi chép về việc thân chinh của nhà vua.

(Xét sách Thần dị kỳ kinh của Đông Phương Sóc có nói rằng: Ở ngoài cõi Nam hoang có lửa, trong lửa mọc loại cây không bao giờ chết. Lửa cháy đêm ngày dù mưa to gió lớn cũng không tắt. Trong lửa có con chuột nặng trăm cân, lông dài hơn 3 tấc, nhỏ như sợi tơ có thể dệt thành vải. Sách Thập dị ký của Vương Tử Niên có nói rằng: Núi Viên Kiệu ở biển Đông có giống tằm băng dài 7 tấc, có vẩy, có sừng, lấy sương tuyết phủ lên, có kén tơ năm sắc, dệt làm áo mặc lội nước không thấm ướt).

Lấy Nguyễn Xung Xác làm Hàn lâm thị độc chưởng viện sự.

Giáp Thìn, **[Hồng Đức] năm thứ 15 [1484],** (Minh Thành Hoá năm thứ 20). Mùa xuân, tháng giêng ngày 16, Thái uý Phú Quốc công Lê Thọ Vực chết.

Tháng 2, có dụ ân xá.

Thi hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Phạm Trí Khiêm 44 người.

Tháng 3, ngày mồng 1, ra sắc chỉ rằng: Kể từ nay, ai khai đào mỏ bạc thì phải nộp thuế theo quy định.

Thi đình, đề văn sách hỏi về nhà Triệu Tống dùngnho sĩ. Cho bọn Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Giác, Mai Duy Tinh **[37a]** ba người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Ngô Văn Phòng 16 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Chu Đình Bảo 25 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ngày mồng 10, nhắc rõ lệnh cấm mua bán ức hiếp. Sắc chỉ nêu rõ:

"Việc cấm mua bán ức hiếp đã có lệnh rất nghiêmmà các nhà quyền hào vẫn chưa đổi thói cũ, hại dân chúng, hỏng chính sự không gì tệ bằng. Kể từ nay, phủ Phụng Thiên và hai ty Thừa, Hiến các xứ phải nhắc lại lệnh cũ, cấm đoán, răn bảo. Các nhà sắm sửa lễ vật cưới xin, nếu mua bán ở hàng chợ dân gian, hàng hoá lớn nhỏ đều phải tuân theo thời giá, không được quen thói gian ngoan như trước, ỷ thế cậy oai, mua hiếp, cướp đoạt, kẻ nào vi phạm thì trị tội theo như lệnh trước".

Ngày 12, nhắc lại việc đàn bà phá thai và phá thai cho người khác.

Trước đây có lệnh cấm rằng: **[37b]** Loại đàn bà tàn nhẫn, vì muốn ít con cái để giữ lấy nhiều của, hoặc ngại việc sinh đẻ, muốn tránh khó nhọc, thấy mìmh có thai, dùng kế cho sẩy thai, thương tổn tính mệnh, làm hại luân thường, cùng là những kẻ phá thai cho người khác, đều phải tra xét, trị tội theo luật pháp. Thế mà chúng vẫn coi là tờ giấy lộn, không đổi lỗi trước, vẫn theo thói cũ, tệ trước càng tăng, coi thường pháp luật, làm hư phong tục không gì hơn thế. Nay hãy nhắc rõ lệnh trước, răn cấm nghiêm hơn, nế có người đàn bà nào như hạng nói trên, mà mọi người đều biết, cùng là người chồng không biết răn cấm, đều trị tội theo luật pháp.

Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu cấm kẻ giàu ỷ phép quấy nhiễu xưởng khai mỏ vàng bạc.

Cấm trong nước; Nếu không phải là các dịp tế lễ, giỗ chạp, cưới xin, ân mệnh, ăn mừng, đám ma mà vô cớ họp nhau ăn uống **[38a]** thì trị tội theo luật pháp.

Ngày mồng 9, cấm người giữ cửa nhận tiền đút lót.

Ngày 21, định lệnh rằng khi nộp các ngạch thuế vào kho thì quan đạc chi của các Thừa ty không được gây khó dễ.

Ngày 29, định mệnh cấm mả chôn sau không được che lấp hướng mả chôn trước.

Trước đó, phó sứ Thanh hình hiến sát sứ ty xứ Yên Bang là Nghiêm Quang tâu rằng:

"Mộ của quan viên và dân chúng chưa có phân biệt, cho nên kẻ dân mọn ngu tối thấy người có quan tước thì cho là do mạch đất mà được thế, khi có người nhà chết thì đua nhau chôn ở đằng trước, sát phạm đến nấm mồ. Con cháu nhà có mồ bị vi phạm, thường đem việc đó kiện tại cửa quan thì lại chưa có quy định riêng, nên cũng khó lòng xét rõ phải trái. Vậy có nên chiếu theo chức phẩm cao thấp mà quy định đất để mồ mả rộng hẹp hay không?

Đến đây Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo bàn rằng:

"Đất để mồ mả của quan viên và dân **[38b]** chúng trong nước, có khi là ruộng đất công, có khi là ruộng đất tư. Nếu kẻ nào lấy ruộng tư làm đất để mồ mả thì kích thước rộng hẹp cũng phải theo hướng đất trước sau cho phải. Người để mồ sau không được cậy là ruộng đất tư của mình mà chôn sát, che lấp mồ chôn trước. Kẻ nào cố ý vi phạm thì con cháu họ hàng nhà chôn trước kiện tại quan tư sở tại, bắt mồ chôn sau phải dời đi chỗ khác và bắt phải nộp tiền tạ lễ theo như luật pháp". Vua y theo.

Ban xuống lệnh thưởng công.

Cấm nha môn các phủ, vệ, ty cậy quyền ỷ thế mà chửi mắng viên thủ lĩnh và ban ơn trả oán mà tiến cử hay sa thải người càn bậy.

Tháng ấy, định lệ lấy người các xã phục dịch lễ đảo vũ.

Các quan vâng mệnh đi đảo vũ ở đền chùa nơi nào, cho lấy người xã gần đó và người xã gần đó và người xã bản xứ để đốt hương, đóng oản, **[39a]** phục dịch các quan và nuôi dưỡng tăng sĩ, mỗi ngày 10 người, luân phiên thay đổi để tiện việc cầy cấy.

Ngày 13, định lệnh sách công ban xuống, Hiến ty phải kiểm soát.

Bấy giờ Lễ bộ thượng thư kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo tâu rằng:

Trước đây, hằng năm sách công ban xuống cho các phủ ở ngoài như Tứ thư, Ngũ kinh, Đăng khoa lục, Hội thí lục, Ngọc đường văn phạm, Văn hiến thông khảo.Văn tuyển, Cương mục, cùng các loại sách thuốc. Nhưng có khi phủ quan tham ô, tư tiện giữ riệt lấy làm sách tư cuả mình, không hề giao cho học quan và y quan, rất là trái lệ. Vì thế xin tâu bày: Hiến ty các xứ hãy kiểm soát các phủ trong hạt mình, nếu thấy những sách nói trên mà quan bản phủ cố tình giữ riệt, sách học không giao cho học quan, sách thuốc không giao cho y quan, thì cứ thực tình tâu hặc lên, giao cho **[39b]** Hình bộ trị tội. Vua y theo, cho nên có lệnh này.

Tháng 5, ngày 26, ra sắc chỉ rằng: Các quan cai quản quân dân trong kinh ngoài trấn, trong đó có người liêm khiết, cũng có kẻ tham nhũng, nếu không phân biệt nêu lên thì khuyên răn thế nào được? Trong thi Đô đốc năm phủ, ngoài thì đường quan ba ty Đô, Thừa, Hiến, các quan hãy công bằng mà bảo cử các quan vệ, phủ, huyện, châu trong ngoài, người nào liêm khiết, người nào tham nhũng đều phải khai rõ sự thực, hẹn trong 3 tháng kể từ ngày sắc chỉ đưa tới, làm bản tâu lên, giao cho Ngự sử đài xét lại mà thi hành khu xử để ỏ rõ cách khuyên răn và để nới sức cho quân dân.

Ngày 27, Lại bộ thượng thư Nguyễn Bá Kỳ tâu rằng: Các quan viên có việc mà Hình bộ xét hỏi, có viên nào can phạm phải trị tội, thì lập tức phải vâng lệnh đòi lại sắc **[40a]** mệnh cũ và khám hợp rồi trao về Lại bộ tâu nộp.

Tháng 6, ngày 16, định lệnh bổ dụng sinh viên ba xá. Bọn Phó đô Ngự sử đài Quách Hữu Nghiêm tâu rằng: Bọn thần trộm thấy quy định về sinh viên ba xá của Quốc tử giám, cho phép người nào mỗi năm thi hội mà rúng một kỳ được các kỳ: hễ trúng được ba kỳ thì làm sung làm thượng xá sinh, trúng được hai kỳ thì làm trung xá sinh, trúng một kỳ thì sung làm hạ xá sinh, mỗi xá là 100 người đều được cấp tiền kho. Sinh viên ba xá mỗi người đều được 9 tiền. Đến khi bổ dùng, thì Lại bộ và quan Quốc tử giám bảo lĩnh tiến cử để chọn bổ, còn như số lượng chọn bổ thì ba xá đều nhất loạt giống nhau không có phân biệt. Nay về tiền lương của sinh viên ba xá thì hạ xá sinh nên giảm, thượng xá sinh nên tăng 1 tiền cho đủ 1 quan, trung xá sinh để nguyên 9 tiền như trước, hạ xá sinh giảm 1 tiền còn **[40b]** 8 tiền. Đến khi bổ dụng thì Lại bộ và quan Quốc tử giám chỗ khuyết mà bảo cử: thượng xá sinh 3 phần, trung xá sinh 2 phần, hạ xá sinh 1 phần. Như thế thì sinh viên ba xá thi trúng được mấy kỳ, học giỏi hay kém, thứ bậc trước sau được thích hợp mà nhân tài trong nước đều được khuyến khích. Vua y theo.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 4, định lệnh đắp bờ ruộng để giữ nước. Ra sắc chỉ cho hai ty Thừa, Hiến các xứ và các quan phủ, huyện, châu rằng: Kể từ nay, xứ nào trong hạt có đê điều bị vỡ, ngập mất lúa mất mùa mà thế có thể giữ nước để làm nhiệm vụ chiêm thì hai ty Thừa, Hiến ra lệnh cho các quan Hà đê, Khuyến nông các phủ, huyện, châu phải nhân dịp nước rút dần, nghĩ trước kế chống đói cho dân, xem xét địa thế, tùy theo tiện nghi, đốc thúc **[41a]** dân làng cơi đắp bờ ruộng, cần giữ lấy nước để làm nhiệm vụ chiêm, không được vứt bỏ chức trách của mình, coi thường đau khổ của dân, ngồi nhìn mà không có kế sách gì, để dân phải đói khát.

Ngày 15, dựng bia có bài ký ghi tên các tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 vua Thái Tông triều ta đến nay.

Vua cho là từ năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông đến giờ[1], việc dựng bia, đề tên tiến sĩ các khoa vẫn chưa làm được, sai Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo biên rõ họ tên, thứ bậc các tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông, khoa Mậu Thìn năm Thái Hòa thứ 6 triều Nhân Tông, khoa Quý Mùi năm Quang Thuận thứ 4, khoa Bính Tuất năm thứ 7, khoa Kỷ Sửu năm thứ 10, khoa Nhâm Thìn năm Hồng Đức thứ 3, khoa Ất Mùi năm thứ 6, khoa Mậu Tuất năm thứ 9, khoa Tân Sửu năm thứ 12 đến khoa Giáp Thìn năm nay, **[41b]** khắc vào bia đá.

Quách Đình Bảo nhân xin đổi trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa thành tiến sĩ cập đệ, chánh bảng thành tiến sĩ xuất thân, phụ bảng thành đồng tiến sĩ xuất thân để hợp với quy chế ngày nay. Vua y tờ tâu, sai Công bộ khởi công dựng tạc bia.

Bọn từ thần là Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại thần học sĩ Thân Nhân Trung, Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư Đào Cử, Đàm Văn Lễ, Ngô Luân, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Nguyễn Đôn Hậu, Hàn lâm viện thị thư kiêm Sùng văn quán Tú lâm cục tư huấn Lương Thế Vinh, Đông các hiệu thư Lê Tuấn Ngạn, Hàn lâm viện thị độc kiêm Tú lâm cục tư huấn Nguyễn Xung Xác chia nhau soạn văn bia. Bọn Trung thư giám chính tự Nguyễn Tủng và Thái Chúc Liêm **[42a]** cùng điển thư Phạm Lý vâng sắc chỉ viết chữ. Kim quang môn đãi chiếu Tô Ngai vâng sắc chỉ viết chữ triện.

Xét bài văn bia của Đỗ Nhuận:

"Sự nghiệp trị nước lớn lao của Đế vương, không gì cần kíp hơn nhân tài, điển chương chế độ đầy đủ của nhà nước, tất phải chờ ở bậc hậu thánh. Là bởi trị nước mà không lấy nhân tài làm gốc, chế tác mà không dựa vào thánh nhân đời sau thì đều chỉ là cẩu thả tạm bợ mà thôi, sao có thể đạt tới chính trị phong hóa phồn vinh, văn vật điểm chương đầy đủ?.

Kể từ Thái Tổ bắt đầu sửa sang việc học vào kỷ nguyên Thuận Thiên, Thái Tông mở khoa thi đầu vào năm Đại Bảo thứ 3, Nhân Tông chọn người hiền, dùng bậc giỏi, kính cẩn tôn theo phép cũ. Đến như việc dựng (có sách chép là "phụ") bia ở nhà Thái học thì vẫn để đó chưa làm; văn vật đầy đủ, như còn chờ bậc hậu thánh.

Nay Thánh thượng như trời mở trung hưng, tự mình gánh vác đạo lớn, việc tôn sùng Nho giáo càng thành khẩn chăm lo. Huống chi nhân tài đã được các tiên thánh nuôi dạy từ lâu, hơn nữa lại nhờ công sức mười **[42b]** năm nâng vực. Trước đây 6 năm một lần thi lớn, nay thi châm chước theo chế độ nhà Chu đã định là 3 năm. Trước kia lấy đỗ đều không quá hai ba chục người, nay thi rộng xét thực tài, không lo nhiều quá.

Cho nên tôn trọng biểu dương, đức ý rất hậu, ân vinh thứ bậc. tiết mục tận tường, vẹn toàn, rực rỡ, vượt cả xưa nay. Cho nên bia đá khắc tên, vẫn ghi việc thực, đặt ở cửa hiền, tưởng lệ kẻ sĩ, công việc làm của nhà vua tốt đẹp nhường nào.

Thế thì triều Lê ta văn minh đầy đủ, khoa mục mở mang, mở nguồn từ thời Thuận Thiên, bắt đầu từ năm Đại Bảo, thịnh hành từ đời Thái Hòa, mà thịnh nhất vào đời Hồng Đức vậy. Nếu như không phải do Thánh thượng làm tròn trách nhiệm bậc thầy, thân hành nắm giữ quyền hành chế tác, thì sao có thể thực hiện cái chí của người trước chưa thực hiện được, hoàn thành sự nghiệp mà người trước chưa hoàn thành".

[43a] Tháng 9, ngày mồng 5, ra sắc chỉ rằng: Các viên Huấn đạo, có khi nhiều người cùng khảo cứu một kinh mà học trò lại học kinh khác, không tiện việc truyền dạy. Sắc cho Lại bộ điều tra sự thực, tiến hành ngay việc điều động thay đổi, chọn người nghiên cứu kinh khác đổi bổ thay cho nhau.

Ra sắc chỉ, định lệnh các sắc quân, người nào cùng vô sở xuất thì sai làm việc nhẹ.

---

[1] Từ khoa NhâmTuất năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đến khoa Giáp Thìn năm Hồng Đức thứ 15 (1484) gồm 10 khoa.

Ngày 29, ra sắc chỉ rằng: Khi làm chúc thư, văn khế, thì nhất loạt dùng thứ giấy lục lô hạng trung, còn hết thảy giấy tờ khác dùng giấy quan hạng trung. Đó là lời tâu của Tri huyện Tế Giang[1] Đặng Kiến Tố.

Mùa đông, tháng 10, ngày 11, ra sắc chỉ rằng: Con cháu các vị công thần khai quốc hễ là các công thần khoảng nămThuận Thiên đã nhận quan chức, hoặc [các công thần] tuy không được ban tên tự (có sách ghi là tên họ) nhưng đã được dự vào hàng công thần khai sáng, khoảng năm Thuận Thiên, cũng dự có công đã được quan chức đến nhất, nhị phẩm, nếu con cháu của họ **[43b]** còn ở trong quân ngũ thì cho chính người ấy đưa đơn kêu ở hai ty Thừa Hiến bản xứ, làm bản tâu lên, giao cho Binh bộ xét thực, nếu sức vóc có thể dùng được thì sung làm tuấn sĩ vệ Cẩm y, nếu sức yếu không làm nổi thì cho được miễn phú dịch. Đó là lời xin của Thái phó Tĩnh quốc công Lê Niệm.

Quy định việc xây dựng hành điện:

Hành điện gồm 5 gian, 2 chái, nhà bếp mỗi dãy 3 gian, một đài Quan canh[2] ở giữa, cao 5 thước, rộng 40 thước, làm một khu đàn Tiên nông cao 7 thước, rộng 36 thước, 4 mặt đắp tường đất, cùng đi cửa đi ngựa vào. Đều ở xã Hồng Mai, huyện Thanh Đàm[3].

Làm điện Đại Thành ở Văn Miếu cùng nhà đông vu, tây vu, điện Canh phục, kho chứa ván in và đồ tế lễ, **[44a]** nhà Minh luân, giảng đường đông tây, nhà bia đông tây, phòng học của sinh viên ba xá, và các cửa, xung quanh xây tường bao.

Tháng 12, ra sắc chỉ rằng:

Kể từ nay, quan các nha môn trong ngoài có bị khuyết, khi vâng mệnh bảo cử, người nào từng biết rõ người nào đó quả có tài năng, kiến thức, thanh liêm, có thể bổ làm chức gì, thì các quan khoa, đài, phải dùng biên chép, chua sổ rõ ràng. Sau này người được bảo cử, nếu có kẻ bỉ ổi, tham nhũng không làm việc, làm quan không công trạng gì, thì phải tra xét xem viên quan nào đã bảo cử bậy người ấy, tâu hặc lên để tra xét/

Lấy Lê Đình Ngạn làm Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Thanh Tương bá kiêm Tông nhân phủ tả tông nhân chính.

Lấy Lê Trạc làm Phò mã đô uý Vân Dương bá; Lê Quyền làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Kinh Dương Bá.

[44b] Ất Tỵ, [Hồng Đức] năm thứ 6 [1485], (Minh Thành Hóa năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 11, định lệnh:

Các quan phủ, huyện, châu trong nước nộp thuế nhân đinh điền tô, đầu nguồn, nếu dám lười biếng không chăm thu nộp, đến nỗi dây dưa để thiếu thì đòi tiền bồi thường theo như lệnh đã định (lệnh chia làm 10 phần, đòi ở người thiếu thuế 7 phần, đòi ở quan trưởng phụ trách 3 phần). Nếu người nào đói rét khốn khổ thì thôn trưởng phải làm tờ cam đoan và cùng nhau bảo đảm, theo như lệnh trước mà thi hành.

Tháng 2, ngày 12, ra sắc chỉ rằng: Các bản tâu và đề của nha môn trong ngoài thí chính viên quan phụ trách phải ký tên, không được sai lại viên viết chữ ký thay.

Tháng 3, Thái phó Tĩnh quốc công Lê Niệm chết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 10, định lệnh nộp thuế của xứ Quảng Nam.

Trước đó, xứ Quảng Nam không có thuyền, **[45a]** hằng năm quân dân khiêng gánh thường bị mất mát. Kể tứ nay, mỗi khi đến kỳ nộp thuế, cho Thừa ty Quảng Nam chuyển giao thuế hiện vật cho ba ty Đô, Thừa, Hiến Thuận Hóa để sai người chuyển đệ nộp lên.

---

[1] Tế Giang: Sau là huyện Văn Giang, nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

[2] Đài Quan Canh: đài cao để vua xem cày cấy.

[3] Nay là xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tháng 4 nhuận, ngày 24, định lệnh về số tiểu đồng đi theo hầu trong khi tiến triều. Lệnh quy định: Đại thần và các quan văn võ từ nay khi vào chầu, đến ngoài cửa Đại Hưng phải xuống kiệu hoặc ngựa. Nếu là công, hầu, bá, phò mã thì được 2 tiểu đồng theo hầu, quan nhất phẩm được 1 người. Khi vào đến ngoài cầu Ngoạm Thiềm thì dừng lại. Ai vi phạm thì quan giữ cửa ngăn lại, tâu hặc lên để giao xét hỏi.

Mùa thu, tháng 7, ngày 13, ra sắc chỉ cho Lễ bộ yết bảng như sau:

1. Quan các vệ, sử năm phủ sau khi tan chầu đều phải về nha môn của mình để bàn bạc việc quan, không được như trước đây **[45b]** tụ họp bàn luận ở ngoài rèm trong kho Loan Giá.

2. Khi các quan vào chầu và khi còn ở trong triều đường, lại viên các nha môn đi theo bản quan đến bên ngoài các cửa Đông Trường An và Nam Huân thôi, không được như trước đây, vào cửa bừa cả cửa Chu Tước. Nếu là lại viên các nha môn Lại bộ, Lục khoa, Thượng bảo tự, Đạc chi thông chính sứ đi và hộ vệ thì không ngăn cấm.

3. Khi tan chầu, lại viên các nha môn năm phủ, sáu bộ, Đông các, Ngự sử đài, sáu tự, sử quan đem sổ vào để kiểm xét, hay vào sáu khoa để tra xét sổ sách thì đều không cấm.

Ngày 26, định lệnh rằng: Kẻ nào đem việc can phạm đáng được ân xá và đã xảy ra trước khi có ân xá mà cáo giác ra nữa thì phải tội. Đó là theo lời tâu của Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Tư Phụ.

Ngày 27, định lệnh khảo thí cho nghiêm ngặt để miễn tuyển. Ra sắc chỉ quan hai ty Thừa, Hiến các xứ rằng:

[46a] Trước đây, khảo thí để miễn tuyển, có nhiều kẻ mang sách, thi hộ, số đỗ đến hơn vạn người, rất là nhũng lạm. Kể từ nay, các xứ khảo thí hạng nói trên, phải lấy người biết chữ, hay văn. Đến khi thi phúc hạch mà còn có kẻ bỏ trắng hay bất thành văn lý, thì cho các quan đề điệu, giám thí, tuần xước niêm phong quyển thi ấy lại tâu lên. Nếu từ 1 người đến 4,5 người như vậy còn bản thân người đó thì xử tội đồ làm lính.

Tháng 8, ngày mồn 3, định nghi thức vào chầu cho các quan. Nghi thức như sau:

Kể từ nay, vào ngày phiên chầu, hồi trống thứ nhất, quan hộ vệ theo thứ tự tiến vào Đan Trì, hồi trống thứ nhất, quan hộ vệ theo thứ tiến vào Đan Trì, không được đường đột tranh đi trước, chen lấn lộn xộn. Sau khi trống đã đánh hồi thứ ba mà các quan còn ở ngoài cửa Chu Tước và sau khi chuông đã đánh quá 50 tiếng rồi **[46b]** mà còn ở bên tả, ty Xá nhân vệ Cẩm y hặc tâu lên để trừng trị.

Tháng 4, định lệnh về việc biết chữ viết hộ đơn kiện và xúi giục người kiện.

Mùa đông, tháng 10, ngày 14, sửa lại lệch về con đích, con thứ.

Vua dụ các quan viên lớn nhỏ và dân chúng rằng:

Những con cháu được dự vào việc thừa tổ tiên, không kê tuổi tác lớn hay nhỏ, không cứ là trật quan cao hay thấp, phải theo đạo luân thường, giao cho con đích. Nếu con đích chết trước thì giao cho cháu trưởng, nếu không có cháu trưởng thì mới dùng đến con thứ. Người vợ đích lại không có con cái, thì mới chọn người tốt trong số các con người vợ thứ. Nếu con trưởng, cháu trưởng bị bệnh tật, hoặc là hạnh kiểm không tốt, không đáng được thừa tự thì nên cáo ngay cho quan có trách nhiệm chọn người con hoặc cháu khác làm thừa tự **[47a]**. Như vậy để tỏ rằng: Người làm cha không được quá yêu dấu thiên lệch để xảy ra tan cửa nát nhà, kẻ làm con không được bất nghĩa mà gây thói xấu tổn thương phong hóa.

Tháng 11, có lệnh bổ các có lệnh bổ các chức thuế sứ, phố chính. Ra sắc chỉ rằng:

Kể từ nay, chức thuế vụ sứ bị khuyết thì Lại bộ lấy viên lại nào có chân xuất thân ở các nha môn đã được tuyển chọn nhưng chưa được lấy dùng mà thuyên bổ, để tiện việc ghi chép và tra cứu các sổ thuế. Còn các thuế sứ như dịch thừa, phố chính thì lấy các quân cơ có công chém giặc, đã được tuyển chọn nhưng chưa được lấy dùng mà thuyên bổ, theo nhu lệ trước. Đó là theo lời tâu của Lại khoa cấp sự trung Hoàng Thiệu.

Ngày 14, nhắc lại lệnh về hào cường hoành hành. Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Kinh Dương bá Lê Quyền tâu rằng:

Hễ là hạng hào cường cậy thế mà phạm các tội đánh người bị thương, cướp đoạt **[47b]** ruộng đất, tài vật của người khác, cày phá mồ mả, xâm phạm làm tổn hạiđến người khác, từ 3 lần trở lên, rõ là hành vi ngang ngược của bọn cường hào mà dẫu có ân xá cũng không được hưởng, thì bị trừng trị theo tội cường hào hoành hành. Nếu những việc can phạm nói trên chỉ có một hai lần, cùng là các tội tranh nhau về ruộng đất, hay đánh nhau... thì theo luật mà trị tội.

Ngày 21, chọn bổ các phương diện quan[1] và giám thủ khách sứ[2].

Ra sắc chỉ rằng: Thừa ty, Hiến sát là những phương diện quan, trách nhiệm đã tôn, quyền uy cũng trọng, trong khi tuyển bổ phải dùng người tốt. Nếu bị khuyết: Tham nghị thì dùng quan từ lục phẩm trở lên: có tài năng kiến thức và uy tín, nhậm chức đủ 4 lần khảo khóa trở lên; Hiếu sát thì dùng quan các nha môn, khoa đài, Quốc tử giám, Lục tự mà thanh liêm, sáng suốt, từng trải đủ 4 lần khảo khóa trở lên được mọi người suy tôn ca ngợi, theo lệ mà tuyển bổ. Nếu dám lấy tình riêng, tuyển bổ bậy những kẻ phẩm trật thấp, tại chức ít ngày, **[48a]** để đến nỗi dư luận không hay, việc dân sinh tệ thì Lại khoa xét hỏi tội.

Định lệnh cho sứ thần các phiên bang vào triều cống kinh quốc[3].

Nếu sứ thần các nước Chiêm Thành, Lão Qua, Xiêm Lam, Trảo Oa, Lạt Gia[4] và đầu mục phụ trách các trấn biên giới đến quán Hội Đồng thì vệ Cẩm y sai kỳ quân các ty Tráng sĩ, ngũ thành binh mã và lang tướng đều phải theo đúng phép mà trông giữ, nghiêm ngặt canh phòng, cho những khi đi lại trên đường, vào chầu ra mắt cũng phải dẫn đưa sau trước, xua đuổi bọn tiểu nội[5], bọn nô tỳ công tư, không cho chúng được đến gần hỏi han, trao đổi trò chuyện, để xảy ra tiết lộ sự tình, dụ dỗ gây tệ hại. Nếu giám quan phụ trách không biết phòng ngừa nghiêm ngặt, lấy tình riêng mà dung túng, thì các kỳ bài tráng sĩ ty Xá nhân vệ Cẩm y cứ thực tâu lên để bắt về trị tội.

[48b] Ngày 26, định lệnh tôn trọng lễ nghĩa, khuyến khích nông tang. Vua dụ các quan Thừa, Hiến, các quan phủ, huyện, châu các xứ trong nước rằng:

"Lễ nghĩa để sửa tốt lòng dân, nông tang để có đủ cơm áo. Hai điều đó là việc cần kíp của chính sự, là chức trách của các quan nuôi giữ dân. Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ tất cả những phép dạy dân nên phong tục tốt, những việc dấy lợi trừ hại cho dân, không điều gì không nói rõ trong các huấn dụ để các ngươi theo thế làm.

Thế mà của cải của dân vẫn chưa được dồi dào, phong tục dân vẫn chưa được sửa tốt, há chẳng phải do bọn các ngươi chỉ lấy sổ sách làm việc gấp mà coi giáo lệnh chỉ là mớ hư văn, xem ước hẹn hội họp là cần trước tiên mà để phong tục của nhân dân ra ngoài suy nghĩ, cho nên đến nỗi như thế? Kể từ nay, bọn các ngươi hãy bỏ hết tệ trước, tất cả sắc lệnh của triều đình, phải một lòng một dạ thi hành. Dân chúng bị đói rét thì phải trăm phương nghĩ cách xoay xở. Quan phủ, huyện, châu hằng năm phải định kỳ **[49a]** xem xét chỗ ruộng cao, ruộng thấp, khuyên dạy việc nông tang. Đất nào còn bỏ không thì tìm cách mà khai khẩn, người nào còn sức lực thì tuỳ việc cho trông nom, để cho dân có của thừa và không còn nạn đói rét lưu vong nữa. Hoặc là trong dịp tuần hành hằng năm, đến chỗ dân cư thôn xóm nào, đều phải lần lượt nên rõ nội dung của các sắc dụ đời trước, lời dạy về lễ nhạc xưa nay, ân cần bảo ban, để dân theo điều lành, sửa tội lỗi. Nếu có việc gì hại giáo hoá, xấu phong tục phải để ý răn trị. Người nào trung tín, hiếu, để, phải chú ý khen thưởng. Như vậy thì dân đều trở nên trung hậu mà thói

---

[1] Phương diện quan: chỉ những đại thần nắm quyền cai trị cả một vùng lớn.

[2] Khách sứ: sứ thần các nước phiên thuộc.

[3] Tức kinh đô.

[4] Lạt Gia: tức Mã Lạt Gia (Malacca).

[5] Tiểu nội: chỉ chung những đầy tớ hầu hạ trong cung.

điêu bạc gian dối đều được trừ bỏ. Người nào biết tuân theo và thi hành có hiệu quả thì hai ty khai tâu lên để khen thưởng. Nếu viên nào coi thường chức sự thì bãi chức sung quân".

Tháng 12, ra lệnh rằng: Quan coi sông ở các xứ, nếu gặp ngày dâng biểu, cho phép làm **[49b]** lễ ở nha môn mình, không phải tới Đô ty.

Lấy Lê Đoan Chi làm Binh bộ thượng thư: Lê Công Nhượng làm Lễ bộ thượng thư; Quách Đình Bảo làm Hình bộ thượng thư; Đặng Kiến Tố làm Giám sát ngự sử; Lê Chi làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc Bình Thuần bá; Lê Quảng Chí làm Lễ bộ tả thị lang kiêm Hàn lâm viện chưởng viện sự.

Năm đó giết Trần Phong.

Vua dụ bọn Thượng thư Nguyễn Như Đổ rằng:

Trần Phong hồi trẻ là cựu thần của Lệ Đức hầu[1]. Đến khi hắn làm kinh diên cho Nhân Tông thì yêu quý Lệ Đức, rất khinh miệt ta. Nay Phong làm bầy tôi của ta lại thường mang lòng bất trung, bảo rằng ta đặt quan hiệu của nhà Minh mà làm trái thông chế của quốc triều, cái bụng trái đạo làm tôi của hắn đã rõ lắm rồi. Phong đã bội phản, ai buộc được ra tay mà không thể giết nó? Phong là tên phản quốc, ai là kẻ **[50a]** giơ càng bọ ngựa bênh nó hãy tự ra thú để ta được biết.

Lại dụ bọn Như Đổ rằng:

Ta thấy Trần Phong là người ngoan ngạnh kênh kiêu bạc, trước sao dụ bảo hắn là phải. Còn như hai lần ban thơ tặng hắn, thì lỗi ấy của ta to lắm, cắn rốn hối lại sao kịp? Ta xem vua Hiếu Cảnh nhà Hán, vua Thái Tông nhà Đường, sử khen vào hàng Thất chế, Tam tông[2], cũng còn hối hận về Triều Thác, Tổ Thượng. Ta không anh minh bằng hai vua ấy, làm sao tránh được nhiều điều lầm lỗi đáng tiếc!.

Bính Ngọ, [Hồng Đức] năm thứ 17 [1486], (Minh Thành Hóa năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 12, ra sắc chỉ rằng:

Kể từ nay, Giám sát ngự sử có sai đi công cán ở nơi khí độc như các xứ Yên Bang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Nam thì sai Giám sát ngự sử cai đạo. Nếu Giám sát ngự sử cai đạo sai đi đã hết rồi thì cho sai Ngự sử thông cai. Nếu ngự sử cai đạo và Ngự sử thông cai sai đi đã **[50b]** hết, mới lần lượt sai Ngự sử đạo khác.

Ngày 15, ra sắc chỉ rằng: Các viên nho chỉ huy ở các vệ, ty thì Lại bộ cùng quan vệ đó cộng đồng duyệt chọn những người được nhận văn chức ở các nha môn trong ngoài, người nào có chân thi hội trúng trường và sức vóc khỏe mạnh thì bổ vào các ty ở nha môn để túc trực phục vụ.

Ngày 16, sai quan kiểm nghiệm các vật liệu quân nhu.

Ngày 25, định lệnh đắp dựng mốc giới ruộng đất công tư. Phép làm như sau: Khi rảnh việc làm ruộng, quan phủ huyện chiếu theo bốn mặt giới hạn của ruộng đất trong sổ và ruộng đất được ban cấp, tập hợp những người già cả và xã thôn trưởng cùng nhau chỉ dẫn ruộng công và ruộng đất thế nghiệp là những chổ nào, dựng mốc giới để làm phép vững chắc lâu dài.

[51a] Tháng 2, ngày mồng 3, định lệ bản đề, bản tâu và thể ký tên.

Ngày 29, ra sắc chỉ rằng: Kể từ nay, Thông chính sứ ty nhận được bản tâu của quan viên các nha môn trong ngoài, nếu bản nào có chữ viết thiếu sót sai lầm phải lập tức kiểm soát tâu lên, giao cho Hình bộ phạt tiền như lệnh. Nếu là lính và dân thường thì miễn tiền phạt.

Tháng 3, tuyển người khoẻ mạnh sung quân.

Ngày 14, ban hành điều lệnh Hồng Đức quân vụ gồm 27 điều.

Xét năm Hồng Đức thứ 6, ngày tháng 3, đã ban xuống lệnh sau:

[1] Tức là Lê Nghi Dân.

[2] Thất chế: chỉ 7 vua nhà Hán giỏi làm pháp chế là Cao Tổ, Văn Đế, Vụ Đế,Quang Vụ, Minh Đế, Thương Đế, Tam Tông: chỉ 3 vua nổi tiếng của nhà Đường là Thái Tông, Huyền Tông và Hiến Tông.

1- Các con của quan văn võ nhất phẩm, nhị phẩm và con trưởng của quan tam phẩm, các cháu của công, hầu, bá không biết chữ thì sung làm nho sinh ở Sùng Văn quán. Các con của quan tam phẩm và con của tụng quan văn võ tứ, lục, thất, bát phẩm không biết **[51b]** đọc sách thì sung làm quân ở vệ Vũ Lâm, nếu biết đọc sách và thi đỗ thì sung làm nho sinh ở Túc lâm cục, nếu có tài làm lại và thi đỗ thì sung làm lại ở các nha môn trong ngoài. Quan cửu phẩm thì được 2 con như con của quan bát phẩm, còn các con khác thì như con dân chúng thôi. Cháu của quan thất phẩm trở xuống thì tuyển sung quân như lệ của dân chúng.

2- Cha, con, anh em ruột từ 3 đinh trở lên cùng ở trong sổ hộ tịch của xã thì miễn cho 1 đinh không phải tuyển duyệt sung quân; nếu ở xã, huyện khác thì không được miễn.

3- Những người làm thuê, làm mướn có biết chữ và đã có ty Thừa tuyên bản xứ chuẩn cho thì được miễn không phải sung quân.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 6, Hiến sát sứ của Hiến sát sứ ty các xứ Thanh Hoa là Nguyễn Tộ tâu rằng: Nếu là các quan phủ, huyện mà không chăm đôn đốc làm đê đường cừ đập thì không được thăng cấp.

Ngày 13, ra sắc chỉ cho các vệ rằng: Nô tỳ của các thế gia phải khai họ tên gửi **[52a]** đến phủ Phụng Thiên để kiểm soát. Đó là theo lời tâu của Thiếu doãn phủ Phụng Thiên Nguyễn Tất Bột.

Ngày 21, định các việc xây đắp vào lúc rỗi việc nông.

Tri huyện Thư Trì[1], phủ Kiến Xương là Trần Nhữ Vi tâu rằng:

Đồng ruộng các xứ trong nước cao thấp khác nhau, ruộng mùa, ruộng chiêm lúc bận, lúc rỗi khác nhau. Ruộng mùa thì tháng 2 tháng 3 gieo mạ, ruộng chiêm thì cần kíp về cuối mùa đông. Nay hữu ty gặp có công việc gì, không xét tới thuận lợi cho việc làm ruộng, cứ nhất luật cho cuối mùa đông là lúc rỗi việc đồng áng, thế là chỉ tiện riêng cho dân làm mùa mà dân đồng chiêm thì có trở ngại. Cúi xin từ nay trở đi, nếu có các việc đào đắp thì hai ty phải điều tra xem xứ nào làm ruộng mùa thì khởi công vào cuối mùa đông, xứ nào làm ruộng chiêm thì làm vào những tháng xuân để tiện lợi cho việc của dân. Vua nghe theo.

[52b] Ngày 24, ra sắc chỉ rằng: Ruộng công cứ 6 năm lại kiểm tra đo đạc lại để quân cấp như trước.

Nhắc lại lệnh kiểm soát kẻ trốn đi.

Tháng 5, ngày mồng 1, cấm kén tiền. Sắc chỉ ghi rằng: Việc dùng tiền, quý ở chỗ trên dưới lưu thông, chứa ở kho tàng thì quý ở chỗ để lâu không hỏng. Kể từ nay các nha môn trong ngoài có truy đòi các khoản tiền phạt công hoặc tư, cùng là chi phát, kiểm tra các hạng tiền, cần đem vào kho công chứ lại, thì đều phải chọn lấy tiền đồng thực, tuy vành đồng có sứt mẻ một chút nhưng là đồng thực, để lâu không hỏng, cũng nên nhận lấy. Còn về tiền thay lương cho quan lại và tiền dân chúng sử dụng trong mua bán, hễ là đồng thực còn xâu dây được thì đều phải nhận tiêu, không được loại bỏ hay kén chọn kỹ quá.

[53a] Ngày 22, cấm quan lại nhận chức ở ngoài lấy đàn bà con gái trong bộ hạt của mình.

Ngày 26, mở rộng nhà ngục, bổ thêm người giữ ngục để sai phái.

Định kiểu mũ vào chầu: Kể từ nay, các quan văn võ vào chầu thì đội mũ sa đen, hai cánh đều nhất luật hơi ngả về phía trước, không được tự ý hoặc làm ngang, hoặc làm chếch.

Tháng 6, ngày 11, nhắc rõ lệnh về việc tâu báo việc cấp:

Kể từ nay, các việc công, tư chưa kinh qua các nha môn, châu, huyện, phủ, thừa hiến, đài cùng các viện tuy đã báo rồi nhưng chưa điều tra xong thì đều không được tâu báo vượt lên.

---

[1] Nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Ngày 12, có lệnh cấm không được ở phiên trấn này đổ vào sổ ở phiên trấn khác, như các xứ thừa tuyên Thanh Hoa, Nghệ An, Thuận Hóa, An Bang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, thì Thanh Hoa không được đổi vào Nghệ An, Lạng Sơn không được ghi **[53b]** vào Thái Nguyên.

Ngày 18, ra lệnh cho các phủ, huyện, xã rằng: Nơi nào có ruộng bỏ hoang ở bờ biển mà người ít ruộng tình nguyện bồi đắp để khai khẩn nộp thuế thì phủ huyện xét thực cấp cho làm.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, Giám sát ngự sử đạo Hải Dương Đào Như Lý tâu rằng:

Các sĩ nhân đương đi thi mà gặp phải kỳ lên phiên thì phải nộp tiền. Vua y theo.

Trước đây, từ mùa thu năm Hồng Đức thứ 12 trở về trước, các quan viên tuy chưa đỗ thi hương cũng cho vào thi hội, đến đây có sắc chỉ rằng: Các quan viên, ai có thể theo nghề khoa cử tình nguyện vào thi, nếu ở kinh thì tới phủ Phụng Thiên, ở ngoài thì tới ty Thừa tuyên sở tại mà thi. Trước hết phải qua sát hạch ở phủ huyện như lệ thi hương của dân thường, sau đó, cho vào trường thi hội. Đó là theo lời tâu của Hàn lâm viện thị thư kiêm Sùng Văn quán Tú lâm cục tư huấn Lương **[54a]** Thế Vinh.

Tháng 9, ngày mồng 4, đặt chức Tuần kiểm sứ ở Viêm Sơn, Dịch Sơn, Phong Sơn, Lộng Sơn thuộc thừa tuyên Lạng Sơn.

Ngày mồng 6, ra sắc chỉ rằng:

Người nào dự khảo thi để miễn duyệt tuyển và các hạng con cháu quan viên, quân sắc, thư toán do Xã trưởng bản xã đến Lễ bộ làm giấy cam đoan nhận mặt, đến ngày thi, sáng sớm đưa đơn vào cửa Bảo Khánh để chỉ dẫn rồi mới cho vào trường thi. Đó là theo lời tâu của Lễ bộ tả thị lang kiêm Kim quan môn đãi chiếu Vũ Hữu.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, nhắc lại thể thức tờ tâu.

Ngày mồng 5, có lệnh cấm con cháu và nô bộc các nhà thế gia vô cớ phóng ngựa trên đường phố.

Ngày 26, sai bọn Lễ bộ thượng thư Lê Năng Nhượng, Phạm Phúc Chiêu, Quách Liễn **[54b]** sang tiến cống nhà Minh.

Ngày 29, cấm mò trộm ngọc châu.

Thi con cháu các quan viên, hỏi về văn, viết chữ, làm tính.

Mùa đông, tháng 11, định cách ra vào trong hàng ban chầu. Các quan văn võ, sau khi ban chầu đã bày, hoặc tâu việc gì, tâu xong lùi ra, hoặc có công việc, viêc xong đi ra, đều phải đi vòng theo ban mà cúi rạp xuống, không được đi ngang đi tắt.

Năm ấy, lấy Lê Đoan Chi làm hộ bộ thượng thư Tá Quốc hầu, Nguyễn Như Đổ làm Lại bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tế tửu, Lê Vĩnh làm Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc Đường Khê hầu; Nguyễn Quán làm Trung quân đô đốc phủ hữu đô đốc Mậu Kính tử; Lê Tuyền làm Phò mã đô úy Tử Nghiêm bá, Nguyễn Tứ Chí làm Thanh hình **[55a]** hiến sát sứ ty hiến sát xứ các xứ Hải Dương.

Đinh Mùi, [Hồng Đức] năm thứ 18 [1487], Minh Thành Hóa năm thứ 23). Mùa xuân, tháng 2, cấm xưng hô tiếm vượt.

Tháng 3, thi hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Trân 60 người.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, vua thân hành ra đề văn sách hỏi về đạo trị nước. Xem quyển xong lại cho gọi các tiến sĩ hạng ưu vào cửa Nhật Quang, thân hành giám định. Lấy Trần Sùng Dĩnh đỗ thứ nhất, rồi đến Nguyễn Đức Huấn, Thân Cảnh Vân, đều ban tiến sĩ cập đệ; bọn Vũ Cảnh 30 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Trân 27 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ngày 28, nhắc lại lệnh xưng hô danh hiệu: Như thân vương thì người dưới xưng là "điện hạ", tự thân vương là "phủ hạ"; công, hầu, bá, phò mã và nhất nhị phẩm thì **[55b]** xưng là "các hạ"; nhị phẩm, tam phẩm là "môn hạ"; tứ, ngũ, lục phẩm là "đại nhân"; thất, bát, cửu phẩm là "quan trưởng"... Kẻ nào

còn dám xưng hô tiếm vượt như trước thì người gọi và người nhận đều phải đánh 5 roi, phạt 10 quan tiền.

Định cách bảo tuyển quan Tổng binh. Vua nói: Chức quan Tổng binh nhận ký thác quan trọng ở một phương, không thể trao cho kẻ xấu. Các quan khoa, đài phải bảo đảm lựa chọn vệ quan các nha môn, người nào có đảm lược, có học thức, có uy tín, tài cán, liêm khiết, siêng năng để thuyên bổ chức đó. Ai dám riêng tư mà bảo cử bậy kẻ bỉ ổi, hèn kém, tham ô, lười nhác thì bị trị tội.

Tháng 5, ngày mồng 4, vua ngự điện Kính Thiên, truyền loa xướng danh các tiến sĩ là bọn Trần Sùng Dĩnh. Các quan mặc triều phục chúc mừng. Lễ bộ bưng bảng vàng ra treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

[56a] Tháng 6, ngày 26, sắc cho Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc Kinh Dương hầu Lê Quyền, cùng với nha môn Ngũ phủ, Lục bộ, Ngự sử đài, Lục tự và Nam quân đô đốc phủ Bình Thuần bá Lê Chí soạn dùng Minh lệnh gồm 145 điều.

[Lệnh cho] Các quan viên ở nha môn trong ngoài từ nay trở đi, nếu có mừng nhau, tặng nhau thì phong bì nên dùng loại giấy trung chỉ, không được trang hoàng.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 9, ra sắc chỉ rằng: Quan viên nào không phải là kẻ phạm tội bị giáng chức nếu đã đủ lệ khảo khóa thì cho được thăng chức như lệ quan viên các xứ. Nếu khảo khóa là xứng chức thì chỉ được thăng lên Thừa ty bản xứ, không được chuyển đổi về chỗ gần. Nếu có kẻ tham nhũng thì theo lệnh trước mà bãi chức sung quân Quảng Nam.

[56b] Tháng 9, ngày 15, dựng bia ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa Đinh Mùi năm Hồng Đức thứ 18.

Ngày 18, cấm các quan trong ngoài không có việc gì không được đến nhà túc trực của các vệ Cẩm y, Hiệu lực, Thần vũ, Điện tiền.

Ngày 22, Minh Hiến Tông băng.

Tháng 9, ngày mồng 6, Hoàng thái tử nhà Minh là Hựu Sanh lên ngôi, đổi niên hiệu năm sau là Hoằng Trị năm thứ 1, đó là niên hiệu của Hiếu Tông.

Mùa đông, tháng 11, ra lệnh đại xá gồm 54 điều.

Định thứ tự cho triều thần nghị sự. Xuống chiếu rằng:

Khi nghị sự ở triều đường, nếu có trung quan vâng thánh chỉ truyền hỏi thì trước hết Lục khoa và Ngự sử đài là một thứ; Lục bộ, Lục tự, là một **[57a]** thứ; công, hầu, bá và Ngũ phủ đô đốc là một thứ, tuỳ từng hạng mà bàn luận, cốt phải tường tận, rõ ràng, không được mập mờ, hùa theo hay im lặng, lẩn tránh. Ai vi phạm thì Củ nghi giám sát ngự sử hặc tội tâu lên để đưa xét hỏi. Nếu là Củ nghi hôm đó thì không dự bàn luận.

Mậu Thân, [Hồng Đức] năm thứ 19 [1488], (Minh Hiếu Tông Hoằng Trị năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ai theo hầu về Lam Kinh được thưởng 1 tư.

Tháng giêng nhuận, ngày mồng 3, Đào Cử được thăng Hàn lâm viện thị độc Đông các học sĩ Tu Thận thiếu doãn. Vì Đào Cử giữ chức ở nha môn có nhiều việc, đủ 3 kỳ khảo khóa đều xứng chức, không phạm lỗi, cho nên được thăng.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 9, xuống chiếu rằng:

Từ nay, quan viên các nha môn nếu bị ốm đau tâu xin điều trị thì ghi là "trị bệnh" hay "điều trị", không được dùng tạm chữ "dưỡng" như trước. **[57b]** Đó là theo lời tâu của Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung.

Ngày Mậu Dần 15, giờ Nhâm Tý, hoàng tôn thứ hai là Tuấn sinh (sau là Uy Mục Đế).

Ngày 19, định lễ tiết bồi bái. Xuống chiếu cho các quan văn võ rằng: Nếu có việc làm lễ bồi bái, thì khi làm lễ xong, lại đứng hầu ban theo đúng nghi thức, được lệnh thì rảo bước ra không được chậm chạp, nhởn nhơ, cũng không được chạy vội, đi tràn.

Đại hạn.

Mùa thu, tháng 7, ngày 25, xuống chiếu cho các quan nha môn trong ngoài khám xét kiện tụng, hễ gọi người làm chứng đến xét hỏi, thì quan xét hỏi phải hỏi cho rõ ràng, tường tận. Vụ kiện nhỏ hạn trong 5 ngày, vụ lớn hạn trong 10 ngày, lấy giấy ghi lại lời cung khai cho xong hết, không được bỏ trễ quá thời hạn.

[58a] Tháng 8, ngày Nhâm Thìn mồng 1, hoàng tôn thứ ba là Thuần sinh(sau là Túc Tông).

Ngày 16, định kiểu y phục để tiếp sứ nhà Minh.

Các công, hầu, bá, phò mã và các quan văn võ phải may sẵn áo tơ sa Trữ La màu xanh, có cổ áo bằng lụa, dài cách đất 1 tấc, ống tay áo rộng 1 thước 2 tấc, còn quan hộ vệ thì dùng chế y, dài cách đất 9 tấc, tay hẹp như kiểu cũ. Tất cả đều phải dùng bổ tử đi hia, màu sắc phải tươi sáng, không được dùng thứ cũ, xấu để đợi tiếp sứ nhà Minh.

Sa thải lại viên các nha môn, người nào già kém không siêng năng thì cho nghỉ việc về làm dân, chịu sai dịch, thuế má.

Tháng 9, xuống chiếu rằng: Từ nay, các quan phủ, huyện, châu xét đặt Xã trưởng, hễ là anh em ruột, anh em con chú con bác và bác cháu, cậu cháu với nhau thì cho 1 người làm Xả Trưởng, không được cho cả hai cùng làm **[58b]** để trừ mối tệ bè phái hùa nhau.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, sai Lễ bộ dụ cho Tham chính Quảng Nam Phạm Bá Tông rằng:

Quân dân thuộc Thừa chính ty Quảng Nam sinh con trai từ 15 tuổi trở lên mà tuấn tú, ham học thì đến ngày thi hương, hai ty Thừa, Hiến bản xứ cùng nhau lựa chọn, làm danh sách, cho sung làm sinh đồ của bản phủ, để được dạy bảo cho biết lễ nghĩa.

Ngày mồng 9, định kiểu y phục mới dùng trong nghi lễ tiến triều. Kiểu áo may dài cách đất 2 tấc, tay rộng 1 thước 3 tấc.

Ngày 20, xuống chiếu rằng: Từ nay, các sĩ nhân đã từng đi học, biết làm văn, có hạnh kiểm, đã thi đỗ và được miễn tuyển thi miễn cho nửa phần thuế và sai dịch để mở rộng ý nghĩa nuôi dưỡng nhân tài của triều đình.

[59a] Tháng 11, ngày 20, nhà Minh sai chánh sứ là Hàn lâm viện thị giảng Lưu Tiễn, phó sứ là Hình khoa cấp sự trung Lã Hiến sang báo việc lên ngôi và ban cho vóc lụa.

Ngày 23, làm lễ mở đọc chiếu thư của nhà Minh ở điện Kính Thiên.

Đặt chức Tuần kiểm sứ ở các ải Lôi Quan, Loa Quan, Lãng Quan.

Tháng 12, ngày 11, sai sứ sang nhà Minh: Đàm Văn Lễ, Vương Khắc Thuật, Phạm Miễn Lân mừng lên ngôi Hoàng Bá Dương tâu việc địa phương Chiêm Thành và địa phương Tuy Phụ. Tống Phúc Lâm tiến hương liệu. Hoàng Đức Lương tạ ơn ban cho vóc lụa.

Ngày 13, sai Lễ bộ yết bản về nghi thức tôn kính vua: Các bậc công, hầu, bá, phò mã và các quan văn võ, từ nay trở đi, khi bưng chế cáo, sắc mệnh cùng ngự bảo và sắc chỉ vốn là những trọng **[59b]** khí, đều phải dùng hai tay bưng ngang, đưa lên cao bằng đầu, khi bưng bản tâu, thiếp tâu thì đều bưng cao ngang mặt.

Ban xuống lệ khảo khóa:

1- Phép khảo khoá: 3 năm sơ khảo, 6 năm tái khảo, 9 năm thông khảo rồi mới tiến hành thăng gaíng.

2- Hoàng thân nội, ngoại và con cháu các khai quốc công thần cùng là những võ quan trước đã bổ quan, sau có quân công, nhậm chức đủ hạn khảo khoá, xứng chức, theo lệ, được thăng lên nhất, nhị phẩm thì Lại bộ làm danh sách, xin lệnh chỉ, nếu được lệnh thì cho thăng như lệ. Nếu là con dân, từ chân trắng được bổ nhiệm quan chức, hoặc từ chân trắng do có chiến công được làm quan, nhậm chức đủ hạn, khảo khoá xứng chức đáng được thăng cấp thì chỉ cho thăng đến tam phẩm, không được nhất, nhị phẩm.

3- Trong 9 năm, nếu đã được thăng cấp do lập công khác, tới kỳ thông khảo, lại xứng chức, đáng **[60a]** được thăng đến nhị phẩm trở lại thì Lại bộ làm bản tâu lên để nhận lệnh, còn từ tam phẩm trở xuống thì cứ theo lệ mà thi hành.

4- Quan các nha môn tại chức đủ ba kỳ khảo khóa phải khai trình đầy đủ những việc đã làm trong nhiệm kỳ, có phạm lỗi gì hay không. Trưởng quan phụ trách phải công bằng xét duyệt, tính bắt đầu từ ngày được bổ nhiệm. Thí quan đủ 3 năm được thực thụ thì được coi là qua kỳ sơ khảo. Trong khi tại chức mà có phạm lỗi thì không được khảo khoá, cùng là người không phải do quân công mà được thăng đặc cách, thì từ khi phạm lỗi và đặc cách thăng cấp đó, lại tính là kỳ sơ khảo. Kê rõ từng hạng xứng chức, bình thường, không xứng chức để định việc khảo khóa.

Lại khai rõ công việc đã làm, có phạm lỗi gì không, để trình lên quan phụ trách nha môn xét duyệt, rồi gửi cho Lại bộ giữ để xét. Đợi đủ 9 năm qua kỳ thông khảo, quan phụ trách trình lên tất cả những công việc trước sau mà viên ấy đã làm qua mỗi kỳ khảo khoá trong thời gian nhậm chức và những lời nhận xét khi khảo khóa **[60b]**, tùy theo quan chức lớn hay nhỏ, có thể gửi để tâu lên, hoặc gửi để giữ lại. Lại bộ tham chiếu các lần khảo trước sau, tại nơi phức tạp hay đơn giản, theo đúng lệ, làm bản tâu lên để thi hành. Nha môn nào có kẻ gian trá, bịa khai công lao, tài cán, giấu giếm tội lỗi, mà quan phụ trách không biết tra xét, dối trá bao che, dung túng cho nhau, thì Lại bộ phải điều tra tường tận để gửi lên xét hỏi. Nếu có người tài năng kỳ lạ, được lệnh đặt cách thăng bổ thì không câu nệ vào lệ này.

Định lệnh về bàn giao khi quan lại được thăng hay đổi đi nơi khác.

Kỷ Dậu, [Hồng Đức] năm thứ 20 [1489], (Minh Hoằng Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, định lệ bảo cử ty quan của Hình bộ. Ra sắc chỉ rằng:

Việc hình ngục quan hệ không nhỏ, quan xét xử phải chọn cẩn thận. Từ nay, chức Lang trung, Viên ngoại ở Hình bộ có khuyết viên nào, thì Lại bộ làm bản tâu lên, trong kinh thì đường quan Lục bộ, Ngự sử đài và Lục tự khanh; bên ngoài thì các quan hai ty Thừa, Hiến **[61a]**, cùng nhau bảo cử người mình quen biết và các quan phụ trách các nha môn đã trải qua hai lần khảo khoá trở lên, là người liêm khiết, từng trải, am hiểu hình danh thì Lục bộ làm 1 bản, khai ghi họ tên của người được bảo cử cho rõ ràng, làm bản tâu lên, nếu được chỉ chuẩn y thì giao cho Lại bộ thuyên bổ. Người nào dám vì tình riêng hay tiền bạc mà bảo cử không đúng, thì Lục khoa và Giám sát Ngự sử điều tra sự thực, tâu hặc lên sẽ theo đúng luật trị tội.

Định lệnh Giám sát ngự sử 13 đạo chia ty coi việc phụ trách các nha môn. Vua dụ Ngự sử đài và Giám sát ngự sử 13 đạo rằng:

"Các ngươi hãy cung kính trong công việc của mình" là lời Bàn Canh dạy bảo những người giữ chức vị. "Hãy thận trọng với chức vụ của mình" là câu Thành Vương dùng để hướng dẫn quan lại của ngài. Vì rằng người bầy tôi thờ vua, mỗi người đều có chức trách của mình. Xử án thì hỏi Đình uý, tiền thóc thì hỏi Nội sử, ai có trách nhiệm của **[61b]** người đó. Huống chi chức trách của ty Phong hiến là xét hặc, trước nay đã quy định là phải chia tách để trông coi thì giường mối mới hoàn chỉnh và thành nề nếp. Kể từ nay, các ngươi: những nha môn trong kinh mà cáo giác nhân viên nào tham tang, phạm pháp và hết thảy việc công lợi hại thì do phần ty đó xét hỏi thi hành; nếu là ba ty bên ngoài trị lý dân chúng, khi phát hiện quan lại tham ô, hoặc có đơn khống tố về kiện tụng oan ức, cùng tất cả việc riêng tư xảy ra trong phủ, huyện, châu thì do phân ty các đạo xét xử thi hành.

Ngày 13, đổi lại kỳ hội quân thượng ban, hạ ban và thứ tự của kỳ ban thành đại tập kỳ, thượng phiên, hạ phiên.

Mùa hạ, tháng 5, đại hạn.

Xuống chiếu đại xá, gồm 49 điều.

[62a] Cấm quan viên họp bọn say đắm tửu sắc.

Tháng 6, ngày 25, định cách thức chắp tay khi vào chầu. Xuống chiếu rằng:

Công, hầu, bá, phò mã cùng các quan văn võ, kể từ nay mỗi khi vào chầu, mặc áo, đội mũ thì chắp tay đặt dưới cổ áo tròn, nếu đứng hộ vệ mặc áo thì chắp tay đặt dưới ức.

Mùa thu, tháng 7, sai Chỉ huy hiệu uý hội đồng với ty Thừa tuyên khơi thông nước lụt.

Định lệnh phát quân nhu, 92 điều.

Tháng 9, ngày mồng 9, ngăn cấm bọn dân ngoan ngạnh thù oán cáo giác lẫn nhau, gây việc kiện tụng.

Mùa đông, tháng 10, ngày 19, sai bọn bồi thần Nguyễn Khắc Cung, Bùi Xương Trạch, Nguyễn Hán Đình sang tuế cống nhà Minh.

[62b] Lấy Lưu Hưng Hiếu làm Hàn lâm viện thị giảng tham chưởng Hàn lâm viện sự.

Canh Tuất, [Hồng Đức] năm thứ 21 [1490], (Minh Hoằng Trị năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, hội quân lớn, điểm mục xong cho về, thay phiên nhau ở lại canh giữ.

Định lệ thổ quan thiếu lễ triều hạ: viên nào ở gần thì một năm 2 lần về triều hạ, ở xa thì một năm 1 lần về triều hạ. Nếu không kịp dịp Chính đáng[1] thì cho đến ngày Thánh Tiết [2]. Ai thiếu 1 lần thì bãi chức, hai lần thì bắt về trị tội.

Tháng 2, sai Hàn lâm viện, Khoa, Đài, Cẩm y vệ hiệu uý đi các phủ, huyện phát thóc công cho dân nghèo vay ăn, vì các phủ huyện Kinh Môn cày cấy không được, dân nhiều người chết đói.

Định lệnh quan đổi đi giao lại nhà công. Từ nay, quan các nha **[63a]** môn nào đổi thăng đi, về chịu tang, hay ốm chết... thì nhà cửa, đồ đạc giao cho quan lại sai người coi giữ, đợi khi quan mới đến dùng.

Định lệnh mặc y phục giảm bậc. Xuống chiếu rằng:

Công, hầu, bá, phò mã cùng các quan văn võ, từ nay trở đi, nếu triều đình có tế cầu đảo, lễ quốc kỵ [3], phải mặc y phục giảm bậc, không được tự tiện bỏ kiểu quy định, nếu có người nào nài xin hay từ chối thì sẽ bị xét hỏi.

Ra sắc chỉ rằng:

Các văn nho chỉ huy ở các vệ, ty, người nào túc trực phục vụ đủ hạn khảo khoá trở lên mà quả giữ phép công làm được việc, không phạm lỗi thì thưởng quan vệ đó xét thực làm bản trình lên, Lại bộ chiếu chỗ khuyết mà đổi bổ quan chức. Người nào chưa đủ hạn khảo khoá lại già kém, không làm nổi việc hộ vệ, thì lựa thải về. Người nào còn có thể dùng được thì đổi bổ. Kẻ nào giám chạy vại cầu cạnh thì trị tội theo luật để ngăn chặn thói cầu may của kẻ sĩ

[63b] Tháng 3, thi hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Xao 54 người (Xao người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, thi đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân).

Mùa hạ, tháng 4, ngày 4, xác định bản đồ toàn quốc: 13 xứ thừa tuyên [4], 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 30 nguồn, 30 trường. Ở Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Yên Bang, Tuyên Quang, Hưng Hoá, đều đặt Đô ty và Thủ ngự.

Ngày 19, ban lệnh đại xá 45 điều, vì năm này gạo kém, 1 tiền chỉ đong được **[64a]** 2 thưng gạo.

Thi điện, Vua thân hành ra đề văn sách.

---

[1] - Ngày mồng 1 tháng giêng âm lịch, tức ngày mồng 1 Tết Nguyên Đán.

[2] - Ngày sinh của vua.

[3] - Quốc kỵ: là ngày giỗ của vua.

[4] - 13 xứ thừa tuyên: Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Lạng Sơn, An Bang, Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Quảng Nam và phủ Trung Đô Thi.

Sai Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán và Hình bộ thượng thư Lê Năng Nhượng làm đề điệu; Ngự sử đài phó đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm làm giám thí; Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và Lại bộ thượng thư Nguyễn Bá Ký làm độc quyển.

Vua xem bài thi, xếp thứ bậc cao thấp. Cho chọn Vũ Duệ, Ngô Hoán, Lưu Thư Ngạn 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Lê Tuấn Mậu 19 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Quát 32 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, ngày 14, Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán bàn rằng: Ty thị vệ của vệ Cẩm y khi vào sổ thì ở dưới các ty Tráng sĩ, Canh phiên và Xá nhân.

[64b] Ngày 18, vua ngự điện Kính Thiên, truyền loa xướng danh các tiến sĩ là bọn Vũ Duệ. Các quan mặc triều phục chúc mừng. Lễ bộ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày 19, ban ngũ đại y phục.

Ngày 20, ban yến.

Định lệnh tách xã: xã nào đủ 500 hộ rồi mà số hộ dư ra lại được 100 hộ trở lên có thể thành một xã nhỏ nữa thì phải báo, rồi xếp loại tâu lên, để tách ra thành xã khác, cho thêm rộng bản đồ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ các quan vào chầu.

Tháng 8, ngày 15, dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Canh Tuất năm Hồng Đức thứ 21.

Ngày 26, định lệ các quan đi đứng khi vào chầu.

[65a] Tháng 9, đặt thêm 13 cửa ải thuộc thừa tuyên Lạng Sơn, như các cửa Viêm Sơn, Phong Sơn, Lâu Sơn, Tam Sơn...

Mùa đông, tháng 10, đặt Thần vũ hữu vệ.

Khảo thí các quân sắc và nhân dân, hỏi về viết chữ và làm lính để bổ làm lại viên các nha môn. Phép thi: một kỳ ám tả, một kỳ thi toán.

Tháng 11, đắp rộng thêm Phụng thành, dựa theo quy mô thời Lý, Trần.

Vua cảnh giác về việc Nhân Tông bị hại, nên lấy lính đắp thành đó. Đồng thời phía ngoài trường đấu võ, mở rộng đến 8 dặm, sau 8 năm thì đắp xong. Bèn dựng điện Danh Bảo[1], lập lại vườn Thượng Lâm, trong vườn có hươu và các thú khác.

Đặt hai vệ Cẩm y và Kim ngô.

Dũng sĩ vệ Cẩm y từ ty Lực sĩ đến ty Kỳ bài gồm 20 ty, có chức phó quân. Các ty đều không thành lập đội ngủ chỉ có từ ban một đến **[65b]** ban tám.

Võ sĩ vệ Kim ngô từ ty Lực sĩ đến ty Thần tý cùng trung, tiền, tả, hữu, hậu ty cộng là 100 ty. Lại đặt các ty Thần vũ, Điện tiền: đặt 5 phủ quân Trung, Đông , Tây, Nam, Bắc. Lại soạn quân chính[2] và quân giới[3].

Tân Hợi, [Hồng Đức] năm thứ 22 [1491], (Minh Hoằng Trị năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, các quan theo hầu vua ngự về Tây Kinh được hưởng 1 tư.

Tuyển theo người khoẻ mạnh xung quân ngũ, thải người già.

Mùa hạ, tháng 5, định lệnh làm sổ hộ tịch khác cho những người trở về làng quá hạn. Những người đáng được được làm sổ khác mà quán tịch vẫn còn ở xã cũ thì tới khi viết sổ, quan phủ huyện, xã trưởng và quan lại, thủ lĩnh đối chiếu lại cho phù hợp.

---

[1] CMCB 23 chép là "dựng điện Thạch Thất".

[2] Quân chính; các điều lệnh của quân đội bấy giờ.

[3] Quân giới: các điều kỷ luật trong quân đội bấy giờ.

Mùa thu, tháng 8, ngày 28,29, mưa to suốt cả ngày lẫn đêm không ngớt, **[66a]** đổ tường điện Kính Thiên, nước dâng lên 4 thước.

Ngày 29, sai các Chỉ huy, Hiệu uý, Bách hộ của vệ Cẩm y và Kim ngô tới các xứ thừa tuyên gần, khơi tháo nước úng làm hại lúa mạ. Vua dụ các quan tể thần, Ngũ phủ, lục bộ, Lục tự, Lục khoa và Ngự sử đài rằng:

"Bởi chính trị có thiếu sót, nên trời chỉ cho bằng tai biến. Đó là do lỗi lầm của trẫm mà chuốc lấy họa, chứ trăm họ có tội gì đâu? Có phải vì trẫm đức tin chưa đến dân, lòng thành chưa thấu tới trời mà đến nỗi như thế chăng? Trẫm không rõ các khanh ngày thường ở nhà có băn khoăn lo lắng tới việc nước, không chút lơ là để uốn sửa chổ thiếu sót của trẫm không, hay chỉ tiêu dao dưỡng tính, mưu kiếm lợi riêng, theo người đời mà tiến mà lui, để giữ bền **[66b]** quyền vị chăng? Các văn thần thì ít người trung nghĩa, nhiều kẻ gian ngoan, bán cương trực để cầu danh, cứ làm như là trung là tín, như lũ Trần Phong, Đào Tuấn thì làm thế nào mà đổi dạ được. Ngày xưa, Thái Tông Hoàng Đế ta, vua tôi một lòng, vua sáng tôi hiền mừng gặp gỡ, dân hoà khí vượng dẫn điềm lành, nào có thiếu nhân nghĩa đâu?. Khoảng đời Thái Hoà, Diên Ninh, việc chính trị chỉ quanh quẩn trong chốn màn the, người giúp đỡ thì nắm quyền y phhúc. Làm hại thế nước là bọn Khắc Phục, Mộng Tuân; chạm tường giết dân là lũ Đỗ Bí, Đỗ Trượng. Đến nỗi biến cố sinh ra trong tường nhà, tai họa xảy ra nơi gối nệm, con cháu của Bí, Trương cùng một mẻ lưới bị chết hết. Đường Thái Tông nói rằng: "Vua đã mất nước, bề tôi vẹn toàn một mình thế nào được!" thự là đúng lắm.

Từ nay về sau, kẻ nào còn quen thói nhơ bẩn như cũ, theo người ta mà tiến lui, mưu giữ bền quyền vị, thì trẫm sẽ vì các khanh mà giết nó đi. Kẻ nào theo lời dạy bảo, mà sửa bỏ lỗi trước đi, hết lòng trung tín, **[67a]** dốc sức tận tâm, thì trẫm cũng sẽ vì các khanh mà khen thưởng họ. Mong các khanh hãy cố gắng!"

Mùa đông, tháng 10, thóc lúa được mùa lớn.

Ngày 18, đặt Thần vũ hậu vệ.

Vua sai thợ làm cái đình ở ngoài cửa Đại Hưng[1] để làm nơi treo các pháp lệnh trị dân. Làm xong, ban tê là " Quảng Văn đình"[2]. Đình này ở trong Long thành, phía trước Phụng Lâu, có ngòi Ngân Câu chảy quanh hai bên tả hữu.

Tháng 11, sai Đề hình giám sát ngự sử kiểm xét quan lại ở Hình bộ, người nào mắc tội lười biếng, gian tham, buông tuồng, phóng túng, thì làm bản tâu lên, theo luật mà trị tội.

Lấy Nguyễn Xung Xác làm Hàn lâm viện thị độc chưởng Hàn lâm viện sự kiêm Lễ bộ **[67b]** tả thị lang.

Nhâm Tý, [Hồng Đức] năm thứ 23 [1492], (Minh Hoằng Trị năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, nhắc lại các lệ gồm 130 điều.

Mùa hạ, tháng 4, sai các quan Hàn lâm, khoa, đài đi 12 thừa tuyên để thẩm tra việc hình ngục.

Lấy Dương Trực Nguyên lam Hiến sát sứ ty hiến sát sứ thừa tuyên Hải Dương.

Trực Nguyên tâu việc trái ý vua, sau bị giáng về làm Hàn lâm viện hiệu lý (theo gia phả). Trước đó, vua vốn thích văn thơ, ngự thuyền về đến Lam Sơn, làm thơ nhớ lại cơ nghiệp của Thánh Tổ, Trực Nguyên kính họa lại, có câu rằng:

Lam Sơn chỉ xích thiên nam vọng,
Vạn cổ nguy sáng nghiệp công.
(Lam Sơn nhìn đó, trong gang tấc,
Vời vợi muôn xưa sáng nghiệp công).

Vua phê rằng: Câu này có khí phách cao rộng.

---

[1] Nay là khu vực Cửa Nam, Hà Nội

[2] "Quảng văn" có nghĩa là "truyền bá rộng"

[68a] Tháng 6, ra sắc chỉ cho con cháu công thần được nhận chức tản quan.

Hồi mở nước, người nào dự theo nghĩa quân, đã nhận các danh hiệu Chánh đốc, Đồng đốc, vì đánh giặc Ngô chết trận mà chưa được quan chức phẩm trật, cùng những người có họ tên trong sổ công thần Lũng Nhai như là Lê Trạo, lúc còn sống làm quan chưa đến nhấ,t nhị phẩm, nay vẫn còn con cháu thì cho làm giấy báo lên, Lại bộ xét thực, xếp loại tâu lên, sẽ trao cho chức nhất phẩm tản quan.

Mùa đông, tháng 10, thi hương các học trò trong nước. Sai quan Hàn lâm viện làm khảo quan tại 4 ty thừa tuyên Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc, mỗi ty 4 viên. Quan Hàn lâm làm khảo quan thi hương bắt đầu từ đây.

Tháng 11, ngày mồng 6, sai bọn bồi thần Lê Du, Bùi Sùng Đạo, Nguyễn Ngạn Khắc, Trịnh Quỳ **[68b]** sang cống nhà Minh và Khổng Ngu sang tâu việc điều tra dân chúng vượt qua địa phương mình để thông đồng buôn bán.

Tháng 12, ngày 24, nhà Minh sai chánh sứ là Hình bộ lang trung Thẩm Phụng, phó sứ là Hành nhân ty hành nhân Đổng Chấn sang báo việc lập Hoàng thái tử và ban vóc lụa.

Đói lớn, dân có người phải ăn củ nâu.

Đặt các kho vũ khí và thuốc súng, bên trong có mở ruộng, trồng hóp đá ở xung quanh.

Đặt kho tiền ở hồ Hải Trì, trong có Thượng Lâm tự.

Đặt Thái Nguyên đô ty, Thái Nguyên thuần thượng vệ và đặt Thủ ngự tổng tri ty, Bình địch vệ.

Lấy Lê Cảnh Huy làm Hộ bộ thượng thư.

[69a] Quý Sửu, [Hồng Đức] năm thứ 24 [1493], (Minh Hoằng Trị năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 8, sai sứ sang nhà Minh. Bồi thần Nguyễn Hoằng Thạc, Lê Trung mừng lập Hoàng thái tử, Hành nhân Phạm Mân tạ ơn ban vóc lụa.

Tháng 3, thi hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Vũ Vương 48 người.

Ngày 16, quy định về ban chầu của các quan văn võ:

1- Các quan văn võ cùng ban chầu mà phẩm trật như nhau thì quan cũ và cao tuổi đứng trên, quan mới và ít tuổi đứng dưới.

2- Các quan văn võ phải phụ trách kiêm nhiệm, người phẩm thấp mà chức cao, như tam phẩm làm Đô đốc thì đứng vào ban nhị phẩm; thất, bát phẩm làm Lang trung thì đứng vào ban lục phẩm. Nếu phẩm cao mà chức thấp, như nhị phẩm làm Vệ quan thì đứng vào ban tam phẩm; từ, ngũ phẩm làm Viên ngoại lang thì đứng vào ban lục phẩm; còn lại cứ theo thế mà suy ra.

3- Các quan Ngự sử đài, Đông các, Hàn lâm **[69b]** viện, Giám sát ngự sử, thì đứng ban chầu vẫn theo lệ trước. Phẩm thấp nhưng chức cao như thất, bát phẩm làm quan Lục khoa thì đứng ở trên ban lục phẩm.

4- Các quan văn võ triều yết, người nào phẩm tuy cao mà chức thấp, thì chiếu theo ban của chức mình đang nhận đứng ở trên ban đó, nếu thuộc quyền của Hộ bộ thì đứng về ban phẩm mình ở cuối hàng triều yết.

5- Các quan văn võ khi làm lễ ra mắt, từ biệt, tạ ơn... thì chiếu theo thứ bậc trong ban thường triều. Nếu là quan hộ vệ tam, tứ phẩm thì chiếu theo như phẩm của mình. Quan các ty sở, phẩm tuy cao nhưng đứng dưới ban của quan nha môn.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 21, vua ra hiên điện, thân hành ra đề sách văn.

Sai Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán và Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm làm đề điệu; Ngự sử **[70a]** đài phó đô ngự sử Đàm Văn Lễ làm giám thí; Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu Thân Nhân Trung, Lại bộ thượng thư Nguyễn Bá Ký, Hàn lâm viện thị độc Đông các đại học sĩ Đỗ Nhuận, Đông các học sĩ Lê Quảng Chí, Hàn lâm viện thị thư chưởng Hàn lâm viện sự kiêm Sùng Văn quán Tú lâm cục tư huấn Lương Thế Vinh, Đông các hiệu thư

Ngô Luận làm độc quyển. Vua xem bài, xếp bậc trên dưới. Cho Vũ Dương, Ngô Thẩm, Lê Hùng 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Lại Đức Du 23 người đổ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Quảng Mậu 22 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, ngày mồng 8, vua thân ngự chính điện. Truyềb loa xướng danh tiến sĩ là bọn Vũ Dương. Quan Lễ bộ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa. Ngày 27, **[70b]** ban mũ, đai, y phục. Ngày 28, ban yến.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Quý Sửu.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 4, lấy Đỗ Nhuận làm Hàn lâm viện hiệu lý.

Giáp Dần, [Hồng Đức] năm thứ 25 [1494], (Minh Hoằng Trị năm thứ 7). Mùa hè, tháng 4, xuống chiếu rằng: Các Hoa văn học sinh, nếu có ai đã lâu năm, đã từng làm được việc hoặc theo đi đánh giặc có công, thì lại theo lệ như lại viên các nha môn có chân xuất thân, do Lại bộ thăng bổ.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 7, sai các quan Hàn lâm, khoa, đài đi ra 12 thừa tuyên xét xử án kiện.

Lấy Ngô Hoán làm Đông các hiệu thư.

Ất Mão, [Hồng Đức] năm thứ 26 [1495], (Minh Hoằng Trị năm thứ 8). Mùa thu, tháng 8, ngày 18. Xuống chiếu rằng: Quan viên nào **[71a]** bị ốm tới 3 tháng thì không được dự khảo khóa.

Mùa đông, tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Công bộ hữu thị lang Lê Hán Đình và Hàn lâm viện thị thư Vũ Dương đi tuế cống, bọn Đông các hiệu thư Lê Tuấn Ngạn và Giám sát ngự sử Nguyễn Xao tâu về đường trạm.

Làm sách Ngự chế Quỳnh uyển cửu ca[1].

Vua thấy hai năm Quý Sửu, Giáp Dần, thóc lúc được mùa, đặt các bài ca vịnh để ghi điềm lành. Nội dung gồm những bài về đạo làm vua, khí tiết bề tôi, vua giỏi tôi hiền, nhớ bậc anh tài kỳ tuấn và đùa viết vội thành văn[2]... nhân gọi là Quỳnh uyển cửu ca thi tập.

Sai bọn Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận; Đông các hiệu thư Ngô Luân, Ngô Hoán; Hàn lâm viện thị độc chưởng sự Nguyễn Xung Xác; Hàn lâm viện thị thư **[71b]** Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Vũ Dương, Ngô Thầm; Hàn lâm viện đãi chế Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Khiêm, Lưu Thư Ngạn; Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên, Chu Hoãn; Hàn lâm viện kiểm thảo Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tốn, Đỗ Thuần Thứ, Phạm Nhu Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú cùng họa lại vần.

Xét Cửu ca thi tập bắt đầu làm trong năm này.

Vua soạn tập Cổ kim bách vịnh thi, Hàn lâm viện thị độc chưởng viện sự Nguyễn Xung Xác và Tham chưởng Lưu Hưng Hiếu họa vần, Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và học sĩ Đào Cử phụng bình.

Bính Thìn, [Hồng Đức] năm thứ 27 [1496], (Minh Hoằng Trị năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 4, vua ngự thuyền đi **[72a]** Đông Kinh bái yết các lăng tẩm. Ngày 11, làm lễ tấu cáo. Ngày12, dựng cầu bến Tế Độ ở ngoài cửa Quang Đức.

Vua viết sách Xuân vân thi tập.

Ngày 14, trời không mưa. Vua cầu đảo, tự tay viết các bài thơ trong thi tập của mình ra 4 tờ giấy, sai Nguyễn Đôn dán trên tường đền thờ thần. Hôm ấy, canh một trời mưa nhỏ, đến canh năm mưa to, nước tràn trề. Vua đề thơ ở miếu Hoằng Hựu[1] rằng:

---

[1] Quỳnh uyển cửu ca: có nghĩa là "chín khúc ca trong vườn Quỳnh".

[2] Đầu đề của 9 bài thơ đó là: 1 - Phong niên (năm được mùa), 2 - Quân đạo (đạo làm vua, 3 - Thần tiết (tiết tháo người làm tôi), 4 - Minh lương(vua sáng tôi hiền), 5 -Anh hiền (người tài giỏi), 6 - Kỳ khí (người tài ba), 7 - Thư thảo (viết thảo), 8 - Văn nhân, 9 - Mai hoa.

Cựu linh anh khi chấn dao thiên,
Uy lực nghiêm đề tạo hóa quyền.
Khấu vấn sơn linh năng nhuận vật.
Thông vi cam vũ tác phong niên.
(Khí thiêng lừng lẫy dậy trời cao,
Tạo hóa quyền uy nắm chắc sao.
Sơn thần nếu biết nhuần muôn vật,
Hãy tuôn mưa ngọt, lúa vàng trao).

Vua đến Lam Kinh, nhớ lại công lao của cha Lê Chí là Lê Niệm, ông Chí là Lê Lâm; cha Lê Vĩnh là Thọ Vực, ông Vĩnh là Lê Khôi, viết bài thơ ban cho họ và cho Lê Chí 36 lạng bạc, Lê Vĩnh 25 lạng để làm yến tiệc vui với họ hàng.

Ngày 24, **[72b]** vua ra về.

Tháng 2 nhuận, ngày mồng 5, ban yến cho các quan văn võ ở bãi Thúy Ái[2].

Bấy giờ, thuyền ngự khởi hành từ sông Lương Giang về đậu ở bến Thúy Ái, các quan văn võ đến lạy mừng, cho nên ban yến.

Trước đây, hồi tháng 2, Hoàng thái hậu đi lễ lăng trở về, không may bị bệnh nặng, đến giờ Hợi, ngày 26 tháng 2 nhuận, bặng ở chính tẩm điện Thừa Hoa, thọ 76 tuổi.

Khi Hoàng thái hậu chưa băng, mùa đông, vua cùng Hoàng thái tử ngày đêm chăm sóc, không lúc nào rời bên cạnh. Khi dâng thuốc hay đồ ăn, vua nhất định tụ mình nếm trước; trong thì kêu với tổ tiên, ngoài thì dốc lòng cầu khẩn, không thần nào là không khẩn. Đến khi hấp hối cũng tự kêu gào, Thái hậu còn nhếch mép một chút, muốn nói để từ giã. Mọi việc mặc áo, khâm liệm, bỏ gạo vào miệng người chết, vua đều tự làm lấy cả để tỏ lòng đau xót.

[73a] Vua soạn Cổ kim cung từ thi tính tự, sai Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Hiệu thư Ngô Luân phụng bình.

Thi hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Văn Huấn 43 người.

Tháng 3, ngày đinh dậu 19, vua thân hành khảo thí ở Đan Trì điện Kính Thiên, hỏi về đạo trị nước.

Sai Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán và Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm làm đề điệu; Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Hoằng Thạc và Ngự sử đài phó đô ngự sử Đàm Văn Lễ làm giám thí; Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu Thân Nhân Trung, Hàn lâm viện thị độc Đông các học sĩ Đào Cử, Hàn lâm viện thị giảng chưởng Hàm lâm viện Lưu Hưng Hiếu, Đông các Hiệu **[73b]** thư Ngô Luân, Ngô Hoán, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Trần Khắc Niệm và Hàn lâm viện thị thư Ngô Thầm làm độc quyển.

Ngày 26, dẫn các sĩ nhân vào điện Kim Loan. Vua tự xem dung mạo từng người, lấy đỗ 30 người.

Ngày 27, vua ngự chính điện Xương danh. Cho Nghiêm Viên, Nguyễn Huân, Đinh Lựu 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ. Bọn Đinh Cương 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân. Bọn Nguyễn Đạo Diễn 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Muà hạ, tháng 5, ngày mồng 8, xuống chiếu rằng:

Hiến ty giữ chức trách tâu hặc, nếu có khuyết viên nào thì chọn người đỗ tiến sĩ, quan văn võ các nha môn, nho chỉ huy các vệ, ty đã trúng các kỳ thi hội, thực đúng là đã giữ phép công, làm việc giỏi, cương trực, không né sợ kẻ quyền quý, không phạm lỗi **[74a]** để thuyên bổ chức Hiến sát phó sứ.

---

[1] Theo Cương mục, miếu Hoằng Hựu ở huyện Lương Giang, Nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Bãi Thúy Ái: ở phía nam sông Hồng, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Lại cho rằng quan phủ, huyện, châu phải thống nhiếp các chức thủ lĩnh chăn dân, nếu các nha môn thi hội đã trúng nhiều kỳ làm việc lâu năm, biết việc, siêng năng và có quân công thì ban đầu được trao cho các chức Tri huyện, Tri châu, Huyện thừa, Đồng tri châu, Thủ lĩnh, tự ban; đủ 3 năm không phạm lỗi gì thì mới cho thực thụ; sau 6 năm không phạm lỗi thì Tri huyện, tri châu được phân bổ Viên ngoại lang; Huện thừa, Đồng tri châu, Tri hạ, Điển hạ, Tự ban được bổ các chức Tư vụ, Chủ sự, Thôi quan, Đô quan; đủ 6 lần khảo khóa không phạm lỗi thì Viên ngoại lang, Đồng tri mới được thăng làm tri phủ.

Ngày 22, bọn Lại bộ thượng thư kiêm Quốc tử giam té tửu Lê Nhuận và Nuyễn Như Đỗ tâu đề b3n ràng:

Xem bản tâu của Giám sát ngu95 su93 Đạo Sơn Nam **[74b]** Nguyễn Dương Kỳ nói rằng, lại viên các châu huyện nơi biên thuỳ xa xôi thường cùng người Man đi thu các loại thuế, đã hợp thủy thổ, lại am hiểu tình hình người Man, có thể làm nổi công việc thì nên bổ làm lại ở các châu huyện bản xú. Vua y theo.

Mùa hu, tháng 7, cấm gọi triều đường là "triểu phòng".

Tuyển bổ, duyệt xét các huấn đạo.

Từ nay, nho học huấn đạo các xứ có khuyết thì Lại bộ theo như Lệ trước tâu lên, giao chho Quốc tử giám và quan các nha môn chọn bầu các lại viên là chân nho sinh đã trúng trường và nho sinh tuổi từ 35 trở lên, có học vấn và hạnh kiểm, không phạm lỗi, giao cho Lễ bộ khảo xét, nếu bốn kỳ đều hợp cách cả thì theo lệ mà thuyên bổ.

Tháng 8, ngày mồng 2, có lệnh cho châu huyện chọn đặt Xã trưởng; Nếu là con cô cậu, đôi con dì với nhau **[75a]** và thông gia cùng gả bán chho nhau đều không được cùng làm Xã trưởng trong 1 xã. Nếu đã có Xã trưởng rồi, cũng nên chọn người nào có thể làm được việc thì lưu lại, còn thì tâu lên để cho về hạng cũ.

Ngày mồng 4 là ngày kỵ của Thái Tông Hoàng Đế. Đêm hôm ấy, mưa gió to, nước lũ lên mạnh, trôi hết sản nghiệp của dân.

Tháng 9, lấy Đào Cử làm Hàn Lâm viện thị giảng Đông các học sĩ. Vua ban cho một bộ Thiên Nam dư hạ tập và cho họa lại một bài thơ Lương Giang dạ hứng, lại cho 25 quan tiền.

Ngày 23, sửa lại lệ làm bãi chăn ngựa và tàu nuôi ngựa.

Mùa đông, tháng 11, ngày 17, vua không khoẻ. Dụ cho Đông các dại học sĩ Thân Nhân Trung và Học sĩ Đào Cử ở hành tại[1] rằng:

"Mây bay giữa trời, trăng treo lơ lửng, mây đến **[75b]** thì trăng mờ, mây đi thì trăng sáng, ai mà chẳng thấy? Nhưng rất ít người diễn tả được. Ta ngẩng nhìn trời cao cảm hứng rung động trong lòng, thể hiện ra bằng ngôn từ, trong đó có câu:

Tố Thiềm hạo hạo ngọc bàn thanh,
Vân lộng hàn quang ám phục minh.
(Vầng thiềm vằng vặc như mâm ngọc,
Mây giỡn hàn quang sáng lại mờ).

Người người thường có thể diễn tả được như thế không? Bài thơ của Âu Dương Tu[2] có câu: "Lư Sơn cao danh tiết" (Núi Lư Sơn làm cho danh tiết cao lên), thì Tử Mỹ[3] cũng không làm nổi, duy có ta làm được, có phải là nghĩ càn đâu. Câu thơ vịnh của Thân Nhân Trung, Đào Cử viết:

Quỳnh đảo mộng tàn xuân vạn khoảnh,

---

[1] Dịch theo nguyên văn. Chữ "hành tại" ở đây có lẽ thừa.

[2] Âu Dương Tu: là một nhà thơ đời Tống, nổi tiếng về thơ và từ.

[3] Tử Mỹ: là Đỗ Phủ, nhà thơ lớn thời Đường, Trung Quốc.

Hàn giang thi lạc tam canh.
(Đảo Quỳnh tỉnh mộng xuân muôn khoảnh,
Sông lạnh thơ thành trống điểm ba).

Dù Lý, Đổ, Âu, Tô[1] sống lại, vị tất đã làm nổi, duy có ta làm được: Bài thơ Cẩm sắt[2] ngày xưa viết rằng:

Trang sinh hiểu mộng mê hồ điệp,
Vọng Đế xuân tâm thác đỗ quyên.
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ,
Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên.
(Trang sinh[3] mộng sáng mê hồn bướm,
Vọng Đế[4] lòng xuân gửi quyên.

Trăng sáng biển xanh châu lệ ngấn,
Lam Điền[5] nắng ấm, ngọc hơi lên).

Thực là kỳ lạ, tươi đẹp, thực là tinh tế, có thể sánh với thơ ta **[76a]** nhưng tươi sáng và trong trẻo thì không bằng câu thơ ta. Có phải ta chơi một chữ lạ để cho là hay, khoe một chữ khéo để cho là đẹp đâu? Chỉ nói thật, nói thẳng như Âu Dương Tu thôi, các ngươi bảo thế nào?".

Ra sắc chỉ cho các trưởng quan nha môn của nội ngoại quản giáp phủ, Cẩm y, Kim ngô, Điện tiền, Thần vũ, Hiệu lực, Ngũ phủ đô đốc, Đô tổng binh sứ phải hiệp đồng lựa chọn các tướng hiệu dưới quyền mình, người nào có công lao đánh dẹp, trung tín đáng dùng, hoặc am hiểu thao lược, tinh thông võ nghệ, cùng là người có tài năng, tri thức, liêm khiết, giỏi giang, siêng năng, minh mẫn mới cho tại chức. Nếu kẻ nào tham ô, hèn kém, không có công lao gì, cùng những kẻ bợ đỡ được dung thân, cầu mong vô liêm sĩ thì tâu lên để truất bỏ. Hạn đến thượng tuần tháng 12 phải tâu lên. Đồng thời, huấn luyện binh lính cốt **[76b]** ở tinh nhuệ, chuyên sâu vỗ về quân dân phải cho điều hòa nhàn mệt. Người nào dám lựa chọn không thựa, huấn luyện không chăm, để cho tướng hiệu còn nhiều kẻ bỉ ổi tham nhũng, binh lính còn nhiều tên bỏ trốn thì giám sát của Lục khoa và xá nhân vệ Cẩm y thân hành điều tra rồi hặc tâu lên để trị tội.

Tháng 12, ngày mồng 6, dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Bính Thìn, năm Hồng Đức thứ 27.

Đinh Tỵ, [Hồng Đức] năm thứ 28 [1497], (Minh Hoằng Trị năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 5, ra lệnh rằng: Các hạng thuế năm nào thu nộp năm ấy, đến cuối năm phải nộp đủ, không được như trước thuế năm nay sang năm mới thu.

Ngày 22, cấm các lại viên thay phiên ở nha môn và xã nhận trực ngoài, nếu không phải là phiên trực thì không được viện cớ tự tiện ở lại nha môn để làm bậy.

[77a] Ngày Tâm Mùi 29, vua ốm nặng, bèn tựa kỷ ngọc, lệnh cho Hoàng thái tử lên nối ngôi. Vua lúc sắp băng, có bài thơ tự thuật rằng:

Ngũ thập niên hoa thất xích khu,
Cương trường như thiết khước thành nhu.
Phong xuy song ngoại hoàng hoa tạ,
Lộ ấp đình tiền lục liễu cồ,

---

[1] Lý: tức là Lý Bạch, Đỗ: tức là Đỗ Phủ, nhà thơ lớn thời Đường, Âu: tức là Âu Dương Tu; Tô: tức là Tô Đông Pha, nhà thơ nổi tiếng thời Tống.

[2] Bài thơ Cẩm sắt là của Lý Thương Ân thời Đường, Trung Quốc.

[3] Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa bướm, khi tỉnh dậy, mơ màng không biết mình là bướm hay chính là Trang Chu.

[4] Vọng Đế: là vua nước Thục, Trung Quốc, tương truyền ông vua này bỏ nước đi ở ẩn, sau lại hối hận, nên khi chết hóa thành chim đỗ quyên tức chim cuốc, kêu suốt mùa xuân và chỉ kêu một tiếng "quốc" (nước).

[5] Lam Điền: là tên một ngọn núi, ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, tương truyền là nơi sản sinh ra ngọc quý.

Bích hán vọng cùng vân diểu diểu,
Hoàng lương mộng tỉnh dạ du du.
Bồng lai sơn thượng âm dung đoạn,
Băng ngọc u hồn nhập mộng vô?
(Năm chục hoa niên bảy thước thân,
Lòng như sắt cứng bỗng mềm dần.
Gió lay khô héo hoa bên cửa,
Sương dãi gầy mòn liễu trước sân.
Trời biếc xa trông, mây thăm thẳm,
Kê vàng tỉnh giấc đối bâng khuâng.
Khuất lời cách mặt, non bồng vắng,
Băng ngọc du hồn nhập mộng chăng?).

Ngày Nhâm Tý 30, vua băng ở điện Bảo Quang. Ngày hôm ấy, gươm thần, ấn thần điều biến mất.

Vua sinh được 14 hoàng tử: Con trưởng là Hoàng thái tử Tranh, các con thứ là Lương Vương Thuyên, Tống Vương Tung, Đường Vương Cảo, Kiến Vương Tân, Phúc Vương Trang, Điễn Vương Thông, Quảng Vương Tảo, Lâm Vương Tương, Ứng Vương Chiêu, Nghĩa Vương Cảnh, Trần Vương Kinh, Triệu Vương Toan, Kinh Vương Kiện, Hoàng nữ 20 người.

Khi còn sống, vua **[77b]** dựng điện Tử Hà, điện Bảo Văn, điện Kim Loan, điện Bảo Quang, tẩm điện Lam Sơn.

Khi vua mới lên ngôi, dâng tôn hiệu cho Nhân Tông, đặt huy hiệu cho Tuyên Từ. Đào Biểu tử tiết thì đặc ân nêu gương, Đắc Ninh theo nghịch thì nghiêm khắc giết bỏ. Những chính sự phiền nhiễu đều bãi hết, những hình pháp bạo ngược đều bỏ cả. Vì thế, mới sửa chữa luân thường cho mọi người, chỉnh đốn được giường mối của nhà vua.

Vua từng dụ các quan trong triều rằng:

"Trẫm có hai sai lầm, một là chính lệnh ban ra vi phạm đạo lý, hai là ngồi giữ ngôi không, nhiễu loạn việc trời. Tuy các chức trong ngoài khó lòng nêu hết được, nhưng hãy nói về những người nổi bật hơn cả. Đô đốc Lê Luyện như bù nhìn tượng đất, sao có thể gọi là hạng đội mũ tròn, đi hia vuông[1] được. Thái sư Đinh Liệt, Thái phó Lê Niệm làm đế tam công, mà không thấy có việc gì là điều hòa âm **[78a]** dương, sửa việc nước, bàn đạo trời, cũng chưa từng tiến cử được một người quân tử, đuổi bỏ được một kẻ tiểu nhân, chẳng như câu chế giễu của người xưa "áo mặt da cừu mà nhởn nhơ thoả thích" đó sao?".

Sử thần Vũ Quỳnh nói: Vua tư trời cao siêu, anh minh quyết đoán, có hùng tài, đại lược, võ giỏi văn hay mà cái học củas thánh hiền lại đặc biệt siêng năng, tay không lúc nào rời quyển sách. Các tập kinh, sử, các lịch, toán, những việc thánh thần, không có gì bao quát tinh thông. Văn thơ thì vượt trên cả những khuôn mẫu của các văn thần. Cùng với bọn Nguyễn Trực, Vũ Vĩnh Mô, Thân Nhân Trung, Quách Đình Bảo, Đỗ Nhuận, Đào Cử, Đàm Văn Lễ biên soạn bộ Thiên Nam dư hạ, tự đặt hiệu là "Thiên Nam động chủ", "Đạo Am chủ nhân". Lại sùng chuộng nho thuật, nâng đỡ nhân tài. Khoa thi chọn kẻ sĩ không phải chỉ có 1 khóa, lệ định 3 năm một lần thi lớn là bắt đầu từ xưa. Người hiền tài chọn được **[78b]** nhiều hơn cả đời vua. Văn võ đều dùng, tuỳ theo sở trường của từng người. Vì thế, có thể sửa dựng chính sự, chế tác lễ nhạc, hiệu lệnh văn chương rõ ràng, có thể cho người sau noi theo.

Trước đây, khi vua còn làm phiên vương, vẫn tự giấu tài; đến khi nước gặp đại biến, các quan lật đật đón lập lên. Khi vào nối đại thống, vua biết bọn Đồn, Ban đã bị giết, nhưng Lạng Sơn thân vương lại bị hại, ngài bùi ngùi không vui, cò lòng thương xót, trách là cốt nhục tương tàn để cho người ngoài lợi dụng, anh em một nhà đều bị tai họa.

[1] Đội mũ tròn, đi hia vuông: là võ tướng, ý nói không xứng đáng làm võ tướng.

Ban đầu, vua không lấy việc được làm vua là vui, cũng không vì những biến cố lúc đó mà lo. Cho nên, hào kiệt bấy giờ, ai cũng suy tôn, kính phục. Các tướng lĩnh rông rỡ kiêu ngạo lần lượt bị giết, vì thế, lấy tội lỗi người trước làm gương, trong ngoài đều nghiêm cẩn. Đặt hai vệ Cẩm y, Kim ngô **[79a]** các ty Thần vũ, Điện tiền..., lấy người thân làm chức chỉ huy, dùng họ nhà mẹ làm việc duyệt xét. Lại chọn bề tôi tin cẩn để làm nanh vuốt tay chân, như bọnNguyễn Phục, Hàng Nhân Thiêm, Đỗ Hùng, Vũ Lân đều hầu quanh tả hữu. Vua chỉ rũ áo khoanh tay mà trong nước yên ổn.

Vua lại nghĩ giặc Chiêm đời đời vẫn là mối lo của ta, ngày nay không diệt đi, sau này làm gì được nó. Thế là phía nam thì đánh Trà Toàn mà lấy lại bờ cõi nó, phía tây thì đánh Nhã Lan mà quét sạch sào huyệt nó. Đánh Sơn Man mà uy thanh vang dội phương Bắc, đánh Bồn Man mà đất đai mở rộng phía tây. Quy mô xếp đặt, công nghiệp trung hưng, có thể sánh vai với Thiếu Khang nhà Hạ, nối gót được Tuyên Vương nhà Chu, mà khinh hẳn Quang Vũ nhà Hán, Hiến Tông nhà Đường là hạng dưới vậy.

Tiếc rằng vua nhiều phi tần quá, nên mắc bệnh nặng. Trường Lạc hoàng hậu[1] **[79b]** bị giam ở cung khác, đến khi vua ốm nặng mới được đến hầu bệnh, bèn ngầm giấu thuốc độc trong tay mà sờ vào chỗ lở, bệnh vua do vậy mới lại thêm nặng.

Bài tán viết rằng: (Bọn Thân Nhân Trung soạn).

Đức vua Thánh Tông,
Nghiệp lớn thừa kế.
Lịch số về mình,
Thần dân thỏa chí.
Giữ báu nắm phù,
Phát lệnh chính vị.
Giữ trung: học tổ,
Dựng cực: thừa thiên.
Nhân bồi hậu thế,
Hiếu kính tổ tiên,
Văn sáng Khuê, Bích,
Học sâu uyên nguyên.
Theo điển, dùng lễ,
Lánh gian, thân hiền.
Trị nước, chín kinh,
Dùng quan: tám bính[2].
Triệu dân vỗ yên.
Trăm việc chấn chỉnh.
Văn giáo rộng ban,
Vũ công đại định,
Sơn Lạo trốn xa,
Bồn Man theo mệnh.
Duy giặc Chiêm ấy.
Truyền kiếp cừu thù.
Cõi Nam quấy rối,
Xâm chiếm bốn châu.
Quân hổ kéo tới,
Thuyền rồng ngồi cao.
Chà Bàn **[80a]** cháy trụi,

[1] Trường Lạc hoàng hậu: tức bà Nguyễn Hằng con gái Thái uý Trình Quốc công Nguyễn Đức Trung mẹ Hiến Tông.

[2] Tám bính: theo sách Chu Lễ là : 1. Tước (ban chức tước cho bầy tôi); 2. Lộc (cấp bổng lộc); 3. Dự (khen thưởng); 4. Tri (đặt quan chức); 5. Sinh (nuôi dưỡng người có công lao); 6. Đoạt (thu lấy tài sản, chức tước của kẻ có tội); 7. Phế (phế bỏ, đuổi đi); 8. Tru (trị tội).

Thi Nại huyết lưu.
Trà Toàn nộp mạng,
Thanh miếu dâng tù.
Muôn dặm mở đất,
Nghìn xưa trả thù,
Ngu xuẩn Lão Qua,
Chống lại thanh giáo.
Vua nổi thịnh nộ,
Dấy quân chinh thảo.
Cờ mao phất lên,
Giặc đều quay giáo.
Trúc chẻ, tro bay,
Quét tan hang cáo.
Ba cõi lặng yên,
Chín di thông đạo,
Thịnh ngang Hoàng Đế[1],
Tục sánh Ngu Chu[2].
Nhân sâu, ơn nặng,
Trải bốn mươi thu.

Tháng 2, ngày mồng 1, Hoàng thái tử xuống lệnh dụ các bậc công, hầu, bá và các quan văn võ rằng:

"Thánh phụ Hoàng Đế, mở vận trung hưng rực rỡ, làm trọn công liệt người trước, ở ngôi 38 năm, khuya sớm, kính cẩn siêng năng. Đến ngày 27, tháng 11, mùa đông năm ngoái, bị chứng phong thũng, tới giờ Thìn ngày 30, tháng giêng năm nay băng ở cung Bảo Quang.

Ta **[80b]** thương nhớ đau xót, đã tạm cáng đáng các việc trong cung. Các thần dân trong ngoài đều giữ chức phận như cũ, sáng sớm mỗi ngày tới cửa Đông Trường An đợi lệnh, chờ hữu ty chọn ngày làm lễ. Đặc dụ cho các khanh biết. Lại yết bảng cho các quan văn võ biết, khi triều tham đều phải đội mũ sa đen, mặc áo cổ tròn màu đen, tiến đến ngoài cửa Cảnh Môn, mỗi buổi sáng một lần, đợi làm lễ như nghi thức".

Ngày mồng 3, làm lễ khóc. Hoàng thái tử dụ các triều thần rằng:

"Con sinh ra 3 năm mới khỏi cha mẹ bế ẵm trong lòng. Vì thế, ngày xưa để tang cha mẹ, có quy định là 3 năm. Trên từ Thiên tử, dưới đến thứ dân đều theo thế cả. Hán Văn Đế không theo phép cổ, có di mệnh để tang ngắn hạn, lấy ngày thay cho tháng. Từ đó về sau, người ta theo mà làm. Như vậy là vứt bỏ điển lễ, xem nhẹ luân thường, rất không đáng theo. Các tiên thánh nước ta, tuy có theo lễ mà làm, nhưng các lễ tiết trong đó **[81a]** cũng chưa phục cổ hết. Nay Thánh thượng Hoàng đế lìa bỏ trăm họ lên chầu Thượng đế, ta rất đau đớn xót thương, báo đức không thể nào cho cùng. Các khanh nên nghị bàn tang chế ba năm để nguôi lòng ta nhớ tiếc".

Đại thần và các quan đều rập đầu thưa rằng: "Hiếu là gốc lớn của đạo trị thiên hạ. Nay điện hạ theo được đạo hiếu, tôn nối luân thường, dẫu Đế Thuấn là bậc đại hiếu, Vũ Vương là bậc đại hiếu[3] cũng không hơn được, bọn thần đâu dám không tuân lệnh thi hành".

Bấy giờ mới định tang 3 năm. Tất cả những việc liệm, quàn, lễ điện, đều theo lễ cổ. Lệnh cho dân chúng trăm họ phải để tóc dài theo tang phục trăm ngày. Nếu là các quan và các hộ vệ thì để tóc dài theo tang phục 3 năm và đều mặc áo mộc trắng, khi ở nhà làm việc thì mặc tạm áo xanh cũng không cấm. Ngoài trăm ngày thì dùng áo xanh hay áo đen, **[81b]** không được dùng màu hồng và màu lục. Các

---

[1] Hoàng đế: Một ông vua nổi tiếng trong truyền thuyết của Trung Quốc.

[2] Ngu Chu: thời đại của Ngu Thuấn và Chu Văn Vương, được coi là thời kỳ "thịnh trị" lý tưởng, theo quan niệm của sử gia phong kiến.

[3] Người có lòng hiếu bềnvững, khắp thiên hạ ai cũng thừa nhận.

quân dân nam nữ ở phủ Phụng Thiên và trong nước đều phải mặc áo trắng mộc, hoãn lấy vợ lấy chồng trong 3 tháng.

Triều thần là bọn Định Công bá Trịnh Công Đán khuyên Hoàng thái tử lên ngôi, nhưng không được nghe.

Ngày Mậu Dần mồng 6, Thái bảo Bình Lương hầu Lê Chí, Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán, Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Sung Khê bá Lê Vĩnh tới điện Hoằng Văn kính đón Hoàng thái tử lên ngôi, đổi năm sau thành năm Cảnh Thống thứ 1.

Ngày mồng 8, cấm mua hiếp và kén tiền. Xuống chiếu rằng:

"Các nữ sử ở phủ, cung nhân cung Thiên Hòa và nô tỳ ở các phủ thân vương, công chúa, các nhà đại thần có mua thứ gì của người dân nhà quê bán trong chợ, không được quen thói cũ, mượn tiếng công mưu lợi riêng, ức hiếp mua rẻ và lấy bừa không trả tiền. Từ **[82a]** nay, dân chúng mua bán hàng hóa gì và người kiểm thu các loại tiền nộp vào kho công, nếu đồng tiền ném xuống đất có tiếng kêu, còn xâu lạt được, tuy có sứt mẻ vành cạnh một chút, thì từ nay nhất loạt phải nhận dùng cả, không được quá kén hoặc không tiêu".

Ngày mồng 10, dụ Lục khoa và Ngự sử đài giám sát rằng:

"Tiến cử người hiền tài, loại bỏ kẻ bất hiếu, đó là việc lớn của chính trị. Cho nên, dùng người hiền không lưỡng lự, bỏ kẻ gian không chần chừ, đời Đường Ngu do đó mà đổi thay được phong tục. Biểu dương người tốt việc hay, loại bỏ kẻ xấu điều dở, Thành Chu do vậy mà làm nên thịnh trị thái bình.

Trẫm mới lên ngôi, chọn người cai trị, mong được bậc hiền tuấn để giúp rập nên công. Song còn lo quan các nha môn tốt xấu lẫn lộn, trung nịnh không phân, nếu không khu xử sao tỏ khuyên răn được? Bọn các ngươi giữ giường mối của triều đình, làm **[82b]** tai mắt của Thiên tử, tiến người hay, bỏ kẻ dở là chức phận phải làm. Nên thể theo lòng trẫm, mỗi người đều phải tuân theo phép công.

Kể từ nay, các nha môn trong ngoài, nếu có ai liêm khiết, có tài, trung trực đáng khen thưởng cất nhắc, cùng những kẻ tham lận bỉ ổi, không làm nổi việc, đều phải xét rõ sự thực, kê tên tâu lên. Ai dám a dua theo nhau, hay vì thù riêng, trao đổi đút lót, mà xếp đặt không đúng thì sẽ bị trị tội nặng không tha".

Ngày 13, hkoan giảm thuế khoá tạp dịch, và cho quân dân vay thóc.

Xuống sắc chỉ cho các huyện trong ngoài rằng:

Chợ nào to đã có ngạch thuế thì cứ theo như trước, chợ nào chưa có ngạch thuế thì không được biên thêm vào ngạch. Còn ở Nghệ An thì các sắc quân, dân, những người không vợ, goá chồng, đói rét, bệnh tật, tàn phế, nếu có ai thiếu ăn thì hai ty Thừa, Hiến giao xuống cho các quan phủ huyện, kê khai ngay họ tên những người ấy làm bản tâu lên cấp cho thóc công chứa trong kho, mỗi người 100 **[83a]** thăng, đến khi lúa chín sẽ chiếu theo số thóc vay mà thu nộp.

Ngày 16, ban bố tên huý của vua là Tranh và tên huý của Thái hậu là Hằng.

Ra lệnh rằng quan viên lại điển, người nào có khoa mục và thi hội trúng trường, thi hương trúng thức cùng các giám sinh, nho sinh, sinh đồ thì gặp tang cha mẹ mới được chịu tang.

Ngày 26, bổ Đào Cử làm Hàn lâm viện thị độc Đông các học sĩ, Dương Trực Nguyên làm Đông các hiệu thư. Bấy giờ trời có đại hạn, Trực Nguyên dâng thư xin vua sửa đức để cứu vãn thiên tai.

Sai Hộ bộ nghị bàn tăng thêm thu61 của các hộ lấy đồng để đủ dùng việc quân.

Tháng 3, ngày mồng 6, định lệ thuế của đàn bà khiêng kiệu; lệ nộp vàng và nộp trứng tằm.

Định lệ thuế mắm muối.

[83b] Ngày 12, vua dụ các thân vương, công chúa, công hầu, bá, phò mã, các quan văn võ rằng:

Bọn nô lệ hèn kém thường ỷ thế làm bậy, người nào chứa chấp bao che phải nên răn bảo, nghiêm cấm. Kể từ nay, các phủ nha, hoặc các nhà quyền quý có nô tỳ, làm nhà ở Phụng Thiên, hoặc có ruộng đất ở phủ huyện các xứ đều phải nêu rõ là nô tỳ công ở phủ, nha nào, là nam nhân, nữ nhân của nhà họ nào. Nha môn phủ ấy và chủ quản giám phải tự kiểm soát, đúng là nô tỳ của bản quan thì mới cho ở. Nếu ở hỗn tạp thì phải đuổi cho hết. Phải khai báo họ tên số mục của nô tỳ, đưa tới quan phủ huyện mình để có bằng cứ mà kiểm soát.

Ngày 16, xuống chiếu rằng: Từ nay, quan tuần ty ở dọc biên giới, nếu có khuyết viên nào, thì Lại bộ chọn **[84a]b** lấy người Kinh nào ở địa phương gần đây có chiến công đánh giết được giặc, đáng được bổ dụng và quen thủy thổ để thuyên bổ.

Ngày 20, ra sắc chỉ rằng: Kể từ nay, Lục khoa cấp sự trung và Giám sát ngự sử có khuyết viên nào thì Lại bộ chọn các quan trong ngoài, người nào có chân tiến sĩ xuất thân, mà liêm khiết, siêng năng, cương trực, có công lao cho thuyên bổ nhậm chức. Sau một năm, Lục khoa cấp sự trung hiệp đồng khảo hạch tâu lên những công việc viên đó đã làm, đợi lệnh. Người nào dùng được thì để lại, người nào không dùng thì đổi bổ chức khác. Lục khoa cấp sự trung không công bằng thì cho Đô ngự sử soát xét lại những việc đã làm, tâu lên đợi lệnh. Người nào dùng được thì để lại, người nào không dùng thì đổi bổ chức khác. Nếu Đô ngự sử đài khảo hạch không công bằng, thì quan Lục khoa đem sự thực hặc tâu lên. Nếu Lại bộ thuyên bổ không **[84b]** đúng, khoa đài dung túng bao che cho nhau, thì đều nhất loạt giao xét để trị tội.

Định lệnh điều lên chức khác. Kể từ nay, Thủ lĩnh các nha môn phủ huyện, châu bên ngoài có ai được điều lên chức khác thì Lại bộ tự cho người coi nha môn đó điều tra rõ ràng, nếu quả là liêm khiết, siêng năng, giỏi giang làm được việc, không bỏ thiếu các công việc công nơi trị nhậm, thì mới được điều lên chức khác.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 13, chuẩn y lệnh cấp tiền bổng theo kỳ, theo phiên.

Ngày 17, nhắc lại lệnh cấm kiện vượt cấp.

Ngày 26, định lệnh thăng bổ chức đô lại, đề lại, điển lại.

Định lệnh sai đi làm việc gì phải có chữ duyệt.

Định lệnh chọn bổ các chức vụ khó khăn. Như các huyện Lôi Dương và Lương Giang phủ Thiệu Thiên là **[85a]** những nơi chức nhiệm khó khăn, kể từ nay, nếu khuyết viên nào thì Lại bộ chọn lấy người nào liêm khiết, có tài, cương trực, siêng năng làm việc mà thuyên bổ.

Ngày 28, định lệnh đổi đi nơi khác. Như các viên quản quân, quản dân ở Nghệ An, nếu người nào có quê quán ở ngay phủ, huyện mình cai trị, có nhà ở gần nha môn mình làm việc, thì Lại bộ điều động đi nơi khác, chọn người khác bổ thay.

Lại xuống chiếu rằng: Từ nay, các chức quản quân, quản dân ở các xứ, Lại bộ không được lấy người quê quán ở bản xứ, có nhà gần nơi mìmh cai quản mà thuyên bổ.

Tháng 5, ngày mồng 3, xây Đãi Lậu viện.

Trước đây, Thái Tổ làm Đãi Lậu viện ở ngoài cửa Tây. Thái Tông, Nhân Tông đều nhân đó theo. Thánh Tông làm thêm hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng.

Đến đây, đặc cách ra lệnh cho Ngũ phủ sai phái kỳ quân xây dựng Đãi Lậu viện ở ngoài cửa Đại Hưng **[85b]** gồm 2 dãy, mỗi dãy 3 gian 2 chái.

Ngày 14, cấm quan lại và dân chúng không được dùng các thứ ngọc như thủy tinh... để làm những thứ như mũ, ống nhổ...

Định lệnh truy thu thuế bông vải mùa hạ của nữ đinh.

Tháng 6, ngày mồng 8, cấm sử dụng tiếm vượt những đồ phi pháp như các đồ vật có nạm khắc vàng bạc, sơn vẽ rồng phượng.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 3, định lệnh chọn bổ thôi quan[1]. Từ nay, thôi quan ở Thừa ty các xứ có khuyết viên nào thì Lại bộ chọn lấy quan các nha môn, người nào đã qua hai kỳ khảo khóa trở lên, liêm khiết, có tài, từng trải, am hiểu hình danh mà thuyên bổ.

Ngày 28, định lệnh phát quân nhu cho quân theo hầu.

[86a] Tháng 9, định lệ phong tặng, tập ấm cho các quan văn võ: Văn giai, truy phong cha mẹ thì lui 1 bậc, như chánh nhất phẩm thì cha được chánh nhị phẩm...

Mùa đông, tháng 10, ngày 26, bọn Hộ bộ thượng thư Ngạc Hối vâng theo nghị định mới, định lệ cấp tiền lương.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Hộ khoa đô cấp sự trung Phạm Hưng Văn và Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Đức Thuận báo tang; Hàn lâm viện hiệu lý Phan Tông, Phạm Khắc Thận, Nguyễn Đình Tuấn cầu phong.

Đặt chức Thủ ngự tại Bình Lục và Lạc khư thuộc đô ty Lạng Sơn.

Định lệ binh biên giới. Kỳ quân các xứ dọc biên giới, nếu cha con, anh em, người cùng xã, cùng **[86b]** thôn mà phân tán ghép vào quân các vệ, sở khác nhau thì đến khi làm sổ quân tịch, phải đối chiếu mà biên chế về cùng đội ngũ một vệ để tiện kiểm soát.

Lấy Lê Năng Nhượng làm Điện tiền đô kiểm điểm, Cống Xuyên bá, Lê Nhuận làm Tứ vệ đề đốc Dung Hồ bá, Chu Trấn làm Hữu đề điểm.

Tháng 12, ngày Tân Mão 24, dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Sùng Thiên Quảng Vận Cao Minh Quang Chính Chí Đức Đại Công Thánh Văn Thần Vũ Đạt Hiếu Thuần Hoàng Đế, miếu hiệu là Thánh Tông.

---

[1] Thôi quan: chức quan phụ trách việc bắt giữ các phạm nhân.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Thực Lục

Quyển XIV

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Hiến Tông Duệ Hoàng Đế

Tên húy là Sanh[1] lại húy là Huy, là con trưởng của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, thọ 44 tuổi thì băng, táng ở Dụ Lăng.

Vua thiên tư anh minh thông tuệ, giữ vận thịnh trị, thái bình, mới trong khoảng 7 năm mà thiên hạ bình yên, xứng đáng là bậc vua giỏi giữ cơ đồ, thế mà ở ngôi không lâu, đáng tiếc thay!

Mẹ ngài là Trường Lạc Thánh Từ hoàng thái hậu họ Nguyễn, tên húy là Huyên[2], người ở trang Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn, là con gái thứ hai của tặng thái uý Trinh quốc công [Nguyễn] Đức Trung. Trước đây, Thánh Tông chưa có con nối, Quang Thục hoàng thái hậu[3] đã từng cầu đảo, sai Đức Trung đến cầu ở am Từ Công núi Phật Tích[4], chiêm bao thấy đến trước mặt thượng đế cầu hoàng tự. Thượng đế phán: "Cho sao Thiên Lộc làm con Nguyễn thị". Nói rồi cho ẵm đến ngồi ở trước. Bấy giờ, Trường **[1b]** lạc hoàng thái hậu ở cung Vĩnh Ninh, tức thì có mang. Đến khi đủ ngày tháng, chiêm bao thấy rồng vàng từ trên trời sa xuống, bay vào trong phòng, một lát sau thì sinh ra vua. (Vua sinh vào ngày mồng 10 tháng 8, năm Tân Tỵ, Quang Thuận năm thứ 2 [1461]).

(Xét bài Thiên Phúc tự bi ký[5] của Nguyễn Bá Bằng có nói: Trường Lạc hoàng thái hậu có điềm rồng vàng nhập vào sườn bên tả).

Vua sinh ra, dáng vẻ thiên tử, mũi cao, mặt rồng, thần thái trang nghiêm, tươi đẹp khác thường, Thánh Tông yêu quý lắm. Năm Quang Thuận thứ 3 [1462], tháng 3, sách lập làm hoàng thái tử.

Năm Hồng Đức thứ 28 [1497], tháng giêng, Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá, lấy ngày sinh làm Thiên Thọ thánh tiết, tự xưng là Thượng Dương động chủ. Sau vua được truy dâng tôn thuỵ miếu hiệu là Hiến Tông.

Mậu Ngọ, Cảnh Thống năm thứ 1 [1498], (Minh Hoằng Trị năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, có sắc dụ cho **[2a]** các ty hộ vệ trong ngoài rằng: Cửa hành cung không nghiêm thì việc canh giữ cung thành không chắc. Nếu gặp khi đại giá đi bái yết sơn lăng thì ba ty Hộ vệ[6] càng phải hiệu

---

[1] Chữ ____ có hai cách đọc: sanh (Quảng vận: Sĩ canh thiết) và tranh (Tập vận: Trừ canh thiết).

[2] Chữ ____ co hai cách đọc: Huyên và Huyến.

[3] Tức bà Ngô Thị Ngọc Dao, bà hậu của Lê Thái Tông, mẹ của Lê Thánh Tông.

[4] Am Từ Công: tức chùa Thầy, thờ Từ Đạo Hạnh, nhà sư đời Lý. Núi Phật Tích: tức núi Sài Sơn, nay thuộc huyện Quốc Oai, Hà Sơn Bình.

[5] Bài ký khắc trên bia đá ở chùa Thiên Phúc, nay là chùa Thầy.

[6] Ba ty Hộ vệ: Theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn thì năm đầu tiên hiệu Quang Thuận (1460) đặt các vệ quân Thần vũ, Hiệu lực và Điện tiền gọi là ty Hộ vệ.

lệnh cẩn mật, chớ cậy thời bình mà lơ là việc phòng bị. Kinh Thư nói: "Có phòng bị thì không lo ngại"[1]. Kinh Dịch nói: "Gõ hiệu canh từng lớp cửa thành để ngăn ngừa kẻ bạo nghịch"[2], chính là nói về điều đó. Nếu thấy đặc chỉ cho gọi người vào, ban ngày thì dùng bài ngà tuyên triệu, có cả cờ lệnh và bài đồng nữa. [Nếu không] thì không được tự tiện mở đóng cửa doanh.

Ban đêm thì dùng bài vàng song hổ, có cả cờ lệnh và bài đồng. Nếu không có phù vàng, bài ngà thì nhất thiết không được thi hành. Kẻ nào không nhận rõ thực giả, không theo sắc chỉ, thì bị tội theo quân luật.

Tháng 3, ngày mồng 5, định lệ thu nộp các thứ thuế. Mọi thứ thuế trong nước, năm nào thu thì đến cuối năm ấy phải nộp đủ, không được **[2a]** thu năm nay đến năm sau mới nộp.

Có sắc chỉ rằng: 6 sở của vệ Lang Sơn, kỳ quân thì ít, quan lại thì nhiều. Các quan ba ty xứ ấy phải cùng nhau bàn định, giữ lại mỗi sở hai viên[3]; mỗi vệ, chức giáo tập bác sĩ 6 người, còn lại thì đều giảm bớt. Kê khai rõ họ tên những ngườI giảm bớt gửi lên Lại bộ và Binh bộ để điều bổ và sai đi huấn luyện vệ sở khác.

Ngày Giáp Tuất, mồng 8, quan tài của Thánh Tông Thuần Hoàng Đế rước về đến Lam Kinh. Đến ngày Giáp Ngọ 28, an táng vào bên tả Vĩnh Lăng ở Lam Sơn, gọi là Chiêu Lăng. Trước đó, Lễ quan tâu xin dựng bia, khắc minh để tỏ rõ sự nghiệp của tiên đế cho đời sau. Vua khen lời tâu là phải, sai Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu Thân Nhân Trung, Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, Đông các đại học **[3a]** sĩ Lưu Hưng Hiếu[4] soạn văn bia. Ngày hôm ấy, vua sai nữ quan và nữ sử 10 người đưa linh cữu vào an táng xong rồi ra.

Thả vài trăm cung nữ.

Sau sứ đi khắp bốn phương, truy xét những người nghèo túng, già yếu còn trong quân ngũ thì thải cho về, những người chịu thuế khoá và phục dịch công trình quá nặng thì giảm nhẹ cho; tha những kẻ lầm lỡ, xét rõ người oan khuất, bổ dùng kẻ mất chức, khen thưởng người có công; tha nợ thuế, nới hình phạt, nêu gương người tiết nghĩa, giúp đỡ kẻ côi cút, người đói nghèo, cất nhắc người liêm khiết, tiến cử bậc hiền tài, trong ngoài ai cũng thoả lòng. Vua ở Đông cung 36 năm, đức hạnh, học nghiệp ngày càng tăng tiến, nhân hiếu nổi lên khắp trong nước, cho nên chính sự bước đầu đã tốt đẹp, khả quan.

Trong hạt Nghệ An, Thuận Hoá, bọn trộm cướp đều nổi lên, quận bên cạnh đánh dẹp không yên được. Vua ra sắc lệnh cho quan có trách nhiệm, triệt bỏ hết toán lính đi tiễu bắt, chiêu an phủ dụ cho chúng ra thú tội trở lại nghề nghiệp cũ[5].

Vua xem sổ tiền thóc của Hộ tào dâng lên và hỏi **[3a]** các quan tả hữu, biết được tình trạng dự trữ của nhà nước và tư nhân. Từ đấy lại càng để ý đến việc nông tang, tự tay viết sắc lệnh sai các quan thừa hiến, phủ, huyện đi tuần hành khuyên bảo nhân dân đắp đê điều, đào ngòi lạch, khơi bờ ruộng, để phòng hạn, lụt. Lại sai triều thần đi kiểm tra, xem xét những việc đó. Mỗi xã đặt một người xã trưởng hay thôn trưởng chuyên trông nom việc nông tang, lại đem xã quân và nông trưởng đi đốc thúc. Quan bên ngoài ai có việc về Kinh và sứ của triều đình từ ngoài trở về, vua đều cho gọi vào hỏi về mùa màng được hay mất, trăm họ sướng khổ ra sao. Còn lính ở thợ đến phiên thì cứ theo lệ trước, tháng 6, tháng 10 chia một nửa về làm ruộng.

Ngày 16, có chiếu quy định rằng các quan trong ngoài, người nào không có con mà nuôi con nuôi, đều chiếu theo chức phẩm, cho được tập ấm bổ quan như con đẻ.

---

[1] Xem Kinh Thư, thiên Duyệt mệnh trung, Nguyên văn: "Hữu bị vô hoạn".

[2] Xem Dịch Kinh đại toàn, quyển XIX, Hệ từ hạ. Nguyên văn: "Trùng môn kích thác dĩ đãi bạo khách".

[3] Hai viên là: một viên quản lĩnh, một viên võ uý.

[4] Bản dịch cũ và Cương mục đều ghi là Đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu.

[5] Nguyên văn: "Đế sắc sở ty tất khử thiết bộ binh phủ dự hứa xuất thú phục nghiệp". Bản dịch cũ là: "Vua sắc cho quan có trách nhiệm đặt quân đi bắt tại các nơi và phủ dụ cho ra thú tội làm ăn".

Định lệ bảo cử chức Tổng binh. Có chiếu chỉ rằng: Chức Tổng binh giữ trọng trách cả một phương, không thể trao cho kẻ không xứng đáng. **[4a]** Kể từ nay, nếu có khuyết chức Tổng binh thì cho phép các quan khoa, đài bảo lãnh, lựa chọn quan ở các nha môn, người nào có đảm lược học thức, uy vọng, tài cán, liêm khiết, siêng năng để bổ vào chức vụ đó. Kẻ nào dám riêng tư tiến cử bậy loại ngu dốt, thô bỉ, nhút nhát, hèn kém thì phải trị tội nặng hơn luật thường.

Định lệ nộp thuế tơ sống, đó là theo lời bàn của Trịnh Trị.

Lấy Dương Trực Nguyên làm Lại khoa đô cấp sự trung, lại ưu đãi cho thêm tiền quý bổng liêm khiết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 5, có sắc dụ quy định: Những điển lại có tội phải sung quân, khi được ân xá, nên bổ làm lại ở nha môn bên ngoài. Người nào tội tình nhẹ thì bổ nơi đất lành, khoan cho một chút; người nào tội tình nặng thì bổ nơi biên cương xa xăm nước độc.

Ngày 19, bọn Tản trị thừa tuyên sứ ty, tham chính các xứ Hải Dương Vũ Duệ dâng lời tâu bày về việc định ngày thi Hương rằng: Bọn thần kính xét thể lệ thi Hương năm trước: tháng 8, ngày mồng 8 **[4b]** vào kỳ thứ nhất, ngày 19 vào kỳ thứ hai, ngày 25 vào kỳ thứ ba, ngày mồng 1 tháng 9 vào kỳ thứ tư. Theo như thế, bọn thần trộm xét, tháng 8 năm nay đúng vào kỳ thi Hương mà ngày mồng 10 tháng ấy kính gặp ngày Thiên thọ thánh tiết. Nếu ngày mồng 8 tháng ấy, Vũ Duệ và các viên Hiến ty đều đã vào trường thi Hương rồi, đến ngày mồng 10 lại ra trường thi về nha môn làm lễ thì việc thi sẽ không được cẩn mật, mà nếu bày hương án làm lễ[1] ngay trong trường thi, thì lễ văn sẽ không đầy đủ. Cúi xin thi Hương năm nay hoãn đến ngày 12 tháng ấy vào kỳ thứ nhất, ngày 20 vào kỳ thứ hai, ngày 29 vào kỳ thứ ba, ngày mồng 6 tháng 9 vào kỳ thứ tư. Như vậy, một là để bày tỏ tình cảm kẻ tôi con chúc mừng vua cha, hai là để công việc [5a] đặt khoa thi chọn hiền sĩ của triều đình được nghiêm túc. Vua nghe theo.

Tháng 5, ngày 24, định lệ truy thu thuế bông vải mùa hạ của nữ đinh.

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng: Những lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, điển lại, quân sắc, ai bắt được kẻ cướp cùng bọn giặc phản nghịch gian ác, nếu lệ có xuất thân thì Lại bộ chiếu như lệ xuất thân mà bổ dùng, nếu lệ không có xuất thân thì đều trao cho tản chức theo như lệnh.

Tên phản nghịch Hoàng Hấp Kiện bị giết.

Tháng 8, ngày 22, ra sắc dụ cho Hình bộ, Đình uý ty và các quan xét xử án kiện trong ngoài rằng: Việc dùng hình ngục quan hệ tớI sinh mệnh của dân, sử dụng đạo thì dân thoả lòng, xử trái đạo thì dân chịu hại. Cho nên lời Tượng của Kinh Dịch rất răn việc chậm xử án[2], Kinh Thư rất xem trọng việc xét trong tù[3]. Thế thì, trong việc tra xét, xử án, **[5b]** há có thể được phép trì hoãn sao! Kể từ nay về sau, Hình bộ, Đình uý ty và các quan xét xử án kiện trong ngoài, hễ thấy những án nào còn nghi ngờ, khó xử, cũng đều phải theo đúng kỳ hạn mà xét xử cho xong. Nếu có ai dám để chậm trễ quá kỳ hạn, thì đến cuối mỗi năm, quan phụ trách cùng Hình bộ, Đề hình giám sát ngự sử, Thanh hình hiến sát sứ ty phải kiểm tra tâu hặc lên để trị tộI theo pháp luật. Nếu lấy tình riêng dung túng, không biết tra xét tâu lên, thì cho người có việc kêu lên, đường quan ngự sử đài và thể sát xá nhân xét thực làm bản tâu lên để trị tội. Các quan kể trên không chịu làm đúng lý thì cho người bị hại tâu rõ thực tình sẽ trị tội họ theo luật pháp.

Đặt thêm các cơ sở hiệu của ba vệ Thăng Long, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn thuộc Đô ty Quảng Nam.

Mùa đông, tháng 10, ngày 21, bọn Lễ bộ thượng thư Vũ Hữu[4] tâu rằng: Đầu bếp phục dịch ở Thái quan Thư[1] **[6a]** vẫn có kẻ bỏ trốn. Bọn đầu bếp ở Thái quan thư so với hạng chăn voi của Công bộ

---

[1] Tức làm lễ mừng ngày sinh Thiên thọ thánh tiết của vua.

[2] Ý của lờI Tượng quẻ Lữ trong Kinh Dịch.

[3] Ý một đoạn trong thiên Khang cáo của Kinh Thư.

[4] Vũ Hữu: người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, Hải Dương, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

cứ đến tháng 6, tháng 10 hàng năm đã được vâng mệnh về làm ruộng, còn bọn đầu bếp thì chưa được, như thế là chưa công bằng. Do đó, cúi xin hạ lệnh cho Thừa tuyên sứ ty bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc chọn lấy những phú nông trong hạt, bổ thêm làm đầu bếp, như lệ số người phiên trước để tiện phục dịch. Cứ đến tháng 6, tháng 10 hàng năm thì nhật luật chia cho về làm ruộng như hạng chăn voi của Công bộ, cho khó nhọc và nhàn rỗi được công bằng, ngõ hầu có thể xoá bỏ được cái tệ bọn đầu bếp trốn đi. Vua nghe theọ

Tháng 11, ngày mồng 8, vua sai bọn bồi thần Nguyễn Quan Hiền, Phạm Thịnh, Lê Tuấn Mậu sang nhà Minh cống hàng năm.

Ngày 20, có sắc chỉ cho Thừa ty bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc [6a] rằng: Khi rỗi việc làm ruộng, thì sai các quan phủ huyện đốc bắt dân phu các xã chuyên chở thóc công của huyện mình, mỗi thừa ty là 12.500 thạch đưa về kinh giao nộp, kho Thiên Hội kiểm nhận chứa vào bốn dãy kho bỏ không từ trước. Còn như thóc công của Thừa ty các xứ Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Tuyên Quang, thì đều xứ nào thu chứa ở xứ đó như trước đây, để đủ lương cho việc phòng bị biên cương.

Tháng 12, ngày mồng 10, có sắc chỉ quy định: Kể từ nay, trưởng quan các nha môn trong ngoài, khi khảo khoá các chức ở vệ, sở, phủ, huyện hạt mình phải xét tường tận thành tích các nhiệm vụ đã trải qua. Người nào hết lòng phủ dụ chăm sóc quân dân, được quân dân yêu mến khâm phục, nộp thuế không thiếu hụt, thì mới được xét duyệt là xứng đáng với chức vụ và được thăng chức, ban thưởng theo lệ đã định. Nếu quấy nhiễu, hạch sách nhân dân, theo lợi riêng gây mối tệ, thì dẫu việc bị cáo giác không có chứng cớ cụ thể, nhưng thói gian tham mọi người đều biết cả, **[7a]** cùng là trong hạt có nhiều kẻ trốn đi thì đều khảo vào loại không xứng chức.

Có lệnh chọn chức thủ lĩnh.

Lời chiếu viết: Chức thủ lĩnh được ngang hàng với trưởng quan, được bàn luận phải trái cùng trưởng quan, không phải chỉ có tra xét, viết lách sổ sách ở phủ vệ, mà còn phải xét hặc các tướng hiệu gian phi. Cần phải công bằng giữ phép, ngay thẳng cho người noi theo. Thỉnh thoảng có người liêm khiết xứng chức như bọn Vũ Phục Long, Phạm Như Dụ, Vũ Thế Hảo, thì đã nêu khen ban thưởng để khuyến khích người sau. Nay những người ở chức ấy, không biết thấy người hay thì lo theo kịp, lại bắt chước kẻ dở, dung túng che giấu cho nhau, lâu ngày quen nết. Thậm chí hùa nhau làm trò nhơ nhuốc, mặt dày nịnh bợ, quỳ gối chui luồn, nuôi chứa lòng gian, gây mối tệ hại, nhưng sao kể xiết, khiến không sao phân biệt được kẻ hay, người dở để mà khuyến khích hoặc răn trừng. Từ nay, ở trong thì Lục khoa, ở ngoài thì Hiến ty, hễ là thủ lĩnh, phải theo phép công bằng, phân biệt cho rõ, ai là người liêm khiết giữ luật pháp, **[7b]** ai là kẻ tham nhũng vụ lợi riêng, đều kê tên tâu lên, trao cho Cai đạo giám sát ngự sử xét lại làm bản tâu lên để thi hành. Kẻ nào dám theo lòng ân oán riêng, tham mê của đút lót, mà nhận xét không đúng, cùng là dung túng không nói gì, thì cho quan Lục khoa được nhất luật hặc tâu.

Kỷ Mùi, [Cảnh Thống] năm thứ 2 [1499], (Minh Hoằng Trị năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 20, quy định ngày nộp tiền sai dư[2] trong kỳ đại tập. Ra lệnh cho các nha môn trong Kinh thời hạn trong 15 ngày; Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc 25 ngày; Thanh Hoá, An Bang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá 1 tháng; Nghệ An, Cao Bằng, Thuận Hoá 1 tháng 15 ngày, Quảng Nam 2 tháng. [Các nơi] đều phải theo đúng ngày hẹn giao nộp. Hộ bộ kiểm thu đủ số theo lệ đã định.

Ra sắc chỉ dụ các quan viên và quân sắc ở trong ngoài cả nước rằng: Việc thiết lập vũ bị, cốt phải phép [8a] tắc vững bền, cách sửa sang chính trị, quý ở trừ mối tệ hại. Cho nên sách Tam lược chú trọng quyền cầm quân của tướng, sách Lục thao ghi việc thưởng phạt công minh. Xét lời chứng ấy, đủ làm gương soi. Nước nhà ta dùng sức của dân, định ra phép nước; binh lính các phủ vệ trong ngoài phải mở rộng quy chế; bọn thợ thuyền lớn nhỏ càng phải coi trọng việc xét công lao. Trừng trị kẻ tham ô, lời dạy rất rõ ràng; khen thưởng người liêm cần, điển chương đã đầy đủ. Chăm chắm roi vọt răn đe, ngăn

---

[1] Thái quan thư: cơ quan phụ trách việc ăn uống của nhà vua.

[2] Tiền sai dư: là tiền sưu hay thuế thân sau này.

ngừa tư thông đút lót. Mà sao bọn quan lại giữ chức quyền, không đoái chi tới phép tắc của triều đình. Người lo cho nước, quên việc nhà thì ít; kẻ thiếu trách nhiệm, bỏ chức phận thì nhiều. Tha giàu bắt nghèo, không chừa ác cũ; tham tiền khoét của, vẫn theo lỗi xưa. Kẻ thì chỉ lo hại người để béo mình, kẻ thì đam mê tửu sắc mà chẳng bỏ, kẻ thì dựa thế **[8b]** đang lên nghĩ cách bóc lột, kẻ thì nhân được gả xuống[1] mà mặc sức vét bòn, kẻ thì cho nhờ vả che chở làm mưu hay mà vứt bỏ phép nước, kẻ thì lấy yêu sách, đánh đập là kế giỏi mà không thương xót người nghèo. Việc quân, việc nước hỏng nát không lúc nào nghiêm trọng bằng lúc này. Trẫm mới lên ngôi báu, nghĩ cách trừ bỏ thói tệ, muốn đặt hình phạt nặng để chính sự buổi đầu được trong sạch. Nhưng lại nghĩ: lấy hình phạt trừng trị kẻ gian là công cụ giúp việc trị bình; lấy miệng lưỡi thay cho búa rìu là lòng nhân chế ngự kẻ dưới. Vậy đặc cách ban bố điều khoản mới, yêu cầu trừ bỏ thói quen xưa. Người nào biết thể theo ý trẫm, không bất lương thì được thưởng hậu để nêu khen; kẻ nào quen giữ thói cũ, không nghe lời răn dạy, thì phạt nặng để trừng trị. Họa, phúc không có cửa nào, mọi người hãy lựa chọn cho kỹ.

Cày ruộng tịch điền.

Tháng 2, ngày 17, có sắc chỉ dụ bọn Thái bảo Sùng Khê hầu Lê Vĩnh, Đô kiểm điểm [9a] Cống Xuyên hầu Lê Năng Nhượng rằng: Mới rồi nhận được bản tâu của các khanh, lo kế lớn cho tông miếu xã tắc, khẩn thiết xin dựng lập hoàng trừ[2], trẫm rất khen ngợi việc đó. Hoàng tử thứ nhất là Tuân[3] thì thích mặc áo đàn bà, bỏ thuốc độc cả mẹ; hoàng tử thứ hai là Tuấn thì còn bé, lại không có đức, sợ không kham nổi; hoàng tử thứ ba là Thuần rất ham thích Thi, Thư, dốc lòng hiếu kính, trẫm đích thân vỗ về dạy bảo, nay đã trưởng thành, Trẫm quyết đoán từ công tâm, cho giữ ngôi thái tử, thực không phải là bỏ con trưởng lập con thứ, mà là vì thiên hạ chọn người làm vua đó! Song điện chính Đông cung trẫm còn đang ở, nên làm cung mới bên cạnh điện, và làm sách phong thái tử, tuyên bố nghi lễ tiết văn, truyền cho Hữu ty chọn ngày cử hành việc đó.

Nói rõ việc cấm chỉ cỗ bàn xa xỉ.

Tháng 3, ngày mồng 2, làm lễ tế đàm[4] cho Thánh Tông, ngày hôm ấy, bỏ áo tang.

[9b] Mùa hạ, tháng 4, ra sức dụ cho bọn Lễ bộ thương thư Vũ Hữu rằng: Nhân tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí mạnh thì đạo trị nước mới thịnh. Khoa mục là con đường chính của người làm quan, đường chính mở thì chân nho mới xuất hiện. Cho nên ngày xưa dùng khoa lấy người tài giỏi phải đặt quy chế chia vị cho nghiêm, phải định thể lên dán tên cho chặt, có lệnh cấm bảo nghĩa cho nhau, đổi sách cho nhau, cốt để ngăn ngừa mầm gian, thu nhiều người giỏi, để cung cấp cho nhu cầu dùng người vô cùng của thiên hạ. Phép chọn kẻ sĩ của tổ tông ta bắt chước đời xưa mà làm, đến nay quy mô rộng lớn, đã rất kỹ lại đầy đủ. Song phép lập đã từ lâu, tệ xấu theo đó mà nảy sinh, kẻ tầm thường thì lạm vào hàng thi đỗ, người thực học thì bị gạt ra ngoài vòng, lời bàn tán xôn xao, lòng học trò chưa thoả. Trẫm giữ cơ nghiệp lớn, rạng tỏ đạo công, sùng chuộng lòng thành, muốn vãn hồi phong tục thuần phác, ngăn cấm lề thói phù hoa, mong trừ bỏ **[10a]** thói tệ kiêu bạc. Để cho bậc hiền triết nối gót bước lên, việc phòng giữ phải đặt ra minh bạch. Nhắc rõ các điều, liệt kê ra cả thảy 20 điều dưới đây. Điều thứ nhất: Trường thi phải rộng rãi, trong chia làm bốn khu, mỗi khu đều ngăn bằng rào thưa; bốn góc trong trường thi, mỗi góc làm một cái chòi, đến ngày vào thi, lấy nội thần hiệu uý mỗi chòi một người đứng trên chòi để trông coi...

Thi hội các cử nhân trong nước. Bây giờ, có tới hơn 5000 người dự thi, Vua nói: Phép cấm không nghiêm thì không thể ngăn chặn được thói cầu may, giữ bỏ không kỹ thì không thể lấy được người thực

---

[1] Nguyên văn "hạ giá", tức là được lấy công chúa là "bậc trên".

[2] Hoàng trừ: chỉ ngôi thái tử.

[3] Tuân: Tức An Vương Tuân, con trưởng của Hiến Tông, là người thông minh học rộng, sức lực hơn người, nhưng tính ngang bướng, thích mặc áo phụ nữ, hồi nhỏ, vì không được như ý, đem thuốc độc đầu độc mẹ. Sau này, An Vương bỏ nết cũ, thờ mẹ rất hiếu, giữ mình kín đáo (Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn).

[4] Tế đàm: lễ tế bỏ tang phục. Theo tục cũ, cha mẹ chết sau 27 tháng thì tế đàm rồi cởi bỏ tang phục.

giỏi. Liền cho Nghi tào[1] định ra phép thi, cận thần ra đầu bài thi in ra đưa xuống từng lều từng khu. Các viên tuần xước[2] phải thay nhau canh cả ngày. Khảo quan ai có người thân vào thi thì cho rút. Lấy đỗ được 55 người.

Tháng 5, ngày 19, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, năm nào được mùa to, **[10b]** thóc lúa bội thu, thì thừa tuyên sứ ty các xứ sức cho, các quan phủ, huyện, châu trong hạt bắt các nông trưởng, thôn trưởng phải quan tâm khuyên bảo người trong xã mình ai nấy nên dự trữ thóc gạo cho dồi dào, không được xa xỉ dùng bậy cho tổn phí.

Đại hạn. Cầu mưa ở Thái Miếu mà vẫn nắng dữ.

Ngày 29, có sắc chỉ truyền cho Hình bộ rằng: Hôm nay, ở Thái Miếu còn đương cầu mưa, hãy hoãn việc xử trảm và phạt trượng tù nhân, hãy ghi chép tình trạng tù nhân bị phạt trượng tâu lên, phải cấp tốc vâng lệnh thi hành.

Tháng ấy, lấy Dương Trực Nguyên làm Phủ doãn phủ Phụng Thiên.

Tháng 6, ngày 19, thải bớt lại viên.

Sắc cho bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận rằng: _ vào phép nước mà đục khoét là thói tệ của bọn lại, thường xuyên sa thải là quy chế của quốc giạ

Trước đây, lựa chọn không công bằng, bọn lại quá nhiều, rất nhũng tạp. Có kẻ ăn mày, chỉ một nghề là được bổ dụng, **[11a]** có kẻ nhờ cậy nhiều ngón, mong được chỗ hơn, hối lộ công khai, thăng quan vượt cấp. Lại còn có kẻ không viết nổi bản thảo tờ tâu, phải bỏ tiền thuê người viết hộ. Cũng có kẻ không chép nổi sách, chỉ mánh khoé để kiếm miếng. Bệnh trong tim óc, năm tháng đã lâu. Muốn cho trị giáo trở lại thuần hậu, mà cứ để lũ tiểu nhân đầy đường, tắc lối thì không thể làm được. Ngươi phải gửi công văn cho các nha môn trong ngoài các xứ trong nước, hạn trong ba tháng, các quan phụ trách phải làm bản tâu rõ người nào thanh liêm, chính trực, kẻ nào gian tham, ngu dốt, cùng những người già ốm, hèn yếu, thì cho về hết thảy, theo như lệnh mà thải ra. Lại chọn con em nhà lương thiện, có xã trưởng bảo đảm, nếu khai gian thì trị tội chết mới cho vào thi mà bổ dụng.

Ngày 26, có sắc chỉ rằng: Kể từ nay, quân dân xứ Quảng Nam bắt được voi cho nhà nước, thì cho báo cáo với ba ty, cùng hiệp đồng xét thực, cứ 1 con voi **[11b]** mà 35 người trở lên bắt được, thì cho 20 người là hạng chính thức bắt được, 20 người là hạng đi theo để bắt, làm bản kê tên từng người để xét ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 5, ra sắc dụ cho các quan viên và dân chúng rằng: Thế đạo thịnh hay suy quan hệ ở phong tục; phong tục tốt hay xấu quan hệ ở khí số. Kinh Dịch nói: "Dùng người quân tử cho đạo đức thuần hậu, phong tục tốt lành"[3]. Kinh Thư nói: "Ban rộng năm điều giáo hoá để dạy dân vào khuôn phép"[4]. Kinh Thi nói: "Khuôn mẫu không sai mới uốn nắm được người bốn cõi"[5]. Kinh Lễ nói: "Thực hiện đủ "bát chính" để phòng ngừa bừa bãi, thống nhất đạo đức để phong tục hoà đồng"[6]. Kinh của thánh nhân truyền lại lời dạy, chứng cớ rành rành. Các bậc đế vương thời xưa, lên ngôi trị nước, giữ ình tiếp vật, không ai không lấy đó làm đầu. Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta, dẹp yên nước nhà, gây dựng cương kỷ. Thái Tông Văn Hoàng Đế làm sáng phép trời, luân thường chăm giữ. **[12a]** Thánh Tông Thuần Hoàng Đế phát huy công đức của đời trước, rộng ban giáo hoá, hoà hợp lòng người, thánh thần truyền nối, quy củ tiếp nhau. Lòng nhân tiếng nhân dào dạt khắp trung châu, chính giáo tốt ành, thấm

[1] Nghi tào: tức là bộ Lễ.

[2] Tuần xước: những người đi tuần tra, canh gác.

[3] Kinh Dịch, Tiệm quái: nguyên văn: "Quân tử dĩ cư, hiền đức thiện tục".

[4] Kinh Thư, Quân nha thiên: nguyên văn: "Hoằng phu ngũ giáo, thức hoà dân tắc".

[5] Kinh Thi, Xi Cưu: nguyên văn: "Kỳ nghi bất thắc, chính thị tự quốc".

[6] Lễ ký, Vương chế thiên: nguyên văn: "Tề bát chính dĩ phòng dâm, nhất đạo đức dĩ đồng tục". Bát chính: là tám điều về chính sự: thức ăn, thức mặc, việc làm, vật dụng, đo, đong, đếm, quy chế.

nhuần tới cõi mọi. Hàng triệu dân hưởng phúc tốt yên hoà, hàng ức năm được phong đăng thịnh trị. Trẫm lên ngôi báu, kính theo mưu xưa. Tự mình hiếu kính để chấn chỉnh khuôn mẫu dạy dân; nêu gương cương thường để tỏ rạng từng điều giáo huấn. Trên làm dưới bắt chước, đã mong mọi chốn đều yên; trị an đến lâu dài, lại muốn nghiệp lớn tiến mãi. Vậy đặc cách nhắc rõ các điều ước, nêu ra dưới đây[1]. Vì thế có lời dụ này.

Ngày mồng 9, thi Điện. Đầu bài văn sách hỏi về nhân tài và vương chính. Sai Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc Hoa Lâm hầu Trịnh Tốn và Lại bộ thượng thư Trần Cận làm đề điệu; Hình bộ thượng thư Đinh Bô Cương làm giám thí; Đông các học sĩ Nguyễn Bảo, Hàn **[12b]** làm viện thị giảng tham chưởng hàn lâm viện sự Lê Ngạn Tuấn làm độc quyển. Cho Đỗ Lý Khiêm, Lương Đắc Bằng, Nguyễn Khắc Kiệm, ba người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Hoàng Trưng, Nguyễn Hằng 24 người đỗ đệ nhị giáo tiến sĩ xuất thân; bọn Trần Bá Lương, Lê Tự 28 người đỗ đệ tam giáp tiến sĩ xuất thân, tổng cộng là 55 người.

Ngày 16, vua ngự điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền loa xướng danh, Lễ bộ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày 12, ngày Thiên thọ thánh tiết, ngừng hoãn việc sai các tướng hiệu đi săn bắn.

Ngày 25, Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng: Thưởng hay phạt, ban hay cho đoạt lại, đó là quyền của đế vương trị thế. Thưởng đúng công thì người người đều được khuyến khích, phạt đúng tội thì ai ai cũng lấy đó làm điều răn đe. Cho nên, trong việc thưởng phạt, phải cho hết đạo chí công. **[13a]** Nay bệ hạ, chính sự buổi đầu trong sáng, thâu tóm mọi quyền trị hoá, tiến dùng bậc hiền tài, gạt bỏ kẻ gian nịnh, người trong nước không ai không ngưỡng mộ đức hay, mừng xem thịnh trị. Nhưng thần trộm thấy năm trước khi đi đánh Sơn Di, Chiêm Thành, Lưu Cầu, Lão Qua thì chọn kỹ quân cờ các vệ Hiệu lực, nhưng người sức lực khoẻ mạnh xông lên trước giết giặc được bổ dụng vẫn chưa hết. Đến khi lựa thải lại phải lui về làm quân năm phủ cũng ngang với những người không giết được giặc, mà

[1] Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập, có tất cả 24 điều giáo huấn:

Điều 1: Quy định trách nhiệm của cha mẹ dạy con cái.

Điều 2: Trách nhiệm của gia trưởng đối với gia đình.

Điều 3: Quan hệ vợ chồng phải có ân có nghĩa không được thay đổi.

Điều 4: Quan hệ anh em trong gia đình.

Điều 5: Quan hệ họ hàng làng xóm phải quan tâm thương xót lẫn nhau.

Điều 6: Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 quy định đạo lý và bổn phận của người phụ nữ.

Điều 11: Nhiệm vụ của người điển lại.

Điều 12: Bổn phận của người điển lại.

Điều 13: Bổn phận của quân, dân.

Điều 14: Trách nhiệm kẻ buôn bán.

Điều 15: Quy định việc cưới gả, tế tự.

Điều 16: Tục chèo hát, hội hè.

Điều 17: Quy định việc hàng quán, nhà cửa dọc đường cho ngủ trọ.

Điều 18: Răn cấm trai gái không được tắm cùng một bến.

Điều 19: Cử người có uy vọng giảng giải lời cáo dụ cho dân.

Điều 20: Quy định việc tố giác, trừng trị bọn hào cường xâm chiếm ruộng đất, ức hiếp nhân dân, xui nguyên giục bị.

Điều 21: Cấm các vương hầu và nhà đại thần cho nô tỳ đưa đồ đút lót, mua bán ức hiếp.

Điều 22: Khuyên các quan giữ chức trách chăn dân.

Điều 23: Khuyên xã trưởng, thôn trưởng, phường trưởng siêng năng dạy bảo dân.

Điều 24: Khuyên dân Man Lạo kính giữ luân thường.

không có phân biệt gì. Cúi xin, các quân cờ bốn vệ Hiệu lực có giết được giặc, người nào bị thải ra sung quân năm phủ thì Binh bộ kê ra tâu lên, đặt thành 4 đội riêng của vệ Hiệu lực, như lệ đặt đội riêng của vệ Thần vũ để khuyến khích các chiến sĩ có công. Lại như những lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, lại điển, quân sắc mà bắt được kẻ cướp và bọn nghịch tặc gian ác, có người lệ đáng được xuất thân, có người lệ không được xuất [13b] thân, nếu như có ban thưởng nhất loạt như nhau thì không có phân biệt gì công lao lớn nhỏ. Cúi xin từ nay trở đi, người nào bắt được kẻ cướp và những tên phản nghịch gian ác, lệ được xuất thân thì Lại bộ theo như lệ xuất thân mà bổ dụng, người nào lệ không được xuất thân thì đều trao cho chức nhàn tản theo lệnh đã định. Như vậy thì việc ban thưởng khinh hay trọng được xử trí thoả đáng và mọi người đều biết cố gắng.

Bọn thần lại trộm thấy những người khiêng kiệu phạm các tội trộm cướp gian hung, Hình bộ theo luật xử tội lưu mà không phát đi, thành ra chúng quen thói cũ, coi thường luật pháp, không còn kiêng sợ gì nữa. Có kẻ ngang ngược gian ác, trả thù báo oán, nhiều người lương thiện đã bị chúng làm hại. Từ nay trở đi, người khiêng kiệu lần đầu tiên phạm phải tội lưu hoặc phải thích chữ đồ làm lính ở Nam quân thì cho trở về làm người khiêng kiệu như lệnh đã định. Nếu không biết răn chừa, cố ý tái phạm thì kẻ nào đáng phải lưu đày châu, sở nào, phải bắt đi hết thảy, để cho những kẻ gian ác **[14a]** biết sợ hãi và không dám ngang ngược hung bạo nữa. Vua y theo. Tháng 8, ngày mồng 9, có chiếu rằng: Kể từ nay, trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để cho phong tục được thuần hậu. Đó là theo lời tâu của Hộ khoa đô cấp sự trung Vũ Lộc.

Ngày 12, có sắc chỉ quy định: Lương dân nào dâng thóc nhận quan chức thì cho Phạm Thái vâng mệnh khám xét, nếu đúng là người lương thiện thì cứ theo như lệ trước mà bổ[1]; nếu là kẻ ác nghịch, trộm cướp, xúi giục kiện tụng, hào cường làm bậy, phường chèo con hát cùng với con cháu các hạng ấy, thì đều không được bổ quan.

Ngày 14, Công bộ thượng thư Trần Bảo dâng bản tâu. Có thánh chỉ rằng bản tâu của các nha môn và của dân chúng đều quỳ dâng ở ngoài cửa Nam Huân và được tiếp nhận như trước.

Ngày 20, Công bộ thượng thư Trần Bảo tâu bàn lại việc xoá bỏ thói tệ của lại điển ở các quân sở.

[14b] Ngày 22, bọn Binh bộ thượng thư Nguyễn Phùng Thì tâu bàn về việc các tội tù ở biệt sở Tuyên Quang.

Sửa lại chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích và dựng bia. Đó là làm theo lời di chúc của Trinh quốc công Nguyễn Đức Trung, thân phụ Hoàng thái hậu[2].

Tháng 9, ngày mồng 6, đặc sở Thủ ngự Nghệ An và Thuận Hoá.

Ngày mồng 9, có chiếu chỉ rằng: Kể từ nay, người bắt được tù trốn, nếu tên tù đó tội chưa đến mức tử hình thì theo như lệ bắt được kẻ trộm trước kia mà ban thưởng, nếu tội đến mức tử hình thì theo như lệ bắt được kẻ cướp trước kia mà ban thưởng.

Bọn Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy sứ, chưởng vệ sự kiêm tri Phong Hỗ đường Đinh Đổ lại vâng mệnh nghị định lệ thưởng phạt đối với các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ thi đấu võ nghệ đỗ hay không đỗ.

Ngày 19, ra sắc chỉ cho Lễ bộ yết bảng quy định khi đón tiếp sứ nhà Minh, cho các quan được đi hia và bít tất. Từ tháng 10 mùa đông trở về sau, **[15a]** là tiết giá rét thì quan mặc áo là tơ gai để thuận thời tiết, không mặc áo sa nữa.

Ngày 29, Lễ bộ tâu về việc thường triều phục: [Bọn thần] từng nghĩ rằng, quy chế xiêm áo lấy biểu tượng ở trời, đất rất rõ ràng: mùa hạ áo vải, mùa đông áo cừu, phù hợp với mùa. Các công, hầu, bá, phò mã, các quan văn võ, hộ vệ, từ nay trở đi y phục thường triều như sau: từ tháng 10 trở đi, mặc áo là tơ gai, từ tháng 2 về sau, mới mặc áo sa, nếu gặp ngày mưa gió thì mặc áo bông vải sa, để hợp với thời tiết.

---

[1] Tức lệ đã định từ năm Quang Thuận thứ 1 (1460).

[2] Nguyễn Đức Trung theo lệnh của Quang Thục hoàng thái hậu cầu tự cho Trường Lạc hoàng thái hậu ở am Từ Công, chùa Thiên Phúc, sinh ra Hiến Tông.

Ngày 30, Binh bộ thượng thư Nguyễn Phùng Thì tâu rằng: Từ nay trở đi, các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, người nào bị ốm nặng về quê điều trị 10 ngày, khi khỏi bệnh phải làm đơn nộp ở Binh bộ, rồi trao cho trung quan và các quan ở khoa, đài hiệp đồng xét nghiệm, nếu đúng là sức vóc còn tráng kiện thì tâu cho trở lại chân lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ ở vệ ty cũ, **[15b]** nếu không thì sung vào quân Điện tiền. Vua theo lời tâu.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 7, tuyên triệu bọn tiến sĩ Đỗ Lý Khiêm vào làm bài ứng chế, vua sai làm bài ký Ngũ vương tướng[1]. Lương Đắc Bằng được hạng ưu. Nguyễn Quý Nhã làm lạc vần, cho ra làm tri huyện huyện Phụ Dực[2].

Nhắc lại quy chế y phục thường triều. Xuống chiếu cho các công, hầu, bá, phò mã, quan to phẩm cao cùng các quan hộ vệ rằng: Từ ngày 15 tháng 10, phẩm phục các quan chức như sau[3]: Ngày mồng một hàng tháng, y phục thường triều đều mặc áo là tơ gai, nếu gặp ngày mưa gió và ngày trực ở bản nha thì cho mặc áo sa bằng vải bông, vải gai đều được. Lại có chiếu rằng: kể từ nay, hễ gặp ngày quốc kỵ thì cho mặc áo vải sa không được mặc áo là vóc hoa sặc sỡ, bổ tử thì dệt màu tối không được dùng ngũ sắc.

Xuống chiếu quy định: Từ nay, công, hầu, bá, phò **[16a]** mã, các quan văn, võ từ tam phẩm trở lên đội mũ phác đầu, hai cánh bằng sa đen, hơi dài và to hơn các quan văn võ khác, không được dùng kiểu mũ dương đường[4] nạm hai cánh. Còn các quan khác vẫn theo như kiểu cũ.

Ngày 21, định lệ khảo khoá. Ra sắc dụ bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận, Lại khoa đô cấp sự trung Lê Tung rằng: Tước thưởng là thuật khuyến khích người đời, khảo khoá là phép xét thực quan lại. Giáng kẻ dở, thăng người hay, Ngu Thuấn do đó mà làm nên mọi việc, thâu tóm danh, khảo sát thực, Hán Tuyên vì vậy mà dấy nghiệp trung hưng. Là bởi ở trên đã mở máy thần cổ vũ thì bên dưới tất phải mài chí vươn lên. Việc ưa ghét không công bằng thì lấy gì khuyến khích, răn đe được? Nhà nước ta đặt quan theo đời xưa, dùng người giúp chính sự. Quyền lựa chọn, cất nhắc vừa công bằng, vừa minh bạch. Việc khảo xét, điều tra đã tường tận lại đủ đầy. Thế mà cớ sao các quan lại coi đó là mớ hư văn? Trưởng quan không phân biệt người hiền **[16b]** kẻ ngu, chỉ chiếu lệ cho rằng giỏi giang đáng chọn; cai ty[5] chẳng hiểu rõ kẻ dở người hay, cứ nhất loạt coi là liêm khiết, tài năng. Thuyên tào[6] chỉ cân nhắc lấy lệ, Lại khoa cũng ít khi bác đi. Người vất vả tận tuỵ, hàng bao năm mới được thăng quan; kẻ hèn kém gian tham, thì mau chóng đội ơn tiến chức. Quan trường nhũng lạm, bởi đó mà ra. Nay ta buổi mới lên ngôi, càng bức thiết đổi thay chính sự. Những việc nên làm, dụ cho các ngươi biết: Kể từ nay, các quan viên văn võ trong ngoài, ai tại chức đủ 9 năm, không có tham tang, can phạm gì, đáng được khảo khoá thì quan giữ việc khảo xét theo như lệ trước, xem xét kỹ càng. Viên nào có tài cán, làm được việc, quả thực không phải là hàng dung tục tầm thường, theo người mà lui tiến thì mới được xét vào loại xứng chức, cho thăng thưởng như lệ. Nếu viên nào tuy tại chức đủ 9 năm, không tham tang, can phạm, nhưng là người không có tài năng gì, nhờ người mà nên việc, thì không được khảo xét thăng thưởng. Còn những kẻ lười biếng hèn **[17a]** ngu như hạng Cục phó Trân mỹ cục Nguyễn Lao, nhẹ thì phải biếm quan, nặng thì phải giáng chức. Quan khảo xét nếu dám theo tình riêng mà xét bậy, Lại bộ xét lại không rành, Lại khoa xét bác không đúng thì nhất loạt giao cả cho Hình bộ trị tội theo luật.

---

[1] Ngũ vương tướng: nghĩa đen là cái màn của năm thân vương. Theo tích Đường Huyền Tông yêu quý anh em, khi mới lên ngôi, cho làm cái màn rộng, gối dài, chăn to để vua và năm anh em thân vương cùng nằm.

[2] Nay thuộc đất huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[3] Nguyên văn: "Thập nguyệt, thập ngũ nhật, các quan chức phẩm kỳ mỗi nguyệt sơ nhật nhất..." Ở đây có lẽ bản in lầm lẫn. Có thể câu "Thập nguyệt, thập ngũ nhật" ở trên, bị đưa lẫn xuống: tháng 10 ngày 15, nhắc lại quy chế y phục thường triều. Xuống chiếu cho các công, hầu, bá, phò mã, quan to phẩm cao cùng các quan hộ vệ và các loại quan chức phẩm trật khác, cứ vào ngày mồng một hàng tháng...

[4] Mũ dương đường: Theo Lễ nghi chí trong Lịch triều hiến chương loại chí thì mũ dương đường cũng giống như mũ phác đầu, chỏm đằng sau cao hơn.

[5] Cai ty: ty phụ trách.

[6] Thuyên tào: Cơ quan tuyển bổ quan lại, tức Lại bộ.

Ngày 27, sắc cho Thừa ty Thanh Hoa đi khám xét nơi khai khẩn, đem nhà dân lương thiện cho ở đấy.

Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng: Nha môn ngự sử không đủ lại viên kiểm xét, xin bổ sung thêm để tiện việc tra xét. Vua y theo.

Tháng 11, ngày 16, có chiếu rằng: Từ nay trở đi, xứ Quảng Nam không được cướp bắt người Man và mua bán nô tỳ tư. Ai vi phạm thì cho phép Hữu ty hặc xét trị tội.

Có sắc chỉ đặc riêng ty Đình uý. Trước đây, theo lệ đời Hồng Đức, ty Đình uý thuộc vệ Cẩm y, hễ có người nào tội nặng, án đáng ngờ, thiên tử có chiếu chỉ xuống, thì ty ấy vâng mệnh **[17b]** xét hỏi. Đến đây, không để thuộc vệ Cẩm y nữa, mà đặt chỉ huy sứ ty, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, mỗi chức một viên, đều dùng nho thần, rồi đặt tách riêng ra, lựa chọn văn thần chức cao, xứng đáng để làm. Ra lệnh cho các vệ tuần tượng diễn tập voi ở sân Giảng Võ, và truyền cho vệ tuần tượng sai bắt quân cờ làm chuồng voi lợp ngói, lấy quân nhân ở Trung thành[1] trông coi để bớt phí tổn, cứ mỗi phiên lại phải làm nhà tranh.

Làm kho thóc ở bên trong tường thành cung cấm, gồm 20 dãy.

Có sắc chỉ cho quân nhân các vệ và thợ thuyền các ty, sở rằng: Khi có những việc khởi công, xây cất như làm Nội phủ, Vũ khố, đền từ, chùa quán, mà quan phụ trách các vệ, sở, ty và nhân viên đốc thúc dám đánh người, yêu sách tiền bạc, gây tệ nạn bán chác, đánh tráo, thì Lục khoa, Giám sát ngự sử, Hiến ty cùng xá nhân vệ Cẩm **[18a]** y tra xét đưa ra trị tội.

Tháng 12, ngày Tân Mão mồng 6, vua sai Thái bảo Đường Khê bá Lê Vĩnh và Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc, Điện tiền đô kiểm điểm ty đô kiểm điểm Dung Hồ bá Lê Lan mang kim sách và ấn báu lập hoàng tử Thuần làm hoàng thái tử.

Ngày Canh Tý 15, nhà Minh sai Hành nhân ty hành nhân Từ ngọc sang dụ tế Thánh Tông Hoàng Đế.

Ngày Nhâm Dần 17, nhà Minh sai chánh sứ là ty Kinh cục tẩy mã kiêm Hàn lâm viện thị giảng Lương Trừ, phó sứ là Binh khoa đô cấp sự trung Vương Chẩn mang sách sang phong vua làm An Nam Quốc Vương.

Trước đó, ngày mồng 9 tháng ấy, vua sai Binh bộ thượng thư Cống xuyên bá Lê Năng Nhượng, Thiếu bảo Trịnh Công Đán, Hình bộ tả thị lang Nguyễn Khắc Cung, Cẩm y vệ **[18b]** đô chỉ huy thiêm sự tri Đình uý ty sứ Phạm Miễn Lân, Đông các hiệu thư Phạm Trí Khiêm, Đại lý thiếu khanh Lưu Túc, Thanh Hoa đạo giám sát ngự sử Vũ Đạt Đạo, thông sự Vũ Nhân Tu, Nguyễn Khâm và Phạm Cận lên địa cầu nước ta; Phò mã đô uý Trần Khuê, Hình bộ hữu thị lang Bùi Nguyên Đạo, Công bộ hữu thị lang Lê Nhạc, Hình khoa đô cấp tả đô đốc Hoa Lâm bá Trịnh Quý Thuật, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Giản, Lại khoa đô cấp sự trung Lê Trung, Hải Dương thừa tuyên tham nghị Nguyễn Hán Đình sang trạm Thị Cầu[2]; Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô uý Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu, Hộ bộ hữu thị lang Trần Sùng Dĩnh, Ngự sử dài thiêm đô ngự sử Hoàng Hãng, Yên Bang **[19a]** đạo giám sát ngự sử Trịnh Quỳ sang trạm Lữ Khôi[3] để ứng tiếp bọn Lương Trừ, Từ Ngọc theo như lệ cũ.

Ngày 23, bọn Lương Trừ, Vương Chẩn, Từ Ngọc đều tới trạm Thị Cầu. Hôm ấy, vua sai bọn Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, học sĩ Nguyễn Nhân Thiếp, Bùi Nhân tới trạm Thị Cầu cùng với bọn Lương Trừ bàn việc làm lễ.

Ngày 24, Từ Ngọc đi từ Thị Cầu đến trạm Lữ Khôi, vua ngự thuyền Tiểu Quang đến trạm đón tiếp. Khi vua trở về cung, Trừ ra ngoài cửa trạm đưa tiễn, bảo Bùi Nhân rằng: "Hôm nay được thấy quốc vương tuổi đã lớn, thực là tướng thánh nhân, thực là tướng trường thọ, quả là phúc lớn của sinh linh

---

[1] Trạm Thọ Xương: sau là Phủ Lạng Thương.

[2] Trạm Thị Cầu: sau là Đáp Cầu, thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc.

[3] Trạm Lữ Khôi: tại huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

phương Nam. Sao mà học rộng và ứng tiếp mọi việc nhanh chóng, mẫn tiệp đến thế", cứ trầm trồ khen ngợi mãi không thôi.

Ngày 25, Từ Ngọc đi từ trạm Lữ Khôi đến bến Thịnh Liệt[1] xuống thuyền. Vua đến **[19b]** điện Quyền Vân tiếp kiến. Vua về cung trước. Từ Ngọc tới điện Cần Chính làm lễ tế Thánh Tông Hoàng Đế. Lễ xong, vua cùng Từ Ngọc làm lễ tương kiến rồi sai các quan đưa ra Sứ quán.

Ngày 27, bọn Lương Trừ tới điện Kính Thiên làm lễ mở đọc chiếu thư. Chiếu thư đại ý viết: Vâng trời mở vận, hoàng thượng truyền rằng: nhà Đại Minh ta làm vua muôn nước, thống trị khắp nơi, thanh giáo rộng ban, gần xa thấm khắp. Nước An Nam ngươi, ở về cõi Nam, làm phên giậu cho ta, xưa nay nổi tiếng là giữ lễ nghĩa, có phong tục văn minh. Có Quốc vương Hạo[2] kính chăm lễ cống, giữ muôn dân, an xã tắc, được 40 năm, nay đã trọn đời; quốc thống phải có người nối. Thế tử Sanh tài đức hơn hẳn mọi người, dân chúng thành tâm quy phục, dâng biểu xin phong, lời lẽ khẩn thiết. Vậy đặc ân sai bọn Lương Trừ đem phù tiết sang phong làm An Nam Quốc Vương. Ôi! **[20a]** Kính đức lớn, noi gương hiền của tiên vương, dẫu xa gần nghĩa không có khác; nối chí xưa, kế nghiệp cũ của người trước, hãy cùng nhau cung kính để đáp lại đức của trẫm vỗ yên người xa. Vậy nên ban xuống chiếu thư để mọi người đều biết".

Nghi chú của lễ cũ, không có mục dâng hương, mục nhảy múa tung hô. Đến đây, bọn Trừ, Chẩn đưa nghi chú sang có các mục ấy. Vua không theo, báo cho bọn Trừ tuân theo lệ cũ. Làm lễ xong, vua đến điện Cần Chính làm lễ tương kiến, rồi sai các quan đưa bọn Trừ ra Sứ quán.

Ngày 29, Lương Trừ ốm, vua thân hành tới Sứ quán thăm hỏi, Trừ ra yết kiến. Hôm ấy, vua thiết yến bọn Trừ ở điện Cần Chính và ban cho vàng bạc, tơ lụa theo thứ bậc khác nhau, bọn Trừ đều không nhận, cố từ chối xin về nước. Vua làm thơ đưa tiễn.

Dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Kỷ Mùi, năm Cảnh Thống thứ 2 [1499] **[20b]** ở cửa nhà Thái học.

Canh Thân, [Cảnh Thống] năm thứ 3 [1500], (Minh Hoằng Trị năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 25, vua sai sứ sang nhà Minh. Hình bộ tả thị lang Nguyễn Duy Trinh[3], Lễ khoa đô cấp sự trung Lê Lan Hinh[4], Thượng bảo thiếu khanh Nguyễn Nho Tông[5] sang tạ ơn phúng tế; Đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Đỗ Nhân[6], Thông sự ty thừa Bùi Đoan Giáo[7] tạ ơn việc sách phong và xin ban mũ áo.

Lấy Quách Hữu Nghiêm làm Thái thường tự khanh.

Ngày 27, Hình bộ thượng thư Trịnh Quý Tuân tâu lời nghị bàn rằng: Tiền sai dư về kỳ đại tập quân lính trong tháng ấy phải nộp đủ. Các nha môn các xứ Thanh Hoa, Nghệ An và bốn thừa tuyên[8] thì 1 tháng 10 ngày; các nha môn xứ Thuận Hoá 1 tháng 15 ngày **[21a]** ngày; các nha môn xứ Quảng Nam, trong 2 tháng phải nộp đủ. Các nơi đều phải theo đúng kỳ hạn nộp lên. Ty Đô chi của Hình bộ cùng về Cẩm y và Hộ khoa kiểm thu.

---

[1] Bến Thịnh Liệt: bến đò làng Sét, Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Tức Lê Thánh Tông.

[3] Nguyễn Duy Trinh: người xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) đời Hồng Đức.

[4] Lê Lan Hinh: người xã Cổ Đô, huyện Tân Phong (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây), đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) đời Hồng Đức, vốn trước họ Nguyễn.

[5] Nguyễn Nho Tông: người xã Vực Đường, huyện Thiên Thi, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) đời Hồng Đức.

[6] Đỗ Nhân: người xã Lại Ốc, huyện Văn Giang (nay thuộc huyện Châu Giang, Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) đời Hồng Đức, sau đổi tên là Nhạc.

[7] Bùi Đoan Giáo: người xã Đại Điền, huyện Bình Hà (nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) đời Hồng Đức.

[8] Bốn thừa tuyên là bốn xứ Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương.

Ngày 28, lấy Đào Thuấn làm Hình bộ thượng thư kiêm tri Sùng Văn quan Tú lâm cục.

Tháng 2, ngày mồng 6, định lệnh về kỳ hạn truy đòi tang vật và tiền phạt.

Ngày 11, Thừa chế Đặng Tuấn Truyền kính nhận được chiếu chỉ nói rằng: Các xá sinh thi hội trúng tam trường và hàng năm nhiều lần trúng thưởng, nếu chức huấn đạo có khuyết thì cho quan Quốc tử giám bảo đảm người có đức hạnh, có tư cách đáng làm thầy đưa sang Lại bộ để thuyên bổ.

Mùa hạ, tháng tư, ngày mồng 7, định lệnh kiểm xét vật hạng nộp thuế, thứ nào tráo lẫn vào thì trả lại. Có sắc chỉ rằng: Kể từ nay, khi nộp gỗ cây, phải cùng nhau kiểm nghiệm ở ngoài cửa kho thuyền và xưởng đóng thuyền. Thứ nào hợp lệ thì kéo **[21b]** vào kho, xưởng kiểm nhận và ghi chung vào sổ; thứ nào không hợp lệ thì cũng đem vào và cùng nhau kiểm nhận, ghi vào sổ, còn thứ nào tráo lẫn thì nhất thiết trả lại.

Lấy Dương Trực Nguyên thăng làm Đô đình uý. Trước kia, Trực Nguyên làm Phủ doãn, đàn hặc, trấn áp bọn cường hào, những kẻ có quyền thế cũng phải chùn tay. Lê Quảng Độ bảo đảm rằng Trực Nguyên có phép cai trị, là người cương nghị, có thể thăng làm Đình uý, vì thế có lệnh này.

Biếm Đông các hiệu thư Ngô Hoán, sung làm quân ở bản phủ vì tội đem việc trong triều nói với người ngoài. Sau đến khoa thi Hương năm Tân Dậu, [Hoán] thi đỗ tam trường, không cho vào tứ trường.

Có sắc chỉ rằng: Kể từ nay, khi có các việc xây dựng hay sửa chữa, phải dự tính trước mọi thứ vật liệu công trình cho đầy đủ, liệu xem công việc nặng hay nhẹ, khẩn cấp hay thư thả mà làm dần từng bước, không được làm cả một lúc để khoan thư sức người.

Hộ bộ tả thị lang Nguyễn **[22a]** Đức Quảng dâng lời tâu rằng: Khi Thái Tổ Cao Hoàng Đế mới khởi nghĩa, tướng thần, quân sĩ đều đồng tâm hiệp lực. Tướng thần có công lao lớn đều đã được phong thuỵ hiệu và truy tặng, nếu có con cháu đều được tập ấm bổ dùng. Quân sĩ cũng dự phần công lao, tuy đã được ban sắc mệnh, phong mỹ tự, và được làm tướng quân các vệ, nhưng con cháu họ nhiều người vẫn phải ẩn khuất trong hàng quân ngũ, chưa được hưởng tập ấm. Thần e rằng như thế, phép khuyến khích lập công chưa làm được trọn.

Nay bệ hạ lên ngự ngôi báu, đức rộng như đất trời, ai tòng quân đánh giết được giặc, đều cho bổ dụng, dùng người không được chọn lấy trong khi dẫn tuyển[1] cũng còn được trao chức chính quan, huống chi quân sĩ khai quốc, trăm trận khó nhọc, đến hơn mười năm, đã có công lao mà nỡ để bản thân không được truy tặng, con cháu không được tập ấm thì lấy gì mà khuyến khích người làm tôi. Nay thần cúi xin: nhưng người đã có công lao ở thời Thuận Thiên, đã được nhận sắc **[22b]** mệnh, phong mỹ tự, thì cho con cháu họ tự khai báo, quan có trách nhiệm điều tra rõ ràng, rồi kê rõ họ tên tâu lên, giao cho Lại bộ gia tăng 1 cấp. Nếu con cháu nối dõi có ai không biết chữ thì xét xung làm tuấn sĩ vệ Cẩm y, còn người nào biết đọc sách, viết chữ thì xét cho làm học sinh ở Sùng Văn quán theo như lệ đối với công thần.

Như vậy, trên có thể tỏ rõ lời ghi sông tạc núi đến vô cùng của các tiên thành, dưới là để ban dày phúc trạch cùng nước hưởng vui tới muôn thuở cho bậc công thần.

Vua y theo lời tâu và truyền sắc chỉ rằng: Những người có công dựng nước thời Thuận Thiên, đã nhận sắc mệnh ban phong, ai từ tam phẩm trở lên mà con cháu đã bị sung vào sắc quân ngũ thì cho phép bản thân họ khai báo. Binh bộ điều tra, người ở quân ngũ thì được sung vào làm tuấn sĩ vệ Cẩm y, người biết đọc sách thì cho làm nho sinh ở Sùng Văn quán; ai từ tam phẩm trở xuống thì con cháu họ được sung vào các vệ Vũ lâm, Thần tý.

[23a] Mùa thu, tháng 8, ngày 15, vua làm bài thơ ngự chế Quan Giá đình trung thu ngoạn nguyệt[2] 15 vần, sai bọn Đông các học sĩ Nguyễn Nhân Thiếp, Lê Ngạn Tuấn, Lê Mậu Thưởng, Nguyễn

[1] Dẫn tuyển: dẫn vào cho vua lựa chọn.

[2] Đêm trung thu ngắm trăng tại đình Quan Giá. Đình Quan Giá là nơi vua ra xem việc trồng cấy của dân.

Xung Xác, Hàn lâm viện thị thư Nguyễn Tôn Miệt, Đông các hiệu thư Đặng Tòng Củ, Đặng Minh Khiêm, Lương Đắc Bằng, Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Viên, Vũ Châu, Hiệu thảo Nguyễn Mẫn vâng mệnh hoạ lại.

Xuống chiếu rằng: Kể từ nay, nếu thiếu thợ thì đến kỳ tuyển tráng đinh, chọn lấy những hoàng đinh[1] ở các xã trang am hiểu các nghề để bổ sung vào. Ngừng việc sai người đi các xứ chọn người am hiểu các nghề để sung làm thợ.

Mùa đông, tháng 10, ngày 25, Nguyễn Đoan tâu rằng:

Xã trưởng nào chăm việc dạy bảo, nếu được tục hay, có thẻ bổ làm quan tạp lưu được thì quan huyện, châu nơi đó xem xét trình lên hai ty Thừa Hiến, **[23b]** cho đòi xã trưởng xã đó và các xã gần đó tới điều tra rồi làm bản tâu lên để biểu dương, khen thưởng.

Xây tường phía đông.

Định quy chế mũ áo[2]. Sai Lễ bộ yết bảng để các vương công, hầu, bá, phò mã, các quan văn võ trong ngoài, nho lại, các quân sắc và dân chúng chiểu theo kiểu mũ áo mình được dùng mà tuân hành[3].

Làm kho tàng và phủ đệ các thân vương, công chúa.

Tân Dậu, [Cảnh Thống] năm thứ 4 [1501], (Minh Hoằng Trị năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua ngự về Tây Kinh, cấm các quan theo hầu không được sai quân cờ chở đem vợ con hoặc kỹ nữ đi theo, bừa bãi tình dục.

Xuống chiếu rằng: Quan trông coi lính và thợ, khi đốc thúc làm việc công, nếu có ai lười biếng, vắng mặt, đáng phải xử lý thì tuyên bố tội trạng, trừng trị theo pháp luậ, không được tự mình dùng gậy, dùng tay chân, gạch ngói, dùi gỗ mà đánh đập tàn nhẫn họ. Ai vi phạm thì phải trị tội theo luật.

Lấy Dương Trực Nguyên là Công bộ **[24a]** hữu thị lang.

Ngày mồng 2, hiệu định thể lệ các quan theo hầu và ở lại giữ Kinh sư gồm 7 điều.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, xuống chiếu rằng: Những nữ đinh khiêng kiệu trước đã ban cho cung nhân và công chúa, thì chỉ cho bản thân người ấy thôi, nếu có đẻ ra con, cháu thì phải nộp cả cho nhà nước.

Tháng 5, ngày 24, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, hàng năm đến kỳ tuyển tráng đinh, xã nào có người nghèo túng, không kể là có ruộng công, ruộng tư hay không, xã trưởng phải làm tờ khai cam đoan trước, quan phủ, huyện khám xét lại, rồi khai vào hạng nghèo túng, cho phép miễn tuyển.

Mùa thu, tháng 4, ngày 29, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, quan hai ty Thừa Hiến các xứ phải xét kỹ công, tội của các quan phủ, huyện đã làm, cứ đến cuối năm, chia thành ba bậc thượng, trung, hạ mà khảo xét. Người nào thương xót dân chúng, kiêm khiết, siêng năng, có thành tích cai trị là hạng thượng khảo; người nào thương xót dân chúng, **[24b]** thu thuế khoá không phiền nhiễu, làm việc quan không có lỗi gì là hạng trung khảo; người nào tầm thường dung tục, tiến lui theo người là hạng hạ khảo. Lại viên ở các ty Thừa Hiến và phủ, huyện, châu, người nào liêm khiết có tài và cần mẫn là trung đẳng; người nào bỉ ổi không chăm việc là hạ đẳng. Tất cả đều kê rõ họ tên, chưa kỹ sự việc, làm bản thảo gửi cho Lại bộ thu xét. Quan viện thì theo lệ khảo khoá cung trước đây, cứ đủ 9 năm sẽ thi hành việc thăng giáng. Lại điển nếu đủ số năm, được nhiều lần trung đẳng thì cho chiếu lệ thăng bổ. Quan lại nếu có ai quả là tham ô, nhũng nhiễu, gian tham, lười biếng, ăn đút lót, có bằng chứng xác thực thì gửi cho Lại bộ tra xét và trị tội theo lệ đã định. Quan Thừa Hiến nếu có ai quả vì ân oán, hối lộ mà kêu tâu bất công để đến nỗi thiện ác lẫn lộn, công tội đảo điên thì các quan ở khoa, đài tra xét hặc tâu để đưa xét hỏi. Quan Ngự sử cũng phải xét kỹ **[25a]** công quan Thừa Hiến các xứ, cứ đến cuối năm, chia thành ba bậc

---

[1] Hoàng đinh: Theo Hội điển triều Lê, dân đinh 17 tuổi gọi là hoàng nam (dẫn theo Cương mục).

[2] Nguyên văn là "quan mạo" nghĩa là "mũ". Nhưng xét ở dưới, có quy định về cả y phục, nên sửa như trên.

[3] Quy chế này được ghi rất rõ trong Hội điển triều Lê. CMCB25, 6 có chép khá rõ nội dung quy chế này.

thượng, trung, hạ khảo xét tâu lên, theo như lệ các quan Thừa Hiến, xét tâu các quan phủ, huyện, châu mà thi hành.

Xuống chiếu cho các quan phủ huyện rằng: Nơi nào có ruộng đất còn bỏ hoang, trước đã cấp thông tư cho người cày cấy, nộp thuế theo lệ quy định. Nếu là người nghèo túng, trước kia đem gia đình đi khai khẩn ruộng đất hoang ở các phủ huyện khác theo lối chiếm xạ, thì theo lệ, được truyền cho con cháu cày cấy.

Cho phép quan khám tù được tư cho bản huyện xã tìm bắt vợ cả, vợ lẽ [của tù nhân] trình cho quan khám tù khai rõ họ tên của tù nhân và vợ cả vợ lẽ của y; giao vợ cả, vợ lẽ cho người giải nộp ngục quan.

Ngày hôm ấy, lại sai định lệnh bổ dụng nho lại. Xuống chiếu rằng: Hoa văn học sinh, nho sinh, án lại, giám sinh, đô lại ở các nha môn đã được chọn dùng thì Lại bộ tra xét xem người nào **[25b]** thi Hội trúng trường nhiều thì bổ trước, người nào trúng ít thì bổ sau. Nếu không có chân trúng trường thi Hội thì người lâu năm bổ trước, người ít năm bổ sau, không được như những lần duyệt tuyển trước đây, bổ dụng lẫn lộn, không theo tài năng, thứ bậc nào. Ai vi phạm sẽ bị trị tội.

Tháng 9, ngày mồng 1, mưa to, nước tràn ngập trong thành.

Tuyển tráng đinh sung quân.

Định lệnh sai dịch và thuế thân của nhân đinh. Những người tàn phế không thể làm ăn sinh sống được thì tha cho cả sai dịch và thuế thân, nếu còn có thể làm để sinh sống được thì thu một nửa tiền thuế thân.

Mùa đông, tháng 11, ngày 16, vua sai Lại bộ tả thị lang Nguyễn Úc, Đông các hiệu thư Đinh Cương, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huân Đặng Minh Khiêm sang tuế cống nhà Minh.

Ngày 26, Binh bộ thượng thư Nguyễn Hoằng Thạc tâu rằng: Người khiêng kiệu bắt được trộm cướp được thăng thưởng thì đều như lệ những người ứng sai ở các nha môn bắt được **[26a]** trộm cướp, thăng làm cục nhân cục Tuyên đạt. Nếu lại bắt được trộm cướp lần nữa thì phỏng theo đô lại ở nha môn bắt được trộm cướp, thưởng cho một ít tư, không được thăng bổ. Các tráng sĩ coi việc đi bắt, nếu không được thăng bổ thì thưởng tư cho ngang với lại viên ở các nha môn không kém. Vua y theo.

Tháng 12, ngày 25, ra sắc chỉ quy định các thể lệ thi Hương để thi hành.

1- Kể từ nay, đến kỳ thi Hương, xã trưởng các xứ phải bảo đảm cho học trò xã mình; trừ sinh đồ ở Tú lâm cục không kể, những quân sắc và người dân nào quả là con em nhà lương thiện, có hạnh kiểm, học vấn, biết làm văn đủ các thể của bốn trường cũng cho bảo lĩnh. Nếu là học trò ở bốn xứ Hưng Hoá, Yên Bang, Tuyên Quang, Lạng Sơn thì làm văn đủ ba trường cũng cho vào thi. Xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người. Xã nào ít người học tập thì không **[26b]** câu nệ theo lệ này. Xã trưởng kê khai họ tên, quan phủ, huyện, châu sau đó xét lại từng người. Học trò phải thi một kỳ ám tả, ai đỗ thì hai ty Thừa Hiến theo lệ mà khảo thí. Nếu xã trưởng nào khai nhận, bảo đảm không đúng, quan phủ, huyện châu khảo hạch không kỹ, để đến nỗi khi học trò vào thi còn những tạp và có người viết bất thành văn hoặc vì họ hàng con em mà nhắn nhe gửi gắm thì sai nhân của khoa, đài đó phải dò xét cho ra sự thực, giao hết lên để xét hỏi trị tội.

2- Kể từ nay, khi học trò vào thi, các quan đề điệu, giám thị, phải sai các viên giám quan khám xét, hiệp đồng kiểm tra trường thi, tìm xét mọi dấu vết, xem có chỗ nào cất dấu Thi, Thư và các tài liệu khác. Đến khi học trò vào trường thi, thì phải khám xét kỹ từ ngoài cửa. Nếu thấy người nào sao chép văn bài mang theo, hoặc là người nào thi hộ thì phải bắt ngay người đó đưa ra xét hỏi. Người can phạm như hạng nói trên **[27a]** bị sung làm quân bản phủ 3 năm, suốt đời không được vào trường thi nữa. Các viên giám thị niêm phong bài thi, kẻ nào bất minh thì bị biếm hay giáng chức. Hai ty Thừa Hiến cùng hiệp đồng tra xét rồi mới cho người vào thi. Nếu người nào lộ rõ dấu gian, thì giữ ngay lại, tâu lên để tra hỏi. Quan Thừa Hiến nếu ai dám trái phép, dung túng kẻ gian làm bậy, thì quan khoa, đài và sai nhân có trách nhiệm dò xét ra sự thực, nhất loạt đưa ra xét hỏi trị tội.

3- Kể từ nay, những quan viên phải bổ ở Thừa ty xứ khác, cùng các hạng nho sinh, điển lại gặp phiên lên Kinh hoặc được giữ làm việc ở kinh thành, ai tình nguyện dự thi cho người đó được nộp đơn thi. Sau khi kiểm tra, người nào làm đủ được các thể văn của bốn kỳ mới cấp giấy tờ cho trở về quê quán dự thi ở Thừa ty nơi bổ nhiệm và phủ Phụng Thiên như trước nữa. Người nào vi phạm sẽ bị giao xét hỏi trị tội.

4- Kể từ nay, những viên lại điển thi Hương được trúng **[27b]** thức thì được sung vào Quốc tử giám học tập.

5- Kể từ nay, khi vào trường thi Hương, các giám sinh và sinh đồ chịu tang ở đầu nhà đều phải tới bản phủ báo tên, điểm danh, ai vắng mặt, quan hạt đó làm bản tâu lên, bắt sung làm quân bản phủ. Người nào tự tiện vào cửa ngoài trường thi, hoặc vào thi hộ bị xử tội đồ, suốt đời không được đi thi và bổ dùng nữa. Nếu xã trưởng nào khi nhận diện, thấy điều gian trá mà đồng tình, dung túng, để cho kẻ thi hộ vào trong trường thi, bị người khác cáo giác bắt được thì phải sung làm quân bản phủ[1].

Năm ấy, phủ Phụng Thiên bị cháy.

Ra lệnh cho người Kinh trốn tránh xiêu giạt ra đầu thú thì đưa về làm lao dịch ở các phiên trấn.

Nhâm Tuất, [Cảnh Thống] năm thứ 5 [1502], (Minh Hoằng Trị năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng ba, có sắc chỉ rằng:

1- Kể từ nay, quan huyện, châu các xứ phải sức xuống cho các xã trưởng, tất cả quân nhân và các sắc dịch của tượng cục, **[28a]** khi sắp tới kỳ đại tập quân lính hoặc gặp phiên trực, thì phải đốc thúc răn bảo trước. Nếu kẻ nào bỏ cả kỳ đại tập hay phiên trực, hoặc làm công chưa đủ kỳ hạn mà trốn về trước thì phải truy hỏi tới cùng, bắt phải khai nhận rõ ràng, sau khi xét rõ tội ngoan ngạnh, lười biếng cùng việc bỏ kỳ đại tập và phiên trực, cho báo lên quan huyện, châu, tâu giao cho bộ phụ trách trị tội.

2- Kể từ nay, các vệ, ty, sở, có người bỏ trốn đã trở về nghiệp cũ và những người già ốm, mỗi khi tới phiên trực thì cho làm việc nhẹ theo như lệnh trước đây, còn những người mạnh khoẻ, nếu vì ốm đau không làm được việc, cũng có thể cho nộp tiền thay, nhưng không được gian trá giả ốm đau.

Lấy Hình bộ Hữu thị lang Dương Trực nguyên làm Binh bộ tả thị lang, Nguyễn Quan Hiền làm Hình bộ hữu thị lang.

Tháng 2, thi Hội các cử nhân trong nước. Số dự thi là 5.000 người, lấy đỗ bọn trần Dực **[28b]** 61 người. Lại bộ kê tên tâu lên. Vua đích thân ra đầu bài văn sách hỏi về đế vương trị thiên hạ. Sai Nam Quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô uý Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu, và Hộ bộ thượng thư Vũ Hữu làm đề điệu: Binh bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên và Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Bùi Xương Trạch làm giám thí; Lễ bộ thượng thư Tả Xuân phường hữu dụ đức kiêm Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị độc, trưởng Hàn lâm viện sự Nguyễn Bảo, Lễ bộ tả thị lang kiêm Đông các học sĩ Lê Ngạn Tuất, Quốc tử giám tế tửu Hà Công Trình, Tư nghiệp Hoàng Bồi, Thái thường tự khanh Nghiêm Lâm Tiến đọc quyển thi. Vua xem xong, cho bọn Lê Ích Mộc (người Thanh Lăng, huyện Thuỷ Đường[2], trước làm đạo sĩ, đến khi đỗ, vua sai tuyên đọc chế từ, bưng lư hương cháy rực lửa ra trước, bị bỏng tuột cả tay mà không biết), **[29a]** Lê Sạn, Nguyễn Văn Thái 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Cảnh Diễn, Lê Nhân Tế 24 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Khiêm Bính, Nguyễn Mậu 34 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Vua ngự điện Kính Thiên, Hồng lô tự truyền loa xướng danh. Mọi năm bảng vàng vẫn treo ở ngoài cửa Đông Hoa, đến nay vua sai Lễ bộ bưng ra, đánh trống nổi nhạc rước ra treo ở cửa nhà Thái học. Bảng vàng treo ở cửa nhà Thái học bắt đầu từ đó.

Tháng 3, duyệt tuyển hoàng đinh. Xuống chiếu rằng: Các phường, xã, sách có đinh nam, theo số từ năm Cảnh Thống thứ 4 [1501] là 11 tuổi, năm nay lên 12 tuổi và những hoàng đinh lậu sổ mà sức vóc

[1] Sau câu này còn có ba chữ "tam hạng đẳng", chưa rõ là nghĩa gì.

[2] Huyện Thuỷ Đường: Nay là huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

mạnh khoẻ, to lớn, cao từ 4 thước trở lên[1] thì xã trưởng khai tên gửi lên ba ty của xứ đó và phủ Phụng Thiên, đến khi rỗi việc nông sẽ duyệt tuyển.

[29b] Mùa hạ, tháng 4, ngày 18, Hình bộ tả thị lang Nguyễn Quang Hiền dâng lời tâu rằng: "thần kính vâng sắc chỉ nói rằng: Kể từ nay, các hạng lính và thợ, theo lệ được cho về làm mùa, thì cứ đến phiên tháng 5, tháng 6 và tháng 10, tháng 11, đều được chia một nửa cho về làm ruộng, không được chia xen kẽ mùa thu, mùa hạ. Như thế, thần Nguyễn Quan Hiền trộm xét:

Việc đòi bắt án ngục, phiên tháng 5, tháng 11 năm nay, các hạng lính và thợ đã chia về làm ruộng, mà ngục tốt các sở ngục của ty Ngũ hình vẫn tạm phải ở lại đi đòi bắt án ngục, chưa được xét đến. Thần kính cẩn tâu lên, cúi mong thánh thượng dậy bảo". Vua y theo.

Ngày 30, có sắc chỉ rằng: Các chức Thượng thư, Thị lang của Lục bộ, Ngự sử đài, Đông các, Lục tự, Lục khoa, Thừa tuyên sứ, Hiến sát sứ nếu có khuyết thì Lại bộ làm bản tâu lên, đợi nhận chỉ thi hành.

[30a] Tháng 6, ngày 12, Đỗ Nhân vâng mệnh đi sứ phương Bắc trở về, được lấy làm Đông các hiệu thư kiêm Tú lâm cục tư huấn.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, lấy Đỗ Nhân là Lễ bộ hữu thị lang.

Mùa đông, tháng 11, lấy Dương Trực Nguyên là Lễ bộ tả thị lang.

Tháng 12, ngày mồng 5, định lệ chọn các quan từ phủ, vệ, ty, sở trở lên. Các chức ngũ phủ đô đốc, đô kiểm điểm, hoàn đốc, chỉ huy sứ, đô tổng binh sứ nếu có khuyết viên nào, Lại bộ tâu lên, nhận chỉ thi hành. Vệ sở nào khuyết 1 viên tổng tri, theo lệ được lấy 2 viên quản lĩnh, khuyết 1 viên quản lĩnh, theo lệ được lấy 3 viên võ uý để chọn lấy 1 viên. Lại bộ kê khai họ tên, quan chức của những người không phạm lỗi, làm bản tâu lên. Quan chức trong Kinh thì do Nội phủ dẫn tuyển, quan chức ngoài trấn thì do Chỉ **[30b]** huy sứ, Hàn lâm viện hội đồng với ba ty Đô, Thừa, Hiến lựa chọn, tâu lên để thuyên bổ.

Ngày 18, sai Thái thường tự khanh Quách Hữu Nghiêm, Giám sát ngự sử Nguyễn Bỉnh Hoà, Cấp sự trung Trần Mậu Tài sang nhà Minh tạ ơn ban cho mũ áo.

Bấy giờ, hoàng hậu nhà Minh thấy sứ nước ta tới, sai quan thu nhận hòm rương vào nội điện để tìm thấy hương lạ. Quách Hữu Nghiêm vốn có mua được một chiếc áo long cổn là thứ hàng cấm giấu ở trong hòm, sợ người Minh bắt được sẽ bị quở trách, liền làm bảng văn răn bộ thuộc và thu lấy hương lạ dâng lên. Bài văn như sau:

"Bọn thất phu mang ngọc bích, bị Lân kinh[2] chê là tham của, lái buôn rợ Hồ giữ hạt châu, mà Mã sử[3] răn là liều mình. Cho nên, kẻ tự gõ cửa dâng thư được khen là trung thuần đáng quý, mà người tiến rau cần, dâng nắng sưởi[4] dẫu nhỏ nhặt cũng đáng nên khen. Hay dở rành rành, gương soi rất rõ. **[31a]** Xét thấy bọ sứ thần bản hộ, cùng nhau đến tự phương xa, tới thăm phong cảnh thượng quốc. Trải muôn dặm trèo non vượt biển, đâu dám sá từ, tưởng chín tầng mây vọng trông nhật nguyệt, mừng ngắm thiên nhan. Tới triều đình Ngu Thuấn văn vật rõ rành, thấy chế độ nhà Chu y quan lễ nhạc. Một niềm tôn kính, báo đáp khôn bề. Chút ít của cải mang theo, đâu dám mang lòng ngại tiếc. Hiện có một hộp kỳ nam hương lạ, trình giao sai quan chọn lựa dâng lên".

Vua Minh xem bài văn ấy, cho là bậc nhân tài vào thời Tam đại, sai thái giám Trần Khoa truyền cho lão thần Nội các là bọn Lý Đông Dương xem. Lý tâu rằng: Đó là tấm lòng trung thành của viên ấy, nên ban thưởng hậu để tỏ ý khuyến khích. Vua Minh lại hỏi các quan hậu cần rằng: Hắn làm chức gì ở nước ấy. Các quan trả lời là chức Đô ngự sử. Vua Minh cho dự yến ở trên điện và ban áo màu hồng thẫm

---

[1] Tức là 1,6m trở lên.

[2] Lân kinh: chỉ Kinh Xuân thu. Kinh Xuân thu chấm dứt ở việc bắt được kỳ lân, nên gọi là Lân kinh.

[3] Mã sử: chỉ bộ Sử ký của Tư Mã Thiên.

[4] Tiến rau cần: xưa có người dân nghèo ăn rau cần thấy ngon, định đem dâng vua. Dâng nắng sưởi: có người đời Tống, mùa xuân sưởi nắng thấy ấm, bảo vợ rằng: Sưởi nắng ấm mà không ai biết, ta sẽ tâu cho vua biết mà sưởi. Tiến rau cần, dâng nắng sưởi là ý chỉ dâng vật tầm thường nhưng xuất phát từ lòng trung thành, chất phác.

thêu hình giải trãi bằng kim tuyến **[31b]** và các thứ đồ tơ gai. Hữu Nghiêm nhân đó dâng biểu tạ ơn rằng:

"Thần trộm nghĩ: Trời đất sinh nuôi muôn vật, dẫu mầm non gốc cỗi đều cảm nhận lòng nhân hoá sinh. Đế vương yên vỗ triệu bang, dù cõi thẳm dân cùng cũng đội ơn vương đạo rộng phẳng. Nay thần lạm dự sang cống cõi Hạ, được gần mây Nghiêu. Trông mặt trời chốn Trường An, thiết tha nương tựa, họp áo xiêm nơi triều hội, khôn xiết vui mừng. Nào ngờ kẻ mọn phương xa, được ban lớp lớp ân sủng. Thân mình rạng rỡ, sắc phục huy hoàng. Áo báu mới ban, giải trãi vẻ đẹp. Nghĩ như thần: là cỏ cây chỉ một rễ kém hèn, lại càng cảm ơn đất trời gây dựng. Thần xiết bao cảm kích ghi lòng, kính chúc Hoàng Đế muôn muôn tuổi, thọ ngang với trời, để cho mọi người chốn thần dân đều vui cảnh thanh bình, thịnh trị, các **[32a]** nước lớn nhỏ thấm nhuần phúc tốt dài lâu. Đó là nguyện vọng sâu xa của thần vậy".

Ngày Bính Ngọ, Kiến Vương Tân mất[1]. Vua nghỉ chầu 3 ngày, ban tên thuỵ là Trinh Tĩnh.

Xuống chiếu rằng: Kể từ nay, vệ Kiến An và sở chăn voi ở Nghệ An phải đóng 2 chiếc thuyền buôn để tiện chở thóc.

Bọn Nguyễn Vinh vâng lệnh [nhắc lại] sắc chỉ khoảng năm Quang Thuận, Hồng Đức quy định nội thần ra ngoài tự tiện đến nhà người khác thì bị xử trảm.

Ngừng đặt chức xá nhân thường xuyên, chọn lấy người cao lớn sung làm xá nhân vệ Cẩm y, người thấp bé bổ làm xá nhân ngoại trực.

Quý Hợi, [Cảnh Thống] năm thứ 6 [1503], (Minh Hoằng Trị năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, hạn hán.

Ngày mồng 8, có sắc dụ bọn Thanh Hoa tán trị thừa tuyên sứ ty, tham nghị Dương Tĩnh rằng: Ta rất lưu ý tới việc nông, ngươi coi binh dân nên hết sức. Đi thăm nom không được lười biếng, chứa tháo nước phải cho kịp thời. Lo **[32b]** việc chính sự giỏi, để mãi mãi giữ vững cơ đồ. Kinh Thư nói:

"Có phòng bị thì không có mối lo" là như thế đó. Ngoài những việc đã tâu lên, nơi nào bị hạn hán úng lụt, phải dự bị đề phòng trước các việc trồng cấy. Bọn quan châu huyện, coi dân như người nước Tần, nước Sở, ai béo, ai gầy không bận lòng đến. Ta thường sai nội thần đi xem xét đồng ruộng, thấy chỗ thì ruộng thấp, chỗ thì bờ ruộng hoang rậm, chỗ thì gò đất bị lở, chỗ thì thả vịt hại lúa. [Nước chứa] chỉ được vài bữa, không giữ được lâu, nắng chưa mấy ngày đã cạn khôn cả, đó là do không được người giỏi để chia lo cùng ta, không có kế hay mà ngăn ngừa chống giữ. Than ôi! Bọn các ngươi lấy mũ áo đẹp, bổng lộc nhiều để làm sang nhà cửa hay là để giúp việc cho vua? Ta một mình lo sợ đăm đăm, để các ngươi nhởn nhơ vui thú. Huống chi năm nay đúng vận hạ nguyên[2], gặp thời mạt kiếp. Kinh Huyền khu nói: "Tiết đông **[33a]** chí gặp ngày Nhâm thì đất hoang ngàn dặm". Kinh Địa mẫu nói: "Năm Quý Hợi mưa rất nhiều", việc sửa đắp đê đều chẳng cần kíp ư? Ngươi phải cho làm gấp cống đập, guồng nước, khe lạch, đường lớn trong hạt, hạn trong ba tháng phải xong. Ngươi phải thân hành đi kiểm tra lại. Người nào làm hoàn hảo thì xếp vào loại bậc thượng khảo, kẻ nào sửa đắp rò sót thì biên vào loại không xứng chức, ghi chép tường tận tâu lên để quyết định thăng hay giáng chức. Nếu bọn các ngươi lơ là không chịu đôn đốc, đến khi mưa dầm, lúa má bị ngập thì khi điều tra ra sự thực, sẽ bị nhất loạt hỏi tội.

Ngày mồng 9, bọn Quách Hữu Nghiêm đi sứ nhà Minh sắp về, vào từ biệt. Vua Minh sai bọn Tây Di đô đốc đại thông sự, Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ Dương Tông tuyên đọc thánh chỉ, ban cho Quách Hữu Nghiêm chiếc áo đại hồng hoa mây dệt giải trãi bằng kim tuyến, 4 tấm lụa sợi gai, 3 tấm lụa tơ chín. Lại sai Binh bộ thượng thư Tăng **[33b]** Dật phụng sao thánh chỉ cấp riêng cho Quách Hữu Nghiêm một chiết thuyền đi nhanh, kính theo lệnh này. Quách Hữu Nghiêm dâng bài thơ tạ ơn như sau:

---

[1] Kiến Vương Tân: là con thứ năm của Lê Thánh Tông, được phong Kiến Vương năm Hồng Đức thứ 2 (1471), khi mất mới 35 tuổi.

[2] Theo quan niệm của các nhà thuật sĩ đời xưa, sau 180 năm là hết một độ số của trời, gồm 3 giáp tý (mỗi giáp tý 60 năm). Giáp Tý thứ nhất là thượng nguyên, giáp tý thứ hai là trung nguyên, giáp tý thứ ba là hạ nguyên.

Tằng nhân quốc sự cống trân phong,
Tảo yếu thao bồi ngọc bệ trung.
Trãi thái dĩ chương tam phẩm phục,
Ích chu tái giá bát hoang phong.
Thi từ tiếu phạp khoan như hải,
Tửu lực na kham ẩm tự hồng.
Phúc thọ nghĩ đồng Chu nhã chúc,
Thăng hằng nhật nguyệt chiếu lâm công.
(Từng nhân việc nước tạ ân phong,
Yến lớn lạm hầu trước bệ rồng.
Áo trãi nêu màu tam phẩm quý,
Thuyền chim cưỡi gió tám phương thông.
Nguồn thơ thẹn chẳng như khơi biển,
Sức rượu nào kham với ráng hồng[1].
Phúc thọ chúc bài ca Chu nhã[2],
Đôi vầng nhật nguyệt sáng soi chung).

Tháng 2, ngày 17, Lễ bộ thượng thư Vũ Hữu tâu rằng: Hàng năm, cứ đến kỳ đại tập quân sĩ, khi nộp tiền sai dư và tiền già ốm, thì phải khai đầy đủ họ tên những người phải nộp các khoản tiền nói trên và số tiền thực đã nộp, số người đã nộp giao cho Hộ bộ theo đó mà thu nhận.

Đại hạn.

Mùa hạ, tháng 4, sao Chổi mọc ở phương đông.

Lễ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên tâu xin **[34a]** đắp để bên sông Tô Lịch, trên từ xã Trát Kiều xuống đến xã Cống Xuyên[3] để phòng lụt hạn, làm lợi cho nghề nông, lại xin đào cừ Yên Phúc xuống đến cừ Thượng Phúc[4] để tưới nước cho ruộng dân.

Tháng 5, ngày mồng 6, ban thơ ngự chế đề trên quạt tỏ ý khuyên răn:

Tinh hoả hôn trung dạ,
Bồng mang xuất bích đông.
Kinh phương dương đại thủy
Vệ địa khủng hưng nhung.
Tuần tỉnh vưu tâm lý,
Suy chiêm mạn dị đồng.
(Nửa đêm sao Hỏa mọc,
Tua chổi hiện phương đông.
Đất Kinh lo nước lớn,
Đất Vệ sợ binh nhung.
Chăm nom nên để ý.
Suy xem nghiệm hay không)[5].

Mùa thu, tháng 8, quan Ngự sử đài tâu rằng: Quan Hàn lâm mà lười biếng bỏ việc thì phải xét hỏi trị tội.

---

[1] Vi Cao đời Đường, làm trấn thủ đất Thục, một hôm họp bạn uống rượu, chợt thấy cầu vồng mọc ở ngoài sân, thò đầu ta uống hết cả rượu

[2] Chu Nhã ở đây chỉ bài thơ Thiên bảo trong Kinh Thi Tiểu Nhã: "Như nhật chi thăng, như nguyệt chi hằng, như Nam Sơn chi thọ, như tùng bách chi mâu" nghĩa là chúc vua như mặt trời mới lên, như mặt trăng đêm mồng tám, sống lâu như núi Nam Sơn, xanh tốt như cây tùng cây bách.

[3] Xã Trát Kiều và xã Cống Xuyên ở huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường tín, tỉnh Hà Tây.

[4] Cừ Yên Phúc: ở xã Yên Phúc; cừ Thượng Phúc: ở xã Thượng Phúc, hai xã này thuộc huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[5] Theo bản dịch cũ.

Tháng 9, ngày mồng 10, cháy lớn ở chợ Đông, phố xá bị thiêu trụi.

Mùa đông, tháng 12, ngày mồng 3, lấy Lễ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên kiêm việc Hàn lâm viện.

Năm nay, trước thì đại hạn, sau lại nước to, núi Tản Viên và núi Tam Đảo bị lở.

[34b] Giáp Tý, [Cảnh Thống] năm thứ 7 [1504] (Từ tháng 6 về sau là Túc Tông, Thái Trinh năm thứ 1; Minh Hoằng Trị năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, sẽ tăng cường các việc xây dựng trong cung tường, dự định xây cất thêm lăng miếu và nhà giải vũ.

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự về Lam Sơn. Khi xa giá trở về cung, bị ốm.

Tháng 5, ngày 23, vua vì ham nữ sắc, bị bệnh nặng, khi sắp băng, di mệnh cho hoàng thái tử lên nối ngôi. Ngày 24, vua băng ở điện Đồ Trị.

Trước kia, vua xây các điện Thượng Dương, Giám Trị, Đồ Trị, Trường Sinh, nơi để nghỉ ngơi, điện để đọc sách và ăn chay. Lại dựng điện Lưu Bôi ở trong cung (đưa nước vào trước thềm điện, gọi là đài Lưu Bôi). Vua tự xưng là Thượng Dương động chủ, sinh được 6 hoàng tử, con trưởng là An Vương Tuân, con thứ hai là Uy Mục Đế Tuấn, con thứ ba là Tự Hoàng Thuần[1], con thứ tư là Thông Vương Dung, **[35a]** con thứ năm là Minh Vương Trị, con thứ sáu là Tư Vương Dưỡng.

Tháng 6, ngày mồng 6, Trung quân đô đốc phủ tạ đô đốc Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô uý Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu cùng các quan phò mã, các quan Ngũ phủ, Lục bộ, Đông các, Hàn lâm viện, Lục tự, khoa, đài đến điện Hoàng Cực rước thái tử Thuần lên ngôi. Đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm này làm năm Thái Trinh thứ 1.

> Hiến Tông ưa chuộng văn học, giữ vững cơ đồ, tiết kiệm tiêu dùng, thận trọng hình phạt, sửa chính sự, dùng người hiền, kính trời chăm dân, cũng là bậc vua hiền mà ở ngôi không lâu, tiếc thay!
>
> Vũ Quỳnh nói: Vua có tư thế của bậc đế vương, mũi cao, mặt rồng, thần sắc khác thường, **[35b]** Thánh Tông rất yêu quý ngài. Vua đặc biệt anh minh, thông duệ, vượt hơn hẳn mọi người, mà nhân từ, hoà dịu, không hề tỏ vẻ nghiêm khắc. Khi tan chầu lui vào, thường cho dẫn sĩ đại phu tới, hỏi han về việc hay dở, được mất của chính sự, dùng lời nói dịu dàng, nét mặt tươi vui để dẫn dắt cho họ nói ra. Cho nên vua biết rõ tình cảnh người bên dưới, gạt bỏ sự che đậy giấu giếm. Bề tôi có lỗi lầm gì, chỉ răn bảo, quở trách nhẹ nhàng, không nỡ đánh roi làm nhục; biết cách sắp đặt nên nhàn hạ ung dung, chưa bao giờ to tiếng, giận dữ mà thiên hạ đều răm rắp tuân theo. Vua thường nói: Thánh Tổ ta gây dựng đất nước, vua cha ta sửa trong, dẹp ngoài, quy mô đã định, ta không có việc gì phải thay đổi bày đặt, chỉ tuân giữ phép cũ, mở rộng và phát huy thêm, để tỏ rõ công đức của ông cha mà thôi!

Túc Tông Khâm Hoàng Đế

Tên huý là Thuần _____ lại huý là Thuần _____, là con thứ ba của Hiến Tông, ở ngôi chưa đầy một năm, thọ 17 tuổi thì băng, táng ở Kính Lăng. [36a] Vua dốc chí hiếu học, thân người hiền, vui việc thiện, xứng đáng là vị vua giỏi giữ cơ nghiệp thái bình, không may mất sớm, tiếc thay!

---

[1] Tức là vua Túc Tông, nối ngôi Hiến Tông.

Mẹ ngài là Trang Thuận hoàng thái hậu Nguyễn thị, huý là Hoàn, người làng Bình Lăng, huyện Thiên Thi. Năm Hồng Đức thứ 19 [1488] tháng 8, ngày mồng 1[1] sinh vua. Năm Cảnh Thống thứ 2 [1499], tháng 3 được lập làm Hoàng thái tử. Đến khi Hiến Tông băng, liền lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thái Trinh, lấy ngày sinh làm Thiên minh thánh tiết, tự xưng là Tự Hoàng, sau được truy dâng tôn thuỵ, miếu hiệu là Túc Tông.

Vua lên ngôi, xưng là Tự Hoàng, làm lễ cáo trời đất tông miếu. Tôn tổ mẫu Trường lạc hoàng thái hậu là Thái hoàng thái hậu.

Mùa thu, tháng 7, bọn Quách Hữu Nghiêm vâng mệnh đi sứ nhà Minh trở về.

Tháng 8, ngày mồng 1, **[36b]** lấy ngày sinh làm Thiên minh thánh tiết.

Tháng này, có sao Chổi mọc ở phương tây bắc.

Tháng 9, ngày mồng 8, kính mang bảo sách dâng tên thuỵ cho Đại Hành Hoàng Đế là Thể Thiên Ngưng Đạo Mậu Đức Chí Chiêu Văn Thiệu Vũ Tuyên Triết Khâm Thành Chương Hiếu Duệ Hoàng Đế, miếu hiệu là Hiến Tông. Tôn bà quý phi sinh ra vua làm Trung Thuận Minh Ý Hoàng Thái Hậu[2].

Bọn phản nghịch Đoàn Thế Nùng bị giết. Bấy giờ, Thế Nùng làm phản ở Cao Bằng, bị bắt cùng với bè đảng hơn 500 người, đều bị giết.

Mùa đông, tháng 10, ngày giáp thìn 18, đưa linh cữu của Hiến Tông về Tây Kinh.

Tháng 11, ngày mồng 8, đưa táng Hiến Tông ở Dụ Lăng. Lễ bộ xét lệ cũ, tâu xin dựng bia. Vua y lời tâu, bèn sai văn thần là bọn Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chí **[37a]** Sâm soạn văn bia.

Sai sứ sang nhà Minh. Bọn Lại bộ thị lang Đặng Tán, Kiểm thảo Khuất Quỳnh Cửu, Hộ khoa đô cấp sự trung Lưu Quang Phụ đi tuế cống; bọn Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Lân, Giám sát ngự sử Nguyễn Kính Nghiêm đi báo tang; bọn Lễ bộ hữu thị lang Nguyễn Bảo Khuê, Đông các hiệu thư Trần Viết Lương, Hiệu thư Vũ Châu đi cầu phong[3].

Tháng này, ngày mồng 8, vua không khoẻ. Khi vua mới lên ngôi, tha tù nhân, thả cung nữ, ngừng những việc không cần kíp, giảm những việc nặng nhọc, bớt đồ dâng cống, giảm nhẹ lực dịch, dùng bề tôi cũ có công, nắm giữ mọi uy quyền; hạn chế, răn đe thế lực họ ngoại, dốc lòng thương yêu các vị thân vương, mọi việc sửa sang nghiệp lớn, dựng đặt gốc lớn, không điều gì không đến nơi đến chốn. Thần dân trong nước đều chăm chú dõi nhìn chính sự buổi đầu, cho rằng ngày nay lại được trông thấy đời thịnh trị của Thành, Khang, Văn, Cảnh[4].

[37b] Tháng 12, ngày Nhâm Tuất mồng 6, vua sắc dụ triều thần là bọn Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Cống Xuyên bá Lê Năng Nhượng, và các quan văn võ rằng: Bệnh trẫm chưa khỏi, lo rằng việc phó thác nặng nề e sẽ không kham nổi. Con thứ hai của Tiên hoàng đế là Tuấn, là người hiển minh, nhân hiếu, có thể nối được ngôi chính thống, để thừa kế tổ tông, vỗ về thân dân. Đại thần và các quan hãy hết lòng trung trinh để giúp nên nghiệp lớn; thân vương nào dám tiếm vượt ngôi trời thì người trong nước cùng nhau giết đi.

Ngày Quý Hợi, mồng 7, vua ốm nặng; ngày Giáp Tý mồng 8, vua băng ở điện Hoàng Cực, có di chiếu cho các quan để tang theo đúng lễ cổ.

---

[1] Bản dịch cũ ghi là ngày mồng 3.

[2] Tức bà Nguyễn Thị Hoàn, người làng Bình Lăng, huyện Thiên Thi (nay là huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng).

[3] Đặng Tán: người xã Mạo Bồ, huyện Sơn Vi (sau là Lâm Thao; nay thuộc huyện Phong Châu, Vĩnh Phú) đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487). Khuất Quỳnh Cửu: người xã Lôi Trạch, huyện Thạch Thất (nay thuộc Hà Nội). Trần Viết Lương (Cương mục ghi là Trần Bá Lương): người xã Lê Xá, huyện Nghi Dương (sau là huyện Kiến Thuỵ, nay thuộc đất huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng). Quỳnh Cửu và Viết Lương đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499). Nguyễn Bảo Khuê: người xã Lý Hải, huyện Yên Lăng (nay là huyện Mê Linh, Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487). Vũ Châu: người xã Dị Sử, huyện Đương Hào (nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hải Hưng) đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) (theo CMCB25).

[4] Thành là Thành vương nhà Chu, Khang là Khang Vương nhà Chu, Văn là Văn Đế nhà Hán, Cảnh là Cảnh Đế nhà Hán.

Ngày Giáp Tuất 18, Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Tông nhân lệnh Tự ân sứ Lê Năng Nhượng **[38a]** cùng các công, hầu, bá, phò mã, đô uý, các quan năm phủ, sáu bộ, Ngự sử đài, Đông các, Hàn lâm, Lục tự, Lục khoa, đề hình các quan 13 đạo, đến điện Hương Minh kính đón con thứ hai của Hiến Tông là Tuấn lên ngôi Hoàng đế. Đại xá, đổi niên hiệu lấy sang năm là năm Đoan Khánh thứ 1.

Bấy giờ, Nguyễn Bảo Khuê sang sứ nhà Minh chưa qua cửa ải, lại sửa đổi tờ biểu cầu phong khác giao cho Bảo Khuê mang đi.

Bấy giờ, ban chiếu đại xá cả nước. Trong chiếu có một điều là người đỗ khoa tiến sĩ chưa được bổ dụng mà ốm chết thì cho con cháu được tập ấm như lệ của các quan viên, và các thí quan nhập lưu thì cho 1 con trai được nhiêu miễn, chỉ tuyển 1 con trai làm tráng đinh thôi.

Ngày 25, định lệ làm điếm trực canh ngoài cửa Ngũ Thành. Có sắc chỉ rằng: Ở ngoài cửa Ngũ Thành, các vệ Hiệu lực, Thần **[38b]** vũ, Điện tiền, phải làm hai dãy nhà ngói, mỗi dãy 7 gian. Hàng ngày, đơn vị giữ cửa dùng 1 người ra điếm trực để xét hỏi người qua lại, các nhân viên túc thanh của vệ Cẩm y cũng phải ở đó. Ban đêm, nội thần phải ở trong cửa đài. Còn mỗi dãy nhà thì dùng 2 viên quan, 20 lính, 50 chiếc mộc, 5 cây thủ tiễn của các vệ Thần vũ, Điện tiền, Hiệu lực để túc trực theo như pháp lệnh.

Ngày 26, có sắc chỉ định lệ làm gióng gỗ ở ngoài điếm quân của năm phủ. Nếu điếm ở ngoài thì ở chỗ các điếm cách nhau đều phải làm gióng gỗ, cột gióng phải to, mỗi điếm dùng 5 câu liêm có đầu nhọn, trên đầu cũng có nóc, để ở hai đầu điếm để canh giữ. Quan viên và binh lính đều phải trực ở điếm, không được sai phái đi làm việc khác.

[39a] Uy Mục Đế

Tên huý là Tuấn, lại huý là Huyên, là con thứ hai của Hiến Tông, anh thứ của Túc Tông, ở ngôi 5 năm, thọ 22 tuổi, bị Giản Tu công Dinh[1] đuổi đi, rồi sau bị hại, chôn ở An Lăng. Vua nghiện rượu, hiếu sát, hoang dâm, thích ra oai, tàn hại người tông thất, giết ngầm tổ mẫu, họ ngoại hoành hành, trăm họ oán giận, người bấy giờ gọi là Quỷ vương, điềm loạn đã xuất hiện từ đấy.

Mẹ vua là Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn thị, huý là Cận, người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, lúc bé mồ côi cha, nhà nghèo, tự bán mình cho người ở phủ Phụng Thiên, sau nhà ấy có tội, Nguyễn thị bị tịch thu sung làm quan tỳ, do đó được vào hầu Quản Ninh hoàng hậu[2]. Khi Hiến Tông còn làm thái tử, thấy có sắc đẹp thì ưa, lấy vào làm phi. Năm Hồng Đức thứ 19 [1488] tháng 5, ngày mồng 5, giờ Tý sinh ra vua. Năm Thái Trinh thứ 1 [1504], Túc Tông băng, không có con nối, mẹ thứ là Kính phi Nguyễn thị[3] mưu lập vua ở trong cung cấm, bèn lên ngôi hoàng đế. Đại **[39b]** xá, đổi niên hiệu, lấy ngày sinh là Thiên khánh thánh tiết, tự xưng là Quỳnh Đô động chủ.

Ất Sửu, Đoan Khánh năm thứ 1 [1505], (Minh Hoằng Trị năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, có nhật thực.

Ngày 21, xuống chiếu cho quan viên và dân chúng ở thừa tuyên các xứ rằng: Việc lớn thì dùng giấy đại phương, việc nhỏ thì dùng giấy tiểu phương. Chúc thư, văn khế thì dùng giấy đại, không được quen dùng giấy phương như trước. Hạn cho một tháng đều phải theo lệnh mới. Nếu quan viên và dân chúng vẫn làm chúc thư, văn khế bằng giấy phương thì cho người trong họ và tộc trưởng họ ấy cáo giác,

---

[1] Cũng đọc là Oanh.

[2] Quản Ninh: dịch theo nguyên văn. Theo chú thích của bản dịch cũ thì chữ này là Vĩnh Ninh bị chép lầm, vì Trường Lạc hoàng thái hậu khi còn làm sung nghi thì ở cung Vĩnh Ninh, khi Hiến Tông lên ngôi, tôn làm hoàng thái hậu mới ở cung Trường Lạc.

[3] Nguyễn Kính phi: người xã Hoa Lăng, huyện Thuỷ Đường, nay là huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng (theo Cương mục)

nếu xét nghiệm đúng sự thực thì xử là không có giá trị, người bán mất phần của mình, người mua mất số tiền bỏ ra, chúc thư và văn khế đều vô dụng.

Tháng 2, ngày Giáp Tuất 16, dâng tôn thuỵ cho Đại Hành Hoàng Đế là Chiêu Nghĩa Hiển Nhân Ôn Cung Uyên Mặc Hiếu Doãn Cung Khâm Hoàng Đế, miếu hiệu là Túc **[40a]** Tông.

Ngày Bính Ty 18, truy tôn mẹ đẻ Nguyễn thị làm Chiêu Nhân Hoằng Ý hoàng thái hậu.

Thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Lê Nại (người làng Mộ Trạch, huyện Đường An) 55 người. Thi Đình cho bọn Lê Nại, Bùi Doãn Văn, Trần Phỉ (người làng Chi Nê, huyện Chương Đức, con là Trần Khải) 3 ngày đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Tiếu Tượng, Trần Lỗi 16 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Đôn Thục, Nguyễn Tư 36 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, linh cữu củ Túc Tông Hoàng Đế đưa về Tây Kinh. Ngày Quý Mão, táng ở Kính Lăng. Lễ quan tâu xin dựng bia, vua y lời tâu, sai bọn Đàm Văn Lễ, Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chí Sâm soạn văn bia.

Ngày 22, Thái hoàng thái hậu Nguyễn thị thình lình băng ở chính tẩm điện Trường Lạc, thọ **[40b]** 65 tuổi. Trước đây, khi Túc Tông băng không có con nối, nội thần Nguyễn Nhữ Vi định lập vua, Thái Thánh Tông cho rằng vua là con người tỳ thiếp, không thể nối được đạo thống, khăng khăng đòi lập Lữ Khôi Vương. Bấy giờ Nhữ Vi liền đóng các cửa thành lại lập vua lên. Thái hậu có vua đã được lập rồi, có ý không vui. Sau vua liền sai quan hầu cận ngầm giết Thái hậu rồi nghỉ chầu 7 ngày.

Ngày 27, rước thần chủ của mẹ là Chiêu Nhân Hoằng Ý hoàng thái hậu thờ vào cung Minh Đức nhà Thái Miếu ở Đông Kinh.

Tháng này, người ở châu nước ngoài tràn vào tranh ruộng ở cửa ải Na Nham.

Vua sai Đan Khê bá Trịnh Hựu đi kinh lý ở vùng Minh Quang, dựng quan ải rồi trở về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, truy tôn thuỵ hiệu cho tổ mẫu là Huy Gia Tĩnh Mục Ôn Cung như Thuận Thái hoàng thái hậu.

[41a] Vua dựng điện Chân Nguyên, làm Bảo Thuỵ đường ở hương Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn[1], làm Tuyên Dự đường ở hương Hoa Lăng, huyện Thuỷ Đường[2]. Lại làm điện Quang Mỹ ở phường Lệ Viên, huyện Quảng Đức[3] để thờ tiên tổ của Thái hoàng thái hậu.

Tháng 5, ngày mồng 7, vua Hiến Tông nhà Minh băng, thay hiệu là Kính Hoàng Đế.

Ngày 13, sai Trịnh Hựu đi công cán ở Tuyên Quang.

Ngày 25, lấy ngày sinh làm Thiên khánh thánh tiết.

Ngày 28, hoàng thái tử nhà Minh là Hậu Chiếu lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Chính Đức (tức là Vũ Tông).

Lấy Dương Trực Nguyên làm Hộ bộ tả thị lang kiêm coi Chiêu Văn quán.

Tháng 6, ngày mồng 5, biếm bọn Lễ bộ thượng thư Đàm Văn Lễ, Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Quang Bật vào Quảng Nam, rồi giết đi.

Trước đây, khi Hiến Tông nằm giường bệnh, mẹ sinh ra vua, **[41b]** Chiêu Nhân hoàng hậu là ty thiếp được Hiến Tông yêu, sinh ra vua nhưng mất sớm. Mẹ thứ là Kính phi không có con trai, nuôi làm con mình, có ý lập làm vua, sợ các đại thần không theo, đem vàng đút lót, nhưng Văn Lễ không nhận.

---

[1] Hương Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn là quê hương của Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn Thị Cận, mẹ đẻ của Uy Mục Đế.

[2] Tuyên Dự đường để thờ tiên tổ Nguyễn Kính phi, có công nuôi Uy Mục Đế, sau lại cùng với Nhữ Vi đưa vua lên ngôi. Hương Hoa Lăng là quê hương của Nguyễn Kính phi.

[3] Huyện Quảng Đức sau là huyện Vĩnh Thuận, thuộc phủ Phụng Thiên, nay thuộc Hà Nội.

Đến khi Hiến Tông ốm nặng, Văn Lễ và Quang Bật nhận di chiếu phụ tá hoàng thái tử nối ngôi. Bấy giờ, các thân vương tranh nhau đòi lập, Văn Lễ sợ xảy tai biến trong lúc bối rối, mới vào tẩm điện lấy ấn báu truyền quốc đem về nhà, rồi cùng các đại thần văn võ lập Túc Tông lên ngôi hoàng đế. Vua [Uy Mục] căm giận lắm. Đến đây, dùng mưu của Khương Chủng, Nguyễn Nhữ Vi biếm hai người làm Thừa tuyên sứ Quảng Nam. Khi họ đến sông lớn huyện Chân Phúc[1], vua sai người đuổi theo bắt phải tự tử. Hai người khi sắp gieo mình xuống nước, ngâm thơ quốc ngữ rồi mới mất. Sau đình thần trong bụng ai cũng biết là hai người chết không đáng tội, can vua, vua đổ tội cho Nhữ **[42a]** Vi rồi giết y.

Lấy Lê Tung làm Thừa tuyên sứ Thanh Hoa.

Khởi phục[2] Ngô Hoán làm Hiến sát sứ Thanh Hoa. Hoán trước đây bị sung quân[3], sau lại thi đỗ sinh đồ, đến đây được bổ dụng lại.

Bính Dần, [Đoan Khánh] năm thứ 2 [1506], (Minh Vũ Tông Chính Đức năm thứ 1). Mùa xuân, trước đây, viên quản lĩnh họ Trần người làm Nhân Mục[4] vốn là cháu ngoại của [một ông vua] triều Trần sinh được 2 người con gái, con trưởng tên là Tùng, con thứ tên là Trúc. Vua nghe nói Tùng có sắc đẹp, chọn vào hậu cung, sinh được hoàng tử nhưng mất sớm. Sau Trúc cũng được vào hầu[5].

Tháng 2, tuyển hoàng đinh.

Truất Phạm Khiêm Bính làm hiết sát sứ Hải Dương. Bấy giờ, Khiêm Bính phạm tội cùng với Lê Sạn khắc đá làm bia, bị quan trong triều tâu hoặc nên phải truất.

Triệu viên Trị huyện Phụ Dực Nguyễn Quý Nhã về làm Đề hình giám sát ngự sử. Trước đây **[42b]** Quý Nhã làm bài ứng chế lạc vần bị truất. Đến đây triệu về bổ dụng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 13, khởi phục Đỗ Nhân là Lễ bộ hữu thị lang, Hàn lâm viện thị độc, Tham chưởng Hàn lâm viện sự, vì Nhân về nghỉ tang mẹ vừa hết trở.

Mùa đông, tháng 12, ngày 12, sai Binh bộ thượng thư Nguyễn Quang Mỹ, Lại khoa đô cấp sự trung Nguyễn Tịnh[6], Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Trọng Quỳ[7] làm đề điệu; giám thí, giám khảo để khảo thi các quân sắc và nhân dân các môn viết chữ và làm tính ở sân điện Giảng.

Đổi lại quân hiệu từ chức dũng sĩ phó quân trở xuống.

[43a] Đinh Mão, [Đoan Khánh] năm thứ 3 [1507], (Minh Chính Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 9, nhà Minh sai chính sứ là Hàn lâm viện biên tu Tăng Đạc, phó sứ là Lại khoa hữu[8] cấp sự trung Trương Hoằng Chí sang báo việc [Vũ Tông nhà Minh] lên ngôi và ban cho vóc lụa.

Lấy Nguyễn Xao làm Thừa tuyên sứ Hải Dương. Trước đây, Nguyễn Xao vâng mệnh đi sứ phương Bắc, có mua được cái gối của phương Bắc rất đẹp, không đem dâng tiến lên, bị xá nhân tâu lên, phải bãi chức về nhà, đến đây, mới được bổ dụng. Sau Xao chết ở nhiệm sở.

---

[1] Huyện Chân Phúc: nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh. Sông lớn ở đây tức là sông Lam.

[2] Khởi phục: tức là "dùng lại", khi viên quan nào trước bị bãi chức, hoặc nghỉ việc về nhà, sau lại gọi ra bổ dụng thì gọi là khởi phục.

[3] Ngô Hoán đỗ tiến sĩ đời Hồng Đức, thời Hiến Tông làm Đông các hiệu thư, vì can tội đem việc trong triều nói cho người ngoài biết, bị bãi chức sung quân. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501) Hoán lại thi đỗ sinh đồ.

[4] Làng Nhân Mục: tức làng Mục, nay thuộc ngoại thành H à Nội. Nguyên văn là "Nhân Mục môn".

[5] Cương mục: Ghi sự kiện này như sau: Tháng giêng, mùa xuân, lập Trần thị làm hoàng hậu (xem CMCB 25, 22).

[6] Nguyễn Tịnh: người xã Vân Xá, huyện Lạng Tài, nay là huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) đời Hồng Đức.

[7] Cương mục: chép là Nguyễn Trọng Đạt (xem CMCB 25, 23).

[8] Bản dịch cũ và Cương mục đều không có chữ "hữu" này.

Tháng giêng nhuận, nhà Minh sai Hành nhân ty hành nhân Hà Lộ sang làm lễ viếng Hiến Tông Duệ Hoàng Đế, lại sai chánh sứ là Hàn lâm viện biên tu Thẩm Đào, phó sứ là Công khoa tả[1] cấp sự trung Hứa Thiên Tích mang chiếu thư sang phong vua làm An Nam Quốc Vương, **[43b]** lại ban một bộ mũ áo quan võ bằng da và một bộ thường phục. Thiên Tích thấy tướng vua, đề thơ rằng:

An Nam tứ bách vận vưu trường
Thiên ý như hà giang quỷ vương?
(Vận nước An Nam bốn trăm năm rất dài,
Không biết lòng trời như thế nào lại giáng sinh ông vua quỷ sứ).

Phúc khảo 144 người về môn viết chữ và làm tính, người đỗ là bọn Nguyễn Tử Kỳ 25 người được sung làm Hoa văn học sinh.

Đặt thêm ty Cường lực[2].

Tri phủ Nguyễn Chí bị thân nhân của bọn ngoại thích Khương Chủng[3] đánh chết lại sống lại. Trước đây, thời Hiến Tông, Chí làm Trung thư giám chính sự, sau khi thi Hội trúng trường, vì là người huyện Đông Ngàn, quê ngoại của vua nên được bổ làm Thiếu doãn phủ Phụng Thiên, sau làm Tri phủ phủ Phú Bình[4]. Chí là người cứng cỏi bất khuất. Thân nhân của Khương Chủng là Nguyễn Trọng bắt Chí giam vào ngục của ty Đình uý rồi đánh chết, vứt xác ra ngoại thành. Con cháu lấy chiếu bó xác lại đem về định chôn, bỗng nhiên Chí sống lại. Sau đó, phải ẩn náu ở nhà con em, ban ngày ở dưới hang, ban đêm **[44a]** ngủ trên cây. Vợ con lấy hài cốt của người khác đem chôn, rồi làm chay theo như lễ để tang, đã qua 3 năm mà hàng xóm không ai biết cả. Đến năm Kỷ Tỵ đời Hồng Thuận, quân khởi nghĩa nổi dậy[5], Chí đến cửa khuyết trình bày, được cho vào làm Bí thư xá nhân và được ban tên hiệu là Hoàng Sinh. Thời Nguỵ Mạc, làm quan đến tri phủ các phủ Nghĩa Hưng[6] và Cao Bằng. Tháng 3, vua bái yết Tây Kinh. Ngày Mậu Tuất 24, vua từ Tây Kinh trở về, đóng dinh ở hành điện Xuân Đỗ, thân hành ngự điện Chân Nguyên, đi xem xét phúc địa.

Lấy Nguyễn Thì Ung làm Thừa tuyên xứ Thanh Hoa.

Mùa đông tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Hộ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên, Đông các hiệu thư Chu Tống Văn[7] và Hàn Lâm viện kiểm thảo Đình Thuận[8] mừng Vũ Tông lên ngôi; **[44b]** Lương Khản tạ ơn ban vóc lụa; Hồng lô tự thiếu khanh Nguyễn Thuyên dâng hương; bọn Công bộ hữu thị lang Nguyễn Thọ, Hàn lâm viện kiểm thảo Doãn Mậu Khôi[9], Hộ khoa cấp sự trung Lê Đĩnh Chi[10] tạ ơn sang viếng; bọn Thừa tuyên xứ Thanh Hoa Lê Tung, Hàn lâm viện kiểm thảo Đinh Trinh, Giám sát ngự sử Lê

---

[1] Bản dịch cũ và Cương mục đều không có chữ "tả" này.

[2] Ty Cường lực: sau khi định lại các quân hiệu, bãi bỏ chức phó quân thì đặt thêm ty này.

[3] Khương Chủng: là người cùng phe cánh với họ hàng của Nguyễn thái hậu, người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc).

[4] Phủ Phú Bình: phủ thời Lê, gồm đất huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đông Hỷ, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai tỉnh Bắc Thái và một phần đất huyện Sóc Sơn, Hà Nội ngày nay.

[5] Chỉ cuộc khởi nghĩa của Giản Tu công Oanh (tức là Tương Dực Đế sau này) vào năm 1509.

[6] Phủ Nghĩa Hưng: phủ thời Lê, gồm đất các huyện Vụ Bản. Nghĩa Hương, Ý Yên tỉnh Nam Hà hiện nay.

[7] Chu Tống Văn: người xã Đa Sĩ, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hải Dương), đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[8] Đinh Thuận: người xã An Dương, huyện Tây Lang (nay thuộc đất huyện Đoan Hùng, Vĩnh Phú), đỗ đồng tiến sĩ năm 1499.

[9] Doãn Mậu Khôi: người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Tây.

[10] Lê Đĩnh Chi: người xã Lạc Sơn, huyện Lập Thạch, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

Hiếu Trung[1] tạ ơn sách phong; bọn Tham nghị Nghệ An Lê Uyên, Hàn lâm viện hiệu lý Ngô Tuy[2], Giám sát ngự sử Hoàng Nhạc[3] đi tuế cống.

Mậu Thìn, [Đoan Khánh] năm thứ 4 [1508], (Minh Chính Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, thì Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đỗ Dung (Dung người huyện Thư Trì, thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân) 54 người. Đến kỳ thi đình cho bọn Nguyễn Giản Thanh, Hứa Tam Tỉnh, Nguyễn Hữu Nghiêm 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Trần Tông 15 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Nghĩa Thọ **[45a]** 36 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Lấy Nguyễn Bá Tuấn làm Tổng binh thiêm sự Thanh Hoa, Nguyễn Trung làm Hiến sát sứ Thanh Hoa.

Tháng 3, ngày mồng 4, có chiếu rằng: Các đô lại, đề lại và các lại thay phiên nhau ở nha môn trong ngoài nếu có khuyết thì Lại bộ chiếu theo lệ đời Hồng Đức, kê khai họ tên người đáng được bổ sung, làm bản danh sách gửi lên Lại khao, sao gửi cho Lại bộ chuyển gửi cho các nha môn tuân hành.

Lấy Mạc Đăng Dung làm Thiên vũ vệ[4] đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy sứ.

Đăng Dung là người xã Cao Đôi[5], huyện Bình Hà (tức là xã Long Động, huyện Chí Linh), tiên tổ Đăng Dung là Mạc Đĩnh Chi, Trạng nguyên triều Trần, làm quan đến Tả bộc xạ. Đĩnh Chi sinh ra Cao[6], Cao sinh ra Thuý[7], Thuý sinh ra Tung, dời sang ở xã Lan Khê, huyện Thanh Hà[8] rồi sinh ra Bình, Bình lại dời sang xã Cổ Trai, huyện Nghi Dương[9] **[45b]** rồi trú tại đó. Bình sinh ra Hịch, Hịch lấy con gái trưởng của Đặng Xuân người cùng xã, sinh được ba con trai, con trưởng là Đăng Dung, con thứ là Đốc Tín, con út là Quyết. Đăng Dung có sức khoẻ, vì đỗ võ cử, được sung vào quân túc vệ, đến đây phong cho chức này.

Mùa hạ, tháng 6, lấy Đỗ Nhuận làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

Hộ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên từ nhà Minh trở về, vua ban hốt ngà và đai bạc cho ông.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, giam Ngự sử đài phó đô ngự sử Đỗ Nhân vào ngục của ty Đình uý. Nhân vì tâu việc trái ý vua phải giam vào ngục, sau lại được tha.

Người nước Hắc La La[10] xâm nhập cửa ải Chu Thôn Điền[11]. Vua sai Bắc quân đô đốc phủ Trần Thúc Mại làm Hữu du kích dinh Phó tướng, Phạm Nhất Ngạc làm Ký lục đi trước, **[46a]** sai Mỹ quận công Lê Quýnh làm Chinh Man tướng quân, mang ấn Chinh Man tướng quân, Đan Khê bá Trịnh Hựu làm phó

---

[1] Lê Hiếu Trung: CMCB 25, chép là Lê Trung Hiền, người xã Chi Nê, huyện Chương Đức (nay thuộc Hà Tây), đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống, làm quan đến Quốc tử giám tư nghiệp. Khoảng giữa năm Quang Thiệu, Trịnh Tuy bắt cóc Lê Chiêu Tông vào Thanh Hoa, Trung Hiếu không chịu khuất mà chết.

[2] Ngô Tuy: người xã Tông Tranh, huyện Đường Yên (nay thuộc huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng), đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[3] Hoàng Nhạc: người xã Hoàng Xá, huyện Đông Thành (nay là Yên Thành, Nghệ An), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[4] Thiên vũ vệ: Xem Canh Ngọ, năm Hồng Thuận thứ 2 (1510), "đặt hai vệ Thiên vũ và Thánh oai, ban thứ ở trên vệ Cẩm y và Kim ngô".

[5] CMCB 25, 26 chép là xã Đông Cao.

[6] Cương mục chép là Dao.

[7] Cương mục chép là Tuý.

[8] Huyện Thanh Hà: sau thuộc phủ Nam Sách nay thuộc đất huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

[9] Huyện Nghi Dương: sau là huyện Kiến Thuỵ, nay thuộc đất huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[10] Nước Hắc La La: là vương quốc của người Lô Lô ở vùng Vân Nam, Trung Quốc bấy giờ.

[11] Cương mục chép là Chu quan. Cửa ải Chu Thôn Điền ở châu Thuỷ Vĩ, xứ Hưng Hoá.

đề lĩnh đem quân các vệ Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền và quân các phủ Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc chia thành 6 dinh, mỗi dinh 1 vạn người, lấy 3 nghìn người chở lương thực, đi đánh Hắc La La. Đến địa phận Chu Thôn Điền liền dựng cột mốc địa giới, rồi sai bọn Quýnh đi kinh lý các vùng Thuỷ Vĩ[1], Chu Quan xứ Thuận Hoá[2] để tu sửa quan ải.

Kỷ Tỵ, [Đoan Khánh] năm thứ 5 [1509], (Từ tháng 12 trở về sau là Tương Dực Đế Hồng Thuận năm thứ 1; Minh Chính Đức năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, vua cày ruộng tịch điền, cày bị gãy.

Quai chuông lớn Càn Nguyên ở điện Kính Thiên bị gãy, chuông rơi.

Lấy Nguyễn Thừa Nghiệp kiêm chức Tông nhân lệnh ở phủ Tông Nhân, Con là Mô coi cả quân túc vệ.

Tháng 3, ra lệnh cho bọn Chinh Man tướng quân Lê Quýnh và Trịnh Hựu đem quân về.

Vua **[46b]** tính ưa vũ dũng, nhân khi đi tế Giao trở về cung, cưỡi trên đầu voi Viện Vân vào cửa Đông Hoa. Hạ lệnh cho các ty năm phủ đem voi công vào trước mặt vua để lựa chọn và kê khai voi công của các trấn đem về kinh sư chọn làm voi ngự để bổ sung cho các vệ.

Bấy giờ Nội thần mới đặt, có chức Phi vũ ty lực sĩ nội sứ, lấy Nguyễn Tông làm Phi vũ ty đô phi vũ lực sĩ nội sứ túc trực ở cung Đoan Khang như lệ Đô lực sĩ túc trực ở điện Kim Quang, đội mũ bạc, cánh mũ thêu phượng vàng, có đuôi bằng lông đỏ; lấy Nguyễn Công Luận làm Phi vũ ty phi vũ lực sĩ nội sứ, đội mũ thuỷ ngân, có lông đỏ[3].

Đặt chức Cung môn thừa chế giám, như tư lễ giám, hai ty Ngự trong, Ngự mã.

Đặt chức Ngự tượng giám, Ngự mã giám. Ngự tượng đái đao nội sứ thì đội mũ thuỷ ngân, vẽ hoa quỳ vàng. Ngự **[47a]** mã đội mũ thuỷ ngân vẽ hoa quỳ đỏ.

Hai giám ngự mã, ngự tượng đấu sức với nhau, cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu, vua lấy làm thích, thưởng cho tiền và lụa[4].

Từ khi lên ngôi, vua đêm nào cũng cùng cung nhân vui đùa uống rượu vô độ.

Khi rượu say liền giết cả cung nhân.

Bấy giờ, uy quyền thuộc về họ ngoại, phía đông thì làng Hoa Lăng[5] (quê của cha nuôi), phía tây thì làng Nhân Mục (quê của vợ vua), phía bắc thì làng Phù Chẩn (quê của mẹ vua) đều chuyên cậy quyền thế, vùi dập các quan, kẻ thì vì ý riêng mà giết hại sinh dân, kẻ thì dùng ngón kín mà yêu sách tiền của, mọi thứ súc vật, hoa màu của dân, chúng đều cướp đoạt cả, nhà nào có đồ lạ, vật quý, chúng đánh dấu chữ vào và đòi lấy. Muôn dân ta oán mà vua vẫn không chừa, lại mang lòng ngờ vực, đố kỵ. Các quan người nào ngày trước không lập mình, thì thường giết đi. Lại **[47b]** ngầm sai nội nhân Nguyễn Đình Khoa dò xét cả 26 vương là các chú và anh em của vua. Trong đó, Kinh Vương là chú đã chạy trốn không biết đi đâu, chỉ có Giản Tu công là con chú bác bị giam vào ngục trốn thoát được. Do vậy, mọi người đều cảm thấy nguy đến thân mình, càng nghĩ đến việc nổi loạn.

Sai bọn Đô đốc Bảo Lộc bá Lê Tử Vân và Vũ Cảnh đi kinh lý vùng Quảng Nam.

Trước đây, năm Hồng Đức thứ 1, Thánh Tông thân hành đi đánh Chiêm Thành bắt được Trà Toại và vợ con nó đem về nước ta an trí ở ngoài cửa Bảo Khánh gần 30 năm. Đến thời Cảnh Thống, con

---

[1] Thuỷ Vĩ: tên châu thời Lê, gồm toàn bộ đất tỉnh Lào Cai bây giờ.

[2] Nên sửa lại là xứ Hưng Hoá. Xứ Hưng Hoá là vùng đất rộng lớn, bao gồm phần đất tỉnh Lao Cai cũ. Ở đó mới có châu Thuỷ Vĩ và Chu Quan.

[3] CMCB 15, 28: Phi vũ ty gồm có 100 lực sĩ, phụng mệnh túc trực cung Đoan Khang.

[4] CMCB 15, 29 ghi việc này như sau: Hàng ngày, sai hai viên giám quân đấu sức với nhau, hai bên cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu.

[5] Làng Hoa Lăng: Huyện Thuỷ Đường là quê hương bà Kính phi, mẹ nuôi của Uy Mục. Bản in viết thành cha nuôi là lầm.

là Trà Phúc mang trộm hài cốt của cha là Trà Toại trốn về nước, để lại một người chị ruột, đến khi có binh hoả mới chết. Đến nay, nô lệ người Chiêm của các nhà thế gia, công thần ở các điền trang cũng bỏ trốn về nước.

Vũ Cảnh cho chạy trạm tâu vua là người Chiêm làm loạn. **[48a]** Vua hạ lệnh giết người Chiêm đến gần hết, không biết rằng kẻ làm loạn chính là bọn người Chiêm Chế Mạn[1]. Đến sau bắt được bọn người Chiêm Ma Mạc phiêu giạt ngoài biển, giam ở thừa chế, họ lại cung khai rằng năm trước, Trà Phúc đã trở về nước sai con là Ma La sang cầu viện nhà Minh, lại đóng nhiều thuyền, chứa nhiều lương. Do đó, vua sai bọn Cảnh đi kinh lý.

Lấy Dương Trực Nguyên làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Mùa thu tháng 8, xuống chiếu bắt giết hết những người Chiêm hiện đang bị giam giữ.

Tháng 9, Lại khoa đô cấp sự trung Dương Đức Giản tâu rằng: thần kính xét, năm Hồng Đức thứ 7 [1476] có sắc chỉ quy định Quốc tử giám sinh, Tam xá sinh người nào từ 30 tuổi trở lên thì bản quan mới được bảo cử bổ dụng; năm thứ 8 có sắc chỉ nói nho sinh ở Sùng Văn quán và Tú Lâm **[48b]** cục do bản quan bảo kết khảo xét, người nào lâu năm, tài cán, và thi Hội trúng trường đều được bổ dụng. Thần trộm thấy giám sinh, nho sinh chưa đến 30 tuổi, vào học chưa đầy 15 năm, chỉ vì thi Hội trúng trường lại hay được may mắn tiến thân, như thế thì có sự hỗn loạn không ổn. Cúi xin kể từ nay, các giám sinh, nho sinh tuổi từ 30 trở lên và vào học đã đủ 15 năm trở lên thì bản quan mới được bảo cử bổ dụng như lệ. Người nào dám lấy tình riêng mà bảo cử người tuổi trẻ, năm ít, thì khoa phụ trách, Ngự sử đài tâu hặc trị tội để răn đe những kẻ làm tôi theo tình riêng bảo cử bậy và trừ cái tệ cầu may hỗn loạn. Bọn Ninh quận công Lê Quảng Độ tâu rằng: bọn thần trộm thấy những lời của Dương Đức Giản thực cũng có lý, nhưng do đó vẫn còn có chỗ chưa đủ, nay bọn thần xin bàn lại các điều **[49a]** như sau:

1- Kinh xét: Giám sinh Quốc tử giám, người nào thi Hội nhiều lần trúng trường, vào học 15 năm trở lên, tuổi cao, trúng trường nhiều mới được sung làm Thượng xá sinh, được dẫn tuyển bổ dụng các chức mục dân, thủ lĩnh, bạn độc, trưởng sử, huấn đạo. Nếu trúng trường nhiều lần, đã đủ 15 năm, mà chưa được sung là Xá sinh[2] và những người trúng trường một lần, đã đủ 18 năm trở lên, thì cũng cho bảo cử, bổ làm các chức cáp môn, tự ban, bạn độc, trưởng sử, giảng dụ.

2- Kinh xét: Con cháu các quan viên sung làm nho sinh ở Sùng Văn quán và Tú Lâm cục, thi Hội trúng trường, người nào cao tuổi, trúng trường nhiều, đủ 15 năm trở lên, hoặc trúng trường một lần, mà đủ 18 năm trở lên, mới được lựa chọn bổ nhậm các chức mục dân, thủ lĩnh. Nếu là người tuổi cao, có tài, không trúng trường mà đủ 25 năm trở lên **[49b]** thì cũng cho bảo kết khảo thí, bổ làm các chức tá nhị ở châu, huyện. Người nào đã qua dẫn tuyển nhưng chưa đủ niên hạn, phải đợi đủ niên hạn mới được bổ dụng. Còn như dòng dõi thân thuộc của hoàng hậu và con cháu các khai quốc công thần sung làm Nho sinh ở Sùng Văn quán thì vẫn theo lệ cũ.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, có sao Chổi sắc trắng mọc ở phương tây, 10 ngày mới tắt.

Tháng 11, có khí trắng như hình thanh kiếm hiện ở phương đông nam, dài hơn một trượng.

Vua xua đuổi người tông thất và công thần về xứ Thanh Hoa và giết các nữ sử nội thần người Chiêm. Bấy giờ bọn ngoại thích là Khương Chủng và Nguyễn Bá Thắng tự tiện làm oai làm phúc, quyền thế nghiêng lệch trong triều ngoài trấn, dân chúng không dám cất tay động chân. Nhà pháp thuật bị cấm làm phù chú, đạo sĩ thờ đạo phải cắt tóc không được để dài. Do vậy, các phố xá, hàng chợ nhà nào thờ tiên sư đều phải cất giấu đi. **[50a]** Sau này, bọn Thừa Giáo, Thừa Nghiệp đi đường, quan viên và dân chúng trông thấy chúng từ xa một dặm đã phải chạy trốn vào các nhà ở phố xá hàng chợ, đợi chúng đi qua rồi mới dám ra. Nguyễn Đình Khoa ngầm sai người đến Thừa Hiến phủ huyện các xứ trong nước, tới cả dân gian, cưỡng bắt những con gái chưa chồng, làm khốn khổ nhân dân, khắp nước mất hết hy vọng.

---

[1] Chỉ việc sau này Chế Mạn theo Nguyễn Văn Long dấy nghĩa binh ở Tây Đô.

[2] Bản dịch cũ theo CMCB 25, 31 sửa lại thành Thượng xá sinh.

Bấy giờ, thân thích của Trường Lạc Hoàng thái hậu là Nguyễn Văn Lang[1] cũng ở trong số người bị đuổi về quê quán. Đại thần tông thất là Nghi quận công Lê Năng Can, vì bất đắc chí, có bài thơ gửi cho Nguyễn Văn Lang và bảo cử binh giết bọn ác đảng. Văn Lang là người thông thao lược, giỏi binh pháp, khéo xem xét thiên thời, sức khoẻ có thể bắt được hổ. Bấy giờ Văn Lang đem bọn Chế Mạn làm nô lệ người Chiêm cùng Vũ Bá, Vũ Tiếp và người ba phủ nổi nghĩa quân ở thành Tây Đô, đem quân giữ ở cửa biển Thần Phù[2].

Bấy giờ, vua giết hại người tông thất. Giản **[50b]** Tu công Dinh còn bị giam ở ngục mới đem của cải ải đút lót người canh giữ, thoát được ra, chưa kịp báo cho mẹ, anh em và vợ mình, một mình trốn vào Tây Đô. Đến cửa biển Thần Phù, được Văn Lang ra đón, lập làm minh chủ, rồi cùng Văn Lang rèn đúc giáo dài và cùng với bọn đại thần Nguyễn Diễn, Ngô Khế, Nguyễn Bá Cao, Lê Trạm, và Thanh Hoa tổng binh thiêm sự Nguyễn Bá Tuấn, Thừa tuyên sứ Lê Tung, Tham chính Nguyễn Thì Ung khởi binh. Sai Lương Đắc Bằng viết hịch dụ đại thần và các quan, đại ý nói: "Bạo chúa Lê Tuấn, phận con thứ hèn kém, làm nhơ bẩn nghiệp lớn, lần lữa mới gần 5 năm mà tội ác đã đủ muôn khoé. Giết hại người cốt nhục, dìm hãm các thần liêu. Bọn ngoại thích được tin dùng mà phường đuôi chó[3] ngang ngược làm bậy, người cứng cỏi bị ruồng bỏ mà kẻ đầu cá[4] ẩn nấp nẻo xa. Quan tước đã hết rồi vẫn thưởng tràn không ngớt, dân chúng đã **[51a]** cùng khốn còn vơ vét chẳng thôi. Vét thuế khoá từng cân lạng, tiêu tiền của như đất bùn, bạo ngược ngang với Tần Chính[5]. Đãi bề tôi như chó ngựa, coi dân chúng tựa cỏ rác ngạo mạn quá cả Nguỵ Oanh[6]. Huống chi lại xây cung thất to, làm vườn hoa rộng. Xua dân đi trồng cây, giẫm theo vết xe đổ chất gò Hoa Cương[7] đời Tống; lấp biển xây cung điện, nối gót thói u mê xây cung A Phòng[8] nhà Tần. Công trình thổ mộc xây lên rồi thay đổi, thay đổi rồi xây lên, dân Hải Dương, Kinh Bắc mệt mỏi, lao đao; tông thất xa hoa, kiêu căng lại ngang ngược, ngang ngược lại kiêu căng, cõi tứ tuyên phiên trấn xôn xao, rối loạn. Cư dân nhức óc, cả nước đau lòng".

Lại làm bài hịch rằng: "Đoan Khánh[9] làm vua, họ ngoại chuyên quyền, Tử Mô[10] làm phường ngu hèn nơi phố chợ làm rối loạn kỷ cương, Thắng Chủng[11] là hạng trẻ ranh miệng còn hơi sữa đã tái oai tác phúc. Đến mức **[51b]** đánh thuốc độc giết bà nội, tàn sát các thân vương. Theo ý riêng mà giết hại sinh dân, không biết đâu cho thoả; dùng ngón ngầm để vét vơ tiền của, càng mặc sức tham lam. Bốn biển đã khốn cùng, muôn dân đều sầu oán".

Giản Tu Công Dinh trá xưng là Cẩm Giang Vương[12], dựng cờ chiêu an của Cẩm Giang Vương.

---

[1] Nguyễn Văn Lang: là con Nguyễn Đắc Trung, là em của Trường Lạc Hoàng thái hậu.

[2] Thần Phù: là cửa biển thời xưa, nay đã bị bồi lấp. Dấu vết cũ nay còn lại ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc huyện Tam Điệp), ngày xưa sông Chính Đại đổ ra biển ở chổ đó.

[3] Đuôi chó: Tấn sử chép Triệu Vương Lân phong bừa quan tước cho nô lệ, đầy tớ, khi triều hội đầy những người đội mũ đuôi điêu. Người thời ấy có câu chế giễu: Đuôi điêu chẳng đủ, lấy đuôi chó nối thêm vào, ý nói kẻ hèn hạ cũng được thăng quan tước.

[4] Đầu cá: Tống sử chép Lỗ Tông Đạo làm Tham tri chính sự, bọn ngoại thích sợ, gọi Lỗ là "tham chính đầu cá" (Chữ Lỗ ____ trên đầu có chữ ngư ____ là cá).

[5] Tần Chính: tức Tần Thuỷ Hoàng.

[6] Nguỵ Oanh: tức là Lương Huệ Vương đời Chiến Quốc.

[7] Hoa Cương: tức là đá hoa cương. Tống Huy Tông thích hoa đẹp, đá lạ, bắt dân chở đá đẹp ở các nơi về Biện Kinh, thuyền ghe nối liền nhau trên sông Hoài, sông Biện.

[8] Tần Thuỷ Hoàng dựng cung A Phòng rất tráng lệ. Sau Hạng Võ vào kinh đô nhà Tần, đốt cung này, lửa cháy ba tháng chưa hết.

[9] Niên hiệu của Uy Mục Đế.

[10] Chỉ Nguyễn Thừa Nghiệp làm Tông nhân lệnh phủ Tông nhân và con là Nguyễn Mô chỉ huy quân túc vệ.

[11] Thắng: là Nguyễn Bá Thắng. Chủng: là Khương Chủng, đều là bọn ngoại thích chuyên quyền.

[12] Cẩm Giang Vương: là phong hiệu của Lê Sùng, anh ruột Giản Tu công Lê Dinh.

Tháng này, ngày mồng 8, Giản Tu công Dinh từ Tây Đô đem các dinh thuỷ, bộ cùng tiến phát. Quân thuỷ đến núi Thiên Kiện[1]. Vua dùng hai chiếc thuyền nhẹ Hà Thanh và Hải Thanh đi đến chùa Bảo trên núi Thiên Kiện, bắt được một viên tướng thuỷ dinh và giết được 20 sĩ tốt đem về ngoài cửa Đông Hoa. Vua sai phó tướng Đông Nham bá Lê Vũ làm tán lý, Ngự sử đài đô ngự sử Dương Trực Nguyên làm ký lục và bọn Hữu thị lang Phạm Thịnh, Trần Năng **[52a]** đem cấm quân và quan quân các vệ Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền đi chống giữ nhưng không được. Ngày 23, anh của Dinh là Cẩm Giang Vương Sùng, em là Tĩnh Lượng công Doanh, và Quyên cùng Thọ Mai phò mã Nguyễn Kính đều bị hại. Quân của Dinh vẫn dùng cờ chiêu an của Cẩm Giang Vương để dụ bọn Vũ về hàng, Vũ lấy đầu Cẩm Giang Vương giơ ra cho chúng xem và nói: "Đây là cái đầu của Cẩm Giang vương, chúng bay còn nói láo làm gì?", rồi cưỡi voi chỉ huy binh sĩ tiến đánh đến xứ Đồng Lạc, bị hãm trận, Vũ không chịu khuất phục mà chết. Bọn Dương Trực Nguyên, Phạm Thịnh, Trần Năng cũng bị chết ở Châu Cầu[2]. Quan quân thua trận rút về. Ngày 26, các dinh quân của Dinh đều tiến đến các xứ Bảo Đà, Nhân Mục, Hồng Mia, Thiêu Thân[3]. Vua ra cửa Thanh Dương uý lạo các lực sĩ điện Kim Quang và tướng sĩ các vệ Cẩm y và Kim ngô, đem kiếm ban cho bọn Trình Chí **[52b]** Sâm, Lê Quảng Độ, lấy vàng bạc tiền của ban cho tù nhân bị giam ở ty Ngũ hình mỗi người 3 quan, rồi sai đi đánh giặc. Các tù nhân nhận tiền xong rồi ai về nhà người ấy. Lại vội vã gọi quân. Vua sai Trung sứ và Hoa văn học sinh mỗi ty 2 người mang sắc phù đến các đô ty Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Băng cho nhận sắc, kháp phù, bắt mỗi trấn lấy 5.000 thổ binh để phòng đánh giặc.

Những người nhận sắc phù đi, vua cho mỗi người một chiếc giáo ngắn ngự tiền sơn son để tuỳ thân. Bọn này chưa đến các xứ Bồ Đề, Xuân Canh[4] thì quân Dinh đã tiến vào sát thành, mọi người đều chạy trốn. Hoàng hậu Trần Thị Tùng trốn ra đến xã Hồng Mai, náu ở nhà dân rồi tự thắt cổ chết ở miếu chùa. Lê Quảng Độ cùng với Giản Tu công Dinh người trong kẻ ngoài thông tin với nhau, bắn súng làm hiệu, dựng gậy làm cờ, chặt cây làm binh khí **[53a]** đánh lộn lẫn nhau cho các quân kinh hãi, rồi ép vua chạy sang phương Bắc. Giản Tu công tới thành Đông Kinh nghe tin cha là Kiến Vương[5] cùng anh là Cẩm Giang Vương, em là Tĩnh Lượng công[6], em út là Quyên đều đã bị hại, sai quan sửa việc tang và làm lễ chôn cất.

Ngày 28, vua chạy tới phường Nhật Chiêu[7], một vệ sĩ cũ đuổi theo bắt được, nộp cho Giản Tu công giam ở cửa Lệ Cảnh. Giản Tu công cho là người vệ sĩ ấy làm điều bất nghĩa, sai giết đi.

Tháng 12, ngày mồng 1, vua uống thuốc độc tự tử. Giản Tu công vì việc trước đây vua giết hại cha mẹ, anh chị em mình rất thảm khốc, mới căm giận chưa nguôi, sai người dùng súng lớn, để xác vua vào miệng súng, cho nổ tan hết hài cốt, chỉ lấy ít tro tàn về chôn tại An Lăng ở quê mẹ là làng Phù Chẩn, giáng xuống làm Mẫn Lệ công (có thuyết nói khi nghĩa quân tiến sát kinh thành, vua chạy ra thôn Cập Hối, xã Đông Cao, huyện Yên Lãng, bị người hành chợ xã ấy đón về nộp cho Nguyễn Văn Lang. Văn Lang đem về quán Bắc Sứ giết đi. **[53b]**. Bọn ngoại thích cũng đều bị giết hết).

Xét sách Hồng Thuận Trị bình bảo phạm[8] nói: Đời Đoan Khánh, bọn hoạn quan thọc vào chính sự, kẻ ngoại thích mặc sức chuyên quyền, pháp lệnh phiền hà, kỷ cương rối loạn, nông tang tiêu tàn mất

---

[1] Núi Thiên Kiện: hay núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[2] Châu Cầu: tên xã, nay là thị xã Phủ Lý, tỉnh Nam Hà.

[3] Bảo Đà: tên xã, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Nhân Mục: là làng Mọc thuộc Hà Nội, Hồng Mai: tên xã, nay là Bạch Mai, Hà nội, Thiêu Thân: chưa rõ ở đâu.

[4] Bồ Đề: tên xã, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Xuân Canh: tên xã, nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

[5] Kiến Vương Tân: cha của Giản Tu công Dinh đã chết từ năm Cảnh Thống thứ 5, CMCB 25, 30 chép là mẹ (Trịnh thị, người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, con gái Đô đốc thiêm sự Trịnh Trọng Phong, sau được truy tôn là Từ Huy Hoàng thái hậu) là đúng.

[6] Tĩnh Lượng công: là phong hiệu của Lê Doanh, em Giản Tu công Dinh.

[7] Phường Nhật Chiêu: nay là làng Nhật Tân, ngoại thành Hà Nội.

[8] Theo Nghệ văn chí của Lê Quý Đôn, sách Trị bình bảo phạm do Tương Dực Đế soạn.

nghiệp, phong tục ngày một suy đồi, thực rất đáng thương tâm. Huống chi, lại tàn sát người cốt nhục, hãm hại kẻ bề tôi, những việc làm như vậy thì muốn không bị diệt vong có được không?

Xét sách Hồng Thuận Trung hưng ký của Nguyễn Dục[1] nói: Mẫn Lệ công thất đức, bọn Chủng, Thắng chuyên quyền. Thừa Nghiệp là thằng nhãi chăn trâu mà kiêm coi cả phủ Tông nhân; Tử Mô là đứa trẻ bán cá lại trông giữ hết quân Túc vệ. Tiến dùng bè lũ sai lang, đua mở rộng đường hối lộ. Xây phủ đệ thì rừng núi các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang không còn cây để lấp nguồn dục vọng, **[54a]** đòi mắm muối thì sông biển các vùng Nghệ An, Yên Bang không còn cá mà nhét miệng đói thèm. Gươm Thái A trở ngược[2], đồ thần khí lung lay[3], tai dị sinh luôn, hạ dân ta oán, bị diệt vong là đáng lắm rồi.

Mẫn Lệ công tin dùng ngoại thích, bạo ngược vô đạo, giết hại tông thất, tàn sát nhân dân, tự mình chuốc lấy diệt vong, chẳng đáng lắm sao!

Tháng này, ngày mồng 4, Giản Tu công lên ngôi hoàng đế, Đại xá, Đổi niên hiệu, lấy năm này là năm Hồng Thuận thứ 1.

Lấy Đỗ Nhân làm Đông các học sĩ, thăng Triều liệt đại phu, vì Nhân từng vâng mệnh đi sứ phương Bắc, nên trao chức ấy.

Sau khi lên ngôi, vua sai bọn đầu mục Lê Quảng Độ, Lê Điêu, Nguyễn Văn Lang, Lê Tung **[54b]** Hưng Hiếu, Trình Chí Sâm, Trịnh Tuy, Lương Đắc Bằng, Đỗ Lý Khiêm, Đinh Ngạc, Đặng Minh Khiêm, Đỗ Nhân, Lê Nại, Đàm Thận Giản dâng biểu trần tình với nhà Minh. Lời biểu nói: Đoan Khánh Lê Tuấn tập phong tước vương đã được 4 năm, tin dùng phe cánh họ mẹ là bọn Khương Chủng, Nguyễn Bá Tuấn, ngang tàn bạo ngược, đảo lộn triều cương, tàn sát họ hàng, giết ngầm tổ mẫu, người trong nước điêu linh, dân không chịu đựng nổi. Bọn Chủng, Thắng quyền át trong ngoài, ác đảng ngày càng lan rộng, mưu cướp quyền nước.

Ngày 17, truy tôn mẹ là Trịnh thị làm Huy Từ Trang Huệ Kiến Hoàng thái hậu. Sai Điện tiền đô kiểm điểm Thuỵ Dương hầu Trịnh Hựu làm Sơn lăng sứ, Hộ bộ thượng thư Trịnh Duy Đạt làm phó, Diên quận công phò mã đô uý Lê Mậu Chiêu làm tổng hộ **[55a]** sứ, Tổng binh thiêm sự Thanh Hoa Nguyễn Bá Thuyên (tức Nguyễn Bá Tuấn) và Đàm Thận Huy làm phó.

Ngày 19 tháng ấy dời [thi hài mẹ] về táng ở hương Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên[4]. Ngày Ất Sửu 29, dựng bia Huy Từ Trang Huệ Kiến Hoàng thái hậu. Sai Lễ bộ tả thị lang Hàn lâm viện thị độc chưởng Hàn lâm viện sự Lương Đắc Bằng soạn bi ký. Truy tôn thuỵ hiệu, tôn hiệu từ Hiển Tổ, Tuyên Tổ, Thái Tổ Hoàng Đế và Hoàng thái hậu trở xuống. Truy tôn cha là Kiến Vương làm Phối Thiên Dụ Thánh Ôn Lương Quang Minh Văn Triết Khoan Hoằng Chương Tín Tuy Hưu Mục Hiếu Kiến Hoàng Đế, mẹ là Kiến Hoàng thái hậu Trịnh thị làm Huy Từ Trang Huệ Gia Lượng Nhu Thánh Hoà Mục Tôn Khiêm Minh Chính Ý Thuần Phúc Khánh Hoàng Thái Hậu. Truy tặng anh cùng mẹ là Cẩm Giang Vương Sùng làm Trang Định Đại Vương, em thứ là Tĩnh Lượng công **[55b]** Doanh làm Mục Ý Vương, em út là Quyên làm Dực Cung Vương.

Lấy Ngô Hoán làm Tán trị thừa tuyên sứ ty thừa tuyên sứ Thanh Hoa, ít lâu sau, trao chức Lễ bộ thượng thư.

---

[1] Cũng theo Nghệ văn chí, Tương Dực Đế có soạn sách Trung hưng thực lục. Trung hưng ký phải chăng là Trung hưng thực lục do Tương Dực Đế sai Nguyễn Dục soạn.

[2] Thái A: là tên một thanh gươm quý. Trở ngược gươm Thái A nghĩa là trao cán gươm quý cho người khác, chỉ việc Uy Mục Đế để bọn ngoại thích nắm giữ mọi quyền.

[3] Đồ thần khí: chỉ ngai vàng nhà vua.

[4] Huyện Ngự Thiên: sau là huyện Hưng Nhân, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Thực Lục

Quyển XV

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Tương Dực Đế

Tên húy là Dinh ____ lại húy là Trừu ____, là cháu của Thánh Tông, con thứ hai của Kiến Vương Tân, ở ngôi 8 năm, thọ 24 tuổi, bị quyền thần Trịnh Duy Sản giết, táng ở Nguyên Lăng. Vua buổi đầu lên ngôi, ban hành giáo hóa, thận trọng hình phạt, cũng đáng coi là có công nghiệp. Song chơi bời vô độ, xây dựng liên miên, dân nghèo thất nghiệp, trộm cướp nổi lên, dẫn đến nguy vong là bởi ở đấy.

Mẹ vua là Huy Từ Kiến Hoàng thái hậu Trịnh thị, tên húy là Tuyên, người làng Thủy Chú, huyện Lôi Dương, con gái thứ tư của Đô đốc thiêm sự kiêm Tả công chính [Trịnh] Trọng Phong, sinh vua vào năm Hồng Đức thứ 26 [1495], tháng 6, ngày 25. Thời Hiến Tông, được phong làm Giản Tu công. Đến khi Uy Mục Đế giết hại người công thất, mới một mình **[1b]** trốn vào Tây Đô. Tháng 10, năm Đoan Khánh thứ 5 [1509], đem quân đến Đông Kinh giết Uy Mục Đế, tự lập làm vua, lấy ngày sinh làm Thiên Bảo thánh tiết, tự xưng là Nhân Hải động chủ. Đến khi bị hại, Trịnh Duy Sản giáng phong làm Linh Ẩn Vương, sau được truy tôn là Tương Dực Đế.

Canh Ngọ, Hồng Thuận năm thứ 2 [1510], (Minh Chính Đức năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, bàn luận công trạng những người ứng nghĩa:

Lấy Nghĩa quận công Nguyễn Văn Lang làm Nghĩa quốc công; gia phong Thiệu quận công Lê Quảng Độ là Thiệu quốc công, Lượng quốc công Lê Phụ làm Thượng quốc công, Uy quận công Lê Bá Lân làm Uy quốc công, Hộ bộ thượng thư Trịnh Duy Đại[1] làm Văn quận công, Điện tiền tô kiểm điểm Thuỵ Dương hầu Trịnh Hựu[2] làm Thọ quận công, Phò mã đô **[2a]** uý Lê Mậu Chiêu làm Diên quận công; con Văn Lang là Nguyễn Hoằng Dụ làm Yên Hoà hầu; Trịnh Duy Sản[3] làm Mỹ Huệ hầu; Tổng binh thiêm sự Thanh Hoa Nguyễn Bá Tuấn[4] (đổi tên là Bá Thuyên) làm Lễ bộ thượng thư, Do Lễ bá; Thừa tuyên sứ Thanh Hoa Lê Tung[5] làm Lại bộ thượng thư, Đôn Thư bá; Tham chính Thanh Hoa Nguyễn Thì Ung làm ngự sử đài đô ngự sử Lương Văn bá; Đàm Thận Huy[6] làm Hình bộ thượng thư; Hàn lâm viện thị độc tham chưởng Hàn lâm viện sự Lương Đắc Bằng làm Lại bộ tả thị lang.

---

[1] Trịnh Duy Đại: người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Trịnh Hựu: người xã Kim bôi, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Trịnh Duy Sản: là em ruột Trịnh Duy Đại.

[4] Nguyễn Bá Tuấn: người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh (sau là huện Võ Giàng, nay thuộc huyện Quế Võ, Hà Bắc). Bá Tuấn (sau đổi tên là Bá Thuyên) đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[5] Lê Tung: người xã Yên Cừ, huyện Tham Liêm (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh), nguyên họ Dương, tên là Bang Sản, sau được ban họ vua, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) đời Hồng Đức.

[6] Đàm Thận Huy: người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn (sau là huyện Từ Sơn, nay thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) đời Hồng Đức.

Bàn đặt quan đề lĩnh, có các chức chưởng đề lĩnh, đồng đề lĩnh và phó đề lĩnh, trông nom việc quân ở bốn mặt thành, chức trách là tuần phòng ở Kinh sư, canh phòng các nơi, tìm bắt kẻ gian phi[1].

[2b] Tháng 2, vua sai sang nhà Minh. Hình bộ thượng thư Đàm Thận Huy, Đông các hiệu thư Nguyễn Văn Thái[2], Binh khoa đô cấp sự trung Lê Thừa Hưu[3], Thông sự Nguyễn Phong, hành nhân 3 người, tòng nhân 8 người sang tâu việc; Lễ bộ tả thị lang Nguyễn Quýnh, Thị thư Vũ Cán, Đề hình Nguyễn Doãn Văn, Thông sự Nguyễn Hảo, hành nhân 3 người, tòng nhân 9 người sang cầu phong. Bấy giờ, Thừa Hưu đi đến đầu địa giới thì bị ốm, liền sai Binh khoa đô cấp sự trung Nguyễn Văn Tuấn đi thay.

Vua tự xưng là Nhân Hải động chủ.

Ngày 27, lấy Đông các học sĩ Đỗ Nhân làm Hộ bộ tả thị lang, đổi tên Nhân thành Nhạc, để tránh tên hiệu của vua là Nhân Hải.

Trần miếu Thái Tổ bị sụt.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 25, đêm canh ba, hoạn quan Nguyễn Khắc Hài làm **[3a]** loạn, ép vua đến cung Trùng Hoa, lại đến các điện Vạn Thọ, Cẩn Đức, Kính Thiên. Vua làm thơ quốc ngữ, các đại thần văn võ vào chầu kính hoạ lại, chỉ có Đông các hiệu thư Trần Dực hoạ hợp cách, được ban 5 quan tiền.

Ban đêm có nội thần Nguyễn Lĩnh đón vua ngự đến đầm sen. Bọn phản nghịch lẻn ra ngoài, đem kiệu ngự đi đón Hoa Khê Vương Tòng làm nguỵ chúa. Vua sai bọn Thọ quận công Trịnh Hựu đi đánh, đuổi đến phường Đông Hà[4], bọn phản nghịch bị giết quá nửa, số còn lại vượt sông qua Bồ Đề trốn vào núi Tam Đảo. Hựu sai tỳ tướng đuổi đánh[5].

Ngày 26, đại xá.

Xuống chiếu đặt hai vệ Thiên vũ[6] và Thánh uy[7], chức ở trên vệ Cẩm y và Kim ngô. Kiểu mũ dùng mũ đỏ có cánh nạm vàng, thêu phụng đỏ.

Cục Mông nước Ai Lao sai **[3b]** sứ đến Nghệ An đệ bản tâu trạm xin nộp cống quy phụ. Vua xuống chiếu khước từ, vì mới lấy được nước, sợ họ nhòm ngó nước ta.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm Thiên Bảo thánh tiết.

Mùa thu, tháng 8, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Đổi Hiệu lệnh lực sĩ thành Thể sát lực sĩ.

Tháng 9, ngày mồng 7, có thánh chỉ rằng: Khi ban cấp các hạng ruộng đất, bãi dâu, ao đầm thì cho phép các xứ cấp vào những chỗ còn lọt ở dân, chưa vào sổ quan; cho quan Thái bộc tự xét mình đi tìm, làm bản tâu lên, giao xuống Hộ bộ và Thừa ty xứ đó cho khám xét, làm bản tâu lên, đợi nhận chỉ chuyển giao cho Lễ bộ vâng mệnh thi hành, làm sắc cấp cho các công, hầu, bá theo thứ bậc khác nhau.

[4a] Mùa đông, tháng 10, lấy Hộ bộ thị lang Đỗ Nhạc làm Đông các đại học sĩ, nhập thị kinh diên. Khởi phục Lại bộ tả thị lang Lương Đắc Bằng kiêm Đông các học sĩ, nhập thị kinh diên [nhưng Đắc Bằng] cố từ chối không nhận. Nhân đó, Đức Bằng dâng lên 14 kế sách trị bình, đại ý là "Thần nghe: Bậc

---

[1] Các chức quan đề lĩnh đều lấy người trong hàng võ hàm tòng nhất, nhị phẩm để bổ nhiệm.

[2] Nguyễn Văn Thái: người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại (sau là huyện Ninh Giang, nay thuộc huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[3] Lê Thừa Hưu: người xã Đông Ninh, huyện Hưng Nhân (nay thuộc đất huyện Hưng Hà, Thái Bình), đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[4] Nay là chỗ cửa ô Quan Chưởng, phố Mới, Hà Nội.

[5] Theo CMCB 26, 3 thì giết được Khắc Hải ở phường Đông Hà.

[6] Vệ Thiên vũ: có 8 ty, sở thuộc: Thân tả, Khâm võ, Hải giá, Khu điện, Thần Nhuệ, Phụng Nhật, Minh uy và Hùng tài.

[7] Vệ Thánh uy: có 8 ty, sở thuộc: Quyến hựu, Bảo uy, Thừa hà, Chiết điện, Hiệu dũng, Quang đạo, Sắc thiên và Chính lực (theo lời chú của CMCB 26, 4).

thánh nhân thuở trước, không vì thiên hạ đã trị mà lơ là việc cảnh giác ngăn ngừa, người hiền thần đời xưa không vì vua mình đã thánh mà quên lãng niềm khuyên răn, can gián. Cho nên, đời Ngu Thuấn đã thịnh vượng rồi mà Bá Ích[1] lúc bày mưu mô thì nói chớ ham mê nhàn rỗi, chớ đắm đuối vui chơi, không lười biếng, không trễ nải, phấp phỏng như nguy vong sắp đến. Đế Thuấn nghe lời khuyên mà răn ngừa những việc đáng răn, do đó đã trở thành bậc đại thánh. Thời Hán Văn đã phú **[4b]** cường rồi, nhưng Giả Nghị[2] khi dâng kế sách lại khuyên điều để lửa gần của, đáng phải chảy nước mắt, đáng phải khóc phải thương, lo lắng như hoạ hoạn đã thành. Văn Đế nghe lời khuyên mà lo nghĩ việc đáng lo, do đó đã trở nên bậc hiền nhân.

Vì là người bề tôi dâng lời khuyên không khẩn khoản, không thiết tha thì không thể giúp vua sáng suốt tiếp thu lời can gián. Vua nghe lời khuyên mà không tiếp thu, không độ lượng thì không thể mở rộng đường cho bề tôi dâng lời can gián. Nay bệ hạ khoan nhân đại độ, không thích giết người, khôi phục cơ nghiệp của Cao Tổ, cứu giúp sinh mệnh cho muôn dân. Khắp trong bốn biển như gỡ được nạn treo ngược, ai cũng vươn cổ kiễng chân, ngóng trông chính sự mới được hoàn thành, hân hoan mừng thái bình thịnh trị.

Nhưng từ khi lên ngôi tới nay, hoà khí chưa thuận, can qua chưa dứt, **[5a]** kỷ cương triều đình chưa dựng đặt, việc quân, việc nước chưa sửa sang; tai dị xảy ra luôn, sợ đạo trời chưa thuận, núi đá bị sụt lở, e đạo đất chưa yên. Tệ tham nhũng ngầm ngầm phát triển, bọn nghịch tặc lén lút manh nha, sợ đạo người chưa ổn. Thế mà quan trong triều biết mà không nói, họ tự lo cho mình thì được rồi, còn lo cho nước thì ra sao? Thần thẹn là một bề tôi cũ, nghĩa phải cùng vui buồn với nước, tuy còn trong lúc xô gai, tang trở chưa hết, nhưng bệ hạ đã vì nghĩa công nén tình riêng, cho làm chức thị tung, có ý muốn thần bàn luận mưu kế lui tiến, hèn kém theo người để dựa dẫm giữ lấy tước lộc, thì lòng trung hiếu của thần đôi đường đều thiếu cả, lấy gì báo đáp được ân đức của bệ hạ, làm trọn chức phận của kẻ làm tôi? Thần mỗi khi nghĩ tới việc ngày nay thì suốt đêm không ngủ, đến **[5b]** bữa không ăn, tấm lòng khuyển mã trung thành không sao nguôi được. Kính xin trình bày 14 kế sách trị binh tâu lên như sau: 1- Phải cảnh giác, răn ngừa để chấm dứt tai biến, 2- Dốc lòng hiếu thảo để khuyến khích lòng trung hậu, 3- Xa thanh sắc để làm chân chính gốc của tâm, 4- Đuổi tà nịnh để làm trong sạch ngọn nguồn muôn việc, 5- Dè dặt trao quan tước để thận trọng việc khuyến khích răn đe, 6- Tuyển bổ công bằng để đường làm quan trong sạch, 7- Tiết kiệm tiêu dùng để khuyến khích phong tục kiêm phác, 8- Nêu khen người tiết nghĩa để coi trọng đạo cương thường, 9- Cấm hối lộ để trừ bỏ thói tham ô, 10- Sửa sang võ bị để vững thế thành đồng hào nóng, 11- Lựa chọn quan can gián để gây khí thế dám nói, 12- Nới nhẹ việc lực dịch để thoả lòng mong đợi của dân, **[6a]** 13- Hiệu lệnh phải tín thực để thống nhất ý chí của bốn phương, 14- Luật pháp, chế độ phải thận trọng để mở nền thịnh trị thái bình.

Những kế sách trên đây, xin bệ hạ soi xét. Thần lại nghe cổ ngữ có câu: "Lời nói của kẻ cắt cỏ, kiếm củi, thánh nhân cùng cân nhắc lựa dùng"[3]. Kinh Thư nói: "Biết được không khó, làm được mới khó"[4]. Thần xin bệ hạ đừng cho những lời của thần là vu khoát, xin lựa chọn mà thi hành, răn những điều đáng răn, lo những điều đáng lo, may ra đạo trời có thể thuận, đạo đất có thể yên, đạo người có thể ổn, có thể đạt đến thái bình". Vua nghe theo.

Gia phong Thiệu quốc công Lê Quảng Độ làm Bình chương quân quốc trọng sự, Tổng thống quốc chính. Thái tể thái sư[5].

---

[1] Bá Ích: theo truyền thuyết Trung Quốc, là bề tôi của Ngu Thuấn, rất thẳng thắn trong việc can ngăn. Sau giúp Đại Vũ trị thuỷ có nhiều công lao.

[2] Giả Nghị: người Lại Dương, thời Hán Văn Đế, làm đến Đại trung đại phu, khẩn thiết can vua định chính sóc, đổi phục sắc, chế pháp độ, hưng lễ nhạc. Sau bị giáng làm Thái phó cho Trường Sa Vương rồi Lương Vương, khi chết mới 33 tuổi.

[3] Nguyên văn: "Sồ nghiêu cho ngôn, thánh nhân trạch yên".

[4] Nguyên văn: "Tri chi phi nan, hành chỉ duy nan".

[5] Hồi đầu triều Lê, theo chế độ cũ của nhà Trần, đặc chức tướng quốc, gia phong bình chương quân quốc trọng sự. Đời Hồng Đức (1470 - 1497), Lê Thánh Tông đã bãi bỏ chức ấy; đến nay lại khôi phục và gia phong thái tể thái sư.

Đặt lại chức thường xuyên xá nhân. Trước đây, vào đời Cảnh Thống, thôi đặt chức thường xuyên xá nhân. Đến nay, Chưởng vệ Minh Luân hầu Lê Niệm tâu **[6b]** xin đặt lại chức ấy. Vua nghe theo.

Làm điện Thiên Quang.

Định lệ thưởng công cho những người đi theo ở Tiêu Viên[1], Bảo Đà[2] và trấn giữ điếm Hoàng thành. Xuống chiếu rằng: Những viên nhân các xứ Sơn Nam có dự theo nghĩa quân ở Tiêu Viên và theo nghĩa quân doanh tại các huyện Yên Ninh[3], Yên Mô[4], Phụng Hoá[5], Gia Viễn, ai có quan chức thì thưởng 5 tư, ai chưa có quan chức thì tha không phải tuyển lính, theo như lệ đòi bắt cũ, thay phiên nhau tập luyện võ nghệ và túc trực. Người nào tạm ở lại túc trực, thì tính công cũng như người túc trực, đã có quan chức thì thăng 1cấp, chưa có quan chức thì bổ chánh cửu phẩm. Người nào có túc trực được tuyển vào hộ vệ mà không theo nghĩa quân thì bổ tòng cửu phẩm. Các hạng vệ sĩ, tuấn sĩ, con cháu công thần, nho sinh, giám sinh, văn thuộc, người nào siêng năng, tài cán, mạnh khoẻ thì bổ làm hộ vệ, người nào siêng năng, tài cán nhưng không khoẻ mạnh thì bổ các chức bên ngoài. Quân lính **[7a]** và nhân dân, ai có quân công, đều cho quan có trách nhiệm tuỳ theo thứ bậc mà bổ dụng, con cháu đều được tập ấm. Viên nhân các xứ, người nào có đến thành Tây Đô theo xa giá, có công thì thưởng quân công cũng như viên nhân xứ Thanh Hoa. Còn như nhân viên các huyện Thanh Đàm (nay đổi thành Thanh Trì), Thượng Phúc, Thanh Oai, Từ Liêm trấn giữ hoặc thay phiên gác các điếm ngoài Hoàng thành, người đã có quan chức thì thưởng 1 cấp, người chưa có quan chức thì được tha tuyển lính phỏng theo lệ đòi bắt cũ, thay nhau 20 phiên giữ các điếm ngoài Hoàng thành và tập võ nghệ. Nếu là người thay phiên nhau túc trực mà không trấn giữ thì thưởng 5 tư, thay nhau 20 phiên mà giữ điếm ngoài Hoàng thành. Các nho sinh, sinh đồ được thưởng 5 tư.

Tháng 11, vua sai Ngự sử đài phó đô ngự sử Đỗ Lý Khiêm, Hàn lâm **[7b]** viện thị độc kiêm sử quan Nguyễn Bỉnh Hoà (người làng Vĩnh Thế, huyện Siêu Loại[6], trước tên là Văn Hiến), Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Đức Quang, Thông sự Nguyễn Minh, hành nhân 8 người, tòng nhân 25 người sang tuế cống nhà Minh.

Đặt ty Thiêm bảo đao trực ở điện Kim Quang.

Lấy Phí Vạn Toàn (người làng Xuân Trì, huyện Vĩnh Lại) làm ngự sử đài phó đô ngự sử, Phạm Khiêm Bính làm Thiêm đô Ngự sử; gia phong Lương Văn bá Nguyễn Thì Ung làm Phụng trực đại phu, Thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử; Đỗ Nhạc làm Phụng trực đại phu, Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị Kinh diên; Do Lễ bá Nguyễn Thuyên làm phụng trực đại phu, Lễ bộ thượng thư; Trình Chí Sâm làm phụng trực đại phu, Công bộ thượng thư; Vũ Quỳnh làm Triều liệt đại phu, Binh bộ thượng thư; Phạm Hạo làm gia hành đại phu, Hộ bộ **[8a]** tả thị lang; Đặng Minh Khiêm làm Triều liệt đại phu, Lại bộ tả thị lang; Lê Đĩnh Chi làm Hộ bộ hữu thị lang.

Tân Mùi, [Hồng Thuận] năm thứ 3 (1511), (Minh Chính Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, có nhật thực.

Tháng 2, vua đi bái yết Lam Kinh. Bấy giờ Thân Duy Nhạc[7] và Ngô Văn Tổng dấy quân ở các huyện Yên Phú[8], Đông Ngàn[1]. Gia Lâm xứ Kinh Bắc. Có một nho sinh ở Yên Phú là Chu Thực, báo cho

---

[1] Theo Cương mục, Tiêu Viên thuộc huyện Hoài An, phủ Ứng Hoà (nay thuộc huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây).

[2] Bảo Đà: tên xã, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[3] Yên Ninh: sau là huyện Yên Khánh, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

[4] Yên Mô: nay thuộc đất huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[5] Phụng Hoá: sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[6] Huyện Siêu Loại: nay là đất thuộc tỉnh Hà Bắc.

[7] Thân Duy Nhạc: người xã Đại Liễu, huyện Vũ Ninh (Sau là huyện Võ Giàng, nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508).

[8] Yên Phú: nay là huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc.

lưu thủ Đông Kinh Thuỵ quận công Ngô Bính và Kim Nguyên bá Trịnh Bá Quát, sai quân đi đánh phá được bọn chúng, bắt sống được bọn Duy Nhạc, Văn Tổng đóng cũi giải về Kinh sư, rồi đưa đến hành tại.

Trước kia, đời Đoan Khánh, Duy Nhạc đỗ tiến sĩ xuất thân, làm quan đến Cẩm y vệ đoán sự, trực điện Kim Quang. Đến khi vua dấy nghĩa quân, giết Mẫn **[8b]** Lệ công, Duy Nhạc liền về nhà không làm quan nữa, rồi khởi binh làm loạn, đến đây bị giết. Sau thưởng công cho Chu Thực, bổ làm Phủ doãn phủ Phụng Thiên (Duy Nhạc là người xã Đại Liễn, huyện Vũ Ninh).

Vua đi từ Kim Sơn, cùng với phi tần sáu cung ngự đến chùa Kim Âu[2], chiều dừng ở chùa Phi Lai[3] xem đua thuyền rồi ngự đến điện Hiền Nhân, sau lại ngự đến điện Thịnh Mỹ. Ngự dinh đóng ở bến Thuý Ái[4], gặp gió lớn nổi lên, thuyền ngự đều bị trôi giạt.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Thái Hoa 47 người (Thái Hoa người làng Địa Dục, huyện Thanh Lâm[5], thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân). Đến khi thi Đình, vua đích thân ra đề văn sách, hỏi về đạo trị nước xưa nay. Sai Thái tể thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ làm đề điệu. Công bộ thượng thư Trình Chí Sâm làm tri cống cử; Hộ bộ tả thị lang Phạm Hạo **[9a]** và Lại bộ tả thị lang Đặng Minh Khiêm làm giám thí; Lễ bộ thượng thư Nguyễn Bá Thuyên, Thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Thì Ung và Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc làm độc quyển. Đến khi đọc quyển thi, vua thân hành xem bài thi rồi định bậc cao thấp. Cho bọn Hoàng Nghĩa Phú, Trần Bảo Tín, Vũ Duy Chu 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Bùi Doãn Hiệp 9 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Trần Doãn Minh 35 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân[6].

Mùa hạ, tháng 4, sai Đô đốc đồng trì Lê Phong làm đô tướng, Phạm Đức Bân làm tham tướng, Nguyễn Đốc làm tổng đốc đi vào vùng Quảng Nam, Thuận Hoá bắt voi công.

Lấy Lê Công Trừng làm tham chính Hải Dương, Phạm Khiêm Bính làm hiến **[9b]** sát sứ Hải Dương.

Binh bộ thượng thư, Quốc tử giám tư nghiệp kiêm sử quan đô tổng đài Vũ Quỳnh (người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên[7]) dâng bộ Đại Việt thông giám thông khảo chép từ Hồng Bàng thị đến Mười hai sứ quân về trước làm Ngoại kỷ, từ Đinh Tiên Hoàng đến năm đầu Thái Tổ Cao Hoàng Đế bản triều đại định thiên hạ làm Bản kỷ, đều chép tường tận theo lối kỷ niên các triều đại, gồm 26 quyển[8].

Tiến phong Thiên vũ vệ đô chỉ huy sứ Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên bá. Bấy giờ, các hào kiệt và thuật sĩ đều nói là ở phương đông có khí sắc thiên tử.

Vua sai Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang đem thuật sĩ ra Đồ Sơn để trấn yểm. Đăng Dung cũng đi trong chuyến đó mà không ai biết.

---

[1] Huyện Đông Ngàn: Thời Lê tương đương với vùng đất của huyện Từ Sơn cũ (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc) và huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

[2] Chùa Kim Âu: chùa xây trên đất xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá ngày nay. Hiện nay, chùa không còn nữa, nhưng ở đây vẫn còn tấm bia năm Hồng Thuận thứ 3 (1511), ghi lại việc vua Tương Dực đến thăm chùa năm này.

[3] Phi Lai: tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Thuý Ái: ở bờ nam sông Hồng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[5] Huyện Thanh Lâm: sau là huyện Nam Sách, nay thuộc đất huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

[6] Phi Lai: tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[7] Vũ Quỳnh: người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, nay là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Hưng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức thứ 9.

[8] Theo Đăng khoa lục bị khảo, Vũ Quỳnh vâng mệnh Tương Dục Đế soạn sách này. Sách này được Lê Tung, Phạm Công Trứ ngợi khen, nhưng hiện nay chưa tìm được.

Ngày 27, ban sách Trị bình bảo phạm[1] cho cả nước, gồm 50 điều. Dụ các quan văn võ **[10a]** và dân chúng rằng: Nghĩ trời thương dân chúng, tất lập vua lập thầy; vua vâng mệnh trời, phải lo nuôi dạy trước. Thế là để lòng người hoà hợp, của dân dồi dào, đưa nước nhà đến cõi thịnh trị bình yên lâu dài. Xưa Nghiêu, Thuấn được hạnh phúc yên vui, vốn gốc ở trọng Ngũ điển[2], vui Cửu tự[3]; Thang, Vũ đến thái bình thịnh trị, do nền ở ban Ngũ giáo[4], dùng Bát chính[5]. Xem vậy, các bậc thánh đế minh vương thay trời trị nước, có bao giờ bỏ qua việc nuôi dạy mà trở nên thịnh trị được đâu. Cao Thái Tổ Hoàng Đế khai sáng cơ nghiệp, truyền lại kỷ cương, dựng lập nhà học, khuyến khích nông tang, để vỗ yên bốn phương; Thái Tông Văn Hoàng Đế nối theo chí trước, noi việc người xưa, coi trọng giáo hoá, chăm nuôi muôn dân để yên hoà muôn nước; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế kính nối mưu trước, làm hết luân thường, hoàn thiện chế độ, ban Đại cáo để **[10b]** bồi đắp gốc nền cho phong hoá, Hiến Tông Duệ Hoàng Đế tỏ rạng công trước, sáng suốt yên vui, ban lời dạy để khuyến khích thói hay tục tốt, lớp lớp yên hoà, đức hoá xa rộng, hiệu quả trị bình, đến đây là thịnh hơn cả. Đến đời Đoan Khánh [1505 - 1508], hoạn quan can thiệp vào chính sự, ngoại thích chuyên quyền, pháp luật phiền hà, kỷ cương rối loạn, nông tang mất nghiệp, phong tục suy đồi, thực rất thương tâm. Trẫm nghĩ công tổ tông gây dựng gian nan, thương ức triệu dân cuộc đời đau khổ, vì tông miếu, xã tắc và sinh dân, đã đại cử nghĩa bình, dẹp yên bốn bể. Khi mới lên ngôi, ban hành giáo hoá, thận trọng hình phạt để phòng giữ lòng người; thi hành chính lệnh, ban ra nhân huệ để đón nối mệnh trời. Những muốn cho điển chương chế độ hết thảy đổi mới, bèn chọn lấy những điều có quan hệ đến chính trị, phong tục, biên tập thành sách Trị bình **[11a]** bảo phạm để ban hành trong nước. Từ quan đến dân các ngươi, phải thể theo lòng trẫm, học lấy mà làm, để cùng đạt đến thịnh trị, để hưởng phúc thái bình muôn đời, để giữ vững cơ đồ mãi mãi. Các điều dạy bảo kê ra như sau:

1- Bề tôi thờ vua, đều phải giữ lòng trung lương, kính ẩn lo giữ chức vụ, vì nước quên nhà, lo việc công, quên việc tư, cùng nhau cung kính hoà hiệp, nói thẳng, can gián đến cùng, không được a dua phụ hoạ, mong được yên thân, ăn hại bổng lộc, cầu may giữ chức, tâu xin việc riêng, bán quan tước, buôn ngục hình, đến nỗi làm phương hại tới đạo trị nước. Kẻ nào vi phạm sẽ bị tội nặng.

2- Những tông thất công thần từ trong cung cấm đến ngoài thế gia, cùng vui buồn với nước, phải thể theo lòng yêu nuôi sinh dân của triều đình. Ruộng đất, chằm ao, bãi dâu được ban cấp theo như lệ đã định rõ, đợi khi khám xong, ban cấp cho và dựng mốc ranh giới rồi mới được cày cấy. **[11b]** Nếu chưa qua khám thực, chưa dựng cột mốc, thì không được cướp đoạt mà thu thóc lúa. Không được dung nạp kẻ gian ra vào, ức hiếp, lấy lạm ruộng đất của dân, để cho dân mọn bị thất nghiệp. Phải dạy dỗ con cháu, răn bảo nô tỳ cho chúng hiểu biết lễ phép, không được cậy thế kiêu ngạo, đánh đập dân mọn, không được phép phóng ngựa ngoài đường phố, làm thương tổn mạng người, không được chắn ngang đường sá, cướp bóc của dân. Kẻ nào vi phạm, thì cho người bị hại cùng người trông thấy tố cáo lên quan khoa, đài, hiến ty và phủ, huyện, châu, để làm bản tâu lên giao cho Hình bộ trị tội. Nếu quan khoa đài, hiến ty và phủ, huyện, châu sợ hãi, né tránh kẻ quyền thế, không chịu xét hỏi thì cho người ấy đến cửa khuyết tâu lên, bọn quan khoa, đài, hiến ty đó đều nhất loạt bị trị tội.

3- Quan các nha môn trong ngoài phải nghiêm khắc sửa mình, **[12a]** kính cẩn siêng năng làm chức phận của mình, không được bừa bãi theo dục vọng riêng, say đắm tửu sắc, sai khiến bậy người dưới quyền, dắt mối gái điếm, nàng hầu, yêu sách cỗ bàn, liên miên chè chén, đến nỗi lười nhác bỏ cả việc công, làm hư hại tới phong hoá. Ai vi phạm sẽ bị trị tội theo pháp luật.

---

[1] Trị bình bảo phạm: (Khuôn phép quý báu về việc trị bình). Theo Văn tịch chí của Phan Huy Chú, sách gồm 1 quyển, có 50 điều, đầu sách có lời dụ. Nhưng hiện nay chưa tìm được.

[2] Ngũ điển: năm đạo lớn vĩnh hằng của cha, mẹ, anh, em, con cái: cha phải có nghĩa, mẹ phải từ ái, anh phải yêu em, em phải kính anh, con phải hiếu thảo.

[3] Cửu tự: hay Cửu công là chỉ 9 việc về nước (thuỷ), lửa (hoả), kim khí (kim), gỗ (mộc), đất (thổ), lúa (cốc), sửa đức (chính đức), đem lại lợi ích cho dân (lợi dung), làm cho dân sống dồi dào (hậu sinh).

[4] Ngũ giáo: năm điều dạy về quan hệ: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè.

[5] Bát chính: theo Kinh thư, bát chính là tám điều về trị nước, đó là: thực: là đồ ăn, hoá: là tiền của, tự: là cúng tế, tư không: là chức giữ việc đất đai, tư đồ: là chức giữ việc dạy dỗ, tư khấu: là chức giữ việc đánh dẹp, tân: là việc tiếp khách, sư: là thầy dạy.

4- Lại bộ phải kính giữ công bằng, cân nhắc bổ dùng người, phải thận trọng dè dặt khi trao quan tước, giữ trong sạch quan trường. Nếu có dẫn người tuyển dụng thì mỗi lần 40 người, Lại bộ phải tư trước cho các nha môn, đoan khai họ tên những người đáng được thuyên bổ, rồi cùng với quan khoa, đài hiệp đồng dẫn tuyển, làm bản tâu lên, đợi nhận được sắc chỉ thì bổ dụng. Người nào lâu năm và trúng trường nhiều thì bổ trước, người nào ít năm và trúng trường ít thì bổ sau, người nào có quân công thì theo như lệnh thưởng công đời Hồng Đức mà thuyên bổ. Người ốm yếu hèn kém thì bổ chức tản quan, tạp lưu. Ai dám hối lộ và riêng tư, **[12b]** tuyển bổ không có thứ tự, thì cho quan đô, đài kiểm xét tâu lên, theo luật trị tội. Quan đô, đài không biết kiểm xét tâu lên cũng bị nhất loạt trị tội.

5- Giám sinh, nho sinh, sinh đồ cứ đến ngày mồng 1, ngày rằm hàng tháng đều phải mặc mũ áo đến điểm mục theo phép đã định. Phải tuân theo học quy, luyện tập văn bài, đợi khi thành tài để nhà nước sử dụng. Người nào dám chạy chọt cầu may, rong chơi ngoài đường, bỏ trễ việc học, thiếu 1 lần điểm mục thì phạt 140 tờ giấy trung chỉ, thiếu 2 lần thì phạt 200 tờ giấy trung chỉ, thiếu 3 lần thì đánh 40 roi, thiếu điểm mục 4 lần thì kiểm xét tâu lên giao cho Hình bộ xét hỏi, thiếu điểm mục 1 năm thì tâu lên bắt sung quân.

6- Trong kỳ thi Hương, các quan đề điệu, giám thí, giám khảo, khảo thí, tuần xước, và các xã trưởng phải thể theo đức ý của triều đình, phải giữ công tâm, mong lựa chọn được người có thực tài **[13a]** cho nhà nước sử dụng. Xã trưởng làm sổ khai nhận cho học trò, cốt được kẻ có thực học, không hạn chế số người nhiều hay ít, nộp lên quan huyện, châu bản hạt, cho thi một kỳ ám tả, rồi quan phủ cho thi ba đạo kinh nghĩa, quan thừa hiến hiệp đồng khảo thí như lệ. Thi xong, ngay hôm đó, kê khai hạng trúng tam trường là bao nhiêu người, hạng trúng tứ trường là bao nhiêu người, lập thành danh sách, rồi cùng với quan khảo thí ký tên vào để đề phòng gian trá. Hạn trong 3 ngày, các quan đề điệu, giám thí phải làm bản tâu lên, giao cho Hiến ty sát hạch. Ai dám riêng tư xoay tiền, mua ơn trả oán, nghe theo kẻ quyền thế mà lựa chọn không đúng người hoặc nộp bản tâu chậm trễ thì cho quan khoa, đài tâu lên để trị tội.

7- Đời Đoan Khánh, có nhiều kẻ gian phi ra vào nhà bọn ác đảng ở các làng Phù Chẩn, Hoa Lăng, có kẻ giả xưng là họ hàng của bọn ấy, có kẻ đi tìm **[13b]** mua tờ thiếp, để xâm chiếm ruộng đất của dân, cướp đoạt tiền tài của dân, đánh đập dân lương thiện, trêu ghẹo đàn bà con gái, cũng có kẻ chứa chấp bọn gian phi để chúng chia của cho mình, cậy thế lấn hiếp, gây hại ngày một quá. Nay bọn ác đảng tuy đã bị giết, nhưng bọn gian phi nói trên có kẻ nào vẫn theo thói cũ, ngang ngược hung bạo, quấy nhiễu dân mọn thì cho người bị hại và các phường, xã, thôn trưởng áp giải bản thân nó đến cáo giác với quan thừa, hiến, phủ, huyện, châu né sợ không chịu xét hỏi, thì cho người bị hại đến cửa khuyết tâu lên, nhất loạt giao cho Hình bộ trị tội cả.

Tháng 5, ngày mồng 5, vua ngự điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền loa, xướng danh các tiến sĩ là bọn Hoàng Nghĩa Phú. Các quan mặc triều phục chúc mừng. Các tiến sĩ nhận ân mệnh, Lễ bộ đem **[14a]** bảng vàng treo ngoài cửa nhà Thái học. Lại ban y phục, đai mũ và ban yến.

Gia phong Lượng quốc công Lê Phụ làm Tả bình chương quân quốc trọng sự, Nhập nội kiểm hiệu, Thượng tướng thái uý: Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Bình chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc thượng tướng, Thượng tể thái phó; Uy quốc công Nguyễn Bá Lâm làm Công bộ thượng thư chưởng bộ sự, tri Hiển Phúc điện; Đàm Thận Huy làm Lại bộ thượng thư, tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục; Lê Tán Tương làm Công bộ hữu thị lang.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, người làng Quang Bị, huyện Bất Bạt là Trần Tuân nổi loạn ở vùng Sơn Tây. (Tuân là cháu của Lại bộ thượng thư Trần Cận trước kia). Bấy giờ, nhân dân các phố xá ở kinh thành **[14b]** náo động, đều đem vợ con về quê quán, đường phố không còn một ai đi lại. Vua sai Hộ bộ hữu thị lang Lê Đĩnh Chi, cùng các quan khoa, đài đi khám xét các phố xá hàng chợ, xem người nào còn nhà ở, người nào vợ con đã về quê quán, ra lệnh cấm rất nghiêm ngặt, xử tội rất nặng [những người đã cho vợ con về quê quán], dân chúng khó bè nhắc chân động tay. Những người đã để vợ con về quê, thì phần nhiều đem người khác đến, nói dối là vợ con mình để đợi sai quan tới khám xét. Đến đây, lại sai xá nhân đến tận nhà các đại thần và văn thần xem thực hư ra sao, thì thấy vợ con của 5 người là bọn Lê Đĩnh Chi, Nguyễn Tông Thốc, Nguyễn Lý Quang và Hàn lâm kiểm thảo Ngô Tuy, Giám sát ngự sử Trần

Húc đều về nguyên quán. Vua sai giết bọn Đĩnh Chi ở ngã ba phường Đông Hà, vì bọn Đĩnh Chi **[15a]** làm quan đi khám xét mà vợ con lại trốn về quê trước, cho nên xử tội.

Vua sai Mỹ Huện hầu Trịnh Duy Sản chỉ huy quan quân đi đánh Trần Tuân. Bấy giờ quân của Tuân đã bức sát đến Từ Liêm (tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai[1]), quan quân bại trận, lui về đóng ở các xứ Đông Ngạc, Nhật Chiêu[2].

Thế quân của Tuân rất mạnh, muốn bức sát kinh thành. Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang sai quân sáu vệ Điện tiền kéo thuyền Tiểu Thiên Quang xuống sông, định đưa vua ngự về Thanh Hoa, giữ nơi hiểm yếu rồi gọi hết bọn thợ của các sở ở Công bộ và thợ thường ban, bày kỳ binh ở xứ Đông Hà để giữ. Đến đêm, bọn chúng hoảng sợ trốn về cả. Vua sai Minh Luân bá Lê Niệm, Tổng thái giám Lê Văn Huy và 2 người hoa văn học sinh đem lực sĩ của hai ty Hải Thanh và Hà Thanh chèo hai chiếc thuyền nhẹ ra **[15b]** xứ Từ Liêm để dò xét tình hình quân giặc. Niệm đến chợ An Giang trước thấy phố xá bị thiêu trụi, quan quân đã bại trận rút về, vượt sông vào xã Quả Hối. Niệm lại chạy về, vào điện tâu trước mặt vua. Bấy giờ, Duy Sản bị giặc đánh bại, thủ hạ chỉ còn hơn 30 người, xé áo làm hiệu, thề cùng nhau đánh giặc. Giờ Dậu, Duy Sản thình lình xuất hiện, đột nhập vào dinh của Tuân, thấy Tuân mặc áo đỏ ngồi trên giường, liền dùng giáo đâm chết Tuân, bè đảng của Tuân đều tan chạy cả. Bấy giờ quân lính của Tuân đóng ở chổ khác, không biết là nghịch Tuân đã chết, vẫn cứ đóng quân như trước.

Ngày 20, vua làm lễ tấu cáo ở Thái Miếu, rồi sai Nguyễn Văn Lang đem tướng sĩ, voi ngựa của các doanh đi đánh. Bấy giờ, Duy Sản đã giết Trần Tuân, liền thừa thế bắn ba tiếng súng, các quân đánh trống hò reo tiến vào, đánh **[16a]** tan quân giặc, đuổi theo đến các xã Thuỵ Hương, Quả Động, Đông Ngạc[3], đâm chết rất nhiều tên, xác giặc nằm đầy đồng, chết đuối dưới sông không kể xiết. Sau này định công ban thưởng, ban phong Trịnh Duy Sản là Nguyên quận công, những người đi theo Duy Sản đâm chết được nhiều giặc đều được trao chức đô chỉ huy đồng tri[4]. Việc xét quân công có lệ người nào giết được nhiều giặc thì được trao quan chức bắt đầu từ đó.

Chém Hồ bả ở phường Diên Hưng. Trước đó, Đô lực sĩ Hồ Bả đánh giặc lùi trở về, bẻ cánh mũ kim phụng giấu đi, đến khi dẹp yên giặc, Hồ Bả bị xử chém.

Giết viên Hộ bộ tư vụ Lý Văn Tư. Trước đó, khi có loạn Trần Tuân, ở Kinh thành, các thân vương, công chúa và dân chúng ở phố xá, hàng chợ đều chạy ra ngoài thành Đại La, trú ngụ tại các xã Hồng Mai, Thịnh Liệt. Văn Tư cũng đi lánh nạn, nói vụng những lời khinh miệt các đại thần, bọn Nguyễn **[16a]** Văn Lang, Trịnh Duy Đại tâu lên vua, cho nên bị giết.

Thưởng bọn đại học sĩ Đỗ Nhạc 11 người. Trước đây, Trần Tuân tiến quân sát đến Kinh thành, lòng người sợ hãi, bọn Duy Nhạc vẫn làm việc ở triều đường. Vua sai kê khai các đại thần văn thần, chỉ có 11 viên [còn ở lại]. Nay vâng sắc chỉ bàn định ban thưởng để biểu dương lòng trung thành của họ.

Phân định lệ thuế vàng bạc. Lệ thuế vàng trong nước: vàng mười hạng tốt là 449 lạng 5 phân, 6 ly, 4 hào, lệ cũ là 460 lạng; nộp thay voi công là 20 lạng nữa; vàng mười [hạng thường] là 2.901 lạng, 6 đồng cân, 9 phân, 5 ly, 1 ty, lệ cũ là 2.863 lạng. Còn lệ thuế bạc, thì bạc tốt mười thành là 6.125 lạng, 9 đồng cân, 8 phân, **[17a]** 4 ty, 8 hào, lệ cũ là 4.930 lạng.

Sai Nguyễn Văn Lang trung tu Sùng Nho điện ở Quốc tử giám và hai giải vũ, sáu nhà Minh Luân, nhà bếp, phòng kho, cùng làm mới hai nhà bia bên đông và bên tây, mỗi gian đặt một tấm bia bên tả, một tấm bên hữu. Năm này, dựng hai nhà bia đề tên các tiến sĩ khoa Ất Sửu năm Đoan Khánh thứ 1 và khoa Mậu Thìn năm Đoan Khánh thứ 4. Khi ấy, sau khi sai trùng tu Quốc tử giám và làm mới nhà bia,

---

[1] Từ Liêm: tên huyện, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

[2] Đông Ngạc: tức làng Vẽ, Nhật Chiêu: nay là xã Nhật Tân, đều thuộc Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[3] Ba xã này đều thuộc huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội, ở khoảng từ Chèm đến Hồ Tây. Quả Động là Tảo Xã, nay là xã Xuân Tảo.

[4] Theo điển lệ quan chức triều Lê thì đô chỉ huy đồng tri phẩm trật là tòng tam phẩm về hàng quan võ.

vua lại nghĩ hai khoa thi về đời Đoan Khánh chưa dựng bia, liền sai Đông quan[1] khắc đá, Thượng thư, Đông các đại học sĩ, Nhập thi kinh diên Đỗ Nhạc soạn bài ký, Trung thư giám xá nhân Đỗ Như Chi viết chữ tri thượng bảo giám Bùi Thị viết chữ triện.

> Xét bài ký của Đỗ Nhạc ghi: Vua thông minh xứng đáng bậc vua, sáng suốt làm gương cả nước, khôi phục **[17b]** quy mô xây dựng cơ nghiệp của Thái Tổ, mở rộng nền móng văn giáo thịnh trị của Thánh Tông. Ban đầu đặt kinh diên, lưu tâm điển tịch. Sáng vầng sao Khuê[2] ngang trời dọc đất thì có tập Bảo thiên thanh hạ; mở gương trị giáo mẫu mực xưa nay thì có tập Quang thiên thanh hạ[3]. Thánh học ngày càng cao minh, thánh đức ngày càng thuần tuý. Hơn nữa, đến nhà Thái học hỏi về đạo trị nước, ra nơi điện đình thi chọn bọn học trò, then máy cổ võ lại càng chu đáo lắm. Đã sai quan chọn bọn học trò, then máy cổ võ lại càng chu đáo lắm. Đã sai quan trùng tu Quốc tử giám và làm mới nhà bia, lại nghĩ tới hai khoa Ất Sửu, Mậu Thìn chưa có dựng bia, liền sai quan khắc bia soạn ký để dựng lên. Như vậy có thể thấy được cái ý tôn sùng đạo học, khuyến khích hiền tài sâu sắc dường nào!

Nhâm Thân, [Hồng Thuận] năm thứ 4 [1512], (Minh Chính Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, sai võ tướng thống lĩnh binh tượng và Đỗ **[18a]** Nhạc làm tán lý quân vụ đi các vùng Sơn Tây và Hưng Hoá để đánh dẹp bọn phản nghịch Nguyễn Nghiêm[4].

Tháng 3, ngày mồng 3, có thánh chỉ rằng: Người nào là con cháu công thần khai quốc mà còn phải ở trong quân ngũ thì cho sắc mệnh phong tặng của cha ông đến kêu ở cửa quan. Quan bản xứ xét thực, người nào biết chữ thì được sung làm học sinh ở Sùng Văn quán, người nào không biết chữ thì sung làm tuấn sĩ của vệ Cẩm y.

Gia phong Lê Tung làm Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư, Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu, Tri kinh diên sự, Đôn Thư bá.

Mùa hạ, tháng 4, khảo thí con cháu các quan viên về viết chữ và làm toán.

Người nào đỗ, cho sung làm nho sinh và lại điển ở các nha môn.

Bọn Lê Hy, Trịnh Hưng, Lê Minh Triệt làm loạn ở vùng Nghệ An. Vua sai bọn Khang quận công Trần Nghi và Đông các hiệu thư Trần **[18b]** Dực đi đánh. Vào đến địa phận Nghệ An, bọn Nghi đằng trước, đằng sau đều bị giặc đánh. Quan quân vượt xa biển, bị sóng gió đánh vỡ thuyền, toàn quân bị chết đuối.

Nghi và Dực cũng chết chìm ngoài biển. Bọn Hy, Hưng tiến sát đến Lôi Dương[5].

Tháng 5, ngày 16 vua sai Trịnh Duy Sản chỉ huy quan quân, và Đỗ Nhạc làm Tán lý quân vụ đến Thanh Hoa, Nghệ An đánh dẹp quân giặc, chém đầu Lê Minh Triệt đưa về Kinh sư bêu ở phường Đông Tân; bắt sống được Hy và Hưng đóng cũi giải về Kinh sư rồi giết.

Thả các dân binh tứ chiếng[6] đã điều động tập hợp khi trước cho trở về quê cũ. Trong lúc bối rối nghe tin bọn Trịnh Hưng nổi dậy đánh đến Thanh Hoa, bấy giờ, trời đã tối, cửa thành đã khoá, có lệnh gọi các quan ở triều đường tới nghị bàn, lại có sắc dụ ở ngoài cửa Đại Hưng sai các đại thần **[19a]** đi bắt dân binh tứ chiếng tới các địa phương phân chia vào làm lính nơi đó để phòng đánh giặc. Đến đây, bọn giặc đã bị diệt, có lệnh thả cho về quê quán.

---

[1] Đông quan: tức là Công bộ.

[2] Sao Khuê: là biểu tượng của văn chương, học thuật.

[3] Bảo thiên thanh hạ và Quang thiên thanh hạ: hai tập này chưa tìm được.

[4] Nguyễn Nghiêm: là dư đảng của Trần Tuân.

[5] Tức vùng huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá hiện nay.

[6] Dân binh tứ chiếng: chỉ dân binh người bốn trấn trú ngụ ở kinh đô.

Đặt các đội Tả kim đao và Hữu kim đao.

Hạn hán, trong nước đói to.

Làm điện lớn hơn trăm nóc. Trước đây, xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng có người thợ Vũ Như Tô (tức tên đô Nhạn), ở nhà lấy cây nứa dựng thành kiểu điện lớn trăm nóc, đến đây đem kiểu nhà ấy dâng lên, khuyên vua xây dựng.

Mùa đông, tháng 10, tặng Dương Trực Nguyên làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Quý Dậu, [Hồng Thuận] năm thứ 5 [1513], (Minh Chính Đức năm thứ 8). Mùa xuân, Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang chết, tặng phong Nghĩa Huân Vương, tang lễ theo nghi thức của tước vương, sai đúc vàng làm tượng.

[19b] Tháng giêng, ngày 26, nhà Minh sai chánh sứ là Hàn lâm viện biên tu Trạm Nhược Thuỷ, phó sứ là Hình khoa hữu cấp sự trung Phan Hy Tăng sang sách phòng vua làm An Nam Quốc Vương và ban cho một bộ áo mũ quan võ bằng da, một bộ thường phục. Hy Tăng trông thấy vua, bảo Nhược Thuỷ rằng: "Quốc vương An Nam mặt thì đẹp mà người lại lệch, tính háo dâm, là vua lợn, loạn vong sẽ không lâu đâu". Đến khi về, vua tặng biếu rất hậu. Nhược Thuỷ và Hy Tăng không nhận. Vua làm thơ tiễn Nhược Thuỷ rằng:

Phụng chiếu chi thừa xuất cửu trùng,
Hoàng hoa đáo xứ tổng xuân phong.
Ân đàm Việt điện sơn xuyên ngoại,
Nhân ngưỡng Nghiêu thiên nhật nguyệt trung.
Văn quỹ xa thư quy hỗn nhất,
Uy nghi lễ nhạc ái chiêu dung.
Sứ tinh cảnh cảnh quang huy biến.
Dự hỷ Tam thai thuỵ sắc đồng.
(Chiếu phượng ban cho tự cửu phùng,
Hoàng hoa[1] chốn chốn vẫn xuân phong.
Ân trùm cõi Việt non sông khuất,
Người ngóng trời Nghiêu nhật nguyệt chung.
Lối xe cỡ chữ thâu về một[2],
Lễ nhạc uy nghi rõ chữ đồng.
Vằng vặc sứ trời soi sáng khắp,
Tam thai[3] ánh đẹp dự vui cùng).

Nhược Thuỷ **[20a]** hoạ vần đáp lại rằng:

Sơn thành thuỷ quách độ trùng trùng,
Sơ tụng tân thi kiến quốc phong.
Nam phục mạc ngôn phân thổ viễn,
Bắc thần trường tại phổ thiên trung.
Xuân phong hạo đăng hoa đông vũ,
Hoá nhật chiêu hồi hải cộng dung.
Ký đắc truyền tuyên thiên ngữ ý,
Vĩnh kỳ trung ngoại thái bình đồng.
(Thành non, quách nước trải bao trung,
Thơ mới vừa ngâm thấy quốc phong.

---

[1] Hoàng hoa: phần Tiểu nhã của Kinh thi có bài Hoàng hoàng giả hoa nói việc cử sứ thần. Sau này chữ "Hoàng Hoa" dùng để chỉ việc đi sứ, hoặc ca ngợi sứ thần.

[2] Ý nói thâu tóm thiên hạ vào một mối.

[3] Tam thai: tên sao, tức ba vì sao Thượng Thai, Trung Thai, Hạ Thai, dùng làm biểu tượng cho chức tam công, ý câu này mong Nhược Thuỷ sẽ làm đến tam công.

Chớ bảo Nam bang riêng đất lánh,
Còn kia Bắc đẩu khắp trời chung.
Gió xuân lồng lộng hoa đua múa,
Trời sáng lâng lâng biển cùng đồng.
Nhớ lúc truyền ban lời thánh chỉ,
Thái bình mọi chốn mãi mong cùng).

Bài thơ của vua tiễn Hy Tăng rằng:

Nhất tự[1] hồng vân giả án tiền,
Sứ tinh quang thái chiếu Nam thiên.
Lễ quy nghĩa củ chu toàn tế,
Hoà khí xuân phong tiếu ngữ biên.
Ân chiếu phổ thi tân vũ lộ,
Viêm phong vĩnh điện cựu sơn xuyên.
Tình tri viễn đại lư hiền nghiệp,
Miễn phụ hoàng gia ức vạn niên.
(Từ chốn mấy hồng án đỏ xa,
Trời nam sao sứ rọi quang ba.
Lễ nghi quy củ khi thù ứng,
Cười nói tươi vui buổi khí hoà.
Ân chiếu rộng ban mưa móc mới,
Viêm bang vững mãi cựu sơn hà.
Hiền thần cơ nghiệp còn cao rộng,
Muôn năm gắng sức giúp hoàng gia).

Hy Tăng hoạ vần đáp lại rằng:

Hoàng gia thanh giáo cổ vô tiền,
Thử nhật xuân phong động hải thiên.
Long tiết viễn huy Nam đẩu ngoại,
Điểu tinh trường củng **[20b]** Bắc Thần biên.
Duy viên nghĩa tại tư phân thổ,
Nạp hối tài sơ quý tế xuyên.
Lâm biệt hà tu phân trọng tệ,
Tặng ngôn thâm ý ức tha niên.
Hoàng gia thanh giáo dậy phương xa,
Trời biển xuân về gợn ánh ba.
Long tiết[2] sáng coi ngoài Nam đẩu,
Điểu tinh[3] chầu mãi Bắc thần hoà.
Phong đất nghĩa nên làm vách giậu,
Can ngăn tài kém thẹn qua hà,
Chia tay chi phải cho nhiều thứ,
Tặng lời thâm ý nhớ hoàng gia).

Vua lại có bài thơ tiễn Nhược Thuỷ rằng:

Thánh triều thị hoá chính văn minh,
Nội tướng chí thừa sứ tiết hành.
Thịnh lễ ung dung chiêu độ số,
Chí nhân quảng đăng hoá ân vinh.
Lưu thời dục tự ân cần ý,

---

[1] Bản dịch cũ theo Lịch triều hiến chương loại chí sửa thành "nhất đoá".

[2] Long tiết: tức sứ tiết. Câu này ý nói sứ Bắc tới cõi Nam.

[3] Điểu tinh: Tinh là một vì sao trong thập nhị bát tú, ở phương Nam. Câu này ý nói: cõi Nam quây chầu về sao Bắc đẩu.

Tiễn nhật nan thăng khiển quyển tình.
Thử hậu loạn pha thừa cố vấn.
Nam bang dân vật hựu thăng bình.
(Thánh triều trị hoá rất văn minh,
Nội tướng vâng sai ruổi sứ trình.
Lễ hậu ung dung rành độ số,
Chí nhân rộng rãi tỏ ân vinh.
Khi ở ân cần mong giãi ý,
Lúc xa tha thiết xiết bao tình.
Hàn viện sau này ban hỏi tới,
Cõi Nam dân vật được thăng bình.)

Nhược Thuỷ hoạ vần đáp lại rằng:

Lương phú tòng đầu xuân nhật minh,
Ngã ca thính bãi ngã tương hành.
Tự thiên tam tích nguyên thù số,
Bạc hải[1] chủ bang thục dữ vinh.
Cánh cẩn chức phương thù thánh đức,
Mỗi tương nhân giám sát quần tình.
Lâm kỳ bất dụng trung quân phó,
Vạn lý minh uy **[21a]** đạo đăng bình.
(Ngày xuân Lương Phú tự bình minh,
Ta ca vừa hết, sắp đăng trình.
Ba lượt mệnh trời âu số lạ,
Muôn bang góc biển hỏi đâu vinh.
Chức cống càng lo đền thánh đức,
Gương soi năng liệu xét nhân tình.
Buổi tiễn cần chi căn dặn lắm,
Muôn dặm minh uy rộng lối bình.)

Vua lại tặng Hy Tăng bài thơ rằng:

Càn khôn thanh thái thuộc tam xuân,
Sứ tiết quang lâm hỷ sắc tân.
Bính hoán thập hàng ban Hán chiếu,
Uông dương tứ hải dật Nghiêu nhân.
Hung trung băng ngọc trần vô điểm,
Bút hạ châu cơ cú hữu thần.
Kim nhật tinh thiều hồi Bắc khuyết,
Tiễn diên bôi tửu mạc từ tần.
(Đất trời trong sáng cảnh đang xuân,
Sứ tiết qua thăm đẹp bội phần.
Chói lọi mười hàng đây Hán chiếu,
Mênh mông bốn biển nọ Nghiêu nhân.
Băng ngọc trong lòng không điểm bụi,
Châu cơ đầu bút lắm câu thần.
Ngày nay xe sứ quay về Bắc,
Chuốc chén luôn luôn chớ ngại ngần.)

Hy Tăng hoạ vần đáp lại rằng:

Vạn lý quan phong Bách Việt xuân,
Chướng yên tiêu tận vật hoa tân,

[1] Nguyên văn là "Bạc vật". Chữ "vật" ở đây vốn là chữ "hải" lộn thành. "Bạc hải" đối với "tự nhiên". Vả lại nếu là chữ "vật" thì câu thơ không rõ nghĩa.

Xa thư bất dị Thành Chu chế,
Phi dược nguyên đồng đại tạo nhân.
Sảo tự thượng minh lân hải thác,
Vĩnh hoài Chu điểu điện Viêm thần.
Uý thiên sự đại vô cùng ý,
Tài nhập tân thi ký ngữ tần.
(Muôn dặm ngắm nhìn Bách Việt xuân,
Chướng khí tiêu tan, sáng bội phần.
Xa thư chẳng khác Thành Chu trước,
Bay nhảy nguyên cùng tạo hoá nhân.
Như lượng biển xanh dung sản vật,
Nhờ hoài Chu điểu dựng Viêm thần[1].
Lòng kính sợ trời thờ nước lớn,
Lời thơ gửi gắm ý khôn ngần.)

Gia phong Nguyễn Mậu làm Hộ bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục, Cẩn Lễ nam.

Tháng 2, ngày 27, vua sai Lại bộ hữu thị lang Nguyễn **[21b]** Trang[2], Hàn lâm viện kiểm khảo Nguyễn Sư[3] (tức Nguyễn Sư Truyền), Lễ khoa cấp sự trung Trương Phu Duyệt[4] sang nhà Minh tạ ơn sách phong và tạ ơn ban mũ áo.

Ngày 28, sứ nhà Minh ở quán Bắc Sứ tìm người viết chữ đẹp sai viết bạch bài[5] gửi về châu Bằng Tường của họ, báo chuẩn bị binh phu đợi đón sứ Minh về nước.

Hôm ấy, vua ngự điện Quang Trị xem voi đấu nhau với hổ.

Lấy Tiền kim quang môn đãi chiếu Nguyễn Huệ làm Lễ bộ tả thị lang hành Kim quang môn đãi chiếu, tri Thượng bảo giám các cục.

Khi vua mới được nước, mất ấn Quốc bảo, không có gì để khớp với phù khế của nhà Minh, có Kim quang môn đãi chiếu Nguyễn Huệ biết làm ấn Quốc bảo, vua sai khắc ấn để khớp với phù khế của nhà Minh, quả nhiên khớp với ấn của nhà Minh đã ban cho. Lần này nhà Minh sai bọn Nhược Thuỷ sang phong thì Huệ đã lui về vì tuổi già. Vua nghĩ **[22a]** đến công của ông, lại gọi ra để dùng.

Sông Cơ Xá[6] có rắn hiện ra 20 ngày.

Tháng 3, vua thân hành đến cầu tự ở điện Tường Quang.

Gia phong Đỗ Nhạc làm Quang Nghiệp đại phu, Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Vua làm điện Mục Thanh và hai nhà giáp thất[7] đông, tây ở trước điện Phụng Tiên, đem thần chủ từ Lương Vương Thuyên, Tống Vương Đĩnh trở xuống phối tự ở đó. Trước kia, điện Phụng Tiên thờ Thái Tổ Cao Hoàng Đế[8] ở giữa, Tuyên Tổ Hoàng Đế[1] ở bên tả, Hiển Tổ Hoàng Đế[2] ở bên hữu, Thái Tông,

---

[1] Chu điểu: hay Chu tước, chỉ 7 ngôi sao ở phương nam: Tỉnh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn. Viêm: là nóng, Viêm thần chỉ cõi nóng, tức phương Nam. Câu này ý nói: Nhớ mãi cõi Nam.

[2] Nguyễn Trang: người làng Thượng Thanh Oai, huyện Thanh Oai (nay thuộc tỉnh Hà Tây), đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) đời Hồng Đức.

[3] Nguyễn Sư: người làng Lý Hải, huyện Yên Lăng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) đời Đoan Khánh.

[4] Trương Phu Duyệt: người làng Kim Đâu, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[5] Bạch bài: cũng như công văn, thư từ ngày nay.

[6] Chỉ đoạn sông Hồng chảy qua phường Cơ Xá, phường này ở về phía Bắc cầu Long Biên ngày nay.

[7] Giáp thất: nhà ở hai bên.

[8] Tức Lê Lợi.

Thánh Tông, Túc Tông thờ ở phía đông về bên tả thần chủ Tuyên Tổ; Nhân Tông, Hiến Tông, Đức Tông thờ ở phía tây về bên hữu thần chủ Hữu Hiển Tổ. Hiếu Kính đường thì thờ Chiêu Hiếu Đại Vương[3], Quận Ai Vương[4] ở phía đông, Trung Dũng Đại Vương[5] ở phía tây. Đến đây, làm điện Mục Thanh, nhà giáp thất phía đông gọi là Chương Đức đường, để phối tự Chiêu **[22b]** Hiếu Đại Vương, Quận Ai Vương, Lương Vương[6], Đường Vương[7], Diễn Vương (tên là Cảo), Ứng Vương (tên là Chiêu), Triệu Vương (tên là Thoan); nhà giáp thất phía tây gọi là Chiêu Huân đường để phối tự Trung Dũng Vương (tên là Thạch), Cung Vương[8], Tống Vương[9], Phúc Vương (tên là Tranh), Quảng Vương (tên là Thuyên)[10], Trấn Vương (tên là Kinh), Nghĩa Vương (tên là Cạnh), Kinh Vương (tên là Kiến).

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 7, nước lũ, vỡ đê phường Yên Hoa[11] thông vào hồ Tây.

Lấy Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Mậu[12] làm Hiến sát sứ Thanh Hoa.

Vua thường sai người đi lấy hoa gạo. Mậu dâng sớ can, trái ý vua, vua sai trung sứ bắt đánh đòn.

Mùa thu, tháng 8, ngày 30, có sắc chỉ rằng: Các tuấn sĩ vệ Cẩm y, người nào bị sung quân thì khai lại để đuổi về nguyên quán theo như lệ.

Dựng bia ghi tên tiến sĩ khoa Tân Mùi năm Hồng Thuận thứ 3. Sai Công bộ thượng thư chưởng bộ sự, tri Hiển Phúc điện Uy quận công **[23a]** Nguyễn Bá Lân trông coi việc dựng bia, Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư, Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung soạn bi ký; Trung thư xá nhân Ngô Ninh viết chữ chân, Tri thượng bảo giám các cục Nguyễn Huệ viết chữ triện.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13, sai Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trọng Quỳ, Hàn lâm viện thị thư Hứa Tam Tỉnh, Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Quý Nhã sang tuế cống nhà Minh.

Phong Diên quận công Lê Nghĩa Chiêu làm Thái phó Hùng quốc công, gia phong Nguyễn Lữ làm Hộ bộ thượng thư Quỳnh Nham hầu.

Tháng 12, ngày mồng 3, bọn Thái phó Thọ quận công Trịnh Hựu kính phụng sắc chỉ rằng: Các công thần về đời Thuận Thiên có sắc mệnh ban phong và người họ nhà vua được để tang vua, con cháu trước đã tập **[23b]** ấm, sung làm tuấn sĩ vệ Cẩm y thì vẫn giữ lại ở vệ cũ, người nào chưa được sung bổ thì tiếp tục cho sung bổ như lệ trước, nếu có ai năm trước bị đưa vào các vệ khác thì nay trả về ngạch tuấn sĩ như trước, làm như vậy để khuyến khích, biểu dương công thần, để tỏ rõ sự thân yêu trong họ.

Giáp Tuất, [Hồng Thuận] năm thứ 6 [1514], (Minh Chính Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, vua bái yết Tây Kinh.

Vua cày ruộng tịch điền, cày bị gãy.

---

[1] Tức Lê Khoáng, cha Lê Lợi.

[2] Lê Đinh, cha Lê Khoáng.

[3] Tức Lê Học, con trưởng của Lê Khoáng, anh cả Lê Lợi.

[4] Tức Lê Tư Tề, con trưởng của Lê Lợi.

[5] Tức Lê Thạch, con Lê Học.

[6] Tức Lê Thuyên.

[7] Tức Lê Cảo, theo CMCB 26 và Đại Việt thông sử. Nhưng theo Toàn thư thì Diễn Vương tên là Cảo.

[8] Tức Lê Khắc Xương, trước phong Tân Bình Vương, Nghi Dân đổi phong là Cung Vương.

[9] Tức Lê Tung.

[10] Theo Đại Việt thông sử và Cương mục thì Quảng Vương tên huý là Táp.

[11] Phường Yên Hoa: sau đổi thành phường Yên Tĩnh, nay là phường Yên Phụ, Hà Nội.

[12] Nguyễn Mậu: người làng Du La, huyện Thanh Hà (nay thuộc tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Bấy giờ, người dự thi là 5700 người. Lấy đỗ bọn Nguyễn Bỉnh Đức (Bỉnh Đức trước tên là Giới, sau đổi thành Ninh Chỉ, sau lại đổi là Ninh Bang, người phường Thịnh Quang, huyện Quảng Đức[1], thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, triều Mã làm quan đến thượng thư thiếu sư Liêm quận công, gồm 43 người.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, vua thân hành ngự điện ra đầu bài văn sách hỏi về nhân tài. Sai Tả bình chương quân quốc trọng sự nhập nội kiểm hiệu thượng tướng thái uý Lương quốc công **[24a]** Lê Phụ, Lại bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Đàm Thận Huy, Công bộ hữu thị lang Lê Tán Tương, Thiếu bảo Lại bộ thượng thư Do Lễ bá Nguyễn Bá Thuyên, Hộ bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Cẩn Lễ nam Đoàn Mậu, Thiếu báo Lễ bộ thượng thư Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung, Hình bộ thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc chia nhau trông coi việc thi. Cho bọn Nguyễn Đức Lượng, Nguyễn Chiêu Huấn, Hoàng Minh Tá 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Vu 20 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Bỉnh Di 20 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, có chiếu cho các tiến sĩ mới là bọn Nguyễn Đức Lượng vào điện Thiên Quang làm bài ứng chế, vua sai làm bài Thiên **[24b]** Quang điện ký.

Năm ấy có sao Kim mọc ban ngày.

Nước lũ rất lớn, hồ ao trong kinh thành có rắn lớn xuất hiện đến 20 ngày.

Vua sai đốt pháo, mở cờ, đánh trống để doạ nó. Sau 4 tháng rắn mới đi.

Đắp thành bao sông Tô Lịch, làm điện Tường Quang.

Vua nghe lời vu cáo của Hiệu uý Hữu Vĩnh (không rõ họ) giết hết 15 vương công họ tông thất. Cho gọi cung nhân của Mẫn Lệ công và cung nhân của triều trước để thông dâm.

Mùa thu, tháng 9, sai thiếu bảo Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung soạn bài Đại Việt thông giám tổng luận[2] (Tung trước tên là Bang Bản, người làng An Lạc, huyện Thanh Liêm).

Mùa đông, tháng 10, ngày 17, Lại khoa đô cấp sự trung Phạm Trí Năng tâu rằng: Kể **[25a]** từ nay, khi bổ dụng quan chức, Lại bộ phải theo như lệ đời Hồng Đức, chọn những viên nào ở chức lâu năm, đủ lệ bộ khảo khoá, có công tích, lòng dân thuận phục mới được thăng bổ. Nếu Lại bộ thuyên bổ không đúng thì Hình bộ sẽ theo luật mà trị tội.

Tháng 12, ngày mồng 4, bọn Lễ bộ thượng thư chưởng bộ sự, Phò mã đô uý Hưng quận công Nguyễn Trinh tâu rằng: Bản kê sách lễ tập viết và sách vở cùng một thoi mực cho Phúc quốc trưởng công chúa[3] có nên do Ngự dụng giám làm danh sách hay không, và xin chiếu phát thêm lễ vật để bày bàn thờ bảy chục vị học trò [của Khổng Tử]. (Dùng 80 bàn độc, 18 vòng hương đen, 18 bó bạch mộc hương nhỏ, 20 cây nến, 2 lạng chè, 1 cân dầu, 1 lạng thảo vong[4], thịt hươu muối, thịt hươu khô, dưa muối, lúa mới, quả táo, rau cần, đậu xanh mỗi thứ 18 mâm, 2 chĩnh rượu, 36 bó củi, đến ngày thì làm lễ.

Vở thì dùng thứ giấy phương chỉ như giấy viết châm).

[25b] Lấy Trần Sùng Dĩnh làm Hộ bộ thượng thư.

Ất Hợi, [Hồng Thuận] năm thứ 7 [1515], (Minh Chính Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, sai Thuỵ quận công Ngô Bính và Nguyên quận công Trịnh Duy Sản làm Đô tướng, Ngự sử đài thiêm đô

---

[1] Nay là Hà Nội.

[2] Đại Việt thông giám tổng luận, 1 quyển, Lê Tung soạn. Theo Phan Huy Chú, khi Vũ Quỳnh làm xong sách Đại Việt thông giám thông khảo, dâng lên vua, Tương Dực Đế muốn tóm tắt những điều quan trọng trong bộ sử ấy và có phê phán, làm thành bài Tông luận để đọc cho tiện, bèn sai Lê Tung soạn sách đó.

[3] Trưởng công chúa: là tước của chị hay em gái vua.

[4] Chưa rõ là thứ cỏ gì.

ngự sử Nguyễn Khiêm Bính làm Tán lý quân vụ đi đánh Phùng Chương ở vùng núi Tam Đảo. Chương thua chạy.

Tháng 2, vua thân hành xem tập trận ở xã Định Công[1], khi về, ngự chơi nhà hoàng phi Lê thị[2].

Thiều Khê bá Ngô Thứ nổi loạn bị giết.

Năm này, bắt các trấn nộp thuyền gỗ để đi đánh Ai Lao.

Bấy giờ lúa chiêm có cây sinh một hạt thóc hai nhân gạo.

Lấy Công bộ hữu thị lang Lê Tán Tương làm quyền Lại bộ hữu thị lang.

Tháng 8, tháng 9, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 7, An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ tâu xin thu lúa đồn điền **[26a]** để chi dùng cho nhà nước.

Bọn Đặng Hân và Lê Hất làm loạn ở vùng huyện Ngọc Sơn[3], Thanh Hoa. Ngày 27, vua sai tướng thống lãnh binh sĩ, lấy Đỗ Nhạc làm Tán lý quân vụ đi đánh dẹp.

Bính Tý, [Hồng Thuận] năm thứ 8 [1516], (Từ tháng 4 trở đi là Chiêu Tông Quang Thiệu năm thứ 1; Minh Chính Đức năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, bấy giờ là kỳ đại tập các quân, Trần Công Ninh nổi loạn ở xứ đò Hối, huyện Yên Lãng[4]. Ngày 23, vua sai Đông các đại học sĩ Đỗ Nhạc trấn giữ Kinh thành, vua đích thân đem các đại thần văn võ và đô đốc năm phủ đi theo. Quân ra cửa Bắc Thần, vua ngự ở hành tại bên sông Nhị Hà, ra lệnh cho các tướng qua sông tiến đánh, phá tan quân giặc, giết được rất nhiều. Rồi luận công các tướng sĩ, trao quan chức cho từng người.

Trước đây, vua thích làm nhiều công trình thổ mộc, đắp **[26b]** thành rộng lớn mấy ngàn trượng, bao quanh điện Tường Quang, quán Chân Vũ, chùa Thiên Hoa ở phường Kim Cổ, từ phía đông đến phía tây bắc, chắn ngang sông Tô Lịch, trên đắp hoàng thành, dưới làm cửa cống, dùng ngói vỡ và đất đá nện xuống, lấy đá phiến và gạch vuông xây lên, lấy sắt xuyên ngang. Lại sai làm thuyền chiến, sai thợ vẽ kiểu, sai bọn nữ sử trần truồng chèo thuyền chơi trên Hồ Tây, vua cùng chơi, lấy làm vui thích lắm. Người thợ Vũ Như Tô làm điện lớn hơn trăm nóc, dùng hết tiền của và sức dân trong nước. Lại làm Cửu Trùng đài, trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch để dẫn nước vào, thả thuyền Thiên Quang cho mặc sức du ngoạn. Hồ ấy quan co khúc khuỷu, mở cửa cống có thể chở thuyền nhẹ ra vào để rong chơi, cực kỳ xa xỉ.

Dân chúng đau khổ, binh lính mệt nhọc. Quân năm phủ đắp thành **[27a]** chưa xong được, đến đây lại có lệnh bắt các nha môn ở trong ngoài kinh thành phải làm, tập hợp nhau lấy hồ, khiêng đất. Vua hàng ngày bất thần ngự chơi các nơi, chỗ nào vừa ý thì thưởng cho bài vàng, bài bạc. Có chỗ đã làm xong lại phải làm lại, sửa đổi xây đắp lại, hết năm này qua năm khác, liên miên không dứt. Quân lính đắp thành mắc chứng dịch lệ đến một phần mười.

Tháng 3, nước to.

Ngày mồng 6, Thuần Mỹ điện giám Trần Cảo ở trang Dưỡng Chân, huyện Thuỷ Đường làm loạn[5]. Cảo thấy lời sấm nói rằng, phương đông có vượng khí thiên tử, liền ngầm mưu việc đại nghịch, trá xưng là cháu chắt của Trần Thái Tông, là họ ngoại của Quang Thục hoàng hậu[6], cùng với con là Cung và bè

---

[1] Định công: tên xã, thuộc huyện Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

[2] Lê thị là bà phi của Uy Mục Đế.

[3] Ngọc Sơn: tên huyện, thuộc phủ Vĩnh Tường, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[4] Yên Lãng: tên huyện, thuộc tỉnh Vĩnh Tường, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[5] Trần Cảo: Cương mục chép là Trần Cao. Thuỷ Đường: là tên huyện, nay là vùng Thuỷ Nguyên, Hải Phòng.

[6] Quang Thục hoàng hậu: Tức Ngô Thị Ngọc Dao, bà phi của Lê Thái Tông, sinh ra Lê Thánh Tông.

đảng là bọn Phan Ất (tức người Chiêm, tên là Đồng Lợi, nguyên là gia nô của Trịnh Duy Đại), Đình Ngạn, Đình Nghệ, Công Uẩn, Đình Bảo, Đoàn Bố dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm[1] huyện Đông Triều, chiếm cứ các nơi ở hai huyện Thuỷ Đường và Đông Triều, trấn Hải Dương. Cảo mình mặc **[27b]** áo đen, quân sĩ đều cạo trọc đầu, tự xưng là Đế Thích giáng sinh, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Ứng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, Trần Cảo đem quân qua các huyện Tiên Du, Quế Dương, Gia Lâm, tiến sát đến bến Bồ Đề, bị cách sông không sang được. Vua đích thân đi đánh, ngự ở điện Trường Thọ (tức là điện Quỳnh Vân), ra lệnh điều động các tướng. Bọn Đông Nham bá Lại Thúc Mậu, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng, Minh Vũ bá Trịnh Hồng chỉ huy quan quân qua sông đánh mạnh đến các vùng Bồ Đề, Lâm Hạ[2]. Vua sai bắn ba tiếng súng, các quân xông lên đánh, cả phá quân giặc. Cảo thua chạy về Ngọc Sơn[3]. Ngày mồng 3, vua sai Định quận công Phùng Tiến, Diên Hưng bá Trịnh Khổng Chiêu, Phú Lộc bá Trịnh Ngạc đem quan quân đi đánh mấy lần không được. Tiến và Khổng Chiêu đều bị tử trận. Trịnh Ngạc bị bắt, Cảo muốn cho làm quan, nhưng Ngạc **[28a]** không chịu khuất mà chết. Hoằng Dụ đem quân đóng ở dinh Bồ Đề.

Trịnh Duy Sản giết vua ở cửa nhà Thái Học. Trước đây, Duy Sản vì nhiều lần can ngăn trái ý vua, bị đánh bằng trượng. Duy Sản mới cùng với bọn Lê Quảng Độ, Trình Chí Sâm mưu việc phế lập, bèn sửa soạn thuyền bè, khí giới ở bến Thái Cực[4], nói phao lên là đi đánh giặc. Đêm mồng 6, hồi canh hai, đem hơn 3000 người ở các vệ Kim ngô và Hộ vệ vào cửa Bắc Thần. Vua nghe tin ấy, ngờ là có giặc đến, bèn ngự ra ngoài cửa Bảo Khánh. Ngày mồng 7, mờ mờ sáng, có Thừa chỉ Nguyễn Vũ theo vua đi tắt qua cửa nhà Thái Học. Đến hồ Chu Tước, phường Bích Câu[5], vua gặp Duy Sản và hỏi: "Giặc ở phương nào?". Duy Sản không trả lời, quay nhìn chỗ khác cười ầm lên. Vua quất ngựa chạy về phía tây. Duy Sản sai vũ sĩ là tên Hạnh **[28b]** cầm giáo đâm vua ngã ngựa chết rồi giết chết. Nguyễn Vũ cũng chết theo vua. Đem xác vua về quán Bắc Sứ, khâm liệm[6] rồi đem thiêu (có thuyết nói: Để xác ngang trên mình ngựa, đem về cửa Nam Thiệu ở viện Đãi Lậu, chỗ phủ Tể tướng). Khâm Đức hoàng hậu (tên thuỵ là Đôn Tiết), cũng tự nhảy vào lửa chết. Quân sĩ đem hai quan tài về chôn ở làng Ngự Thiên, giáng phong vua làm Linh Ẩn Vương (nay có điện Quang Hiếu ở xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên). Hậu họ Nguyễn, tên huý là Đạo, con gái viên quản lĩnh ở hương Văn Giang. Nguyễn Vũ người làng Thiên Mỗ[7], huyện Từ Liêm, do đỗ tứ trường kỳ thi Hương, viết chữ thảo đẹp, lại đem thơ quân ứng nghĩa[8], từ đầu, làm quan đến Binh bộ tả thị lang, được vua rất yêu quý. Khoa thi Hội năm Giáp Tuất[9]. Vũ đã 58 tuổi, văn viết lủng củng, đã không được trúng tuyển. Vua cho thi lại, lấy đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Không bao lâu, làm tới Hình bộ thượng thư kiêm Bảo Thiên điện Đông **[29a]** các đại học sĩ, Hàn lâm viện thừa chỉ nhập thị kinh diên, ngày đêm uống rượu đánh bạc ở nội điện, bị người bấy giờ coi khinh. Đến nay đi theo vua, bảo con rằng: "Ăn lộc của vua, phải chết vì nạn của vua", cũng bị Duy Sản giết.

Linh Ẩn gian dâm với vợ lẽ của cha, để tang cha mẹ ít ngày, mượn tên của anh để cướp nước của người khác[10], xa hoa dâm dục quá độ, hình phạt nặng, thuế khoá

---

[1] Chùa Quỳnh Lâm: ở xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[2] Lâm Hạ: tên xã, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

[3] Ngọc Sơn: Cương mục và Bản dịch cũ đều chép là Trâu Sơn, và chú là xã Trâu Cầu, huyện Quế Dương, trấn Kinh Bắc (nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh).

[4] Bến Thái Cực: thuộc phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, tương đương với khu vực phố Hàng Đào, Hà Nội ngày nay.

[5] Phường Bích Câu: tương đương với khu vực phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa bây giờ. Phường này còn có phố Bích Câu.

[6] Bản dịch cũ dịch là "lấy chân y đem thiêu", có chú rằng: "hoặc giả là minh y là áo ma". Chúng tôi cho rằng có thể là chữ "trí", "trí y" là khâm liệm.

[7] Thiên Mỗ nay là làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[8] Quân của Giản Tu công Dinh nổi lên đánh giết Uy Mục Đế.

[9] Khoa thi Hội năm 1514.

[10] Khi mới nổi nghĩa quân, Tương Dực Đế dựng cờ của Cẩm Giang Vương Sùng là anh ruột của mình để lấy lại ngôi vua của Uy Mục Đế.

nhiều, giết hết các thân vương, can qua xảy ra khắp nơi, người thời ấy gọi là "vua lợn", điềm nguy vong đã được thấy đó!

Bấy giờ, Duy Sản đã giết vua, liền bàn mưu với người tông thất và đại thần, định lập Quang Trị, con của Mục Ý Vương[1], nhưng Vũ Tá hầu Phùng Mại không nghe, bàn lập con trưởng của Cẩm Giang Sùng là Y. Tường quận công Phùng Dĩnh sai lực sĩ giết Mại ở Nghị sự đường trong cung cấm rồi lập **[29b]** Quang Trị (khi ấy 8 tuổi). Mới được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu, thì Trịnh Duy Đại đem về Tây Đô[2].

Bấy giờ An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, nghe tin Duy Sản làm việc thí nghịch, liền nổi giận đem quân vượt sông, đốt phá phố xá ở kinh thành, định cùng với con em gia thuộc tính việc báo phục, bèn chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa kinh thành.

Trước đây, Tô xuất thân là thợ, đem kỹ xảo mê hoặt vua, được lạm bổ làm đô đốc kiêm coi các sở ở Công bộ. Bấy giờ, đương làm điện lớn trăm nóc chưa xong, dân gian ai cũng nghiến răng tức giận. Đến khi vua bị hại, Như Quang Trị sau bị Duy Đại giết.

Tô cũng bị quẳng xác ra ngoài chợ, quan dân ai cũng chỉ trỏ xác hắn mà chê cười, có người còn nhổ nước bọt.

Ngày hôm ấy, Trịnh Duy Sản và Lê Nghĩa Chiêu cùng các bậc huân cựu tông thất đại thần cùng nhau đón con trưởng của Cẩm Giang Vương là Y lập lên lên làm vua, khi ấy 14 tuổi. Bọn Duy Sản, Nghĩa Chiêu thấy Hoằng Dụ đốt **[30a]** phá kinh thành, bèn sai lực sĩ Đàm Cử đón vua ngự ra ngoài, về thành Tây Đô ở Thanh Hoa, hội thề dấy quân khởi nghĩa. Chỉ có Lê Quảng Độ ra đầu hàng Trần Cảo. Lúc ấy, thành đã thất thủ, xã tắc bỏ phế, dân chúng vào thành tranh nhau lấy vàng bạc, của báu, bạch đàn, xạ hương, lụa là tơ gai đầy trong dân gian; sách vở, hồ tiêu, hương liệu các thứ vứt bỏ trên đường phố cao đến 1,2 tấc, không thể kể xiết. Người mạnh khoẻ tranh cướp vàng bạc, có người lấy được đến ba, bốn trăm lạng, người yếu cũng được đến hơn hai trăm lạng. Cung khuyết, kho tàng do vậy mà hết sạch.

Sứ bộ tuế cống trước đây là bọn Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trọng Quỳ, Hứa Tam Tỉnh, Nguyễn Quý Nhã, về đến châu Bằng Tường, nghe tin Trần Cảo làm loạn, chiếm giữ vùng Lạng Nguyên[3] đường sá bị tắc. Thông sự Hà Công Miễn và Đỗ Khánh Dư **[30b]** bàn đem tiền của nhà nước giao cho Cảo, đến năm Quang Thiệu thứ 6, bị bọn Trọng Quỳ giết chết[4].

Ngày 11, Trần Cảo lấy được Kinh thành, tiếm đặt niên hiệu là Thiên Ứng, ra triều đường làm việc, dùng Lê Quảng Độ coi việc nước. Bấy giờ, Đô lực sĩ Thiết sơn bá Trần Chân người xã La Ninh[5] huyện Từ Liêm, tập hợp các cựu dũng sĩ và hương binh con em được 5,6 nghìn người, dấy binh ở chợ Hoàng Hoa[6]. Cảo nghe tin, bèn chia đường sai Phan Ất từ xã Bảo Đà, huyện Thanh Oai tiến đánh. Chân cũng từ xã Dư Dụ, huyện Thanh Đàm kéo đến. Chân đem quân đón đánh trước, tiến đến Cồn bắn[7] đánh nhau dữ dội với Ất, khí giới hết cả, liền lấy vò vại nhỏ ném vào quân của Ất. Chân bị thương ở răng, miệng rất đau, lại vì quân bị cô lập không có cứu viện, khó lòng giữ lâu, bèn đang đêm rút về đóng quân ở chợ Hoàng Hoa. Khi ấy bọn Dương Bảo cũng có hịch giúp nước đánh giặc Cảo.

---

[1] Mục Ý Vương: tức Lê Doanh, con của Kiến Vương Tân, em của Cẩm Giang Vương Sùng.

[2] Bản dịch cũ chép là Trịnh Duy Ngạc; CMCB16, 30 chép: Bọn Duy Sản và Nghĩa Chiêu thấy kinh thành bị tàn phá, bèn cùng nhau rước vua về Tây Kinh.

[3] Lạng Nguyên: vùng đất phía bắc sông Cầu đến Lạng Sơn.

[4] Bản dịch cũ cũng dịch: Bọn Trọng Quỳ bị giết.

[5] La Ninh: CMCB26 chép là La Khê.

[6] Chợ Hoàng Hoa: tức chợ Ngọc Hà, Hà Nội ngày nay.

[7] Cồn bắn: nguyên văn là "Xạ đôi", nghĩa là "Gò bắn" hay "Cồn bắn". Gò này ở trại Giảng Võ, nay là khu Giảng Võ, Hà Nội.

[31a] Vua từ thành Tây Đô, tập hợp giữa quân ba phủ[1] sai Trịnh Duy Sản theo đường Thiên Quan, Ứng Thiên tiến phát; Nguyễn Hoằng Dụ theo đường phủ Trường Yên, Lý Nhân tiến phát; chính dinh Bình Phú hầu Nguyễn Văn Lự[2] và Vĩnh Hưng hầu Trịnh Tuy[3] đem quân thuỷ bộ cùng tiến thẳng đến Đông Kinh. Đồng thời gửi hịch cho các phủ huyện. Ngày 19, vua đến Tiêu Viên[4]. Trần Chân đi trước quân sĩ, một mình đến hành tại bái yết vua.

Ngày 23, bọn Chiêu An Sơn Nam dinh phó tướng An Tín bá Trịnh Hy, Đề sát Lê Sạn[5], tán lý Lê Dực[6], ký lục Trương Huyền Linh kế tiếp tiến vây ngoài cửa Đại Hưng. Cảo dẫn bọn phản nghịch lên lầu cửa Đại Hưng, phất cờ, bắn súng để chống lại quan quân. Một lát sau, thấy ba toán quân trọc đầu từ cầu Muống[7], tiến vào cung Thuỵ Quang. Trịnh Tuy lùi dần, rút về Hồng Mai động thì gặp **[31b]** quân của Nguyễn Hoằng Dụ, nên lại tiến vào. Khi ấy, Trịnh Duy Sản chỉ huy các quân thủy bộ cùng tiến, vây bốn mặt thành. Duy Sản đánh giặc từ bến Thái cực đến bến Đông Hà[8]. Quân giặc thua to. Trịnh Hy vây từ ngoài cửa Đại Hưng. Cảo đóng cửa thành cố thủ. Duy Sản vây phía tây bắc thành, lại gặp bọn giặc phản nghịch ở Sơn Tây là Hà Công Chân đem quân tiến sát thành định giết Cảo và tranh lập với vua. Duy Sản cố sức đánh, Công Chân bị thua và tử trận. Bấy giờ, Tả kiểm điểm Lê Liễn đánh thua, bị tử trận ở Dịch Vọng (tên xã)[9]. Cảo mở cửa thành chạy qua sông Thiên Đức[10], trốn lên Lạng Nguyên.

Ngày 24, vua đóng ở Thanh Đàm (tên xã).

Ngày 25, Lương Văn hầu Nguyễn Thì Ung cùng với bọn Đỗ Nhạc rước vua về Kinh.

Ngày 27, vua khôi phục ngôi báu, đại xá, lấy năm này làm Quang Thiệu năm thứ 1. Khi ấy, Quang Trị ở Tây Đô. Sau **[32a]** bị Văn quận công Trịnh Duy Đại giết, hai em của Trị cũng bị hại.

> Tội ác của Sản, Đại thực quá lắm. Ngày sau, phải chết bất đắc kỳ tử bởi tay người khác cũng là đáng lắm!

Mùa hạ, tháng 6, ngày 28, Thái phó Hùng quốc công Lê Nghĩa Chiêu bàn định lệnh thưởng công cho ai bắt được cha con Trần Cảo. Nếu bắt được Cào thì được thưởng cho 50 người. Một người đứng đầu được ban chức Hữu đô đốc, trật tòng nhất phẩm, được ấn phong ba đời, không muốn làm quan thì được ban 300 lạng vàng, 2.000 mẫu ruộng; một người đứng thứ hai được trao chức đô chỉ huy sứ, trật chánh tam phẩm, được ấn phong ba đời; một người đứng thứ ba được trao chức đô chỉ huy sứ đồng tri, trật tòng tam phẩm; 10 người theo bắt được trao chức chỉ huy thiêm sự, trật chánh tứ phẩm; 13 người theo bắt tiếp **[32b]** được trao chức chỉ huy đồng tri. Nếu bắt được con của tên phản nghịch Cảo thì thưởng cho 20 người, một người đứng đầu được trao chức đô đốc đồng tri.

Mùa thu, tháng 8, bắt được đồ đảng của Trần Cảo là Phan Ất ở huyện Đông Triều, đóng cũi giải về Kinh sư, đem chém ở phường Đông Hà.

---

[1] Ba phủ: tức là các phủ Thiệu Thiên (sau là Thiệu Hoá), Hà Trung và Tĩnh Gia thuộc trấn Thanh Hoa (nay là tỉnh Thanh Hoá).

[2] Nguyễn Văn Lự: là em của Nguyễn Văn Lang, người trang Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá).

[3] Trịnh Tuy: là em họ Trịnh Duy Sản người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, (nay là huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá).

[4] Tiêu Viên: tục gọi là Vườn Chuối, là một xã của huyện Hoài An (nay là huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây).

[5] Lê Sạn: người xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[6] Lê Dực: người xã Đại Định, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[7] Cầu Muống: thuộc phường Kim Liên, Hà Nội (theo CMCB 26, 32).

[8] Bến Đông Hà: bến sông Hồng, ngày nay ở chổ cửa ô Quan Chưởng, Phố Mới, Hà Nội.

[9] Dịch Vọng: tên xã, ngày nay là xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[10] Sông Thiên Đức: tức sông Đuống.

Sai Trịnh Duy Sản tiết chế các doanh thủ bộ, lấy Ngự sử đài thiên đô ngự sử Phạm Khiêm Bính làm tán lý quân vụ đi đánh dẹp vùng Hải Dương; Vĩnh Hưng hầu Trịnh Tuy, An Mỹ hầu Lại Thúc Mậu và Đàm Cử (người xã Lãng Sơn Đông[1] huyện Quế Dương) đem quản bộ đi đánh dẹp vùng Kinh Bắc; Do Lễ bá Nguyễn Bá Tuấn về vỗ yên các huyện ở Từ Sơn (tên phủ). Bá Thuần về đến Quế Dương, bị người làng giết. Bọn Tuy tiến đến đóng dinh ở Thị Cầu, huyện Vũ Ninh[2].

Tháng 9, ngày 13, Lê Nghĩa Chiêu lại bàn lệnh thưởng công bắt tướng nguỵ.

[33a] Bắt được đại tướng nguỵ: khó thì thưởng 10 người, dễ thì thưởng cho 5 người; một người công đầu bắt được tướng nguỵ, khó thì trao chức đô chỉ huy sứ trật tòng tam phẩm, dễ thì trao chức đô chỉ huy thiêm sự trật chánh tứ phẩm.

Bắt được phó tướng nguỵ: khó thì thưởng cho 8 người, dễ thì thưởng cho 4 người.

Lại định lệnh thưởng công những công thần bắt được tên phản nghịch Cảo và các quan chức nguỵ. Lại định lệnh thưởng công các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, tuấn sĩ và con cháu công thần bắt được tướng nguỵ.

Mùa đông, tháng 11, lại sai Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoằng Dụ cùng với Minh Vũ hầu Trịnh Củng, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng thống lĩnh quan quân đi đánh Trần Cảo ở chùa Sùng Nghiêm trên sườn núi xã Trâu Sơn, huyện Chí Linh[3].

Khi ấy, Duy Sản thấy quân sĩ khó nhọc đã lâu mà giặc Cảo vẫn chưa diệt được, bèn làm bài văn để uý lạo các tướng sĩ[4]. Lại sai tỳ tướng Thiết sơn bá Trần Chân[5], quay về **[33b]** Kinh sư đánh bọn Đa Sĩ. Trước đó, Đa Sĩ cậy có công lao hoành hành trong Kinh, cưỡng hiếp con gái chưa chồng, gian dâm vợ của người khác, cho nên Duy Sản sai Chân về đánh. Bấy giờ, có sao sa xuống trung doanh. Quân Duy Sản tiến đến Chí Linh (tên huyện), giáp chiến với quân Cảo ở xã Nam Giản[6]. Viên tỳ tướng tên là Hạnh chết tại trận. Duy Sản thấy giặc khiêu chiến, có ý muốn đánh, các tướng can không được. Giặc lại khiêu chiến. Duy Sản tức giận chia đường tiến đánh, tự mình xông lên trước quân lính. Duy Sản và Nguyễn Thượng đều bị Trần Cảo bắt được, đem về hành quán ở Vạn Kiếp giết chết. Cảo tiến thẳng đến Bồ Đề, vua sai Thiết Sơn bá Trần Chân tiến đánh, phá tan được, chém giết rất nhiều. Cảo phải chạy trốn về Lạng Nguyên không dám ra đánh nữa, lấy sông Nguyệt[7] làm ranh giới. Chân cầm cự với quân Cảo. Cảo truyền ngôi cho con là Cung, tiếm xưng niên hiệu là Tuyên hoà. Sau Cảo cạo **[34a]** đầu làm sư, ẩn trốn được thoát. Nay các thôn Bảo Lộc, An Lạc, Chu Nguyên[8] vẫn còn đền thờ Cảo, có lẽ Cảo chết ở đó.

Chiêu Tông Thần Hoàng Đế

Tên húy là Y, lại húy là Huệ, là con trưởng của Cẩm Giang Vương Sùng, đích tôn của Kiến Vương Tân, cháu bốn đời của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, bị Mạc Đăng Dung giết, thọ 26 tuổi, chôn ở lăng Vĩnh Hưng. Bấy giờ trong buổi loạn lạc, quyền bính không ở trong tay, bên

---

[1] Lời chú của Cương mục: Đàm Cử người xã Lãm Sơn huyện Quế Dương (CMCB 26, 33)

[2] Vũ Ninh: Tên huyện, nay là huyện Võ Giàng, tỉnh Hà Bắc.

[3] Trâu Sơn: tên xã, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

[4] Bài văn này viết bằng chữ Hán, được diễn ra quốc ngữ (văn Nôm) cho mọi người đều hiểu, lời lẽ rất thống thiết, bậc thức giả cho là lạ. Nguyên văn xem: Đại Việt thông sử, Truyện Trịnh Duy Sản.

[5] Trần Chân là con nuôi Trịnh Duy Sản.

[6] Nam Giản: tên xã, thuộc huyện Chí Linh.

[7] Sông Nguyệt: tức sông Nguyệt Đức, là sông Cầu ngày nay.

[8] Các thôn Bảo Lộc, An Lạc, Chu Nguyên, đều ở huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

trong thì nghe lời xiểm nịnh gian trá, bên ngoài lại ham mê săn bắn chim muông, ngu tối bất minh, ương ngạnh tự phụ, bị nguy vong là đáng lắm!

Mẹ vua là hoàng hậu Trịnh Thị Loan, người xã Phi Bạo, huyện Thanh Chương.

Năm Đoan Khánh thứ 2 [1506], tháng 10, ngày mồng 4, sinh ra vua. Năm Hồng Thuận thứ 8 [1516] Tương Dực Đế bị hại, không có con nối, bọn đại thần Lê Nghĩa Chiêu, Trịnh Duy Sản đón lập vua. Sau về Tây Đô, xướng xuất nghĩa quân, tiến thẳng về Kinh sư, đuổi Trần Cảo, rồi lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Quang **[34b]** Thiệu, lấy ngày sinh làm Nghi Thiên thánh tiết. Được 7 năm thì ngự ra ngoài, Mạc Đăng Dung lập em ruột vua là Xuân lên ngôi, giáng vua làm Đà Dương Vương. Năm Thống Nguyên thứ 5 [1526], bị Mạc Đăng Dung giết. Sau được truy dâng thuỵ hiệu là Thần Hoàng Đế, miếu hiệu Chiêu Tông.

Đinh Sửu, Quang Thiệu năm thứ 2 [1517], (Minh Chính Đức năm thứ 12). Mùa xuân, truy tôn hoàng tổ Kiến Vương[1] làm Đức Tông Kiến Hoàng Đế, hoàng phụ Trang Định Đại Vương[2] làm Minh Tông Triết Hoàng Đế, lại sai Lễ bộ thượng thư Đàm Thận Huy hiệu định miếu huý và ngự danh (miếu huý 20 chữ, ngự danh là hai chử _ ____ và Huệ ____). Những khi làm văn hay viết sách để khắc in sách đều không cấm, nhưng khi đọc thì đều phải tránh, hai chữ liền nhau như loại "Trưng Tại"[3] đều không được viết.

Sai Bình quận công Nguyễn Văn Sự là đô tướng.

[35a] Mùa hạ, tháng 4, đánh chết Cồ Khắc Xương giả xưng là Thiên Vũ. Khắc Xương người hương Nhân Vũ, huyện Thiên Thi[4], làm quân nhân của Hiệu lực tiền vệ, năm Hồng Thuận thứ 6 [1514], tự xưng là phò mã giáng thân, ít lâu sau lại xưng là Thiên Vũ. Đến tháng giêng năm này, ra ở chùa làng, đặt hiệu là Phù Kinh, xin 9 gói cơm ăn hết, rồi lấy lá gói cơm đốt thành than làm thuốc cứu chữa cho lương dân không có con cái rồi đòi gà rượu. Chữa cho người nào là hiệu nghiệm ngay. Việc này đến tai triều đình. Vua sai người bắt giải về Kinh đánh chết, vì hắn làm điều quái đản mê hoặc dân, cho nên bị giết.

Sai Thái bảo Thuỵ quận công Ngô Bính là đô tướng.

Lấy Nguyễn Văn Vận làm Tán trị Thừa chính sứ ty thừa chính sứ trấn Kinh Bắc.

Tháng 5, ngày 28, truy tôn Linh Ẩn Vương là Tương Dực Đế.

[35b] Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ có hiềm khích với Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy, đóng quân chống nhau.

Trước đây, Nguyễn Hoằng Dụ và Trịnh Tuy đều đi đánh giặc, khi về Kinh sư nghe lời dèm pha của con em, mới thành hiềm khích. Hoằng Dụ đóng quân ở phường Đông Hà, Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại La chống giữ nhau. Hoằng Dụ cáo ốm không vào chầu. Khoa quan Nguyễn Quán Chi tâu lên. Vua đem chuyện Liêm Lạn[5], Giả Khấu[6] dụ bảo, không giải hoà được. Đến đây, Nguyễn Văn Lự, Trịnh Duy Đại đều vào chầu trước mặt vua, tâu xin giải hoà hai người. Văn Lự lấy tờ mật chiếu trong tay áo ra, tâu là Trịnh Tuy và Duy Đại đem con trai của Nguyễn Trinh là Nguyễn Tùng lập làm nguỵ chúa, làm việc đại

[1] Tức Kiến Vương Lê Tân.

[2] Trang Định Đại Vương Lê Sùng, con trưởng của Kiến Vương Tân, cha của Lê Chiêu Tông.

[3] Trưng Tại: là tên mẹ Khổng Tử, ở đây dẫn làm ví dụ.

[4] Huyện Thiên Thi: sau là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng.

[5] Liêm Lạn: là Liêm Pha và Lạn Tương Như, người nước Triệu, thời Chiến Quốc. Liêm Pha là tướng võ, Lạn Tương Như là tướng văn. Liêm Pha cậy mình có nhiều chiến công nhiều lần làm nhục Lạn Tương Như, nhưng Tương Như đều né tránh, người nhà lấy làm hổ thẹn. Tương Như bảo rằng: "Sở dĩ nước Tần không dám đánh Triệu, vì có hai chúng tôi. Nay nếu hai con hổ đánh nhau, nhất định sẽ có một con bị hại. Vì thế, tôi coi việc nước là trọng mà bỏ thù riêng đi". Liêm Pha nghe được câu ấy, thân hành đến xin lỗi Tương Như và xin kết bạn chí thân.

[6] Giả Khấu: là Giả Phục và Khấu Tuân, là hai viên đại tướng của Quang Vũ nhà Hán. Tuân giết viên bộ tướng của Phục, hai người sinh hiềm khích, toan đánh giết nhau. Quang Vũ gọi hai người tới và dụ rằng: "Nay thiên hạ chưa yên, sao hai con hổ lại chọi với nhau". Từ đấy, Giả Phục và Khấu Tuân vui vẻ cùng đi chung xe ra về, và kết bạn với nhau.

nghịch. Thế là vua sai bắt Duy Đại và Hữu đô đốc Lê Ích Cựu đều đem chém cả. Trịnh Bá Quát thì bị thắt cổ chết. Đem đầu của Trịnh Duy Đại bêu ở ngoài dinh quân của Thiết Sơn **[36a]** bá Trần Chân.

Hôm ấy, Nguyễn Hoằng Dụ cất quân đánh Tuy ở các phường Vĩnh Xương, Khúc Phố, Phục Cổ[1] tại kinh thành, ba lần đánh mà không được. Tỳ tướng của Trịnh Tuy là Nguyễn Thế Phó trúng tên phải lui. Tuy bèn chạy vào Thanh Hoa. Trần Chân thấy Nguyễn Hoằng Dụ đuổi Trịnh Tuy, bèn cất quân đánh Hoằng Dụ (trước đây, Duy Sản và Trịnh Tuy là người cùng họ, Duy Sản nuôi Trần Chân làm con nuôi), mật gửi thư cho con em ở các dinh Sơn Tây cùng đánh. Ngày hôm ấy, Hoằng Dụ vào yết kiến vua, định ra cửa Đại Hưng, ngờ là có Trần Chân ở đó, bèn ra cửa Đông Hoa. Lát sau, xuống thuyền lánh về Thanh Hoa.

Bấy giờ Mạc Đăng Dung trấn thủ Sơn Nam, Trần Chân gửi thư khuyên Đăng Dung chặn giữ lại, Đăng Dung không nỡ, nên Hoằng Dụ đi được thoát.

Trước đây, khi Hoằng Dụ đánh nhau với Trần Chân, trời sắp tối, có đám mây năm sắc nổi lên ở phương đông, rồi mây vàng bay tản khắp trời. Người thức giả cho là điềm lạ.

> **[36b]** Triều Lê vào thời Quang Thiệu, giặc bên ngoài chưa yên, quyền thần đánh lẫn nhau, chém giết nhau dưới cửa khuyết, chốn Kinh sư đẫm máu. Mặt trời vàng tối, mây trời tán lạc, cái điềm vận nước ngày một suy đã xuất hiện từ đấy.

Xuống chiếu truy tôn Mẫn Lệ công làm Uy Mục Đế.

Ngày 28, giết chết Trần Công Vụ giả xưng là Thiên Bồng (Công Vụ là quân nhân, người xã Phạm Tùng, huyện Gia Phúc).

Trước đó, Phó tướng tả đô đốc Vũ Xuyên bá Mạc Đăng Dung tâu rằng: Công Vụ làm trò yêu quái, dối trá mê hoặc dân ngu, và hặc tội quan Thừa Hiến là bọn Lê Toản và Đỗ Thao tin mê tà thuyết, đại ý là: Thần trộm nghĩ: Điều nhân, nghĩa, trung, chính, bậc thánh nhân thường làm, việc quái, lực, loạn, thần[2] thì thánh nhân không nói. Xét các đời trước, chứng cớ rành rành. Như Hoàng Đế trị dân thì phải thận trọng phân cách u minh[3], **[37a]** Cao Dương[4] dựng nước phải rạch ròi giới ranh trời đất. Như vậy là để dựng tiêu đích cho đương thời, lưu gương răn cho hậu thế. Lớn lao thay thánh thượng, mở vận trung hưng vẻ vang, làm vua làm thầy tốt đẹp, việc vỗ trị đảm nhiệm về mình; dùng đạo, dùng đức dạy răn, phúc mầu nhiệm mong cho chóng tới. Khắp trong cõi bờ, đều được no ấm sinh sôi. Nay quân nhân Cồ Khắc Xương ở làng Nhân Vũ, huyện Thiên Thi, và quân nhân Trần Công Vụ ở làng Phạm Tùng, huyện Gia Phúc là hạng lính mọn, vốn đứa dân thường, đáng lẽ phải theo đạo vua, đường vua, kính tuân lời dạy, lại giả xưng Thiên Bồng, Thiên Vũ lừa dối dân ngu. Biến chùa Phật Phù Kinh thành trường bán gian, mượn miếu thần Bố Bái làm ổ chứa nguy. Tán tro làm thuốc, thuật lừa mà già trẻ đua nhau; đọc chú vẽ bùa, kế đắt mà xóm thôn sợ phục. **[37b]** Bọn yêu quái đã làm như vậy, kẻ sĩ phu nên gắng sức bài trừ. Thế mà bọn quan Thừa Hiến, đã từng đọc sách thánh hiền, đều giữ trách nhiệm gương mẫu, đáng phải như Nhân Kiệt[5] phá đền nhảm ở Hà Nam, để trừ mê hoặc, như Hồ Dĩnh[6] đánh thầy chùa ở Quảng Đông để bỏ dị đoan. Sao bọn phàm tục ấy không hiểu lẽ thường tình như vậy? Lê Toản, Lê Vận thì u mê không tỉnh ngộ, mê tín điều xằng bậy dâng sớ tâu càn; Tử Ký, Đỗ Thao, thì ngu tối chẳng hiểu gì, phụ hoạ theo lời họ mà tâu nhảm. Nhất nhất đều theo về tả đạo, dần dần mê hoặc thói cốt đồng. Lừa nhau bằng quái

---

[1] Vĩnh Xương, Khúc Phố, Phục Cổ: Đều là tên phường, thuộc kinh thành bấy giờ.

[2] Luận ngữ: Khổng Tử không hay nói tới những việc "quái, lực, loạn, thần". Quái: việc quái đản; lực: việc dũng lực, loạn: việc rối loạn, thần: việc quỷ thần.

[3] U minh: U là nơi u tối, người mê tín chỉ cõi âm phủ. Minh: là sáng, chỉ nơi dương thế.

[4] Cao Dương: vốn là tên nước, Chuyên Húc làm vua ở Cao Dương, cho nên gọi là Cao Dương thị.

[5] Nhân Kiệt: tức Địch Nhân Kiệt đời Đường. Khi làm Tuần phủ sứ Giang Nam đã hạ lệnh phá huỷ 1700 đền thờ nhảm.

[6] Hồ Dĩnh: người Ngô Hưng, tự là Phương Dung, tính khoan hậu, đời Lương Nguyên Đế làm La Châu thứ sử, phong Hán Dương huyện hầu, bài trừ mê tín dị đoan.

đản, doạ nhau bằng quỷ thần, chúng đã làm những trò gian dối; răn gì không hình phạt, sửa gì không pháp luật, xin phải nêu điều cấm cho nghiêm. Vua y theo.

Lấy Nguyễn Dự làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

[38a] Mùa đông, tháng 11, ngày 20, lấy Đỗ Nhạc làm Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Tháng 12 nhuận, giết tặc thần Lê Quảng Độ. Trước đây, Lê Quảng Độ đầu hàng Trần Cảo. Đến đây, bọn trấn tướng Hà Phi Chuẩn, Nguyễn Lỗ bắt được giải về Kinh sư. Mạc Đăng Dung dâng sớ xin giết đi, đại ý nói: "Tam cương ngũ thường là rường cột chống đỡ trời đất, là trụ đá giữ yên sinh dân. Nước không có cương thường, dẫu là Hoa Hạ cũng thành Di Dịch, người không có cương thường, tuy mặc áo xiêm cũng hoá chim muông. Từ xưa đến nay, chưa có ai bỏ cương thường mà có thể đứng trong khoảng trời đất được. Nay Lê Quảng Độ nhờ ấm phong của ông cha, thế mà chỉ một mực dựa dẫm, dòm ngó đủ vành. Muốn vua yêu thì **[38b]** nịnh hót trăm chiều, nắm quyền thế thì xoay trò lắm cách, gây nên tai họa ở các đời Đoan Khánh, Hồng Thuận nguyên cớ đâu chỉ trong một sớm một chiều? Đến khi giặc Cảo gây việc binh đao, tiếm xưng vị hiệu thì kẻ ấy lại tham sống sợ chết, nỡ nhơ nhuốc làm tôi kẻ thù; mượn danh tước đi lừa dỗ dân ngu cho giặc Cảo; làm đầu mục đi cầu phong nước ngoài cho giặc Cảo. Hành động như loài chó loài lợn, bụng dạ tựa con cánh, con cưu (cưu là loài chim dữ, cánh là loài thú dữ; cưu ăn thịt cha, cánh ăn thịt mẹ). Mọi người ai cũng phỉ nhổ, mà kẻ kia vẫn ngoan ngu không chuyển, không hề nghĩ tới ơn hậu của vua cha, nghĩa lớn của cương thường. Tội của nó đối với trời đất, đối với tổ tông, đối với thiên hạ không thể nào tha được. Nay bọn tướng thần Hà Phi Chuẩn và Nguyễn Lỗ đã bắt được chính thân tên ấy, kính xin sắc chỉ cho lực sĩ đem giết đi. Trước đây Lục khoa và Mười ba đạo đã tâu việc tên ấy làm đại **[39a]** thần gặp biến loạn đã không biết chết vì tiết nghĩa lại đi thờ bọn nghịch tặc. Bọn thần xét thấy: Cựu thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ ở chức tể tướng không hết lòng trung, khi gặp sự biến không chết vì nghĩa, làm tôi giặc Cảo, chống lại triều đình, để trấn thủ dinh tướng là bọn Hà Phi Chuẩn, Nguyễn Lỗ bắt được giải nộp, quả là bề tôi phản nghịch phạm tội rất to. Bọn thần trộm nghĩ: Cương thường của trời đất, cốt ở giữ đạo vua tôi, nghĩa lớn kinh Xuân Thu càng nghiêm giết kẻ giặc loạn. Danh phận rất rõ, điều luật còn kia. Nay Lê Quảng Độ tài hèn nhờ được tập ấm, lạm dự vào chức tể thần. Đáng lẽ phải gắng tiết trung trinh lo báo đáp mấy triều ưu đãi. Sao lại làm nhiều điều xằng bậy trở thành kẻ gian muôn đời. Tính cương trực không chịu học Hàn Hưu[1], thói giảo quyệt còn quá hơn Lâm Phủ[2]. Buồng the bất chính, tệ dâm ô như Trịnh **[39b]** Vệ[3] tanh hôi, trụ cột kém tài, sức phò tá như Y Chu[4] lại thiếu. Theo ý riêng làm trái lẽ, ỷ phép nước để lộng quyền. Phòng tai hoạ của quỷ dòm nhà[5] thì chặt phá cây rừng, mở rộng nhà cửa, trổ mưu mẹo cho người lú ruột thì tự cầm hồ rượu chuốc mời khắp hạ liêu. Chỉ gấp việc tìm vàng, tậu ruộng, chỉ chăm điều bán ngục mua quan. Trong thì các chức phủ, vệ đều từ cửa hắn mà ra, ngoài thì các quan thừa hiến đều do tay hắn tuyển bổ. Dạ tham lam, như suối khe vô tận, bọn chạy chọt thì cờ xí rước mời. Đục khoét xóm làng, dân dã khốn cùng mà không thương xót. Kỷ cương rối loạn, chính sự mọt rỗng mà chẳng nghĩ lo. Trên thì phụ lại công ơn ấp ủ của triều đình, dưới là làm hỏng cơ nghiệp nối truyền của tông tổ. Việc làm như thế sao gọi là người khôn? Mới rồi nhân khi giặc Cảo tiếm hiệu cướp ngôi, lại chẳng bắt chước Chân Khanh khảng khái liều mình[6]. Chống đỡ nạn nước thì **[40b]** không vung giáo giữ cho xã tắc, tham tiếc của nhà lại định đào lỗ chôn giấu bạc vàng. Lời thề xưa dám ngày ngày quên lãng, triều đình giặc lại tối tối nương nhờ. Gặp nguy biến, u mê không

---

[1] Hàn Hưu: Tể tướng đời Đường, tính cương trực hay can gián. Đường Huyền Tông có điều gì lầm lỗi thường hỏi quan hầu cận Hàn Hưu có biết không. Nói xong, đã thấy Hàn Hưu dâng sớ can tới.

[2] Lâm Phủ: tức Lý Lâm Phủ, làm tể tướng đời Đường, tính giảo quyệt. Người đương thời bảo rằng Lâm Phủ ngoài miệng nói ngọt như mật, nhưng trong bụng chứa đầy dao mác.

[3] Trịnh Vệ: tên hai nước thời Xuân Thu. Hai nước này có tục trai gái tụ họp dâm loạn với nhau. Đời sau gọi thói dâm loạn là thói Trịnh.

[4] Y: tức Y Doãn, hiền thần của vua Thái Giáp nhà Thương. Chu: là Chu Công Đán giúp Thành Vương làm nên nghiệp lớn.

[5] Quỷ dòm nhà: theo điển "Quỷ hám" trong Kinh Dịch.

[6] Chân Khanh: người đời Đường Đức Tông, mang phù tiết đi dụ kẻ phản nghịch Lý Hy Liệt, không chịu khuất bị giết chết.

biết chết theo; thờ kẻ thù, nhuốc nhơ những mong sống tạm. Cúi đầu lạy kẻ nghịch tặc, đáng hổ thẹn với loài voi múa kia còn biết nghĩa hơn[1]; làm mồi dụ bọn ngu dân, lại ngu xuẩn quá lũ ong đàn nọ. Gầm gừ trở mặt cắn lại, ăn năn cắn rốn kịp sao! Huống chi đức thánh thần muốn cho đổi lỗi quay về, lòng tin thực bao lần tỏ trong chiếu chỉ, mà sao nó không hề nhớ cũ, ngoan cố nuôi mưu kế gian tà. Manh tội phản Hán như Bành Manh[2], giẫm vết chống Đường của Chu Thử[3]. Sóng biển mênh mang, rửa sao cho xuể tội kia chồng chất; lưới trời lồng lộng, đứa gian kia đâu được dung tha! Mặt mũi nào mà trông vầng nhật nguyệt, nói năng sao đáp lại các quan liêu. Quên **[40b]** người thân, ăn cướp của người thân; thờ phụng chúa, lại quay sang phản chúa. Kẻ tôi con bất trung bất hiếu, tội thất thân đã phạm hàng đầu; việc hình phạt có bậc có điều, kẻ phản bội phải dung phép nước. Lại triều thần dâng tâu việc đại thần phản nước theo giặc. Bọn thần xét thấy cựu thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ trong năm Đoan Khánh và Hồng Thuận chứa mưu hoạ loạn, quấy rối thiên hạ, đến khi giặc Cảo đánh vào Kinh sư, đã không biết giữ vững khí tiết kẻ làm tôi, lại quay mặt về hướng Bắc thờ kẻ thù địch, rõ ràng là phản nước theo giặc, can vào tội nặng. Vì thế, bọn thần trộm nghĩ: Đạo thường của trời đất, không gì nặng bằng nghĩa vua tôi; quyền của đế vương, rất nghiêm khắc giết kẻ loạn tặc. Huống chi, một đứa bỉ phu như Lê Quảng Độ, chút tài mọn một đấu, một thưng lại lạm giữ trọng quyền tam thai, đỉnh vạc[4]. Mua ngục bán quan, đã gây hoạ **[41a]** thời Đoan Khánh thanh bình giữ nghiệp; nịnh vua hót nhảm, lại làm mất nước buổi Hồng Thuận cai trị hạ dân. Những việc nhẫn tâm, kể sao cho hết; tai hoạ mất mát, không chi không làm. Mười năm nuôi mầm loạn thiên hạ, có khác gì Lâm Phủ gian phi; một sớm nổi quân phản Ngũ Dương[5], đã xảy ra loạn Lộc Sơn nghịch tặc. Trăm họ vì thế mà xôn xao, chín miếu vì thế mà kinh động. Đáng lẽ phải liều mình báo nước, để chuộc tội bán nước hại dân; thế mà lại tham sống sợ chết, đành làm kẻ thờ thù, theo giặc. Làm tôi giặc Cảo, lâu đến ba năm; giúp ngầm giặc Cảo, có đến trăm cách.

Chiếu nguỵ, dụ nguỵ, sắc nguỵ, phong tước danh để lừa dối dân ngu; kẻ hiểm, hành hiểm, lời hiểm, xưng đầu mục để cầu phong ngoại quốc. Thực không bằng loài chó lợn, lại kém cả lũ kiến ong. Nay xin kính cẩn tâu lên". Quảng Độ bị xử tử.

[41b] Cho Nguyễn Mậu làm tham chính Hải Dương kiêm tán lý quân vụ ở dinh Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng. Trước đây, Mậu làm Hiến sát sứ Thanh Hoa về nhà chịu tang, khi hết tang lại vào Kinh. Bấy giờ gặp lúc Trần Cảo làm loạn, Mậu không chịu theo mệnh lệnh của giặc. Triều đình cho là Mậu có sĩ vọng, lại cho làm tham chính bản xứ và kiêm chức tán lý; không bao lâu, được thăng Thái bộc tự khanh.

Năm ấy, trong nước đói to, xác người chết đói nằm gối lên nhau. Những nơi trải qua binh lửa như Đông Triều, Giáp Sơn ở Hải Dương, Yên Phong, Tiên Du, Đông Ngàn ở Kinh Bắc là càng đói dữ. Bấy giờ, vua còn bé, thế nước lâm nguy, các tướng đều tự xưng hùng xưng bá, gây ra hiềm khích với nhau. Thiết Sơn bá Trần Chân đã đuổi Nguyễn Hoằng Dụ, vẫn trấn giữ Kinh sư.

Vua sai Tả hiển Thiết Thành bá và tướng mới hàng là bọn Nguyễn Công Độ đem quân bộ, Mạc Đăng Dung đem quân thuỷ đuổi bọn Hoằng Dụ **[42a]** chạy vào huyện Thuần Hựu[6] (nay đổi thành Thuần Lộc, vì tránh tên huý của Chân Tông). Quan quân đào mả Nguyễn Văn Lang là cha Hoằng Dụ, chém lấy đầu. Hoằng Dụ lại hội quân chống nhau với quan quân. Nhân đó Hoằng Dụ gửi bức thư và một bài thơ

---

[1] Voi múa: Đường Minh Hoàng có con voi biết múa. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, sai bắt voi ấy lạy múa, nhưng con voi chỉ đứng trừng mắt nhìn, không chịu múa.

[2] Bàng Manh: người đời Hán, Vương Mãng giết con Manh, Manh đem cả nhà ra ở ngoài biển, khi Hán Quang Vũ lên ngôi, có chiếu thư ra mời, Manh cáo là già lẫn không chịu đến.

[3] Chu Thử: làm thái uý đời Đường Đức Tông. Khi Diên Lệnh Ngôn làm loạn, cử Thử lên làm chúa. Thử xưng đế, vậy Đức Tông ở Phụng Thiên. Lý Thạch thu phục Kinh sư, Thử bỏ chạy, bị viên tướng của hắn giết chết.

[4] Tam thai, đỉnh vạc: chỉ chức tâm công. Ở đây chỉ Lê Quảng Độ làm đến tể tướng, thái sư, quốc công.

[5] Quân phản Ngũ Dương: chỉ quân làm phản của An Lộc Sơn.

[6] Thuần Hựu: tên huyện, sau đổi thành huyện Thuần Lộc, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

cho Mạc Đăng Dung. Mạc Đăng Dung nhận được thư và thơ đó, liền đóng quân không đánh. Bọn Hoằng Dụ được toàn quân chạy về.

Định lệnh thưởng công vận tải thóc công ở Thuận Hoá. Những người vận tải thóc công ở Thuận Hoá hai lần, đều siêng năng cả, nếu là quan viên thì thăng một cấp, thưởng hai tư; nếu là hạng lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ cũ làm lâu năm đã có xuất thân thì gửi về bản quán, nếu tình nguyện, cho như hạng nhất thân, bổ trung uý, hạng mới tuyển, có chân xuất thân từ bổ vũ uý, trật chánh bát phẩm, chia vào các vệ túc trực. Về văn thuộc, nếu có xuất thân cùng quân sắc và dân chúng thì bổ phó vũ uý, trật tòng bát phẩm.

Lấy **[42b]** Lê Sạn làm Hộ bộ thượng thư.

Mậu Dần, [Quang Thiệu] năm thứ 3 [1518], (Minh Chính Đức năm thứ 13). Mùa xuân, thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đặng Ất (người Hải Triều, huyện Ngự Thiên, thi Đình đỗ tiến sĩ xuất thân) 17 người. Đến khi thi Đình, đầu đề văn sách hỏi về việc biết người yên dân. Cho bọn Ngô Miễn Thiệu, Nguyễn Mân Đốc, Lưu Khải Chuyên 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Lại Kim Bảng 6 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Đệ 8 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

> Xét bài ký của Nguyễn Văn Thái viết: Thần kính xét, triều trước từ năm Nhâm Tuất, Đại Bảo năm thứ 3 mở khoa thi, hoặc 6 năm một khoa, hoặc 5 năm một khoa chưa có lệ cố định. Đến năm Quang Thuận thứ 4 là khoa Quý Mùi trở đi mới định ba năm một khoa, theo **[43a]** Hội điển của nhà Minh, lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi Hương, các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi Hội, duy có năm Mậu Dần, Quang Thiệu năm thứ 3 có khoa thì là vì năm thứ 2 là năm Đinh Sửu chính là năm mở khoa thi, nhưng năm ấy đương có việc nên đến năm nay mới cử hành được.

Gia phong Mạc Đăng Dung là Vũ Xuyên hầu.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 7, trời mưa gió to, sét đánh chết người rất nhiều.

Ngày 11, giết Thiết Sơn bá Trần Chân và bè đảng của Chân là bọn Trần Trí, Nguyễn Nga, Nguyễn Bá Đại, Lê Nguyện Khâm... 6 người ở trong cung cấm.

Trước đây, Trần Chân đã đuổi được Nguyễn Hoằng Dụ, quyền nắm trong tay, Mạc Đăng Dung cũng phải sợ, mới hỏi con gái của Chân cho con trai mình là Đăng Doanh. Bấy giờ, có kẻ hiếu sự làm câu ca rằng: "Trần hữu nhất nhân, vi thiên hạ quân, thố **[43b]** đầu hổ vĩ, tế thế an dân" [Có một người họ Trần, làm vua thiên hạ, đầu thỏ đuôi hổ, trị nước yên dân]. Vì thế, quốc cữu Chử Khảo, Thọ quốc công Trịnh Hựu, cùng với Thuỵ quân công Ngô Bính bàn với nhau rằng: Một người họ Trần tức làm Trần Chân, đầu thỏ đuôi hổ tức là cuối năm Dần đầu năm Mão, sợ rằng vào năm ấy sẽ có biến loạn, khuyên vua sớm trừ đi. Đến đây, khi tan chầu, vua cho gọi Chân và bọn đệ tử Trần Trí vào cả trong cung cấm sai người đóng các cửa thành, sai bọn lực sĩ bắt Chân. Chân chạy đến chân thành, người giữ cửa bắt chém đi. Đệ tử của Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính (Kính sau làm quan với nhà Mạc đến chức thái uý Tây quốc công, được truy tặng Tây Kỳ Vương), Nguyễn Áng nghe tin ấy, đánh ba hồi chiêng, đem quân vào cửa Đại Hưng, thấy các cửa thành đã đóng, bèn tiến thẳng vào ty Địch vạn vệ Cẩm y. Người giữ cửa ngăn lại **[44a]** không cho vào. Vua đem quân đi tuần trong thành, bêu đầu Trần Chân cho xem, bọn Nhạc, Kính mới chạy.

Ngày 14, bọn Nguyễn Kính, Nguyễn Áng, Nguyễn Hiêu, Cao Xuân Thì (có sách chép là bọn Nguyễn Chi, Mã Cử) cùng họp với nhau ở chùa Yên Lãng[1], đem quân đánh vào sát kinh thành. Vua đang đêm, chạy sang dinh Bồ Đề ở Gia Lâm để tránh.

Hôm sau, vua chạy đến Súc Ý đường ở xã Dương Quang[2], tới nhà Đàm Cử (Cử người huyện Quế Dương, có nhà ở xã Dương Quan, huyện Gia Lâm[1]) đến quá trưa chưa ăn cơm, dân gian có người đem bánh khoai dâng lên.

---

[1] Yên Lãng: nay là chùa Láng ở quận Đống Đa, Hà Nội.

[2] Dương Quang: tên xã, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Bấy giờ, Trịnh Tuy đóng quân ở xứ Sơn Nam có hơn 1 vạn người, nghe tin vua chạy ra ngoài, quân lính tan cả. Thế là quân Sơn Tây[2] thả sức cướp phá, trong thành sạch không, Kinh sư thành bãi săn bắn, đánh cá. Vua nhân đó, cho gọi Nguyễn Hoằng Dụ ra đánh bọn Nguyễn Kính. Nhưng Hoằng Dụ lưỡng lự không đi.

> **[44b]** Từ khi Trần Cảo vào Kinh mà tông miếu tan nát, từ khi quân Sơn Tây làm loạn mà Kinh thành sạch không, xem thế đủ biết triều Lê không hưng thịnh được nữa.
>
> Người ta có ba bậc phải thờ phụng như một là vua, thầy và cha, có khác gì nhau đâu. Xưa Trương Tú[3] buộc tờ biểu vào cán búa, giết người để phục thù cho cha, mà nổi tiếng ở đời Đường; Quách Bốc đem quân vào trong cung, đuổi vua để cứu bộ tướng của mình mà danh dậy đời Lý[4]. Những người ấy đề đem lòng thờ vua, thờ chủ mà chuyển thành đạo thờ cha, thờ thầy, có gì khác đâu! Trần Chân ở triều Lê, có công lao không phải là nhỏ. Đương lúc giặc Cảo tiếm hiệu cướp ngôi ở Đông Kinh, Chân đem quân một lữ đêm ngày xoay sở đánh lại, đến hơn mười ngày mà tên đầu sỏ Cảo phải rút chạy. Đến khi giặc Cảo lại đánh đến Bồ Đề, Chân **[45a]** đem mấy ngàn quân vượt sông tiến đánh, chưa tới mươi ngày mà đồ đảng của Cảo tan vỡ, mặt trời mặt trăng của nhà Lê lại sáng, tông miếu của nhà Lê lại được thờ, so với Thần My khôi phục nhà Hạ[5], Cát Phủ khuông phù nhà Chu[6] có khác gì đâu. Thế mà khi giặc lớn chưa dẹp, bọn gian dương dòm ngó, trên thì vua ngu tối tin lời dèm, trong thì mẫu hậu gian phi gây hoạ, đến nỗi gọi vào cung cấm giết kẻ tướng thần, so với Lý Cao Tông giết Bỉnh Di[7], Trần Giản Định giết Đặng Tất[8] kẻ có công bị ngờ vực, người vô tội bị giết hại, ngậm oan nuốt hận, trời đất không hay, há chẳng đau xót lắm ư? Hợp cả Nguyễn Kính, Nguyễn Áng mà bàn, thì hai người này là tướng dưới trướng của Chân, mài chí phục thù, dốc lòng trừ gian, liều mình cứu mạng cho chủ, trên là để báo lại ơn đức xưa nay, dưới **[45b]** là giải được mối oan khiên uất ức, phù trì chính khí cho ức vạn năm, diệt bọn gian hùng cho ngay lúc ấy, đạo thờ thầy đã sáng rõ lắm rồi. Song xét ra, Chân làm tướng không biết răn cấm tả hữu, khi thì giết bậc danh thần giữa chốn đại đô, lúc lại uống rượu, ngự trong cung Lục Thanh, rất không phải là lễ của người làm tôi, thế thì Chân bị giết cũng là tự chuốc lấy, có gì đáng lạ!

Ngày 16, lấy Lại bộ thượng thư Đỗ Nhạc làm Ngự sử đài đô ngự sử kiêm Đông các đại học sĩ, nhập thị kinh diên.

Lấy Thái bộc tự khanh Nguyễn Mậu làm Ngự sử đài thiêm đô ngự sử.

Lấy Lê Sạn làm Lại bộ thượng thư.

Tháng 8, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Thừa chính sứ Kinh Bắc Phạm Khiêm Bính nghe tin vua chạy **[46a]** sang Gia Lâm, đến hành tại bái yết, rồi vâng mệnh vua điều động lương thực cấp cho quân lính.

---

[1] Theo CMCB 26, 39 thì Đàm Cử là đô lực sĩ.

[2] Quân Sơn Tây: chỉ quân của bọn Nguyễn Kính, Hoàng Duy Nhạc.

[3] Trương Tú: người đất Giải, đời Đường. Cha Tú là Thẩm Tố bị ngự sử Dương Uông giết. Tú chuyển ra Lĩnh Nam, sau đó trốn trở về giết Uông. Lúc sắp bị giết, Tú nói: "Xuống gặp cha ta thì còn gì đáng hận nữa!".

[4] Tức đời Đường. Các vua Đường họ Lý nên gọi thế.

[5] Thần My: bề tôi của Thiếu Khang nhà Hạ, khi Hàn Xác cướp ngôi nhà Hạ, Thần My giúp Thiếu Khang giết Hàn Xác, khôi phục cơ nghiệp nhà Hạ.

[6] Cát Phủ: Tức là Doãn Cát Phủ, bề tôi của Chu Tuyên Vương, có công giúp Tuyên Vương trung hưng nhà Chu.

[7] Xem Kỷ nhà Lý - Lý Cao Tông.

[8] Xem Kỷ Hậu Trần - Giản Định Đế.

Vua sai Cung Kiệm hầu Hà Văn Chính, Cối Khê bá Lê Đại Đỗ đi gọi Mạc Đăng Dung ở Hải Dương về. Vua lại chạy về Thuần Mỹ đường, ra coi chầu trăn quan.

Khi ấy, Đăng Dung đến yết kiến vua, đóng thuỷ quân ở sông Nhị Hà, cho là Súc Ý đường hơi xa, nhân tâu xin lại chuyển về Bồ Đề, ngự ở Thuần Mỹ đường để được tiện theo hầu. Lại sai người đi dụ bọn tử đệ của Trần Chân. Bọn Nguyễn Áng đều nói: Thiết Sơn bị giết, do ở bọn Chử Khải, Trịnh Hựu, Ngô Bính dèm pha, nếu giết ba người ấy thì vua tôi lại như cũ, không có mưu đồ gì khác. Vua nghe kế của Đàm Cử, bèn giết bọn Khải. Nhưng bọn Áng lại càng rông rỡ hoành hành, đóng quân không rút.

Tháng 9, ngày 21, Mạc Đăng Dung giết Ngự sử đài đô ngự sử Đỗ Nhạc **[46b]** và Phó đô ngự sử Nguyễn Dự. Khi ấy, Đăng Dung cho là vua ở điện Thuần Mỹ, thuỷ quân hơi gần với địa phương của bọn con em Trần Chân, xin vua rời về Bảo Châu[1]. Đỗ Nhạc, Nguyễn Dự đều can. Đăng Dung liền sai đồ đảng là Đinh Mộng bắt Nhạc và Dự đến ruộng dâu ngoài cửa bắc hành dinh Xuân Đỗ[2]. Vũ Duệ có bài thơ rằng:

_ ni tinh kỳ quái tịch dương,
Lưỡng cung phiến phiếm giá phi hoàng.
Hàm tê chiến sĩ yêm giang thượng,
Phục trãi trung thần tử đạo bàng.
Vạn lý sừ tinh lâm hữu đạo,
Tâm quân loát tuệ thác vô lương.
Thăng Long tự cố hưng vương địa,
Hà bất thư hùng quyết nhất trường.
(Phấp phới cờ treo bóng tịch dương,
Hai cung[3] buông lửng một con xuồng.
Áo tê quân chiến ỳ bên cạnh,
Mũ trãi tôi trung chết cạnh đường.
Muôn dặm bừa rau rừng có giặc,
Ba quân tuốt dé túi không lương.
Thăng Long là đất hưng vương cũ,
Sống mái sao không quyết một trường[4]

Bấy giờ Duệ thấy vua và hoàng đệ Xuân thả thuyền chạy ra ngoài, Nhạc và Dư can mà bị giết, thiên hạ đói cơm thèm rau, quân lính không có lương ăn, vua lại không có Thăng Long mà rời đến Bảo **[47a]** Châu, cho nên có bài thơ này (Duệ người Sơn Vi[5] đỗ tiến sĩ cập đệ khoa Canh Ngọ đời Hồng Đức, làm quan đến Thiếu bảo thượng thư, sau thành bề tôi tiết nghĩa).

Đinh Mông rước vua về Bảo Châu. Vua đã dời đến Bảo Châu, Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy và văn thần Nguyễn Sư cùng với các tướng ở Sơn Tây cùng mưu lập người con của Tĩnh Tu công Lộc tên là Bảng làm vua, đổi niên hiệu là Đại Đức (Bảng là cháu bốn đời của Cung Vương Xương). Được nửa năm lại phế Bảng và lập Lê Do, đổi niên hiệu là Thiên Hiến (có thuyết nói rằng Do là em cùng mẹ với Bảng, cha là dân thường, chưa rõ tên là gì). Làm hành diện ở xã Do Nha, huyện Từ Liêm, lấy người thôn quê chia đặt quan thuộc văn võ tiến triều. (Bọn Tuy đã lập Thiên Hiến, khi ấy, Lê Văn Tiền làm tổng binh Thuận Hoá. Tuy có gửi thư cho Văn Tiền).

Vua ở Bảo Châu, có Trình Chí Sâm, Nguyễn Thì Ung theo hầu, sai người đi dụ Nguyễn Hoằng Dụ. Hoằng được tin, bèn dem quân Thanh Hoa ra cứu nạn. Vua bèn sai Hoằng Dụ cùng với Mạc Đăng Dung

---

[1] Bảo Châu: Cương mục chú làm thuộc huyện Từ Liêm (CMCB26)

[2] Xuân Đỗ: Theo CMCB26 thì Xuân Đỗ là một xã thuộc huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc (nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội) giết đi.

[3] Hai cung: chỉ vua và hoàng đệ Xuân.

[4] Theo bản dịch cũ.

[5] Sơn Vi: tên huyện, sau là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[47b] đem các đạo quân Thanh Hoa và Sơn Nam chia đường tiến đánh bọn Nguyễn Áng, Nguyễn Kính ở Sơn Tây. Hoằng Dụ thua to, quân chết rất nhiều. Hoằng Dụ chạy xuống thuyền, tự liệu không đánh được, liền bãi binh lui về, chỉ để một mình Mạc Đăng Dung ở lại cầm cự với bọn Nguyễn Áng.

Mùa đông, tháng 10, sai Mạc Đăng Dung thống lĩnh các dinh quân thuỷ, bộ.

Sai Nguyễn Thì Ung, Nguyễn Nghiễm, Lê Ý, Ngô Hoan sang tuế cống nhà Minh và xin phong. Nhưng vì trong nước còn loạn, sau không đi được.

Sứ tuế cống lần trước là Nguyễn Quý Nhã từ Bằng Tường trở về, cho làm Đông các hiệu thư.

Vua lại chạy đến dinh Xuân Đỗ, huyện Gia Lâm.

Lấy Nguyễn Phi Hổ (có sách chép là Duy Hổ, người huyện Gia Lâm) làm Ngự sử đài thiêm đô ngự sử, Vũ Lân Định làm Thầm chính Thuận Hoá; đổi Thừa chính sứ Kinh Bắc Phạm Khiêm Bính làm Thừa chính sứ Nghệ An; sai **[48a]** Thừa chính sứ Nghệ An Phan Đình Tá làm Thừa chính sứ Kinh Bắc. Vì Khiêm bính người huyện Quế Dương, Kinh Bắc; Đình Tá người Thiên Lộc, Nghệ An, cho nên có lệnh đổi hai người. Khiêm Bính nhận lệnh đi, Đình Tá không chịu tới Kinh Bắc, rồi cùng với Khiêm Bính cùng trị nhậm Nghệ An.

Lấy Đàm Thận Huy là Thiếu bảo, Lễ bộ thượng thư nhập thị kinh diên.

Sai Lại bộ thượng thư Lê Sạn dụ tế cố Đô ngự sử Đỗ Nhạc, và ban 100 quan tiền điếu viếng.

(Nhạc người làng Lại Ốc, huyện Văn Giang; tên tự là Đôn Chính, tên thuỵ là Văn Tiết, tên hiệu là Nghĩa Sơn tiên sinh. Sinh được bốn con trai, con trưởng là Tổng, đỗ tiến sĩ cập đệ khoa Kỷ Sửu đời Minh Đức nhà Mạc, làm quan đến Đông các đại học sĩ, con thứ là Tấn, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi đời Đại Chính nhà Mạc, làm quan đến Hình bộ thượng thư Trà quận công, chết trận. Nhạc có tập thơ vịnh các đế vương trong sử theo thể Đường luật lưu hành ở đời).

Kỷ Mão, [Quang Hiệu] năm thứ 4 [1519], (Minh Chính Đức năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, vua ở hành dinh Bồ Đề. Trịnh Tuy làm **[48b]** cầu phao tiến quân, qua giữa sông để khiêu chiến. Vua sai đại tướng đánh phá, chặt đứt cầu phao, chém được tướng giặc Mai Dương bá. Tuy cùng với Lê Do rút về vùng Yên Lãng, Yên Lạc[1]. Vua lại sai tướng đến đánh, bọn Tuy đang đêm kinh sợ trốn chạy.

Tháng 2, ngày mồng 2, có sắc chỉ truyền cho Trung thư viết sắc mệnh và cáo mệnh phải có họ tên người viết, Thượng bảo tự đóng ấn báu.

Tháng 2 đến tháng 4, trời nắng dữ, lúa hại, gạo kém.

Giặc Xá ở đầu nguồn các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang nổi loạn, cướp bắt vợ con và của cải của dân chúng.

Lấy Đông các hiệu thư Nguyễn Quý Nhã làm Đông các học sĩ.

Mùa hạ, tháng 5, bọn giặc Xá tan vỡ. Khi ấy, gặp mưa to, giặc Xá đóng quân ở chỗ bùn lầy, **[49a]**, lòng quân chia lìa, không còn chí chiến đấu, quân bị tan vỡ.

Mùa thu, tháng 7, mưa to. Sai Mạc Đăng Dung thống lĩnh các quân thuỷ bộ vây Lê Do ở Từ Liêm, rồi phá đê cho nước vỡ vào quân Lê Do. Bọn Do và Nguyễn Sư chạy đến Ninh Sơn[2] (tức Yên Sơn ngày nay), quan quân bắt được, giải về đem đi rao. Trong khi bị giải đi rao, Sư có bài thơ rằng:

Bản dục hưng Chu cứu vạn dân,
Thuỳ tri thiên ý bất tùy nhân.
Ô Giang thuỷ khoát nam đông độ,
Xích Bích phong cao dị bắc phần.
Vân ám Ninh Sơn long khứ viễn,

---

[1] Yên Lãng, Yên Lạc: tên của hai huyện thuộc trấn Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[2] Ninh Sơn: tên huyện, sau đổi thành Yên Sơn, nay là huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

Nguyệt minh phúc địa hạc lai tần.
Anh hùng thành bạn cổ lai hữu,
Đãn hận binh sinh chí vị thân.
(Những toan phục nước cứu muôn dân,
Trời chẳng chiều người cũng khó phần.
Sông rộng, Giang Đông khôn trở gót[1],
Gió to, Xích Bích dễ thiêu quân[2]
Ninh Sơn mây ám rồng xa khuất,
Phúc địa trăng soi hạc tới gần.
Anh hùng thành bại xưa nay vậy,
Chí đời chưa thoả hận vô ngần)[3].

Tháng 9, ngày 20, vua về Kinh, đại xá, ban ân khắp, cho các quan được thăng 1 cấp, phong Mạc **[49b]** Đăng Dung làm Minh quận công.

Lấy Đông các học sĩ Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ tả thị lang.

Canh Thìn, [Quang Thiệu] năm thứ 5 [1520], (Minh Chính Đức năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng, sai Mạc Đăng Dung làm tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh, lấy Phạm Gia Mô làm tán lý quân vụ.

Khi ấy, Vũ Nghiêm Uy dấy quân ở Trường Thân, Đại Đồng (thuộc Tuyên Quang), vua sai Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ đem quân đi đánh, lấy Phạm Khiêm Bính làm tán lý quân vụ.

Lấy Vũ Duệ làm thiếu bảo, Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Lấy Lại bộ tả thị lang Nguyễn Quý Nhã làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Mùa hạ, tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Bật 14 người (Bật người Nghệ An, **[50a]** thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân). Đến khi thi Đình, vua thân hành ra đầu bài văn sách hỏi về nhân tài, cho Nguyễn Thái Bạt đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Thái Bạt người xã Bình Lăng, huyện Cẩm Giàng[4] có tiết nghĩa), bọn Đặng Công Toản, Nguyễn Bật 13 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sai Lễ bộ thượng thư kiêm sử quan phó tổng tài tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Đặng Minh Khiêm biên soạn Đại Việt lịch đại sử ký[5] (Minh Khiêm người huyện Sơn Vi, tự đặt hiệu là Thoát Hiên tiên sinh, có bộ Việt giám vịnh sử thi tập[6] lưu hành ở đời).

Lấy Nguyễn Hữu Nghiêm làm chưởng Hàn lâm viện sự.

Ban phong Thiếu bảo Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên, Vũ Duệ làm Trinh ý công thần.

Tháng 6, thổ tù xứ Thuận Hoá đuổi viên Tổng binh sứ Đoan Lương bá Phạm Văn Huấn, cướp lấy cả vợ con, của cải của Huấn. Bấy giờ, Văn Huấn đem nhiều con em đi theo, đổi đặt làm quan các vệ sở, **[50b]** quấy nhiễu dân địa phương, giết ngầm thổ tù các xã Võ Xá, An Truyền huyện Đan Điền[7] là bọn Hồ Bá Quang 4 người. Vì thế, con em của Bá Quang đem hơn 4 nghìn người bản xứ đến vây bức thành

---

[1] Hạng Vũ thua trận ở Cai Hạ, chạy đến sông Ô Giang, sông rộng, không qua được sông, bị giết.

[2] Tào Tháo đánh Tôn Quyền ở Xích Bích, gió đông nổi lên, Chu Du dùng kế hoả công đốt sạch thuyền bè, thiêu đốt quân Tháo. Tháo đại bại.

[3] Theo bản dịch cũ, có sửa hai câu cuối.

[4] Cẩm Giàng: tên huyện, thuộc trấn Hải Dương, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[5] Bộ sử này ngày nay không còn, nhưng có lẽ một phần của nó được đưa vào Toàn thư.

[6] Sách này hiện còn giữ được, với các tên Vịnh sử thi tập, Thoát Hiên tiên sinh, vịnh sử thi tập.

[7] Đan Điền: tên huyện, sau là huyện Phong Điền và huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

trì, đuổi Văn Huấn đi. Văn Huấn bỏ cả vợ con trốn ra vùng Tân Bình[1]. Bọn Thuận Hoá Thừa tuyên sứ Phạm Khiêm Bính, Hiến sát sứ Ngô Quang Tổ, cùng vợ con của Văn Huấn lên thuyền chạy trốn, dân xứ ấy cướp hết của cải và vợ con của Văn Huấn, cố ép thuyền của Khiêm Bính và Quang Tổ quay về trị sở. Hai tháng sau, vua sai Sái Cảnh làm Thừa chính sứ Thuận Hoá thay Khiêm Bính. Bọn Khiêm Bính do vậy mới được trở về.

Mùa thu, tháng 8 nhuận, ngày 29, truy tặng Đỗ Nhạc làm Thiếu bảo, Thượng thư, Ngự sử **[51a]** đài đô ngự sử Văn Trinh bá, tên Thuỵ là Văn Tiết.

Lấy Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Nguyễn Mậu làm Phó đô ngự sử, Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ thượng thư bồi thị kinh diên.

Tân Tỵ, [Quang Thiệu] năm thứ 6 [1521], (Minh Chính Đức năm thứ 16). Mùa xuân, phong Mạc Đăng Dung làm Nhân quốc công, tiết chế các doanh quân thuỷ bộ 13 đạo.

Lấy Phạm Khiêm Bính làm Lại bộ thượng thư tham dự triều chính.

Tháng 3, ngày 14, Vũ Tông Nghị Hoàng Đế nhà Minh băng, không có con nối. Từ Thọ Hoàng thái hậu bàn định theo ý chỉ của tổ tiên, anh chết truyền ngôi cho em, làm di chiếu, sai đại thần văn võ rước con thứ là Hậu Thông ở Hưng Để[2] vào nối nghiệp lớn, ngày 22, tháng 4, lên ngôi hoàng đế. Đại xá. Lấy năm sau làm năm Gia Tĩnh thứ 1.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 17, dựng bia tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Hồng Thuận thứ 6. Sai Thiếu bảo Lại bộ thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Vũ Duệ soạn bài ký, Trung thư giám điển thư Chu Đình Bảo viết chữ chân, Kim quang môn đãi chiếu, Phạm Đức Mạo viết chữ triện.

> Xét bài ký của Vũ Duệ viết: Tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Hồng Thuận thứ 6, về ân vinh thứ bậc đều theo lệ nhà Minh, quan Công bộ xin khắc dựng bia ở nhà Thái Học để lưu truyền lâu dài. Nhưng gặp phải vận hạn, binh lửa liên miên, việc khắc bia đề tên chưa kịp làm xong. Nay bệ hạ mở nghiệp trung hưng, sáng công tiền liệt, nối theo thánh học, khơi sâu nguồn đạo, cổ võ giáo hoá và đổi mới văn tự. Mùa xuân năm Mậu Dần, đã **[52a]** thân ra Điện đình ra đề sách văn thi kẻ sĩ. Mùa hạ năm Canh Thìn lại cho mở chế khoa để thu hút hiền tài. Đến năm Tân Tỵ là dựng bia đề tên tiến sĩ khoa Giáp Tuất, để bổ sung chỗ thiếu sót trong điển lễ, để tỏ ý khuyến khích biểu dương nhân tài. Há chẳng phải là biểu hiện của lòng tôn nho sùng đạo của đức thánh thượng sao? Vả lại, các tiến sĩ khoa ấy vốn đã được tuỳ tài sử dụng, đều ở hàng liêu thứ, người thì theo hầu cương ngựa trong khi hoạn nạn, kẻ thì giúp bàn kế hoạch trong buổi trị bình; người thì trị dân coi việc, người thì khởi thảo văn từ; phẩm hạnh tài năng cũng có thể thấy được đại khái. Đến nay lại đội ơn được tô điểm, tấm lòng cảm khích biết đến dường nào. Tất phải trong sạch để hưởng phúc, tất phải thuỷ chung lo báo đền. Trước lấy khi thức sau mới đến tài nghệ, trước là đức hạnh rồi mới đến văn chương. Là sao sáng, mây lạ, làm điềm lành cho đương thời, là vàng ngọc thiên nhiên, **[52b]** làm của quý cho thế gian; là gươm Can Tương, Mạc Da[3] để dẹp tiếm loạn, là gỗ biền nam, kỷ tử để vững cột rường; là thóc lúa, vải, lụa để nuôi sống dân, là sâm linh chi thuật để dưỡng thọ mạch nước, để cuộc trị nước đến chỗ phồn vinh, và đặt thiên hạ vào thế bình yên như Thái Sơn, bàn thạch, mới có thể trên không phụ sự biểu dương của đức thánh, dưới không phụ vốn học vấn của đời mình. Như vậy thì công danh sự nghiệp ghi mãi trên bia đá cứng, không bao giờ phai mòn. Nếu không thế thì hình tích của người hay kẻ dở, của kẻ nịnh người trung, nội dung của điều phải điều trái, việc nên việc chăng chả lẽ có thể giấu giếm được hay sao?

Mùa thu, tháng 7, vua ngự đến phủ đệ của Mạc Đăng Dung, gia phong Đăng Dung làm Thái phó.

---

[1] Tân Bình: Nay là tỉnh Quảng Bình.

[2] Hậu Thông: là con Hưng Hiếu Vương Hựu Hàng, cháu Minh Hiến Tông. Hưng Để: là phủ đệ của Hưng Hiếu Vương.

[3] Can Tương, Mạc Da: là tên hai thanh gươm quý thời cổ, ở đây chỉ loại gươm quý nói chung.

Tháng 8, vua ngự điện Quỳnh Vân, uý lạo Mạc Đăng Dung và các tướng sĩ ra vùng Kinh Bắc, Lang Nguyên **[53a]** lùng bắt Trần Cung.

Tháng 9, có sắc dụ cho Mạc Đăng Dung và tướng sĩ các doanh rằng: "Trẫm nghe: Vì nước trừ hung, đạp bằng nguy hiểm là trách nhiệm của tướng quân. Cho nên Điền Đan nước Tề xông pha tên đạn mà người Địch phải hàng[1] Lý Thái Tổ đời Đường tắm gội gió tuyết mà Hoài Sái bị dẹp[2], đều là những người bảo vệ xã tắc, có công lao lớn với thiên hạ cả. Khanh là chổ nương tựa của trẫm, nay giặc Cung nhóm họp dư đảng, trộm chiếm vùng Lạng Nguyên, triều đình sai khanh làm đô tướng, tiết chế các doanh quân thuỷ, bộ cả nước, chia đường tiến đánh, đã từng trèo non lội suối, xông pha mưa gió, phá giặc ở các huyện Phượng Nhã, Bảo Lộc, đốt phá doanh trại giặc, chém được đầu giặc, bắt sống tù binh giặc. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, cư dân các xã đều đã ra đầu thú, phục tùng, tin thắng trận nhiều lần tâu lên, trẫm rất khen ngợi. Đặc cách sai **[53b]** thiếu bảo Binh bộ thượng thư Cẩm Sơn hầu Lê Thúc Hựu, tư lễ giám tổng thái giám kiêm tài dụng khố sự Ngô Khoái, tả thị lang Đông các đại học sĩ Nguyễn Quýnh mang sắc dụ đến uý lạo khanh và tướng sĩ các doanh, lại có 100 lạng bạc giao cho khanh, tuỳ nghi ban thưởng cho những người có công. Khi sắc dụ tới, khanh nên thể theo ý trẫm, lấy lòng trung nghĩa khích lệ tướng sĩ đồng lòng chung sức lập cách lùng bắt cho được chính bản thân tên phản nghịch Cung, còn những kẻ bị bắt hiếp theo nó thì hết thảy không hỏi tới. Để bọn giặc cướp trốn tránh lâu năm, sào huyệt bị quét sạch; để dân một phương phải lầm than, được yên ổn như xưa, cho đường sứ được thông suốt, cho công lớn được hoàn thành, thì công lao danh tiếng của khanh để lại mãi mãi trong vũ trụ, và lời thề sông cạn đá mòn, cháu con hưởng mãi không bao giờ cùng".

Khi ấy, quan quân tiến đến vùng Lạng Nguyên, bọn Cung đều **[54a]** bỏ chạy, bắt được vợ và con gái của Cung đem giết đi. Cung chạy vào châu Thất Nguyên (có thuyết nói Cung chạy trốn sang nước Minh, sau bị đóng cũi giải về Kinh sư).

Nhâm Ngọ, [Quang Thiệu], năm thứ 7 [1522], (Từ tháng 8 trở về sau, phụ chép Cung Hoàng, Thống Nguyên năm thứ 1; Minh Thế Tông, Gia Tĩnh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh sai Hàn lâm viện biên tu Tôn Thừa Ân và Cấp sự trung Du Đôn sang báo việc Gia Tĩnh Hoàng Đế lên ngôi. Gặp khi nước ta có loạn, bọn Thừa Ân không sang đến nơi được. Đến năm Quý Mùi, Thừa Ân trở về phủ Thái Bình, còn Đôn bị chết ở dọc đường.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 20, giặc cướp nổi lên ở Kinh thành, đốt phá phố xá trong nội thành. Vua sai Đông quân công Mạc Quyết, Quảng quận công Kiều Văn Côn cùng các tướng vào hầu túc vệ. Bọn Quyết và Văn Côn tâu xin cho con em dàn đóng ở ngoài thành, Kinh kỳ mới được **[54b]** yên.

Bảo Xuyên hầu Lê Khắc Cương và Lương Phú hầu Lê Bá Hiếu làm loạn, nổi quân ở vùng Đông Ngàn, Gia Lâm. Mạc Đăng Dung thân hành đem các tướng đi đánh không được, Phó đề hình Tứ thành quân vụ Trâu Sơn bá Lê Thị chết trận tại trận. Sau Bá Hiếu thua, chạy trốn lên Lạng Nguyên, bị bắt giải về Kinh sư.

Trước đây, Bá Hiếu ở trong làng, người làng ai cũng cho rằng Hiếu là người tốt, đến khi bị bắt, già trẻ trong làng có đến hơn 50 người tới cửa khuyết xin chuộc tội cho Hiếu. Vua không cho, đem giết ở chợ Đông, bêu đầu 3 ngày.

Mùa thu, tháng 7, ngày 27, vua chạy ra huyện Minh Nghĩa[3] ở Sơn Tây. Khi ấy, Mạc Đăng Dung uy quyền ngày một lớn, lòng người đều hương theo. Đăng Dung đem con gái nuôi vào hầu vua, tiếng là chầu hầu, thực ra là để dò xét, coi giữ. Lại cho con trưởng là Đăng Doanh làm Dục Mỹ hầu, trông coi điện Kim Quang. Đăng Dung đi bộ thì **[55a]** lọng phượng giát vàng, đi thuỷ thì thuyền rồng giây kéo, ra vào cung cấm, không kiêng sợ gì. Lại giết bọn thị vệ Nguyễn Cấu, Đô lực sĩ Minh Sơn bá Nguyễn Thọ và Đàm Cử.

---

[1] Điền Đan: là tướng nước Tề, đi chinh phục được người Địch.

[2] Lý Tố: là một danh tướng đời Đường, được lệnh đi đánh Hoài Tây, nhân đêm giá tuyết, đánh vào châu Sái, bắt được Ngô Nguyên Tề.

[3] Minh Nghĩa: tên huyện, sau là huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Vua mưu ngầm với bọn Phạm Hiến, Phạm Thứ, sai người đem mật chiếu vào Tây Kinh bảo Trịnh Tuy nghênh viện. Vào canh hai đêm 27, bọn Hiến, Thứ vào hầu yến, rồi đón vua ra ngoài, hoàng thái hậu và em vua là Xuân không được biết. Vua ra đến xã Mộng Sơn, huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây. Ngày hôm sau, Đăng Dung biết chuyện, đem quân đi đón chặn những nơi quan yếu.

Ngày 28, Đăng Dung kéo cờ ở Kinh thành, truyền lệnh cho các nhà ở phố phường không được kinh động. Lại sai bọn Hoàng Duy Nhạc binh mã đuổi theo kịp vua ở Thạch Thất. Vua đem quân huyện Thạch Thất chống lại, bắt được Duy Nhạc. Ngày hôm ấy, Đăng Dung vào Kinh tha **[65b]** Trình Chí Sâm và Nguyễn Thì Ung ra khỏi tù. Trước đây, vua cho là hai người này hùa theo Đăng Dung, đem giam ở điện Quỳnh Văn, chưa kịp giết thì chạy ra ngoài, cho nên Đăng Dung tha ra.

Bấy giờ, vua đã chạy ra ngoài, Đăng Dung bèn cùng với Thái sư Lượng quốc công Lê Phụ, Mỹ quận công Lê Chu, Cẩm Sơn hầu Lê Thúc Hựu, Hoằng Lê hầu Phạm Gia Mô, Đoan Lễ hầu Dương Kim Ao, Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ, Dương Xuyên hầu Nguyễn Như Quế, cùng bàn lập em vua là Xuân.

Lời sắc dụ viết: Ta là cháu của Đức Tông Kiến Hoàng Đế, con thứ hai của Minh Tông Triết Hoàng Đế, em ruột của Quang Thiệu Hoàng Đế. Nay vì đêm ngày 27 tháng 7 năm Quang Thiệu thứ 7, Quang Thiệu hoàng thượng bị kẻ gian uy hiếp phải dời ra ngoài, triều thần là Thái sư Lượng quốc công Lê Phụ, Thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung và các công, hầu, **[56a]** bá, phò mã đô uý, các quan văn võ đồng lòng suy tôn, đều nói rằng sinh dân không thể không người đứng chủ, thần khí không thể bỏ trống lâu ngày, xin ta nối giữ nghiệp lớn. Ta vì tông xã và sinh dân, nghĩa không từ chối được, đã tạm trông coi các việc trong cung rồi, các quan văn võ trong ngoài cứ giữ chức như cũ. Quân hộ vệ và tướng sĩ các doanh nhân ở Kinh phải túc trực nghiêm ngặt, phòng giữ đúng phép. Viên chức và dân chúng phủ Phụng Thiên và các phủ, huyện, xã hãy an cư lạc nghiệp, để giữ phúc sinh toàn.

Ngày 30, Lê Chu và Nguyễn Như Quế đón Xuân sang Hồng Thị, huyện Gia Phúc[1], rồi làm hành điện và gấp sai quân dân đắp lũy Cẩm Giàng để phòng giữ. Bọn Phó đô tướng Bắc Giang Phúc Sơn bá Hà Phi Chuẩn, Bình Hồ bá Nghiêm Bá Ký, Phúc Nguyên bá Nguyễn Xí, Phù Hưng bá Phạm Tại đã nhận được **[56b]** mật chiếu và văn phủ dụ của Quang Thiệu Đế từ trước, bèn đem con em xứ Bắc Giang đến đóng quân ở sông Tây Kiều, huyện Đông Ngàn[2]. Lâm Xuyên bá Đàm Thận Huy, Chưởng Hàn lâm viện Nguyễn Hữu Nghiêm và Dương Khảo đều ở cả đấy. Đăng Dung đốc thúc các tướng cầm cự với bọn Phi Chuẩn. Đăng Dung dụ Phạm Tại làm hướng đạo. Bọn Bá Ký đều thua chạy cả. Bấy giờ, văn thần là bọn Nguyễn Bình Hoà, Phạm Chính Hoa, Nguyễn Bạt Tuỵ, Chử Sư Đổng cùng tới xã Lâm Sơn, huyện Quế Dương để cùng bàn với Phạm Khiêm Bính đi theo Quang Thiệu Đế, thấy Khiêm Bính đã ở trong dinh của Phi Chuẩn rồi, biết là việc không thành, bèn cùng nhau đến yết kiến Xuân.

Tháng 8, ngày mồng 1, Đăng Dung cùng với bọn Lê Phụ đem các quan cùng tôn hoàng đệ Xuân lên ngôi hoàng đế.

Xuống chiếu rằng: Trời lập vua là vì dân, vua vâng mệnh trời **[57a]** là để thương dân. Anh ta là Quang Thiệu hoàng thượng, kính nhậm phúc trời, kế thừa nghiệp tổ, dẹp yên loạn lạc, trở lại chính thống, ban bố ân đức, giữ yên sinh dân, đến nay đã được 7 năm. Đêm ngày 27 tháng 7 nay, bị kẻ gian bắt hiếp dời ra bên ngoài. Triều thần là bọn Lê Phụ thấy trẫm là con thứ hai của Minh Tông Triết Hoàng Đế, là em ruột Quang Thiệu hoàng thượng, đồng lòng suy tôn, hai ba lần khuyên mời lên ngôi. Trẫm thấy tông xã sinh dân là điều hệ trọng, cố ý từ chối không được, bèn kính cáo tông miếu, lấy ngày mồng 1 tháng 8 năm nay lên ngôi, đổi niên hiệu là Thống Nguyên năm thứ 1, đại xá thiên hạ gồm 32 điều.

Ngày mồng 10, Thống Nguyên Đế ngự đến Cối Miếu xã Phúc Diên, huyện Gia Phúc, Hải Dương, lại ngự đến Hồng Thị rồi làm hành điện ở trong huyện, chuyển vận vàng bạc, tiền của, ở các kho tàng trong thành đem cả về **[57b]** đấy.

Ngày 11, Quang Thiệu Đế từ hành dinh Mộng Sơn trở về Kinh thành, đóng tại xã Mang Sơn.

---

[1] Gia Phúc: tên huyện, sau là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

[2] Huyện Đông Ngàn: bấy giờ tương đương với phần đất huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phúc bây giờ.

Gió to 2 ngày.

Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Khắc Tuy vào yết kiến. Vua sai lực chém Tuy.

Trước đây, vua cho gọi Khắc Tuy, Khắc Tuy thấy vua chạy ra ngoài, không chịu tới, lại có vẻ ngạo mạn. Đến nay mới vào yết kiến, nên bị chém.

Vua nhân đi qua sông Cung Kiệm, cầu gãy, bị ngã xuống sông, áo hoàng bào và kiệu đều ướt cả. Sai bắt bọn Dương Đình Tú phủ Quốc Oai để trách hỏi về việc làm cầu giả dối, sau lại tha.

Ngày 16, vua ngự tại hành điện Thuỵ Quang, coi chầu các quan, bốn phương hưởng ứng. Bọn Lâm Xuyên bá Đàm Thận Huy, Phó đô tướng Phúc Sơn hầu Hà Phi Chuẩn nhận mật chiếu trở về Bắc Giang để dấy binh. Lại có bọn Vương Đàm hầu Nguyễn Vĩnh, Hà Lý hầu Lê Quảng đến yết kiến vua. Ninh Xuyên **[58a]** hầu Lê Đình Tú ở miền dưới trấn Sơn Nam cũng hưởng ứng.

Vua lại sai Nguyễn Đình Tú tập hợp người bản huyện và các dinh sở thuộc chia quân trấn giữ những nơi trọng yếu ở các xã Bộc Độ, Ninh Giang, Nghĩa Lễ. Sau bị Đăng Dung đánh bại, Đình Tú bị bọn con em bắt đưa đến dinh của Đăng Dung, rồi bị giải về hành điện ở Hồng Thị. Thống Nguyên Đế cho là Đình tú có công lao cũ, chỉ sai thắt cổ cho chết thôi.

Quang Thiệu Đế sai bọn Nguyễn Kính, Lê Vĩnh, Nghiêm Bá Ký, Kiều Bá Khiêm.

Nguyễn Xí chia đường tiến đánh các huyện Gia Lâm, Văn Giang, Đường Hào, Cẩm Giàng, Lương Tài, Gia Định, cầm cự nhau đến một tháng chưa phân được, thua.

Khi ấy, Quang Thiệu Đế ở hành điện Thuỵ Quang, sai Trung sứ đi gọi Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, đi về đến ba, bốn bọn. Tuy thấy vua ở Thuỵ Quang, không nghe lời các tướng, tin dùng bọn tiểu nhân, **[58b]** dùng dằng mãi không đến.

Bấy giờ, các xứ Tây, Nam, Bắc, Quang Thiệu Đế đã lấy được cả. Mạc Đăng Dung chia các dinh thuỷ, bộ đánh vào các xứ ở bến Đông Hà, Quang Thiệu Đế sai bọn Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định, Đàm Khắc Nhượng dàn trận chống giữ và cầm cự, bị Đăng Dung đánh bại, bọn Thúc Mậu, Dư Hoan phải lùi dần.

Bọn Hưng Hiền bốn người mang mộc, cầm giáo từ phường Phục Cổ đánh thẳng vào Điện Thuỵ Quang. Lúc ấy, Quang Thiệu Đế đang coi chầu, Tổng tri Trịnh Ân tâu rằng: "Quân giặc đã đến nơi rồi". Vua bèn đi ra. Một lát, thấy bọn Hưng Hiền xông vào sân điện, lính hộ vệ chống lại. Vua bèn tránh ra đóng ở đình cũ xã Nhân Mục, dân chúng đua nhau dâng cháo gạo, các quan trong lúc vội vàng tan vỡ, bắt đầu tập hợp lại. Giờ Thân ngày hôm ấy, vua chạy đến chùa Trùng Quang, xã Thiên Mỗ[1], huyện Từ Liêm.

Tháng 9, ngày 20 **[59a]** Quang Thiệu Đế lại đem quân trở về Kinh sư, đóng ở phía tây kinh thành (tức là xã Yên Quyết Thượng[2], huyện Từ Liêm), làm hành điện để coi chầu, dựng nhà Thái Miếu ở phía đông thành.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, gặp ngày kỵ của Tuyên Từ Hoàng thái hậu.

Quang Thiệu Đế tới Thái Miếu làm lễ, khi qua cầu Yên Quyết, người hầu che quạt, lỡ chân ngã xuống sông.

Ngày mồng 4, gặp ngày Nghi Thiên thánh tiết[3], các quan dâng biểu chúc mừng.

Được vài tuần, Trịnh Tuy đem quân ba phủ của Thanh Hoa và tướng sĩ các xứ gồm hơn 1 vạn người đến hộ giá rồi lại trở về dinh của mình. Thuộc tướng của Tuy là Nguyễn Bá Kỷ vào hầu. Phạm Điền

---

[1] Thiên Mỗ: nay là làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[2] Yên Quyết Thượng: tục gọi là làng Cót, gần Cầu Giấy, Hà Nội.

[3] Nghi Thiên thánh tiết: ngày sinh của Quang Thiệu Đế.

sợ Kỷ tranh quyền, tâu vua chém Kỷ rồi đem đầu đưa đến cửa đình của Tuy. Tuy do vậy nổi giận, bắt đầu có chí khác.

Ngày mồng 10, trời mưa, nhiều sâu lúa.

Ngày 13, Quang Thiệu Đế đích thân làm lễ cầu trời. **[59b]** Bài văn tấu cáo viết: Nay nhân vận nước gặp bước gian truân, thiên tai tỏ điềm cảnh tỉnh. Lúa mùa sắp chín gặp phải hoàng trùng, lúa chiêm bắt đầu lại bị hạn hán. Nhà nông đã bị thất vọng, muôn họ lại phải lo buồn. Thần đang lúc xiêu giạt, chỉ biết hết sức chăm lo, nghĩ rằng điềm lành chưa ứng là do tệ chính chưa trừ. Có phải do người trung, kẻ nịnh lẫn lộn mà chưa biết cách dùng ai, bỏ ai; có phải do hình phạt không trúng mà vẫn còn nhiều lỗi dùng nhầm, dùng vượt; hoặc là mạng người phải thí nhiều ở đầu đạn mũi tên, hoặc là của dân bị khánh kiệt do sưu cao thuế nặng? Hay là người nắm quyền trị nước làm trái lẽ điều hoà? Hay là kẻ cầm quân đánh dẹp quá tham lam tàn bạo? Cho nên khí âm dương rối loạn, tai biến xảy ra luôn. Nghĩ lo rất đỗi đau lòng, kinh sợ khôn tỏ lời cầu khẩn. Cúi xin rủ theo nguyện vọng của dân, chuyển lại máy then tạo hoá. Để cho mưa ngọt ban khắp nơi, **[60a]** ác trùng bị diệt hết, ruộng đồng làm cỏ phát cây, kịp thời gieo mạ, lúa má nặng bông chắc hạt, toại nguyện bội thu, trộm cướp im hơi lặng tiếng, nước nhà chóng được bình yên. Thần xiết bao khẩn khoản cầu xin, bái chúc.

Ngày 17, ở phương đông có khí vàng đỏ, lại có sắc vàng tan ra phủ khắp trời.

Ngày 18, giờ Thân, bọn Trịnh Tuy và Trịnh Duy Thuân nói phao là đi xem mặt bằng để dựng doanh trại trấn thủ ở xã Dịch Vọng. Đến tối, đóng dinh ở đó, tảng sáng hôm sau, Tuy cùng với bọn Duy Thuân phục quân ở Dịch Vọng, bắn ba tiếng súng, đem quân reo hò ầm ĩ. Quang Tuy uy hiếp, bắt vua về Thanh Hoa. Quốc tư giám tư nghiệp Lê Hữu Trung chết trong trận đó. Từ đấy, cả nước đều thất vọng.

Tháng 11, **[60b]** ngày 12, Định Sơn hầu Giang Văn Dụ khởi binh ở các huyện Thanh Oai, Sơn Minh[1], Hoài An[2], Chương Đức. Nhân dân các huyện Thanh Đàm[3], Thượng Phúc, Phú Nguyên[4] đều hưởng ứng. Liên Hồ bá Lê Văn Phúc cáo cấp với Mạc Đăng Dung. Đăng Dung còn đang đánh dẹp vùng Kinh Bắc, sai tỳ tướng đi đánh: Kiều Văn Côn từ Phú Nguyên tiến vào Thanh Oai, Mai Xuyên hầu Lê Bá Ký từ Thành Đàm tiến vào Chương Đức, Đông Sơn hầu Mạc Quyết từ Thanh Oai tiến vào Chương Mỹ, bốn mặt đánh kẹp vào, đánh phá tan quân Dụ, đuổi dài suốt đêm đến tận chân núi mới về.

Tháng 12, ngày 18, Thống Nguyên Đế từ hành điện Hồng Thị trở về Kinh sư. Ngày 22, tới hành tại Bồ Đề, cho sai quan đến chầu.

Cung Hoàng Đế

Tên Huý là Xuân, lại huý là Lự[5] cháu bốn đời của Thánh Tông, cháu của Kiến Vương Tân, con thứ của Cẩm Giang Vương Sùng, ở ngôi 5 năm, thọ 25 tuổi, bị [61a] **Mạc Đăng Dung giết, chôn ở lăng Hoa Dương. Lúc ấy, vận nước đã hết, lòng người đã lìa, tài năng lại vốn hạng thường, hạng kém, thì dẹp yên thế nào được!**

Vua là em cùng mẹ với Chiêu Tông, sinh ngày 26 tháng 7 năm Đoan Khánh thứ 3 [1507]. Năm Quang Thiệu thứ 7 [1522], Chiêu Tông chạy ra ngoài, Mạc Đăng Dung lập lên làm vua. Lấy ngày sinh làm Khâm Thiên thánh tiết. Đến khi Đăng Dung cướp ngôi, bị phế làm Cung Vương, bị hại cùng với Hoàng thái hậu. Sau được truy tôn thuỵ hiệu là Cung Hoàng Đế.

---

[1] Sơn Minh: tên huyện, gồm huyện Ứng Hoà và một phần huyện Mỹ Đức thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[2] Hoài An: nay là huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[3] Thanh Đàm: nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Thượng Phúc: nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[4] Phú Nguyên: nay là huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.

[5] Bản dịch cũ chép là Khánh.

Quý Mùi, [Thống Nguyên] năm thứ 2 [1523], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày 29, vua ở hành dinh Bồ Đề cho các quan vào chầu.

Vì năm trước là năm Nhâm Ngọ, theo lệ có khoa thi Hương, nhưng trong nước loạn lạc chưa mở khoa thi, nay xuống chiếu cho học trò bốn xứ Sơn Nam, Sơn Tây, Hải Dương, Kinh Bắc cùng tới bãi Xuân Đỗ, huyện Gia Lâm để vào thi (có thuyết nói là ở bãi giữa sông Nhị). Lấy bọn Đinh Trinh, Hoàng Tông **[61b]** làm đề điệu và giám thí. Phép thi chia làm 4 khu, 4 xứ cùng ra một đầu đề. Lấy Vương Mậu Uyên đỗ đầu (tức là Vương Hy Tăng).

Thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đào Nghiễm 36 người. Khi thi Đình, vua thân hành ra đầu đề, hỏi về đạo làm vua, làm thầy. Cho Hoàng Văn Tán, Nguyễn Thuyên, Nguyễn Đạo Quán 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Đoàn Đình Chương 8 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Súc 23 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Cống sĩ Phạm Ngọc, Vương Hy Tăng cũng ở trong số ấy.

Mạc Đăng Dung sai bè đảng là bọn Sơn Đông hầu Mạc Quyết, Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ, Dương Xuyên hầu Vũ Như Quế đi đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, phá tan quân Tuy. Tuy liền dời Quang Thiệu Đế lên đầu nguồn[1].

Phong Nguyễn Thì Ung làm Lương **[62a]** Văn hầu. Thì Ung có hai con gái, một người tiến cho Thống Nguyên Đế, một người gả cho Mạc Đăng Dung. Sau được phong làm Thống quận công (Thì Ung người xã Đa Ngưu, huyện Văn Giang).

Tháng 3, ngày 16, Lễ bộ thượng thư Đinh Trinh tâu xin ba dụ tế và gia phong các đền thờ thần ở các nơi đã được ghi ở Tự điển gồm 113 đền.

Mùa hạ, tháng 6, phong Hùng Sơn hầu Kiều Văn Côn làm Quảng quận công.

Mùa thu, tháng 7, ngày 26, lấy ngày sinh làm Khâm Thiên thánh tiết.

Tháng 8, có sâu lúa.

Mạc Đăng Dung phế Quang Thiệu Đế làm Đà Dương Vương.

Lấy Đông các đại học sĩ Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ tả thị lang.

Giáp Thân, [Thống Nguyên] năm thứ 3 [1524], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 3). Mùa xuân, vua ở hành dinh Bồ Đề, tiến phong Mạc Đăng Dung **[62b]** làm Bình chương quân quốc trọng sự thái phó Nhân quốc công.

Mạc Đăng Dung sai bè đảng là Mạc Quyết đem quân đi đánh Trịnh Tuy ở đầu nguồn Thanh Hoa.

Lấy Nguyễn Quý Nhã làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

Mùa thu, tháng 8, làm trường khảo thí duyệt tuyển ở nhà trực của vệ Thần vũ và vệ Điện tiền.

Làm sổ hộ tịch và sổ ruộng đất.

Mùa đông, tháng 11, ngày 24, tôn phong thêm duệ hiệu cho các tiên đế, tiên hậu, mỗi vị một chữ.

Truy tặng cố Thiết Sơn bá Trần Chân làm quận công, phong con Chân là Trần Thực làm Hoằng Hưu bá. Trước kia, Chân bị bọn gian thần gièm pha, cùng với con em 6 người đều bị hại. Đến đây, vua biết ông là người trung, nên truy tặng.

[63a] Ất Dậu, [Thống Nguyên] năm thứ 4 [1525], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 4).

Năm này, động đất hai lần.

Mùa hạ, tháng 6, đại hạn. Ngày 15, có nguyệt thực.

---

[1] CMCB25 chép là châu Lang Chánh.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 9, Mạc Đăng Dung đi kinh lý các xứ, tự làm đô tướng, thống lĩnh các doanh quân thuỷ bộ cả nước đi đánh Trịnh Tuy ở đầu nguồn Thanh Hoa.

Ngày 28, giờ Mùi, đón được Quang Thiệu Đế ở động An Nhân, xã Cao Sơn, sách Thuý Cử, châu Lang Chánh, phủ Thanh Đô.

Tháng 11, ngày mồng 1, Quang Thiệu Đế về đến phường Đông Hà.

Ngày 12, Quang Thiệu Đế ở sở Nhị đẳng Ngự Châu. Khi ấy còn sớm chưa đến buổi chầu, quân lính họp cả ở xứ Bà Nhiễm ngoài cửa hành tại.

Ngày 19, đại xá. Tờ chiếu viết: "Đế vương trừ bạo yên dân, đại nghĩa Xuân Thu sáng tỏ, vua chúa ban ơn phát lộc, lòng nhân mưa móc rộng ban, **[63b]** đạo trị đăng bày, đức hoá thấm khắp.

Nước nhà ta, nhân thời mở vận, ứng mệnh trời, thuận lòng người. Thái Tổ Cao Hoàng Đế sáng nghiệp mở nền, cứu sinh linh ra khỏi nước sôi lửa bỏng; Thái Tông Văn Hoàng Đế, dựng cương bày kỷ, đặt thế nước vững như hào nóng thành đồng, gốc thẳng, nguồn xa, nhân sâu, ân hậu; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế, trong yên ngoài ấm, chinh phạt bằng vũ lực, giữ nước bằng văn chương; Hiến Tông Duệ Hoàng Đế lên ngôi giữ lễ, mưu hay rõ rệt, công lớn kế thừa. Thánh thần truyền nối, khuôn mẫu theo nhau. Phúc chung tưởng sánh mãi với nhà Chu, vận bĩ bỗng gặp ngay như đời Hán. Khoảng năm Hồng Thuận, Quang Thiệu, vận nước gian truân. Bọn Trần Cảo, Trịnh Tuy, đã gây mầm hoạ lớn. Chúng như lang sói nhâu nhâu quấy hại, dân tựa bầy nhạn ríu rít kêu thương.

Ta là cháu của Đức Tông, là con của Minh Tông[1], chỉ vì nghĩa lớn, gượng theo **[64a]** lòng vui dựng của trăm quan, thương dân như con, rất xót nỗi khổ đau của muôn họ. Muốn nên công xếp giáo mác, phải xét câu giúp đẩy bánh xe[2]. Đặc sai Đô tướng thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung thống lĩnh các dinh quân thuỷ bộ cả nước kể tội chứng mà đi trừng phạt. Quân tiết chế của ta, như chim ưng lượn, như hổ vồ mồi; quân trốn chạy chúng nó, tựa hoẵng tan bầy, tựa kiến vỡ tổ. Cảo, Tuy cụp mỏ mà hứng bại vong; Kính, Áng ôm đầu mà bị chém giết. Bọn Khắc Thân, Dư Hoan, phúc chốc bị băm vằm ở Thiên Quan; lũ Công Khản, Đình Tán, giây lát phải cùng đường ở Lang Chánh. Vào cuối tháng thuần âm[3] này, lại đón được Đà Dương Vương trở về. Đông tây nam bắc đại đồng, nơi nào cũng phục; biển rộng suối sâu nhuần thấm, trị nước phải khoan. Các việc nên làm, liệt kê ở dưới.

Ôi! Vua thể theo nguyên khí mà nuôi **[64b]** dưỡng dân, giống như trời đất sinh thành; dân mẫn cảm nhân đức cho hợp đạo trung, trở lại Đường Ngu trịnh trị. Bá cáo khắp nước, cho mọi người hay.

Tháng 12, đêm ngày 15 có sét đánh. Ngày 17 có nguyệt thực.

Lấy Dương Kim Ao là Đề lĩnh tứ thành quân vụ sự, phong Đoan Lễ hầu.

Mạc Đăng Dung giết bọn Phúc Lương hầu Hà Phi Chuẩn.

Bấy giờ bọn Phi Chuẩn nghe tin Mạc Đăng Dung đã bức hiếp Quang Thiệu Đế, bèn giải tán trốn về Bắc, bị đồng bọn là Tử Nhạc bá bắt giải về Kinh sư và bị thắt cổ chết. Phi Chuẩn đã chết, Nghiêm Bá Kỳ và Nguyễn Xí bỏ trốn, bị chết ở châu Văn Uyên[4], Lạng Sơn. Đàm Thận Huy vì ngày trước đi sứ đã quan đường từng chạy báo cho Đà Dương Vương lánh đi, cũng đi trốn rồi chết.

Nguyễn Văn Vận, Nguyễn Thái Bạt đều chết theo nghĩa. Nguyễn Hữu Nghiêm **[65a]** trốn lên huyện Tam Nông[5], sau bị đóng cũi giải về kinh sư, dùng xe xé xác để thị uy và giết cả con. Dương Khải

---

[1] Đức Tông: là tên hiệu truy phong cho Kiến Vương Lê Tân. Minh Tông: là tên hiệu truy phong cho Cẩm Giang Vương Lê Sùng.

[2] Sử ký: "Thôi cốc Cao Đế tựu thiên hạ", nghĩa là đẩy bánh xe cho Cao Đế được thiên hạ, ý nói là giúp sức cho Cao Đế được ngôi vua.

[3] Thuần âm: chỉ tháng 10, thuộc quẻ Khôn, quẻ này toàn hào âm.

[4] Châu Văn Uyên: nay là huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Huyện Tam Nông: nay thuộc huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú.

sau cũng bị đóng cũi giải về Kinh sư, được tha, truất làm Thừa chính sứ Quảng Nam rồi chết ở nơi trị nhậm. Khải giỏi hài hước, ai cũng khinh bỉ. Duy có Phạm Khiêm Bính ra yết kiến trước, bị truất làm Hộ bộ hữu thị lang. Nguyễn Mậu từng theo Quang Thiệu Đế về Thanh Hoa, đến khi Quang Thiệu Đế bị Đăng Dung bức hiếp đưa về, Mậu tự mình về Kinh sư đợi tội. Vua định giết Phạm Gia Mô vì tiếc tài của Mậu có thể dùng được, cố can nên được tha, rồi biếm làm Thừa chính sứ Tuyên Quang, ít lâu sau lại được cử làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Bính Tuất, [Thống Nguyên] năm thứ 5 [1526] (Minh Gia Tĩnh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 12, vua ngự về Tây Kinh, Quang Thiệu Đế cùng đi. Sai Đoan Lễ hầu Dương Kim Ao lưu giữ Đông Kinh.

[65b] Tháng 3, ngày 15, nguyệt thực.

Định lệ theo hầu và ở lại giữ Kinh sư gồm 24 điều.

Mùa hạ, tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Đình Quang 20 người. Thi Đình, bài văn sách hỏi về các bậc thánh triết trị thiên hạ. Cho bọn Trần Tất Văn, Nguyễn Văn Du, Lưu Trung Doãn 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Lê Quang Bí 4 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Đình Quang 13 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. (Trần Tất Văn người xã Nguyệt Áng, huyện Yên Lão[1], làm quan nhà Mạc đến thượng thư Hàn Xuyên bá, là cha của Tảo).

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, định lệnh công tuyển bổ. Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Mậu tâu rằng: Coi quân thì có các chức vệ, sở, ty; trị dân thì có các quan phủ, huyện, châu. Cách tuyển bổ, không thể không công bằng. Cúi xin từ nay trở đi, **[66a]** các chức nói trên có thiếu, thì viên trưởng quan đó làm bản tâu lên giao cho Lại bộ chiếu theo chỗ khuyết mà thuyên bổ theo lệ đã định. Nếu viên nào vẫn còn đệ bản xin ứng cử hay xin thăng thì Lại khoa bác bỏ đi, để chứng tỏ tuyển bổ công bằng.

Tháng 8, ra lệnh cho các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách, Thái Bình[2] đắp đê Chân Kim ở Hải Dương.

Mạc Đăng Dung giết Tiến quận công Nguyễn Lĩnh. Nguyễn Lĩnh lấy em gái Mạc Đăng Dung tên là Huệ, tiếm phong là Khánh Diễm công chúa. Lĩnh lại lấy mười người vợ lẽ nữa. Huệ bèn tố cáo Lĩnh viết thư lập đảng, nên bị giết. Rồi Đăng Dung gả Huệ cho Lương Khê hầu Bùi Đỗ, sau Đỗ được phong làm Lâm quốc công. Bấy giờ, Thị thư Nguyễn Thuyên vốn lấy con gái Lĩnh. Đến khi Lĩnh bị giết, Thuyên cũng bỏ vợ.

Ngày mồng 6, lấy Ngự sử đài phó đô ngự sử Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ thượng thư bồi thị kinh diên.

[66b] Tháng 9, ngày 21, bọn Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Mậu tâu rằng: Các chức tán lý, ký lục, tướng thần lại, người nào có quân công đã làm bản tâu mà đáng được dẫn tuyển thì định thành từng hạng, theo thứ tự mà thuyên bổ các chức thủ lĩnh chăn dân, nếu người nào không đủ tư cách thì bổ các chức trung uý, bách hộ để khỏi tệ nhũng lạm.

Mùa đông, tháng 12, ngày 18, thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung sai Bái Khê bá Phạm Kim Bảng bí mật giết Quang Thiệu Đế ở chỗ bị giáng[3], rồi đem quan tài về chôn ở lăng Vĩnh Hưng ở Thanh Đàm.

Đinh Hợi, [Thống Nguyên] năm thứ 6 [1526], (Từ tháng 6 trở về sau, Mạc tiếm hiệu là Minh Đức năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 6). Mùa hạ, tháng 4, vua sai bọn Tùng Dương hầu Vũ Hữu, Lan Xuyên bá Phan Đình Tá, Trung sứ Đỗ Hiếu Đễ cầm cờ tiết, mang **[67a]** kim sách, mũ áo, ô lọng, đai

---

[1] Huyện Yên Lão: sau thuộc tĩnh Kiến An, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

[2] Phủ Thái Bình: bấy giờ tương đương với phần đông bắc tỉnh Thái Bình ngày nay, gồm huyện Quỳnh Phụ, huyện Thuỵ Anh cũ (nay thuộc huyện Thái Thuỵ) và huyện Đông Quan cũ (nay thuộc huyện Đông Hưng).

[3] CMCB 26 chép là ở phường Đông Hà.

ngọc, kiệu tía, quạt hoa, tán tía đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, tiến phong Mạc Đăng Dung làm An Hưng Vương, gia thêm Cửu Tích[1], Đăng Dung đón tiếp ở bến đò An Tháp, huyện Tân Minh[2].

Tháng 5, ngày mồng 1, Tư Thiên[3] tâu có nhật thực nhưng không đúng.

Ngày mồng 5, ban quạt, vua làm bài thơ Chu công giúp Thành Vương như sau:

Hựu mệnh Chu gia thực tự thiên,
Cần lao tá trị nhiệm nhân hiền.
Trấm tà khẳng vị sàm nhân thiết,
Trung hiếu chung tồn thực đức kiên.
Lễ bị nhạc hoà bình định nhật,
Chính thanh hình thố hạo hy niên.
Hưu phong lệnh vận quang thiên cổ,
Cảnh hạnh cao sơn thượng miễn chiên.
(Giúp vận nhà Chu thực tự trời,
Chăm lo công việc dụng hiền tài.
Gièm pha mặc kẻ bày nhiều cách,
Trung hiếu bền lòng chẳng chút sai.
Lễ đủ, nhạc hoà, đời thịnh trị,
Chính hay, hình ít, buổi vui tươi.
Tiếng hay đức tốt nghìn thu rạng,
Núi cao, đường rộng[4] hãy noi người.)[5]

Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai về Kinh sư, vào chào vua, từ cửa Đông Hoa ra cửa Đại Hưng. Hôm ấy có mưa nhỏ.

[67b] Ngày 11, Mạc Đăng Dung lại về Cổ Trai.

Tháng 6, Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào Kinh, bắt vua nhường ngôi. Bấy giờ, thần dân trong Kinh đều theo Mạc Đăng Dung và đều đón Đăng Dung vào Kinh.

Ngày 15, các quan đã đứng vào ban chầu vẫn chưa có chiếu nhường ngôi. Các quan bảo Lại bộ thượng thư Trương Phu Duyệt khởi thảo. Phu Duyệt trừng mắt mắng rằng: "Thế là nghĩa gì?". Lại bảo Đông các đại học sĩ Đạo Nguyện bá Nguyễn Văn Thái. Thái cầm bút theo tờ chiếu như sau: "Nghĩ Thái Tổ ta, thừa thời cách mệnh, có được thiên hạ, các vua truyền nhau, nối giữ cơ đồ, là do mệnh trời lòng người cùng hợp, cùng ứng nên mới được thế. Cuối đời Hồng Thuận, gặp nhiều tai hoạ, Trần Cảo đầu têu gây mầm loạn ly, Trịnh Tuy giả trá lập kế phản nghịch. Lòng người đã lìa, mệnh trời không giúp. Khi ấy thiên hạ đã không phải là **[68a]** của nhà ta. Ta không có đức, lạm giữ ngôi trời, việc gánh vác không kham nổi. Mệnh trời lòng người đều theo về người có đức.

Xét Thái sư An Hưng Vương Mạc Đăng Dung nhà ngươi, bẩm tính thông minh, sáng suốt, có tài lược văn võ. Bên ngoài đánh dẹp bốn phương, các nơi đều phục tùng; bên trong coi sóc trăm quan, mọi việc đều tốt đẹp. Công to đức lớn, trời cho người theo. Nay ta cân nhắc lẽ phải, nên nhường ngôi cho. Hãy gắng sửa đức lớn, giữ mãi mệnh trời để ức triệu dân lành được yên vui. Mong kính theo đó".

Hôm ấy, Đăng Dung xưng hoàng đế. Đại xá. Đổi niên hiệu là Minh Đức.

---

[1] Cửu tích: chỉ chín thứ vua ban: 1- Xe ngựa, 2- Y phục, 3- Đồ nhạc, 4- Cửa sơn son, 5- Nạp bệ, 6- Hổ bôn, 7- Cung tên, 8- Phủ việt, 9- Rượu cự xưởng (rượu quý).

[2] Tân Minh: tên huyện, nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

[3] Tư Thiên: Quan trông coi việc thiên văn, lịch số.

[4] Nguyên văn: "Cảnh hạnh cao sơn", rút từ hai câu thơ trong Kinh Thi: "Cao sơn ngưỡng chỉ, cảnh hạnh hành chỉ", nghĩa là đức của người hiền như đường rộng phải theo, như núi cao phải noi.

[5] Theo bản dịch cũ, có sửa một đôi chữ.

Giáng phong vua làm Cung Vương rồi giam cùng với Hoàng thái hậu ở cung Tây Nội. Vài tháng sau, bắt phải tự tử. Thái hậu khấn trời rằng: Đăng Dung là kẻ bề tôi, manh tâm cướp ngôi, lại giết mẹ con ta, ngày sau con cháu nó cũng lại bị như thế". Rồi cùng với Cung Đế đều bị chết. Đăng **[68b]** Dung sai đem xác hai người để phơi ngoài quán Bắc Sứ, rồi đưa về chôn ở lăng Hoa Dương, huyện Ngự Thiên theo nghi lễ của thiên tử và hoàng hậu (Nay ở xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên có điện Thừa Hưu tức là chỗ đó).

(Bản của Lệnh Vọng đại ý nói): Tai hoạ người Minh gây ra, từ cổ xưa chưa bao giờ có. Lê Thái Tổ đem quân một lữ diệt được giặc mạnh trăm vạn quân, trong hơn 10 năm mà thiên hạ đại định, việc ấy cũng đã khó rồi. Lại còn đích thân đem sáu quân, đánh dẹp bốn cõi, bình được Mường Lễ, Cầu Hiểm, dẹp được Thái Nguyên, Tuyên Quang; Chiêm Thành phải phục tùng, Ai Lao phải khiếp sợ. Công Đức lớn lao, không ai hơn được. Nhưng làm nhiều chuyện chém giết, có nhiều điều bất nhân. Thái Tông trọng đạo sùng nho, mở khoa thi chọn người tài, dùng người hiền nghe lời can, kính trời, chăm dân, cũng là bậc vua siêng năng. Nhưng say đắm tửu sắc, khi chết không được vẹn toàn. Nhân Tông **[69a]** trong tuổi ấu thơ, giữ vận phong hanh, mẫu hậu nắm quyền, trong cõi yên tĩnh. Nhưng không may gặp biến, rất đáng xót thương. Thánh Tông đương lúc trong nhà có hoạn nạn, mọi người cùng suy tôn lên giữ ngôi cao, sửa làm trăm việc. Lập phủ vệ, định quân chế, chấn hưng lễ nhạc, chọn dùng người liêm khiết tài năng, đánh dẹp Bắc phương, mở mang bờ cõi. Trà Toàn chịu bắt, Lão Qua tan vỡ, nước Lưu Cầu xe thây, giặc Cầm Công chạy chết, bốn rợ thần phục, tám cõi hướng theo, trong khoảng 38 năm, thiên hạ yên trị. Sao mà phồn thịnh vậy! Hiến Tông để lòng mưu trị mà ở ngôi không lâu, Túc Tông tôn sư trọng đạo mà ít tuổi, chết yểu. Nối theo thì Mẫn Lệ bạo ngược vô đạo, Linh Ân cướp nước giết vua, Đà Dương Vương thì nội loạn bị cưỡng bức, Cung Hoàng Đế thì ngôi trời **[69b]** đã chuyển dời, còn làm gì được nữa!

Phụ: Mạc Đăng Dung

(Tiếm ngôi 3 năm, sau tiếm truy tôn là Thái Tổ)

Đăng Dung người làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương[1], hồi nhỏ làm nghề đánh cá, lớn lên có sức khoẻ, thi đỗ lực sĩ xuất thân. Đời Hồng Thuận, được thăng làm Đô chỉ huy sứ Vũ Xuyên bá, làm quan trải hai triều. Đời Thống Nguyên, làm đến Thái sư Nhân quốc công, sau được phong làm An Hưng Vương. Ngầm kết bè đảng, trong ngoài hiệp mưu, lòng người quy phụ, rồi làm việc cướp ngôi, giết vua, làm giả tờ chiếu nhường ngôi mà lên ngôi thực.

Tháng này, Đăng Dung vào thành Thăng Long, ở tại chính điện.

Đăng Bính bàn rằng: Bản kỷ nói họ Mạc thay nhà Lê có lẽ là để sáng rõ cái mầm soán nghịch. **[70a]** Trong lúc ấy, các đại thần cả triều đều trơ mắt ngậm miệng, người nọ liếc trộm người kia. Ví thử trong triều nhà Lê, giết kẻ phản nghịch, ngăn việc hung ác để trị tội kẻ bạn thần thì việc khôi phục xã tắc vẫn có thể làm được, sao lại cam tâm giữ chức, nương tựa sủng lộc, để tạm hưởng phú quý, mong được khỏi chết? Lại còn trổ mưu khen ngầm xui kín, giúp cho nó được thể, để cầu hiển vinh, khiến cho họ Mạ ngày càng kiêu lộng, được tự chuyên quyền, trên đã không có phận vua tôi, dưới lại manh tâm làm việc soán nghịch. Tham tiếc tước lộc, tổn hại trung nghĩa, hành động như chó lợn, tội ác đã sờ sờ, so với các bậc hiền thần ngày xưa thì kém xa lắm. Lúc bấy giờ, kẻ quyền gian thế lớn, bọn thần hạ khác **[70b]** lòng, thiên tử bị cô lập ở trên, cả triều không một ai có thể uỷ thác được, muốn không sụp đổ, có thể được không? Rốt cuộc xảy ra mối hoạ cho Quang Thiệu, Thống Nguyên, bức hiếp lòng người, dối vua đến gò

---

[1] Nghi Dương: sau là huyện Kiến Thuỵ, tỉnh Kiến An, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

hoang, cướp lấy thiên hạ của triều Lê, tiếm xưng vị hiệu, vào ở nhà vàng, đủ vành giảo quyệt. Lấy một xó đất Hải Dương gọi là Dương Kinh, tự tiện phế bỏ lăng tẩm của Lê triều, chém giết con cháu các công thần đời trước. Xét những việc làm của nó, không khác gì Tào Tháo. Đáng đau xót biết chừng nào!

Đăng Dung phong cho người tông thất mình là Mạc... (không rõ tên) làm Tĩnh quốc công, trung quan Nguyễn Thế Ân làm Lỵ quốc công (người xã Mộ Trạch, huyện Đường An[1]) để giúp dập ở bên cạnh mình. Thần dân đều thất vọng, cả nước hoang mang. Đăng Dung sợ lòng người nhớ vua cũ, để lâu lại sinh biến, nên phải tuân giữ **[71a]** pháp độ của triều Lê, không dám thay đổi, phủ dụ thần dân, trấn áp lòng người, che bịt tai mắt họ. Lại lập mưu vờ tìm con cháu các nhà thế gia công thần. Bấy giờ, những người ấy phần nhiều ẩn náu chạy trốn vào núi rừng, người thì ẩn giấu họ tên không chịu ra, kẻ thì tụ họp nhau thành đảng cướp, có người đi làm quan với nước ngoài để tạm sống, không còn biết là theo ai nữa.

Mậu Tý, [1528], (Mạc tiếm hiệu Minh Đức năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, bấy giờ Đăng Dung muốn đổi làm chính lệnh mới, bèn sai đúc tiền Thông Bảo theo kiểu cách đồng tiền cũ, nhưng phần nhiều không thành. Sau lại đúc các loại tiền gián pha kẽm và sắt ban hành các xứ trong nước để thông dụng.

Đăng Bính bàn rằng: Năm trước họ Mạc tuy đã được nhường ngôi nhưng vẫn ghi năm Thống Nguyên thứ 6 của triều Lê **[71b]** làm chính thống. Từ đây về sau, triều Lê không còn niên hiệu để chép nữa, mới lấy niên hiệu Minh Đức của họ Mạc chú riêng thành hai hàng, không được chép thành kỷ chính thống là để tỏ rõ cướp ngôi là nguỵ. Đến năm Quý Tỵ, Trang Tông lại khởi binh ở Ai Lao, trong nước tuy chưa khôi phục được hết, nhưng cũng chép thành kỷ chính thống để tỏ rõ phận vua tôi phải như vậy.

Tháng 2, Đăng Dung lấy Nguyễn Quốc Hiến làm Phò mã đô uý thái bảo lâm quốc công, ban cho họ Mạc; Mạc Quốc Trinh làm Thái sư Lâm quốc công, Mạc Đình Khoa làm Tả đô đốc Khiêm quốc công. Bọn Thiếu bảo Thông quốc công Nguyễn Thì Ung, Lai quốc công Trần Phỉ, Thuần Khê hầu Khuất Quỳnh Cửu, Khánh Khê hầu Nguyễn Bỉnh Đức, Hoàng Lễ hầu Phạm Gia Mô, Lan **[72a]** Xuyên bá Phan Đình Tá, Đạo Xuyên hầu Nguyễn Văn Thái, Văn Đạt bá Nguyễn Mậu, Sùng Lễ bá Hà Cảnh Đạo, Nghi Xuyên bá Mạc Ích Trưng, Hưng Ân bá Nguyễn Tuệ.

Lộc Hiến hầu Nguyễn Địch, Văn Trường bá Phạm Chính Nghị, Văn Đẩu hầu Nguyễn Chuyên Mỹ, Hà Phần bá Nguyễn Độ, Tô Xuyên hầu Lê Quang Bí, Văn Ninh hầu Nguyễn Điển Kính và Trung quan chưởng giám Nguyễn Hậu Liêm gồm 56 người đều được thăng trật, ban tước có thứ bậc khác nhau.

Đăng Dung sai người sang Yên Kinh báo cho nhà Minh rằng: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự nữa, dặn lại cho đại thần là họ Mạc tạm coi việc nước, cai trị dân chúng. Vua Minh không tin, bí mật sai người sang dò thăm tin tức trong nước, xét hỏi nguyên do, ngầm tìm con cháu họ Lê để lập lên. Họ Mạc thường trả lời bằng những lời lẽ văn hoa, lại **[72b]** đem nhiều vàng bạc đút lót. Đến khi sứ giả về, mật tâu là con cháu họ Lê đã hết, không ai nối ngôi được, đã uỷ thác cho họ Mạc. Người trong nước đều tôn phục và theo về họ Mạc cả, xin tha tội cho họ. Vua Minh mắng không nghe, Đăng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn lập mưu cắt đất dâng nhân dân hay châu Quy, Thuận và hai tượng người bằng vàng và bạc cùng châu báu, của lạ, vật lạ. Vua Minh thu nhận. Từ đấy Nam Bắc lại thông sứ đi lại[2].

Mùa đông, tháng 10, Đăng Dung cho là sau khi bình yên, chế độ dần dần lỏng lẻo, ý muốn đổi thay chấn chỉnh lại, liền sai bề tôi là bọn Quốc Hiến bàn định binh chế, điền chế, lộc chế và đặt bốn vệ Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y, Kim ngô, năm phủ, các vệ sở trong ngoài, các ty sở thuộc, hiệu ty, tên quan và số lại viên, số người, số lính của các nha môn, **[73a]** phỏng theo quan chế triều trước, y lệ mà biên chế bổ sung. Lấy quân trấn giữ xứ Hải Dương cho lệ thuộc vào vệ Hưng quốc, quân trấn giữ Sơn Nam lệ thuộc vào vệ Chiêu vũ, quân trấn giữ xứ Sơn Tây lệ thuộc vào vệ Cẩm y, quân trấn giữ xứ Kinh

---

[1] Đường An: sau là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

[2] Về việc nộp đất, không thấy Minh sử ghi lại. Hai châu Quy Thuận đã bị nhà Tống chiếm từ đời Lý, đó là hai châu Quy Hoá và Thuận An. Hai châu này sau trở thành châu Quy Thuận của tỉnh Quảng Tây.

Bắc lệ thuộc vào vệ Kim ngô. Phân bổ các ty, mỗi ty đặt 1 viên chỉ huy sứ, 1 viên chỉ huy đồng tri, 1 viên chỉ huy thiêm sự, 10 viên trung hiệu, 1100 trung sĩ, chia thành 22 phiên để túc trực. Nếu có công lao thì bổ lên các chức thiên hộ, thống chế, quản lĩnh, trung uý. Mỗi vệ đặt 1 viên thư ký, dùng hạng ký lục xuất thân khi trước, như là bổ các chức thủ lĩnh mục dân. Còn các trung sĩ thì theo lệ chia phiên, mỗi phiên chia thành 5 giáp, mỗi giáp đặt một viên giáp thủ, quan bản ty chọn lấy hạng trung hiệu người nào đích **[73b]** đáng thì làm bản đưa lên để thăng bổ.

Kỷ Sửu, [1529], (Mạc Minh Đức năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 8). Khi ấy, bề tôi cũ của triều Lê là hai anh em Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy sang tố cáo với nhà Minh. Họ Mạc đem nhiều lễ đút lót cho nhà Minh[1] để phá. Việc không thành, hai anh em đều chết ở bên Minh.

Bấy giờ, bọn Thanh Hoa hữu vệ điện tiền tướng quân An Thanh hầu Nguyễn Kim (người Bái Trang, huyện Tống Sơn[2], có thuyết nói là con của Hoằng Dụ) dẫn con em chạy sang Ai Lao. Chúa nước ấy là Sạ Đẩu cho rằng ta là nước có quan hệ môi răng với họ, mới đem nhân dân và đất đai Sầm Châu cấp cho Kim. Từ đó, Nguyễn Kim nuôi dưỡng sĩ tốt, chiêu nạp những kẻ chạy trốn, làm phản, ngầm tìm con cháu họ Lê lập nên để mưu khôi phục.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Đỗ Tống (người xã Lại Ốc, huyện Văn Giang), Nguyễn Hãng, Nguyễn Văn Huy 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Văn Quang 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân; **[74a]** bọn Nguyễn Hữu Hoán 16 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa đông, tháng 12, khi ấy, Mạc Đăng Dung cướp ngôi đã được 3 năm, tự thấy mình tuổi già, bèn truyền ngôi cho con trưởng là Đăng Doanh, tự xưng là Thái thượng hoàng, ra ở điện Tường Quang, coi nghề đánh cá là thú ngao du tự lạc.

Mạc Đăng Doanh

(Con trưởng Đăng Dung, tiếm ngôi 11 năm, sau tiếm truy xưng tôn hiệu là Thái Tông)

Canh Dần, [1530] (Mạc Đại Chính năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, đại xá, đổi niên hiệu Đại Chính.

Bấy giờ, Lê Ý, người Thanh Hoa, là cháu ngoại họ Lê, căm giận họ Mạc cướp ngôi, mới nổi quân ở Da Châu[3], lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, nhiều người theo về, trong khoảng mươi hôm, một tháng, nhiều quận huyện hưởng ứng, số quân có đến vài vạn người. Bèn cùng với bọn bộ tướng **[74b]** Lê Như Bích, Lê Bá Tạo, Hà Công Liêu, Lê Tông Xá, Nguyễn Cảo dàn bày doanh trận, chi đặt cơ đội, bộ ngũ, nổi súng lệnh, kéo cờ hiệu, đóng quân ở sông Mã. Từ đấy, các hào kiệt xa gần đều cho là họ Lê sẽ phục hưng, cùng nhau phấn khởi theo về, không đến vài năm mà quân thanh rất lừng lẫy.

Tháng 3, đại hạn, có sâu lúa, lúa má chết khô, đến hạ tuần tháng 6 mới mưa.

Mùa hạ, tháng 4, Đăng Dung tự mình chỉ huy vài vạn quân thủy bộ đi đánh Lê Ý ở sông Mã. Quân của Đăng Dung thường thua luôn, bèn lui về Kinh sư, để lại bọn Thái sư lân quốc công Mạc Quốc Trinh trấn giữ dinh Hoa Lâm. Sau Quốc Trinh lui về giữ Tống Giang[4].

Mùa thu, tháng 7, Lê Ý tiến quân đóng ở thành Tây Đô, lập hành dinh ở sông Nghĩa Lộ. Khi ấy **[75a]** có người dâng bộ hoàng bào và hai chiếc lọng vàng, tướng sĩ long trọng chúc mừng.

---

[1] CMCB 27 chép là đút lót cho biên thần nhà Minh.

[2] Tống Sơn: tên huyện, nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Da Châu: tức châu Quan Da, sau là châu Quan Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Tống Giang: con sông bắt nguồn từ Nho Quan, Ninh Bình, chạy qua Thạch Thành, xuống Tống Sơn, rồi chia thành hai nhánh, một nhánh ra cửa Bạch Câu, một nhánh ra sông Chính Đại.

Tháng 8, ngày 23, Đăng Dung đã về Kinh, Đăng Doanh lại đem quân vào Thanh Hoa, hội quân lớn ở sông Hoằng Hoá[1], chia quân làm hai đạo cùng tiến. Mạc Quốc Trinh dẫn 200 chiếc thuyền chiến tiến trước, hẹn hôm sau sẽ đến sông Đa Lộc (có sách chép là sông Liệt Thị[2], ở Yên Định). Khi ấy, Lê Ý đã dự phòng trước, dàn nghi binh ở sông Đa Lộc rồi tự mình đem quân đến bên sông tinh nhuệ ngầm tiến ban đêm, đi tắt đường trong huyện, đến sáng thì quân đến bên sông Yên Sơn[3], phát ba tiếng súng hiệu, đánh chặn hậu quân của Quốc Trinh. Quân Mạc sợ hãi tan vỡ, bỏ cả thuyền nhảy lên bờ chạy tán loạn. Ý cưỡi ngựa đốc suất các tướng xông vào trận đánh, tự tay đâm chết hơn 70 tên. Quân Mạc tan vỡ, quân Ý thừa thắng đuổi đánh, chém đầu nhiều vô kể. Ngày Ngọ hôm ấy, Đăng **[75b]** Doanh chưa biết Quốc Trinh đã bị thua, tự mình đốc suất người tông thất tiến quân đến xã Động Bàng để đuổi theo sau quân của Lê Ý, Ý nghe tin, liền hăng hái ra lệnh cho các tướng rằng: Hôm nay gặp bọn giặc lớn ở đây, nếu không đánh, thì ngày nào mới hưng phục được triều Lê. Các tướng nghe lệnh, đều dốc sức tung quân tiến đánh, cản phá quân Mạc, chém hơn một vạn tên, xác chết gối lên nhau. Đăng Doanh lui quân cố thủ. Quân Ý một ngày hai lần thắng trận, uy thanh vang dội, quân Mạc chạy dài.

Mùa đông, tháng 11, Đăng Doanh trở về Kinh sư.

Tháng 12, Lê Ý bị quân Mạc bắt sống.

Bấy giờ, Ý thu quân, triệt phá doanh trại, lui về đóng ở Da Châu, vì quân vừa thắng trận, sinh lòng kiêu ngạo, không có phòng bị trước, hơi có ý coi thường quân địch. Đến đây, quân ít, lương hết, sai tướng sĩ vào xa trong núi vận chuyển lương thực, vì thế, doanh trại bỏ trống, đội **[76a]** ngũ rời rạc. Có người đến báo tin cho Mạc Quốc Trinh. Trinh liền chọn quân tinh nhuệ, và 50 chiếc thuyền chiến ngày đêm đi gấp, tiến đến trại Da Châu. Ý xông ra đánh không được, bị quân Mạc bắt, toàn quân tan vỡ tháo chạy. Người thì chạy sang Ai Lao theo An Thanh hầu Nguyễn Kim, kẻ thì phân tán trở về đồng ruộng. Quốc Trinh đóng cũi giải Ý về kinh sư, dùng xe xé xác ở ngoài cửa Nam thành.

Tân Mão, [1531], (Mạc Đại Chính năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 10). Cựu thần nhà Lê là bọn Bích Khê hầu Lê Công Uyên, Nguyễn Ngãi, Nguyễn Thọ Trường, Nguyễn Nhân Liên (Công Uyên người làng Hảo Lịch, huyện Lôi Dương[4]; Thọ Trường người làng Hà Nội, huyện Nông Cống[5]; Nhân Liên người huyện Chương Nghĩa[6] xứ Quảng Nam) dấy quân ở Thanh Hoa. Bấy giờ, bọn Công Uyên căm giận họ Mạc không giữ đạo vua tôi, liền tự đem con em về Thanh Hoa nổi quân, cũng xưng là quân của nhà Lê, bắt người cướp của, đốt phá nhà dân ở các quận huyện. Bọn này kẻ thì chết trận, kẻ thì bị bắt giải về Kinh cả. **[76b]** Chỉ có dân một phương ở đây chịu tai hoạ, không được nghỉ ngơi, nhân dân đói kém, 1 thăng gạo giá tới 1 quan tiền. Sau đó người Sơn Đông[7] tên là Hùng Sơn có tội với họ Mạc đem con em vài trăm người trốn vào Thanh Hoa, dựng doanh trại chiếm giữ được vài tháng. Đăng Doanh sai tướng đi đánh. Sơn lui đóng ở thôn Ngọc Huân rồi ốm chết, quân bị tan.

Nhâm Thìn, [1532], (Mạc Đại Chính năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 11). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Nguyễn Thiến (người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, làm quan đến Thượng thư Thư quốc công, sau theo về nhà Lê, là cha Quyện), Bùi Vĩnh, Ngô Sơn Khoái 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Nguyễn Địch Khang 6 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Lương Bật 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

---

[1] Sông Hoằng Hoá: tức sông Ngu Giang, nay là sông Lạch Trường.

[2] Liệt Thị: Tức là chợ Sét, thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Sông Yên Sơn: khúc sông Mã ở phía dưới chợ Sét.

[4] Lôi Dương: Tên huyện, nay là huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.

[5] Nông Cống: tên huyện, nay là huyện Nông Cống và huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Chương Nghĩa: tên huyện: là huyện Tư Nghĩa và một phần huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Quảng Ngãi.

[7] Có lẽ là Đông Sơn, tên huyện ở Thanh Hoa.

Họ Mạc ra lệnh cấm người các xứ trong, ngoài không được cầm giáo mác và **[77a]** dao nhọn, can qua, cùng những binh khí khác hoành hành trên đường đi.

Ai vi phạm thì cho phép ty bắt giữ. Từ đấy, người buôn bán và kẻ đi đường đều đi tay không, ban đêm không còn trộm cướp, trâu bò thả chăn không phải đem về, chỉ cần mỗi tháng xem lại một lần, có khi sinh đẻ cũng không biết được là gia súc nhà mình. Trong khoảng vài năm, người đi đường không nhặt của rơi, cổng ngoài không phải đóng, được mùa liên tiếp, trong cõi tạm yên.

Mùa đông, tháng 10, Đăng Dung ra sắc lệnh cho hoạn quan Trung Hậu hầu (không rõ họ tên, người Hoằng Hoá) làm đại tướng quân, sai đem quân coi chung ba phủ Thanh Hoa cùng các quan ba ty tổng trấn quân dân cả một phương. Tây An bá Lê Phi Thừa (người xã Hương Thị, huyện Yên Định) gièm rằng: Đất Ái Châu, núi sông hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương giàu đủ, vả lại binh quyền nên chia ra chứ không nên cho chuyện, nếu chuyên quyền tất dẫn tới tai hoạ, lỡ xảy ra sự biến cố thì sợ rằng sau sẽ khó chế ngự, và đất ấy **[77b]** sẽ không phải là của triều đình nữa. Thần xin xét kỹ lại, đừng để sau này hối hận. Đăng Doanh bèn chia Thanh Hoa ra làm đôi: 7 huyện Thuỵ Nguyên[1] Yên Định, Vĩnh Phúc[2], Đông Sơn, Cẩm Thuỷ, Thạch Thành, Quảng Bình[3] thì giao cho Lê Phi Thừa quản lĩnh, cùng với Trung Hậu hầu, thành thế khống chế lẫn nhau. Đến khi Phi Thừa được quyền, càng thêm kiêu căng phóng túng và cuối cùng đã sinh đổi lòng[4].

Tháng ấy, sao Chổi hiện ở phương đông.

Tháng 12, cựu thần nhà Lê là An Thanh hầu Nguyễn Kim tôn lập con Chiêu Tông là Ninh ở Ai Lao[5]. Trước đây, Kim ở Ai Lao nuôi quân chứa sức, sai người về trong nước tìm kiếm khắp con cháu nhà Lê, tìm được con Chiêu Tông là Ninh lập lên làm vua, đổi niên hiệu là Nguyên Hoà (tức là Trang Tông) để sửa lại quốc thống. Từ đấy, hào kiệt miền tây phần nhiều quy phụ. Vua phong Kim là Thái sư Hưng quốc công và **[78a]** phong các tướng tá theo thứ bậc. Mọi việc quân dân, không cứ lớn hay nhỏ, đều giao cho trông coi, ngày đêm cùng mưu, chung lo việc khôi phục.

> Đăng Bính bàn rằng: Triều Lê nhưng may nửa chừng suy yếu, đến đây là tận cùng rồi. Cho nên tôi vẫn nói[6] họ Mạc là bề tôi phản nghịch của nhà Lê. Đến khi vua Lê lên ngôi ở Ai Lao, mới chép thành niên hiệu chính thống, cốt làm rõ danh phận vua tôi và sửa lại giềng mối lớn đó. Bấy giờ họ Mạc đã lấy được cả nước mà không coi là chính thống để ghi chép lại là cớ làm sao? Vì họ Mạc là bề tôi. Vua Lê tuy lên ngôi ở bên ngoài, ẩn náu ở nước láng giềng, không có lấy một tấc đất, một người dân, nhưng vẫn ghi thành kỷ chính thống là cớ làm sao? Vì họ Lê là vua vậy! Nhưng xét người xưa đã có câu: Thiên hạ không phải **[78b]** là thiên hạ của một người. Từ xưa, Viêm Đế bắt đầu phong nước Nam đến nay, vua hiền chúa giỏi các đời, người thì đánh dẹp mà thôn tính cả nước, người thì truyền lại cho đời sau giữ ngôi, đều là nối đời làm vua cả.

Vì có vị hiệu nên mới ghi thành kỷ chính thống, như là Bản kỷ, Chính kỷ, Tiền kỷ, Hậu kỷ, Trung kỷ, Mạt kỷ đều thuận cả thôi. Còn như kẻ bội nghịch cướp ngôi, giết vua rồi miễn cưỡng tự lập, thì dẫu có xưng danh hiệu, cũng đều là danh bất chính lời không thuận cả, thì chép thành kỷ phụ, đều là nghịch cả thôi. Từ Triệu Việt Vương nổi lên, thì vốn là bề tôi của Lý Nam Đế. Nối Nam Đế mà lấy được nước, rồi sau mới lên ngôi, xưng vương, là **[79a]** bề tôi mà có thể thay vua trị nước, nhưng thế là thuận. Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn mười hai sứ quân mà lấy cả nước, Thiếu Đế hèn yếu không chống được giặc, đem việc nước trao cả cho đại tướng Lê Hoàn, rồi Lê Hoàn được bà hoàng hậu của vua Đinh truyền ngôi cho

---

[1] Thuỵ Nguyên: tên huyện, nay là huyện Thiệu Hoá.

[2] Vĩnh Phúc: tên huyện, sau là huyện Vĩnh Lộc.

[3] Quảng Bình: tên huyện, sau đổi là Quang Địa, rồi Quảng Tế nay là phần tây bắc huyện Thạch Thành.

[4] Sau Phí Thừa bỏ Mạc, chạy theo Nguyễn Kim.

[5] Nguyễn Kim chạy sang Ai Lao, vua Ai Lao là Sạ Đẩu cho Kim đất Sầm Châu để ở (xem việc năm Kỷ Sửu (1529). Sầm Châu tức là tỉnh Sầm Nưa ngày nay, ở phía Tây nam tỉnh Thanh Hoá.

[6] Xem thêm lời bàn của Đăng Bính chép ở cuối năm Đinh Hợi (1527) và đầu năm Mậu Tý (1528).

mà có thiên hạ, thế là thuận. Rồi đến nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý để làm vua cũng đều là thuận cả. Thế thì bốn vua Triệu, Lê, Lý, Trần[1] đều nhân lúc trong nước không người làm chủ, hoặc vì các quan nài xin, hoặc do vua đàn bà nhường ngôi, nhưng trong nước tôn phục, trời cho người theo mà có thiên hạ, đều là thuận theo lẽ phải mà làm vậy. Còn như họ Mạc thì không như thế.

Cứ xem mọi việc làm của Đăng Dung chẳng qua là một viên đại thần của nhà Lê, đương lúc nhà Lê vua yếu, tôi mạnh **[79b]**, nếu hắn biết noi theo các bậc tôi giỏi, tướng hiền đời xưa, phò chúa, giúp dân như Y Doãn giúp Thái Giáp, Chu Công giúp Thành Vương thì công lớn huy hoàng ấy còn đáng ca ngợi.

Sao lại không bắt chước thế mà đi làm ngược lại? Thế thì không tránh khỏi cái tiếng bức vua nhường ngôi, cướp nước giết vua để mưu tự lập. Ngay lấy được nước, cũng chỉ khoảng 6, 7 năm, nếu gọi là thành công, cũng chỉ như Vương Mãn thôi, rốt cuộc không tránh khỏi hoạ tru di. Thực như Tào Tháo đối với nhà Hán, họ Hồ đối với nhà Trần, đều cùng một duộc cả. Bởi thế, tôi mới nói là vì theo lẽ nghịch mà lấy được nước, nên không được chép thành kỷ chính thống. May nhờ có tôi cũ, tướng xưa của nhà Lê giữ tròn tiết lớn, đồng lòng sửa sang, chung sức phò tá, để vượt mọi gian nan, đó là trời có ý đợi vua tôi ngày nay **[80a]** gắng chí mưu toan, khôi phục ngôi cũ, cho nên mới dựng lại được nghiệp trung hưng, thống nhất bờ cõi, đổi mới xã tắc, giết bọn gian hùng tàn ngược, đặt mặt trời mặt trăng vào đứng giữa trời, cho thiên hạ quy về một mối. Cho nên, ở đây phải chép khác thường như vậy. Có thơ rằng:

Lê tộ trùng hưng cựu vật hồi,
Lam Sơn phục kiến cựu lâu đài.
Quân thần đạo hợp tư vi mỹ,
Chính trị hân quan vạn quốc khôi.
(Ngôi cũ nhà Lê đã phục hồi,
Lam Sơn lại thấy cảnh lâu đài.
Vua tôi hợp đạo, ôi là đẹp!
Trị nước mừng xem mọi chốn vui)

Trở lên, triều Lê bắt đâu từ năm Mậu Tuất [1418] đời Thái Tổ, đến năm Đinh Hợi [1527] đời Cung Hoàng, gồm 110 năm. Nếu tính gộp với họ Mạc tiếm ngôi từ năm Mậu Tý [1528] đến năm Nhâm Thìn [1532] gồm 5 năm, thì tổng cộng là 115 năm.

[1] Chỉ bốn vị vua khai sáng ra bốn triều đại Triệu, Lê, Lý, Trần là Triệu Quang Phục, Lê Hoàn, Lý Công Uẩn và Trần Cảnh.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XVI

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Phụ: Họ Mạc
(Đăng Doanh 8 năm, Phúc Hải 6 năm, Phúc Nguyên 2 năm)

Trang Tông Dụ Hoàng Đế

Tên húy là Ninh, lại húy là Huyến, ở ngôi 16 năm, thọ 34 tuổi. Vua gặp vận gian truân phải đi lánh nạn, nhờ được bề tôi cũ tôn lập, bên ngoài liên kết với nước láng giềng, bên trong dùng được các tướng giỏi, cho nên mọi người đều vui lòng gắng sức, nền móng trung hưng bắt đầu từ đấy.

Vua là con của Chiêu Tông[1], cháu xa đời của Thánh Tông, mẹ là Phạm thị, tên húy là Ngọc Quỳnh, người sách Cao Trĩ, huyện Thụy Nguyên[2]. Khi Đăng Dung cướp ngôi, tiếm hiệu, vua tránh về Thanh Hóa. Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim sai người dò tìm, đón vua sang nước Ai Lao tôn lập.

Quý Tỵ, [Nguyên Hòa] năm thứ 1 [1533], (Mạc Đại Chính năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, vua lên ngôi ở Ai **[1b]** Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa, tôn Đại tướng quân Nguyễn Kim là Thượng phụ thái sư Hưng quốc công, chưởng nội ngoại sự, lấy trung nhân Đinh Công[3] làm Thiếu Úy Hùng Quốc Công, còn lại, người nào cũng được phong thưởng để họ đồng lòng khuông phù. Lại liên kết với vua Ai Lao Xạ Đẩu, nhờ họ giúp binh khí, lương thực để mưu việc đánh lấy lại nước.

Vua sai Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh tâu rằng vì Mạc Đăng Dung tiếm loạn, chiếm giữ kinh thành, ngăn trở đường đi nên bỏ lâu việc tiến cống[4].

Giáp Ngọ, [Nguyên Hoà] năm thứ 2 [1534], (Mạc Đại Chính năm thứ 5 Minh Gia Tĩnh năm thứ 13). Nhà Minh nghe tin Mạc Đăng Dung cướp ngôi, đặt quan lại nguỵ, chiếm giữ Kinh thành, ngăn trở đường tiến cống, tự tiện làm bài Đại cáo, tiềm xưng là thượng hoàng, tội trạng đã rõ, bèn sai Hàm Ninh hầu Cừu Loan làm tổng đốc quân vụ, Binh bộ thượng **[2a]** thư Mao Bá Ôn làm tham tán quân vụ, đem quân sang hỏi đánh[5].

---

[1] Tức là Lê Y, con trưởng của Cẩm Giang Vương Lê Sùng, cháu của Kiến Vương Lê Tân, cháu bốn đời của Lê Thánh Tông. Như vậy, Trang Tông là cháu năm đời (huyền tôn) của Lê Thánh Tông.

[2] Sách Cao Trĩ: thuộc châu Ngọc Lặc, nay là huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Trung nhân: hoạn quan. Đinh Công là viên hoạn quan người Thanh Hóa.

[4] Minh sử, Q.321, và Cương mục đều chép việc bọn Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh vào năm Gia Tĩnh thứ 16, tức là năm Nguyên Hoà 5 (1537). Đoàn này đi thuyền buôn từ Chiêm Thành, vượt biên, sau hai năm mới tới Yên Kinh.

[5] Theo Minh sử, Q.321, việc này xảy ra vào các năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), 17 (1538) và 19 (1540).

Ất Mùi, [Nguyên Hoà] năm thứ 3 [1535], (Mạc Đại Chính năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 14). Nhà Mạc mở khoa thi Hội, lấy bọn Nguyễn Bỉnh Khiêm, Bùi Khắc Đốc, Nguyễn Thừa Hưu đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Di Lượng 7 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Trùng Quang 22 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bính Thân, [Nguyên Hoà] năm thứ 4 [1536], (Mạc Đại Chính năm thứ 7 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 15). Vua sai Trịnh Viên sang nhà Minh trình bày việc họ Mạc cướp ngôi giết vua, và vua phải xiêu giạt vào Thanh Hoa[1].

Họ Mạc sai Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc Khiêm quận công Mạc Đình Khoa trùng tu Quốc tử giám.

Đinh Dậu, [Nguyên Hoà] năm thứ 5 [1537]; (Mạc Đại Chính năm thứ 8; Minh Gia Tĩnh năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, họ Mạc thăm nhà Thái học.

[2b] Mùa hạ, tháng 4, gió to, gãy cây, tốc nhà, nước biển dâng tràn, làm chết nhiều người và súc vật.

Tây An hầu Lê Phi Thừa của họ Mạc khởi quân cướp lấy của cải của ba ty rồi thu quân chạy vào nước Ai Lao đầu hàng vua.

Họ Mạc phong cho con là bọn Kinh Điển làm vương, ngoài ra đều theo thứ tự bậc mà được nhận phong.

Mậu Tuất, [Nguyên Hoà] năm thứ 6 [1538], (Mạc Đại Chính năm thứ 9; Minh Gia Tĩnh năm thứ 17). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Giáp Hải, Trần Toại, Hoàng Sầm đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Phan Cảo 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Hoàng Thuyên 25 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc tuyển hoàng dinh.

Họ Mạc sai Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh dâng biểu xin hàng và xin phân xử[2].

Kỷ Hợi, [Nguyên Hoà] năm thứ 7 [1539], (Mạc Đại Chính năm thứ 10; Minh Gia Tĩnh năm thứ 18). Vua phong đại tướng quân Trịnh Kiểm làm Dực **[3a]** quận công, (người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc[3]), Trịnh Công Năng làm Tuyên quận công, Lại Thế Vinh[4] làm Hoà quận công. Bọn Hiệp quận công, Tường quận công, Từ quận công, Trấn quận công, Tây quận công, Dương quận công, Thuỵ quận công, Nghi quận công đều được ban ấn coi quân, sai đem quân bản bộ tiến đánh các nơi để lo lấy lại Tây Kinh, khí thế quân sĩ mạnh thêm. Sau tiến đánh huyện Lôi Dương, quân Mạc phần nhiều bị thua, rồi đem quân về.

Đại hạn.

Mùa đông, tháng 10, động đất.

Canh Tý, [Nguyên Hoà] năm thứ 8 [1540], (Mạc Đại Chính năm thứ 11; Minh Gia Tĩnh năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 15, Mạc Đăng Doanh chết. Con trưởng là Phúc Hải lên ngôi, lấy năm sau làm Quảng Hoà năm thứ 1.

Mùa đông, tháng 11, Mạc Đăng Dung cùng với cháu là Văn Minh và bề tôi là bọn Nguyễn Như Quế, Đỗ Chế Khanh, Đặng Văn Tri, Lê Thuyên, Nguyễn Tổng, Tô Văn Tốc, Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy

---

[1] Sau chuyến đi của Trịnh Duy Liên, vua tôi nhà Lê thấy lâu không được tin gì, lại sai Trịnh Viên đi (CMCB27, 27).

[2] Nguyễn Văn Thái mang tờ biểu đầu hàng sang nhà Minh. Tờ biểu đại ý nói nhà Lê không còn ai nối dõi, Đăng Dung được trao ấn chương để nối coi việc nước... Vì Trần Cung chiếm giữ Lạng Sơn, nên chưa dâng biểu và sang tiến cống được... Bọn vua tôi nhà Minh không nghe, sai Cừu Loan và Mao Bá Ôn gấp đến Quảng Tây chiêu tập binh mã tiến đánh nhà Mạc.

[3] Huyện Vĩnh Phúc: nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Trịnh Kiểm hồi còn nhỏ phải đi ở chăn trâu, đến nương nhờ dưới trướng Nguyễn Kim, được Kim tin cậy, phong Dực Nghĩa hầu và gả con gái lớn là Ngọc Bảo cho.

[4] Lại Thế Vinh: người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn. Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Nhất, Bùi **[3b]** Trí Vĩnh, qua Trấn Nam Quan, mỗi người đều cầm thước, buộc dây ở cổ[1], đi chân không đến phủ phục trước mạc phủ của quân Minh[2] quỳ gối, cúi đầu dâng tờ biểu đầu hàng, nộp hết sổ sách về đất đai, quân dân và quan chức cả nước để chờ phân xử, dâng các động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương[3], La Phù của châu Vĩnh An trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu. Lại xin ban chính sóc, cho ấn chương, để kính cẩn coi giữ việc nước và chờ lệnh thay đổi hay quyết định khác. Lại sai bọn Văn Minh và Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tỉnh mang biểu đầu hàng sang Yên Kinh.

Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim đem quân về đánh Nghệ An, hào kiệt phần nhiều theo về, thanh thế rất lừng lẫy, đến đâu là gần xa đều hàng phục.

Tân Sửu, [Nguyên Hoà] năm thứ 9 [1541]. (Mạc Quảng Hoà năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 20). Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Nguyễn Kỳ, Phạm **[4a]** Công Sâm, Nguyễn Thế Lộc đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Ngô Quang 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Nguyên 23 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ, Tây An hầu Lê Phi Thừa có ý bất bình, thường nói ra những lời phẫn uất, càng ngày càng kiêu căng; ngang ngược. Thái sư Nguyễn Kim sai người bóp cổ chết. Trước kia, Phi Thừa xuất thân là xá nhân, thờ Mạc Đăng Dung, được Đăng Dung khen ngợi, cho cai quản quân dân bảy huyện thuộc đạo ấy[4]. Đến năm Đại Chính, Thừa quy thuận triều đình, vua vẫn cho giữ chức cũ. Đến đây lại oán hận, kiêu căng bạo ngược nên bị giết.

Tháng 8, ngày 22, Mạc Đăng Dung chết.

Tháng 10, ngày 20, bọn Mao Bá Ôn nhà Minh kính dâng bản tâu về Yên Kinh nói rằng: Mạc Đăng Dung tự trói mình đầu hàng ở cửa ải, xin kính theo chính sóc[5], xoá bỏ tiếm hiệu, trả lại đất bốn động đã chiếm, **[4b]** xin nội thuộc xưng thần, xin hàng năm ban lịch Đại Thống[6] và bù đủ lễ vật tiến cống hàng năm, cúi mình cung kính thuận phục. Nếu như coi Đăng Dung là kẻ có tội đầu hàng, chưa kể khinh xuất trao cho chức tước, đất đai, thì cháu của y là Mạc Phúc Hải nay đang đợi mệnh, nếu được đội ơn khoan thứ, cũng có thể cho làm các chức khác như đô hộ, tổng quản theo như lệ cũ của nhà Hán, nhà Đường[7], hàng năm quan Bố chính ty Quảng Tây ban cấp lịch Đại Thống, cho y đến Trấn Nam Quan kính nhận, những lễ vật tiến cống các năm trước còn thiếu, thì tra xét bắt bù đủ, từ năm sau chiếu sổ nộp dần. Còn như Lê Ninh tuy tự xưng là con cháu họ Lê, nhưng cứ theo các ty tra xét, thì ngọn ngành tung tích khó biết rõ ràng. Trịnh Duy Liêu trước có lén lút tới các đồng trại ở châu Thạch Lâm nước ta, sát vùng thổ quan Quảng Tây, nhưng mặt mũi Lê Ninh ra sao cũng không được biết, cho nên khi thì gọi là **[5a]** Lê Ninh, khi thì gọi là Lê Hiến, lúc thì gọi là Quang Hoà, có lúc lại bảo là họ Trịnh trá xưng. Còn Trịnh Viên thì khai rằng ở động Tất Mã Giang[8] có Lê Ninh thực, nhưng lại lịch tông phái không biết được rõ; những điều trình bày về tuổi tác, nét mặt, lại khác với lời khai cũ của Trịnh Duy Liêu, đều khó dựa vào đó mà nghe được. Hãy cho Ninh ở lại Tất Mã Giang, những vùng đã lấy được đều thuộc quyền y quản thúc, có thể bàn trao chức tước, cho thực thuộc về Vân Nam. Nếu không phải là con cháu nhà Lê thì thôi không bàn nữa. Còn Trịnh Duy Liêu thì cho sở thuộc Quảng Đông tuỳ nghi sắp xếp, cấp cho ruộng đất, nhà ở, đừng để y phải bơ vơ. Xử phân như vậy, ngõ hầu mới được chu tất. Vua Minh bèn phong cho Mạc Đăng

---

[1] Cầm thước, buộc dây ở cổ: biểu thị sự tự trói mình và chịu nhận trừng phạt.

[2] Mạc phủ do bọn Mao Bá Ôn dựng trấn ở Trấn Nam Quan để xâm lược nước ta. Số quân chúng điều động gồm 20 vạn chính binh và kỳ binh.

[3] Khâm Châu chí của nhà Thanh chỉ ghi 5 động, không có động An Lương. Cương mục dẫn Quảng Yên sách cho rằng động An Lương sau là phố An Lương, thuộc châu Vạn Ninh nước ta và cho là Toàn thư chép lầm.

[4] Tức đạo Thanh Hoa, nay là tỉnh Thanh Hoá.

[5] Theo lịch của nhà Minh.

[6] Lịch Đại Thống: lịch của nhà Minh.

[7] Nhà Hán, nhà Đường thôn tính nước ta, chia cắt nước ta thành châu quận của chúng. Theo lệ đời Hán, đời Đường, tức là bắt ta nội thuộc.

[8] Cương mục, có chỗ ghi là Mã Giang, có lẽ động này nằm ở vùng thượng lưu sông Mã.

Dung làm An Nam Đô thống sứ ty đô thống sứ, ban ấn bạc và cho thế tập[1]. Còn đất 13 lộ[2] **[5b]** thì cứ chiếu theo tên đất cũ, mỗi lộ đều đặt ty Tuyên phủ, đặt các chức tuyên phủ đồng tri, phó sứ, thiêm sự mỗi chức 1 viên, đều thuộc quản hạt của đô thống sứ sai khiến mà triều cống. Lễ cống lên vua và Đông cung thì theo lệ cũ.

Nhâm Dần, [Nguyên Hoà] năm thứ 10 [1542], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 21). Vua lấy Thuỵ quận công Hà Thọ Tường làm Ngự doanh đề thống ngự giá để mưu việc tiến đánh, sai Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim thống đốc tướng sĩ các dinh đi trước, tiến đánh các nơi ở Thanh Hoa, Nghệ An. Tướng lĩnh cũ và hào kiệt hai trấn này phần nhiều theo về, thế quân càng thêm mạnh (Thọ Tường người xã Cổ Lũng, huyện Cẩm Thuỷ[3]).

Tháng 2, ngày mồng 8, Mạc Phúc Hải phong tước vương cho các em là bọn Kính Điển và các con.

Bấy giờ, quan quân giao chiến với tướng Mạc, cầm cự nhau đến vài tháng.

[6a] Tháng 3, ngày 22, Mạc Phúc Hải lên Trấn Nam Quan chịu khám nghiệm và nhận 1.000 bản lịch Đại Thống của nhà Minh ban cho. Lại lĩnh một đạo sắc mệnh cũ phong Mạc Đăng Dung làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ và một quả ấn bạc.

Tháng 8, ngày mồng 3, họ Mạc sai bọn Nguyễn Điển Kính, Nguyễn Công Nghi, Lương Giản sang tạ ơn nhà Minh; bọn Nguyễn Chiếu Huấn, Vũ Tuân và Tạ Định Quang sang tuế cống.

Tháng 12, ngày 15, nhà Minh phong Mạc Phúc Hải làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ.

Quý Mão, [Nguyên Hoà] năm thứ 11 [1543], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 22). Mạc sai sứ sang tuế cống nhà Minh. Vua Minh raệnh ban cấp cho sứ giả theo như lệnh cũ, nhưng bãi việc ban yến, giảm bớt cỗ bàn để tỏ ra không phải là **[6b]** lễ tiếp bồi thần[4].

Vua tiến quân ra từ thành Tây Đô, tướng Mạc là Trung Hậu hầu (không rõ tên) dẫn con em đến trước quân lạy chào ở cửa nam thành Tây Đô. Ba quân sôi nổi mừng rỡ. Bấy giờ, Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim còn ở Ai Lao chưa theo đi[5]. Vua sai Tuyên quận công Trịnh Công Năng mang chiếu thư về gọi. Kim bèn chỉnh đốn bộ ngũ lên đường ngày, bái yết vua ở hành tại sông Nghĩa Lộ[6]. Vua cả mừng, gia thăng Kim làm thái tể, sai làm đô tướng, tiết chế tướng sĩ các dinh, chia đường cùng tiến, bình định vùng tây nam, đánh là thắng.

Tuyên quận công Trịnh Công Năng nổi quân làm phản, chiếm giữ đầu nguồn Quảng Bình[7], dựng đất đặt doanh trại. Vua sai Dực quận công Trịnh Kiểm đi đánh, giết được Năng.

[7a] Giáp Thìn, [Nguyên Hoà] năm thứ 12 [1544], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 4 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 23). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Vũ Kính 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Hữu Dục 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ất Tỵ, [Nguyên Hoà] năm thứ 13 [1545], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 24). Tháng 4, vua lấy Thiếu uý Hùng quốc công Đinh Công làm thái uý, sai coi giữ ngự dinh. Vua thân hành đem các tướng đi đánh miền Sơn Nam, đến huyện Yên Mô đóng dinh.

---

[1] Thế tập: là được truyền từ đời nọ sang đời kia.

[2] 13 lộ: năm 1466, Lê Thánh Tông đặt 13 đạo thừa tuyên, có lẽ là 13 lộ này.

[3] Nay thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Bồi thần: là bề tôi của vua chư hầu. Không theo lễ tiếp bồi thần có nghĩa là không coi họ Mạc là vua chư hầu.

[5] Năm trước đã có việc Nguyễn Kim thống suất các quân tiến đánh Thanh Hoa, năm nay lại chép Nguyễn Kim còn ở Ai Lao. Sách Cương mục (CMCB27, 40) cho là Toàn thư chép lầm.

[6] Sông Nghĩa Lộ: chưa rõ ở đâu.

[7] Quảng Bình: tên huyện, nay là vùng đất phía tây bắc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 5, ngày 20, hàng tướng Mạc là Trung Hậu hầu ngầm chứa hai lòng, mời Thái tể Nguyễn Kim đến dinh của hắn, bỏ ngầm thuốc độc trong quả dưa dâng lên trước mâm cỗ, Kim tin thực ăn dưa, bị trúng độc, đến khi về thấy trong người khó chịu rồi mất, Trung Hậu hầu đêm ấy trốn đi, lại quay về **[7b]** với họ Mạc[1]. Trước kia, Trung Hậu hầu xuất thân là hoạn quan, trải thờ Mạc Đăng Dung, làm quan đến chức chưởng bộ, nghe tin vua nổi quân khôi phục bờ cõi, liền bàn mưu với họ Mạc dùng kế trá hàng, thường muốn hại vua.

Việc đó không thành, mới bỏ ngầm thuốc độc để hại Thái tể Kim, Kim không để ý, bị trúng độc. Vua xuống chiếu truy tặng Kim làm Huân Tĩnh công, thuỵ là Trung Hiến, sai người rước về Bái Trang[2], huyện Tống Sơn để hậu táng. Phong con trưởng của Kim là Uông làm Lãng quận công, con thứ là Hoàng làm Hạ Khê hầu, sai đem quân đi đánh giặc.

Tháng 8, vua sai Dực quận công Trịnh Kiểm làm đô tướng tiết chế các dinh quân thuỷ bộ các xứ kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, Thái sư Lượng quốc công. Mọi binh quyền ngoài khổn, công việc trong nước, trù tính mưu lược, phong tước bổ quan xa gần đều được **[8a]** tuỳ mình quyết định, rồi sau mới tâu vua. Lượng quốc công càng dốc lòng trung trinh, mọi việc đều quyết đoán rõ ràng, công việc đều đâu ra đấy cả.

Bính Ngọ, [Nguyên Hoà] năm thứ 14 [1546], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 25). Vua lập hành điện ở sách Vạn Lai[3]. Mỗi khi có đánh dẹp, đều giao cả cho Thái sư Lượng quốc công thống lĩnh, đánh đâu được đấy. Do vậy, hào kiệt các châu Hoan, Diễn, Ô, Quảng[4] đua nhau tới cửa đình, ai nấy đều vui lòng gắng sức, cõi đất Ái Châu[5] yên dần.

Tháng 5, ngày mồng 8, Mạc Phúc Hải chết. Con trưởng là Phúc Nguyên mới lập, lấy năm sau làm năm Vĩnh Định thứ 1.

Đinh Mùi, [Nguyên Hoà] năm thứ 15 [1547], (Mạc Vĩnh Định năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 26). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Dương **[8b]** Phúc Tư, Phạm Du, Nguyễn Tế đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Nguyễn Kính Chỉ 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Vũ Hiệu 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháp Báo Thiên bị đổ.

Tướng Mạc là Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi[6] mưu lập người họ Mạc là Hoằng Vương Chính Trung[7] làm chúa, không xong, bèn nổi loạn, bức dời Chính Trung về xã Hoa Dương[8], huyện Ngự Thiên. Họ Mạc sai Khiêm Vương Kính Điển[9] cùng bọn Tây quận công Nguyễn Kính đem quân đi bắt, bị Tử Nghi đánh bại. Sau Tử Nghi nhiều lần đánh không được, mới ép Chính Trung ra chiếm cứ vùng Yên Quảng. Dân hạt Hải Dương bị nạn binh lửa luôn luôn, nhiều người phải lưu vong. Tử Nghi lại chạy vào đất nhà Minh, thả quân đi bắt người cướp của Quảng Đông, Quảng Tây. Người Minh không kiềm chế nổi. (Tử Nghi người huyện An Dương).

---

[1] CMCB27, 39, 40 ghi rõ tên của viên quan Trung Hậu hầu này là Dương Chấp Nhất.

[2] Bái Trang: tức là Gia Miêu Ngoại trang, đời Nguyễn gọi là Quý Hương, nay ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Sách Vạn Lai: nay là xã Vạn Lại, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Hoan Diễn: là vùng đất các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay. Ô: là chỉ miền đất tỉnh Bình Trị Thiên ngày nay, Quảng: là chỉ miền đất tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng ngày nay.

[5] Ái Châu: tức là đất tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[6] Phạm Tử Nghi: người xã Trung Hành, huyện An Dương, trấn Hải Dương, nay thuộc Hải Phòng.

[7] Chính Trung: là con thứ của Mạc Đăng Dung.

[8] Hoa Dương: tên xã, sau là của Mạc Phúc Hải.

[9] Mạc Kính Điển: là em của Mạc Phúc Hải.

[9a] Mậu Thân, [Nguyên Hoà] năm thứ 16 [1548], (Mạc đổi Vĩnh Định thành Cảnh Lịch năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 27). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 29, vua băng, Thái tử Huyên lên ngôi, lấy năm sau làm Thuận Bình năm thứ 1. Dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Trang Tông.

Họ Mạc phong Phạm Quỳnh làm Vinh quận công, và con là Dao làm Phú xuyên hầu. (Quỳnh người xã Thịnh Liệt[1], huyện Thanh Trì).

Họ Mạc sai bọn Lê Tiên Quý sang tuế cống nhà Minh.

Trung Tông Hoàng Đế

(Tên húy là Huyên, là con trưởng của Trang Tông, ở ngôi 8 năm, thọ 22 tuổi)

Phụ: Họ Mạc
(Phúc Nguyễn 8 năm)

Vua uỷ nhiệm bậc trung thần mưu lược, đánh giết kẻ tiếm hiệu cướp ngôi, có thể gọi là có tài lược đế vương, song hưởng thọ không lâu, đất đai của tiên vương chưa thu phục được hết, tiếc thay!

Kỷ Dậu, [Thuận Bình] năm thứ 1 [1549], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 28). Họ Mạc lấy tướng Đông đạo (không rõ tên) làm Thiệu quốc công, tướng Bắc đạo Mạc Đình Khoa làm Gia quốc công, tướng Tây đạo Nguyễn Kính làm **[9b]** thái uý Tây quốc công, Nguyễn Khải Khang làm thái uý Đoan quốc công, đều cho họ Mạc; tướng Nam đạo Lê Bá Ly[2] làm thái tể Phụng quốc công, cùng các thần thuộc trên dưới đều được phong để mưu giữ đất đai bờ cõi.

Mạc Phúc Nguyên bỏ chính điện ở thành Thăng Long, dời ra ở ngoại thành, trong cõi rối loạn.

Tháng 3, lấy Phạm Đốc làm Kinh ngô vệ chưởng vệ sự, phong Quảng quận công (Đốc người xã Thổ Sơn, huyện Vĩnh Phúc[3]).

Canh Tuất, [Thuận Bình] năm thứ 2 [1550], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 29). Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Trần Văn Bảo, Trần Văn, Nguyễn Minh Dương đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Lê Khâm 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Thừa Hưu 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ Mạc Phúc Nguyên nghe lời dèm pha của cha con Phạm Quỳnh, Phạm Dao[4], cho nên tướng Nam đạo, Thái tể **[10a]** Phụng quốc công Lê Bá Ly và con là Phổ quận công Lê Khắc Thận; văn thần là Lại bộ thượng thư ngự sử đài đô ngự sử, Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Thư quận công Nguyễn Thiến[5] và con là Nguyễn Quyện, Nguyễn Phủ, mỗi người đem hơn trăm quân bản bộ đi đêm trốn vào cửa ải Thanh Hoa xin hàng. Vua cho hàng. Bọn họ đến cửa khuyết lạy chào. Vua cả mừng, ban thưởng và uý lạo cho.

Từ đó, hào kiệt các nơi kéo đến hưởng ứng như mây trời quần tụ, ai cũng vui lòng.

Tân Hợi, [Thuận Bình] năm thứ 3 [1551], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 30). Họ Mạc sai bọn Kinh Điển đốc quân đi đánh Mạc Chính Trung và Phạm Tử Nghi ở Yên Quảng. Đuổi đánh và bắt được Tử Nghi đưa về Kinh sư chém lấy đầu gửi sang nước Minh. Người Minh không nhận, trả lại. Chính Trung chạy vào đất Minh rồi chết ở **[10b]** đấy. (Bản kỷ viết: Trước kia, Phạm Tử Nghi vẫn

---

[1] Thịnh Liệt: tục gọi là làng Sét, ở phía dưới xã Bạch Mai và Hoàng Mai; thuộc Hà Nội ngày nay.

[2] Lê Bá Ly: người làng Cổ Phạm, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[3] Huyện Vĩnh Phúc: sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Phạm Quỳnh, Phạm Dao: người làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

[5] Nguyễn Thiến: người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, nay thuộc tỉnh Hà Tây, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1532) đời Mạc.

định lập Hoằng Vương Chính Trung làm người nối ngôi họ Mạc, nhưng các thân vương trong họ và đại thần của họ Mạc lại mưu lập Phúc Nguyên. Chính Trung không được lập, mới cùng với Tử Nghi nổi loạn, và cướp bên nước Minh, người Minh bị nhiều tai hoạ. Đến đấy, nhà Minh trách họ Mạc là phiên thần vô lễ, dung túng bọn cướp nước sang cướp bóc đại quốc, sẽ phải đem quân sang, họ Mạc rất sợ, liền ngầm sai kẻ tiểu tốt đi bắt được Tử Nghi, chém đầu sai người đưa sang nhà Minh. Nhưng hễ đi tới đâu là hay sinh ôn dịch ở đó, làm chết hại nhiều người và súc vật, nên người Minh phải trả lại).

Thái sư Lượng quốc công sai hàng tướng của họ Mạc là Lê Bá Ly cùng với bọn Vũ Văn Mật[1] tiến quân sát đến Kinh sư. Mạc Phúc Hải chạy về Kim Thành[2], để Mạc Kính Điển làm đô tổng soái ở lại cầm quân chống giữ.

Nhâm Tý, [Thuận Bình] năm thứ 4 [1552], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 31). Thái sư Trịnh Kiểm đem quân đi đánh dẹp miền tây nam. Tướng Tây đạo thái uý đoan quốc công của họ Mạc là Nguyễn Khải Khang đem quân về hàng, đến Yên Trường[3] **[11a]** vua uý lạo, ban thưởng, vẫn cho giữ chức tước như cũ.

Quý Sửu, [Thuận Bình] năm thứ 5 [1553], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 32). Vua dời hành tại đến Yên Trường.

Họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Nguyễn Lượng Thái, Hoàng Tuân, Trần Vĩnh Tuy đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Nghĩa Lập 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Công Tộc 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Giáp Dần, [Thuận Bình] năm thứ 6 [1554], (Họ Mạc đổi niên hiệu Cảnh Lịch thành Quang Bảo năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 33). Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm dời hành dinh đến Biện Thượng[4]. Thế quân thêm mạnh, hiền sĩ bốn phương nhiều người quy phụ.

Mở chế khoa[5], chọn kẻ sĩ. Cho bọn Đinh Bạt Tuy 5 người đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân[6]; bọn Chu Quang Trứ[7] 8 người đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

[11b] Tháng 10, ngày mồng 1, lấy Kim ngô vệ chưởng vệ sự Quảng quận công Phạm Đốc làm thái bảo.

Ất Mão, [Thuận Bình] năm thứ 7 [1555], (Mạc Quang Bảo năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 34). Tháng 8, họ Mạc sai Khiêm Vương Mạc Kính Điển đem quân vào cướp Thanh Hoá; lấy Thọ quận công (không rõ tên) tiết chế quân Nam đạo, đem hơn 100 chiếc thuyền làm tiên phong, tiến đến cửa biển Thần Phù đóng dinh.

Hôm sau, Kính Điển đem quân đến hội ở sông Đại Lại[8], sai Thọ quận công đốc suất quân bản bộ đi trước, đóng dinh ở núi Kim Sơn[9].

---

[1] Vũ Văn Mật: là em Vũ Văn Uyên, người xã Ba Động, huyện Gia Phúc (nay là huyện Gia Lộc tỉnh Hải Hưng). Khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê thì Vũ Văn Uyên cát cứ vùng Tuyên Quang chống lại nhà Mạc. Văn Uyên chết, Vũ Văn Mật nối nghiệp anh, được vua Lê phong tước Gia quốc công.

[2] Kim Thanh: tên huyện, thuộc tỉnh Hải Dương, nay là tỉnh Hải Hưng.

[3] Yên Trường: tên xã, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[4] Biên Thượng: tức làng Bồng Thượng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[5] Chế Khoa: theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn thì lệ thi cử thời Lê như sau: Những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu là khoa thi Hương; những năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất là khoa thi Hội. Nhưng có khi nhà vua có bài chế ban xuống cho mở khoa thi đặc biệt không theo lệ trên thì gọi là chế khoa. Phép thì chế khoa cũng giống khoa thi Hội (thi kinh nghĩa, tứ lục, thơ, phú và văn sách).

[6] Đinh Bạt Tuy: người làng Bùi Khổng, huyện Hưng Nguyên, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

[7] Chu Quang Trứ: người xã Nam Hoa Thượng, huyện Thanh Chương, Nghệ An.

[8] Sông Đại Lại: tức sông Lèn, một nhánh của sông Mã ở Thanh Hoá.

[9] Kim Sơn: có tên là núi Biện hay núi Bồng. Động Kim Sơn là một danh thắng.

Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm đại hội các tướng bàn rằng: Giặc cậy đông khinh ta, ta dùng kế mai phục đợi chúng, thế nào cũng bắt được. Bèn sai người dặn trước dân chúng hai bờ sông không được kinh động, ai nấy cứ vững yên như cũ. Lại sai **[12a]** trung quan là Thái uý Hùng quốc công Đình Công đốc suất bọn hàng tướng Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang, Nguyễn Thiến, Lê Khắc Thận cùng binh tướng bản bộ mai phục sẵn ở phía nam sông, trên từ núi Yên Định, dưới đến núi Quân Yên[1]. Thái sư Trịnh Kiểm đích thân đốc suất đại quân mai phục ở phía bắc sông, trên từ núi Bạch Thạch[2], dưới đến núi Kim Sơn, lại chọn 50 con voi phục ở chân núi Kim Sơn[3]. Lại sai Quảng quận công Phạm Đốc đem thuỷ quân và chỉ huy bọn hàng tướng Nguyễn Quyện đem hơn 10 chiếc thuyền chiến chiếm cứ mạn thượng lưu từ sông Hữu Chấp đến sông Kim Bôi[4], đi đi lại lại làm thế ỷ dốc.

Hôm sau, giờ Tỵ, thuyền giặc qua Kim Sơn, đến chợ Ông Cung[5]. Trong chiến thuyền, nghe tiếng đàn sáo ca hát, như vào chỗ không người. Gần trưa, nghe một tiếng súng nổ ở núi Quân Sơn, dọc hai bờ sông **[12b]** liên tiếp có bảy tiếng súng đáp lại. Thái sư Trịnh Kiểm tung quân đánh lớn, voi ở hạ lưu đã qua sông. Binh thuyền của bọn Phạm Đốc, Nguyễn Quyện đã thuận dòng mà xuống. Binh tượng hai bên bờ hăng hái tranh nhau tiến lên trước. Quân giặc quay ngược giáo, vứt bỏ áo giáp, chiến thuyền, nhảy xuống sông trốn chạy. Thọ quận công tự liệu không thể thoát được, nhảy xuống sông trốn, bị Triều quận công Vũ Sư Thước bắt sống. Quân Mạc bị bắt rất nhiều. Trói Thọ quận công trên lưng voi đem nộp ở cửa dinh cùng với mấy chục viên tướng giặc lớn nhỏ đã bắt được. Quân giặc chết nhiều, xác nghẽn cả sông, nước sông đỏ lòm. Thu được khí giới nhiều không kể xiết. Mấy vạn quân giặc chết gần hết. Kính Điển sợ vỡ mật, thu nhặt tàn quân quay về Kinh sư. Thái sư dâng biểu báo tin thắng trận, vua sai chém hết vài chục tên tướng giặc như bọn Thọ quận công ở núi Đồng Lộc.

Bính Thìn, [Thuận Bình] năm thứ 8 [1556], (Mạc Quang Bảo năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 35). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 24. Vua băng, không có con nối. Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm bàn với các đại thần rằng: Nước không thể một ngày không có vua. Liền sai người đi tìm con cháu họ Lê lập lên, tìm được cháu bốn đời của Lam quốc công Lê Trừ là Lê Duy Bang ở hương Bố Vệ[6], huyện Đông Sơn, đón về lập làm vua. Đại xá, lấy năm sau làm năm Thiên Hựu thứ 1. Dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế và Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Trung Tông.

Lấy Thái bảo Quảng quận công Phạm Đốc làm Binh bộ thượng thư chưởng bộ sự.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Trấn, Đỗ Uông và Nguyễn Nghiêu Tá đỗ tiến sĩ cập đệ; **[13b]** bọn Phạm Viết Mậu 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Nhân An 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Anh Tông Tuấn Hoàng Đế

(Tên húy là Bang, ở ngôi 16 năm, thọ 42 tuổi)

Phụ: Họ Mạc
(Phúc Nguyên 5 năm, Mậu Hợp 11 năm)

---

[1] Yên Dịch và Quân Yên: tên hai ngọn núi thuộc huyện Yên Định, Thanh Hoá.

[2] Bạch Thạch: tên một ngọn núi ở phía tây bắc huyện Đông Sơn, Thanh Hoá.

[3] Chi tiết chọn voi mai phục này không thấy có trong Bản dịch cũ.

[4] Sông Hữu Chấp: ở xã Hữu Chấp; Sông Kim Bôi: ở xã Kim Bôi. Hai xã Hữu Chấp và Kim Bôi đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[5] Chợ Ông Cung: hay chợ Ông, ở làng Bồng Thượng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Bố Vệ: tên xã, ở phía nam thị xã Thanh Hoá ngày nay.

Vua là dòng dõi đế thất, nhờ huân thần tôn lập, mưu cuộc trung hưng, thực là mệnh trời trao cho vậy. Song sự nghiệp chưa xong một nửa, lòng nghi hoặc dần nảy sinh, chỉ tin lời gièm pha mà xiêu giạt ra ngoài. Thương thay!

Trước kia, anh thứ hai của Thái Tổ là Trừ (tặng Lam quốc công, nay tôn phong là Hoằng Dụ Vương). Trừ sinh ra Khang (tặng Quỳ quốc công, nay tôn phong là Hiển Công Vương). Khang sinh ra Thọ (nay tôn phong là Quang Nghiệp Vương), Thọ sinh Duy Thiệu (nay tôn phong là Trang Giản Vương), Duy Thiệu sinh Duy Khoáng (nay tôn phong là Hiếu Tông Nhân Hoàng Đế), Duy Khoáng lấy vợ người hương Bố Vệ, huyện Động Sơn, sinh ra vua. Bấy giờ, Trung Tông băng, không có con nối, Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm và các đại thần đón lập lên.

[14a] Đinh Tỵ, [Thiên Hựu] năm thứ 1 [1557], (Mạc Quang Bảo năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 36). Họ Mạc lấy Khiêm Vương Kính Điển kiêm chức Tông nhân phủ Tông nhân lệnh.

Tháng 7, họ Mạc sai Kính Điển đem quân xâm phạm Thanh Hoa, đến sông Thần Phù và vùng Tống Sơn[1], Nga Sơn[2], đốt phá cầu phao. Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm sai Thanh quận công[3] giữ Nga Sơn, Thuỵ quận công Hà Thọ Tường giữ Tống Sơn, ai nấy đều đem tinh binh đi chống giữ, quân Mạc không tiến lên được. Thái sư đích thân chỉ huy binh tượng, ngầm tiến đến chân núi Yên Mô[4] thẳng tới cửa biển, gặp giặc, tung quân ra đánh, lại đánh úp phía sau, tiếng súng liên hồi, trên dưới đánh kẹp vào. Thái sư sai người huyện Hoằng Hoá là Vũ Lăng hầu lao thuyền xông vào đánh, gặp thuyền Mạc Kinh Điển, Vũ Lăng hầu tung người nhảy qua, vung gươm chém người cầm dù đứt làm hai đoạn rớt **[13b]** xuống sông. Kinh Điển trở tay không kịp, nhảy xuống sông trốn thoát. Quân Mạc đại bại, bỏ thuyền chạy trốn vào núi rừng. Kính Điển chỉ thoát được thân, vào hang núi ẩn náu 3 ngày, đói quá, ban đêm thấy cây chuối trôi qua cửa hang, liền ôm chuối trôi theo dòng để tìm đường về. Vài ngày sau, đến sông Yên Mô, gặp người đánh cá ở xã Trà Tu[5] cứu thoát. Đến khi về, Kính Điển bảo cử người ấy làm Phù Nghĩa hầu.

Tháng 7 nhuận, lấy Thái bảo Quảng quận công Phạm Đốc làm thái phó.

Tháng 8, Thái sư sai Phạm Đốc đi cứu Nghệ An[6]. Bấy giờ họ Mạc nghe tin Thái sư thừa thắng tiến đánh, bèn trốn về Kinh.

Năm này, hàng tướng Mạc là Lê Bá Ly, Nguyễn Thiến chết. Con của Thiến là bọn Nguyễn Quyện, Nguyễn Phủ **[15a]** lại trốn về với họ Mạc. Họ Mạc phong Quyện làm Văn Phái hầu, Phủ làm Phù Hưng hầu, đem con gái tông thất gả cho.

Tháng 9, Thái sư Trịnh Kiểm đem 5 vạn quân thuỷ bộ đánh ra miền giữa Sơn Nam. Đến sông Phụng Xí[7] bắc cầu phao qua sông, phá tan quân Mạc, bắt sống tướng Mạc là Khánh quốc công trên thuyền, quân Mạc tan vỡ. Thái sư Trịnh Kiểm để Khánh quốc công trên voi, sai đi theo quân để hiến kế. Sau Khánh quốc công mưu phản, việc tiết lộ, bị giết.

Quan quân đánh dẹp huyện Giao Thuỷ ở mạn dưới Sơn Nam. Thái sư Trịnh Kiểm tự mình chỉ huy bộ binh, sai bọn Phạm Đốc chỉ huy thuỷ quân, lấy Vũ Lăng hầu làm Tiền Thuỷ đội[8], tung quân đánh lớn.

---

[1] Tống Sơn: nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Nga Sơn: tên huyện, nay thuộc tỉnh Thanh Hoá.

[3] Thanh quận công: tên quan tước, chưa rõ họ tên thực.

[4] Yên Mô: tên huyện, thuộc tỉnh Ninh Bình.

[5] Trà Tu: tên xã, thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

[6] Khi Kính Điển vào đánh Thanh Hoá thì Mạc Phúc Nguyên sai bọn Phạm Quỳnh, Phạm Dao vào đánh Nghệ An. Trịnh Kiểm phá tan quân của Mạc Kính Điển, tước lấy chiến thuyền, giả làm quân Mạc kéo vào đánh quân Phạm Quỳnh, Phạm Dao ở Nghệ An. Bọn Quỳnh, Dao không đề phòng, bị đại bại.

[7] Sông Phụng Xí: có lẽ là sông Phượng Tường ở huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

[8] Tức Phạm Đức Kỳ, người xã Tào Xuyên, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Họ Mạc sai Nguyễn Quyện chống giữ ở sông Giao Thuỷ. Quyện và Vũ Lăng hầu đánh nhau to. Vũ Lăng hầu **[15b]** rướn mình nhảy sang mui thuyền của Quyện trước. Quyện cầm gươm chém, Vũ Lăng hầu nhảy xuống sông lặn đi. Quyện vội nhảy sang thuyền của Vũ Lăng hầu, chém được đầu của người cầm dù rồi hô lớn: "Đầu Vũ Lăng hầu đây, lũ chúng mày địch sao nổi ta". Các quân nghe nói thế, không kịp ngoảnh lại nhìn, nhảy cả xuống sông. Toàn quân tan vỡ, bỏ thuyền nhảy lên bờ tháo chạy. Quân Mạc thừa thắng đuổi đánh. Nhân dân các huyện đều hưởng ứng theo. Thái sư kíp bàn rút quân. Họ Mạc sai tướng đem quân chặn lối về, quân sĩ phần lớn bị hại, chiến tướng bị giết đến vài chục viên, thuyền bè, khí giới phải vứt bỏ hết, sĩ tốt chạy thoát được còn độ một nửa.

Tháng 10, Thái sư đem quân về Thanh Hoa, sai ác tướng vỗ nuôi quân lính, chế tạo chiến khí, sai tuyển tráng đinh biên chế vào quân ngũ cho đủ số quân để lại mưu đánh lần sau.

[16a] Mưa to kéo dài hàng tháng không tạnh. Ở Thanh Hoa, Nghệ An lúa đồng phần lớn bị ngập nước, mùa màng bị mất, do vậy vua xuống chiếu đổi năm sau thành năm Chính Trị[1] thứ nhất.

Mậu Ngọ, [Chính Trị] năm thứ 1 [1558], (Mạc Quang Bảo năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 37). Thái sư thân đốc đại quân lại ra miền giữa trấn Sơn Nam, lừa đánh lúc giặc bất ngờ, bắt sống tướng Mạc là Anh Nhuệ hầu đưa về hành tại Yên Trường, sai đem chém.

Năm này, lập trường thi Hương ở xã Đa Lộc, huyện Yên Định.

Tháng 8, ngày Mậu Ngọ 14, Thái phó Quảng quận công Phạm Đốc chết[2], thọ 46 tuổi. Được truy tặng Đặc tiến khai phủ thái uý Tĩnh quốc công, thuỵ là Trung Nghị.

Tháng 9, Thái sư Trịnh Kiểm thân đốc đại binh lại ra miền trên trấn Sơn Nam chiếm đất rồi **[16b]** trở về, để hàng tướng Nguyễn Khải Khang ở lại trấn thủ để chiêu tập dân chúng. Sau họ Mạc dùng mưu sai người địa phương trá hàng để dụ. Khải Khang lại phản bội, quay về với họ Mạc. Họ Mạc dùng xe xé xác Khang.

Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm vào chầu, dâng biểu tâi xin sai con thứ của Chiêu Huân Tĩnh công[3] là Đoan quận công Nguyễn Hoàng đem quân vào trấn thủ xứ Thuận Hoá để phòng giặc phía đông[4] cùng với Trấn quận công (không rõ tên) ở Quảng Nam cứu viện cho nhau[5]. Mọi việc của xứ này, không cứ lớn hay nhỏ, và các ngạch thuế đều giao cả cho, hàng năm đến kỳ hạn thì thu nộp.

Kỷ Mùi, [Chính Trị] năm thứ 2 [1559], (Mạc Quang Bảo năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 38). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Đặng Thì Thố đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Đạt Thiệu 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Thầm 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[17a] Bấy giờ quân Mạc bị thua luôn, Phúc Nguyên hoang mang lo sợ, bỏ thành Thăng Long dời ra ở ngoài cửa Nam.

Tháng 3, Thái sư Trịnh Kiểm sai Hộ bộ đạc chi Văn Toàn tử Lê Trọng Nguyên đi khám đo ruộng đất công và tư ở Thanh Hoa để định ngạch thuế.

Tháng 8, ở Thanh Hoa, Nghệ An, nước lũ tràn ngập, đê điều, đường sá bị vỡ lỡ, trôi mất vài trăm nhà. Trong thành Tây Đô do vậy bị ngập, kho tàng phần nhiều ngập nước, nhân dân đói kém.

---

[1] Chính Trị: có nghĩa là sửa sang việc trị nước.

[2] Phạm Đốc: là con nuôi của Trịnh Kiểm, có tài dùng binh.

[3] Tức Nguyễn Kim.

[4] Trịnh Kiểm tuy đã lấy được đất Thuận Hoá, nhưng nhiều người ở đó vẫn theo họ Mạc, hoặc vượt biển đi theo họ Mạc, hoặc đưa quân Mạc đến phá phía sau của quân Lê - Trịnh.

[5] Sau khi Nguyễn Kim chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm. Hai người con trai của Nguyễn Kim thì một người là Lãng quận công tả tướng Nguyễn Uông đã bị Trịnh Kiểm mưu sát. Đoan quận công Nguyễn Hoàng lo cho số phận của mình, nhờ chị là Trưởng công chúa Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin cho vào trấn thủ Thuận Hoá. Trịnh Kiểm cũng muốn trừ bỏ mối lo bên cạnh mình, nên đồng ý cho đi. Nguyễn Hoàng đem quân thủ hạ của mình vào Thuận Hoá, đóng dinh ở gò Phù Sa, xã Ái Tử, trên sông Ái Tử.

Tháng 9, Thái sư bảo cử viên tướng cùng họ là Phong quận công Trịnh Quang[1] trông coi ngự bình, Phù quận công Lê Chủng làm tổng trấn đạo Thanh Hoa, trấn giữ binh dân, bọn Triều quận công Vũ Sư Thước, An quận công Lại Thế Khanh[2] cùng đem tinh binh trấn giữ cửa biển để phòng chống giặc. Thái sư chỉ huy hơn 6 vạn đại quân, nói phao là 12 vạn, đích thân đi đánh **[17b]** miền bắc để mưu việc khôi phục. Đại quân từ Thiên Quang[3] ra miền thượng lộ Sơn Tây[4]. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, dân chúng đều thuận lòng hàng phục, yên ổn như xưa, mọi người tranh nhau đem rượu thịt lúa gạo cấp cho quân. Khi đến Tuyên Quang, Hưng Hoá, tướng Tây đạo là Định quận công[5] đem quân đến hội. Lại bàn tiến quân, vượt sông[6] đánh chiếm các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc. Viên thổ tướng Gia quận công[7] cũng quy thuận triều đình, nguyện xin cấp quân đánh giặc. Lại sai Định quận công trấn giữ An Tây và Đại Đồng[8] để củng cố cõi phiên trấn và mở đường từ Thiên Quang nối liền với Hưng Hoá, Tuyên Quang, thông đến Kinh Bắc để vận tải lương thực cung cấp cho quân.

Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm thống lĩnh binh tướng đi đánh dẹp các xứ Kinh Bắc, đóng dinh ở **[18a]** phủ Thuận An[9], cầm cự với quân Mạc, sau lại dời đến đóng ở núi Tiên Du[10].

Tháng 11, Thái sư Trịnh Kiểm chia quân đi đánh các phủ Khoái Châu, Hồng Châu[11] các huyện Siêu Loại, Văn Giang[12] quân đi đến đâu, giặc đều vỡ chạy.

Tháng 12, Thái sư Trịnh Kiểm lại chia quân tiến đánh các phủ Khoái Châu, Hồng Châu, Nam Sách[13] quân Mạc nghe tin đều bỏ chạy.

Canh Thân, [Chính Trị] năm thứ 3 [1560], (Mạc Quang Bảo năm thứ 7; Minh Gia Tĩnh năm thứ 39). Tháng giêng, Thái sư Trịnh Kiểm sai các tướng đem quân đi đánh phá các phủ Hồng Châu, Khoái Châu, Tiên Hưng[14], đánh đâu được đấy.

Năm này được mùa lớn. Hạ lệnh cho dân địa phương đã quy thuận ở các huyện thuộc trấn Kinh Bắc nộp lúa để cung cấp cho quân lính.

---

[1] Trịnh Quang: người xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc (sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá).

[2] Lại Thế Khanh: người xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn (sau là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá).

[3] Thiên Quang: nay là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[4] Trịnh Kiểm, trong chiến dịch này, dùng viên tướng Hoàng Đình Ái, người xã Vân Lũng, huyện Thạch Thành (Thanh Hoá) làm tiên phong.

[5] Định quận công: tên thực là Đặng Định.

[6] Tức vượt sông Hồng.

[7] Tức Lê Duy Mật, một viên tướng cát cứ vùng Tuyên Quang khi ấy.

[8] Đặng Định: Trước theo Nguyễn Kim sang Ai Lao, sau khi Trang Tông trung hưng, được sai đi trấn thủ 10 châu của phủ An Tây, trấn Hưng Hoá. Còn Đại Đồng vốn do anh em Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật chiếm giữ từ trước. Vì thế, CMCB 28, 13 chép là: Lại sai Vũ Văn Mật trấn giữ Đại Đồng, Đặng Định trấn giữ An Tây, thì đúng hơn.

[9] Phủ Thuận An: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Phủ lỵ phủ Thuận An ở khoảng Dâu Keo.

[10] Núi Tiên Du: ở huyện Tiên Du cũ, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[11] Phủ Khoái Châu: gồm các huyện Đồng Yên (sau là huyện Khoái Châu), Kim Động, Tiên Lữ, Thiên Thi (sau là huyện Ân Thi), Phù Dung (sau là Phù Cừ), tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng. Phủ Hồng Châu: gồm các huyện Đường Hào (sau là Mỹ Hào), Đường Yên (sau là Bình Giang), Cẩm Giàng, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại (sau là Ninh Giang), đều thuộc tỉnh Hải Dương ngày nay.

[12] Huyện Siêu Loại: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Huyện Văn Giang: sau sát nhập vào huyện Văn Lâm, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

[13] Phủ Nam Sách: gồm các huyện Thanh Lâm (sau là Nam Sách), Chí Linh, Thanh Hà thuộc tỉnh Hải Dương và huyện Tiên Minh (nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng).

[14] Phủ Tiên Hưng: gồm phần đất của các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày nay.

Tháng 2, Mạc Phúc Nguyên sai tướng đem quân giữ thành Thăng Long, bên ngoài đóng đồn một dải từ dọc **[18b]** sông về phía tây, trên từ Bạch Hạc, dưới đến Nam Xang[1], dinh trại liền nhau, thuyền ghe san sát, ban ngày thì phất cờ dóng trống báo nhau, ban đêm thì đốt lửa làm hiệu cho nhau để chống giữ với quan quân. Thái sư Trịnh Kiểm bàn chia quân cho các tướng đi đánh các huyện Đông Triều, Giáp Sơn[2], Chí Linh, An Dương ở miền đông, đều lấy được cả. Họ Mạc bèn dời ra ở huyện Thanh Đàm.

Tháng 3, Thái sư Trịnh Kiểm sai bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái đem quân trấn giữ Lạng Sơn. Vị quận công Lê Khắc Thận trấn giữ Thái Nguyên, Gia quận công[3] trấn giữ Tuyên Quang. Quân đóng liền nhau để cứu viện cho nhau, ngày đêm tiến công các phủ huyện Phú Bình, Văn Lan[4]. Lại sai Định quận công trấn giữ Hưng Hoá, chiêu tập vỗ yên cư dân mười châu An Tây, tư cấp binh lương. Từ Thiên Quang đến Kinh Bắc đường liền không dứt.

[19a] Tháng 4, Thái sư Trịnh Kiểm đóng quân ở phía nam núi Lãm Sơn[5]. Bấy giờ, quan quân cầm cự nhau với tướng Mạc liền năm không dứt. Thái sư Trịnh Kiểm lại chia quân đi đánh phá các vùng Thanh Miện, Gia Phúc[6], Hồng Châu, Khoái Châu. Các huyện ở Hải Dương do vậy mà chấn động.

Tân Dậu, [Chính Trị] năm thứ 4 [1561], (Mạc Quang Bảo năm thứ 8; Minh Gia Tĩnh năm thứ 40). Tháng 3, họ Mạc sai tướng đem quân đến Kinh Bắc chống nhau với Thái sư Trịnh Kiểm; rồi ngầm sai Mạc Kính Điển đem quân vào đánh cướp Thanh Hoa, đến tận các cửa biển. Bấy giờ, các tướng trấn giữ là Triều quận công Vũ Sư Thước và An quận công Lại Thế Khanh đều bỏ dinh trại rút về; Phù quận công Lê Chủng thì quân vỡ, tháo chạy, đem quân chạy vào sách Vạn Lại, cửa Yên Trường. Gia thuộc của Thái sư và vợ con của các tướng chạy vào sách Thuỷ Đả[7] để lánh nạn. Thế giặc hung hăng, dân chúng phần nhiều phải lưu tán.

[19b] Tháng 9, quân Mạc đánh vào cửa Yên Trường, đến sách Vạn Lại, sắp lấy được kho công. Bọn Vũ Sư Thước, Lại Thế Khanh hợp sức cố đánh, tung quân mai phục đánh thắng liền mấy trận, chém được hơn trăm thủ cấp giặc. Quân Mạc tan vỡ tháo chạy. Quan quân thừa thắng đuổi theo. Mạc Kính Điển phải rút quân về Kinh. Thái sư Trịnh Kiểm liền đem quân về Thanh Hoa, lạy chào vua ở hành tại Yên Trường, cáo thắng trận xong, đóng quân ở Cao Mật, phía nam thành Tây Đô, thưởng chiến công đánh giặc.

Phù quận công Lê Chủng chết.

Tháng 12, Mạc Phúc Nguyên chết, con là Mậu Hợp lên ngôi, đổi niên hiệu là Thuần Phúc.

Nhâm Tuất, [Chính Trị] năm thứ 5 [1562], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 41). Tháng giêng, Mạc Mậu Hợp tuổi còn nhỏ lên nối ngôi, lấy Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng làm nhập nội phụ chính ẵm Mậu Hợp ra coi chầu, tôn ông chú là **[20a]** Khiêm Vương Kính Điển là Khiêm Đại Vương, Hoa quận công (không rõ tên) là chưởng Triều Đông vệ, Phò mã đô uý Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm chưởng Phù Tây vệ, Thạch quận công Nguyễn Quyện là chưởng Phù Nam vệ, Phò mã tông chính thái bảo Ninh quận công (không rõ tên) là chưởng An Bắc vệ. Ngoài ra, từng người đều được phong chức tước để hiệp lực phò tá nhà Mạc.

---

[1] Nam Xang: sau là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[2] Giáp Sơn: sau là huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

[3] Tức Vũ Văn Mật.

[4] Phủ Phú Bình: gồm phần lớn tỉnh Thái Nguyên cũ (nay thuộc tỉnh Bắc Thái) và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phú bây giờ. Huyện Văn Lan: tương đương với các huyện Bằng Mạc và Điềm He, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[5] Núi Lãm Sơn: ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[6] Gia Phúc: tên huyện, sau là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ, nay là tỉnh Hải Hưng.

[7] Sách Thuỷ Đả: sách ở miền thượng du Thanh Hoá, có lẽ ở khoảng huyện Ngọc Lặc ngày nay.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Duy Quyết, Trương Lỗ, Ngô Khiêm đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Vũ Văn Thiện 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Vĩnh Miện 10 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, vua sai Lộc quận công đem quân đánh dẹp mười châu[1], sau Nhân Khê hầu cùng đi để chiêu tập, phủ dụ dân chúng.

[20b] Tháng 8, vua lập trường thi Hương ở cửa nam thành Tây Đô.

Tháng 9, Thái sư thân hành đốc suất đại quân đi đánh dẹp lộ Sơn Nam[2], sai thế tử[3] cùng đi. Quân đến vùng Thanh Trì, Thượng Phúc, sai lập đại dinh ở huyện Sơn Minh[4], hạ lệnh thu thóc lúa chứa để làm kế lâu dài.

Tháng nay, Hùng quốc công Đinh Công chết, cho hậu táng. Công là người Quảng Bình[5].

Tháng 10, Mạc Mậu Hợp ngờ Thái bảo Văn quốc công Phạm Dao có lòng khác, sai giết.

Tháng 11, thái sư rút quân về Thanh Hoa, sai Nghĩa quận công Đặng Huấn giữ dinh. Huấn làm phản về với họ Mạc. (Đặng Huấn người làng Lương Xá, huyện Chương Đức[6]).

Giáp Tý, [Chính Trị] năm thứ 7 [1564], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 43). Bấy giờ, con trưởng của Mạc Kính Điển là Đoan Hùng Vương Kính Chỉ **[21a]** ngầm tư thông với vợ lẽ của Kính Điển. Việc bị phát giác, Kính Chỉ phải giáng làm thứ nhân. Lấy con thứ của Kính Phu làm Đường An Vương và trao cho binh quyền. Đến khi Kính Điển chết, họ Mạc lại lấy Kính Chỉ làm Hùng Lễ công nhưng không trao binh quyền.

Bấy giờ Sạ Đẩu nước Ai Lao sai bề tôi sang cống phẩm vật địa phương và 4 con voi đực. Vua sai Thái sư đem con gái nuôi gả cho Sạ Đẩu để kết hoà hảo với nước láng giềng.

Tháng 9, Thái sư đốc suất đại quân đi đánh dẹp miền giữa lộ Sơn Nam, đánh phá các huyện ở phủ Trường Yên[7]. Khi đến cửa Chu Tước đóng quân thì Nghĩa quận công Đặng Huấn lại đem quân bản bộ đến cửa dinh quân xin chịu tội. Thái sư Trịnh Kiểm tha tội, cho giữ tước cũ, lại sai Huấn ra miền Hoài An, Sơn Minh[8] để mưu việc tiến đánh.

[21b] Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm sai Xá nhân ty Hoa Dương hầu đốc thúc dân chúng đã đầu hàng ở các phủ Trường Yên, Thiên Quan[9] sửa đắp đê điều, mở rộng đường xá, từ Phố Cát[10] thẳng đến Bình Lương[11], thông đến Hoài An, Sơn Minh để vận chuyển lương thực, đi lại thông suốt. Từ đấy, lộ Sơn

---

[1] Mười châu: tức là 10 châu của phủ An Tây, miền thượng du sông Đà. Theo CMCB 28, 16 thì 10 châu ấy là: Chiêu Tân, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Tung Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phi, Lê Tuyền, Khiêm Châu, Tuy Phụ, Luân Châu.

[2] Lộ Sơn Nam: là một vùng rộng gồm các tỉnh Nam Hà, Ninh Bình và tỉnh Thái Bình ngày nay.

[3] Thế tử: chỉ con trưởng của Trịnh Kiểm, tức Trịnh Cối.

[4] Thượng Phúc: tên huyện, nay là huyện Thường Tín. Sơn Minh: tên huyện, nay là huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây.

[5] Quảng Bình: tên huyện, nay là vùng tây bắc huyện Thạch Thành, Thanh Hoá.

[6] Chương Đức: tên huyện, sau là huyện Chương Mỹ, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[7] Phủ Trường Yên: gồm các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang (nay là Yên Khánh), thuộc tỉnh Ninh Bình. Phủ lỵ Trường Yên ở thị xã Ninh Bình ngày nay.

[8] Hoài An: tên huyện gồm vùng đất phía nam huyện Ứng Hoà và một phần huyện Mỹ Đức ngày sau. Sơn Minh: tên huyện, gồm phần lớn huyện Ứng Hoà ngày sau.

[9] Phủ Thiện Quang: gồm các huyện Phụng Hoá (sau là huyện Nho Quan), Yên Hoà (nay là vùng Xích Thổ) của tỉnh Ninh Bình, huyện Lạc Thổ, sau là huyện Lạc Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[10] Phố Cát: thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

[11] Bình Lương: tên xã thuộc huyện Lạc Thuỷ trên sông Bôi, gần Châu Sơn, tỉnh Hoà Bình ngày nay.

Nam, từ sông Cái về phía tây, đất đai và nhân dân các huyện đều thuộc về triều đình, quân thanh lừng lẫy, đánh đâu được đấy.

Tháng 12, Thái sư đem quân về Thanh Hoa.

Ất Sửu, [Chính Trị] năm thứ 8 [1565], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 44). Đặt chế khoa chọn kẻ sĩ. Cho bọn Lê Khiêm 4 người đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân; bọn Lê Nghĩa Trạch 6 người đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

[22a] Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Phạm Quang Tiến đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Phạm Hoành Tài 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Lại Mẫn 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 4, thái sư đốc quân đánh ra miền giữa lộ Sơn Nam, Thế tử Trịnh Cối, Trịnh Tùng cùng đi theo. Quân đến phủ Trường Yên, đánh phá các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang.

Tháng 9, Thái sư mưu chia quân sai bọn Vũ Sư Thước, Lại Thế Khanh trấn giữ các cửa biển để phòng sự bất ngờ. Lại sai cháu gọi bằng cậu là Văn Uyên hầu giữ vững doanh trại, cùng trấn giữ cư dân với bọn Sư Thước, tự mình đốc suất đại quân đánh dẹp các huyện ở Sơn Nam. Quân đi tới đâu, đều lấy được đấy. Mạc Mậu Hợp thấy quan quân đánh gấp quá, hỏi mưu kế đánh lui. Mạc Kính Điển trả lời: Quân họ tinh nhuệ, khó **[22b]** tranh với họ, sợ địch không nổi. Trịnh Kiểm thân đốc đại quân đến đây đánh dẹp lô Sơn Nam, chưa dễ đã qua được sông. Thanh Hoa là đất căn bản của họ, nay đã suy yếu, dẫu có để quân ở lại chia giữ đất ấy, chẳng qua cũng chỉ là một hai tướng mà thôi. Thần xin sai vài viên đại tướng đem quân đi giao chiến với họ để kìm giữ thế quân của họ, rồi chia mấy vạn quân cho thần ngày đêm thẳng tiến. Tới nơi, sẽ tung kỳ binh ra để bắt tướng họ. Đó là phép tất thắng, là kế bỏ chỗ chắc, đánh chổ hở, bất ngờ đánh vào chỗ giặc không phòng bị. Đó là ước nguyện của thần. Mậu Hợp nghe theo.

Tháng 11, Kính Điển tiến quân đánh Thanh Hoa, vượt biển, vào cửa Linh Trường[1], đánh phá các huyện Thuần Hựu[2], Hoằng Hoá, lấn cướp cư dân. Bọn Sư Thước sai người cáo cấp với Thái sư. Thái sư bèn sai **[23a]** Lộc quận công đem quân về cứu Thanh Hoa. Về tới hành dinh, cũng bàn mưu với bọn Sư Thước, Thế Khanh hợp quân tiến đánh, giao chiến với quân Mạc ở Du Trường[3]. Quân Mạc phục sẵn ở chỗ hiểm yếu, cho kỳ binh ra khiêu chiến, rồi giả cách thua chạy. Bọn Sư Thước đem binh tượng đuổi theo, dấn sâu vào đất hiểm. Kính Điển liền tung phục binh ra, bốn mặt cùng nổi dậy, đánh kẹp lại vây thành mấy lớp. Bọn Sư Thước, Thế Khanh tự liệu quân ít không địch nổi nhiều, liền đột phá lớp vòng vây, cố sức đánh thoát chạy vào rừng núi. Lộc quận công đánh một mình bị quân Mạc đâm chết trên lưng voi. Quan quân chết đến hàng nghìn. Tướng Mạc định mưu tiến đánh, nhưng nghe tin Thái sư đã rút quân về đến Thạch Thành, Kính Điển bèn đem quân về.

Tháng 12, truy phong Lộc quận công làm Nghiêm quốc công, vì giữ trọn tiết với việc vua.

[23b] Bính Dần, [Chính Trị] năm thứ 9 [1566], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 45). Mùa xuân, tháng giêng, vua Minh băng, Thái tử Cứ lên ngôi, tức là Văn Tông, đổi niên hiệu là Long Khánh.

Họ Mạc đổi niên hiệu là Sùng Khang năm thứ 1, dời ra ở quán Bồ Đề.

Ngày 25, họ Mạc sai bọn Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Kế Khê bá Giáp Hải và Đông các hiệu thư Phạm Duy Quyết lên đầu địa giới Lạng Sơn đón tiếp sứ thần Lê Quang Bí về nước. Quang Bí phụng mệnh đi sứ năm Gia Tĩnh thứ 27, bị nhà Minh giữ lại 18 năm, đến nay trở về.

[24a] Đinh Mão, [Chính Trị] năm thứ 10 [1567]. (Mạc Sùng Khang năm thứ 2; Minh Long Khánh năm thứ 1). Bấy giờ, Thái sư đang ốm, ngồi kiệu đi đánh dẹp vùng tây nam, nhiều lần thắng trận, quân sĩ càng thêm tinh nhuệ. Quân Mạc thường đánh không được, mới thu quân không ra nữa.

---

[1] Cửa biển Linh Trường: nay ở cửa Lạch Trường, thuộc huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Thuần Hựu: tên huyện, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Du Trường: tên xã, thuộc huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Lấy Lại bộ thượng thư kiêm Ngự sử đài đô ngự sử Trương Quốc Hoa làm Thiếu phó Văn Khê Hầu.

Mậu Thìn, [Chính Trị] năm thứ 11 [1568], (Mạc Sùng Khang năm thứ 3, Minh Long Khánh năm thứ 2). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Vũ Hữu Chính đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Đỗ An 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Giáp Phong 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ bọn Thanh hình hiến sát sứ Hoàng Chấn và Hiến sát phó sứ Nguyễn Hà ở Quảng Nam **[24b]** dâng biểu tạ ơn nói: "Kính vâng thánh dụ ban khen vì đã dốc lòng trung thành, vỗ yên biên giới. Nay bọn thần thiết nghĩ mình là thư sinh, dựa vào uy đức của triều đình mới có thể làm nên việc, mà được ban ân huệ e không xứng đáng, dám xin trình bày rườm rà lên trên".

Tháng 3, viên thổ quan Quảng Nam là Trấn quận công[1] chết. Thái sư Trịnh Kiểm lấy người Nghệ An là Nguyên quận công Nguyễn Bá Quýnh[2] làm tổng dinh, giữ đất ấy.

Mùa hạ, tháng 4, Thái sư đương ốm, cố gượng ra trận, đánh phá các huyện Yên Mô, Yên Khang, Phụng Hoá, Gia Viễn, hạ lệnh thu thóc lúa rồi về.

Kỷ Tỵ, [Chính Trị] năm thứ 12 [1569], (Mạc Sùng Khang năm thứ 4; Minh Long Khánh năm thứ 3). Tháng 2, vua gia phong Thái sư Lương quốc công Trịnh Kiểm làm Thượng tướng Thái quốc công, tôn làm thượng phụ[3].

[25a] Mùa hạ, tháng 4, em vua là Lê Duy Hàn ngầm có chí khác, lẻn vào trong cung lấy trộm ấn báu, bị bắt, lại được tha. Sau Hàn lại phạm pháp giết người, sai giao xuống nghị tội. Vua nói với Thượng tướng rằng: "Kẻ ít tuổi này may nhờ thượng phụ và các quan văn võ cùng tôn làm quân trưởng, vẫn muốn hữu ái từ người ruột thịt đến nhà, đến nước, cho đến cả thiên hạ, cùng hưởng an toàn. Nay Duy Hàn với ta, cùng sinh một bọc, cha mẹ đều mất, dạy bảo không nghe, vẫn thường vụng trộm làm trò nhơ bẩn, nào ngờ bẩm tính ngoan ngu, lại còn phạm pháp, vô cớ giết người, đáng phải giam lại". Đến ngày 25 tháng 7, bọn Thiếu phó Văn Khê hầu Lương Quốc Hoa vâng thánh chỉ, bẩm xin ý kiến của Thượng tướng, dựa theo luật pháp xử tội, thích vào mặt 6 chữ, phế làm thứ nhân, giao cho Hình bộ tuân hành.

[25b] Mùa thu, tháng 9, trấn thủ Thuận Hoá là Đoan quận công Nguyễn Hoàng vào chầu, lạy chào ở hành tại; lại đến phủ thượng tướng[4] lạy mừng, giãi bày tình cảm anh em[5], rất thương yêu quý mến nhau. Bấy giờ có viên phó tướng trung cơ là Bút Xuyên hầu thấy thượng tướng bị ốm, ngầm chứa mưu gian, việc bị phát giác, bỏ trốn, nhưng bị đuổi theo bắt về. Thượng tướng định tha tội, Hoàng cố can, mới giết.

Trước kia, Chiêu Huân Tĩnh công Nguyễn Kim biết Thượng tướng tài lược hơn người, yêu quý như con, đem con gái thứ là Ngọc Bảo gả cho. Ngọc Bảo là chị ruột của Hoàng. Đến khi Kim chết, vua trao cho Thượng tướng trông coi việc nước, nên sai Hoàng làm trấn thủ Thuận Hoá, thu nộp tô thuế để chi dùng vào việc nước. Đến đây vào chầu. Ngọc Bảo sinh con là Trịnh Tùng, tài đức hơn người, anh hùng nhất đời, có thể nối được chí cha, giúp nên nghiệp đế. Công trung hưng của triều Lê **[26a]** thực dựng nền từ đấy.

Mùa đông, tháng 10, ngày Giáp Tý, ban đêm động đất, núi lở, cây cỏ chết khô. Thượng tướng tự biết mình bệnh nặng, liền dâng biểu xin thôi giữ binh quyền, lời lẽ rất khẩn thiết. Vua nói: "Trẫm hãy tạm theo lời xin. Đặc cách sai con trưởng của Thượng tướng là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối đốc lĩnh các dinh

---

[1] Tên là Bùi Tá Hán.

[2] Nguyễn Bá Quýnh: người xã Thượng Xá, huyện Chân Lộc (sau là Nghi Lộc), tỉnh Nghệ An.

[3] Thượng phụ: Thượng phụ là Lã Thượng, làm tướng cho Chu Vũ Vương lấy được thiên hạ, được Vũ Vương tôn làm thầy. Tôn làm thượng phụ có nghĩa là tôn lên làm bậc thầy.

[4] Phủ thượng tướng: phủ đệ của Trịnh Kiểm.

[5] Trịnh Kiểm lấy chị ruột của Nguyễn Hoàng.

quân thuỷ bộ, con thứ là Phú Lương hầu Trịnh Tùng cùng bọn tướng tá đều phải theo mà đánh giặc để yên thiên hạ, cho thoả lòng mong đợi của trẫm".

Tháng 11, có sao băng dài 5 trượng sa xuống đất, tiếng kêu như sét đánh.

Họ Mạc lấy Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự Lâm quận công làm Binh bộ thượng thư chưởng bộ sự.

[26b] Canh Ngọ, [Chính Trị] năm thứ 13 [1570], (Mạc Sùng Khang năm thứ 5; Minh Long Khánh năm thứ 4). Tháng giêng, Thượng tướng dâng biểu tâu vua cho Nguyễn Hoàng đi các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam, thống suất binh tượng, thuyền bè, và trấn phủ dân địa phương để cõi phiên trấn được vững mạnh. Thượng tướng khuyên răn Hoàng rằng: "Nhà nước trao cho khanh chức nhiệm nặng nề này, khanh nên trước sau một tiết, dốc hết tâm sức như xưa để phò tá nhà vua". Hoàng cảm tạ vâng mệnh đến trấn.

Gọi Tổng binh Quảng Nam là Nguyên quận công Nguyễn Bá Quýnh về.

Tháng 2, ngày 18, Thượng tướng Thái quốc công Trịnh Kiểm ốm nặng, ngày hôm ấy mất. Truy tôn là Minh Khang Thái Vương, thuỵ là Trung Huân. Có chiếu cho con trưởng là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối thay lĩnh binh quyền, cầm quân đánh giặc. Bấy giờ Cối buông thả mình trong tửu sắc, ngày càng rông rỡ kiêu ngạo, không **[27a]** thương gì đến quân lính. Do đó, các tướng hiệu đều có ý lìa bỏ, kẻ giúp đỡ ngày một ít đi, lòng người thay đổi, ai cũng nghĩ đến chuyện sinh biến, mầm hoạ đã thành.

Tháng 4, ngày mồng 2, Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu[1], Vệ Dương hầu Trịnh Bách cùng bọn Lương quận công, Phổ quận công và Lai quận công Phan Công Tích[2] đang đêm đem con em và binh lính tới chỗ Phúc Lương hầu Trịnh Tùng bàn định kế sách, ép Tùng phải hành động. Tùng bất đắc dĩ phải cùng với bọn Cập Đệ, Vĩnh Thiệu thu thập binh tướng, đang đêm chạy về hành tại Yên Trường.

Hôm sau, đến dinh Kim Thành, ép Nghĩa quận công Đặng Huấn cùng đi đến cửa khuyết vào bái yết vua. Bọn Tùng khóc nói rằng:

"Anh thần là Cối say đắm tửu sắc, mất lòng mọi người, sớm muộn thế nào cũng sinh loạn, lại đêm ngày mưu đoạt binh tượng và ấn báu của thần, nên bọn thần **[27b]** phải nửa đêm trốn vào cửa khuyết, đau xót báo tin, xin thánh thượng thương tình thu nạp!"

Vua nói: "Khi thượng phụ còn sống không đến nỗi thế, làm thế nào bây giờ?"

Phúc Lương hầu cùng bọn Cập Đệ, Vĩnh Thiệu, Bách mật tâu vua dời hành tại vào trong cửa ải Vạn Lai, chia quân chiếm giữ cửa luỹ để phòng bị quân bên ngoài.

Hôm sau, Trịnh Cối tự mình đốc suất bọn Phúc quận công Lại Thế Mỹ[3], An quận công Lại Thế Khanh, Lâm quận công Nguyễn Sư Doãn, Thạch quận công Vương Trân, Vị quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu[4], Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái[5], Hoành quận công (không rõ tên), và hơn 1 vạn quân, đuổi đến ngoài cửa quan, đóng dinh ở đấy. Cối đóng quân vài ngày, các tướng ở trong cửa ải cũng đóng cửa giữ không ra. Hai bên sai người đưa thư qua lại, bên này nói xấu bên kia, lời lẽ rất ngạo mạn.

---

[1] Trịnh Vĩnh Thiệu: người xã Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hoa, nay thuộc huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Phan Công Tích: người xã Thái Xá, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

[3] Lại Thế Mỹ: người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn, nay thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Nguyễn Hữu Liêu: người xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[5] Phạm Văn Khoái: người xã Tiêu Phấn, huyện Thượng Nguyên, phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

Ngày mồng 7, vua sai sứ ra chiêu dụ các tướng ở ngoài cửa quan, bảo họ giảng hoà. **[28a]** Bọn Lại Thế Khanh nói: "Không ngờ ngày nay bọn chúng ta thành ra ở dưới người khác", rồi không chịu hoà, nói là đem quân đánh vào cửa khuyết, rồi bày chiến trận.

Lại Thế Mỹ dùng giáo trỏ vào cửa quan: "Bao giờ bắt được người ở trong cửa quan thì việc mới hoà được".

Vua biết ý không hoà giải được, bèn sai các tướng đốc quân chống lại, suốt ngày đêm không nghỉ.

Cối thấy đánh mãi không được, trong lòng ngần ngại, tự lui quân về Biện Dinh, hội các tướng tá dưới quyền và nói: "Trong cửa quan có quân[1], ngoài cõi có giặc[2], ta ở quãng giữa, nếu có tai biến khẩn cấp thì khó mà chống đỡ được". Bèn hạ lệnh chia quân chiếm giữ những nơi xung yếu, Vũ Sư Thước thì giữ cửa biển Linh Trường và Hội Triều[3], Lại Thế Khanh giữ cửa biển Chi Long[4] và Thần Phù, Nguyễn Sư Doãn giữ cửa biển Du Xuyên[5] và Ngọc Giáp[6] để phòng quân Mạc vào đánh. Bọn Lại Thế Mỹ, Lê Khắc Thân, **[28b]** Nguyễn Hữu Liêu, Phạm Văn Khoái chỉnh đốn binh tượng, thuyền bè, khí giới, ngày đêm đóng đồn dọc bờ sông để phòng các tướng trong cửa quan xông ra đánh. Lại sai Nguyên quận công Nguyễn Bá Quýnh trấn thủ Nghệ An để vỗ yên dân miền ấy.

Tháng 8, người châu Bố Chính là Lập quận công (không rõ tên)[7] thấy Thái vương mất và Tuấn Đức hầu Trịnh Cối anh em bất hoà, Thanh Hoa rối loạn, mới dẫn con em đầu hàng họ Mạc. Họ Mạc ban tước Tiên quận công, sai đem quân đi trước dẫn đường.

Ngày 16, họ Mạc sai Kính Điển đốc suất các thân vương và tướng tá, đem hơn 10 vạn quân, 700 chiếc thuyền chiến, đánh cướp Thanh Hoa. Khi đến cõi, liền chia quân sai Đôn Nhượng[8] cùng với tướng Bắc đạo là Gia quận công Mạc Đình Khoa và phó tướng là Mậu quận công (không rõ tên) đem quân giữ **[29a]** cửa biển Thần Phù. Sau khi đã tiến vào, chia sai tướng bản đạo là Hoằng quận công (không rõ tên) làm đội thứ nhất đi tiên phong, tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện làm đội thứ 2, tướng Tây đạo là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm đội thứ 3, tướng Đông đạo là Hoa quận công và Kỳ quận công (đều không rõ tên) làm đội thứ 4, Kính Điển từ đốc đại quân trung dinh làm đội thứ 5, các thân vương tông thất họ Mạc thống đốc quân của vệ Triều Đông và các nội vệ làm đội thứ 6, ngay hôm ấy, cùng tiến vào các cửa biển Linh Trường, Chi Long, Hội Triều, hội quân ở Bút Cương[9]. Đến Hà Trung, đóng dinh ven sông. Hai bên bờ khói lửa mù mịt che khuất đến 10 dặm.

Trịnh Cối tự liệu không chống nổi, thế quân ngày càng cô lập, liền đem bọn Lại Thế Mỹ, Vũ Sư Doãn, Trương Quốc Hoa và vợ con đón hàng họ Mạc. Kinh Điển tiếp nhận, phong cho Cối **[29b]** tước Trung Lương hầu, lấy Lại Thế Mỹ làm Khánh quận công, Nguyễn Sư Doãn làm Lý quận công, Vương Trân làm Sơn quận công, sai các tướng này dẫn quân bản bộ tiến trước. Duy có Vũ Sư Thước[10] định bỏ doanh trại vào cửa quan Yên Trường theo vua, nhưng quân lính muốn hàng họ Mạc, không chịu theo. Sư Thước bất đắc dĩ phải về theo họ Mạc với mọi người, họ Mạc ban tước là Thuỷ quận công. Lại Thế Mỹ bỏ dinh

---

[1] Chỉ quân của Trịnh Tùng.

[2] Chỉ quân của họ Mạc.

[3] Linh Trường: là cửa Lạch Trường. Hội Trường: là cửa sông Mã, đều thuộc tỉnh Thanh Hoá.

[4] Cửa Chi Long: hay cửa Bạch Câu, là cửa sông Nga Giang hay sông Lèn, ở huyện Nga Sơn, Thanh Hoá.

[5] Cửa Du Xuyên: là cửa Bạng bây giờ, ở xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Cửa Ngọc Giáp: sau là cửa Hãn, nay là cửa Chép, ở tỉnh Thanh Hoá.

[7] CMCB 28, 25 ghi tên của viên tướng nay là Lập Bạo.

[8] Đôn Nhượng: là con út của Đăng Doanh.

[9] Bút Cương: theo Cương mục, chú là tên xã, thuộc huyện Vĩnh Phúc (tức huyện Vĩnh Lộc; tỉnh Thanh Hoá) (CMCB28, 29). Bản dịch cũ cho là xã Bút Sơn, huyện Hoằng Hoá ngày nay.

[10] Vũ Sư Thước: người huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

đem quân trốn vào Vĩnh Ninh[1] quan huyện Cẩm Thuỷ, vào cửa quan Yên Trường. Bấy giờ Hoàng Đình Ái đóng quân ở sông Kim Bôi, đem quân bản bộ dời đến giữ sách Đa Nẫm, rồi dẫn Lê Khắc Thận, Nguyễn Hữu Liên và Hùng Trà hầu cùng đem quân vào cửa quan Yên Trường hội quân. Hoành quận công tự đem quân bản bộ về Nghệ An cùng với Nguyễn Bá Quýnh chia giữ đất ấy.

Ngày 20, vua sắc phong Trịnh Tùng làm trưởng quận công, tiết chế **[30a]** các dinh thuỷ bộ, cầm quân đánh giặc. Hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng hội các tướng, mở tiệc uý lạo quân sĩ. Võ tướng Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô[2], Lương quận công (chưa rõ tên), Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lai quận công Phan Công Tích, Vị quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái, Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc cùng 30 viên tướng hiệu, văn thần là bọn Lại bộ thượng thư Từ quận công Nguyễn Đình[3] 12 viên, đều chỉ trời mà thề, đồng lòng chung sức, ngày đêm bàn kế đánh giặc, chia quân chiếm giữ cửa luỹ các xứ, đào hào đắp luỹ, đặt phục binh giữ nơi hiểm yếu để phòng quân Mạc.

Ngày 25, họ Mạc ra quân lớn, các đạo cùng tiến, dọc sông mã từ Ưng Quan[4] trở **[30b]** xuống, dọc sông Lam từ Bổng Luật[5] trở xuống khói lửa mù trời, cờ xí rợp đất. Nhân dân Thanh Hoa dắt già cõng trẻ, chạy nhớn nhác ngoài đường, không biết nương tựa vào đâu, tiếng kêu khóc vang trời, bao nhiêu tiền của, đàn bà con gái đều bị quân Mạc lấy cả.

Bấy giờ, họ Mạc cậy có tướng nhiều quân mạnh định thôn tính cả đất Ái Hoan[6], đánh vào ngoài luỹ Yên Trường ngày đêm không ngớt. Quan quân thế yếu, chỉ đắp luỹ cao, đào hào sâu, giữ chỗ hiểm để chờ thời.

Tháng 6, bọn Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ dùng mẹo sai quân lính ban đêm dựng luỹ tầng ngoài kéo dài đến hơn 10 dặm, lấy nhiều vách nhà[7] để che chắn, dùng bùn trát bên ngoài, trên thả chông tre, chỉ một đêm mà thành giả làm xong. Hôm sau, Mạc Kính Điển trông thấy, cho là thành thật, sợ lắm, không dám đến gần, bàn với các tướng rằng: "Không **[31a]** ngờ ngày nay quân Lê vẫn còn kỷ luật, pháp lệnh nghiêm minh như vậy. Chỉ một đêm mà đắp thành luỹ đâu ra đấy! Hẳn là số quân lính liều chết còn nhiều, nên mới dốc sức đắp xong chóng thế, khiến lòng ta không yên. Không dồn hết công sức, thì chưa dễ dẹp được. Nếu ta không đánh gấp diệt trừ đi, thì tất sẽ trở thành mối lo sau này". Bèn tự ình đốc suất tướng sĩ, ngày đêm đánh gấp, hẹn phải lấy được mới thôi. Do vậy, bên tả sông từ Da Châu, Tàm Châu, bên hữu sông, từ đầu nguồn hai huyện Lôi Dương, Nông Cống đều là chiến trường, hầu như mất hết vào tay giặc. Bấy giờ nhân dân các huyện ở Thanh Hoa tan tác tháo chạy, ruộng đồng bỏ không cày cấy, nhiều người bị chết đói.

Tháng 9, sai Hà Khê hầu đem quân ra giữ luỹ Ai ở huyện Cẩm Thuỷ, nhân dịp này, y làm phản đầu hàng họ Mạc. Vua lấy Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc thay giữ đất ấy.

---

[1] Vĩnh Ninh: tên huyện, sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Trịnh Mô: người xã Nông Sơn, huyện Nam Đường (sau là Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), trước họ Nguyễn, tên là Cảnh Hoan. Sau được chúa Trịnh ban cho họ Trịnh, đổi tên là Mô.

[3] Nguyễn Đình: người xã Hoàng Xá, huyện Từ Liêm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội).

[4] Ưng Quan: Cương mục chú lảờ tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thuỷ. Ưng Quan là cửa quan trên sông Mã, ở khoảng mường Ông, tổng Thiết Ông sau này.

[5] Bổng Luật: có sách chép là Bổng Tân, tức bến Bổng, ở phía thượng lưu Bái Thượng, trên sông Chu. Sông Lam nói ở đây là đoạn sông Chu chảy qua huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá (nay là huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá).

[6] Ái Hoan: trước là tên hai châu. Chỉ vùng đất Thanh Hoá sau này.

[7] Cương mục chép là "phên nứa" (CMCB28, 26).

[31b] Tháng 10, tướng Mạc đem quân giao chiến với quan quân, chống nhau ở sông Bảo Lạc, Long Sùng[1]. Các tướng hay dùng kỳ binh, ban ngày thì cố thủ, ban đêm thì đánh cướp doanh trại, quấy rối quân địch. Từ đấy, quân Mạc phấp phỏng kinh sợ, lính thủ ngự bị đâm chém nhiều. Mỗi khi chém cắt được tai giặc thì được thưởng bạc, nên quân lính nhiều kẻ tự nguyện xông ra, liều sức đánh quân Mạc về ban đêm. Quân Mạc tuy nhiều, nhưng có nhiều người bỏ trốn. Mạc Kính Điển thấy đánh mãi không được, liền lui giữ dinh Hà Trung, hạ lệnh cấm không được mang muối lên bán ở đầu nguồn mà liên lạc với quan quân. Sau có người gánh trộm muối vào luỹ, bị bắt chém để thị chúng.

Tháng ấy, Vũ Sư Thước mật sai người ngầm vào trong luỹ dùng thư đầu hàng, xin mang tội về chầu. Vua nhận được thư của Sư Thước, liền hội các tướng bàn đem đại quân tiến đánh để lấy lại **[32a]**[2] đất nước, chia quân thành ba đạo cả tiến. Sai bọn An quận công Lại Thế Khanh, Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Tấn quận công Trịnh Mô đem quân ra phía tả, từ huyện Yên Định qua huyện Vĩnh Phúc, đánh lấy huyện Tống Sơn.

Gia phong Trường quận công Trịnh Tùng làm tả tướng, tiết chế tướng sĩ các dinh quân thuỷ bộ các xứ. Vua tự làm đô tướng, thống đốc đại quân ra đường giữa, từ huyện Thuỵ Nguyên, qua huyện Yên Định thẳng đến đóng quân ở huyện Đông Sơn. Bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lại quận công Phan Công Tích, Vệ dương hầu Trịnh Bách đem quân ra đường phía hữu, qua các huyện Lôi Dương và Nông Cống, đánh lấy miền Quảng Xương. Vua đến đóng dinh ở huyện Đông Sơn, Vũ Sư Thước đem 500 quân bản bộ, nửa đêm, hồi canh ba bỏ dinh đi, sáng hôm sau đến ngự dinh ở Đông Sơn **[32b]** lạy xin chịu tội. Vua dùng lời an ủi, cho giữ chức cũ, vỗ về các tướng sĩ, ba quân đều cả mừng. Sư Thước lại đến dinh tả tướng, khóc kể lại tình nghĩa xưa, các quân đều rất vui vẻ. Từ đấy, quan Thanh lừng lẫy, quân Mạc hễ đánh là thua, không dám tiến đánh nữa, lui về giữ dinh sông Bút Cương.

Ngày 20, vua sai người làm cầu phao ở phía hạ lưu sông An Liệt[3], qua Kim Bôi. Vua cùng tả tướng đem đại binh qua sông, đến xã Kim Tử[4], đi tắt qua huyện Thuần Hựu[5] để tiến đánh các dinh quân Mạc. Sai Vũ Sư Thước chiêu tập quân cũ của huyện ấy, được hơn 1000 người, cho làm tiên phong khiêu chiến quân Mạc ở bến sông Lôi Tân[6]. Bọn Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ đánh Tống Sơn và Nga Sơn, lấy được, đi đến đâu quân Mạc tan chạy đến đó, nhân dân được trở về yên nghiệp.

Tháng 12, bọn Mạc Kính Điển thấy[7] **[33a]** đánh mãi không được, bàn rằng:

"Tiến quân đánh giặc mạnh đã trải 9 tháng trời mà chưa thành công. Hơn nữa, bây giờ mùa đông rét mướt, sông nước vơi cạn, lại thêm mưa xuân sắp đến, chướng khí sẽ sinh, quân không đủ ăn, người nào cũng nhớ quê, còn ai đồng lòng gắng sức với ta nữa. Huống chi, quân ta lại dần dần trễ biếng, chi bằng hãy tạm rút quân về, lần sau sẽ đánh tới toàn thắng. Nếu cứ giữ mãi chỗ này, sợ không có ích gì, chỉ khiến quân địch cười cho thôi". Bèn hạ lệnh nhổ trại mà về.

Bất ngờ Trịnh Cối và mẹ là Thái Vương phu nhân cùng vợ con và bọn Lại Thế Mỹ, Trương Quốc Hoa, đã trót đầu hàng họ Mạc, không dám trở về nữa, bèn đem con em trai gái hơn 1000 người ra biển theo Kính Điển về Kinh sư, đến lạy chào họ Mạc. Thạch quận **[33b]** công[8] đem quân đến cửa khuyết rập

---

[1] Bảo Lạc, Long Sùng: là tên 2 xã thuộc huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá. Sông Bảo Lạc, Long Sùng tức là đoạn sông Chu chảy qua hai xã đó.

[2] Nguyên văn (bản Chính Hoà) mất tờ 32, chúng tôi dịch theo bản A3 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm) để bổ sung vào.

[3] An Liệt: tên xã, Sông An Liệt tức đoạn sông chảy qua xã An Liệt, huyện Vĩnh Phúc (nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá).

[4] Kim Tử: tên xã, cũng thuộc huyện Vĩnh Phúc.

[5] Thuần Hựu: tên huyện, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Sông Lôi Tân: theo CMCB28, 29 thì Lôi Tân là tên xã, thuộc huyện Vĩnh Phúc (nay là huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá).

[7] Từ đây lại dịch theo bản Chính Hoà.

[8] Thạch quận công: tức Vương Trân, trước theo Trịnh Cối.

đầu xin chịu tội. Nguyễn Sư Doãn đem con em về chiếm giữ huyện Ngọc Sơn[1], cậy chỗ núi cao sông sâu, không chịu quy thuận. Vua sai Lê Cập Đệ cùng các tướng đem quân tinh nhuệ đi đường tắt đến huyện Ngọc Sơn đánh úp. Sư Doãn đã biết trước, đang đêm xuống thuyền trốn đi đầu hàng họ Mạc.

Năm ấy phủ Hà Trung được mùa to, nhà nào cũng thừa thóc.

Tân Mùi, [Chính Trị] năm thứ 14 [1571], (Mạc Sùng Khang năm thứ 6; Minh Long Khánh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, vua xét công đánh giặc và phong quan tước.

Gia phong Tả tướng Trường quận công Trịnh Tùng làm thái uý Trường quốc công; Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ vì dũng cảm, quyết đoán, và có nhiều kế sách được thăng làm thái phó; bọn Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Lương quận công (không rõ tên), Tấn quận công Trịnh Mô, An quận công Lại Thế **[34a]** Khanh, Nghĩa quận công Đặng Huấn, đều được thăng làm thiếu phó, ngôi thứ ở hàng dưới. Lại phong em ruột của tả tướng là Trịnh Đỗ làm thiếu bảo Phúc Diễn hầu; Trịnh Đồng làm Vĩnh Thọ hầu, Trịnh Ninh làm Quảng Diên hầu, đều sai đem quân đánh giặc để mưu khôi phục.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Miễn, Nguyễn Cung đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Hoàng 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Hoa Hữu Mô 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ra lệnh cho những người xiêu tán trong cơn binh lửa ở các huyện, xã xứ Thanh Hoa trở về quê quán yên ổn làm ăn.

Tháng 7, họ Mạc sai Kính Điển đốc suất quân lính vào cướp đánh các huyện ở Nghệ An. Bấy giờ, dân Nghệ An sợ uy giặc đã lâu, địa thế lại xa cách, quan quân không thể cứu giúp được, phần nhiều đầu hàng họ Mạc. Vì thế, từ sông Cả[2] vào Nam đều là đất của giặc. Viên thổ tướng Nguyên quận công Nguyễn **[34b]** Bá Quýnh nghe tin giặc đến giật mình kinh hãi, chưa thấy bóng đã bỏ chạy. Hoàng quận công chống nhau với giặc Nguyễn Quyện, sức không địch nổi, bỏ cả thuyền chạy vào Hoá Châu, bị giặc bắt sống. Từ sông Cả về Bắc, lại thành đất của giặc. Từ đó, thế giặc lại mạnh, đi đến đâu, dân đều bỏ chạy.

Năm ấy, người huyện Khang Lộc, Thuận Hoá là Mỹ quận công[3] đem quân bản bộ mưu đánh Đoan quận công Nguyễn Hoàng, thôn tính quân lính của Hoàng rồi về hàng họ Mạc. Hoàng biết được, đem quân đánh giết chết. Đất Thuận Hoá tạm yên. Sau các thổ tướng ở Quảng Nam đánh giết, thôn tính lẫn nhau, Hoàng đều đánh dẹp được cả, giao cho tỳ tướng là Dũng quận công[4] ở lại giữ đất và thu nhặt quân lính còn sót lại.

Tháng 9, vua bàn với tả tướng Trịnh Tùng chia quân cho Tấn quận công Trịnh Mô là Lai quận **[35a]** công Phan Công Tích đi cứu Nghệ An. Quân Mạc rút về, Nghệ An lại yên.

Tháng 10, vua sai Thái phó Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ đem quân vào đánh dẹp miền Thiên Quan, đều dẹp yên.

Bấy giờ, chúa nước Ai Lao là Sạ Đẩu dâng 4 con voi đực và vật báu để cầu hôn. Vua muốn hoà hảo với nước láng giềng, bèn đem con gái riêng của vợ mình, phong làm Ngọc Hoa công chúa gả cho.

Năm ấy đất Thanh Hoa mất mùa, dân đói to, nhiều người xiêu giạt.

Bấy giờ, người sách Thái Lai, huyện Thuỵ Nguyên là Lê Cảnh Thuần tự xưng là Si Nhân[5] hầu.

---

[1] Ngọc Sơn: tên huyện, nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Sông Cả: tức sông Lam.

[3] Mỹ quận công: CMCB18 chép là Mỹ Lương: Mỹ Lương cùng hai em là Văn Lan và Nghĩa Sơn đều vì dâng thóc cho họ Trịnh, được chuyên việc trưng thu tô, thuế. Bởi có công lao, Mỹ Lương được làm tham đốc, Văn Lan và Nghĩa Sơn làm thự vệ. Khi quân Mạc vào đánh Nghệ An, đất Thuận Hoá bị dao động, Mỹ Lương định đánh úp Vũ Xương rồi thu lấy cả quân ở đó về hàng họ Mạc.

[4] Cương mục chép: Sai thuộc tướng là Mai Đình Dũng ở lại trấn thủ Quảng Nam (CMCB28, 30).

[5] Si Nhân có nghĩa là "thằng ngốc".

Nhâm Thân, [Hồng Phúc] năm thứ 1 [1572], (Mạc Sùng Khang năm thứ 7; Minh Long Khánh năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, vua tế trời đất ở đàn Nam Giao. Khi làm lễ, vua bưng lư hương khấn trời xong, bỗng lư hương rơi xuống đất. **[35b]** Vua biết là điềm chẳng lành, bèn xuống chiếu đổi niên hiệu thành Hồng Phúc[1] năm thứ 1.

Tháng 3, Lê Cập Đệ ngầm có chí khác, mưu giết Tả tướng để đoạt binh quyền, từng rủ Tả tướng đi thuyền ra giữa sông để giết. Tả tướng biết được, mưu ấy không thành. Từ đấy, hai nhà thù oán nhau, bên ngoài thì giả vờ hiệp sức để lo đánh giặc, nhưng bên trong thì đều ngờ nhau, đề phòng ám hại nhau.

Mùa thu, tháng 7, họ Mạc sai Kính Điển đốc suất quân lính xâm lấn các xứ Thanh Hoa, Nghệ An. Vua bàn với các tướng, ra lệnh cho quân dân dọc sông của các huyện[2] di chuyển của cải, súc vật tránh vào rừng núi để phòng quân giặc.

Tháng 8, quân Mạc quả nhiên kéo đến bắt người cướp của, nhưng dân chúng các huyện ven sông đã di tản đi cả, chỉ còn lại một vùng đất bỏ không.

Bấy giờ, viên tướng vong mệnh[3] ở Bố Chính là Tiên quận công **[36a]** dẫn đường cho tướng Hải Dương là Lập quận công[4] đem hơn 60 binh thuyền đi đường biển vào cướp các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam. Dân địa phương nhiều người đầu hàng. Từ đấy, thế giặc lại mạnh. Trấn thủ Nguyễn Hoàng dùng mưu dụ Lập đến, chém ở giữa sông, quân giặc tan vỡ, vượt biển trở về, bỗng gặp gió bão, chết hết ở ngoài khơi[5]. Tiên quận công trốn về châu Bố Chính, lại về với họ Mạc. Đất Thuận Quảng lại được yên. Hoàng vỗ trị mấy chục năm, chính lệnh khoan hoà, thưởng ban ân huệ, dùng phép công bằng, chấn chỉnh, khuyên răn tướng sĩ bản bộ. Cấm chỉ, trừ bỏ bọn hung ác, dân hai trấn đều cảm mến nhân đức, thay đổi phong tục, chợ búa không nói thách, dân chúng không làm giặc, cổng ngoài không phải đóng, thuyền buôn nước ngoài đều tới buôn bán trao đổi phải giá, quân lệnh nghiêm cẩn, người người gắng sức. Do vậy, **[36b]** họ Mạc không dám dòm ngó, trong cõi được an cư lạc nghiệp.

Thái phó Vi quận công Lê Khắc Thận làm phản, vượt luỹ về hàng họ Mạc. Tả tướng Trịnh Tùng bắt các con của Tuân, Khoái, Thầm đều giết cả.

Tháng 9, vua sai bọn An quận công Lại Thế Khanh, Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích đem quân đi Nghệ An. Đến nơi thì quân Mạc rút lui, Nghệ An lại yên.

Năm ấy, các huyện ở Nghệ An, đồng ruộng bỏ hoang, không thu được hạt thóc nào, dân đói to, lại bị bệnh dịch, chết đến quá nửa, nhiều người xiêu giạt, kẻ thì lần vào Nam, người thì giạt ra Bắc, trong hạt rất tiêu điều.

Mùa đông, tháng 11, vua sai Lai quận công Phan Công Tích đi kinh lược xứ Thuận Hoá, uý lạo **[37a]** các tướng sĩ. Khi đến xứ đó, rất chú ý đến Nguyễn Hoàng. Hoàng cũng đem quân đến hội, đặt tiệc thết đãi, giãi bày tình xưa nghĩa cũ rất là vui vẻ. Khi Công Tích về, Hoàng thân hành đi tiễn.

Ngày 21, Lê Cập Đệ từng có chí khác, định mưu hại Tả tướng Trịnh Tùng. Tả tướng giả vờ không biết, gửi biếu nhiều vàng. Khi Cập Đệ tới tạ ơn, Tùng sai đao phủ phục ở dưới trướng bắt giết đi rồi sai

---

[1] Niên hiệu trước là Chính Trị có nghĩa là sửa sang việc trị nước. Còn Hồng Phúc có nghĩa là "phúc lớn".

[2] Nên sửa theo câu dưới "... dân chúng các huyện ven sông" đúng hơn.

[3] Vong mệnh: có nghĩa là "bỏ cả chức tước mà chạy trốn". Đây là viên tướng của Nguyễn Hoàng, bỏ theo về với họ Mạc.

[4] Lập quận công: Cương mục chép là Lập Bạo (CMCB28).

[5] Nguyễn Hoàng dùng kế mỹ nhân, sai Ngô Thị đem nhiều vàng lụa đến biết Lập Bạo, khuyên Bạo về với Nguyễn Hoàng. Lập Bạo nghe theo, đem mấy chiếc thuyền đến chỗ hội thề, phục binh của Hoàng nổi lên. Lập Bạo chạy xuống thuyền nhưng thuyền đã rời khỏi bờ, bèn lao mình nhảy theo, bị quân của Nguyễn Hoàng bắn chết (Xem CMCB28, 32).

người nói phao lên rằng Cập Đệ mưu làm phản, vua sai ta giết chết, tướng phản thì phải giết cả họ. Thế là quân lính đều khiếp sợ, không ai dám hành động[1].

Bấy giờ, Cảnh Hấp và Đình Ngạn nói với vua rằng: "Tả tướng cầm quân, quyền thế rất lớn, bệ hạ khó lòng cùng tồn tại với ông ta được". Vua nghe nói vậy, hoang mang nghi hoặc, đương đêm, bỏ chạy ra ngoài, đem theo bốn hoàng tử cùng chạy đến thành Nghệ An và ở lại đó. Tả **[37b]** tướng bàn với các tướng rằng: Nay vua nghe lời gièm của kẻ tiểu nhân, phút chốc khinh suất đem ngôi báu xuôi giạt ra ngoài. Thiên hạ không thể một ngày không có vua, bọn ta và quân lính sẽ lập công danh với ai được? Chi bằng trước hết hãy tìm hoàng tử lập lên để yên lòng người, rồi sau sẽ đem quân đi đón vua cũng chưa muộn. Bấy giờ hoàng tử thứ năm là Đàm ở xã Quảng Thi, huyện Thuỵ Nguyên, bèn sai người đi đón về tôn lập làm vua, đó là Thế Tông[2].

---

[1] Cương mục dẫn Lê triều trung hưng lục của Hồ Sĩ Dương: Lê Cập Đệ bí mật bàn với vua, bố trí đâu vào đấy, hẹn với nhau là ban đêm, khi nghe tiếng pháo nổ thì nhà vua qua sông để cử sự. Tùng biết rõ chuyện đó, nhưng vẫn cứ biếu Cập Đệ nhiều vàng bạc. Khi Cập Đệ đến tạ ơn, thì Tùng cho đao phủ mai phục sẵn xông ra giết chết.

[2] Lúc ấy Hoàng tử Lê Duy Đàm mới lên 7 tuổi, được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, một xã ở phía dưới Lam Sơn, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XVII

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Phụ: Họ Mạc
(Mậu Hợp 20 năm)

Thế Tông Nghị Hoàng Đế

Tên húy là Duy Đàm, con thứ năm của Anh Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 33 tuổi.

Vua tuổi còn thơ ấu, tin dùng huân thần, nên dẹp yên được kẻ tiếm nghịch, khôi phục được cơ nghiệp cũ, làm nên thái bình. Công trung hưng còn gì lớn hơn thế nữa!

Vua sinh ngày tháng 11 năm Chính Trị thứ 10 [1567], được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên. Khi Anh Tông chạy ra ngoài, vua còn thơ ấu nên không đi theo, được Tả tướng Trịnh Tùng đón về lập làm vua. Lấy ngày sinh làm Dương Nguyên thánh tiết.

Quý Dậu, [Gia Thái] năm thứ 1 [1573], (Mạc Sùng Khang năm thứ 8; Minh Vạn Lịch năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, Tả tướng Trịnh Tùng và các quan văn võ cùng tôn hoàng tử lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá, **[1b]** ban dụ đại cáo, đại lược nói: Ta nghe thượng đế mở rộng công nuôi dưỡng muôn loài, tất ngay dịp xuân mà ban ân đức, vương giả giữ gìn buổi đầu tức vị, phải ra mệnh lệnh dụ bảo thần dân. Trên dưới hợp nhau, đồng lòng một chí. Nước nhà ta, nhân thời cơ mà mở vận, gây dựng nước bằng lòng nhân.

Một tổ khai sáng đầu tiên, các thánh kế nối sau mãi, truyền nhau chính thống đã hơn một trăm năm. Vừa rồi, gặp cơn vận ách, giềng mối rối tung. May nhờ lòng người còn theo, mệnh trời còn đó. Thánh phụ hoàng thương ta là dòng dõi nhà vua, nối cơ đồ của tông tổ, khôi phục nghiệp lớn, trải hơn mười tám năm. Ngày 26 tháng 2, bị kẻ gian là bọn Cảnh Hấp, Đình Ngạn gièm pha, ly gián, đến nỗi xa giá phiêu giạt ra ngoài, thần dân trong nước không chỗ nương tựa. Ta là con thứ năm của hoàng phụ, đương tuổi thơ non nớt, nối nghiệp lớn khó khăn, **[2a]** chỉ sợ không cáng đáng nổi. Nhưng trên vâng mệnh trời yêu mến, dưới theo lòng người suy tôn, từ chối không được, nên vào ngày mồng một tháng giêng năm nay, ta đã lên ngôi, đặt niên hiệu là Gia Thái năm thứ 1[1], thực là nhờ được đại thần Tả tướng thái uý Trường quận công Trịnh Tùng và các quan văn võ đồng lòng giúp sức để dẹp yên xã tắc. Vậy ban chiếu mệnh 6 điều để các nơi gần xa được biết:

1. Người dân nào bị nạn binh lửa không còn tài sản gì đều được tha tạp dịch.

2. Dân nghèo xiêu giạt cho về quê cũ, và được tha thuế khoá, sai dịch.

3. Những người theo trộm cướp và những kẻ trốn tù, trốn tội nếu đến thú tội ở cửa quan thì được ân xá, tha tội.

4. Các nha môn trong ngoài nếu có người tù bị giam nào tội nhẹ thì thả cho ra.

---

[1] Gia Thái (1573 - 1577), sau lại đổi là Quang Hưng (1578 - 1599).

5. Các quan văn võ người nào có công thì cho thăng tước một bậc[1].

6. Con cháu các quan viên, người nào bị oan khuất, kìm hãm, thì cho làm bản tâu lên, **[2b]** sẽ tùy theo tài năng mà bổ dụng.

Các nha môn trong ngoài hãy kính theo đó mà thi hành.

Bấy giờ, Hồng Phúc Hoàng Đế[2] xiêu giạt ở Nghệ An, các hoàng tử Bách, Lựu, Ngạnh, Tùng đều theo đi. Tả tướng Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu tiến quân đến thành. Vua tránh ra ruộng mía. Bọn Hữu Liêu quỳ lạy ở ruộng nói: "Xin bệ hạ mau trở về cung để yên lòng mong đợi của thần dân trong nước, bọn thần không có chí gì khác cả". Bèn đem 4 con voi đực đón vua trở về, sai bọn Bảng quận công Tống Đức Vi[3] theo hầu, ngày đêm cùng đi. Ngày 22, về tới huyện Lôi Dương. Hôm ấy vua băng. Bấy giờ Tả tướng Trịnh Tùng sai Tống Đức Vi ngầm bức hại vua rồi nói phao là vua tự thắt cổ. Dâng tôn hiệu là Anh Tông Tuấn Hoàng Đế.

> Bản kỷ nói: Anh Tông khởi thân từ hàn vi, vì là cháu xa đời của họ Lê, **[3a]** là dòng dõi của nhà vua, nhờ được Tả tướng Trịnh Tùng và các quan tôn lập làm vua thiên hạ, lo việc khôi phục gian nan. Sau tin dùng bọn tiểu nhân, nghe lời ly gián, khinh xuất đem ngôi áu xiêu giạt ra ngoài, hại tới thân mình. Lời kẻ tiểu nhân làm hỏng nước nhà của người ta, thực là quá lắm! Như thế há chẳng đáng răn sao!

Vua đã lên ngôi, phong Tả tướng thái uý Trường quốc công làm đô tướng, tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự. Mọi công việc nhà nước đều được tự xử quyết trước rồi sau mới tâu.

Lấy Thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ[4] làm hữu tướng, bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Triều quận công Vũ Sư Thước, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu đều làm thái phó. Trịnh Đỗ làm thái bảo Ngạn quận **[3b]** công, Hùng Trà hầu Hà Thọ Lộc là Lâm quận công. Lại sai sứ mang sắc thư vào Thuận Hoá phong Đoan quận công Nguyễn Hoàng làm thái phó, sai chứa thóc để sẵn dùng nơi biên ải. Còn tiền sai dư[5] thì hàng năm phải nộp 400 cân bạc, 500 tấm lụa.

Tháng 7, quân Mạc đánh dinh Yên Trường. Quan quân rút vào trong luỹ để tỏ là yếu. Hôm sau, giặc lại đắp thêm luỹ, định qua đò Đoạn Trạch. Tiết chế Trịnh Tùng tung binh thuyền chia đánh, phá tan, giặc liền tháo chạy về.

Tháng 10, sai Hữu tướng thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ đem quân bản bộ về trấn giữ Đại Đồng[6] để vỗ yên dân địa phương.

Bấy giờ Mạc Kính Điển đem Mạc Mậu Hợp trở về thành Thăng Long, sai quân làm doanh trại ở ngoài cửa Nam để ở.

[4a] Giáp Tuất, [Gia Thái] năm thứ 2 [1574], (Mạc Sùng Khang năm thứ 9; Minh Vạn Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Vũ Văn Khuê đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Mạc Đình Dự 10 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Vũ Duy Hàn 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 6, họ Mạc sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện đem quân xâm lấn Nghệ An. Từ sông Cả trở về Bắc đều mất về họ Mạc. Hoàng quận công đánh nhau với giặc nhiều lần không được, thấy quân lính nhiều kẻ bỏ trốn, bèn làm vòng sắt khoá chân quân lính vào thuyền. Quân giặc đuổi đến, họ cũng

---

[1] Nguyên văn là chữ "thứ", theo chú thích ở Cương mục thì đáng lẽ phải là chữ "tư" (CMCB24, 2).

[2] Hồng Phúc Hoàng Đế: tức Lê Duy Bang.

[3] Tống Đức Vị: người xã Khoái Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Vũ Công Kỷ: là con của Vũ Văn Mật, Kỷ người xã Ba Đông, huyện Gia Lộc, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[5] Nguyên văn là "mỹ dư", in lẫn chữ "sai" thành chữ "mỹ". Tiền sai dư là tiền nộp hàng năm của các trấn cho triều đình.

[6] Đại Đồng: là trấn lỵ của trấn Tuyên Quang, nay là vùng thị xã Tuyên Quang, tỉnh Hà Tuyên.

không chịu đánh. Hoành quận công bèn bỏ thuyền lên chạy bộ. Đến châu Bố Chính, bị tướng Mạc là Nguyễn Quyện bắt sống đem về Kinh Ấp[1] rồi bị hại.

Mùa thu, tháng 7, Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái phó Lai quốc công Phan Công Tích[2] và Tấn quận **[4b]** công Trịnh Mô đem quân cứu Nghệ An, chống nhau với tướng Mạc Nguyễn Quyện đến vài tháng. Sau bọn Quyện đem quân về Kinh, Công Tích cũng thu quân về Thanh Hoa.

Bấy giờ Tiết chế Trịnh Tùng nắm hết mọi quyền trong ngoài. Bọn Trịnh Vĩnh Thiệu, Trịnh Bách và Lương quận công ngầm mưu sát hại. Việc tiết lộ, đều bị bắt hạ ngục để xử tội. Bà phi của Thái Vương[3] là Nguyễn Thị ra sức cứu gỡ mới được khỏi tội, nhưng bị tước quyền (Bà phi của Thái Vương tức là mẹ của Tiết chế Trịnh Tùng).

Ngày 20, họ Mạc phong cho Mạc Kỳ, con trưởng của Ly Vương Mạc Lý Tốn làm Hưng Lễ Vương.

Ất Hợi, [Gia Thái] năm thứ 3 [1575], (Mạc Sùng Khang năm thứ 10; Minh Vạn Lịch năm thứ 3). Tháng giêng, ngày mồng 6, họ Mạc sai Kính Điển đem quân xâm lược Thanh Hoa, bọn Nguyễn Quyện đem quân xâm lược Nghệ An.

Bấy giờ, quân Mạc mạnh, tiến đến đâu, mọi người đều không dám chống lại, trốn xa vào núi rừng để tránh mũi nhọn của chúng. Kính Điển tự **[5a]** đem đại binh tiến đánh các sông ở Yên Định và Thuỵ Nguyên[4]. Lại chia quân cho bọn tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn tiến đánh các huyện Lôi Dương và Đông Sơn[5]. Ngày hôm ấy, hai đạo quân đều tiến.

Tháng 8, Tiết chế Trịnh Tùng sai thái phó Vinh quận công Hoành Đình Ái thống suất bọn Nghĩa quận công Đỗ Diễn, Thạch quận công[6], Hùng quận công Phan Văn Khoái đem quân đi cứu [các huyện] Lôi Dương, Nông Cống, Đông Sơn, đóng quân ở núi Tiên Mộc[7]. Tiết chế tự dẫn đại quân Trung dinh, sai bọn Thái phó Triều quận công Vũ Sư Thước và Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu làm tiền đội đi tiên phong; Thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Vĩnh Thọ hầu Trịnh Đồng, Quảng Diên hầu Trịnh Ninh, làm Tả đội; Thái phó Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Thái phó Ngạn quận công Trịnh Đỗ, Lương quận công, Bảng quận công Tống Đức Vị làm Hữu đội; bọn Lân quốc công Hà **[5b]** Thọ Lộc làm Hậu đội, đều tiến đến Chiêu Sơn[8] đóng quân. Mạc Kính Điển đem đại binh đánh ở Đông Lý[9], huyện Yên Định. Bọn Sư Thước và Hữu Liêu tung kỳ binh ra đuổi.

Tháng ấy, sai bọn thái phó An quận công Lại Thế Khanh, Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích đem quân đến cứu Nghệ An, đánh nhau mãi với tướng Nam đạo của họ Mạc là Nguyễn Quyện không được. Quyện đem kỳ binh phục sẵn để đợi, đánh thắng luôn, bắt được Công Tích đem về.

Bính Tý, [Gia Thái] năm thứ 4 [1576], (Mạc Sùng Khang năm thứ 11; Minh Vạn Lịch năm thứ 4). Mạc Kính Điển lại đem quân xâm lược Thanh Hoa, tiến đánh sông Lam[10] ở huyện Thuỵ Nguyên. Sai

---

[1] Kinh ấp: tức kinh thành Thăng Long.

[2] Phan Công Tích: người xã Thái Xá, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

[4] Dịch theo nguyên văn. Cương mục chép là "thẳng tiến đến huyện Thuỵ Nguyên và huyện Yên Định (CMCB24, 6), chú thích của bản dịch cũ ghi là phía hữu ngạn hạ lưu sông Mã và tả ngạn hạ lưu sông Chu.

[5] Lôi Dương và Đông Sơn: hai huyện của Thanh Hoá bấy giờ, tức vùng trung lưu và hạ lưu.

[6] Bản dịch cũ ghi tên viên tướng này là Vương Trân.

[7] Thuộc xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống, Thanh Hoá.

[8] Chiêu Sơn chưa rõ ở đâu.

[9] Đông Lý: tên xã, thuộc huyện Yên Định, Thanh Hoá.

[10] Đây là quãng sông Chu chảy qua huyện Thuỵ Nguyên, đối với Lam Sơn, chứ không phải là sông Lam ở Nghệ An.

tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn đem quân tiến đánh sông Đồng Cổ[1] ở huyện Yên Định. Lại chia quân sai tướng Nam đạo Nguyễn Quyện xâm lược Nghệ An, đánh nhau với Tấn quận công Trịnh Mô đến hơn vài tháng. Sau Trịnh Mô nhiều lần đánh không được, trốn **[6a]** về Thanh Hoa, đến huyện Ngọc Sơn. Nguyễn Quyện nói: "Trịnh Mô đánh thua chạy về, rút quân không có hiệu lệnh, ta thế nào cũng bắt được nó". Bèn tự đốc quân đuổi tới Ngọc Sơn, bắt được Mô ở giữa đường đưa về Kinh ấp. Từ đấy, oai thanh của Nguyễn Quyện ngày một lừng lẫy, trở thành viên tướng danh tướng của họ Mạc. Các tướng hùng, tôi giỏi cả miền Giang đông[2] đều cho là mình không bằng.

Đinh Sửu, [Gia Thái] năm thứ 5 [1577], (Mạc Sùng Khang năm thứ 12; Minh Vạn Lịch năm thứ 5). Đặt Chế khoa chọn nhân tài. Cho bọn Lê Trạc Tú 3 người đỗ đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân; bọn Hồ Bỉnh Quốc 2 người đỗ đệ nhị giáp đồng Chế khoa xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Vũ Giới, Nguyễn Nhân Triêm, Phạm Gia Môn đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Lê Viết Thảng 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Trần Như Lâm 10 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc ra lệnh lấy quân hạng nhất, nhì, ba ở các huyện, **[6b]** mỗi người mang đủ 3 tháng lương ăn để chuẩn bị xâm lược Thanh Hoa.

Tháng 5, Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh cho quan lại các xứ Thanh Hoa và Nghệ An đôn đốc dân các xã các huyện, hạn từ trước tháng 6 phải kịp thời cày cấy, không được để chậm, phòng khi quân đi qua, ảnh hưởng tới nghề nông.

Tháng 7, hạ lệnh cho dân cư các huyện dọc sông xứ Thanh Hoa[3], thu xếp của cải, gia súc, đưa vợ con vào lánh ở nơi hiểm yếu dưới chân núi để phòng quân giặc đến. Hạ lệnh cho các cửa biển và điểm tuần các nơi dọc đường đều đặt pháo hiệu. Nếu thấy quân giặc tới thì lập tức bắn một tiếng pháo hiệu làm tin, để cho cư dân nghe lệnh, sẵn sàng lánh đi chổ khác, không để quân giặc giết hại. Lại hạ lệnh cho vùng chân núi các huyện nếu thấy **[7a]** dân xã ven sông đưa trâu bò gia súc chạy đến với xã mình thì phải nghiêm ngặt tuần phòng, nếu có trộm cướp phải đem người đến cứu. Nếu không đến cứu, để mất mát tiền của súc vật của cư dân thì địa phương ấy phải chia nhau mà đền.

Tháng 8, Mạc Kính Điển xâm phạm sông Đồng Cổ. Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đem đại binh ra cửa luỹ Khoái Lạc[4] chống lại. Quân Mạc đánh phá dinh Hội Thượng. Hoàng Đình Ái đem kỳ binh khiêu chiến. Nguyễn Hữu Liêu đem quân chặn phá giặc. Lại đánh nhau với quân Mạc ở Hà Đô. Tống Đức Vị ngã trên voi xuống suýt bị quân Mạc bắt sống. Trịnh Bách dồn nhiều binh tượng đến cứu thoát. Sau quân Mạc lại tiến đến Hà Đô. Bọn tướng Nam đạo Nguyễn Quyện đem quân phục ở phía ngoài đê chờ đợi, rồi sai Hoàng quận công (không rõ tên) cùng với bọn Lại Thế **[7b]** Mỹ đem quân khiêu chiến, tiến đến ngoài cửa luỹ Khoái Lạc. Thế Mỹ nhảy lên ngựa trước đến đánh. Quan quân dùng súng bắn chết dưới chân ngựa. Quân Mạc tan vỡ. Các quân tranh nhau dâng tai Thế Mỹ ở cửa quân. Thưởng công.

Tháng 9, Mạc Kính Điển đem quân về Kinh ấp. Quan quân cũng trở về dinh Yên Trường. Uý lạo ba quân.

Bấy giờ, ở Thanh Hoa mưa dầm nhiều, nước lụt đến 7 lần, lúa má bị hạn nhiều, dân đói to.

Họ Mạc sách phong Vũ Thị Hoành là con gái của thự vệ sự vệ Cẩm y Phú Sơn hầu Vũ Văn Khê làm chính phi.

Tháng 11, sao Chổi mọc, trở thẳng hướng đông nam, tua sáng dài đến 40 trượng, sắc hồng và tía ánh nhau, người người đều kinh hãi.

---

[1] Sông Đồng Cổ: khúc sông mã chảy qua địa phận xã Đan Nê, huyện Yên Định. Vì xã này có núi Đồng Cổ, trên núi có đền Đồng Cổ, nên gọi như vậy.

[2] Chỉ miền thuộc phạm vi của nhà Mạc, đối với Giang tây là miền thuộc phạm vi của vua Lê chúa Trịnh.

[3] Cương mục chú là các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Yên Định (CMCB24).

[4] Luỹ Khoái Lạc: ở xã Khoái Lạc, huyện Yên Định, Thanh Hoá.

Tháng 12, ngày mồng 1, sao Chổi hết. Xuống chiếu đổi năm sau làm Quang **[8a]** Hưng năm thứ 1.

Mậu Dần, [Quang Hưng] năm thứ 1 [1578], (Mạc Sùng Khang năm thứ 13; Minh Vạn Lịch năm thứ 6). Tháng 2, ngày 21, Mạc Mậu Hợp bị sét đánh ở trong cung, bị bại liệt nửa mình, sau chữa thuốc lại khỏi, bèn đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm năm Diên Khánh thứ 1.

Tháng 7, Mạc Kính Điển đem quân vào lấn các huyện ven sông xứ Thanh Hoa. Tiến đến Giang Biểu[1], Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Trịnh Bách đem quân vượt sông phục sẵn ở núi Phụng Công[2], đánh nhau to ở cầu Phụng Công. Quan quân tập trung súng bắn vào, quân Mạc chết không xiết kể. Kính Điển liền rút quân về Kinh ấp.

Vua lập hành tại ở sách Vạn Lại; lập đàn Nam giao ở ngoài cửa luỹ Vạn Lại.

[8b] Tháng 10, tướng Tây đạo của Mạc là Mạc Ngọc Liễn đem quân xâm lấn các châu huyện ở Tuyên Quang và Hưng Hoá, đến châu Thu và châu Vật[3]. Thái phó Nhân quận công Vũ Công Kỷ tung quân đánh lớn, quân Mạc thất bại rút về.

Kỷ Mão, [Quang Hưng] năm thứ 2 [1579], (Mạc Diên Thành năm thứ 2; Minh Vạn Lịch năm thứ 7). Tháng 7, Mạc Kính Điển lại đem quân vào xâm lấn Thanh Hoa, cướp phá vùng ven sông, đến sông Tống Sơn, phủ Hà Trung, đánh vào xã Chương Các. Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái phó Nghĩa quận công Đặng Huấn đốc quân chống quân Mạc ở Thái Đường[4], sai Diễn quận công Trịnh Văn Hải làm tiên phong để khiêu chiến, đánh mạnh vào núi Kim Âu[5]. Đặng Huấn thúc quân tiến ngầm đến địa phương Tống Sơn, ra Mục Sơn ở sông Bình Hoà[6] chặn phía sau quân Mạc. Quân Mạc thua to phải rút về.

[9a] Tháng 9, Thái phó An quận công Lại Thế Khanh chết, tặng Khiêm quốc công.

Canh Thìn, [Quang Hưng] năm thứ 3 [1580], (Mạc Diên Thành năm thứ 3; Minh Vạn Lịch năm thứ 8). Nhà Mạc mở khoa thi Hội. Cho Đỗ Cung đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Đỗ Trực 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Thọ Xuân 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, Bảng quận công Tống Đức Vị chết. Đức Vị người xã Khoái Lạc, huyện Yên Định.

Tháng 7, Mạc sai bọn tướng Nam đạo Nguyễn Quyện, tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn cùng viên tướng Hoằng quận công đem quân vào xâm lấn Thanh Hoa, cướp bóc tiền của, súc vật của dân cư các huyện dọc sông rồi rút về.

Tháng 8, lập khoa thi Hội. Cho bọn Nguyễn Văn Giai[7] 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê **[9b]** Quang Hoa 2 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 9, sao băng rất nhiều, tiếng vang như sấm sét. Lại có sao Chổi mọc.

Tháng 10, Mạc Kính Điển chết. Kính Điển là người nhân hậu, dũng lược, thông minh, tài trí, nhạy bén, hiểu đời, từng trải nhiều gian nan nguy hiểm, cần lao, trung thành, sinh được 9 người con trai: con trưởng là Kính Chỉ phong Đường An Vương phó tổng soái, con thứ là Kính Trực phong Trung Cẩn công Cẩm y vệ chưởng vệ sự, Kính Giản phong Huệ Thành công Chiêu vũ vệ chưởng vệ sự, Kính Tuân phong Dũng Nghĩa công, Triều đông vệ chưởng vệ sự, Kính Thận phong Đạt Lễ công, Kính Cung phong Đôn

---

[1] Giang Biểu: tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[2] Núi Phụng Công: tức dãy núi ở xã Phụng Công, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[3] Châu Thu, Châu Vật: CMCB24 chép là châu Thu Vật, vùng đất tương đương với huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

[4] Thái Đường: tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[5] Kim Âu: tên xã, ở tả ngạn sông Lèn, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[6] Mục Sơn: tên núi ở xã Bình Hoà, huyện Tống Sơn, nay là huyện Hà Trung, Thanh Hoá.

[7] Nguyễn Văn Giai: người Phù Lưu, huyện Thiên Lộc, sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Phùng Khắc Khoan cũng đỗ tiến sĩ ở khoa này. Bắt đầu từ khoa này, có lệ 3 năm một lần thi, nhưng chưa có thi Đình.

Hậu công, Kính Thể phong Khuông Phụ công, Kính Bang chưa được phong. Con gái 9 người: con trưởng là Ngọc Thụ phong Lương quận thượng chúa, con thứ là Ngọc Quán phong Nghi **[10a]** quận thượng chúa, Ngọc Tỷ phong An quận thượng chúa, Ngọc Diễm phong Dương quận thượng chúa, duy có con gái bé 3 tuổi chưa được phong. Con gái nuôi là Ngọc Uyển phong Tiên quận thượng chúa.

Tháng 12, ngày mồng 3, họ Mạc sai bọn Lương Phùng Thìn, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Trần Đạo Vinh, Nguyễn Kính, Đông Uông, Vũ Cẩn, Nhữ Tông, Lê Đình Tú, Vũ Tĩnh sang nước Minh cống hàng năm.

Tân Tỵ, [Quang Hưng] năm thứ 4 [1581], (Mạc Diên Thành năm thứ 4; Minh Vạn Lịch năm thứ 9). Mùa thu, họ Mạc nghị bàn, trao cho viên phụ chính là Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng[1] thống lĩnh binh quyền, sai gọi quân các đạo vào xâm lược các huyện ven sông ở Thanh Hoa. Đôn Nhượng liền đem quân vượt biển vào đến huyện Quảng Xương, đóng quân ở núi Đường Nang[2].

Tiết chế Trịnh Tùng tâu vua sai Hoàng Đình Ái thống lĩnh các tướng tiến quân chống giữ. **[10b]** Đình Ái hội họp các tướng, chia thành ba đạo: sai Nguyễn Hữu Liêu làm tiên phong, Đình Ái tự đốc suất đại quân làm chính đội, tiến quân đối trận với quân Mạc; bọn Trịnh Bính, Hà Thọ Lộc làm tả đội chống quân Nguyễn Quyện, bọn Trịnh Văn Hải làm hữu đội, chống quân Mạc Ngọc Liễn. Bọn Trịnh Đồng, Trịnh Ninh làm hậu đội. Hôm ấy đều tiến quân, đánh nhau to với quân Mạc. Quan quân nhuệ khí rất mạnh, người nào cũng một mình địch nổi trăm người, chém hơn 600 thủ cấp giặc, bắt sống tướng giặc là bọn Chấn quận công Nguyễn Công và Phù Bang hầu (không rõ tên) ở trận tiền. Quân giặc đại bại, tan vỡ tháo chạy. Đôn Nhượng và tướng sĩ các đạo sợ đến vỡ mật, thu nhặt tàn quân trốn về Kinh ấp. Quan quân toàn thắng khải hoàn, đến hành dinh dâng tù hơn vài trăm tên vừa tướng vừa quân. Chấn quận công Nguyễn Công là cháu gọi Nguyễn Hữu Liêu bằng cậu. **[11a]** Tiết chế Trịnh Tùng tha tội cho, trao về cho Hữu Liêu vỗ về nuôi dưỡng, sau lại phong làm Tung quận công. Còn Phù Bang hầu và mấy trăm người bị bắt đều cấp cho cơm áo thả về quê quán. Mọi người đều thầm cảm ơn to. Từ đấy binh uy lừng lẫy. Quân Mạc không dám dòm ngó nữa, cư dân Thanh Hoa, Nghệ An mới được yên nghiệp.

Năm ấy, Mạc Mậu Hợp bị bệnh thông manh mờ mắt, tìm thầy thuốc giỏi trong khắp nước chữa liền mấy năm, bệnh khỏi, mắt lại sáng ra.

Nhâm Ngọ, [Quang Hưng] năm thứ 5 [1582], (Mạc Diên Thành năm thứ 4; Minh Vạn Lịch năm thứ 10). Tháng 1, ngày 26, họ Mạc sai Hộ bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tế tửu Vịnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải và bọn Nguyễn Năng Nhuận, Nguyễn Lễ, Vũ Văn Khuê, lên địa đầu Lạng Sơn đợi lệnh đón tiếp sứ thần là bọn Lương **[11b]** Phùng Thìn trở về.

Mùa hạ, tháng 5, mưa đá lớn ở sách Vạn Lại, cục đá to bằng quả dưa, lúa má đều bị gãy nát.

Năm ấy, thưởng công đánh trận ở Đường Nang. Lấy Hoàng Đình Ái làm thiếu uý, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân đô đốc phủ chưởng phụ sự, Trịnh Đỗ[3] làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc, Hùng quận công (không rõ tên) làm thái bảo, bọn Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đều làm đô đốc thiêm sự, Diễn quận công (không rõ tên) làm Tây quân đô đốc phủ hữu đô đốc, Ngô Cảnh Hựu làm Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc, còn những người khác đều được phong theo thứ bậc khác nhau.

[12a] Tháng 6, tướng Mạc là Phù Nghĩa hầu Nguyễn Đình Luân về theo, ban tước Trà quận công.

Bấy giờ, ở xã Đông Hồi, huyện Huỳnh Lưu, Nghệ An có tảng đá trắng to, không biết ở đâu tới, từ dưới nước ở cửa biển nhảy lên đất phẳng, cách mép nước 15 trượng thì dừng lại. Người địa phương cho là linh dị, lập đền thờ.

---

[1] Mạc Đôn Nhượng: Là con út của Mạc Đăng Dung.

[2] Núi Đường Nang: theo CMCB24 thì núi nàyở thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá.

[3] Trịnh Đỗ: là con Trịnh Kiểm.

Tháng 9, Vịnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải và Lang trung Bùi Tòng Củ của họ Mạc bàn cấp cho Thái bảo trước là Gia quốc công Nguyễn Thám 50 mẫu ruộng thế nghiệp.

Các nho thần ở Giang Đông dâng biểu lên họ Mạc, nói xin bỏ cường thần để tôn họ vua, đại ý nói: Hiện nay, đương lúc cứu vớt kẻ lìa tan, bề tôi nghĩa phải thuận theo[1], sớm tối không rời chỗ vua ở, trước sau không phụ ơn chúa. Thế mà Nguyễn Quyện kia, là nanh nọc gian tà, là tiểu nhân phản phúc, **[12b]** không hổ thẹn việc cha hắn phản quốc, lại nịnh hót vua ta khi về triều.

Kế sách hiện nay, cố nhiên phải võ gắn với văn, tướng võ cùng mưu với tướng văn, miền bắc thì cùng bàn mưu lược với Kế Khê hầu, phía tây thì chung tâm sức với Ngạn quận công. Dựa vào hai, ba bậc hào kiệt ấy, đồng lòng nhất trí, giữ lấy giang sơn hiểm yếu này mà cùng hưởng phú quý, thì sẽ thấy kỷ cương triều đình lại được chỉnh đốn, ngôi báu đế vương lại được vững vàng, con cháu nhà vua trăm đời nối truyền mãi mãi.

Quý Mùi, [Quang Hưng] năm thứ 6 [1583], (Mạc Diên Thành năm thứ 6; Minh Vạn Lịch năm thứ 11). Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Nhân Chiêm 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; Lê Văn Thông đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Tuấn Ngạn đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Đào Tông 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Đức Mậu 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[13a] Tháng 6, ngày 18, Thái phó Nghĩa quận công Đặng Huấn chết, tặng Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phụ sự, Thái uý Nghĩa quốc công.

Tháng 7, quân Mạc xâm phạm Thanh Hoa, cướp bóc các huyện ven sông. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân đánh lớn ở ngoài cửa biển, đuổi quân Mạc đi rồi trở về. Từ đó, quân Mạc không dám vào xâm pạm nữa, nhân dân các xứ Thanh Hoa và Nghệ An mới được nghỉ ngơi.

Bấy giờ Trấn Yên nước Ai Lao cống hiến sản vật địa phương.

Tháng 10, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra vùng Sơn Nam Hạ lộ, đánh dẹp các huyện Yên Mô, Yên Khang[2], thu lấy thóc lúa rồi rút về.

Tướng Đông đạo của họ Mạc là Kỳ quận công Nguyễn Viết Kính theo về triều đình, được ban tước Đông quận công.

[13b] Giáp Thân, [Quang Hưng] năm thứ 7 [1584], (Mạc Diên Thành năm thứ 7; Minh Vạn Lịch năm thứ 12). Tháng giêng, Phủ tiết chế lại xuất quân đánh dẹp các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, lại tiến quân đi tuần huyện Phụng Hoá, phủ Thiên Quan[3]. Thế quận công Ngô Cảnh Hựu vì để quân nửa đường về trước nên bị biếm 2 tư.

Tháng 9, ngày mồng 4, Trịnh Cối chết ở bên Mạc. Trước đây, Cối đầu hàng họ Mạc, được ban tước Trung Lương hầu, sau được thăng lên Trung quận công. Đến đây chết. Họ Mạc sai người đến điếu tế; lại sai quân đưa linh cữu, cho người nhà, mẹ và vợ con đem về chôn. Tiết chế Trịnh Tùng cũng sai người đón tiếp linh cữu về quàn ở bên hữu núi Quân Yên, huyện Yên Định, đặt lễ cúng tế, dâng biểu tâu vua tha tội cho Cối, tặng thái phó Trung quốc công, cho con cái là bọn Trịnh Sâm để tang.

[14a] Họ Mạc lấy Lại bộ thượng thư chưởng bộ sự kiêm Đông các đại học sĩ tri kinh diên sư tham dự triều chính Thái bảo Luân quận công Giáp Trừng làm Sách quốc công; viên trung quan người huyện Yên Lạc là Hào quốc công làm An quốc công, tướng Tây đạo là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm Đà quốc công, tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện làm Thưởng quốc công, Trung Nghĩa Miện quận công (không rõ tên) làm Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Hoàng quận công.

---

[1] Nguyên văn: "Thời phương chửng hoán, nghĩa hiệu tòng khôn". Hoán và Khôn là hai quẻ của Kinh Dịch, đại ý nói: Hiện nay, đương lúc ly tán gian nguy như điềm quẻ Hoán, phải làm theo phương sách mềm dẻo, hoà thuận của quẻ Khôn.

[2] Yên Mô, Yên Khang: tên hai huyện, đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

[3] Phủ Thiên Quan: sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 10, vùng Thuỵ Nguyên và Yên Định ở Thanh Hoa động đất hơn 50 dặm.

Tướng Nam đạo của họ Mạc là Nam Dương hầu Trần (không rõ tên) theo về, được ban tước Bàn quận công.

Họ Mạc sai bọn Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vĩnh Kỳ, Đặng Hiển, Nguyễn Năng Nhuận, Vũ Sư Tích, Nguyễn Lễ sang tuế cống nhà Minh.

[14b] Ất Dậu, [Quang Hưng] năm thứ 8 [1585], (Mạc Diên Thành năm thứ 8; Minh Vạn Lịch năm thứ 13).

Tháng giêng, Tiết chế Trịnh Tùng[1] tự đốc suất đại quân đi dẹp vùng biên giới phía tây, từ đường Thiên Quan, đánh phá các huyện Mỹ Lương, Thạch Thất, Yên Sơn[2]. Quân tiến tới núi Sài Sơn[3] thì rút về, để lại viên tỳ tướng là Chiêu quận công ở chợ Quảng Xá[4]. Quân Mạc đuổi theo kịp, Chiêu quận công chết tại trận, quân Mạc lấy được 1 con voi.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem quân về.

Tháng 6, họ Mạc lại định vào ở trong thành Thăng Long. Bèn bàn sửa đắp thành trì, làm nhiều công việc xây dựng, nung ngói gạch, một năm thì xong. Lấy năm sau làm Đoan Thái năm thứ 1.

Tháng 10, ngày 12, Sách quốc công của họ Mạc là Giáp Trừng trí sĩ.

Tháng 12, Phủ tiết chế đem quân ra vùng Sơn Nam, đánh dẹp miền Gia Viễn, Phụng Hoá rồi rút về.

[15a] Sách quốc công của họ Mạc là Giáp Trừng chết.

Bính Tuất, [Quang Hưng] năm thứ 9 [1586], (Mạc Đoan Thái năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 14). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Giáo Phương đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Phạm Minh Nghĩa 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Văn Tảo 17 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 5, lụt lớn.

Tháng 6, họ Mạc sắp đặt xa giá dời vào thành Thăng Long, ở tại chính điện, nhận lễ chầu mừng của các quan. Lễ xong, thăng bọn Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện đều làm thái bảo, Hoằng quận công làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc.

Ngày 25, vùng Thanh Hoa trời không mưa gió mà nước sông Mã bỗng dâng **[15b]** cao, thành Tây Đô bị ngập, ở ngoài sông, nước xoáy, chảy xiết như bắn, cây cối lấp cả sông, các nhà ven sông phần nhiều bị trôi ra biển.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 2, lụt lớn. Đêm ngày Quý Mão, mặt trăng có quầng đỏ, bóng sáng lờ mờ, sắc như phun máu. Các nhà chiêm tinh đoán là tai biến ấy ứng vào điềm bậc phi hậu chết. Ngày 25, lại lụt to. Trong 1 năm, lụt đến 7 lần.

Tháng 8, ngày mồng 5, sấm động trái thì.

Đại hạn.

Ngày 13, Thái quốc phu nhân là Trương Thị Ngọc Lãnh[5] chết.

---

[1] Nguyên văn mất bốn chữ " Tiết chế Trịnh Tùng".

[2] Thạch Thất: tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây cũ, nay là tỉnh Hà Tây.

[3] Núi Sài Sơn: còn gọi là Chùa Thầy, thuộc huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

[4] Chợ Quảng Xá: thuộc huyện Yên Sơn, xưa là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Quảng Oai, Hà Tây. CMCB24 ghi là chợ Hoàng Xá.

[5] Tức bà phi của Trịnh Kiểm.

Ngày 17, dinh Yên Trường cháy lớn. Khi ấy, gió to, lửa mạnh, cháy lan cả phủ dinh, trại quân, giải vũ, phố xá đến vài nghìn nhà. Mây sắc đỏ che kín mặt trời, khói đen đầy trời, từ giờ Ngọ đến giờ Thân lửa mới tắt. Bà phi của Thái Vương là Nguyễn Thị Ngọc Bảo bị chết cháy, Tiết chế Trịnh Tùng **[16a]** ở lánh chỗ khác để tang. Truy tôn là Minh Khang Thái Vương Thái Phi.

Ngày 23, Thái bảo Hùng quận công chết.

Ngày 28, trong dinh Yên Trường nổi cơn lốc lớn đến hai dặm, người ngã, nhà tốc, đá bay cát cuộn, gãy cây sụt ngói.

Tháng 9, ngày mồng 3, nước to, mưa dầm hàng tuần. Ngày mồng 9, lại nước to. Ngày 18, mưa dứt. Năm ấy vùng Thanh Hoa mất mùa.

Tháng 10, trời lại mưa dầm suốt hơn hai tuần không ngớt, núi ở các huyện sụt lở lung tung.

Đinh Hợi, [Quang Hưng] năm thứ 10 [1587], (Mạc Đoan Thái năm thứ 2 - Minh Vạn Lịch năm thứ 15). Tháng giêng, họ Mạc sai sửa chữa tầng ngoài thành Thăng Long và sửa sang các đường phố.

[16a] Tháng 2, họ Mạc hạ lệnh cho các xứ trong nước phải đắp luỹ đất và trồng tre, trên từ sông Hát, xuống tới sông Hoa Đình huyện Sơn Minh, kéo dài đến vài trăm dặm để đề phòng quân đến.

Tháng 3, ngày 11, giờ Thìn, trời bỗng nhiên có tiếng kêu. Bấy giờ núi Trác Bút[1] ở huyện Vĩnh Phúc có tảng đá lớn cao 1 trượng, chân đá ăn sâu vào lòng đất đến hơn 4 thước, vô cớ trồi lên trên mặt đất rồi dời đến chỗ khác.

Tháng ấy, ở xã Trường Xá, huyện Yên Định, nước trong giếng tự nhiên sôi lên, đục ngầu đến 3 hôm, sau lại trong như cũ. Những nhà chiêm tinh đoán rằng ứng vào điềm chết một viên đại tướng.

Tháng 5, Thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách có tội bị xử giảo.

Trước đây, Bách cùng dòng họ với Trịnh Tùng, từng cùng với Lê Cập Đệ bày mưu định hại Trịnh Tùng. Mưu bị tiết lộ, Cập Đệ bị giết **[17a]** Bách được tha tội nhưng vẫn có lòng bất mãn, nuôi ngầm những người yêu thuật, phù thuỷ, lại mưu chôn mộ cha vào đất cấm. Việc phát giác, bị xử giảo.

Tháng 7, nước sông dâng cao.

Tháng 8, ngày rằm Nhâm Thân, đêm có nguyệt thực.

Tháng 9, ngày mồng một Đinh Hợi, nhật thực.

Hạ lệnh cho xứ đầu nguồn ở các huyện lấy 500 cây gỗ làm cọc, chia cắm ở các cửa biển để phòng thuyền giặc vào cướp và làm kế chống giữ.

Tháng 10, ngày Ất Hợi, cầu vồng đỏ xuất hiện ở phương khôn[2]. Tháng ấy, Tiết chế Trịnh Tùng đem quân đánh phá các huyện Gia Viễn, Yên Hoá, Phụng Hoá thuộc các phủ Trường Yên, Thiên Quan, đánh dẹp đến chợ Rịa[3], sai làm cầu phao, cả phá dinh của Tân quận công (không rõ tên) của họ Mạc.

[17b] Tháng 11, quân ra phía tây nam, đến huyện Mỹ Lương. Họ Mạc sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liễn đem quân ra huyện Ninh Sơn[4] để đánh vào phía tả; lại sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện đem quân ra huyện Chương Đức, vượt sông Do Lễ[5] đánh vào bên hữu. Khi Quyện đến sông Do Lễ thì chia quân phục sẵn ở con đường nhỏ dưới chân núi để đợi quan quân tới, định cắt đứt con đường chở lương của cánh quân sau. Kế sách đã định như thế, nhưng Tiết chế Trịnh Tùng biết được, bèn chia quân

---

[1] Núi Trác Bút: thuộc xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Huyện Vĩnh Lộc thời ấy gọi là huyện Vĩnh Phúc.

[2] Phương khôn tức phương tây nam.

[3] Chợ Rịa: ở gần huyện lỵ Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[4] Ninh Sơn: hay Yên Sơn, tức là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây cũ, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[5] Sông Do Lễ: ở xã Do Lễ, huyện Chương Đức, nay thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

để lại cho bọn Lân quận công Hà Thọ Lộc, Thế quận công Ngô Cảnh Hựu bảo vệ quân chở lương ở phía sau. Trước hết, sai Đại tướng Vĩnh quốc công Hoàng Đình Ái đem quân ngầm rút nhanh về để giữ Thanh Hoa, lại sai Thái phó Dương quốc công Nguyễn Hữu Lưu, Thái bảo Trịnh Đỗ cùng bọn thiếu bảo Trịnh Đồng, Trịnh Ninh mỗi người đều đem quân ra đường phía tả để cầm cự với quân của Mạc Ngọc Liễn, **[18a]** chống giữ để chia cắt thế địch. Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra đường phía hữu để tiến đánh Nguyễn Quyện. Quân hai bên giao chiến, quan quân thắng lớn. Quyện tự liệu không thể chống nổi, liền rút quân mà chạy, quân mai phục cũng vỡ chạy, tranh nhau qua sông, bị chết đuối rất nhiều. Quan quân chém được vài trăm thủ cấp giặc, truy đuổi bọn rút chạy đến nửa ngày đường mới dừng quân. Từ đó, Quyện sợ uy thế quan quân, nếu có gặp, thì lánh cho xa, không dám giao chiến nữa. Ngọc Liễn sai người dò biết quân Quyện đã thua, cũng lui quân chạy dài. Hôm sau, quan quân từ Đốn Thuỷ, tiến đóng ở Hoàng Sơn, lại tiến đánh Yên Sơn, và Thạch Thất[1]. Quân đi đến đâu là đánh tan đó, lấy được của cải, trâu bò gia súc nhiều không kể xiết.

Tháng 12, tiết chế Trịnh Tùng bàn với các tướng thu quân và hạ lệnh rút về. Quân đi theo **[18b]** đường cũ, qua Thiên Quan trở về. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân.

Họ Mạc đổi niên hiệu Đoan Thái thành Hưng Trị năm thứ 1.

Mậu Tý, [Quang Hưng] năm thứ 11 [1588], (Mạc Hưng Trị năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 16). Tháng 2, họ Mạc thấy quan quân mỗi ngày một mạnh, liền bàn định kế đánh giữ. Hạ lệnh cho quân dân các huyện trong bốn trấn đắp thêm ba lớp luỹ ngoài thành Đại La ở Thăng Long, bắt đầu từ phường Nhật Chiêu[2] vượt qua Hồ Tây, qua cầu Dừa[3] đến cầu Dền[4] suốt đến Thanh Trì, giáp phía tây bắc sông Nhị Hà, cao hơn thành Thăng Long đến vài trượng, rộng 25 trượng, đào 3 lớp hào, đều trồng tre, dài tới mấy mươi dặm để bọc lấy phía ngoài thành.

Trước đây, Đông quận công của họ Mạc là Phạm Viết Kính người huyện Tứ Kỳ theo về triều đình, được cấp cho **[19a]** binh dân tổng Châu Xuyết, huyện Hoằng Hoá và cho theo quân đi đánh giặc. Viết Kính cai trị rất nghiêm khắc, dân đều sợ hãi, nhiều người ca thán. Dân địa phương dâng biểu tố cáo.

Tháng 4, Phủ tiết chế đem quân ra đánh các huyện Yên Mô, Yên Khang, dẹp yên dân miền ấy rồi về.

Tháng 5, tảng đá lớn ở núi Trác Bút lở, dài đến vài trượng.

Tháng 6, có con chim lớn cao 4 thước 5 tấc, lông trắng, mỏ đỏ, chân đỏ sa xuống địa phận làng Phù Chẩn, huyện Thuỵ Nguyên.

Ngày 11 tháng ấy, sao Thái Bạch mọc ngang trời, mặt trời, mặt trăng có hai quầng, suốt tháng không tan, sương mù xuống nhiều, đại hạn, lúa má chết khô, nhân dân xiêu tán.

Tháng 11, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem đại binh ra ải Phố Cát[5], đánh các huyện của phủ Trường Yên và Thiên Quan. Quân tới Yên Mô, Yên Khang, thu được rất nhiều trâu bò, gia súc và của cải của giặc **[19b]** rồi vượt sông Chính Đại[6], đến luỹ trại Dương Vũ[7] đóng quân. Sau một tuần, Phủ tiết chế giả cách rút quân về, để lại kỳ binh và voi ngựa mai phục ở sau dinh rồi đốt doanh trại để dụ giặc. Quân giặc quả nhiên bỏ không trại sách, tranh nhau lên trước đuổi đánh. Quân phục bỗng nổi dậy đánh úp, chém được mấy trăm thủ cấp giặc. Tướng giặc là bọn Tân quận công, Quỳnh quận công (đều không rõ tên) chỉ thoát

---

[1] Quốc Oai và Thạch Thất là hai huyện thuộc tỉnh Sơn Tây cũ.

[2] Nhật Chiêu: nay là xã Nhật Tân, ngoại thành Hà Nội.

[3] Theo CMCB 24, thì cầu Dừa thuộc phường Thịnh Quang ở Hà Nội.

[4] Cầu Dền: nay là ô Cầu Dền, gần Bạch Mai, Hà Nội.

[5] Cương mục chép là cửa ải Trường Cát, Phố Cát nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá (CMCB 24, 20).

[6] Sông Chính Đại: theo Cương mục thì sông Chính Đại ở trang Chính Đại, huyện Tống Sơn, Thanh Hoa (CMCB 24, 20).

[7] Trại Dương Vũ: thuộc xã Dương Vũ, huyện Yên Khánh.

được thân mình. Tiết chế Trịnh Tùng thu quân rút về. Đến núi Tam Điệp[1] hạ lệnh cho các quân đi lấy cây gỗ lim lớn, dài 30 thước, cứ 300 người làm 1 tốp, đến kỳ đem cắm ở cửa biển Linh Trường. Những cọc gỗ ấy đều dùng dây sắt khoá lại.

Tháng 12, ngày 28, nước sông Vãn Hà[2] ở Thuỵ Nguyên tự nhiên sắc đỏ như máu chảy đến hơn 1 dặm.

[20a] Kỷ Sửu, [Quang Hưng] năm thứ 12 [1589], (Mạc Hưng Trị năm thứ 2; Minh Vạn Lịch năm thứ 17). Tháng giêng, ngày mồng 2, có con vượn lớn xuất hiện ở huyện Vĩnh Phúc, người thôn Bạch Thạch bắt được.

Tháng ấy, ngày 14, sao Huỳnh Hoặc phạm vào sao Cang.

Ngày 15, mặt trăng phạm vào sao Tuế. Đại hạn. Gạo kém. Dân nhiều người xiêu tán.

Tháng 5, ngày 15, có khí mây thành quầng trên mặt trời, như hình con trâu phục.

Tháng 6, ngày mồng 7, giờ Dậu, rất nhiều sao băng

Tháng 7, ngày 16, giờ Sửu, có nguyệt thực ở phương bắc trăng bị ăn quá nửa rồi lại tròn.

Nước lụt.

Mùa đông, Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc suất đại quân đi đánh dẹp các huyện Yên Khang.

Thi Hội các cử nhân trong nước. Cho bọn Lê Nhữ Bật, Lương Trí đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Lương Khiêm **[20b]** Hanh, Lê Đình Túc đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Y Toàn 17 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ, họ Mạc lại bàn cử binh, sai Mạc Đôn Nhượng thống suất vệ sĩ và quân bốn trấn, định ngày cùng tiến đến địa phận Yên Mô, hẹn giao chiến với quan quân. Tiết chế Trịnh Tùng bàn với các tướng rằng: nay họ Mạc đem hết đại binh tới, chỉ cốt giao chiến với ta để quyết một trận sống mái. Quân địch nhiều, quân ta ít, thế mạnh yếu khác nhau. Nhưng ta đã ở vào đất hiểm, hẳn giặc không làm gì được. Binh pháp có nói: một người giữ chỗ hiểm, ngàn người không địch nổi, là thế đó. Ta nên giả cách rút quân, để dắt chúng vào chỗ hiểm. Nó tất khinh ta, đem hết quân đuổi theo. Ta dùng trọng binh đánh úp, ắt sẽ phá được **[21a]**. Canh ba đêm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng sai Nguyễn Hữu Liêu đem 1 vạn 5 nghìn quân tinh nhuệ và 200 cỗ khinh kỵ, đi ngầm trong đêm tối tới vùng chân núi tìm các hang động, khe suối và những nơi có lau sậy mà mai phục để đợi giặc, hẹn nghe thấy ba tiếng súng lệnh thì quân phục nổi dậy hết. Hữu Liêu đem quân đi rồi, lại sai Trịnh Đỗ, Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đem quân chặn hậu. Hạ lệnh các quân cứ theo như trận đồ mà lần lượt rút lui. Nếu thấy giặc đuổi tới, thì vừa đánh vừa chạy. Đến chỗ quân mai phục, nghe thấy ba tiếng súng lệnh thì chuyển quân hậu thành quân tiền, mỗi cánh quân chia đội ngũ, cờ xí ra hai bên tả, hữu, theo đúng thứ tự trong trận đồ. Các tướng nhận lệnh xong, đều trở về doanh trại của mình, chỉnh đốn binh tướng để đợi giặc. Lại sai Ngô Cảnh Hựu đem quân chở lương thực, thu nhặt rút trước vào núi Tam Điệp để tỏ cho giặc biết là lui quân về. Lại sai đại dinh của Trung quân, chuyển hậu đội **[21b]** thành tiền đội, lần lượt rút về, đến núi Tam Điệp thì đóng quân lại. Tiết chế Trịnh Tùng cũng đốc suất đại quân lên đường. Hôm ấy, tướng Mạc sai người lên đỉnh núi quan sát, thấy quan quân kéo về, cười nói rằng: "Nó thấy quân ta tới, tự biết là ít không địch nổi nhiều, đã rút về trước, tất để lại Hoàng Đình Ái chặn hậu. Các tướng sĩ của ta, người nào có thể dấn mình ra sức đuổi kịp quân địch, nếu bắt sống tướng giặc hoặc bắt được voi là công hạng nhất, khi về triều ta sẽ tâu cho thăng trật và trọng thưởng. Tướng Mạc tự cậy quân nhiều, hăng hái tranh nhau tiến trước, không nghĩ gì đến người theo sau, đua nhau đuổi đến chỗ hiểm ở núi Tam Điệp. Nghe thấy ba tiếng súng lệnh, phục binh nhất tề nổi dậy. Tiết chế Trịnh Tùng tung đại quân ra, bốn mặt hăng hái đánh vào, đúng theo hiệu lệnh, hàng quân không sai lạc. Chém được hơn 1000 thủ cấp, bắt sống được hơn 600 người. Quân giặc tan vỡ

---

[1] Núi Tam Điệp: tức là đèo Ba Dội ở giữa Thanh Hoá và tỉnh Ninh Bình, trên đường quốc lộ số 1.

[2] Sông Vãn Hà: sông thuộc xã Vãn Hà, ngay ở lỵ sở phủ Thiệu Hoá trước.

[22a] chạy dài. Các tướng Mạc run sợ, đều thu nhặt tàn binh trốn về Kinh ấp. Quan quân toàn thắng, đem quân về Thanh Hoa.

Tháng 12, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng đem hơn 600 quân giặc bị bắt tới nộp, sai cởi trói, vỗ về yên ủi cấp cho cơm áo rồi thả hết cho về quê quán để tỏ đức hiếu sinh. Họ hàng của quân lính bị bắt nghe thấy thế, đều đội công đức như trời đất, cảm ơn sâu như cha mẹ.

Canh Dần, [Quang Hưng] năm thứ 13 [1590], (Mạc Hưng Trị năm thứ 3; Minh Vạn Lịch năm thứ 18). Bấy giờ, nhà Trung nghĩa tướng Hoằng quận công của họ Mạc chứa giấu phu nhân của Đường An Vương Mạc Kính Chỉ. Việc bị phát giác, Hoằng quận công và phu nhân đều bị giết.

[22b] Tháng 7, ngày mồng 1, nhật thực.

Sao Thái Bạch phạm vào phía sau mặt trăng chỉ cách độ một ngón tay. Năm ấy, trộm cướp rất nhiều.

Tân Mão, [Quang Hưng] năm thứ 14 [1591], (Họ Mạc đổi niên hiệu Hưng Trị thành Hồng Ninh năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 19). Tháng 3, sao Chổi vận hành theo hướng tây bắc. Tháng 3 nhuận, ngày 13, cầu vồng đỏ vắt suốt trời. Mặt trời có hai quầng, khí trắng lồng nhau ở ngoài quầng.

Tháng 5, ngày rằm Bính Tuất, có nguyệt thực về phương tốn[1], mặt trăng bị ăn gần hết, sau một giờ lại tròn.

Tháng 12, Tiết chế Trịnh Tùng lại bàn ra quân. Bèn sai bọn Diễn quận công Trịnh Văn Hải, Thái quận công Nguyễn Thất Lý đem quân thuỷ, bộ đi trấn giữ những nơi hiểm yếu ở các cửa biển, Thọ quận công Lê Hoà kiêm coi võ sĩ trong ngoài bốn vệ theo hầu canh **[23a]** giữ ngự dinh. Đến kỳ tiến quân,điều động sai khiến các quân, chia thành 5 đội, cùng một lúc tiến phát. Đội thứ nhất là dinh tả khu, bọn Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu và Kỳ quận công Trịnh Ninh đem quân tinh nhuệ cùng tướng sĩ các dinh cơ Trung nghĩa, gồm 1 vạn người làm tiên phong đi trước. Đội thứ hai là dinh hữu khu gồm bọn Thái uý Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Vĩnh quận công Trịnh Đồng và voi ngựa cùng 1 vạn quân. Đội thứ ba là dinh tiền khu gồm Thái bảo Ngạn quận công Trịnh Đỗ và 1 vạn giáp binh, voi ngựa. Đội thứ tư là đại dinh trung khu, Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc suất 2 vạn binh mã của Trung quân. Đội thứ năm gồm bọn Lân quận công Hà Thọ Lộc và Thế quận công Ngô Cảnh Hựu cùng đốc suất quân chở lương làm hậu quân. Không chia thời khắc, quân từ Tây Đô đi ra theo đường huyện Quảng Bình[2], qua phủ Thiên quan, đào núi, mở đường, **[23b]** luồn cây xuyên rừng, vượt sông chui hang, đi gấp hơn 10 ngày, đến núi Mã Yên[3] ở đầu địa giới Sơn Tây thì đóng quân lại. Hiệu lệnh rất rõ ràng, quân sĩ đều vâng mệnh, chỉnh đốn đội ngũ. Ngày hôm sau, qua núi Mường Động đất Thanh Xuyên[4]. Hạ lệnh cho các quân sau khi thu lương gạo thì đến Ma Nghĩa[5]. Quân đi đến đâu, giặc đều như cỏ bị gió lướt, không đến mười ngày đã dẹp yên các huyện Yên Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc[6], Tân Phong[7], rồi đóng dinh ở Tốt Lâm[8].

Ngày Nhâm Tý 21, ban đêm, mặt trăng phạm vào sao Tuế. Bấy giờ, họ Mạc bàn cử hết đại binh, thúc gọi binh mã 4 trấn[9], 4 vệ[1], 5 phủ[2] quân, được độ hơn 10 vạn, hẹn đến ngày 16 tháng ấy đến hội

---

[1] Phương tốn: tức phương đông nam.

[2] Huyện Quảng Bình: sau đổi thành Quảng Địa, rồi Quảng Tế. Nay là phần tây bắc của huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Núi Mã Yên: thuộc huyện Yên Sơn, sau là huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc huyện Quảng Oai, tỉnh Hà Tây.

[4] Thanh Xuyên: tên huyện, tương đương với hai huyện Thanh Sơn, Thanh Thuỷ thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[5] Ma Nghĩa: tên huyện, sau là huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây cũ, nay là Hà Tây.

[6] Phúc Lộc: sau là huyện Phúc Thọ.

[7] Tân Phong: sau là huyện Tiên Phong, nay thuộc huyện Quảng Oai. Các huyện Yên Sơn (sau là Quốc Oai), Thạch Thất, Phúc Lộc, Tân Phong đều thuộc tỉnh Sơn Tây cũ, nay là Hà Tây.

[8] Tốt Lâm: chưa rõ ở đâu.

[9] Bốn trấn là Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây.

quân ở Hiệp Thượng, Hiệp Hạ[3] để quyết chiến. Sai Mạc Ngọc Liễn đốc suất các tướng sĩ binh mã Tây đạo; Nguyễn Quyện đốc suất tướng sĩ binh mã Nam đạo, bọn Ngạn quận công, Thuỷ **[24a]** quận công chỉ huy binh mã Đông đạo; bọn Đương quận công, Xuyên quận công chỉ huy binh mã Bắc đạo; bọn Khuông Định công[4], Tân quận công chỉ huy binh mã 4 vệ. Mạc Mậu Hợp đích thân đốc suất binh mã của chính dinh; hậu đội thì trong có các tông thất họ Mạc và các tướng túc vệ ở Đông đạo đi sau tiếp chiến.

Ngày 27, chia đường cùng tiến. Đến địa phận xã Phấn Thượng[5], hai bên đối trận với nhau, dàn bày binh mã. Họ Mạc sai bọn Khuông Định công và Tân quận công đốc thúc binh mã bốn vệ làm tiền đội đi tiên phong, dinh tướng Tây đạo làm binh mã cánh hữu, dinh tướng Nam đạo làm binh mã cánh tả; dinh tướng hai đạo Đông và Bắc làm binh mã hậu đội. Bốn đội quân khua chuông đánh trống nhất tề tiến lên. Mạc Mậu Hợp đích thân đốc chiến.

Tiết chế Trịnh Tùng nghe tin, ngay ngày hôm ấy chia quân, sai tướng sĩ dinh hữu khu **[24b]** tiến lên khiêu chiến. Lại chọn 400 quân thiết kỵ xông lên trợ chiến. Hạ lệnh cho các dinh cơ phải theo đúng sự chỉ huy. Quân hai bên đón đánh nhau giáp lá cà suốt từ giờ Mão đến giờ Tỵ[6], nhuệ khí tăng bội phần. Tiết chế Trịnh Tùng cầm cờ chỉ huy, ba quân theo lệnh, cố sức đánh, chém được Khuông Định công và Tân quận công tại trận. Họ Mạc thấy thế quân không địch nổi, liền hạ lệnh án binh bất động. Giờ Thân[7] Tiết chế Trịnh Tùng đích thân đốc chiến, chỉ huy ba quân, quân bên tả đánh vào cánh tả của giặc, quân bên hữu đánh vào cánh hữu, rất có kỷ luật. Tướng sĩ hăng hái, gươm giáo rợp trời, đồng thanh gắng sức, thề phá tan giặc. Thế rồi bắn ba phát súng lệnh, quan quân không ai không một người địch trăm người, thế như chẻ tre, truy đuổi giặc chạy dài. Quân Mạc kinh hoàng, cánh quân tả không kịp trông cánh hữu, quân sau không kịp nhìn quân trước, binh lính tuy đông nhưng cờ xí lộn xộn, hàng **[25a]** ngũ đã rối loạn, quan quân nhân thế đánh tan. Các quân thừa thắng đuổi dài đến Giang Cao, chém được hơn 1 vạn thủ cấp, máu chảy khắp đồng, thây chết thành núi, cướp được khí giới và ngựa nhiều không kể xiết. Mạc Mậu Hợp sợ đến vỡ mật, xuống thuyền vượt sông mà chạy. Tàn quân tranh nhau xuống thuyền, người trong thuyền sợ thuyền đắm, lấy gươm chặt đứt tay rơi xuống sông chết đến quá nửa, còn lại thì đứa nào đứa nấy đều chạy trốn. Duy có tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện lánh xa nên được an toàn. Mạc Mậu Hợp trốn về Kinh ấp. Gặp ngày gần tối, Tiết chế Trịnh Tùng đóng quân lại ở Hiểm Sơn.

Ngày 30, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất các dinh tiến quân đến chợ Hoàng Xá, đóng lại 1 tháng, hạ lệnh cho quân các dinh vượt sông Cù[8] phá huỷ hào luỹ của giặc, san thành đất bằng. Chiều hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng bàn rằng: Nên nhân cái uy thế sấm sét không kịp bịt tai này **[25b]** mà đánh lấy thì dễ như nhặt hạt cải. Bèn tiến quân, sai Nguyễn Hữu Liêu đem 5000 quân tinh nhuệ và voi khoẻ cùng ngựa bọc sắt, đến giờ Dần, thẳng tiến đến đóng ở cầu Cao tại góc tây bắc thành Thăng Long, phóng lửa hiệu, bắn liền bảy phát, thiêu đốt nhà cửa, khói lửa khắp trời. Trong thành sợ hãi rối loạn. Mạc Mậu Hợp sợ hãi cuống quít, bỏ thành chạy trốn. Đêm hôm ấy, già trẻ gái trai thành trong thành ngoài, tranh nhau xuống thuyền qua sông, thuyền đắm, chết đuối đến hơn 100 người. Đến sáng, Hữu Liêu lại thu quân về hành dinh. Gặp ngày tết Nguyên đán, uý lạo tướng sĩ, hẹn phải thu phục kinh thành. Ba quân vui mừng phấn khởi, đều nguyện báo ơn nước. Bấy giờ, đảng Mạc tuy còn chưa dẹp hết, nhưng thanh thế quan quân càng ngày càng lừng lẫy.

---

[1] Bốn vệ là Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y và Kim ngô.

[2] Năm phủ là Trung quân, Đông quân, Tây quân, Nam quân, Bắc quân.

[3] Hiệp Thượng, Hiệp Hạ: tên hai xã thuộc huyện Quốc Oai.

[4] CMCB 24, 24: chép là Khuông quận công.

[5] Phấn Thượng: sau là xã Tảo Thượng, nay là xã Ngọc Tảo, huyện Tùng Thiện, tỉnh Hà Tây.

[6] Khoảng từ 6 giờ đến 12 giờ sáng.

[7] Khoảng từ 16 giờ đến 18 giờ.

[8] Sông Cù: đoạn sông Hát chảy qua xã Cù Sơn.

Nhâm Thìn, [Quang Hưng] năm thứ 15 [1592], (Mạc Hồng Ninh năm thứ 2; Minh Vạn Lịch năm thứ 21). Mùa xuân, ngày mồng 3, Tiết chế Trịnh Tùng **[26a]** sai quan lập đàn sắm lễ, trai giới làm lễ tế trời đất, Thái Tổ Cao Hoàng Đế và các vị hoàng đế của bản triều, cùng các vị linh thần núi sông, các danh tướng xưa nay trong nước. Khấn rằng: "Thần là Trịnh Tùng gượng gánh trọng trách của nước nhà, lạm cầm quyền lớn đánh dẹp, vâng mệnh đánh kẻ phản nghịch để cứu dân, nghĩ rằng sinh linh xã tắc triều Lê bị kẻ gian thần phản nghịch là họ Mạc giết vua, cướp nước, tội ác rất sâu, ngược dân, dối thần, hoạ đầy oán chứa. Để sinh linh phải lầm than đã gần 70 năm, mà nguyên do gây hoạ loạn, há chịu cùng đội trời chung. Xin các thánh hoàng đế tiên triều, soi xét lòng thần, diệt bọn giặc phản nghịch cho dân được yên, để khôi phục cõi đất của triều Lê".

[26b] Khấn xong, ngày hôm ấy, mây mù quang hết, mặt trời rực sáng. Tiết chế Trịnh Tùng hội các tướng bàn việc tiến quân và cáo dụ rằng: "Cái thế chẻ tre không thể bỏ lỡ. Huống chi, ta vâng mệnh đi đánh kẻ trái phép, vốn để yên dân. Các tướng nên răn cấm tướng sĩ, nghiêm ngặt nhắc lại ước thúc, chấn chỉnh đội ngũ, hiệu lệnh rõ ràng, tin thực. Quân đi đến đâu, không được mảy may xâm phạm của dân, không được cướp bóc dân lành, của cải không phải của giặc thì không được lấy bậy. Quân đi có kỷ luật thì giặc dễ phá".

Bèn hạ lệnh cho các dinh nhổ trại tiến đến bờ phía tây sông Ninh Giang[1]. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, chợ không thay đổi quầy hàng, mọi người đều yên ổn như cũ, già trẻ, trai gái tranh nhau đem trâu dê, cơm rượu, hương hoa đầy đường, đón tiếp vương sư, hàng phục trước cửa quân mà nói: Trước kia bị sương mù che khuất, ngày nay **[27a]** được thấy trời xanh, vui khắp trời đất. Rồi đến đóng quân ở Ninh Giang, dựng đồn bày trận, vững như thành sắt. Bàn hạ lệnh rằng: Tướng sĩ các doanh cơ, phải theo ba điều mà răn cấm các quân: 1. Không được tự tiện vào nhà dân lấy củi, hái rau; 2. Không được cướp bóc của cải, chặt phá hoa màu; 3. Không được hiếp dâm đàn bà con gái và giết người vì thù riêng. Nếu ai vi phạm thì chém rao cho mọi người biết. Ba quân nghe lệnh, đều nghêm chỉnh đội ngũ, không dám xâm phạm. Trăm họ vui theo, đều nói rằng từ đời Tam đạo về sau, nay mới lại thấy quân nhân nghĩa như thế. Người theo về đông như đi chợ. Những người có gan dạ có tri thức, đều vui vẻ đến cửa quân để phục vụ.

Ngày mồng 5, Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân vượt sông, tiến đến chùa Thiên Xuân[2]. Gần đến cầu Nhân Mục[3], Mạc Mậu Hợp sợ quá, bỏ thành Thăng Long vượt sông Nhị Hà đến bến Bồ **[27b]** Đề, ở tại Thổ Khối[4], để lại các đại tướng chia giữ các cửa trong thành.

Ngày mồng 6, tiết chế Trịnh Tùng đốc quân qua sông Tô Lịch đến cầu Nhân Mục, đóng quân ở núi Xạ Đôi[5]. Bèn chia quân bày trận, các đạo cùng tiến, hẹn ngay ngày hôm ấy đánh phá thành Thăng Long để lấy công đầu. Bèn sai tướng dinh tả khu là bọn Nguyễn Hữu Liêu và Trịnh Ninh đem 1 vạn binh tượng đánh phá đường Cầu Dừa tiến thẳng đến cửa Tây; tướng dinh hữu khu là bọn Hoàng Đình Ái và Trịnh Đồng đem 1 vạn 500 binh tượng đánh phá đường Cầu Dền, tiến thẳng đến cửa Nam Giao. Tướng sinh tiền khu là Trịnh Đỗ đem các cơ trung quân và bọn Thuỵ Tráng hầu hợp binh tượng hơn 1 vạn 2000 người đánh phá Cầu Muống tiến thẳng đến cửa Cầu Gỗ[6]. Chia sai các tướng đã xong, mỗi người đều nhận lệnh sẵn sàng tiến phát. Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất binh **[28a]** tượng đại dinh gồm 2 vạn 5000 người làm hậu đội, tiến đến Hồng Mai[7] đóng quân. Bèn hạ lệnh rằng: Bài binh bố trận đã xong, tất cả cờ

---

[1] Sông Ninh Giang: khúc sông Đáy chảy qua xã Ninh Sơn, gần chùa Trầm.

[2] Chùa Thiên Xuân: ở xã Thanh Xuân, huyện Thanh Oai (CMCB 24, 28).

[3] Cầu Nhân Mục: tức Công Mọc, ở phía tây Hà Nội.

[4] Thổ Khối: tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[5] Xạ Đôi: nghĩa là Gò Bắn, ở khu Giảng Võ, Hà Nội.

[6] Cửa Cầu Gỗ: ở khoảng phố Cầu Gỗ, quận Hoàn Kiếm (Hà Nội) ngày nay.

[7] Hồng Mai: sau đổi là phường Bạch Mai. Nay là phố Bạch Mai, Hà Nội.

xí không được giăng bậy, chiêng trống không được đánh càn. Ba quân nghe lệnh đều cuốn cờ im trống, ngồi yên để chờ đợi.

Bấy giờ, Mạc Mậu Hợp tuy đã sang sông, nhưng còn cậy có sông Cái, có chuẩn bị từ trước. Sai tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn đem quân bản đạo cố thủ từ cửa Bảo Khánh về phía tây đến phường Nhật Chiêu; bọn Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên đem quân bốn vệ giữ cửa Cầu Dừa, qua cửa Cầu Muống đến thẳng cửa Cầu Dền, chia dinh thứ, ngày đêm đóng cửa cố thủ trong thành Đại La để chống giữ. Tướng Nam đạo Nguyễn Quyện đem quân giữ từ Mạc Xá trở về đông, ứng cứu quân các đạo. Quân hai đạo Đông và Bắc đều thuộc quyền Quyện.

Mạc Mậu Hợp **[28b]** tự tay đốc suất thuỷ quân, dàn hơn 100 chiếc thuyền giữ sông Nhị Hà để làm thanh viện. Nguyễn Quyện đem quân đến dinh, đặt quân phục ở ngoài cửa Cầu Dền để đợi, dàn súng lớn Bách Tử[1] và các thứ hoả khí để phòng bị.

Bấy giờ Tiết chế Trịnh Tùng phát ba tiếng súng lệnh, các tướng kéo cờ đánh chiêng gióng trống, đến khi nghe bảy hồi tù và thì đội ngũ chỉnh tề, giáo mác sáng quắc, tiến lên đánh phá. Từ giờ Tỵ đến giờ Mùi chưa phân thắng bại. Tiết chế Trịnh Tùng thấy quân hai bên đánh nhau to, người người cùng khoe mạnh đua hùng, bắn ngã sĩ tốt, lại thêm sắc trời thảm đạm, mây mù lúc đọng lúc tan, gió lạnh trời rét, quân lính xô xát, tiếng súng rung trời, trống chiêng dậy đất, bóng cờ kín nội, giáo mác như mây. Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân thúc đánh, cầm cờ chỉ huy, chỉ tiến không cho lùi, cứ theo trận đồ mà tiến. Quan quân sức bội, khí tăng, tả xung **[29a]** hữu đột, tranh nhau xông pha tên đạn, phá luỹ leo thành, đua nhau lên trước phá cửa luỹ. Bọn Văn Khuê, Bách Niên tự liệu sức không chống nổi, quân tự tan vỡ tháo chạy. Mạc Ngọc Liễn cũng sợ mất mật bỏ trốn. Quan quân thừa thắng đuổi tràn đến tận sông. Phóng lửa đốt cung điện và nhà cửa trong thành, khói lửa kín trời. Tiết chế Trịnh Tùng thúc voi ngựa và quân lính đánh phá cửa Cầu Dền, thế quân như tự trời xuống. Quân Mạc tan vỡ, quân mai phục của Nguyễn Quyện chưa kịp nổi dậy, bị chết hết ở ngoài cửa Cầu Dền. Quyện cùng kế, định liều mạng chạy trốn, nhưng tiến, lui đều không còn đường nào, trong ngoài đều là quan quân mà cửa luỹ lại bị lấp. Con của Quyện là Bảo Trung, Nghĩa Trạch và thủ hạ, tinh binh cố sức đánh, đều chết tại trận. Quyện trí cùng lực kiệt, chạy về bản dinh, bị quan quân bắt sống đem dâng trước cửa quân. **[29b]** Tiết chế Trịnh Tùng cởi trói cho Quyện, đãi theo lễ tân khách, tuyên dụ uý lạo, nói tới ân nghĩa nuôi dưỡng của tiên vương, không nỡ giết hại. Quyện thẹn đỏ mặt, phục xuống và tự than rằng: "Tướng thua trận không thể nói mạnh được. Trời đã bỏ họ Mạc thì người anh hùng cũng khó ra sức". Tiết chế Trịnh Tùng khen câu nói ấy.

Ngày hôm ấy, quân Mạc xác chết gối lên nhau, lấp đầy hào rãnh, máu chảy trôi chày. Chém đến hơn mấy nghìn thủ cấp giặc, tướng Mạc bị chết đến mấy chục viên. Khí giới chất như núi. Cung điện, nhà cửa ở kinh thành tiêu điều sạch không. Mạc Mậu Hợp kinh hoàng sợ hãi, thu nhặt tàn quân giữ sông Cái để cố thủ. Tiết chế Trịnh Tùng đem quân đến bờ sông, gặp khi trời đã về chiều, liền nói rằng: Binh pháp có nói: Giặc cùng chớ đuổi. Bèn thu quân dừng lại đóng doanh trại theo như trận đồ.

Ngày 15, hạ lệnh cho các quân san phẳng luỹ đất đắp thành Đại La dài đến mấy ngàn **[30a]** trượng, phát hết bụi rậm gai góc, cày lấp hào rãnh, phá đến thành đất bằng, không mấy ngày là xong. Đây là mưu của Nguyễn Quyện để làm kế hoãn binh cho họ Mạc.

Bấy giờ quan quân lừng lẫy, dân chúng miền tây nam đều thu về. Hễ đánh dẹp đến đâu, đều hàng phục được cả. Từ sông Nhị về tây, đều lấy được hết. Từ sông Nhị về đông dân cũng theo gió mà hướng về. Mạc Mậu Hợp từ đấy rất sợ hãi, ăn không nuốt trôi, nằm không yên gối, không dám ngó đến phía tây sông Nhị nữa.

Tháng 3, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến huyện Chương Đức, đóng dinh ở sông Do Lễ[2], sai làm cầu phao cho quân qua sông. Lại chia quân đi đánh dẹp các huyện Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên. Tiết chế Trịnh Tùng đốc quân đánh dẹp các huyện Từ Liêm, Đan Phượng, sau đến Phúc Lộc, Tiên

---

[1] Súng lớn Bách Tử: có lẽ là loại máy bắn đạn ria.

[2] Sông Do Lễ: khúc sông Đáy chảy qua xứ Do Lễ, huyện Chương Đức.

Phong, đánh dẹp **[30b]** các huyện Ma Nghĩa, Yên Sơn, Thạch Thất, rồi về. Tháng ấy, Tiết chế Trịnh Tùng bàn đem quân về theo đường Ứng Thiên, Thiên Quan, đến cửa khuyết tâu công toàn thắng. Vua mừng lắm, bàn thăng thưởng huân tước.

Thi Hội các cử nhân trong nước. Cho Trịnh Cảnh Thuỵ và Ngô Trí Hoà đỗ tiến sĩ xuất thân; Ngô Trí Tri[1] đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Hữu Năng 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Hữu Đức 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân[2].

Tháng 6, ngày 12, giờ Tý, có nhiều sao băng.

Tháng 7, ngày mồng 6, lụt thình lình, nước sông chảy tràn, gò đống bị ngập, đạo Thanh Hoa lúa má mất mùa.

Ngày 15, lại bị lụt. Dân miền tây nam cũng bị đói kém.

[31a] Tháng 8, ngày Mậu Tý mồng 1, giờ Nhâm Tuất, có nhiều sao băng sắc đỏ, dài 5 trượng, sáng như luồng điện, chiếu vào nhà người rồi sa xuống đất; có tiếng kêu như sấm lớn.

Mạc Mậu Hợp ngày càng buông tuồng du đãng, tửu sắc bừa bãi. Bấy giờ người vợ của Sơn quận công Bùi Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên có chị ruột là bà hậu của Mậu Hợp, thường ra vào trong cung. Mậu Hợp thấy có sắc đẹp, trong bụng thích lắm, liền ngầm mưu dụ giết Văn Khuê để cướp lấy vợ ông ta.

Văn Khuê biết chuyện, liền đem quân bản bộ tự động bỏ về huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, đóng quân ở đấy không ra nữa. Mậu Hợp cho gọi hai, ba lần không được, bèn sai tướng đem quân đến hỏi tội Khuê (Nguyễn Thị Niên là con gái thứ ba của Nguyễn Quyện).

Tháng 10, Bùi Văn Khuê một mặt lấy quân để chống quân Mạc, một mặt sai con[3] chạy đến hành dinh Thanh Hoa, vào lạy bẩm xin theo mệnh đầu hàng, quỳ khóc nói: Cha thần là Bùi **[31b]** Văn Khuê bị họ Mạc ngầm sai quân đến bức hại, sai thần thay mặt cha thần đến mạo tội xin theo về triều đình, cúi mình hàng phục xin cầu đường sống, ghi xương khắc cốt không quên, trọn đời cảm phục ân đức. Nay đội đức lớn, xét rõ lòng thành thì xin cho một lữ tới cứu thân hèn mọn. Nếu oan trời rủ đến phương xa thì cha thần xin làm kẻ dẫn đường, muốn chết cũng không dám chối, để báo đáp tấc công.

Tiết chế Trịnh Tùng nghe nói cười rằng: Văn Khuê về hàng, đó là trời cho ta được chóng thành công. Đất đai của bản triều có thể định ngày mà thu phục.

Thế rồi, cùng với các tướng, bàn việc dấy binh, dâng biểu tâu lên vua. Sai Hoàng Đình Ái thống lĩnh tướng sĩ các dinh cơ đi trước cứu Văn Khuê. Khi quân đến xứ Bái, Đính[4], huyện Gia Viễn, Văn Khuê thấy có quân đến cứu, liền đem quân tử đệ bản bộ 3 nghìn người ra đón tiếp, lạy rạp ở trước quân. Đình Ái **[32a]** lại sai Văn Khuê đem quân bản bộ giữ bến đò Đàm Giang[5]. Họ Mạc biết Văn Khuê đã đầu hàng, lại có đại quân đến cứu, liền lui về giữ sông Thiên Phái[6].

Ngày 28, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất đại quân ra phủ Trường Yên. Văn Khuê đem quân đến chào, khóc và lạy dưới cờ. Tiết chế Trịnh Tùng khen thưởng và uý lạo, ban tước Mỹ quận công, sai đem binh mã thuyền ghe tản bộ đi tiên phong chống nhau với quân Mạc. Họ Mạc sai viên tướng người tông thất là Nghĩa quốc công tiết chế quân Nam đạo, hẹn ngày tiến đánh. Khi quân đến bến đò sông Đàm Xá thì Tiết chế Trịnh Tùng sai cơ Tả hữu súng phục quân ở ven sông để bắn giết. Lại sai các quân làm cầu

---

[1] Ngô Trí Tri: là con Ngô Trí Hoà, hai cha con đỗ cùng khoa.

[2] Bản dịch cũ không có đoạn này.

[3] Theo Cương mục thì người con này tên là Bùi Văn Nguyên (CMCB24, 30).

[4] Bái và Đính: là tên hai xã thuộc huyện Gia Viễn.

[5] Bến đò Đàm Giang: tên cũ là đò Đàm Gia, ở xã Điểm Xá, huyện Gia Viễn.

[6] Sông Thiên Phái: khúc sông Đáy làm ranh giới hai huyện Ý Yên và Phong Doanh thuộc tỉnh Nam Định cũ, chảy ra cửa Liêu.

phao qua bến đò Đàm Giang, nhưng bị sóng gió phá gãy, hai ngày chưa xong, vì thế mới hạ lệnh cho ba quân tranh thủ qua sông Hoàng Xá[1] đến núi Kiềm Cổ[2] ở Yên Quyết mà đóng dinh.

[32b] Tướng Nam đạo của Mạc là Nghĩa quốc công đóng quân ở sông Thiên Phái, giữ bến đò Đoan Vĩ[3], lệnh thúc binh dân các huyện Đại Yên[4], Ý Yên đắp luỹ đất ở bờ sông chống cự, thả chông tre hai bên bờ sông để phòng giữ quan quân qua sông.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Văn Khuê ngầm kéo theo thuyền ra cửa sông để đánh ở thượng lưu, sai cơ Tả hữu súng đến bắn ở ven sông để đánh ở hạ lưu, sai voi ngựa, quân lính qua sông đánh mạnh vào trung lưu để thu lấy thuyền giặc trên sông.

Nghĩa quốc công của họ Mạc trở tay không kịp, bỏ thuyền chạy trốn, quân lính tan vỡ tháo chạy. Quan quân thu được 70 chiếc thuyền và khí giới nhiều không kể xiết. Nghĩa quốc công thu nhặt tàn quân trở về Kinh ấp, giữ bãi Tự Nhiên. Quan quân làm cầu phao qua sông, đóng dinh ở huyện Ý Yên, sau tiến quân đến huyện Bình Lục, đóng quân ở cầu Lấp[5]. Tướng Mạc là Trần Bách Niên **[33a]** đem quân tới hàng; được ban tước Định quốc công. Bấy giờ các tướng Nam đạo của Mạc đầu hàng đến hơn 10 người. Nhân đó, hạ lệnh trong quân không được mảy may xâm phạm của dân, các xóm ngõ ở dân gian nếu không có việc không được tự tiện vào, ai vi phạm thì trị theo quân pháp. Do đó, cả xứ Sơn Nam, dân chúng đều yên ổn như cũ, mọi người đem giỏ cơm bầu nước ra đón vương sư, trai gái già trẻ không ai không ngưỡng mộ ơn đức.

Tháng 11, ngày mồng 4, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến bãi Tinh Thần[6] huyện Thanh Oai đóng dinh. Hiểu dụ rằng: Nhân dân các xứ tây nam đều là dân của triều ta, từ lâu mắc phải chính lệnh tàn ngược của họ Mạc. Từ nay về sau, ta cho các ngươi đều được đổi mới, sửa bỏ tệ cũ. Bọn các ngươi cứ yên ở làm ăn, không được sợ hãi. Quân đi có kỷ luật, một lòng thương dân.

Dân **[33b]** xiết bao vui mừng, người khoẻ mạnh xin đi theo quân, người già yếu đều ca hát nhảy múa đầy đường.

Ngày 14, quân ra cửa sông Hát tiến theo cả hai đường thuỷ, bộ. Tướng Mạc là Mạc Ngọc Liễn dàn thuyền để chống cự, cắm cọc gỗ ở cửa sông Hát, đắp luỹ đất trên bờ sông làm thế hiểm vững. Quan quân tiến đánh phá được. Ngọc Liễn bỏ thuyền lên bộ chạy đến chân núi Tam Đảo, tướng tốt đều tự bỏ thuyền chạy lên bờ. Quan quân qua sông, lấy được thuyền bè khí giới nhiều không kể xiết. Thừa thắng đuổi dài đến tận cửa Nam thành Thăng Long, đóng quânở bến Sa Thảo[7], lấy được thuyền lớn, thuyền nhỏ hàng nghìn chiếc.

Đêm ấy, Mậu Hợp trốn chạy về huyện Kim Thành, trấn Hải Dương. Tông tộc họ Mạc đều bỏ trốn. Các tướng Mạc lũ lượt kéo đến cửa quân đầu hàng. Tiết chế Trịnh Tùng truyền lệnh cho các dinh đóng quân ở bến Sa **[34a]** Thảo. Ngăn cấm quân sĩ không được cướp bóc, để dân được yên nghiệp. Dân các phủ huyện Thuận An, Tam Đới, Thượng Hồng[8] phía bắc sông Nhị đều xin đầu hàng. Tiết chế Trịnh Tùng

---

[1] Sông Hoàng Xá: thuộc huyện Gia Viễn, giáp huyện Kim Bảng.

[2] Kiềm Cổ: tức là Kẽm Trống, trên sông Yên Quyết, một khúc của sông Đáy ở xã Nam Kinh, huyện Thanh Liêm.

[3] Bến đò Đoan Vĩ: ở xã Đoan Vĩ, huyện Thanh Liêm, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[4] Huyện Đại Yên: sau là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[5] Cầu Lấp: nguyên văn là Tắc Kiều.

[6] Bãi Tinh Thần: sau là xã Tinh Thần, huyện Thanh Oai, ngày nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[7] Bến Sa Thảo: nguyên văn là "Sa Thảo tân", có chỗ lại chép là "Thảo tân", có thể hiểu là Bến Cỏ, có thể là vùng ga Hàng Cỏ, Hà Nội ngày nay.

[8] Thuận An: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Tam Đới: gồm tỉnh Vĩnh Yên cũ và huyện Phù Ninh, sau thuộc tỉnh Phú Thọ. Thượng Hồng: phần tây bắc tỉnh Hải Dương.

hạ lệnh vỗ yên. Đảng cướp ở Thái Nguyên là Liêm quận công (không rõ tên) cũng đem đồ đảng bản bộ 5000 người về hàng.

Ngày 25, Tiết chế Trịnh Tùng tiến quân đến xứ Hải Dương đuổi dẹp bè lũ họ Mạc. Hạ lệnh trong quân rằng: Quân đi đến đâu, không được cướp bóc dân lành, hiếp dâm đàn bà con gái. Quân đều nghe lệnh, dân đều vui mừng, mở cửa đón tiếp. Khi đến huyện Phù Dung[1], đóng quân ở Liễu Kinh, sai Tả thuỷ dinh là Thái quận công Nguyễn Thất Lý đốc suất bọn Tiền thuỷ quân Bùi Văn Khuê và Đường quận công, Trực quận công (đều không rõ tên) cùng với các cơ Nội thuỷ, **[34b]**, 300 chiến thuyền đánh phá huyện Kim Thành. Họ Mạc bỏ thành chạy trốn, quân trước, quân sau không tiếp ứng được nhau, bỏ hết cả thuyền bè. Quan quân thu được vàng bạc, của cải và đàn bà con gái nhiều không kể xiết. Quân Hải Dương chạy trốn tán loạn. Quan quân bắt được thái hậu của họ Mạc đem về. Đến bến Bồ Đề, thái hậu họ Mạc vì lo buồn mà chết.

Mạc [Mậu Hợp] lập con là Toàn làm vương, sai coi việc nước, đổi niên hiệu là Vũ Anh năm thứ 1, rồi tự làm tướng đốc quân chống lại triều đình.

Tháng 12, ngày mồng 1, giờ Mão, trong mặt trời có hai điểm đen hình như con quạ.

Ngày mồng 3, bấy giờ Phủ tiết chế chia quân cả phá bọn Mạc Kính Chỉ ở xã Tân Mỹ, huyện Thanh Hà. Chém được đầu giặc và thu được 50 chiếc thuyền, cùng ngựa và khí **[35a]** giới nhiều không kể xiết. Các phủ Hạ Hồng, Nam Sách, Kinh Môn[2], nhà cửa, cung thất bị thiêu huỷ gần hết.

Bấy giờ dư đảng của Mạc là Phố quận công, Thuỷ quận công, Miện quận công, Lũng quận công, Hào quận công, Thuỵ quận công, Lương quận công, Nghĩa quận công (đều không rõ tên) và bọn Lại bộ thượng thư Phúc quận công Đỗ Uông[3], Lễ bộ thượng thư Hồng Khê hầu Nhữ Tông, Công bộ thượng thư Đồng Hàng[4], Lại bộ tả thị lang Vĩnh Sơn hầu Ngô Vĩ, Hộ bộ tả thị lang Ngô Tháo[5], Đông Các học sĩ Ngô Cung, Tự khanh Nguyễn Cận, Sơn Nam thừa chính sứ Đàm Văn Tiết[6], Hải Dương thừa chính sứ Phạm Như Dao đều đến cửa quân hàng phục. Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh tiến quân đến xã Tranh Giang, huyện Vĩnh Lại[7] đóng dinh vài ngày rồi về Kinh.

Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Trà quận công Phạm Văn Khoái, Liêm quận công, Vũ quận công **[35b]** đem 3000 bộ binh, 2 con voi đánh dẹp sông Phố Lại. Ba tướng chia nhau đánh dẹp các huyện Yên Dũng, Vũ Ninh[8].

Bấy giờ Mạc Mậu Hợp bỏ thuyền đi bộ, đến một ngôi chùa ở huyện Phượng Nhỡn ẩn nấp ở đấy 11 ngày. Quan quân đến huyện Phượng Nhỡn, có người trong thôn dẫn đường đưa quan quân vào chùa bắt được Mạc Mậu Hợp đem đến dinh quân. Vũ quận công sai người lấy voi chở cùng với hai kỹ nữ về Kinh sư dâng tù, bêu sống 3 ngày rồi chém ở bến Bồ Đề, gửi đầu về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa, đóng đinh vào hai mắt bỏ ở chợ.

Trước đây, tông thất họ Mạc là Hùng Lễ công Mạc Kính Chỉ trốn ở Đông Triều. Đến đây, lại thu nhặt tàn quân chiếm cứ huyện Thanh Lâm[1], tiếm ngôi ở xã Nam Gián, huyện Chí Linh, đặt niên hiệu là

---

[1] Phù Dung: sau là huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

[2] Phủ Hạ Hồng: gồm các huyện Tứ Kỳ và Vĩnh Lại; phủ Nam Sách: gồm các huyện Thanh Lâm (sau là Nam Sách), Chí Linh, Tiên Minh (sau là Tiên Lãng); phủ Kinh Môn: gồm các huyện Giáp Sơn và Đông Triều.

[3] Đỗ Uông: người Đoàn Lâm, huyện Gia Lộc, đỗ bảng nhãn khoa Bính Thìn (1556) đời Mạc.

[4] Đồng Hàng: người Triều Dương, huyện Chí Linh, đỗ hoàng giáp, khoa Kỷ Mùi (1559) đời Mạc.

[5] Ngô Tháo: người xã Đàn, huyện Thọ Xương (nay thuộc Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1571) đời Mạc.

[6] Đàm Văn Tiết: người Lãm Sơn, huyện Quế Dương (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580) đời Mạc.

[7] Huyện Vĩnh Lại: gồm huyện Ninh Giang của tỉnh Hải Dương và một phần huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Kiến An cũ. Xã Tranh Giang thuộc huyện Ninh Giang sau này.

[8] Huyện Vũ Ninh: sau đổi là Võ Giang và huyện Yên Dũng, đều thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Bảo Định, lại đổi là **[36a]** Khanh Hựu. Từ đấy, tông thất họ Mạc là bọn Mạc Kính Phu, Mạc Kính Thành, Mạc Kính Thân và trai gái lớn nhỏ vài trăm người đều hưởng ứng. Các văn thần võ sĩ cũ của họ Mạc rủ nhau theo về. Làm tạm hành tại, yết bảng chiêu mộ dân đinh. Chỉ trong chốc lát các huyện đều hưởng ứng, quân có đến 7 vạn người.

Trước đó, Mạc Mậu Hợp sai con trưởng là Toàn quyền coi việc nước, tiếm đặt niên hiệu là Vũ An. Đến khi Mậu Hợp bị bắt, lòng người không phục, lại về theo Mạc Kính Chỉ. Mạc Toàn bỏ trốn, lại bị quan quân bắt được. Khi ấy, Mạc Kính Chỉ chiếm cứ huyện Thanh Lâm, chia đặt nội ngoại tả hữu, cát cứ các huyện để chống lại quan quân.

Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên, Nguyễn Nga đem quân ập tới. Kính Chỉ đem quân đánh úp trên sông. Thấy Lý không kịp đánh, chết **[36a]** tại trận. Nguyễn Nga bị thương ngã xuống thuyền, quân lính cứu gấp thoát được. Bọn Văn Khuê, Bách Niên đều tan vỡ tháo chạy. Quân lương khí giới đều mất về tay giặc. Từ đây, Hải Dương, Kinh Bắc lại quy phụ Kính Chỉ.

Ngày 27, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Thái uý Hoàng Đình Ái, Thái bảo Trịnh Đỗ, Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đốc suất bộ binh và voi ngựa các dinh tiến đánh Mạc Kính Chỉ, đóng quân ở huyện Cẩm Giàng, đặt đồn ở dọc sông để chống cự. Lại sai Thái uý Nguyễn Hữu Liêu tổng đốc thuỷ quân, tiến đến huyện Thanh Lâm, cùng với Đình Ái trong ngoài dựa nhau để cứu viện quan quân ở Cẩm Giàng. Mạc Kính Chỉ đem hết quân chiếm giữ Thanh Lâm, lấy một dải sông dài chia cách nam bắc, dàn quân liền suốt để chống đánh. Ngày thì giăng cờ, đêm thì bắn súng, trong khoảng hàng tháng, quân hai bên cầm cự nhau, không được lúc nào cởi giáp. Kính **[37a]** Chỉ thúc quân đắp thêm hào luỹ ở ven sông Thanh Lâm để giữ.

Ngày 25, Tiết chế Trịnh Tùng hạ lệnh cho các dinh cơ dời cả hành dinh Thảo Tân vào ở phường Phúc Lâm phía nam thành Thăng Long.

Trở lên, kỷ này phụ chép họ Mạc tiếm ngôi, bắt đầu từ năm Đinh Hợi [1527], Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, đặt niên hiệu là Minh Đức năm thứ 1; truyền 5 đời, đến năm Nhâm Thìn [1592], Hồng Ninh năm thứ 3, Mạc Mậu Hợp bị bắt. Lại tiếp từ năm Quý Tỵ [1593], Hùng Lễ công tự xưng Khang hựu năm thứ 1, cho đến lúc mất, trước sau gồm 67 năm. Lời sấm nói: Họ Mạc được năm Hợi, mất nước năm Hợi. Xem Đăng Dung cướp ngôi năm Đinh Hợi, đến Mậu Hợp mất nước năm Quý Hợi[2], quả có ứng nghiệm.

Quý Tỵ, [Quang Hưng] năm thứ 16 [1593], (Năm này họ Mạc mất; Minh Vạn Lịch năm thứ 21). Tháng giêng, ngày mồng 9, Tiết chế Trịnh Tùng đốc suất **[37b]** đại quân qua sông Nhị sang phía đông, ngày đêm đi gấp, thẳng lối Thanh Lâm mà tiến.

Ngày 12, đóng dinh ở Cẩm Giàng, đại hội các tướng bàn chia quân tiến theo cả hai đường thuỷ bộ, vượt sông, đánh gấp. Sai Thận nghĩa dinh phó đô tướng, hữu tướng, Thái uý Vinh quận công Hoàng Đình Ái và Tráng nghĩa dinh phó đô tướng, thái uý Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu thống lĩnh tướng sĩ các dinh cơ thuỷ bộ tiến đến huyện Thanh Lâm.

Bấy giờ, quân của Mạc Kính Chỉ không dưới 6, 7 vạn người, đem hết ra giữ huyện Thanh Lâm, cách bờ nhờ sông làm thế hiểm cố, đóng dinh, đặt trại, dàn trống giăng cờ. Nhưng quân ô hợp, chưa qua huấn luyện. Tiết chế Trịnh Tùng truyền phát súng lệnh, thúc quân qua sông để đánh phía thượng lưu. Hoàng Đình Ái qua sông chỗ hạ lưu để đánh phía sau. Nguyễn Hữu Liêu đem thuỷ quân vây **[38a]** kín bốn mặt, đón chặt lối chạy. Hôm ấy, bốn phương tám mặt đều phát súng lệnh, ba quân đua sức dồn đánh, như cuốn chiếu đuổi dài.

---

[1] Huyện Thanh Lâm: sau là huyện Nam Sách của tỉnh Hải Dương.

[2] Năm Quý Hợi: là năm 1623. Sau khi Mạc Mậu Hợp chết, họ Mạc còn chiếm giữ được mấy tỉnh phía bắc. Đến khi Mạc Kính Khoan trốn chạy vào rừng núi năm 1623, thì thế lực họ Mạc trên thực tế đã bị xoá bỏ.

Kính Chỉ và họ hàng trai gái đều trốn vào rừng núi. Quan quân đuổi đến các huyện Đông Triều, Chí Linh, dò bắt được bọn An Sơn Vương Mạc Kính Thành, Hoàng Lương công Mạc Lý Hữu, Quận công Trần Việt, Bùi Chỉ, Tán lý Nguyễn Nhân Triêm, đều đem chém hết. Còn thì chém thủ cấp giặc, thu được thuyền ghe khí giới nhiều không kể xiết.

Ngày 13, tiến đến Chí Linh. Phủ tiết chế lại chia quân đuổi dò.

Ngày 14, bắt được Kính Chỉ ở thôn Tân Manh, huyện Hoành Bồ, xứ Yên Quảng (có thuyết nói là bắt được ở chùa Lôi Âm, huyện Đông Triều) và bọn Mạc Kính Phu, Mạc Kính Thận, Mạc Kính Giản, Mạc Kính Tuần, Phù Nịnh Vương, Hoàng Lễ công, Hùng Lượng công (đều không rõ tên), cả bọn Vũ An Vương Mạc **[38b]** Toàn, Cao quận công. Tu Vũ hầu, thu được vàng bạc, của báu và hai quả ấn đồng. Lại dò được bọn thượng thư Mai Công, Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Khắc Kính, Lại Mẫn, Nguyễn Khắc Tuy, Nguyễn Triệt, Nguyễn Minh Bích, Nguyễn Lễ, Đô ngự sử Trịnh Quang Tán, Tả thị lang Vương Văn Hội, Hoa Hữu Mô, Vương Bạt Tuy, Nguyễn Hiển Tích, Nguyễn Nhữ Tiếp, Phạm Cung, Hữu thị lang Phạm Tri Chỉ, Đặng Hài, Nguyễn Diễn, Phạn Phạm, Lê Viết Thảng, Thừa chính sứ Đoàn Thế Bạt, Nguyễn Phong Quắc, Đỗ Hiển, Tự khanh Ngô Áng, Đông các Đỗ Trực, Phan Tông, Tham chính Trần Khánh Khuê, Phủ doãn Nguyễn Tránh, Đô cấp sự trung Hoàng Kỳ, Nguyễn Tuấn Ngạn, Nguyễn Hằng, Giám sát ngự sử Lê Thế Lộc, Phạm Điểm Tuần, Vũ Sâm, Phạm Tòng Mệnh, Đỗ Diễn, Lê Kim Bảng, Hoàng Vụ Bản, Nguyễn Nhân Phúc, Cấp sự trung Trịnh Khắc Thận, Vương Thì Trung, Nguyễn **[39a]** Đỉnh, Doãn Đàm, Trần Văn Tảo, Hàn lâm Nguyễn Dụng, Hoàng Đĩnh, Phạm Nhữ Năng, Hiến sát sứ Phạm Tự Khiêm, Phó sứ Nguyễn Nho, Trần Phi Nhõn, Tham nghị Lê Hồng, Nguyễn Dũng, đoán sự Nguyễn Thạc Đức, Nguyễn Tấn, đều giải đến nộp ở cửa quân. Phủ tiết chế bèn thu quân về Kinh.

Ngày 27, các tướng đưa bọn tông phái họ Mạc bắt được nộp ở cửa dinh. Tiết chế Trịnh Tùng sai đem ra chém cả ở Thảo Tân, sai người đem đầu Mạc Kính Chỉ đến hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa dâng dưới cửa khuyết.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng sai tướng hiệu tả hữu là bọn Trà quận công Nguyễn Đình Luân, Liêm quận công Lưu Trản đem tinh binh đánh dẹp các huyện Lục Ngạn, An Bác[1]. Bấy giờ, bọn đầu sỏ đảng giặc là anh em Tú Cục, Tú Tiết đem hơn 1.000 đồ đảng tới hàng, **[39b]** sau lại manh tâm mưu khác. Bọn Đình Luân, Lưu Trản bắt được giết chết cả. Dư đảng chúng sợ hãi tan vỡ trốn vào rừng núi.

Trước đây, Ứng Vương của họ Mạc là Mạc Đôn Nhượng chạy trốn đến huyện An Bác, sợ hãi quá thành bệnh mà chết, người nơi ấy chôn tại cạnh chùa.

Tháng 3, Mạc Ngọc Liễn trốn lên phương bắc, ngầm tìm người tông thất họ Mạc, tìm được người con của Mạc Kính Điển là Đôn Hậu Vương Mạc Kính Cung ở châu Văn Lan, lập làm người nối nghiệp họ Mạc, đặt niên hiệu là Càn Thống năm thứ 1.

Bấy giờ, nhiều người còn giữ hai lòng, chưa quy phục hết, nghe Kính Cung lập lên, liền rủ nhau theo về. Bấy giờ có mấy chục dư đảng của họ Mạc phiến hoặc lòng người, tụ tập thành bọn, cướp bóc các châu huyện, chia nhau chiếm cứ các nơi. Từ sông Nhị trở lên bắc, binh đao hết nơi này đến nơi khác, khói lửa không lúc nào ngớt, quần hùng ẩn náu, **[40a]** giặc cướp lăng loàn. Bọn lớn kết thành ba chục đảng, bọn nhỏ cũng không dưới mấy chục nhóm. Đô Ninh ở Chân Định[2] (trở xuống đều không rõ tên), tự xưng là Kiến quốc công, chiếm giữ phủ Kiến Xương[3]; Ất Kỹ tự xưng là Cương quốc công, chiếm giữ huyện Cẩm Giàng; Thái quốc công chiếm giữ huyện Gia Phúc; Hoa quốc công chiếm giữ phủ Khoái Châu; Nghiêm quốc công chiếm giữ huyện Tứ Kỳ; Khánh quốc công chiếm giữ huyện Sơn Dương[4]; Đức quốc công chiếm giữ huyện Hạ Hoa[5]; Mỹ Thọ hầu chiếm giữ huyện Thanh Ba; Uy Vương Mạc Kính Dụng chiếm

---

[1] An Bác: sau là huyện Sơn Động, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Chân Định: tên huyện, tương đương với huyện Kiến Xương cũ, nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

[3] Phủ Kiến Xương: là vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình ngày nay.

[4] Huyện Sơn Dương: nay thuộc tỉnh Tuyên Quang.

[5] Huyện Hạ Hoa: sau là huyện Hạ Hoà, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

giữ Thái Nguyên, Tráng Vương Mạc Kính Chương chiếm giữ huyện Thiên Thi; Nghĩa quốc công chiếm giữ phủ Tân Hưng[1]; Văn quốc công chiếm giữ huyện Tam Dương; Cẩm quốc công chiếm giữ huyện Thanh Trì; Trung quốc công chiếm giữ huyện Phổ Yên; Phúc quốc công chiếm giữ huyện Hữu Lũng. Bọn lớn thì hơn vài nghìn người, bọn nhỏ thì 7, 8 trăm người. Đến đâu dân cũng hưởng ứng.

Ngày 21, đảng nguỵ ở các nơi đều dấy binh tiến ra sông Nhị, đến bến Bồ Đề, **[40b]** đốt phá cầu phao ở Bát Tràng. Thế là nhân dân các huyện ở hai xứ Hải Dương, Kinh Bắc đều dựng cờ hưởng ứng theo giặc.

Ngày 23, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng chia quân qua sông đánh phá, chém được hơn vài nghìn thủ cấp, bọn đảng nguỵ tan chạy, các châu huyện đều dẹp yên cả.

Ngày 25, viên thổ quan ở Đại Đồng là Hoà Thắng hầu Vũ Đức Cung[2] đem hơn 3.000 quân bản bộ về Kinh thú tội, quy phục triều đình, dâng 10 mâm vàng bạc châu báu, một pho tượng bằng bạc thay mình, 2 bình hoa bạc, 1 lư hương bạc, 1 đôi hạc bằng bạc, 30 con ngựa tốt, đến cửa dinh lạy chào. Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu thăng làm Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc, Thái bảo Hoà quận công, hiệu là An Bắc dinh.

Bấy giờ, **[41a]** Tiết chế Trịnh Tùng sai thợ xây dựng cung điện, làm hành tại ở phía tây nam thành Thăng Long, phía bắc Cầu Dừa, tức là chổ Cẩm Đình trước, 1 tháng làm xong. Rồi sai các đại thần và các quan văn võ sắm bày cờ xí, chỉnh đốn binh tượng, để chuẩn bị đón thánh giá.

Lúc ấy, vua từ hành tại Vạn Lại, tháng 3 thì khởi hành, qua thành Tây Đô, tiến thẳng theo đường Quảng Bình ra Thiên Quan, qua các huyện Mỹ Lương, Chương Đức, đi 1 tháng đến huyện Thanh Oai thì đóng quân. Tiết chế Trịnh Tùng đem các quan văn võ đến huyện Thanh Oai đón rước thánh giá, cử nhã nhạc cùng đi về Kinh.

Tháng 4, ngày 16, vua lên chính điện, nhận lễ chầu mừng của trăm quan. Đại xá thiên hạ.

Ban chiếu rằng: Thượng đế sinh ra muôn vật, tưới móc mưa sau cơn sấm sét tung trời; đức vua vỗ trị tám phương, **[41b]** ban ơn trạch sau buổi tung hoành uy vũ. Lẽ không có khác, lời phải ban ra. Nhà nước ta, Thái Tổ Cao Hoàng Đế ứng mệnh trời, thuận lòng người, thừa thời cơ mở vận, theo nghĩa lớn dẹp hung tàn, được thiên hạ rất chính đáng, quy mô dựng nước đã rộng lớn lại lâu dài. Thái Tông Văn Hoàng Đế nối lời dạy bảo, xướng suất kẻ dưới; Nhân Tông Tương Hoàng Đế rạng công người trước, rõ đức sáng xưa; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế sáng lập pháp chế, mở ra muôn đời văn minh; Hiến Tông Duệ Hoàng Đế kê xét điển chương, chấn chỉnh bốn phương dường mối.

Mọi điển chương pháp độ để giữ cơ nghiệp đã tường tận và đầy đủ cả rồi. Các đời truyền nối, mưu lớn công to, mở mang, phò tá, đều theo lẽ chính, người sau có thể giữ mãi đời đời.

Từ khoảng năm Quang Thiệu, Thống Nguyên, nửa đường gặp phải vận bĩ, bị nghịch thần Mạc Đăng Dung cướp ngôi. Nhưng chính thống của Tiên vương hãy còn, ơn sâu ở lòng người **[41a]** chưa hết. Trang Tông Dụ Hoàng Đế dấy nghĩa quân để dẹp loạn. Trung Tông Vũ Hoàng Đế dựng tổ nghiệp để cứu dân. Kịp đến hoàng khảo ta là Anh Tông Tuấn Hoàng Đế, trời phú cho đức cương nghị, anh minh; chí những muốn dẹp yên tiếm loạn. Còn việc dực phù nhật nguyệt, chỉnh đốn càn khôn thì nhờ ở công đức của Minh Khang Thái Vương, công nghiệp trung hưng thực bắt đầu từ đó. Trẫm nối theo công xưa, tóm giữ quyền lớn, lúc nào cũng nghĩ đến việc tiêu diệt kẻ thù, khôi phục trung nguyên, mới đặc sai Đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư định, kiểm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự tả tướng thái uý Trường quốc công Trịnh Tùng, nắm cả đại binh, đánh giết đảng Mạc. Tháng 12 năm ngoái, bắt được cháu của tên nghịch tặc Đăng Dung là nguỵ Hồng Ninh Mạc Mậu Hợp, đã xử theo quân pháp. Tháng giêng năm nay, bắt được nguỵ Hùng Lễ công tiếm xưng **[42b]** Khang Hựu, lại đã hành hình. Còn dư nghiệt như bọn nguỵ Đường An Vương, nguỵ Hùng Lượng Công, nguỵ Huệ Thành Công, nguỵ An Sơn Vương, nguỵ Phù Ninh Vương, nguỵ Dũng Nghĩa công đều đã giết cả. Tội ác của nghịch tặc đã xử, mỗi

---

[1] Phủ Tân Hưng: gồm phần đất các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày nay.

[2] Vũ Đức Cung: là con của Vũ Công Kỳ, cháu của Vũ Văn Mật.

giận của thần người được nguôi. Việc đó dẫu là do anh linh của tiên tổ trên trời ngầm giúp, cũng là nhờ công lao của đô soái khuông phò dựng lại và công sức của tướng sĩ vâng mệnh siêng cần, cho nên mới làm nên nghiệp lớn, lấy lại được đô thành xưa này. Bờ cõi đất đai của nhà nước rộng lớn như cũ; pháp chế chính lệnh của triều đình đương lúc canh tân. Trẫm nghĩ rằng thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, nhân dân là nhân dân của tông tổ, bị khổ về sự tàn ngược của giặc đã lâu, đương mong ta tìm phương vỗ trị. Nay ta cầm quyền coi dân buổi mới, nên ban ra ơn huệ cho đến khắp mọi người. Định lấy **[43a]** ngày 16 tháng này năm này vào giờ Dần, sẽ ngự ra chính điện ở Kinh thành, đại xá thiên hạ, để ban sức hoá buổi mới lên ngôi, thể theo đạo trời, để thoả lòng dân mong chờ thịnh trị. Quan lại và dân chúng các ngươi, thảy đều nghe cho biết.

Khi ấy, xét công ban thưởng, gia phong Hoàng Đình Ái làm hữu tướng thái uý Vinh quốc công; Nguyễn Hữu Liêu là thái uý Dương quốc công; Trịnh Đỗ làm thái phó; Trịnh Đồng, Trịnh Ninh đều làm thái bảo; Lê Bách làm thiếu uý Bản quận công; Hà Thọ Lộc làm thiếu uý; Ngô Cảnh Hựu, Trịnh Văn Hải đều làm thiếu bảo; Lại bộ thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm thiếu phó Quỳnh quận công. Những người còn lại đều được gia thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 5, Thái phó Đoan quận công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hoá đích thân đem tướng sĩ, voi **[43b]** ngựa, thuyền ghe về Kinh lạy chào, đem sổ sách về binh lương, tiền, lụa, vàng bạc, châu báu, kho tàng của hai trấn Thuận Hoá và Quảng Nam dâng nộp.

Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu cho Hoàng làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chương phủ sử thái uý Đoan quốc công, sai tổng đốc tướng sĩ bản dinh và thống lĩnh 300 chiếc thuyền lớn nhỏ của thuỷ quân các xứ Nam đạo đi đánh giặc biển ở các xứ Sơn Nam và Hải Dương.

Trước đây, nguỵ Kiến quốc công dấy quân chiếm giữ phủ Kiến Xương đắp luỹ đất trên bờ sông phía đông, từ các huyện Dương Hà, Vũ Tiên xuống đến Chân Định. Nghĩa quốc công dấy quân chiếm giữ huyện Thanh Lan[1], đều tụ họp đến vài vạn quân, cắm cọc gỗ ở các xứ cửa sông Hoàng Giang[2] để chống lại quan quân. Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn tướng Nam đạo là Bùi Văn Khuê và Trần **[44a]** Bách Niên đem quân đi đánh, hơn một tháng không phá nổi.

Đến đây sai Nguyễn Hoàng thống lĩnh các dinh thuỷ binh đi đánh. Khi đến nơi, Hoàng sai lấy hoả khí và súng lớn bắn đồng loạt, phá tan luỹ giặc. Bọn giặc sợ chạy. Quan quân thừa thắng đuổi theo, chém đến hàng vạn tên, bắt sống tướng giặc đem chém[3]. Các phủ Tiên Hưng, Kiến Xương bình được cả. Sau bọn nguỵ Tráng Vương Mạc Kính Chương, Thái quốc công, Hoa quốc công, Nghiên quốc công, Cẩm quốc công, Cường quốc công, Đông quốc công đều chiếm giữ vùng Hải Dương. Tiết chế Trịnh Tùng lại sai Nguyễn Hoàng đem quân đi tiễu trừ thu bắt. Hoàng đánh phá dẹp yên được hết, bắt sống rất nhiều tướng nguỵ, chém được quân giặc nhiều không kể xiết. Nguỵ Cương quốc công chạy lên bờ; nguỵ Tráng Vương Mạc Kính Chương và Thái quốc công chạy vào **[44b]** Yên Quảng. Hai xứ Hải Dương, Sơn Nam cũng dẹp yên dần. Chỉ còn nguỵ Càn Thống Mạc Kính Cung và Mạc Ngọc Liễn cùng bọn giặc nguỵ Thứ vương[4], Khánh Vương Mạc Kính Khoan, Yên Dũng Vương, Đường quốc công, Đức quốc công, Đông quốc công, Văn quốc công, Trung quốc công, Phúc quốc công mà thôi.

Tháng 6, Tiết chế Trịnh Tùng sai các tướng đem quân chia giữ các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Khoái Châu, Thuận An, Từ Sơn. Lại ra lệnh cho dân xiêu tán ở các huyện trở về nguyên quán yên nghiệp.

Tháng 7, ngày mồng 2, sao Chổi xuất hiện ở phương đông, vận hành theo hướng đông bắc.

Bấy giờ, con của Mạc Ngọc Liễn là Quận Lập và bọn Sơn Đông hầu, Phù Cao hầu trước đã quy thuận, đến đây Sơn Đông và Phù Cao lại mưu phản trốn đi. Quận Lập bị giết.

---

[1] Huyện Thanh Lan: một phần của huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình ngày nay.

[2] Sông Hoàng Giang: khúc sông Hồng ở phía trên Nam Định, khoảng ngã ba Tuần Vường.

[3] Theo Cương mục, thì Nguyễn Hoàng đánh Mạc Ngọc Liễn ở Vĩnh Lại, đánh Vũ Đức Cung ở Đại Đồng (CMCB25).

[4] Thứ vương có nghĩa là vua thứ hai.

Tháng 10, Thái bảo Hoà quận công Vũ Đức Cung tự xin về trấn giữ đất Đại Đồng để **[45a]** phòng giặc cướp, Tiết chế Trịnh Tùng cho đi.

Tháng 11 nhuận, ngày mồng 4, Nguyễn Quyện chết ở trong ngục. Trước đây, con Quyện là Nhuệ quận công Nguyễn Tín, Thọ Nham hầu Nguyễn Trù và con của Phù Hưng hầu Nguyễn Phủ là bọn Đô Mỹ, Văn Bảng, Nam Dương, An Nghĩa, Nhân Trí (đều không rõ tên) thấy vua Mạc bị bắt, bèn chịu khuất quy thuận. Đến đây mưu phản, việc bị phát giác. Bọn Nguyễn Tín, Đô Mỹ, Văn Bảng, Nhân Trí đều bị giết. Bọn Nam Dương, An Nghĩa, Thọ Nham lại trốn đi theo nguỵ.

Giáp Ngọ, [Quang Hưng] năm thứ 17 [1594], (Minh Vạn Lịch năm thứ 22). Tháng giêng, Mạc Ngọc Liễn đem Mạc Kính Cung đến chiếm cứ huyện An Bắc.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đi đánh.

Tháng 2, Đình Ái đốc quân đánh phá huyện An Bác, bắt sống nguỵ Vạn Ninh Vương, Nghiêm quốc **[45b]** công và dư đảng, đều chém hết. Ngọc Liễn chạy sang phủ Tư Minh xưng thần với nhà Minh. Sau Đình Ái đem quân về đến huyện Yên Dũng bắt được nguỵ Phúc quốc công rồi về.

Năm này, các xứ Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn can qua rối động. Khánh Vương Mạc Kính Khoan chiếm giữ huyện Đại Từ, Thứ vương chiếm giữ Thái Nguyên, An quận công chiếm giữ huyện Phổ Yên, Đông quốc công chiếm giữ huyện Lục Ngạn, Yên Dũng Vương chiếm giữ huyện Vũ Nhai, Việt quốc công chiếm giữ huyện Sơn Dương. Quan quân đến thì giặc giải tán, đi rồi giặc lại tụ họp, các quận huyện đều khổ vì chúng.

Bấy giờ nhà Minh hay sai người sang dò la sự tình, hầu như không ngày nào là không có. Miền dưới Hải Dương và Sơn Nam, giặc cướp nổi lên nhiều, dân địa phương ngày đêm không yên.

Ở Đại Đồng, Hoà quận công Vũ Đức Cung từ sau khi về trấn, ngầm chứa hai lòng, **[46a]** ngầm thông tin đi lại với Mỹ Thọ[1] của giặc, bí mật sai người xâm lược các huyện ở đầu nguồn Trấn Sơn, đánh phá các huyện Thanh Ba, Hạ Hoa. Lại dời dân cư huyện Đông Lan và Tây Lan[2] vào ở Đại Đồng. Tiết chế Trịnh Tùng sai thái uý Nguyễn Hữu Liêu đem quân đến đánh đuổi, bắt được Mỹ Thọ rồi về.

Tháng 3, ngày rằm, nguyệt thực, trời mưa to.

Ngày 22, vua sai Nguyễn Hoàng mang kim sách gia phong Minh Khang Thái Vương làm Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng Lược Thái Vương.

Lời kim sách nói: Đại thần lập nên công to, muôn dân trông đợi; triều đình truy phong điển lớn, phải ghi công đầu. Đã chọn ngày tốt ban ra, lại tạc sách vàng rực rỡ. Nay Suy trung dực vận hiệp mưu đồng đức phụ quốc kiệt tiết đôn hậu minh nghĩa công thần đặc tiến khai phủ kim tử **[46b]** vinh lộc đại phu kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sứ Thái quốc công đặng Minh Khang Nhân Trí Thái Vương Trịnh Kiểm vốn là đường kiều họ lớn[3], hoàn quyển dòng sang[4]. Buổi đầu ứng theo cờ nghĩa, sửa kinh luân giềng mối buổi gian truân; một phen thu lại cõi xưa, định hưng phục quy mô khi phò tá. Đối với Tiên vương, công tốt có nhiều; xét đến con nối, nghiệp lớn càng rõ. Có khác gì Tây Bình[5] cả nhà trung nghĩa, xã tắc được yên; Phần Dương[6] dựng lại quốc gia, thiên hạ công nhất. Phúc trước đến nay

---

[1] Mỹ Thọ: tức Mỹ Thọ hầu, tên tước.

[2] Huyện Đông Lan và Huyện Tây Lan: thuộc phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây bấy giờ.

[3] Đường Kiều: đường là cây cam đường. Thiệu Bá con Chu Văn Vương, khi tuần hành các nước phương Nam thường ngồi nghỉ dưới gốc cây cam đường, đời sau gọi quan to, tước cao là "đường phong". Kiều là cây to, bóng cả, cũng ví người làm quan to.

[4] Hoàn quyển: hoàn là ngọc hoàn khuê của tước công cầm khi vào chầu vua; quyển là loại áo cổn. Hoàng quyển ví quan cao tước trọng.

[5] Tây Bình: tức Tây Bình Vương, tước của Lý Thạnh đời Đường. Lý Thạnh giúp Đường Đức Tong dẹp loạn Chu Thứ. Con Thạch là Lý Tổ dẹp đất Hoài Tây, bắt Ngô Nguyên Tế.

[6] Phần Dương: tức Phần Dương quận vương, tước hiệu của Quách Tử Nghi. Tử Nghi dẹp loạn An Lộc Sơn và Sử Tư Minh, xây dựng lại quốc gia cho Đường Huyền Tông.

rực rỡ, hiệu mới nên được tôn sùng. Đặc sai Suy trung dực vận đồng đức công thần đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Trung đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự thái uý Đoan quận công thượng trụ quốc Nguyễn Hoàng mang kim sách tiến phong làm Suy trung dực vận hiệp mưu đồng đức phụ quốc kiệt tiết đôn hậu minh nghĩa **[47a]** công thần thượng tướng Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng Lược Thái Vương. Mong lâu bền mãi mãi, để cho con cháu được vinh hiển lâu dài. Hãy kính theo đó.

Sai bọn Nguyễn Mậu Tuyên đem sắc chỉ truy tặng gia phong Thái tể thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim là Chiêu Huân Phụ Tiết Tĩnh Công.

Tháng 4, ngày Kỷ Mậu mồng 1, nhật thực, trời mưa.

Đại hạn.

Ngày 28, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh phá huyện Hữu Lũng[1], chém được nguỵ Phúc quận công, lấy đầu truyền về Kinh sư.

Viên hàng tướng đất Thái Nguyên là Địch nghĩa dinh Liêm quận công (không rõ tên), bắt được nguỵ Hoành Mỹ công **[47b]** (không rõ tên). Vĩnh quận công đem dư đảng chạy đến huyện Võ Nhai.

Ngày 11, Mạc Kính Cung lấy Mạc Ngọc Liễn làm thái phó đem quân chiếm giữ núi Yên Tử[2], đánh cướp huyện Vĩnh Lại, đi đến đâu nhiều người theo về. Tiết chế Trịnh Tùng sai Nguyễn Hoàng đem thuỷ quân tiến thẳng đến Hải Dương đánh tan. Ngọc Liễn chạy về huyện An Bác, sau chiếm giữ châu Vạn Ninh[3].

Tháng ấy, sao Kim đi trái độ.

Hạn, cầu đảo được mưa.

Mạc Kính Cung và đảng nguỵ trốn sang ở Long Châu[4] của nhà Minh, đến đây hay **[48a]** đem người Long Châu về cướp các châu ở Lạng Sơn. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân họp với quân ba ty Lạng Sơn đánh đuổi. Đảng nguỵ chạy về Long Châu.

Tháng 6, người xã Vũ Lăng, huyện Tiên Minh[5] là Vũ Đăng dấy binh chiếm giữ huyện Siêu Loại, tụ tập bè đảng, tự xưng là La Bình năm thứ 1. Tiết chế Trịnh Tùng bắt được đem chém.

Nguỵ Tín Vương (không rõ tên) dấy binh chiếm giữ huyện Vũ Nhai, sai Ninh quốc công nguỵ (không rõ tên) đem quân chống đánh ở Thái Nguyên.

Việt quốc công nguỵ tự mặc áo hoàng bào dấy binh chiếm giữ huyện Tam Dương[6] cướp bóc dân địa phương. Tiết chế Trịnh Tùng sai phó tướng Bạt quận công Phạm Doãn Sinh đem quân bản bộ trấn giữ huyện Tam Nông để giữ yên dân Hưng Hoá.

[48b] Tháng 7, ngày mồng 2, Phò mã[7] đô uý thái phó Đà quốc công Mạc Ngọc Liễn đem quân chiếm giữ châu Vạn Ninh, bị ốm chết. Con là bọn phò mã Sơn Đông chạy sang Long Châu phụ theo Mạc Kính Cung.

Khi Ngọc Liễn sắp lâm chung, có di chúc để lại khuyên Mạc Kính Cung rằng: "Nay khí vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là số trời. Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại

---

[1] Huyện Hữu Lũng: nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

[2] Núi Yên Tử: ở huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Châu Vạn Ninh: sau là phủ Hải Ninh, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[4] Long Châu: thuộc tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

[5] Huyện Tiên Minh: sau là huyện Tiên Lãng, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

[6] Huyện Tam Dương: nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

[7] Nguyên văn mất hai chữ "phò mã".

nỡ thế! Bọn ta nên tránh ra ở nước khác, chứa nuôi uy sức, chịu khuất đợi thời, xem khi nào mệnh trời trở lại mới có thể làm được. Rất không nên lấy sức chọi sức, hai con hổ tranh nhau tất có một con bị thương, không được việc gì. Nếu thấy quân họ đến thì ta nên tránh, chớ có đánh nhau, nên cẩn thận mà giữ là hơn. Lại chớ nên mời người Minh vào **[49a]** trong nước ta mà để dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng". Đến đây thì chết.

Tráng Vương Mạc Kính Chương của họ Mạc cùng với Thái quốc công nguỵ đem quân đến cướp bóc các huyện Thanh Hà, Tứ Kỳ. Lại quốc công người huyện Vĩnh Lại mưu phản cũng đem quân bản huyện đi theo. Bấy giờ nhân dân các huyện ở Hải Dương mất mùa to, đói kém đến ăn thịt lẫn nhau, chết đói đến một phần ba.

Tháng 8, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh phá Lạng Sơn. Nghiêm quốc công nguỵ ra hàng, vẫn bị giết.

Tháng 9, nguỵ Uy Vương Mạc Kính Dụng sai bè lũ là bọn Xuân Sơn hầu và Văn quốc công đem quân đánh úp Thái Nguyên. Tướng quy thuận là Liêm quốc công bị chết trận. Tiết chế **[49b]** Trịnh Tùng sai Thái uý Nguyễn Hoàng đem quân đánh phá ở Vũ Nhai, dẹp yên rồi đem quân về.

Tháng 10, Tiết chế Trịnh Tùng sai Thái uý Nguyễn Hoàng thống lĩnh thuỷ quân, Thái uý Nguyễn Hữu Liêu đốc suất bộ binh, hai đường tiến thẳng đến Đại Đồng, đánh phá dinh của Hoà quận công Vũ Đức Cung, chia quân đằng trước, đằng sau đánh ập lại. Đức Cung đem bọn con em chạy về Nghĩa Đô. Hai tướng đem quân về.

Thái uý Nguyễn Hữu Liêu tung kỳ binh đánh trại của bọn Xuân Sơn hầu và Văn quốc công, phá được, bắt được 3 con voi, đốt doanh trại, nhà cửa rồi về.

Tháng 12, tên nguỵ Vũ Đức Cung ở Đại Đồng sai người dâng nộp vàng bạc, của báu và ngựa, **[50a]** về Kinh vào chầu, thú tội xin tha. Vua y cho.

Lập phủ Thái Vương ở phường Phúc Lâm, sai dời hành tại đến bên tả cửa Nam của thành.

Bấy giờ, các huyện ở Thái Nguyên vẫn bị bọn Uy Vương nguỵ Mạc Kính Dụng chiếm giữ, Lạng Sơn vẫn bị bọn Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan chiếm giữ, những nơi chúng chiếm bị cướp bóc, nhân dân địa phương quá nửa không được về làm ruộng, đồng ruộng bị bỏ hoang.

Ất Mùi, [Quang Hưng] năm thứ 18 [1595], (Minh Vạn Lịch năm thứ 23). Tháng giêng, bấy giờ vua bị bệnh phong không coi chầu được. Xuống chiếu miễn chầu cùng các lễ yết, lễ giao tự.

Tháng 2, Tiết chế Trịnh Tùng sai tướng hiệu các dinh đóng 50 chiến thuyền.

Tháng 3, thi Hội các cử nhân trong nước ở bến Thảo Tân. Cho Nguyễn Thực và Nguyễn Viết Tráng đỗ tiến **[50b]** sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Đức Mậu 4 người đỗ tiến sĩ đồng xuất thân.

Tiết chế Trịnh Tùng cho đóng xe hai bánh, trang sức bằng ngọc ngà, trên xe làm mui sơn, hai bên xe khắc lan can bằng ngà, bốn vách sơn then, thếp vàng. Lại làm thang nhỏ để lên xe. Trước xe đặt một đòn ngang, sai bốn lực sĩ đẩy. Kiểu xe này do Thái uý Nguyễn Hoàng sáng chế.

Sao Kim, sao Mộc mọc chung vào vùng sao Thất.

Sai thu tiền đại tập[1] của các xứ trong nước để dùng vào việc nước.

Xuân Sơn [hầu] nguỵ tự xưng là Nghĩa quốc công, sai người bắt trộm một con voi công đem về châu Cảm Hoá[2].

Tháng 4, Tiết chế Trịnh Tùng sai chỉ huy sứ, Trung Tín hầu (không rõ tên) cùng với tổng binh Thái Nguyên là Đức Trạch hầu Lại Thế Quý đem quân đến châu Cảm Hoá, gặp **[51a]** Uy Vương nguỵ

---

[1] Tiền đại tập: tiền chi dùng cho kỳ hội quân lớn.

[2] Châu Cảm Hoá: tương đương với các huyện Ngân Sơn và Na Rì tỉnh Bắc Cạn ngày nay.

Mạc Kính Dụng và bọn Xuân Sơn [hầu], Sơn Đông [hầu]. Thế Quý tung quân ra đánh, chém được 600 thủ cấp, lại lấy được 1 con voi đực, 10 con ngựa và quân nhu khí giới rồi về.

Bấy giờ, người ở đầu nguồn xứ Thanh Hoa là thái phó nguỵ Cương quốc công (không rõ tên) nổi quân chiếm giữ miền trên huyện Quỳnh Lưu, xứ Nghệ An, cướp bóc cư dân. Quân trấn thủ Thanh Hoa là bọn Hà Thọ Lộc, Trịnh Văn Hải gọi quân đi đánh phá được, bắt được đồ đảng của giặc, đều giết hết.

Tháng 5, hạ lệnh cho các dinh cơ kê khai các công thần dốc lòng ra sức, trước sau bảo toàn được chiến công, định thành ba bậc, tâu công để xét ban thưởng. Lệnh ra hai ba lần, rồi lại ỉm đi không thi hành.

Bấy giờ nhân dân mất mùa, đói to, lại thêm ôn dịch, người chết xác gối lên nhau.

[51b] Tháng 6, ngày 12, Xuân Sơn [hầu] nguỵ cùng với những người huyện Phổ Yên là bọn nguỵ Tấn quận công (từ đây trở xuống đều không rõ tên). Thắng quận công, Quế quận công tập hợp được 500 quân cướp bóc huyện Tam Dương. Khi ấy, huyện quan đem nhiều binh dân, chặn đón đường hiểm yếu, chém được 46 thủ cấp của bọn nguỵ Tấn, Thắng, Quế, Xuân Sơn [hầu] chỉ thoát được thân mình.

Hạn.

Ngày 22, giờ Thân, hai mặt trời cùng mọc.

Ngày 24, tổng binh Thái Nguyên là Nghiêm quận công Trịnh Duy Tinh chém được Nghĩa quốc công nguỵ Đỗ Điền và bè lũ ở Thái Nguyên. Bây giờ Lại quận công nguỵ tự xưng là Ly quốc công, cha con cùng đem đảng giặc từ Yên Quảng thâm nhập Hải Dương, cướp bóc các huyện ở ven sông, đến huyện Đông Triều đánh úp dinh trấn thủ, Lăng quận công (không rõ tên) bị hại.

[52a] Tháng 7, Xuân Sơn [hầu] nguỵ tự xưng là Bảo quốc công, đem đảng giặc đánh cướp huyện Phổ Yên. Tiết chế Trịnh Tùng sai quân đi đánh phá, bắt được 4 con ngựa, 1 quả ấn đồng, bọn giặc chạy tan. Lại sai Lại Thế Quý đem quân đánh phá các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng, bắt được tướng giặc là bọn Kỳ Sơn Vương, Phúc Vương (đều không rõ tên) đều giết cả.

Ngày Giáp Ngọ 13, trời không mây mà có sấm, bỗng sét đánh vào cột cung điện. Đêm ấy, mặt trăng lại đi vào vùng sao Tâm, sau thành quầng ở sao Tuế.

Ngày Giáp Thìn 13, đại hội các quan văn võ tuyên thệ ở phố bên tả cửa Nam thành Thăng Long.

Ngày 25, Xuân Sơn [hầu] nguỵ về hàng, đến Kinh sư xin chịu tội, giao về cho tướng bản thuộc, sau bắt giết.

Sao Hoả phạm vào vùng sao Mão, đến hết năm không về khu vực mình.

[52b] Sai Nghị quận công Nguyễn Duy Nhất giữ huyện Kim Động[1].

Tháng 8, hạ lệnh đại điểm duyệt quân lính ở Thảo Tân, số quân được hơn 12 vạn.

Đại hạn, từ tháng 8 đến hết năm không mưa, đến tháng 2 năm sau mới mưa, lúa má chết khô, mùa màng mất hết, nhân dân đói to.

Tháng 9, hạ lệnh đặt quân khám xét hình ngục, để xử đoán các án đáng ngờ trong nước. Lấy hai viên quan văn là Ngô Tháo và Nguyễn Hoành Từ, võ quan là Lê Chẩn là chức ấy, ban cho ấn công sai. Sau lại đặt thêm 3 viên nữa, nhưng đều không giữ được đúng luật pháp, nên lại bãi bỏ chức ấy.

Tháng 10, sai sửa chữa điện Tây Kinh.

Bấy giờ, bề tôi cũ của họ Mạc là Hàn lâm học sĩ Nguyễn Thì Dự người huyện Đông Ngàn, tự xưng là thái bảo Lễ quận công, tiếm đặt hiệu cho con là Thuận Trị **[53a]** Vương, dấy quân chiếm giữ huyện

---

[1] Kim Động: tên huyện, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Lục Ngạn, đón chặn đường hiểm yếu ở Lạng Sơn giết viên tổng binh bản xứ là Lang quận công (không rõ tên), cướp đoạt 1 con voi và tài vật.

Tháng 11, Tiết chế Trịnh Tùng sai Kế quận công Phan Ngạn đem các cơ thuỷ quân, 300 chiến thuyền và 1 con voi đến trấn giữ huyện Thanh Lâm trấn Hải Dương, Trịnh Văn Chương giữ huyện Vĩnh Lại, Nguyễn Đình Luân giữ huyện Cẩm Giàng, Hải quận công (không rõ tên) giữ huyện Đường An, Vương Trân giữ huyện Siêu Loại.

Tháng 12, trộm cướp nổi lên khắp nơi, đốt nhà giết người, cướp bóc của cải gia súc.

Bính Thân, [Quang Hưng] năm thứ 19 [1596], (Minh Vạn Lịch năm thứ 24). Tháng giêng, ngày mồng 2, Tráng Vương nguỵ Mạc Kính Chương dời ra đóng ở Yên Quảng, chiếm giữ xã Hương Lan châu Vạn Ninh, sai tướng là Lỵ quốc công người Vĩnh Lại, Thái quốc công người Gia Phúc (đều không rõ tên), các con em dòng họ Mạc là bọn Mạc Vĩ, Mạc Lý đem 80 chiếc thuyền chiến lớn nhỏ **[53b]** đánh vào các huyện Tứ Kỳ, Vĩnh Lại.

Ngày mồng 3, đến sông ở các huyện Thanh Lâm, Thanh Hà, đánh nhau với quân của Phan Ngạn từ giờ tý đến giờ ngọ, kịch chiến trên sông.

Bấy giờ Phan Ngạn ngựa chưa kịp đóng yên, quân chưa kịp mặc giáp mà thuyền giặc đã đến cửa dinh, quân lính đều luống cuống, cùng ra với Phan Ngạn để chống cự chỉ có 45 người thôi. Viên tướng người Giao Thuỷ là Lễ quận công thấy thế giặc mạnh, tự liệu quân ít, sức không chống nổi, tự đem quân của thuyền mình lui trước.

Phan Ngạn cho là nhát sợ, chém chết rao cho mọi người biết. Thế là ai nấy đều liều chết cố đánh. Lại được một đội thuyền nhẹ ở Tây Chân[1] xông đến. Tướng giặc ngờ có quân cứu viện đến, liền tự tan vỡ, bỏ thuyền nhảy xuống sông trốn chạy. Phan Ngạn bèn vẫy các thuyền lớn nhỏ của quân mình, nhất tề xông lên kịch chiến ở giữa dòng, chém tướng giặc là bọn Lỵ **[54a]** quốc công, Thái quốc công, An quận công, Thuỵ quận công (đều không rõ tên) và hơn 20 viên tỳ tướng, chém được 2298 thủ cấp giặc, thu được thuyền bè khí giới nhiều không kể xiết, bắt sống được mấy viên tướng giặc là bọn Hào quận công (không rõ tên). Đảng giặc đều tan về quê quán.

Ngay hôm ấy, giải tướng giặc là Hào quận công đến cửa quân. Phan Ngạn tự mình cởi trói và dỗ rằng: Ngươi muốn sống hay muốn chết. Nếu muốn sống thì ta dùng ngươi làm hướng đạo, bắt được Tráng Vương thì ta tha tội chết cho ngươi. Hào quận công bèn xin đưa đường, dẫn quân đi gấp theo đường biển ra Quảng Yên bắt Tráng Vương để lo báo đáp. Phan Ngạn nghe xong, sai chọn thuyền nhẹ và mấy trăm quân tinh nhuệ, cùng 5 chiếc thuyền chiến, tự mặc áo giáp khắp mình, giấu Hào quận công ở trong thuyền.

[54b] Ngày mồng 4, Ngạn bàn với các tướng rằng: Việc binh quý ở thần tốc. Ta lấy quân chiến thắng, thừa thế chẻ tre, nếu một trận đánh hai lần thắng, thì đó là trời giúp cho ta thành công lớn, có thể so cùng các danh tướng đời xưa. Tôi mong các tướng sĩ nghe lệnh hãy đồng tâm hiệp lực để lập công danh, tiễu trừ giặc nguỵ thì công của bọn ta không gì to bằng.

Các tướng đều nói: Xin tuân lệnh.

Hôm ấy, Ngạn chọn các tráng sĩ, giả làm sắc áo và cờ của quân Kính Chương. Ngạn tự làm tiền đội, các thuỷ quân lục tục tiến theo. Đêm hôm ấy, Ngạn tự đi thuyền nhẹ, xông trước vào hai lần cửa. Người giữ cửa hỏi, trả lời rằng: Ta là binh thuyền của Hào quận công, nhân thắng trận, bắt được tướng giặc là bọn Kế quận công giải về trước dâng nộp vương ta. Do đấy, vào được các lớp cửa mà thẳng tiến, 3 ngày đêm thì đến **[55a]** xã Hương Lan, châu Vạn Ninh. Khi sắp đến gần thuyền Kính Chương, Kính Chương ngỡ là Hào quận công thắng trận trở về liền ra đón. Ngạn thét: Ta là Kế quận công đây, bọn ngươi nên mau mau chịu trói để khỏi bị gươm đao.

Kính Chương nghe nói, trở tay không kịp, liền bỏ thuyền chạy lên bờ, chạy đến giữa bãi cát thì bị quan quân bắt được, cùng với vợ cả vợ lẽ 20 người, chém 40 tên đồ đảng. Bấy giờ quân lính phần nhiều

---

[1] Tây Chân: tên huyện, sau là huyện Nam Chân, nay là huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam.

tranh nhau lấy của cải của giặc, để dư đảng giặc tản mác chạy trốn được vào rừng núi. Quân Ngạn đã thu được toàn thắng, một lần đánh thắng hai trận liền, quân lính vui mừng, khải hoàn về Kinh giải nộp.

Mạc Kính Chương ở dưới cửa khuyết. Hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng ban thưởng chiến công, ban cho Phan Ngạn 1 bài vàng, 10 cân vàng ròng. Lại thưởng cho các tướng sĩ đã chấp hành mệnh lệnh 300 cân bạc, **[55b]** đặt yến tiệc lớn để khao thưởng.

Bấy giờ bề tôi họ Mạc lắm quỷ kế, tố cáo với nhà Minh rằng: Quân nhà Lê chính là họ Trịnh tranh cường, dấy binh đánh giết bề tôi thần phục của thượng quốc cùng con cháu họ Mạc, thực không phải là quân trung hưng của con cháu nhà Lê. Vì thế, nhà Minh nhiều lần sai sứ qua cửa Trấn Nam Giao[1], mang điệp văn sang nước ta hẹn đến cửa quan hội khám xem có thực là con cháu nhà Lê hay không.

Ngày 29, sai bọn Hộ bộ thượng thư kiếm Đông các học sĩ Thông quận công Đỗ Uông và Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Văn Giai làm quan hầu mệnh đến cửa Trấn Nam Giao trước, trao đổi điệp văn thư từ với viên Tả giang binh tuần đạo Trần Đôn Lâm, lời lẽ phần nhiều khiêm tốn. Sau lại sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái **[56a]** đem quân tiếp đến Lạng Sơn làm hậu ứng. Sai tộc mục[2] là hoàng huynh Lê Ngạnh, Lê Lựu và bọn Công bộ thị lang Phùng Khắc Khoan cùng mang con ấn của An Nam đô thống sứ ty và hai tờ kiểu ấn mực của quốc vương An Nam trước, 100 cân vàng, 1000 lạng bạc cùng mấy chục kỳ lão lên cửa Trấn Nam Giao để chờ hội khám.

Tháng 2, ngày mồng 1, Tả giang ninh tuần đạo, đề hình án sát sứ ty phó sứ Trần Đôn Lâm gửi điệp văn đòi vua phải đích thân đến cửa Trấn Nam Giao để hẹn hội khám.

Ngày mồng 5, vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng Đình Ái, Thái uý Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đỗ và các tướng sĩ, binh tướng gồm hơn 1 vạn đến cửa Trấn Nam Giao hẹn ngày hội khám. Bấy giờ nhà Minh dây dưa thoái thác, đòi lấy người vàng, ấn vàng **[56b]** theo lệ cũ, không chịu đến khám, thành ra quá kỳ hạn.

Tháng 3, vua trở về Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, hạ lệnh cho phủ, huyện, tổng, xã các xứ trong nước, nơi nào phải trải binh lửa, nhân dân xiêu tán, thì cho về làm ăn, tha phu dịch 3 năm. Nhưng quan địa phương phần nhiều nhũng nhiễu, hà khắc bạo ngược, dân nhiều người vẫn phải xiêu tán, chưa được an cư lạc nghiệp.

Hạ lệnh duyệt tuyển binh lính nguyên ngạch mới và cũ. Người nào có công đã được trao chức tước thì miễn, người nào tuổi già sức yếu thì sa thải, người nào sức vóc mạnh khoẻ thì bổ sung cho đủ ngạch binh.

Ngày rằm, nguyệt thực.

Bấy giờ đại hạn, thóc lúa vụ chiêm đều không thu được, đầm phá khô cạn, cây cỏ úa vàng, hoa không kết trái. Trộm cướp quần tụ trong dân gian, bọn lớn đến 7, 8 trăm đứa, bọn nhỏ cũng không dưới vài trăm, ngày đêm đốt phá **[57a]** nhà cửa, cướp đoạt của cải gia súc, thuỷ bộ không thông, đường sá bế tắc, dân đói nhiều, chết đến quá nửa.

Tháng 5, Thái bảo Hoà quận công Vũ Đức Cung tự dời dinh Đại Đồng về ở Nghĩa Đô.

Tháng này, sai viên hàn lâm quy thuận là Phạm Hồng Nho cùng với thừa chính sứ Thanh Hoa là Lễ Cung nam Hồ Bỉnh Quốc đi khám đạc đất bãi dâu xứ ấy để định ngạch thuế.

Mùa thu, tháng 7, bấy giờ trời không mưa gió mà nước sông Lô tự dâng tràn đến hơn một tuần.

Sao Chổi xuất hiện, vận hành theo hướng tây bắc.

Sai sửa làm các điện thái miếu ở trong thành Thăng Long.

---

[1] Cửa Trấn Nam Giao: Nguyên văn "Trấn Nam Giao quan" tức Trấn Nam quan, nay là Hữu Nghị quan.

[2] Tộc mục: người đầu mục của họ. Ở đây là họ vua.

Ngày Nhâm Ngọ 17, rước **[57b]** thần vị của Thái Tổ Cao Hoàng Đế và liệt thánh hoàng đế vào điện Thái Miếu thành Thăng Long để cúng tế quanh năm.

Tháng 8, ngày Giáp Thìn mồng 9, giờ Nhâm Thân, nước ở sông hồ, đầm ao, giếng thơi bỗng dưng sôi động, một giờ mới yên.

Tháng này, hạn, mật đảo có mưa.

Tháng 8 nhuận, ngày mồng 1, nhật thực.

Bấy giờ sai thợ đúc 2 tượng người vàng và bạc, đều cao 1 thước 2 tấc, nặng 10 ân, lại đúc 2 đôi bình hoa bạc, 5 chiếc bình hương nhỏ bằng bạc, lại sắm sẵn lụa thổ quyến và các vật cống để phòng sang sứ phương bắc.

Mùa đông, tháng 11, ngày 25, Phạm Hàng, người xã Thi Vụ, huyện Đại Yên, tự xưng là **[58a]** Thiên Nam chiêu thảo đô nguyên suý, ngày 27 vào chiếm giữ núi Đam Khê, huyện Yên Mô, đánh phá các xã gần đấy, đến đâu mọi người đều theo phục, hơn 1 tháng đã được hơn 1 vạn quân. Từ đó các phủ Trường Yên, Lỵ Nhân, giặc cướp đều nổi dậy, trở ngại nhiều cho người qua lại mà dân binh các xã Đồi Thượng phần nhiều theo đảng giặc. Cha con Lễ Giang hầu cũng dốc lòng theo phục. Tiết chế Trịnh Tùng sai Mỹ quận công Bùi Văn Khuê đem quân cùng với viên thổ quan Yên Mô là Lương quận công Nguyễn Thể đi đánh bắt được Phạm Hàng giải về Kinh chém.

Tháng 12, ngày mồng 4, viên tướng trấn thủ Thanh Hoa là Thiếu bảo Diễn quận công Trịnh Văn Hảo chết. Tặng Thái bảo.

Tháng này, sai bọn Hộ bộ thượng thư kiêm Đông các học sĩ Thông quận công Đỗ Uông **[58b]** làm quan hầu mệnh, cùng với Quảng quận công Trịnh Vĩnh Lộc mang hai người vàng người bạc và các vật cống tới thành Lạng Sơn để đợi nhà Minh hội khám. Bấy giờ viên thổ quan Long Châu của nhà Minh nhận nhiều của đút lót của bọn họ Mạc, vì thế vào bè với chúng mà thoái thác, nên việc không xong, lại vừa gặp tết Nguyên đán, bọn Đỗ Uông, Vĩnh Lộc lại trở về Kinh.

Đinh Dậu, [Quang Hưng] năm thứ 20 [1597], (Minh Vạn Lịch năm thứ 2). Tháng 2, ngày mồng 10, sai viên phủ doãn Phụng Thiên sửa lễ trâu rượu tế miếu Minh Khang Thái Vương.

Ngày 19, sai bọn quan hầu mệnh Đỗ Uông và Nguyễn Văn Giai lại lên cửa Trấn Nam Giao thăm dò tin tức nhà Minh. Sai tướng Bắc đạo Thuần quận công Trần Đức Huệ cùng với bọn Hội quận công, Hoành quận công (đều không rõ tên) đem quân hộ tống. Khi đến thành Lạng Sơn **[59a]** đóng dinh thì bọn nguỵ Phúc Vương và Cao quốc công (đều không rõ tên) đem quân đến đánh cướp, giết Hội quận công tại trận. Bọn Thuần quận công và Hoành quận công đem quân chạy thoát. Khi trở về Kinh đều bị tước binh quyền. Bọn Đỗ Uông, Nguyễn Văn Giai vào chiếm giữ vách núi được thoát.

Tháng 3, Nguyễn Đương Minh người huyện Yên Phong tự xưng là Phúc Đức năm thứ 2[1] đem người trong huyện dấy quân đánh cướp các huyện bên. Hôm ấy, Hữu tướng Hoàng Đình Ái sai thuộc tướng đánh bắt được, đem chém, bắt được 4 tên đồ đảng giải đến cửa dinh, cũng chém cả.

Bấy giờ, ở vùng Sơn Tây, trời mưa ra máu.

Tháng này, nhà Minh lại sai viên quan uỷ nhiệm là Vương Kiến Lập tới nước ta đòi lễ cống và giục hội khám. Điệp văn tới Kinh sư, triều đình nghị bàn việc khởi hành.

Ngày 28, vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng **[59b]** Đình Ái, Thái uý Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đỗ cùng 7, 8 viên tả hữu đô đốc và 5 vạn binh tướng, đem theo cả viên quan uỷ nhiệm của nhà Minh Vương Kiến Lập cùng đi, lên cửa Trấn Nam Giao ở Lạng Sơn.

Tháng 4, ngày mồng 10, vua chỉnh đốn binh tượng, qua cửa Trấn Nam Giao, cùng với quan nhà Minh là bọn Tả giang tuần đạo sát phó sứ Trần Đôn Lâm và quan các phủ Tư Minh, Thái Bình, các châu

[1] Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ ghi là "Phúc Đức năm thứ 1".

Long Châu, Bằng Tường tỉnh Quảng Tây cử hành hội khám. Trong lễ giao tiếp, hai bên đều vui vẻ mừng nhau. Từ đấy, hai nước Nam Bắc lại trao đổi với nhau.

Sai Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan làm chánh sứ, Thái thường tự khanh Nguyễn Nhâm Thiêm làm phó sứ sang tuế cống nhà Minh và cầu phong.

Khắc Khoan đến Yên Kinh, vừa gặp tiết Vạn Thọ của vua Minh, dâng 30 bài thơ lạy mừng. Anh vũ điện đại học sĩ **[60a]** thiếu bảo kiêm thái tử thái bảo Lại bộ thượng thư nhà Minh là Trương Vị đem tập thơ Vạn Thọ ấy dâng lên. Vua Minh cầm bút phê rằng: Người hiền tài ở đâu mà không có. Trẫm xem thơ, thấy hết lòng trung thành của Phùng Khắc Khoan, rất đáng khen ngợi. Liền sai đưa xuống khắc in để ban hành trong nước. Khi ấy, sứ Triều Tiên là Hình tào tham phán Lý Toái Quang viết tựa cho tập thơ.

Bấy giờ, cha con Dũng quận công Nguyễn Khắc Khoan là thổ quan ở huyện Minh Nghĩa liên kết với đảng nguỵ, tụ tập bọn gian ác, định làm loạn ở Kinh ấp. Ban đêm, chúng thường nổi lửa đốt phá phố phường. Việc phát giác, quan quân bắt được 3 cha con Khắc Khoan và 24 tên đồ đảng ở ngoài cửa Nam thành Thăng Long, tìm được ấn gỗ, cờ chiêng, khí giới và **[60b]** sắc mệnh đem về nộp. Tiết chế Trịnh Tùng sai đem đốt hết, chém chết cha con Khắc Khoan và đồ đảng, lấy đầu đem bêu.

Ngày 20, vua về Kinh sư. Xa giá đến Yên Thường. Tiết chế Trịnh Tùng thân hành rước lạy ở Yên Thường, đi theo ngự giá về cung. Vua ra coi chầu. Tiết chế Trịnh Tùng thân đem các đại thần và các quan văn võ làm lễ lạy mừng.

Hạ lệnh duyệt tuyển binh lính. Chọn người khoẻ mạnh bổ vào ngạch lính, những người già yếu thì lựa thải ra. Nhưng xét duyệt đã được mấy năm mà chưa từng thấy thải người nào, đến nỗi kẻ già yếu người người chết trong quân ngũ.

Tháng 5, hạn, lúa đậu chết khô.

Ngày 20, vua mật đảo trong cung cấm, lại dựng đàn ở Cầu Muống, thành Đại La, để hợp tế các linh thần núi sông mới được mưa.

[61] Bấy giờ, có người xã Ngải Cầu, huyện Từ Liêm, là Nguyễn Minh Trí, trước cùng bạn với nguỵ Khắc Khoan, cha con dấy binh chiếm giữ vùng Minh Nghĩa, nguỵ xưng là Đại Đức năm thứ 3. Thái uý Nguyễn Hữu Liêu bắt được cha con Minh Trí, đều đem chém cả.

Bấy giờ, Vạn quận công Nguyễn Hữu Lực coi giữ huyện Thanh Miện. Hữu Lực cai trị chú trọng khoan thư, công bằng, dân đều kính phục, giặc không dám xâm phạm, trong cõi được yên, dân được an cư lạc nghiệp.

Tháng 6, ngày mồng 4, viên tướng quy thuận người Sơn Nam là Định quận công Trần Bách Niên chết.

Tháng này, không có gió mưa mà nước sông Lô bỗng dâng tràn cuồn cuộn. Năm này trước thì đại hạn, sau thì lũ lụt, lúa đồng tổn thất nhiều, mất mùa luôn, dân nhiều xiêu tán.

Mùa thu, tháng 7, Thái uý Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu chết, thọ 60 tuổi, tặng **[61b]** Dương quốc công.

Ngày 15, cháu họ Nguyễn Hữu Liêu là Trung quận công Nguyễn Công lại ốm chết.

Sao Huỳnh Hoặc và sao Tuế cùng ở trong cung độ sao Tất, chỉ cách nhau một ngón tay.

Ra lệnh trong cả nước, mọi vật dụng đều phải tuỳ theo chức phẩm cao hay thấp mà dùng, không được tiếm vượt.

Hạ lệnh duyệt các hạng quân dân, đinh tráng người tứ chiếng[1] để định quán tịch cũ.

---

[1] Nguyên văn "Tứ chính" tức 4 trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây. Người tứ chiếng là người 4 trấn này trú ngụ ở kinh thành Thăng Long.

Bấy giờ người huyện Tống Sơn là Thắng quận công Mai Cầu coi giữ huyện Thần Khê có chính tích tốt, dân nhiều người ái mộ bảo cử, được thăng làm tổng binh Thuận Hoá.

Tháng 8, viên tướng địa phương huyện Đông Ngàn là Thuần quận công Trần Đức Huệ và con là Trần Đức Trạch tự xưng là Sầm quận công, mưu làm phản, cùng với viên tướng địa phương ở Yên Thế là cha con Thế quận công Dương Văn Cán đều đem con em đang đêm trốn đi theo đảng nguỵ. Tiết chế Trịnh Tùng chia quân, sai con là **[62a]** Chưởng Cẩm y vệ Hùng Lương hầu Trịnh Đào đem quân đi đánh, chém được đồ đảng. Bọn Đức Trạch, Văn Cán đem con em chạy dài.

Bấy giờ dân tứ chiếng khổ vì phải cắt cỏ voi, lại bị quan địa phương quấy nhiễu, không chịu nổi, nhiều người theo đảng nguỵ cướp bóc trong dân gian.

Bấy giờ, các tướng địa phương ở Hải Dương là Thuỷ quận công (không rõ tên) người huyện Thuỷ Đường, Lễ quận công (không rõ tên) người huyện Nghi Dương đều đem quân làm phản, bắt người cướp của ở các huyện xứ Hải Dương, đánh úp giết chết tướng tuần thú là Hoa Kiều hầu (không rõ tên) và quan huyện ấy. Lại có anh em Quỳnh quận công và Thuỵ quận công (đều không rõ tên) ở huyện Tân Minh, tụ tập đồ đảng, đi đến đâu cũng ức hiếp cướp bóc dân chúng, cùng liên kết với bọn Thuỷ quận công, Lễ quận công, có đến vài nghìn quân. Nhân dân các huyện ở Hải Dương **[62b]** sợ chúng tàn ngược, đều phải tuân theo cả.

Tháng 11, ngày 20, Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Đô đốc đồng tri Hoà quận công Nguyễn Miện, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, Kế quận công Phan Ngạn đem thuỷ quân gồm 50 chiếc thuyền ra Hải Dương đánh phá đảng nguỵ, khởi ành ngay hôm ấy. Nguyễn Miện một mình tự kiêu khinh địch, tự cho là bọn giặc tàn chẳng đáng lo, không bàn bạc với các tướng, tự mình đem 4 chiếc binh thuyền bản bộ, khinh suất xông thẳng vào trong trận, đến chỗ giặc mai phục, gặp thuyền giặc. Hào quận công sai bắn súng lớn vào giặc. Lễ quận công bị trúng đạn chết ở trong thuyền. Giặc ở trong thuyền mặc áo của Lễ quận công thúc quân đánh bừa, lại đâm chết Hào quận công tại trận. Quân hai bên đánh giết lẫn nhau, quan quân bị chết cũng đến hơn 80 **[63a]** người, quân lính đều chạy. Gặp quân của Bùi Văn Khuê tiếp đến, quân giặc bỏ thuyền lên bờ chạy tan. Văn Khuê lấy được thủ cấp của Nguyễn Miện rồi về. Sau Văn Khuê lại đem quân lùng tìm, lấy được đầu của Lễ quận công đem về Kinh dâng nộp, sai đem bêu 3 ngày. Tiết chế Trịnh Tùng xét thưởng cho Văn Khuê 10 cân vàng, thăng chức thiếu bảo.

Tháng này, hạ lệnh cho các xứ trong nước dựng trường thi hương để chọn kẻ sĩ.

Tháng 12, bọn nguỵ Trần Đức Trạch đóng quân ở huyện Đại Từ, sai người bắt trộm 1 con voi đực của nhà nước. Tiết chế Trịnh Tùng sai bọn Quảng quận công Trịnh Vĩnh Lộc, Phụng quận công Trịnh Hữu Dung, An Nham hầu Nguyễn Trấn, An Toàn hầu Nguyễn Quang Đăng, Quỳnh Dương hầu Nguyễn Kim Quy đem quân đuổi kịp, bắt được đem chém, bắt cả vợ con đem về.

[63b] Mậu Tuất, [Quang Hưng] năm thứ 21 [1598], (Minh Vạn Lịch năm thứ 28). Tháng giêng, ngày 16, ban bố bào cáo đại xá thiên hạ. Hết thảy bọn trộm cướp, tù trốn đều được ân xá, thuế khoá bỏ thiếu lâu năm đều được tha miễn.

Tháng 2, xuống chiếu thăng Công tử Trịnh Tráng làm Bình quận công, sai đốc suất binh mã để phòng giặc cướp.

Tháng 3, hạn, gió tây bắc thổi nhiều, lúa má cỏ cây chết khô.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái đem quân đánh dẹp huyện Lục Ngạn, bắt được con của Hùng Lễ [công][1] là Mạc Kính Luân và 35 con ngựa cùng khí giới trở về.

Tiết chế Trịnh Tùng lại sai Thái uý Nguyễn Hoàng đem thuỷ quân đi đánh dẹp xứ Hải Dương đánh phá cha con và bè lũ Thuỷ quận công. Thuỷ quận công chạy vào huyện Thuỷ Đường chiếm giữ lũng núi. Quan quân trở về. Thuỷ quận công sai bọn bè đảng là quận Thuỵ, quận Quỳnh xâm lược các huyện Thanh Lâm, Thanh **[64a]** Hà, duyệt lấy đinh tráng nơi đó, biên chế vào đội ngũ làm lính, dân nhiều người trốn chạy.

---

[1] Hùng Lễ công là tước hiệu của Mạc Kính Chỉ.

Tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Thứ, Nguyễn Duy Thì, Lê Bật Tứ đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Khắc Khoan, Nguyễn Kiệm đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Đại hạn. Từ tháng giêng đến tháng này mới có mưa.

Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái thống lĩnh các quân bộ, và bọn Thái bảo Trịnh Ninh ra đánh dẹp huyện Đông Triều rồi tiến quân đánh miền bắc huyện Thuỷ Đường. Lại sai Thái uý Nguyễn Hoàng thống lĩnh thuỷ quân cùng bọn Thiếu bảo Bùi Văn Khuê ra đánh dẹp xứ Hải Dương rồi tiến quân đánh vào phía nam huyện Thuỷ Đường. Lại chia sai bọn Chấn quận công, Hải quận công, **[64b]** Kế quận công, Tráng quận công đem các cơ Nội thuỷ đi kinh lược các huyện Thanh Lâm, Thanh Hà, ra huyện Kim Thành để chặn phía trên huyện Thuỷ Đường. Hôm ấy, cả ba đạo cùng lên đường một lúc. Nguyễn Hoàng sai tướng sĩ bản dinh xông trước vào phá lũng núi huyện Thuỷ Đường, quân lính tranh nhau lên trước, bắt được Thuỷ quận công nguỵ, đảng giặc tan vỡ. Quân các đạo tiến lên, thu bắt thuyền ghe của giặc. Bọn [quận] Quỳnh, [quận] Thuỵ đem con em trốn ra, định chạy về huyện Tiên Minh. Đến nửa đường, gặp quân của Bùi Văn Khuê đánh tới; quân hai bên hỗn chiến trên sông, từ giờ Thìn đến giờ Thân, quân giặc sức kém tan vỡ tháo chạy. Văn Khuê thúc quân thừa thắng đuổi đánh, bắt được [quận] Thuỵ nguỵ ở trong thuyền, chém hơn trăm thủ cấp, [quận] Quỳnh nguỵ đem dư đảng chạy về Yên Quảng.

Ngày 24, quan quân về Kinh, đem tù là [quận] Thuỷ nguỵ, **[65a]** và quận Thuỵ dâng nộp. Thưởng công xong, đem bọn Thuỷ quận công và Thuỵ quận công chém ở Cầu Dền, bêu thủ cấp chúng.

Tháng 5, Việt quốc công ở Sơn Dương chết, quân không có chỉ huy, các tướng trấn giữ Sơn Tây là bọn Thanh quận công Đặng Kính và Giao quận công Nguyễn Hữu Giai tiến quân đánh đuổi, chém vài nghìn thủ cấp, bắt được 10 con ngựa trở về.

Tháng này, hạ lệnh cho Bùi Văn Khuê đốc suất binh đinh hai huyện Tân Minh và An Dương, sai đem quân đi trấn giữ để yên dân phương ấy; Tráng quận công Nguyễn Nga giữ huyện Thanh Lâm, Hoa Dương hầu Vương Châu giữ huyện Gia Viễn.

Năm này đại hạn.

Tháng 7, ngày Kỷ Hợi, trời mưa nhỏ vài ngày.

Tháng 8, hạn.

Con Hùng Lễ [hầu] họ Mạc là Kính Dụng họp đảng ở huyện An Bác, nguỵ xưng là Uy Vương. Sau bị thua luôn, thiếu ăn, bèn mưu dụ giết viên thổ quân là Phú Lương hầu (không rõ tên) để cướp lấy đất đai **[65b]** và dân chúng. Phu Lương [hầu] biết, mưu ấy không thành. Mạc Kính Dụng tự đem con em đến bức. Phú Lương [hầu] dùng mẹo đánh lừa, sai vợ con ra đón hàng, thú tội rằng: "Đại vương quyền cao, binh thế lớn, những người theo hầu phục dịch lại gan dạ oai hùng. Chồng thiếp chỉ là một người nhà quê, chưa từng thấy việc binh thế này bao giờ, nghe tin quân của đại vương tới, kinh hoàng sợ hãi, sai thiếp đi thay, xin đại vương đóng quân yên trại ở ngoài cõi, hạ lệnh nghiêm cấm, chỉnh đốn binh sĩ, cố thủ dinh trại, phòng giữ cẩn thận. Quân của triều đình có đến thì chống lại. Rồi sau đại vương tự chọn lấy tay chân thân cận, chẳng qua độ mươi người, theo thiếp vào nhà, đến nơi thì thiếp lập tức dẫn chồng vào lạy chào rồi sẽ dâng nộp đất đai và dân chúng".

Uy Vương nghe nói mừng lắm, lập tức chọn lấy 40 người chân tay và con em thân cận **[66a]** tự vào trong thôn nhà Phú Lương hầu. Phú Lương hầu sai quân canh giữ, đóng kín các cửa ải, rồi từ trong nhà ra đón tiếp, lạy quỳ trước mặt mà nói: "Thần ở cõi xa xôi hẻo lánh, binh ít, lương đủ. Đại vương đến đây có thể tạm yên thân, nuôi quân, chứa sức, thừa thời đợi lúc, chiêu mộ châu huyện, thu thập quân lính thì có thể phục hưng sự nghiệp trước kia. Nay thần có một chỗ lũng núi, đã xa lại sâu hiểm, đại vương chỉ nên đem vài người thân cận vào chiếm giữ chỗ núi sâu ấy, thần sai người nhà cung cấp hầu hạ, còn các tướng hiệu tả hữu khác đều hãy tạm ở nhà thôn của thần để thần cấp dưỡng rồi sẽ tính việc sau này.

Uy Vương nghe xong, tự đem 4, 5 người tay chân vào chiếm giữ chỗ lũng núi. Phú Lương hầu lập tức giết hết 40 con em của Uy Vương, không cho tiết lộ để Uy Vương biết. Phú Lương hầu mật **[66b]** sai người chạy báo ngay về Kinh sư, xin quân cứu viện, bắt giải Uy Vương. Bấy giờ, Tiết chế Trịnh Tùng

sai bọn Đô đốc Lâm quận công, Quảng quận công, Hoa Dương hầu đem quân đến thôn nhà Phú Lương hầu, quả nhiên bắt được Uy Vương đem về Kinh sư. Sau xét công, thăng thưởng Phú Lương hầu chức tổng binh.

Tháng 9, hạn. Bấy giờ, liền mấy tháng hạn to, lúa mạ chết khô. Vua bèn mật đảo ở trong cung, lại hợp tế các thần ở Cầu Muống mới được mưa.

Ngày mồng 6, Dương Văn Cán ở huyện Yên Thế sai vợ đem 2 con ngựa và 2 con trâu về Kinh thú tội. Vua y cho, sai về bảo chồng ra thú sẽ tha tội cho.

Viên giám sinh người xã Chi Nê, huyện Chương Đức là Nguyễn Thì Đam, tự xưng nguỵ hiệu là Binh bộ thượng thư Lâm Tuyền hầu. **[67a]** Bấy giờ đã bắt được đưa về giam ở Kinh, sau lại trốn thoát.

Hạ lệnh cho huyện Quảng Đức[1] mở cục làm giấy, làm loại giấy khổ to, kiểu mới nộp quan, không được bán riêng. Bấy giờ, người ta hay làm giả lệnh thị, cho nên có việc cấm này để phòng kẻ gian. Lại hạ lệnh cho thừa ty và phủ huyện các xứ nếu thấy người của quan trên sai xuống có mang thiếp thị thì phải xét thực là giấy kiểu mới mới được y lệ thừa hành, nếu không phải thì bắt nộp trị tội.

Hạ lệnh cho các quan phủ, huyện, xã duyệt tuyển dân đinh trong hạt, người nào từ 18 tuổi trở lên mà sức vóc khoẻ mạnh thì biên bổ làm lính để tăng số quân. Song phép duyệt tuyển nhiều sự nhũng nhiễu, dân khổ không chịu nổi.

Tháng 10, hạ lệnh cho các xứ Thanh Hoa, Nghệ An, Thuận Hoá, Quảng Nam dựng bãi duyệt tuyển, đợi **[67b]** duyệt tuyển đinh tráng để bổ vào ngạch binh. Nhưng gặp buổi hết năm, chưa làm lại thôi.

Ngày 13, Tiết chế Trịnh Tùng dâng biểu tâu sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái thống lĩnh binh tượng cùng bọn Thái bảo Trịnh Đồng, Thiếu bảo Trịnh Bách, Đô đốc Lê Văn Hoan, Chỉ huy sứ Trần Tộ đem hơn 1 vạn quân đi đánh dẹp đảng nguỵ ở Lạng Sơn. Sai Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Vỹ làm qua đốc thị. Lại sai Thái phó Trịnh Đỗ thống lĩnh binh tượng cùng bọn Thạch quận công Vương Trân, Thao quận công Trần Chấn, Tổng binh Thái Nguyên Đức Trạch hầu Lại Thế Quý đem quân đánh dẹp đảng nguỵ ở Thái Nguyên. Lại sai bọn Thanh quận công Đặng Kính, Giao quận công Nguyễn Hữu Giai đi đánh dẹp bọn giặc ở các huyện Sơn Dương, Đương Đạo[2]. Lại sai Bạt quận công Phạm Doãn Sinh trấn giữ các con đường hiểm yếu ở Lâm Thao[3] để giữ yên dân hạt Hưng Hoá[4].

[68a] Ngày 17, cha con Thế quận công Dương Văn Cán đến Kinh xin hàng, được tha tội.

Ngày 23, bọn Đặng Kính, Nguyễn Hữu Giai đem quân đến huyện Đương Đạo, đánh phá giặc ở Thượng Lan[5]. Phù Cao [hầu] nguỵ bỏ trại chạy vào châu Đại Man[6]. Kính tung quân đuổi theo, chém được tướng nguỵ là bọn Phù Vệ, Triều Ba, bắt được ngựa, ấn đồng, chiêng, cờ, khí giới rất nhiều rồi về.

Tháng này, thổ quan ở Cao Bình[7] là Tổng binh đồng tri Dũng quận công Hà Ích đem quân đánh phá giặc ở châu Định Hoá[8], chém được Trung quốc công nguỵ (không rõ tên) và 35 thủ cấp của đồng bọn, bắt được 30 con ngựa giải về Kinh dâng nộp.

---

[1] Huyện Quảng Đức: bấy giờ là huyện phụ quách của thành Thăng Long, sau là huyện Vĩnh Thuận, nay thuộc Hà Nội.

[2] Huyện Đương Đạo: có lẽ là phần đông bắc huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

[3] Phủ Lâm Thao: bấy giờ thuộc Trấn Sơn Tây, gồm các huyện Sơn Vi (sau là Lâm Thao), Thanh Ba, Hoa Khê (sau là Cẩm Khê), Hạ Hoa (sau là Hạ Hoà), Tam Nông, đều thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

[4] Hưng Hoá: bấy giờ là một trấn tương đương với tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày nay.

[5] Thượng Lan: có lẽ nằm ở huyện Đoan Hùng ngày nay.

[6] Châu Đại Man: nay là huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

[7] Cao Bình: nay là tỉnh Cao Bằng.

[8] Châu Định Hoá: nay là huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 28, hạ lệnh thắt cổ giết Mạc Kính Dụng ở chợ Cửa Đông.

Tháng 11, ngày mồng **[68b]** 4, thổ quan huyện Đương Đạo là Vệ Nghĩa hầu Tống Thì Chiếu đem quân đánh phá nguỵ Mạc chém được Phù Thắng hầu nguỵ (không rõ tên) và 15 thủ cấp đồ đảng, bắt được 1 con ngựa và rất nhiều khí giới.

Ngày mồng 6, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đến thành Lạng Sơn, sai đô đốc Lâm quận công Trần Phúc đem hơn 1.000 quân đánh phá giặc ở châu Thoát Lãng[1]. Bấy giờ, quân của Mạc Kính Cung từ Long Châu về Thất Tuyền[2], sai Vạn quốc công nguỵ (không rõ tên) chống giữ. Trần Phúc tung quân đánh lớn, chém chết con của Vạn quốc công, bắt được vợ con và đồ đảng, đốt dinh trại, quân giặc tan vỡ. Bọn Phúc thừa thắng đuổi dài, thẳng đến dinh của Kính Cung. Kính Cung sai Phúc Vương đem vợ con lương thực rút trước vào Long Châu[3]. Đến nửa đường, gặp quân mai phục của con trưởng Trần Phúc **[69a]** là Nghĩa Tráng hầu Trần Thiết nổi dậy đánh. Phúc Vương và quân lính tranh nhau cướp đường chạy vào Long Châu.

Phúc Vương ngoảnh lại bảo Trần Thiết: Có Càn Thống Vương[4] còn ở đằng sau; nếu ngươi định đuổi bọn ta, Càn Thống Vương đến đây thì e rằng bọn người đều trở thành quỷ dưới suối vàng cả.

Trần Thiết nghe thế, không dám đuổi nữa, sai các con em thu nhặt tiền của rồi về.

Kính Cung thấy quân Trần Phúc tiến đánh, liền sai tướng là bọn Bàn quận công, Thắng quận công (không rõ tên) đem quân chặn hậu, chống nhau với quân Trần Phúc. Kính Cung tự đem quân nhổ trại ngầm lui về phía sau. Trần Phúc thấy tướng nguỵ chống lại, tung quân ra đánh, chém được bọn Thắng, Bàn tại trận, bọn còn lại tan vỡ tháo chạy. Kính Cung bèn đem mấy nghìn tướng sĩ chạy vào Long Châu, lại gặp quân mai phục của Trần Thiết đón đánh ở đường hiểm. Kính Cung **[69b]** tự đốc suất đại quân xông vào đánh. Bấy giờ, Trần Thiết quân ít, không địch nổi, bèn vứt bỏ những của cải đã lấy được, nhổ đội chạy thẳng về Cao Bình. Quân Kính Cung vội vã vượt sông rút đi. Sau quân Trần Phúc tiến đến, bắt được con trai thứ hai của Kính Cung mới 12 tuổi. Khi ấy, quân của Kính Cung đã đi xa, Trần Phúc sai thu quân về Lạng Sơn, nghị bàn với Hữu tướng thái uý Vinh quốc công trở về Kinh, đem con trai của Kính Cung dâng nộp.

Lấy Hộ bộ thượng thư Thông quận công Đỗ Uông làm thiếu bảo.

Tháng này, Thái phó Trịnh Đỗ tiến quân đánh các địa phương Cảm Hoá, phủ Thông Hoá[5], trấn Thái Nguyên.

Sai Tổng binh Lại Thế Quý đánh dẹp xứ Cao Bằng. Quân đến núi Tam Lộng, Thế Quý không biết liệu thế giặc. Bọn giặc đem người Man các động bốn mặt đánh kẹp lại, Thế Quý thua to, **[70a]** chạy ba ngày ba đêm đến núi Thượng Tư, bị giặc bắt được một con voi công, còn anh em Thế Quý bị thương nhiều chỉ chạy thoát thân. Trịnh Đỗ thấy đánh không lợi, bèn bàn đem quân về, Triều đình luận tội, tước binh quyền của Thế Quý.

Mưa dầm.

Tháng 12, ngày mồng 3, hạ lệnh thắt cổ giết con thứ hai của Mạc Kính Cung ở bên hữu Cửa Đông.

Ngày mồng 6, Tiết chế Trịnh Tùng sai quan hầu mệnh là bọn Đỗ Uông chuẩn bị nghi chú, lễ vật đến cửa Trấn Nam Giao đón tiếp Bắc sứ.

---

[1] Châu Thoát Lãng: nay là huyện Thoát Lãng, tỉnh Lạng Sơn, ở phía nam huyện Tràng Định.

[2] Thất Tuyền: tên châu, nay là huyện Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Long Châu: thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[4] Càn Thống Vương: tức Mạc Kính Cung.

[5] Phủ Thông Hoá: gồm huyện Cảm Hoá, châu Bạch Thông nay đều thuộc tỉnh Bắc Cạn.

Trước đây, sứ thần là bọn Phùng Khắc Khoan mang vật cống cùng người vàng thay thân mình, trầm hương, ngà voi đến Yên Kinh, dâng biểu xin theo lễ cống. Vua Minh xem biểu rất mừng, lại xuống chiếu phong vua làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ, quản hạt đất đai nhân dân nước Nam, và ban cho một quả ấn **[70b]** An Nam đô thống sứ ty bằng bạc, sai bọn Phùng Khắc Khoan mang sắc thư về nước. Khắc Khoan bèn dâng biểu rằng: Chủ của thần, họ Lê là dòng dõi của An Nam quốc vương, giận nghịch thần họ Mạc tiếm ngôi, cướp nước, không chịu được mối thù ngàn năm, mới nằm gai nếm mật, lo thu phục lại cơ nghiệp của tổ tông để nối theo dấu cũ của tông tổ. Họ Mạc kia vốn là bề tôi của họ Lê nước An Nam, giết vua, cướp nước, thực là tội nhân của thượng quốc, mà lại ngầm xin chức Đô thống. Nay chủ của thần không có tội như họ Mạc, mà lại phải nhận chức như họ Mạc là nghĩa thế nào, xin bệ hạ xét cho".

Vua Minh cười nói: "Chủ của người tuy không ví như họ Mạc, nhưng vì mới lấy lại được nước, sợ lòng người chưa yên, hãy cứ nhận đi, sau sẽ gia phong tước vương cũng chưa muộn gì. Ngươi hãy **[71a]** kính theo, chớ có từ chối".

Khoan liền bái nhận ra về. Trước đây, Khắc Khoan qua cửa quan vào tháng 4 năm Vạn Lịch thừ 25, đến tháng 10 tới Yên Kinh bái yết vua Minh, ngày mồng 6 tháng 12 từ biệt vua Minh về nước, trước sau cộng 1 năm lẻ 4 tháng, đường đi sứ mới thông.

Ngày 15, Khắc Khoan về đến cửa Trấn Nam Giao, quan Tả giang nhà Minh sai viên quan uỷ nhiệm Vương Kiến Lập đem công văn đến Kinh sư. Tiết chế Trịnh Tùng sai Hữu tướng Hoàng Đình Ái và Thái bảo Trịnh Ninh sửa soạn nghi vệ đón tiếp sứ Minh Vương Kiến Lập và bọn Khắc Khoang.

Ngày 25, vua qua sông sang bến Bồ Đề bái lạy chiếu thư đón sứ Minh về nội điện. Tiết chế Trịnh Tùng cùng với các đại thần văn võ vào nội điện triều yết. Khi tuyên đọc sắc thư xong, thấy quả ấn ban cho nói là bằng bạc **[71b]** mà lại là đồng, bèn cùng với văn võ đại thần bàn gửi thư phúc đáp trách nhà Minh, do vên quan uỷ nhiệm của nhà Minh là Vương Kiến Lập mang về nước đệ tâu vua Minh.

Thổ quan nhà Minh nhận hối lộ của Mạc Kính Cung, lại đệ tâu vua Minh cho Kính Cung được giữ đất Thái Nguyên và Cao Bằng.

Kỷ Hợi, [Quang Hưng] năm thứ 22 [1599], (Minh Vạn Lịch năm thứ 27). Tháng giêng, ngày 28, Thiếu phó Quỳnh quận công Nguyễn Mậu Tuyên chết, thọ 82 tuổi. Mậu Tuyên là người xã Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương.

Ngày 28, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê giải nộp quận Thuỵ nguỵ, sai đem giết.

Tháng 2, bấy giờ viên giám sinh người Chi Nê, huyện Chương Đức là Nguyễn Thì Thầm, nguỵ xưng là thượng thư Lễ quốc công; người làng Man Nhuế, huyện Thanh Lâm nguỵ xưng là Thiếu bảo An quốc công; người Phúc Lộc nguỵ xưng là **[72a]** Trung quận công; họp quân ở vùng Yên Lãng. Bình quận công Trịnh Tráng sai người đi bắt giải về Kinh sư. Sai đem chém hết.

Lại bộ hữu thị lang Nguyễn Hoàng Từ chết.

Đại lý tự khanh Trần Phúc Hựu chết.

Ngày 27, lấy Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan làm Lại bộ tả thị Lang, phong Mai Lĩnh hầu.

Tháng 3, quan Tả giang nhà Minh Trần Đôn Hựu lại sai Vương Kiến Lập mang ngựa tốt, đai ngọc, mũ xung thiên sang cho Tiết chế Trịnh Tùng, xin kết tình láng giềng và gửi hai tấm thiếp, trong viết 8 chữ "Quang hưng tiền liệt, định quốc nguyên huân" (Quang phục nông nghiệp xưa, công đầu định nước). Tiết chế Trịnh Tùng đối đãi rất hậu, sai người hộ tống về nước.

[72b] Tháng 4, ngày mồng 7, có nhiều sao băng xuống nội điện hành tại, một góc điện Kính Thiên bị sập.

Tấn phong Đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Tả tướng Thái uý Trường quốc công Trịnh Tùng làm Đô nguyên suý tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương. Sai bọn Tư thiện giám Lê Văn Huệ chọn ngày làm lễ sách phong.

Lời sách văn như sau: Vương giả dựng ngôi ban phúc, giữ đạo công rộng lớn, công bằng; bề tôi giúp nước lập công, phải hậu lễ tôn nghiêm cao quý.

Chọn ngày tốt hợp, ban sách vẻ vang. Suy trung dực vận kiệt tiết tuyên lực công thần đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Tả tướng Thái uý Trường quốc công Trịnh Tùng, uy vọng lớn như núi cao, bóng cả, đấng võ văn của nhà nước triều đình. **[73a]** Bày mưu đặt kế yên xã tắc, công cao sáng tỏ giữa trời; giữ tín giảng hoà nước láng giềng, sách giỏi giữ êm ngàn cõi. Công đã ngất cao trong vũ trụ, vị phải đứng đầu khắp thần liêu. Đặc sai Thái tể Vĩnh quốc công Hoàng Đình Ái đem sách vàng tấn phong làm Đô nguyên suý tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương. Lại ban ngọc tản[1] làm vật báu lưu truyền; lại cấp ruộng nương để rộng thêm phong ấp. Mong hãy thận trọng chức vị, luôn luôn giữ phép triều đình; sửa sang đức nhân, đời đời hưởng ơn vua quý. Vương hãy kính theo.

Ngày 21, mở yến hội lớn.

Ngày 26, bàn định luật lệnh.

Năm này, đại hạn từ tháng 3 đến tháng 6. Bấy giờ, trời không mưa, lúa má chết khô.

Ngày 13, vua cùng Bình An Vương đến xứ Xạ Đôi lập đàn cầu đảo, sau mới **[73b]** được mưa.

Ngày 16, giờ Dậu, nguyệt thực.

Tháng 7, tướng trấn thủ Thanh Hoa là Thiếu uý Lân quận công Hà Thọ Lộc chết. Sai quan khâm sai duyệt tuyển xứ ấy là bọn Lê Văn Hoan, Lê Văn Thực thay làm chức ấy. Sổ tuyển duyệt thì sai người đệ về Kinh dâng nộp.

Bấy giờ Vũ Đức Cung ở Đại Đồng làm phản, tiếm xưng Long Bình Vương, sai tướng thủ hạ là bọn Nhuệ quận công đem quân của châu Đại Man đánh các động núi ở châu Bạch Thông, đất Thái Nguyên, bức thu thuế mỏ bạc. Bấy giờ, Bình An Vương sai bọn Hải quận công, Quảng quận công, Phụng quận công đem quân tiến đánh, lại sai tướng trấn thủ Vệ Nghĩa hầu Tống Thì Chiếu dẫn đường đi đánh phá giặc.

Tháng 8, ngày 16, có lệnh chỉ cho trưởng quan các dinh và cai quan các cơ, đội rằng: **[74a]** Các đội trưởng và thứ đội trưởng ở các dinh, cơ, viên nào có hạng công thần hết lòng cố sức và bền nghĩa theo quân, lâu ngày có công, thì hãy khai rõ họ tên, chú rõ từng mục địa chỉ, chức tước, hạn đến trung tuần tháng này đệ nộp, đợi duyệt định làm bản gửi cho nha môn phụ trách thăng bổ các chức để đền đáp công lao.

Ngày 23, sao Thái Bạch phạm vào sao Thái Ất.

Ngày 24, giờ Sửu, vua băng.

Bấy giờ, Bình An Vương cùng với triều thần bàn là thái tử không thông minh mẫn tiệp, bèn lập con thứ là Duy Tân. Định ngày 27 tháng này lên ngôi ở hành tại. Đại xá. Đổi niên hiệu.

Xuống chiếu rằng: Trẫm nghĩ, trời đất sinh ra muôn loài là đức, tất chuyển hoá, vận hành âm dương **[74b]** để tỏ rõ vi dưỡng dục[2]; Đế vương nắm giữ ngôi cả dùng nhân, phải giáo huấn, phúc lành ban khắp, cho sáng ngời đạo lớn chí công. Lẽ mầu không khác, lời đẹp phải ban. Nước nhà ta, trời cho người theo, thần truyền thánh nối. Kế mưu, sự nghiệp chính đáng vẹn toàn, kỷ cương, mối giềng tận tường đầy đủ. Những gì để lại cho đời sau thực đã sâu xa lắm! Đức Hoàng khảo ta nối rộng công lớn, ở ngôi 23 năm, gặp khi mỏi mệt, đem việc nước phó thác cho trẫm. Trẫm đương khi đau xót, thương nhớ khôn nguôi. Song coi xã tắc là trọng, tạm nén tình riêng, gượng theo công luận, đã lên nối nghiệp lớn vào ngày 27 tháng này năm này, sang năm sẽ đổi niên hiệu. Trẫm tự nghĩ, đương khi tuổi còn trẻ thơ, nối nghiệp gian nan to lớn, cáng đáng những lo không nổi, giúp đỡ cần phải có người. Thực nhờ đức

[1] Ngọc tản: một loại thìa bằng ngọc dùng trong xe tế lễ.

[2] Nguyên văn là "... dĩ thần tính dục chi cơ". Bản dịch cũ dịch là "... để cơ phát dục thiêng liêng". Chúng tôi cho là chữ "thần" ở câu này vốn là chữ "hiển" bị khắc nhầm. "Dĩ hiển tính dục chi cơ..." là để đối với "dĩ thị đại công chi đạo" ở dưới.

sáng suốt khuông phủ của Chủ suý thượng phụ Bình An Vương **[75a]** và sức giúp rập bổ khuyết của các huân cựu đại thần và các quan tả hữu thân cận, mới mong có thể nối được cơ nghiệp tốt lành, rạng tỏ lời dạy đời trước, trên đáp lòng trời, dưới thoả ý dân, để nối dài phúc lớn của tông xã đến ức muôn năm không dứt. Nay trẫm coi nước trị dân, chính là lúc bốn phương mong được ban ơn hưởng phúc. Phải nên dựng đạo, dạy dân, ban ơn, xuống phúc, để cùng với thiên hạ chấn chỉnh buổi đầu. Sẽ lấy sang năm làm Thận Đức năm thứ 1. Nay đương buổi đầu coi việc nước, nên rộng ban ơn cho bốn biển, có những điều mở rộng ân ban, công bố trước thiên hạ như: Ban tước hiệu và ruộng đất cho công thần, gia phong cho các vị thần trong tự điển[1], tha những thuế còn bỏ phiếu, thương xót chiếu cố dân xiêu tán mới trở về, xét thực tình những người trước đã nhận chức nguỵ để trả lại của cải khi trước, cùng là các quan trong ngoài được ban ân, thăng cấp, và các bọn dũng sĩ, sinh đồ, xã trưởng, quan viên tử tôn, đều được **[75b]** ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Ôi, sang sửa buổi đầu, nghĩa lớn Xuân Thu nhất thống, nay xem hiện tượng rõ ràng, hưởng vận nước gồm cả Ân, Hạ số năm, hợp phúc dài lâu to lớn. Bá cáo xa gần, thảy đều nghe biết".

Ngày 25, bộ Lễ ra bảng yết thị rằng: Đại Hành Hoàng Đế chầu trời, thần dân trong nước phải chiếu theo thứ bậc để tang mà tuân hành. Còn Thượng phụ là bậc huân vương, và là trọng thần của xã tắc, không cùng ngang hàng với các quan, nên để tang 100 ngày. Các thân vương và các quan văn võ, từ quận công trở lên, mà dự ban chầu (nếu theo quân dinh thì không câu nệ) cùng các viên ở triều đường (từ ngũ phẩm trở lên), các viên coi một phương diện ở ngoài nên để tang 3 năm. Quan võ từ tước hầu, bá để ngũ phẩm trở lên (nếu theo quân dinh thì không câu nệ); Nội giám ty từ lục phẩm **[76a]** trở xuống, văn giai từ thủ lính các bộ, các tự, các phủ huyện và hiệu quan trở lên (nếu theo quan dinh thì không câu nệ) để tang 1 năm. Võ giai từ lục phẩm trở xuống, văn giai từ bát cửu phẩm có dự triều yết để tang 9 tháng. Các hộ sĩ, vệ sĩ, hiệu sĩ án lại, hoa văn để tang 5 tháng. Vợ các quan viên dự hàng mệnh phụ để tang 1 năm, không dự hàng mệnh phụ để tang 100 ngày, đều cấm trang sức. Các ấm quan, tụng quan, được cất nhắc mà chưa có chỗ bổ và các quan tạp lưu để tang 5 tháng. Xá nhân, văn thuộc, quan viên tử tôn, tướng thần, xã trưởng, cùng thổ tù, phụ đạo và người làng vua, dân trong Kinh kỳ đều để tang 100 ngày. Dân chúng các xứ trong nước để tang 27 ngày. Cấm hết âm nhạc và mặc dùng các thứ lụa màu, châu ngọc, vàng bạc. Con trai con gái lấy vợ lấy chồng thì con cái nhà quan viên hoãn 100 ngày, thứ dân 27 ngày; đều bắt đầu từ ngày nhận được lệnh này.

[76b] Hôm ấy, giờ Sửu, sao băng rất nhiều, dài như tấm lụa, khi sa xuống đất, có tiếng kêu như sấm lớn.

Tháng 9, ngày 20, sai tướng sĩ rước linh cữu của Đại Hành Hoàng Đế về sơn lăng.

---

[1] Tự điển: sổ ghi các vị thần được nhà nước chính thức công nhận và cho thờ cúng. Các vị thần không nằm trong tự điển của dâm thần.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XVIII

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Kính Tông Huệ Hoàng Đế

Tên húy là Duy Tân, con thứ của Thế Tông, ở ngôi 20 năm, thọ 32 tuổi, băng táng ở lăng Hoa Loan.

Vua tướng mạo hùng vĩ, nối ngôi giữ nghiệp mà trong nước bình yên. Nhưng lại riêng nghe mưu gian, đến nỗi có việc chẳng lành, thực rất đáng thương.

Canh Tý, Thận Đức năm thứ 1 [1600], (Từ tháng 11 trở về sau là Hoằng Định năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 28). Mùa hạ, tháng 5, nước to.

Bấy giờ, Thái uý Đoan quốc công Nguyễn Hoàng ngầm sai bọn Kế quận công Phan Ngạn, Tráng quận công Ngô Đình Nga, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê mưu phản.

Bình An Vương cùng các quan đương bàn việc đánh dẹp, Hoàng muốn kế của mình trôi chảy, giả vờ xin đem quân đuổi đánh, rồi đốt hết doanh trại, trốn về Thuận Hoá[1]. Bấy giờ trong nước loạn lạc, lòng người dao động, Vương bèn hộ vệ **[1b]** hoàng thượng trở về [Tây Đô] để lo giữ đất căn bản.

Khi ấy, bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê đem quân phụ trợ theo họ Mạc, chiêu an các thành thị. Rồi Ngạn ngờ Văn Khuê có mưu khác, liền sai người bắn chết Văn Khuê ở giữa sông. Ngạn tự xưng là Tiết chế Sinh quốc công, Đình Nga tự xưng là Thái bảo Hoa quận công, em Ngạn (không rõ tên) tự xưng là Tiền bộ dinh Quỳnh quận công, dùng niên hiệu Càn Thống[2] của họ Mạc trong các bản yết thị hoặc lệnh cấm.

Vợ Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên muốn báo thù cho chồng, khóc bảo quân lính của chồng rằng: "Người nào dốc sức đền ơn, giết được Ngạn sẽ có trọng thưởng". Ngạn nghe thế giận lắm.

Tháng 6, ngày mồng 1, Ngạn đem quân đến Hoàng Giang đánh nhau. Quân của vợ Văn Khuê bắn chết Ngạn ở giữa sông.

Bình An Vương sai Thiêm đô ngự sử Gia Lộc tử Lê Nghĩa Trạch đem thư cho thái uý Đoan quốc công Nguyễn Hoàng ở Quảng Nam.

[2a] Thư viết: "Bậc đại thần, nghĩa phải cùng vui, cùng buồn với nước. Cậu đối với nước mà nói, thì là bề tôi huân cựu đời đời, đối với nhà mà nói, thì là tình nghĩa chí thân. Mới rồi, họ Mạc tiếm nghịch, vận nước gian truân, tiên tổ là Thái tể Hưng Quốc Chiêu Huân Tĩnh công (Hưng Quốc công Nguyễn Kim là ông ngoại của Bình An Vơng, cho nên cũng gọi là tiên tổ) đầu tiên khởi xướng đại nghĩa, giúp Trang Tông Hoàng Đế trong lúc gian nan, sửa lại danh phận. Tiên tổ mất đi, tiên khảo là Minh Khang Thái Vương[3] giữ trọng trách của nước, thấy cậu là người ruột thịt, trao cho hai xứ Thuận, Quảng. Cậu từ khi

---

[1] Bọn Phan Ngạn chiếm giữ cửa Đại Yên, tức cửa Liêu sau này. Hoàng nhân thể, xin đem quân bản bộ đi dẹp loạn, rồi thừa cơ, theo đường biển trở về Thuận Hoá, nhưng còn để lại ba người con để làm con tin.

[2] Càn Thống (1593 - 1625) là niên hiệu của Mạc Kính Cung.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

nhận được mệnh lệnh, vỗ yên dân địa phương, thực là có công. Tiên khảo chầu trời, cháu giữ binh quyền, vẫn để cậu giữ chức cũ. Nhiều lần gửi thư giục cậu dốc thu tiền thuế, vận tải lương thực để giúp việc chi dùng của nhà nước, cậu thường lấy cớ đường biển gian nan hiểm trở để từ chối. Đến khi Kinh thành đã lấy lại, thiên hạ đã yên **[2b]** cậu mới ung dung theo về. Triều đình ưu đãi, cho coi một phủ Hà Trung và bảy huyện miền trên trấn Sơn Nam, trao cho chức Hữu tướng, có ý mong cậu và tả tướng Vinh quốc công Hoàng Đình Ái giúp rập hai bên tả hữu để hoàn thành sự nghiệp trung hưng[1], để vỗ yên dân chúng nước Nam. Mới rồi, bọn nghịch thần Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm phản bội, nổi quân làm loạn, cháu đương cùng với cậu trù tính việc binh, truy quét đảng nghịch, chẳng ngờ cậu không đợi mệnh, tự tiện bỏ về, làm dao động lòng dân địa phương. Không biết đó là bản ý của cậu, hay là nghe lầm gian kế của bọn phản nghịch. Nay Bùi Văn Khuê, Phan Ngạn đánh lộn lẫn nhau, và đều đã bị giết cả. Thế mới biết đạo trời sáng rõ; tai hoạ không kịp trở gót, chắc cậu cũng biết cả rồi. Việc đã như thế, nếu cậu quả biết tỉnh ngộ ra, hối lại lỗi trước, nghĩ đến công nghiệp của tiên tổ, **[3a]** nên sai người mang thư đến hành tại lạy trình, rồi đốc nộp tiền thuế để cung việc chi dùng của nhà nước thì lấy công trừ lỗi, triều đình đã có pháp điển, mà công lao ngày trước của cậu lại được toàn vẹn, huân danh sự nghiệp bao đời, bền lâu mãi mãi. Nếu không thế, thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình hùng binh đã có cớ rồi, danh tiết của cậu sẽ ra làm sao? Cậu trong việc quân thường vẫn lưu ý đến kinh sử, xin hãy nghĩ kỹ, đường để hối hận về sau".

Nghĩa Trạch vào trong cõi, do biết Hoàng vốn là người đa mưu, liền bỏ chiếu thư vào ống, giấu ở bụi rậm ngoài đồng rồi sai xá nhân chuyển báo. Hoàng nghe tin Nghĩa Trạch tới, lập mưu cướp chiếu thư, làm nhục sứ giả. Đêm sai dũng sĩ đến chỗ trọ cướp hết hòm xiểng đem về, thấy không có chiếu thư, lại sai tới đốt hết cả quán trọ. Hoàng **[3b]** cho là giấy tờ đều bị cháy hết trong đám lửa rồi. Hôm sau, Hoàng thân dẫn tướng tá chỉnh đốn voi ngựa, nghi vệ ra đón, trông thấy Nghĩa Trạch hai tay bưng thư đi đến, lấy làm kinh ngạc, bảo với tướng tá rằng: "Trời sinh chủ tướng, triều đình có người giỏi". Từ đấy, không có ý ngấp nghé gì nữa.

Người địa phương miền đông là nguỵ Uy Vũ hầu (không rõ tên) thống xuất 300 binh thuyền đạo đó, tự xưng là Hải Dương đại tướng. Người họ Mạc là nguỵ Kỳ Huệ Vương chiêu mộ quân ở Sơn Nam, tự xưng là Nam thổ tiết chế.

Bấy giờ, mẹ Mạc Mậu Hợp nguỵ xưng là Quốc mẫu, lên thay ngôi báu. Người tông thất họ Mạc và dư đảng khi trước tránh vào rừng núi, đến đây cùng với con trưởng của Mậu Hợp (không rõ tên) đều đến kính lạy chào. Mẹ Mậu Hợp sai người đi đón Kính Cung, tự ban ân thưởng, trên từ quan viên, dưới đến thứ dân, không kể **[4a]** công lao mới hay cũ, đều phong làm các chức đô chỉ huy sứ, đồng trị, thiêm sự, tả hữu hiệu điểm.

Mùa thu, tháng 7, Kính Cung khởi hành từ cửa quan, đến Thị Cầu, huyện Vũ Ninh, bọn Ngô Đình Nga đều đem quân huyện mình ra đón. Kính Cung đều cho giữ chức cũ. Thế rồi, quan viên tướng sĩ trong nước cùng rước Kính Cung tới Kinh sư.

Bấy giờ, vua ở Thanh Hoa, lưu Trấn quận công Trịnh Lân ở lại hộ giá, sai Thượng phụ Bình An Vương đem quân ra đóng ở xứ Bái Đính. Quân Vân nguỵ (không rõ tên) đến hàng, hạ lệnh tha tội cho.

Tháng 8, tiến quân ra phủ Trường Yên. Bắt được mẹ Mậu Hợp ở thành Trung Đô[2]. Thuyền ra cửa sông Hát, tiến thẳng đến Kinh. Quân Mạc thua to, chết đuối nhiều không kể xiết. Từ đấy thu phục hết Kinh thành.

Vài ngày sau, em Phan Ngạn là quận Quỳnh ra thú, cũng tha tội cho. **[4b]** Bấy giờ, tướng Tây đạo nguỵ là quận Nhai (không rõ tên), quận Cao (không rõ tên) đóng quân ở mạn Nhật Chiêu. Ban đêm, đại quân bí mật tiến đến dinh Nhật Chiêu. Quận Nhai sợ chạy. Thu được 40 chiếc thuyền và 7 con voi, đem dâng ở cửa dinh. Vương mừng lắm.

---

[1] Nguyên văn là "tế trung thiên chi nghiệp", ở đây, hẳn là khắc in sai chữ "hưng" thành chữ "thiên". Nên sửa là "tế trung hưng chi nghiệp".

[2] Trung Đô: tức là thành Thăng Long.

Tháng 9, bắt được Ngô Đình Nga ở sông Thiên Đức[1] dâng nộp ở cửa dinh, sai đem chém. Uy Vũ hầu và Nam Dương hầu nguỵ (đều không rõ tên) đem 200 chiếc thuyền đến xứ Ông Mạc[2], huyện Thanh Trì giao chiến với quan quân, thua to; Uy Vũ hầu chạy ra chiếm giữ cửa biển.

Ngăn cấm việc mua bán muối.

Mùa đông, tháng 10, Bình An Vương sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đem quân đi đánh phương Nam. Thuyền đến cửa sông Hoàng Giang[3], giao chiến với Nam Dương hầu, bị thua chạy, bỏ lại hơn 40 chiếc thuyền, thu quân trở về Kinh sư. Vương nổi giận, liền bãi chức của Luân.

[5a] Tháng 11, đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm Hoằng Định năm thứ 1.

Bắc cầu phao qua sông Cái ở bến Ông Mạc.

Tháng 12, giết Vạn quận công (không rõ tên) ở Thảo Tân.

Mạc Kính Cung chạy đến huyện Kim Thành, sai quận Nam (không rõ tên)[4] giữ huyện Nam Xang, lập doanh trại thuỷ bộ, ngày đêm tuần hành phòng giữ. Quận Nam giết Uy Vũ hầu để cướp lương thực. Các tướng ở Sơn Tây là bọn quận Nhai, quận Cao lánh về ở Đại Đồng, bị viên thổ quan ở đó ngầm đánh thuốc độc giết chết.

Tân Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 2 [1601], (Minh Vạn Lịch năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, đại quân của Bình An Vương tiến phát, giao chiến với đảng giặc là Nam Dương [hầu][5]. Tiền phong của quan quân là Chấn quận công (không rõ tên) chết tại trận. Vừa khi quận Nam và quận Nga của giặc đều chết, quan quân đại thắng, thu được thuyền bè, phụ **[5b]** nữ, trâu bò súc vật và tiền của kể hàng nghìn đem về Kinh.

Bêu hai thủ cấp của quận Nam và quận Nga ở Trường Yên để thị uy. Sau lại bắt được em của quận Nam là quận Tào và quận Vị đem nộp ở cửa quân, đều chém cả. Hạ lệnh chiêu an, dân chúng vui vẻ thuận phục.

Tháng 3, Bình An Vương sai quân đi dẹp miền Hải Dương. Mạc Kính Cung nghe tin, bỏ cả binh mã mà chạy. Đại quân đến nơi, đốt hết doanh trại rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, bắt được quận Dũng nguỵ đem giết. (Quận Dũng người huyện Thanh Trì).

Trời mưa đá.

Tháng 5, sửa đắp đê đường từ huyện Chương Đức đến huyện Mỹ Lương để đón rước xa giá.

Mùa thu, tháng 8, vua từ Thanh Hoa tiến về Kinh sư, ngự lên chính điện. Có điềm rồng vàng.

[6a] Mùa đông, tháng 11, bắt đầu mở [lại] khoa thi Hương chọn học trò.

Tháng 12, sai Đăng quận công Nguyễn Khai đem quân đi dẹp các vùng Sơn Nam, Kinh Bắc. Đến tháng 2 năm sau trở về Kinh.

Nhâm Dần, [Hoằng Định] năm thứ 3 [1602], (Minh Vạn Lịch năm thứ 30). Mùa xuân, tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng 10 người. Đến khi thi Đình, vua ngự điện Kính Thiên, thân hành ra đầu đề văn sách. Cho bọn Nguyễn Đăng 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Cung 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

---

[1] Sông Thiên Đức: tức sông Đuống ngày nay.

[2] Xứ Ông Mạc: tức là ô Đống Mác ngày nay.

[3] Cửa sông Hoàng Giang: nay là ngã ba Tuần Vường hay ngã ba Vàng.

[4] Theo Cương mục q.31 thì quận Nam là Nguyễn Dụng (chính tên là Nguyễn Nhiệm, vì tránh huý của Tự Đức, nên chép là Dụng), con Nguyễn Miễn. Cha Miễn là Nguyễn Thiến, đầu hàng chúa Trịnh năm 1550. Sau khi Thiến chết, Nguyễn Miễn cùng anh là Nguyễn Quyện lại trở về với họ Mạc.

[5] Nam Dương: tức Nam Dương hầu là tước phong của Nguyễn Nhiệm, có chỗ còn gọi là quận Nam.

Tháng 2 nhuận, viên thổ tướng Đại Đồng là Thuần quận công (không rõ tên) về hàng.

Tháng 3, trời mưa đá.

Mùa hạ, tháng 4, bắt được Huệ Vũ Vương nguỵ đóng cũi giải về Kinh sư đem chém.

Tháng này, ngày 15, có nguyệt thực[1].

Mùa thu, tháng 8, Bình An Vương duyệt quân ở Thảo Tân.

Quý Mão, [Hoằng Định] năm thứ 4 [1603], (Minh Vạn Lịch năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 3, trong mặt trăng có 3 điểm đen.

[6b] Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, có nhật thực.

Có người huyện Thanh Miện đang đêm vào trong điện ngồi lên ngai rồng, sai đem chém.

Bấy giờ, Bình An Vương ngờ Đăng quận công Nguyễn Khai có bụng khác, sai nội giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm cùm trói lại, tra xét không có tang chứng, sau một năm thì tha.

Giáp Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 5 [1604], (Minh Vạn Lịch năm thứ 32). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đặng Duy Minh 7 người. Đến khi thi Điện, cho bọn Nguyễn Thế Tiêu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Duy Minh 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bính Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 7 [1605], (Minh Vạn Lịch năm thứ 34). Sai chánh sứ Lê Bật Tứ, phó sứ Nguyễn Dụng và Nguyễn Khắc Khoan sang nhà Minh dâng lễ tạ ơn. Lại sai hai sứ bộ gồm bọn chánh sứ Ngô Trí Hoà và Nguyễn Thực **[7a]**, các phó sứ Phạm Hồng Nho, Nguyễn Danh Thế, Nguyễn Úc, Nguyễn Duy Thì sang tuế cống nhà Minh.

Đinh Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 8 [1607], (Minh Vạn Lịch năm thứ 35). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Ngô Nhân Triệt 5 người. Đến khi thi Điện, cho Lưu Đình Chất đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Ngô Nhân Triệt đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mậu Thân, [Hoằng Định] năm thứ 9 [1608], (Minh Vạn Lịch năm thứ 36). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 3, mặt trời có hai lớp quầng.

Năm ấy, trong nước bị đói. Mùa thu, mùa đông thóc gạo quá đắt, nhiều người chết đói.

Canh Tuất, [Hoằng Định] năm thứ 11 [1610], (Minh Vạn Lịch năm thứ 38). Mùa xuân, thi Hội các nhân sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Tiến Dụng 7 người. Đến khi thi Đình, cho Nguyễn Văn Khuê đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn **[7b]** Tiến Dụng 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa đông, tháng 10, Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ khai với Bình An Vương về việc thứ nhất là lập thế tử, dự trao binh quyền để cố kết lòng người; việc thứ hai là xử trí bọn phiên trấn mạnh để thống nhất chế độ: "Bậc vương giả coi cả nước là một nhà, bên giường nằm, lẽ nào để cho kẻ khác nằm ngáy? Nay các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam, Thuận Hoá vốn là bờ cõi của Tiên vương, thế mà lâu năm chứa tệ, để mặc cho họ ngoan ngạnh. Nếu không xử trí, sợ thành mối lo sau này. Nay thánh thượng gắng chí anh hùng, trăm trận trăm thắng mà lấy được cả thiên hạ. Tướng tá đông như mây vần, quân sĩ dũng mãnh, kỹ thuật tinh nhuệ. Ngựa uống thì nước sông cạn, mài dao thì đá núi lở, thuyền chiến nghìn chiếc, voi khoẻ hàng trăm. **[8a]** Quân tinh nhuệ trong nước đều họp cả ở Kinh sư mà nuông giặc không đánh, thế là nuôi hổ để mối lo về sau vậy. Ngày xưa, Đường Hiến Tông nghe lời bàn của Hoàng Thường, lấy pháp độ mà kiềm chế phiên trấn, rồi làm nên công nghiệp trung hưng. Từ đời Đường đến nay há lại không còn những lời trung thành nào để trình lên nữa hay sao? Kính xin quyết đoán thi hành. Cơ nghiệp ức vạn năm vô cùng của nước nhà là do ở đấy".

Tân Hợi, [Hoằng Định] năm thứ 12 [1611], (Minh Vạn Lịch năm thứ 39). Mùa đông, tháng 10, ngày 16, núi Tản Viên bị lở đến hơn 12 trượng. Ngày 18, ở huyện Yên Việt[1], trời mưa máu suốt một ngày một đêm.

---

[1] Bản dịch cũ không ghi sự kiện này.

Nhâm Tý, [Hoằng Định] năm thứ 13 [1612], (Minh Vạn Lịch năm thứ 40). Mùa thu, tháng 8, Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì cùng giám sát ngự sử 13 đạo là bọn Phạm Trân khải lên Bình An Vương rằng:

"Dân là gốc của nước, đạo trị nước chỉ là yên dân mà **[8b]** thôi. Lại nghĩ rằng trời với dân cùng một lẽ, lòng dân vui thích tức là được ý trời rồi. Cho nên người giỏi trị nước, yêu dân như cha mẹ yêu con, thấy họ đói rét thì thương, thấy họ lao khổ thì xót, cấm hà khắc bạo ngược, ngăn thuế khoá bừa bãi, để cho dân được thoả sống mà không còn tiếng sầu hận oán than. Thế mới là biết đạo trị nước, biết cách sai dân. Nay thánh thượng để ý tới dân, thi hành một chính sách cốt để nuôi dân, ban ra một mệnh lệnh, cũng nghiêm răn nhiễu dân. Lòng yêu dân đó, thực là lượng cả của trời đất, cha mẹ vậy. Nhưng kẻ thừa hành thì chưa biết thể theo đức ý của bề trên, chỉ chăm làm điều hà khắc bạo ngược, đua nhau xa xỉ, coi một huyện thì làm khổ dân một huyện, coi một xã thì làm khổ dân một xã, mọi việc nhiễu dân, không điều gì không làm, **[9a]** khiến dân trong nước, con trai thì không có áo, con gái thì không có váy, tiệc hát xướng không còn, lễ cưới xin không đủ, sống nuôi chết đưa không trông cậy vào đâu, ăn uống chi dùng hàng ngày mọi bề đều thiếu, dân mọn nghèo hèn cho đến sâu bọ cỏ cây đều không sống nổi. Vì thế, cảm động đến đất trời, khiến cho lòng trời ở trên không thuận, tai hoạ lũ lụt tràn ngập quá mức thường, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay, há chẳng nên sợ hãi, tu tỉnh, nghĩ đến tội lỗi gây nên thế sao? Nếu biết thi hành chính sách bảo vệ dân thì dưới thuận lòng người, trên hợp ý trời, và chuyển tai hoạ thành điềm lành, lúa được mùa luôn, người người no đủ, trong nước thái bình, cơ nghiệp ức muôn năm của nước nhà từ nay cũng do đó mà bền vững lâu dài vậy".

Mùa đông, tháng 10, thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng bắt được Tiêu quốc [công] nguỵ ở núi Thiên Kiện **[9b]** (Tiêu quốc [công] người xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng).

Quý Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 14 [1613], (Minh Vạn Lịch năm thứ 41). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Bùi Tất Thắng 7 người. Đến khi thi Đình, cho bọn Nguyễn Tuấn 7 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, sai hai đoàn sứ bộ gồm chánh sứ Lưu Đình Chất và Nguyễn Đăng, cùng phó sứ Nguyễn Đức Trạch, Hoàng Kỳ, Nguyễn Chính, Nguyễn Sư Khanh sang tuế cống nhà Minh.

Tháng 5, ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 8, sai thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng đi dẹp các xứ Yên Quảng để mở rộng bờ cõi. Đi đến đâu, nhân dân quy phụ đến đấy. [Trịnh Tráng] để lại thuộc tướng trấn giữ rồi về.

[10a] Mùa đông, tháng 11, sai triều thần chia nhau đi các xứ xét hỏi nỗi đau khổ của dân gian. Người phiêu giạt thì tha tạp dịch ba năm để về yên cư phục nghiệp.

Giáp Dần, [Hoằng Định] năm thứ 15 [1514], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42). Mùa hạ, tháng 6, sắc phong các vương tôn là Trịnh Trượng làm Liêm quận công, Trịnh Tạc làm Vinh quận công, Trịnh Đồ làm Hương quận công, Trịnh Bảng làm Hội quận công, Trịnh Trân là Phổ quận công, Trịnh Liêm làm Lãng quận công, Trịnh Thức làm Luân quận công, Trịnh Lệ làm Hoà quận công.

Mùa thu, tháng 9, phong vương tử là Trịnh Lệ làm Quỳnh quận công. Lấy Hình khoa đô cấp sự trung Nguyễn Hữu Tác làm tham chính Hải Dương.

Mùa đông, tháng 11, có tiếng sấm.

[10b] Ất Mão, [Hoằng Định] năm thứ 16 [1615], (Minh Vạn Lịch năm thứ 43).

Mùa xuân, tháng 2, quan triều đường là bọn Nguyễn Lễ dâng khải trình bày thói tệ đương thời gồm 8 điều. Bình An Vương khen nhận, đặc cách ban thưởng rất hậu.

Tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực.

---

[1] Huyện Yên Việt: sau là huyện Việt Yên, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Ngày 28, giờ Thân, nước đầm các xã Hoằng Liệt, Thịnh Liệt bỗng dưng khô cạn, sau 5 khắc lại đầy như cũ.

Mùa thu, tháng 8 nhuận, sai bọn Thái uý Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên cùng với bọn Hình bộ thượng thư kiêm Đông các học sĩ Mỹ Khê hầu Nguyễn Lễ đón tiếp sứ thần trở về.

Bính Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 17 [1616], (Minh Vạn Lịch năm thứ 44). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 26, có nguyệt thực.

Tháng ấy, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Vũ Miễn 4 người. Đến khi thi Đình, cho bọn Lê Trí Dụng đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, lấy Lại bộ hữu **[11a]** thị lang Xuân Dương bá Nguyễn Danh Thế làm Hộ bộ tả thị lang; Công bộ hữu thị lang Lễ Xuyên bá Nguyễn Khắc Khoan làm Hình bộ tả thị lang; Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì làm phó đô ngự sử. Lại bàn công đi sứ, thăng tự khanh Nhân Lĩnh bá Lưu Đình Chất làm Lại bộ hữu thị lang; Phúc Nham bá Nguyễn Đăng làm Hộ bộ hữu thị lang, đều gia tước hầu; Tham chính Đường Xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh, tước bá.

Tháng 3, ngày 27, thăng Thự vệ sự Đông Dương hầu Nguyễn Văn Tộ làm Miện quận công, Hoa Dương hầu Vương Châu làm Phó quận công.

Mùa thu, tháng 9, bọn Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ và Lại bộ hữu thị **[11b]** lang Nhân Lĩnh hầu Lưu Đình Chất dâng khải lên Bình An Vương rằng: Lòng trời nhân ái, tất tỏ điềm trong khiển trách bảo ban, nếu không biết tự sửa mình thì trời lại xuất hiện tai biến khác thường để cảnh cáo, răn đe. Qua đó đủ biết lòng trời nhân ái vào người làm vua đã đến hết mức vậy. Khoảng tháng 5 tháng 6 năm nay, đương mùa cày cấy, trời đã làm hạn hán, nhà nông thất vọng. Nay ngày tháng 8, lúa má đương làm đòng, trời lại giáng đại hạn khắp cả mọi nơi. Một năm hai lần hạn, tai dị xuất hiện liền liền, dân thôn quê bao người ta oán, chắc là có quan hệ đến chính sự hiện nay mà xảy ra như thế. Nay nghe có lệnh thúc các huyện, xã xứ Thanh Hoa theo từng hạng tuyển thêm binh lính. Sợ rằng bây giờ không phải là lúc duyệt tuyển. Nếu lệnh ấy thi hành thì những người quyền thế cai quản cũng theo thế mà bắt chước, lại tuyển bổ thêm, dân **[12a]** chịu sao nổi? Kính xin lấy lòng kính trời thương dân, tạm dừng việc đòi thêm lính để làm điều nhân chính. Như thế thì đẹp lòng dân, được ý trời, khí hoà đem đến điềm lành, mưa móc thuận thời, lúa má tươi tốt, nhân dân được hưởng phúc lành no đủ, thế nước vững vàng như bàn thạch, Thái Sơn, mà con cháu được hưởng phúc mãi không cùng.

Đinh Tỵ, [Hoằng Định] năm thứ 18 [1617], (Minh Vạn Lịch năm thứ 45). Mùa xuân, tháng giêng, ngày rằm, có nguyệt thực.

Lấy Lang trung Bùi Bỉnh Di làm giám sát ngự sử đạo Yên Quảng vì cớ là cả họ trung nghĩa, trước sau vẹn tiết. Lại lấy Lang trung Đỗ Thế Long làm giám sát ngự sử đạo Quảng Nam và cha Long có công với nước cho nên cất nhắc.

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, có bão lớn, nước lụt tràn ngập, thóc lúa mất **[12b]** hết.

Ngày 16, có nguyệt thực.

Gia phong Lại bộ thượng thư chưởng lục bộ sự kiêm Ngự sử đài đô ngự sử Lễ quận công Nguyễn Văn Giai làm thiếu phó.

Tháng 9, bấy giờ lúa đương chín, có bão to, nước mặn vỡ vào, dân gần biển bị hại nhiều.

Xứ Sơn Tây có nhiều sâu lúa.

Mậu Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 19 [1618], (Minh Vạn Lịch năm thứ 46). Mùa xuân, tháng giêng, ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 2, sai Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng đem thuộc tướng là bọn Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Lễ quận công Nguyễn Văn Giao, Bạt quận công (không rõ tên), Hữu quận công Tạ Thế Phúc, Đặng quận công Nguyễn Khải, Phụ quận công Nguyễn Hắc cùng với Đốc thị Lễ bộ tả thị lang Phương Lan hầu Nguyễn Thực; lại sai Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đem thuộc tướng là bọn Cống quận **[13a]** công Hoàng Đình Phùng, Luân quận công Trịnh Thúc, Phổ quận công Trịnh Trân, Lãng quận

công Trịnh Liêm cùng với Đốc thị là Phó đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì, chia thành hai đạo tiến quân hợp đánh Khánh Vương họ Mạc[1] và bọn Trí Thuỷ nguỵ. Đảng giặc nghe tin, đều trốn xa.

Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng mật sai Phú Lộc hầu (không rõ tên) chém được Lập quận công nguỵ.

Tháng 3, sai Thái bảo Trấn quận công Trịnh Lâm đem bọn thuộc tướng là bọn Lộc quận công (không rõ tên), Hội quận công Trịnh Bảng đi đánh đảng nguỵ ở Vũ Nhai. Lấy Hình bộ tả thị lang Lễ Xuyên bá Nguyễn Khắc Khoan làm đốc thị. Lại sai thêm 1.000 tướng sĩ dinh Tả quân và 1.000 tướng sĩ dinh Tiền quân cùng tiến đánh. Đảng giặc nghe tin đều sợ hãi **[13b]** tan vỡ.

Mùa hạ, tháng 4, bấy giờ lúa rất tốt, bèn chia sai bồi đắp đê điều các xứ để phòng nạn lụt.

Tháng ấy, núi Đồng Cổ ở xã Đan Nê thượng, huyện Yên Định bị lở. Sai quan đến cáo tế.

Ngày 2, giờ Dần, có sao Chổi mọc ở phương tây nam, hình như tấm lụa đỏ.

Ngày 28, giờ Dậu, có ngôi sao bay thẳng về phương tây, hình như tấm lụa.

Tháng 4 nhuận, sai bọn Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng và Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đốc lĩnh voi ngựa, quân lính đi đánh bè đảng Hào quận công nguỵ ở vùng Yên Dũng[2]. **[14a]** Các quân bị lam chướng phải trở về, người ngựa tổi hại nhiều.

Mùa thu, tháng 8, trời mưa vàng, hình như hạt gạo vàng, lại mưa gạo, như loại gạo đen, mưa rượu, như là rượu ngọt.

Tháng 9, bấy giờ có khí trắng như hình cái búa đứng thẳng, mỗi đêm hồi canh năm thường hiện ra ở phương đông nam, từ hạ tuần tháng ấy đến thượng tuần tháng 10 mới hết.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, Lại bộ tả thị lang Phú Xuân hầu Ngô Trí Hoà, Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ cùng với bọn Phạm Trân dâng khải lên Bình An Vương rằng: Trộm thấy, hạ tuần tháng 9 năm nay có sao lạ mọc ở phương nam vào giờ Dần, dài đến hơn 1 trượng, lại có sấm động trái thời. Tháng trước lại mưa ra gạo đen, mưa ra **[14b]** cát vàng. Các việc ấy đều là quái dị, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay. Những việc trái lẽ hại đạo khó mà kể hết, xin trình bày sáu việc sau: 1- Xin sửa đức để cầu mệnh trời; 2- Ngăn quyền hào để nuôi sức dân; 3- Cấm phiền hà để dân sống được; 4- Cấm xa xỉ để của dân dồi dào; 5- Dẹp trộm cướp để dân an cư; 6- Sửa quân chính để bảo vệ dân. Bấy giờ vua trao hết mọi việc quốc gia cho Bình An Vương quyết định, cho nên khải trình lên là muốn để vương biết rõ mà giúp việc thi hành nhân chính.

Lại bộ hữu thị lang Nhân Lĩnh hầu Lưu Đình Chất dâng khải lên Bình An Vương rằng: "Trộm nghĩ, trời giáng tai dị hay ban điềm lành là do có đức hay không. Làm điều thiện thì hiện ra điềm lành, làm điều ác thì răn bằng tai dị. Song nhân tai dị mà sửa đức thì không **[15a]** tổn hại gì. Cho nên người xưa lấy trời để tự xử mà kính cẩn đối với mệnh trời. Hán Văn Đế biết thuận lòng trời mà biến dị đều hết, Tống Cảnh Công nói một câu lành mà sao xấu lui đi. Nhà nước ta từ khi khôi phục đến giờ, trời đất chưa ứng, điềm lành chưa đến, mà tai dị lại liên tiếp xảy ra. Như mùa thu năm nay, trời mưa xuống than đen thì đó là tai dị, nhưng đương thời tránh nói là tai dị, lại bảo là mưa gạo. Đâu phải đến mức khí hoà như đời Hoàng Đế mà trời mưa ra gạo? Trời mưa xuống cát vàng, đó là quái dị, mà thuật sĩ lại thích nói là điềm lành bảo là mưa vàng. Đâu phải là vận được hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa ra vàng? Hẳn là trời tỏ sự răn đe mà chưa biết tỉnh ngộ, nên hạ tuần tháng 9 qua đến thượng tuần tháng này, sao lạ hiện ra ở phương đông nam, ai trông thấy **[15b]** cũng phải sợ hãi, thực không phải là điềm lạ nhỏ. Có phải do đức chưa tu sửa, chính còn thiếu sót mà dẫn đến thế chăng? Nay chính sự thi hành không bằng năm trước, mệnh lệnh ban bố không thể theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm làm điều hà khắc tàn ngược, vét hết tài sản của dân, những tiếng than sầu khổ cũng đủ cảm động đến trời mà trời răn bảo bằng điềm quái lạ, người làm chúa trông thấy thế cũng nên tự xét. Kính xin kính cẩn sự răn bảo của trời,

---

[1] Tức Mạc Kính Khoan.

[2] Yên Dũng: tên huyện, nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

thương nuôi dân mọn, một chút gì có lợi cho dân đều nên làm, một tệ gì có hại cho dân đều nên bỏ. Lại càng phải thi hành nhân chính đối với dân. Dân phố phường ở Kinh kỳ thực đáng thương xót, nên truyền lệnh các tướng cấm ngăn bọn cướp đoạt để mạnh gốc rễ của nước; dân Thanh Hoa tứ chiếng thực đáng thương xót, nên nhắc các tướng không được phiền nhiễu để làm vững **[16a]** nền móng của nhà nước. Như thế thì người gần đội ơn mà vui lòng, người xa thì nghe tiếng mà kéo đến. Thế là được lòng dân. Lòng dân vui ở dưới thì đạo trời ứng ở trên, sẽ thấy sao tai dị chuyển thành sao sáng lành, mưa tai dị chuyển thành mưa hoà thuận, các thức phúc đều đến cả và vương đạo đại thành vậy".

Các triều thần dâng tờ tâu đại lược nói: "Mối quan hệ giữa trời với người là đáng sợ lắm. Việc người không sửa thì trời lấy tai dị để răn bảo. Năm nay, từ hạ tuần tháng 9 đến thượng tuần tháng này, mỗi đêm vào hồi canh năm, sai tai dị hiện ra ở phương nam hình như mây trắng, hình như lụa trắng, như cái thoi nhọn, như cái mũi giáo, đầu đuôi nhỏ và nhọn, trông rất dễ sợ. Lại có mưa vàng như đất, mưa xuống gạo sắc đen, mưa xuống rượu vị **[16b]** ngọt, lại thêm sấm động trái thời, tai dị liên tiếp. Tai biến không phải bỗng dưng mà có, hẳn là bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương lỏng lẻo, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự bất hoà mà đến thế chăng? Kính xét Chu thư có nói: "Vua thì xem vào sao Tuế, các khanh sĩ thì xem vào mặt trăng, thứ dân thì xem vào các sao", là nói việc người có điềm được mất, tốt xấu đều ứng hiện theo loại cả. Năm nay ban đêm hiện ra sao lạ, tai dị xảy ra luôn, đó là trời tỏ răn bảo, chính là lúc phải sợ hãi chăm lo. Thấy lòng trời nhân ái, thường ngụ trong việc răn trách thì xin sửa đúc để trừ đi là được. Xưa Tống Cảnh Thông nói một câu lành mà sau tai dị phải lui đi, Tống Thái Tông mở đàn trai nhưng mà sao Chổi tự nhiên lặn mất. Xét việc đời trước đã làm, có thể chứng nghiệm. Bọn thần **[17a]** cúi xin đức lớn cao sáng nhân có tai biến mà sợ hãi trách mình sửa nết, đặt đàn cầu trời, trai giới đảo ngầm, ngõ hầu lòng thành cảm thấu đến trời, hiện tượng huyền vi cũng ứng theo, sao tai dị lùi chỗ, khí hoà sinh điềm lành, âm dương điều hoà mà mưa gió phải thì, quần sinh hoà hợp mà muôn vật nảy nở, nhân dân được vui chiếu chăn êm ấm, nhà nước vững bền như bàn thạch, Thái Sơn, cơ nghiệp truyền nối từ nay được dài lâu, để phúc của tông miếu xã tắc kéo dài ức muôn năm không cùng". Vua xem tờ tâu, lưu lại trong cung.

Tháng 11, canh năm, sao Chổi mọc ở phương đông hơn một tháng mới lặn. Triều thần làm tờ khải với Bình An Vương rằng: "Năm nay, hạ tuần tháng 9 có sao lạ lại hiện ở phương đông nam; đêm ngày 11 tháng này lại có sao lạ xuất hiện. Tai dị thấy liền như vậy **[17b]** chắc là người trên đức chưa tu sửa, chính sự có chỗ sai lầm, hoặc mưu người có ý đồ khác mà đến thế chăng? Như nhà vua rủ áo khoanh tay ở trên, những người thân cận đều là ngay thẳng, mọi việc thi ành đều theo chính đạo, thỉnh thoảng vẫn có kẻ gian ra vào nội điện, xui giục làm càn; như việc tuyển bổ đã có Lại bộ mà lại có chức danh trái lệ, việc thuế khoá đã có Hộ bộ mà lại sai người ra dân thu tranh, việc kiện tụng đã có nha môn tra xét lại có khi nghe lời vu cáo, bắt người lấy của, việc quân đã có phủ, ty, vệ sở, lại có khi sai người đi bắt, quân dịch nặng nề, xin chép đủ ra để trừ bỏ tệ trước, chiếu theo đó mà làm. Kỷ cương pháp độ đã có phép cũ để lại, như tướng chỉ cho coi quân, không được coi dân, mà nay bọn cai quản lại chuyên coi dân, chuyên lấy của, chuyên giết người, lại tuyển riêng lấy thêm lính, một nhà đến 5, **[18a]** 6 người, thu thuế nặng nề, một thửa ruộng đến 2, 3 lớp tô; bọn cai tổng, xã trưởng thì bắt hỏi việc kiện tụng về hộ khẩu, hôn nhân, ruộng đất, trên đường bộ, đường thuỷ đặt riêng nha môn tuần ty, tuần sát. Xin hạ lệnh cho các tướng đình bãi hết thảy. Còn như kẻ nào ngầm có bụng khác, đó là kẻ mưu làm bậy, kính xin Vương tự xét định. Những việc tệ này là điều sao trời đã tỏ ý răn bảo. Nay chính là lúc phải sợ hãi tu chỉnh. Nên triệu các đại thần cùng các vương tử, dụ cho biết vương nghiệp gian nan, phải trừ bỏ mối tệ, cốt cho được lòng dân, ngõ hầu lòng người vui, ý trời thuận, sao tai dị chuyển thành sao lành, đời trị biến thành thịnh trị, thái bình đủ mười phần, con cháu truyền ức năm, cơ nghiệp nước nhà từ nay được lâu dài mãi mãi. Xin Vương lưu ý suy xét".

Kỷ Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 20 [1619], (Từ tháng 6 trở đi là Thần Tông Vĩnh Tộ năm thứ 1; Minh Vạn Lịch năm thứ 47). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, **[18b]** giờ Mùi, cháy lớn, bắt đầu từ cửa Vương phủ, sau lan ra phố phường hai bên, cháy vào đến lầu cửa Đoan Môn của Triều đường và các nhà trực hai bên tả hữu đều cháy hết sạch.

Tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Hữu Lễ 7 người. Đến khi thi Điện, cho Nguyễn Lại đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Bùi Cầu 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, Bình An Vương đến lầu ở bến Đông xem đua thuyền. Khi về đến chỗ ngã ba, chợt có súng nấp bắn vào voi của Vương. Bắt được người bắn, tống giam tra khảo mới biết vua và vương tử Trịnh Xuân ngầm mưu giết Vương.

Mùa hạ tháng 4, Vương sai phó Thanh quận công Trịnh Tráng cùng nội giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào nội điện tra hỏi, biết hết tình trạng.

Tháng 5, ngày 12, bức vua thắt cổ chết. Sau truy tôn là Huệ Hoàng **[19a]** Đế, miếu hiệu là Kính Tông.

Tháng 6, hoàng tử lên ngôi ở điện Cần Chính, đổi niên hiệu là Vĩnh Tộ năm thứ 1. Đại xá.

Trước đây, Vạn quận công Trịnh Xuân ngầm mưu bắn vương phụ, đến đây, Lê Bật Tứ hặc tội, bị giam vào nội phủ.

Thần Tông Uyên Hoàng Đế (Thượng)

Tên húy là Duy Kỳ, con trưởng của Kính Tông, ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 6 năm, lại lên ngôi 13 năm, thọ 56 tuổi thì mất, chôn ở lăng Quần Ngọc. Vua sống mũi cao, mặt rồng, thông minh học rộng, mưu lược sâu, văn chương giỏi, xứng đáng là bậc vua giỏi. Song chốn cung vì không có chế độ, mê hoặc Phật giáo, đó là chỗ kém.

Mẹ ngài là Đoan Từ Hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trinh, là con gái thứ của Thượng phụ An Bình Vương, sinh ra vua vào ngày 19 tháng 11 năm Đinh Mùi, Hoằng Định năm thứ 9 [1607], **[19b]** đến khi Kính Tông băng, Bình An Vương tôn lập làm vua. Lấy ngày sinh làm Thọ Dương khánh tiết.

Canh Thân, [Vĩnh Tộ] năm thứ 2 [1620], (Minh Vạn Lịch năm thứ 48). Vua Thần tông nhà Minh băng, thái tử Quang Tông lên ngôi, được 6 tháng thì băng. Hy tông liền lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Khải.

Sai hai sứ bộ gồm chánh sứ Nguyễn Thế Tiêu và Nguyễn Cung, phó sứ là bọn Bùi Văn Bưu, Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Khuê, Nguyễn Tuấn sang tuế cống nhà Minh.

Tân Dậu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 3 [1621], (Minh Hy Tông Thiên Khải năm thứ 1).

Mùa thu, tháng 8, phương đông có cầu vồng trắng, dài đến nửa trời.

Nhâm Tuất, [Vĩnh Tộ] năm thứ 4 [1622], (Minh Thiên Khải năm thứ 2). Mùa thu, tháng 8, trời mưa to, thành nội lở đổ đến 6, 7 chỗ, cộng hơn 30 trượng.

[20a] Quý Hợi, [Vĩnh Tộ] năm thứ 5 [1623], (Minh Thiên Khải năm thứ 3). Mùa xuân, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Phi Kiến 7 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện các cống sĩ. Bấy giờ người làng Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hoá là Nguyễn Trật ngầm mượn người làm bài, việc phát giác. Vương không bằng lòng, cho nên khoa ấy không cho treo bảng vàng.

Tháng 5, giếng đá ở cửa chùa Báo Thiên bỗng dưng bị lấp hỏng.

Tháng 6, Bình An Vương bị cảm, bèn cùng với các quan văn võ bàn chọn thế tử.

Ngày 17, triều thần tâu xin lấy thế tử của Vương là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng giữ binh quyền, lại lấy con thứ là Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân phụ giữ binh quyền.

Ngày 18, Trịnh Xuân tự đem quân lính, voi ngựa, súng đạn bản bộ dàn bày ở xứ Đình Ngang, sai bọn Điện quận công, Bàn quận công đem quân phá vào Nội phủ, cướp đoạt voi ngựa, vàng bạc, của cải, bức **[20b]** Vương dời ra ngoài thành, rồi phóng lửa đốt cháy tràn lan các xứ trong Kinh kỳ.

Lúc ấy, chưởng giám là Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm thấy việc biến, liều mình phò Vương trong lúc nguy nghi.

Ngày hôm ấy, Vương thế tử Trịnh Tráng họp bàn với các quan, sai em là Thái bảo Dũng quận công Trịnh Khải đón thánh giá và theo hầu hộ vệ. Vương thế tử Trịnh Tráng hội các quan văn võ ở chợ Nhân Mục, huyện Thanh Trì bàn việc hành quân. Bấy giờ Bình An Vương xiêu giạt ra xứ Quán Bạt, xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, sai Bùi Sĩ Lâm hộ vệ vào dinh của em ruột là Phụng quốc công Trịnh Đỗ, dụ Trịnh Xuân vào để trao cho đại quyền. Xuân ngậm cỏ, phủ phục ở sân. Vương kể tội của Xuân là kẻ loạn thần tặc tử, rồi truyền Sĩ Lâm sai người chặt chân Xuân cho chết.

Bấy giờ, Trịnh Đỗ sai con trai của mình là Thạc quận công **[21a]** (không rõ tên) đi đón thế tử Trịnh Tráng tới bản doanh. Thế tử Trịnh Tráng bèn cùng với quận Thạc cưỡi chung một con voi mà đi. Bấy giờ Lưu Đình Chất biết rõ cha con Trịnh Đỗ ngầm mưu làm phản, liền rảo bước đuổi kịp can rằng: "Quận Thạc là tên nghịch tặc, minh công không nên đi cùng với nó". Tráng mới tỉnh ngộ, bèn bảo quận Thạc cứ trở về dinh, rồi chỉnh đốn binh mã về đóng ở Ninh Giang.

Ngày 20, Sĩ Lâm hộ vệ Vương đến quán Thanh Xuân, huyện Thanh Oai. Vương mất ngày 25, Thế tử Trịnh Tráng đón đem về Ninh Giang phát tang, rồi sai Trị quận công (không rõ tên) sắp sửa 13 chiếc thuyền rước linh cữu thuận đường thuỷ đem về chôn, rồi thân đem các quan văn võ và các dinh cơ trong nước cùng rước Hoàng thượng theo đường tắt, từ xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng ra đường chính trở về Thanh Hoa để lo việc **[21b]** dẹp loạn.

Mùa thu, tháng 7, vua tiến phong Vương thế tử Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng làm Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiểm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Thái uý Thanh quốc công, trao cho xử quyết mọi chuyện.

Bấy giờ Mạc Kính Khoan tiếm hiệu là Long Thái, chiếm cứ Cao Bằng đã lâu, nghe tin trong nước có biến, mới tập hợp bọn manh lệ chốn núi rừng, nhân lúc sơ hở tiến thẳng tới Gia Lâm, đóng quân ở vùng Đông Dư, Thổ Khối. Bọn hùa theo hưởng ứng có đến hàng vạn, lòng người rối động, dân trong vùng không được yên ổn.

Tháng 8, Tiết chế Thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng vâng mệnh hoàng thượng, thân đem các quân tiến phát.

Ngày 21, đánh phá giặc Xuân Quang[1] ở Châu Cầu, quân giặc thua chạy.

Ngày 26, **[22b]** đại binh tiến đến sông Nhị, quân thuỷ, quân bộ ứng tiếp nhau, phá tan quân Mạc Kính Khoan ở vùng Gia Lâm, chém giết rất nhiều. Kính Khoan chỉ chạy thoát được một mình trốn vào rừng núi. Từ đấy, nhân dân trong nước lại được yên ổn như cũ. Kinh thành, cung cấm do đó đều được yên lặng.

Tiết chế Thái uý Thanh quận công Trịnh Tráng thấy trong nước đã yên, mới sai Bồi tụng Hộ bộ tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ cùng với bọn Chưởng giám Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm về Thanh Hoa đón rước thánh giá ngự ra Kinh thành. Các quan đều chầu mừng. Từ đấy, trong nước yên tĩnh, không xảy ra việc gì nữa.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, sách phong Tiết chế Thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương.

Lời kim sách viết: Đức trời mở vận trung hưng, tất sinh người hiền để giúp **[22b]** xã tắc. Làm vua công bằng giữ đạo, phải ban tước hậu để tỏ công lao. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Nay Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự Thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng, đức nghiệp giống như người trước, anh hùng hơn hẳn đời xưa. Khi cầm quân thì trăm trận ra oai, dẹp yên bờ cõi; lúc lập kế thì lòng người đều phục, dựng lại nước nhà. Xiêm quẻ Khôn[2] thêm rạng vẻ người, mệnh quẻ Sư[1] ban

---

[1] Giặc Xuân Quang: có lẽ chỉ đảng của Trịnh Xuân.

[2] Hoà lục ngũ, quẻ Khôn trong Kinh Dịch có câu: "Hoàng thượng nguyên cát" nghĩa là xiêm màu vàng rất tốt. Vì quẻ Khôn chỉ đạo làm tôi, hào ngũ là tượng vua, mà vàng là sắc ở giữa, xiêm là vật trang phục ở dưới, nên ý câu này là vua đối đãi rất tốt với người dưới.

cho tước sủng. Đặc sai Lại bộ thượng thư chưởng lục bộ sự kiêm Ngự sử đài đô ngự sử thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang sách vàng tiến phong làm Nguyên soái Thống quốc chính Thanh Đô Vương, và ban mũ, miện, quyển phục, lại ban ngọc khuê, ruộng đất. Mong rằng tuân pháp độ, giữ công danh, thận trọng giữ chức, kính theo **[23a]** lời huấn trước dốc lòng trung hưởng tước lộc, đáng bậc Vương sách phúc với nước nhà. Vương hãy kính theo đấy!".

Giáp Tý, [Vĩnh Tộ] năm thứ 6 [1624], (Minh Thiên Khải năm thứ 4). Truy phong Bình An Vương làm Cung Hoà Khoan Chính Triết Vương.

Lời kim sách viết: "Vương là bậc khôi phục cơ đồ, mở mang nghiệp trước. Triều đình đặt ra lễ hậu, nêu bật công to. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ vàng rực rỡ. Nhớ Nguyên soái tổng đốc quốc chính thượng phụ Bình An Vương xưa thông minh dĩnh đạt, trí dũng anh hào, lấy lòng nhân nghĩa, cứu vớt sinh linh, giữ yên xã tắc, xoay lại đất trời, giúp vầng nhật nguyệt, công đức cao dày. Yên con nối để lại mưu kế sâu xa, đáp công to ban phong danh hiệu tốt đẹp. Đặc sai quan đem sách vàng truy phong làm Cung Hoà Khoan Chính Triết Vương. Mong rằng: yên vui phu thoả, giúp rập phù trì, để con cháu được hưởng phúc thừa, dòng dõi ức năm dài mãi mãi. Hãy kính **[23b]** theo đấy".

Ất Sửu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 7 [1625], (Minh Thiên Khải năm thứ 5). Mùa thu, tháng 8, bắt đầu sai quan khảo xét các cống sĩ có đức vọng trong nước, lấy bọn Nguyễn Nghi 27 người bổ nhiệm các chức.

Bính Dần, [Vĩnh Tộ] năm thứ 8 [1626], (Minh Thiên Khải năm thứ 6). Sai chánh sứ là Nguyễn Tiến Dụng là Trần Vĩ, phó sứ là bọn Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Tự Cường, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Lại, chia thành hai sứ bộ sang tuế cống nhà Minh.

Đinh Mão, [Vĩnh Tộ] năm thứ 9 [1627], (Minh Thiên Khải năm thứ 7). Mùa xuân, sai quan mang sắc dụ Thái bảo Thuỵ quận công Nguyễn Phúc Nguyên rằng: "Bậc nhân tài hào kiệt, có thể cùng nhau mưu việc lớn lao; đấng trượng phu lập chí, quý ở chỗ biết rõ thời thế. Đậu Dung từ đất Hà Tây về hàng, nổi tiếng ở đời Hán; Điền Hưng đem đất Nguỵ Bác quy thuận, công lao ở đời Đường. Từ xưa, các hiền nhân, quân tử, trí sáng hiểu **[24a]** thời, mới dựng nên công nghiệp ở trên đời, để lại tiếng thơm cho hậu thế.

Nước nhà ta, ứng ý trời, thuận lòng người, thừa thời cơ, mở vận lớn. Thái Tổ Cao Hoàng Đế lấy vũ công bình định thiên hạ, thực nhờ ở công thần giúp đỡ, các vua thánh lấy văn giáo làm nên thái bình, cũng nhờ đại thần cũ khuông phù. Cho nên mới giữ nước được lâu dài. Nào ngờ nửa đường vận bĩ, nguỵ Mạc tiếm ngôi. May mà vận trời chưa thay đổi, lòng người theo triều xưa. Trang Tông Dụ Hoàng Đế nổi dậy ở đất miền Tây, tổ của người là Chiêu Huân Tĩnh Công[2] hiệp sức với Minh Khang Thái Vương[3] xoay chuyển đất trời, sử xanh để tiếng. Vận trời trở lại hanh thông, nước nhà một phen tái tạo. Thế Thông Nghị Hoàng Đế về ngự ở Trung Đô, cha của người là Cẩn Nghĩa Công giúp Thượng phụ Bình An Vương[4] ngày ngày dự bàn việc nước, lo kế dẹp yên thiên hạ, sử sách còn ghi công. Chỉ vì kẻ nghịch thần là bọn Ngạn, Khuê dám bất trung chống lại, nổi quân **[24b]** làm phản, trong nước rối động.

Cha con ngươi có ý muốn giữ trọn thân danh, thân thế bỏ về trấn cũ. Khi ấy nhờ được Đô nguyên soái tổng quốc chính Thượng phụ Bình An Vương trung thành vì nước, nhân nghĩa ra quân, dẹp hết nghịch tặc, thiên hạ nhờ đó lại được bình yên, đến gần 30 năm. Không ngờ tên phản nghịch Xuân, bản chất như sài lang, lòng dạ tựa muông thú, dùng răng chuột để khoét vách, đem nọc độc ra hại quân, khiến cho lòng người dao động. Nhờ được Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương[5] tư chất nhân hậu, chí khí anh hùng và các đại thần thân huân văn võ, đồng lòng hiệp sức, cứu tai nạn của vua cha, giúp gian nguy xã tắc, quét sạch bọn Mạc, khôi phục Đô thành, trong ổn ngoài yên, gần vui xa

---

[1] Quẻ Sư trong Kinh Dịch có câu "Vương tam tích mệnh" nghĩa là vua ban mệnh tới ba lần, tỏ ý đặc biệt yêu quý.

[2] Tức Nguyễn Kim.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

[4] Tức Trịnh Tùng.

[5] Tức Trịnh Tráng.

phục. Hiện nay, thời buổi có nhiều việc đáng làm, dân chúng đều trông mong thịnh trị. Nếu người biết nghĩ đến nghĩa vua tôi trên dưới, nhớ tới công cha ông cần lao, mà suy xa, xét kỹ, **[25a]** kính cẩn trung thành, quy phục triều đình thì Trẫm sẽ đối đãi bằng lễ đặc biệt; phong cho tước thượng công. Ngươi gắng giúp nhà ta, để nhà vua được mạnh, thì thân danh của ngươi cùng vinh hiển với nước, đời đời hưởng tước lộc, đời đời là trung trinh, khoán thư chứa vào hòm vàng, nhà đá, lưu truyền tới khi sông cạn, đá mòn, mãi mãi không bao giờ cùng vậy! Ngày nào nhận được dụ này, người hãy chỉnh đốn tướng sĩ, voi ngựa, thuyền ghe, tới Kinh sư để lạy chào cho hợp với nghĩa làm tôi. Nhược bằng vẫn chấp nê, đem quân chống mệnh, thì oai trời giáng xuống, chỉ trong chớp mắt, núi cao cũng biến thành đất bằng. Theo mệnh thì lành, trái mệnh thì dữ, ngươi hãy suy nghĩ". Khi tờ dụ đưa tới, Phúc Nguyên chống mệnh không theo. Bấy giờ mới bàn định việc đi đánh phương Nam[1].

Tháng 2, Thanh Đô Vơng hộ vệ thánh giá thân chinh. Quân đến cửa biển Nhật Lệ, giặc dựa vào thế hiểm chống lại, đại quân **[25b]** mấy lần giao chiến không lợi, liền chỉnh đốn lại quân ngũ trở về.

Mùa thu, tháng 8, thi Hương sĩ nhân các xứ.

Hy Tông nhà Minh băng. Em là Do Kiểm lên ngôi, đổi niên hiệu là Sùng Trinh.

Mùa đông, tháng 10, Binh bộ thượng thư, Thiếu phó Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ chết. Tặng tước quận công, ban thuỵ hiệu là Hoà Nghĩa.

Mậu Thìn, [Vĩnh Tộ] năm thứ 10 [1628], (Minh Sùng Chinh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lại bộ thượng thư kiểm chưởng lục bộ sự, kiêm Ngự sử đài đô ngự sử, thái phó, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai chết. Tặng Tư đồ, ban thuỵ hiệu là Cẩn Độ (Văn Giai người ở Phù Lưu Trường, huyện Thiên Lộc[2]).

Tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Giang Văn Minh 18 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Đình. Vua thân ra đầu đề văn sách, hỏi việc thiên hạ và chính sách của triều đình. Cho Giang Văn Minh đỗ tiến sĩ cập **[26a]** đệ đệ tam danh, bọn Dương Cảo 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Phi Hiển 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Kỷ Tỵ, [Vĩnh Tộ] năm thứ 11 [1629], (Từ tháng 4 trở đi đổi là Đức Long năm thứ nhất; Minh Sùng Trinh năm thứ 2). Mùa xuân, xuống chiếu cho các quan văn võ và dân chúng rằng; Viên nhân nào vào năm Quý Hợi [1623] có đủ cả hai công là đi theo và tiến phát về kinh[3], thì được gia thăng chức tước, vinh phong cho chữ công thần.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Đổi niên hiệu là Đức Long năm thứ 1. Đại xá.

Đói to.

Tháng ấy, xuống chỉ rằng: Hễ các dinh cơ đội nào đi theo đánh giặc Mạc ở Cao Bằng có quân công thì nên gia thăng chức tước.

Mùa đông, tháng 10, tiến phong Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương là Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương.

Lời sách văn viết: "Dựng đạo trung ban phúc **[26b]** tỏ ra thường lý công bằng, định đại lễ đền công, nên ban ân điển tôn quý. Ngày tháng tốt lành đã hợp, sách vàng rực rỡ ban ra. Nay Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng, trung hậu nếp nhà, trí năng yên nước, uy vũ vang lừng trăm trận, công tái tạo đã nên; văn giáo thấm khắp bốn phương, vận trị bình lại tới. Trong ngoài đều tin

---

[1] Theo Cương mục q.31 và Đại Nam thực lục tiền biên thì lần ra quân này, Trịnh Tráng sai Nguyễn Khải và Nguyễn Danh Thế đem 5000 quân đi tiên phong, còn mình thì đem đại quân thuỷ, bộ tiến sau, đem cả vua Lê cùng đi. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Dật đem bộ binh ra chống cự và hoàng tử Trung đem thuỷ binh tiếp ứng. Quân Nguyễn phản công rất mạnh, quân Trịnh bị tổn hại nhiều. Lại có tin đồn rằng ở Bắc, bọn Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp làm loạn. Trịnh Tráng phải rút quân về.

[2] Huyện Thiên Lộc sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Chỉ sự kiện năm 1623, Trịnh Xuân mưu phản bị giết, Trịnh Tùng chết, cha con Trịnh Đỗ mưu phản, Trịnh Tráng dẫn vừa rút về Thanh Hoá, sau lại đánh ra Thăng Long khôi phục cơ nghiệp.

người đức vọng, chức vị đáng đứng đầu các quan. Đặc sai quan mang phù tiết, sách vàng, ấn ngọc tiến phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương. Đã ban của báu làm ngọc khuê, lại cho ruộng đất để mở mang bờ cõi. Vương hãy lấy nghĩa thân cận, làm người giúp thẳng, phúc thượng đế sẽ dành ban cho, trau dồi lấy đức, giữ gìn lấy dân, nghiệp thế vương càng thêm dài mãi. Hãy kính theo đấy!".

Tháng ấy, thăng xá nhân trưởng vệ quan Ngọc Lâm hầu Lê Phúc Lai làm Thượng bảo tự khanh Cống quận công, **[27a]** sai đốc coi 4 ty xá nhân (Phúc Lai người xã Sơn Trai, huyện Nông Cống).

Canh Ngọ, [Đức Long] năm thứ 2 [1630], (Minh Sùng Trinh năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, vua lấy con gái của Vương là Trịnh Thị Ngọc Trúc, lập làm hoàng hậu.

Trước đây, Ngọc Trúc đã lấy bác họ vua là Cường quận công Lê Trụ sinh được 4 con. Khi ấy, Lê Trụ bị giam trong ngục. Vương đem Ngọc Trúc gả cho vua, vua lấy vào cung. Triều thần là bọn Nguyễn Thục, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can. Vua không nghe và nói rằng: "Xong việc thì thôi, lấy gượng vậy". Từ hôm ấy trở đi, trời mưa dầm ngày đêm không ngớt.

Tháng 6, nước to đổ về, sông Nhị đầy tràn, ngập vào đường phố. Cửa Nam nước chảy như thác, phố phường nhiều người bị chết đuối. Lại đê điều ở các xã Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì bị vỡ, thóc lúa hoa tổn, nhân dân **[27b]** đói kém.

Mùa thu, tháng 8, mở khoa thi Hương cho sĩ nhân các xứ.

Tháng 9, vua làm 3 toà cung điện và 10 gian hành lang.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai hai sứ bộ sang đòi lễ cống. Ban yến cho xứ thần ở bến Đông Hà. Vương thân đến lầu Giảng Võ, trưng bầy các đồ cống hiến cho sứ thần nhà Minh xem, nhân thể dàn bày nhiều thuyền ghe, voi ngựa ở bờ sông để khoe binh uy, tỏ ra là cường thịnh.

Ngày Nhâm Tuất 17, có nguyệt thực.

Sai quan đi duyệt tuyển.

Bấy giờ bọn khâm sai võ tướng phần nhiều cậy thế thân cận có công, không theo chiếu lệnh, lấy lạm của dân, công nhiên hối lộ, thải người già, miễn bắt lính, điên đảo bất công, nhiều lần bị chất vấn, quở trách, mà quan duyệt tuyển ở Thanh Hoa là bọn Thái Bá Kỳ càng quá lắm. Duy có bọn Cao Ty, Trần Vỹ, Lã Thì Trung, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tài Toàn, Nguyễn Khắc Văn, Nguyễn Trừng là thận **[28a]** trọng giữ phép, không phạm pháp, được lòng dân nhiều, dân đều ca ngợi.

Giám sát ngự sử đạo Hải Dương là Dương Thuần vì việc xét kiện, bị vu cáo phải mất quan.

Sai bọn Công bộ thượng thư Truyền quận công Nguyễn Duy Thì, Binh khoa đô cấp sự trung Giang Văn Minh, cấp sự trung Lê Khả Trù, Hàn lâm viện hiệu thảo Thân Khuê lên cửa quan đợi mệnh.

Mùa đông, tháng 11, sai chánh sứ là Trần Hữu Lễ và Dương Trí Trạch, phó sứ là bọn Nguyễn Kinh Tế, Bùi Bỉnh Quân, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ chia làm hai sứ bộ sang tuế cống nhà Minh.

Nhớ lại các công thần. Sai triều quan đem khám chủ của bọn Tĩnh quốc công Phạm Đốc, Hậu Trạch công Đặng Huấn, Vinh quốc công Hoàng Đình Ái, Dương quốc công Nguyễn Hữu Liêu thờ phụ vào cung miếu ở các xứ Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, bốn mùa phối hưởng.

[28b] Tân Mùi, [Đức Long] năm thứ 3 [1631], (Minh Sùng Trinh năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, tượng thần Lý Ông Trọng đền Thuỵ Hương[1] đổ mồ hôi.

Ngày mồng 6, có gió to từ phương đông bắc, làm gãy cây, đổ nà, nhiều thuyền bị đắm.

Hiến sát phó sứ Thuận Hoá là Vũ Chân trở về triều đình.

---

[1] Đền Thuỵ Hương: tức đền Chèm, ở huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

Chân người xã Bình Lãng Thượng, huyện Thiên Lộc. Trước đây bị Nguyễn Hoàng ngăn trở, trải 18 năm, đến nay mưa với Mậu Lương hầu Bùi Văn Tuấn đi đường tắt về triều. Vương hỏi việc phiên trấn xa, ban thưởng rất hậu, rồi cho Chân làm phủ doãn phủ Phụng Thiên, ban cho mũ, đai, triều phục. Cho Văn Tuấn tước Mậu quận công (Văn Tuấn người xã Bái Nại, huyện Tống Sơn).

Đá núi Hoàng Sơn[1] huyện Nông Cống bị lở.

Đá núi Kẽm Trống huyện Gia Viễn bị đổ.

Bồi đắp đê điều các xứ.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Minh Triết 6 người.

Khi ấy **[29a]** có Nguyễn Văn Quang người xã Đặng Xá, huyện Cẩm Giàng thiếu điểm lại được đỗ, sai xoá tên đi. Trước đó, vua coi thi, thấy mặt trời có quầng, mống đỏ vây bọc xung quanh, lại có mống trắng xuyên vào giữa mặt, mọi người cho là ứng vào điềm ấy.

Ngày thi Đình, vua thân ra đầu đề văn sách. Cho Nguyễn Minh Triết đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh, bọn Lê Biện 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Danh Thọ 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Xứ Hải Dương có mưa đá, hòn thì như đá lớn, hòn thì như đầu ngựa, người và vật bị hại.

Chính phi của Vương là Nguyễn Thị Ngọc Tú chết. Phi là con gái Nguyễn Hoàng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Ất Mão, sét đánh núi Mã Yên ở Tây Kinh, đất nứt đến 5 trượng.

Ngày Kỷ Mùi 16, có nguyệt thực, gặp lúc trời mưa gió tối trời, không trông thấy.

Chó ngao đá ở điện Tây Kinh nứt vỡ, gãy ngang lưng rơi xuống đất.

Giếng đá ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì kêu vang **[29b]** như sấm.

Tháng 5, mống đỏ mọc ngang trời, một khắc mới tan.

Tháng 6, Vương thân ngự ở Đông lâu, sai đào sông cho thuyền đánh nhau và tập bắn. Bấy giờ, có lửa cháy từ đầu sông, cháy lan đến cửa tả vương phủ, phố phường hai bên và các nhà Triều Nguyên, Triều Đường trong thành nội. Vua tránh ra nhà Hoa Dương hầu (không rõ tên) 4 ngày mới về cung.

Mùa thu, tháng 8, ngày 29, ở vực Rồng xã Lai Duệ, huyện Thuỵ Nguyên có những vật nổi lên mặt nước trông như đầu trâu, đầu ngựa, đầu người, đầu rắn, không biết bao nhiêu mà kể.

Tháng 9, ngày mồng 3, gió to làm gãy cây, tốc nhà. Từ ngày mồng 4 đến ngày mồng 6, mưa như trút, nước sông Nhị dâng to, điện đình trong ngoài nước ngập sâu đến 1 thước.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, có nhật thực. Vua cho là bản mệnh cùng hợp với ngày ấy và năm ấy, chỉ trai giới mà không hô cứu mặt trời.

Lấy Hữu thị lang **[30a]** Nguyễn Tuấn, Bùi Bỉnh Di, Nguyễn Tự Cường làm Tả thị lang; Thiêm đô ngự sử Trần Vĩ làm Phó đô ngự sử; Tự Khanh Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Lại làm Hữu thị lang.

Đổi ngang chức cho Trần Nghi làm tham chính xứ Sơn Tây; đưa Phạm Phúc Khánh ra làm hiến sát sứ Lạng Sơn; Đặng Phi Hiển làm hiến sát sứ xứ Tuyên Quang, Lê Phan Lân làm hiến sát sứ xứ Yên Quảng, vì bọn Nghi làm quan không giữ gìn cẩn thận.

Ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 11, sai Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc phó tướng Tây quận công Trịnh Tạc thống lĩnh tướng sĩ bản bộ và các dinh cơ dưới quyền quan binh châu Bố Chính trấn giữ xứ Nghệ An; lấy Thái bộc tự khanh Giang Văn Minh làm đốc thị. Lại sai Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm trấn thủ xứ Thanh Hoa, **[30b]** lấy Tự khanh Nguyễn Khắc Văn làm đốc đồng. Đều vâng mệnh ra trấn. Đi đến đâu ban hành lệnh cấm, trong cõi yên lặng.

---

[1] Núi Hoàng Sơn: tức núi Nham Cát, huyện Nông Cống, Thanh Hoá.

Núi xã Đa Giá, huyện Gia Viễn đá lở xuống hơn 17 trượng.

Nhâm Thân, [Đức Long] năm thứ 4 [1632], (Minh Sùng Trinh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Hợi, truy tôn Hoàng khảo Giản Huy Đế làm Kính Tông Huệ Hoàng Đế, rước thần chủ vào Thái miếu để thờ.

Tháng 2, gia phong mỹ tự sách vàng cho Thái Vương, Triết Vương và sách bạc cho Hậu Trạch công[1].

Ngày 21, giờ Tỵ, có hai cái mống, một cái đỏ, một cái trắng vòng vào mặt trời, một khắc mới tan.

Sai bọn Lễ bộ thượng thư, Thiếu uý Lan quận công Nguyễn Thực cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn bạc, phong Tả tiệp quân dinh Thái phó Sùng quận công Trịnh Kiều làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự **[31a]** phó chưởng quốc chính thái uý Sùng quốc công, mở phủ gọi là phủ Hùng Uy. Lại sai chia quân cầm phù tiết, mang sách bạc và ấn phong Hiệp nghĩa dinh Thái uý Tung quận công Trịnh Văn là Tung Nhạc công, mở phủ gọi là phủ Hiệp Nghĩa; phong Phù nghĩa dinh thái uý Dũng quận công Trịnh Khải làm Dũng Lễ công, mở phủ gọi là phủ Phù Nghĩa; phong Thắng nghĩa dinh Thái phó Quỳnh quận công Trịnh Lệ làm Quỳnh Nham công, mở phủ gọi là Thắng Nghĩa. Lại lấy bọn thái bảo Phụ quận công Nguyễn Hắc và Binh bộ thượng thư Thái bảo Đăng quận công Nguyễn Khải làm thái phó. (Hắc là con Nguyễn Hoàng).

Tháng 3, ngày 16, giờ Dậu, có nguyệt thực.

Cho bọn Lễ bộ thượng thư Lan quận công Nguyễn Thực, Binh bộ thượng thư Nguyễn Khải đều lấy danh nghĩa quốc lão tham dự triều chính.

Mùa hạ, tháng 4, bãi tước của Nguyễn **[31b]** Tuấn, Nguyễn Lại. Bấy giờ, bọn Lại bộ tả thị lang Nguyễn Tuấn, hữu thị lang Nguyễn Lại tuyển bổ các chức phần nhiều những lạm. Quan triều đường là bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Khải hặc tội, bị bãi chức. Lại giữ trách nhiệm tuyển bổ, lấy nhiều của đút, có người làm câu hát rằng: "Các chức vị viên, lưỡng Bột tận điền" [Các chức bổ đủ người, hai làng Bột[2] hết ruộng].

Gia thăng Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn Lâm viện thị độc chưởng Hàn lâm viện sự, Đông các học sĩ, quốc lão tham dự triều chính. Thiếu uý Lan quận công Nguyễn Thực làm thái bảo; Công bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tư nghiệp Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì làm thiếu phó. Lấy bọn Việt quận công Trịnh Trình, Luân quận công Trịnh Thức, Đức quận công Trịnh Hàng, Lăng quận công Trịnh Bảng, Diên quận công Trịnh Nha, Hồng quận công Trịnh Lựu làm thái bảo; bọn Lan quận công Hoàng Nghĩa Phỉ, Phù quận công Trịnh Lịch, Tây quận công **[32a]** Trịnh Tạc làm thiếu uý.

Tháng 5, triều đình nghị bàn, muốn bào cử Hộ bộ tả thị lang Mai Khê hầu Nguyễn Tiến Dụng làm Lại bộ tả thị lang. Thái phó Nguyễn Khải hặc Dụng trước làm đề điệu trường Thanh Hoa, cố tình lấy người nọ bỏ người kia, không đáng được chức ấy. Bèn cho Phó đô ngự sử Trần Vỹ làm Lại bộ tả thị lang; Lễ bộ hữu thị lang Đỗ Khắc Kính làm Lại bộ hữu thị lang; Lại khoa đô cấp sự trung Nguyễn Duy Hiểu làm thiêm đô ngự sử.

Chia sai bọn Trần Vỹ, Nguyễn Quang Minh, Lê Kính, Thân Khuê đi khám hỏi tình hình siêng năng hay lười biếng, liêm khiết hay tham nhũng của các viên coi đê điều và quan lại các thừa ty.

Tháng 6, ngày mồng 1, mưa to đến 3, 4 ngày không ngớt. Sân trong cung và các điện, nước ngập vài tấc.

---

[1] Hậu Trạch công: là tước phong của Đặng Huấn. Đặng Huấn có con gái là Đặng Ngọc Vũ làm thái phi của Trịnh Tùng, sinh ra Trịnh Tráng (theo Bdc).

[2] Nguyên văn "lưỡng Bột": tức hai làng Bột: Bột Thượng và Bột Hạ. Làng Bột Thượng là quê của Nguyễn Lại. Ý nói Lại bộ thuyên đủ các chức, thì Lại được nhiều tiền đút lót, đủ để mua hết ruộng đất hai làng Bột.

Ngày mồng 5, mưa như trút, nước sông Nhị dâng cao. Vương nhân đó thân **[32b]** đem Thái uý Sùng quốc công Trịnh Kiều và các dinh cơ đi thuyền thuận dòng xuống đoạn đê các xã Thám Đương, Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì để coi hộ đê. Nước lại dâng tràn, liền trở về. Lại sai thu số tiền của các viên quan coi đê đã lấy lạm của dân để sung công.

Mùa thu, tháng 9, ngày rằm, giờ Mão, có nhật thực.

Quý Dậu, [Đức Long] năm thứ 5 [1633], (Minh Sùng Trinh năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, núi Long Tuyền[1] bị lở.

Cho bọn Thái phó Phụ quận công Nguyễn Hắc, Thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng, Lăng quận công Trịnh Bảng, Hồng quận công Trịnh Lựu, được tham dự triều chính.

Sai thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng cùng với bọn Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Quang Minh, chiếu bổ hạng nhân các phủ, vệ.

Tháng 3, núi đá Đa Bút[2], huyện Vĩnh Phúc bị lở. Hai núi bên cạnh giếng Âm Dương, huyện Phụng Hoá[3] lở **[33a]** xuống lấp cả đường đi, người ngựa không thể đi lại được.

Sai bọn Trần Vỹ, Nguyễn Tiến Dụng, Nguyễn Thọ Xuân, Thân Khuê lên cửa quan đợi mệnh, đón tiếp sứ thần về nước, và sai Thái bảo Quảng quận công Trịnh Hàng thống lĩnh voi ngựa, quân lính các cơ đội đi hộ vệ.

Ngày 20, bồi thần của bọn Trần Hữu Lê, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ về đến Kinh sư vào lạy chào. Phó sứ Bùi Bỉnh Quân chết bên Minh.

Ngày 22, thần vị của Lý Thái Tông bỗng dưng xê đi chỗ khác. Sai nội thần là Phái quận công (không rõ tên) đến tế. Được 6, 7 ngày, thần vị lại dời về chỗ cũ.

Đoạn sông Nhị ở địa phận xã Yên Duyên, huyện Thanh Trì ban đêm cạn nước đến hơn một khắc, thậm chí có người đốt đuốc để bắt cá.

Sai hơn 80 chiếc thuyền của thuỷ quân đến xứ Sơn Nam, ngầm vào huyện Gia Viễn **[33b]** đánh dẹp con của Hiền quận công nguỵ trước.

Ngày 23, giờ Tỵ, có gió từ phương bắc thổi tới, đầm xã Thịnh Liệt[4] nước cạn hơn một khắc. Nước sông Nhị sóng động mạnh, thuyền ghe bị đắm vỡ, người người bị chết đuối.

Triều thần hặc tội tham nghị xứ Hưng Hoá[5] là Trương Vũ làm quan không thận trọng, để dân kêu kiện, và Nguyễn Hàng làm tri huyện chưa đầy một lần khảo, chưa hết hạn để tang[6] đã ngầm đem vàng bạc tâu bậy xin làm chức lăng phó ở điện Tây Kinh, vượt mặt quá lắm. Vua giao xuống xét tội Trương Vũ và thu lại sắc mệnh của Nguyễn Hàng.

Vương thân đem tướng sĩ các dinh đi đánh Thuận Hoá, không được lại trở về[7].

Giáp Tuất, [Đức Long] năm thứ 6 [1634], (Minh Sùng Trinh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, ngày rằm, có nguyệt thực.

---

[1] Theo Cương mục Q.31, núi Long Tuyền thuộc huyện Đồng Hỷ, trấn Thái Nguyên.

[2] Núi Đa Bút: núi thuộc xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[3] Huyện Phụng Hoá: sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[4] Đầm xã Thịnh Liệt tức là Đầm Sét.

[5] Bản dịch cũ chép là xứ Thanh Hoa.

[6] Nguyên văn là "Đinh ưu vị tất". Đinh ưu chỉ việc để tang cha mẹ.

[7] Theo Cương mục và Đại Nam thực lục tiền biên thì lần tiến quân này, Trịnh Tráng được Nguyễn Phúc Á là con thứ 3 của Nguyễn Phúc Nguyên hứa làm nội ứng. Nhưng quân Trịnh đợi hơn 10 ngày, không có tin của Phúc Á, sau sinh trễ nải. Quân Nguyễn do Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Hữu Dật chỉ huy, tung quân ra đánh, quân Trịnh thua to.

Tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Nhân Trứ 5 người. Đến khi thi Điện, **[34a]** vua thân ra đầu đề văn sách, cho Vũ Bạt Tuỵ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Trứ 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, đại hạn, lúa má khô héo, nhân dân đói kém. Đến mùa thu mới mưa.

Thăng Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị độc, chưởng hàn lâm viện sự.

Đông các học sĩ quốc lão tham dự triều chính; Thái bảo Lang quận công Nguyễn Thực thăng Hộ bộ thượng thư thái phó, trí sĩ. Từ khi bản triều khôi phục đến đây, thượng thư quốc lão về trí sĩ bắt đầu từ Thực.

Ất Hợi, [Đức Long] năm thứ 7 [1635], (Từ tháng 10 trở đi đổi thành Dương Hoà năm thứ 1; Minh Sùng Trinh năm thứ 8). Mùa hạ, tháng 6, có lệnh chỉ gồm 12 điều, cấm các quan cai trị hà khắc và răn cấm các nha môn tra xét để đọng việc kiện tụng, cho ban bố thi hành.

Mùa đông, tháng 10, đổi niên hiệu là Dương Hoà năm thứ 1. Đại **[34b]** xá.

Đinh Sửu, [Dương Hoà] năm thứ 3 [1637], (Minh Sùng Trinh năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Xuân Chính 20 người. Đến khi thi Đình, vua thân ra đầu đề văn sách, cho bọn Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thế Khanh đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Hữu Thường 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Cổn 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 11, quan trí sĩ Nguyễn Thực chết, tặng thái tể, ban thuỵ hiệu là Trung Thuần, thọ 83 tuổi. (Thực là người xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn).

Tháng 12, ngày 30, có nhật thực.

Sai chánh sứ Nguyễn Duy Hiểu và Giang Văn Minh, phó sứ là bọn Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê gồm 2 sứ bộ sang tuế cống nhà Minh. Sai bọn Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn **[35a]** Thọ Xuân, Phạm Phúc Khánh, Nguyễn Quang Nhạc lên cửa quan đợi mệnh.

Mậu Dần, [Dương Hoà] năm thứ 4 [1638], (Minh Sùng Trinh năm thứ 11). Vương thân đem các quân đi đánh giặc Mạc ở đất Cao Bằng. Thuộc tướng là Hạ quận công (không rõ tên) bị giặc bắt; Lâm quận công (không rõ tên) đương đánh trận sợ chạy, bị giết.

Mùa đông, tháng 12, định hành nghi của các quan văn võ, cho rõ cấp bậc.

Kỷ Mão, [Dương Hoà] năm thứ 5 [1639], (Minh Sùng Trinh năm thứ 12). Mùa hạ, tháng 4, định rõ lại về việc kiện tụng nhân mạng theo như quy chế năm Cảnh Thống thứ 6[1]: Phạm nhân chỉ bị tịch thu ruộng đất, tài sản của bản thân và của vợ con thôi. Nếu không đủ, thì cho khai lấy ruộng đất, tài sản của cha mẹ, anh em làm tiền đền mạng, không được bắt cả đến họ hàng, làng xóm, coi đó là điều luật lâu dài.

Sai Công bộ **[35b]** thượng thư, Thiếu phó Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì cùng bọn Nguyễn Thọ Xuân, Nguyễn Xuân Chinh, Nguyễn Quang Nhạc, Phạm Phúc Khánh lên cửa quan đợi mệnh đón sứ thần về nước.

Mùa đông, tháng 12, Thái uý Sùng quận công Trịnh Kiều vâng chỉ của vương, nhắc rõ lại 12 điều nghiêm răn các quan giữ phép để thi hành, đại khái lấy việc hiểu rõ chức vụ và được lòng dân làm gốc.

Canh Thìn, [Dương Hoà] năm thứ 6 [1640], (Minh Sùng Trinh năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng nhuận, thi Hội các nhân sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Phí Văn Thuật 22 người. Đến khi thi Đình, vua

---

[1] Cảnh Thống là niên hiệu của Lê Hiến Tông (1498 - 1504). Năm Cảnh Thống thứ 6 là năm 1503.

thân ra đầu đề văn sách, cho bọn Phí Văn Thuật 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Hoàng Vinh 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Nhâm Ngọ, [Dương Hoà] năm thứ 8 [1642], (Minh Sùng Trinh năm thứ 15).

Mùa thu, tháng 9, Thái uý Sùng quốc công Trịnh Kiều chết. Tặng **[36a]** thượng tể, thượng tướng, ban thuỵ hiệu là Hùng Độ.

Vương bàn với các quan gúp việc, cho là hiện nay kỷ cương của thiên hạ cốt ở việc công bằng khám xét kiện tụng và dẹp bắt trộm cướp, bèn sai quan chưa đi trị các xứ. Lấy Phó đô tướng Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn giữ xứ Sơn Nam, Thái thường tự khanh Phạm Công Trứ làm tán lý; Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch trấn giữ xứ Sơn Tây, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trừng làm tán lý; Quỳnh Nham công Trịnh Lê trấn giữ xứ Kinh Bắc, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Bình làm tán lý; Thiếu uý Hoa quận công Trịnh Sầm trấn giữ xứ Hải Dương, Hộ khoa đô cấp sử trung Nguyễn Nhân Trứ làm tán lý. Đều cùng với thừa ty sửa đổi tệ trước, vỗ yên dân địa phương.

Quý Mùi, [Dương Hoà] năm thứ 9 [1643], (Từ tháng 10 trở đi là Chân Tông Phúc Thái năm thứ 1; Minh Sùng Trinh năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, sai thái bảo Tây **[36b]** quận công Trịnh Tạc và Quỳnh Nham công Trịnh Lệ cùng với bọn tán lý hữu thị lang Nguyễn Quang Minh, tự khanh Phạm Công Trứ, Nguyễn Danh Thọ thống lĩnh đại quân đi đánh Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hoá. Đánh úp tỳ tướng giặc Thắng Lương hầu ở xã Trung Hoà, bắt được đem chém, bắt được viên thư ký là Văn Toàn từ giải nộp ở cửa dinh. Rồi tiến quân thẳng tới cửa biển Nhật Lệ.

Tháng 3, Vương hộ vệ xa giá, tiến vào châu Bố Chính, đóng tại xã An Bài, liệu định quân cơ, trao phương lược cho các tướng. Bấy giờ các dinh của thống lĩnh đều nghiêm trận chờ đợi. Gặp có chỉ của Vương, cho là phương Nam khí nóng nực, khó ở lâu, bèn chỉnh đốn đại quân rút về[1].

Cho Hộ bộ tả thị lang kiêm Huy văn viện thiêm sự Thiếu phó Nhân quận công Doãn Hy về trí sĩ.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu truyền ngôi cho Hoàng thái tử **[37a]** Duy Hựu. Duy Hựu lên ngôi hoàng đế ở điện Cần Chính, đổi niên hiệu là Phúc Thái năm thứ nhất. Đại xá thiên hạ gồm 27 điều. Tôn vua làm Thái thượng hoàng, Hoàng hậu Trịnh Thị làm Hoàng thái hậu.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Trí Trạch 9 người.

Tháng 12, thi Điện, cho bọn Nguyễn Khắc Thiệu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Dự 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Chân Tông Thuận Hoàng Đế

Tên húy là Duy Hựu, con trưởng của Thần Tông, 13 tuổi được truyền ngôi, ở ngôi 7 năm, thọ 20 tuổi thì băng, táng ở lăng Hoa Phố. Vua tính trời trầm tĩnh, khoan dung phúc hậu, có đức của người làm vua. Trong khoảng 6, 7 năm, liên năm được mùa. Nếu trời cho sống lâu thì cũng được đông người, giàu của như tiếng tốt của Văn Đế nhà Hán vậy.

Giáp Thân, [Phúc Thái] năm thứ 2 [1644], (Minh Sùng Trinh năm thứ 17). Mùa hạ, tháng 4, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Tháng ấy, **[37b]** sai quan khảo hạch các cống sĩ trong nước, người nào có đức vọng bổ làm các chức phủ, huyện.

---

[1] Theo Cương mục Q.31 và Đại Nam thực lục tiền biên thì cánh quân Trịnh Lệ tiến vào Nam Bố Chính, giết được trấn thủ của chúa Nguyễn là Bùi Công Thắng. Trịnh Tráng đem đại binh tiến vào Bắc Bố Chính, đóng ở xã An Bài (sau là xã Thuận Bài, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) sai Trịnh Đảo đánh Trung Hoà (sau là xã Mỹ Hoà, huyện Quảng Trạch), nhưng thất bại.

Mùa đông, tháng 12, sai Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc cùng Đốc thị Dương Trí Trạch, Tán lý Phạm Công Trứ đi dẹp đất Cao Bằng, tiến quân đặt phục, chém được một viên tỳ tướng của giặc, bắt được đảng giặc rồi về.

Ất Dậu, [Phúc Thái] năm thứ 3 [1645], (Minh Long Vũ năm thứ 1; Thanh Thuận Trị năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, ngày 19, sao Huỳnh Hoặc đi vào phần sao Quỷ, phạm vào sao Tích Thi.

Tiên phong phó đô tướng Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh chưởng quốc quyền binh tả tướng Thái uý Tây quốc công, mở phủ Khiêm Định, mọi công việc của nhà nước đều giao cho xử quyết.

Ngày tháng 5, Vương bị cảm. Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch, Thái phó Hoa quận công Trịnh **[38a]** Sầm, hận vì bất đắc chí, liền nổi quân làm loạn. Thái uý Tây quốc công Trịnh Tạc vâng chỉ nghị bàn với các quan văn võ tâu lên vua biết và tế cáo trời đất, tông miếu.

Ngày mồng 2, ra quân, đánh bắt được chính tên nghịch Lịch, còn nghịch Sầm thì trốn vào Ninh Giang[1]. Sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng đốc quân đuổi theo, đuổi kịp ở Chúc Sơn[2], bắt được dâng nộp, đều đem chém cả. Khi ấy Tán lý Phạm Công Trứ, Võ tướng Đào Quang Nhiêu cũng dự phần công bàn mưu, đánh dẹp.

Xá một nửa tiền thuế đinh trong nước. Lại cấm nhân dân không được làm thư nặc danh lưu truyền chuyện không đâu làm mê hoặc lòng người.

Tháng 6, nhắc rõ lại điều luật xét kiện để khuyến khích người làm quan thanh liêm, chăm việc, trừ bỏ thói kiện cáo gian lận của bọn tiểu thương.

Mùa thu, tháng 7, cấm các nhà quyền quý và **[38b]** các nha môn cùng quan hai ty không được lấy tiền của các hộ dân xa, quan huyện cũng không được thu lạm tiền của dân. Còn tiền gạo của các kỳ tế lễ đều theo xã lớn, xã vừa, xã nhỏ mà đóng theo mức độ khác nhau để bớt phí tổn cho dân.

Bính Tuất, [Phúc Thái] năm thứ 4 [1646], (Minh Long Vũ năm thứ 2; Thanh Thuận Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 22, mưa đá, chim muông bị hại nhiều.

Tháng 2, Kinh sư mưa đá.

Năm ấy được mùa to.

Sai chánh sứ Nguyễn Nhân Chính, phó sứ là bọn Phạm Vĩnh Miên, Trần Khái, Nguyễn Cổn cùng với sứ thiên triều là Đô đốc Lâm Sâm vượt biển sang Phúc Kiến cầu phong với nhà Minh. Khi ấy vua Minh lên ngôi, bị người Thanh đánh phá. Bề tôi nhà Minh lại tôn lập Vĩnh Lịch Hoàng Đế. Nhà Minh sai bọn Hàn lâm Phan Kỳ mang sắc thư, cáo mệnh và ấn bạc mạ vàng sang **[39a]** nước ta, phong cho Thái thượng hoàng làm An Nam quốc vương. Sứ Minh cùng với bọn Nhân Chính đi đường bộ theo cửa Trấn Nam quan mà về.

Bấy giờ nước Minh loạn to. Thủ lĩnh Long Châu là Triệu Hữu Kinh bị người anh họ là Triệu Hữu Đào giết. Con Kinh là Hữu Khải cầu cứu, bèn sai Quỳnh Nham công Trịnh Lệ tiến quân lên Thái Nguyên, đánh Cao Bằng, bắt được Triệu Hữu Đào và cả gia thuộc đem về Kinh sư, dụ bảo phải hoà mục với nhau rồi cho về bản châu.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng Cảo 17 người.

Tháng 12, thi Điện. Vua đích thân ghi cho Nguyễn Đăng Cảo đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, Nguyễn Viết Cử đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Văn Đạt 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[39b] Đinh Hợi, [Phúc Thái] năm thứ 4 [1647], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 1; Thanh Thuận Trị năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, bọn Nguyễn Nhân Chính đón sứ Minh đem sắc phong và ấn đến cửa quan.

---

[1] Ninh Giang: khúc sông Đáy ở khoảng xã Minh Sơn, gần chùa Trầm, ở phía tây Hà Nội.

[2] Chúc Sơn: tên xã, thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

Bèn sai Lễ bộ thượng thư Thiếu bảo Dương quận công Nguyễn Nghi cùng với bọn Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Thọ Xuân, Thiêm đô ngự sử Đồng Nhân Thái, Hộ khoa đô cấp sự trung Nguyễn Sách Hiển, Đề hình Trương Luận Đạo, Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Văn Quảng đón tiếp về Kinh.

Sứ Minh làm lễ ban phong, tuyên đọc lời thề rằng: "Trẫm nghĩ, đế vương dấy lên, trước hết vỗ yên ngoài cõi; Xuân Thu nghĩa lớn, riêng lo tưởng lệ tôn vương. Xưa Hoàng tổ ta mở mang bờ cõi, chân trời, góc biển, đều thuộc bản đồ. Nước An Nam người riêng hưởng thanh giáo, lễ nhạc y quan dần dần quen nếp, chịu ơn nhà nước trăm đời, để phúc cháu con mấy kiếp. Đô thống ty Lê **[40a]** Hựu sớm tỏ tài lành, một niềm cung thuận, nêu đức hay chinh phục cõi hoang, mà tiếng tốt thấu vào cửa khuyết. Đương khi Long Vũ Hoàng Đế ta ngự ở đất Mân[1], một mình nước ngươi vượt biển sang triều cống. Tuy nhà nước không quý vật xa, nhưng làm tôi dâng cống, lòng thành thờ nước lớn thực đáng khen. Nghĩ cõi xa cũng là con đỏ, ta ban đất chia phong, chính là vỗ yên người xa bằng đức. Trẫm là cháu đích tôn của Thần Tông Hoàng Đế, được thần dân trong nước suy tôn, nối giữ nghiệp lớn, cai trị muôn phương, xa thì hâm mộ truyền thống hoà hiệp của Đường đế Nghiêu, gần lại nhớ tới oai thanh gồm trị của Hán Tuyên Đế. Nay loài hôi tanh làm phản, bị cả bốn biển cùng thù. Tráng sĩ Sở Thục nổi như mây, cờ nghĩa Ngô Việt đều hưởng ứng. Tiêu diệt giặc Hồ, dẹp yên bốn cõi. Khen ngươi trung thành, trẫm rất yêu mến. Vì thế, sai quan Hàn lâm Phan Kỳ, quan Khoa đài Lý Dụng Tiếp đem **[40b]** phù tiết phong ngươi làm An Nam quốc vương. Ôi! Đồ phẩm phục vâng tự mệnh trời, ngọc khuê bích truyền tới con cháu. Làm vua nước ngươi, chăn nuôi dân ngươi, việc nông tang cũng thuộc đức đế; cõi xa về chầu, trấn phiên tới cống, ngọc cung cầu chớ biếng chức xưa. Trẫm nghĩ, cột đồng nhà Hán dựng lên, cõi Nam yên mãi, vua Hạ hội ở Đồ Sơn, lại thấy Trung Nguyên. Hãy kính theo!".

Tháng 6, sai quan tuyển, thảy binh lính.

Mùa thu, tháng 7, sai quan tuyển duyệt binh dân các xứ, chia thành từng hạng để định ngạch quân.

Mậu Tý, [Phúc Thái] năm thứ 6 [1648], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 2; Thanh Thuận Trị năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 5, cấm dân gian không được mạo nhận càn chức tước để trốn binh dịch[2].

Kỷ Sửu, [Phúc Thái] năm thứ 7 [1649], (Từ tháng 10 trở đi, Thần Tông lại lên ngôi, Khánh Đức năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 3; Thanh Thuận Trị năm thứ 5). Mùa thu, tháng 8 **[41a]**, vua băng, không có con nối.

Mùa đông, tháng 10, Vương uỷ cho Thế tử Tây quốc công Trịnh Tạc và các quan văn võ cùng bàn tâu xin Thái thượng hoàng lại lên ngôi, đổi niên hiệu là Khánh Đức năm thứ 1.

Thần Tông Uyên Hoàng Đế (Hạ)

Canh Dần, [Khánh Đức] năm thứ 2 [1650], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 4; Thanh Thuận Trị năm thứ 4). Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Khương Thế Hiền 8 người.

Tháng 12, thi Điện, cho Khương Thế Hiền đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh, Nguyễn Văn Lễ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Trịnh Cao Đệ 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tân Mão, [Khánh Đức] năm thứ 3 [1651], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 5; Thanh Thuận Trị năm thứ 7). Mùa xuân, sao Chổi mọc ở phương đông.

Tháng 2, bấy giờ **[41b]** vua Minh chạy xuống đóng quân ở Nam Ninh[1], có sắc dụ cho Vương cấp binh tượng, lương súng để giúp việc đánh dẹp.

---

[1] Đất Mân thuộc tỉnh Phúc Kiến của Trung Quốc. Nhà Minh khi ấy bị quân Thanh đánh, phải chạy xuống miền nam, đóng ở Phúc Kiến.

[2] Theo Cương mục Q.32 và Đại nam thực lục tiền biên thì tháng 2 năm này (1648) Trịnh Tráng huy động số quân thuỷ bộ vào đánh chúa Nguyễn Phúc Lan.

Mùa thu, tháng 9, Lại bộ thượng thư chưởng lục bộ sự kiêm Quốc tử giám tế tửu, Hàn lâm viện sự, Thái phó Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì chết, tặng Thái tể, ban thuỵ hiệu là Hành Độ.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai quan mang sắc và ấn sang phong Thanh vương làm Phó quốc vương.

Lời sắc viết: "Trẫm nghĩ, tổ tông dựng nên bờ cõi, thanh giáo rộng ban; lấy lễ, tín đối đãi ngoại phiên để mở rộng dậu phên cho nhà nước. An Nam vương họ Lê nước ngươi, xa ở cõi Nam, đời đời thần phục, đội đức giữ trung, luôn kính theo lệnh. Xét nguyên do được như thế, là do công của ông cha phụ quốc chính Trịnh Tráng ngươi, trước sau cùng đức khuông phù, công lao giúp dập được ghi chép **[42a]** lưu truyền, sớm tỏ lòng trung gian với nước. Truyền đến Tráng ngươi, công danh rực rỡ, dân chúng xiêu lòng, giúp vua đỡ dân, làm tròn chức phận, trẫm đã biết rõ. Mới rồi, trẫm đóng tại Việt Tây[2], mưu việc khôi phục, sớm khuya lo nghĩ đã 5 năm nay. Nay các bề tôi huân cựu ở Xuyên Sở[3] lũ lượt vào giúp, đại quân đến đâu, muôn bếp khói tụ, thế quân lừng vang. Những người đem quân hộ vệ từ trước, đã lần lượt đi cả, mà Trịnh Tráng ngươi dâng biểu nộp cống, từ mùa xuân đến mùa thu, vất vả theo gót, không dám bỏ thiếu, trẫm rất khen ngợi. Tuy có nhiều kẻ chê gièm, trẫm cũng không có lòng ngờ vực. Vậy đặc ban ân điển riêng, tấn phong ngươi làm An Nam phó quốc vương, ban cho sắc, ấn, ngươi kính nhận lấy. Ôi, triều đình đặt phiên trấn bên ngoài, cốt để vỗ yên cõi xa, mở rộng phên dậu. Lúc yên bình thì thấm **[42b]** nhuần đức giáo, khi đánh dẹp thì giúp đỡ minh uy. Đã là cánh, là thành, thì trong, ngoài không có khác. Ngươi nhận được mệnh ban tôn quý, phải gắng trung trinh, giúp đỡ họ Lê, giữ bền chức cống, làm phên dậu cõi Nam cho trẫm, giữ mãi đời đời. Hãy kính theo".

Nhâm Thìn, [Khánh Đức] năm thứ 4 [1652], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 6; Thanh Thuận Trị năm thứ 8). Mùa xuân, tháng 3, Hoàng Nhân Dũng mưu nổi loạn, bị giết.

Nhân Dũng là tên hoạn quan được yêu, làm đến chức chưởng Tư lễ giám, thiếu bảo, tước quận công, được ban họ tên là Trịnh Lãm. Quyền lộc to quá, ngày càng kiêu căng phóng túng, ngầm mưu với thủ hạ là Trần Nhân Liễn nuôi giấu người có yêu thuật là Tuyên Đức để xướng loạn. Việc bị phát giác, đưa xuống triều thần xét tội. Nhân Dũng bị chém bêu đầu, bọn Nhân Liễn, Tuyên Đức đều bị lăng trì, thị chúng.

Lấy Đương quận công Đào Quang Nhiêu là đô đốc, Hà quận công Lê Yến là đề đốc, **[43a]** bọn Đinh Văn Tả, Vũ Văn Doãn làm tham đốc vì có công biết được âm mưu phản nghịch của bọn Nhân Dũng và tố cáo trước.

Tháng ấy, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đình Chính 9 người.

Tháng 4, thi Điện. Vua thân ra đầu đề văn sách, hỏi về chính sự hay dở. Cho bọn Phùng Viết Tu hai người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Hồ Sĩ Dương 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Các quan triều đường xin tiến phong tước vương cho thế tử của Vương là Tây quận công Trịnh Tạc để hợp với thịnh điển nếp nhà.

Mùa thu, tháng 8, tiến phong Thái uý Tân quốc công Trịnh Tạc là Nguyên soái chưởng quốc chính Tây Định Vương.

Lời sách phong viết: "Trời yêu trao cho mệnh lớn, sinh người hiền để giúp trị công; vua trọng người có công to, ban điển lễ để tỏ tôn quý. Chọn được ngày tốt, ban cho sách vàng. Xét nghĩ: **[43b]** Dực vận tán trị công thần, đặc tiến khai phủ khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh chưởng quốc quyền bính tả tướng Thái uý Tây quốc công Trịnh Tạc, thông minh tính trời, nếp nhà đức vọng. Xưa Thành Tổ nối ngôi Thái Vương giúp Tiên hoàng sửa sang nghiệp lớn, xoay chuyển càn khôn. Nay sư phụ nối chí cha xưa, giúp trẫm khôi phục cơ đồ, công trùm vũ trụ. Văn võ được từ nhà dạy dỗ; trách nhiệm riêng việc nước đảm đương. Đánh dẹp các phương, yên thiên hạ có nhiều công sức; lo toan mọi việc,

---

[1] Nam Ninh: tên phủ, thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Việt là đất Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) của Trung Quốc, ở đây chỉ Quảng Tây.

[3] Xuyên, Sở là vùng phía nam Trung Quốc.

vững xã tắc lập nhiều công lao. Đức vọng khắp bốn biển thoả lòng, chức vị đầu trăm quan mới xứng. Đặc sai Lễ bộ thượng thư tri kinh diên sư, kiêm Quốc tử giám tế tửu, Thiếu bảo Dương quận công Nguyễn Nghi, cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn vàng vinh phong làm Nguyên soái chưởng quốc chính **[44a]** Tây Định Vương. Mong rằng: chịu ơn trọng đãi, kính giữ tiếng hay. Trung hiếu đủ mười phần, gắng giữ tròn một đạo. Thọ khang gồm năm phúc; ngôi vương dài ức năm. Giúp cho hoàng gia bền vững lâu dài, giữ cho tông xã vô cùng tốt đẹp. Vương hãy kính theo".

Quý Tỵ, [Khánh Đức] năm thứ 5 [1653], (Từ tháng 2 trở đi đổi là Thịnh Đức năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 7; Thanh Thuận Trị năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, sao Chổi mọc ở phương đông. Đại xá, đổi niên hiệu là Thịnh Đức năm thứ 1.

Mùa hạ, tháng 6, định kiểu y phục trong nước, dài rộng theo thứ bậc khác nhau. Quan văn từ chức khoa, đạo, quan võ từ tước quận công được mặc áo thanh cát, đều có lá phủ đằng sau, ngoài ra, không được tiếm lạm.

Giáp Ngọ, [Thịnh Đức] năm thứ 2 [1654], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 8; Thanh Thuận Trị năm thứ 10). Bấy giờ, bộ Lại thuyên bổ các chức trong ngoài, giao xuống cho triều thần nghị bàn. Những người dự khoa sĩ vọng đỗ ba trường **[44b]** và con cháu công thần đều được lục dụng. Nếu có người lạm vượt, chưa đủ lệ thi Đình bãi cả.

Ất Mùi, [Thịnh Đức] năm thứ 3 [1655], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 9; Thanh Thuận Trị năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, bọn bồi tụng Lễ khoa đô cấp sự trung Quế Hài tử Lê Sĩ Triệt, Công khoa cấp sự trung Thọ Quế nam Phan Kiêm Toàn xin đặt thêm quan đốc đồng ở hai trấn dinh tả hữu để coi giữ miền biên giới và bàn cấp lương thực cho quân lính.

Tháng 3, cho Hồng lô tự khanh Quế Lâm nam Trần Ngọc Hậu làm đốc đồng tả trấn quân dinh, Lễ khoa cấp sự trung Đông Hà nam Vũ Lương làm đốc đồng hữu trấn quân dinh.

Mùa hạ, tháng 4, Nguyễn Phúc Tần ở Thuận Hoá tự xưng là Thái uý Dũng quốc công, sai bè đảng là bọn Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ đánh úp, phá được viên thuộc tướng tả trấn **[45a]** là Mậu quốc công Phạm Tất Toàn ở châu Bố Chính. Tất Toàn đem châu ấy đầu hàng giặc. Bọn giặc lại thừa thắng tiến đánh bọn Tả trấn Tiến quận công Lê Văn Hiểu, Hữu trấn Đông quận công Lê Hữu Đức ở miền Hà Tây, huyện Kỳ Hoa[1]. Văn Hiểu đem quân bản bộ liều sức đánh, chân trúng đạn, thế không địch nổi, cùng với Hữu Đức rút chạy. Ngày hôm ấy, Văn Hiểu, Hữu Đức và thuộc tướng hai dinh chạy ra An Trường[2] huyện Chân Phúc[3]. Bọn giặc lấn vào đất Thạch Hà. Hôm sau, Văn Hiểu và Hữu Đức lại đem thuộc tướng tiến vào đóng quân ở xã Đại Nại, huyện Thạch Hà để làm kế chống giữ.

Tháng 5, cho gọi Lê Văn Hiểu, Lê Hữu Đức và các thuộc tướng về Kinh. Đi được nửa đường, Văn Hiểu bị đau vì vết thương mà chết.

Tháng 6, xét tội thua trận, **[45b]** truy thu lại sắc ấn và binh dân của Lê Văn Hiểu, giáng Lê Hữu Đức làm đô đốc thiêm sự, bọn thuộc tướng Lê Thì Hiến, Trịnh Bính đều bị bãi chức tước và thu hồi dân lộc, bọn Lê Văn Hy, Vũ Bách Phúc bị truất làm binh lính, Lê Văn Dương bị sung quân. Giáng Đốc đồng Trần Ngọc Hậu làm Thượng bảo tự khanh, Vũ Lương làm Công khoa cấp sự trung Giám hộ Vũ Tự Khoát làm tham nghị xứ Nghệ An. Người châu Bố Chính là Nguyễn Tất Thú không theo Phạm Tất Toàn hàng giặc, giữ bền tiết làm tôi, cho thăng chức tước.

---

[1] Huyện Kỳ Hoa: sau là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Cương mục Q.32 và Đại Nam thực lục tiên biên đều chép là bọn Lê Văn Hiểu đóng ở Hà Trung (bấy giờ Hà Trung là trấn lỵ của Nghệ An). Toàn thư chép là Hà Tây là lẽ lầm.

[2] An Trường: tên xã, nay là khu vực thành phố Vinh.

[3] Chân Phúc: sau là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Tháng ấy, sai Thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng làm thống lĩnh, bồi tụng Lại bộ tả thị lang Diễn Thọ bá Nguyễn Văn Trạc làm đốc thị, Lại khoa đô cấp sự trung Nghĩa Giang nam Nguyễn Tính làm phó đốc thị, đem 18 viên thuộc tướng đến thẳng đất Nam Hà[1] xứ Nghệ An tiến đánh Thuận **[46a]** Hoá.

Bấy giờ có thanh gươm Công Nguyên sắc bạc, biến thành sắc đồng. Phạm Công Trứ dâng tờ khải rằng: "Đó là việc lạ, không thể coi thường mà không chú ý. Nay trong nước quen thói tô điểm văn chương. Quân sĩ đói khát mà không biết xót thương, chỉ biết đem vàng bạc mà trang sức quân khí, chuyên chuộng xa hoa, đến nỗi gươm biến thành sắc đồng. Có lẽ đó là lòng trời răn bảo, cho chóng sửa đổi để làm những việc thực sự chăng. Kính xin nhân việc này mà sửa đổi, bỏ trang sức bằng bạc, dùng bạc làm lương quân, chỉ dùng đồng hay sơn cho đồ binh khí được bền chắc, cũng có thể để ứng với điềm ấy mà làm tốt việc binh, chấn hưng việc võ bị".

Mùa thu, tháng 8, Trịnh Trượng đem đại binh tiến đến huyện Kỳ Hoa, đóng tại miền Hà Tây rồi lui về xã Lạc Xuyên[2]. Quân giặc bức sát, các quân thua chạy, vứt bỏ hết các thứ quân nhu, khí giới. Thuyền giặc vào cửa biển Kỳ La[3]. Vũ Văn Thiêm **[46b]** dời thuyền ra đóng ở cửa biển Đan Nhai[4]. Thuyền giặc vào cửa biển Nam Giới[5], Nguyễn Hữu Sắc nghe tin bỏ chạy, Lê Nhân Hậu vừa đánh vừa lùi. Trịnh Trượng cùng các tướng chạy đến đất An Trường, huyện Chân Phúc đóng dinh. Lại chia quân đóng đồn ở Bắc Hà[6] từ Nghĩa Liệt[7] đến cửa biển Đan Nhai để ngăn giặc. Khi ấy, con Đặng Minh Chế là Đặng Minh Tắc đầu hàng giặc, giặc mới thừa thế tiến đến đất Bân Xa huyện Thiên Lộc[8]. Miền Nam Hà vì thế rối loạn.

Tháng ấy, Vương tâu vua sai Tây Định Vương Trịnh Tạc đích thân đem tướng sĩ các dinh tiến đánh bọn giặc.

Tháng 9, đại binh tiến đến xứ Nghệ An, đóng tại xã An Trường, huyện Chân Phúc.

Xét tội thua trận ở Lạc Xuyên. Xử chém La Đức Đại, Nguyễn Hưng Nhượng; thắt cổ giết Tạ Thế Bảo, bãi chức tước của Trịnh Bá, Lê Hữu Lễ, giáng Trịnh Trụ làm đô đốc **[47a]** đồng tri. Lại vì xá lại là Đỗ Công Khôi và Trần Hữu Tài quan sát chiến trận lại thiên vị, lấy lỗi làm công, đều xử chặt ngón tay. Lại xét công tội của quân thuỷ. Lấy Vũ Văn Thiêm làm tả đô đốc, phục lại chức tước cho Trương Đắc Thọ là Trình quận công, biếm chức tước của Nguyễn Hữu Sắc.

Mùa đông, tháng 10, sai Tả đô đốc Ninh quận công Trịnh Toàn[9] làm thống lĩnh, Bồi tụng thiêm đô ngự sử Phụng Trì nam Lê Đình Dự làm đốc thị, Giám sát ngự sử Trịnh Thế Tế làm phó đốc thị, Đô đốc đồng trị Đương quận công Đào Quang Nhiêu làm đốc suất; Bồi tụng Hộ khoa đô cấp sự trung Thọ Lĩnh bá Phan Hưng Tạo làm đốc thị, Giám sát ngự sử Nguyễn Tá Tướng làm phó đốc thị, Đô đốc thiêm sự Đông quận công Lê Hữu Đức làm đốc suất, Bồi tụng Công khoa cấp sự trung Thọ Quế nam Phan Kiêm Toàn làm **[47b]** đốc thị. Lại sai Tả đô đốc Lũng quận công Vũ Văn Thiêm đốc suất thuỷ quân, lấy Lại bộ hữu thị lang Thọ Lâm nam Dương Hồ làm đốc thị, chia đường đánh giặc. Khi tiến đến đất Kỳ Hoa thì quân giặc tự rút lui.

---

[1] Nam Hà: chỉ miền phía nam sông Lam.

[2] Lạc Xuyên: tên xã, thuộc huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

[3] Kỳ La: cửa biển thuộc huyện Cẩm Xuyên, còn gọi là cửa Nhượng Ban.

[4] Đan Nhai: tức cửa Hội Thống hay Cửa Hội, cửa sông Lam đổ ra biển.

[5] Nam Giới: tức cửa Sót, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[6] Bắc Hà: chỉ vùng đất phía bắc sông Lam.

[7] Nghĩa Liệt: tên xã ở chân núi Lam Thành (còn gọi là rú Thành) khi ấy là trấn thị của xứ Nghệ An.

[8] Thiên Lộc: sau là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[9] Trịnh Toàn: là con út của Trịnh Tráng.

Tháng 11, bọn Trịnh Toàn, Đào Quang Nhiêu, Lê Hữu Đức rút quân về An Trường. Tây Định Vương hạ lệnh cho các tướng đem quân về Kinh, lưu lại Vũ Văn Thiêm làm trấn thủ, Dương Hồ làm đốc thị, Đào Quang Nhiêu làm đồn thú, Phan Hưng Tạo làm đốc thị, lĩnh các tướng dưới quyền đóng dinh ở An Trường, huyện Chân Phúc. Lại sai thuộc tướng là Đề đốc Nam quận công Thân Văn Quanh, tham đốc Lại quận công Mẫn Văn Liên, cai đội là bọn Nguyễn Văn Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy đóng đồn ở Tiếp Vũ (tên xã), Lăng quận công Lại Thế thì đóng đồn ở Minh Lương (tên xã)[1] để chống giữ bọn giặc.

[48a] Tháng 12, lấy Trịnh Toàn làm thiếu bảo, mở dinh gọi là Tả dực nội quân, ban cho ấn của dinh.

Bính Thân, [Thịnh Đức] năm thứ 4 [1656], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 10; Thanh Thuận Trị năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, bọn Thân Văn Quanh, Mẫn Văn Liên, Nguyễn Như Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy bị giặc đánh úp thua chạy. Bọn giặc thừa thắng lại ra sông Tam Chế[2] giáp đánh thuỷ quân. Vũ Công Quang xông lên trước giáp trận, liều sức phá giặc. Lê Sĩ Hậu tiếp cứu; dồn sức bắn trúng voi giặc. Vũ Văn Thiêm sai Phạm Công Thắng lên bờ bắn kẹp vào, chém được ngà voi giặc. Tháng ấy, xét công. Cho Sĩ Hậu làm đề đốc, Công Quang làm tham đốc, Trình Phú hầu.

Sai Thiếu bảo Trịnh Toàn thống lĩnh các tướng trấn giữ Nghệ An, bọn Vũ Văn Thiêm, Đào Quang Nhiêu đều thuộc dưới quyền. Lấy Lại khoa đô cấp sự trung Ngô Sĩ Vinh và Binh khoa cấp sự trung Vũ Vinh Tiến **[48b]** làm đốc thị.

Mùa hạ, tháng 5, giặc vào cửa biển Nam Giới đánh úp. Bọn Lê Sĩ Hậu, Nguyễn Hữu Sắc, Bùi Sĩ Lương, Thái Bá Trật đều thua chạy, bỏ cả thuyền ghe, súng đạn, khí giới. Giặc lại vào cửa biển Đan Nhai. Bọn Văn Thiêm sức không địch nổi cũng bỏ thuyền chạy. Giặc ập tới vây Đào Quang Nhiêu ở xã Hương Bộc, huyện Thạch Hà, Trịnh Toàn đốc các tướng tiến lên, bày trận ra sức đánh. Thấy thế giặc đương hăng, Toàn lấy cờ bản mệnh trao cho Đốc thị Dương Hồ. Hồ sôi sục lòng trung nghĩa, cưỡi voi lên trước, vẫy các quân thẳng tiến. Toàn đốc thúc quân kỵ xông lên đánh. Thế là bọn Quang Nhiêu mở toang cửa luỹ ra đánh. Giặc thua chạy. Quan quân đánh kẹp vào đất Đại Nại (Đại Nại là tên xã, thuộc huyện Thạch Hà), đuổi giết rất nhiều giặc, thu được voi ngựa, khí giới, súng đạn nhiều không kể xiết. Toàn lại đem **[49a]** thuộc tướng về đóng ở An Trường[3].

Tháng [5] nhuận, xét công thắng trận ở Đại Nại. Phong Trịnh Toàn làm khâm sai tiết chế thuộc thuỷ bộ chư dinh kiêm hành hạ phủ trị Nghệ An đạo phó đô tướng thái uý Ninh quốc công, mở phủ Dương Uy; Đốc thị Dương Hồ làm Công bộ tả thị lang Thọ Lâm bá, Ngô Sĩ Vinh làm Quang lộc tự khanh, Lý Hải hầu, Phạm Hưng Tạo làm Thái bộc tự khanh Thọ Lĩnh hầu, Vũ Vinh Tiến làm Hộ khoa đô cấp sự trung Lệ Hải tử. Thăng Đào Quang Nhiêu làm thiếu bảo, Lê Thì Hiến làm đô đốc đồng trị, Nguyễn Nghĩa Chẩn, Mẫn Văn LIên làm đô đốc thiêm sự; Đặng Thế Công, Hoàng Nghĩa Giao, Đinh Văn Tả, Lê Văn Tiến, Đào Thế Tiên, Lê Văn Long, Mai Văn Hiếu làm đề đốc; Ngô Văn Sĩ, Lê Đăng **[49b]** Nhiệm, Lê Công Triều làm tham đốc. Cho Nguyễn Hữu Tá tước quận công. Lấy Dương Quỳnh, Nguyễn Thế Tế, Nguyễn Tiến Kiên làm thự vệ sự.

Lại xét tội thua chạy. Giáng Vũ Văn Thiêm làm hữu đô đốc, Nguyễn Văn Yến làm tham đốc, đều thu lại một nửa số binh dân. Bãi chức tước của Nguyễn Hữu Sắc. Bọn Lê Sĩ Hậu, Trương Đắc Thọ, Nguyễn Đức Dương, Đỗ Lễ vì liều sức đánh lâu, nhưng quân trơ trọi không chống lại được nên được miễn tội. Truy xét những người chết trận. Tặng Doãn Năng là đô đốc đồng tri Táo quận công, cấp ruộng tế, dâng lộc, cho lập đền thờ. Tặng Bùi Sĩ Lương làm tham đốc Thọ quận công; Thái Bá Đào làm thự vệ sự Diễn quận công; Nguyễn Văn Tú là đề đốc Thông quận công, đều cấp ruộng tế và dâng lộc để thờ.

Lấy thế tử của Tây Định Vương là Trịnh Căn làm phó đô tướng thái bảo Phú quận công, mở **[50a]** dinh gọi là Tá quốc dinh ban ấn Tá Quốc tướng quân; con thứ là Trịnh Đống làm thiếu phó Vũ quận công, mở dinh gọi là Trung khuông quân, ban ấn của dinh; Trịnh Kiều làm thiếu bảo Văn quận

---

[1] Các xã Tiếp Tu và Minh Lương thuộc huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Sông Tam Chế: khúc sông Lam chảy qua xã Tam Chế, huyện Nghi Xuân.

[3] Sử nhà Nguyễn như bộ Đại Nam thực lục tiền biên miêu tả trận này như một thắng lợi của chúa Nguyễn.

công. Cho Trịnh Lệ làm phó đô tướng thái bảo Thọ quận công, Trịnh Tu làm phó tướng thiếu uý Tấn quận công.

Tháng 6, sai Tá quốc dinh phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn thống lĩnh các tướng đến xứ Nghệ An hiệp đồng với Ninh quốc công Trịnh Toàn đánh giặc.

Ngày 18, tiến đến An Trường đóng dinh. Cho Thái bộc tự khanh Phan Hưng Tạo và Lễ khoa cấp sự trung Dũng Xuyên nam Trần Văn Tuyển làm đốc thị.

Tháng 9, sai Thái bảo Thọ quận công Trịnh Lệ làm thống lĩnh, Hình khoa cấp sự trung, Hộ khoa cấp **[50b]** sự trung Phùng Viết Tu làm đốc thị, đều đem sở thuộc đến Nghệ An tiếp ứng.

Mùa đông, tháng 10, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đình Trụ 6 người.

Tháng 11, các quân đồn trấn đều tiến qua Nam Hà. Ninh quốc công Trịnh Toàn đóng quân ở Quảng Khuyến, Thái bảo Phú quốc công Trịnh Căn đóng quân ở Bạt Trạc (Quảng Khuyến và Bạt Trạc là tên hai xã thuộc huyện Thiên Lộc), đều sai các quân đào hào đắp luỹ, chia giữ các nơi hiểm yếu, bí mật sai người đi dò thám tình hình giặc để biết rõ hư thực. Khi ấy, Tiết chế Trịnh Toàn cậy công tự phụ, ngầm có ý khác, ngày đêm vỗ nuôi tướng sĩ, phân phát bạc vàng, không có hạn độ, rồi tự tiện đem quân về Trường An. Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn dò biết ý Toàn, cũng đem các quân về Phù Long (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên) sửa sang **[51a]** dinh luỹ để xem động tĩnh.

Tháng 12, thi Điện, cho bọn Nguyễn Đình Trụ đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Đinh Dậu, [Thịnh Đức] năm thứ 5 [1657], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 11; Thanh Thuận Trị năm thứ 13). Mùa hạ, tháng ?, ngày 16, Đại nguyên soái thống quốc chính thượng chủ sư phụ công cao thông đoán nhân thánh Thanh Vương mất. Truy tôn phong làm Nghị Vương, thuỵ hiệu là Long Tự.

Bấy giờ Trịnh Toàn âm mưu phản nghịch đã lộ. Thủ hạ là Trịnh Bàn, Trương Đắc Danh sợ vạ đến mình, trốn trước đầu hàng giặc, do đó, quân lính tan rã, các thuộc tướng đều hướng theo dinh Tá quốc cả. Toàn không biết làm thế nào, mới sai người mang voi ngựa khí giới bản bộ dâng tại cửa quân và có ý xin đoái thương. Quan thống lĩnh là Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn nhân lấy lẽ thuận nghịch xưa nay **[51b]** dụ bảo và nói: "Việc đã như thế, phải tự mình về cửa khuyết đợi mệnh". Toàn nghe nói, trong lòng sợ hãi, tự liệu không thể khỏi tội, mới miễn cưỡng về Kinh. Bèn giao xuống cho đình thần xét hỏi, rõ hết tội trạng. Vương cho Toàn là người chí thân, không nỡ giết, bèn tâu xin an trí trong ngục.

Trước đó, Trịnh Toàn ngầm mưu làm loạn ở trong, lại có giặc Nguyễn xâm lấn ở ngoài, lòng người nao núng, vận nước gian truân. Bấy giờ Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn giỏi mưu hùng đoán, trấn phục lòng người, cho nên ngăn chặn ác nghịch lúc manh nha, tiêu diệt giặc cướp khi hung dữ, khiến cho lòng người không lay, nước nhà yên tĩnh. Thế thái sơn, bàn thạch từ đây càng thêm vững vàng.

Tháng 5, lấy Lê Thì Hiến làm hữu đô đốc và bãi chức tước của Ngô Sĩ Vinh, vì Thì Hiến biết **[52a]** bỏ Trịnh Toàn về với dinh Tá quốc trước, còn Sĩ Vinh làm đốc thị mà không tố cáo trước.

Lấy Hoàng Nghĩa Chẩn làm đô đốc đồng tri. Tháng ấy cho thống lĩnh quan phó đô tướng thái bảo Phú quận công Trịnh Căn kiêm phủ trị xứ Nghệ An, thiêm sai Phạm Kiêm Toàn làm đốc thị.

Tháng 6, Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn sai bọn Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao, Đặng Thế Công đều đem các quân chia đường vượt sông. Thì Hiến ra quân theo đường chính, bên tả thì Nghĩa Giao, bên hữu thì Thế Công, đều tiến quân đánh giặc ở đất Nam Hoa (Nam Hoa là tên xã, thuộc huyện Thanh Chương)[1]. Thì Hiến và Nghĩa Giao mới đánh một trận đã phá được luỹ giặc. Các quân tranh nhau lập công tiến sâu vào, hàng ngũ lộn xộn, tự động vỡ chạy. Giặc thừa thế đuổi đến bờ sông. Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái bảo **[52b]** Phú quận công Trịnh Căn sai lính

[1] Xã Nam Hoa sau là xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

nội hầu bắn vào, giặc vì thế phải rút lui. Đặng Thế Công ở chi bên hữu bắn ngang vào cự chiến. Bọn Mai Văn Hiếu, Lê Sĩ Hậu cũng sai thuỷ quân lên bờ ứng cứu. Giặc phải thua chạy.

Mùa thu, tháng 7, xét công thắng trận ở Nam Hoa. Cho thăng chức tước theo thứ bậc. Lấy Đặng Thế Công làm hữu đô đốc, Mai Văn Hiếu làm đô đốc đồng tri, Nguyễn Thụ, Cao Tài, Lê Sĩ Hậu đều làm đô đốc thiêm sự; Ngô Văn Sĩ, Nguyễn Tiến Kiên, Nguyễn Đức Dương làm tham đốc. Cho Lê Công Triều tước Bạt quận công. Đàm Cảnh Đề tước Tiến quận công, Nguyễn Như Khuê tước Bá quận công. Phục lại tước cũ Phố quận công cho Trịnh Bính. Cho Lê Phái làm đề đốc, Bùi Sĩ Trinh làm thự vệ sự.

Tháng 9, mưa gió to, bật cây đổ nhà. Nhân dân các huyện ở Thanh Hoa và miền dưới Sơn Nam **[53a]** bị hại, lúa má bị đổ cả.

Lại bộ thượng thư tri kinh diên sư kiêm Quốc tử giám tế tửu Thiếu phó Dương quận công Nguyễn Nghi chết, tặng thái phó, ban thuỵ hiệu là Cung Ý. Nghi cùng cha là Thục được tiến cử cùng một lúc, làm quan trong sạch, thận trọng, trải các chức quý hiển mà chỉ chuộng thanh liêm, giản dị, chăm lo việc bồi dưỡng nhân tài. Người đương thời ai cũng kính trọng.

Mùa đông, tháng 10, gia phong Thống lĩnh quan phó đô tướng, Thái bảo Phú quận công Trịnh Căn làm thái phó; Trịnh Đống làm thiếu uý.

Tháng 11, gia ân cho các quan văn võ điều được thăng chức 2 bậc, tước 1 bậc.

Mậu Tuất, [Thịnh Đức] năm thứ 6 [1658], (Từ tháng 2 trở đi đổi là Vĩnh Thọ năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 12; Thanh Thuận Trị năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Nguyễn Tích làm tham thị ở Tá quốc dinh, Trịnh Đăng Đệ làm phó tham thị, cùng với Trần Văn **[53b]** Tuyển, Phan Kiêm Toàn đều hiệp đồng bàn giúp việc quân.

Tháng 2, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm Vĩnh Thọ năm thứ 1. Đại xá.

Mùa hạ, tháng 5, bấy giờ tiền bạc thường dùng trong nước, quan dân phát, nộp, mua bán, quen thói theo nhau kén chọn quá lắm, đến đây mới cấm: từ nay không được kén chọn. Người mua hàng cũng không được dùng lẫn tiền kẽm, tiền thiếc hay tiền gãy sứt. Từ đấy tiền hàng lưu thông, công tư điều tiện.

Khi ấy, dùng binh lâu ngày, tiêu dùng tốn kém. Hạ lệnh trong nước ai nộp thóc thì tuỳ theo số thóc nộp nhiều ít mà bổ quan chức theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, viên quan lang ở sách Trọng Hợp, huyện Quỳnh Lưu là Công Cẩn ngầm có lòng khác, lẻn đưa bọn giặc đi tắt theo chân núi đến xã Dương Hiệp, huyện Đông Thành. Dân địa phương rối động. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn sai bọn Lê Văn Hy và Lưu Thế Canh đánh tan. Công Cẩn sau **[54a]** lại dồn tụ lại. Lại sai bọn Phạm Thạnh, Đàm Cảnh Khải đem quân đánh bắt được, đóng cũi giải về Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, giặc vượt sông, xâm lấn xã Mỹ Dụ, huyện Hưng Nguyên, Nguyễn Hữu Tá vì quân trong trại ít, không địch nổi, thua chạy. Lê Thì Hiến đem tướng hiệu sở thuộc hợp sức đánh, quân giặc lui về; bị chết đuối rất nhiều. Bèn bãi chức tước của Nguyễn Hữu Tá.

Tháng 8, xét công thắng trận ở Dương Hiệp. Cho Lê Văn Hy tước Hải quận công. Lấy Lưu Thế Canh và Lê Khắc Tông làm tham đốc, Phạm Thạnh làm đề đốc, Đàm Cảnh Khải làm tham đốc.

Tháng ấy, giặc vượt sông qua xã Bạch Đường, huyện Nam Đường[1], Đào Quang Nhiêu đem quân chống giữ. Khi ấy Hoàng Nghĩa Chẩn đi đánh giặc ở Đông Thành, trở về gặp giặc mà không biết ứng cứu, xử tội thắt cổ chết.

Mùa đông, tháng 10, sai quan khảo hạch các cống sĩ có đức vọng trong nước. Lấy đỗ hạng ưu bọn Nguyễn Thạnh, Đặng **[54b]** Duy Tinh, Nguyễn Duy Đoán 3 người, hạng trung bọn Hoàng Trực 19 người, đều ban cho bạc và áo, bổ nhiệm các chức trong ngoài theo thứ bậc khác nhau.

---

[1] Huyện Nam Đường: nay là huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Tháng 11, sai Bồi tụng Nguyễn Năng Thiệu làm tham thị ở dinh Tá quốc.

Tháng 12, Thống lĩnh quan Thái phó Phú quận công Trịnh Căn sai đốc suất Đào Quang Nhiêu đem bọn Lễ Thì Hiến, Đặng Thế Công cùng với Phó tham thị Trịnh Đăng Đệ chia đường tiến đánh giặc ở xã Tuần Lễ, huyện Hương Sơn. Các đạo quân mở cờ dong trống mà tiến, giao chiến với giặc. Bọn giặc thua chạy, thu được thắng lớn. Đặng Thế Công chậm chạp ở sau, không được gì cả.

Kỷ Hợi, [Vĩnh Thọ] năm thứ 2 [1659], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 13; Thanh Thuận Trị năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng nhuận, xét công thắng trận ở Tuần Lễ. Lấy Đào Quang Nhiêu làm phó tướng, thiếu uý, mở dinh gọi là Tả khuông quân, ban cho ấn dinh; **[55a]** Trịnh Đăng Đệ làm Hồng lô tự khanh, Lễ Phái tử; Lê Thì Hiến làm thiếu bảo; Đinh Văn Tả, Đàm Cảnh Kiên, Đào Thế Tiên, Lê Văn Đăng đều làm đô đốc đồng tri. Ngoài ra đều được thăng chức theo thứ bậc khác nhau. Giáng Đặng Thế Công làm đô đốc thiêm sự, vì cớ rụt rè không biết ứng cứu tiếp chiến.

Tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Thức 20 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện. Cho bọn Nguyễn Quốc Trịnh, Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Văn Thực 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Mai Trọng Hoà 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Duy Chất 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 6, Nguyễn Đức Dương có tội bị giết. Đức Dương đóng đồn ở bờ sông, thông đồng mua bán với giặc, việc bị phát giác, xử tội chém.

Tháng 9, ngày mồng 2, tôn phong Nguyên soái chưởng **[55b]** quốc chính Tây Định Vương làm đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương.

Lời sách văn viết: "Kính cẩn như Ngu Thuấn để lo nghĩ sự cơ, mong đến thái hoà thịnh trị; thể theo sách Chu Quan mà ban cho sắc mệnh, lấy nghĩa quý trọng mà tôn sùng. Chọn được ngày lành, ban xuống sắc mệnh. Kính nghĩ. Dực vận tán trị công thần nguyên soái chưởng quốc chính Tây Định Vương Trịnh Tạc, anh hùng hơn đời cổ, trung hậu theo nếp nhà. Khiến ta nay khôi phục cơ đồ, trong sửa chính sự, ngoài dẹp di địch, là nhờ có chủ soái giúp yên xã tắc. Công trùm vũ trụ, đức sánh đất trời. Danh vọng đã khắp đến nhân dân, tước vị nên ở bậc Vương thượng. Đặc sai đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu Công bộ thượng thư Dĩnh Xuyên hầu Nguyễn Hậu Quyến cầm phù tiết mang sách vàng, ấn vàng tiến tôn làm Dực vận tán trị công thần đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng **[56a]** sư Tây Vương. Mong rằng: Nhận được ân hậu, kính giữ tiếng hay, giúp đỡ nhà vua muôn năm bền mãi. Lâu dài nghiệp chúa, muôn thuở khôn cùng. Vương hãy kính theo".

Mùa đông, tháng 10, vua đích thân hỏi thi khoa Đông các. Lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng Cảo, Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Thiêm, Phạm Duy Chất, Bùi Đình Viên 5 người, bổ làm các chức Đông các đại học sĩ, học sĩ, hiệu thư.

Canh Tý, [Vĩnh Thọ] năm thứ 3 [1660], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 14; Thanh Thuận Trị năm thứ 16). Mùa hạ, tháng 4, cấm các đại thần văn võ và tướng sĩ các dinh cơ không được thác cớ bắt người trong Kinh kỳ.

Tháng 5, có chiếu sửa duyệt hộ tịch.

Bọn Tham tụng Dương Trí Trạch, Phạm Công Trứ dâng sớ nói về việc thuế khoán làm trường và cung đốn các thứ cho trường thi Hương, nên đơn giản kiệm ước, để bớt phí tổn cho dân. Lại dâng sớ nói rằng: **[56b]** Thuật trị nước là có văn, có võ, đạo trí trị phải thưởng phạt công minh. Các võ tướng phải xông pha chống giặc, bảo vệ nước nhà, nếu biết ước thúc nghiêm minh liều mình gắng sức, để làm nên sự nghiệp công lao thì tuỳ theo mức độ công lao mà xét thưởng. Nếu có kẻ dùng dằng nhát sợ, hành quân trái luật thì trị tội theo quân pháp. Luật khuyến khích, răn trừng như vậy, thật đã rất nghiêm. Còn văn thần thì phải giúp vua, thương dân, để tô điểm thái bình. Nếu biết thận trọng thanh liêm, chăm việc, ngay thẳng, công bằng, xứng với chức vụ thì tuỳ theo chính tích tốt đẹp ra sao mà khen thưởng. Nếu có ai thừa hành công việc hoặc xét hỏi kiện tụng mà không sửa đổi lỗi trước, lại bẻ cong luật pháp, ăn của đút lót, để chậm quá kỳ hạn, xét xử không đúng, vào bè kết đảng, vì ân nghĩa riêng mà nhận lời thỉnh

thác, làm nhiều điều nhũng nhiễu, đến nỗi nát chính hại dân, **[57a]** tội nhẹ thì xử giáng bãi chức, tội nặng thì xử theo quân pháp, để trừ bỏ thói tệ, giữ nghiêm phép nước. Vua[1] nghe theo.

Tháng ấy, cấm lấy người nhỏ yếu để tăng quân. Giảm bớt các khoản biểu, bài thuộc hộ khẩu.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Phúc Tần ở châu Hoá sai bè lũ là bọn Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ vượt sông xâm phạm Mỹ Dụ (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên).

Trịnh Kiêm thua chạy, Trịnh Lương chỉnh đốn binh mã chống đánh. Em Lương là Trịnh Đường chết tại trận. Giặc nhân thế bức tới Hoa Viên (tên xã)[2]. Thống suất Trịnh Đống sai bọn Hoàng Nghĩa Giao tiếp chiến, phá được. Giặc bị chết đuối rất nhiều, lui về chiếm giữ Nam Hà.

Tháng ấy, sai bọn Mẫn Văn Liên, Trịnh Liễu, Trịnh Thế Khanh đều đem quân bản bộ vào xứ Nghệ An thuộc Thống lĩnh quan sai phái đi đánh giặc.

Bấy giờ, thế giặc hung dữ, cách sông đối luỹ với quan quân. Thống lĩnh quan Phú quận công **[57b]** Trịnh Căn nghĩ ra một kế dành thắng lợi. Trước hết dàn bày thế trận cho giặc không biết phòng bị mặt nào.

Tháng 9, ngày 11, sai thuộc tướng là Lê Thì Hiến và Hoàng Nghĩa Giao cùng bọn tham thị Trần Văn Tuyển, Phan Kiêm Toàn đều đem tướng hiệu chia làm hai đường: Bọn Hoàng Nghĩa Giao từ Âm Công (tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên) vượt sông mà tiến; bọn Lê Thì Hiến qua cửa biển Hội Thống mà tiến, đồng thời ước hẹn đến nửa đêm thì tiến đánh. Mờ sáng, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn thân đem đại binh lên núi Dũng Quyết[3], chỉnh bày thế trận, đường đường uy vũ hiên ngang, xem xét quân cơ, chia sai quân tiếp chiến.

Bấy giờ bọn Nghĩa Giao và Kiêm Toàn vượt sông trước, chia sai tướng dưới quyền là bọn Nguyễn Đức Trung, Đàm Cảnh Khải tiến đánh tướng giặc Chiêu Vũ, cầm cự nhau ở xứ Hối Giang, tự đem tướng hiệu đánh phá luỹ giặc, đến thẳng núi An Lạc. **[58a]** Tiên phong Trần Công Bách liều sức đánh bị chết. Bọn Vũ Bách Phúc, Lê Văn Hy, Lưu Thế Canh thấy thế lùi chạy. Đinh Đức Nhuận, Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Hoàng chết tại trận. Giặc thừa thế vây kín bốn mặt. Bấy giờ Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn vội sai thuộc tướng là bọn Trần Tiến Triều, Ngô Đình Xuân, Đỗ Lịch, Cao Huân đem lính nội hầu dưới quyền mình tiến đánh. Lại sai các đội thuỷ binh tiến qua bờ sông, hướng vào giặc bắn liên tiếp từ giờ Tỵ đến giờ Thân. Bọn giặc thua chạy. Khi ấy, bọn Thì Hiến, Văn Tuyển qua cửa biển Hội Thống, từ Tả Ao (tên xã) huyện Nghi Xuân tiến đánh gấp quân giặc. Thuộc tướng Mẫn Văn Liên chết trận. Bọn Mai Văn Hiếu, Trịnh Liễu, Phạm Thanh, Dương Quỳnh, Trịnh Thế Khanh lùi dần.

Bọn Thì Hiến, Văn Tuyển thúc quân thẳng tiến, phá được luỹ mạnh của giặc, phóng lửa đốt cháy doanh trại địch, **[58b]** đuổi đến xã Hoa Viên (thuộc huyện Nghi Xuân). Bọn giặc thấy bóng là tan vỡ. Bắt được voi ngựa, khí giới nhiều không kể xiết. Giặc thu tàn quân lui về giữ Nghi Xuân (tên huyện)[4].

Tháng ấy, truy tặng Mẫn Văn Liên làm thiếu bảo, Trần Công Bách làm hữu đô đốc, Đặng quận công; Đinh Đức Nhuận làm đề đốc Dực quận công; Nguyễn Đức Nhuận làm đề đốc Ân quận công; Nguyễn Hoàng làm tham đốc Kiên Vinh hầu, đều truy phong làm phúc thần, lập đền thờ để nêu công chết trận. Giáng Mai Văn Hiếu làm đô đốc đồng tri, Trịnh Liễu làm đề đốc, Phạm Thạnh làm tham đốc, Dương Quỳnh làm thự vệ sự. Bãi chức tước của Trịnh Thế Khanh, Lê Văn Hy, Lưu Thế Canh. Chém Vũ Bách Phúc. Đều là trị tội họ lùi chạy mà Bách Phúc tội nặng hơn.

Trước đó, đảng giặc đương hăng, quan quân cầm cự với giặc đã lâu. **[59a]** Đến đây, thống lĩnh quan Phủ quận công Trịnh Căn hội các tướng bàn rằng: "Ta là gốc của nước, nhận uỷ thác chuyên việc

---

[1] Nguyên văn là chữ "thượng"; có thể hiểu là vua, cũng có thể hiểu là chúa (Trịnh Tạc).

[2] Nay là xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

[3] Núi Dũng Quyết: tức núi Quyết ở Bến Thuỷ, thị xã Vinh, tỉnh Nghệ An.

[4] Về trận này, Đại Nam thực lục tiền biên chép chi tiết hơn.

đánh dẹp, việc nhà quyền nước đều là trách nhiệm của mình, đến nay đã 6 năm mà chưa dẹp yên được, lòng ta rất hổ thẹn. Các ngươi có kế sách gì hãy trình bày cả ra".

Các tướng đều nói: "Minh công ra lệnh thế nào, chúng tôi đâu dám không tuân theo. Song cho được vạn toàn, không gì bằng mưu tất thắng của minh công".

Được một lát, các tướng đều lui ra. Còn một mình Công Bách ở lại sau, lại xin vào gặp. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn cho gọi vào nhà riêng. Bách nhân đó nói: "Nay muốn phá giặc, nếu không xông vào nơi nước sôi lửa bỏng, ra vào chỗ nguy hiểm thì sao giành được chiến công toàn thắng? Nếu chỉ người này người kia nói khoe lời hão thì rất ít thành được việc".

Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn nói: "Ý ngươi muốn thế nào?".

Bách trả lời: "Lập Sơn (ở huyện Nghi Xuân) là **[59b]** chỗ phải cố tranh lấy, lấy được Lập Sơn trước thì phá giặc dễ thôi!".

Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn nói: "Ta từng lên núi Dũng Quyết xem kỹ hình thế, vẫn chú ý đến núi ấy. Nay những điều người nói chính là chữ "hoả" trong bàn tay của người xưa"[1].

Bách nhân đó xin làm tiên phong. Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn khen chí của Bách và cho làm. Đến khi đại quân qua sông, Bách một mình đến Lập Sơn trước. Giặc thấy ít quân, đem hết quân tới vây. Bách xông pha trong đám gươm giáo, quyết chí đánh, rồi bị hại. Bách là người nghiêm khắc, cương chính nhưng khảng khái có đảm lược, người đương thời ai cũng tiếc (Bách người xã Thiêm Lộc, huyện Ý Yên, nguyên họ Trần, được ban họ Trịnh).

Mùa đông, tháng 10, sai Trịnh Kiểm cùng với bọn Trần Lương Nho, Lê Tôn, Trịnh Phác, Trịnh Uy, Phạm Phúc Thiêm, Trịnh Tuyên, Cao Diên đến Nghệ An, biên thuộc vào Tá quốc dinh của Thống lĩnh quan, cho sai đi đánh giặc. Sai Lê Sĩ **[60a]** Triệt làm tham thị ở Tá quốc dinh, Trịnh Thế Tế làm phó tham thị, Hồ Sĩ Dương làm đốc thị ở Trung khuông quân dinh, Thân Toàn làm đốc thị ở Tả nội quân dinh (Trung khuông là dinh hiệu của Trịnh Đống, Tả nội là dinh hiệu của Trịnh Kiền).

Hạ lệnh trong nước đắp đường thiên lý để tiện việc đi lại.

Tháng 11, ngày 17, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn sai bọn thuộc tướng Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao; tham thị Lê Sĩ Triệt, Nguyễn Năng Thiệu chia đường đi đánh giặc. Thì Hiến, Sĩ Triệt từ bờ biển qua đất Cương Gián (tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân) tiến đi; bọn Nghĩa Giao, Năng Thiệu theo đường bộ qua các nơi Lũng Trâu, Mạn Trường (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc) tiến đi. Lại hạ lệnh cho thống suất và đốc suất các đạo điều chỉnh bị quân dưới quyền, ngày đêm cố sức đánh công kích bốn mặt. Tiếng thanh la và tiếng trống vang trời. Thế giặc rối loạn lung tung không biết trở tay ra sao.

[60b] Ngày 18, bọn Thì Hiến, Sĩ Triệt phá được quân giặc ở đất An Điềm (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc).

Ngày 19, bấy giờ, bọn Thì Hiến, Sĩ Triệt, Nghĩa Giao, Năng Thiệu hội quân tiến đánh, lại phá được giặc ở Phù Lưu Thượng (tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc). Tướng sĩ thừa thắng đánh dấn, lại cả phá quân giặc, chém được rất nhiều thủ cấp giặc, thu được voi ngựa, khí giới của giặc nhiều không kể xiết. Giặc thua to chạy trốn, ta thu phục được hết 7 huyện Nam Hà. Hôm ấy, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn cho chạy ngựa về dâng tờ báo tin thắng trận, đại lược nói: Nay trên nhờ uy trời, tuân theo mưu lược của miếu đường, ngày 17 tháng này, chia sai tướng sĩ do hai đường tiến đánh. Ngày 19, đánh nhau to với giặc ở đất Thiên Lộc, ba quân cố sức tranh lên trước, bọn giặc thấy bóng là vỡ chạy. Ta chém thủ cấp giặc, bắt sống binh sĩ giặc, thu được **[61a]** voi ngựa, khí giới của giặc dâng trước cửa quân nhiều không kể xiết. Hiện nay đương đem đại binh thẳng tiến, thừa thắng ruổi dài, xin tâu trước tin thắng trận.

---

[1] Tào Tháo đem trăm vạn hùng binh tiến công nước Ngô. Tướng Ngô là Chu Du dựa vào sông Trường Giang, lập phòng tuyến Xích Bích để chống giữ, Chu Du cho mời Gia Cát Lượng, khi ấy là sứ thần của Lưu Bị vào hỏi kế phá quân Tào. Gia Cát Lượng thưa: "Tôi và tướng quân đều viết vào lòng bàn tay xem kế sách có giống nhau không". Kết quả là cả Chu Du và Gia Cát Lượng đều viết vào lòng bàn tay mình một chữ "hoả" nghĩa là dùng hoả công. Câu này ý nói mưu kế của hai bên trùng hợp nhau.

Tin thắng trận đưa về, Vương mừng lắm, tâu cho vua biết. Các quan đều vào chầu mừng.

Ngày 21, Thống lĩnh quan Phú quận công Trịnh Căn đích thân chỉ huy các viên thống suất, đốc suất và quân các đạo thẳng tiến ruổi dài, đến tận cửa biển Nhật Lệ, cho quân nghỉ, hồi đồng các tướng, bàn xét các cấp chiến công, làm bản dâng lên[1].

Truy xét công những người chết trận. Tặng Đô đốc thiêm sự Quảng quận công Đào Thế Tiên làm thiếu bảo, cấp ruộng thờ[2], cho dân lập đền thờ (Thế Tiên người xã Ngọc Trục, huyện Từ Liêm).

Tháng 12, sai bọn Nguyễn Quốc Khôi, Nguyễn Công Bích, Phạm Duy Chất, Nguyễn Tông Lễ mang sách vàng tới trong quân, phong Thống lĩnh quan phó đô tướng Thái phó Phú quận công **[61b]** Trịnh Căn làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiểm tổng chính bính Thái uý Nghi quốc công, mở phủ Lý Quốc, ban ấn bạc.

Lời kim sách viết: "Lên ngôi vua để coi dân, rộng mở vận thái bình thịnh trị; theo phép vua mà ban lệnh, kính xét nghĩa quý trọng tôn vinh. Chọn ngày tháng tốt, ban sắc mệnh lành. Nghĩ rằng: Phụng sai Thống lĩnh phó đô tướng Thái phó Phú quận công Trịnh Căn, bản tính nhân hậu, tài lược anh hùng. Nay ta nhờ chủ soái, trên giúp đức, dưới vì dân, giữ nước nhà thêm cơ nghiệp; khen người dòng nhà vương, văn người theo, võ giặc sợ, yên xã tắc thực nhiều công lao. Đức vọng đã thoả lòng dân khắp nước, tước vị phải đứng trên cả các quan. Đặc sai Tham tụng Lễ bộ thượng thư Yên quận công Phạm Công Trứ cầm phù tiết, mang sách vàng, ấn bạc, gia **[62a]** vinh phong làm Lý Quốc phủ khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bổ chư dinh kiêm tổng chính bính thái uý Nghi quốc công. Ngươi hãy kính theo thành mệnh, lập nhiều công to. Trông coi việc nước, thống lĩnh các quân, việc lớn nhỏ kính vâng xử quyết; quả quyết một lòng, giúp vua rèn đức, nền trị bình tới khắp trong ngoài. Để đáp lại lòng ta tin dùng, cho thoả lòng vương phụ uỷ thác. Cho cơ đồ nhà vua dài mãi, để sự nghiệp nhà vương lớn thêm. Ngươi hãy kính theo!".

Tân Sửu, [Vĩnh Thọ] năm thứ 4 [1661], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 15; Thanh Thuận Trị năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, Tiết chế thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn đem quân về Kinh, lưu lại Đào Quang Nhiêu làm trấn thủ, Lê Sĩ Triệt, Hồ Sĩ Dương, Trịnh Thì Tế làm đốc thị, đem các tướng đóng ở đất Hà Trung, huyện Kỳ Hoa.

[62b] Tháng 3, ngày 18, Tiết chế thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn tiến đến phủ Đại Khánh, trấn Thanh Hoa, thấy gần đến kỳ thi Hội, sai trước thuộc tướng là Lê Thì Hiến, Hoàng Nghĩa Giao cùng với bọn Tham thị Phan Kiêm Toàn tiến về Kinh trước để kịp theo hầu kỳ thi.

Ngày 28, Thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn về đến Kinh sư, tới điện đình lạy chào. Vua vui mừng ân cần khen ngợi, uý lạo. Đến khi vào phủ lạy chào vương phụ, Vương mừng lắm, yên ủi về việc xông pha sương tuyết lâu năm, tiễu trừ nghịch tặc, thu phục bờ cõi, không phụ lòng uỷ thác.

Thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Xuân Bảng 13 người. Đến khi thi Điện, cho Đặng Công Chất, Đào Công Chính, Ngô Khuê 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; Trần Xuân Bảng, Lê Trí Bình 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Lê **[63a]** Nhân Kiệt 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 4, xét công dẹp giặc thu lại bờ cõi. Thăng Lê Thì Hiến làm phó tướng thiếu uý, mở dinh gọi là Tả trung quân, ban ấn dinh; Hoàng Nghĩa Giao làm phó tướng tả đô đốc. Lại cho bọn Trần Văn Tuyển, Nguyễn Năng Thiệu, Phan Kiêm Toàn có công bàn mưu bày kế, thăng Văn Tuyển làm Ngự sử đài đô ngự sử Xuyên quận công, Năng Thiệu làm Ngự sử đài phó đô ngự sử Dương quận công, Kiêm Toàn làm Lại bộ hữu thị lang Thuỵ quận công. Lại cho Lê Sĩ Triệt làm tham thị có công, thăng làm Hộ bộ tả thị lang Quế Hải hầu. Ngoài ra còn 26 viên thuộc tướng khác là bọn Lê Văn Long, Lê Văn Tiến, Lưu Thế Canh, Trần Công Vệ đều được thăng chức tước và thưởng cấp dâng lộc theo thứ bậc khác nhau. Lại cho là Trịnh Đống, Trịnh Kiền **[63b]** được sai đi thống suất chia giữ chỗ hiểm yếu có công, thăng cho Trịnh Đống là thái phó, Trịnh Kiền làm thiếu uý.

---

[1] Theo Đại Nam thực lục tiền biên: thì trong chiến dịch này, tướng Nguyễn là Nguyễn Hữu Tiến thấy quân Trịnh phản công thắng lợi, nhân bất hoà với Nguyễn Hữu Dật, bèn quyết định rút quân về.

[2] Nguyên văn là "cấp tự sự". Chữ "sự" có lẽ là do chữ "điền" viết lẫn.

Tháng 6, gia phong Hộ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị giảng chưởng Hàn lâm viện sự Thiếu bảo Bạt quận công Dương Trí Trạch làm Lại bộ thượng thư quốc lão thái bảo cho về trí sĩ.

Sai triều thần định lại chế độ phẩm phục, hành nghi, đồ dùng của tước công và các quan văn võ.

Tháng 10 nhuận, Thượng sư Tây Vương cho là giặc Phúc Tần tuy bị thua tan trốn chạy về, nhưng vẫn chưa chịu đầu hàng, nộp cống, bèn đích thân phù đại giá của hoàng thượng đi đánh. Ủy cho Tiết chế thái uý Nghi quận công Trịnh Căn đốc quân đến thẳng cửa biển Nhật Lệ, sai Phó tướng thiếu uý Đào Quang Nhiêu làm thống suất, bọn phó tướng thiếu uý Lê Thì Hiến, Tả đô đốc Hoàng Nghĩa Giao đều làm thống suất, bọn bồi tụng Lê Sĩ Triệt, Trịnh **[64a]** Thì Tế, Thân Toàn làm đốc thị, chia ba đường tiến đánh.

Nhâm Dần, [Vĩnh Thọ] năm thứ 5 [1662], (Từ tháng 9 trở đi là Vạn Khánh năm thứ 1; Minh Vĩnh Lịch năm thứ 16; Thanh Khang Hy năm thứ 1). Mùa xuân, nước đầm xã Thịnh Liệt cạn khô đến hơn một khắc.

Tháng 2, xuống chiếu đem quân về. Khi ấy, Nguyễn Phúc Tần dựa vào thế hiểm cố thủ. Đại binh đến đóng lâu ngày, lương thực rất thiếu, hơn nữa, khí nóng đương dữ, ở lại lâu không tiện, bèn dụ các tướng đem quân trở về.

Tháng 3, xa giá về đến Kinh sư. Lại thấy giặc Mạc ở Cao Bằng đóng quân ở huyện Thất Tuyền làm náo động dân địa phương, bèn sai Phó tướng thiếu uý Vân quận công Trịnh Kiền làm thống lĩnh, Thiêm đô ngự sử Phùng Viết Tu làm đốc thị đem quân tiến đánh. Bọn giặc nghe tin chạy trốn.

Đông các đại học sĩ Nguyễn Đăng Cảo bị bãi chức. Cảo nổi tiếng về văn chương, nhưng tính hạnh khác thường, làm quan hay lập dị **[64b]** không thận trọng giữ chức, vì thế phải bãi chức.

Mùa hạ, tháng 5, sai Tham tụng Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ trông coi dân tạo lệ của Quốc tử giám để phục dịch. Bấy giờ điện đường và cung tường trong ngoài của nhà Quốc học nhiều chỗ dột nát, hoang rậm, Công Trứ sửa sang thêm, nên quy mô chế độ dần dần lại lộng lẫy. Lại cứ đến ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng, thì đại hội các học trò để học tập. Từ đấy, nho phường được thêm dóng dả, nhân tài nhiều người thành đạt.

Phó tướng tả đô đốc Hoàng Nghĩa Giao chết. Nghĩa Giao là bậc tướng giỏi, con nhà gia thế, trung nghĩa trí dũng, vâng mệnh đi đóng giữ lâu ngày, nhiều lần phá trận giặc; có công với nước. Đến đây chết, thọ 40 tuổi, tặng thái bảo, ban thuỵ hiệu là Dũng Lược, được phong làm phúc thần, lập đền thờ cúng. (Nghĩa Giao người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động).

Sai bọn Bồi tụng Hồ Sĩ Dương **[65a]** lên cửa quan đón tiếp sứ thần phương Bắc.

Mùa thu, tháng 7, quan trí sĩ Dương Trí Trạch chết, tặng thái tể.

Tháng 8, trời mưa lâu không ngớt.

Tháng 9, vua nhiễm bệnh ung thư, xuống chiếu đổi niên hiệu là Vạn Khánh năm thứ 2. Đại xá.

Khi ấy, vua chưa khỏi bệnh, nhân có chỉ dụ Thượng sư Tây Vương rằng: "Ngày trước, vì con nối chưa có, nên lấy người họ khác là Duy Tào lập làm hoàng thái tử. Nay nhân lo việc về sau, trên sợ anh linh của thánh tổ thần tông ở trên trời, không dám đem ngôi lớn khinh suất phó thác cho người khác. Duy Tào hãy phế đi, cho theo về họ mẹ. Nay con đích là Duy Vũ 9 tuổi, dần đã trưởng thành, mong nhờ Vương giúp đỡ nên người để nối nghiệp lớn, yên lòng thần dân.

Vương cho là việc này rất hệ trọng, liền sai các quan văn võ đều vào thềm son đợi mệnh, rồi uỷ cho bọn Tham tụng Lễ bộ **[65b]** thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ, Hữu đô đốc kiêm thái giám Bái quận công Lê Viết Đăng. Hằng quận công Lê Đăng Tiến vào chỗ vua nằm để trực tiếp nhận cố mệnh. Vua khẩn khoản hiểu dụ hai ba lần, như lời dụ trước. Bọn Công Trứ đem lời vua dặn nói lại cho Vương biết. Thế rồi Vương và các quan tôn lập hoàng tử Duy Vũ làm hoàng thái tử, phế Duy Tào làm thứ nhân theo về họ mẹ.

Lại sai Hồ Sĩ Dương cùng với bọn Hàn lâm đãi chế Nguyễn Danh Thực lên cửa quan đợi mệnh.

Ngày 22 vua băng.

Thiêm đô ngự sử Phùng Viết Tu bẻ cong phép nước, ăn của đút lót. Việc phát giác, xử tội thắt cổ chết. Thừa chính sứ Sơn Tây Quách Đồng Đức cũng vì tội hối lộ bị bãi chức. Án có liên quan đến đồng tri phủ Trương Văn Lĩnh, khi còn trị nhậm ở phủ Quốc Oai có nhận của đút, phải xử **[66a]** tử. Văn Lĩnh đã ngoài 70 tuổi cũng đem hành hình, người đương thời ai cũng thương.

Mùa đông, tháng 11, hoàng thái tử lên ngôi hoàng đế. Đại xá. Lấy năm sau làm Cảnh Trị năm thứ 1.

Ban chiếu rằng: "Ta nghe: đạo trời vận chuyển ở trên, phải phát ra khí âm, móc nhuần để muôn loài tươi tốt; làm vua lên ngôi buổi mới, tất ban xuống phúc lành, ơn rộng, cho tỏ khắp gần xa. Chốn chốn hiểu thông, nơi nơi nghe biết. Nước nhà ta, dựng nước lấy nhân, được dân có đạo. Thái Tổ Cao Hoàng Đế lấy võ dẹp loạn, lấy văn giữ nước, nhờ hiền thần mà mở rộng quy mô sáng nghiệp; liệt thánh hoàng đế, dùng nhân cố kết, lấy lễ duy trì, dựa đức lớn mà giữ vững cơ đồ đã sẵn. Dẫu nhất thời gặp ách gian truân, song vận cả trùng hưng lại tới. Trang Tông Dụ Hoàng Đế, Trung Tông Vũ Hoàng **[66b]** Đế dấy quân khởi nghĩa, thu phục Kinh thành, mà tôn lập nhà vua đều do Thế Tổ Thái Vương mưu thần kế giỏi, Thế Tông Nghị Hoàng Đế, Kính Tông Huệ Hoàng Đế hoàn thành nghiệp lớn, đóng tại Trung Châu, mà phù trì chính thống dựa nhiều Thành Tổ Triết Vương đức thánh công cao. Quy mô sáng hơn cả người xưa, cơ nghiệp truyền mãi cho con cháu. Đến hoàng phụ ta, vâng chịu mệnh cả, nối giữ nghiệp to. Trên theo quy mô của thánh tổ thần tông sáng nghiệp thủ thành, kính tuân cương kỷ; trước nhờ công lao của Văn Tổ Nghị Vương giữ gìn giúp đỡ, dấy vận trị bình. Đức trung chính muốn cương kiện tiến lên; học cao minh mong bồi dưỡng thêm tốt. Thực nhờ Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương hun đúc đào tạo nên đức tốt tinh thuần và Khâm sai tiết chế các xứ **[67a]** thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng chính bính Thái uý Nghi quận công giúp rập khuyên can mà nên chính trị tốt đẹp. Bốn mươi tư năm, vô tri mà trị, ức triệu dân đều sống thoả lòng. Nay vừa khi tuổi già sức mỏi, lo việc lớn ký thác con côi. May nhờ Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương đức trung thành đã rõ, công giúp sức có nhiều, y lời khải của phủ Tiết chế, theo lời xin của đại thần văn võ trăm quan, tôn lập trẫm lên ngôi hoàng đế. Trẫm đương có tang, tự nghĩ tuổi nhỏ khó gánh vác nổi. Song lại nghĩ tới ngôi lớn của tông miếu, gánh nặng của xã tắc, không thể từ chối, phải kính cẩn tôn thừa. Nên ngày tháng này, năm này đã lên ngôi hoàng đế, đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm Quý Mão sang năm làm Cảnh Trị năm thứ 1. Mong nhờ đại thần văn võ trăm quan sửa sang giúp đỡ, cho nên **[67b]** đức tốt, để giữ trọng trách của trời đất tổ tông phó thác, để thoả lòng thần dân trong ngoài trông mong. Ôi, lên ngôi báu, nay ban chính lệnh sáng tươi; trải ức năm, cơ nghiệp lâu dài còn mãi. Bố cáo gần xa, thảy đều nghe biết".

Sai Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Danh Thực cùng với bọn Hộ khoa cấp sự trung Gia Thọ nam Nguyễn Đình Chính lên cửa quan đón tiếp sứ thần và nhận lĩnh các thứ bạc lụa ban thưởng và tờ sắc dụ của Bắc triều. Tháng 12, đem về đến Kinh sư.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XIX

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Huyền Tông Mục Hoàng Đế

Tên húy là Duy Vũ, con của Thần Tông, em của Chân Tông, ở ngôi 9 năm, thọ 18 tuổi thì băng, táng ở lăng Quả Thịnh. Vua tính trời nhân hậu, vẻ người đoan nghiêm, những năm ở ngôi, trong nước yên trị, thóc lúa đượa mùa, cũng đáng gọi là bậc vua hiền vậy. Nhưng ở ngôi không được lâu, thực đáng tiếc!

Quý Mão, [Cảnh Trị] năm thứ 1 [1663], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 17; Thanh Khang Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, bấy giờ, vua còn nhỏ tuổi, Vương sai Tả đô đốc Trạc quận công Trịnh Kiêm, Hữu đô đốc Phổ quận công Hoàng Sĩ Khoa, Đô đốc đồng tri Cường quận công Nguyễn Thụ, Đô đốc thiêm sự Giao quận công Trịnh Doanh vào coi quân bốn vệ để thị vệ.

Tháng 2, lấy Hồ Sĩ Dương làm Đông các đại học sĩ, thăng tước tử, Nguyễn Danh Thực thăng tước nam, Nguyễn Đình Chính thăng tước tử, **[1b]** vì có công lên cửa quan tiếp nhận sắc dụ và bạc lụa của Bắc triều ban thưởng.

Sai bọn Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Danh Thực, Nguyễn Đình Chính lên cửa quan đợi mệnh.

Tặng đô đốc đồng tri Thao quận công Mạc Kính Môn làm tả đô đốc. Kính Môn là họ hàng nguỵ Mạc, trước đã đổi lòng quy thuận, được phong chức tước rồi lại trốn về Cao Bằng, sau lại về làm tôi dưới cửa khuyết. Vương đức lớn bao la, lại bao dung trọng đãi. Đến đây chết, lại được tặng.

Tháng 3, cấm quan lại và nhân dân trong nước không được đánh bạc.

Tháng ấy, ngày 15, con vua là Lê Duy Cáp sinh.

Mùa hạ, tháng 4, gia thăng Thiếu phó Hộ quận công Vũ Công Thiêm làm chưởng Tư lễ giám tổng thái giám kiêm các giám ty sự.

Tháng 5, có lệnh chỉ rằng: Ngự sử đài khám xét kiện tụng phải theo pháp lệnh, giữ đức liêm khiết, cần mẫn. **[2a]** Lại có sắc lệnh răn bảo giám sát ngự sử 13 đạo phải nhất luật tuân hành, không được để đọng án trái cách.

Có lệnh chỉ cho hai ty Thừa Hiến các xứ tra xét các quan phủ huyện sở thuộc, viên nào hết lòng vỗ về dạy bảo dân trong hạt, công minh, chính trực, liêm khiết, chính sự hay, xử kiện đúng; viên nào không biết hết lòng thương dân, chỉ làm điều hà khắc tham lam thô bỉ, hối lộ, lười bỏ chính sự, thì đều kê tên tâu lên để thăng hay truất.

Tháng 6, sai chánh sứ Lê Hiệu, phó sứ Dương Hạo và Đồng Tôn Trạch sang tuế cống nhà Minh, nhân tiện tạ ơn và báo tang. Nước lớn tràn ngập cả lúa đồng và nhà cửa của dân. Vùng Khoái Châu và Thường Tín bị hại nhiều nhất.

Có lệnh chỉ cho trấn thủ các xứ rằng: Các phạm nhận trốn tránh thì phải tróc nã, giao cho xét lại để thi hành án. Lại răn các quan xét kiện trong ngoài rằng những phạm nhân nào không **[2b]** thuộc diện "bát nghị" thì cứ theo tội nặng hay nhẹ mà xử án, không được cho chuộc tội.

Mùa thu, tháng 7, nhắc lại 47 điều giáo hoá, đại ý nói: Làm tôi hết lòng trung, làm con giữ đạo hiếu, anh em hoà thuận, vợ chồng kính yêu nhau làm điều nhân, cha mẹ sửa mình để dạy con, thầy trò đối xử với nhau bằng đạo, gia trưởng dạy người bằng lễ, con em cung kính cha anh, vợ không được trái chồng, đàn bà chồng chết không con được chuyển riêng của cải đi, ở làng xóm thì người lớn nhỏ phải kính yêu nhau, cùng nhau làm lợi trừ hại; không được cậy mạnh mà lấn áp kẻ yếu; không được gây kiện tụng để kiếm lợi riêng; hào cường không được xét kiện, trai gái không được bừa bãi thói dâm; người làm chứng việc kiện phải nói thực, không được ham tiền của nói sai; nhà trọ nên đề phòng kẻ gian nhưng không được cự tuyệt người đến ngủ trọ; không được chiếm đường đi làm vườn **[3a]** tược, không được lấn khe ngòi làm hồ ao, mối lợi của rừng núi sông chằm mọi người đều cùng hưởng, người đứng đầu phường, xã, thôn, trang chọn người tốt mà làm; sinh nghiệp phải siêng năng, hưởng ẩm nên tiết kiệm; không được cậy quyền thế mà gửi gắm việc kiện tụng, không được cố ý đem người già yếu mà gieo vạ cho người lương thiện; không được giả cách làm sư sãi để tránh sai dịch; không được xui người kiện tụng để lấy tiền của, người đi thưa kiện không được thêu dệt mà vu cho người; kẻ buôn bán không được tụ họp bè đảng mà làm trộm cướp; cầu cống đường sá chỗ nào hỏng nát thì sửa đắp kịp thời; sổ sách việc quan không được điên đảo; đền mộ lăng miếu không được lấn phá; con trai, con gái không được làm phường đồng cốt, nhà có tang không được hát xướng trong lễ Trung nguyên; không được ngạo mạn với người quan trưởng; không được dụ dỗ đem người đi bán; lấy nhau nên phân biệt tộc loại, không được đòi tiền của; tang lễ phải tuỳ giàu nghèo **[3b]** không được yêu sách ăn uống; cấy ruộng xâm canh không được đòi nhau tiền thóc, cùng ở một làng không được cướp đoạt tài vật của nhau. Những điều trên đây, ban bố khắp nước, các nha môn Thừa Hiến các xứ và phủ, châu, huyện đều phải làm sao thành một bản treo ở nơi coi việc và chuyển gửi tới các xã sở thuộc, mỗi xã đều viết ra bảng treo ở đình, cho các quan viên, giám sinh, sinh đồ, xã trưởng, cứ đến ngày có việc làng thì hội họp đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ đến giảng giải hiểu thị, để được tai mắt thấm nhuần, biết sự khuyên răn. Từ đây lòng người dần dần theo về tục thiện.

Tháng 8, có lệnh chỉ cho thừa ty các xứ xét dân trong hạt nếu có người khách nước ngoài trú ngụ thì phải khai trình lên, tuỳ nghi khu xử để phân biệt phong tục.

Tháng 9, lấy Nguyễn Công Bích làm tham chính xứ Kinh Bắc, Nguyễn Thiềm là tham chính xứ Hải Dương. **[4a]** Nguyễn Danh Thực là Hình khoa đô cấp sự trung, Lê Công Triều làm giám sát ngự sử đạo Thanh Hoa.

Sửa điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao. Trước đây, đàn Nam Giao đã có điện, nhưng quy mô còn nhỏ hẹp. Đến đây Vương sai làm thêm. Nhà chính điện thì cột vuông, lát nền bằng đá, trong sàn ngoài sàn đều xây đá, cột, rường, hoành, rui đều sơn son thếp vàng, quy mô chế độ mới mẻ rực rỡ. Vương lại sai từ thần là bọn Hồ Sĩ Dương làm văn khắc vào đá để ghi lại việc này.

Mùa đông, tháng 10, cấm người trong nước học đạo Hoa Lang[1]. Trước đây, có người nước Hoa Lang vào ở nước ta, lập ra đạo lạ để lừa phỉnh dân ngu. Bọn đàn ông, đàn bà ngu dốt nhiều kẻ tin mộ. Trường giảng đạo người ở hỗn tạp, trai gái không phân biệt. Trước đã đuổi người giảng đạo đi rồi mà **[4b]** sách đạo và nơi giảng hãy còn, thói tệ chưa đổi. Đến đây lại nghiêm cấm.

Lấy Nguyễn Viết Nhiệm làm thừa chính sứ xứ Thái Nguyên, Phạm Duy Chất làm tham chính xứ Sơn Tây.

Tháng 11, giảm xá tiền thuế đinh cho dân bốn trấn có mức độ khác nhau, vì nước lụt tổn hại lúa má.

Thi Hương các sĩ nhân trong nước.

Tháng 12, lấy Vệ quận công Trịnh Bệ làm đô đốc đồng tri.

Giáng Phạm Lập Lễ làm Binh khoa đô cấp sự trung, vì Lập Lễ làm tham chính xứ Hải Dương khám xét đê điều không đúng sự thực.

---

[1] Đạo Hoa Lang: tức đạo Gia Tô.

Lấy Đô đốc đồng tri Lộc quận công Đinh Văn Tả hành chức đô tổng binh xứ Yên Quảng.

Sai quan Kinh đi hai xứ Thanh Hoa và Nghệ An làm sổ khai lệ[1].

Giáp Thìn, [Cảnh Trị] năm thứ 2 [1664], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 18; Thanh Khang Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, tham chước điều lệ thi Hội, **[5a]** từ đó, dùng làm quy chế lâu dài.

Vua gia tôn Vương theo điển lễ đặc biệt, hiểu dụng các quan văn võ rằng:

"Trẫm nghe, dựng nên cơ nghiệp vô cùng, tất để tiếng tốt vô cùng, đã có công lao đặc biệt, phải đãi bằng lễ đặc biệt. Khắc vào bia đá, muôn thuở còn ghi. Nước nhà ta thừa thời mở vận, ứng trời thuận người. Thái Tổ Cao Hoàng Đế khởi nghĩa bình Ngô, khi ấy, phần nhiều nhờ ở hiền thần ra sức mà nên công khai sáng. Đai mũ áo xiêm vì thế lại chính đính, cương thường giềng mối nhờ đó lại rõ ràng. Công to đức lớn, kể cũng hiếm có. Liệt thánh hoàng đế nối nghiệp xưa, theo phép tổ, bấy giờ thực nhờ có huân thần giúp đỡ mà giữ được nghiệp nhà. Kỷ cương pháp độ, không gì không đủ, hiểu lệnh điển chương rực rỡ đáng êu. Công cao nghiệp lớn, tốt đẹp bội phần. Nhưng từ khoảng năm Quang Thuận, Thống Nguyên[2] **[5b]** bị kẻ gian thần họ Mạc manh tâm cướp ngôi như Nghệ Trạc trong khoảng 6 năm không còn nhà Hạ nữa[3]. May sao thời mở vận trung hưng, sinh ra tiên tổ họ Trịnh là Thế Tổ Thái Vương[4], Thành Tổ Triết Vương[5] dấy lên từ người áo vải, xướng xuất nghĩa quân lo việc trừ tàn bạo cho thiên hạ, giữ yên xã tắc, tôn lập Hoàng tổ ta là Trang Tông Dụ Hoàng Đế[6], Trung Tông Vũ Hoàng Đế[7]. Cơ nghiệp trung hưng bắt đầu từ đó. Đến khi Anh Tông Tuấn Hoàng Đế[8] nối ngôi, có bọn tiểu nhân Cảnh Hấp, Đình Ngạn gièm pha, gây ra việc bất bình. Lúc ấy Thành Tổ Triết Vương lâm cảnh nguy nghi mà không ngại, chịu trách nhiệm lớn mà chẳng từ, tôn lập Thế Tông Nghị Hoàng Đế lên ngôi ở điện hành tại Vạn Lại và đem đại quân quét trừ nguỵ Mạc, thu phục kinh thành. Anh hùng đều trong vòng sai khiến, thiên hạ **[6a]** đã trong lòng tay. Lại dốc nghĩa tôn vua, kính rước thánh giá tiến về thành Thăng Long. Vật cũ lấy lại, xã tắc thêm tươi. Thánh đức văn công đã sáng soi trời đất, vỗ yên nhà nước như bàn thạch, thái sơn, dẫu bài thơ trung hưng, văn bia trung hưng cũng không thể hình dung được muôn một. Tiếp đến Kính Tông Huệ Hoàng Đế trị nước mong lâu dài phúc tốt, kết thân nên nghĩa cả vợ chồng[9], ngờ đâu thông đồng với mưu gian của nghịch Xuân[10], đến nỗi xảy ra hấn khích không tốt. Lúc ấy Thành Tổ Triết Vương không chút bợn lòng, không lấy thiên hạ làm của riêng, lại tôn lập Hoàng khảo ta là Thần Tông Uyên Hoàng Đế, vâng chiếu mệnh lớn nối giữ nghiệp cả, nào điển lễ, nào chế độ, đều nhờ công đào tạo của Văn Tổ Nghị Vương cả. Nay Đại nguyên suý chưởng quốc chính Thượng sư Tây Vương giúp đỡ **[6b]** hoàng gia, vỗ yên trong ngoài, lòng trung ái đăm đăm, trước sau không đổi. Lại chuyên uỷ vương thế tử là khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng chính binh thái uý Nghi quận công Trịnh Căn, bên trong giúp đỡ chính quyền, bên ngoài ra oai vũ vệ, trừng trị giặc Ô Châu[11] không dâng cống, lấy lại bờ cõi cũ trong bản đồ[12]. Công trùm vũ trụ, đức khắp sinh linh, thiên hạ nhờ đó được bình

---

[1] Sổ khai lệ tức là sổ hộ khẩu, mỗi năm khai một lần.

[2] Quang Thuận (1516 - 1522): là niên hiệu của Lê Chiêu Tông (Lê Ý); Thống Nguyên (1522 - 1527): là niên hiệu của Lê Cung Hoàng (hoàng đệ Xuân).

[3] Nghệ Trạc: là truyền thuyết Trung Quốc. Nghệ là Hậu Nghệ, vua nước Hữu Cùng, cướp ngôi nhà Hạ, Trạc là vua nước Hà, giết Hậu Nghệ lên thay làm vua. Sau Thiếu Khang lại giết Trạc để khôi phục nhà Hạ.

[4] Tức Trịnh Kiểm.

[5] Tức Trịnh Tùng.

[6] Tức Lê Duy Ninh.

[7] Tức Lê Huyên.

[8] Tức Lê Duy Bang.

[9] Lê Kính Tông lấy con gái Trịnh Tùng là Trịnh Thị Ngọc Trinh.

[10] Trịnh Xuân, con Trịnh Tùng, mưu cướp quyền của cha, nổi loạn, sau bị giết.

[11] Giặc Ô Châu: chỉ chúa Nguyễn ở Đàng trong.

[12] Chỉ việc Trịnh Căn thu phục được 7 huyện ở phía nam sông Lam (Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Khê và Thanh Chương) trước đây bị quân Nguyễn xâm chiếm.

yên, mà nhà ta truyền nối được lâu dài, hưởng nền thịnh trị đến vô cùng đều là công sức của nhà Vương khuông phù mới được như thế. Đến khi Hoàng khảo ta mỏi mệt chầu trời, trong lúc nguy nghi, đều nhờ Thượng sư Tây Vương đảm đương việc ký thác con côi, cho phủ tiết chế và đại thần văn võ trăm quan tôn lập ta lên ngôi hoàng đế nối nghiệp lớn. Đã có công vì dạy bảo từ bé[1], được hưởng phúc vì thuận theo người hiền[2]. Công ơn sửa sang tin cậy **[7a]** như thế, so với công đức của đời trước lại càng to hơn. Từng nghe, lễ kính đại thần đời xưa, có người được kính trọng mà không phải xưng tên, có người được kính trọng mà không phải lạy. Huống chi nay Thượng sư Tây Vương có huân lao to lớn với thiên hạ, công đức bao la như trời, lòng trung thấu tới vầng nhật, so với đời trước chưa từng có ai, xét trong sử xưa cũng chưa từng nghe thấy. Nếu không biểu dương cho thực rõ, sao xứng được với văn công thánh đức của Vương, thoả lòng trông cậy của trẫm? Từ nay trở đi, nên tôn bằng lễ không xưng tên, không phải lạy, khi vào chầu thì đặc cách đặt giường gỗ bên tả ngự điện để tỏ ra điển lễ đặc biệt. Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, tuy chưa biết hết được ngọn nguồn lai lịch, song thường được nghe lời cố mệnh, không thể không tuyên dụ khắp thiên hạ, để biết công đức lớn của nhà Vương. Bọn các ngươi hãy kính theo!".

[7b] Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Vũ Duy Đoàn 13 người.

Lấy Nguyễn Nhuận là Hình bộ tả thị lang, Nguyễn Quốc Khôi làm Hình bộ Hữu thị lang, Hoàng Vinh là Đại lý tự khanh.

Mùa hạ, tháng 4, sai Phó tướng thiếu phó Tông quận công Trịnh Hoành và Bồi tụng Lễ bộ tả thị lang Phong Lộc tử Ngô Tuấn phúc khảo sinh đồ các xứ ở bãi cát sông Nhị.

Trước đây, phép thi lỏng lẻo, còn cho mang sách. Từ năm Canh Tý đến nay, tuy đã cấm chỉ, nhưng vẫn chưa được chặt chẽ, người thi đỗ phần nhiều dốt nát, nhờ người làm bài, dư luận xôn xao. Đến đây, sai quan phúc khảo sinh đồ ba khoa Đinh Dậu, Canh Tý và Quý Mão. Đề thi dùng một bài thơ Đường và một bài ám tả chính văn kiêm đại chú trong Kinh Truyện. Người nào đỗ vẫn được là sinh đồ, người nào hỏng phải ở lại 3 năm [8a] học tập, cho miễn tạp dịch. Nếu thi lại lần nữa vẫn không đỗ mới trở về làm dân, chịu tạp dịch. Bấy giờ người hỏng đến quá nửa.

Tháng 5, lúa chiêm được mùa to.

Cấm tự tiện cho chức tước. Khi ấy những kẻ được tin yêu, nhiều người xin bừa chức tước và phong tặng, đến nỗi có nhiều chức tước nhũng lạm, cho nên có lệnh cấm.

Lập năm thứ đồ đong thóc gạo: thược, cáp, thăng, đấu, hộc[3], phỏng theo 6 ống luật Hoàng Chung[4] làm chuẩn, ban cho các nha môn trong ngoài nhất luật tuân hành.

Tháng 6, thi Điện. Cho Nguyễn Viết Thứ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lương Mậu Huân 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Lấy Nguyễn Năng Thiệu làm Lại bộ tả thị lang, Vũ Vinh Tiền làm phó đô ngự sử, Nguyễn Danh Thực làm tham chính xứ Thanh Hoa, Lê Công Triều làm hiến sát sứ xứ Thanh Hoa.

Giáng Hữu đô đốc Lai quận công Trịnh Bách làm đô đốc đồng tri, Đô đốc **[8b]** đồng tri Toản quận công Trịnh Sâm làm đô đốc thiêm sự. Bấy giờ Trịnh Bách và Trịnh Sâm cùng làm đề lĩnh, không biết cấm giữ thủ hạ, thả sức nhũng tệ, ăn đút vàng bạc nên bị giáng chức.

Tháng 6 nhuận, Hữu đô đốc Toàn quận công Trịnh Đệ chết, tặng thiếu bảo.

---

[1] Câu này lấy điển ở quẻ Mông của Kinh Dịch: "Mông dĩ dưỡng chính, thánh công đã" nghĩa là dạy bảo theo chính đạo từ nhỏ, có thể nên công của bậc thánh.

[2] Câu này lấy điển ở quẻ Thái của Kinh Dịch: "Đế Ất quy muội, dĩ chí nguyên cát" nghĩa là vua Đế Ất gả em gái xuống thì được phúc tốt. Ý nói vua biết nhún nhường thuận theo hiền thần thì được phúc tốt.

[3] Thược, cáp, thăng, đấu, hộc: 2200 hạt thóc là 1 thược; 10 thược là 1 cáp, 10 cáp là 1 thăng, 10 thăng là 1 đấu, 10 đấu là 1 hộc.

[4] Hoàng Chung: 1 trong 12 luật, tục gọi là ống luật. Lấy độ số của ống luật làm độ số đo lường để tính toán.

Lập điều lệ trưng thu tiền bồi thường và tiền phạt. Đại khái định rằng: Ở các xã dân có kẻ nào gian phi hung bạo, mà người cùng họ, cùng xã ngày thường không biết răn dạy, đến lúc việc xảy ra, lại không biết bắt nộp thì đều phải phạt 50 quan tiền. Còn tiền bồi thường của cải, tính mạng thì thu ở phạm nhân, không được bắt lây người khác. Nếu phạm nhân túng quẫn không có thì cho phép lấy tiền phạt mà cấp cho người bị hại để chôn cất.

Từ đấy, các ty xét kiện tuân theo làm lệ thường.

Mùa thu, tháng 7, nhắc lại lệnh cấp y phục vượt quy chế. Bấy giờ y phục của quan viên và dân chúng phần nhiều không may theo mực thước quy định, đến đây nhắc lại lệnh cấm.

[9a] Tháng 8, lấy Phạm Chất là Hình khoa đô cấp sự trung.

Mùa đông, tháng 10, Hình bộ thượng thư tri sĩ là Quế Đường hầu Văn Doãn Hoàng chết, tặng tước quận công.

Tháng 11, ngày Mậu Tý mồng 1, có nhật thực.

Ngày Kỷ Sửu, sao Chổi mọc ở phương đông nam, vùng sao Dực và sao Chẩn, đuôi trỏ về sao Trương, dài 5 trượng. Vua và Vương đều xét mình răn sửa, lánh cung điện, giảm món ăn, bỏ ca nhạc. Đòi các quan văn võ vào bàn điều hay dở của chính sự, triệt bỏ ngay các sở tuần ty thuỷ, bộ không có trong hạn ngạch, gồm 13 xứ[1] (như tuần ty Chính Đại, tuần ty Mộ Chu, ...). Lòng người mừng vui, từ đấy sao Chổi tan dần.

Bấy giờ, những phạm nhân đã xử án, nhiều kẻ chạy trốn. Có lệnh chỉ cho ra tự thú, tội nặng được giảm, tội nhẹ thì được tha, kẻ nào không ra thú thì bắt tội.

Đặt quan chưởng và thự của 5 phủ. **[9b]** Gia phong Thái phó Khê quận công Trịnh Trương làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự, Thái phó Lý quận công Trịnh Đống là Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự, Thiếu uý Văn quận công Trịnh Kiền làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự, Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc làm Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự.

Đặt đủ viên số thượng thư sáu bộ. Lấy Tham tụng Phạm Công Trứ làm Lại bộ thượng thư, Bồi tụng Trần Đăng Tuyển làm Hộ bộ thượng thư, Nguyễn Năng Thiệu làm Lại bộ thượng thư, Vũ Duy Chí là Binh bộ thượng thư, Phan Kiêm Toàn là Hình bộ thượng thư. Lại lấy Lê Sĩ Triệt làm Ngự sử đài đô **[10a]** ngự sử.

Xét công đi sứ. Lấy Lễ bộ hữu thị lang Phương Quế bá Lê Hiệu làm Công bộ thượng thư, thăng tước hầu; Quốc tử giám tư nghiệp Diên Lộc tử Dương Hạo là Công bộ tả thị lang, thăng tước bá; Hình khoa đô cấp sự trung Nghĩa Lĩnh nam Đồng Tồn Trạch làm Hộ bộ hữu thị lang, thăng tước tử. Lại thấy Nguyễn Thế Tân, thông hiểu tiếng phương Bắc, theo sứ thần làm được việc, thăng làm tham chính xứ Kinh Bắc, tước bá.

Lấy Đại lý thiếu khanh Hướng Trạch tử Vũ Phương Trượng làm Thái bộc tự khanh, Thái thường thiếu khanh Liêm Dũng tử Trần Đăng Doanh làm Thượng bảo tự khanh vì cớ theo Lý Quốc phủ từng đi đánh dẹp có công.

Lấy con gái thứ của Vương là Trịnh Thị Ngọc Áng làm chính cung.

Có lệnh chỉ cho Thừa ty các xứ phải sao gửi cho các huyện quan sở thuộc rằng: Hàng năm cứ đến **[10b]** kỳ tháng 10, đi khám đê điều ở dân gian, chỗ nào nên sửa đắp thì kê thực tâu lên. Chỗ nào công trình nhỏ thì chiếu bổ cho các xã dân những nơi thế nước có thể chạy đến nhận sửa đắp riêng do huyện quan đốc thúc; chỗ nào công trình to lớn thì đợi sai quan đốc làm. Hạn đến ngày mồng 10 tháng giêng khởi công, trung tuần tháng 3 phải làm xong. Lấy đó làm quy định lâu dài.

---

[1] Theo Lịch triều hiến chương loại chí thì 13 xứ tuần ty là: Chính Đại (huyện Tống Sơn, Thanh Hoa), Liên Hinh (huyện Quảng Xương, Thanh Hoa), Mộ Chu (huyện Bạch Hạc), Lục Đầu (huyện Thanh Lâm, Hải Dương), Vạn Phai (huyện Thanh Lâm), Hoàng Giang (huyện Thư Trì), Thụ Mệnh (huyện Thuỵ Nguyên, Thanh Hoa), Tru Hựu (huyện Bảo Lộc, Kinh Bắc), Nga Tư (huyện Nga Sơn, Thanh Hoa), Vân Sàng (huyện Yên Khang, Ninh Bình), Ngã ba Am Thầy (huyện Đông Lan, Tuyên Quang), Tuần Lạch Giang (Mộc Châu), Tuần Tam Kỳ (xã Trạm Nội, huyện Phượng Nhỡn, Kinh Bắc).

Tháng 12, nhà Thanh sai chánh sứ Ngô Quang và bọn phó sứ Chu Chí Viễn sang dụ tế Thần Tông Uyên Hoàng Đế.

Lời văn tế viết: "Phương xa dãi lòng thành mộ nghĩa, làm phên chấn, giúp công lao. Quốc gia rộng ơn vỗ người xa, tặng lời viếng, tỏ thương xót. Quốc vương An Nam ngươi, thành tâm quy thuận, theo hoá dốc lòng. Dâng tai giặc bắt nộp nguỵ vương, giúp quân lính diệt trừ giặc Đặng. Lòng trung đã rõ, **[11a]** công lao rất nhiều. Đương định ban ân sủng khác thường, ngờ đâu đã vội sa sương sớm. Nay nghe cáo phó, hết sức xót thương. Đặc ban nghi lễ phúng thăm để tỏ tình nhớ tiếc. Than ôi! Cõi Nam ngọc cung cầu tiến cống, dốc chí trung thành; hồn âm vẻ hoa cổn điểm tô, rạng nơi chín suối. Nếu tinh linh sáng suốt, mong kính nhận ơn ban".

Điện Nam Giao làm xong.

Ất Tỵ, [Cảnh Trị] năm thứ 3 [1665], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 19; Thanh Khang Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, cho các chức trong ngoài được thăng cấp. Lấy Hàn lâm viện thị giảng Đặng Công Chất làm Công bộ hữu thị lang, Lê Đức Vọng làm thừa chính sứ xứ Hải Dương, Nguyễn Vỹ làm thừa chính sứ xứ Yên Quảng, Phạm Duy Chất làm Đông các đại học sĩ, Nguyễn Vĩnh làm tham chính xứ Nghệ An, Phạm Lập Lễ làm tham chính xứ Sơn Tây, Bùi Định Viên làm Đông các học sĩ, Nguyễn Công Bích **[11b]** làm Thái đường tự khanh, Nguyễn Đình Chính làm Phụng Thiên phủ doãn, Phạm Chất, Lê Đắc Toàn, Uông Nhuệ, Lương Nghị, Lê Vinh, Hoàng Đức Đôn đều làm đô, cấp sự trung; Nguyễn Vinh Thịnh, Vũ Bật Hài làm đề hình giám sát ngự sử; Đỗ Thiện Chính, Nguyễn Công Bật, Vũ Cầu Hối, Lê Chí Đạo, Lê Nhân Kiệt, Đàm Đặng Dụng đều làm cấp sự trung; Lại Đăng Tiến, Lê Trí Bình, Mai Trọng Hoà, Phi Đăng Nhiệm đều làm hiến sát sứ; Vũ Công Bình, Ngô Sách Dụ làm Hàn lâm viện hiệu thảo; Nguyễn Đình Trụ, Nguyễn Quang Thiện, Lê Thức, Nguyễn Sĩ Giáo, Nhữ Tiến Dụng, Lương Mậu Huân, Vũ Trác Lạc, Nguyễn Viết Dương, Nguyễn Tiến Tài, Bùi Tông đều làm giám sát ngự sử. Lại lấy Kinh lịch Nguyễn Quang Nhạc làm tư nghiệp, Nguyễn Đăng Minh làm hiến sát sứ xứ Hưng Hoá; Trương Luận Đạo, Lê Thuần Phỉ, Ninh Đạt, Lê Liêu, **[12a]** Nguyễn Cung đều làm giám sát ngự sử. Khi ấy, bọn Quang Nhạc, Đăng Minh Nguyên trước bị giáng bãi, đến đây cho thăng cấp, cho nên lại được bổ dùng. Có lệnh chỉ cho Ngự sử đài khảo xét công việc đã làm của quan lại các nha môn trong ngoài. Quan thì chia thành ba bậc, lại thì chia thành hai bậc, cứ cuối năm thì kê ra từng loại tâu lên để xét việc thăng giáng, từ đấy lấy làm lệ thường.

Mùa hạ, tháng 4, gia phong phiên thần Lạng Sơn Nguyễn Đình Kế tước Hoằng quận công vì đã dụ được thổ tù Bế Công Lượng và Bế Quốc Tế quy thuận.

Lấy Tham nghị Phạm Công Kiêm làm tham chính xứ Sơn Nam.

Lễ bộ tả thị lang Từ Liêm hầu Nguyễn Khả Trạc vì tuổi già xin trí sĩ, vua y cho. Gia thăng Công bộ thượng thư Từ quận công, lại cấp cho điền lộc để dưỡng già.

Có lệnh chỉ **[12b]** nhắc lại lệnh cấm chọi gà, đánh cờ, đánh bạc và các việc đồng cốt, sư sãi.

Có lệnh chỉ cho các ty xét kiện trong ngoài rằng: nếu xét kiện có xử án người nào thì kê rõ từng loại tâu lên, tội đến xử tử thì giao xuống xét lại rồi mới thi hành. Tội chặt chân, phạt trượng thì được tuỳ tiện thi hành, không được để án đọng lại.

Mùa thu, tháng 7, Lễ bộ tả thị lang Phong Lộc tử Ngô Tuấn tuổi 70, xin về trí sĩ. Vua y cho. Gia thăng Công bộ thượng thư, tước bá, lại cấp cho lộc điền và người hầu để dưỡng già.

Tháng 8, sách lập chính cung Trịnh Thị Ngọc Áng làm hoàng hậu.

Tôn mẹ thân sinh ra vua là Phạm Thị Ngọc Hậu là Hoàng thái hậu (Thái hậu người làng Quả Nhuệ, huyện Lôi Dương).

Mùa đông, tháng 11, sai quan khảo xét công việc đã làm của các ty trong ngoài. Giáng Hộ bộ thượng thư Xuyên quận công Trần Đăng Tuyển là Hộ bộ tả thị lang; Lễ bộ **[13a]** thượng thư Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu là Lễ bộ tả thị lang; Lại bộ tả thị lang Đạo Giang tử Nguyễn Tông Lễ làm Lễ bộ hữu thị lang; Đô ngự sử Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm Hình bộ tả thị lang; Phó đô ngự sử Lệ Hải tử Vũ Vịnh Tiến làm thái bộc tự khanh; Thiêm đô ngự sử Cảo Xuyên nam Trịnh Thì Tế làm Hồng lô tự khanh; Hình bộ thượng thư Thuỵ quận công Phan Kiêm Toàn làm Hộ bộ hữu thị lang, vì bọn Đăng Tuyển

làm ngự sử khi trước và bọn Sĩ Triệt đương làm ngự sử xét việc kiện tụng bỏ chậm quá kỳ hạn, mà Kiêm Toàn giữ bộ Lại khi trước đã thuyên bổ vượt cấp. Trước đó, Công Kiêm con Lại bộ thượng thư Phạm Công Trứ từ chức tham nghị được thăng tham chính, triều thần cho là không được, rủ nhau cố ngăn. Vương không bằng lòng, lập tức sai Công Trứ **[13b]** và Lê Hiệu tra xét công việc các ty đã làm, cho nên đều bị giáng truất.

Định điều lệ phẩm thứ bổ dùng. Nếu ai có quân công, trước đã được trao chức và thêm tư, lại được chiếu theo thứ bậc về công trạng và theo phẩm cấp mà thăng bổ.

Có lệnh chỉ cho Thừa ty các xứ chọn kỹ người các huyện xã trong hạt, người nào hiếu thảo liêm khiết thì kê tên tâu lên, sai quan duyệt tuyển, tuỳ tài mà bổ nhiệm.

Nhắc lại các điều về hành nghi, phẩm phục và đồ dùng.

Tháng 12, lấy Thân Đức Tài làm tham đốc Hán quận công.

Gia thăng Binh bộ hữu thị lang Nhuận Duệ tử Hồ Sĩ Dương tước bá, vì nhiều lần lên cửa quan đợi mệnh tiếp sứ thần được việc.

Lấy Hộ bộ hữu thị lang Nghĩa Lĩnh tử Đồng Tồn Trạch làm Công bộ tả thị lang.

Gia thăng Đề hình giám sát ngự sử Vũ Bật Hài tước Thư Trạch nam, Hình **[14a]** khoa cấp sự trung Lê Nhân Kiệt tước Lăng Khuê nam, đều vì được sai đi công vụ ở Yên Quảng nên đặc cách cho thăng.

Lấy Trần Tiến Triều làm quan đốc Kiêm quận công.

Có lệnh chỉ rằng từ nay trở đi, các ty xét kiện đã xét xử đúng lẽ, mà người kiện xin bậy xét lại, thì tuỳ theo việc kiện lớn hay nhỏ, chiếu theo quan phẩm cao hay thấp, bắt phải nộp tiền tạ theo mức độ khác nhau.

Đông các đại học sĩ Phạm Duy Chất chết, tặng Công bộ hữu thị lang.

Bính Ngọ, [Cảnh Trị] năm thứ 4 [1666], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 20; Thanh Khang Hy năm thứ 5). Bấy giờ con cháu họ Mạc là Kính Vũ[1] chiếm cứ Cao Bằng, làm hại dân địa phương. Phiên tướng Thái Nguyên là Thông quận công Hà Sĩ Tứ đem quân bản xứ đi đánh, bị giặc bắt được. Tin báo về, Vương sai Thái phó Lý quận công Trịnh Đống làm thống lĩnh, Thiếu uý Hào quận công Lê Thì Hiến làm phó, Hồng lô tự khanh Cảo Xuyên nam Trịnh Thì Tế, Lại khoa cấp sự trung Đỗ Thiện Chính làm đốc thị, **[14b]** đem các quân tiến đánh, Kính Vũ bèn giết. Thông quận công Hà Sĩ Tứ, bỏ sào huyệt trốn vào rừng núi. Thế là quan quân phóng lửa đốt cháy chổ ở của Kính Vũ rồi về.

Tháng 2, thăng Tham chính Thanh Hoa là Nguyễn Danh Thực làm Hồng lô tự khanh, thưởng cho 100 quan tiền. Bấy giờ có Giám sát Ngự sử Lê Liêu vốn cùng đỗ một khoa sĩ vọng với Danh Thực, vốn quen biết nhau. Đến khi Liêu có tang cha, về để tang, làm nhiều điều trái lẽ, phi pháp, có người kiện đến cửa quan. Danh Thực xét được tội trạng, xử theo lẽ công, kính phải lên xin bắt tội. Vương thượng khen là không thiên vị người thân quen, nên đặc cách thăng thưởng.

Mùa hạ, tháng 4, có lệnh chỉ truyền cho các tướng hiệu cai quản phải chăm sóc quân lính, nếu có người đau ốm thì cấp cho thuốc thang nuôi nấng, **[15a]** hàng năm lấy đó làm quy định chung.

Lấy Uông Nhuệ làm tham chính xứ Thanh Hoa.

Tháng 5, nhà Thanh sai Phạm Thành Công và Mã Văn Bích mang sắc dụ đến cửa Nam Quan, bảo bắt giải lũ giặc biển Dương Nhị, Dương Tam. Sai Đông các học sĩ Bùi Đình Viên, Hàn lâm thị thư Đào Công Chính lên cửa quan tiếp nhận đưa về Kinh.

Ngày rằm Giáp Ngọ, có nguyệt thực.

---

[1] Mạc Kính Vũ là con Mạc Kính Khoan, chiếm giữ đất Cao Bằng, xưng niên hiệu là Thuận Đức (1638 - 1677).

Có lệnh chỉ cho các nha môn xét kiện rằng: các việc kiện tụng phải xét, nếu có đơn nên nhận mà không nhận, đến khi người kiện khiếu khống vượt cấp thì phải xử phạt theo mức độ khác nhau.

Tháng 6, ngày mồng 1 Canh Tuất, có nhật thực. Đại xá một phần mười thuế đinh trong nước, dân rất vui lòng.

Có lệnh chỉ cho các viên nội giám, người nào có con cháu nuôi được nhiêu ấm thì hạn theo chức phẩm cao thấp khác nhau.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 9 có sao sa như mưa.

Tháng 9, Vương đi kinh **[15b]** lý thăm xét phong tục của dân. Đi đến cửa biển Diêm Hộ (Diêm Hộ là tên xã, thuộc huyện Thuỵ Anh)[1] thăm hỏi các trưởng lão trong dân gian, ban cho tiền, người 80 tuổi trở lên mỗi người được 3 quan, 70 tuổi trở lên mỗi người được 2 quan, lòng dân vui mừng. Lại sai dàn thuyền ghe trên mặt biển, chở binh mã, tập chiến trận, để phô trương uy vũ. Lại đi đến miền Ngũ Mạn, ban cho các trưởng lão cũng như ở Diêm Hộ, rồi về Kinh sư.

Lấy Vũ Thiêm làm tham chính xứ Sơn Tây, Nguyễn Đình Chính làm tham chính xứ Kinh Bắc, Nguyễn Công Bích làm tham chính xứ Hải Dương, Đào Công Chính làm Phụng Thiên phủ doãn.

Tháng 12, cho Thừa chính sứ xứ Yên Quảng Thuần Lễ bá Nguyễn Vỹ thăng Công bộ hữu thị lang, tước hầu, về trí sĩ. Vỹ khi ấy đã 77 tuổi.

Điều ngang chức cho tham chính xứ Kinh Bắc Quảng Lâm bá Nguyễn **[16a]** Thế Tân làm tham chính xứ Thái Nguyên vì Tân khảo khoá không đúng sự thực.

Đinh Mùi, [Cảnh Trị] năm thứ 5 [1667], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 21; Thanh Khang Hy năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Hữu Đăng 3 người.

Tháng 3, nhà Thanh sai chánh sứ Trình Phương Triều, phó sứ Trương Dịch Bí đem sách văn sang phong vua làm An Nam quốc vương. Sai Đông các học sĩ Bùi Đình Viên, Lại khoa cấp sự trung Đỗ Thiện Chính đi đón tiếp về Kinh làm lễ kính nhận.

Lời sách văn viết: "Đến triều cận, dâng tiến cống, cõi xa thờ nước lớn, giãi tỏ lòng thành; ở đất vua, làm tôi vua, triều đình yêu người xa, có đủ đạo nghĩa. Nết giống ông cha, tôn người đức tốt, điển chương đã chép từ xưa; nối chức người trước, thờ phụng tổ tiên, sùng mệnh ban ra buổi mới. Người con nối của An Nam quốc vương họ Lê, cõi Nhật Nam dựng thành, ngôi Thần bắc hướng lòng. Ngọc Khuê bích rạng vẻ mình, lễ nghĩa thấm nhuần từ trước; **[16b]** vượt biển non sửa chức cống, thanh giáo ngưỡng mộ đến xa. Vừa rồi, nộp ấn nguỵ để tỏ lòng thành, trả sắc nguỵ để xin ra sức. Xét ngươi, trung trinh mấy đời dốc chí, tiếng tốt xưa thường vẫn nối noi; nên khen chưa tỏ ơn minh, sắc mệnh mới ngày nay ban xuống. Đặc sai Nội quốc sử viện thị độc học sĩ chi bổng tòng tam phẩm là Trình Phương Triều, Lễ bộ Nghi chế ty lang trung Trương Dịch Bí sang phong cho người làm An Nam quốc vương. Coi giữ thuộc quân, vỗ yên cõi xưa. Giữ chức giúp mưu, cùng được dài lâu như sông núi; giữ tiết, kính phép, những mong báo đáp lại quân thân. Hãy kính theo, chớ trái mệnh trẫm".

Mùa hạ, tháng 4, thi Điện. Cho bọn Nguyễn Quán Nho 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Có lệnh chỉ cho nhân dân các huyện xã vùng Nam Hà[2] xứ Nghệ An rằng người nào có công giữ bền tiết nghĩa được ban sắc mệnh, chỉ được cho bản thân mình, **[17a]** còn con cháu thì cũng giống như dân thường.

Gia phong Binh bộ thượng thư Phương Lĩnh hầu Vũ Duy Chí tước Phương quận công, Hộ bộ tả thị lang Nghĩa Xá hầu Bùi Đĩnh tước Nghĩa quận công, vì hai người theo hầu lâu ngày từ khi Vương còn ở tiềm để[3] nhiều lần theo đi đánh dẹp có công.

---

[1] Nay thuộc huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình.

[2] Vùng Nam Hà ở đây là chỉ các huyện phía Nam sông Lam của Nghệ An.

[3] Tiềm để: nơi của vua hay chúa ở khi chưa nối ngôi.

Có lệnh chỉ cho quan khai lệ sửa đúng các điều về số ruộng công, suất lính và suất người ngụ cư ở Thanh Hoa và Nghệ An.

Tháng 5, lấy cháu Vương là Vinh Hương hầu Trịnh Vịnh làm phó tướng đô đốc đồng tri Lương quận công.

Có lệnh chỉ răn cấm quan quản binh không được đục khoét, bạo ngược đối với binh dân.

Sai quan Kinh chia đi bốn trấn duyệt tuyển dân đinh, lấy người mạnh khoẻ làm lính, đưa về đội ngũ để thường xuyên luyện tập, đợi sai đi đánh dẹp.

Sai Binh bộ hữu thị lang. Nhuận Duệ bá Hồ Sĩ Dương, Đông các học **[17b]** sĩ Bùi Đình Viên lên cửa quan đợi mệnh.

Tháng 6, xứ Thanh Hoa vỡ đê, nước lũ tràn ngập đồng ruộng của dân.

Mùa thu, tháng 7, sai chánh sứ Nguyễn Nhuận và bọn phó sứ Trịnh Thì Tế, Lê Vinh sang tuế cống nhà Thanh. Lại sai chánh sứ Nguyễn Quốc Khê và Nguyễn Công Bích sang tạ ơn nhà Thanh.

Có lệnh chỉ rằng các quan quản binh không được giữ binh lính ở nhà để xoay lấy tiền của.

Lấy thự vệ sự Lũng quận công Phạm Viện làm đô đốc thiêm sự vì có công theo hầu lâu ngày khi Vương còn ở tiềm để.

Tháng 8, có bọn nguỵ vô lại tụ họp ở các vùng Vĩnh Lạc, Thuỵ Anh, tiếm hiệu là Ứng Thiên. Khi ấy, huyện thừa huyện Thuỵ Anh là Đỗ Văn Hợp cùng với người xã Hội Am, huyện Vĩnh Lại là bọn Đào Thế Tướng đem dân trong hạt bắt được đóng cũi giải về Kinh sư đem chém. Bọn Văn Hợp, Thế Tướng đều được gia **[18a]** thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, đem đại quân lên đánh Cao Bằng. Bấy giờ đất Cao Bằng còn bị Mạc Kính Vũ chiếm cứ, chống lại triều đình không chịu làm tôi, uỷ cho Tiết chế phủ Thái uý Nghi quận công Trịnh Căn thống đốc các tướng tiến theo đường Thái Nguyên, sai bọn Thái phó Lý quận công Trịnh Đống, Thiếu uý Vân quận công Trịnh Kiền, Thiếu uý Hào quận công Lê Thì Hiến, Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc, Đô đốc đồng tri Lộc quận công Đinh Văn Tả, Lập quận công Lê Châu làm thống lĩnh, đốc xuất. Lấy bọn Lễ bộ tả thị lang Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu, Hình bộ tả thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt, Công bộ tả thị lang Diên Lộc bá Dương Hạo, Binh bộ Hữu thị lang Nhuận Duệ bá Hồ Sĩ **[18b]** Dương, Hồng lô tự khanh Hải Sơn nam Nguyễn Danh Thực, Giám sát ngự sử Trương Luận Đạo làm đốc thị, chia đường tiến thẳng đến Cao Bằng. Kính Vũ nghe tin đại binh đến, bèn cùng với bè đảng chạy vào châu Trấn Yên[1] nhà Thanh. Các đạo quân truy đuổi tiểu nã, bắt sống được trai gái họ hàng họ Mạc cùng đồ đảng và người, vật, khí giới của cải nhiều không kể xiết. Những người đầu hàng sau càng nhiều hơn. Vương thể theo đức lớn hiếu sinh, đối với những người đầu hàng đều gia ơn khoan hồng, những kẻ bị ép theo giặc đều tha cho cả. Lại ban bố hiểu dụ rõ ràng, chiêu tập vỗ yên dân trong châu cho trở lại nghiệp cũ, tuân theo giáo hoá của triều đình. Dân chúng một phương đều thoả lòng trông đợi.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm Bính Tuất, có nguyệt thực.

Đô đốc thiêm sự Dĩnh quận công Trịnh Lương chết ở trong quân, tặng tả đô đốc.

[19a] Mậu Thân, [Cảnh Trị] năm thứ 6 [1668], (Thanh Khang Hy năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Sửu, có sao Thiên Bồng mọc ở phương tây bắc, dài nửa trượng, hình như sao Chổi.

Tháng 2, Vương đại thắng đem quân về, lưu Đô đốc đồng tri Đinh Văn Tả ở lại trấn giữ châu Thất Tuyền, lấy Hồng lô tự khanh Nguyễn Danh Thực làm đốc đồng. Vương về đến Kinh sư, cáo yết Thái miếu dâng tin thắng trận. Những tên đầu sỏ họ Mạc đều trị theo quốc pháp. Còn lại đều tha cả.

Tháng 4, vua cho là Vương phục được thù nước, có công lớn, bèn tôn phong làm Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư thái phụ đức công nhân uy minh thánh Tây Vương.

---

[1] Châu Trấn Yên: Cương mục, q.33 chép là châu Tiểu Trấn Yên, nhà Thanh, sau đổi là phủ Trấn Yên, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Lời sách phong viết: "Trẫm nghĩ, trời sinh tài thánh hiền cốt để giúp nước, vua đặt lễ tôn quý, dùng để báo công. Điềm sáng đã hợp sách vàng khắc ban. Nay Đại nguyên soái **[19b]** chưởng quốc chính Thượng sự Tây Vương, anh hùng cái thế, trung hậu nếp nhà. Xưa Thành Tổ[1] nối công lớn của Thế Tổ[2], tôn lập đấng Tiên quân giúp nên công khôi phục, bình định. Nay Huân Vương[3] nối nghiệp của Nghị Vương[4] giúp đỡ ta tuổi trẻ, nhờ nhiều ơn phù tá tác thành. Mưu chính sự mà triều đình vững, xã tắc bền, ra oai vũ mà nước nhà yên, người ngoài sợ. Thân đem ba quân tiến đánh Cao Bằng trừ giặc Mạc, sào huyệt quét sạch không; đưa về một mối, hợp vào đất cũ của Tiên vương, cõi bờ lấy lại hết. Xét đức lớn, công lao đã rõ rệt, thực lễ kỳ, số lạ đáng gia phong. Đặc sai đặc tiến kim tử Vinh Lộc đại phụ bồi tụng Công bộ thượng thư Phương Quế hầu Lê Hiệu mang sách vàng tấn tôn làm Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư Thái phụ đức công nhân uy minh thánh **[20a]** Tây Vương. Vương hãy nhận danh hiệu vẻ vang, chịu sủng mệnh lâu dài quý mến; giữ cõi bờ yên vững, cho cuộc thế sáng nền trị bình. Để sự nghiệp nhà Vương nối dõi vô cùng, cho cơ đồ nhà vua hưởng phúc mãi mãi. Hãy kính theo".

Hạ lệnh cho dân xã thôn các xứ rằng: Nếu xã thôn nào có lệnh phú dịch nặng thì khai lên, giao cho quan giám đốc bình lệ[5] xét thực, sẽ lượng giảm bớt cho, chia san cho các xã trong huyện cùng chịu, để việc phú dịch được công bằng.

Tháng 6, lấy Đô đốc Lộc quận công Đinh Văn Tả là tả đô đốc, Đô đốc thiêm sự Toản quận công Trịnh Sâm và Đề đốc Yên quận công Trịnh Liễu[6] đều làm đô đốc đồng tri, Binh bộ tả thị lang Diên Lộc bá Dương Hạo làm Lại bộ tả thị lang, Lập quận công Lê Châu làm đô đốc thiêm sự, Mai Thế Khang làm tham đốc Hoằng quận công, Đề đốc Phương Nham hầu Đào Quang Quảng, **[20b]** Tham tán Dương Lâm hầu Lưu Thế Canh đều thăng chức quận công; Giám sát ngự sử Thái Nguyên Mai Lâm tử Trương Luận Đạo làm Đông các hiệu thư, Thiêm thái giám Tài Kiêm hầu Đặng Sĩ Vinh làm thái giám, vì đều có công theo đi đánh giặc ở Cao Bằng.

Mùa thu, tháng 7, đô đốc thiêm sự Thông quận công Trịnh Cơ chết, tặng hữu đô đốc.

Tham chính xứ Sơn Nam Phạm Công Kiêm bị bãi chức vì đốc thúc làm đê giả dối và để chậm kỳ hạn.

Tháng 8, Lễ bộ tả thị lang Dương quận công Nguyễn Năng Thiệu chết. Năng Thiệu là người chất phác, ngay thẳng, làm quan thanh bạch, trong việc đi đánh Nam Hà[7] có công bàn giúp việc quân. Đến đây chết, tặng Lễ bộ thượng thư, ban thuỵ hiệu là Trung Túc (Năng Thiệu người xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì).

Tước bỏ quan tước của Nguyễn Đức Trung. Đức Trung người làng Quế Ổ, huyện Quế Dương, **[21a]** con của Thiếu bảo Hào quận công Nguyễn Đức Nghiệp, từng theo đi đánh dẹp, quả cảm thiện chiến, làm quan đến chức đô đốc đồng tri, tước Thuỵ quận công. Vương đem con gái thứ là Trịnh Thị Ngọc Lanh gả cho. Nhưng Trung tính người tàn nhẫn, cậy công kiêu ngạo, ngang tàng, phủ đệ lộng lẫy, tiếm lạm. Cha con Trung lại ngầm chứa khí giới, lén phát cho dân, âm mưu làm điều phi pháp. Việc phát giác, giao xuống cho đình thần xét tội, dấu vết làm phản đã rõ. Vương thương có công đánh giặc, chỉ tước bỏ quan tước, tha tội chết, nhưng giết ba người con là bọn Nguyễn Đức Kiêm.

---

[1] Tức Trịnh Tùng.

[2] Tức Trịnh Kiểm.

[3] Tức Trịnh Tạc.

[4] Tức Trịnh Tráng.

[5] Bình lệ: Phép khai theo lối quân bình; khai một lần, sau dù có sinh thêm ra, hay chết bớt đi cũng không kể. Trái với phép khai lệ là khai từng năm một.

[6] Bản dịch cũ: Trịnh Điềm và chú theo Cương mục là con cháu Đặng Huấn.

[7] Tức đánh chúa Nguyễn ở vùng phía Nam sông Lam, Nghệ An.

Tháng 9, ngày Giáp Thìn, trên mặt trời có một quầng ôm lấy và một quầng trái lại hiện ra ở phương đoài[1] vào độ của sao Cang.

Cho Quốc tử giám tư nghiệp Tuy Lộc bá Nguyễn Quang Nhạc thăng Hàn lâm viện thị độc, về trí sĩ.

Mùa đông, tháng 12, Tham tụng lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ thiếu bảo Yên quận công Phạm Công Trứ tuổi **[21b]** già xin nghỉ việc. Vương thượng uý lạo, dụ ở lại. Công Trứ khẩn thiết cố xin, Vương mới cho, gia thăng quốc lão thái bảo tham dự triều chính trí sĩ.

Cho Hộ khoa cấp sự trung Khánh Đường nam Nguyễn Công Bạt thăng chức Lại khoa đô cấp sự trung, tước tử, trí sĩ.

Kỷ Dậu, [Cảnh Trị] năm thứ 7 [1669], (Thanh Khang Hy năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Thanh sai Nội bí thư viện thị độc Lý Tiên Căn và Binh bộ lang trung Dương Triệu Kiệt đem chỉ dụ sang bảo ta trả lại cho họ Mạc bốn châu[2] ở Cao Bằng. Bấy giờ đình thần giải thích, biện bác với sứ Thanh, đi lại đến vài bốn lần, sứ Thanh nhất định không nghe, Vương thượng cho là thờ nước lớn phải kính theo mệnh lệnh, sai hãy tạm theo họ.

Ngày 14, thái phi của Văn Tổ Nghị Vương là Trần thị mất. Khi ấy, sứ Thanh là bọn Dương [Triệu Kiệt], Lý [Tiên Căn] sai tiền lộ là bọn Lý Đường Dận, Triệu Quang Húc, Nguỵ Tượng Hiền sửa lễ nghi tế phúng.

[22a] Tháng 2, bọn sứ thần Nguyễn Quốc Khôi, Nguyễn Công Bích, Lê Vinh về nước. Lệ cũ, 3 năm một lần sang tiến cống, quà cáp tiễn đưa phiền phức. Đời Vạn Lịch nhà Minh đã cho phép cứ 6 năm cống gộp cả hai lần. Đến đây, muốn lại theo như lệ cũ của nhà Minh, liền soạn bản tâu, sai bọn Quốc Khôi sang nhà Thanh tâu xin một thể. Vua Thanh y cho. Từ đấy về sau theo đó làm thường lệ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, có nhật thực, mặt trời bị che hết.

Năm ấy hạn.

Tháng 5, Thái bộc tự khanh Lệ Hải tử Vũ Vinh Tiến chết.

Khi ấy, Vinh Tiến vâng mệnh làm đốc trấn Cao Bằng, gặp nhà Thanh sai sứ sang tuyên chỉ dụ đem bốn châu ở Cao Bằng trả lại cho họ Mạc, bèn trở về Kinh sư, về đến nửa đường thì ốm chết, tặng Binh bộ hữu thị lang, tước bá, sai quan tới phúng tế.

Tháng 6, lấy Vũ Duy Chí Lễ bộ thượng thư, Trần Đăng Tuyển làm Binh **[22b]** bộ thượng thư, Lê Hiệu làm Hình bộ thượng thư, đều gia thăng tham tụng tể tướng.

Lấy Bùi Đĩnh làm Công bộ thượng thư, Đồng Tồn Trạch làm Đô ngự sử, Nguyễn Tông Lễ làm Hộ bộ tả thị lang, Phan kiểm Toàn làm Hình bộ tả thị lang, Đặng Công Chấp làm Lại bộ hữu thị lang, Nguyễn Mậu làm Hộ bộ hữu thị lang, Nguyễn Danh Thực làm phó đô ngự sử, Ngô Khuê làm thiêm đô ngự sử.

Xét công đi xứ. Lấy Nguyễn Quốc Khôi làm Lễ bộ tả thị lang Ngọc Trì tử, Nguyễn Công Bích làm Hình bộ hữu thị lang Gia Xương nam. Lại nghĩ đến Nguyễn Nhuận và Trịnh Thì Tế đều chết bên nhà Thanh, truy tặng Nguyễn Nhuận làm Công bộ thượng thư, tước bá; Trịnh Thì Tế làm Công bộ tả thị lang, tước tử, và cấp cho dân lộc và ruộng tế để thờ cúng.

Lấy Lê Châu làm đô đốc đồng tri, Phùng Ân Nghĩa **[23a]** làm tham đốc vì hai người hoàn thành việc hộ tống chôn cất thái phi của Văn Tổ Nghị Vương.

Mùa thu, tháng 7, Đô đốc đồng tri Lai quận công Trịnh Bách chết, tặng Tả đô đốc.

Tháng 8, lấy Hồ Sĩ Dương làm Lại bộ hữu thị lang.

---

[1] Phương đoài: phương Tây.

[2] Bốn châu đó là Thạch Lâm, Quảng Yên, Thượng Lang, Hạ Lang. Họ Mạc ở đây chỉ là Mạc Kính Vũ.

Tháng 9, lấy Tước quận công Lê Đình Kiên làm đề đốc. Bấy giờ Đình Kiên làm lưu thủ Sơn Nam, cai trị thanh liêm, công bằng, trộm cướp bị dẹp, nhân dân yên ổn, cho nên được đặc cách thăng hai bậc (Đình Kiên người Bái Trại, huyện Yên Định).

Có chỉ truyền rằng khi trưng thu tiền thuế, hoặc vâng mệnh đi mua hàng hoá để cung dụng, không được yêu sách ngoài lệ và mua hiếp giá rẻ để dẹp lòng dân.

Trước kia, Gia quốc công Vũ Văn Mật ở dinh Yên Bắc xứ Tuyên Quang, trong thời kỳ khôi phục đất nước, đã đem quân theo nghĩa, có nhiều công lao. Các triều trước vẫn để trấn giữ đất Tuyên Quang và cho đời đời truyền nối. Con Mật là Thái **[23b]** phó Nhân quận công Vũ Công Kỳ, cháu là Thái bảo Hoà quận công Vũ Đức Cung đều biết nối theo chí người trước, kính giữ chức làm tôi. Đến cháu ba đời là Thiếu phó Tòng quận công Vũ Công Đức cậy sông núi hiểm trở xa cách, ngầm nuôi chí làm phản, tiếm xưng tước vương, lập triều ban nguỵ, lại câu kết với bè đảng họ Mạc, nhiều lần có thư từ giao thiệp qua lại, dấu vết đã lộ rõ. Vương thượng cho là con cháu công thần, vẫn dung thứ chưa nỡ hỏi tội. Đến đây, Công Đức vì có việc bất bình với thủ hạ là Ma Phúc Trường, trong lòng hoài nghi lo sợ, về Kinh để tự bày tỏ. Đi đến tuần Đông Lan[1], nửa đêm bị người giết. Việc đến tai Vương thượng. Vương cho là Công Đức tuy lỗi đạo làm tôi, song nghĩ đến ông cha Công Đức có công lao to, nghĩa không thể dứt, mới lập con Đức là Vũ Công Tuấn nối nghiệp, cho làm đô đốc thiêm sự, ban tước Khoan quận công, ban cấp dân **[24a]** lộc để giữ việc thờ cúng. Các con trai, con gái của Công Đức đều được vỗ về yên ủi. Lại cho là Ma Phúc Trường là kẻ bất trung, đem giam vào ngục.

Mùa đông, tháng 10, bàn định mệnh làm chính sự tốt, bỏ tập tục xấu, gồm 18 điều.

1- Những đền thờ đế vương đời trước và các thần, từ trước vẫn có tạo lệ, nay giao cho Lễ bộ tra xét thực thi hành.

2- Việc tế lễ ở đền miếu đều giao cho các quan phủ huyện y lệ tuân hành, quan lại ở hai ty không được can dự.

3- Năm trước các sinh đồ không hợp cách và các sĩ nhân bổ lính, nếu đã về làm ruộng, thì đều cho đi thi.

4- Phân biệt xá lại người liêm khiết công bằng hay kẻ tham lam những nhiễu để định thưởng phạt.

5- Phân biệt lại viên người chăm chỉ được việc hay kẻ giảo hoạt quỷ quyệt để định thăng hay thải.

6- Các thứ tiền chuộc tội và tiền phạt mà chưa thu được tiền tha miễn cả.

7- Tù nhân giam trong ngục, người nào đói khát thì được cấp nuôi thường xuyên.

[24b] 8- Các hình án nặng nhẹ đều giao cho Hình bộ xét lại.

9- Chọn các con em nhà lương thiện làm xã trưởng để dạy bảo xã dân hiểu biết lễ nghĩa.

10- Các chỗ bến đò, tuỳ theo nước nông hay sâu mà lấy tiền công chở đò, không được yêu sách quá đáng.

11- Những kẻ có tội trốn đi thì cho trấn thủ nã bắt.

12- Về lệ sát việc kiện tụng thì cho quan xét lần trước chưa rõ sự việc, đợi quan xét sau soát ghi xuống dưới.

Còn 6 điều nữa đều nhắc rõ việc xét kiện. Ban bổ ra thiên hạ, xa gần ai cũng vui mừng.

Lệ bình bổ thuế đinh ở bốn trấn đã định xong. Trước đây nước nhà mới bắt đầu khôi phục, thuế khoá vẫn theo như cũ, nên nặng nhẹ không đều. Mới rồi, Vương sai quan chia đi khắp nước, chiếu theo tài sản của dân nhiều hay ít, ruộng đất tốt hay xấu mà bình bổ ngạch thuế đinh theo mức độ khác nhau.

[1] Tuần Đông Lan: ở khoảng đò sông Chảy, huyện Đoan Hùng, tỉnh Vĩnh Phú.

Đến đây đã làm xong **[25a]** liền ghi rõ lệnh lệ, ban cho quan và dân, mỗi bên giữ một bản để theo đó làm bằng cứ, coi là quy chế thường xuyên lâu dài.

Cấm quan khuyến nông và quan hà đê đòi tiền của dân. Bấy giờ người giữ chức ấy không lo khám xét khuyên bảo, chỉ chăm đòi lễ mừng của dân, nên nghiêm cấm.

Tháng 11, phong cháu Vương là Trịnh Duyên làm phó tướng Khiêm quận công.

Cho Tham chính Lê Đắc Toàn tước tử, Tham đốc Thao quận công Phạm Thanh là đề đốc, Thự vệ sự Khuông Vũ hầu Phạm Lục làm tham đốc, vì Đắc Toàn khi được sai làm đốc thị Nghệ An đã trù tính, điều quân bắt được tên giặc Trương Phúc Lý, mà Thanh và Lục cũng tham gia việc sai đi nã bắt có công.

Lấy Nguyễn Danh Thực làm Binh bộ hữu thị lang.

Tháng 12 nhuận, cho Hồ Sĩ Dương tước hầu, bọn Bùi Đình Viên, Đỗ Thiện Chính tước nam, vì chờ mệnh **[25b]** đón tiếp sứ thần có công.

Có chỉ truyền về lệ soát kiện cuối năm. Hàng năm, cứ đến tháng 10, Ngự sử đài sức cho ngự sử các đạo chuyển cho các nha môn trong ngoài, kê khai đủ các án kiện đã xét và chưa rõ sự do, nộp cho các quan xét lần sau, đợi soát xong thì theo thứ tự chuyển nộp lên Ngự sử đài. Ngự sử đài cũng kê khai các việc kiện tụng do bản nha môn đã xét và kê cả hồ sơ lần trước chuyển nộp lên, đợi chỉ xét định, để tiện việc thăng giáng.

Canh Tuất, [Cảnh Trị] năm thứ 8 [1670], (Thanh Khang Hy năm thứ 9).

Mùa xuân, tháng 3, sao Hoả mọc vào cung độ sao Nam Đẩu.

Mặt trăng đi vào cung độ sao Nam Đẩu, sắc đỏ.

Sao Kim mọc vào cung độ sao Thái Vi.

Sai bọn Tham chính Sơn Nam Bích Giang tử Lê Đắc Toàn[1] và Hình khoa đô cấp sự trung Trần Xuân Bảng mang tờ dụ vào dụ họ Nguyễn ở Thuận Quảng. Bấy giờ bọn Đắc Toàn vâng mệnh vào tới cửa biển Nhật Lệ châu Bố Chính, **[28a]** sai hành nhân đưa giấy qua cửa ải để thông báo. Lại trao đổi thư từ qua lại vài bốn lần, nhưng họ Nguyễn chống mệnh không cho vào cửa ải. Bọn Đắc Toàn lại trở về Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, giáng Hiến sát xứ Sơn Nam là Lê Trí Bình làm giám sát ngự sử đạo Hải Dương, vì cứ đốc suất đắp đường đê tính việc chưa được rõ ràng, nên bị giáng chức.

Sai bọn Lễ bộ tả thị lang Nguyễn Quốc Khôi, Lại bộ hữu thị lang Đặng Công Chất vào hầu kinh điện.

Tháng 5, trời không mưa, nhân dân nhiều người mắc dịch bệnh. Vương thượng thành tâm tạ đảo cầu trời mưa.

Có chỉ truyền rằng người được cấp ruộng công chỉ được cấy trồng 10 mẫu ở quê mình, còn thì chiếu thu tiền thuế, không được cấy quá lạm.

Tháng 6, lấy Đề đốc Tấn quận công Trịnh Kỳ làm đô đốc thiêm sự, Tả hiệu điểm Trinh Tường hầu Lê Thì Thực làm tham đốc (Kỳ là con Đào Quang Nhiêu, được ban họ Trịnh, **[26b]** Thì Thực là con Lê Thì Hiển).

Giám Tham chính Sơn Tây Vũ Kiêm làm Hộ khoa cấp sự trung, vì kê khai việc đắp đường đê chậm hạn.

Sai Thiếu uý Hào quận công Lê Thì Hiến làm thống suất, Lại bộ hữu thị lang Nhuận Duệ hầu Hồ Sĩ Dương làm đốc thị đem quân đi dẹp miền Tuyên Quang. Khi ấy, ở Tuyên Quang, con Ma Phúc Trường là Huệ Đĩnh Ma Phúc Lan và em là Sấn Thắng Ma Phúc Điện tụ họp bè lũ đi cướp bóc, dân miền đó rối

[1] Đại Nam thực lục tiền biên chép là Lê Đắc Đồng.

động. Vương sai Thì Hiến cùng với bọn tham đốc Vịnh quận công Nguyễn Đức Triêm chia đường đi đánh, bắt được Phúc Lan đem chém, Phúc Điện chạy vào nội địa[1]. Bọn Thì Hiến chiêu an dân châu đó rồi về.

Mùa thu tháng 7, lấy Trần Hưng Học làm tham đốc Triều Nhuận hầu, Trần Hưng Nhượng làm thự vệ sự Triều Hiến hầu vì đã đốc suất **[27a]** hương binh đánh úp đảng giặc, sau lại theo quân đánh giặc, nên được xét có công giữ bền tiết nghĩa và được thăng.

Tặng Công bộ thượng thư Phái quận công Nguyễn Đạo An làm thiếu bảo, để nhớ lại công chầu hầu giảng học khi Vương còn ở tiềm để. (Đạo An người Phú Diễn, huyện Từ Liêm).

Tháng 9, thi Hương sĩ nhân các xứ.

Có chỉ truyền về lệ phân bổ cung đốn cho trường thi Hương. Huyện nào có xã dân nào đáng được trừ, thì cho hai ty chiếu theo các huyện trong xứ mình san bổ cùng chịu để vệc lực dịch được quân bình.

Mùa đông, tháng 11, thi Hội các cống sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Trần Thế Vinh 31 người.

Có chỉ truyền cấm thông đồng với người nước ngoài bán trộm súng.

Định lệnh thưởng cho người cáo giác hay bắt kẻ cướp. Từ nay về sau, nếu ai bắt được kẻ cướp hoặc dò được bọn trộm cướp giết người, án nặng thì thưởng cho quan trước, án nhẹ **[27b]** thì thưởng cho tiền bạc, hoặc miễn trừ việc quan. Kẻ nào chứa giấu cho chúng ở thì khép vào tội trộm cướp mà trị tội; nếu phạm nhân đang trốn tránh, kẻ nào biết mà nuôi chứa thì bị xử theo pháp luật.

Tháng 12, lấy thự vệ sự Thư Thái hầu Nguyễn Sĩ Kiện làm tham đốc, Công khoa đô cấp sự trung Lê Công Triều làm Lễ khoa đô cấp sự trung, vì cớ vâng mệnh sai đi làm việc khai lệ được dân bảo cử.

Tân Hợi, [Cảnh Trị] năm thứ 9 [1671], (Thanh Khang Hy năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, thi Điện. Cho Lưu Danh Công đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, Thiều Sĩ Lâm đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, Lê Hữu Danh và Vũ Đình Lâm đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Hùng Xứng 27 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, sai quan đi duyệt tuyển binh lính trong bốn trấn, bổ vào đội ngũ, thường xuyên **[28a]** tập luyện để đợi sang năm đại cử binh.

Mùa hạ, tháng 4, Binh bộ thượng thư Dĩnh quận công Nguyễn Để về trí sĩ, gia tăng thiếu bảo. Khi ấy Dĩnh đã 78 tuổi.

Mùa thu, tháng 7, sai triều thần tiến cử người mình biết. Những người có học vấn, đức hạnh, thuật cai trị, có thể làm được chức thú lệnh thì cho quan nhị phẩm tiến cử bốn người, quan tam phẩm đến ngũ phẩm tiến cử 3 người, quan từ lục phẩm đến bát phẩm tiến cử 2 người, kể tên từng người dâng lên, giao lại cho Lại bộ thuyên bổ nhậm chức. Ai tiến cử người giỏi thì được xét khen thưởng, nếu thấy người nào không xứng với lời mình tiến cử, bậy bạ tham ô thì cho trình bầy trước, khỏi phải tội lây, nếu che giấu không tâu trình lên thì tội cũng như kẻ đó.

Tháng 8, ngày mồng 1 Kỷ Dậu, có nhật thực.

Bình Tây thân vương nhà Thanh vâng chỉ uỷ cho Trấn tiêu du kính phủ Khai Hoá là họ Tào và tri phủ là họ Lưu giải kẻ có tội chạy trốn là Ma Phúc Điện **[28b]** và vợ con của nó đến chỗ giáp biên giới. Bèn sai quan nhận đem về, đều đem giết với Ma Phúc Trường.

Tháng 9, sai bọn Binh bộ tả thị lang Lê Sĩ Triệt và lại bộ Hữu thị lang Đặng Công Chất khảo xét các nha môn trong ngoài. Bấy giờ Đồng Tồn Trách một mình làm đô ngự sử khám xét kiện tụng có nhiều án để quá kỳ hạn vì thế bị bài chức.

---

[1] Chỉ đất Trung Quốc.

Mùa đông, tháng 10, ngày 15, vua băng. Các quan dâng tôn hiệu là Khoát Đạt Duệ Thông Cương Nghị Trung Chính Ôn Nhu Hoà Lạc Khâm Minh Văn Tứ Doãn Cung Khắc Nhượng Mục Hoàng Đế, miếu hiệu là Huyền Tông.

Tháng 11, ngày 13 rước linh cữu Huyền Tông Mục Hoàng Đế về chôn ở lăng Quả Thịnh, lập điện Càn Long để thờ theo về quê hương của hoàng thái hậu.

Trước đây, khi Thần Tông băng, hoàng thứ tử Duy Cố mới lên 2 tuổi, Vương và chính phi Trịnh Thị **[29a]** Ngọc Lung nuôi ở trong phủ, chăm sóc dạy dỗ nên người. Đến đây, Huyền Tông băng, không có con nối, Vương bèn xuống chỉ dụ cho Tiết chế phủ và các đại thần văn võ trăm quan rằng:

"Ta nghe: Thiên hạ là thiên hạ của Thánh tổ Thần tông hoàng triều. Trước đây gặp vận nước nửa chừng suy đốn, đến nỗi kẻ gian thần họ Mạc tiếm ngôi. Khi ấy, tổ tiên ta dấy nghĩa quân, suy tôn giúp đỡ liệt thánh hoàng đế diệt trừ họ Mạc, thu phục kinh thành, mở mang bờ cõi, thế nước vững yên, thông hiếu nước phương Bắc, được tấn phong tước vương. Nay ta kế thừa công đức của tổ tông để lại, giữ việc ký tác của xã tắc sinh dân, dốc tiết trung trinh, tỏ lòng trinh bạch, nối sửa nghiệp trước, giữ yên hoàng gia. Khi Thần Tông Uyên Hoàng Đế còn trị vì thì cùng nhau cung kính, sửa sang chính sự, khuya sớm lo toan, để gây dựng thái bình **[29b]**. Đến khi Thần Tông Uyên Hoàng Đế băng hà thì mưu tính cho qua buổi truân chuyên nguy hiểm, giúp rập tả hữu, để giữ nước cho khỏi cơn hoạn nạn gian nan, tôn lập Đại Hành Hoàng Đế[1] khi còn ít tuổi lên ngôi, hun đúc thánh đức, luyện rèn học thuật, thanh danh xa khắp phương ngoài. Tín nghĩa vừa lòng thượng quốc, ân sủng được phong tước vương, vinh dự ban ấn vàng, ở ngôi được gần 10 năm, thời tiết hoà thuận, liền năm được mùa, dân mạnh của giầu, hiệu lệnh điển chương rõ ràng đầy đủ.

Hơn nữa, bên trong bốn biển bình yên, bên ngoài các man sợ phục. Đất đai rộng, nhân dân đông, so với thời trước thực là khác hẳn. Ngờ đâu ngày 15 tháng 10 năm nay, Đại Hành Hoàng Đế chầu trời, mà chưa có con nối. Ta nghĩ: "Ngôi báu cực kỳ quan trọng, chỉ có con của Tiên quân có hiền đức mới đương nổi mà thôi. Nay hoàng đế Lê Duy Cối, là **[30a]** thứ của tiên đế Thần Tông Uyên Hoàng Đế, khi tiên đế mất, mới lên 2 tuổi. Ta vâng lời ký thác, chăm nom nuôi dưỡng trong phủ, giúp đỡ dậy bảo, nghe lời ngay, theo đạo chính, hàng ngày cho nghe cho làm việc nước. Nay 11 tuổi, tuổi đã lớn, đức đã thành, sớm nổi tiếng hiền tài hiếu thảo, có thể nối được nghiệp lớn, nên tôn lập lên ngôi hoàng đế để thoả lòng trông đợi của thần dân trong nước. Tiết chế phủ và các quan đại thần văn võ nên thể theo chí ý của ta, đồng lòng giúp đỡ, khuya sớm kính chăm, mỗi người hãy làm hết chức phận, để hoàn thành công nghiệp trị bình, để hướng tới phúc lớn dài lâu, để giữ vững nghiệp đế, nghiệp vương mãi mãi".

Tháng ấy, ngày 19 Bính Dần, Vương thân đem Tiết chế phủ và các quan đại thần văn võ, tôn lập hoàng đệ Duy Cối lên ngôi hoàng đế, **[30b]** lấy năm sau làm Dương Đức năm thứ 1. Đại xá. Tôn chính phi của Vương là Trịnh Thị Ngọc Lung làm Quốc thái mẫu.

[30b] Gia Tông Mỹ Hoàng Đế

Tên húy là Duy Cối, con thứ của Thần Tông. Khi xưa, Thần Tông băng, vua mới 2 tuổi, Vương sai chính phi Trịnh Thị Ngọc Lung nuôi ở trong cung. Huyền Tông băng, không có con nối, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 4 năm thì băng, thọ 15 tuổi, chôn ở lăng Phúc An. Vua tướng mạo anh vĩ, tính thời khoan hoà, có đức độ của người làm vua, tiếc rằng ở ngôi không lâu, chưa thấy sự nghiệp gì.

Nhâm Tý, [Cảnh Trị] năm thứ 1 [1672], (Thanh Khang Hy năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, vẫn cấp ruộng tế cho công thần khai quốc Lê Lai, để lại cho con cháu giữ, đời đời thờ cúng[2].

---

[1] Tức Huyền Tông Lê Duy Vũ.

[2] Bấy giờ giảm bỏ ruộng lộc của các công thần trước. Duy Lê Lai vì có lời thề của Lê Lợi khi xưa, nên con cháu vẫn được cấp ruộng để thờ.

Tháng 3, lấy Dương Hạo làm Ngự sử đài đô ngự sử, Nguyễn Tông Lễ làm mệnh triều đình đã lâu, hiểm trở không chịu thuần phục, bèn tế cáo trời đất, thần kỳ, kể tội tiến đánh.

Sai Phó đô tướng Thái phó Lý quận công Trịnh Đống làm thống lĩnh, đi trước đến đóng ở Nghệ An, hiệp đồng với thống suất thiếu uý Đương quận công Đào Quang Nhiêu trù tính bố trí để khống chế nơi biên giới![1]. Lấy Phạm Chất làm Đại lý tự khanh.

Tháng 5, trấn thủ xứ Nghệ An, kiêm trấn châu Bố Chính, Thống suất quan Tả khuông quân dinh phó tướng Thiếu uý Đương quận công Đào Quang Nhiêu chết. Quang Nhiêu theo hầu Vương lâu ngày, từ khi còn ở tiềm để, nhiều lần đánh giặc, yên trong dẹp ngoài, có nhiều công lao. Ở trấn được 18 năm, mệnh lệnh được thi hành, lệnh cấm được thực hiện, trộm cướp im hơi, cõi biên thuỳ yên lặng, thọ 71 tuổi, chết ở trấn, tặng thái tể, ban thuỵ hiệu là Thuần Cẩn Bao **[31b]** phong làm phúc thần, lập đền thờ. (Quang Nhiêu người xã Tuyền Cam, huyện Thanh Oai).

Tháng 6, Vương thân phò hoàng thượng ngự giá đi đánh, uỷ cho Tiết chế thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn nắm cả đại binh tiến thẳng đến đất Quảng Nam, Thuận Hoá. Khi ấy, ngự giá đi đánh phương nam, Khoan quận công Vũ Công Tuấn ở Kinh sư trốn về Tuyên Quang đánh cướp dân châu đó. Lưu thủ kinh thành là Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc sai quân đuổi theo giết chết, bắt hết bè lũ rồi về[2].

Phó tướng Thiếu uý Mỹ quận công Trịnh Hoàn chết, tặng thái bảo.

Công bộ thượng thư Thiếu bảo Cẩm quận công trí sĩ Nguyễn Hậu Quyến chết, thọ 95 tuổi, gia tặng Hộ bộ thượng thư, ban thuỵ hiệu là Văn Đẩu. (Hậu Quyến người xã Lạc Sơn, huyện Chí Linh).

Mùa thu, tháng 8 nhuận, đại quân tiến đến châu Bố Chính. Sai các tướng chia đường tiến đánh. Tiết chế Thái uý Nghi quốc công **[32a]** Trịnh Căn thân đem đại binh qua sông, ban hiểu dụ cho nhân dân hai xứ Thuận Hoá và Quảng Nam rằng:

"Đánh kẻ có tội để cứu dân là nghĩa dấy binh của bậc vương giả. Nhân dân hai xứ các ngươi vốn là nhân dân ở đất Thánh tổ Thần tông hoàng triều, không phải do họ Nguyễn khai thác mà có. Nhờ được Tiên thánh vương ta[3] nghĩ tới tình thân họ ngoại, tâu với Tiên hoàng đế chuẩn cho Đoan quốc công trấn thủ hai xứ này, cung nộp cống thuế để chi dùng vào việc nước. Đoan quốc công đã thề với trời đất, hứa trước sau trọn tiết làm tôi. Lúc ấy Tiên thánh vương đang dốc chí khôi phục hoàng gia, tiễu trừ giặc Mạc, Đoan quốc công ở tại trấn ngoài, không có một chút công lao khó nhọc gì. Đến khi thiên hạ đã dẹp yên, mới về Kinh lạy mừng. Tiên thánh vương lượng cả bao dung, không kể đến có công hay không, chỉ vì tình nghĩa thân thích, vẫn tâu cho thăng **[32b]** chức tước, hưởng bổng lộc ưu hậu, địa vị đứng đầu các đình thần. Không ngờ trái với lời thề ước, ngầm mưu phản trắc, và năm Canh Tý [1600], dụ dỗ bọn gian thần làm loạn[4] rồi tự tiện trốn về [Thuận Hoá]. Đã lỗi đạo làm tôi, đáng trị theo phép nước. Nhưng Tiên thánh vương vẫn thương xót bao dung, khoan tha tội lỗi ấy. Thế mà khi triều đình sai quan đem sắc thư dụ bảo sự tình, lại đốt phá sứ quán, mưu cướp sắc thư, làm nhục sứ thần. Tâm địa chống đối đã manh nha từ ấy. Từ đó về sau, quen thói càn bậy, không cần phải kể ra nữa. Năm trước sai quan mang dụ vào bảo nghĩa lớn vua tôi, vạch cho đôi đường hoạ phúc, muốn cho nó đổi lòng quy thuận, để nhân dân các người tránh khỏi nạn can qua, cùng hưởng phúc thái bình. Nào ngờ giống ác kia không biết tỉnh ngộ, lại nói năng hỗn xược, ngăn giữ người hành nhân vâng mệnh không cho đi. Cái tội bạo nghịch bất kính **[33a]** thực không gì to bằng. Ôi, đất là đất của vua, dân là dân của vua, kẻ kia liều chiếm cứ chỗ đất này, không biết danh hiệu gì, mà đào hào sâu luỹ cao để chống mệnh, vét sưu cao thuế nặng để hại

---

[1] Đây là chỉ miền đất giáp với vùng chúa Nguyễn chiếm giữ.

[2] Theo Cương mục, Q.33, thì Vũ Công Tuân chạy vào đất nhà Thanh. Năm Chính Hoà 10 (1689), người Thanh bắt và trao trả cho họ Trịnh.

[3] Tức Trịnh Kiểm.

[4] Chỉ việc Nguyễn Hoàng ngầm xui bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khê chống lại Trịnh Tùng. Xem sự kiện năm Canh Tý, Thận Đức năm thứ 1 (1600).

dân? Bắt các ngươi phải cầm giáo, cầm gươm, có gì là ban liên chức trật[1], để các người bỏ học thư lễ, còn gì là khoa mục công danh? Xét những việc làm, vừa cậy hiểm làm phản, vừa chống cự triều đình, lại tàn hại phương dân. Tội ác kia như thế, có thể bỏ mà không hỏi đến ư? Dân bị điêu đứng như thế có thể điềm nhiên không cứu vớt ư? Việc bởi không thể dừng, quân đáng đem đến đánh.

Nay ta kính vâng lệnh của Đại nguyên soái chưởng quốc chính Thượng sư thái phụ đức công nhân uy ninh thánh Tây Vương, dực phù hoàng thượng ngự giá thân chinh, chuyên uỷ cho ta nắm cả đại binh, chỉ huy các **[33b]** tướng chia đường tiến đánh, hẹn phải thắng lợi trọn vẹn, giết hết bọn phản nghịch mới thôi. Bọn dân hai xứ các ngươi, nếu biết chỗ tối quay về nơi sáng, theo điều nhân tránh kẻ bạo tàn, hoặc quay ngược giáo mà đầu hàng, hoặc tới cửa quân mà thú tội, thì kẻ danh mục sẽ được tha tội thưởng công, bọn tiểu dân sẽ được bớt nhẹ phú dịch. Còn như dân chúng xứ khác sợ tội trốn đi, bị giặc dụ dỗ, nương náu ở đây, nếu thấy đại binh tiến đến mà tới quy thuận trước cũng được tha tội bổ dùng. Nếu mê muội không tỉnh ngộ, thì khi lửa thiêu núi Côn Cương, ngọc hay đá đều cháy cả. Đến lúc ấy, bọn các ngươi sẽ chạy đi đàng nào? Vậy có lời dụ".

Mùa đông, tháng 11, Thống suất Lê Thì Hiến đốc quan quân bản đạo tiến thẳng đến luỹ ngoài của giặc, sai thuộc hạ Thiêm Chưởng hầu Lương Đăng Quang, Trinh Tường hầu Vũ Tuấn Tài nhân đêm đánh chiếm lũ giặc **[34a]** ở xứ Đa Lận, đốt phá trại giặc, chém được đầu giặc, thu được cờ xí khí giới của giặc đem đến cửa quân dâng nộp.

Lấy Lương Đăng Quang làm tham đốc, Vũ Tuấn làm đề đốc để thưởng công xông lên trước phá giặc.

Phó tướng đô đốc đồng tri Vệ quận công Trịnh Bệ chết, tặng thiếu bảo.

Tháng 12, Vương thấy đất Thuận Quảng ẩm thấp, lại gặp giữa đường đông giá rét, quân lính khó lòng ở lại lâu ngày được, bèn tâu cho vua biết rồi đem quân về. Người của giặc bắt được, từ trai gái già trẻ đều cấp cho tiền gạo tha về.

Sai phó tướng thái uý Hào quận công Lê Thì Hiến trấn giữ xứ Nghệ An, kiêm trấn châu Bố Chính, Bồi tụng Binh bộ tả thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm đốc thị, Bồi tung Binh bộ hữu thị lang Hải Sơn nam Nguyễn Danh Thực làm phó đô đốc thị, **[34b]** khống chế biên thuỳ, giữ yên dân một phương.

Truy tặng chức tước và điền lộc cho các tướng sĩ Nam chính chết trận theo thứ bậc khác nhau.

Quý Sửu, [Dương Đức] năm thứ 2 [1673], (Thanh Khang Hy năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, xa giá về đến Kinh sư.

Sai bọn Nguyễn Đình Chính, Bùi Đình Viên, Lê Công Triều lên cửa quan đợi mệnh.

Tháng 3, sai chánh sứ Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương, phó sứ là bọn Đào Công Chính, Vũ Công Đạo, Vũ Duy Hài chia thành hai sứ bộ sang tuế cống nhà Thanh, nhân thể báo tang.

Cho Tham đốc Giao Toàn hầu Đào Đăng Dung tước quận công.

Lấy Phan Kiêm Toàn làm Lại bộ tả thị lang. Nguyễn Quốc Khôi làm Hộ bộ hữu thị lang, Phạm Chất làm phó đô ngự sử, Thân Toàn làm Lại bộ hữu thị lang, Vũ Lương làm Hình bộ hữu thị lang. Bùi Đình Viên làm Công bộ hữu thị lang.

Lấy Đồng Tồn Trạch làm Binh bộ hữu thị lang. Trước đó, Tồn Trạch giữ Ngự sử đài, xét kiện để chậm quá hạn, bị bãi chức, đến đây lại dùng.

Mùa thu, tháng 7, khởi phục Tham tụng Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính Thái bảo Yên quận công trí sĩ Phạm Công Trứ vào triều giữ việc sáu bộ, tham tán cơ vụ.

---

[1] Ban liên chức trật: Ban là thượng ban, trung ban, hạ ban; liên là thượng liên, trung liên, hạ liên; chức là chức tước, trật là phẩm trật, chỉ chung cấp bậc, ban bệ trong quan chế.

Hạ lệnh cho các quan văn vào Nội các của Vương phủ để nghị bàn việc nước. Việc chầu hầu ở Nội các bắt đầu từ đấy.

Tháng 9, Đào Quang Huy có tội bị giết. Quang Huy là con Quang Nhiêu, nhờ công ấm của cha, được phong chức tước quyền lộc, lấy quận chúa. Nhưng Huy kiêu lộng rông càn, làm nhiều việc bội nghịch vô đạo, lại ngầm làm **[35b]** nhà ở chỗ đất cấm. Có người tố cáo, việc bị phát giác, giao cho đình thần xét hỏi, biết được hết tình trạng, khép vào tội bêu đầu để giữ đúng pháp luật. Vương nghĩ đến cha hắn có nhiều công lao với nước, giảm tội cho thắt cổ chết và giết bọn đồng đảng là Kiêm Lộc hầu Trịnh Khuê.

Thi Hương nhân các xứ.

Bấy giờ tham chính xứ Thanh Hoa Vũ Cầu Hối nhận nhiều tiền bạc, gửi gắm học trò làm kỳ đệ tứ. Phủ doãn Phùng Thiên Ngô Sách dụ làm việc trong trường thi đã mang giấu sách vở vào trường. Ngầm sai gia nhân làm thay quyển thi đưa lẫn vào chấm lấy đỗ, xoay lấy tiền của. Việc phát giác, cả hai đều bị tội đồ. Tham chính xứ Sơn Tây Lê Chí Đạo lén chấm bài sai cho học trò, lại ở trong trường đem hai quyển không đỗ ghi là đỗ và gửi gắm nhiều sĩ nhân làm kỳ đệ sứ, bị xử bãi chức. Học quan phủ huyện nào khai các sĩ nhân **[36a]** đúng thì được khen thưởng, khai không đúng thì phải giáng phạt, tuỳ theo mức độ khác nhau.

Mùa đông, tháng 11, thi Hội các cống sĩ trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Công Vọng 5 người. Đến khi thi Điện, cho bọn Bùi Quang Vận đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 12, thi Sĩ vọng trong nước. Lấy bọn Nguyễn Hành 30 người bổ nhiệm các chức trong ngoài.

Bãi chức tước của bọn tham tụng tể tướng Hình bộ thượng thư Phương Quế hầu Lê Hiệu và Đông các hiệu thư Mai Lâm tử Trương Luận Đạo. Giáng Lại bộ hữu thị lang Thuỵ quận công Phan Kiêm Toàn làm Thái thường tự khanh, tước hầu, Binh bộ hữu thị lang Quế Hải hầu Lê Sĩ Triệt làm Hiến sát sứ xứ Lạng Sơn, tước bá, vì bọn họ tự tiện cho sắc chỉ và cấp bằng phê cho lại điển các nha môn làm việc có chỗ thêm bớt.

Lấy Nguyễn Quốc **[36b]** Khôi làm Lại bổ tả thị lang, Nguyễn Viết Thứ làm Lại khoa đô cấp sự trung.

Tham tụng tể tướng Binh bộ thượng thư Xuyên quận công Trần Đăng Tuyển chết. Đăng Tuyển là người trầm nghị đứng đắn, học thức sâu rộng, trong cuộc Nam chinh bàn giúp việc quân, có công trù hoạch. Đến đây chết, tặng Hộ bộ thượng thư, thiếu bảo, ban thuỵ hiệu là Nhã Lượng (Đăng Tuyển người xã Hoàng Mai, huyện Yên Dũng).

Bồi tụng Binh bộ thượng thư Thiếu bảo Dĩnh quận công trí sĩ Nguyễn Để chết, tặng Hộ bộ thượng thư, thiếu phó, ban thuỵ hiệu là Huệ Ngu (Để người Hoà Trường huyện Ngọc Sơn).

Giáp Dần, [Dương Đức] năm thứ 3 [1674], (Từ tháng 10 trở đi đổi là Đức Nguyên năm thứ 1; Thanh Khang Hy năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, có lệnh chỉ răn dạy các chức ty, đại lược nói: Chức vụ của tể tướng là ở chỗ tiến cử người hiền, gạt bỏ kẻ xấu, phải tuỳ tài mà trao quan chức, xét đức mà định tước vị, để các khanh đại phu từng người đều được xứng chức, không **[37a]** được lấy lòng riêng tư mà tự chuyên. Chức vụ của Lại bộ là ở chỗ cân nhắc nhân vật, phải xét lời nói và việc làm, phải xem tài năng và kiến thức, người nào đáng làm quan Kinh thì cho làm quan Kinh, làm được thú lệnh thì bổ làm thú lệnh, không được theo ý riêng mà lấy người nọ bỏ người kia. Quan xét lại án của Hình bộ, nếu thấy án nặng thì giao xuống bàn lại, phải công đồng thẩm xét, cốt rõ được thực tình là gốc, không được để chậm trễ quá hạn. Ngự sử là chức tai mắt của triều đình cốt để chấn chỉnh kỷ cương và giữ nghiêm phong thái. Hễ chức tể tướng có lỗi, tướng thần có sai, các quan trái phép, thời chính thiếu sót, đều cho phép hặc tôi tâu bày. Đề hình giám sát ngự sử thì chuyên giữ các việc can bàn, thẩm xét, xử đoán, củ hặc, xét ghi, soi soát. Giám sát ngự sử thì giữ việc đàn hặc. Nếu thấy thời chính có thiếu sót, các quan có lỗi lầm thì phải trình bày hặc tội. Lại khoa thì **[37b]** có trách nhiệm biện bác lại. Nếu thấy Hình bộ thẩm xét không công bằng cũng bác đi và gửi trả về. Chức đề lĩnh giữ việc sửa chữa cầu cống đường sá, khai ngòi tháo nước, cứu hoả phòng gian ở trong Kinh kỳ. Phủ doãn là quan đàn hặc, trấn áp, nếu thấy các nhà thế gia

quyền quý, các viên nhân bất đẳng, kiêu túng du đãng, không theo pháp chế, thì cho được chủ hặc trừng trị. Chức trấn thủ, lưu thủ thì chuyên nã bắt, đàn áp bọn trộm cướp, phòng ngừa kẻ gian phi, phải giữ yên dân trong hạt, không được tự tiện đặt ra chức danh phi pháp để nhiễu hạt dân. Chức chưởng của Hiến ty là nếu thấy trong xứ có tai biến khác thường lũ lụt hạn hán thì phải tâu bày hết thảy; thừa ty phủ, huyện ngang ngược phi pháp, trấn thủ, lưu thủ không cấm gian phi, đều cho phép tâu bày, đàn hặc; lại phải tuần hành trong hạt, dò hỏi **[38a]** nỗi đau khổ [của dân], tra xét các vụ kiện nhà quyền thế ức hiếp, bắt người. Thừa ty thì đảm nhiệm kỳ thác quan trọng ở địa phương, như thấy quan ty sở thuộc, người nào chính tri công bằng, thì nên bảo cử lên, người nào làm không đúng phép thì xét tâu lên. Quận thú là thầy, là tướng của dân, như thấy huyện quan trong sở thuộc, người nào có thành tích cai trị xứng với chức vụ thì bảo cử lên, người nào không xứng chức thì xét hặc lên. Huyện lệnh là quan thân cận với dân, phải để lòng chăm sóc dân, khuyên bảo dân làm ruộng trồng dâu, làm điều lợi, trừ việc hại, lưu ý dạy bảo dân để thành tục nhân ái nhường nhịn, bỏ thói gian phi kiện cáo. Những người vợ tiết nghĩa, con hiếu thảo cũng nên chuyển đạt lên để nêu khen cho phong tục thuần hậu. Các quan nha môn trong ngoài hễ thấy lại điển ở bản nha, người nào công tâm giữ phép, liêm khiết, siêng năng, thạo việc, làm việc lâu năm không có tội lỗi gì thì bảo cử lên, kẻ nào bậy bạ tham nhũng, chỉ lo xoay tiền, lười biếng bỏ việc, có tội lỗi thì **[38b]** lập tức hặc tội đuổi đi.

Tháng 3, lấy cháu đích của Vương là phó tướng Trịnh Vĩnh làm tả đô đốc.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 9, Bồi tụng Lại bộ hữu thị lang Liên Trì tử Nguyễn Quốc Khôi chết. Quốc Khôi là người khảng khái dám nói. Tin cáo phó đến, Vương thượng thương tiếc lắm, tặng Binh bộ thượng thư Trì quận công, ban thuỵ hiệu là Cương Trung. (Quốc Khôi người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì).

Lấy Lê Hiệu làm Binh bộ hữu thị lang. Phan Kiêm Toàn làm Hình bộ hữu thị lang. Lê Sĩ Triệt làm Công bộ hữu thị lang. Trước đó, bọn Hiệu vì can việc phải giáng bãi. Đến đây được dùng.

Tháng 6, ngày mồng 6, sao Thái Bạch mọc ban ngày, chọi ánh sáng.

Tháng 6, ngày mồng 6, sao Thái Bạch mọc ban ngày, chói ánh sáng với mặt trời.

Cho Thạc Trung hầu Lê Thì Hải tước quận công.

Mùa thu, tháng 7, ngày 18, vua cho là Vương thế tử thiết chế Thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn công lao nhiều, uy vọng lớn, **[39a]** tấn phong làm Nguyên soái điển quốc chính Định Nam Vương.

Lời kim sách viết: "Trời sinh tài thánh hiền, để vững nền thịnh trị, vua đãi lễ tôn quý, để rạng ngời công to. Đã chọn ngày tháng tốt lành, ban xuống sách vàng rực rỡ. Đặc tiến khai phủ khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm tổng chính binh Thái uý Nghi quốc công Trịnh Căn anh hùng nhất nước, khí độ hơn người. Tiên quân xưa khôi phục cõi bờ, nhờ nhiều ở sức tiền vương xoay chuyển vận truân chuyên thành hanh thái; đến trẫm nay nối chịu mệnh lớn, đều dựa ở công sư phụ gây dựng nuôi dưỡng từ thuở ấu thơ. Giữ nước nhà được bền vững cơ đồ, truyền con cháu có mưu xa yên ổn. Chăm lo vương tự, giúp đỡ hoàng gia. Đi đánh dẹp thì phía Nam diệt trừ giống Nguyễn, phía Bắc quét tan lũ Mạc, công ngất cao vũ trụ; nắm chính quyền thì trong nước đều được lặng yên, người xa đều phải thuần phục **[39b]**, đức rực sáng đất trời. Uy vọng thực thoả lòng bốn biển, vị thứ phải đứng đầu trăm quan. Vậy đặc sai đặc tiến kiêm tử Vinh lộc đại phu tham tụng Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính chưởng Lục bộ sự Thái bảo Yên quận công Phạm Công Trứ mang sách vàng ấn ngọc tấn phong làm Nguyên soái điển quốc chính Định Nam Vương, vinh ban ngọc báu, mở rộng ấp phong. Mong rằng nhận mệnh mới, hưởng phúc lành, giữ đạo thường, kính chức vị. Làm chính sự theo điển chương pháp đô, kính giữ phép xưa, có đức lớn được vị lộc thọ danh, còn nhiều sủng mệnh. Giúp nhà vua lâu dài mãi mãi, giữ nghiệp chúa bền vững vô cùng. Vương hãy kính theo".

Có chỉ quy định: Từ nay về sau, Vương phủ ban ra mệnh lệnh gì thì gọi là "lệnh dụ"; thần dân dâng khải thì nói là "cẩn khải văn"; phủ phó vương ban ra lệnh gì thì **[40a]** gọi là "lệnh chỉ", ai dâng khải lên thì nói là "cẩn khải".

Tháng 8, Vương dụ Định Nam Vương rằng:

"Bậc vương giả sáng nghiệp, truyền dòng, tất mưu hay để lại; phận đích trưởng nối chí, giữ nếp, phải theo phép tốt lành. Nay ta thừa kế nghiệp cũ của nhà, nắm giữ quyền lớn của nước, sửa nghiệp vương nối cơ đồ tích luỹ của tiên vương; dóng dả công lớn trị bình, kế hay dẹp yên thiên hạ, giúp nhà vua giữ đại thống nối truyền của liệt thánh. Bờ cõi yên lặng, nhà nước vững bền. Giữ nghiệp lớn vững như Thái Sơn, giúp con nối có mưu xa rộng. Vào năm Canh Tý, người đã được gia phong, mở phủ ly, uỷ cho thâu tóm chính quyền. Xét ra, biết trung ái với quần thần, biết học tập mọi công việc. Coi giữ các việc thì lệnh nghiêm giảm, trong ngoài đều vui theo; đánh dẹp bốn phương thì oai lẫy lừng, phiên hầu phải quy phục. Có nhiều công lao với xã tắc, đáng giữ trách nhiệm coi sinh dân. Ta đã tâu lên hoàng thượng biết, vâng theo **[40b]** sắc chỉ. Tấn phong tước vương, trao cho trông coi bốn biển. Chức vị rất cao, rất trọng, mưu lược phải theo, phải làm. Nay hãy: Giữ nghiệp đã thành, lo việc chớ lãng; phòng điều sai, nén dục vọng, chính tâm sửa mình. Mỗi lời nói, mỗi việc làm, phải học đức tốt của tổ tông mỗi chính sách, mỗi mệnh lệnh, phải theo phép xưa của tông tổ. Hàng ngày cùng với thân huân đại thần, trăm quan văn võ đồng tâm hiệp sức để tìm đạo trị nước, khu xử việc đời, để tiến lên thái bình. Bổ quan thì tuỳ tài năng, xét công trạng để các quan đều xứng chức; tìm người thì xem ngôn hạnh, thử chính sự, để người hiền đều vào triều. Coi tướng thì dùng cả ân uy, để các tướng đều vui lòng làm việc; thương dân thì nhẹ bớt phú dịch, để dân đều sống thảo vui. Thưởng phạt quyền ở tay mình phải công bằng, **[41a]** tín thực; lễ nhạc là gốc của giáo hoá, phải đầy đủ, rõ ràng. Như thế thì chính sự mới được sửa sang, kỷ cương mới được chấn chỉnh. Văn đức thấm khắp mà vũ công hoàn thành; trong nước bình yên mà rợ ngoài sợ phục. Cơ đồ thống nhất, tông xã lâu dài, để vương nghiệp truyền đến ức muôn năm. Mong ngươi hãy kính theo để đáp lại lòng uỷ nhiệm truyền thụ của ta. Nay dụ".

Vua tôn phong mẹ sinh là Lê Thị Ngọc Hoàn làm Chiêu Nghi.

Mùa đông, tháng 10, đổi niên hiệu là Đức Nguyên. Đại xá.

Có chỉ ban ơn, cho võ ban được thăng bậc. Bọn Thái phó Khê quận công Trịnh Đống đều thăng làm thái tể; bọn Thiếu uý Liên quận công Trịnh Trượng, Bỉnh quận công Trịnh Khê, Lý quận công Trịnh Kiền, Hào quận công Lê Thì Hiến đều thăng làm thái phó; bọn Thái uý An quận công Trịnh Thiện, Kiêm quận công Trịnh Thụ, Thiếu phó Điện quận công **[41b]** Trịnh Ốc đều thăng làm thái bảo; Ân quận công Trịnh Miên làm thiếu uý, Tả đô đốc phó tướng Lương quận công Trịnh Vĩnh làm thiếu phó, bọn Trạc quận công Trịnh Kiêm, Lộc quận công Đinh Văn Tả đều làm thiếu bảo; bọn Vịnh quận công Đàm Cảnh Kiên, Toản quận công Trịnh Sâm, Yên quận công Trịnh Liễu đều làm hữu đô đốc; Phó tướng Phái Trạch hầu Trịnh Du làm đô đốc đồng tri, tước quận công; phó tướng Khiêm quận công Trịnh Duyên làm đô đốc thiêm sự.

Số còn lại đều được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Phế Phan Kiêm Toàn làm dân thường, đưa về ở tại trấn Thanh Hoa vì Toàn làm nhiều việc can phạm. Lại thấy bọn Lê Hiệu, Lê Sĩ Triệt cùng đảng với Kiêm Toàn, giáng Hiệu làm tham chính xứ Hưng Hoá, Sĩ Triệt làm hiết sát sứ xứ Thái Nguyên.

Tháng 12, bọn Lại bộ hữu thị lang **[42a]** Thân toàn bổ nhiệm các chức trong ngoài đến 1.239 viên danh.

Biếm Tham chính xứ Nghệ An Lương Thực làm Đông các hiệu thư, vì Thực lấy ức tiền bạc của sĩ nhân.

Ất Mão, [Đức Nguyên] năm thứ 2 [1675], (Thanh Khang Hy năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 3, bọn sứ thần Nguyễn Mậu Tài, Hồ Sĩ Dương về nước.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 3, vua băng. Các quan dâng tôn hiệu là Khoan Minh Mẫn Đạt Anh Quả Huy Nhu Khắc Nhân Đốc Nghĩa Mỹ Hoàng Đế, miếu hiệu là Gia Tông.

Xét công đi xứ. Lấy Nguyễn Mậu Tài làm Hình bộ thượng thư, tước sử, Hồ Sĩ Dương làm Công bộ thượng thư, tước quận công; Đào Công Chính làm Hình bộ hữu thị lang, Vũ Công Đạo làm Công bộ hữu thị lang, đều tước nam; Vũ Duy **[42b]** Hải làm Đông các đại học sĩ, tước tử.

Tháng 6, rước linh cữu gia Tông Mỹ Hoàng Đế về chôn ở lăng Phúc An[1], lập điện Thiên Ninh để thờ theo về quê của mẹ sinh là Chiêu Nghi. Khi ấy, Vương và chính phi thân đến làm lễ viếng, khóc rất thương xót. Định Nam Vương cũng thân đi đưa đến bến sông làm lễ rất thương kính. Các quan văn võ trông thấy đều chảy nước mắt.

Tháng 12, Hoàng đệ là Duy Cáp lên ngôi hoàng đế.

Trước kia, khi Thần Tông sắp băng, dặn lại Vương rằng: Cung nhân Trịnh Thị Ngọc Trúc[2] có thai mới được khoảng 4 tháng, chưa biết là con trai hay con gái, nhờ Vương trông nom giúp cho. Đến khi vua sinh ra, hình dáng kỳ vĩ, khi lên 9 tuổi, Vương nuôi ở trong phủ. Đến đây, Vương đích thân dìu lên điện, lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu, lấy tháng giêng năm sau làm Vĩnh Trị năm thứ 1. Đại **[43a]** xá.

Quy định công việc sáu bộ: Bộ lại giữ các quan tước, phong tặng, tuyển bổ khảo xét, thăng giáng và các việc bổ sung, chu cấp. Bộ hộ giữ các việc đất đai, nhân dân, kho tàng, tiền tệ, lương thực, vận chuyển và các việc bổng lộc, thuế khoá, cống nộp, muối mắm, gang sắt. Bộ lễ giữ các việc lễ nghi, cúng tế, chúc tụng, yến ẩm, học đường, các nghi thức về áo mũ, ấn phù, chương biểu, cống sứ, triều cận, kiêm coi các việc về thiên văn, thuốc men, bói toán, và tăng đạo, giáo phường, đồng văn, nhã nhạc. Bộ hình giữ các việc binh nhung, cấm vệ, xe ngựa, nghi trượng, khí giới và các việc về biên cương, trấn thủ, nhà trạm, nơi hiểm yếu, việc khẩn cấp. Bộ hình giữ các việc luật lệnh, hình pháp, xét xử ngục tụng, xử tội về ngũ hình[3]. Bộ Công giữ các việc về thành trì, cầu cống, đường sá, việc thổ mộc, thuyền thợ và các công việc về xây dựng, sửa chữa, **[43b]** các điều cấm về núi rừng, vườn tược, sông chằm.

Mùa thu, tháng 7, lấy Vũ Duy Chí làm Hộ bộ thượng thư, Nguyễn Mậu Tài làm Binh bộ thượng thư, Thân Toàn làm Ngự sử đài đô ngự sử, Đặng Công Chất làm Lại bộ tả thị lang, Lê Vinh làm Hộ bộ hữu thị lang, Nguyễn Công Bích làm Lễ bộ tả thị lang, Đồng Tồn Trạch làm Công bộ tả thị lang, Nguyễn Danh Thực làm Lại bộ hữu thị lang, Vũ Duy Hài làm Binh bộ hữu thị lang, Bùi Đình Viên làm Hình bộ hữu thị lang.

Tháng 9, trấn thủ xứ Nghệ An kiêm trấn châu Bố Chính thống suất quan Tả trung quân dinh phó tướng Thái phó Hào quận công Lê Thì Hiến chết. Thì Bà này người làng Đông Khôi, huyện Gia Định (sau đổi là Gia Bình). Bà không phải là con Trịnh Tráng cũng tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc, hoàng hậu của Thần Tông.

Hiến là người trí lược dũng cảm có tài cơ biến, coi quân thì hiệu lệnh nghiêm túc, mỗi khi đi đánh dẹp, thường lập công to, thọ 66 tuổi, **[44a]** chết tại trấn. Tặng thái tể, ban thuỵ hiệu là Nghiêm Trí, bao phong làm phúc thần, lập đền thờ (Thì Hiến người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương).

Sai Hữu đô đốc Yên quận công Trịnh Liễu trấn thủ xứ Nghệ An kiêm trấn châu Bố Chính.

Sai Nguyễn Công Bích và Đào Công Chính vào hầu kinh diên.

Giáng Thiêm đô ngự sử Đỗ Thiện Chính làm Hộ Khoa đô cấp sự trung vì Chính xử kiện không đúng.

Mùa đông, tháng 10, Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ quốc lão tham dự triều chính Chưởng Lục bộ sự thái bảo Yên quận công Phạm Công Trứ chết. Công Trứ là người sâu sắc, điềm tĩnh, giản dị, chắc chắn, làm việc có mưu thuật, giúp Vương từ tiềm để, mưu tính nhiều việc, giúp việc nước lâu ngày luật pháp, chế độ có nhiều đổi mới, thọ 76 tuổi: tặng Thái tể ban thuỵ hiệu là Trung Cần (Công Trứ người làng Liêu Xuyên, huyện Đường Hào)[4].

[44b] Tháng 11, thi Hương sĩ nhân các xứ.

---

[1] Lăng Phúc An: hay lăng Phúc Lộc, huyện Thuỵ Nguyên, quê của bà Chiêu Nghi Lê Thị Ngọc Hoàn.

[2] Cương mục, Q.33, chép là Ngọc Tấn, chú thêm có sách chép là Ngọc Trúc.

[3] Ngũ hình: chỉ năm thứ hình phạt là: đánh bằng roi (xuy), đánh bằng gậy (trượng), khổ sai (đồ), đầy đi xa (lưu), giết (tử).

[4] Huyện Đường Hào: sau là huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

Tháng 12, hạn hán.

Lấy Phạm Chất làm Hình bộ tả thị lang. Vũ Duy Hài làm Ngự sử đài đô ngự sử, Nguyễn Viết Thứ làm thiêm đô ngự sử. Thiểu Sĩ Lâm làm Lại Khoa đô cấp sự trung.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XX

[1a]

Kỷ Hoàng Triều Nhà Lê

Kính Tông Huệ Hoàng Đế Thành Tổ Triết Vương[1]

Tên húy là Duy Tân, là con thứ vua Thế Tông. Mẹ là hoàng thái hậu Ý Đức họ Nguyễn người xã Duy Tinh, huyện Thần Lộc[2]. Vua ở ngôi 20 năm, thọ 32 tuổi. Vua nối thể thống, giữ nghiệp đã thành, nhờ sức nhà Chúa, bình định bọn phản nghịch, thân đưa đến cảnh thái bình. Nhưng lầm nghe mưu gian ngầm bội bạc người sư phó không được, phải chết ở chốn lưu đày[3]. Nhưng nối giữ nghiệp, lòng tôn trọng tin theo không thể chê trách, [chúa] là ông ngoại, nắm chính quyền, tình nghĩa khuông phò lại càng dốc hết, có quyền biến mà không bỏ mất đạo thường. Càng thấy rõ cái đức tuyệt vời của nhà Chúa.

Canh Tý, Thận Đức năm thứ nhất [1600], (từ tháng 10 trở về sau là Hoằng Định năm thứ nhất. Minh Vạn Lịch năm thứ 28).

Mùa xuân, lập bà phi họ Trịnh **[1b] l**àm hoàng hậu[4]. Bà là con gái của Bình An Vương [Trịnh Tùng][5].

Tháng 4, ngày 27 tướng thuỷ quân là Kế quận công Phan Ngạn, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, Tráng quận công Ngô Đình Nga, làm phản ở Sơn Nam. Sai thái uý Nguyễn Hoàng đem quân đi đánh. Hoàng trốn đi[6].

Tháng 5, ngày 7, xa giá đến Thanh Hoa. Hoàng lúc mới từ Thuận Hoá vào chầu[7], nhiều lần được sai đi chinh phạt, cha con cùng gắng sức, hoàn toàn không có ý gì khác. Bọn bất lương thường cho rằng ông có công lớn, dễ bị nghi ngờ đố kỵ, mà kích động, và cho rằng Hoành Sơn là nơi xa xôi hiểm trở để xúi bẩy, chí của Hoàng bèn thay đổi. Vì cớ bọn Phan Ngạn ba tướng đều là bộ hạ ngầm dụ dỗ làm phản. Chúa đang bàn đánh dẹp, Hoàng xin đi, chúa bằng lòng. Hoàng bèn cùng với con trai thứ năm là Thuỵ quận công Phúc Nguyên, thứ nữa là bọn Văn quận công Phúc Hiệp, Thạch quận công Phúc Trạch, đem đại quân bản bộ gồm 2 vạn lính, 300 chiến thuyền xuống Sơn Nam **[2a]** đi tắt ra cửa bể Đại An, dương buồm chạy đi. Bấy giờ Hoàng đã 76 tuổi. Tin báo đến nơi, triều đình chấn động. Chúa lo Hoàng vào

---

[1] Toàn bộ phần mở đầu kỷ Kính Tông ở bản Lê Hy (BK13-1a) chép giản lược và không có mục đài chữ lớn niên hiệu của Trịnh Tùng (Thành Tổ Triết Vương) như ở đây. Các chú thích so sánh ở đây khi nhắc tới bản Lê Hy là đều thuộc quyển 18 phần Bản kỷ tục biên.

[2] Nay là xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nguyên văn: Tổ vu Đồng Cung là nơi tể tướng Y Doãn đày vua Thái Giáp nhà Hạ.

[4] Tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc.

[5] Bản Lê Hy [1a] lược bớt nhiều.

[6] Bản Lê Hy [1a] hơi khác.

[7] Bản Lê Hy [1a] lược bớt nhiều.

chiếm cứ Thanh Hoa, lập tức quyết định giúp vua hồi loan, để giữ vững chỗ căn bản. Sai tướng sĩ các doanh, bá quan văn võ đều hộ tùng. Quan Thái Bảo, Thượng thư bộ Hộ là Đỗ Uông can ngăn, xin lưu lại ở kinh đô. Khi xa giá đã đi rồi, ông bị loạn binh giết chết.

Con trai thứ của chúa là Trấn Trung hầu Trịnh Lâm làm cầu phao ở xã Tiên Sài huyện Yên Sơn để quân đi qua, thưởng cho 10 lạng vàng.

Khi xa giá về đến nửa đường, thấy con trai thứ ba của Hoàng là Cẩm quận công Nguyễn Phúc Hải và cháu nội là Phụ quận công Nguyễn Hắc đón đường lậy chào, nói rằng Hoàng tuổi già muốn trở về nơi trấn sở, không kịp xin mệnh vua, đã trở về Thuận Hoá rồi, cho con và cháu ở lại làm con tin, để tỏ lòng trung. Vua uý lạo họ, lòng người mới yên.

Cho Tả thị lang bộ Hộ, tước Bàng Phú tử Bùi **[2b]** Khắc Nhất làm Thượng thư bộ Hộ tước Văn Phú bá, gia phong là Hiệp mưu tán lý công thần (Khắc Nhất người ở Bột Thái đất Thanh Hoa)[1].

Bọn Phan Ngạn đã làm phản, dùng niên hiệu nguỵ Mạc là Càn Thống sai người chiêu an thành thị. Ngạn nghi Văn Khuê có chí khác, xin hội ở giữa sông, đánh giết y, rồi tự xưng là Tiết chế Sính quốc công, cho em làm Thái bảo Quỳnh quận công. Đình Nga tự xưng là Thái bảo Hoa quốc công. Vợ của Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên khóc lóc, bảo với quân của y rằng: "Ai có thể báo thù cho chồng tôi, giết được Phan Ngạn thì tôi trọng thưởng". Quân chúng đều cảm động hăng hái. Phan Ngạn nghe tin, tức giận. Ngày 1 tháng 6, Ngạn đem quân đến Hoàng Giang. Vợ Văn Khuê đem quân ra nghênh chiến, bắt giết được Ngạn, đem đầu Ngạn để tế chồng. Đồ đảng của Ngạn cũng tan vỡ.

Bác của vua là Thái uý Bản quốc công Lê Bách theo xe vua không kịp, bị giặc giết hại **[3a]**, tặng hàm Tư đồ[2].

Hạ lệnh: các thần liêu tướng sĩ hỗ tùng vua tới Yên Trường đều được phong là công thần, quan võ thì phong là Đôn hậu Uỷ dũng, quan văn thì phong là Kiệt tiết Tuyên lực, đều hai chữ. Tiến phong Hoàng Đình Ái chức Thái tể, gia phong là Suy trung Dực vận công thần. Tặng Đỗ Uông hàm Thái bảo[3].

Sai Thiêm đô ngự sử Lê Nghĩa Trạch (người ở Cổ Đôi huyện Nông Cống) đem sắc đi uý lạo lão tướng Nguyễn Hoàng, nhận cho ông vẫn lưu trấn hai xứ Thuận Quảng trưng thu cống phủ để giúp cho sự chỉ dụng của nhà nước. Chúa gửi thư riêng cho ông ta, rằng: "đại thần cùng với nước phải cùng chung vui buồn. Cậu đối với nước mà nói, thì là kẻ bề tôi huân cựu mấy đời, đối với nhà mà nói thì là tình nghĩa rất thân thuộc. Mới rồi vì nguỵ Mạc tiếm nghịch, vận nước gặp lúc bĩ, tiên tổ là thái tể Hưng quốc Chiêu Huân Tỉnh công đầu tiên khởi xướng đại nghĩa, giúp hoàng đế Trang Tông trong lúc gian nan, danh phận **[3b]** lại được chính. Khi tiên tổ qua đời, tiên khảo cháu là Minh Khang Thái Vương giữ trọng trách của nước, thấy cậu là người thân ruột thịt, uỷ cho trị nhậm hai xứ Thuận Quảng. Cậu từ khi nhận mệnh lệnh, vỗ yên dân địa phương, thực là có công. Tiên khảo cháu chầu trời, cháu giữ binh quyền, vẫn để cậu giữ chức cũ. Nhiều lần gửi thư giục cậu đốc thu tiền thuế, vận tải lương thực để giúp việc chi dùng của nước. Cậu thường lấy cớ là đường biển gian hiểm mà từ. Đến khi kinh thành đã khôi phục, thiên hạ đã yên, cậu mới ung dung theo đạo nghĩa. Triều đình ưu đãi cho quản một phủ Hà Trung, và một dải 7 huyện miền thượng trấn Sơn Nam, trao cho chức Hữu tướng là có ý muốn cho cậu và Tả tướng Hoàng Đình Ái phù trì hai bên tả hữu, để giúp nghiệp thịnh trị, để yên nhân dân nước Nam. Mới rồi nghịch thần là bọn Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê, Ngô Đình Nga manh tâm phản bội, nổi quân làm loạn. Cháu đang cùng cậu lo liệu **[4a]** viện binh, đuổi đánh bọn nghịch. Không ngờ cậu chẳng đợi mệnh, tự tiện bỏ về, làm cho lòng dân địa phương náo động. Không biết đó là bản ý của cậu chỉ tiêu của nước. Thì lấy công trừ lỗi, triều đình đã có pháp điển, mà công lao ngày trước của cậu lại được vẹn toàn, huân danh sự nghiệp mấy đời mãi mãi không mất. Nếu không thế thì lấy thuận đánh nghịch, triều đình cất quân là có danh nghĩa rồi. Danh tiết của cậu rồi sẽ ra sao? Cậu trong khi làm việc binh vẫn thường **[4b]** lưu tâm kinh sử, xin hãy nghĩ kỹ, chớ để hối hận về sau".

---

[1] Bản Lê Hy lược bỏ.

[2] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ.

[3] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ.

Hoàng trở về trấn, đi đến dinh Cát, các tướng lại cũ và quân dân đều vui mừng, bèn sai con là Phúc Nguyên coi quản việc quân ở Thuận Hoá, Phúc Hiệp, Phúc Trạch trấn giữ Quảng Nam[1].

Lê Nghĩa Trạch đi đến cõi ấy, biết Hoàng vốn là người cơ mưu, bèn bí mật bỏ chiếu thư vào trong ống, giấu ở bụi rậm ở ngoài đồng nội, rồi sai xá nhân đi báo. Hoàng nghe tin, lập mưu làm nhục sứ mệnh, sai người ban đêm đến cướp quán trọ, tìm hết hòm xiểng, không thấy chiếu thư đâu, bèn đem đốt hết. Sáng hôm sau Hoàng thân dẫn tướng tá, chỉnh bị nghị vệ ra đón, thấy Nghĩa Trạch tay bưng chiếu thư trao cho. Hoàng kinh ngạc, quay lại bảo tả hữu rằng: "Trời sinh chủ tướng, triều đình có người giỏi". Bèn khoản đãi sứ giả của triều đình, dâng sớ tạ tội, và gửi thư cho nhà chúa, tự trách mình, nhận lỗi thành khẩn, và xin cho được hai trấn để dưỡng tuổi già, và dâng **[5a]** con gái làm phu nhân của vương tử Bình quận công, hẹn đến tháng 10 sẽ làm lễ đưa đến kinh đô, mãi mãi giữ vững tình nghĩa thông gia. Lại lưu con cháu ở lại để đi theo chầu hầu. Chúa ưng cho[2].

Vì thấy Hồng lô tự khanh Lương Trí là người có học vấn, đạo đức, cân nhắc lên làm Hữu thị lang bộ Lễ[3].

Bấy giờ đô thành trống rỗng, trộm cướp nổi lên. Con Nguyễn Miễn là Nam Dương hầu Nguyễn Nhậm tụ họp bè đảng, tự xưng là Nam quận công. Kỳ Huệ Vương nhà nguỵ Mạc tự xưng là Nam thổ tiết chế, nguỵ Uy Vũ hầu tụ tập 300 binh thuyền, tự xưng là Hải Dương đại tướng[4] rước mẹ Mạc Mậu Hợp là Bùi thị về kinh làm vua, tôn làm "Quốc mẫu". Các người tôn thất nhà Mạc trước đây ẩn trốn, nay đều ra theo. Bùi thị sai người đi rước Mạc Kính Cung ở Long Câu, phong thưởng tràn lan, quan dân không kể công lao mới hay cũ đều phong cho các chức đô chỉ huy sứ, đồng tri thiêm sự và tả hữu hiệu điểm **[5b]**.

Mùa thu, tháng 7, Mạc Kính Cung qua Nam Quan tiến đến Thị Cầu. Bọn Ngô Đình Nga đều dẫn lính huyện mình đi đón. Kính Cung cho chúng giữ nguyên chức tước, tiến vào chiếm giữ Đông Kinh, quân đông hàng vạn, sai quân đóng đồn ở Gián Khẩu đất Gia Viễn để ngăn chặn quân nhà vua[5].

Chúa xin vua ra quân, đem đại binh đánh giặc, đóng quân ở Bái Đính. Cho thự vệ Đăng quận công Nguyễn Khải làm tiên phong. Văn quận nguỵ tới đầu hàng, tha tội cho. Khải đánh nhau với quân giặc ở Gián Khẩu, phá tan được[6].

Tháng 8, đại quân ra Trường Yên, thuỷ bộ cùng tiến. Quân thuỷ vào sông Châu Xá, ngược dòng mà lên. Đến Hát Môn thì xuôi dòng xuống Bồ Đề. Quân Mạc bị thua to, bị giết và chết đuối vô số. Bắt được Bùi thị đem giết[7], bèn khôi phục kinh thành. Mạc Kính Cung trốn đi. Em Phan Ngạn là Quỳnh quận công nguỵ đến hàng, chúa tha tội cho. Bấy giờ những người tới hàng **[6a]** kế tiếp nhau. Sai quân đánh úp phá được tướng Tây đạo nguỵ là quận Nhai, quận Cao ở Nhật Chiêu thuộc Bạch Hạc[8] bắt được 40 chiếc thuyền và 7 con voi.

Ngày rằm tháng ấy, chúa sai báo tin thắng trận, đón rước xe vua. Sai sửa đường đê từ Chương Đức đến Mỹ Lương để đi lại[9]. Vương tử là Trịnh Lâm có nhiều chiến công, được thăng là Trấn quận công, sai đem quân về làm lưu thủ Thanh Hoa. Tướng dinh Yên Bắc ở Tuyên Quang là Hoà quận công Vũ Đức

---

[1] Bản Lê Hy lược bỏ.

[2] Bản Lê Hy lược bỏ.

[3] Bản Lê Hy lược bỏ.

[4] Bản Lê Hy lược bỏ.

[5] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ câu cuối.

[6] Bản Lê Hy [4a] lược bỏ câu cuối.

[7] Bản Lê Hy lược bỏ.

[8] Bản Lê Hy không có chữ "Bạch Hạc".

[9] Bản Lê Hy chép việc sửa đường và đón xa giá vào tháng 5 năm 1601.

Cung cùng con là Thiếu bảo Thuỵ quận công Vũ Công Ứng sai người đem thư đến hành cung. Chúa tiếp đãi an ủi rất trọng hậu, hạ chỉ khen ngợi, và khiến đi bắt bọn con cháu giặc[1].

Tháng 9, vương tử là Bình quận công [Trịnh Tráng] sai quân đuổi bắt được Ngô Đình Nga ở bờ biển, đem về kinh giết chết, mà tha cho con y là Đình Nguyên (về sau Đình Nguyên ra sức lập công, được phong là Hoà quận công).

Thự vệ là Xuân quận công Nguyễn Đăng **[6b]** Ngạn (người ở Động Trung huyện Chân Định), trong dịp theo vua hồi loan, tự xin trở về làng quê, thu thập con em để giúp thêm quân. Vua ưng cho, sai đem theo vài mươi người vượt biển đến Chân Định. Nghe tin Nguyễn Nhậm đóng đồn ở Kỳ Bố, bèn đến thẳng đó đánh úp, bọn giặc bắt, ông cùng các tướng ở hạ lộ là bọn Tiên quận công gồm 18 người đều chết vì nạn nước.

Nguyễn Nhậm và Uy Vũ hầu nguỵ đem quân chúng có hai trăm thuyền từ Đông Đạo đi tắt sang, áp sát bến Ông Mạc thuộc Thanh Trì. Chúa sai các quân chỉnh tề bầy trận đợi đánh, cả phá được. Bọn Nhậm chạy về Sơn Nam hạ lộ.

Mùa đông, tháng 10, sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Nhậm. Luân đến Hoàng Giang đánh địch, bị đại bại, chạy về kinh, bị mất hơn 40 chiếc [thuyền], chúa giận lắm, bãi chức của Luân.

Xe vua trở về kinh sư. Vua ngự ở chính điện nhận chầu mừng. Có rồng vàng hiện ở trước điện Kính Thiên **[7a]**[2]. Xuống chiếu đổi niên hiệu là Hoằng Định. Đại xá thiên hạ[3].

Bàn công đánh giặc, thăng Nguyễn Khải làm Tả đô đốc, phong làm Hiệp mưu dương vũ công thần; Tổng thái giám Triệu Lượng hầu Bùi Sĩ Lâm (người xã Lưu Vệ, huyện Quảng Xương) làm Thành quận công, phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần. Ngoài ra đều được thăng chức có hơn kém[4].

Bắc cầu phao ở bến Ông Mạc.

Tháng 12, Mạc Kính Cung chạy về Kim Thành. Nguyễn Nhậm chiếm giữ Nam Xang, giết Uy Vũ hầu và đoạt luôn quân của y. Nguỵ Nhai, nguỵ Cao chạy lên Đại Đồng, Vũ Đức Cung giết chúng[5].

Tân Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 2 [1601], (Minh Vạn Lịch năm thứ 29).

Mùa xuân, tháng giêng, chúa thân đem đại quân dẹp Nguyễn Nhậm, đánh nhau ở Lãnh Giang. Tướng tiên phong là Chấn quận công chết tại trận. Quan quân dốc sức xông pha, cả phá được giặc, chém được Nhậm và nguỵ Nga quận, bắt được chiến thuyền, khí giới **[7b]** trâu bò súc vật, kể có hàng nghìn. Bắt được em của Nhậm là quận Tào, quận Vị nguỵ, đem giết hết. Hạ lệnh chiêu an các huyện. Rút quân về kinh sư.

Cho Nguyễn Khải làm trấn thủ Sơn Nam[6].

Tháng 3, sai Hoàng Đình Ái đem quân bình định Hải Dương. Mạc Kính Cung bỏ binh mà trốn vào rừng núi. Đình Ái phá huỷ dinh trại địch, chiêu phủ nhân dân rồi về. Kính Cung chạy lên Lạng Sơn. Vùng Đông Nam bình định hết.

Tháng 4, trời mưa ra đá. Tháng 10, vì thấy viên hiệu thảo Nguyễn Danh Thế đang cư tang, mà biết ẩn tránh, không theo lệnh giặc, bèn thăng cho làm chức Hiến sứ Sơn Tây[7].

---

[1] Xem thêm đoạn dưới.

[2] Bản Lê Hy [5b] chép việc này vào tháng 8 năm 1601.

[3] Bản Lê Hy [6a] chép việc này vào tháng 11.

[4] Bản Lê Hy lược bỏ.

[5] Bản Lê Hy [5a] chép: Thổ quan đánh thuốc độc giết chết.

[6] Bản Lê Hy lược bỏ.

[7] Bản Lê Hy lược bỏ.

Tháng 11, thi hương.

Tháng 12, thăng cho Đô ngự sử Văn Trinh bá Lê Trạc Tú làm thượng thư bộ Lại, tước Văn Dương hầu, phong làm Hiệp mưu tá lý công thần.

Sai Nguyễn Khải đem quân lược định vùng Sơn Tây, Kinh Bắc, vỗ yên dân địa phương, vài tháng thì trở về.

[8a] Nhâm Dần, [Hoằng Định] năm thứ 3 [1602], (Minh Vạn Lịch năm thứ 30).

Mùa xuân, tháng 2, thi hội các cử nhân[1], lấy đỗ bọn Nguyễn Đăng 10 người. Thi Đình cho bọn Nguyễn Đăng 2 người, đỗ tiến sĩ xuất thân, và Nguyễn Cung 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thăng thượng thư bộ Lễ, tước Mai Lĩnh hầu là Phùng Khắc Khoan làm thượng thư bộ Hộ, tước Mai quận công[2].

Tháng 2 nhuận, thổ tướng ở Đại Đồng là Thuần quận công về hàng.

Tháng 3, trời mưa đá.

Tháng 4, bắt được nguỵ Huệ Vũ Vương, đem giết.

Ngày rằm, nguyệt thực.

Cho Hữu thị lang bộ Lại tước Văn Thuần nam là Lương Chí bồi hầu kinh diên[3].

Mùa thu, tháng 8, chúa đại duyệt các quân ở Thảo Tân.

Mùa đông, tháng 10, triệu Nguyễn Danh Thế về, cho làm Đô cấp sự trung Hộ khoa, Bồi tụng phủ đường. Cho Đô cấp sự trung Hộ khoa Nguyễn Thực làm Hồng lô tự khanh[4].

[8b] Quý Mão, [Hoằng Định] năm thứ 4 [1603], (Minh Vạn Lịch năm thứ 31).

Mùa xuân, tháng 3, giữa mặt trăng có ba chấm đen (sử không ghi ngày).

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng một nhật thực.

Chúa ngờ Nguyễn Khải có bụng khác, sai Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm gông trói lại, xét nghiệm không có tang chứng, một năm sau mới thả ra.

Giáp Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 5 [1604], (Minh Vạn Lịch năm thứ 32).

Mùa xuân, tháng 2, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Đặng Duy Minh 7 người.

Thi đình, cho bọn Nguyễn Thế Tiêu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Đặng Duy Minh 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Gọi Ký lục trấn Thanh Hoa, Hữu thị lang bộ Hình là Ngô Trí Hoà về, cho làm Tả thị lang bộ Lại. Cho Tự khanh Nguyễn Thực làm Hữu thị lang bộ Lễ. Cho Đô cấp sự Nguyễn Danh Thế làm Thái bộc tự khanh[5].

Ất Tỵ, [Hoằng Định] năm thứ 6 [1605], (Minh Vạn Lịch năm thứ 33).

Tháng 10, giặc thổ ở Lộc Châu là Vi Đạt Lễ, xâm phạm châu Tư Lăng **[9a]** của Trung Quốc. Hoàng Đình Ái sai người bắt giết đi[6].

---

[1] Cử nhân ở đây và các đoạn sau chưa phải một học vị mà là danh từ chỉ chung những người thi hội.

[2] Bản Lê Hy lược bỏ.

[3] Bản Lê Hy lược bỏ.

[4] Bản Lê Hy lược bỏ.

[5] Bản Lê Hy lược bỏ.

[6] Bản Lê Hy lược bỏ.

Bính Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 7 [1606], (Minh Vạn Lịch năm thứ 34).

Mùa xuân, tháng giêng sang nước Minh, bọn Lê Bật Tứ, Nguyễn Dụng, Nguyễn Khắc Khoan sang tạ ơn nhà Minh đã ban sách phong cho vua. Bọn Ngô Trí Hoà, Nguyễn Thực, Phạm Hồng Nho, Nguyễn Danh Thế, Nguyễn Úc, Nguyễn Duy Thì, là hai sứ bộ đem cống vật.

Sai Hoàng Đình Ái và Trịnh Đỗ đem quân đi hộ vệ[1].

Tháng 3, ngày mồng 5, cháu chúa Trịnh Tạc ra đời, đó là con trai thứ của Bình quận công[2].

Tháng 12, lục dụng các con lớn của các trọng thần. Tiến phong con của Hoàng Đình Ái là thự vệ sự Lương Mỹ hầu, Hoàng Đình Thái làm Lương quận công, con của Nguyễn Hữu Liêu là Tham đốc Phù Lương hầu, Nguyễn Công Minh là Quế quận công[3].

Đinh Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 8 [1607], (Minh Vạn Lịch năm thứ 35).

Mùa xuân, tháng 3, thi Hội các cử nhân. Lấy bọn Ngô Nhân Triệt **[9b]** 5 người. Thi đình, cho Lưu Đình Chất đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nhân Triệt 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (Đình Chất là người xã Quỳ Chử huyện Hoằng Hoá).

Con của công thần Lâm quận công Đình Thưởng đã làm quan Lại khoa cấp sự trung, xin vào thi, được đỗ, thăng cho làm Đô cấp sự trung[4].

Tháng 11, ngày 15, Đồng bình chương sự tham dự triều chính thái tể vinh quốc công Hoàng Đình Ái mất. Ái là người có học thức, thông hiểu binh pháp, cầm quân nghiêm túc. Bên trong thì giúp về mưu mô, bên ngoài thì theo đi chinh phạt, thân trải qua mấy trăm trận đánh, tới đâu thắng đó. Ngôi kiêm cả tướng võ, tướng văn, vẫn không lấy quyền uy mà lên mặt, lại thường ưu đãi sĩ đại phu, và thận trọng giữ gìn pháp độ. Người đương thời đều ca ngợi tài đức của ông. Ông mất năm 81 tuổi. Được tặng chức Bình chương sự, tước Nhã đô Mậu Nghĩa quân, ban tên thuỵ là Hậu Đức. Mai táng ở sách Vân Lung huyện Thạch Thành, cấp tiền 1000 quan, dân tạo lệ là 10 **[10a]** xã. Sai Tả thị lang bộ Lễ là Nguyễn Lễ soạn bài bia thần đạo để ghi lại công lao của ông[5].

Ngày 19 hoàng trưởng tử là Duy Kỳ ra đời, do hoàng hậu sinh ra. Bách quan tới vương phủ lạy mừng[6].

Mậu Thân, [Hoằng Định] năm thứ 9 [1608], (Minh Vạn Lịch năm thứ 36).

Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 3, mặt trời có hai quầng.

Tháng 6, triều Minh sai quan ở Hồng lô tự mang sắc thư sang bao phong và ban cho lễ vật. Quan bạn tống sứ thần đến cửa Trấn Nam quan. Sai bọn Trịnh Đỗ, Lương Chí, Dương Tông Lễ tiếp lãnh, và lĩnh quả ấn bạc được đổi cấp trở về nước[7].

Tháng 12, bàn công đi sứ, cho Phú Lộc bá Ngô Trí Hoà làm Thượng thư bộ Hộ, Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ làm Tả thị lang bộ Hộ. Cho Nguyễn Thực làm Tả thị lang bộ Lễ. Nguyễn **[10b]** Danh Thế làm Hữu thị lang bộ Lại, Nguyễn Khắc Khoan làm Hữu thị lang bộ Công. Họ đều được tước tử. Hộ khoa cấp sự Nguyễn Duy Thì làm Thiêm đô ngự sử. Sau lại cho Ngô Trí Hoà kiêm chức Tế tửu Quốc tử giám[8].

---

[1] Bản Lê Hy [7a] bỏ chi tiết sau cùng.

[2] Bản Lê Hy bỏ toàn bộ.

[3] Bản Lê Hy bỏ toàn bộ.

[4] Bản Lê Hy [7a] bỏ chú thích về Dinh Chất tử chữ "Đinh Chất"... đến cuối đoạn.

[5] Bản Lê Hy bỏ việc này.

[6] Bản Lê Hy bỏ việc này.

[7] Bản Lê Hy lược bỏ.

[8] Bản Lê Hy lược bỏ.

Năm ấy hạn nặng, thóc đắt, dân đói.

Kỷ Dậu, [Hoằng Định] năm thứ 10 [1609], (Minh Vạn Lịch năm thứ 37).

Sai Tuấn Nghĩa dinh hội các cử nhân[1]. Lấy bọn Nguyễn Tiến Dụng 7 người. Thi đình, cho Nguyễn Văn Khuê đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Tiến Dụng 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thăng Ngô Trí Hoà tước Phú Xuân hầu.

Tháng 10, Lê Bật **[11a]** Tứ dâng khải trình bày hai điều: Một là lập thế tử, giao trước binh quyền để cốt lòng người; hai là xử trí bọn phiên trấn mạnh để thống nhất chế độ: "Kể ra, bậc vương giả lấy thiên hạ làm một nhà, bên cạnh giường nằm không thể để người khác nằm mà ngáy được. Nay các xứ Thái Nguyên, Cao Bằng, Quảng Nam, Thuận Hoá vốn là bờ cõi của tiên vương, thế mà bao năm tích tệ để mặc cho họ dông càn. Nếu không xử trí, sợ thành mối lo về sau. Nay thánh thượng có chí anh hùng, trăm trận đánh trăm trận thắng nên có thiên hạ, tướng tá đông đúc, quân khoẻ nghề tinh, ngựa uống thì nước sông cạn; gươm mài thì đá núi mòn. Chiến thuyền hàng ngàn, voi mạnh hàng trăm. Tinh binh trong thiên hạ, tập hợp ở kinh sư. Thế mà nuông giặc không đánh, tức là nuôi hổ để xảy mối lo về sau vậy. Ngày xưa Đường Hiến Tông theo lời bàn của Hoàng Thường, lấp pháp độ mà **[11b]** kiềm chế các phiên trấn, cuối cùng làm nên công nghiệp trung hưng.

Từ đời Đường đến nay, há không có tệ phiên trấn chuyên cát cứ đất đai, nhưng pháp độ của triều đình đã dựng lên, thì kẻ kia không dám kiêu lộng nữa. Nay các bọn phiên trấn mạnh được dịp hoành hành, thế chúng đã thành, nên phải sớm lo ức chế. Đó chẳng phải lời nói trung thành để trình lên sao? Kính xin quyết đoán thi hành, thì cơ nghiệp của nhà nước ức muôn năm không cùng đều do ở đấy".

Bấy giờ Mạc Kính Cung, Kính Khoan trốn lủi trong núi rừng, không ra cướp phá. Nguyễn Hoàng tuy kêu già yếu không vào chầu nhưng vẫn cống nạp đầy đủ.

Các con của ông đều làm quan tại triều. Chúa coi việc dùng binh làm nặng nhọc, cho nên chưa rỗi mà lo tới[2].

Tháng 12, nhắc Nguyễn Thực lên tước Phương Lan hầu[3].

Tân Hợi, [Hoằng Định] năm thứ 12 [1611], (Minh Vạn Lịch năm thứ 39).

Tháng 8, ghi nhận cha con Hà Nhân Chính, Hà Thọ Lộc là người **[12a]** trung nghĩa có công lao, tiến phong cháu nội ông là Nhân Dương hầu Hà Mỹ Hiền làm Hào quận công[4].

Tháng 10, ngày mồng 6, núi Tản Viên bị sạt lở 12 trượng.

Ngày 18, ở huyện Yên Việt, trời mưa máu một ngày một đêm.

Nhâm Tý, [Hoằng Định] năm thứ 13 [1612], (Minh Vạn Lịch năm thứ 40).

Mùa xuân, tiến phong vương tử là Bình quận công[5], Trịnh Tráng làm Thanh quận công, gia chức Thái phó.

Mùa thu, tháng 8, nước lên to[6].

Thiêm đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thì và Giám sát ngự sử 13 đạo là bọn Phạm Trân dâng khải nói:

---

[1] Bản Lê Hy không chép năm 1609.

[2] Bản Lê Hy bỏ đoạn này.

[3] Bản Lê Hy không chép việc này.

[4] Bản Lê Hy chép việc này.

[5] Bản Lê Hy không chép việc này.

[6] Bản Lê Hy chép việc này.

"Dân là gốc của nước, đạo trị nước là yêu quý dân mà thôi. Trời và dân theo một lẽ, lòng dân vui thích tức là được ý của trời. Vì thế, người giỏi trị nước phải yêu dân như cha mẹ yêu con, thấy dân đói rét thì thương, thấy dân khổ sở thì xót. Cấm **[12b]** sự hà khắc bạo ngược, ngăn sự đánh thuế bừa bãi, để cho dân được dễ sống, mà không có tiếng oán than. Thế mới là biết đạo trị nước. Nay thánh thượng để ý đến dân, một chính sự thì hành ra cũng cốt nuôi dân, một mệnh lệnh ban bố ra cũng ngăn sự nhiễu dân. Lòng yêu quý dân ấy thực là độ lượng của trời đất, cha mẹ vậy. Chỉ vì kẻ thừa hành chưa biết thể theo đức ý người trên, trăm làm sự hà khắc bạo ngược, đua đòi xa xỉ. Coi một huyện thì làm khổ dân một huyện, coi một xã thì làm khổ dân một xã. Phàm những việc nhiễu lạm, không việc gì là không làm, khiến cho dân trong nước, đàn ông không còn áo mặc, đàn bà không còn váy đeo. Tiệc hát xướng không còn, lễ cưới xin không đủ. Nuôi người sống, đưa người chết, chẳng đâu cho. Ăn uống chỉ dùng hàng ngày, chẳng đâu cấp. Dân mọn nghèo nàn cho đến côn trùng thảo mộc đều không được thoả **[13a]**. Vì thế, cảm động đến trời đất, đến nỗi lòng trời ở trên chưa thuận, tai hoạ lũ lụt quá mức thường, chắc là có quan hệ với chính sự hiện nay, há chẳng nên sợ hãi tu tỉnh, nghĩ đến cái lỗi làm nên thế sao? Tất phải làm chính sách giữ dân, thì dưới thuận lòng dân, trên hợp ý trời, mà chuyển tai biến làm điềm lành; thóc lúa được mùa, người người no đủ; trong nước thái bình, cơ nghiệp ức muôn năm của nước nhà cũng nhờ đó mà bền vững lâu dài vậy?". Chúa nghe lời.

Tháng 10, Thái phó Thanh quận công sai thuộc tướng là bọn Nguyễn Văn Huyên bắt được nguỵ Tiêu quốc [công] ở núi Thiên Kiện, đem giết (nguỵ Tiêu là người xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng).

Quý Sửu, [Hoằng Định] năm thứ 14 [1613], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42).

Mùa xuân, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Bùi Tất Thắng 7 người. Thi đình cho bọn Nguyễn Tuấn 7 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 4 **[13b]** sai sứ sang nước Minh. Bọn Lưu Đình Chất, Nguyễn Đăng, Nguyễn Đức Trạch, Hoàng Kỳ, Nguyễn Chính, Nguyễn Sư Khanh làm hai sứ bộ sang cống hàng năm.

Tháng 5, ngày rằm có nhật thực[1].

Tháng 6, Nguyễn Hoàng kiêm trấn phủ 2 xứ Thuận Quảng, Hữu tướng thái uý, Chưởng phủ sự, tước Đoan quốc công mất. Hoàng là người đa trí, có uy vọng, cai trị khoan mà nghiêm, được lòng quân dân.

Trước sau vỗ trị hai xứ 56 năm. Khi mất 89 tuổi. Được sách tặng là Đạt Lý Gia Dụ Cẩn Nghĩa công, ban thuỵ là Cung Ý, ban cho được đưa vào thờ ở phủ từ bên ngoại. Sai con ông là Thuỵ quận công Phúc Nguyên nối nghiệp làm trấn phủ, gia cho hàm Thái bảo. Phúc Nguyên lúc đó 51 tuổi.

Mùa thu tháng 7, ngày rằm có nguyệt thực.

Tháng 8, sai Thanh quận công đem quân đi kinh lược vùng An Quảng, vỗ về nhân dân, để thuộc tướng ở lại trấn thủ rồi về.

Tháng 9, Thượng thư bộ Hộ là Mai quận công **[14a]** Phùng Khắc Khoan mất. Khắc Khoan tính người cương nghị, tinh anh, hầu trong màn trướng lâu dài, có tài tổng hợp chọn lựa, từ chương sâu rộng thanh cao. Có thi tập lưu hành ở đời. Mất năm 86 tuổi, tặng hàm Thái phó[2].

Tháng 11, sai triều thần chia nhau đi các xứ xét hỏi sự ốm đau cực khổ của dân. Người phiêu dạt thì tha tạp dịch 3 năm để họ được sống yên nghiệp.

Giáp Dần, [Hoằng Định] năm thứ 15 [1614], (Minh Vạn Lịch năm thứ 42).

Mùa xuân tháng giêng, Thượng thư bộ Binh trí sĩ lại gọi ra làm việc tước Văn Phong hầu Bùi Bỉnh Uyên mất, thọ 95 tuổi, tặng Thiếu bảo, ban thuỵ là Cung Ý.

---

[1] Bản Lê Hy chép là nguyệt thực.

[2] Bản Lê Hy bỏ việc này.

Bỉnh Uyên là con của Tả thị lang Bùi Vịnh, con rể Lê Bá Ly, đem cả tông tộc theo về chính nghĩa, làm quan đến chức Thượng thư. Con gái hầu trong vương phủ, phong đến chiêu dung, sinh được 14 vương tử, đều phong tước công. Con trai ông có 7 người thì người tước hầu, 3 người tước quận công. Cả nhà quý hiển, đứng đầu các vọng tộc ở Sơn Nam[1].

[14b] Mùa hạ, tháng 6, phong tước cho 8 người cháu nội của chúa: Trịnh Tạc làm Vinh quận công; Trịnh Trượng làm Liêm quận công; Trịnh Bảng làm Hội quận công; Trịnh Trăn làm Phổ quận công; Trịnh Thức làm Luân quận công; Trịnh Lệ làm Hoà quận công.

Tháng 9, phong vương tử là Trịnh Đệ làm Quỳnh quận công.

Ất Mão, [Hoằng Định] năm thứ 16 [1615], (Minh Vạn Lịch năm thứ 43).

Tháng 2, các quan triều đường là bọn Thượng thư bộ Hình Mỹ Khê hầu Nguyễn Lễ dâng khải trình bày các việc tệ hại đương thời gồm 8 điều. Chúa khen ngợi và chấp nhận, đặc biệt ban thưởng rất hậu.

Tháng 3, ngày mồng một nhật thực.

Ngày 28, giờ Thân, nước đầm ở xã Thịnh Liệt, Hoằng Liệt tự nhiên cạn đi, nửa giờ sau lại đầy như cũ.

Tháng 9, nhà Minh sai viên Quang Lộc tự thừa mang sắc thư bao phong mỹ tự, và ban cho lễ vật. Họ đưa sứ thần tới Nam Quan. Sai bọn Thiếu uý **[15a]** Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Thượng thư Nguyễn Lễ tiếp lĩnh về nước. Lấy đó làm lệ mãi[2].

Bính Thìn, [Hoằng Định] năm thứ 17 [1616], (Minh Vạn Lịch năm thứ 44).

Mùa xuân, tháng giêng, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Vũ Miễn 4 người, thi đình, cho bọn Lê Trí Dụng 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, cho Nguyễn Danh Thế làm Tả thị lang bộ Hộ, Nguyễn Khắc Khoan làm Tả thị lang bộ Hình, Nguyễn Duy Thì làm Phó đô ngự sử.

Bàn công đi sứ, thăng Tự khanh Nhân Lĩnh bá Lưu Đình Chất làm Hữu thị lang bộ Lại, Phúc Nham bá Nguyễn Đăng làm Hữu thị lang bộ Hộ, đều cho tước hầu, Tham chính Đường Xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh, tước bá.

Tháng 3, thăng Thự vệ sự Đông Dương hầu Nguyễn Văn Tộ làm Miện quận công; Hoa Dương hầu Vương Miên làm Phó quận công (Châu người xã Bình Ngô huyện Gia Định) **[15b]**.

Trấn quận công Trịnh Lâm trấn giữ Thanh Hoa 17 năm cai trị khoan hoà giản dị, vỗ về thương xót quan dân, rất được lòng người. Đến đây gọi về, gia chức Thái bảo, cho hầu trong vương phủ, ngồi ở phủ đường bàn việc[3].

Tháng 9, tuyển bổ quân ngũ. Lê Bật Tứ, Lưu Đình Chất dâng khải nói:

"Lòng trời nhân ái, tất hiển hiện ra ở lời khiển trách cảnh cáo. Năm nay, khoảng tháng 5, tháng 6, đương mùa làm ruộng, trời làm hạn hán, dân cầy thất vọng. Nay ngày tháng 8, lúa má sắp được, trời lại đại hạn nắng nổ khắp nơi. Một năm hai lần đại hạn, tai dị thấy luôn. Dân thôn quê nhiều người ta oán; chẳng phải có liên quan đến chính sự hiện thời sinh ra như thế sao? Nay nghe có lệnh bắt các huyện, xã xứ Thanh Hoa, theo hạn tuyển thêm binh lính, e rằng lúc này chưa phải lúc tuyển duyệt. Nếu lệnh này thi hành, thì những kẻ quyền thế cai quản cũng theo thế mà bắt chước lại **[16a]** tuyển bổ thêm, dân chịu sao nổi. Kính xin lấy đức kính trời thương dân làm lòng, châm chước đình chỉ việc thêm binh, thi hành chính sách nhân ái. Như thế thì được lòng dân, hợp ý trời; khí hoà đem đến điềm lành,

---

[1] Bản Lê Hy bỏ việc này.

[2] Bản Lê Hy thiếu đoạn đầu và đoạn cuối.

[3] Bản Lê Hy bỏ.

mưa móc thuận thì lúa má tươi tốt, nhân dân no đủ, thế nước vững, mà con cháu hưởng phúc mãi vô cùng".

Tháng 11, Tả đô đốc Cẩm quận công Nguyễn Phúc Hải mất, Tặng Thái phó[1].

Đinh Ty, [Hoằng Định] năm thứ 18 [1617], (Minh Vạn Lịch năm thứ 45).

Mùa xuân, ghi công các văn thần trước sau giữ tròn tiết nghĩa: cho con Bùi Bỉnh Uyên là Lang trung Bùi Bỉnh Di làm Giám sát ngự sử đạo An Quảng, con Đỗ Cảnh là Lang trung Đỗ Thế Long làm Giám sát ngự sử đảo Quảng Nam.

Mùa thu, tháng 7, ngày rằm, có gió bão lớn, lũ lụt to, thóc lúa mất hết.

Gia phong Thượng thư bộ Lại, chưởng lục bộ sự **[16b]** kiêm Đô ngự sử, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai làm làm Thiếu phó.

Truy tặng Thái phó Văn quận công Trịnh Vĩnh Thiệu làm Văn quốc công[2].

Tháng 9 có bão, nước biển dâng lên.

Xứ Sơn Tây có nhiều sâu lúa.

Mậu Ngọ, [Hoằng Định] năm thứ 19 [1618], (Minh Vạn Lịch năm thứ 46).

Mùa xuân, tháng 2, đánh nguỵ Khánh Vương Mạc Kính Khoan ở Cao Bằng. Chia binh làm hai đạo. Sai Thái phó Thanh quận công đem các thuộc tướng là Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Văn Giai, Phạm Doãn Sinh, Tạ Thế Phúc, Nguyễn Khải, Nguyễn Hắc và Đốc thị Nguyễn Thực, theo đường Lạng Sơn tiến sang. Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân đem thuộc tớng là Hoàng Đình Phùng, Trịnh Thức, Trịnh Căn, Trịnh Liêm và Đốc thị là Nguyễn Duy Thì theo đường Thái Nguyên tiến vào. Đảng giặc đều chạy trốn. Thanh quận công sai Phú Lộc hầu bắt được nguỵ Lập quận đem chém. Rồi rút **[17a]** quân.

Tháng 3, sai Thái bảo Trấn quận công Trịnh Lâm đem thuộc tướng là bọn Trịnh Bảng cùng Đốc thị là Nguyễn Khắc Khoan, đánh nguỵ đảng ở Võ Nhai. Sai thêm tướng sĩ mỗi doanh tả quân doanh, tiền quân doanh, đều có 1000 người, cùng tiến. Giặc đều tan chạy. Đánh tới sào huyệt, rồi về.

Tháng 4, được mùa lớn. Chia sai người bồi đắp đê đường các xứ.

Núi Đồng Cổ bị sạt. Sai quan đến tế.

Ngày 24, buổi sớm, sao chổi hiện ở phía tây nay, dài như tấm lụa trắng.

Tháng 4 nhuận, sai Thanh quận công và Vạn quận công Trịnh Xuân đánh nguỵ Hào quận công ở Yên Dũng. Sĩ mã ốm đau hao tổn, bèn trở về.

Mùa thu, tháng 8, mưa ra vàng như hạt gạo vàng. Lại mưa ra gạo như nếp đen; lại mưa rượu như rượu ngọt.

Tháng 9 hạ tuần, có khí trắng như hình cái búa đứng thẳng, mỗi đêm canh năm thường hiện ra ở phương đông nam dài hơn một trượng **[17b]**, đến thượng tuần tháng 10 mới mất.

Mùa đông tháng 10, bọn Ngô Trí Hoà, Lê Bật Tứ, Phạm Trân dâng khải trình bày 6 việc. Một là xin sửa đức chính để cầu mệnh trời; hai là xin nén bọn quyền hào để nuôi sức dân; ba là xin cấm phiền hà để đời sống dân khá lên; bốn là xin cấm xa xỉ để của cải dân giầu thêm; năm là xin dẹp trộm cướp để dân an cư; sáu là xin sửa quân chính để bảo hộ dân sinh. Chúa khen ngợi và chấp nhận.

Lưu Đình Chất dâng khải nói rằng:

"Trộm nghe trời giáng tai dị hay điềm lành là do sự có đức hay không. Làm thiện thì trời hiện ra điềm lành, làm ác thì trời răn bằng tai dị. Song nhận thấy tai dị mà sửa đức thì không có hại, cho nên

---

[1] Bản Lê Hy bỏ.

[2] Bản Lê Hy bỏ.

người xưa lấy trời để mà tự xử và rất cẩn thận đối với mệnh trời. Hán Văn Đế khéo thuận lòng trời mà tai biến tiêu đi hết. Tống Cảnh công có một câu nói thiện mà sao xấu lùi đi **[18a]**. Nhà nước ta từ khi khôi phục đến nay, trời đất chưa ứng, điềm lành chưa đến, mà tai dị chồng chất. Mùa thu năm nay, trời mưa xuống than đen, thế mà lúc ấy kiêng nói tai dị, lại gọi là mưa gạo. Có phải là mang đến khí hoà như thời Hoàng Đế mà trời mưa ra thóc đâu. Trời mưa ra cát vàng, mà thuật sĩ thích nói điềm lành, bảo là mưa vàng. Có phải vận được hanh thông như đời Hạ Vũ mà trời mưa ra vàng đâu! Hoặc là trời đã tỏ sự răn bảo mà chưa biết tỉnh ngộ, cho nên hạ tuần tháng 9, qua [thượng] tuần tháng này, sao lại hiện ở phương đông nam, ai trông thấy cũng phải sợ hãi. Đó không phải điềm lạ nhỏ bé, có lẽ là bởi đức chưa sửa lại, chính sự còn thiếu sót mà đưa đến như vậy chăng? Nay chính sự thi hành không bằng năm trước. Mệnh lệnh ban bố mà các tướng đều không theo ý khoan hồng của người trên, chỉ chăm lo điều tàn ngược **[18b]**, vét hết tài sản của dân. Những tiếng than sầu khổ cũng đủ để cảm động đến trời, mà trời răn bảo bằng điềm lạ, người làm chúa trông thấy thế phải nên tự xét. Kính xin kính cẩn sự răn bảo của trời, thương nuôi dân mọn, phàm một tí gì tiện lợi cho dân thì đều làm, một chút gì có hại cho dân thì đều bỏ. Lại càng phải thi hành nhân chính cho dân. Dân phố phường kinh thành là đáng thương xót, nên truyền lệnh các tướng cấm cướp đoạt. Dân Thanh Hoa và tứ chính là đáng thương xót, nên nhắc bảo các tướng không được quấy nhiễu. Như thế thì người ở gần được đội ơn trạch, người ở xa nghe tiếng mà đến. Thế là được lòng dân. Lòng người vui ở dưới, thì đạo trời ứng ở trên, sẽ thấy sao tai dị chuyển thành sao sáng lành; mưa tai dị chuyển thành mưa ngọt lành. Các thứ phúc đều đến hết, thế là vương đạo lại thành vậy".

Triều **[19a]** thần dâng sớ tâu, đại lược rằng:

"Quan hệ giữa trời với người là đáng sợ lắm. Việc của người không sửa, thì trời lấy tai dị để răn. Hạ tuần tháng 9 năm nay cho đến thượng tuần tháng này, mỗi đêm vào trống canh năm, sao tai dị hiện ra ở phương Đông Nam, hình như mây trắng, hình như dải lụa, như cái thoi nhọn, như cái mũi dáo đầu đuôi nhỏ và nhọn, trông thấy dễ sợ. Lại có mưa vàng, mưa gạo, mưa rượu, tiếng sấm động trái thì, tai dị hiện ra luôn. Biến cố ấy không phải vô cớ mà sinh ra. Hoặc giả bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương buông lỏng, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng lao động, việc người có nhiều sự mất hoà mà đến thế chăng? Kính xét trong sách Chu thư có nói: "Vua thì xét ở sao Tuế, các khanh sĩ thì xem ở mặt trăng, thứ dân thì xem ở các sao" là nói việc người có đúng có sai, điềm tốt xấu theo loại mà ứng hiện. Năm nay **[19b]** ban đêm hiển hiện sao tai dị, tai biến xảy ra luôn; đó là trời tỏ răn bảo, chính là lúc phải sự hãi chăm lo. Thấy lòng trời nhân ái, luôn ngụ ở sự trách bảo, xin sửa đức để trừ đi là được. Xưa Tống Cảnh công nói ra một lời thiện mà sao tai dị phải lùi chỗ; Tống Thái Tông mở đàn trai nhưng mà sao chổi tự nhiên mất đi. Xem các việc đời trước đã làm, có thể chứng nghiệm. Bọn thần cúi xin đức lớn cao sáng thấy có tai biến mà lo sợ, trách mình sửa nết, đặt đàn cầu trời, trai giới mật đảo, may ra lòng thành cảm cách, hiện tượng huyền vi cũng ứng theo, sao dữ lùi chỗ, khí hoà sinh điềm lành; âm dương điều hoà mà mưa gió phải thì; quần sinh hoà hợp mà muôn vật nảy nở, nhân dân được vui chiếu chăn yên ấm, nhà nước bền vững như bàn thạch Thái Sơn. Cơ nghiệp truyền nối, từ nay được dài lâu, để cho phúc của **[20a]** tôn miếu xã tắc được dài mãi đến ức muôn năm...".

Nhà vua xem lời tâu, lưu lại ở trong cung.

Tháng 11, canh 5, sao chổi mọc ở phương Đông hơn một tháng mới tắt. Triều thần dâng khải nói:

Năm nay, hạ tuần tháng 9, có sao tai dị hiện ra ở phương đông nam, tháng này đêm hôm 11, lại có sao tai dị hiện rõ. Ý giả người trên đức chưa tu sửa, chính sự có nhiều chỗ sai lầm, mưu người hoặc có bụng khác mà đến thế chăng? Trộm nghe: nhà vua rủ áo khoanh tay ở trên, người thân đều là chính nhân, việc làm đều theo chính đạo, gián hoặc có kẻ gian nịnh ra vào nội điện, xui giục bậy bạ, như việc tu bổ đã có bộ Lại mà lại cho chức danh trái lệ, việc thuế khoá đã có bộ Hộ mà lại sai người ra dân thu tranh, việc kiện tụng đã có nha môn xét hỏi, lại gián hoặc nghe người vu cáo, bắt người lấy của; viện quân đã có **[20b]** phủ ty vệ sở, lại gián hoặc sai người lấy bắt quân dịch nặng nề, xin phép đủ ra để sửa bỏ tệ trước. Kỷ cương pháp độ đã có phép cũ để lại, như tướng chỉ cho coi quân, không được coi dân, mà nay bọn cai quản lại chuyên coi dân, chuyên lấy của dân, chuyên giết người, lại tuyển riêng lấy thêm người phục dịch, một nhà đến 5, 6 người, thu nặng thuế công, một mảnh ruộng đến hai, ba lớp tô; bọn cai tổng cai xã thì bắt xét các vụ kiện về hộ, hôn, điền thổ; đường thuỷ đường bộ thì đặt riêng nha môn

tuần ty tuần sát. Kính xin hạ lệnh cho các tướng đình bãi hết thảy. Còn như kẻ nào ngầm có bụng khác, đó là người mưu làm bậy, kính xin tự xét định. Các việc tệ ấy, tức sao trên trời cũng tỏ ra răn bảo. Nay chính là lúc phải sợ hãi sửa mình. Nên cho gọi các đại thần cùng các vương tử, bảo cho biết vương nghiệp gian nan, khiến đổi bỏ tệ chính, cốt phải được lòng dân **[21a]**. May ra lòng dân vui, ý trời thuận, thì sao tai dị sẽ chuyển thành sao lành, đời bình trị thành ra đời chí trị, thái bình đủ mười phần, con cháu truyền ức năm, cơ nghiệp nước nhà từ nay lâu dài mãi".

Tháng 12, cho Tả thị lang bộ Binh là Nguyễn Danh Thế là Đô ngự sử, Tả thị lang bộ Lễ Nguyễn Thực làm Thượng thư bộ Hình[1].

Kỷ Mùi, [Hoằng Định] năm thứ 20 [1619], (Từ tháng 6 trở về sau là niên hiệu Vĩnh Tộ thứ nhất đời vua Thần Tông, Minh Vạn Lịch năm thứ 47).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, kinh thành cháy to, bắt đầu từ cửa sau sang vương phủ, lan ra phố phường, đến lầu cửa Đoan Môn của triều đường và các nhà trực hai bên tả hữu.

Tháng 2, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Trần Hữu Lễ 7 người. Thi đình cho Nguyễn Lại đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Bùi Cầu 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, con trai thứ của chúa là Vạn quận công Trịnh Xuân nổi loạn **[21b]**. Vì con trưởng của chúa là Tín Lễ công Trịnh Túc đã mất, theo thứ tự thì phải đến Thanh quận công [nối ngôi], còn Xuân thì không được nối; y bèn ngầm khuyên vua làm hại chúa, mà lập Xuân. Tháng 4, Xuân nghe tin chúa sẽ ra bến Đông Hà xem [đua thuyền]. [Xuân] sai thuộc hạ là Văn Đốc đặt địa lôi và phục súng ở cạnh ngã ba đường. Quả nhiên chúa có đến lầu ở bờ sông. Khi về, thường chúa cưỡi voi. Hôm ấy, chúa thấy trong lòng không yên, cho voi ngựa và nghi vệ đi trước, còn tự mình ngồi kiệu đi sau. Đến chỗ ngã ba, có tiếng súng nổ, bắn gãy cây lọng tía. Vội sai truy bắt, thì bắt được Văn Đốc cùng đồ đảng, đem về phủ tra hỏi, y khai là Nội điện [nhà vua] và Vạn quận công sai làm. Chúa sai Trấn quận công Trịnh Lâm và Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào điện xét hỏi tả hữu, thì biết hết sự trạng. Ngày 12 tháng 5, chúa ngự ra phủ đường, tập hợp bách quan. Chúa thân bưng mâm vàng trầu cau **[22a]** bước ra, khóc mà nói rằng: "Thời kỳ họ Mạc, nhà vua đã không còn thiên hạ. Cha tôi thân khởi nghĩa binh, đón tiên đế từ trong hang núi trở về, sáng lập triều đình. Tôi tôn phò ba triều, thân trải trăm trận đánh, thu phục giang sơn, tổn phí bao tâm lực, tuổi đã bảy mươi. Nay nhà vua nghe đứa con phản nghịch, nhẫn tâm làm việc này"...

Các thần liêu văn võ ai cũng phẫn uất. Nguyễn Danh Thế, Lê Bật Tứ, Nguyễn Duy Thì đều kiên quyết nói: "Con bất hiếu thì phải giết, vua vô đạo thì phải phế" và xin cho Xuân được tự tử. Lại theo việc trước đây Y Doãn Hoắc Quang đã làm [bắt giam vua]. Các triều thần đều theo lời bàn đó. Chúa nói: "Đây là việc lớn, các ông chớ nên khinh suất". Nguyễn Danh Thế xin bắt Trịnh Xuân, bãi hết quan tước, binh quyền, giam vào nội phủ. Chúa nghe theo. Giết nghịch đảng là bọn Văn Đốc. Nhà vua thì xấu hổ, nói với hoàng hậu rằng: "Ta còn mặt mũi nào mà gặp vương phụ nữa", bèn **[22b]** tự thắt cổ, rồi băng.

Chúa nghe tin rất sửng sốt, thương xót. Sớm hôm sau gọi các bề tôi vào nói: "Tai biến của trời không phải vô cớ mà sinh ra, không ngờ nay lại thấy việc này. Nên làm sao bây giờ?". Các quan đều nói: "Thánh thượng chí đức. Nhà vua làm điều vô đạo, tự dứt với mệnh trời, thì lễ tang tế nên tước giảm bớt đi". Chúa bảo: "Lòng ta không nỡ". Bèn sai vẫn dùng lễ đối với thiên tử. Triều đình bàn không nên đưa vào thờ ở thái miếu mà lập một điện riêng để thờ cúng, dâng thuỵ là "Giản Huy Đế" táng ở lăng Bố Vệ[2].

Tháng 6, hoàng tử Trương lên ngôi. Bấy giờ Giản Huy Đế đã mất, vua có người anh con nhà bác là Cường Quận công Lê Trụ, tư cách là con của Bản quốc công Lê Bách, là cháu đích tôn của vua Anh Tông, lại lấy con gái của vương tử Thanh quận công, nên cũng có ý ngấp nghé. Lại cũng có người khuyên nên lập ông ta lên ngôi. Chúa chưa nghe. Hoàng hậu thì ngày đêm khóc lóc nói: "Tiên quân có tội, chứ đứa con có tội gì? Sao lại bỏ con của con mà đi tìm người khác **[23a]**. Nếu phụ vương lập nó, thì đến muôn đời sau kẻ làm vua vẫn là con cháu của phụ vương vậy". Bấy giờ ý chúa mới quyết. Nhân

[1] Bản Lê Hy lược bỏ.

[2] Bản Lê Hy chép việc này rất đơn giản.

đấy sai đại thần và bách quan rước hoàng trưởng tử tới điện Cần Chánh lên ngôi. Bấy giờ vua mới 13 tuổi. Đại xá thiên hạ, đổi năm ấy là năm Vĩnh Tộ thứ nhất[1].

Tôn hoàng hậu làm hoàng thái hậu; lấy ngày sinh làm Thọ dương thánh tiết[2].

Tháng 11, Thái bảo Trân quận công Trịnh Lâm mất, tặng là Trấn quốc công, ban thuỵ là Nghị Triết[3].

---

[1] Việc lập vua mới, ở bản Lê Hy chép gọn có một dòng.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XXI

[1a]

Kỷ Hoàng Triều Nhà Lê

Thần Tông Uyên Hoàng Đế

Vua húy là Duy Kỳ, là con trưởng của Kính Tông. Mẹ là Đoan Từ hoàng thái hậu, con gái thứ của Thành Tổ. Vua ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 6 năm, lại trở lại ngôi 13 năm, thọ 56 tuổi. Vua sống mũi cao, mặt rồng, vẻ người thanh tú, thông minh học rộng, rất chuộng văn thơ. Vua với nhà chúa vui vẻ hoà hợp một nhà, dồi dào phong thái thuần hậu hòa mục; ung dung rủ áo chắp tay mà hưởng lộc trời. Thế chẳng tốt đẹp sao! Bốn lần xa giá xuất chinh, hai lần bước lên ngôi báu, đó cũng là điều xưa nay hiếm có.

[1b] Thành Tổ Triết Vương
Văn Tổ Nghị Vương

Húy là Tráng, là con thứ của Thành Tổ. Lúc đầu phong là Bình quận công, đổi phong là Thanh quận công, tiến phong là Tiết chế thái úy Thanh quốc công. Tôn phong là Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương, tiến tôn là đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương. Triều Minh sách phong là Phó quốc Vương. Gia tôn là Thượng chúa sư phụ công cao thông đoán Nhân Thánh Thanh Vương. Cầm quyền 35 năm, thọ 81 tuổi.

Chúa [Trịnh Tráng] tính trời hiếu thảo, thân ái mọi người, rộng lòng khoan thứ; khi mới cầm quyền, tuổi đã 47. Bình xong nội nạn, hòa hợp nhân dân, trong nước yên ổn, tín nhiệm nho thần, giảng cầu chính trị, chấn cử kỷ cương, mọi việc đều giao cho triều đường công luận, chúa cung kính khiêm nhường, cẩn thận giữ gìn pháp độ, ba lần đánh Thuận Hóa, chỉ dùng văn cáo để mở bảo, không muốn dụng binh đến cùng, lặn lội ở nơi xa. Tha Mạc Kính Khoan, cho đất Cao Bằng, khiến xưng thần, giữ chức cống. Cho nên cái phúc nuôi dưỡng yên ổn hòa bình thật là dày lắm. Võ liệt [2a] văn công đã làm sáng trưng đời trước, mở lối đời sau, xứng đáng được thiên triều sách phong làm Phó Quốc Vương. Chúa đông con cháu, tuổi đến thượng thọ. Sách nói rằng: "Người có đức lớn, ắt được ngôi vị, ắt được hưởng lộc, ắt được nổi danh, ắt được sống lâu". Câu ấy đáng tin thay!

Canh Thân, [Vĩnh Tộ] năm đầu [1620], (Minh Vạn Lịch năm thứ 48. Từ tháng 8 là Minh Quang Tông, Thái Xương năm đầu)[1].

Em của viên trấn phủ xứ Thuận Hoá Nguyễn Phúc Nguyên là Phúc Hiệp, Phúc Trạch giữ đất Quảng Nam, có thư bí mật xin hàng, xin ra quân để họ làm nội ứng. Sai Đăng quận công Nguyễn Khải

[1] Bản Lê Hy chữa lại là "Canh Thân Vĩnh Tộ năm thứ hai". Như thế đúng, vì bản Phạm Công Trứ cũng chép năm sau, Tân Dậu, là năm Vĩnh Tộ thứ ba.

đem quân đi đón họ. Bọn Phúc Hiệp sau bị lộ mưu, bị Phúc Nguyên bắt giết. Khải đi tới cửa bể Nhật Lệ rồi về. Phúc Nguyên từ đó sinh thù oán[1].

Mùa thu tháng 7, vua Minh mất, tên thuỵ là Thần Tông Hiển Hoàng Đế. Thái tử Thường Lạc lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Xương. Đến tháng 9, vua ấy lại mất, tên thuỵ là Quang Tông Trinh Hoàng Đế **[2b]**, con trưởng là Do Hiệu lên ngôi, đổi gọi năm sau là Thiên Khải.

Cho Lê Bật Tứ làm Thượng thư bộ Binh[2].

Tháng 12, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Thế Tiêu, Nguyễn Cung, Bùi Văn Bưu, Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Khuê, Nguyễn Tuấn là hai sứ bộ tuế cống.

Tha tội cho Trịnh Xuân, khôi phục quan tước[3].

Tân Dậu, [Vĩnh Tộ] năm thứ ba [1621], (Minh Hy Tông Thiên Khải năm đầu).

Mùa xuân tháng giêng, sai Thái bảo Dũng quận công Trịnh Giai trấn thủ Yên Thế, đóng đồn ở Nhã Nam. Sai Nguyễn Danh Thế làm Đốc thị[4].

Mùa thu tháng 8, cầu vồng trắng hiện ở phương đông, dài tới nửa vòng trời.

Mùa đông tháng 10, ghi công những người xông pha đánh giặc ở trận Phấn Thượng. Phong bọn thự vệ Vân quận công Trịnh Văn Nghĩa làm Dương Vũ Uy Dũng công thần[5].

Tháng 11, tiến đánh Cao Bằng, sai Tả quân doanh Thái phó Thanh quận công làm **[3a]** Thống lĩnh, Nguyễn Danh Thế là Đốc thị, theo đường Lạng Sơn tiến lên. Tháng 12, đánh phá giặc ở Đèo Đang, Đèo Sắc, chém nguỵ An Phong hầu, bèn kéo vào sào huyệt giặc ở Vu Tuyền. Mạc Kính Khoan trốn xa. Đại quân tiến vào Đèo Hiên. Luỹ giặc rất hiểm vững, Thanh quận công chia quân làm 5 đạo tiến đánh, lấy được. Tiến tới Đèo Khôn ở Thông Nông thì đóng doanh. Bắt được nguỵ Hoa quận. Thái uý Phụng quốc công Trịnh Đỗ và thống lĩnh Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân do đường Thái Nguyên đi mặt sau tới đóng ở Cao Bằng, hơi có ý tranh công, rồi sinh ra hiềm khích. Thanh quận công bèn kéo quân về, đóng ở thành Phục Hoà, vượt qua cõi đất Long Châu của Bắc quốc, qua Bằng Tường, vào Trấn Nam quan, tới Lạng Sơn, rồi về kinh.

Thưởng cho hai đạo quân 1.000 lạng bạc trắng[6].

Nhâm Tuất, [Vĩnh Tộ] năm thứ 4 [1622], (Minh Thiên Khải năm thứ 2).

Mùa thu, tháng 8, mưa to, hoàng thành bị lở đổ hơn 30 trượng.

[3b] Quý Hợi, [Vĩnh Tộ] năm thứ 5 [1623], (Minh Thiên Khải năm thứ 3).

Mùa xuân, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Phạm Phi Kiến 7 người.

Tháng 4, thi đình, có viên mới đỗ tiến sĩ là Nguyễn Trật (người xã Nguyệt Viên huyện Hoằng Hoá) trong trường thi hội đã mượn người làm văn hộ mà đỗ, đến hôm này [thi đình] cáo ốm để giấy trắng. Vua không bằng lòng, sai y như bảng thi hội, không xướng danh và ban cho thứ bậc.

Tháng 5, giếng đá ở cổng chùa Báo Thiên bị lấp hỏng.

Tháng 6, chúa [Trịnh Tùng] bị bệnh lỵ rất nặng, mới cùng các quan văn võ mưu tính chọn thế tử. Ngày 17, triều thần đều tâu cho vương thế tử là Thanh quận công [Trịnh Tráng] nắm giữ binh quyền. Lại lấy con thứ là Vạn quận công Trịnh Xuân phó giữ binh quyền. Ngày 18, giờ Ngọ, Trịnh Xuân nổi loạn,

---

[1] Bản Lê Hy đã không chép sự kiện có ý nghĩa này.

[2]Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[3] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[4] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[5] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[6] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

bầy quân và voi ở Đình Ngang[1] rồi cùng bè đảng của y là Điện quận, Bàn quận đem quân vào phủ. Quân túc vệ kinh hãi chạy tan. Chúa thấy quân vào, thì trỗi dậy, dùng kim thương mà đâm bừa. Quân lính không dám đến gần.

Bèn vào kho vải, lấy vải **[4a]** vứt đầy trước mặt chúa[2] rồi đặt chúa lên võng đưa ra ngoài cửa phủ. Chúa trông thấy Xuân giận mắng rằng: "Mày sao nỡ làm thế, đạo làm con để đâu?"[3]. Xuân kinh sợ, rút quân ra ngoài thành, cướp lấy voi, ngựa, của báu, rồi nhân đó vung lửa đốt. Đô thành đại loạn. Bấy giờ hầu hạ và bảo vệ ở bên cạnh chỉ có Thái giám Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm, Văn Thuỵ hầu Phùng Văn Minh (người xã Ốc Trù huyện Yên Lạc) và Đường Thọ hầu, là ba người. Chúa bảo bọn Sĩ Lâm đưa mình ra khỏi kinh sư đóng ở xứ Quán Bạc xã Hồng Mai. Vương thế tử là Thanh quận công ở tả quân doanh nghe có loạn, không biết tin tức về chúa, bèn cùng với Đô ngự sử Nguyễn Danh Thế mưu tính. Ngày 19, ông sai em là Trịnh Giai rước nhà vua về tạm Ninh Giang, còn mình tự lưu lại ở Nhân Mục, hội họp các quan văn võ cùng bọn Nguyễn Văn Giai bàn bạc việc quân. Chúa ở Hồng Mai, sai Sĩ Lâm hộ vệ đưa vào dinh của em ruột là Trịnh Đỗ **[4b]**. Đỗ dâng cơm và thuốc, lại sai con là quận Thạc đi đón thế tử, nói là vâng mệnh truyền đến để dặn dò đa kế. Thế tử vừa mới ra, ngồi chung voi với quận Thạc mà đi, thì Lưu Đình Chất ngờ Đỗ có âm mưu gì, bèn chạy theo dâng lời nói rằng: "Bây giờ đang khi nguy hiểm, sao ngài lại ngồi chung voi với giặc". Quận Thạc bèn xuống từ tạ về dinh.

Đỗ lại sai quận Thạc đi dụ Xuân, nói rằng vâng mệnh gọi về trao cho đại quyền. Xuân thích lắm, lập tức cùng bọn tuỳ tùng thân cận vài mươi người vào yết kiến; miệng ngậm cỏ phủ phục ở sân. Đỗ sai dũng sĩ bắt lấy. Chúa gượng bệnh ngồi dậy, kể tội y, nhưng chưa nỡ giết, sai giam cùm lại để đợi giao cho luận tội. Đỗ lập tức chặt chân cho chết đi[4].Quân đi theo đều giải tán.

Chúa thấy Xuân chết, trong lòng xúc động. Ngày 20 Mậu Dần, buổi sớm, chúa bảo bọn Sĩ Lâm cáng võng đưa đi tìm thế tử. Quân đi theo Sĩ Lâm chỉ còn 60 người, cùng với Trịnh Đỗ bảo hộ **[5a]** chúa. Đi đến quán Thanh Xuân thì chúa mất, thọ 74 tuổi.

Chúa có 19 người con: Con trưởng là Tín Lễ công Trịnh Túc đã mất sớm. Thứ đến thế tử Thanh quận công, đó là Văn Tổ. Thứ nữa là nghịch Xuân. Thứ nữa là Mỹ Dự công Trịnh Lâm. Thứ nữa là Tung Nhạc công Trịnh Vân, Thuần Nghĩa công Trịnh Dương, Dũng Lễ công Trịnh Giai, Quỳnh Nham công Trịnh Đệ, Quảng quận công Trịnh Hàng, Tựu quận công Trịnh Triều, Lập quận công Trịnh Tuân, Hựu quận công Trịnh Điện, Thanh quận công Trịnh Bảng, Xuyên quận công Trịnh Quảng, Lập quận công Trịnh Trà, Diên quận công Trịnh Nha, Kiên quận công Trịnh Quân, Hào quận công Trịnh Quang, Nông quận công Trịnh Tương[5].

Khi chúa đã mất, Sĩ Lâm thủ hộ quan tài, sai Văn Thuỵ hầu, Đường Thọ hầu đi báo tin cho thế tử. Thế tử đã đi về Ninh Giang ở phía tây, sai quân nghênh tiếp. Ngày 24, phát tang, sai Hiệp[6] quận công **[5b]** chuẩn bị 13 chiếc thuyền hộ vệ, theo đường thuỷ về táng ở Thanh Hoa.

Vì nghịch Xuân tuy đã chết, nhưng lòng người còn rối động, nhân đó rước nhà vua đem bách quan và các quan theo bờ Ninh Giang mà xuống. Đến xã Bất Đoạt thuộc Kim Bảng, thì ra đường chính mà trở về Yên Trường, để giữ vững gốc rễ.

Trịnh Đỗ cũng đem quân bản doanh đi theo. Thế tử biết rõ Đỗ không có ý khác, sai Nguyễn Danh Thế điều hoà chỗ đó, hiềm nghi bèn giải, lại trở nên hoà hiếu.

---

[1] Nguyên văn là "Hoành Đình Xứ".

[2] Nguyên văn là "ngự tiền".

[3] Những chi tiết này không có trong bản Lê Hy.

[4] Bản Lê Hy lại chép rằng chính chúa truyền Sĩ Lâm sai người chặt chân Xuân cho chết đi.

[5] Bản Lê Hy không chép tên 19 con của Trịnh Tùng ở đây.

[6] Bản Nội các quan bản cũng chép là Hiệp quận công như bản Phạm Công Trứ, trong khi các bản Quốc tử giám tàng bản đều chép là Trị quận công.

Bấy giờ kinh thành rỗng không. Mạc Kính Khoan đóng đồn từ Cao Bằng đem đồ đảng xuống Gia Lâm, đóng đồn ở Đông Dư, Thổ Khôi. Bọn xấu hùa theo đông hàng vạn. [Kính Khoan] sai nguỵ Xuân Quang hầu (người xã Cổ Hiền huyện Thượng Phúc) chiếm cứ Châu Cầu, nguỵ Triều Kỷ hầu chiếm cứ Đồng Mỗ.

Mùa thu, tháng 8[1], ngày mồng 3 tiến phong vương thế tử Thái phó Thanh quận công làm Hiệp mưu đồng đức công thần đô tướng tiến **[6a]** chế các xứ thuỷ bộ chư doanh, kiêm Tổng nội ngoại Bình chương quốc trọng sự, Thái uý Thanh quốc công, giao cho quyết định mọi việc.

Ngày 17, tiết chế phủ theo mệnh vua đem các quân tiến đi. Sai Thắng quận công Trịnh Tông, cùng bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế, chia nhau đốc lĩnh quân thuỷ và bộ. Ngày 21, đánh tan giặc ở Châu Cầu. Xuân Quang chạy trốn. Ngày 26 tiến đến Nhị Hà, đại phá Mạc Kính Khoan ở Mạch Đỗ[2], chém giết rất nhiều. Kính Khoan chỉ thoát thân một mình, chạy về Cao Bằng. Tiết chế phủ sai Chưởng giám Nghiêm Lễ hầu Nguyễn Vĩnh Phó vào kinh đô, dẹp yên cung cấm. Sai Tham tụng thượng thư bộ Binh là Lê Bật Tứ và Thái bảo Bùi Sĩ Lâm đi Thanh Hoa rước xe vua.

Tháng 9, vua về kinh sư.

Sai Hiệp Nghĩa doanh Tung quận công Trịnh Vân làm thống lĩnh, Ngô **[6b]** Trí Hà làm đốc thị, lược định vùng Sơn Tây rồi về[3].

Gia phong [Trịnh] Vân làm Thiếu phó, [Ngô] Trí Hoà làm Thiếu bảo, phong là công thần. Gia phong [Bùi] Sĩ Lâm làm Thiếu bảo, bồi thị vương phủ, tham bàn việc nước. Phong Nguyễn Vĩnh Phó tước Nghiêm quận công[4].

Tháng 10 nhuận, Hữu đô đốc Diên quận công Đàm Cảnh Tường (người xã Vân Nhưng Thái, huyện Đông Sơn) vì phá giặc, bị trúng sang mà mất, được tặng Tả đô đốc[5].

Lấy đô ngự sử Nguyễn Danh Thế làm Thượng thư bộ Công, gia hàm là Dực vận tán trị công thần, phong là Thuỵ Dương hầu. Cho Tả thị lang bộ Hộ Lưu Đình Chất làm Đô ngự sử, Hữu thị lang bộ Hộ là Nguyễn Duy Thì làm Tả thị lang bộ Hộ, đều tước hầu[6].

Giáp Tý, [Vĩnh Tộ] năm thứ 6 [1624], (Minh Thiên Khải năm thứ 4).

Mùa xuân, truy tôn thuỵ hiệu cho Tiên [chúa] là Bình An Vương. Lời văn trong [kim] sách nói: "Vương giả khôi phục cơ đồ, mở rộng nghiệp trước; triều đình truy phong lễ lớn nêu rõ công to **[7a]**. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Đô nguyên soái tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương, thông minh đĩnh đạt, trí dũng anh hào, đem nhân nghĩa cứu sinh linh, giữ yên xã tắc, xoay trời đất, giúp nhật nguyệt, công đức cao đầy. Yên con nối để lại mưu kế sâu xa; đáp công to ban phong danh hiệu tốt đẹp. Đặc sai quan mang kim sách tiến phong là Cung Hoà Khoan Chính Triết Vương. Mong rằng yên vui phu thoả, giúp đỡ phù trì, để con cháu được hưởng phúc, dòng dõi ức năm dài mãi. Khâm theo đấy".

Tháng 10, tiến phong Tiết chế phủ [Trịnh Tráng] lên tước vương[7]. Lời sách phong rằng: "Trời mở vận trung hưng, tất sinh ra người hiền để giúp xã tắc. Làm vua giữ công quyền, tất ban cho tước hậu để giữ công lao. Chọn được ngày tháng tốt lành, khắc chữ sách vàng rực rỡ. Nay Hiệp mưu đông đức công thần đô tướng tiết chế các **[7b]** xứ thuỷ bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc

---

[1] Bản Lê Hy chép là tháng 7.

[2] Bản Lê Hy chép là Gia Lâm.

[3] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[4] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[5] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[6] Bản Lê Hy không chép những sự kiện này.

[7] Bản Lê Hy không chép việc này vào ngày 11 tháng 11 năm Vĩnh Tộ thứ 5 (1623) như vậy là phong cho con trước khi truy phong cho bố.

trọng sự thái uý Thanh quốc công Trịnh Tráng đức nghiệp giống người trước, anh hùng hơn đời xưa. Khi cầm quân, trăm trận ra oai, dẹp yên bờ cõi. Lúc sách lập, mọi người đều phục, dựng lại nước nhà. Xiêm quẻ Khôn[1] thêm rạng vẻ người; mệnh quẻ Sư[2] ban cho tước sủng. Đặc sai Thượng thư bộ Lại chưởng lục bộ sự, kiểm Ngự sử đài đô ngự sử thiếu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang kim sách tiến phong làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương. Ban cho mũ miện y phục, lại ban ngọc khuê, ruộng đất. Mong rằng tuân theo pháp độ, giữ được công danh, cẩn thận chức vụ, kính theo lời huấn trước, dốc lòng trung, hưởng tước lộc, đáng bậc vương sách với nước nhà. Vương khâm theo đấy!

Tháng 11, ngày Bính Dần, đi đánh Cao Bằng. Sai con trưởng của chúa ở Tà Tiệp quân **[8a]** doanh là Sùng quận công Trịnh Kiều thống lĩnh các tướng theo đường Lạng Sơn tiến lên. Sùng quận công bấy giờ tuổi mới 24, anh dũng mưu trí, bắt được [vua] nguỵ Càn Thống là Mạc Kính Cung và nguỵ tướng là bọn Sùng Lễ, Tháo Thiết, đem về kinh sư giết chết. Nguỵ Long Thái là Mạc Kính Khoan trốn đi xa. Thống lĩnh doanh Thắng Nghĩa là Quỳnh quận công Trịnh Đệ, Đốc thị là Nguyễn Danh Thế theo đường Thái Nguyên tiến lên, qua các châu Bạch Thông, Cảm Hoá, vây bọc lấy phía sau Cao Bằng, đến đất Trung Quốc đuổi giặc. Viên thuộc tướng là Phụ quốc công Nguyễn Hắc[3] sợ núi hiểm lại cậy lạ người thân thích, đem quân về trước, Đệ bèn trở về[4].

Ất Sửu, [Vĩnh Tộ] năm thứ 7 [1625], (Minh Thiên Khải năm thứ 5).

Mùa xuân, Trịnh Đệ về đến Bắc Sơn, lại sai tới Lương Thượng, Lương Hạ thuộc Cảm Háo bắt nguỵ Vũ Ninh Vương. Dùng hoả công, phá được luỹ giặc. Tháng 2 thì kéo quân **[8b]** về[5].

Mạc Kính Khoan sai Danh Thọ đến xin hàng, xin bỏ nguỵ hiệu, xưng là phiên thần, xuống chiếu xá tội cho, phong y làm Thái bảo Thông quốc công, lệnh cho y hàng năm dâng cống[6].

Tháng 6, định quy mô cai trị thời bình, sai ban hành trong thiên hạ. Hàng năm ba lễ Thượng tiến, Thường tiên, Tiết liệu[7], mỗi tổng nộp tiền 5 mạch, gạo 100 bát. Các lễ Cung tiến, lễ Kỵ thời, lễ Sinh nhật[8], quan sở cai chiếu bổ các hạng mỗi xã 1 quan tiền. Các tiền thuế thân [tiền quý] do tứ trấn nộp; hạng lính không tòng chinh mỗi người nộp 3 quan mạch; hạng quân mỗi người nộp 1 quan 5 mạch; hạng dân mỗi người nộp 1 quan 2 mạch 30 đồng; sinh đồ, cựu tướng thần, xã trưởng, hạng lão, hạng dưới 18 tuổi, lệnh sử, điển lại, thông lại đang làm việc và nhà sư, đạo sĩ, giáo phường[9] mỗi người nộp 1 quan tiền, người tàn tật bất cụ nộp 8 mạch; tiền quý [thuế thân] của các hạng **[9a]** nói trên mỗi năm chỉ thu mỗi người 7 phần, miễn cho 3 phần. Các quan viên, giám sinh, lão nhiêu, đàn bà goá đều được miễn. Các ngạch thuế ruộng quan điền, ruộng cấp tứ, ruộng thế nghiệp, ruộng thông cáo, ruộng chiếm xạ, cùng là các thuế đất bãi dâu, đầm ao, đều giao cho bộ Hộ đòi hỏi quan huyện thu nộp, cũng chỉ thu 7 phần, tha cho 3 phần, để tỏ ý rộng rãi thương dân. Còn các thuế ở điện Huy Văn và tự Thái Bộc, giao cho quan coi ở đó trưng nạp. Cấm các quan phụ trách thu thuế ở trong ngoài không được lạm dụng tiền quí[10], không được tự tiện bắt xã dân phục vụ việc nhà. Cấm các tướng không được bắt ép cháu chắt các công thần làm lính.

---

[1] Xiêm quẻ Khôn: ý nói vua đối đãi tốt với bầy tôi.

[2] Mệnh quẻ Sư: ban cho tước mệnh.

[3] Nguyễn Hắc là cháu nội Nguyễn Hoàng, được lưu lại ở Đàng Ngoài.

[4] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[5] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[6] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[7] Thượng Tiến: lễ dâng vua; Thưởng Tiên: lễ cơm mới; Tiết liệu: lễ sắm tết.

[8] Cung tiến: lễ dâng lên chúa; Kỵ thời: ngày mất của vua, chúa; Sinh nhật: ngày sinh của vua, chúa.

[9] Giáo phường: phường hát.

[10] Cả đoạn này không có trong bản Lê Hy. Lịch triều hiến chương loại chí (Quốc dụng chí) của Phan Huy Chú có chép.

Tháng 8, sai quan khảo hạch sĩ vọng trong nước, lấy bọn Nguyễn Nghi 27 người, bổ nhiệm các chức cao thấp khác nhau[1].

Tháng 11, Thiếu bảo thượng thư bộ Hộ Phú Xuân hầu Ngô Trí Hào mất, tặng tước Xuân quận công.

Ghi công những người **[9b]** theo xe vua trong năm Quý Hợi [1623] và đánh dẹp mới rồi, phong Thiếu uý Nguyễn Văn Giai, Tả thị lang Nguyễn Duy Thì đều là Dực Vận Tán Trị công thần.

Quan Thiếu bảo trí sĩ, Thượng thư bộ Lễ, tước Tuyền quận công Nguyễn Lễ mất, thọ 83 tuổi, được tặng là Thiếu bảo.

Tháng 12, ghi công đánh Cao Bằng, gia phong Nguễn Danh Thế làm Thiếu bảo.

Viên trấn phủ kiêm hai xứ Thuận Quảng là Nguyễn Phúc Nguyên nghe mưu của Đào Duy Từ, từ năm này không nộp cống phú và đắp luỹ ở bờ nam cửa bể Nhật Lệ để tự thủ. Duy Từ (người xã Vân Trai huyện Ngọc Sơn) có văn học; quan hữu ty cho rằng y là con nhà ca xướng, không cho đi thi. Y phẫn chí, vào Quảng Nam xin ra mắt Phúc Nguyên. Nói ra là hợp ý, y làm kẻ tâm phúc của Phúc Nguyên, từ đó ly gián triều đình, ngày đêm thuyết phục Nguyên tuyển binh, tích của, đóng cửa, chống mệnh. Y tiến cử đồng đảng là Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Vũ **[10a]** Nguyễn Hữu Dật làm vô tướng. Từ đó Thuận Hoá bắt đầu phản bội.

Bính Dần, [Vĩnh Tộ] năm thứ 8 [1626], (Minh Thiên Khải năm thứ 6).

Mùa xuân, tháng giêng, thăng Nguyễn Danh Thế lên Thiếu phó, Thượng thư bộ Hình sai ông cùng Thái bảo Ly quận công khám xử các việc kiện cáo trong nước[2].

Tháng 3, sách phong Phụng quốc công Trịnh Đỗ làm Dương Lễ công[3].

Cho Nguyễn Duy Thì làm Thượng thư bộ Công[4].

Tháng 5, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Tiến Dụng, Trần Vĩ, Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Tự Cường, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Lại, đi cống hàng năm.

Tháng 7, ngày Tân Mão, bàn việc kinh lược Thuận Hoá. Sai Tiền Nhuệ doanh Thiếu uý Nguyễn Khải, Thiếu Phó Nguyễn Danh Thế, đem bọn Hoà Nghĩa doanh là Hoa quận công, trước đến đóng đồn ở tổng Hà Tây thuộc Kỳ Hoa để phù liệu công việc[5].

Đinh Mão, [Vĩnh Tộ] năm thứ 9 [1627], (Minh Thiên Khải năm thứ 7).

Mùa xuân, tháng giêng, gọi Nguyễn Phúc Nguyên vào chầu. Sắc dụ rằng **[10b]**: "Những người hào kiệt có thể cùng nhau hoàn thành sự nghiệp. Kẻ trượng phu lập chí cần biết rõ thời thế. Đậu Dung đem đất Hà Tây về hàng, nổi tiếng ở đời Hán. Điền Hưng lấy đất Nguỵ Bác quy quận, công lao ở đời Đường. Từ xưa, các hiền nhân quân tử, trí sáng, biết đúng, mới dựng nên công nghiệp ở đương thời, để tiếng thơm cho hậu thế nước nhà ta, ứng trời thuận người, thừa thời mở vận. Thái tổ Cao Hoàng Đế lấy võ công bình định thiên hạ, là nhờ các công thần giúp đỡ; liệt thánh hoàng đế lấy văn giáo làm nên thái bình, cũng nhờ bậc huân cựu khuông phò, cho nên mới giữ nước được lâu dài. Chỉ về nửa chừng vận bĩ, nguỵ Mạc tiếm ngôi. May được mệnh trời chưa thay, lòng người nhớ cũ, Trang tông Dụ Hoàng Đế nổi dậy ở miền đất tây, tổ của người là Chiêu Huân Tĩnh công cùng với Minh Khang Thái Vương xoay lại trời đất, để tiếng sử xanh; vận trở hanh thông, nước **[11a]** nhà dựng lại. Thế tông Nghị Hoàng Đế và ngự Trung Đô; cha của ngươi là Cẩn Nghĩa công giúp đỡ thượng phụ Bình An Vương ngày ngày dự bàn quốc

---

[1] Trong năm Ất Sửu (Vĩnh Tộ thứ 7, 1627), bản Lê Hy chỉ chép sự kiện tháng 8 này, còn các sự kiện khác đều không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy không chép.

chính, kế yên thiên hạ, công ghi sử xanh. Chỉ vì kẻ nghịch thần là bọn Ngạn, Khuê dám bất trung chống lại, đem quân làm phản, trong nước rối động.

Cha con ngươi có ý muốn bảo toàn, nhân thế bỏ về trấn cũ. Khi ấy nhờ được Đô nguyên soái tổng quốc chính thượng phụ Bình An Vương có lòng tinh trung vì nước, lấy điều nhân nghĩa ra quân, dẹp hết nghịch tặc, trong nước lại được bình yên, đến gần 30 năm. Không ngờ kẻ phản nghịch là Xuân, tính như sài lang, lòng như cưu cánh[1] khoét vách như răng chuột, hại quân như nọc trùng, làm cho lòng người dao động. Nhờ được Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương, tư chất nhân hậu, chí khí anh hùng, và các đại thần thân huân văn võ, cùng lòng cùng đức, giải nạn của vua cha, cứu nguy **[11b]** cho xã tắc, quét sạch giặc Mạc, khôi phục đô thành, trong yên ổn ngoài vỗ về gần vui, xa đến. Hiện nay, thời có thể làm, người mong bình trị. Nếu ngươi nghĩ đến nghĩa vua tôi trên dưới, nhớ đến công cha ông cần lao, nhìn xa nét kỹ, qui phục triều đình, thì trẫm đối đãi bằng lễ đặc biệt, phong cho tước Thượng công. Ngươi cố giúp nhà ta, để mạnh vương thất, thì thân danh của ngươi cùng nước vinh hiển, con cháu của ngươi cùng nước dài lâu, đời đời hưởng tước lộc, đời đời là trung trinh, khoán thư chứa vào hòm vàng nhà đá, lưu truyền đến khi sông cạn đá mòn, mãi mãi vô cùng vậy. Ngày nào nhận được dụ này, ngươi nên sắp sửa tướng sĩ voi ngựa thuyền ghe, đến kinh sư bái yết để hợp với nghĩa làm tôi.

Nếu vẫn chấp mê, đem quân chống mệnh, thì oan trời đến đâu, chỉ trong chớp mắt, núi cao cũng thành ra đất bằng. Theo **[12a]** mệnh thì tốt, trái mệnh thì hung, là tuỳ ở ngươi, ngươi hãy nghĩ lấy". Khi sứ đến, Phúc Nguyên không nghe mệnh.

Tháng 3, ngày Mậu Dần, xuống chiếu tuần thú Thuận Hoá, sai Nguyễn Khải đến trước châu Bố Chính. Ngày Ất Dậu, Khải đến cửa biển Nhật Lệ, Phúc Nguyên đã sai quân nghênh chiến, bắn đại bác, tiếng nổ vang trời. Quan quân lui tránh. Tiên phong là Lê Khuê cưỡi ngựa xông thẳng vào trận địch, các tướng cưỡi ngựa kế tiếp tiến vào, quân Thuận Hoá mới lui xuống thuyền. Khải nhân đó dựng doanh trại ở bờ phía bắc sông. Quan Phúc Nguyên đóng trại ở bờ nam. Đêm hôm đó, quân địch thừa cơ triều lên, dùng đại bác, đến gần bắn vào doanh trại. Quan quân chống giữ. Chúa đưa vua chỉ huy sáu quân, lấy danh nghĩa xem xét địa phương, quân thuỷ, quân bộ cùng tiến.

Ngày 12 tháng 4 ngày Mậu Tý, xa giá đến Nhật Lệ, hiệu lệnh các tướng đánh nhau với thuỷ quân của Phúc Nguyên ở cửa bể. [Hai bên] đều bắn đại bác, quân độ ở bờ bắc bắn **[12b]** vào cánh tả của thuỷ quân giặc. Quân giặc lui vào trong luỹ gỗ, chống giữ. Quan quân thừa thắng phá giặc. Quân bờ nam tranh nhau lấy của cải. Giặc cho quân voi xông ra đánh, tiền quân hơi phải lùi.

Đêm ấy, xa giá dừng lại ở cửa bể, dùng thuyền buồm lớn làm cầu phao, quân bộ đóng hai bờ, thuyền đỗ ở giữa sông để tính kế tiến đánh.

Ngày Canh Dần, chúa sai Nguyễn Danh Thế viết thư dụ Phúc Nguyên. Ngày Tân Mão sai quan vào dụ. Ngày Nhâm Thìn rút quân về[2].

Thượng thư bộ Hộ, Thiếu phó Lộc quận công Lưu Đình Chất mất, tặng hàm Thiếu sư[3].

Tháng 5, xa giá trở về kinh[4].

Tiến phong Nguyễn Thực làm Thiếu phó[5].

Mùa thu tháng 8, mới thi hương.

Sai bọn Nguyễn Thực đi hầu mệnh, đón sứ thần về nước[6].

---

[1] Cưu cánh: loài chim ác, ăn thịt mẹ cánh: loài thú ác, ăn thịt bố. Cưu cánh có nghĩa bóng là những người ác, quên ơn cha mẹ.

[2] Bản Lê Hy tóm tắt cuộc chiến tranh này trong vài dòng.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy không chép.

[6] Bản Lê Hy không chép.

Vua Minh mất, tên thuỵ là Hy Tông Triết Hoàng Đế, em là Tín Vương Do Kiểm lên ngôi.

Mùa đông tháng 10, Thượng thư bộ Binh, Thiếu phó **[13a]** Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ mất, tặng Thái bảo Diễn quận công.

Tháng 11, cho Nguyễn Danh Thế kiêm chức Đô ngự sử[1].

Ghi công những người đi hầu mệnh, thăng Nguyễn Thực tước Lan quận công[2].

Mậu Thìn, [Vĩnh Tộ] năm thứ 10 [1628], (Minh Hoài Tông Sùng Trinh năm đầu).

Mùa xuân, tháng giêng, Thượng thư bộ Lại, chưởng lục bộ sự, Thái bảo Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mất, tặng là Tư đồ, thuỵ là Cẩn Độ.

Tháng 2, thi hội các cử nhân. Lấy đỗ bọn Giang Văn Minh 18 người. Thi đình, cho Giang Văn Minh đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, bọn Dương Cảo 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đặng Phi Hiển 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Thái uý Chưởng phủ sự Dương Lễ công Trịnh Đỗ mất, tặng là Thái tể, thuỵ là Ý Thuần[3].

Tháng 9, sửa chùa Long Ân ở phường Quảng Bá. Chúa ghi công đức cho nhà ngoại là Chiêu Huân công[4], Cẩn Nghĩa công[5], sai Nguyễn **[13b]** Thực soạn văn bia[6].

Kỷ Tỵ, [Đức Long] năm đầu [1629][7], (Minh Sùng Trinh năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho bách quan văn võ, những ai có đầy đủ hai công: theo xa giá đi trong năm Quý Hợi (1623) và tiến đánh giặc thì được gia thăng chức tước, và vinh phong là công thần có thứ bậc: quan võ từ quận công, quan văn từ khoa đạo trở lên, phong hai chữ Dực Vận và Tán Trị; quan võ từ tước hầu, quan văn từ bộ, tự, tham nghị, hiến phó trở xuống phong một chữ Tán Trị.

Mùa hạ tháng 4, tiến phong Nguyễn Danh Thế tước Đường quận công; Đặng Thế Tài tước Doanh quận công; Đặng Thế Khoa tước Liêm quận công; Thế Tài và Thế Khoa là con cháu của Nghĩa quốc công [Đặng Huấn][8].

Vì hạn hán, đói kém, đổi niên hiệu là Đức Long, đại xá cho thiên hạ. Tha thuế đinh thuế điền năm nay cho hai xứ Thanh Nghệ. Lòng dân vui thích.

Ghi công những người năm trước đi đánh Cao Bằng, gia thăng chức tước cho các tướng sĩ **[14a]**.

Tiến phong Chỉ huy sứ Vân Dương hầu Đỗ Vị làm Điện quận công (Vị là người xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì). Ông là con của Thượng thư bộ Lại, Thái bảo Sầm quận công Đỗ Cảnh.

Quần thần tâu: chúa có đức lớn, công cao, xin tiến tôn tước vương một chữ. Vua bằng lòng. Chúa khiêm nhường, từ chối không nhận. Quần thần cố xin, chúa mới chịu nghe.

Mùa đông tháng 10, ngày Tân Dậu làm lễ sách phong. Lời sách nói: "Dựng ngôi chính trung ban phúc, tỏ ra đạo lý công bằng; định lễ trọng đại đền công, nêu ban ơn điển tôn quý. Ngày tháng tốt lành đã chọn, sách vàng rực rỡ ban ra. Nay Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng,

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Chỉ Nguyễn Kim.

[5] Chỉ Nguyễn Hoàng.

[6] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[7] Bản Lê Hy không chép là Vĩnh Tộ thứ 11, từ tháng 4 về sau là Đức Long năm đầu.

[8] Đặng Huấn sinh ra Đặng Thị Ngọc Dao là mẹ Trịnh Tráng (theo Đặng gia phả ký). Bản Lê Hy không chép việc này.

trung hậu nếp nhà, trí năng yên nước. Uy vũ vang lừng trăm trận, công lao tái tạo đã nên; văn giáo thấm khắp bốn phương, trị bình hùng cường đã đến.

Trong ngoài đều tin người đức vọng; chức vị đáng đứng đầu các quan. Đặc sai quan mang phù tiết **[14b]** sách vàng, ấn ngọc, tấn phong làm Hiệp mưu đồng đức công thần, Đại nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương. Đã ban cho của cải để làm ngọc khuê; lại cho ruộng đất để rộng khu vũ. Vương nên lấy nghĩa thân cận làm người trung thực giúp phò để kính nhận phúc lành thượng đế ban cho; trau dồi lấy đức, để bảo vệ dân, nối đời giữ lấy nghiệp vương dài mãi. Khâm theo đấy".

Thăng Xá nhân trưởng vệ quan Ngọc Lâm hầu Lê Phúc Lai (người xã Sơn Trai, huyện Nông Cống) làm Thượng bảo tự khanh, tước Cống quận công, sai quản đốc Xá nhận 4 ty.

Canh Ngọ, [Đức Long] năm thứ 2 [1630], (Minh Sùng Trinh năm thứ 3).

Mùa hạ, tháng 5, lập con gái của chúa, họ Trịnh làm hoàng hậu[1]. Trước kia bà được gả cho bác họ của vua là Cường quận công Lê Trụ, sinh được 4 con trai là bọn Lê Hoàn. Trụ can tội bắc thang vào điện mưu việc phản nghịch[2] bị hạ ngục mà chết. Chúa đem bà ta gả cho vua. Nhà vua nhận. Bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can ngăn. Nhưng vua không nghe và nói rằng: "Trót đã lấy rồi". Từ hôm đó **[15a]** trời mưa dầm không ngớt.

Tháng 6, lũ lụt lớn. Sông Nhị nước dâng cao, tràn vào phố xá; ngoài cửa Nam, nước chảy như thác, ở trong phố phường mà phải đi thuyền, có nhiều người chết đuối. Đê Thanh Trì vỡ, lúa mất, dân đói.

Tháng 9, dựng ba toà nội điện, làm hành lang.

Mùa đông, tháng 10, qua bộ viện Lưỡng Quảng nhà Minh sai người giục cống nộp đến kinh sư. Ban cho ăn yến ở bến Đông Hà. Chúa ngự ở lầu Giảng Võ, bày đồ cống vật cho họ vào xem. Nhân đó duyệt quân thuỷ và bộ, bày thuyền ghe, voi ngựa để phô bày sự cường thịnh.

Ngày Nhâm Tuất, nguyệt thực.

Sai quan duyệt tuyển dân đinh các xứ. Bấy giờ các quan khâm sai là võ tướng phần nhiều cậy là huân cựu, riêng nhận hối lộ, tự ý thải người già, miễn đi lính, làm điên đảo bất công, nhiều lần bị quở trách; mà quan duyệt tuyển ở Thanh Hoa là Thái Bá Kỳ quá đáng nhất. Chỉ có các viên Cao Ty[3], Trần Vĩ, Lã Thì Trung, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tài **[15b]** Toàn, Nguyễn Khắc Văn, Nguyễn Trừng, là người cẩn thận giữ phép, được lòng quân dân, người ta khen là công bằng.

Giám sát ngự sử Hải Dương là Dương Thuần, vì việc tra hỏi kiện tụng bị vu cáo, bãi quan.

Sai bọn Tuyền quận công Nguyễn Duy Thì đến cửa Nam Quan hầu mệnh.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh, bọn Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Bùi Bỉnh Quân, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ đi cống hàng năm. Bỉnh Quân mất giữa đường.

Đem các bậc công thần hàng đầu là Tĩnh quận công Phạm Đốc, Hậu Trạch công Đặng Huấn, Mậu Nghĩa công Hoàng Đình Ái, Phu Nghĩa công Nguyễn Hữu Liêu phối thờ ở cung miếu bốn trấn là Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương.

Truy tặng em chúa là Trịnh Lâm làm Đại tư mã [hiệu] Tuân Chính Duyệt Lễ Anh Uy Mỹ Dự công[4].

Tân Mùi, [Đức Long] năm thứ 3 [1631], (Minh Sùng Trinh năm thứ 4).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Dần, thượng thần Lý Ông Trọng ở đền thờ tại Từ Liêm **[16a]** đổ mồ hôi.

---

[1] Tên là Trịnh Thị Ngọc Trúc.

[2] Bản Lê Hy chép Lê Trụ là chú họ vua, bị giam vào ngục, nhưng không nói là vì tội gì.

[3] Bản Nội các quan bản cũng chép là Cao Ty như ở đây, trong khi các bản Quốc tử giám tàng bản đều chép là Cao Khả.

[4] Bản Lê Hy không chép việc này.

Ngày Canh Thìn có gió to.

Hiến sát phó sứ Thuận Hoá là Vũ Chân (người xã Bình Lăng Thượng, huyện Thiên Lộc) từ năm Giáp Dần [1614] bị Nguyễn Phúc Nguyên ngăn trở, đã 18 năm. Đến nay ông cùng với Mậu Lương hầu Bùi Văn Tuấn (người xã Bái Nại, huyện Tống Sơn) đi theo đường tắt, trở về với triều đình. Chúa hỏi về việc ở biên phương, rồi thưởng rất hậu, cho Chân làm chức Phủ Doãn, thăng Văn Tuấn làm Mậu quận công.

Đá núi Hoàng Sơn ở Nông Cống lở.

Đá núi Lộng Điền ở Gia Viễn rơi xuống.

Tháng 3, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Minh Triết gồm 7 người. Có người tố cáo Nguyễn Văn Quang (người xã Đặng Xá, huyện Cẩm Giàng) thiếu điểm mà vẫn trúng tuyển, bèn bỏ tên đi. Thi đình, cho Nguyễn Minh Triết đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh; bọn Lê Biện 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Danh Thọ 3 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Xứ Hải Dương mưa đá, hòn to như đầu ngựa.

Ngày Bính Thân, chính phi của chúa [Trịnh Tráng] là Nguyễn Thị Ngọc Tú **[16b]** mất, tên thuỵ là Từ Thuận. Bà là con gái của Nguyễn Hoàng, sinh ra Sùng quận công Trịnh Kiều và hoàng hậu Ngọc Trúc. Bà có cô cháu gái, đó là con gái của anh bà là Nguyễn Hán, cô này cũng được vào hầu ở Đông cung.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Ất Mão, sét đánh núi Mã Yên ở Tây Kinh, làm đất nứt 5 trượng. Ngày Kỷ Mùi, chó ngao đá ở xã Hoàng Mai huyện Thanh Trì phát ra tiếng kêu như tiếng trống.

Tháng 6, chúa ngự ở lầu phía đông, sai thuỷ quân tập bắn. Có lửa bốc lên ở đầu sông cháy lan ra phố phường ở hai bên trái cửa [vương] phủ và đến cửa Triều Nguyên của triều đình ở trong thành, rồi cháy vào nội điện. Nhà vua tránh lửa, chạy ra ở nhà Hoa Dương hầu, bốn ngày sau mới trở về cung.

Hạ lệnh chỉnh lý kỷ cương: các đại thần và bách quan, cứ ngày mồng một và rằm thì vào chầu nội điện. Đại thần văn võ các viên có văn phòng riêng (toạ đường chư viên) cứ mỗi tháng 10 phiên vào chầu **[17a]** ở phủ đường. Từ Đô đốc và Cai cơ, Cai đội trở xuống, hàng ngày vào phủ đường thị hầu[1].

Các nha môn trong ngoài theo như chức chưởng. Ai thanh liêm, công bằng, mẫn cán, hoặc mãn khảo [đủ nhiệm kỳ], mà lòng dân ái mộ, hoặc bản quan có khải bảo cử, thì nên xét thực, gia thăng cho một "thứ" và lưu nhiệm. Nếu không biết thận trọng giữ gìn, làm nhiều việc nhũng tệ, người nào nhẹ thì biếm bãi chức, đuổi về, người nào nặng thì sung làm quân[2].

Các quan sở cai cai quản dân, cốt phải vỗ về nuôi dưỡng dân. Nếu làm tệ nhiễu dân, để người ta kêu tố, tra xét đúng sự thực thì đình chỉ việc cai quản. Nếu thấy dân kêu cáo mà chặn đường ngăn trở và bắt giam, đánh đập nặng thì ghép vào phép nước, nhẹ hơn cũng bãi chức đình cai quản[3].

Mùa thu, tháng 3, ngày Canh Ngọ, vực Rồng ở xã Lai Duệ huyện Thuỵ Nguyên có vật gì nổi lên mặt nước như đầu người, đầu trâu, đầu ngựa, đầu rắn, nhiều vô số.

Mùa đông, tháng 10, ngày Tân Sửu là ngày mồng một có nhật **[17b]** thực.

Thăng Nguyễn Thực làm Thiếu uý[4].

Cho Hữu thị lang Nguyễn Tuấn, Bùi Bỉnh Di, Nguyễn Tự Cường là Tả thị lang, Thiêm đô ngự sử Trần Vĩ làm Phó đô ngự sử, Tự khanh Đỗ Khắc Kính, Nguyễn Lại làm Hữu thị lang.

Vì bọn Trần Nghi làm quan không thận trọng, cho ra làm Tham chính Sơn Tây, Phạm Phúc Khánh, Đặng Phi Hiển, Lê Phan Lâm làm Hiến sứ ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, An Quảng.

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

Tháng 11, sai Bắc quân tả đô đốc phó tướng Tây quận công Trịnh Tạc thống lãnh tướng sĩ và doanh cơ thuộc sai của Đặng Thế Khoa, cùng với quan binh châu Bố Chính trấn giữ xứ Nghệ An. Đóng dinh ở Yên Trường huyện Chân Phúc, lấy Tự khanh Giang Văn Minh làm Đốc thị, Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm trấn giữ Thanh Hoa. Cho Tự khanh Nguyễn Khắc Văn làm Đốc đồng. Tây quận công ra lệnh răn cấm. Các [quan quân] dưới quyền đều nghiêm túc.

[18a][1] Núi xã Đa Giá ở Gia Viễn sạt lở 17 trượng.

Nhâm Thân, [Đức Long] năm thứ 4 [1632], (Minh Sùng Trinh năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Hợi, truy tôn hoàng khảo Giản Huy Đế làm Hiển Nhân Dụ Khánh Tuy Phúc Huệ Hoàng Đế, miếu hiệu là Kính Tông.

Tháng 2, gia tôn kim sách mỹ tự cho Thái Vương [Trịnh Kiểm] và Triết Vương [Trịnh Tùng]. Truy phong ngân sách mỹ tự cho Hậu Trạch công [Đặng Huấn].

Sai Nguyễn Thực mang phù tiết, sách vàng ấn bạc tiến phong vương tử là Thái phó Sùng quận công Trịnh Kiều làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư doanh, kiêm Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, phó chưởng quốc chính thái uý Sùng quốc công. Mở phủ ở bên trái cửa Nam môn, gọi là phủ Hùng Uy, đặt quan thuộc, chia sai quan cầm cờ tiết, sách bạc, ấn đồng phong em chúa là Hiệp Nghĩa dinh thái uý Tung quận công Vân làm Tung Nhạc công. Mở phủ Hiệp Nghĩa. [Phong] Phù Nghĩa doanh thái uý Dũng quận công Trịnh Gia làm Dũng Lễ công, mở phủ Phù Nghĩa. [Phong] Thắng Nghĩa doanh thái phó Quỳnh quận công làm Quỳnh Nham công, mở phủ Thắng Nghĩa.

Sai Nguyễn Danh Thế làm Tham tụng, dự tán quốc chính, gia hàm Thái bảo. Nguyễn Hắc, Nguyễn Khải đều làm Thái phó. Lúc đó Khải đã đổi sang chức Thượng thư bộ Binh.

Tháng 3, sai Nguyễn Thực và Nguyễn Khải đều lấy tư cách quốc lão tham dự triều chính.

Mùa hạ, tháng 4, Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Tuấn, Nguyễn Lại bị bãi (Lại là người xã Bột Thượng, huyện Hoằng Hoá). Bọn Tuấn tuyển bổ các chức phần nhiều nhũng lạm. Nguyễn Lại thì nhận nhiều của đút. Có câu ca dao rằng: "Các chức bị viên, lưỡng Bột tận điền" (nghĩa là: các chức mà bổ cho đủ người thì hai làng Bột hết ruộng). Nguyễn Thực và Nguyễn Khải tham hặc hai người ấy, nên bãi chức.

Gia phong Nguyễn Thực làm Thái bảo, Nguyễn Duy Thì làm Thiếu phó. Cho em chúa là Việt quận công Trình, Luân quận công Thức, **[19a]** Quảng quận công Hàng, Lăng quận công Bảng, Diên quận công Nha, Vương tử là Hồng quận công Lựu, đều làm Thái bảo. Vương tử là Tây quận công Tạc, Phù quận công Lịch và Lan quận công Hoàng Nghĩa Phì đều làm Thiếu uý.

Ghi công những người đi theo đánh dẹp ở Quảng Hoá. Gia phong Thiếu bảo Định quận công Hoàng Nghĩa Phúc làm Thiếu phó.

Tháng 5, các quan triều đình bàn muốn cử Tả thị lang Mai Khê hầu Nguyễn Tiến Dũng chuyển sang [làm Tả thị lang] bộ Lại. Nguyễn Khải nói: "Trước đây ông ấy làm Đề điệu trường Thanh Hoa, đã theo tình riêng mà lấy người này bỏ người kia không xứng đáng làm chức ấy". Bèn cho Phó đô ngự sử Trần Vĩ và Hữu thị lang bộ Lễ là Đỗ Khắc Kính làm Tả hữu thị lang bộ Lại[2]. Cất nhắc Đô cấp sự trung Lại khoa Nguyễn Duy Hiểu làm Thiêm đô ngự sử.

Sai Trần Vĩ, Nguyễn Quang Minh, Lê Kính, Thân Khuê chia nhau đi khám hỏi về các quan tổng cán đường đê và các quan lại Thừa ty các xứ, người nào chăm hay lười, làm **[19b]** hay tham ra sao. Tháng 6, ngày mồng một, mưa to liền 4, 5 ngày, nước sông Hồng đầy tràn. Chúa và Phủ tiết chế đem các quân, cưỡi thuyền đi xem đường đê ở các xã Thâm Dương, Yên Duyên, Khuyến Lương huyện Thanh Trì, chia nhau sai hộ trúc đường đê. Nước càng đầy tràn, phải trở về. Sai thu các tiền thu lạm của quan tổng cán đê sông các xứ nhập vào quỹ công.

---

[1] Tờ 18a và 18b ở bản in của Phạm Công Trứ bị mất do đóng lầm tờ 18a và 18b của quyển XXII vào. Vì vậy ở đây chúng tôi tạm lấy đoạn văn tương ứng ở một bản chép tay (ký hiệu A4 ở Viện Hán Nôm) thay thế vào; đến tờ 19a lại tiếp tục dịch theo bản in của Phạm Công Trứ.

[2] Bản Lê Hy chép rõ: Trần Vĩ làm Tả thị lang. Đỗ Khắc Kính làm Hữu thị lang.

Quý Dậu, [Đức Long] năm thứ 5 [1633], (Minh Sùng Trinh năm thứ 6).

Mùa xuân, tháng giêng, núi Long Tuyền bị đổ.

Sai Thái phó Hắc, Thái bảo Hàng, Bảng, Đương tham dự triều chính. Hàng cùng Ngô Nhân Triệt, Nguyễn Quang Minh chiếu bổ hạ hạng quân các phủ vệ.

Tháng 2, Nguyễn Phúc Nguyên sai quân đánh phá châu Nam Bố Chính, giết quan châu, lấy tiền của kho bắt hết dân đinh ở đó làm lính, đặt ra 24 đội thuyền.

Tháng 3, đá núi Đa Bút huyện Vĩnh Phúc bị sạt. Hai núi ở giếng Âm Dương huyện Phụng Hoá **[20a]** bị lở.

Sai bọn Trần Vĩ đi hầu mệnh, đón sứ thần về nước.

Ngày Quý Sửu, thần vị của vua Lý Thái Tông ở điện Cổ Pháp vô cớ dời đi chỗ khác. Sai nội thần là Phái quận công đến tế. Vài ngày sau [thần vị] lại trở về chỗ cũ.

Nước sông Cái (Đại Hà) ở xã Yên Duyên huyện Thanh Trì ban đêm khô cạn đi trong một khắc.

Ngày Giáp Dần, giờ Tỵ, có gió lớn từ phương bắc lại. Đầm Thịnh Liệt khô đi trong hơn một khắc. Sóng nước sông Nhị chồm lên, nhiều thuyền bị đắm. Triều thần hặc tội viên tham nghị xứ Hưng Hoá là Trương Vũ làm quan không cẩn thận, đến nỗi dân kêu tố và tri huyện Nguyễn Hàng chưa mãn đại tang mà ngầm đem vàng bạc tâu bậy xin làm chức Lăng phó ở điện [miếu] Tây Kinh. Vua giao xuống luận tội Trương Vũ và thu lại sắc mệnh của Hàng.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Phúc Nguyên sai tướng lập dinh luỹ ở Thái Xá, Động Hải (Đồng Hới) để chống lại quan quân.

Bàn việc đi đánh Nguyễn Phúc Nguyên. Nguyễn **[20b]** Danh Thế ba lần can gián, xin hưu binh cho dân. Không nghe. Tháng 10, sai Tiết chế phủ đem quân đến đóng ở Vân Sàng thuộc Gia Viễn, trấn phủ Thanh Hoa, Sơn Nam, Hải Dương, An Quảng, Tung Nhạc công và Dũng Lê công trấn thủ kinh thành và trấn phủ Sơn Tây, Kinh Bắc, Lạng Sơn, Thái Nguyên.

Tháng 11, ngày Giáp Dần, chúa đem vua thân đi đánh, thuỷ bộ cùng tiến. Tháng 12, ngày Tân Dậu, đóng ở cửa bể Nhật Lệ. Ngày Kỷ Mão, đối diện chống nhau với quân Thuận Hoá. Ngày Tân Tỵ, tiền quân nghi ngờ hoảng sợ tự vỡ. Bèn rút quân[1].

Giáp Tuất, [Đức Long] năm thứ 6 [1634], (Minh Sùng Trinh năm thứ 7).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Tý, là ngày mồng một xuống chiếu rút quân.

Tháng 2, ngày Tân Dậu, xa giá về tới kinh sư[2].

Tháng 3, ngày Đinh Hợi, là ngày mồng một, nhật thực.

Thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Nhân Trứ 5 người. Thi đình, cho Vũ Bạt Tuỵ đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Trứ **[21a]** 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (Nhân Trứ người xã Nguyệt Viên huyện Hoằng Hoá). Mùa hè, đại hạn.

Cho Tam Dương hầu Đinh Thế Diên làm Dương quận công, gia hàm Thiếu uý. Thế Diên là cháu 7 đời của công thần Lê Liệt[3].

Mùa thu, tháng 8, thăng Nguyễn Danh Thế hàm Thái bảo[4].

---

[1] Bản Lê Hy chép tóm tắt việc đánh quân Nguyễn trong một câu.

[2] Bản Lê Hy không chép các sự kiện này.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

Gia thăng Nguyễn Thực hàm Thái phó chức Thượng thư bộ Hộ về trí sĩ. Bấy giờ ông đã 80 tuổi. Từ khi Trung Hưng đến nay, mang chức Thượng thư về trí sĩ bắt đầu từ Nguyễn Thực.

Ất Hợi, [Dương Hoà] năm đầu [1635], (Minh Sùng Trinh năm thứ 8)[1].

Mùa hạ, tháng 6, ban lệnh chỉ cấm các quan lại hà khắc, và răn giới các quan cai khám để ứ đọng các án kiện, ban bố cho thi hành 12 điều. Mùa đông, tháng 10, đại xá, đổi niên hiệu là Dương Hoà.

Ngày Mậu Tý, Nguyễn Phúc Nguyên ở Thuận Hoá mất, thọ 73 tuổi. Con là Nhân quận công Phúc Lan nối chức, tự đặt tên thuỵ Thuỵ Dương Vương, gửi cáo phó **[21b]** về triều. Sai quan đi điếu phúng. Ban mệnh cho Phúc Lan làm trấn thủ Thuận Quảng. Năm ấy Thái bảo Nguyễn Hắc cũng mất, tặng Thái tể.

Bính Tý, [Dương Hoà] năm thứ 2 [1636], (Minh Sùng Trinh năm thứ 9).

Mùa xuân, sai làm thư đưa cho quan Tam ty ở Lưỡng Quảng, nhờ chuyển tờ tâu về xin phong cho vương một lần nữa. Người Minh không nghe[2].

Đinh Sửu, [Dương Hoà] năm thứ 3 [1637], (Minh Sùng Trinh năm thứ 10).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Tân Sửu là ngày mồng một, nhật thực.

Tháng 3, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Duy Hiểu, Giang Văn Minh, Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê sang cống hàng năm và cầu phong.

Mùa hạ, xứ Thuận Hoá đói to[3].

Mùa đông tháng 10, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Xuân Chính 20 người. Thi đình, cho Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thế Khanh đỗ tiến sĩ cập đệ. Bọn Nguyễn Hữu Thường 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn **[22a]** Cổn 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (từ khi trung hưng tới khoa này mới lấy Tam khôi [Trạng nguyên, Bảng nhỡn, Thám hoa)[4].

Tháng 11, Thái phó trí sĩ Nguyễn Thực mất, thọ 83 tuổi, tặng Thái tể, thuỵ là Trung Thuần. Tháng 12, ngày Giáp Tý cuối tháng, có nhật thực.

Mậu Dần, [Dương Hoà] năm thứ 4 [1638], (Minh Sùng Trinh năm thứ 11).

Mùa xuân, tháng giêng, Mạc Kính Khoan, tước Thông quận công ở Cao Bằng mất. Con là Kính Vũ lại làm phản, tiếm đặt niên hiệu là Thuận Đức[5].

Tháng 3, sai Đặng Thế Tài lưu lại giữ kinh sư, Chúa thân đem quân đi đánh Cao Bằng. Quân tiến trước đánh bị thua, thuộc tướng là quận Hạ bị giặc bắt; quận Lâm ra trận sợ chạy bị tội giết. Bèn rút quân về. Cho Tả thị lang bộ Lễ là Trần Hữu Lễ làm Tả thị lang bộ Lại[6].

Tháng 11, sai Đặng Thế Khoa đem quân đi trấn thủ ở Lục Ngạn, Phượng Nhãn[7].

Tháng 12, ngày Canh Dần **[22b]** sai Tiết chế phủ đem quân đánh Cao Bằng, Nguyễn Danh Thế làm tham tán quân mưu, đánh bại đảng giặc ở Hạ Lan thuộc Cảm Hoá, phá 19 động Hoa Nê, An Lễ... Tướng tiên phong là Bật quận công đóng đồn ở Vân Tùng. Nguyễn Danh Thế xin chọn tướng khoẻ đem 3000 tinh binh đóng ở sau đội tiên phong; khi quân tiên phong đắc thắng thì quân sau liền tiến lên, đem

---

[1] Bản Lê Hy ghi năm này là Đức Long năm thứ 7 và chú thích là từ tháng 10 đổi niên hiệu là Dương Hoà.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy chép sự kiện này nhưng không có đoạn chú thích.

[5] Bản Lê Hy không chép.

[6] Bản Lê Hy không chép.

[7] Bản Lê Hy không chép

theo 3 ngày lương khô, ngày đêm đuổi giặc, đại binh tiếp theo tiến lên, thì có thể thu được toàn thắng, không nhọc sức cất quân lần nữa; không để cho giặc lủi trốn vào rừng núi. Quan tiết chế không nghe.

Ngày Tân Sửu, tiến vào Cao Bằng, chia quân lược địch các châu Quy Thuận, Thượng Lang, Hạ Lang. Giặc đều tan chạy vào rừng núi, không để lại dấu vết. Quan quân lưu lại 10 ngày rồi rút về[1].

Qui định hành nghi phẩm phục của các quan để làm chính xác đẳng cấp.

Kỷ Mão, [Dương Hoà] năm thứ 5 [1639], (Minh Sùng Trinh năm thứ 12).

Mùa hạ, tháng 4, nhắc rõ lại lệ kiện về nhân mạng. Theo như chế độ năm Cảnh Thống **[23a]** thứ 6 (1503), chỉ tịch thu điền sản, vợ con, tài vật của bản thân người phạm tội, nếu không đủ thì cho phép cung khai điền sản của cha mẹ, anh em người ấy làm tiền bồi thường, không được bắt lây đến họ hàng làng xóm.

Tháng 6, nhắc bảo về kỳ hạn tiến quân. Đưa thư cho ty Hồ Nhuận doanh Quy Đạo thuộc Quảng Tây nước Minh, và quan các châu Yên Bình, Quy Thuận, Hạ Phiên, Hướng Vũ, hẹn hợp sức đánh Cao Bằng[2]. Mùa thu, sai Nguyễn Duy Thì lên cửa quan, đón sứ thần Nguyễn Duy Hiểu về nước. Duy Hiểu dâng sớ nói: "Đến Yên Kinh, dâng biểu cầu phong quốc vương, [vua Minh] giao cho bộ bàn, họ cho rằng không có văn bản cũ để lại có thể tra xét được, nên không cho. Chỉ ban sắc thư tưởng lệ thôi"[3].

Tháng 10, ngày Quý Tỵ, chúa [Trịnh Tráng] thân đi đánh Cao Bằng. Đóng quân ở thành Lạng Sơn. Quan thổ châu ở Trung Quốc đều đáp thư hứa theo lời ước. Nhân đó Chúa tiến lên đóng đồn ở Bắc Nẫm, chia sai bọn Đặng Thế Tài đánh Mạc Kính Vũ. Đánh ở Đà Dương **[23b]** Hoa Biểu, Trục Khâm, Vân Đô, đều thắng[4].

Tháng 12, rút quân về. Vì thuộc tướng Đỗ Hán Vân, ra trận xông lên trước, có công lớn, thăng là Hương quận công. Ngoài ra đều thăng thưởng có thứ bậc (Hán người xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì, là con của Thượng thư Đỗ Cảnh)[5].

Ra lệnh chỉ nhắc bảo bách ty phải giữ đúng chức trách, làm dân vui lòng gồm 12 điều.

Canh Thìn, [Dương Hoà] năm thứ 6 [1640], (Minh Sùng Trinh năm thứ 13).

Tháng giêng nhuận, thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Phí Vân Thuật 22 người. Thi đình, cho bọn Văn Thuật 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân. Bọn Hoàng Vinh 20 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Gia thăng cho Nguyễn Danh Thế giữ chức Đông các trì Kinh diên sự[6].

Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hoá sai quân đánh phá châu Bắc Bố Chính, bắt vợ con Hiền Tuấn hầu Nguyễn Khắc Loát chạy về Nghệ An, trấn thủ là Tào **[24a]** quận công. Ngô Phúc Vạn bắt giải về kinh, giam vào ngục. Phúc Lan sai người đến kinh trình bày tội lỗi. Xuống lệnh chỉ an ủi bảo ban, kể lại mối tình thân giao mấy đời, lại nói: thái uý và lệnh đệ là tình nghĩa ruột thịt, chí khí như nhau, sao có thể so hơn kém, nên sớm xử trí... Lại đưa tin của Công Khuê, trả lại cương thổ Quy Vấn, Phúc Lan vâng mệnh[7].

Nhâm Ngọ, [Dương Hoà] năm thứ 8 [1642], (Minh Sùng Trinh năm thứ 14)[8].

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép là sớ của Nguyễn Duy Hiểu.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy không chép.

[6] Bản Lê Hy không chép.

[7] Bản Lê Hy không chép.

[8] Bản Lê Hy chép đúng là Minh Sùng Trinh năm thứ 15.

Mùa thu, tháng 9, Tiết chế thái uý Sùng quốc công Trịnh Kiều mất, thọ 42 tuổi, tặng là Thượng tể thượng tướng Sùng Nghĩa công, ban thuỵ là Hùng Độ. Chúa đã cao tuổi, nghĩ kế lớn cho xã tắc. Vì cháu đích tôn là Tông quận công Trịnh Hoành còn nhỏ, cho nên chưa định ngôi thế tử[1].

Tung Nhạc công Trịnh Vân mất, ban thụy là Trung Tín[2].

Chúa dụ các quan liêu rằng chỉnh lý kỷ cương cốt ở chỗ khám hỏi kiện tụng và dẹp tắt trộm **[24b]** cướp. Nên sai quan chia nhau đi trị nhậm bốn trấn. Cho Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn trị Sơn nam, Thái thường tự khanh Phạm Công Trứ làm Tán lý, Phù quận công Trịnh Lịch trấn thị Sơn Tây, Hữu thị lang bộ Binh Nguyễn Trừng làm Tán lý. Quỳnh Nhạm công Trịnh Đệ trấn trị Kinh Bắc, Hữu thị lang bộ Công là Nguyễn Bình làm Tán lý, Thiếu Bảo Hoa quận công Trịnh Sầm trấn trị Hải Dương, Đô cấp sự trung Hộ khoa Nguyễn Nhân Trứ làm Tán lý. Đều cùng với Thừa ty trừ bỏ tệ trước, vỗ yên dân địa phương (Công Trứ là người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào).

Cho Nguyễn Duy Thì làm Thượng thư bộ Binh[3].

Tháng 11, Hữu đô đốc Yên quận công Đào Quang Hoa mất, tặng Tả đô đốc (Quang Hoa người xã Tuyền Cam, huyện Thanh Oai)[4].

Quý Mùi, [Dương Hoà] năm thứ 9 [1643], (từ tháng 10 trở đi vua Chân Tông Phúc Thái năm đầu, Minh Sùng Trinh năm thứ 15)[5].

Mùa xuân, xuống chiếu đi kinh lược Thuận Hoá, sai **[25a]** Tây quận công, Quỳnh Nham công thống lĩnh đại quân cùng bọn Tán lý Nguyễn Quang Minh, Phạm Công Trứ, Nguyễn Danh Thọ đi trước đến châu Bố Chính, đánh úp giết tướng giặc là Thắng Lương hầu ở xã Trung Hoà. Bắt viên thư ký là Văn Toàn tử, tiến đóng ở cửa bể Nhật Lệ. Nguyễn Phúc Lan chia quân chống giữ.

Tháng 2, sai Kiên quận công Trịnh Quân cùng Nguyễn Danh Thế lưu lại giữ kinh sư và trấn phủ các xứ. Chúa đưa vua thân chinh Thuận Hoá[6].

Tháng 3, xa giá đóng ở xã An Bài thuộc châu Bố Chính, chỉ bảo phương lược cho các tướng. Tháng 4, vì Chưởng giám Tiến Lộc hầu Lê Văn Hiểu (người xã Hải Châu, huyện Ngọc Sơn) xông lên trước, phá được luỹ Trung Hoà, được thăng tước quận công[7].

Tháng 5, Chúa thấy trời nóng nực ra lệnh rút quân. Lưu Tá trấn doanh Tiến quận công Lê Văn Hiểu và Hữu trấn doanh Đông quận công Lê Hữu Đức chia nhau đóng đồn ở Hoà Trung **[25b]** thuộc Kỳ Hoa. Cho Mậu quận công Phạm Tất Toàn giữ châu Bắc Bố Chính[8].

Mạc Kính Hoàn cướp vùng Tây Cạn xứ Thái Nguyên. Lưu thủ Trịnh Quân sai quân cùng biên tướng đánh đuổi được[9].

Tả thị lang bộ Hộ kiêm Huy Văn viện thiêm sự Nhân quận công Doãn Hy về trí sĩ, thăng Thiếu bảo. Sau Hy mất, tặng là Thượng thư bộ Công (Hy người xã Cổ Định, huyện Nông Cống)[10].

Tháng 6, xa giá trở về kinh[1].

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép.

[4] Bản Lê Hy không chép.

[5] Bản Lê Hy chép đúng là Minh Sùng Trinh năm thứ 16.

[6] Bản Lê Hy không chép.

[7] Bản Lê Hy không chép.

[8] Bản Lê Hy không chép.

[9] Bản Lê Hy không chép.

[10] Bản Lê Hy không chép đoạn cuối.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13 là ngày Quý Dậu, [vua] sai Quỳnh công Trịnh Đệ mang tờ cáo nhường ngôi cho Hoàng thái tử Duy Hựu. Thái tử lên ngôi ở điện Cần Chính, lúc ấy mới 13 tuổi. Đại xá, đổi niên hiệu là Phúc Thái, tôn vua lên làm Thái thượng hoàng, tôn hoàng hậu Trịnh thị làm Hoàng thái hậu, ở cung Đức Thọ. Gia tôn Hoàng thái hậu họ Trịnh làm Thái hoàng thái hậu. Ngày Nhâm Ngọ, truy tôn miếu hiệu Thái Vương [Trịnh Kiểm] là Thế Tổ; miếu hiệu **[26a]** Triết vương [Trịnh Tùng] là Thành Tổ.

Ngày Ất Dậu, sai Đường quận công Nguyễn Danh Thế mang phù tiết bằng ngọc, và sách ấn vàng để gia tôn chúa [Trịnh Tráng] làm Đại nguyên soái thống quốc chính thái thượng sư phụ Thanh Vương.

Thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Lê Trí Trạch 9 người.

Tháng 12, thi đình cho bọn Nguyễn Khắc Thiệu 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Dự 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tả thị lang bộ Lại là Thọ Hải hầu Trần Hữu Lễ mất, tặng là Thượng thư bộ Công[2]. Lưu thủ Thanh Hoa là Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm mất, tặng Thái phó[3].

---

[1] Bản Lê Hy không chép.

[2] Bản Lê Hy không chép.

[3] Bản Lê Hy không chép. Quyển XXI bản Phạm Công Trứ kết thúc ở đây.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XXII[1]

[**Ất Dậu,** Thịnh Đức năm thứ 3 [1655], (Minh Lịch năm thứ 9, Thanh Thuận Trị năm thứ 12)].

[18a] [Phạm Công] Trứ tiến cử Lê Thì Hiến có tài làm tướng, có thể đảm đương một phương diện, không nên vì thất bại trước mà bỏ ông ta[2]. Bèn dùng lại, sai theo đi đánh. Các tướng tiến đến Kỳ Hoa, quân giặc tự rút lui.

Tháng 11, [Trịnh] Toàn, [Đào] Quan Nhiêu, [Lê] Hữu Đức rút quân về Yên Trường. Tây Định Vương [Trịnh Tạc] rút quân về kinh sư; để [Vũ] Văn Thiêm ở lại làm trấn thủ, Dương Hồ làm Đốc thị, [Đào] Quang Nhiêu làm Đồn thủ, [Phan] Hưng Tạo làm Đốc thị, đều thống lĩnh quân sĩ sở thuộc đóng ở Yên Trường. Lại sai Nanh quận công Thân Văn Quanh, Lại quận công Mẫn Văn Liên, Cai đội Nguyễn Như Khuê, Lê Văn Tiến, Lê Văn Hy đóng đồn ở xã Tiếp Vũ huyện Thiên Lộc; Lăng quận công Nguyễn Thế Thì đóng đồn ở Minh Lương.

Tháng 12, gia phong Trịnh Toàn làm Thiếu Bảo, mở quân doanh Tả dực nội.

Bính Thân, [Thịnh Đức] năm thứ 4 [1656], (Minh Vĩnh Lịch năm thứ 10, Thanh Thuận Trị năm thứ 13).

Mùa xuân, tháng giêng, quân Thuận Hóa đánh úp đồn của Tiếp Vũ **[18b].** Bọn Thân Văn Quanh thua chạy. Giặc kéo ra sông Tam Chế, sáp vào đánh quân thủy.

Vũ Công Quang ra sức chống đánh, Lê Sĩ Hậu tiếp cứu, đánh phá được. Vũ Văn Thiêm sai Phạm Công Thắng lên bờ xáp đánh, chém được ngà voi. Bàn công, thăng Sĩ Hậu làm Đề đốc; Công Quang làm Tham đốc, tước hầu.

Sai Trịnh Toàn thống lĩnh các tướng, trấn giữ Nghệ An. Bọn Văn Thiêm, Quang Nhiêu đều thuộc dưới quyền. Lấy Đô cấp sự Ngô Sĩ Vinh, Cấp sự Vũ Vinh Tiến làm Đốc thị. Tháng 2, Tham tụng thượng thư bộ Binh là Liêm quận công Đặng Thế Khoa mất. Thế Khoa có văn học, mưu trí, giữ mình thanh liêm kiệm ước, cửa nhà không mảy may... (mất một chữ). Thọ 64 tuổi tặng Thiếu bảo, gia phong là Phúc thần[3]. Mùa hạ tháng 5, thuyền giặc vào cửa biển Nam Giới đánh úp thủy quân. Bọn Lê Sĩ Hậu, Nguyễn Hữu Sắc, Bùi Sĩ Lương, Thái Bá ...[4].

---

[1] Quyển XXII chỉ có tờ 18 bị đóng nhầm vào vị trí tờ 18 quyển XXI.

[2] Bản Lê Hy không chép, nhưng ý này có trong Lịch triều hiến chương loại chí (Nhân vật chí) của Phan Huy Chú, đoạn nói về Lê Thì HIến.

[3] Bản Lê Hy không chép sự kiện này.

[4] Tờ 18b kết thúc giữa câu với từ Bá.